Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 3
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 04-08-93
Tap Chi Cong San

3
1993

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY BẢO HIỂM VIỆT NAM

(BẢO VIET)



BẢO HIỂM SINH MẠNG CÁ NHÂN

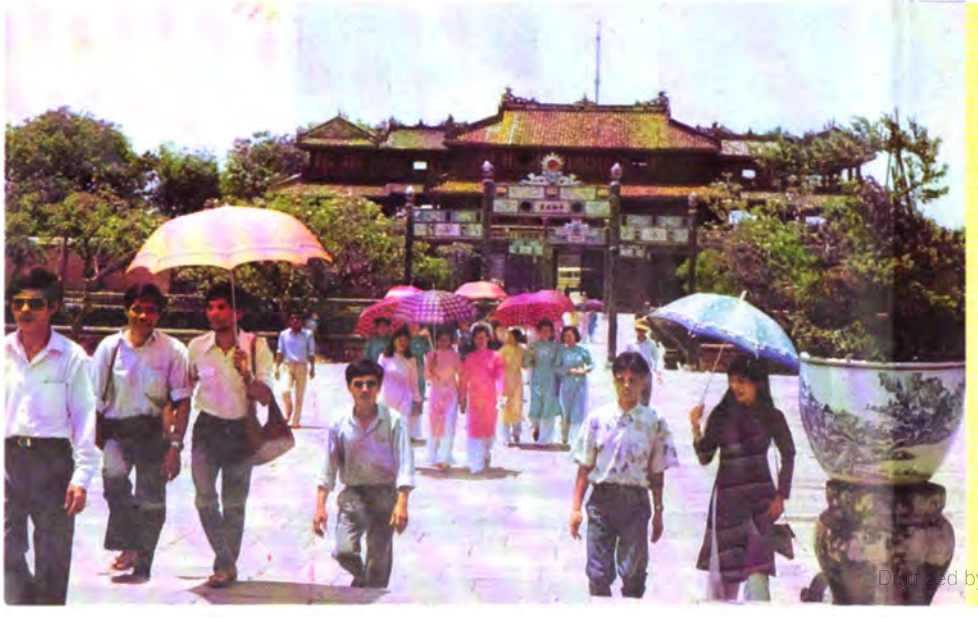
Tổng Công ty Bảo hiểm Việt Nam (Bảo Việt) nhận bảo hiểm sinh mạng cá nhân cho mọi công dân Việt Nam từ 16-70 tuổi (trừ những người đang điều trị bệnh tật, tai nạn hoặc bị tàn phế từ 50% trở lên).

Tham gia bảo hiểm liên tục, người được bảo hiểm sẽ được Bảo Việt nhận bảo hiểm cả khi đã trên 70 tuổi hoặc đang điều trị bệnh tật, tai nạn.

Khi ký hợp đồng bảo hiểm, người tham gia bảo hiểm được quyền lựa chọn số tiền bảo hiểm từ 500.000đ đến 5.000.000đ, mức phí bảo hiểm đóng góp phụ thuộc vào tuổi của người được bảo hiểm và số tiền bảo hiểm đã chọn.

Những người được bảo hiểm nếu bị chết do tai nạn, ốm đau, bệnh tật, già yếu... đều được Bảo Việt trả tiền bảo hiểm. Bảo Việt sẽ trả tiền cho gia đình người được bảo hiểm trong vòng 21 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.

Tham gia bảo hiểm sinh mạng cá nhân là việc làm hữu ích, vì mình và vì mọi người trong gia đình.



Digitized by Google

LIBRARY
APR 09 1993



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

3-1993 NĂM THỨ XXXIX (447)

MỤC LỤC

	ĐỖ MƯỜI - Nâng cao chất lượng lý luận và tính chiến đấu của *Tạp chí Cộng sản*	3
Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng (khóa VII)	VŨ OANH - Vấn đề thanh niên - vị trí trung tâm trong chiến lược con người	5
	HỒ ĐỨC VIỆT - Về công tác thanh niên trong tình hình hiện nay	9
	PHẠM TẤT DONG - Giáo dục - nền tảng của chiến lược con người	12
	*** Nắm vững tư tưởng chỉ đạo của Đảng về văn hóa văn nghệ trong những năm trước mắt	15
Nghiên cứu - Trao đổi	CHẾ LAN VIÊN - Về chức năng văn học và thuyết phản ánh	17
	HỮU MAI - Đôi điều suy nghĩ về chân - thiện - mỹ	18
	TRẦN NGỌC HIÊN - Văn hóa và phát triển - từ góc nhìn Việt nam	22
	TRẦN ĐẮC - Điện ảnh Việt nam với nền văn hóa dân tộc	26
	THU LINH - Hoạt động văn hóa trong cơ chế thị trường	30
	PHẠM THUYÊN và VŨ VĂN HÂN - Những quan điểm cơ bản về công nghiệp hóa ở nước ta	34
	TÔN GIA HUYÊN - Mấy vấn đề then chốt trong việc quản lý và sử dụng đất đai	38
	TRẦN THẾ THÔNG - Khuyến nông, bộ phận không thể thiếu trong phát triển nông nghiệp	40
Thực tiễn - kinh nghiệm	NGUYỄN KIM PHONG - Kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng bí thư ngành chè	43
	HỒ TẤN PHONG - Kinh tế hộ gia đình nông dân ở An giang	46
	VŨ XUÂN KIỀU - Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần - đặc trưng và giải pháp	49
	NGUYỄN HỮU LAI - Giá cả trên thị trường cạnh tranh	52
Sinh hoạt tư tưởng	LỆ MAI - "Lại quả"	56
Thế giới : vấn đề, sự kiện	TẠ NGỌC TẤN - Báo chí Mỹ trong đời sống chính trị - xã hội	58
Qua sách báo nước ngoài	UY-LIÊM TƠ-LI - Đổi mới ở Việt nam	60
Tìm hiểu khái niệm	● Chủ nghĩa xã hội không tưởng ● Chủ nghĩa xã hội giáo điều	61
Tin hoạt động lý luận	● Hội thảo về xây dựng bộ giáo trình các môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ● Tình hình nghiên cứu một số vấn đề lý luận quan trọng hiện nay	62

Ảnh bìa 1 : - *Chùa Keo (Thái bình)* Ảnh : *TRẦN THÀNH CÔNG*

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. **Dây nói :** 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh. **Dây nói :** 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ДО МЫОЙ - Повышать качество теоретических работ и боевой характер журнала "Конгшан" • *За реализацию резолюции 4-ого Пленума ЦК КПВ* ★ ВУ ОАНЬ - Молодежь - центральный вопрос в стратегии человека. ХО ДЫК ВЬЕТ - О работе с молодежью в нынешней обстановке. ФАМ ТАТ ЗОНГ - Образование - фундамент стратегии человека. ★★★ Освоить направляющую мысль Партии о культуре и искусстве в предстоящие годы. • Исследования - обмен мнениями ★ ТЬЕ ЛАН ВЬЕН - О функции литературы и учении отражения. ХЫУ МАЙ - Некоторые соображения о правдивости-доброте-прекрасном. ЧАН НГОК ХИЕН - Вопрос культуры и развития с точки зрения вьетнамцев. ЧАН ДАК - Кинематография Вьетнама и национальная культура. ТХУ ЛИНЬ - Культурная деятельность в условиях рыночного механизма. ФАМ ТХУЕН и ВУ ВАН ХАН - Основные положения об индустриализации в нашей стране. ТОН ЗА ХУЕН - Ключевые вопросы управления и пользования землей. ЧАН ТХЕ ТХОНГ - Способы поощрения как необходимые условия для развития сельского хозяйства.

CONTENTS

ĐỖ MƯỜI - Raising the theoretical quality and the fighting capacity of the Review of Communism. ● *Striving to implement the Resolution of the 4th Meeting of the Central Committee of the Communist Party of Vietnam, 7 term* ★ VŨ OANH - The youth problem - the key-position in the human strategy. HỒ ĐỨC VIỆT - About the youth work in the present situation. PHẠM TẤT DONG - Education - the basis of the human strategy. ★★★ Mastering the guideline of the Party on the culture and arts in the years to come. ● *Research and Exchange* ★ CHẾ LAN VIÊN - About the function of literature and theory of reflection. HỮU MAI - Some thoughts about the genuine, the good and the beautiful. TRẦN NGỌC HIÊN - Culture and development from a Vietnamese angle. TRẦN ĐẮC - Vietnamese cinematography with the national culture. THU LINH - Cultural activities in the market mechanism. PHẠM THUYÊN and VŨ VĂN HÂN - The basic points of view on the industrialization in our country. TÔN GIA HUYÊN - Some key-problems in the management and utilization of land. TRẦN THẾ THÔNG - Peasant encouragement drive, an indispensable factor in agricultural development.

SOMMAIRE

ĐỖ MƯỜI - Elever la qualité théorique et la combativité de la Revue du Communisme. ● *Efforçons-nous de mettre en œuvre les Résolutions du 4e Plénum du CC du Parti (issu du VIIe Congrès)* ★ VŨ OANH - Les jeunes - centre de la stratégie de l'homme. HỒ ĐỨC VIỆT - Sur le travail en direction des jeunes dans la situation actuelle. PHẠM TẤT DONG - Education - fondement de la stratégie de l'homme. ★★★ Bien saisir la pensée directrice du Parti sur la culture et les arts dans les années à venir. ● *Etudes - Echange de vues* ★ CHẾ LAN VIÊN - Sur la fonction des lettres et la théorie du reflet. HỮU MAI - Quelques réflexions sur le vrai, le bien et le beau. TRẦN NGỌC HIÊN - Culture et développement dans l'optique vietnamienne. TRẦN ĐẮC - Le cinéma vietnamien et la culture nationale. THU LINH - Les activités culturelles dans le mécanisme de marché. PHẠM THUYÊN et VŨ VĂN HÂN - Les points de vue fondamentaux sur l'industrialisation dans notre pays. TÔN GIA HUYÊN - Quelques problèmes-clés dans la gestion et l'utilisation des terres. TRẦN THẾ THÔNG - *Khuyến nông* (Mesures d'encouragement de l'agriculture), une partie indispensable dans le développement de l'agriculture.

SUMARIO

ĐỖ MƯỜI - Elevar la calidad teórica y la combatividad de la Revista del Comunismo. ● *Esforzarnos en cumplir las Resoluciones del IV Pleno del C.C. del Partido* ★ VŨ OANH - El problema de la juventud - punto central en la estrategia del hombre. HỒ ĐỨC VIỆT - Sobre el trabajo de la juventud en la situación actual. PHẠM TẤT DONG - La educación - fundamento de la estrategia del hombre. ★★★ Dominar el pensamiento directriz del Partido sobre la cultura y las artes en los anos inmédiatos. ● *Estudios-Intercambios* ★ CHẾ LAN VIÊN - Sobre la función de la literatura y la teoría de la reflexión. HỮU MAI - Algunas reflexiones sobre la verdad, el bien y la belleza. TRẦN NGỌC HIÊN - La cultura y el desarrollo, vistos desde la óptica vietnamita. TRẦN ĐẮC - La cinematografía vietnamita y la cultura nacional. THU LINH - Las actividades culturales en el mecanismo del mercado. PHẠM THUYÊN - VŨ VĂN HÂN - Los puntos de vista fundamentales sobre la industrialización en Vietnam. TÔN GIA HUYÊN - Algunos problemas claves en la gestión y la utilización de las tierras. TRẦN THẾ THÔNG - Promoción agrícola, una parte indispensable en el desarollo de la agricultura.

目錄

杜梅：提高共產主義雜誌的理論質量和戰鬥性。
● **努力實現越共七屆四中全會決議★ 武黛**：青年問題在人的戰略中具有中心地位。**胡德越**：論目前形勢下的青年工作。**范必東**：教育是人的戰略的基礎。 ★★★ 牢牢掌握黨對今后几年的文化藝術指導思想。
● **研究与交流 ★ [illegible]**：論文學的職能及反映論。**友梅**：對真善美的几點思考。**陳得**： 越南電影与民族文化。 **陳玉軒**：從越南角度看文化与發展。 **秋雲** ：市場機制中的文化活動。 **范栓 - 武文欣**：關于我國工業化的基本觀點 。 **孫嘉萱** ： 土地管理与使用的几個關鍵問題。
陳世通： 鼓勵農業是發展農業事業中不可缺少的部份。

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG LÝ LUẬN VÀ TÍNH CHIẾN ĐẤU CỦA *TẠP CHÍ CỘNG SẢN* *

ĐỖ MƯỜI

Tổng bí thư ĐCS Việt nam



Thưa các đồng chí,

TRONG không khí phấn khởi đầu xuân Quý Dậu, tôi rất vui mừng đến thăm các đồng chí nhân dịp kỷ niệm lần thứ 63 Ngày thành lập Đảng ta. Thay mặt Ban chấp hành trung ương, tôi thân ái chúc toàn thể cán bộ, nhân viên và cộng tác viên của *Tạp chí Cộng sản* mạnh khỏe, hạnh phúc và tiến bộ.

Như các đồng chí đều biết, Đảng ta luôn luôn coi trọng công tác nghiên cứu và giáo dục lý luận. Thi hành quyết định của Hội nghị thành lập Đảng, tháng 8 năm 1930, Ban chấp hành trung ương lâm thời đã xuất bản *Tạp chí Đỏ*. Tiếp theo đó, trong hoàn cảnh hoạt động bí mật, gặp muôn vàn khó khăn, Trung ương Đảng vẫn nhiều lần xuất bản tạp chí lý luận, từ *Tạp chí Cộng sản* (năm 1931), Tạp chí *Bôn-sơ-vích* (1934), *Tạp chí Cộng sản* (1943, 1950), Tạp chí *Sinh hoạt nội bộ* (1947), đến Tạp chí *Học tập*, rồi *Tạp chí Cộng sản* xuất bản đều đặn từ năm 1955 đến nay.

Trong mọi thời kỳ, Tạp chí đã phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần vào thắng lợi của cách mạng, kháng chiến, của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quá trình phát triển của Tạp chí gắn liền với quá trình đấu tranh và trưởng thành của Đảng ta.

Mấy năm gần đây, hòa nhịp với tiến trình đổi mới của đất nước, *Tạp chí Cộng sản* đã có những bước tiến đáng khích lệ. Tạp chí đã tập trung làm sáng tỏ và tuyên truyền rộng rãi những quan điểm cơ bản của Đại hội VI, Đại hội VII của Đảng, các nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng, của Bộ chính trị, Ban bí thư, các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ; vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào việc nghiên cứu nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nóng hổi của cách mạng nước ta ; đồng thời, đấu tranh, phê phán những quan điểm sai trái và những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế - xã hội, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, bảo vệ quan điểm và đường lối của Đảng, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng và trong nhân dân, góp phần củng cố niềm tin và định hướng chính trị cho bạn đọc. Có những bài viết phong phú về kinh nghiệm thực tiễn, về những nhân tố mới ; một số bài có nội dung khám phá, tìm tòi. Tạp chí cũng đã có nhiều cải tiến về hình thức, bài viết ngắn gọn hơn, trình bày, in ấn đẹp hơn, sinh động hơn, giữ đúng thời gian phát hành. Tôi hoan nghênh và biểu dương sự cố gắng và những kết quả mà các đồng chí đã đạt được.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải nhận rõ những yếu kém để ra sức khắc phục. Tạp chí còn không ít hạn chế và nhược điểm, nhất là chất lượng lý luận và tính chiến đấu chưa cao. Các bài tổng kết thực tiễn, điều tra, phát hiện nhân tố mới chưa nhiều. Đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, các nhận thức

* Bài nói tại buổi gặp mặt với cán bộ *Tạp chí Cộng sản (ngày 3-2-1993)*

Digitized by Google

lệch lạc có lúc chưa kịp thời, chưa đủ sức thuyết phục.

Các đồng chí thân mến,

CHÚNG ta đang đứng trước hoàn cảnh quốc tế đặc biệt, với những diễn biến nhanh chóng và phức tạp. Trong đó, vừa có thuận lợi, vừa có khó khăn, vừa có thời cơ lớn để phát triển đất nước, lại vừa phải đối phó với những thách thức không nhỏ.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong thời gian qua, đất nước ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng về nhiều mặt. Có được kết quả đó là do sự nỗ lực vượt bậc của toàn dân, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và sự tiến bộ trong quản lý, điều hành của Nhà nước. Tuy nhiên, đó mới là kết quả bước đầu. Những công việc trọng đại vẫn đang ở phía trước, đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Tình hình và nhiệm vụ trên đây đang đặt ra cho công tác lý luận những yêu cầu mới hết sức quan trọng. Có thể nói chưa bao giờ công tác lý luận đứng trước những khó khăn, phức tạp như hiện nay, và cũng chưa bao giờ có nhiều cơ hội đóng góp, sáng tạo rộng lớn bằng lúc này. Để thực hiện và phát triển đường lối đổi mới của Đảng, đòi hỏi phải nghiên cứu làm sáng tỏ hàng loạt vấn đề vừa cơ bản, vừa bức xúc. Cuộc đấu tranh về tư tưởng - lý luận đang diễn ra gay gắt trong điều kiện mới. Bộ chính trị đã ra Nghị Quyết 01, trong đó chỉ rõ những phương hướng chủ yếu của công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay, làm cơ sở để xử lý đúng đắn những vấn đề thực tiễn của đất nước cũng như những vấn đề quốc tế.

Là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, *Tạp chí Cộng sản* có trách nhiệm tham gia tích cực vào những công việc đó. Nhiệm vụ của Tạp chí là bám sát cuộc sống, tham gia tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ những vấn đề về vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh mới, góp phần tuyên truyền, bổ sung, phát triển đường lối của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, làm phong phú thêm kho tàng lý luận cách mạng Việt nam. Trước mắt, Tạp chí cần tiếp tục làm rõ những cơ sở lý luận, thực tiễn và đi sâu tuyên truyền những nghị quyết của Đại hội VII, các nghị quyết 2, 3, 4 của Trung ương. Đồng thời, tích cực tham gia chuẩn bị cho Hội nghị đại biểu của Đảng giữa nhiệm kỳ và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Ngày nay, yêu cầu của bạn đọc rất cao. Tạp chí phải phấn đấu nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu đó. Tính hấp dẫn của Tạp chí trước hết là ở chỗ giải đáp được một cách có luận cứ khoa học sâu sắc và có sức thuyết phục những vấn đề mà bạn đọc quan tâm. Đồng thời, biết gợi mở, nêu vấn đề, tạo ra bầu không khí dân chủ trong thảo luận để phát huy trí tuệ tập thể, đóng góp vào công tác nghiên cứu lý luận chung nhằm làm sáng tỏ đường lối, quan điểm của Đảng, phát triển, bổ sung lý luận cách mạng. Tạp chí cần tiếp tục đổi mới cả về nội dung và hình thức, nâng cao chất lượng và tính hấp dẫn, sinh động.

Để hoàn thành nhiệm vụ nặng nề đó, Tạp chí phải chăm lo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có đủ trình độ, năng lực và phẩm chất ngang tầm nhiệm vụ. Cán bộ làm báo Đảng, làm công tác biên tập ở tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lý tưởng của Đảng, với sự nghiệp cách mạng của nhân dân, có trình độ học vấn cao, hiểu biết rộng, nhanh nhạy, sắc sảo, thạo nghề làm báo. Đồng thời, mở rộng đội ngũ cộng tác viên, có chính sách thu hút chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực. Các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng cần thường xuyên đóng góp ý kiến và viết bài cho Tạp chí. Các cấp ủy đảng có kế hoạch thường xuyên tổ chức và hướng dẫn việc đọc Tạp chí. Các cơ quan của Đảng cần tích cực giúp đỡ, phối hợp giải quyết kịp thời những khó khăn và vướng mắc trong công tác của Tạp chí.

Các đồng chí thân mến,

VỚI kinh nghiệm thu được trong những năm qua, tôi tin rằng Tạp chí sẽ có những bước tiến vượt bậc, đổi mới chính mình để góp phần tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cách mạng và đòi hỏi của bạn đọc, của nhân dân.

Chúc các đồng chí thành công.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ THANH NIÊN - VỊ TRÍ TRUNG TÂM TRONG CHIẾN LƯỢC CON NGƯỜI

VŨ OANH *

ĐẦU tư cho con người đang là vấn đề trọng tâm của mọi học thuyết phát triển, mọi mô hình phát triển của các quốc gia, các chế độ trên thế giới. Xây dựng chiến lược con người Việt nam là quốc sách hiện nay của đất nước ta, mà trong đó đối tượng quan trọng nhất xét về mặt quan hệ xã hội và bố trí, sử dụng các lực lượng xã hội của dân tộc ta, là thế hệ trẻ. Vì thế, hơn lúc nào hết, công tác thanh niên của Đảng ta lúc này càng có ý nghĩa quan trọng. Nó cần được đổi mới một cách toàn diện, từ nhận thức, quan điểm đánh giá, phương thức vận động, đến việc đề ra những chính sách cụ thể. Đó chính là đòi hỏi của công cuộc đổi mới, là nguyện vọng của tuổi trẻ và đông đảo nhân dân trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

I - VÌ SAO NÓI CÔNG TÁC THANH NIÊN LÀ TRUNG TÂM TRONG CHIẾN LƯỢC CON NGƯỜI CỦA ĐẢNG ?

1 - Kinh tế thị trường đang mở ra những khả năng to lớn. Nó giải phóng sức sản xuất, làm cho kinh tế phát triển năng động và nhịp nhàng hơn, góp phần đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, vươn lên hòa nhập vào cộng đồng kinh tế thế giới. Song, nó cũng đặt ra nhiều vấn đề xã hội cần quyết, nhất là giải quyết cho đối tượng thanh niên như : việc làm, giáo dục, sức khỏe, văn hóa, đạo đức, định hướng chính trị...

Trong cơ cấu dân số nước ta, thế hệ trẻ chiếm 69%, trong đó số người ở độ tuổi thanh niên (15 - 30 tuổi) là 20,5 triệu. Điều đó chứng tỏ dân tộc Việt nam là dân tộc trẻ, có tiềm năng phong phú. Đa số thanh niên ủng hộ và tham gia tích cực, có hiệu quả vào công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng. Bộ phận thanh niên tiên tiến đang nỗ lực phấn đấu ; nhiều tấm gương sáng, nhiều tài năng trẻ đã xuất hiện trong sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Thế hệ thanh niên hiện nay có trình độ học vấn cao hơn thế hệ thanh niên trước đây : 8 triệu thanh niên có trình độ văn hóa cấp II ; 3 triệu có trình độ văn hóa cấp III ; trên 64 vạn có trình độ trung cấp, đại học và trên đại học ; 5% thanh niên có chỉ số trí tuệ giỏi. Thanh niên ngày nay hăng hái học tập, tiếp thu cái mới nhanh, sống năng động, thực tế hơn.

Thanh niên là lực lượng lao động chủ yếu và đóng vai trò tích cực trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Hiện nay, trong tổng số 36,9 triệu lao động xã hội của cả nước, thanh niên chiếm 49,9%. Họ lại được tiếp cận với kiến thức khoa học hiện đại và công nghệ tiên tiến, nên đấy là nguồn lực rất quan trọng đối với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Mặt khác, trước thực trạng chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, phong trào cách mạng thế giới gặp khó khăn nghiêm trọng như hiện nay, một bộ phận thanh niên bị khủng hoảng về lý tưởng, mất phương hướng. Một số thanh niên chạy theo lối sống không lành mạnh, không quan tâm đến chính trị, ý thức phấn đấu vào Đoàn, vào Đảng giảm sút. Một số khác đang chịu ảnh hưởng của tư tưởng duy tâm.

Tình trạng thiếu việc làm và thu nhập thấp đang là vấn đề nhức nhối, bức xúc của toàn xã hội nói chung và của thanh niên nói riêng. Hiện có khoảng 1,5 triệu thanh niên cần được sắp xếp việc làm và hàng triệu thanh niên chưa có việc làm đầy đủ. Ở nhiều khu vực, nhất là khu vực hành chính sự nghiệp, những cơ sở sản xuất thua lỗ, ở miền núi và nhiều vùng nông thôn, thanh niên có thu nhập rất thấp. Tình trạng thất học, mù chữ trong thanh, thiếu niên gia tăng. Đang có khoảng 6 triệu thanh, thiếu niên mù chữ, phần đông là ở miền núi và các vùng nông thôn sâu, xa. Tình trạng sức khỏe và các tệ nạn xã hội trong thanh niên là rất đáng lo ngại. Sức khỏe của thanh niên giảm sút so với trước. Các chỉ số về chiều cao, cân nặng, thể lực của thanh niên nước ta hiện nay đều giảm và thấp so với nhiều nước trên thế giới. Từ năm 1978 đến năm 1988, chiều

* Ủy viên Bộ chính trị BCH TƯ Đảng cộng sản Việt nam

Digitized by Google

cao trung bình của thanh niên giảm 1 cm ; chiều cao trung bình của nam giới chưa vượt quá 1,6 mét, của nữ giới chưa vượt quá 1,53 mét. Các tệ nạn xã hội trong thanh niên những năm gần đây có xu hướng phát triển, rất đáng lo ngại, nhất là nạn cờ bạc, nghiện hút, mãi dâm, cướp của, giết người...

2 - Công tác thanh niên có ảnh hưởng trực tiếp đến vấn đề xây dựng, đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Đảng ta đã có một số nghị quyết về thanh niên và công tác thanh niên. Nghị quyết 25 của Bộ chính trị (khóa VI) đã được Đoàn thanh niên, các ngành, các cấp triển khai thực hiện và bước đầu đạt được một số kết quả. Việc thực hiện các nghị quyết của Đảng về công tác thanh niên đã động viên đoàn viên thanh niên tham gia tích cực vào sự nghiệp giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và làm cho lực lượng chính trị của Đảng được bổ sung thường xuyên. Tuy nhiên, sự lãnh đạo của nhiều cấp ủy đảng đối với công tác này chậm được đổi mới, còn nặng tính hành chính, gia trưởng, ban ơn. Việc đào tạo, giáo dục chưa chuẩn bị tốt cho thanh niên bước vào cơ chế mới và cho tương lai. Cách tiếp cận, cách đánh giá thanh niên của nhiều cấp ủy đảng và đảng viên vẫn theo lối cũ : những biểu hiện phong kiến, quan liêu, gia trưởng, thiếu tin tưởng, thiếu tôn trọng thanh niên còn khá phổ biến. Nhiều cấp ủy đảng chưa hiểu thật đầy đủ, chưa đánh giá thật đúng thanh niên. Các nghị quyết của Đảng về công tác thanh niên ở nhiều nơi dừng lại ở cấp trên ; việc quán triệt và thực hiện trong toàn đảng, toàn dân còn hạn chế. Các cấp chính quyền chưa thể chế hóa nghị quyết của Đảng thành các chương trình, cơ chế chính sách cụ thể.

Từ sau 1975, đất nước ta bước sang giai đoạn cách mạng mới ; tình hình trong nước, cũng như những biến động phức tạp trên thế giới đặt ra cho nhân dân ta, thanh niên ta nhiều nhiệm vụ mới ; nhưng công tác vận động thanh niên của Đảng vẫn chưa được đặt đúng vị trí ; nội dung và phương thức vận động thanh niên còn chưa thật phù hợp, lúng túng và không đồng bộ.

Thực tế những năm qua cho thấy, sự tồn tại phát triển của Đảng là điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế, để bảo vệ, xây dựng đất nước giàu mạnh, văn minh, hiện đại đi lên chủ nghĩa xã hội. Sự tồn tại và phát triển của Đảng không thể tách rời công tác thanh niên và công tác xây dựng đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh - đội dự bị và nguồn bổ sung lực lượng cho Đảng. Song gần đây, số đảng viên trẻ giảm, tuổi trung bình của đảng viên ngày càng cao (chủ yếu tuổi 50, 60), nhiều thanh niên không muốn vào Đoàn, nhiều đoàn viên không muốn trở thành đảng viên. Do đó, để xây dựng và phát triển đảng vững mạnh, Đảng cần làm tốt công tác vận động thanh niên, xây dựng lực lượng nòng cốt trong thanh niên.

3 - Một điều quan trọng nữa là mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều có quan hệ chặt chẽ tới thanh niên và công tác thanh niên. Bởi lẽ thanh niên là lực lượng đông đảo, là người tiếp nhận chính và thực hiện những chủ trương, chính sách đó. Những chủ trương, chính sách đó phải thích hợp, phải đáp ứng những nhu cầu chân chính của thanh niên.

II - PHƯƠNG HƯỚNG LỚN TRONG CHÍNH SÁCH THANH NIÊN VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÔNG TÁC THANH NIÊN

1 - Thanh niên là lực lượng xã hội có sức sống mới, năng động nhất, luôn ở khâu trung tâm của những chuyển động của xã hội. Thanh niên là lực lượng xung kích trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hôm nay và làm chủ xã hội tương lai. Do đó, xây dựng lực lượng thanh niên luôn luôn là nhiệm vụ trung tâm, then chốt của Đảng, của toàn xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định : "Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời khởi đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội" (1) ; "Thanh niên là người chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên" (2). Người còn chỉ rõ : "Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết" (3). Vì thế, chính sách thanh niên của Đảng trong thời kỳ mới, cần quán triệt các phương hướng lớn như Nghị quyết Trung ương 4 về thanh niên đã chỉ rõ :

- Nhận thức rõ vai trò, vị trí thanh niên trong sự nghiệp cách mạng, đặt niềm tin sâu sắc vào thanh niên.

- Đào tạo, bồi dưỡng và tạo mọi điều kiện cho thanh niên phấn đấu trở thành con người mới hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trước mắt và đón nhận trách nhiệm nặng nề trong tương lai.

- Phát huy lực lượng và tiềm năng của thế hệ trẻ,

(1) Hồ Chí Minh : *Bàn về thanh niên*, Nxb Thanh niên, Hà nội, 1970, tr 17

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 18

(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 11

Digitized by Google

có chính sách ưu tiên giải quyết việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho thanh niên, khuyến khích thanh niên hăng say lập nghiệp.

- Xây dựng Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh vững mạnh, đồng thời đoàn kết tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên.

- Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh là điều kiện phát triển thế hệ trẻ và cũng là nhiệm vụ của chính thanh niên.

- Công tác thanh niên phải là công tác của Đảng, của hệ thống chính trị và toàn xã hội.

2 - Vấn đề thanh niên và công tác thanh niên luôn ở vị trí trung tâm trong chiến lược con người của Đảng ta. Nhưng thanh niên là đối tượng đặc thù, do đó, công tác thanh niên phải mang những nội dung thật phù hợp.

- Giáo dục đào tạo và bồi dưỡng tốt thanh niên là nội dung có tầm quan trọng hàng đầu trong công tác thanh niên của Đảng. Nó giữ vai trò quyết định trong quá trình tạo ra một thế hệ mới với những phẩm chất mới vừa mang tính truyền thống vừa mang tính hiện đại sâu sắc. Trước hết phải giáo dục, hướng dẫn thanh niên xây dựng được lý tưởng, hoài bão đúng đắn, phù hợp với quy luật khách quan, có lòng yêu nước, có tinh thần quốc tế chân chính, có ý chí đấu tranh xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu ; sống trung thực, tự trọng, tự lập, vươn lên tiếp thu truyền thống văn hóa dân tộc Việt nam và văn minh của thời đại ; có lòng nhân ái, vị tha, dũng cảm đấu tranh chống tiêu cực.

Xã hội tạo điều kiện cho thanh niên học tập nâng cao trình độ học vấn và nghề nghiệp, xóa mù chữ, phổ cập văn hóa phổ thông ; mở mang dạy nghề để thanh niên có nghề nghiệp, có việc làm, tận dụng mọi khả năng cho thanh niên đi học tập và công tác ở nước ngoài (kể cả người tự túc) ; giúp họ vừa khẳng định mình, vừa đáp ứng nhu cầu của bản thân, vừa tham gia xây dựng đất nước có hiệu quả. Cần đào tạo và khuyến khích phát triển cho được một đội ngũ thanh niên vững vàng về chính trị, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, tiêu biểu cho thế hệ trẻ, bao gồm những công nhân có tay nghề cao ; các nhà khoa học trẻ có tài về các lĩnh vực tự nhiên và xã hội ; các nhà công nghệ, các nhà doanh nghiệp trẻ năng động và sáng tạo ; các nhà lãnh đạo, quản lý ; các văn nghệ sĩ tài năng.... đủ khả năng đảm nhận trọng trách mới.

Xã hội tạo điều kiện cho thanh niên phát triển toàn diện về thể lực và trí lực ; có cuộc sống ngày càng tốt đẹp về vật chất, văn hóa ; có trình độ thẩm mỹ phong phú lành mạnh. Đặc biệt quan tâm đến nữ thanh niên về học tập, việc làm, đời sống, hôn nhân và gia đình. Bồi dưỡng nữ thanh niên phát huy truyền thống anh hùng bất khuất, trung hậu đảm đang, giỏi việc nước, đảm việc nhà.

Công bằng trong phát huy và sử dụng tài năng, trí tuệ, lao động của thanh niên. Sử dụng phải gắn liền với bồi dưỡng và đãi ngộ, sử dụng phải gắn liền với đào tạo. Đề bạt, bổ nhiệm phải kịp thời và phù hợp. Khắc phục tư tưởng hẹp hòi, giản đơn trong việc đào tạo, sử dụng, bồi dưỡng thanh niên. Từ nguyện vọng, yêu cầu, đặc điểm của thanh niên mà định hướng sinh hoạt vật chất, tinh thần, văn hóa cho thanh niên ; mà cổ vũ thanh niên phấn đấu thực hiện những nhiệm vụ kinh tế, xã hội. Các chính sách kinh tế xã hội của nhà nước phải gắn chặt với chính sách phát triển thanh niên.

- Giải quyết việc làm cho thanh niên vừa là yêu cầu cấp bách, vừa là vấn đề lâu dài của xã hội. Cần phát triển đa dạng các hình thức tạo việc làm cho thanh niên trong tất cả các thành phần kinh tế. Khuyến khích và giúp đỡ thanh niên tự tạo ra việc làm và giúp nhau có việc làm. Lựa chọn công nghệ và có chính sách khuyến khích thỏa đáng các công nghệ có khả năng thu hút nhiều lao động. Mở mang các ngành nghề mới như dịch vụ, du lịch. Tăng cường tạo điều kiện cho những loại hình tổ chức kinh tế của thanh niên phát triển như đội thanh niên xung phong, và các loại hình sản xuất kinh doanh khác. Có chính sách khuyến khích tự do hành nghề, tự do cư trú theo luật pháp (sửa bỏ những quy định lạc hậu về hộ khẩu, về cư trú....). Mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài, tranh thủ sự tài trợ quốc tế về chương trình việc làm. Đối với những thanh niên chưa có việc làm, chưa được đào tạo nghề nghiệp, cần huy động sức mạnh toàn xã hội trong việc dạy nghề và giới thiệu việc làm cho họ ; coi dạy nghề và giải quyết việc làm cho thanh niên là một nhiệm vụ kinh tế - xã hội được ưu tiên hàng đầu.

Thực hiện nhiều chính sách, nhiều biện pháp để phòng ngừa tội phạm, tiêu cực trong thanh niên. Đưa thanh niên vào tham gia mặt trận chống tham nhũng, chống buôn lậu, xử phạt nghiêm khắc những kẻ vi phạm. Mặt khác, đối với những thanh niên phạm tội, phải thực hiện nhiều biện pháp, nhiều lực lượng để giáo dục, thuyết phục họ trở về cuộc sống lương thiện ; xử phạt đúng pháp luật những trường hợp xét cần thiết.

3 - Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh cần

Digitized by Google

được đổi mới và chỉnh đốn để trở thành lực lượng nòng cốt trong thanh niên. Tổ chức đoàn viên đi sâu vào hoạt động trong phong trào thanh niên, gắn bó với thanh niên, lắng nghe thanh niên, giúp thanh niên cùng tiến bộ. Chú ý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn. Họ phải là những người giỏi trong các lĩnh vực công tác của mình, có nhiệt tình và khả năng vận động thanh niên. Đổi mới phương thức hoạt động của Đoàn, nhất là cấp cơ sở, đưa tổ chức đoàn và đoàn viên đi vào hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội để cuốn hút thanh niên cùng làm, qua đó mà vận động giáo dục họ.

Các cấp ủy đảng cần quan tâm xây dựng Đoàn, coi đó là nhiệm vụ tổ chức trực tiếp của Đảng. Đảng lãnh đạo Đoàn, nhưng tôn trọng, ủng hộ những sáng kiến và tính độc lập về mặt tổ chức của Đoàn. Xây dựng mối quan hệ tốt giữa cán bộ đảng, đảng viên với thanh niên. Đảng viên phải thâm nhập vào phong trào thanh niên. Những trí thức của Đảng, những đảng viên có uy tín cần tham gia chương trình bồi dưỡng thanh niên, lựa chọn thanh niên ưu tú có năng khiếu để đào tạo họ thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý sau này.

4 - Xây dựng và mở rộng hơn nữa mặt trận đoàn kết tập hợp thanh niên, tạo ra sức mạnh mới trong ổn định xã hội, trong phát triển kinh tế, văn hóa, và xã hội. Cần tập hợp tất cả thanh niên vào các tổ chức thích hợp. Khắc phục tình trạng còn nhiều thanh niên đứng ngoài tổ chức vì đó sẽ là lực lượng, địa bàn mà các thế lực thù địch nhằm vào hòng lôi kéo, giành giật thanh niên. Cho thanh niên quyền lập các hội riêng của họ theo luật pháp hiện hành. Những hội này được tập hợp trong tổ chức Hội liên hiệp thanh niên Việt nam, hoạt động vì mục đích đoàn kết thanh niên Việt nam, phấn đấu xây dựng một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, công bằng, giàu mạnh, văn minh hiện đại và đoàn kết hữu nghị với cộng đồng thanh niên quốc tế.

Chú trọng tổ chức những hình thức thích hợp để đoàn kết thanh niên Việt kiều ở các nước và hướng họ về xây dựng quê hương, giữ gìn bản sắc dân tộc. Đối với thanh niên các tôn giáo, Đảng, Đoàn cần ủng hộ những hoạt động từ thiện, hoạt động vì lợi ích xã hội của các tín đồ trẻ tuổi, khuyến khích họ cùng các thanh niên không theo đạo gia nhập các hội theo sở thích, nguyện vọng trong khuôn khổ mặt trận thanh niên do Đảng lãnh đạo.

Đoàn thanh niên là lực lượng nòng cốt, đồng thời là thành viên trong Hội liên hiệp thanh niên. Đoàn không áp đặt nguyên tắc tổ chức và hoạt động của mình cho các hội, mà hướng dẫn các hội hoạt động đúng hướng. Đoàn cần phân công, hoặc cử cán bộ, đoàn viên tốt vào hoạt động trong các tổ chức đó để lãnh đạo, định hướng các hội theo yêu cầu của Đảng.

5 - Đảng, Nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức xã hội và gia đình phải nâng cao trách nhiệm đối với thanh niên và công tác thanh niên. Các cấp ủy đảng cần có kế hoạch tiếp cận, hiểu sâu sắc thanh niên, tin yêu, chăm sóc và mạnh dạn sử dụng họ. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội chăm lo cho thanh niên. Đảng viên phải là người lãnh đạo, người bạn hiền, là tấm gương cho thanh niên. Đảng lãnh đạo thông qua *đảng, đoàn* thanh niên bằng chủ trương, đường lối, định hướng cho thanh niên, lãnh đạo việc luật pháp hóa, chương trình hóa, quy chế hóa các chủ trương, đường lối đó.

Nhà nước tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thanh niên ; thành lập cơ quan chuyên trách về thanh niên của chính phủ. Có các cơ cấu liên ngành để giải quyết những vấn đề bức xúc đặt ra của thanh niên. Xây dựng các chương trình kinh tế xã hội của nhà nước giao cho Đoàn và các tổ chức thanh niên chủ trì tổ chức thực hiện. Dành ngân sách thích đáng cho công tác thanh niên. Luật pháp hóa, thể chế hóa đường lối của Đảng về thanh niên thành các chương trình, quy định thực hiện và đáp ứng các nhu cầu của thanh niên.

Các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội tăng cường phối hợp hoạt động với Đoàn thanh niên và các hội thanh niên trong việc tập hợp, giáo dục, đào tạo thanh niên, có chương trình kế hoạch, chuyên sâu về thanh niên của tổ chức mình.

Gia đình có vị trí và trách nhiệm vô cùng to lớn đối với thế hệ trẻ. Gia đình phải thật sự là tổ ấm. Tăng cường hướng dẫn giúp đỡ các gia đình về nội dung, phương pháp và điều kiện vật chất, văn hóa để gia đình thực hiện tốt chức năng sản xuất của cải vật chất, tiếp nối phát triển giống nòi và giáo dục hình thành nhân cách tốt cho thanh, thiếu nhi. Phát triển cuộc vận động gia đình văn hóa mới trên mọi địa bàn, đặc biệt là phong trào mỗi gia đình chỉ có từ một đến hai con, phong trào thể thao và vệ sinh phòng bệnh.

Môi trường xã hội lành mạnh có ý nghĩa lớn trong việc hình thành và phát triển nhân cách và khả năng sáng tạo của tuổi trẻ. Vì lẽ đó Đảng, Nhà nước, trước tiên cần quan tâm bổ sung, hoàn thiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên phấn đấu và trưởng thành.

Digitized by Google

VỀ CÔNG TÁC THANH NIÊN TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

HỒ ĐỨC VIỆT *

VIỆC nghiên cứu có hệ thống những vấn đề về thanh niên và công tác thanh niên, đồng thời giải quyết có hiệu quả những vấn đề đó không chỉ là đòi hỏi khách quan của công cuộc đổi mới đất nước mà còn là nguyện vọng của đông đảo nhân dân, của tuổi trẻ ; là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc hình thành và phát triển lực lượng chính trị - xã hội của Đảng, của dân tộc theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Thanh niên là lực lượng trẻ, là tấm gương phản ánh đời sống xã hội hiện tại và thể hiện những xu hướng phát triển của tương lai. Thế hệ trẻ ngày nay, do được đào tạo khá hoàn chỉnh, nên có trình độ học vấn ngày càng cao, có khả năng tiếp cận nhanh, nhạy với kiến thức khoa học kỹ thuật hiện đại và công nghệ mới, sống năng động, thực tế. Họ nhiệt thành ủng hộ công cuộc đổi mới đất nước, và là lực lượng lao động chủ yếu trên mọi lĩnh vực kinh tế, xã hội, là một nguồn lực rất quan trọng đối với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta.

Tuy nhiên, trong điều kiện kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, thanh niên nước ta đang đứng trước những thử thách mới, những vấn đề xã hội rất gay gắt. Tình trạng thiếu việc làm và thu nhập thấp trở thành vấn đề xã hội bức xúc nhất của thanh niên. Dự báo đến năm 1995 nước ta có khoảng 7 triệu người đến tuổi lao động cần có việc làm. Đây thực sự là một sức ép xã hội rất lớn. Thu nhập thấp cũng đang đè nặng lên cuộc sống của nhiều thanh niên và gia đình họ, là một trong những nguyên nhân nảy sinh các tệ nạn xã hội trong thanh niên. Tình trạng thất học, mù chữ ngày càng tăng. Trình độ hiểu biết của thanh niên có nhiều mặt sa sút ; một bộ phận lớn thanh niên bị cắt đứt với truyền thống văn hóa dân tộc. Điều này trực tiếp ảnh hưởng đến chất lượng lao động trẻ, đến việc hình thành nhân cách con người Việt nam trong tương lai. Tình trạng sức khỏe và các tệ nạn xã hội trong thanh niên cũng rất đáng lo ngại. Các bệnh nghề nghiệp, xã hội trong thanh niên đều gia tăng...

Tình hình trên cộng với những biến động phức tạp của thế giới và trong nước đang chi phối mạnh mẽ thanh niên ta trên nhiều mặt : lý tưởng, đạo đức, lối sống.

Trong khi đó công tác thanh niên của chúng ta có nhiều vấn đề rất đáng suy nghĩ.

Trước hết, về trách nhiệm của Đoàn thanh niên. Trong mấy năm qua, Đoàn đã nỗ lực phấn đấu tự đổi mới, tự chỉnh đốn, để phát huy tác dụng trong tuổi trẻ và xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng. Tuy nhiên, những cố gắng đó còn xa mới đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ của Đoàn chưa đủ sức tiếp cận kịp thời quá trình đổi mới của đất nước. Số lượng và chất lượng đoàn viên, uy tín của Đoàn trong xã hội và sức hấp dẫn đối với tuổi trẻ, giảm sút. Tình hình thanh niên và cơ chế quản lý kinh tế - xã hội chuyển biến rất nhanh, nhưng mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Đoàn vẫn còn nhiều mặt cũ kỹ, lỗi thời ; bệnh quan liêu, hành chính chậm được khắc phục.

Các đoàn thể quần chúng và xã hội còn có sự bất cập đối với công tác thanh niên. Còn không ít vấn đề đề ra nhưng chưa thực hiện được. Cụ thể là, chưa tổ chức nhịp nhàng và có hiệu quả một số nội dung và biện pháp đào tạo, giáo dục thanh niên đã được đề ra trong các nghị quyết của Đảng. Sự thiếu gương mẫu trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và người lớn tuổi làm cho tuổi trẻ suy giảm lòng tin và có những hành vi thiếu đạo đức. Chính sách xã hội và chiến lược con người, nhất là chiến lược đối với thế hệ trẻ, chưa được quán triệt trong toàn xã hội. Các điều kiện vật chất của xã hội dành cho sự nghiệp đào tạo, giáo dục thế hệ trẻ còn quá ít ỏi.

Nhà nước chưa quan tâm đúng mức đối với công tác thanh niên. Dường như vẫn còn xu hướng coi công tác thanh niên là việc của Đảng, của Đoàn thanh

* Bí thư thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Digitized by Google

niên, nên nhiều cấp chính quyền chưa thấy hết trách nhiệm về mặt nhà nước đối với công tác thanh niên. Do đó, chưa có cơ chế, chính sách cụ thể, tạo điều kiện cho Đoàn làm tốt công tác vận động thanh niên ; chưa chuyển được phương thức tác động đến thanh niên và hoạt động của Đoàn qua các chương trình, dự án kinh tế xã hội : không ít nơi vẫn nặng về hô hào, động viên chung chung, chưa tạo ra được động lực tinh thần, vật chất cho phong trào thanh niên. Nhà nước chưa xây dựng các văn bản pháp quy về công tác thanh niên và cũng chưa xác lập cơ chế của nhà nước chuyên lo công tác thanh niên, nên các chủ trương lớn của Đảng đối với công tác thanh niên vẫn chỉ dừng ở nghị quyết.

Từ trước đến nay, Đảng rất quan tâm đến nhiệm vụ lãnh đạo công tác thanh niên, luôn coi đó là khâu quan trọng trong chiến lược con người cả trên lý luận và thực tiễn. Nhưng thực tế cho thấy, trong công tác thanh niên, Đảng có những khiếm khuyết không nhỏ. Đảng đề ra nghị quyết về công tác thanh niên, nhưng nhiều cấp ủy chưa có biện pháp chỉ đạo thiết thực, chưa có sự đầu tư hoặc đầu tư chưa tương xứng. Nhiều cấp ủy đảng buông lỏng sự lãnh đạo hoặc phó mặc công tác thanh niên cho Đoàn. Phương thức lãnh đạo đối với thanh niên và công tác thanh niên chậm được đổi mới, còn nặng tính hành chính, gia trưởng, ban ơn, độc đoán ; thậm chí có nơi thiếu sự tôn trọng nhân cách thanh niên và các tổ chức của thanh niên.

*

Trong những năm tới, tình hình thanh niên còn tiếp tục phát triển, và công tác thanh niên sẽ diễn ra trong những điều kiện mới ngày càng khác trước. Có thể dự báo mấy vấn đề :

Một là, kinh tế thị trường và việc mở rộng quan hệ quốc tế nhất định sẽ dẫn tới sự phân hóa, phân cực trong thanh niên về nhiều mặt. Nền kinh tế thị trường sẽ tạo ra một lớp thanh niên có tài năng, sớm tự khẳng định và làm việc một cách năng động, sáng tạo, có thu nhập cao ; đồng thời, cũng sẽ có một bộ phận không nhỏ thanh niên nghèo đi, do không có việc làm, không biết cách làm ăn, sống thụ động. Mặt khác, quy luật giá trị sẽ làm xuất hiện trong thanh niên tâm lý chú ý nhiều đến lợi ích thực tế, thậm chí đầu óc thực dụng, chạy theo đồng tiền và quyền lợi ích kỷ cá nhân. Có thể thấy trước, sớm muộn sẽ xuất hiện một lớp tư sản trẻ tuổi, có tri thức và quan hệ quốc tế rộng, và cùng với nó, sẽ xuất hiện những xu hướng chính trị khác nhau ngay trong lớp trẻ... Hệ quả tất yếu là : các vấn đề xã hội của thanh niên trong nền kinh tế thị trường (thất nghiệp, mù chữ, phân hóa giàu nghèo...) sẽ gay gắt hơn, và điều đó đương nhiên sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến sự bảo tồn và phát triển nền văn hóa dân tộc trong lớp trẻ.

Hai là, lối sống và đạo đức trong thanh niên cũng sẽ có sự phân hóa nhanh và ngày càng rõ. Có thể xuất hiện ba khuynh hướng : 1) đại bộ phận thanh niên sẽ sống và làm việc bình thường như các công dân yêu nước ; 2) bộ phận thanh niên tiên tiến sẽ nỗ lực học tập, làm việc với cường độ cao hơn trước, đặng vươn tới những lý tưởng cao đẹp ; 3) một bộ phận đáng kể còn lại, tiếp tục khủng hoảng về lý tưởng, chịu ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội, sống sa đọa, phạm pháp.

Ba là, sự khác biệt giữa các thế hệ về hoàn cảnh, về điều kiện sống và về tâm lý, tạo nên sự khác nhau giữa họ về cách suy nghĩ và hành động. Nhiều người lớn tuổi thường nhìn sự vật theo trình tự trước sau nên dễ thỏa mãn với những gì đạt được ; còn nhiều người trong thế hệ trẻ lại thường nhìn sự vật theo "chiều ngang" nên dễ cảm thấy không hài lòng, thậm chí bi quan, trước thực tế nước mình thua kém nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Mặt khác, do sinh sau đẻ muộn, họ không thấy hết được hậu quả của chiến tranh, không thấy hết được tội ác của chủ nghĩa đế quốc, lại chưa hiểu hết và tiếp cận đầy đủ truyền thống tốt đẹp của dân tộc, của Đảng.

Bốn là, các lực lượng thù địch đã, đang và sẽ tiếp tục lôi kéo, giành giật thanh niên. Trong điều kiện "mở cửa", sản xuất hàng hóa phát triển, kinh tế trong nước còn tiếp tục khó khăn... một bộ phận thanh niên không tránh khỏi khủng hoảng niềm tin và lý tưởng. Lợi dụng tình hình này, các phần tử phản động và các lực lượng thù địch công khai hoặc ngấm ngầm, sẽ tìm mọi cách lôi kéo, chia rẽ thanh niên. Đây là vấn đề rất cần được đặt ra, xem xét và có biện pháp giải quyết kịp thời.

Từ sự dự báo tình hình như trên, chúng ta cần có chu trương, biện pháp thích hợp để tổ chức, đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp nhanh niên, phát huy mạnh mẽ vai trò của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh, nhân dân hạnh phúc, xã hội văn

Digitized by Google

minh. Đây thực sự là công tác vận động chính trị của Đảng ; nó cần được tiến hành đồng bộ trên cơ sở kết hợp chặt chẽ giữa các môi trường giáo dục ; giữa vận động, giáo dục, thuyết phục với thực thi các chủ trương, chính sách và chương trình gắn với pháp luật. Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCHTƯ Đảng (khóa VII) đã chỉ ra phương hướng, nhiệm vụ cơ bản của công tác thanh niên trong tình hình hiện nay. Để thực hiện có kết quả những phương hướng và nhiệm vụ đó chúng tôi cho rằng phải có sự tổ chức và phối hợp chặt chẽ giữa tất cả các tổ chức trong hệ thống chính trị với sự giúp đỡ ủng hộ của toàn dân.

Trước hết, *về phần mình, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh kiên trì thực hiện các mục tiêu và tìm tòi các giải pháp, tiếp tục tự đổi mới và tự chỉnh đốn để trở thành một tổ chức thực sự vững mạnh, là nòng cốt trong việc mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên.*

+ Về mục tiêu công tác tổ chức xây dựng Đoàn : một mặt, nâng cao chất lượng đoàn viên, chất lượng cán bộ, chất lượng tổ chức đoàn, nhất là tổ chức cơ sở, theo nhận thức và tiêu chuẩn mới ; mặt khác, tiếp tục đổi mới hình thái tổ chức và nội dung, phương thức hoạt động của Đoàn phù hợp với cơ chế và xu hướng vận động, phát triển của phong trào thanh niên trong giai đoạn mới.

+ Về định hướng công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên và xây dựng Hội liên hiệp thanh niên Việt nam : Tăng cường công tác đoàn kết tập hợp thanh niên và xây dựng Hội theo tinh thần Nghị quyết 8B của BCHTƯ và Nghị quyết 25 của Bộ chính trị (khóa VI). Đa dạng hóa các loại hình tập hợp, phát triển các chi hội theo nghề nghiệp, theo nhu cầu chính đáng, theo sở thích, phát triển các câu lạc bộ, các trung tâm giao lưu văn hóa thanh niên. Chú trọng công tác xây dựng Hội ở các tỉnh phía bắc, các vùng tôn giáo, vùng sâu, xa và vùng cao. Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động văn hóa xã hội từ thiện với chủ đề : "trăm suối một dòng sông", "nối vòng tay lớn", "giữ màu xanh thân yêu", "cho tương lai của chúng ta"... Chú trọng các hoạt động giúp nhau làm kinh tế thông qua quỹ hỗ trợ vốn các cấp, thông qua các câu lạc bộ, các nhà doanh nghiệp trẻ, các trung tâm dạy nghề, giới thiệu việc làm cho thanh niên, các chi hội khuyến nông...

+ Về các giải pháp tổ chức xây dựng Đoàn đủ sức làm nòng cốt đoàn kết, tập hợp rộng rãi thanh niên : Củng cố, nâng cao chất lượng đoàn viên và các tổ chức đoàn ở cơ sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ, sắp xếp hợp lý và nâng cao hiệu lực chỉ đạo bộ máy các cấp của Đoàn. Đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với tình hình mới. Tham mưu xây dựng Đảng và chính quyền các cấp vững mạnh. Xây dựng cơ sở vật chất, tạo nguồn kinh phí cho hoạt động của Đoàn.

Thứ hai, *Đoàn thanh niên xin kiến nghị với Đảng* có những chủ trương cụ thể, thiết thực, thích hợp đối với thanh niên và phong trào thanh niên, nhằm đào tạo, bồi dưỡng phát huy xung lực của thế hệ trẻ. Cụ thể là :

- Đảng chỉ đạo chặt chẽ việc triển khai và thực hiện Nghị quyết 25 của Bộ chính trị (khóa VI) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCHTƯ Đảng (khóa VII) "Về công tác thanh niên trong thời kỳ mới" từ trung ương tới cơ sở ; sơ kết và tổng kết kịp thời sau khi triển khai và thực hiện có kết quả các nghị quyết trên.

- Đảng tiếp tục quán triệt tư tưởng : coi việc trực tiếp xây dựng Đoàn là một bộ phận của công tác xây dựng Đảng. Các cấp ủy xây dựng chương trình công tác thanh niên và quy chế lãnh đạo Đoàn thanh niên các cấp. Chú ý đặc biệt việc kết nạp đảng viên mới từ thanh niên cũng như việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn.

Thứ ba, *Đoàn thanh niên kiến nghị với Nhà nước* :

- Tiếp tục thực hiện cải cách giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, coi đó là một trong những chính sách cơ bản của nhà nước đối với thế hệ trẻ. Trong chính sách của nhà nước đối với thế hệ trẻ, vấn đề cơ bản trước hết là đầu tư nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao sức khỏe.

- Thể chế hóa các chủ trương của Đảng đối với thế hệ trẻ bằng Luật và các văn bản dưới luật. Hằng năm, có các chương trình của Chính phủ về công tác thanh niên, như chương trình giải quyết việc làm, xóa mù chữ, xây dựng các cơ sở vật chất phục vụ sự nghiệp giáo dục và đời sống văn hóa tinh thần của tuổi trẻ. Có biện pháp, chính sách bảo tồn và phát triển nền văn hóa dân tộc để tạo môi trường lành mạnh cho sự phát triển của thanh niên.

- Thành lập cơ quan của nhà nước hoặc chính phủ

(Xem tiếp trang 14)

Digitized by Google

GIÁO DỤC - nền tảng của chiến lược con người

PHẠM TẤT DONG*

ĐIỂM xuất phát của tư tưởng coi chiến lược giáo dục như một vấn đề cơ bản và chính yếu trong chiến lược con người và đặt chiến lược con người vào vị trí trung tâm của toàn bộ chiến lược kinh tế - xã hội là ở chỗ : trước những thách thức phát triển của thời đại, nhân tố CON NGƯỜI cần được nhìn nhận sâu hơn và cần được phát huy mạnh hơn. Chưa đầy một thập kỷ nữa, cùng với nhân loại, dân tộc ta bước vào thế kỷ 21. Để có thể có được sự phát triển mới thích ứng với cuộc sống khi đó, ngay từ bây giờ chúng ta phải tích cực chuẩn bị cho thế hệ trẻ về mọi mặt. Điều này buộc chúng ta phải nhìn nhận lại, lựa chọn, điều chỉnh mục tiêu về con người, và phải xây dựng cho được một hệ thống chính sách có thể duy trì và phát triển một nền giáo dục lành mạnh và toàn diện.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy rằng, muốn có chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa. Người lại nói, phải làm cho ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Ngày nay, sau một số năm thực hiện hàng loạt chủ trương, biện pháp để đổi mới đất nước, nhất là từ sau Đại hội VII của Đảng, chúng ta đã khẳng định rằng, phải đầu tư cho việc phát huy mạnh mẽ nguồn nhân lực thì mới mau chóng đạt tới mục tiêu dân giàu nước mạnh. Trong quá trình đổi mới, tư tưởng trên đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một định hướng quan trọng để chúng ta điều chỉnh và hoạch định những chính sách mới trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Gần đây, những tư tưởng nêu trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh về mục tiêu giáo dục thường được chúng ta diễn đạt bằng một công thức khác : Con người là mục tiêu và là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, ngay từ đầu, cần phải xác định thật rõ : yếu tố *cơ bản nhất* trong con người mà sự phát triển kinh tế - xã hội tùy thuộc, đồng thời lại định hướng phục vụ, là *nhân cách*.

Có nhiều cách hiểu khác nhau về nhân cách. Trong nhiều văn kiện của Đảng, nhân cách con người được xem xét từ hai mặt : *Đức* (hệ thống những phẩm chất tạo nên bộ mặt đạo đức) và *Tài* (hệ thống những phẩm chất tạo nên năng lực). Đức là cái gốc để làm người, nói lên mối quan hệ qua lại giữa con người với con người, giữa con người với cộng đồng, với xã hội. Tài là điều kiện không thể thiếu được để xác định chỗ đứng, vai trò, vị thế xã hội của con người cụ thể, nói lên tương quan giữa con người với công việc và sinh hoạt hằng ngày. Trong những tác phẩm của mình, Các Mác khi nói đến nhân cách thường dùng thuật ngữ "hệ thống năng lực thể chất và tinh thần". Còn trong các tác phẩm khoa học, dù được định nghĩa thế nào thì nhân cách cuối cùng vẫn được hiểu một cách chung nhất như một hệ thống những phẩm chất ở một con người cụ thể có ý nghĩa đối với một xã hội nhất định và mang tính điển hình cho con người ở một thời đại nhất định. Điều này là hiển nhiên, bởi xã hội ở mỗi giai đoạn phát triển của nó đều có những yêu cầu riêng đối với nhân cách con người, và vì vậy, phẩm chất tạo nên nhân cách ở giai đoạn trước không thể trùng lặp với phẩm chất cần cho nhân cách ở giai đoạn sau. Nói cụ thể hơn, có thể hình dung những yêu cầu đối với nhân cách ở thế hệ thanh niên tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp không đồng nhất với những yêu cầu hình thành nhân cách ở thế hệ đó trong giai đoạn chống đế quốc Mỹ. Còn ngày nay, khi chuẩn bị cho lớp thanh niên mới có khả năng thích ứng cao với kinh tế thị trường, thì lại phải tính đến hàng loạt yêu cầu mới đối với nhân cách thế hệ trẻ mà trước đây chúng ta không đặt ra. Tóm lại, phẩm chất điển hình cho nhân cách hoàn toàn do cuộc sống thực tế đề xuất. Cuộc sống buộc phải tạo ra phẩm chất ấy, bởi nếu không như vậy thì chính cuộc sống

* Giáo sư, phó tiến sĩ, Phó trưởng Ban khoa giáo trung ương

Digitized by Google

không thể có sự phát triển. Đến đây, chúng ta thấy rõ tầm quan trọng của mối tương quan giữa nhân cách và phát triển.

Một số nhà nghiên cứu giáo dục học và xã hội học cho rằng, con người chỉ đẻ ra con người, còn giáo dục thì sản sinh ra nhân cách. Với luận điểm này, dù với tư cách là một chiến lược đào tạo, một nghệ thuật tác động tâm hồn hoặc một công nghệ dạy học, giáo dục vẫn giữ đúng ý nghĩa là nền móng đối với toàn bộ chiến lược con người và chiếm vị trí trọng yếu trong chiến lược kinh tế - xã hội.

Trong thời đại chúng ta, trước buổi giao thời giữa nền văn minh công nghiệp với nền văn minh hậu công nghiệp (văn minh công nghệ), yếu tố hết sức quan trọng trong nhân cách là *trí tuệ*. Chúng ta hiểu trí tuệ ở đây là trình độ học vấn cao của từng con người để tạo ra mặt bằng dân trí cao hơn, để hình thành nên những tài năng sáng tạo trong mọi lĩnh vực hoạt động; là trình độ tư duy đạt ngang tầm hiểu biết của thời đại. Trí tuệ tạo nên tiềm năng chất xám là cái quý giá nhất trong mọi tài sản quý giá của quốc gia. Hiện nay, có thể nói, chúng ta là một nước đang cần dồn sức để tạo nên kho tàng trí tuệ lớn và từ đó, tạo nên sự phát triển với tốc độ cao. Theo số liệu điều tra, số năm đi học bình quân đầu người ở ta vào đầu thập kỷ 90 mới là 4,5 năm. So với tổng số cán bộ giảng dạy đại học và cán bộ nghiên cứu khoa học, số người có học vấn sau đại học mới trên 10%. Kinh nghiệm những nước phát triển cho biết, tỷ lệ đó phải khoảng 30% mới tạo ra được sự phát triển nhanh trên con đường công nghiệp hóa. Hiện nay, so với số phó tiến sĩ, số tiến sĩ của chúng ta chưa tới 5,5%, mà tỷ lệ cần đạt ít ra cũng phải 12%.

Phải nói thêm rằng, muốn tạo ra một mũi nhọn phát triển, ngay các nước có nền công nghiệp mạnh cũng phải hết sức quan tâm đến giáo dục và đào tạo. Ví dụ, để phát triển lĩnh vực máy tính điện tử, nước Mỹ hiện cần thêm khoảng 140 000 chuyên gia máy tính và 30 000 kỹ sư điện tử, mặc dù từ năm đầu của thập kỷ 80, các trường đại học ở Mỹ đã tuyển tới 320 000 sinh viên kỹ thuật máy tính. Cũng như vậy, trước tình hình thiết kế linh kiện mềm trở thành ngành sản xuất độc lập và thị trường linh kiện mềm ngày càng mở rộng và cạnh tranh gay gắt, Bộ giao thông và công nghiệp Nhật bản đã đề ra yêu cầu phải đào tạo 1 triệu chuyên gia cao cấp về linh kiện mềm cho năm 2000.

Trong nền văn minh hậu công nghiệp, khoa học, công nghệ cùng với kinh tế là một hệ thống trí tuệ dựa vào kiến thức cao để thúc đẩy sự phát triển. Tài nguyên vật chất phải nhường vị trí hàng đầu cho tài nguyên trí tuệ. Kho tàng trí tuệ sẽ mang lại cho quốc gia những lợi ích không giới hạn. Nhưng, muốn có được vốn trí tuệ, thì trước hết phải phát triển giáo dục. Cuộc chạy đua kinh tế đang trong giai đoạn sôi động, nhưng phần thắng chắc chắn sẽ thuộc về những nước biết đẩy mạnh giáo dục, đặt giáo dục đúng vị trí quan trọng trong chiến lược phát triển kinh tế.

Yếu tố thứ hai cần phải kể đến trong nhân cách con người ở thời đại là *năng lực lao động nghề nghiệp*, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, cộng với văn hóa lao động. So với giáo dục cổ truyền thì cái mới của nền giáo dục hiện đại là sự bổ sung một cách nghiêm túc và triệt để chương trình huấn luyện nghề nghiệp nhằm xóa mờ ranh giới ngăn cách phân biệt quá sâu giữa giáo dục phổ thông với giáo dục nghề nghiệp. Việc này cần được tính toán khoa học để giáo dục không phát triển theo hướng chỉ nhằm phục vụ lợi ích thực tế hạn hẹp của con người cụ thể, mà phát triển theo hướng giúp con người phát triển được tài năng và áp dụng được tài năng vào thực tế cuộc sống.

Văn hóa lao động sẽ là một phẩm chất hết sức cần thiết nếu muốn người lao động thích ứng nhanh với kinh tế thị trường. Văn hóa lao động ít nhất phải bao gồm tính kỷ luật tự giác trong công việc sản xuất, ý thức tiết kiệm nguyên vật liệu và thời gian, tinh thần trách nhiệm trong việc bảo dưỡng máy móc và công cụ lao động, lương tâm nghề nghiệp, v.v.. Một trong những điểm quan trọng bậc nhất của văn hóa lao động là trách nhiệm cao đối với chất lượng sản phẩm. Người sản xuất không được đưa đến người tiêu dùng những mặt hàng kém phẩm chất và nhất là không được làm hàng giả. Sự phát triển kinh tế hàng hóa đòi hỏi phải thay đổi quan hệ giữa người sản xuất với người tiêu dùng được hình thành trong nền kinh tế theo cơ chế bao cấp trước đây. Đó là việc người sản xuất áp đặt nhu cầu của người tiêu dùng. Trong nền kinh tế thị trường, người tiêu dùng quy định mặt hàng và chất lượng hàng hóa, và người sản xuất phải đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Trong điều kiện cụ thể của xã hội ta hiện nay, chừng nào chưa hạn chế và tiến tới chấm dứt được nạn làm hàng giả thì chừng đó chúng ta chưa thể có một nền kinh tế

Digitized by Google

thị trường đúng với ý nghĩa cần có của nó.

Yếu tố thứ ba không kém phần quan trọng đối với nhân cách là *lối sống lành mạnh, hiện đại*, phù hợp với cuộc sống của thế giới phát triển. Lối sống được hình thành trên cơ sở một hệ thống chuẩn mực hành vi và thế giới quan đúng đắn sẽ không chỉ mang lại một phong cách học tập và lao động tốt đẹp, mà quan trọng hơn còn tạo cho con người có được sự định hướng giá trị không bao giờ lệch lạc, cho dù họ phải sống trong môi trường xã hội có những hiện tượng tiêu cực tác động hằng ngày.

Hiện nay, trước những biến động xã hội mạnh mẽ và dữ dội, con người nếu không vững vàng về quan điểm, nếu thiếu bản lĩnh chính trị và không có lối sống lành mạnh, thì rất dễ mất phương hướng khi thứ bậc của thang giá trị xã hội có những đổi thay. Từ mất phương hướng, con người dễ đi tới suy thoái về đạo đức, bị tha hóa, giảm sút lòng tin vào cách mạng, thờ ơ về chính trị...

Cuối cùng, phải nói đến yếu tố *sức khỏe* của con người, nói đến sự phát triển thể chất. Sức khỏe cùng với trí tuệ là những tài sản quý giá bậc nhất của quốc gia. Xét về phương diện nào đó, sức khỏe có quan hệ chặt chẽ với nhân cách, và là điều kiện để nhân cách con người có thể bộc lộ và phát huy ảnh hưởng của mình. V.I.Lê-nin từng nói rằng, nhân cách không chỉ là thế giới tinh thần, mà còn là thế giới thể chất của con người. Sức khỏe của con người bao gồm cả sức khỏe *cơ thể* và sức khỏe *tâm thần*. Một nền giáo dục toàn diện sẽ không chỉ tạo ra sức khỏe cơ thể qua các môn thể dục, thể thao, mà trước hết và cơ bản hơn là tạo ra sức khỏe tâm thần qua việc huấn luyện, giáo dục con người có lối sống tốt đẹp, có ý thức bảo vệ và rèn luyện thân thể và ý chí, có trách nhiệm tự quản lý sức khỏe của mình, có sự lành mạnh trong tình cảm đạo đức và nghĩa vụ xã hội, v.v..

*

Nhân cách và phát triển xã hội là mối tương quan phải được quan tâm. Muốn phát triển, phải dựa vào sức mạnh của nhân cách con người ; và chỉ có trí tuệ lớn lao, chỉ có nhân cách đúng đắn thì mới quyết định được sự phát triển đúng hướng, đúng nhịp, đúng tốc độ thời đại. Chúng ta là nước đang cần mau chóng vượt qua những khó khăn về kinh tế - xã hội, cần có tốc độ phát triển để hòa nhập vào dòng chảy chung của thời đại. Giải pháp cơ bản là đầu tư vào con người, trước hết là đầu tư vào công việc đào tạo ra những người có đủ phẩm chất và năng lực đưa đất nước đi lên nhanh chóng. Mục tiêu dân giàu nước mạnh chỉ có thể đạt được khi chúng ta biết đầu tư thích đáng cho nguồn lực con người - nguồn lực làm cho mục tiêu lý tưởng đó trở thành hiện thực.

Với quan điểm đó, giáo dục không thể đặt ngoài vị trí trung tâm của chiến lược kinh tế - xã hội và nó dứt khoát phải được coi là vấn đề cơ bản nhất khi chúng ta hoạch định những chính sách đầu tư, đặc biệt là những chính sách đầu tư cho con người.

Về công tác thanh niên...

(Tiếp theo trang 11)

làm công tác thanh niên. Xây dựng quy chế về mối quan hệ giữa chính quyền và Đoàn thanh niên các cấp. Có chính sách động viên thanh niên làm nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở những địa bàn, lĩnh vực còn nhiều khó khăn, gian khổ.

- Nghiên cứu giao cho Đoàn thanh niên quản lý và sử dụng những cơ sở vật chất cần thiết đã có ; tài trợ cho Đoàn xây dựng những cơ sở vật chất cần có (như các trung tâm văn hóa giáo dục thanh niên ở trung ương và địa phương) ; cấp ngân sách hằng năm với tỷ lệ ổn định cho hoạt động của Đoàn.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn thanh niên tham gia xây dựng kinh tế theo đúng luật pháp nhằm tăng thêm nguồn kinh phí cho các hoạt động của Đoàn và sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ.

Cuối cùng, *Đoàn thanh niên tích cực phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể xã hội* để có thể giáo dục, rèn luyện thế hệ trẻ một cách có hiệu quả. Đoàn thanh niên cũng mong có sự đồng tâm hiệp lực của tất cả cán bộ, đảng viên và các bậc phụ huynh trong việc giáo dục con em mình, khắc phục dần tâm lý ỷ lại, "khoán trắng", "phó mặc" việc giáo dục thanh, thiếu niên cho Đoàn và cho nhà trường.

Chúng tôi hy vọng và tin tưởng rằng, việc tiến hành công tác thanh niên theo phương châm đổi mới, có sự phối hợp và phân công trên quy mô toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, chắc chắn sẽ tạo ra được bước chuyển mới trong việc xây dựng một thế hệ mới tiếp tục vững bước trên con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn.

Digitized by Google

NẮM VỮNG TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ VĂN HÓA VĂN NGHỆ TRONG NHỮNG NĂM TRƯỚC MẮT

VĂN hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Văn học, nghệ thuật là bộ phận trọng yếu của nền văn hóa dân tộc, thể hiện khát vọng của nhân dân về chân - thiện - mỹ.

Cách đây đúng 50 năm (1943) Đảng ta lần đầu tiên công bố *Đề cương văn hóa* xác định phương hướng và những nguyên tắc lớn cho sự phát triển văn hóa, văn nghệ dân tộc. Nay cách mạng đã ở vào giai đoạn mới, yêu cầu có một chiến lược mới về văn hóa. Song để có một chiến lược mới về văn hóa, cần có thời gian và sự chuẩn bị công phu.

Tháng 11-1987 Bộ chính trị Trung ương (khóa VI) đã ra Nghị quyết 05 về "đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hóa". Nghị quyết 05 thể hiện những quan điểm đổi mới có nguyên tắc của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, có tác dụng thúc đẩy hoạt động sáng tạo nghệ thuật. Tuy vậy, Nghị quyết đánh giá chưa thật đúng tính phức tạp của cuộc đấu tranh trên mặt trận này, chưa lường trước và đề ra được những biện pháp nhằm hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường đối với văn hóa, văn nghệ.

Nghị quyết Đại hội VI, Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết 05 của Bộ chính trị (khóa VI) đã tạo điều kiện cho văn hóa, văn nghệ nước ta đạt nhiều thành tựu, đáp ứng một phần nhu cầu hưởng thụ văn hóa của các tầng lớp nhân dân, đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới. Hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức, thể loại và phong cách biểu hiện. Một số tác phẩm mới có giá trị tư tưởng và nghệ thuật được quần chúng hoan nghênh. Nhiều hình thức văn hóa truyền thống được khôi phục. Các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là phát thanh, truyền hình ngày càng phát triển, làm phong phú những hình thức và phương tiện đưa văn hóa, văn nghệ đến với đông đảo nhân dân. Một số hoạt động văn hóa được tổ chức trên quy mô cả nước, thu hút hàng triệu lượt người tham gia. Giao lưu văn hóa với nước ngoài từng bước được mở rộng.

Đội ngũ văn nghệ sĩ và cán bộ văn hóa gồm nhiều lớp kế tiếp nhau, trải qua thử thách, ngày càng phát triển và trưởng thành. Trước khó khăn của đất nước và những biến động quốc tế phức tạp trong mấy năm gần đây, đại bộ phận vẫn tin tưởng, gắn bó với Đảng và sự nghiệp cách mạng của dân tộc, giữ vững phẩm chất, đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển văn hóa, văn nghệ.

Trong công tác lãnh đạo và quản lý, nhiều cấp ủy đảng và cơ quan nhà nước đã nhận thức rõ hơn vai trò vị trí của văn hóa, văn nghệ, lắng nghe ý kiến của các văn nghệ sĩ, khuyến khích, giúp đỡ các hoạt động sáng tạo. Trong hoàn cảnh kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, Nhà nước đã cố gắng giải quyết một bước cơ sở vật chất kỹ thuật cho các hoạt động văn hóa, văn nghệ và một số chính sách đối với văn nghệ sĩ, cán bộ văn hóa. Các hội sáng tác chuyên ngành và các hội văn nghệ của các tỉnh, thành phố đã có một số cố gắng phát huy tính chủ động, khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động sáng tạo của hội viên, bồi dưỡng những tài năng mới.

Tuy vậy, tình hình văn hóa, văn nghệ những năm gần đây có những diễn biến tiêu cực, có nhiều điều đáng lo ngại. Lối sống chạy theo đồng tiền, những thị hiếu không lành mạnh, những hủ tục, mê tín tăng nhanh ; nhiều văn hóa phẩm độc hại lan tràn trên thị trường. Trong sáng tác và lý luận, phê bình nảy sinh một số khuynh hướng sai lầm : phủ nhận thành tựu cách mạng và văn hóa, văn nghệ cách mạng ; tách văn nghệ khỏi sự lãnh đạo của Đảng ; xúc phạm anh hùng, vĩ nhân của dân tộc ; khuynh hướng "thương mại hóa", truyền bá lối sống thực dụng, sa đọa, bạo lực phát triển. Các thế lực thù địch đã và đang lợi dụng những tác phẩm xấu để chống phá ta. Việc truyền đạt và tổ chức thực hiện Nghị quyết 05 của Bộ chính trị (khóa VI) có nhiều sai sót. Trước những lệch lạc xuất hiện trong văn hóa, văn nghệ, một số cấp ủy đảng và cơ quan nhà nước không kịp thời phân rõ đúng sai, thường né tránh, rụt rè trong việc xử lý ; cũng có nơi sử dụng những biện pháp hành chính không thích hợp. Một số văn nghệ sĩ đảng viên dao động, giảm sút lòng tin, không giữ vững lập trường của Đảng.

Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng (khóa VII) đã phân tích sâu sắc thực trạng tình hình văn hóa, văn nghệ, tìm ra những nguyên nhân khách quan và chủ quan của những mặt tiêu cực, tự phê bình nghiêm túc để nhận rõ trách nhiệm của mình và tìm mọi biện pháp khắc phục đặng đưa sự nghiệp văn hóa, văn nghệ tiếp tục phát triển mạnh

Digitized by Google

mẽ. Hội nghị Trung ương cho rằng nguyên nhân chủ yếu để cho tình hình tiêu cực trong văn hóa, văn nghệ xảy ra nghiêm trọng và kéo dài là do lãnh đạo của Đảng và quản lý của nhà nước từ trung ương đến các cấp đã buông lỏng, hữu khuynh, bố trí sai một số cán bộ chủ chốt, thiếu những luật lệ, thể chế của nhà nước, thiếu đầu tư thích đáng cho lĩnh vực văn hóa, văn nghệ, thiếu tổ chức động viên nhân dân biểu dương, cổ vũ những nhân tố tích cực và phê phán, lên án những biểu hiện tiêu cực, độc hại trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ.

*

Về nhiệm vụ cơ bản và lâu dài của văn hóa, văn nghệ nước ta, Hội nghị Trung ương 4 chỉ rõ : chúng ta phải xây dựng và phát triển nền văn hóa mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là sự nghiệp rất trọng đại, cao cả và có nhiều khó khăn, phải tiến hành từng bước ; mỗi bước có mục tiêu rõ ràng, nhằm góp phần xây dựng con người Việt nam về trí tuệ, đạo đức, tâm hồn, tình cảm, lối sống, có nhân cách tốt đẹp, có bản lĩnh vững vàng ngang tầm sự nghiệp đổi mới vì dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Hội nghị Trung ương lần này tập trung *bàn một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt, lấy việc xây dựng và sáng tạo những giá trị mới, việc bồi dưỡng và phát huy mọi tài năng làm mục tiêu lớn nhất.* Cùng với việc phấn đấu đạt được những mục tiêu đề ra, Nghị quyết nêu vấn đề "tích cực chuẩn bị điều kiện cho sự phát triển mạnh mẽ nền văn hóa Việt nam vào cuối thập kỷ 90, bước vào thế kỷ 21".

Nhằm đáp ứng những yêu cầu trên, và tạo cơ sở nhận thức đúng đắn khi thực hiện Nghị quyết về văn hóa, văn nghệ, Hội nghị Trung ương 4 đã xác định các *tư tưởng chỉ đạo :*

1 - Vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là cốt lõi tư tưởng trong văn hóa, văn nghệ nước ta. Sự nghiệp văn hóa, văn nghệ là bộ phận khăng khít của sự nghiệp đổi mới. Thấm nhuần và thực hiện quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh : "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy".

2 - Bảo đảm dân chủ, tự do cho mọi sự sáng tạo và hoạt động văn hóa, vun đắp các tài năng, đồng thời đề cao trách nhiệm của văn nghệ sĩ trước công chúng, dân tộc và thời đại.

3 - Phát triển văn hóa dân tộc đi liền với mở rộng giao lưu văn hóa với nước ngoài, tiếp thụ những tinh hoa của nhân loại, làm giàu đẹp thêm nền văn hóa Việt nam. Ngăn chặn và đấu tranh chống sự xâm nhập của các loại văn hóa độc hại, bảo vệ nền văn hóa dân tộc.

4 - Nâng cao tính chiến đấu của các hoạt động văn hóa và văn học, nghệ thuật, khẳng định mạnh mẽ và sâu sắc những nhân tố mới, những giá trị cao đẹp của dân tộc ta, khắc phục những gì cản trở quá trình đi lên của đất nước. Phê phán cái sai, lên án cái ác, cái xấu là để hướng con người tới cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Đấu tranh không khoan nhượng chống các luận điệu độc hại của các thế lực thù địch.

5 - Văn hóa, văn nghệ là sự nghiệp của toàn xã hội. Phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ của nhà nước, tập thể và cá nhân theo đường lối của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Khắc phục tình trạng "hành chính hóa" các tổ chức văn hóa, nghệ thuật và xu hướng "thương mại hóa" trong lĩnh vực này.

Những tư tưởng chỉ đạo nêu trên là xuất phát từ những quan điểm cơ bản của Đảng ta về văn hóa, văn nghệ, và từ thực tiễn đổi mới hiện nay của đất nước trong bối cảnh phức tạp của tình hình thế giới. Những tư tưởng đó thể hiện cụ thể quan điểm của Đảng ta về các mối quan hệ giữa văn hóa, văn nghệ và đường lối chính trị của Đảng ; giữa tự do, dân chủ trong sáng tạo nghệ thuật với trách nhiệm công dân của mỗi văn nghệ sĩ ; giữa giữ gìn bản sắc dân tộc của văn hóa Việt nam với việc tiếp thu tinh hoa của văn hóa nhân loại ; giữa khám phá, phát hiện và khẳng định những yếu tố mới, những giá trị cao đẹp của dân tộc với sự phê phán mọi tiêu cực làm xói mòn đạo đức và phẩm chất của con người, mọi cản trở sự phát triển của đất nước, đấu tranh không khoan nhượng chống các luận điệu thù địch đối với chế độ xã hội ta. Đó cũng là những vấn đề lý luận và thực tiễn cần được tiếp tục làm sáng tỏ để tạo nên sự thuyết phục cao đối với đường lối và sự lãnh đạo của Đảng ta trên lĩnh vực mang nhiều tính đặc thù và rất nhạy cảm trong đời sống nhân dân, quan hệ chặt chẽ với trình độ giác ngộ chính trị của chủ thể cũng như của đối tượng sáng tạo.

Một số nhiệm vụ văn hóa, văn nghệ mà Trung ương bàn và quyết nghị cho những năm trước mắt vừa mang tính cấp bách, vừa là những định hướng quan trọng cho việc soạn thảo chiến lược văn hóa của Đảng ta trong giai đoạn mới. Để thực hiện được những mục tiêu đề ra, Trung ương chỉ rõ một số biện pháp cần thiết về nâng cao nhận thức, tăng cường chất lượng công tác văn hóa, văn nghệ, cũng như về sắp xếp tổ chức, bố trí cán bộ, đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý, cùng việc đầu tư của nhà nước và đời sống của những cán bộ văn hóa, những văn nghệ sĩ chuyên nghiệp.

Các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, mỗi cán bộ văn hóa, mỗi văn nghệ sĩ, trước hết là đảng viên, phải có một quyết tâm cao, một tinh thần tự phê bình nghiêm túc và một nhận thức đúng đắn về vai trò của văn hóa, văn nghệ trong đời sống tinh thần của nhân dân, trong sự nghiệp đổi mới của toàn Đảng, toàn dân. Chúng ta tin rằng Nghị quyết sẽ được sự hưởng ứng nhiệt liệt của toàn dân, trước hết là của giới văn hóa, văn nghệ - điểm tựa vững chắc cho Nghị quyết được thực hiện thành công.

Digitized by Google

Về chức năng văn học và thuyết phản ánh

CHẾ LAN VIÊN

Lời giới thiệu của Hà Xuân Trường :

Chế Lan Viên không chỉ là một nhà thơ lớn, Anh còn là một nhà bình luận văn học sắc sảo. Những ngày nằm trên giường bệnh, Anh vẫn làm thơ, đọc, viết và tiếp bạn bè. Trong những bức thư Anh gửi cho Hoàng Trung Nho và tôi, ngoài chuyện tình cảm, Anh thường viết những suy nghĩ của mình về tình hình văn nghệ. Nhân dịp Hội nghị Trung ương 4 (khóa VII) ra Nghị quyết "Một số nhiệm vụ của văn hóa, văn nghệ những năm trước mắt", được sự đồng ý của Ban biên tập Tạp chí Cộng sản, tôi trích một số ý kiến trong một bức thư của Chế Lan Viên về một số vấn đề mà giới văn học và bạn đọc đang quan tâm.

.....

Tôi đau phải nằm một chỗ, nhưng cũng cố gắng theo dõi một số việc đã và đang diễn ra trên văn đàn nước ta trên một năm nay, không có thì giờ đọc nhiều, mà cũng không có sách báo mà đọc, chỉ dựa vào báo *Văn nghệ* và một vài tạp chí văn nghệ của địa phương in ấn khá chững chạc lâu năm như *Sông Hương* và mới ra năm nay như *Lang Biang*. Sao thấy cái "lý" và "sự" của văn học ta trên các báo chí này lôi thôi quá.:

1 - *"Chức năng dự báo"*. Đưa "dự báo" lên là một chức năng chủ yếu của văn học. Văn học là viết cái đã qua và cái hiện nay, trước hết viết cho cả người hôm nay và mong ước viết cho người mai sau. Nhưng trước hết là cho hôm nay, viết cái hôm qua cũng vì hôm nay. Hôm nay tốt đẹp thì ngày mai mới tươi sáng. Đấu tranh cho cái hôm nay chính là đấu tranh tích cực cho cái ngày mai. Văn học khác với khoa học. Trong khoa học có khoa học dự báo, khoa học tương lai, dựa vào những tính toán của khoa học hiện nay, mà dự báo cuộc sống của hành tinh vào thế kỷ sau. Dựa vào khoa học viễn tưởng mà có văn học viễn tưởng. Văn học viễn tưởng cũng chỉ là một thể loại rất hạn chế, chưa có vị trí trong nghệ thuật. Các tác giả nổi tiếng xưa nay viết về viễn tưởng, hay mọi thứ ma quỷ, viết về thiên đường hay địa ngục, viết về cái không có và cái chưa có, chẳng qua cũng để nói cái xã hội mà các ông ấy đã sống và đang sống, và cách nhìn nhân tình thế thái của các ông ấy mà thôi. Cái làm nên các ông ấy chính là cái mà các ông ấy mổ xẻ được, nhận chân được trong xã hội các ông sống và thái độ nhân văn của các ông.

Mong muốn, hy vọng mãnh liệt của nhà văn toát ra từ tác phẩm, điều mà Ăng-ghen đã nói "khuynh hướng toát ra từ tác phẩm", không ai đặt cho mình là "dự báo". Nói "dự báo", đề cao "dự báo" là trốn hiện thực, bênh vực cho các thứ suy nghĩ tùy tiện duy ý chí. Chẳng phải An-phơ-rét đơ Vi-nhi đã chửi việc làm đường xe lửa đầu tiên ở Pháp, chẳng phải Guy đơ Mô-pát-xăng đã nguyền rủa việc xây dựng Tua Ép-phen ? Thiếu "chức năng dự báo" đến ngốc nghếch như vậy mà các ông vẫn là nhà thơ, nhà văn lớn của nước Pháp và của thế giới. Vì một lẽ giản đơn, cái lớn của nhà văn đâu phải là chỗ "dự báo" hay "không dự báo".

2 - *Thuyết phản ánh*. Họ hiểu phản ánh là minh họa, mà minh họa là sơ lược, công thức. Thế có lạ không. Mấy chục năm theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, học ở trường tốt nghiệp đại học hẳn hoi, vì có người là phó tiến sĩ, là tiến sĩ cũng theo một điệu như vậy.

Tôi nghĩ chụp ảnh cũng cần, huống chi là phản ánh. Nói rộng ra để cho rõ ý tôi : một cái phản ánh *phải đạo* còn lớn hơn chục cái sáng tạo *vô đạo, phá đạo*. Nói đến văn học là phải nói tới cuộc sống và tâm hồn của sự sáng tạo, và có được tâm hồn sáng tạo cũng nhờ phản ánh cuộc sống. Có trăm nghìn cách phản ánh : phản ánh hình, phản ánh hồn, phản ánh hứng... Cứ xem lại mấy nhà văn tư sản tiến bộ mà mình học từ lúc còn nhỏ. Va-lê-ry bảo : "Ce temple est l'image mathématique d'une fille de Corinthe que j ai heureusement aimée" (cái đền thờ đó là hình ảnh toán học của cô gái xứ Co-ranh mà tôi đã sung sướng được yêu thương). Apollinaire viết : "l'homme en imitant la marche a inventé la roue qui ne ressemble pas aux pieds" (con người nhờ bắt

(Xem tiếp trang 21)

Digitized by Google

Đôi điều suy nghĩ về CHÂN - THIỆN - MỸ

HỮU MAI *

Sự bất cập của văn học hiện nay có nguyên nhân từ sự chuyển đổi mạnh mẽ về tiêu chí giá trị tinh thần trong đời sống xã hội và trong sáng tác văn học. Cái xấu, cái tốt, cái thiện, cái ác, cái cao cả, cái thấp hèn... có lúc, có nơi, đang như vàng thau lẫn lộn. Nói gì thì nói, văn học vẫn là tấm gương phản ánh đời sống tinh thần xã hội.

Có khả năng xây dựng đạo lý trong kinh tế thị trường không ? Đây là công việc nhân dân ta không thể không làm nếu muốn đi tới một xã hội phồn vinh, hạnh phúc. Từ xưa trong dân gian đã có câu : "Buôn bán phải thật thà". Nhiều người làm giàu là nhờ biết giữ chữ "tín". Ở Nhật, đồng tiền, lợi nhuận không giữ địa vị chi phối tuyệt đối công việc kinh doanh. Nhiều trường hợp nó được nhường bước trước quyền lợi quốc gia. Đó là cái mà người Nhật gọi là "chủ nghĩa yêu nước trong kinh doanh". Công nhân luyện kim Cộng hòa liên bang Đức đã phấn đấu một thời gian dài để rút ngắn giờ lao động trong tuần. Khi họ sắp đạt điều đó thì hai nước Đức thống nhất. Họ đã quyết định giữ nguyên thời gian làm việc để góp phần xây dựng lại nền kinh tế nửa nước phía Đông.

Đạo lý xã hội đang có sự suy đồi là do không ít người lầm tưởng chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường thì tất cả đều thay đổi. Tinh thần yêu nước, lý tưởng công bằng, bác ái của chủ nghĩa xã hội là cơ sở tạo nên đạo lý của thế hệ người Việt nam đã hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc cực kỳ khó khăn. Mục tiêu lý tưởng của chúng ta ngày nay vẫn là những gì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra từ thời kỳ đầu xây dựng nước : *độc lập* cho dân tộc, *tự do, hạnh phúc* cho nhân dân. Đây cũng là những khát vọng có tính thời đại của mọi dân tộc. Tình cảm và trí tuệ của người Việt nam sớm muộn cũng tạo nên đạo lý mới trong sự nghiệp xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

*

Đạo lý xã hội không tách với đạo lý trong văn học. Nhưng văn học có những nội dung và phương thức thể hiện riêng với tư cách là một loại hình nghệ thuật đặc thù. Đã có nhiều người thử đi tìm tiêu chí mới cho văn học. Qua sáng tác cũng như lý luận, phê bình, đã xuất hiện sự phong phú, đa dạng về đề tài, phong cách, những xu hướng viết về các mặt tiêu cực, cái ác, phủ nhận những giá trị tinh thần trong quá khứ, bóng dáng của một số triết thuyết Tây, Đông hiện đại và cổ xưa, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa tự do cực đoan. Nhiều từ ngữ trước đây ít dùng, nay xuất hiện với tần số cao : tâm linh, nhân bản, cái tâm, cái vô thức... Đã có nhiều cái "khác trước". Sự phong phú, đa dạng trong văn học là dấu hiệu đáng mừng. Nhưng điều gây băn khoăn là phải làm sao thống nhất theo một định hướng chung.

Ở một số nước phương Tây, có những người chủ trương cách tân văn học bắt đầu từ số "không". Họ được tự do làm công việc này vì nó không đe dọa gì chế độ đang tồn tại. Những cái "không nghệ thuật", "phản tiểu thuyết", "tiểu thuyết mới", "phê bình mới"... ít tác động tới đời sống xã hội vì đông đảo người đọc không hiểu những gì nhà văn viết ra. Khuynh hướng này đang phát triển trên báo chí và một số trường đại học. Những người cầm bút có lương tri chủ trương bảo vệ những thành quả của văn học dân tộc đã ra sức chống lại nó.

Văn học ta cần mãi mãi là văn học của dân tộc, của nhân dân. Nó phải thấm nhuần tính nhân văn của thời đại mới. Nó đem tới cho người đọc Chân - Thiện - Mỹ. Đó là những đòi hỏi lâu dài. Tuy

---

* Nhà văn

Digitized by Google

nhiên, chân, thiện, mỹ đang là những mục tiêu bị một số người công phá. Có những cách hiểu rất khác nhau về những yêu cầu định hướng này.

*

Cái *Chân* bị những người "hiện đại" khước từ, với lý do người ta không thể hiểu hiện thực, không bao giờ đạt tới chân lý. Chân lý chỉ là quan niệm sai lệch của những giai cấp, những tập đoàn, những con người cụ thể bị chi phối vì quyền lợi riêng và sự hiểu biết hạn chế của mình. "Bất khả tri" đang chiếm vị trí chủ đạo trong một số triết thuyết văn học.

Từ xưa tới nay, cách nghĩ, cách viết của nhà văn đã nhiều lần thay đổi, và sẽ còn thay đổi, nhưng tác phẩm văn học thì vẫn không thể không bắt nguồn từ hiện thực cuộc sống. Xa rời hiện thực, tác phẩm văn học sẽ mất sức sống, và không còn khả năng tiếp cận đời sống. Nhà văn từ bỏ chân lý này, tất yếu lại rơi vào một "chân lý" khác.

Tuy nhiên, chúng ta đã biết, hiện thực phản ánh trong văn học không hoàn toàn giống với hiện thực cuộc đời. Một mặt, nhà văn không có khả năng làm việc đó, vì một lẽ đơn giản, anh không phải là nhân vật. Kể cả người theo chủ nghĩa hiện thực nghiêm ngặt nhất cũng chỉ có cách đặt mình vào địa vị nhân vật, rồi suy luận và vận dụng trí tưởng tượng thiên phú của mình. Mặt khác, nhà văn cũng không muốn làm việc đó. Anh cần giành lấy quyền chắt lọc hiện thực, bổ sung, cường điệu, kể cả bóp méo nhân vật khi cần, để thực hiện ý đồ sáng tạo nghệ thuật của mình. Chính là do cách làm này mà nhà văn tạo được những câu chuyện, những nhân vật "thật hơn chính sự thật". Đây cũng là cái người đọc chờ đợi và đòi hỏi ở nhà văn. Vì sự sao chép đơn thuần thô thiển những câu chuyện "người thật, việc thật" không thể coi là công việc sáng tạo văn học.

Nhà văn được dành quyền rộng rãi để tái tạo hiện thực đời sống trên những trang sách, nhưng giá trị của tác phẩm văn học vẫn được xác định bằng cách đối chiếu nó với đời sống. Theo Căng (Kant), phần lớn những tác phẩm nghệ thuật đều có tính mô phỏng, nên giá trị của nó không ngoài hai điểm : 1 - Sự mô phỏng có đúng không ? 2 - Tính chất sự việc được mô tả có giá trị gì với đời sống không ? Như vậy, Căng đòi hỏi tác phẩm không những phản ánh đúng đời sống mà còn phải có ích cho đời sống.

Ta chủ trương cái *Chân* vì muốn văn học đi vào đời sống tinh thần của nhân dân, có ích cho đời sống. *Chân* đối nghịch với "giả", và thường gắn với một lý tưởng mà nhà văn ước mơ vươn tới. Nó có thể lúc này mới là mầm non, nhưng nay mai sẽ thành rừng cây sum suê. Vì sự vật luôn luôn vận động, biến dịch, chân lý của ta là chân lý cụ thể. *Chân* hướng về *thiện, mỹ* của văn học ; hướng về sự sinh thành, phát triển ; hướng về tương lai.

*

Một số người sáng tác tỏ ra chán với sự già cỗi của cái *Thiện*. Thiện, ác đã xuất hiện trong ngôn ngữ những nhà hiền triết từ xa xưa. Mạnh Tử tin là người sinh ra vốn thiện. Tuân Tử ngược lại, cho rằng người sinh ra vốn ác. Phrớt (Freud), nhà phân tâm học của thế kỷ này, phát hiện trong con người có hai phần thường xuyên đối nghịch là vô thức và ý thức. Vô thức gắn với bản năng, là phần bền vững, giữ địa vị chi phối trong con người, dẫn tới những cái thấp hèn. Lý trí là phần xã hội, không bền vững, hướng tới cái cao cả. Một số nhà sinh vật học ngày nay đang tìm tách chứng minh phần bản năng trong con người chiếm tỷ trọng 70%.

Nhiều nhà văn hiện đại có xu hướng đi sâu vào vô thức, khai thác phần bản năng, cái thấp hèn, với lập luận nó là bản chất nhất, vĩnh hằng, giữ địa vị chi phối trong con người. Họ chống lại phần xã hội, vì cho rằng lý trí giữ vai trò kìm nén quyền tự do của con người là được phát triển tự nhiên.

Mạnh Tử và Tuân Tử có những lập luận khác nhau về khởi nguyên tính người, nhưng đều thống nhất ở chỗ "hướng thiện". Các ông ý thức rõ chỉ có *Thiện* mới mang lại hạnh phúc cho con người. Mạnh Tử chủ trương phát huy tới cao độ tính thiện đã nằm sẵn trong tâm. Tuân Tử chủ chương tích thiện, con người đi tới tận cùng của *Thiện* sẽ thành thánh.

Nhân đây, cần nhắc lại những nhà phân tâm học với việc soi rọi vào hai phần sáng, tối trong con người, đã có đóng góp lớn cho văn học của thế kỷ này. Nhưng thật khó đồng tình với Phrớt khi ông lý giải mọi sáng tạo nghệ thuật chỉ là kết quả của sự thăng hoa những năng lực tình dục bị dồn nén

Digitized by Google

trong con người, và mục đích của nghệ thuật chỉ nhằm thỏa mãn những ham muốn ích kỷ, háo danh, đặc biệt là ham muốn tình dục là những gì mà chuẩn mực đạo đức và thẩm mỹ xã hội không cho phép. *Libido* (tình dục) trong con người dù lớn tới đâu cũng không thể là nguồn năng lực duy nhất chi phối mọi sáng tác. Có lẽ Phrớt đã nhìn thấy sự hạn chế trong lập luận của mình, khi ông lý giải vì sao con người sẵn sàng hy sinh trong chiến tranh, bằng cách bổ sung thêm một yếu tố : "sự ham muốn tới cái chết". Điều này được giải thích như là những thôi thúc của cơ thể sống được quay về trạng thái quá khứ, thực thể vô cơ ban đầu. Người Việt nam từng qua ba mươi năm chiến tranh, khó chia sẻ lập luận này.

Người đứng trên mọi loài động vật bởi chưng có trí tuệ. Xô-crát (Socrate) đã nói : "Trí tuệ chính là đạo đức". Trong cả những thời kỳ đen tối nhất của lịch sử, cái ác trùm lấp xã hội, con người vẫn không ngừng ước mơ vươn tới một ngày mai tốt đẹp. Từ rất lâu, người ta đã nhận thấy sự sinh tồn và tiến hóa của loài người là gắn liền với cuộc đấu tranh vĩnh hằng chống lại cái ác. Cái ác không mất đi, nhưng nó luôn luôn bị đẩy lùi. Nếu ngày nay nó mang bộ mặt hiểm độc, quỷ quái hơn thì đó là do nó phải tìm cách tồn tại, thoát khỏi sự chế ngự của lý trí, chứ không phải nó đã không ngừng lớn lên trong con người. Chúng ta có cơ sở để tin rằng xã hội sinh vật có trí tuệ ngày càng tốt đẹp hơn.

Hạt nhân của *Thiện* là nhân, nghĩa. Nó hướng con người tới bác ái, vị tha, công bằng, chung thủy, tới sự hòa đồng. Nhân nghĩa vốn là truyền thống lâu đời của dân tộc ta, mà văn học có nhiệm vụ gìn giữ, phát triển để xây dựng một xã hội tốt đẹp, phồn vinh.

*

Trước kia cũng như ngày nay, người ta thường ít nhất trí với nhau về cái *Đẹp*. Một tác phẩm văn học người này khen hết lời, người kia chê thậm tệ là chuyện thường xảy ra. Có cuốn sách được những nhà phê bình ca ngợi nhiệt liệt, nhưng số đông người đọc lại hoàn toàn lạnh nhạt. Không ít người cho rằng không thể đề ra tiêu chí cho cái đẹp, cái đẹp phụ thuộc vào sở thích từng người. Họ viện dẫn câu nói của Căng : "Với con cóc đực thì con cóc cái là đẹp". Đáng buồn thay, trong ba yêu cầu đã được lựa chọn cho văn nghệ là *chân, thiện, mỹ*, thì *mỹ* được coi là cái đặc trưng nhất mà chỉ riêng văn nghệ mới có.

Đại văn hào Tôn-xtôi quan niệm nghệ thuật phải gắn liền với đạo đức, tôn giáo; phải đến với mọi người ; phải chống lại tính dục và những tình cảm thấp hèn ; và không thể trở thành công cụ tiêu khiển cho những giai cấp nhàn hạ. Nhưng ông đã chống lại cái "đẹp" trong văn nghệ. Ông nói : "Nhất định chúng ta phải phủ nhận mục đích hoạt động của nghệ thuật chỉ nhằm vào mỹ cảm và khoái cảm". Tôn-xtôi đã hiểu lầm mỹ cảm và khoái cảm chỉ là một.

Những nhà nghiên cứu tâm lý mỹ học hiện đại cho rằng cảm xúc thẩm mỹ gắn liền với trực giác, với ảo giác trong giây phút ngưng thần khi con người thoạt đầu tiếp xúc với sự vật. Khi tri giác đã can thiệp vào thì không còn cái đẹp, vì nó đã bị tính thực dụng chi phối. Cũng như vậy, đối với những sự vật quá quen thuộc, người ta không còn cảm nhận thấy cái đẹp. Ta có thể đồng tình với điều này trong trường hợp chợt nhìn thấy một cảnh đẹp, hoặc xem một bức tranh. Nhưng không thể chỉ như vậy khi đọc một cuốn tiểu thuyết. Đây thường là một quá trình bao gồm cả thưởng ngoạn, suy ngẫm, kết hợp cả trực giác, tri giác, khái niệm để phát hiện cái đẹp ẩn tàng, chứ không dừng lại ở một giây phút ngưng thần. Với công việc sáng tác của nhà văn thì lại càng như vậy.

Đến nay, dường như mọi người vẫn chưa tìm ra định nghĩa thỏa đáng cho cái đẹp, cái xấu. Đẹp trong nghệ thuật không đồng nhất với đẹp trong thiên nhiên, vì cái xấu trong thiên nhiên đã hơn một lần trở thành kiệt tác trong nghệ thuật. Và thế nào là xấu trong nghệ thuật ? Đặc trưng chủ yếu của nghệ thuật là cái đẹp, vậy thì cái xấu không thể có mặt ở đây. Phải chăng chỉ còn vấn đề xác định cấp độ của cái đẹp ? Lý lẽ là như vậy. Nhưng trong thực tế thì đã có bao bức tranh bị coi là xấu, bao cuốn tiểu thuyết bị đánh giá là tồi.

Vì khó tìm định nghĩa cụ thể cho cái đẹp, nên có những người coi *Mỹ* với *Thiện* là một. Vì *Mỹ* và *Thiện* đều mang lại lợi ích cho người. Và giá trị của mọi sự vật chỉ có thể được xác định khi đặt nó trong mối quan hệ với cuộc đời.

Có những người chủ trương kết hợp *Mỹ* với *Chân* làm một. Vì mọi cái đẹp trong nghệ thuật đều

Digitized by Google

không nằm ngoài hiện thực đời sống. Những tác phẩm hư cấu cao độ, những chuyện thần thoại, viễn tưởng đều lấy chất liệu từ đời sống. (Mặc dù như đã nói ở trên, cái *chân* trong văn học không hoàn toàn là cái *chân* trong đời sống).

Sau chiến tranh, đặc biệt là từ ngày nền kinh tế đất nước chuyển sang cơ chế thị trường, người đọc đã phân hóa và còn tiếp tục phân hóa. Vì hoàn cảnh xã hội đã thay đổi, tâm lý con người cũng thay đổi. Người mua sách ngày nay khác với người tiêu thụ thời bao cấp ; tùy theo cá tính, tuổi tác, trình độ thưởng thức nghệ thuật, mỗi người có quyền lựa chọn cuốn sách mình ưa thích. Sự phân hóa này hoàn toàn tự nhiên. Đây còn là một biểu hiện trưởng thành của người đọc. Nó đặt ra những yêu cầu mới rất đa dạng với nhà văn. Chúng ta phải tập bằng lòng với những tác phẩm chỉ thu hút được một số đối tượng nhất định. Phải tính tới những tác phẩm viết cho số đông, và cho những đối tượng chọn lọc. Điều này chỉ liên quan đến ngôn ngữ nghệ thuật của nhà văn chứ không phải trình độ tư tưởng và nghệ thuật của tác phẩm.

Chúng ta nhất trí với quan niệm cái đẹp phải bắt nguồn từ hiện thực đời sống, từ cái thiện ; nó phải mang lại cái đẹp cho tâm hồn con người. Muốn cảm thụ được cái đẹp, phải có tâm hồn đẹp. Không thể tìm tiêu chí cái đẹp ở một con người thích sống trên đau khổ của đồng loại, thích nhìn thấy máu. Cái đẹp ở trong cuộc sống nhiều khi rất bình dị. Một nhà văn nữ Trung quốc tới Pa-ri. Chị không ngạc nhiên trước sự phồn vinh. Nhưng chị xúc động khi thấy người dân ở đây yêu súc vật và thích trồng hoa bên cửa sổ... Để đến với cái đẹp, người đọc sách cũng cần làm quen với những đặc trưng của văn học. Ta cần chấp nhận những cái đẹp khác nhau, cũng như chấp nhận sự lầm lẫn dễ có trong đánh giá cái đẹp nghệ thuật.

*

Người xưa nói : *Lễ* đưa con người vào kỷ cương. *Nhạc* điều hòa tình cảm con người. Văn cũng là nhạc. Văn không thể tách khỏi chân, thiện, mỹ. Gọi là *văn học* vì văn được dùng để điều hòa, hoàn chỉnh tình cảm con người. Một số người công kích chức năng giáo dục của văn học. Nhưng trong suốt quá trình lịch sử của văn học, loài người chưa khi nào sao nhãng việc tận dụng khả năng giáo dục của văn học. Những người muốn tách văn học với giáo dục là không hiểu gì về giáo dục, cũng không hiểu gì về văn học.

Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư BCHTƯ Đảng (khóa VII) "Về một số nhiệm vụ văn hóa văn nghệ những năm trước mắt" đã viết : "*Văn học, nghệ thuật là bộ phận trọng yếu của nền văn hóa dân tộc, thể hiện khát vọng của nhân dân ta về chân - thiện - mỹ*". Đấy cũng là phương hướng rất cơ bản

Về chức năng văn học...

(Tiếp theo trang 17)

chước sự đi lại mà sáng chế ra cái bánh xe tròn nó không giống đôi bàn chân). Rất hay, đó là những câu chỉ huy văn học tây phương. Và cho dù có bánh xe tròn, người ta vẫn yêu bàn chân, cho dù có đồng hồ, có hình ảnh toán học, không ai chửi cô gái. Có nhà phê bình hay dạy đời dịch "cửa hiệu bán tầm tầm" (marché aux puces) ra "thị trường của những con bọ chét" thì làm sao hiểu được những điều đó.

Nói minh họa thì họa sĩ nào minh họa bằng Mi-ken-lăng-giơ. Suốt đời minh họa kinh thánh, treo người lên trần nhà mà minh họa, mà thành đại danh họa của thế giới. Có gì khó hiểu đâu : ở các ông ấy có cái tâm, có tâm mà lại có tài thì ra cái vĩ đại sống mãi với nhân loại. Không phải nói đâu xa, chỉ nhìn văn nghệ ta mấy chục năm nay với cách hiểu lành mạnh thì cũng hiểu rằng : Nhờ có "Đất nước đứng lên" người ta mới nhớ Nguyên Ngọc, nhờ có "Một chuyện chép ở bệnh viện", "Hòn đất" người ta mới nhớ Anh Đức, "Người mẹ cầm súng" và những ký của Nguyễn Thi tạo nên Nguyễn Thi, v.v và v.v.. Và nhờ phản ánh với cả tấm lòng hăng say hai cuộc kháng chiến vĩ đại mà dân tộc ta có được nền văn nghệ kháng chiến đáng tự hào. Sao lại dễ dàng vứt bỏ hòn ngọc để lấy hòn sỏi. Họ lại còn nói *ca tụng* không phải là văn học. Ô hay ! Cơ-lô-đen, Hàn Mặc Tư ca tụng Chúa, Uýt-man ca tụng Lanh-côn, A-ra-gông ca tụng En-xa, Huy-gô ca tụng con trẻ đều là tuyệt diệu kia mà. Chúng ta chống ca tụng là chống ca tụng rởm, ca tụng cái bất nhân.

.....

30-10-1988

Digitized by Google

VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN - từ góc nhìn Việt nam

TRẦN NGỌC HIÊN*

KHÔNG phải ngẫu nhiên mà UNESCO đề ra "thập kỷ thế giới phát triển văn hóa" (1988 - 1997). Sự phát triển phiến diện của những thập kỷ qua và nhu cầu hoàn thiện cuộc sống trong tương lai đã buộc loài người phải nhìn nhận đúng vai trò của văn hóa trong sự phát triển.

Trước đây, văn hóa đã không được coi trọng ngang với hoạt động kinh tế và chính trị, do đó, nó đã không phát huy được hết tiềm năng vốn có trong sự phát triển, và sự phát triển vì vậy không phải lúc nào và ở đâu cũng thể hiện được bản chất nhân văn. Thậm chí, văn hóa còn thường bị thế lực này thế lực khác lợi dụng vào những mục đích phi nhân đạo.

Sự phát triển hiện nay và sắp tới của loài người đặt ra yêu cầu rất cao đối với văn hóa. Trước hết, sự tăng trưởng mạnh mẽ trong lĩnh vực sản xuất vật chất đi đôi với việc nâng cao nhanh chóng lĩnh vực sản xuất tinh thần đã trở thành một đòi hỏi cấp bách của xã hội và của ngay bản thân sản xuất vật chất. Đòi hỏi này đang bị hạn chế, cản trở bởi những xã hội mà sản xuất chỉ nhằm mục đích duy nhất là vì lợi nhuận, bỏ qua những nhu cầu con người trong tính đa phương, đa diện và luôn đổi mới của nó. Khái niệm phát triển *không chỉ* thu hẹp trong khuôn khổ tăng trưởng kinh tế *mà còn* bao hàm sự tiến bộ xã hội và sự phát triển tự do, toàn diện của mỗi cá nhân...

Tình hình nhiều nước công nghiệp cho thấy cái giá đang và sẽ phải trả cho sự phát triển phiến diện, một chiều. Mặt trái của "tấm huân chương tăng trưởng" đang bộc lộ rõ ở những xung đột xã hội và sự tha hóa của con người. Sự giàu có về của cải vật chất tự nó không giải quyết được các vấn đề xã hội và dân chủ. Đó cũng là lý do vì sao một số lý thuyết về phát triển và học thuyết kinh tế hiện đại dần dần trở nên lỗi thời. Gần đây trên thế giới đã xuất hiện những công trình nghiên cứu xã hội theo cách tiếp cận hoàn toàn mới, mở ra chân trời tư duy rộng rãi hơn về con đường phát triển của nhân loại, như : "Làn sóng thứ ba" (Alvin Toffler, 1980), "Một thế giới không thể chấp nhận được" (Rơ-nê Đuy-mông, 1988), "Sự thách thức của phát triển" (Ngân hàng thế giới, 1991), "Nền kinh tế thị trường xã hội" (Norbert Kloten, 1991), "Chủ nghĩa tư bản chống lại chủ nghĩa tư bản" (Michel Albert, 1991), v.v..

Trong những thập kỷ qua, đã có không ít mô hình phát triển coi trọng công bằng xã hội, đề cao phúc lợi xã hội cho con người, vì con người (như ở Thụy-điển, ở các nước chọn con đường xã hội chủ nghĩa). Mô hình này biểu hiện trong thực tế như là sự đối lập với mô hình ưu tiên tăng trưởng kinh tế ở nhiều nước tư bản. Tuy vậy, trước thách thức của phát triển, bản thân mô hình này bộc lộ không ít nhược điểm. Điều quan trọng là mô hình ấy đã không tìm được động cơ và mục đích của tiến bộ xã hội từ trong văn hóa và kinh tế.

Khái niệm phát triển còn bao hàm ý nghĩa về sự hoàn thiện mối quan hệ giữa con người với tự nhiên. Sự tăng trưởng kinh tế trong các thập kỷ vừa qua có đem lại ít nhiều tiến bộ về xã hội, nâng cao được mức sống một bộ phận dân cư nào đấy, song nó cũng đã để lại bao nỗi đau cho con người và gây ra sự tàn phá lớn đối với môi trường sinh thái. Lời kêu gọi "Hãy cứu lấy cái nôi sinh thành của con

* Giáo sư, phó giám đốc Học viện Nguyễn Ái Quốc

Digitized by Google

người" vẫn vang lên khẩn thiết suốt hai thập kỷ, kể từ Tuyên bố Xtốc-khôm năm 1972 cho đến Tuyên bố Ri-ô năm 1992.

Tình hình cấp bách đó đặt vấn đề phải có định hướng văn hóa xã hội đối với sự phát triển khoa học - công nghệ. Nhờ đó, tiến bộ khoa học - công nghệ thể hiện được bản chất nhân văn của nó, thoát khỏi những giới hạn của mục đích hẹp hòi và vụ lợi.

Một khi định hướng văn hóa được thể hiện trong phát triển kinh tế, khoa học - công nghệ, tiến bộ xã hội và mỗi cá nhân, thì bản thân văn hóa sẽ đóng được vai trò như một hệ điều tiết thường trực, tự giác đối với sự phát triển. Và những nguyên tắc cơ bản của nó cần được thể chế hóa trong toàn xã hội.

Nếu nhìn vào chủ thể của sự phát triển là bản thân con người, chúng ta có thể thấy : chỉ khi có sự tham gia của nhân tố văn hóa vào bên trong quá trình phát triển của hai mối quan hệ cơ bản là quan hệ giữa con người với con người và quan hệ giữa con người với tự nhiên, thì lúc đó cá nhân mới phát triển tự do và toàn diện, và sự phát triển của mỗi người mới trở thành điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người.

Mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển trong điều kiện Việt nam ngày nay vừa là vấn đề lâu dài, chiến lược, vừa mang tính cấp bách. Công cuộc đổi mới của Việt nam diễn ra trong những hoàn cảnh đặc biệt :

- Điểm xuất phát về kinh tế, xã hội, văn hóa còn rất thấp. Đã có những tiến bộ trong công cuộc đổi mới, vấn đề chiến lược đã xác định, song nhiều kinh nghiệm thực tiễn chưa kịp tổng kết, nhiều vấn đề lý luận khoa học còn bất cập, hoặc bỏ ngỏ.

- Việt nam nằm trong vùng giao thoa giữa các nền văn minh, chịu sự chi phối ngày càng tăng của xu thế thời đại, dường như là điểm nút, là sự hội tụ của văn hóa với phát triển. Việt nam cũng chịu tác động trực tiếp của quan hệ quốc tế phức tạp, của cuộc đấu tranh chính trị gay gắt hiện nay tren thế giới và khu vực.

Vì vậy, việc xây dựng một lý thuyết phát triển của mình, phù hợp với đặc điểm thời đại và dân tộc là vấn đề quan trọng hàng đầu. Nó có ý nghĩa quyết định ngay trong việc xác định quy mô, tốc độ, bước đi, chất lượng phát triển ; nó khẳng định tư thế của một dân tộc đã từng trải nhiều cuộc chiến tranh, khát khao xây dựng, bước vào thế kỷ XXI. Vậy xây dựng lý thuyết đó như thế nào ? Bước đầu, tôi xin mạnh dạn nêu ra cách tiếp cận từ góc độ thực tiễn, có tính đến việc ngăn ngừa nguy cơ biến dạng mô hình, tách rời giữa nói và làm, mục tiêu và hành động :

1 - Phải bắt đầu từ mô hình kinh tế thị trường văn minh

Quả là hiện nay, dựa vào những thành tựu các mặt trong thời đại mới, các nước đi sau không cần và không thể lặp lại con đường tăng trưởng kinh tế không đi đôi với tiến bộ xã hội và an toàn môi sinh như chủ nghĩa tư bản đã trải qua. Nhưng "kinh tế thị trường văn minh" là thế nào, loài người phải qua bao năm dài đầy máu và nước mắt, dần dần mới hiểu ra. Nhận thức đầu tiên, có thể khẳng định : đi theo hướng kinh tế thị trường văn minh là phải tác lập vị trí quan trọng như nhau, đi đôi với nhau, làm điều kiện cho nhau giữa *ba* nhân tố : kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhờ đó, chúng ta sẽ vừa có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, vừa hạn chế tối đa tổn thất về xã hội và môi trường, tạo điều kiện cho nước ta phát triển trong ổn định, nhân dân ta có một đời sống tốt đẹp, phù hợp với mục tiêu của con đường dân tộc đã chọn và xu thế thời đại.

Kinh tế thị trường văn minh vận động theo phương hướng đó, được biểu hiện ở mấy mặt chủ yếu :

- *Theo đường lối kết hợp từng bước tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội*, được vận dụng bằng chính sách kinh tế mềm dẻo, đa dạng, dân chủ. Đường lối kinh tế nhiều thành phần của ta đã đem lại nhiều thành tựu và bài học quý báu. Nó khơi dậy nhiều tiềm năng, mở rộng nhiều mối quan hệ, làm cho xã hội và mỗi người sống tốt hơn, cởi mở hơn, tạo điều kiện cho phát triển. Trước

Digitized by Google

mất, từng bước giải quyết tốt hơn vấn đề có tính nguyên tắc là tăng trưởng kinh tế đi đôi với công bằng xã hội.

- *Mở rộng cơ chế thị trường phải gắn liền với bảo đảm tiêu chuẩn đạo đức, luật pháp*, nhằm đồng thời đạt được cả tăng trưởng kinh tế với *tiến bộ xã hội và sự phát triển con người*. Ở nước ta, khi chuyển sang cơ chế thị trường đã diễn ra sự chuyển đổi chuẩn mực đạo đức, hệ thang giá trị. Không nên hoảng hốt, lo sợ trước sự thay đổi ấy. Điều quan trọng là chúng ta cần tỉnh táo phân tích và tìm cách hướng dẫn xã hội, tránh mọi hậu quả xấu, bằng cách sử dụng mọi công cụ nhà nước sẵn có. Trong đó, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện hệ thống luật pháp một cách có cơ sở khoa học và thực tiễn là vô cùng cấp bách. Trước hết, các cơ quan nhà nước phải đi đầu, gương mẫu thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật. Đây vừa là vấn đề chính trị, vừa là bài học đạo đức lớn nhất cho xã hội, công dân noi theo.

- *Đưa yêu cầu bảo vệ môi trường sinh thái và tài nguyên vào hệ thống pháp luật* và các dự án đầu tư cho sản xuất kinh doanh ở mọi lĩnh vực. Cạnh tranh trong kinh tế thị trường văn minh là dựa trên cơ sở kết hợp lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài của xí nghiệp, công ty và của quốc gia. Cần phân biệt tính chất *phi nhân bản* với tính chất *văn minh* của kinh tế thị trường không chỉ ở vấn đề xã hội, con người, mà cả ở vấn đề môi trường sinh thái. Chính sự phân biệt như vậy vạch ra một giới hạn lịch sử giữa các xã hội công nghiệp tư bản với xã hội tương lai.

- *Có sự phát triển về hệ thống thông tin* thông suốt, tin cậy. Một xã hội dân chủ và có lãnh đạo tốt phải dựa vào sự phát triển công nghệ thông tin. Đây là một trong những điều kiện để mỗi người sống theo pháp luật, có nhân cách và sáng tạo. Nó cần cho các nhà lãnh đạo và quản lý để có nhận thức đúng về kinh tế - xã hội, kịp thời điều khiển và điều chỉnh xã hội, tạo ra sự đổi mới không ngừng trong ổn định và tiến bộ, kể cả đổi mới bản thân bộ máy quản lý. Không có thông tin nhiều chiều, đủ tin cậy, mà chỉ ở trạng thái hồ nghi, phiến diện hay giả dối, thì không thể có môi trường cho kinh tế thị trường văn minh.

- *Phát huy vai trò kinh tế và chức năng xã hội của nhà doanh nghiệp*. Vai trò này dựa trên cơ sở nắm bắt nhu cầu thị trường, sự hướng dẫn của nhà nước và sự sáng tạo của nhà doanh nghiệp. Tính chất văn minh của kinh tế thị trường không những bắt nguồn từ đường lối, chính sách, vai trò của nhà nước, mà còn dựa vào tài năng và nhân cách của đội ngũ các nhà doanh nghiệp - những người trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh, hằng ngày tác động đến lĩnh vực xã hội và môi trường, đến lĩnh vực đối nội và đối ngoại. Họ là nhân vật trung tâm trong kinh tế thị trường, là lực lượng thể hiện đường lối chính trị, kinh tế, bản sắc dân tộc, trình độ văn hóa, giáo dục của đất nước.

2 - Tiến hành cải cách giáo dục và đào tạo để có một đội ngũ lao động và trí thức thực sự mới, thực sự mang ý nghĩa cách mạng, phù hợp với mô hình kinh tế mới

Ngày nay, những con người luôn được đào tạo và đào tạo lại, có tài năng và nhân cách, được coi là nhân tố hàng đầu của sự phát triển.

Trên thế giới, cùng với cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và kinh tế, việc thực hiện cải cách giáo dục và đào tạo không chỉ làm một lần là xong. Nhiều nước đã dũng cảm phá bỏ mô hình giáo dục cũ, tạo mô hình mới phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể. Ở nước ta, thành quả giáo dục và đào tạo trước đây đã tạo cho chúng ta một cái nền nhất định, nhưng nhiều mặt hiện nay đã lỗi thời. Khó khăn trong cải cách giáo dục và đào tạo không chỉ ở vấn đề tài chính mà chủ yếu ở vấn đề tư tưởng chiến lược và con người thực hiện. Điều này có thể giải quyết khi có sự thật sự đổi mới tư duy và tổ chức.

Sự đổi mới tư duy ở đây trước hết là thấy được vai trò mới của giáo dục (yếu tố tác động trực tiếp tới quá trình phát triển kinh tế), và mẫu hình con người Việt nam trong tương lai gần và tương lai xa.

Digitized by Google

Không nên coi cải cách giáo dục là một hệ thống khép kín từ mục tiêu tới bước đi, biện pháp, mà cần coi đó như một hệ thống mở, luôn bám sát những biến động của thời đại, những đổi thay của đất nước. Tất nhiên, có tính đến bước đi và hiệu quả cụ thể trong từng giai đoạn.

3 - **Khai thác, phát huy, nâng cao nền văn hóa dân tộc trong quá trình giao lưu với thế giới**

Bản sắc văn hóa dân tộc còn là một yếu tố đặc trưng của kinh tế thị trường văn minh. Không giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc, cũng như không có đội ngũ trí thức của dân tộc, thì không thể có sự phát triển.

Các di sản và thành tựu văn hóa của cha ông thể hiện trong kiến trúc, y học, ngành nghề cổ truyền, văn học, nghệ thuật, phong tục tập quán, đều có vai trò nâng cao tâm hồn, bản lĩnh con người Việt nam, góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội.

Điều đáng nói là ngay trong quá trình chọn lựa con đường, hình thức và bước đi của sự phát triển kinh tế cũng cần mang đầy đủ nét đặc thù Việt nam, mang bản sắc Việt nam. Trên hướng này, nên có hình thức tổ chức và con người chỉ đạo biết kết hợp văn hóa với phát triển.

4 - **Tổ chức lại hệ thống khoa học và công nghệ với định hướng đưa khoa học - công nghệ thành động lực của sự phát triển**

Muốn khoa học - công nghệ trở thành động lực cho sự phát triển, cần tạo những điều kiện cần và đủ. Những điều kiện đó là :

- Thu hẹp khoảng cách giữa nghiên cứu khoa học - công nghệ với sản xuất và dịch vụ, tạo cơ hội để khoa học - công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Ở đây có việc nghiên cứu cơ chế quản lý vĩ mô, tạo ra sức ép về chất lượng sản phẩm hàng hóa, tự nó sẽ thành đòn xeo, thúc đẩy khoa học, công nghệ xích gần lĩnh vực sản xuất hơn. Mặt khác, bản thân nhà doanh nghiệp cũng phải có ý thức tận dụng khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm ở cơ sở mình.

- Sớm mở đường cho việc hình thành thị trường của sản phẩm khoa học - công nghệ, giải quyết tốt mối quan hệ giữa người nghiên cứu - người chế tạo - người tiêu dùng những ứng dụng mới.

- Ở tầm vĩ mô hoặc vi mô, có chế độ thống nhất, khuyến khích đúng giá trị những phát minh, sáng kiến trong hoạt động khoa học - công nghệ.

- Có quỹ bảo trợ và nâng đỡ nhân tài ; tạo điều kiện làm việc, cống hiến, điều kiện sống tối thiểu cho lực lượng làm khoa học kỹ thuật.

- Tăng cường đầu tư chiều sâu với ý nghĩa bảo đảm các cơ sở nghiên cứu, nhất là cơ sở nghiên cứu ứng dụng, đi trước một bước (so với sản xuất).

Hình mẫu tổ chức khoa học và các nhà khoa học phải thể hiện như là sự hội tụ của văn hóa và phát triển, mang ý nghĩa thúc đẩy, định hướng cho các quá trình kinh tế - xã hội. Ở đây khó khăn chủ yếu cũng không phải là vấn đề tài chính, mà cái chính là quan điểm chiến lược phát triển và tổ chức nhân sự. Đặc biệt là việc tuyển chọn người chủ trì, nhà khoa học đứng đầu những tập thể khoa học gắn bó.

5 - **Muốn phát huy tiềm năng của dân tộc và thời đại, giành lấy thời cơ trong bước ngoặt này, phải dựa trên điều kiện tiên quyết là sự lãnh đạo chính trị sáng suốt và một trình độ quản lý có hiệu quả**

Mọi thành tựu của phát triển đều do nhân dân tạo ra. Nhưng họ có đem hết sức mình ra không và họ có được hưởng đúng với thành quả đạt được hay không, điều này lại phụ thuộc một cách quyết định vào điều kiện lãnh đạo và quản lý. Sự lãnh đạo chính trị và quản lý tốt không những cho phép huy động mọi nguồn lực đã, đang và sẽ có vào quá trình phát triển, mà còn ngăn ngừa được nguy cơ làm biến dạng mô hình phát triển. Thật vậy, một sự lãnh đạo và quản lý tốt sẽ có sức đề kháng mạnh trước tệ quan liêu và tham nhũng, có sức khắc phục những biểu hiện xấu, như nói không đi đôi với làm, công việc không gắn với yêu cầu trí tuệ và nhân cách... là những tệ nạn xung đột với phát triển thường thấy ở bộ máy chính quyền nhiều nước.

Digitized by Google

Điện ảnh Việt nam với nền văn hóa dân tộc

TRẦN ĐẮC *

LÀ ngành nghệ thuật "sinh sau đẻ muộn", song lại có nhiều ưu thế riêng, điện ảnh Việt nam đã chắt lọc những tinh túy của văn hóa dân tộc để tạo nên sức mạnh tổng hợp cho mình. 40 năm qua, kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập ngành điện ảnh Việt nam, điện ảnh đã góp phần làm rạng rỡ bộ mặt văn hóa dân tộc, góp phần vào thắng lợi chung thông qua việc phản ánh nhân cách con người Việt nam trong chiến đấu và xây dựng, đặc biệt là trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Nhờ có điện ảnh, hàng triệu người trên hành tinh đã *nhanh chóng* biết đến một Việt nam chiến đấu kiên cường, bất khuất, một Việt nam nhân ái, bao dung, giàu nghị lực dựng xây và bảo vệ cuộc sống. So với văn học hay với những ngành văn hóa, nghệ thuật có lịch sử phát triển lâu đời hơn, đóng góp của điện ảnh, ở góc độ này, quả là to lớn.

Nói đến thành tựu của ngành điện ảnh, trước tiên phải kể đến mảng *phim thời sự tài liệu - nhân chứng lịch sử của Việt nam* (lời các nhà điện ảnh quốc tế). Phim thời sự tài liệu Việt nam đã hoàn thành sứ mệnh cao cả mà không phải bất kỳ nền điện ảnh quốc gia nào cũng đạt được. Đó là bằng ngôn ngữ của mình, điện ảnh đã trung thành phản ánh hiện thực sinh động của cách mạng Việt nam trong quá trình từ bước khởi đầu đến ngày toàn thắng. Những hình ảnh đầu tiên của phim thời sự tài liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh sang Pháp, về phái đoàn Phạm Văn Đồng đàm phán tại Phông-te-nơ-blô (1945), và ngày lễ Tuyên ngôn Độc lập 2-9-1945... không chỉ đơn thuần ghi lại những sự kiện bất hủ, có một không hai trong lịch sử, mà còn phản ánh được tinh thần đại đoàn kết toàn dân tập hợp chung quanh Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, vượt bao thử thách hiểm nghèo với quyết tâm giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, những phim như *Giữ làng giữ nước, Chiến thắng Tây Bắc* , và đặc biệt phim *Chiến thắng Điện biên phủ*, đã trở thành những tác phẩm điện ảnh hoàn chỉnh mang tính cổ điển, không những phản ánh được quá trình chiến đấu đầy hy sinh gian khổ, nhưng cũng đầy sáng tạo của chiến tranh nhân dân, mà còn chứng minh được ý chí kiên cường, truyền thống anh hùng chống ngoại xâm của dân tộc. Phim *Chiến thắng Điện biên phủ* (giải vàng quốc gia) đã có tiếng vang lớn trên thế giới. Mới đây, nhà nghiên cứu điện ảnh Mỹ Giôn Sác-lốt (John Charlotte) sang Việt nam nghiên cứu, đã thành thật nói : Nếu chúng tôi được xem phim *Chiến thắng Điện biên phủ* trước khi xảy ra cuộc chiến ở Nam Việt nam, thì chúng tôi sẽ hiểu ra những điều dại dột của phe "diều hâu" Mỹ sớm hơn !

Sang thời kỳ chiến đấu chống Mỹ, với đội ngũ đông đảo hơn và trang bị kỹ thuật khá hơn, những người làm phim thời sự tài liệu Việt nam bám sát và mô tả được nhiều mặt của cuộc chiến đấu trên mọi miền đất nước. Phim *Đầu sóng ngọn gió* được nhà phê bình điện ảnh Pháp Mác-xen Mác-tanh (Marcel Martin) cho rằng, những động tác lao động đánh cá trong sóng to, biển cả, vốn là nỗi nhọc nhằn của con người, nhưng ở dân chài Việt nam trong hoàn cảnh vừa lao động nuôi sống mình, vừa phải chống ngoại xâm để tự bảo vệ, lại trở thành niềm phấn hứng, lạc quan. Phim *Lũy thép Vĩnh linh* và *Địa đạo Củ chi* đã được liên hoan phim quốc tế Mát-xcơ-va coi là biểu tượng của từng tấc đất bất khả xâm phạm của Việt nam. Các phim *Đường ra phía trước, Mở đường Trường sơn, Trận địa mặt đường* đã chứng minh cho một huyền thoại mới, làm rung cảm loài người về sức sống mãnh liệt của những con người bám giữ "Đường mòn Hồ Chí Minh". Phim *Những người săn thú trên núi Đắc sao* và *Làng nhỏ bên sông Trà* nói về cuộc chiến đấu âm thầm, bền bỉ của quân dân Nam Trung bộ, đã hấp dẫn nhiều nhà điện ảnh quốc tế bằng những hình ảnh mà các chiến sĩ quay phim phải gian khổ phục máy quay hàng năm trời mới thu hình được. Các phim *Một ngày Hà nội, Hà nội chiến thắng B52, Hà nội - Điện biên phủ trên không* với những hình

* Đạo diễn điện ảnh.

Digitized by Google

ảnh đầy sức thuyết phục về tinh thần sáng tạo, quyết chiến của bộ đội tên lửa, ra đa, của không quân, của toàn dân ta trong 12 ngày đêm đau thương mà anh dũng. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt nam đã từ cuộc đời vào tác phẩm điện ảnh để rồi đi tới bè bạn năm châu với tấm lòng trân trọng ngưỡng mộ và quý mến. Phim *Thành phố lúc rạng đông* và *Đại thắng mùa Xuân* đã như những trang tổng kết cả quá trình chống Mỹ, thống nhất đất nước, đồng thời nêu bật truyền thống chống ngoại xâm của dân tộc : không chỉ thể hiện ý chí căm thù, mà còn bộc lộ tính nhân đạo cao cả.

Bên cạnh truyền thống chiến đấu của dân tộc, tính cần cù, bền bỉ, sáng tạo trong lao động của nhân dân ta cũng được phản ánh khá trung thành trong phim *Nước về Bắc Hưng Hải*. Đây là bộ phim Việt nam đầu tiên đoạt giải vàng quốc tế và được các nhà điện ảnh thế giới coi là một bản hùng ca lao động của những người xây dựng Kim Tự Tháp. *Đường dây lên sông Đà* (giải Bồ câu vàng Liên hoan phim Lai-pxích) tuy cũng là phim tài liệu nhưng đã vượt ra ngoài giới hạn tả thực, trở thành một bài thơ ngợi ca con người đã xây đắp nên những công trình kỳ vĩ, tưởng như sức người không sao làm nổi. Phim *Địa chỉ mới* nói về những con người cùng khổ dưới chế độ Mỹ chiếm đóng, sống lay lắt trong những nghĩa địa Sài gòn, tránh mưa nắng dưới mái nhà mồ, nay được chính quyền cách mạng đưa đi lập nghiệp sinh sống ở vùng kinh tế mới. Phim được giải bạc quốc tế, làm xúc động bao trái tim vì tấm lòng nghĩa tình,thương yêu đùm bọc lẫn nhau của con người Việt nam.

Đặc biệt chùm phim về cuộc đời hoạt động của Bác Hồ kính yêu *(Nguyễn Ái Quốc -Hồ Chí Minh, Bác Hồ ở Liên xô, Bác Hồ ở Trung quốc, Hồ Chí Minh - chân dung một con người...)* tuy không dự thi ở các liên hoan phim thế giới, nhưng đã và sẽ còn là tấm gương ngời sáng của một lãnh tụ thiên tài, một nhà văn hóa lớn có sức lay động sâu xa tới tình cảm, đạo đức nhiều thế hệ trong và ngoài nước.

Phim truyện và *phim hoạt hình* Việt nam ra đời sau phim thời sự tài liệu hơn chục năm. Cả hai thể loại phim này đều được *thừa hưởng những nét tinh túy của văn hóa dân tộc*. Nhà lý luận điện ảnh Liên xô (cũ) Ma-ri-na Mi-ác-cô-va cho rằng : hội họa, kiến trúc và đặc biệt thi ca Việt nam, cùng với thiên nhiên, phong cảnh đa dạng của các miền đất nước, đã giúp cho tạo hình điện ảnh Việt nam có sắc thái riêng biệt. Màu sắc của tranh dân gian Đông hồ, đường nét của tranh khắc gỗ, chất độc đáo của sơn mài... đã được vận dụng có kết quả không những trong phim hoạt hình, mà còn trong bố cục các khuôn hình phim truyện, nâng giá trị gợi cảm riêng có của phim Việt nam (kể cả trong phim đen trắng). Âm nhạc cổ truyền Việt nam cũng đã hỗ trợ cho yếu tố thẩm mỹ đó.

Nhà lý luận điện ảnh Mỹ Giôn Sác-lốt nhận định : dường như các nghệ sĩ điện ảnh Việt nam đã để cả đời mình cố dung hòa chất thơ ca truyền thống với chất chính luận của yêu cầu chính trị hiện đại. Nghiên cứu phim Việt nam, người ta có thể thấy rõ cả *tính dân tộc* lẫn *tính hiện đại*, mặc dù chưa phải tác phẩm nào cũng thành công hoàn toàn. Tuy nhiên, phim Việt nam đã có bản sắc riêng, không hề giống bất kỳ phim nước nào ở châu Á ! Nhà lý luận điện ảnh Pháp Mác-xen Mác-tanh khi phân tích *Chim vành khuyên* và *Hai người lính* đã viết : trong các nước mới có điện ảnh, chỉ có *phim Việt nam* là *mang được bản sắc dân tộc riêng biệt*. Mỗi một nền văn hóa thể hiện mình với thế giới qua bản sắc riêng của dân tộc đó. Với bản sắc ấy, điện ảnh chúng ta đã đại diện cho nền văn hóa của cả dân tộc để đến với năm châu. Bản sắc ấy được thể hiện rõ nét nhất qua hình tượng người phụ nữ và người lính. Đó cũng là những biểu tượng sống động nhất (trên màn ảnh) của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt nam.

Các phim *Chị Tư Hậu, Nổi gió, Sao Tháng Tám, Ngày lễ thánh, Chuyện vợ chồng anh Lực, Vĩ tuyến 17 - ngày và đêm, Lê Thị Hồng Gấm, Chị Nhung, Mùa gió chướng, Huyền thoại mẹ...* đã xây dựng được những nhân vật phụ nữ rất khác nhau về cá tính, về hoàn cảnh xã hội ; nhưng đều quyết liệt sống mái với kẻ thù, đều thủy mị, nhân hậu, yêu thiết tha, nồng cháy, biết nén chịu, âm thầm hy sinh vì chồng, vì con,vì làng nước. Nhà lý luận điện ảnh I-a-ma-đa (Nhật bản) cho rằng, điện ảnh Việt nam đã mang lại cho thế giới hiện đại hình tượng mới mẻ là người phụ nữ cầm súng, nhưng vẫn giữ trọn vẹn giới tính và thiên chức của mình.

Bên cạnh hình tượng chung - cộng đồng dân tộc Việt nam cùng hành quân ra trận, nổi lên hình tượng anh bộ đội. Anh bộ đội thời chống Pháp vừa mày mò học chữ, vừa học bắn súng, nhưng vẫn diệt được xe tăng *(Người chiến sĩ trẻ)*. Anh bộ đội thời đánh Mỹ, từ chối đi học đại học ở nước ngoài để

Digitized by Google

ra trận ; biết vận dụng lý thuyết khoa học vào chiến trận, bị thương vào mắt, vẫn tự rèn luyện để trở lại mặt trận *(Bài ca ra trận)*. Anh chiến sĩ chiến đấu trong khung cảnh Đồng tháp mười đầy chất thơ của thiên nhiên, nhưng cũng đầy sự tàn khốc của bom đạn Mỹ, chất độc hóa học Mỹ, song vẫn tin tưởng, vươn lên chiến thắng (*Mùa gió chướng*). Anh chiến sĩ, quần áo nông dân, hoạt động đơn lẻ cùng vợ con trên cánh đồng hoang dã mênh mông ngập nước (tiêu biểu cho sức mạnh kháng chiến Việt nam) đối chọi với chiếc trực thăng vũ trang Mỹ (tiêu biểu cho sức mạnh vũ khí hiện đại Mỹ),cuối cùng đã chiến thắng nhờ ý chí, niềm tin và sức chịu đựng vô song *(Cánh đồng hoang)*.

Ngoài hai hình tượng trung tâm này, bước sang thời kỳ đất nước thống nhất đã xuất hiện khá nhiều hình tượng nhân vật khác, có mặt sinh động, có mặt còn sơ sài, khô cứng, nhưng ít nhiều đã bám sát xã hội Việt nam đang chuyển động trong quá trình đi lên (các phim *Xa và gần, Về nơi gió cát, Thị xã trong tầm tay, Cô gái trên sông, Ván bài lật ngửa, Gánh xiếc rong, Thằng Bờm, Thị trấn yên tĩnh, Hồi chuông màu da cam, Chị Dậu, Làng Vũ đại ngày ấy, Xương rồng đen, Canh bạc, Vị đắng tình yêu, Lương tâm bé bỏng...*). Điểm nổi bật của những phim thời kỳ sau năm 1975 là đề tài chiến tranh được khai thác sâu hơn, gắn liền với chủ đề nhân đạo - một vấn đề mà nhiều dân tộc, nhiều thế hệ đều quan tâm. Ở những bộ phim này, lòng nhân ái thực sự là nét đẹp truyền thống, là bản sắc, là đạo lý và lẽ sống của con người Việt nam.

Nhìn chung lại, từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập ngành điện ảnh cách mạng Việt nam, cho tới hàng chục năm sau khi thống nhất đất nước, cả phim thời sự tài liệu, phim truyện, phim hoạt hình đều giữ vững phương hướng *bám sát hiện thực, trung thành với hiện thực, bắt nguồn từ hiện thực mà động viên xã hội, đặt vấn đề với xã hội*. Chính phương hướng đó đã tạo ra giá trị lớn nhất của điện ảnh Việt nam. Tuy nhiên, nhìn tổng thể có thể thấy *tầm khái quát của điện ảnh Việt nam chưa cao*, nên trên thực tế chưa xứng với tầm vóc chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đã có 137 cán bộ hoạt động điện ảnh hy sinh trong khi làm nhiệm vụ, đã có hàng nghìn nghệ sĩ điện ảnh cống hiến cả đời mình cho những bộ phim có giá trị lâu dài. Nhưng phải công nhận rằng nền điện ảnh Việt nam non trẻ còn mắc nợ với Tổ quốc quá nhiều : chưa có tác phẩm tầm cỡ xứng đáng với Điện biên phủ, với Đại thắng mùa Xuân 1975, với thời kỳ Đổi mới... Chưa có một đội ngũ và tổ chức đúng tầm vóc, vị trí quan trọng của nó.

Mặc dù còn có thiếu sót do nhiều nguyên nhân, những thành tựu, những đóng góp của điện ảnh Việt nam đối với nền văn hóa dân tộc 40 năm qua đáng được khẳng định. Có thể nói, đó là một ngành nghệ thuật phát triển nhanh nhất và có nhiều ưu thế trong hệ thống các binh chủng của công tác tư tưởng và văn hóa. Thế nhưng, sau mấy năm chuyển sang cơ chế thị trường, *điện ảnh giờ đây đang đứng trước những thử thách lớn lao*.

Mối quan tâm lớn nhất đối với điện ảnh Việt nam bây giờ không chỉ là việc đánh giá lại quá trình hình thành và phát triển suốt 40 năm của nó, khẳng định thành tựu, vai trò không thể thiếu được trong nền văn hóa dân tộc, mà còn là uốn nắn những lệch lạc không đáng có, định hướng cho nó đi đúng quỹ đạo, tạo thế và lực mới để điện ảnh phát triển vững chắc trong quá trình chuyển đổi cơ chế hiện nay của đất nước. Nhiều nhà điện ảnh quốc tế đến Việt nam, dường như đều thống nhất chỉ lựa chọn những phim Việt nam từ trước đây vài năm, để đưa về giới thiệu với khán giả nước mình. Họ cho rằng, *hầu hết phim Việt nam gần đây xa lạ với chính xã hội Việt nam đang trên đà đổi mới*. Đúng vậy ! Những phim về cuộc chiến tranh chống đế quốc, giải phóng dân tộc - vốn là sự kiện lịch sử, chấn động toàn thế giới bị áp bức - nay hầu như bị vắng bóng trong điện ảnh. Trong khi đó ở nhiều nước, người ta vẫn coi cuộc chiến Việt nam là một đề tài quốc tế của điện ảnh. Chỉ trong năm 1991, điện ảnh Pháp đã làm liền 3 bộ phim về Việt nam, trong đó, bộ phim *Điện biên phủ* có quy mô lớn nhất. Điện ảnh An-giê-ri đang thiết tha cùng điện ảnh Việt nam cộng tác làm phim về cuộc kháng chiến vĩ đại của chúng ta. Vậy mà chính phim truyện Việt nam, mỗi khi đả động đến cuộc chiến tranh và anh bộ đội của mình, thì thường khai thác những khía cạnh bi lụy, tủi hờn, coi đó là nguyên nhân làm tan tác những mối tình ngọt ngào, trong những cốt truyện đầy khêu gợi, thèm khát xác thịt. Những nhân vật anh hùng chân chính, những trí thức sáng tạo khoa học, những người lao động có quyết tâm đổi mới, những nhân vật trẻ đầy lý tưởng cao đẹp... dường như không còn có mặt trên phim Việt nam. Những bối cảnh như công trình thủy điện lớn của

Digitized by Google

thế kỷ, vùng khai thác dầu khí, khu xây dựng năng lượng hiện đại... hầu như không còn được đưa vào phim. Thay vào đó là bối cảnh vũ trường, nơi ăn chơi xa hoa, lộng lẫy. Những kiếm khách, hồn ma, tiên nữ, những tâm hồn mờ nhạt được tạo nên như là thần tượng mới, lung lạc lý tưởng thẩm mỹ của bao thế hệ. Có thể nói, phim Việt nam vài năm trở lại đây không còn là "sứ thần" của nền văn hóa dân tộc. Nhiều phim xa lạ với bản chất và hiện tình xã hội. Một số phim còn vô tình khuyến khích lối sống đua chen, hưởng lạc, lai căng, chạy theo lợi nhuận trước mắt. Người dân gần đây đã chán ngán những mô típ "cũ mèm", xa lạ với thực tế đời sống sôi động của chính họ. Chỉ với dòng phim mang tính thương mại (chủ yếu phục vụ thị dân), con đường điện ảnh Việt nam rồi đây sẽ đi tới đâu ?

Hiện tại, ở vùng nông thôn, miền núi (chiếm tới 80% diện tích đất nước) hầu như không có phim xem. Có người nói : số lượng phim ồ ạt hiện nay (70 phim truyện nhựa màu và vidêô riêng năm 1992) sẽ dần dần tạo ra chuyển biến về chất lượng, và quy luật đào thải của khán giả sẽ thanh lọc những xu thế làm phim nhảm nhí, những xu thế nghiệp dư hóa trình độ nghệ thuật và kỹ thuật điện ảnh. Theo tôi, điều đó đáng hoài nghi, vì đã lạc phương hướng thì không thể có phục hồi nếu không kịp thời uốn nắn ! Thực tế cho thấy, điện ảnh Thổ nhĩ kỳ và nhiều nước khác, mặc dù hằng năm sản xuất tới trên 120 phim, nhưng càng ngày càng lún sâu vào bãi lầy của điện ảnh thương mại, không còn tính dân tộc.

Điện ảnh thời sự tài liệu Việt nam còn đáng báo động hơn. Bất chấp cả quá trình vẻ vang trong suốt thời máu lửa, một vài người trong điện ảnh đã tuyên bố : phim tài liệu đã hết thời ! Hãy đưa phim thời sự sang cho vô tuyến truyền hình. Hãy hạn chế phim tài liệu trong phạm vi một cuốn (tức 300 mét). Chỉ tài trợ cho chừng 20 phim tài liệu trong một năm. Chính quan điểm đó đang bóp chết bộ môn điện ảnh từng phát triển và đang phát triển như vũ bão trong điện ảnh quốc tế hiện đại, với những bộ phim hàng chục, hàng trăm tập hướng dẫn loài người hiểu biết những vấn đề hệ trọng của lịch sử, của xã hội hiện đại. *Việt nam - một thiên lịch sử bằng truyền hình* (do nhiều nước hợp tác sản xuất) là một phim mang ý nghĩa như vậy. Lẽ ra,chính điện ảnh Việt nam phải tự làm phim với tầm cỡ ấy. Phim thời sự tài liệu Việt nam cần mau chóng giành lại vị trí xung kích trong điện ảnh dân tộc, trong công cuộc đổi mới đất nước.

Tình hình phát triển của điện ảnh Việt nam trong 40 năm đã gợi cho chúng ta cả niềm tự hào, lẫn những nỗi lo âu. Không thể không lập tức "ra tay" vực dậy cả một ngành nghệ thuật xung kích với những công lao to lớn đến nhường vậy đối với văn hóa dân tộc - "nền tảng tinh thần của xã hội, thể hiện tầm cao và chiều sâu về trình độ phát triển của một dân tộc"[1].Thực tế đang đặt ra một số vấn đề cần giải quyết.

Thứ nhất, *cấp bách củng cố lại về cơ bản bộ máy lãnh đạo ngành điện ảnh từ trung ương đến cơ sở, bảo đảm có một đội ngũ trong sạch về tư tưởng, đạo đức, sự hiểu biết sâu sắc về nghề nghiệp (cả lý luận và thực tiễn điện ảnh).* Quá trình 40 năm qua, vấn đề lãnh đạo ngành điện ảnh thực ra không được coi trọng bao nhiêu. Không ít người hoặc không biết một chút gì về điện ảnh, hoặc nghề nghiệp rất hạn chế, lại được đưa lên vị trí giữ vận mệnh cả ngành nghệ thuật mà Lê-nin đã từng coi là quan trọng bậc nhất.

Ngày nay, đứng trước tình hình ngành điện ảnh đang trong quá trình vượt lên chống chọi với sự thách thức của cơ chế mới, đội ngũ lãnh đạo của ngành cần được sắp xếp lại. Nói cách khác, cần mạnh dạn cách mạng hóa trên lĩnh vực này. Tận dụng hết năng lực của thế hệ già (kể cả những người đã quá tuổi). Đây là vốn quý có tay nghề, qua rèn luyện, dạn dày kinh nghiệm, đầy tâm huyết với ngành. Bên cạnh đó, phải gấp rút bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ lãnh đạo mới, trẻ, khỏe, vững về chính trị, có phẩm chất, am hiểu nhiều lĩnh vực, đặc biệt lĩnh vực kinh tế, nhạy bén ứng đáp với thời cuộc. Mạnh dạn đề bạt người tài đang nổi lên trong cơ chế thị trường. Có phương thức đào tạo chiến lược (theo chuyên ngành) để tạo ra một hệ thống cán bộ lãnh đạo mang tính đồng bộ, lo toan các mảng từ A đến Z của quá trình ra đời một bộ phim và đến với người tiêu dùng.

Thứ hai, *coi trọng chất lượng của các tác phẩm điện ảnh.* Sinh mệnh của một ngành nghệ thuật là tác phẩm. Chỉ trong vài năm thả nổi, đi chệch phương hướng, đã xuất hiện hàng trăm bộ phim "nghiệp dư"

(Xem tiếp trang 33)

(1) Đỗ Mười : "Chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh", *Tạp chí Cộng sản* số 2-1993, tr 10

Digitized by Google

HOẠT ĐỘNG VĂN HÓA TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

THU LINH *

TRƯỚC đây, hầu hết các hoạt động văn hóa đều được nhà nước bao cấp. Tất cả được khép kín từ khâu sản xuất, đến lưu thông phân phối và tiêu dùng. Từ những năm 1988 - 1989 đất nước chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý, văn hóa chịu sự tác động của thị trường trên *nhiều mặt*.

1 - Hoạt động văn hóa bị biến dạng và rối loạn

Trong những năm thị trường tác động mạnh đến văn hóa thì ngân sách nhà nước đầu tư cho lĩnh vực này bị cắt giảm hàng loạt. Ở TP Hồ Chí Minh, vốn đầu tư cho văn hóa thông tin năm 1986 là 8,02%, năm 1987 chỉ còn 0,83%. Nhiều đơn vị văn hóa do nhà nước quản lý phải giải thể, đóng cửa hoặc đành dựa vào tư nhân để sống. Nhiều tư nhân và tập thể đã thích ứng nhanh với cơ chế mới, bám sát nhu cầu văn hóa của nhiều loại công chúng, mở rộng các hoạt động dịch vụ văn hóa.

Cũng chính họ là nguồn đặt hàng và tiêu thụ hàng cho các công ty, nhà xuất bản quốc doanh. Dần dà, tư nhân thâm nhập sâu vào cả khâu sản xuất : trực tiếp lập các hãng phim, hoặc đứng đằng sau một số nhà xuất bản, một số tờ báo để lũng đoạn và kiếm lời.

Nhà nước thả nổi, tư nhân len lỏi hoạt động, văn hóa cơ sở có hiện tượng rã ra, xuất hiện tình hình nhân dân tự đứng ra tổ chức các hoạt động của mình. Nhiều loại quỹ (quỹ bảo thọ, quỹ hạnh phúc, quỹ bảo trợ tài năng), nhiều loại hội (hội từ thiện, hội bảo vệ di tích văn hóa, hội cây cảnh...) hình thành. Đình đám, hội hè ở một số vùng trỗi dậy. Kinh tế hộ gia đình góp phần khôi phục văn hóa gia đình (cả sinh hoạt dòng họ, gia phả...). Văn hóa làng xã (với nhiều yếu tố truyền thống tốt đẹp) trước đây bị lãng quên, giờ có xu hướng bung ra, phát triển.

Từ một lĩnh vực được nhà nước bao cấp, giờ đây văn hóa chuyển thành sự nghiệp (cả nghĩa đen và nghĩa bóng) của nhiều tầng lớp, nhiều tập thể và cá nhân. Đúng là nhờ có thị trường, hoạt động văn hóa đã khắc phục được tình trạng đơn điệu về thể loại, xơ cứng về nội dung, đôi khi áp đặt về nhu cầu... Mặt khác, cũng chính do quan hệ thị trường (trong điều kiện chưa có sự ràng buộc đúng mức của luật pháp và hệ thống chính sách) mà đời sống văn hóa xã hội đã có sự biến dạng và hỗn loạn. Sản phẩm văn hóa dường như vận động theo quy luật cung - cầu. Nó đánh mất đi cái thiên chức cao cả của mình là nâng cao đời sống tinh thần xã hội. Cũng như mọi thứ hàng hóa khác, các loại hình và sản phẩm văn hóa đã tồn tại và phát triển theo sự lên xuống của lợi nhuận. Nếu cơ cấu sách xuất bản trong thời bao cấp như sau : sách *chính trị* chiếm 30%, sách *khoa học kỹ thuật* 27%, sách *văn học* và *thiếu nhi* 43% ; thì khi chuyển sang cơ chế thị trường, cơ cấu sách xuất bản có sự thay đổi hẳn : sách *văn học* có lúc đột biến lên tới 70 - 80%, sách *chính trị* có lúc chỉ còn 2,8%. Hầu hết các đoàn nghệ thuật dân tộc (tuồng, chèo, múa rối...) và nghệ thuật hàn lâm (giao hưởng...) bị đình đốn. Để tồn tại, nhiều lúc phim ảnh, sách báo, sân khấu đã chạy theo thị hiếu tầm thường của số người ít học nhưng nhiều tiền, cho ra đời hàng loạt "thứ phẩm" kém cả về tư tưởng và nghệ thuật.

Với chính sách mở cửa, nhiều yếu tố và sản

* Phó tiến sĩ, Học viện hành chính quốc gia

Digitized by Google

phẩm văn hóa bên ngoài đã du nhập vào ta. Đời sống văn hóa trong nước có vẻ mặt phong phú và đa dạng hơn (thi hoa hậu, vũ hội, mẫu thời trang, trò chơi điện tử...). Nhiều trào lưu, phong cách, phương pháp nghệ thuật của thế giới đã tác động nhất định đến tầm nhìn và cách thể nghiệm mới mẻ của văn nghệ sĩ. Song, điều đáng nói là sự du nhập ấy thuần túy theo quy luật thị trường ; nó đã "tràn bờ", không kiểm soát và định hướng nổi. Đã xuất hiện quá nhiều (đến mức công chúng phải chán ngán) những sản phẩm văn hóa "rẻ tiền", những thứ mà ngay ở quê hương chúng, người ta cũng không coi trọng, thậm chí lên án, hoặc bỏ đi. Nạn sách đen, phim đen kích dục và bạo lực, tuyên truyền chủ nghĩa vị kỷ, thực dụng... đã làm băng hoại tâm hồn, đạo đức, thị hiếu của không ít công chúng (nhất là thế hệ trẻ). Đáng lo lắng nhất là cái "mớ hỗ lốn" đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến xu hướng phát triển của văn hóa nghệ thuật dân tộc, đến sự sống còn của nhiều loại hình hoạt động văn hóa của ta. Công việc bảo tồn di sản truyền thống vốn đã khó khăn, lại càng khó khăn hơn do kinh phí lớn mà không sinh lợi nhuận trước mắt.

2 - Sự phân cực trong hoạt động và hưởng thụ văn hóa

Cũng do chạy theo lợi nhuận, các văn hóa phẩm và dịch vụ văn hóa tập trung đổ về các đô thị, thị trấn, tạo ra *sự chênh lệch trong đời sống văn hóa giữa nông thôn và đô thị, miền núi và miền xuôi*, vùng đất trù phú và vùng đồng chua nước mặn...

Ngân sách cho văn hóa bị cắt giảm đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các công ty phát hành sách, công ty chiếu bóng, thư viện, bảo tàng... ở địa phương. Công ty phát hành sách của các tỉnh Hậu giang, An giang, Kiên giang, Đồng tháp phải giải thể ; miền sâu đồng bằng sông Cửu long nhiều xã không có một quầy sách. Tới năm 1987 mà Lạng sơn vẫn còn 22 xã và Hòa bình vẫn còn 21 xã vùng cao chưa từng biết chiếu bóng là gì. Không chỉ ở những vùng miền núi, vùng xa, mà ngay ở đồng bằng Bắc bộ, nơi đời sống văn hóa được dày công xây dựng, vun đắp (theo những quy định của Bộ văn hóa), tình hình cũng khá bi đát. Do thực hiện khoán 10, nhiều hợp tác xã không còn chi công điểm, định suất cho cán bộ văn hóa như trước nữa. Ví dụ ở Hà bắc, chỉ có hơn 20 xã (trong số hơn 300 xã) còn cán bộ văn hóa chuyên trách. Hàng loạt các đội thông tin cổ động, đội văn nghệ, thư viện, bảo tàng cấp xã tan rã hoặc xuống cấp nghiêm trọng. Phong trào xây dựng nếp sống văn minh hoạt động kém hiệu quả ; nhiều di tích lịch sử, di tích văn hóa bị hủy hoại không những bởi thời gian mà còn bởi con người. Cùng với chính sách khoán, nhiều bố mẹ đã cho con bỏ học, hoặc để giảm bớt khó khăn cho gia đình, hoặc đơn thuần để lao vào làm giàu. Tình trạng mù chữ và mù chữ trở lại, nhất là ở nông thôn, miền núi, tăng lên một cách đáng lo ngại. Văn hóa đi xuống thì nạn vượt biên, buôn lậu, hút xách, mê tín dị đoan, xưng vua, xưng trạng, hủ tục có cơ trỗi dậy. Trong hoàn cảnh hiện nay, càng thấy rõ mô hình *sáu mặt hoạt động của văn hóa* ở cơ sở (thông tin cổ động, văn nghệ, thư viện, bảo tàng, lối sống, nhà văn hóa - câu lạc bộ) là chưa đủ. Làm sao có thể coi là *mô hình văn hóa* một cơ sở có đủ sáu mặt hoạt động vừa nêu nhưng vẫn còn tình trạng *thất học* và *mù chữ* ? Rõ ràng, sự khái quát nói trên mới chỉ xuất phát từ các nhiệm vụ và nội dung hoạt động của bản thân ngành văn hóa. Điều đó vô hình trung đã làm nghèo đi bức tranh xã hội về đời sống văn hóa ở cơ sở.

Vào những năm *1991 - 1992*, nhà nước *đã có sự điều chỉnh kịp thời* về quan niệm cũng như về chính sách tài chính để hỗ trợ cho văn hóa, như tăng đầu tư, điều chỉnh thuế, trợ giúp những loại hình văn hóa và những khu vực hoạt động khó khăn. Kết quả là ở một số nơi, phong trào đã gượng dậy được.

Tuy nhiên, sự điều chỉnh nói trên mới chỉ là bước đầu, nhà nước vẫn còn lúng túng trong việc hoạch định một đường lối phát triển cơ bản, lâu dài về văn hóa. Ở đây, theo tôi, có một *số vấn đề cần được xem xét giải quyết* sớm :

Digitized by Google

Thứ nhất, *thấu suốt quan điểm văn hóa với phát triển đất nước.* Thực tiễn đang đòi hỏi phải xây dựng một quan niệm đầy đủ về vai trò to lớn, mới mẻ của văn hóa trong công cuộc chấn hưng đất nước. Trên cơ sở đó, đổi mới phương thức xây dựng và quản lý sự nghiệp văn hóa theo hướng dân chủ, nhân đạo và tiến bộ.

Kinh nghiệm phát triển của nhiều nước cho thấy, hễ nước nào chỉ chú trọng phát triển kinh tế, tách kinh tế khỏi văn hóa, thì sự tăng trưởng sẽ không đi đôi với phát triển, tiềm năng của đất nước giảm sút, nhiều giá trị văn hóa, xã hội bị hy sinh.

Nhận thức mới về tầm quan trọng của văn hóa trong phát triển cần được thể hiện ở sự hoạch định kế hoạch và chính sách. Chẳng hạn, kế hoạch ngân sách cho văn hóa phải phản ánh đúng nhận thức mới đó, không thể để nó tiếp tục là phần "đầu thừa đuôi thẹo" trong tổng ngân sách như lâu nay. Trong việc cân đối ngân sách hằng năm, cả trung ương và địa phương cần làm rõ phần ngân sách dành cho văn hóa. Cần mở rộng và thể hiện khái niệm văn hóa - chỉ báo chất lượng sống trong mọi lĩnh vực xã hội - trong soạn thảo các nhóm chính sách lớn. Chẳng hạn, đưa văn hóa vào hệ thống đánh giá tổng hợp, để từ đó tác động vào xu hướng chạy theo lợi nhuận đơn thuần đang bành trướng trong xã hội. Định hướng văn hóa, tuy không xuất phát từ nguyên tắc lợi nhuận, song cũng có sức mạnh kinh tế khi nó tác động đến dư luận xã hội, đến thói quen, thị hiếu tiêu dùng, đến sự phân bố thị trường cũng như chính sách kinh tế của nhà nước.

Rõ ràng, một quan niệm đầy đủ về văn hóa phải gắn với phát triển. Tư tưởng này cần được tiếp tục khẳng định và làm sáng tỏ trong nghị quyết của Đảng, trong hoạt động quản lý nhà nước, trong nhận thức của toàn xã hội.

Thứ hai, *xác định rõ nội dung và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực văn hóa.*

Trong điều kiện kinh tế thị trường, quản lý văn hóa là quản lý một loại hoạt động của toàn xã hội có sự tham gia của các thành phần kinh tế. Do đối tượng quản lý văn hóa giờ đây mở rộng, nhà nước không thể tiếp tục quản lý văn hóa như thời bao cấp. Nhưng quản lý như thế nào đây cho thích hợp ? Có thể có nhiều ý kiến khác nhau, song theo tôi, về quản lý nhà nước đối với văn hóa, cần trước tiên khắc phục *hai* khuynh hướng : *một là*, thành kiến đối với thị trường văn hóa ; và *hai là*, buông lỏng, hữu khuynh trong quản lý văn hóa. Văn hóa nói chung và văn nghệ nói riêng, không thể là vùng cấm trước sự thâm nhập của thị trường. Chấp nhận quan hệ thị trường đối với văn hóa là yêu cầu tự nhiên, tạo điều kiện để thực hiện một bước sự dân chủ hóa trong văn hóa, ủng hộ khả năng tự điều chỉnh của văn hóa. Vốn quen nhìn văn hóa như là tổng số những biện pháp để trau dồi đạo đức, quản lý văn hóa theo kiểu bao cấp tràn lan, nên có lúc chúng ta chỉ thấy những khuyết tật trong cách tiếp cận thương mại đối với văn hóa. Do đó, cần khắc phục thành kiến đối với thị trường, đồng thời nâng cao trình độ quản lý nhà nước, chống hữu khuynh, phó thác sự nghiệp văn hóa cho thị trường. Sự đình đốn, xuống cấp của một số hoạt động văn hóa cũng như sự xuất hiện những ấn phẩm văn hóa không lành mạnh thời gian qua chính là hậu quả của quan điểm "thả nổi" mọi hoạt động văn hóa cho thị trường và thiếu luật pháp ràng buộc.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, *quản lý văn hóa* là quản lý *ở tầm vĩ mô*. Nhà nước *thông qua các công cụ như chính sách, luật pháp, thuế để điều tiết, hỗ trợ*, sao cho sự vận động của văn hóa xã hội hướng vào mục tiêu dân tộc, hiện đại, nhân văn mà nghị quyết của Đảng đã đề ra.

Quan điểm quản lý vĩ mô dứt khoát phải dựa vào việc xem xét mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường. Việc soạn thảo các chính sách tài chính, kế hoạch và chương trình văn hóa của nhà nước trước hết phải dựa trên cơ sở phân tích mối quan hệ giữa thị trường và các hoạt động văn hóa, đồng thời xác

Digitized by Google

định rõ vai trò của nhà nước trong mối quan hệ đó. Nhà nước rà soát lại một cách hệ thống bộ máy hoạt động của văn hóa và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng đối tượng. Bên cạnh đó, nhà nước có cơ chế để các đơn vị văn hóa nghệ thuật tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tôn chỉ, nội dung và chất lượng hoạt động của mình ; đồng thời, mở cho họ một "hành lang" hợp lý để họ có thể tự trang trải và tồn tại được. Soi sáng quan hệ giữa thị trường và văn hóa còn nhằm xác định thể loại văn hóa có thể hoạt động trong quan hệ thị trường, loại nào phù hợp một phần và loại nào không thể thích ứng. Trên cơ sở đó, nhà nước có thể xác định mức độ tài trợ. Thêm nữa, xây dựng một chính sách thỏa đáng để thúc đẩy việc xã hội hóa văn hóa, trên cơ sở vừa bảo vệ được "vốn cố định" trong văn hóa (cơ sở hạ tầng, chất xám...), vừa phát huy được sức mạnh của mọi thành phần và mọi lực lượng làm văn hóa. Nội dung của quản lý vĩ mô của nhà nước còn ở chỗ điều hòa về lợi ích của các nhóm xã hội và của dân tộc trước mâu thuẫn nảy sinh trong hoạt động văn hóa. Chẳng hạn, rút ngắn khoảng cách văn hóa giữa nông thôn và đô thị, giữa miền núi và miền xuôi ; hỗ trợ nghệ thuật dân tộc trước sự xâm nhập ào ạt của văn hóa bên ngoài trong điều kiện nước ta mở cửa ra thế giới...

Luật pháp là công cụ của quản lý vĩ mô. Mọi hoạt động văn hóa như báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình đều phải tuân thủ pháp luật. Sự bình đẳng trước pháp luật của các lực lượng xã hội tham gia quá trình sản xuất, phân phối và lưu thông sản phẩm văn hóa, là điều kiện tiên quyết để bảo đảm quyền tự do sáng tạo và lập lại trật tự trên lĩnh vực văn hóa.

Những chuyển động tích cực của văn hóa xã hội gần đây phản ánh nỗ lực nâng cao hiệu quả của quản lý nhà nước. Đẩy mạnh việc thể chế hóa các quan điểm của Đảng về quản lý nhà nước đối với văn hóa là cách quán triệt tốt nhất nghị quyết của Đảng về vấn đề này.

ĐIỆN ẢNH VIỆT NAM...

(Tiếp theo trang 29)

từ nội dung đến nghệ thuật, vừa gây lãng phí, vừa làm nhiễu loạn xã hội. Xin hãy *đầu tư đúng mức vào tác phẩm xuất sắc, cụ thể, do những nghệ sĩ tài năng và có tay nghề đảm nhiệm*. Lâu nay, tiền tài trợ của nhà nước đã bị lãng phí đến không còn kiểm soát nổi, bởi tài trợ cho các hãng phim mà chỉ xét duyệt mơ hồ trên "kế hoạch đề tài". Không ít cơ sở nhận tiền tài trợ về để "nuôi nhau ăn", theo rất nhiều nghĩa của danh từ này. Nhiều triệu đồng đã "bốc hơi" để "đầu tư" làm kịch bản và phim về Bác Hồ, nhưng chưa sản xuất nổi bộ phim nào đáng giá ! Nhà nước ta còn nghèo. Đi đôi với sự đầu tư, tài trợ của nhà nước, rất cần *huy động vốn tập thể và tư nhân* để làm phim. Tuy nhiên, cần xây dựng một cơ chế quản lý và một chính sách thuế thích hợp, để vừa đảm bảo được chất lượng tư tưởng - nghệ thuật của phim, vừa giữ cho điện ảnh quốc doanh khỏi bị tư nhân lợi dụng và lũng đoạn.

Thứ ba, cốt lõi của một ngành nghệ thuật tổng hợp cả tính chất kinh tế và kỹ thuật như điện ảnh, là tính đồng bộ và tay nghề chuyên môn của từng tập thể làm phim, đứng đầu là đạo diễn. Một số năm gần đây, do thiếu việc làm và do đồng tiền chi phối, khá nhiều người từ hóa trang, diễn viên,phó quay phim, kỹ thuật hình, thu thanh, đạo diễn... (là những người phải đào tạo lâu năm mới thành nghề) đã mai một đi, nhưng lại nổi lên một số người không có nghề nhảy vào làm thay, dẫn đến "nghiệp dư hóa" ngành điện ảnh. Nếu không có *chính sách gìn giữ, nuôi dưỡng và tiếp tục đào tạo đội ngũ điện ảnh*, thì ngành điện ảnh khó mà hoàn thành được những nhiệm vụ to lớn, nặng nề trong công cuộc đổi mới hiện nay, cũng như trong việc chuẩn bị lực lượng cần thiết để bước vào thế kỷ 21.

Digitized by Google

NHỮNG QUAN ĐIỂM CƠ BẢN VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA Ở NƯỚC TA

PHẠM THUYÊN *
VŨ VĂN HÂN **

Lô gích và lịch sử đều khẳng định từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn hiện đại, công nghiệp hóa là *bước đi tất yếu* mà mỗi dân tộc đều phải trải qua. Ở nước ta nó được coi là một quá trình mang tính quy luật.

Kinh nghiệm công nghiệp hóa ở nhiều nước trên thế giới cho thấy *cái cốt lõi* của công nghiệp hóa là *sự đổi mới* kỹ thuật (phần cứng) và công nghệ (phần mềm), chuyển từ kỹ thuật và công nghệ lạc hậu với năng suất và hiệu quả kinh tế - xã hội thấp, lên trình độ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến với năng suất và hiệu quả kinh tế - xã hội cao trong tất cả các lĩnh vực, các ngành của nền kinh tế quốc dân.

Từ tư duy mới về công nghiệp hóa nói trên, có thể rút ra *nội dung chủ yếu* của công nghiệp hóa trong thời đại ngày nay nói chung và ở nước ta nói riêng là : *trang bị kỹ thuật, công nghệ hiện đại*, và cùng với nó là *xây dựng một cơ cấu kinh tế hợp lý trong tất cả các ngành của nền kinh tế quốc dân theo mục tiêu "dân giàu nước mạnh", "công bằng xã hội" và xã hội chủ nghĩa*. Định hướng này được bảo đảm bằng vai trò và tính chất của nhà nước ta : nhà nước *của dân, do dân* và *vì dân*.

Bài viết này sẽ xem xét thực trạng, trình bày hệ quan điểm cùng các giải pháp công nghiệp hóa ở nước ta theo nội dung nói trên.

THỰC TRẠNG CÔNG NGHIỆP HÓA

Có thể xem xét thực trạng công nghiệp hóa ở nước ta theo hai khía cạnh : trình độ trang bị kỹ thuật, công nghệ, và tính hợp lý của việc xây dựng cơ cấu kinh tế.

1 - *Trình độ trang bị kỹ thuật, trình độ kết cấu hạ tầng và việc ứng dụng những thành tựu mới của khoa học và công nghệ vào sản xuất và dịch vụ còn thấp kém và lạc hậu.*

Qua mấy chục năm công nghiệp hóa, chúng ta đã xây dựng được những cơ sở vật chất - kỹ thuật nhất định. Một số công trình lớn và trọng điểm đã được sử dụng và bắt đầu phát huy tác dụng trong các ngành kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, so với thế giới, cơ sở vật chất - kỹ thuật của chúng ta còn thấp kém và lạc hậu.

Theo số liệu kiểm kê 1-1-1990, trong số 27,8 nghìn tỉ đồng tài sản cố định của kinh tế quốc doanh chỉ có 26% là giá trị thiết bị máy móc. Phần lớn số này thuộc thế hệ kỹ thuật của những năm 50 và 60, nên chịu ảnh hưởng rất lớn của hao mòn hữu hình và hao mòn vô hình. Tính chung hao mòn hữu hình là 41% (luyện kim 50%, công nghiệp thực phẩm 49%, công nghiệp nhẹ 46%, giao thông vận tải 70%...).

Việc tiếp cận những thành tựu mới của khoa học - kỹ thuật và công nghệ còn rất chậm. Điều đó thể hiện ở mức độ tự động hóa các công cụ sản xuất. Theo số liệu thống kê, tự động hóa trong kinh tế quốc doanh trung ương mới đạt 3%, còn trong kinh tế quốc doanh địa phương mới đạt 1,7%.

Về kết cấu hạ tầng sản xuất và xã hội, trình độ kỹ thuật và công nghệ thấp kém, mạng lưới nhỏ hẹp.

Sự thấp kém và lạc hậu trong các ngành kinh tế và kết cấu hạ tầng dẫn đến chỗ sản phẩm của chúng ta giá thành cao, nghèo về chủng loại và kém về chất lượng ; rất khó đứng vững và thắng trong cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước. Nó còn cản trở nước ta triển khai có hiệu quả luật về đầu tư của nước ngoài (mặc dù có những điều khoản khá hấp dẫn) ; cản trở nước ta hòa nhập vào cộng đồng quốc tế, khắc phục sự hạn chế của "biên giới địa lý", hình thành và mở rộng "biên giới mềm" - biên giới khoa học và công nghệ mới (một

* Phó giám đốc công ty bách hóa tổng hợp Phong lan, Hải phòng.
** Trường đại học kinh tế quốc dân

Digitized by Google

khả năng vô hạn trong tương lai) ; cản trở nước ta xây dựng và phát triển kinh tế thị trường, hình thành chiến lược thị trường hướng ngoại có hiệu quả trên cả hai lĩnh vực : hàng hóa và khoa học, công nghệ. Kỹ thuật, công nghệ và kết cấu hạ tầng thấp kém, lạc hậu, tất yếu dẫn đến năng suất lao động và thu nhập quốc dân theo đầu người thấp, tích lũy hầu như không có. Không có tích lũy thì không thể nâng được trình độ kỹ thuật, công nghệ và kết cấu hạ tầng sản xuất và xã hội.

2 - *Cơ cấu kinh tế chưa thật hợp lý và việc điều chỉnh nó không dễ dàng.*

Với điểm xuất phát thấp kém, cơ cấu kinh tế nước ta mang nặng đặc trưng cơ cấu kinh tế của một nước nông nghiệp lạc hậu. Lao động nông nghiệp với hơn 20 triệu người, chiếm 75,5% tổng số lao động trong các ngành sản xuất vật chất ; 40% thu nhập quốc dân là do nông nghiệp tạo ra.

Cùng với các kế hoạch phát triển kinh tế, các mô hình cơ cấu kinh tế lần lượt được hình thành. Kết quả là sau nhiều thời kỳ tập trung vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa (không chỉ bằng "thắt lưng buộc bụng" ở trong nước, mà còn nhờ sự bao cấp quốc tế và vay nợ nước ngoài hàng chục tỉ rúp - đô la), nền kinh tế nước ta đã bước đầu chuyển từ cơ cấu kinh tế nông nghiệp lạc hậu sang cơ cấu kinh tế có tỷ trọng công nghiệp khá hơn và có sự tăng trưởng nhất định. Nhưng sự tăng trưởng này gắn với mô hình phát triển *theo chiều rộng*, chứ chưa phải theo chiều sâu. Vì vậy, cơ cấu kinh tế ở nước ta chỉ mới thoát khỏi tình trạng "trì trệ", chứ chưa thoát khỏi tình trạng "kém hiệu quả". Cơ cấu kinh tế này vẫn không dựa trên cơ chế thị trường, mà dựa trên cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, mang nặng tính hiện vật kéo dài. Do vậy, cùng với sự hình thành cơ cấu kinh tế mới thì nền kinh tế nước ta cũng rơi vào tình trạng ách tắc, khủng hoảng, hàng hóa ứ đọng, công nhân thiếu việc hoặc không có việc làm và nhiều doanh nghiệp thua lỗ. Đầu năm 1990, trong 12084 đơn vị kinh tế quốc doanh, đã có tới 4584 đơn vị (tức 38%) bị thua lỗ. Cơ cấu kinh tế mới này vẫn được bố trí theo hướng dồn vốn cho việc ưu tiên phát triển nông nghiệp nặng. Khi được điều chỉnh, tuy có coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, song nông nghiệp vẫn chưa được đặt trong mối quan hệ với sự phát triển của các ngành gắn với "đầu vào" và "đầu ra" của nó. Trong chính sách đầu tư, còn xem nhẹ việc phát triển ưu tiên (bảo đảm đi trước một bước) đối với các ngành thuộc lĩnh vực kết cấu hạ tầng, dịch vụ sản xuất và xã hội. Cơ cấu kinh tế mới này cũng chưa thực sự mang tính chất "mở cửa", gắn với chiến lược thị trường hướng ngoại, mà còn nặng tính chất "khép kín", chia cắt giữa trung ương và địa phương, cản trở sự hình thành thị trường thống nhất, cản trở sự hình thành và phát triển các ngành kinh tế kỹ thuật và các vùng kinh tế chuyên môn hóa rất cần cho nền kinh tế thị trường. Cơ cấu kinh tế mới này vẫn được bố trí theo kiểu nặng về bảo đảm quan hệ tỷ lệ giữa các ngành mà xem nhẹ vấn đề trang bị kỹ thuật và công nghệ mới để thay đổi nhanh cách thức sản xuất trong các ngành kinh tế quốc dân. Giữa sản xuất và lưu thông còn có sự tách rời. Trong việc hình thành và phát triển mỗi ngành kinh tế, hầu như chỉ dựa vào kinh tế quốc doanh mà chưa chú ý sự tham gia của các thành phần kinh tế khác.

Với tình hình như trên, cơ cấu kinh tế mới hình thành trong thời gian qua rõ ràng chưa có hiệu quả cao. Điều tra cho thấy, hệ số sinh lợi của 12 nghìn đơn vị kinh tế quốc doanh thuộc các ngành (hiện nắm giữ khoảng 12 tỷ đô la Mỹ) rất thấp. Hệ số này đối với *vốn cố định* ở các ngành, bình quân chỉ khoảng 7% năm (ngành giao thông vận tải 2%, ngành công nghiệp 3%...) ; đối với *vốn lưu động* ở các ngành, bình quân chỉ khoảng 11% năm (ngành giao thông vận tải 9,5%, ngành công nghiệp 10,6%...).

Có thể nói, cho đến nay, về cơ bản, cơ cấu kinh tế cũ lạc hậu và kém hiệu quả vẫn đang tồn tại, mà sự thay đổi nó thật không đơn giản. Cần phải có một cơ cấu kinh tế mới, khoa học, được xây dựng và chuyển dịch trong đời sống hiện thực. Chỉ như vậy, đất nước mới có thể có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và ổn định ; các mục tiêu trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 mới được thực hiện.

HỆ QUAN ĐIỂM CƠ BẢN LÀM CƠ SỞ CHO CÔNG NGHIỆP HÓA

1 - *Hiệu quả kinh tế - xã hội là quan điểm quan trọng nhất, vừa chi phối các quan điểm khác vừa chi phối quá trình công nghiệp hóa.* Đây là sự thống nhất biện chứng giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả

Digitized by Google

xã hội. Về phía chính phủ với chức năng quản lý vĩ mô thì hiệu quả xã hội là *mục tiêu*, còn hiệu quả kinh tế là *phương tiện*. Nhưng đối với các chủ doanh nghiệp thuộc các ngành kinh tế thì mục tiêu lại là hiệu quả kinh tế chứ không phải hiệu quả xã hội.

Hiệu quả kinh tế - xã hội liên quan đến các yêu cầu : phát triển kinh tế thị trường ; hiện đại hóa kỹ thuật và công nghệ ; xây dựng cơ cấu kinh tế mở cửa và chiến lược thị trường hướng ngoại ; thực hiện mô hình phát triển kinh tế theo chiều sâu ; tạo công ăn việc làm cho người lao động...

2 - *Gắn chặt công nghiệp hóa với quá trình chuyển nền kinh tế nước ta sang kinh tế hàng hóa vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước*. Thực chất quan điểm này phản ánh mối quan hệ về sự phát triển giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, giữa khoa học - công nghệ và kinh tế thị trường, cốt lõi, động lực và đòn bẩy của mô hình phát triển nhanh nền kinh tế nước ta. Bảo đảm tốt mối quan hệ này trong quá trình công nghiệp hóa có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nó góp phần tạo dựng mô hình phát triển kinh tế nhanh, sớm đạt được mục tiêu định hướng.

3 - *Trong thời đại ngày nay, công nghiệp hóa bao hàm cả hiện đại hóa, phát triển trong sự gắn bó với việc khai thác lợi thế của nước phát triển muộn về công nghiệp*. Quan điểm này xuất phát từ yêu cầu phải triệt để khai thác lợi thế của nước phát triển muộn về công nghiệp ; từ yêu cầu của xu hướng quốc tế hóa sản xuất và đời sống ; từ yêu cầu rút ngắn khoảng cách lạc hậu của nước ta so với các nước văn minh. Quan điểm này tạo điều kiện để trong một thời gian không xa có thể mở rộng và phát triển "biên giới sản phẩm hàng hóa và dịch vụ" ; hòa nhập vào trào lưu mở rộng "biên giới mềm" - khoa học và công nghệ, mà nếu chỉ dựa vào "biên giới địa lý" sẽ bị hạn chế.

Quan điểm này đòi hỏi sớm khắc phục thiên hướng quá nhấn mạnh quan hệ tỷ lệ giữa các ngành mà xem nhẹ yêu cầu nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong các ngành kinh tế quốc dân.

4 - *Xây dựng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong quá trình công nghiệp hóa phải bảo đảm có sự kết hợp hài hòa giữa công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ ; giữa vùng, địa phương và lãnh thổ ; giữa thị trường trong và ngoài nước theo hướng "mở cửa" và chiến lược thị trường hướng ngoại*. Quan điểm này bắt nguồn từ yêu cầu phát triển và vai trò ngày càng tăng của các ngành dịch vụ sản xuất và xã hội trong thời đại ngày nay ; từ sự phát triển không đều về lợi thế so sánh giữa các nước và xu hướng quốc tế hóa gắn với sự xuất hiện những gay cấn mang tính toàn cầu. Quan điểm này còn bắt nguồn từ yêu cầu thực hiện mô hình phát triển kinh tế nhanh để sớm đạt mục tiêu định hướng của nền kinh tế nước ta.

NHỮNG GIẢI PHÁP MẤU CHỐT ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA

1 - *Xây dựng hệ thống sở hữu về tư liệu sản xuất đúng đắn làm cơ sở kinh tế, tạo vốn cho sự nghiệp công nghiệp hóa và phát triển kinh tế thị trường*. Tư duy mới về kinh tế cho thấy cái quan trọng nhất và có ý nghĩa nhất không phải ở hình thức sở hữu mà ở hiệu quả của sở hữu. Xuất phát từ quan niệm đó, hệ thống sở hữu về tư liệu sản xuất trong thời kỳ quá độ ở nước ta có lẽ chỉ nên bao gồm : sở hữu *nhà nước*, sở hữu *tư nhân* và sở hữu *hỗn hợp* (các hình thức kinh tế tư bản nhà nước). Thu hẹp hình thức sở hữu nhà nước ở những ngành kinh tế không hoặc chưa cần thiết. Đẩy mạnh phát triển các hình thức sở hữu tư nhân và các hình thức kinh tế tư bản nhà nước thuộc sở hữu hỗn hợp. Có thể *điều chỉnh chính sách đầu tư* theo các hướng sau :

- Chuyển cho tư nhân đầu tư các ngành kinh tế mà nhà nước không hoặc chưa cần nắm. Chuyển vốn và sức lao động của kinh tế quốc doanh vào các ngành kết cấu hạ tầng, dịch vụ sản xuất, là các ngành rất then chốt mà nhà nước cần ưu tiên đầu tư và chỉ có nhà nước mới có khả năng đầu tư, để chi phối các thành phần kinh tế khác và bảo đảm các thành phần đó hoạt động đúng hướng.

- Đối với các ngành kết cấu hạ tầng dịch vụ xã hội, chủ yếu nên để các chủ thể kinh tế thuộc sở hữu tư nhân và sở hữu hỗn hợp đầu tư kinh doanh.

- Để cho các tổ chức kinh tế thuộc sở hữu tư nhân và sở hữu hỗn hợp trong và ngoài nước tham gia một số ngành công nghiệp nặng và các khu chế xuất.

Trong điều kiện thu nhập quốc dân và ngân sách còn rất hạn hẹp, việc chuyển dịch các hình thức sở hữu như trên trong quá trình thực hiện công nghiệp

Digitized by Google

hóa, là cần thiết và có lợi. Nó góp phần làm lành mạnh chính sách tài chính và chính sách tiền tệ trong quá trình trên.

2 - *Nhà nước cần có một chính sách khoa học và công nghệ phản ánh được tính thời đại, tính hiện thực và tính đồng bộ.* Trong những năm trước mắt, cần tập trung sức người và sức của đầu tư cho khoa học ứng dụng trong các thành phần kinh tế. Trong việc trang bị kỹ thuật và công nghệ, có sự kết hợp giữa nhiều trình độ công nghệ, vừa có sự cải tiến nâng cao, vừa có sự mạnh dạn tiến thẳng vào công nghệ hiện đại ở một số ngành, khâu, lĩnh vực và cơ sở có điều kiện. Bảo đảm những điều kiện cần thiết cho công tác nghiên cứu khoa học, đổi mới ngay hệ thống thang, bậc lương đối với các ngành khoa học. Khuyến khích các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế trong và ngoài nước áp dụng kỹ thuật và công nghệ mới.

3 - *Xây dựng một thị trường hướng ngoại và dùng nó để kích thích sự phát triển của khoa học và công nghệ hiện đại.* Nền kinh tế nước ta đang ở trong giai đoạn "tiền cất cánh". Nó không thể cất cánh được nếu không có tích lũy từ nguồn vốn trong nước và ngoài nước. Thông thường, thời kỳ đầu, tích lũy vốn từ ngoài nước chiếm ưu thế. Muốn vậy, cơ cấu kinh tế phải được xây dựng theo hướng "mở cửa", và cùng với nó là một chiến lược thị trường hướng ngoại.

Giải pháp này đòi hỏi nhà nước có chính sách ưu tiên cho xuất khẩu. Cụ thể : đầu tư cho khoa học và công nghệ mới để có được nhiều mặt hàng mũi nhọn có chất lượng cao ; sử dụng hàng rào thuế quan bảo hộ xuất khẩu ; có chế độ ưu đãi cho các tổ chức kinh tế thuộc các hình thức sở hữu làm hàng xuất khẩu...

Thực hiện cân bằng xuất nhập khẩu, tiến tới xuất siêu và dùng khoản chênh lệch có được để nhập công nghệ mới.

Có chính sách đối ngoại hữu hiệu, tranh thủ được nhiều nhất vốn và khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới để đổi mới cơ cấu kinh tế và rút ngắn khoảng cách so với các nước có điểm xuất phát tương đồng trong khu vực. Tất nhiên, điều quan trọng là biết chọn khoa học và công nghệ cần thiết và biết sử dụng vốn có hiệu quả (không những trả được cả gốc lẫn lãi mà còn thừa để tích lũy).

Nâng tỷ suất khấu hao tài sản cố định để chủ động tránh hao mòn vô hình tài sản cố định.

4 - *Đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục và đào tạo, gắn nó với khoa học và công nghệ, coi đó là "quốc sách hàng đầu" để phát huy nhân tố con người - động lực trực tiếp của sự phát triển.* Lý luận và thực tiễn đều cho thấy, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, con người luôn đóng vai trò là nhân tố "trung tâm", "hàng đầu". Tất nhiên, con người ở đây là con người "có trí tuệ"; song trí tuệ không phải là cái "bẩm sinh" mà gắn với sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Trước hết, nhà nước cần đổi mới cơ cấu, nội dung chương trình và giáo trình các môn học, sao cho phù hợp và thúc đẩy được sự phát triển của khoa học và công nghệ và sự phát triển của kinh tế thị trường trong quá trình công nghiệp hóa. Không chỉ làm cho "trường ra trường" và "lớp ra lớp", mà điều quan trọng là tiến lên làm cho "thầy ra thầy" và "trò ra trò". Muốn vậy, cần thay đổi ngay hệ thống thang, bậc lương của ngành giáo dục, đào tạo ; phải đối xử với ngành giáo dục, đào tạo theo đúng tính chất của nó là ngành sự nghiệp chứ không phải ngành kinh tế, từ đó có chính sách đầu tư thỏa đáng, không để nó xuống cấp như vừa qua.

Cho phép các doanh nghiệp sử dụng quỹ phát triển sản xuất không chỉ cho việc mở rộng và hiện đại hóa sản xuất (phần cứng), mà cả cho việc giáo dục và đào tạo con người áp dụng công nghệ mới (phần mềm).

5 - Xây dựng một nhà nước pháp quyền *của dân, do dân và vì dân*, phân định đúng đắn chức năng và nhiệm vụ của các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp, trên cơ sở đó, nâng cao năng lực và hiệu lực của các cơ quan này. Mặt khác, cần phân định và giải quyết đúng đắn mối liên hệ giữa chức năng quản lý *vĩ mô* của nhà nước và chức năng quản lý *vi mô* của các đơn vị cơ sở, từ đó nâng cao năng lực quản lý *vĩ mô*, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi về các mặt cho sự nghiệp công nghiệp hóa.

6 - *Xây dựng một chính sách đối ngoại thật sự hữu hiệu*, tạo điều kiện thuận lợi về vốn và công nghệ hiện đại cần thiết cho việc đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa theo mục tiêu đã định.

Digitized by Google

Mấy vấn đề then chốt trong việc quản lý và sử dụng đất đai

TÔN GIA HUYÊN *

Kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa IX vừa qua có riêng một nghị quyết về việc tiếp tục hoàn chỉnh dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai. Ngay từ kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa IX, dự án Luật đất đai đã được trình... Từ đó thấy rõ một điều là cuộc sống đang có nhu cầu cấp bách đối với việc hoàn thiện chính sách đất đai của chúng ta.

Đất đai đang là một vấn đề sôi động và phức tạp, còn nhiều ý kiến khác nhau. Trong tình hình hiện nay, việc lựa chọn những vấn đề then chốt để giải quyết trước có ý nghĩa quyết định cho mục tiêu "ổn định" và "phát triển" cả về kinh tế và xã hội...

Trước hết, đó là vấn đề *giá trị và giá cả của đất đai*. Trong cơ chế sử dụng ruộng đất theo điều hành tập trung của hợp tác xã hoặc "tập thể", thành quả lao động được tính bằng công điểm, nhà nước "cho không" đất đai, người sử dụng đất không phải trả tiền... thì giá trị của đất chỉ được biểu hiện ở khía cạnh sử dụng và trở thành một "hiện vật" điều hành của người quản lý. Quan hệ giữa con người với đất đai là thông qua một kế hoạch vạch sẵn với những lợi ích gián tiếp và bằng hiện vật... Trong cơ chế thị trường, mọi quan hệ của quá trình sản xuất đều được "tiền tệ hóa" ở mức tối đa. Với tư cách là một tư liệu sản xuất, một địa bàn hoạt động, một tài nguyên..., đất đai cũng có nhu cầu ấy. Không những thế, do những tính chất đặc biệt của đất đai mà sự thể hiện giá trị của đất đai dưới hình thức giá cả là dấu hiệu của một nền kinh tế thị trường phát triển. Giá cả của đất đai được hình thành càng đồng bộ, càng chi tiết và được vận hành càng bình thường, thì thị trường càng hiện đại...

Giá cả của đất đai, trong mối quan hệ mới, sẽ là căn cứ kinh tế để nhà nước tiến hành việc giao đất được công bằng, người sử dụng đất thực hiện được mọi nghĩa vụ của mình, và nhà nước điều chỉnh được mọi quan hệ đất đai theo pháp luật và quy hoạch. Đồng thời, nó cũng là phương tiện kinh tế để biểu hiện tính hàng hóa của đất đai.

Đất đai là một loại *hàng hóa đặc biệt* ở hai mặt :

- Không hoàn toàn là sản phẩm của lao động, mà vốn là sản phẩm của tự nhiên, nên đất đai không có "giá trị". Nhưng đất đai lại có giá trị sử dụng và khả năng sinh lợi khi có sự "gia công" bằng lao động trực tiếp hoặc gián tiếp, nên nó vẫn có giá cả.

- Là một loại hàng hóa có giới hạn về khối lượng, cố định về không gian nhưng vô hạn về thời gian, nên trong quá trình sử dụng, đất đai không những không bị hao mòn, mà còn có khả năng tăng trưởng không ngừng về giá trị.

Những đặc điểm trên đây làm cho giá cả của đất đai được hình thành khác với bất kỳ một loại hàng hóa nào, kể cả con đường vận hành của nó. Nhà nước có thể và cần phải can thiệp sâu vào lĩnh vực này trong quá trình lưu thông vì lợi ích của toàn bộ nền kinh tế. Giá cả của đất đai tuy có phụ thuộc vào quan hệ cung cầu và nội dung vẫn là địa tô được "tư bản hóa", nhưng nhà nước có vai trò quan trọng, có khi là quyết định, trong việc phân phối lại phần tự nhiên của giá trị địa tô này (địa tô chênh lệch 1) thông qua việc tác động bằng sức mạnh hành chính - kinh tế của mình vào giá cả của đất đai. Tuy nhiên, từ quan hệ nhà nước "cho không" đất đai, đến quan hệ nhà nước - thị trường - đất đai - giá cả... phải là một quá trình chuyển đổi với những bước đi thích hợp mới không gây rối loạn. Trước mắt, việc có thể làm ngay là nhà nước chỉ đạo việc xác định giá đất theo giá trị sử dụng và khả năng sinh lợi với 4 mục đích sau đây :

- đánh thuế sử dụng đất, cho thuê đất ;
- đánh thuế chuyển quyền sử dụng đất ;
- tính toán kinh tế - tài chính khi giao đất ;
- xác định vốn cố định cho các xí nghiệp quốc doanh, liên doanh với nước ngoài.

Từ đó mà hoàn thiện dần thị trường đặc biệt về đất đai đang được hình thành, góp phần tích cực trong việc huy động vốn xã hội đầu tư vào các ngành

* Tổng cục trưởng Tổng cục quản lý ruộng đất

Digitized by Google

sản xuất sinh lợi, cơ sở hạ tầng, hoàn thiện cơ cấu kinh tế, điều chỉnh quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới, khai thác vùng đất đai chưa được sử dụng...

Thứ hai là *việc chuyển quyền sử dụng đất*. Chuyển dịch đất đai là một hoạt động bình thường của một nền kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường. Mức độ sôi động của sự chuyển dịch này nhiều khi là dấu hiệu của sự tăng trưởng kinh tế hoặc là kết quả của một quá trình biến động xã hội và nói chung, đều có lợi cho phát triển.

Quy định về việc chuyển quyền sử dụng đất trong Điều 18 của Hiến pháp 1992 là một phát triển quan trọng về chính sách đất đai trong cơ chế thị trường với những mục đích sau đây :

- tạo cơ hội pháp lý cho đất đai, với tư cách là một tư liệu sản xuất, một tài nguyên, có thể đến với người có năng lực (vật chất và kỹ thuật) sử dụng có hiệu quả nhất ;

- kích thích tính năng động, sáng tạo trong khai thác tài nguyên đất đai và đổi mới cơ cấu kinh tế phù hợp với cơ chế thị trường ;

- góp phần phát huy năng lực sản xuất của hộ gia đình,sử dụng hợp lý mọi tiềm lực về vốn và lao động, xóa bỏ tập quán "bao cấp", "cào bằng", "quân điền"... trong phân phối và sử dụng đất đai.

Tuy nhiên, việc cho phép chuyển quyền sử dụng đất trong cơ chế thị trường còn có khả năng đưa đến những hậu quả tiêu cực mà chúng ta cần có cách hạn chế, khắc phục :

- một bộ phận nông dân trở thành người không có ruộng, tăng thêm gánh nặng về những vấn đề xã hội...

- tạo khả năng hình thành một loại hoạt động kinh doanh bất động sản không lành mạnh, đầu cơ kiếm lời trên lưng người khác, làm ứ đọng vốn của xã hội...,

Đất đai không bao giờ trở thành tài sản riêng của cá nhân. Nhưng, nhà đầu tư và người sử dụng đất phải được trọn quyền sử dụng và hưởng lợi trên khu đất với điều kiện họ phải tuân theo pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng. Việc chuyển quyền và thủ tục chuyển quyền sử dụng đất phải bảo đảm được các nguyên tắc này. Một khi các thủ tục đó hoàn thiện (cả kinh tế và pháp luật)và phát triển (hình thành một kiểu thị trường), thì các hình thức cho thuê, đấu giá, đấu thầu, thừa kế, thế chấp, cầm cố, chuyển nhượng đất đai (có hạn chế) trở nên bình thường và sẽ góp phần vào việc ổn định cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý. Thông qua việc thu thuế chuyển quyền sử dụng đất, nhà nước tiếp tục xử lý những tồn tại do lịch sử để lại, đồng thời điều tiết mọi quan hệ mới phát sinh bằng các giải pháp kinh tế làm cho quan hệ đất đai tiếp cận với kinh tế hàng hóa - thị trường. Thế mạnh của đất đai được "tiền tệ hóa" trở thành nguồn lực quan trọng của phát triển, tăng khả năng đầu tư vào cơ sở hạ tầng của nhà nước và chính nó lại góp phần làm tăng giá trị của đất đai.

Vấn đề then chốt **thứ ba** là *việc nhà nước tổ chức quản lý đất đai*. Những đặc điểm riêng về đất đai và lao động của nước ta bắt buộc nhà nước không thể không chú ý đến vấn đề này. Trong cơ chế điều hành tập trung, nhà nước không có nhu cầu nắm đất đai đến từng thửa và từng hộ gia đình, nhưng khi nền kinh tế chuyển động theo hướng lấy hộ gia đình làm một đơn vị kinh tế tự chủ thì nhiệm vụ và nội dung quản lý nhà nước đối với đất đai có yêu cầu phải đổi mới một cách cơ bản. Công tác địa chính với đầy đủ mọi thông tin có liên quan đến từng thửa đất, từng hộ gia đình, trở thành cốt lõi của nhiệm vụ quản lý. Nhà nước phải tổ chức đo đạc, phân hạng, đăng ký đất đai trên toàn lãnh thổ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến từng người sử dụng, để từ đó, quản lý được mọi biến động lành mạnh trong quan hệ đất đai, đặt nền móng vững chắc cho phát triển. Với một khối lượng công việc đồ sộ như vậy (33 triệu ha đất liền, hơn 10 triệu hộ sử dụng trên 100 triệu thửa đất) và với một vai trò có tính then chốt trong nền kinh tế cả về mặt điều hành vĩ mô thì việc hình thành một tổ chức đủ mạnh chuyên trách điều hành và kiểm soát quá trình này bằng một hệ thống các giải pháp có đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn là vô cùng cần thiết.

Chúng ta đã phải trả giá đắt cho việc "đo đi đo lại ruộng đất", cho việc giải quyết các tranh chấp đất đai, cho việc hình thành các chính sách đất đai phù hợp... Suy cho cùng, nếu công tác tổ chức nhà nước về quản lý đất đai đi trước được một bước thì có thể tiết kiệm được rất nhiều. Bước sang thời kỳ đổi mới, mong rằng sẽ không phải "học lại" bài học cũ.

Digitized by Google

Khuyến nông, bộ phận không thể thiếu trong phát triển nông nghiệp

TRẦN THẾ THÔNG *

Từ lâu khuyến nông đã được xem là một bộ phận quan trọng của quá trình phát triển nông nghiệp. Tùy theo các khía cạnh tiếp cận mà khuyến nông có ý nghĩa hẹp rộng khác nhau. Chẳng hạn, về khía cạnh *thông tin*, khuyến nông là quá trình liên tục thu thập thông tin có ích từ người nông dân và qua các khâu thẩm định và nâng cao, trả lại cho họ những thông tin cụ thể và có ích hơn. Về khía cạnh *giáo dục*, khuyến nông là quá trình trang bị cho người nông dân những kiến thức tối thiểu cần thiết, những kỹ năng *phù hợp nhất* để họ có thể áp dụng những thông tin và công nghệ một cách có hiệu quả. Về khía cạnh *mục tiêu*, khuyến nông là quá trình giúp người nông dân sử dụng tốt những kiến thức, kỹ năng và thông tin để nâng cao mức sống của họ. Về khía cạnh *chức năng*, khuyến nông có thể thực hiện tốt cả ở khu vực công cộng lẫn ở khu vực tư nhân. Về khía cạnh *nội dung*, khuyến nông có thể có các nội dung khác nhau do nhiều tổ chức khác nhau thực hiện (như : chương trình sức khỏe vùng nông thôn, chương trình kế hoạch hóa gia đình, chương trình xây dựng nông thôn mới), hoặc có thể đi sâu vào từng chuyên đề cụ thể (như : khuyến nông về rầy nâu hại lúa, về quản lý dịch vụ tổng hợp (IPM), về phát triển dê sữa cho gia đình nông dân, v.v.).

Hiện nay, định nghĩa về khuyến nông được nhiều người thường dùng là định nghĩa sau : khuyến nông là một *hệ thống tổ chức giúp nông dân qua quá trình giáo dục, cải tiến các phương pháp và kỹ thuật nông nghiệp nhằm tăng hiệu quả sản xuất và tăng thu nhập, nâng cao mức sống và nâng cao các tiêu chuẩn kinh tế - xã hội và giáo dục ở nông thôn*. Định nghĩa trên bao hàm được cả ý về *nông dân, nông nghiệp* và *nông thôn*. Khuynh hướng cho khuyến nông chỉ là chuyển giao kỹ thuật trong nông nghiệp sẽ làm cho khuyến nông có ý nghĩa quá hẹp. Cần hiểu khuyến nông như định nghĩa trên, bao hàm cả nội dung *giáo dục nông dân kỹ năng về quản lý kỹ thuật, giúp nông dân phát triển khả năng quản lý kinh tế và tổ chức để họ có thể tự tổ chức thực hiện và tham gia các loại hình hợp tác xã, các tổ chức tín dụng, các tổ chức khác cũng như tham gia vào việc xây dựng nông thôn mới ở địa phương mình*.

Ở châu Âu và Bắc Mỹ, khuyến nông đã được chú trọng từ lâu. Có thể nói lịch sử của khuyến nông bắt đầu từ thời Phục hưng, khi có phong trào áp dụng khoa học vào các hoạt động thực tiễn. Năm 1661, Xa-mu-en Hác-líp (Samuel Hartlib), một nhà khoa học Anh, đã viết một cuốn sách về sự tiến bộ của nghề nông. Cũng từ đấy, trong các học viện ở Anh, các chương trình giảng dạy đều mang tính thực dụng rất cao. Năm 1779, Trường đại học nông nghiệp đầu tiên ở châu Âu đã được thành lập tại Hung-ga-ri. Năm 1800, ở Anh đã có trên 200 tác giả viết về nông nghiệp và phát triển nông nghiệp. Tổ chức tiên phong của khuyến nông ở châu Âu và Bắc Mỹ là các *hiệp hội nông nghiệp* được thành lập vào nửa đầu thế kỷ 18. Mục đích của các hiệp hội này là nhằm giới thiệu với các hội viên những tiến bộ về nông nghiệp trong nước và trên thế giới, thành lập các hội địa phương để truyền bá thông tin nông nghiệp, tiến bộ nông nghiệp qua các xuất bản phẩm, các bài báo và các cuộc diễn thuyết. Các hiệp hội này còn có nhiệm vụ tổ chức các hội chợ, không chỉ để bán gia súc và nông sản mà còn nhằm mục đích *giáo dục*. Đặc biệt năm 1914, Mỹ đã thông qua *đạo luật về khuyến nông* cho phép kết hợp các nguồn tài trợ *liên bang, tiểu bang* và *địa phương* vào các hoạt động khuyến nông và kinh tế gia đình. Ở Trung quốc, khuyến nông cũng đã được biết đến từ lâu qua việc phổ biến kinh nghiệm sản xuất cho nông dân.

Ở Việt nam ta, nhà bác học Lê Quý Đôn đã đúc kết những kinh nghiệm có từ lâu đời theo kiểu thống kê sinh vật học để phổ biến cho nông dân.

* Giáo sư, Viện trưởng Viện khoa học nông nghiệp miền Nam

Digitized by Google

Lại phải kể đến những câu ca dao tục ngữ về nông nghiệp có rất nhiều ở các vùng nông thôn nước ta, đã giúp cho người nông dân dễ nhớ và dễ làm. Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói đến khuyến nông tại buổi lễ tốt nghiệp khóa V Trường huấn luyện cán bộ Việt nam (ngày 15-11-1945). Và trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, ở các vùng tự do, đặc biệt là ở chiến khu Việt bắc, các nhà khoa học nông nghiệp đã hoạt động khá tốt về khuyến nông.

*

Sau khi nước ta được hoàn toàn giải phóng, khuyến nông được từng bước áp dụng rộng rãi trong cả nước. Nhiều hợp tác xã, do biết vận dụng từng mặt của khuyến nông, đã đạt năng suất lúa ngày càng cao. Thành tích nổi bật về nông nghiệp của cả nước năm 1992 với tổng sản lượng lương thực đạt 24 triệu tấn, trong đó có 21,6 triệu tấn thóc, có sự đóng góp không nhỏ của khuyến nông. Đặc biệt ở miền Nam, nơi có vựa lúa đồng bằng sông Cửu long, khuyến nông càng được coi trọng.

Qua hơn 15 năm áp dụng công tác khuyến nông ở miền Nam, đặc biệt là qua kết quả tăng sản lượng nông nghiệp những năm gần đây ở nhiều tỉnh thuộc miền Nam, tôi thấy rất rõ là công tác khuyến nông đã mang lại hiệu quả lớn về nhiều mặt. Xin lấy một ví dụ cụ thể. Do nhận thức rõ tầm quan trọng và nội dung của công tác khuyến nông, tỉnh An giang đã có nhiều cố gắng về mặt đó. Năm 1992, nhờ đầu tư cho khuyến nông 2,4 tỉ đồng, tỉnh đã nâng cao được sản lượng nông nghiệp, làm lợi cho xã hội trên 200 tỉ đồng, mặc dù năm đó tỉnh bị lũ lụt và rầy nâu phá lúa khá nặng.

Cũng từ thực tế và kinh nghiệm 15 năm qua, xin có mấy kiến nghị sau đây nhằm đẩy mạnh hơn nữa công tác khuyến nông trong cả nước :

Một là, cần có những chính sách cụ thể, đúng đắn về nông nghiệp.

Mục tiêu chính của nông nghiệp nước ta là tăng nông sản tiêu dùng trong nước và nông sản xuất khẩu (trong đó có cả sản phẩm chăn nuôi). Đồng thời, tăng thu nhập cho người nông dân, cải thiện đời sống của họ. Muốn xây dựng nông thôn mới, nông nghiệp tiên tiến, người nông dân có văn hóa và văn minh... thì khuyến nông của chúng ta trong những năm tới phải có chiến lược và chiến thuật mới, phải có *những chính sách cụ thể* và sự chỉ đạo có bài bản trước mắt cũng như lâu dài của nhà nước, của Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm, và của các bộ, ban, ngành liên quan.

Về mục tiêu, theo tôi, cần xét khả năng của nước ta, của từng tỉnh mà xác định một cách cụ thể. Đây là một vấn đề đòi hỏi có sự suy tư nghiêm túc, với những cơ sở khoa học đúng đắn của những chương trình kinh tế - xã hội có tính chất chiến lược, với những số liệu thu thập một cách khoa học, tích lũy qua nhiều năm và được các nhà khoa học - kinh tế - xã hội phân tích bằng những phương pháp hiện đại dựa vào dụng cụ tuyệt vời của thời đại chúng ta là máy vi tính...

Lâu nay, ở nhiều nước cũng như ở nước ta sở dĩ có những lấn cấn trong mục tiêu nông nghiệp là do nhà nước muốn tăng sản lượng lương thực quốc gia nhưng lại vẫn áp dụng chính sách mua bán nông sản, thực phẩm như cũ. Như vậy, sẽ mâu thuẫn với mục tiêu nâng cao đời sống người nông dân. Chúng ta cần phấn đấu để hai mục tiêu trên hòa đồng, cùng tiến triển. Ở đây, việc *trợ giá* cho một số sản phẩm chủ yếu của nông nghiệp là một chính sách vô cùng quan trọng để bảo đảm *an ninh về mặt sản xuất lương thực quốc gia.*

Các nhà làm chính sách cần lưu ý rằng người nông dân sẽ không chấp nhận kỹ thuật mới dù biết là nhờ nó sản lượng sẽ tăng nhiều, nếu việc áp dụng kỹ thuật mới không mang lại cho họ hiệu quả kinh tế cụ thể do đầu vào quá đắt và đầu ra quá rẻ. *Như vậy, công tác khuyến nông sẽ đi ngược lại mục đích của khuyến nông.* Một điều nữa cần chú ý khi xây dựng chính sách là phải tạo *đầu ra* cho các sản phẩm nông nghiệp để người nông dân an tâm sản xuất. Đầu ra ở đây *không chỉ là* xuất khẩu *mà còn* là đầu tư để xây dựng những cơ sở chế biến lương thực, thực phẩm tiên tiến có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh với hàng ngoại nhập. *Cạnh tranh được với hàng nhập, đã là xuất khẩu.* Cho đến nay, chế biến lương thực thực phẩm còn là một khâu yếu ở nước ta.

Digitized by Google

Hai là, đầu tư đúng mức cho sự phát triển của khoa học nông nghiệp và đội ngũ cán bộ khoa học nông nghiệp.

Muốn có tiến bộ kỹ thuật để phổ biến cho nông dân, dĩ nhiên phải có các viện, các trường đại học, các trung tâm nghiên cứu khoa học *thực sự*. Muốn có các công trình nghiên cứu khoa học thực sự, thì phải có kinh phí nghiên cứu, có các phòng thí nghiệm, có các nhà khoa học có trình độ cao, thực sự hiểu được cái cần, cái khó trong sản xuất. Nhà nước cần tạo điều kiện cho các nhà khoa học trong nước thường xuyên tiếp xúc với kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trên thế giới. Việc cải thiện điều kiện sống và làm việc của đội ngũ cán bộ khoa học cũng cần được quan tâm đúng mức.

Các tổ chức khuyến nông của các bộ và các tỉnh cần có kế hoạch đào tạo một cách chính quy cán bộ phụ trách khuyến nông cho tỉnh, huyện và cho xã. Việc tuyển chọn cán bộ khuyến nông phải bảo đảm những tiêu chuẩn cần thiết : ngoài kiến thức chuyên môn, họ phải thật sự yêu nông thôn, miệng nói, tay làm, *năng nổ, biết đúc kết kinh nghiệm quý của nông dân giỏi*, có nhiều sáng kiến cải tiến lề lối làm việc...

Ba là, cần nhận thức rõ đối tượng của các tổ chức khuyến nông là *người nông dân*. Điều này đòi hỏi phải lôi cuốn được đông đảo nông dân tham gia công tác khuyến nông. Lâu nay, ở không ít địa phương, chúng ta đã cố gắng tập hợp những nông dân giỏi trong từng vùng, huấn luyện họ thành những kỹ thuật viên, *làm cầu nối* giữa các viện, các trung tâm nghiên cứu, các trường đại học với thực tế sản xuất. Đây thực sự là một sáng kiến trong hoàn cảnh chúng ta còn thiếu một mạng lưới cán bộ kỹ thuật rộng khắp đi sâu vào từng địa phương, cơ sở.

Phương pháp khuyến nông phải phù hợp với mục tiêu của từng chương trình ở từng vùng sinh thái khác nhau thì mới được sự hưởng ứng của nông dân. Cần tổ chức thật nghiêm túc các buổi tập huấn, các buổi trao đổi kinh nghiệm ngay trên đồng ruộng hoặc tại các trại chăn nuôi. Các tiến bộ kỹ thuật nông nghiệp phổ biến cho nông dân phải thật thiết thực, dễ hiểu, và được áp dụng một cách dễ dàng trong điều kiện cụ thể ở từng vùng. Những năm qua, Viện khoa học nông nghiệp miền Nam đã cho in nhiều tờ bướm với hình thức đẹp nhằm phổ biến một cách ngắn gọn, dễ hiểu các tiến bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp theo một quy trình kỹ thuật cho từng mặt hoạt động nông nghiệp. Việc làm đó đã được bà con nông dân đánh giá cao. Điều quan trọng là phải để cho nông dân nhận xét, phê phán một cách nghiêm túc các hoạt động khuyến nông. Có thực sự lắng nghe ý kiến của họ thì mới cải tiến được tốt và nhanh phương pháp khuyến nông, đó là kinh nghiệm tôi rút ra được qua những năm hoạt động.

Trong công tác khuyến nông, phải có kế hoạch giúp đỡ khác nhau đối với từng loại nông dân giàu, nghèo. Chẳng hạn đối với nông dân *nghèo* thì hướng dẫn kỹ thuật nuôi lợn thịt, lợn nái, nuôi gà đẻ, nuôi chim cút với quy mô nhỏ, với phương pháp tiến bộ vừa phải (do họ chỉ đủ tiền để mua một phần thức ăn công nghiệp cho gia súc, gia cầm, còn thì phải dựa vào tấm, cám rẻ tiền, hoặc dựa vào thức ăn xanh kiếm được ngay trong vườn, ao nhà họ). Còn đối với những nông dân khá giả, chăn nuôi hàng trăm lợn thịt, hàng chục lợn nái, thì lại cần cung cấp kỹ thuật tiên tiến, vì công việc chăn nuôi của họ không thể theo kiểu "lấy công làm lãi".

*

Đối với chúng ta, khuyến nông là vấn đề vừa *cũ*, vừa *mới*. Cũ là vì nhân dân ta đã biết từ lâu. Mới là vì những năm gần đây chúng ta mới nắm bắt được đầy đủ nội dung của khuyến nông. Dù sự nắm bắt đó có phần chậm trễ, nhưng trên cơ sở những kết quả đã đạt được và trong công cuộc đổi mới mạnh mẽ các mặt hoạt động, trong đó có hoạt động nông nghiệp mà toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến hành, chúng ta hy vọng trong thời gian không xa, khuyến nông sẽ là một trong những nhân tố giúp cho nông nghiệp nước ta chuyển biến mạnh mẽ trên con đường tiến lên thành nền nông nghiệp hiện đại.

Digitized by Google

KINH NGHIỆM HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG BÍ THƯ NGÀNH CHÈ

NGUYỄN KIM PHONG *

Liên hiệp các xí nghiệp chè Việt nam (LH) là ngành kinh tế kỹ thuật có chức năng quản lý, chỉ đạo sự phát triển, trồng trọt, chế biến toàn bộ chè của các xí nghiệp, nhà máy, nông trường thuộc khu vực quốc doanh trên phạm vi cả nước.

Phần lớn các đơn vị sản xuất, kinh doanh của LH nằm ở các tỉnh trung du, miền núi xa xôi, hẻo lánh. Ở những nơi đó, cơ sở hạ tầng, kinh tế, xã hội kém phát triển, dân trí thấp, nhiều tập tục văn hóa lạc hậu còn ảnh hưởng xấu đến đời sống nhân dân. Các đơn vị của LH ở những nơi đó chẳng những phải tiến hành sản xuất, kinh doanh, bảo đảm sự phát triển kinh tế, xã hội của ngành chè, ổn định và cải thiện đời sống của cán bộ, công nhân mà còn phải góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa, làm tốt công tác an ninh quốc phòng ở địa phương. Thế nhưng LH chỉ là đơn vị quản lý sản xuất, kinh doanh thuộc trung ương, đứng đầu là tổng giám đốc điều hành các giám đốc ở cơ sở. Các đảng bộ của các đơn vị chè lại sinh hoạt theo vùng lãnh thổ, trực thuộc các cấp ủy đảng địa phương, tiếp nhận mọi chỉ thị, nghị quyết, chủ trương qua cấp ủy đảng ở nơi đó. Vì vậy, có những vấn đề, không có mối liên hệ ngang, không có sự quy định về quan hệ giữa lãnh đạo các xí nghiệp chè với các cấp ủy đảng địa phương. Trong khi đó, việc phấn đấu để hoàn thành mọi nhiệm vụ kinh tế, chính trị của LH, góp phần xây dựng địa phương nơi đơn vị đóng, lại yêu cầu có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa lãnh đạo của cấp ủy đảng và bộ máy quản lý các xí nghiệp chè.

Thực tế khách quan đó đặt ra yêu cầu phải thiết lập một tổ chức để điều hành mối quan hệ giữa ban lãnh đạo LH, cụ thể là giữa tổng giám đốc với các cấp ủy đảng của các xí nghiệp thành viên. Vì thế giữa năm 1983, đã có hội nghị giữa tổng giám đốc LH với tất cả các bí thư đảng ủy các đơn vị trực thuộc. Hội nghị này đã quyết định thành lập *Hội đồng bí thư Liên hiệp các xí nghiệp chè Việt nam*. Hội đồng bí thư này bao gồm tổng giám đốc kiêm chủ tịch Hội đồng và hơn 30 bí thư đảng ủy các đảng bộ cơ sở là thành viên. Đến nay, Hội đồng bí thư ngành chè đã trải qua chặng đường 10 năm hoạt động và qua 12 hội nghị tổng kết công tác. Hội nghị thứ 12 họp vào tháng 12-1992.

Qua 10 năm hoạt động liên tục, với sự cố gắng mày mò trên hướng đi lên, Hội đồng bí thư ngành chè đã khẳng định được vị trí, vai trò, tác dụng của mình trong việc lãnh đạo các xí nghiệp, lãnh đạo ngành chè đứng vững, phát triển. Đến nay, các cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành chè đều thấy rõ tác dụng tốt của Hội đồng bí thư trong các hoạt động của mình. Mười năm hoạt động, Hội đồng bí thư ngành chè đã rút ra một số kinh nghiệm bước đầu sau đây :

1 - *Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.*

Nhờ việc lập Hội đồng bí thư và thông qua hoạt động của Hội đồng này, ngành chè đã thống nhất được chương trình hành động của hệ thống quản lý sản xuất, kinh doanh với mục tiêu : hoàn thành mọi nhiệm vụ chính trị, kinh tế của từng đơn vị, của toàn LH, bảo đảm việc trụ vững của các đơn vị trước những thay đổi cơ chế, trước khó khăn, ổn định công ăn việc làm cho người lao động, phát triển sản xuất kinh doanh.

Khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng (khóa VI) và Quyết định 217/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) về giao quyền chủ động cho các đơn vị kinh tế cơ sở, ngành chè đã được Đảng, Nhà nước chọn làm đơn vị thí điểm. Đây cũng là điều kiện thuận lợi để ngành che thực hiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Hội đồng bí thư ngành chè đã họp, quán triệt các nghị quyết và quyết định nêu trên ; thảo luận, bàn bạc, đề ra

* Phó tiến sĩ kinh tế, Tổng giám đốc Liên hiệp các xí nghiệp chè Việt nam

Digitized by Google

những biện pháp thực hiện trong toàn ngành và từng đơn vị sao cho có hiệu quả. LH đã sắp xếp lại biên chế, tinh giản bộ máy cho gọn nhẹ, năng động và có hiệu quả. Do có sự chỉ đạo thống nhất của toàn ngành, có sự phối hợp nhịp nhàng giữa bí thư đảng ủy và giám đốc ở các đơn vị cơ sở, do xây dựng được những quy chế làm việc cụ thể, do làm tốt công tác cán bộ... mà ở ngành chè trong quá trình thực hiện Quyết định 217 nói chung không có hiện tượng "217 đẩy Đảng ra".

Khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị về đổi mới quản lý nông nghiệp, Hội đồng bí thư ngành chè đã tổ chức Hội nghị thứ 7 (1989) để thảo luận vấn đề giao quyền sử dụng tư liệu sản xuất cho người lao động sao cho phù hợp. Sau một thời gian làm thí điểm ở một số nơi, ngành chè đã rút kinh nghiệm và nhân rộng ra toàn LH. Đến nay, toàn LH đã thực hiện xong việc này. Nhiều mô hình sản xuất mới ra đời, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, như các xí nghiệp nông - công nghiệp chè Long phú, Đoan hùng, Nghĩa lộ, Mộc châu...

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, Hội đồng bí thư ngành chè đã tổ chức hai hội nghị (thứ 10 và 11) nhằm quán triệt Nghị quyết và bàn cách vận dụng vào từng đơn vị cụ thể. Vấn đề được Hội đồng bí thư đặc biệt lưu ý là nhanh chóng đào tạo lại cán bộ, công nhân kỹ thuật, lập lại trật tự kỷ cương trong sản xuất, quản lý nghiêm ngặt các quy trình, thực hiện vệ sinh công nghiệp và tiết kiệm. Đến nay, chất lượng sản phẩm chè ngày một nâng lên, doanh thu tăng, đời sống người làm chè ngày càng ổn định và được cải thiện.

2 - *Thống nhất chủ trương, biện pháp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý cán bộ.*

LH với hơn 30 đơn vị trực thuộc, có một đội ngũ cán bộ đông đảo, bao gồm hàng nghìn cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ được phân bố trên nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước. Vì vậy, công tác cán bộ luôn luôn là vấn đề trọng tâm của Hội đồng bí thư và các đảng bộ ngành chè. Hội nghị lần thứ 7 (1989) của Hội đồng bí thư ngành chè đã bàn bạc, thảo luận vấn đề cán bộ và thống nhất 8 tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ cho các chức danh quản lý, lãnh đạo. Các tiêu chuẩn này là cơ sở, là chỗ dựa, là căn cứ để tổng giám đốc bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ một cách có hiệu quả. Do lựa chọn và bố trí đúng cán bộ, cho nên ngành chè đã có một đội ngũ cán bộ trẻ, có phẩm chất năng lực, có tri thức, nhạy bén với cái mới. Đội ngũ cán bộ này thường xuyên được xem xét, sàng lọc, thay thế, bổ sung.

Hội đồng bí thư ngành chè ngay từ ngày đầu thành lập đã khẳng định : vai trò quan trọng nhất trong các đơn vị cơ sở là giám đốc và bí thư đảng ủy. Hai người này phải có trình độ, năng lực tương đương nhau, có thể thay thế vị trí của nhau để lãnh đạo, điều hành sản xuất kinh doanh. Từ nhận thức đó, trong công tác cán bộ, ban lãnh đạo LH và Hội đồng bí thư hết sức chú ý khi lựa chọn cán bộ đảm nhận hai chức danh này. Trên thực tế, ngành chè đã chuyển một số giám đốc sang làm bí thư đảng ủy và ngược lại, mà họ vẫn làm tốt nhiệm vụ của mình. Những trường hợp cán bộ lãnh đạo thoái hóa, biến chất, không làm tốt nhiệm vụ, đã được xử lý kịp thời, cương quyết. Do xác định được tiêu chuẩn cán bộ một cách rõ ràng, do có sự phối hợp kịp thời giữa chủ tịch Hội đồng bí thư và các đảng ủy cơ sở, ngành chè không có những hiện tượng bè cánh, chậm xử lý trong công tác cán bộ. Với sự lãnh đạo của Hội đồng bí thư kết hợp với chính quyền và các đoàn thể khác, 5 năm gần đây, LH đã bãi miễn, cách chức 9 người, bổ nhiệm 25 giám đốc, 35 phó giám đốc, 19 kế toán trưởng.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ về nhiều mặt, cũng được Hội đồng bí thư coi trọng. Tổng giám đốc kiêm chủ tịch Hội đồng bí thư có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác này. Hằng năm ngành chè đã gửi một lượng khá lớn cán bộ trẻ, có triển vọng đến học tập, bồi dưỡng ở các trường quản lý, các trung tâm, các trường đại học. Ngành cũng gửi con em cán bộ, công nhân của mình đi đào tạo, học tập ở các trường đại học, trung học chuyên nghiệp, trường công nhân kỹ thuật để về phục vụ ngành chè. Các đơn vị cơ sở kết hợp với các viện, các trường đại học, các trung tâm để mở các lớp tại chức, nghiên cứu các chuyên đề, nâng cao trình độ nghiệp vụ, thi bậc thợ, v.v.. tại địa phương cơ sở ngành chè.

Hội đồng bí thư đặc biệt quan tâm đến việc bồi dưỡng các bí thư cấp ủy cơ sở bằng việc tổ chức đi tham quan, du lịch ; giải quyết chế độ tiền lương thỏa đáng ; bồi dưỡng sức khỏe và tạo điều kiện thuận lợi cho các đồng chí bí thư làm việc. Do vậy,

Digitized by Google

nói chung cán bộ làm công tác đảng ở ngành chè đều yên tâm công tác ở cương vị của mình.

3 - *Thường xuyên trao đổi thông tin, kinh nghiệm từ trên xuống, từ dưới lên và giữa các đơn vị cơ sở với nhau.*

Trong nền kinh tế thị trường, với đặc thù của ngành chè là trải rộng trên cả nước mà chủ yếu ở trung du và miền núi, cho nên việc thông tin kịp thời là rất quan trọng và cần thiết. Hội đồng bí thư đã thống nhất cao trong việc thông tin hai chiều từ dưới lên, từ trên xuống. Tổng giám đốc kiêm chủ tịch Hội đồng bí thư thông báo thường xuyên cho các bí thư đảng ủy các đơn vị trực thuộc những ý đồ chiến lược, những chủ trương lớn, những giải pháp kinh tế, xã hội, thị trường, tham gia góp ý kiến với các bí thư đảng ủy trên về công tác xây dựng đảng ở đảng bộ cơ sở. Ngược lại, các bí thư đảng ủy trên có nhiệm vụ phản ánh thường xuyên với chủ tịch Hội đồng bí thư về tình hình của đảng bộ, đơn vị mình, đặc biệt là những vấn đề nổi cộm cần giải quyết để bảo đảm đoàn kết nội bộ, để tránh những thiệt hại trong sản xuất, kinh doanh.

Sau mỗi hội nghị của Hội đồng bí thư, các bí thư đảng ủy cơ sở có nhiệm vụ báo cáo với cấp ủy đảng cấp trên ở địa phương về nghị quyết của Hội đồng, xin ý kiến phối hợp chỉ đạo. Ngoài các cuộc họp định kỳ của Hội đồng bí thư, chủ tịch Hội đồng thường xuyên trao đổi với các bí thư đảng ủy cơ sở về những vấn đề cần thiết. Qua bộ phận thường trực của Hội đồng bí thư, các đảng ủy cơ sở có thể nhận được những thông tin xác đáng để lãnh đạo, điều hành đảng bộ, đơn vị mình. Trong các cuộc họp của Hội đồng bí thư, các bí thư đảng ủy cơ sở có thể trao đổi về kinh nghiệm lãnh đạo sản xuất kinh doanh, công tác cán bộ, xây dựng đảng, công tác đảng vụ, v.v..

4 - *Tạo ra mối quan hệ, phối hợp tốt với các cấp ủy ở địa phương*

Việc thành lập Hội đồng bí thư ngành chè đã góp phần làm tăng thêm mối quan hệ giữa ngành chè và các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, nơi có các đơn vị thành viên của LH. Ngành chè đã giúp các địa phương về quy hoạch, đầu tư, phát triển, chế biến chè, phối hợp với các huyện ủy, tỉnh ủy giải quyết các vấn đề về công tác tổ chức, cán bộ, tạo điều kiện cho các địa phương hoàn thành nhiệm vụ. Cấp ủy đảng ở địa phương đã lãnh đạo, chỉ đạo cấp ủy đảng các xí nghiệp chè đóng trên địa phương mình thấu suốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, giúp các xí nghiệp đó trong vấn đề an ninh, trật tự, tạo điều kiện thuận lợi cho xí nghiệp hoàn thành nhiệm vụ. Tổng giám đốc kiêm chủ tịch Hội đồng bí thư có trách nhiệm liên hệ chặt chẽ với các cấp ủy đảng địa phương, nơi xí nghiệp thành viên đóng, để phối hợp, thống nhất chủ trương của ngành, địa phương, giúp nhau hoàn thành nhiệm vụ. Trong các cuộc họp của Hội đồng bí thư, nhiều đồng chí lãnh đạo cấp ủy đảng địa phương đã tham gia và góp những ý kiến quý báu để Hội đồng hoạt động có hiệu quả hơn. Nói chung, mối quan hệ của LH, của Hội đồng bí thư và các cấp ủy đảng địa phương ngày càng mật thiết và có hiệu quả.

*

Thực tế hoạt động của ngành chè cho thấy, việc lập Hội đồng bí thư đảng là rất cần thiết. Nó góp phần tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, phối hợp tốt công tác giữa cấp ủy đảng với các giám đốc xí nghiệp, giữa cơ sở sản xuất với lãnh đạo toàn ngành, giữa ngành chè với các địa phương có các đơn vị thành viên. Những kinh nghiệm bước đầu thu được sẽ giúp chúng tôi đẩy mạnh hơn nữa các hoạt động của LH trong thời gian tới.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng bí thư ngành chè vẫn còn những hạn chế và những cái "vướng". Bộ phận thường trực của Hội đồng bí thư ở trung ương hoạt động chưa đều đặn. Sự kiện toàn, bổ sung các thành viên của Hội đồng, chưa làm được thường xuyên và kịp thời. Sinh hoạt chuyên đề của Hội đồng chưa được quan tâm đúng mức. Nhiều điển hình tốt chưa được đúc kết kinh nghiệm để phổ biến, nhân rộng, giới thiệu để nơi khác học tập. Nhiều cơ sở đảng, nhất là ở những vùng núi cao, thiếu thông tin, báo chí, phương tiện thông tin...

Khắc phục được những hạn chế, thiếu sót trên đây, phát huy những thành tích kinh nghiệm đã thu được, Hội đồng bí thư Liên hiệp các xí nghiệp chè Việt nam sẽ tự khẳng định hơn nữa vị trí của mình trong sự nghiệp đổi mới của Đảng ta hiện nay

Digitized by Google

KINH TẾ HỘ GIA ĐÌNH NÔNG DÂN Ở AN GIANG

HỒ TẤN PHONG *

TỪ năm 1988 đến năm 1992, sau những đổi mới về cơ chế quản lý nông nghiệp, sản xuất lương thực bình quân hằng năm của tỉnh An giang đạt hơn 1 triệu tấn. Trong những năm đó, sản lượng lương thực tăng gấp đôi so với giai đoạn 1981-1987. Năng suất lúa không ngừng gia tăng và đạt cao nhất trong năm 1992 (vụ Đông -Xuân 1991-1992, năng suất lúa bình quân đạt 6,03 tấn/ha). Năm 1991, bình quân thu nhập của nông dân tính theo đầu người/tháng là 97 135 đồng, tăng 2,02 lần so với năm 1990 (trong đó mức chi cho sinh hoạt là 83 970 đồng, tăng 2,04 lần).

Những con số trên chứng tỏ cơ chế mới đã thúc đẩy mạnh mẽ phát triển sản xuất nông nghiệp, nâng cao đời sống nông dân.

Nguyên nhân của những chuyển biến đó trước hết là ở chỗ cơ chế mới đã thực sự tạo được động lực phát triển sản xuất trong từng hộ gia đình nông dân. Trước đây trong mô hình hợp tác xã cũ, người nông dân không thiết tha, thậm chí thờ ơ với ruộng đất. Nay trở về kinh tế hộ, nông dân có quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, thì đất được sử dụng có hiệu quả hơn, được khai hoang, phục hóa. Hệ số sử dụng ruộng đất trong tỉnh tăng từ 1,2 (1976) lên 1,8 (1990). Máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp từ chỗ bị hư hỏng, giảm sút trong những năm trước, đã được tăng cường khi chuyển sang cơ chế mới. Số lượng máy kéo lớn, nhỏ trong tỉnh đến 1-7-1992 là 2269 chiếc, tăng 117 chiếc so với cùng kỳ năm 1991. Năm 1990, công ty vật tư tỉnh bán ra hơn 5000 máy nông nghiệp các loại nhưng vẫn chưa thỏa mãn nhu cầu nông dân.

Đáng chú ý là khi người nông dân làm chủ thực sự máy móc của mình thì máy được bảo quản và sử dụng tốt hơn trước. Một máy kéo 50 CV có thể bảo đảm làm đất cho 300 ha tiêu chuẩn năm và làm nhiều chức năng khác trong thu hoạch và vận chuyển lúa gạo. Một máy cày xới sau ba năm hoạt động đã có thể hoàn lại vốn.

Sự quan tâm, gắn bó của nông dân với công việc đồng áng là nguyên nhân quan trọng nhất để có năng suất lao động cao, đặc biệt đối với những khâu công việc gắn với quá trình sinh học. Ở những khâu này lao động của từng hộ gia đình nông dân tỏ ra phù hợp nhất

Tuy vậy, sẽ là phiến diện, sai lầm nếu cho rằng kết quả phát triển sản xuất nông nghiệp ở An giang khi chuyển sang cơ chế mới chỉ đơn thuần là do nguyên nhân giao lại ruộng đất cho nông dân, giao cho hộ gia đình nông dân quyền tự chủ trong hoạt động kinh tế. Có một nguyên nhân khác không kém phần quan trọng là, cùng với việc chuyển đổi quản lý nông nghiệp sang cơ chế mới, An giang đã đồng thời đổi mới và tăng cường các quan hệ kinh tế giữa các đơn vị kinh tế quốc doanh với hộ gia đình nông dân, xét từ phía đầu vào cũng như đầu ra của sản xuất nông nghiệp. Đảng bộ An giang nhận thức rằng tái lập lại trong sản xuất nông nghiệp mối quan hệ gắn bó giữa nông dân và ruộng đất chỉ là một mặt, mặt khác phải đặt mối quan hệ đó trong sự cải biến tổng thể những quan hệ kinh tế - xã hội khác. Điều này liên quan đến vai trò của nhà nước trong cơ chế mới. Nhà nước phải tác động vào sản xuất hộ gia đình nông dân cả đầu vào lẫn đầu ra. Đó không phải là những tác động theo kiểu bao cấp, làm thay, cũng không phải là sự buông trôi để hộ gia đình nông dân tự vận động, mà là những tác động cần thiết cho việc tiếp tục cuộc cách mạng quan hệ sản xuất ở nông thôn. Để tiến hành sản xuất, nhất là sản xuất hàng hóa, thì nông dân không phải chỉ có những quan hệ kinh tế giữa họ với nhau. Họ cần có những quan hệ kinh tế với những chủ thể sản xuất, kinh doanh khác, mà trong số đó, các đơn vị kinh tế của nhà nước đóng vai trò rất quan trọng. Đổi mới và tăng cường những quan hệ kinh tế giữa nhà nước với nông dân, tập trung đầu tư cho nông dân, nông nghiệp là nội dung mới của liên minh công - nông. Đảng bộ An giang đã nắm vững tinh thần đó, vận dụng vào địa phương mình để thúc đẩy sản xuất nông nghiệp.

Trước hết là giải quyết cho nông dân vay vốn. Vụ Đông-Xuân 1991-1992, Ngân hàng nông nghiệp An giang đã cho nông dân vay 25,025 tỉ đồng, gấp 7,3 lần so với vụ Đông-Xuân 1990-1991, gấp 4 lần so với vụ Hè-Thu 1991. Số hộ nông dân được vay trong vụ Đông-Xuân 1991-1992 là 41 005 hộ, gấp 3,5 lần so với vụ Đông-Xuân 1990-1991 và 2,5 lần so với vụ Hè-Thu (tuy

* Phó tiến sĩ kinh tế học, phó chủ nhiệm Khoa kinh tế đại cương - Trường đại học kinh tế, TP Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

nhiên, số hộ được vay nói trên cũng chỉ chiếm 16% số hộ sản xuất nông nghiệp trong tỉnh).

Trong tổng số vốn đầu tư xây dựng cơ bản toàn tỉnh 6 tháng đầu năm 1992 thì đầu tư thủy lợi phục vụ nông nghiệp là 5,7 tỉ đồng, chiếm 28,86%.

Chương trình khuyến nông nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất nông nghiệp đến từng hộ gia đình nông dân, được hình thành ở An giang từ năm 1988, ngày càng phát huy tác dụng, được nông dân hưởng ứng. Năm 1989, mức đầu tư cho những hoạt động của chương trình này là 200 triệu đồng, năm 1990 là 350 triệu đồng, năm 1991 là 500 triệu, và năm 1992 mức đầu tư đó khoảng hơn 2 tỉ đồng.

Trong sản xuất nông nghiệp, sự lạc hậu của mô hình tổ chức sản xuất cũ ở An giang đã làm xuất hiện những nhu cầu và hình thức hợp tác mới trong nông dân. Tỉnh đã chỉ đạo kịp thời các cơ sở giúp nông dân hình thành các tổ chức sản xuất phù hợp như "tổ liên doanh", "tổ nông dân sản xuất giỏi", "tổ hợp tác dịch vụ nông nghiệp" theo xu hướng đa dạng hóa các hình thức hợp tác, trên cơ sở tự nguyện, cùng có lợi, từ thấp đến cao.

Sự thay đổi các hình thức tổ chức sản xuất của nông dân đã đặt ra yêu cầu sắp xếp lại hệ thống các công ty kinh doanh, thay đổi phương thức hoạt động của chúng để tác động có hiệu quả hơn đến sản xuất của từng hộ gia đình nông dân. Năm 1990, toàn tỉnh có 20 công ty, đến năm 1991 sắp xếp lại còn 9 công ty. Tuy số lượng công ty giảm đi, nhưng năng lực kinh doanh từng công ty được mở rộng, nguồn vật tư, hàng hóa chiến lược được tập trung, xuất nhập khẩu được tăng cường. Năm 1991 đã xuất khẩu 140 250 tấn gạo, 27 000 tấn nông sản khác, 2100 tấn thủy sản đông lạnh. Những mặt hàng nhập khẩu chủ yếu nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp gồm 163 226 tấn phân bón, 55 000 tấn xăng dầu, riêng về các loại máy móc, phụ tùng trị giá khoảng 2,3 triệu USD.

Kinh nghiệm của An giang cho thấy, trở về mô hình kinh tế hộ gia đình nông dân không phải là bước lùi của cải biến quan hệ sản xuất ở nông thôn. Quá trình đó đặt ra hàng loạt những quan hệ kinh tế mới đi liền với việc xóa bỏ những quan hệ cũ mang tính áp đặt, quan liêu, bao cấp.

Bên cạnh những thành tích, những khởi sắc sôi động của sản xuất nông nghiệp khi đi vào cơ chế mới, là mặt trái của cơ chế đó. Cũng như ở nhiều nơi khác, bước phát triển mới của sản xuất nông nghiệp ở An giang đang làm nảy sinh nhiều mâu thuẫn cần được giải quyết:

Một là, mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.

Mặt trái của cơ chế thị trường tác động trước hết tới những hộ nông dân nghèo, thường xuyên gặp khó khăn trong sản xuất và đời sống. Năm 1991, số hộ này chiếm 13,15% tổng số hộ nông dân trong tỉnh. Mặc dù nhà nước đã cố gắng cho nông dân vay mỗi vụ sản xuất từ 25 đến 30 tỉ đồng, nhưng mức độ đáp ứng nhu cầu vay vốn của nông dân còn rất thấp. Tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn (với lãi suất 10% - 20%/tháng) vẫn xảy ra.

Tình trạng chuyển nhượng, mua bán ruộng đất cũng không còn là hiện tượng cá biệt. Có những trường hợp việc chuyển nhượng có ý nghĩa tích cực, có thể chấp nhận (ví dụ người chuyển nhượng muốn có vốn làm nghề khác hoặc muốn có vốn đi khai hoang). Nhưng cũng có những trường hợp không phải như vậy (ví dụ, có người do túng quẫn, không thể "làm chủ" ruộng đất được, nên đành phải chuyển nhượng để đi làm thuê).

Tình trạng mua đi bán lại ruộng đất đã làm giá cả ruộng đất tăng lên. Từ năm 1989 đến năm 1991, ở xã Nhân mỹ, giá một công đất từ 1 chỉ vàng lên 3 chỉ ; ở xã Vĩnh chánh từ 0,5 chỉ lên 2 chỉ.

Tình trạng nông dân thiếu việc làm cũng đang là nỗi bức xúc. Tính chung trong khu vực nông thôn cả tỉnh có 68 676 người chưa có việc làm, tương ứng 7,59% lực lượng lao động (hơn 80% số đó là ở độ tuổi 16 - 30). Nguyên nhân thất nghiệp là do tỷ lệ gia tăng dân số còn cao, do thiếu ruộng đất, ngành nghề chưa phát triển.

Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt. Năm 1991, 9,5% số hộ có mức thu nhập dưới 50 000 đ/tháng ; 15,3% số hộ có mức thu nhập từ 50 000đ - 75 000đ/tháng ; 28,2% số hộ có mức thu nhập từ 75000đ - 100 000đ/tháng ; 35% số hộ có mức thu nhập từ 100 000đ - 170 000đ/tháng ; 12% số hộ có mức thu nhập trên 170 000 đ/tháng.

Sự phân hóa giàu nghèo là khó tránh trong quá trình phát triển kinh tế hàng hóa. Không thể vì sợ phân hóa giàu nghèo mà kìm hãm phát triển kinh tế hàng hóa. Vấn đề là phát triển kinh tế hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cạnh tranh đi đôi với hợp tác, làm giàu nhưng là làm giàu chính đáng. Đối với những hộ nông dân nghèo khó, tỉnh cần có sự trợ giúp thêm về điều kiện sản xuất và các mặt phúc lợi (như y tế, giáo dục v.v.), khuyến khích nhân dân phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái để làm giảm bớt "nỗi đau" của cơ chế thị trường.

Hai là, mâu thuẫn giữa yêu cầu đầu tư cho nông

Digitized by Google

nghiệp, nông dân với việc chuyển các đơn vị kinh tế của nhà nước sang hạch toán kinh doanh và tình trạng ngân sách nhà nước còn eo hẹp.

Sản xuất nông nghiệp nói chung và kinh tế hộ gia đình nông dân không thể tự nó tạo ra chuyển biến đáng kể nếu không có sự tác động của nhà nước. Tỉnh An giang đã cố gắng nhiều để thực hiện sự tác động đó. Nhưng thực tế vẫn đặt ra nhiều vấn đề nan giải.

Với cơ chế mới, các quan hệ kinh tế kiểu quan liêu bao cấp trước đây của nhà nước đối với nông dân không còn nữa. Những đơn vị kinh tế của nhà nước liên quan trực tiếp đến đầu vào và đầu ra của sản xuất hộ gia đình đang chuyển sang hạch toán kinh doanh.

Trước đây ngân hàng cho nông dân vay qua các tổ chức hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, nay cho vay đến từng hộ gia đình, có chú trọng số hộ nông dân nghèo. Trước đây cho vay với lãi suất bao cấp "âm", nay ngân hàng chuyển sang kinh doanh phải thực hiện lãi suất "dương". Số tiền cho nông dân vay đều tăng lên qua các năm, nhưng

Vụ lúa	Số tiền cho vay (triệu đồng)	Số hộ được vay	Tỷ lệ % so với tổng số hộ
Đông - Xuân 1990 - 1991	3018	15 260	5.3
Đông - Xuân 1991 - 1992	25 025	41 005	16.0
Hè - Thu 1992	32 660	42059	19.8

mức độ đáp ứng nhu cầu vay vốn của nông dân vẫn còn rất thấp. Bảng số liệu sau đây phản ánh tình hình đó :

Về cung ứng vật tư nông nghiệp cũng nảy sinh mâu thuẫn khi thực hiện cơ chế mới. Công ty vật tư, do chuyển sang kinh doanh, đã không thể giữ lâu số vật tư hàng tỉ đồng để bán lẻ trong mấy tháng cho nông dân. Bởi vậy, gần 100% vật tư vốn thuộc sở hữu nhà nước (do các công ty quốc doanh nhập vào hay sản xuất trong nước), nhưng người bán vật tư cho các hộ nông dân lại là tư thương.

Về thu mua lương thực cũng xảy ra tình hình tương tự. Mặc dầu công ty lương thực tỉnh đã bố trí thêm nhiều điểm thu mua hơn trước, nhưng do thiếu phương tiện, do phương thức thu mua chưa linh hoạt, và đặc biệt do thiếu tiền mặt trong những thời điểm mùa vụ, cho nên nông dân lại bán lương thực qua mạng lưới tư thương là chủ yếu.

Hàng loạt những tiêu cực trong quan hệ giữa tư thương và nông dân như ép giá, ép phẩm cấp, cân đong gian dối v.v. đã xảy ra, khiến cho hầu hết số hộ nông dân đều muốn đặt quan hệ mua bán trực tiếp với nhà nước.

Những vấn đề kể trên, tuy chưa đầy đủ (như chưa tính đến tỷ giá bán hàng công nghiệp với giá mua nông sản), đang gây khó khăn cho phát triển kinh tế hộ nông dân. Để giải quyết những mâu thuẫn nói trên, không thể bắt các đơn vị kinh doanh của nhà nước gánh thêm những chức năng xã hội. Là những đơn vị kinh tế, họ cũng phải hướng đến hiệu quả kinh doanh. Nhà nước muốn đầu tư cho nông dân thì phải có chính sách tài trợ về giá, về lãi suất cho vay... Dĩ nhiên, các đơn vị kinh doanh của nhà nước cũng phải thay đổi những hình thức và phương thức quan hệ với hộ nông dân cho phù hợp, nắm bắt kịp thời những nhu cầu của nông dân, vươn lên giữ vai trò chủ đạo trên thị trường nông thôn.

Ba là, mâu thuẫn giữa phát triển kinh tế hộ gia đình nông dân với tình trạng chậm chạp của phân công lao động mới ở nông thôn.

Một phương hướng lớn trong phát triển sản xuất hàng hóa ở nước ta là thúc đẩy sự phân công lao động xã hội, mà trước hết là phân công lại lao động trong nông nghiệp. Quá trình chuyển về kinh tế hộ gia đình nông dân, đặt hộ gia đình nông dân vào cơ chế thị trường, đang làm xuất hiện những nhu cầu về phân công lại lao động nông nghiệp, trước hết là yêu cầu đầu tư lao động vào các hoạt động dịch vụ về vốn, về lưu thông hàng hóa, về chuyển giao kỹ thuật, công nghệ mới, về bảo vệ cây trồng... Thực tiễn, sản xuất nông nghiệp ở nhiều nước tư bản cho thấy, sự phát triển các hình thức hợp tác dịch vụ trong sản xuất nông nghiệp có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế hộ nông dân. Ở nông thôn An giang, việc tiến hành những dịch vụ đó hầu như nằm trong tay tư thương. Tôi cho rằng cần thiết phải thúc đẩy quá trình đa dạng hóa các hình thức hợp tác trong những hoạt động dịch vụ, và nhà nước cần có tác động tích cực vào quá trình đó. Trong những năm trước mắt, củng cố và phát triển các công ty quốc doanh là cần thiết, nhưng hoạt động của các công ty này chưa thể đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của kinh tế hộ nông dân. Sự tác động bằng đầu tư của nhà nước sẽ thúc đẩy sự ra đời, phát triển các tổ chức hợp tác khác nhau, giúp chuyển một bộ phận lao động nông thôn sang làm dịch vụ cho sản xuất ở đầu vào và đầu ra, tạo thêm điều kiện cho kinh tế hộ nông dân tiếp tục phát triển.

Digitized by Google

NỀN KINH TẾ HÀNG HÓA NHIỀU THÀNH PHẦN - ĐẶC TRƯNG VÀ GIẢI PHÁP

VŨ XUÂN KIỂU

LỊCH sử hình thành nên kinh tế hàng hóa ở nhiều nước trên thế giới đều chứng minh sự tồn tại của những khu vực khác nhau mà đặc trưng cơ bản của nó là một loại hình kinh tế đặc biệt được xây dựng và phát triển phù hợp với các quan hệ sản xuất tương ứng với nó. Ở nước ta vào giai đoạn trước đổi mới, chúng ta đã phạm sai lầm là rập khuôn mô hình cứng nhắc về chủ nghĩa xã hội, thuần nhất thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể, coi nhẹ và đi đến thủ tiêu các thành phần kinh tế khác. Những nhận thức và sai lầm này đã diễn ra ở nước ta trong một thời gian dài, chúng ta phải trả giá quá đắt mới rút ra được những kết luật như đã ghi trong Nghị quyết các Đại hội VI và VII của Đảng : nền kinh tế nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ở nước ta có những đặc trưng gì ?

Ở những góc độ nghiên cứu khác nhau, người ta có thể nêu lên những đặc trưng khác nhau. Song trong phương pháp tiếp cận vấn đề này, tôi xin chỉ nêu những đặc trưng có quan hệ đến việc mở rộng và phát triển các thành phần kinh tế trong thời gian trước mắt và lâu dài.

Đặc trưng thứ nhất là, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể được hình thành trong cơ chế bao cấp, rất xa lạ với kinh tế thị trương ; kinh tế tư nhân cá thể bị lãng quên trong một thời gian dài và đến nay mới đang được hồi phục lại. Cơ chế thị trường chỉ mới hình thành ở nước ta trong vài ba năm nay, các thành phần kinh tế mới bắt đầu làm quen và chịu sự tác động mạnh mẽ của cả các yếu tố tích cực lẫn tiêu cực của cơ chế thị trường, trong điều kiện vai trò quản lý của nhà nước còn hết sức mới mẻ. Trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế cũ sang cơ chế mới, Đảng và Chính phủ đã có nhiều chính sách nhằm sắp xếp lại kinh tế quốc doanh và khuyến khích các thành phần kinh tế khác phát triển, song không phải một lúc chúng ta có thể gạt bỏ được những thiên kiến hẹp hòi và tính bảo thủ trong việc xử lý kinh tế quốc doanh, cũng như sự đối xử bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Đây cũng chính là nguyên nhân kìm hãm tiến trình đổi mới khu vực kinh tế quốc doanh và chưa tạo được lòng tin đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, khuyến khích họ bỏ vốn đầu tư vào các ngành sản xuất vật chất. Đặc trưng này chỉ rõ việc sắp xếp lại kinh tế quốc doanh cũng như việc khôi phục khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, đòi hỏi *một mặt* phải chống khuynh hướng nông nóng cực đoan (muốn xóa bỏ kinh tế quốc doanh), *mặt khác* phải chống khuynh hướng định kiến hẹp hòi dẫn đến bảo thủ trì trệ trọng việc sắp xếp lại kinh tế quốc doanh và mở rộng các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh nhằm làm cho các thành phần kinh tế này vươn lên, đủ sức đảm nhiệm cung cấp một phần lớn sản phẩm cho xã hội.

Đặc trưng thứ hai là, chúng ta phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong điều kiện nền kinh tế chậm phát triển, sản xuất còn mang nặng tính chất tự cung tự cấp. Nền sản xuất nhỏ mang nặng tính chất tự cung tự cấp thể hiện trên *ba* mặt :

Một là, cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, nguyên liệu, vật liệu, năng lượng, máy móc, phụ tùng... không đáp ứng được yêu cầu mở rộng và phát triển sản xuất của cách thành phần kinh tế.

Hai là, 90% lao động còn là thủ công, năng suất thấp, chất lượng sản phẩm và tỷ suất hàng hóa thấp, không đủ sức cạnh tranh với hàng nhập ngoại và thị trường thế giới. Theo thống kê năm 1990, khoảng 27% tổng số cơ sở quốc doanh có khả năng làm ra sản phẩm tham gia xuất khẩu. Cả nước ước tính chỉ khoảng 10-15% tổng giá trị sản phẩm công nghiệp quốc doanh được xuất khẩu. Điều đó thể hiện năng lực xuất khẩu về sản phẩm công nghiệp ở nước ta còn rất hạn chế.

Bà là, nông nghiệp trong những năm qua tuy có phát triển một bước nhưng chưa đủ sức làm cơ sở cho phát triển công nghiệp, ngược lại công nghiệp cũng chưa đủ sức trang bị nông cụ, máy

Digitized by Google

móc, phân bón, nhất là công cụ chế biến, cho nông nghiệp. Kết cấu hạ tầng, giao thông vận tải, thông tin...còn lạc hậu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Đặc trưng này chỉ rõ khả năng hạn hẹp về vốn, trình độ kỹ thuật và kết cấu hạ tầng lạc hậu, dẫn đến tính kém hấp dẫn của nền kinh tế đối với việc thu hút vốn đầu tư của nước ngoài và các thành phần kinh tế trong nước.

Đặc trưng thứ ba là, nền kinh tế đang trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước đối với các thành phần kinh tế. Quản lý vĩ mô là tạo môi trường kinh tế thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế thuộc mọi thành phần. Một trong những nội dung quan trọng của môi trường ấy là thị trường vốn và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Nhìn chung, việc các thành phần kinh tế chiếm lĩnh và mở rộng thị trường, nhất là thị trường ngoài nước, còn rất hạn chế và lúng túng, vì thiếu kinh nghiệm, thiếu thông tin. Thêm vào đó, việc bộ máy nhà nước quản lý kém hiệu lực, không có hàng rào thuế quan bảo hộ, đã dẫn đến tình trạng một số mặt hàng sản xuất chưa nhiều (loại trừ yếu tố chất lượng kém không đủ sức cạnh tranh) mà vẫn không tiêu thụ được.

Đặc trưng này cho thấy việc chuyển một bộ phận xí nghiệp quốc doanh sang xí nghiệp cổ phần hoặc xí nghiệp tư nhân là rất khó khăn, vì bất kỳ một xí nghiệp quốc doanh nào trong trình trạng hiện nay cũng đều muốn bám lấy nhà nước, trước hết là để có vốn, sau là để nếu có rủi ro thì đã có nhà nước chịu. Mặt khác, đặc trưng trên phản ánh sự phát triển chậm chừng của các xí nghiệp tập thể và xí nghiệp tư nhân cá thể do vốn có hạn, không có điều kiện tiếp cận thị trường, mọi rủi ro đều phải gánh chịu (chưa nói đến việc họ chưa tin vào chính sách và sự bảo hộ của chính phủ).

Một số giải pháp cơ bản

Mục tiêu chung là làm thế nào cho các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể và tư nhân cá thể đều phát triển và tạo ra một khối lượng hàng hóa lớn với chất lượng cao đáp ứng yêu cầu tiêu dùng phong phú của nhân dân trong nước và xuất khẩu.

Nhằm đạt mục tiêu đó, cần thực hiện một số giải pháp sau :

1 - Biện pháp về thu và mở

Các thành phần kinh tế là những yếu tố hợp thành nền kinh tế quốc dân. Trong nhiều tác phẩm nghiên cứu và trên báo chí nước ta đã đề cập việc cần thu hẹp thành phần kinh tế quốc doanh với mục đích làm cho thành phần kinh tế này hoạt động ngày càng có hiệu quả. Tuy nhiên, với quan điểm tổng thể, chúng ta không thể chỉ đặt vấn đề thu hẹp kinh tế quốc doanh mà không đặt vấn đề mở rộng và phát triển các thành phần kinh tế khác. Sắp xếp (thu hẹp một số xí nghiệp) kinh tế quốc doanh cũng có nghĩa là tạo điều kiện cho thành phần kinh tế này sử dụng tiết kiệm vật tư, vốn... bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hiệu quả sản xuất kinh doanh của mỗi thành phần kinh tế đều chịu sự tác động của các thành phần kinh tế khác. Kinh tế quốc doanh và kinh tế ngoài quốc doanh vừa là tiền đề, vừa là điều kiện cho nhau phát triển. Chuyển một số xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ từ sở hữu nhà nước sang sở hữu tập thể và tư nhân, không chỉ làm giảm gánh nặng cho kinh tế quốc doanh, mà còn làm tăng yếu tố sản xuất, lao động cho khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Vì vậy, việc thu hẹp kinh tế quốc doanh không thể không liên quan đến việc khuyến khích mở rộng các thành phần kinh tế khác. Nếu không làm như vậy thì tất yếu sẽ dẫn đến tăng số người thất nghiệp, hạn chế khả năng tăng trưởng kinh tế. Có nhận rõ tầm quan trọng của mối quan hệ này, chúng ta mới có thể xác định bước đi và hoạch định các chính sách nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế cùng phát triển. Việc giảm bớt các xí nghiệp quốc doanh không thuộc các ngành kinh tế then chốt và không thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng, là điều kiện quan trọng để thiết lập lại sự ổn định kinh tế vĩ mô. Những ưu ái phi lý về thuế khóa và các khoản trợ cấp qua tín dụng cho kinh tế quốc doanh, cũng như sự đối xử không công bằng đối với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh, cần được xem xét, chấn chỉnh và cắt giảm một cách không thương tiếc. Đây chính là biện pháp vừa cấp bách vừa lâu dài nhằm loại bỏ các xí nghiệp quốc doanh làm ăn thua lỗ kéo dài mà xét thấy không cần thiết cho nền kinh tế, và khuyến khích việc mở rộng kinh tế tập thể và tư

Digitized by Google

nhân cá thể tương xứng với khả năng phát triển đa dạng của nó.

2 - Biện pháp về thị trường

Nói phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần cũng có nghĩa là nói các thành phần kinh tế đều tham gia ở mức độ khác nhau vào sản xuất hàng hóa. Các thành phần kinh tế đều cần đến thị trường ở trong và ngoài nước về vốn, vật tư, tiêu thụ sản phẩm...Nhưng so với các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh hiện nay ở nước ta, kinh tế quốc doanh đã và đang chiếm lợi thế về thị trường vốn (được nhà nước cưu mang), về thị trường mua và bán sản phẩm (được nhà nước bao trợ, cung cấp thông tin thuận lợi, được ưu ái về thủ tục, về các khoản chi cho việc tiếp cận và mở rộng thị trường, lại được nắm độc quyền nhiều mặt hàng...). Đây chính là nguyên nhân ký giải vì sao sản phẩm của các thành phần ngoài quốc doanh sản xuất chưa nhiều mà thường bị ách tắc, không tiêu thụ được.

Như trên đã nói, sự lạc hậu về kỹ thuật và công nghệ, về thông tin, về kết cấu hạ tầng, dẫn đến chất lượng sản phẩm kém, là nguyên nhân chủ yếu hạn chế khả năng mở rộng thị trường (gọi đầu tư và xuất khẩu). Điều này hiện nay không chỉ chi phối sự phát triển của kinh tế quốc doanh, mà còn chi phối sự phát triển của các doanh nghiệp tập thể và tư nhân vốn ở thế bất lợi hơn so với kinh tế quốc doanh. Vì vậy, trên quan điểm tổng thể, theo tiếng gọi của thị trường, việc đổi mới kỹ thuật và công nghệ... cần được tiến hành khẩn trương và toàn diện không chỉ đối với kinh tế quốc doanh mà cả đối với kinh tế ngoài quốc doanh.

Như lịch sử trước đây cũng như thực tế hiện nay cho thấy, giới nghiệp chủ tư nhân ở nước ta vốn nhỏ bé, ít có khả năng đầu tư lớn vào sản xuất cũng như tiếp cận và mở rộng thị trường. Do vậy, cùng với việc tạo điều kiện và môi trường kinh doanh cho các xí nghiệp quốc doanh, nhà nước cần xây dựng một chiến lược thị trường toàn diện (*trong* và *ngoài*nước) nhằm bảo đảm cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh có thể ở đầu vào thu hút được vốn bên ngoài, và ở *đầu* ra có sự bảo hộ của nhà nước trong sức ép cạnh tranh của thị trường.

Đối với các thành phần kinh tế hiện nay, thị trường vốn, mua và bán (đầu vào và đầu ra) đang là vấn đề nan giải. Đây là vấn đề cần được đặt lên hàng đầu trong chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ở nước ta.

3 - Sự quản lý vĩ mô của nhà nước đối với các thành phần kinh tế

Có thể nói, trên thế giới hiện nay, không có một nhà nước nào là không tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý nền kinh tế, và cũng không có nền kinh tế nào lại không cần đến sự quản lý vĩ mô của nhà nước.

Vấn đề quan trọng được nhiều người quan tâm là nhà nước thực hiện sự quản lý như thế nào để có được sự phát triển hài hòa, đồng bộ của nền kinh tế. Đối với các thành phần kinh tế cũng vậy, nhà nước phải là người tạo điều kiện và môi trường kinh doanh thế nào để các thành phần kinh tế cùng phát triển. Muốn vậy, nhà nước không thể không có một hệ thống luật pháp hoàn chỉnh và không thể không thực hiện sự kiểm soát tài chính chặt chẽ đối với các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhà nước, từ thuế khóa đến việc trợ cấp tín dụng ngân hàng, giám sát việc phân phối lợi nhuận, chế độ trả lương v.v.. Chức năng quản lý nhà nước về kinh tế là định hướng, dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh, chứ không can thiệp trực tiếp vào tác nghiệp kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Có thể nhấn mạnh mấy vấn đề cấp bách :

- Các doanh nghiệp được quyền tự do kinh doanh theo pháp luật và được sự bảo hộ của nhà nước.

- Các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật và được quyền vay vốn, cung cấp thông tin, tiếp cận thị trường... với sự hỗ trợ công bằng của nhà nước.

- Nhà nước cần thực hiện sự tài trợ, ưu tiên về vốn, vật tư kỹ thuật... theo tính chất quan trọng của ngành sản xuất, dù ngành sản xuất đó do thành phần kinh tế quốc doanh hay ngoài quốc doanh đảm nhiệm.

- Bộ máy quản lý nhà nước cần được sắp xếp lại theo hướng quản lý kinh tế, hành chính theo pháp luật. Các cấp chính quyền quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng kết cấu hạ tầng, bảo đảm trật tự an ninh, nhất là an ninh kinh tế, tạo điều kiện và môi trường cho các doanh nghiệp hoạt động.

Digitized by Google

GIÁ CẢ TRÊN THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH

NGUYỄN HỮU LAI *

1 - ĐẶC TRƯNG CHỦ YẾU CỦA THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH Ở VIỆT NAM

Cạnh tranh trên thị trường đã xuất hiện ở nước ta và ngày càng trở nên sôi động. Nó đã khơi dậy sức sống mới cho nền kinh tế quốc dân, và cũng mang lại những hiện tượng tiêu cực không nhỏ trong đời sống kinh tế nước ta. Phần lớn thị trường các loại hàng hóa chủ yếu ở nước ta hiện nay như nông sản, lương thực, thực phẩm, vải và hàng may mặc, đồ điện dân dụng, dụng cụ gia đình, dịch vụ khách sạn, tạp phẩm v.v. là thị trường cạnh tranh ở các mức độ khác nhau. Động lực của cạnh tranh là lợi nhuận, hơn thế nữa là lợi nhuận siêu ngạch cho chủ thể kinh doanh. Vì vậy, cạnh tranh chỉ xuất hiện khi có nhiều chủ thể cùng kinh doanh một loại hàng hóa và giữa các chủ thể ấy có sự độc lập với nhau về lợi ích kinh tế và về hành vi ứng xử trong kinh doanh.

Thị trường cạnh tranh ở nước ta có những *đặc trưng chủ yếu* sau đây :

1 - Có nhiều chủ thể cùng mua hoặc cùng bán một loại hàng hóa trên thị trường. Hành vi cá nhân đơn lẻ của mỗi chủ thể không có vai trò quyết định đối với giá cả thị trường. Giá cả thị trường là khách quan, là đối tượng nhận thức để các chủ thể kinh doanh điều chỉnh hành vi ứng xử của mình.

2 - Sự hình thành và vận động của mức giá cụ thể trực tiếp phụ thuộc vào quan hệ cung - cầu về từng loại hàng hóa và các hàng hóa có liên quan. Vì mục tiêu lợi nhuận, các chủ thể kinh doanh trên thương trường sẽ hướng hành vi của mình theo tiếng gọi của thị trường. Bởi vậy, tất yếu có hiện tượng hành vi của nhiều chủ thể kinh doanh diễn ra *cùng một lúc* và theo *cùng một hướng*. Hành vi đơn lẻ của mỗi nhà kinh doanh không quyết định được giá cả thị trường, nhưng tổng thể hành vi của nhiều nhà kinh doanh theo cùng một hướng lại làm cho giá cả thị trường biến động, dẫn thị trường vào trạng thái nguy hiểm : cân bằng *thiếu* hoặc cân bằng *thừa*. Cân bằng *thiếu* là cân bằng có sự thiếu hụt về cung hiện vật. Trong trường hợp này, giá cả thị trường tất yếu phải *lên cao* để đạt được sự cân bằng về mặt giá trị giữa cung với cầu. Cân bằng *thừa* là cân bằng có sự dư thừa về cung hiện vật. Trong trường hợp này, giá cả thị trường tất yếu phải *xuống thấp* để đạt được sự cân bằng về mặt giá trị giữa cung với cầu. Giữa hai trạng thái đối lập trên là trạng thái cân bằng *tích cực* của thị trường. Cân bằng *tích cực* là cân bằng giữa cung và cầu cả về mặt hiện vật và giá trị. Ở trạng thái này, giá cả thị trường tương đối ổn định và xoay quanh giá trị của hàng hóa.

3 - Thị trường của những loại hàng hóa cạnh tranh nhau luôn biến động có tính chu kỳ ở *ba* trạng thái : trạng thái cân bằng *thiếu* chuyển sang trạng thái cân bằng *tích cực*, rồi chuyển sang trạng thái cân bằng *thừa* ; sau một thời gian nó lại có thể chuyển trạng thái theo hướng ngược lại. Thời gian thị trường từng loại hàng hóa cụ thể tồn tại ở một trong ba trạng thái nói trên phụ thuộc vào nhiều nhân tố, trong đó phải kể đến sự can thiệp của nhà nước vào thị trường.

4 - Thị trường cạnh tranh mới xuất hiện ở nước ta trong vài năm gần đây. Sự không hoàn chỉnh (do mới xuất hiện) của thị trường cạnh tranh có thể làm trầm trọng thêm những khuyết tật vốn có của cơ chế thị trường ; làm tăng thêm phạm vi, cường độ, kéo dài thêm thời gian tồn tại của trạng thái nguy hiểm trên thị trường.

* Phó chủ nhiệm Khoa marketing và kinh doanh du lịch, Trường Đại học kinh tế quốc dân

Digitized by Google

II - THỰC TRẠNG HÌNH THÀNH GIÁ CẢ VÀ THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH Ở NƯỚC TA

Trước năm 1981, nhà nước trực tiếp quy định giá cả của hầu hết các loại hàng hóa. Nhược điểm nổi bật của hệ thống giá do nhà nước quy định là : mức giá bị "đông cứng" kém linh hoạt, thấp hơn nhiều so với giá trên thị trường tự do và so với giá trị của hàng hóa. Việc mua và bán hầu hết các loại hàng hóa quan trọng được tiến hành theo những địa chỉ đã hoạch định trước thông qua hệ thống tem phiếu và chỉ tiêu phân phối của kế hoạch nhà nước. Vì vậy, thị trường cạnh tranh chưa xuất hiện.

Trong cuộc tổng điều chỉnh giá vào những năm 1981 - 1988, công tác quản lý giá của nhà nước đã có sự chuyển biến tích cực : từ cơ chế hai giá tiến tới một giá, từ cơ chế giá phi thị trường tiến đến cơ chế giá thị trường, phạm vi quy định giá của nhà nước thu hẹp dần. Từ năm 1986, nhà nước chỉ quy định giá giới hạn, khung giá, giá chuẩn một số mặt hàng quan trọng. Song giá cả do nhà nước chỉ đạo vẫn rơi vào tình trạng nhanh chóng bị lạc hậu, nên nó không vào được cuộc sống. Từ năm 1989, về thực chất, giá cả thị trường bị thả nổi. Quá trình tự do hóa về giá cả và các quá trình khác mà chúng ta không bàn đến ở đây, đã tạo điều kiện để thị trường cạnh tranh xuất hiện.

Để hạn chế hệ quả tiêu cực của cạnh tranh, tháng 4 năm 1992, Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ra Quyết định số 137/HĐBT về quản lý giá cả trong điều kiện mới. Tuy nhiên, việc phát huy hiệu lực của quyết định trên trong thực tế rất khó khăn.

Tuy mới xuất hiện, nhưng thị trường cạnh tranh và các biện pháp sử dụng trong cạnh tranh trên thị trường Việt nam rất đa dạng và phong phú.

Ở trạng thái cân bằng *thừa*, cuộc cạnh tranh giữa những người bán trở nên sôi động. Các chủ thể kinh doanh thường tìm cách nâng cao chất lượng và trình độ thẩm mỹ công nghiệp của hàng hóa ; cải tiến mẫu mã, bao bì đóng gói ; nâng cao tính tiện nghi trong tiêu thụ và tiêu dùng hàng hóa. Song các biện pháp tích cực này lại gặp phải trở ngại lớn do trình độ thấp kém của trang bị kỹ thuật và công nghệ sản xuất. Vì vậy, các biện pháp *chủ yếu* được các nhà kinh doanh Việt nam sử dụng trong cạnh tranh là *quảng cáo* và *giá cả*. Sự quảng cáo nhiều khi đã "quá đà" gây nên lãng phí và hệ quả khác. Sự cạnh tranh bằng giá cả đã đẩy giá thị trường xuống thấp làm phương hại tới sản xuất.

Ở trạng thái cân bằng *thiếu* , cuộc cạnh tranh giữa người mua với nhau, giữa người bán với người mua trở nên ác liệt. Người bán thì găm hàng chờ giá lên cao, người mua thì dùng giá cao hơn để mua được hàng. Kết quả là giá cả thị trường lâm vào những cơn sốt cao liên tục.

Những vấn đề "nổi cộm" và "nhức nhối" trong những năm gần đây và tới nay vẫn chưa giải quyết được là những vấn đề sau :

a) *Thị trường hàng hóa cạnh tranh luôn biến động từ trạng thái cân bằng thiếu chuyển qua trạng thái cân bằng thừa và ngược lại.* Có thể nêu lên những nét chính của quá trình biến động này như sau : Sau cơn lốc thiếu hàng và tăng giá kéo dài từ năm 1980 đến năm 1988, thị trường hàng hóa năm 1989 lâm vào tình trạng ngưng trệ, việc tiêu thụ hàng hóa rất khó khăn, giá cả nhiều loại hàng hóa giảm, nhiều xí nghiệp có nguy cơ phá sản, công nhân không có việc làm và không có lương do xí nghiệp không bán được hàng hóa đã sản xuất ra.

Từ tháng 6-1990 đến tháng 11-1991, thị trường lại ở trạng thái ngược lại. Việc tiêu thụ hàng hóa trở lại bình thường, nhưng lại xuất hiện những dấu hiệu của trạng thái cân bằng thiếu : giá cả thị trường tăng vọt, cơn sốt cao đã đến với hầu hết các mặt hàng. Trong khoảng thời gian ngắn (vài ngày, vài tuần) giá cả đã tăng lên ở mức độ khá lớn, ví dụ trong hai ngày (26 và 27 tháng 4-1990) giá 1kg xi măng (mác P400) ở miền Bắc đã tăng từ 260 - 280 đồng lên 360 - 400 đồng, trong khi mùa khô xây dựng của năm trước đã kết thúc và còn 6 tháng nữa mới đến mùa xây dựng tiếp theo. Từ ngày 20 đến 30 tháng 6-1990, giá 1kg phân đạm urê ở Nam bộ đã tăng từ 800 lên 1600 đồng. Sau cơn sốt tháng 10-1990, giá 1kg gạo ở Bắc bộ đã tăng từ 1000 - 1100 đồng lên 1600 - 1700 đồng. Từ tháng 2 đến tháng 9 năm 1990, giá thép xây dựng ở Hà nội tăng 1,3 lần, ở thành phố Hồ Chí Minh tăng 1,38 lần. Quạt cây (loại 400mm 5 phím) do Xí nghiệp Điện cơ sản xuất tháng 4 năm 1991 giá 430000 đồng đến tháng 6 cùng năm đã tăng lên 960000 đồng v.v.. Nạn đầu cơ, săn hàng, găm hàng, nạn hàng giả lại có dịp phát triển mạnh mẽ hơn.

Digitized by Google

Từ tháng 12-1991 đến nay, tình hình thị trường lại đảo ngược. Giá cả nhiều loại hàng hóa như gạo, vải sợi, đường, điện dân dụng, dụng cụ gia đình v.v. lại giảm xuống. Việc tiêu thụ hàng hóa lại bắt đầu ngưng trệ. Dấu hiệu cân bằng thừa đã xuất hiện.

b) *Giá cả thị trường biến động lớn : có lúc tăng nhanh và hỗn loạn, có lúc lại giảm đến mức gây thiệt hại cho sản xuất.* Năm 1988 so với 1987, mặt bằng giá đã tăng lên gấp 4 lần. Sang năm 1989 và cho đến tháng 6-1990, có nhiều tháng giá cả lại giảm xuống (ví dụ : tháng 2-1989 giảm 0,2% ; tháng 3-1989 giảm 2,9% ; tháng 4-1989 giảm 1,5%), trong đó giá mua thóc, mua mía, mua sản phẩm tiểu thủ công nghiệp xuống thấp hơn giá thành. Sau tháng 6-1990, giá cả thị trường lại tăng với tốc độ lớn : so với tháng 4-1990, tháng 4-1991 toàn bộ mặt bằng giá nâng lên 1,8 lần, giá lương thực tăng 2,35 lần, giá thực phẩm tăng 1,7 lần, giá hàng công nghiệp tiêu dùng tăng 1,75 lần. Bước sang năm 1992 và cho tới nay, giá cả nhiều mặt hàng (trong đó có những mặt hàng quan trọng như thóc, bông, dụng cụ gia đình, v.v.) lại giảm xuống đến mức gây thiệt hại cho sản xuất trong nước.

Với tình hình giá cả biến động như vừa nêu ở trên, các nhà kinh doanh thức thời khó có thể dũng cảm dồn thật nhiều vốn vào việc sản xuất một loại hàng hóa nhất định. Cách ứng xử khôn ngoan nhất là chỉ cần bỏ vốn với số lượng "vừa phải", quy mô và trang bị kỹ thuật "gọn nhẹ", để có thể "thắng nhanh" khi giá cả thị trường lên cao, và cũng có thể nhanh chóng chuyển hướng, giảm bớt thiệt hại, khi giá cả thị trường đột nhiên xuống thấp. Đây chính là một nguyên nhân tiềm ẩn trực tiếp gây nên sự rối loạn của thị trường cạnh tranh ở thời gian tiếp theo.

Cạnh tranh trên thị trường mang lại kết quả *hai* mặt : một mặt nó phá vỡ sự trì trệ của độc quyền, tạo ra động lực thường xuyên cho sự phát triển ; mặt khác nó trực tiếp gây ra những hiện tượng tiêu cực trong sự phát triển của nền kinh tế quốc dân. Vì vậy, song song với những giải pháp hạn chế độc quyền, nhà nước cần áp dụng những giải pháp hạn chế hệ quả tiêu cực của cạnh tranh.

III - NHỮNG GIẢI PHÁP HẠN CHẾ HỆ QUẢ TIÊU CỰC CỦA CẠNH TRANH THỊ TRƯỜNG

Căn cứ vào phạm vi hoạt động của các chủ thể kinh doanh, các kênh phân phối sản phẩm và hệ quả của cạnh tranh, có thể phân chia thị trường cạnh tranh thành *ba* loại hình : thị trường cạnh tranh có liên quan đến nhập khẩu ; thị trường cạnh tranh có liên quan đến xuất khẩu ; và thị trường cạnh tranh trong nội bộ một nước. Để sự điều tiết của nhà nước có hiệu quả, cần có những *giải pháp riêng* cho từng loại hình :

1 - Ở thị trường cạnh tranh có *liên quan đến nhập khẩu*, đã xuất hiện sự cạnh tranh giữa kinh doanh nhập khẩu với kinh doanh trong nước, cạnh tranh giữa các chủ thể nhập khẩu và giữa các nhà sản xuất trong nước với nhau. Vấn đề nổi cộm hiện nay là sự lấn át của hàng nhập khẩu đối với hàng sản xuất trong nước. Hệ quả của cạnh tranh là : giá nhập khẩu (bằng ngoại tệ) lên cao ; khối lượng nhập khẩu lớn, ồ ạt ; giá bán ở thị trường nội địa xuống thấp gây khó khăn cho việc tiêu thụ hàng sản xuất trong nước. Sản xuất trong nước bị ngưng trệ, nhà nước thất thu, đất nước phải tiêu hao lượng ngoại tệ lớn hơn cho nhập khẩu. Để sự cạnh tranh diễn ra lành mạnh, theo tôi nhà nước cần chủ động áp dụng một số giải pháp sau đây :

- Quy định mức tối đa cho giá nhập khẩu (bằng ngoại tệ), căn cứ vào giá cả thị trường quốc tế và quan hệ cung - cầu trong nước về loại hàng hóa nhập khẩu.

- Tổ chức đấu thầu tổng số ngoại tệ dùng để nhập khẩu các loại hàng hóa quan trọng. Đơn vị thắng thầu là đơn vị có kinh nghiệm nhập khẩu và có thể nhập với mức giá thấp trong các mức giá "bỏ thầu' và thấp hơn mức giá trần do nhà nước quy định. Nhà nước cần có luật đấu thầu nhằm hạn chế sự liên minh tiêu cực trong quá trình đấu thầu.

- Điều tiết khối lượng, thời gian nhập khẩu, cường độ cạnh tranh của hàng nhập khẩu với hàng sản xuất trong nước thông qua việc thay đổi mức thuế nhập khẩu và việc cấp giấy phép nhập khẩu.

- Trong những trường hợp cần thiết khi cân bằng thiếu xảy ra, nhà nước quy định giá bán tối đa cho các loại hàng hóa quan trọng đối với sản xuất và đời sống, ví dụ như phân đạm urê, gạo, muối ăn.

Digitized by Google

2 - Ở thị trường cạnh tranh *có liên quan đến xuất khẩu*, đã xuất hiện sự cạnh tranh giữa sản xuất trong nước với xuất khẩu, giữa những người kinh doanh xuất khẩu và giữa những người sản xuất trong nước với nhau. Ở loại hình thị trường này, trong thực tế đã xuất hiện *hai* trạng thái đối lập nhau :

a) Trạng thái cân bằng *thừa* xảy ra khi sản xuất trong nước bội thu và việc xuất khẩu bị ngưng trệ. Hệ quả của cạnh tranh là : giá cả thị trường trong nước xuống thấp, thậm chí thấp hơn cả chi phí sản xuất (ví dụ như giá gạo và giá thóc) ; người sản xuất bị lỗ vốn, gây khó khăn cho chu kỳ sản xuất sau, thu nhập của nhà nước giảm do sản lượng xuất khẩu giảm. Ở trạng thái này, nhà nước cần áp dụng các giải pháp :

- Quy định giá sàn (giá tối thiểu, giá bảo hiểm sản xuất).

- Bằng mọi cách tăng khối lượng chế biến dự trữ, bao gồm dự trữ quốc gia và dự trữ lưu thông.

- Giảm thuế xuất khẩu, tìm kiếm khai thông thị trường xuất khẩu ; tùy theo khả năng ngân sách, nhà nước có thể hỗ trợ kinh phí cho việc khai thông thị trường xuất khẩu ; khuyến khích áp dụng những biện pháp marketing sản phẩm.

b) Trạng thái cân bằng *thiếu* xảy ra khi sản xuất trong nước giảm sút nghiêm trọng hoặc việc xuất khẩu diễn ra một cách ồ ạt. Hệ quả của cạnh tranh là : giá mua sản phẩm xuất khẩu ở thị trường trong nước lên cao, giá xuất khẩu (bằng ngoại tệ) sản phẩm của Việt nam trên thị trường quốc tế giảm sút, tiền Việt nam dần dần mất giá trong lĩnh vực xuất khẩu. Sự mất giá này và sự giảm giá xuất khẩu tại chỗ do cạnh tranh đối với các hàng hóa dịch vụ (như dịch vụ khách sạn và du lịch trả bằng ngoại tệ) cùng với giá siêu ngạch cao của ngoại tệ tại thị trường trong nước, đã làm thất thoát một phần thu nhập quốc dân của nước ta vào tay khách mua hàng của Việt nam. Trong trạng thái này, cần áp dụng những giải pháp :

- Nhà nước quy định giá tối thiểu xuất khẩu các loại hàng hóa chủ đạo có kim ngạch lớn căn cứ vào giá loại hàng nầy trên thị trường thế giới.

- Tổ chức đấu thầu khối lượng hàng hóa xuất khẩu. Đơn vị thắng thầu là đơn vị có thể xuất khẩu hàng hóa với giá cao nhất trong số các mức giá "bỏ thầu" và cao hơn mức giá tối thiểu do nhà nước quy định. Điều tiết thời gian và khối lượng hàng hóa xuất khẩu thông qua việc cấp giấy phép xuất khẩu và điều chỉnh mức thuế xuất khẩu. Song song với việc chống độc quyền, cần phải lập lại trật tự trên lĩnh vực xuất khẩu.

- Nhà nước cần xác lập chính sách phân phối sản phẩm cho những hàng hóa quan trọng (phân phối ở đây hiểu theo nghĩa của marketing), tổ chức lại các kênh phân phối để thực hiện tốt chính sách phân phối sản phẩm.

3 - Ở thị trường các loại hàng hóa ít hoặc không liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, thường nổi lên các cuộc cạnh tranh giữa những người bán hoặc giữa những người mua với nhau. Hệ quả của cạnh tranh là : hoặc giá cả thị trường xuống thấp, người sản xuất bị lỗ vốn, khối lượng sản xuất có nguy cơ giảm sút ở thời kỳ tiếp theo ; hoặc giá cả thị trường lên cao, lợi ích tiêu dùng hàng hóa giảm sút nghiêm trọng, khối lượng sản xuất có thể gia tăng quá mức ở thời kỳ sau trong khi người tiêu dùng đã lựa chọn xong sản phẩm khác để thay thế. Điều đáng lưu ý ở đây là : hệ quả của trạng thái cân bằng thừa lại trở thành nguyên nhân tiềm ẩn để đẩy thị trường sang trạng thái đối lập : cân bằng thiếu, và ngược lại. Ở loại hình thị trường này, cần áp dụng các giải pháp :

- Đối với những hàng hóa có vị trí quan trọng (như thóc, gạo, muối ăn, than, phân lân, thuốc chữa bệnh v.v.), nhà nước cần quy định giá tối thiểu bảo hiểm sản xuất khi xuất hiện trạng thái cân bằng thừa, và quy định giá tối đa bảo vệ lợi ích tiêu dùng khi xuất hiện trạng thái cân bằng thiếu.

- Tăng cường tiềm lực của dự trữ quốc gia và dự trữ lưu thông (bằng hàng hóa hoặc bằng ngoại tệ mạnh), phát huy vai trò của lực lượng dự trữ này trong việc điều tiết giá cả thị trường. Cần có một chuyên đề riêng nghiên cứu các mặt kinh tế, kỹ thuật, tổ chức và quản lý của vấn đề dự trữ.

- Khai thông các kênh phân phối hàng hóa trên phạm vi toàn quốc,thực hiện tự do hóa giao lưu hàng hóa giữa các vùng. Duy trì một cách thường xuyên

(Xem tiếp trang 57)

Digitized by Google

"LẠI QUẢ"

LỆ MAI

TRONG chuyện cưới xin, theo tục lệ cổ truyền, nhà gái bao giờ cũng san một phần lễ cưới để biếu lại nhà trai, gọi là *lại quả*. Đó là việc làm thuần túy tình cảm. Phong tục tốt đẹp này có từ rất xưa, không chỉ ở ta mà nó còn được chép lại khá đầy đủ trong *Chu lễ* và *Lễ ký* ở bên Tàu.

Thế nhưng, trong thời buổi mà một số người chỉ chạy theo đồng tiền, khái niệm *lại quả* cũng được "bung ra", được "đổi mới" và chứa đựng một nội dung phong phú hơn xưa rất nhiều. Xin nêu một vài thí dụ để chứng minh :

1 - Ở một số cơ sở xây dựng, hiện tượng *lại quả* theo kiểu *bật tường* diễn ra khá phổ biến. Bên A và bên B cùng ký hợp đồng. A tạo điều kiện cho B "đảm bảo tiến độ" bằng cách đặt giá mềm hơn thị trường. B cũng biết điều "lại quả" cho A. Vậy là vui vẻ, thân thiện. Trong trường hợp này *lại quả* thành ra là "quả lại" hay đọc chệch đi thành "qua lại" cũng chẳng sai. Muốn làm ăn thì phải có đi, có lại, sòng phẳng. Thời buổi kinh tế thị trường nhanh, gọn, thoáng mà lại ! Khi bên này đã "chìa cái chân giò" thì bên kia cũng phải biết "thò chai rượu". Mốt đấy !

Thì ra, *lại quả* ở đây là chuyện *móc ngoặc*, chuyện *ăn chia*. Tất nhiên, chẳng ai dại gì mà lấy của mình ăn chia với nhau. Cái kho béo bở để ăn chia là của "chùa" - của dân của nước. Cha chung có ai khóc bao giờ. Mỗi lần *lại quả* cho nhau là một lần cất nhà lầu, tậu xe máy như chơi.

2 - Tháng trước tôi có dịp xuống công ty X. Ở đây đang rộ lên chuyện xung quanh việc thanh lý nhà cửa. Một bác công nhân ghé vào tai tôi nói nhỏ :

- Anh xem, ngôi nhà hai tầng ở góc kia giá 25 cây vàng đấy !

- Thế thì được giá quá bác nhỉ ! - Tôi nói thành thật.

- Ấy, anh tính kỹ lại xem. Công bằng mà nói, nếu chỉ riêng ngôi nhà thì chẳng có gì phải bàn. Đằng này, kèm theo nó là 150m^2 đất bao quanh, riêng mặt tiền đã có thể mở thêm vài ki ốt khang trang, sạch đẹp. Cho nên hóa giá xong, có người trả thêm 25 cây nữa mà chủ nhà vẫn đòi thêm.



HỒNG PHƯỢNG

Digitized by Google

Thế thì ghê thật ! Cái tay thảo giá quả là tinh đời. Đất ở đây giá trên 2 chỉ/m^2, vị chi 150m2 đã là hơn 30 cây. Cộng thêm 25 cây tiền nhà là ăn đứt 55 cây vàng còn gì. Hèn chi chủ nhà đòi thêm là đúng. Thế mới gọi là làm ăn kinh tế chứ ! Chí ít, sau khi "cưa đứt, đục suốt" mỗi vị trong ban thanh lý nhà cũng đút túi dăm ba triệu cái phần gọi là "lại quả" của chủ nhân. Yêu nhau, hiểu nhau như thế thì thật là thiên niên vạn kỷ. Cứ chiếu theo lối nói của cụ Nguyễn Du thì quả là "hai bên cùng liếc, hai lòng cùng ưa".

3 - Chữ ký của những cán bộ có chức có quyền nhiều khi cũng mang chứa một sức mạnh không kém gì sức mạnh của Phật Như Lai giúp thầy trò Đường Tam Tạng đi thỉnh kinh. Có điều, không ít người lợi dụng chữ ký đó để cầu "kinh tài" chứ không phải "Kinh Phật". Nhờ ơn phúc của thủ trưởng ban cho chữ ký, ban cho dấu son mà có khi hàng phế phẩm biến thành chính phẩm ; hàng hóa loại hai, thậm chí loại ba, được xếp ngang loại một ; không đủ tiêu chuẩn đi nước ngoài vẫn cứ được cấp hộ chiếu xuất dương ; không có chức năng vẫn được cấp côta xuất khẩu... Nói tóm lại là nhờ có chữ ký của thủ trưởng mà ra tiền ra lộc. Vậy nên, người hưởng lộc "lại quả" cho người ban lộc bằng cái đầu máy vidiô, vài chiếc xe cúp Nhật đời mới hoặc mấy chục triệu đồng thì cũng chẳng lấy gì lắm lạ ! Trong trường hợp này, chữ ký thành ra một "thứ đèn xanh" cho lối làm bừa, làm ẩu, vi phạm pháp luật. Hậu quả của những chữ ký vô trách nhiệm này không phải nhỏ. Theo số liệu thanh tra ở một tỉnh cho biết, có tới 80% *tiền hối lộ* được gọi một cách tế nhị là *tiền bồi dưỡng*. Ai lại nỡ chối một đề nghị chân thành : "Nhờ ơn thủ trưởng ký duyệt cho chúng em, nay công việc hanh thông chúng em có chút quà nhỏ mong thủ trưởng vui lòng nhận giúp". Chút "quà nhỏ" ấy là gì thì như ta đã biết. Nó có giá hàng triệu, hàng tỷ đồng, và có khi còn hơn thế. Tội vạ đâu, tốn kém đâu có nhà nước chịu !

Những chuyện lại quả, quà biếu, tiền thưởng, bồi dưỡng... theo kiểu như trên thực chất là chuyện hối lộ, chuyện móc ngoặc để làm ăn phi pháp, bòn rút của cải của nhà nước, của nhân dân. Tham nhũng là ở đây nữa chứ còn ở đâu. Nếu không kiên quyết ngăn chặn, cứ để nó phát triển tràn lan và kéo dài thì làm sao dân có thể giàu và nước có thể mạnh ?

GIÁ CẢ TRÊN THỊ TRƯỜNG...

(Tiếp theo trang 55)

việc thông tin về thị trường giá cả trên các phương tiện truyền thông đại chúng và coi đây là phương tiện có tác dụng thiết thực trong việc hướng dẫn thị trường.

- Nghiên cứu sẵn và chuẩn bị trước chế độ thuế tồn kho và luật lệ về đầu cơ để có thể áp dụng ngay khi trạng thái cân bằng thiếu xảy ra.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp hình thành quỹ bảo hiểm sản xuất tùy theo yêu cầu và đặc điểm của từng ngành sản xuất.

- Đi đôi với việc hoàn chỉnh pháp luật xử lý kinh doanh hàng giả, nhà nước cần khuyến khích các hiệp hội những người tiêu dùng tham gia ngăn chặn sự cạnh tranh của hàng giả trên thị trường.

*

Sự vận động của giá cả trên thị trường cạnh tranh là nguyên nhân, đồng thời cũng là kết quả vận động của nhiều quá trình kinh tế xã hội khác dưới sự tác động của bàn tay hữu hình. Vì vậy, để hạn chế tiêu cực, các giải pháp về giá cả phải được áp dụng *đồng thời* và *đồng bộ* với các giải pháp khác cho từng loại hình thị trường cạnh tranh.

Digitized by Google

Báo chí Mỹ trong đời sống chính trị - xã hội

TẠ NGỌC TẤN *

70 năm sau khi những người châu Âu đầu tiên đặt chân lên đất Mỹ, khoảng tháng 9-1960, tờ báo đầu tiên ở xứ sở này ra đời. Sau 300 năm phát triển, nước Mỹ hiện nay có nền báo chí đồ sộ và phức tạp nhất thế giới. Theo con số thống kê gần đây, nước Mỹ có tới 9031 báo các loại với 168,5 triệu bản in, trong đó có 1646 báo hằng ngày bằng tiếng Anh với 62,2 triệu bản in. Cứ 4 người dân Mỹ hằng ngày có 3 tờ báo, trong đó có 1 nhật báo.

Lượng tạp chí xuất bản ở Mỹ còn lớn hơn : 11500 tạp chí với 350 triệu bản in.

Đài phát thanh quốc gia Mỹ có 310 chi nhánh, tuy nhiên nó vẫn bị lép vế trong hệ thống khổng lồ đài phát thanh của các công ty tư nhân với hơn 10000 đài trong đó có 1300 đài không thương mại (các đài công suất yếu của các trường đại học, các tổ chức khoa học, giáo dục, tôn giáo...).

Hệ thống truyền hình Mỹ cũng rất phức tạp, đan xen giữa hai loại truyền hình cáp và phát sóng, truyền hình của nhà nước và của tư nhân, của các công ty khác nhau. Năm 1987 Mỹ có 241 triệu người thì 87,4 triệu gia đình có máy thu hình. Năm 1988, 59% số gia đình Mỹ thu từ 15 chương trình trở lên, trong đó 31% thu trên 30 chương trình. Trên toàn lãnh thổ Mỹ, nơi ít nhất cũng thu được 4 - 5 chương trình. Ở các thành phố lớn, số chương trình phát bằng sóng hình bình quân là 28.

Qua lịch sử và hiện trạng báo chí Mỹ có thể thấy tính chất nổi bật của báo chí Mỹ là *sự thoả hiệp giữa hiệu quả kinh doanh và mục đích chính trị.*

Trong giai đoạn đầu hoạt động, báo chí Mỹ chưa phải là một nghề kinh doanh hấp dẫn. Chỉ sang thế kỷ 20, nhất là hiện nay, kinh doanh mới trở thành mục tiêu hàng đầu của báo chí Mỹ. Thu nhập của các cơ quan báo chí trước đây chủ yếu dựa vào số lượng phát hành thì nay chủ yếu dựa vào quảng cáo (khoảng 70 - 80% thu nhập). Thông thường, quảng cáo chiếm trên 50% số trang báo, tạp chí (chưa kể Mỹ còn có loại báo chuyên quảng cáo phát không). Năm 1986, các báo thu từ quảng cáo 27,5 tỉ đô la ; các tạp chí - 6,3 tỉ ; truyền hình - 21,5 tỉ ; phát thanh - 7 tỉ. Để bảo đảm lợi nhuận, báo chí phải thỏa mãn cùng một lúc các yêu cầu : thu hút đông đảo người đọc, người xem, người nghe ; làm vừa lòng giới chủ và nhà cầm quyền (nghĩa là về mặt chính trị, không được vượt qua giới hạn luật pháp cho phép).

Giới tài phiệt len chân vào làng báo để kinh doanh trục lợi, đã từng bước chi phối báo chí về chính trị. Cùng với việc nắm độc quyền các phương tiện thông tin đại chúng, họ đã thông qua các hình thức tín dụng ngân hàng, sở hữu các cổ phần của các công ty báo chí và giám đốc liên doanh, để tăng cường khả năng kiểm soát báo chí. Giữa giới chủ tư bản và giới báo chí, ngoài sự ràng buộc về tài chính, còn có mối liên kết về chính trị. Các công ty báo chí gắn rất chặt với các hãng công nghiệp độc quyền, các ngân hàng lớn trong nước và các công ty xuyên quốc gia. Những mâu thuẫn về quyền lợi thể hiện trên mặt báo chỉ phản ánh mâu thuẫn giữa các tập đoàn tư bản khác nhau. Những quan điểm chính trị thể hiện trên báo chí bao giờ cũng là của những thế lực mạnh có tiền của.

Bằng lượng thông tin áp đảo, thậm chí "thừa thãi", báo chí Mỹ tha hồ nhào nặn nội dung các vấn đề trong nước và quốc tế, định hướng dư luận xã hội theo hướng *phù hợp với lợi ích của giới chủ tư bản, phục vụ đắc lực cho các mưu đồ chính trị của giai cấp tư sản.* Lượng thông tin từ nước ngoài lọt thẳng vào nước Mỹ hầu như rất ít. Chỉ có gần 5% dân Mỹ nghe các chương trình phát thanh nước ngoài. Một thời gian dài, nước Mỹ như một ốc đảo giữa đại dương, cách ly với các nguồn thông tin trực tiếp từ nước ngoài. Việc "bao cấp" hoàn toàn lượng thông tin và nội dung thông tin cho thấy giới

* Phó tiến sĩ báo chí, Trường đại học tuyên giáo

Digitized by Google

tư sản cầm quyền Mỹ hiểu rất rõ vai trò quan trọng của báo chí trong đời sống chính trị - xã hội. Nó giúp cho việc tạo dư luận xã hội có lợi cho giới cầm quyền trong việc quản lý xã hội và thực hiện các ý đồ chính trị - xã hội ; giúp cho việc giáo dục dân chúng những tư tưởng và tình cảm có lợi cho chế độ tư bản chủ nghĩa ; giúp cho việc thu hút sự chú ý của dân chúng vào những vấn đề không ảnh hưởng đến lợi ích của giới cầm quyền.

Theo nhà nghiên cứu người Mỹ G.Sin-lơ, giai cấp tư sản cầm quyền ở nước Mỹ đã "xây dựng một hệ thống thông tin lớn nhất thế giới"... nhằm mục đích "điều khiển ý thức" không chỉ trong nước, mà cả trên trường quốc tế. Năm 1950, trong buổi lễ thành lập Ủy ban thông tin tuyên truyền liên bang, tổng thống Mỹ Tơ-ru-man đã tuyên bố : "Chúng ta cần buộc thế giới phải nghe những gì ta nói. So với các hoạt động đối ngoại khác, nhiệm vụ đó không kém phần quan trọng... Điều đó cũng quan trọng như sức mạnh quân sự và sức mạnh kinh tế". Với mục đích ấy, trên cơ sở sức mạnh to lớn về kỹ thuật tài chính, chính quyền Mỹ đã xây dựng một bộ máy thông tin khổng lồ. Hãng thông tấn UPI và AP của Mỹ là hai trong năm hãng thông tấn lớn nhất thế giới. Mỗi hãng có hàng nghìn người làm việc ở nước ngoài, thu thập và bán tin tức cho khách hàng ở hầu hết các nước trên thế giới với hàng chục triệu từ phát đi hằng ngày.

Theo tài liệu của tờ International Herald Tribune xuất bản tại Pa-ri, CIA có mạng lưới tuyên truyền toàn cầu, trở thành đầu mối lớn nhất cung cấp những tin tức đã được nhào nặn, xuyên tạc cho các cơ quan báo chí. Dưới quyền trực tiếp của CIA, có hơn 400 tạp chí và cũng với số lượng như vậy đài, báo các loại. Theo lời Phi-lip Et-ghi - một quan chức cũ của CIA - có 2000 nhân viên CIA trực tiếp làm báo, trong đó một nửa hoạt động ngoài biên giới nước Mỹ.

Cùng với xu hướng quốc tế hóa thông tin ngày càng tăng, vai trò của báo chí Mỹ trong đời sống chính trị quốc tế ngày càng lớn. Báo chí Mỹ có khả năng nhất định trong việc làm nhiễu loạn thông tin quốc tế phục vụ cho ý đồ đối ngoại của chính quyền Mỹ. Hơn nữa, giới cầm quyền Mỹ còn tung tiền để mua chuộc, xây dựng các cơ quan báo chí ở nước ngoài hoạt động theo yêu cầu của mình. Sự kiện Chi-lê năm 1973 tiêu biểu cho xu hướng này. Lợi dụng chính sách tự do báo chí của chính phủ A-gien-đê, người Mỹ núp dưới các vỏ bọc ngoại giao đã chi tiền cho bọn phản động để ra báo tuyên truyền kích động, tổ chức lực lượng chống cách mạng. Chương trình truyền hình số 13 do giới bảo thủ nắm, dành tới 70% thời gian phát sóng cho các tin lấy từ tư liệu của Mỹ. Báo Pháp *Le monde diplomatique* tháng 3-1978 đã nhận xét : "Báo chí gọi là "tự do" đã trở thành công cụ để tổ chức những kẻ bất mãn, một diễn đàn cho "đa số thầm lặng"... Báo chí và các nhà báo vượt qua hành động của các nhà chính trị và là đội tiên phong trong phong trào phản cách mạng".

Các lý luận gia Mỹ vẫn rất tự hào về nền tự do chính trị ở Mỹ được khẳng định trong điều khoản bổ sung thứ nhất vào Hiến pháp năm 1791. Trong điều khoản bổ sung này có ghi việc cấm quốc hội thông qua bất cứ một luật nào hạn chế quyền tự do báo chí, ngôn luận, lập hội cũng như quyền được trực tiếp khiếu nại đến chính phủ, quyền tự do tín ngưỡng. Tuy nhiên, trên thực tế, không phải báo chí Mỹ muốn nói gì thì nói. Các đạo luật chi phối báo chí hiện nay ở Mỹ cho phép nhà nước quản lý, kiểm tra rất chặt hệ thống báo chí không lồ của mình. Nhà báo có thể bị quy vào các tội như tội phỉ báng, phá hoại sự yên tĩnh của xã hội, tội xúc phạm tòa án, tội bạo động, tội làm lộ bí mật quốc gia, v.v.. Các tổ chức CIA, FBI và các phương tiện thông tin đại chúng của nhà nước và của bộ quốc phòng Mỹ, thực chất cũng thực hiện chức năng kiểm soát thông tin. Chính phủ Mỹ độc quyền thông tin về các hoạt động của mình, kết hợp sử dụng các phương tiện tài chính, tung ra xã hội hàng loạt thông tin, tài liệu tuyên truyền. Luật pháp, tòa án, tài chính, bộ máy an ninh, quân sự, các cơ quan dân sự - đều tham gia vào việc khống chế thông tin báo chí, bảo đảm cho nền báo chí khổng lồ, phức tạp của nước Mỹ đi theo khuynh hướng chính trị của Oa-sinh-tơn. Mức độ "tự do báo chí" ở Mỹ được xác định tùy theo so sánh lực lượng trong và ngoài nước. Trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, các cơ quan chức năng của chính phủ Mỹ kiểm tra chặt chẽ, không để lọt ra xã hội những thông tin về thiệt hại người và thiết bị, vũ khí của quân Mỹ và đồng minh, tin tức liên quan đến khía cạnh nhân đạo trong chiến tranh như ném bom vào dân thường, các công trình dân sự, v.v..

Có thể nói, báo chí Mỹ tiêu biểu cho báo chí ở các nước tư bản chủ nghĩa. Tuy nhiên, nó cũng mang sắc thái riêng. Với những ưu thế về tài chính, kỹ thuật và công nghệ, báo chí Mỹ phát triển nhanh chóng, thâm nhập từng ngõ ngách cuộc sống, trở thành một thứ quyền lực xã hội do giới cầm quyền giàu có chi phối.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

Lời người biên tập : *Công cuộc đổi mới ở Việt nam với những kết quả quan trọng đạt được, đã thu hút sự chú ý của thế giới, và tất nhiên, có những nhận định không giống nhau. Dưới đây là một số ý kiến đáng chú ý của Uy-liêm Tơ-li, giáo sư Khoa chính trị Trường đại học tổng hợp Nam I-li-noi (Mỹ), phát biểu trong cuộc Hội thảo Việt - Mỹ tại Phi-gi tháng 2-1992*[*]

CẢI CÁCH KINH TẾ

Sau sự sụp đổ của các chính phủ cộng sản và những bước chuyển nhanh chóng sang nền kinh tế thị trường ở Đông Âu và Liên xô (trước đây), Việt nam là một trong số ít nước trên thế giới vẫn duy trì được sự lãnh đạo của Đảng cộng sản và đang tiến hành công cuộc cải cách.

Việt nam đã trải qua một chặng đường chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường với sự hoạt động của khu vực tư nhân lớn mạnh. Trong khoảng từ 1979 đến 1981, ở đồng bằng sông Cửu long đã ngừng những phong trào tập thể hóa nông nghiệp, và người ta đã thông qua chế độ khoán sản phẩm để chuyển giao một phần ruộng đất canh tác cho các hộ nông dân. Cũng trong thời kỳ này, một số quy định kiểm soát thương mại đã được nới long. Những biện pháp đầu tiên này dù sao cũng không ngăn chặn được nạn lạm phát và những hiện tượng tiêu cực khác.

Đại hội Đảng cộng sản Việt nam lần thứ VI (12-1986) đánh dấu bước chuyển biến toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Chiều hướng đổi mới thật rõ ràng và không thể đảo ngược được vì những lý do sau :

Một là, như kinh nghiệm ở nhiều nơi đã chỉ rõ, những thành tựu đạt được trong quá trình đổi mới sẽ tạo ra những nhân tố mới đòi hỏi phải có những cải cách mới. Ví dụ, theo hướng kinh tế thị trường, nền kinh tế Việt nam đã gặp phải tình trạng lạm phát, sản xuất đình đốn và xáo trộn. Chỉ có tiếp tục đổi mới thực sự với những giải pháp đồng bộ và táo bạo mới có thể giải quyết được những vấn đề thực tế. Do kiên quyết thực hiện đổi mới, Việt nam đã vượt qua thời điểm gay go của những năm 80.

Hai là, những thành tựu bước đầu đạt được trong công cuộc cải cách hứa hẹn một cuộc sống tốt đẹp hơn, sẽ xây dựng được khối cộng đồng toàn dân ủng hộ những cải cách. So với những năm 1978 - 1981, và khác với "cải tổ" ở Liên xô, đổi mới ở Việt nam đã thực sự đem lại lợi ích cho nhiều người.

Ba là, hình mẫu "chủ nghĩa xã hội được trợ cấp" đã dứt khoát chấm dứt, nhất là sau sự cắt giảm viện trợ kinh tế của Liên xô năm 1990. Sau nhiều năm nhận được từ 25% đến 30% tổng chi từ nguồn viện trợ của nước ngoài, ngân sách năm 1991 chỉ còn nhận được 5% từ nguồn không ổn định đó. Thử thách đặt ra buộc Việt nam phải có những bước chuyển nhanh chóng về kinh tế đối ngoại.

Về quan hệ Mỹ - Việt, rõ ràng lệnh cấm vận của chính phủ Mỹ đã hạn chế kết quả của "đổi mới". Tuy nhiên, không thể nói rằng việc bãi bỏ cấm vận là liều thuốc kinh tế vạn năng cho Việt nam. Bãi bỏ cấm vận cũng không sớm nâng Việt nam ngang hàng với những nước công nghiệp mới. Việt nam có nhiều khác biệt so với các "con rồng" châu Á khi các nước này ở ngưỡng cửa của sự tăng trưởng nhanh chóng. So với các nước đó, thị trường nội địa của Việt nam có sức mua thấp hơn, cơ sở hạ tầng nghèo hơn ; sức ép của dân số tăng nhanh làm giảm khả năng tăng diện tích trồng cây lương thực ; số nợ của Việt nam (gần ngang giá trị tổng sản phẩm quốc dân của Việt nam năm 1988) so với kim ngạch xuất khẩu, lớn hơn của các nước trên tới 10 lần. Vì vậy, đổi mới là con đường duy nhất - con đường tự lực đưa Việt nam đến thịnh vượng.

CẢI CÁCH CHÍNH TRỊ

Nếu có những người Mỹ nào đó hoan nghênh công cuộc cải cách kinh tế của Việt nam thì chính họ lại tỏ thái độ hoài nghi đối với những cải cách chính trị, cho rằng sự thay đổi về chính trị là không đáng kể hoặc nếu có sự thay đổi đó sau năm 1989 thì đó là sự thay đổi theo hướng ngược lại. Chỉ có một số ít chuyên gia Mỹ biết rằng công cuộc cải cách hệ thống chính trị ở Việt nam diễn ra không phải theo hướng nền dân chủ tự do đa đảng.

Cùng với những cuộc vận động công khai phê bình đảng viên và không để các cấp ủy đảng bao biện làm thay công việc của nhà nước, từ năm 1987 ở Việt nam đã bắt

(Xem tiếp trang 64)

* Nguồn : *Đối thoại Mỹ - Việt*, tập VII, số 2, do Viện A-xpen xuất bản năm 1992. Đầu đề là của người biên tập.

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI GIÁO ĐIỀU

● CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHÔNG TƯỞNG

Chủ nghĩa xã hội không tưởng là những học thuyết xã hội chủ nghĩa khác với lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác và Ăng-ghen, đặt ra những kế hoạch cải tạo xã hội rộng lớn mà không tính đến đời sống hiện thực của xã hội. Các học thuyết này phản ánh nguyện vọng chủ quan mà không có khả năng khách quan để thực hiện.

Thuật ngữ "chủ nghĩa xã hội không tưởng" bắt nguồn từ tên gọi tác phẩm nổi tiếng của Tô-mát Mo-rơ, một trong những người sáng lập chủ nghĩa xã hội không tưởng : "Cuốn sách nhỏ về chế độ nhà nước tốt đẹp nhất và về hòn đảo mới không tưởng" (1516), gọi tắt là "Không tưởng" *. Chủ nghĩa xã hội không tưởng có nguồn gốc xa xôi từ thời cổ đại và sinh ra vào thời kỳ đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chưa phát triển. Tư tưởng chủ đạo của chủ nghĩa xã hội không tưởng xuất phát từ lòng khao khát hướng tới sự bình đẳng về tài sản và sự công bằng xã hội, từ những ước mơ về một xã hội không có lao động cưỡng bức và sự nghèo khổ của nhân dân. Đấy cũng là đặc điểm tư tưởng của nhiều phong trào nhân dân ở thời kỳ trước chủ nghĩa tư bản. Hệ tư tưởng nhân dân - không tưởng được biểu hiện trong đạo Cơ đốc lúc ban đầu, trong các học thuyết xã hội tôn giáo, trong các sáng tác của nhân dân và đặc biệt là trong học thuyết của T.Muyn-xe-rơ, một lãnh tụ trong cuộc chiến tranh nông dân ở Đức hồi thế kỷ XVI. Chủ nghĩa xã hội không tưởng bắt đầu phát triển có hệ thống từ thời Phục hưng và cải cách tôn giáo (Mo-rơ ở Anh, Cam-pa-nen-la ở Ý...). Nó phát triển thêm vào thời kỳ cách mạng tư sản ở châu Âu (Mê-li-ê, Ma-bli, Mô-ren-li, Ba-bớp ở Pháp, và Uyn-xten-li ở Anh). Chủ nghĩa xã hội không tưởng đạt đến đỉnh cao vào đầu thế kỷ XIX (Xanh Xi-mông và Phu-ri-ê ở Pháp ; Ô-oen ở Anh).

Công lao của các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng là đã vạch ra và phê phán nghiêm khắc những mặt xấu xa của chủ nghĩa tư bản, chứng minh phải thay thế chế độ tư bản chủ nghĩa bằng chế độ xã hội chủ nghĩa. Song, trong việc phủ định trật tự tư bản chủ nghĩa, ủng hộ chế độ xã hội chủ nghĩa, họ "không giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê trong chế độ tư bản chủ nghĩa, cũng không phát hiện ra được những quy luật phát triển của chế độ tư bản chủ nghĩa và cũng không tìm thấy *lực lượng xã hội* có khả năng trở thành người sáng tạo xã hội mới" (1). Vì vậy, họ từ chối cách mạng, ngây thơ tin rằng, bằng tuyên truyền những tư tưởng về chủ nghĩa xã hội, có thể thay đổi được trật tự hiện có.

Trong vấn đề các hình thức xác lập xã hội mới, trong việc đánh giá bạo lực cách mạng... các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng phân thành *hai* phái : phái ủng hộ con đường hòa bình và phái ủng hộ con đường bạo lực. Trong triết học, các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng lại chia thành những trường phái hết sức khác nhau : phái duy vật và phái vô thần ; phái duy tâm và phái tôn giáo v.v.. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội mà chủ nghĩa xã hội không tưởng ở nước này hoặc nước kia có những đặc điểm riêng. Ở một số nước tương đối kém phát triển ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh, các học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng hòa với tư tưởng cách mạng tiêu tư sản, chủ yếu với tư tưởng cách mạng nông dân. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà dân chủ cách mạng Nga danh tiếng hồi thế kỷ XIX (như Trếc-nư-sép-xki, Đô-brô-liu-bốp...)tiến bộ hơn tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác ở Tây Âu. Đặc điểm tư tưởng xã hội chủ nghĩa của các nhà dân chủ cách mạng Nga là tính chất cách mạng và tinh thần chiến đấu. Họ hiểu rằng chỉ dựa vào sự tuyên truyền hòa bình thì không đủ để thực hiện những lý tưởng xã hội chủ nghĩa ; chỉ có nhân dân lao động mới thực sự quan tâm đến việc thay thế xã hội cũ bằng xã hội mới. Nhưng chủ nghĩa xã hội của họ vẫn mang tính chất không tưởng, bởi vì họ mơ tưởng có thể thông qua công xã nông dân cũ để chuyển sang chủ nghĩa xã hội. Họ không hiểu rằng chỉ giai cấp công nhân mới là lực lượng có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và cũng bởi vậy, họ không thể xác lập được chủ nghĩa xã hội khoa học.

● CHỦ NGHĨA XÃ HỘI GIÁO ĐIỀU

Chủ nghĩa xã hội giáo điều muốn nói ở đây là chủ nghĩa xã hội được xây dựng theo mô hình của Liên xô trước khi có công cuộc cải tổ ở nước đó. Xét về nhận thức lý luận, nó là một trong những nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu, sự khủng hoảng ở các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Chủ nghĩa xã hội giáo điều là sản phẩm của việc áp dụng máy móc, cứng nhắc các nguyên lý của Mác, Ăng-ghen về chủ nghĩa xã hội ở trình độ ra đời sau chủ nghĩa tư bản phát triển vào các nước ở đó chủ nghĩa tư bản còn kém phát triển hoặc chưa có chủ nghĩa tư bản.

Khuyết tật lớn nhất của chủ nghĩa xã hội giáo điều là đã không thật sự xuất phát từ thực tiễn kinh tế - xã hội của nước mình, không thực sự coi những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin chỉ là kim chỉ nam cho hành động để suy

---

* "Utopia" (từ tiếng Hy lạp *u* là "không", và *topos* là "nơi, chốn") có nghĩa là "không tồn tại ở đâu cả".

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t23, tr 56 - 57.

Digitized by Google

nghĩ, tìm tòi đưa ra mô hình, con đường, bước đi và hình thức xây dựng chủ nghĩa xã hội thật sự thích hợp, vừa mang sắc thái riêng của nước mình, vừa bảo đảm bản chất khoa học và cách mạng của chủ nghĩa xã hội.

Sai lầm cơ bản trong phương pháp tư duy của chủ nghĩa xã hội giáo điều là ở chỗ : nó bắt hiện thực phải khuôn theo lý tưởng, nó coi chủ nghĩa xã hội không phải như Mác nói, là một phong trào nhằm xóa bỏ tình trạng hiện có, mà như một trạng thái cần sáng tạo ra.

Có thể nêu lên *mấy nét chính* của chủ nghĩa xã hội giáo điều. Về *kinh tế*, không xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa ; thực hiện cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp, không thừa nhận cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước ; xác lập chế độ công hữu với hai hình thức quốc doanh và tập thể, không đa dạng hóa các hình thức sở hữu trong đó quốc doanh giữ vai trò chủ đạo ; thực hiện cứng nhắc nguyên tắc phân phối theo lao động, mà thực ra là theo lối bình quân chủ nghĩa, không chấp nhận các hình thức phân phối bổ sung ; quan hệ kinh tế dường như khép kín, không mở cửa hợp tác rộng rãi với các nước... Về *chính trị*, lẫn lộn chức năng lãnh đạo của Đảng với chức năng quản lý của nhà nước, có khuynh hướng Đảng bao biện làm thay công việc nhà nước ; thiếu phát huy và mở rộng dân chủ trong xã hội, hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể quần chúng bị quan liêu hóa, nặng về hình thức, ít đi vào hiệu quả thiết thực ; đòi hỏi người dân thực hiện nghĩa vụ nhiều hơn là bảo đảm quyền lợi cho họ... Về *văn hóa* và *xã hội*, văn hóa không gắn với kinh tế, với phát triển ; kinh tế có phần tách rời xã hội ; giáo dục không tiến kịp yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thời đại ; báo chí xuất bản có phần bị hạn chế dân chủ, thông tin một chiều ; con người không trở thành trung tâm của mọi sự phát triển...

Chủ nghĩa xã hội giáo điều phản ánh sự ấu trĩ, xơ cứng trong tư duy lý luận và sự gò bó trong hành động thực tiễn đối với việc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cuộc sống. Vì thế, nó cần được nhìn nhận lại và đổi mới, phát triển để đi tới những quan niệm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, đáp ứng yêu cầu của thời đại mới. Muốn làm được việc đó, điều quan trọng hàng đầu là không xa rời những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đặt chủ nghĩa xã hội trên mảnh đất thực tiễn của mỗi nước phù hợp với chiều hướng phát triển chung của thời đại, tổng kết thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trong những năm đổi mới, rút ra những vấn đề có tính quy luật để bổ sung và phát triển lý luận của Mác, Lê-nin về chủ nghĩa xã hội.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN ★ TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

● HỘI THẢO VỀ XÂY DỰNG BỘ GIÁO TRÌNH CÁC MÔN KHOA HỌC MÁC - LÊ-NIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

Trong hai ngày 4 và 5 tháng 2 năm 1993 tại Viện bảo tàng Hồ Chí Minh (Hà nội) đã diễn ra cuộc hội thảo "Quan niệm và phương pháp xây dựng bộ giáo trình chuẩn quốc gia các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh". Chủ trì cuộc hội thảo là đồng chí Đào Duy Tùng, ủy viên Bộ chính trị, Thường trực Ban bí thư, Chủ tịch Hội đồng trung ương biên soạn giáo trình chuẩn quốc gia, và giáo sư Nguyễn Đức Bình, uy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Phó chủ tịch Hội đồng, cùng các đồng chí ủy viên hội đồng.

Tham dự hội thảo có hơn một trăm đại biểu, gồm các giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, phó tiến sĩ, các nhà khoa học nghiên cứu, giảng dạy các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Cuộc hội thảo tập trung trên *ba* vấn đề chính :

1 - *Về sự cần thiết và khả năng xây dựng bộ giáo trình*, nhiều đại biểu đã phân tích khá sâu sắc. 100% đại biểu tham dự đều nhất trí cần phải xây dựng bộ giáo trình chuẩn quốc gia này với mục đích :

- Sớm khắc phục những hạn chế và sự lạc hậu của các giáo trình cũ, tăng cường sức hấp dẫn với người dạy, người học và với xã hội.
- Khẳng định nền tảng tư tưởng, cơ sở lý luận của Đảng ta, tăng cường các hoạt động đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận của Đảng trong điều kiện hiện nay.
- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của cuộc cách mạng mới của nước ta theo định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện dân giàu nước mạnh.

Rất nhiều ý kiến cũng đã chỉ ra những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện. Để phòng xu hướng giản đơn, tầm thường, duy ý chí hoặc xu hướng cầu toàn trong quá trình thực hiện, Hội nghị nhấn mạnh : để hoàn thành công việc quan trọng này, những người thực hiện phải vừa có *tâm*, vừa có *tầm* . Phải trung thành với chu nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trung thành với lý tưởng cách mạng của Đảng ; đồng thời phải có sự hiểu biết sâu sắc đầy đủ, đúng đắn những nguyên lý lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Để làm được như vậy, việc chuẩn bị nội dung và trình bày một cách có luận cứ khoa học trong bộ giáo trình là hai việc hết sức quan trọng.

2 - *Quan niệm về bộ giáo trình* : Có nhiều ý kiến khác nhau, nhất là trên những vấn đề sau :

- Nên xây dựng bộ giáo trình hay giáo khoa chuẩn quốc gia ? Có ý kiến cho rằng cần xây dựng bộ giáo khoa hoàn chỉnh với đầy đủ tính khoa học, tính tư tưởng, làm cơ sở cho việc dạy và học các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình hiện nay. Ý kiến khác thận trọng hơn, cho rằng trước mắt hãy xây dựng cho được bộ giáo trình, sau đó tiến tới bộ giáo khoa. Thậm chí, có ý kiến đề nghị hãy xây dựng bộ giáo trình sơ thảo, thể nghiệm một số năm, sau đó sẽ hoàn chỉnh. Qua thảo luận, Hội nghị đi tới thống nhất là chúng ta cần và có thể xây dựng được bộ giáo trình chuẩn quốc gia các môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Thế nào là giáo trình "chuẩn" ? Nhiều ý kiến phân tích, luận giải sâu sắc và đi đến kết luận : "chuẩn" là thể hiện ở tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt bộ giáo trình. Hiện nay việc dạy môn này còn tùy tiện, cho nên cần có sự thống nhất về nội dung cơ bản của từng bộ môn. Nói đến "chuẩn" là đề cập tới nội dung khoa học và quan điểm chính trị. "Chuẩn"

Digitized by Google

là tiêu chuẩn để phân biệt không lặp lại sai lầm cũ, không lệch lạc sang cái khác, trái với khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhưng "chuẩn" không có nghĩa là xơ cứng, là khuôn sáo, giáo điều, như trước đây chúng ta đã mắc phải. "Chuẩn" cũng nói lên trình độ nhận thức lý luận của chúng ta hiện nay và yêu cầu phải không ngừng phát triển lý luận đó cao hơn trong tương lai.

- Về đối tượng của giáo trình "chuẩn" quốc gia. Có ý kiến cho rằng đối tượng chính là sinh viên. Khá nhiều ý kiến lại coi giáo trình là phục vụ tất cả mọi người. Lại có ý kiến cho rằng giáo trình viết cho người dạy... Hội nghị kết luận : giáo trình viết cho những ai muốn học tập, nghiên cứu để đạt trình độ đại học về lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Về tên các môn học. Hội nghị đã thảo luận và đi đến khẳng định cần phải có các môn : *triết học Mác - Lê-nin, kinh tế chính trị Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội khoa học*... Hội nghị chỉ rõ : khi nói lý luận Mác - Lê-nin, hoàn toàn không có nghĩa là hạn chế mà đòi hỏi người nghiên cứu phải tìm hiểu cả các trào lưu tư tưởng, lý luận khác trong lịch sử, các tinh hoa trí tuệ của nhân loại, để tiếp thu, kế thừa, phát triển, làm giàu cho học thuyết Mác - Lê-nin.

3 - *Một số việc cần làm ngay*. Các ban chủ nhiệm biên soạn các môn khẩn trương thảo luận những vấn đề lớn về nội dung môn học, xây dựng kết cấu chương trình môn học, tập hợp, tổ chức các nhà khoa học nghiên cứu, biên soạn theo kế hoạch.

Hội đồng trung ương có kế hoạch triển khai việc nghiên cứu và thảo luận đề tài "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thời đại ngày nay" để làm cơ sở cho việc biên soạn giáo trình.

PTS TRẦN QUANG NHIỆP lược thuật

● TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN QUAN TRỌNG HIỆN NAY

Thực hiện Nghị quyết 01 của Bộ chính trị về công tác lý luận, đến nay đã có trên 150 đề tài thuộc 10 chương trình cấp nhà nước về khoa học xã hội cùng hàng trăm đề tài khoa học các cấp đã được triển khai nghiên cứu với sự tham gia của hàng nghìn cán bộ khoa học, cán bộ lý luận của các cơ quan khoa học, các viện nghiên cứu, các trường đại học, các cơ quan quản lý ở trung ương và địa phương, các nhà hoạt động thực tiễn. Chưa bao giờ hoạt động nghiên cứu lý luận được triển khai bề thế rộng rãi sôi nổi như hiện nay. Hàng trăm cuộc hội thảo khoa học đã được tiến hành, hướng vào những vấn đề lý luận bức xúc.

Không ít vấn đề đã đi đến thống nhất ý kiến và được các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước xem xét, tiếp nhận, thể hiện thành chủ trương, đường lối, luật pháp và quy định. Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề lý luận tới nay vẫn chưa được giải quyết và cần được tiếp tục tranh luận rộng rãi. Nổi lên là những vấn đề lớn sau đây :

1 - *Về mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt nam* : Một thực tiễn khách quan là thế giới hiện có nhiều con đường phát triển theo những khuynh hướng không giống nhau. Và tất cả các khuynh hướng phát triển đó đều có những vấn đề bức xúc và chứa đựng những mâu thuẫn. Chưa có một giải pháp nào hữu hiệu cho tất cả các nước. Điều này, đương nhiên tác động đến những cuộc tranh luận ở ta.

Về vấn đề này, hướng thảo luận tập trung là : làm thế nào để nước ta có được mô hình chủ nghĩa xã hội đúng đắn, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt nam.

Chủ nghĩa xã hội như Mác và Ăng-ghen quan niệm cách đây một thế kỷ rưỡi, mới chỉ là một phác thảo khoa học, vì khi đó chưa hề có điều kiện thực tế để phân tích, xem xét. Nhưng hiện nay, với những điều kiện thực tế đã có, chúng ta cần và có thể xác định rõ ràng hơn những biểu hiện cụ thể của xã hội xã hội chủ nghĩa. Đây là vấn đề lý luận rất cơ bản cần được làm rõ thêm, sâu thêm, để có thể tiến tới xác định một mô hình chủ nghĩa xã hội thích hợp cho nước ta, mô hình mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nêu ra : một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

2 - *Về một số vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin* : Không ai phủ nhận giá trị khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhưng nhiều ý kiến cho rằng, với những tiến triển mới của thời đại ngót một thế kỷ nay, cần phải có những phát triển mới của lý luận Mác - Lê-nin. Không một học thuyết nào, dù khoa học đến đâu, có thể là bất biến. Cần nghiên cứu khẳng định giá trị của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử về sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, làm rõ hơn các hệ quan điểm tư tưởng khoa học thích hợp, các quan điểm về mâu thuẫn và động lực phát triển của xã hội loài người. Nghiên cứu để khẳng định những nội dung nào trong chủ nghĩa Mác - Lê-nin cần kế thừa và những nội dung nào cần bổ sung phát triển thêm cho phù hợp với những điều kiện của thời đại ngày nay, là một nhiệm vụ vô cùng bức thiết đối với nghiên cứu lý luận.

3 - *Về mô hình nền kinh tế nước ta* : Sự dứt khoát từ bỏ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp đã mở đầu cho giai đoạn phát triển mới của kinh tế nước ta. Nhưng nền kinh tế mà chúng ta tiến tới sẽ như thế nào ? Hiện nay còn không ít ý kiến khác nhau về bản chất nền kinh tế hàng hóa mà chúng ta cần tiến tới.

Thực ra, nền kinh tế thị trường đâu phải của riêng chủ nghĩa tư bản, và không thể ăn nhập với chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển cao của nền sản xuất hàng hóa xã hội cho phép thỏa mãn nhu cầu đa dạng của xã hội với mức độ ngày càng tăng. Không chỉ ở chủ nghĩa tư bản mà cả ở chủ nghĩa xã hội đều tồn tại những điều kiện cơ bản cho sản xuất hàng hóa phát triển tới giai đoạn cao. Thực tế cho thấy, sự khác nhau giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội không phải ở chỗ có hay không có nền kinh tế thị trường, mà ở chỗ : nền kinh tế

Digitized by Google

đó phát triển trong quan hệ xã hội nào và nó được điều tiết vì lợi ích của ai ? Có thể gọi nền kinh tế mà chúng ta xây dựng là nền kinh tế thị trường *theo định hướng xã hội chủ nghĩa* được không ?

4 - *Về vấn đề sở hữu* : Đây là một vấn đề được bàn luận rất sôi nổi. Mọi ý kiến đều cho rằng nó là cái gốc để giải quyết hàng loạt vấn đề khác, do đó cần được khẳng định sớm.

Về *khái niệm các loại hình sở hữu*, gần như mọi ý kiến đều thống nhất rằng không nên gọi là "sở hữu toàn dân" mà nên gọi là "sở hữu nhà nước". Khái niệm sở hữu toàn dân không cho thấy *thực chất* người chủ sơ hữu ; không phải mọi người dân đều có quyền với những tài sản chung của toàn dân. Chính *nhà nước*, đại diện cho toàn dân quản lý đất nước, phải giữ quyền chi phối toàn diện đối với những tài sản chung để bảo đảm lợi ích chung của quốc gia, trong đó có yêu cầu bảo đảm mục tiêu quản lý của nhà nước. Có hai loại ý kiến chính về *số loại hình sở hữu*. Ý kiến **thứ nhất** cho rằng có 3 loại hình sở hữu *cơ bản* là sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân ; cùng các hình thức *hỗn hợp* của chúng. Ý kiến **thứ hai** cho rằng chỉ có hai loại hình sở hữu *cơ bản* là sở hữu nhà nước và sở hữu tư nhân ; cùng các hình thức hỗn hợp của chúng (sở hữu tập thể chỉ là hình thức hỗn hợp của sở hữu tư nhân mà thôi). Trong vấn đề sở hữu, ý kiến thảo luận sôi nổi nhất thường tập trung vào vấn đề sở hữu đất đai.

Ngoài ra, cũng có những ý kiến nêu lên các khái niệm như *sở hữu công cộng* (đối với các nguồn nước tự nhiên, các công viên, đường làng ngõ xóm, đình chùa...), *sở hữu cá nhân* (đối với tài sản và vật dùng cá nhân). Nhưng đây không thuộc các loại hình sở hữu cơ bản.

Trên đây là mấy vấn đề lý luận có tầm bao quát. Còn rất nhiều vấn đề lý luận khác (phương thức lãnh đạo của một đảng cầm quyền ; xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ; vai trò và cách giải quyết khu vực kinh tế nhà nước ; dân chủ và công bằng trong các chính sách kinh tế và xã hội...) cũng đang thu hút sự quan tâm nghiên cứu của các cán bộ khoa học và quản lý.

TIẾN SĨ, PGS VŨ HY CHƯƠNG thực hiện

ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

(Tiếp theo trang 60)

đầu thực hiện những thay đổi về cơ cấu từ cấp cao nhất xuống đến cấp cơ sở. Việc "công khai hóa" có giới hạn đã cho phép hoạt động của báo chí và xuất bản rộng rãi hơn. Các tổ chức quần chúng có những điều lệ mới với quyền tự quản nhiều hơn, các hội viên có nhiều quyền lựa chọn người lãnh đạo. Quốc hội có nhiều quyền hạn hơn trong việc ban hành và sửa đổi pháp luật.

Tại Hội nghị Trung ương tháng 12-1991, Tổng bí thư Đỗ Mười đã khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, và Quốc hội có nhiệm vụ "thể chế hóa những đường lối chủ trương của Đảng". Bản dự thảo hiến pháp cũng quy định rằng : "mọi tổ chức của Đảng đều phải hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật". Công cuộc cải cách chính trị và hành chính tiếp tục được tiến hành theo sáng kiến và sự phê chuẩn của Đảng. Sự giám sát của pháp luật đối với các tổ chức đảng và việc chuyên nghiệp hóa nhà nước thực sự là những cải cách.

Các nhà lãnh đạo Đảng tin chắc rằng, ổn định chính trị là điều kiện tiên quyết của cải cách kinh tế và phát triển, nên đã quyết tâm giữ vững ổn định bằng việc thực hiện chế độ một đảng.

Kinh nghiệm của mô hình tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa cho thấy không hề có mâu thuẫn giữa quyền lực của đảng duy nhất và sự tăng trưởng kinh tế. Trái lại, một nhà nước tự quản mạnh mẽ dưới quyền lực của một đảng duy nhất với chiến lược phát triển kinh tế hướng theo thị trường, là bí quyết thành công ở các nước châu Á.

Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo một nước chậm phát triển, chủ yếu dựa vào nông nghiệp, không có những tầng lớp trung lưu đủ mạnh để kết thành một sự chống đối có tổ chức. Hơn nữa, lịch sử và thực tiễn đã xác nhận đúng đắn vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam. Hiển nhiên, đã có những tiếng nói trong giới trí thức đòi chế độ đa đảng. Nhưng nếu chế độ đa đảng đã không phù hợp với những nước như Nam Triều tiên hay Đài loan trong những năm 1950, thì tại sao những người Mỹ lại cứ khăng khăng đòi Việt nam phải theo chế độ đa đảng vào những năm 1990 ?

LA CÔN lược dịch

Digitized by Google

NHÀ MÁY BIA SÀIGÒN

* 187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5, TP.HCM * ĐT : 559595
* 6 Hai Bà Trưng, Quận 1, TP.HCM * ĐT : 294083

BIA 333 đã trở thành một loại biểu tượng của Việt Nam được nước ngoài biết đến. BIA 333 có hai ưu thế hương vị ngon và giá cả chấp nhận được. Điều này cho phép BIA 333 đi vào thị trường một cách thoải mái, mặc dù ở đây đang có nhiều đối thủ cạnh tranh chẳng hạn như bia Heineken của Hà lan.

BIA 333 được sản xuất tại Nhà máy Bia Saigon ở thành phố Hồ Chí Minh dạng hộp kim loại cách đây hơn 5 năm, với mục đích chủ yếu là để xuất khẩu. Tới nay nó đã trở thành một trong các loại bia ngon nhất Châu Á và chiếm một vị trí trang trọng trong các quán ăn sang trọng của Việt Nam bên cạnh các loại bia nổi tiếng Dab (Đức) hoặc Tubong (Đan Mạch)và Heineken.

(Trích Tin tức Buổi chiều, bài của nhà báo Phanxto Triana)



KÍNH CH... QUÝ KHÁCH HÀNG

Đáp lại tấm lòng mến mộ của khách hàng, Nhà máy Bia Saigon đã tổ chức 12 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại các quận, huyện thị của thành phố Hồ Chí Minh và 18 chi nhánh, 6 tổng đại lý tại các tỉnh nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu của quý khách. Mới đây Nhà máy Bia Saigon đưa bia đến phục vụ tại chỗ cho các khách sạn và đơn vị kinh doanh.

Xin trân trọng giới thiệu để quý khách hàng thuận tiện liên hệ.

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT - NHẬP KHẨU DẦU KHÍ VIỆT NAM

National Petroleum Import - Export Corp

PETECHIM

TRỤ SỞ CHÍNH	:	*194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, TP Hồ Chí Minh*
ĐIỆN THOẠI	:	*2.99299 - 2.93633 - 2.93136*
FAX	:	*84-8-299686*
TLX	:	*811241/811251/PETIM VT*
CHI NHÁNH HÀ NỘI	:	*26 Tăng Bạt Hổ*
ĐIỆN THOẠI	:	*256157 - 259839*
FAX	:	*84-4-266873*
TLX	:	*412411 PETIM HNVT*

- **Xuất khẩu dầu thô Việt Nam**
- **Nhập khẩu sản phẩm dầu :** *XĂNG, XĂNG MÁY BAY, DẦU HỎA, DẦU DIEZEN, MADUT, DẦU NHỜN*
- **Các công trình thiết bị toàn bộ**
- **Nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng**
- **Kinh doanh tổng hợp :** *GẠO, CÀ PHÊ, PHÂN BÓN, THUỐC TRỪ SÂU, HÓA CHẤT, SẮT THÉP v.v...*
- **Có hệ thống kho chứa, các đại lý phân phối bán buôn và bán lẻ xăng dầu, phân bón trong nước**
- **Sẵn sàng liên doanh, liên kết hợp tác với các doanh nghiệp và nhận ủy thác trong và ngoài nước**
- **Uy tín và chất lượng**



Ruột in tại Nhà in Nhân Dân Hà Nội II
Bìa in tại Nhà máy in Thống Nhất

Chỉ số 12651 - ISSN 0866-7276

Giá : **2.000đ**

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 4
MAIN

H/29

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 05-07-93
Tap Chi Cong San
LIBRARY
MAY 10 1993
UNIVERSITY OF CALIF

4
1993

Digitized by Google

CÔNG TY PHÁT TRIỂN & KINH DOANH NHÀ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH





Địa chỉ : 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại : 397776 - 392718

Ra đời từ Ban QLCT thuộc sở nhà đất, tháng 12/1984 có quyết định chuyển thành CTy phát triển nhà ở, tháng 3/1991 đổi tên thành CTy PT& KD nhà với chức năng nhiệm vụ : - Chuyên ngành chuẩn bị đất, kinh doanh nhà cho mọi đối tượng - Nhận thầu KSTK thi công và SX cung ứng vật tư XD - Liên doanh liên kết, tiếp nhận đầu tư phục vụ chương trình nhà ở của TP.

● Từ mô hình thể nghiệm đầu tiên của TP và cả nước, CTy đã khẳng định sự đúng đắn của chủ trương bằng sự phát triển của chính mình thông qua các kết quả như sau :

Năm	GT. Tổng SLượng(đ)
1986	54.249.000
1987	364.591.000
1988	2.585.175.000
1989	7.000.000.000
1990	3.100.000.000
1991	12.535.500.000
Ước 1992	13.000.000.000

Công ty cũng là đơn vị đi đầu trong phương thức làm nhà trả góp của TP dành cho các gia đình chính sách, CBCNV và nhân dân lao động nghèo, được sự chỉ đạo và hỗ trợ của TP, sở Nhà đất, CTy đã xây dựng 230 căn (80 căn ở Quận 11, 150 căn ở Củ chi, Hóc môn)

Số nộp ngân sách : (1.000 đ)

Năm	1986	1987+88	1989	1990	1991	1992 (ước)
	246	64.454	116.981	412.546	675.201	700.000

● Không ngừng nâng cao chất lượng và mỹ thuật sản phẩm của mình, trong năm 1991 đã đạt 2 huy chương vàng

● Phát huy những thành tích đã đạt được, CTy PT&KDN TP sẽ tiếp tục nỗ lực hơn nữa xứng đáng với sự tin cậy của lãnh đạo và nhân dân TP.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

4 - 1993 NĂM THỨ XXXIX (448)

MỤC LỤC

PHẠM VĂN ĐỒNG - Con người Việt nam trên con đường dân giàu nước mạnh 3

NGUYỄN MẠNH CẦM - Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới 11

PHAN NGỌC TƯỜNG - Từng bước nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước 16

LÊ XUÂN LƯU - Sự phá hoại về tư tưởng của các thế lực phản động trong chiến lược "diễn biến hòa bình" 19

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Luận điệu mới của các thế lực chống Đảng cộng sản. 23

TRẦN QUANG và HƯNG NGHIÊM - Lê-nin và sự phát triển của lịch sử 27

Nghiên cứu - Trao đổi

TRẦN NHÂM - Triết học Mác - Lê-nin trước những biến đổi to lớn của thời đại 29

THÀNH DUY - Đề cương văn hóa Việt nam và chiến lược phát triển văn hóa trong giai đoạn mới 33

HOÀNG ĐẠT - Mấy quan điểm lớn về phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa 37

NGUYỄN VĂN THÂM - Cải tiến việc xây dựng và sử dụng các văn bản quản lý 40

LÊ XUÂN ĐÌNH - Về bài "Từ Adam Smith đến Marx, thử suy nghĩ về vấn đề quyền sở hữu và phát triển kinh tế" 44

Thực tiễn - Kinh nghiệm

ĐẶNG VĂN THÂN - Bưu điện Việt nam trong thời đại thông tin 48

TIẾN HẢI và PHẠM THĂNG - Xí nghiệp liên hợp sợi -dệt kim Hà nội : câu trả lời từ thực tế 50

NGUYỄN VĂN VIỆT - Mấy kinh nghiệm về giao đất giao rừng ở Bắc thái 54

Sinh hoạt tư tưởng

NHỊ LÊ - Học người xưa 57

Qua sách báo nước ngoài

GIÔ-RÉT A.MÉT-VÊ-ĐÉP - Sự sụp đổ của công tác nghiên cứu khoa học ở Liên xô cũ 58

Tìm hiểu khái niệm

● Chủ nghĩa tư bản hiện đại ● Chủ nghĩa tư bản nhà nước 61

Tin hoạt động lý luận

Tình hình triển khai Chương trình "phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn" (KX - 08) 62

Bìa 1 : *Dưới tượng đài Lê-nin (ở Hà nội)*
Ảnh : *TRỊNH HẢI*

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Dây nói : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ФАМ ВАН ДОНГ - Вьетнамцы на пути строительства процветающей страны. НГУЕН МАНЬ КАМ - На пути реализации внешней политики новой ориентации. ФАН НГОК ТЬЮНГ - Постепенно повышать эффективность государственного управления. ЛЕ СУАН ЛЫУ - Идеологические саботажи реакционных сил при осуществлении ими "мирной эволюции". НГУЕН ФУ ЧОНГ - Новые версии сил, противостоящих коммунистической партии. ЧАН КУАНГ и ХЫНГ НГИЕМ - В.И. Ленин и развитие истории. • Исследования - обмен мнениями * ЧАН НЬЯМ - Марксистско-ленинистская философия перед лицом больших перемен современности. ТХАНЬ ЗЮИ - Тезисы вьетнамской культуры и стратегия ее развития на новом этапе. ХОАНГ ДАТ - Основные положения о развитии рынка, ориентирующегося на социализм. НГУЕН ВАН ТХАМ - Улучшать работу в области выработки и использования документов и материалов управленческого назначения. • Действительность - опыт * ДАНГ ВАН ТХАН - Вьетнамская почта в эпоху информации.

CONTENTS

PHẠM VĂN ĐỒNG - The Vietnamese on the path to this goal-rich people and strong country. NGUYỄN MẠNH CẦM - On the way to deploy the foreign policy according to new orientation. PHAN NGỌC TƯỜNG - Raising the managerial efficiency of the State step by step. LÊ XUÂN LỰU - Ideological ruin of reactionary forces in their strategy of "peaceful evolution". NGUYỄN PHÚ TRỌNG - New themes of anti-communist elements. TRẦN QUANG and HƯNG NGHIỆM - V.I Lenin and the development of history. ● **Research and Exchange** ★ TRẦN NHÂM - Marxist-Leninist philosophy in face of the upheaval of the time. THÀNH DUY - Cultural thesis of Vietnam and the strategy of cultural development in the new stage. HOÀNG ĐẠT - Some great viewpoints on the development of market after the socialist orientation. NGUYỄN VĂN THÂM - Improving the making and utilization of managerial documents. ● **Reality and Experience** ★ ĐẶNG VĂN THÂN - The Vietnamese post in the information age.

SOMAMAIRE

PHẠM VĂN ĐỒNG - L'homme vietnamien dans l'édification d'un peuple prospère, d'un Etat puissant. NGUYỄN MẠNH CẦM - La mise en œuvre de la politique extérieure selon la nouvelle orientation. PHAN NGỌC TƯỜNG - Rehausser progressivement l'efficacité de la gestion étatique. LÊ XUÂN LỰU - Le sabotage idéologique des forces réactionnaires dans leur stratégie d'"évolution pacifique". NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Nouveaux arguments des forces anti-communistes. TRẦN QUANG et HƯNG NGHIỆM - V.I. Lénine et le développement de l'histoire. ● **Etudes - Echange de vues** ★ TRẦN NHÂM - La philosophie marxiste-léniniste devant les grands changements de l'époque. THÀNH DUY - Le programme culturel du Vietnam et la stratégie du développement de la culture dans la nouvelle étape. HOÀNG ĐẠT - Quelques points de vue importants sur le développement du marché suivant l'orientation socialiste. NGUYỄN VĂN THÂM - Rénover l'élaboration et l'application des textes réglementaires concernant la gestion. ● **Pratiques - Expériences** ★ ĐẶNG VĂN THÂN - La poste vietnamienne à l'époque des télécommunications.

SUMARIO

PHẠM VĂN ĐỒNG - Los vietnamitas en el camino de ser próspero el pueblo y poderoso el país. NGUYỄN MẠNH CẦM - El despliegue de la política exterior por la nueva orientación. PHAN NGỌC TƯỜNG - Elevar paulatinamente la eficiencia de la gestión de Estado. LÊ XUÂN LỰU - El sabotaje ideológico de las fuerzas reaccionarias en la estrategia de la "evolución de la paz". NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Nuevo argumento de las fuerzas anticomunistas. TRẦN QUANG - HƯNG NGHIỆM - V.I Lenin y el desarrollo de la historia. ● **Estudios-intercambios** ★ TRẦN NHÂM - La filosofía marxista-leninista ante los grandes cambios de la época. THÀNH DUY - La Tesis de la cultura vietnamita y la estrategia de desarrollo cultural en el nuevo período. HOÀNG ĐẠT - Algunos grandes puntos de vista sobre el desarrollo de mercado en orientación socialista. NGUYỄN VĂN THÂM - Renovar la elaboración y utilización de los textos de gestión. ●**Prácticas-experiencias** ★ ĐẶNG VĂN THÂN - Las comunicaciones vietnamitas en la era de información.

目錄

范文同：越南人在民富國強的道路上。**阮孟黎**：按新的定向開展對外政策的過程中。**潘玉祥**：逐步地提高國家管理效力。**黎春榴**：反動勢力推行"演變和平"戰略在思想方面從事的破坏活動。**阮富仲**：反共勢力的新論調。**陳光与興展**：列寧与歷史的發展。●**研究与交流**★陳壬：馬列主義哲學面對時代的 巨變。 **成唯**：越南文化綱要与新階段發展文化戰略。**黃建**：關於按社會主義定向發展市場的若干重大關點。**阮文深**：關於制定与利用管理規定文本的改進。●**實踐与經驗**★ **鄧文申**：越南郵電事業在信息時代中。

Digitized by Google

CON NGƯỜI VIỆT NAM
TRÊN CON ĐƯỜNG DÂN GIÀU NƯỚC MẠNH

PHẠM VĂN ĐỒNG
Cố vấn BCH TƯ ĐCS Việt nam

***Lời Bộ biên tập** : Tác phẩm "Hồ Chí Minh và con người Việt nam trên con đường dân giàu nước mạnh" của đồng chí cố vấn Phạm Văn Đồng được hoàn thành đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 63 ngày thành lập Đảng cộng sản Việt nam. Tác phẩm gồm nhiều phần, nhiều chương. Nhân dịp các cấp, các ngành triển khai nghiên cứu quán triệt và thực hiện các nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng (khóa VII) về chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người,* Tạp chí Cộng sản *xin trân trọng trích giới thiệu cùng bạn đọc đoạn quan trọng trong* phần hai *của tác phẩm nói trên. Đầu đề do chúng tôi đặt.*

HIỆN nay, mục tiêu trước mắt của chúng ta là ổn định tình hình, phát triển kinh tế và văn hóa, vươn lên dân giàu, nước mạnh. Đó là mục tiêu bao trùm đường lối và chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

Nhân tố quyết định việc thực hiện mục tiêu bao trùm này là cơ chế tổng hợp : nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Đảng lãnh đạo, mà tôi đã trình bày một cách bao quát trong cuốn sách trước : "Hồ Chí Minh, quá khứ, hiện tại và tương lai". Bây giờ, tôi có cơ hội trở lại đề tài này.

Ở đây, tôi đang chú ý nhấn mạnh vai trò của con người, của nhân dân trong việc thực hiện quyền làm chủ của mình. Tôi cần nhắc lại khẩu hiệu của Đại hội VII : Đưa Nghị quyết của Đại hội vào cuộc sống. Điều đó có nghĩa là : từng bước, từng phần, từng nơi, từng lúc, biến Nghị quyết của Đại hội thành tư tưởng và tình cảm, thành ý chí và việc làm của các tầng lớp nhân dân và của mỗi người Việt nam với những kết quả thiết thực.

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội là một cuộc cách mạng, và cách mạng, nhất là cách mạng xã hội chủ nghĩa, là của dân, do dân, vì dân. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh và của Đảng ta, cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong những thập kỷ qua, bởi đúng là của dân, do dân, vì dân, nên đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bây giờ cũng vậy, phát triển kinh tế và văn hóa, "xây dựng đất nước 10 lần đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" là một cuộc cách mạng, một sự nghiệp thiết tha và thiết thực của nhân dân.

Trong sự nghiệp này, chúng ta có thuận lợi ở chỗ phát triển kinh tế và văn hóa đem lại đời sống ngày càng được cải thiện cho nhân dân, và muốn vậy, phải làm cho bản thân người dân trở thành người chủ thật sự của sự nghiệp của mình. Thực tiễn những năm qua phần nào đã chứng minh lẽ phải lớn này. Đồng thời, cũng phải thấy chúng ta đang đứng trước nhiều khó khăn và phức tạp trong việc thực hiện cơ chế mới về kinh tế, bởi thực sự nó rất mới, nước ta chưa trải qua, mọi người chúng ta chưa có hiểu biết, chưa có kinh nghiệm, lại phải đương đầu với những thách thức từ nhiều phía.

Chính vì như vậy mà người lãnh đạo, người quản lý càng phải dựa vào dân, biến sự nghiệp phát triển kinh tế và văn hóa thành công việc thiết thực của nhân dân : dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, đưa đến dân hưởng thụ.

Dân tộc ta có một nguồn tiềm lực, một nguồn giàu có không gì so sánh được, đó là trí thông minh, tài năng sáng tạo, nhạy cảm với cái mới, chăm học, chăm làm, không ngừng vươn lên phía trước. Những đức tính đó phải được nhân ra thành sức mạnh của các tập thể những người lao động, cho đến cộng đồng dân tộc.

Loài người đang sống trong thời đại bùng nổ của khoa học và công nghệ, mở ra những triển vọng mới về sự phát triển của các quốc gia. Chúng ta cần có ý thức làm quen với những gì thích hợp nhất đối với chúng ta, ra sức nắm bắt và sử dụng nó. Đây là con đường ngắn nhất, kinh tế nhất, có tính hiện thực nhất để các nước chậm phát triển dần dần đuổi kịp các nước phát triển.

Digitized by Google

Cũng như biết bao đồng chí và đồng bào, tôi học được ở Bác Hồ điều quý báu nhất đối với mọi người Việt nam ngày nay : Đó là lòng tin sâu xa và mãnh liệt vào tiền đồ tươi sáng của dân tộc. Những gì đã và đang diễn ra ở nhiều nơi trên thế giới, những gì đang diễn ra ở nước ta hiện nay chừng nào đã làm cho một số người mất phương hướng, hoài nghi, ngả nghiêng. Một số người khác trở thành biến chất, sẵn sàng lao vào con đường lầm lỗi. Hơn lúc nào hết, cuộc đời của Bác, hình ảnh của Bác, bài học mà Bác để lại cho chúng ta phải được mọi người chúng ta ôn lại và rút ra những kết luận bổ ích cho bản thân mình.

Nhân dân làm chủ sự nghiệp cách mạng là một quá trình xuyên suốt thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Tất nhiên, quá trình này dài hay ngắn tùy thuộc ở khoảng cách từ điểm xuất phát đến mục tiêu cuối cùng. Song, quá trình này còn tùy thuộc ở tốc độ của người đi đường. Đi chậm, đi vòng vèo, đi uể oải, thì ai biết bao giờ mới đến đích ! Ngược lại, đi mạnh mẽ và nhanh chóng, nhằm đúng hướng và đúng đích, vận dụng những phương tiện cho phép đi nhanh hơn bình thường, thì đích đến gần, ai nói trước được.

Về các quyền của con người và của công dân :

Trước hết, tôi cần trích đoạn đầu của *Tuyên ngôn độc lập* mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc trước quốc dân đồng bào ở quảng trường Ba đình, Hà nội, ngày 2 tháng 9 năm 1945 :

"Hỡi đồng bào cả nước,

"Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc".

Lời bất hủ ấy ở trong bản *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có nghĩa là : Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói :

"Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi".

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được".

Trong Hiến pháp năm 1992 của nước ta có ghi : "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam, các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật".

Hiện nay ở nước ta, nhấn mạnh những quyền của con người và quyền công dân có ý nghĩa thời sự nóng hổi và thiết thực, bởi lẽ những quyền ấy có phần không được tôn trọng nghiêm túc. Tôi đặc biệt chú ý điều này vì xã hội ta còn những di hại của chế độ phong kiến từ ngàn xưa và chế độ thực dân. Trong tình hình như vậy, các cơ quan nhà nước, nhất là ở địa phương, lại có hiện tượng lạm dụng quyền hành, nhiều khi vi phạm trắng trợn những quyền của con người, của công dân.

Về các quyền con người và quyền công dân, tôi tập trung trình bày theo ba mục dưới đây : Dân sinh, dân trí, dân chủ.

Về dân sinh :

Dân sinh là quyền sống của con người, quyền hàng đầu của mọi con người, và con người phải có cuộc sống tương ứng với cống hiến của mình, có liên quan đến trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và tính chất của chế độ xã hội. Con người phải có cuộc sống như vậy mới nói được mọi quyền khác, nhất là quyền làm chủ.

Dân sinh là đời sống của mỗi con người ở các địa phương trong cả nước mà các tổ chức thuộc hệ thống chính trị của nước ta phải quan tâm, nhất là đối với những người không có việc làm hoặc thiếu việc làm, và những người đang gặp khó khăn trong đời sống. Đây là vấn đề nóng hổi, liên quan mật thiết đến nhân dân lao động và thế hệ trẻ.

Hướng chủ yếu của một giải pháp có tính vững chắc và lâu dài cho vấn đề này là sự phát triển nhanh hơn của nền kinh tế quốc dân, bao gồm các ngành, nghề, các thành phần kinh tế, ở nông thôn cũng như ở các thành phố, đặc biệt chăm lo diện thanh niên mới ra trường hoặc ra trường khá lâu mà chưa có việc làm tương xứng.

Một vấn đề có tính thời sự nóng hổi khác là tiền lương quá thấp của những người ăn lương trong xã hội nước ta. Nhiều năm nay, chúng ta đã nói đi nói lại, lật qua lật lại vấn đề này, mà đến nay vẫn chưa có giải pháp thỏa đáng.

Hai hiện tượng kinh tế và xã hội kể trên càng làm nổi bật sự bất công trong xã hội giữa người có thu nhập cao, hưởng cuộc sống xa hoa không thể chấp nhận được, tương phản phũ phàng với đời sống cùng cực hoặc thiếu thốn của một số khá đông người đang lâm vào cảnh khó khăn.

Digitized by Google

Nói về công bằng xã hội, tôi nhấn mạnh quan điểm công bằng xã hội về việc làm, về đãi ngộ, và vạch rõ quá trình phân hóa giàu, nghèo trong xã hội đưa đến những bất công làm nhức nhối lòng dân. Tôi còn muốn nói rộng ra, nói đến rất nhiều dạng bất công khác, như vi phạm quyền con người, vi phạm quyền công dân, vi phạm phẩm giá và lợi ích chính đáng của con người, hầu hết những hiện tượng bất công này đều do sự khác biệt giữa giàu, nghèo hoặc sang, hèn gây nên. Bác Hồ như đã nhìn thấy những điều vừa nêu, khi Bác nói về việc phân phối sản phẩm : "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng ; không sợ nghèo, chỉ sợ lòng dân không yên".

Chế độ ta, xã hội ta, nhân dân ta phải cố gắng hết sức mình phát triển các loại ngành nghề nhằm từng bước giải quyết vấn đề công ăn, việc làm cho mọi người theo quan điểm mọi người phải làm việc với tất cả khả năng của mình và được đãi ngộ xứng đáng với kết quả lao động thiết thực của mình. Mọi tổ chức quản lý sản xuất, lưu thông, phân phối, các loại dịch vụ trong xã hội, những ngành hoạt động hành chính và sự nghiệp v.v. đều phải tuyển chọn, sử dụng và đãi ngộ những người làm việc trong tổ chức mình theo quan điểm trên đây. Đó là một động lực quý báu của một xã hội tiến bộ, nhất là của một xã hội xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là một động lực khuyến khích học sinh, sinh viên của các trường khắp nước ta chăm lo học tập và cố gắng học giỏi vì tương lai tươi đẹp của mình, của gia đình mình và của dân tộc.

Nói về đời sống trong tình hình hiện nay ở nước ta, thì trước hết phải thấy đời sống vật chất của các tầng lớp nhân dân, nhất là nhân dân lao động, bởi một lẽ rất giản đơn, đồng thời cũng rất cơ bản, theo cách nói càng mộc mạc bao nhiêu thì càng chứa đựng chân lý sâu xa bấy nhiêu của người xưa, mà Bác hay nhắc lại : "Có thực mới vực được đạo". Chữ đạo ở đây cần được hiểu là đạo lý của sự nghiệp cách mạng.

Bên cạnh đời sống vật chất, là đời sống văn hóa và tinh thần. Bác Hồ rất coi trọng đời sống vật chất của người dân, đồng thời cũng rất coi trọng đời sống văn hóa, tinh thần. Cái đẹp, cái đáng yêu quý của con người và trong con người là cuộc sống văn hóa và tinh thần.

Nhiều người trong chúng ta thường phân biệt mức sống và lối sống, phân biệt như vậy để thực sự chăm lo tăng trưởng mức sống vật chất của nhân dân ta hiện nay còn thấp, đồng thời ngày càng chăm lo nâng cao lối sống của mọi người, chăm lo xây dựng cuộc sống văn hóa và tinh thần tốt đẹp trong một xã hội lành mạnh, giàu bản sắc dân tộc, theo hướng một nền văn minh mới của ngày mai.

Đối với con người Việt nam ta, xây dựng một xã hội mới với những con người mới đòi hỏi phải coi trọng tổ ấm của con người là gia đình, tế bào của xã hội. Tôi luôn luôn nghĩ rằng một xã hội lành mạnh và tươi vui không phải cái gì khác, mà là một cộng đồng những gia đình hòa thuận, môi trường đầu tiên của những con người làm nên sự nghiệp, sự nghiệp của bản thân, sự nghiệp của gia đình, gắn liền với sự nghiệp của dân tộc, của Tổ quốc. Bác Hồ là người đề xướng việc xây dựng gia đình văn hóa mới.

Bác rất coi trọng việc nuôi dạy con cái, và cũng theo tinh thần đó mà tổ chức phụ nữ của nước ta, trong phạm vi trách nhiệm của mình, từ trước đã đề ra phong trào nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Mấy năm gần đây, dân tộc ta và Hội liên hiệp phụ nữ nước ta bắt đầu nhận thức lại một loạt những vấn đề có liên quan đến gia đình và hoạt động của nữ giới, như kế hoạch hóa dân số, chăm sóc bà mẹ và trẻ em, chống suy dinh dưỡng của trẻ sơ sinh, nhi đồng và thiếu niên, chống việc trẻ em bỏ học, giúp đỡ trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, chăm lo đức dục cho các cháu, hướng dẫn về tình yêu, hôn nhân và gia đình cho thanh niên nam, nữ v.v.

Đó là những hướng rất đúng, có ý nghĩa cơ bản và lâu dài, vì cuộc sống của con người và sự bền vững của xã hội.

Nhân đây, tôi thấy cần phải dừng lại ở một số vấn đề có tính chất thời sự sâu sắc. Trước hết, đó là vấn đề suy dinh dưỡng của trẻ em. Mấy năm nay, nhiều tổ chức xã hội đã và đang quan tâm tới ý thức trách nhiệm nghiêm túc đối với vấn đề này. Tôi thấy cần bộc lộ tâm tư của tôi về việc nuôi dưỡng rất chưa tốt trẻ em của chúng ta, để một phần không nhỏ, nếu không phải là một phần lớn các cháu suy dinh dưỡng từ tuổi thơ ấu, kéo dài đến thời thanh niên và cả về sau. Đây là vấn đề sức khỏe của tuổi trẻ, không thể tách rời sức khỏe của dân tộc. Đây là sức khỏe về cơ thể, và đáng chăm lo hơn nữa là sự phát triển hài hòa của bộ não, nghĩa là của trí tuệ, trí tuệ của mỗi người và trí tuệ của dân tộc, của những thế hệ ngày nay và những thế hệ mai sau. Vấn đề rộng lớn và sâu xa như vậy, vấn đề của quốc gia và dân tộc, vấn đề của mọi

Digitized by Google

người, trước hết là của các cơ quan có thẩm quyền của đất nước này.

Có người thường gắn hiện tượng suy dinh dưỡng trẻ em và hậu quả của nó với những khó khăn của nền kinh tế quốc dân. Nhìn quan hệ nhân quả như vậy là một cách nhìn khá giản đơn, và nếu rút ra kết luận là chúng ta chờ có nền kinh tế phát triển mới nuôi trẻ em tốt hơn, thì thử hỏi kết quả sẽ đưa đến cái gì ? Về phần tôi, và đây cũng là quan điểm của các cơ quan và các tổ chức có liên quan, chúng ta phải có cách nhìn cùng các chính sách và biện pháp giải quyết vấn đề này tích cực và có hiệu quả.

Hãy nêu một ví dụ : mấy năm gần đây, nhiều nơi có tổ chức huấn luyện cho chị em ở lứa tuổi lập gia đình những kiến thức về quá trình thai nghén, sinh nở, nuôi con (cho bú, chăm sóc, phòng bệnh v.v.). Theo tôi biết, kết quả của những lớp này rất tốt, ở chỗ nó đem lại cho người phụ nữ sắp làm mẹ hoặc đang làm mẹ những điều cực kỳ quan trọng, chỉ một việc cho con bú sữa mẹ đầy đủ cũng đã có những hiệu quả không gì thay thế được đối với trẻ em sơ sinh. Một ví dụ hầu như giản đơn như vậy cũng đủ chứng minh sự cần thiết phải truyền bá rộng khắp chừng nào tốt chừng nấy những kiến thức mới phong phú và hiện đại về việc nuôi dưỡng trẻ em khắp nơi ở đất nước ta, góp phần tiến tới chống cho được tình trạng suy dinh dưỡng rất đáng quan tâm như trên đã nói.

Đồng thời, chúng ta phải chăm lo hơn nữa việc tăng cường sức khỏe cho các lứa tuổi thiếu niên và thanh niên, bởi vì đây là những lứa tuổi chuẩn bị vào đời, được nuôi dưỡng và học hỏi để có sức khỏe về thể lực và trí óc tốt chừng nào, thì cuộc đời của các em sẽ tốt đẹp chừng ấy, từ đó các em sẽ đem lại biết bao nhiêu may mắn cho mình, cho gia đình và cho xã hội.

Bây giờ, tôi cần trở lại sự nghiệp kế hoạch hóa dân số và gia đình. Lâu nay, chúng ta làm việc này khá qua loa. Nhiều vùng rộng lớn ở nông thôn, ở trung du và miền núi hầu như bỏ trống. Bây giờ, chúng ta phải hứng chịu những hậu quả nặng nề và chúng ta đã tỉnh ngộ, song tôi vẫn còn lo ngại về kết quả thiết thực của loại công việc khá phức tạp và vất vả này trong phạm vi cả nước, chủ yếu ở những vùng nói trên. Bằng mọi cách, chúng ta phải làm cho mọi người trong xã hội nước ta, nhất là ở lứa tuổi lập gia đình và sinh đẻ, hiểu rõ một chân lý vừa giản đơn vừa nghiêm khắc : Nếu tốc độ phát triển dân số nhanh quá, không tương xứng với tốc độ tăng trưởng kinh tế, thì đó là trở ngại nghiêm trọng đối với sự phát triển của dân tộc và đất nước.

Về vấn đề kế hoạch hóa dân số và gia đình, điểm chủ yếu bậc nhất cần phải nhấn mạnh là sự nhận thức, là ý thức của mọi người, của mọi gia đình về tính ưu việt của một gia đình nhỏ, ít con, từ một đến hai con. Đó là bí quyết của hạnh phúc thực sự đối với gia đình, bởi lẽ : 1) có điều kiện thuận lợi để nuôi con khỏe, dạy con ngoan ; 2) bảo đảm việc học tập tốt của con cái ; 3) từ đó, các cháu dễ kiếm được việc làm thích hợp, đem lại cuộc sống tốt đẹp cho gia đình và có cống hiến xứng đáng cho xã hội ; 4) những điều trên đây là nhân tố quan trọng góp phần vào việc ổn định và phát triển đất nước về mọi mặt.

Tôi cũng cần làm nổi bật nhận thức và ý thức của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ trung ương đến địa phương ; sự quản lý của các cơ quan này không thể chỉ dừng ở chủ trương và chính sách, những chỉ tiêu ghi trong kế hoạch, những lời kêu gọi. Phải xuất phát từ đặc điểm của từng địa phương, có khi rất khác nhau, từ đó, nghiên cứu và thảo luận rộng rãi với các tầng lớp nhân dân về phương án thích hợp nhất gồm một loạt biện pháp nhằm giải quyết các vấn đề cụ thể ở từng nơi. Cơ quan có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo công tác này phải được trang bị những phương tiện cần thiết, bảo đảm việc thực hiện có hiệu quả thiết thực chức năng đầy trọng trách này.

Nói dân sinh là nói lao động : lao động sản xuất, lao động sáng tạo, làm ra giá trị vật chất, giá trị văn hóa cho đời sống của con người. Năng suất lao động, chất lượng và giá thành sản phẩm là thước đo trình độ sản xuất của một nước. Điều đó có nghĩa là lao động của con người phải được cải tiến không ngừng về nhiều mặt ; lao động thể lực dần dần được thay thế bằng máy móc và máy móc ngày càng tinh vi ; con người ngày càng quý trọng lao động trí óc ; khoa học và công nghệ ngày càng tiên tiến sẽ trở thành lực lượng sản xuất chiếm vị trí ngày càng lớn trong nền sản xuất xã hội.

Như vậy, dân sinh gắn liền với sự ổn định và lớn mạnh của nền kinh tế quốc dân. Thời đại này là thời đại các nước chạy đua về kinh tế. Nước ta cũng phải ra sức phát triển ngày càng nhanh nền kinh tế quốc dân để cải thiện dân sinh và tạo tiền đề cơ bản thực hiện dân giàu, nước mạnh. Những

Digitized by Google

điều nói trên đây, Bác Hồ của chúng ta đã đúc kết bằng hai từ : cần và kiệm để xây dựng nước nhà.

Về dân trí :

Lịch sử phát triển của các dân tộc và của loài người chứng minh tầm quan trọng ngày càng to lớn của dân trí. Tôi muốn nhấn mạnh một lần nữa luận điểm nổi tiếng về đỉnh cao ước vọng của con người, đó là sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi người. Thời đại ngày nay chứng kiến sự phát triển lạ lùng của khoa học và công nghệ, đồng thời người ta bắt đầu nói tới sự xuất hiện của một nền văn minh mới, nền văn minh của trí tuệ, mà trí tuệ của con người có những tiềm năng hết sức phong phú, mở ra khả năng phát triển chưa ai lường trước được.

Dưới đây tôi tập trung nói với bạn đọc về dân trí theo các đề mục sau : tư tưởng và tình cảm (đây là vấn đề lý tưởng, phẩm chất vào đạo đức) ; sự hiểu biết (về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội) ; và văn hóa (bao gồm văn học, nghệ thuật). Ba lĩnh vực này kết hợp và đan xen với nhau như ánh sáng mặt trời là sự kết hợp hài hòa của bảy màu sắc lớn.

Tôi bắt đầu nói về tư tưởng và tình cảm. Đối với mọi người ở nước ta hiện nay và sau này, giá trị của một con người thể hiện sáng tỏ nhất ở những tư tưởng và tình cảm của con người ấy. Điều này càng có ý nghĩa tiêu biểu bởi toàn bộ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc đầy sóng gió ác liệt và chiến công chói lọi.

Hồ Chí Minh bắt đầu hoạt động của mình, và với sự ra đời của Đảng ta, thì những tư tưởng và tình cảm của con người Việt nam và dân tộc Việt nam có sự hòa hợp rất khớp và rất đẹp với những tư tưởng lớn của thời đại thể hiện trong học thuyết của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin. Từ đó, chúng ta khẳng định có căn cứ rằng những tư tưởng lớn về tình cảm lớn của con người Việt nam và của dân tộc Việt nam ta là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Tôi nghĩ chúng ta cần xác định điều này để nhìn thấy bức tranh chung, đồng thời phải có ý thức và phương pháp nhìn thấy thực trạng tư tưởng và tình cảm của các tầng lớp nhân dân ta, của các dân tộc và của các lứa tuổi, không hoàn toàn là tốt đẹp. Từ đó, càng phải làm tốt công tác tư tưởng để có tình hình chính trị ổn định, bởi đó là môi trường cần thiết để làm tốt công tác ở các lĩnh vực khác.

Thực trạng trên đây có liên quan đến hoạt động của Đảng với chức năng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của nước, của dân, đồng thời có liên quan đến hoạt động của Nhà nước với chức năng quản lý cuộc sống chính trị, kinh tế và văn hóa của nhân dân.

Tư tưởng và tình cảm của con người gắn liền với phẩm chất và đạo đức, biểu hiện thành toàn bộ hoạt động của con người trong cuộc sống, trong phong cách đối với người, đối với việc.

Dân trí còn bao gồm một lĩnh vực rất quan trọng, là sự hiểu biết ngày càng đổi mới của con người về khoa học : khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội. Đây là chức năng của giáo dục và đào tạo mà văn kiện Đại hội VII của Đảng xác định là quốc sách hàng đầu, đồng thời ngày nay các dân tộc trên thế giới đều đánh giá cao tầm quan trọng của nó. Với ý nghĩa đó, nhiệm vụ chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo là kết hợp hài hòa việc "nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài" nhằm mục tiêu hình thành và phát triển những con người tự chủ, năng động, sáng tạo ; có kiến thức văn hóa, khoa học, công nghệ, có kỹ năng nghề nghiệp ; có niềm tự hào dân tộc, có ý chí vươn lên, có năng lực đi vào thực tiễn kinh tế, xã hội, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy là nói đến toàn bộ hệ thống giáo dục và đào tạo, bao gồm các cấp và các ngành học từ thấp đến cao, ở các vùng khác nhau của đất nước. Tôi đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của giáo dục phổ thông (gồm cả việc xóa nạn mù chữ), bởi đây là hướng vươn tới của mọi người dân nước ta từ tuổi thơ ấu, đây là cơ sở để mở mang giáo dục cao đẳng và đại học theo nhiều loại hình. Đồng thời, tôi cũng đặc biệt nhấn mạnh sự cần thiết xây dựng những trung tâm đào tạo một đội ngũ đông đảo chừng nào tốt chừng nấy những chuyên gia giỏi, có trình độ quốc tế về những ngành quan trọng bậc nhất, những công nghệ mũi nhọn thiết yếu rất cần thiết cho sự phát triển nền kinh tế quốc dân.

Phải chú ý rằng phổ thông là một cấp học, đồng thời phổ thông là học vấn cho tất cả mọi người, dần dần ai nấy đều cần phải học để có trình độ phổ thông, trên cơ sở đó, mọi người đều có thể vươn lên đạt trình độ cao hơn, tùy nhu cầu, sở thích và sự phấn đấu của mình.

Nội dung giáo dục và đào tạo, từ tiểu học đến bậc cao nhất, bao quát mấy lĩnh vực lớn là đức, trí, thể, mỹ. Theo tôi nghĩ, đức và trí rất gắn với nhau, có thể đặt cái nào lên trên cũng được, và xét cho cùng, đức là một dạng của trí (hiểu theo nghĩa rộng). Thể

Digitized by Google

và mỹ rất gắn với nhau, có thể xem thể là một dạng của mỹ, và xét đến cùng, mỹ cũng là một dạng của trí (hiểu theo nghĩa rộng). Như thế, chúng ta càng thấy nổi bật tầm quan trọng và ý nghĩa bao quát của dân trí.

Phương pháp giáo dục và đào tạo đã được Hồ Chí Minh thu gọn trong mấy từ : dạy tốt và học tốt, nghĩa là giải đáp đúng những câu hỏi cơ bản : Ai dạy và ai học, dạy và học cái gì, như thế nào, và để làm gì. Dạy tốt và học tốt không phải là nhồi nhét kiến thức mà đặc biệt quan trọng là khêu gợi trong người học những khả năng tiềm tàng, giúp người học thấy được mình có sở trường gì, từ đó mà xác định nghề nghiệp và hướng vươn lên để có cống hiến tốt nhất. Đào tạo nhân tài chính là như vậy.

Trong điều kiện hiện nay rất khó khăn về vốn và phương tiện, chúng ta phải phát huy khả năng cao nhất của Đảng, Nhà nước, các ngành, các cấp và nhân dân, dưới nhiều dạng, theo nhiều hình thức, tận dụng sức mạnh của xã hội, gia đình và thày trò, làm cho công tác giáo dục và đào tạo phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, trở lực, tiến tới hoàn thành chức năng của mình.

Bàn về giáo dục và đào tạo, với sự phát triển nhanh chóng lạ thường của các ngành thông tin, trong đó có thông tin viễn thông, người ta có thể nghĩ tới nhiều biến đổi to lớn trong tổ chức và phương pháp giáo dục. Tôi nghĩ rằng, trong thời gian tới, học hỏi sẽ ở trong tầm tay của mọi người, miễn là muốn học và có những phương tiện cần thiết. Đây là điều rất quý đối với con người Việt nam từ xa xưa là con người hiếu học.

Tôi còn muốn nói đến môn giáo dục chính trị, giáo dục đạo đức, giáo dục học thuyết Mác - Lê-nin, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh. Đối với nước ta, đối với chế độ ta, đối với sự nghiệp ta, các môn giáo dục này chính là giáo dục về tư tưởng và tình cảm ; giáo dục về lòng yêu Tổ quốc, yêu dân tộc, yêu chủ nghĩa xã hội ; giáo dục về những phẩm chất của Chủ tịch Hồ Chí Minh ; giáo dục về quyền con người, quyền công dân ; giáo dục về Nhà nước và pháp luật ; giáo dục về Đảng cộng sản Việt nam, lịch sử của Đảng, quan hệ giữa Đảng và nhân dân...

Một môn học như vậy, bản thân nó là một môn học hấp dẫn. Nhưng mấy năm gần đây, do những diễn biến phức tạp của tình hình nước ta và thế giới, các môn học này không được coi trọng, thậm chí có trường đại học ở đó sinh viên không muốn học và nhà trường cũng không muốn dạy. Đây là hiện tượng không bình thường, không thể chấp nhận được, và dứt khoát các cơ quan có trách nhiệm về giáo dục và đào tạo trong hệ thống chính trị của chế độ ta phải xem xét lại vấn đề mà tôi cho là rất trọng yếu này. Tôi biết rõ những khó khăn không nhỏ trong việc dạy và học những môn kể trên, và tôi tin rằng những khó khăn đó có thể vượt qua được. Tôi cũng biết rằng một tổ chức có thẩm quyền đang nghiên cứu nhằm giải quyết vấn đề nóng hổi này.

Bây giờ tôi nói về văn hóa, đây là một nhân tố cực kỳ quan trọng của sự phát triển xã hội. Chính trên quan điểm đó, tổ chức UNESCO của Liên hợp quốc đã phát động thập kỷ thế giới phát triển văn hóa. Cùng với các nước trên thế giới, nước ta tích cực hưởng ứng trào lưu rất có ý nghĩa này. Chúng ta cần xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu những tinh hoa của văn hóa loài người.

Chế độ xã hội của chúng ta là chế độ biết quý trọng nền văn hóa cổ truyền của dân tộc rất giàu những tư tưởng lớn, tình cảm lớn, những thuần phong, mỹ tục lưu truyền trong dân gian từ ngàn xưa cho đến ngày nay. Đó là cái vốn quý mà để mất đi thì không có gì thay thế được. Chính nhiều người nước ngoài khắp nơi trên thế giới đánh giá cao vốn quý này của dân tộc Việt nam ta. Ngày nay, trong cuộc sống đang đổi mới về nhiều mặt, vốn quý đó không bị mờ nhạt mà còn nổi lên, càng chiếu sáng bởi những giá trị đẹp đẽ của nó.

Tôi muốn dùng từ văn hóa theo nghĩa rộng, bao quát tư tưởng và tình cảm, khoa học và nghệ thuật, cuộc sống và lối sống của con người và của xã hội, cái tinh hoa của một dân tộc, một chừng nào là sự tiêu biểu cho dân trí. Thế giới coi Hồ Chí Minh là một nhà văn hóa lớn theo ý nghĩa trên đây. Trong tình hình hiện nay, mọi người Việt nam ta càng phải biết quý trọng những giá trị văn hóa của dân tộc để phát huy nó, phát triển nó, đổi mới nó theo trào lưu tiến bộ của nước ta và của thế giới. Đồng thời, hãy cùng nhau phấn đấu chống những hiện tượng suy đồi cực kỳ nguy hại trong cuộc sống xã hội, nhất là ở các đô thị.

Mấy năm gần đây, chúng ta rất coi nhẹ văn hóa và đời sống văn hóa của người dân, có thể nói là không quản lý, hoặc để thả nổi, từ đó mà đời sống văn hóa và xã hội của chúng ta bị ô nhiễm trầm trọng từ nhiều phía.

Phải luôn nhớ rằng văn hóa là tư tưởng và tình cảm, là chính trị, vì vậy kẻ thù của chủ nghĩa xã hội

Digitized by Google

biết dùng phương tiện nhạy bén này nhằm từng bước, từng phần phá hoại sự nghiệp của chúng ta. Như vậy, chúng ta càng phải tỉnh táo và vững vàng, kiên cường và giàu năng lực. Đây là chức năng của các cơ quan chuyên trách lĩnh vực trọng yếu và phức tạp này, bao gồm đài phát thanh và vô tuyến truyền hình, báo chí và biết bao ấn phẩm khác, nhất là sách với diện rộng lớn của nó. Nói đến sách là nói đến văn học cùng với nhiều ngành nghệ thuật khác, như điện ảnh, sân khấu, âm nhạc, hội họa v.v., một lĩnh vực có thể nói là bao la.

Dân trí ngày càng phát triển, thì con người ngày càng nhạy cảm với những thông tin cần thiết ở nước ta, cũng như từ các nước khác trên thế giới. Phải nói rằng người Việt nam ta mau chóng làm quen với xu thế mới này, đó là chỗ đáng quý, có điều là phải biết chọn lọc, phân biệt cái tốt và cái xấu, cái đúng và cái sai, cái lành mạnh và cái độc hại.

Chế độ xã hội của chúng ta phải là một chế độ biết trọng dụng nhân tài, đó là những người có học vấn cao, có khả năng lớn, những chuyên gia giỏi về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, những người đi đầu trong việc vận dụng các loại công nghệ mới, những người có tay nghề giỏi trong những nghề nghiệp truyền thống khắp nơi trên đất nước ta. Ở đây cũng cần có tư duy mới, cách nhìn mới, cách làm mới của nhiều cơ quan có chức năng từ trung ương, các địa phương, cho đến cơ sở.

Trên đây tôi đã nói tầm quan trọng to lớn và ngày càng to lớn của vấn đề dân trí. Lịch sử nước ta cũng như lịch sử thế giới làm nổi bật tầm quan trọng này,

Lịch sử cách mạng của nước ta với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt nam mới đưa đến cơ hội để con người Việt nam ta tự khẳng định mình là người làm chủ đất nước, làm chủ sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Sự tự khẳng định, nói cho cùng, chính là biểu hiện sáng ngời của dân trí, nghĩa là sự nhận thức mạnh mẽ và sâu sắc về diễn biến lịch sử của cả một thời đại mới, và từ đó mà phấn đấu vươn lên. Phải chăng đó là đỉnh cao của trí tuệ với tất cả ý nghĩa đích đáng của cụm từ này.

Tôi nghĩ rằng mọi người Việt nam ta phải vũ trang cho mình niềm tự hào chính đáng về nhận thức trên đây, đoàn kết, phấn đấu, người trước dìu dắt người sau, người sau kế tục người trước, vượt mọi khó khăn, gian khổ, tiến lên với lòng tin vững chắc vào tương lai gần và xa của dân tộc.

Về dân chủ :

Trước khi nói đến quyền dân chủ của con người Việt nam và nhân dân Việt nam ta, tôi muốn nhấn mạnh truyền thống dân tộc tốt đẹp tích lũy từ ngàn xưa trong lịch sử và trong sự nghiệp cách mạng những thập kỷ vừa qua. Với truyền thống ấy, những năm tháng gần đây, trước những diễn biến ở nước ta và những sóng gió từ các nơi khác dội tới, con người Việt nam, con người thuộc thành phần nhân dân lao động, luôn luôn tỏ ra vững vàng, kiên định, tự khẳng định mình với tất cả cái gì là của quý của mình, là sự sống còn của mình, là mục tiêu phấn đấu của mình. Tôi cần nhắc lại vắn tắt những điều rất cơ bản trên đây để có chỗ xuất phát đúng đắn lúc bàn về dân chủ.

Hiện nay, dân chủ là một vấn đề nổi bật trong đời sống chính trị ở nước ta cũng như các nước khác trên thế giới. Hiến pháp ghi quyền dân chủ là một điều quan trọng, quan trọng hơn là làm sao điều đó dần dần trở nên sự thật hằng ngày, để mọi con người, mọi công dân thực hiện quyền dân chủ của mình theo Hiến pháp và pháp luật.

Ở đây phải thấy sự liên quan mật thiết và tác động qua lại giữa dân quyền, dân sinh, dân trí và dân chủ. Nhìn lại quá trình hình thành và phát triển quyền dân chủ trong xã hội loài người khắp các lục địa, chúng ta cùng có nhận thức sâu sắc về những điều kiện, những phương tiện từng bước đem lại quyền dân chủ cho con người và cho mọi công dân ở nước ta.

Ở các nước phương Tây, khái niệm và sự thể hiện quyền dân chủ phải trải qua hàng thế kỷ. Đối với chế độ phong kiến, đó là một bước tiến rất lớn, tuy vậy đó cũng mới chỉ là thứ dân chủ tư sản đầy rẫy những khuyết tật gắn liền với chủ nghĩa tư bản và chế độ chính trị tư sản. Lịch sử loài người phải bước thêm một bước lớn hơn nữa, mới có khái niệm và sự thể hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, mà Lê-nin cho rằng nó một triệu lần dân chủ hơn nền dân chủ tư sản. Phải hiểu sự đánh giá của Lê-nin hoàn toàn không phải sự so sánh về lượng, mà đây là sự khác nhau về chất : quyền dân chủ tức là quyền làm chủ của người công dân, của nhân dân về mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, trực tiếp hoặc thông qua những người đại diện của mình.

Digitized by Google

Phác họa quá trình lịch sử như trên, để trở lại quyền dân chủ của con người trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Phải nói ngay rằng xu thế đổi mới ở nước ta là sự phát huy về nhiều mặt, dưới nhiều dạng, quyền dân chủ của người công dân trong sinh hoạt xã hội, quyền dân chủ trong sinh hoạt của Đảng, tổ chức nhà nước, tổ chức quần chúng.

Mọi người chúng ta, bằng kinh nghiệm bản thân mình, đều hiểu rằng nói dân chủ thì dễ, còn thực hiện dân chủ thì khó, có lúc, có nơi rất khó. Dân chủ đòi hỏi một môi trường tạo nên bởi phong cách của người thủ trưởng có tầm vóc và lòng mong muốn được biết ý nghĩ của mọi người, nhất là những người có ý kiến khác mình. Chỉ có như vậy, dân chủ mới là cơ hội làm nảy nở trí tuệ tập thể, và cuối cùng đó là điều quý nhất mà chúng ta rất cần.

Mặt khác, dân chủ không có nghĩa là muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm, không có giới hạn. Dân chủ phải đi liền với kỷ cương, dân chủ phải nằm trong khuôn khổ của pháp luật. Một sự lệch lạc quá trớn sẽ dẫn đến hậu quả nguy hại không thể lường hết được. Những gì đã và đang diễn ra ở các nước thuộc Liên xô cũ và Đông Âu là sự chứng minh hùng hồn điều trên đây.

Mọi người chúng ta đều biết rằng trong tình hình hiện nay của nước ta, có một số ít người muốn lợi dụng quyền dân chủ được ghi trong Hiến pháp để thực hiện những ý đồ đen tối, gieo rắc những tư tưởng hoài nghi, chia rẽ, kích động... nhằm xuyên tạc và phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Thậm chí, chúng còn móc ngoặc với những lực lượng phản động quốc tế hòng thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình ở nước ta. Tình hình này đòi hỏi mọi người chúng ta phải vũ trang cho mình ý thức cảnh giác vì sự tồn vong của đất nước. Nhấn mạnh điều này hoàn toàn không có nghĩa là hạn chế dân chủ, trái lại phải biết phát huy dân chủ, mở rộng dân chủ, cùng với ý thức bảo vệ nền dân chủ đích thực của nhân dân.

Tất cả những điều vừa nói trên tất yếu dẫn đến nguyên tắc tập trung dân chủ. Tập trung dân chủ phải nhằm phát huy dân chủ, tức là phát huy trí tuệ của tập thể, phát huy tiềm năng của mọi con người, đồng thời tránh được tập trung quan liêu, nguồn gốc của những nguy hại. Dân chủ phải hướng tới tập trung, tức là thực hiện thống nhất ý chí, thống nhất hành động, làm nên sức mạnh để chiến đấu và chiến thắng, đồng thời tránh được dân chủ quá trớn, nguồn gốc của sự vô tổ chức, vô kỷ luật, cục bộ, địa phương. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ đòi hỏi mọi người, nhất là người thủ trưởng ở mọi tổ chức có ý thức và bản lĩnh, tài năng và phẩm chất, trình độ và phong cách.

Cuộc sống trong một xã hội không ngừng đổi mới theo hướng đi lên đòi hỏi mở rộng dân chủ, mở rộng quan hệ giữa con người với con người, quan hệ bình đẳng, quan hệ thân ái, có thể nói với nhau, bàn với nhau, tranh cãi với nhau về mọi vấn đề ích nước, lợi nhà, về công việc ở một cơ sở cho đến công việc của nước, của dân. Đó là môi trường, đó là cơ hội để con người với con người gặp nhau, đồng tâm hiệp lực, vì sự nghiệp lớn mà xử lý đúng mức những khác biệt nhỏ, làm nên sức mạnh : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ; thành công, thành công, đại thành công".

Nhắc lại câu nói nổi tiếng của Bác Hồ, tôi cần nói thêm rằng : Bác là người chủ xướng các tổ chức nhằm tập hợp các tầng lớp rộng rãi trong xã hội ta thành lực lượng chiến đấu và chiến thắng, như Mặt trận phản đế, Mặt trận Việt minh, Mặt trận Liên Việt và sau này là Mặt trận Tổ quốc, ở mỗi giai đoạn thì có sự biến đổi trong các nhiệm vụ trực tiếp của cách mạng, song mục tiêu vẫn là một, tập hợp các lực lượng yêu nước thương nòi thành một khối thống nhất. Bác Hồ cũng là người tiêu biểu sự hòa hợp dân tộc bằng những lời nói và việc làm mà nhiều người chúng ta đều quen thuộc.

Trong quá trình cách mạng từ đầu thế kỷ đến nay, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nhìn xa thấy rộng về sự cần thiết tập hợp lực lượng của dân tộc vì sự nghiệp lớn của Tổ quốc. Nhìn về quá trình lịch sử giữ nước và dựng nước, dân tộc Việt nam ta mỗi phen đất nước lâm nguy, thì đều có các hình thức tập hợp lực lượng toàn dân để cứu nguy dân tộc, như Hội nghị Diên hồng thời nhà Trần.

Trong tình hình hiện nay của Đảng ta, một tình hình rất phức tạp, chứa đựng nhiều thời cơ gắn liền với nhiều nguy cơ, chúng ta phải nghĩ tới mọi phương sách, mọi hình thức đoàn kết, hòa hợp mọi lực lượng dân tộc ở trong nước cũng như mọi người Việt nam ở nước ngoài, nhằm đưa đất nước ta không ngừng tiến về phía trước.

Digitized by Google

TRÊN ĐƯỜNG TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI THEO ĐỊNH HƯỚNG MỚI

NGUYỄN MẠNH CẦM*

HIỆN nay, không chỉ nước ta, mà gần như tất cả các nước - từ lớn đến nhỏ, từ phát triển đến đang phát triển - đều đang điều chỉnh chiến lược quốc gia, chuyển hướng chính sách đối ngoại để thích nghi và giành chủ động ở mức độ nhất định trong môi trường quốc tế mới. Quá trình chuyển hướng này diễn ra một cách khác nhau ở mỗi nước, nhưng đó là một quá trình tất yếu. Sự tỉnh táo về chiến lược của mỗi quốc gia là đòi hỏi hàng đầu để đất nước có thể tránh được những tổn phí quá đắt.

MỘT THẾ GIỚI ĐANG ĐỔI KHÁC VỀ CĂN BẢN

Lý do của sự chuyển hướng thật rõ ràng : thế giới đang đổi khác. Những biến động to lớn, gắn liền với sự thay đổi chế độ xã hội ở một loạt nước Đông Âu và Liên xô, đã dẫn tới chỗ phá vỡ hình thái hai phe - hai cực. Chúng ta dễ nhận thấy một sự tương phản đầy ấn tượng khi nhìn toàn cảnh thế giới hôm nay : các quốc gia tan và hợp, tách và nhập ; ý thức về chủ quyền quốc gia phát triển mạnh mẽ cùng với tính tùy thuộc lẫn nhau trên phạm vi thế giới ngày càng đậm nét ; những xung đột ở một số điểm nóng của thế giới chưa hề giảm bớt trong khi sự liên kết khu vực và hợp tác quốc tế đồng thời phát triển. Các hiện tượng và chiều hướng như trái ngược nhau ấy nói lên một thực tế : Mặc dù thế giới đã giã từ chiến tranh lạnh với những hậu quả nặng nề của nó, song trật tự thế giới mới vẫn còn là một cái đích tìm kiếm đầy khó khăn. Không ít người đưa ra những dự đoán về sự phát triển của thế giới trong tương lai, nhưng những khẳng định táo bạo dần dần nhường chỗ cho những giả định thận trọng.

Nhưng chính từ trong sự đổ vỡ của trật tự cũ, những xu hướng mới đã lộ dạng trong quan hệ quốc tế hiện đại, mặc dù nhiều khi bị che lấp bởi những hiện tượng và những quá trình khó xác định. Thế giới bước vào thời kỳ chuyển tiếp với sự phát triển phức tạp và đa dạng. Các trung tâm chính trị - kinh tế đang tìm cách tập hợp lực lượng, đặt trọng tâm vào củng cố sức mạnh bên trong để đối phó với các thách thức bên ngoài. Các quốc gia đều xuất phát từ lợi ích dân tộc mà định hướng chính sách đối ngoại và quan hệ quốc tế của mình. Thời kỳ chuyển tiếp này chắc chắn còn kéo dài, có nhiều ẩn số và không kém phần bất trắc so với thời kỳ chiến tranh lạnh.

Trong giai đoạn chuyển tiếp này, ba yếu tố cơ bản của xã hội loài người đang được khẳng định : Cá nhân - Dân tộc - Nhân loại. Sự phát triển của từng cá nhân, của mỗi con người gắn liền với sự phát triển của cộng đồng dân tộc càng mạnh thì nhu cầu khẳng định bản sắc của từng dân tộc càng cao. Bởi vì chủ quyền quốc gia và bình đẳng dân tộc đáp ứng một thuộc tính rất bản chất của con người, thuộc tính dân tộc. Và sau cùng, những vấn đề liên quan đến sự tồn tại của loài người với tư cách một cộng đồng các dân tộc là tiền đề thúc đẩy xu hướng toàn cầu hóa, tức là sự liên kết hay xu hướng tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia. Những xu hướng này có thể diễn ra song song và cùng chiều, nhưng cũng có thể có mâu thuẫn, trái chiều. Nhưng về đại thể, nền văn minh mới của loài người, nền văn minh

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ ngoại giao

Digitized by Google

trí tuệ đang và sẽ tạo ra những điều kiện cần thiết để sự vận động của quan hệ quốc tế hiện đại đi theo những xu hướng đang hình thành đó.

Không nói đâu xa, trong khu vực châu Á - Thái bình dương và khu vực Đông Nam Á gần gũi với chúng ta, những xu hướng mới đang diễn ra khá rõ nét. Quá trình hiện đại hóa kinh tế thành công ở những mức độ khác nhau của nhiều nước trong vùng chính là kết quả của việc các quốc gia đó đã nắm bắt và kịp thích nghi với những xu hướng nói trên của quan hệ quốc tế. Bài học sâu sắc nhất từ sự phát triển của các nước trong khu vực là *quá trình hòa nhập vào thế giới phải đồng thời là quá trình khẳng định bản sắc dân tộc ; và gắn liền với hai quá trình này là sự phát triển cao của mỗi cá nhân trong cộng đồng dân tộc.*

Những quá trình này càng được đẩy tới thì khu vực châu Á - Thái bình dương và các nước Đông Nam Á càng trở thành một khu vực ngày càng phát triển, với trình độ hòa nhập ngày càng cao và tính đa dạng về bản sắc dân tộc ngày càng đậm nét. Những mâu thuẫn và những xung đột trong khu vực không phải tự nó mất đi, song có nhiều khả năng sẽ được giải quyết trên tinh thần hòa giải, vừa hợp tác vừa đấu tranh, quan tâm đến lợi ích của tất cả các bên vì lợi ích chung của cả khu vực.

CÁC HƯỚNG LỚN TRONG CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI HIỆN NAY

Từ sau Đại hội VII, các Hội nghị lần thứ 2 và thứ 3 Ban chấp hành trung ương Đảng ta đã đánh giá tình hình thế giới và khu vực, cũng như những tác động đến chính sách của ta. Những diễn biến trong quan hệ quốc tế từ đó đến nay càng khẳng định và cho thấy rõ thêm những đánh giá cơ bản về cục diện thế giới và những xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế. Với thời gian, chúng ta ngày càng nhận thức được ý nghĩa cực kỳ quan trọng của chính sách đối ngoại theo định hướng mới của Đảng và Nhà nước ta. Hạt nhân chính của định hướng mới này là đường lối *độc lập tự chủ và đa dạng hóa* được triển khai từ những tháng cuối năm 1991. Với định hướng này, chúng ta đã và đang thực hiện một bước chuyển căn bản về tư duy và thực tiễn của hoạt động đối ngoại. Kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, chúng ta lấy mục tiêu *hòa bình* và *phát triển* làm chuẩn mực trong mọi hoạt động quốc tế của mình.

Những chuẩn mực này phục vụ lợi ích cao nhất của dân tộc ta hiện nay là "nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập và tự do của Tổ quốc", đúng như lời phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ 3 BCH TƯ Đảng (18-6-1992). Để thực hiện những mục tiêu này, trong khi triển khai đường lối đa dạng và đa phương hóa quan hệ, chúng ta coi trọng việc *tạo ra những chuyển biến cơ bản trong quan hệ với các nước lớn và thúc đẩy nhanh quan hệ với các nước ở khu vực*. Mở ra và tăng cường quan hệ với các nước lớn là tạo điều kiện để thực sự tham gia vào quá trình hòa nhập thế giới. Đẩy nhanh quan hệ với các nước ở Đông Nam Á là tích cực tham gia quá trình hòa nhập khu vực. Trong cả hai tầng quan hệ này chúng ta luôn nắm vững chính nghĩa, có một cách xử sự thông minh vì lợi ích tối cao và lâu dài của dân tộc. Chính sách của chúng ta là luôn hữu nghị với các dân tộc, tôn trọng độc lập chủ quyền của các quốc gia, không gây thù địch với bất kỳ nước nào. Chúng ta vừa bảo vệ lợi ích của mình, vừa vận dụng sự tương tác trong lợi ích về kinh tế, chính trị và an ninh giữa nước ta và các nước để ngày càng có thêm nhiều bạn bè. Chính định hướng mở này trong chính sách đối ngoại sẽ giúp chúng ta tháo gỡ mâu thuẫn có thể có giữa an ninh và phát triển.

Trên thực tế, sự hòa nhập của Việt nam vào những quá trình chung của loài người sẽ được thực hiện ở hai phạm vi : cộng đồng khu vực và cộng đồng thế giới. Chính sách khu vực sở dĩ cần đặc biệt coi trọng vì tính chất địa lý - chính trị của nó, đồng thời vì nó là sự "bắc cầu" vào thế giới. Trong thời gian gần đây, khu vực Đông Nam Á có những thay đổi tích cực chưa từng thấy từ non nửa thế kỷ nay, theo hướng thiết lập và tăng cường sự liên kết trong vùng, tiến tới xây dựng một khu vực hòa bình, thịnh vượng trong một tương lai không xa. Sự đối lập và đối đầu trước đây đã nhường chỗ cho các quan hệ hữu nghị và hợp tác vì lợi ích chung và lợi ích của mỗi nước. Hòa nhập thế giới cũng được đặt ra một cách cấp thiết không chỉ vì hòa nhập khu vực chưa đủ đáp ứng những nhu cầu phát triển của các nước, mà còn vì đó là trình độ hòa nhập cao nhất mà mỗi nước phải đạt tới để thực hiện quá trình toàn cầu hóa trong nền văn minh mới của nhân loại. Nếu như liên kết khu vực có tác dụng bổ sung cho nhau giữa những nước có trình độ phát triển không cách xa nhau lắm, thì hợp tác trên phạm

Digitized by Google

vi thế giới có tác dụng thúc đẩy sự phát triển đó lên một trình độ cao hơn về chất.

Làm được như vậy, thì lợi ích của đất nước trong hoàn cảnh hiện nay sẽ được bảo đảm. Điều này đúng không chỉ trong lĩnh vực an ninh quốc gia, mà cả trong lĩnh vực phát triển kinh tế. Nói chính xác hơn, ở đây hình thành một mối quan hệ tương hỗ giữa hai lĩnh vực này. Có chính sách đúng và hợp lý với các nước lớn, với các nước trong khu vực sẽ là một bảo đảm quan trọng cho an ninh quốc gia. Bởi vì, chính sự hợp tác mạnh mẽ giữa chúng ta với các nước này về kinh tế và trên nhiều lĩnh vực khác sẽ làm cho các nước đó không thể làm ngơ trước những mối đe dọa đối với an ninh quốc gia của ta, mà trong nhiều trường hợp, cũng là đe dọa đến chính bản thân lợi ích của họ. An ninh quốc gia của ta phải là bộ phận cấu thành và không thể tách khỏi an ninh chung của khu vực và thế giới.

Tuy nhiên, hòa nhập không có nghĩa là một sự tiếp nhận thụ động. Hòa nhập đòi hỏi những nỗ lực chủ quan đến mức cao nhất của mỗi bên tham gia đối tác. Vì vậy, hòa nhập - dù là trong phạm vi khu vực hay thế giới - phải gắn liền một cách hữu cơ với tự cường dân tộc. Điều khác nhau ở đây là : tự cường dân tộc nhằm những mục tiêu riêng của đất nước, còn hòa nhập thì tìm cách thống nhất những lợi ích riêng đó với lợi ích chung của khu vực và thế giới. Hòa nhập lại càng không phải là một quá trình suôn sẻ. Kinh nghiệm nhiều nước cho thấy đó là một quá trình chứa đựng mâu thuẫn. Những chênh lệch về trình độ phát triển, những xung đột về lợi ích, những tính toán dân tộc ích kỷ - đó là những điều có thể xảy ra, khiến cho hòa nhập không phải là một quá trình không có khó khăn, không có đấu tranh. Trên con đường hòa nhập, chúng ta cần tỉnh táo trước những âm mưu và cạm bẫy, đặc biệt là âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. Nhưng tất cả những khó khăn và giới hạn nói trên không phải là lý do để từ chối hòa nhập. Bởi vì, trong thế giới hôm nay, hòa nhập là tiền đề để mỗi nước tồn tại và phát triển. Hòa nhập vừa là cơ hội vừa là thách thức của thời đại, chúng ta không thể né tránh nó.

NHỮNG TRIỂN KHAI TRÊN THỰC TẾ

Những kinh nghiệm vừa qua trong việc xử lý quan hệ với các nước trong khu vực Đông Nam Á, cũng như với các nước trên thế giới cho thấy tính năng động của định hướng mới có thể dẫn tới những kết quả tích cực như thế nào, tuy với mức độ còn khác nhau.

Với các nước Đông Nam Á, một thời kỳ mới đã mở ra với sự chuyển hướng từ trạng thái đối đầu trong hơn 10 năm trước đây sang giai đoạn mở rộng hợp tác để phát triển; thông qua đối thoại giải quyết các vấn đề tồn tại. Các thỏa thuận đạt được qua các cuộc đi thăm của Thủ tướng Võ Văn Kiệt sang tất cả các nước ASEAN và các cuộc đi thăm của lãnh đạo một số nước ASEAN sang Việt nam đã đặt nền móng cho thời kỳ mới đó. Với việc ta tham gia Hiệp ước hữu nghị và thân thiện Ba li và trở thành quan sát viên của ASEAN, mối quan hệ giữa Việt nam với từng nước và với cả tổ chức ASEAN đã tiến thêm một bước quan trọng. Cùng với việc ký gần 30 hiệp định, các mối quan hệ kinh tế, thương mại, khoa học kỹ thuật, văn hóa, giáo dục giữa Việt nam với các nước này đã nhanh chóng được thiết lập và mở rộng.

Đối với Lào, các cuộc đi thăm lẫn nhau ở cấp cao đã củng cố và phát triển mối quan hệ Việt - Lào phù hợp với tình hình mới trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi. Đối với Cam-pu-chia, trước sau như một, chúng ta khẳng định tôn trọng Hiệp định hòa bình Pa-ri về Cam-pu-chia, và cùng với cộng đồng quốc tế kêu gọi các bên Cam-pu-chia nghiêm chỉnh thực hiện Hiệp định để Cam-pu-chia trở thành một nước hòa bình, trung lập, không liên kết, có quan hệ hữu nghị với tất cả các nước. Trên tinh thần đó, chúng ta kiên quyết lên án các hoạt động của Khơ-me đỏ chống phá Hiệp định, đặc biệt là hàng loạt các vụ thảm sát Việt kiều với những bước leo thang ngày càng nguy hiểm.

Sau một năm chính thức bình thường hóa, quan hệ Việt - Trung đã được khôi phục trên một số lĩnh vực. Kết quả các cuộc đi thăm hữu nghị chính thức của các vị lãnh đạo cấp cao của Việt nam sang Trung quốc và của Trung quốc sang ta đã đánh dấu một bước mới trong quan hệ Việt - Trung. Tuy nhiên, trong quá trình bình thường hóa, bên cạnh những vấn đề do lịch sử để lại chưa được giải quyết, đã nảy sinh thêm một số vấn đề phức tạp mới. Đặc biệt nghiêm trọng là những vấn đề liên quan đến chủ quyền lãnh thổ của ta ở trên bộ, trên Vịnh Bắc bộ và trên Biển Đông. Đấu tranh để giải quyết những vấn đề này là một quá trình lâu dài và phức tạp. Chúng ta đã kiên trì phương châm vừa ra sức thúc đẩy quan hệ, vừa tích cực đàm phán bảo vệ lợi ích của ta, cố gắng tìm ra những giải pháp thỏa đáng để đặt cơ sở cho quan hệ hợp tác hữu nghị vững bền, có lợi cho nhân dân hai nước và có lợi cho cả khu vực.

Việc Nhật bản mở lại viện trợ phát triển (ODA) sau 14 năm gián đoạn đã tạo cơ sở cho việc thúc đẩy

Digitized by Google

quan hệ Việt - Nhật. Cuộc đi thăm chính thức nước Nhật lần đầu tiên của Thủ tướng ta là cột mốc mới quan trọng trong quan hệ song phương, mở ra những triển vọng thương mại - đầu tư trên quy mô lớn của các nước công nghiệp phát triển ở Việt nam. Ở khu vực Đông Bắc Á, ngoài Nhật bản, Cộng hòa Triều tiên và Đài loan cũng là những đối tác quan trọng, vì không những có khả năng khai thác vốn, công nghệ và kỹ thuật hiện đại, mà còn có thể học hỏi kinh nghiệm phát triển. Quan hệ Việt nam - Đài loan là quan hệ kinh tế thương mại phi chính phủ.

Mối quan hệ hợp tác song phương giữa Việt nam với từng nước Tây, Bắc Âu và cả Cộng đồng châu Âu (EC) đang từng bước được mở rộng và trở nên sôi động. Các nước này đã vượt qua sự cấm vận của Mỹ, xúc tiến quan hệ kinh tế thương mại, mở rộng hoặc nối lại ODA cho Việt nam. Có nước xóa một phần nợ cho ta như Hà-lan, Bỉ... ; có những nước như I-ta-li-a, Đức, Pháp... ngày càng tăng thêm viện trợ và mở rộng hợp tác với ta. Chuyến thăm của Tổng thống Pháp Mit-tơ-răng sang ta là chuyến thăm Việt nam đầu tiên của một nguyên thủ quốc gia Pháp và của các nước phương Tây nói chung, có ý nghĩa vượt ra ngoài khuôn khổ song phương. Những chuyến thăm một số nước châu Âu của các nhà lãnh đạo Chính phủ ta cho thấy tiềm năng trong quan hệ với các nước này. Quan hệ giữa Việt nam với Ô-xtơ-rê-li-a, Niu Di-lân, Ca-na-đa cũng đang có những bước phát triển mới.

Trong quan hệ với Mỹ, thái độ hợp tác và thiện chí của ta, nhất là chính sách nhân đạo nhất quán của ta trong vấn đề người Mỹ mất tích trong chiến tranh, đã góp phần đạt được những tiến triển nhất định trong quá trình tiến tới bình thường hóa. Tuy trong nội bộ Mỹ vẫn còn những ý kiến trái ngược nhau về việc bình thường hóa quan hệ với Việt nam, nhưng lần đầu tiên từ nhiều năm nay, Tổng thống Mỹ đã gửi thư cho Chủ tịch Lê Đức Anh, khẳng định chủ trương thúc đẩy bình thường hóa quan hệ hai nước, nhấn mạnh Mỹ đang tính những bước đi tiếp theo và cho rằng "hai nước đang đứng trước cơ hội chưa từng có để kết thúc quá khứ, mở ra thời kỳ hợp tác mới".

Trong khi đẩy mạnh chủ trương đa dạng hóa, chúng ta luôn luôn coi trọng quan hệ với bạn bè truyền thống, trong đó Ấn độ có một vị trí đặc biệt. Chuyến thăm Ấn độ của Tổng bí thư Đỗ Mười là một sự kiện đánh dấu mốc mới trong sự hợp tác song phương và thúc đẩy chiều hướng hợp tác Nam - Nam. Chúng ta cũng tiếp tục củng cố và nâng cao tính thiết thực trong quan hệ với Cu-ba, CHDCND Triều tiên và mở ra giai đoạn mới với các nước ở Trung Đông, Bắc Phi và Mỹ la tinh.

Không thể không kể tới ở đây quá trình khôi phục lại quan hệ giữa Việt nam với Cộng hòa liên bang Nga, các nước cộng hòa thuộc Liên xô cũ và các nước Đông Âu, Mông cổ. Đã có nhiều chuyển biến mới trong mối quan hệ này sau thời gian ngưng đọng trong những năm 89 - 91. Mối quan hệ này đã góp phần giúp ta giải quyết khó khăn trong vấn đề thị trường, tranh thủ thiết bị phụ tùng với điều kiện tương đối có lợi cho các cơ sở được xây dựng bằng sự giúp đỡ của Liên xô và các nước Đông Âu trước đây.

KINH TẾ ĐỐI NGOẠI NHƯ MỘT ƯU TIÊN HÀNG ĐẦU

Trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã chuyển sang giai đoạn mới, nền kinh tế thế giới được toàn cầu hóa cao song song với xu hướng khu vực hóa đang phát triển mạnh mẽ, thì nội dung cơ bản của chính sách đối ngoại hiện nay là lấy kinh tế đối ngoại làm ưu tiên hàng đầu. Kinh tế đối ngoại là mũi nhọn có tác dụng thúc đẩy mạnh mẽ nền kinh tế trong nước phát triển nhanh và là công cụ quan trọng để thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội. Những phương hướng lớn của chính sách kinh tế đối ngoại là khai thác có hiệu quả các nguồn lực trong nước kết hợp với các nguồn lực bên ngoài. Chúng ta đã và đang chủ động tham gia tích cực vào phân công lao động quốc tế và hợp tác kinh tế khu vực để tranh thủ các yếu tố quốc tế, sử dụng những thành tựu của cách mạng khoa học - công nghệ nhằm thúc đẩy sự nghiệp dân giàu nước mạnh.

Phát triển kinh tế đối ngoại không tách rời định hướng cơ cấu kinh tế trong nước. Ở đây chúng ta phải có một quan điểm mới về mối quan hệ giữa dân tộc với quốc tế, bởi vì sức mạnh dân tộc hiện nay chính là ở năng lực tạo ra những bước phát triển cao về kinh tế và khoa học kỹ thuật, khẳng định được vị trí của nước mình trong giao lưu khu vực và toàn cầu. Nhiều khi ta phải lấy nhu cầu của thị trường bên ngoài làm mục tiêu phát triển sản xuất trong nước.

Để làm được điều này, chúng ta cần thực hiện đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại với nhiều nước, nhiều khu vực, nhiều đối tượng, nhằm khai thác tối đa các nguồn lực và để đạt hiệu quả cao nhất. Hướng ưu tiên của kinh tế đối ngoại Việt nam trong thập kỷ này là đáp ứng nhu cầu của sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp về vật tư nhập khẩu và đổi mới công nghệ ; đẩy mạnh

Digitized by Google

chế biến nông - lâm - thủy sản, gia công hợp tác sản xuất hàng công nghiệp xuất khẩu, nâng dần khả năng lắp ráp, chế tạo các sản phẩm cơ khí, điện tử có sức cạnh tranh. Chúng ta đẩy mạnh thăm dò khai thác, chế biến dầu khí và một số loại khoáng sản khác ; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trước hết là điện, giao thông, thủy lợi, thông tin liên lạc và các cơ sở giáo dục, đào tạo, y tế.

Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động ngoại giao là tranh thủ và tạo ra môi trường chính trị quốc tế thuận lợi cho sự phát triển kinh tế đối ngoại. Việt nam cần có sự cân bằng trong quan hệ kinh tế đối ngoại với cả ba trung tâm kinh tế thế giới. Việc nghiên cứu, đánh giá kịp thời chiều hướng phát triển của tình hình chính trị - kinh tế trên thế giới cũng như trong từng khu vực và tác động của nó đối với nước ta là hết sức cần thiết. Một khía cạnh quan trọng khác trong nhiệm vụ này là tạo nền tảng pháp lý về mặt nhà nước làm cơ sở cho việc thúc đẩy quan hệ kinh tế đối ngoại ; cụ thể là xúc tiến ký kết hoặc chuẩn bị điều kiện đàm phán để ký kết các hiệp ước, hiệp định khung về quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa giữa ta với các nước và các tổ chức quốc tế, đồng thời theo dõi việc thực hiện các hiệp ước và hiệp định này, nhằm đảm bảo lợi ích chính đáng của Việt nam. Phát huy ưu thế của ngành có mạng lưới ở ngoài nước, ngoại giao còn thực hiện chức năng đại diện, tham mưu và thương lượng. Cần nghiên cứu những khả năng tăng cường hợp tác với từng đối tượng, thông tin những kinh nghiệm thành công và không thành công ở các nước và tìm đối tác giới thiệu với các ngành, các cấp trung ương, địa phương trong làm ăn cụ thể.

TĂNG CƯỜNG VỊ TRÍ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM

Từ những suy nghĩ trên đây, có thể nhìn nhận những mục tiêu của chính sách đối ngoại theo định hướng mới trong thời gian trước mắt bao gồm : bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, xây dựng hòa bình trong khu vực Đông Nam Á và trên thế giới ; hòa nhập từng bước với cộng đồng khu vực và cộng đồng thế giới, trước hết và chủ yếu là đẩy tới sự hợp tác kinh tế với bên ngoài nhằm thu hút vốn, công nghệ và kinh nghiệm ; tiến tới góp phần vào quá trình hình thành trật tự thế giới mới, phù hợp với lợi ích chung là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Thực hiện những mục tiêu ấy có nghĩa là tăng cường vị thế của Việt nam trên trường quốc tế hiện nay. Về vấn đề này có hai nhận thức khác nhau. Nhận thức thứ nhất cho rằng nước ta vốn đã có uy tín quốc tế lớn do mấy chục năm tiến hành các cuộc chiến đấu chống chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc ; nay cứ thế mà tận dụng vị trí quốc tế sẵn có như một thứ tài sản cố định không mai một. Ngược lại, một số người lại cho rằng do trình độ còn quá lạc hậu và tình trạng quá nghèo của nước ta hiện nay nên không thể nói tới vị trí quốc tế của Việt nam lúc này.

Trong thực tiễn, vị trí quốc tế của một nước, dù là to lớn đến mấy đi nữa, không phải là một cái gì bất biến. Vị trí quốc tế của Việt nam trong chiến đấu là cao đẹp, nhưng vẫn phải luôn luôn được vun đắp bằng những sức mạnh mới và bằng những ứng xử quốc tế thích hợp. Mặt khác, hiện nay do trình độ phát triển của nước ta còn thấp kém, nên ở một chừng mực nào đó, uy tín quốc tế của Việt nam có hạn chế. Nhưng nếu nhìn một cách khách quan, phải thừa nhận rằng Việt nam không hề bị lãng quên trên trường quốc tế. Nhiều nước, kể cả một số nước lớn đang quan tâm tới vai trò và ảnh hưởng quốc tế, trước hết là ảnh hưởng trong khu vực Đông Nam Á của Việt nam. Đặc biệt, phần lớn các nước ASEAN đều cho rằng không thể hình dung về một Đông Nam Á mà lại không có sự tham gia của Việt nam, nước có tiềm năng lớn và đông dân thứ hai trong khu vực. Xét cho cùng, vị trí quốc tế của nước ta phải do chính chúng ta tạo dựng.

Trong thời gian tới, nếu Việt nam ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nếu chúng ta tiến tới được vạch xuất phát để rồi sẽ "cất cánh" trong một tương lai không xa, nếu chúng ta hòa nhập được với những xu thế chung của khu vực cũng như của thế giới, và đặc biệt nếu như trên các bình diện khu vực cũng như toàn cầu, chúng ta phát huy được đường lối độc lập tự chủ và đa dạng hóa quan hệ quốc tế, đưa ra được những sáng kiến phù hợp với những nguyện vọng chung của cộng đồng thế giới, thì đó là bảo đảm chắc chắn cho thắng lợi của sự nghiệp ĐỔI MỚI vì lợi ích cao nhất của dân tộc, của giai cấp, và qua đó, nâng cao được vị trí của Việt nam trên trường quốc tế. Ngay trong hoàn cảnh hiện nay, chúng ta vẫn có thể suy nghĩ và triển khai những hoạt động đối ngoại ngày càng mạnh mẽ và có hiệu quả.

Nếu chúng ta nắm chắc và vận dụng đúng đắn chủ trương "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì HÒA BÌNH, ĐỘC LẬP và PHÁT TRIỂN" thì nhất định chúng ta sẽ triển khai thành công bước chuyển chiến lược của chính sách đối ngoại theo hướng mới.

Digitized by Google

TỪNG BƯỚC NÂNG CAO HIỆU LỰC QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

PHAN NGỌC TƯỜNG *

NÂNG cao hiệu lực quản lý của nhà nước là một yêu cầu rất cơ bản và cấp bách. Hiến pháp nước ta (năm 1992) đã quy định những nguyên tắc và phương hướng cơ bản về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Tại kỳ họp thứ nhất (9-1992) Quốc hội (khóa IX) cũng đã thông qua Luật tổ chức chính phủ. Đó là những văn kiện rất quan trọng thể hiện quan điểm đổi mới của Đảng ta về công cuộc cải cách bộ máy nhà nước, tạo điều kiện để nâng cao hiệu lực quản lý và tăng cường pháp quyền của Nhà nước ta.

Nghiên cứu Luật tổ chức chính phủ, chúng ta thấy toát lên những vấn đề quan trọng sau đây : *Thứ nhất*, Luật đã quán triệt những quan điểm cơ bản về xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ; về hệ thống các cơ quan nhà nước, đặc biệt là về chính phủ. Trọng tâm nhằm vào cải cách hệ thống hành chính quốc gia. Luật đã thể hiện và cụ thể hóa nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước : nguyên tắc tập trung dân chủ, quyền lực nhà nước tập trung thống nhất vào quốc hội, có sự phân công cho chính phủ những quyền trong việc thi hành pháp luật và quản lý hành chính nhà nước.

Thứ hai, Luật đã làm rõ chính phủ là cơ quan chấp hành của quốc hội, cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, làm rõ nhiệm vụ và quyền hạn của chính phủ. Đồng thời phân định thẩm quyền của tập thể chính phủ, của thủ tướng chính phủ và của thành viên chính phủ, nhằm vừa phát huy sức mạnh trí tuệ của tập thể chính phủ trong việc quyết định những vấn đề quan trọng, vừa đề cao vai trò của thủ tướng, người đứng đầu chính phủ và trách nhiệm cá nhân của mỗi thành viên chính phủ. Luật kỳ này không đưa vào hình thức Thường vụ Chính phủ (như Thường vụ Hội đồng bộ trưởng trước đây) là để tăng thêm quyền hạn và trách nhiệm của thủ tướng giữa các kỳ họp của chính phủ. Vì Thường vụ Chính phủ làm việc theo nguyên tắc tập thể, nhưng cũng không thể thay cho tập thể chính phủ. Về phương diện khác, nó còn làm cho trách nhiệm cá nhân của thủ tướng và phó thủ tướng không rõ ràng, nhất là khi giải quyết các công việc quan trọng mà không có đầy đủ các thành viên trong Thường vụ. Thực chất, đó cũng là một tầng nấc trung gian, làm giảm hiệu lực quản lý của cả chính phủ và thủ tướng.

Tuy Luật tổ chức chính phủ chưa đề cập nhiều đến mối quan hệ theo chiều dọc từ trên xuống dưới của hệ thống chính quyền các cấp, nhưng cũng đã tập trung vào mối quan hệ nhà nước ở trung ương, đã có những quy định trong các điều luật để bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước thống nhất và thông suốt từ trung ương đến cơ sở, đã xác định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của chính phủ trong lĩnh vực tổ chức hệ thống hành chính nhà nước.

Thứ ba, Luật làm rõ quyền hạn của thủ tướng. Thủ tướng ngoài việc có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cấp thứ trưởng và tương đương, phê chuẩn việc bầu cử các thành viên ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như đã có trong luật trước đây ; thủ tướng còn có quyền miễn nhiệm, điều động, cách chức chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Điều đó sẽ giúp khắc phục được hiện tượng có thể xảy ra ở các cấp chính quyền địa phương là : khi có biểu hiện cục bộ, tiêu cực có tính chất tập thể mà hội đồng nhân dân cùng cấp không phát huy được vai trò đại biểu cho đa số nhân dân, không đặt lợi ích quốc gia của toàn dân lên trên lợi ích cục bộ của địa phương, thì thủ tướng có quyền can thiệp, trực tiếp xử lý những

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Trưởng ban tổ chức - cán bộ chính phủ

Digitized by Google

người đứng đầu lãnh đạo của ủy ban nhân dân địa phương. Vì việc này càng xử lý được kịp thời thì càng tránh được thiệt hại cho lợi ích chung. Đồng thời, khi cần thiết, thủ tướng cũng có thể nhanh chóng bổ sung các động chí có đầy đủ năng lực và phẩm chất cho những địa phương trọng điểm hoặc có tình hình phức tạp. Tuy nhiên, khi thực hiện điều luật này, vẫn phải tuân theo những thủ tục nhất định, hoặc sau đó còn phải hoàn chỉnh tiếp các thủ tục mà các luật khác quy định, nên còn bị hạn chế. Ví dụ, khi bổ nhiệm chủ tịch và phó chủ tịch ủy ban nhân dân, phải dựa trên cơ sở kết quả bầu cử của hội đồng nhân dân. Đa số các trường hợp, chính phủ đều nhất trí với kết quả bầu cử ở địa phương ; đồng thời, người đứng đầu cơ quan hành chính địa phương thường là người sở tại ; mỗi khi có sự thuyên chuyển, điều động, đều phải qua các thủ tục cần thiết, phải có một thời gian nhất định để làm các thủ tục đó, nên việc bổ nhiệm có lúc chỉ mang tính chất thủ tục hành chính.

Thứ tư, Luật xây dựng cơ cấu tổ chức chính phủ, tập trung quyền hạn và trách nhiệm cho thủ tướng, quy định số lượng phó thủ tướng và bộ trưởng do quốc hội quyết định trong các nhiệm kỳ với tinh thần giảm đến mức ít nhất các phó thủ tướng và các bộ trưởng. Việc đó sẽ đưa đến quy mô tổ chức của các bộ có xu hướng lớn lên và làm cho nhiệm vụ quản lý một số ngành và lĩnh vực có tính chất tương tự về mặt quản lý nhà nước, phù hợp với việc đổi mới phương thức quản lý kinh tế hiện nay. Các bộ không còn can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của các xí nghiệp, không quản lý theo lối kế hoạch chỉ huy, do đó không cần tổ chức theo ngành chuyên sâu như giai đoạn trước. Tuy vậy, việc điều chỉnh sắp xếp các bộ cũng chưa được ổn định, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, khi mà tình hình kinh tế xã hội đang có những chuyển động, nội dung và yêu cầu của cơ chế quản lý kinh tế theo phương thức mới đang được hình thành và phát triển trong từng giai đoạn là điều tất yếu, và có thể phải diễn ra trong một thời gian. Do vậy, việc không quy định số lượng bộ và cơ quan ngang bộ trong luật tổ chức chính phủ là điều cần thiết, để khi điều chỉnh các bộ, không phải sửa luật. Mặt khác, khi có sự điều chỉnh sắp xếp các bộ, đều phải thông qua quốc hội. Cho nên, dù luật không quy định số lượng bộ và cơ quan ngang bộ, thì chính phủ cũng không thể tùy tiện sáp nhập hoặc chia tách các bộ.

Thứ năm, Luật xác định mối quan hệ của các bộ, bộ trưởng với ủy ban nhân dân các cấp và mối quan hệ ngang giữa các bộ với nhau. Bộ trưởng được giao những quyền hạn tương ứng với trách nhiệm. Trong đó có quyền đình chỉ việc thi hành những quy định của ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trái với các văn bản của bộ về ngành và lĩnh vực bộ phụ trách. Mặc dù ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố có quyền kiến nghị thủ tướng về sự không nhất trí việc đình chỉ đó nhưng trước mắt vẫn phải chấp hành. Quy định của điều này đã tạo cho bộ trưởng quyền hạn để bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước, giữ nghiêm kỷ cương phép nước và pháp luật nhà nước, trong lúc tình hình kinh tế - xã hội hằng ngày diễn ra một cách năng động và phức tạp. Nó bảo đảm cho việc phản ứng kịp thời trong quản lý nhà nước, đồng thời nó cũng đòi hỏi bộ trưởng phải nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với hoạt động của toàn ngành và lĩnh vực do bộ phụ trách và phải chịu trách nhiệm trước chính phủ và quốc hội về những quyết định đình chỉ đối với ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố.

Bộ có quyền quản lý ngành và lĩnh vực đối với các bộ và cơ quan ngang bộ khác trong việc thi hành các văn bản pháp luật của nhà nước hoặc văn bản của bộ về ngành và lĩnh vực do bộ phụ trách. Mức độ cao nhất trong quyền quản lý đối với các bộ khác là kiến nghị đình chỉ các quyết định của các bộ khác trái với các văn bản quy định của ngành và lĩnh vực do bộ phụ trách. Có như vậy mới tránh được sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, do trách nhiệm không rõ ràng hoặc trong cùng một lĩnh vực mà có nhiều cơ quan tham gia quản lý nhà nước.

Thứ sáu, Luật cũng xác định trách nhiệm của chính phủ trong việc thống nhất quản lý đội ngũ viên chức làm việc trong cơ quan nhà nước, từ trung ương đến cơ sở. Vì đội ngũ viên chức gồm những người có trách nhiệm thực thi những hoạt động quản lý trong bộ máy nhà nước, nên trách nhiệm của chính phủ là thống nhất quản lý việc xây dựng và đào tạo đội ngũ viên chức nhà nước có trình độ, năng lực và trung thành với nhà nước xã hội chủ nghĩa, tận tụy phục vụ nhân dân. Hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước phụ thuộc vào năng lực và hoạt động của đội ngũ viên chức. Điều đó cũng phù hợp với chiến lược mà Đại hội VII của Đảng đã đề ra là : "Thực hiện người phụ trách công việc có quyền hạn và trách nhiệm chính

Digitized by Google

trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ dưới quyền".

k

Vấn đề đặt ra hiện nay là triển khai thực hiện một cách kịp thời và có hiệu quả nhất các điều của Luật tổ chức chính phủ, đặc biệt là các điều nói về xây dựng và tổ chức quản lý bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương. Làm tốt các bước tiếp theo để thi hành Luật tổ chức chính phủ cũng là góp phần hoàn thiện từng bước hệ thống pháp chế xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta nhằm tăng thêm hiệu lực điều hành của nhà nước trong thời gian tới.

Chúng ta đã rõ, ba bộ phận không thể tách rời trong hệ thống pháp chế xã hội chủ nghĩa là : hoàn chỉnh việc xây dựng hệ thống pháp luật, tuyên truyền phổ biến pháp luật cho mọi tầng lớp xã hội, và bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh pháp luật. Trong đó yếu tố hoàn chỉnh hệ thống pháp luật đóng một vai trò rất quan trọng. Việc ban hành Luật tổ chức chính phủ và các văn bản pháp quy khác kèm theo cũng là một phần rất quan trọng để hoàn chỉnh từng bước hệ thống pháp luật nhà nước. Những điều đã được ghi trong luật, cần được cụ thể hóa trong hàng loạt văn bản pháp quy dưới luật. Trong đó, những quy chế về tổ chức hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước là những bảo đảm cho những điều luật đi vào cuộc sống. Chúng có tác dụng điều chỉnh các mối quan hệ diễn ra hằng ngày giữa các bộ phận trong xã hội. Để thực hiện được công việc nói trên, vừa qua chính phủ đã ban hành quy chế làm việc của chính phủ ; đang khẩn trương xây dựng để ban hành quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý của các bộ và cơ quan ngang bộ cho phù hợp với Luật tổ chức chính phủ. Căn cứ vào đó các bộ sẽ xây dựng lại chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng bộ cho phù hợp với yêu cầu hiện tại, bảo đảm tính hiệu lực của quản lý nhà nước thông suốt từ trung ương đến địa phương và thống nhất trên phạm vi cả nước giữa các ngành và lĩnh vực.

Để tiến hành đồng bộ việc xây dựng và củng cố hệ thống cơ quan quản lý nhà nước ở nước ta, điều quan trọng không thể thiếu là phải gấp rút xây dựng Luật tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương. Trong đó cần xác định rõ mối quan hệ về hoạt động giữa các cơ quan hành chính và cơ quan đại biểu của nhân dân ở địa phương. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hành chính địa phương và người đứng đầu của nó phải rõ ràng, và phải có đủ quyền hạn và trách nhiệm thì mới phát huy được hiệu quả điều hành trong tình hình kinh tế - xã hội phát triển năng động.

Mặc dù trong hiến pháp đã xác định hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan quyền lực ở địa phương và ủy ban nhân dân địa phương là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân, nhưng mối quan hệ đó cũng cần được xác định rõ trong các điều luật sắp tới. Mức độ quyền lực của hội đồng nhân dân có tương ứng như quyền lực của quốc hội ở nhà nước trung ương không, điều đó cũng cần có sự xem xét. Vì, hội đồng nhân dân chỉ đại diện và đại biểu cho ý chí của nhân dân ở phạm vi một địa phương, và cũng chỉ là một bộ phận của hệ thống chính quyền ở địa phương nói chung. Nền pháp chế xã hội chủ nghĩa là thống nhất trong cả nước, vì vậy việc điều chỉnh các mối quan hệ giữa các cơ quan chính quyền ở địa phương cần được các điều luật xác định. Quyền lực của cơ quan hành chính và người đứng đầu nó cũng do các điều luật cho phép và khống chế. Để chế ước quyền hạn của các cơ quan hành chính các cấp, không nhất thiết phải lập ra các hệ thống tổ chức tương ứng ở tất cả mọi cấp chính quyền địa phương. Bởi vậy, trong xây dựng luật chính quyền địa phương sắp tới, cũng cần xem xét có cần có hội đồng nhân dân ở mọi cấp chính quyền hay không. Trong chế độ bầu cử ở ta, việc bầu cử đại biểu quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân là bầu cử trực tiếp. Cho nên, cả quốc hội và hội đồng nhân dân cấp tỉnh đều đại diện cho ý chí của nhân dân. Tính quyền lực của toàn dân thể hiện cao nhất ở quốc hội. Điều tốt hơn đối với các cấp chính quyền địa phương là thể hiện tính chấp hành và hành chính trước cơ quan hành chính nhà nước cấp trung ương và cấp trên trực tiếp. Không nhất thiết ở tất cả các cấp đều phải có hội đồng nhân dân.

Tóm lại, cùng với Hiến pháp 1992, Luật tổ chức chính phủ mới được Quốc hội ta phê duyệt, là cơ sở pháp lý cốt yếu để chính phủ, các bộ và các cơ quan khác ban hành các văn bản pháp quy phù hợp với cơ chế quản lý mới, tiến tới hình thành hệ thống pháp luật hoàn chỉnh. Luật tổ chức chính phủ là bộ phận căn bản không thể thiếu được để xác lập nền pháp chế xã hội chủ nghĩa của nước ta trong thời kỳ đổi mới quá độ lên chủ nghĩa xã hội, và là bước khởi đầu quan trọng cho việc xây dựng và cải cách nền hành chính quốc gia, nhằm nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước trong cuộc sống.

Digitized by Google

SỰ PHÁ HOẠI VỀ TƯ TƯỞNG CỦA CÁC THẾ LỰC PHẢN ĐỘNG trong chiến lược "diễn biến hòa bình"

LÊ XUÂN LƯU *

CHÚNG ta không cho rằng tất cả những lệch lạc về tư tưởng và những hành vi tiêu cực diễn ra trong xã hội ta trong những năm gần đây chỉ do kẻ thù gây ra, mà còn nhận thức sâu sắc rằng trước hết là do những khuyết điểm của lãnh đạo cũng như những lệch lạc và sai lầm của một bộ phận trong cán bộ và nhân dân. Nhưng tuyệt nhiên không vì thế mà không thấy sự tác động phá hoại ráo riết của kẻ thù.

Tìm hiểu âm mưu thủ đoạn của địch trên lĩnh vực phá hoại về tư tưởng, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, xây dựng cho cán bộ và nhân dân ta có đủ sức gạt bỏ sự phá hoại tư tưởng của các thế lực phản động, kiên quyết đấu tranh đập tan mọi âm mưu thủ đoạn của chúng đang là một nhiệm vụ cấp bách.

"Diễn biến hòa bình" là phương thức thay đổi chế độ ở nước đối phương, là một loại chiến tranh không có khói súng. Điều này đã được Ủy ban an ninh quốc gia Mỹ - nơi hoạch định chiến lược đối ngoại cho tổng thống - nêu ra năm 1988 : "Đó là cuộc chiến đấu giữa ta và địch... Kết quả của nó nhất định sẽ là kẻ sống, người chết, thúc đẩy trong các nước xã hội chủ nghĩa phát sinh những thay đổi chế độ khiến cho mọi người hài lòng, đó là cuộc chiến tranh hình thái nhưng tác dụng không kém gì cuộc chiến tranh hiện đại".

Cái cốt lõi của "diễn biến hòa bình" là tạo ra lực lượng tại chỗ, bên trong các nước xã hội chủ nghĩa, để các lực lượng này tiến hành cuộc thay đổi chế độ ở nước họ. Muốn thế, trước hết phải làm thay đổi ý thức xã hội của nhân dân ở các nước này. Để thực hiện "diễn biến hòa bình" đối với nước ta, kẻ thù cũng phải làm việc đó.

Ý thức xã hội xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta là tổng hòa những tư tưởng, quan điểm, biểu tượng phản ánh chế độ xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Ý thức xã hội chủ nghĩa đó có sức mạnh vô cùng to lớn. Nó là tiềm lực tinh thần, là động lực phát triển của xã hội ta. Ý thức đó một khi được xây dựng vững chắc trong xã hội, trong từng người, thì nó có ảnh hưởng to lớn đến toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bởi vậy, muốn "diễn biến hòa bình", kẻ thù trước hết phải phá hoại, triệt tiêu động lực đó bằng cách truyền bá trong nhân dân ta những tư tưởng thù địch, thừa nhận tính "vĩnh hằng" của chủ nghĩa tư bản và những quan điểm chống cộng, tạo nên trong họ sự đồng cảm với thể chế chính trị tư sản.

Cuộc "chiến tranh hình thái" như kẻ thù đã công khai xác nhận, được triển khai một cách toàn diện, tấn công vào cơ cấu ý thức xã hội theo cả *chiều ngang* lẫn *chiều dọc* của nó. Chiều ngang của ý thức xã hội là các hình thái của ý thức : chính trị, đạo đức, pháp luật, thẩm mỹ và tôn giáo. Không một hình thái ý thức nào mà không là mục tiêu tấn công của kẻ thù.

Ý thức *chính trị* là mục tiêu quan tâm hàng đầu của kẻ thù, vì nó có vị trí đặc biệt trong cơ cấu ý thức xã hội. Ý thức chính trị thể hiện những nguyên lý chính trị của hệ tư tưởng chỉ đạo cho việc xác định mục tiêu và phương tiện để đạt mục tiêu

* Giáo sư, Trung tướng

Digitized by Google

của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta. Ý thức chính trị của nhân dân ta được xây dựng trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và truyền thống yêu nước của dân tộc Việt nam. Biểu hiện lớn nhất của nó là : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", "độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội", "quá độ lên chủ nghĩa xã hội không qua giai đoạn phát triển chế độ tư bản chủ nghĩa", "sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng cộng sản đối với cách mạng", "xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước", v.v..

Để phá hoại ý thức chính trị đó, kẻ thù đang tung ra hàng loạt luận điểm bịp bợm. Chúng xuyên tạc và rêu rao chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã "lỗi thời", lựa chọn con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa là "sai lầm". Chúng phủ nhận những thành quả của cách mạng mà nhân dân ta đã giành được dưới sự lãnh đạo của Đảng, phủ nhận truyền thống tốt đẹp của Đảng ta và nhân dân ta.

Để làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng, chúng vu cáo Đảng ta "chỉ cải cách kinh tế, không cải cách chính trị", "cải cách chính trị nửa vời", kích động nhân dân ta đòi "tự do", "dân chủ", "nhân quyền", "đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập", "phi chính trị hóa", "phi tư tưởng hóa". Chúng khai thác những sai lầm trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trước đây, những khó khăn hiện đang gặp phải, bịa đặt trong Đảng ta có phái này phái khác để làm mất lòng tin của nhân dân đối với Đảng. Chúng lợi dụng những thông tin chống tham nhũng, buôn lậu để bôi đen chế độ, v.v..

Mặt khác, chúng ra sức tô vẽ cho những thành đạt của chủ nghĩa tư bản về kinh tế, kỹ thuật, những giá trị dân chủ của xã hội tư bản, coi đó là bản chất tốt đẹp của chế độ tư bản nhằm gây ra sự so sánh giữa hai chế độ xã hội, tạo ra tâm trạng bất bình, từ đó kích động những hành vi chống đối.

Toàn bộ những việc làm trên đây đều hướng vào một cái đích là làm thay đổi ý thức chính trị của nhân dân ta, thúc đẩy nhân dân ta từ bỏ con đường xã hội chủ nghĩa, đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Cùng với việc phá hoại về ý thức chính trị, các thế lực thù địch còn ra sức phá hoại ý thức *đạo đức*. Hằng ngày các công cụ tuyên truyền tư sản tung ra các thứ nọc độc của chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa thực dụng, thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân phát triển, làm cho mọi người chạy theo lối sống ích kỷ hưởng thụ, lãng quên đồng bào, đồng chí, xa rời nghĩa vụ đối với Tổ quốc. Lợi dụng mặt trái của cơ chế thị trường, của chính sách mở cửa, chúng còn kích thích mọi hành vi vô đạo đức chạy theo đồng tiền, như tham nhũng, buôn lậu và những hành vi phi pháp khác v.v..

Làm việc này, kẻ thù có mục đích sâu xa. Chúng hiểu rất rõ một dân tộc mà để mất đi những giá trị đạo đức thì cũng không còn sức sống tinh thần và sức mạnh truyền thống. Các thành viên trong xã hội gắn bó với nhau không chỉ bằng mục tiêu chính trị mà còn bằng những chuẩn mực đạo đức, lối sống và lẽ sống. Để mất đi những chuẩn mực đạo đức, thì luật pháp cũng sẽ bất lực trong quản lý xã hội. Hơn nữa, thông thường, đã sa đọa về phẩm chất đạo đức thì khó tránh khỏi sa đọa về chính trị. Kẻ thù luôn nhằm vào những kẻ sa đọa để lợi dụng, mua chuộc, biến họ thành công cụ phục vụ cho mưu đồ "diễn biến hòa bình" của chúng.

Ý thức *pháp luật* phản ánh ý chí của nhân dân ta. Ý chí đó được thể hiện ở Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước ta. Pháp luật quy định quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, quy định những điều mà mọi công dân phải tôn trọng trong cuộc sống cộng đồng. Tấn công vào ý thức pháp luật, là tấn công vào quyền lực của nhân dân, vào nguyên tắc tập trung dân chủ của chế độ ta. Đạo luật, như Lê-nin nói, là "biện pháp chính trị", là "chính trị", cho nên tấn công vào ý thức pháp luật cũng có nghĩa là muốn thay đổi ý thức đó, muốn thay đổi pháp luật, thay đổi biện pháp chính trị, thay đổi chế độ chính trị.

Kẻ thù thường vu khống chế độ ta là không có "tự do", "dân chủ", là không tôn trọng "nhân quyền", là đàn áp những người bất đồng chính kiến mỗi khi chúng ta trừng trị những kẻ vi phạm luật pháp, làm thiệt hại lợi ích của nhân dân, của đất nước. Dưới chiêu bài rất kêu "vì quyền con người",

Digitized by Google

chúng hy vọng gây nên trong xã hội ta tình trạng bất tuân pháp luật, làm rối loạn trật tự an ninh. Lợi dụng mặt trái của cơ chế thị trường, chúng thúc đẩy mọi hành vi làm ăn phi pháp, coi thường pháp luật, tạo nên những hoạt động kinh tế ngầm nằm ngoài sự kiểm soát của nhà nước. Tất cả những thủ đoạn trên đều nhằm hình thành ngay trong xã hội ta các thế lực chính trị phục vụ cho mưu đồ của chúng.

Trong đời sống xã hội, ý thức *thẩm mỹ* phản ánh thế giới bằng hình tượng nghệ thuật. Nghệ thuật là biểu hiện quan trọng của mỹ học, có chức năng thỏa mãn đời sống tinh thần của con người bằng cái đẹp, cái cao thượng. Ý thức thẩm mỹ gắn liền với ý thức chính trị và ý thức đạo đức. Nghệ thuật có chức năng chính trị - sư phạm - đạo đức của nó. Nhưng chỉ có thể làm được chức năng đó khi nó thể hiện hiện thực khách quan bằng những hình tượng trong sáng, lành mạnh. Thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", các thế lực chống đối đặc biệt chú trọng các hoạt động phá hoại trên lĩnh vực quan trọng này. Bằng mọi cách, chúng mở rộng các hoạt động văn hóa nghệ thuật xa rời chuẩn mực thẩm mỹ, gây ra sự lẫn lộn giữa cái đẹp và cái chưa đẹp, giữa cái tốt và cái xấu, giữa cái chân thật và cái giả dối, giữa cái thiện và cái ác... làm cho đời sống tinh thần của nhân dân ta trong đó có thẩm mỹ, văn hóa và đạo đức, ngày càng xuống cấp. Bằng con đường giao lưu văn hóa, nhất là thông qua đường dây văn hóa "chợ đen" và đường dây bí mật của những tên phản bội, bọn "mọ mìn" chính trị đã và đang tung vào đất nước ta những phim ảnh, băng hình, những tác phẩm nghệ thuật, sách báo có nội dung xấu, gieo rắc những quan điểm giá trị lỗi thời, phản động, tạo ra những thị hiếu thẩm mỹ thấp hèn, những khuynh hướng nghệ thuật không lành mạnh để phục vụ cho mưu đồ chính trị của chúng.

Đối với đồng bào có đạo, Đảng và Nhà nước ta có chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, đoàn kết toàn dân cùng nhau chăm lo sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chủ nghĩa đế quốc lợi dụng *tôn giáo* một cách triệt để vào mục đích chống cộng. Chúng vu cáo "cộng sản cấm đạo". Chúng tìm cách phát triển tôn giáo, nhất là ở các vùng dân tộc ít người. Chúng lợi dụng các hoạt động xã hội, như hoạt động từ thiện, phát triển "văn hóa nhà thờ"... Tất cả đều nhằm lôi kéo quần chúng xa rời chế độ xã hội chủ nghĩa chứ không phải vì mục đích nhân đạo và đời sống tinh thần của nhân dân.

Sự phá hoại tư tưởng còn diễn ra theo chiều dọc, cả ở "tầng thấp" và "tầng cao" của ý thức xã hội. "Tầng thấp" là ý thức thông thường, bao gồm những kiến thức mang tính kinh nghiệm chủ nghĩa và tâm lý xã hội. Tâm lý xã hội chiếm một tỷ trọng lớn trong ý thức thông thường. "Tầng cao" của ý thức xã hội là trình độ lý luận, bao gồm tri thức tự nhiên - kỹ thuật và hệ tư tưởng.

Triển khai cuộc tấn công phá hoại tư tưởng, các lý luận gia tư sản quan tâm đến "tầng thấp" của ý thức xã hội và hướng mũi tiến công chủ yếu vào lĩnh vực tâm lý xã hội. Từ đó mà ra đời một loại chiến tranh được gọi là "chiến tranh tâm lý". "Chiến tranh tâm lý" là sự tác động vào mọi người thông qua lĩnh vực tâm lý xã hội. Chức năng chủ yếu của nó là làm lạc hướng chính trị của ý thức xã hội của con người. Xuyên tạc sự thật, vu khống, bịa đặt, gieo rắc những điều bán tín bán nghi, tạo ra những mẫu tư tưởng giả dối, phản động, làm thay đổi niềm tin - đó là thủ đoạn và nhiệm vụ hằng ngày của chiến tranh tâm lý. Trong thời bình, "chiến tranh tâm lý" phá hoại tiềm lực tinh thần của chủ nghĩa xã hội trên tất cả các hình thái của ý thức xã hội (chính trị, đạo đức, pháp luật, thẩm mỹ) và cả lĩnh vực văn hóa. Trong thời chiến, nó tập trung vào làm tê liệt ý chí của nhân dân và trước hết là tinh thần chiến đấu của quân đội bằng cách thường xuyên tung ra những tin tức khủng khiếp uy hiếp tinh thần, làm cho con người sợ hãi, gợi lên cảm giác bất lực, tuyệt vọng.

Sự lựa chọn đánh vào tâm lý là sự lựa chọn được tính toán kỹ càng, vì tâm lý xã hội, như trên đã nói, thuộc "tầng thấp" của ý thức xã hội, là nhận thức cảm tính được hình thành một cách tự phát do ảnh hưởng của hoàn cảnh bên ngoài, nên dễ dàng bị thay đổi. Hơn nữa, có thể sử dụng các biện pháp giản đơn để tác động vào tâm lý xã hội. Chỉ cần dựa vào phương pháp khêu gợi, lan truyền với thủ đoạn bịa

Digitized by Google

đặt, xuyên tạc, vu khống kích động, phô trương, dọa dẫm là đã có thể gây sức ép đối với tâm lý. Bằng những mánh khóe tinh vi của chiến tranh tâm lý, không cần lý lẽ, các chuyên gia tâm lý tư sản muốn gieo rắc vào nhân dân ta tâm lý tiêu cực, hướng con người đi vào chủ nghĩa cá nhân hẹp hòi, gây sự hoài nghi đối với các giá trị chân chính của chủ nghĩa xã hội. "Chiến tranh tâm lý" có thể thu hút được nhiều lực lượng tham gia. Ngoài việc sử dụng lực lượng phản động, nó còn lợi dụng được những kẻ bất mãn, những người không có ý xấu nhưng "nhẹ dạ", "cả tin", những kẻ "hiếu kỳ", thích lượm lặt những tin "giật gân", làm cái "loa" lan truyền các luận điệu phá hoại của địch.

Sẽ là sai lầm nếu cho rằng các thế lực phản động đã "tâm lý hóa" và thực sự "phi tư tưởng hóa" các hoạt động, như chúng từng rêu rao. Không hề có điều đó, mà đó chỉ là mưu đồ thông qua tâm lý để lén lút truyền bá những tư tưởng phản động, phục vụ cho chiến lược "diễn biến hòa bình" phá hoại sức mạnh chính trị tinh thần của nhân dân ta.

Trong lúc coi trọng tác động vào tâm lý để phá hoại về tư tưởng, các thế lực phản động vẫn tiến hành mạnh mẽ các hoạt động *thuần túy tư tưởng*, luôn luôn phối hợp các hoạt động này với các thủ đoạn "chiến tranh tâm lý" để tăng thêm sức mạnh. Các học giả tư sản đã đưa ra không ít luận điệu phản bác những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin như giai cấp và đấu tranh giai cấp, con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa và sự lãnh đạo của đảng cộng sản... Những luận điệu ấy ít nhiều đã tác động vào một bộ phận nào đó trong nhân dân ta. Dưới dạng này hay dạng khác, ở nước ta thực tế đã xuất hiện khuynh hướng muốn đặt lại vấn đề đối với một số nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chẳng hạn, trong thời đại văn minh tin học, nước ta có thể từ một trình độ tiền công nghiệp tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa được không ? Hay là cần đi theo "tấm biển chỉ đường" khác ? !

Trước những biến đổi lớn lao của thời cuộc, việc nảy sinh những nhận thức, tư tưởng khác nhau (trong đó có không ít ý nghĩ thực sự vì vận mệnh của đất nước) là điều bình thường và cần thiết, nhưng không vì thế mà không phân biệt đúng sai. Bởi vì, không có gì tệ hại hơn là dao động, mơ hồ và sai lầm trên những vấn đề nguyên tắc của đấu tranh cách mạng. Từ bỏ hệ tư tưởng Mác - Lê-nin sẽ dẫn đến con đường phản bội sự nghiệp của nhân dân.

Ngày nay, cuộc đấu tranh tư tưởng đang diễn ra cực kỳ gay gắt và không khi nào ngừng trên phạm vi thế giới. Cuộc đấu tranh đó đã và đang diễn ra xoay quanh vấn đề trung tâm của thời đại là con đường mà xã hội loài người sẽ lựa chọn : *chủ nghĩa xã hội* hay *chủ nghĩa tư bản* ? Đây là một cuộc đấu tranh không thể điều hòa và không một ai có thể trung lập, vì trong ý thức tư tưởng của con người không hề có khoảng chân không. Hơn thế, thế giới quan mác xít đòi hỏi chúng ta không phải chỉ có phòng thủ, bảo vệ hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của chúng ta, mà trước hết, phải chủ động tấn công, vạch trần và đập tan mọi luận điểm của các thế lực phản động.

Trong cuộc đấu tranh hiện nay, các thế lực phản động có thế lợi là chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô (trước đây) và các nước Đông Âu đã bị sụp đổ, các nước xã hội chủ nghĩa còn lại đang gặp nhiều khó khăn. Chúng có thể dựa vào đó mà xuyên tạc hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và bảo vệ các luận điểm của chúng. Chúng lại có tiền bạc và phương tiện kỹ thuật cao để sử dụng trong cuộc chiến tranh tư tưởng này. Tuy nhiên, chúng có những chỗ yếu không thể khắc phục được. Lý thuyết chống cộng không có cơ sở khoa học, và do tính chất phản động, chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân, nên khó có sức thuyết phục, và trước sau không tránh khỏi bị nhân dân bác bỏ.

Chúng ta không coi thường âm mưu thủ đoạn của địch, nhưng chúng ta tin tưởng rằng với công tác nghiên cứu phát triển lý luận, tổng kết thực tiễn mà Đảng ta đang tiến hành, với tinh thần cảnh giác cao và những kinh nghiệm đã có trong công tác tư tưởng, chúng ta nhất định sẽ đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực phản động, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh tư tưởng chung của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Digitized by Google

Luận điệu mới của các thế lực chống đảng cộng sản

NGUYỄN PHÚ TRỌNG*

THỰC tiễn mấy chục năm qua cho thấy, trong toàn bộ chiến lược chống chủ nghĩa xã hội, chống phong trào cộng sản và công nhân, các thế lực thù địch luôn luôn tập trung mũi nhọn vào đảng cộng sản, coi việc chống phá đảng cộng sản là một nhiệm vụ cơ bản, một khâu đột phá quyết định. Có thể nói hầu hết sức lực chúng dồn vào đây. Chúng sử dụng đồng bộ và tổng hợp nhiều mánh khóe và biện pháp, kể cả những biện pháp tồi tệ và hèn hạ nhất là khủng bố, tàn sát, trả thù, nhằm tiêu diệt đảng cộng sản, xóa bỏ sự lãnh đạo của đảng ; nếu không được thì chí ít cũng giảm bớt hoặc vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của đảng.

Sau khi Đảng cộng sản Liên xô và một số đảng cộng sản ở Đông Âu tan rã, các thế lực chống cộng vô cùng hoan hỉ, và càng đẩy tới chiến dịch chống các đảng cộng sản và các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Chúng đang đặt mục tiêu xóa sổ chủ nghĩa xã hội, làm tan rã nốt các đảng cộng sản vào cuối thế kỷ này. Việt nam được chúng xác định là một trọng điểm trong kế hoạch đó. Chẳng thế mà thời gian gần đây, ở một số nước phương Tây rộ lên các chiến dịch chống Việt nam, ngang nhiên đả kích vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, trắng trợn vu cáo, xuyên tạc, bôi nhọ Đảng cộng sản Việt nam. Một số phần tử phản động người Việt sống lưu vong ở nước ngoài cũng ra miệng ra tiếng, ráo riết hoạt động. Người ta lập ra nhóm này, đảng khác, nhen nhóm lên phong trào nọ, chiến dịch kia, đi lại, giao dịch, thư từ, móc nối, rối rít như con thoi. Thậm chí chuẩn bị cả kế hoạch, lực lượng, đưa cả người, cả tiền, cả súng đạn về nước để hoạt động lật đổ. Đặt biệt, họ sử dụng các phương tiện thông tin, báo chí xuất bản như một công cụ cực kỳ lợi hại để tuyên truyền, kích động, phá hoại ta về mặt tư tưởng. Chỉ trong một thời gian ngắn họ cho ra đời rất nhiều tờ báo, rất nhiều ấn phẩm, sử dụng đủ các phương tiện nghe, nhìn, lập ra thêm một số đài phát thanh mới.

Qua những lời lẽ, giọng điệu của họ, ta thấy *mục tiêu số 1 của họ lúc này là làm sao sớm xóa bỏ được vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, lật đổ được chính quyền cách mạng, thay đổi được chế độ chính trị ở nước ta*. Có những cuốn sách, tờ báo, tờ rơi, "tâm thư", "giác thư", "tuyên cáo..." từ nước ngoài gửi về đã công khai nói rõ điều đó, công khai đòi đánh đổ ban lãnh đạo của Đảng, kêu gọi giải tán Đảng.

Xin nêu một vài dẫn chứng. Trong một "Giác thư gởi ông Đỗ Mười, Tổng bí thư Đảng cộng sản Việt nam" ngày 14-5-1992, một số người nhân danh những tổ chức, hội đoàn và cộng đồng người Việt tại Pháp đã "phản đối ý đồ tiếp tục áp đặt thể chế độc tài đảng trị của lãnh đạo Đảng cộng sản Việt nam" ; "phủ nhận tư cách đại diện nhân dân Việt nam của Quốc hội Hà nội" ; "phủ nhận bản hiến pháp phản dân chủ của Đảng cộng sản Việt nam", và đòi "lãnh đạo Đảng phải chấp nhận những thay đổi cần thiết", "xóa bỏ những quy định của hiến pháp và luật pháp về quyền lãnh đạo tất yếu của Đảng cộng sản Việt nam", "trả lại cho nhân dân Việt nam quyền được quyết định vận mệnh của chính mình và của đất nước" (!). Trong bài "Bàn về tư cách và khả năng quản lý đất nước của Đảng cộng sản Việt nam" đăng trên tạp chí "Người dân" số 18 tháng 6-1991, Phạm Chính Tâm đòi "Đảng cộng sản Việt nam tự nguyện rút lui, nhường chỗ cho một "hội đồng dân tộc" hoặc "hội nghị toàn dân". Còn Âu Trường Thanh, người đã ba lần tham gia chính phủ

* Phó giáo sư, phó tiến sĩ khoa học lịch sử

Digitized by Google

Việt nam cộng hòa (trước đây), trong bài "Làm sao cho dân Việt nam thoát khỏi cảnh bần cùng" đăng trên "Phụ nữ diễn đàn" số 86 tháng 3-1991, nói thẳng ý đồ "phải làm sao cho đảng cộng sản không còn nắm vận mạng của quốc gia". Bài "Chúng ta có thể chấp nhận làm việc chung với những người cộng sản hay không ?" của Trần Quốc Chí đăng trên "Diễn đàn người Việt tự do" số tháng 3-1992 dự đoán rằng chế độ cộng sản ở Việt nam bị sụp đổ đến nơi, "chuyện chính ngày hôm nay là làm thế nào để đất nước của chúng ta thoát khỏi cộng sản mà có thể tránh được những hiểm họa khác". Người ta còn soạn ra cả "kế hoạch", "chiến lược" cho giai đoạn "hậu cộng sản ở Việt nam" v.v..

Vì sao người ta lại căm ghét và chống phá đảng cộng sản một cách điên cuồng và quyết liệt đến như vậy ? Hãy loại ra một bên những phần tử có mối thù trực tiếp, có "nợ máu" trực tiếp với cộng sản, bị chính quyền cách mạng tước đoạt tài sản hoặc có thân nhân bị cách mạng trừng trị. Những phần tử đó đương nhiên thâm thù cộng sản đến thấu xương tủy và không thể đội trời chung với chế độ cộng sản. Điều đáng nói hơn ở đây là tính chất quyết liệt của cuộc đấu tranh giữa *hai lý tưởng*, giữa *hai hệ tư tưởng*, giữa *hai chế độ xã hội* : xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa. Các thế lực chống chủ nghĩa xã hội thừa biết đảng cộng sản là "bộ não" của giai cấp công nhân, là linh hồn của cách mạng xã hội chủ nghĩa ; chính đảng cộng sản, chứ không phải ai khác, đã phát động, lãnh đạo và tổ chức quần chúng lao động tiến hành những cuộc cách mạng long trời lở đất, làm đảo lộn trật tự thế giới cũ, làm nghiêng ngửa sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản. Chỉ có tiêu diệt đảng cộng sản thì mới xóa bỏ được tư tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, mới củng cố và bảo vệ được "trật tự vĩnh hằng của chủ nghĩa tư bản".

Điều đó cắt nghĩa vì sao các thế lực đế quốc và phản động lại điên cuồng chống phá đảng cộng sản, đặt nhiệm vụ chống cộng như một chiến lược, một quốc sách từ mấy chục năm nay, thậm chí hàng trăm năm nay. Ý tưởng đó thấm sâu vào tận tim óc, vào máu thịt thành bản chất không bao giờ thay đổi của chủ nghĩa chống cộng.

Thực tế cho thấy, sự chống phá đảng cộng sản từ phía chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động là sự chống phá mạnh về cường độ, thâm hiểm về thủ đoạn và toàn diện về các lĩnh vực. Chúng đánh vào đảng một cách có hệ thống, có sự phối hợp rất bài bản, trên những vấn đề cơ bản nhất, then chốt nhất, cả về nền tảng tư tưởng, cương lĩnh chính trị, nguyên tắc tổ chức, mối liên hệ giữa đảng với dân, và quan hệ quốc tế giữa các đảng.

Về nền tảng tư tưởng của Đảng, tức chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Các phần tử chống cộng luôn luôn rêu rao rằng chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã lỗi thời, chủ nghĩa xã hội khoa học không có sức sống. Ngay khi chủ nghĩa cộng sản mới chỉ là "bóng ma ám ảnh châu Âu", các nhà tư tưởng tư sản cùng các thế lực đế quốc đã cay cú, lo sợ, tìm mọi cách xua đuổi, xóa bỏ. Suốt một thời gian dài, bằng hết chiến lược này đến chiến lược khác, hết học thuyết này đến học thuyết khác, các chuyên gia chống cộng cố tìm cách chứng minh những sai lầm của học thuyết Mác - Lê-nin.

Những năm gần đây, lợi dụng và khai thác triệt để những khuyết điểm sai lầm của chủ nghĩa xã hội hiện thực và của những người vận dụng sai chủ nghĩa Mác - Lê-nin, các chuyên gia chống cộng khét tiếng như Brê-din-xki, Kit-xinh-giơ... cùng những người một thời đứng đầu Nhà trắng như Ních-xơn, Ri-gân, Bu-sơ... đua nhau viết sách, đọc diễn văn, giọng điệu rất vênh vang, đắc thắng, ca ngợi sự thành đạt của "thế giới tự do", của "phong trào dân chủ", và hí hửng với "sự ra đi của chủ nghĩa xã hội". Trong cuốn sách "Thất bại lớn - sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản ở thế kỷ 20" (xuất bản năm 1988), Brê-din-xki sau khi tưởng tượng ra sự thất bại và tan rã của chủ nghĩa cộng sản vào đầu thế kỷ 21, đã truy nguồn gốc thất bại là ở chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Theo Brê-din-xki, chủ nghĩa cộng sản thất bại là do "những chính sách Mác - Lê-nin bắt nguồn từ một nhận thức sai về lịch sử và về bản chất con người" (!), "chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã không thấy trước và không hiểu những lực lượng cơ bản trong các vấn đề quốc tế ở thế kỷ 20, đã đánh giá thấp vai trò các dân tộc và chủ nghĩa dân tộc... "(!). Ních-xơn trong cuốn "1999 - chiến thắng không cần chiến tranh" (xuất bản năm 1988) và "Chớp thời cơ : thách thức đối với Hoa kỳ trong thế giới một siêu cường" (xuất bản năm 1991) không giấu nổi nỗi vui mừng "hân hoan tận hưởng cái thắng lợi đã giành được trước chủ nghĩa cộng sản", nhưng vẫn thận trọng cảnh tỉnh giới cầm quyền nước Mỹ rằng "chủ nghĩa Mác vẫn còn sống ở nhiều trường đại học Mỹ" và nhắc nhở "phải cắt bỏ tận gốc rễ chủ nghĩa cộng sản".

Digitized by Google

Các nhà tư tưởng chống cộng đã xuyên tạc, cắt xén, bác bỏ những luận điểm căn bản nhất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, như : quy luật vận động và phát triển của xã hội, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, chuyên chính vô sản, chủ nghĩa quốc tế vô sản...

Đánh vào chủ nghĩa Mác - Lê-nin là đánh vào nền tảng tư tưởng của đảng cộng sản, gốc rễ của chủ nghĩa xã hội, đánh vào thế giới quan, cơ sở khoa học của đường lối chính trị của đảng.

Riêng đối với Đảng ta, Đại hội VII khẳng định nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Thì ngay sau đó, cùng với việc xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin, các chuyên gia chống Đảng cộng sản Việt nam lại đưa ra những ý kiến xuyên tạc tư tưởng Hồ Chí Minh, kể cả việc vu cáo dựng chuyện hòng bôi nhọ đời tư của Người, hạ thấp uy tín và vai trò của Người. Có những cuộc "hội thảo" ở nước ngoài, có những tờ báo, cuốn sách xuất bản ở nước ngoài cố tình bóp méo sự thật, nói nhăng nói cuội, láo lếu, thô bỉ, đại loại như "*Nhật ký trong tù* không phải của Hồ Chí Minh", "Hồ Chí Minh không phải là nhà văn", "Hồ Chí Minh bắt đầu nảy ra tư tưởng cứu nước kể từ khi Pháp bác đơn cho họ Hồ theo học trường thuộc địa"... Rằng Đảng cộng sản Việt nam đang lúng túng run sợ trước việc Liên xô sụp đổ, chủ nghĩa Mác - Lê-nin hết thời, cho nên phải "sáng tác ra tư tưởng Hồ Chí Minh để giúp đảng chỉnh hướng trong cơn bối rối"... Họ không biết rằng đối với dân tộc Việt nam, nhân dân Việt nam, Hồ Chí Minh và tư tưởng Hồ Chí Minh là thiêng liêng biết nhường nào, gần gũi biết nhường nào, làm sao họ xuyên tạc nổi.

Về cương lĩnh, đường lối chính trị của Đảng. Các phần tử chống cộng luôn luôn rêu rao đảng cộng sản chọn đường sai, không thể có chủ nghĩa xã hội. Họ ra sức tô son trát phấn cho chủ nghĩa tư bản, rằng chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất, chủ nghĩa tư bản có thể hội tụ với chủ nghĩa xã hội trong thời đại văn minh hậu công nghiệp, văn minh trí tuệ, tin học ; chủ nghĩa tư bản là vĩnh hằng (!). Chủ nghĩa xã hội có trăm nghìn thứ khuyết tật, tội ác, không dân chủ, thiếu nhân quyền, nhân đạo(!).

Nhân có một số nước xã hội chủ nghĩa tan vỡ, họ khuyên Đảng ta không nên đi con đường xã hội chủ nghĩa, rằng chúng ta đã chọn đường sai. Tình trạng khủng hoảng và đói nghèo của nước ta họ quy kết đó hoàn toàn "là hậu quả của chính sách cai trị độc tài dựa trên chu nghĩa Mác - Lê-nin mà đảng cộng sản áp đặt trên đất nước Việt nam" (!). Rằng cần phải đi con đường tư bản chủ nghĩa, hoặc xã hội dân chủ, thực hiện tư nhân hóa hoàn toàn theo kiểu tư bản, đổi mới mạnh hệ thống chính trị và chế độ chính trị, thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập... Không như thế tức là bảo thủ, giáo điều, cứng nhắc, lỗi thời. Thậm chí người ta còn coi tư nhân hóa và đa nguyên chính trị là điều kiện tiên quyết để thiết lập quan hệ ngoại giao với ta.

Vì sao các ngài chống cộng lại nhiệt tình cổ xúy, khuyến khích chúng ta làm những việc đó ? Vì sao những người đứng đầu thế giới tư bản lại xâu xúm nhau cổ vũ, tạo điều kiện cho sự tan vỡ của Liên xô và Đảng cộng sản Liên xô ? Vì sao giới cầm quyền ở Mỹ lại hậm hực, tức tối, bao vây, cấm vận, ộ ép Cu-ba, buộc Cu-ba phải thay đổi đường đi một cách dữ dằn như vậy ? Phải chăng họ có lòng tốt đối với chủ nghĩa xã hội, họ muốn có quan hệ thành thật và chân tình với chúng ta ? Xin hãy nghiên cứu kỹ những chiến lược, kế hoạch, lộ trình của họ và bình tĩnh xem làm như vậy có lợi cho ai, và không có lợi cho ai, chớ vội mơ hồ ảo tưởng như có người đã mắc. Chính những người chống cộng ở Mỹ đã nói rõ ý đồ của họ. Năm 1988, khi Liên xô lâm vào tình trạng khủng hoảng toàn diện và nghiêm trọng, Ních-xơn viết cuốn "Chiến thắng không cần chiến tranh" để vạch ra kế hoạch thúc đẩy chủ nghĩa xã hội ở Liên xô nhanh chóng đi đến sụp đổ. Năm 1992, sau khi Liên xô sụp đổ, Ních-xơn lại viết cuốn "Chớp thời cơ" vạch ra chiến lược đưa các nước thuộc Liên xô cũ và Đông Âu dứt khoát đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản. Ních-xơn nói rõ rằng phải tận dụng thời cơ quý báu khi "chất keo của tư tưởng cộng sản đã mất hiệu lực", dù biết rằng đó là việc hết sức khó khăn, bởi vì từ chủ nghĩa xã hội trở lại chủ nghĩa tư bản "là con đường chưa được khai phá". Còn đối với Trung quốc, "mục tiêu của Mỹ là giữ cho tiến trình cải cách được duy trì cho tới khi ban lãnh đạo cứng rắn hiện nay rời khỏi chính trường", "Mỹ ủng hộ tinh thần và vật chất cho những người chủ trương cải cách", "tạo điều kiện thuận lợi cho thay đổi hòa bình ở bên trong".

Gần đây, Nguyễn Cao Kỳ (có thời là thủ tướng Việt nam cộng hòa) một vài lần lên tiếng đòi Mỹ bỏ cấm vận và lập quan hệ bang giao với Việt nam (và chính vì thế mà ông ta bị nhiều kẻ đàn em bất bình viết bài công kích, chửi rủa công khai trên báo chí) nhưng với dụng ý là để làm biến đổi dần dần

Digitized by Google

chế độ chính trị của Việt nam. Ông ta phân tích : "căn bản là kinh tế, kinh tế kéo theo chính trị, thay đổi kinh tế kéo theo thay đổi thể chế chính trị... Mỹ vào Việt nam mặc nhiên sẽ lần lần áp dụng những định chế kinh tế thị trường, làm thay đổi căn bản thể chế chính trị. Thứ nữa, Mỹ vào, những quyền tự do được bảo đảm hơn... Có hiện diện của người Mỹ trong nội địa Việt nam, ta dễ dàng dùng ảnh hưởng để thay đổi chính trị, còn hơn đứng ở ngoài la hét, đòi hỏi mà vẫn không thay đổi được gì hết "(Xem "Thời báo", số ra ngày 7, 8- 11-1992).

Về tổ chức của đảng. Các thế lực chống cộng tập trung đánh vào các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, đặc biệt là vào nguyên tắc tập trung dân chủ. Tập trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức rất cơ bản của một đảng Mác - Lê-nin chân chính, bảo đảm phát huy sáng kiến và tính tích cực sáng tạo của mọi tổ chức đảng và đảng viên, đồng thời là điều kiện giữ gìn sự thống nhất ý chí, thống nhất hành động của đảng. Các phần tử chống cộng xuyên tạc, cho rằng nguyên tắc tập trung dân chủ đến nay đã lỗi thời, thực hiện tập trung dân chủ sẽ dẫn đến mất dân chủ trong đảng, làm cho đảng rơi vào quân phiệt, độc đoán, độc tài (!). Họ ra sức tán dương và khuyến khích thực hiện dân chủ tự do, dân chủ cực đoan, trong đảng nên có nhiều phe nhóm đối lập để đấu tranh, bàn cãi, tranh luận. Sử dụng triệt để những chiêu bài "dân chủ", "đa nguyên", họ cổ vũ sự bất đồng ý kiến về quan điểm trong đảng, rồi lợi dụng sự bất đồng đó để chia rẽ đảng thành những phe phái đối lập. Những kẻ phản bội lý tưởng xã hội chủ nghĩa, cơ hội, hữu khuynh, xét lại, những hành động chống đảng, chống chế độ thì được họ ve vãn, tâng bốc, lôi kéo, mời chào, tặng cho đủ thứ danh hiệu mỹ miều. Còn những người mác xít - lê nin nít chân chính bảo vệ Đảng, bảo vệ lý tưởng của Đảng thì bị họ nhạo báng, chế giễu là bảo thủ, cứng nhắc, là giáo điều, ninh hót. Họ đối lập những người lãnh đạo Đảng với đông đảo đảng viên, chia rẽ lớp đảng viên này với lớp đảng viên khác, mưu toan gây ra mâu thuẫn nội bộ.

Đánh vào nguyên tắc tập trung dân chủ của đảng, các thế lực thù địch muốn phá vỡ sự thống nhất của đảng, làm tan rã hoặc phân liệt đảng về tổ chức.

Về mối liên hệ giữa đảng với nhân dân. Thừa biết sức mạnh vô địch của đảng là ở mối liên hệ máu thịt với nhân dân, các thế lực thù địch tìm mọi cách để chia rẽ đảng với dân, lôi kéo, kích động, tách nhân dân ra khỏi ảnh hưởng của đảng. Bằng việc vu cáo đảng cộng sản chiếm quyền của dân, vi phạm dân chủ, nhân quyền, "độc đoán", "đảng trị", "thực hiện sự chuyên chính của một đảng", "sự thống trị quan liêu của giới thượng lưu", chúng đối lập đảng với nhà nước, đối lập đảng và nhà nước với nhân dân. Lợi dụng việc chúng ta công khai tự phê bình, đấu tranh chống tệ tham nhũng, quan liêu và các hiện tượng tiêu cực khác trong đảng và trong bộ máy nhà nước, chúng công kích, nói xấu đảng. Chúng thổi phồng khuyết điểm, sai lầm của một số cá nhân đảng viên, để gán cho đảng cộng sản đủ các thói tệ, bệnh hoạn : nào là dốt nát, võ biền, thất nhân tâm, làm hại đất nước và dân tộc (?). Thông qua các phần tử bất mãn, các phần tử phản động đội lốt tôn giáo, dân tộc, chúng ra sức tác động, lôi kéo quần chúng, tranh giành quần chúng, khơi lên ngọn lửa hận thù dân tộc, hòng làm mất ổn định chính trị, tạo cơ hội để lật đổ ta từ bên trong.

Ngón đòn hiểm độc chúng đã sử dụng thành công ở một số nơi đang được áp dụng mạnh để đánh vào các nước xã hội chủ nghĩa còn lại là chiêu bài "tự do", "dân chủ", "nhân quyền". Chính Ních-xơn và Brê-din-xki đã nói rõ ý đồ của Mỹ sử dụng con bài nhân quyền như một "sức ép" "thúc đẩy sự thay đổi chính trị hòa bình từ bên trong". Phối hợp với chiến lược đó của các nhà tư tưởng chống cộng, trên nhiều tờ báo của người Việt nam lưu vong ở nước ngoài cũng rộ lên những chiến dịch đòi tự do, nhân quyền, dân chủ đa nguyên, đa đảng ; phê phán chế độ ta là chế độ độc tài, độc đoán.

Như vậy, rõ ràng sự chống phá đảng cộng sản của các thế lực thù địch là sự chống phá rất thâm độc, rất toàn diện, nhất quán, và càng ngày càng điên cuồng, nhằm mục đích cuối cùng là xóa bỏ sự lãnh đạo của đảng cộng sản, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội. Đó là sự thật, sự thật rành rành, chứ không phải như Bùi Tín trong hồi ký "Hoa xuyên tuyết" (xuất bản ở Pháp 1991) cố tình nhắm mắt nói bừa rằng chúng ta "giáo điều", "cường điệu mâu thuẫn", "chủ quan, mang nặng tâm lý suy diễn, hoang hốt, mang dấu ấn của thời kỳ đối địch đã thuộc về quá khứ" (!) Điều nguy hiểm ở chỗ có những luận điệu chúng đưa ra là dựa vào sự tự phê phán để đổi mới của chúng ta. Có những câu chữ chúng nói giống hệt như ta nói (như phải đổi mới, phải dân chủ,...), nhưng đương nhiên với một động cơ khác, nhằm mục đích khác. Đáng tiếc là trong đội ngũ chúng ta

(Xem tiếp trang 63)

Digitized by Google

Kỷ niệm lần thứ 123
Ngày sinh V.I.Lê-nin
(22-4-1870 - 22-4-1993)

LÊ-NIN VÀ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ

TRẦN QUANG
và HƯNG NGHIỆM

NGÀY nay, trong tình hình thế giới đang diễn biến phức tạp và thay đổi nhanh chóng, từ nhiều góc độ khác nhau, người ta nhìn nhận Lê-nin với những đánh giá khác nhau. Không kể những kẻ thù địch từ trước đến nay vẫn phủ nhận Lê-nin, điều đáng chú ý là trải qua những biến động mạnh mẽ, trong hàng ngũ những người cách mạng đã có một số người lên tiếng không thừa nhận, thậm chí còn bôi nhọ Lê-nin. Họ đưa ra nhiều lập luận, có thể nói rút cục là họ phủ nhận vai trò của Lê-nin trong sự phát triển của lịch sử. Để bác bỏ luận điệu sai trái đó, chúng ta có thể tiếp cận từ các góc độ khác nhau, chứng minh cho vai trò của Người.

Về thân thế sự nghiệp của Lê-nin thì khó ai có thể phủ nhận được việc Người đã cống hiến cả cuộc đời cho sự tiến bộ và phát triển của lịch sử. Người là tấm gương ngời sáng về tinh thần đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp giải phóng những người bị áp bức và nô lệ ở nước Nga và trên thế giới. Với vai trò lãnh đạo thắng lợi cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga, Lê-nin là người "bẻ ghi" cho con tàu lịch sử nhân loại đi vào thời đại mới, thời đại các nước có điều kiện quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Lê-nin là người đầu tiên cùng với Đảng và nhân dân mình biến chủ nghĩa xã hội từ lý luận thành hiện thực trên trái đất. Người đã cắm cái mốc lịch sử chói lọi về giai đoạn phát triển mới của nhân loại. Từ đó, đặt ra cho cách mạng xã hội chủ nghĩa, cho xã hội loài người những nhiệm vụ lịch sử mới cực kỳ phức tạp và trọng đại.

Cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười do Lê-nin và Đảng cộng sản lãnh đạo khác *về chất* so với tất cả các cuộc cách mạng do giai cấp tư sản lãnh đạo. Sự khác về chất ấy là ở chỗ : Cách mạng Tháng Mười đã đưa nhân dân lao động lên nắm chính quyền, xóa bỏ chế độ áp bức, bóc lột, đem lại và bảo vệ lợi ích của những người lao động. Đó là chính quyền đầu tiên thật sự của nhân dân lao động, đã tồn tại hơn 70 năm, mà người dân xô viết hiện nay, sau khi mất chính quyền, càng cảm nhận sâu sắc điều đó. Chính quyền xô viết do Lê-nin sáng lập đã đạt được những thành quả to lớn, để lại nhiều dấu ấn trong sự phát triển của lịch sử.

Là hiện thân cho ý chí, nghị lực đấu tranh xóa bỏ áp bức bất công, giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động không phải chỉ ở nước Nga, mà cả trên toàn thế giới, Lê-nin trở thành kẻ thù của các giai cấp thống trị áp bức bóc lột. Chính vì thù ghét Lê-nin, các lực lượng chống cộng đã xuyên tạc Cách mạng Tháng Mười. Giai cấp tư sản và chủ nghĩa đế quốc đã cố tình quên đi điều mà lịch sử đã lên án chúng là kẻ gây nên cảnh chết chóc, đổ nát trong nội chiến kéo dài sau Cách mạng Tháng Mười. Chính Lê-nin đã lãnh đạo nhân dân lao động yêu nước đấu tranh ra khỏi nội chiến, chống xâm lược, bảo vệ Tổ quốc mình, điều đó sao lại là sai lầm, tội lỗi ? ! Có những người vô tình hay hữu ý ném đá vào lịch sử, lăng mạ Lê-nin, xuyên tạc thân thế và sự nghiệp của Người, phê phán Cách mạng Tháng Mười một cách lố bịch. Nhưng dần dần bộ mặt thật của họ đã lộ rõ : họ muốn quay ngược bánh xe lịch sử, khôi phục chủ nghĩa tư bản ở đất nước Cách mạng Tháng Mười.

Trải qua những cơn bàng hoàng vì sự đổ vỡ, ngày nay nhiều người dân Liên xô (trước đây) sống dưới mức nghèo khổ, bị mất mát quá nhiều, đã tỏ lòng căm giận những kẻ phản bội và phản động thóa mạ Lê-nin, thóa mạ Cách mạng Tháng Mười. Và họ càng căm giận hơn đối với bọn đầu cơ chính trị, bọn phản động đã vớ được những món lợi kếch sù và giàu lên với tốc độ chóng mặt trong xã hội rối loạn và tan rã.

Cũng như Mác và Ăng-ghen, Lê-nin nhận rõ rằng chủ nghĩa tư bản không phải là xã hội cuối cùng của lịch sử. Chủ nghĩa tư bản phát triển đến chủ nghĩa đế quốc, là bạn đường của chiến tranh và chết

Digitized by Google

chóc. Với ý tưởng tự do và giải phóng con người, Người đã dắt dẫn nhân dân trải qua những bước ngoặt của lịch sử, lựa chọn con đường đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Người đã dày công nghiên cứu và chỉ đạo thành công việc xây dựng một nước xã hội chủ nghĩa tốt đẹp đầu tiên trên thế giới.

Là người sáng tạo lịch sử, đem lại những thành tựu cho đất nước, Lê-nin cũng sớm nhận ra những thiếu sót khó tránh khỏi do chủ quan, nóng vội, không từ thực tiễn của đất nước mà vận dụng những quan điểm tư tưởng của Mác, Ăng-ghen ở những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Con người vĩ đại ấy đã không ngần ngại công khai phân tích những thiếu sót đó và kịp thời "thay đổi về cơ bản quan điểm về chủ nghĩa xã hội", đưa ra chính sách kinh tế mới, phù hợp với tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước Nga còn lạc hậu, khắc phục cuộc khủng hoảng lúc đó, tạo nên bước chuyển biến mới của đất nước. Thật là tổn thất không bù đắp được, trong lúc sự nghiệp cách mạng đang cần sự lãnh đạo và kiến tạo của Lê-nin, thì Người ra đi ở độ tuổi còn biết bao trí tuệ. Và có thể nói, nỗi "bất hạnh" của nước Nga là những người kế tục sự nghiệp của Người đã không tuân theo những di huấn đó của Người và tiếp tục sáng tạo để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội đúng với bản chất khoa học và tốt đẹp của nó, mà lại làm biến dạng chủ nghĩa xã hội, rồi những năm tháng qua đi, những sai lầm nối tiếp nhau, dẫn đến đổ nát trên quê hương của Người !

Ngày nay, công cuộc đổi mới, cải cách ở một số nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó có Việt nam, với những thành tựu quan trọng mà mọi người đều thừa nhận, đã mở ra lối thoát cho cuộc khủng hoảng kinh tế xã hội trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một nguyên nhân rất quan trọng của thắng lợi này là Đảng cộng sản đã vận dụng sáng tạo và nâng lên một chất lượng mới những tư tưởng của Lê-nin về chủ nghĩa xã hội trong chính sách kinh tế mới. Lê-nin cho rằng chủ nghĩa xã hội không biệt lập, và càng không đối lập với chủ nghĩa tư bản như một cái gì đó tách khỏi dòng chảy lịch sử nhân loại. Người nói rất cụ thể : chủ nghĩa xã hội là trật tự đường sắt Phổ ; là quản lý sản xuất và nền giáo dục Mỹ v.v.. Chủ nghĩa xã hội là tinh hoa những gì mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được, dưới sự quản lý xã hội của giai cấp công nhân và nhân dân lao động mà đại diện là nhà nước *kiểu mới*, nhà nước *xã hội chủ nghĩa*.

Lê-nin hiểu rằng phải học tập rất nhiều ở chủ nghĩa tư bản và có hợp tác làm ăn với họ thì chủ nghĩa xã hội mới thành công. Người chủ trương buôn bán giao lưu với các nước tư bản chủ nghĩa, cho tư bản nước ngoài đầu tư vào Nga theo chế độ tô nhượng... Song với âm mưu tiêu diệt nước Nga xô viết, nhiều nước tư bản đã câu kết với nhau, cô lập và phá hoại đất nước này. Khi Lê-nin qua đời, quan hệ đó lại càng xấu hơn, và chủ nghĩa tư bản đế quốc tiếp tục thực hiện âm mưu đó cho đến cùng, như sự tan rã vừa qua của Liên xô cho thấy.

Lê-nin đã nhận thức sâu sắc rằng một xã hội lạc hậu như nước Nga, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội, thì không thể không có một nền kinh tế nhiều thành phần, không thể không mở cửa với thế giới bên ngoài. Ngày nay, mô hình này khá thịnh hành trên thế giới, và người ta nhớ đến Lê-nin như một người từng sáng tạo và thực hiện nó trong những năm 1921 - 1923.

Lê-nin đã lãnh đạo nước Nga hướng tới một nền văn hóa mới, một nền văn hóa tiếp thu mọi tinh hoa trí tuệ của nhân loại, mang đậm đà bản sắc dân tộc và đạt tới trình độ hiện đại, một nền văn hóa nhân văn tiến bộ đối lập với thứ văn hóa đồi trụy, phản động.

Lê-nin sáng lập ra nhà nước công nông với bản chất là cơ quan quyền lực của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Ngay từ đầu, Người luôn chăm lo xây dựng và cải cách bộ máy nhà nước phòng ngừa tệ quan liêu, tham nhũng trái với bản chất cách mạng của nhà nước mới. Người đặc biệt quan tâm đến xây dựng đảng kiểu mới, và đã sớm nêu ra hai nguy cơ lớn nhất của đảng cầm quyền là sai lầm về đường lối và quan liêu hóa, xa rời quần chúng, đặc quyền đặc lợi. Người nhấn mạnh rằng sự bất đồng trong đảng, sự thoái hóa biến chất của cán bộ đảng viên, sự non kém về trí tuệ và năng lực tổ chức thực hiện của Đảng là nguy cơ làm cho đảng không nắm được chính quyền, để mất vai trò lãnh đạo trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sinh thời, Lê-nin cũng đã nhận rõ : cách mạng không phải chỉ có thắng lợi, mà còn có những thất bại và có lúc phải rút lui, phải làm đi làm lại. Song đứng trước những thất bại hoặc rút lui tạm thời, điều quan trọng nhất là phải bình tĩnh, tỉnh táo, không để bị rối loạn, bị lôi kéo, tìm ra lối thoát để tiếp tục tiến lên giành thắng lợi mới. Thực tiễn cho thấy, đổi mới là cần thiết khi xây dựng chủ nghĩa xã hội có sai lầm, thiếu sót, nhưng đổi mới phải có nguyên tắc. Trong khúc quanh co của lịch sử, chỉ cần mất phương hướng, xa rời những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, để cho quan điểm tư tưởng, nhất là sự lừa mị của giai cấp tư sản chi phối, thì toàn bộ sự nghiệp cách mạng mà nhân dân phải đổ bao mồ hôi, xương máu mới giành được, như kinh nghiệm thực tế mới đây ở Đông Âu và Liên xô cũ cho thấy, có thể bị tiêu tan nhanh chóng. Và cái giá quá đắt phải trả, rút cục lại trút tất cả lên đầu nhân dân lao động.

Digitized by Google

Triết học Mác - Lê-nin trước những biến đổi to lớn của thời đại

TRẦN NHÂM *

BƯỚC vào mười năm cuối cùng của thế kỷ XX, chúng ta cần nhìn lại lịch sử của thế kỷ này và hướng về tương lai của thế kỷ XXI. Nhưng những gì là cơ bản nhất mà chúng ta nhớ lại và vọng tới tương lai ? Phải chăng đó là sự suy tư về con người, về thế giới có con người, và từ đó rút ra những tri thức hữu ích về vũ trụ và nhân sinh ? Dù hiện nay có sự bất đồng trong định nghĩa về triết học, thì điều vừa nêu phải chăng cũng chính là nội dung các vấn đề được đặt ra của triết học ? Đối với triết học Mác - Lê-nin, những vấn đề ấy được nhìn theo 4 khía cạnh sau đây :

1 - ***Cần phải có cách kiến giải mới về triết học Mác - Lê-nin***

Cho đến nay các định nghĩa về triết học đều đặt lên hàng đầu việc nghiên cứu các quy luật chung nhất của tự nhiên, của xã hội và của tư duy, rồi sau đó mới suy xét mối quan hệ của con người với thế giới của những quy luật đó. Nội dung của định nghĩa này có thể thấy ở tất cả các sách giáo khoa, các từ điển triết học ở Liên xô và Đông Âu trước đây, và do đó cả ở nước ta.

Khái niệm về triết học như vậy phản ánh định hướng nghiên cứu, giảng dạy và học tập triết học ở nước ta. Với định hướng này, triết học của chúng ta vô hình trung dường như trở về với chủ nghĩa duy vật cũ. Theo Ph.Ăng-ghen, do khoa học chưa phát triển, chủ nghĩa duy vật cũ mắc ba khuyết điểm : máy móc, siêu hình ; không hiểu thế giới như một chỉnh thể phát triển không ngừng trong sự thống nhất của các mặt đối lập ; vẫn còn duy tâm trong xem xét lịch sử và có quan niệm siêu hình đối với lịch sử.

Quả vậy, ở chừng mực nhất định triết học Mác - Lê-nin cho đến nay đã mắc cả ba khuyết điểm trên. Nội dung định nghĩa triết học của chúng ta rõ ràng có thiên hướng quan niệm về một thế giới có trước con người, không chịu sự tác động của con người, thậm chí còn chi phối con người, định vị con người bằng các quy luật đã có sẵn. Dĩ nhiên, khi phân biệt ranh giới giữa chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, chúng ta cần khẳng định tính thứ nhất của vật chất và tính thứ hai của ý thức ; nhưng khi xác định nội dung của triết học Mác - Lê-nin, chúng ta cần phải đổi mới tư duy để quan niệm được một thế giới có con người với những hoạt động đa dạng của con người. Nghĩa là trong khi thừa nhận tính khách quan của thế giới thì không được phép xem xét nó bên ngoài hoạt động thực tiễn của con người. Triết học của chúng ta chỉ tiếp cận được phép biện chứng duy vật mác xít khi đặt con người vào vị trí trung tâm của nó bằng cách đưa phạm trù thực tiễn vào chủ nghĩa duy vật. Vì thế, có lẽ cần phải định hướng lại định nghĩa của chúng ta về triết học Mác - Lê-nin là *suy xét con người, rồi sau đó nghiên cứu thế giới có con người, cùng những quy luật chung của thế giới đó.*

Đây chính là định hướng đúng đắn có thể trả lời được câu hỏi : triết học Mác - Lê-nin là gì ? Và bằng cách mở rộng, đi sâu vào nhận thức các khách thể và đối tượng của mình, đồng thời tự nhận thức rõ hơn bản chất tự nhiên của bản thân triết học Mác - Lê-nin trong mối quan hệ với trào lưu cách mạng khoa học, công nghệ và cách mạng xã hội hiện đại, với các dạng hoạt động tinh thần, và với các trào lưu triết học khác, chúng ta sẽ có thể trả lời những câu hỏi liên quan đến triết học Mác - Lê-nin.

Tựu trung lại, đối với triết học Mác - Lê-nin, cái tuyệt đối duy nhất mà nó thừa nhận là sự vận động và phát triển một cách biện chứng. Đặc biệt, trong những phát minh vạch thời đại dồn dập như ngày nay, chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử lại càng cần phải thay đổi hình thức và nội dung vận động và phát triển của nó.

2 - ***Triết học Mác - Lê-nin với cách mạng khoa học, công nghệ và cách mạng xã hội***

* Giáo sư, Giám đốc Nhà xuất bản Sự thật

Digitized by Google

Từ đầu thế kỷ XX trở lại đây có hai xu hướng vận động vĩ mô đã làm thay đổi thế giới và cuộc sống của nhân loại. Đó là cuộc *cách mạng khoa học và công nghệ*, và cuộc *cách mạng xã hội* mà định hướng cơ bản là phong trào giải phóng dân tộc và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại do khoa học tự nhiên, nhất là vật lý học, thúc đẩy. Còn cuộc cách mạng xã hội thì cơ bản là do triết học Mác - Lê-nin khích lệ và chi phối. Vậy thì ở đây xuất hiện một số câu hỏi : hai trào lưu cách mạng trên đây có quan hệ với nhau như thế nào ? Và triết học Mác - Lê-nin có quan hệ và tác dụng như thế nào với hai trào lưu ấy ? v.v..

Nói một cách tóm tắt, cách mạng khoa học và công nghệ về thực chất là chuyển một cách có hệ thống từ bậc thang nhận thức thấp lên bậc thang nhận thức cao hơn. Xét riêng về cách mạng khoa học, thì cho đến nay đã diễn ra 4 bước phủ định các nấc thang nhận thức :

- Lần 1 (1543 - 1755), từ thuyết nhiệt tâm của N.Cô-péc-ních đến thuyết vũ trụ học của Căng-tơ, La-pơ-lát và các cuộc cách mạng trong hóa học nhằm phủ nhận thuyết chất cháy (phlogiston). Thực chất là chuyển nhận thức từ trực quan sinh động đến tư duy phân tích và phá hủy niềm tin ngây thơ bên ngoài đối với sự vật.

- Lần 2 (1755 - 1895, 1897), từ thuyết vũ trụ học cho đến "cuộc cách mạng mới nhất trong tự nhiên" (V.Lê-nin). Thực chất là khắc phục hạn chế của tư duy phân tích và chuyển nhận thức lên nấc thang tư duy tổng hợp đối với thế giới vĩ mô, nhờ đó phá hủy được niềm tin vào tính bất biến có tính chất siêu hình.

- Lần 3 (1895, 1897 đến những năm 40 thế kỷ XX), chủ yếu diễn ra trong vật lý học. Thực chất đây là quá trình phá hủy niềm tin vào tính bất biến của thế giới vi mô ; phủ nhận niềm tin về tính giới hạn cuối cùng của vật chất ; chứng minh mối quan hệ phức tạp khác thường giữa vật chất và vận động, giữa không gian và thời gian, và tính lưỡng nguyên hạt - sóng của thế giới vi mô. Nhờ đó khắc phục được sự đồng nhất giữa thế giới vĩ mô và vi mô, củng cố tư tưởng phát triển và phép biện chứng trên cả 2 cấp độ : trừu tượng phân tích và trừu tượng tổng hợp.

- Lần 4 (từ những năm 40, 50 trở lại đây). Nếu như 3 lần phủ định trước, kéo dài trong 5 thế kỷ, là quá trình khắc phục trở ngại trên con đường phát triển nhận thức từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, thì lần phủ định thứ 4 là để khắc phục trở ngại từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn, nhằm tạo ra sự chuyển hóa liên tục từ trực quan sinh động... đến thực tiễn trong việc nhận thức chân lý khách quan.

Có thể nói, triết học Mác - Lê-nin được hình thành trong giai đoạn chuyển nhận thức từ tư duy trừu tượng phân tích lên tư duy tổng hợp. Hơn thế, ngay trong giai đoạn hình thành của nó, với việc phát hiện ra quy luật giá trị thặng dư dưới chủ nghĩa tư bản, C.Mác đã góp phần to lớn phá hủy niềm tin ngây thơ vào cái vẻ bề ngoài của giá trị trong các thời đại. Do đó, triết học mác xít cùng với những cuộc cách mạng trong thiên văn học, vật lý học, hóa học... đã khắc phục được tư tưởng duy tâm, siêu hình về "cú hích đầu tiên của thượng đế", để đi tới tư tưởng phát triển và phép biện chứng. Đặc biệt, với việc phát minh ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác đã khắc phục được phép biện chứng nửa vời dựa vào một cái tên khác của thượng đế là "ý niệm tuyệt đối" của Hê-ghen, để phát triển phép biện chứng duy vật. Nhờ đó, phép biện chứng thừa nhận tính khách quan của sự vật, hiện tượng, và đồng thời xem xét chúng không tách rời hoạt động thực tiễn của con người. Nói khác đi, đó là phép biện chứng định hướng tới sự thống nhất, tổng hợp cả những tinh hoa của những dòng triết học khác theo kiểu vừa nhìn thấy rừng lại thấy cả cây, và ngược lại.

Bản chất đó của triết học mác xít đã được V.Lê-nin khẳng định và phát triển thông qua việc khắc phục phong cách tư duy siêu hình thống trị trong khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, để phát triển phong cách tư duy biện chứng. Nhờ vậy, triết học mác xít đã dự báo khá chính xác tính chất vô cùng tận của nguyên tử (thế giới vi mô), và do đó về mặt nhận thức, nó đã đóng được vai trò mở đường có ý nghĩa phương pháp luận cho "cuộc cách mạng mới nhất trong khoa học tự nhiên" vào đầu thế kỷ này.

Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, triết học Mác - Lê-nin đã không đóng được vai trò mở đường về nhận thức cho cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại. Từ những năm 50 trở lại đây, cuộc cách mạng khoa học đã một mặt, phát triển mạnh mẽ tư duy trừu tượng tổng hợp trên cả 3 hướng :

- Nghiên cứu cấu trúc bên trong của vật chất và sự tiến hóa của vũ trụ trên tổng thể, nhờ đó đào sâu sự suy tư về mối quan hệ của con người với vũ trụ.

- Nghiên cứu trạng thái sống ở mức phân tử và

Digitized by Google

đào sâu các tầng bản chất nhận thức của con người từ biểu tượng, ý niệm cho đến ý thức và cõi tiềm thức, vô thức của con người.

- Nghiên cứu trái đất với tư cách là một hành tinh trong hệ mặt trời, và do đó đi sâu vào kiến giải mối quan hệ giữa con người với môi trường sống của nó.

Mặt khác, cuộc cách mạng công nghệ liên kết với cuộc cách mạng khoa học để khai thông nấc thang từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn ở trình độ ngày càng cao.

Chính trong sự phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đã bộc lộ sự khiếm khuyết của triết học Mác - Lê-nin, nhất là trong bối cảnh triết học này bị mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô (trước đây) và Đông Âu làm cho sa lầy trong phong cách tư duy giáo điều, tư biện. Ít ra triết học Mác -Lê-nin, do chỉ giới hạn ở nấc thang ý thức con người, đã không tìm tòi và suy ngẫm về mối quan hệ đầy mâu thuẫn giữa hiện tượng, biểu tượng với ý thức và tiềm thức con người. Do đó, nó không suy ngẫm được khúc triết con người như những cá nhân - nhân cách với 3 tầng bản chất nhận thức : ý niệm, ý thức, tiềm thức, và với 3 chiều quan hệ : cái cá nhân, cái sinh học và cái xã hội. Mà không suy tư thấu đáo được về con người thì cũng không luận giải được rõ ràng mối quan hệ người và người, và người với vũ trụ.

Trào lưu cách mạng thứ hai của thế kỷ XX là cuộc cải cách và cách mạng xã hội, mà cơ bản là phong trào giải phóng dân tộc và xã hội chủ nghĩa. Biểu hiện của trào lưu cách mạng này là 3 mô hình phát triển tiêu biểu sau :

- Mô hình *thị trường tự do*, cơ bản là mô hình Mỹ, với sự điều tiết vĩ mô (học thuyết Keynes) và tự do cạnh tranh ("chủ nghĩa Thatcher", chủ nghĩa "Reagan"). Mô hình này hiện đang hằng ngày hằng giờ sản sinh ra sự phân hóa xã hội sâu sắc, và sự tha hóa con người.

- Mô hình *xã hội - dân chủ*, ví dụ ở Thụy Điển, về thực chất là quan niệm về một "nhà nước xã hội thịnh vượng chung", hay nói chính xác hơn là hình thức Keynes của chủ nghĩa tư bản, một thứ "chủ nghĩa tư bản nhân dân". Nhưng ngày nay mô hình này đã đi tới những giới hạn cuối cùng. Bởi lẽ, sự phân hóa xã hội sâu sắc, sự tha hóa con người, thị trường cạnh tranh, đổi mới công nghệ thường xuyên... đang phá vỡ nền tảng của nó là các nhóm xã hội trung lưu và đang phá vỡ cơ chế vận hành của nó là sự thỏa hiệp giữa nhà nước, nghiệp đoàn công nghiệp và dịch vụ tư nhân.

- Mô hình *chủ nghĩa xã hội hiện thực*, cơ bản là mô hình xô viết, đang bị khủng hoảng và đổ vỡ do xóa bỏ sở hữu tư nhân một cách thô bạo, công nghiệp hóa bằng công nghệ lạc hậu và tổ hợp quân sự lớn, cơ chế tập trung hiện vật và khép kín.

Ở mức độ khác nhau, triết học Mác - Lê-nin đóng vai trò chi phối hay ảnh hưởng đối với "mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực", "mô hình xã hội - dân chủ". Ngay cả mô hình thị trường tự do cũng nằm trong dự kiến của triết học mác xít. Và nó đã báo động về sự tha hóa con người trong điều kiện phân hóa xã hội và tự động hóa sản xuất, v.v.. Đương nhiên, do sự khiếm khuyết trong phương thức suy tư của triết học Mác - Lê-nin về con người và thế giới có con người, do cả phong cách tư duy siêu hình, giáo điều, lẫn sự công kích từ phía những kẻ thù của nó, mà triết học Mác - Lê-nin đã và đang còn phải tìm tòi con đường phát triển đúng đắn cho con người và thế giới có con người. Ở đây vai trò phương pháp luận của nó, đã và vẫn sẽ đúng, là khắc phục sự tha hóa con người để phát triển do mỗi người và mọi người trong đời sống xã hội.

Tuy nhiên, để đóng vai trò phương pháp luận đối với việc lựa chọn con đường phát triển lịch sử của nhân loại ngày càng phong phú và hiện thực hơn, triết học Mác - Lê-nin cần phải tự vấn lại mình theo cả 2 hướng : riêng đối với bản thân mình, và ảnh hưởng của nó đối với các trào lưu triết học khác.

3 - ***Triết học Mác - Lê-nin với các dòng triết học khác***

Chúng ta hãy phân rõ ranh giới giữa triết học Mác - Lê-nin và các dòng triết học khác không phải bằng cách chống đối hay đóng cửa đối với mọi trào lưu triết học khác, mà bằng cách "làm bạn với tất cả". Bởi lẽ, trong quá trình phát triển, triết học Mác - Lê-nin cần xem xét sự phát triển "như là sự thống nhất của các mặt đối lập". Trong một thời kỳ lịch sử dài, do không quán triệt nguyên tắc này, triết học Mác - Lê-nin đã tự mình đối lập tuyệt đối với các trào lưu triết học khác, không thừa nhận một chút gì chung, giống nhau với các dòng triết học khác. Quan điểm đó đã dẫn đến chủ nghĩa biệt phái trong nghiên cứu và phát triển lý luận triết học. Thậm chí nó còn dẫn đến thái độ hư vô chủ nghĩa, phủ định sạch trơn các trào lưu triết học khác, làm cho triết học mác xít ngày càng xa rời và tách biệt với các khoa học tự nhiên, khoa học xã hội khác ; những tri thức về biện chứng của quá trình phát triển hiện thực của tự nhiên và xã hội ngày càng lạc

Digitized by Google

hậu trước những thành tựu mới nhất của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và trào lưu cách mạng xã hội.

Tình trạng biệt phái và đóng cửa đối với các trào lưu triết học khác đã khiến triết học mác xít ngày càng suy thoái về tri thức và phương pháp mà hậu quả là : tri thức về phép biện chứng như là bộ phận cấu thành cơ bản của triết học mác xít, không được bồi bổ thêm nhựa sống nên có phần giảm dần sức sống và sức thuyết phục, do đó không thực hiện được chức năng phương pháp luận để định hướng cuộc cách mạng khoa học, công nghệ và trào lưu cách mạng xã hội hiện đại. Bản thân triết học mác xít bị đông cứng bởi những giáo điều và không phát triển được. Bằng chứng là không diễn ra quá trình phân ngành, hợp ngành và sự phát triển lũy thừa của tri thức và phương pháp. Ví dụ đơn giản là số lượng các phạm trù cơ bản của nó vẫn không tăng, giảm so với thời C.Mác, V.Lê-nin là mấy.

Những quan niệm và xu hướng trên rõ ràng không đúng với tinh thần và hoạt động khoa học và thực tiễn của C.Mác, Ph.Ăng-ghen, V.Lê-nin. Chính các ông đã liên tục nghiên cứu và tiếp thu những nhân tố hợp lý cả trong những trào lưu triết học quá khứ và đương thời, và coi triết học của mình như là một nhân tố trong đời sống tinh thần của thời đại. Triết học của các ông thực tế là đã vận động, phát triển trong sự thống nhất mâu thuẫn với các trào lưu triết học khác. Bởi vì, bất kỳ trường phái triết học nào thì cũng đều xuất phát từ con người thực tiễn với những hoạt động muôn vẻ của nó trong thế giới có con người. Đặc biệt, trong thế kỷ mà con người đang bị tha hóa bởi chủ nghĩa kỹ trị tư sản, các trào lưu triết học đều đã và đang cảm nhận một cách sâu sắc những vấn đề tồn tại và phát triển của con người. Triết học mác xít cũng như vậy. Hơn thế nữa, nó lại là triết học không chỉ giải thích, mà chủ yếu còn cải biến xã hội sao cho hợp quy luật. Vì thế, nó cần phải "làm bạn với tất cả" các trào lưu triết học khác theo lý tưởng nhân đạo vốn dồi dào ở nó. Trong quá trình đó, triết học mác xít dĩ nhiên sẽ không tự phủ định mình, mà giữ vững tính đảng triết học của mình, để tiếp thu tinh hoa nhân loại và tự vấn lại mình nhằm hòa nhập và phát triển không ngừng.

Bưu điện Việt nam...

(Tiếp theo trang 49)

ngành vượt lên phía trước, nó sẽ tạo ra một tác động tích cực tới toàn nền kinh tế, và có xu hướng kéo nền kinh tế vươn lên.

Tuy nhiên, ở đây lại nảy sinh *một số* vấn đề. *Thứ nhất*, nếu một vài ngành phát triển vượt lên "thái quá" thì sẽ gây ra sự mất cân đối cục bộ và có thể gây lãng phí do không được sử dụng hết công suất. *Thứ hai*, có khả năng chính sách chung áp dụng cho mọi ngành sẽ trở nên bất hợp lý đối với những ngành vượt lên trước, tạo ra một sự kìm hãm nào đó. *Thứ ba*, ở những ngành có điều kiện phát triển nhanh và sớm, bên cạnh thành quả đem lại cho đất nước, thì nội bộ các ngành đó cũng có thêm lợi ích về vật chất và tinh thần, lợi ích này có thể hơn so với các ngành khác. Từ đó có thể xuất hiện tâm lý *so sánh* và cách nhìn *lệch lạc*. Chẳng hạn có ý kiến yêu cầu xóa bỏ độc quyền kinh doanh của ngành bưu điện. Đây là điều rất hệ trọng vì Nhà nước ta độc quyền quản lý kinh doanh phục vụ bưu điện là bảo đảm huyết mạch kinh tế và an ninh quốc gia. Ở đây, vai trò điều tiết, cầm cương của Nhà nước là rất quan trọng. Cơ chế quản lý rất cần phải sớm hoàn thiện, ngày càng hợp lý hơn, để thúc đẩy mọi ngành cùng phát triển.

Qua mấy năm cố gắng hoạt động, ngành bưu điện đã đạt được những thành tích đáng khích lệ. Chỉ trong vòng 5 năm đã đầu tư được hàng trăm triệu đôla Mỹ và hàng trăm tỷ đồng Việt nam để phát triển mạng lưới thông tin liên lạc, lắp đặt hơn 50% tổng đài điện tử số trên tất cả các tỉnh thành, xây dựng nhiều tuyến vi ba số và đang xây dựng công trình cáp sợi quang $34^{M.bit/s}$ và vi ba số $140^{M.bit/s}$ nối liền Bắc - Nam dài gần 2000km. Tổng số doanh thu bưu điện năm 1992 đạt 826 tỉ 234 triệu đồng (tăng 71% so với năm 1991). Có thể nói Việt nam "đã vượt ra khỏi thời kỳ đen tối của viễn thông, với hệ thống điện thoại tự động, gọi trực tiếp ra nước ngoài" (1). Ngoài ra, Bưu điện Việt nam còn góp phần tích cực vào việc phá thế bao vây kinh tế của Mỹ và đóng góp nhiều công sức vào hoạt động cải thiện ngoại giao với các nước trên thế giới. Nhưng tất cả những kết quả, những thắng lợi đó, chỉ là bước đầu. Khó khăn vẫn đang ở phía trước. Trong giai đoạn "tăng tốc" từ nay đến năm 1995, ngành bưu điện còn phải tiếp tục nỗ lực hơn nữa để góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng một nước Việt nam giàu mạnh.

(1) Roi-tơ, 28-1-1993

Digitized by Google

Kỷ niệm 50 năm
Đề cương văn hóa Việt nam
(1943 - 1993)

ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM và chiến lược phát triển văn hóa trong giai đoạn mới

THÀNH DUY*

NHÂN kỷ niệm 50 năm *Đề cương văn hóa Việt nam* (1943 - 1993), tôi muốn nhìn lại quan điểm của Đảng ta về văn hóa và giá trị lịch sử của bản *Đề cương*, trên cơ sở đó nêu một vài suy nghĩ bước đầu về chiến lược phát triển văn hóa nước ta trong giai đoạn mới.

I - GIÁ TRỊ VÀ VAI TRÒ LỊCH SỬ CỦA ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM NĂM 1943

Để đánh giá giá trị và vai trò lịch sử của *Đề cương văn hóa Việt nam* 1943, chúng ta cần xuất phát từ hai căn cứ : 1 - Đặt bản đề cương vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể (năm 1943) và xem xét hiệu quả của nó đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng ; 2 - Từ quan niệm mới về văn hóa hôm nay để soi rọi những mặt tích cực và những mặt còn hạn chế của bản đề cương.

Giữa lúc đất nước sục sôi khí thế chuẩn bị cuộc Cách mạng Tháng Tám (năm 1945), Đảng ta đã công bố *Đề cương văn hóa*. Đây là một sự kiện rất trọng đại, một chủ trương sáng suốt, có ý nghĩa tập hợp lực lượng, đoàn kết những nhà văn hóa văn nghệ, những trí thức có khuynh hướng tiến bộ (trong và ngoài nước) nhằm phát huy tinh thần yêu nước, lòng khao khát tự do, mong muốn giải phóng dân tộc, giải phóng văn hóa khỏi những kìm kẹp của bọn thực dân, đế quốc. Sự tập hợp, đoàn kết đó không phải ở những lời kêu gọi, hiệu triệu mà bằng những nội dung rất cơ bản, thiết thực được thể hiện rõ trong bản đề cương.

a) Trước hết, đó là ý thức xem văn hóa là một trong những mục tiêu, động lực cơ bản trong ba mục tiêu của cách mạng : chính trị, kinh tế và văn hóa. Ngày nay, nói đến mối quan hệ khăng khít giữa chính trị, kinh tế và văn hóa thì thật dễ hiểu, không mấy ai không thấy văn hóa là quan trọng, là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhưng 50 năm trước đây có được quan niệm đúng đắn về vị trí của văn hóa trong sự nghiệp cách mạng của một dân tộc còn lạc hậu và yếu kém như dân tộc ta thật không dễ. Việc soạn thảo và công bố *Đề cương văn hóa*, và trong thực tế nó đã đi vào cuộc sống, trở thành nội dung cơ bản của đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng suốt 50 năm qua, trở thành động lực thúc đẩy sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta, nguồn cổ vũ trực tiếp cho giới trí thức nói chung, giới văn nghệ sĩ nói riêng đi theo kháng chiến, trung thành với sự nghiệp cách mạng - điều đó thật không dễ dàng có được nếu Đảng ta không có một tầm nhìn sáng suốt xuất phát từ một lý tưởng, niềm tin, phẩm giá và nhân cách, "vốn là quà tặng đích thực của một nền văn hóa" (lời phát biểu của ông Tổng giám đốc UNESCO trong buổi lễ phát động "Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa").

b) Từ chỗ ý thức được vị trí, vai trò văn hóa trong phát triển, Đảng ta thấy rõ sự *cần thiết phải tiến hành cuộc cách mạng văn hóa*. *Đề cương* đã nêu lên quan điểm cơ bản về cách mạng

* PGS, PTS văn học, Viện khoa học xã hội Việt nam

Digitized by Google

văn hóa trong mối quan hệ khăng khít với cách mạng chính trị và cách mạng kinh tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : Số phận dân ta ở trong tay ta, văn hóa phải soi đường cho quốc dân đi. Văn hóa không chỉ soi đường cho quốc dân khi đã có chính quyền mà còn soi đường cho quốc dân ngay trong lúc giành chính quyền. Điều đó cũng có nghĩa : chúng ta không nên đặt vị trí cuộc cách mạng nào trước, cuộc cách mạng nào sau, mà cần hiểu văn hóa trong mối quan hệ hữu cơ với tất cả các lĩnh vực khác trong tiến trình cách mạng Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta. Bởi thế, Hồ Chí Minh khẳng định : "Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em (văn nghệ sĩ - TD) là chiến sĩ trên mặt trận ấy". Người nói thêm : "Chắc có người nghĩ : Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào *chính trị*. Đúng lắm. Văn hóa, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị" [1]. Toàn bộ tư tưởng cơ bản về văn hóa nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng là tư tưởng cơ bản của *Đề cương văn hóa Việt nam* năm 1943, và chính Người là hình ảnh tượng trưng, tiêu biểu cho quan niệm mới về văn hóa trong quan hệ với phát triển.

c) Về nội dung, bản *Đề cương văn hóa Việt nam* năm 1943 nêu ba nguyên tắc : *dân tộc, khoa học, đại chúng*. Từ ba nguyên tắc trên, Đảng ta đề ra đường lối lãnh đạo văn hóa, văn nghệ một cách nhất quán.

Ba nguyên tắc dân tộc, khoa học, đại chúng cũng đồng thời là ba phương châm vận động văn hóa mới, hướng giới trí thức và văn nghệ sĩ vào những mục tiêu cơ bản của cách mạng, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với kháng chiến, yêu khoa học, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm kim chỉ nam cho hành động, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, gần gũi quần chúng lao động.

Nếu chỉ dừng lại ở ba nguyên tắc lớn mà *Đề cương* đề ra thì có thể nói, trước đây, hiện nay và sau này nữa sẽ không bao giờ sai, không thể phủ nhận được một nguyên tắc nào, bởi vì, đó là những nguyên tắc lớn mang tính khái quát cao, thể hiện đặc trưng và tính chất của bất cứ một nền văn hóa, văn nghệ chân chính nào.

Tuy nhiên, ngày nay nếu đi sâu vào việc nhận thức và vận dụng từng nguyên tắc trên vào hoạt động thực tiễn của đời sống văn hóa, văn nghệ nước ta, thì phải nói là bản *Đề cương* cũng bộc lộ những hạn chế nhất định. Sau khi đất nước được hoàn toàn độc lập và thống nhất, nhất là từ sau Đại hội VI của Đảng, khi đất nước ta bước sang thời kỳ mới với những chuyển biến sâu sắc và toàn diện, thì *Đề cương* càng tỏ ra không đáp ứng được yêu cầu phát triển của văn hóa, văn nghệ và sự nghiệp đổi mới nói chung. Đã đến lúc cần nhận thức lại một số phạm trù vốn được xem là phương tiện tư duy truyền thống khi nói đến những nguyên tắc lớn của *Đề cương*. Thiết nghĩ đó cũng là tất yếu, bởi lẽ cả những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội cũng đã và đang được nhận thức lại để hiểu đúng nội dung đích thực của nó và vận dụng đúng với hoàn cảnh cụ thể của nước ta trong bối cảnh thế giới đã thay đổi nhiều.

Ngay khái niệm văn hóa, như chúng ta đều biết, cho đến nay đã có hàng trăm định nghĩa khác nhau. Nhưng cả thế giới đang hướng tới một quan niệm mới về văn hóa, hiểu theo nghĩa rộng do UNESCO đưa ra trong dịp phát động "Thập kỷ thế giới phát triển văn hóa" (1988 - 1997). Văn hóa là "tổng thể các hệ thống giá trị bao gồm các mặt tình cảm, tri thức, vật chất, tinh thần của xã hội. Nó không chỉ là thuần túy bó hẹp trong các hoạt động sáng tác nghệ thuật, mà bao hàm cả phương thức sống, những quyền con người cơ bản, truyền thông, tín ngưỡng...". Cũng theo quan niệm của UNESCO thì "văn hóa và phát triển là hai mặt gắn liền với nhau"... "văn hóa cần coi mình là nguồn cổ xúy trực tiếp cho phát triển và ngược lại *phát triển cần thừa nhận văn hóa giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội*" [2]. Nếu theo quan niệm trên, chúng ta thấy bản *Đề cương văn hóa Việt nam* 1943 quả thực chưa bao quát được hết các mặt có liên quan đến phát triển. Điều đó cũng là lẽ đương nhiên. Không thể đòi hỏi một văn kiện ra đời cách đây 50 năm lại chính xác về mọi chi tiết.

II - MẤY SUY NGHĨ BƯỚC ĐẦU VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có nêu mục tiêu tư tưởng và văn hóa : Làm cho thế giới quan Mác - Lê-nin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chỉ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Kế thừa và phát

(1) Hồ Chí Minh : *Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận*, Nxb Văn học, 1981, tr 24

(2) Xem Tạp chí *Thông tin của UNESCO* (Le courrier de L'UNESCO) số tháng 2-1988, tr.5

Digitized by Google

huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người, với trình độ tri thức, đạo đức, thể lực và thẩm mỹ ngày càng cao. Trong phần nói về chính sách xã hội, *Cương lĩnh* còn viết : "Xây dựng nền văn hóa mới, tạo ra một đời sống tinh thần cao đẹp, phong phú và đa dạng, có nội dung nhân đạo, dân chủ, tiến bộ. Phát huy vai trò văn học nghệ thuật trong việc nuôi dưỡng, nâng cao tâm hồn Việt nam. Khẳng định và biểu dương những giá trị chân chính, bồi dưỡng cái chân, cái thiện, cái mỹ theo quan điểm tiến bộ, phê phán những cái lỗi thời, thấp kém...". Theo văn kiện nói trên, chúng ta có thể thấy, khái niệm văn hóa đã được mở rộng, vị trí văn hóa đã được khẳng định thêm một bước. Tuy *Cương lĩnh* không nhắc đến ba nguyên tắc dân tộc, khoa học, đại chúng nêu trong *Đề cương văn hóa*,nhưng những điều nói trong *Cương lĩnh* không mâu thuẫn gì với nội dung ba nguyên tắc đó. Vấn đề cốt lõi là ở cách hiểu nội dung chính xác của các phạm trù khoa học đó.

a) Trước hết, nói về phạm trù *dân tộc* và *tính dân tộc*. Có lẽ đây là vấn đề được nghiên cứu nhiều và ngày càng được khẳng định như một trong những thuộc tính quan trọng nhất của văn hóa, nghệ thuật. Ngay trong các văn kiện của Đảng và Nhà nước ta, phạm trù dân tộc cũng được đề cập một cách nhất quán từ khi có *Đề cương* đến nay, kể cả trong *Cương lĩnh* khi nói về xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng cũng nhắc đến yêu cầu : có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhưng hiểu như thế nào về *nội hàm* phạm trù dân tộc và tính dân tộc thì không phải lúc nào cũng giống nhau. Trước đây, trong *Đề cương*, nguyên tắc "dân tộc hóa" được giải thích là "chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt nam phát triển độc lập". Còn trong văn học, nghệ thuật thì có lúc "dân tộc" được xem là "hình thức" trong cặp phạm trù "nội dung xã hội chủ nghĩa" và "hình thức dân tộc". Từ sau Đại hội III của Đảng (1960) đến nay, phạm trù dân tộc được xác định lại, không còn là vấn đề hình thức đơn thuần, mà đã bao hàm cả nội dung, được gọi chung là tính chất dân tộc hoặc tính dân tộc. Đến lúc này, vấn đề "dân tộc tính" đã được thừa nhận như là thuộc tính của một nền văn hóa, văn nghệ. Khi nói đến bản sắc dân tộc, chúng ta cần hiểu khái niệm dân tộc trong mối quan hệ biện chứng với hiện đại, bao gồm việc đánh giá truyền thống văn hóa quá khứ, tiếp thu văn hóa nước ngoài và việc sáng tạo cái mới trên mọi lĩnh vực của văn hóa chứ không riêng văn học, nghệ thuật. Làm thế nào để giữ cho được bản sắc văn hóa dân tộc trong quá trình tiếp thu truyền thống và sáng tạo cái mới là việc đã được bàn nhiều và chắc chắn sẽ còn được tiếp tục bàn nữa, nhất là trong hoàn cảnh đổi mới và mở cửa như hiện nay. Song, điều cần khẳng định là : nếu để mất bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta sẽ mất tất cả, từ đạo lý, triết học, văn học, nghệ thuật đến tâm hồn, lối sống, tín ngưỡng... và nói chung, là nền văn hóa lâu đời của dân tộc sẽ không còn chỗ đứng trên thế giới. Do vậy, hơn bao giờ hết, việc khai thác, giữ gìn, phát triển và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc đang trở thành vấn đề thời sự ở ta. Nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn chung quanh việc giữ gìn và nâng cao bản sắc văn hóa dân tộc đã và đang được đặt ra. Trong phạm vi sáng tạo văn học, nghệ thuật, chúng ta cần nhớ lại ý kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người nói về bản chất nền văn hóa mới. Người nói : "Gốc của văn hóa mới, là dân tộc. Nếu dân tộc hóa mà phát triển đến cực điểm thì tức là tới chỗ thế giới hóa đó, vì lúc bấy giờ văn hóa thế giới sẽ phải chú ý đến văn hóa của mình, phải làm bạn với văn hóa mình, và văn hóa của mình sẽ chiếm được một vị trí ngang với các nền văn hóa thế giới. Mình có thể bắt chước những cái hay của bất cứ nước nào ở Âu Mỹ, nhưng điều cốt yếu là sáng tác. Mình đã hưởng cái hay của người thì mình cũng phải có cái hay cho người ta hưởng. Mình đừng chịu vay mà không trả" [3]. Những lời ngắn gọn mộc mạc và dễ hiểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh thiết tưởng đã nói lên một cách đầy đủ quan niệm dân tộc - hiện đại mà chúng ta cần tiếp tục kế thừa và phát huy khi xây dựng chiến lược văn hóa trong giai đoạn mới.

b) Về phạm trù *khoa học*, có lẽ ít được nhắc lại nhất, và hình như quan niệm về nguyên tắc này cũng khác nhau. Theo *Đề cương* thì "khoa học hóa" là "chống lại những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ". Nhưng thế nào là văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ, thì *Đề cương* lại chưa nói rõ. Do đó, mỗi người hiểu một cách. Có người hiểu

(3) Theo Hoài Thanh trong *Có một nền văn hóa Việt nam*, Hội văn hóa cứu quốc Việt nam xuất bản, Hà nội, 1946, tr 25

Digitized by Google

khoa học nói đây là chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, còn trong văn học nghệ thuật thì lấy chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa làm nền tảng. Hiểu như vậy không sai, nhưng chưa đủ. Thật ra thì khái niệm khoa học rất rộng, bao gồm cả khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và khoa học nhân văn. Đó là những quan điểm học thuật, nhưng đồng thời cũng là cơ sở văn hóa vật chất. Đó là những giá trị tinh thần biểu hiện sự sáng tạo của trí tuệ, nhưng đồng thời cũng thể hiện văn hóa ứng xử với tự nhiên và môi trường sống, môi trường sinh thái. Theo quan điểm *mới* về văn hóa thì khoa học là một *thuộc tính* hết sức quan trọng, không thể nói văn hóa mà không nói khoa học. Với tư cách là hiện tượng văn hóa, khoa học có vị trí bao trùm toàn bộ các nhân tố nội sinh của phát triển. Quá trình hiện đại hóa đất nước nhằm theo kịp các nền văn minh nhân loại chỉ có thể diễn ra trên cơ sở tiếp nhận khoa học hiện đại và công nghệ tiên tiến. Bản thân khoa học là hiện tượng văn hóa, nhưng việc nắm bắt và vận dụng khoa học và công nghệ vào điều kiện cụ thể của đất nước cũng là một hiện tượng văn hóa mà không phải bao giờ chúng ta cũng ý thức được và có quan điểm giống nhau. Chính vì vậy, trong chiến lược phát triển văn hóa, nhất là trong bối cảnh thế giới đang bước vào ngưỡng cửa của nền văn minh mới, chúng ta không thể xem nhẹ vị trí khoa học cũng như vai trò văn hóa trong thái độ ứng xử với khoa học. Về phương diện khoa học tự nhiên, khoa học công nghệ có thể chúng ta dễ chấp nhận. Nhưng đối với khoa học xã hội và khoa học nhân văn thì vấn đề trở nên phức tạp, tế nhị và đòi hỏi phải thận trọng. Đối với chúng ta, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động như Nghị quyết Đại hội VII của Đảng khẳng định. Nhưng điều đó không có nghĩa là khoa học đồng nghĩa với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong văn học, nghệ thuật, cũng không chỉ có chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp sáng tác tốt nhất và duy nhất. Ngày nay, điều đó đã quá rõ ràng, nhưng trước đây nhận chân cho được ý nghĩa của nguyên tắc khoa học hóa trong *Đề cương* quả không đơn giản. Nguyên nhân trên một phần do chúng ta còn hiểu quá hẹp khái niệm văn hóa, nhưng phần quan trọng hơn có lẽ là do chúng ta chưa có chính sách mở cửa như hiện nay. Trong nhiều thập kỷ, các lĩnh vực khoa học, kể cả khoa học xã hội và khoa học nhân văn phát triển rất mạnh mẽ, tạo nên những nấc thang trí tuệ mới, bước sang thế kỷ văn minh mới, trong khi đó chúng ta thiếu một chính sách tiếp cận với cái mới từ bên ngoài, làm cho tình trạng văn hóa ở ta vốn nghèo nàn, lạc hậu, càng thêm trì trệ. Phải chăng cũng vì thế mà ngay hiện nay chúng ta còn tỏ ra lúng túng trong chính sách đổi mới văn hóa, mở cửa về khoa học ?

Chung quanh nguyên tắc "khoa học hóa" còn nhiều vấn đề cần bàn. Điều cần khẳng định là trong chiến lược xây dựng nền văn hóa mới đừng bao giờ quên nguyên tắc khoa học hóa trong *Đề cương văn hóa Việt nam* năm 1943.

c) Về nguyên tắc "đại chúng hóa" trong *Đề cương* chỉ được nói một cách đơn giản là "chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng". Sau này, trong quá trình vận dụng và phát triển, các văn kiện của Đảng và Nhà nước ta ít nói đến nguyên tắc đại chúng mà thường dùng khái niệm *tính nhân dân*. Còn trong *Cương lĩnh* thì tính nhân dân cũng không được nhắc lại nữa mà thay vào đó là nội dung *nhân đạo, dân chủ, tiến bộ*. Quá trình chuyển hóa các thuật ngữ khoa học cho thích hợp với thực tế mỗi thời kỳ cũng là việc tự nhiên, thường thấy và dễ hiểu. Điều cần nói ở đây là nội dung *khoa học* của các khái niệm. Trong các khái niệm từ đại chúng đến nhân dân, dân chủ, nhân đạo... tuy có khác nhau, song đều thể hiện nguyên tắc có tính mục đích, thể hiện bản chất giai cấp của nền văn hóa mới. Nền văn hóa đó *của ai, vì ai, phục vụ ai* ? Điều này càng cần được khẳng định trong giai đoạn hiện nay khi mà các thế lực thù địch đang thúc đẩy một cuộc "xâm lăng mới về văn hóa" theo chiến lược diễn biến hòa bình phá hoại các dân tộc.

Tóm lại, ba nguyên tắc *dân tộc, khoa học, đại chúng* nêu trong *Đề cương văn hóa Việt nam* năm 1943 có giá trị vô cùng to lớn, và trong thực tế nó đã trở thành động lực phát triển của nền văn hóa, văn nghệ nước ta trong nhiều thập kỷ qua. Ngày nay chúng ta cần kế thừa và phát huy, phát triển những nguyên tắc đó. Vấn đề là cần nhận thức đúng nội dung *đích thực* của nó và vận dụng, phát triển những nguyên tắc cơ bản ấy trong bối cảnh mới để tiến tới xây dựng một chiến lược phát triển văn hóa trong chiến lược xây dựng con người Việt nam mới.

Digitized by Google

MẤY QUAN ĐIỂM LỚN VỀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

HOÀNG ĐẠT*

Thị trường và chủ nghĩa xã hội là những vấn đề lý luận và thực tiễn rất phức tạp. Riêng về thị trường đã có nhiều ý kiến khác nhau. Trong phạm vi bài viết này, xin chỉ nêu một số quan điểm lớn về phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.- Quan điểm về lựa chọn kinh tế thị trường.

Thị trường là thành tựu chung của văn minh nhân loại. Lựa chọn kinh tế thị trường là *tất yếu để phát triển kinh tế hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Về *nhận thức lý luận*, hiện có hai trường phái khác nhau xung quanh vấn đề lựa chọn kinh tế thị trường. Phần lớn các học giả phương Tây và các trường phái cải cách kinh tế hiện có tiếng nói có trọng lượng trong chính phủ các nước Đông Âu thì cho rằng thị trường là thị trường, không cần phân biệt nó là xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa. Trên thực tế, các lời khuyên và các biện pháp mà họ đề xuất là dựa theo mô hình phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa, trong đó "tư nhân hóa " được cổ vũ mạnh mẽ và các biện pháp "sốc" được đề cao.

Các nhà kinh tế Trung quốc thì phê phán nhận thức phiến diện về kinh tế thị trường, phê phán thái độ coi trọng điều tiết thị trường mà xem nhẹ kế hoạch hóa. Họ cho rằng, kinh tế hàng hóa *xã hội chủ nghĩa* là giai đoạn lịch sử *đặc thù* của kinh tế hàng hóa. Kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa lấy chế độ *công hữu* làm cơ sở, khác với kinh tế hàng hóa trước đó lấy chế độ *tư hữu* làm cơ sở. Do vậy, tính kế hoạch của kinh tế xã hội chủ nghĩa phải được xem là yêu cầu của xã hội hóa nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa (1).

Từ thực tiễn đổi mới kinh tế ở nước ta trong những năm qua, nhất là từ sau Đại hội VI của Đảng, tôi cho rằng, cả hai cách nhận thức nói trên đều có những khía cạnh không phù hợp. Theo tôi, về *lý luận*, cần khẳng định, có *hai* loại thị trường : thị trường *tư bản chủ nghĩa* và thị trường *xã hội chủ nghĩa*.

Trên thực tế, nhờ chuyển sang kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, chúng ta đã đạt được những thành tựu bước đầu về kinh tế, xã hội. Bằng những phương tiện của riêng mình và những phương tiện mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được (như thị trường, cạnh tranh, lợi nhuận, sở hữu tư nhân), chúng ta đã phát triển được nền kinh tế theo mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, giải phóng được lực lượng sản xuất, điều kiện tuyệt đối cần thiết để khai thác mọi tiềm năng, tạo nên sức bật cho nền kinh tế.

Về thị trường ở nước ta, có lúc đã có sự phân biệt theo kiểu duy ý chí giữa "thị trường có tổ chức" và "thị trường tự do". Trong mô hình gọi là "thị trường có tổ chức", tổng thể các yếu tố cấu thành thị trường (như quan hệ tiền - hàng, quan hệ mua - bán, quan hệ cung - cầu, giá cả hàng hóa...) cùng môi trường hoạt động, động lực vận động và các quy luật vận hành của nó, đều bị cơ chế "giao nộp, cấp phát, mua theo lệnh, bán theo lệnh" làm cho bị biến dạng, không còn là các yếu tố khách quan. Như vậy, cùng với việc chuyển sang kinh tế thị trường, không thể không trả lại cho thị trường toàn bộ các yếu tố khách quan nói trên để nền kinh tế có thể vận động thực sự theo các quy luật khách quan của sản xuất và lưu thông hàng hóa. Thông qua các yếu tố như cung - cầu, giá cả, sức mua của đồng tiền, thị trường sẽ điều tiết sản xuất kinh doanh theo hướng bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội là tiêu chuẩn quan trọng nhất của sự phát triển thị trường.

Thực tế cho thấy, việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở nước ta đã làm cho sản xuất, lưu thông phát triển, tạo ra được hệ thống lợi ích hợp với quy

* Giáo sư, Viện trưởng Viện kinh tế kỹ thuật thương mại, Bộ thương mại.

(1)Xem tạp chí *Thông tin lý luận* số 8-1992, tr. 34

Digitized by Google

luật khách quan của kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Đúng là những thay đổi bắt đầu từ sự đòi hỏi có những tháo gỡ cho cơ sở (vi mô), nhưng thành tựu đạt được của những tháo gỡ lại đã thúc đẩy quản lý vĩ mô của nhà nước tiến những bước dài sang cơ chế thị trường. Thành tựu lớn nhất là giải phóng thị trường, giá cả ; bước đầu hình thành các loại thị trường khác bên cạnh thị trường hàng hóa. Bằng tiềm lực kinh tế dự trữ của nhà nước, chúng ta đã từng bước điều tiết được giá cả trên thị trường. Như vậy, lựa chọn mô hình kinh tế thị trường để phát triển kinh tế hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn đúng đắn.

2 - **Quan điểm về xây dựng các chủ thể tự chủ kinh doanh với các doanh nghiệp nhà nước được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực then chốt.**

Cốt lõi của vấn đề xây dựng các chủ thể tham gia thị trường là thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước đây, chúng ta đã đồng nhất thành phần kinh tế với phương thức sản xuất, xem kinh tế quốc doanh là đặc trưng cho chủ nghĩa xã hội, nên đã quốc doanh hóa một cách tràn lan ; mặt khác, lại thu hẹp quy mô và cơ cấu các thành phần kinh tế khác.

Tư tưởng *giải phóng* và *phát triển* của chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đòi hỏi phải xem sự tồn tại và phát triển khách quan, tính *đa dạng* của các thành phần kinh tế trong thời kỳ quá độ, là *đặc trưng nổi bật* của thời kỳ chuyển tiếp từ một nền sản xuất chủ yếu là sản xuất nhỏ đi lên sản xuất hiện đại.

Quá trình xã hội hóa hiện thực nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa không phải là quá trình thực hiện công hữu hóa một cách phổ biến theo đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà là quá trình thực hiện nó trong một thời gian dài với nhiều bước quá độ. Mục đích cuối cùng là nền kinh tế phát triển theo quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội, phục vụ mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Trong chủ nghĩa tư bản, nhà nước cũng tham gia vào hoạt động kinh tế và quản lý xã hội, vì vậy ở các nước tư bản đều có khu vực kinh tế quốc doanh. Khu vực này có tỷ trọng khác nhau tùy theo điều kiện cụ thể của từng nước, và có xu hướng giảm dần tỷ trọng để nâng cao hiệu quả. Thiết nghĩ, ở nước ta cũng cần quan tâm đến khu vực này, củng cố và phát triển nó trong những ngành và lĩnh vực then chốt. Tất nhiên, phát triển kinh tế quốc doanh phải dựa trên tiêu chuẩn hàng đầu là *hiệu quả*, hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Đồng thời, kinh tế quốc doanh phải đóng vai trò nòng cốt trong quan hệ hợp tác, liên kết với các thành phần kinh tế khác.

Kinh tế quốc doanh ở ta trước đây vốn được chế độ bao cấp nuôi dưỡng và che chắn, khi chuyển sang cơ chế thị trường lại phải đương đầu với môi trường cạnh tranh có phần hỗn loạn, với môi trường kinh tế và luật pháp chưa đầy đủ, với chính sách thiếu đồng bộ, nên nó có yếu kém thì cũng là điều dễ hiểu. Nhưng từ thực tế đó đã có người nghĩ rằng cần tư nhân hóa *triệt để* kinh tế quốc doanh. Nghĩ như vậy, theo tôi, là không phù hợp với lý luận cũng như thực tiễn nước ta.

Con đường tháo gỡ *cơ bản* và *lâu dài* cho đại bộ phận các doanh nghiệp nhà nước là *chuyển hóa về quy mô tổ chức*. Để thực sự là đơn vị tự chủ kinh doanh có hiệu quả, phần lớn doanh nghiệp nhà nước chỉ nên có quy mô *vừa* và *nhỏ*. Việc chuyển hóa về quy mô tổ chức thông qua con đường cổ phần hóa, sẽ góp phần thúc đẩy quá trình chuyển hóa sở hữu ở các doanh nghiệp nhà nước.

Cũng cần thống nhất quan niệm về sự *bình đẳng* giữa các thành phần kinh tế. Trên thị trường, dù là kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể hay kinh tế cá thể, đều phải hoạt động theo quy định của pháp luật. Hiện nay, do hệ thống luật ở ta còn chưa hoàn chỉnh, nên hầu hết mọi thành phần kinh tế đều ở trong thế, cạnh tranh không bình đẳng. Nói các chủ thể tham gia thị trường đều bình đẳng trước pháp luật, không có nghĩa là các chủ thể đều có vị trí như nhau trên thị trường. Điều cần lưu ý là không nên quá ưu ái các doanh nghiệp nhà nước, dẫn đến tình trạng bao cấp như trước đây. Đương nhiên, vẫn cần hỗ trợ các chủ thể sản xuất, kinh doanh các mặt hàng thuộc diện chính sách xã hội, các nhu yếu phẩm cho đồng bào miền núi. Mặt khác, cũng cần hỗ trợ một số doanh nghiệp nhà nước về tài chính và tín dụng để có được những dự trữ khi cần có thể can thiệp vào thị trường nhằm ổn định giá cả.

Digitized by Google

3 - Quan điểm về nhà nước quản lý thị trường

Cho đến nay, không có ý kiến khác nhau nào đáng kể về vai trò quản lý vĩ mô của nhà nước đối với thị trường. Ngay ở các nước tư bản phát triển, sự can thiệp của nhà nước vào thị trường cũng được coi trọng. Trong thực tế, không còn thị trường tự điều tiết hoàn toàn, như A-đam Xmít mường tượng trước đây. Phần lớn các nền kinh tế hiện đại phát triển theo mô hình kinh tế hỗn hợp, là nền kinh tế trong đó sự can thiệp của nhà nước được áp đặt trên hệ thống được xây dựng theo nguyên tắc thị trường (2).

Trong mô hình kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vai trò quản lý của nhà nước càng quan trọng. Điều đó, bắt nguồn từ bản chất nhà nước xã hội chủ nghĩa là của dân, do dân và vì dân, mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh đều nhằm bảo đảm mục tiêu và lợi ích của toàn xã hội.

Để phát huy hiệu lực quản lý của nhà nước trong điều kiện mới, theo tôi, cần giải quyết mấy vấn đề cơ bản :

Một là, từ bỏ quan niệm nhà nước trực tiếp làm kinh tế. Đây là quan niệm bắt nguồn từ mô hình chế độ sở hữu toàn dân đóng vai trò gần như độc tôn trong xã hội. Với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần bao gồm nhiều loại hình sở hữu, rõ ràng giới hạn tác động trực tiếp của nhà nước phải thu hẹp, và nhà nước với tư cách là thể chế chính trị, không thể hoạt động như một bộ máy sản xuất. Với tư cách là người đại diện cho lợi ích của toàn xã hội, nhà nước cần tập trung chủ yếu vào việc *định hướng, điều hòa* các lợi ích trong nền kinh tế cho phù hợp với các mục tiêu chung của toàn xã hội. Thông qua các chính sách, công cụ và biện pháp kinh tế mà xử lý các mâu thuẫn nảy sinh giữa các chủ thể tham gia thị trường, cũng như giữa họ và nhà nước.

Hai là, cần phân biệt rạch ròi giữa quản lý *nhà nước* và quản lý *kinh doanh*. Quản lý nhà nước mang tính toàn xã hội và tính quyền lực (bằng pháp luật, thông qua hệ thống quan hệ thứ bậc hành chính). Vì vậy, nhà nước phải tập trung điều tiết các quan hệ tổng thể và tạo khuôn khổ thể chế cho các tổ chức sản xuất kinh doanh là những đơn vị tự chủ, hoạt động theo luật và chịu sự kiểm tra giám sát về chấp hành luật pháp của nhà nước.

Ba là, quản lý nhà nước cũng như các hoạt động quản lý nói chung, phải phù hợp với đối tượng quản lý. Đối tượng quản lý ở đây là thị trường, nhưng là thị trường chưa hoàn chỉnh. Bên cạnh sự sống động và phong phú, thị trường hiện nay cũng đặt ra hàng loạt vấn đề (kinh tế ngầm, nạn buôn lậu, tình trạng chạy theo lợi nhuận bằng bất kỳ giá nào, sự phân hóa xã hội nhanh chóng...) phải giải quyết. Vì vậy, đi đôi với việc sử dụng các công cụ kinh tế và luật pháp, cần đề cao vai trò tổ chức, hướng dẫn của các cơ quan nhà nước. Bởi vì, như thực tế cho thấy, không phải mọi vi phạm đều có thể trừng trị theo pháp luật.

Để nhà nước quản lý thị trường có hiệu quả, về *lập pháp*, cần xây dựng và từng bước hoàn chỉnh một hệ thống luật pháp đồng bộ và thống nhất. Trước mắt, cần gấp rút xây dựng *Luật thương mại*. Về *hành pháp*, cần bảo đảm tính liên tục và thống nhất của quyền lực nhà nước ; có sự phân công, phối hợp tối ưu về mặt tổ chức, bảo đảm các quan hệ dọc và ngang, giảm đến mức thấp nhất các cấp và đầu mối trung gian. Về *tư pháp*, cần bảo đảm hiệu lực của pháp luật, bảo đảm việc xét xử phù hợp với cơ chế thị trường và với chủ trương phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm công lý và bình đẳng. Cần sớm thiết lập các cơ quan tài phán về kinh tế như tòa án kinh tế hoặc tòa án thương mại thay cho hệ thống trọng tài kinh tế rất kém hiệu lực hiện nay. Cần có các tòa án hành chính để xử lý các tranh chấp giữa công dân với cơ quan hành chính. Cũng cần từng bước xây dựng hệ thống các cơ quan tư pháp (như cơ quan công chứng, giám định, đoàn luật sư, cơ quan phát mại, đấu giá, v.v.) để hỗ trợ cho hoạt động xét xử.

---

(2) Xem Macolm Gillis Dwight H. Perkins, Michael Roemer, Donald R. Snodgrass : *Kinh tế học của sự phát triển*, Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Trung tâm thông tin tư liệu, năm 1990, tl, tr 190

Digitized by Google

CẢI TIẾN VIỆC XÂY DỰNG VÀ SỬ DỤNG CÁC VĂN BẢN QUẢN LÝ

NGUYỄN VĂN THÂM*

I

TRONG một tương lai lâu dài, các hệ thống văn bản sẽ còn là phương tiện thiết yếu của hoạt động quản lý. Bất cứ nhà quản lý hành chính nào, bất cứ một cơ quan nào cũng phải đối mặt với các hệ thống văn bản đặt ra trong thực tế.

Văn bản và các hệ thống của nó luôn luôn ảnh hưởng đến nhận thức của các nhà quản lý về cả tính liên tục và tính không liên tục trong hoạt động của các cơ quan trên những địa bàn và lĩnh vực khác nhau, cũng như ngay trong cùng một lĩnh vực nhất định. Chúng có khả năng tạo nên những tình huống khác nhau trong quản lý nhà nước, mở rộng hay thu hẹp quan hệ giữa các nhà quản lý, giữa nhà nước và nhân dân. Các nhà quản lý phải quan tâm đến không chỉ các văn bản đang hình thành hiện nay mà cả các thông tin văn bản đã có từ trước, không chỉ văn bản của một hệ thống mà cả văn bản của nhiều hệ thống liên quan đến công việc của mình, của cơ quan mình. Họ dùng văn bản để nối cánh tay của mình ra toàn bộ hệ thống quản lý đang hoạt động. Văn bản là cơ sở cho các nhà quản lý kiểm tra công việc của cấp dưới, và là bức thông điệp tin cậy để gửi cho tương lai về những gì đã làm được.

Thế nhưng, cái phương tiện thiết yếu ấy lại dễ dàng bị bỏ qua nhất trong nghiên cứu đổi mới hoạt động quản lý nhà nước. Trong công việc bộn bề hằng ngày ở hàng loạt cơ quan, dường như việc soạn thảo và xử lý văn bản lại được xem là thứ yếu, dễ bị xếp vào công việc có tính sự vụ, không có tính chiến lược. Lại nữa, cho dù đã có một số văn bản hướng dẫn của nhà nước được ban hành từ nhiều năm nay, nhưng có rất ít cơ quan chú ý thực hiện đúng những quy định đó. Việc tổng kết, đánh giá những tồn tại trong lĩnh vực soạn thảo và xử lý văn bản không được mấy cơ quan làm tốt. Chưa có mấy cơ quan xem xét đầy đủ những tác hại do tình trạng văn bản không tốt mang lại cho hoạt động của cơ quan mình. Người ta cho rằng, trong cuộc sống hằng ngày còn biết bao việc cấp bách hơn phải giải quyết, tỷ như nghèo đói và thất nghiệp, giáo dục xuống cấp, buôn lậu và tham nhũng... So với những vấn đề như vậy thì vấn đề văn bản quả nhiên chưa là gì để phải quan tâm, bởi lẽ nó chưa phải là việc "chết người". Vì vậy mà còn rất ít tiếng nói khả dĩ có trọng lượng để nói lên rằng nhiều vấn đề nóng bỏng của đời sống hôm nay đang nổi cộm chưa giải quyết được đều có liên quan, thậm chí có nguồn gốc từ các văn bản ban hành không đúng của các cơ quan lập pháp cũng như hành pháp, từ các chữ ký thiếu trách nhiệm của nhiều cán bộ lãnh đạo và quản lý. Cứ như thế, nhiều văn bản được cho ra đời tùy tiện, sai thể thức, sai quy chế, văn phong không chuẩn mực, rất kém tác dụng trong quản lý nhà nước và quản lý sản xuất, kinh doanh, vẫn hằng ngày chạy từ cơ quan này đến cơ quan khác, nằm trên bàn của các nhà lãnh đạo và quản lý các cấp để rồi lại bị quên đi nhanh chóng trong công việc bộn bề. Chính các nhà lãnh đạo và quản lý, chính bộ máy quản lý nhà nước đang tự làm xấu đi phương tiện làm việc thiết yếu của mình, đang chìm ngập trong biển giấy tờ mà trong đó có nhiều giấy tờ vô dụng, nhưng lại thiếu các văn bản chuẩn mực làm chỗ dựa cho công việc hằng ngày.

Một trong những điều đáng lo ngại nhất hiện nay về văn bản của chúng ta, theo tôi, đó là tính *lệch pha* giữa các hệ thống văn bản. Điều đó đang làm rối loạn mọi định hướng sử dụng văn bản trong các cơ quan từ trung ương đến địa phương. Xin nêu vài ví dụ :

Các văn bản hướng dẫn về kế hoạch hóa gia đình đều nói rằng để tránh bùng nổ dân số, mỗi gia đình chỉ nên có từ 1 đến 2 con. Nhưng các văn bản hướng dẫn giao ruộng đất cho nông dân sử dụng ở nhiều địa phương lại quy định rằng gia đình nào có đông nhân khẩu thì được phép nhận nhiều đất, dù rằng sinh thêm con thứ 3 có thể bị phạt tiền. Đó là sự lệch pha trong hai hệ thống khác nhau cùng tác động lên một đối tượng. Người nông dân đầy thông minh và thực tế sẽ biết tránh một pha không có lợi cho quyền lợi trước mắt của mình. Khi đó quốc sách giảm tỷ lệ tăng dân số chỉ còn là điều ghi trên giấy.

* Tiến sĩ khoa học lịch sử, Trường đại học tổng hợp Hà nội

Digitized by Google

Một ví dụ khác. Văn bản của các cơ quan trung ương có chức năng thực hiện chính sách hậu phương quân đội quy định rằng tiền thương tật của thương binh được trả theo mức độ thương tật và phải được Bộ lao động, thương binh và xã hội phê duyệt. Nhưng nhiệm vụ kiểm tra thương tật và trực tiếp trả tiền lại giao cho các địa phương thực hiện. Các địa phương đã tự quy định cách giải quyết cụ thể theo thực tế của địa phương mình. Sự lệch pha xuất hiện giữa văn bản của trung ương và văn bản của địa phương ; giữa văn bản của các địa phương khác nhau đối với cùng một đối tượng quản lý và trong cùng hệ thống. Hậu quả của vấn đề này thật tai hại. Có đối tượng được trả tiền cao mà thương tật thực ra lại ít ; có người đã không nhận tiền từ lâu mà danh sách phê duyệt vẫn còn ; có người đáng được trợ cấp nhưng lại không được, v.v.. Hàng tỷ đồng đã chi không đúng đối tượng. Thế là một chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước đã bị hạn chế tác dụng.

Một ví dụ gần đây. Nghị định số 66/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng ngày 02-3-1992 quy định rằng UBND huyện, quận được giao quyền ra quyết định cấp giấy phép kinh doanh cho các cá nhân và nhóm kinh doanh có vốn thấp hơn vốn pháp định quy định tại Nghị định số 221-HĐBT của Hội đồng bộ trưởng. Nhưng cho đến nay đã có không ít cơ quan tự ra văn bản thành lập các tổ chức kinh doanh nhỏ của ngành mình. Họ vay tiền để kinh doanh và biến mất cùng với sự giải thể của cơ quan chủ quản. Sự lệch pha trong văn bản ở đây đã làm cho chỉ riêng ở Hà nội đang có hàng trăm tỉ đồng tiền nợ mà không có con nợ cụ thể, chủ nợ chỉ đành trông vào các cơ quan chức năng nhà nước giúp thu hồi.

Hoặc mới đây nhất, thực hiện chủ trương chống hàng nhập lậu, cả hai Bộ tài chính và Bộ thương mại đều có thông tư hướng dẫn kê khai các mặt hàng cấm nhập, nhưng Bộ tài chính kê 10 loại, còn Bộ thương mại lại kê 17 loại. Vậy thì cấp dưới thực hiện biết theo bộ nào ? Có thể nêu hàng loạt ví dụ tương tự ở nhiều ngành khác nữa.

Như thế là có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự lệch pha của các hệ thống văn bản quản lý và sự biểu hiện của chúng rất đa dạng. Có thể đó là sự lệch pha giữa hệ thống văn bản của trung ương và văn bản của các địa phương ; giữa văn bản của Đảng và văn bản của Nhà nước trong quá trình chỉ đạo công tác cụ thể. Đôi khi có sự lệch pha do văn bản ban hành chậm và thiếu chính xác bị thực tế phủ nhận và người ta buộc phải ra văn bản mới để điều hành công việc, v.v.. Vô luận thế nào thì đó cũng là một thực tế đã và đang ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của bộ máy quản lý, gây ra nhiều hậu quả không nhỏ về kinh tế, chính trị và xã hội mà chúng ta không thể bỏ qua được.

II

KHI xem xét mối quan hệ giữa các văn bản và tổ chức hoạt động của các cơ quan nhà nước cũng như của các tổ chức xã hội khác, có thể nói rằng các cơ quan, tổ chức là những cỗ máy đang vận hành mà qua đó văn bản thể hiện chức năng của mình góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Vừa là phương tiện, vừa là sản phẩm của hoạt động quản lý, văn bản đòi hỏi phải có những chuẩn mực nhất định trong quá trình xây dựng và sử dụng chúng.

Chất lượng của văn bản dĩ nhiên lệ thuộc vào nhiều yếu tố nhưng không thể không tính đến quy trình soạn thảo chúng trong thực tế. Thiếu các quy trình chuẩn trong soạn thảo văn bản ở các cơ quan quả thật đã góp phần làm tăng thêm sự lệch pha của các hệ thống văn bản xét trên phương diện là hình thức chủ yếu của việc truyền đạt các quyết định quản lý. Chẳng hạn, để triển khai một chủ trương chung của Chính phủ, có bộ gửi bản sao văn bản của Chính phủ cho các cơ quan liên quan, kể cả cho địa phương ; có bộ ra một văn bản chỉ đạo. Ở các tỉnh cũng thực hiện tương tự như vậy, nhưng phổ biến là sao lục gửi cho cấp huyện và các sở. Đối với văn bản hướng dẫn thì có nơi dùng quyết định, có nơi dùng thông tư, có nơi ra thông báo, v.v.. Các chế tài hành chính quy định trong văn bản hướng dẫn lại càng khác nhau, có khi không quy định gì. Chúng ta thấy ngay ở đây nguồn gốc ban đầu của sự lệch pha trong các hệ thống văn bản chính là những quan niệm không thống nhất, thiếu tính định hướng từ các cơ quan có thẩm quyền về cách sử dụng văn bản quản lý để điều hành công việc, về đánh giá ý nghĩa của các văn bản khi sử dụng chúng, và kèm theo đó là việc soạn thảo không theo một quy trình nào cả. Nói cách khác, chỉ quan tâm đến nội dung công việc mà quên đi phương tiện làm việc để thực hiện nội dung đó cần phải như thế nào.

Thật ra, những quy định về soạn thảo và xử lý văn bản để đảm bảo tính thống nhất của chúng về chức năng cũng như về hiệu lực pháp lý, không phải hoàn toàn không có từ trước đến nay. Tuy nhiên, vì thiếu kiểm tra chặt chẽ và đặc biệt là thiếu sự quan tâm của chính người làm văn bản mà dần

Digitized by Google

dần những quy định của nhà nước bị lãng quên. Cũng chưa hề có trường hợp nào bị xem là không hoàn thành nhiệm vụ quản lý và lãnh đạo, khi không tuân thủ những quy định về văn bản. Thật lạ lùng khi chúng ta chỉ kêu gọi sự quan tâm chứ không đặt ra trách nhiệm cho các nhà quản lý và lãnh đạo đối với văn bản. Chúng ta thực sự đã thấy lo sợ trước một bộ máy quản lý nhà nước cồng kềnh, kém hiệu lực với các phương tiện ít hiệu quả, nhưng chắc gì đã có nhiều người lo lắng khi đặt vào vị trí quản lý và lãnh đạo những cán bộ không có hiểu biết đầy đủ về văn bản và quản lý, mà cũng không đòi hỏi họ phải học tập nghiêm túc. Chính cách bố trí cán bộ như vậy đang là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý của chúng ta ngày càng kém cỏi hơn, nó đặc biệt bộc lộ rõ trong cơ chế thị trường hiện nay khi văn bản đòi hỏi phải được soạn thảo thật chính xác và phải được xử lý kịp thời dù khối lượng nhiều đến mấy.

Về việc tiêu chuẩn hóa văn bản quản lý hiện nay hầu như chúng ta còn chưa đặt ra. Cũng như đối với quy trình ban hành văn bản, các nhà quản lý không mấy bận tâm đến mẫu một văn bản chuẩn mực phải như thế nào. Vấn đề chọn văn phong cho văn bản như thế nào cũng chỉ được xem là vấn đề phụ. Thậm chí văn bản không có số, ký hiệu, ngày tháng vẫn được ban hành. Điều này chỉ thấy ở nước ta trong thời gian vừa qua, thế giới không thấy có, mà ông cha ta trước kia cũng không làm tùy tiện như vậy. Các loại văn bản xưa như chiếu, biểu, cáo, hịch, v.v.. đều được quy định rất chặt chẽ về đối tượng sử dụng cũng như văn phong. Ai cố tình làm sai sẽ bị phạt theo luật hình.

Tiêu chuẩn hóa văn bản không chỉ làm cho quá trình biên soạn thuận lợi thêm, mà quan trọng hơn là sự thống nhất trong văn bản sẽ tạo nên sự chặt chẽ khi sử dụng vào hoạt động quản lý. Tính văn hóa của văn bản sẽ được nâng cao.

Khi đặt vấn đề nghiên cứu để thực hiện tiêu chuẩn hóa văn bản, chúng ta có nhiều nhiệm vụ cụ thể phải giải quyết. Ví dụ, cần nghiên cứu để tiêu chuẩn hóa cách trình bày từng loại văn bản cụ thể, quy định cụ thể và thống nhất tên loại và tính chất các loại văn bản quản lý cũng như cách thức sử dụng chúng, nghiên cứu văn phong và ngôn ngữ văn bản hành chính, v.v.. Đó không chỉ là nhiệm vụ của riêng các nhà quản lý, thậm chí cũng không phải là nhiệm vụ chính của họ. Ở đây cần nhấn mạnh đến vai trò của các nhà văn bản học, các cán bộ pháp lý, cũng như vai trò của các cơ quan chức năng trong việc giải quyết những nhiệm vụ nói trên. Cần phải xây dựng những văn bản pháp luật về lĩnh vực này, thể chế hóa những quy định về ban hành văn bản. Bằng những biện pháp cụ thể dựa trên những quy định chặt chẽ về pháp lý với một đội ngũ cán bộ được huấn luyện ở những mức độ cần thiết, chúng ta hoàn toàn có thể khắc phục các hạn chế và những sai sót của các hệ thống văn bản quản lý hiện nay.

III

Có thể đặt ra một câu hỏi như sau : các văn bản quản lý trên thực tế đã được soạn thảo dựa vào đâu ? Chúng được xử lý như thế nào ở các cơ quan trong thời gian qua ? Kết quả khảo sát ở nhiều cơ quan mà chúng tôi tiến hành trong nhiều năm liền cho thấy : vì không được huấn luyện và đào tạo một cách đầy đủ, cán bộ của chúng ta thường soạn thảo và thực hiện việc xử lý văn bản theo kinh nghiệm của bản thân, hoặc dựa vào những hướng dẫn cũ còn lại. Những kinh nghiệm cũ và các tài liệu hướng dẫn có được thường thiếu tính hệ thống. Điều đó đã để lại dấu ấn khá rõ vào thực tế hình thành các văn bản mà trên đây chúng tôi đã đề cập đến. Có thể nói một cách không quá đáng lắm rằng văn bản quản lý của chúng ta phản ánh trình độ văn hóa quản lý còn thấp của một đội ngũ cán bộ chưa ra khỏi thời kỳ bao cấp được bao nhiêu.

Nếu chúng ta quan niệm rằng phương pháp và phương tiện quản lý là những vấn đề cốt lõi của hoạt động hành chính (khác với mục tiêu của các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế, chính trị), thì để khắc phục những mặt tồn tại của nền hành chính quốc gia trong quá trình cải cách bộ máy hành chính hiện nay, cần phải tạo ra được các phương pháp và phương tiện làm việc hữu hiệu. Điều đó đòi hỏi phải nâng cao trình độ văn hóa quản lý của cán bộ làm việc trong các cơ quan thuộc bộ máy quản lý nhà nước. Phương tiện không biện minh cho mục đích, nhưng muốn đạt được mục đích đã định không thể không có những phương tiện tốt. Mục tiêu cao đặt ra cho hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước không thể nào lại có thể đạt được bằng những cán bộ có trình độ văn hóa quản lý thấp. Có một phường nọ thuộc Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, được khen thưởng về thành tích phát triển văn hóa, nhưng một di tích lịch sử ở đấy đã được xếp hạng lại bị chính UBND phường ra quyết định chiếm làm trụ

Digitized by Google

sở cho văn phòng ủy ban ! Bằng cách làm như thế, mục tiêu văn hóa chung có đạt được không ? Câu trả lời chắc không ai tranh cãi. Chính là vì trình độ văn hóa quản lý không được nâng cao mà chúng ta đã đưa ra những phương tiện không tương xứng với hoạt động quản lý, và nó đã ngăn cản việc thực hiện mục tiêu.

Như thế, huấn luyện và đào tạo cán bộ để họ có được một trình độ văn hóa quản lý cao là vấn đề có ý nghĩa quan trọng để góp phần khắc phục tình trạng ban hành văn bản tùy tiện đã nói. Đã đến lúc cần tạo được một nhận thức tự giác cho cán bộ quản lý về vai trò của văn bản, về trách nhiệm xử lý khoa học các văn bản trong hoạt động của mình. Đó chính là nhiệm vụ xử lý thông tin trong hoạt động quản lý. Nếu rời bỏ nó, tất yếu sẽ phạm sai lầm. Dĩ nhiên, muốn huấn luyện có kết quả thì cần phải có chương trình và cách tổ chức thích hợp. Cho đến nay, trong chương trình giảng dạy của các trường đào tạo cán bộ quản lý, kể cả ở bậc đại học, chúng tôi vẫn chưa thấy một chương trình chính thức nào cho môn văn bản và kỹ thuật xử lý thông tin văn bản trong quản lý. Tôi nghĩ rằng bộ môn văn bản học quản lý cần phải có vị trí cần thiết trong chương trình đào tạo các nhà quản lý cũng như cán bộ hành chính các cấp. Thông qua môn học này, theo những mức độ nông sâu khác nhau, các cán bộ quản lý, các nhà hành chính sẽ được trang bị các tri thức cơ bản về chức năng của các văn bản, về sự hình thành các hệ thống văn bản và giá trị thông tin của chúng, về cách phân loại và xử lý văn bản trong quá trình quản lý, về kỹ thuật soạn thảo văn bản, v.v.. Trong tình hình của chúng ta hiện nay, các cán bộ làm văn bản ở các cơ quan có khi phải được huấn luyện lại từ đầu, không kể họ đã được đào tạo theo các chuyên môn khác như thế nào trong quá khứ.

IV

HIỆN nay kỹ thuật máy tính đã xâm nhập vào nhiều lĩnh vực khoa học và kỹ thuật ở nước ta, kể cả lĩnh vực soạn thảo và xử lý văn bản. Lợi ích căn bản nhất của việc sử dụng máy tính trong soạn thảo và xử lý văn bản là ở chỗ nó có thể giúp các nhà quản lý lưu lại những văn bản đã được soạn thảo và sử dụng trong hoạt động của cơ quan, và tra tìm trở lại dễ dàng khi cần thiết. Nhưng vì hiện nay văn bản ở nhiều cơ quan soạn thảo chưa tốt, việc phân loại chúng lại thiếu khoa học, cho nên kỹ thuật máy tính vẫn chưa phát huy được tác dụng trong việc quản lý và tra tìm thông tin văn bản quản lý. Máy tính có nhiều chức năng khác nhau, nhưng nó cũng chỉ là công cụ. Khi chúng ta không sử dụng đúng nó, sẽ dẫn đến lãng phí. Hơn bất cứ lĩnh vực nào, ở đây cán bộ chuyên môn là khâu phải chuẩn bị trước một bước. Ngoài ra, cán bộ máy tính trong lĩnh vực văn bản phải được trang bị cả tri thức về văn bản và tri thức quản lý của lĩnh vực mình tham gia xử lý thông tin. Cần phải nhấn mạnh điều này, vì nhiều người cho rằng máy tính có thể thay thế tất cả. Sự thực, nếu không có tri thức về văn bản, không nắm được các nguyên tắc soạn thảo và yêu cầu xử lý thích hợp cho mỗi loại công việc, cho mỗi cơ quan cụ thể, thì rất có thể, máy tính chỉ là thứ công cụ trang điểm hơn là để góp phần nâng cao năng suất lao động quản lý.

Vì những lý do trên, tôi cho rằng, chương trình huấn luyện sử dụng máy tính để soạn thảo và xử lý văn bản cần rất cụ thể và thiết thực. Chúng ta cần tiến tới xây dựng các hệ điều hành tổng hợp không phải chỉ cho các đơn vị trong một cơ quan, mà cho cả các cơ quan trong cùng một hệ thống, sao cho văn bản của các cơ quan và đơn vị có liên quan có thể theo dõi được một cách thống nhất, kiểm tra được sự lệch pha nếu có. Đó là con đường làm cho máy tính có thể trở thành công cụ đắc lực thực sự đối với các nhà quản lý khi xây dựng văn bản và sử dụng các hệ thống văn bản.

*

Tóm lại, trong quá trình cải tiến phương pháp quản lý nhà nước, chúng ta không thể không quan tâm đến nhiệm vụ cải tiến việc xây dựng và sử dụng có hiệu quả các hệ thống văn bản quản lý. Kỹ năng và kiến thức về soạn thảo và xử lý văn bản, kể cả kỹ năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật hiện đại, là không thể thiếu đối với các cán bộ quản lý.

Văn bản có thể là chiếc cầu nối giữa các cơ quan với nhau, giữa nhà nước với nhân dân, nhưng đó cũng có thể là bức tường ngăn cách một khi nó không làm được chức năng truyền đạt chính xác các thông tin quản lý. Xây dựng và sử dụng các hệ thống văn bản phải được xem là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá tính chất tiên tiến hay kém phát triển của phương pháp quản lý nhà nước, của nền hành chính quốc gia.

Digitized by Google

Về bài "TỪ ADAM SMITH ĐẾN MARX, THỬ SUY NGHĨ VỀ VẤN ĐỀ QUYỀN SỞ HỮU VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ"

LÊ XUÂN ĐÌNH *

ĐỌC bài "Từ Adam Smith đến Marx, thử suy nghĩ về vấn đề quyền sở hữu và phát triển kinh tế" của tác giả Trần Khuyết Nghi đăng trên tờ *Phát triển kinh tế* số 22 (tháng 8-1992) của Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh, tôi không khỏi không có những băn khoăn, suy nghĩ trên một số vấn đề. Ở đây chỉ xin trao đổi với tác giả một đôi điều then chốt nhất. Trước hết phải nói rằng Trần Khuyết Nghi đã mạnh dạn đề cập đến *hai* vấn đề lớn : *sở hữu* và *động lực phát triển kinh tế*. Đây là hai vấn đề nóng bỏng đang được nhiều người quan tâm nghiên cứu. Đây cũng là hai vấn đề xoay quanh đó các thế lực chống chủ nghĩa Mác đang ra sức công kích và xuyên tạc.

Tuy có dè dặt, nhưng Trần Khuyết Nghi cũng muốn tìm một cái gì đó giống như chủ nghĩa xã hội hiện thực, cụ thể ở đó "mọi người đều có thể dư dả hoặc đủ ăn và tương đối bình đẳng về điều kiện để phát triển mọi mặt". Nhưng làm thế nào để có cái đó mới là vấn đề. Trần Khuyết Nghi cũng nói tới "quy luật khách quan", thừa nhận nước ta không thể "... xóa bỏ ngay sở hữu tập thể để xác lập chỉ một dạng sở hữu tư nhân". Nhưng theo tôi đó chỉ là cách để tác giả che giấu sự nuối tiếc chế độ sở hữu tư nhân theo kiểu Adam Xmít mà thôi. Trần Khuyết Nghi phê phán Mác "không đi tới sự thừa nhận như Adam Smith", tức là không đi tới sự thừa nhận quyền tư hữu như một động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Đây là một sai lầm rất nghiêm trọng của tác giả ? Người đọc có cảm giác là tác giả muốn dùng thuật ngữ đó để nhập cục làm một hai khái niệm hoàn toàn khác nhau : sở hữu *cá nhân* và sở hữu *tư nhân*. Về vấn đề này, Mác đã nói quá rõ : "không khôi phục lại chế độ tư hữu, mà khôi phục lại chế độ sở hữu cá nhân trên cơ sở những thành tựu của thời đại tư bản chủ nghĩa : trên cơ sở sự hiệp tác và sự chiếm hữu công cộng đối với ruộng đất và những tư liệu sản xuất do chính lao động làm ra" (1). Trong cuốn *Các xu thế lớn năm 2000*, hai tác giả John Naisbitt và Patricia Aburdene cũng dự đoán một trong mười xu thế những năm tới sẽ là "sự thắng thế của cá nhân" (2), sự phát triển tất yếu của xã hội loài người nhờ những tiến bộ của khoa học - kỹ thuật và công nghệ.

Trong một xã hội còn giai cấp bóc lột thì quyền tư hữu chỉ có thể trở thành "động lực" phát triển kinh tế nhằm đem lại lợi nhuận cho giai cấp bóc lột (người nắm giữ tư liệu sản xuất). Còn đối với người bị bóc lột, tức là bị tước mất tư liệu sản xuất, thì cái "động lực" ấy sẽ đem lại cho họ cái gì ? Làm sao lại có thể nói "quyền tư hữu như một động lực là... tùy thuộc vào nhận định căn bản của con người, về bản chất con người theo hướng thực tế hay lý tưởng". Tác giả Trần Khuyết Nghi chắc đã thừa biết nỗi khốn cùng của giai cấp công nhân làm thuê trong các tác phẩm không chỉ của Mác mà ngay cả của A. Xmít. Vậy "động lực phát triển" phải chăng là cảnh tượng đó ?

Trong *chính sách kinh tế mới*, Lê-nin đề cao vai trò sáng tạo của con người, rất coi trọng lợi ích cá nhân và quyền sở hữu cá nhân của người lao động, song điều đó hoàn toàn không có nghĩa là ông muốn khôi phục lại chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất theo kiểu A. Xmít. Sự nhầm lẫn đó đã dẫn Trần Khuyết Nghi đến chỗ hiểu phiến diện chính sách kinh tế mới của Lê-nin. Tác giả cho rằng "nội dung chủ yếu" của chính sách đó là "khuyến khích các lợi ích cá nhân", và bỏ qua cả một hệ thống các quan điểm tổng thể của Lê-nin về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong thời kỳ quá độ ở một nước tiểu nông. Những tư tưởng cách mạng của Lê-nin trong chính sách kinh tế mới bắt

* Phó tiến sĩ kinh tế

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1982, t3, tr 594

(2) John Naisbitt và Patricia Aburdene : *Các xu thế lớn năm 2000*, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1992, tr 266

Digitized by Google

nguồn từ chỗ khi đi vào thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước tiểu nông như nước Nga, Lê-nin thấy : "Mấu chốt lúc này" (mắt xích) = sự xa cách giữa các nhiệm vụ vĩ đại được giao phó và *sự nghèo nàn* không những về vật chất mà cả về *văn hóa*" (3). Và ông đã viết : "Sự quan tâm thiết thân của cá nhân có tác dụng nâng cao sản xuất ; trước hết chúng ta cần đẩy mạnh sản xuất cho bằng được" (4). Như vậy, làm sao có thể nói, chính sách kinh tế mới của Lê-nin lấy tư hữu làm động lực ? Những tư tưởng của Lê-nin trong chính sách đó cũng không có gì giống với những cái gọi là "tư hữu", "tư lợi", "vị kỷ" mà A. Xmít đề cập trong tác phẩm viết năm 1776, nghĩa là trước chính sách kinh tế mới gần 150 năm : *Tìm hiểu bản chất và nguồn gốc sự phú túc của các quốc gia*. Ấy thế mà Trần Khuyết Nghi lại "rất lấy làm tiếc" rằng "liệu một số ý nghĩ của Lê-nin nếu được phát triển thêm lên, có thể trùng hợp phần nào với những tư tưởng đã được Adam Smith (1723 - 1790) phát biểu" trong tác phẩm vĩ đại ấy không.

Xét theo hoàn cảnh lịch sử cụ thể thì A. Xmít hoàn chỉnh hệ thống kinh tế - chính trị cổ điển vào lúc xã hội đang phát triển ở trình độ phân công lao động theo kiểu công trường thủ công, tự do cạnh tranh mới chớm nở. Cho nên ông cũng chỉ có thể hình dung được một điều là "... Chính phủ chỉ nên can thiệp rất ít vào hoạt động kinh tế". Trong một xã hội tràn ngập những "rủi ro", "bất lực" trước các quy luật nghiệt ngã của thị trường tự do, thì tầm nhìn cũng chỉ có thể dừng lại ở chỗ : ai nấy đều đeo đuổi vì lợi ích riêng, lý do tư lợi, lòng vị kỷ. Trong bối cảnh lịch sử như vậy, A. Xmít cũng chỉ có thể nhận biết được : "nguồn gốc sự giàu thịnh của xã hội là do sự đóng góp "vô ý thức" của từng cá nhân con người hành động khởi đầu vì những lý do vị kỷ". Đó là chưa nói đến cái "con người" mà Trần Khuyết Nghi viện dẫn của A. Xmít cũng mới chỉ nói về "con người kinh tế" (Economic Man) mà thôi.

Nếu Trần Khuyết Nghi muốn đề cao tư hữu thì cũng nên thấy được một xu thế sống động của sự vật, nghĩa là với cùng một bản chất đó thì tính chất và trình độ của tư hữu ở cuối thế kỷ 20 phải có gì khác so với nó ở cuối thế kỷ 18. Khoa học là con đường tiệm cận chân lý, vì thế trên mỗi bước đi, suy tính, có lẽ không nên tuyệt đối hóa một điều gì. Bản thân A.Xmít hay Mác, cũng như bao vĩ nhân khác, là con người "bằng xương bằng thịt". Cái vĩ đại của họ là ở sự nhìn xa, trông rộng, tiếp thu, kế thừa, phê phán và sáng tạo trên cơ sở những tinh hoa trí tuệ của lịch sử nhân loại, viết nên những trang sử quý báu của kho tàng tri thức. Tính hạn chế lịch sử của các học thuyết là khó tránh khỏi, vì xã hội loài người luôn tiến lên phía trước.

Là người am hiểu nhiều chắc tác giả Trần Khuyết Nghi cũng thấy được tính nghiêm túc của Mác trong việc đề cao những tư tưởng tiến bộ của A. Xmít, phê phán những hạn chế, kế thừa và phát triển những gì cần thiết. Thế mà trong bài viết của mình tác giả lại nói một cách hàm hồ và rất vô trách nhiệm rằng : "...phải chi Marx hợp tác với Smith nhiều hơn (thay vì phủ nhận) thì có lẽ nhân loại đã đỡ khổ hơn nhiều nhờ tránh được các sai lầm từ một dạng ý thức hệ... nguyên thủy". Phải chăng đây là sự phê phán nghiêm túc ?

Để không rơi vào "sùng bái" mù quáng, thì hậu thế chỉ có thể phê phán các học thuyết của các bậc tiền bối trên cơ sở tìm hiểu kỹ càng với thái độ khoa học khách quan, văn minh hơn, chứ không phải lặp lại cái mà Mác đã kịch liệt phản bác, đó là "hất chậu nước bẩn cùng với đứa trẻ". Nếu A. Xmít không thể nhìn thấy ở thời ông tất cả những gì sẽ biến đổi nhờ tự do cạnh tranh của thị trường tư bản, thì cũng có thể nói rằng Mác cũng không hình dung được sự ra đời và phát triển sau này của chủ nghĩa tư bản độc quyền. Còn Lê-nin, khi phát triển và bổ sung cho bộ *Tư bản* của Mác bằng tác phẩm "Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản" viết năm 1916, thì cũng chưa thể dự kiến hết những gì sẽ diễn ra ở xã hội tư bản hiện đại với sự điều chỉnh và thích nghi... Trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển như vũ bão, các quan hệ sở hữu cũng có sự thay đổi tương ứng, thì Trần Khuyết Nghi lại muốn quay lại cái chế độ tư hữu của A. Xmít và coi đó như một giải pháp và là động lực phát triển của xã hội hiện nay.

Trong nhiều trường hợp, cái đúng, cái sai trong *bản thân lý thuyết* , khác với cái đúng, cái sai trong việc *vận dụng lý thuyết đó* vào thực tiễn. Cần phân biệt sự khác nhau giữa lý luận về chế độ hợp tác xã theo nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi, với việc lập các hợp tác xã theo kiểu gò ép, hình thức, chạy theo thành tích. Trình độ xã hội hóa của sản xuất càng cao thì tính cộng đồng của con người càng chặt chẽ. Cá nhân tìm đến cộng đồng, khác với cộng đồng những cá nhân vụ lợi dưới cái bóng của nó. Bởi vậy, Trần Khuyết Nghi đã tự mâu

(3) V.I.Lê-nin : *Toàn tập, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 45, tr 474*

(4) *Sđd*, t 44, tr 190

Digitized by Google

thuẫn với chính mình khi *lên án* chủ nghĩa tập thể và chỉ thấy "màu xám" của nó, nhưng lại phải *thừa nhận* các nhà doanh nghiệp thời nay không thể làm ăn theo kiểu "tự tung tự tác như xưa". Ông cha ta từng khái quát xu thế tất yếu của hiệp tác lao động bằng câu : "buôn có bạn, bán có phường" ; đâu chỉ nói một chiều về một sự dựa dẫm nào đó !

Tất cả những gì liên quan đến sự thoái trào của chủ nghĩa xã hội hiện nay ở một số nước, không thể đổ lỗi cho chủ nghĩa Mác. Phân biệt rõ một cách khoa học những gì thuộc về nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan, duy ý chí, nóng vội và xuyên tạc, là một việc làm có ích và tiến bộ. Thế nhưng, cũng cần thấy : chủ nghĩa giáo điều, rập khuôn là hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa Mác. Trong "Lời tựa (viết cho bản tiếng Đức xuất bản năm 1872)" của *Tuyên ngôn Đảng cộng sản*, Mác viết : "Chính ngay "Tuyên ngôn" cũng đã giải thích rõ rằng bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, việc áp dụng những nguyên lý đó cũng phải tùy theo hoàn cảnh lịch sử đương thời, và do đấy, không nên quá câu nệ vào những biện pháp cách mạng nêu ra ở cuối chương II" (5). Vì vậy, khi Mác khẳng định trong *Tuyên ngôn* rằng "... những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành công thức duy nhất này là " xóa bỏ chế độ tư hữu"(6), thì chính ông đã tính đến "... đại công nghiệp đã có những bước tiến hết sức lớn trong hai mươi lăm năm qua" (7). Khẳng định rằng chế độ công hữu của chủ nghĩa xã hội chỉ có thể được thiết lập một cách hợp quy luật khi sự phát triển của lực lượng sản xuất đã đạt đến trình độ cao (trên cơ sở chủ nghĩa tư bản phát triển), như vậy có gì là không lô gích ? Vấn đề là ở chỗ người ta đã vận dụng nó trong thực tế như thế nào ? Làm sao không sai lầm khi muốn thiết lập rộng khắp chế độ công hữu ở một nước tiểu nông (như nước Nga) và ở một nước nông nghiệp lạc hậu (như Việt nam), trong khi coi nhẹ và xóa bỏ các hình thức sở hữu khác trong nền kinh tế ?

Bên cạnh đó, cũng cần thấy rằng, nếu chủ nghĩa tư bản vẫn cứ duy trì quy mô và cường độ bóc lột như thời Mác thì những dự đoán của ông sẽ ra sao ? Cũng như, nếu chủ nghĩa tư bản độc quyền vẫn tiếp tục diễn ra như Lê-nin đã khám phá trong tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc - giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* thì liệu chủ nghĩa tư bản có còn được như bây giờ hay không ? Quy luật kinh tế - xã hội luôn mang tính chất xu hướng, bởi vậy có gì đáng ngạc nhiên trước diễn biến hơi khác của chủ nghĩa tư bản. Chính Trần Khuyết Nghi cũng đã nhận xét : chủ nghĩa tư bản "... nhờ tham khảo những phân tích và chỉ dẫn của Mác nên đã biết điều chỉnh để thích nghi và tồn tại...". Quả như vậy. Trước thực tế khắc nghiệt : không theo xu thế phát triển tất yếu của lịch sử thì sẽ chết, chủ nghĩa tư bản đã biết tự điều chỉnh, thích nghi bằng những thành tựu mới của khoa học kỹ thuật và công nghệ. Nhà nước tư sản can thiệp ngày càng nhiều vào các quá trình kinh tế. Sự can thiệp đó diễn ra trên tất cả các lĩnh vực : quan hệ sản xuất, điều hòa lợi ích, giải quyết và làm dịu các mâu thuẫn xã hội. Điều đó càng cho thấy rõ *thực chất* các chính sách của nhà nước tư sản. Thế mà Trần Khuyết Nghi lại lần theo vết xe đổ của A. Xmít, nhầm lẫn biểu hiện bên ngoài với bản chất của hiện tượng, khẳng định "những tiêu cực tồn tại ở các nước tư bản chủ nghĩa... không tùy thuộc vào chế độ chính trị". Trong khi cả thế giới đã thừa nhận thiên tài của Mác dùng chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử trong việc phân tích và tìm ra bản chất của hiện tượng thì Trần Khuyết Nghi lại quên điều đó.

Chủ nghĩa xã hội cũng đã từng cứng nhắc, cũng đã từng điều chỉnh. Lịch sử đã chứng kiến những biện pháp táo bạo và cách mạng của chính sách kinh tế mới : bằng việc bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, không phải bằng cách trực tiếp dựa vào nhiệt tình, mà là với nhiệt tình do cuộc cách mạng sinh ra, bằng cách khuyến khích lợi ích cá nhân, bằng sự quan tâm thiết thân của cá nhân, tiến lên chủ nghĩa xã hội (8). Và ngày nay, cũng với mục đích đó, chúng ta đang vận dụng chính sách kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước ; kết quả bước đầu như thực tế cho thấy, cũng không đến nỗi tồi.

Toàn bộ những vấn đề liên quan đến sự phát triển kinh tế, tác giả đã dùng công thức của A. Xmít về "sự phú túc của các quốc gia", một tập hợp những "lòng vị kỷ của mỗi cá nhân". Điều này thực chất không có gì mới. Đây là hiện thân của chủ nghĩa vị kỷ hồi thế kỷ thứ 17 - 18 của giai cấp tư sản đang trỗi dậy chống lại đạo đức khổ hạnh của Cơ-đốc giáo phong kiến. Bản chất cái mà A. Xmít gọi là "sự phú túc của các quốc gia",

---

(5) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t1, tr 504

(6) *Sđd* t1, tr 559

(7) *Sđd* t1, tr 504

(8) Xem V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t44, tr 189

Digitized by Google

như Mác đã vạch trần, chỉ là biện hộ cho sự tăng trưởng tư bản bằng việc bóc lột giá trị thặng dư tương đối trong công trường thủ công. Nếu không thấy rõ điều này, chúng ta sẽ đi đến chỗ cảm ơn các bạo chúa vì đã xây dựng những kim tự tháp, mà không thấy rằng đó là kết quả của bao mồ hôi, xương máu của quần chúng nô lệ.

Ngày nay, mọi mưu đồ tuyệt đối hóa các biện pháp trong phát triển kinh tế đều đã lỗi thời. Ngay trong nền kinh tế thị trường ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, cũng khó thấy ở đâu chỉ có một thành phần kinh tế. Nền kinh tế ở các nước đó đều là nền kinh tế đan xen nhiều thành phần. Thị trường ở đó cũng không phải thị trường thuần túy, mà là thị trường có điều tiết, có sự quản lý của nhà nước. Mức độ điều tiết, can thiệp của nhà nước không cố định. Nếu vì một chủ đích nào đó mà nhà nước can thiệp quá sâu thì hậu quả sẽ là hạn chế quy mô và cường độ cạnh tranh, kìm hãm khoa học - kỹ thuật và giảm sản lượng. Ngược lại, nếu quá nới lỏng điều tiết thì sẽ khó tránh khỏi những lãng phí lớn do khủng hoảng thừa - thiếu, do lạm phát, thất nghiệp...

Thành tựu mới của khoa học cho phép con người vượt qua sự bất lực trước các quy luật của thị trường. Theo dự đoán của Alvin Toffler trong quyển "*Thăng trầm quyền lực*" * thì hệ thống bán lẻ cũng sẽ được thay thế bằng hệ thống trực tiếp phân phối. Làn sóng thứ ba của tiền tệ siêu tượng trưng bằng ngân hàng điện tử cá nhân sẽ thay thế tiền tượng trưng bằng giấy và kim loại. Kết quả sẽ phát sinh trên toàn cầu một hệ thống sáng tạo của cải mới. Quả là hấp dẫn khi những phát hiện dạng như vậy đem soi lại những luận cứ của Mác về xã hội tương lai của loài người. Và hơn thế nữa, càng không thể chấp nhận kiểu bằng lòng với bức tranh có sẵn hồi thế kỷ 18 về thị trường tự do và tư hữu cổ điển. Xu thế phức hợp và đa dạng đang bao trùm lên tất cả những gì phiến diện hoặc thái quá.

Xu thế chung về các lợi ích trong xã hội cũng vậy, cho dù nhà tư bản có lòng tham vô đáy, thì cũng phải dừng lại ở ranh giới của "hành lang" pháp luật. Tác giả đã nhìn thấy rằng "... nhà tư bản bắt buộc phải đóng góp để tái phân lợi tức cho xã hội". Sau đó, không ai khác ngoài nhà nước tư sản, đại diện cho quyền lực của họ, đương nhiên phải đứng ra đóng vai trò là người điều hòa lợi ích giữa các tầng lớp để xã hội khỏi nổ tung, bởi vì hiện nay, ở đâu cũng vậy, nhất là ở những nước công nghiệp phát triển, dân trí đã tiến bộ rất xa so với trước.

Không còn bó hẹp trong phạm vi một nước, các công ty đa quốc gia ngày nay đã phải tính đến lợi ích mang tính toàn cầu khi đặt địa điểm ở bất cứ nơi nào. Cũng vì thế không có gì là lạ nếu hiện nay có các công ty tư bản quan tâm đến cả sức khỏe, trình độ và cuộc sống của công nhân. Thực tế cho thấy một khi các tiềm năng về kỹ thuật và công nghệ đã được khai thác ở mức tối đa, thì giá trị thặng dư, năng suất lao động sẽ giảm chân tại chỗ nếu đội quân lao động tay nghề thấp, ốm yếu và điều kiện lao động quá kém. Như vậy, những cái gọi là "điều chỉnh", "thích nghi" của chủ nghĩa tư bản đâu có chứng tỏ bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản đã thay đổi.

Tác giả Trần Khuyết Nghi không có cơ sở thuyết phục khi xuyên tạc chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác, rằng "... trong sự thành lập học thuyết của mình, và chỉ ra lô gích phát triển của xã hội tư bản, Mác ít nhiều đã chịu sự chi phối của một lượng thức được hướng dẫn bởi *lòng tốt, tình cảm* chia sẻ với nỗi thống khổ của nhân sinh, *sự phẫn nộ* đối với áp bức bất công và *nhiệt tình* say sưa với lý tưởng công bằng xã hội". Suy cho cùng Trần Khuyết Nghi đã hòa đồng Mác với các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng bằng cách chỉ nhìn thấy cái "tâm" của một nhà khoa học, mà không thấy những luận cứ khoa học trong học thuyết của Mác.

Trong lúc bao nhiêu người đang ra sức tìm tòi, sáng tạo, vượt lên trên những giáo điều rập khuôn để tìm ra các giải pháp hợp lý cho thực tiễn cuộc sống, thì tác giả Trần Khuyết Nghi lại dội vào chủ nghĩa Mác một gáo nước lã giáo điều A. Xmít và có phần hiểu sai và xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Mạnh dạn, táo bạo trong khoa học là một thái độ tốt. "Tranh luận làm lóe ra ánh sáng của chân lý". Mục đích duy nhất của bài này là muốn trao đi đổi lại để làm rõ những vấn đề Trần Khuyết Nghi đã đề cập. Phải chăng thực tiễn sinh động của nửa sau thế kỷ 20 này sẽ lại là tư liệu quý cho việc bổ sung, phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin - vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ? Trên bước đường đó, giáo điều (kể cả giáo điều cũ và giáo điều mới) cùng với phương pháp phiến diện, cực đoan đang là vật cản lớn cho sáng tạo.

---

* Alvin Toffler : *Thăng trầm quyền lực*, Nxb Thông tin lý luận, Ban khoa học xã hội Thành ủy TP Hồ Chí Minh, 1991 và 1992

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN VIỆT NAM trong thời đại thông tin

ĐẶNG VĂN THÂN*

NHÂN loại sắp bước sang thế kỷ 21 - thế kỷ của nền văn minh tin học, trong đó nhu cầu thông tin của mỗi quốc gia và mỗi con người trở nên vô cùng bức xúc. Chuẩn bị tiến tới một thời kỳ như vậy, nhiệm vụ đặt ra cho ngành bưu điện là ngành bảo đảm huyết mạch thông tin cho cả nước, hệ thần kinh của nền kinh tế quốc dân, sẽ hết sức to lớn và cũng đầy khó khăn.

Giống như nhiều ngành kinh tế khác, trong tiến trình đổi mới, Bưu điện Việt nam phải đối đầu với những khó khăn và thách thức lớn.

Một là, cơ chế bao cấp gắn liền với sự trì trệ đã tạo ra một "mê cung", mà muốn thoát khỏi nó đòi hỏi ở mỗi người chẳng những trí tuệ mà cả dũng khí cách mạng. Bứt được khỏi cơ chế cũ, khắc phục được trạng thái thụ động, thói quen ỷ lại, chờ đợi cấp trên, chờ đợi nhà nước - ngành bưu điện đã vượt được cửa ải đầu tiên để tiến vào con đường đổi mới.

Hai là, việc tìm vốn ngoại tệ mạnh gặp không ít khó khăn trắc trở. Chúng ta chỉ có thể phát triển ngành bưu điện khi có được kỹ thuật cao và công nghệ tiên tiến, và muốn đạt được điều đó thì phải có ngoại tệ mạnh. Nhu cầu ngoại tệ mạnh còn lớn hơn nữa trong giai đoạn sắp tới, khi mà sự phát triển kinh tế - xã hội có nhịp độ cao hơn, nhu cầu thông tin liên lạc của nhà nước và của nhân dân tăng nhanh. Trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, muốn có vốn và kỹ thuật tiên tiến, một trong những biện pháp có hiệu quả nhất là tăng cường quan hệ kinh tế đối ngoại. Nhưng trong nửa cuối thập kỷ 80, nước ta gặp rất nhiều khó khăn trong việc cải thiện mối quan hệ quốc tế. Lệnh cấm vận của Mỹ lại làm trầm trọng thêm những khó khăn vốn có đó.

Ba là, chúng ta bắt đầu công cuộc đổi mới ở điểm xuất phát rất thấp so với nhiều nước trong khu vực, trong khi cuộc cách mạng về kỹ thuật và công nghệ, đặc biệt là kỹ thuật thông tin liên lạc, phát triển rất nhanh. Những thiết bị lúc này được coi là rất hiện đại thì có thể chỉ sau vài năm, thậm chí một năm, đã trở nên lỗi thời. Đi sau, muốn tiến thẳng vào hiện đại, không thể sử dụng những thiết bị thải loại, những thiết bị thứ cấp. Đây cũng là một thách thức lớn đối với ngành bưu điện.

Bốn là, vấn đề tổ chức và cán bộ để đáp ứng với cơ chế mới. Trong quá trình đổi mới, cơ chế mới sẽ dần dần được hình thành và củng cố, song vẫn xảy ra hiện tượng "bất cập" về tổ chức và cán bộ. Khi ngành bưu điện đổi mới cơ chế quản lý, thực hiện hạch toán kinh tế, đẩy nhanh tốc độ phát triển, thì tư duy và nhịp điệu làm việc cũng đổi khác, tác phong làm việc cũ không còn thích hợp nữa. Việc đào tạo, bồi dưỡng sắp xếp lại đội ngũ cán bộ như thế nào là một câu hỏi lớn đòi hỏi ngành phải đầu tư rất nhiều thời gian để tìm ra phương sách giải quyết.

Bên cạnh những khó khăn và thách thức, ngành bưu điện cũng có những thuận lợi căn bản và có cơ hội để vươn lên đáp ứng kịp thời những đòi hỏi của công cuộc đổi mới.

Thuận lợi đầu tiên là chúng ta phát triển kinh tế trong một môi trường chính trị ổn định, trong khung cảnh đổi mới sâu sắc và toàn diện. Đảng phát động và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới với những bước đi và biện pháp có hiệu quả. Đảng và Nhà nước chủ trương mở cửa, đẩy mạnh hợp tác với tất cả các nước, thực hiện từng bước hòa nhập với quốc tế. Đây là yếu tố cơ bản tạo ra tiền đề để thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Một điều không kém phần quan trọng là do có sự đầu tư, chú ý thích đáng, đội ngũ cán bộ của ngành đã được đào tạo chính quy, khá về chuyên môn, vững về chính trị. Nhiều anh chị em có tâm huyết muốn cống hiến sức lực và trí tuệ cho ngành. Khi cơ chế mới hình thành, đội ngũ cán bộ đông đảo này là lực lượng xung kích, tiếp cận nhanh với sự phát triển kỹ thuật bưu điện và viễn thông trên thế giới, là động lực đưa ngành vươn lên.

Bên cạnh đó, so với một số ngành khác (như ngành giao thông) trong kết cấu hạ tầng của một nước, ngành bưu điện viễn thông là ngành nhu cầu đầu tư không lớn lắm mà sinh lợi lại nhanh. Hơn nữa, nó còn là một ngành ứng dụng rộng rãi nhất, sớm nhất công nghệ tin học - công nghệ mũi nhọn hiện nay. Do vậy, nó có ưu thế trong việc thu hút các công ty nước ngoài chọn lựa đầu tư vào Việt nam.

Một yếu tố nữa cũng có thể gọi là thuận lợi : do xây dựng và phát triển ngành bưu điện viễn thông chậm, nên chúng ta có được ưu thế của "kẻ đi sau".

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng cục trưởng Tổng cục bưu điện

Digitized by Google

Những kinh nghiệm thành công và thất bại của ngành bưu điện ở những nước có điều kiện giống ta và đi trước ta, là những bài học quý cho việc tìm kiếm một chiến lược phát triển ngành hợp lý và mất ít thời gian hơn. Khi đi vào đổi mới, cơ sở kỹ thuật của ngành rất lạc hậu và nghèo nàn, do đó Ban lãnh đạo ngành khá thanh thản khi quyết định thay thế hệ thống thiết bị cũ kỹ bằng hệ thống thiết bị hiện đại, tiên tiến. Ở các nước đã có cơ sở rất vững vàng về bưu điện, khi phải bỏ cái cũ, thay cái mới, họ không "nhẹ nhàng" như chúng ta.

*

Đại hội VI của Đảng truyền một luồng sinh khí mới cho toàn ngành bưu điện. Ban lãnh đạo ngành quyết tâm tìm con đường vực dậy và phát triển ngành bưu điện vốn rất lạc hậu và yếu kém vào những năm 1984 - 1985. Quan điểm chiến lược được đề ra là :

1 - Đi thẳng vào kỹ thuật hiện đại, từng bước trang bị cho hệ thống bưu điện viễn thông những thiết bị tiên tiến, cố gắng theo kịp trình độ tiên tiến nhất trên thế giới.

2 - Đầu tư vốn có trọng điểm, có hiệu quả.

3 - Tranh thủ hợp tác quốc tế để tìm nguồn vốn và công nghệ tiên tiến.

4 - Giữ vững chủ quyền và chữ "tín" trong quan hệ làm ăn với nước ngoài.

5 - Bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu của giai đoạn mới.

6 - Từng bước xây dựng công nghiệp bưu điện để có "nội lực" lớn hơn, phát triển nhanh hơn và tiết kiệm hơn.

Chiến lược là như vậy, song thực hiện như thế nào ? Đầu tư từ đâu ? Bằng gì ? Chọn thị trường nào ? Hàng loạt câu hỏi được đặt ra, và có nhiều giải pháp hình thành. Ngành bưu điện đã chọn viễn thông quốc tế làm điểm đột phá. Phân tích dữ liệu cho thấy : Việt nam hiện có khoảng 2 triệu kiều bào sống ở nước ngoài, nhu cầu liên lạc qua viễn thông rất lớn và bức xúc. Thành phố Hồ Chí Minh là nơi có nhu cầu liên lạc với nước ngoài cao, có thể chọn đó làm nơi đầu tư trước. Thực tế đã khẳng định sự chọn lựa này là đúng. Từ trạm vệ tinh mặt đất đầu tiên xây dựng ở thành phố Hồ Chí Minh, đến nay ta đã nhân ra được nhiều trạm tiêu chuẩn F2, B và A trên cả nước.

Giai đoạn từ năm 1987 đến 1992 là một thời kỳ có những khó khăn phức tạp nhưng mang lại bao điều ý nghĩa. Ngành bưu điện thoát ra khỏi cơ chế bao cấp, chập chững những bước đầu tiên trên con đường đổi mới, dần dần tìm ra hướng tiến lên và khẳng định mình. Có thể rút ra một số suy nghĩ từ giai đoạn này :

- Sự tích lũy vốn là điều kiện thiết yếu để phát triển, song đó không phải là điều kiện tiên quyết. Chúng ta vẫn có khả năng đạt được mức phát triển cao hơn so với mức độ tích lũy hiện còn thấp so với nhu cầu đầu tư phát triển. Để bù đắp cho sự thiếu hụt của tích lũy so với mức độ phát triển, ngành bưu điện đã tìm mọi cách huy động vốn ở các công ty nước ngoài. Điều kiện để sự hợp tác này có kết quả là phải hết sức thiết thực, ngay từ đầu phải tạo ra sự tín nhiệm trong kinh doanh, giao dịch. Chữ "tín" trong kinh doanh đặc biệt quan trọng.

- Định hướng đúng chiến lược phát triển. Trong các hướng chiến lược đã được vạch ra, một quan điểm rất quan trọng không chỉ đối với riêng ngành bưu điện, mà đối với chung tất cả các ngành là : muốn phát triển, không thể không thâm nhập vào khoa học, kỹ thuật và công nghệ hiện đại, và nếu cần thì cải biến chúng cho phù hợp với điều kiện trong nước rồi áp dụng. Với điều kiện Việt nam, bước đầu có thể chúng ta chỉ cần áp dụng những kết quả của khoa học, kỹ thuật, công nghệ hiện đại sao cho thu được hiệu suất cao. Trong hợp tác với nước ngoài, luôn hướng tới yêu cầu chuyển giao công nghệ từng phần hoặc toàn bộ. Việc chuyển giao công nghệ có 3 hình thức : thông qua các chương trình đầu tư thiết bị hiện đại ; liên doanh sản xuất công nghiệp viễn thông hoặc mua bằng sáng chế phát minh ; thông qua người Việt nam đang nghiên cứu hoặc làm việc với các hãng lớn nước ngoài mang kiến thức công nghệ mới về.

- Huy động ở mức độ cao trí tuệ và sức lực của cán bộ, công nhân, viên chức trong ngành để thực hiện chiến lược đã đề ra. Trong cơ chế thị trường của chúng ta hiện nay, bên cạnh việc huy động lực lượng, cần quan tâm đúng mức tới quyền lợi vật chất và quyền lợi học tập nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ. Tôi quan niệm rằng, sự phát triển của ngành bao gồm cả sự tăng trưởng và việc phân phối hợp lý, rộng rãi các lợi ích từ sự tăng trưởng đó.

- Sự quan tâm và trợ giúp của Đảng và Chính phủ đối với ngành bưu điện. Nghị quyết Đại hội VII Đảng cộng sản Việt nam có viết : "Tiếp tục hiện đại hóa mạng bưu điện quốc tế và trong nước, phủ sóng phát thanh và truyền hình khắp cả nước ; phát triển ngành sản xuất thiết bị bưu điện". Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến ngành bưu điện. Nhưng do nước ta còn nghèo, nên trên thực tế, tổng số vốn đầu tư cho bưu điện còn ít. Điều quan trọng là Đảng và Nhà nước đã "cho cơ chế", tạo điều kiện cho ngành bưu điện hoạt động và phát triển. Theo quan điểm hệ thống, mối quan hệ của mỗi ngành với tổng thể là một mối quan hệ hữu cơ hai chiều. Trong mối quan hệ này, khi một

(Xem tiếp trang 32)

Digitized by Google

Xí nghiệp liên hợp sợi - dệt kim Hà nội :

CÂU TRẢ LỜI TỪ THỰC TẾ

TIẾN HẢI và PHẠM THẮNG

CŨNG như nhiều xí nghiệp công nghiệp quốc doanh khác, *Xí nghiệp liên hợp sợi - dệt kim Hà nội* (XN) trong những năm đầu chuyển sang cơ chế mới có rất nhiều lúng túng, bị động vì phải đối phó quyết liệt với nhiều khó khăn, thử thách, nhất là vấn đề thị trường tiêu thụ. Sản phẩm của XN tuy vẫn đạt chất lượng cao, nhưng do giá cả đầu vào tăng và giá cả đầu ra bị thị trường ép xuống, sức mua trong nước hạn chế, sản phẩm xuất khẩu thì chưa xuất được khối lượng lớn... cho nên xí nghiệp đứng trước nguy cơ có thể bị phá sản.

Song, XN đã tập trung mọi nỗ lực để tạo cho được bước chuyển biến lớn trong sản xuất, kinh doanh. Một loạt chủ trương, biện pháp về sắp xếp tổ chức, cải tiến quản lý, đầu tư khoa học kỹ thuật, nâng cấp thiết bị, đa dạng hóa mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, mở rộng liên doanh, liên kết... đã giúp XN vượt qua khó khăn, thực hiện tốt cơ chế quản lý mới. XN đã bước đầu đi vào sản xuất hàng hóa có kế hoạch, thực hiện hạch toán kinh doanh có hiệu quả, có lãi nộp cho nhà nước và bảo đảm được đời sống cho người lao động. Xin lấy vài số liệu của năm 1992 để chứng minh :

- tổng doanh thu : 195 tỷ ;
- nộp ngân sách nhà nước : 26 tỷ ;
- lợi nhuận đạt : 6 tỷ ;
- thu nhập bình quân đầu người : xấp xỉ 500 nghìn đồng/tháng.

Hiện nay, sản phẩm của XN được xuất sang các nước : Nhật-bản, Nam Triều-tiên, Xin-ga-po, Úc, Thái-lan, Hồng-công, Thụy-sĩ, CHLB Đức, Cộng đồng các quốc gia độc lập (SNG), Hung-ga-ri, Thụy-điển, Cộng hòa Séc và Xlô-va-ki-a... Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng năm đạt 10 triệu USD. XN đã chiếm được sự tín nhiệm của khách hàng trong nước và nước ngoài.

Chỉ trong một thời gian ngắn, XN đã vượt lên trong cơ chế mới, giữ vị trí đầu đàn trong ngành dệt Việt nam. Đạt được thành tựu đó là do đâu ? Sau khi khảo sát tình hình thực tế của xí nghiệp, chúng tôi đã tìm được câu trả lời.

I - *Có người giám đốc đáp ứng được yêu cầu của cơ chế mới*

Trong quản lý sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, hiệu quả kinh tế của xí nghiệp gắn rất chặt với vai trò của người giám đốc.

Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ban hành theo Nghị định 50/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định : "Giám đốc xí nghiệp vừa đại diện cho nhà nước, vừa đại diện cho công nhân viên chức, quản lý xí nghiệp theo chế độ một thủ trưởng, có quyền quyết định việc điều hành hoạt động của xí nghiệp theo đúng kế hoạch, chính sách, pháp luật của nhà nước và nghị quyết của đại hội công nhân viên chức, chịu trách nhiệm trước nhà nước và tập thể lao động về kết quả sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp". Để thực hiện chức năng đó, giám đốc xí nghiệp trong cơ chế mới phải có những yêu cầu cơ bản sau đây :

Một là, am hiểu tường tận quy trình công nghệ ; có ý thức đổi mới công nghệ để tạo ra được những sản phẩm đạt chất lượng cao, giá thành hạ, hợp với thị hiếu khách hàng.

Hai là, có năng lực tiếp thị, tức là phải am hiểu thị trường, biết bán và biết mua. Cơ chế thị trường buộc giám đốc phải am hiểu thị trường sâu

Digitized by Google

sắc, rộng rãi. Và, đã là kinh doanh theo cơ chế thị trường thì giám đốc phải biết bán, biết mua. Hai động thái này phải hết sức mau lẹ, nhịp nhàng, bởi nhiều khi nó quyết định sự thành bại của cả một phương án sản xuất.

Ba là, biết quản lý các hoạt động của doanh nghiệp bằng đồng tiền. Mục tiêu của doanh nghiệp là lợi nhuận. Vì thế, các hoạt động của doanh nghiệp diễn ra dưới hình thức nào cũng phải được tính bằng tiền theo các định mức kinh tế - kỹ thuật. Kinh doanh theo cơ chế thị trường không cho phép người giám đốc chi tiêu lãng phí. Bất kỳ một đồng nào rút ra từ tài khoản để chi tiêu đều phải rõ mục đích và phải có tác dụng sinh lợi.

Bốn là, biết quản lý, đoàn kết, chăm lo và tổ chức tốt mọi lực lượng lao động trong doanh nghiệp để họ làm việc có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao.

Nói tóm lại, người giám đốc trong cơ chế thị trường mà chúng ta đang thực hiện (*không phải* thị trường tư bản chủ nghĩa), phải có "Tài, Tâm, Trí, Tín".

Đồng chí Tổng giám đốc XN có khá đầy đủ những tư chất nêu trên. Tất nhiên, thành công của XN là do nhiều yếu tố quyết định. Song, vai trò của người giám đốc, theo chúng tôi, phải được coi là một trong những yếu tố hàng đầu.

II - *Đảng bộ xí nghiệp phát huy được vai trò lãnh đạo trong cơ chế mới*

Từ khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCHTƯ Đảng (khóa VI) và các quyết định của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) về *đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*, các doanh nghiệp nhà nước có thuận lợi là quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh được mở rộng ; nhiệm vụ, quyền hạn của giám đốc và *hội đồng xí nghiệp* được đề cao và xác định rõ hơn, quyền làm chủ của tập thể lao động có cơ chế bảo đảm thêm một bước.

Tuy vậy, công tác đảng ở xí nghiệp lại gặp một số trở ngại do chưa có quy chế mới tương ứng với cơ chế quản lý mới. Quyết định 48 QĐ/TW ban hành từ năm 1984 có nhiều điểm không phù hợp với Quyết định 217/HĐBT và Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh ban hành theo Nghị định 50/HĐBT, nhất là về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và công tác cán bộ. Thí dụ : Theo Quyết định 48 QĐ/TW thì đảng ủy xí nghiệp có quyền quyết định việc điều động, đề bạt, cách chức, cử đi học... những cán bộ thuộc diện xí nghiệp quản lý. Nhưng theo Nghị định 50/HĐBT thì việc bổ nhiệm, đề bạt, bãi miễn cán bộ là quyền của giám đốc. Giám đốc chỉ tranh thủ ý kiến của đảng ủy và tham khảo tín nhiệm của quần chúng trước khi quyết định. Và, Điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh còn nêu rõ : "Đảng ủy lãnh đạo xí nghiệp, song không trực tiếp quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của giám đốc".

Như vậy, vấn đề đặt ra là sự lãnh đạo của Đảng ở xí nghiệp được thể hiện với nội dung nào và bằng cách nào ? Sự phân định công việc giữa đảng ủy và giám đốc ra sao để khi thực hiện nhiệm vụ không chồng chéo, sự lãnh đạo của Đảng không rơi vào tình trạng bao biện hoặc buông lỏng ?

Thực hiện được điều đó không đơn giản. Vì thế, trong các doanh nghiệp nhà nước thường xuất hiện *hai* hiện tượng trái ngược nhau : *một là*, tổ chức đảng tự buông lỏng sự lãnh đạo của mình rồi đổ lỗi cho Quyết định 217/HĐBT của Hội đồng bộ trưởng là "217 đẩy Đảng ra ngoài" ; *hai là*, tổ chức đảng vẫn cố tình bao biện, lấn sân của giám đốc, chẳng những không hỗ trợ, không tạo điều kiện để giám đốc thực hiện tốt trách nhiệm và quyền hạn được giao, mà còn cản trở công việc của giám đốc.

Khảo sát thực tế ở XN, chúng tôi không thấy có hai hiện tượng nêu trên. Đảng bộ ở đây vẫn giữ được vai trò lãnh đạo của mình. Mọi hoạt động của xí nghiệp đều ghi rõ dấu ấn lãnh đạo của đảng bộ. Đảng bộ cũng thật sự là chỗ dựa cho giám đốc, bảo đảm và tạo điều kiện thuận lợi cho giám đốc hoàn thành nhiệm vụ chỉ đạo sản xuất, kinh doanh.

Đạt được những điều nói trên là do đảng bộ đã thực hiện tốt một số mặt rất cơ bản sau đây :

1 - *Xác định rõ và đúng chức năng của đảng bộ xí nghiệp*. Đảng bộ XN đã xác định mình là hạt nhân chính trị trong xí nghiệp ; có trách nhiệm lãnh đạo xí nghiệp thực hiện tốt đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân viên chức, hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước, phát huy vai trò chủ đạo của xí nghiệp trong nền kinh tế quốc dân nói

Digitized by Google

chung và trong ngành công nghiệp dệt nói riêng.

2 - *Định hướng đúng và xác định những mục tiêu sát hợp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp*. Đảng bộ XN xác định mình không thể chỉ là hạt nhân chính trị hiểu theo nghĩa chung chung, mà phải tương đối cụ thể. Thí dụ, các vấn đề có quan hệ đến sự tồn tại và phát triển của xí nghiệp như kế hoạch sản xuất, vay vốn và sử dụng vốn, giá thành sản phẩm, tiêu thụ sản phẩm, cải tiến thiết bị, cung ứng vật tư, trật tự kỷ cương của xí nghiệp, đời sống cán bộ công nhân viên chức, v.v. thì đảng bộ (thông qua đảng ủy) phải trao đổi, thảo luận và nêu được phương hướng phấn đấu sát hợp cho hoạt động của xí nghiệp.

Đảng bộ XN đã xác định hoạt động sản xuất kinh doanh của xí nghiệp phải bảo đảm thực hiện được bốn mục tiêu :

- Giữ vững và phát triển sản xuất ; giữ gìn không để máy móc và thiết bị xuống cấp ; từng bước đổi mới trang thiết bị, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước phù hợp với cơ chế thị trường.

- Giữ gìn kỷ cương quản lý, kỷ luật lao động, bảo đảm an toàn lao động, an ninh chính trị, trật tự trong xí nghiệp.

- Thực hiện nghiêm chỉnh các nghĩa vụ đối với nhà nước như giao nộp ngân sách theo chỉ tiêu, bảo toàn và phát triển vốn, bảo đảm công tác quốc phòng an ninh, chính sách hậu phương quân đội, tích cực tham gia các phong trào ở địa phương.

- Bảo đảm việc làm thường xuyên, giữ vững và nâng cao mức thu nhập của công nhân viên chức, bảo đảm sức khỏe và công tác dân số, thực hiện dân chủ, công khai và công bằng xã hội.

Từ định hướng như trên, đảng ủy xác định công tác *trọng tâm* trong từng thời kỳ. Công tác này phải có nội dung, tiến độ và địa chỉ rõ ràng, để các chi bộ lãnh đạo và tổ chức vận động quần chúng cùng thực hiện.

3 - *Làm tốt công tác kiểm tra đảng viên*. Công tác kiểm tra của đảng bộ được thực hiện theo định kỳ 6 tháng một lần đối với tất cả các đảng viên. Đối với đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo thì được kiểm tra và kết luận ngay tại chi bộ. Đối với đảng viên là cán bộ lãnh đạo ở phân xưởng, phòng, ban, thì ủy ban kiểm tra của đảng bộ phối hợp với chi bộ để kiểm tra và kết luận, sau đó báo cáo lên đảng ủy. Đối với đảng viên giữ các chức vụ lãnh đạo cấp xí nghiệp như đảng ủy viên, phó giám đốc, chủ tịch công đoàn, bí thư thanh niên... thì chi bộ kiểm tra, góp ý kiến, còn ủy ban kiểm tra thẩm định và chuẩn bị để tập thể đảng ủy kết luận. Đối với bí thư đảng ủy và giám đốc thì do tập thể cán bộ chủ chốt góp ý kiến và tập thể đảng ủy cùng cơ quan quản lý cấp trên kết luận.

Do công tác kiểm tra đảng viên được tiến hành thường xuyên, nghiêm túc, cho nên những sai phạm của đảng viên được xử lý kịp thời.

4 - *Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên và giữ vững nền nếp sinh hoạt đảng*. Tất cả các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của đảng ủy cấp trên, đều được quán triệt và thông tin đầy đủ đến những đối tượng cần thiết. Trong học tập, đảng viên được tự do thảo luận, tranh luận trong chi bộ, đảng bộ, cuối cùng có giải đáp, kết luận nhằm đạt tới sự nhất trí cao về quan điểm, góp phần bảo đảm sự thống nhất trong đảng bộ, từ đó bảo đảm sự thống nhất trong xí nghiệp.

Đi đôi với việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đảng bộ và các chi bộ duy trì được nền nếp sinh hoạt đều đặn và có nội dung thiết thực, gắn với các hoạt động cụ thể của xí nghiệp.

5 - *Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khá khoa học và có nền nếp*. Đảng bộ XN xác định rõ mục tiêu của công tác này là xây dựng cho xí nghiệp một đội ngũ cán bộ đồng bộ, có đủ phẩm chất và năng lực bảo đảm thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ của xí nghiệp, đồng thời tích cực chuẩn bị cán bộ cho những năm tiếp theo. Quy hoạch cán bộ mà tập thể đảng ủy thông qua là cơ sở cho việc cất nhắc, đề bạt cán bộ ở xí nghiệp.

Nhiều năm qua, công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại xí nghiệp được thực hiện đồng bộ, kịp thời, theo đúng tiêu chuẩn, dân chủ và công khai, nên năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ đương chức được nâng lên rõ rệt, đội ngũ cán bộ dự bị được đào tạo có hệ thống và liên tục, nhiều đồng chí đã được đề bạt vào các cương vị lãnh đạo, quản lý và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

III - *Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tổng giám đốc với đảng ủy và giữa tổng giám đốc với bí thư đảng ủy*

Thực tế cho thấy, ở không ít doanh nghiệp nhà

Digitized by Google

nước, sản xuất không phát triển, kinh doanh thua lỗ, đời sống công nhân viên chức thấp, nội bộ mất đoàn kết... nhiều khi chỉ do không giải quyết tốt mối quan hệ giữa giám đốc với đảng ủy và giữa cá nhân giám đốc với cá nhân bí thư đảng ủy. Ý thức được điều đó, XN đã cố gắng khắc phục tình trạng này. Mối quan hệ giữa tổng giám đốc với đảng ủy nói chung và giữa tổng giám đốc với bí thư đảng ủy nói riêng ở XN đã được xây dựng thành quy chế khá cụ thể. Tổng giám đốc căn cứ vào nghị quyết của đảng bộ xí nghiệp, xây dựng chỉ tiêu kế hoạch, sản xuất, kỹ thuật, tài chính... và cụ thể hóa, quy chế hóa để điều hành mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đảng ủy xí nghiệp thông qua việc thực hiện các nghị quyết của đảng bộ trong cán bộ, đảng viên để kiểm tra, giúp cho công tác điều hành của tổng giám đốc đi đúng quỹ đạo, thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra. Ví dụ, nhiệm kỳ 1991 - 1993, đại hội đảng bộ xí nghiệp đề ra mục tiêu : "Giữ vững sản xuất và nhịp độ đầu tư phát triển, bảo đảm việc làm thường xuyên, ổn định đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên chức, bảo đảm hiệu quả kinh tế, nộp đủ ngân sách nhà nước theo các chế độ chính sách". Căn cứ vào mục tiêu đó, tổng giám đốc đã xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh cho năm 1991, 1992 và cả thời kỳ ; trong đó chú trọng công tác marketing, mở rộng thị trường trong nước, ngoài nước bằng các hình thức liên kết, liên doanh để chiếm lĩnh thị trường. Tổng giám đốc chỉ đạo đầu tư kỹ thuật, đổi mới công nghệ, mua sắm thêm các loại thiết bị nhằm hoàn thiện dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa các mặt hàng sợi và dệt kim. Nhờ đó sản phẩm của xí nghiệp được khách hàng chấp nhận, sản xuất có hiệu quả, bảo đảm đầy đủ việc làm cho hơn 2000 lao động, giữ vững mức thu nhập bình quân trên 400 nghìn đồng/người/tháng ; đồng thời bảo toàn và phát triển được vốn, hoàn thành chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước.

Trong công tác điều hành sản xuất, kinh doanh, lúc gặp sóng gió, khó khăn, tổng giám đốc một mặt linh hoạt ứng xử, mặt khác, kịp thời trao đổi với tập thể đảng ủy xí nghiệp để cùng nhau tìm cách tháo gỡ. Tổng giám đốc không lãnh đạo thay đảng ủy ; ngược lại, đảng ủy không can thiệp vào việc điều hành và chỉ đạo sản xuất, kinh doanh của tổng giám đốc. Ví dụ, đảng ủy coi trọng công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, nhưng tổng giám đốc là người quyết định đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bố trí cán bộ theo nhu cầu thực tế của xí nghiệp sau khi đã thăm dò tín nhiệm của quần chúng và có ý kiến của đảng ủy. Mọi kế hoạch, biện pháp điều hành sản xuất, kinh doanh do tổng giám đốc đề ra đều được tập thể đảng ủy thảo luận và có ý kiến. Sau khi đã nhất trí, đảng ủy lãnh đạo cán bộ, đảng viên, quần chúng thực hiện, cũng như mọi chủ trương của đảng ủy đều được tổng giám đốc thi hành nghiêm túc.

Giữa cá nhân tổng giám đốc với bí thư đảng ủy đã xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ về trách nhiệm. Mỗi đồng chí đều nêu cao được tinh thần đoàn kết, hợp tác, biết vì lợi ích chung của xí nghiệp và của đảng bộ mà tôn trọng, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ. Tổng giám đốc và bí thư đảng ủy hiểu kỹ cả tâm lý và phong cách của nhau, tôn trọng cá tính của nhau, bỏ qua những chuyện vặt về tác phong có lúc đụng đến cá nhân, chỉ đấu tranh để thống nhất với nhau về những vấn đề có tính nguyên tắc.

Tổng giám đốc và bí thư đảng ủy đều có vai trò chủ chốt tại XN. Trách nhiệm trực tiếp và quan trọng nhất của *tổng giám đốc* là định ra mục tiêu của xí nghiệp, còn của *bí thư đảng ủy* là xác định khâu yếu, những công việc cấp bách và trọng tâm công tác của đảng bộ.

Khi mục tiêu của xí nghiệp đã được xác định thì công việc của tổng giám đốc và bí thư là lập chương trình công tác cho cá nhân mình, tổ chức mình, xác định những việc cần làm cho cán bộ trong hệ thống tổ chức, kiểm tra việc thực hiện theo phương pháp và nghệ thuật riêng của mỗi người. Như vậy, trong công việc, giữa tổng giám đốc và bí thư đảng ủy có những cái chung và những cái riêng, nhưng tất cả đều nhằm thực hiện nhiệm vụ chung của xí nghiệp với hiệu quả cao. Cả tổng giám đốc và bí thư đảng ủy đều xác định rõ mình vừa là người lãnh đạo vừa là người bị lãnh đạo của nhau.

Xác định rõ được những điều nêu trên, cho nên, trong nhiều năm qua, mối quan hệ giữa tổng giám đốc và bí thư đảng ủy ở XN không có sự "trục trặc" đáng tiếc. Đó cũng là một trong những yếu tố bảo đảm sự ổn định và phát triển của xí nghiệp.

Digitized by Google

Mấy kinh nghiệm về GIAO ĐẤT GIAO RỪNG *ở Bắc Thái*

NGUYỄN VĂN VIỆT*

HIỆN nay, ở nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới, có tình trạng phá rừng làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Việc bảo vệ rừng phòng hộ, rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn đang là vấn đề đặt ra cấp bách đối với nhiều nước. Ở nước ta, việc giao đất giao rừng đang từng bước được tiến hành ở các tỉnh trung du và miền núi nhằm phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ rừng tự nhiên, rừng phòng hộ và rừng đầu nguồn. Bắc thái là tỉnh có kinh nghiệm và bước đầu đạt được hiệu quả kinh tế về giao đất giao rừng, tổ chức lại nghề rừng theo hướng *lâm nghiệp xã hội*.

Bắc thái là tỉnh có diện tích tự nhiên 6503 km^2 với số dân 1053000 người. Diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp khoảng 404000 ha, gồm : rừng *phòng hộ* (110131 ha), rừng *đặc chủng* (34 361 ha), rừng *sản xuất* (242 777 ha), đất khác (16 411 ha). Trữ lượng gỗ rừng tự nhiên khoảng 5 948 227 m^3, trong đó rừng phòng hộ : 2 266 022 m^3, rừng sản xuất : 3 622 205 m^3. Vầu nứa có khoảng 83,2 triệu cây. Thực hiện việc phủ xanh đất trống đồi trọc, Bắc thái 4 năm qua đã trồng được 32 000 ha rừng.

Hiện nay, Bắc thái là tỉnh trọng điểm của nước ta về thực hiện dự án PAM 3352. Dự án này được triển khai từ 1-7-1989, với 4 mục tiêu :

- Cung cấp củi, gỗ cho nhân dân vùng thấp và thành phố, để hạn chế khai thác củi ở rừng tự nhiên.
- Phủ xanh đất trống, đồi trọc, để góp phần cải tạo môi trường sinh thái.
- Giải quyết việc làm cho người lao động, góp phần ổn định canh tác trên đất đồi.
- Tạo vốn ban đầu và phổ cập kỹ thuật lâm nghiệp cho nhân dân.

Do tính chất ưu việt của dự án, nhiều hộ nông dân đã nhiệt liệt hưởng ứng, và việc trồng cây gây rừng đã nhanh chóng trở thành phong trào quần chúng rộng rãi ở Bắc thái.

Nhờ thực hiện mạnh dạn chính sách giao đất giao rừng ổn định lâu dài, cộng với việc sử dụng có hiệu quả nguồn tài trợ của PAM đến từng hộ nông dân, Bắc thái đã nâng được mức diện tích trồng rừng. Năm 1992, tỉnh đã nghiệm thu 34083 ha rừng, đạt 108,56% so với kế hoạch. Dự án PAM đã được triển khai ở 10 huyện, 153 xã, với 23 437 lượt hộ tham gia. Nhiều hộ đã giàu lên do kinh doanh nghề rừng, và xu hướng hình thành các trang trại nông - lâm kết hợp đã trở thành hiện thực.

Trên cơ sở phát huy những kết quả đã đạt được, năm 1993, ngoài việc phấn đấu hoàn thành phủ xanh đất trống đồi trọc, Bắc thái còn có kế hoạch mở rộng 4000 ha rừng đặc sản như : trúc, hồi, quế, mơ, cây ăn quả. Nếu các dự án trồng rừng và bảo vệ rừng được thực hiện có kết quả, thì chẳng bao lâu nữa rừng Bắc thái sẽ được phục hồi, môi trường sinh thái sẽ được cải thiện, nhân dân trong tỉnh sẽ giàu thêm nhờ tăng thu nhập từ kinh tế rừng.

*

Từ thực tiễn của việc giao đất giao rừng ở Bắc thái, có thể rút ra một số kinh nghiệm chủ yếu sau đây :

1 - *Tổ chức lại lâm trường quốc doanh theo hướng lâm nghiệp xã hội.*

Để phát triển nghề rừng theo hướng lâm nghiệp xã hội, chúng ta không thể duy trì cách tổ chức quản lý các lâm trường quốc doanh theo mô hình cũ. Nhà nước không thể cứ hằng năm rót vốn ngân sách để phát triển rừng và bảo vệ rừng, nhưng hiệu quả thu được chẳng bao nhiêu, không những rừng vẫn tiếp tục bị tàn phá mà việc tái tạo, phát triển rừng cũng không được chú ý đúng mức.

Để khắc phục tình trạng bao cấp trong lâm trường quốc doanh, Chính phủ những năm gần đây đã ban hành một loạt chính sách về đổi mới quản lý, trong đó có chính sách giao đất giao rừng cho hộ nông dân và công nhân quản lý sử dụng ổn định lâu dài. Nhiều lâm trường quốc doanh đã mạnh dạn giao đất giao rừng cho hộ công nhân chủ động canh tác ; còn lâm trường chỉ làm chức năng dịch vụ khoa học kỹ thuật, dịch vụ đầu vào và đầu ra, tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế hộ công nhân phát triển nghề rừng. Tuy nhiên, đối với những cánh rừng ở nơi xa xôi heo lánh, ít người đặt chân đến, thì lâm trường còn tiếp tục quản lý.

---

* Giám đốc Sở lâm nghiệp Bắc thái

Digitized by Google

Hiện nay Bắc thái có 10 lâm trường quốc doanh thì có 2 lâm trường do *tỉnh* quản lý (là Đại từ và Đồng hỷ) và 8 lâm trường do *huyện* quản lý (là Chợ đồn, Định hóa, Na rì, Võ nhai, Bạch thông, Phú lương, Phổ yên và Phú bình). Việc tồn tại lâm trường quốc doanh trên địa bàn huyện là một tất yếu khách quan nhằm quản lý tốt hơn rừng và đất rừng. Đương nhiên, các lâm trường quốc doanh cần có dự án trồng rừng và quy hoạch rừng gắn với quá trình chuyển đổi cơ chế nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao. Những lâm trường quốc doanh nào tiếp tục thua lỗ, không thích ứng được với cơ chế mới, thì cần sáp nhập lại hoặc giải thể. Với phương châm xây dựng lâm trường quốc doanh trên cơ sở hiệu quả kinh tế, Bắc thái nhìn chung, coi trọng mô hình lâm trường quốc doanh gọn nhẹ, thích ứng với điều kiện cụ thể từng vùng, có tác dụng thiết thực đối với đời sống kinh tế xã hội ; không để tình trạng lâm trường quốc doanh sử dụng rừng và đất đai quá khả năng sản xuất kinh doanh. Hoạt động dịch vụ của các lâm trường quốc doanh trong thời gian tới sẽ chuyển mạnh sang thực hiện chức năng làm chủ dự án và dịch vụ khoa học kỹ thuật, dịch vụ sản xuất, tổ chức chế biến, liên kết kinh tế, cung cấp thông tin và thị trường, tiêu thụ sản phẩm hai đầu trên địa bàn huyện. Làm được như vậy, các lâm trường quốc doanh một mặt sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế hộ gia đình phát triển, mặt khác sẽ tạo môi trường thực hiện có hiệu quả phương thức nông - lâm kết hợp trên địa bàn toàn tỉnh.

2 - *Đẩy mạnh công tác định canh định cư nhằm phát triển nghề rừng.*

Hiện nay, ở Bắc thái cũng như ở nhiều tỉnh miền núi phía bắc, vẫn còn tình trạng đồng bào các dân tộc sống du canh du cư, do đó nạn phá rừng để làm nương rẫy và chỗ ở còn rất nghiêm trọng. Biện pháp quan trọng để khắc phục tệ nạn này chính là nhanh chóng ổn định việc giao đất giao rừng và tạo cơ sở vật chất kỹ thuật cho đồng bào các dân tộc thực sự ổn định cuộc sống, từng bước phát triển nghề rừng theo hướng lâm nghiệp cộng đồng hay lâm nghiệp xã hội.

Những năm qua, Bắc thái đã tiến hành công tác định canh định cư và bước đầu đạt được hiệu quả tương đối tốt. Tính đến hết năm 1992, Bắc thái đã vận động định canh định cư được 3737 hộ gia đình, 24 376 khẩu. Phần lớn số hộ này là hộ đồng bào Dao và Mông ở 64 xã thuộc 6 huyện miền núi : đồng bào Dao - 3127 hộ, 20 245 khẩu, 122 bản ; đồng bào Mông - 429 hộ, 2915 khẩu, 18 bản. Với số vốn đầu tư của nhà nước, đồng bào đã khai hoang được 644 ha, trồng được 200 ha cây công nghiệp, 430 ha rừng, xây 33 công trình thủy lợi nhỏ, mở 123 km đường dân sinh, xây dựng 44 lớp học, 8 trạm xá và một số công trình phúc lợi. Do có sự chỉ đạo của tỉnh ủy và ủy ban tỉnh cùng các ngành hữu quan, nhiều cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ quản lý giàu kinh nghiệm đã xuống từng địa bàn giúp cơ sở, nên công tác định canh định cư có hiệu quả thiết thực. Đáng chú ý là đã có 37 bản ổn định về đời sống, như Chòi Hồng (Võ nhai), Vân lắng (Đồng hỷ), Tân cư (Bạch thông)...

Bên cạnh mặt tốt, công tác định canh định cư ở Bắc thái còn có mặt hạn chế là vốn ít mà rải ra nhiều điểm nên hiệu quả chưa cao. Thực tế cho thấy, vẫn còn khoảng 70 - 80% số hộ dân tộc vùng cao là các hộ nghèo, thiếu ăn, diện tích canh tác bình quân thấp (260 m^2/lao động), tỷ lệ mù chữ cao, nhiều cháu phải bỏ học vì gia đình nghèo. Vấn đề đặt ra là nhà nước cần quan tâm nhiều hơn, giúp đồng bào miền núi phát triển sản xuất, tiến kịp miền xuôi.

Khắc phục những nhược điểm nêu trên, từ đầu năm nay Bắc thái tập trung mọi sức lực cho công tác định canh định cư, chỉ đạo tập trung theo phương châm "làm đâu chắc đấy", thực hiện đầu tư có trọng điểm và bảo đảm tiến độ đã dự kiến. Trước hết, tỉnh đã rà soát và hoàn thành dứt điểm phương án giao đất giao rừng (cấp lâm bạ) để đồng bào yên tâm bỏ vốn phát triển kinh tế gia đình, trồng rừng và bảo vệ rừng. Ở những nơi đồng bào còn dựa vào nương rẫy để giải quyết lương thực, thì trong giai đoạn đầu, có thể giao thêm đất rừng để họ làm nương rẫy luân canh và đẩy mạnh thâm canh, trồng cây công nghiệp hàng hóa, xóa dần phương thức sản xuất du canh. Mặt khác, tỉnh đã thực hiện chuyển giao một số diện tích đất của nông trường và của quân đội cho đồng bào chuyển cư từ nơi khác đến có đất đai canh tác ổn định. Riêng năm 1992, với ngân sách trung ương đầu tư 1300 triệu đồng và ngân sách địa phương đầu tư hơn 600 triệu đồng, đồng bào đã khai hoang được 146 ha, trồng được 100 ha chè, xây dựng 5 tuyến đường dân sinh và làm 6 công trình thủy lợi nhỏ. Đương nhiên, để thực hiện tốt hơn công tác định canh định cư, nhà nước cần quan tâm hơn nữa đối với đồng bào miền núi nói chung và đồng bào Bắc thái nói riêng, cụ thể chú ý đầu tư thêm vốn, cho hưởng lãi suất ưu đãi để phát triển nghề rừng, thực hiện các chính sách xã hội...

3 - *Xây dựng mô hình hộ kinh tế gia đình theo hướng nông lâm kết hợp.*

Cơ sở để xây dựng mô hình nói trên là việc trao quyền sử dụng rừng và đất rừng ổn định lâu dài cho hộ gia đình. Bắc thái đã thực hiện chủ trương giao đất giao rừng từ năm 1984 (theo Quyết định 184 HĐBT về giao đất giao rừng cho lâm trường quốc doanh, hợp tác xã, các đơn vị quân đội, trường học). Song do ảnh hưởng của chế độ bao cấp, chính sách giao đất giao rừng lúc đó còn mang tính nửa vời, tác dụng thấp ; tình trạng rừng và đất rừng không có chủ cụ thể vẫn còn, rừng tiếp tục bị tàn phá. Năm 1988, sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, Bắc thái đã chuyển sang phương thức giao đất giao rừng cho hộ

Digitized by Google

gia đình chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh. Từ đó đến cuối năm 1992, đã giao được cả thảy 43 887 ha rừng và đất rừng cho 17 973 hộ. Ngoài ra, còn có hàng chục ngàn héc ta rừng trồng theo dự án PAM do các hộ gia đình trồng và trực tiếp quản lý chăm sóc có hiệu quả tốt. Với phương châm chỉ đạo mọi đất rừng (kể cả rừng kinh tế, rừng phòng hộ và các khu bảo tồn thiên nhiên) đều có người làm chủ trực tiếp, kết hợp lâm nghiệp với nông nghiệp, gắn với công nghiệp khai thác và chế biến, kinh doanh tổng hợp đất rừng, dự kiến trong những năm 1993 - 1995 Bắc thái sẽ giao khoảng 100 000 ha rừng và đất rừng cho 30000 hộ.

Thực tế ở Bắc thái đã xuất hiện nhiều mô hình hộ có quy mô sản xuất từ 10 - 15 ha rừng trồng và thu nhập từ 10 đến 20 triệu đồng/năm. Các hộ gia đình muốn nhà nước thực hiện giao đất giao rừng ổn định lâu dài. Nhà nước quản lý bằng pháp luật và các hộ gia đình tiến hành sản xuất kinh doanh theo quy hoạch, nghiêm chỉnh chấp hành chính sách thuế... Đương nhiên, để nghề rừng phát triển theo hướng nông lâm kết hợp, cần xây dựng dự án cho sát hợp với thực tế. Lâm trường quốc doanh sẽ giúp các hộ gia đình làm dịch vụ khoa học kỹ thuật, cung ứng giống cây, giống con, giải quyết việc thu mua sản phẩm hàng hóa. Hiện nay, các lâm trường quốc doanh ở Bắc thái được giao quản lý 61 326 ha rừng và đất rừng. Từng lâm trường quốc doanh đã chuyển sang giao khoán quản lý kinh doanh rừng cho các hộ công nhân lâm trường và các hộ gia đình làm kinh tế theo quy hoạch của từng vùng.

Điều khó khăn nhất đối với các hộ gia đình làm nghề rừng là nguồn vốn. Muốn phát triển nghề rừng theo hướng nông lâm kết hợp, hình thành các chủ trang trại lớn, nhà nước cần có sự đầu tư thích đáng về vốn (cho vay với lãi suất ưu đãi), cho phát triển kinh tế hộ. Bởi vì, đặc thù của nghề rừng là vốn quay vòng chậm, thời gian thu hồi sản phẩm hàng hóa dài, khả năng về vốn của các hộ lại có hạn.

Trên đây là những kinh nghiệm bước đầu của Bắc thái về giao đất giao rừng. Để nghề rừng phát triển theo hướng hiện đại, nhà nước cần hoàn thiện về các chính sách kinh tế, chính sách xã hội..., nhằm thúc đẩy nghề rừng ở nước ta từng bước đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu quan trọng là lấy rừng nuôi rừng, tiến tới tái sản xuất mở rộng và tăng thêm tích lũy, góp phần thúc đẩy nền kinh tế phát triển mạnh mẽ.

NHẬN HUY CHƯƠNG CAO QUÝ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TRAO TẶNG

Vừa qua, đúng vào dịp kỷ niệm lần thứ 62 Ngày thành lập Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh (26-3-1931 - 26-3-1993), tại trụ sở Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*, đồng chí Hồ Đức Việt, Bí thư thứ nhất BCH TƯ Đoàn, đã trao tặng *Huy chương vì thế hệ trẻ* (huy chương cao quý nhất của Trung ương Đoàn) cho đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản và *Huy Chương danh dự Đoàn TNCS Hồ Chí Minh* (huy chương cao quý của Trung ương Đoàn) cho đồng chí Nguyễn Tiến Hải, Trưởng ban Xây dựng Đảng của Tạp chí Cộng sản. Đây là sự ghi nhận những đóng góp tích cực và có hiệu quả của *Tạp chí Cộng sản* đối với hoạt động của Đoàn thanh niên và phong trào thanh, thiếu niên nước ta.

Digitized by Google

HỌC NGƯỜI XƯA

NHỊ LÊ

CÁCH đây hơn hai trăm năm, nhà bác học Lê Quý Đôn đã từng thốt lên rằng, có năm tai họa sẽ làm mất nước, nếu không ngăn chặn nó. Ấy là : 1 - Trẻ không kính già ; 2 - Trò không trọng thầy ; 3 - Binh kiêu tướng thoái ; 4 - Tham nhũng tràn lan ; và 5 - Sỹ phu ngoảnh mặt.

Với ta, hiện nay, nếu thống kê đầy đủ, xâu dây những kẻ tham nhũng và tất cả tài sản bị thất thoát do nạn tham nhũng gây ra thì khó có bút mực nào ghi hết. Thử hỏi, số người tham nhũng là mấy ? Thật khó ai mà trả lời đúng. Thử hỏi, tổng giá trị tài sản nhà nước bị thất thoát do tham nhũng là bao nhiêu ? Cũng khó ai ghi sổ hết được. Vì tất cả những ai, những gì chúng ta biết đều chỉ là phần nổi của tảng băng dưới nước mà thôi.

Mấy năm qua, chúng ta đã ban hành một số văn bản ở tầm vĩ mô để ngăn chặn tệ tham nhũng. Và trên thực tế, ta đã không trừ một phương sách nào, từ khuyến cáo, khuyên răn, chỉ thị đến sự ra quân đồng bộ trên quy mô cả nước, từ trung ương tới cơ sở, thậm chí sử dụng cả mức rất cao trong khung hình phạt của bộ luật hình sự để ngăn chặn mối họa đó.

Thế nhưng, tham nhũng cứ như cái đầu Phạm Nhan vậy, chém rồi lại mọc ra. Quy mô càng lớn, tính chất càng nghiêm trọng. Thủ đoạn càng tinh vi, hậu quả càng ghê gớm. Vì sao vậy ?

Phải chăng chúng ta vội vàng, nôn nóng ? Có thể ví quốc nạn như một cuộn chỉ rối ; muốn gỡ chỉ rối thì không thể nóng nảy, như sách *Cung toại truyện* từng ghi.

Phải chăng chúng ta do dự, thiếu kiên quyết ? Thực tế ngày càng cho thấy, việc đáng làm thẳng tay mà không thẳng tay thì thường bị hại, như sách *Hán thư* từng răn, thật chẳng sai.

Phải chăng chúng ta chưa tìm được cái "huyệt" để "điểm" ? Lấp nước không lấp từ nguồn, tự nhiên nước cứ chảy ; chặt cây, không chặt tận gốc, cây lại nảy mầm - điều mà *Sử Tô* nói cách đây dẫu ngót cả nghìn năm, vẫn đúng.

Ông cha ta ngày xưa nhân hậu lắm nhưng cũng nghiêm khắc lắm. Chiếu, biếu, khuyên răn không đủ thấu thì tước đoạt tài sản, lưu đầy viễn xứ và xử trảm nữa. Cách đây ngót hai trăm năm, vua Minh Mạng đã phải ra lệnh chặt tay viên đong lương rồi lấy máu bôi lên mặt các nhân viên khác vừa để trừng trị tội tham nhũng vừa để ngăn ngừa việc coi thường pháp luật. Và cách đây hơn năm trăm năm, vào thời Hồng Đức, kẻ nào ăn hối lộ từ một đến chín quan là bị hạ chức hoặc bãi chức ; từ 10 đến 19 quan là bị bắt giam, phải làm việc khổ sai hoặc bị đầy đi nơi xa ; từ 20 quan trở lên thì bị tử hình. Mới hơn bốn chục năm về trước, việc Cụ Hồ ký án tử hình Trần Dụ Châu, nguyên đại tá, cục trưởng Cục quân nhu, thiết nghĩ bài học vẫn còn nguyên giá trị. Ngày 26-1-1946, Cụ Hồ ký "Quốc lệnh". Ở điều 8, phần phạt, "Quốc lệnh" ghi rõ : "Trộm cắp của công sẽ bị xử tử". Cái uy của quốc gia, thiết nghĩ, là ở đó. Trị một người để răn muôn người, cái ân của quốc gia, là ở đó. Giờ đây, tham nhũng đã trở thành "quốc nạn" thì ta có cần một "Quốc lệnh" không ?

Trong 7333 vụ tham nhũng, ta chỉ mới truy tố 4143 vụ và chỉ đưa ra xét xử 3273 vụ, trong đó có tới 36% xử án treo và cảnh cáo trước tòa ; và trong 803 vụ khởi tố tệ buôn lậu, chỉ truy tố 330 vụ và đưa ra xét xử 383 vụ, qua suốt hai năm 1990 - 1991. Luật pháp nhà nước phải chăng "mềm yếu" trước tệ nạn này ?

Tất nhiên, những kẻ tay đã nhúng chàm thì phải chịu tội. Còn những người "nối giáo cho giặc", tiếp tay cho tham nhũng nhưng "ném đá giấu tay" thì sao ? Ông cha ta xưa đã tiên liệu cả những hành vi có thể tạo điều kiện cho tham nhũng phát sinh. Cũng vào thời Lê Thánh Tông, Bộ luật Hồng Đức quy định : đã làm cận thần thì không được giao du và quà cáp với người bên ngoài, nếu vi phạm thì cả hai đều bị tội giam cầm hoặc lưu đầy viễn xứ ; xử phạt đến mức giam cầm cả những kẻ cầu cạnh lẫn môi giới để quan làm điều trái pháp luật ; những người mượn tiếng thân thích nhà quan (kể cả vợ, nàng hầu và những người thân với họ) để làm bậy, có thể bị xử tội giam cầm. Nay, xem qua các vụ tham nhũng, ít thấy vụ nào không dính líu đến những việc đại loại như vậy. Thế mà sao ta ít xử quá ?

Người ta đang nói : "Rút dây sợ động đến rừng", và e ngại rằng khó có thể chống được tham nhũng vì trên đầu những kẻ tham nhũng còn có ô che. Làm sao có thể "bẻ nạng chống trời" ? Thực tế không hiếm vụ tham nhũng chỉ vì có ô che, có những "liên minh ma quỷ", mà bị gác xó, bị "quên đi". Tiện đây, lại nói chuyện xưa, ông cha ta nói rất rõ : Cử người mà không cử được người giỏi, thì dù không có tiêu cực bên trong, cũng đáng bị hạ chức hoặc bị trách nhiệm hình sự rồi ; còn nếu vì tình riêng hoặc vì tiền, thì phải xử nặng thêm hai bậc. Xưa còn như vậy, huống chi bây giờ ?

Ai tham nhũng và ai chống tham nhũng ? Người dân đang buồn vì chuyện ấy. Rải rác ở địa phương này, địa phương khác, ngành này, ngành khác, người ta đã thấy, có những người dính vào tham nhũng lại làm trưởng ban chống tham nhũng ; "chống ai thì chống, xin chừa tôi ra". Thử hỏi, như thế thì làm sao có thể chống được tham nhũng ?

Có lẽ cũng chẳng cần đến một tòa án đặc biệt để xử tội tham nhũng, mà hãy thật sự dựa vào nhân dân. Tai mắt, sức mạnh nước nhà đều ở dân cả. Hãy tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để dân nói, làm, và bảo vệ dân. Vì nhân dân, tuy rất nghiêm khắc, không để bất cứ ai yên nếu họ làm hại quốc gia, song cũng rất nhân hậu, sẵn sàng đón nhận lại bất cứ ai nếu họ biết tu tỉnh. Ai thành tâm hối cải và sửa lỗi thì được khoan hồng, còn ai ngoan cố thì đương nhiên phải chịu hình pháp. Ngày xưa, ở bên Trung Quốc, vào thời Hán-Sở tranh hùng, Lưu Bang chỉ hơn Hạng Vũ khi biết dùng ba người mà lấy được thiên hạ. Ngày nay, trong tay chúng ta với bảy chục triệu dân, nếu không dựa hẳn vào nhân dân, tin chắc rằng, quốc nạn vẫn nguyên là quốc nạn.

Digitized by Google

SỰ SỤP ĐỔ CỦA CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Ở LIÊN XÔ CŨ

Với sự tan vỡ của Liên xô, hơn mọi lĩnh vực khác, công tác nghiên cứu khoa học đang đứng trước một tình hình thảm hại. Tất cả các trung tâm nghiên cứu và cơ sở thí nghiệm đều tan rã, nhiều chuyên gia lớn đã bắt đầu bỏ đi. Giô-rét A.Mét-vê-đép, nhà sinh học nổi tiếng, lưu vong sang Anh từ năm 1973, mới đây đã về thăm Nga. Ông phác ra một bức tranh rất đáng lo ngại về sự sụp đổ của nền khoa học xô viết mà toàn thế giới có thể cùng chịu những hậu quả. Dưới đây là phần chính trong bài báo đó.

HỒI năm 1971, lúc tôi đi thăm Đúp-na lần đầu tiên, đây quả là một thành phố nhỏ xinh đẹp, tự hào về tấm gương chuẩn mực của khoa học xô viết. Nằm cách Mát-xcơ-va 150 km về phía Bắc, thành phố hoàn toàn mới tinh với những tòa nhà theo kiểu Anh dành cho các nhà khoa học. Đường phố sạch bóng, cây cối xanh tươi ; xe đạp trên đường phố nhiều hơn ô tô, chứng tỏ lớp trẻ chiếm tỷ lệ cao trong một số dân khoảng 60 000 người. Đúp-na được xây dựng phỏng theo kiểu nhà thí nghiệm vật lý hạt của CERN (1) ở Giơ-ne-vơ. Do 12 nước trong COMECON cùng đóng góp về ngân sách và đội ngũ các nhà nghiên cứu để xây dựng nên, Viện nghiên cứu chung về nguyên tử được Liên xô cung cấp phần lớn ngân quỹ và các dự án nghiên cứu. Một số tòa nhà tựa như những pháo đài, chứa những cỗ máy gia tốc độc nhất dùng cho việc nghiên cứu vật lý hạt nhân và vật lý hạt, các xi-clô-tơ-rôn, xin-crô-tơ-rôn, các tô-ca-mac, các lò phản ứng cực nhanh dùng cho việc nghiên cứu các prô-tôn, mê-đôn, quac và các hạt cơ bản khác. Trong lúc lắp đặt xây dựng, nhiều máy móc trong số đó đã là những thiết bị lớn nhất và đắt tiền nhất thế giới. Hàng tỉ rúp đã được đầu tư cho việc phân tích tổng hợp những hạt nhân nguyên tử mới tồn tại ngắn ngày trong lĩnh vực sau u-ra-ni. Một số trong các hạt nhân mới đó được sản xuất bằng sự phối hợp ở Đúp-na, nặng hơn cả u-ra-ni, mang tên những nhà nghiên cứu Nga hay Liên xô. Hạt số 104 chẳng hạn, được gọi là cuốc-sa-tô-vi-um, để tỏ lòng tôn kính ông I-go Cuốc-sa-tốp, người sáng lập viện Đúp-na và là cha đẻ của bom nguyên tử xô viết.

Tháng 11-1991, tôi lại trở về Đúp-na để thuyết trình về sự tồn tại của nền khoa học Anh trong một nền kinh tế thị trường. Đúp-na tựa như một thành phố ma. Đường phố ánh sáng lù mù. Cửa hàng trống rỗng hoặc đóng cửa. Khách sạn quốc tế hiện đại, nằm bên bờ sông Vôn-ga, vắng khách. Nhà hàng ăn đóng cửa, và tôi đã phải ra phố kiếm cái ăn. Không còn quán cà phê. Không còn nhà hàng ăn trên các đường phố mang tên các nhà bác học xô viết lừng danh. Cuối cùng, trên đường phố Cuốc-sa-tốp, tôi thấy một dòng người dài nối đuôi nhau chờ mua bánh mì, món hàng duy nhất trong siêu thị địa phương này. Các nước trong COMECON trước kia đã ngừng gửi tiền và các nhà khoa học tới. Hơn nữa, chẳng ai biết được sẽ còn có một sự đóng góp nào của Liên xô cũ cho năm 1992 hay không, và viện đã không có ngân quỹ dự kiến cho năm này.

Nhiều thiết bị lớn dùng trong nghiên cứu vật lý hạt nhân và vật lý hạt ở Đúp-na và ở các viện khác gắn với Viện hàn lâm khoa học, giờ đây không được sử dụng. Chi phí cho hoạt động máy gia tốc khổng lồ 120 km Xéc-pu-cốp hay những kính thiên văn vô tuyến ở bắc Cap-ca-dơ đều quá cao trong tình hình khủng hoảng kinh tế và chính trị ở Liên xô cũ hiện nay. Và còn nói gì đến tàu con thoi không gian cuối cùng Bu-ran, đã được trắc nghiệm trong các chuyến bay không mang theo người đã tiêu tốn 20 tỉ rúp !

Sự hỗn loạn lại chỉ gia tăng, đúng ngay sau thất bại cuộc đảo chính tháng 8 năm 1991, một số nước cộng hòa đã quyết định quốc gia hóa các thiết bị của Liên bang nằm trên lãnh thổ của họ và tịch thu các tài sản của Liên xô cũ. Chính phủ trung ương, trước kia gồm khoảng 80 bộ và ủy ban nhà nước cực mạnh, đã trở nên thừa, và không còn tồn tại, cũng như chức vụ tổng thống Liên xô. Trong những cơ quan bị xóa sổ, có các ủy ban nhà nước về khoa học và công nghệ, về sử dụng năng lượng nguyên tử, về khí tượng và tài nguyên thiên nhiên, có các bộ y tế, giáo dục và tất cả các bộ công nghiệp. Thẩm quyền của các cơ quan đó đã được phân chia giữa những nước cộng hòa khác nhau. Sự cải tổ vội vã đó đã làm cho không chỉ các cơ quan nghiên cứu quốc tế như Đúp-na, mà cả hàng trăm phòng thí nghiệm và viện nghiên cứu công nghiệp, y tế, nông nghiệp và sinh thái lâm vào tình trạng không có kinh phí hoạt động.

... Như vậy, tình cảnh của các tổ chức nghiên cứu thật là thảm hại. Nếu các thành viên khác nhau của Liên xô cũ không thiết lập được một ủy ban phối hợp về khoa học

(1) CERN : Hội đồng châu Âu về nghiên cứu hạt nhân.

Digitized by Google

GIÔ-RÉT A.MÉT-VỆ-ĐÉP

Các nhà khoa học đứng trước thất nghiệp và lưu vong *

thì tiềm năng khoa học và kỹ thuật vô cùng to lớn của Liên xô sẽ bị phá hủy. Bởi vì khoa học cơ bản đặc biệt dễ bị tổn thương. Tình trạng thiếu thốn kéo dài các sản phẩm cơ bản cần thiết cho cuộc sống hằng ngày đang dẫn các nhà chính trị tới chỗ sao nhãng khoa học. Ngày xưa, chính phủ Liên xô luôn muốn có uy tín, đã hết sức ưu đãi công tác nghiên cứu khoa học. Các thành phố dành cho khoa học, rất được ưu đãi, chúng quả là những nhà kính thực nghiệm mà ở đó có thể nảy nở những tài năng và thai nghén những phát minh. Một số thành phố đó gồm những trường chuyên dành cho trẻ em có năng khiếu đặc biệt trong Liên bang, được tuyển lựa trên khắp đất nước qua các kỳ thi tuyển về trí thông minh. Trong các thành phố đó, có nhiều thành phố đã nổi tiếng trên thế giới : A-ca-đem-gô-rô-đoóc, gần Nô-vô-xi-biếc, với 47 viện nghiên cứu, Đúp-na, Ôp-nin-xcơ, Pu-si-nô, Dê-lê-nô-grat, Tréc-nô-gô-lốp-ca, và một số khác nữa đã nổi tiếng trong các nhà vật lý, các nhà hóa học, các nhà sinh học hoặc các chuyên gia công nghệ trên toàn thế giới. Các thành phố khoa học đã bị ảnh hưởng đặc biệt bởi cuộc khủng hoảng kinh tế chính trị. Gần một nửa số nhà khoa học đang công tác ở đấy, và một phần còn lớn hơn nữa các nhân viên kỹ thuật, sẽ dôi ra trong năm 1992. Và ở những trung tâm chuyên về hoạt động có một không hai như vậy, khó mà có các khả năng khác tạo việc làm. Những cố gắng tuyệt vọng để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài và thiết lập các doanh nghiệp chung về công nghệ hoặc công nghệ sinh học, đến nay đã không dẫn tới những dự án đứng vững được.

Sự tan rã cơ cấu kinh tế và chính trị của Liên xô sẽ phá hủy một kết cấu hạ tầng nghiên cứu và phát triển cực kỳ tinh vi đã được thiết lập từ hàng chục năm nay. Nó cũng sẽ ảnh hưởng đến nhiều dự án nghiên cứu của phương Tây, đặc biệt là trong các lĩnh vực vật lý hạt nhân hoặc chinh phục không gian, những dự án hoặc gắn với cuộc thi đua, sự hợp tác giữa Đông và Tây, hoặc gắn với những chương trình quân sự. Mặt khác, cuộc khủng hoảng còn gây tai họa lớn không chỉ cho các dự án thực nghiệm tốn tiền, mà cả cho các công trình nghiên cứu về toán học và vật lý lý thuyết, những lĩnh vực mà người xô viết trước đây thường đứng ở vị trí tiên phong. Viện toán học Xte-clốp, Viện vật lý lý thuyết Lan-đao, Viện vật lý Lê-bê-đép ở Mát-xcơ-va từng là những trung tâm cự phách nổi tiếng trên toàn thế giới, đã sản sinh nhiều giải thưởng Nô-ben. Các viện đó mất đi sẽ kéo theo một sự nghèo đi đáng kể đối với khoa học thế giới, bởi lẽ trên nhiều đề tài các trường phái xô viết có cách tiếp cận hoàn toàn độc đáo.

Hơn nữa, sự suy sụp đó sẽ hạn chế nghiêm trọng khả năng tái thiết và hiện đại hóa cơ sở công nghiệp khi cơn bão chính trị kết thúc. Người ta có thể so sánh tình hình đó với tình hình rất tồi tệ mà Liên xô đã trải qua trong những năm 1945 - 1948. Sau những thử thách của cuộc chiến tranh hủy diệt hồi bấy giờ, đất nước đã khốn khổ về nạn đói kém trở lại, về khẩu phần ăn ngặt nghèo, về cuộc khủng hoảng tài chính sâu sắc... Thế nhưng, chính phủ vẫn dành những ưu tiên cho khoa học và giáo dục, xuất phát từ ý nghĩ lựa chọn như vậy là cần thiết nếu Liên xô muốn trở thành một cường quốc kinh tế và chính trị sánh được với Hoa kỳ. Các tòa nhà đồ sộ của Trường đại học Mát-xcơ-va xây dựng thời bấy giờ, là một biểu tượng của quan điểm ưu tiên cho khoa học và giáo dục nói trên. Vậy thì tại sao cuộc khủng hoảng chính trị và kinh tế hiện nay lại làm cho tinh hoa của giới đại học xô viết lâm vào tình cảnh thảm hại như vậy ?

Thẳng thắn mà nói, các nhà chính trị không phải là những người duy nhất đáng chê trách. Các nhân vật nổi bật của khoa học xô viết chưa bao giờ thử làm cho các tổ chức nghiên cứu khoa học trở thành một bộ phận khăng khít của khu vực sản xuất trong nền kinh tế. Trên thực tế, nhiều nhà khoa học đã sống sung sướng trong môi trường nhân tạo và che chở của các cơ cấu hàn lâm với rất nhiều cấp bậc và hướng vào uy tín. Các viện hàn lâm siêu sao sinh sôi nảy nở ; nào viện hàn lâm khoa học, nào viện hàn lâm y học, nông học, công nghệ học, xây dựng, sư phạm, tất cả các viện hàn lâm đều được tổ chức theo các hình tháp tương tự ở mỗi nước cộng hòa. Nhiều viện nghiên cứu ứng dụng đã phát triển không phải bên trong một số ngành công nghiệp hoặc gắn liền với các ngành đó, mà ở trong các vụ, cục, các bộ được tập trung hóa. Tồi tệ hơn nữa là cả hai hệ thống viện hàn lâm về nghiên cứu cơ bản và hệ thống các bộ về nghiên cứu ứng dụng đều tách rời

* Bài đăng trên tạp chí Nghiên cứu (La Recherche), xuất bản tại Pháp, số 242, tháng 4-1992, tr 495 - 501

Digitized by Google

các trường đại học tổng hợp và các trường đại học khác. Các khoa học cơ bản không hợp tác với các khoa học ứng dụng, và các chương trình nghiên cứu quân sự lại được tiến hành ở những địa điểm bí mật, hoàn toàn tách rời khoa học dân sự. Nếu thêm vào sự tách rời giữa khoa học và các khu vực công nghiệp và nông nghiệp tình trạng thiếu hẳn sự hợp tác quốc tế, thì sẽ dễ hiểu hơn là tại sao các tổ chức nghiên cứu và phát triển xô viết lại mọc lên như nấm, vừa lớn hơn vừa tốn hơn, và tại sao chúng lại ít đụng tới các thành tích chung của nền kinh tế đến như vậy.

Các thành phố khoa học và các biệt cư hàn lâm tại các thủ đô còn khốn khổ vì sự cách biệt về địa lý. Ở Ki-ép, một trăm viện nghiên cứu sử dụng 10 vạn người. Ở Mát-xcơ-va trên 800 viện nghiên cứu sử dụng gần 1 triệu người, làm cho Mát-xcơ-va trở thành trung tâm khoa học lớn nhất trên thế giới. Năm 1988, tổng số nhà nghiên cứu ở Liên xô lên tới 1 522 000 người. Khoảng 5 triệu người làm việc trong 5111 viện nghiên cứu và trường đại học. Trong số đó, khoảng 1/3 liên quan tới các chương trình quân sự. Ngay những năm gần đây, khi tình hình kinh tế trở nên khó khăn, nhiều viện hàn lâm mới vẫn được thành lập, chẳng hạn Viện hàn lâm khoa học tự nhiên Nga, Viện hàn lâm khoa học Nga, và nhiều viện hàn lâm địa phương khác. Bây giờ, khi Viện hàn lâm khoa học Liên xô (từng là Viện hàn lâm hoàng gia Nga trước năm 1917) đã được đặt tên lại là Viện hàn lâm khoa học Nga, thì sự lộn xộn trở nên rắc rối.

Nguồn đô la dồi dào do xuất khẩu dầu mỏ Liên xô đưa lại đã dẫn tới trong những năm 1974 - 1984 một sự lãng phí lớn tiền của chi cho việc xây dựng các tòa nhà xa hoa hơn là dành cho việc nghiên cứu thực sự. Khu tây-nam Mát-xcơ-va đầy những tòa nhà khoa học như vậy, đôi khi dáng dấp khá ngoại lai. Chẳng hạn, Viện hóa sinh hữu cơ quá lớn, được xây dựng theo bố cục hai đường xoắn ốc AND*, có một bể bơi cỡ thế vận hội, một phòng tắm hơi và một công viên mùa đông dành cho 200 nhà nghiên cứu của viện. Ngọn tháp mới 25 tầng, với 8 cầu thang máy và những trang trí kỳ lạ trên mái, được xây dựng dành cho Đoàn chủ tịch Viện hàn lâm khoa học Liên xô, đã trở thành một tiêu điểm nổi bật trên bình địa tuyến Mát-xcơ-va. Trong thành phố này, tòa nhà nào có hàng cột cao hơn mức trung bình thường là viện nghiên cứu. Ngân quỹ thực sự của khoa học, cũng như ngân quỹ thực sự của tổ hợp quân sự - công nghiệp không bao giờ được tiết lộ hoặc thảo luận công khai.

Liên xô là một đế chế đặc biệt, được bảo toàn không phải nhờ sức mạnh của một quốc gia thống trị, mà nhờ sức mạnh của một hệ tư tưởng thống trị được đại diện bởi một đảng cộng sản có kỷ luật cao, nhờ sức mạnh của một chính phủ tập trung nghiêm ngặt, nhờ sức mạnh của một quân đội rất lớn và một bộ máy giám sát khắc nghiệt. Nó dường như một khối đá không gì phá vỡ nổi. Với thời gian, dù Liên bang xô viết do nhiều quốc gia hợp thành, một số hình thức của một sự thống nhất thực sự cũng đã xuất hiện. Đất nước trở thành một "liên bang" không phải do luật của một đảng độc nhất hay do sự giám sát thường xuyên của KGB, mà là do có một hệ thống tài chính chung, một nền kinh tế nhất thể hóa cao, một hệ thống giáo dục tổ chức tốt, một dịch vụ y tế khá tốt, một sự phân phối thực phẩm tập trung và một hệ thống giao thông vận tải trù tính để phục vụ lợi ích của một quốc gia thống nhất chứ không phải lợi ích của một nhóm nước độc lập hay thù địch. Ngoài các liên hệ kinh tế và kết cấu hạ tầng, một số lớn chương trình chung cũng là một thứ xi măng bổ trợ. Chương trình nghiên cứu và phát triển khoa học xô viết là một trong số đó.

Bây giờ thì Liên xô cũ đã nổ tung từng mảng, và tất cả đều sụp đổ do các mối liên hệ sản xuất chủ yếu bị cắt đứt.. Nạn thất nghiệp tăng lên, dây chuyền phân phối thực phẩm ngừng hoạt động, dân chúng thiếu thuốc men nghiêm trọng, tình trạng phạm tội gia tăng, nạn lạm phát leo thang khiến cho sau mỗi tuần, nếu không nói là sau mỗi ngày, mỗi người đều nghèo đi chút ít. Nhưng dân chúng lại không nhạy cảm như vậy trước tình hình kết cấu hạ tầng nghiên cứu bị phá hoại và trước tình trạng tồi tệ của các viện hàn lâm và các trường đại học tổng hợp. Nhiệm vụ chính của các viện và các trường này là phục vụ những nhu cầu tương lai của đất nước, chứ không phải giải quyết những vấn đề của cuộc sống hằng ngày.

Ngay như nếu có một bản năng sống sót đơn thuần, rốt cuộc ngăn được sự sụp đổ của một đế chế chính trị lớn như Liên xô, thì kết cấu hạ tầng nghiên cứu cũng đã quá yếu rồi. Điều chủ yếu là mọi người hãy nghĩ đến điều đó trước khi quá muộn. Sự tan vỡ của Liên xô và sự rối loạn của các tổ chức nghiên cứu đang đẩy các nhà nghiên cứu và các kỹ sư xô viết di cư ra nước ngoài và thử bán tài năng của họ ở đâu mà người ta cần. Sự di cư mới chỉ bắt đầu, thế mà đã có hàng nghìn nhà khoa học có thể bỏ nước ra đi. Các bộ óc bỏ đi hàng loạt như vậy không chỉ liên quan tới những người biết điều chế các loại vắc-xin hoặc hóa chất, mà còn liên quan tới cả những người biết chế tạo các tên lửa và bom nguyên tử. Và nếu như các nhà quân sự định dùng bạo lực để lập lại Liên bang, thì điều đó có nguy cơ tạo ra một sự di cư tồi tệ hơn nữa.

Người dịch : LÊ VĂN LÃNG
(Thành phố Hồ Chí Minh)

---

* ADN : axit dezoxiribonucleic.

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI, CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC

● CHỦ NGHĨA TƯ BẢN HIỆN ĐẠI

Chủ nghĩa tư bản hiện đại là chủ nghĩa tư bản đã có sự thích nghi nhất định với thời đại nhờ phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghệ, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, hình thức sở hữu, hình thức quản lý, chính sách xã hội, v.v..

Chủ nghĩa tư bản hiện đại, về *thực chất*, vẫn là chủ nghĩa tư bản vốn có. Sự xuất hiện chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, tức là sự hợp nhất các tổ chức độc quyền với nhà nước tư sản thành một cơ chế thống nhất, đã giúp cho chủ nghĩa tư bản thích ứng được với điều kiện lịch sử mới, và trở thành chủ nghĩa tư bản hiện đại.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt trong những năm 80, đa số những nước tư bản phát triển đã phải thực hiện các chiến lược điều chỉnh kinh tế - xã hội để thích nghi với thời đại và ganh đua với chủ nghĩa xã hội hiện thực. Trọng tâm của việc điều chỉnh ấy hướng vào các quá trình kinh tế, vào việc cải tổ các mối quan hệ giữa nhà nước và khu vực tư nhân, mà biểu hiện rõ nét là sự xuất hiện các công ty xuyên quốc gia, đa quốc gia, các trung tâm tư bản lớn, các tập đoàn tư bản độc quyền...

Chủ nghĩa tư bản hiện đại có một số đặc điểm nổi bật :

- Lực lượng sản xuất ngày càng xã hội hóa và phát triển mạnh mẽ mang dấu ấn của cuộc cách mạng công nghệ mới. Cùng với việc nâng cao trình độ công nghệ của các ngành sản xuất vốn có, nhiều ngành sản xuất mới ra đời. Lao động trí lực ngày càng thay cho lao động thể lực nhờ thực hiện tự động hóa và sử dụng các máy điện toán trong sản xuất.

- Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ngày càng quốc tế hóa mạnh mẽ. Hệ thống thị trường cạnh tranh tư bản chủ nghĩa đã vươn tới trình độ tổ chức mới, tăng dần tính tích cực tự giác, hạn chế tính tự phát trong điều chỉnh tư bản và sản xuất. Do sự phát triển của kinh tế, đã tạo ra được những nhân tố tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển kinh tế xã hội như : dân chủ, giáo dục quốc dân, tin học, sáng tạo liên tục, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, hội nhập quốc tế, giải phóng cá nhân v.v..

- Sự thích ứng của giới kinh doanh và nghệ thuật quản lý các quá trình kinh tế - xã hội. Giới tư bản kinh doanh tỏ rõ khả năng tổ chức điều hành sản xuất ở cả phạm vi vĩ mô và vi mô, có biện pháp mua chuộc, thu hút tinh hoa của các ngành có lợi cho hoạt động của mình. Họ tranh thủ các quan chức nhà nước, các nhà quản lý, các nhà khoa học, các nhà tư tưởng, các nhà thể thao, văn hóa, nghệ thuật, quảng cáo... phục vụ cho việc kinh doanh. Ở họ thể hiện cả tài năng lẫn tài phiệt.

Đối với người lao động, giai cấp tư sản cũng đã phải có những cải biến trong thực hiện các chính sách xã hội. Không ít trường hợp người công nhân được trả lương khá hơn trước. Bởi lẽ giai cấp tư sản có thể bớt đi một phần siêu lợi nhuận thu được và dựa vào tiến bộ khoa học công nghệ có năng suất cao để làm việc đó, vừa kích thích được người lao động làm việc tốt hơn, vừa xoa dịu được phong trào đấu tranh của công nhân.

Nhà nước tư bản độc quyền vừa làm tăng quyền lực thống trị của tư bản độc quyền, vừa là công cụ đắc lực để tư bản độc quyền thống nhất hoạt động và giải quyết các mâu thuẫn trong lòng xã hội tư bản. Nhờ kết hợp có hiệu quả các công cụ thống trị xã hội bằng kinh tế, chính trị, tư tưởng và văn hóa, giai cấp tư sản dễ lừa bịp được quần chúng.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại mặc dù đã tạo nên sự phát triển vượt bậc về lực lượng sản xuất và có sự điều chỉnh ít nhiều về quan hệ sản xuất, nhưng vì hình thức sở hữu gốc rễ vẫn là tư nhân, mâu thuẫn cơ bản chưa được giải quyết, cho nên nó vẫn tiềm ẩn những mâu thuẫn gay gắt, vẫn là nguồn gốc gây ra các cuộc chiến tranh, các cuộc đảo chính, vẫn chi phí những khoản tài chính khổng lồ cho chiến tranh. Chính sách kinh tế - chính trị của chủ nghĩa tư bản hiện đại đã dồn các nước đang phát triển vào tình trạng ngày càng phụ thuộc, nghèo đói, bệnh tật, nợ nần chồng chất... Mục đích cao nhất của chủ nghĩa tư bản hiện đại vẫn là lợi ích tối đa của các ông bà chủ tư bản. Quan hệ xã hội vẫn là đa số nhân dân lao động bị phụ thuộc vào lợi ích và quyền lực của một số ít các nhà tư bản ; vẫn là giai cấp tư sản bằng nhiều hình thức và thủ đoạn tinh vi ra sức bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Những mâu thuẫn gay gắt trong lòng chủ nghĩa tư bản hiện đại là không thể điều hòa. Chỉ có thể giải quyết những mâu thuẫn đó bằng cuộc cách mạng xã hội dưới những hình thức thích hợp.

● CHỦ NGHĨA TƯ BẢN NHÀ NƯỚC

Chủ nghĩa tư bản nhà nước vốn là một hình thức kinh tế trong xã hội tư bản, do nhà nước điều khiển, có hoặc không có sự tham gia của tư bản tư nhân, nhưng trên nguyên tắc kinh doanh tư bản chủ nghĩa. Chủ

Digitized by Google

nghĩa tư bản nhà nước có cả trong các nước đang phát triển cũng như trong các nước đang thực hiện bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Vai trò và mục đích của chủ nghĩa tư bản nhà nước được xác định bởi nhà nước đại diện cho lợi ích của giai cấp nào.

Nhà nước tư sản hiện đại xây dựng chủ nghĩa tư bản nhà nước chủ yếu vì lợi ích của giai cấp tư sản độc quyền.

Chủ nghĩa tư bản nhà nước ở các nước đang phát triển có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nó làm giảm bớt sự phụ thuộc của các nước này vào chủ nghĩa thực dân mới, tăng khả năng sử dụng lao động và nâng cao mức sống của nhân dân, giúp sử dụng ngân sách nhà nước vào việc phát triển kinh tế, đẩy mạnh quá trình tích tụ sản xuất và những yếu tố kế hoạch hóa, nhờ vậy đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế dân tộc.

Chủ nghĩa tư bản nhà nước ở các nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội là hệ thống điều tiết của nhà nước đối với tư bản tư nhân, một hệ thống ổn định để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình đó, phải đấu tranh xử lý các hiện tượng tự phát tư bản tư nhân và tự phát tiểu tư sản, tạo điều kiện cho sự tích tụ sản xuất, không để cho tư bản tư nhân tích lũy tàn bạo, không cho phép bóc lột công nhân và nô dịch người sản xuất hàng hóa nhỏ một cách vô độ, không thực hiện chủ nghĩa tư bản nhà nước trong những ngành kinh tế nào không lợi cho quốc kế dân sinh.

Hình thức tư bản nhà nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là đa dạng. Đó là những loại hình kinh tế theo hợp đồng giữa nhà nước với những xí nghiệp tư nhân trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông. Nhà nước có thể mua hàng do tư bản sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho các xí nghiệp tư nhân, cho nhà tư bản vay vốn ; các xí nghiệp quốc doanh có thể cho các nhà tư bản thuê hoặc tô nhượng, thành lập các xí nghiệp hỗn hợp quốc doanh - tư nhân v.v.. Những hình thức tô nhượng, kinh tiêu, liên doanh giữa nhà nước với tư bản tư nhân, tư bản nước ngoài... được áp dụng linh hoạt, trong đó hình thức tô nhượng thường được áp dụng nhiều hơn.

Tính chất lợi nhuận ở các xí nghiệp tư bản nhà nước dần dần thay đổi, một phần lợi nhuận là của nhà nước. Vai trò của người công nhân trong quản lý xí nghiệp sẽ không ngừng tăng lên. Quan hệ tư bản nhà nước dần dần bị xóa bỏ trong quá trình chuyển từ sở hữu tư bản nhà nước sang sở hữu toàn dân. Khi đó, một số chủ xí nghiệp cũ trở thành chuyên viên làm việc cho nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Các hình thức và mức độ, phạm vi áp dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước được quy định bởi những điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi nước, bởi trình độ phát triển của nền kinh tế nước đó, bởi tỷ trọng của thành phần xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế, bởi mức độ giác ngộ chính trị, trình độ văn hóa của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, bởi khả năng của tư bản tư nhân v.v..

Ở nước ta trước đây ít nhiều cũng đã tồn tại những hình thức của chủ nghĩa tư bản nhà nước. Song do những nhận thức giáo điều duy ý chí về chủ nghĩa xã hội lúc đó, chúng ta đã không quán triệt đầy đủ và thực hiện đúng luận điểm quan trọng sau đây của Lê-nin : "Trong một nước tiểu nông, trước hết các đồng chí phải bắc những chiếc cầu nhỏ vững chắc, đi xuyên qua chủ nghĩa tư bản nhà nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội"(1). Khắc phục những thiếu sót cũ, vận dụng đúng đắn và sáng tạo những luận điểm của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước, trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, Đảng ta đã chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta, trong đó có kinh tế tư bản tư nhân và kinh tế tư bản nhà nước.

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 189

●TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH "PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN KINH TẾ -XÃ HỘI NÔNG THÔN " (KX-08)

Chương trình "Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn" (mã số KX.08) do giáo sư Đặng Hữu, ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện nghiên cứu dự báo và chiến lược khoa học kỹ thuật làm chủ nhiệm. Mục tiêu chủ yếu của Chương trình là "xây dựng luận cứ khoa học nhằm đề xuất các chính sách, biện pháp tổ chức, các giải pháp khoa học và công nghệ thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế -xã hội trên địa bàn nông thôn". Chương trình không đặt nhiệm vụ nghiên cứu lại từ đầu các vấn đề đã được giải quyết trong khuôn khổ các chương trình khoa học-công nghệ của các ngành và các địa phương, mà chủ yếu là kế thừa, liên kết, phối hợp các kết quả đã có, nhằm hỗ trợ các địa phương và cơ sở giải quyết đồng bộ hơn các vấn đề bức xúc do chính *các địa phương, cơ sở đề xuất*. Đồng thời, thông qua việc triển khai cụ thể và phân tích, tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của các điển hình thành công và chưa thành công, đề xuất với nhà nước các chủ trương, chính sách, biện pháp hỗ trợ nhằm đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn nông thôn.

Ban chủ nhiệm chương trình đã xác định hệ thống các đề tài nghiên cứu và chia thành *hai* khối :

Digitized by Google

- Khối *nghiên cứu*, gồm 10 đề tài : 1 - Hệ quan điểm phát triển kinh tế-xã hội nông thôn trong giai đoạn mới ; 2 - Chính sách ruộng đất ở nông thôn ; 3 - Các chính sách biện pháp hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế nông thôn ; 4 - Chính sách xã hội ở nông thôn ; 5 - Kinh tế hộ gia đình và các hình thức kinh tế hợp tác cơ sở ; 6 - Chuyển giao công nghệ thúc đẩy phát triển nông-lâm-ngư nghiệp ; 7 - Định hướng và chuyển giao công nghệ thúc đẩy phát triển công nghiệp nông thôn ; 8 - Định hướng, chuyển giao công nghệ và các chính sách, giải pháp thúc đẩy phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn ; 9 - Thiết chế chính trị-xã hội nông thôn ; 10 - Định hướng và các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội nông thôn miền núi.

- Khối *thực nghiệm* tại một số địa phương. Chương trình đã chọn *một số huyện* để xây dựng các điểm thực nghiệm của Chương trình : huyện Yên châu (tỉnh Sơn la) ; huyện Chợ đồn (tỉnh Bắc thái) ; huyện Xuân thủy (tỉnh Nam hà) ; huyện Điện châu (tỉnh Nghệ an) ; huyện Tuy phước (tỉnh Bình định) ; huyện Krơn-Ana (tỉnh Đắc lắc) ; huyện Định quán (tỉnh Đồng nai) ; huyện Thoại sơn (tỉnh An giang) ; huyện Ngọc hiển (tỉnh Minh hải).

Các tập thể nghiên cứu đã đi sâu tìm hiểu cơ sở lý luận về phát triển nông thôn ; phương pháp luận nghiên cứu về nông thôn ; phân tích kinh nghiệm thành công và thất bại của một số nước, nhất là các nước trong khu vực (Trung quốc, Ấn độ, Đài loan, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái lan, Phi-líp-pin, v.v..) trong lĩnh vực phát triển nông thôn. Đồng thời, đã chú ý phân tích tác động (cả mặt được và chưa được) của các chính sách nhà nước qua các bước phát triển quan trọng, đặc biệt kể từ khi thực hiện chế độ "khoán 100", khoán "10" tới nay, đối với quá trình phát triển kinh tế-xã hội ở nông thôn.

Dựa vào các kết quả nghiên cứu, khảo sát thực tế, thông qua trao đổi, lấy ý kiến đóng góp thêm tại các cuộc hội thảo chuyên đề, đến nay các tập thể nghiên cứu đã có những đánh giá tổng hợp bước đầu về đặc điểm, thực trạng kinh tế xã hội nông thôn và đưa ra những đề xuất và khuyến nghị bước đầu về định hướng điều chỉnh chính sách trong những năm tới. Một số cán bộ chủ chốt tham gia đề tài cũng được mời tham gia các tổ công tác chuyên đề của Tiểu ban tổng kết nông nghiệp của Chính phủ ; nhiều kiến nghị đề xuất của các đề tài đã được xem xét và vận dụng trong quá trình chuẩn bị các dự thảo nghị định của Chính phủ về cho vay vốn đối với kinh tế hộ, về đổi mới cơ chế quản lý các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước, về công tác khuyến nông, v.v..

Riêng về chính sách ruộng đất, Chương trình đã chỉ đạo triển khai sớm để có kết quả phục vụ kịp thời cho việc xử lý các quan hệ ruộng đất trước mắt và hoàn thiện luật đất đai trình Quốc hội. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được công bố tại các cuộc hội thảo khoa học quốc gia và quốc tế tổ chức tại Hà nội và trên các tạp chí nghiên cứu.

LUẬN ĐIỆU MỚI...

(Tiếp theo trang 26)

có những người không nhận ra điều đó. Họ tưởng đâu như chủ nghĩa tư bản đã thay đổi bản chất thật rồi, chủ nghĩa đế quốc có lòng tốt với chúng ta. Có những người do kém hiểu biết, thiếu thông tin hoặc muốn làm ra vẻ ta đây là người tân tiến, họ bắt chước nói theo người này người nọ ở nước ngoài một cách không suy nghĩ. Có những phần tử bất mãn, những kẻ cơ hội, cực đoan đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng. Họ hằn học, tức tối, quy cho Đảng, những người lãnh đạo của Đảng đủ mọi thứ tội. Nếu nghe theo họ, tức là phải đánh đổ ban lãnh đạo hiện thời đi, thủ tiêu sự lãnh đạo của đảng cộng sản đi.

Tất nhiên, chúng ta không vơ đũa cả nắm, không nhập cục vào một loại chống đảng, chống chế độ, cả những người có tâm huyết, muốn suy nghĩ tìm tòi sáng tạo, thành tâm tìm cách đổi mới hoạt động của đảng vì sự nghiệp của đất nước. Chúng ta cũng không quá đa nghi "nhìn đâu cũng thấy địch" để rồi hẹp hòi, đóng cửa, không dám quan hệ hợp tác với ai. Đảng và Nhà nước ta đã trịnh trọng tuyên bố "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước", và trên thực tế đang cố gắng làm hết sức mình theo phương hướng đó. Trong công cuộc đổi mới toàn diện và sâu sắc hiện nay, có rất nhiều vấn đề mới mẻ, phức tạp cần có sự nghiên cứu, trăn trở suy nghĩ, lật đi lật lại vấn đề để tìm ra giải pháp tốt nhất. Chính Đảng ta cũng coi việc Đảng tự đổi mới, tự chỉnh đốn là nhiệm vụ cần kíp hiện nay, và đã đề ra những biện pháp tích cực để đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Chúng ta cần khuyến khích sự suy nghĩ sáng tạo, trân trọng những ý kiến đóng góp xây dựng, không nên vội vàng quy chụp. Nhưng đồng thời cũng cần tỉnh táo phân biệt, phê phán, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những suy nghĩ mơ hồ ; cảnh giác đập tan những âm mưu và thủ đoạn thù địch muốn lợi dụng cơ hội đổi mới và mở cửa để chống phá Đảng ta, chế độ ta.

Digitized by Google

FIDECO

CÔNG TY NGOẠI THƯƠNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẦU TƯ TP. HỒ CHÍ MINH

FOREIGN TRADE DEVELOPMENT
AND INVESTMENT CORPORATION OF HOCHIMINH CITY

(F I D E C O)

Trụ sở : 46 Trương Định, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
ĐT : 291107-290570-230563, TLX : 811598 FIDECO VT, FAX : 84-8-225241

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU :

- Nuôi trồng thủy hải sản
- Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu : thủy sản, nông lâm sản, hàng công nghiệp và thủ công mỹ nghệ
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp. Nhận ủy thác xuất nhập khẩu
- Đại lý bán hàng cho các đơn vị trong và ngoài nước
- Kinh doanh đá quý (mua, bán, gia công, chế tác)
- Thực hiện các dịch vụ thu tiền mặt ngoại tệ
- Hợp tác đầu tư, liên doanh với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước

CÁC CÔNG TY, XÍ NGHIỆP DO FIDECO ĐẦU TƯ VÀ GÓP VỐN LIÊN DOANH :

1). XÍ NGHIỆP NUÔI TÔM LONG HẢI
Chuyên sản xuất tôm giống, nuôi và kinh doanh tôm thương phẩm
Địa chỉ : Ấp Hòa Hiệp, Xã Long Hòa, Huyện Cần Giờ, TP.HCM
Điện Thoại : 740356

2). XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH HẢI VIỆT (HAVICO)
Chuyên sản xuất, chế biến thủy hải sản xuất khẩu
Địa chỉ : số 26 đường Lâm Văn Thành, TP.Vũng tàu
Điện thoại : 01.64.58353

3). CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG PHƯƠNG (OREX Co.,)
Chuyên sản xuất, chế biến : nông sản, thủy hải sản, thực phẩm và đồ gỗ cao cấp xuất khẩu
Địa chỉ : Số 2bis Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại : 222529 - 223862

4). CÔNG TY LIÊN DOANH VISAFI (liên doanh với CTy LAVIGEM Thụy sĩ)
Chuyên chế tác các mặt hàng nữ trang mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý và bán đá quý xuất khẩu
Địa chỉ : số 66Ter đường Lê Lợi, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại : 298906

5). XÍ NGHIỆP CHẾ TÁC KINH DOANH ĐÁ QUÝ
Chuyên gia công, chế tác và kinh doanh các mặt hàng đá quý XK
Địa chỉ : số 150Ter đường Bùi Thị Xuân, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại : 398111

Digitized by Google

CÔNG TY KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

BITEX

BINHTAY IMPORT-EXPORT INC.

平西進出口企業公司

PHỐI CẢNH

TRUNG TÂM THƯƠNG NGHIỆP BÌNH TÂY

CHỦ TRÌ ĐỒ ÁN : KTS NGUYỄN VĂN OANH





- **Xuất** : Nông sản, lâm sản, thủy hải sản, quần áo may sẵn, hàng thêu dủ loại và hàng thủ công mỹ nghệ.
- **Nhập** : Hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu.
- **Đầu tư** : Đang thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với các công ty nước ngoài về nhà ở, văn phòng và chợ Bình Tây

Quý khách có nhu cầu xin liên hệ văn phòng công ty số : 78 - 80 - Hậu Giang - Quận 6 - TP. HCM

Điện thoại : 557846 - 559185 - 559669

- **Export** : Agricultural, forestal and marine products, garments, embroidered articles and art handicrafts.
- **Import** : Consumer goods, raw materials.
- **Investment** : We are in the process of materializing joint venture projects with various foreign companies in the construction of condominiums, offices and the Binh Tay Market.

For more information please contact our office at 78 - 80 Hậu Giang Street. Dist.6 - HCMC

Tel. 557846 - 559185 - 554669

Digitized by Google

PETECHIM

CÔNG TY XUẤT - NHẬP KHẨU DẦU KHÍ VIỆT NAM

National Petroleum Import - Export Corp

PETECHIM

TRỤ SỞ CHÍNH	:	*194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, TP Hồ Chí Minh*
DIỆN THOẠI	:	*2.99299 - 2.93633 - 2.93136*
FAX	:	*84-8-299686*
TLX	:	*811241/811251/PETIM VT*
CHI NHÁNH HÀ NỘI	:	*26 Tăng Bạt Hổ*
DIỆN THOẠI	:	*256157 - 259839*
FAX	:	*84-4-266873*
TLX	:	*412411 PETIM HNVT*

- **Xuất khẩu dầu thô Việt Nam**
- **Nhập khẩu sản phẩm dầu :** *XĂNG, XĂNG MÁY BAY, DẦU HỎA, DẦU DIEZEN, MADUT, DẦU NHỜN*
- **Các công trình thiết bị toàn bộ**
- **Nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng**
- **Kinh doanh tổng hợp :** *GẠO, CÀ PHÊ, PHÂN BÓN, THUỐC TRỪ SÂU, HÓA CHẤT, SẮT THÉP v.v...*
- **Có hệ thống kho chứa, các đại lý phân phối bán buôn và bán lẻ xăng dầu, phân bón trong nước**
- **Sẵn sàng liên doanh, liên kết hợp tác với các doanh nghiệp và nhận ủy thác trong và ngoài nước**
- **Uy tín và chất lượng**



Ruột in tại Nhà in Nhân Dân Hà Nội II
Bìa in tại Nhà máy in Thống Nhất

Chỉ số 12651 - ISSN 0866-7276 Giá : 2.000đ

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 5
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 06-09-93
Tap Chi Cong San

LIBRARY
JUN 10 1993
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

5
1993

Digitized by Google

CÔNG TY THỦY SẢN
CHIẾN THẮNG

HEAD OFFICE: 32, HAM NGHI Blvd - District 1 – HO CHI MINH CITY
Tel : 296860 - 291739 - 291740. Tlx : 811270 PBTLXVT Fax : 84.8.231888

VICAFSFOOD CORPORATION

LÀ ĐƠN VỊ CÓ 4 DOANH NGHIỆP HẠCH TOÁN ĐỘC LẬP :



Mr. Hoang Cong Hac
Director General
of Vicafsfood Corporation

★ CÔNG TY THỦY SẢN CHIẾN THẮNG

- Khai thác và nuôi trồng thủy sản.
- Công nghiệp chế biến cá và thủy sản khác.
- Công nghiệp chế tạo máy móc ngành thủy
- Nội thương, ngoại thương.

- *Số 32 Đại lộ Hàm Nghi, Q1, TP Hồ Chí Minh.*
- *Số 35B Phùng Khắc Khoan, Q1, TP HỒ CHÍ MINH.*
- *Tel : 296860, 291739, 291740.*
- *Giám đốc : PTS Hoàng Công Hắc*



★ XÍ NGHIỆP KHAI THÁC DỊCH VỤ THỦY SẢN CHIẾN THẮNG

- Công nghiệp khai thác cá và thủy sản khác.
- Cung ứng vật tư và nội thương.
- Số 35Bis Phùng Khắc Khoan, Q1, TP Hồ Chí Minh
- Tel : 231018 - 231636
- *Giám đốc :* Lý Thành Trung.

★ XÍ NGHIỆP CHẾ BIẾN XUẤT KHẨU THỦY SẢN CHIẾN THẮNG

- Công nghiệp chế biến cá và các loại thủy sản khác.
- Số 219 B Tôn Thất Thuyết, Q4, TP Hồ Chí Minh
- Tel : 728583 - 729072 - 725158
- *Giám đốc :* Lê Xuân Ninh

★ XÍ NGHIỆP THỦY SẢN THUẬN THẮNG

- Công nghiệp khai thác cá và thủy sản khác.
- Cung ứng vật tư nội thương.
- *Trụ sở :* Xã Chí công, huyện Tuy phong, Tỉnh Bình thuận.
- Tel : 2.305 Tuy phong, Bình thuận
- *Giám đốc :* Ngô Thanh Hải.

VICAFSFOOD

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

5-1993 NĂM THỨ XXXIX (449)

MỤC LỤC

Kỷ niệm lần thứ 103 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh	NGUYỄN VĂN LINH - Làm theo lời dạy của Bác Hồ, nâng cao lòng yêu nước thương dân, kiên quyết chống những biểu hiện tiêu cực trong Đảng	3
	PHẠM NGỌC QUANG - Tầm cao trí tuệ của Hồ Chí Minh	7
Kỷ niệm lần thứ 175 Ngày sinh của Các Mác	THIỆN NHÂN - Học thuyết Mác và biện chứng của lịch sử	10
Vấn đề quyền con người	NGUYỄN THỊ BÌNH - Bàn về quyền con người	13
	HOÀNG VĂN HẢO và CHU THÀNH -Quyền con người và quyền công dân	17
Nghiên cứu - Trao đổi	HOÀNG KIM GIAO - Kinh tế ngoài quốc doanh trong tiến trình đổi mới	21
	TRẦN ĐỨC - Cuộc cách mạng nâu đang tiếp bước	25
	NGUYÊN NGỌC -Về một số hiện tượng mang tính quy luật của đời sống văn học hiện nay	27
	NGUYỄN PHAN THỌ -Sân khấu - Thử tìm một lối ra...	31
Thực tiễn - Kinh nghiệm	NGUYỄN VĂN CHIỂU - Long an với việc chinh phục Đồng tháp mười	35
	NGUYỄN VĂN LUẬT - Kinh tế vườn ở tỉnh Cần thơ	38
	BÙI NGỌC TRÌNH - Hải bình đang giàu lên và sống đẹp hơn	40
	NGÔ TOẢN - Huyện Hiệp hòa giải quyết phụ cấp cho cán bộ xã bằng nguồn thu ngân sách tự có	44
	VŨ PHÒNG - Một số vấn đề về cán bộ dân tộc thiểu số	46
Điều tra	NHỊ LÊ - Đảng viên ở nông thôn	49
Sinh hoạt tư tưởng	NGUYỄN TIẾN - "Hâm" ? !	53
Đọc sách	TRỊNH NGỌC LINH - Mô hình "kinh tế thị trường xã hội" của CHLB Đức	54
Tư liệu lịch sử	*** Phát hiện thêm một bài báo nữa có tên là "Đông dương" của đồng chí Nguyễn Ái Quốc	57
Thế giới : vấn đề, sự kiện	BÙI PHAN KỲ - Mấy suy nghĩ về chiến lược quốc phòng trong bối cảnh quốc tế mới	58
	VÕ THỦ PHƯƠNG - Phải chặn đứng bàn tay bọn diệt chủng !	61
Tìm hiểu khái niệm	● Chủ nghĩa cơ hội hiện đại ● Chủ nghĩa xét lại hiện đại	63
Tin hoạt động lý luận	● Đoàn đại biểu tạp chí *Cầu thị* (Trung quốc) thăm Việt nam ● Hội thảo khoa học : Quyền con người - Lịch sử và lý luận ● Hoạt động của Chương trình KX.04	64

Bìa 1 : *Nhà lưu niệm Bác Hồ tại Phan thiết*
Ảnh : *ĐỊNH DŨNG*

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Dây nói :52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• *103-летний юбилей Президента Хо Ши Мина* • НГУЕН ВАН ЛИНЬ - Выполняя завет Хо Ши Мина, повышать чувство любви к родной стране и народу, решительно бороться с негативными явлениями в партии. ФАМ НГОК КУАНГ Высокое развитие хошиминовского интеллекта • *175- летие со дня рождения К. Маркса* • ТХИЕН НЬАН - Учение К. Маркса и диалектика истории • *Проблема прав человека* • НГУЕН ТХИ БИНЬ - О правах человека. ХОАНГ ВАН ХАО и ТЮ ТХАНЬ - Права человека и права гражданина. • *Исследования - Обмен мнениями.* • ХОАНГ КИМ ЗЯО - Негосударственный сектор экономики в ходе обновления. ЧАН ДЫК - Бурая революция продолжается. НГУЕН НГОК - О явлениях закономерного характера в текущей литературной жизни. НГУЕН ФАН ТХО - Театр : попытаемся найти выход... • *Мир : проблемы и факты* • БУЙ ФАН КИ - Об оборонной стратегии в новой международной обстабовке. ВО ТХУ ФЫОНГ - Стоп геноциды !

CONTENTS

● *On the 103rd birth anniversary of President Ho Chi Minh* ★ NGUYỄN VĂN LINH - Following Uncle Ho's teachings, let's heighten our patriotism and love for our compatriots to resolutely fight against negative manifestations in the Party. PHẠM NGỌC QUANG - Ho Chi Minh's high level of knowledge ● *On the 175th birth anniversary of K.Marx* ★ THIỆN NHÂN - Marxism and dialectics of history. ● *On human rights* ★ NGUYỄN THỊ BÌNH - On human rights. HOÀNG VĂN HẢO and CHU THÀNH - On human rights and civic rights. ● *Research and exchange* ★ HOÀNG KIM GIAO - Non State-run economy in the process of renovation. TRẦN ĐỨC - The "brown" revolution on the advance. NGUYỄN NGỌC - On some phenomena of the nature of law in the literary life nowadays . NGUYỄN PHAN THỌ - The stage - Where to find a way out ? ● *The World : Its problems and facts* ★ BÙI PHAN KỲ - Some ideas relating to the strategy for national defence in the new world situation. VÕ THỦ PHƯƠNG - Hands off the genocidal clique !

SOMMAIRE

● *Pour le 103e anniversaire de la naissance du président Ho Chi Minh* ★ NGUYỄN VĂN LINH - Suivre les recommandations de l'Oncle Ho, rehausser l'amour de la Patrie et du peuple, combattre résolument les phénomènes négatifs au sein du Parti. PHẠM NGỌC QUANG - La hauteur de l'intelligence de Ho Chi Minh. ● *Pour le 175e anniversaire de la naissance de Karl Marx* ★ THIỆN NHÂN - Le marxisme et la dialectique de l'Histoire ● *Le problème des droits de l'homme* ★ NGUYỄN THỊ BÌNH - Sur les droits de l'homme. HOÀNG VĂN HẢO et CHU THÀNH - Les droits de l'homme et du citoyen. ● *Etudes-Echanges* ★ HOÀNG KIM GIAO - L'écconomie non étatique dans le processus du renouveau. TRẦN ĐỨC - La révolution "brune" se poursuit. NGUYỄN NGỌC - Sur certains phénomènes à caractère de loi objective dans la vie littéraire à l'heure actuelle. NGUYỄN PHAN THỌ - Le thêâtre. A la recherche d'úne sortie. ●*Le monde : Problèmes, événements* ★ BÙI PHAN KỲ - Quelques réflexions sur la stratégie de défense nationale dans le nouveau contexte international. ★ VÕ THỦ PHƯƠNG - Stop au génocide !

SUMARIO

● *El 103 Aniversario del Natalicio del Presidente Ho Chi Minh* ★ NGUYỄN VĂN LINH -En cumplimiento de la enseñanza de Ho Chi Minh, a elevar el amor a la patria y al pueblo y combatir resueltamente las manifestaciones negativas en el Partido. PHẠM NGỌC QUANG - La altura de la sabiduría de Ho Chi Minh. ● El 175 Aniversario del Natalicio de Carlos Marx. ★ THIỆN NHÂN - La doctrina marxista y la dialéctica de la historia ●*El problemade derecho del hombre* ★ NGUYỄN THỊ BÌNH - Acerca del derecho del hombre. HOÀNG VĂN HẢO y CHU THÀNH - El derecho del hombre y el derecho cívico ● *Estudios -Intercambios* ★ HOÀNG KIM GIAO - La economía no - estatal en proceso de la renovación. TRẦN ĐỨC - La revolución "parda" en su avance. NGUYỄN NGỌC - Algunos fenómenos de carácter de ley de la vida literaria en la actualidad. NGUYỄN PHAN THỌ - El teatro en busca de una posible salida ● *El mundo : Problemas y acontecimientos* ★ BÙI PHAN KỲ - Algunas reflexiones sobre la estrategia de defensa nacional en la nueva coyuntura internacional. VÕ THỦ PHƯƠNG - ¡ Detengan las manos genocidas !

目錄

● 紀念胡志明主席誕生一零三周年★ 阮文靈：遵循胡主席的教導提高愛國愛民精神堅決反對黨內的消極現象。 范玉光：胡志明的智慧高度。
● 紀念馬克思誕生一七五周年 ★ 善人：馬克思學說 与歷史 辦証法。
● 人權問題 ★ 阮氏萍：論人權問題。黃文好与周成：人權与公民權。
●研究与交換★黃金城 ：國營外經濟在更新過程中。 陳德：土壤革新在開展中。原玉：現代文學生活若干規律性現象。阮潘壽：試探舞台之出路。
● 世界 - 問題与事件 ★ 裴潘奇：新的國際 背景國防戰略几點 思考。
武守芳 ： 必須制止滅族之徒的血手。

Digitized by Google

LÀM THEO LỜI DẠY CỦA BÁC HỒ
NÂNG CAO LÒNG YÊU NƯỚC THƯƠNG DÂN, KIÊN QUYẾT CHỐNG NHỮNG BIỂU HIỆN TIÊU CỰC TRONG ĐẢNG

NGUYỄN VĂN LINH
Cố vấn BCH TƯ Đảng

CHỦ tịch Hồ Chí Minh tiêu biểu cho những đức tính cao quý nhất của dân tộc Việt nam ta, suốt đời đấu tranh cho tự do và hạnh phúc của nhân dân. Lịch sử đã khẳng định công lao to lớn của Người trong việc đưa chủ nghĩa Mác-Lê - nin vào Việt nam, sáng lập ra Đảng cộng sản Việt nam, định ra đường lối cách mạng đúng đắn, chiến lược vững vàng, sách lược uyển chuyển cho từng giai đoạn cách mạng, và lãnh đạo Đảng ta, nhân dân ta vượt qua muôn vàn hiểm nghèo, đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Nhân dân ta, Đảng ta còn thấy ở Người những phẩm chất, đạo đức tuyệt vời, kết tinh cao độ những tinh hoa truyền thống đạo đức của dân tộc.

Một điểm nổi bật trong tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh là lòng *yêu nước, thương dân*. Ngay từ thời còn trẻ tuổi, sớm nhận rõ cái nhục mất nước và nỗi khổ của nhân dân, Người đã bôn ba hàng chục năm khắp nhiều nước trên thế giới tìm đường cứu nước, cứu dân. Người đã đấu tranh không biết mỏi và hy sinh tất cả để thực hiện nguyện vọng cao cả mà Người hằng ôm ấp từ tuổi thanh xuân. Khi đã là người đứng đầu Nhà nước ta, Người vẫn tự nhận mình là "người lính vâng mệnh quốc dân ra mặt trận", là "người đầy tớ trung thành của nhân dân". Tháng 5-1946, nói chuyện với đồng bào trước khi sang Pháp đàm phán, Người nói : "Cả đời tôi chỉ có một mục đích, là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của nhân dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội, xông pha sự hiểm nghèo – là vì mục đích đó. Đến lúc nhờ quốc dân đoàn kết, tranh được chính quyền, ủy thác cho tôi gánh việc Chính phủ, tôi lo lắng đêm ngày, nhẫn nhục cố gắng – cũng vì mục đích đó... Bất kỳ bao giờ, bất kỳ ở đâu, tôi cũng chỉ đeo đuổi một mục đích, là làm cho ích quốc lợi dân "(1). Người đã tự nêu cho mình và cho cán bộ, đảng viên câu châm ngôn "trung với nước, hiếu với dân".

Từ lòng yêu nước, thương dân, Người căm ghét chủ nghĩa quan liêu, coi thường dân. Người thường căn dặn cán bộ, đảng viên phải hết sức tôn trọng nhân dân, chăm lo cho lợi ích của nhân dân. Khi Đảng ta chưa giành được chính quyền, Người động viên cán bộ, đảng viên đi sâu vào quần chúng, đồng cam cộng khổ cùng quần chúng, tuyên truyền, giác ngộ họ. Người chỉ rõ Đảng là người lãnh đạo, nhưng sự nghiệp cách mạng có thành công hay không là nhờ ở nhân dân. Theo lời dạy của Người, hàng loạt cán bộ, đảng viên đã đi vào các xưởng máy, đến với ruộng đồng, thực hiện phong trào vô sản hóa, phát động nhân dân đứng lên làm cách mạng.

Khi các giới quần chúng có tổ chức rộng rãi, phong trào đấu tranh sôi nổi, Người lãnh đạo Đảng đứng ra lập các mặt trận đoàn kết thích hợp với từng thời kỳ cách mạng như Mặt trận dân chủ, Mặt trận phản đế, Mặt trận Việt minh, Mặt trận giải phóng miền Nam, Mặt trận Tổ quốc hiện nay. Người đã nêu : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết ! Thành công, thành công, đại thành công !"

Khi Đảng giành được chính quyền, Người đã sớm thấy những nguy hại của bệnh quan liêu, tham ô, lãng phí. Tháng 10-1945, nghĩa là chỉ khoảng chưa đầy hai

(1)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr 136 - 137

Digitized by Google

tháng sau khi giành được độc lập, trong *Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng*, Người viết : "Chúng ta phải hiểu rằng, các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc cho đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật... Chúng ta phải yêu dân, kính dân, thì dân mới yêu ta, kính ta" (2).

Sau khi miền Bắc được giải phóng, đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, Người thường xuyên nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải chống quan liêu, tham ô, lãng phí. Người đã phê phán nghiêm khắc những cán bộ khi có chức có quyền thì quên mất công lao và sự đùm bọc của nhân dân, chỉ lo thu vén cho bản thân, lún dần vào vũng bùn hư hỏng.

Người kêu gọi cán bộ, đảng viên phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội. Người đã giải thích :

"*Cần*, tức là tăng năng suất trong công tác, bất kỳ công tác gì.

Kiệm tức là không lãng phí thì giờ, của cải của mình và của nhân dân.

Liêm tức là không tham ô, và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của nhân dân.

Chính tức là việc phải thì dù nhỏ cũng làm, việc trái thì dù nhỏ cũng tránh" (3).

Về chí công vô tư, Người nói : "Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, đối với việc" (4). "Ham làm những việc ích quốc lợi dân. Không ham địa vị và công danh phú quý" (5).

Người luôn luôn nhấn mạnh cách mạng là gian khổ, là hy sinh, là sẵn sàng chịu đựng tất cả vì sự nghiệp lớn, vì lợi ích của nhân dân, của Tổ quốc. Cùng với những lời dạy bảo chân tình, tự bản thân Người, trong từng việc làm cụ thể, kể cả trong cuộc sống đời thường, đã nêu một *tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng*.

*

Hơn 60 năm qua, chiến đấu dưới lá cờ của Người, học tập đạo đức cách mạng cao cả của Người, đội ngũ cán bộ, đảng viên ta đã không ngừng trưởng thành. Qua những thời kỳ gian truân của quá trình cách mạng lâu dài của dân tộc, nhiều đồng chí đã nêu cao khí tiết của người cộng sản, không sợ hy sinh, gian khổ, một lòng một dạ phục vụ nhân dân. Chính tấm lòng vì nước vì dân của những người cộng sản Việt nam đã cổ vũ, động viên nhân dân ta từ Nam chí Bắc vùng dậy làm Cách mạng Tháng Tám thành công và tiếp đó đưa hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn, làm rạng rỡ non sông ta, đất nước ta. Giang sơn tươi đẹp được thu về một mối, dân tộc ta có được vị trí cao trên trường quốc tế, trong công lao to lớn đó của toàn dân có sự đóng góp xứng đáng của những người cộng sản. Khi cả nước đi vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, số đông cán bộ, đảng viên vẫn ghi sâu *Di chúc* của Bác Hồ, lấy việc góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân lao động làm lẽ sống của mình. Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, một sự nghiệp mới mẻ, cũng đã có lúc Đảng ta gặp những khó khăn, những vấp váp và cả những sai lầm, nhưng do biết dựa vào dân, lấy lợi ích của dân làm mục tiêu cao cả của toàn bộ hoạt động của mình, Đảng ta đã sớm lấy lại được sức mạnh lãnh đạo. Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng, với khẩu hiệu lấy dân làm gốc, tất cả vì hạnh phúc của nhân dân, đã nghiêm khắc đánh giá những sai lầm, trì trệ, và đề ra phương hướng đổi mới đúng đắn. Trong công cuộc đổi mới đó do Đảng ta đề xướng và lãnh đạo, số đông cán bộ, đảng viên ta đang ngày đêm lo toan làm sao cho dân giàu, nước mạnh, sớm sánh vai cùng các nước trên thế giới. Nhiều đồng chí đã nghỉ hưu vẫn không quản tuổi cao, sức yếu, hết lòng châm lo cho tương lai của dân tộc theo đúng lời dạy của Bác Hồ : "tận trung với nước, tận hiếu với dân". Những tấm gương người tốt việc tốt - trong đó những người cộng sản chiếm một tỷ lệ không nhỏ, đang có ở khắp nơi. Chính cái tâm cộng sản cao quý đó đã làm cho Đảng ta từng bước lấy lại uy tín từng có lúc bị suy giảm, và đã đứng vững được trước những thử thách hết sức ác liệt, gay go trong bối cảnh quốc tế và trong nước rất phức tạp những năm qua. Những thông tin từ Liên xô, Đông Âu qua các phương tiện thông tin đại chúng, kể cả các phương tiện thông tin đại chúng phương Tây, đã giúp nhân dân ta thấy rõ một khi đảng cộng sản mất vai trò lãnh đạo thì chính nhân dân lao động là người phải gánh chịu những hậu quả nặng nề nhất. Vì vậy mà nhân dân ta biết ơn Đảng ta đã kiên quyết giữ vững ổn định chính trị để bảo đảm toàn vẹn độc lập, thống nhất và an ninh của Tổ quốc, tạo cơ sở cho đất nước vững vàng đi lên.

Tuy vậy, bên cạnh số đông cán bộ, đảng viên giữ vững bản lĩnh, giữ vững phẩm chất đạo đức, có một

(2)*Sđd*, t1, tr36
(3)*Sđd*, t7, tr76
(4)(5) *Sđd*, t4, tr 403

Digitized by Google

bộ phận không nhỏ đã quên và thậm chí đã làm ngược lại những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về lòng yêu nước, thương dân ; họ đã và đang thoái hóa, biến chất. Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng (khóa VII) đã đề cập khá rõ tình trạng biến chất, thoái hóa của bộ phận cán bộ đó trên các mặt lập trường, tư tưởng, phẩm chất, đạo đức. Trong bài này, tôi muốn nhấn mạnh đến tình trạng quan liêu, tham nhũng, hối lộ đang diễn biến nghiêm trọng và kéo dài. Một số không ít người, trong đó có cả cán bộ đang giữ chức vụ lãnh đạo và quản lý ở cấp cao, đã lợi dụng những sơ hở về cơ chế, chính sách để bòn rút của công, nhận của hối lộ, thu vén lợi ích cá nhân bất chính, làm thất thoát tài sản của nhà nước và của tập thể. Một số người đã lợi dụng chức quyền, lợi dụng danh nghĩa cơ quan để buôn lậu. Họ coi đồng tiền làm lẽ sống, và khi đã có tiền họ sống xa hoa, ăn chơi phè phỡn, ngày càng đắm mình trong vũng bùn truỵ lạc. Họ bỏ ngoài tai mọi lời đàm tiếu của nhân dân. Điều nghiêm trọng hơn nữa là nhiều vụ việc tham nhũng, buôn lậu, hối lộ đã được các báo chí vạch trần, nhưng việc xử lý còn rất chậm, còn nương nhẹ, thậm chí có nơi chỉ xử lý những cán bộ cấp dưới, không dám dụng đến những người có chức quyền cao, hoặc chỉ xử lý những kẻ đang tại chức, không dụng đến những tên phạm tội do khéo chạy chọt, đã được "về hưu", "hạ cánh an toàn". Một số vụ đã gây tác hại rất lớn nhưng vẫn chưa được đưa ra xét xử. Sở dĩ có tình trạng nói trên là do tệ nạn ô dù, bao che còn nặng, và cũng có thể không loại trừ tệ ăn cánh, móc ngoạc với nhau giữa cấp trên và cấp dưới để tham nhũng, buôn lậu, do đó "rút dây sợ động rừng".

Cần phải nhấn mạnh rằng nạn tham nhũng, buôn lậu, tệ hối lộ đã có tính phổ biến và nghiêm trọng đến mức nhiều người đã coi đó là quốc nạn. Tôi hoan nghênh Chính phủ đã thấy rõ điều đó và đang nêu cao quyết tâm chống tham nhũng, buôn lậu, hối lộ, coi đó là một trong những công tác trung tâm trước mắt và trong những năm sắp tới. Trong công tác này dĩ nhiên lời nói phải đi đôi với việc làm, đặc biệt cần tránh tình trạng "la hét" thì nhiều mà làm thì nửa vời, thiếu kiên quyết.

Tôi muốn nhấn mạnh thêm về sự nguy hiểm của những tệ nạn nói trên.

Bác Hồ đã từng coi tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu là kẻ thù của nhân dân, là bạn đồng minh của thực dân và phong kiến. Vậy thì những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất, đi đến tham nhũng một cách có hệ thống, gây hậu quả nặng nề mà không chịu hối cải, phải được coi là một loại tội phạm trong Đảng. Với những hành động xấu xa của họ, họ gieo rắc sự nghi ngờ trong Đảng, gây mất đoàn kết nội bộ và làm giảm sút lòng tin của dân đối với Đảng. Đặc biệt trong bối cảnh quốc tế hiện nay, khi những thế lực phản động trên thế giới đang tìm mọi cách để lật đổ đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, trong đó có Đảng ta, thì những việc làm tội lỗi của những đảng viên đó, xét một cách nghiêm túc, là sự tiếp tay cho các thế lực phản động. Đó là chưa nói đến những tên đội lốt cán bộ, đảng viên, có chức, có quyền, coi đồng tiền là trên hết, đã và đang bán mình cho các thế lực phản động. Về điểm này, sự cảnh giác chính trị là rất cần thiết. Xưa nay, sự phá hoại từ bên trong bao giờ cũng nguy hiểm hơn sự phá hoại từ bên ngoài ; không xử lý đúng mức và kịp thời những tên tham nhũng, những tên buôn lậu, những tên hối lộ nằm ngay trong Đảng, trong bộ máy Nhà nước ắt sẽ dung dưỡng một nguy cơ lớn của Đảng, của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nó sẽ làm cho công bằng xã hội bị đảo lộn, tổ chức của Đảng và Chính phủ bị lũng đoạn, Đảng và Chính phủ ngày càng xa dân, ngày càng mất dần sự tín nhiệm, ủng hộ của nhân dân. Một khi đã mất sự tín nhiệm ủng hộ đó thì Đảng và Chính phủ làm sao đứng vững trước những thủ đoạn hết sức nham hiểm của các thế lực thù địch trong âm mưu diễn biến hòa bình.

Có người cho rằng tham nhũng, buôn lậu ,v.v. là hậu quả tất yếu của cơ chế thị trường. Họ lại lập luận rằng trong cơ chế thị trường, cán bộ, đảng viên cũng là con người, cũng như mọi người khác, cần biết làm giàu. Không ai phủ nhận những điều đó. Nhưng cần nhớ rằng mục tiêu chiến lược của công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng phải nhằm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Hiện nay, trong thời kỳ quá độ, Đảng ta chủ trương thực hiện kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là cốt sao cho dân giàu nước mạnh. Đảng khuyến khích việc làm giàu, nhưng phải là cách làm giàu chính đáng, bằng trí tuệ và sức lao động của mình. Hơn nữa, đã là cán bộ, đảng viên, thì phải biết lo cho dân, cho nước trước rồi mới lo cho mình sau.

Hiện nay, phải công nhận một thực tế là trong xã hội ta số dân nghèo vẫn chiếm một tỷ lệ không nhỏ. Nhiều người trong đô thị và nông thôn, đặc biệt là ở các vùng cao, sống rất vất vả, ăn không đủ no, mặc không đủ ấm, thiếu trường học, thiếu trạm xá y tế, thiếu báo chí để đọc. Ngay ở Hà nội, ở thành phố Hồ

Digitized by Google

Chí Minh vẫn còn rất nhiều nhà ổ chuột, nhiều người sống cùng cực, nhiều thanh niên thất nghiệp, nhiều em phải bỏ học đi kiếm sống từng bữa. Trước những cảnh đó có những cán bộ, đảng viên chẳng những cứ dửng dưng, mà còn tìm cách bòn rút của dân. Rõ ràng ở họ không còn những tình cảm cách mạng, nghĩa là không còn phẩm chất đảng viên. Bác Hồ đã từng dạy : "Khi làm bất kỳ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, mà phải nghĩ đến đồng bào, đến toàn dân đã...; làm việc gì mình cũng nghĩ đến lợi ích chung trước và lợi ích riêng sau" (6). Lời dạy đó của Bác đến nay vẫn cần được coi là một trong những tiêu chí để phân biệt đảng viên với quần chúng. Quên lợi ích của nhân dân, chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình, đó là sự vi phạm tư cách đảng viên. Lợi dụng chức quyền do Đảng và Nhà nước trao cho để vơ vét của dân, làm giàu một cách bất chính, thì đó thực sự là tội ác.

Có người cho rằng có tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn khác là do cuộc sống còn nhiều thiếu thốn, đồng lương của cán bộ quá thấp. Đúng là hiện nay trong vấn đề lương bổng, đãi ngộ còn nhiều bất hợp lý, số đông cán bộ sống khá chật vật. Tình trạng đó cần được khắc phục sớm, nếu để kéo dài sẽ dẫn tới những hậu quả xấu. Nhưng phải công nhận một sự thật : tuyệt đại bộ phận những tên tham nhũng, những tên buôn lậu đâu có phải vì đời sống khó khăn. Chúng phạm tội chỉ vì lòng tham không đáy, đã giàu chúng lại muốn giàu thêm nhanh chóng, bất chấp những hành động phản nước, hại dân. Do vậy, tôi nghĩ rằng nếu bài trừ được nạn tham nhũng, buôn lậu thì đời sống chung của cán bộ chắc sẽ không đến nỗi khó khăn như hiện nay.

Cũng có người cho rằng tệ tham nhũng, buôn lậu và các mặt tiêu cực khác hiện đang phổ biến, thôi thì mình có tơ hào một chút của công cũng chẳng sao. Nghĩ như vậy cũng không đúng. Phương ngôn Pháp có câu "Ai đã ăn cắp một quả trứng thì sẽ ăn cắp cả con bò", một lần tham nhũng dù nhỏ sẽ dẫn tới thói quen tham nhũng lớn, đẩy dần con người xuống vũng bùn. Thấy người khác làm sai chẳng những không đấu tranh ngăn chặn mà lại hạ mình làm theo thì còn đâu bản lĩnh đảng viên, còn đâu tính chất tiên phong của người cách mạng. Hơn nữa, nếu ai cũng tự buông lỏng mình, chấp nhận những sai trái thì lấy ai làm lực lượng đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn khác.

Có người lại nghĩ rằng chống tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn khác trong Đang là vạch áo cho người xem lưng, tạo điều kiện cho kẻ địch lợi dụng để phản tuyên truyền. Nghĩ như vậy cũng không đúng. Chúng ta vạch những tệ hại trong Đảng là để Đảng mạnh lên. Nhân dân ta, từ mấy thập kỷ nay một lòng theo Đảng, sẽ có đủ thông minh và sáng suốt đánh giá đúng ý nghĩa tốt đẹp của việc làm đó của Đảng, và sẽ cùng Đảng sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu lợi dụng của các thế lực thù địch. Ngược lại, nếu không chống được tham nhũng và các tệ nạn khác trong Đảng, làm cho Đảng thật sự trong sạch thì khó mà nói đến việc giữ vững và tăng cường lòng tin của quần chúng đối với Đảng.

Dĩ nhiên, chống tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn khác trong Đảng phải là một quá trình, không thể nôn nóng làm một cách ồ ạt, thiếu cân nhắc, không tính đến những hậu quả chính trị. Trong quá trình đó phải có trọng tâm, trọng điểm, phải khẩn trương, kiên quyết, liên tục nhưng thận trọng, chính xác, không bỏ sót những kẻ có tội, không làm oan những người ngay, không để cho kẻ địch lợi dụng và không ảnh hưởng xấu đến ổn định chính trị.

*

Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhà cách mạng thiên tài, nhà chiến lược kiệt xuất, nhưng phong cách của Người lại rất thiết thực. Kỷ niệm lần thứ 103 ngày sinh của Người, mỗi một chúng ta hãy bày tỏ lòng biết ơn đối với Người bằng những việc làm thiết thực. Mỗi cán bộ đảng viên hãy tự nhìn lại mình, ra sức phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, nâng cao lòng yêu nước thương dân, chung sức chung lòng đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí và các tệ nạn khác trong Đảng. Trong cuộc đấu tranh này, chúng ta luôn ghi nhớ lời dạy của Hồ Chủ tịch : "... chống tham ô, lãng phí và bệnh quan liêu cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận. *Đây là mặt trận tư tưởng và chính trị.*

Cũng như ở các mặt trận khác, muốn thắng ở mặt trận này, ắt phải có chuẩn bị, kế hoạch, tổ chức, ắt phải có lãnh đạo và trung kiên" (7).

---

(6)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t8, tr 127

(7)Hồ Chí Minh : *Sđd, t6, tr266*

Digitized by Google

TẦM CAO TRÍ TUỆ CỦA HỒ CHÍ MINH

PHẠM NGỌC QUANG*

KHÁC với một số nhà lý luận kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Chủ tịch Hồ Chí Minh không để lại những công trình lý luận có tính chất chuyên khảo về triết học, kinh tế hay chính trị, văn hóa... với những ngôn ngữ bác học, tuy Người rất coi trọng công tác lý luận. Hồ Chí Minh biểu lộ quan điểm tư tưởng của mình bằng những bài nói, bài viết, các tác phẩm văn học... ngắn gọn, với ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu. Những người không biết chữ, trình độ nhận thức còn thấp nhưng khi nghe, đọc những bài nói, bài viết của Bác Hồ đều có thể nắm bắt một cách không khó khăn lắm tinh thần, ý tứ những điều mà Người muốn truyền đạt. Vì vậy đã có thời, một số người coi Hồ Chí Minh chỉ là nhà hoạt động thực tiễn, không phải là nhà lý luận. Nhưng nếu nghiên cứu kỹ lưỡng những di sản của Bác Hồ để lại, chúng ta có thể khẳng định hoàn toàn không phải như vậy. Ngược lại, lý luận của Bác Hồ là lý luận đã được "thực tiễn hóa", được kết hợp nhuần nhuyễn trong thực tiễn. Đó chính là nét đặc sắc trong tầm cao về trí tuệ của Hồ Chí Minh.

Như Hồ Chí Minh viết : "Từng bước một, trong cuộc đấu tranh, và nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin, vừa làm công tác thực tế, dần dần tôi hiểu được rằng chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"(1). Cũng nhờ nghiên cứu lý luận, nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn đấu tranh của giai cấp công nhân, của các dân tộc bị áp bức trên thế giới và của nhân dân ta... Hồ Chí Minh đã có bước tiến vượt bậc so với những nhà yêu nước đương thời như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh... trong nhận thức về mục tiêu, con đường, phương thức và lực lượng đấu tranh để giành độc lập dân tộc, mang lại ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.

Đầu thế kỷ XX, khi phong trào giải phóng dân tộc chưa trở thành cao trào trên thế giới, khi Cách mạng Tháng Mười Nga chỉ mới thắng lợi chưa đầy hai năm, mà Hồ Chí Minh đã phát hiện ra rằng, muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác là cách mạng vô sản, thì quả là người có tầm nhìn xa, trông rộng và là một phát hiện thiên tài. Việc hiện thực hóa quan điểm đó thật sự đã mở ra bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc Việt nam.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về sự tất yếu giai cấp công nhân Việt nam phải giữ vị trí lãnh đạo trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, và dựa vững chắc trên nền tảng liên minh công nông để tiến hành đến cùng cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhằm thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân để tạo ra những tiền đề cần thiết cho bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, biểu hiện sự nắm vững tới mức điêu luyện lý luận cách mạng không ngừng của Mác và Lê-nin.

So với quan điểm của Mác và Lê-nin, tư tưởng về "cách mạng không ngừng" ở Hồ Chí Minh có một điểm mới. Ở Mác, "cách mạng không ngừng" có nghĩa là giai cấp vô sản không dừng lại ở việc giành chính quyền, phải tiến lên xây dựng xã hội không còn giai cấp ; khi tình thế cách mạng vô sản chưa chín muồi, giai cấp vô sản phải đi cùng giai cấp tư sản để đấu tranh chống chế độ chuyên chế phong kiến và thúc đẩy sự chín muồi của cách mạng vô sản. Đối với Lê-nin, ngoài hai nội dung trên, "cách mạng không ngừng" còn có nghĩa là giai cấp vô sản phải đấu tranh giành lấy quyền lãnh đạo cuộc cách mạng dân chủ tư sản để tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Đối với Hồ Chí Minh, tư tưởng "cách mạng không ngừng" được bổ sung và hoàn chỉnh thêm với ý nghĩa là giai cấp vô sản phải giành lấy quyền lãnh đạo trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tư tưởng "cách mạng không ngừng", gắn đấu tranh cho độc lập dân tộc với đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, cũng là kết quả của một tầm tư duy kết hợp chặt chẽ giữa giải phóng dân tộc và giải phóng con người cả với tư cách là cá nhân, cả với tư cách là một giai

---

* PGS, PTS triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 8, tr 701

Digitized by Google

cấp. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, đấu tranh cho độc lập dân tộc không có mục đích tự thân, mà nó chỉ là một nấc thang để đi tới mục đích cao cả, nhân bản hơn, là mang lại cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Đành rằng, độc lập dân tộc và ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân có quan hệ chặt chẽ với nhau. Sẽ không có vế thứ hai, nếu như trước hết không thực hiện được vế thứ nhất. Nhưng việc thực hiện yêu cầu thứ nhất không tự nó dẫn tới việc đạt yêu cầu thứ hai. Đất nước được độc lập, nhưng dân không được tự do, không được hạnh phúc, thì độc lập cũng không có ý nghĩa là bao. Sự thống nhất giữa độc lập dân tộc với tự do, ấm no, hạnh phúc của nhân dân là đặc trưng cơ bản nhất của Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa do Hồ Chí Minh sáng lập và lãnh đạo. Bằng bước tiến đó, Hồ Chí Minh đã đưa năng lực trí tuệ của mình vượt khỏi giới hạn của chủ nghĩa yêu nước thời kỳ phong kiến - một chủ nghĩa yêu nước lấy độc lập dân tộc làm giới hạn cao nhất.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta những năm qua càng chứng minh tính uyên bác, giá trị khoa học sâu sắc trong quan niệm lý luận của Hồ Chí Minh về yêu cầu phải thực hiện trong thực tế sự thống nhất biện chứng giữa giải phóng con người về mặt dân tộc với giải phóng con người về giai cấp và cá nhân. Trong sự thống nhất biện chứng đó, Hồ Chí Minh dành một vị trí xứng đáng cho việc giải phóng con người về mặt cá nhân. Bởi vì, đối với Hồ Chí Minh, con người không phải là những thực thể trừu tượng, không bản sắc mà là những cá nhân cụ thể với những lợi ích, nhu cầu đa dạng của họ. Chính vì vậy, trong khi kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh cũng không ít lần ngăn chặn xu hướng vin vào đó để giày xéo lên lợi ích cá nhân. Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng. Nếu những tính cách, sở trường, đời sống riêng đó không đi ngược lại xu hướng phát triển tiến bộ xã hội thì cần được trân trọng.

Như vậy, trong tư tưởng lý luận của Hồ Chí Minh, con người cần được quan tâm không chỉ từ phương diện cái chung, liên quan tới tất cả mọi người, mà còn cần được chăm lo chu đáo trên từng phương diện của cá nhân thông qua việc làm thích hợp với từng con người, từng tầng lớp, từng cộng đồng khác nhau. Điều đó giải thích vì sao trong bản *Di chúc* được viết năm 1968, Hồ Chí Minh lại vạch ra công việc đầu tiên mà Đảng ta cần phải làm sau khi giành được độc lập dân tộc và thống nhất đất nước là công việc đối với *con người*. Hồ Chí Minh đã chi tiết hóa công việc đối với con người phù hợp với những đối tượng cụ thể khác nhau. Đối với những người đã dũng cảm hy sinh một phần xương máu cho Tổ quốc : Đảng và Chính phủ cùng toàn dân phải chăm lo nơi ăn chốn ở, mở lớp dạy nghề để họ có thể dần dần tự lực cánh sinh. Đối với liệt sĩ : cần xây dựng vườn hoa và bia kỷ niệm để giáo dục tinh thần yêu nước cho nhân dân. Đối với gia đình liệt sĩ, thương binh : phải tạo công ăn việc làm thích hợp để họ không bị đói... Hồ Chí Minh cũng biểu lộ sự khoan dung, lòng nhân ái cứu vớt những nạn nhân của xã hội cũ. Bởi vậy, trong bản *Di chúc*, Người cũng đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải giáo dục, cải tạo để những nạn nhân do xã hội cũ để lại trở thành những người lao động lương thiện.

Bằng tầm trí tuệ cao của mình, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Hồ Chí Minh cũng có khả năng đề xuất kịp thời những quyết sách chính trị phù hợp với quy luật khách quan của sự phát triển xã hội, với tương quan lực lượng khách quan trong xã hội không chỉ xét trong khuôn khổ đất nước mình, mà còn xét trên phạm vi quốc tế. Cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 là một minh chứng cho một quyết sách mang tính khách quan, khoa học, kịp thời của Hồ Chí Minh.

Trong suốt cuộc đời hoạt động chính trị của mình, bao giờ Hồ Chí Minh cũng khẳng định vai trò quyết định của quần chúng, đồng thời không một chút xem nhẹ vai trò của Đảng và Nhà nước trong cách mạng và xây dựng xã hội mới. Hồ Chí Minh cho rằng *Đảng và Nhà nước ta đã biết dùng lực lượng của nhân dân để đạt mục tiêu cách mạng đã đặt ra*. Để cập tới vấn đề đó, Người viết : "Thành công của Đảng ta là ở nơi Đảng ta đã tổ chức và phát huy lực lượng cách mạng vô tận của nhân dân, đã lãnh đạo nhân dân phấn đấu dưới lá cờ tất thắng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin" (2).

Để lôi cuốn được nhân dân, phát động được nhân dân làm cách mạng, theo Hồ Chí Minh, điểm mấu chốt là phải quan tâm tới những nhu cầu bức xúc của nhân dân, lấy những nhu cầu đó làm điểm xuất phát cũng như mục tiêu của mọi chính sách do Đảng và Nhà nước nêu ra ; phải luôn luôn nhớ rằng, điều quan

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr 766-767

Digitized by Google

trọng bậc nhất trong kế hoạch kinh tế của chúng ta hiện nay là nhằm cải thiện dần dần đời sống của nhân dân. Ngay trước khi "đi xa", Người cũng không quên nhắc nhở : Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân.

Trình độ khoa học của các quyết sách chính trị được đo bằng sự phù hợp không chỉ với quy luật phát triển khách quan của xã hội, mà còn với trạng thái hiện có của quần chúng. Bởi vậy, Hồ Chí Minh đòi hỏi khi đưa ra bất kỳ chủ trương nào, Đảng phải bảo đảm là nó phù hợp với trình độ văn hóa, thói quen sinh hoạt, trình độ giác ngộ cũng như kinh nghiệm đấu tranh của quần chúng. Nếu không như vậy, cố "đẽo chân cho vừa giày", thì không bao giờ chủ trương, chính sách của Đảng có thể đi vào quần chúng.

Tầm cao trí tuệ của Hồ Chí Minh còn thể hiện ở chỗ Người đã tìm ra được những hình thức tổ chức tốt nhất để quy tụ mọi tầng lớp trong dân cư xung quanh Đảng. Hồ Chí Minh đã sáng lập *Mặt trận dân tộc thống nhất* để đoàn kết toàn dân ; đã sáng lập *lực lượng vũ trang nhân dân* - một đội quân cách mạng vì nhân dân mà chiến đấu ; đã sáng lập *chính quyền nhân dân* - một nhà nước kiểu mới với phương châm hành động : việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh. Trong bộ máy chính quyền nhân dân, theo Hồ Chí Minh, các cơ quan từ trung ương cho đến cơ sở đều là đầy tớ của nhân dân để gánh việc chung cho nhân dân.

Là một người tiêu biểu cho trí tuệ của giai cấp công nhân, của dân tộc Việt nam, Hồ Chí Minh không ngừng rèn luyện cho mình một quan điểm giai cấp đúng đắn. Trong khi khẳng định sự cần thiết phải đứng trên lập trường giai cấp vô sản để giải quyết những vấn đề do thực tiễn cách mạng đặt ra, Người không tuyệt đối hóa quan điểm giai cấp để dẫn tới chủ nghĩa biệt phái. Nhờ vậy, Hồ Chí Minh nhận rõ vị trí đích thực của các giai cấp và tầng lớp khác nhau trong xã hội. Và cũng nhờ vậy, Người có những chủ trương mềm dẻo cho phép khai thác tối đa mọi tiềm năng ở các giai cấp và các tầng lớp khác nhau trong xã hội vì lợi ích của cách mạng, của nhân dân. Ngay trong *Sách lược vắn tắt của Đảng*, Hồ Chí Minh đã đặt vấn đề : phải lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông về phía giai cấp vô sản ; đối với phú nông, địa chủ vừa và nhỏ, cũng như đối với số tư sản Việt nam chưa lộ rõ mặt phản cách mạng, Đảng cũng phải sử dụng, chí ít là trung lập hóa họ, để tập trung đánh đổ các lực lượng phản cách mạng. Mặt khác, theo quan điểm giai cấp đúng đắn của Người, khi sử dụng các tầng lớp trung gian, Đảng ta luôn bảo đảm nguyên tắc : *không làm hại lợi ích của công nông.*

Đứng ở tầm cao trí tuệ, Hồ Chí Minh đã có được sự nhạy cảm chính trị, khả năng tiên đoán chính trị một cách khá chuẩn xác. Ngay từ năm 1943, khi tình thế cách mạng ở nước ta còn chưa có dấu hiệu để đi tới chín muồi, Hồ Chí Minh đã tiên đoán : bốn năm sự nghiệp hoàn thành. Năm 1950, khi sự thống trị của đế quốc Pháp còn khá ổn định ở Đông dương, Hồ Chí Minh đã nghĩ tới khả năng Mỹ sẽ hất cẳng Pháp để nắm lấy địa bàn chiến lược ở vùng Đông Nam Á. Trong quá trình lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Người cũng đã tiên đoán được tiến trình lịch sử. Thực tế đã chứng minh những tiên đoán của Người là đúng đắn.

Như chúng ta biết, tiên đoán khoa học trong chính trị sẽ không thể có được, nếu không có sự nhận thức đúng đắn những quy luật và khuynh hướng phát triển xã hội làm cơ sở. Bởi vậy, nói tới khả năng tiên đoán chính trị của Hồ Chí Minh, cũng chính là nói tới tầm cao năng lực trí tuệ của Người trong việc nắm bắt các quy luật, các khuynh hướng khách quan của sự phát triển xã hội.

Chính trị là một phạm vi hoạt động khác thường, đầy hấp dẫn nhưng cũng rất phức tạp. Nó đòi hỏi một kỹ năng cao, một tầm trí tuệ tương ứng của nhà chính trị để ảnh hưởng tới quần chúng, tới việc liên kết toàn dân tộc nhằm duy trì và củng cố nó dưới sự tác động của sự cân bằng lợi ích. Chính trị còn là nghệ thuật của những bước đi, những giải pháp, những xê dịch, những ngoắt ngoéo, sự điều hòa, sự rút lui, những bước vòng... Đối với Hồ Chí Minh, cái không gì lay chuyển nổi là giữ vững mục tiêu có tính nguyên tắc của cách mạng ; còn những hình thức, những bước đi cụ thể phải luôn thay đổi cho phù hợp với mỗi hoàn cảnh cụ thể. "Dĩ bất biến ứng vạn biến" trở thành nguyên tắc phương pháp luận nền tảng trong nghệ thuật chính trị của Hồ Chí Minh. Nhờ nắm được một

(Xem tiếp trang 12)

Digitized by Google

KỶ NIỆM LẦN THỨ 175 NGÀY SINH
CỦA CÁC MÁC (5-5-1818 - 5-5-1993)

HỌC THUYẾT MÁC VÀ BIỆN CHỨNG CỦA LỊCH SỬ

THIỆN NHÂN

CUỘC đời hoạt động của Mác và học thuyết của Người gắn liền với nhau làm một. Hình tượng của Mác thể hiện nổi bật ở tầm trí tuệ trong học thuyết của Người. Trải qua gần 150 năm kể từ tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* (1848) đánh dấu sự ra đời của học thuyết Mác, thế giới đã có những bước phát triển mạnh mẽ. Nổi bật là thắng lợi vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười Nga mở đầu một thời đại mới trong lịch sử loài người, thời đại các nước có điều kiện từ chủ nghĩa tư bản hoặc tiền tư bản đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng một xã hội công bằng, giàu mạnh và văn minh.

Từ dấu ấn mở đầu thời đại mới ấy, học thuyết Mác đã trở thành hiện thực hơn 70 năm ở Liên xô và trên dưới 40 năm ở một loạt nước khác ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ... Với tính hiện thực hiển nhiên và những thành quả đạt được dưới ánh sáng của nó, học thuyết Mác (nói rộng hơn là học thuyết Mác - Lê-nin) đã tự khẳng định giá trị lịch sử của nó. Nếu vào đầu thế kỷ 20, sau khi trải qua hơn nửa thế kỷ đấu tranh không ngừng chống đủ loại kẻ thù tư tưởng, học thuyết Mác đã giành được thắng lợi về mặt lý luận, thì với những thành tựu to lớn của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở các nước nói trên, nó đã giành được thắng lợi cả trong thực tiễn, đem lại niềm tin và hy vọng cho hàng triệu, hàng triệu quần chúng lao động, và trở thành ngọn cờ lý luận và tư tưởng của họ. Ngược lại, đối với các loại kẻ thù tư tưởng của nó, kể cả những học giả phương Tây, những người cách mạng mất phương hướng, khi học thuyết Mác gặp sóng gió, bão táp, thì họ không ngớt "tuyên bố" sự lỗi thời của nó, nhưng khi học thuyết Mác giành được thắng lợi to lớn, thì họ lại hóa trang làm người mác xít, hoặc "cầu cứu" học thuyết Mác, đưa ra các thuyết "pha lẫn" Mác như thuyết hội tụ, chủ nghĩa tư bản nhân dân... để bào chữa, tô vẽ cho chủ nghĩa tư bản. Chúng ta hãy nhớ lại, vào những năm 50, 60, khi các nước xã hội chủ nghĩa đạt được những thành tựu to lớn, phong trào cách mạng thế giới phát triển, chủ nghĩa tư bản đế quốc gặp nhiều khó khăn và thất bại, các kẻ thù tư tưởng của Mác đã "bất lực" như thế nào trong việc bôi nhọ và xuyên tạc học thuyết của ông.

Song lịch sử đúng là khúc khuỷu, quanh co, không đi theo đường thẳng. Do những sai lầm trong quá trình cải tổ và đổi mới, và nhất là do sự phản bội của một số người lãnh đạo, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã nhanh chóng bị sụp đổ ở Liên xô và Đông Âu. Điều đó đã thật sự gây bất ngờ lớn, bàng hoàng đối với nhiều người. Lại một lần nữa, những kẻ thù tư tưởng của Mác nổi lên phê phán, bôi nhọ, thóa mạ học thuyết của ông. Song khác với những lần trước, lần này chúng muốn "chôn vùi" ngay học thuyết Mác, vì chúng cho rằng chủ nghĩa xã hội hiện thực ở một nước được coi là thành trì cách mạng thế giới và hàng loạt nước Đông Âu đã tan rã, thì mấy nước xã hội chủ nghĩa còn lại cũng không tránh khỏi số phận đó. Chẳng thế mà Ních-xơn đã dự báo sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản trên thế giới vào cuối thế kỷ này. Tất cả các kẻ thù cố hữu, các kẻ phản bội, đầu hàng đều bộc lộ bộ mặt hí hửng, bỉ ổi, hèn hạ mà không cần giấu diếm, thậm chí kẻ phản bội còn tỏ ra căm thù chủ nghĩa cộng sản, bôi nhọ hình tượng Mác hơn cả kẻ thù cố hữu của nó.

Song biện chứng của lịch sử mới là người phán xét cuối cùng. Trải qua những ngày tháng chấn động, bàng hoàng, lo buồn và suy ngẫm trước sự đổ vỡ chưa từng có của chủ nghĩa xã hội hiện thực, những người cộng sản và những người cách mạng chân chính ở nhiều nước, kể cả ở các nước chủ nghĩa xã hội đã bị sụp đổ, vẫn không mất niềm tin vào những giá trị đích thực của học thuyết Mác. Vượt lên trên các học thuyết khác, kể cả một số học thuyết mới ra đời, học thuyết Mác trước sau vẫn cung cấp cho loài người tiến bộ một thế giới quan và phương pháp luận mà không một học thuyết nào có thể thay thế được. Học thuyết Mác

Digitized by Google

phản ánh nội dung biện chứng của lịch sử, trước hết nó tìm ra quy luật phát triển của lịch sử loài người, "cái sự thật đơn giản đã bị những lớp tư tưởng phủ kín cho đến ngày nay", là : "con người trước hết cần phải ăn, uống, ở và mặc đã, rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo, v.v." (1). Mác cũng đã phân tích bản chất và dự báo quy luật phát triển khách quan của chủ nghĩa tư bản. Cho đến nay, sự phân tích và dự báo đó về cơ bản vẫn đúng. Cả sau khi chủ nghĩa xã hội hiện thực đã sụp đổ ở Liên xô và Đông Âu, một số học giả phương Tây vẫn thừa nhận là đúng những dự đoán của Mác về một xã hội tương lai, về một số yếu tố của xã hội tương lai sẽ dần dần nảy sinh ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản hiện đại. Thực tiễn tới nay cũng chưa bác bỏ được cái lô gích khách quan đã được Mác phát hiện : để có thể đáp ứng yêu cầu phát triển của lực lượng sản xuất, chủ nghĩa tư bản hiện đại tới một lúc nào đó, không tránh khỏi phải phá vỡ cái vỏ bọc của mình để chuyển sang một xã hội *mới* (đương nhiên việc chuyển sang này phải thông qua một cuộc biến đổi cách mạng). Xã hội mới ấy - xã hội *xã hội chủ nghĩa* - theo biện chứng của lịch sử, nhất định sẽ ra đời. Nó không phải là một xã hội hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa tư bản, mà biết kế thừa, tiếp thu và phát triển những yếu tố nào của chủ nghĩa tư bản phù hợp với nó, tạo nên bản chất mới là *giải phóng con người với tư cách là trung tâm của sự phát triển xã hội.*

Dù đang đứng trước yêu cầu cấp bách phải bổ sung và phát triển để khỏi lạc hậu với cuộc sống biến đổi không ngừng, học thuyết Mác trước đây và học thuyết Mác - Lê-nin ngày nay vẫn là nền tảng tư tưởng của giai cấp công nhân, hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội xã hội chủ nghĩa ; là cơ sở lý luận, chính trị của các đảng cộng sản và công nhân ; là hệ thống các tri thức khoa học về các lĩnh vực cơ bản : triết học, kinh tế chính trị và chủ nghĩa cộng sản khoa học. Sức sống, linh hồn của nó là phép biện chứng duy vật, theo đó mọi sự vật đều vận động và phát triển một cách biện chứng. Sức sống ấy đã và đang thể hiện ở chỗ dù gặp khó khăn như thế nào, những người cộng sản chân chính vẫn vững tin vào thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới ; thể hiện ở phương pháp luận đúng đắn và khoa học mà học thuyết Mác đem lại cho con người là cách nhìn các hiện tượng, sự vật, các quá trình lịch sử theo quan điểm phát triển, toàn diện, lịch sử cụ thể ; thể hiện ở khả năng tự phê phán, nâng cao và hoàn thiện của bản thân học thuyết Mác để không ngừng phát triển và tiếp thu có chọn lọc những nguồn trí tuệ mới của loài người.

Tuy nhiên, chúng ta nhận thức rằng, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu đã đặt lên vai những người cộng sản trên thế giới, nhất là ở các nước xã hội chủ nghĩa, trách nhiệm nặng nề rút ra những bài học kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội để nhìn nhận lại, bổ sung và phát triển lý luận, nâng cao sức sống của học thuyết Mác. Có thể nói, sai lầm lớn nhất trong những sai lầm của những người cộng sản chúng ta trong những thập kỷ qua, là đã nhận thức học thuyết Mác một cách giáo điều và xây nên một thứ chủ nghĩa xã hội giáo điều. Cần phân tích thấu đáo, tìm ra nguyên nhân của tình trạng giáo điều kéo dài trong nhiều thập kỷ. Nguyên nhân này phải chăng ở chỗ, như Lê-nin nói, người ta rất hay quên một phương diện mà các nhà sáng lập học thuyết Mác đã đặc biệt nhấn mạnh : học thuyết của chúng tôi không phải là một giáo điều, mà là kim chỉ nam cho hành động. Theo Lê-nin, "quên không nhìn tới phương diện ấy thì chúng ta sẽ làm cho chủ nghĩa Mác trở thành phiến diện, quái dị, chết cứng, sẽ vứt bỏ linh hồn sống của nó, sẽ phá hủy cơ sở lý luận cơ bản của nó - tức là phép biện chứng, học thuyết về sự phát triển lịch sử toàn diện và đầy mâu thuẫn ; như thế chúng ta sẽ phá hủy sự liên hệ giữa chủ nghĩa Mác với những nhiệm vụ thực tiễn nhất định của thời đại, những nhiệm vụ có thể biến đổi ở mỗi bước ngoặt mới của lịch sử" (2).

Tình trạng "hay quên" ấy, như thực tế cho thấy, đã dẫn đến hậu quả là hàng loạt nước xây dựng đất nước theo mô hình chủ nghĩa xã hội giáo điều. Khuyết tật lớn nhất của chủ nghĩa xã hội giáo điều là ở chỗ : áp dụng máy móc, cứng nhắc các nguyên lý của Mác, Ăng-ghen về chủ nghĩa xã hội ở trình độ ra đời sau chủ nghĩa tư bản phát triển, vào các nước mà ở đó chủ nghĩa tư bản còn kém phát triển hoặc chưa có. Kết quả là nó bắt hiện thực phải khuôn theo lý tưởng, coi chủ nghĩa xã hội không phải như Mác nói là một phong trào nhằm xóa bỏ tình trạng hiện có, mà như

(1) Mác - Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t5, tr 662

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t20, tr 99

Digitized by Google

một trạng thái cần sáng tạo ra. Chủ nghĩa xã hội giáo điều phản ánh sự xơ cứng, thiếu độc lập, sáng tạo trong tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội, và sự gò bó, rập khuôn trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Để nâng cao sức sống và bảo vệ học thuyết Mác, điều quan trọng hàng đầu là cần đánh giá một cách khách quan, toàn diện, có căn cứ khoa học và thực tiễn vai trò của học thuyết Mác, trong thời đại ngày nay, thấy rõ những giá trị của nó với tư cách là một học thuyết khoa học xã hội của loài người ; đồng thời, thấy rõ những khiếm khuyết, nhất là mặt lạc hậu của nó về lý luận và cấu trúc. Sự đánh giá và nâng cao học thuyết Mác, đương nhiên phải dựa trên cơ sở tổng kết thực tiễn những vấn đề về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là những vấn đề liên quan đến sự nghiệp cải cách, đổi mới hiện nay ; những hoạt động của các phong trào cách mạng và công nhân trên thế giới ; kết quả của cuộc đấu tranh lý luận và tư tưởng giữa hai ý thức hệ vô sản và tư sản ; những hiểu biết sâu sắc về chủ nghĩa tư bản hiện đại ; những thành quả trí tuệ hiện đại của loài người.

Trong điều kiện hiện nay, bảo vệ học thuyết Mác phải gắn liền với bổ sung và phát triển nó ; không bổ sung, phát triển thì khó mà bảo vệ, vì những giá trị hiện tồn của nó sẽ thu hẹp lại, tình trạng lạc hậu sẽ kéo dài, và học thuyết Mác sẽ trở thành phiến diện, chết chứng như Lê-nin nói. Nhưng bổ sung và phát triển tuyệt nhiên không có nghĩa là xét lại học thuyết Mác, xóa bỏ vai trò của Mác trong lịch sử. Mọi mưu toan muốn lợi dụng đổi mới, mượn cớ bổ sung và phát triển học thuyết Mác - Lê-nin để xuyên tạc, phủ nhận hoặc loại bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin ra khỏi đời sống xã hội, đều phải bị phê phán và bác bỏ.

*

Có thể nói, chưa bao giờ học thuyết Mác bị xuyên tạc, bôi nhọ, phủ nhận và phản bội như hiện nay. Kẻ thù thì tuyên bố "sự cáo chung của nó", còn nhiều người khác thì tỏ ra lo lắng cho vận mệnh của nó. Vào thời điểm này, chúng ta nhớ tới lời nói của Lê-nin : "Từ sau khi chủ nghĩa Mác ra đời, mỗi một thời đại vĩ đại của lịch sử thế giới... đều đem lại cho chủ nghĩa ấy những chứng thực mới và những thắng lợi mới. Nhưng thời đại lịch sử sắp tới sẽ đem lại cho chủ nghĩa Mác... một thắng lợi còn to lớn hơn" (3).

(3) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1980, t 23, tr 5

TẦM CAO TRÍ TUỆ...

(Tiếp theo trang 9)

cách thấu đáo nghệ thuật lãnh đạo chính trị, Hồ Chí Minh đã đề xuất không ít những quyết sách chính trị mang tính mềm dẻo, linh hoạt cao độ để đưa con thuyền cách mạng Việt nam vượt qua những phút hiểm nghèo. Việc xử lý của Hồ Chí Minh trước những thử thách đối với chính quyền cách mạng những ngày đầu sau khi giành được độc lập là một thí dụ nói lên tầm cao trong nghệ thuật chính trị của Người.

Ngay sau khi nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra đời, chính quyền cách mạng non trẻ phải đồng thời đương đầu với hơn 20 vạn quân Tàu Tưởng, hàng ngàn quân Ấn, quân Anh và theo sau là quân Pháp rắp tâm quay trở lại. Chính phủ Trần Trọng Kim chưa phải đã tan rã hoàn toàn... Trong tình thế "ngàn cân treo sợi tóc" như vậy, một sai lầm nhỏ trong quyết sách chính trị mang tính ta khuynh hay hữu khuynh đều có thể làm tiêu tan toàn bộ thành quả cách mạng. Với sự sáng suốt tới mức tuyệt vời, Hồ Chí Minh đã thực hiện chính sách tạm hòa với quân Tưởng để đánh thực dân Pháp, sau đó lại hòa với thực dân Pháp để đuổi 20 vạn quân Tàu Tưởng cùng bè lũ tay sai của chúng ra khỏi đất nước. Nhờ vậy, cách mạng Việt nam đã vượt qua được giờ phút hiểm nghèo, chuẩn bị được lực lượng cần thiết, bảo vệ vững chắc nền độc lập của đất nước.

Trong tư chất chính trị của Hồ Chí Minh, chính trị với tư cách là khoa học và nghệ thuật thể hiện không chỉ trong việc soạn thảo đường lối chính trị mà cả trong việc vận dụng đường lối đó vào cuộc sống. Ở Người, có sự thống nhất giữa công tác lý luận với công tác tổ chức thực tiễn ; có sự kết hợp chặt chẽ giữa tri thức lý luận sâu sắc, khả năng phân tích các hiện tượng xã hội phức tạp, với kinh nghiệm chính trị to lớn, với sáng kiến chính trị. Ở Người, việc luận chứng một cách khoa học đối với chính trị bao hàm cả nhân tố nghệ thuật, tính toàn diện và sự mềm dẻo trong việc phân tích các quan hệ hiện thực.

Digitized by Google

BÀN VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

NGUYỄN THỊ BÌNH *

QUYỀN con người, nói một cách vắn tắt, là quyền được sống đúng như một CON NGƯỜI. Đó là quyền cơ bản của mọi người trong mọi dân tộc, mọi quốc gia, mọi thời đại. Loài người đã và tiếp tục đấu tranh cho quyền con người. Nhưng chỉ đến chủ nghĩa xã hội, quyền con người chân chính mới được thực hiện đầy đủ, phổ cập.

Dưới chế độ người bóc lột người, con người, trước hết là người lao động, bị tước mọi quyền lợi, do đó, mới nảy sinh cuộc đấu tranh vì quyền con người. Đó cũng là cuộc đấu tranh của các giai cấp và các dân tộc bị áp bức để đạt được sự công bằng xã hội, sự bình đẳng giữa các dân tộc. Những cuộc cách mạng tư sản ở thế kỷ 18 và 19 đã ghi trên lá cờ của mình những quyền con người thiêng liêng bất khả xâm phạm. Đó là công lao lịch sử không bao giờ phai mờ của giai cấp tư sản về quyền con người trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến. Nhưng chỉ đến cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga vĩ đại mới thật sự mở ra kỷ nguyên của quyền con người. Chủ nghĩa xã hội đã giải phóng con người, đưa con người từ kẻ nô lệ trở thành người làm chủ, "xứng đáng với con người"(1). Xét về bản chất giai cấp và xã hội, chủ nghĩa xã hội là xã hội mang thuộc tính nhân đạo, là xã hội của quyền con người. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới tạo ra những điều kiện và khả năng về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa để thực hiện quyền con người chân chính một cách đầy đủ nhất, triệt để nhất. Đó là "sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người(2).

Tuy nhiên, sự nghiệp này không phải chuyện ngày một ngày hai. Nhất là các nước từ trình độ lạc hậu và chậm phát triển về kinh tế và khoa học kỹ thuật đi lên. Chẳng thế mà vừa qua ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa chưa thực hiện được đầy đủ quyền con người như mong muốn, thậm chí đây đó còn có những biểu hiện vi phạm quyền con người. Nhưng đó là những vấn đề thuộc về trình độ phát triển, trình độ nhận thức và cơ chế thực hiện, lại còn do hoàn cảnh khắc nghiệt của lịch sử, chứ không thuộc về bản chất của chế độ. Bởi vì, "việc thực hiện quyền tự do của con người tùy thuộc ở lực lượng sản xuất và trong phạm vi cho phép của lực lượng sản xuất, chứ không phải tùy thuộc ở điều người ta mong muốn(3).

Gần đây, một số người ở phương Tây lại dấy lên vấn đề nhân quyền, khiến dư luận tưởng nhầm rằng ngọn cờ nhân quyền, ngay cả ngày nay, vẫn nằm trong tay giai cấp tư sản, trong tay các nước tư bản. Sự thật thế nào ? Đúng là ở các nước tư bản phát triển do có trình độ cao về kinh tế và khoa học kỹ thuật, và do cuộc đấu tranh không ngừng của giai cấp công nhân và của các lực lượng dân chủ, quyền con người ở đấy có những tiến bộ đáng kể. Nhưng quan niệm của họ về quyền con người chúng ta cần phân tích. Họ đặt quyền con người với tính cách là quyền của những con người riêng lẻ ; tuyệt đối hóa tự do cá nhân, tách cá nhân con người với xã hội, tách quyền lợi với nghĩa vụ. Quan niệm tư sản hiện đại về quyền con người xuất phát từ chủ nghĩa nhân bản siêu giai cấp, siêu quốc gia. Họ cho rằng dưới chế độ xã hội nào cũng vậy, con người phải được tự do ngôn luận, tự do lập hội, tự do hoạt động chính trị. Họ coi nước nào có tự do hoạt động chính trị như vừa nói mới là có quyền con người, còn nước nào không có tự do đó là vi phạm quyền con người. Quan niệm về quyền con người như trên rõ ràng là phiến diện, hình thức, không phù hợp với thực tế. Thử hỏi trong lịch sử : chủ nô có quyền giết nô lệ, vậy nô lệ có quyền gì ? Trong xã hội phong kiến, giữa địa chủ và nông dân, có cái gì gọi là quyền con người đối với nông dân ? Bản Hiến pháp đầu tiên của Pháp phản ánh khẩu hiệu nổi tiếng "mọi người bình đẳng trước pháp luật". Nhưng ngay bản hiến pháp ấy quy định rằng trong tổng số 26 triệu công dân

---

* Phó chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t7, tr 204

(2) C.Mác và Ph. Ăng - ghen : *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1980 t 1, tr 569

(3) C. Mác và Ph. Ăng - ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, tiếng Nga, Mát-xcơ-va, t3, tr 473

Digitized by Google

Pháp lúc ấy, có 22 triệu người thuộc loại "công dân tiêu cực" và không có quyền bầu cử. Ở Mỹ, "Tuyên ngôn độc lập" năm 1776 là thánh văn bất hủ với câu "mọi người sinh ra đều bình đẳng". Vậy mà mãi đến gần 100 năm sau, chế độ nô lệ mới bị xóa bỏ. Quyền bầu cử của những người da đen thì đến năm 1970 mới được thực hiện. Còn tệ phân biệt chủng tộc thì bây giờ vẫn còn. Việc cảnh sát da trắng đánh đập dã man người da đen đã dấy lên làn sóng chống phân biệt chủng tộc mà sự bùng nổ ở Lốt An-giơ-lét vừa qua đã gây chấn động trong dư luận toàn thế giới. Cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam của thực dân Pháp, rồi của đế quốc Mỹ, đều xuất phát từ những quốc gia đã nổi tiếng trong lịch sử với những văn kiện về dân quyền và nhân quyền. Bóc lột tận bạo người lao động trong nước, áp bức và cưỡng bóc thảm khốc các thuộc địa hàng thế kỷ là trang sử nhục nhã của giai cấp tư sản về quyền con người. Đủ thấy, chủ nghĩa tư bản, nhất là khi đã chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa bá quyền, với tham vọng thống trị toàn thế giới, thì nó là kẻ vi phạm nhân quyền hơn ai hết. Trong một nhà nước có giai cấp thống trị và bị trị, thì sự tự do của giai cấp này làm sao không ảnh hưởng tới sự tự do của giai cấp khác. Ngay hiện nay, làm sao có quyền con người ngang nhau giữa hàng triệu người lang thang không có nhà ở, những người thất nghiệp với các nhà tỉ phú có hàng trăm, hàng nghìn triệu đô la ? Một khi còn có các giai cấp khác nhau về tài sản, về địa vị và sức mạnh, về tư tưởng và chính trị, thì giữa họ làm sao có quyền bình đẳng như nhau được ?

Chúng ta cho rằng con người không bao giờ nằm ngoài xã hội. Không có thứ quyền lợi nào mà không kèm theo nghĩa vụ ; cũng như không có thứ nghĩa vụ nào lại không kèm theo quyền lợi. Chỉ có sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ mới tạo thành quyền con người đích thực. Chính bản "Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế" cũng quy định : "Mọi người đều có nghĩa vụ với xã hội".

Hiện nay, bên cạnh một số rất ít nước phát triển và giàu có, còn hơn một trăm nước kém phát triển và nghèo đói. Tất cả những nước nghèo đói đều là thuộc địa cũ hoặc là nạn nhân bị một số cường quốc phương Tây xâm lược. Vậy ai là nước có quyền đòi hỏi về quyền con người nhất ? Ai là người có quyền phát ngôn về quyền con người nhất ? Và quyền con người cơ bản nhất của đại bộ phận nhân loại hiện nay là gì ? Chẳng phải trước hết là quyền được sống, được phát triển, quyền kinh tế xã hội, quyền công bằng xã hội đó sao ?

Vậy mà một số nước tư bản phát triển phương Tây lại đang viện ra những lý lẽ về tính phổ cập của nhân quyền để đòi xét lại khái niệm về "chủ quyền quốc gia" và "công việc nội bộ", hòng dễ bề can thiệp vào nước khác. Họ gán viện trợ phát triển với yêu cầu về nhân quyền. Mỹ và một số nước phương Tây đưa ra những chủ trương như cái gọi là "tăng cường hiệu quả bầu cử", mà thực chất là lập cơ chế kiểm soát bất hợp pháp đối với việc bầu cử ở các nước khác. Họ còn đưa ra cái gọi là "tăng cường phối hợp viện trợ nhân đạo khẩn cấp của Liên hợp quốc" mà cốt lõi là giám sát có tính chất cưỡng chế việc viện trợ nhân đạo trái với ý kiến của người được nhận viện trợ.

Những chính sách về quyền con người mang tính chất chính trị nước lớn nói trên, không được các nước đang phát triển chấp nhận. Hội nghị cấp cao lần thứ 10 các nước không liên kết họp tại Gia-các-ta (In-đô-nê-xi-a) tháng 9-1992 đã ghi vào *Tuyên ngôn* của mình như sau : tôn trọng chủ quyền quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ các nước ; các nước có quyền tự do lựa chọn chế độ chính trị, kinh tế xã hội, không ai được gán viện trợ với quyền con người để can thiệp. Hội nghị nhân quyền khu vực do Liên hợp quốc vừa tiến hành tại Băng-cốc tháng 3 vừa qua cũng đã khẳng định lại những nguyên tắc đó.

Năm 1986, Liên hợp quốc đã ra tuyên bố về quyền phát triển. Trong đó, có yêu cầu các nước phát triển phải có nghĩa vụ giúp đỡ các nước chậm phát triển, tạo điều kiện cho các nước này thực hiện quyền con người. Sự giúp đỡ ấy không được kèm theo điều kiện quyền con người hiểu theo tiêu chuẩn của nước đi viện trợ. Nhưng đáng chú ý là riêng Mỹ không coi phát triển là quyền con người, mà coi đó chỉ là mục tiêu phấn đấu. Một mặt, Mỹ tự cho mình có "trách nhiệm" và "nghĩa vụ" thực hiện trên toàn cầu quyền con người hiểu theo tiêu chuẩn của họ. Chỉ cần lấy một ví dụ gần đây nhất. Tháng 2-1993, trong báo cáo về nhân quyền dày 1200 trang gửi Liên hợp quốc, Hoa kỳ đã nêu đích danh hầu hết các nước trên thế giới đã vi phạm nhân quyền, nước duy nhất không bị quy tội là Mỹ ! Nhưng chính Mỹ, chứ không phải ai khác, đã biến quyền con người là vấn đề mang tính chất nhân đạo thành vấn đề chính trị. Thời gian qua, đáng lý Mỹ phải thấy trách nhiệm của mình đã gây cho nhân dân Việt nam bao nhiêu đau khổ và mất mát. Ngược hẳn

Digitized by Google

lại, Mỹ còn lấy cớ vấn đề POW và MIA để kéo dài cấm vận Việt nam, trong khi vì mục đích nhân đạo, Việt nam đã và đang tích cực hợp tác với Mỹ trong việc giải quyết vấn đề này. Chắc không ít người đã biết cho đến nay, Mỹ là nước lớn duy nhất chưa chấp nhận "Công ước nhân quyền quốc tế" do Liên hợp quốc thông qua năm 1948. Lúc đầu Mỹ đã tích cực soạn thảo công ước đó. Nhưng sau khi phát hiện ra rằng không thể áp đặt những tiêu chuẩn của riêng họ về quyền con người cho các nước khác, họ đã gác những văn kiện lịch sử ấy lại. Và cũng từ đó, Mỹ ra sức thi hành chính sách ngoại giao nhân quyền theo yêu cầu của Mỹ.

*

Là một nước trải qua nhiều chiến tranh và bất công, hơn bất cứ ai, Việt nam ao ước được sự phổ cập của nhân quyền quốc tế. "Thương người như thể thương thân" là một truyền thống nhân ái của dân tộc Việt nam, và cũng là đặc điểm của quyền con người Việt nam ngày nay. Hơn nữa, chúng ta đã kế thừa tư tưởng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh "Không có gì quý hơn độc lập tự do", đó là nhân quyền cơ bản nhất của con người và của cộng đồng dân tộc Việt nam.

Tiếp thu tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lê-nin, những giá trị của Tuyên ngôn độc lập năm 1776 của Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp sáng tạo khái niệm quyền cơ bản của con người với quyền dân tộc thiêng liêng ! Người đã gắn liền khái niệm quyền con người, quyền của cá nhân với quyền độc lập tự do của dân tộc. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân quyền phải được nhìn nhận trên căn bản của độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia.

Sau *Tuyên ngôn độc lập* năm 1945, cuộc đấu tranh vĩ đại giành độc lập tự do của nhân dân Việt nam đã được thừa nhận như là một chân lý về quyền con người của thời đại : một đất nước bị xâm lược, một dân tộc bị đe dọa nô dịch, người dân nước đó làm gì có quyền con người ! Cuộc chiến đấu của Việt nam đã chứng minh một sự thật đơn giản : đấu tranh cho quyền con người gắn liền với đấu tranh chống xâm lược. Đã thừa nhận tính phổ cập của quyền con người thì tất yếu phải thừa nhận tính hợp pháp của đấu tranh giải phóng dân tộc. Việc thành lập Liên hợp quốc và bản *Hiến chương* lịch sử của nó năm 1945 là kết quả của sự thức tỉnh của các dân tộc sau cơn khủng khiếp do sự đe dọa hủy diệt của chủ nghĩa phát xít, đồng thời đánh dấu sự trỗi dậy của ý thức độc lập dân tộc. Nhưng cho đến năm 1948, Liên hợp quốc mới thông qua bản *Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế* và ba văn kiện hữu quan khác (gọi chung là "Công ước nhân quyền quốc tế"). Công ước này đã nói lên những quyền lợi của con người một cách đầy đủ, bao quát và tiến bộ hơn nhiều so với các tư tưởng của các tuyên ngôn thế kỷ trước. Tuy nhiên, những văn kiện này vẫn dựa trên quan điểm cơ bản về quyền lợi cá nhân, lấy tự do cá nhân và lợi ích cá nhân làm thước đo và chuẩn mực cho quyền con người, chưa gắn quyền con người của cá nhân với quyền con người của cộng đồng, của dân tộc. Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp ở Việt nam dẫn tới cao trào giải phóng dân tộc ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ la tinh, Hội nghị Băng-đung (In-đô-nê-xi-a) năm 1955 thông qua một *Tuyên ngôn* trong đó có đoạn viết : "Quyền tự quyết là điều kiện tiên quyết để hưởng thụ mọi quyền cơ bản của con người". Rõ ràng, đây là một bước tiến lớn. Lần đầu tiên sau chiến tranh, trong một văn kiện quốc tế, quyền dân tộc cơ bản được gắn liền với quyền cơ bản của con người.

Năm 1960, Liên hợp quốc thông qua "Tuyên ngôn về bảo đảm độc lập cho các nước và dân tộc thuộc địa". Hai năm sau, năm 1962, lại thông qua "Chủ quyền vĩnh cửu về tài nguyên thiên nhiên". Đó là những văn kiện mang tính công pháp quốc tế đầu tiên đã phát triển khái niệm quyền con người với tính cách là quyền của cá nhân con người, thành quyền của các dân tộc. Mỗi quốc gia có quyền tự quyết định con đường phát triển ; tự mình có toàn quyền làm chủ tài nguyên, làm chủ phương thức sử dụng tài nguyên và làm chủ mô thức chính trị, kinh tế xã hội của mình, có toàn quyền thực hiện quyền lợi kinh tế - xã hội cho mọi người dân.

Ở Việt nam, sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Nhà nước ta đã không ngừng thực hiện các chính sách do dân và vì dân, bảo đảm thực hiện quyền con người. Từ Hiến pháp 1946, đến Hiến pháp 1959, Hiến pháp 1980, và gần đây nhất là Hiến pháp 1992, Nhà nước ta đã căn cứ vào những điều kiện lịch sử cụ thể, không ngừng hoàn thiện và mở rộng quyền công dân và quyền con người ; bảo đảm ngày càng đầy đủ những quyền cơ bản của con người phù hợp với khả năng và

Digitized by Google

trình độ nước ta, và cũng thích ứng với đòi hỏi quốc tế. Nhà nước Việt nam coi trọng và tuân thủ những nguyên tắc và tiêu chuẩn về quyền con người đã được cộng đồng thế giới công nhận. Việt nam tích cực tham gia hợp tác quốc tế để phổ cập quyền con người trên toàn cầu.

Chúng ta đang từng bước xây dựng nhà nước pháp quyền, trong đó nhân dân có quyền trực tiếp và gián tiếp tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế văn hóa. Theo quan niệm của chúng ta, quyền con người là quyền của tuyệt đại đa số nhân dân. Với hoàn cảnh của một đất nước mang trọng mình những vết thương chiến tranh vô cùng nặng nề, Nhà nước ta đã dốc lòng làm đủ mọi việc để làm dịu vợi nỗi đau khổ của hàng triệu nạn nhân chiến tranh. Điều này thể hiện trong các chính sách hậu phương quân đội, chính sách thương binh liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng, phong trào đền ơn đáp nghĩa, chiến dịch xây dựng nhà tình nghĩa và biết bao hoạt động khác. Đó là chưa nói đến chính sách khoan dung, hòa giải đối với hàng triệu người đã làm việc dưới chế độ cũ, chính sách hợp tác theo tinh thần nhân đạo để cùng Mỹ giải quyết vấn đề POW - MIA...Điều đáng nói là chúng ta đã làm những việc đó trong điều kiện hết sức thiếu thốn khó khăn về kinh tế và đời sống.

Theo quan niệm của chúng ta, trong quyền con người hai mặt quyền kinh tế - xã hội và quyền chính trị - dân sự không tách rời nhau. Đảng cộng sản Việt nam khi xác định nhiệm vụ trọng tâm của đất nước trong giai đoạn hiện nay là đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội, chính là tạo điều kiện để thực hiện một cách cơ bản các quyền con người. Toàn dân ta đang chứng kiến những tiến bộ của đất nước. Đó là sản xuất ngày một tăng tiến, kinh tế tăng trưởng, đời sống dần dần được nâng cao, trị an xã hội được giữ vững, các quyền dân chủ và lợi ích cơ bản của con người từng bước được bảo đảm ; các chính sách của nhà nước ngày càng phù hợp với lòng dân, được dân hưởng ứng, thực hiện. Tất thảy những điều đó không phải là thành quả tốt đẹp của việc thực hiện quyền cơ bản của con người hay sao ?

Với chính sách đổi mới kể từ Đại hội VI của Đảng và nhất là sau Hội nghị lần thứ tư BCHTU (khóa VII) vừa qua, Nhà nước ta đã ban hành và không ngừng hoàn thiện các chính sách về con người, coi con người là trung tâm ; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Xuất phát từ điều kiện thực tế, Nhà nước ta đang cố gắng hết sức mình để thực hiện quyền của công dân được học tập, được chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe, được hưởng thụ văn học nghệ thuật ; được đào tạo nghề nghiệp và có việc làm ; đặc biệt là quyền của tuổi trẻ được sự quan tâm săn sóc của toàn xã hội để được nuôi dưỡng tốt hơn, phát triển tốt hơn, cống hiến tốt hơn. Những quyết sách nói trên phản ánh sâu sắc chủ nghĩa nhân đạo trên lĩnh vực quyền con người.

Trong một đất nước còn đang ngổn ngang những vấn đề trong buổi khởi đầu của sự phát triển, chúng ta vẫn thi hành những chính sách bảo trợ xã hội nhằm bảo đảm cho mọi thành viên xã hội, dù ở hoàn cảnh khó khăn như thế nào, cũng được sinh sống ở mức cơ bản. Tổ chức bảo hiểm xã hội của nhà nước ta đang hoạt động có hiệu quả và đang mở rộng phạm vi hoạt động. Những hoạt động cứu tế, cứu trợ và từ thiện của nhà nước và của các tổ chức xã hội trong và ngoài nước đang giúp đỡ thiết thực đối với bộ phận dân chúng có nhiều khó khăn trong đời sống. Việt nam là nhà nước đa dân tộc, chúng ta đã và đang tích cực thực hiện chính sách nhằm nhanh chóng phát triển kinh tế xã hội vùng miền núi, nơi sinh sống của các dân tộc thiểu số. Có thể nói chưa bao giờ các dân tộc thiểu số ở Việt nam được quan tâm và coi trọng về mặt phát triển như bây giờ. Chúng ta cũng đang thực hiện chính sách tôn giáo thật sự tự do tín ngưỡng, tạo mọi điều kiện cho các tôn giáo hoạt động. Tất nhiên, cũng giống như bất cứ nước nào khác, chính sách tôn giáo của nước ta là phù hợp với lợi ích của Tổ quốc, của pháp luật và với lợi ích chính đáng của các tín đồ tôn giáo. Chính sách đối với kiều bào Việt nam ở nước ngoài cũng đang được quán triệt thi hành.

Những thành tựu về quyền con người nói trên, được dư luận rộng rãi trên thế giới thừa nhận. Nhiều chính khách quốc tế từng phát biểu rằng Việt nam hầu như rất ít có vấn đề về quyền con người, lại là một nước ổn định về chính trị và kinh tế, mở ra điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư quốc tế, hòa nhập vào cộng đồng thế giới.

Chúng ta không nghĩ là Việt nam đã làm được đầy đủ về quyền con người. Chúng ta thừa nhận những mặt yếu kém, khuyết điểm, và đang ra sức khắc phục. Nhưng cần khẳng định một cách rõ ràng là Việt nam đã, đang và sẽ phấn đấu hết sức mình để nhân dân được hưởng quyền con người mỗi ngày một đầy đủ và tốt hơn.

Digitized by Google

QUYỀN CON NGƯỜI VÀ QUYỀN CÔNG DÂN

HOÀNG VĂN HẢO*
CHU THÀNH**

TRONG các vấn đề của loài người, *quyền con người* (droits de l'homme) và *quyền công dân* (droits de citoyen) có lịch sử lâu đời cả về phương diện thực tiễn lẫn về phương diện lý luận. Trên cả hai phương diện nghiên cứu lý luận và xử lý thực tiễn, vấn đề quyền con người không chỉ là một trong số vấn đề cơ bản nhất của loài người ở mọi thời kỳ lịch sử, mà còn là một vấn đề phức tạp, rộng lớn và hết sức nhạy cảm. Mỗi bước phát triển của quyền con người đều gắn liền với cuộc đấu tranh của con người để cải tạo tự nhiên, cải tạo xã hội, xây dựng và hoàn thiện các mối quan hệ giữa người và người ; gắn liền với cuộc đấu tranh của con người để chiến thắng đói nghèo, dốt nát, bất công, áp bức và bóc lột. Cũng vì vậy, vấn đề quyền con người bao giờ cũng là điểm nóng của cuộc đấu tranh giai cấp, đặc biệt thể hiện trên bình diện đấu tranh tư tưởng. Xuất phát từ lợi ích của mình, các giai cấp giữ địa vị thống trị trong xã hội không thể không coi quyền con người trước hết là quyền của *chính họ* ; mọi chiến lược và sách lược nhằm ổn định và phát triển chế độ xã hội mà họ đại biểu đều phải tập trung vào đó. Bị chi phối bởi những giới hạn lịch sử khách quan, mỗi giai cấp thống trị ở mỗi thời kỳ lịch sử, đương nhiên, chỉ có thể đáp ứng và bảo đảm quyền con người ở một nấc thang nhất định.

1 -VỀ LỊCH SỬ VÀ BẢN CHẤT VẤN ĐỀ QUYỀN CON NGƯỜI

Về mặt lịch sử, ngay từ thời cổ đại, đã có sự bàn luận và yêu sách về các quyền. Yêu cầu về các quyền phát sinh ở vùng Địa trung hải, sau đó đi vào châu Âu cổ đại. Ngay từ thời đó, các triết gia đã cho rằng quyền là tài sản tự nhiên của con người. Ham-mu-ra-bi, người sáng lập Ba-bi-lôn, cách đây 36 thế kỷ đã quan niệm : "Công lý bùng nổ để ngăn chặn kẻ mạnh làm hại kẻ yếu". Còn ở La mã cổ đại, Xpác-ta-cút đã tuyên bố trước những người nô lệ về quyền chống áp bức.

Nhưng, phải đến thế kỷ 17, 18, quyền con người mới được các đại biểu tư tưởng của giai cấp tư sản bàn đến như một học thuyết. Trường phái pháp luật tự nhiên với các nhà cải cách như Grô-ti-út, Hôn-bách, Căng, Lốc-cơ, Xpi-nô-da và Rút-xô,đã quan niệm quyền con người như một đặc quyền tự nhiên và cho rằng, quyền tự nhiên, pháp luật tự nhiên ở trên, cao hơn pháp luật nhà nước.

Sự thật, cho đến thời điểm ra đời của thuyết pháp luật tự nhiên, chế độ quân chủ phong kiến đã đạt tới tột đỉnh về mặt thể chế và sự tha hóa : hầu hết các quốc gia phong kiến châu Âu đều thiết lập chế độ chuyên chế. Quyền lực liên minh giữa vương quyền và thần quyền trở thành nguyên nhân vi phạm, chà đạp các quyền con người. Thuyết pháp luật tự nhiên ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu tự do của con người ; bác bỏ quan niệm quyền con người do vương quyền, thần quyền ban phát, quy định.

Dưới ảnh hưởng của thuyết pháp luật tự nhiên, trong vòng 150 năm, nhiều quốc gia tư sản châu Âu và châu Mỹ đã xác lập được nguyên tắc bảo vệ quyền cá nhân con người trước quyền lực. Ở Anh sau cách mạng năm 1689, "yêu sách về các quyền" được thừa nhận. Tuyên ngôn độc lập Mỹ năm 1776 được coi là văn bản pháp lý lâu đời nhất, ra đời nhằm "bảo đảm cái hay, cái đẹp của tự do". Đến Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Pháp (được Quốc hội Pháp thông qua ngày 26-8-1789) thì tư tưởng bảo vệ quyền con người đạt đến đỉnh cao. Đến đây, vai trò lịch sử của thuyết pháp luật tự nhiên được khẳng định : nguyên tắc bảo vệ quyền con người được xác lập về mặt tư tưởng và pháp lý. Sau đó, ở thế kỷ 19, thuyết pháp luật tự nhiên bị coi là lỗi thời, và được thay thế bằng thuyết pháp luật thực định. Tuy vậy, các giá trị nhân bản, nhân đạo về quyền con người mà thuyết pháp luật tự nhiên nêu ra, đã có ảnh hưởng lớn, được thấm nhuần trong Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948 và trong các văn bản pháp lý quốc tế khác về quyền con người sau này.

---

* PGS. PTS luật học
** PTS luật học

Digitized by Google

Hạn chế của thuyết pháp luật tự nhiên là ở chỗ nó cường điệu, tuyệt đối hóa mặt nhân bản tự nhiên, bẩm sinh của quyền con người. Hiện nay, nhiều học giả tư sản vẫn tiếp tục khuynh hướng này, coi quyền con người là một khái niệm không phụ thuộc vào không gian, thời gian, biên giới quốc gia, chủ quyền dân tộc. Cách quan niệm như trên, về mặt chính trị, đã trở thành cơ sở lý luận biện hộ cho việc các thế lực đế quốc nhân danh quyền con người, can thiệp vào công việc nội bộ, gây mất ổn định, làm tan rã chế độ chính trị ở các nước mà họ cho là thù địch với mình. Chính Brê-din-xki trong cuốn *Thất bại lớn* đã không che đậy ý đồ dùng quyền con người làm con chủ bài để tiến công và tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa : "Vai trò của vấn đề các quyền con người đặc biệt lớn trong việc thúc đẩy nhanh quá trình tàn lụi của chủ nghĩa cộng sản, các quyền đó là tư tưởng chính trị duy nhất và hấp dẫn nhất của thế giới hiện đại" (1). Sai lầm của các học giả như Brê-din-xki là đã quên mất con người là một thực thể sinh học xã hội. Có nghĩa là quyền tự nhiên của con người cần phải được xã hội hóa một cách cân đối, hài hòa. Họ đã cố tình quên đi chân lý ấy, tuyệt đối hóa mặt tự nhiên trong quyền con người, và lấy đó làm vũ khí để áp đặt một trật tự theo ý họ muốn.

Đấu tranh vì quyền con người là một thực tế lịch sử lâu đời, nhưng không phải ngay từ khi xuất hiện loài người, vấn đề nhân quyền đã được đặt ra một cách trực tiếp. Nhân quyền là một giá trị nhân loại, nhưng lại là một khái niệm mang tính lịch sử, hình thành trong cuộc đấu tranh giai cấp, được bổ sung những nội dung mới qua các thời đại, các chế độ xã hội khác nhau. Cần nhấn mạnh rằng quyền con người không đơn giản là quyền cá nhân con người mang tính tự nhiên, bẩm sinh ; quyền con người gắn liền với cuộc đấu tranh chống áp bức bóc lột, với từng trình độ phát triển và tiến bộ xã hội, nó chịu sự hạn định của chế độ kinh tế, đặc biệt của chế độ chính trị - nhà nước. Cũng không thể quan niệm quyền con người thoát ly điều kiện, truyền thống của mỗi quốc gia dân tộc, bất biến về thời gian và không gian. Chắc không ai tin một người sinh ra ở Xô-ma-li lại có được các quyền như một người sinh ra ở Thụy-điển. Cũng không ai tin con người sống ở thời trung cổ lại có được các quyền như con người sống ở cuối thế kỷ 20 này.

Nhà nước, một mặt là công cụ thống trị của một giai cấp đối với các giai cấp khác, vì vậy nó tiềm tàng khả năng vi phạm các quyền của con người. Mặt khác, với chức năng xã hội, nhà nước phải đóng vai trò người đại diện của xã hội, ghi nhận, xử lý, giải quyết những vi phạm quyền con người xảy ra trong xã hội. Nghiên cứu quyền con người không thể tách khỏi vấn đề quyền lực, vấn đề nhà nước. Cách xem xét như vậy mới có ý nghĩa thực tiễn. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước của dân, do dân và vì dân, nhưng để bản chất đó lộ rõ, nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng phải được kiểm soát và tổ chức sao cho thật sự trở thành phương tiện bảo vệ các quyền và tự do của con người. Đó cũng là lý do tại sao ở nhiều quốc gia hiện nay người ta nói nhiều đến các thiết chế dân chủ và lý thuyết về nhà nước pháp quyền.

Quyền con người, tự bản chất là vấn đề phức tạp và tinh tế. Người ta thường nói đến tính tự nhiên, bẩm sinh của quyền con người. Mỗi quốc gia không thể không thừa nhận những giá trị chung của quyền con người như sản phẩm phát triển của nhân loại. Nhưng, người ta cũng thường nhân danh quyền con người để áp đặt ý đồ chính trị của quốc gia này cho quốc gia khác, chống chế độ xã hội mà người ta muốn xóa bỏ. Rõ ràng, quyền con người không phải là vấn đề trừu tượng, đứng ngoài giai cấp, thoát ly chế độ xã hội. Ngược lại, nó là một trong những vấn đề chính trị cơ bản nhất của thời đại mà các giai cấp đều phải quan tâm.

2 - QUYỀN CON NGƯỜI VÀ QUYỀN CÔNG DÂN

Quyền con người trước hết được hiểu như những đặc quyền chỉ con người mới có. Đó là khả năng hành động một cách có ý thức, yêu cầu, từ chối hoặc giành lấy những cái gì đó, để tự bảo vệ và phát triển.

Nhưng bản thân, những đặc quyền (quyền tự nhiên) chưa phải đã là "quyền". Để đạt tới cái gọi là "quyền", cần có yếu tố thứ hai thiết định, đó là *quy chế pháp lý* (pháp luật). Vì vậy, chỉ khi trở thành đối tượng điều chỉnh của pháp luật, nói cách khác, được pháp luật thừa nhận, tổ chức, bắt buộc hoặc ngăn cấm, các đặc quyền mới trở thành *quyền* của con người. Giác Muốc-giông đã có lý khi cho rằng "không có pháp luật thì không có quyền" (2). Vậy là, không có quyền

(1) Zbigniew Brzezinski : *Thất bại lớn*, Viện thông tin khoa học xã hội, Hà nội, 1992, tr 357

(2) Jacques Mourgeon : *Les droits de l' homme*, Presses universitaires de France, 1990, tr 7

Digitized by Google

nào mà lại không phải là đặc quyền, không xuất phát từ đặc quyền. Nhưng, không nhất thiết mọi đặc quyền đều là quyền. Chỉ những đặc quyền thuộc phạm vi, chịu sự chi phối của pháp luật mới là quyền.

Hiện tại, có *hai* quan niệm phổ biến về quyền con người. Quan niệm *thứ nhất* coi quyền con người là quyền của con người với tính cách là *cá nhân con người*. Còn quan niệm *thứ hai* thì coi quyền con người là quyền của con người với tính cách là thành viên của cộng đồng xã hội - chính trị.

Quan niệm thứ nhất có xu hướng tuyệt đối hóa quyền con người như một khái niệm không phụ thuộc vào thời gian, không gian, quốc gia, dân tộc. Trên thực tế, quan niệm này thường dẫn tới ảo tưởng, người có quan niệm này dễ bị lợi dụng và kích động về mặt chính trị. Những năm gần đây, chủ nghĩa đế quốc triệt để lợi dụng cách quan niệm mang tính nhân bản trừu tượng này để tiến công các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đang phát triển có ý thức bảo vệ độc lập và chủ quyền quốc gia. Không phải ngẫu nhiên Ma-lai-xi-a và một số quốc gia đang phát triển đã lên án gay gắt các nước phương Tây khi họ cứ muốn áp đặt cho các nước khác cách hiểu của họ về quyền con người.

Quan niệm thứ hai lại tuyệt đối hóa quyền con người theo cách khác. Nó dẫn đến chỗ coi quyền con người là công việc riêng của mỗi quốc gia, không liên quan gì với cộng đồng quốc tế ; dẫn đến việc mỗi nước tùy tiện quy định quyền con người theo cách riêng, coi quyền con người chỉ như một thứ quà tặng do nhà nước của giai cấp thống trị nào đó ban phát.

Cả hai quan niệm trên đều phiến diện ở chỗ hoặc phủ định hoàn toàn hoặc tuyệt đối hóa vai trò của chế độ xã hội, của nhà nước đối với quyền con người. Thật ra, chế độ xã hội, nhà nước có vai trò của nó. Vai trò của chế độ xã hội, của nhà nước tiến bộ là ở chỗ : chủ động đáp ứng các nhu cầu về quyền của cá nhân con người, biết phát hiện những đòi hỏi cụ thể về các quyền con người để kịp thời thể chế hóa và bảo vệ bằng pháp luật.

Công dân và *quyền công dân* là những khái niệm xuất hiện và được sử dụng rộng rãi trong xã hội tư sản. So với quyền con người, quyền công dân cụ thể hơn, gắn liền với mỗi quốc gia và được pháp luật của mỗi quốc gia quy định. Hiện nay, trong văn bản pháp lý cao nhất (Hiến pháp) của mọi quốc gia, đều có chế định quyền và nghĩa vụ của công dân. Đương nhiên, không thể đơn giản phân biệt *quyền con người* với *quyền công dân* theo kiểu : quyền con người là quyền tự nhiên, còn quyền công dân là quyền do pháp luật quy định ; hoặc quyền con người thì do pháp luật quốc tế ghi nhận, còn quyền công dân thì do pháp luật của mỗi quốc gia ghi nhận.

Thật ra, giữa quyền con người và quyền công dân không có sự đối lập. Không thể có quyền công dân bên ngoài quyền con người. Cũng không thể có quyền con người nào lại không bao hàm quyền công dân như một bộ phận, nội dung cơ bản của nó. Về mặt lịch sử, các khái niệm công dân và quyền công dân xuất hiện cùng với cách mạng tư sản. Trên cơ sở thừa nhận và phát triển quyền công dân mà con người và quyền con người được khẳng định như một nhân cách và quyền của một nhân cách.

Tuy nhiên, quyền con người và quyền công dân là hai khái niệm không đồng nhất. Về phương diện *chủ thể*, con người trong quyền con người bao gồm cả những cá nhân là *công dân* và *không phải là công dân* (nghĩa là không được hưởng các quyền của một công dân nhưng vẫn được hưởng các quyền của một con người). Trong điều kiện mở cửa, giao lưu quốc tế và tiến bộ xã hội như hiện nay, sự phân biệt giữa hai khái niệm nói trên có ý nghĩa về mặt thực tiễn : bảo đảm có được những biện pháp xử lý thích đáng trong quan hệ đối với người nước ngoài hoặc những người bị tước quyền công dân.

Một điểm nữa để phân biệt giữa quyền con người và quyền công dân. Nếu quyền công dân được quan niệm là quyền của các cá nhân, thì quyền con người lại được quan niệm là quyền của các tập thể người. Cơ sở lý luận của sự mở rộng khái niệm là việc khẳng định tính chất chung theo đó số phận của mỗi cá nhân con người phụ thuộc vào số phận tập thể. Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt sau Tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền năm 1948, cộng đồng quốc tế bằng các công ước quốc tế đã ghi nhận quyền con người theo ý nghĩa này. Đó là quyền của các dân tộc, các nhóm trong xã hội (quyền tự quyết của các dân tộc, quyền của phụ nữ, quyền của người tị nạn, quyền của trẻ em...).

Trong mỗi quốc gia dân tộc, quyền công dân là nội dung, bộ phận cơ bản của quyền con người. Quyền con người phát triển và hoàn thiện *trước hết* và *chủ yếu* thông qua quá trình phát triển và hoàn thiện quyền công dân. Việc ghi nhận quyền con người trong Hiến

Digitized by Google

pháp năm 1992 (điều 50) của nước ta là một bước tiến về mặt lập hiến.

3 - NỘI DUNG QUYỀN CON NGƯỜI

Quyền con người là khái niệm đã được xã hội hóa thông qua sự thừa nhận của nhà nước và được ghi nhận bằng pháp luật. Trong đời sống quốc tế và quốc gia, trong các văn bản pháp lý, đặc biệt ở Hiến pháp, quyền con người (thể hiện ở quyền công dân) thường được chia thành các nhóm chính sau đây :

Thứ nhất, các quyền về chính trị, bao gồm : quyền bầu cử, ứng cử ; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội ; quyền bình đẳng nam nữ ; quyền tự do ngôn luận ; quyền tự do báo chí ; quyền được thông tin ; quyền được lập hội ; quyền được hội họp ; quyền biểu tình, bãi công ; quyền tự do tín ngưỡng...

Thứ hai, các quyền về tự do cá nhân, bao gồm : quyền tự do đi lại và cư trú ; quyền ra nước ngoài ; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm ; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở ; quyền được an toàn và bí mật về thư tín ; quyền khiếu nại, tố cáo...

Thứ ba, các quyền về kinh tế xã hội, bao gồm : quyền lao động ; quyền tự do kinh doanh ; quyền sở hữu hợp pháp và thừa kế ; quyền học tập ; quyền nghiên cứu, phát minh, sáng chế ; quyền được bảo vệ sức khỏe ; quyền được bảo hộ hôn nhân và gia đình ; những quyền mang tính ưu tiên như quyền trẻ em, người già cô đơn...

Ở mỗi quốc gia, do hoàn cảnh lịch sử, điều kiện kinh tế - xã hội, chế độ chính trị v.v. khác nhau, hệ thống các quyền không hoàn toàn giống nhau và có hướng ưu tiên riêng, nhưng cũng có những quyền cơ bản tương tự. Về phương diện pháp luật quốc tế, năm 1966 có *hai* công ước quốc tế quan trọng nhất của Liên hợp quốc : công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị ; công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. Hai văn bản pháp luật quốc tế này trở thành cơ sở pháp lý, nguồn của Hiến pháp và luật của nhiều nước trên thế giới.

Nội dung quyền con người còn bao hàm quyền của tập thể người. Về phương diện này, quyền con người thường được quy về một đối tượng cụ thể, một phạm trù nhất định : quyền của phụ nữ, quyền của trẻ em, quyền của người nước ngoài, quyền của người tàn tật, quyền dân tộc... Hiện nay, các nước đang phát triển đặc biệt quan tâm tới mối quan hệ giữa quyền *cá nhân* con người với quyền *tập thể* con người, cho rằng nhận thức và giải quyết vấn đề quyền con người với tính cách là *cá nhân* không thể tách rời con người với tính cách là *tập thể*. Nhiều nước, kiên quyết bác bỏ quan điểm quyền con người trừu tượng của phương Tây ; khẳng định và đề cao yếu tố chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, khi giải quyết vấn đề quyền con người.

Theo chúng tôi, về mặt lịch sử, có thể coi quyền con người (không kể thời kỳ sơ khai) đã trải qua ba thế hệ :

Thế hệ *thứ nhất*, gắn với cách mạng tư sản, khẳng định các quyền cá nhân, chủ yếu là các quyền dân sự, chính trị của cá nhân, tự do bình đẳng của con người...

Thế hệ *thứ hai*, gắn với Cách mạng Tháng Mười, bao gồm các quyền về kinh tế - xã hội, các quyền dân tộc cơ bản, dân tộc tự quyết, bình đẳng giữa các dân tộc...

Thế hệ *thứ ba*, gắn với những thay đổi của đời sống quốc tế sau chiến tranh thế giới thứ hai, đặc biệt trong những thập kỷ gần đây, với sự vươn lên của các nước đang phát triển. Ở thế hệ này, quyền con người mang những nội dung *mới*. Đó là quyền được phát triển, được thông tin, được sống trong hòa bình, được sống trong môi trường trong sạch, lành mạnh ; quyền của các nhóm trong xã hội...

Tuy nhiên, trong đời sống quốc tế và quốc gia hiện nay, nội dung quyền con người ở cả ba thế hệ nói trên đều cùng tồn tại và mang tính thời sự. Không thể quan niệm, ở cuối thế kỷ 20 này, các quyền về chính trị và tự do cá nhân không quan trọng bằng các quyền mới phát sinh. Trong việc giải quyết vấn đề quyền con người, mỗi quốc gia dân tộc vừa chú ý bảo đảm quan điểm và lợi ích của chế độ chính trị hiện hành, vừa không thể không tiếp thu những giá trị phổ biến của quyền đó trên thế giới.

Toàn Đảng, toàn dân ta đã anh dũng chiến đấu, không nề gian khổ, hy sinh, giải phóng dân tộc khỏi mọi sự áp bức, thống trị của đế quốc, thực dân, là vì quyền con người, hơn nữa là vì quyền cơ bản nhất của con người : được sống trong độc lập tự do. Ngày nay chúng ta lại đang ra sức phấn đấu để xây dựng nước giàu dân mạnh, xã hội văn minh, nhằm mang lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc thật sự cho con người. Chúng ta không cho phép bất cứ ai lợi dụng vấn đề quyền con người để gây rối về chính trị, phá hoại sự nghiệp sáng ngời chính nghĩa của nhân dân ta.

Digitized by Google

KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH trong tiến trình đổi mới

HOÀNG KIM GIAO*

KINH tế ngoài quốc doanh là một lĩnh vực mới được phục hồi, đang hình thành và vận động. Nó là một thực thể kinh tế đã được thừa nhận nhưng chưa định hình, tính biến động lớn, tính thăng trầm mạnh. Kinh tế ngoài quốc doanh đang được xem là một vấn đề chiến lược của việc phát triển kinh tế xã hội ở nước ta. Trong phạm vi bài này, tôi xin trình bày một số vấn đề của kinh tế ngoài quốc doanh (KTNQD) trong tiến trình đổi mới ở nước ta.

I - MỤC TIÊU MONG ĐỢI. MUỐN ĐƯỢC TẤT CẢ, SẼ ĐƯỢC RẤT ÍT. QUY TẮC CỦA SỰ ĐÁNH ĐỔI.

Theo tôi, phát triển kinh tế ngoài quốc doanh nhằm đạt một hệ mục tiêu gồm 4 điểm : 1 - Huy động vốn trong dân ; 2 - Giải quyết nạn thất nghiệp ; 3 - Nâng cao thu nhập của dân cư ; 4 - Tăng thu cho ngân sách quốc gia.

Theo lý thuyết về "sự đánh đổi và bù trừ", nếu ta hy vọng đạt cùng một lúc 4 mục tiêu, thì hoặc là sẽ đạt được rất ít, hoặc là sẽ không đạt được gì ; bởi sự ham muốn thái quá ở mục tiêu này sẽ làm triệt tiêu mục tiêu khác trong hệ. Chẳng hạn ham muốn thu ngân sách quá cao qua thuế thì người ta sẽ hoặc là trốn thuế, hoặc là đầu tư ít, thậm chí không đầu tư ; do đó sẽ không đạt được mục tiêu nào cả. Vì vậy, muốn đạt mục tiêu này phải nhân nhượng, hoặc phải hy sinh mục tiêu kia. Trong việc hoạch định chính sách cần phân biệt giữa các ngành, loại hình, vùng, thời điểm, mà có sự lựa chọn mục tiêu nào cần ưu tiên hoặc phải nhân nhượng, hy sinh cho phù hợp.

Trong khu vực sản xuất của kinh tế ngoài quốc doanh, mục tiêu ưu tiên cần đạt là huy động được nhiều vốn và giải quyết việc làm cho lao động. Mục tiêu nhân nhượng là nộp ngân sách. Trong khu vực thương nghiệp và dịch vụ tư nhân, thì ngược lại. Cần nhân nhượng về huy động vốn và công ăn việc làm, nhưng mục tiêu nộp ngân sách phải đạt cao hơn so với khu vực sản xuất.

Trong thực tế, tư nhân đã đầu tư đến 70% tổng số vốn cho thương nghiệp dịch vụ và chỉ có 30% cho khu vực sản xuất. Đây là một cơ cấu mà chúng ta không mong đợi.

Thuế là chính sách hữu hiệu để điều chỉnh lại cơ cấu đó bằng cách : *Một là*, thay thuế doanh thu bằng thuế trị giá gia tăng (TVA) để tránh "thuế chồng lên thuế". *Hai là*, hạ thấp thuế suất để mong thu được tổng số thuế lớn hơn. Thuế suất thấp thì lượng thu trên một doanh nghiệp là nhỏ. Nhưng do thuế thấp thì tư nhân sẽ mở doanh nghiệp nhiều hơn, ta sẽ thu được nhiều theo "quy luật số đông". Hơn nữa, thuế suất thấp thì tâm lý "trốn thuế" càng giảm thiểu theo tỷ lệ thuận. Thuế suất thấp, kiểm soát chặt chẽ thì cả về tâm lý và pháp lý đều có độ tin cậy cao.

Hiện nay chúng ta đang áp dụng chính sách thuế : vốn đầu tư càng lớn, lao động càng đông thì thuế đóng càng cao. Điều đó đang làm cho các doanh nghiệp thu nhỏ lại. Chẳng hạn tàu thuyền chỉ đóng từ 44 sức ngựa trở xuống ; không thuê sạp trong chợ, mà bỏ ra hè đường kinh doanh có doanh thu nhiều hơn nhưng thuế phải đóng ít hơn.

Vậy nếu mục tiêu ưu tiên số một của Chính phủ hiện nay là gọi vốn của dân và giải quyết công ăn việc làm thì chính sách thuế cần có sự thay đổi theo hướng : Ai đầu tư nhiều vốn, ai giải quyết việc làm cho nhiều lao động thì sẽ được hưởng thuế suất thấp hơn.

Ngoài thuế, Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ cho KTNQD, nhất là đối với các ngành, các doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng kinh tế. Hiện nay, việc cho tư nhân vay vốn chỉ ở mức 5 - 10% tổng số vốn cho vay là con số chưa thu phục được nhân tâm. Sự phân biệt trong lãi suất ngân hàng cũng tạo nên sự bất bình đẳng giữa các thành phần kinh tế. Chính sách phải là một nguồn lực phát triển quốc gia. Đặc

---

* Chủ nhiệm đề tài "Kinh tế ngoài quốc doanh", Viện khoa học xã hội Việt nam

Digitized by Google

biệt là chính sách kinh tế. Chính sách làm cho dân tin, dân thấy có lợi, được bảo toàn thì tâm lý sợ giàu và giấu giàu sẽ tan dần và từ đó sẽ khơi dậy được mọi tiềm năng trong dân.

II - KHUNG CẢNH CHUNG : KINH TẾ TẬP THỂ, KINH TẾ CÁ THỂ, KINH TẾ TƯ BẢN TƯ NHÂN - PHÂN RÃ, THĂNG TRẦM, TĂNG TIẾN.

Theo quy định thì KTNQD có 3 loại hình : kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và kinh tế cá thể.

- *Kinh tế tập thể* (có người hiểu một cách nhầm lẫn với kinh tế hợp tác) đang ở thời kỳ phân rã bởi tính kém hiệu quả và tính không thích ứng với tâm lý dân cư. Số lượng hợp tác xã, số lượng lao động đang giảm mạnh hằng năm. Đó là tình hình chung của cả nước và mỗi vùng. Năm 1987 cả nước có 33 000 HTX với 1,22 triệu lao động ; năm 1990 giảm còn 13 000 HTX với 450 000 lao động ; và năm 1991 chỉ còn 9 600 HTX với 337 000 lao động. Như vậy, năm 1991 so với năm 1987 khu vực kinh tế tập thể này đã giảm 70% số cơ sở và 72% số lao động. Tình hình này đến nay vẫn chưa kết thúc.

Sự phân rã của kinh tế tập thể theo 3 xu hướng khác nhau. Xu hướng phổ biến nhất là từ hợp tác xã tách ra thành các hộ cá thể. Xu hướng thứ hai là hợp tác xã chuyển thành xí nghiệp tư nhân. Xu hướng thứ ba là trở thành hợp tác xã cổ phần một cách khá chật vật, ít ỏi và có phần khiên cưỡng.

- *Kinh tế tư nhân* (bao gồm các xí nghiệp tư doanh, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần) là loại hình kinh tế có các hình thức kinh doanh vừa đa dạng, phong phú, vừa linh hoạt, tùy tiện, rất khó phân biệt ranh giới giữa cái gọi là xí nghiệp, công ty, xưởng, cơ sở, tổ hợp, hãng v.v.. Trong thực tế, thật giả lẫn lộn giữa cái đăng ký và cái có thật, giữa cái tên gọi và thực chất.

Kinh tế tư nhân (mà biểu tượng là loại hình xí nghiệp và công ty tư doanh) phát triển mạnh nhất vào cuối năm 1988 đến giữa năm 1990. Khi đó cả nước có gần 500 xí nghiệp và công ty tư doanh (TP Hồ Chí Minh có 235 cơ sở với số vốn đầu tư mỗi đơn vị từ 100 triệu trở lên, Hà nội 77 cơ sở với số vốn từ 30 triệu trở lên). Sau dịch vỡ tín dụng tư nhân năm 1990 thì số xí nghiệp và công ty tư doanh giảm dần. TP Hồ Chí Minh còn 170 xí nghiệp (trong đó 30% làm ăn có hiệu quả và hơn 30% làm ăn không có hiệu quả hoặc phi pháp). Ở Hà nội cũng tương tự như vậy.

Năm 1991 khi có luật doanh nghiệp tư doanh, các cơ sở doanh nghiệp phải đăng ký lại thì con số lại càng thấp. Chủ doanh nghiệp chần chừ, lưỡng lự, chậm chạp trong việc đăng ký lại với nhiều lý do. Cuối năm 1992, các cơ quan trọng tài kinh tế đã cấp đăng ký cho 2 796 doanh nghiệp tư nhân, 1 119 công ty trách nhiệm hữu hạn và 74 công ty cổ phần. Điều đáng lưu ý là doanh nghiệp tư nhân (loại hình một chủ) chiếm tỷ trọng 70% (so với 57% trong tháng 7-1992) ; công ty trách nhiệm hữu hạn là 28% (so với 41% tháng 7-1992) và công ty cổ phần vẫn chỉ 2% (tháng 7-1992 là 2%). Rõ ràng là, tư nhân vẫn ham chuộng loại hình một chủ, thích làm một ông chủ nhỏ hơn là làm đồng chủ một công ty lớn.

Việc đăng ký kinh doanh theo luật diễn ra rất chậm và số lượng còn quá thấp : cả nước chỉ đạt 5% (có tỉnh mới đạt 0,3% như Minh hải). Nguyên nhân thuộc về cả 3 phía : sự chưa hợp lý trong Luật doanh nghiệp và công ty ; trong việc tổ chức đăng ký kinh doanh của địa phương ; và trong tâm lý, ý thức của các nhà doanh nghiệp.

Có thể nói, tình hình chung của kinh tế tư nhân hiện nay là hoạt động khó khăn, phát triển chậm lại, dè dặt hơn, cân nhắc hơn, trước hết là loại hình quy mô vừa và lớn như xí nghiệp và công ty tư doanh.

Số vốn huy động được trong dân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 1200 tỉ đồng. Số lao động được thu hút vào loại hình doanh nghiệp này khoảng 28 000 - 30 000 người trong tổng số gần hai triệu lao động trong KTNQD. Như vậy, về cả 2 chỉ tiêu *huy động vốn* và *giải quyết thất nghiệp*, kinh tế tư nhân đều đạt không lớn. Nhưng loại hình xí nghiệp, công ty tư doanh lại rất cần trong nền kinh tế thị trường, rất cần cho nền kinh tế mở cửa làm ăn với nước ngoài và là loại hình có khả năng làm giàu, cần được khuyến khích.

- *Về kinh tế cá thể* : trong lúc các xí nghiệp và công ty tư doanh thăng trầm như vậy thì hàng chục vạn hộ kinh tế cá thể (với 3 - 5 lao động và 15 - 20 triệu vốn đầu tư mỗi hộ) phát triển một cách lặng lẽ âm thầm, nhưng rất đông (36 vạn hộ năm 1990). Sau khi có Luật doanh nghiệp và công ty tư doanh (năm 1991), số hộ cá thể đã tăng lên gần 40 vạn hộ và cuối năm 1992 là hơn 70 vạn hộ (ước tính của Tổng cục thuế thì có đến một triệu hộ).

Digitized by Google

Xét về mục tiêu huy động vốn và giải quyết thất nghiệp thì loại hộ cá thể này đang có lợi thế hơn xí nghiệp và công ty tư doanh. Vốn và lao động làm việc trong mỗi hộ ít hơn doanh nghiệp tư nhân. Nhưng theo "quy luật số đông", hàng chục vạn hộ đã huy động được một số vốn nhiều hơn gấp 2 đến 2,5 lần và thu hút được số lao động gấp 3,5 đến 4 lần so với các doanh nghiệp tư nhân. Hơn nữa, kinh tế cá thể phát triển rất mạnh, chính là quá trình phục hồi các làng nghề truyền thống với sắc thái riêng của mình. Cả nước có tới hơn 180 làng nghề truyền thống, thu hút lao động nông nhàn, làm ra nhiều sản phẩm nổi tiếng trong nước và trên thế giới.

Hình thức kinh tế cá thể với giá trị khôi phục ngành nghề truyền thống là hình thức có ý nghĩa chiến lược trong những năm trước mắt. Nó có khả năng tạo ra nhiều công ăn việc làm và nâng cao mức sống cho một bộ phận dân cư. Nhưng nhược điểm là quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ vẫn cổ xưa ; nó là loại hình kinh tế khá giả, chứ chưa phải là kinh tế làm giàu, ít có khả năng trở thành doanh nghiệp lớn. Vai trò làm tăng trưởng nền kinh tế quốc gia của loại hình kinh tế này là hạn chế. Nếu không có chính sách hỗ trợ của Chính phủ, thì nó chưa thể hòa nhập vào nền kinh tế thị trường mở cửa.

Tóm lại, cả ba loại hình KTNQD ở ta hiện nay đang vận động rất phức tạp và không ổn định. Vì vậy, cần xác định rõ cái gì cần giữ và cái gì cần chuyển. Nếu mục tiêu thứ nhất của phát triển kinh tế nhiều thành phần là huy động vốn trong dân thì cho đến nay kết quả chưa được như mong muốn. Số vốn dân chúng bỏ ra đầu tư kinh doanh năm sáu năm nay mới đạt khoảng 3 000 tỉ, nghĩa là chỉ chiếm khoảng 25% ngân sách hàng năm của Chính phủ và 40% số tiền dân gửi tiết kiệm ở ngân hàng.

III - SỰ LẬP SẢN CỦA TƯ DOANH

Mấy chục năm nay nhân dân ta đã có thói quen là làm kinh tế theo chính sách và theo phong trào mỗi khi có chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đó là mặt tốt, là lý do khởi đầu mà các doanh nhân ồ ạt mở doanh nghiệp trong khoảng thời gian từ cuối năm 1988 cho đến giữa năm 1990. Mặt hẳng hụt là chưa quen kinh doanh theo luật pháp, hơn nữa kinh doanh trong nền kinh tế thị trường. Vì vậy, tư nhân mở doanh nghiệp từ nhiều động lực khác nhau, với quy mô và cách điều hành cũng không giống nhau.

Cho tới nay, những doanh nhân có hạng từ trước Cách mạng Tháng Tám và trước ngày giải phóng miền Nam, trừ số đã ra đi, vẫn chưa có mấy ai thật sự mở doanh nghiệp. Khả năng của họ rất lớn về vốn, kinh nghiệm, bạn hàng ngoài nước ; từ đó có thể chắp nối mở thị trường cung ứng công nghệ, thị trường tiêu thụ sản phẩm, gọi vốn liên doanh...nhưng họ còn chờ thời. Đây là một nguồn lực khá lớn chưa được phát huy. Số đông hiện nay (có tới 90%) có vốn và ít nhiều kinh nghiệm kinh doanh thấy chính sách rộng mở thì ồ ạt mở doanh nghiệp để làm ăn theo thương vụ, không có chiến lược chắc chắn. Do đó không ít doanh nghiệp đã sụp đổ nhanh chóng hoặc bị xử lý vì phạm pháp. Số doanh nhân có vốn, có truyền thống kinh doanh, có khả năng tiếp thị công nghệ mới và thị trường, chỉ chiếm khoảng 10%. Số có tâm huyết, có kỹ thuật, có vốn, có chiến lược kinh doanh lâu dài, ngoài mục tiêu lợi nhuận còn ước mơ để lại "cái danh" cho đời, cho họ hàng, chiếm khoảng 2 - 3%. Còn số có tâm huyết, có kỹ thuật, nhưng lại thiếu tài nghệ kinh doanh nên chống chọi với thương trường gặp nhiều khó khăn, khoảng 2%.

IV - NGÀNH NGHỀ KINH DOANH - SỰ LỰA CHỌN

Tư nhân mở doanh nghiệp trong bối cảnh hàng ngoại nhập lậu tràn lan, không kiểm soát nổi. Hàng ngoại đẹp, chất lượng tốt hơn và giá rẻ do trốn thuế, đó là điều bất lợi đối với các doanh nhân mà trình độ như đã phân tích ở trên. Vì vậy, chiến lược sản phẩm của họ là né tránh cạnh tranh với hàng ngoại lúc khởi đầu lập nghiệp. Vài năm gần đây, một số mặt hàng như mì ăn liền, đồ nhựa, đồ nhôm và bột giặt ở miền Nam đã đẩy lùi được hàng Thái lan ; sợi cước đan lưới của Quảng nam - Đà nẵng thắng được sợi cước của Trung quốc...

Với chiến lược đó, tư nhân kinh doanh những mặt hàng mà thị trường địa phương hoặc thị trường cả nước có nguồn tiêu thụ lớn, mặc dầu có nhiều đối thủ cạnh tranh. Các ngành hàng mà tư nhân chấp nhận sự cạnh tranh trong nước về chất lượng, mẫu mã và giá cả, là các ngành :

- Kinh doanh vật liệu xây dựng : gạch, ngói, gạch bông, cửa sắt, cửa nhôm và xây dựng công trình. Số doanh nghiệp ngành này chiếm đến 25%.

- Chế biến nông sản xuất khẩu, là ngành mà không có sự cạnh tranh của hàng ngoại. Sự cạnh tranh lẫn nhau giữa các cá thể (do thiếu các tổ chức hiệp hội theo ngành nghề trong kinh doanh) đã đưa lại nhiều thua thiệt đáng tiếc. Số lượng doanh nghiệp này ước 20%.

Digitized by Google

- Sản xuất hàng sứ, gốm mỹ nghệ hoặc sứ phỏng cổ xuất khẩu (khoảng 5%).

- Sản xuất hàng tiêu dùng gia dụng như xà phòng thơm, bột giặt, kem đánh răng, v.v. có rất nhiều cơ sở tư doanh sản xuất với quy mô cỡ vừa như xưởng và xí nghiệp, đặc biệt là ở miền Nam. Số doanh nghiệp này chiếm khoảng 20%.

- May xuất khẩu, thực chất là may gia công theo nguyên vật liệu và mẫu mã nước ngoài cung cấp. Số doanh nghiệp này ước khoảng 10%.

. Chiến lược sản phẩm nói chung của tư nhân hiện nay là "kinh doanh tổng hợp và chuyên doanh động" (hay là chuyên doanh linh hoạt) để kịp ứng phó với thị trường.

V - CẠNH TRANH VỚI HÀNG NGOẠI.

Số ngành hàng và mặt hàng của ta hiện nay có thể cạnh tranh với hàng nước ngoài không bao nhiêu. Có chăng là may gia công xuất khẩu, sứ gốm mỹ nghệ xuất khẩu, một số ít nông sản phẩm chế biến. Sự đòi hỏi của tư nhân là được phép xuất khẩu trực tiếp. Nhưng dù cho Nhà nước có cho phép tự do trực tiếp xuất khẩu thì khả năng thực thi còn là xa vời đối với hầu hết doanh nghiệp. Bởi vì họ chưa chiếm được sự tin cậy của khách nước ngoài về 3 mặt : sản phẩm, chủ doanh nghiệp, tên hãng.

Nguyên nhân cụ thể cũng có thể là trình độ công nghệ chế tạo và chế biến lạc hậu, hoặc là ngành nghề truyền thống với kỹ thuật chế biến thấp nên chất lượng sản phẩm kém (sơn mài, tơ lụa, gỗ khảm xà cừ...). Rõ ràng, nếu có công nghệ tốt thì có khả năng cạnh tranh được, như ngành dệt,may mặc, bia, thuốc lá hiện nay.

Một nguyên nhân khác là khả năng tiếp thị của doanh nhân kém, ít có sự giao lưu trên thương trường quốc tế. Do vậy, thiếu sự hiểu biết để tự so sánh mình với người, sản phẩm của mình với sản phẩm nước ngoài, phong cách kinh doanh của mình với phong cách kinh doanh của thế giới. Thực tế cho thấy, sự quá tự mãn về cái mình có, về sản phẩm của mình, sự thiếu hiểu biết về nhu cầu thị hiếu và tâm lý của khách hàng, là nguyên nhân đầu tiên của sự bất lợi trong cạnh tranh.

VI - TÌM BẠN HÀNG. SĂN LÙNG THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ.

Trong lĩnh vực này, các cơ quan nhà nước giúp đỡ được quá ít đối với KTNQD. Mọi nỗ lực hiện nay của Chính phủ hầu như là dang tìm phương sách củng cố khối kinh tế quốc doanh để nó có thể đứng được trong nền kinh tế thị trường, còn đối với kinh tế ngoài quốc doanh mà chủ yếu là kinh tế tư nhân thì gần như thả nổi.

Ta thấy mỗi khi các quan chức các nước láng giềng đến thăm Việt nam thường đem theo hàng chục, hàng trăm doanh nhân và thương gia vào thị sát thị trường ta. Ngược lại khi các quan chức cao cấp của ta đi thăm các nước lại ít thấy các nhà doanh nghiệp của ta đi theo để có cơ hội tiếp thị. Chúng ta có thể chưa có các doanh gia tầm cỡ để đối thoại với nước ngoài, nhưng nếu ta cho đại diện các hội công kỹ nghệ gia cùng đi sẽ có lợi rất nhiều cho việc tìm thị trường, tìm bạn hàng và tiếp thị.

Ngoài ra, chúng ta cũng có thể mở thị trường xuất nhập khẩu các sản phẩm ngoài khoa học thông qua các học giả nước ngoài hợp tác khoa học với các viện khoa học nước ta, thông qua các hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước.

VII - TÍNH PHÁT TRIỂN KHÔNG ĐỀU CỦA KINH TẾ TƯ NHÂN GIỮA CÁC MIỀN ĐẤT NƯỚC.

Quy luật phát triển không đều là quy luật chung cho bất kỳ lĩnh vực nào mà ở đó có sự phát triển. Vì vậy, chính sách tăng trưởng kinh tế cần có loại chính sách chung và chính sách riêng theo vùng, hoặc là dành cho mỗi vùng quyền được ban hành một số chính sách riêng ngoài các chính sách chung của quốc gia. Việc hoạch định chính sách cũng cần lưu ý đến đặc điểm truyền thống, tập quán, tâm lý dân cư từng vùng. Trước đây chúng ta thường nói đặc điểm khác nhau giữa miền Nam và miền Bắc. Thực ra đang có những đặc điểm riêng của các miền Bắc, Trung, Nam và miền núi trong việc phát triển KTNQD. Chẳng hạn, miền Nam phát triển mạnh nhất chiếm gần 50% số xí nghiệp và công ty tư nhân, 25% số hộ cá thể và tiểu chủ, 80% giá trị tổng sản lượng công nghiệp ngoài quốc doanh. Vì vậy, Nhà nước nên khuyến khích nhân dân đầu tư vào vùng nào, địa phương nào mà ở đó họ thấy có thể kinh doanh có lợi, không phụ thuộc vào việc có hộ khẩu ở đó hay không. Đồng thời cũng cần có chính sách khuyến khích đầu tư vào các vùng mà ở đó KTNQD chưa hoặc kém phát triển.

Digitized by Google

Cuộc cách mạng nâu đang tiếp bước

TRẦN ĐỨC

RUỘNG đất - một vấn đề nóng bỏng ở nước ta trong những năm gần đây, nhất là từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (tháng 4 năm 1988) mở đầu giai đoạn nước ta chuyển sang kinh tế thị trường. Điều đó bác bỏ một luận điểm không đúng kéo dài hàng thập kỷ cho rằng vấn đề ruộng đất ở nước ta đã được giải quyết sau khi kết thúc công cuộc cải cách ruộng đất.

Thực tế cho thấy, ở các miền nước ta đã và đang có những biến động lớn về vấn đề ruộng đất. Ở *các tỉnh phía nam* hiện nay, phần lớn ruộng đất đã trở về với chủ cũ, quan hệ ruộng đất đã trở lại gần như lúc các nơi chưa tổ chức các hình thức sản xuất tập thể. Vì đã quen vận dụng quy luật thị trường để điều tiết nền kinh tế, các tỉnh phía nam rất coi trọng lợi ích kinh tế khi giải quyết các vụ tranh chấp về đất đai (chẳng hạn, quy định thực hiện việc trả hoa lợi ruộng đất hoặc bồi hoàn công khai phá đất cho chủ cũ ; trường hợp cần tạo điều kiện cho hộ nào đó đi vùng kinh tế mới hoặc chuyển sang làm nghề khác, thì chủ đất cũ hoặc người được nhận thêm phần đất có trách nhiệm bồi hoàn cho hộ đó phần nông sản đang trồng cũng như phần công sức đã bỏ ra để tăng vụ hoặc tăng độ màu mỡ của đất). Ở *các tỉnh miền núi phía bắc*, đi đôi với sức ép dân số tăng và kinh tế đồi núi chậm mở rộng, các hộ nông dân người dân tộc thiểu số đã đòi lại số ruộng đất mà "cha ông" họ trước đây từng giao cho các hộ ở miền xuôi lên làm kinh tế mới hoặc cho các hộ ở vùng cao xuống định cư, định canh ở vùng thấp. Ở các tỉnh này, đến nay phần lớn ruộng đất cũng đã trở về với chủ cũ. Ở *đồng bằng sông Hồng và khu IV (cũ)*, như chúng ta đã biết, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng ở nông thôn từ đầu những năm 60 với các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp dựa trên cơ sở chế độ ngày công lao động ; ruộng đất, trâu bò và nông cụ được chia trong cải cách ruộng đất đều đã trở thành sở hữu tập thể của nông dân. Chế độ công điểm "trì trệ" ở đây gần ba thập kỷ đã làm cho sản xuất bị trì trệ và đời sống nông dân chậm được cải thiện. Đầu những năm 80 với hình thức khoán sản phẩm (xã viên được hưởng toàn bộ sản lượng vượt khoán), và nhất là sau khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (tháng 4 năm 1988), chế độ ngày công lao động bị bãi bỏ, kinh tế hộ gia đình trở thành đơn vị tự chủ ở nông thôn, thì đời sống nông dân đã bắt đầu có sự cải thiện đáng kể. Thực tế cho thấy, ở đây không cần làm như ở các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu long hay ở các tỉnh miền núi phía bắc. Vì sao ? Vì nếu ở đây cũng trả lại ruộng đất cho chủ cũ thì cũng có nghĩa là phải trả cho phú nông và địa chủ khoảng 81 vạn ha ruộng đất trước đây đã lấy của họ đem chia cho nông dân lao động. Và như vậy thì chắc chắn tình hình sẽ trở nên phức tạp và vấn đề sẽ không dừng ở phạm vi kinh tế. Hơn nữa, cần lưu ý : sau khi Nhà nước ta có chủ trương cho tách quyền sử dụng khỏi quyền sở hữu, cho nông dân được quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài, được quyền chuyển nhượng và thừa kế ruộng đất... nhờ vậy, phát huy được tính tích cực lao động của họ, thì như vậy chưa có nghĩa đã giải quyết trọn vẹn vấn đề ruộng đất.

Phải từ thực tiễn cuộc sống kết hợp với bài học lịch sử để tìm ra chân lý. Cuộc sống phong phú và đa dạng đòi hỏi phải đa dạng hóa các hình thức sở hữu, không thể áp đặt một cấp độ hoặc một loại hình sở hữu một cách khiên cưỡng, không phù hợp với yêu cầu của sản xuất và đời sống.

Dưới thời phong kiến, vua và nhà nước trung ương có toàn quyền đối với tất cả các loại ruộng đất, kể cả đất hoang, đất do cá nhân và tập thể chiếm hữu. Nhưng sở hữu nhà nước dưới thời đó cũng chỉ có ý nghĩa về mặt pháp lý hơn là trong thực tế, vì vua và triều đình có sức đâu để can thiệp vào từng mảnh ruộng của cá nhân này hay của tập thể kia trên phạm vi cả nước. Ngoài số ruộng đất do nhà nước trực tiếp quản lý và canh tác, còn các ruộng đất khác đâu phải không có người sở hữu thường xuyên và liên tục trên thực tế ? Ngay đối với ruộng đất nói là thuộc sở hữu nhà nước như ruộng đất công ở làng xã, thì làng xã

Digitized by Google

cũng vẫn có quyền sở hữu cùng với nhà nước, ở đây có sự phân biệt giữa quyền sở hữu *trọn vẹn* và quyền sở hữu *không trọn vẹn*. Đó là quyền sở hữu "kép" đối với ruộng đất công, nó cho phép cả nhà nước và làng xã đều được quyền chiếm hữu địa tô.

Trong điều kiện chuyển sang kinh tế thị trường, chúng ta không thể chỉ thừa nhận nông dân có quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài, có quyền chuyển nhượng, thừa kế ruộng đất, v.v.. Đi đôi với việc Hiến pháp khẳng định "đất đai thuộc sở hữu toàn dân", cần thừa nhận quyền sở hữu "kép" của nông dân đối với ruộng đất. Đất đai là đối tượng sở hữu đặc biệt : về *kinh tế*, là phương tiện tồn tại của cả cộng đồng ; về *xã hội* và *lãnh thổ*, là nơi cư trú của cả cộng đồng. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường, nó vẫn cần được vận dụng đúng theo quy luật thị trường. Nếu thừa nhận quyền sở hữu "kép" của nông dân đối với ruộng đất, thì giao quyền sử dụng *lâu dài* phải chăng cũng có nghĩa là giao quyền sử dụng *vĩnh viễn* đối với ruộng đất, vì vậy không cần phân biệt thời gian đối với từng loại cây (như cây hằng năm thì giao 5 - 10 năm ; cây công nghiệp dài ngày thì giao 20 - 30 năm, cây lâm nghiệp thì giao 50 năm). Việc giao ruộng đất vĩnh viễn cho nông dân sử dụng sẽ tạo điều kiện cho việc ổn định nông thôn, bảo đảm cho đất đai có thể vận động theo hướng phát triển của một nền nông nghiệp hiện đại.

Đất đai là một thành phần quan trọng trong bất động sản. Ở những nước có nền công nghiệp phát triển như Úc, trong tổng sản phẩm xã hội, giá trị kinh doanh bất động sản chiếm khoảng 30% ; công nghiệp - 40% ; dịch vụ - 20% ; nông nghiệp (mặc dầu được xếp vào loại mạnh so với nhiều nước trên thế giới) chỉ chiếm khoảng 10%. Ở các nước đang phát triển như nước ta, trong tổng sản phẩm xã hội, giá trị công nghiệp, dịch vụ cũng như nông nghiệp còn thấp, thì giá trị kinh doanh bất động sản càng lớn. Vì vậy, nếu ở đây không đưa kinh doanh bất động sản vào cơ chế thị trường, thì kinh tế thị trường sẽ mất đi một mảng rất lớn.

Để đưa kinh doanh bất động sản vào cơ chế thị trường, phải tính giá trị của đất. Từ xa xưa, ông cha ta đã từng nói : "tấc đất, tấc vàng". Giá đất được hình thành trên thị trường bất động sản và phụ thuộc vào quan hệ cung - cầu. Tuy giá đất về nội dung vẫn là địa tô "tư bản hóa", nhưng nhà nước có vai trò quan trọng trong việc phân phối lại một phần địa tô. Nhà nước chỉ đạo việc xác định giá đất theo giá trị sử dụng và khả năng sinh lợi của đất, để xác định mức thuế đối với việc sử dụng đất, đối với việc chuyển quyền sở hữu hoặc chuyển quyền sử dụng đất, và tính toán kinh tế - tài chính khi giao đất. Một khi trở thành hàng hóa, đất đai sẽ dễ dàng chuyển dịch và chuyển dịch càng sôi động thì chứng tỏ có sự tăng trưởng về kinh tế (cũng có khi là biến động lớn về kinh tế - xã hội).

Nhưng việc tính giá trị của đất đâu có dễ dàng..Từ chỗ phần lớn đất được ban phát hoặc cho không (với lý do đất đai có được có khi đã phải trả bằng cả xương máu của nhân dân trong quá trình cách mạng dân tộc dân chủ) ; nay đem tính thành tiền, vấn đề quả không đơn giản. Song, một khi đã đi vào kinh tế thị trường, tất cả các yếu tố của sản xuất như đất đai, vốn, công cụ, lao động, kỹ thuật... không thể không đồng bộ trở thành các yếu tố của thị trường. Không thể giữ mãi tình trạng khập khiễng : có cái thì đưa vào thị trường, có cái thì cứ để ngoài thị trường. Ngay đối với *lao động* ở nước ta, chỉ mới hôm qua thôi, không ít người còn đặt câu hỏi : có nên coi nó là hàng hóa hay không ? Còn trước đây mấy năm, không ít người chỉ mới nghe nói đến "thị trường lao động" ở nước ta đã giãy lên như "đỉa phải vôi", sợ chúng ta trượt sang con đường tư bản chủ nghĩa !

Xã hội ta nhất thiết phải chuyển sang kinh tế thị trường, điều đó không có gì phải bàn cãi. Vấn đề đặt ra là : chuyển như thế nào, bước đi và liều lượng ra sao, để khỏi đột ngột, không bị "sốc". Đối với từng vùng, cũng cần có sự phân biệt : chẳng hạn đối với các tỉnh đồng bằng sông Cửu long từ lâu đã quen với kinh tế thị trường, thì có thể chuyển nhanh hơn so với các tỉnh đồng bằng sông Hồng và các tỉnh miền Trung (từng quen với chế độ bao cấp, chịu ảnh hưởng nặng của tư tưởng xã hội chủ nghĩa kiểu cũ lấy việc công hữu hóa tư liệu sản xuất là mục tiêu cơ bản). Cũng vì lẽ đó, trong cuộc điều chỉnh ruộng đất vừa qua, ở các tỉnh phía nam người ta có thể tuyên bố giải thể hợp tác xã và để cho phần lớn ruộng đất trở về tay chủ cũ, còn ở miền Bắc lại không thể làm như vậy, mà vẫn giữ chế độ giao khoán để mỗi hộ trở thành đơn vị tự chủ.

So sánh giữa các vùng thì việc tính giá đất ở vùng đồng bằng sông Hồng phức tạp hơn cả. Ở đây, cách

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

Về một số hiện tượng mang tính quy luật của đời sống văn học hiện nay

NGUYÊN NGỌC *

DẪU còn muôn vàn khó khăn, dẫu cuộc đấu tranh hôm nay còn phức tạp, gay gắt, sâu sắc, đương nhiên chúng ta đã và đáng sống trong một thời bình, trở lại cái đời sống bình thường lâu dài mà mọi con người, mọi xã hội đều cần được sống một cách tự nhiên.

Tình thế chung là vậy. Tình thế của văn học cũng vậy. Chúng ta đã chuyển sang một đời sống văn học thời bình, với những thay đổi khác trước, tự nhiên và phức tạp.

Vấn đề không phải là "mô tả" đời sống văn học đó, những hiện tượng đang diễn ra, mà là cố gắng tìm ra những xu thế phát triển mang tính quy luật đang chi phối nó, mới mong giải thích được các hiện tượng khác nhau hằng ngày và tìm được những giải pháp bình tĩnh, đúng đắn.

Trước kia, trong chiến tranh, khẩu hiệu lớn nhất là "Tất cả để chiến thắng". Không chỉ là một khẩu hiệu, còn là lối sống đẹp cần thiết của cả dân tộc. Cũng có thể nói đó là quy luật chủ yếu chi phối mọi mặt đời sống xã hội, tất nhiên kể cả văn học.

- Về nội dung : văn học thời bấy giờ dường như tập trung vào nội dung duy nhất, là chủ nghĩa yêu nước. Mọi mối quan hệ đổn hết vào mối quan hệ sống còn đó. Gia đình, quê hương, làng xóm, tình bạn, tình yêu, hạnh phúc, đau khổ, ước vọng, sự sống, cái chết... nhất nhất đều được soi sáng dưới ánh sáng chói lọi của chủ nghĩa yêu nước. Và vì chủ nghĩa yêu nước, đặc biệt chủ nghĩa yêu nước Việt nam trong thời đại ngày nay là một giá trị nhân bản lớn, hết sức đặc sắc, cho nên văn học ta trong khi tập trung cao độ vào nội dung đó, đã có thể tạo nên những giá trị nghệ thuật xuất sắc, có ý nghĩa đánh dấu, trong đó có những giá trị sẽ tồn tại lâu dài, "xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên phong những nền văn học nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay" - như nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ IV đã khẳng định.

- Về tổ chức . chúng ta đã tổ chức quản lý đời sống văn học một cách tập trung, thống nhất, từ trên xuống dưới, trong các ngành, trong cả nước ; tập hợp và phân công đội ngũ rành mạch, giải quyết từng mục tiêu, từng lúc, hệt các binh chủng trên một mặt trận, đạt hiệu quả cao.

- Về phân phối : chúng ta thực hiện "phân phối" sản phẩm văn học theo cách nhà nước cấp sản phẩm văn học cho người đọc như cấp vũ khí cho người lính ra trận, và hoàn toàn bao cấp.

Những nội dung và cách thức đó là thích hợp với thời chiến. Chúng ta đã làm đúng quy luật của đời sống văn học thời chiến, tập trung cao độ và với kỷ luật cao vì chiến thắng, cho nên đã đạt hiệu quả lớn. Văn học đã thực sự góp phần xứng đáng tạo nên sức mạnh tổng hợp của nhân dân, của Đảng để đánh thắng những kẻ thù lớn. Các nhà văn Việt nam hoàn toàn có thể tự hào chính đáng về điều đó.

Đương nhiên, một sự tập trung quá cao - vì sự cần thiết lịch sử - cũng tạo nên một sự chật hẹp về mục tiêu và nội dung nhất định - một sự chật hẹp cũng là lịch sử. Và phần nào sự ấu trĩ trong mỗi người chúng ta cũng góp phần thêm cho cái chật hẹp ấy. Nhưng ngay cả những ấu trĩ này, nói cho cùng, cũng lại có phần do chính tình thế khắc nghiệt thời chiến chi phối.

Từ sau năm 1975, nhất là từ những năm 80 trở lại đây, trong đời sống văn học, cũng như trước hết trong đời sống xã hội, đã xuất hiện một tình thế khác và những quy luật khác.

1 - Trước hết, nhu cầu, những mối quan tâm của người đọc đã thay đổi - hay đúng hơn, phát triển. Những mối quan tâm đó trở nên phong phú đa dạng hơn, những mối quan tâm phức tạp, sôi nổi mà "cập nhật", gần gũi, thân thiết, thực tế và lại lâu dài của một đời sống tự nhiên, bình thường trong thời bình.

Ngày nay cái nhân nghĩa lớn giải phóng dân tộc đòi hỏi được phát triển cụ thể hơn trong sự giải phóng từng con người (trong kinh tế chúng ta gọi đó là giải phóng tiềm năng sản xuất, mà một trong những phương sách quan trọng là coi trọng bình đẳng tất cả các

* Nhà văn

Digitized by Google

thành phần kinh tế) ; đương nhiên, sự giải phóng từng con người là trong và gắn liền với giải phóng toàn xã hội. Ngày nay người ta có nhu cầu về những điều nhân nghĩa "bình thường", về những điều hay lẽ phải thường tình - mà lại là gốc rễ, cơ sở, lâu dài, gần gũi, thiết thân trong trăm nghìn mối quan hệ hàng ngày : sự minh định chẳng dễ chút nào về cái hay cái dở, cái dại cái khôn, cái thật cái giả, cái ranh ma thành thật và cái thành thật ranh ma, cái tốt cái xấu, cái tích cực cái tiêu cực, cả cái tích cực bề ngoài và cái tiêu cực ẩn giấu tinh vi... Tức là cái nhân nghĩa, cái đạo đức "vĩ mô" đòi phải được phát triển và nhìn nhận trong cuộc đời "vi mô".

Sau chiến tranh, và trong đấu tranh gay gắt để sống hàng ngày bây giờ, yêu cầu minh định này là một yêu cầu sâu xa và bức thiết trong mỗi con người. Văn học từ nói những điều to lớn cho hàng triệu người, nay cần thủ thỉ nhỏ to với từng người. Điều này không hạ thấp đâu, trái lại nâng cao thêm nữa và làm sâu sắc hơn tính nhân văn của nó.

Điều này giải thích, chẳng hạn việc một số tiểu thuyết rất ăn khách của đôi tác giả vừa qua, ở trong Nam, được in hàng vạn bản, tái bản nhiều lần, trong khi các tác phẩm "đứng đắn", quyết liệt nói những chuyện to tát của chúng ta hiện nay, chỉ in tối đa vài nghìn bản, đã bán rất khó. Những tiểu thuyết kia, đọc kỹ thấy tầm thường về văn chương, nội dung cũng hời hợt, nhưng nó, ít ra, đã chạm được đến, dẫu còn đơn giản thôi, những chuyện phải trái, éo le vi mô của số đông "bình thường" hôm nay. Điều này đáng để chúng ta suy nghĩ.

Và sự chuyển hướng của sáng tác nói chung hiện nay về cái gọi là "đời thường" có cái lý cần được cẩn thận nhìn nhận và minh xét.

Công cuộc xây dựng của chúng ta ngày nay, như ai cũng biết, chẳng đơn giản một chiều suôn sẻ. Nó diễn ra trên một cái vốn quá khứ vừa hào hùng, để lại những giá trị cao đẹp, vừa phức tạp và cũng nhiều hạn chế lịch sử, cộng với những ấu trĩ một thời khó tránh. Nó cũng diễn ra trong một thời điểm mà những biến động chưa từng thấy đang làm rách nát cả bản đồ chính trị địa cầu, và lại trong một thời đại bão hòa thông tin và tăng tốc chóng mặt. Tìm một hướng đi lớn, chúng ta đã khẳng định. Song tìm một cách đi, những bước đi, mỗi bước đi, chúng ta còn mò tìm. Và quả rất gập ghềnh.

Các tiêu chí giá trị từ đó mà đang thay đổi, có khi rất gay gắt, dữ dội, là đương nhiên. Hoặc để tiếp tục khẳng định, kiên trì, hoặc để điều chỉnh, hoặc để phủ định, hay sắp xếp lại. Xã hội nào rồi cũng có mô hình trật tự các giá trị của nó. Có thể nói, chúng ta đang sống những ngày trần trọc hình thành, hình thành lại, mô hình trật tự các giá trị của chúng ta. Và chẳng thể một ngày, một năm, thậm chí một thập niên. Phủ định, rồi hóa ra là phải lấy lại. Khẳng định, rồi hóa ra lại phải bỏ đi, hoặc ít ra phải điều chỉnh... Nghĩ cho cùng, cũng là thường tình. (Và hình như chẳng phải chỉ ở riêng ta, cả nhân loại nữa cũng đang thế).

Chẳng hạn quan niệm về giàu nghèo. Ngày trước, trong ý thức và tiềm thức, chúng ta có thời gần như đã đồng nhất giàu có với bóc lột, giàu chắc chắn là xấu. Bây giờ chúng ta khuyến khích làm giàu, cho chung và cả cho riêng. Biết làm giàu bây giờ là đáng trân trọng ! Ít ra là trong thanh niên đã xuất hiện ý thức rõ rệt coi khinh những kẻ không biết làm giàu : nghèo là dốt và hèn... Đồng thời, cũng đã có lời báo động về sự phân cực giàu nghèo có cơ ngày càng dãn rộng. Với lại làm giàu và giày xéo lẫn nhau, xem ra cũng rất gần. Sự nàng nổ lắm khi rất gần với sự nhẫn tâm, tàn bạo. Đồng tiền có hai mặt, chẳng thể coi thường mặt nào của nó. Luật pháp còn chưa đủ, song dù có đủ, thì cũng không bao quát được hết đời sống của cái sinh linh kỳ lạ là con người. Còn có lương tâm nữa...

Vậy đấy, tình thế hôm nay là vậy. Đã có cái diện uyên bác nào dám cung cấp ngay được câu trả lời cuối cùng của mình cho những câu hỏi hóc búa đó của đời sống đang tìm lối đi tới ?

Điều có thể khẳng định là vừa qua văn học đã không đứng ngoài cuộc. Nó hiện diện tích cực trong cuộc tìm kiếm khó nhọc ấy.

Tìm, thì có đúng có sai, có chậm chạp và có cả quá đà, quá dáng, quá khích nữa cũng có khi. Nhắc nhau và chân tình phê bình nhau là cần. Bình tĩnh nhìn chung toàn bức tranh, người tỉnh táo và thiện chí sẽ thấy, văn học đã chủ động (đúng truyền thống tốt đẹp của nó) tham gia cuộc tìm kiếm bức thiết này, với tinh thần trách nhiệm, và với đóng góp mới đáng kể. Nó đã làm cuộc rà soát lại có khi khá gay gắt các giá trị ; không có việc đó thì không thể nghĩ đến chuyện sắp xếp và hình thành cái mới hôm nay. Nó đã thiên về phê phán, đúng thế, cũng là phản ánh một yêu cầu và một tâm trạng xã hội. Nhưng phê phán, tự phê phán, như ta đã biết, nhiều khi không phải là dấu hiệu của yếu đuối, thất vọng, mà trái lại là biểu hiện của khát vọng đi tới. Một nhà văn lớn có nói : "Tự ngắm và tự khen có thể là việc làm trước tiên của một xã hội còn

Digitized by Google

trẻ, nhưng đáng tiếc việc làm ấy là việc làm độc nhất và cuối cùng". Xã hội ta, dân tộc ta không còn trẻ, nó từng trải, trưởng thành. Nó đang đặm tự đổi mới, tự làm lại cho xứng đáng hơn nữa với ngày hôm qua hào hùng của nó và với ngày mai mà nó có quyền được trở nên hoàn thiện hơn, văn minh hơn.

Nếu có điều gì cần nói với văn học ta hôm nay, thì có thể là điều này chăng : nó đừng đánh mất cái khí thế nó đã có được, trong quá khứ xa và mới gần đây thôi, bất chấp mọi khó khăn để vượt lên cao hơn nữa, nói lên được đậm đà hơn nữa những khát vọng của tất cả chúng ta về những giá trị mới tốt đẹp hơn ? Tính tả thực đôi khi đến như tàn nhẫn của nó vừa qua, cần được làm sâu sắc bằng một cảm hứng thẩm mỹ nhuần nhị, tỉnh táo và bền vững hơn. Ngay cả đến sự phê phán gay gắt nhất khi ấy cũng sẽ không làm giảm đi tính nhân văn bao giờ cũng là đặc trưng thuộc về thiên chức của văn học.

2 - Cách thức tổ chức quản lý tập trung hành chính đối với văn học trong thời chiến đã phát huy hiệu quả cao. Song cũng chứa đựng những mặt tiêu cực : đánh đồng tất cả tài năng - mà văn học nghệ thuật là lĩnh vực đặc trưng của tài năng, đặc biệt là tài năng cá nhân. Quản lý hành chính bao cấp đi ngược với khuyến khích tài năng. Nhà nước hoàn toàn bao cấp đối với hoạt động văn học thì cũng đồng thời loại trừ mọi khả năng đua chen tài năng. Chúng ta không muốn bỏ sót bất cứ một Raphaël nào - như Mác từng nói về chủ nghĩa xã hội - nhưng lại coi mọi người đều là Raphaël, cho nên những Raphaël thực sự, vốn bao giờ cũng hiếm và cần được biệt đãi, cuối cùng cũng chỉ được đối xử như những người bình thường. Người có tài thực sự không được gì hơn kẻ bất tài, tức là đều được hưởng thụ như nhau. Không có một nhà nước Mạnh Thường Quân nào có thể ưu đãi hết hàng vạn văn nghệ sĩ có tài cũng như bất tài.

Quản lý hành chính bao cấp cũng khiến trong văn học nghệ thuật không có quy luật đào thải là quy luật bình thường của mọi sự phát triển lành mạnh : kẻ bất tài không bị loại ra, vẫn sống "đàng hoàng" bằng bao cấp của nhà nước, còn người có tài thì bị chìm lấp trong số đông đó, không ngoi lên được.

Điều đã có hiệu quả trong thời chiến nay đang thành trở ngại cho sự phát triển trong thời bình. Các hội văn học nghệ thuật của ta ở trung ương và địa phương hiện nay đang ở trong tình thế lúng túng đó. Và đang có cơ bị cuộc sống phá vỡ dần. Các hội hiện nay thực sự không thể làm được gì thiết thực đáng kể cho hội viên của mình. Sự bất lực đó không phải do điều hành kém, mà là sự bất lực của một mô hình tổ chức không còn thích hợp.

Đã có những yếu tố báo hiệu một cách phát triển đời sống văn học (và nghệ thuật) hợp quy luật tự nhiên trong thời bình, trong mọi thời bình, đang trở lại.

Con đường hình thành và phát triển tự nhiên và lành mạnh của nhà văn là anh ta phải vật lộn, đua chen để tự khẳng định vị trí văn học của chính mình, và để sống (trong văn học và trong đời sống) bằng chính tài năng và lao động của mình. Hiện nay đã có hiện tượng, ngày càng phổ biến, một người mới viết văn phải trả tiền cho nhà xuất bản để được in sách của mình, để "xuất hiện", để tự giới thiệu, và bắt đầu tham gia vào cuộc đua chen khác nghiệt mà đáng say mê trong lĩnh vực của sự thi thố tài năng này. Chỉ đến khi nào tài năng của anh đã "thắng", uy tín văn học của anh được khẳng định, các tác phẩm của anh thực sự hay và hấp dẫn, lúc đó các nhà xuất bản sẽ đua nhau mua bản thảo của anh mà in. Đến lúc ấy, anh mới thực sự trở thành nhà văn chuyên nghiệp, sống được bằng lao động văn học của mình. Còn nếu như anh không đủ tài năng để tự khẳng định mình trong văn chương, thì anh sẽ bị đào thải, và sẽ phải đi làm nghề khác. Chẳng sao.

Nói chung, nên dần dần trở lại với con đường lành mạnh, hợp quy luật tự nhiên đó. Hiện nay, trong thực tế, đã bắt đầu có dấu hiệu hình thành dần cái "cơ chế" tự nhiên đó, tuy chưa thật rõ ràng vì còn pha tạp cơ chế bao cấp và sự tác động phức tạp của cơ chế thị trường.

Trong một đời sống bình thường, tự nhiên, các nhà sáng tạo nghệ thuật thường hình thành các nhóm tự nguyện, theo khuynh hướng nghệ thuật, theo tình cảm, theo sở thích, hoặc theo điều kiện làm việc, v.v.. Các nhóm thường được những Mạnh Thường Quân bảo trợ. Các nhóm sẽ đua chen với nhau, tạo nên sự kích thích và phát triển phong phú đa dạng của nghệ thuật. Có lẽ nên chăm chú quan sát hiện tượng này để rút kinh nghiệm và có định hướng thỏa đáng.

Vấn đề là ở chỗ, trong xã hội ta có Đảng lãnh đạo, Đảng cần tìm những phương thức mới như thế nào để có thể bảo đảm sự lãnh đạo của mình đối với một đời sống văn học, thống nhất về định hướng chính trị, đồng thời lại có nhiều nhóm đa dạng, phong phú về nghệ thuật như thế.

Rõ ràng sẽ khó khăn hơn, không còn đơn giản "một tuyến" như thời kỳ tập trung, nhưng

Digitized by Google

chính sự phong phú lại đòi hỏi bản lĩnh lãnh đạo mới, cao hơn. Và có lẽ, cũng như trong kinh tế, không nên sợ sự phức tạp vì chúng ta sẽ dần dần tìm ra được cách trong thực tiễn phát triển.

Nhà nước sẽ quản lý đời sống văn học bằng pháp luật, vừa có những chính sách chung cần thiết, vừa có sự bảo trợ bằng phương thức nào đó đối với những nhóm hoặc cá nhân tài năng mà mình muốn tập trung khuyến khích. Luật phải rõ ràng, chặt chẽ. Chính sách phải vừa bao quát, vừa linh hoạt, nhạy bén. Chẳng hạn, chính sách quan trọng nhất là chính sách nhuận bút và chính sách về chế độ bản quyền phải được xem xét lại từ gốc, trên cơ sở nhận thức đúng về cơ chế mới, không chỉ bảo đảm cho người cầm bút chuyên nghiệp có thể sống được bằng nghề nghiệp của mình, mà còn bảo đảm cho người có tài, có đóng góp đặc sắc, thực sự được đền bù đúng với tài năng và giá trị cống hiến của họ. Cũng có một số lĩnh vực đặc biệt mà nhà nước cần có sự bảo trợ đặc biệt, hoặc trực tiếp, hoặc kết hợp với vận động các tổ chức xã hội, như đối với văn học cho thiếu nhi, văn học các dân tộc thiểu số, v.v..

Trong những điều kiện đó, Hội nhà văn có thể sẽ tồn tại như một kiểu hiệp hội của các nhóm, có thể có những chức năng như tổ chức sự thống nhất về chính trị giữa các nhóm, tổ chức bảo vệ quyền tác giả, tổ chức ái hữu giữa các nhà văn, v.v.. Chắc chắn sẽ phải đi qua những bước quá độ nào đó, và cần châm chú quan sát, gia công nghiên cứu, cả làm thử từng bước, để dần dần đi đến một mô hình thích hợp cho sự phát triển. Nếu không, đời sống văn học sẽ tự nó phát triển theo quy luật không cưỡng lại được, và mọi biện pháp ngăn chặn có tính hành chính sẽ chỉ lúng túng bất lực.

3 - Một thực trạng rõ ràng là những năm gần đây và hiện nay cơ chế thị trường tác động, chi phối dữ dội tất cả các khâu của đời sống văn học, biểu hiện tập trung nhất ở khâu xuất bản và phát hành. Hệ thống phát hành sách của nhà nước gần như hoàn toàn tan rã. Phát hành sách đã nằm trong tay đầu nậu tư nhân, phải thẳng thắn nói rõ điều đó. (Và chính tổ chức phát hành sách của nhà nước cũng biến thành một thứ siêu đầu nậu tư nhân). Và chính từ khâu phát hành, tức là động tác cuối cùng đưa sách đến tay người tiêu thụ, họ khống chế nặng nề khâu xuất bản, tức là "đầu ra" độc đạo của lao động nhà văn. Hầu hết các nhà xuất bản hiện nay đều bị đầu nậu tư nhân chi phối, điều khiển, chỉ huy đến 60, 70, 80 phần trăm nội dung công việc (hay gọi là "chức năng" cũng được) của mình. Sách được in ra, thậm chí được viết ra phần lớn, rất lớn là theo sự chỉ huy của đầu nậu !

Cho nên, mặc dầu chúng ta không cho phép lập nhà xuất bản tư nhân, nhưng trong thực tế hầu hết các nhà xuất bản của nhà nước đã là xuất bản tư nhân, chỉ có điều nó vẫn mang nhận hiệu nhà nước. Hiện nay rất nhiều nhà xuất bản nhà nước (vì phải sống !) đang bán tên mình, tức là bán giấy phép, cho đầu nậu tư nhân sản xuất ra hàng giả và bán tràn ngập thị trường. Nhưng không bán (giấy phép) cũng không được : lấy vốn đâu để làm ra sách ? Vốn là do bán sách mà thu lại, quay vòng được. Nhưng việc bán sách lại nằm trong tay đầu nậu tư nhân... Cái vòng luẩn quẩn bế tắc là vậy. Rốt cuộc là đầu nậu tư nhân, luồn tay vào tổ chức nhà nước, chỉ huy tất cả, từ A đến Z đời sống của các cuốn sách. Kết quả là một loại văn chương hàng giả tràn lan, các quầy sách không tiêu biểu cho sự nghiệp văn chương chân chính.

Tình hình mà chúng ta gọi là rối loạn về xuất bản hiện nay là như vậy. Chúng ta đã đối phó thế nào ? Bằng kêu gọi, "giải quyết tư tưởng", và cấm đoán. Đã tới lúc phải nghĩ đến một cơ chế xuất bản (và phát hành) khác, vừa linh hoạt hơn, vừa chặt chẽ hơn với sự quản lý của nhà nước *chủ yếu bằng pháp luật*. Trong cơ chế đó, các nhà xuất bản của nhà nước phải đóng vai trò chỉ đạo, điều tiết, và nhà nước cần cấp vốn trợ giá thích đáng cho nó để nó đủ sức làm được vai trò ấy. Cũng có thể nghĩ đến, chẳng hạn, một chính sách thuế thích hợp, đánh thuế nặng những loại sách không đáng khuyến khích, để trợ giá lại cho những loại sách cần thiết.

Có ai lo rằng cơ chế đó sẽ khó quản lý, "nắm chặt" hơn chăng ? Đúng vậy. Khó hơn là cứ cấm đoán. Hay lo rằng nhà nước không giữ độc quyền xuất bản, thì làm sao ngăn được các loại sách xấu, có hại, đầu độc người đọc. Thì mấy năm nay những loại sách như vậy từ đâu ra, nếu không phải từ những nhà xuất bản có bảng hiệu nhà nước rất đàng hoàng ?

Đương nhiên, một cơ chế mới rồi cũng sẽ phát sinh những mâu thuẫn, phức tạp mới. Biết làm sao, đó là cuộc sống. Hôm nay, cần phải giải quyết những vấn đề hôm nay. Ngày mai, chúng ta sẽ tìm và tìm ra những câu trả lời cho những thử thách khác sẽ đến. Đó cũng là quy luật.

Digitized by Google

THỬ TÌM MỘT LỐI RA...

NGUYỄN PHAN THỌ *

Có thể nói, sân khấu là một lĩnh vực nghệ thuật nhạy cảm nhất với các mâu thuẫn trong xã hội. Sự tồn tại của sân khấu gắn liền với việc phát hiện và phản ánh các mâu thuẫn của cuộc sống con người, của thời đại. Người xem đến với sân khấu là để tìm câu trả lời cho những vấn đề còn trăn trở, mắc mứu, để cảm nhận cái đẹp, cái thiện theo lý tưởng thẩm mỹ của riêng mình.

Sân khấu tác động trực tiếp đến nhân cách người xem ; nó cũng ảnh hưởng không nhỏ đến không khí chung của xã hội, của cộng đồng. Trong những bước chuyển của xã hội, có lúc có nơi sân khấu đã đóng vai trò như ngòi nổ, như tiếng chuông báo hiệu. Ở nước ta, hơn 40 năm qua sân khấu Việt nam đã có những bước tiến đáng kể. Trong mỗi giai đoạn của cuộc đấu tranh cách mạng, sân khấu đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp chung. Với tinh thần "nghệ sĩ là chiến sĩ", "văn hóa - nghệ thuật cũng là mặt trận", trong hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, nhiều vở diễn được sáng tác và biểu diễn kịp thời, phục vụ có hiệu quả. Trong điều kiện đặc biệt của chiến tranh, những thành tựu mà sân khấu đạt được là hết sức to lớn.

Thành tựu nổi bật của ngành sân khấu trong thời kỳ hậu chiến là sự nở rộ, khởi sắc qua các đợt hội diễn. Đặc biệt, hội diễn sân khấu năm 1985 là một dẫn chứng điển hình. Nó đã gây tiếng vang sâu rộng trong quần chúng và được coi như sự kiện nổi bật trong đời sống văn hóa của nhân dân. Sân khấu hội diễn năm 1985 có ý nghĩa như bước chuyển mình của toàn ngành, trước hết vì giá trị nội dung phản ánh của nó. Các vở diễn tham dự lần này (dù là kịch nói hay kịch hát) đều trực tiếp đi vào những vấn đề cấp thiết của xã hội, của cuộc sống, biểu lộ thái độ chân tình, mạnh dạn, thực sự là người bạn đồng hành đối với con người hôm nay. Những tác phẩm được đánh giá cao, được người xem hưởng ứng nhiệt liệt chính là những vở nói về sự công bằng, dân chủ, về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, về cuộc đấu tranh chống tệ quan liêu, bảo thủ... Một loạt vở nêu lên những nét tiêu biểu về tình thương và lẽ phải, về quan hệ giữa con người với con người. Có thể kể ra đây các vở : *Nguồn sáng trong đời, Nhân danh công lý, Mùa hè ở biển*, v.v.. Người ta chú ý nhiều đến vở *Tôi và chúng ta* vì nó đã đi thẳng vào mâu thuẫn giữ cá nhân và tập thể - một mâu thuẫn lớn trong xã hội giai đoạn đó. Vở kịch không dừng lại ở sự phản ánh những băn khoăn trong các quan hệ, thân phận con người, hay cung cách làm ăn cũ, mà trực tiếp tham gia tháo gỡ vấn đề lâu nay đường như bị kìm nén, không dám nói ra, gợi mở về một cơ chế hoàn toàn mới. Sân khấu truyền thống cũng vượt hẳn lên để tự khẳng định mình với các vở chèo *Lý Nhân Tông kế nghiệp, Cô gái làng chèo, Những người nói thật* và các vở tuồng *Sao khuê trời Việt, Cô gái Kinh Bắc*... Người xem nhận thấy kịch hát truyền thống không phải không có khả năng đi vào những đề tài hiện đại. Nó đã và đang cố gắng tìm ra những hình thức thể hiện mới, hấp dẫn hơn.

Thành công của sân khấu trong những năm 1985-1986 trước hết ở chỗ nó đã tự khẳng định khả năng phản ánh hiện thực cuộc sống một cách mau lẹ, sắc bén và trung thực. Một điều đáng chú ý : giai đoạn 1980 - 1984 là giai đoạn khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, vậy mà sân khấu đã vượt lên được, khởi sắc và nở rộ. Phải chăng người nghệ sĩ đã trăn trở với những mâu thuẫn của xã hội, đã "nhập cuộc" hết mình với cuộc sống, góp phần lý giải và tháo gỡ những vấn đề của cuộc sống ? Tất nhiên, không phải tất cả những vở diễn thời kỳ này đều đứng được với thời gian, bởi giá trị bền vững của tác phẩm phụ thuộc vào nhiều yếu tố : tầm khái quát triết học, tính nhân bản và nhất là chiều sâu tính cách nhân vật. Mặc dù còn tồn tại mặt này mặt khác song trong giai đoạn đó, chúng ta không thể phủ nhận giá trị xã hội và ý nghĩa lịch sử của nhiều vở diễn, bởi sự đóng

* Nhà lý luận phê bình sân khấu, Viện sân khấu

Digitized by Google

góp thiết thực của chúng vào việc cải tạo và xây dựng xã hội.

Tiếp theo "sự bùng nổ" năm 1985 là những năm sau đó sân khấu như lắng xuống trong trạng thái mò mẫm, đò đường. Rồi những khó khăn chồng chất khi các đoàn nghệ thuật phải tự hạch toán, tự sống... Ngày nay, sân khấu thực sự đang đứng trước những thử thách nghiệt ngã, đặc biệt là khu vực phía bắc. Tình hình suy thoái đó gần đây được thể hiện ở số lượng buổi diễn giảm sút, số người xem thưa thớt, chất lượng sa sút của nhiều vở diễn và cả ở sự kém say mê của người nghệ sĩ. Nếu nhìn thẳng vào sự thật thì có thể gọi đây là cuộc khủng hoảng của sân khấu, tựa như cơn đau vượt cạn để chuyển mình sang một trạng thái mới về chất.

Sự thật là sân khấu đang thiếu *nội dung* đủ sức chuyển tải lý tưởng và tình cảm đến người xem. Lấy sân khấu thủ đô làm ví dụ. Đa số các đoàn kịch nói chỉ đi tìm những vở có nội dung gay cấn, chuyện tình sướt mướt. Hầu hết các đoàn chèo, cải lương thì núp vào dã sử, chuyện cổ tích hoặc tìm sự hấp dẫn ngoại lai. Những anh hùng đương đại vắng bóng trên sân khấu, và tất nhiên, sân khấu chưa có được những hình tượng phản ánh nội dung thời đại. Sân khấu sẽ phát triển theo hướng nào đây ? Xu hướng ca ngợi, khẳng định cái mới có vẻ thưa và nhạt. Xu hướng đấu tranh chống tiêu cực kém hăng hái. Xu hướng hướng thiện - một hướng chủ đạo và vĩnh hằng - thì còn mờ nhạt.

Vấn đề *đội ngũ* cũng đang ở tình trạng báo động. Mặc dù chúng ta đã có hàng trăm nghệ sĩ sân khấu được nhà nước phong tặng danh hiệu nghệ sĩ nhân dân và ưu tú, đã xuất hiện nhiều lớp diễn viên trẻ, trên sàn diễn vẫn thiếu những ngôi sao có sức hấp dẫn cao, gây ấn tượng sâu sắc đối với người xem, thiếu những phong cách biểu diễn độc đáo, sáng tạo. Người xem nhận ra cách diễn na ná giống nhau ở nhiều đoàn. Phải chăng đó là hậu quả của sự đào tạo không đến nơi đến chốn, của sự hẫng hụt trong học vấn, của đời sống khó khăn, thiếu thốn và sự bỏ nghề liên tục của nghệ sĩ ?...

Đội ngũ phê bình bị phân tán, thiếu sự chỉ đạo và điều tiết thống nhất, thiếu tiếng nói của cơ quan có trách nhiệm trước những vấn đề gay cấn. Vì vậy, tuy cũng có những tìm tòi, sáng tạo nghiêm túc, việc phê bình sân khấu trên báo chí không đều, thường rộ theo "sự kiện", "vấn đề". Phê bình sân khấu chưa thực sự có tác dụng định hướng cho ngành và cho công chúng nghệ thuật.

Về mặt *tổ chức* quản lý hoạt động sân khấu cũng có nhiều điều chưa hợp lý. Từ chỗ cứng nhắc, thiếu dân chủ trước đây, sự lãnh đạo và quản lý sân khấu mấy năm gần đây lại có xu hướng buông lỏng, gặp chăng hay chớ. Thậm chí có lúc còn sa vào hữu khuynh, né tránh, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCHTƯ Đảng khóa VII đã chỉ rõ. Quan niệm cũ về cách làm sân khấu (thời quan liêu bao cấp) vẫn chi phối cả bộ máy lãnh đạo, quản lý và hoạt động sân khấu. Nó dẫn đến tình trạng mọi chỉ đạo và hoạt động sân khấu trong giai đoạn này nặng về đối phó ; chưa có phương hướng rõ rệt, chưa có những chế độ, chính sách phù hợp, chưa có sự đầu tư, bồi dưỡng và đào tạo thích đáng. Hiện nay có quá nhiều đoàn nghệ thuật, xét về cơ cấu các kịch chủng cũng như cơ cấu các đoàn trung ương và địa phương. Đội ngũ thì cồng kềnh, mà chất lượng hoạt động nghệ thuật lại giảm sút. Kết quả là nhiều đoàn phải giải thể hoặc sống vất vưởng, nhiều nghệ sĩ phải bỏ nghề. Chưa có một cái chuẩn rõ ràng về một nền "sân khấu chính thống".

Đã từng có nhiều cách lý giải về nguyên nhân của sự sa sút này. Nào là do tác động của nhiều hình thức nghệ thuật hiện đại như phim ảnh ngoại nhập, vi-đê-ô, nhạc pốp, nhạc jazz, nào là do sân khấu phải bươn chải, kiếm sống ; nào là do trình độ thấp kém của khán giả hoặc do sân khấu xuống cấp, chạy theo thị hiếu tầm thường v.v.. và v.v.. Tùy mức độ, những nguyên nhân này đều xác đáng. Song theo tôi, nguyên nhân của mọi nguyên nhân gây nên tình trạng sân khấu hiện nay có lẽ ẩn sâu hơn, mang tính quy luật và chi phối mọi hoạt động của sân khấu nói riêng và văn hóa nghệ thuật nói chung. Đó chính là mối quan hệ giữa sân khấu với bối cảnh xã hội ta thời hậu chiến - một bối cảnh có nhiều biến động sâu sắc và mạnh mẽ. Tất nhiên, con lắc có thể chao đảo một thời gian, rồi sẽ dần dần quay về với trạng thái bình thường, hợp quy luật tự nhiên.

Digitized by Google

Sân khấu năm 1985 - 1986 thành công rực rỡ do bám sát các vấn đề của cuộc sống giai đoạn chuyển mình từ cơ chế quan liêu bao cấp sang một cơ chế mới, một bầu không khí xã hội mới. Những mâu thuẫn trong xã hội thời kỳ đó đã và đang được tháo gỡ dần dần. Giai đoạn năm 1986 - 1990 là giai đoạn xã hội có sự chuyển đổi cơ bản để đi lên, sân khấu dường như chững lại và dò dẫm tìm hướng phát triển. Những khó khăn chồng chất mà ngành sân khấu phải vật lộn trong những năm qua, đặc biệt là từ Hội diễn năm 1990 đến nay, gắn liền với tình trạng đất nước đang chuyển sang cơ chế thị trường nhưng vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Quá trình đổi mới tìm lối thoát ra khỏi cuộc khủng hoảng bao gồm các đặc trưng : *một là*, sự tan rã của xã hội cổ truyền với các tố chất kinh tế - xã hội lạc hậu, tiến tư bản sang một xã hội văn minh, hiện đại ; *hai là*, sự thay đổi cơ chế quản lý mới đòi hỏi tinh thần sáng tạo, tự tin, chủ động của mỗi người ; *ba là*, sự thay đổi bảng giá trị (hàng loạt những giá trị được tôn thờ trong cơ chế cũ nay đã bị thay đổi, chọn lựa các giá trị mới). Cho đến nay, nền kinh tế nước nhà đang bước vào thế ổn định, song hàng loạt các vấn đề xã hội chưa tìm được câu trả lời. Liệu có hay không sự công bằng và đạo lý trong cơ chế thị trường ? Lấy gì làm chuẩn cho cái thiện và cái ác, cho đạo đức hiện nay ? Giải quyết như thế nào mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, mối quan hệ giàu - nghèo trong thời buổi kinh tế hàng hóa ?... Bộ mặt xã hội đang cộm lên những xung đột gay gắt về quyền lợi, về đạo đức và lối sống. Để cắt nghĩa cho hiện thực đời sống, chỉ dựa vào tầm hiểu biết cũ chắc chắn chưa đủ. Một hệ quan điểm thực sự nhân bản chưa định hình. Xã hội lúng túng, các nhà sáng tạo nghệ thuật cũng đang lúng túng. Chúng ta mong đợi ở tài năng sáng tạo của nghệ sĩ. Mặt khác, phải nhận thức được khó khăn lớn ở đây là sự khủng hoảng niềm tin và sự khủng hoảng giá trị. Trả lời được những câu hỏi lớn của xã hội, đề cập và giải quyết được những vấn đề cấp thiết của người xem - cũng chính là trả lại vị trí xứng đáng cho sân khấu ngày nay. Người nghệ sĩ không thể ngồi chờ lời giải đáp có sẵn mà phải lăn mình vào cuộc sống, góp phần phát hiện, lý giải mâu thuẫn xã hội và dự báo về những thuộc tính mới của xã hội tương lai. Đó là hướng ra cho chính mình (bởi nếu chỉ làm chức năng giải trí thì nhiều loại hình nghệ thuật khác còn có ưu thế hơn). Từ đây nảy sinh một số vấn đề cần giải quyết.

Trước hết là phải *đổi mới quan niệm làm sân khấu*. Quan niệm sân khấu là "thánh đường", chỉ là nơi răn dạy thuần túy đã bị lịch sử vượt qua. Vượt qua quan niệm cũ cũng là mở ra những hình thức mới đáp ứng nhu cầu con người, tích cực tìm tòi, sáng tạo trong nội dung, hình thức và hình tượng nghệ thuật. Không thể lấy những khuôn mẫu cũ để định hình cho sự phát triển hiện nay.

Nên hiểu rằng sân khấu là một ngành hoạt động xã hội, phải thích ứng với cơ chế thị trường, cơ chế chung điều tiết các hoạt động xã hội, dưới sự quản lý của nhà nước. Tác phẩm sân khấu là một hàng hóa đặc biệt, do vậy nó cũng phải chịu sự khắc nghiệt của quy luật cung - cầu. Giá trị của nó không chỉ được phản ánh bởi lao động kết tinh trong nó, mà còn ở khả năng đáp ứng nhu cầu của công chúng.

Thứ hai là *củng cố, bồi dưỡng và đào tạo đội ngũ nghệ sĩ sân khấu*, giúp họ thoát ra khỏi sự lúng túng trong bước chuyển đổi cơ chế, *tạo dựng niềm tin, vốn sống, vốn nghề nghiệp và tầm nhìn xã hội sâu sắc*. Bởi vì trong điều kiện xã hội ta hiện nay, chỉ với những tìm tòi mạnh bạo và những tài năng lớn, mới có thể giải đáp các yêu cầu về xây dựng hình tượng sân khấu, khái quát được những đặc điểm tiêu biểu của cuộc sống, mà không sa lầy vào vô vàn những chi tiết vụn vặt. Chỉ có như vậy mới trả lại được vị trí xã hội của sân khấu trong sự vận động chung của xã hội. Bên cạnh việc hỗ trợ các nghệ sĩ lão thành trong sáng tạo, cần gấp rút xây dựng một kế hoạch cụ thể (đi kèm với các chế độ, chính sách phù hợp) khuyến khích, nuôi dưỡng và đào tạo đội ngũ tác giả trẻ đủ bản lĩnh và tài năng để kế tục công việc của thế hệ tiền bối nay đã ít nhiều không còn nhanh nhạy như trước nữa. Cũng cần có chính sách duy trì, phát triển các ngôi sao sân khấu trẻ, giúp họ không phải chạy "sô" mà dành thời gian tiếp tục rèn luyện, trau dồi nghề nghiệp để có thể khẳng định chắc chắn và lâu dài vị trí và uy tín của mình trong công chúng.

Digitized by Google

Nhà nước cần đầu tư thích đáng, tạo điều kiện về mọi mặt để các tác giả, đạo diễn, diễn viên sân khấu có thể thâm nhập thực tế, tích lũy vốn sống, chất liệu sáng tác và mở rộng tầm nhìn. Trong việc xây dựng đội ngũ, cần đặc biệt chú trọng đến những nghệ sĩ sân khấu truyền thống (tuồng, chèo...) vì đó không chỉ là vốn quý của sân khấu, mà còn là những người gìn giữ "bảo tàng nghệ thuật sống" của nền văn hóa Việt nam đậm đà bản sắc dân tộc. Hiện nay, do những khó khăn về kinh tế, do sự gia tăng của quá nhiều loại hình nghệ thuật, do việc giáo dục thẩm mỹ nghệ thuật chưa sâu rộng, nên nhu cầu đối với nghệ thuật truyền thống bị giảm sút. Song lịch sử đã cho thấy, xã hội càng phát triển thì nhu cầu tìm về các giá trị truyền thống càng tăng lên.

Thứ ba là *xây dựng một cơ chế hoạt động cởi mở, thích hợp trong kinh tế thị trường - tiền đề của việc nâng cao chất lượng sáng tác sân khấu.* Cơ chế thị trường đem lại những khó khăn cho giới nghệ sĩ, nhưng nó cũng hứa hẹn một phương thức đánh giá mới. Sản phẩm nghệ thuật là một loại hànng hóa đặc biệt và vì thế, phải tuân theo quy luật cung - cầu của thị trường. Ngày nay, không thể làm nghệ thuật bằng cách lấy vốn ngân sách và buộc xã hội tiếp nhận bất cứ một kiểu sản phẩm hay dở nào. Các tác phẩm nghệ thuật phải tự khẳng định giá trị của mình qua chất lượng tư tưởng - nghệ thuật và thái độ của công chúng. Người nghệ sĩ tự chịu trách nhiệm về "đứa con tinh thần" của mình. Anh ta có thể đề cập đến mọi vấn đề trong xã hội, có thể đưa ra "các lời giải" cho các vấn đề đó theo suy nghĩ riêng của mình. Đó là môi trường cởi mở cho các nhà sáng tác, các tài năng phát triển.

Song cần lưu ý rằng, một vở diễn khác với loại hàng hóa bình thường. Một vở diễn nếu đem ra thể nghiệm trong thị trường rồi để nó tự khẳng định thì hoặc là đứng được, hoặc là chết luôn. Vở diễn chết đi sẽ làm phí phạm bao nhiêu công sức nghệ sĩ và tiền của. Nên chăng xây dựng một *hội đồng nghệ thuật sân khấu quốc gia* (gồm các nghệ sĩ, các nhà phê bình có uy tín và tài năng thực sự) làm tư vấn trong việc thẩm định giá trị kịch bản. Nhà viết kịch có thể không tham khảo ý kiến của hội đồng này khi tự chịu trách nhiệm và kinh phí xây dựng vở nếu vở diễn không được công chúng đón nhận.

Bên cạnh việc xây dựng cơ chế đánh giá tác phẩm, nhà nước cần sớm có cơ chế đầu tư vật chất cho tác phẩm, tác giả. Sự đầu tư này không theo kiểu phân phối bao cấp như cũ mà dựa trên cơ sở đánh giá của thị trường xã hội. Bên cạnh việc cấp một số kinh phí nhất định (hoặc cho nghệ sĩ vay với lãi suất thấp) trong quá trình sáng tác, nhà nước nên đầu tư cho tài năng theo hình thức mua lại các tác phẩm chất lượng tốt với giá thành đủ cho nghệ sĩ có thể sống và làm việc trong một số năm.

Thứ tư là *cần kiện toàn lại công tác quản lý hoạt động sân khấu*, nhằm nâng cao vai trò định hướng của nhà nước đối với sân khấu trong cơ chế thị trường. Hiện nay, ở nước ta đang tồn tại *ba* hình thức quản lý : nhà nước, liên doanh và tư nhân. Nhà nước cần sớm ban hành luật hoặc văn bản dưới luật để có hình thức quản lý thích hợp đối với các đơn vị sân khấu nhà nước, các đoàn tập thể và tư nhân. Đối với sân khấu nhà nước, cần rà soát lại chất lượng hoạt động của trên 150 đoàn ở trung ương và địa phương, và sắp xếp lại các đoàn theo hướng "ít mà tinh". Sân khấu nhà nước phải trở thành lực lượng chủ đạo, phải là trung tâm của giới sáng tác, biểu diễn và phê bình. Vì vậy, nhà nước cần ưu tiên đầu tư cho lực lượng này theo *hai* hình thức : bao cấp cho các đơn vị làm đúng chức năng nghệ thuật, đi đúng hướng và các đơn vị có nhiệm vụ bảo lưu sân khấu truyền thống ; tài trợ cho các vở diễn tốt (hoặc mua lại với giá cao). Đối với các đơn vị sân khấu tập thể và tư nhân, nhà nước nên tài trợ và khuyến khích những đơn vị mạnh, có khuynh hướng nghệ thuật đúng đắn. Không thể không chú ý đến hình thức sân khấu này, bởi các đơn vị sân khấu tư nhân là nơi tập hợp, đón nhận những nghệ sĩ biểu diễn còn tâm huyết và tài năng, nhưng không còn "đất" hoạt động vì đơn vị của họ bị giải thể, tan rã. Để đẩy mạnh việc xã hội hóa sân khấu, nên có chính sách khuyến khích các tổ chức xã hội, các nhà doanh nghiệp... trở thành những "Mạnh Thường Quân" của các đơn vị nghệ thuật, các tài năng trẻ và các tác phẩm sân khấu xuất sắc.

Digitized by Google

LONG AN
VỚI VIỆC CHINH PHỤC ĐỒNG THÁP MƯỜI

NGUYỄN VĂN CHIỂU*

PHẦN Đồng tháp mười thuộc tỉnh Long an có hình một cánh cung hướng về Biển Đông, phần lõm quay về phía Cam-pu-chia với hơn 140 km đường biên giới, bao gồm các huyện Mộc hóa, Vĩnh hưng, Tân thạnh, Thạnh hóa, Đức huệ cùng với vùng Bắc Thủ thừa, Bến lức. Diện tích hơn 300 000 hecta, bằng hơn nửa diện tích Đồng tháp mười nói chung.

Đây là vùng đất được hình thành từ xưa trên các lớp trầm tích đầm lầy biển, trải qua nhiều thời kỳ biến động địa chất và quá trình ô xy hóa lâu dài nên bị nhiễm phèn rất nặng. Địa hình ở đây lại rất thấp so với mặt biển, hàng năm nước lũ tràn về gây ngập lụt nặng có lúc kéo dài 3 - 4 tháng (năm 1978, đỉnh lũ ở Mộc hóa lên cao gần 4,2 mét). Về mùa khô lại hoàn toàn thiếu nước, phèn bốc lên thành độc tố rất tai hại cho trồng trọt và chăn nuôi. Vì vậy, cho đến năm 1975, Đồng tháp mười chỉ có 55 000 hecta đất làm được một vụ lúa bấp bênh, còn lại thì bỏ hoang với những cánh đồng đầy năn, cỏ lác, lau sậy và những rừng tràm rải rác. Dân cư thưa thớt, chỉ có ở những vùng ít bị phèn gây hại nhất. Kỹ thuật canh tác thô sơ, chỉ trồng giống lúa nổi, vượt nước theo mùa mưa lũ, năng suất rất thấp, khoảng 1,2 - 1,5 tấn/ha/năm.

Việc khai thác Đồng tháp mười đã được thực dân Pháp để ý sau khi bình định xong đất Nam kỳ. Chúng đã cho đào một số con kênh, như kênh Nguyễn Văn Tiếp, Năm Ngàn, Dương Văn Dương, Cái Tôm, Cà Nhíp, Đá Biên, Bắc Đông, v.v.. Năm 1955 - 1956, chính quyền Ngô Đình Diệm cũng đã có kế hoạch khai thác Đồng tháp mười với quy mô lớn. Nhưng trước những khó khăn chồng chất, trước cái "khó tính" của đất Đồng tháp mười, và thiếu sự hưởng ứng của nhân dân, các kế hoạch nói trên của thực dân Pháp và của chính quyền Ngô Đình Diệm không đem lại hiệu quả, nếu không muốn nói là thất bại.

*

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, tiếp nhận chủ trương của Đảng và Chính phủ ta về việc khai thác tiềm năng đất đai và lao động, đảng bộ Long an đã đề ra chủ trương khai phá vùng đất Đồng tháp mười. Đại hội lần thứ ba của đảng bộ tỉnh họp vào tháng 5-1983 đã có nghị quyết về việc tiến hành xây dựng một chương trình tổng hợp phát triển vùng đất đó. Biết rõ đây là một công việc cực kỳ khó khăn, phức tạp, cho nên chương trình đó đã tính toán kỹ những biện pháp cụ thể để tiến hành từng bước.

Trước hết là việc *mở đường giao thông* vào tận các vùng sâu. Giao thông vốn là huyết mạch nên càng có ý nghĩa quan trọng đối với việc khai phá vùng đất hoang hóa. Với sự chi viện của Trung ương, bằng chính lao động thủ công của nhân dân trong tỉnh, chỉ một thời gian ngắn Long an đã xây dựng xong tỉnh lộ 49 dài hơn 100 km xuyên Đồng tháp mười, qua vùng sình lầy, bưng trũng, rừng tràm đầy muỗi mòng, nước độc, nối liền thị xã Tân an với huyện Vĩnh hưng tiếp giáp Cam-pu-chia. Tiếp đó, đã thực hiện nhiều công trình giao thông về các vùng sâu khác. Ngày nay, hơn 50% số xã ở vùng Đồng tháp mười thuộc Long an đã có đường giao thông thuận lợi, có thể đi lại bằng ô tô hoặc xe gắn máy.

Cùng với việc mở rộng giao thông là *phát triển mạng lưới thủy lợi*. Năm 1984, với sự chi viện của Trung ương, kênh Hồng ngự đưa nước từ sông Tiền qua tỉnh Đồng tháp đã được thông luồng đến Long an. Tỉnh đã phát động nhân dân đào đắp tiếp các công trình thủy lợi loại vừa và nhỏ, đưa nước ngọt từ kênh Hồng ngự về các vùng ở Đồng tháp mười. Đến nay, ở các huyện đã có trên 160 tuyến kênh chính với tổng chiều dài trên 1000km và rất nhiều kênh nhỏ.

Tiếp đó là việc *vỡ những vùng đất hoang lâu đời thành đất thuộc* tạo điều kiện thuận lợi cho dân đến định cư. Rút kinh nghiệm về những thất bại trước đây trong việc đưa dân đi lập nghiệp ở các vùng kinh tế mới thuộc Đồng tháp mười và thuộc một số nơi khác, tỉnh đã chuẩn bị sẵn địa bàn tương đối thuận lợi trước khi đưa người dân đến. Cùng với việc mở đường giao thông, xây dựng mạng lưới thủy lợi, tỉnh tiến hành việc kiến thiết đồng ruộng bước đầu, tạo

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Long an

Digitized by Google

cơ sở vật chất cần thiết, giảm bớt khó khăn cho người dân khi đến định cư.

Để làm tốt công việc chuẩn bị, tỉnh Long an đã mạnh dạn thử nghiệm một chế độ mới trong việc huy động lực lượng của thanh niên trong tỉnh. Được lãnh đạo Bộ quốc phòng đồng ý cho làm thử để rút kinh nghiệm, tỉnh đã thực hiện chế độ nghĩa vụ xây dựng kinh tế đối với số thanh niên vì lý do này hay lý do khác không thuộc diện tham gia quân đội, gọi tắt là chế độ "bộ đội kinh tế". Theo chế độ này, số thanh niên trên sẽ được tổ chức thành những đơn vị như quân đội có nhiệm vụ *chính* là lao động tập trung theo kế hoạch phát triển kinh tế của tỉnh và khi cần, có thể chuyển sang làm nhiệm vụ quốc phòng. Những đơn vị này được tỉnh trợ cấp một phần kinh phí ban đầu, sau đó sẽ tự trang trải bằng cách làm các dịch vụ (khai hoang, xây cất nhà cửa, chuyển vận lương thực, phân bón v.v.).

Sự ra đời các đoàn "bộ đội kinh tế" đã góp phần giải quyết tốt một số vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội trong tỉnh. Trước hết, chủ trương này bảo đảm công bằng xã hội, không còn hiện tượng suy bì về thi hành luật nghĩa vụ quân sự. Với việc tập hợp thanh niên thành tổ chức chặt chẽ, việc giáo dục họ nâng cao ý thức trách nhiệm của họ đối với đồng bào, đất nước sẽ thuận lợi hơn. Những chàng trai này khi được giác ngộ sẽ là lực lượng xung kích tiến công vào những mục tiêu khó khăn nhất, là chỗ dựa tin cậy trong kế hoạch khai thác Đồng tháp mười.

Tỉnh đã thành lập 5 đoàn "bộ đội kinh tế" với số quân lúc đầu là 5000 người. Sau khi tổ chức cho họ học tập để hiểu rõ nhiệm vụ, tỉnh đã huy động họ làm giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, trồng rừng, khai hoang, kiến thiết đồng ruộng, xây dựng các cơ sở vật chất hạ tầng như trường học, trạm y tế... cho các cụm kinh tế mới. Đến nay, có thể nói, các đoàn "bộ đội kinh tế" đã đóng vai trò chủ công trong việc khai phá Đồng tháp mười. Nhờ quyết tâm, nghị lực và công sức của họ, nhiều vùng đất hoang lâu đời đã thành đất thuộc, một mạng lưới giao thông, thủy lợi khá chằng chịt đã hình thành, tạo cơ sở cho những ấp mới, xã mới, huyện mới ra đời. Từ chỗ ban đầu chỉ dùng sức người, qua tích lũy vốn nhờ làm các dịch vụ, các đoàn "bộ đội kinh tế" tới nay đã mua sắm được nhiều loại máy móc thay cho sức người trong việc khai hoang, vỡ đất...

Sau khi chuẩn bị xong những cơ sở vật chất ban đầu nói trên, tỉnh chúng tôi đã vận động một bộ phận nhân dân ở các huyện phía nam của tỉnh đến định cư ở Đồng tháp mười. Những người đến định cư lập nghiệp ở đây, được tỉnh giúp một phần trong việc xây cất nhà ở, cung cấp xuống, lu và lương thực đủ ăn trong 3 tháng. Có sẵn đất thuộc, hệ thống giao thông thủy lợi, lại có nhà ở, số dân đến định cư an tâm bắt tay vào sản xuất. Tiếp theo đó, nhiều bà con ở các tỉnh thuộc nhiều vùng của đất nước (như Hải hưng, Hà bắc, Hà tây, Hòa bình, Nghệ an, Hà tĩnh, Tiền giang, Bến tre, v.v.) cũng tìm đến định cư ngày một đông ở Đồng tháp mười.

Để sớm biến Đồng tháp mười thành một vùng đất trù phú, tỉnh chúng tôi đã *coi trọng việc áp dụng khoa học kỹ thuật* vào công việc canh tác ở đó. Tỉnh đã vận động nông dân bỏ tập quán làm giống lúa nước một vụ năng suất thấp, và thay vào đó là loại lúa ngắn ngày, có thể trồng 2 vụ một năm bằng cách tránh lũ, né lũ (thường diễn ra từ tháng 8 đến tháng 11 hằng năm). Chúng tôi tránh lũ bằng cách làm vụ hè - thu (gieo sạ vào tháng 4, gặt vào tháng 7) và vụ đông - xuân (gieo sạ vào cuối tháng 11, gặt vào tháng 3). Việc thay đổi tập quán canh tác này lúc đầu gặp rất nhiều khó khăn, song sau khi đã tận mắt thấy hiệu quả thực tế của giống lúa ngắn ngày, của việc gieo trồng 2 vụ, bà con đã thật sự phấn khởi làm theo. Diện tích lúa 2 vụ ở Đồng tháp mười năm 1975 mới có 300 hecta thì năm 1990 lên 72 000 hecta, và năm 1992 đạt 98 500 hecta.

Cùng với việc chuyển vụ, tăng vụ, gieo trồng giống lúa mới, tỉnh chúng tôi đã cung cấp cho nông dân vùng Đồng tháp mười những loại phân thích hợp và hướng dẫn cách dùng. Nhờ vậy, năng suất lúa tăng nhanh. Từ chỗ chỉ đạt 1,2 - 1,5 tấn/ha/năm, đến năm 1992, riêng vụ đông - xuân, có huyện đã đạt năng suất bình quân 5,2 tấn /ha. Nhiều hộ nông dân đã dạt năng suất lúa bình quân 10 tấn/ha cả năm. Đặc biệt, năm 1992 gia đình ông Phạm Văn Đôn ở Vĩnh hưng, có đông người, được nhà nước cho mượn đất, và do đã sử dụng một số máy trong việc canh tác, đã thu hoạch hàng trăm tấn thóc. Với những kết quả nói trên, có thể nói, đã có cuộc "cách mạng xanh" trên vùng Đồng tháp mười.

Để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy sản xuất, cải thiện cuộc sống về mọi mặt cho nhân dân ở các vùng định cư, tỉnh đã coi trọng việc đưa điện về các vùng đó. Huyện Tân thạnh đã được ngành điện lựa chọn làm nơi thí điểm về điện khí hóa nông thôn, và cho đến nay công việc đó đã được hoàn thành về cơ bản. Có điện, bà con không những có điều kiện thuận lợi hơn trong sản xuất và sinh hoạt hằng ngày, mà còn có điều kiện để mua sắm các thứ như ra-đi-ô cát-xét, ti-vi, làm cho cuộc sống văn hóa, tinh thần thêm phong phú.

Nhờ các phương pháp đồng bộ nói trên, việc khai phá vùng Đồng tháp mười thuộc Long an ngày càng đạt những thành tựu làm nức lòng bà con trong tỉnh. Nhịp độ phát triển kinh tế của Đồng tháp mười rất nhanh, đặc biệt trong thời kỳ 1985 - 1990. Các số liệu trong biểu thống kê dưới đây là một trong những chứng minh cụ thể :

Digitized by Google

	1976	1980	1985	1990
● Sản lượng lương thực Đồng tháp mười (tấn)	106 632	100 373	183 257	562 270
● Bình quân lương thực Đồng tháp mười (kg/ người/năm)	500	533	962	2130
● Tỉ lệ sản lượng lương thực Đồng tháp mười so với toàn tỉnh (%)	20	22,5	31,5	55
● Mật độ dân cư (người/km2)	52	55	60	92

Trong vòng 10 năm qua, ở vùng Đồng tháp mười, tỉnh chúng tôi đã khai hoang trên 100 000 hec ta, tiếp nhận 38 000 hộ, 47 200 lao động với hơn 100 000 nhân khẩu đến định cư, lập thêm 3 huyện và 18 xã mới. Về sản xuất lương thực, nhờ phần đóng góp quan trọng của Đồng tháp mười, năm 1989 Long an đã vượt ngưỡng cửa 1 triệu tấn. Số lượng thực đó không những đủ nuôi sống 1 triệu dân Long an mà còn tạo một khối lượng lớn nông sản hàng hóa cho cả nước và cho xuất khẩu. Theo kiểm nghiệm, trên 60% sản lượng gạo của Đồng tháp mười đủ tiêu chuẩn để xuất khẩu. Các cây công nghiệp và lâm nghiệm cũng có bước phát triển khá. Về diện tích gieo trồng, có lúc cây đay đạt trên 5000 hecta, cây tràm 85 000 hecta, cây mía 5000 hecta, cây lạc 1200 hecta.

Ngoài ra, kết quả khai phá Đồng tháp mười còn tác động tích cực đến cuộc sống của nhân dân ở các huyện phía nam của tỉnh. Ở các huyện đó, trước đây mật độ dân cư đông, nay giảm bớt do một số dân rời lên Đồng tháp mười. Bình quân ruộng đất tính theo đầu người ở các huyện đó nhờ vậy cũng tăng lên, đời sống nhân dân được cải thiện.

*

Vùng Đồng tháp mười thuộc Long an, nơi từ ngàn xưa là đất "muỗi kêu như sáo thổi, địa lội như bánh canh", nơi từng là căn cứ địa của các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Chính quyền Nam bộ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, đang hằng ngày thay da đổi thịt. Việc khai phá Đồng tháp mười, mơ ước từ bao đời của nhân dân Long an, đang được thực hiện có kết quả. Thắng lợi đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân. Sau khi chủ trương khai phá Đồng tháp mười được đảng bộ và nhân dân Long an thực hiện đạt kết quả bước đầu, Trung ương Đảng, Chính phủ và các bộ hữu quan đã kịp thời chi viện. Trong hơn 10 năm qua, Nhà nước ta đã đầu tư cho việc khai phá Đồng tháp mười hàng trăm tỉ đồng. Các viện nghiên cứu, các nhà khoa học trong cả nước đã góp sức tìm kiếm những phương pháp tối ưu, kết hợp những tri thức khoa học hiện đại với kinh nghiệm của những nông dân giỏi để rửa phèn, thau chua cho vùng Đồng tháp mười. Viện khoa học nông nghiệp miền Nam đã đặt một trung tâm nghiên cứu giống riêng cho Đồng tháp mười tại huyện Vĩnh hưng. Đặc biệt, phải nói đến quyết tâm, đến sự đóng góp sức người, sức của của nhân dân toàn tỉnh Long an, và các chủ trương chính sách, biện pháp đúng của các cơ quan lãnh đạo, chỉ đạo trong tỉnh. Có thể nói, từ sau năm 1983, mọi kỳ đại hội của đảng bộ các cấp ở Long an đều dành thời gian thích đáng thảo luận về việc đẩy mạnh khai phá Đồng tháp mười.

Trên đà thắng lợi đó, tỉnh chúng tôi đang có kế hoạch phấn đấu đến cuối năm 1994 đưa hết đất hoang có khả năng làm nông nghiệp (khoảng 65 000 hécta) vào sản xuất lương thực và cây công nghiệp, đồng thời đẩy mạnh thâm canh, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm ở các vùng đã được khai phá. Tỉnh đang nghiên cứu một số chính sách nhằm huy động tiềm năng của các thành phần kinh tế, chuẩn bị một số dự án hợp tác đầu tư nhằm thu hút vốn, kỹ thuật tiên tiến của nước ngoài để khai thác Đồng tháp mười một cách đồng bộ hơn, toàn diện hơn, từ khâu sản xuất đến khâu chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay, việc quy hoạch các vùng chuyên canh, xen canh lúa cao sản, cây công nghiệp, cây ăn trái, các vùng chăn nuôi gia súc gia cầm và khai thác thủy sản, cùng với việc xây dựng cơ sở chế biến đi kèm và đặc biệt tìm thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa cho nông dân, đang là vấn đề bức xúc. Việc xây dựng làng mạc, các điểm dân cư với những kiểu nhà có thể chịu đựng nước lũ lớn theo chu kỳ, việc giúp nhân dân đi lại, học hành chữa bệnh, sinh hoạt an toàn trong mùa nước lũ, xây dựng tuyến biên giới hòa bình hữu nghị với nước Cam-pu-chia, cũng đang là bài toán vượt trên tầm khả năng một địa phương như tỉnh Long an. Cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo và chi viện của Trung ương Đảng và Chính phủ, đảng bộ và nhân dân Long an luôn cần sự động viên, đầu tư, giúp đỡ của các ngành hữu quan, của các tỉnh bạn, của bầu bạn khắp nơi, và nguyện làm hết sức mình để nhanh chóng hoàn thành việc khai phá Đồng tháp mười, biến nó thành một khu vực giàu, đẹp, góp phần vào sự phồn vinh của Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

KINH TẾ VƯỜN Ở TỈNH CẦN THƠ

NGUYỄN VĂN LUẬT *

NHỮNG năm gần đây, nhờ có chủ trương đúng, kinh tế vườn ở nước ta đã dần dần được phục hồi và có bước phát triển. Nhiều địa phương đã thấy rõ phát triển vườn là một trong những hướng có triển vọng, tạo thêm nhiều nguồn lợi trong nền nông nghiệp đa canh. Phát triển vườn còn có ý nghĩa về nhân văn và môi trường : nó giúp cải thiện cơ cấu bữa ăn, giải quyết thêm công ăn việc làm trong điều kiện nhân lực ở nông thôn còn dư thừa ; đồng thời làm lành mạnh môi trường sinh thái tự nhiên.

Theo một tài liệu điều tra nghiên cứu về các hộ nông nghiệp thì đất vườn bình quân cho 1 hộ ở đồng bằng sông Cửu long (ĐBSCL) là 428m^2, trong khi ở đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) là 110m^2. Cơ cấu thu nhập trong nông nghiệp từ vườn chiếm 1,57% ở ĐBSCL và 5,26% ở ĐBSH. Một tài liệu điều tra năm 1991 cho thấy ở tỉnh Hà nam ninh (thuộc ĐBSH) mức tiêu dùng bình quân nhân khẩu mỗi tháng về rau quả là 4,59 kg và về tôm cá là 0,47kg, còn ở Hậu giang (ĐBSCL) về rau quả là 2,25kg (tức là chỉ bằng một nửa ở Hà nam ninh) và về tôm cá là 2,16 kg (tức gấp 4,5 lần ở Hà nam ninh). Một tài liệu điều tra khác cho thấy ở xã Thới an (huyện Ô môn, tỉnh Cần thơ) đã có khá nhiều hộ đạt tổng sản phẩm xã hội tính theo đầu người hàng năm 400 USD, trong đó một nửa là do kinh tế vườn đem lại. Mấy số liệu điều tra kể trên đủ nói lên tiềm năng và sự cần thiết phát triển kinh tế vườn ở ĐBSCL, mà ở đó Cần thơ, cùng với các tỉnh khác như Tiền giang, Bến tre... là tiêu biểu. Riêng ở Cần thơ, sản lượng lúa tuy tăng đều hàng năm (năm 1986 : 800.000 tấn, năm 1990 : 1 040 560 tấn, năm 1991 : 1 157 974 tấn) và lương thực bình quân đầu người năm 1991 đạt tới 679,08 kg, nhưng trong thu nhập quốc dân sản xuất lúa gạo cũng mới chỉ đóng góp khoảng 80 USD/người. Vì vậy, để nền nông nghiệp mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn, tất nhiên phải coi trọng kinh tế vườn. Ở Cần thơ, cũng như ở nhiều tỉnh khác thuộc ĐBSCL, đất vườn có tiềm năng hiệu quả kinh tế cao nằm ở vùng có truyền thống trồng cây ăn quả lâu đời và thường tập trung ở ven sông, ven kênh. Diện tích đất vườn ở Cần thơ là gần 3 vạn ha, bằng 1/10 diện tích trồng lúa của toàn tỉnh, và bằng khoảng 1/10 đất vườn của toàn ĐBSCL.

Trước đây, do điều kiện thiếu thông tin và thông tin một chiều, lại do thiếu an tâm sản xuất, người làm vườn ở tỉnh Cần thơ nói riêng và ở ĐBSCL nói chung đã có lần chặt cam, quýt, bưởi để trồng táo, rồi chặt táo trồng tiêu, điều, cà phê, ca cao. Lại có hộ chặt dừa, san vườn làm ruộng lúa, tuy trong vài vụ có thu lời được hơn trồng dừa, nhưng khi giá lúa giảm, giá dừa tăng thì không còn khả năng quay lại trồng dừa. Việc chạy theo lợi nhuận trước mắt một cách đơn thuần như vậy chẳng những làm giảm thu nhập mà còn làm tăng diện tích vườn tạp.

Điều đáng mừng là với chính sách khoán mới trong nông nghiệp, người làm vườn làm chủ việc sử dụng đất vườn của mình, thì vườn tạp đã được cải tạo để tăng hiệu quả kinh tế. Cần thơ không những đã cải tạo được 67% đất vườn, mà còn làm tăng diện tích vườn thêm khoảng 3 ngàn ha. Số hộ làm vườn khá và giỏi hiện đã tăng gấp 10 và đạt gần 3 vạn hộ. Thu nhập hàng năm của hộ làm vườn thấp nhất là 2-4 triệu, trung bình là 30-70 triệu, và cao là 100 triệu đồng trở lên. Những hộ làm vườn có thu nhập cao thường là những hộ mà chủ hộ là người có kinh nghiệm làm vườn đã vài ba chục năm hoặc nguyên là cán bộ trung cấp hay kỹ sư nông nghiệp về làm vườn. Diện tích vườn của mỗi hộ rộng từ vài ba trăm mét vuông đến một vài héc ta, nhưng không phải diện tích càng rộng thì thu nhập càng cao. Nhiều chủ hộ đã đưa nội dung VAC vào vườn quả, như nuôi tôm, thả cá ở mương, trồng bí, mướp, khổ qua (mướp đắng) bò lên dàn trên mặt nương, nuôi gia súc, gia cầm, nuôi ong v.v.. Những hộ làm vườn có thu nhập cao chủ yếu vẫn là những hộ chuyên canh vườn quả. Vì vậy các vườn tạp, hay là vườn quảng canh, đang được chú ý đầu tư cải tạo theo hướng thâm canh: Đối với vườn tạp, khônng có vấn đề lỗ lãi như vườn thâm canh, cho nên trước đây hộ nông dân ít chịu đầu tư, do vậy thu nhập kém. Một số ít hộ có vốn sợ đầu tư thâm canh rồi không tiêu thụ được sản phẩm, nhưng đa số là thiếu vốn. Gần đây Ngân hàng nông nghiệp huyện Ô môn đã dành 400 triệu đồng cho các hộ làm vườn thiếu vốn vay dài hạn, với sự giúp đỡ kỹ thuật của Chi hội làm vườn Viện lúa ĐBSCL hiện đóng ở Ô môn.

Vườn thâm canh cũng có hai loại : loại *đa canh* và loại *chuyên canh*. Loại đa canh trồng nhiều thứ cây như cam, quýt, xoài,

* Giáo sư, tiến sĩ, Viện trưởng Viện lúa đồng bằng sông Cửu long

Digitized by Google

bưởi, dưới mé mương trồng măng cầu xiêm ghép gốc bình bát chịu ngập nước và làm giảm đất xói lở. Loại chuyên canh thường làm với trình độ kỹ thuật cao hơn nữa và cũng "ăn thua" nhiều hơn. Ở huyện Ô môn tỉnh Cần thơ, số hộ cũng như diện tích trồng quýt tiểu đang phát triển, số hộ này chiếm tới 65% số hộ làm vườn. Sau cây quýt tiểu là sapô, cam mật, bưởi lông... Nói chung, đối với cả hai loại vườn thâm canh, đầu tư càng nhiều thì thu lãi càng lớn, có khi lãi gấp 5, gấp 10 lần so với trồng các cây ngắn ngày, kể cả lúa.

Có một nhận xét thú vị : so với chủ hộ làm lúa, chủ hộ làm vườn ít "say sưa nhậu nhẹt" hơn, có lẽ vì họ không có tháng "nông nhàn" như trồng lúa. Kinh tế vườn ở Cần thơ tuy chưa phát triển đến mức cao, nhưng cũng đã thể hiện một số nét của một "nền văn minh miệt vườn", bổ sung và làm phong phú thêm nền văn minh lúa nước lâu đời. Thực tế thì hộ làm vườn đã và đang đan xen và hòa nhập với hộ làm lúa

Từ thực tế tình hình kinh tế vườn của tỉnh Cần thơ, tôi thấy nổi bật lên mấy vấn đề cần được nghiên cứu giải quyết. Những vấn đề này đĩ nhiên cũng được đặt ra cả đối với các tỉnh khác ở đồng bằng sông Cửu long, nơi điều kiện tự nhiên, tập quán canh tác và điều kiện tiêu thụ sản phẩm có nhiều mặt giống tỉnh Cần thơ.

Trước hết, đó là vấn đề đầu tư để *hoạch định chính xác chiến lược phát triển các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế cao*. Bằng công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, tỉnh cần xác định các loại cây lâu năm có giá trị kinh tế cao cho từng vùng, đi đôi với việc tạo các cơ sở chế biến tại chỗ để tăng giá trị, đồng thời tìm kiếm thị trường nước ngoài để xuất khẩu. Về nghiên cứu khoa học và công nghệ cho cây ăn quả ở tỉnh Cần thơ, hiện có chương trình kinh tế vườn do tỉnh tài trợ và do Trường đại học Cần thơ chủ trì. Viện lúa ĐBSCL cũng đang tự tạo các điều kiện về giống và kinh tế kỹ thuật trong khuôn viên của Viện để mở rộng hợp tác phát triển kinh tế vườn. Nhưng việc nghiên cứu sản xuất kinh doanh, bao gồm cả khâu tiếp cận thị trường, thì hầu như chưa có gì đáng kể. Hiện nay, do thiếu thị trường tiêu thụ ổn định, cho nên cứ đến mùa thu hoạch rộ, thì giá các loại quả đặc sản Cần thơ lại tụt xuống, gây thiệt hại cho nông dân. Khả năng thu mua của nhà nước cũng hạn chế, cho nên các tư thương, các đầu nậu có điều kiện ép giá. Trong tình hình đó, việc nhanh chóng xây dựng các cơ sở chế biến tại chỗ là rất cần thiết, nó không những làm tăng giá trị thặng dư của việc sản xuất các cây, quả chuyên canh, mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu.

Xét tổng hợp về mặt kinh tế và kỹ thuật, việc cải tạo "vườn tạp" tuy có nhiều khó khăn, nhưng còn dễ hơn nhiều so với việc cải tạo "giống tạp". Ví dụ, ở tỉnh Cần thơ có bưởi "5 doi" Ô môn nổi tiếng, nhưng khi cần có một số lượng lớn ổn định để xuất khẩu và giữ tín nhiệm với khách hàng, thì lại không có. Vì vậy, cần đầu tư thỏa đáng cho việc nghiên cứu cải tạo giống và kỹ thuật tương ứng ngay từ bây giờ cho đến 10-20 năm sau, để có thể vừa khai thác kinh nghiệm sẵn có ở địa phương, vừa nhập giống từ nước ngoài.

Ngoài việc tập chung đầu tư cho chuyên canh các loại cây có giá trị kinh tế cao, *công tác khuyến nông* đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế vườn nói chung. Nông dân làm vườn rất khao khát những tin về kỹ thuật, nhất là trong khâu phòng trừ sâu bệnh và chọn giống tốt. Việc khởi động một phong trào làm vườn rộng rãi để tự cải thiện đời sống, nâng cao chất lượng cơ cấu bữa ăn, là việc không khó, vì hầu như hộ nào cũng có thể tự sản xuất được rau quả thích hợp với điều kiện của nơi cư trú. Nhưng khi nhằm vào mục đích của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa để có khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn, thì vừa cần phải chỉ đạo trọng điểm theo chiều sâu, vừa cần phải chỉ đạo phong trào theo chiều rộng, để có thể có các giải pháp về tổ chức sản xuất kinh doanh thích hợp, tránh được sự nhầm lẫn giữa giải pháp và mục đích như tổ chức các hợp tác xã lớn trước đây. Những chính sách, cơ chế khuyến khích nghề làm vườn, nhất là hình thành được những thị trường tiêu thụ ổn định, có tác dụng quyết định đến việc nhanh chóng đưa tiến bộ kỹ thuật vào nghề làm vườn nhằm tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa. Đến một lúc nào đó, người nông dân sẽ tự thấy cần phải tham gia những hình thức tổ chức hợp tác thích hợp. Bởi vì chỉ có các hợp tác xã mới có thể đáp ứng được yêu cầu muôn vẻ của nông dân về tiến bộ kỹ thuật, về thị trường, về cung ứng vật tư kỹ thuật, về tín dụng, về tiêu thụ sản phẩm một cách thực sự có lợi mà không cần tới bất cứ khoản bao cấp nào của nhà nước. Với những hình thức tổ chức theo địa bàn hoặc không theo địa bàn, đảm nhiệm mọi dịch vụ cho nông dân từ A đến Z, hoặc chỉ chuyên một dịch vụ nào đó, với một chủ nhiệm do bầu cử thực sự dân chủ mà có hoặc do ban quản trị thuê theo những hợp đồng cụ thể, các hợp tác xã phải chăng cũng là một mặt của công tác khuyến nông ?

Đính chính

Trong bài "Mấy quan điểm lớn về phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa" đăng trên TCCS số 4-1993, ở trang 37 (cột 1, dòng 2 từ dưới lên), xin đọc là : "Theo tôi, về *lý luận*, không nên phân biệt hai loại thị trường : thị trường *tư bản chủ nghĩa* và thị trường *xã hội chủ nghĩa*".

Thành thật xin lỗi tác giả và bạn đọc.

TCCS

Digitized by Google

Hải bình đang giàu lên và sống đẹp hơn

BÙI NGỌC TRÌNH

MỘT lần về Thanh hóa, dừng chân ở phố Còng, huyện Tĩnh gia, tình cờ chúng tôi nghe bà con ở đây nói :

"Đi Nga đi Đức làm chi
Muốn giàu như thổi thì đi Hải bình"

Chúng tôi liền hỏi thăm đường về tận nơi xem và được biết năm năm về trước, Hải bình còn là một xã bị huyện xếp vào diện xã nghèo. Xã có bảy thôn với hơn 8000 nhân khẩu, quanh năm trông chờ vào cái hầu bao của 7 hợp tác xã làm muối và đánh cá. Các hợp tác xã, bị cơ chế cũ trói buộc, lại quản lý kém, thu nhập quá thấp, nên không lo được ngày hai bữa ăn cho người lao động. Đã vậy lại thêm cái nạn tham ô. Kiểm tra thử 3 hợp tác xã, cái nào cũng có chuyện cán bộ lấy quỹ công cho vào túi riêng. Xã viên chán nản, nhưng chẳng mấy ai dám kêu. Cả xã có 3430 lao động, chỉ có khoảng 1000 lao động nam có việc làm tương đối thường xuyên. Số còn lại, phần lớn là lao động nữ, 1580 người không có nghề nghiệp sinh nhai. Sống trên mảnh đất đầy tiềm năng : nhìn lên là rừng vàng, nhìn xuống là biển bạc, mà hàng ngàn lao động ở đây đành chịu bó tay, suốt tháng không có một đồng dính túi. Diện hộ nghèo, và hộ không có thu nhập trong xã có lúc tăng lên 76%, nhiều hộ phải nhận cứu trợ. Trong xóm thôn, nảy sinh nạn trộm cắp, cướp giật. Các năm 1987 - 1988 lại liên tục bị bão lớn, hầu hết nhà cửa bị đổ nát.

Ấy thế mà chưa đầy bốn năm, từ giữa năm 1989 tới nay, cả xã bỗng "quay ngoắt 180^0", từ cảnh đói khổ cùng quẫn sang cảnh ăn nên làm ra, phong quang sung túc. Trong tổng số 1870 hộ, thì 1462 hộ, khoảng 78% đã có nhà xây gạch, lợp ngói, 81 hộ xây được nhà bê tông mái bằng và 16 hộ đã xây được nhà hai tầng kiên cố. Cả xã có 110 chiếc ti vi, trong đó, 62 chiếc là ti vi màu, 18 đầu vi đê ô, hàng trăm chiếc máy thu thanh và hơn 30 xe gắn máy. Có người năm 1988 rời nơi đây đi hợp tác lao động nước ngoài, năm 1992 trở về thấy quê mình khác lạ như có phép thần thông.

Cái gì làm cho Hải bình giàu bốc lên nhanh như vậy ? Bí quyết đổi đời ở đây là gì ?

TỪ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ ĐẾN TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Chúng ta đã biết, cơ chế quản lý kinh tế theo mô hình hợp tác xã cũ, trong các thập kỷ 70 - 80 đã kìm hãm năng lực sản xuất như thế nào ? Sự kìm hãm ấy đối với Hải bình càng nặng nề hơn bởi những chủ trương cứng nhắc trong việc xây dựng quan hệ sản xuất mới. Bấy giờ, mỗi thôn họp thành một hợp tác xã. Huyện và xã quyết định phương hướng sản xuất và ngành nghề cho họ. Những người nằm trong các hợp tác xã nghề cá, thì chỉ được đi đánh cá không được làm thêm nghề buôn bán khác, kể cả nghề làm muối. Những người nằm trong các hợp tác xã làm nghề muối thì dứt khoát không được đi đánh cá, mặc dầu ở đây có những lao động rất giỏi nghề sông biển. Mô hình sản xuất chuyên một nghề theo hợp tác xã toàn thôn và cấm tiệt việc buôn bán lưu thông, là sự áp đặt từ trên xuống, đã triệt tiêu những tay nghề giỏi, hạ thấp năng suất lao động xã hội. Rốt cuộc, dẫn tới sự thua lỗ triền miên của hợp tác xã, làm cạn kiệt hầu bao của từng hộ xã viên. Những hộ xã viên có vốn cũng phải ăn dần vào vốn. Đó là quá trình biện chứng của sự đói nghèo đồng loạt trong cơ chế cũ.

Giữa lúc những dồn nén căng thẳng lên tới đỉnh cao thì luồng gió đổi mới từ Đại hội VI của Đảng thổi về. Những nghị quyết về quản lý kinh tế của các Hội nghị trung ương khóa VI đã tạo điều kiện cho Tỉnh ủy Thanh hóa năm 1988 ra nghị quyết số 16 về đổi mới quản lý hợp tác xã nghề biển. Tỉnh ủy cho những hợp tác xã nào thua lỗ triền miên, được giải thể, hoặc tổ chức lại trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Tỉnh ủy cũng chủ trương cho các hộ gia đình làm ăn riêng, được tự chủ hoàn toàn về sản xuất, kinh doanh nạp thuế.

Hải bình đón nhận các nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy như đón nhận một sự đổi đời. Nhân

Digitized by Google

dân gọi nghị quyết 16 của Tỉnh ủy là nghị quyết giải phóng, nghị quyết làm giàu. Qua nhiều ngày tháng đấu tranh về quan điểm quản lý, đảng bộ Hải bình đã đi tới thống nhất. Đảng ủy mới được Đại hội bầu theo tiêu chuẩn mới, gồm 13 đồng chí, là những đảng viên trẻ trong sạch và năng động. Đảng ủy củng cố ủy ban nhân dân, và lãnh đạo việc bầu ban hành chính thôn để thay thế ngay ban quản trị hợp tác xã thôn vừa tự giải thể. Ban hành chính thôn gồm trưởng thôn, các phó trưởng thôn, do chi bộ và các đoàn thể trong thôn giới thiệu và nhân dân trực tiếp bầu bằng bỏ phiếu kín. Chế độ bầu cử mới này đã tạo cho dân chọn được người xứng đáng để điều hành mọi việc trong thôn.

Về mặt *kinh tế*, Đảng ủy và UBND xã chủ trương khuyến khích "tự chủ", "tự do", nhưng không thả nổi, mạnh ai nấy làm, mà có định hướng chung, có kế hoạch phối hợp chung để phát huy cao nhất vị trí địa lý thuận lợi và tiềm năng lao động dồi dào trong xã. Trước hết, đảng ủy cùng HĐND và UBND lãnh đạo chặt chẽ việc kiểm kê, thu hồi và hóa giá đúng tài sản các hợp tác xã, và có chủ trương sử dụng tốt nhất cho việc phát triển sản xuất. Theo đó, đảng ủy định hướng cho việc xây dựng các tổ thuyền lưới hoàn toàn tự nguyện, để thay thế các đội sản xuất cũ vừa giải thể. Các đội thuyền tự nguyện này có thể do năm, bảy nhà góp vốn lập nên, cũng có thể do một chủ hộ bỏ vốn và thuê thợ bạn chủ động sản xuất, kinh doanh. Đảng ủy giao cho UBND tổ chức việc gọi vốn trong dân, giúp cho nhau vay với lãi suất thỏa thuận để sắm thuyền lưới, giúp các hộ có nhu cầu được thuận lợi trong việc vay vốn ngân hàng. UBND cũng kiểm kê lực lượng lao động trong xã và chủ trương cho mọi người lao động ai thạo nghề gì làm nghề ấy. Một hộ 4 - 5 lao động có thể gia nhập 4 - 5 tổ nghề khác nhau hoặc đi làm các nghề dịch vụ khác nhau. Hơn 1500 lao động nữ được thu hút vào khâu thu gom, chế biến và lưu thông hải sản, kể cả mang lên bán tận biên giới Việt - Trung.

Có chủ trương đúng, biện pháp táo bạo, Hải bình sôi động hẳn lên, mua lưới đóng thuyền, đồng khởi kéo quân ra biển. Chưa đầy 6 tháng, hàng chục chiếc thuyền cũ của hợp tác xã đã được chuyển sở hữu ; chủ mới tân trang lại và thay máy mới. Hàng loạt tổ thuyền với vốn do các gia đình bán tư liệu sinh hoạt và vay ngân hàng đóng góp, đã đóng mới được gần trăm chiếc thuyền. Đến cuối năm 1991, cả xã đã có 160 chiếc thuyền, bình quân cứ 12 gia đình một chiếc, mỗi chiếc trên 30 triệu đồng. Tất cả vốn thuyền trị giá khoảng hơn 5 tỉ đồng. Chủ động về phương tiện, lại được toàn quyền định đoạt cách thức làm ăn, một số tổ thuyền bỏ nghề đánh cá truyền thống quay sang câu mực để đạt hiệu quả kinh tế cao hơn. Lãnh đạo xã thấy đây là một chuyển hướng đúng đắn, nên khuyến khích toàn bộ lao động nam biết nghề đều đi biển. Nhiều người trước đây bỏ biển đi làm ăn xa, nay cũng trở về theo các đội thuyền. Thu nhập bình quân của lao động nam đi biển lúc còn hợp tác xã mỗi tháng chỉ không đầy 50 ngàn đồng, nay tăng vọt lên 350 ngàn đồng. Hầu hết lao động nữ từ chỗ không có việc làm, không có thu nhập, mấy năm vừa qua cũng đã có công ăn việc làm đạt mức thu nhập bình quân mỗi người 150 ngàn đồng/tháng. Từ chỗ 40 - 45% lao động không có thu nhập quanh năm, năm 1989 - 1990 bước đầu đồng khởi xuất quân ra biển, lao động các hợp tác xã đánh cá câu mực đã thu gần 4 tỉ đồng.

Khai thác cơ hội làm giàu, lãnh đạo xã còn sắp xếp lại lao động làm nghề muối, rút 400 lao động làm muối chuyển sang đánh cá để đạt hiệu quả kinh tế cao hơn.

Đến cuối năm 1991, nhờ chủ trương đa dạng hóa nghề nghiệp và đa dạng hóa nguồn thu nhập, nên trong số 3430 lao động, chỉ còn hơn 100 người đau yếu là chưa có việc làm thích hợp. Số còn lại hoạt động trong hai nghề chính là cá và muối, và hàng chục nghề buôn bán, dịch vụ khác nhau. Từ chỗ các hợp tác xã làm ăn thua lỗ không đóng góp được gì cho nhà nước lại còn mắc nợ ngân hàng, hơn 3 năm qua Hải bình đã thanh toán nợ và đóng thuế cho nhà nước : năm 1990 được 40 triệu đồng, năm 1991 trên 60 triệu đồng và năm 1992 hơn 80 triệu đồng (trung bình mỗi năm tăng 30%). Nhờ các hộ có nguồn thu khá, thời gian này xã cũng huy động được gần nửa tỉ đồng để làm đường điện, xây trường học, trạm xá và chi trả lương cho đội thường trực an ninh của xã.

GIÀU NHƯNG PHẢI SỐNG ĐẸP, KHÔNG SỐNG KIỂU TRỌC PHÚ, ÍCH KỶ

Bước vào cơ chế mới, trong xã có đồng chí muốn tập trung vốn liếng, sức lực, làm giàu thật nhanh, khi đã thật giàu có, dư dật mới lo tính các mặt khác như văn hóa, giáo dục... Nhưng nhiều đồng chí lại muốn kinh tế và văn hóa xã hội cùng tiến một lúc. Thảo luận, cân nhắc mọi ý kiến, đảng bộ Hải bình đi tới quyết định làm giàu theo hướng kết hợp tăng trưởng

Digitized by Google

kinh tế với tiến bộ xã hội, như Đại hội VI và VII của Đảng đã đề ra. Đảng bộ muốn các hộ trong xã thi đua làm giàu, nhưng không làm giàu theo kiểu địa chủ ngày xưa, mà phải gắn phát triển kinh tế với thực hiện nếp sống văn minh, tức là sống có văn hóa, có giáo dục, có đời sống phong phú về mặt tinh thần. Nói cách khác, *giàu nhưng phải sống đẹp !* Phải đoàn kết, thương yêu, hợp tác với nhau để hạn chế sự rủi ro trên sông nước, tạo cho những gia đình nghèo khó cũng dần dần có vốn liếng, có thu nhập khá.

Nội dung *SỐNG ĐẸP* bao gồm :

1 - Yên dân (tạo ra sự yên bình trong thôn xóm để mọi người yên tâm sản xuất, sinh hoạt).

2 - Điện khí hóa, kết hợp với quy hoạch hóa đường ngõ, xóm thôn.

3 - Phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

4 - Bảo đảm mức sống ổn định và ngày càng cao cho các đối tượng chính sách.

5 - Xóa đói, giảm nghèo, tạo ra khoảng cách hợp lý về mức sống giữa các gia đình trong xã.

Thực hiện 5 nội dung này không chỉ đòi hỏi công sức, quyết tâm, mà phải có nguồn tài chính lớn. Xã không nằm trong diện đầu tư phát triển của huyện và tỉnh, nên phải dựa vào sự đóng góp tự nguyện của dân, trên cơ sở tăng thu nhập. Muốn dân tự nguyện, đồng tình đóng góp, đảng ủy, ủy ban, các ban hành chính thôn phải vô tư, không tham nhũng, phải làm được những việc thiết thực để được dân tin. Để dân tin, lãnh đạo xã đã quyết định chọn *mũi đột phá* là xây dựng *tổ an ninh - xã hội* và triển khai ngay việc *đưa điện quốc gia về xã*. An ninh Hải bình, như trên đã nói, những năm 1980 - 1986 không tốt lắm. Do túng thiếu, nạn trộm cắp phát sinh, lại thêm nạn chiếu phim vi đê ô đen kích thích các tật xấu, gây gổ trong lớp trẻ. Các xã chung quanh như Hải yến, Hải thượng, Hải thanh cũng có tình trạng tương tự, ảnh hưởng xấu tới Hải bình. Đảng ủy, ủy ban thấy phải xóa bỏ tình trạng này, lập lại trật tự, trị an, nhưng không phải bằng những mệnh lệnh đơn thuần mà bằng việc tổ chức nhân dân tham gia các tổ an ninh - xã hội. Theo hướng dẫn của UBND, các ban hành chính thôn vận động nhân dân, cứ 10 hộ ở gần nhau lập thành một tổ, tự bầu ra tổ trưởng và tổ phó. Ban hành chính thôn trực tiếp nắm các tổ an ninh. Tổ hoạt động theo nguyên tắc : *tuyên truyền vận động, tương trợ, hòa giải và công khai*. Tổ thường xuyên họp nhắc nhở các gia đình chấp hành pháp luật nhà nước và các quy định của xã, giáo dục con em không gây gổ đánh nhau, không ăn cắp vặt. Tổ cũng bàn bạc giúp các hộ nghèo vay vốn không chịu lãi cao, không phải thế chấp, và sắp xếp việc làm cho họ trong các đội thuyền hoặc các khâu dịch vụ. Nhân dân nhiệt tình tham gia và thực hiện các quy ước của tổ. Để hỗ trợ các tổ hoạt động, ủy ban nhân dân thành lập *đội thường trực an ninh* gồm những thanh niên lực lưỡng, được huấn luyện võ thuật, được trang bị vũ khí và xe máy để đuổi kẻ gian. Xã cũng thành lập một số tổ "tình báo tí hon" ở các thôn để làm thông tin viên cho đội an ninh của xã. Các em nhỏ được giao nhiệm vụ báo tin ngay cho đội thường trực an ninh biết những kẻ gian lọt vào địa bàn xã mình và những hoạt động của kẻ gian trong xã, những hộ đang chiếu vi đê ô đen... để đội kịp thời xử trí. Kết quả là xã đã xóa được nạn ăn cắp vặt và nạn chiếu vi đê ô đen.

Giàu lên trong cảnh sống yên bình, nhân dân mong có điện để đổi mới sinh hoạt. Đảng ủy và ủy ban xã đã lập chương trình điện khí hóa và quy hoạch lại đường sá các thôn, đồng thời vận động nhân dân đóng góp tiền vốn. Xã cho niêm yết công khai ở trụ sở ủy ban xã và ở các thôn về các khoản dự chi, mức đóng góp và tiến độ. Mức đóng góp chia theo hộ gia đình. Từng tổ an ninh xã hội giúp nhau thu nộp từng đợt và thông báo công khai số tiền từng hộ gia đình đóng góp tại trụ sở thôn. Xã niêm yết công khai tổng số thu và các khoản chi tại trụ sở xã và phát trên đài truyền thanh xã. Số tiền thu được đến đâu xã cho chi đúng hạng mục công trình, không nhập nhèm, nên được dân tin. Dân đóng góp tới 200 triệu đồng, xây dựng được mạng lưới điện 320 kVA, thỏa mãn việc thắp sáng, xem truyền hình và chế biến hải sản.

Có điện, nhà văn hóa xã tăng cường sinh hoạt. Ngoài việc biểu diễn các tiết mục văn nghệ và chiếu phim, xã còn cho đoàn thanh niên nhận thầu tổ chức lễ cưới tập trung theo nghi thức đời sống mới. Mỗi đám cưới chỉ cần nộp cho ban tổ chức 50 ngàn đồng để chi phí. Việc ăn uống chỉ tổ chức ở gia đình theo khả năng từng nhà, với tinh thần hết sức tiết kiệm.

Có nguồn thu từ các loại phí và các loại quỹ do dân đóng góp, xã chủ trương nâng cấp các lớp mẫu giáo, trường phổ thông cơ sở. 8 lớp mẫu giáo trong xã được duy trì, cô giáo được trả lương như giáo viên cấp 1 - 2. Xã trích tiền trợ cấp cho giáo viên, thưởng các giáo viên dạy giỏi ; trợ cấp các học sinh nghèo đang học cấp I. Xã cũng thưởng tiền cho con em trong xã trúng

Digitized by Google

tuyển các kỳ thi đại học ; chi hàng chục triệu đồng cho việc sửa chữa, xây dựng trường, lớp... Sự quan tâm của xã hội đối với giáo dục đã làm cho đội ngũ giáo viên yên tâm. So với năm học trước, năm học 1991 - 1992 số học sinh bỏ học ở cấp I đã giảm gần 100%, ở cấp II đã giảm 67%.

Chăm sóc y tế cho dân cũng là một quan tâm lớn của lãnh đạo xã. Thành tích nổi bật mà Hải bình thu được trong mấy năm qua là xã đã kiên quyết duy trì trạm y tế xã. Năm 1988 trạm chỉ có 500 ngàn đồng vốn. Chuyển sang cơ chế mới, xã cấp thêm cho trạm 1 triệu đồng và cho trạm vay thêm 2,5 triệu đồng để lập tủ thuốc kinh doanh, nhằm chủ động hướng dẫn bệnh nhân dùng thuốc, hạn chế thuốc giả, và lấy lãi hợp lý, để nhân viên trong trạm tự nuôi nhau. Vì thế, hai năm nay không nhận lương tháng do ngân sách xã cấp, các nhân viên trạm xá vẫn có thu nhập ổn định 100 đến 150 ngàn đồng/ người/ tháng, nên họ rất yên tâm, phấn khởi. Bệnh nhân ngoài xã cũng xin đến khám chữa ngày một đông.

Chăm sóc các đối tượng chính sách xã hội bằng trợ cấp tiền hàng tháng lấy từ các khoản thu của xã, và bằng các hình thức thăm hỏi, động viên về mặt tinh thần, cũng là nét nổi bật ở Hải bình. Đặc biệt, năm 1993 xã đã xây dựng và đang thực hiện có kết quả từng bước *chương trình xóa đói giảm nghèo*, tạo điều kiện cho 5% số hộ nghèo có vốn làm ăn, rút ngắn khoảng cách về thu nhập giữa họ với các gia đình khá giả. Chương trình rất được lòng dân, được cấp trên khuyến khích, đang xóa dần mặc cảm giàu nghèo, tạo bầu không khí thông cảm, cởi mở trong thôn xóm...

BÀI HỌC GÌ ? KINH NGHIỆM GÌ ?

Thực tế Hải bình mấy năm đổi mới vừa qua cho thấy, ít nhất có ba điều :

1 - *Biết nắm vững và vận dụng tốt quan điểm coi kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội ; quan tâm đến con người ; thực hiện có kết quả những nhiệm vụ xã hội ngay trong quá trình phát triển kinh tế*. Cần nói rõ, những năm 1988 - 1989, khi Trung ương và Tỉnh ủy đã có những chính sách cởi mở về kinh tế để giải phóng sức sản xuất xã hội, mà Hải bình không biết vận dụng, không biết *tập trung sức tạo ra bước chuyển rõ rệt về kinh tế, tạo ra nguồn thu tại chỗ để giải quyết những nhu cầu xã hội*, thì kinh tế của xã chắc cũng không phát triển được, và do đó các vấn đề xã hội cũng không giải quyết được. Hoặc nếu Hải bình *chỉ tập trung vào kinh tế*, coi hiệu quả kinh tế là mục tiêu duy nhất, mà không đồng thời quan tâm giải quyết các vấn đề xã hội, thì chắc bầu không khí xã hội cũng không cởi mở, thôn xóm cũng không có được cuộc sống thực sự tốt đẹp, và như vậy thì chắc kinh tế cũng không phát triển được một cách an toàn.

2 - *Xây dựng Đảng là khâu quyết định*. Đảng bộ, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt của Hải bình, đã có được những quyết định và bước đi đúng cho cả xã, thực sự là hạt nhân lãnh đạo, trung tâm đoàn kết và bộ tư lệnh tối cao của gần một vạn dân trong xã. Giả định, năm 1988, bước vào cơ chế mới, mà đảng bộ không "xóc lại", không kiên quyết đưa những cán bộ kém năng lực, thiếu trách nhiệm và tham nhũng ra khỏi bộ máy, không sắp xếp lại bộ máy, không chọn và bố trí đúng cán bộ chủ chốt, không thống nhất được với nhau về quan điểm phát triển, không xác định được mục tiêu và cách đi, bước đi, mà chỉ bè phái, cãi vã nhau, mất đoàn kết mãi... thì dứt khoát là không có Hải bình vừa giàu lên vừa sống đẹp hơn, như hôm nay.

3 - *Dựa vào dân, khai thác tiềm lực từ trong dân là chính để phát triển kinh tế và giải quyết tại chỗ những vấn đề xã hội ; lấy nguồn thu do phát triển kinh tế trong xã mà giải quyết tại chỗ những nhu cầu về xã hội*. Đây cũng là kinh nghiệm quý. Bởi vì, hiện nay, không ít nơi còn thụ động trông chờ vào nguồn vốn từ bên ngoài, hoặc nguồn cấp phát từ ngân sách của nhà nước để phát triển kinh tế và giải quyết những vấn đề xã hội trong đơn vị, làng xã của mình. Dĩ nhiên, sự trợ giúp từ bên ngoài, sự hỗ trợ từ ngân sách, là rất quan trọng ; nhưng cần khẳng định, tiềm năng trong nhân dân còn rất lớn mà ta chưa huy động được bao nhiêu. Giả định, năm 1989 Hải bình không mạnh dạn huy động vốn từ trong dân để xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển sản xuất ; không có chủ trương thích hợp, để dân chuyển hướng từ chỗ mua vàng hoặc vật liệu tiêu dùng cao cấp nhằm "giữ của" tới chỗ mua sắm tư liệu sản xuất đầu tư vào nghề biển,... thì làm sao huy động được hàng tỉ đồng ở trong dân, để đồng vốn đó mỗi năm sinh lợi thêm hàng tỉ đồng khác ? Giả như không dựa vào dân, thì làm sao xã có nguồn thu để nâng mức đầu tư thêm cho văn hóa, giáo dục, y tế ? v.v. và v.v..

Digitized by Google

Huyện Hiệp hòa giải quyết phụ cấp cho cán bộ xã bằng nguồn thu ngân sách tự có

NGÔ TOẢN *

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) trong phần nói về những nhiệm vụ chủ yếu trước mắt trong công tác cán bộ đã ghi rõ : "Từng bước thực hiện thống nhất chủ trương bí thư, chủ tịch xã, phường được hưởng chế độ đãi ngộ tương đương với trưởng, phó phòng huyện, quận. Tăng thêm các phương tiện và điều kiện công tác. Việc thực hiện các chế độ trên trước hết bằng các nguồn thu của ngân sách xã, phường, phần còn thiếu do ngân sách tỉnh cấp".

Nghị quyết của Trung ương đã mở hướng cho huyện ủy và UBND huyện Hiệp hòa (tỉnh Hà bắc) cải tiến, nâng mức phụ cấp cho cán bộ xã bằng nguồn thu ngân sách tự có của xã và huyện.

Hiệp hòa có 25 xã và thị trấn, là huyện trung du của tỉnh Hà bắc. Nền kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp. Chế độ phụ cấp cho cán bộ xã, thị trấn cho đến nay ở Hiệp hòa vẫn được thực hiện theo Quyết định 203/HĐBT ngày 28-12-1988 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ). Với quy định trên, mỗi tháng cán bộ là bí thư, chủ tịch xã, chỉ được hưởng trên dưới 30 nghìn đồng. Đối với các chức danh khác ở xã, mức phụ cấp đương nhiên còn thấp hơn. Chế độ phụ cấp như vậy là không phù hợp với tình hình giá cả thị trường hiện nay. Đời sống đội ngũ cán bộ ở cơ sở gặp nhiều khó khăn, đã ảnh hưởng đến nhiệt tình công tác và kết quả công việc được giao.

Cũng do chế độ phụ cấp không hợp lý trên đây, đã nảy sinh những biểu hiện "tự cứu" khác nhau, tùy theo điều kiện cụ thể của từng xã. Có nơi thì bán thêm lương thực theo giá thấp cho cán bộ xã. Những nơi có chợ, có ngành nghề thu thêm được lệ phí, thì phụ cấp thêm cho cán bộ xã bằng tiền. Cũng không ít xã đã trả luôn phụ cấp một lần bằng cách cấp cho cán bộ xã nửa hoặc cả sào ruộng, tự làm thu hoa lợi mà không phải nộp sản phẩm gì.

Giải quyết phụ cấp cho cán bộ xã theo những cách thức trên đây làm nảy sinh những tâm lý không hay. Một số người xem "mảnh ruộng của bí thư" hoặc "mảnh ruộng của chủ tịch" như một thứ đặc quyền đặc lợi và tỏ ý phê phán. Còn cán bộ chủ chốt của xã, thì cũng không ít tâm tư trước cách giải quyết thiếu thống nhất như vậy. Phần đông đề nghị Đảng và Nhà nước ta nên có chế độ chính sách cụ thể đối với họ.

Nhằm giải quyết cơ bản vấn đề phụ cấp cho cán bộ xã, Thường vụ huyện ủy và Thường trực UBND huyện Hiệp hòa đã tổ chức một tổ công tác (gồm một số cán bộ của ban tổ chức huyện ủy và phòng tổ chức lao động thương binh - xã hội) xuống khảo sát tại 6 xã và thị trấn tiêu biểu cho các vùng có đặc điểm kinh tế - xã hội khác nhau : vùng sản xuất nông nghiệp thuận lợi, trình độ thâm canh khá ; vùng sản xuất nông nghiệp còn gặp khó khăn, chưa chủ động nước ; vùng vừa có sản xuất nông nghiệp vừa có nghề thủ công và dịch vụ ; vùng có chợ thị trấn, gần đường giao thông. Kết quả khảo sát cho thấy, các xã đều có thu ngân sách từ 20 đến 60 triệu/năm. Nhiều nguồn thu (như thuế sát sinh, thuế cây trồng lâu năm, thuế công thương nghiệp...) còn bỏ sót. Không ít hộ sản xuất kinh doanh trốn thuế và đóng thuế thấp hơn mức quy định. Tỷ lệ thất thu bằng khoảng 10 - 20% ngân sách xã trong năm. Mặt khác, chi phụ cấp lương cho cán bộ xã bình quân cả huyện năm 1991 mới chiếm 25% (và 9 tháng đầu năm 1992 mới chiếm 15%) so với tổng số chi của ngân sách xã.

Từ thực tế các nguồn thu và chi của các xã và thị trấn trong huyện, Huyện ủy và UBND huyện Hiệp hòa đã đề ra các biện pháp cụ thể nhằm *tận thu*, bảo đảm thu đúng, thu đủ theo chính sách, pháp luật của nhà nước. Đồng thời, chỉ đạo chặt chẽ các khoản chi, giảm đến mức thấp nhất các khoản chi về hội họp, tiếp khách và các khoản chi bất hợp lý khác ở cả huyện và xã, để có thể tăng thêm 15% chi phụ cấp cho cán bộ xã.

Huyện ủy và UBND huyện Hiệp hòa đã mở hội nghị bí thư và chủ tịch các xã để nghiên cứu, thảo luận tình hình thu chi ngân sách ở cơ sở, bàn biện pháp thực hiện chế độ phụ cấp, quy định các đối tượng ở cơ sở được hưởng trợ cấp và mức phụ cấp đối với từng chức danh. Chủ trương nâng mức phụ cấp cho cán bộ xã, thị trấn đương chức, cũng đã được hội nghị UBND và thường trực HĐND huyện thảo luận, quyết định.

Căn cứ vào yêu cầu bức xúc của công việc và điều kiện, khả năng của huyện và xã, thực hiện chủ trương của Thường vụ huyện ủy, ngày 2-11-1992, UBND

* Phó tổng biên tập báo *Hà bắc*

Digitized by Google

huyện Hiệp hòa đã ra quy định tạm thời về việc cải tiến và nâng mức phụ cấp cho cán bộ xã, thị trấn đương chức, gồm các đối tượng : cán bộ làm công tác đảng, chính quyền, đoàn thể ở các xã, thị trấn ; trưởng thôn ; bí thư chi bộ các hợp tác xã nông nghiệp. Mức phụ cấp cụ thể như sau : *bí thư đảng ủy, chủ tịch UBND xã, thị trấn* - 346 đồng, ngang với mức lương bậc 1 của trưởng ngành cấp huyện (hiện nay bằng 80 nghìn đồng/tháng) ; *thường trực đảng ủy, phó chủ tịch UBND xã, thư ký hội đồng* - 310 đồng, ngang với mức lương bậc 1 của phó ngành cấp huyện (hiện nay bằng 70 nghìn đồng/tháng) ; *trưởng các ngành ở xã* (bí thư thanh niên, hội trưởng phụ nữ, xã đội trưởng, chủ tịch mặt trận, chủ tịch cựu chiến binh, chủ tịch hội nông dân) - 220 đồng (hiện nay bằng 50 nghìn đồng/tháng). Còn đối với các chức danh khác (như phó công an, phó xã đội, phó các đoàn thể, ủy viên ủy ban...) thì huyện giao cho xã, thị trấn tự quyết định mức phụ cấp, trên cơ sở bảo đảm tính hợp lý và phù hợp với khả năng của ngân sách xã, bảo đảm mức phụ cấp này cao nhất chỉ bằng 70% mức phụ cấp cho trưởng ngành ở xã. Bí thư chi bộ các hợp tác xã nông nghiệp và trưởng thôn được hưởng mức phụ cấp từ 10 đến 40 nghìn đồng/tháng, tùy theo quy mô của thôn và số đảng viên trong từng chi bộ.

Những xã, thị trấn hoàn thành tốt nhiệm vụ thu, có nguồn thu khác, có thể tự cân đối, thì mức chi phụ cấp có thể tăng thêm, nhưng không vượt quá 10% mức đã quy định.

Kinh phí để tăng phụ cấp cho các chức danh bí thư đảng ủy và chủ tịch UBND xã, thị trấn sẽ dựa vào các nguồn thu của ngân sách huyện. Còn chi phụ cấp thêm cho các chức danh khác, bảo đảm như mức quy định trên, thì do ngân sách xã, thị trấn tự cân đối. Cụ thể, đối với bí thư và chủ tịch xã theo Quyết định 203/HĐBT trước đây, được hưởng mức phụ cấp 49 018 đồng, thì nay huyện sẽ phụ cấp thêm cho đủ 80 nghìn đồng/tháng. Đối với thường trực đảng ủy, phó chủ tịch và thư ký hội đồng, trước đây được hưởng mức phụ cấp 42 816 đồng, thì nay xã sẽ phụ cấp thêm cho đủ 70 nghìn đồng/tháng... Quy định về nâng mức phụ cấp cho cán bộ xã và thị trấn đương chức, đã được huyện thực hiện từ tháng 10-1992.

Chủ trương của Huyện ủy và UBND huyện Hiệp hòa nâng mức phụ cấp cho cán bộ xã và thị trấn đương chức đã được đông đảo nhân dân và cán bộ trong huyện đồng tình. Nhiều xã đã triển khai thực hiện chủ trương đó đạt kết quả tốt.

Căn cứ vào các quy định của Huyện ủy và UBND huyện Hiệp hòa, đảng ủy và UBND xã Đông lỗ đã tiến hành tinh giản bộ máy, rà soát và sắp xếp lại đội ngũ cán bộ hiện có của xã, bảo đảm phân công hợp lý, kiêm nhiệm thêm công việc trong phạm vi khả năng. Ví dụ : phó bí thư thường trực đảng ủy kiêm thanh tra nhân dân ; chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã kiêm chủ tịch hội nông dân ; bí thư thanh niên kiêm phó xã đội ; thư ký hội đồng kiêm trưởng thống kê ; phó ban văn hóa thông tin kiêm phụ trách văn phòng đảng ủy ; trưởng xã đội kiêm công tác giao thông thủy lợi... Bằng cách kiêm nhiệm, đội ngũ cán bộ xã Đông lỗ giảm đáng kể. UBND xã đã xây dựng và tổ chức thực hiện tốt kế hoạch thu, bảo đảm thu đúng, thu đủ, công bằng, đoàn kết, không để lọt lưới, thất thu. Thu về thuế công thương nghiệp - từ 20 hộ lên 32 hộ, với số thu từ 1 triệu lên 2 triệu đồng ; về thuế sát sinh - từ 6 triệu năm ngoái, lên 7 triệu đồng năm nay ; về lệ phí chợ - từ 1,5 lên 3,7 triệu/năm ; về thuế đò ngang - từ 1,5 lên 2 triệu đồng/năm ; về lệ phí bến, bãi cảng - từ 2 lên 4 triệu đồng/năm... Tổng thu ngân sách của xã năm 1992 đạt 60 triệu đồng (tăng 39 triệu so với năm 1991), vượt chỉ tiêu huyện giao 11 triệu đồng. Từ tháng 10-1992, xã Đông lỗ đã tự cân đối được ngân sách của mình, đáp ứng được các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời đã có kinh phí để nâng mức phụ cấp hàng tháng cho cán bộ xã. Hiện nay, mức phụ cấp của bí thư, chủ tịch UBND xã là 100 nghìn đồng/tháng, trong đó 80 nghìn là phụ cấp chung theo quy định của huyện, 8 nghìn là mức phụ cấp thêm tối đa (10% mức phụ cấp chung) theo quy định của huyện, và 12 nghìn là tiền công tác phí đi họp ở huyện, tỉnh. Tương ứng như vậy, mức phụ cấp của phó bí thư, phó chủ tịch, trưởng ban tài chính là 85 nghìn đồng/tháng ; của thư ký hội đồng nhân dân và các trưởng ngành là 54 nghìn đồng/tháng. Đối với bí thư chi bộ kiêm trưởng ban kiểm soát hợp tác xã và đối với trưởng thôn thì ngoài phần phụ cấp của hợp tác xã, còn được xã chi phụ cấp thêm 12 nghìn đồng/tháng.

Có chế độ phụ cấp thỏa đáng đối với cán bộ xã, Đông lỗ đã động viên được đội ngũ cán bộ cơ sở phấn khởi công tác, đạt hiệu quả cao. Năm qua, xã đã hoàn thành nghĩa vụ nộp gần 300 tấn thóc thuế nông nghiệp sớm nhất huyện (vào ngày 25-11-1992) ; nộp đủ 4,8 tấn thóc thủy lợi phí ; bảo đảm thu gọn thuế công thương nghiệp vào ngày 25 mỗi tháng ; hoàn thành nhiệm vụ tuyển quân đợt 2. Phần lớn ngân sách xã hiện nay được dùng vào việc nâng cấp trường học, trạm xá, vào việc đưa đường điện về các xóm phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân.

Việc huyện Hiệp hòa giải quyết tốt vấn đề phụ cấp cho cán bộ xã bằng nguồn ngân sách tự có theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 cho thấy, một khi ý Đảng và lòng dân là một, thì có thể huy động được mọi tiềm năng vật chất và trí tuệ phong phú và sáng tạo ở cơ sở. Kinh nghiệm nói trên của Hiệp hòa đang được Tỉnh ủy và UBND tỉnh Hà bắc phổ biến cho các huyện và thị xã trong tỉnh học tập và làm theo.

Digitized by Google

Một số vấn đề về cán bộ dân tộc thiểu số

VŨ PHÒNG

NHẬN thức sâu sắc ý nghĩa quan trọng của vấn đề cán bộ dân tộc thiểu số, trong nhiều năm qua Đảng và Nhà nước ta đã chú ý giải quyết vấn đề này một cách khá toàn diện. Trong các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc, mặc dù phải đương đầu với nhiều khó khăn, thử thách, Đảng và Nhà nước ta vẫn cố gắng đào tạo, xây dựng đội ngũ đủ loại cán bộ là người dân tộc thiểu số. Từ khi cả nước thống nhất, bước vào thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề cán bộ dân tộc thiểu số càng được Đảng và Nhà nước ta quan tâm giải quyết. Văn kiện các Đại hội IV, V, VI và VII của Đảng đều khẳng định tầm quan trọng của vấn đề này và nhấn mạnh sự cần thiết phải giải quyết tốt vấn đề này. Nghị quyết 22 của Bộ chính trị (TƯ khóa VI) và Quyết định 72 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã cụ thể hóa đường lối, chính sách và nhiệm vụ công tác dân tộc, trong đó có những hướng dẫn nhằm tăng cường và nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng cho được một đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số có thể đáp ứng tình hình mới. Thực hiện đường lối, chính sách và các chủ trương trên, các trường đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề... ở trung ương và đặc biệt ở các tỉnh miền núi, đã và đang cố gắng đào tạo thêm nhiều cán bộ dân tộc thiểu số, góp phần nhanh chóng tạo ra bộ mặt mới của các vùng có đồng bào dân tộc thiểu số. Đến nay, hầu hết các huyện miền núi đều đã có cán bộ có trình độ đại học, trung học, có công nhân lành nghề là người dân tộc thiểu số đang đảm nhận công việc thuộc đủ mọi lĩnh vực : chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Số cán bộ và công nhân này tuy số lượng và trình độ năng lực ở các vùng dân tộc có khác nhau, song nói chung, đều phát huy được tác dụng tích cực trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế văn hóa xã hội ở các vùng này. Một số khá đông cán bộ dân tộc thiểu số đã trưởng thành nhanh chóng, được Đảng, Nhà nước và nhân dân tin cậy, giao cho giữ các chức vụ quan trọng ở địa phương và một số ngành.

Tuy nhiên, nghiêm khắc kiểm điểm, chúng ta thấy việc thực hiện công tác dân tộc vẫn còn nhiều khuyết điểm, mà khuyết điểm *bao trùm* là đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số cho đến nay vẫn ***thiếu và yếu***, chưa đáp ứng được đòi hỏi của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Cụ thể là :

- Số cán bộ khoa học kỹ thuật và khoa học xã hội có trình độ học vấn cao là người dân tộc thiểu số còn quá ít so với đòi hỏi và nhiệm vụ của công tác dân tộc. Quá ít không chỉ so với cán bộ dân tộc Kinh, mà so với ngay bản thân dân tộc mình (dân tộc càng ít người thì cán bộ càng mỏng). Theo thống kê năm 1989, tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số trong cán bộ cùng trình độ trong cả nước như sau : trên đại học - 1,26% ; đại học và cao đẳng - 3,26%... Tỷ lệ cán bộ dân tộc thiểu số trên số dân quá thấp so với tỷ lệ cán bộ người Kinh trên số dân : đối với *người Kinh*, cứ 6043 người thì có một người có trình độ trên đại học, 90 người thì có một người có trình độ đại học hoặc cao đẳng, 54 người thì có một người có trình độ trung học ; còn đối với *người dân tộc thiểu số* thì con số tương ứng cao hơn nhiều : 72 554 người, 411 người, 116 người. Ngay giữa các dân tộc thiểu số khác nhau, số cán bộ có những trình độ như trên cũng chênh lệch nhau rất xa. (*Xem bảng dưới*). Hiện nay vẫn còn 10 dân tộc thiểu số ở nước ta (Xinh mun, Chu ru, La hủ, Lự, Mạng, Pa thẻn, Cống, Bố y, Si la, Pu péo) chưa có người nào có trình độ đại học.

Trình độ / Dân tộc	Trên đại học	Đại học	Trung học chuyên nghiệp	Công nhân kỹ thuật
Tày	1/18 263	1/125	1/37	1/120
Thái	1/103 296	1/664	1/113	1/596
Mường	1/64 551	1/903	1/87	1/216
Nùng	1/53 802	1/309	1/90	1/222
Khơ me	1/894 386	1/2 291	1/551	1/1 446
Ba na	1/894 386	1/2 680	1/638	1/2 908
Tà ôi	1/25 994	1/720	1/156	1/926
Vân kiều	0	1/890	1/310	1/1 335

Digitized by Google

- Số cán bộ dân tộc thiểu số được đào tạo, bồi dưỡng trong các thời kỳ phát triển của đất nước cũng như về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa và xã hội lại không đồng đều. Hiện nay miền núi rất thiếu các cán bộ làm công tác tài chính, ngân hàng, kinh tế đối ngoại, xây dựng, y tế, giáo dục... Ngay ngành nông nghiệp và lâm nghiệp cũng rất ít cán bộ là người dân tộc thiểu số. Đã vậy, số đào tạo chuyên làm lâm nghiệp (như cơ khí lâm nghiệp, chế biến lâm sản, ươm tạo giống, kinh doanh lâm nghiệp) cũng chưa đáp ứng yêu cầu. Số công nhân kỹ thuật lành nghề là người dân tộc thiểu số còn ít.

- Đội ngũ cán bộ chủ chốt như bí thư, chủ tịch... ở xã, nhất là ở vùng cao biên giới, còn thiếu và yếu. Họ một lòng trung thành với Đảng, gần dân, nhưng năng lực có hạn, thiếu hiểu biết về đường lối, chính sách và pháp luật. Một số nơi bí thư, chủ tịch xã chưa biết chữ.

- Ở cấp huyện, tỉnh và một số ngành liên quan đến chiến lược phát triển miền núi, số cán bộ lãnh đạo và quản lý là người dân tộc thiểu số chưa tăng bao nhiêu. Cơ chế thị trường và chính sách khoán 10 trong nông nghiệp, cộng với chính sách tinh giản biên chế, đã tác động không nhỏ đến đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số. Số cán bộ lâu năm, có kinh nghiệm, nhưng trình độ hạn chế và sức khỏe yếu, đã bỏ về, xin về hoặc nghỉ chế độ ngày càng tăng. Số cán bộ dân tộc thiểu số ở các tỉnh miền núi, nhất là ở Tây nguyên, Tây bắc và biên giới phía Bắc, có xu hướng giảm mạnh, trong khi số thay thế chưa chuẩn bị kịp. Ở cấp huyện và tỉnh, những năm gần đây đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số làm công tác đảng và chính quyền đã được kiện toàn một bước, bổ sung thêm nhiều người trẻ có trình độ, nhưng vẫn chưa đủ so với yêu cầu của tình hình. Ở nhiều ngành trung ương, số cán bộ dân tộc thiểu số làm công tác nghiên cứu và tác chiến còn rất ít. Còn số cán bộ dân tộc thiểu số về công tác ở cơ sở, thì do xa các trung tâm văn hóa, thiếu thông tin, thiếu tài liệu và thiếu người hướng dẫn, kiến thức ngày càng mai một, không thích ứng được với tình hình và nhiệm vụ mới.

Tình hình nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng tựu trung có thể do một số nguyên nhân chủ yếu sau :

- Trình độ phát triển thấp về kinh tế, văn hóa, xã hội ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ảnh hưởng khá mạnh đến công tác cán bộ dân tộc thiểu số. Mặt khác, vấn đề cán bộ dân tộc thiểu số chưa được đặt đúng vị trí trong chiến lược tổng thể về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc. Trong khi đó, các cấp ủy đảng và chính quyền, các ngành lại nhận thức chưa đầy đủ về vị trí quan trọng của đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số trong công tác dân tộc, do đó chưa làm hết trách nhiệm, còn ngại khó, thiếu kiên trì trong việc tổ chức thực hiện.

- Quy hoạch cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ miền núi không đồng bộ, không sát với yêu cầu từng vùng, từng dân tộc. Nghiêm trọng hơn, quy hoạch đó lại không gắn hoặc gắn không chặt với chiến lược phát triển miền núi. Kết quả là số cán bộ dân tộc thiểu số đào tạo đã ít lại phải làm những công việc không thích hợp.

- Cơ sở tạo nguồn cán bộ dân tộc thiểu số chưa vững chắc, bởi lẽ sự nghiệp giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số thiếu ổn định, chậm phát triển. Việc củng cố, duy trì các ngành học hiện nay ở miền núi đang gặp rất nhiều khó khăn, nhất là ở vùng cao, vùng sâu, xa xôi hẻo lánh. Hệ thống các trường phổ thông nội trú và các trường dự bị đại học dành cho con em đồng bào các dân tộc thiểu số ít được chú ý đầu tư, còn nhiều lúng túng trong định hướng đào tạo. Các chính sách tuyển dụng, đào tạo còn nhiều điểm chưa phù hợp.

- Chính sách đãi ngộ cán bộ miền núi nói chung và cán bộ dân tộc thiểu số nói riêng còn có những điểm chưa thỏa đáng, chậm được bổ sung, đã vậy khi tổ chức thực hiện lại thiếu triệt để, không khẩn trương, máy móc, xơ cứng.

- Công tác quản lý và sử dụng các loại cán bộ còn có nhiều thiếu sót, nhất là nắm cán bộ không chắc và không hệ thống. Từ đó, việc lựa chọn, đánh giá, sử dụng và cất nhắc cán bộ thiếu thống nhất, thiếu kịp thời, không phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể của từng dân tộc, từng địa bàn.

Để công tác cán bộ dân tộc thiểu số thực sự đổi mới và có hiệu quả, chúng ta cần nắm vững những quan điểm cơ bản của Đảng ta về công tác cán bộ nói chung và công tác cán bộ dân tộc thiểu số nói riêng. Cụ thể là :

- Phải gắn công tác cán bộ dân tộc thiểu số với đường lối chính trị của Đảng, trước hết với đường lối và nhiệm vụ công tác dân tộc.

Digitized by Google

Quan điểm và đường lối công tác dân tộc của Đảng ta trước sau như một đều nhằm làm cho các dân tộc ở nước ta phát triển về mọi mặt, từng bước khắc phục sự chênh lệch giữa các dân tộc về trình độ kinh tế, văn hóa trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ; thực hiện bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, trên cơ sở tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hóa, ngôn ngữ và tập quán tốt đẹp của các dân tộc. Quan điểm này cần được thể hiện cụ thể trong công tác cán bộ dân tộc thiểu số.

- Công tác cán bộ dân tộc thiểu số phải quán triệt đường lối giai cấp công nhân của Đảng. Tức là phải xây dựng đội ngũ cán bộ theo tư tưởng, quan điểm của giai cấp công nhân, thuộc về giai cấp công nhân. Cán bộ đó dù là người dân tộc thiểu số hay người Kinh, đều đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, vì lợi ích của giai cấp và của dân tộc mà chiến đấu, làm việc và học tập.

- Công tác cán bộ dân tộc thiểu số phải gắn chặt với tổ chức, với phong trào cách mạng của quần chúng các dân tộc. Phong trào cách mạng của quần chúng sẽ sản sinh những cán bộ tốt, vì lẽ đó, phải xây dựng và duy trì phong trào quần chúng và phải tiến hành lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng và thử thách cán bộ trong phong trào quần chúng các dân tộc.

- Nắm vững tiêu chuẩn cán bộ của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới ; đồng thời biết vận dụng linh hoạt tiêu chuẩn đó vào từng địa bàn cụ thể, vào từng dân tộc cụ thể. Trong việc giải quyết, phải vừa coi trọng vấn đề trước mắt, vừa chú ý chuẩn bị cho mai sau.

Trên nền nhận thức cơ bản đó, chúng ta cần nhanh chóng xây dựng một *chiến lược ổn định về công tác cán bộ dân tộc thiểu số* trong chiến lược chung về công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước cũng như trong chiến lược phát triển kinh tế văn hóa các dân tộc. Chiến lược này phải vạch ra được mục tiêu, kế hoạch lựa chọn, đào tạo, sử dụng các loại cán bộ là người dân tộc thiểu số trong các chuyên ngành : khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, chính trị, quản lý nhà nước và kinh tế, quân sự và an ninh... Đồng thời chỉ rõ nguồn đào tạo, các điều kiện cần và đủ, các chính sách, các mốc thời gian tiến hành, và quan trọng hơn là phân công trách nhiệm cụ thể của các ngành, các cấp, từ trung ương đến địa phương.

Công tác cán bộ dân tộc thiểu số đòi hỏi phải có sự lãnh đạo cụ thể của các cấp ủy đảng và sự quản lý chặt chẽ của nhà nước, vì lẽ đó phải coi trọng việc xây dựng các tổ chức đảng ở miền núi, coi trọng việc kiện toàn các cơ quan tổ chức của bộ máy đảng và nhà nước ở miền núi.

Bên cạnh nhiệm vụ cơ bản và lâu dài đó, trước mắt cần tập trung giải quyết ngay một số vấn đề sau đây :

- Củng cố, phát triển và đa dạng hóa ngành học phổ thông ở miền núi. Không để trẻ em phải bỏ học. Giữ vững nhịp độ phát triển giáo dục và nâng cao mặt bằng dân trí là cách tạo nguồn đúng nhất, có hiệu quả nhất cho công tác cán bộ dân tộc thiểu số.

- Trên cơ sở điều tra, nắm vững đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số, có kế hoạch từng bước đào tạo lại, huấn luyện lại các loại cán bộ : cán bộ chủ chốt ở cơ sở xã, cán bộ lãnh đạo, quản lý các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể ở cấp huyện, tỉnh. Đối với cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế, cần bồi dưỡng thêm kiến thức mới về kinh tế thị trường, kinh tế đối ngoại và kinh tế chuyên ngành phù hợp với miền núi...

- Có kế hoạch điều chỉnh, tăng cường cán bộ giỏi các loại cho miền núi.

- Tăng cường và đổi mới công tác quản lý và sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số. Hiểu họ một cách có hệ thống để có thể đánh giá, nhận xét, lựa chọn, bố trí đúng và kịp thời cho từng loại việc, từng địa bàn. Trong quản lý cán bộ dân tộc thiểu số, bên cạnh việc nắm chắc họ, còn phải coi trọng bản sắc riêng của từng người ở từng dân tộc để có thể phát huy tốt kinh nghiệm công tác của họ.

- Đổi mới và thực hiện nghiêm túc các chính sách đãi ngộ đối với cán bộ công tác ở miền núi, cán bộ làm công tác dân tộc nói chung và cán bộ người dân tộc thiểu số nói riêng.

- Khẩn trương đổi mới công tác đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số trong tất cả các loại trường ngành nghề, trường đảng và nhà nước. Việc này cần được tiến hành đồng bộ từ khâu củng cố, xây dựng các cơ sở tạo nguồn ở cả ba miền trung, nam, bắc nước ta. Đổi mới cách thi tuyển, các quá trình đào tạo, chế độ và điều kiện học tập. Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ sở đào tạo cán bộ dân tộc thiểu số, thường xuyên đúc rút kinh nghiệm đào tạo nhằm làm cho công tác đào tạo ngày càng có hiệu quả cao.

Digitized by Google

ĐẢNG VIÊN Ở NÔNG THÔN

NHỊ LÊ

HIỆN nay, Đảng ta có hơn 41 300 tổ chức cơ sở đảng với hơn 2,1 triệu đảng viên, trong đó ở khu vực nông thôn, chiếm 21% với gần 46% tổng số đảng viên của toàn Đảng, bằng gần 2% số dân sống ở nông thôn. Bởi vậy, việc khảo cứu và giải quyết vấn đề đảng viên ở nông thôn có ý nghĩa đặc biệt đối với sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng ta, đối với sự phát triển nông thôn, nông dân và nền nông nghiệp nước ta.

I - THỰC TẾ VÀ DỰ BÁO

1 - *Sự phân bố đảng viên theo lãnh thổ và cơ cấu đội ngũ đảng viên.* Nước ta có gần 8800 xã, với hơn 5 vạn thôn, ấp, bản làng. Đến nay, tất cả các xã đều có tổ chức cơ sở đảng với hơn 978 ngàn đảng viên. Nhưng nhìn một cách tổng thể, tỷ lệ đảng viên so với số dân ở nông thôn giữa các vùng *phân bố không đều*. Kết quả khảo sát thực tế cho thấy, ở những vùng đồng bằng châu thổ và ven đô, đảng viên chiếm : 4,9%, ở vùng núi và trung du 3,7%, ở Tây nguyên : 1,5%, ở Nam bộ : 1,3%. Ở miền núi, vùng sâu, xa... nhiều thôn, ấp, bản, làng vẫn chưa có đảng viên. Theo thống kê chưa đầy đủ, hiện nay, toàn quốc có hơn 1000 "điểm trắng" như vậy. Riêng tỉnh Lâm đồng đã có 85 "điểm trắng". Ở các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây nguyên vẫn còn tình trạng đồng bào sống du canh du cư, nên sự phân bố đảng viên ở các khu vực này luôn có sự biến động phức tạp.

Cơ cấu đội ngũ đảng viên cũng đang có sự biến động mới.

- *Về cơ cấu độ tuổi đời* : Đội ngũ đảng viên ở nông thôn bao gồm nhiều thế hệ, nhiều lớp. Mấy năm nay, sự gia tăng tỷ lệ đảng viên cao tuổi và sự giảm đi tỷ lệ đảng viên trong độ tuổi thanh niên là điểm nổi bật nhất. Ở Ba vì (Hà tây), số đảng viên là cán bộ hưu trí, mất sức chiếm 26,7%, số đảng viên là thanh niên chỉ chiếm 15,6%. Ở xã Hương ngải (Thạch thất, Hà tây) tương quan giữa các tỷ lệ này là 53%/16% ; ở tỉnh Lâm đồng là 26%/13,1% ; ở một số nơi của tỉnh Nghệ tĩnh (cũ) là 70%/20% ; ở 5 huyện ngoại thành Hà nội là 56%/18%, trong đó cấp ủy viên là 93,3%/6,7%... Điều này trực tiếp đẩy tuổi đời bình quân của đảng viên tăng vọt, tạo nên xu hướng *lão hóa* đảng với nhịp độ khá nhanh. Đây là điều rất đáng lo ngại. Ví dụ, ở các xã thuộc thị xã Lạng sơn, bình quân tuổi đời hiện nay của đảng viên là trên 50 (so với 48, năm 1988) ; ở huyện Diễn châu (Nghệ an) : 49 (so với 47,8 năm 1989) ; ở huyện Ninh thanh (Hải hưng) : 49 (so với 47,5 năm 1989) v.v..

- *Về cơ cấu trình độ* : Mười năm lại đây, thành phần trong đội ngũ đảng viên ở nông thôn thay đổi lớn, do được bổ sung từ nhiều nguồn : bộ đội xuất ngũ, phục viên ; cán bộ, công nhân, viên chức từ các cơ quan, xí nghiệp về (chiếm hơn 33% tổng số đảng viên ở nông thôn, tăng 8% so với năm 1988). Điều đó đã góp phần làm thay đổi diện mạo và chất lượng đội ngũ đảng viên theo hướng trí tuệ hóa. Ví dụ, phân tích đội ngũ cấp ủy viên ở 285 cơ sở của huyện Tiên sơn (Hà bắc) thấy, 98,5% số đồng chí có trình độ văn hóa cấp II trở lên ; 30,2% có trình độ chuyên môn kỹ thuật từ trung cấp trở lên ; 37,3% có trình độ lý luận từ trung cấp trở lên... Trong số 343 đảng viên của xã Yên phú (Châu giang, Hải hưng) có 23,5% số đồng chí có trình độ văn hóa từ trung cấp trở lên, số có trình độ văn hóa cấp I chỉ chiếm 3,19%. Năm 1985 phân loại 44 532 đảng viên ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long thấy : 53,8% có trình độ văn hóa cấp I, 30,67% cấp II và 15,44% cấp III ; năm 1990, các tỷ lệ tương ứng là :

Digitized by Google

38%, 41% và 21%... Ở xã Phỏng lái (Thuận châu, Sơn la) còn hơn 2% số đảng viên chưa hết cấp I, trong đó hơn 1% chưa biết chữ. Như vậy, có thể nói, sự biến động về thành phần đã góp phần thay đổi và nâng dần trình độ mọi mặt của đội ngũ đảng viên ở nông thôn, nhưng nói chung, trình độ văn hóa vẫn còn thấp, đặc biệt còn một bộ phận chưa biết chữ.

- *Về cơ cấu giới tính* : Tỷ lệ đảng viên nữ có xu hướng giảm (do công tác phát triển Đảng chậm, do xin ra Đảng...). Ở tỉnh Lâm đồng, tỷ lệ đảng viên nữ là 18,3% (giảm 1,1% so với năm 1988) ; ở huyện Ba vì (Hà tây) là 16,7% (giảm 1,6% so với năm 1988) ; ở huyện Ngọc hiển (Minh hải) là 17,2% (giảm 0,6% so với năm 1988)...

Tóm lại, ở nông thôn hiện nay, số lượng đảng viên tuy có tăng cùng với thời gian, nhưng đó chỉ là tăng về mặt *cơ học* (chủ yếu từ các nguồn khác chuyển về) ; sự phân bố đảng viên giữa các vùng không đồng đều ; tình trạng lão hóa ngày càng trầm trọng ; trình độ mọi mặt của đảng viên nhìn chung vẫn còn thấp, chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ được giao.

2 - *Đời sống vật chất và tinh thần của đảng viên* : Hiện nay, ở nông thôn còn tới 30 - 40% số đảng viên gặp khó khăn trong đời sống kinh tế, trong đó hơn 10% gặp khó khăn gay gắt, đặc biệt là số đảng viên là cán bộ hưu trí, mất sức, già yếu và đông con. Bình quân thu nhập tháng của số đảng viên này chỉ tương đương gần 20 kg thóc. Điều đáng nói là, trong đội ngũ đảng viên nông thôn cũng có sự phân hóa giàu nghèo khá rõ rệt.

Về đời sống tinh thần, đảng viên rất thiếu thông tin, nhất là ở miền núi, vùng sâu, xa. Ví dụ, xã Yên phú (Châu giang, Hải hưng) có 13 chi bộ với 343 đảng viên mà chỉ có 5 đầu báo/tuần, với số lượng chưa đầy 30 bản. Thư viện xã coi như đóng cửa. Ở xã Tân ân (Ngọc hiển, Minh hải), báo chí đối với đảng viên là chuyện xa vời. Báo chí đã ít, lại tới muộn và không đầy đủ. Có không ít đảng viên, suốt nhiều tháng liền không được đọc báo đảng. Tại Phỏng lái (Thuận châu, Sơn la) có chi bộ hơn hai tháng mới nhận được vài số báo *Nhân dân*. Đảng viên đã thiếu thông tin, nhiều khi lại bị nhiễu thông tin, thông tin không chính xác, gây ảnh hưởng xấu.

Có thể nói, đời sống vật chất và tinh thần của đảng viên nông thôn còn thấp, thậm chí nhiều nơi rất thấp.

3 - *Tình hình tư tưởng đảng viên* : Khảo sát thực tế nhiều cơ sở thuộc nhiều vùng khác nhau, tôi thấy trong đảng viên nông thôn nổi lên mấy xu hướng tư tưởng đáng chú ý :

a) *Tư tưởng cục bộ dòng họ, gia trưởng phong kiến*... Đây là xu hướng tư tưởng khá rõ nét, xuất hiện ở nhiều nơi, trong nhiều người, nhất là những đảng viên có chức, có quyền. Họ muốn xếp đặt, điều hành công việc của đảng, chính quyền hợp tác xã... theo ý muốn của riêng mình. Ai nghe theo thì họ "ban thưởng" lợi lộc, ai làm trái ý thì họ trừng phạt để "đòn đau nhớ đời". Ý thức "thân tộc", "họ hàng" và việc công đan xen vào nhau, ảnh hưởng qua lại. Họ quan niệm "một người làm quan, cả họ được nhờ", kéo bè kéo cánh trong đảng, trong chính quyền, hình thành những "chi bộ họ", thậm chí "đảng ủy họ"...

b) *Tư tưởng "dĩ hòa vi quý", "mũ ni che tai"*... Xu hướng này có trong không ít đảng viên. Họ quan niệm đơn giản "một sự nhịn chín sự lành", "chín bỏ làm mười", nên họ ngại va chạm, ngại đấu tranh. Cộng với tư tưởng họ hàng, anh em và bị ràng buộc bởi nhiều mối quan hệ thân quen, làng xóm khác, xu hướng trên vô hình trung trở thành miếng đất tốt cho các loại tư tưởng không tốt khác phát triển.

c) *Tư tưởng ngại làm công tác đảng và công tác đoàn thể*. Mấy năm nay, tư tưởng này ngày càng bộc lộ rõ nét. Óc thực dụng, quan niệm "nhất kinh tế" và "chạy đua kinh tế" đã chi phối khá nặng đảng viên ở nông thôn. Họ chỉ muốn làm công tác quản lý kinh tế, quản lý chính quyền, từ chối khi được phân công phụ trách công tác đảng, công tác đoàn thể. "Lính ủy ban hơn "quan" đoàn thể", "đảng gần công văn, hợp tác xã gần tiền gần thóc"... đã trở thành tâm lý và hành động của không ít đảng viên, thậm chí cả các cấp ủy viên.

d) *Sự khác biệt về tư tưởng giữa các thế hệ và các lớp đảng viên*. Theo tôi, có thể xem đây là mâu thuẫn về tư tưởng giữa các thế hệ - số đảng viên trẻ đương chức và số đảng viên là cán bộ hưu, tuổi cao. Số trẻ hăng hái làm việc thì do "e ngại lớp đảng viên cha anh", nên "thứ nhất ngồi ỳ, thứ nhì lạng thinh", không

Digitized by Google

dám nói. Số cao tuổi, từng trải, nói được nhưng "lực bất tòng tâm" không còn sức để làm. Giữa hai lớp trẻ và già có thể có ấn tượng không lành mạnh về nhau, thậm chí nghi ngại nhau. Tình hình này khiến cho sức mạnh chính trị của tổ chức đảng bị hạn chế, không phát huy được. Ngoài ra, không thể không kể đến tâm tư, tâm trạng băn khoăn, lo lắng về những hiện tượng tiêu cực trong xã hội, thậm chí bi quan, chán nản, cảm thấy bất lực, không tin có thể giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội hiện nay. Tư tưởng công thần, địa vị, bảo thủ, không tin lớp trẻ ở một bộ phận đảng viên tuổi cao ở không ít nơi cũng đang là nguyên nhân dẫn đến các vụ lộn xộn, kiện cáo, gây không ít khó khăn cho cơ sở.

4 - *Chất lượng và uy tín đảng viên* : Năm 1991, điều tra 20 xã thuộc 5 huyện ngoại thành Hà nội, thấy : số đảng viên giữ được vai trò tiền phong gương mẫu là 40% ; số đảng viên là bí thư đảng ủy thật sự có năng lực và uy tín là 24,5%. Khảo sát 246 tổ chức cơ sở đảng ở 24 huyện của Nghệ tĩnh (cũ) có tới 3875 đảng viên (chiếm 82% số đảng viên được khảo sát) nợ dây dưa sản phẩm của hợp tác xã. Trong 253 đảng viên của xã Điện thọ (Điện bàn, Quảng nam - Đà nẵng), số đảng viên tiền phong gương mẫu chỉ chiếm 26,4%, số còn hạn chế là 64,6%. Ở huyện Tuy hòa (Phú yên), số đảng viên phát huy được vai trò tiền phong gương mẫu chỉ có 37,9%. Tại Lâm đồng, số đảng viên thuộc loại này chỉ có 30%, còn 60% là đảng viên còn hạn chế. Ở xã Tân ân (Ngọc hiển, Minh hải), loại A : 38%.

Như vậy, hiện nay ở nông thôn, chỉ có khoảng 30% số đảng viên thật sự phát huy được vai trò và tác dụng ; 50% là đảng viên "trung bình" (không hơn quần chúng bình thường) ; số còn lại là đảng viên phải xử lý dưới nhiều hình thức.

II - GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ

Để giải quyết tình hình trên, trước mắt tôi thấy, cần làm tốt mấy việc sau :

1 - *Xác định rõ tiêu chuẩn đảng viên phù hợp với thực tế ở nông thôn*

Trên cơ sở những quy định trong Điều lệ Đảng về tư cách đảng viên, cần *thống nhất* xây dựng những tiêu chuẩn cụ thể về tư cách đảng viên ở các khu vực, trong đó có nông thôn. Một số nơi đã cụ thể hóa Điều lệ Đảng, đề ra tiêu chuẩn cụ thể của đảng viên phù hợp với thực tế địa phương và bước đầu tỏ ra có hiệu quả tốt. Chẳng hạn, huyện Hoài đức (Hà tây) quy định ba yêu cầu về tư cách đảng viên ở nông thôn như sau : 1 - Đối với *bản thân* : sinh hoạt đảng đầy đủ, có công tác cụ thể ; 2 - Đối với *gia đình* : không nợ sản phẩm hợp tác xã, là "gia đình văn hóa mới" ; 3 - Đối với *xã hội* : nêu gương, không vi phạm pháp luật.

2 - *Làm tốt công tác bồi dưỡng đảng viên*

Do đội ngũ đảng viên ở nông thôn không đồng nhất về nhiều mặt (tuổi tác, trình độ, năng lực, nhận thức, mức sống...), nên việc bồi dưỡng rất khó khăn và phức tạp. Vả lại, sự khác biệt về trình độ, phong tục tập quán giữa các vùng khác nhau ở nông thôn, cũng đặt ra những vấn đề cần suy nghĩ để có biện pháp và tổ chức phù hợp. Bởi vậy, tôi nghĩ : các cấp ủy đảng cần chú ý phân loại đối tượng (đảng viên trẻ, đảng viên là cán bộ hưu trí, mất sức), xem trọng đặc thù vùng (vùng núi, vùng công giáo...), để xây dựng chương trình, nội dung và phương pháp bồi dưỡng cần thiết, tất nhiên phải dựa trên cơ sở các chương trình và quy định chung của trung ương.

Nét chung nhất trong việc bồi dưỡng đảng viên là giúp họ xác định được họ là *người đại diện lợi ích và lập trường của giai cấp công nhân ở nông thôn*, cụ thể là ở xóm, ấp, bản làng - nơi họ hoạt động và sinh sống ; giúp họ thể hiện rõ phẩm chất và năng lực trong việc xây dựng hợp tác xã và xây dựng nông thôn mới, cụ thể là thực hiện tốt "Nghị quyết 10" của Bộ chính trị (khóa VI) về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, coi đó là thước đo phẩm chất, tư cách đảng viên.

Cùng với các vấn đề chung, cần bồi dưỡng đảng viên theo các chuyên đề như sản xuất kinh doanh giỏi, xóa đói giảm nghèo, đưa tiến bộ kỹ thuật vào nông nghiệp, khắc phục mê tín, dị đoan, thực hiện kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc người cao tuổi, v.v., phù hợp với từng đối tượng, từng giai đoạn, ở từng vùng cụ thể. Điều đặc biệt cần lưu ý là đưa việc bồi dưỡng vào nền nếp, thật sự có chất lượng và hình thức linh hoạt.

Các cấp ủy đảng cố gắng bảo đảm cho đảng viên được thông tin nhanh, thống nhất và chính xác. Kinh nghiệm của Tỉnh ủy Nghệ an, Quảng ninh cho thấy :

Digitized by Google

việc hàng tháng phát hành xuống tận chi bộ cuốn "Thông tin nội bộ" (do tỉnh ủy soạn thảo) đã đem lại kết quả tốt.

3 - *Nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng, chú trọng kiện toàn chi bộ nông thôn*

a) *Đối với tổ chức cơ sở đảng*. Các huyện ủy, thị ủy chỉ đạo chặt chẽ các tổ chức cơ sở đảng thực hiện đúng quy định của trung ương về quy chế làm việc của các cơ sở đảng ở nông thôn ; rà soát, phân loại và giúp đỡ kịp thời về mọi mặt cho các tổ chức cơ sở đảng để họ nâng dần trình độ đồng đều và xứng đáng là tổ chức lãnh đạo ở cơ sở.

b) *Đối với chi bộ*. Các cấp ủy, đặc biệt là các đảng ủy cơ sở, hướng vào làm tốt mấy việc sau :

- Kiện toàn, bồi dưỡng đội ngũ bí thư chi bộ : Bố trí đảng viên thạo việc nhất, có uy tín nhất và có điều kiện thuận lợi nhất làm bí thư ; có kế hoạch bồi dưỡng họ về mọi mặt, nhất là về kiến thức sản xuất kinh doanh, về nghiệp vụ công tác đảng...

- Xây dựng mô hình chi bộ đa dạng, phù hợp với địa bàn, đối tượng đảng viên và ngành nghề.

+ Về quy mô : mỗi chi bộ có từ 10 đến 15 đảng viên, phụ trách từ 120 đến 130 hộ gia đình là phù hợp nhất.

+ Về loại hình : Có thể tổ chức theo đội sản xuất, theo địa bàn thôn, xóm, theo ngành nghề và theo đối tượng đảng viên. Kinh nghiệm một số nơi cho thấy, sự đa dạng và linh hoạt của các loại hình chi bộ sẽ bảo đảm cho chi bộ hoạt động có hiệu quả, hạn chế được những mặt tiêu cực trong công tác đảng ở nông thôn (như mâu thuẫn giữa các thế hệ đảng viên, "chi bộ họ"...), chủ động được việc phân bố đảng viên và khắc phục dần những "điểm trắng" ở nông thôn (nhất là vùng núi, vùng công giáo).

- Đổi mới nội dung và phương thức sinh hoạt. Qua tổng kết tôi thấy, sinh hoạt chi bộ có thể gồm hai dạng : sinh hoạt *nội bộ* và sinh hoạt *chuyên đề*. Trong sinh hoạt nội bộ, đảng viên bàn những vấn đề thuộc nội bộ đảng (như vấn đề lãnh đạo chính trị, công tác tổ chức, phê bình và tự phê bình, kiểm tra đảng viên). Trong sinh hoạt chuyên đề, đảng viên bàn những vấn đề chuyên, chẳng hạn : đảng viên làm kinh tế gia đình ; giúp đỡ đảng viên có khó khăn ; kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh... Như kinh nghiệm xã Thiện hưng (Lộc ninh, Sông bé) cho thấy, kết hợp tốt hai mặt này, sinh hoạt chi bộ sẽ phong phú, thiết thực và hiệu quả hơn.

- Phân công và quản lý đảng viên : Mỗi đảng viên phải có chức trách rõ ràng, công việc cụ thể. Không để một đảng viên nào đứng ngoài sự quản lý của tổ chức, của tập thể, trực tiếp là chi bộ, về các mặt tư tưởng, công tác, sinh hoạt và các mối quan hệ xã hội khác ; có chế độ kiểm tra đột xuất và thường xuyên.

4 - *Kiên quyết sàng lọc đội ngũ đảng viên* một cách thường xuyên, có bước đi vững chắc và thiết thực. Tổ chức đảng, trước hết là chi bộ, phải dựa vào kết quả thực hiện nghị quyết, chủ trương của đảng trên mỗi công việc cụ thể của đảng viên, đồng thời phải xem xét mối quan hệ giữa đảng viên với gia đình họ, với xóm ấp nơi họ cư trú và hoạt động. Bằng mọi biện pháp, từ đánh giá, phân loại nội bộ đến lấy ý kiến tín nhiệm của những người ngoài đảng, để tiến hành phân tích chất lượng, có biện pháp giáo dục và xử lý kịp thời theo Điều lệ Đảng. Để hạn chế tính cục bộ, dòng họ, nể nang, né tránh, việc sàng lọc đội ngũ đảng viên cần được tiến hành đồng bộ từ trong đảng, trong chính quyền tới ngoài xã hội, với sự chỉ đạo chặt chẽ từ trên xuống dưới.

5 - *Phát triển Đảng là một yêu cầu thiết thực và cấp bách*

Việc phát triển Đảng ở nông thôn phải gắn chặt với việc quy hoạch đội ngũ cán bộ cơ sở. Đây chính là nguồn cung cấp những nhân tố mới để Đảng có thể phát triển lực lượng và đồng thời, có điều kiện thực hiện tốt công tác tổ chức cán bộ của mình. Các tổ chức đảng cần chăm lo xây dựng và lãnh đạo Đoàn thanh niên, coi việc xây dựng Đoàn thanh niên là một bộ phận của công tác xây dựng Đảng. Điều quan trọng ở đây là, phải có sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, sự phối hợp đồng bộ của các cấp chính quyền và các đoàn thể. Có như vậy mới xây dựng được quy hoạch, kế hoạch cụ thể, và công tác phát triển Đảng mới gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, với công tác cán bộ, mới có thể hạn chế có hiệu quả những xu hướng tư tưởng cục bộ, dòng họ, làng xóm, đố kị ở nông thôn hiện nay.

Digitized by Google

"HÂM" ? !

NGUYỄN TIẾN

KHÔNG ít người bảo ông H là "hâm". Hâm vì mấy lẽ như thế này :

Thứ nhất, ông là cán bộ cao cấp, tiêu chuẩn nhà ở, tối thiểu được 50m^2. Cơ quan ông thực hiện rất đúng chính sách. Họ bố trí cho ông ở cả tầng hai (3 phòng với tổng diện tích 55m^2) của một biệt thự nho nhỏ ngay giữa trung tâm thành phố. Thế mà ông "không chịu". Ông bảo, tôi có mỗi một mình, vợ làm ruộng ở quê, hai đứa con thì đứa lớn công tác trong thành phố Hồ Chí Minh, đứa bé đang học đại học ở nước ngoài, ở rộng chỉ tốn công quét nhà. Mọi người cứ tưởng ông nói đùa. Nhưng không, ông nói thật. Khi biết ông nói thật không ít người khuyên : Anh cứ nhận đi. Tiêu chuẩn của anh chứ có phải anh cướp giật của ai đâu mà sợ. Khi nào về hưu anh đón chị ra ở cho vui, "con nuôi cha không bằng bà nuôi ông". Còn nếu như anh muốn về quê "vui thú điền viên" thì lúc đó "đẩy đi" lấy vài chục "cây" dưng dưỡng tuổi già. Nghe những lời như thế, ông biết là họ khuyên ông chân thành. Nhưng ông chỉ cười. Và, tất nhiên là ông không nghe theo họ. Thế là cơ quan đành phải bố trí cho ông một phòng 18m^2 trong khu tập thể. Thấy thế, không ít người bảo ông "hâm" ; người ý tứ hơn thì cũng bảo "thần kinh ông không bình thường" !

Thứ hai, ông có tiêu chuẩn được dùng xe ôtô riêng. Là thủ trưởng ; lại là thủ trưởng của một ngành đang làm ăn phát đạt nên người ta trang bị cho ông một chiếc xe sang trọng lắm. Tất nhiên phải là xe đời mới, có hệ thống đóng mở cửa tự động, có kính đổi màu, có ra-đi-ô cát-xét, có máy điều hòa nóng lạnh và sản xuất tại một nước tư bản nổi tiếng chứ không phải là xe La-da hoặc Von-ga là những thứ đã được xếp vào loại "đồ cổ". Thế nhưng, ông không nhận. Ông vẫn đi chiếc xe Von-ga "đồ cổ" với lý do : nó đang còn tốt. Thế là người ta lại bảo ông "hâm". Ông còn "hâm" hơn nữa vì ông chỉ sử dụng xe mỗi khi phải đi công vụ hoặc về quê thăm bà xã, nhất quyết không để xe đưa, đón. Ông bảo, nhà ông chỉ ở cách cơ quan có gần một cây số, dàng nào ông cũng phải tập thể dục, hàng ngày cứ đi bộ như thế ông cảm thấy mình khỏe ra. Cái lý ấy nghe có sức thuyết phục lắm. Song, dù sao cũng có không ít người vẫn cứ bảo ông "hâm" !

Thứ ba, ông là cán bộ cao cấp đương chức ở một ngành mà theo cách đánh giá của xã hội thời nay thì đó là một trong những ngành có nhiều "mẩu" nhất. Trong cơ chế thị trường, với cương vị của ông hiện tại thì cứ việc mà "tọa hưởng kỳ thành". Có nghĩa là, ông cứ việc ngồi đấy, tài lộc sẽ tự nhiên ập đến. Những người thức thời một chút chắc sẽ ý thức rất rõ về điều đó. Và đương nhiên họ phải tìm mọi cách để giữ cho chiếc ghế của mình khỏi bị lung lay. Thế nhưng ông H không làm như vậy. Ông mới 58 tuổi ; sức khỏe còn tốt ; năng lực, kinh nghiệm công tác cũng như uy tín của ông đều vượt mức yêu cầu. Thế mà, đùng một cái, ông xin thôi quản lý để nhường ghế cho một cán bộ cấp phó thua ông hàng chục tuổi. Mọi người chất vấn : "Vì sao anh làm như thế ?", "Có sức ép nào đối với anh không ?". Ông trả lời : Không có sức ép nào cả và ông làm việc đó là hoàn toàn tự nguyện bởi vì ông đã đào tạo, bồi dưỡng được một người kế nhiệm xứng đáng. Những người bỗ bã thì nói thẳng : "Sao anh dại thế. Người ta chỉ nhường nhau nghĩa vụ, chứ có ai nhường nhau quyền lợi bao giờ". Ông thành thật trả lời : Nếu ai cũng như vậy thì cán bộ trẻ làm sao có điều kiện để phát triển. Trong công tác cán bộ, lúc nào ta cũng khuyên cán bộ trẻ "hãy yên tâm, hãy kiên trì chờ người giữ trọng trách về hưu" thì... ôi thôi, đến lúc đó họ đã vung phí hết cả nhiệt tình và sự sôi nổi. Đúng là ông chân thành và trung thực. Song khốn thay, sự chân thành và trung thực ấy lại bị không ít người coi đó là biểu hiện của trạng thái "thần kinh không bình thường". Thế đấy !

Thứ tư, vừa rồi khi tròn 60 tuổi, ông đệ đơn xin về hưu. Đề nghị của ông được cấp trên chấp nhận. Vì có nhiều công lao nên cơ quan cho ông đặc cách được hưởng thời gian "nghỉ chế độ" là ba năm. Có nghĩa là trong ba năm ấy ông không phải làm việc nhưng mọi chế độ, quyền lợi, ông vẫn được hưởng như một cán bộ đương chức. Ông cảm ơn cơ quan nhưng đề nghị cơ quan cứ thực hiện đúng chính sách của Nhà nước quy định. Mọi người lại được một phen ngạc nhiên. Và rồi còn ngạc nhiên hơn nữa là ông quyết định trả lại cơ quan cả căn hộ 18m^2 đã từng gắn bó với ông trong nhiều năm đương nhiệm. Ông bảo về hưu ông thích sống ở nông thôn cho yên tĩnh và thoáng đãng. Ràng ở quê, ông đã có "nhà ngói, cây mít" đầy đủ cả rồi, giữ thêm căn hộ 18m^2 ấy làm gì cho mệt. Ông còn vui vẻ kể cho mọi người nghe về kế hoạch làm VAC. Ông mời anh chị em trong cơ quan thỉnh thoảng về quê ông chơi. Ông hứa sẽ mời họ ăn thịt gà và trái cây mệt nghỉ.

Rất nhiều người hiểu ông, kính trọng ông và thương ông. Nhưng vẫn còn không ít người bảo ông là "hâm", là "chập mạch".

XIN CÓ MẤY LỜI BÌNH :

Người mà tôi nêu trong bài báo nhỏ này tôi đã có dịp hân hạnh quen biết từ lâu. Trước những hành động của ông, người ta bảo ông "hâm" cũng phần nào có lý bởi vì thời nay ít người làm như thế lắm. Song tôi lại nghĩ khác : Nếu mọi người đều "hâm" như ông thì đạo đức xã hội ta đẹp lắm, cao quý lắm, chí ít nó cũng không đến nỗi như hiện nay.

Digitized by Google

MÔ HÌNH "KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI" CỦA CHLB ĐỨC

TRỊNH NGỌC LINH

Tháng 12-1992. Nxb Sự thật cho ra mắt bạn đọc cuốn sách **Nền kinh tế thị trường xã hội - một chế độ kinh tế cho các nước đang phát triển**. Đây là bản dịch cuốn sách tiếng Anh do một số nhà kinh tế Đức biên soạn, nhằm giới thiệu cơ chế "kinh tế thị trường xã hội" CHLB Đức. Sau đây là một số nét chính của cuốn sách (1).

Cơ sở lý luận của *kinh tế thị trường xã hội* Đức bắt nguồn từ tư tưởng *kinh tế tự do mới* của phái Phơ-ran-phuốc. Phái này vừa phê phán lối quản lý tập trung, vừa không tán thành mô hình kinh tế thị trường tự do vô chính phủ của kinh tế học cổ điển. Họ chủ trương : nhà nước có trách nhiệm thiết lập một nền kinh tế hoạt động tự do, nhưng có trật tự, trong đó, mỗi người dân đều có phần đóng góp tích cực của mình. Đó là tư tưởng cơ bản làm nền tảng cho chính sách kinh tế của CHLB Đức từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Cái gọi là "kinh tế thị trường xã hội", thực chất là *kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa có sự điều hành của nhà nước* với các đặc trưng : sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất ; bảo đảm cạnh tranh tự do, hoạt động kinh tế tự do ; cố gắng tối đa để cho thị trường điều tiết hoạt động kinh tế ; lúc cần thiết, nhằm bảo đảm an toàn xã hội, công bằng xã hội và tiến bộ xã hội, nhà nước có thể can thiệp để thiết lập và bảo vệ trật tự bình thường, giúp cho thị trường hoạt động thuận lợi.

Theo nhà kinh tế Đức G.Gut-man, ở CHLB Đức, kinh tế thị trường xã hội là mô hình kinh tế mà trong đó nguyên tắc *tự do* và nguyên tắc *công bằng xã hội* được kết hợp chặt chẽ với nhau hướng vào các mục tiêu : 1 - Khuyến khích tối đa sáng kiến cá nhân ; 2 - Cố gắng tối đa thực hiện công bằng xã hội, xóa bỏ tình trạng nghèo khổ của một bộ phận dân cư, hạn chế lạm phát và thất nghiệp. Trong kinh tế thị trường xã hội, theo nhà kinh tế Đức H.A-ren, chính sách xã hội có ý nghĩa cực kỳ to lớn. Nó biểu hiện ở chỗ : nâng cao mức sống của các nhóm dân cư có mức thu nhập thấp nhất, bảo đảm đời sống cho tất cả các thành viên trong xã hội, giúp họ thoát khỏi khó khăn về kinh tế và đau khổ do những rủi ro trong cuộc sống gây nên. Con đường để đạt các mục tiêu nói trên là : ra sức tăng trưởng kinh tế, cố gắng phân phối công bằng, thực hiện bảo hiểm xã hội và phúc lợi công cộng.

Tại CHLB Đức, kinh tế thị trường xã hội được quan niệm trên sáu tiêu chuẩn sau đây : 1 - quyền tự do cá nhân trong hoạt động kinh tế ; 2 - công bằng xã hội ; 3 - ổn định kinh tế xã hội ; 4 - tăng trưởng liên tục ; 5 - cơ cấu hợp lý trên các mặt : kinh tế, kỹ thuật, lao động ; 6 - cạnh tranh bình đẳng.

Trong mô hình *kinh tế thị trường tự do*, nhà nước chỉ can thiệp ở mức thấp nhất, thậm chí để cho nền kinh tế tự thân vận động. Trong *kinh tế thị trường xã hội*, tuy cơ chế thị trường vẫn điều tiết các hoạt động kinh tế, nhưng nhà nước nắm lấy cơ chế ấy, vận hành cơ chế ấy theo quy luật của thị trường. Sự điều hành của nhà nước tập trung ở các mặt : 1 - xác định những quy tắc về cạnh tranh, đôn đốc các chủ thể kinh tế tuân theo pháp luật ; 2 - thông qua việc điều chỉnh chính sách để tác động đến các hoạt động kinh tế của xí nghiệp và cá nhân ; 3 - trực tiếp đầu tư vào các công trình công cộng, công trình cơ sở ; góp cổ phần vào những xí nghiệp có tầm quan trọng đối với quốc kế dân sinh, mức cổ phần phải đủ mạnh để khống chế các xí nghiệp đó ; 4 - vận dụng chế độ bảo đảm xã hội và đòn bẩy tài chính của chính phủ để điều chỉnh những hậu quả tiêu cực trong cạnh tranh, như thực hiện các biện pháp hạn chế hiện tượng thất nghiệp do thay đổi cơ cấu ngành kinh tế, hạn chế thu nhập quá chênh lệch giữa các khu vực ; 5 - quản lý giá cả một số mặt hàng quan trọng, như việc cùng với các thành

(1) Để viết bài này, chúng tôi có tham khảo một số tài liệu của nước khác.

Digitized by Google

viên khác của EC bàn định giá sữa và giá lương thực ; 6 - nhà nước cho phép cá nhân tự do lựa chọn ngành nghề và hoạt động kinh doanh, nhưng đòi hỏi cá nhân làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước và xã hội. Đó cũng là những nét khác biệt giữa cơ chế *kinh tế thị trường xã hội* với cơ chế *kinh tế kế hoạch*.

Trong sáu điều nói trên, *cạnh tranh tự do* có ý nghĩa quan trọng *hàng đầu*. Có thể nói cạnh tranh tự do và bình đẳng là nội hàm cơ bản của kinh tế thị trường xã hội. Bằng cạnh tranh, người ta có thể giành được cơ hội trong làm ăn, thực hiện được dân chủ trong kinh tế, đạt được sự cân đối và đồng bộ trong kinh tế xã hội. Vì vậy, từ những năm 50, Đức đã thành lập cơ quan các-ten liên bang và các chi nhánh, coi đó là tòa án kinh tế có chức trách giữ gìn trật tự cạnh tranh tự do trong cả nước. Nhà nước còn ban hành luật chống độc quyền, ngăn ngừa một số xí nghiệp lớn thỏa thuận ngầm với nhau về giá cả để chi phối thị trường, ảnh hưởng đến cạnh tranh tự do...

Giá cả là yếu tố *quan trọng nhất* của cạnh tranh trên thị trường. Tại CHLB Đức, có sự phân biệt rất rõ giữa vai trò của nhà nước và vai trò của thị trường đối với sự hình thành giá cả và việc quản lý giá cả. Nói chung, giá hàng công nghiệp được hình thành tự do trong cạnh tranh, vai trò quản lý của nhà nước không có gì nhiều. Việc nhà nước quản lý giá cả chủ yếu theo hướng : bảo đảm mức giá cả được ổn định trong phạm vi toàn cục. Xuất phát từ mục tiêu đó, nhà nước tập trung làm tốt hai việc lớn : 1 - Ban hành luật, trong đó quy định rõ những gì mà nhà nước khuyến khích và bảo vệ, những gì nghiêm cấm và hạn chế ; hướng các xí nghiệp đem hết sức mình để hạ giá thành và bảo đảm chất lượng hàng hóa ; 2 - Khi cần, kịp thời can thiệp và điều tiết giá cả (Theo thống kê, khoảng 30 đến 40% số 800 - 1000 mặt hàng và dịch vụ nằm trong chỉ số tiêu dùng hàng ngày của cư dân, có sự can thiệp ở mức độ khác nhau của nhà nước).

Nhà nước còn điều hành, quản lý kinh tế thông qua *ngân hàng*. Ngân hàng liên bang có chức năng phát hành đồng tiền và bảo vệ sự ổn định giá trị đồng tiền, tạo môi trường kinh tế thuận lợi và ổn định cho các xí nghiệp hoạt động. Ngân hàng liên bang là một cơ quan độc lập. Mặc dù cổ phần của ngân hàng là của liên bang, nhưng chính phủ và quốc hội đều không có quyền gì đối với ngân hàng liên bang. Ngân hàng quyết định lượng tiền phát hành, quyết định lãi suất, quyết định mức dự trữ tối thiểu của các đơn vị tín dụng. Nhờ ngân hàng này hoạt động độc lập, nên trong hơn 40 năm qua, mặc dù không khí chính trị xã hội nhiều lúc thăng trầm, đồng *mác* ít bị dao động và giá trị ngày càng cao, nhà nước khống chế được lạm phát, kinh tế phát triển thuận lợi.

Trong các cơ quan chính phủ, bộ kinh tế và bộ tài chính giữ vai trò chủ yếu trong quản lý kinh tế. Trước ngày thống nhất hai nước Đức, Tây Đức có 17 bộ, thì sau ngày đó, cũng chỉ có 20 bộ. Cơ quan nhà nước gọn nhẹ và có hiệu lực.

Về chế độ *thu thuế*, CHLB Đức thực hiện thu ở *ba* cấp : *liên bang* thu 47,1% ; *bang* thu 35,3% ; *khu* (dưới bang) thu 13,7%. Ngoài ra, CHLB Đức còn có 3,9% thuế thu đóng cho ngân sách EC ; khoản thuế này chủ yếu là lấy từ thuế hải quan, thuế phụ thu của hải quan đối với hàng nông sản nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế tổng sản phẩm quốc dân (của mỗi nước thành viên). Trong những năm 1960 - 1989, bình quân thuế chiếm 24% tổng sản phẩm quốc dân (năm 1990 : 22,7%, đạt 2425,5 tỉ mác). Năm 1969, chi ngân sách và chi bảo hiểm xã hội của cả ba cấp chiếm 39% tổng sản phẩm quốc dân ; năm 1982 : 50,1% ; năm 1989 : giảm xuống còn 45,3% ; năm 1991 (sau ngày thống nhất) : 49%. Trong toàn bộ khoản chi của nhà nước, chi ngân sách của chính phủ chiếm 2/3, chi bảo hiểm xã hội 1/3. Trong bảo hiểm xã hội, có bảo hiểm thất nghiệp (mỗi công nhân thất nghiệp được trợ cấp một khoản bằng 63% tiền lương nếu chưa có con và bằng 69% nếu có từ một con trở lên). Trong phúc lợi xã hội có trợ cấp xã hội (mỗi người dân không có ai nương tựa để sinh sống, được trợ cấp hàng tháng 350 mác).

Nhà nước trực tiếp nắm giữ cổ phần những xí nghiệp thuộc các ngành không sinh lợi hoặc không thể lấy sinh lợi làm mục đích, như giao thông công cộng, bưu chính. Nhà nước tham gia cổ phần những ngành : ngân hàng, giao thông vận tải, nghiên cứu khoa học, quỹ viện trợ các nước đang phát triển, đường sắt, bưu chính. Hai ngành sau cùng này, liên bang góp vốn lớn nhất. Đến cuối năm 1990, chính phủ

Digitized by Google

liên bang chỉ trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia cổ phần ở 411 công ty (với mức cổ phần tham gia ở mỗi công ty ít nhất là 25%, khoảng 100000 mác). Luật pháp quy định : Ai nắm 25% cổ phần trở lên, có quyền phủ quyết trong đại hội cổ đông. Ai nắm từ 51% trở lên, giám đốc xí nghiệp phải trình báo với người đó mọi quyết định quan trọng của xí nghiệp. Ai nắm 75% cổ phần thì có toàn quyền quyết định về sản xuất và kinh doanh của xí nghiệp.

Một số nhà kinh tế trên thế giới cho rằng, vâng, mô hình kinh tế Đức là có hiệu quả. Nhưng đó là đối với Đức, một nước tư bản công nghiệp tiên tiến đã phát triển hàng trăm năm nay rồi. Và ở Đức vẫn còn những vấn đề kinh tế xã hội nhức nhối. Chẳng hạn nền kinh tế vẫn có những biến động mang tính chất chu kỳ ; nạn lạm phát có lúc lên cao ; các tập đoàn tư bản lớn hoạt động lũng đoạn, gây ảnh hưởng xấu đến cạnh tranh ; cạnh tranh quá mức dẫn đến cá lớn nuốt cá bé, dẫn đến tình trạng phân phối tài nguyên không hợp lý hoặc sử dụng không đúng, khai thác quá đáng, dẫn đến phân cực xã hội thái quá ; một số cơ quan nhà nước lợi dụng chức năng can thiệp để kiếm lợi cho mình hoặc làm lợi cho các tập đoàn tư bản lớn. Nước Đức được tiếng giàu có nhưng viện trợ cho các nước đang phát triển lại ít ỏi, nhỏ giọt, thấp hơn nhiều so với mức quy định của Liên hợp quốc.

Trong thời đại giao lưu kinh tế, chúng ta cần mở rộng việc nghiên cứu, tham khảo những kinh nghiệm của các nước khác, học tập những gì có lợi cho chúng ta. Cần thấy rằng, nhà nước tư sản cũng giống như mọi nhà nước khác, ngoài chức năng thống trị giai cấp, còn phải thực hiện chức năng xã hội. Điều này gắn liền với lợi ích của quốc gia - dân tộc mà nhà nước là đại diện. Theo Ăng-ghen, chức năng thống trị giai cấp, chỉ có thể duy trì chừng nào nó làm được chức năng xã hội. Vì vậy, ngoài lợi ích của giai cấp tư sản là tối cao, là giới hạn, nhà nước tư sản phải bảo đảm lợi ích tối thiểu của mọi thành viên xã hội, từ đó mới bảo đảm cho nền sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển. Xem ra, lợi ích tối thiểu đó rốt cuộc vẫn nằm trong phạm trù lợi ích của giai cấp cầm quyền.

Cuộc cách mạng...

(Tiếp theo trang 26)

làm phải hết sức công phu, dựa vào chính quyền xã để lập và hoàn thiện bản đồ địa chính, kiểm tra lại quỹ đất và diện tích đất của từng hộ đang canh tác, điều chỉnh lại những trường hợp bất hợp lý, và sau khi phương án đã được nhân dân trong xã thông qua và chính quyền cấp trên chấp nhận, thì chính quyền xã sẽ cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đất cho từng hộ nông dân.

Trong quá trình điều chỉnh quan hệ về đất đai, cần có những bước trung gian. Việc giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài phải chăng là một bước chuyển tiếp để tiến tới giao quyền sở hữu ruộng đất cho nông dân ? Việc quy định mức hạn điền cũng vậy. Căn cứ vào quan hệ giữa đất đai và dân số ở từng vùng mà định mức hạn điền tối đa cho từng vùng, đồng thời để khắc phục tình trạng ruộng đất manh mún cũng có thể quy định hạn mức ruộng đất tối thiểu (nếu quy mô ruộng đất dưới mức đó có thể phải đóng thuế cao hơn). Sau này, khi xã hội đã có thể bảo đảm được công ăn việc làm cho mọi người trên cơ sở phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp và dịch vụ, thì có thể bãi bỏ mức hạn điền tối đa. Ai có vốn, có năng lực sản xuất, người đó có thể đưa hết sức tập trung thâm canh, tăng năng suất trên cơ sở tích tụ ruộng đất. Quỹ đất dự phòng lúc đầu cho đấu thầu, về sau có thể chuyển hẳn cho nông dân, không cần để quỹ đất dự phòng nữa.

Trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường, cần đề phòng và khắc phục một số quan điểm và khuynh hướng lệch lạc. Trước hết đó là quan niệm *giản đơn* và *phiến diện*, hiểu lầm thị trường đồng nghĩa với tự do chủ nghĩa, ai muốn làm gì thì làm, không biết kinh tế thị trường vận động theo những con kênh bị chế ước bởi hàng nghìn, hàng vạn điều luật được quy định một cách nghiêm ngặt. Đó còn là khuynh hướng *bảo thủ*, cố trì hoãn việc chuyển sang cơ chế thị trường, muốn duy trì bộ máy hợp tác xã kiểu cũ. Đó còn là khuynh hướng coi thường đặc điểm địa phương, đồng nhất nơi kinh tế thị trường đã phát triển với nơi kinh tế thị trường còn manh nha, muốn đưa ngay đất đai vào cơ chế thị trường trong khi điều kiện cần thiết chưa có đủ.

Digitized by Google

PHÁT HIỆN THÊM MỘT BÀI BÁO NỮA CÓ TÊN LÀ "ĐÔNG DƯƠNG" CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN ÁI QUỐC

Chúng ta đã biết, trong tập 1 *Hồ Chí Minh Toàn tập*, xuất bản năm 1980, có bài "Đông dương" của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, dịch từ bài đăng trên *Tập san Chủ nghĩa cộng sản* (Cahiers du Communisme) của Đảng cộng sản Pháp số 14, tháng 4-1921.

Năm 1990, giáo sư Đinh Xuân Lâm công bố trên *Tạp chí Cộng sản* (số 1-1990) bài "Đông dương" thứ hai, dịch từ bài đăng trên *Tập san Chủ nghĩa cộng sản* (Pháp) số 15, tháng 5-1921.

Hai bài "Đông dương" nói trên của đồng chí Nguyễn Ái Quốc sau khi công bố, đã được sự quan tâm, chú ý của đông đảo bạn đọc. Rất nhiều học giả đã đi sâu nghiên cứu. Ở hai bài này chứa đựng những nội dung tư tưởng và lý luận rất quan trọng của đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ những năm 20, những nội dung mà thực tiễn cách mạng Việt nam và thế giới sau này ngày càng chứng minh là đúng đắn. Còn kẻ thù thì ngay lúc bấy giờ đã thừa nhận : "Những dòng viết sau đây (tức trong bài "Đông dương") thật cực kỳ nghiêm trọng và có thể có những hậu quả to lớn, đáng để cho các nhà cầm quyền phải quan tâm" (1).

Năm 1991, trên *Tạp chí Cộng sản* (số 3-1991) chúng tôi đã giới thiệu một bài "Đông dương" nữa của đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết năm 1920, đăng trên báo *Nhân đạo* (L'Humanité) ngày 5-1-1920.

Gần đây, chúng tôi lại tìm được một bài báo của Bác cũng lấy đầu đề là "Đông dương", ký tên An Nam, viết vào năm 1921. Bài này chưa được công bố trên báo chí Pháp ; chúng tôi biết được là qua báo cáo của tên mật thám Pháp Deveze đề ngày 17-5-1921. Qua bài "Đông dương" thứ tư này, chúng ta có thể thấy tài năng viết báo sắc sảo của Bác. Với một giọng châm biếm sâu cay, bằng những dẫn chứng cụ thể đanh thép, tác giả tiếp tục tố cáo tội ác và thủ đoạn cai trị của bọn thực dân Pháp đối với nhân dân Đông dương. Đồng thời, chúng ta cũng biết thêm đồng chí Nguyễn Ái Quốc còn có bút danh là "An Nam".

Sau đây là toàn văn nội dung bài báo nói trên :

ĐÔNG DƯƠNG

Trò hề cai trị.

Nam kỳ bị cai trị bởi một viên thống đốc do sắc lệnh của Tổng thống nước Cộng hòa bổ nhiệm. Viên quan chức cao cấp ấy trong chức trách cao cả của mình, được sự giúp đỡ của một hội đồng hỗn hợp. Hội đồng thuộc địa, mà chức năng chủ yếu, quan trọng bậc nhất, không nghi ngờ gì, là hằng năm định ra ngân sách cho xứ thuộc địa. Xin nói ngay rằng nguồn thu của ngân sách ấy là dựa vào các khoản thuế trực thu hoặc gián thu do người An nam nộp ; các khoản chi dự kiến trong ngân sách ấy trên nguyên tắc (chứ không bao giờ trên thực tế) phải do người An nam thực hiện ; tóm lại, quyền lợi của người An nam được giao phó cho một hội đồng thuộc địa. Thế nhưng, cái Hội đồng thuộc địa quý hóa ấy lại bao gồm nhiều người Pháp hơn là người An nam, 18 ủy viên hội đồng là người Pháp trong đó 12 ủy viên được bầu ra và 6 ủy viên là đại biểu của các công ty khác nhau, của Phòng thương mại, của Phòng canh nông, v.v. và 6 ủy viên hội đồng là người An nam. Cứ cho rằng lúc nào cũng đủ mặt đi nữa thì 6 phiếu của người An nam có thể nào chống lại 18 phiếu của người Pháp ? Vì thế mà viên thống đốc cứ việc ghi vào ngân sách tất cả những gì mà ông ta thích, và ông ta tin chắc rằng các mục trong đó đều đã được biểu quyết trước. Vả lại, đó cũng là điều ông ta đã làm trong ba phần tư thời gian, và cũng chính vì thế mà năm 1905, ông quyền thống đốc U-tơ-rây, nay là nghị sĩ Pháp ở Nam kỳ, đã tăng thuế điền thổ vốn đã quá nặng, lên một trăm phần trăm. Việc tăng thuế này đã làm cho ông U-tơ-rây trở thành bất tử trong trí nhớ của người An nam, và đã làm cho các ủy viên hội đồng người bản xứ chúng tôi phải nhất loạt từ chức. Cần gì, U-tơ-rây thay luôn họ bằng những người khác mà ông ta đích thân áp đặt cho các cử tri người An nam. Một trong các tay chân của ông ta là viên quan cai trị Ma-xpê-rô (tỉnh Biên hòa) chẳng đã bắt giam tất cả cử tri của tỉnh Biên hòa trước ngày bỏ phiếu để ngăn không cho họ tiếp xúc với những người ứng cử đó sao ? Như vậy là người ta đã đe dọa trừng phạt, buộc họ phải bầu cho ứng cử viên của U-tơ-rây là Bùi Thế Khan, nhằm ngăn cản việc đưa lại một ủy viên hội đồng đã từ chức là ông Hoài, người đã có lỗi là không làm theo ý muốn của U-tơ-rây.

Nước Cộng hòa Pháp có nghĩ rằng những lạm dụng như vậy đã phạm nhân danh mình không ?

Và cái cơ quan quý hóa ấy - Hội đồng thuộc địa Nam kỳ - chẳng phải là một trò hề thực sự sao ?

Thưa ngài An-be Xa-rô, cha của những người An nam, ngài đã hứa thực hiện những cải cách tự do có lợi cho họ ! Ngài đã hứa thu nhận họ rộng rãi hơn vào việc quản lý quyền lợi riêng của họ ! Đây chính là một dịp tốt để ngài giữ lời hứa của mình.

Ngài còn tìm kiếm gì và chờ đợi gì nữa ?

AN NAM

Người sưu tầm và giới thiệu :
NGUYỄN XUÂN THÔNG
(Viện bảo tàng Hồ Chí Minh)

(1) Báo cáo của Josselme, ngày 1-7-1921 gửi Thống sứ Guesde ở Pa-ri.

Digitized by Google

Mấy suy nghĩ về chiến lược quốc phòng trong bối cảnh quốc tế mới

Thiếu tướng BÙI PHAN KỲ *

HIỆN nay nhiều nước đang tăng cường binh bị, hiện đại hóa quốc phòng, cố giành vị trí có lợi trong "trật tự thế giới mới" đang hình thành. Các giới đế quốc và các thế lực bá quyền mưu toan chớp thời cơ, mau lẹ khai thác "khoảng trống chiến lược" sau sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô (trước đây). Trong tình hình đó, chúng ta không thể không nêu cao cảnh giác, có kế hoạch củng cố quốc phòng, chăm lo giữ nước, bảo vệ bờ cõi, bảo vệ công cuộc hòa bình phát triển của nhân dân.

Để tạo nên sức mạnh giữ nước trong giai đoạn mới, chẳng những phải nắm chắc các quan điểm cơ bản về quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, lực lượng vũ trang nhân dân... mà còn phải nghiên cứu kỹ bối cảnh và đối tượng mới, đề ra mục tiêu giữ nước hiện thực..., có chính sách và biện pháp khả thi, kể cả những giải pháp tình thế để khắc phục các khó khăn trước mắt. Chiến lược quân sự để chống xâm lược thì thời chiến hay thời bình, lúc nào cũng phải có. Nhưng chiến lược quốc phòng, lớn hơn nữa, chiến lược quốc phòng an ninh quốc gia, là vấn đề có ý nghĩa quyết định, cần thống nhất về nhận thức.

Phải chăng chiến lược quốc phòng chỉ là chiến lược quân sự theo nghĩa rộng ? Xưa nay phòng thủ quốc gia bao giờ cũng bao gồm cả hai mặt : *giữ gìn lãnh thổ* và *bảo vệ chế độ*. Quốc gia nào ở một thời điểm lịch sử nhất định, bao giờ cũng tồn tại dưới một hình thái kinh tế, chính trị và xã hội nhất định, trong một thể chế nhất định. Bảo vệ nền độc lập dân tộc cũng đồng thời là bảo vệ quyền tự do lựa chọn chế độ ; nước ngoài không được áp đặt. Chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang cũng đồng thời chiến đấu bảo vệ chế độ đã tổ chức ra mình ; không thể tách rời hai việc đó trong thực tế. Huống chi ngày nay các thế lực thù địch bên ngoài thường câu kết rất chặt với các lực lượng phản động bên trong.

Chống địch bên ngoài mà không dẹp bọn phản động bên trong, hoặc ngược lại, là không thể được. Bởi vậy sự phân công nhiệm vụ giữa quân đội và an ninh chỉ là tương đối. Sự cố kết, cộng đồng trách nhiệm, cùng nhau bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ là tuyệt đối.

Không thể phòng thủ quốc gia mà lại không bảo vệ sự an toàn của chế độ. Bởi vậy, chiến lược quốc phòng - an ninh là chiến lược cao nhất để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nhưng nếu hiểu quốc phòng - an ninh chỉ là bảo vệ Tổ quốc về quân sự hoặc chính trị - quân sự, thì chưa đủ.

Nhiều nước trên thế giới thường đồng nhất khái niệm *phòng thủ* với *phòng ngự*, mặt đối lập của tiến công. Bởi vậy, nói đến phòng thủ quốc gia người ta thường chỉ nghĩ đến việc bài binh bố trận, có hệ thống vật cản để chặn quân xâm lược. Nhưng như lịch sử đã chứng minh, từ Vạn lý trường thành, chiến lũy Ma-gi-nô đến bức tường Béc-lin..., mọi thành lũy dù kiên cố đến đâu đều có thể bị chọc thủng, nếu việc "bảo vệ tổng hợp" bị suy yếu ở mặt này hay mặt khác.

Ông cha ta hiểu quốc phòng là giữ nước với hàm nghĩa khá súc tích. Những công trình vĩ đại như thành Cổ loa, thành Tây đô cùng hệ thống bố phòng nghiêm mật và tổ chức quân sự lớn mạnh các thời đó đã cho chúng ta bài học : phải giữ nước cho toàn diện, cân đối, phải phòng ngừa bằng mọi cách, mới giữ được nền độc lập dân tộc và sự vẹn toàn lãnh thổ do ông cha để lại.

Trần Hưng Đạo nằm trên giường bệnh được Trần Nhân Tông hỏi kế, đã dặn lại : Thượng sách là khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc, rồi đến vua tôi đồng lòng, cha con hòa thuận, cả nước chung sức... Về quân sự, Trần Hưng Đạo đã khái quát hai tình huống lớn : giặc lướt đến như lửa như gió thì dễ đánh. Giặc làm theo cách "tằm ăn dâu,

* Phó giáo sư, Viện nghiên cứu chiến lược.

Digitized by Google

không lấy của dân, không cần thắng chóng" sẽ khó đánh hơn và muốn thắng thì phải chọn dùng tướng giỏi, đối đãi binh sĩ như cha con, liệu thế như người đánh cờ. Giặc cậy "trường trận" (đánh lớn, đánh rộng), ta lấy "đoản binh" (đánh nhỏ, đánh sâu) mà chống lại. Xem thế đủ biết các bậc "khai quốc công thần" rất chú trọng các biện pháp và chính sách kinh tế, chính trị, xã hội làm nền tảng cho giải pháp quân sự. Đánh giặc, không ngại kẻ đánh lớn bằng kẻ "gặm dần".

Thời chống thực dân, chính sách cơ bản để giữ nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh là đại đoàn kết. Mục tiêu chiến lược xuyên suốt là "diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm", lấy phong trào thi đua yêu nước làm biện pháp chính. Bác căn dặn : *"Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và du kích không nên chỉ biết đánh*. Biết đánh là cái tốt, nhưng *chỉ biết đánh* mà coi nhẹ chính trị, kinh tế, tuyên truyền giáo dục nhân dân, tức là chỉ biết có một mặt, vì đánh không thể tách rời được với chính trị và kinh tế. Nếu chỉ biết đánh mà không nghĩ đến kinh tế thì khi hết gạo sẽ không đánh được... *Về cán bộ thì cán bộ quân sự chỉ biết quân sự, cán bộ chính quyền chỉ biết chính quyền, cán bộ Đảng chỉ biết Đảng,* như thế chẳng khác gì người đứng một chân. Cán bộ chỉ biết một mặt là có hại, không vững. Vì các mặt quân, dân, chính, đảng kết hợp lại thành một khối, thiếu một mặt thì không mạnh, không hoàn toàn. Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền hầu như khoán trắng việc đánh giặc cho quân sự, không biết rằng Đảng phải chăm lo lãnh đạo mọi mặt, lúc đánh nhau, tất cả mọi mặt phải gắn liền với nhau thì mới thắng được" (1).

Chính cái chiến lược "gắn tất cả thành một khối" ấy của chúng ta đã đánh bại chiến lược quân sự xâm lược của thực dân Pháp.

Sau khi nửa nước được giải phóng, để chuẩn bị bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, từ 1958, Hội nghị 12 (mở rộng) của Trung ương Đảng (khóa II) đã quyết định : "Cần đặt nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng thành nhiệm vụ chung của toàn Đảng và toàn dân", coi "yếu tố quyết định là cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, vấn đề xây dựng quân đội chính quy và hiện đại, vấn đề củng cố nền quốc phòng trong điều kiện chiến tranh hiện đại không phải chỉ là vấn đề quân sự mà còn là vấn đề chính trị, vấn đề kinh tế, vấn đề khoa học... Nó đòi hỏi một sự cố gắng liên tục và tích cực của toàn Đảng và toàn dân" (2).

Xét cho cùng, chính cái chiến lược "hai chân, ba mũi, ba vùng" tuân theo lời dạn "không đứng một chân" của Bác, đã đánh bại hàng loạt chiến lược quân sự và những chính sách chống cộng vô cùng nham hiểm của Mỹ - ngụy.

Đủ biết, với những đối phương vừa lớn mạnh, vừa xảo quyệt, dân tộc ta giữ nước không chỉ dựa vào tài thao lược mà còn dựa chắc vào nền văn hiến dân tộc mà nòng cốt là trí tuệ và đạo lý. Việt nam chẳng bị Hán hóa, cũng không bị Âu hóa, Mỹ hóa, dù đã nhiều lần bị biến thành quận huyện của ngoại bang, thành thuộc địa kiểu cũ và kiểu mới của đế quốc.

*

Hiện nay, các thế lực thù địch đang xúc tiến khẩn trương ý đồ tiêu diệt chủ nghĩa xã hội ở ta với phương thức tiến công đã nhiều phần đổi khác. Dựa vào những thành tựu mới nhất về khoa học và công nghệ, với sự phát triển vượt bậc của hệ vũ khí tinh khôn, các giới đế quốc đã và đang thử nghiệm loại chiến tranh *kỹ thuật cao* để nhanh chóng đánh bại đối phương mà không bị sa lầy.

Các cuộc chiến tranh khu vực như ở Trung Đông vừa qua cho thấy, khi tiến công quân sự, các thế lực gây chiến triệt để lợi dụng máy bay, tên lửa, từ tầm cao và xa đánh đến, nâng cường độ, tốc độ và thời gian đánh phá, dùng kỹ thuật điện tử, quang học, lade... chế áp. Khi phải dùng bộ binh và yêu cầu của chiến tranh chủ yếu không phải nhằm chiếm đất mà nhằm buộc đối phương phải chấp nhận thay đổi đường lối và chế độ như chiến tranh vùng Vịnh, thì chúng không ra quân nhỏ giọt mà triệt để lợi dụng đường biển, đường không và tốc độ của cơ giới, thực hành bao vây rộng, thọc sâu chia cắt chiến lược, không cho đối phương kịp phản ứng.

Còn đối với các đối tượng không dễ bị đánh bại bằng quân sự thì các thế lực thù địch liên tục tiến công bằng chiến tranh tâm lý và gián điệp, dùng mồi viện trợ, nhân quyền..., diễn biến hòa bình, kích động bạo loạn, lật đổ.

Đặc điểm chung của các cuộc "cách mạng nhung lụa" vừa qua là đều dùng sức ép về kinh tế và chính trị để vô hiệu hóa sức mạnh quân sự. Ở không ít nơi, chưa kịp

---

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t 6, tr 294.

(2) *Nghị quyết trung ương 12 về xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng*, BCHTU xuất bản, 1958.

Digitized by Google

nổ một phát súng, đội tiên phong của giai cấp công nhân đã bị mất chính quyền, và lực lượng vũ trang sau đó đã nhanh chóng thay mầu, đổi hướng theo những biến cố chính trị.

Kể từ ngày các giới đế quốc đưa ra khái niệm chiến tranh tổng lực, chưa bao giờ sự đánh phá cách mạng lại toàn diện và phức tạp như hiện nay. Tiến công quân sự không còn diễn ra đơn điệu như thời thực dân cũ, mà được chuẩn bị kỹ lưỡng về dư luận, tâm lý, ngoại giao, đi liền với bao vây cấm vận về kinh tế, trừng phạt về tài chính. Có thể thấy rõ điều này qua các biện pháp các giới đế quốc đã và đang áp dụng để chống phá cách mạng ở Việt nam, Cu-ba và một số nước khác.

Chủ nghĩa thực dân cũ tập trung vào tiến công quân sự. Quốc phòng thời đó có thể hiểu gần đồng nghĩa với quân sự. Ngày nay, sự nghiệp phòng thủ quốc gia đang phải chống trả nhiều thủ đoạn mới, không thể đem nguyên xi các nhận thức cũ để nhận biết và đối phó với kẻ thù mới. Không thể đem chiến lược quân sự chống xâm lược ra ứng phó với thủ đoạn "diễn biến hòa bình", bạo loạn và lật đổ. Cũng không thể đem chiến lược chống đội quân viễn chinh ra đối phó với một đợt tập kích chiến lược bằng không quân và tên lửa. Chiến lược quân sự bằng thực binh không thể dùng để chống lấn chiếm bằng lực lượng "mềm", mở rộng "không gian sinh tồn" bằng cái gọi là "chiến lược biên giới mềm".

Điều xưa kia vị quốc công tiết chế thời Trần dặn con cháu phải đề phòng thì ngày nay lại diễn ra phức tạp hơn thế : có kẻ không những "không lấy của dân" mà còn đem tiền bạc, của cải cho dân, tung đô la mua từng lá phiếu, đem văn hóa phẩm, luồng thông tin kích động vào tới phòng ngủ từng nhà. Khi cần thiết, chúng có thể mua đất đai, mua quyền lực, mua vũ khí chiến lược kỹ thuật cao, mua bí mật quốc gia và bí mật quân sự của đối phương dễ như bỡn.

Chủ quyền và độc lập ngày nay có thể bị mất bằng nhiều cách, không nhất thiết bị đánh chiếm bằng quân sự. Chẳng phải người ta đang mượn danh nghĩa "nghiên cứu khoa học đại dương", "thăm dò tài nguyên", thậm chí "liên doanh" để xâm phạm chủ quyền lãnh hải của chúng ta đó sao ? Các công ty xuyên quốc gia, các đế quốc kỹ thuật... có thể biến một nước thành thuộc địa đầu tư, thuộc địa về công nghệ và kỹ thuật, thuộc địa để khai thác tài nguyên và trút sản phẩm thừa, thành bãi rác chứa đồ phế thải và hệ công nghệ lạc hậu, thành thuộc địa thông tin, văn hóa phẩm và ý thức hệ...

Trước tình hình đó, lời căn dặn hôm nào của Bác mà tôi đã dẫn ra ở phần trên tưởng như là để răn bảo chính thế hệ chúng ta hôm nay ! Hơn lúc nào hết, để giữ nước, "tất cả phải thành một khối", ai làm việc gì chỉ biết việc ấy là có hại !

Tóm lại quốc phòng không chỉ là vấn đề quân sự mà còn là vấn đề chính trị, vấn đề kinh tế, vấn đề khoa học, chính trị và kinh tế đối nội và đối ngoại để thêm bạn bớt thù, cô lập đối thủ, thực hiện dân giàu nước mạnh, ăn no đánh thắng... tất cả không nằm ngoài sự nghiệp phòng thủ quốc gia. Và việc phát triển công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến để đối phó có hiệu quả với các loại vũ khí tinh khôn, với các thủ đoạn chế áp tư bằng thông tin, quang học, la de, không nằm ngoài chiến lược quốc phòng.

Mục tiêu hàng đầu của chiến lược cách mạng mang tầm cỡ quốc gia phải bao gồm cả *xây dựng* và *bảo vệ*. Ngày nay, mục tiêu đó là hòa bình, ổn định, đổi mới và phát triển. Để phục vụ đắc lực mục tiêu đó, mục tiêu hàng đầu của chiến lược quốc phòng - an ninh là phải ngăn chặn và đẩy lùi chiến tranh, tháo gỡ các ngòi nổ có thể phát sinh bạo loạn, không phải bằng các giải pháp quân sự đơn thuần mà phải bằng những biện pháp tổng hợp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

Để xảy ra chiến tranh và bạo loạn dù dưới hình thức nào thì hòa bình và ổn định cũng bị phá vỡ, mục tiêu quốc gia bị xóa bỏ, còn gì nữa để được gọi là ưu tiên ? Bởi vậy, chuẩn bị đối phó với chiến tranh là mục tiêu hàng đầu của chiến lược quân sự, bộ phận nòng cốt của chiến lược quốc phòng, chứ không thể là mục tiêu hàng đầu của chiến lược quốc phòng.

Nói mục tiêu hàng đầu của chiến lược quân sự là ngăn chặn chiến tranh, là không lô gích, vì đã là chiến lược quân sự thì nó phải hướng vào các đối tượng tác chiến cụ thể, phải chuẩn bị đối phó với các thủ đoạn và phương thức tiến hành chiến tranh được dự kiến rõ ràng, có phương hướng chiến lược và biện pháp chiến lược rõ ràng... Nếu do ta chuẩn bị tốt, đối phương

(Xem tiếp trang 62)

Digitized by Google

PHẢI CHẶN ĐỨNG BÀN TAY BỌN DIỆT CHỦNG !

VÕ THỦ PHƯƠNG

Đã có lúc một số người hy vọng rằng Khơ-me đỏ có thể sẽ thay đổi bản chất, rằng một thế hệ Khơ-me đỏ mới chắc sẽ không man rợ và nhiều thú tính như lớp trước, rằng Khơ-me đỏ có thể sẽ trở về hòa nhập với xã hội loài người. Hy vọng mong manh, đầy tính nhân đạo ấy đã bị phá nát bởi những tiếng nổ lựu đạn, những loạt súng tự động, những vồng lửa B40 từ các vụ thảm sát Việt kiều đang diễn ra trên đất Cam-pu-chia ngày nay. Nhật ký tội ác viết bằng máu của bè lũ Khơ-me đỏ đang dài thêm ra :

...

Ngày 3-3-1993 : Một chiếc thuyền của Việt kiều đang đánh cá ở khu vực giáp ranh Puốc-sát và Com-puông-chnăng đã bị ba thuyền của Khơ-me đỏ tấn công bằng B40 và súng DK. Chúng giết 3 người, làm bị thương 1 người và cướp đi toàn bộ tài sản.

Ngày 10-3-1993 : Khoảng hơn 30 lính Khơ-me đỏ đã đi thuyền đến làng Chong Kờ-nia (làng người Việt ở tỉnh Xiêm - riệp), xả súng tự động vào các thuyền đánh cá của Việt kiều, giết hại 33 người, trong đó có 8 trẻ em, làm 29 người khác bị thương. Đây là vụ thảm sát lớn nhất kể từ khi Liên hợp quốc đưa lực lượng vào Cam-pu-chia. Theo lời ông Y.A-ca-si thì hầu hết, nếu không nói là tất cả, những nạn nhân của vụ thảm sát này đều là người đã sinh ra ở Cam-pu-chia và một số là người Cam-pu-chia gốc Việt thuộc thế hệ thứ 3.

Ngày 29-3-1993 : Hai người đi trên một chiếc xe đã ném lựu đạn vào quán ăn nhỏ của Việt kiều ở gần bưu điện trung tâm của Phnôm-pênh, làm 2 Việt kiều thiệt mạng và hơn 10 người bị thương.

...

Để bào chữa cho những hành vi tội ác của mình, Khơ-me đỏ thổi bùng lên ngọn lửa phân biệt chủng tộc, và đặt điều đối trá : Việt nam muốn chiếm Cam-pu-chia nên khi rút đi, đã gài lại gián điệp và bộ đội dưới hình thức dân quân (? !).

Luận điệu cũ mèm của Khơ-me đỏ đã bị UNTAC bác bỏ nhiều lần bằng lời khẳng định : hiện không có bằng chứng nào cho thấy còn quân đội và điệp viên của Việt nam ở Cam-pu-chia. Hơn nữa, trong số những Việt kiều bị bọn Khơ-me đỏ giết hại gần đây, có nhiều phụ nữ và trẻ em. Trong vụ thảm sát Chong Kờ-nia, ông Nguyễn Văn Nhút, 55 tuổi, bị mất 7 người thân trong gia đình, trong đó có người vợ đang mang thai, đứa con 3 tuổi của ông bị bắn nát đầu. Ông Nhút khóc và kể lại với phóng viên AFP : "Chúng tôi biết đang sống trong nguy hiểm, nhưng chúng tôi có thể làm gì được ?... Chúng tôi sinh ra ở đây. Tốt hơn hết là chúng tôi chết ở đây, vì đây là nơi chôn rau cắt rốn của tôi"[1]. Chắc chắn những cháu bé như con ông Nhút và người vợ đang có mang của ông chẳng thể nào cầm súng để "tiếp tay cho Hà nội" !

Nhìn lại lịch sử thế giới, sau đại chiến thế giới thứ hai, rất nhiều binh sĩ Mỹ và đồng minh đã ở lại Đức, họ lấy vợ và định cư luôn tại Đức. Xa hơn chút nữa, như trong cuộc chiến tranh Pháp - Nga, khi cùng quân đồng minh truy kích Na-pô-lê-ông đến tận Pa-ri, nhiều binh sĩ Nga đã định cư luôn tại Pháp. Vậy thì việc một số ít binh lính Việt nam giải ngũ ở lại Cam-pu-chia, lấy vợ người Cam-pu-chia rồi định cư tại Cam-pu-chia, âu cũng là chuyện thường tình.

Cam-pu-chia và Việt nam có đường biên giới chung khá dài và khó kiểm soát. Khi nhà nước Cam-pu-chia bắt đầu công cuộc hồi sinh đất nước, nhu cầu về thợ xây dựng, thợ điện, nước và công nhân lành nghề v.v. rất lớn (tầng lớp người này của Cam-pu-chia hoặc đã bị Khơ-me đỏ giết, hoặc đã bỏ chạy ra nước ngoài). Những người thợ Việt nam đã đáp ứng nhu cầu này, và Việt kiều đã góp một phần không nhỏ trong công cuộc xây dựng lại Cam-pu-chia trên đống hoang tàn mà Khơ-me đỏ để lại.

Theo số liệu của Tổ chức lao động quốc tế (IAO) thì hiện nay trên thế giới có hơn 100 triệu người rời bỏ quê hương đất nước ra nước ngoài làm ăn sinh sống. Các chuyên gia của IAO cho rằng hiện tượng này giống như một thị trường toàn cầu. Như vậy, việc người Việt nam kiếm sống ở Cam-pu-chia cũng nằm trong hiện tượng có tính toàn thế giới này. Lẽ ra Cam-pu-chia cần phải có chính sách đối với ngoại kiều, hoặc chí ít phải coi đó là vấn đề của chính phủ mới, trong thời gian đợi tổng tuyển cử.

Thế nhưng Khơ-me đỏ đã bất chấp tất cả, thách thức công ước quốc tế, chà đạp dư luận. Chúng đang tiếp tục thi hành chính sách diệt chủng của mình dưới một

(1) Tin AFP (12-3)

Digitized by Google

chiêu bài "tẩy rửa sắc tộc", kích động chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Chúng ráp tâm phá hoại Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia, phá hoại tổng tuyển cử. Những tội ác mà bè lũ Khơ-me đỏ gây ra, "xét về mặt nhân quyền, đây là những tội ác chống nhân loại và có thể coi là những hành động bị xem xét theo công ước về diệt chủng của Liên hợp quốc. Những kẻ chịu trách nhiệm về việc cho phép hoặc không đưa ra các biện pháp ngăn chặn những hành động đó, nếu không bị buộc tội về các hành động diệt chủng, thì cũng bị buộc tội về sự đồng lõa với những hành động diệt chủng"(2).

Hành động của Khơ-me đỏ trong chiến dịch "tẩy rửa sắc tộc" hết sức man rợ này đã bị thế giới lên án mạnh mẽ. Ngày 12-3, R.Bu-chơ, người phát ngôn Bộ ngoại giao Mỹ, đã tuyên bố : Mỹ cho đây (chỉ vụ thảm sát Việt kiều ngày 10-3) là một vụ thảm sát man rợ. Nhiều nước, nhiều tổ chức quốc tế và giới báo chí đã kịch liệt phản đối những hành động giết người kinh tởm này. Ngày 25-3-1993, Bộ ngoại giao Cu-ba ra tuyên bố lên án Khơ-me đỏ tàn sát Việt kiều ở Cam-pu-chia trong đó có đoạn viết : "... hành động của chúng (Khơ-me đỏ) cũng nhằm gây cản trở quá trình hòa bình ở Cam-pu-chia và gây không khí bất ổn định trước cuộc bầu cử quốc hội sắp tới. Đồng thời, đây cũng là biểu hiện của một chính sách nguy hiểm và ghê tởm chống Việt nam.

Điều cần thiết hiện nay là Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, các nước đồng chủ tịch hội nghị Pa-ri, UNTAC và Hội đồng dân tộc tối cao Cam-pu-chia phải có ngay các biện pháp thích hợp để tránh tái diễn các hành động tương tự, và ngăn chặn ngay không để cho tiến trình hòa bình ở Cam-pu-chia và cùng với nó sự ổn định ở Đông Nam Á bị phá vỡ".

Ngày tổng tuyển cử của Cam-pu-chia đang đến gần. Liên hợp quốc đã dốc nhiều sức người và sức của vào mục tiêu đem lại hòa bình cho Cam-pu-chia và khu vực. Mục tiêu cao đẹp ấy không thể bị phá hoại bởi những hành động ngang ngược và man rợ của Khơ-me đỏ. Liên hợp quốc, các nước đồng chủ tịch Hội nghị Pa-ri, cộng đồng thế giới và chính bản thân dân tộc Cam-pu-chia cần có những hành động kiên quyết hơn nữa để chặn đứng bàn tay diệt chủng của bè lũ Khơ-me đỏ. Chỉ có như vậy, Hiệp nghị Pa-ri mới có thể được triển khai theo đúng tiến trình đã định, bảo đảm một tương lai hòa bình cho Cam-pu-chia và khu vực.

(2) Denis Mắc Na-ma-ra, người phụ trách vấn đề nhân quyền của Liên hợp quốc ở Cam-pu-chia, trả lời phỏng vấn tại sân bay Bang cốc (theo tin Roi-tơ 29-3-1993).

Mấy suy nghĩ...

(Tiếp theo trang 60)

chưa dám xâm lược, thì đó mới chỉ là hiệu quả khách quan nhất thời. Nhưng chưa tiến công được bằng quân sự thì đối phương vẫn có thể tiến công bằng cách khác, có lợi hơn, ít nguy hiểm và đỡ tốn kém hơn, chứ không phải vì thấy ta mạnh mà chúng từ bỏ mục tiêu đánh phá ta. Những gì xảy ra ở Liên xô (cũ) và bao nơi khác chẳng là bài học đáng để ta suy nghĩ sao ?

Cuộc đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc và bảo vệ chế độ từ lâu đã diễn ra gay gắt trên nhiều mặt, trong đó có việc phải đối phó với các đòn cơ bản thường xuyên của kẻ địch là bao vây, cấm vận, cô lập ta về chính trị và ngoại giao, kích động về tâm lý, văn hóa... Không thể bảo những đối sách ấy là nằm ngoài chiến lược phòng thủ quốc gia, vì chưa có tiến công quân sự.

Kẻ thù chưa từ bỏ các thủ đoạn xâm lược cổ truyền. Nếu ta sơ hở sẽ lập tức bị chúng tiến công. Nhưng thời cuộc dạy rằng, chỉ riêng những nỗ lực về quân sự thì không đủ giữ vững chính quyền của giai cấp công nhân trong giai đoạn mới. Sức mạnh của chế độ phải được tăng cường đồng bộ về mọi mặt. Sức mạnh quân sự phải được xây dựng vững chắc và cân đối trên các nền tảng vững mạnh về chính trị và kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật, tâm lý và giáo dục xã hội.

Chính Cô-lin Pao-oen, chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Mỹ, đầu năm ngoái vẫn còn phải thừa nhận Liên xô cũ là cường quốc nguyên tử có khả năng loại bỏ nước Mỹ trong vòng 30 phút ! Nhưng những mất cân đối và suy sụp trên nhiều mặt, những mặt phi quân sự, đã dẫn đến sự tiêu vong của một siêu cường !

Sức mạnh quân sự là điều kiện cấp thiết để giữ nước, không thể xem thường. Nhưng đối với sự nghiệp phòng thủ quốc gia rộng lớn và toàn diện, thì đó mới là điều kiện cần, chứ chưa đủ. Quốc phòng là quốc gia tự phòng thủ, lấy lực lượng vũ trang làm nòng cốt, theo đúng nguyên lý của Lê-nin : cuộc cách mạng chỉ có ý nghĩa khi nó biết tự vệ.

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA CƠ HỘI HIỆN ĐẠI, CHỦ NGHĨA XÉT LẠI HIỆN ĐẠI

● CHỦ NGHĨA CƠ HỘI HIỆN ĐẠI

Chủ nghĩa cơ hội xuất hiện từ trong phong trào công nhân cuối thế kỷ 19 (chủ nghĩa công liên, phái Lát-xan, chủ nghĩa kinh tế...). Nó là một trào lưu tư tưởng chính trị, đưa ra những quan điểm lý luận tư tưởng mơ hồ, không nhất quán, xóa nhòa tính giai cấp và tính nguyên tắc về phong trào công nhân thế giới, về những vấn đề cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, về chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc, định ra những đường lối chủ trương đi tới từ bỏ cách mạng xã hội chủ nghĩa, đạt lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động phụ thuộc vào lợi ích của giai cấp tư sản.

Chủ nghĩa cơ hội có loại hữu khuynh và loại "tả" khuynh. Nhìn bề ngoài, chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh tưởng như đối lập với chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh, bởi vì nó bênh vực những phương pháp đấu tranh quyết liệt nhất và phủ nhận mọi sự thỏa hiệp, mọi khả năng hợp tác với các tổ chức theo xu hướng cải lương. Nhưng thực chất, sự đối lập ấy chỉ là hình thức. Chủ nghĩa cơ hội "tả" khuynh cũng như chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh đều thể hiện một lập trường bảo thủ, một thái độ "lẩn như trạch", lúc thế này, lúc thế khác và sẵn sàng thay đổi giọng điệu, lập trường để đạt mục đích của mình.

Những người theo chủ nghĩa cơ hội xuyên tạc và phủ nhận lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phủ nhận chủ nghĩa xã hội. Họ ca tụng chủ nghĩa xã hội dân chủ và chủ nghĩa đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập, đi đến thỏa hiệp vô nguyên tắc với giai cấp tư sản, từ bỏ con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa. Họ thực sự không phải vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động mà vì lợi ích của phe nhóm và cá nhân.

Từ sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga, trải qua những thử thách lịch sử, nhất là sự tan rã của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu, chúng ta có thể nói đến một thứ *chủ nghĩa cơ hội hiện đại*. Để có thể nói kỹ về thứ chủ nghĩa cơ hội này, cần có sự nghiên cứu tổng kết công phu nghiêm túc. Song bước đầu có thể nhận diện nó trên một vài nét chính : nhân danh "cải tổ", "đổi mới" trong điều kiện nắm và lợi dụng chính quyền, đưa ra những quan điểm lý luận bề ngoài có vẻ cách mạng, đổi mới, hoặc cách mạng và giả danh cách mạng đan xen nhau để người ta không phân biệt được về quan điểm và không nghi ngờ về mình, rồi dần dần từ bỏ những quan điểm cách mạng đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; thậm chí xuyên tạc, bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và những người sáng lập ra nó, phủ nhận những thành quả đã đạt được. Về hành động, những người sa vào chủ nghĩa cơ hội hiện đại trượt dài trong sự nhượng bộ, thỏa hiệp vô nguyên tắc rồi móc ngoặc với các thế lực phản động. Rút cục họ góp phần đẩy nhanh sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở một số nước, bán rẻ những thành quả cách mạng của nhân dân đã phải hy sinh bao xương máu để có được.

● CHỦ NGHĨA XÉT LẠI HIỆN ĐẠI

Chủ nghĩa xét lại hiện đại là trào lưu tư tưởng chính trị thù địch với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, xuất hiện trong nội bộ phong trào công nhân dưới chiêu bài "phê phán", "xét lại", thậm chí "phát triển" học thuyết Mác - Lê-nin. Chủ nghĩa xét lại hiện đại là một biến dạng của chủ nghĩa cơ hội hiện đại.

Chủ nghĩa xét lại hiện đại có chung nguồn gốc với chủ nghĩa xét lại trong lịch sử phong trào công nhân.

Chủ nghĩa xét lại xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ 19, khi chủ nghĩa Mác giành được thắng lợi đối với mọi biến thể của chủ nghĩa xã hội phi vô sản. Các đại biểu chính của chủ nghĩa xét lại hồi cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20 là Béc-xtanh và Cau-xki ở Đức, Ph.Át-lơ ở Áo, các nhà xã hội chủ nghĩa hữu khuynh ở Pháp... Họ đã "đèo gọt" chủ nghĩa Mác, cố gắng làm cho ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác thích ứng với nhu cầu của giai cấp tư sản quốc tế. Khi chủ nghĩa Mác trở thành chủ nghĩa Mác - Lê-nin và giành được thắng lợi mới, kẻ thù của nó lại giả danh mác xít, mượn áo xã hội chủ nghĩa, hy vọng bằng cách đó có thể đấu tranh có hiệu quả chống hệ tư tưởng vô sản. Những người không vững vàng, yếu kém về mặt lý luận trong phong trào cộng sản và công nhân, trước áp lực của hệ tư tưởng tư sản, thường rơi vào chủ nghĩa xét lại. Chủ nghĩa xét lại xuất hiện cả khi có bước ngoặt lớn trong phong trào cộng sản và công nhân, khi một số đảng viên cộng sản không đủ khả năng nhận thức đúng những hiện tượng mới của thời đại, những thay đổi trong sách lược của Đảng. Chủ nghĩa dân tộc cũng có thể trở thành nguồn nuôi dưỡng chủ nghĩa xét lại khi nó tuyệt đối hóa lợi ích của dân tộc.

Những non yếu về mặt lý luận, những sai lầm trong thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội, tính cơ hội hữu khuynh của một số người, cộng với sự tác động nhạm hiểm đủ kiểu của kẻ thù ngày càng tích tụ lại và gặm nhấm dần - đó chính là những yếu tố làm nảy sinh chủ nghĩa xét lại hiện đại. Chủ nghĩa xét lại hiện đại thường mượn danh "cải tổ", "phát triển", để xét lại, xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phản bội sự nghiệp cách mạng của nhân dân, làm sụp đổ chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nhiều nước. Những luận điệu họ nêu ra, thực chất không khác gì lắm so với chủ nghĩa xét lại trước đây. Song điều đáng chú ý là từ trong hiện thực cuộc sống các nước xã hội chủ nghĩa hơn nửa thế kỷ qua, họ cho rằng chủ nghĩa xã hội chỉ là "sự thể nghiệm sai lầm của lịch sử" ; chủ nghĩa Mác - Lê-nin không còn giá trị nữa ; chủ nghĩa xã hội thực tế là ngõ cụt, có nhiều cái xấu xa ; chủ nghĩa tư bản là con đường tương lai, có nhiều cái tốt đẹp !...

Họ sùng bái chủ nghĩa tư bản hiện đại, đề cao dân chủ tư sản và chủ nghĩa thực dụng, coi thế giới ngày nay không còn đấu tranh giai cấp, chủ nghĩa xã hội hòa nhập vào chủ nghĩa tư bản. Họ phá rã đảng cộng sản cầm quyền, bôi nhọ và phủ nhận mọi thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực. Cuối cùng họ chịu sự sai khiến của kẻ thù, đưa đất nước đi vào con đường tư bản chủ nghĩa.

Chủ nghĩa xét lại hiện đại đã gây tổn thất khôn lường đối với cách mạng và đời sống nhân dân các dân tộc. Vì thế đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, cũng như chống chủ nghĩa cơ hội hiện đại, là nhiệm vụ trọng yếu của các đảng cộng sản và công nhân, của tất cả những người cộng sản chân chính.

Digitized by Google

● ĐOÀN ĐẠI BIỂU TẠP CHÍ CẦU THỊ (TRUNG QUỐC) THĂM VIỆT NAM

Nhận lời mời của Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản*, Đoàn đại biểu Tạp chí *Cầu thị* (cơ quan lý luận của Trung ương Đảng cộng sản Trung Quốc) do Tổng biên tập Hữu Lâm dẫn đầu đã sang thăm Việt Nam từ ngày 12 đến 21-4-1993. Đoàn đã vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm nơi ở và làm việc của Người ; trao đổi kinh nghiệm công tác và một số vấn đề lý luận với Ban biên tập Tạp chí Cộng sản ; thăm một số cơ sở kinh tế, văn hóa, báo chí ở Hà nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh, Quảng nam - Đà nẵng, Sông bé, Bà rịa - Vũng tàu, Tiền giang... Ngày 13-4, đồng chí Đào Duy Tùng, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, đã thân mật tiếp Đoàn. Cùng dự buổi tiếp, về phía Việt nam có PGS, PTS Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* ; về phía Trung quốc có Đại biện lâm thời Đại sứ quán Trung quốc tại nước ta Lý Gia Trung.

● HỘI THẢO KHOA HỌC : QUYỀN CON NGƯỜI - LỊCH SỬ VÀ LÝ LUẬN

Vừa qua, tại Học viện Nguyễn Ái Quốc, nhóm đề tài KX.07-16 thuộc chương trình khoa học cấp nhà nước "Con người Việt nam - mục tiêu, động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội" (mã số KX.07) đã tổ chức hội thảo khoa học về "Quyền con người - lịch sử và lý luận". Những người tham gia hội thảo đã tập trung phân tích và thảo luận một số vấn đề như : lịch sử quyền con người và nhận thức về quyền con người ; di sản của Mác, Lê-nin và Hồ Chí Minh về quyền con người ; vấn đề quyền con người trong lịch sử Việt nam.

Xoay quanh nội dung trên, dù cách trình bày có khác nhau, những người tham gia hội thảo đều cho rằng : *quyền con người* là một vấn đề rất quan trọng, nhưng phức tạp và nhạy cảm, cả về phương diện lý luận và phương diện thực tiễn. Đây cũng là vấn đề đang thu hút sự quan tâm của các quốc gia và cộng đồng quốc tế.

Một số ý kiến cho rằng, quyền con người thể hiện *tư cách* của con người. Khái niệm "tư cách người" không tách rời các quan hệ xã hội, trong đó quan hệ cơ bản nhất, có ý nghĩa chi phối và quyết định, là quan hệ quyền lực. Trong xã hội có giai cấp, quyền lực xã hội được thể hiện tập trung ở quyền lực nhà nước. Nhà nước đại diện cho xã hội, xác nhận và bảo đảm quyền con người bằng pháp luật ; thông qua pháp luật mà định hình quyền con người trong những hoàn cảnh xác định về không gian, thời gian. Vì vậy, không thể nói đến quyền con người trừu tượng, vượt khỏi khuôn khổ pháp luật.

Khi đề cập đến quan niệm về quyền con người, nhiều ý kiến nhấn mạnh hai khía cạnh :

Một là, quyền với tư cách là khả năng tự do, tự chủ của con người như một đặc tính tự nhiên (đặc quyền).

Hai là, quyền phải được xã hội hóa, tức là phải được xác nhận và có định tính, định lượng thông qua pháp luật. Vì vậy, hiển nhiên, quyền con người gắn với đặc điểm của mỗi quốc gia. Tùy theo điều kiện lịch sử mà các nước khác nhau có những nội dung và tiêu chuẩn khác nhau về quyền con người. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân có sứ mệnh giải phóng con người khỏi áp bức, bất công. Điều này phù hợp với lô gích phát triển xã hội và cũng là sự bảo đảm quyền con người ở nấc thang cao hơn, triệt để hơn. Tư tưởng này được thể hiện rất rõ trong di sản của Các Mác, Lê-nin và Hồ Chí Minh. Còn dưới chế độ tư bản, quyền con người thực chất là đặc quyền của giai cấp tư sản.

Một số ý kiến cho rằng, giữa khái niệm "quyền con người" và "quyền công dân" có sự khác biệt. "Quyền con người" là khái niệm vừa bao hàm quyền con người được hiểu là quyền của *cá nhân con người* vừa bao hàm quyền con người được hiểu là quyền của *tập thể* người. Với nghĩa là quyền của cá nhân con người, quyền con người bao hàm cả *quyền công dân*. Còn với nghĩa là quyền của tập thể người, của cộng đồng, quyền con người biểu hiện thành quyền của các *quốc gia* (chủ quyền) và các *nhóm* trong xã hội. Pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia đều ghi nhận quyền con người ở hai mức độ nói trên.

Hội thảo cũng đề cập vấn đề *tính chất* quyền con người. Quyền con người tự nó có nội dung *đặc thù*, và có phần nghịch lý : vừa chứa đựng đặc quyền vừa đòi hỏi xóa bỏ đặc quyền ; vừa mang tính nhân loại vừa mang tính giai cấp ; vừa có tính quốc tế lại vừa có tính dân tộc ; vừa tuyệt đối (lý tưởng) vừa tương đối (có hạn) ; vừa là quyền của cá nhân vừa là quyền của cộng đồng, v.v.. Đó cũng chính là cơ sở khách quan tạo nên sự phức tạp khi nhận thức nó. Sự phức tạp càng tăng lên khi có một số nước muốn dùng "quyền con người" hiểu theo ý mình để can thiệp vào công việc nội bộ nước khác.

Các nhà khoa học tham dự hội thảo đều thống nhất rằng, tri thức về quyền con người là một bộ phận của văn hóa chính trị, có quan hệ đến bản chất và sự tồn vong của chế độ. Vì thế, nó đòi hỏi phải được mọi người, trước hết là đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý, nhận thức rõ.

● HOẠT ĐỘNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH KX.04

Chương trình khoa học cấp nhà nước "Những luận cứ khoa học cho việc đổi mới chính sách xã hội và cơ chế quản lý việc thực hiện chính sách xã hội" (mã số KX.04) do giáo sư Phạm Xuân Nam làm chủ nhiệm, Viện khoa học xã hội Việt nam là cơ quan chủ trì. Chương trình gồm có 16 đề tài, trong đó có những đề tài nghiên cứu về quan điểm lý luận và phương pháp luận, có những đề tài nghiên cứu về chính sách xã hội trên các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội.

Tuy mức độ hoàn thành có khác nhau, song qua hơn một năm triển khai thực hiện, các đề tài đều góp phần nhất định vào việc giải quyết những vấn đề cơ bản nhất trong công tác nghiên cứu là thống nhất khái niệm, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu ; xây dựng các phiếu điều tra và tiến hành điều tra, xử lý các tư liệu... Một số đề tài đã có sản phẩm cụ thể, đưa ra được những kiến nghị thiết thực để áp dụng trong cuộc sống.

Đặc biệt, Ban chủ nhiệm đề tài đã tổ chức một cuộc hội thảo về *"Khái niệm chính sách xã hội"*, nhằm thống nhất định hướng và phương pháp luận trong các công trình nghiên cứu. Trong cuộc hội thảo, hầu hết các ý kiến đều thống nhất rằng, chính sách xã hội là một khái niệm rất rộng và có nhiều cách tiếp cận khác nhau, vì vậy chỉ nên đưa ra một định nghĩa sát với đề tài nhất, và nên đi vào nội dung của chính sách xã hội. Có ý kiến cho rằng, chính sách xã hội là một khái niệm có nội dung thống nhất giữa mặt xã hội (các vấn đề xã hội) và mặt chính sách, giữa yếu tố xã hội với yếu tố kinh tế, nhân văn. Nhiều ý kiến nhấn mạnh, chính sách xã hội cần và phải được đặt trong hệ thống quản lý của nhà nước, phải mang tính pháp định. Chính sách trước hết phải mang tính chính trị, thể hiện rõ quan điểm, ý tưởng chính trị của Đảng và nhà nước. Nó phải có dấu ấn của nhà nước và được đặt trong mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội, trong định hướng phát triển xã hội. Nói tới chính sách xã hội là phải nói với hệ thống *lợi ích* : lợi ích gì ? Cho ai ? Do đó, ngoài khía cạnh nhân văn còn phải nói đến tính giai cấp trong chính sách.

Các ý kiến đều thống nhất : các chính sách xã hội phải có tính đồng bộ và tính hệ thống. Tính đồng bộ càng cao, tính hệ thống càng chặt, thì chất lượng và hiệu quả của các chính sách xã hội càng được nâng cao. Ngược lại, nếu thiếu tính đồng bộ, tính hệ thống, thì chất lượng và hiệu quả của các chính sách xã hội sẽ bị hạ thấp, thậm chí không còn. Đây cũng là điểm yếu trong việc hoạch định và thực hiện các chính sách chung của chúng ta thời gian qua...

Năm 1993 là năm có tính then chốt, các đề tài của toàn chương trình tập trung vào khâu điều tra, khảo sát để nắm thực trạng các đối tượng nghiên cứu, và tổng hợp, xử lý các số liệu, tư liệu. 6 tháng đầu năm 1994, sẽ tiến hành nghiệm thu theo các chuyên đề, thử nghiệm và ứng dụng một số kết quả nghiên cứu vào trong đời sống thực tế. Chương trình sẽ hoàn thành cuối năm 1994.

P.V

Digitized by Google

nhà máy
Xi măng Hà tiên 1

Kế tục và phát huy thành quả trong sản xuất kinh doanh năm 1992 của toàn liên hợp Xi măng Hà tiên vừa được tặng thưởng **HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT**, ***nhà máy Xi măng Hà tiên 1*** liên tục cung cấp cho thị trường các sản phẩm nhãn hiệu ***Kỳ Lân,*** đã có mặt suốt 29 năm qua :

XI MĂNG THÔNG DỤNG : PC.30, PC.40 : đã được thưởng Huy chương vàng tại Triển lãm Quốc Gia Giảng Võ liên tục nhiều năm.

XI MĂNG ĐẶC BIỆT, như : - Ít tỏa nhiệt : dùng xây dựng công trình thủy điện.
- Bền sulphate : dùng trong môi trường xâm thực.

TRỤ SỞ CHÍNH : Km 8 đường Hà Nội, Thủ Đức, Tp. HCM
ĐT : 966 608 - 966 613 - 966 619
Fax : 848 967635

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH BÁN LẺ XM : Số 19 Hồ Tùng Mậu (lầu 3) Q.1, Tp.HCM - ĐT : 297826



Digitized by Google

PETECHIM

CÔNG TY XUẤT - NHẬP KHẨU DẦU KHÍ VIỆT NAM

National Petroleum Import - Export Corp

PETECHIM

TRỤ SỞ CHÍNH	:	*194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, TP Hồ Chí Minh*
ĐIỆN THOẠI	:	*2.99299 - 2.93633 - 2.93136*
FAX	:	*84-8-299686*
TLX	:	*811241/811251/PETIM VT*
CHI NHÁNH HÀ NỘI	:	*26 Tăng Bạt Hổ*
ĐIỆN THOẠI	:	*256157 - 259839*
FAX	:	*84-4-266873*
TLX	:	*412411 PETIM HNVT*

- **Xuất khẩu dầu thô Việt Nam**
- **Nhập khẩu sản phẩm dầu :** *XĂNG, XĂNG MÁY BAY, DẦU HỎA, DẦU DIEZEN, MADUT, DẦU NHỜN*
- **Các công trình thiết bị toàn bộ**
- **Nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng**
- **Kinh doanh tổng hợp :** *GẠO, CÀ PHÊ, PHÂN BÓN, THUỐC TRỪ SÂU, HÓA CHẤT, SẮT THÉP v.v...*
- **Có hệ thống kho chứa, các đại lý phân phối bán buôn và bán lẻ xăng dầu, phân bón trong nước**
- **Sẵn sàng liên doanh, liên kết hợp tác với các doanh nghiệp và nhận ủy thác trong và ngoài nước**
- **Uy tín và chất lượng**



Ruột in tại Nhà in Nhân Dân Hà Nội II
Bìa in tại Nhà máy in Thống Nhất

Chỉ số 12651 - ISSN 0866-7276

Digitized by Google

Giá : 2.000đ

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 6
MAIN

Tạp chí Cộng sản





The Library - UC Berkeley
Received on: 07-07-93
Tap Chi Cong San

LIBRARY
JUL 08 1993
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

6
1993

Digitized by Google

CÔNG TY NHỰA RẠNG ĐÔNG (UFIPLASTIC)





- Địa chỉ : 190 đường Lạc Long Quân - QUẬN 11 - TP HỒ CHÍ MINH
- Điện thoại : 558272-550642-550652 - Telex : 811322 RĐ UFIP.VT
- Fax : 84-8-552843

Công ty nhựa rạng đông : Huân chương lao động hạng nhất và hạng ba

Năm 1990 và năm 1991 được Hội đồng Bộ trưởng tặng cờ thưởng luân lưu và Bộ công nghiệp nhẹ chọn là đơn vị dẫn đầu thi đua ngành công nghiệp nhẹ.

CÔNG TY NHỰA RẠNG ĐÔNG chuyên sản xuất, kinh doanh và xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng bằng nhựa PVC, LDPE, LLDPE, PU v.v. và các loại nguyên liệu, hóa chất ngành nhựa.

Với máy móc, thiết bị hiện đại và đồng bộ, công nghệ sản xuất tiên tiến, sản phẩm đa dạng và chất lượng cao, CÔNG TY có quy mô hoạt động vào loại lớn nhất trong ngành nhựa VIỆT NAM và thường xuyên có quan hệ thương mại với nhiều nước trên thế giới.

Các sản phẩm chủ yếu của CÔNG TY bao gồm :

1. Các loại giả da và màng mỏng bằng nhựa với nhiều quy cách vân hoa, màu sắc rất phong phú và đa dạng được dùng làm áo mưa, trải bàn, đồ dùng du lịch, đồ chơi trẻ em thổi khí, may cặp, túi xách, bọc nệm, làm dép, giày thể thao, áo lạnh, găng tay bóng đá, vải mex v.v...

2. Các loại tôn nhựa sóng vuông hay sóng tròn, màu đục hay trong suốt để lợp nhà lấy ánh sáng tự nhiên. Các loại vân nhựa phẳng dùng đóng trần nhà và trang trí nội thất.

3. Gạch nhựa với nhiều vân hoa, màu sắc phong phú nhẹ dễ sử dụng, dùng lát nền nhà bê tông, sàn gỗ. Sản phẩm lần đầu tiên được sản xuất tại VIỆT NAM.



4. Các loại ống nhựa cứng, nhẹ, bền, dễ lắp đặt, dùng làm ống nước thay ống sắt tráng kẽm. Các loại ống nhựa mềm, ống luồn dây điện v.v...

5. Các loại túi, bao bì bằng nhựa PE, PP, giấy tráng nhựa, màng phức hợp nhiều lớp. Có máy in 6 màu theo mẫu mã của khách hàng, dùng làm bao bì đựng thực phẩm khô và bao bì các hàng tiêu dùng.





6. Sản xuất các loại áo mưa, áo gió, áo Jacket, túi sách, cặp học sinh, giày dép v.v...

Sản phẩm của CÔNG TY NHỰA RẠNG ĐÔNG rất nổi tiếng trên thị trường, đã được tặng nhiều HUY CHƯƠNG VÀNG tại TRIỂN LÃM KINH TẾ KỸ THUẬT VIỆT NAM và HỘI CHỢ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY NHỰA RẠNG ĐÔNG sẵn sàng mở rộng quan hệ hợp tác liên doanh, liên kết, mua bán sản phẩm và nguyên liệu với các khách hàng trong và ngoài nước.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

6-1993 NĂM THỨ XXXIX (450)

MỤC LỤC

	Đồng chí Cố vấn Phạm Văn Đồng thăm và làm việc với Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*	3
	VÕ CHÍ CÔNG - Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp và phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta	5
	NGUYỄN HÀ PHAN - Một số vấn đề về xây dựng nông thôn mới ở miền núi	10
	NGUYỄN ĐÌNH TỨ - Khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới	14
	NGUYỄN KỲ CẨM - Đổi mới công tác thanh tra trong tình hình hiện nay	18
Nghiên cứu - Trao đổi	• *Nghiên cứu*	
	ĐỖ HOÀI NAM - Sở hữu nhà nước và kinh tế nhà nước	21
	NGUYỄN XUÂN THẢO - Vì sao đất đai thuộc sở hữu toàn dân ?	24
	NGUYỄN ĐÌNH TÔN - Kinh tế tư nhân : Hướng phát triển ở nước ta	26
	KHỔNG DOÃN HỢI - Quan hệ giữa kinh tế thị trường và chính trị ở nước ta	29
	LA CÔN - Kế hoạch và thị trường : Từ những cuộc tranh luận	32
	• *Trao đổi*	
	* * * Hội nghị trao đổi ý kiến về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở Thái bình	35
	CHU VĂN RỴ - Mấy vấn đề về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở Thái bình	40
Thực tiễn - Kinh nghiệm	NGUYỄN VĂN TUẤT - Những nhu cầu mới của kinh tế hộ nông dân vùng đồng bào sông Cửu long	45
	TÔ TỬ HẠ - Vấn đề phân định cán bộ	48
	NGUYỄN VĂN CHÂU - Cơ chế tài chính và sự nghiệp phát triển văn hóa xã hội	51
Điều tra	VŨ NGỌC LÂN - Có phải "217 đẩy Đảng ra" ?	54
Thế giới : vấn đề, sự kiện	VŨ HIỀN - Bin Clin-tơn : Tìm đâu sự phục hưng cho nước Mỹ ?	58
Qua sách báo nước ngoài	* * * Mô hình Trung hoa	61
Tìm hiểu khái niệm	• Chủ nghĩa giáo điều • Chủ nghĩa kinh nghiệm	63
Tin hoạt động lý luận	• Hoạt động của Chương trình khoa học cấp nhà nước KX.03	64
	• Hội thảo khoa học về nho giáo và văn hóa Việt nam	

Bìa 1 : *Đồng muối Phan Rang. Nông thôn Hà Tĩnh.*
Ảnh : *TRẦN ẤM*

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội • Dây nói : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh • Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• Деловой визит Советника ЦК КПВ Фам Ван Донга в редакцию журнала *Тапти Конгшан.* ВО ТЬИ КОНГ - Обновление экономического управления сельским хозяйством и развитие товарного сельского хозяйства в нашей стране • НГУЕН ХА ФАН - Некоторые проблемы строительства новой деревни в горных районах. НГУЕН ДИНЬ ТЫ - Наука и технология в деле обновления • НГУЕН КИ КЯМ - Обновление ревизионной работы в нынешней обстановке • *Исследования - Обмен мнениями* • ДО ХОАЙ НАМ - Государственная собственность и госэкономика •НГУЕН СУАН ТХАО - Почему земля - всенародное достояние. НГУЕН ДИНЬ ТОН - Частное хозяйство: направление его развития во Вьетнаме • КХОНГ ЗОАН ХОЙ - Взаимосвязи между рыночной экономикой и политикой в нашей стране. *** Семинар по вопросам обновления метода партийного руководства в пров. Тхайбинь • *Мир: проблемы, факты* • ВУ ХИЕН - Билл Клинтон: В чем видятся перспективы возрождения США ?

CONTENTS

Pham Van Dong advisor, visiting and working with the editorial staff of the *Review of Communism*. VÕ CHÍ CÔNG - Renovating agricultural management economically and developing mercantile agriculture in our country. NGUYỄN HÀ PHAN - Some issues on building new countryside in the mountainous region. NGUYỄN ĐÌNH TỨ - Science and technology in the cause of renovation. NGUYỄN KỲ CẨM - Renovating the work of inspection in the present situation ● *Research and exchange* ★ ĐỖ HOÀI NAM - State ownership and State economy. NGUYỄN XUÂN THẢO - Why does land belong to the entire people's ownership ? NGUYỄN ĐÌNH TÔN - Private economy - Its orientation in our country. KHỔNG DOÃN HỢI - The relationship between market economy and politics in our country. *** Conference on the renovation of leading method of the Party in Thai Binh province ● *The World - Its problems and facts* ★ VŨ HIỀN - Bill Clinton - Where can he find prosperity for the United States ?

SOMMAIRE

Visite et entretien du conseiller du CC du PCV Pham Van Đồng avec la rédaction de la *Revue du Communisme*. VÕ CHÍ CÔNG - Rénover la gestion économique dans l'agriculture et développer l'agriculture marchande dans notre pays. NGUYỄN HÀ PHAN - Quelques problèmes dans l'édification d'une zone rurale nouvelle dans les régions montagneuses. NGUYỄN ĐÌNH TỨ - Les sciences et technologies dans l'oeuvre du renouveau. NGUYỄN KỲ CẨM - Rénover le travail d'inspection dans la situation actuelle ● *Etudes - Echanges* ★ ĐỖ HOÀI NAM - La propriété étatique et L'économie étatique. NGUYỄN XUÂN THẢO - Pourquoi les terres appartiennent - elles au peuple ? NGUYỄN ĐÌNH TÔN - L'économie privée : son orientation dans notre pays. KHỔNG DOÃN HỢI - Rapport entre la politique et l'économie de marché dans notre pays. *** Conférence sur le renouveau des méthodes de direction du Parti au Thái Bình ● *Le Monde : Problèmes Événements* ★ VŨ HIỀN - Bill Clinton : Où est-ce-qu'on peut trouver une renaissance pour les Etats - Unis ?

SUMARIO

Visita del consejero Phạm Văn Đồng a la Redacción de la *Revista del Comunismo*. VÕ CHÍ CÔNG - Renoación de la gestión económica en la agricultura y el desarrollo de la agronomía mercantil en Vietnam.NGUYỄN HÀ PHAN - Algunos problemas sobre la edificación del campo nuevo en la región montñosa. NGUYỄN ĐÌNH TỨ - La ciencia y la tecnología en la obra de renovación. NGUYỄN KỲ CẨM - Renovar el trabajo de inspección en la actualidad ● *Estudios - Intercambios* ★ ĐỖ HOÀI NAM - La propiedad estatal y la economía de Estado. NGUYỄN XUÂN THẢO - ¿ Por qué es propiedad de todo el pueblo la tierra ? NGUYỄN ĐÌNH TÔN - Economía privada : su orientación de desarrollo en Vietnam. KHỔNG DOÃN HỢI - La relación entre la economía de mercado y la política en Vietnam. *** Conferencia sobre la renovación del método de dirección del Partido en la provincia de Thái Bình ● *El mundo : Problemas y acontecimientos* ★ VŨ HIỀN - Bill Clinton : ¿ En dónde se halla el renacimiento para Estados Unidos ?

目錄

范文同顧問同志探望共產主義雜誌。
武至公：我國改革農業經濟管理与發展農業問題。阮何潘：建設山區新農村若干問題。阮孝四：科學与工藝在更新事業中。阮其錦：在當前形勢中的監察工作。● 研究与交換★杜怀南：國家所有制与國營經濟。阮春草：為什么土地歸屬全民所有。阮孝孫：我國私營經濟的發展趨向。孔尹亥：我國市場經濟与政治問的關系。★★★太平省改進黨的領導方式研討會。●世界：問題与事件★武賢：克林頓何處謀求美國之振興。

Digitized by Google

Đồng chí Cố vấn PHẠM VĂN ĐỒNG

THĂM VÀ LÀM VIỆC VỚI BỘ BIÊN TẬP *TẠP CHÍ CỘNG SẢN*



NHÂN kỷ niệm lần thứ 103 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đúng sáng 19-5-1993, đồng chí Phạm Văn Đồng, Cố vấn Ban chấp hành trung ương Đảng đã đến thăm và làm việc với Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*.

Toàn thể cán bộ và nhân viên Tạp chí đã nồng nhiệt đón đồng chí Cố vấn. Cùng đón đồng chí Cố vấn còn có đại diện một số ban ngành trung ương, một số cơ quan nghiên cứu và tạp chí lý luận, các cơ quan thông tấn, báo chí, xuất bản, cùng một số cộng tác viên thân thiết của Tạp chí.

Mọi người vô cùng phấn khởi khi thấy đồng chí Cố vấn mặc dù tuổi cao nhưng mạnh khỏe và rất vui.

Đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản*, thay mặt tập thể Bộ biên tập và đội ngũ cộng tác viên, nhiệt liệt chào mừng đồng chí Cố vấn Phạm Văn Đồng, một trong những học trò gần gũi và xuất sắc của Bác Hồ kính yêu. Đồng chí Tổng biên tập báo cáo với đồng chí Cố vấn những nét chính về công tác của Tạp chí những năm gần đây và phương hướng phấn đấu trong thời gian tới. Đồng chí nhắc lại những kỷ niệm sâu sắc và những lời căn dặn ân cần của đồng chí Phạm Văn Đồng khi đồng chí về thăm Tạp chí trước đây.

Vẫn phong độ gần gũi, cởi mở, đồng chí Cố vấn thăm hỏi, động viên anh chị em, biểu dương những kết quả mà Tạp chí đã đạt được, thân mật trao đổi ý kiến với cán bộ biên tập và cộng tác viên của Tạp chí.

Đồng chí Cố vấn chỉ rõ : *Tạp chí Cộng sản* là tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng. Từ xưa đến nay làm cách mạng bao giờ cũng phải có lý luận. Ngày nay, hơn lúc nào hết, ta càng cần có lý luận. Sự nghiệp đổi mới đất nước có bao nhiêu vấn đề lý luận đặt ra. Lý luận là đường hướng, là cẩm nang giúp chúng ta thực hiện đúng, thực hiện tốt sự nghiệp cách mạng. Lý luận là gì ? Lý luận nói cho cùng chính là kết quả hoạt động thực tiễn được khái quát lên thành quy luật. Nghiên cứu lý luận là tìm cho ra quy luật. Sự vật vận động và phát

Digitized by Google

triển theo quy luật. Thế giới tự nhiên và thế giới xã hội con người cũng như vậy. Cuộc sống bao giờ cũng vận động và vận động có quy luật. Nó là cái này, đồng thời cũng là cái khác. Nó chứa đựng đầy mâu thuẫn nhưng lại thống nhất, khiến ta phải tìm hiểu và giải quyết.

Ngày nay, Tạp chí lý luận của Đảng có chức năng cực kỳ trọng yếu. Các đồng chí phải vượt qua những trở ngại, vươn lên và cố gắng nhiều lắm. Chúng ta đều nhận thấy sức vóc của chúng ta chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Không phải chỉ có các đồng chí chưa ngang tầm, mà toàn đảng và kể cả tôi, có bao giờ ngang tầm được. Ta cố gắng song cuộc sống luôn thay đổi, luôn biến động, ta lại phải cố gắng hơn nữa mới theo kịp cuộc sống. Rồi cuộc sống nó lại bỏ xa ta. Và ta lại phải cố gắng... Cứ như thế, sự vật tiếp tục vận động, phát triển đi lên mãi...

Ở đây, các đồng chí cần lo "đầu vào" cho thật tốt. Qua nghiên cứu, học tập, qua thăm dò ý kiến bạn đọc, tập hợp cộng tác viên để có nhiều bài vở chất lượng, giải đáp phần nào những vấn đề cuộc sống đặt ra.

Về "đầu ra", nghe đồng chí Tổng biên tập báo cáo từ chỗ Tạp chí chỉ phát hành hơn ba vạn bản vài năm trước đây nay đã lên trên bốn vạn bản, tôi rất mừng. Như vậy, "đầu ra" cũng có cơ sở để phát triển ngày càng tốt hơn. Tất nhiên "đầu ra" như vậy vẫn chưa đủ. Hiện nay, ta có mấy triệu đảng viên. Các đồng chí nên biết Tạp chí của Đảng thường là những ai ham đọc, cần đọc ? Bạn đọc lâu nay người ta đánh giá Tạp chí thế nào ? Đó là vấn đề rất đáng quan tâm.

Còn về nội dung của Tạp chí, tôi hoàn toàn đồng tình với bản khoản của đồng chí phó tổng biên tập. Hiện nay, đúng là những vấn đề lý luận của chúng ta đang bề bộn, ngổn ngang. Vậy vấn đề nào là trọng tâm, là mấu chốt ? Nếu tìm trúng được vấn đề, nó sẽ giúp ta gỡ được nhiều vấn đề khác. Tôi biết Trung ương, Bộ chính trị đã trao cho một số chuyên gia, một số cơ quan tổ chức nghiên cứu những đề tài cơ bản. Và đây chắc sẽ là một trong những nội dung được bàn bạc trong Hội nghị đại biểu của Đảng vào cuối năm nay. Các đồng chí cần tập hợp nhau lại nghiên cứu, đào sâu suy nghĩ, đồng thời gặp gỡ nhiều người khác trao đổi, tranh luận. Chúng ta có thể đăng tải những cuộc tranh luận đó trên Tạp chí. Nếu số đông chấp nhận và đồng tình là được. Qua thực tiễn kiểm nghiệm và lòng dân, ta có thể biết vấn đề ta đưa ra trúng hay chưa.

Cuộc sống có trăm ngàn câu hỏi. Ta đâu có sợ câu hỏi. Chỉ sợ ta không biết trả lời hoặc trả lời không đến nơi đến chốn. Vấn đề ở đây chính là hiểu biết, tài năng, lòng say mê và nghiệp vụ làm báo của các đồng chí, của tất cả chúng ta. Chất lượng đội ngũ làm công tác này cần nâng cao ghê gớm. Thư viện của các đồng chí có đủ đầu sách, tài liệu cho anh chị em nghiên cứu không ? Sách báo lý luận (kể cả sách báo lý luận nước ngoài) có đủ không ? Tôi không nghĩ một cán bộ ở đây không biết ngoại ngữ lại có thể làm việc được. Đời sống của ta hôm nay còn muôn vàn khó khăn. Các đồng chí phải lo đời sống của anh chị em, tạo những điều kiện cần thiết để anh chị em vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Một số vấn đề các đồng chí nêu ra, theo tôi, cần phải thảo luận, trao đổi. Thời đại ngày nay không ai có đặc quyền chân lý. Ta cần mở rộng cánh cửa đối thoại. Đối thoại bằng nhiều cách. Giả dụ các đồng chí đòi tôi cho một "lá bùa" để giải quyết mọi chuyện, thì theo tôi, "lá bùa" ấy chính là ý Đảng và lòng dân kết hợp với nhau. Ý Đảng lòng dân gặp nhau, thì không có việc gì chúng ta không làm được.

Bác Hồ của chúng ta trước đây hoạt động gian truân lắm các đồng chí ạ. Nhưng Bác rất bình tĩnh, sáng suốt. Vào những lúc khó khăn phức tạp, nếu Bác không bình tĩnh, không kiên tâm, thì vận mệnh của đất nước sẽ ra sao ? Hiện nay, ta đang ở giai đoạn có rất nhiều vấn đề phức tạp, nhiều thách thức. Ta phải vượt qua sự thách thức và phức tạp đó cùng nhân dân đưa đất nước đi lên. Điều quan trọng là phải thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ : đoàn kết, hòa hợp dân tộc thành một khối vững chắc. Thời đại ngày nay cho phép các dân tộc nhiều cơ hội vươn lên. Ta có đủ khả năng xây dựng một nước giàu mạnh về vật chất, phong phú về tinh thần. Dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh - đó là mục tiêu phấn đấu của chúng ta. Đó cũng là cố gắng của chúng ta đóng góp vào bức tranh chung của nhân loại, như trước đây chúng ta đã từng đóng góp một chiến công tuyệt vời, chống chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân.

Tạp chí Cộng sản có lịch sử phát triển dày dạn mấy chục năm, có thành tựu và có kinh nghiệm. Trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, *Tạp chí Cộng sản* có vị trí rất quan trọng. Tạp chí phải trở thành một trung tâm nghiên cứu lý luận, đồng thời là một diễn đàn rộng rãi để cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân thảo luận, tìm ra hướng phát triển và những bước đi thích hợp cho đất nước. Tập thể Bộ biên tập Tạp chí phải cố gắng nhiều lắm, cố gắng vượt mức bình thường, để vượt qua những khó khăn, nhất là những khó khăn trong tình hình lý luận hiện nay, xây dựng đội ngũ đủ phẩm chất và năng lực trí tuệ ngang tầm nhiệm vụ. Những người làm ở Tạp chí phải nắm vững chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, không ngừng học tập tác phong, đạo đức của Bác Hồ, phải dũng cảm, đồng thời biết kiên trì bảo vệ chân lý, bảo vệ những quan điểm đúng đắn. Thực tiễn và lòng dân là hai tiêu chuẩn quan trọng nhất để kiểm nghiệm chân lý và đánh giá lý luận.

P.V.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI QUẢN LÝ KINH TẾ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP HÀNG HÓA Ở NƯỚC TA

VÕ CHÍ CÔNG
Cố vấn BCH TƯ ĐCS Việt nam

ĐẢNG và Chính phủ đã có nhiều nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, trong đó có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (khóa VI) "Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp". Sau khi ban hành (ngày 5-4-1988), Nghị quyết 10 đã được đông đảo quần chúng nông dân đồng tình ủng hộ và hăng hái thực hiện. Vì nó đã *bắt mạch đúng yêu cầu cuộc sống của hàng chục triệu hộ nông dân* ; đồng thời, bao hàm nội dung đổi mới triệt để và sâu sắc : "Thực sự giải phóng sức sản xuất ; gắn sắp xếp tổ chức lại sản xuất với cải tạo xã hội chủ nghĩa, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất nông nghiệp. Phát huy được mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, các vùng, các ngành ; chuyển nền nông nghiệp nước ta còn mang nặng tính chất tự cung, tự cấp ở nhiều vùng sang sản xuất hàng hóa... Giải quyết đúng đắn các mối quan hệ về lợi ích, nhất là bảo đảm lợi ích chính đáng của người sản xuất... Mở rộng dân chủ, đề cao pháp chế, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa. Đổi mới về tổ chức và cán bộ phù hợp với cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý mới".

Thực hiện nghị quyết của Đảng, trong những năm qua, nhân dân ta đã không ngừng phấn đấu vươn lên vượt qua những khó khăn thử thách và đã đạt được những kết quả to lớn trên nhiều mặt về kinh tế-xã hội. Trong thành tựu chung, phải kể đến nông nghiệp là ngành đã đạt được những thành tựu nổi bật :

- Sản xuất lương thực không ngừng tăng trưởng (từ 19,5 triệu tấn năm 1988 lên 21,5 triệu tấn năm 1990 và hơn 24 triệu tấn năm 1992). Nhờ đó, đã giải quyết được cơ bản nhu cầu lương thực của xã hội, có lương thực dự trữ và xuất khẩu với khối lượng bình quân mỗi năm trên 1,4 triệu tấn (tính từ năm 1989 đến 1992). Đó là một thành tựu quan trọng, góp phần vào việc ổn định tình hình kinh tế-xã hội mà trong cơ chế cũ Đảng và Nhà nước ta tốn rất nhiều công sức vẫn chưa giải quyết được.

- Cơ cấu sản xuất nông nghiệp trong mấy năm qua đã có bước chuyển dịch rất quan trọng, phát triển toàn diện cả trồng trọt, chăn nuôi và ngành nghề ở nông thôn, chuyển dần nền nông nghiệp từ độc canh sản xuất lúa sang nền nông nghiệp đa canh, gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Cơ cấu kinh tế nông nghiệp được sắp xếp lại theo hướng đa ngành, kết hợp phát triển cả nông, lâm, ngư nghiệp và dịch vụ, tỷ trọng hàng hóa được gia tăng.

Đã hình thành một số vùng cây công nghiệp chuyên canh tập trung để xuất khẩu. Thủy sản phát triển khá cả về đánh bắt và nuôi trồng ; nghề nuôi trồng thủy sản nhất là nuôi cá, tôm, đặc sản đang trở thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn ; giá trị sản lượng thời kỳ 1989-1992 tăng hàng năm là 4%, kim ngạch xuất khẩu tăng 25%. Lâm nghiệp nhờ đẩy mạnh việc giao đất giao rừng cho hộ gia đình nên việc trồng rừng theo các dự án dưới nhiều hình thức vườn rừng, vườn đồi, đang tạo ra bước phát triển mới. Từ năm 1989 đến nay đã giao 796 000 ha cho 440 000 hộ, nâng tổng số đất và rừng giao cho hộ là 5 230 000 ha, trong đó có 3 480 000 ha đất trống, đồi trọc. Nhiều ngành nghề truyền thống trong nông thôn được khôi phục. Nhờ đó đã tăng nhanh được kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm, thủy sản và cân đối được nhu cầu vật tư kỹ thuật phục vụ trở lại đối với nông nghiệp.

- Việc tạo môi trường thuận lợi cho các thành phần kinh tế trong nông nghiệp ra đời và phát triển, nhất là việc thừa nhận *hộ là đơn vị kinh tế tự chủ*

Digitized by Google

đã tạo nên một động lực phát triển mạnh mẽ, năng động về kinh tế ở nông thôn. Trong cơ chế thị trường, nhiều hộ nông dân ở trong cũng như ngoài hợp tác xã được tự do lưu thông và trao đổi hàng hóa, vượt qua tình trạng sản xuất tự cung tự cấp, trở thành hộ sản xuất hàng hóa. Một số hộ nông dân có khả năng về vốn, kinh nghiệm sản xuất, đã trở thành những tư nhân kinh doanh nông nghiệp với quy mô nuôi tôm trên diện tích mặt nước rộng hàng chục, hàng trăm héc ta, chăn nuôi vài chục con bò sữa và hàng trăm con lợn. Chính việc sản xuất kinh doanh của các hộ này không những đem lại hiệu quả kinh tế nhiều mặt mà còn là *tác nhân kích thích phân công lại lao động xã hội* ở nông thôn, tạo ra những tiền đề kinh tế để ra đời *các hình thức hợp tác kinh tế mới*, đang vươn lên sản xuất hàng hóa có khối lượng lớn và biết làm giàu nhanh chóng.

- Một khi chuyển hướng sang nền nông nghiệp hàng hóa theo cơ chế thị trường, có định hướng của nhà nước thì những tiến bộ và khoa học kỹ thuật nhanh chóng được đa số nông dân áp dụng một cách sáng tạo và kỳ diệu. Đặc biệt là những tiến bộ về thay đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, đã làm thay đổi cơ cấu mùa vụ, phát huy được thế mạnh mỗi vùng.

- Những thay đổi trong quản lý kinh tế và kết quả đạt được trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đã tạo điều kiện cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng ở nông thôn ; giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, nước đã được mở mang và phát triển, nhờ nguồn vốn của nhà nước và nhân dân cùng đóng góp xây dựng. Đến nay, cơ sở hạ tầng đó đã phát huy tác dụng tại nhiều vùng, và đang tạo đà cho giao lưu hàng hóa và hình thành dần thị tứ, thị trấn, các tụ điểm kinh tế có tác dụng thúc đẩy kinh tế hàng hóa nông thôn phát triển.

Đời sống của nông dân ở nhiều vùng được cải thiện một bước, từ ăn, ở, đi lại, mua sắm tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng đến hưởng thụ văn hóa, thông tin đại chúng ; nạn đói được đẩy lùi, số hộ giàu có tăng lên, số hộ nghèo và diện nghèo đã giảm bớt.

Nhìn chung tình hình chính trị xã hội ở nông thôn được ổn định, nông dân phát huy được quyền dân chủ trên các mặt, nhất là trong xây dựng và phát triển kinh tế.

Nói nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống cũng có nghĩa cuối cùng bộ mặt nông thôn phải được đổi mới, đời sống nông dân phải được cải thiện, và quyền làm chủ của họ phải được phát huy trên các mặt. Kết quả đạt được trên đây đã làm sáng tỏ điều đó.

Sở dĩ đạt được những thành tựu nêu trên, trước hết là do đường lối đổi mới của Đảng nói chung và sự vận dụng đường lối đổi mới đó vào nông nghiệp, nông thôn nói riêng, phù hợp với quy luật kinh tế-xã hội và quy luật sinh học tự nhiên trong nông nghiệp. Đường lối phát triển nông nghiệp chuyển sang sản xuất hàng hóa, với sự tham gia của nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, làm cho dân giàu nước mạnh, được nông dân phấn khởi tiếp nhận nhạy bén và vận dụng vô cùng sáng tạo, tạo thành động lực to lớn trong nông nghiệp. Trong đường lối đó, phải kể đến những quyết sách quan trọng tác động đến sự phát triển nông nghiệp. Đó là việc thừa nhận hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ. Đó là chính sách đầu tư có trọng điểm đối với nông nghiệp và chính sách đưa tiến bộ kỹ thuật vào nông nghiệp phá vỡ sản xuất nông nghiệp theo lối cổ truyền lạc hậu.

Sự đổi mới của nông nghiệp trong thời gian qua được tiến hành trong sự nghiệp đổi mới nói chung của nền kinh tế cả nước, nên được sự hỗ trợ và tác động của các cấp, các ngành kinh tế.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, nền nông nghiệp nước ta vẫn còn một số tồn tại : nông nghiệp về cơ bản vẫn là sản xuất nhỏ ; công nghệ sản xuất còn mang nặng tính cổ truyền, lạc hậu ; hàng hóa nông sản chiếm tỷ lệ thấp, công nghệ chế biến lạc hậu ; kết cấu hạ tầng nông thôn yếu kém ; sức mua của thị trường trong nước (80% nông nghiệp, nông thôn) còn yếu ; thị trường quốc tế chưa ổn định. Có thể nêu lên một số vấn đề hiện đang nổi cộm trong cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp cần phải giải quyết :

- Cơ cấu nông nghiệp còn lạc hậu ; chưa thoát khỏi nền nông nghiệp độc canh và thuần nông. Sản

Digitized by Google

xuất ở nhiều vùng chủ yếu là độc canh lúa và chưa thoát khỏi tình trạng tự cung tự cấp. Chăn nuôi chưa phát triển (giá trị chăn nuôi chưa vượt quá 25% giá trị nông nghiệp). Sản xuất nông nghiệp chưa gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm là một khuyết tật lớn và chưa tạo ra được các ngành nghề mới trong nông thôn.

- Quan hệ sản xuất chưa thật phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất ; mô hình hợp tác xã và các đơn vị quốc doanh ở nhiều nơi về cơ bản vẫn chưa được đổi mới. Cơ chế quản lý còn chưa giải phóng triệt để sức sản xuất trong nông thôn, hộ nông dân chưa thực sự làm chủ trong sản xuất kinh doanh ; phần lớn hợp tác xã trước đây vẫn còn quản lý ruộng đất, giao khoán cho hộ và hộ phải chịu nhiều khoản thu bất hợp lý.

- Vấn đề quản lý ruộng đất chưa được xử lý tốt. Việc giao đất cho các hộ nông dân, cho các gia đình thành viên ở các cơ sở nông nghiệp quốc doanh diễn ra chậm chạp. Do chưa có sự thống nhất về quan điểm giao đất ổn định lâu dài cho hộ, dẫn tới những giải pháp đề ra cũng chưa thật phù hợp với yêu cầu đổi mới nông nghiệp và điều kiện cụ thể của từng vùng, làm hạn chế động lực và tính năng động sáng tạo của người lao động.

- Đời sống các mặt ở nông thôn so với thành phố thì chênh lệch quá lớn, nông dân ở nhiều vùng còn khó khăn, nhất là vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Có một bộ phận nông dân sống dưới mức nghèo khổ, thiếu đói triền miên, một số vùng thiếu nước, bệnh tật, mù chữ, có nơi chưa có đường giao thông đến xã. Đang có sự phân hóa giàu nghèo trong nông thôn.

Những kết quả đạt được và những mâu thuẫn mới nảy sinh trong nông nghiệp như đã nói ở trên, đòi hỏi chúng ta phải tiếp tục hoàn thiện và thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở nông thôn phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Để giải quyết vấn đề đó, theo tôi, trong thời gian tới vẫn phải bám sát các quan điểm và phương hướng cơ bản mà Nghị quyết 10 đã đề ra, đồng thời bổ sung thêm một số nội dung mới. Trọng tâm là giải phóng sức sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, cải thiện không ngừng đời sống nông dân gắn với việc thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từng bước từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu ; phát huy cao nhất mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, các vùng, các ngành ; chuyển nền nông nghiệp thấp kém, lạc hậu mang nặng tính tự cung tự cấp sang nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa, kết hợp kinh doanh tổng hợp phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội ở từng vùng, tạo tiền đề cho công nghiệp hóa đất nước ; giải quyết vững chắc về lương thực, thực phẩm ; tăng nguyên liệu cho công nghiệp, hàng hóa nông sản cho tiêu dùng và xuất khẩu ; mở rộng thị trường nông thôn, gắn nông nghiệp và công nghiệp thành cơ cấu kinh tế thống nhất. "Phát triển *nông, lâm, ngư nghiệp gắn với công nghiệp chế biến, phát triển toàn diện kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới* là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu để ổn định tình hình kinh tế - xã hội".(1)

Thấm nhuần tinh thần nghị quyết của Đảng và căn cứ vào thực tế tình hình nông nghiệp, nông thôn hiện nay, việc tiếp tục đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp cần được tiến hành theo phương hướng và biện pháp sau đây :

1- Đổi mới chế độ kinh tế hợp tác.

Khi bàn về chế độ hợp tác trong nông nghiệp, Lê-nin đã nêu rõ : đó là con đường tất yếu đối với nông dân và khi tiến hành phải bảo đảm nguyên tắc : "tự nguyện" và "cùng có lợi" bằng con đường giản đơn nhất, dễ tiếp thu nhất đối với nông dân, vì nó thích hợp với trình độ của người nông dân bình thường nhất, nó không đề ra với nông dân những yêu cầu quá cao. Người còn phân tích rất kỹ mục tiêu của hợp tác là để cùng phát triển kinh tế, đem lại lợi ích tốt hơn cho các thành phần và chủ thể tham gia ; và trong mỗi thời kỳ, phải có nội dung kinh tế hợp tác phù hợp.

Trong điều kiện mới hiện nay, chúng ta cần xác định rõ nội dung kinh tế mới của hợp tác xã : ban quản trị hợp tác xã không quản lý điều hành như

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 63

Digitized by Google

cũ, bình đẳng với các hộ xã viên, không quản lý ruộng đất của xã viên, giảm dần từng bước và nhanh chóng tiến tới xóa bỏ hoàn toàn các khoản thu của các hộ xã viên theo tỷ lệ đầu sào, đầu mẫu để làm quỹ và trả công cho các cán bộ quản lý. Hợp tác xã tập trung vào kinh doanh dịch vụ : tổ chức hướng dẫn kỹ thuật sản xuất, bảo đảm về thủy lợi ; bảo vệ thực vật ; bảo đảm công tác thú y ; cung cấp giống ; phát triển ngành nghề ; kinh doanh công nghiệp chế biến ; bảo đảm đầu vào, đầu ra cho hộ xã viên. Như vậy, hợp tác xã hoạt động trên cơ sở *hợp đồng thỏa thuận* với hộ xã viên và bằng nguồn thu do kinh doanh dịch vụ đem lại.

Theo hướng đó, đối với các hợp tác xã mà ban quản lý còn là hình thức và sau khi củng cố vẫn không làm nổi chức năng kinh doanh dịch vụ, thì mạnh dạn cho giải thể theo nguyện vọng của xã viên và vận động nông dân tự nguyện tham gia các hình thức hợp tác giản đơn ; vận động hình thành hợp tác xã kiểu mới, từ hợp tác một khâu đến nhiều khâu, từ công việc nông nghiệp đến công việc thuộc các ngành nghề khác, những công việc mà xét thấy nếu để từng hộ sẽ không làm được hoặc làm không có hiệu quả. Chính quan hệ hợp tác này dần dần hình thành hệ thống quan hệ sản xuất mới, thay thế mô hình hợp tác xã kiểu cũ.

Do không có hiệu quả, hầu hết bị lỗ, các đơn vị kinh tế nông nghiệp quốc doanh kiểu cũ hiện nay thực tế không còn đóng vai trò chủ đạo đối với các thành phần kinh tế khác. Vì vậy, đối với các đơn vị kinh tế nông, lâm nghiệp quốc doanh hiện nay, cần có sự tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý theo hướng : khoán diện tích đất, vườn, cây trồng, vật nuôi và chi phí sản xuất cho các hộ thành viên, hoặc giao ổn định lâu dài diện tích đất, vườn, cây trồng, con nuôi theo khả năng lao động của các hộ đó để họ thực sự làm chủ sản xuất kinh doanh ; chuyển sang thực hiện nhiệm vụ đầu tư, bảo tồn, tăng trưởng vốn, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, làm dịch vụ đầu vào đầu ra. Các cơ sở kinh tế quốc doanh thực hiện vai trò định hướng phát triển nông, lâm nghiệp của từng vùng trên cơ sở liên doanh liên kết với hộ nông dân và các thành viên kinh tế khác để tạo nên các vùng chuyên canh, vùng có khối lượng sản xuất hàng hóa lớn. Các nông trường Thắng lợi, Đồng giao, Long phú và các nông trường khác đã thực hiện theo mô hình này, và như thực tế cho thấy, đã đem lại hiệu quả kinh tế cao.

2- Phát triển mạnh kinh tế hộ.

Kinh tế hộ nông dân phát triển thì nhất định sẽ có một bộ phận nông dân mở rộng sản xuất với quy mô lớn và trở thành kinh tế tư nhân hoặc có tính chất trang trại. Chúng ta cần khuyến khích kinh tế hộ, bởi vì thực tế nó đem lại hiệu quả kinh tế nhiều mặt (giúp huy động vốn, khai thác tiềm năng sản xuất, tạo thêm việc làm cho người lao động, tăng thêm hàng hóa cho xã hội).

Hiện nay, trong cơ chế thị trường, sự cạnh tranh và sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn là không tránh khỏi (do hộ nông dân làm chủ sản xuất kinh doanh, do quy luật phát triển kinh tế không đều). Nắm được quy luật phát triển không đều giữa các hộ nông dân và sử dụng công cụ điều tiết của nhà nước, thông qua các chính sách kinh tế - xã hội, chúng ta chủ trương giải quyết vấn đề phân hóa giàu nghèo trong xã hội theo phương hướng lành mạnh như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ là : "người nghèo thì đủ ăn ; người đủ ăn thì khá, giàu ; người khá, giàu thì giàu thêm". Thực hiện theo hướng đó, mấy năm qua chúng ta đã có biện pháp "xóa đói, giảm nghèo", bước đầu đem lại kết quả.

3- Thực hiện giao ruộng đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân.

Để củng cố vai trò của hợp tác xã và thực hiện quyền làm chủ thật sự của xã viên, thì việc giải quyết tốt vấn đề ruộng đất là yếu tố quan trọng nhất. Cần giao đất cho hộ nông dân sử dụng ổn định, lâu dài theo đúng luật pháp để ruộng đất, công cụ và tư liệu sản xuất gắn bó máu thịt với họ, đối tượng lao động không tách rời với sản phẩm cuối cùng của họ. Nông dân có thể tự nguyện thỏa thuận đổi ruộng đất cho nhau để canh tác thuận lợi, có quyền chuyển nhượng, thừa kế, cho thuê và thế chấp để dễ dàng vay vốn ngân hàng trong khuôn khổ luật pháp quy định. Do tính chất phức tạp của vấn đề đất đai và để ổn định nông thôn, khi phân giao đất cho hộ nông dân, không nên đạt vấn đề ruộng đất phải trở lại với

Digitized by Google

chủ cũ. Đối với đất dự phòng, không nhất thiết mọi nơi, mà chỉ nơi nào thật cần thiết để trang trải nhu cầu của mình mới cần có, nhưng để lại bao nhiêu phải được nông dân đồng tình (có thể không quá 5%). Hiện nay nhiều nơi để lại quá cao (đến 10%), trong khi các hộ nông dân đang cần thêm đất. Đất dự phòng cùng các loại đất khác cần được chính quyền xã quản lý chặt chẽ ; không để cho hợp tác xã quản lý như lâu nay. Đất của các đơn vị quốc doanh theo quy hoạch, nếu hiện nay không sử dụng hết, thì phải giao lại cho chính quyền địa phương quản lý, sử dụng đúng mục dích.

4- Đổi mới chính sách vĩ mô của nhà nước đối với nông nghiệp.

Ngoài chính sách ruộng đất và chính sách thuế nông nghiệp (đổi thành thuế sử dụng ruộng đất), nhà nước nên nghiên cứu ban hành thêm một số chính sách quan trọng, như :

- Chính sách đầu tư và tín dụng đối với nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Chính sách đó ưu tiên dành vốn ngân sách cho việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất tương ứng với vị trí "nông nghiệp là mạt trận hàng đầu". Nhà nước còn dành khả năng về nguồn vốn trong nước cũng như tranh thủ nguồn vốn nước ngoài để đầu tư vào các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản hàng hóa ; khuyến khích khả năng tự tăng trưởng vốn của các thành phần kinh tế ; cho kinh tế hộ, các đơn vị kinh tế hợp tác và tư nhân vay vốn để sản xuất kinh doanh. Khai thác và khuyến khích các hình thức tín dụng, hỗ trợ vốn cho hộ nông dân để loại trừ nạn cho vay nặng lãi đang tồn tại ở một số vùng nông thôn. Đặc biệt, có chính sách cho vay ưu đãi đối với các hộ nông dân nghèo và hướng dẫn họ biết tính toán làm ăn và sử dụng kỹ thuật vào sản xuất.

- Thực hiện rộng rãi chính sách khuyến nông và công tác khuyến nông nhằm truyền bá kiến thức và kinh nghiệm mới cho nông dân để họ có đủ thông tin về quản lý, kỹ thuật, thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đây là biện pháp vừa cấp bách vừa lâu dài, có tác động sâu sắc đến quá trình sản xuất hàng hóa của nông dân với số lượng và chất lượng ngày càng cao. Xây dựng hệ thống tổ chức khuyến nông đủ mạnh từ trung ương đến cơ sở và được nhà nước đầu tư để tập hợp lực lượng khoa học phục vụ nông dân.

- Thực hiện từng bước chính sách bảo trợ giá cho những nông sản quan trọng và bảo hiểm sản xuất nông nghiệp. Trước mắt, cần khắc phục hiện trạng giá cả cánh kéo quá lớn giữa hàng nông sản và hàng công nghiệp, dịch vụ. Muốn vậy, các ngành chủ quản và liên quan cần nghiên cứu tìm nguồn vốn và phương thức thích hợp bảo trợ giá nông sản và giúp đỡ nông dân yên tâm sản xuất hàng hóa. Nhà nước khuyến khích các hình thức lập quỹ bảo hiểm tự nguyện của nông dân để chủ động đối phó với những rủi ro về thiên nhiên, về sự biến động của giá cả trên thị trường, và tìm mọi cách để tiêu thụ hết nông sản hàng hóa.

- Về chính sách xã hội, Nghị quyết 10 của Bộ chính trị đã nêu rõ : đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý trong hợp tác xã, phải thực hiện tốt các chính sách xã hội. Tiếc rằng, mấy năm qua, các chính sách xã hội chưa đi kịp với yêu cầu của nghị quyết trên, do đó đã phát sinh một số khó khăn đòi hỏi phải có biện pháp khắc phục. Cần khẳng định rằng : việc thực hiện chính sách xã hội ở nông thôn là trách nhiệm của chính quyền nhà nước các cấp và phải huy động toàn dân tham gia đóng góp, không dồn tất cả cho hợp tác xã đảm nhận. Hiện nay, theo số liệu điều tra ở một số nơi, hộ nông dân xã viên phải đóng góp tới hơn 20 khoản cho xã hội và địa phương, tính ra bằng hoặc hơn thuế nông nghiệp. Hợp tác xã cũng như hộ nông dân sử dụng ruộng đất có trách nhiệm đóng thuế sử dụng ruộng đất cho nhà nước. Ngoài việc nộp thuế đó ra, nông dân không phải nộp bất cứ một khoản phụ thu nào khác.

*

Trên đây là một số vấn đề được rút ra từ việc thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ chính trị và một số vấn đề đang đặt ra cần được nghiên cứu để có quan điểm, chủ trương, chính sách và biện pháp thống nhất nhằm tiếp tục hoàn thiện và đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, phát triển nông nghiệp hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở MIỀN NÚI

NGUYỄN HÀ PHAN*

TRONG *Tạp chí Cộng sản* số 10-1992, tôi đã nêu một số vấn đề chung về xây dựng nông thôn mới. Trong đó tôi đã phác họa bức tranh chung về thực trạng kinh tế - xã hội nông thôn hiện nay, mô hình xây dựng nông thôn mới, mục tiêu thời kỳ 1991 - 2000 và các giải pháp chủ yếu xây dựng nông thôn mới theo cơ cấu kinh tế nông - công nghiệp và dịch vụ nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất phát triển phù hợp trong quá trình đổi mới.

Tuy nhiên, vấn đề xây dựng nông thôn mới ở mỗi vùng (đồng bằng, trung du, miền núi, hải đảo...) có nét đặc thù riêng và phụ thuộc vào mức độ phát triển của sản xuất, điều kiện tự nhiên, trình độ dân trí, phong tục tập quán dân tộc... Vì thế, để đạt hiệu quả thiết thực trong việc xây dựng nông thôn mới trên cả nước, ngoài những giải pháp chung, còn có giải pháp riêng phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của từng vùng, từng địa phương. Trong bài này tôi xin nêu một số vấn đề về xây dựng nông thôn mới ở miền núi nước ta.

I - *THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN MIỀN NÚI HIỆN NAY*

Miền núi là địa bàn rộng lớn, chiếm 3/4 diện tích tự nhiên của nước ta, có nhiều dân tộc sinh sống. Tiềm năng kinh tế miền núi to lớn, tài nguyên phong phú đa dạng, gồm có đất rừng, sinh vật, nguồn thủy năng, khoáng sản, v.v.. Với địa thế cao dốc và thảm thực vật lớn, miền núi có vai trò to lớn đối với môi trường sinh thái của cả nước. Miền núi còn có vị trí đặc biệt về an ninh quốc phòng ; nhiều địa phương miền núi đã từng là căn cứ địa cách mạng kháng chiến.

Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Nghị quyết 22 NQ/TW ngày 27-11-1989 của Bộ chính trị, Quyết định 72/HĐBT ngày 13-3-1990 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) cùng với các chính sách cụ thể khác, đã có tác dụng tích cực làm thay đổi dần nông thôn miền núi, nhất là từ cuối năm 1990 đến nay.

Nhờ sự phát triển nhanh về lương thực trong cả nước cùng với chính sách tự do trao đổi sản phẩm, đã tạo ra thế cân đối mới về lương thực cho miền núi. Đồng bào các dân tộc miền núi đang từng bước phá thế độc canh, sản xuất lâm - nông kết hợp với công nghiệp chế biến ; thực hiện thâm canh tăng vụ ; ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất ; từng bước chuyển kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp sang kinh tế hàng hóa ; nghề rừng và kinh tế vườn bước đầu phát triển ; sản lượng, năng suất một số cây công nghiệp, chăn nuôi đã tăng lên. Lưu thông hàng hóa phát triển mạnh ở một số vùng, nhất là các vùng chuyên canh cây công nghiệp và vùng cửa khẩu ; hàng hóa được đưa đến tận thôn xóm, bản làng và gia đình. Thu nhập, đời sống của một bộ phận dân cư ở vùng chợ gần biên giới và vùng thấp miền núi đã tăng lên.

Cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống được nhà nước xây dựng, kể cả dân tự làm (như công trình giao thông, thủy lợi, điện năng...), đã góp phần thúc đẩy giao lưu kinh tế, phát triển sản xuất và phân công lao động xã hội ở các tỉnh miền núi.

Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, bảo vệ sức khỏe trong các dân tộc thiểu số, chủ yếu ở vùng thấp, có bước phát triển khá. Các bản, làng có lớp phổ cập tiểu học ;

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban kinh tế TƯ, Phó chủ tịch Quốc hội

Digitized by Google

huyện, tỉnh có trường phổ thông dân tộc nội trú. Đa số đồng bào Tày, Nùng, Thái, Mường, Khơ-me, Chàm có trình độ văn hóa cấp I, một số có trình độ văn hóa cấp II. Hầu hết các dân tộc đều có người tốt nghiệp trung học, đại học. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ quần chúng (như văn hóa chợ phiên ở vùng cao, biên giới ; ngày văn hóa thể thao các dân tộc ; liên hoan văn hóa cồng chiêng và đua voi ở Tây Nguyên...) được nhà nước thường xuyên quan tâm động viên, giúp đỡ và khuyến khích phát triển. Mạng lưới y tế được xây dựng và phát triển khá rộng, đã chú trọng tuyến huyện và cơ sở. Các hoạt động phòng bệnh, phòng dịch và chữa bệnh bướu cổ, sốt rét được đẩy mạnh hơn.

Tình hình chính trị ổn định. Đoàn kết dân tộc và an ninh trật tự, về cơ bản, được giữ vững.

Những thay đổi trên mới chỉ là bước đầu, diễn ra ở diện hẹp và ở mức độ thấp so với yêu cầu đổi mới nông thôn ở miền núi. Nhìn chung, miền núi vẫn là vùng kinh tế kém phát triển ; sản xuất còn mang nặng tính tự cung, tự cấp ; đồng bào các dân tộc (nhất là ở vùng cao) còn gặp nhiều khó khăn ; nhiều vấn đề kinh tế - xã hội đặt ra cấp thiết phải giải quyết, như việc xây dựng đường sá, điện, nước, trường học, trạm xá, thông tin sách báo, xóa đói, giảm đau (bệnh sống rét, bệnh cùi, bướu cổ, nghiện hút), và chống âm mưu phá hoại của địch.

Sản xuất tăng chậm trong khi số dân tăng nhanh (hàng năm từ 2,5 đến 3%, có nơi 3,8%), nên đời sống chậm được cải thiện, nhất là vấn đề ăn, nước sinh hoạt... phục vụ yêu cầu của đồng bào ở vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới (nơi đồng bào sơ tán định cư trong chiến tranh biên giới hoặc sau khi di chuyển khỏi các vùng lòng hồ xây dựng công trình thủy điện).

Số người du canh du cư còn đông, khoảng 1 triệu người, chủ yếu là dân tộc Mông, Dao. Gần đây nổi lên vấn đề di dịch cư của đồng bào các tỉnh Việt bắc và Đông bắc vào các tỉnh Tây nguyên, vào thành phố Hồ Chí Minh và miền Đông Nam bộ. Đó là cuộc di dân diễn ra một cách rộng lớn vượt ra ngoài sự chỉ đạo của các địa phương nơi đi cũng như nơi đến. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, gây mất ổn định trật tự, trị an ở các địa phương.

Chất lượng đào tạo, giáo dục, bảo vệ sức khỏe xuống cấp. Số học sinh bỏ học nhiều (vùng núi Đắc lắc có nhiều xã tới 50 - 60% số học sinh bỏ học). Phong trào bổ túc văn hóa không còn ; số người mù chữ, tái mù chữ tăng (tỉnh Cao bằng có 13 vạn người, bằng 3% số dân, mù chữ). Tình trạng nghiện hút tăng, nhiều bệnh tật xã hội chưa có chiều hướng giảm. Mê tín dị đoan, tập tục lạc hậu phục hồi. Đáng chú ý là việc phát triển đạo Thiên chúa ở vùng đồng bào Mông, Dao ; đạo Tin lành ở Tây nguyên.

Kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật yếu kém. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật là người dân tộc thiểu số quá nhỏ bé (tỷ lệ cán bộ đại học và trên đại học trong dân tộc Tày là 1,8% ; Nùng : 0,7%, Thái : 0,3% ; Mường : 0,7% ; Dao : 0,1% ; Mông : 0,06%).

Công tác củng cố, xây dựng tổ chức đảng còn nhiều thiếu sót ; đảng viên tuổi đời bình quân cao. Đảng viên, thanh niên nhiều dân tộc không muốn thoát ly làm cán bộ. Có cán bộ bản, xã không biết chữ...

Nguyên nhân chủ yếu của những yếu kém trên là do chưa có sự nhận thức đầy đủ về vị trí quan trọng của miền núi, *về vấn đề dân tộc* ; chưa nắm chắc đặc điểm kinh tế - xã hội, tự nhiên của từng vùng, từng dân tộc ; có nơi còn nóng vội, giản đơn, mang nặng tính chất hình thức trong việc triển khai thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chậm được cụ thể hóa. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện chính sách đối với miền núi, dân tộc thiếu cụ thể, thiếu tập trung, thiếu kiểm tra đôn đốc. Phối hợp giữa các ngành, các cấp thiếu đồng bộ, tổ chức chưa phù hợp. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí cán bộ, nhất là cán bộ là người dân tộc thiểu số, chưa được quan tâm đúng mức.

II - *MỤC TIÊU VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở MIỀN NÚI*

1 - *Về mục tiêu* :

a) Giải phóng năng lực sản xuất, khơi dậy các tiềm năng thế mạnh của miền núi về đất, rừng, khoáng sản, sức lao động và nguồn vốn trong nhân dân. Tổ chức lại sản xuất, từng bước chuyển nền kinh tế tự cấp tự túc sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần ; phát

Digitized by Google

triển kinh tế hộ, lấy hộ gia đình làm đơn vị kinh tế tự chủ, khuyến khích các hình thức hợp tác trên cơ sở tự nguyện. Ở những nơi đồng bào các dân tộc định canh định cư, phải bảo đảm cho mọi người có việc làm, đời sống vật chất, tinh thần ngày càng được cải thiện, khuyến khích làm giàu bằng khai thác đất đai tại chỗ theo cơ cấu lâm - nông - công nghiệp và dịch vụ.

b) Ưu tiên đầu tư có trọng điểm để xây dựng kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất, đời sống. Xây dựng các trung tâm kinh tế, văn hóa, những điểm dân cư ở trung du, miền núi thấp và chợ phiên ở vùng cao. Khuyến khích đồng bào các dân tộc xây dựng nhà cửa khang trang sạch đẹp, phù hợp với trình độ phát triển và tập quán của các dân tộc. Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống, khôi phục các ngành nghề truyền thống và mở thêm ngành nghề mới, kể cả thương nghiệp, dịch vụ, du lịch, để tạo thêm việc làm, tăng thu nhập. Điều đó có ý nghĩa lớn trong việc thi hành chính sách dân tộc và xây dựng quốc phòng an ninh vững chắc.

c) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, năng lực của tổ chức chính quyền các cấp, phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng nhằm thực hiện tốt chính sách dân tộc ; nâng cao trình độ dân trí ; bảo đảm an ninh trật tự trong cộng đồng làng, bản, xây dựng nếp sống văn hóa mới, tạo môi trường sinh sống lành mạnh vui tươi ở nông thôn.

2 - *Về các giải pháp chủ yếu :*

a) Phát triển sản xuất toàn diện theo hướng sản xuất hàng hóa, chuyển dần sang cơ cấu kinh tế lâm - nông - công nghiệp chế biến - dịch vụ. Thực hiện giao đất giao rừng đến từng hộ nông dân, bảo đảm mọi người dân đều có đất, rừng để sản xuất. Soát xét lại số đất, rừng của các lâm, nông trường quốc doanh hiện chưa sử dụng (theo kết quả điều tra của Tổng cục thống kê năm 1992, số đất này chiếm khoảng 11,5% quỹ đất của các lâm, nông trường), trao lại cho các địa phương để giao cho nông dân sản xuất. Các tỉnh có đất trống đồi trọc, cần xây dựng các dự án để sử dụng. Các dự án về lâm nghiệp, cây công nghiệp và chăn nuôi, cần có cơ cấu sản xuất hợp lý theo hướng sản xuất hàng hóa.

Nhà nước cần có chính sách cho nông dân vay vốn ngân hàng với lãi suất ưu đãi và thủ tục tín chấp đối với hộ nghèo để sản xuất, kinh doanh. Đối với một số dân tộc có khó khăn đặc biệt (trình độ sản xuất còn lạc hậu, đời sống mọi mặt thấp kém), nhà nước cần có dự án riêng và áp dụng những chính sách đặc biệt nhằm tạo điều kiện cho đồng bào từng bước ổn định sản xuất, đời sống.

Ổn định các bản đã định canh định cư, đồng thời xây dựng các dự án định canh định cư mới theo quy mô bản. Thực hiện dứt điểm, có hiệu quả việc chuyển đồng bào các bản còn du canh du cư đốt phá rừng làm rẫy sang định canh làm nghề rừng trồng cây công nghiệp, cây lương thực, làm kinh tế vườn và chăn nuôi tạo ra sản phẩm hàng hóa. Có biện pháp để ngăn chặn di dịch dân cư tự do từ miền núi phía bắc vào phía nam. Số đồng bào đã chuyển cư tự do từ miền núi phía bắc vào phía nam, cần được chính quyền địa phương nơi đến giao đất, giao rừng để sớm ổn định sản xuất, tổ chức đời sống. Những nơi tiếp nhận đồng bào di chuyển, được giúp vốn theo chính sách kinh tế mới và đi vào quản lý dân cư theo luật pháp.

Đầu tư để phát triển công nghiệp chế biến lâm, nông sản ; chú trọng quy mô vừa, nhỏ mà có giá trị cao. Tăng cường quản lý, lập lại kỷ cương luật pháp trong khai thác tài nguyên, khoáng sản đang tàn phá môi trường. Việc đầu tư xây dựng phát triển các vùng nông thôn miền núi là nằm trong chiến lược xây dựng đất nước, vì lợi ích lâu dài của cả dân tộc Việt nam. Bởi vậy nó là trách nhiệm chung của cả nước.

Về tổ chức sản xuất, hộ là đơn vị kinh tế tự chủ. Ban quản lý hợp tác xã hoặc một số người do các hộ cử ra, giúp các hộ làm những khâu cần làm chung mà từng hộ nông dân không thể làm được hoặc làm không có hiệu quả. Tùy theo điều kiện cụ thể của từng nơi, có thể tiến hành từng bước từ vần công, đổi công, tiến tới hình thành hợp tác xã dịch vụ "đầu vào đầu ra", theo yêu cầu tự nguyện của các hộ.

b) *Xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật* : Xây dựng hệ thống giao thông nông thôn miền núi là vấn đề quan trọng bậc nhất trong xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn. Vì đây là điều kiện quan trọng để khai thác tốt hơn tiềm năng kinh tế miền núi, tạo điều kiện để sản phẩm của miền núi thành hàng hóa, gắn thị trường miền núi với thị trường trong nước và thị trường thế giới. Đồng thời, cũng tạo điều kiện để đầu tư tốt hơn cho miền núi, phát huy sức dân và nhà nước cùng làm.

Digitized by Google

Trong điều kiện hiện nay, cần chú ý xây dựng các đường giao thông liên thôn, bản, liên xã, liên huyện gắn với các trung tâm kinh tế - văn hóa của vùng. Đồng thời, đối với vùng cao, vùng sâu, cần coi trọng xây dựng hệ thống đường nhỏ cho người và ngựa đi đến bản dễ dàng ; cùng với các hồ đập, mương, phải làm thủy lợi nhỏ để phục vụ sản xuất. Khuyến khích và hướng dẫn nhân dân xây dựng thủy điện nhỏ thắp sáng cho từng hộ hoặc một nhóm hộ gia đình ở những nơi không có lưới điện nhà nước đi qua. Hướng dẫn nhân dân quy hoạch xây dựng lại bản làng sạch đẹp, làm chuồng trâu, chuồng lợn xa nhà, bảo đảm môi trường sống trong sạch. Trước mắt, cần quy hoạch xây dựng chợ kết hợp với xây dựng thị tứ, cụm kinh tế - kỹ thuật cho từng cụm xã, tiến tới mỗi xã có một chợ. Ở vùng cao, xây dựng chợ cần kết hợp với xây dựng các công trình phúc lợi công cộng như trạm y tế, nhà văn hóa, bãi chiếu bóng, thư viện...

c) *Giải quyết những vấn đề về văn hóa, giáo dục, y tế, xã hội :*

- Về văn hóa giáo dục : Mục tiêu phấn đấu của chúng ta đến năm 2000 là phải thanh toán nạn mù chữ trong những người lao động ở độ tuổi từ 15 đến 35. Vì thế, phải củng cố và phát triển ngành giáo dục ở các vùng dân tộc thiểu số và những vùng khó khăn, thực hiện ngay một số biện pháp cấp bách nhằm ngăn chặn tình trạng sa sút về giáo dục ở các tỉnh miền núi. Củng cố và xây dựng mới các trường phổ thông dân tộc - nội trú. Những nơi có nhu cầu học tập mà chưa có trường học và giáo viên thì cố gắng phấn đấu xây dựng cho mỗi làng, bản một lớp học có giáo viên giảng dạy hết cấp I, thực hiện khẩu hiệu "trường gần dân, thầy gần trò". Phát triển trường phổ thông dân tộc nội trú ở tỉnh, huyện. Phát động phong trào quần chúng người biết chữ dạy người không biết chữ. Tranh thủ lực lượng bộ đội biên phòng giúp dân địa phương xóa giặc dốt. Gắn đào tạo với sử dụng cán bộ qua chính sách khuyến khích giáo viên bám trường lo cho thế hệ trẻ. Có chính sách toàn diện bảo vệ và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt nam. Khuyến khích mở rộng loại hình hoạt động văn hóa chợ phiên vùng cao và các đội văn nghệ lưu động ở miền núi. Kết hợp những ngày họp chợ với sinh hoạt văn hóa và giải thích chính sách của Đảng và Nhà nước cho đồng bào.

- Về chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân : Coi trọng y tế dự phòng. Màng lưới y tế phải được sắp xếp phù hợp với điều kiện cụ thể, thuận tiện cho việc khám và chữa bệnh cho nhân dân, coi trọng y tế cơ sở. Kết hợp y học cổ truyền dân tộc với y học hiện đại, phát triển nuôi trồng cây, con làm thuốc. Mở trường đào tạo cán bộ y tế cơ sở theo yêu cầu của từng huyện, theo hướng cơ sở cử người đi đào tạo để trở về phục vụ cơ sở. Có chính sách ưu tiên thỏa đáng để thu hút cán bộ y tế đến địa bàn vùng núi cao, vùng sâu, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Thực hiện phong trào sinh đẻ có kế hoạch ; cần có chính sách cụ thể nhằm bảo vệ và phát triển đối với một số dân tộc thiểu số mà số dân đang có chiều hướng suy giảm.

d) *An ninh quốc phòng* : Phát triển kinh tế - xã hội miền núi phải đi đôi với củng cố an ninh quốc phòng. Bộ đội (nhất là bộ đội biên phòng) cần cùng với các đồng bào dân tộc miền núi xây dựng kinh tế, tổ chức xã hội để xây dựng được thế trận lòng dân vững chắc. Củng cố và xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, an ninh nhân dân. Tăng cường bổ sung cán bộ chiến sĩ người dân tộc trong các lực lượng vũ trang, nhất là bộ đội biên phòng (lực lượng cán bộ dân tộc thiểu số trong bộ đội biên phòng mới chiếm 8,3%), và xây dựng lực lượng quân dự bị ở bản làng.

e) Nâng cao vai trò lãnh đạo của các tổ chức đảng cơ sở, xây dựng chính quyền vững mạnh, phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các già làng, trưởng bản, nhằm động viên đồng bào các dân tộc kiên trì giải quyết khó khăn, xây dựng quê hương bản làng giàu mạnh, xã hội văn minh. Cái gốc của công tác đảng ở đây là lãnh đạo chính quyền, mặt trận, đoàn thể tổ chức nắm dân ; hết lòng chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, thể hiện chính quyền thực sự là của dân, do dân, vì dân. Xa rời và không chú ý tổ chức nắm dân là đi chệch chủ trương và phương châm của Đảng.

Digitized by Google

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI

NGUYỄN ĐÌNH TÚ *

NHỮNG năm gần đây, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới phát triển như vũ bão. Các thành tựu khoa học, các công nghệ mới ra đời làm cho lực lượng sản xuất, năng suất lao động có bước phát triển chưa từng thấy. Bắt đầu với điện tử, tự động hóa và tin học, nền sản xuất và hoạt động xã hội của loài người đã có những thay đổi sâu sắc cả về quy mô và tính chất. Thực chất của cuộc cạnh tranh gay gắt về kinh tế trên thế giới ngày nay chính là cuộc chạy đua về khoa học (kể cả khoa học xã hội, khoa học quản lý và ứng dụng công nghệ). Nhiều nước trên thế giới đang ra sức giành giật vị trí của mình trên mặt trận này.

Hiện nay, nền sản xuất ở các nước công nghiệp phát triển đang tập trung vào những sản phẩm có hàm lượng khoa học cao. Sự cạnh tranh của những sản phẩm này trên thị trường thế giới ngày càng quyết liệt. Trong khi đó, do trình độ phát triển về khoa học và công nghệ còn thấp, các nước chậm phát triển đang bị sức ép vô cùng nặng nề trong cuộc cạnh tranh trên thị trường. Vòng đời của một công nghệ mới được rút ngắn và lợi nhuận siêu cao do nó đưa lại đều rơi vào tay các quốc gia có nền khoa học và công nghệ tiên tiến. Khi những công nghệ, này được chuyển giao cho các nước đang phát triển (tất nhiên với giá cao) thì sản phẩm của nó không còn sức cạnh tranh đáng kể nữa, thậm chí các nước này còn bị tổn thất lớn vì một công nghệ mới khác, hiện đại hơn, đã ra đời. Vì vậy, sự bóc lột về lao động và tài nguyên, thông qua ưu thế của khoa học và công nghệ, càng gay gắt hơn. Đây là hình thức bóc lột rất nặng nề của một loại thực dân mới mà các nước đang phát triển phải gánh chịu.

Thành tựu khoa học và công nghệ trên thế giới là tài sản quý giá chung của cả loài người, không phải của riêng ai. Mọi quốc gia, mọi dân tộc đang chứng kiến và bước vào thời đại phát triển vô cùng nhanh chóng của khoa học và công nghệ. Đây là cơ hội to lớn, đồng thời cũng là một thách thức nghiệt ngã mà các nước đang phát triển phải đối mặt : hoặc là nắm lấy khoa học và công nghệ để phát triển một cách nhanh chóng, vươn lên tiến kịp các nước công nghiệp phát triển ; hoặc là sẽ rơi vào tình trạng lạc hậu, càng khó khăn hơn, của một loại thuộc địa kiểu mới.

Đảng ta đã sớm nhận thức được vai trò vô cùng quan trọng của khoa học và công nghệ, nên đã có nhiều chỉ thị, nghị quyết nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của nó trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt, trong sự nghiệp đổi mới ngày nay, Bộ chính trị (khóa VI) đã ra Nghị quyết 26 "Về khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới". Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng lại tiếp tục khẳng định "Khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo phải được xem là quốc sách hàng đầu" (1). Đó là sự thể hiện tầm nhận thức của Đảng ta về tính chất của khoa học và công nghệ trong thời đại ngày nay, về vai trò, vị trí của nó trong công cuộc xây dựng đất nước. Vấn đề hiện nay là làm thế nào để khoa học và công nghệ thực sự là động lực phát triển kinh tế - xã hội, động lực quan trọng của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, và là cơ sở để củng cố và nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo và vị trí tiên phong của Đảng.

Thông qua công tác sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết 26 tại 4 địa bàn khác nhau của các địa phương trong cả nước, chúng ta nhận thấy : nhìn chung, những quan điểm cơ bản và nhiệm vụ chủ yếu về khoa học và công nghệ trong Nghị quyết 26 của Bộ chính trị (khóa VI) đã được quán triệt bước đầu trong các cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt cũng như trong cán bộ khoa học và công nghệ ở các địa phương. Trên những mức độ khác nhau, hoạt động khoa học và công nghệ ở các địa phương đã có những tiến bộ mới cả về số lượng và chất lượng.

Mặt khác, trong quá trình chuyển đổi cơ chế, nhiều cơ sở sản xuất đã có nhu cầu ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu khoa học, các tiến bộ kỹ thuật và tiếp

---

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban khoa giáo trung ương.

(1) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, 1991, tr 13.

Digitized by Google

nhận công nghệ mới. Nhu cầu đó đang trở thành sự thôi thúc bên trong của toàn bộ nền sản xuất. Nghị quyết 26 đi vào cuộc sống như một tất yếu đã đem lại một số kết quả đầu tiên. Đã xuất hiện những nhân tố mới, điển hình mới về hoạt động khoa học và công nghệ.

Tiếp tục thành quả giai đoạn 1986 - 1990 sau khi có Nghị quyết 26, nét chung nhất trong hoạt động khoa học và công nghệ của các địa phương là hướng vào phục vụ 3 chương trình kinh tế lớn. Sau Đại hội vòng 2, hoạt động khoa học và công nghệ hướng vào việc phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được đề ra trong nghị quyết của các đại hội. Trọng tâm hoạt động khoa học và công nghệ của các địa phương là ứng dụng kỹ thuật tiến bộ và công nghệ mới vào sản xuất lương thực, thực phẩm, vào chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và làm hàng xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng, dân số và việc làm, sản xuất thuốc chữa bệnh, v.v.. Ở các thành phố lớn như Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải phòng và một số khu công nghiệp tập trung, vấn đề nhập công nghệ hiện đại, nhập dây chuyền sản xuất tiên tiến là một hướng hoạt động nổi bật. Nhu cầu bên trong của sản xuất hàng tiêu dùng trong nước cũng như hàng xuất khẩu đòi hỏi phải đổi mới công nghệ, đưa những công nghệ hiện đại vào hoạt động. Trong công nghiệp, nhiều cơ sở sản xuất đã vươn lên nhanh chóng nhờ nhập công nghệ hiện đại hoặc áp dụng công nghệ mới vào sản xuất. Ở Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh... đã xuất hiện nhiều điển hình trong lĩnh vực này.

Các địa phương đều đã xây dựng các chương trình khoa học và công nghệ cụ thể, bao gồm các đề tài ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các dự án sản xuất thử, thử nghiệm và tổ chức thực hiện chúng. Một số địa phương đã kết hợp và hướng vào việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu của các chương trình, đề tài cấp nhà nước và cấp bộ. Những vấn đề như điều tra cơ bản, đánh giá trình độ công nghệ,tài nguyên và môi trường, truyền thống sản xuất, xây dựng con người mới... cũng được nhiều địa phương đưa vào chương trình nghiên cứu khoa học.

Một xu thế rất đáng khích lệ là các cơ sở sản xuất lớn, nhỏ của các thành phần kinh tế đang ngày càng thấy rõ tầm quan trọng và nhu cầu áp dụng nhanh chóng kỹ thuật tiến bộ và công nghệ mới.

Vấn đề quan trọng và cấp bách là tăng cường phối hợp giữa trung ương với các địa phương trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình và đề tài nghiên cứu ; tăng cường trách nhiệm của trung ương trong việc thông báo kết quả nghiên cứu, phổ biến rộng rãi các kỹ thuật tiến bộ và công nghệ mới, hướng dẫn và hỗ trợ các địa phương, cơ sở sản xuất áp dụng nhanh chóng những kết quả nghiên cứu đã được nghiệm thu vào sản xuất và đời sống.

Từ sau khi có Nghị quyết 26, nhất là trong năm 1992, hoạt động khoa học và công nghệ đã tiếp tục góp phần quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trong sản xuất lương thực. Năm 1992, cả nước đạt 24 triệu tấn lương thực, cao nhất từ trước đến nay. Ngoài các tỉnh sản xuất lúa ở Nam bộ, năm 1992 đã có 2 tỉnh thuộc đồng bằng Bắc bộ là Hải hưng và Nam hà vượt qua ngưỡng một triệu tấn lương thực. *Nhân tố khoa học và công nghệ có vai trò rất lớn trong thành quả này của sản xuất nông nghiệp*. Hầu hết các địa phương đều đã tập trung cố gắng vào việc áp dụng hệ thống canh tác tiến bộ, lựa chọn, lai tạo, khảo nghiệm, nhập nội và đưa vào sản xuất đại trà các giống lúa mới, góp phần rất quan trọng vào việc nâng cao năng suất và sản lượng lương thực. Người nông dân trong từng hộ gia đình đã dần dần quen thuộc với từng loại giống mới. Hơn thế nữa, bà con còn nắm được các quy trình canh tác, các biện pháp kỹ 9thuật đồng bộ đối với từng loại cây, con, để bảo đảm năng suất và chất lượng cao. Đã xuất hiện hàng loạt hộ nông dân, hợp tác xã nông nghiệp nhờ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đã đạt mức sống khá, và đang vững bước tiến lên giàu có.

Hình thức ngân sách nhà nước trung ương và địa phương hỗ trợ để thực hiện các dự án sản xuất thử và thử nghiệm (không thu hồi hoặc chỉ thu hồi một phần), rồi sau đó nhân ra diện rộng, là một kinh nghiệm rất tốt, đem lại hiệu quả cao. Các địa phương đều rất hoan nghênh hình thức này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ chính trị (khóa VI) cũng như sau khi có Nghị quyết 01 của Bộ chính trị (khóa VII) về công tác lý luận, hoạt động khoa học xã hội ở các địa phương rất được coi trọng. Đây cũng là do yêu cầu khách quan, cấp bách của sản xuất và đời sống, của công tác lãnh đạo và quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội ở từng địa phương, từng cấp. Các đề tài và chương trình điều tra cơ bản về kinh tế và xã hội, về đổi mới cơ chế quản lý, xây dựng chính sách và đổi mới về tổ chức,

Digitized by Google

giáo dục con người mới, về dân số và kế hoạch hóa gia đình, về dân tộc và tôn giáo, về thanh, thiếu niên... đang được tiến hành ở nhiều địa phương.

Với Nghị quyết 26, vấn đề chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ cũng như đầu tư cho khoa học và công nghệ, được đặt thành một vấn đề cấp bách. Trong kế hoạch triển khai, một số cấp ủy và chính quyền địa phương đã chú ý chăm lo tập hợp, bố trí và sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ hiện có, tạo ra những mô hình hoạt động khoa học và công nghệ có hiệu quả, bảo đảm cho cán bộ khoa học và công nghệ có thu nhập thỏa đáng. Đồng thời, thấy được việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ, nhất là đội ngũ cán bộ khoa học xã hội và cán bộ khoa học và công nghệ có trình độ cao, là một đòi hỏi rất cấp bách. Ngân sách đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ ở nhiều địa phương đã được tăng thêm ; một số ít địa phương đã đạt xấp xỉ 2% ngân sách như mức nêu trong Nghị quyết 26. Điều đáng khích lệ là phần đóng góp của các đơn vị sản xuất, kinh doanh đã tăng lên đáng kể, nhất là ở các thành phố như Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên, sau hai năm thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ chính trị, có một số mặt cần được lưu ý :

Trước tiên, *việc triển khai thực hiện Nghị quyết 26 ở cả trung ương và địa phương còn chậm*. Ở trung ương, lẽ ra ngay trong quá trình chuẩn bị Nghị quyết 26 thì đồng thời chuẩn bị luôn các văn bản kèm theo của nhà nước để thể chế hóa nghị quyết đó, bảo đảm nhanh chóng đưa những quan điểm cơ bản và chính sách lớn của Đảng về khoa học và công nghệ vào cuộc sống. Phải mất một thời gian dài sau khi có Nghị quyết 26. Chính phủ mới ban hành được Nghị định 35 về quản lý khoa học và công nghệ ; và nhiều tháng sau đó mới có các thông tư liên bộ hướng dẫn thực hiện nghị định trên của Chính phủ. Vì vậy, trong một thời gian dài, Nghị quyết 26 chủ yếu mới được quán triệt về mặt nhận thức, còn tổ chức hành động cụ thể thì các cấp, các ngành gặp nhiều lúng túng.

Về phía các địa phương, số đông còn thiếu chủ động triển khai thực hiện Nghị quyết 26 trong phạm vi trách nhiệm của mình ; nhiều cấp ủy và chính quyền các cấp vẫn còn tư tưởng chờ đợi cấp trên.

Hiện nay, tốc độ phát triển về khoa học xã hội, khoa học quản lý ở địa phương còn rất chậm. Hàng loạt vấn đề đặt ra trong quá trình lãnh đạo, quản lý và phát triển kinh tế - xã hội, đều đòi hỏi có sự trả lời của khoa học xã hội. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ nghiên cứu trong lĩnh vực này quá mỏng, ít kinh nghiệm. Có thể nói, đây là một khâu rất yếu mà chúng ta cần có biện pháp khắc phục một cách cơ bản.

Hiện nay có tình trạng thiếu sự phối hợp, gắn bó chặt chẽ trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống các chương trình và đề tài về khoa học và công nghệ của trung ương và địa phương. Nhiều địa phương, do thiếu thông tin về kết quả thu được trong các chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước, nên đã đưa vào kế hoạch những đề tài tương tự. Một số đề tài thuộc các chương trình cấp nhà nước, nếu được sự phối hợp tham gia của các địa phương, chắc sẽ được thực hiện nhanh chóng và có hiệu quả hơn (nhất là những đề tài có liên quan đến điều tra kinh tế - xã hội của địa phương).

Sự liên kết và phối hợp hoạt động về khoa học và công nghệ giữa địa phương với trung ương cũng như giữa các địa phương với nhau, chưa chặt chẽ. Vì vậy, đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ ở nhiều địa phương vốn đã mỏng lại càng mỏng và yếu. Mặt khác, cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có được những chính sách đồng bộ đối với cán bộ khoa học và công nghệ, nên việc huy động lực lượng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ còn gặp nhiều khó khăn, gây trở ngại cho việc thực hiện Nghị quyết 26, nhất là ở các tỉnh miền núi phía bắc và Tây nguyên.

Không phải tới Nghị quyết 26 của Bộ chính trị (khóa VI) và Nghị định 35 của Chính phủ, mà ngay từ Nghị quyết 37 của Bộ chính trị (khóa IV) về chính sách khoa học và kỹ thuật đã quy định dành 2% ngân sách đầu tư cho khoa học và kỹ thuật. Thế nhưng, từ nhiều năm nay, kể cả năm 1992, ngay ở cấp trung ương, mới chỉ đạt xấp xỉ 1% ngân sách ; ở các địa phương, tỷ lệ còn thấp hơn (trừ thành phố Hồ Chí Minh và Hà nội *). Điều này cũng gây khó khăn không nhỏ trong hoạt động khoa học và công nghệ.

Nguyên nhân chủ yếu của những mặt yếu kém trên đây, chính là do chúng ta chưa khắc phục được khuyết điểm lâu nay mà Nghị quyết 26 đã chỉ rõ : *Một số cấp*

* Năm 1992, Hà nội đã đầu tư cho khoa học và công nghệ 6,2 tỉ đồng từ ngân sách của thành phố và 19,8 tỉ đồng từ vốn của các doanh nghiệp ; còn thành phố Hồ Chí Minh con số đầu tư tương ứng là : khoảng 5 tỉ và 50 tỉ đồng.

Digitized by Google

ủy đảng và các cấp chính quyền chưa quan tâm đúng mức vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ trong công cuộc đổi mới, chưa coi khoa học là cơ sở cho việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và là nội dung quan trọng của công tác lãnh đạo và quản lý.

*

Để tiếp tục đưa Nghị quyết 26 của Bộ chính trị (khóa VI) vào cuộc sống, làm cho khoa học và công nghệ thật sự trở thành động lực phát triển kinh tế - xã hội, cần thực hiện một số việc sau đây :

1 - *Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết 26.* Đây là nhân tố có tính chất quyết định nhất. Các ban tuyên giáo hoặc ban khoa giáo cần chủ động làm tốt chức năng tham mưu, đồng thời giúp cấp ủy tiến hành kiểm tra và đôn đốc việc thực hiện nghị quyết trên. Kiện toàn và tăng cường chất lượng các ban tuyên giáo hoặc ban khoa giáo ở cấp tỉnh, thành, để có thể hoàn thành nhiệm vụ cấp ủy giao phó về lĩnh vực khoa học và công nghệ.

2 - *Tiếp tục hoàn thiện và ban hành các văn bản về phía nhà nước để hướng dẫn thực hiện Nghị định 35 của Chính phủ, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động khoa học và công nghệ.* Các thông tư cấp bộ hoặc liên bộ cần được xây dựng đồng bộ thành một hệ thống chính sách cụ thể cho hoạt động khoa học và công nghệ.

3 - *Xây dựng, tổ chức thực hiện tốt chương trình và kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ.* Kế hoạch và chương trình đó cần gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành, từng địa phương. Ở địa phương và cơ sở, hướng chủ yếu trong hoạt động này là ứng dụng kết quả nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật tiến bộ và chuyển giao công nghệ mới.

Phối hợp chặt chẽ giữa trung ương và địa phương, giữa các ngành và các địa phương trong việc tổ chức nghiên cứu chương trình đề tài trọng điểm về khoa học và công nghệ. Qua đây mà phối hợp, huy động lực lượng nghiên cứu khoa học và công nghệ, trao đổi và công bố kết quả đã được nghiệm thu và ứng dụng cho sản xuất. Đồng thời, từng bước tiến tới hình thành thị trường khoa học và công nghệ trong nước.

4 - *Rà soát lại để bố trí, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ hiện có.* Đồng thời, cần có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ và đào tạo mới đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ ; có chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ, trả thù lao đúng với giá trị lao động khoa học. Các địa phương cần chăm lo sử dụng tốt lực lượng đông đảo thanh niên có trình độ phổ thông trung học ; đây là lực lượng có văn hóa, có khả năng tiếp thu kỹ thuật tiến bộ và công nghệ mới.

5 - *Hết sức coi trọng và nhanh chóng nâng cao vai trò của khoa học xã hội.* Đây là một lĩnh vực rất trọng yếu trong hoạt động khoa học và công nghệ, nhưng đang là khâu yếu hơn cả, đặc biệt là ở địa phương. Các địa phương cần chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học xã hội làm lực lượng tham mưu cho các cấp lãnh đạo và quản lý ở địa phương. Viện khoa học xã hội Việt nam phối hợp với Bộ giáo dục và đào tạo và các trường, viện, để có những biện pháp và hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ khoa học xã hội cho các địa phương.

6 - *Phấn đấu bảo đảm đầu tư 2% ngân sách cho khoa học và công nghệ* trong những năm tới ở cả trung ương và từng địa phương ; chú ý mở rộng nhiều hình thức huy động các nguồn vốn khác nhau cho hoạt động khoa học và công nghệ ; lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ ở từng địa phương. Cần có cơ chế quản lý chặt chẽ để sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, nhất là nguồn vốn từ ngân sách nhà nước cho khoa học và công nghệ.

7 - *Mở rộng hợp tác quốc tế và thông tin trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.* Từng bước tiến tới tham gia những hoạt động hợp tác khoa học và kỹ thuật trên thế giới, đưa nền khoa học và công nghệ nước ta tiếp cận trình độ quốc tế và gia nhập thị trường khoa học và công nghệ thế giới.

8 - *Tiến hành việc tổng kết thực tiễn* ở những cơ sở kinh tế, những ngành kinh tế và địa phương triển khai hoạt động khoa học và công nghệ có hiệu quả, thúc đẩy được sản xuất phát triển.

9 - *Kết hợp việc thực hiện Nghị quyết 26 của Bộ chính trị (khóa VI)* với việc xây dựng Đảng và thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư BCHTƯ Đảng (khóa VII) về sự nghiệp giáo dục và đào tạo, về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình... nhằm thực hiện đồng bộ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, trong đó con người là vị trí trung tâm, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI CÔNG TÁC THANH TRA TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY

NGUYỄN KỲ CẨM *

TRONG công cuộc đổi mới toàn diện theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI và thứ VII của Đảng, mấy năm qua, công tác thanh tra đã có những chuyển biến tiến bộ đáng kể, góp phần giải quyết những vấn đề nóng bỏng, cấp bách mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang quan tâm. Nhất là những vấn đề quản lý ngân hàng, tín dụng, dự trữ quốc gia, tài chính ngân sách, quản lý tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước, vấn đề quản lý xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, quản lý rừng và những vấn đề chính sách xã hội gắn liền với đời sống của nhân dân như y tế, giáo dục, thương binh, gia đình liệt sĩ, hưu trí, giải quyết việc làm v.v. cũng như giải quyết các khiếu nại tố cáo của công dân. Hàng năm toàn ngành đã thực hiện trên 10 nghìn cuộc thanh tra, tiếp nhận và giải quyết theo thẩm quyền gần 20 vạn đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc phạm vi quản lý hành chính. Từ đầu năm 1992 đến hết quý I-1993, toàn ngành đã tiến hành 11 916 cuộc thanh tra, đã phát hiện và kiến nghị thu hồi cho nhà nước 624 tỉ đồng, 2,2 triệu đô la, và hàng vạn tấn lương thực, vật tư, hàng hóa, trong đó có 4756 người có hành vi tham nhũng, đã kiến nghị xử lý kỷ luật hành chính 3279 người, chuyển cơ quan chức năng truy cứu trách nhiệm hình sự 1377 người.

Hoạt động thanh tra về kinh tế xã hội, xét và giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân không những đã góp phần thu hồi tài sản của nhà nước bị thất thoát, mà điều quan trọng hơn là góp phần ngăn ngừa những hành vi tiêu cực, tham nhũng. Thanh tra còn cùng với các ngành, các cấp, các đơn vị chấn chỉnh công tác quản lý, công tác cán bộ, góp phần thiết lập trật tự kỷ cương trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách quản lý ở tầm vĩ mô.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác thanh tra cũng còn bộc lộ những khuyết điểm, yếu kém, kể cả trong nhận thức, quan điểm, phương thức hoạt động và công tác tổ chức, cán bộ. Lực lượng thanh tra nhìn chung còn bất cập với yêu cầu, nhiệm vụ mới. Hiệu quả, hiệu lực thanh tra chưa cao có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chậm đổi mới phương thức hoạt động thanh tra, xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Lãnh đạo nhiều nơi chưa nhận thức đầy đủ vai trò, vị trí của thanh tra, chưa coi thanh tra là một công cụ thiết yếu của quản lý, vì vậy chưa quan tâm xây dựng tổ chức, tăng cường cán bộ cho các tổ chức thanh tra, chưa chỉ đạo sát sao. Nhiều nơi kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động thiếu, đời sống cán bộ khó khăn, lãnh đạo ít quan tâm, nên nhiều cán bộ thanh tra không say sưa với nghề nghiệp, muốn chuyển sang ngành khác.

*

Hiện nay, nước ta đang chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần hoạt động theo cơ chế thị trường, bên cạnh những thành tựu đạt được, cũng nảy sinh không ít biểu hiện tiêu cực, đòi hỏi công tác thanh tra phải có sự đổi mới mạnh mẽ, cả về quan điểm thanh tra, tổ chức lực lượng, và về phương thức hoạt động... Có như vậy mới đáp ứng được yêu cầu khách quan của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1 - Trước hết cần có sự **chuyển biến mạnh mẽ về quan điểm thanh tra.** Trong điều kiện hiện nay, về thanh tra, cần *nhấn mạnh* quan điểm *phòng đi đôi với chống*. Phòng và chống là hai mặt không thể thiếu được của công tác thanh tra, trong đó phòng ngừa là mặt cơ bản. Thanh tra khi xem xét, đánh giá tình hình và sự việc, là để góp phần phát hiện, khuyến khích những nhân tố mới, tích cực ; đồng thời, kiên quyết ngăn chặn những hành vi buông lỏng quản lý, lợi dụng những sơ hở của cơ chế chính sách hoặc cố tình vi phạm chính sách pháp luật vì lợi ích riêng của cá nhân, của tập thể nhỏ, làm thiệt hại đến lợi ích chung của nhà nước, của nhân dân.

* Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng thanh tra nhà nước

Digitized by Google

Công tác thanh tra hướng vào giải quyết những sai sót, những vi phạm như vừa qua, là cần thiết. Song thanh tra các cấp, các ngành cần vươn lên bám sát các chủ trương, chính sách (cả ở tầm vi mô và vĩ mô) trên mọi lĩnh vực, chọn đúng những vấn đề, chủ động thanh tra để từ đó nhận biết trước các dữ kiện của tình hình, dự báo trước những vấn đề tiêu cực phát sinh, có biện pháp phòng ngừa và ngăn chặn một cách có hiệu quả. Mặt khác, trong thanh tra, phải chủ động xem xét việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội và công dân, để kịp thời phát hiện cả những sai sót, sơ hở, những cái chưa phù hợp với thực tế của cơ chế, chính sách mà kiến nghị với Đảng, nhà nước bổ sung, sửa đổi.

Công tác thanh tra phải bảo đảm vừa có tính nhà nước, vừa có tính nhân dân. Nói đến tính nhà nước là nói đến giá trị pháp lý của tổ chức và hoạt động thanh tra. Nói đến tính nhân dân là nói đến vai trò làm chủ, tự nguyện, tự giác tham gia của mọi tầng lớp nhân dân vào công tác thanh tra. Đối tượng của thanh tra là các cá nhân, các tập thể, các tổ chức đoàn thể, quần chúng, các cơ quan đảng và nhà nước, nói rộng ra là toàn thể các tầng lớp nhân dân. Trong những phạm vi nhất định thì nhân dân vừa là chủ thể, vừa là khách thể đối với công tác thanh tra. Khi xem xét, giải quyết những vấn đề cụ thể nào đó của công tác thanh tra, cần đặc biệt chú ý tính chất này thì mới có quan điểm đúng đắn. Chẳng hạn, khi giải quyết các khiếu nại, tố cáo của dân (một vấn đề nổi cộm lên hiện nay), cán bộ thanh tra một mặt phải xác định mình là đại diện cho dân, tồn tại và hoạt động vì dân, thì mới thấu hiểu được hết nỗi oan ức của dân mà tận tụy phụng sự. Mặt khác, lại phải bảo đảm tính pháp lý, tính độc lập, khách quan khi xem xét.

2 - Đổi mới phương thức hoạt động thanh tra

Thanh tra trong tình hình mới, không chỉ dừng lại ở phương thức "truy cứu" hay "tóm bắt" đối với những sự việc theo các đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nó phải vừa xem xét theo các đơn khiếu tố, vừa chủ động xem xét việc thực hiện chính sách, pháp luật của nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế-xã hội. Thanh tra cần tập trung vào những vấn đề trọng tâm mà Đảng, Nhà nước và nhân dân quan tâm, có tác động toàn diện đến công tác quản lý của địa phương, của ngành như chính sách thuế, quản lý ruộng đất, xuất nhập khẩu, quản lý ngân hàng, thu chi ngân sách, xây dựng cơ bản và các chính sách xã hội như giải quyết việc làm, giáo dục, y tế, miền núi, dân tộc v.v... Trong quá trình thanh tra, cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng, trước hết phải dựa vào quần chúng, làm cho quần chúng hiểu biết và tích cực giúp đỡ, ủng hộ thanh tra, phát huy mạnh mẽ vai trò kiểm tra, giám sát của quần chúng nhân dân, nhất là vai trò của tổ chức thanh tra nhân dân. Các tổ chức thanh tra nhà nước quan tâm hỗ trợ, phối hợp, làm chỗ dựa vững chắc cho thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả. Đồng thời, tăng cường sự phối hợp của các ngành, các cấp, các đoàn thể quần chúng và các cơ quan thông tin đại chúng, tạo nên sự hoạt động đồng bộ trong cả nước.

Để nâng cao hơn nữa hiệu lực và hiệu quả thanh tra, phải cải tiến cách tổ chức thanh tra theo hướng gọn nhẹ ; từng cuộc thanh tra phải được chuẩn bị chu đáo, bám sát mục tiêu, yêu cầu, và xác định nội dung cần thanh tra một cách rõ ràng. Trong quá trình thanh tra, cần coi trọng mở rộng màng lưới cộng tác viên, để kết luận vấn đề nhanh, chuẩn xác, khắc phục tình trạng kéo dài thời gian, gây phiền hà cho đơn vị được thanh tra.

Trong phương thức hoạt động thanh tra, vấn đề phối hợp với các cơ quan chức năng cũng rất quan trọng, nhưng cũng không vì thế mà dẫn đến làm lẫn lộn chức năng của các ngành, thậm chí triệt tiêu lẫn nhau. Khi tiến hành thanh tra một đối tượng nào đó, thanh tra có thể phối hợp với nhiều lực lượng có chức năng khác nhau như công an, kiểm sát, kiểm tra chuyên trách (như kiểm tra xây dựng, kiểm tra giao thông, kiểm tra đảng v.v.). Những lực lượng này, nếu không định rõ được giới hạn chức năng của mình, thì khi thi hành nhiệm vụ dễ bị chồng chéo, không những hiệu quả thấp mà còn gây phiền hà cho đối tượng được thanh tra, ảnh hưởng không tốt đến sinh hoạt và sản xuất, mang tiếng là thanh tra quá nhiều.

3 - Đổi mới tổ chức và cán bộ thanh tra

Với tư cách là một lực lượng đấu tranh bảo vệ pháp luật, lực lượng thanh tra hiện nay chưa đáp ứng được các yêu cầu về tổ chức, số lượng và chất lượng cán bộ thanh tra. Sự yếu kém này có nguyên nhân khách quan do hậu quả thời bao cấp mà đến nay chưa chuyển kịp về quan điểm, nhận thức. Mặt khác, có nguyên nhân cán bộ thanh tra được lấy từ nhiều nguồn, người được đào tạo cơ bản thì thiếu kinh nghiệm thực tiễn, người có kinh nghiệm thực tiễn thì lại thiếu kiến thức cơ bản, nhất là kiến thức về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, kiến thức về pháp luật. Về tác phong, cách nghĩ, cách làm cũng còn biểu hiện máy móc, chủ quan. Tất cả những thiếu sót đó đã làm cho đội ngũ thanh tra chưa đủ mạnh.

Digitized by Google

Để giải quyết những vấn đề trên, ngành thanh tra cần có biện pháp gấp rút đào tạo bồi dưỡng cán bộ, với cách làm khẩn trương, linh hoạt, hiệu quả, tạo cho mỗi cán bộ thanh tra không chỉ biết sâu một lĩnh vực, mà còn có kiến thức khá toàn diện, biết tổng kết kinh nghiệm để nâng cao trình độ nghiệp vụ. Tổ chức thanh tra dần dần đi vào tiêu chuẩn hóa chức danh thanh tra viên, tiến hành quy hoạch, thi tuyển theo quy chế công chức nhà nước ; chú ý bồi dưỡng, mạnh dạn giao việc cho cán bộ trẻ ; kết hợp hài hòa cán bộ lâu năm có kinh nghiệm với cán bộ trẻ mới vào ngành để hỗ trợ nhau trong quá trình hoạt động thanh tra.

Cán bộ thanh tra, như Bác Hồ đã nói, "là tai mắt của trên, là bạn của dưới", cho nên, phải được rèn luyện phẩm chất đạo đức để có nếp sống trong sạch, lành mạnh, không bị những cám dỗ vật chất tầm thường lôi kéo, như tinh thần của Chỉ thị 15 của Bộ chính trị và Quyết định 114 của Thủ tướng chính phủ đã được cụ thể hóa bằng kế hoạch thực hiện trong nội bộ ngành. Việc kịp thời biểu dương khen thưởng những cán bộ tốt có nhiều thành tích và thi hành kỷ luật nghiêm minh, loại ngay ra khỏi ngành những cán bộ đã thoái hóa biến chất để bảo đảm có được một đội ngũ thanh tra viên trình độ chuyên môn giỏi và phẩm chất đạo đức tốt, là một yêu cầu quan trọng của công tác thanh tra.

4 - Tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp

Mấy năm gần đây, thực hiện đường lối đổi mới toàn diện cùng với tiến hành cải cách bộ máy hành chính các cấp, các tổ chức thanh tra các cấp, các ngành đã có những bước củng cố, tăng cường cả về tổ chức và cán bộ. Nhiều nơi cấp ủy đảng, chính quyền đã quan tâm củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ thanh tra, quan tâm bố trí những cán bộ chủ chốt có phẩm chất, năng lực, trình độ và uy tín cho các tổ chức thanh tra, tăng thêm biên chế, tạo điều kiện về kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất, phương tiện để cho thanh tra hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, quan tâm chỉ đạo hoạt động thanh tra một cách thường xuyên, giải quyết các kiến nghị của thanh tra kịp thời, nên đã phát huy được hiệu quả, hiệu lực thanh tra, góp phần tăng cường hiệu lực quản lý ; nhà nước ở cấp, ngành mình. Tuy nhiên, cũng còn không ít cấp ủy, chính quyền chưa quan tâm đúng mức đến lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra ; chưa thấy hết tác dụng của thanh tra "là chức năng thiết yếu của quản lý nhà nước, là công cụ đắc lực của lãnh đạo và quản lý"; chưa coi thanh tra như bộ phận không thể thiếu của công tác lãnh đạo. Do đó, chạm có chủ trương và biện pháp tăng cường, củng cố tổ chức thanh tra ; chưa lãnh đạo công tác này một cách chặt chẽ ; chưa chỉ đạo thường xuyên, thường có biểu hiện khoán trắng cho cơ quan thanh tra, làm được gì thì làm ; không quan tâm đến các chế độ chính sách, tạo điều kiện về kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất phương tiện làm việc cho cán bộ thanh tra ; chậm hoặc không giải quyết các kiến nghị của thanh tra một cách kịp thời, làm cho tổ chức thanh tra không phát huy được vai trò của mình.

Thực tiễn cho thấy, nơi nào cấp ủy, thủ trưởng quan tâm đến công tác thanh tra, tự coi công tác thanh tra là của chính mình, với nhận thức "không kiểm tra coi như không lãnh đạo" và thực sự quan tâm củng cố tổ chức, tăng cường cán bộ, tạo mọi điều kiện cho thanh tra hoạt động, thì nơi đó thanh tra phát huy được vai trò của mình, công tác lãnh đạo, quản lý của cấp ủy, thủ trưởng cũng được tăng cường và khắc phục có hiệu quả tệ quan liêu, hạn chế, ngăn ngừa được những sai sót trong chỉ đạo thực hiện cũng như trong việc vạch chủ trương, ra quyết định cụ thể. Quan tâm đến công tác thanh tra còn góp phần tích cực vào việc bảo vệ cán bộ, khuyến khích người tốt, việc tốt, giữ vững đoàn kết nội bộ. Vì vậy, trong tình hình mới hiện nay, các cấp ủy và thủ trưởng các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở cần quan tâm hơn nữa tới công tác thanh tra, lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực, có kinh nghiệm về công tác thanh tra, được cán bộ, đảng viên, quần chúng tín nhiệm, làm cán bộ lãnh đạo hoặc cán bộ chuyên môn của tổ chức thanh tra, đồng thời tăng cường chỉ đạo về tổ chức và hoạt động của thanh tra.

Cùng với thanh tra nhà nước, việc xây dựng, củng cố tổ chức và phát huy vai trò của thanh tra nhân dân là hết sức quan trọng. Thanh tra các ngành, các cấp phải chủ động phối hợp với Mạt trận Tổ quốc và công đoàn để hỗ trợ đắc lực cho thanh tra nhân dân ở phường, xã, cơ quan xí nghiệp hoạt động thường xuyên và có hiệu quả.

Với sự quan tâm của các cấp ủy, thủ trưởng, sự giúp đỡ của các cấp, các ngành và sự ủng hộ của nhân dân, cộng với sự nỗ lực của các cán bộ thanh tra, công tác thanh tra trong thời gian tới phải đạt cho được bước chuyển biến mạnh mẽ, đáp ứng những yêu cầu đổi mới của đất nước.

Digitized by Google

● Nghiên cứu

SỞ HỮU NHÀ NƯỚC VÀ KINH TẾ NHÀ NƯỚC

ĐỖ HOÀI NAM *

Lời người biên tập : *Sở hữu và hiệu quả của kinh tế quốc doanh là những vấn đề lý luận và thực tiễn hết sức quan trọng, nóng bỏng, nhưng cũng rất phức tạp, có nhiều ý kiến khác nhau, đòi hỏi có sự nghiên cứu, thảo luận một cách nghiêm túc, khoa học. Chúng tôi đăng bài này nhằm giới thiệu với bạn đọc một loại ý kiến xung quanh vấn đề trên để bạn đọc tham khảo.*

HIỆN nay, nhiều người quan niệm sở hữu toàn dân là một trong ba loại hình cơ bản của chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất trong nền kinh tế nước ta. Và sở hữu về tài sản, tiền vốn của các xí nghiệp quốc doanh là thuộc sở hữu toàn dân. Theo tôi, sở hữu toàn dân mà lâu nay chúng ta quan niệm, thực chất là sở hữu nhà nước.

Sự phát triển của sở hữu toàn dân gắn liền với sự phát triển của khu vực kinh tế quốc doanh. Hơn bốn thập kỷ qua ở nước ta, phát triển kinh tế quốc doanh được xem là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, là cơ sở của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, càng phát triển nhanh kinh tế quốc doanh thì càng tiến gần tới chủ nghĩa xã hội, và quy mô của các đơn vị kinh tế quốc doanh càng lớn thì ở đó những yếu tố của chủ nghĩa xã hội càng được biểu hiện đầy đủ.

Với quan niệm trên, chúng ta đã quốc doanh hóa một cách hình thức tuyệt đại bộ phận các lĩnh vực và quan hệ của đời sống kinh tế đất nước. Xét về mặt tỷ trọng, kinh tế quốc doanh hiện nay chiếm khoảng 70% vốn cố định và hơn 90% công nhân có tay nghề cao của cả nước. Nhưng mức đóng góp của kinh tế quốc doanh không tương xứng với sự đầu tư và mong đợi của nhà nước. Đến nay, khu vực kinh tế quốc doanh vẫn chưa vượt qua ngưỡng cửa của lao động tất yếu, kinh doanh thua lỗ nghiêm trọng, là gánh nặng đối với ngân sách nhà nước và toàn xã hội.

Sự đồng nhất sở hữu nhà nước với sở hữu toàn dân và việc thừa nhận nó mới lấng đọng trong các văn bản nhà nước, dừng ở mặt pháp lý của vấn đề, đã bào mòn tính chất nhà nước của sở hữu. Quan niệm sở hữu toàn dân là sở hữu không phải của ai đã bám rễ khá sâu trong nếp nghĩ, nếp sống và nếp làm việc thường ngày của mọi người. Tình trạng không có ai là người chủ đích thực trong các đơn vị kinh tế quốc doanh đã là một nguyên nhân cơ bản của tình trạng lãng phí, thất thoát nghiêm trọng tài sản của nhà nước, của sự sút kém về năng suất, chất lượng và hiệu quả. Hiện nay, trong nhiều xí nghiệp quốc doanh đang diễn ra hai thái cực đau lòng là : một số kẻ lợi dụng chức quyền tham nhũng tài sản, tiền vốn của nhà nước và một bộ phận rất lớn người lao động thờ ơ, lãnh đạm với sở hữu toàn dân.

Theo tôi, cần coi sở hữu nhà nước là một trong ba loại hình sở hữu cơ bản của nền kinh tế nước ta : sở hữu nhà nước, sở hữu tư nhân và sở hữu hỗn hợp. Cải cách chế độ sở hữu nhà nước là một vấn đề nan giải nhưng không thể né tránh. Nó cần được xem như một khâu trung tâm và điểm xuất phát quan trọng để giải quyết yêu cầu bức xúc của nền kinh tế hàng hóa đặt ra là xác định rõ quyền sở hữu tài sản, tiền vốn của các doanh nghiệp nhà nước hiện nay.

Để giải quyết vấn đề này, trước tiên cần thống nhất quan điểm chỉ sử dụng công cụ "sở hữu nhà nước" ở những ngành và những thời điểm mà nó có thể phát huy được tác dụng kích thích sự phát triển có hiệu quả của nền kinh tế. Với quan niệm này, tôi cho rằng sở hữu nhà nước cần được duy trì, củng cố và phát triển ở một số ngành và một số cơ sở trọng yếu, then chốt, quyết định đến tốc độ tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế, đến sự biến đổi căn bản của cơ cấu kinh tế và việc áp dụng kỹ thuật, công nghệ mũi nhọn, có tác dụng là "bà đỡ" và hỗ trợ cho các thành phần kinh tế khác phát triển ; ở các ngành đòi hỏi vốn đầu tư lớn nhưng thu

* Phó tiến sĩ kinh tế, Phó viện trưởng Viện kinh tế học, Viện khoa học xã hội Việt nam

Digitized by Google

hồi chậm và tỷ suất lợi nhuận quá thấp mà các thành phần kinh tế khác không có khả năng hoặc không muốn đầu tư ; và ở một số ngành, cơ sở có lợi nhuận siêu ngạch cực lớn nhằm tạo cơ sở kinh tế cần thiết cho nhà nước quản lý ở tầm vĩ mô và thực hiện những nhiệm vụ, chính sách xã hội của mình.

Không nên quan niệm rằng ở các doanh nghiệp nhà nước, nhà nước phải đầu tư 100%. Ở nhiều nước, công ty thuộc khu vực kinh tế nhà nước là công ty có số cổ phần khống chế do nhà nước nắm.

Trong quá trình kinh doanh, các hình thức sở hữu của doanh nghiệp có thể thay đổi. Ở thời điểm này, một số doanh nghiệp được coi là trọng yếu, mũi nhọn cho sự phát triển của nền kinh tế, buộc nhà nước phải nắm toàn bộ hay nắm quyền khống chế. Ở thời điểm khác sau đó, sự phát triển của nền kinh tế đòi hỏi nhà nước phải chuyển toàn bộ hoặc một phần vốn đã đầu tư ở một số doanh nghiệp cũ sang đầu tư vào những ngành và doanh nghiệp mũi nhọn mới. Sự dịch chuyển vốn này sẽ biến một số doanh nghiệp nhà nước thành những công ty tư nhân hoặc công ty hợp doanh mà nhà nước không nắm quyền kiểm soát. Ngược lại, cũng có một số công ty tư nhân trong quá trình kinh doanh cần gọi thêm vốn, nhà nước có thể hùn vốn dưới dạng cổ phần. Như vậy, thông qua việc sử dụng công cụ "sở hữu nhà nước" một cách linh hoạt và có hiệu quả, quá trình "tư nhân hóa" và "nhà nước hóa" các doanh nghiệp đồng thời xảy ra. Ở bất kỳ nước nào cũng cần có cả khu vực kinh tế quốc doanh lẫn khu vực kinh tế tư nhân và cũng phải diễn ra đồng thời cả quá trình tư nhân hóa và quốc doanh hóa. Tùy từng giai đoạn ở từng nước, mà quá trình này hay quá trình kia được coi là trọng tâm. Sự thành công trong việc phát triển kinh tế ở mỗi nước tùy thuộc không nhỏ vào mức độ hợp lý của hai khu vực và của hai quá trình này, căn cứ vào yêu cầu và điều kiện cụ thể của nước đó.

Nhưng tư nhân hóa tuyệt đại bộ phận hay phần lớn khu vực kinh tế nhà nước cũng không thể là đơn thuốc hữu hiệu, chữa được mọi căn bệnh hiện nay của nền kinh tế. Trên thực tế, không thể đặt toàn bộ hay phần lớn sự tăng trưởng của nền kinh tế, sự biến đổi của cơ cấu kinh tế, sự phát triển của kỹ thuật và công nghệ hiện đại trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế hoàn toàn vào tay tư nhân, bởi lẽ họ chưa đủ khả năng, thực lực và uy tín cần thiết. Ở nước ta, trong giai đoạn đầu quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa nền kinh tế, đảm nhận vai trò này vẫn phải là khu vực kinh tế nhà nước. Vấn đề đặt ra là, để kinh tế nhà nước có thể đảm nhận được vai trò tích cực này, cần khắc phục từng bước hậu quả của tình trạng quốc doanh hóa một cách hình thức, tràn lan và nâng cao hiệu quả hoạt động của nó.

*

Để nâng cao sức mạnh và hiệu quả của khu vực kinh tế nhà nước, nhà nước với tư cách là chủ sở hữu, cần áp dụng đồng thời những giải pháp sau đây đối với các doanh nghiệp nhà nước :

1 - Tiếp tục thực hiện chính sách bảo trợ từ ngân sách cho những doanh nghiệp nhà nước đáp ứng những nhu cầu về hàng hóa công cộng cho xã hội, cho nền kinh tế và cho dân chúng. Sự hoạt động của những doanh nghiệp này không vì mục tiêu lợi nhuận. Việc có thể làm được trong tầm tay của nhà nước là đổi mới tổ chức, quản lý và cán bộ lãnh đạo, áp dụng những biện pháp khuyến khích kinh tế và cưỡng bức kinh tế buộc doanh nghiệp thực hiện hạch toán tiết kiệm, đề cao kỷ luật tài chính nhằm bảo toàn tài sản và giảm bù lỗ, tự cấp cho nhà nước.

Với những xí nghiệp khác mà nhà nước vẫn giữ quyền sở hữu, thì áp dụng hình thức cho tập thể lao động tại doanh nghiệp, tư nhân nhận khoán thuê hoặc đấu thầu kinh doanh. Tôi cho rằng, việc thí điểm trao quyền sử dụng và trách nhiệm bảo toàn vốn sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp nhà nước theo Chỉ thị 316 CP của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) không thể là một giải pháp căn bản, hữu hiệu để bảo toàn vốn ở doanh nghiệp sau mỗi chu kỳ kinh doanh, bởi lẽ nguyên nhân cốt lõi của việc thiếu hụt vốn ở phần lớn các doanh nghiệp hiện nay là do tình trạng kém hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Nếu không giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản hiện nay trong khu vực kinh tế nhà nước, thì đặt vấn đề bảo toàn và phát triển vốn của nhà nước ở phần lớn các doanh nghiệp đang hoạt động kém hiệu quả, thuần túy chỉ là mong muốn. Tính khả thi của giải pháp này là không có cơ sở chắc chắn. Để có thể bảo toàn và phát triển vốn của nhà nước trong khu vực kinh tế nhà nước, thì giải pháp cơ bản, vững chắc là phải tìm kiếm những hình thức cụ thể phù hợp để chuyển đổi căn bản phương thức kinh doanh nhằm khuyến khích và cưỡng bức bằng kinh tế buộc doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Vì thế, việc áp dụng chế độ khoán, cho thuê, đấu thầu kinh doanh là sự lựa chọn đúng hướng.

Digitized by Google

Tuy có nhiều ưu điểm hơn so với việc mở rộng quyền tự chủ của doanh nghiệp, chế độ khoán, cho thuê cũng chỉ mới hạn chế trong khuôn khổ quyền kinh doanh, chỉ mới làm thay đổi phương thức kinh doanh chứ chưa đụng chạm đến quyền sở hữu tài sản, tiền vốn. Những mâu thuẫn giữa chế độ sở hữu nhà nước và nền kinh tế hàng hóa vẫn tồn đọng.

2 - Giải pháp có tính chiến lược ở nước ta trong thập kỷ tới là chuyển phần lớn các doanh nghiệp nhà nước hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận thành các công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn, trong đó cổ phần nhà nước giữ vai trò khống chế. Quan hệ sở hữu tài sản và tiền vốn, quan hệ quản lý và quan hệ phân phối ở các công ty cổ phần sẽ có những thay đổi rất căn bản, có tác dụng tích cực đến việc nâng cao hiệu quả kinh doanh ở khu vực kinh tế nhà nước.

Ở các thực thể kinh doanh này, quyền sở hữu và quyền quản lý, quyền sở hữu và quyền kinh doanh được tách biệt rõ ràng ; hành vi của chính quyền và hành vi của doanh nghiệp được hợp lý hóa một cách rõ nét, sự can thiệp trực tiếp của các cấp chính quyền vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sẽ giảm đến mức thấp nhất.

Các công ty cổ phần mà cổ phần nhà nước nắm vai trò khống chế, có tầm cỡ quốc gia, chi phối sự phát triển của nền kinh tế, là những thực thể kinh doanh cần được nhà nước tập trung sức tạo lập. Sự phát triển kinh tế của đất nước sẽ tùy thuộc rất lớn vào những công ty, tập đoàn kinh doanh có tầm cỡ quốc gia.

Khi chuyển các doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần có một số vấn đề được đặt ra :

Một là, liệu có tồn tại cổ phần của tập thể lao động tại doanh nghiệp không ? Tôi cho rằng, các doanh nghiệp nhà nước khi chuyển sang công ty cổ phần có thể có những loại cổ phần : cổ phần nhà nước, cổ phần của cá nhân và của tập thể người lao động, cổ phần của dân chúng và cổ phần của các tổ chức kinh tế và bảo hiểm trong và ngoài nước. Tính đa dạng của các loại cổ phần là do sự đa dạng hóa các quan hệ sở hữu trong công ty cổ phần quyết định. Và loại cổ phần của tập thể lao động tại doanh nghiệp sẽ ngày càng được khẳng định và phát triển cùng với việc mở rộng quy mô áp dụng chế độ khoán, cho thuê, đấu thầu và cổ phần hóa.

Hai là, khả năng người lao động mua cổ phiếu. Từ nhiều năm nay, vì lý do khách quan và chủ quan, chế độ tiền công của chúng ta rất thấp. Vì thế, nếu không có sự hỗ trợ của nhà nước thì phần lớn người lao động không có khả năng mua cổ phiếu bằng thu nhập của cá nhân họ. Nên chăng nhà nước có thể bán một số cổ phiếu với giá ưu đãi, thậm chí thấp nhiều so với giá trị thực của nó cho người lao động làm việc tại công ty dưới hình thức trả sau và trả dần bằng lợi tức cổ phần của họ ?

Ba là, ai là người đại diện cho cổ đông nhà nước ? Trao quyền đại diện này cho bộ chủ quản, cho ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu, cho bộ tài chính, hay thành lập một tổ chức riêng có chức năng quản lý tài sản, tiền vốn thuộc sở hữu nhà nước ? Theo tôi, chính phủ nên làm thử việc trao quyền đại diện sở hữu tài sản, tiền vốn của nhà nước ở một số doanh nghiệp trong diện thí điểm công ty cổ phần cho bộ tài chính. Đồng thời, xóa bỏ vai trò của các bộ chuyên ngành, của các ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương là cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của các doanh nghiệp nhà nước. Các cơ quan nói trên sẽ tập trung vào việc thực hiện chức năng quản lý ngành đối với tất cả các tổ chức kinh doanh trong toàn bộ nền kinh tế, không phân biệt thành phần kinh tế, chế độ sở hữu. Các doanh nghiệp nhà nước sẽ không còn cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp. Sự hoạt động kinh doanh của chúng được định hướng, điều tiết và kiểm soát theo luật và các chính sách kinh tế vĩ mô của nhà nước như các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác.

3 - Thay đổi hình thức sở hữu của những doanh nghiệp nhà nước không có vai trò then chốt, quyết định đến sự phát triển của nền kinh tế, thông qua việc bán toàn bộ hay phần lớn tài sản cho tập thể hoặc tư nhân để chuyển thành công ty tư nhân hoặc công ty hợp doanh.

Đối với những doanh nghiệp không thể xử lý theo các giải pháp trên, thì cho phép phá sản, tiến hành thanh lý toàn bộ hay từng phần tài sản, giải quyết chính sách, chế độ với những người lao động tạm thời thất nghiệp ở những xí nghiệp này, giúp họ tìm kiếm chỗ làm việc mới hoặc đào tạo lại để họ có điều kiện chuyển sang nghề mới, v.v.. Cần kiên quyết không "ném phao cấp cứu" dưới bất cứ dạng nào để kéo dài sự ngắc ngoải của những doanh nghiệp thuộc dạng này, bởi lẽ làm như vậy là một gánh nặng quá tải đối với ngân sách nhà nước và với toàn xã hội.

Digitized by Google

Vì sao đất đai thuộc sở hữu toàn dân ?

NGUYỄN XUÂN THẢO *

TỪNG thời kỳ, mỗi nước trên thế giới đều có quốc sách riêng về đất đai, và cách giải quyết cũng rất khác nhau. Điều đó là hợp lý, vì đất đai phụ thuộc vào điều kiện cụ thể của từng nước.

Ở nước ta, Đảng và Nhà nước quy định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, vì những đặc điểm sau về chính trị, kinh tế, tâm lý xã hội, truyền thống lịch sử :

1 - Nước ta đang quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội dựa trên nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước. Một trong những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa, như Đại hội VII của Đảng ta đã nêu, là có một nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Chế độ công hữu đó là cái khác về chất để phân biệt chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, ngày nay chúng ta quan niệm chủ nghĩa xã hội không chỉ có hình thức công hữu, mà còn có các hình thức sở hữu khác (như sở hữu hỗn hợp, sở hữu tư nhân) trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng.

Đối với đất đai là một loại tư liệu sản xuất đặc biệt quan trọng không gì thay thế được, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là không gian sinh tồn của dân tộc, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng... thì việc quy định nó thuộc sở hữu toàn dân, là điều kiện rất cơ bản, cần thiết để bảo đảm chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu, bảo đảm định hướng lên chủ nghĩa xã hội.

2 - Đất đai là kết quả của quá trình chế ngự thiên nhiên, chống giặc ngoại xâm của cả dân tộc từ thế hệ này qua thế hệ khác, chứ không của riêng ai. Lãnh thổ nước ta có được như ngày nay là do công lao, mồ hôi, nước mắt, xương máu của bao thế hệ trước đây và hiện nay khai phá, vun đắp, giữ gìn. Tách khỏi những điều kiện của nhà nước, của cộng đồng, không một cá nhân nào có thể khai phá và giữ gìn bất cứ mảnh đất nào để rồi sau đó nói nó hoàn toàn là của mình. Cớ chăng ở đây chỉ là *công khai phá* và *quyền sử dụng* nó.

3 - Điểm lại lịch sử ta thấy rằng : trước cách mạng, ruộng đất thuộc sở hữu của địa chủ phong kiến và tư bản nước ngoài là chủ yếu. Chỉ chiếm 4% số dân mà họ nắm tới 70% diện tích đất canh tác ; còn nông dân chiếm 85% số dân thì chỉ nắm có 30% diện tích đất canh tác, trong đó số hộ không có ruộng đất chiếm tới 59,2%. Ruộng đất ở miền Nam phần lớn tập trung trong tay các điền chủ, số này chiếm tới 82% số ruộng trong vùng. Một số ít điền chủ có mức sở hữu từ 5 000 đến 10 000 ha. Còn nông dân ở đây, có tới 66% số hộ hoàn toàn không có ruộng đất, chủ yếu phải đi làm thuê cho địa chủ để sống. Thông qua cách mạng dân chủ, thực hiện cải cách ruộng đất và ban hành các sắc lệnh về đất đai, Đảng và Nhà nước ta đã lấy ruộng đất từ tay địa chủ và tư bản nước ngoài chia cho nông dân, thực hiện chính sách "người cày có ruộng". Với việc xây dựng các nông, lâm trường quốc doanh và tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp ở nông thôn, ruộng đất ở nước ta thực tế chỉ còn *hai* hình thức sở hữu : *toàn dân* và *tập thể*.

Từ sau Nghị quyết 10 của Bộ chính trị khóa VI đến nay, hình thức sở hữu toàn dân và tập thể ở nước ta đã có sự đổi mới : từ chỗ dường như *vô chủ* và kém hiệu quả, đã từng bước trở thành *có chủ* và có hiệu quả hơn. Ruộng đất được giao lại cho từng hộ xã viên sử dụng. Trong các nông trường,

* Vụ trưởng Vụ nông, lâm, ngư nghiệp, Ủy ban kế hoạch nhà nước

Digitized by Google

ruộng đất cũng được khoán tới từng hộ công nhân. Trong ngành lâm nghiệp, hàng triệu ha rừng và đất rừng cũng được giao cho hộ và người làm nghề rừng sử dụng theo chính sách. Ở những vùng mới khai khẩn, nhà nước đầu tư rất lớn vào các công trình cơ sở hạ tầng như thủy lợi, giao thông... Ruộng đất đã được giao cho nông dân và những người muốn canh tác trên mảnh đất mới khai phá này sử dụng. Một số người đã nhận 50 đến 100 ha đất để trồng cây cao su và các cây khác.

Qua tất cả các thời kỳ, đặc biệt trong giai đoạn đổi mới hiện nay, để sử dụng đất đai có hiệu quả hơn, nhà nước đã và đang giao đất cho người sử dụng với những điều kiện rất rộng rãi (được sử dụng ổn định lâu dài ; được chuyển nhượng quyền sử dụng ; có quyền thừa kế...).Với việc mở rộng quyền sử dụng như vậy, sở hữu toàn dân về đất đai thực chất không những không gây trở ngại mà còn có ý nghĩa bảo vệ quyền đó. Nhà nước không chấp nhận việc mua bán đất đai như một tài sản của sở hữu tư nhân. Trong điều kiện nước ta, đất đai thuộc sở hữu toàn dân là cơ cơ sở kinh tế của nó.

4 - Sau nhiều năm chiến tranh, nay ta mới bắt đầu xây dựng đất nước. Ta cần làm rất nhiều đường sá, các công trình thủy lợi, thủy điện, xây dựng các đô thị, các khu công nghiệp v.v.. Nhưng khi nhà nước muốn thu hồi đất thực hiện các mục đích trên, thì người sử dụng đất lại đòi không ít điều kiện với nhà nước, mặc dù nhà nước đã giao không đất cho họ. Nếu ruộng đất thuộc sở hữu tư nhân thì điều kiện đó sẽ càng lớn. Như vậy, việc tư nhân hóa đất đai chắc chắn sẽ là một cản trở lớn đối với việc xây dựng đất nước.

5 - Diện tích đất canh tác của ta ngày càng giảm do công trình xây dựng ngày càng nhiều và dân số ngày càng tăng. Diện tích canh tác bình quân đầu người ở nước ta hiện nay thuộc loại rất thấp : dưới 0,1 ha. Đặc biệt, ở đồng bằng sông Hồng và duyên hải miền Trung thì diện tích này càng thấp. Thực tế đó dẫn đến số người không có việc làm, sống nghèo khổ vì không có ruộng đất ngày càng nhiều, và sẽ là nhân tố gây nên sự không ổn định trong xã hội. Vừa qua, nhà nước ta đã có những cố gắng lớn trong việc sắp xếp lại lao động, bố trí ngành nghề, phân bố lại đất đai, đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới để khắc phục hậu quả trên. Việc làm này tuy mới thành công bước đầu, nhưng cho thấy : đất đai thuộc sở hữu toàn dân là điều kiện thiết yếu để nhà nước ổn định việc làm, tạo cuộc sống cho người dân trước mắt và lâu dài, xây dựng và thực hiện phương án tối ưu quản lý và sử dụng đất đai trong cả nước.

6 - Đối với các nước kinh tế thị trường phát triển lâu năm, thì có cách tích tụ ruộng đất riêng, do ông cha họ hoặc bản thân họ mua bán theo giá thị trường, còn ở nước ta thì không có chuyện đó. Ở nước ta, nhà nước giao đất đai cho người sử dụng mà không lấy tiền, vì vậy không có lý để nói đất đai là thuộc sở hữu tư nhân. Hơn nữa, ngay ở các nước kinh tế thị trường phát triển, quyền sở hữu tư nhân đối với đất đai cũng không có nghĩa tư nhân có quyền vô hạn định đối với đất đai. Họ chỉ có một số quyền nhất định trong việc sử dụng và chuyển nhượng đất đai cho các hoạt động kinh tế bình thường trong khuôn khổ pháp luật. Chẳng hạn, nhà nước có thể không cho phép chuyển đất nông nghiệp sang mục đích công nghiệp tại các vùng áp dụng đặc khu nông nghiệp ; đất đai có thể bị thu hồi nếu như khoảnh đất đó nằm trong khu vực thi công các dự án công cộng quan trọng. Vì vậy, ngay ở các nước thực hiện quyền sở hữu tư nhân về đất đai, nhà nước vẫn có quyền và trách nhiệm kiểm soát việc sử dụng đất đai vì nhu cầu của xã hội. Bình thường, nhà nước ở các nước này không can thiệp vào quyết định và hoạt động của tư nhân liên quan đến việc sử dụng đất đai, vì các quyết định của chủ sở hữu ở các nước này thường được coi là có hiệu quả trong phát triển kinh tế. Song quyền kiểm soát tối cao đối với việc sử dụng đất đai vẫn nằm trong tay nhà nước.

Với những lý lẽ nói trên, Hiến pháp năm 1992 và dự thảo Luật đất đai (sửa đổi) của ta quy định : đất đai thuộc sở hữu toàn dân. Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch và pháp luật, bảo đảm sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả. Nhà nước giao đất cho các tổ chức và cá nhân sử dụng ổn định lâu dài với những quyền rộng rãi. Đồng thời, nhà nước có quyền thu hồi đất đai trong những trường hợp cần thiết.

Digitized by Google

KINH TẾ TƯ NHÂN : hướng phát triển ở nước ta

NGUYỄN ĐÌNH TÔN *

KINH tế tư nhân là một trong những chủ đề quan trọng của các cuộc cải cách và điều chỉnh kinh tế ở nhiều quốc gia trên thế giới. Nhiều ý kiến cho rằng : sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân đã từng tồn tại và phát triển như là một tất yếu lịch sử. Nó xuất hiện ngay từ khi chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã và tiếp tục tồn tại qua các hình thái kinh tế - xã hội. Bài này xin đề cập một số vấn đề về kinh tế tư nhân và hướng phát triển ở nước ta.

I - *TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG*

Quan niệm về kinh tế tư nhân đang còn nhiều ý kiến khác nhau, song theo Nghị quyết 16/BCT (ngày 15-7-1988) của Bộ chính trị (khóa VI), kinh tế tư nhân bao gồm : hộ cá thể, hộ tiểu chủ, xí nghiệp tư bản sản xuất công nghiệp. Xuất phát từ quan điểm giải phóng sức sản xuất, phát triển kinh tế nhiều thành phần, Đại hội VI và VII của Đảng cũng như Nghị quyết 16 của Bộ chính trị (khóa VI) đã chỉ rõ : Đảng tiếp tục khẳng định thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, không phân biệt đối xử, không áp đặt hình thức kinh doanh.

Thực hiện nghị quyết của Đảng, mấy năm qua, kinh tế tư nhân ở nước ta đã có bước phát triển cả về số lượng và quy mô. Hiện nay, cả nước có trên 2 vạn cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp tư nhân cá thể, trong đó có 800 cơ sở được thành lập hoặc chuyển đổi theo luật doanh nghiệp tư nhân và công ty cổ phần, hơn 1 triệu hộ kinh doanh dịch vụ ra đời đã thu hút được hàng ngàn tỉ đồng trong dân, tạo ra nhiều mặt hàng mới có khả năng cạnh tranh với thị trường bên ngoài và các ngành hàng trong nước. Một số công ty tư nhân mới ra đời như Công ty Bình tiên (TP Hồ Chí Minh), từ tổ hợp chuyển sang hợp tác xã rồi chuyển sang công ty cổ phần, chỉ trong vòng chưa đầy 2 năm đã đưa doanh số xuất khẩu lên hơn 5 triệu đô la và sản phẩm được xuất sang 20 nước công nghiệp phát triển. Mặc dù chưa có môi trường thật thuận lợi cho phát triển kinh tế, nhưng khu vực tư nhân đã tạo ra trên 40% tổng sản phẩm xã hội và trên 45% thu nhập quốc dân.

Tuy nhiên, tiềm năng của khu vực kinh tế tư nhân ở nước ta còn rất lớn. Nếu chúng ta có chính sách và cơ chế quản lý thích hợp, thì tiềm năng đó còn được phát huy mạnh mẽ hơn.

Trước hết là tiềm năng về vốn. Hiện nay, chưa có số liệu thống kê phản ánh chính xác nguồn vốn trong các tầng lớp dân cư. Song chỉ mới hơn một năm thực hiện Nghị quyết 16/BCT, ở TP Hồ Chí Minh đã có 92 xí nghiệp và 117 công ty tư doanh ra đời, số vốn pháp định là 58,57 tỉ đồng ; ở 7 tỉnh Kiên giang, Sông bé, Thuận hải, Bình định, Quảng ngãi, Thanh hóa, Quảng ninh và đặc khu Vũng tàu - Côn đảo (cũ), nhân dân đã đóng góp 77 nghìn lạng vàng đầu tư vào các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ. Điều đó chứng tỏ nguồn vốn trong dân còn khá lớn, nếu chúng ta có chính sách đúng đắn thì họ sẽ sẵn sàng bỏ vốn đầu tư mở rộng và phát triển sản xuất.

Tiềm năng về lao động. Tuy chưa có con số thật chính xác nhưng các nhà kinh tế trong và ngoài nước đều nhất trí với những đánh giá sau đây : a) số lao động thất nghiệp và nửa thất nghiệp hiện nay ở nước ta là trên 6 triệu người ; b) số người đến tuổi lao động chưa có việc làm mỗi năm tăng thêm khoảng trên 1 triệu ; c) số lao động dôi ra do đổi mới kỹ thuật và công nghệ nâng cao năng suất lao động trong các ngành kinh tế quốc dân hằng năm cũng rất lớn.

Tiềm năng về trí tuệ. Kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm sản xuất và những truyền thống đã tích lũy nhiều năm trong từng gia đình... nếu được khơi dậy sẽ là một trong những động lực sáng tạo quan trọng.

Tiềm năng về hợp tác với nước ngoài. Cụ thể là hợp tác về vốn và công nghệ qua con đường quan hệ với các xí nghiệp tư nhân và kiều bào ở nước ngoài. (Đây là một yếu tố quan trọng của thời kỳ chuẩn bị cất cánh ở Đài loan).

Tiềm năng về kích thích những nhu cầu mới. Do một bộ phận nhân dân giàu có trước đòi hỏi mức tiêu dùng cao hơn về hàng hóa, nên kích thích phải có thêm thị trường mới về hàng tiêu dùng và thiết bị công nghệ.

* Phó tiến sĩ kinh tế, Ủy ban kế hoạch nhà nước

Digitized by Google

Khi nói đến tiềm năng của kinh tế tư nhân, không thể chỉ nhấn mạnh mặt tích cực của nó là phát huy mạnh mẽ tính năng động sáng tạo của cá nhân, mà cần thấy cả mặt hạn chế tất yếu của nó. Những mặt hạn chế đó là :

1 - Cạnh tranh tư nhân tất yếu sẽ dẫn đến phân hóa giàu nghèo. Trong cuộc sống thực tế giữa mọi người luôn luôn có sự khác biệt (thuận lợi hay khó khăn) về sức khỏe, về trí tuệ, về hoàn cảnh, về điều kiện thiên nhiên. Một khi xã hội đã thừa nhận những thu nhập hợp pháp về lao động và về vốn, thì tức là đã thừa nhận sự chênh lệch về thu nhập và sở hữu. Những thu nhập (dù là thu nhập hợp pháp), nếu không có chính sách điều tiết của nhà nước, thì khó mà bảo đảm được công bằng xã hội, và kết quả là mâu thuẫn giữa các giai cấp và các tầng lớp trong xã hội sẽ ngày càng gay gắt. Một môi trường xã hội không ổn định, đương nhiên sẽ là một cản trở lớn cho phát triển.

2 - Hệ thống các cơ sở kinh tế tư nhân riêng lẻ qua cạnh tranh gay gắt trên thị trường dẫn đến triệt tiêu lẫn nhau. Với động cơ lợi nhuận là trên hết, kinh tế tư nhân dễ bị lôi cuốn vào các hoạt động có tính chất đầu cơ nâng giá, tích trữ (cung càng ít hơn cầu càng nhiều lãi)... Điều đó làm cho môi trường kinh tế vĩ mô khó ổn định. Trong điều kiện thị trường thế giới ngày càng phát triển theo hướng quốc tế hóa, thì những hoạt động tư nhân thiếu phối hợp một cách có tổ chức sẽ không thể chen chân và đứng vững trên thị trường đó.

3 - Kinh tế tư nhân chủ yếu hướng vào những lĩnh vực có nhiều lợi nhuận (như dịch vụ ăn uống) ; vốn đầu tư của nó vào lĩnh vực sản xuất chiếm tỷ lệ rất thấp, nó không quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng. Các xí nghiệp tư nhân nhìn chung quy mô sản xuất nhỏ bé, kỹ thuật lạc hậu, trình độ quản lý thấp kém, chưa tiếp cận được nhiều với thị trường bên ngoài. Bên cạnh những doanh nghiệp làm ăn đứng đắn, góp phần tích cực vào công cuộc phát triển kinh tế của đất nước, còn nhiều doanh nghiệp chấp hành pháp luật chưa nghiêm, thậm chí còn lợi dụng sơ hở của nhà nước để làm ăn phi pháp. Tình trạng lừa đảo, trốn thuế, lậu thuế, làm hàng giả... vẫn còn nặng nề, do đó chưa thực sự gây được lòng tin trong đông đảo người tiêu dùng. Chủ trương phát triển công ty cổ phần và việc làm thử cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước vẫn đang tiến hành chậm chạp. Các tỉnh phía bắc tiến triển khó khăn hơn các tỉnh phía nam.

Qua sự phân tích ở trên, có thể rút ra kết luận : Khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân thì phải thừa nhận vai trò của kinh tế tư bản tư nhân. Phát triển kinh tế tư nhân mà không có chính sách điều tiết của nhà nước thì không thể bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa và công bằng xã hội. Kinh tế tư nhân chỉ là một động lực cần thiết cho phát triển, nó không thể thay thế tất cả. Kinh tế tư nhân chỉ có thể phát triển thuận lợi trong điều kiện nhà nước tạo cơ sở hạ tầng và môi trường kinh tế xã hội cho nó.

II - *HƯỚNG PHÁT TRIỂN VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP*

1 - *Quan điểm về phương hướng và chính sách*

Về hướng chuyển đổi cơ cấu, cần tăng dần tỷ trọng kinh tế tư nhân với mức độ phù hợp, trước tiên là trong những ngành nhà nước không độc quyền, thu hồi vốn nhanh (như dịch vụ thương mại, dịch vụ sửa chữa và phục vụ sinh hoạt, sản xuất thủ công mỹ nghệ và hàng tiêu dùng...), sau đó có thể mở rộng sang một số ngành mà để cho kinh tế tư nhân làm thì tốt hơn là kinh tế quốc doanh. Kinh tế quốc doanh sẽ có điều kiện tập trung vào những ngành phát triển cơ sở hạ tầng, những ngành kinh tế then chốt cần nhiều vốn, những ngành kỹ thuật mũi nhọn... Việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu có thể bắt đầu từ cơ cấu đầu tư. Bảo đảm mối quan hệ tỷ lệ hợp lý giữa đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh với đầu tư phát triển dịch vụ ăn uống... Thông qua chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước (thuế, tín dụng...) để điều tiết mối quan hệ này.

2 - *Các chính sách điều tiết* vĩ mô của nhà nước phải nhằm vừa khuyến khích mặt tích cực vừa hạn chế mặt tiêu cực của kinh tế tư nhân :

- Không hạn chế mức thu nhập tối đa nhưng có mức thuế lũy tiến để phân phối lại thu nhập.
- Quy định giới hạn khuyến khích về số lượng lao động và vốn kinh doanh cho một doanh nghiệp tư nhân được hưởng mức thuế bình thường và được vay tín dụng với lãi suất bình thường. Nếu vượt quá giới hạn đó thì doanh nghiệp sẽ phải chịu tỷ lệ thuế vốn và lãi suất tín dụng cao hơn.
- Khuyến khích mô hình công ty cổ phần, nhưng phải quy định tỷ lệ trị giá cổ phần tối đa cho mỗi cổ đông tư nhân (ví dụ dưới 20%, như một số nước quy định) để tránh độc quyền trong việc điều hành vốn.
- Quy định mức thuế khác đối với tài sản được thừa kế dùng vào kinh doanh.
- Cho doanh nghiệp tư nhân được tham gia hợp tác với nước ngoài.
- Bán cổ phần của doanh nghiệp nhà nước cho người nước ngoài.
- Luật hóa quy chế khu chế xuất, v.v..

Digitized by Google

- Sử dụng nguồn ngân sách điều tiết được cho các chương trình chống nghèo đói và các chương trình phúc lợi xã hội khác nhằm nâng cao từng bước mức sống của những người có thu nhập thấp.
- Nhà nước ban hành luật lao động theo tinh thần bảo hộ quyền lợi của người lao động.

3 - *Một số công việc cần làm trước mắt*

Khôi phục tư tưởng làm giàu cho dân mà một thời gian dài đã bị lãng quên. Khuyến khích mọi người có vốn và có tài mở rộng sản xuất kinh doanh với quan điểm dân có giàu, nước mới mạnh. Đồng thời, xóa bỏ mặc cảm với quá khứ lịch sử của các chủ tư nhân, miễn sao họ có đủ điều kiện hành nghề kinh doanh đúng hướng, đúng pháp luật.

Để khuyến khích tư nhân đầu tư nhiều hơn vào sản xuất, thuế đánh vào sản xuất cần thấp hơn nhiều so với thuế đánh vào lưu thông. Một số ngành hàng có vị trí quan trọng trong nền kinh tế và cần nhiều lao động như chăn nuôi, trồng trọt, xuất khẩu, cơ khí chế tạo... nên giảm thuế một thời gian hợp lý. Cho phép công dân Việt nam đầu tư vào bất cứ địa phương nào mà họ thấy có lợi, không lệ thuộc vào chỗ ở đó họ có hộ khẩu thường trú hay không. Có ý kiến cho rằng nên bỏ thuế lợi tức vì khó xác định và không có tác dụng khuyến khích sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đủ điều kiện được trực tiếp xuất, nhập khẩu và liên doanh, liên kết với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để sản xuất, kinh doanh theo pháp luật.

Mối quan hệ giữa chủ và thợ hiện nay đang ở thời kỳ để thỏa thuận với nhau (vì người lao động đang thiếu việc làm mà tiền công trong các doanh nghiệp tư nhân lại tương đối cao). Về lâu dài, để tránh những mâu thuẫn gay gắt giữa chủ và thợ, nhà nước cần thể chế hóa mối quan hệ này, xây dựng và hoàn thiện bộ Luật về lao động, bảo hiểm và bảo trợ xã hội. Trước mắt, cần sớm ban hành các quy ước lao động, giải quyết tranh chấp lao động.

Nhà nước cần hỗ trợ đào tạo các chủ doanh nghiệp bằng các hình thức thích hợp để họ có thể nâng cao nghiệp vụ kinh doanh, năng lực quản lý và am hiểu pháp luật ; cố gắng tạo điều kiện cho họ tiếp xúc với thực tế ở nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm và mở rộng tầm nhìn.

Tạo môi trường tâm lý thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân. Xóa bỏ tâm lý kỳ thị, mặc cảm, thành kiến đối với khu vực kinh tế tư nhân. Xem xét lại một số quy định có thể làm tăng mặc cảm, ảnh hưởng không tốt đến việc phát triển kinh tế tư nhân, như quy định đảng viên không được mở doanh nghiệp tư nhân, không được thuê lao động, v.v. (những quy định này thường làm nảy sinh câu hỏi : phải chăng Đảng và Nhà nước vẫn coi làm kinh tế tư nhân là xấu ?).

Hoàn thiện môi trường luật pháp và kinh tế. Hiện nay, môi trường luật pháp ở nước ta chưa ổn định, còn gây khó khăn cho hoạt động của các doanh nghiệp tư nhân. Còn thiếu nhiều văn bản pháp luật nhất là luật kinh tế, đồng thời lại có quá nhiều văn bản hướng dẫn dưới luật (kể cả ở cấp trung ương đến địa phương). Các văn bản ban hành lại thiếu đồng bộ, thậm chí có điểm mâu thuẫn, làm cho các doanh nghiệp khó thực hiện.

Tiếp tục ổn định môi trường chính trị - xã hội, vì nó có tác động chi phối đến môi trường tâm lý, môi trường luật pháp và môi trường kinh tế. Để tạo môi trường chính trị - xã hội lành mạnh, cần có chính sách nhất quán cởi mở. Nhà nước bảo đảm các quyền chính đáng của các chủ doanh nghiệp và người lao động (như quyền được tham gia công đoàn và các tổ chức của Đảng ; quyền được nhận các danh hiệu cao quý như Anh hùng lao động, được nhận huân chương, huy chương) ; bảo đảm con cái họ không bị phân biệt đối xử...

Cải tiến việc cấp giấy phép kinh doanh và hoàn thiện chế độ kiểm tra, kiểm soát. Thông qua việc cấp giấy phép kinh doanh, nhà nước thực hiện sự kiểm tra bằng pháp luật đối với các cơ sở kinh doanh, giúp đỡ và hướng dẫn các hoạt động kinh doanh đúng pháp luật. Thực tế hiện nay việc này còn không ít phiền hà, tiêu cực, cần kịp thời chấn chỉnh.

Kiểm tra, kiểm soát là nhiệm vụ của bất kỳ nhà nước nào. Không được lẫn lộn giữa việc kiểm tra kiểm soát (để bảo đảm đúng pháp luật và chính sách) với sự can thiệp vào tác nghiệp kinh doanh.

Thời gian qua, các cơ quan chức năng nhà nước đã làm được một số việc nhất định, như : định kỳ kiểm tra, nhắc nhở, uốn nắn những việc làm sai trái của các doanh nghiệp tư nhân ; rút giấy phép một số doanh nghiệp không đủ điều kiện kinh doanh ; đưa một số doanh nghiệp tư nhân ra pháp luật xử lý. Nhưng vẫn còn nhiều thiếu sót, sơ hở, dẫn đến thất thu thuế, hoặc đồng lõa với những hành vi tiêu cực. Nhiều ý kiến cho rằng, cần sớm chấn chỉnh và hình thành hệ thống kiểm soát viên ở cơ quan tài chính các cấp ; đồng thời, tăng cường vai trò của hiệp hội các doanh nghiệp ngoài quốc doanh để hướng dẫn thực hiện luật pháp, chính sách.

Digitized by Google

QUAN HỆ GIỮA KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ CHÍNH TRỊ Ở NƯỚC TA

KHỔNG DOÃN HỢI *

THỰC tiễn đổi mới những năm qua đã và đang chứng minh, trong điều kiện nước ta, các tổ chức kinh tế của xã hội theo kiểu sản xuất hàng hóa đã mang lại nhiều hiệu quả kinh tế. Đó là bước đi phù hợp với quá trình phát triển kinh tế lịch sử tự nhiên. Từ một nước tiểu nông định hướng lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế của nước ta phải thực hiện những bước chuyển hóa từ nền kinh tế tự cấp tự túc sang nền kinh tế thị trường. Quá trình chuyển hóa này khá lâu dài. Chủ nghĩa tư bản phải trải qua mấy thế kỷ - thông qua sự phát triển kinh tế thị trường - mới đưa nền sản xuất đạt trình độ xã hội hóa trong thực tế như ngày nay. Thiếu một trình độ xã hội hóa thực tế như thế thì chủ nghĩa xã hội sẽ là điều không tưởng. Đối với nền kinh tế nước ta, đó là cái phải trải qua, mặc dù có thể rút ngắn được về mặt thời gian so với chủ nghĩa tư bản trước đây.

Khi sản xuất hàng hóa được thừa nhận là yêu cầu khách quan và cần phải phát triển mạnh mẽ nó thì mối quan hệ giữa kinh tế và chính trị mang một nội dung khách quan mới. Thực chất mối quan hệ này là mối quan hệ giữa cơ sở hạ tầng và cấu trúc thượng tầng.

Mối quan hệ này không phải là mối quan hệ một chiều theo kiểu kinh tế có ý nghĩa quyết định duy nhất, nhà nước chỉ đóng vai trò thụ động. Khi ta nói, kinh tế suy đến cùng là yếu tố quyết định sự tiến hóa xã hội, cũng có nghĩa ta đã thừa nhận tính độc lập tương đối của chính trị (tức nhà nước), sự tác động của chính trị đối với sự phát triển kinh tế. Sự tác động này, như thực tiễn lịch sử cho thấy, có thể theo *hai* hướng : một là, cùng chiều với sự phát triển kinh tế, khi đó chính trị có vai trò tích cực đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất, đối với chuyên môn hóa và hiệp tác hóa sản xuất ; hai là, ngược chiều với sự phát triển kinh tế, khi đó chính trị là vật cản đối với sự phát triển nói trên. Ở nước ta trước đây, do phủ nhận kinh tế hàng hóa, nên hiệu quả xây dựng kinh tế không cao, thậm chí nền kinh tế đã lâm vào tình trạng trì trệ và khủng hoảng. Sau khi nhận ra sai lầm, Đảng và Nhà nước ta đã quyết định chuyển sang cách tổ chức kinh tế - xã hội *mới* (sản xuất hàng hóa), nhờ đó đã đạt được những thành tựu kinh tế - xã hội bước đầu rất quan trọng. Rõ ràng ở đây chính trị đã phát huy vai trò tích cực đối với kinh tế, hay như cách nói của Ăng-ghen, đã bắt đầu tác động theo cùng một hướng với sự phát triển kinh tế.

Nhưng vai trò tích cực của chính trị không chỉ dừng ở đó. Trong một quyết định đúng đắn, chính trị vẫn có khả năng cản trở sự phát triển kinh tế hoặc làm cho kinh tế phát triển theo những hướng khác, trái với chính trị đã lựa chọn. Vì vậy, chính trị phải tự mình biến đổi, phải cơ cấu tổ chức phản ánh đúng cơ sở kinh tế, phải có các chủ trương, chính sách, chế độ, luật pháp, thiết chế... phù hợp, tạo môi trường cho kinh tế phát triển theo đúng quy luật khách quan. Nhưng kinh tế thị trường không phải chỉ có tính phổ biến mà còn mang tính đặc thù. Do vậy, chính trị ở nước ta cũng phải thích ứng với nền kinh tế thị trường ở nước ta.

Trong lịch sử, sản xuất hàng hóa tồn tại từ trước chủ nghĩa tư bản. Bên cạnh tính phổ biến của bất cứ nền sản xuất hàng hóa nào, quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa còn in dấu ấn riêng của nó vào nền kinh tế : phát triển và củng cố chủ nghĩa tư bản. Nền kinh tế của nước ta cũng đang là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nhưng theo định hướng chủ nghĩa xã hội. Điều rất quan trọng ở đây là xác định rõ nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa là những gì. Đương nhiên, khi phát triển kinh tế thị trường - đặc biệt từ một nước tiểu nông - thì không thể bỏ qua sự xuất hiện của những nhân tố tư bản chủ nghĩa. Song chủ

* Chuyên viên cao cấp Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nghĩa tư bản với tính cách là *chế độ xã hội* và với tính cách là *phương tiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội* là hai điều khác nhau căn bản. Cái quyết định sự khác nhau ấy chính là chính trị, là nhà nước của ai. Song phải thừa nhận mối quan hệ giữa kinh tế thị trường và chính trị mà nhân dân là chủ thể là mối quan hệ hoàn toàn mới, chưa hề có một lý thuyết hoàn chỉnh, là vấn đề đang tìm kiếm giải pháp. Nếu quan niệm chủ nghĩa xã hội là một phong trào hiện thực thì điều này không có gì lạ. Không nên nghĩ rằng cái gì chưa từng có là cái không thể và không nên làm. Cũng vì vậy, việc tổng kết thực tiễn có ý nghĩa cực kỳ quan trọng.

Từ thực tiễn của nước ta và kinh nghiệm của các nước đi trước, để giải quyết mối quan hệ mới mẻ này giữa kinh tế thị trường và chính trị định hướng xã hội chủ nghĩa, cần thấy hai mặt khách quan "thiện" và "ác" của sản xuất hàng hóa.

Xét về mặt kinh tế, cho đến nay chưa có tổ chức sản xuất nào có hiệu quả cao hơn sản xuất hàng hóa. Trong điều kiện hiện nay của xã hội loài người, đó là cách tổ chức kinh tế phát huy được mạnh mẽ động lực của người sản xuất, kinh doanh. Nhờ đó mà lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng, con người với tư cách là đối tượng tiêu dùng được xem như người phán quyết cuối cùng vận mệnh của người sản xuất. Cách tổ chức sản xuất ấy có hiệu quả chính là vì nó vận hành theo cơ chế đào thải thông qua cạnh tranh những yếu tố cản trở hiệu quả. Nếu không giải quyết được mâu thuẫn giữa sự tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội thì sự phát triển kinh tế sẽ đối lập với nền chính trị mà chủ thể là nhân dân. Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin phải tìm ra đáp số. Kinh nghiệm cho hay, không có nền kinh tế thị trường nào không chịu sự điều tiết của chính trị, của nhà nước. Điều khác nhau chỉ là nền chính trị nào, nhà nước thuộc về ai. Sự điều tiết này được thực hiện thông qua một tổng thể biện pháp : kinh tế, chính trị, pháp luật, văn hóa, xã hội.

Trước khi đi vào những biện pháp cụ thể, căn cứ vào kinh nghiệm điều tiết thị trường là kinh nghiệm mang tính chất kỹ thuật - công nghệ, một kết luận rút ra là : điều tiết ở mức độ nào là hợp lý ? Một sự can thiệp quá mức vào kinh tế sẽ chặn đứng sự phát triển của nó. Ngược lại, nếu không có sự can thiệp, thì sự phát triển kinh tế sẽ không theo "người cầm lái". Trong điều kiện phát triển ban đầu của kinh tế thị trường (như trường hợp nước ta) sẽ xuất hiện kiểu thị trường được gọi là "dã man", "đầu cơ trục lợi", tác động rất xấu đến sản xuất, vì ở đây lợi nhuận thu được chủ yếu dựa vào sự phân phối và phân phối lại giá trị bằng những thủ đoạn tiêu cực. Một thị trường văn minh nhất thiết phải có sự can thiệp của chính trị, của nhà nước. Nếu không, sẽ không ngăn chặn được khuynh hướng thị trường hóa một cách phiến diện, hoặc phát triển sức sản xuất một cách phiến diện.

Chúng ta chủ trương phát triển một nền kinh tế thị trường định hướng theo mục tiêu là từng bước giải phóng sức sản xuất, giải phóng con người, cho nên ngay từ buổi bình minh của nó, phải có sự tác động có tính hướng định của chính trị, của nhà nước ta. Nhưng sự tác động muốn có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, phải xuất phát từ thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước, từ quy luật kinh tế khách quan của sản xuất hàng hóa.

Cần phải củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh trên mọi lĩnh vực của quá trình sản xuất, coi đó là điểm tựa, là cơ sở quyền lực kinh tế và chính trị của nhà nước. Nhưng kinh tế quốc doanh chỉ có hiệu lực định hướng sự phát triển khi nó thực sự tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ. Tính chủ đạo của kinh tế quốc doanh gắn liền với tính tiên phong của nó :

- Phát huy đầy đủ vai trò của kế hoạch hướng dẫn vĩ mô.

- Nắm và sử dụng có hiệu quả những hoạt động kinh tế rất quan trọng như : tài chính, ngân hàng, công nghiệp, giao thông vận tải, hệ thống bán buôn, xuất, nhập khẩu, v.v.. Tạo lập và sử dụng có hiệu lực nguồn dự trữ.

- Sử dụng có hiệu quả các đòn bẩy kinh tế, điều tiết thông qua việc quản lý lợi ích kinh tế.

- Từng bước xã hội hóa xã hội chủ nghĩa trong thực tế đối với nền sản xuất thông qua các hình thức sở hữu thích hợp ; đặc biệt, hình thức sở hữu hỗn hợp được xem là phù hợp hơn cả với nền kinh tế thị trường.

- Sử dụng có hiệu quả công cụ luật pháp, đặc biệt luật pháp kinh tế. Nền kinh tế thị trường văn minh, nhất thiết phải vận hành trên cơ sở luật pháp.

- Giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội là khâu nan giải nhất. Nếu chỉ nhấn mạnh một mặt nào đó thì sẽ hoặc là dập tắt kinh tế thị trường, hoặc là có thị trường nhưng không có chủ nghĩa xã hội. Đảng ta đang có chủ trương vừa khuyến khích việc làm giàu hợp pháp, vừa xóa đói giảm nghèo. Cần tổ chức thực hiện chủ trương đó, nếu không tất cả chỉ là khẩu hiệu suông. Tuy nhiên, trong

Digitized by Google

nền kinh tế thị trường (đủ là kinh tế thị trường định hướng lên chủ nghĩa xã hội), giới hạn cao nhất của sự bình đẳng trong phân phối vẫn chỉ là sự bình đẳng trong khuôn khổ pháp quyền tư sản. Vì vậy, chỉ có thể có sự phân phối hợp lý, nếu chấp nhận sự bất công cũng là điều hợp lý và không thể tránh khỏi. Sản xuất quyết định phân phối, nhưng phân phối lại tác động trở lại đối với sản xuất. Vấn đề là nhà nước phải có biện pháp hạn chế đến mức cao nhất sự bất công.

Sự tác động của chính trị đối với nền kinh tế thị trường định hướng lên chủ nghĩa xã hội không chỉ giới hạn ở mặt kinh tế, mà còn bao hàm cả mặt chính trị. Điều cần quan tâm là : không thể tách rời sự phát triển kinh tế thị trường có nhiều thành phần kinh tế với sự định hướng xã hội chủ nghĩa. Không có nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ, nhờ đó mà nền sản xuất xã hội được xã hội hóa trong thực tế, thì cũng không có chủ nghĩa xã hội. Ngược lại, nếu không có sự định hướng xã hội chủ nghĩa - tức là sự tác động của chính trị - thì cũng không có chủ nghĩa xã hội.

Do vậy, cần có sự nghiên cứu, sáng tạo để tìm ra cơ cấu chính trị hợp lý, sao cho hình thức nhà nước nói riêng và toàn bộ hệ thống chính trị nói chung phù hợp với yêu cầu vừa phát triển kinh tế thị trường vừa làm cho "cỗ xe" kinh tế thị trường tuân theo "người cầm lái".

Điều căn bản trước tiên là : cần làm rõ những ai là chủ thể của nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay ? Tức là hãy trả lời câu hỏi mà Lê-nin đặt ra khi nhận ra sai lầm của mình và chuyển sang chính sách kinh tế mới : "Chúng ta là những ai ?". Đó chính là các chủ thể của các hình thức sở hữu khác nhau. Với hệ thống những chủ thể như thế, rõ ràng cần phải có khái niệm *mới* (nói chính xác hơn là *đúng*) về nhân dân. "Nhân dân" là ai ? Trong bước quá độ đặc thù của ta lên chủ nghĩa xã hội, phải chăng cần quan niệm nhân dân là "một cộng đồng các giai cấp và tầng lớp cơ chung một mục tiêu là yêu nước, thiết tha xây dựng một nước Việt nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, nhưng cơ những địa vị và lợi ích kinh tế - xã hội khác nhau, không hoàn toàn đồng nhất, còn có bóc lột trong một thời gian nhất định, cơ những bộ phận và con người tiên tiến, cơ cả những bộ phận và những con người lạc hậu" ?

Với quan niệm như thế, chính trị sẽ mở rộng đáng kể không gian của mình và sẽ không bỏ sót một ai còn cơ ít nhiều vai trò tích cực đối với đất nước. Cũng như đối ngoại, chúng ta mong muốn làm bạn với tất cả các nước để góp phần phát triển đất nước. Yêu cầu cao nhất về chính trị lúc này là ổn định, hòa bình, để tập trung phát triển kinh tế - xã hội, sớm đưa nước ta thoát khỏi một nước nghèo. Vì thế, khái niệm "nhân dân" trong lúc này cần được hiểu như thế, và không gian chính trị cũng cần được hiểu như thế.

Không phải chỉ là hiểu như thế, mà điều chính cốt là nói tới nghĩa vụ và quyền lợi của mọi người. Không cơ nghĩa vụ nào không gắn với quyền lợi nhất định, và ngược lại. Đến đây, một vấn đề không thể không đề cập đến. Vấn đề *dân chủ*, với tính cách là hình thái nhà nước trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần định hướng lên chủ nghĩa xã hội từ một nước tiểu nông.

Đúng là chúng ta phải từng bước xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhưng với tính chất của một nền kinh tế như thế, rõ ràng nền dân chủ nước ta mới chỉ có thể là nền dân chủ quá độ. Hơn nữa, theo sự tiến hóa của dân chủ với tính cách là sự tiến hóa của nền văn minh nhân loại, trong một thời kỳ lịch sử tương đối dài, ứng với nền kinh tế thị trường, nền dân chủ ở nước ta cơ những cái chưa vượt khỏi chân trời của dân chủ tư sản. Những điều mà chúng ta không thể bỏ qua như : xây dựng ý thức công dân, tập quản lý theo pháp luật và sống theo pháp luật ; thực hiện đến nơi đến chốn các quyền tự do dân chủ phổ thông ghi trong hiến pháp ; xây dựng và vận hành một hệ thống cơ quan nhà nước dân chủ, trong đơ phân định rõ rệt và kết hợp hài hòa ba chức năng lập pháp, hành pháp, tư pháp ; v.v. là những điều liên quan đến vấn đề dân chủ đơ do kinh tế thị trường đòi hỏi và ứng với nền kinh tế ấy. Xuất phát từ đòi hỏi đơ và phù hợp với nơ là cả một hệ thống thể chế dân chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng. Nói tóm lại, kinh tế thị trường là cơ sở cho một trình độ mới về dân chủ, và trình độ dân chủ ấy không thể vượt qua khuôn khổ của kinh tế thị trường. Hoạt động của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, định hướng lên chủ nghĩa xã hội, phải được phản ánh trong một liên minh rộng rãi kể cả với những nhà tư sản yêu nước, dưới sự lãnh đạo của đội tiên phong của giai cấp công nhân, tức là trong một mặt trận đoàn kết dân tộc cơ tính truyền thống Việt nam, theo chính sách đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đơ là thành quả chung của nhân dân và dân tộc ta từ Cách mạng Tháng Tám đến nay.

Digitized by Google

KẾ HOẠCH VÀ THỊ TRƯỜNG : TỪ NHỮNG CUỘC TRANH LUẬN

LA CÔN

HƠN 60 năm qua, kể từ khi Liên xô thông qua kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tháng 5 năm 1929, người ta vẫn coi kinh tế kế hoạch hóa là đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, cũng như kinh tế thị trường là đặc trưng của chủ nghĩa tư bản. Nhưng từ đầu thập kỷ 70 đã nổ ra những cuộc tranh luận sôi nổi, nhiều khi gay gắt, của những người "chống thị trường đòi kế hoạch", những người "chống kế hoạch đòi thị trường" và những người đòi cả hai.

Ở Mỹ, những cuộc tranh luận đã diễn ra trong bối cảnh chính quyền Ních-xơn đang tìm cách thoát ra khỏi cuộc chiến tranh ở Việt nam và triển khai chính sách hòa hoãn với Liên xô. Cũng như Hoa kỳ, các nước tư bản chủ nghĩa khác đang ngập sâu trong cuộc khủng hoảng kinh tế 1974 - 1975 là cuộc khủng hoảng trầm trọng nhất từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Còn uy tín của các nước xã hội chủ nghĩa giữa thập kỷ 70 lại lên tới đỉnh cao nhất kể từ khi trở thành hệ thống thế giới : cuộc đấu tranh giành độc lập thống nhất của nhân dân Việt nam đã toàn thắng, và Liên xô thực hiện được thế cân bằng chiến lược với Mỹ.

Trong bối cảnh đó, một khoa học mới đã hình thành. Đó là khoa "Kinh tế học so sánh". Khoa học này đã phát triển mạnh mẽ ở Mỹ, nhiều công trình nghiên cứu ra đời, đối chiếu những mục tiêu, quy luật phát triển và cơ chế vận hành của kinh tế xã hội chủ nghĩa và kinh tế tư bản chủ nghĩa. Đây là thời kỳ nở rộ nhiều luận thuyết về "sự biến đổi của chủ nghĩa tư bản", "chủ nghĩa tư bản kế hoạch hóa", "chủ nghĩa xã hội thị trường", "chủ nghĩa xã hội mới phi ý thức", v.v.. Những nhận thức về kế hoạch và thị trường trong phần lớn những luận thuyết đó không cứng nhắc như trước nữa.

Hai nhà kinh tế Mỹ M.Sơ-nít-dơ và J.Nodai khẳng định : "Các nước trên thế giới không thể xếp gọn vào những ô phân loại cứng nhắc mang tên "chủ nghĩa tư bản", "chủ nghĩa xã hội" hoặc "chủ nghĩa cộng sản". Thay vào đó, tốt hơn là nên nghĩ đến một thứ phổ hệ với những bậc thang hệ thống kinh tế xếp hạng từ những nước dựa trên *cơ chế thị trường* tự do nhất đến những nước dựa trên *kế hoạch chỉ huy từ trung ương* sít sao nhất" (1). Nhà kinh tế V.Hôn-xốp-xky cũng nghĩ theo hướng đó : "Trong những năm qua, người ta ngày càng không hài lòng với cách phân loại rập khuôn các hệ thống kinh tế theo tên "chủ nghĩa tư bản", "chủ nghĩa xã hội", "chủ nghĩa cộng sản". Có một cách phân loại khác dựa trên mức độ quan trọng của nhân tố truyền thống, thị trường và kế hoạch. Chủ nghĩa tư bản đang biến đổi thành chủ nghĩa xã hội dân chủ". Ông phê phán cách tiếp cận "đem chủ nghĩa xã hội đối lập với hệ thống tư bản chủ nghĩa" (2).

Nhằm khắc phục những hiện tượng chẳng lành báo trước cuộc khủng hoảng kinh tế 1974 - 1975, giáo sư tiến sĩ Giôn Gôn-brết, một nhà kinh tế học nổi tiếng là "nhà tiên tri" nhiều lần báo trước những chấn động kinh tế với độ chính xác cao, ngay từ năm 1973 đã đề ra nhiều biện pháp quan trọng : áp dụng một biểu thuế lũy tiến mới để giảm bớt sự bất bình đẳng về thu nhập ; quốc hữu hóa những tổ hợp quân sự - công nghiệp lớn nhất ; quốc hữu hóa ngành xây dựng nhà ở, hệ thống bệnh viện và hệ thống giao thông vận tải để phục vụ xã hội tốt hơn ; tăng cường vai trò của nhà nước điều tiết thị trường để kiềm chế bớt tự do cạnh tranh theo kiểu cá lớn nuốt cá bé. Ông đã gọi các biện pháp nói trên là "chủ nghĩa xã hội mới phi ý thức", vì nó xuất phát từ đòi hỏi của thực trạng kinh tế Mỹ chứ không phải từ hệ ý thức nào (3).

(1) M.Schnitzer - J.Nordyke : *So sánh các hệ thống kinh tế*, Cincinnati (Mỹ), 1971

(2) V.Holesovsky : *Các hệ thống kinh tế : một cách tiếp cận* quyết định, Boston, 1973

(3) John Galbraith : *Kinh tế học và mục tiêu công ích*, Boston, 1973

Digitized by Google

Tháng 5-1975, giữa cơn khủng hoảng kinh tế, giáo sư tiến sĩ Gôn-brết lại cùng với giáo sư tiến sĩ W.Lê-ôn-chi-ép (giải thưởng Nô-ben về kinh tế) và một nhóm chuyên gia kinh tế nổi tiếng thảo ra bản dự luật "Về sự tăng trưởng cân đối và kế hoạch hóa kinh tế" để thượng nghị sĩ H.Hăm-phrây trình trước Quốc hội Mỹ. Bản dự luật đề ra những chương trình kinh tế 6 năm, vẫn dựa trên nền tảng kinh doanh tư nhân, nhưng mang đặc trưng của một nền kinh tế hỗn hợp bao gồm hai hệ thống : hệ thống kế hoạch hóa và hệ thống thị trường (4). Khái niệm về hệ thống kế hoạch hóa trong nền kinh tế hỗn hợp ngụ ý thừa nhận tác động tích cực của chủ nghĩa xã hội đối với chủ nghĩa tư bản và cũng ngụ ý bác bỏ luận thuyết đối lập chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản trong cách vận dụng các cơ chế kinh tế. Chính vì thế mà dự luật này đã không được Quốc hội Mỹ thông qua.

Ở Liên xô, những cuộc tranh luận đã nổ ra chung quanh vấn đề "quan hệ hàng hóa - tiền tệ trong nền kinh tế kế hoạch hóa". Các nhà lý luận đã chia thành hai trường phái : "chống hàng hóa" và "đòi hàng hóa".

Phái thứ nhất cho rằng nền sản xuất xã hội chủ nghĩa không mang tính hàng hóa vì nó nhằm mục đích trực tiếp phục vụ nhân dân. Tính hàng hóa là đặc trưng của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa vì nó nhằm mục đích thu được lợi nhuận tối đa cho chủ tư bản (5).

Phái thứ hai lập luận ngược lại : "những quan hệ sản xuất hàng hóa không phải là đặc trưng của bất cứ phương thức sản xuất nào, kể cả phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Không phải tính hàng hóa là đặc trưng của chủ nghĩa tư bản, mà sự chiếm đoạt giá trị thặng dư mới là đặc trưng của nó. Cũng không phải sự điều tiết nền kinh tế bằng kế hoạch là đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, mà quyền sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất mới là đặc trưng của nó. Những quan hệ hàng hóa - tiền tệ là những quan hệ hình thành ở khâu diễn ra sự đánh giá trực tiếp theo một tiêu chí xã hội thống nhất những chi phí sản xuất và những kết quả thu được trong nền sản xuất xã hội mà các chủ thể kinh tế tự quản tiến hành. Đối lập với tính hàng hóa không phải là kế hoạch điều tiết mà là trao đổi hàng hóa theo kiểu hàng đổi hàng" (6).

Những cuộc tranh luận trên nổ ra ở Liên xô tới đầu thập kỷ 70 nhân kiểm điểm sự thực hiện những cải cách kinh tế tiến hành giữa thập kỷ 60. Những cải cách đó đã xoáy vào trọng tâm là dùng các biện pháp kích thích vật chất, thù lao xứng đáng cho người lao động đạt năng suất cao, mở rộng dân chủ, khuyến khích sáng kiến cải tiến quản lý kinh tế, cải tiến quy trình kỹ thuật. Kết quả là các thông số kinh tế chủ yếu như tỷ lệ tăng thu nhập quốc dân, tăng năng suất lao động xã hội và tăng thu nhập thực tế tính theo đầu người đạt được trong thời gian 1966 - 1970, đều vượt xa thành tựu của các kế hoạch 5 năm của ba thập kỷ 50, 60, 70. Các nhà kinh tế thuộc phái "đòi hàng hóa" rút ra kết luận : muốn đẩy mạnh hơn nữa nền sản xuất xã hội chủ nghĩa, cần phải tiếp tục những cuộc cải cách theo đúng những yêu cầu của các quy luật kinh tế phổ biến được vận dụng theo những điều kiện đặc thù của chủ nghĩa xã hội : quy luật về sự phù hợp của quan hệ sản xuất với lực lượng sản xuất, quy luật giá trị, quy luật cung - cầu ; phải hoàn thiện những cơ chế quản lý kinh tế theo hướng sử dụng mạnh mẽ hơn nữa những đòn bẩy kinh tế.

Nhưng nhận xét và kết luận trên đã bị phái "chống hàng hóa" phản đối kịch liệt và áp đảo. Những cải cách kinh tế chấm dứt, nền kinh tế Liên xô lâm vào tình trạng trì trệ trong suốt thập kỷ 70. Đầu thập kỷ 80, kinh tế đã ở giai đoạn tiền khủng hoảng.

Một lần nữa, các nhà kinh tế lại nêu ra sự cần thiết cấp bách phải mạnh bạo thực hiện những cải cách kinh tế theo hướng "phát triển mạnh mẽ thị trường xã hội chủ nghĩa bằng những phương pháp đặc thù của nó nhằm tác động vào sản xuất. Thị trường không phải là phát minh của chủ nghĩa tư bản. Thị trường mang những thuộc tính kinh tế chung của bất cứ hệ thống nào dựa trên sự phân công lao động phát triển cao, và trên tính hàng hóa của những quan hệ kinh

(4) Xem W.Leontieff, H.Stein : *Hệ thống kinh tế trong thời đại của sự gián đoạn : kế hoạch hóa dài hạn hay thị trường ?* New-York, 1976. John Galbraith : *Thời đại của sự bất trắc*, London, 1977

(5) Xem *Luận văn "Những quan hệ hàng hóa tiền tệ trong hệ thống sản xuất xã hội chủ nghĩa kế hoạch hóa"*, Mát-xcơ-va, 1971

(6) Tiến sĩ kinh tế Bô-rit Ra-kit-xki (Viện hàn lâm khoa học Liên xô) : "Những quan hệ hàng hóa - tiền tệ và quyền tự quản của các xí nghiệp, tạp chí *Khoa học xã hội*, số 4-1988

Digitized by Google

tế. Nhận thức trong thời đại ngày nay về vai trò của thị trường xã hội chủ nghĩa và về những biện pháp thúc đẩy hoạt động của nó bằng sự phát triển ngành buôn bán lớn các thiết bị sản xuất, bằng một cơ chế giá cả linh hoạt hơn và bằng sự phối hợp hài hòa giữa cung và cầu, giữ một vị trí quan trọng trong chương trình cải cách triệt để cơ cấu kinh tế" (7).

Đối chiếu những luận thuyết của phái "đời thị trường" và "đời hàng hóa" ở Liên xô với những luận thuyết của những người đời kế hoạch hóa ở Mỹ, có thể thấy : tuy có một số quan điểm còn phải bàn lại, nhưng hai bên đã gặp nhau ở *hai* điểm cơ bản :

Một là, họ đã bác bỏ cách tiếp cận vấn đề quan hệ giữa kế hoạch với thị trường theo kiểu đem chủ nghĩa xã hội đối lập với chủ nghĩa tư bản trong cách vận dụng các cơ chế kinh tế. Họ đã có cách tiếp cận thông qua thực tế khách quan : sự tồn tại song song và tác động lẫn nhau giữa hai hệ thống đó.

Hai là, họ đã phê phán đúng những khuyết tật, đồng thời đánh giá đúng những cái hay của hai hệ thống. Làm như thế, mỗi bên đều nhằm mục đích bảo vệ hệ thống của mình.

Cho tới hôm nay, vấn đề mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường đặt ra không chỉ trên lĩnh vực kinh tế, mà đã chuyển sang lĩnh vực chính trị và lý luận về mối quan hệ giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản.

Dựa trên những ý kiến đã được trình bày, chúng ta có thể tìm ra một cách tiếp cận đáp ứng yêu cầu khiêm tốn trên đây.

Từ lâu, ở các nước phương Tây đã lan truyền một câu nói, một định nghĩa, đã trở thành một ngạn ngữ : "Chủ nghĩa tư bản là sự giàu có chia không đều nhau, còn chủ nghĩa xã hội là sự nghèo khổ chia đều nhau". Câu ngạn ngữ trên thừa nhận sự giàu có của chủ nghĩa tư bản và sự công bằng của chủ nghĩa xã hội.

Trên đây, ta đã nghe những người Mỹ phê phán chủ nghĩa tư bản làm cho sự không công bằng ngày càng tăng trong xã hội, và họ đã đề ra những cải cách cần thiết để giảm bớt sự không công bằng. Còn những người Nga thì lại phê phán chủ nghĩa xã hội là đã không làm cho nền kinh tế phát triển mạnh mẽ để cho xã hội được giàu hơn, để mọi người được chia đều nhau sự giàu có.

Những đòi hỏi trên của người Mỹ và người Nga, đều chính đáng.

Bốn năm trước, cả loài người đã hân hoan kỷ niệm lần thứ 200 cuộc Cách mạng Pháp 14-7-1789. Khi đó Các Mác chưa ra đời. Chưa có ai đặt tên cho cuộc cách mạng đó là gì. Chỉ biết rằng cuộc cách mạng đó đã cam kết đem lại cho nhân dân Pháp tự do, bình đẳng, bác ái, và đã công bố bản Hiến pháp được Quốc hội lập hiến thông qua ngày 24-6-1793. Bản Hiến pháp đó quy định *nghĩa vụ thiêng liêng của cách mạng là quan tâm đến đời sống của những người nghèo trong xã hội*. Bản Hiến pháp đó đã được cả loài người ca ngợi là một trong những hiến pháp dân chủ nhất, cách mạng nhất của thế kỷ.

Năm nay, kỷ niệm lần thứ 200 bản Hiến pháp 1793, nhân dân lao động thế giới và nhân dân lao động Pháp hẳn phải suy ngẫm về những gì họ đã được hưởng và chưa được hưởng. Và họ hẳn phải nhớ rằng chính Đi-đơ-rô, nhà lãnh đạo tư tưởng của Cách mạng Pháp, nhà khoa học uyên bác, một trong những nhà triết học duy vật nổi tiếng nhất, đã được sự quý trọng của những vĩ nhân cùng thế hệ như Si-lơ và Gớt, hai nhà thơ Đức và Hê-ghen, nhà triết học Đức, và của những vĩ nhân thuộc thế hệ sau như Mác, Ăng-ghen, Lê-nin. Chính Đi-đơ-rô đã báo trước cho các thế hệ biết rằng : Cách mạng Pháp sẽ nổ ra, sẽ lập được nhiều công trạng vẻ vang, nhưng rồi con tàu cách mạng sẽ dừng lại giữa đường, vì chính người lái tàu không muốn đưa con tàu tới đích. Vì người lái tàu là chủ hiệu buôn, chủ công trường, chủ nhà máy, "những kẻ quen đánh giá mọi thứ trên đời bằng những cân, những lạng vàng", "những chủ hiệu buôn không có lòng yêu nước, họ sẽ đẩy đồng bào vào cảnh chết đói để kiếm thêm, dù chỉ là một xu lãi" (8).

Và nhân dân thế giới sẽ trả lời thế nào về sự lựa chọn ? Họ sẽ chọn chủ nghĩa tư bản với sự giàu có chia ngày càng không đều nhau ? Hay họ sẽ chọn chủ nghĩa xã hội và sẽ làm cho sự nghèo khổ mà họ chia đều nhau dần dần biến thành sự giàu có ?Và như thế, có phải là chủ nghĩa xã hội sẽ lái con tàu tiến bộ xã hội đi nốt nửa đường mà chủ nghĩa tư bản đã bỏ dở ?

(7) Viện sĩ Lê-ô-nít A-ban-kin (Viện hàn lâm khoa học Liên xô) : "Những bài học của quá khứ và cuộc cải cách cơ cấu kinh tế xô viết", tạp chí *Khoa học xã hội*, số 4-1988

(8) Denis Diderot : *Thằng cháu của Ra-mô*. Roland Desné trích lời Diderot trong bài giới thiệu tác phẩm châm biếm này

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TRAO ĐỔI Ý KIẾN VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở THÁI BÌNH

Lời BBT : *Nhằm tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong hai ngày 11 và 12-5-1993, tại Thái bình,* Tỉnh ủy Thái bình *và* Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản *đã phối hợp tổ chức* Hội nghị trao đổi ý kiến về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở Thái bình.

Dự hội nghị có đông đảo cán bộ lãnh đạo đảng và chính quyền các cấp từ tỉnh, huyện thị, đến cơ sở của Thái bình ; nhiều đồng chí cán bộ lãnh đạo và chuyên viên của Tạp chí Cộng sản ; một số cán bộ nghiên cứu lý luận của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban tổ chức Trung ương Đảng ; đại diện một số cơ quan thông tấn báo chí của trung ương và địa phương... Đồng chí Chu Văn Ry, Ủy viên BCHTU Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái bình và đồng chí Nguyễn Phú Trọng, PGS, PTS, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản chủ trì hội nghị.

Có 26 tham luận của các đồng chí công tác ở địa phương và 7 tham luận của các đồng chí làm công tác nghiên cứu lý luận ở các cơ quan trung ương. Với tinh thần trách nhiệm và xây dựng, các đại biểu dự hội nghị đã trao đổi thẳng thắn, nghiêm túc và rất sôi nổi. Dưới đây là tóm tắt một số nội dung chính đáng lưu ý.

I - Đổi mới phương thức lãnh đạo là một yêu cầu khách quan

Tất cả các bản tham luận gửi ban tổ chức và các ý kiến phát biểu tại hội nghị đều cho rằng, trong tình hình hiện nay, cần phải khẳng định mạnh mẽ Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt nam. Không thể đi lên chủ nghĩa xã hội mà lại thiếu sự lãnh đạo của Đảng. Đảng là người duy nhất lãnh đạo và bảo đảm chắc chắn cho đất nước ta không đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là tất yếu lịch sử, và là yêu cầu khách quan của xã hội ta trên con đường xây dựng xã hội mới. Đó cũng là sứ mệnh lịch sử mà nhân dân ta, dân tộc ta giao phó cho Đảng, chứ không phải là sự áp đặt ý muốn chủ quan của Đảng đối với xã hội. Đảng lấy việc phục vụ tổ quốc, phục vụ giai cấp và nhân dân làm mục đích cao nhất của mình, ngoài ra Đảng không có lợi ích nào khác.

Đảng ta là Đảng cầm quyền, là lực lượng duy nhất lãnh đạo xã hội, chịu trách nhiệm trước toàn xã hội, vì vậy Đảng phải lãnh dạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế đến quốc phòng an ninh, văn hóa xã hội; tóm lại, như Bác Hồ đã từng dạy, lo đến cả "tương cà mắm muối" cho nhân dân. Đảng lãnh đạo tất cả các cấp từ trung ương đến tỉnh, huyện, xã, thôn xóm và cụm dân cư.

Để làm tròn vai trò lãnh đạo của mình, Đảng phải tự đổi mới và tự chỉnh đốn : đổi mới tư duy lý luận, nâng cao trí tuệ; thực hiện dân chủ trong đảng, tăng cường mối liên hệ với nhân dân ; đổi mới hệ thống tổ chức và bộ máy, đổi mới công tác cán bộ, và đổi mới nội dung phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là yêu cầu khách quan cần thiết và rất quan trọng bởi lẽ : sự nghiệp đổi mới của nước ta đang được triển khai đi vào chiều sâu, nhất là đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ chế quản lý, đổi mới Đảng, cải cách bộ máy nhà nước. Chúng ta quyết tâm từ bỏ nền kinh tế tự cung tự cấp, chuyển sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa gắn với thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đi theo đó, là đổi mới hệ thống chính trị với mục tiêu dân chủ hóa xã hội, ổn định chính trị và một đảng lãnh đạo. Mặt khác, trước sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và các nước Đông Âu, không ít người hoang mang dao động. Chủ nghĩa đế quốc càng ra sức tiến công vào sự lãnh đạo của Đảng ta, chế độ

Digitized by Google

ta. Hơn bao giờ hết, Đảng phải khẳng định mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của mình, chống các xu hướng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Muốn vậy, Đảng phải tự đổi mới và chỉnh đốn, trong đó *đổi mới phương thức lãnh đạo* là một nội dung hết sức quan trọng.

Mục tiêu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là nhằm nâng cao vị trí vai trò, chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, nâng cao uy tín của Đảng, tăng cường vai trò và hiệu lực của Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, bảo đảm ổn định chính trị và phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị.

Từ sau Đại hội VI đến nay, cùng với việc đổi mới các lĩnh vực của đất nước, phương thức lãnh đạo của Đảng cũng có những đổi mới nhất định ở nhiều cấp, nhiều lĩnh vực ; tuy nhiên vẫn còn chậm, còn lúng túng, nhất là ở địa phương và cơ sở. Đây là một khâu mà Đảng cần nghiên cứu, tổng kết, có biện pháp cụ thể để làm tốt hơn.

Phương thức lãnh đạo của Đảng là một vấn đề rộng lớn, liên quan tới nhiều mặt của đời sống chính trị - xã hội, liên quan tới các thành viên của hệ thống chính trị. Nó là vấn đề chính trị nhạy cảm, quan hệ tới con người, tới mọi công dân trong xã hội. Các đồng chí bí thư huyện Hưng hà, Thái thụy, Kiến xương và nhiều đồng chí khác đều cho rằng, vai trò, vị trí lãnh đạo của cấp ủy huyện và cơ sở được đề cao tới mức độ nào, phụ thuộc trước tiên và phần lớn vào việc cấp ủy ở đó có xác định đúng nội dung lãnh đạo hay không. Các đồng chí đó đều khẳng định huyện và cơ sở là cấp tổ chức thực hiện, cấp hành động ; cho nên nội dung lãnh đạo không thể dừng ở định hướng chung chung. Nội dung lãnh dạo phải cụ thể, phù hợp với hoàn cảnh điều kiện và nguyện vọng của quần chúng ở địa phương, và mặt khác, lại phải theo đúng đường lối chủ trương của cấp trên. Muốn vậy, phải nghiên cứu nắm vững đường lối, quan điểm của Trung ương, đặc biệt là các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, nắm vững các hướng dẫn cụ thể của tỉnh. Là cấp hành động cho nên ở đây không có sự phân vai một cách quá rạch ròi, máy móc việc này của Đảng, việc kia của chính quyền. Càng xuống cơ sở, điều đó càng thể hiện rõ. Nơi nào có nội dung lãnh đạo đúng, nơi đó có những điều kiện và tiền đề tốt để đổi mới phương thức lãnh đạo, nơi đó uy tín của cấp ủy và đảng viên được đề cao.

Có chung một nhận thức như vậy, cho nên cấp ủy đảng cơ sở và huyện ở Thái bình ít lúng túng trong việc xác định nội dung lãnh đạo. Nội dung lãnh đạo của cấp ủy ở đây tập trung vào mấy vấn đề sau :

- Xác định chủ trương, chương trình hành động và giải pháp thực hiện, trước nhất là các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

- Sắp xếp bộ máy đảng, bộ máy chính quyền, đoàn thể ở địa phương. Nắm chắc công tác cán bộ ở tất cả các khâu (quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và đãi ngộ), xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh.

- Nắm chắc công tác kiểm tra của Đảng, đi sâu kiểm tra tổ chức thực hiện, phát hiện những lệch lạc trong các lĩnh vực công tác, trong các tổ chức thuộc hệ thống chính trị và trong những người đứng đầu các tổ chức đó, để kịp thời uốn nắn và điều chỉnh theo đúng định hướng chung của Đảng.

- Đối với bản thân, Đảng phải tích cực đổi mới và chỉnh đốn, xây dựng phương pháp công tác có hiệu quả và thiết thực.

II - Phương thức và cơ chế bảo đảm thực hiện các nội dung lãnh đạo

Nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng rất phong phú, bao gồm nhiều mặt, nhiều việc phải làm và làm trong cả quá trình dài. Qua thảo luận, các đại biểu cho rằng cần tập trung giải quyết những vấn đề sau :

1 - *Phải xây dựng được các quy chế làm việc giữa cấp ủy và chính quyền*

Đảng lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội ; chính quyền quản lý toàn diện ; mỗi lĩnh vực có yêu cầu và phương pháp quản lý khác nhau. Do đó, phải có quy chế cụ thể cho từng lĩnh vực, bảo đảm Đảng lãnh đạo có hiệu quả, không bao biện và làm thay công việc của chính quyền, đồng thời cũng không buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền. Một khi có quy chế rồi, mọi đảng viên công tác trong cơ quan chính quyền phải nắm vững và chấp hành nghiêm chỉnh quy chế đó, coi đó là kỷ luật của Đảng.

Digitized by Google

Việc xây dựng quy chế không đơn giản, đòi hỏi bản lĩnh chính trị của từng cấp ủy và trách nhiệm cao của mọi đảng viên ở nơi đó. Các ý kiến thảo luận cho rằng, lĩnh vực lãnh đạo tập trung hơn cả, quan trọng hơn cả, khó khăn hơn cả, là lãnh đạo kinh tế. Nếu lãnh đạo kinh tế tốt, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân no ấm, lòng tin trong dân mới bền vững, mà lòng tin bền vững thì sẽ có tất cả. Bởi vậy, hầu hết cấp ủy các cấp ở Thái bình đã đi vào khâu đột phá này. Qua ý kiến của các cơ sở xã và huyện ở hội nghị này, có thể tóm tắt nội dung lãnh đạo kinh tế của Đảng và chính quyền ở Thái bình như sau :

- Đảng phải nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về những quan điểm, định hướng phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn mới. Đó là những quan điểm liên quan đến các vấn đề : sở hữu, bóc lột, làm thuê, các thành phần kinh tế, kế hoạch và thị trường, giá cả và tiền tệ, phân phối và công bằng xã hội...

- Đảng phải xác định đúng các chủ trương kinh tế và kèm theo đó là các chương trình, giải pháp cụ thể. Ví dụ : theo chủ trương của Tỉnh ủy, Thái bình đang quyết tâm đưa sản xuất nông nghiệp độc canh cây lúa, tự cung tự cấp, thành sản xuất hàng hóa nông nghiệp đa dạng gắn với thị trường. Thực hiện chủ trương đó, đảng bộ các huyện trong tỉnh đã có các chương trình, giải pháp rất cụ thể về xây dựng cơ sở hạ tầng cho nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa ; tổng kết và xây dựng mô hình phát triển kinh tế ; xác định vai trò và nhiệm vụ của đảng trong các doanh nghiệp... Giải pháp về cơ sở hạ tầng của Hưng hà, Đông hưng và nhiều huyện khác là : cải tạo đồng ruộng, bảo đảm nước tưới tiêu ; xây dựng, nâng cấp đường giao thông liên huyện, liên xã, liên xóm, bảo đảm giao lưu hàng hóa thuận lợi ; xây dựng các trạm điện, đưa điện về tận nhà dân nhằm cải thiện đời sống và phát triển ngành nghề ở từng gia đình ; xây dựng các đài tiếp sóng truyền hình, các trạm phát thanh nhằm cung cấp thông tin, trước nhất là thông tin kinh tế kịp thời, nhanh chóng cho nhân dân ; cao tầng hóa các trường học ; xây dựng, hoàn thiện các trạm y tế xã... Giải pháp về đa dạng hàng hóa nông nghiệp là : ngoài tập trung thâm canh cây lúa, còn có nhiều dự án khác về nuôi cá bè, trồng cây đặc sản, khai thác nghề truyền thống, mở rộng kinh tế biển...

Tỉnh có nhiều mô hình huyện làm kinh tế giỏi như : Hưng hà, Đông hưng, Tiền hải, Kiến xương. Mỗi huyện lại có mô hình xã ; mỗi xã lại có mô hình hộ và đảng viên làm kinh tế giỏi. Các đại biểu đã cung cấp nhiều ví dụ sinh động, có thể kể ra đây một vài mô hình. Huyện Hưng hà có 60 000 hộ, thì đã có 1000 hộ làm kinh tế giỏi, mỗi năm trừ chi phí các hộ này thu thêm từ 10 triệu đồng trở lên. Xã Nguyên xá (Đông hưng) chỉ còn 5% hộ nghèo. Ở xã này, 99% nhà xây lợp ngói và mái bằng, 100% hộ có đài thu thanh cát xét, 30% số hộ có ti vi, 35% hộ có xe máy.

- Đảng phải giữ vai trò kiểm tra việc tổ chức thực hiện các chương trình đó, kiểm tra các chính sách cụ thể của chính quyền địa phương nhằm bảo đảm phương hướng đã xác định, bảo đảm việc huy động các ngành các cấp tham gia thực hiện các chủ trương đã đề ra, đặc biệt là quan tâm tới thái độ và trách nhiệm của các đảng viên khi nhận các nhiệm vụ.

Khi Đảng làm các việc đó, chính quyền phải kịp thời tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương và chương trình đã hoạch định. Lấy ví dụ : Để thực hiện những chương trình kể trên, chính quyền phải lo vốn, giống, kỹ thuật, thực hiện các chính sách về thuế, lo con người... Huyện Hưng hà đã nhựa hóa 100km đường trục huyện, rải đá 100% đường liên xã, bảo đảm 100% xã có trạm điện. Huy động nguồn vốn bằng nhiều cách : vốn của các hộ, vốn của hợp tác xã, vốn vay ngân hàng, vốn tỉnh và quốc gia tài trợ...

Xây dựng quy chế hoạt động giữa đảng và chính quyền là việc làm còn phải rút kinh nghiệm thường xuyên và không nơi nào giống nơi nào cả. Quy chế hoạt động giữa đảng ủy xã và ủy ban nhân dân xã khác quy chế hoạt động giữa đảng ủy và giám đốc trong các doanh nghiệp, cũng khác quy chế hoạt động giữa đảng ủy và thủ trưởng trong các đơn vị sự nghiệp. Vì vậy, trong phát biểu của mình, nhiều đại biểu còn lưu ý rằng : có quy chế, mới chỉ là một bước ; quan trọng hơn là việc thực hiện quy chế. Cũng vì vậy, phải có chế độ sinh hoạt kiểm điểm việc thực hiện quy chế ; và khi thực hiện quy chế cần có sự phân công, phân cấp cụ thể nhiệm vụ cho từng bộ phận. Tổng kết, rút kinh nghiệm thường xuyên và bổ sung những điểm cần thiết để hoàn chỉnh quy chế, cũng là một trong những việc làm quan trọng của từng cấp ủy.

2 - *Phát huy vai trò gương mẫu của đảng viên*

Digitized by Google

Đảng lãnh đạo xã hội thông qua các tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên của mình. Cho nên, muốn đổi mới phương thức lãnh đạo, Đảng phải đưa tất cả các đảng viên vào hành động cách mạng. Đồng chí Khúc Vy, bí thư huyện ủy Kiến xương đặt câu hỏi : Phải chăng hiện nay đảng viên thoái thác nhiệm vụ ? Hay do tổ chức đảng không giao nhiệm vụ cho đảng viên ? Đồng chí khẳng định lỗi thuộc cả hai phía, nhưng lỗi chính thuộc về tổ chức đảng. Tổ chức đảng phải tự mình trở nên hấp dẫn, từ bỏ lối bàn cãi suông, xác định cho rõ công việc và trận địa phù hợp với từng đảng viên, để họ có điều kiện phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của mình. Các đồng chí bí thư xã Hồng tiến, Hồng việt, bí thư huyện Thái thụy và một số đồng chí khác đồng tình với ý kiến đó và nhấn mạnh thêm là : đổi mới và chỉnh đốn đảng, trước nhất phải lấy nâng cao sức mạnh của tổ chức và nâng cao vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên làm chính.

Để phân công đảng viên, tổ chức đảng phải hiểu đúng đảng viên, phân loại, đánh giá được từng đảng viên. Huyện ủy Kiến xương đã đưa ra cách làm của mình : đảng viên phải tự đánh giá, tự nhận xét và tự nhận nhiệm vụ, trên cơ sở đó tổ chức đảng sẽ bàn bạc và giao việc cụ thể.

Sau khi phân loại, nắm chắc đảng viên, Thái bình đã huy động tất cả đảng viên vào vị trí chiến đấu. Trận địa chính là kinh tế, với mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Tất cả các đảng bộ trong tỉnh đều yêu cầu đảng viên phải biết làm kinh tế, đi đầu làm kinh tế, và làm kinh tế giỏi. Đánh giá kết quả của việc phân công đảng viên, nhiều ý kiến khẳng định : một khi đảng viên đã vào vị trí chiến đấu và chiến đấu tốt, thì chi bộ, đảng bộ cơ sở có sức sống hẳn lên, đoàn kết nhất trí cao hơn, hồ hởi phấn khởi hơn, vai trò tiền phong gương mẫu, lãnh đạo quần chúng của đảng viên thể hiện rõ nét hơn. Ba xã Đông sơn, Hồng việt, Nguyên xá của huyện Đông hưng có trên một ngàn đảng viên ; 277 đồng chí được chuyển hình thức sinh hoạt ; còn lại, 100% nhận nhiệm vụ. Kết quả phấn đấu : 1007 đảng viên làm kinh tế khá, tạm đủ ăn, mỗi năm thu thêm 1 đến 3 triệu đồng ; 105 đảng viên làm kinh tế giỏi, thu thêm mỗi năm từ 5 đến 20 triệu đồng ; chỉ còn 26 đảng viên làm kinh tế kém, đang phấn đấu để một đến hai năm nữa đạt mức trung bình.

Nhiều ý kiến khẳng định Thái bình đã làm tốt việc chuyển hình thức sinh hoạt và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho lớp đảng viên cao tuổi, sức khỏe yếu. Kinh nghiệm này có thể tóm tắt như sau : khẳng định lớp đảng viên cao tuổi có quá trình cống hiến cho đảng, cho dân tộc, là những tấm gương mẫu mực cho các lớp đảng viên sau noi theo, học tập. Nay vì tuổi cao, sức yếu, các đảng viên này cần được chăm sóc, tạo điều kiện sinh hoạt, phấn đấu thế nào cho phù hợp. Yêu cầu đối với tất cả các đồng chí này là giữ gìn phẩm chất, tự nguyện xin chuyển hình thức sinh hoạt, và được chi ủy, đảng ủy nhất trí. Các đồng chí này được miễn việc phân công công tác thường kỳ, sinh hoạt thường kỳ và kiểm điểm thường kỳ ; được cung cấp thông tin 3 tháng một lần, được chăm sóc sức khỏe và được bảo đảm các chính sách xã hội, được cấp giấy chứng nhận tuổi đảng theo niên hạn với điều kiện không vi phạm pháp luật và tiêu chuẩn đảng viên. Việc làm như trên, qua kinh nghiệm một số nơi ở Thái bình cho thấy, có tác dụng nâng cao uy tín cho từng đảng viên và tạo cho tổ chức đảng thực hiện tốt phương thức lãnh đạo của mình.

3 - *Tổ chức bộ máy và cán bộ*

Đảng lãnh đạo xã hội, lãnh đạo chính quyền, chẳng những thông qua các đảng viên, mà còn thông qua tổ chức đảng, bằng phương pháp dân chủ, thuyết phục. Vì vậy, sắp xếp tổ chức bộ máy như thế nào là một vấn đề cực kỳ quan trọng. Thảo luận nội dung này, các đồng chí làm công tác lý luận ở trung ương và các đồng chí ở địa phương đều có một bản khoản chung là : hiện nay bộ máy của ta vẫn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, và hình như nhiều nơi đang có tâm trạng sợ tuột mất vai trò lãnh đạo của Đảng. Bởi vậy, các ý kiến đều nhất trí : phải sắp xếp lại bộ máy theo hướng gọn hơn, hiệu quả hơn, tránh trùng lắp, bớt các đầu mối trung gian.Phải mạnh dạn tinh giản biên chế hơn nữa, và Đảng phải có trong tay một đội ngũ cán bộ giỏi nắm giữ các cương vị chủ chốt của chính quyền, của các doanh nghiệp nhà nước.

Vấn đề "lồng ghép" một số chức danh là vấn đề được thảo luận sôi nổi nhất, nhiều ý kiến đề cập tới nhất, từ các đồng chí ở xã, huyện, cho đến các đồng chí làm công tác lý luận ở trung ương. Cơ sở để có sự gặp gỡ, nhất trí này là : Đảng ta là đảng cầm quyền, Đảng phải "hóa thân" vào chính quyền bằng cách cử những cán bộ chủ chốt nhất, có năng lực và

Digitized by Google

phẩm chất vào hoạt động trong bộ máy chính quyền. Ở huyện, xã, xóm, có nhiều việc rất khó phân biệt đâu là của chính quyền, đâu là của Đảng. Dân thấy công việc bê trễ thường chỉ biết kêu đảng, kêu đồng chí bí thư. Mặt khác, đã từ lâu, có lúc, có nơi bí thư kiêm công tác chính quyền. Hiện nay ở Thái bình, hầu hết bí thư chi bộ kiêm trưởng xóm ; ở nhiều xã, bí thư làm chủ tịch. Biên chế ở những nơi đó, rõ ràng giảm, thế mà công việc lại trôi chảy, đoàn kết nội bộ tốt, phong trào khá lên, nhân dân đồng tình, tin tưởng, cán bộ ít nên được đãi ngộ cũng khá hơn.

Xu hướng chung của các ý kiến trong hội nghị là : ở cơ sở, nên "lồng ghép" một số chức danh. Tuy nhiên, về mô hình, giải pháp và bước đi, thì các ý kiến còn thảo luận chưa hết, và giữa các ý kiến cũng còn có chỗ chưa thật giống nhau. Ở những nơi đã thực hiện việc "lồng ghép", như xã Hồng việt, đồng chí bí thư khẳng định : "lồng ghép" là tốt, nhưng phải có đủ các điều kiện sau : tổ chức đảng phải vững, tập thể phải mạnh, các đồng chí đảng viên đều được phân công công tác, cán bộ phải có năng lực và phẩm chất tốt, công tác kiểm tra của đảng phải thường xuyên và có hiệu lực. Điều cơ bản là phải xây dựng được quy chế công tác cụ thể, rõ ràng.

"Lồng ghép" là để nâng cao hiệu quả lãnh đạo và uy tín của Đảng và phát huy vai trò, hiệu lực của chính quyền, vì vậy ở đâu có điều kiện thì thực hiện, còn ở đâu chưa đủ điều kiện thì không nhất thiết phải rập khuôn, làm ngay. Việc "lồng ghép" các chức danh đảng và chính quyền ở xã, thôn, khác với việc "lồng ghép" các chức danh đảng và chuyên môn ở các cơ quan sự nghiệp và các đơn vị sản xuất ; việc "lồng ghép" ở cấp xã cũng khác với việc "lồng ghép" ở cấp huyện và tỉnh.

Cốt lõi của phương án "lồng ghép" vẫn là cán bộ. Cán bộ phải có trình độ và có phẩm chất tốt. Vì vậy, phải hết sức chăm lo công tác đào tạo cán bộ và chính sách cán bộ.

"Lồng ghép" không phải là hòa tan đảng vào chính quyền, không phải là xóa nhòa ranh giới giữa chính quyền và đảng. Trong quá trình "lồng ghép", phải đề phòng khả năng công việc ùn tắc, khả năng độc đoán chuyên quyền.

Cơ sở, huyện, tỉnh và trung ương có mối quan hệ thống nhất trong một hệ thống. Một khi *cơ sở* và *huyện* thay đổi cơ cấu bộ máy, tất nhiên sẽ ảnh hưởng tới lề lối chỉ đạo, chính sách đào tạo, sử dụng và đãi ngộ cán bộ của Đảng nói chung. Vì thế, bước đi của đổi mới bộ máy và cán bộ ở địa phương phải luôn luôn hòa nhập với bước đi của cải cách bộ máy nhà nước ở trung ương. Nhiều ý kiến đề nghị cần làm thí điểm "lồng ghép" ở cấp huyện.

4 - *Phương thức tập hợp quần chúng trong cơ chế mới*

Hầu hết các ý kiến trao đổi đều cho rằng công tác vận động quần chúng hiện nay không thể giản đơn như giai đoạn trước. Muốn tập hợp được quần chúng, giáo dục và thuyết phục quần chúng, thì phải đưa lại cho quần chúng lợi ích cụ thể, trước hết là lợi ích kinh tế. Các tổ chức đảng và các tổ chức đoàn thể không nên ngồi chờ nhân tố mới, điển hình mới tự đến, mà phải biết tạo dựng mô hình, tạo dựng nhân tố mới, từ đó tuyên truyền, thuyết phục quần chúng làm theo. Đó là cách vận động quần chúng hiệu quả nhất. Hoạt động và cuộc sống gương mẫu của đảng viên ở gia đình mình, ở xã, xóm làng mình, là tấm gương thuyết phục quần chúng tốt nhất.

*

Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng là một việc rất phức tạp, bởi vậy các đại biểu dự hội nghị đều thống nhất ý kiến là phải làm từng bước và làm thử ở từng cấp và rút kinh nghiệm từng bước một. Các đồng chí làm công tác lý luận ở trung ương đều hoan nghênh những cố gắng, những việc làm sáng tạo của đảng bộ Thái bình, và khẳng định rằng, việc đổi mới và chỉnh đốn đảng ở Thái bình đã được tiến hành với tinh thần chủ động, sáng tạo và thận trọng. Qua thực tiễn của Thái bình có thể thấy được nhiều vấn đề chung của toàn quốc. Kết quả mà Thái bình đạt được trong quá trình làm thử việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đã gợi mở nhiều kinh nghiệm hay, nhiều ý tưởng tốt và có tính khả thi.

Cả hai phía lý luận và thực tiễn đều thấy còn phải tiếp tục làm rõ thêm một số vấn đề như : Đảng lãnh đạo trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường ; vấn đề quyền lực của Đảng (Đảng có phải là cơ quan quyền lực

Digitized by Google

không ? Phạm vi và mức độ quyền lực của Đảng đến đâu ?) ; Đảng và Nhà nước nên tổ chức bộ máy thế nào là hợp lý, quan hệ và cơ chế hoạt động của các bộ máy đó ; đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng ở khu vực kinh tế tư nhân và liên doanh với nước ngoài, ở khu vực cơ quan hành chính sự nghiệp, ở phường ; việc "lồng ghép" các chức danh đảng và chính quyền chỉ nên làm ở cơ sở hay có thể thực hiện ở tất cả các cấp...

Tất cả các đại biểu tham dự Hội nghị đều cho rằng, trao đổi ý kiến trực tiếp giữa những người làm công tác lý luận ở trung ương và những người hoạt động thực tiễn ở địa phương là một cách làm hay, bổ ích và thiết thực, nên được tiếp tục áp dụng để tổng kết kinh nghiệm thực tiễn.

NHÓM PHÓNG VIÊN
BAN XÂY DỰNG ĐẢNG TCCS

MẤY VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG Ở THÁI BÌNH

(Phát biểu của đồng chí Chu Văn Ry, Ủy viên BCH TU Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái bình tại Hội nghị)

LÀ đảng cầm quyền, đương nhiên Đảng ta có trách nhiệm lãnh đạo tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong tình hình mới, từ cấp trung ương đến địa phương và cơ sở, Đảng cần có phương thức lãnh đạo thích hợp để nâng cao chất lượng và hiệu quả lãnh đạo của mình ; đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, hiệu lực của nhà nước và các đoàn thể nhân dân, xây dựng một hệ thống chính trị hoạt động năng động, có hiệu lực và hiệu quả. Ở đây, tôi chỉ xin đề cập tới một vài khía cạnh cụ thể về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở Thái bình với hy vọng góp thêm tiếng nói từ góc độ hoạt động và chỉ đạo thực tiễn của một địa phương vào một vấn đề rất mới, rất phong phú nhưng cũng hết sức phức tạp và bức xúc hiện nay.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, tất nhiên phải được tiến hành đồng bộ ở cả *bốn* cấp : trung ương ; tỉnh, thành phố ; huyện, quận ; và cơ sở. Nhưng ở cơ sở là cụ thể nhất và muôn hình muôn vẻ. Ví dụ : thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (khóa VI), hộ nông dân trở thành đơn vị sản xuất tự chủ, thì vai trò của đội sản xuất, của ban quản lý hợp tác xã lập tức đổi khác. Và vì vậy, tổ chức đảng cũng phải đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của mình, từ việc sắp xếp lại bộ máy, phân công lại đảng viên, cho đến cách thức lãnh đạo và phong cách hoạt động... sao cho phù hợp. Hoặc là khi chuyển sang kinh tế thị trường thì kinh tế tư nhân lập tức bung ra rất mạnh. Do chưa chuyển kịp về phương thức lãnh đạo, nên trong việc định hướng và quản lý các thành phần kinh tế, chúng ta đã bộc lộ hàng loạt thiếu sót : sản xuất quốc doanh, tập thể đình đốn ; công nhân, viên chức không có việc làm ngày một đông ; lực lượng lao động trong các cơ sở tư nhân cá thể tăng nhanh ; đảng nắm các thành phần kinh tế và tập hợp quần chúng ra sao đã không được làm rõ, dẫn đến tình trạng bỏ trống trận địa. Từ đó, kéo theo hàng loạt những thiếu sót về các vấn đề quản lý kinh tế - xã hội, guồng máy hành chính, tổ chức quần chúng. Hiện tượng lúng túng trong lãnh đạo, thiếu thống nhất trong điều hành là rất rõ ràng và nhiều khi khá nghiêm trọng. Thực tế đó chứng tỏ rằng : thực hiện đổi mới đất nước, một khi các cơ chế mới đã đi vào cuộc sống và phát huy tác dụng, thì phương thức lãnh đạo cũ rõ ràng là không phù hợp. Sự khập khiễng giữa thực tiễn cách mạng với phương thức lãnh đạo đã tạo ra sự trì trệ, lúng túng, đặc biệt là ở cơ sở, ảnh hưởng đến cả sự thống nhất trong Đảng và ngoài xã hội.

Do lúng túng trong việc xác định phương thức lãnh đạo, nên các lệch lạc ở cơ sở thường theo hai khuynh hướng : hoặc bao

Digitized by Google

biện lấn sân, hoặc buông lỏng tùy tiện. Có nơi (thường là ở các đơn vị kinh tế) chính quyền lấn lướt vai trò của cấp ủy. Cũng có nơi cấp ủy và chính quyền quay lưng lại với nhau. Nhưng xu thế chung là từ bao biện chuyển thành buông lơi. Khuynh hướng này nếu không sửa chữa, uốn nắn kịp thời, sẽ dẫn các tổ chức cơ sở đảng đến những sai lầm khá nghiêm trọng, bởi vì từ buông lỏng, tùy tiện đến mất quyền lãnh đạo, là một khoảng cách rất ngắn và luôn có thể xảy ra. Thực tế ở các tổ chức cơ sở đảng của Thái bình trong những năm thực hiện đổi mới cho thấy, phần lớn đảng viên chưa biết cách vào cuộc để thực hiện trách nhiệm của mình với tổ chức.

1 - Từ thực tế của Thái bình, chúng tôi thấy trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, vấn đề cốt lõi là phải *làm rõ mối quan hệ giữa đảng cầm quyền với nhà nước pháp quyền*.

Trong cách mạng dân tộc dân chủ, nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta là đánh giặc giữ nước. Tình thế bắt buộc Đảng ta phải vừa lãnh đạo, vừa tổ chức quản lý và điều hành. Giờ đây, phương thức đó không còn phù hợp. Để tiếp tục lãnh đạo cách mạng tiến lên, Đảng phải đổi mới phương thức cầm quyền ; phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng bộ phận trong cấu trúc hệ thống chính trị của mình.

Có đồng chí bàn khoăn là : Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng Đảng phải hoạt động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật. Vậy ai khống chế ai và ai quản lý ai ? Trong hệ thống chính trị, Đảng đứng ở chỗ nào ? Đảng đứng trên Nhà nước thì Đảng trở thành một thứ siêu nhà nước. Đảng đứng sau Nhà nước thì bị lu mờ hoặc mất vai trò lãnh đạo. Đảng đứng bên cạnh thì song song tồn tại hai cơ quan quyền lực. Theo tôi, sức mạnh của đảng cầm quyền phải *ở trong nhà nước, bằng chính nhà nước*.

Lâu nay chúng ta vẫn nhắc đến công thức Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Nhưng trong thực hiện lại luôn xảy ra hiện tượng vừa chồng chéo, trùng lắp, vừa sơ hở, lỏng lẻo. Vấn đề là phải phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức. Nhưng dù phân định thế nào thì cũng phải khẳng định một vấn đề có tính nguyên tắc : Đảng ta là một đảng cầm quyền.

Nhiệm vụ hàng đầu của Đảng cầm quyền là hoạch định các chủ trương, đường lối. Nhưng đi liền với việc đó là phải đề ra các cơ chế chính sách thích hợp, tổ chức kiểm tra thật nghiêm túc, đồng thời phải nắm chắc công tác cán bộ và bố trí đúng cán bộ. Khi đã có chủ trương, đường lối và cơ chế chính sách rồi, thì vấn đề tiếp theo là phải xác định chủ thể của từng khâu, từng việc trong quản lý và điều hành xã hội, và chỉ khi nào làm được như vậy, việc lãnh đạo của Đảng mới thực sự có nền nếp và có sức mạnh.

Nhìn lại quá trình đổi mới kinh tế, chúng ta thành công là do biết đột phá vào khâu cơ chế quản lý. Trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, ở đâu xác định đúng và rõ chủ thể quản lý là ở đó thành công, và ngược lại. Việc xác định hộ là đơn vị kinh tế tự chủ trong nông nghiệp là một ví dụ tiêu biểu. Những thắng lợi về sản xuất nông nghiệp ở Thái bình rõ ràng có nguyên nhân là các hộ nông dân được tự chủ sản xuất kinh doanh trên những thửa ruộng của mình.

Lâu nay chúng ta vẫn thực hiện cơ chế : tập thể lãnh đạo, cá nhân *phụ trách*. Nhưng trên thực tế, vai trò của cả tập thể và cá nhân đều không rõ, dẫn đến nạn họp hành quá nhiều và tình trạng tranh công đổ lỗi, không có người chịu trách nhiệm đến cùng trước công việc. Có lẽ lúc này cần xác định cơ chế đó cho rõ ràng hơn là : tập thể lãnh đạo, cá nhân *chỉ huy*. Nếu cơ chế đó được thực hiện, sẽ dần dần khắc phục được hiện tượng vừa thiếu dân chủ vừa tự do vô chính phủ.

Trong quá trình chỉ đạo thực tiễn, một vấn đề mà chúng tôi rất quan tâm là phải tiến hành rà soát lại toàn bộ hệ thống tổ chức bộ máy, kiên quyết bãi bỏ những cơ quan không rõ chức năng hoặc có hiện tượng trùng lắp, chồng chéo. Thí dụ : chúng tôi cho rằng từ *cấp huyện* xuống *cơ sở* là cấp tổ chức thực hiện. Cho nên, những tổ chức mang tính chất của cơ quan lập pháp ở các cấp này, như *hội đồng nhân dân huyện*, không cần có nữa. Tổ chức đảng ở các cấp này không chỉ đề ra phương hướng chung, mà chủ yếu là đề ra chủ trương cụ thể và biện pháp thực hiện ; vì vậy, có thể *hợp nhất* một số cơ quan đảng và chính quyền có cùng chức năng *theo hướng* : vẫn giữ các ban của đảng ở các cấp như hiện nay, nhưng được hợp pháp hóa về mặt nhà nước, để điều hành công việc thuộc các cơ quan nhà nước đang làm. Như có thể hợp nhất giữa ban tuyên giáo và phòng văn hóa thông tin, giữa kiểm tra Đảng và thanh tra nhà nước, giữa tổ chức đảng và tổ chức chính quyền, giữa ban kinh tế đảng và ủy ban kế hoạch nhà nước. Hệ thống trường cũng vậy, có thể nhập trường đảng với trường hành

Digitized by Google

chính và trường đoàn thể thành trường đào tạo và bồi dưỡng cán bộ của từng cấp.

Căn cứ vào thực trạng đội ngũ cán bộ có thể từng bước tiến tới *nhất nguyên chế* một số chức danh cán bộ chủ chốt ở cơ sở, như bí thư đảng ủy xã trực tiếp làm chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc chủ tịch ủy ban nhân dân xã, bí thư chi bộ kiêm xóm trưởng.

Thái bình có 8 huyện, thị với 285 xã, phường, 2708 xóm. Ngay sau khi thực hiện Nghị quyết 10 của Đảng, Thái bình là tỉnh sớm nhất làm thí điểm và nhanh chóng triển khai trong toàn tỉnh việc bỏ đội sản xuất, lập chính quyền xóm (cấp không hoàn chỉnh). Lúc đầu, mỗi xóm đều có một bí thư chi bộ và một xóm trưởng. Đến nay, đa số các xóm đã thực hiện mô hình bí thư chi bộ kiêm xóm trưởng, và thực tế cho thấy, mô hình đó tỏ ra là thích hợp.

Hiện nay, chúng tôi đang thí điểm việc nhất nguyên chế ở cấp xã. Đã có một số xã bí thư đảng ủy kiêm chức chủ tịch ủy ban nhân dân, và một xã chủ tịch ủy ban nhân dân kiêm chức chủ nhiệm hợp tác xã. Và, thực tế cũng cho thấy, mô hình đó đang phát huy tác dụng tốt ; chưa thấy có những biểu hiện tiêu cực nào.

Từ kết quả làm thử ở cấp xã, đã có nhiều ý kiến đề nghị cho làm thử ở cả cấp huyện. Không ít ý kiến cho rằng, bộ máy lãnh đạo và quản lý ở Thái bình còn quá nặng nề, cồng kềnh, nếu giảm ngay một nửa cũng không sao. Ý kiến đó không phải là không có căn cứ thực tế. Từ năm 1988 đến nay, Thái bình đã làm tích cực cả hai đợt sắp xếp tổ chức và giảm biên chế. Nhưng đến nay, nếu thẳng thắn mà xét, vẫn có thể tiếp tục tinh giản được nữa. Qua hai đợt, chúng tôi đã rút gọn 19 sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh ủy và ủy ban nhân dân tỉnh, bằng 30% ; giảm 65% số phòng, ban thuộc sở, 37% số phòng ban thuộc huyện, thị. Bộ máy ở cấp xã giảm quá nửa. Mặc dù vậy, nhìn chung chất lượng và hiệu quả công việc vẫn không ngừng được nâng lên. Lấy ví dụ như ở cấp xã, hiện nay, với định biên khống chế chỉ được phép tối đa là 13 cán bộ ; nhưng nhìn chung với bộ máy và với số cán bộ đã thu gọn như vậy, hầu hết các xã đều hoàn thành tốt, thậm chí hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị của mình.

2 - Cũng từ thực tế của Thái bình, chúng tôi nhận thức rất rõ rằng, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng *là phải giương cao ngọn cờ tập hợp quần chúng, thu hút và cố vũ quần chúng bằng những lợi ích thiết thân.*

Từ Đại hội VI đến nay, Đảng ta ngày càng coi trọng công tác quần chúng. Nhưng trên thực tế, khả năng tập hợp quần chúng của các tổ chức đảng có nhiều biểu hiện lúng túng, giảm sút. Các đoàn thể nhân dân do Đảng lập ra hoạt động rời rạc, thiếu hiệu quả. Nguyên nhân sâu xa vẫn là do Đảng chưa thực sự đổi mới phương thức trong lãnh đạo, vận động quần chúng. Những biểu hiện cụ thể của nguyên nhân đó là :

Thứ nhất, Đảng chưa định hướng được rõ ràng nội dung và phương thức hoạt động của từng đoàn thể. Đã đến lúc phải làm cho các đoàn thể được tổ chức và hoạt động theo đúng tinh thần "ba tự" (tự nguyện, tự quản và tự túc kinh phí). Nhưng với mỗi đoàn thể, nên có cách làm với mức độ khác nhau, tùy thuộc vào đặc trưng về lứa tuổi, nghề nghiệp, giới tính. Ngày nay, trong điều kiện kinh tế thị trường, việc thúc đẩy các đoàn thể hoạt động theo hướng chính trị đơn thuần là không còn phù hợp nữa. Đảng phải hướng dẫn các đoàn thể và các đoàn thể phải thực sự chuyển mọi hoạt động của mình sao cho có tính xã hội rộng rãi, gắn với các hoạt động kinh tế - xã hội, thể hiện lợi ích thiết thân và tâm tư tình cảm của từng hội viên, trên cơ sở đó mà dẫn dắt đoàn viên, hội viên tham gia thực hiện các nhiệm vụ chính trị của Đảng. Một số tổ chức do có chuyển hướng, bước đầu đã tạo ra khả năng hoạt động khá, như hội phụ nữ, hội bảo thọ... Hàng loạt những hội gắn với đặc trưng nghề nghiệp, mang tính kinh tế kỹ thuật, hoạt động khá sôi nổi. Tuy nhiên, một số đoàn thể rất quan trọng vẫn thiếu sức hút đối với quần chúng. Thí dụ, Đoàn thanh niên ở Thái bình, chỉ một nửa số thanh niên tham gia (trong khi thanh niên chiếm 20% dân số). Liên đoàn lao động cũng vậy. Mặc dù có lý do nêu ra là sản xuất công nghiệp đình đốn, công nhân không có việc làm dông, nên sinh hoạt công đoàn bị bê trễ. Nhưng cần phải nói, lực lượng đoàn viên công đoàn ở Thái bình lại quá nửa là viên chức, mà lực lượng này, nhìn chung là ổn định cả việc làm và thu nhập. Mặt khác, lực lượng công nhân lao động trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh không phải ít, nhưng công đoàn chưa tập hợp được. Xét đến cùng, vấn đề sâu xa vẫn là do phương thức hoạt động.

Thứ hai, Đảng chưa có hình thức thích hợp quản lý đảng viên. Nếu trong đánh giặc, chúng ta biết đưa đảng viên vào trong hàng ngũ giặc và các vùng xung yếu của địch để

Digitized by Google

làm công tác vận động quần chúng, thì trong công tác dân vận hiện nay, chúng ta lại chưa có được sự uyển chuyển đó. Giờ đây, chúng ta chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, thì việc đưa đảng viên vào trực tiếp tham gia lãnh đạo các tổ chức kinh tế tư nhân, cá thể là rất cần thiết. Nhưng việc làm đó chúng ta còn đang rất lúng túng, bởi không giải đáp được dứt khoát về các vấn đề lao động và bóc lột. Theo chúng tôi, đảng viên lúc này phải xông vào trận địa kinh tế, phải thâm nhập vào các hoạt động kinh tế của các thành phần, và dùng cơ chế chính sách của nhà nước để hướng dẫn các thành phần đi vào định hướng chung mà Đảng đã vạch ra. (Tất nhiên, nội dung và phương pháp nắm và lãnh đạo từng thành phần kinh tế khác nhau). Đồng thời, mỗi đảng viên phải biết tổ chức làm kinh tế ở gia đình mình, biết làm giàu một cách chính đáng bằng khả năng và sức lao động của bản thân, giúp đỡ các gia đình xung quanh cùng vươn lên, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác.

Ngày nay, chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội với mục tiêu rất rõ ràng : *dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh*. Mục tiêu ấy được đông đảo quần chúng nhân dân đồng tình hưởng ứng. Nhưng để có sức mạnh của những phong trào cách mạng, phải cụ thể hóa mục tiêu bằng những chỉ tiêu thiết thực. Căn cứ vào thực tiễn Thái bình, chúng tôi vẫn khẳng định rằng hiện nay không thiếu các phong trào thi đua cách mạng của quần chúng. Vấn đề là phải phát động quần chúng với nội dung thiết thực gắn liền với tình cảm và lợi ích của đông đảo nhân dân. Thí dụ ở Thái bình có phong trào cấp I hóa giống lúa và chuyển giao kỹ thuật đến từng hộ nông dân, phong trào xây dựng nông thôn mới, các chương trình làm giao thông nông thôn và làm điện... Các phong trào đó mang tính thiết thực, nên được đông đảo quần chúng hưởng ứng và tích cực thực hiện. Số vốn huy động trong dân cùng với sự hỗ trợ của nhà nước các cấp cho mỗi xã ước tính đến hàng tỉ đồng, nhưng toàn dân phấn khởi, các xã thi nhau cùng làm, tiến độ vượt mức dự kiến.

Cần phải nói thêm một điều nữa là : nếu chúng ta mở hướng phấn đấu cho đảng viên tốt ; đổi mới cách tuyên truyền, giáo dục ; đổi mới phương pháp và nội dung trong xét duyệt người vào Đảng, thì số quần chúng, nhất là thanh niên vẫn thiết tha vào Đảng.

3 - Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn *gắn liền với đổi mới công tác cán bộ và công tác đảng viên*.

Cần phải coi đổi mới công tác cán bộ và công tác đảng viên là một nội dung và đồng thời cũng là yếu tố bảo đảm cho đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đạt kết quả, vì phương thức nào cũng cần có những con người vận hành tương ứng.

Đảng phải thống nhất lãnh đạo và quản lý cán bộ. Mọi lơi lỏng trong công tác cán bộ đều làm giảm sút vai trò lãnh đạo của Đảng. Tất nhiên, giờ đây Đảng phải làm công tác cán bộ theo tinh thần đổi mới, nghĩa là phải đổi mới từ việc đánh giá, bố trí và sử dụng cán bộ đến việc xác định lại tiêu chuẩn cán bộ, chính sách cán bộ, cách thức đào tạo, tuyển chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ. Cán bộ có thể là người trong hoặc ngoài đảng, nhưng phải được tập thể quần chúng tích cực tín nhiệm, phải phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, trung thành với đường lối của Đảng.

Cần làm rõ chức danh và tiêu chuẩn hóa từng chức danh cán bộ. Tùy từng loại cán bộ mà xác định các tiêu chuẩn cho thích hợp. Song cần nhấn mạnh các tiêu chuẩn về lý luận chính trị, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, về văn hóa và pháp luật, về kỹ thuật và ngoại ngữ. Cũng từ đó mà có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ. Hiện nay, đội ngũ cán bộ của Thái bình trình độ văn hóa và lý luận chính trị có được nâng lên, nhưng kiến thức về kinh tế - xã hội còn bất cập. Chúng tôi đang chú ý bồi dưỡng cho cán bộ về kiến thức quản lý nhà nước và quản lý kinh tế.

Trong suốt những năm thực hiện đổi mới, nhất là từ sau Đại hội VII của Đảng, Thái bình thường xuyên mở lớp cho cán bộ từ tỉnh đến cơ sở. Số học viên của cả hai trường : trường đảng và trường hành chính thường xuyên có đông học viên. Ngoài ra, trường kinh tế tại chức còn mở nhiều lớp bồi dưỡng chuyên ngành. Nhờ vậy, đội ngũ cán bộ Thái bình trình độ có nâng lên, và điều quan trọng hơn là, được bồi dưỡng những kiến thức thực sự cần thiết cho công tác ở cơ sở.

Theo số liệu phân loại, cấp ủy tỉnh khóa này có 45 đồng chí (chiếm 91,2%) có trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học. Cấp ủy huyện, thị có tất cả 272 đồng chí thì số có trình độ học vấn cấp 2 chỉ chiếm 9,8%, cấp 3 trở lên chiếm 90,2%. Cấp ủy xã có 2090 đồng chí, số có trình độ cấp 3 cũng trên một nửa (50,7%), không còn người nào có trình độ

Digitized by Google

cấp 1 ; số có trình độ đại học, cao đẳng tới 123 đồng chí (5,8%) ; trình độ lý luận trung cấp chiếm tới 1/4 (514 đồng chí) và lý luận sơ cấp là trên một nửa (1140 đồng chí).

Việc đánh giá đội ngũ cán bộ cũng cần có lối nhìn toàn diện. Khuynh hướng xã hội hiện đang chú trọng về đạo đức, lối sống, đòi hỏi phải xử lý nghiêm minh với các chứng bệnh tham nhũng, cửa quyền, hối lộ, ăn chơi hưởng lạc, làm tốn phí tiền của của nhà nước và nhân dân. Đó là một thái độ đúng. Nhưng cũng cần phải thấy một căn bệnh rất nguy hại tới đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là căn bệnh "thụ động thừa hành" đang tồn tại trong không ít cán bộ. Căn bệnh này có nguyên nhân do lề lối làm việc tập thể theo kiểu cũ, và có phần do cơ chế chọn lựa cán bộ, thiên về những cán bộ ngoan ngoãn chấp hành, tạo ra loại cán bộ không dám làm, không dám chịu trách nhiệm, không có tinh thần năng động sáng tạo.

Phải tiến hành bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ trên cơ sở những chuẩn mực đã được xác định rõ ràng, cụ thể. Phải miễn nhiệm cả cán bộ không đủ phẩm chất và cán bộ năng lực trình độ yếu, không tương xứng với nhiệm vụ được giao. Đồng thời, phải thực hiện thuyên chuyển cán bộ một cách có bài bản, thể hiện ý đồ thử thách, đào tạo, tránh tình trạng có những cán bộ thiếu khả năng đảm nhận việc này lại chuyển sang làm những việc khác quan trọng hơn mà bản thân cán bộ đó không hề hiểu biết.

Vừa qua, triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của BCH TƯ Đảng (khóa VII), Thái bình đã tiến hành đánh giá phân loại cán bộ lãnh đạo các cấp của tỉnh. Kết quả phân loại cho thấy, số cán bộ thuộc diện tỉnh ủy quản lý : 40% có khả năng phát triển tốt, 44,8% ổn định công tác, 15,2% phải thay thế. Cán bộ thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh quản lý : 29,5% có khả năng phát triển, 54,7% ổn định công tác, 15,8% cần thay thế. Cán bộ ban, phòng và đơn vị trực thuộc đo huyện, thị ủy quản lý : 30,7% có khả năng phát triển, 55,4% ổn định công tác, 13,9% cần thay thế. Cán bộ chủ chốt cấp xã, phường : 36,1% có khả năng phát triển, 49,8% ổn định công tác, 14% cần thay thế. Tất nhiên, về tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, còn phải tiếp tục hoàn thiện, nên sự phân loại như trên chưa phải đã là thật chuẩn xác. Nhưng sự phân loại như vậy cho thấy : thực trạng đội ngũ cán bộ của chúng tôi là đáng lo ngại, vì thực tế chỉ có trên 1/4 số cán bộ có khả năng phát triển. Một nửa số cán bộ ở dạng ổn định công tác, có nghĩa là chỉ cần thực tiễn vận động đi lên, sau một thời gian ngắn nữa, số này sẽ rơi vào đội ngũ cán bộ cần thay thế, đưa tổng số cán bộ loại này lên xấp xỉ 3/4.

Song song với việc đổi mới công tác cán bộ là việc đổi mới công tác đảng viên. Muốn đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng thì phải đưa tất cả đảng viên vào hành động cách mạng. Chúng tôi chủ trương mọi đảng viên đều phải có công tác cụ thể, đều phải chịu sự kiểm tra, giám sát của tổ chức đảng và đều phải được đánh giá, phân loại. Đồng chí nào vi phạm tiêu chuẩn đảng viên đều bị xử lý với các hình thức thích hợp. Để làm được việc đó, vận dụng điều 7 trong Điều lệ Đảng, chúng tôi đang triển khai thực hiện chủ trương "chuyển hình thức sinh hoạt" đối với những đảng viên già yếu. Tinh thần cơ bản là : những đảng viên già yếu (nếu tự nguyện) thì được chi bộ miễn công tác, miễn sinh hoạt định kỳ và miễn tham gia phân loại ; danh hiệu đảng viên và mọi quyền lợi của người đảng viên đó vẫn được giữ nguyên. Qua một thời gian thử nghiệm, do có sự chuẩn bị chu đáo và có bước đi thích hợp, việc làm này đã được đa số đảng viên cao tuổi hưởng ứng. Các đồng chí đó thấy rõ mình vẫn được tôn trọng, vẫn được Đảng ưu ái, chứ không phải bị gạt ra ngoài hay bị "vô hiệu hóa", như có người lo ngại khi bắt đầu làm. Số đảng viên còn lại thật sự là những người phải lao vào cuộc ; là những người "miệng nói, tay làm, chân bước". Nhờ vậy, việc lãnh đạo tổ chức thực hiện, lề lối làm việc, phong cách hoạt động và tác phong công tác của nhiều cơ sở đảng đã có sự đổi mới và đạt kết quả tốt.

*

Chúng tôi nghĩ rằng, trên hàng loạt các vấn đề về công tác xây dựng đảng hiện nay, đang rất cần sự phối hợp mật thiết và có hiệu quả giữa các nhà lý luận với người trực tiếp chỉ đạo thực tiễn. Bởi vậy, chúng tôi rất hoan nghênh *Tạp chí Cộng sản* đã có sáng kiến tổ chức một hội nghị như thế này tại Thái bình về một nội dung có nhiều mắc mứu cần tháo gỡ và đang nổi lên như một đòi hỏi bức bách hàng đầu - vấn đề *đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng*.

Những ý kiến của Thái bình trước hết là xuất phát từ những vấn đề đang đặt ra từ chính cuộc sống. Có ý kiến còn đang là những suy nghĩ trăn trở. Có ý kiến là đề đạt và kiến nghị. Có nội dung đang triển khai hoặc đang làm thử. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn cứ mạnh dạn nêu ra ; mong các đồng chí cùng trao đổi và cho ý kiến.

Digitized by Google

NHỮNG NHU CẦU MỚI CỦA KINH TẾ HỘ NÔNG DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

NGUYỄN VĂN TUẤT *

SAU khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (khóa VI)về "đổi mới kinh tế nông nghiệp", hầu hết các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp theo mô hình cũ ở vùng đồng bằng sông Cửu long (ĐBSCL) đều tự giải thể. Hộ nông dân, tế bào kinh tế - xã hội trong nông thôn - nông nghiệp được khẳng định là đơn vị kinh tế tự chủ với *ba* nội dung cơ bản : làm chủ quyền sử dụng ruộng đất và quyền sở hữu, sử dụng các tư liệu sản xuất khác ; làm chủ quá trình tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh ; làm chủ phân phối và tiêu thụ sản phẩm. Hộ nông dân chỉ có một nghĩa vụ là đóng thuế cho nhà nước. Ở một số địa phương, hợp tác xã vẫn còn, nhưng số lượng không bao nhiêu và nội dung cũng đã khác trước nhiều. Ở đó, hộ nông dân đã giữ vai trò tự chủ về kinh tế, chỉ còn chịu sự quản lý của hợp tác xã ở một mức độ nhất định.

Trước thực tế đó, có người nghĩ rằng, có lẽ không cần một sự liên kết và hợp tác nào, các hộ nông dân tự mình cũng có thể đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được.

Kết quả khảo sát ở hầu hết các tỉnh ĐBSCL sau 5 năm (1988 - 1992) thực hiện "đổi mới kinh tế nông nghiệp" cho thấy : khi hộ nông dân trở thành đơn vị kinh tế tự chủ hoạt động trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, thì tự nó nảy sinh nhiều nhu cầu mới, đòi hỏi những hình thức liên kết, hợp tác mới.

Trước hết, *đó là nhu cầu về vốn* để xây dựng cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng (như các công trình thủy lợi, đường sá, cầu cống, khai hoang, cải tạo đồng ruộng, điện, v.v.) phục vụ sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn.

Để có vốn này, ở các nơi đã có các hình thức liên kết, hợp tác cùng làm giữa nhà nước (kể cả cấp trung ương, cấp tỉnh, huyện, xã) và các hộ nông dân. Đối với công trình nào phục vụ cho toàn xã thì UBND xã đứng ra tổ chức, đối với công trình nào phục vụ trong từng thôn ấp thì ban tự quản thôn ấp đứng ra tổ chức, còn đối với công trình nào chỉ phục vụ cho một khu ruộng thì bản thân các hộ nông dân có ruộng liên quan tự đứng ra góp sức, góp vốn với nhau cùng làm. Ở cả 3 cấp độ nói trên, việc đóng góp vốn và lao động của các hộ theo nguyên tắc khá đơn giản. Nếu là công trình phục vụ cho sản xuất thì đóng góp theo số điện tích canh tác; nếu là công trình phúc lợi công cộng thì đóng góp theo số lao động. Ngoài ra, các đoàn thể và chính quyền nhiều nơi còn vận động các "mạnh thường quân" hảo tâm (thường là các hộ giàu) đóng góp xây dựng, nhất là công trình phúc lợi công cộng.

Đã xuất hiện khá nhiều trường hợp các hộ nông dân tự bỏ vốn đầu tư xây dựng hoặc đấu thầu lại các công trình của các doanh nghiệp nhà nước, của các hợp tác xã hoặc tập đoàn sản xuất đã giải thể, để vừa phục vụ sản xuất của gia đình mình, vừa làm địch vụ cho các hộ khác có ruộng (chẳng hạn, các "tổ hợp tác đường nước" lo việc bảo quản, tu bổ và sử đụng các công trình thủy lợi).

Chính bằng các hình thức tổ chức liên kết, hợp tác nói trên, trong những năm qua, các tỉnh ĐBSCL đã đẩy mạnh tốc độ xây đựng cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng, làm cho bộ mặt nông thôn có nhiều thay đổi. Và cũng nhờ đó mà việc xây dựng các vùng kinh tế mới ở tứ giác Long xuyên và Đồng tháp mười được triển khai nhanh, đem lại hiệu quả kinh tế cao. Xin nêu một vài ví dụ : ở xã Vọng đông (huyện Thoại sơn, tỉnh An giang), các hộ nông dân đã đóng góp 3,2 tỉ đồng đầu tư san ủi, cải tạo mặt bằng để chuyển vụ 3000 ha ruộng. Xã Nhơn mỹ (huyện Chợ mới, tỉnh An giang) trong 2 năm xây mới 37 cầu, 14km đường giao thông, 86 kênh nước lớn nhỏ. Xã Bình hiệp (huyện Mộc hóa, tỉnh Long an) trong năm 1992 đã xây dựng mới đường dây 15kV 3 pha dài 4,38km. Tỉnh Tiền giang đưa được 9000 hộ nông dân đi chinh phục Đồng tháp mười, khai hoang được 14000 ha ruộng đất, v.v..

Nhu cầu về vốn lưu động để đầu tư thâm canh trong sản xuất nông sản hàng hóa ngày càng cao. Khảo sát ở thời điểm vụ đông xuân 1990 - 1991 cho thấy, để làm 1 ha lúa nước ở ĐBSCL, nơi cao nhất phải đầu tư 2,74 triệu đồng, nơi thấp nhất 1,78 triệu đồng và trung bình 2,2 triệu đồng. Nhưng khả năng vốn của các nhóm hộ nông dân và giữa các vùng rất khác nhau.

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Phân viện TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Nhìn chung, chỉ có khoảng 2,7% số hộ dư vốn, 43,9% số hộ có đủ vốn, 52,5% số hộ thiếu vốn sản xuất. Điều tra 700 hộ ở 9 xã thuộc 7 tỉnh ĐBSCL cho thấy, tỷ lệ số hộ phải đi vay ở nơi thấp nhất là 25%, ở nơi cao là 57,6%.

Để hỗ trợ vốn cho hộ nông dân sản xuất, đã có các hình thức giải quyết như sau :

- Từ vụ đông xuân 1990 - 1991, Ngân hàng nông nghiệp An giang đã chuyển hướng đầu tư, cho thẳng hộ nông dân vay. Những năm tiếp theo, hầu hết ngân hàng ở các tỉnh ĐBSCL đều làm theo cách đó. Sự chuyển hướng đó trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng có ý nghĩa rất tích cực. Nhưng do có khó khăn về nguồn vốn, nên việc cho vay của ngân hàng nông nghiệp mới chỉ đạt tỷ lệ thấp, ví dụ đông xuân 1990 - 1991 Ngân hàng nông nghiệp An giang mới chỉ giải quyết vốn cho 5,3% số hộ, 7,9% số diện tích gieo trồng với mức 250 000đ/ha (bằng 10% chi phí cần thiết). Trong cả năm 1992, mức cho vay có khá hơn, nhưng cũng chỉ mới giải quyết được cho 30% số hộ, 30% diện tích gieo trồng với mức 1 triệu đồng/ha. Đối tượng cho vay phần lớn là hộ nông dân nghèo. Quan điểm cho vay như vậy là đúng, nhưng cũng cần thấy : nếu ngân hàng đủ vốn cho tất cả các loại hộ vay (vì không phải chỉ có hộ nghèo mới thiếu vốn) và cho vay với đủ loại thời hạn (ngắn hạn, trung hạn và dài hạn), thì ý nghĩa kinh tế - xã hội của việc cho vay còn lớn hơn nhiều.

Để bảo đảm cho vay đúng đối tượng, phục vụ sản xuất, bảo đảm thu được nợ, đồng thời giảm được đầu mối giao dịch, nhiều nơi đã hình thành các "tổ liên kết hợp tác vay vốn" giữa các hộ nông dân và hoạt động rất có hiệu quả. Ở An giang hiện đã có 2 288 tổ loại này.

- Ở nhiều nơi, họ hàng thân thuộc và bà con lối xóm cũng đã giúp vốn cho nhau sản xuất theo truyền thống tốt đẹp "tình làng nghĩa xóm". Kết quả điều tra xã hội học cho thấy : số hộ vay của thân tộc ở nơi thấp nhất là 7,5%, ở nơi cao là 47,3% ; còn số hộ vay của bà con lối xóm ở nơi thấp nhất là 21%, ở nơi cao là 43,3%. Việc cho vay này có thể là cho vay *không lấy lãi* hoặc *lấy lãi* với lãi suất bằng hoặc cao hơn chút ít lãi suất ngân hàng (tùy theo số lượng vay).

Đáng lưu ý là do không phải lúc nào cũng vay được vốn của ngân hàng, của thân tộc và của bà con lối xóm, cho nên có những hộ nông dân đã phải tìm vay vốn ở chỗ khác. Cũng vì vậy, hiện nay ở nông thôn và thành thị đã xuất hiện các hộ cho nông dân vay với lợi tức rất cao, dưới *ba* hình thức : cho vay *lúa* (thực chất là *mua lúa non)* với lãi suất từ 50 - 100%/vụ ; cho vay *tiền mặt* với lãi suất 15 - 20%/tháng ; cho vay *vàng với* lãi suất 10%/tháng. Đây là một tình hình không lành mạnh, cần được khắc phục.

Hai là, *nhu cầu về dịch vụ vật tư, kỹ thuật cho hộ nông dân.*

Kết quả khảo sát cho thấy : 100% số hộ nông dân có nhu cầu được cung ứng phân hóa học, thuốc trừ sâu, xăng dầu ; 70% số hộ có nhu cầu thường xuyên thay đổi giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt, có khả năng phòng chống sâu bệnh ; 100% số hộ có máy muốn được cung ứng phụ tùng thay thế và dịch vụ sửa chữa lớn.

Trong những năm gần đây, nhà nước đã chủ trương thương mại hóa việc cung ứng vật tư cho nông dân. Các cơ quan kinh doanh vật tư của nhà nước nắm khâu nhập khẩu và bán buôn, còn phần bán lẻ do mạng lưới đại lý (mà phần lớn là tư nhân) đảm nhiệm. Thực tế cho thấy, khi chuyển sang kinh tế thị trường thì chủ trương thương mại hóa việc cung ứng vật tư là hoàn toàn phù hợp. Nông dân cũng dễ dàng chấp nhận chủ trương đó, nhưng họ có nguyện vọng rất chính đáng là được nhà nước cung cấp vật tư đúng thời vụ, với chất lượng bảo đảm và giá cả hợp lý so với giá nông sản, trong khi nhà nước chưa có chính sách trợ giá cho sản phẩm nông nghiệp. Mặt khác, nhà nước cần tăng cường quản lý, củng cố các doanh nghiệp nhà nước làm nhiệm vụ cung ứng vật tư, kịp thời ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực như buôn bán hàng rởm, móc ngoặc đầu cơ, nâng giá, gây khan hiếm vật tư giả tạo để bát chẹt nông dân.

Về dịch vụ kỹ thuật, điều tra xã hội học cho thấy : số hộ có nhu cầu được cung cấp dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp ở nơi thấp nhất là 80% và ở nơi cao là 95%. Dịch vụ này tập trung ở 3 khâu mà từng hộ nông dân không tự làm được. Đó là dịch vụ bảo đảm thời vụ gieo trồng ; dịch vụ đưa các giống mới vào sản xuất ; dịch vụ sử dụng phân hóa học và thuốc trừ sâu bệnh. Hình thức hợp tác dịch vụ kỹ thuật hoạt động có hiệu quả nhất hiện nay là : tổ chức khuyến nông của nhà nước ; mạng lưới hộ nông dân sản xuất giỏi ; và các tổ liên kết sản xuất theo cây, con, ngành, nghề. Ở nông thôn đã và đang xuất hiện ngày càng nhiều các tổ hợp tác như : tổ hợp tác sản xuất lúa cao sản xuất khẩu, tổ hợp tác trồng bắp lai, tổ hợp tác nuôi heo, nuôi cá bè, nuôi tôm, v.v..

Ba là, *nhu cầu về chế biến, tiêu thụ sản phẩm.*

Có thể nói đối với ĐBSCL, đây là vấn đề gay cấn nhất. Điều tra cho thấy, phần lớn hộ nông dân đều muốn bán sản phẩm cho nhà nước, nhưng trong hai năm 1991 - 1992, có nơi tới 85,3% (nơi thấp cũng là 70,3%) số hộ nông dân phải bán thóc cho tư thương.

Digitized by Google

Sở dĩ có nghịch lý đó là vì : vào vụ thu hoạch, nông dân rất cần bán thóc để lấy tiền mua hàng hóa tiêu dùng và vật tư cho vụ sau, nhưng vào lúc ấy các cơ sở thu mua của nhà nước lại thiếu tiền mặt. Việc thu mua lương thực chủ yếu là để xuất khẩu, nó do nhiều cơ quan thực hiện thông qua các đại lý, mà phần lớn đại lý lại là tư nhân. Đó là chưa kể cách tổ chức thu mua của các cơ quan nhà nước còn nhiều phiền hà, thiếu linh hoạt, chưa phù hợp với tâm lý nông dân. Hiện nay, ở nông thôn vùng ĐBSCL, do nhiều nguyên nhân, các hình thức hợp tác giữa các hộ nông dân để chế biến và tiêu thụ sản phẩm còn rất hiếm. Nhà nước cần nghiên cứu giúp đỡ, tạo điều kiện để các hình thức hợp tác đó ra đời và phát triển.

Bốn là, *nhu cầu về máy móc, về sức lao động trong quá trình sản xuất.*

Để mở rộng sản xuất, tăng vụ, tăng diện tích gieo trồng, tạo ra nhiều nông sản hàng hóa, các hộ nông dân cần có máy móc nông nghiệp và thêm sức lao động, đặc biệt là trong những lúc thời vụ khẩn trương. Để giải quyết nhu cầu đó, các hộ nông dân chưa có máy thường nhờ các hộ có máy làm giúp một số khâu theo hợp đồng (như làm đất, bơm nước, tuốt lúa, vận chuyển, v.v.), sau đó thanh toán gọn bằng thóc hoặc bằng tiền. Ví dụ : làm đất 1 công ($1000m^2$) thì được thanh toán 1 giạ thóc (20kg); bơm nước một vụ cho 1 công thì được 1 giạ, v.v.. Một số hộ nông dân cùng canh tác trên một cánh đồng, đã góp vốn mua xăng dầu bơm chung (trong trường hợp phải sạ ngầm), nhưng ruộng nhà nào thì nhà ấy sạ, chăm sóc, thu hoạch. Lại có những hộ nông dân khác cùng nhau góp vốn mua máy xới, máy tuốt, máy bơm chung. Hình thức này xuất hiện ngày càng nhiều (nhất là ở An giang), lúc đầu là giữa các hộ trong phạm vi thân tộc, sau dần mở rộng ra ngoài.

Về nhu cầu sức lao động, chủ yếu tập trung ở hai khâu : chăm sóc (làm cỏ), và cắt gom lúc thu hoạch. Kết quả khảo sát cho thấy, ở ĐBSCL, có khoảng 71% số hộ tự làm nhưng nhiều lúc vẫn cần có thêm lao động để làm các khâu đó. Để có thêm lao động, các hộ có thể nhờ các hộ khác làm giúp, nhưng không phải theo cách đổi công, mà theo kiểu sau đó thanh toán gọn bằng tiền hay thóc ; hoặc có thể mướn ngay lao động tại chỗ hoặc từ nơi khác đến, vì ở nông thôn sẵn có đội quân thường trực này.

Những nhu cầu về các mặt trên đây thực ra đã có trong sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL (một vùng nông nghiệp đã từng bước đầu đi vào sản xuất hàng hóa), nhưng trong thời kỳ tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, với quan niệm đồng nhất hợp tác hóa với tập thể hóa, các nhu cầu đó đã bị triệt tiêu. Nay, với việc chuyển sang kinh tế thị trường, hộ nông dân được thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ, phân công lao động ở nông thôn ngày càng phát triển, thì những nhu cầu đó đương nhiên lại xuất hiện và ngày càng phát triển.

Như trên đã trình bày, trong quá trình giải quyết các nhu cầu đó, đã xuất hiện một số hình thức hợp tác mới. Những hình thức hợp tác đó tuy còn sơ khai, thậm chí có lúc chỉ là tạm thời, chưa thành tổ chức, nhưng nếu quan niệm hợp tác hóa là một quá trình xã hội hóa sản xuất, thì rõ ràng có thể coi đó là những mầm mống cho sự ra đời của một mô hình hợp tác *mới*, khác hẳn *về chất* so với mô hình hợp tác cũ. Những hình thức hợp tác này nảy sinh từ yêu cầu phát triển nông sản hàng hóa trên cơ sở phân công lao động xã hội ngày càng cao.

Điều đáng chú ý là tất cả các hình thức hợp tác nói trên đều nảy sinh trên cơ sở nhu cầu sản xuất của hộ nông dân, bổ sung cho kinh tế hộ nông dân, giúp hộ nông dân giải quyết những phần việc mà họ không làm được hoặc làm không có hiệu quả. Và do hộ nông dân tự nguyện tìm đến những chủ thể khác để hợp tác (chủ thể này có thể là cơ quan dịch vụ của nhà nước, hợp tác xã, hay hộ nông dân, hộ tiểu thủ công nghiệp, tiểu thương v.v.), cho nên các hình thức hợp tác không bị ràng buộc bởi tính chất hành chính (đã có nhiều hộ đem máy kéo từ vùng đồng bằng đến vùng tứ giác Long xuyên hoạt động dịch vụ). Xu thế hợp tác phát triển như thế, nhìn chung là lành mạnh, đa dạng, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, phù hợp với quy luật vận động khách quan của nền nông nghiệp từ tự cung, tự cấp đi lên sản xuất hàng hóa. Nhà nước cần nắm bắt, tổng kết kịp thời và thừa nhận về mặt pháp lý các hình thức hợp tác do hộ nông dân tự nguyện lập ra, bảo hộ và giúp đỡ các hình thức đó phát triển theo hướng đúng, loại trừ các tiêu cực. Mặt khác, chăm lo các hoạt động kinh doanh vật tư, dịch vụ kỹ thuật, ngân hàng, khuyến nông, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, v.v. để các hoạt động này chủ động liên kết, hợp tác, hỗ trợ kinh tế hộ nông dân. Nhà nước cũng cần tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng lớn (như kênh mương thủy lợi, giao thông, điện, v.v.), phát triển công nghiệp (nhất là công nghiệp chế tạo máy động lực, máy công tác phù hợp với kinh tế hộ nông dân và công nghiệp chế biến) nhằm tác động vào việc phát triển lực lượng sản xuất nông nghiệp, thúc đẩy quá trình phân công lao động xã hội ở nông thôn, tạo tiền đề cho quá trình hợp tác hóa mới phát triển nhanh hơn, cao hơn, cả về chiều ngang lẫn chiều dọc.

Digitized by Google

VẤN ĐỀ PHÂN ĐỊNH CÁN BỘ

TÔ TỬ HẠ *

I

CÙNG với việc cải cách hệ thống bộ máy quản lý nhà nước, chúng ta phải đổi mới đội ngũ cán bộ, xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ phù hợp. Muốn vậy, phải thực hiện tốt việc phân định cán bộ.

Hiện nay, đội ngũ cán bộ của ta khá đông đảo, gồm nhiều thế hệ : thế hệ được tôi luyện trong các cuộc cách mạng lâu dài gian khổ ; thế hệ được đào tạo khá cơ bản ở các trường lớp trong nước và ngoài nước, đã trưởng thành trong quá trình xây dựng đất nước gần hai chục năm nay ; và thế hệ trẻ mới trưởng thành những năm gần đây. Đội ngũ cán bộ của ta có nhiều tiềm năng, nhưng do ảnh hưởng của các cuộc chiến tranh trước đây và của cơ chế kinh tế cũ, của phương pháp tổ chức và quản lý cũ, họ chưa phát huy được hết khả năng và trình độ ; một số lúng túng và tỏ ra đuối sức trước công việc mới. Một thời gian dài, chúng ta đã trộn lẫn tất cả các loại cán bộ (cán bộ chính trị, cán bộ kinh tế và các loại cán bộ khác) vào với nhau. Chúng ta đã đồng nhất họ và quản lý họ theo một khuôn mẫu, mặc dầu tính chất, đặc điểm công việc của họ không giống nhau.

Tuy đã có nhiều cải tiến, nhưng nói chung chính sách cán bộ của nhà nước ta hiện nay vẫn chưa cụ thể, chưa phản ánh đúng đặc điểm của từng loại cán bộ. Việc đánh giá, bố trí, sử dụng và đãi ngộ đối với cán bộ, nhiều nơi làm chưa hợp lý. Tình trạng đó kéo dài, sửa chữa chậm, dẫn đến tác hại lớn là không phát huy được nhân tài, không tạo ra được một lớp cán bộ thích ứng với nhiệm vụ mới. Nhiều tổ chức quốc tế, nhiều chuyên gia các nước có kinh nghiệm về quản lý nhà nước, quản lý nhân sự, khi giúp ta cải tiến bộ máy quản lý, đều khẳng định chúng ta có tiềm lực về cán bộ, nhưng chưa hoạch định được cụ thể yêu cầu, tiêu chuẩn của từng loại công việc, của từng loại cán bộ.

Thấy rõ nhược điểm đó, nhiều năm qua chúng ta đã cố gắng cải tiến công tác cán bộ, nhưng cách làm còn lúng túng. Lẽ ra phải phân định cán bộ trước rồi mới xác định chức năng, tiêu chuẩn cụ thể của từng loại cán bộ, thì chúng ta lại làm ngược lại. Kết quả dẫn tới chỗ tuyển vào thì dễ, nhưng khi đã vào rồi thì rất khó sắp xếp : người có chuyên môn A có khi không làm việc A mà làm việc B ; người có chuyên môn B có khi không làm việc B mà làm việc A... Cách làm trên thực sự không đưa lại sự tiến bộ mà ngược lại, chỉ gây thêm sự lúng túng và lộn xộn trong công tác quản lý cán bộ.

Bởi vậy, trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, Đảng ta đã chỉ rõ :

"Đổi mới căn bản công tác cán bộ phù hợp với cơ chế mới.

Phân định rõ *cán bộ dân cử* hoạt động theo nhiệm kỳ và các loại *công chức, viên chức chuyên nghiệp.*

Đối với cán bộ quản lý nhà nước do dân cử, tiêu chuẩn bầu cử bao gồm cả phẩm chất, kiến thức và năng lực cần thiết để đảm đương được trách nhiệm khi được bầu.

Xây dựng quy chế công chức, viên chức trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước, hoạt động sự nghiệp, sản xuất kinh doanh nhằm hình thành đội ngũ cán bộ chuyên môn có phẩm chất, có kiến thức, thành thạo nghề nghiệp, nắm vững pháp luật. Phát triển đội ngũ những nhà kinh doanh giỏi thuộc nhiều tầm cỡ, từ người chủ kinh tế hộ gia đình đến người quản lý các doanh nghiệp lớn..."[1].

II

Phân định cán bộ chính là phân loại và xây dựng những chế định cụ thể của từng loại cán bộ, để từ đó cán bộ chủ động làm việc theo chức trách, theo công việc cụ thể, an tâm phấn đấu, tích lũy kinh nghiệm trong công việc của mình ; đồng thời, nhà nước có điều kiện quản lý tốt cán bộ, xây dựng một đội ngũ cán bộ ổn định, lâu dài. Hiện nay, theo chúng ta hiểu, cán bộ bao gồm những người trong biên chế nhà nước, có bậc lương từ cán sự 1 (hoặc trung cấp bậc 1) trở lên, làm việc trong các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, trong các cơ quan của đảng, đoàn thể chính trị - xã hội, trong các doanh nghiệp nhà nước, và trong các lực lượng vũ trang. Cán bộ có những *đặc trưng cơ bản* sau đây : được ủy

---

* Phó Ban tổ chức cán bộ của Chính phủ

(1) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 44, 45

Digitized by Google

thác của nhà nước và lấy danh nghĩa của nhà nước mà hoạt động ; phải có một chức vụ nào đó trong bộ máy nhà nước nói chung ; phải qua bầu cử, tuyển dụng, để bạt, phân công khi tốt nghiệp hoặc một trình tự thủ tục khác ; được đãi ngộ căn cứ vào chất và lượng lao động bỏ ra.

Với cách hiểu trên, những người thuộc diện "cán bộ" ở ta khá rộng, vì vậy việc phân định cán bộ ở ta khá phức tạp, đòi hỏi phải rất thận trọng và căn cứ vào các *nguyên tắc cơ bản* : ngành nghề và công việc cụ thể cán bộ đang làm ; thời gian thực tế cán bộ đảm nhiệm công việc nào đó ; hành vi của cán bộ là do luật hay do quy chế nào điều chỉnh.

Dưới đây tôi xin đi sâu vào việc phân định cán bộ trong khu vực nhà nước. Theo Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và các nguyên tắc đã trình bày, ta có thể phân định cán bộ làm việc trong khu vực nhà nước như sau :

1 - *Các nhà hoạt động chính trị* (hay còn gọi là *cán bộ dân cử)*.

Các nhà hoạt động chính trị là do bầu cử mà có. Đây là các cán bộ vạch ra chính sách và điều khiển quyền lực quốc gia từ trung ương đến địa phương, do sự tín nhiệm của nhân dân hay do các đại diện của nhân dân bầu ra, làm việc theo nhiệm kỳ. Nếu tính từ chức vụ thấp nhất là *thư ký hội đồng nhân dân huyện, quận* trở lên cho đến chức vụ cao nhất là *chủ tịch nước*, thì có cả thảy 23 chức vụ (chưa tính đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân vì hiện nay chưa có chế độ làm chuyên nghiệp).

Các nhà hoạt động chính trị, xét ở góc độ nhà nước, thì không ban hành các tiêu chuẩn chức vụ ; điều đó phù hợp với lịch sử và thực tế của nước ta và thế giới. Dĩ nhiên, để trúng cử, đảng cầm quyền và các đoàn thể xã hội phải chọn người có đủ đức, tài để đưa ra giới thiệu ứng cử.

Các nhà hoạt động chính trị ở nước ta trưởng thành trong cuộc đấu tranh cách mạng, sự học hỏi của họ là ở trường đời. Vì đội ngũ cán bộ này nắm quyền lực và hoạch định chính sách quốc gia, cho nên Đảng ta phải quan tâm đặc biệt đến đội ngũ này và đào tạo họ thông qua các học viện chính trị - xã hội.

Để tạo điều kiện hoạt động cho các nhà hoạt động chính trị, mỗi chức vụ ngoài chế độ lương ra còn có các chế độ khác quy định công khai như : phương tiện đi lại, nhà làm việc, thời gian nghỉ ngơi. Đây tuyệt nhiên không phải là đặc quyền, đặc lợi, như một số người nghĩ.

Các nhà hoạt động chính trị không lấy thời gian làm việc mà lấy hiệu quả công việc làm chuẩn. Hành vi của các cán bộ này không do luật lao động hoặc quy chế công chức điều chỉnh, mà được điều chỉnh theo một quy định riêng đối với từng chức vụ.

Những cán bộ không do bầu cử, nhưng do bổ nhiệm và làm việc theo định kỳ, cũng là những nhà hoạt động chính trị.

2 - *Công chức.*

Công chức, nói nôm na, là người làm công ăn lương nhà nước. Định nghĩa đầy đủ thì công chức là những người có các điều kiện : là công dân Việt nam ; được tuyển dụng và bổ nhiệm giữ một công vụ thường xuyên ; làm việc trong một công sở ở trung ương hay địa phương, ở trong nước hay ngoài nước ; được xếp vào một ngạch ; hưởng lương do ngân sách nhà nước cấp.

Công chức là người làm công việc chuyên môn có tính chất lâu dài và ổn định trong bộ máy nhà nước. Công chức làm việc có tư cách pháp lý, nhân danh nhà nước ở nhiệm vụ mình được phân công đảm trách.

Hành vi của công chức không bị điều chỉnh bởi luật lao động (tư pháp), mà bị điều chỉnh bởi quy chế công chức (công pháp). Các tranh chấp của họ được một cơ quan riêng giải quyết (ở các nước là Tòa án hành chính). Nghĩa vụ, quyền lợi, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật và các chính sách khác đối với công chức được quy định cụ thể tại quy chế công chức.

Mỗi công chức được xếp vào một ngạch nhất định. Ngạch là một khái niệm được dùng cho công chức, nó chỉ rõ vị trí công tác, tiêu chuẩn nghiệp vụ và trình độ đào tạo của công chức đó. Mỗi ngạch thể hiện một cấp đào tạo và một dải tiền lương tương ứng. Công chức muốn chuyển từ ngạch này sang ngạch khác phải qua đào tạo, tái tuyển công khai. Trong ngạch chú ý thâm niên. Điều đó khuyến khích công chức trong ngạch tích lũy kinh nghiệm. Việc thiết kế số bậc trong ngạch phải tính toán sao để một người suốt đời không chuyển ngạch có thể lên hết bậc.

Công chức cũng được đánh giá hàng năm bằng một bảng điểm thay cho bình bầu.

Xây dựng một đội ngũ công chức có năng lực chuyên môn, tận tụy và lối sống trong sạch, là một nhân tố quyết định trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền. Vì vậy, trong Nghị quyết về công tác xây dựng pháp luật năm 1993, Quốc hội đã giao cho

Digitized by Google

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh về quy chế công chức.

3 - *Viên chức sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp nhà nước.*

Viên chức làm việc trong các công ty, xí nghiệp của nhà nước, hoạt động theo luật doanh nghiệp, hành vi của họ do Luật lao động điều chỉnh. Họ làm việc theo các hợp đồng thỏa thuận giữa người nhận và người làm, được quy định trong luật, khác với công chức làm việc theo quy chế công chức, có tính chất đơn phương, tự nguyện. Nếu có sự vi phạm hợp đồng ở hai phía thì giải quyết tranh chấp ở Tòa án lao động.

Viên chức sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp nhà nước có hai loại :

- *Các viên chức chuyên môn, nghiệp vụ* (như kỹ sư, kỹ thuật viên). Số này được đào tạo ở các trường trung học và đại học theo ngành nghề chuyên môn. Họ làm nghề chuyên môn theo hợp đồng thỏa thuận. Tiền lương của họ được trả theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng có tính tới thang lương có tính chất hướng dẫn của nhà nước.

- *Các nhà quản trị doanh nghiệp* (giám đốc công ty, xí nghiệp nhà nước). Số này do nhà nước bổ nhiệm (hoặc làm theo hợp đồng trong trường hợp áp dụng mô hình *hội đồng quản trị).* Hiệu quả công việc của loại cán bộ này được đánh giá thông qua hiệu quả sản xuất kinh doanh. Các nhà quản trị doanh nghiệp (giám đốc) thường là các cán bộ chuyên môn nghiệp vụ trưởng thành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và được bồi dưỡng để trở thành người chuyên làm công tác quản lý như một nghề trong xã hội. Tiền lương và các đãi ngộ khác của loại viên chức này là dựa vào kết quả của sản xuất kinh doanh, chứ không phải dựa vào ngân sách nhà nước như cán bộ dân cử, công chức.

Vai trò của các nhà quản trị doanh nghiệp rất quan trọng ; doanh nghiệp làm ăn lỗ hay lãi là do họ. Chúng ta cần tạo ra một đội ngũ nhà quản trị doanh nghiệp có bản lĩnh, am hiểu nền kinh tế thị trường, để đưa nền kinh tế nước ta phát triển nhanh chóng. Trong giai đoạn hiện nay, việc đào tạo bồi dưỡng kiến thức cho loại viên chức này trở nên cấp thiết không chỉ đối với các doanh nghiệp nhà nước, mà còn đối với cả các thành phần kinh tế khác.

4 - *Cán bộ trong các lực lượng vũ trang.*

Cán bộ trong các lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ bảo vệ đất nước, bảo đảm an ninh chính trị - xã hội. Do vậy, công việc của họ mang tính đặc thù và chịu sự điều chỉnh của luật về các lực lượng vũ trang. Lao động của họ được tính bằng sự hy sinh xương máu. Vì thế, phải có chế độ đào tạo và đãi ngộ đặc biệt.

III

Phân định cán bộ là một việc làm mang tính hệ thống, có quan hệ tới nhiều lĩnh vực, nhiều bộ phận. Để định hướng cho phân định, cốt lõi là Đảng ta, Nhà nước ta bên cạnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, cần có ngay một chiến lược cán bộ, đáp ứng cho ngày mai và trước tiên cho hôm nay. Chỉ có một chiến lược cán bộ hoàn chỉnh, thì hàng loạt công việc liên quan đến công tác cán bộ, trong đó có việc phân định cán bộ, mới có thể làm tốt được.

Tuy vậy, cũng không nên cầu toàn, và không nên chờ đợi. Sự phát triển về kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội đang đòi hỏi những cải cách tương ứng về mặt tổ chức bộ máy, trong đó có công tác cán bộ. Bởi vậy, theo tôi, cần bắt tay ngay vào các công việc sau đây :

1 - Kiểm kê, rà soát, đánh giá lại toàn bộ đội ngũ cán bộ ; trọng tâm là rà soát, đánh giá lại theo từng loại những cán bộ đủ tiêu chuẩn để có thể sắp xếp, bồi dưỡng và sử dụng ngay một cách hợp lý.

2 - Từ đó, tiến hành xây dựng các bộ luật : luật lao động, luật hành chính, luật kinh doanh, các luật về lực lượng vũ trang và luật công chức. Liền đó là tổ chức các cơ quan tài phán : tòa án lao động, tòa án hành chính, tòa án kinh tế.

3 - Ban hành các chính sách đào tạo, tuyển dụng, sử dụng đối với từng loại cán bộ. Sắp xếp lại toàn bộ hệ thống đào tạo (các trường, học viện) và chương trình đào tạo cho từng loại cán bộ. Việc tuyển dụng mới phải tuân thủ đúng các quy định trên.

4 - Quản lý chặt chẽ biên chế hiện có cho từng loại cán bộ. Đổi mới, kiện toàn công tác quản lý nhân sự thật khoa học, thống nhất trong phạm vi toàn quốc. Khắc phục tình trạng hồ sơ của cán bộ thì rất nhiều, nhưng các chỉ số cần thiết thì vẫn thiếu, vẫn sai lệch.

Việc phân định cán bộ hiện nay đang gặp rất nhiều trở ngại do nhận thức cũ, do hậu quả lịch sử của một lề lối làm việc thiếu hệ thống, theo cảm tính và không có kỷ cương, pháp luật. Vì vậy, cần lựa chọn các bước đi thích hợp, cụ thể, để vừa giữ được ổn định, vừa giải quyết được yêu cầu của đổi mới, khắc phục được những thiếu sót của giai đoạn trước.

Digitized by Google

Cơ chế tài chính và sự nghiệp phát triển văn hóa xã hội

NGUYỄN VĂN CHÂU *

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ tư BCH TƯ Đảng (khóa VII) đã xác định những mục tiêu, quan điểm và các biện pháp chủ yếu nhằm chấn chỉnh, củng cố và phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội trong những năm tới. Vị trí, vai trò của tài chính nhà nước trong việc phục vụ các mục tiêu mà nghị quyết đặt ra là hết sức quan trọng : tăng đầu tư ngân sách nhà nước cho văn hóa - xã hội ; đổi mới cơ chế tài chính, hình thành các chính sách tạo nguồn vốn đầu tư, các tiêu chuẩn định mức chi tiêu và những biện pháp quản lý tài chính thích hợp, nhằm tạo ra những chuyển biến tích cực đối với sự nghiệp văn hóa - xã hội.

Những năm trước đây, cơ chế bao cấp đã giúp cho sự nghiệp văn hóa xã hội có những bước phát triển đáng kể nhưng cũng tạo ra tâm lý ỷ lại vào ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước bảo đảm việc khám chữa bệnh, học tập không mất tiền ; học sinh các trường chuyên nghiệp được học bổng ; các hoạt động văn hóa văn nghệ... Cán bộ, công nhân, viên chức làm việc trong các cơ quan văn hóa - xã hội cũng an tâm với việc được nhà nước bảo đảm đời sống qua chế độ tem phiếu cung cấp bằng hiện vật.

Trong thời kỳ bao cấp, ngân sách nhà nước chủ yếu hình thành từ các nguồn vay nợ, viện trợ của nước ngoài. Tính đến nay, số nợ mà nước ta phải trả cho nước ngoài là một khoản tiền rất lớn so với thu nhập của nước ta. Nhà nước đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho sự nghiệp văn hóa - xã hội không phải nhỏ. Có khoảng 16 400 trường phổ thông các cấp, trên 800 trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và dạy nghề, gần 20000 nhà trẻ, mẫu giáo với trên 70 vạn giáo viên và cán bộ, công nhân, viên chức phục vụ sự nghiệp giáo dục đào tạo. Trên 3000 cơ sở khám chữa bệnh với 153000 giường bệnh và 155000 cán bộ nhân viên y tế. Hệ thống dịch vụ kế hoạch hóa gia đình có gần 600 trung tâm liên xã. Đó là chưa kể các trung tâm gắn liền với bệnh viện ở thị xã, thị trấn và các thành phố. Mạng lưới thông tin thể thao rộng khắp trong cả nước với hàng nghìn nhà văn hóa, thư viện, đài phát thanh, truyền hình...

Tuy nhiên, sự phân bố không đều, nhất là trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo. Các bệnh viện chủ yếu tập trung ở các thành phố lớn. Trung bình ở Hà nội có 47 giường bệnh nhà nước cho 10 000 người dân, trong khi ở các tỉnh miền núi tỷ lệ này quá thấp. Các trường đại học cũng tập trung chủ yếu ở Hà nội và thành phố Hồ Chí Minh với chức năng, nhiệm vụ đào tạo khá chồng chéo nhau. Điều đó đặt ra yêu cầu cấp bách phải sắp xếp lại các trường để sử dụng có hiệu quả hơn. Bên cạnh cái được, thời kỳ bao cấp cũng tạo ra nhiều vấn đề nhức nhối cần phải giải quyết khi nền kinh tế chuyển từ chế độ bao cấp sang cơ chế thị trường (như vấn đề giải quyết việc làm, vấn đề sử dụng và đầu tư để duy trì và phát triển cơ sở vật chất.)

Nền kinh tế bao cấp cũng tạo ra sức ỳ ghê gớm trong việc huy động sự đóng góp của dân, của các tổ chức xã hội và của các doanh nghiệp nhà nước nhằm bảo đảm phúc lợi xã hội chung. Vừa qua ngành giáo dục mới có quỹ bảo trợ nhà trường và thực hiện việc thu một phần học phí của học sinh phổ thông từ cấp II trở lên. Y tế cũng mới bắt đầu thu một phần viện phí, nhưng 40% số thu được là để giải quyết đời sống cho cán bộ, nhân viên. Trong lĩnh vực trợ cấp xã hội, ở một số địa phương đã có các quy định về đối tượng, mức thu nộp hàng năm khác nhau nhằm hỗ trợ cho các đối tượng chính sách ở địa phương. Toàn bộ các nguồn thu về văn hóa - xã hội theo các quy định của nhà nước, là khoảng trên 200 tỉ đồng, chiếm 3 - 4% số chi trong lĩnh vực này. Hiện nay các doanh nghiệp nhà nước vẫn được trích quỹ phúc lợi, nhưng chưa có hướng dẫn nào để sử dụng một phần quỹ này đóng góp cho các lĩnh vực y tế, giáo dục, đào tạo, văn hóa... Còn người dân ở nhiều địa phương hiện nay thì phải đóng góp khá nhiều khoản lệ phí dưới đủ mọi hình thức do "lệ làng" quy định ; có nơi thống kê được tới 2 - 27 khoản lệ phí. Nhưng tất cả các khoản "lệ

* Vụ trưởng Vụ tài chính hành chính văn xã, Bộ tài chính

Digitized by Google

làng" này, thường không công khai qua hệ thống tài chính nhà nước.

Sự đầu tư quá thấp của ngân sách nhà nước cũng là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự xuống cấp trong văn hóa - xã hội. Cớ thể nêu một vài con số so sánh giữa chi đầu tư cho văn hóa - thông tin - thể thao, giáo dục, đào tạo, y tế với chi xây dựng cơ bản, chi vốn lưu động và chi dự trữ :

Thời kỳ	Chi cho văn hóa xã hội (so với chi ngân sách nhà nước)	Trong đó chi cho giáo dục đào tạo (so với chi ngân sách nhà nước)	Chi cho tích lũy (so với chi ngân sách nhà nước)
1976 - 1980	11,1%	7,3%	40,4%
1981 - 1985	8,6%	5,3%	36,5%
1986 - 1990	11,3%	6,8%	32,7%
1991	19%	11,71%	20,55%
1992	13,76%	9,57%	33,23%
Dự kiến 1993	13,04%	8,67%	29,23%

Qua số liệu trên đây, chúng ta thấy : trong những năm qua, cơ sự tương quan chưa hợp lý giữa chi cho văn hóa xã hội và chi cho tích lũy.

Cơ chế quản lý tài chính trong ngành văn hóa - xã hội nhiều năm qua chậm sửa đổi. Việc chi cho văn hóa - xã hội thường được định theo quy mô cơ sở vật chất của nó. Địa phương nào có cơ sở vật chất văn hóa - xã hội càng lớn thì càng được nhận thêm kinh phí do ngân sách nhà nước cấp. Kết quả là các địa phương chỉ chú ý số lượng mà coi nhẹ chất lượng, tạo ra sự bất hợp lý giữa các vùng về cơ sở vật chất văn hóa - xã hội.

Trong quá trình điều hành ngân sách chi văn hóa - xã hội , chúng ta chưa tập trung cho các mục tiêu trọng điểm, vì cho rằng ngân sách nhà nước hiện mới đủ bảo đảm cho các khoản chi thường xuyên. Hậu quả như ta đã biết là tình trạng sốt rét, bướu cổ nặng nề ; các cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa xuống cấp nghiêm trọng... Vài năm lại đây, do nhận thức rõ vấn đề này, ngân sách nhà nước đã được tập trung cho các mục tiêu văn hóa - xã hội ở địa phương, đem lại những kết quả rất đáng khích lệ. Đây không phải vì ngân sách nhà nước đã cơ điều kiện tăng chi cho ngân sách xã hội, mà do chúng ta đã biết sắp xếp nội dung, điều hành ngân sách, chi tiêu dứng trọng tâm, trọng điểm theo "chương trình mục tiêu".

Việc quản lý ngân sách chi cho văn hóa xã hội nhiều năm qua khép kín trong hệ thống tài chính nhà nước. Các bộ quản lý ngành không được tham gia phân phối, cấp phát ngân sách liên quan đến ngành. Do đó giữa khả năng và yêu cầu phát triển của các ngành cơ sự mất cân đối. Gần đây, tuy đã cơ sự thay đổi về quan niệm phối hợp quản lý ngân sách văn hóa - xã hội, đã cơ những quy định của nhà nước nhằm tạo điều kiện cho các bộ bước đầu cơ được ngân sách để phát triển ngành mình, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề phải xử lý về mối quan hệ giữa chức năng quản lý tài chính của các bộ quản lý ngành với chức năng quản lý tài chính của các cơ quan tổng hợp như Bộ tài chính, Ủy ban kế hoạch nhà nước, các ủy ban nhân dân tỉnh và thành phố.

Yêu cầu bức thiết hiện nay là cần cơ cơ chế tài chính mới để hoạt động văn hóa - xã hội phù hợp với nền kinh tế thị trường. Sự đổi mới cơ chế tài chính trong sự nghiệp văn hóa - xã hội, trước hết phải thể hiện quan điểm tăng cường đầu tư ngân sách cho sự nghiệp này. Đây cũng là thái độ của ngành tài chính trong việc thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ tư BCH TU Đảng (khóa VII). Ngân sách đầu tư cho sự nghiệp văn hóa - xã hội trong những năm tới, không những cần tăng nhanh về số tuyệt đối, mà cần tăng nhanh cả về tỷ trọng chi so với tổng số chi ngân sách nhà nước. Không nên cho rằng chi cho văn hóa - xã hội chỉ đơn thuần là chi cho phúc lợi, mà cần thấy đây là chi để xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc cho xã hội. Điều đó đòi hỏi phải xem lại mối quan hệ giữa chi cho tích lũy với chi cho văn hóa, xã hội, bảo đảm cơ sự tương quan hợp lý. Theo số liệu năm 1991, tỷ lệ giữa chi cho tích lũy và chi cho văn hóa - xã hội là 1/1, vì vậy ngân sách nhà nước còn khả năng điều chỉnh tỷ lệ trên cho hợp lý hơn.

Đầu tư của ngân sách nhà nước là yếu tố quyết định, nhưng việc tạo thêm các nguồn kinh phí khác cho phát triển văn hóa - xã hội cũng không kém phần quan trọng. Chúng ta đã cơ nhiều kinh nghiệm trong việc huy động các nguồn đóng góp từ các cơ quan, đoàn thể, các tổ chức nhân đạo trong và ngoài nước nhằm tăng cường cho sự nghiệp văn hóa xã hội. Nhiều địa phương đã phát động phong trào "đền ơn đáp nghĩa" đối với các gia đình thương binh liệt sĩ, huy động được hàng chục tỉ đồng xây dựng nghĩa trang liệt sĩ, nhà tình nghĩa... Một số khoản thu về học phí và viện phí, do quản lý lỏng lẻo, đã tạo ra nhiều kẽ hở dẫn đến tiêu cực, làm mất lòng tin của nhân dân. Vì lẽ đó, các nguồn thu ngoài ngân sách, cần được thể chế hóa rõ ràng. Trong những năm trước mắt, các nguồn đó sẽ do chính phủ quy định bằng các quyết định về đối tượng và mức đóng góp, về cơ chế sử dụng và quản lý nguồn thu thông qua hệ

Digitized by Google

thống ngân sách nhà nước. Về lâu dài, bằng những pháp lệnh, nhà nước sẽ quy định việc lập các quỹ văn hóa - xã hội để huy động sự đóng góp của dân và các tổ chức xã hội. Đối với các nguồn thu do các cá nhân và tổ chức từ thiện ở nước ngoài đóng góp, cũng cần có cơ chế sử dụng và quản lý chặt chẽ. Tránh tình trạng "thu vào thì dễ lấy ra thì khó". Tài chính nhà nước phải tạo điều kiện thuận lợi để các nguồn thu ngoài ngân sách nhà nước được chi tiêu dễ dàng.

Tuy nhiên, để việc chi cho sự nghiệp văn hóa xã hội có hiệu quả, cần bảo đảm các khoản chi thường xuyên cho các cơ sở văn hóa xã hội hoạt động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong việc chi thường xuyên, cần giao rõ nhiệm vụ, tính đầu công việc cụ thể, cơ như vậy mới đánh giá đúng hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị sự nghiệp. Kinh nghiệm nhiều năm qua cho thấy, do không quản lý chặt các khoản nghiệp vụ phí, cho nên cơ nhiều đơn vị sự nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ được giao, nhưng lại đổ cho là vì tài chính nhà nước không bảo đảm.

Cần tập trung ở trung ương một phần ngân sách văn hóa - xã hội để thực hiện một số chương trình mục tiêu văn hóa - xã hội ở địa phương. Chương trình dài hạn thì đầu tư ngân sách phải khác với chương trình ngắn hạn. Tập trung giải quyết dứt điểm chương trình ngắn hạn, sau đó sẽ coi như những nhiệm vụ thường xuyên của địa phương. Tiến hành phân loại chương trình mục tiêu theo nội dung chi, để cơ biện pháp quản lý chặt chẽ. Ví dụ chi cho chương trình mục tiêu cơ tính chất xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, chi cho chương trình cơ tính chất mất đi như phòng chống sốt rét, xóa mù chữ, v.v. phải cơ luận chứng kinh tế kỹ thuật và chi tiêu tài chính cho từng công việc, từng đối tượng và cơ sự giám sát chặt chẽ. Các khoản chi cho văn hóa, xã hội phải trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức tài chính hợp lý. Trong những năm qua, hệ thống tiêu chuẩn định mức tài chính ban hành chỉ cơ tính chất hướng dẫn cho khâu lập kế hoạch ngân sách. Trong thực tế chi tiêu đã bộc lộ sự bất hợp lý, thường vượt cao so với định mức hướng dẫn hằng năm.

Để khắc phục tình trạng này, nhằm tăng cường quản lý chặt chẽ chi tiêu trong sự nghiệp văn hóa xã hội, các tiêu chuẩn định mức cần được sửa đổi theo hướng xây dựng tiêu chuẩn định biên cho các cơ sở văn hóa xã hội dựa trên chức danh viên chức nhà nước. Quy định lại định mức giáo viên, cán bộ nhân viên y tế ; định mức cho các cơ sở văn hóa, bệnh viện, trường học, bảo đảm yêu cầu cần thiết phục vụ khám chữa bệnh, giảng dạy và học tập. Trên cơ sở định mức biên chế để tính toán mức chi tài chính, cơ điều chỉnh theo tình hình giá cả biến động hằng năm cho phù hợp, đồng thời cơ hệ số vùng để bảo đảm sự hợp lý giữa các vùng. Căn cứ vào mức chi theo đầu người dân về văn hóa xã hội để tính toán mức chi cụ thể cho từng cơ sở văn hóa, xã hội, bảo đảm tiêu chuẩn định mức chi tài chính sát với tình hình cụ thể của các địa phương.

Trong cơ chế kinh tế thị trường, cơ thể chuyển một số cơ sở khám chữa bệnh của nhà nước và một số trường chuyên nghiệp, phổ thông sang các hình thức khác (như bệnh viện tư, bệnh viện bán công, các trường tư, trường bán công...). Chuyển sang kinh tế thị trường sẽ cơ sự chênh lệch về mức sống và sẽ phát sinh nhu cầu hưởng thụ khác nhau. Nhà nước cần cơ chính sách để quản lý các cơ sở văn hóa, xã hội thích hợp, cơ chính sách bảo hiểm xã hội đối với đội ngũ cán bộ công nhân viên chức, chính sách thuế, chính sách tài chính hỗ trợ ban đầu cho một số cơ sở văn hóa - xã hội đó.

Đổi mới cơ chế tài chính trong văn hóa - xã hội yêu cầu cơ sự phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý tài chính ngành. Từ khâu lập kế hoạch tài chính hằng năm đều phải do các bộ quản lý ngành tự xác lập trên cơ sở mục tiêu định hướng phát triển của ngành. Việc phân phối chỉ tiêu kế hoạch hằng năm cũng phải do bộ quản lý ngành xem xét, dự kiến. Ngân sách thuộc các bộ quản lý ngành trực tiếp quản lý sẽ tự mình điều hành, phân phối, cấp phát, quyết toán, kiểm tra. Ngân sách chi cho các chương trình mục tiêu ở trung ương thuộc ngành nào cũng phải do bộ quản lý ngành đó trực tiếp phân phối và quản lý, vì nó phục vụ những nhiệm vụ chính trị của ngành. Những chương trình mục tiêu của bộ quản lý ngành phân phối cho các địa phương phải thông qua hệ thống tài chính cấp phát trên cơ sở kế hoạch phân phối của bộ quản lý ngành cho địa phương. Cơ như vậy mới kiểm tra, đôn đốc và đánh giá được hiệu quả quản lý chương trình mục tiêu của ngành ở địa phương.

Đổi mới cơ chế quản lý tài chính để thực hiện các mục tiêu văn hóa - xã hội là một quá trình lâu dài, đòi hỏi sự thống nhất về quan điểm và biện pháp tổ chức thực hiện giữa ngành tài chính và các ngành hữu quan. Đó là tiền đề quan trọng thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp phát triển văn hóa - xã hội theo tinh thần nghị quyết lần thứ tư BCH TƯ Đảng (khóa VII).

Digitized by Google

CÓ PHẢI "217 ĐẨY ĐẢNG RA" ?

VŨ NGỌC LÂN

"217 đẩy Đảng ra" là câu nói đã khá quen thuộc mấy năm nay trong các doanh nghiệp nhà nước. Nó được hiểu một cách đại thể là : từ khi có Quyết định 217 -HĐBT của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) về giao quyền chủ động cho các đơn vị kinh tế cơ sở, vai trò của các tổ chức đảng ở đây bị mờ nhạt, bị hạ thấp ; Đảng mất "chỗ đứng" hoặc chỉ còn là tổ chức "ăn theo" ; giám đốc là người có quyền quyết định hầu hết các vấn đề quan trọng.

Sự thật thế nào ? Có phải đúng là "217 đẩy Đảng ra" ? Trả lời câu hỏi này không dễ dàng và không thể đơn giản. Đến nay, vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau ; chưa có sự lý giải một cách thuyết phục, thỏa đáng. Nhiều cấp ủy đảng, giám đốc không khỏi băn khoăn, day dứt.

Trong phạm vi bài này, tôi không có ý định phân tích mặt được và mặt chưa được của "217", và cũng không có điều kiện giải đáp toàn diện vấn đề, mà chỉ muốn từ việc khảo sát tình hình thực tế một số doanh nghiệp nhà nước, bước đầu nêu ra một số nhận xét và suy nghĩ cá nhân để góp phần vào việc nghiên cứu chung.

Tôi cho rằng vừa qua ở những nơi có tình trạng cấp ủy đảng bị "lép vế", bị coi thường, không phát huy được vai trò lãnh đạo của mình, là do những nguyên nhân sau đây :

1 - *Giám đốc chưa hiểu đúng "217" hoặc cố tình làm sai quyết định đó.*

Qua một số năm thực hiện, Quyết định 217 - HĐBT đã dần dần được sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh bằng các văn bản khác của nhà nước. Nhưng ngay từ đầu, việc giao quyền chủ động cho các đơn vị kinh tế cơ sở cũng không có nghĩa là giao toàn quyền cho giám đốc. Ấy vậy mà đã có giám đốc do không hiểu thấu đáo, hoặc cố tình làm sai "217", tự mình quyết định hầu hết những vấn đề quan trọng : từ kế hoạch sản xuất, kinh doanh ; phương thức phân phối, ăn chia ; đến cất nhắc, đề bạt, bố trí, sắp xếp, tuyển dụng, sa thải cán bộ, công nhân... Có nơi, có lúc giám đốc phớt lờ cấp ủy đảng, hoặc có trao đổi với cấp ủy đảng hay với bí thư đảng ủy thì cũng chỉ là lấy lệ. Có khi giám đốc nói một đằng, làm một nẻo, ngụy biện rằng do "cơ chế thị trường" nên phải "thiên biến vạn hóa". Qua tìm hiểu bước đầu ở một quận Hà nội, chỉ có khoảng 32% số giám đốc có tính đảng, phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho cấp ủy làm việc ; còn khoảng 15% số giám đốc có những biểu hiện lấn át, coi thường, phớt lờ, bất hợp tác với tổ chức đảng hoặc với bí thư đảng ủy. Không ít giám đốc có những biểu hiện kéo bè, kéo cánh, tìm "cánh hẩu", lấy người họ hàng, người nhà để "làm ăn", mưu lợi cho cá nhân. Do thiếu ý thức tổ chức, kỷ luật, do tính đảng kém, một số giám đốc coi "127" "cởi trới", mở ra cho anh ta chân trời rộng lớn để hoạt động. Có những giám đốc coi tiền bạc, của cải, phương tiện của nhà nước như của chính mình, muốn sử dụng, ban phát thế nào là quyền của anh ta. Các tổ chức quần chúng, đoàn thể chỉ còn là những tổ chức "ăn theo", "nói leo", hoặc để "sai bảo". Một số doanh nghiệp thuộc cấp huyện không ai lãnh đạo, kiểm tra, giám sát nổi.

Những biểu hiện trên đây của một số giám đốc góp phần làm lu mờ vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, nhất là ở thời kỳ đầu thực hiện "217". Đến nay, những giám đốc lộng quyền, lấn át cấp ủy đảng tuy có ít hơn hoặc không trắng trợn như trước, nhưng vẫn còn ở nơi này, nơi khác. Hiện tượng "quay lưng lại với nhau", "bằng mặt nhưng không bằng lòng" giữa thủ trưởng doanh nghiệp và cấp ủy đảng, giữa giám đốc và bí thư đảng ủy, vẫn còn ở nơi này, chỗ kia.

2 - *Tổ chức cơ sở đảng, đảng viên bất cập "217".*

Từ cơ chế quản lý hành chính bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, là một sự đổi mới quan trọng. Thế nhưng, một số cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, nhiều đảng viên đã không thích ứng kịp với tình hình, không đổi mới được sự lãnh đạo ; và từ lúng túng trong phương thức lãnh đạo đã dẫn

Digitized by Google

đến xa rời vị trí, buông lỏng vai trò lãnh đạo của mình. Ở một số doanh nghiệp, số đảng viên đông nhưng không mạnh, không phát huy được vai trò tiền phong, gương mẫu. Hiện nay, số đảng viên trong các doanh nghiệp nhà nước chiếm khoảng 10 - 15% tổng số đảng viên trong cán bộ, công nhân, viên chức. Trong các doanh nghiệp nhà nước, số đảng viên làm ở các phòng, ban là 50 - 60% ; ở khu vực sản xuất trực tiếp là 35 - 40%. Chỉ có 25 - 30% số đảng viên trong các doanh nghiệp thuộc diện tiền phong, gương mẫu ; 50% số đảng viên chỉ chú ý đến việc sản xuất, kinh doanh, ít quan tâm đến công tác tuyên truyền, vận động quần chúng ; 10 - 15% số đảng viên có "phẩm chất" nhưng năng lực chuyên môn và trình độ nhận thức yếu ; 2% số đảng viên vi phạm kỷ luật. Một số cơ sở đảng không đủ khả năng lãnh đạo, kiểm tra, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp. Có những nơi bí thư đảng ủy không phải là hạt nhân đoàn kết cán bộ, công nhân ; không phải là người có sức thuyết phục và tin cậy. Quan niệm "đảng lãnh đạo toàn diện" một cách máy móc, giáo điều, vẫn còn ở nơi này, nơi khác, thành thử đảng "ôm" tất cả nhưng "lực bất tòng tâm". Vì lẽ đó, ở một số doanh nghiệp, khi giám đốc không đưa chương trình, phương án, kế hoạch, những khó khăn, vướng mắc của đơn vị ra trình bày, báo cáo với cấp ủy, với bí thư, thì bị coi là lộng quyền, thiếu tính đảng. Nhưng khi đưa ra thì cấp ủy, bí thư cũng không giải đáp, không tháo gỡ được, vì thiếu kiến thức, năng lực, ít am hiểu thị trường, giá cả. Đó là chưa nói đến tình trạng hàng loạt doanh nghiệp không có việc làm, giải thể, đảng viên đi làm ăn nơi khác, bỏ sinh hoạt, đảng bộ không tập hợp, không quản lý nổi đảng viên. Đó cũng chưa nói đến trường hợp một số cấp ủy đảng, bí thư vào hùa, bao che, dung túng cho những sai lầm, khuyết điểm của thủ trưởng.

3 - *Trình độ, năng lực của bí thư đảng ủy và giám đốc không tương xứng với nhau.*

Một yếu tố rất quan trọng, góp phần quyết định doanh nghiệp đứng vững, đi lên, hay lụn bại, phá sản, là vai trò của giám đốc, bí thư đảng ủy, và mối quan hệ giữa hai "nhân vật" này. Cấp ủy đảng muốn lãnh đạo kiểm tra, giám sát việc sản xuất, kinh doanh, muốn không bị "bật ra", thì người đứng đầu phải có phẩm chất, trình độ, năng lực tương đương (nếu không muốn nói là hơn) giám đốc. Nhưng hiện nay, ít cơ sở đảng có được đồng chí bí thư như vậy, trừ một số bí thư kiêm giám đốc hoặc tổng giám đốc. Khảo sát nhiều cơ sở ở Hà nội, chúng tôi thấy rõ điều đó. Chẳng hạn, ở quận Hoàn kiếm (Hà nội), tại 25 cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước (18 cơ sở thuộc ngành công nghiệp và 7 cơ sở thuộc ngành thương nghiệp ; 17 cơ sở thuộc trung ương và 8 cơ sở thuộc địa phương), thì 9 đảng bộ vững mạnh, 15 đảng bộ khá, 1 đảng bộ yếu. Trong số 25 cơ sở đó có 8 bí thư chuyên trách, 9 bí thư kiêm phó giám đốc, 6 bí thư là trưởng phòng, quản đốc, 2 bí thư không có chức vụ trong chuyên môn. Dưới đây là con số so sánh giữa bí thư và giám đốc trong 25 doanh nghiệp nói trên về trình độ học vấn, lý luận - chính trị và năng lực quản lý lãnh đạo :

Trình độ - năng lực	Bí thư	Giám đốc
Học vấn từ đại học trở lên	13 người	22 người
Phổ thông trung học	9 "	3 "
Phổ thông cơ sở	3 "	0 "
Lý luận - chính trị		
Cao cấp	5 "	0 "
Trung cấp	8 "	21 "
Sơ cấp	2 "	4 "
Chưa qua trường lớp chính quy	10 "	0 "
Năng lực công tác :		
Khá	7 "	22
Trung bình	15 "	3 "
Yếu	3 "	0 "

Còn ở quận Hai Bà Trưng (Hà nội), qua con số thống kê ở 123 cơ sở đảng, nói chung trình độ, năng lực lãnh đạo của các bí thư đảng ủy có nhiều hạn chế hơn các giám đốc. Chẳng hạn, về trình độ học vấn từ đại học trở lên, ở hàng ngũ bí thư chỉ có 53%, còn ở hàng ngũ giám đốc là 80%. Ở 41 doanh nghiệp nhà nước được tìm hiểu, chỉ có 21 bí thư có trình độ phổ thông trung học, trong khi đó các giám đốc đều có trình độ đại học trở lên. Theo đánh giá bước đầu, ở quận này chỉ có 23% số bí thư "ngang tầm" với giám đốc.

Hiện nay, nhiều bí thư đảng ủy chỉ là trưởng phòng, quản đốc phân xưởng hoặc không có chức vụ lãnh đạo trong chuyên môn, do đó giữa bí thư đảng ủy và giám đốc rất khó "nói chuyện" với nhau. Trong các doanh nghiệp nhà nước có 5 mô hình bí thư đảng ủy. *Một là*, bí thư chuyên trách (trước đó đã hoặc chưa qua lãnh đạo chuyên môn). *Hai là*, tổng

Digitized by Google

giám đốc hoặc giám đốc kiêm bí thư. *Ba là*, phó tổng giám đốc hoặc phó giám đốc kiêm bí thư. *Bốn là*, trưởng phòng hoặc quản đốc kiêm bí thư. *Năm là*, đảng viên không có chức vụ lãnh đạo chuyên môn kiêm bí thư. Theo thống kê 123 doanh nghiệp nhà nước tại quận Hai Bà Trưng (Hà nội), có 26 giám đốc hoặc tổng giám đốc kiêm bí thư, 32 phó giám đốc kiêm bí thư, 43 trưởng phòng, quản đốc kiêm bí thư, 22 bí thư chuyên trách. Qua các doanh nghiệp nói trên và một số doanh nghiệp khác, có thể thấy, nói chung, mô hình thứ 2 và thứ 3 là có hiệu quả nhất, ở đấy sự phối hợp giữa hai chức danh bí thư đảng ủy và giám đốc doanh nghiệp là "ăn ý" hơn cả.

4 - *Thiếu một cơ chế lựa chọn, bồi dưỡng, bầu cử bảo đảm chọn đúng cấp ủy và bí thư.*

Cách chọn giám đốc hoặc tổng giám đốc và bí thư đảng ủy trong các doanh nghiệp khác nhau, nhiều khi cũng tạo ra sự bất cập giữa hai người đứng đầu này. Giám đốc hoặc tổng giám đốc thì được cơ quan cấp trên bổ nhiệm, còn cấp ủy và bí thư đảng ủy thì do đại hội đảng bộ doanh nghiệp bầu. Do nhiều nguyên nhân mà việc bổ nhiệm giám đốc, bầu cấp ủy và bí thư có khi không chuẩn xác. Công tác chuẩn bị cán bộ đảng cho cơ chế quản lý mới chưa kịp thời, chưa chu đáo, cũng tạo ra sự hẫng hụt về cán bộ. Có những nơi "so bó đũa chọn cột cờ" nhưng vẫn không chọn được một bí thư đảng ủy "ngang tầm" với giám đốc. Một số doanh nghiệp trước khi bầu cấp ủy và bí thư, không làm tốt công tác chuẩn bị nhân sự, không làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức đúng và đầy đủ vị trí, vai trò của cấp ủy và bí thư đảng ủy, cho nên khi bầu thường không đúng người, và người được bầu, không đủ tiêu chuẩn. Có doanh nghiệp chọn bí thư đảng ủy là người "tốt bụng", "hiền lành" theo kiểu "rằm cũng ừ, mười tư cũng gật". Có nhà máy chọn trưởng phòng bảo vệ làm bí thư đảng ủy ; có nơi bí thư lại là thợ bậc 7/7 tuy có kinh nghiệm chuyên môn nhưng các mặt khác lại yếu ; có doanh nghiệp thay bí thư vài lần nhưng vẫn không đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh theo cơ chế mới. Ngoài ra, với quan niệm cho rằng sản xuất kinh doanh là nhiệm vụ của giám đốc còn cấp ủy và bí thư chủ yếu là làm công tác giáo dục tư tưởng, một số cơ sở đảng thực tế đã tự đánh mất vai trò của mình.

5 - *Chế độ, chính sách đối với các cán bộ làm công tác đảng, chưa hợp lý.*

Cơ chế quản lý đã thay đổi, nhưng chúng ta chưa có chế độ chính sách thống nhất và hợp lý đối với cán bộ làm công tác đảng. Trong cơ chế mới, "mạnh vì gạo, bạo vì tiền", nhưng các tổ chức cơ sở đảng thì thiếu cả "gạo" và "tiền" để hoạt động, bồi dưỡng, khen thưởng, động viên cán bộ, đảng viên. Với 30% đảng phí được giữ lại, các tổ chức cơ sở đảng không đủ chi phí chè, nước cho các cuộc hội họp, sinh hoạt đảng. Ở doanh nghiệp nào ăn nên làm ra, giám đốc hào phóng và quan tâm, thì tổ chức đảng mới có "đồng ra đồng vào". Còn ở nhiều cơ sở đảng thực tế không có kinh phí hoạt động, hoặc có thì cũng là thất thường, hoàn toàn phụ thuộc vào trạng thái tâm lý, tình cảm của thủ trưởng, thích thì cho, không thích thì thôi. Lương của những cán bộ làm công tác đảng thường thua kém những người làm công tác chuyên môn ; lại không có "bổng", "lộc". Một thời gian dài, lương của những cán bộ làm công tác đảng chuyên trách trong các doanh nghiệp lại do tổ chức đảng cấp trên trả. Vì vậy, không gắn công việc hằng ngày của họ với thu nhập, với lợi ích của doanh nghiệp. Hiện nay nói chung thu nhập của cán bộ đảng thấp kém, phương tiện làm việc thiếu thốn, công việc phức tạp, kém hấp dẫn, cho nên nhiều cán bộ đảng muốn chuyển sang làm công tác chuyên môn. Một số giám đốc, tổng giám đốc kiêm bí thư đảng ủy, thì cũng nặng về vai trò người giám đốc mà coi nhẹ, có khi quên vai trò bí thư.

*

Chúng ta buồn và day dứt về những biểu hiện yếu kém nêu trên. Nhưng chúng ta mừng vì "bức tranh" toàn cảnh của các doanh nghiệp nhà nước có nhiều điểm sáng sau mấy năm thử thách đi vào thực hiện "217". Nhiều doanh nghiệp đứng vững, kinh doanh có lãi, doanh thu ngày càng cao. Nhiều doanh nghiệp doanh thu hàng trăm tỉ đồng/năm. Trên dưới 30% số doanh nghiệp đứng vững và phát triển là một câu trả lời, một sự chứng minh rằng : "217" không "đẩy đảng ra", mà chính Đảng đã góp phần quyết định vào việc thực hiện "217" có hiệu quả. Đến những doanh nghiệp làm ăn khá, có đà phát triển, đều thấy rằng sự lãnh đạo của cấp ủy đảng, vai trò của đồng chí bí thư, sự đoàn kết và phối hợp ăn

Digitized by Google

ý giữa bí thư và giám đốc là nhân tố quan trọng làm nên thành tựu. Ở Liên hiệp các xí nghiệp chè Việt nam, 10 năm qua, với mô hình *hội đồng bí thư*, đã tạo ra một dàn hơn 30 bí thư đảng ủy ở các xí nghiệp chè trong cả nước hoạt động khá đều tay và hiệu quả. Và ở liên hiệp này, không thấy có hiện tượng "217 đẩy Đảng ra". Xí nghiệp liên hợp sợi - dệt kim Hà nội mấy năm nay "ăn nên làm ra", là một điển hình tiên tiến của ngành công nghiệp nhẹ, một phần quan trọng là nhờ vào vai trò của bí thư, giám đốc, và sự tương xứng của ê kíp này, tạo được đội ngũ cốt cán vững vàng. Ở ngành công nghiệp nhẹ có 10 doanh nghiệp đứng vững, đi lên, làm ăn có hiệu quả mà ban lãnh đạo lại toàn là nữ. Nhà máy bia Hà nội, Xí nghiệp dệt 10-10 có ê kíp lãnh đạo là "phái đẹp", chung sức lo toan, vượt khó, kinh doanh có hiệu quả. Xí nghiệp liên hiệp dược Thái bình sở dĩ đứng vững được trong tình hình nhiều doanh nghiệp địa phương giải thể, là nhờ sự phối hợp nhịp nhàng giữa bí thư đảng ủy, giám đốc, công đoàn, đoàn thanh niên. Tuy thuộc ngành cơ khí, sản phẩm khó tiêu thụ, nhưng Xí nghiệp cơ khí chính xác, Nhà máy chế tạo điện cơ vẫn có công ăn việc làm, một phần vì đã xây dựng được đội ngũ cán bộ cốt cán, bí thư chi bộ có phẩm chất, năng lực, năng động, sáng tạo. Nhiều doanh nghiệp có kinh nghiệm tháo gỡ khó khăn, thích nghi dần với cơ chế mới, tìm được hướng đi lên, bước đầu có những thành tích đáng khích lệ. Đó là Xí nghiệp liên hợp gang thép Thái nguyên, Xí nghiệp dược phẩm trung ương II, Nhà máy kẹo Hải hà, Nhà máy cao su Sao vàng, Nhà máy bóng đèn phích nước Rạng đông, Xí nghiệp giày vải Thượng đình, Xí nghiệp may 40, v.v..

Mỗi doanh nghiệp, mỗi cơ sở đảng có những thuận lợi, khó khăn, hoàn cảnh, điều kiện, môi trường khác nhau. Nhưng qua các cơ sở đảng này, có thể rút ra mấy kinh nghiệm chung sau đây :

- Ban chấp hành đảng bộ được cấu tạo đúng tiêu chuẩn, các đảng ủy viên thật sự có năng lực, có kiến thức, có kinh nghiệm về công tác đảng. Nếu mỗi đảng ủy viên là một tham mưu đắc lực thì tập thể đảng ủy mới là "bộ tham mưu" cho đảng bộ quyết định mục tiêu, chương trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và các vấn đề quan trọng khác.

- Bí thư đảng ủy phải nắm chắc, nắm trúng những khâu công tác trọng yếu, những việc cấp bách, những vấn đề cần đưa ra bàn bạc tập thể để quyết định phương án tối ưu. Muốn vậy, bí thư phải có kiến thức về kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật, luật pháp, phải kinh qua chức vụ lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp và đoàn thể quần chúng.

- Giữa bí thư đảng ủy và giám đốc xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ và có trách nhiệm, luôn luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, hợp tác, biết vì lợi ích chung, tôn trọng giúp đỡ lẫn nhau. Bí thư và giám đốc phải hiểu tâm lý, phong cách và tôn trọng cá tính của nhau, chỉ đấu tranh để thống nhất những vấn đề có tính nguyên tắc.

Từ những thực tế nêu trên, tôi cho rằng, không phải "217 đẩy Đảng ra". Vấn đề quan trọng là các cấp ủy đảng trong doanh nghiệp phải nhận rõ vai trò, trách nhiệm của mình, nhanh chóng vươn lên đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Đồng thời các giám đốc phải có tính đảng cao, có ý thức tổ chức và kỷ luật, thực hiện đúng các nguyên tắc sinh hoạt đảng.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước hoạt động tốt hơn, mới đây, Ban bí thư Trung ương Đảng đã có quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ trong các doanh nghiệp nhà nước. Quán triệt và thực hiện nghiêm túc quy định đó của Ban bí thư, chắc chắn vị trí, vai trò của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước sẽ được giữ vững và phát huy. Tuy nhiên, cần có cơ chế tuyển chọn, bầu cử cấp ủy đảng và các bí thư sao cho đúng, đủ tiêu chuẩn, để tương xứng với giám đốc và tạo ra ê kíp "tâm đầu ý hợp" đưa doanh nghiệp đi lên.

Đảng cũng cần quan tâm nhiều hơn nữa tới việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đảng trong các doanh nghiệp, dần dần thích ứng kịp với tình hình mới ; cơ chế độ, chính sách đãi ngộ hợp lý và thống nhất về tiền lương, tiền thưởng, có quỹ hoạt động cho các cán bộ đảng và các tổ chức đảng cơ sở, tạo điều kiện cho đảng viên, những người làm công tác đảng yên tâm, phấn khởi phục vụ cho sự nghiệp của Đảng.

Digitized by Google

Bin Clin-tơn : TÌM ĐÂU SỰ PHỤC HƯNG CHO NƯỚC MỸ ?

VŨ HIỂN

NGÀY 20-1-1993, Bin Clin-tơn đã thay thế Giooc-giơ Bu-sơ làm tổng thống Hoa kỳ, chấm dứt 12 năm Đảng cộng hòa ngự trị tại Nhà trắng. Ở tuổi 46, được coi là đại diện cho tuổi trẻ và sự đổi mới, là tổng thống của thời kỳ sau chiến tranh lạnh, Bin Clin-tơn đang ấp ủ và quyết tâm thực hiện giấc mộng lớn : phục hưng nước Mỹ !

ĐÃ CÓ MỘT THỜI...

Một điều có lẽ ai cũng thấy là trên thế giới này ít có nước nào lại có nhiều lợi thế như Mỹ. Mỹ có vị trí địa lý rất đặc biệt : đứng riêng một góc trời và nằm trên đống của. Mỹ có nguồn dự trữ năng lượng lớn, nhất là than và khí tự nhiên, có gần như tất cả các loại quặng. Nước Mỹ lại có lợi thế về khoa học kỹ thuật, có nhiều nhà bác học xuất sắc chiếm nhiều giải Nô-ben nhất, có nhiều trường đại học danh tiếng, thu hút những thành phần ưu tú của trái đất đến đây. Mỹ lại có đặc quyền về tiền tệ - tài chính. Từ năm 1945, đồng đô la trở thành tiền quy chiếu các quan hệ giao dịch kinh tế quốc tế. Mỹ được phép vay và trả các khoản chi bằng chính đồng tiền của Mỹ. Đã thế, hàng ngày ước tính khoảng 1200 tỷ đô la lưu thông trên các mạng lưới tài chính của Hoa kỳ. Đồng đô la và hệ thống tài chính như vậy thực sự là công cụ tạo nên sức mạnh cho Mỹ.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mỹ bước lên ngôi bá chủ thế giới tư bản chủ nghĩa với ưu thế tuyệt đối về kinh tế. Về quân sự, ngân sách của Mỹ lớn gấp ba lần ngân sách quân sự của Anh, Pháp và Đức cộng lại, và gấp 10 lần ngân sách quân sự của Nhật, ngang với của Liên xô (trước đây).

Dựa vào những tiềm lực kinh tế và quân sự, Mỹ ra sức thực hiện việc mở rộng và phô trương sức mạnh, tăng cường ảnh hưởng kinh tế, chính trị, quân sự của mình trên thế giới. Mỹ đã liên minh quân sự với nhiều nước, gánh vác trách nhiệm chính trị, quân sự rộng rãi ở nước ngoài, "can thiệp toàn cầu" trở thành cốt lõi của chính sách đối ngoại Mỹ sau chiến tranh. Vào những năm của thập kỷ 50, Mỹ bước vào thời hoàng kim, ở đỉnh cao quyền lực.

Nhưng từ giữa thập kỷ 60 đến giữa thập kỷ 70, Mỹ bị sa lầy và thất bại thảm hại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam, so sánh lực lượng Xô - Mỹ phát triển theo chiều hướng bất lợi cho Mỹ. Hậu quả của cuộc chạy đua vũ trang và những cuộc phiêu lưu quân sự tốn kém trong những năm cầm quyền của Ri-gân và Bu-sơ làm xói mòn nền kinh tế, những cuộc khủng hoảng về tài chính, ngân sách liên bang ở Mỹ trở nên gay gắt. Hoa kỳ, nước ngự trị chủ nghĩa tư bản và siêu cường thế giới, đã mất dần đi lợi thế cả về kinh tế và kỹ thuật. Sức mạnh ngày xưa của Hoa kỳ chỉ còn dọng lại ở sự nuối tiếc khôn nguôi !

BỨC TRANH ẢM ĐẠM

Có những con số biết nói. Để hiểu thực trạng nước Mỹ hiện nay, chúng ta đi từ những con số.

- Đến nay, giá trị tổng sản phẩm quốc dân (GNP) của Mỹ vẫn đứng hàng đầu thế giới nhưng ưu thế không ngừng giảm sút. Đầu những năm 50, GNP Mỹ hơn Nhật 12 lần, Đức 8 lần. Năm 1989, GNP của Mỹ là 5100 tỉ đô la, Nhật 2800 tỉ, Đức 1200 tỉ, nghĩa là chỉ còn hơn Nhật 2 lần, hơn Đức 4 lần. Năm 1990, GNP của Mỹ là 5460 tỉ đô la, Nhật 2960 tỉ, Đức 1680 tỉ. Năm 1991, GNP của Mỹ còn : 5180 tỉ đô la, Nhật tăng lên : 3090 tỉ, Đức tăng lên : 1730 tỉ ; như vậy, Mỹ chỉ còn hơn Nhật 1,7 lần, hơn Đức 3,4 lần.

- GNP bình quân theo đầu người : bắt đầu từ năm 1987 Nhật đã vượt Mỹ. Năm 1991, bình quân đầu người của Nhật đạt 27000 đô la, Mỹ - 22 500 đô la, Đức - 21 400 đô la, Pháp - 21 000 đô la.

- Mỹ là chủ nợ lớn nhất trong một thời gian dài sau chiến tranh thế giới thứ hai. Vào giữa những năm 70, vai trò của Mỹ giảm sút. Đến năm 1985, Mỹ trở thành con nợ. Từ đó, nợ của Mỹ ngày càng chồng chất. Năm 1988, Mỹ nợ nước ngoài 530 tỉ đô la ; năm 1989, nợ 663 tỉ ; năm 1990, nợ 756 tỉ. Ngoài thâm hụt buôn bán ra, Mỹ còn thâm hụt tài chính ở mức rất lớn. Năm tài chính 1989, thâm hụt ngân sách 113,2 tỉ đô la ; năm 1990 - 330,4 tỉ ; năm 1991 - 300 tỉ ; năm 1992 - 350 tỉ. Hai mặt thâm hụt nghiêm trọng trên đã tạo ra món nợ khổng lồ của Mỹ. Nợ trong và ngoài nước của Mỹ

Digitized by Google

năm 1989 là 2868 tỉ đô la ; năm 1990 - 3266 tỉ ; năm 1992 - gần 4000 tỉ đô la [1].

- Về an ninh xã hội : Ở Mỹ, năm 1991 có tới 24 700 vụ giết người. Trung bình cứ 100 000 người Mỹ thì có 9,8 người bị giết.

- Chi phí y tế : Mỹ là đất nước mà một ca đỡ đẻ phải trả 6000 đô la, 10 phút khám bệnh phải trả 150 đô la, trong khi ngân sách bảo đảm xã hội chỉ có 220 tỉ đô la. Mỹ đứng thứ 16 trên thế giới về tuổi thọ trung bình và đứng thứ 22 về số trẻ em bị chết yểu...

Et-uốt Lut-oắc (Edward Luttwak), một trong những cố vấn được trọng vọng nhất của tổng thống Ri-gân năm 1980, đánh giá ràng : sự suy yếu trong nước đang làm tổn hại đến vai trò lãnh đạo của Mỹ trong thế giới phương Tây và làm hại ngay chính nền an ninh Mỹ. Trong một bài báo gây chấn động nước Mỹ, chính ông đã đặt một câu hỏi lớn : "Ngày nào thì Mỹ trở thành một nước của thế giới thứ ba ?".

Nước Mỹ bị suy yếu và xuống sức trông thấy. "Xuống cấp là một từ phù hợp... Bằng xương bằng thịt, ta thấy rõ điều đó. Nhưng khi lại gần hơn, người ta cũng phát hiện ra cả sự xuống cấp về mặt xã hội. Làm sao mà có thể là một trong số các nước phát triển, nước Mỹ lại là nước hàng đầu về tội ác cùng ma túy và nước có tỷ lệ thấp nhất về tiêm chủng và tham gia bầu cử... Người ta sẽ chẳng lấy làm ngạc nhiên khi gần như ở khắp nước Mỹ diễn ra vô số cảnh như một số nước cộng hòa thuộc nam bán cầu : các khu mi ni của dân nghèo nằm sát bên các biệt thự lộng lẫy, người thất nghiệp xếp thành dãy trên vỉa hè cách những cửa hàng xa xỉ trêu ngươi chỉ độ vài bước, kẻ vô gia cư giậm chân sưởi ấm trong xó cửa giữa những thùng rác bị xới tung và mớ giấy bầy nhầy" [2].

TÌM LẠI NƯỚC MỸ

Mỹ đang cố gắng xác định lại vị trí của mình trong thời kỳ sau chiến tranh lạnh. Chính giới Mỹ hiện nay đã đưa ra ba phương án để chọn lựa. Thứ nhất là **chủ nghĩa biệt lập mới**, chủ trương "trở về nước Mỹ" để tập trung giải quyết các vấn đề trong nước đã từng bị lãng quên. Theo quan điểm này, Mỹ không thể là "lãnh tụ thế giới" với nền kinh tế trì trệ và một cơ cấu xã hội rệu rã. Cách tốt nhất là Mỹ cần co lại, nghỉ ngơi một cách an toàn cho lại sức. Phương án thứ hai là **chủ nghĩa dân tộc mới**, chủ trương "chớp thời cơ" có một không hai là Liên xô vừa sụp đổ nên lực cản lớn như trước đã không còn, tăng cường sử dụng sức mạnh của Mỹ để thống trị thế giới. Nhưng chủ nghĩa đơn phương toàn cầu theo cách này của Mỹ quả là phiêu lưu mạo hiểm, không được công luận Mỹ đồng tình, và nhân dân các nước khác cũng không thể chấp nhận. Phương án thứ ba là **chủ nghĩa quốc tế thực dụng.** Từ "thực dụng" ở đây toát lên ý nghĩa là Mỹ huy động đến mức tối đa các thể chế quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích của Mỹ.

Trước bối cảnh ấy, tổng thống Bin Clin-tơn muốn phát hiện con đường mới để tìm lại nước Mỹ. Trong khi trả lời phỏng vấn của tạp chí Mỹ *Chính trị quốc tế*, Clin-tơn nhấn mạnh : "Chính sách đối ngoại của Hoa kỳ phải đối phó với ba thách thức lớn. Trước hết, chúng ta cần làm sống lại nền kinh tế Mỹ. Đó là một ưu tiên về mặt đối nội, đồng thời cũng là ưu tiên về mặt đối ngoại. Trên trường quốc tế, muốn duy trì vai trò hàng đầu thì chúng ta phải đưa Hoa kỳ trở lại thành cường quốc kinh tế lớn. Đó là ưu tiên hàng đầu... Tôi muốn đặt nước Mỹ trở lại vị trí tiên phong trong cuộc đấu tranh vì một sự tăng trưởng kinh tế lâu bền... Hai là, Hoa kỳ phải đem lại sự hỗ trợ đối với trào lưu dân chủ hóa và tự do hóa kinh tế đang thịnh hành trên khắp thế giới. Ba là, về phương diện quân sự, đã đến lúc phải từ bỏ việc xây dựng một quân đội nhằm vào chiến tranh lạnh, để xây dựng một quân đội có trang bị tốt hơn, có thể đối phó một cách nhanh nhạy với những mối đe đọa tiềm tàng của thập kỷ tới...".

BÓNG CHIM, TĂM CÁ...

Mục tiêu chính của tổng thống thứ 42 của Hoa kỳ tựu trung lại là muốn xây dựng một nước Mỹ thật mạnh về kinh tế và quân sự, tăng cường thực hiện những cam kết quốc tế trong quan hệ đối ngoại và dành lại cho Mỹ vị trí siêu cường duy nhất lãnh đạo thế giới. Nhưng chiến lược tổng thể này vấp phải những thách thức nghiêm trọng ngay từ buổi đầu tiên.

Trước hết, hãy xem xét *chương trình phục hồi kinh tế*. Chỗ yếu, cũng là khó khăn lớn nhất hiện nay của Mỹ là thâm hụt tài chính lớn, thâm hụt buôn bán lớn, và do đó, nợ nần lớn. Chương trình kinh tế của Bin Clin-tơn gặp nhiều mâu thuẫn và trở ngại trong việc giải quyết ba vấn đề này.

– Muốn giảm thâm hụt ngân sách thì Mỹ phải cắt giảm chi phí quốc phòng. Cam kết của Bin Clin-tơn là giảm 60 tỉ đô la so với ngân sách quốc phòng của Bu-sơ trong vòng 5 năm tới. Bộ trưởng quốc phòng Let A-xpin cho biết rằng điều đó không thể thực hiện được, bởi vì kế hoạch chi tiêu quốc phòng của ngay cả Bu-sơ cũng còn không đủ thanh toán cho tất cả các vũ khí mà Lầu năm góc đã ký hợp đồng đặt mua. Vả lại, bản thân giới lãnh đạo Mỹ làm sao thoát khỏi ý thức bá quyền quân sự đã bao năm theo đuổi ?

- Hàng năm, riêng việc trả lãi công trái, chính phủ Mỹ đã phải chi 200 tỉ đô la, chiếm 14% tổng số chi.

(1) So sánh sức mạnh kinh tế Mỹ - Tây Âu - Nhật bản (tạp chí *Nghiên cứu vấn đề quốc tế* (Trung quốc) quý 4 - 1992).

(2) Michel Albert : *Chủ nghĩa tư bản chống chủ nghĩa tư bản*, Nxb Thông tin lý luận, 1992, tr 44, 51.

Digitized by Google

Vì vậy, khi kinh tế bị suy thoái, Mỹ không thể dùng biện pháp giảm thuế hoặc tăng chi phí công cộng để kích thích kinh tế, mà chỉ còn cách vay tiền trong và ngoài nước. Điều này sẽ hình thành vòng tuần hoàn ác tính cho nền kinh tế.

- Muốn giảm thâm hụt buôn bán với nước ngoài thì Mỹ phải giảm giá hối đoái của đồng đô la. Nhưng để thu hút vốn nước ngoài bù cho vốn trong nước và giảm giá hàng nhập khẩu làm lợi cho tiêu dùng trong nước, lại cần phải khống chế chặt chẽ lạm phát, giữ giá hối đoái đồng đô la ổn định. Để bớt suy thoái kinh tế phải giảm lãi suất, nhưng để hạn chế lạm phát và thu hút vốn nước ngoài, phải tăng lãi suất.

- Trọng tâm chính sách kinh tế của Bin Clin-tơn có mâu thuẫn lớn. Thuyết kinh tế "đầu tư" của ông đưa ra là chính phủ cần xây dựng thêm đường sá, hỗ trợ phát triển công nghệ mới. Ông ta còn đưa một danh sách dài những chương trình mới về cải cách phúc lợi, bảo hiểm y tế... Những khoản đó càng tiêu tốn thêm nhiều tiền của và làm cho ngân sách càng thêm thâm hụt. Do vậy, thâm hụt ngân sách sẽ không thể giảm bớt ; nếu muốn thực hiện như kế hoạch của mình, Bin Clin-tơn sẽ phải tăng mức thuế hiện tại lên gấp 3 lần.

Vấn đề nóng bỏng **thứ hai** mà Bin Clin-tơn phải đương đầu là, không thể bỏ qua *những cam kết quốc tế* mà Mỹ thường gọi là *những lợi ích chiến lược*. Chính sách đối ngoại của Mỹ là tổng hợp những trọng trách đầy nghịch lý : vừa muốn "bảo vệ lợi ích" của Mỹ ở mọi nơi, lại vừa muốn tăng cường sức mạnh kinh tế bên trong nước Mỹ. Ông Clin-tơn đã mấy lần nhắc đi, nhắc lại : "Tôi sẽ tiếp sức cho nền kinh tế mới như là một tia la de", và "chính sách đối ngoại sẽ được quyết định trên cơ sở sự tác động kinh tế". Nhưng làm sao có thể giải quyết cả hai thứ cần ưu tiên đó mà bản thân chúng không thể dung hòa với nhau ?

Ngay trong những lời phát ngôn của Bin Clin-tơn cũng chứa đựng nhiều điều mâu thuẫn. Ông ta vừa khẳng định : "Chúng ta cần phải phản ứng mạnh mẽ trước một trong những thách thức lớn nhất đối với nền an ninh hiện nay, cần phải giúp đỡ các nước thuộc Liên xô cũ trong việc phi quân sự hóa của họ và thực hiện chế độ tự do chính trị-kinh tế". Đồng thời, ông ta lại thừa nhận rằng : người Mỹ đã chán ngấy việc dành những khoản tín dụng lớn để giúp đỡ bên ngoài. Ông vừa tuyên bố : "người Mỹ hiện nay không còn muốn trở thành cảnh sát thế giới như trong chiến tranh lạnh", vừa "không do dự sử dụng lực lượng quân sự một cách có trách nhiệm, và nếu có sự cần thiết như vậy, tôi sẽ duy trì lực lượng ở mức cần thiết bảo đảm cho thắng lợi và cho một thắng lợi có tính quyết định" (Diễn văn đọc tại Niu-Oóc).

Thách thức **thứ ba** là : *bối cảnh quốc tế và vị trí của Mỹ đã đổi khác*. Khi chiến tranh lạnh đã kết thúc, mối đe dọa từ phía Liên xô không còn, thì cũng chẳng còn có gì để Mỹ ra roi chỉ huy chủ nghĩa tư bản thế giới. Vả lại, tình hình Liên xô cũ vẫn chứa đựng đầy bất trắc, không thuận chiều theo ý Mỹ. Sau sự sụp đổ của Liên xô, mâu thuẫn chính trị-kinh tế giữa Mỹ và đồng minh ngày càng sâu sắc. Cùng với quá trình nhất thể hóa kinh tế và liên minh chính trị, chiều hướng độc lập của Tây Âu ngày càng rõ rệt. Pháp và Đức đã công khai phản đối việc Mỹ muốn thiết lập "trật tự quốc tế mới". Mâu thuẫn Mỹ - Nhật trong kinh tế càng nổi bật. Tây Âu và Nhật bản trở thành đối trọng trực tiếp của Mỹ.

Rõ ràng là Mỹ đã hết thời là siêu cường tuyệt đối. Trong sự khủng hoảng của thế giới đang được sắp xếp lại trật tự, vị trí kinh tế và chính trị của Mỹ cũng bị mất theo. Mỹ hiện nay vẫn là cường quốc, nhưng không còn là siêu cường số một, Mỹ là quốc gia lớn nhưng không thể làm bá chủ thiên hạ, Mỹ là tác nhân quan trọng trong cơ cấu toàn cầu nhưng không phải là hiệp sĩ đầy quyền lực.

Vậy là, nước Mỹ của ông Bin Clin-tơn đang muốn gồng mình để bứt lên nhưng đã có nhiều mặt bị nước khác vượt qua trong khi họ cũng không dừng lại. Những mâu thuẫn và thách thức trên đã làm cho tham vọng bá quyền của Mỹ trở thành chiếc vòng kim cô quái ác mà ông Clin-tơn không dễ bứt ra.

Khác với những hứa hẹn trong khi tranh cử, bây giờ là lúc ông Bin Clin-tơn phải thực sự hành động. Đã qua hơn 100 ngày Clin-tơn ngồi ở Nhà trắng. Thời gian cho thấy rõ là chính quyền Bin Clin-tơn đã không thể dễ dàng giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của nước Mỹ. Ông ta vẫn tiếp tục mâu thuẫn khi vừa khẳng định rằng "đã đi đúng đường", lại vừa thừa nhận rằng "đã không lường hết" những khó khăn thách thức.

Có một thực tế lạnh lùng mang tính quy luật. Một giáo sư người Anh sống ở Mỹ, ông Pôn Ken-nơ-đi đã phát hiện ra quy luật ấy. Ông cho rằng, theo định luật không đổi, thì các đế quốc đường như có xu thế mở rộng về mặt ngoại giao và quân sự vượt quá những khả năng của họ. Trong cuốn sách *Sự hưng thịnh và suy vong của các cường quốc*, giáo sư Ken-nơ-đi đã khẳng định rằng từ thời La mã, sự tiến triển của các đế quốc đi theo một đường cong định mệnh, và rằng nước đã đặt thủ đô của mình bên bờ sông Pô-tô-mác (nước Mỹ) cũng không thoát khỏi đường cong đó. Thiết nghĩ, trong khi đi tìm sự phục hưng cho nước Mỹ, ông Bin Clin-tơn cũng nên đọc cuốn sách này (nếu như ông chưa đọc)!.

Digitized by Google

MÔ HÌNH TAUNG HOA*

VỪA qua, Trung quốc, Đài loan, Hồng kông, Áo môn đã tổ chức cuộc hội thảo về "mô hình Trung hoa" tại thành phố Vũ hán (Trung quốc). Ngay sau cuộc hội thảo, "mô hình Trung hoa" đã trở thành đề tài nghiên cứu nóng hổi của nhiều nhà khoa học trên thế giới. Tuy chưa đi đến nhận định chung, nhưng các nhà khoa học đều thừa nhận rằng kinh tế Trung quốc là một hiện tượng đặc biệt, cần được nghiên cứu trên phạm vi thế giới với mức độ cao hơn ; rằng sự ra đời "mô hình Trung hoa" chính là một "Cộng đồng châu Âu mới" và sẽ trở thành một đối trọng mạnh trong cạnh tranh khu vực và thế giới.

Để có cơ sở phân tích, đánh giá khách quan về "mô hình Trung hoa", tôi xin tóm lược tinh thần cuộc hội thảo và giới thiệu vài nét khái quát về "mô hình cộng đồng châu Âu" để tiện việc so sánh, trong lúc có nhiều ý kiến đưa ra những nhận định khác nhau.

Từ những năm 70 trở lại đây, sự cạnh tranh - hợp tác của các nước tư bản phát triển đã chuyển sang một giai đoạn mới có tính chất bước ngoạt. Thương mại quốc tế phát triển rất nhanh chóng cả bề rộng lẫn chiều sâu. Trung quốc cho rằng trong thời đại ngày nay, khi sự hợp tác, phân công lao động quốc tế trở thành xu thế tất yếu ; khi trí tuệ thực sự là động lực mạnh mẽ thúc đẩy tiến bộ kinh tế xã hội, những nước đi sau phải tìm cho mình những bước đi thích hợp.

Qua nhiều năm thực hiện "cải cách, mở cửa", tình hình Trung quốc có những chuyển biến đáng kể trên nhiều mặt. Về mặt lý luận, Trung quốc đã có sự thay đổi để phù hợp với đặc điểm của đất nước. Trong cuốn *Bốn mươi năm dựng nước của Trung quốc* có nêu 10 phát minh về chủ nghĩa Mác, trong đó có một phát minh được Trung quốc coi là có giá trị về lý luận và thực tiễn. Đó là việc *xác định thời kỳ đầu chủ nghĩa xã hội ở Trung quốc*. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có thể kéo dài tới trăm năm, Trung quốc sẽ thực hiện nền kinh tế mở cửa và hướng vào thị trường mở rộng.

Từ điểm xuất phát trên, Trung quốc khẳng định việc hội thảo để làm rõ và đi tới xây dựng "mô hình Trung hoa", sẽ không chỉ có ý nghĩa thiết thực, mà còn mang tính khái quát lý luận đối với việc chỉ đạo, thúc đẩy công cuộc cải cách và phát triển của Trung quốc từ nay đến năm 2000. Đồng thời, nó cũng cung cấp cho các nước trên thế giới một mô hình mới để tham khảo hoặc lựa chọn.

Những người dự hội thảo cho rằng "mô hình Trung hoa" là nền kinh tế thị trường *đặc thù* gồm bốn yếu tố :

1 - Trung quốc, Đài loan, Hồng kông và Áo môn kết hợp với nhau bởi hai chế độ công hữu và tư hữu.

2 - Kinh tế Trung quốc, Đài loan, Hồng kông và Áo môn hợp thành một chỉnh thể kinh tế thống nhất gồm hai thành phần xã hội chủ nghĩa và phi xã hội chủ nghĩa cùng song song tồn tại.

3 - Một nhà nước có chủ quyền thống nhất với bốn thực thể kinh tế đối lập có quan hệ về đầu tư và thâm nhập nhau không phải theo phương thức trao đổi nội bộ mà theo phương thức mậu dịch đối ngoại.

4 - Bốn loại tiền tệ (nhân dân tệ, đôla Đài loan, đô la Hồng kông và tiền Áo môn) cùng tồn tại trong một thời gian dài. Bốn loại tiền đó không do ngân hàng trung ương phát hành và không lưu thông tùy tiện trong bốn thực thể ấy.

Việc hình thành "mô hình Trung hoa" là tất yếu của bước đi, và cũng có cơ sở thực tiễn vì Trung quốc, Đài loan, Hồng kông và Áo môn có chung một giống nòi, cùng xuất phát từ một nền văn hóa. Tuy chế độ chính trị, chế độ kinh tế và trình độ phát triển khác nhau nhưng có thể bổ sung, hỗ trợ cho nhau. Tinh túy của "mô hình Trung hoa" là sự dung nạp cả chế độ công hữu với kinh tế thị trường.

Sắp tới, bước đi của Trung quốc là hình thành khu mậu dịch tự do "đại Trung hoa". Theo dự tính của Trung quốc, khu mậu dịch tự do này có 1,14 tỉ dân (chiếm 22% dân số thế giới), rộng 9,85 triệu km ^{2} (chiếm 0,87% diện tích thế giới), GDP đạt 638,8 tỉ USD (chiếm 3,2% GDP toàn thế giới), xuất khẩu đạt

* Nguồn : Tài liệu về cuộc Hội thảo "Mô hình Trung hoa" ngày 26-6-1992 tại Vũ hán, Trung quốc ; *Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung quốc*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1992.

Digitized by Google

250 tỉ USD (chiếm 7% xuất khẩu của thế giới), dự trữ ngoại tệ đạt 130 tỉ USD (chiếm 12% dự trữ ngoại tệ của thế giới). Như vậy, nó sẽ là khu mậu dịch tự do đứng đầu thế giới về số người và dự trữ ngoại hối. Về các chỉ tiêu khác, nó có thể tương đương hoặc hơn kém chút ít so với hai khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ và châu Âu. Có thể nói, khu mậu dịch tự do "đại Trung hoa" là một cực mạnh của nền kinh tế thế giới, nó có thể đương đầu với bất cứ khu vực mậu dịch tự do nào trên thế giới. Bước đi của nó là :

1 - Bãi bỏ biên giới địa lý và biên giới mậu dịch.

2 - Giảm hoặc miễn thuế nhập khẩu của Trung quốc đối với Hồng kông, Đài loan và Áo môn.

3 - Thành lập tập doàn "Thương mại quốc tế đại Trung hoa".

4 - Tăng cường hợp tác với nhau về kỹ thuật, tài nguyên...

5 - Xây dựng hệ thống tiền tệ chung trong khu, lấy đôla Hồng kông làm đồng tiền lưu thông chung.

Với bước đi như vậy, sự thẩm thấu và dung hợp của bốn nền kinh tế trong "mô hình Trung hoa" không chỉ dừng lại ở mậu dịch hàng hóa, mà nhất định sẽ đi đến nhất thể hóa về sản xuất và liên hợp đầu tư, như mục tiêu dự định.

Trở ngại của "mô hình Trung hoa" là sự đối lập và mâu thuẫn về chính trị. Vì vậy, các bên đã tiến hành hiệp thương xác định nguyên tắc : tách chính trị khỏi kinh tế ; tuân thủ quy luật thị trường, loại trừ sự can thiệp của chính quyền. Thị trường chung sẽ hình thành theo ba bước :

1 - Phát triển hợp tác kinh tế giữa bốn bên.

2 - Thực hiện liên hợp thuế quan theo hình thức thỏa thuận.

3 - Thành lập tổ chức tài chính tiền tệ theo hình thức thỏa thuận.

Những người dự hội thảo còn cho rằng : để làm phong phú "mô hình Trung hoa", cần có những mô hình nhỏ như "mô hình Trung quốc", "mô hình Hồng kông", v.v..

Theo cách đặt vấn đề tại cuộc hội thảo nói trên, "mô hình Trung hoa" không giống các mô hình liên bang hoặc mô hình Thị trường chung châu Âu. Nó mang tính đặc thù, có một không hai trên thế giới. So với "mô hình Cộng đồng châu Âu", "mô hình Trung hoa" cũng có điểm giống và điểm khác. Chẳng hạn về mục tiêu, Cộng đồng châu Âu nhằm liên kết các nước châu Âu thành một thị trường lớn của khu mậu dịch tự do, đối trọng với Mỹ. Còn "mô hình Trung hoa" cũng nhằm hình thành một liên minh kinh tế, một thị trường lớn của khu mậu dịch tự do, một trục đối trọng thứ 4 trên thế giới.

Khảo sát về khía cạnh luật pháp của "mô hình Trung hoa" và "mô hình Cộng đồng châu Âu", các nhà khoa học cho rằng, luật pháp Trung hoa phức tạp và cũng rất độc đáo, như : một nước hai chế độ, ba hệ thống pháp luật và bốn loại hình luật pháp khác nhau ; mỗi khu vực đều có quyền riêng. Còn luật pháp của Cộng đồng châu Âu thì quy định các thành viên thực hiện quyền ngân sách và lập pháp qua Quốc hội châu Âu. Cộng đồng châu Âu có cơ quan chung "cao hơn quốc gia", theo đó hiến pháp của các nước hội viên chấp nhận nhượng một phần chủ quyền dân tộc của mình. "Mô hình Trung hoa" không có các cơ quan chung mà dựa vào sự hiệp thương của bốn bên.

Các nhà nghiên cứu về Trung quốc cho rằng, trong bối cảnh lịch sử hiện nay, Trung quốc là nước đang thực hiện chủ nghĩa thực dụng có hiệu quả. Đó là sự nhìn xa trông rộng, nhạy bén của Trung quốc trong việc nắm bắt tình hình thế giới. Thật vậy, nếu trước đây Trung quốc đã kịp thời đưa ra đối sách một nước hai chế độ, mở cửa cho tư bản bên ngoài di chuyển vào các đặc khu kinh tế Thâm quyến, Chu hải... khi biết tư bản ở Hồng kông có sự chuẩn bị di chuyển, thì nay lại biết chuẩn bị sẵn thị trường bên trong rộng lớn là khu mậu dịch tự do để đón đầu việc di chuyển tư bản từ châu Âu vào khu vực châu Á - Thái bình dương. Do vậy, sự hình thành "mô hình Trung hoa" không chỉ là đề tài nghiên cứu của các nhà khoa học, mà còn là mối quan tâm của các tập đoàn kinh tế lớn trên thế giới.

Nếu như các tính toán đều thực thi có kết quả thì đúng là sự ra đời của "mô hình Trung hoa" sẽ góp phần thúc đẩy mạnh mẽ kinh tế của đất nước này, thúc đẩy sự hợp tác kinh tế trong khu vực châu Á - Thái bình dương. Tuy nhiên, cũng như "mô hình Cộng đồng châu Âu", việc xây dựng "mô hình Trung hoa" là một quá trình phức tạp vì có nhiều vấn đề không dễ vượt qua.

THANH TÙNG (tổng thuật)

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA GIÁO ĐIỀU, CHỦ NGHĨA KINH NGHIỆM

● Chủ nghĩa giáo điều

Chủ nghĩa giáo điều là đặc điểm của những hệ thống lý luận nhận thức và bảo vệ những cái cũ kỹ, lỗi thời. Chủ nghĩa giáo điều thể hiện phương pháp tư duy không biện chứng đối với mọi sự vật, sự kiện, không chú ý đến những tài liệu mới của thực tiễn và của khoa học, những điều kiện cụ thể của thời gian, địa điểm, coi thường nguyên lý chân lý là cụ thể.

Chủ nghĩa giáo điều xuất hiện gắn liền với sự phát triển của những quan niệm tôn giáo, của những yêu cầu tin vào những tín điều của tôn giáo được khẳng định với tính cách là chân lý bất di bất dịch, không thể phê phán và có tính bắt buộc đối với các tín đồ. Những người theo chủ nghĩa hoài nghi cổ đại đã liệt mọi học thuyết khả quan về thế giới vào chủ nghĩa giáo điều. Trong triết học hiện đại, chủ nghĩa giáo điều gắn liền với những quan niệm phản biện chứng, phủ nhận tư tưởng về tính biến đổi và sự phát triển của thế giới, cũng như gắn liền với tình trạng không hiểu rõ bản thân những quy luật biện chứng được thể hiện một cách khác nhau trong những điều kiện và quá trình lịch sử khác nhau. Trong chính trị, chủ nghĩa giáo điều dẫn đến chủ nghĩa bè phái, đến cự tuyệt chủ nghĩa Mác sáng tạo, đến chủ nghĩa chủ quan bất chấp thực tế khách quan.

Người theo chủ nghĩa giáo điều không biết áp dụng học thuyết hiện có một cách sáng tạo vào thực tiễn, chỉ cố gắng tìm ra và liên hợp những đoạn trích dẫn, những lời phát biểu, những câu châm ngôn của những người được thừa nhận có uy tín. Cho nên, chủ nghĩa giáo điều thường có liên quan đến sự sùng bái cá nhân, đến việc quy tắc hóa những lời nói của một nhà lý luận nào đó. Nó tin tưởng một cách mù quáng và sùng bái uy tín đến mức thay thế cho cách nghiên cứu thực tiễn, cách đánh giá có phê phán những ý kiến đã có.

Chủ nghĩa giáo điều ngày nay có những biểu hiện mới. Nó không chú ý đến những điều kiện đã thay đổi trong sự phát triển của thế giới, kiên trì bám lấy những công thức cũ áp dụng vào hoàn cảnh đã đổi khác. Nó bỏ qua phương pháp lịch sử, bỏ qua tính tương đối của chân lý ; không đếm xỉa đến những hoàn cảnh cụ thể đã khiến cho những luận điểm đúng biến thành những sơ đồ trừu tượng, cứng nhắc, tách rời thực tiễn sinh động. Cách tư duy giáo điều không thể bao quát hết bức tranh phức tạp của thực tiễn đang vận động phát triển. Cho nên, nó dễ quay lại với quá khứ, suy nghĩ theo những quan điểm và khái niệm cũ kỹ, lỗi thời. Ở đâu chủ nghĩa giáo điều chiếm ưu thế thì ở đó lý luận không phát triển được và bị biến từ chỗ là công cụ của nhận thức và hành động thành bộ sưu tập những tư tưởng chết cứng. Chủ nghĩa giáo điều làm cho lý luận Mác - Lê-nin trở nên khô cằn. Nó tước bỏ vũ khí của các đảng mác xít. Nó trái với những điều mà Mác và Ăng-ghen luôn luôn nhắc chúng ta : học thuyết của hai ông không phải là giáo điều, mà là kim chỉ nam cho hành động. Những người theo chủ nghĩa giáo điều đã cố ý tầm thường hóa chủ nghĩa Mác, tách rời lý luận với thực tiễn.

Gần đây, cũng có không ít người phê phán chủ nghĩa giáo điều nhưng lại rơi vào "chủ nghĩa giáo điều mới", từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, từ bỏ chủ nghĩa xã hội khoa học, đi theo con đường chủ nghĩa xã hội dân chủ, đi theo chủ nghĩa tư bản đương đại. Họ rập khuôn, bắt chước nước ngoài, bắt chước chủ nghĩa tư bản, bất chấp những điều kiện hoàn cảnh khách quan cụ thể. Cùng với chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa giáo điều đã gây ra không ít tai hại cho phong trào cách mạng và tiến bộ xã hội. Do vậy đấu tranh chống mọi biểu hiện và mưu đồ của chủ nghĩa giáo điều là nhiệm vụ cần thiết của chúng ta.

● Chủ nghĩa kinh nghiệm

Chủ nghĩa kinh nghiệm (từ chữ Hy lạp : empeiria có nghĩa là *kinh nghiệm*), là trào lưu triết học cho rằng kinh nghiệm cảm tính là nguồn gốc duy nhất của tri thức; toàn bộ tri thức đều dựa trên kinh nghiệm và có được nhờ kinh nghiệm.

Có hai loại chủ nghĩa kinh nghiệm : chủ nghĩa kinh nghiệm *duy tâm* và chủ nghĩa kinh nghiệm *duy vật*. Chủ nghĩa kinh nghiệm duy tâm (Béc-cơ-lây, Hi-um, Ma-khơ, A-vê-na-ri-út, Bô-gđa-nốp, chủ nghĩa kinh nghiệm lô gích ngày nay, v.v.) quy kinh nghiệm thành toàn bộ những cảm giác hoặc biểu tượng, không thừa nhận cơ sở của kinh nghiệm là việc cải tạo thế giới khách quan. Chủ nghĩa Ma-khơ nói rõ chúng ta chỉ tiếp xúc với những cảm giác và cảm xúc của bản thân chúng ta, chứ không phải với những hiện tượng vật chất, với sự vật. Giống chủ nghĩa Ma-khơ, triết học phản động hiện đại quan niệm kinh nghiệm là toàn bộ những cảm giác, là trạng thái và hoạt động của những cảm giác ấy. Chủ nghĩa kinh nghiệm duy vật (Bê-cơn, Hốp-xơ, Lốc-cơ, chủ nghĩa duy vật Pháp thế kỷ thứ XVIII) cho rằng cội nguồn của kinh nghiệm cảm tính là cái thế giới bên ngoài tồn tại khách quan. Cơ sở của kinh nghiệm cảm tính nằm trong những sự vật và hiện tượng tự nhiên. Chủ nghĩa kinh nghiệm cho rằng tính chất phổ biến và tất yếu của tri thức không phải bắt nguồn từ nhận thức lý tính, mà là từ kinh nghiệm cảm tính. Sai lầm của chủ nghĩa kinh nghiệm là ở chỗ nó phóng đại một cách siêu hình vai trò của nhận thức cảm tính, của kinh nghiệm, mà không đánh giá đúng mức vai trò của nhận thức lý tính, của những trừu tượng khoa học trong nhận thức, phủ nhận vai trò tích cực và tính độc lập tương đối của tư duy lý luận.

Trái với chủ nghĩa kinh nghiệm, chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác cho rằng nguồn gốc của kinh nghiệm là ở bên ngoài, khách quan, độc lập với ý thức. Kinh nghiệm là cái có sau, cái thứ sinh so với hiện thực khách quan ; kinh nghiệm không phải thể hiện nội dung thụ động của ý thức, mà là do sự tác động của con người đối với thế giới bên ngoài mà có. Trong quá trình tác động đó, con người phát hiện ra những mối liên hệ cần thiết, những đặc tính, những tính quy luật của các hiện tượng, sự vật ; con người tìm kiếm và thử nghiệm các phương pháp và phương tiện hoạt động, đem lại hiệu quả hợp lý. Đó cũng là quá trình con người đi từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính, đi từ kinh nghiệm đến lý luận.

Người theo chủ nghĩa kinh nghiệm không hiểu kinh nghiệm nảy sinh do sự tác động của con người đối với thế giới khách quan, không hiểu kinh nghiệm là một phương tiện hết sức quan trọng để có những phát hiện và phát triển lý luận và thực tiễn. Người theo chủ nghĩa kinh nghiệm thường bằng lòng với những hiểu biết hạn hẹp gắn liền với hoạt động thực tiễn của mình. Chủ nghĩa kinh nghiệm vì thế là một trong những nguyên nhân gây nên tình trạng trì trệ, bảo thủ trong tư duy và hoạt động của con người.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN ★ TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

● Hoạt động của chương trình khoa học cấp nhà nước KX.03

Chương trình KX.03. "Đổi mới và hoàn thiện các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế" do giáo sư Vũ Đình Bách, Hiệu trưởng Trường đại học kinh tế quốc dân, làm chủ nhiệm và Trường đại học kinh tế quốc dân là cơ quan chủ trì. Tham gia nghiên cứu có hơn bốn trăm nhà khoa học thuộc các lĩnh vực khoa học kinh tế, quản lý, luật và nhiều cán bộ quản lý ở các bộ, ngành trung ương.

Đến nay hầu hết các đề tài trong số 17 đề tài của chương trình đã tổ chức hội thảo. Đặc biệt, cuộc hội thảo lớn toàn Chương trình đã được tổ chức tại Hà nội cuối tháng 12-1992. Qua các cuộc hội thảo, rất nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý kinh tế đã được trao đổi, tranh luận.

1 - Đánh giá thực trạng của đổi mới, phát triển kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nước ta mấy năm qua. Tất cả các ý kiến đều xác nhận rằng sau Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng, nền kinh tế nước ta đã có nhiều chuyển biến mới. Chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần được khẳng định cùng với nhiều chính sách và biện pháp khuyến khích của nhà nước, đã tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế

Digitized by Google

tư nhân phát triển. Nhiều doanh nghiệp tư nhân với loại hình đa dạng được thành lập và hoạt động. Nhiều doanh nghiệp nhà nước từng bước tìm được hướng đi mới bằng cách đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm.

2 - Xung quanh vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Một số ý kiến cho rằng, tính định hướng xã hội chủ nghĩa được biểu hiện chủ yếu ở mặt xã hội của nền kinh tế : đó là sự thống nhất giữa mục tiêu kinh tế với mục tiêu chính trị - xã hội, là việc bảo đảm hài hòa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích nhà nước, là việc bảo vệ quyền lợi của người lao động và bảo đảm sự phát triển toàn diện của con người...

3 - Các quan điểm về phát triển kinh tế và đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Những vấn đề nổi bật mà qua hội thảo có sự thống nhất ý kiến : bảo đảm các thành phần kinh tế đều bình đẳng trước pháp luật về quyền lợi và nghĩa vụ trong hoạt động kinh tế ; bảo đảm các doanh nghiệp tự do hoạt động kinh tế trên cơ sở pháp luật với tinh thần "được phép làm những gì mà pháp luật không cấm" ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng : công nghiệp hóa là con đường tất yếu để phát triển và hiện đại hóa nền kinh tế, trong đó chú trọng tăng cường trình độ kỹ thuật và công nghệ ở mọi ngành sản xuất và tăng nhanh hơn nữa công nghiệp chế biến nông sản ; thực hiện đồng bộ chính sách tài chính - tiền tệ, giữ vững chủ trương thắt chặt tiền tệ, không in tiền để giải quyết thiếu hụt ngân sách, mà thực hiện triệt để tiết kiệm trong chi tiêu quản lý và huy động vốn trong dân ; tăng cường quyền lực và năng lực quản lý của nhà nước thông qua việc ban hành hệ thống chính sách và luật pháp cho quản lý.

Qua hội thảo, các vấn đề sau đây còn có ý kiến khác nhau, cần được nghiên cứu tiếp :

+ Mở cửa nền kinh tế theo hướng nào ? hướng ngoại hay hướng nội ? Một loại ý kiến cho rằng phải *hướng ngoại*, có như vậy mới tạo khả năng xuất khẩu ngày càng lớn, tăng dần vai trò kinh tế nước ta trong kinh tế quốc tế và tăng nhanh hơn tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của ta. Nhưng cũng có ý kiến khác cho rằng cần *hướng nội*, thay thế dần hàng nhập khẩu, cố gắng bảo đảm phần lớn nhu cầu của thị trường trong nước với 70 triệu dân và nâng dần mức tiêu dùng của nhân dân bằng hàng tư sản xuất trong nước.

+ Chống độc quyền hay hạn chế độc quyền ? Ý kiến chung là phải tạo ra môi trường tự do cạnh tranh lành mạnh, tức là cạnh tranh trên cơ sở : vượt lên về chất lượng sản phẩm ; đáp ứng tốt hơn thị hiếu và yêu cầu về tiêu dùng ; bảo đảm phục vụ văn minh, lịch sự, thuận tiện hơn. Từ ý kiến trên xuất hiện *hai* quan niệm : một quan niệm cho rằng phải *chống độc quyền* để bảo vệ tự do cạnh tranh, chống sự lạm dụng, lũng đoạn thị trường của độc quyền ; một quan niệm khác cho rằng *vẫn cần có độc quyền ở một số lĩnh vực nhất định*, vì vậy không nên nói *chống* mà chỉ nên nói *hạn chế* độc quyền, nhưng phải chống đặc quyền, ỷ thế độc quyền gây khó khăn cho người tiêu dùng. Biện pháp chống độc quyền là bằng sự can thiệp của nhà nước.

+ Sử dụng các công cụ để kiềm chế lạm phát như thế nào ? Hầu hết các ý kiến đều khẳng định những thành quả của ta trong việc sử dụng những biện pháp tài chính - tiền tệ tác động tích cực để giảm bớt lạm phát. Tuy nhiên, các ý kiến đều lưu ý : đó chỉ là biện pháp tức thời ; biện pháp cơ bản là phát triển sản xuất một cách vững chắc, ổn định sản xuất, sử dụng đồng bộ các biện pháp thích hợp để có thể kiềm chế lạm phát tốt hơn ; cũng cần nghiên cứu các xu hướng xảy ra,thiểu phát và các biện pháp chống nó.

● Hội thảo khoa học về nho giáo và văn hóa Việt nam

Lần đầu tiên ở nước ta, cuộc hội thảo khoa học về vấn đề Nho giáo và văn hóa Việt nam được tiến hành tại Trường đại học văn hóa Hà nội ngày 22-4-1993. Trong lời khai mạc, phó tiến sĩ Đặng Việt Bích, phó hiệu trưởng, cho biết : Nho giáo ra đời ở Trung quốc, do Khổng Tử (551 - 479 trước CN) sáng lập, là nhân tố cơ bản hình thành văn hóa Trung quốc ; Việt nam chịu ảnh hưởng văn hóa Trung quốc, trước hết là chịu ảnh hưởng của Nho giáo ; vì vậy, chúng ta cần nghiên cứu Nho giáo.

Báo cáo đề dẫn của giáo sư tiến sĩ Huỳnh Khải Vinh, hiệu trưởng, cho rằng : Nho giáo tuy gọi là giáo, nhưng không phải là tôn giáo, mà là một học thuyết tư tưởng. Phật giáo, Đạo giáo, Pháp gia, Nho giáo.... đều là những nội dung cấu thành văn hóa truyền thống Trung quốc ; trong đó, Nho giáo giữ vai trò quan trọng nhất.

Hội thảo nhận được 30 bản tham luận trong đó tập trung vào các vấn đề : quá trình hình thành Nho giáo ở Trung quốc ; vị trí vai trò của Nho giáo cũng như mặt tiêu cực và tích cực của nó trong văn hóa xã hội Trung hoa ; đặc điểm tiếp thu Nho giáo ở Việt nam qua các thời đại ; vai trò của Nho giáo trong lịch sử chính trị, tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật, lối sống Việt nam ; Chủ tịch Hồ Chí Minh và Nho giáo...

Một số tham luận chỉ rõ, Nho giáo là cơ sở của hệ tư tưởng phong kiến, kêu gọi tinh thần trung với vua, coi "trung quân" ngang với "ái quốc", thực hành chế độ chuyên chế phong kiến, duy trì đẳng cấp vua quan phong kiến và dòng họ, tạo ra tệ gia trưởng, chủ nghĩa quan liêu, bảo thủ ; bảo vệ đạo đức phong kiến theo kiểu "đức trị" nhằm đào tạo lớp quan lại "sâu mọt" ăn bám từ giai cấp thống trị. Nho giáo cũng tỏ ra coi khinh lao động chân tay, không khuyến khích công thương nghiệp, trọng nam khinh nữ, ràng buộc con người trong lễ giáo và khuôn phép hà khắc, khép kín, khiến con người mất hết tính chủ động, sáng tạo. Nét đặc trưng của Nho giáo là bảo thủ, không chịu đổi mới, trì trệ... Tất cả những điều nói trên là nguồn gốc gây ra tình trạng lạc hậu kéo dài của xã hội Trung quốc, cũng như của những nền văn hóa chịu ảnh hưởng sâu của Nho giáo. Cũng vì lẽ đó mà Nho giáo và Khổng Tử đã mấy lần bị lên án kịch liệt.

Tuy nhiên, trong Nho giáo có nhiều yếu tố tích cực. Nho giáo có thể được coi như một học thuyết về đạo đức, mặc dù là đạo đức phong kiến, vì đủ sao Khổng Tử không thể vượt qua được sự giới hạn của lịch sử. Nhưng trong đạo đức Khổng Mạnh có nhiều yếu tố tích cực, nhiều điều răn dạy mang tính nhân dân, thâm chí mang tính nhân loại, chúng trở thành châm ngôn hành động của nhiều dân tộc ở phương Đông như : "Kỷ sở bất dục vật thì ư nhân" - điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác. Hoặc trong 5 điều răn : *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*, ngoài những nội dung mang tính phong kiến, có những yếu tố tích cực mà ngày nay nếu chúng ta biết kế thừa, phát huy và vận dụng, thì sẽ có tác dụng tốt.

Nhìn toàn bộ lịch sử, ảnh hưởng của Nho giáo đối với văn hóa Việt nam rất lớn. Một đặc điểm của sự giao lưu văn hóa trước đây thường là do giới học văn tiếp thu văn hóa nước ngoài, rồi truyền bá ra toàn xã hội. Vì vậy, tiếp thu cái gì và tiếp thu như thế nào, là tùy thuộc trình độ và thái độ của giới trí thức đó. Trước đây, Chu Văn An, Hồ Quý Ly, Ngô Thì Nhậm, Lê Quý Đôn viết sách giải thích Tứ thư đã thể hiện tinh thần sáng tạo trong việc vận dụng Nho giáo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người hiểu biết, nắm chắc Nho giáo. Người tiếp thu nó có chọn lọc, có sáng tạo, có phê phán. Người nói : "Tuy Khổng Tử là phong kiến và tuy trong học thuyết Khổng Tử có nhiều điều không đúng, song những điều hay trong đó thì chúng ta nên học" (1). Người luôn giáo dục chúng ta về cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, "lo cái lo trước thiên hạ, vui cái vui sau mọi người", về "nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm", "trung với nước, hiếu với dân", cán bộ là "đầy tớ" của dân, "nước phải lấy dân làm gốc"...

Cách Bác Hồ tiếp thu những giá trị tích cực trong Nho giáo có ý nghĩa rất to lớn. Chúng ta cần đi sâu nghiên cứu hơn nữa vị trí của Nho giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó, vừa thấy được tính độc lập sáng tạo của Người, vừa tiếp tục vận dụng và phát triển Nho giáo trong sự nghiệp đổi mới và xây dựng nền văn hóa mới ở nước ta.

Trên thế giới, nhất là tại các nước phương Tây, sau khi kinh tế và đời sống phát triển cao, con người sống đầy đủ trong một thế giới tiện nghi đầy ắp, nhưng thế giới tinh thần lại trống rỗng, xã hội rơi vào tình trạng khủng hoảng, rối loạn. Trong tình hình đó, người ta muốn tìm một lối thoát. Do đó, từ những năm 70, nhiều nước phương Tây bắt đầu coi trọng văn hóa phương Đông nói chung và Nho giáo nói riêng. Nhiều cuộc hội thảo khoa học mang tính chất quốc tế về Nho giáo - Khổng Tử đã được tiến hành.

Cuộc hội thảo lần này của Trường đại học văn hóa Hà nội nhất trí cho rằng văn hóa đang là vấn đề thời sự của cả nhân loại. Vị trí và vai trò của Nho giáo trong văn hóa truyền thống Việt nam thật to lớn. Vì vậy, việc nghiên cứu về Nho giáo không thể làm một lần là xong. Sắp tới cần tiếp tục có sự nghiên cứu toàn diện và có chiều sâu hơn đối với Nho giáo trên tất cả các lĩnh vực.

(1)Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, t 5, 1980, tr 360.

Digitized by Google

VINATEA

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU & ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRÀ VIỆT NAM
NATIONAL TEA EXPORT-IMPORT AND DEVELOPMENT INVESTMENT COMPANY



52 TangBatHo St., HaNoi VietNam
Tel : 252756
Fax : 84-4-252756

- *VINATEA is the biggest Company of VietNam specializing in tea production and trade for home consumption and export tea produce : Black tea (Orthodox, CTC), Green tea process by hand and machine, as well as bagged tea, boxed tea scented with various kinds of aromatic essence.*
- *Annual foreign trade turnover of VINATEA is over 20,000,000 USD.*

HoChiMinh City Branch
225 NamKyKhoi Nghia St., Dist.3
Tel : 444326
441423
Fax : 84-8-444326



- VINATEA chuyên sản xuất và kinh doanh trà phục vụ nội tiêu và xuất khẩu lớn nhất Việt Nam. Sản phẩm trà xuất khẩu : Trà đen (Orthodox, CTC), Trà xanh máy và thủ công, Trà gói, Trà hộp có uớp các hương liệu khác nhau.
- Kim ngạch xuất khẩu hàng năm trên 20 triệu Mỹ kim.

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT - NHẬP KHẨU DẦU KHÍ VIỆT NAM

National Petroleum Import - Export Corp

PETECHIM

TRỤ SỞ CHÍNH	:	*194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q3, TP Hồ Chí Minh*
ĐIỆN THOẠI	:	*2.99299 - 2.93633 - 2.93136*
FAX	:	*84-8-299686*
TLX	:	*811241/811251/PETIM VT*
CHI NHÁNH HÀ NỘI	:	*26 Tăng Bạt Hổ*
ĐIỆN THOẠI	:	*256157 - 259839*
FAX	:	*84-4-266873*
TLX	:	*412411 PETIM HNVT*

- **Xuất khẩu dầu thô Việt Nam**
- **Nhập khẩu sản phẩm dầu :** *XĂNG, XĂNG MÁY BAY, DẦU HỎA, DẦU DIEZEN, MADUT, DẦU NHỜN*
- **Các công trình thiết bị toàn bộ**
- **Nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng**
- **Kinh doanh tổng hợp :** *GẠO, CÀ PHÊ, PHÂN BÓN, THUỐC TRỪ SÂU, HÓA CHẤT, SẮT THÉP v.v...*
- **Có hệ thống kho chứa, các đại lý phân phối bán buôn và bán lẻ xăng dầu, phân bón trong nước**
- **Sẵn sàng liên doanh, liên kết hợp tác với các doanh nghiệp và nhận ủy thác trong và ngoài nước**
- **Uy tín và chất lượng**



Ruột in tại Nhà in Nhân Dân Hà Nội II
Bìa in tại Nhà máy in Thống Nhất

Chỉ số 12651 - ISSN 0866-7276

Giá : **2.000đ**

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 7
MAIN

Tạp chí Cộng sản



The Library - UC Berkeley
Received on: 08-10-93
Tap Chi Cong San

7
1993

Digitized by Google

NHÀ MÁY
THỰC PHẨM XUẤT KHẨU

638 Bis Đến Nguyễn Duy,
P12. Q.8 TP. HCM
Tel : 552943 - 554774
Fax : 84.8.554774

DUY HẢI

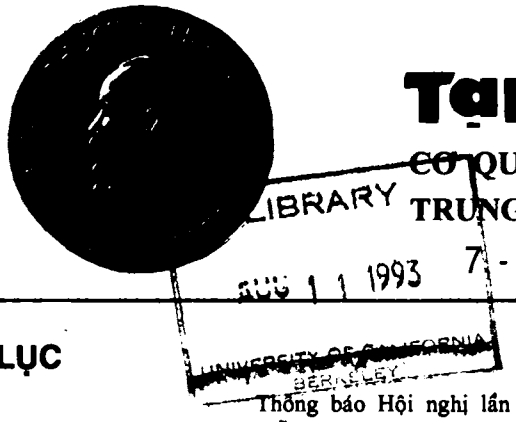


Ngành nghề kinh doanh chủ yếu : công nghiệp chế biến rau quả dứa, mãng cầu xiêm, chôm chôm, xoài, nước dừa, mấm rơm... Và các sản phẩm thịt, cá, patê, xúc cích... Tất cả được chế biến và bảo quản dưới dạng đóng hộp, lọ thủy inh với chất lượng heo yêu cầu ủa khách hàng.

Giám Đốc :
Kỹ su
TRỊNH KIM HÙNG



Digitized by Google


LIBRARY
JUN 1 1 1993
UNIVERSITY OF CALIFORNIA
BERKELEY

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

7 - 1993 NĂM THỨ XXXIX (451)

MỤC LỤC

Thông báo Hội nghị lần thứ năm BCHTU Đảng (khóa VII) 3

Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCHTU Đảng (khóa VII)

ĐỖ MƯỜI - Tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội ở nông thôn 4

*** Một số vấn đề quan trọng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 16

NGUYỄN QUANG HÀ - Tạo động lực mới để phát triển nghề rừng nhân dân 21

NGUYỄN SINH CÚC - Nông, lâm, ngư nghiệp Việt nam - tiềm năng và triển vọng 26

Thực tiễn - kinh nghiệm

ĐỖ VĂN ÂN - Sơn la : Khó khăn còn nhiều nhưng lối ra đã rõ 30

NGUYỄN MINH TRIẾT - Sông Bé chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chú ý phát triển công nghiệp 34

TRẦN QUỐC THẠI - Hà tĩnh trên con đường phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn 37

LÊ THANH ĐẠO - Đổi mới hoạt động của ngành kiểm sát nhân dân 41

Nghiên cứu - Trao đổi

ANH THƠ - Nhân quyền là gì ? Ai vi phạm nhân quyền ? 44

ĐẶNG NGHIÊM VẠN - Giữ lấy tấm căn cước của chính mình 48

Điều tra

TRẦN ĐÀO - Tình hình tội phạm kinh tế ở nước ta mấy năm gần đây 51

Tạp chí với bạn đọc, bạn đọc với tạp chí

*** Hội nghị bạn đọc và cộng tác viên ở Huế 54

Thế giới : vấn đề, sự kiện

VŨ KHOAN - Châu Á - Thái bình dương - một hướng lớn trong chính sách đối ngoại của Nhà nước ta 57

VÕ THỦ PHƯƠNG - Cam-pu-chia sau bầu cử 59

Qua sách báo nước ngoài

*** Thực chất lý luận "biến giai cấp lớp dưới thành giai cấp trung sản" của phương Tây 61

Tìm hiểu khái niệm

● Chủ nghĩa thực dụng. ● Chủ nghĩa hiện sinh 63

Tin hoạt động lý luận

● Hội thảo khoa học về đề tài KX.05-04 ● Hoạt động của Chương trình KX-07 64

Bìa 1. Ngói Thịa (Yên bái)
Ảnh : QUANG THÀNH

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà nội ● Dây nói 52061-52062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh ● Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• Сообщение V пленума ЦК КПВ (5ого созыва). • *На реализацию резолюции V пленума ЦК КПВ* * ДО МЫОЙ - Дальнейшее обновление и ускоренное развитие деревни в социально - экономических отношениях. *** Некоторые важного значения вопросы, изложенные в резолюции V пленума ЦК КПВ. НГУЕН КУАНГ ХА - Новая движущая сила для развития всенародного лесонасаждения. НГУЕН ШИНЬ КУК - Сельское, лесное и рыболовное хозяйство Вьетнама - потенциалы и перспекктивы. • *Исследования - обмен мнениями* * АНЬ ТХО - Что такие права человека ? Кто посягает на них ? ДАНГ НГИЕМ ВАН - Как берегать свой идентификационный билет. • *Мир: проблемы, факты* * ВУ КХОАН : Азиатско-тихоокеанский регион как важная ориентация внешней политики вьетнамского государства.ВО ТХУ-ФЫОНГ - Послевыборная Камбоджа.

CONTENTS

● Statement of the 5th Conference of the Party Central Committee (7th term) ● *Striving to implement the resolution of the 5th Conference of the Party Central Committee (7th term)* ★ ĐỖ MƯỜI - Continuing to renovate and develop the economy and society in countryside. Some important problems of the resolution of the 5th Conference. NGUYỄN QUANG HÀ - Creating new motives to develop afforestation among people. NGUYỄN SINH CÚC - Agriculture, forestry, fishery of Vietnam - their potentials and prospects. ● *Research and Exchange* ★ ANH THƠ - What are human rights ? Who violates human rights ? ĐẶNG NGHIÊM VẠN- Keep your identity card. ● *The World - Its problems and facts* ★ VŨ KHOAN - Asia - Pacific Region - A major orientation in the foreign policy of our State. VÕ THỦ PHƯƠNG - Cambodia after the election.

SOMMAIRE

● Communiqué du Ve Plénum du Comité central du PCV (VIIe Congrès) ● *S'efforcer de mettre en oeuvre les Résolutions du Ve Plénum du CC du PCV* (We Congrèo) ★ ĐỖ MƯỜI - Continuer la politique de renouveau et de développement économico - social dans les régions rurales. *** Quelques problèmes importants dans les Résolutions du Ve Plénum ● NGUYỄN QUANG HÀ - Créer de nouvelles forces motrices en vue de développer la sylviculture entreprise par le peuple. NGUYỄN SINH CÚC - L'agriculture, la sylviculture et la pisiculture au Vietnam - potentialités et perpectives. ● *Etudes - Echanges* ★ ANH THƠ - Comment définir les Droits de l'homme ? Qui ont violé les Droits de l'homme ? ĐẶNG NGHIÊM VẠN - Préserver "la Carte d'identité" de soi-mêmeo. ● *Le Monde : Problèmes, Evénements* ★ VŨ KHOAN - L'Asie - Pacifique - une grande orientation dans la politique extérieure du Vietnam. VÕ THỦ PHƯƠNG - Le Cambodge - après les élections.

SUMARIO

● Comunicado del Quinto Pleno del Comité Central del Partido (Séptimo Congreso). ● *En ejecución de la Resolución del Quinto Pleno del Comité Central del Partido (Séptimo Congreso)* ★ ĐỖ MƯỜI - Proseguir la renovación y el poderoso desarrollo socio - económico en el campo. Algunos problemas importantes de la Resolución del Quinto Pleno del C.C del Partido. NGUYỄN QUANG HÀ - La nueva fuerza motriz creada para desarrollar la silvicultura en la población. NGUYỄN SINH CÚC - La agricultura, la silvicultura y la piscicultura de Vietnam - su potencia y porvenir ● *Estudios - Intercambios* ★ ANH THƠ - ¿ Qué es el derecho del hombre y quién lo viola ? ĐẶNG NGHIÊM VẠN - ¡ Guarde su carnet de identidad ! ● *El Mundo : Problemas y acontecimientos* ★ VŨ KHOAN - El Asia - el Pacífico, una gran orientación en la politica exterior de nuestro Estado. VÕ THỦ PHƯƠNG - Cambodia tras las elecciones.

目錄

越南共産黨第七屆中央委會第五次全体會議公報。 ● **爭取實現黨七屆五中全會決議** ★ **杜梅：** 繼續更新和有力地發展農村經濟与社會。 *** **五中全會決議若干重大問題。** **阮光何：** 為推動人民林業創造新動力。 **阮生新：** 越南農林漁業的潛力及其展望。 ● **研究与交換** ★ **英詩：** 何謂人權？誰違犯人權？ **鄧駿萬：** 保住自己的身份証。 ● **世界：問題与事件** ★ **武賢：** 亞太地區是我國對外政策之大方向。 **武守芳：** 大選后的柬埔察。

Digitized by Google

THÔNG BÁO

HỘI NGHỊ LẦN THỨ NĂM BCHTU ĐẢNG (khóa VII) Về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn

HỘI nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương đã họp từ ngày 3 đến ngày 11-6-1993, tại Hà nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc báo cáo quan trọng khai mạc Hội nghị.

1 - Hội nghị đã thảo luận và ra nghị quyết về "Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn". Hội nghị nhận định : Vấn đề nông dân, nông nghiệp và nông thôn luôn luôn là vấn đề chiến lược, có ý nghĩa to lớn trong cách mạng nước ta ở tất cả các thời kỳ. Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo cũng lấy nông nghiệp làm khâu đột phá, gắn với những nỗ lực đổi mới ngày càng đồng bộ hơn về kinh tế - xã hội trên cả nước, đã đưa đến những thành tựu to lớn trong nông nghiệp, nông thôn nước ta. Tuy nhiên, nông nghiệp và nông thôn nước ta cũng đang đứng trước nhiều khó khăn, nhiều vấn đề phức tạp mới nảy sinh. Để tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội nông thôn, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương đã phân tích, đánh giá thực trạng nông nghiệp, nông thôn nước ta qua những năm đổi mới, làm rõ những nguyên nhân thành công và chưa thành công, rút ra bài học kinh nghiệm ; xác định các mục tiêu và quan điểm, phương hướng phát triển, đề ra những nhiệm vụ và giải pháp cụ thể phát triển nông nghiệp, nông thôn đến năm 2000.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương sẽ là một mốc quan trọng trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp và phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn nước ta trong những năm tới, góp phần tích cực thúc đẩy công cuộc đổi mới vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2 - Thi hành Điều lệ Đảng, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương quyết định triệu tập Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ vào tháng 12-1993, tại Hà nội.

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN MẠNH MẼ KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN *

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư ĐCS Việt nam

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

TRẢI qua các thời kỳ cách mạng từ khi thành lập đến nay, Đảng ta và Bác Hồ kính yêu luôn luôn khẳng định ý nghĩa to lớn của vấn đề nông dân. Khẩu hiệu chiến lược : Độc lập cho Tổ quốc, ruộng đất cho dân cày đã trở thành ngọn cờ tập hợp toàn dân đấu tranh giành thắng lợi trong sự nghiệp cách mạng dân tộc, dân chủ. Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong những năm qua cũng lấy nông thôn làm một địa bàn trọng điểm, lấy nông nghiệp làm khâu đột phá. Chỉ thị 100 của Ban Bí thư (khóa IV) và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI) là hai mốc lớn, góp phần rất quan trọng tạo ra bước ngoặt trên con đường phát triển của nông nghiệp và nông thôn nước ta.

Thực hiện đường lối đổi mới đó, trong mấy năm qua, nền nông nghiệp nước ta đạt được nhiều tiến bộ với những kết quả đáng phấn khởi, chủ yếu là do sức sản xuất ở nông thôn được giải phóng một bước quan trọng, đo tiềm năng to lớn của nông dân được phát huy. Nổi bật là sản lượng lương thực tăng liên tục mấy năm liền, đến năm 1992 đã đạt 24 triệu tấn, tiến gần tới mục tiêu mà Đại hội VII đề ra. Đó là thành tựu quan trọng góp phần ổn định chính trị - xã hội ở nông thôn và trên cả nước, tạo tiền đề tăng tốc độ phát triển kinh tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa trong thời gian tới.

Cùng với sự gia tăng về diện tích, năng suất và sản lượng cây lương thực, sản xuất cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, cây ăn quả, cây đặc sản, chăn nuôi, nghề rừng, nghề cá, nhất là nghề nuôi tôm cá, các loại đặc sản ven biển và nội địa, tiểu, thủ công nghiệp đều có tiến bộ, cả về năng suất, sản lượng, chủng loại và chất lượng ; đáp ứng tốt hơn nhu cầu trong nước và tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản, làm cho một số vùng nông thôn nước ta thoát dần khỏi thế độc canh, thuần nông, hướng tới một nền kinh tế hàng hóa với hiệu quả cao hơn.

Kinh tế nhiều thành phần phát triển với những hình thức đa dạng, khơi dậy nhiều nguồn lực, làm cho sản xuất kinh doanh phát triển năng động hơn. Cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông lâm ngư nghiệp và phục vụ nông lâm ngư nghiệp có bước phát triển ; tiến bộ khoa học - kỹ thuật được tiếp thu và ứng dụng tốt hơn ; công tác khuyến nông bước đầu được coi trọng. Bộ mặt nông thôn và đời sống nông dân có nhiều thay đổi tích cực. Hệ thống chính trị trong nông thôn bước đầu có chuyển biến phù hợp hơn với quá trình đổi mới về kinh tế.

Đạt được những thành tựu đó là nhờ đường lối chủ trương đổi mới của Đảng đã đúc kết được kinh nghiệm sáng tạo của quần chúng,

* Bài nói tại Hội nghị lần thứ năm BCHTU Đảng (khóa VII) ngày 3-6-1993

Digitized by Google

hợp quy luật, hợp lòng dân, sự quản lý, điều hành ngày càng tiến bộ hơn của Nhà nước ; nhờ nỗ lực vượt bậc của toàn dân, nhất là của nông dân ; nhờ cố gắng đầu tư và sử dụng có hiệu quả hơn cơ sở vật chất - kỹ thuật trong nông nghiệp và phục vụ nông nghiệp, ứng dụng tốt hơn một số tiến bộ khoa học - kỹ thuật, quan tâm hơn đến công tác khuyến nông. Sự giúp đỡ quốc tế cũng góp phần không nhỏ vào thành tựu đã đạt được.

Mặc dầu có nhiều tiến bộ, song về cơ bản, nông nghiệp nước ta vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp, tỷ suất hàng hóa thấp và ít hiệu quả, chủ yếu lấy công làm lãi ; kỹ thuật canh tác lạc hậu, năng suất cây trồng, vật nuôi, nhất là năng suất trên một lao động, đều thấp xa so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Nhiều tiềm năng của đất nước và của nhân dân chưa được phát huy, thậm chí một số mặt còn bị kìm hãm, có mặt bị hủy hoại nghiêm trọng, gây hậu quả lâu dài.

Chúng ta chưa phát huy được truyền thống cần cù, trí thông minh, kinh nghiệm và năng lực sáng tạo của đội ngũ lao động đông đảo thuộc nhiều lĩnh vực, nhiều thành phần kinh tế ; chưa sử dụng có hiệu quả những năng lực sản xuất và cơ sở vật chất hiện có ; chưa động viên được cao độ khả năng tiết kiệm để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp, dịch vụ. Một bộ phận không nhỏ lao động nông thôn còn thiếu việc làm ; đất canh tác chưa được sử dụng tốt ; hàng chục triệu ha đất trống đồi trọc, bãi bồi ven biển còn bị hoang hóa ; hàng chục vạn ha mặt nước, nhất là vùng biển khơi chưa được khai thác đáng kể.

Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn chậm đổi mới. Những ưu thế của nông nghiệp nhiệt đới và á nhiệt đới với hệ số tăng trưởng cao về sinh học chưa được tận dụng để thâm canh tăng vụ, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi, đa canh hóa và đa ngành hóa nông nghiệp, tạo ra nền sản xuất hàng hóa có hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp, công nghiệp, dịch vụ mới chiếm tỷ trọng nhỏ và tăng trưởng chậm, chưa thu hút được bao nhiêu lao động dôi thừa và phân công lại lao động nông nghiệp, nông thôn một cách hợp lý.

Công tác nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học, chưa được chú trọng đúng mức.

Tài nguyên đất, rừng, khoáng sản bị khai thác bừa bãi, phá hoại cân bằng sinh thái, đe dọa môi trường sống của cả nước.

Đời sống nông dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn. Một bộ phận chưa thoát khỏi tình cảnh đói nghèo. Các vấn đề về văn hóa, xã hội ở nông thôn chưa được chú trọng đúng mức. Trình độ dân trí còn thấp, tỷ lệ người mù chữ còn lớn ; sức khỏe nhân dân chưa được chăm sóc tốt ; các đối tượng thuộc chính sách xã hội, nhất là các gia đình có công với nước chưa được quan tâm đầy đủ ; chưa làm tốt việc giúp đỡ các hộ nghèo về điều kiện và cách thức làm ăn để vươn lên ; bản sắc văn hóa dân tộc chưa được chú ý giữ gìn và phát huy ; mê tín, dị đoan phát triển, nhiều tiêu cực xã hội nảy sinh ở nông thôn. Chưa tập trung sức giải quyết các khó khăn về kinh tế-xã hội của đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng trước đây. Dân chủ và công bằng xã hội trong nông thôn chưa được bảo đảm.

Những khuyết điểm, yếu kém trên đây có phần do những khó khăn khách quan về kinh tế-xã hội của đất nước, hậu quả chiến tranh còn rất nặng nề, tình hình quốc tế diễn biến rất phức tạp. Song chủ yếu là do Cương lĩnh và Chiến lược mà Đại hội VII đã đề ra, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chưa được quán triệt sâu sắc trong nhận thức, quan điểm, giải pháp về phát triển kinh tế-xã hội trong nông nghiệp, nông thôn. Một số vấn đề mới nảy sinh chưa được thảo luận kỹ và xử lý kịp thời để thống nhất ý chí và hành động trong toàn đảng, toàn dân.

Kiến thức, kinh nghiệm và trình độ tổ chức, quản lý, điều hành của Nhà nước chưa theo kịp yêu cầu mới, bệnh quan liêu, xa thực tế, cửa quyền, tham nhũng và tiêu cực trong bộ máy còn khá nặng nề.

Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở còn chậm và lúng túng trong

Digitized by Google

đổi mới tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, lựa chọn cán bộ không theo kịp sự phát triển của công cuộc đổi mới ở nông thôn.

Thưa các đồng chí,

ĐỐI với mọi quốc gia, nông nghiệp luôn luôn là một trong những lĩnh vực quan trọng nhất. Điều đó lại càng đúng đối với nước ta, khi 80% dân số đang làm ăn sinh sống ở nông thôn. Trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập và bảo vệ Tổ quốc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, giai cấp nông dân đã giữ vai trò đội quân chủ lực, góp phần to lớn cùng giai cấp công nhân và toàn dân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Ngày nay, trong khối đại đoàn kết toàn dân với liên minh công nhân - nông dân - trí thức là nền tảng, giai cấp nông dân tiếp tục đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Những thành quả trong nông nghiệp cần được tích cực phát huy, những yếu kém phải sớm được khắc phục, những vấn đề mới nảy sinh cần được khẩn trương giải quyết, để cho nền kinh tế-xã hội nói chung và nông nghiệp, nông thôn nói riêng tiến nhanh hơn và vững chắc hơn. Yêu cầu đó đặt ra cho kỳ họp Trung ương lần này nhiệm vụ rất quan trọng. Đây là lần đầu tiên Ban chấp hành Trung ương bàn sâu về chính sách đối với nông dân, nông nghiệp, nông thôn nhằm cụ thể hóa và phát triển nội dung Đại hội VII, *tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ kinh tế-xã hội nông thôn nước ta.* Những quyết định của Trung ương tại kỳ họp này phải hợp quy luật, hợp lòng dân, bắt kịp yêu cầu cuộc sống, mở ra một thời kỳ phát triển mới của nông thôn nước ta.

Mục tiêu đặt ra là tiếp tục giải phóng sức sản xuất, khai thác và huy động cao nhất mọi nguồn lực, mọi tiềm năng để phát triển mạnh nông nghiệp và kinh tế nông thôn, bảo đảm thu hút đại bộ phận lao động dôi thừa thông qua sự phát triển đa dạng của kinh tế nông thôn và công cuộc công nghiệp hóa đất nước ; tăng năng suất lao động xã hội, tạo ra khối lượng sản phẩm lớn, chất lượng cao, gía thành hạ, giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực và thực phẩm cho nhân dân, đáp ứng yêu cầu nguyên liệu cho công nghiệp, tăng kim ngạch xuất khẩu và tăng tích lũy cho sự nghiệp công nghiệp hóa ; giữ gìn và khai thác hợp lý tài nguyên, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái.

Tăng thu nhập, cải thiện một bước cơ bản đời sống vật chất - văn hóa của nông dân ; khắc phục cơ bản nạn suy dinh dưỡng. Tăng thêm diện giàu và đủ ăn, thu hẹp diện nghèo và vùng nghèo.

Xây dựng nông thôn mới, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng xã hội ; tăng cường ổn định chính trị, giữ vững trật tự xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh.

Để đạt được mục tiêu trên đây, phải gắn phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn với quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, coi đó là nhiệm vụ có tầm quan trọng hàng đầu và có ý nghĩa chiến lược. Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn ; xây dựng, đổi mới quan hệ sản xuất phù hợp với tính chất, trình độ và yêu cầu phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới. Đổi mới kinh tế đi đôi với đổi mới hệ thống chính trị ở nông thôn. Đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế-xã hội nông thôn trong bối cảnh mở cửa và cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới ; có chiến lược thị trường, chiến lược khoa học và công nghệ, chính sách khuyến khích và bảo vệ sản xuất trong nước đúng đắn, vừa tăng khả năng đáp ứng nhu cầu nội địa, vừa bảo đảm cạnh tranh thắng lợi trên thị trường nước ngoài, đẩy mạnh xuất khẩu đi đôi với thay thế nhập khẩu, không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đó là những quan điểm cần nắm vững.

Nhiều chủ trương giải pháp đã được nêu lên trong báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị Trung ương, làm cơ sở để Ban Chấp hành Trung ương thảo luận và ra nghị quyết. Tôi thấy cần phân tích rõ và nhấn mạnh thêm một số điểm sau đây.

Trước hết, về vấn đề *chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.*

Digitized by Google

Đến nay, mặc dầu còn nhiều khó khăn, thử thách, song có thể nói đất nước ta đang có nhu cầu cấp bách và đã có một số điều kiện trong nước cũng như quốc tế cần thiết để *đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa*. Là một bộ phận hữu cơ của toàn bộ nền kinh tế quốc dân, ở nông thôn cũng sẽ diễn ra quá trình hình thành cơ cấu kinh tế mới : *nông - công nghiệp và dịch vụ*, bao gồm cả nông-lâm-ngư nghiệp, công nghiệp chế biến nói riêng và công nghiệp nông thôn nói chung, thương nghiệp, du lịch và các dịch vụ khác.

Mục tiêu của việc chuyển dịch đó là nhằm khai thác tốt nguồn tài nguyên to lớn về đất đai, rừng, biển, bao gồm vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn của nước ta, nguồn lao động dồi dào, ưu thế địa lý và sinh thái, nhằm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh, từng bước đa dạng hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn, cải thiện đời sống nông dân, tăng tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, tạo nguồn tích lũy và thị trường rộng lớn để đẩy mạnh công nghiệp hóa. Vấn đề phải xác định là bắt đầu từ đâu, nắm những khâu trọng yếu nào và lựa chọn cơ cấu đầu tư, cơ cấu công nghệ, cơ cấu thị trường ra sao để bảo đảm hiệu quả của quá trình chuyển dịch đó.

Cần khẳng định rằng, sản xuất lương thực luôn luôn là một trong những nhiệm vụ chiến lược để ổn định cuộc sống của nhân dân, ổn định xã hội. Trong những năm tới, cần chú trọng các vùng trọng điểm sản xuất lương thực và những tiểu vùng có khả năng làm lương thực ; tiếp tục đổi mới chính sách và cơ chế để khuyến khích áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, từ khâu giống đến gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch và sau thu hoạch, nhằm sản xuất lương thực đáp ứng nhu cầu của cả nước, có dự trữ vững chắc và có khối lượng xuất khẩu với chất lượng và hiệu quả cao.

Đồng thời, để thoát khỏi thế độc canh của nền nông nghiệp truyền thống, từng bước tiến tới một nền nông nghiệp hiện đại, cơ cấu nông nghiệp phải hướng vào tăng nhanh tỷ suất hàng hóa phù hợp với nhu cầu của thị trường, nâng cao năng suất và hiệu quả trên mỗi đơn vị diện tích và mỗi lao động. Theo hướng đó, phải đẩy mạnh thâm canh để tăng năng suất, sản lượng lương thực và dành được diện tích phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả có giá trị cao. Đưa chăn nuôi lên thành một ngành chính. Đẩy mạnh phát triển và khai thác có hiệu quả các nguồn lợi rừng và biển. Chú trọng phát triển các vùng có khối lượng nông sản hàng hóa lớn, chuyên canh kết hợp với đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, đa dạng hóa ngành nghề ở nông thôn, phù hợp với đặc điểm kinh tế-xã hội, hệ sinh thái và lợi thế so sánh của từng vùng, đi đôi với mở rộng giao lưu trong nước và ngoài nước ; có chương trình, giải pháp thiết thực để hỗ trợ những vùng nghèo, vùng khó khăn vươn lên nhanh.

Cùng với sự chuyển dịch nội bộ nông nghiệp như trên, phải có chính sách và chương trình, biện pháp xúc tiến quá trình công nghiệp hóa nông thôn, nhằm triệt để giải phóng sức sản xuất, tạo thêm việc làm, thúc đẩy phân công lại lao động, theo hướng ai giỏi việc gì làm việc nấy. Mấy năm qua năng suất cây trồng trên một đơn vị diện tích tăng đáng kể. Song, năng suất trên một lao động nông nghiệp nước ta hiện còn quá thấp. Vì vậy, phải chuyển dịch cơ cấu để chuyển dần lao động trong nông nghiệp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ nói chung, trước hết là ngay tại chỗ. Chỉ có như vậy mới có thể vươn tới hiệu quả thực sự của một nền sản xuất hàng hóa trong kinh tế thị trường ; thúc đẩy nhu cầu tiếp cận với công nghiệp hiện đại và khoa học, công nghệ tiên tiến, nâng cao dân trí và tăng nhanh đội ngũ trí thức nông thôn ; cải thiện điều kiện lao động và đời sống của nông dân.

Trước mắt, nếu không sớm phát triển công nghiệp nông thôn, đặc biệt là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản ở cả nông thôn và thành phố, thị xã thì hàng hóa nông sản sẽ bị ứ đọng do dư thừa vào lúc thu hoạch rộ, chất lượng và giá cả bị giảm đi rất nhiều, gây thiệt hại cho nông dân, làm giảm nhiệt tình của họ đối với sản xuất. Vì vậy, phải coi *công nghiệp chế biến* nông, lâm, thủy sản là một trọng tâm phát triển công nghiệp tại nông thôn, theo hướng chung là sơ chế tại chỗ và tinh chế tập trung. Mặt khác, cần phát triển công nghiệp nông thôn một cách toàn diện, từ công nghiệp hàng tiêu

Digitized by Google

dùng đến công nghiệp vật liệu xây dựng công nghiệp cơ khí, chế tạo và sửa chữa... với quy mô nhỏ và vừa là chủ yếu. Lựa chọn các loại hình công nghiệp thích hợp với từng bước phát triển ở từng vùng, vừa tranh thủ công nghệ hiện đại vừa kết hợp tận dụng công nghệ truyền thống ; chú trọng những công nghệ thu hút nhiều lao động, tạo nhiều công ăn việc làm. Công nghiệp và nông nghiệp có mối quan hệ khăng khít, giúp đỡ, thúc đẩy nhau cùng phát triển ; trong đó, công nghiệp đóng vai trò chủ đạo, vì chỉ có công nghiệp hóa thì nông nghiệp mới có thể đạt năng suất và hiệu quả cao. Giữa thành phố và nông thôn cũng phải có mối quan hệ hiệp tác, hỗ trợ, bình đẳng, cùng có lợi và cùng phát triển.

Phải có chính sách mở rộng thị trường, khuyến khích khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống, nâng cao độ tinh xảo, tính dân tộc độc đáo trong các chủng loại mặt hàng. Đồng thời, mở mang nhiều ngành nghề mới ở nông thôn. Khuyến khích các hộ nông dân và các tổ chức hợp tác đầu tư phát triển công nghiệp, đi đôi với khuyến khích các nhà kinh doanh từ thành phố, thị trấn về nông thôn lập nghiệp, góp phần tích cực cùng nông dân phát triển mạnh mẽ công nghiệp nông thôn.

Công nghiệp nông thôn vừa phục vụ nhu cầu tại chỗ, nhu cầu trong nước, vừa tham gia thị trường xuất khẩu. Theo hướng đó, phải phấn đấu đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về sản phẩm tiêu dùng, từ thị trường địa phương vươn ra thị trường cả nước. Đối với xuất khẩu, cần nhanh chóng áp dụng công nghệ chế biến hiện đại, tăng hàm lượng kỹ thuật và giá trị sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh, phấn đấu thâm nhập, từng bước tạo chỗ đứng vững chắc trên thị trường thế giới và khu vực, thu hút nước ngoài đầu tư phát triển công nghiệp và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn nước ta.

Một nền kinh tế muốn phát triển đòi hỏi phải được cung ứng đủ, kịp thời, với chất lượng tốt các dịch vụ cần thiết. Vì vậy, cùng với và nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển nông nghiệp và công nghiệp, phải phát triển mạnh *dịch vụ nông thôn.* Dịch vụ nông thôn nước ta có nhiều dạng, nhiều cấp độ khác nhau và ngày càng phong phú theo đà phát triển của nền kinh tế. Yêu cầu quan trọng và cấp bách đối với các hoạt động dịch vụ ở nông thôn là phải đảm nhiệm vai trò cung ứng các yếu tố của sản xuất và gắn sản xuất với thị trường.

Trước hết, đó là những dịch vụ thuộc kết cấu hạ tầng như thủy lợi, điện, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, vừa tạo ra năng lực sản xuất mới, vừa tăng nhanh khả năng tiếp thị. Đây là lĩnh vực Nhà nước phải tập trung đầu tư, kết hợp với huy động sức dân ở những khâu cần thiết và có điều kiện. Các loại dịch vụ khác không kém phần quan trọng là dịch vụ cung ứng vật tư kỹ thuật và công nghệ, từ giống má, phân bón, thuốc trừ sâu bệnh, đến công nghệ bảo quản sau thu hoạch, hệ thống kho tàng, bốc xếp, chuyên chở, bao bì, là những khâu hiện còn rất yếu và chưa được quan tâm thích đáng. Các dịch vụ tiếp thị và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ tài chính, pháp lý cũng ngày càng cần thiết với nông dân.

Nông dân vừa là người cung cấp sản phẩm nông nghiệp cho thị trường trong nước và xuất khẩu, vừa là người tiêu dùng đông đảo, với nhu cầu ngày càng tăng, cả về khối lượng, chủng loại và chất lượng hàng hóa - dịch vụ. Nông thôn cung cấp sản phẩm cho thị trường, đồng thời chính nông thôn là một thị trường rộng lớn mà các ngành sản xuất, dịch vụ phải hướng vào phục vụ, đáp ứng nhu cầu cả về sản xuất lẫn tiêu dùng, cả về vật chất cũng như về văn hóa. Phát triển kinh tế nông thôn sẽ làm tăng sức mua của nông dân, tạo động lực thúc đẩy các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Tóm lại, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn là con đường cơ bản để tiến hành phân công lại lao động, xã hội hóa nền sản xuất, phát triển kinh tế hàng hóa, tạo ra nhiều việc làm, sản xuất ra nhiều của cải, nâng cao thu nhập, tăng sức mua ổn định và cải thiện đời sống của đồng bào, tác động tích cực đến phát triển công nghiệp và dịch vụ của cả nước. Thực hiện "rời ruộng không rời làng", không làm nông nghiệp nhưng vẫn sinh sống ở nông thôn là cách làm đúng đắn, bằng biện pháp kinh tế

Digitized by Google

là chủ yếu để ngăn làn sóng cư dân nông thôn đổ vào thành phố và các trung tâm công nghiệp lớn, gây rất nhiều khó khăn và hậu quả lâu dài về kinh tế - xã hội như nhiều nước đang gặp phải. Đó là bài học kinh nghiệm lớn mà chúng ta cần tránh và hoàn toàn có khả năng làm việc đó.

Hiện nay, công nghiệp hóa nông nghiệp đang là nhu cầu cấp bách để nâng cao giá trị hàng hóa nông sản, tăng năng suất lao động, phân công lại lao động xã hội nông thôn nước ta. Chúng ta đang phải xuất khẩu hầu hết nông sản dưới dạng thô, với giá rẻ ; lại phải nhập rất nhiều vật tư kỹ thuật, hàng hóa công nghiệp, vừa không có việc làm, giảm thu nhập, chịu thiệt thòi do lệ thuộc vào bên ngoài và do cánh kéo giá cả có lợi cho các nước công nghiệp. Trong khi đó, nhiều năng lực sản xuất, nhiều nguồn lực chưa được huy động để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nhiều cơ sở công nghiệp hiện có, bao gồm công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp hóa chất, phân bón, cơ khí, sản xuất hàng tiêu dùng, v.v... chưa huy động hết công suất sản xuất, chưa định hướng phục vụ nông nhiệp, nông thôn có hiệu quả. Nhiều vùng nông thôn đã có điện, nhưng chủ yếu mới dùng để thắp sáng. Nếu dành một phần vốn của nhà nước để hỗ trợ đầu tư chiều sâu, đổi mới trang thiết bị, có chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh tốt hơn, bảo hộ sản xuất trong nước đúng mức hơn thì hoàn toàn có thể tăng năng lực sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp một cách đáng kể trong thời gian tương đối ngắn.

Nhiều ngành nghề, làng nghề truyền thống trong nông thôn đang được khôi phục và phát triển ở nhiều nơi trong cả nước, chứng tỏ còn nhiều tiềm năng có thể khai thác tốt hơn để phân công lại lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tiến bộ. Sắp tới cần điều tra, tổng kết về những điển hình này để nhân rộng ra nhiều nơi khác với sự hướng dẫn giúp đỡ của Nhà nước.

Đương nhiên chỉ tận dụng các năng lực sản xuất hiện có, phát triển các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp thì chưa đủ. Sắp tới, chúng ta phải xúc tiến xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp thiết yếu, từng bước hiện đại hóa công nghệ - kỹ thuật. Khó khăn chính là vốn. Nhưng một phần không nhỏ nguồn vốn trong dân và nguồn lực của Nhà nước đang bị lãng phí hoặc chưa được huy động. Nếu có chính sách tích lũy, tiêu dùng hợp lý, động viên mọi người tiết kiệm để đầu tư, kết hợp với thu hút vốn bên ngoài dưới nhiều hình thức, thì có thể đẩy mạnh hơn quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Cùng với việc mở rộng quan hệ đối ngoại, phát triển hợp tác làm ăn với bên ngoài, chúng ta ngày càng có thêm điều kiện tranh thủ nguồn vốn, tiếp thu tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, thúc đẩy cạnh tranh, mở rộng thị trường cho việc phát triển công nghiệp nông thôn và công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Cần nhạy bén, chủ động, tranh thủ tận dụng có hiệu quả những khả năng này.

Thưa các đồng chí,

ĐỂ phát huy những thành tựu và tiến bộ mấy năm qua, tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới trong kinh tế nông thôn và nông nghiệp, Đảng ta khẳng định trước sau như một kiên trì và nhất quán thực hiện *chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần* vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa tạo môi trường thuận lợi khuyến khích mọi người dân, mọi thành phần kinh tế phát huy cao độ nguồn lực và tài năng sáng tạo, ra sức phát triển sản xuất, kinh doanh vì lợi ích của mình và của toàn xã hội.

Sự tồn tại các thành phần kinh tế khác nhau là một tất yếu khách quan trên con đường đi lên của đất nước. Tất cả mọi người, mọi doanh nghiệp, mọi thành phần kinh tế không phân biệt quan hệ sở hữu, đều bình đẳng trước pháp luật. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng như hoạt động xã hội phù hợp với pháp luật đều được hoan nghênh, khuyến khích.

Chúng ta nhất thiết không lặp lại cách làm cũ nhiều năm trước đây : Phát triển tràn lan kinh tế quốc doanh, gò ép tập thể hóa, phủ nhận vai trò tự chủ của hộ xã viên, kỳ thị kinh tế tư nhân, cá thể. Song điều đó không có

Digitized by Google

nghĩa là cứ để các thành phần tự nó phát triển mà vẫn có thể đưa nông thôn đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Phải có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý, điều hành có hiệu lực của Nhà nước, củng cố và phát huy hơn nữa vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong toàn bộ nền kinh tế ; khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy sự phát triển của các loại hình hợp tác xã ; tạo đủ điều kiện nhằm huy động tối đa tiềm năng to lớn của kinh tế hộ gia đình xã viên, hộ nông dân cá thể, hộ tư nhân ; mở rộng và tăng cường các quan hệ liên doanh liên kết giữa các thành phần trong đó quốc doanh và hợp tác xã là nòng cốt, dần dần hình thành "chế độ kinh tế hợp tác" trong nông nghiệp và nông thôn, như Lê-nin từng đề cập.

Công cuộc đổi mới trong những năm tới đây cần quán triệt sâu sắc hơn tư tưởng chỉ đạo đó.

Trong chủ trương đổi mới hợp tác xã nông nghiệp, với việc xác định *hộ nông dân xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ* và với chính sách kinh tế nhiều thành phần, chúng ta đã cụ thể hóa một bước rất quan trọng đường lối chiến lược của Đảng : Giải phóng sức sản xuất, khai thác tiềm năng to lớn của nông dân. Hàng triệu hộ nông dân trên cả nước, bao gồm các hộ xã viên hợp tác xã, hộ công nhân viên thuộc các đơn vị quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp và hộ cá thể, tư nhân đã hăng hái hưởng ứng và ra sức thực hiện, đưa đến những thành tựu nổi bật trong nông thôn, nông nghiệp mấy năm qua.

Việc phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ nông dân trong thời gian qua là một nhân tố quyết định sự chuyển biến mạnh mẽ trong nông nghiệp, nông thôn. Bản thân hộ nông dân có vị trí không thay thế được. Song không thể vì thế mà đi đến tuyệt đối hóa kinh tế hộ ; có những giới hạn mà riêng từng hộ không thể vượt qua. Phải liên kết, hiệp tác lại, có sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý, hỗ trợ của Nhà nước thì mới tạo ra được sức mạnh, mới làm nên được sự nghiệp chung của cả dân tộc và của mỗi người, mà từng cá nhân, từng hộ riêng rẽ không thể nào làm được. Đương nhiên, chúng ta sẽ không tập hợp lại theo cách nghĩ, cách làm giản đơn trước đây, mà phải có quan điểm mới, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và yêu cầu trong giai đoạn mới. Đó là sự tập hợp của các hộ nông dân với tư cách là các đơn vị kinh tế tự chủ, tự nguyện liên kết với nhau để cùng hợp sức làm những công việc mà từng hộ một làm không có hiệu quả hoặc không làm được.

Các tổ chức kinh tế hợp tác của hộ nông dân tự chủ có nhiều hình thức, nhiều quy mô, mức độ và trình độ, trên từng lĩnh vực hoặc trên nhiều lĩnh vực, ngành nghề, do nông dân tự nguyện tham gia, phục vụ cho lợi ích của chính họ. Các tổ chức đó phải lấy nội dung kinh tế làm mục tiêu hoạt động, từ đó mà xây dựng vững chắc cơ sở chính trị, xã hội ở nông thôn, thực hiện tốt liên minh kinh tế, chính trị, xã hội giữa nông dân với công nhân và trí thức, giữa nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, giữa nông thôn và đô thị. Những năm trước đây, trong hoàn cảnh chiến tranh với những yêu cầu đặc biệt, hợp tác xã nông nghiệp đã đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Song trong điều kiện và hoàn cảnh mới, chức năng, nhiệm vụ trước đây của hợp tác xã có nhiều điểm không còn phù hợp. Quá trình đổi mới diễn ra trong nông thôn, nông nghiệp mấy năm qua đã và đang đặt ra những đòi hỏi khách quan phải đổi mới một cách căn bản các hợp tác xã cả về tổ chức, phương thức hoạt động, nội dung kinh doanh và cơ chế quản lý. Việc đổi mới đó hoàn toàn không có nghĩa là không cần có hợp tác xã. Ngược lại, khi kinh tế nông nghiệp, nông thôn càng phát triển thì càng có nhu cầu hợp tác rất đa dạng, phong phú, từ thấp đến cao, trên từng lĩnh vực, từng địa bàn cụ thể, hợp tác trong nội bộ nông dân, hợp tác giữa các đơn vị kinh tế, hợp tác trong từng ngành và hợp tác liên ngành nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, hợp tác giữa các thành phần kinh tế. Đó là quy luật vận động khách quan của quá trình hình thành và phát triển nền sản xuất hàng hóa lớn trong nông thôn, nông nghiệp.

Các hợp tác xã nông nghiệp từ chỗ là người trực tiếp quản lý ruộng đất, chỉ huy sản xuất và phân phối sản phẩm, nay chuyển sang thực hiện chức năng hướng dẫn và làm dịch vụ cho hoạt động sản xuất của các hộ xã viên, chăm

Digitized by Google

lo phát triển ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp nông thôn, làm tốt các khâu dịch vụ : thủy lợi, làm đất, giống, vật tư, bảo vệ thực vật, thú y, ứng dụng công nghệ mới... cũng như dịch vụ chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm của các hộ xã viên và các hộ nông dân khác ; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của xã viên ; đồng thời, tham gia cùng chính quyền chăm lo phúc lợi xã hội, kiến thiết nông thôn mới. Quá trình đổi mới hợp tác xã đi liền với việc hoàn thiện quyền tự chủ của các hộ xã viên, giúp đỡ kinh tế hộ nông dân phát triển. Đến nay, một bộ phận hợp tác xã đã chuyển được cả về tổ chức, phương thức và nội dung hoạt động của mình phù hợp với cơ chế mới. Số đông còn lại tuy có cố gắng, song đang gặp nhiều lúng túng trong việc chuyển sang cơ chế mới. Vì vậy, cần sớm tổ chức tổng kết việc này, giúp các hợp tác xã về kinh nghiệm chuyển đổi, để hợp tác xã thật sự trở thành tổ chức tập hợp nông dân, lấy việc hỗ trợ kinh tế hộ xã viên phát triển làm mục tiêu hoạt động chủ yếu. Điều lệ hợp tác xã phải thể hiện nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi, tôn trọng tính sáng tạo, quyền làm chủ của xã viên. Ban quản trị được xã viên trực tiếp bầu ra, chọn trong số người có uy tín và có khả năng nhất để bảo đảm hiệu quả sản xuất, kinh doanh. Bộ máy quản lý phải gọn nhẹ, thu nhập dựa vào hiệu quả kinh doanh của hợp tác xã.

Những hợp tác xã chỉ tồn tại trên hình thức, sau nhiều lần tiến hành đổi mới nhưng vẫn không còn tác dụng và có khả năng chuyển đổi, nông dân không đồng tình thì cấp ủy đảng, chính quyền ở đó xem xét kỹ, làm rõ nguyên nhân, có giải pháp xử lý để nông dân tổ chức các hình thức hợp tác mới phù hợp với yêu cầu của bà con.

Ở một số nơi hợp tác xã và tập đoàn sản xuất tan rã hoặc chỉ còn là hình thức, nông dân đã lập ra nhiều tổ chức hợp tác với mức độ khác nhau, từ vần đổi công, tổ hợp dường nước, làm đất, dịch vụ cho sản xuất, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm. Thực tế đó cần được tổng kết và có sự hướng dẫn, giúp đỡ cần thiết để các tổ chức hợp tác này hoạt động có hiệu quả. Do tính đa dạng của sản xuất nông nghiệp, với đặc thù sinh học và do trình độ ở các vùng rất khác nhau, chúng ta phải chấp nhận tính đa dạng trong quá trình tổ chức và hoạt động của các hình thức kinh tế hợp tác, nhất thiết không thể máy móc, áp đặt ; đồng thời phải lãnh đạo tốt, bảo đảm các hình thức hợp tác đó phát triển đúng hướng, hoạt động thật sự vì lợi ích của nông dân.

Đổi mới các hợp tác xã hiện có, phát triển rộng rãi các hình thức kinh tế hợp tác mới là một quá trình. Việc thực hiện chủ trương Nhà nước trực tiếp giao ruộng đất cho hộ nông dân lâu dài là một yếu tố quan trọng thúc đẩy quá trình đó. Không phải mọi vấn đề đã được giải quyết xong mà sự vật đang vận động, cuộc sống còn phát triển, thực tiễn sẽ chỉ cho ta những bước đi, cách làm thích hợp. Phải coi trọng tổng kết, phổ biến kinh nghiệm và kiên trì hướng dẫn nông dân những cách làm hay để bà con vận dụng.

Trong cơ cấu các thành phần kinh tế, *kinh tế quốc doanh* có vai trò quan trọng. Đó là một công cụ của nhà nước để hỗ trợ nông dân sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Vì vậy, chúng ta khẳng định cần thiết phải có các doanh nghiệp quốc doanh trong nông-lâm-ngư nghiệp, kết hợp với các doanh nghiệp quốc doanh trong công nghiệp, dịch vụ để phục vụ nông dân. Sự có mặt của kinh tế quốc doanh có ý nghĩa to lớn thúc đẩy kinh tế nông nghiệp và nông thôn phát triển, bảo đảm mối quan hệ tốt giữa công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp.

Để vươn lên đóng vai trò trung tâm lôi cuốn, hướng dẫn các thành phần kinh tế khác, các nông, lâm, ngư trường quốc doanh phải tìm tòi và áp dụng các hình thức khoán thích hợp đến công nhân viên chức, gia đình thành viên, và hộ dân cư sở tại, phát huy tốt nhất tiềm năng đơn vị kinh tế tự chủ của hộ. Đồng thời làm tốt quy hoạch, định rõ phương hướng sản xuất, kinh doanh ; đưa tiến bộ khoa học và công nghệ vào nông thôn, nông nghiệp ; tổ chức chế biến, tiêu thụ sản phẩm ; thực hiện tốt vai trò trung tâm công nghiệp dịch vụ, nhất là công nghiệp chế biến ; trung tâm khoa học kỹ thuật, trung tâm văn hóa-xã hội đối với các thành phần kinh tế và dân cư trên địa bàn.

Quốc doanh công nghiệp, giao thông vận tải

Digitized by Google

phải thực sự đóng vai trò đòn bẩy trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng, thực hiện tốt các quá trình thủy lợi hóa, sinh học hóa, cơ giới hóa, điện khí hóa, hóa học hóa trong nông nghiệp một cách hợp lý, mở mang ngành nghề, phục vụ đắc lực công cuộc công nghiệp hóa nông thôn. Quốc doanh thương nghiệp, tín dụng phải vươn lên giữ vai trò chủ đạo, để cùng các thành phần kinh tế khác làm tốt việc cung ứng về vốn, vật tư kỹ thuật... và tiêu thụ sản phẩm. Trong quan hệ với nông dân, một mặt phải thực hiện trao đổi ngang giá, nhất thiết không được độc quyền, ép buộc, bát chẹt nông dân ; mặt khác, phải hỗ trợ nông dân trong cuộc đấu tranh chống đầu cơ, trục lợi.

Tiếp tục khuyến khích *kinh tế tư nhân*, kể cả tư bản tư nhân trong nước và thu hút đầu tư nước ngoài phát triển nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ nông thôn, vận dụng và phát triển tư tưởng của Lê-nin về chủ nghĩa tư bản nhà nước trong thời đại hiện nay, phù hợp với hoàn cảnh nước ta. Động viên các hộ tư nhân đầu tư phát triển các giống cây, con mới có hiệu quả kinh tế cao ; khai thác đất trống, đồi trọc ở các vùng trung du, miền núi, bãi bồi ven biển ; nuôi trồng và khai thác thủy sản ; ra khơi đánh cá ; xây dựng các nông-lâm-ngư trại với quy mô thích hợp ; phát triển tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp, dịch vụ nông thôn ; tham gia xây dựng kết cấu hạ tầng. Đồng thời, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực, xử lý nghiêm minh những hành vi phạm pháp.

Để bảo đảm cho nền kinh tế-xã hội nói chung và kinh tế-xã hội nông thôn nói riêng phát triển liên tục, duy trì được nhịp độ tăng trưởng cao, đúng hướng và lành mạnh, phải tăng cường *hiệu lực quản lý Nhà nước*. Trên thế giới, không một quốc gia nào, một nền kinh tế nào có thể phát triển nếu không có vai trò thích đáng của nhà nước, đặc biệt là khi chính trị gắn chặt với kinh tế như ngày nay. Nội dung quản lý Nhà nước bao gồm các biện pháp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ; phát triển một số ngành sản xuất và dịch vụ trọng yếu ; tạo môi trường thuận lợi, đặc biệt là môi trường pháp lý nghiêm minh, tài chính, tiền tệ ổn định ; ban hành hệ thống chính sách đòn bẩy để định hướng và hỗ trợ các hoạt động kinh tế - xã hội trong nông nghiệp, nông thôn.

Nhà nước dành phần ngân sách thích đáng để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ở nông thôn. Xác định thứ tự ưu tiên đầu tư theo lĩnh vực và theo địa bàn. Về lĩnh vực, trước hết cho thủy lợi, kế đó đến giao thông, điện, thông tin liên lạc. Chú ý cơ sở hạ tầng xã hội, trước hết là trường học, trạm xá. Về địa bàn, cần đầu tư đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế hàng hóa ở một số vùng trọng điểm, làm đầu tàu lôi kéo các vùng khác phát triển theo. Đồng thời, có giải pháp thích đáng giúp các vùng khó khăn vươn lên, đặc biệt quan tâm đến vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng cao, vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng, làm cho trình độ phát triển của các vùng xích dần lại gần nhau. Có kế hoạch, chương trình, dự án tiến hành trong một số năm để đạt mục tiêu trên, không thể nóng vội, rải số vốn ít ỏi khắp nơi không ra tấm món nào, hiệu quả rất thấp.

Nhà nước cũng phải đầu tư nguồn lực thích đáng để sản xuất những hàng hóa-dịch vụ có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển nông nghiệp và kinh tế-xã hội nông thôn, mà khu vực ngoài quốc doanh không đủ sức làm, không muốn làm, hoặc làm thì không có lợi cho quốc kế dân sinh.

Nhà nước phải quản lý, điều tiết, can thiệp vào thị trường đúng lúc, đúng chỗ, khắc phục tình trạng nắm chặt cái cần buông, nhưng lại buông lỏng cái cần phải nắm. Bỏ mặc thị trường không can thiệp, hoặc can thiệp một cách tùy tiện, không cần thiết đều làm trở ngại cho sự phát triển.

Cùng với việc giữ nghiêm kỷ cương phép nước, bảo đảm hiệu lực của pháp luật, Nhà nước phải có lực lượng vật tư hàng hóa và tài chính đủ sức can thiệp kịp thời vào thị trường khi cần thiết,giữ cho nền kinh tế hoạt động ổn định, cân đối, lành mạnh ; khắc phục những đột biến do nhiều nguyên nhân khác nhau ; ngăn chặn tệ đầu cơ, trục lợi.

Mặc dầu còn nhiều khó khăn, chúng ta phải quan tâm đúng mức đến đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa và xã hội ở nông thôn. Chăm lo đến cuộc sống vật chất và văn hóa, phổ cập

Digitized by Google

các phương tiện truyền thông, nâng cao dân trí và sức khỏe của đồng bào vừa là mục tiêu, vừa tạo ra động lực to lớn phát triển kinh tế-xã hội nông thôn. Bài học kinh nghiệm của một số nước phát triển nhanh là ngay từ lúc bắt tay vào kiến thiết đất nước, cùng với xây dựng kết cấu hạ tầng vật chất, phải chăm lo xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, coi đó là nền móng để phát triển lâu bền.

Cùng với pháp luật, Nhà nước phải ban hành hệ thống chính sách để định hướng và thúc đẩy nền kinh tế phát triển theo những mục tiêu đã đề ra. Đối với nông nghiệp và nông thôn, *chính sách ruộng đất* là một trong những chính sách quan trọng nhất. Nông dân cả nước đang chăm chú theo dõi và chờ đợi các quyết định của hội nghị Trung ương và kỳ họp Quốc hội sắp tới về vấn đề này. Trên cơ sở xác định đất đai thuộc sở hữu toàn dân, hội nghị Trung ương lần này và kỳ họp Quốc hội sắp tới sẽ bàn và quyết định về những quyền và nghĩa vụ của nông dân về ruộng đất, sao cho trên mỗi mảnh đất, mỗi khoảnh rừng, mặt nước đều có người làm chủ cụ thể, làm cho đất đai, đồng ruộng ngày càng màu mỡ, phì nhiêu, sinh lời ngày càng lớn, hiệu quả khai thác ngày càng cao, gắn với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Các quyền mà dân được giao, nghĩa vụ mà dân phải thực hiện, thời hạn và mức độ đến đâu là những điều chúng ta cần thảo luận kỹ. Những quyền tự chủ về ruộng đất giao cho nông dân phải đủ rộng rãi để khuyến khích bà con yên tâm đầu tư phát triển lâu dài ; song đó không phải là quyền tư hữu, vì Nhà nước nắm quyền định đoạt tối cao. Người được giao quyền mà không làm tròn nghĩa vụ của mình, vi phạm các quy định của pháp luật thì đất đai có thể sẽ bị thu hồi. Quyết định đúng đắn về giao quyền tự chủ ruộng đất cho nông dân sẽ tạo ra động lực phát triển nông nghiệp, nông thôn. Song cần tránh khuynh hướng sai lầm muốn tư hữu hóa ruộng đất, trái với Cương lĩnh của Đảng, Hiến pháp của Nhà nước, với đường lối phát triển nông nghiệp, nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, làm thiệt hại đến lợi ích của chính nông dân.

Trước mắt, phải làm sao cho mỗi nông dân có nhu cầu sản xuất nông nghiệp đều có quyền làm chủ một phần ruộng đất, với giới hạn tùy theo đặc điểm của từng vùng. Đó cũng là thực hiện công bằng xã hội trong thời điểm hiện nay. Trong tương lai, trên con đường công nghiệp hóa đất nước, công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn sẽ diễn ra phân công lại lao động, đa dạng hóa ngành nghề ngay tại nông thôn, thì tất yếu cũng diễn ra quá trình tích tụ ruộng đất. Phải làm cho quá trình này diễn ra một cách lành mạnh, bảo đảm đoàn kết và ổn định ở nông thôn, thúc đẩy nâng cao năng suất trên mỗi đơn vị diện tích và mỗi lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Đồng thời, pháp luật phải nghiêm cấm phát canh thu tô, buôn đi bán lại ruộng đất kiếm lời ; ngăn chặn chuyển nhượng ruộng đất để tiêu xài, rượu chè, cờ bạc. Có chính sách điều tiết thích hợp để thực hiện công bằng xã hội.

Ngoài chính sách ruộng đất, cần đổi mới và bổ sung thêm các chính sách về thị trường tiêu thụ nông sản, chính sách thuế, tín dụng, bảo hiểm, khuyến nông, chính sách hỗ trợ đối với sản xuất nông nghiệp và đối với nông dân ; chính sách ưu đãi về thuế, vốn, lãi suất đối với vùng miền núi và vùng đồng bào dân tộc còn nhiều khó khăn ; đối với việc ra khơi đánh bắt cá, lên trung du miền núi phủ xanh đất trống đồi trọc, mở mang tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp nông thôn, tạo nhiều việc làm cho nông dân, tận dụng lao động nông nhàn, tạo ra giống cây con mới, ứng dụng công nghệ cao... phục vụ thiết thực phát triển nông nghiệp, nông thôn, phân công lại lao động, xã hội hóa nền sản xuất.

Có chính sách đầu tư, khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học, vào phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Chính sách xã hội có vai trò rất quan trọng, nhất là trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, vừa phải khắc phục những hậu quả lâu dài, đai dẳng của mấy thập kỷ chiến đấu, hy sinh giành độc lập, vừa đang chuyển mạnh sang kinh tế thị trường. Những hậu quả cũ chưa khắc phục xong thì những vấn đề mới lại nảy sinh, đòi hỏi phải giải quyết. Tư tưởng chỉ đạo của Đảng

Digitized by Google

ta là : Tăng trưởng kinh tế đi đôi với công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường. Đương nhiên, Nhà nước phải dành ngân sách để giải quyết vấn đề xã hội, song một nguồn quan trọng nữa là phải động viên toàn xã hội cùng Nhà nước chăm lo. Nhà nước và nhân dân mãi mãi biết ơn những người con đã hy sinh xương máu, cuộc đời cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Việc đền ơn đáp nghĩa không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ của chúng ta, mà còn là tấm lòng tình cảm sâu đậm thuộc bản chất dân tộc.

Xây dựng nông thôn là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, trực tiếp là của nông dân. Vì vậy, phải động viên toàn xã hội cùng nông dân cả nước xây dựng nông thôn mới, thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm. Ra sức phát triển sản xuất, thực hành tiết kiệm để tăng đầu tư phát triển bằng nguồn trong nước là chính. Đồng thời tận dụng các nguồn viện trợ, vốn vay xây dựng nông thôn, nông nghiệp đúng mục đích, đúng đối tượng. Có cơ chế và tổ chức để kiểm soát chặt chẽ, bảo đảm mọi nguồn vốn đều đến tận tay người trực tiếp sử dụng, nhất thiết không được "bẻ lái" để làm việc khác ; chống mọi biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, đục khoét; nghiêm trị những hành vi xâm phạm tài sản và vốn liếng của Nhà nước và của nhân dân.

Nhằm động viên toàn dân phát huy cao độ tiềm năng sáng tạo, tiết kiệm để đầu tư phát triển, chủ trương nhất quán, lâu dài của Đảng ta là khuyến khích mọi người thi đua làm giàu hợp pháp, đi đôi với xóa đói giảm nghèo, phấn đấu để mọi gia đình đều trở nên khá giả, thực hiện lời dạy của Bác Hồ, làm cho "người nghèo thì đủ ăn, người đủ ăn thì khá giàu, người khá giàu thì giàu thêm". Khuyến khích nông dân tham gia các hình thức bảo hiểm sản xuất, bảo hiểm sinh hoạt hoặc bảo trợ tự nguyện do nông dân, các hợp tác xã, các doanh nghiệp nhà nước cùng lập ra để ứng phó với rủi ro, thiên tai, khắc phục các khó khăn bất thường về sản xuất và đời sống.

Khuyến khích mọi người làm việc nghĩa và từ thiện. Song, điều quan trọng hơn nữa là giúp những người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn về điều kiện và kinh nghiệm làm ăn, để tự vươn lên thoát khỏi cảnh nghèo, phấn đấu cùng mọi người làm giàu cho mình và cho đất nước. Đó mới là sự giúp đỡ lâu dài, căn bản.

Để thực hiện được phương hướng, nhiệm vụ như đề án đã nêu, phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của *hệ thống chính trị* hiện hành.

Cần tổ chức thực hiện tốt nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, *tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng* ở nông thôn, bảo đảm cho mỗi tổ chức thực sự đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo mọi lĩnh vực đời sống xã hội trên từng địa bàn. Đảng bộ phải lãnh đạo tốt quá trình chuyển đổi hợp tác xã hiện có và hình thành các tổ chức hợp tác mới, tôn trọng nguyên tắc tự nguyện, phát huy quyền làm chủ của xã viên và đồng bào nông thôn, bảo đảm cho kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển mạnh mẽ, làm cho nông dân và nông thôn ngày càng trở nên giàu có hơn, dân chủ và công bằng hơn, củng cố, tăng cường khối đoàn kết toàn dân ở từng làng, xã. Mỗi tổ chức đảng ở nông thôn cần nhận thức rõ nhiệm vụ hàng đầu của mình là để ra được định hướng phát triển toàn diện kinh tế-xã hội, phương án bảo đảm an ninh-quốc phòng của địa phương, cơ sở, có chương trình, kế hoạch cụ thể, thiết thực để lãnh đạo và tổ chức nhân dân thực hiện.

Giáo dục cán bộ, đảng viên thấu suốt quan điểm, đường lối đổi mới, thể hiện trong các nghị quyết của Đảng, nhất là nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này. Từ đó mà giao nhiệm vụ cho đảng viên gương mẫu đi đầu trong mỗi phong trào ; nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm gương cho mọi người noi theo. Đặc biệt là tập trung xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ; phát huy đầy đủ dân chủ, trước hết là dân chủ trong kinh tế ; chống tham nhũng, đặc quyền, đặc lợi, và mọi biểu hiện hống hách, xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân trong sản xuất và trong sinh hoạt mọi mặt của thôn, xã.

Chính quyền cấp xã có vị trí rất quan trọng, vì đây là nơi trực tiếp tổ chức thực hiện mọi đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của

Digitized by Google

Nhà nước, nơi mọi người trực tiếp bày tỏ nguyện vọng và thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi công dân của mình. Trong thời gian tới, chính quyền xã cần tập trung thực hiện *chức năng quản lý Nhà nước* trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội ở địa phương, xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn ; xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế-xã hội ở nông thôn. Trước đây, những công việc này thường do các hợp tác xã nông nghiệp đảm nhiệm. Nay chính quyền xã cùng các hợp tác xã và tổ chức kinh tế hợp tác động viên nhân dân toàn xã tích cực tham gia thực hiện những nhiệm vụ đó, có sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước các cấp.

Xu hướng chung là ở nông thôn sẽ ngày càng xuất hiện nhiều ngành nghề, từ nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp đến thương nghiệp, dịch vụ, nhiều thành phần và tổ chức kinh tế như doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, hộ xã viên, hộ cá thể, doanh nghiệp tư nhân, liên kết, liên doanh giữa các thành phần kinh tế, và trong một số trường hợp có cả các cơ sở hợp tác, liên doanh với nước ngoài ; sẽ hình thành một số thị trấn, thị tứ ngay tại địa bàn thôn, xã. Vì vậy, chính quyền xã cần nâng cao năng lực để thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với tất cả các lĩnh vực, các thành phần, các tổ chức kinh tế trên địa bàn trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao ; trước hết tập trung vào việc quản lý đất đai, thu thuế, điều hòa, phối hợp hoạt động kinh tế của các tổ chức, các thành phần, nắm vững pháp luật và chính sách để giải quyết đúng đắn và kịp thời các vấn đề nảy sinh thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của mình. Nhà nước cần sớm nghiên cứu để ra quy chế thích hợp với chức năng, vai trò của xã, của thôn xóm, làng bản trong tình hình mới. Trong khuôn khổ pháp luật và dựa vào những quy định này, xã có thể xây dựng "hương ước" làm cơ sở để tổ chức, quản lý hoạt động kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng... trên địa bàn.

Để thích ứng với những biến đổi về cơ cấu kinh tế-xã hội nông thôn, cần *đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương thức hoạt động của mặt trận và các đoàn thể* một cách thiết thực. Hội nông dân, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội cựu chiến binh và các hội nghề nghiệp cần dựa vào chức năng của tổ chức mình mà vận động, tổ chức hội viên, Đoàn viên thi đua sản xuất, tiết kiệm, đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước, đẩy mạnh phong trào xóa đói giảm nghèo, xóa nạn mù chữ, giúp đỡ người tàn tật, neo đơn, thực hiện kế hoạch hóa gia đình... tham gia xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án phù hợp với điều kiện từng vùng, từng địa phương, cơ sở ; góp phần giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, củng cố quốc phòng ; tăng cường khối đoàn kết dân tộc ở nông thôn.

Các đoàn thể phải củng cố tổ chức vững mạnh, xây dựng lực lượng nòng cốt, đổi mới hình thức sinh hoạt, bàn và làm những việc thiết thực đáp ứng lợi ích và nguyện vọng của hội viên.

Để thực hiện được nhiệm vụ của cơ sở trong giai đoạn mới, phải kiện toàn đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể, cán bộ quản lý hợp tác xã ở nông thôn ; bồi dưỡng, đào tạo và bố trí những người có đủ năng lực và phẩm chất, biết lãnh đạo, quản lý, điều hành công việc theo cơ chế mới, được nhân dân tín nhiệm. Có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để anh chị em yên tâm làm việc, đóng góp xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Thưa các đồng chí,

CHÚNG ta tin tưởng sâu sắc rằng nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này và nghị quyết kỳ họp Quốc hội sắp tới sẽ là một mốc lớn đánh dấu bước phát triển mới trong nông nghiệp và nông thôn, dấy lên phong trào cách mạng sâu rộng, động viên toàn dân đoàn kết phấn đấu, đẩy mạnh sản xuất, tiết kiệm, phát huy cao độ trí thông minh, óc sáng tạo trong việc triển khai thực hiện, nhằm phát triển mạnh mẽ kinh tế-xã hội, xây dựng nông thôn mới ; củng cố vững chắc quốc phòng, an ninh, phấn đấu giành nhiều tháng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Chúc các đồng chí dồi dào sức khỏe.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 5

HỘI nghị lần thứ 5 BCHTƯ Đảng (khóa VII) đã thảo luận và quyết định nhiều vấn đề hết sức quan trọng nhằm thúc đẩy sự nghiệp phát triển nông nghiệp (bao gồm cả lâm nghiệp, ngư nghiệp) và xây dựng nông thôn (cả đồng bằng, miền biển, trung du, miền núi). Trong đó nổi bật nhất là một số vấn đề sau đây :

1 - Vấn đề bao trùm và có ý nghĩa xuyên suốt là vấn đề định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

Cương lĩnh của Đảng ta đã nêu ra các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng. Từng bước thực hiện trên thực tế các đặc trưng đó chính là quá trình thể hiện và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa. Đối với nông nghiệp và nông thôn, chúng ta cũng phải quán triệt thực hiện các nội dung đó. Trước mắt tập trung thực hiện tốt mấy điểm :

- Không ngừng giải phóng và phát triển sức sản xuất, tạo ra nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống vật chất, văn hóa của nông dân, từng bước xóa đói giảm nghèo, làm cho mọi gia đình trở nên khá giả.

- Trong quá trình đó, đồng thời phải xây dựng, đổi mới từng bước quan hệ sản xuất cho phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, từng bước phát huy vai trò nền tảng của kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác trong nền kinh tế nhiều thành phần ; phát huy quyền làm chủ của người lao động, thực hiện công bằng xã hội, dân chủ, và đoàn kết trong nông thôn.

Để đạt tới một nền kinh tế xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng mà *Cương lĩnh* của Đảng đã nêu ra, đòi hỏi một thời kỳ khá lâu dài, phải trải qua nhiều nấc thang quá độ, vận dụng nhiều hình thức trung gian. Vì chưa có tiền lệ lịch sử để tham khảo, chúng ta phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm, kịp thời điều chỉnh nhận thức và hành động cho phù hợp với quy luật khách quan và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước, sao cho vừa không trệch đích cuối cùng, vừa không giản đơn, nóng vội, tự trói buộc mình bởi những quan niệm cũ, những mô hình không phù hợp.

- Để nông nghiệp và nông thôn phát triển, không thể bỏ mặc cho các thành phần kinh tế tự thân vận động, mà nhất thiết phải có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, vai trò quản lý, điều hành có hiệu lực của Nhà nước. Nhà nước bằng các công cụ như luật pháp, kế hoạch, chính sách, lực lượng kinh tế của mình, phải điều tiết, can thiệp vào thị trường nông thôn một cách hợp lý để phát huy tác động tích cực, ngăn ngừa các tác động tiêu cực của cơ chế thị trường, khai thác mặt mạnh, hạn chế mặt yếu của từng thành phần, bảo đảm cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong nông nghiệp, nông thôn nói riêng, trong nền kinh tế quốc dân nói chung, đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2 - Các thành phần kinh tế trong quá trình phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn.

Cương lĩnh của Đảng đã khẳng định : *"Phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa.* Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và mở rộng. Kinh tế cá thể còn có phạm vi tương đối lớn, từng bước đi vào con đường làm ăn hợp tác trên nguyên tắc tự nguyện, dân chủ và cùng có lợi. Tư bản tư nhân được kinh doanh trong những ngành có lợi cho

Digitized by Google

quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Phát triển kinh tế tư bản nhà nước dưới nhiều hình thức. Kinh tế gia đình được khuyến khích phát triển mạnh..." (1)

Qua thực tiễn, chúng ta ngày càng khẳng định tác động to lớn của chính sách kinh tế nhiều thành phần và sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện nhất quán, ổn định và lâu dài chính sách đó trong nền kinh tế nói chung, trong nông nghiệp và nông thôn nói riêng.

Vừa qua, bên cạnh khuynh hướng ít nhiều muốn duy trì kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể theo kiểu cũ, tư tưởng bao cấp còn nặng, lại có khuynh hướng buông lỏng, và tình trạng lúng túng trong việc chuyển đổi, chưa coi trọng đúng mức vai trò của kinh tế quốc doanh, kinh tế hợp tác xã. Cả hai khuynh hướng trên đều không đúng. Sắp tới cần tiếp tục thực hiện tốt hơn chính sách kinh tế nhiều thành phần theo các định hướng sau đây :

Đối với *kinh tế hợp tác xã,* chúng ta khẳng định phải đổi mới căn bản các hợp tác xã theo hướng vừa phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên, vừa làm tốt công tác quy hoạch, hướng dẫn sản xuất, tập trung phát triển những loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà từng hộ xã viên không làm được hoặc làm không có hiệu quả. Làm như vậy không mâu thuẫn, mà trái lại chính là để tạo điều kiện và hỗ trợ hộ xã viên phát huy cao độ tiềm năng của đơn vị kinh tế tự chủ, tăng thêm việc làm và thu nhập cho hộ xã viên, phối hợp với chính quyền trong sự nghiệp phúc lợi xã hội và xây dựng nông thôn mới.

Trải qua nhiều năm xây dựng, kinh tế hợp tác xã đã tạo lập được những cơ sở vật chất và tâm lý xã hội nhất định trong nông thôn. Sự phát triển của nông thôn không thể không cần đến các hình thức kinh tế hợp tác. Vì vậy, chúng ta cần nỗ lực giúp đỡ, hướng dẫn, thúc đẩy những hợp tác xã đã được xây dựng trước đây chuyển đổi cho có hiệu quả. Trong quá trình này cần phát huy sáng kiến, tìm ra những cách làm phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng ngành nghề, không quy định cứng nhắc cấm làm điều này điều nọ. Điều quan trọng là phải tuân thủ nguyên tắc "tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi".

Những hợp tác xã chỉ tồn tại trên hình thức, sau nhiều lần tiến hành đổi mới, nhưng vẫn không có khả năng chuyển đổi thì cấp ủy, chính quyền ở đó xem xét kỹ, làm rõ nguyên nhân, tìm giải pháp xử lý, để nông dân tổ chức các hình thức hợp tác mới phù hợp với yêu cầu của họ.

Bên cạnh các hợp tác xã đã có từ trước, những năm vừa qua, ở nông thôn đã xuất hiện nhiều loại hình kinh tế hợp tác. Đối với những loại hình kinh tế hợp tác mới này, cần có sự nghiên cứu tổng kết, rút kinh nghiệm mặt được, mặt chưa được, để khuyến khích và hướng dẫn phát triển đúng hướng.

Đối với *kinh tế quốc doanh,* phải thừa nhận rằng cho đến nay, còn nhiều doanh nghiệp quốc doanh trong nông, lâm, ngư nghiệp hoạt động kém hiệu quả. Từ đó đã có ý kiến muốn thu hẹp hoặc xóa bỏ các doanh nghiệp này. Nhưng kinh tế quốc doanh là một công cụ quan trọng của nhà nước để hỗ trợ và lôi cuốn nông dân và các thành phần kinh tế khác ở nông thôn đi nhanh lên sản xuất lớn trong cơ chế thị trường. Một số mô hình quốc doanh hoạt động tốt chứng tỏ rằng kinh tế quốc doanh trong nông, lâm, ngư nghiệp có khả năng đảm nhiệm được vai trò đó.

Vì vậy, phải đổi mới để phát triển có hiệu quả kinh tế quốc doanh trong nông, lâm, ngư nghiệp. Hướng đổi mới là : tùy điều kiện cụ thể mà có hình thức khoán hợp lý, nhằm phát huy tốt vai trò tự chủ của công nhân viên chức, các hộ thành viên, và hộ dân cư ở địa phương, sử dụng có hiệu quả nhất vốn liếng, tài sản của nhà nước, vươn lên làm tốt chức năng trung tâm công nghiệp - dịch vụ, nhất là công nghiệp chế biến, trung tâm khoa học - kỹ thuật, trung tâm văn hóa - xã hội cho các thành phần kinh tế và dân cư trên địa bàn.

Đồng thời cũng phải xác định rõ trách nhiệm của quốc doanh công nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ đối với nông nghiệp và nông thôn. Việc các ngành kinh tế quốc doanh này ở nhiều nơi bỏ trống trận địa nông thôn, buông lỏng liên minh công nông, để cho tư thương thao túng thị trường, chèn ép nông dân như vừa qua là một thiếu sót lớn. Quốc doanh công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ phải coi trọng phục vụ nông nghiệp và nông thôn, xây dựng mạng lưới và cơ chế hoạt động thích hợp để cùng các thành phần khác đáp ứng ngày

(1) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội,* Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 11-12

Digitized by Google

càng tốt hơn các nhu cầu sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản và nhu cầu đời sống của nông dân, góp phần ổn định thị trường, làm nòng cốt trong sự nghiệp công nghiệp hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Việc phát huy vai trò *đơn vị kinh tế tự chủ của hộ nông dân* trong thời gian qua là một nhân tố quyết định đem lại sự chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp và nông thôn. Chủ trương đổi mới và phát triển kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác không có nghĩa là đánh giá thấp tiềm năng rất to lớn và vị trí quan trọng lâu dài của kinh tế hộ, mà cũng chính là để phát huy đầy đủ hơn vai trò của kinh tế hộ. Chúng ta coi kinh tế hộ có vị trí quan trọng, lâu dài; giúp đỡ phát triển và hướng dẫn từng bước tham gia các loại hình kinh tế hợp tác một cách tự nguyện ; khuyến khích các nhà kinh tế tư nhân đầu tư kinh doanh nhiều hơn nữa để phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn ; tạo điều kiện và hoan nghênh các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn hợp tác liên doanh vào công cuộc phát triển nông nghiệp, nông thôn Việt nam. Chúng ta khẳng định các thành phần kinh tế, các loại hộ nông dân đều bình đẳng trước pháp luật, được bảo hộ lợi ích hợp pháp.

Việc phân biệt các loại hình kinh tế hộ không nhằm mục đích phân biệt đối xử, nhưng là cần thiết để quan tâm đến các đặc điểm, tính chất khác nhau của mỗi loại hình kinh tế hộ, có chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của mỗi loại hộ và để có cơ sở phân tích, dự báo những xu hướng biến đổi trong kinh tế, xã hội nông thôn, để lãnh đạo nông nghiệp, nông thôn phát triển đúng hướng.

3 - Vấn đề ruộng đất.

Cương lĩnh của Đảng và Hiến pháp hiện hành đã khẳng định "đất đai thuộc sở hữu toàn dân". Không một tổ chức, cá nhân nào có quyền sở hữu riêng đối với đất đai ở Việt nam, hoặc viện bất cứ lý do lịch sử nào để đòi quyền sở hữu đó.

Để bảo đảm cho đất đai có người làm chủ cụ thể, được sử dụng có hiệu quả, bảo đảm công bằng và ổn định xã hội, thúc đẩy quá trình phân công lại lao động theo hướng ai giỏi nghề gì làm nghề ấy, chúng ta chủ trương giao ruộng đất cho nông dân sử dụng lâu dài : nông dân được *quyền thừa kế, cho thuê, chuyển đổi, chuyển nhượng, thế chấp* theo những quy định cụ thể của pháp luật. Những quyền nói trên là khá rộng rãi và đủ để khuyến khích nông dân yên tâm đầu tư phát triển kinh doanh, sử dụng đất có hiệu quả, nhưng không phải là quyền sở hữu, vì nhà nước có quyền định đoạt tối cao đối với ruộng đất, và nếu người sử dụng không làm tròn nghĩa vụ của mình, vi phạm các quy định của luật pháp thì đất đai có thể sẽ bị nhà nước thu hồi.

- Về *thời hạn giao đất*, cần thiết phải quy định thời hạn đủ dài và phân biệt tùy theo loại đất trồng cây ngắn ngày hay cây lâu năm. Thời hạn cụ thể bao nhiêu năm là do Quốc hội quyết định. Hết thời hạn đó, nếu người sử dụng có nhu cầu và đủ điều kiện sẽ được sử dụng tiếp.

- Việc *chuyển nhượng ruộng đất* phải theo đúng quy định của luật pháp, được cấp chính quyền có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận, không nên gò ép người muốn chuyển nhượng phải nhất thiết chuyển nhượng cho nhà nước, vì điều đó sẽ ngăn cản việc phát triển các giao dịch trực tiếp giữa nông dân với nhau, đẻ ra một khâu trung gian không cần thiết, và dễ nảy sinh tiêu cực.

- Về vấn đề *hạn điền* cần theo đúng tư tưởng chỉ đạo nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 (khóa VII) : "quy định rõ các điều kiện cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ngăn ngừa tình trạng người sống bằng nghề nông không còn ruộng đất, người mua quyền sử dụng đất không phải để sản xuất mà để buôn bán ruộng đất, phát canh thu tô. Mức tập trung ruộng đất vào một hộ cũng phải quy định giới hạn tối đa tùy vùng và loại đất". Còn mức hạn điền cụ thể là bao nhiêu do Quốc hội quy định trong luật đất đai, Chính phủ hướng dẫn thực hiện phù hợp với đặc điểm từng vùng và có giải pháp thích hợp đối với những người đang canh tác số ruộng đất trên mức hạn điền.

Riêng đối với đất đồi núi trọc, đất khai hoang lấn biển để sản xuất kinh doanh nông, lâm, ngư nghiệp, lúc này chưa nên quy định hạn điền để khuyến khích việc đầu tư khai thác ; đồng thời, Chính phủ cần nghiên cứu để có chính sách và quy định hợp lý, bảo đảm cả yêu cầu trước mắt và lâu dài.

- Hiện nay có một bộ phận nông dân thực tế không có ruộng. Cấp ủy và chính quyền địa phương cần xem xét kỹ từng trường hợp, nếu họ thực sự có nhu cầu về ruộng đất để trực tiếp sản xuất, thì cấp đất cho họ từ quỹ đất dự trữ, từ đất đai thu hồi được do lấn chiếm trái phép, hoặc tạo điều kiện cho họ đi đến làm ăn sinh sống ở vùng kinh tế mới, v.v..

Digitized by Google

- Về *quỹ đất dự trữ* để lại cho xã, tùy nhu cầu cụ thể mà địa phương quyết định có để lại quỹ đất này hay không, và nếu để thì cũng không quá 5% tổng quỹ đất của xã và việc sử dụng phải theo đúng luật đất đai và các quy định, hướng dẫn của Chính phủ.

4 - Về bố trí cơ cấu sản xuất nông nghiệp và vấn đề thị trường.

Đúng là trong kinh tế hàng hóa, thị trường là căn cứ quan trọng nhất để định hướng phát triển sản xuất, mọi phương án sản phẩm trước hết phải xuất phát từ nhu cầu thị trường thì mới bảo đảm hiệu quả kinh tế. Nhưng nói như vậy không có nghĩa là không thể nghiên cứu, dự báo thị trường để xây dựng quy hoạch và định hướng cơ cấu sản xuất, nhất là cho những vùng và những sản phẩm quan trọng, thiết yếu. Hơn nữa, việc đó là rất cần thiết để có căn cứ xác định hướng ưu tiên đầu tư, nghiên cứu khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất, bố trí hợp lý mạng lưới các xí nghiệp công nghiệp chế biến, dịch vụ... Cần hiểu quy luật của thị trường nông sản hàng hóa là thường xuyên dao động, từ đó mà nắm bắt xu hướng phát triển chính để lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tìm cách xử lý những biến động bất thường khó tránh khỏi để giảm bớt rủi ro, thua thiệt, phát triển sản xuất kinh doanh ổn định. Một số loại sản phẩm nông nghiệp chủ yếu của nước ta như gạo, thủy sản, dự kiến trong nhiều năm tới nhu cầu trong nước và thế giới vẫn còn lớn và ổn định. Một số loại như cà phê, cao su, chè... tuy nhu cầu có thay đổi trong từng giai đoạn nhưng không phải là thay đổi cơ bản. Vì vậy, việc xác định phương hướng và quy hoạch phát triển các loại cây này là có cơ sở và cần thiết. Đương nhiên, không cần quy định quá chi tiết chỉ tiêu số lượng và trong quá trình thực hiện cũng cần tùy tình hình cụ thể mà có sự điều chỉnh linh hoạt.

Thị trường tiêu thụ nông sản là vấn đề rất quan trọng và bức xúc, nhưng cũng rất phức tạp. Phương hướng và giải pháp cơ bản để giải quyết vấn đề thị trường là phải kết hợp tăng sức mua của thị trường trong nước với tích cực mở rộng thị trường ngoài nước, đẩy mạnh xuất khẩu đi đôi với thay thế nhập khẩu. Để mở rộng thị trường trong nước, phải đẩy mạnh đầu tư phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp xây dựng, dịch vụ, tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, từ đó tăng sức mua xã hội. Để mở rộng thị trường ngoài nước, phải đẩy mạnh áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nhất là giống mới và công nghệ chế biến, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, kết hợp việc duy trì các thị trường truyền thống với khai thông các thị trường mới v.v..

Trước mắt, cần tập trung làm tốt công tác tiếp thị và thông tin thị trường cho nông dân, phát triển các hoạt động thương nghiệp giúp nông dân đẩy mạnh tiêu thụ hàng hóa, có chính sách khuyến khích hơn nữa việc xuất khẩu nông sản, có chính sách tỷ giá hối đoái đúng đắn, miễn giảm thuế xuất khẩu nông sản, bảo hộ sản xuất nông nghiệp nội địa, bảo vệ thị trường trong nước, bảo trợ giá một số nông sản chủ yếu.

Việc giải quyết vấn đề thị trường đòi hỏi sự phối hợp cố gắng của các ngành các cấp từ trung ương đến cơ sở, nhất là các cơ quan quản lý vĩ mô và sự năng động sáng tạo của người sản xuất, các nhà kinh doanh.

5 - Vấn đề công nghiệp hóa và phát triển công nghiệp nông thôn

Hiện nay, nhu cầu công nghiệp hóa nông nghiệp, để nâng cao giá trị hàng hóa nông sản, tăng năng suất lao động, phân công lại lao động xã hội nông thôn nước ta đang hết sức bức bách. Nếu không đẩy mạnh công nghiệp hóa thì nông nghiệp và nông thôn cũng không thể tiếp tục phát triển nhanh và có hiệu quả. Chúng ta đang phải xuất khẩu nông sản hầu hết dưới dạng thô, giá rẻ ; lại phải nhập vật tư kỹ thuật, hàng hóa công nghiệp rất nhiều, vừa không có việc làm, mất thu nhập, lại lệ thuộc vào bên ngoài, chịu thiệt thòi do cánh kéo giá cả có lợi cho các nước công nghiệp. Trong khi đó thì nhiều năng lực sản xuất, nhiều nguồn lực chưa được huy động để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.

Nhiều cơ sở công nghiệp hiện có, bao gồm công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp hóa chất, phân bón, công nghiệp cơ khí, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng v.v. chưa huy động hết công suất sản xuất, chưa định hướng phục vụ nông nghiệp, nông thôn có hiệu quả. Nhiều vùng nông thôn đã có điện, nhưng mới chủ yếu dùng để thắp sáng. Nếu chúng ta dành một phần vốn của nhà nước để hỗ trợ đầu tư chiều sâu, đổi mới một số trang thiết bị cần thiết, có chính sách khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh tốt hơn, bảo hộ sản xuất trong nước đúng mức hơn, thì chúng ta hoàn toàn có thể tăng năng lực sản xuất công nghiệp phục vụ nông nghiệp một cách đáng kể trong thời gian tương đối ngắn.

Digitized by Google

Nhiều ngành nghề, làng nghề truyền thống trong nông thôn đang được khôi phục và phát triển ở nhiều nơi trong cả nước, chứng minh ràng còn nhiều tiềm năng có thể khai thác tốt hơn để phân công lại lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tiến bộ. Sáp tới cần điều tra, tổng kết về những điển hình này để có sự hướng dẫn, giúp dỡ của nhà nước, tạo điều kiện nhân rộng ra nhiều nơi khác.

Tất nhiên, chỉ tận dụng các năng lực sản xuất hiện có, phát triển các ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp không thôi thì chưa đủ. Sáp tới, phải xúc tiến xây dựng mới một số cơ sở công nghiệp thiết yếu, từng bước hiện đại hóa công nghệ - kỹ thuật. Khó khăn chính là vốn. Nhưng nguồn vốn trong dân, nguồn lực của nhà nước (đang bị lãng phí hoặc chưa được huy động) là không nhỏ. Nếu có chính sách tích lũy, tiêu dùng hợp lý, động viên tiết kiệm đầu tư, kết hợp với thu hút vốn bên ngoài dưới nhiều hình thức, chúng ta có thể đẩy mạnh hơn quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Cùng với việc mở rộng quan hệ đối ngoại, phát triển hợp tác làm ăn với bên ngoài, chúng ta ngày càng có thêm điều kiện tranh thủ nguồn vốn, tiếp thu tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, thúc đẩy cạnh tranh, mở rộng thị trường cho việc phát triển công nghiệp nông thôn và công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Cần nhạy bén, chủ động, tranh thủ tận dụng có hiệu quả những khả năng này.

6 - Về động lực phát triển nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn mới.

Kinh nghiệm cho thấy, mỗi khi Đảng đề ra được đường lối, chủ trương đúng quy luật, hợp lòng dân, đáp ứng những nguyện vọng tha thiết của nhân dân thì sẽ tạo ra động lực cách mạng to lớn, đưa phong trào đến những chuyển biến mạnh mẽ. Vấn đề then chốt để tạo được động lực chính là có chủ trương, chính sách đúng đắn bảo đảm đem lại lợi ích cho nhân dân.

Những chủ trương, chính sách lớn nêu trong Nghị quyết Trung ương lần này về xác nhận quyền sử dụng ruộng đất lâu dài của nông dân, định hướng phát triển các thành phần kinh tế, về đẩy mạnh công nghiệp hóa, phát triển công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật, nhất là công nghệ sinh học, đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, phát huy dân chủ ở nông thôn... đều là nhằm đáp ứng những nguyện vọng và lợi ích của nông dân, của đất nước, gắn lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể và lợi ích xã hội, lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài.

Thực hiện đồng bộ những chủ trương, biện pháp đề cập trong Nghị quyết chính là nhằm tạo ra hiệu quả tổng hợp thúc đẩy sản xuất phát triển, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, tạo điều kiện và động lực để phát triển nông nghiệp và nông thôn trong giai đoạn mới.

Điều quan trọng là những chủ trương đó sớm được Nhà nước cụ thể hóa và thể chế hóa thành hệ thống chính sách, pháp luật, và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Trước hết là các chính sách sau đây :

- Dành phần đầu tư ngân sách thỏa đáng, kết hợp với các nguồn vốn khác để tăng mức đầu tư cho việc xây dựng các cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn.

- Khai thác, phát triển các nguồn vốn tín dụng của nhà nước và nhân dân, tạo điều kiện để tăng tỷ lệ hộ nông dân được vay vốn sản xuất, ưu tiên cho hộ nghèo, các đối tượng chính sách - xã hội và các vùng khó khăn.

- Tính toán lại giá điện, thủy lợi phí, loại bỏ các chi phí bất hợp lý.

- Thực hiện việc giảm hoặc miễn thuế nông nghiệp đối với một số vùng và một số đối tượng ưu tiên.

- Thực hiện việc bảo hộ sản xuất trong nước và bảo trợ giá một số nông sản chủ yếu, miễn giảm thuế xuất khẩu nông sản v.v. để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Nhu cầu, nguyện vọng của nông dân là rất lớn, nhưng mặt khác cũng phải thấy nền kinh tế nói chung đang gặp nhiều khó khăn, ngân sách có hạn, vốn trong nước huy động được chưa nhiều. Vì vậy, chỉ có kết hợp sự cố gắng của nhà nước với sự nỗ lực của nhân dân, các ngành các cấp mới có thể từng bước tháo gỡ được khó khăn.

Thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này sẽ tạo ra động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn, góp phần quan trọng vào công cuộc đổi mới chung của đất nước.

Digitized by Google

TẠO ĐỘNG LỰC MỚI ĐỂ PHÁT TRIỂN NGHỀ RỪNG NHÂN DÂN

NGUYỄN QUANG HÀ*

CÔNG cuộc đổi mới kinh tế - xã hội do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, đã mang lại những thành tựu to lớn. Trên mặt trận nông-lâm-ngư-nghiệp, từ khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, các ngành nông, lâm, ngư nghiệp đã có những bước phát triển và chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy nhiều mặt về kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân.

Trên lĩnh vực lâm nghiệp, việc giao đất giao rừng đã được thực hiện từ hơn 20 năm nay, song do bối cảnh lịch sử chưa thoát khỏi quan điểm và cơ chế quản lý cũ, nên còn mang nặng tính hình thức. Việc giao chủ yếu diễn ra trên giấy tờ và bản đồ, lại không có cơ chế khoán quản cụ thể, nên mặc dầu đã giao hơn 5,2 triệu héc ta rừng và đất rừng, nhưng diện tích thực tế đưa vào quản lý và sử dụng hầu như không đáng kể. Có nơi, sau khi giao, rừng tiếp tục bị phá hoại mạnh hơn. Thực hiện Nghị quyết 10, Nghị quyết 22 của Bộ chính trị và các nghị quyết của Chính phủ, công tác giao đất giao rừng những năm gần đây đã có những chuyển biến tích cực. Trong vòng 3 năm từ 1990 đến 1993, đã giao 769000 héc ta trực tiếp cho 440000 hộ. Việc giao đất giao rừng đã gắn với việc tổ chức lại sản xuất và với cuộc vận động định canh định cư. Nhà nước có chính sách hỗ trợ và khuyến khích nhân dân đầu tư vốn, lao động, vật tư... để phát triển sản xuất kinh doanh lâm nghiệp. Đời sống của những người trồng rừng ở nhiều nơi đã có bước tiến bộ rõ rệt, thu nhập khá ; bình quân mỗi vườn rừng một năm cho thu nhập khoảng 2 - 3 triệu đồng ; nhiều hộ làm tốt, có thể thu nhập 10 - 20 triệu đồng một năm. Nhiều điển hình làm rừng giỏi đã xuất hiện, như ở Hà bắc, Yên bái, Đồng nai, v.v.. Mặc dù vốn nhà nước đầu tư trồng rừng tiếp tục giảm, nhưng do thực hiện đổi mới việc giao đất giao rừng, nên nhịp độ trồng rừng của cả nước vẫn tăng khá : từ năm 1988 đến năm 1992, cả nước đã trồng thêm được 560000 héc ta rừng mới (bình quân mỗi năm trồng từ 100 000 đến 120 000 ha rừng tập trung và từ 400 đến 500 triệu cây phân tán). Công tác quản lý, bảo vệ rừng đã có nhiều tiến bộ, nhất là từ khi thực hiện Chỉ thị 90/CT của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ). Ở một số địa phương, đã ngăn chặn hoặc giảm bớt được nạn phá rừng, góp phần bảo vệ môi trường.

Tuy nhiên, so với những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội mà Nghị quyết 10 và Nghị quyết 22 của Bộ chính trị đề ra đối với miền núi, những kết quả đạt được còn rất hạn chế. Nhìn tổng quát, lâm nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội miền núi nói chung, vẫn đang trong tình trạng khó khăn và chậm phát triển. Nạn đốt phá rừng và khai thác trái phép vẫn đang diễn ra gay gắt. Diện tích rừng bị phá để làm nương rẫy hằng năm không dưới 50000 ha. Thêm vào đó, việc hàng vạn người thuộc các dân tộc tự phát di cư từ các tỉnh phía bắc vào Tây nguyên và miền đông Nam bộ đã tăng thêm sức ép, trực tiếp phá thêm hàng chục nghìn ha rừng tốt. Lấy huyện Chư rút (Đắc lắc) làm ví dụ. Năm 1990, huyện mới có 1 vạn người, năm 1991 đã có 2,2 vạn người, đến năm 1992 đã có 3,3 vạn người ; để có thêm lương thực, đồng bào đã phá mất khoảng 8 - 10 nghìn ha rừng. Bên cạnh đó, việc chặt phá rừng để giải

* Giáo sư, Bộ trưởng Bộ lâm nghiệp

Digitized by Google

quyết nhu cầu về gỗ củi, việc tiếp tục khai thác gỗ trái phép, xuất khẩu gỗ lậu dưới nhiều hình thức... càng làm giảm sút nhanh diện tích và chất lượng rừng.

Hệ thống các lâm trường quốc doanh được quy hoạch kinh doanh trên 6 triệu ha rừng sản xuất, nhưng do chưa được tổ chức lại, chưa được đổi mới, nên hoạt động còn lúng túng, chưa thoát ra khỏi cơ chế bao cấp, sản xuất còn manh mún, hiệu quả thấp, chưa quản lý tốt diện tích rừng được giao.

Cơ sở hạ tầng cho nghề rừng cũng rất yếu kém, nhất là công nghệ và thiết bị chế biến quá lạc hậu, do đó, khi có chủ trương của Chính phủ không cho xuất gỗ tròn và gỗ xẻ thô, thì bị động lúng túng, ách tắc.

Diện du canh du cư còn rộng, đến nay vẫn còn trên 2 triệu người sống du canh du cư, đời sống khó khăn thiếu thốn, trình độ hiểu biết quá thấp, nói chung chưa có gì đổi mới đáng kể.

Ngành lâm nghiệp đã có quá trình xây dựng và phát triển hơn 30 năm nay, song nghề rừng trong nhân dân và trong các cơ sở quốc doanh tiếp tục giảm, lao động của đồng bào các dân tộc miền núi sinh sống gần rừng chưa được tổ chức và thu hút vào làm nghề rừng, chúng ta chưa làm cho họ thật sự quan tâm gắn bó với rừng, với việc bảo vệ, kinh doanh và phát triển rừng như đồng bào miền xuôi gắn bó với từng thửa ruộng của mình.

Nguyên nhân của tình trạng nói trên trước hết là do lương thực còn có khó khăn, đời sống của hơn 20 triệu đồng bào miền núi sinh sống gần rừng chưa được giải quyết tốt, cơ sở hạ tầng yếu kém càng làm cho tình hình sản xuất và giao lưu hàng hóa thêm khó khăn. Sản xuất lâm nghiệp chu kỳ dài, đầu tư lớn, hàng chục năm sau mới cho sản phẩm, trong khi đó đồng bào còn lúng túng trong việc giải quyết vấn đề ăn, như vậy làm sao thật sự sống được bằng phát triển nghề rừng ? Phương hướng sản xuất, cơ cấu cây trồng vật nuôi, việc chế biến, lưu thông và thị trường tiêu thụ, xác định cũng chưa đúng. Đảng và Nhà nước ta tuy đã có một số chính sách ưu tiên cho việc phát triển kinh tế miền núi, song do khả năng về vốn có hạn nên việc đầu tư cho địa bàn này chưa được bao nhiêu.

Trong việc quản lý cả ba loại vùng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất), từ trung ương (Bộ lâm nghiệp) đến các địa phương, từ khâu giám sát, kiểm tra, khai thác cho đến khâu chế biến, vận chuyển, xuất khẩu, đều còn lỏng lẻo. Việc phát triển quá mức các cơ sở chế biến (chủ yếu là xí nghiệp xẻ thô với việc thu hút nguồn nguyên liệu trôi nổi) ở đồng bằng và đô thị (như ở thành phố Hồ Chí Minh có tới hơn 1000 xí nghiệp chế biến) cũng là nguyên nhân dẫn tới phá rừng. Trong khi đó ở miền núi công nghiệp chế biến lại ít được quan tâm phát triển, do đó không khai thác được tốt mọi nguồn nguyên liệu, không tạo thêm được nguồn lực mới để phát triển nhanh kinh tế ở vùng này. Việc phân công, phân cấp quản lý rừng và nghề rừng còn thiếu cụ thể, do đó chưa phát huy được vai trò và chức năng quản lý theo đúng chính sách và luật pháp của chính quyền địa phương đối với rừng và nghề rừng.

Thêm vào đó, tư tưởng bao cấp còn nặng, sản xuất lâm nghiệp (nhất là ở các cơ sở lâm nghiệp quốc doanh) chưa chuyển biến kịp với cơ chế mới, nên chưa hòa nhập được với cơ chế thị trường, năng suất, chất lượng và hiệu quả còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng và đòi hỏi của nền kinh tế.

Việc cụ thể hóa chính sách chưa tạo được động lực kinh tế khuyến khích, thúc đẩy nghề rừng phát triển. Ở nhiều nơi, nhân dân chưa thật sự an tâm, tin tưởng và gắn bó với sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, do đó đã hạn chế và làm chậm lại quá trình phát triển nghề rừng ở nước ta.

*

Theo số liệu điều tra, nước ta hiện có 9,1 triệu ha rừng (bằng 27% diện tích cả nước), trong đó 8,4 triệu ha là rừng tự nhiên và 700 000 ha là rừng trồng. So với năm 1983, diện tích rừng hiện nay

Digitized by Google

giảm không đáng kể, song điều đáng quan tâm là chất lượng rừng bị giảm sút nghiêm trọng do khai thác quá mức (khoảng hơn 2 triệu m^3 gỗ và từ 10 đến 15 triệu xte củi mỗi năm). Các sức ép phá rừng vẫn đang là nguy cơ làm giảm sút vốn rừng, làm cho tài nguyên rừng không đáp ứng được yêu cầu về cung cấp lâm sản và phòng hộ môi trường, gìn giữ và phát huy tính đa dạng sinh học của rừng nhiệt đới, bảo đảm sự phát triển bền vững của tài nguyên rừng và đất đai.

Mục tiêu của ngành lâm nghiệp từ nay đến năm 2000 là : Quản lý và bảo vệ tốt 9,1 triệu ha rừng hiện có và phủ xanh thêm 5 triệu ha đất trống đồi trọc, trong đó có 3 triệu ha rừng trồng mới, nhằm đưa tỉ lệ tán che từ 27% hiện nay lên 42% so với diện tích lãnh thổ. Tăng nhanh khối lượng sản phẩm lâm, nông nghiệp, nâng mức cung cấp bình quân đầu người năm lên 0,5 m^3 gỗ và sản phẩm tre nứa, tăng nhanh sản phẩm chế biến, đa dạng hóa sản phẩm với chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Thu hút thêm 1 triệu hộ với 2 triệu lao động, trước hết là lao động tại chỗ, vùng dân tộc miền núi.

Để thực hiện tốt những mục tiêu chính yếu trên đây, cần tạo động lực kinh tế để thu hút nhiều lực lượng xã hội tham gia phát triển mạnh nghề rừng, *thực hiện chính sách lâm nghiệp xã hội* và *chính sách khuyến lâm*, thu hút hàng triệu lao động vào kinh doanh nghề rừng, trước hết là đồng bào miền núi vùng du canh du cư và nhân dân sinh sống gần rừng. Chuyển từ hình thái kinh tế tự cung tự cấp, khai thác tự nhiên, đốt rừng làm nương rẫy du canh, từng bước sang sản xuất hàng hóa, khai thác hợp lý, có hiệu quả các nguồn tài nguyên, làm cho đồng bào gắn bó với nghề rừng, *xem đó là nghề làm ăn sinh sống*, và ngày càng có thu nhập cao từ sản phẩm rừng và nông lâm kết hợp. Thật sự chú ý trong khai thác và phát huy tiềm năng, thế mạnh của mỗi vùng, tôn trọng tập quán, nguyện vọng và sở trường truyền thống của mỗi dân tộc, không gò ép áp đặt.

Tăng cường, củng cố hệ thống các lâm trường quốc doanh làm nòng cốt hướng dẫn và dịch vụ cho nhân dân làm nghề rừng. Tăng cường quản lý và bảo vệ tốt hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ (bao gồm rừng phòng hộ cho lưu vực lớn và tiểu vùng).

Bằng nhiều phương thức và biện pháp để đẩy nhanh tốc độ phủ xanh (không phải bằng bất cứ loại cây gì mà bằng các loại cây kinh tế) diện tích đất trống, đồi núi trọc ; thực hiện rộng rãi việc kinh doanh toàn diện, nông lâm kết hợp, đa dạng hóa sản phẩm và kinh doanh bền vững, phù hợp với mỗi vùng sinh thái, theo hướng : lấy hộ gia đình làm đơn vị sản xuất kinh doanh chủ yếu và liên kết các hộ kinh doanh nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa lớn và tập trung.

Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, nâng cao giá trị và thu hút lao động, đổi mới công nghệ và thiết bị, đổi mới mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhanh đòi hỏi của thị trường trong nước và ngoài nước. Sớm hình thành các trung tâm chế biến hiện đại trên mỗi vùng rừng nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn nguyên liệu hiện có và sẽ được hình thành trong quá trình phát triển trồng cây gây rừng. Hiện nay chế biến vẫn là khâu yếu nhất của nghề rừng nước ta, do đó cần phải tích cực phát triển công nghiệp chế biến, gắn chế biến với thị trường, gắn doanh nghiệp chế biến với xây dựng khu nguyên liệu ổn định. Đây chính là mũi nhọn để mau chóng đưa kinh tế rừng ở miền núi thoát khỏi tình trạng ách tắc và chậm phát triển, tạo tiền đề cho miền núi có vị trí xứng đáng trong nền kinh tế chung của đất nước (hiện nay tỷ lệ lợi dụng gỗ mới đạt 30%).

Những giải pháp thực hiện các phương hướng nêu trên :

1 - Trước hết, cần tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và tổ chức thực hiện từ xây dựng và phát triển lâm nghiệp do doanh nghiệp nhà nước làm là chính, sang xây dựng và phát triển *lâm nghiệp nhân*

Digitized by Google

dân, nhằm thu hút mọi tầng lớp nhân dân và mọi thành phần kinh tế tham gia kinh doanh tổng hợp nghề rừng, nhằm phát huy tới mức cao nhất vai trò tự chủ của kinh tế hộ gia đình. Thực tế cho thấy, chỉ khi nào nhân dân thực sự xem rừng là nguồn lợi trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống gia đình mình thì khi ấy rừng mới được bảo vệ và phát triển vững chắc. Muốn vậy, phải củng cố và hoàn thiện cơ chế giao đất giao rừng ; lấy hiệu quả sản xuất kinh doanh, lấy việc rừng được bảo vệ và đất trống đồi trọc được phủ xanh và sử dụng hợp lý, làm mục tiêu của chính sách giao đất giao rừng. Cần thống nhất quan điểm giao đất giao rừng là nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo ra nhiều sản phẩm, tăng thêm thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân. Vì vậy, chỉ nên giao đất rừng ở đâu đồng bào thực sự có nhu cầu và có năng lực quản lý kinh doanh, không giao theo kiểu hình thức, bình quân, khoán trắng. Trên cơ sở quy hoạch về tổng quan lâm nghiệp và phân chia 3 loại đối tượng rừng (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất), mà có phương án và biện pháp giao và khoán thích hợp. Đối với rừng *đặc dụng*, chủ yếu do các ban quản lý đảm nhận là chính. Đối với rừng *phòng hộ*, có thể giao khoán cho hộ gia đình bảo vệ, kết hợp với sản xuất nông lâm theo đúng phương án đã được đề ra. Đối với rừng *sản xuất*, sau khi rà soát lại phần diện tích mà các lâm trường quốc doanh quản lý nhưng không có khả năng sử dụng, sẽ tiến hành trực tiếp giao phần diện tích đó cho các hộ gia đình sử dụng ; lâm trường có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ, làm tốt các khâu dịch vụ đầu vào và đầu ra, để nhân dân có thể tổ chức tốt việc sản xuất kinh doanh, mang lại hiệu quả thiết thực. Cơ chế giao hoặc khoán phải quy định thật cụ thể về quyền lợi và nghĩa vụ của người nhận đất, nhận rừng ; đồng thời, phải tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân sớm bắt tay vào sản xuất kinh doanh, bảo vệ tốt vốn rừng và thúc đẩy nhanh quá trình phủ xanh đất trống, đồi núi trọc.

2 - Hiện nay đã có trên 400 lâm trường đăng ký là doanh nghiệp nhà nước, song như trên đã nêu, việc quản lý kinh doanh ở các doanh nghiệp này nhìn chung còn yếu kém, vì vậy cần được *rà soát, sắp xếp lại hợp lý*, để các doanh nghiệp đó thật sự phát huy được vai trò là trung tâm, là nòng cốt, là điểm tựa, làm dịch vụ cho sự nghiệp phát triển nghề rừng nhân dân trên địa bàn. Kiên quyết không để lâm trường bao chiếm diện tích rừng và đất rừng quá lớn, vượt quá khả năng quản lý của mình. Mạnh dạn giải thể những lâm trường quốc doanh làm ăn kém hiệu quả hoặc ở những nơi xét thấy giao cho nhân dân làm thì có hiệu quả hơn. Sau khi được tổ chức lại, lâm trường phải quản lý kinh doanh tốt từng héc ta rừng và đất rừng, làm tốt chức năng dịch vụ, liên kết các hộ gia đình kinh doanh lâm nghiệp, tạo tiền đề hình thành và phát triển mạnh kinh tế hàng hóa và công nghiệp chế biến trên mỗi địa bàn.

3 - Tăng cường chức năng quản lý nhà nước của Bộ lâm nghiệp và các cấp chính quyền địa phương đối với rừng và nghề rừng. Đây là một trong những khâu yếu nhất cần sớm được khắc phục. Cần làm rõ phạm vi trách nhiệm và tạo điều kiện thuận lợi để mỗi cấp thực sự đi vào quản lý có hiệu quả theo đúng chức năng quyền hạn của mình, ngăn chặn tệ nạn phá rừng và từng bước lập lại trật tự, kỷ cương trong việc khai thác, chế biến và sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguồn tài nguyên.

4 - Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ phát triển nghề rừng, nhất là hệ thống đường sá, rừng giống và vườn giống, vườn ươm chuẩn mực với cơ cấu loài cây phong phú, thích hợp với từng địa bàn sinh thái và đáp ứng với yêu cầu của thị trường và đòi hỏi của nhân dân. Nghiên cứu cấu trúc rừng nhiệt đới làm cơ sở cho việc xây dựng cơ cấu cây trồng có năng suất, chất lượng và hiệu quả. Đặc biệt chú ý đẩy mạnh xây dựng các trung tâm chế biến sản phẩm theo vùng (bình quân từ 10 đến 20 nghìn ha rừng, cần có một trung tâm chế biến).

Digitized by Google

5 - Đổi mới việc thực hiện cuộc vận động định canh định cư đối với các vùng đồng bào còn du canh du cư theo hướng đầu tư theo dự án, gắn cuộc vận động này với việc giao đất giao rừng và tổ chức lại sản xuất, tạo ra sản phẩm hàng hóa đổi lấy lương thực và các nhu yếu phẩm khác, giảm dần tiến tới xóa bỏ nương rẫy du canh. Vấn đề nương rẫy ở vùng cao không thể giải quyết được trong thời gian ngắn, vì đây là tập quán lâu đời. Muốn hạn chế đốt rừng làm nương rẫy, *một mặt* cần có quy hoạch vùng nương rẫy luân canh, tích cực hướng dẫn đồng bào sử dụng giống mới chịu hạn và kỹ thuật canh tác đất đồi, chuyển mạnh sang làm rừng, trồng cây công nghiệp, cây đặc sản, cây dược liệu theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ ; *mặt khác*, cần nghiên cứu thay đổi dần cơ cấu bữa ăn bằng nhiều biện pháp tích cực nhất.

6 - Hiện nay, thu nhập và đời sống của đồng bào miền núi còn rất thấp, trong khi trồng rừng và kinh doanh lâm nghiệp đòi hỏi đầu tư lớn, lại lâu thu hoạch. Chỉ có thể giải quyết mâu thuẫn này bằng một cơ cấu kinh doanh *vừa* bảo đảm thu nhập lâu dài *vừa* bảo đảm thu nhập trước mắt, lấy ngắn nuôi dài, thực hiện rộng rãi phương thức nông lâm kết hợp, kinh doanh toàn diện, sử dụng tổng hợp tài nguyên rừng.

Để thúc đẩy sản xuất kinh doanh lâm nghiệp theo phương án trên, nhất thiết phải có sự hỗ trợ của nhà nước về nguồn vốn và lương thực. Theo tôi, bình quân mỗi héc ta trồng rừng, nhà nước cần có sự hỗ trợ đầu tư khoảng 700 000 đ (tương đương 5 tạ thóc), trong đó 500 000 đ trực tiếp giao đến dân, còn 200 000 đ thì để chi phí cho dịch vụ giống, cây con và các kỹ thuật khác. Mức khoán bảo vệ mỗi héc ta rừng ít nhất phải là 50 000 đ, có như vậy người nhận khoán mới thật sự yên tâm làm rừng, hạn chế và chấm dứt nạn phá rừng làm nương rẫy. Hiện nay, tình trạng di dân tự phát là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn tới phá rừng. Vì vậy, nhà nước và các ngành, các cấp cần có chủ trương và biện pháp chủ động phối hợp, giải quyết hợp lý và đồng bộ, nhằm hạn chế nạn phá rừng, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

7 - Đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ, nhất là trên lĩnh vực lâm sinh, công nghiệp rừng và lâm nghiệp xã hội ; tổng kết các mô hình, điển hình sản xuất kinh doanh lâm nghiệp trên từng địa bàn (nhất là các mô hình rừng vườn và trang trại, mô hình sản xuất trên đất dốc), đặc biệt chú ý nghiên cứu đổi mới khoa học và công nghệ chế biến, v.v.. Tổ chức tốt việc tập huấn kỹ thuật và phổ cập rộng rãi đến từng thôn bản và hộ gia đình, nâng cao trình độ dân trí và trình độ canh tác nông lâm nghiệp ; nhân rộng những điển hình hộ gia đình làm giàu từ nghề rừng, góp phần thực hiện "xóa đói, giảm nghèo" ở địa bàn nông thôn miền núi.

Do đặc thù của sản xuất lâm nghiệp, cần nghiên cứu hình thức tổ chức thích hợp để các hộ gia đình có thể tương trợ, hợp tác tự nguyện, liên doanh liên kết trong sản xuất, hình thành các tổ chức dịch vụ kỹ thuật, cung ứng giống, vật tư, tiêu thụ sản phẩm và hướng dẫn, giúp đỡ nhân dân sản xuất kinh doanh. Thực hiện tốt công tác khuyến lâm. Tranh thủ sự hợp tác giúp đỡ và tài trợ của nước ngoài và các tổ chức quốc tế thông qua các dự án PAM, dự án định canh định cư, dự án bảo tồn các khu rừng cấm, dự án đầu nguồn, v.v. nhằm tạo thêm điều kiện thuận lợi để từng bước thực hiện các chương trình nông lâm nghiệp ở mỗi vùng.

8 - Cán bộ cho miền núi là một yêu cầu cấp bách đang đặt ra. Trước mắt, cần xác định hình thức và biện pháp đào tạo cán bộ lâm nghiệp là con em người dân tộc cho miền núi. Có chính sách ưu tiên đặc biệt trong việc đào tạo đối tượng này. Nội dung đào tạo phải toàn diện, bao gồm cả kiến thức về khoa học, về kinh tế và xã hội. Điều quan trọng và cấp bách là nhà nước có chính sách khuyến khích, ưu đãi, nhằm thu hút cán bộ miền xuôi lên công tác tại miền núi và vùng cao, góp phần thúc đẩy mọi mặt kinh tế - xã hội ở đây.

Digitized by Google

Nông, lâm, ngư nghiệp Việt nam - tiềm năng và triển vọng

NGUYỄN SINH CÚC *

MỘT trong những thành tựu rõ nét nhất của sự nghiệp đổi mới kinh tế Việt nam những năm qua là tăng nhanh nhịp độ phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, góp phần quan trọng tạo ra cục diện mới trong cơ cấu kinh tế quốc dân và làm biến đổi bộ mặt nông thôn theo cơ chế thị trường.

1 - Nông nghiệp

Sản xuất nông nghiệp nước ta phát triển toàn diện, cả trồng trọt và chăn nuôi, nổi bật nhất là lương thực. Tổng sản lượng lương thực quy thóc bình quân năm của thời kỳ 1976 - 1980 là 13,3 triệu tấn ; thời kỳ 1981 - 1988 là 17,6 triệu tấn ; thời kỳ 1989 - 1992 sau Nghị quyết 10 là 22,2 triệu tấn (riêng năm 1992 đạt 24 triệu tấn, tăng 9,6 triệu tấn so với năm 1980 trước Chỉ thị 100). Lương thực bình quân đầu người tương ứng trong ba thời kỳ trên là 254 kg, 294 kg, 330 kg, mặc dầu dân số mỗi năm tăng 2,2%. Nhờ vậy, từ chỗ thiếu lương thực triền miên, trước năm 1989 mỗi năm chúng ta phải nhập khẩu hàng triệu tấn lương thực, thì từ năm 1989 đến nay chúng ta đã sản xuất đủ lương thực tiêu dùng trong nước và có dư gạo để xuất khẩu với mức bình quân 1,5 triệu tấn/năm, đứng thứ ba thế giới về xuất khẩu gạo, sau Thái lan và Mỹ.

Về *các chỉ tiêu chủ yếu*, nhịp độ tăng bình quân năm của thời kỳ đổi mới 1989 - 1992 cao hơn hẳn so với thời kỳ kế hoạch hóa tập trung (từ năm 1976 đến năm 1980) : tăng 13% về diện tích gieo trồng cây lương thực ; tăng 66,9% về sản lượng lương thực; tăng 79,1% về sản lượng thóc ; tăng 60% về năng suất lúa ; tăng 30% về lương thực bình quân nhân khẩu. Đó là nhịp độ tăng cao, ổn định, chưa từng có trong suốt 30 năm tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp (1958 - 1988). Nguyên nhân cơ bản của thành tựu đó là tác động tích cực của chính sách khoán hộ, giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho nông dân, xác định hộ là đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn và đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật trong nông nghiệp.

Trong vòng 7 năm (1985 - 1992), đồng bằng sông Cửu long tăng sản lượng lương thực lên 56% (từ 6,9 triệu tấn lên 10,9 triệu tấn) ; đặc biệt tỉnh An giang, tăng gấp hơn hai lần (từ 0,85 triệu tấn lên 1,76 triệu tấn). Có được tiến bộ đó là do đồng bằng sông Cửu long, trước hết là An giang, đi đầu trong việc giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân, đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, cải tạo đất chua, phèn và chuyển nhanh sang sản xuất lúa hàng hóa, xuất khẩu gạo.

Không chỉ sản xuất lương thực, mà cả sản xuất cây thực phẩm (rau, đậu), cây công nghiệp ngắn và dài ngày, cây ăn quả, cây đặc sản và cùng với nó là những sản phẩm phục vụ xuất khẩu như cao su, cà phê, dâu tằm tơ... đều tăng với nhịp độ cao. Dưới đây là kết quả sản xuất một số cây công nghiệp chủ yếu từ năm 1985 đến 1992 :

- Cao su : diện tích bình quân năm tăng 6300 ha, sản lượng tăng 3430 tấn ;

- Cà phê : diện tích bình quân năm tăng 9857 ha, sản lượng tăng 54 857 tấn ;

- Dâu tằm : diện tích bình quân năm tăng 2171 ha, sản lượng tăng 16 885 tấn ;

- Lạc : diện tích bình quân năm tăng 300 ha, sản lượng tăng 3000 tấn.

Lương thực và thực phẩm dồi dào, nguồn thức ăn cho gia súc phong phú, giá rẻ, nên chăn nuôi tăng cả về số lượng, chất lượng và năng suất. Đàn lợn và sản lượng thịt hơi xuất chuồng bình quân năm của thời kỳ 1976 - 1980 là 9,1 triệu con và 430 nghìn tấn ; thời kỳ 1981 - 1985 là 11,4 triệu con và 774 nghìn tấn ; thời kỳ 1989- 1992 là 12,4 triệu con và 1 triệu tấn. Đàn lợi lai đã thay thế đàn lợn nội, nên trọng lượng thịt xuất chuồng và chất lượng thịt cao hơn (tăng nạc và giảm mỡ), do đó xuất khẩu thịt lợn được nhiều hơn. Đàn trâu, bò được hồi phục

* Phó tiến sĩ khoa học kinh tế, Vụ trưởng Vụ nông lâm, Tổng cục thống kê

Digitized by Google

và phát triển khá, nhất là từ khi chuyển sang hộ gia đình chăn nuôi. Hiện nay, mỗi năm trâu cày kéo tăng khoảng 2 - 3% ; đàn bò tăng khoảng 3 - 5% (còn có khả năng tăng hơn nữa, nhất là ở trung du, miền núi, Tây nguyên). Đàn gia cầm (gà, vịt) tăng nhanh. Phong trào nuôi tôm, cá nước ngọt, nước lợ mở rộng ; phương thức đa dạng : cá bè, cá hầm, cá lồng... Sản lượng tôm, cá nước ngọt năm 1992 đạt 349 nghìn tấn, góp phần quan trọng làm tăng nguồn thực phẩm tiêu dùng và xuất khẩu.

Cả trồng trọt và chăn nuôi đều phát triển khá, nên tỷ lệ hai ngành đó trong giá trị tổng sản lượng nông nghiệp về cơ bản không thay đổi : trồng trọt 75%, chăn nuôi 25%.

Hạn chế và khó khăn của sản xuất nông nghiệp nước ta hiện nay là thiếu vốn để xây dựng và cải tạo cơ sở hạ tầng ; công nghiệp chế biến nông sản yếu kém ; thị trường tiêu thụ sản phẩm thiếu ; giá nông sản quá thấp, tỷ giá cánh kéo ngày càng bất lợi cho nông dân do quan hệ giữa đầu vào và đầu ra chưa hợp lý. Những hạn chế và khó khăn trên làm cho kết quả đạt được còn thấp, chưa tương xứng với tiềm năng đa dạng và phong phú của nông nghiệp.

Tiềm năng về đất. Hiện nay, chúng ta có 6,9 triệu ha đất nông nghiệp, 5,4 triệu ha đất canh tác và 4,1 triệu ha đất lúa. Đối với các loại đất này, tiềm năng chủ yếu là tăng vụ. Khả năng tăng vụ trên đất lúa, đất màu, cả ở miền bắc và miền nam, còn nhiều. Hệ số sử dụng ruộng đất hiện nay ở ta mới đạt từ 1,5 đến 1,7 lần. Diện tích đất một vụ, kể cả đất lúa còn lớn. Nếu toàn bộ đất lúa được cải tạo, có đủ nước trong mùa khô và tiêu nước trong mùa mưa, thì có thể nâng diện tích cấy lúa lên 8 triệu ha 1 năm (năm 1992 diện tích này mới đạt 6,4 triệu ha, còn 1,6 triệu ha vẫn ở dạng tiềm năng). Với diện tích tăng vụ đó, chỉ cần đạt năng suất trung bình thấp 2 tấn/ha/vụ, cả nước sẽ có thêm 3,2 triệu tấn thóc.

Miền bắc có ưu thế tăng vụ rau, màu vụ đông trên đất cấy lúa mùa sớm. Với trên 1 triệu ha đất lúa mùa, nếu 70% được sử dụng gieo trồng rau, màu vụ đông, thì đã có thể tăng thêm 70 vạn ha mà chưa cần có đầu tư lớn. Hầu hết diện tích lúa mùa ở miền bắc đã có các công trình thủy lợi khá hoàn chỉnh, nguồn nước đủ, kinh nghiệm phong phú. Chỉ cần có thị trường và giá cả hợp lý, thì tiềm năng của vụ đông sẽ sớm thành hiện thực, với các sản phẩm đa dạng : rau, màu, hoa, thức ăn gia súc, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu (dưa chuột muối, bắp cải...).

Đất có khả năng nông nghiệp còn nhiều. Tổng số diện tích đất chưa sử dụng tới hơn 14 triệu ha, trong đó 12 triệu ha là đất hoang, 15 vạn ha là mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản. Diện tích đất hoang có khả năng khai phá đưa vào sản xuất nông nghiệp là trên 3 triệu ha. Diện tích đất có thể khai hoang, phục hóa để đưa vào trồng lúa là khoảng nửa triệu ha, tập trung ở vùng đồng bằng sông Cửu long. Diện tích đồng cỏ tự nhiên khoảng 342 nghìn ha, chưa được cải tạo để chăn nuôi đại gia súc... Như vậy, tiềm năng khai hoang, mở thêm đất nông nghiệp còn nhiều, lại đa dạng, và vùng nào cũng có. Nếu có vốn và có chính sách khuyến khích đầu tư thỏa đáng thì trung bình mỗi năm cả nước có thể khai hoang hàng chục vạn ha, làm tăng thêm quỹ đất nông nghiệp. Địa bàn Tây nguyên và đông Nam bộ có tiềm năng lớn nhất về đất hoang lại có khí hậu thích hợp với cây công nghiệp dài ngày như cao su, cà phê, chè, điều...

Tiềm năng thâm canh tăng năng suất. Năm 1992, chúng ta đã đạt được một số đỉnh cao về năng suất cây trồng, vật nuôi, nhưng so với các nước trong khu vực và so với tiềm năng, thì kết quả đạt được còn thấp. Về lúa, năm 1992 Việt nam đạt năng suất 33,5 tạ/ha ; trong khi đó các nước Đông Nam Á đạt trên 36,5 tạ/ha. Trung quốc 57,5 tạ/ha, Bắc Triều tiên 82 tạ/ha, Nam Triều tiên 62,6 tạ/ha, In-đô-nê-xi-a 43,2 tạ/ha... Ở trong nước có 2 tỉnh Thái bình đạt 50 tạ/ha/vụ và An giang gần 50 tạ/ha/vụ ; nhiều tỉnh khác đã đạt trên 40 tạ/ha/vụ. Rõ ràng, mức chênh lệch về năng suất lúa giữa cả nước với các tỉnh thâm canh giỏi, cũng như giữa nước ta với các nước khác, khá lớn. Kết quả áp dụng giống mới và quy trình công nghệ tiên tiến của Nhật bản ở tỉnh Hải hưng những năm qua cũng cho thấy, khả năng tăng năng suất lúa bằng thâm canh còn rất lớn. Triển vọng đạt năng suất 50 tạ/ha/vụ trên 2 vùng đồng bằng sông Hồng và sông Cửu long, là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, việc đưa sản lượng lúa ở 2 vùng trọng điểm này (năm 1992 đã đạt 15 triệu tấn) lên 20 triệu tấn vào cuối thập kỷ 90 là điều có thể thực hiện được. Nếu có sự đầu tư khoa học kỹ thuật để cải tạo giống thì năng suất các cây trồng khác và năng suất chăn nuôi cũng còn có thể tăng nhanh.

Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt nam còn tiềm ẩn nhiều yếu tố chưa được khai thác. *Trước hết,*

Digitized by Google

còn khá nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ nông nghiệp do nhà nước và nhân dân ta đầu tư xây dựng hàng chục năm qua chưa sử dụng hết công suất, nhất là các công trình thủy lợi, trạm máy kéo, trại giống... Công suất sử dụng của các hệ thống này mới đạt khoảng 40 - 50% công suất thiết kế. *Hai là*, đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật nông nghiệp nước ta, nhiều về số lượng, được đào tạo có hệ thống từ nhiều nước, có kiến thức và kinh nghiệm, nhưng chưa gắn bó với đồng ruộng, chất xám còn lãng phí, tiềm năng còn nhiều, do chính sách sử dụng cán bộ của nhà nước ta chưa hợp lý. *Ba là*, lực lượng lao động nông nghiệp nước ta nhiều về số lượng, đa dạng về ngành nghề, có trình độ văn hóa, nhưng lại rất thiếu thông tin về khoa học kỹ thuật nông nghiệp do chính sách khuyến nông chưa đồng bộ. Nếu được cung cấp thông tin về thị trường, về giá cả, về khoa học kỹ thuật, thì chắc chắn lực lượng lao động này sẽ tạo nên bước tiến nhanh trện nhiều lĩnh vực của sản xuất nông nghiệp.

Nguồn lao động nông nghiệp nước ta phong phú, với hơn 20 triệu người, trong đó 60% là lao động trẻ khỏe. Đến nay bình quân 3 lao động mới có 1 ha đất nông nghiệp, 4 lao động 1 ha đất canh tác, 7 lao động 1 ha đất lúa. Bởi vậy, lao động nông thôn thừa (5 - 6 triệu người), và giá công lao động quá thấp. Chi phí lao động sống chỉ chiếm 30% trong giá thành sản phẩm (lúa). Nếu có vốn, có khoa học kỹ thuật, có đất, thì nguồn lao động phong phú nói trên sẽ được sử dụng có hiệu quả hơn.

Các tiềm năng trên đây vùng nào cũng có ở các mức độ khác nhau. Đồng bằng sông Cửu long và đồng bằng sông Hồng có tiềm năng lớn về sản xuất lương thực, cây ăn quả và nuôi thủy sản ; Tây nguyên và đông Nam bộ có tiềm năng về cây công nghiệp dài ngày, màu lương thực và nuôi bò đàn ; Duyên hải miền Trung : nuôi thủy sản, màu lương thực ; miền núi và trung du Bắc bộ : nuôi trâu bò, trồng cây ăn quả, màu lương thực (nhất là sắn), cây làm thuốc (quế, hồi).

Với những tiềm năng to lớn trên đây, Việt nam hoàn toàn có đủ điều kiện phát triển nông nghiệp với nhịp độ 8 - 10%/ năm, nếu có đủ vốn và có cơ chế chính sách phù hợp.

2 - Lâm nghiệp

3/4 lãnh thổ nước ta là rừng và đất rừng. Diện tích đất lâm nghiệp là 19 triệu ha, trong đó 9,1 triệu ha là rừng và gần 10 triệu ha là đất trống, đồi núi trọc. Trong những năm đổi mới, sản xuất lâm nghiệp đã đạt được những kết quả nhất định, đồng thời cũng xuất hiện những khó khăn mới. Tiềm năng về rừng chưa được khai thác tốt.

Trung bình mỗi năm nước ta trồng thêm được 100 nghìn ha rừng tập trung, 400 triệu cây phân tán, khai thác trên 3 triệu m^3 gỗ và 30 triệu xte củi cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu (bạch đàn, pơ mu, gỗ ván sàn). Trong 5 năm, đã giao hơn 5 triệu ha rừng và đất rừng cho hộ gia đình quản lý và bảo vệ. Lâm nghiệp xã hội đang phát triển ở nhiều vùng trong cả nước và khẳng định đó là hướng đi đúng.

Khó khăn lớn nhất của lâm nghiệp là vốn rừng tự nhiên giảm sút nhanh, tỷ lệ che phủ chỉ còn khoảng 28%, đất trống đồi núi trọc tăng nhanh do rừng bị phá, bị đốt. Vốn để trồng rừng thiếu nghiêm trọng, nên tiềm năng về đất, về người chưa được khai thác hợp lý.

Tiềm năng về đất. 9 triệu ha đất chưa có rừng, là quỹ đất dành cho trồng cây lâm nghiệp. Diện tích này phân bố ở Tây nguyên, miền núi và trung du Bắc bộ, Duyên hải miền Trung, tây và đông Nam bộ. Đối với rừng tự nhiên, tuy bị suy giảm về trữ lượng, nhưng do khả năng tái sinh lớn (nhất là ở Tây nguyên) nên trữ lượng gỗ và lâm sản quý còn nhiều. Rừng trồng trong nhiều năm, nay đã đến lúc cho sản phẩm.

Tiềm năng về gỗ. Lớn nhất là ở Tây nguyên : 274 triệu m^3, trong đó có thể khai thác ngay 42 triệu m^3. Tiếp đến là khu 4 cũ và Duyên hải miền Trung. Cả 3 vùng trên có trữ lượng 485 triệu m^3 (bằng 82,7% tổng trữ lượng).

Ngoài gỗ, rừng Việt nam còn có nhiều *lâm đặc sản quý*, có giá trị xuất khẩu sang nhiều nước.

Rừng nhiệt đới là một thế mạnh của Việt nam. Tốc độ tái sinh rừng rất lớn làm cho tiềm năng càng phong phú, cả về rừng trồng và rừng tự nhiên. Hiệu quả cao của rừng trồng theo phương án của PAM và chính sách giao đất giao rừng đã chứng minh thực tế đó.

3 - Ngư nghiệp

Sự phát triển của ngành thủy sản trong những năm đổi mới được đánh dấu bằng nhịp độ tăng trưởng khá cao và liên tục : năm 1989 so với năm 1988 tăng 8,6% ; năm 1990 so với năm 1989 tăng 1%, năm 1991

Digitized by Google

so với năm 1990 tăng 2% và năm 1992 so với năm 1991 tăng 1,6%.

Năm 1992, ngành thủy sản đạt mức cao nhất về sản xuất và xuất khẩu : khai thác cá biển 737 nghìn tấn ; nuôi trồng đạt 349 nghìn tấn ; xuất khẩu 72 nghìn tấn ; thu 305 triệu đô la Mỹ (tương đương 1,5 triệu tấn gạo) ; tăng thêm 3000 tàu thuyền với 775 nghìn mã lực ; thu hút 40 nghìn lao động ; diện tích nuôi trồng tăng 6500 ha. Tuy vậy, kết quả đạt được còn xa so với tiềm năng, vì Việt nam có bờ biển dài, ngoài khơi có nhiều hải sản quý, trong đất liền có nhiều sông, suối, hồ, ao rất thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. Diện tích mặt nước ngọt tự nhiên và nhân tạo có hơn 120 nghìn ha dành cho nuôi thủy sản. Hệ thống kênh rạch chằng chịt ở Nam bộ rất thích hợp với môi trường sinh thái của tôm, cá. Rừng đước ở Nam bộ là nơi trú ngụ và sinh trưởng của nhiều loại hải sản quý ven bờ và là vựa tôm, vựa cá rất phong phú. Khí hậu nhiệt đới gió mùa, không có băng giá, ít sương muối cũng là những thuận lợi cơ bản để phát triển nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản khắp mọi vùng của đất nước.

Cùng với điều kiện tự nhiên, Việt nam còn có lợi thế về lao động lành nghề, có nhiều kinh nghiệm đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản. Hiện nay có trên 1 triệu người gắn với hàng triệu hộ gia đình sống bằng nghề này.

Các vùng trọng điểm, giàu tiềm năng về khai thác hải sản (cá, tôm, mực) là các vùng biển ngoài khơi các tỉnh khu 4 cũ, Duyên hải miền Trung và vịnh Thái lan. Sản lượng khai thác hằng năm ở 3 vùng này bằng 80% sản lượng khai thác của cả nước. Có những tỉnh đạt sản lượng rất cao, như Kiên giang (94 nghìn tấn), Minh hải (57 nghìn tấn), Thuận hải (cũ) (55 nghìn tấn), Bến tre (40 nghìn tấn).

Ngoài tôm cá, Việt nam còn có nhiều hải sản quý như san hô, bào ngư, ngọc trai, hải sâm đen và hải sâm trắng, yến sào. Đặc biệt, yến sào ở vùng biển nam Trung bộ được coi là "vàng trắng" có giá trị cao (1000 USD 1 kg). Năm 1992, riêng tỉnh Khánh hòa đã khai thác được 2300 kg, các tỉnh Bình định, Phú yên, Quảng nam - Đà nẵng đạt được từ 500 đến 1000 kg.

Bãi bồi và các vùng ven biển đang phát triển các phương thức khoanh, nuôi tôm cá nước mặn, nước lợ và đang mở ra triển vọng mới về nuôi tôm càng xuất khẩu, rõ nhất là vùng Ngọc hiển (Minh hải), Tiền hải (Thái bình), Xuân thủy (Nam hà)...

Về nuôi cá, tôm và thủy sản nước ngọt, ngoài diện tích mặt nước ao, hồ khá lớn, nước ta còn có thể phát triển nghề nuôi cá ruộng, tôm ruộng theo kinh nghiệm của tỉnh An giang trên diện tích hàng triệu ha ruộng lúa nước mới cấy 1 vụ. Năm 1992, An giang đã nuôi cá trên 104 ha ruộng, nuôi tôm trên 65 ha ruộng, chưa kể còn nuôi cá bè (1000 bè), cá hầm (287 ha), với các giống cá ngon nổi tiếng như cá tra, trê vàng, cá basa (riêng cá basa đã xuất khẩu được hàng ngàn tấn sang thị trường nhiều nước). Ở các tỉnh khác, các hình thức nuôi trồng thủy sản cũng phát triển mạnh và đa dạng theo yêu cầu thị trường. Từ khi mở biên giới Việt - Trung, phong trào nuôi ba ba, ốc vàng, ếch, v.v. để xuất khẩu sang thị trường Trung quốc, Hồng công... đã phát triển ở nhiều vùng nông thôn và đem lại hiệu quả rõ rệt.

Hệ thống các hồ nước ngọt tự nhiên và nhân tạo rải khắp từ bắc vào nam (như hồ Núi cốc, Thác bà, Hòa bình, Kẻ gỗ, Phú ninh, Dầu tiếng, Trị an...) cũng là một tiềm năng khác đáng quan tâm. Nếu được tổ chức quản lý tốt và đầu tư thỏa đáng, các hồ này sẽ trở thành những trung tâm nuôi trồng thủy sản với quy mô lớn và có năng suất cao ở nước ta.

Tóm lại, trong thời kỳ đổi mới, đặc biệt từ năm 1989 đến năm 1992, sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở nước ta đã có bước tiến khá dài. Nó đã tạo ra những tiền đề vật chất rất quan trọng để từng bước biến tiềm năng về đất, về người, về khoa học kỹ thuật ở nước ta thành hiện thực. Thực tế đó chứng tỏ chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta trong nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp là đúng. Song cũng cần thấy rằng, khó khăn và yếu kém còn nhiều ; kết quả đạt được còn xa với yêu cầu và tiềm năng. Tiềm năng về nông, lâm, ngư nghiệp, vùng nào, địa phương nào ở ta cũng có. Nhưng muốn biến tiềm năng đó thành hiện thực, chúng ta lại cần có các điều kiện chủ yếu : vốn, khoa học kỹ thuật, tổ chức quản lý, cán bộ, và cơ chế chính sách hợp lòng dân, phù hợp với các quy luật kinh tế thị trường. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ Đảng đã chỉ ra các phương hướng và giải pháp từng bước thực hiện các yêu cầu quan trọng đó.

Digitized by Google

SƠN LA : khó khăn còn nhiều nhưng lối ra đã rõ

ĐỖ VĂN ÂN *

MẤY năm qua, nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn la đã đoàn kết nhất trí, vươn lên vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, đạt được những thành tựu đáng phấn khởi về nhiều mặt. Một số nhân tố mới xuất hiện đã bước đầu tạo niềm tin cho nhân dân vững bước đi lên.

Tuy nhiên, những thế mạnh, tiềm năng của Sơn la vẫn chưa được khai thác, phát huy một cách đầy đủ. Những gì mà Sơn la đạt được mấy năm qua so với yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng và so với lòng mong muốn còn có khoảng cách khá xa. Khi cả nước bước vào cơ chế thị trường, Sơn la là tỉnh có điểm xuất phát thấp, nhiều mặt còn lạc hậu so với các tỉnh miền núi phía Bắc. Về cơ bản, nền sản xuất của Sơn la vẫn là nền sản xuất tự cấp, tự túc, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Cơ sở hạ tầng của Sơn la kém phát triển, dân trí thấp, chưa tiếp cận với thị trường. Hiện nay, thu nhập bình quân của Sơn la mới đạt khoảng 90 USD/người/năm. Năm 1992, thu ngân sách chỉ đạt 23 tỉ đồng trong khi mức phải chi là 83 tỉ đồng.

Giải quyết cái ăn vẫn là nhu cầu bức thiết, là khó khăn hàng đầu của đảng bộ, nhân dân các dân tộc Sơn la. Những năm trước 1986, lúc nào vấn đề lương thực cũng đặt trong chương trình các cuộc họp, nhưng những suy nghĩ, lo toan vẫn không vượt qua được cây lúa, cây ngô. Từ năm 1981 đến năm 1985, với quyết tâm cao, sản lượng lương thực của tỉnh vượt 75 nghìn tấn. Lúc đó, tưởng thế là mừng, nhưng thật ra để tăng được bấy nhiêu lương thực, không biết bao nhiêu rừng đã bị phá. Người ta đã tính : muốn có một héc ta lúa nương, thường phải phá tới ba héc ta rừng. Trận lũ lụt tháng 7-1991, gây thiệt hại lớn về người và của, đã phần nào thức tỉnh nhiều người, nhưng không phải vì thế mà hiện tượng phá rừng đã được chấm dứt.

Giao thông là huyết mạch của nền kinh tế hàng hóa. Sơn la có quốc lộ số 6 chạy qua, nhưng nói chung, đường sá rất xấu. Xe vận tải chỉ có thể chạy với tốc độ trung bình 30km/h. Các tuyến đường tỉnh - huyện đều chưa đủ tiêu chuẩn xếp cấp ; các tuyến huyện - xã càng xấu hơn và chủ yếu là đường tạm. Hiện nay, ở Sơn la còn 44 xã, 200 bản mới chỉ có đường mòn, chưa có đường ô tô vào đến nơi. Một số đường vào các huyện như Sông Mã, Quỳnh nhai, về mùa mưa thường bị ngập lụt, sạt lở, ách tắc. Con đường từ thị trấn Hát lót đi Tà hộc (sông Đà) chỉ dài 30km, nếu mở được đường này, mở được cảng, sẽ có thêm "cửa" để Sơn la tiếp cận với thị trường, nhưng đến nay tỉnh vẫn chưa đủ kinh phí. Giao thông kém phát triển, cước vận chuyển tăng, giá thành lớn, giao lưu hàng hóa giữa các vùng trong tỉnh, giữa tỉnh với bên ngoài bị hạn chế, làm cho sản xuất hàng hóa ở Sơn la chậm được phát triển, sức bán, sức mua đều hạn chế.

Một trong những thiệt thòi, khó khăn của Sơn la hiện nay là thiếu năng lượng. Lưới điện

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Sơn la

Digitized by Google

quốc gia chưa nối được đến Sơn la (trừ huyện lỵ Mộc châu, Bắc yên, Phú yên). Nguồn điện chủ yếu của tỉnh hiện nay là trạm thủy điện Chiềng ngàm, công suất 1800 kW, không đủ năng lượng thắp sáng. Nhiều tiềm năng của tỉnh về sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản, thực phẩm không được phát huy ; nhiều nhu cầu của nhân dân về nâng cao đời sống văn hóa tinh thần không được đáp ứng chỉ vì thiếu điện.

Thiếu thông tin, ít được tiếp xúc với bên ngoài, cũng làm hạn chế sự đi lên của Sơn la. Những thông tin về thị trường, giá cả, phát triển khoa học kỹ thuật, thời sự trong nước và quốc tế, thường là thiếu và chậm. Sơn la cũng ít được các tổ chức quốc tế (kể cả tổ chức PAM và FAO), các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài quan tâm đúng mức. Do thiếu thông tin, sách báo, thiếu các phương tiện nghe nhìn, ít có điều kiện tiếp xúc với những tiến bộ về khoa học kỹ thuật, về kinh tế - xã hội, cho nên dù có những cố gắng nhất định, đội ngũ cán bộ của Sơn la vẫn không thoát khỏi tình trạng lúng túng, bị động. Về mùa mưa lũ, việc thông tin từ tỉnh đến các huyện vẫn còn nhiều trở ngại.

Vì cả nước, Sơn la còn có trách nhiệm đi chuyển một số lượng dân cư đáng kể khỏi vùng lòng hồ sông Đà. Hơn ba vạn dân phải rời bỏ quê hương, ruộng vườn, nhà cửa đến định cư nơi khác. Điều này đã và đang gây cho những người ra đi những xáo trộn lớn về kinh tế, xã hội, tâm lý, phong tục, và là gánh nặng của tỉnh. Đến nay, nhiều gia đình trong số này chưa "an cư lạc nghiệp", thậm chí có người vẫn phải sống cảnh "màn trời chiếu đất".

Giáo dục ở Sơn la cũng đang xuống cấp nghiêm trọng ; tỷ lệ người mù chữ và mũ chữ trở lại vẫn cao ; mạng lưới y tế bị rách nát, dịch sốt rét, những bệnh xã hội có xu hướng gia tăng.

Nói tóm lại, khó khăn của Sơn la còn nhiều. Và khó khăn nào cũng cần được quan tâm giải quyết. Vấn đề quan trọng là ở chỗ nên bắt đầu từ đâu và bằng cách nào để có thể khắc phục được những khó khăn đó một cách có hiệu quả.

*

Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, Đại hội đại biểu lần thứ 9 Đảng bộ tỉnh Sơn la (tháng 12-1991) đã xác định chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2000 và những mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm 1991 - 1995. Lúc đầu, không phải không có một bộ phận cán bộ, đảng viên băn khoăn, thiếu tin tưởng vào khả năng tìm lối ra của tỉnh. Đảng bộ đã phân tích đầy đủ, cụ thể những đặc điểm, điều kiện của địa phương để xây dựng phương hướng phát triển kinh tế sao cho vừa có thể tiếp cận với thị trường, đưa lại hiệu quả kinh tế cao, vừa phù hợp với trình độ sản xuất của nông dân các dân tộc trong tỉnh, khai thác được các thế mạnh là đất đai, thổ nhưỡng và khí hậu miền núi. Với phương hướng đó, đảng bộ đã xác định *cơ cấu kinh tế mới của tỉnh* là : *phát triển nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp chế biến, dịch vụ, gắn với xây dựng toàn diện nông thôn mới.*

Thực hiện tốt cơ cấu nêu trên sẽ vừa tạo ra được cục diện mới về cơ cấu kinh tế, vừa tăng nhanh tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân, vừa thực hiện tốt chính sách xã hội và chính sách dân tộc. Đó cũng chính là lối ra của Sơn la để thoát khỏi tình trạng tự cung, tự cấp, hòa nhập với kinh tế thị trường.

Định lối ra phải gắn liền với việc định các "cửa mở". Điều này cực kỳ quan trọng. Đảng bộ đã lựa chọn đưa ra một hệ thống các "cửa mở" trong thời gian trước mắt là :

+ Lấy phát triển dâu tằm - tơ và cà phê làm khâu mũi nhọn để đột phá. Phấn đấu đến năm 1995 đạt 4000 héc ta dâu và 2000 tấn kén, 7000 héc ta cà phê với 2000 tấn cà phê nhân ; năm 2000 đạt 7000 héc ta dâu với 6000 tấn kén, 12000 héc ta cà phê với 4000 tấn cà phê nhân.

+ Phân chia tỉnh thành ba vùng kinh tế chủ yếu : vùng trục quốc lộ số 6, vùng trục sông Đà, vùng cao biên giới, trong đó vùng trục quốc lộ số 6 được coi là vùng trọng điểm, cần tập trung sức phát triển với tốc độ nhanh, nhằm tạo thế và lực mới cho toàn tỉnh.

+ Phát triển mạnh kinh tế hộ, dãn bản, dãn dân tiến công vào đồi, núi trọc, lập vườn rừng, mở trang trại, kết hợp với đầu tư và dịch vụ của doanh nghiệp nhà nước.

+ Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất và đời sống, nhằm khai thác nhanh tiềm năng đất đai, rừng, tăng năng suất cây trồng, chăn nuôi và nâng cao năng lực, chất lượng chế biến nông sản hàng hóa.

+ Phát triển rộng rãi các tụ điểm thương nghiệp, nhất là địa bàn nông thôn.

Digitized by Google

+ Kết hợp tận dụng nguồn lực trong tỉnh với tích cực thu hút nguồn lực ngoài tỉnh, kể cả nguồn đầu tư, tài trợ của nước ngoài. Sử dụng có hiệu quả đầu tư của nhà nước.

Kể từ Đại hội lần thứ 9 Đảng bộ tỉnh Sơn la, kinh tế - xã hội của tỉnh đã có bước chuyển biến mới theo hướng xác định, đánh thức được những tiềm năng đầy triển vọng. Hơn 1500 hécta dâu tằm đã ra đời, và hàng trăm hécta đã được khai thác kinh doanh với hàng trăm tấn kén chất lượng rất tốt. Trên 2500 hécta trồng cà phê, đã cho hàng trăm tấn cà phê nhân hàng hóa. Trải màu xanh trên 3000 hécta, các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế cao như nhãn, mơ, mận hậu... đã cung cấp hàng nghìn tấn quả hàng hóa. Diện tích trồng chè cũng đã được mở rộng thêm, và nhờ đổi mới công nghệ chế biến, chè Sơn la hiện nay có đủ tiêu chuẩn để xuất khẩu. Điều đó có ý nghĩa lớn là, cùng với những chuyển biến trên, Sơn la đã tạo được việc làm mới cho hàng vạn hộ. Về sản xuất lương thực và thực phẩm, cũng có nhiều tiến bộ. Phong trào thâm canh cây lúa nước và đưa giống mới vào đồng ruộng đã đưa lại sản lượng lương thực cao. Nhờ thay giống mới, hàng vạn hécta lúa, ngô, đậu tương đã cho năng suất gấp rưỡi so với những năm trước. Đã có trên một vạn tấn ngô và hàng nghìn tấn đậu tương hàng hóa mỗi năm. Chăn nuôi phát triển khá, do đó bảo đảm được nhu cầu về thịt trong tỉnh. Gắn liền với những thành quả trên, vùng kinh tế động lực trục quốc lộ số 6 bắt đầu định hình. Vùng kinh tế trục sông Đà đang đi dần vào ổn định sau cuộc di dân lớn để tạo hồ chứa nước cho công trình thủy điện quốc gia Hòa bình. Vùng cao đã đẩy lùi một bước cây thuốc phiện và ở một số địa bàn đã xuất hiện những nhân tố mới. Các doanh nghiệp nhà nước đã được sắp xếp lại, tuy chưa phải đã ổn định, nhưng đã trụ được trước sóng gió của cơ chế thị trường. Các hợp tác xã nông, lâm nghiệp đã chuyển sang cơ chế hộ là đơn vị kinh tế tự chủ. Kinh tế thị trường đã bổ sung cho Sơn la nhiều mặt cân đối quan trọng trong phát triển sản xuất và đời sống, làm sống động bộ mặt xã hội, tạo ra môi trường cho kinh tế thị trường ở Sơn la đi lên.

Mới chỉ trên dưới hai năm thực thi Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Đại hội lần thứ 9 của Đảng bộ tỉnh, mọi vấn đề chưa đủ thời gian vật chất để khẳng định. Tuy nhiên, với thời gian đó, bước đầu có thể rút ra một vài kinh nghiệm :

1 - Trong điều kiện kinh tế thị trường và trình độ sản xuất còn thấp kém, vẫn có thể đánh thức và làm bật dậy tiềm năng phong phú và đặc thù của nông, lâm nghiệp miền núi. Thực tiễn của Sơn la cho thấy :

- Phải tập trung cao sức đột phá vào sản phẩm mũi nhọn xuất khẩu và vùng kinh tế động lực với một nhịp độ phát triển tương đối nhanh để tạo ra cục diện mới về cơ cấu kinh tế, tạo ra thế và lực mới. Muốn vậy, phải chấp nhận trong một số năm đầu sự phát triển không đều của các vùng trong tỉnh do điều kiện khách quan. Đương nhiên, nói như thế không phải là buông rơi các vùng kinh tế không phải là động lực. Trong khi tập trung cao phát triển sản phẩm hàng hóa mũi nhọn, vẫn phải chú trọng khai thác, phát huy các tiềm năng đa dạng của nông - lâm nghiệp miền núi. Ví dụ, chỉ cây ăn quả đã đưa lại cho dân gần 10 tỉ đồng ; hay riêng ngô hàng hóa cũng đã xấp xỉ 10 tỉ đồng...

- Hướng chính và lâu dài của miền núi là xuất khẩu. Nhưng vì miền núi có những hạn chế về thị trường, về thông tin, lại cần phát triển với nhịp độ tương đối nhanh để tạo ra khối lượng hàng hóa có sức hấp dẫn, nên nó rất cần có sự hợp tác và đỡ đầu của các liên hiệp hoặc các tổng công ty chuyên ngành. Đồng thời, nó cũng cần chính phủ có chính sách đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng rộng rãi hơn, có chính sách hỗ trợ về vốn dưới các hình thức ưu đãi.

- Lấy kinh tế hộ là lực lượng chủ lực, chú trọng kinh tế hợp tác, với sự dẫn dắt toàn diện của các doanh nghiệp nhà nước ở tỉnh và huyện.

- Cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh cần vận dụng chính sách một cách cụ thể để thúc đẩy sản xuất phát triển, đặc biệt là điều chỉnh lại đất đai, giao đất cho hộ nông dân theo quy hoạch và phương án phát triển, miễn, giảm thuế, mở mang kết cấu hạ tầng, nhất là thủy lợi, đường sá ở những địa bàn trọng điểm, hỗ trợ vốn dưới các hình thức theo dự án cho các công ty chuyên ngành hoặc các nông, lâm trường.

2 - Việc khai thác các tiềm năng nông - lâm nghiệp miền núi có quan hệ đến việc áp dụng các hình thức kinh tế hợp tác ở nông thôn trong tình hình chuyển sang cơ chế mới lấy hộ nông dân xã viên là đơn vị kinh tế tự chủ. Ở Sơn la, hình thức kinh tế hợp tác trước đây đã được đổi mới, nhưng do điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nghèo nàn, không

Digitized by Google

có vốn tích lũy, trình độ quản lý và kỹ thuật của cán bộ hợp tác xã thấp kém, nên không phát huy được đầy đủ vai trò làm dịch vụ đầu vào và đầu ra cho các hộ nông dân xã viên. Hơn nữa, sản xuất mới chỉ ở phạm vi cây lúa ruộng, trong khi ở Sơn la, với đối tượng sản xuất chủ yếu là đất rừng, với thổ nhưỡng và khí hậu mang đặc trưng miền núi, hướng phát triển chính và lâu dài là cây công nghiệp xuất khẩu, là cây ăn quả hàng hóa có giá trị kinh tế cao gắn với lâm nghiệp, chăn nuôi lấy sữa và thịt. Hình thức kinh tế hợp tác xã trước đây dù đã được đổi mới, không thể đáp ứng được yêu cầu nói trên. Dựa trên quan niệm mới về kinh tế hợp tác do Đại hội VII của Đảng đề ra, Tỉnh ủy Sơn la đã chủ trương áp dụng các hình thức kinh tế hợp tác mới : các công ty chuyên ngành, hoặc các nông, lâm trường, các xí nghiệp chế biến, hoặc các trung tâm dịch vụ khoa học - kỹ thuật, trực tiếp hợp tác với các hộ nông dân trong sản xuất, kinh doanh. Tuy là vấn đề mới, cơ chế hợp tác còn có những điều phải xem xét thêm, nhưng qua thử nghiệm bước đầu, đã cho kết quả khá tốt. Chỉ mới hơn hai năm, ở Sơn la đã xuất hiện hơn 1500 hécta dâu để phát triển nghề tằm tơ và hơn 2500 héc ta cà phê, tạo cơ sở cho kinh tế xuất khẩu. Phải chăng trong điều kiện miền núi, những hình thức kinh tế hợp tác như trên mới có đủ thế và lực, có đủ trình độ để dẫn dắt hộ nông dân các dân tộc nhanh chóng đánh thức những tiềm năng kinh tế, phát triển nông, lâm nghiệp đúng hướng và sớm thoát khỏi đói nghèo ? Phải chăng chỉ những hình thức kinh tế hợp tác như trên mới kết hợp được kinh tế đô thị với kinh tế nông thôn, chuyển hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức dịch vụ khoa học - kỹ thuật xuống sát địa bàn nông - lâm nghiệp, phát huy sức mạnh tổng hợp của kinh tế quốc doanh và kinh tế hộ nông dân ? Tất nhiên, về các hình thức kinh tế hợp tác mới này, còn khá nhiều vấn đề cần được tiếp tục rút kinh nghiệm qua thực tiễn để sửa đổi và bổ sung.

3 - Phát triển nông - lâm nghiệp ở Sơn la có một vấn đề hết sức khó khăn, đó là vùng cao. Thực trạng sản xuất và đời sống của bà con các dân tộc vùng cao đang là vấn đề nhức nhối và đòi hỏi bức xúc phải giải quyết. Để biến đổi căn bản kinh tế - xã hội vùng cao, phải tiến hành đồng bộ nhiều mặt, và đây là cả một quá trình. Nhưng cấp bách vài năm tới, Sơn la tập trung giải quyết những vấn đề sau : chuyển hướng sản xuất để tạo cơ sở vững chắc xóa bỏ cây thuốc phiện và đi dần vào sản xuất hàng hóa nông, lâm sản có giá trị kinh tế cao, nhằm từng bước ổn định thu nhập của bà con vùng cao. Phát triển rộng rãi các hình thức thương nghiệp trên từng cụm địa bàn để giao lưu hàng hóa thuận tiện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đời sống của nhân dân vùng cao ; mở mang giáo dục và y tế trên từng cụm địa bàn và từng cơ sở ; quy hoạch và đào tạo cán bộ dân tộc vùng cao, nhất là cán bộ cơ sở và cấp huyện.

Để thực hiện những vấn đề trên, đi đôi với việc nâng cao tinh thần trách nhiệm và đổi mới sự chỉ đạo của các cấp, các ngành trong tỉnh, cần có sự đầu tư thích đáng và các chính sách khác của nhà nước phù hợp với thực tế tình hình vùng cao.

4 - Sự tàn phá đến mức làm kiệt quệ tài nguyên rừng ở đây không chỉ là thảm họa đối với riêng Sơn la và vùng Tây Bắc, mà còn là thảm họa đối với chung cả nước. Tình trạng đó có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân trực tiếp và sâu xa là sản xuất tự cấp, tự túc với phương thức canh tác lạc hậu. Con đường cơ bản để khôi phục và phát triển tài nguyên rừng là phải chuyển sang sản xuất nông, lâm sản hàng hóa bằng kinh tế hộ gia đình nông dân các dân tộc có sự hướng dẫn và đầu tư thỏa đáng của nhà nước. Thực tế cho thấy, hàng nghìn hộ nông đân trồng cây ăn quả và cây công nghiệp một khi đã có thu nhập bằng tiền đủ bảo đảm cuộc sống, thì họ giảm hẳn hoặc thôi không chạy theo cây lúa nương nữa. Như vậy, vừa trả lại màu xanh cho rừng, vừa hạn chế được nạn phá rừng. Từ thực tế trên, chúng tôi thiết nghĩ, cần đổi mới quan niệm về đầu tư phát triển lâm nghiệp nói chung và trồng rừng ở miền núi nói riêng, nghĩa là phải đặt lâm nghiệp trong cơ cấu nông - lâm nghiệp để giải quyết và tạo cho các hộ nông dân các dân tộc chuyển sang sản xuất hàng hóa nhằm khôi phục và phát triển tài nguyên rừng. Đó là điều khác với việc trồng rừng ở ven biển và đồng bằng. Chúng tôi kiến nghị với Đảng và Nhà nước thực thi chính sách đầu tư tổng hợp để phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp hàng hóa ở các tỉnh miền núi, không nên máy móc tách bạch như hiện nay. Đó là cách tốt nhất để bảo đảm cuộc sống của bà con các dân tộc ở miền núi, vùng cao.

Digitized by Google

Sông Bé chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chú ý phát triển công nghiệp

NGUYỄN MINH TRIẾT *

SÔNG BÉ, một tỉnh ở miền đông Nam bộ, vốn có nhiều tiềm năng và thế mạnh để phát triển kinh tế xã hội, nhất là phát triển công nghiệp. Nhưng trước đây, do nhận thức chung, nhất là do cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, các tiềm năng và thế mạnh đó của tỉnh, đặc biệt là về công nghiệp, chưa được khai thác đúng mức. Lúc đó, tỉnh chỉ chú ý nhiều đến phát triển nông nghiệp, tập trung vào sản xuất lúa gạo và các loại cây lương thực khác. Với cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, tổng thu nhập quốc dân của tỉnh tăng chậm, đời sống của nhân dân ít được cải thiện. Ngay cả những năm được mùa, nền kinh tế chung của tỉnh vẫn gặp những khó khăn.

Quán triệt đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng vào thực tế tình hình địa phương, Đại hội lần thứ V của đảng bộ tỉnh Sông Bé (họp vào tháng 12 năm 1991) đã quyết định phấn đấu chuyển dần cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp. Đây là một chủ trương lớn nhằm tạo những chuyển biến cơ bản trong phát triển kinh tế bằng cách thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh. Để biến chủ trương đó thành hiện thực, tỉnh chúng tôi đã qua một quá trình phấn đấu khá gay go, gian khổ. Trong quá trình đó, chúng tôi đã tập trung sức vào các mặt công tác sau đây :

Trước hết là làm cho các cấp, các ngành và cán bộ, đảng viên trong tỉnh thấy rõ tiềm năng phát triển công nghiệp của tỉnh, *từ đó xác định quyết tâm chuyển hướng nền kinh tế của tỉnh.*

Về tiềm năng phát triển công nghiệp, thì trong tổng diện tích gần 1 triệu ha của tỉnh, có trên 43 vạn ha rừng các loại, 12 vạn ha cây cao su, hơn 7 vạn ha cây điều. Trên số diện tích còn lại, theo từng thời vụ, diện tích các loại cây nông sản của tỉnh cũng khá lớn và phong phú. Nhìn chung, với đặc điểm hiện có và trong hướng phát triển của mình, tỉnh Sông Bé có sẵn các vùng nguyên liệu cho công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến, cả sơ chế và tinh chế.

Các tiềm năng về khoáng sản cũng đáng kể. Ngoài mỏ cao lanh với trữ lượng hàng tỉ mét khối, còn có các mỏ đá các loại có thể đáp ứng sự phát triển của công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Ngoài ra, một vài điểm về khai thác nước khoáng cũng có nhiều hứa hẹn.

Một ưu thế khác không kém phần quan trọng trong phát triển công nghiệp là Sông Bé có vị trí giáp ranh với TP Hồ Chí Minh. Điều này tạo thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư, trang thiết bị, khoa học, công nghệ...

Về mặt lực lượng lao động thì số đông lao động trẻ của Sông Bé có trình độ học vấn khá, nhờ vậy có điều kiện tiếp thu nhanh kỹ thuật, nâng cao nhanh tay nghề. Vốn là một tỉnh từ lâu đã có nhiều ngành, nghề truyền thống như gốm sứ, sơn mài, điêu khắc gỗ..., Sông Bé còn có khá đông thợ thủ công mỹ nghệ với tay nghề khá điêu luyện.

Về cơ sở hạ tầng, tuy nhìn chung còn nghèo nàn, nhưng đã có sự cải thiện đáng kể, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp. Khi công trình thủy điện Thác Mơ hoàn thành, nguồn điện phục vụ cho sản xuất của tỉnh sẽ ổn định. Về đường giao thông, sau nhiều cố gắng sửa chữa nâng cấp, đường sá trong tỉnh đã tốt hơn trước, việc vận chuyển nguyên liệu, nhiên liệu, trang thiết bị, sản phẩm... trong tỉnh và sang các tỉnh bạn khá thuận lợi. Với hệ thống sông, hồ và luồng nước ngầm khá phong phú đã được đo đạc, khảo sát bước đầu, Sông Bé có khả năng đáp ứng về nước cho sản xuất công nghiệp và tiêu dùng. Trong tương lai, tỉnh còn có một số dự án quan trọng để cải thiện và nâng cấp một số cơ sở hạ tầng do trung ương trực tiếp đầu tư và thi công, như xây dựng đập thủy lợi Phước hòa, nâng cấp đường quốc lộ 14 từ Chơn thành đi Đắc lắc... Ngoài ra, hệ thống sân bay quân sự lớn nhỏ (có từ trước

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Sông Bé

Digitized by Google

năm 1975) nếu được phục hồi sử dụng, cũng sẽ góp phần đáng kể vào hệ thống giao thông trong và ngoài tỉnh.

Như vậy, về những gì cần thiết để phát triển công nghiệp (nguyên liệu, lao động, khả năng tiếp cận khoa học và công nghệ mới, cơ sở hạ tầng, v.v..v.v.), Sông Bé có những thuận lợi và thế mạnh riêng.

Cùng với việc khẳng định và căn cứ vào tiềm năng và thế mạnh đó, các cấp lãnh đạo và các cơ quan chức năng trong tỉnh đã cố gắng suy nghĩ, tìm tòi để *định hướng cho sự phát triển công nghiệp*.

Trong định hướng phát triển công nghiệp, chúng tôi chú trọng nhiều vào công nghiệp chế biến. Địa phương rất cần các cơ sở *sơ chế* (như sơ chế mủ cao su, ép dầu, cắt sấn lát, làm đũa tre...) bố trí ngay ở vùng có nguyên liệu. Còn các cơ sở *tinh chế* (như chiết xuất hạt điều, chế biến gỗ, điêu khắc, sản xuất thức ăn gia súc, làm các sản phẩm từ mủ cao su...) thì tùy điều kiện mà bố trí ở các vùng, nhưng tập trung nhiều là ở các huyện phía nam của tỉnh, nhằm giải quyết việc làm cho nhiều người lao động, kích thích nông nghiệp địa phương phát triển.

Công nghiệp sản xuất các mặt hàng xuất khẩu cũng là một trong những hướng được chú trọng. Nhiều xưởng may xuất khẩu của tỉnh được thành lập đã thu hút khá nhiều lao động. Ngành gốm sứ, từ chỗ là một ngành tiểu, thủ công nghiệp cổ truyền, nhờ biết áp dụng công nghệ hiện đại, đã trở thành ngành công nghiệp gốm cao cấp, có thể sản xuất cả các mặt hàng sứ cách điện. Ngành sơn mài truyền thống nổi tiếng từ lâu, cũng đã sử dụng công nghệ hiện đại để nâng cao chất lượng và tạo thêm nhiều mặt hàng mới. Nguồn nông sản xuất khẩu của tỉnh được chế biến để tăng giá trị. Trong phương hướng lâu dài, những sản phẩm hiện nay còn phải xuất thô sẽ được hạn chế dần, thay vào đó là các mặt hàng đã được tinh chế. Một hướng quan trọng được tỉnh chúng tôi đặc biệt lưu ý là thay dần việc xuất khẩu cao su thô bằng việc gọi vốn đầu tư sản xuất tại chỗ các sản phẩm từ nhựa cao su để xuất khẩu.

Tỉnh cũng đã chú ý nhiều hơn đến công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác khoáng sản. Nhiều mặt hàng quan trọng về vật liệu xây dựng, sản xuất từ nguồn khoáng sản ở tỉnh, đã gia nhập thị trường trong nước và quốc tế. Đây cũng là một ngành giải quyết được nhiều lao động cho địa phương.

Ngoài ra, tùy theo các điều kiện cụ thể và những cơ hội thuận lợi trong việc tạo vốn đầu tư, tỉnh đã và đang cố gắng hình thành những đơn vị sản xuất công nghiệp có tầm cỡ như : lắp ráp ô tô, nông cơ, thuộc da... Riêng về lĩnh vực khai thác, chế biến gỗ, từ sau khi có Chỉ thị 90/HĐBT, tỉnh đã chủ trương hạn chế, giảm dần loại xí nghiệp này và chuyển sang khai thác, chế biến gỗ cao su từ các vườn cao su phải thanh lý do quá hạn tuổi cho mủ. Trong hướng quy hoạch và quan hệ kinh tế đối ngoại sắp tới, tỉnh đang tập trung gọi vốn đầu tư và tạo mọi điều kiện thuận lợi để hình thành các khu công nghiệp tập trung sử dụng hàng trăm héc ta đất ở huyện Thuận an, giáp ranh TP Hồ Chí Minh.

Như vậy, qua quá trình tìm tòi và thể nghiệm trong thực tế, chúng tôi thấy định hướng *chính* cho phát triển công nghiệp ở Sông Bé là : chú ý công nghiệp chế biến, nhất là chế biến hàng xuất khẩu, nâng dần từ sơ chế lên tinh chế, phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng ; tận dụng mọi cơ hội tạo vốn để thành lập các trung tâm công nghiệp có quy mô và trình độ cao.

Để tạo điều kiện cho công nghiệp phát triển, tỉnh cũng đã quan tâm thực hiện *một số chính sách quan trọng* như :

- *Tạo vốn, thu hút vốn và ưu tiên phân bố vốn.* Tỉnh đã tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất, thông thoáng nhất, để có thể thu hút vốn đầu tư không chỉ ở trong tỉnh và trong nước mà cả ở nước ngoài. Trong phân bố vốn đầu tư, tỉnh khuyến khích và ưu tiên hàng đầu cho việc khai thác các vùng nguyên liệu và lao động, đưa dần công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp lên các huyện phía bắc của tỉnh.

- *Thu hút tay nghề cao, kỹ thuật hiện đại và quan tâm công tác cán bộ.* Bên cạnh chính sách tạo vốn, đây là điều tỉnh rất quan tâm. Đội ngũ thợ có tay nghề cao của địa phương khá đa dạng, họ được động viên, được bình đẳng và trọng dụng trong lao động hành nghề. Ở một số đơn vị sản xuất công nghiệp lớn của tỉnh, các chuyên gia giỏi người nước ngoài được trả lương cao bằng ngoại tệ để họ yên tâm hướng dẫn kỹ thuật và lao động. Tỉnh cũng đang từng bước cố gắng để có một đội ngũ

Digitized by Google

chuyên gia giỏi đủ sức thẩm định, chọn lựa kỹ thuật công nghệ mới du nhập. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo các đơn vị sản xuất công nghiệp quốc doanh được quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý, ngoại ngữ và tin học.

- *Phát huy tác dụng của kinh tế nhiều thành phần để làm phong phú nền công nghiệp địa phương.* Ở Sông Bé hiện nay, đã xuất hiện nhiều "tỉ phú" là chủ các xí nghiệp may xuất khẩu, sản xuất gốm sứ cao cấp, sơn mài mỹ nghệ, chế biến thức ăn gia súc, chế biến gỗ... Cơ sở sản xuất của họ cùng hoạt động trong quỹ đạo kinh tế chung của địa phương, bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ với các đơn vị quốc doanh.

- *Chú ý phát triển kinh tế đối ngoại.* Trong mấy năm qua, việc làm này đã đạt được những thành tựu khá quan trọng. Hiện trong tỉnh đã có nhiều đơn vị hoạt động với sự hợp tác đầu tư của nước ngoài ; nhiều dự án khác đang tiến triển với độ khả thi cao. Cả về vốn, kỹ thuật và công nghệ, kinh tế đối ngoại thực tế đã tác động quan trọng đến sự phát triển của công nghiệp ở địa phương.

- *Bảo vệ quyền lợi và giáo dục nghĩa vụ cho người lao động.* Cụ thể là chăm sóc sức khỏe, bảo hộ lao động và vệ sinh công nghiệp, thực hiện các thỏa ước lao động trong các đơn vị sản xuất tư nhân và đầu tư của nước ngoài. Đồng thời, giao cho các tổ chức và cơ quan chức năng thường xuyên giáo dục trong công nhân tác phong công nghiệp, chấp hành pháp luật và thực hiện nghĩa vụ.

- *Bảo vệ tài nguyên, môi trường*, nhất là đối với các ngành khai khoáng...

Các chính sách kể trên nằm trong hệ thống chính sách chung của cả nước, nhưng tỉnh đã tìm cách vận dụng sát hợp với tình hình địa phương trong mối quan hệ và hỗ trợ giữa công nghiệp với các lĩnh vực kinh tế - xã hội khác.

Được sự chỉ đạo trực tiếp và chặt chẽ của Trung ương Đảng, với quyết tâm của toàn đảng bộ, lại có sự hỗ trợ nhiều mặt của các tỉnh bạn, cộng với sức mạnh và những thành tựu, kinh nghiệm của cả nước thu gặt được trong mấy năm qua, tỉnh đã đạt được những tiến bộ đáng khích lệ trong việc phấn đấu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển công nghiệp. Tuy gặp nhiều khó khăn, tỉnh vẫn nâng đều giá trị tổng sản phẩm công nghiệp hằng năm lên từ 10 đến 15%. Tỷ trọng công nghiệp trong tổng sản phẩm xã hội toàn tỉnh đã từ 19% năm 1990 tăng lên trên 25% năm 1992, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm ổn định chính trị và an ninh quốc phòng của địa phương.

Bên cạnh những mặt làm được, trong phát triển công nghiệp, tỉnh chúng tôi cũng còn nhiều vấn đề cần được tiếp tục giải quyết tốt hơn :

Một là, cải tiến và hoàn thiện quy hoạch tổng thể của tỉnh trên cơ sở khảo sát, xây dựng các quy hoạch phát triển từng vùng trong tỉnh. Trong thời kỳ đầu, nhiều lúc tỉnh khá lúng túng trong việc xác định địa điểm để thiết lập các dự án đầu tư. Nhiều khi gọi được vốn rồi, nhưng đi vào đối tác, cả chủ và khách đều không biết nên chọn nơi nào để xây dựng nhà máy, xí nghiệp hoặc thiết lập khu công nghiệp cho phù hợp và có điều kiện phát triển lâu dài. Do vậy, cần quan tâm ngay từ đầu việc xây dựng một quy hoạch tổng thể của tỉnh, xác định rõ vùng nào sẽ là vùng công nghiệp nặng, công nghiệp hóa chất ; vùng nào sẽ là vùng dân cư, du lịch ; tuyến đường nào được mở thêm hoặc nâng cấp ; vùng nào cần đưa điện, đưa nước về... Thực tế, cho đến nay, những khó khăn, lúng túng đó của tỉnh vẫn chưa hết. Tỉnh đang cố gắng xây dựng một quy hoạch tổng thể cho phép khắc phục dần các hạn chế đó.

Hai là, thu hút thêm vốn đầu tư. Mấy năm qua, tỉnh đã cố gắng vận dụng các chính sách của Trung ương nhằm tạo thuận lợi cho việc thu hút các nguồn vốn đầu tư, nhưng cho đến nay số vốn thu được chưa như mong muốn. Nhiều công trình đầu tư, kể cả của nước ngoài, mới ở dạng đầu tư nhỏ, thu hồi vốn nhanh, và cũng mới chỉ tập trung ở Thuận an và thị xã Thủ dầu một là hai vùng của tỉnh giáp ranh TP Hồ Chí Minh ; còn nhiều vùng có tiềm năng khác của tỉnh vẫn chưa được người có vốn quan tâm đánh thức. Gần đây, tỉnh có cố gắng khắc phục phần nào hạn chế này. Không chỉ chờ nhà đầu tư đến, mà chủ động trực tiếp chào mời, kể cả các nhà đầu tư nước ngoài. Vừa giảm bớt thủ tục phiền hà trong đối tác, vừa tạo thêm điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư. Vừa tích cực gọi vốn nước ngoài, vừa chú ý gọi vốn trong nước (ngoài tỉnh và tại chỗ)...

(Xem tiếp trang 40)

Digitized by Google

HÀ TĨNH TRÊN CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN

TRẦN QUỐC THẠI*

HÀ TĨNH vốn là một tỉnh nghèo bởi chiến tranh tàn phá, thiên nhiên khắc nghiệt : gió Lào, nắng hạn, bão lụt... Nhưng dải đất miền Trung có diện tích tự nhiên 605,4km^2 và dân số 1,3 triệu người này rất giàu truyền thống văn hóa, đã từng sản sinh biết bao danh nhân từ cổ chí kim. Người dân Hà tĩnh hiếu học, cần cù, giàu ý chí và nghị lực, một lòng một dạ theo Đảng ngay từ những ngày đầu cách mạng, và đã từng chiến đấu kiên trinh trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc.

Tháng 8-1991, Hà tĩnh được Quốc hội cho phép chia tách khỏi tỉnh Nghệ tĩnh với thực trạng kinh tế - xã hội và văn hóa chưa phát triển bao nhiêu. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp hầu như không có gì. Thu quốc doanh (thuộc tỉnh quản lý trên địa bàn) chỉ đạt gần một tỉ đồng trên tổng thu ngân sách 17 tỉ đồng. Sản lượng lương thực bình quân nhiều năm chỉ đạt 24 vạn tấn ; bình quân lương thực đầu người năm 1991 là 194kg ; thu nhập quốc dân (theo giá hiện hành) khoảng 400000 đồng/người/năm ; 1/3 số hộ ở mức nghèo đói hàng năm phải cứu tế khi giáp hạt. Hệ thống đô thị quá nhỏ bé, chỉ chiếm 4% dân số, thiếu những trung tâm chế biến, lưu thông để kích thích sản xuất hàng hóa. Cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội như điện, giao thông, trường học, bệnh viện, bệnh xá... thiếu thốn và xuống cấp nặng nề. Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp manh mún, chủ yếu là tự cung, tự cấp. Nhiều cơ sở chưa thật sự nhập cuộc vào nền kinh tế thị trường.

Tháng 9-1991, ngay sau khi được Trung ương Đảng chỉ định, Ban chấp hành lâm thời của đảng bộ Hà tĩnh đã họp để quán triệt Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đánh giá đúng thực trạng tình hình, hoạch định nhiệm vụ chủ yếu về kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, bố trí lại cơ cấu kinh tế, tìm giải pháp và bước đi thích hợp, chuẩn bị tốt cho Đại hội lần thứ 13 của đảng bộ tỉnh.

Từ đó đến nay, gần 2 năm trôi qua, với sự định hướng đúng đắn của đảng bộ, với nỗ lực vượt bậc của cán bộ và nhân dân trong tỉnh, Hà tĩnh đã đạt được một số kết quả bước đầu trên các lĩnh vực. Năm 1992, lần đầu tiên Hà tĩnh đạt sản lượng lương thực 29,3 vạn tấn, tăng hơn 5 vạn tấn so với sản lượng lương thực bình quân nhiều năm khi còn nằm trong tỉnh Nghệ tĩnh cũ. Nhiều sản phẩm nông nghiệp hàng hóa (như lạc, ớt, chè, trâu, bò, lợn, hươu sao...) đều có mức tăng trưởng khá. Các ngành công nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp đều được mở rộng và đạt kết quả cao hơn hẳn những năm trước.

6 tháng đầu năm 1993 cũng đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp. Vụ sản xuất đông xuân được mùa toàn diện, so với vụ đông xuân năm ngoái lương thực tăng 2 vạn tấn, lạc tăng hơn 6000 tấn. Nhiều cơ sở chế biến các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp và khoáng sản đã được xây dựng và bắt đầu đi vào sản xuất.

Để đáp ứng những yêu cầu bức xúc trước mắt cũng như tạo khả năng phát triển lớn theo mục tiêu lâu dài, tỉnh đã tập trung chăm lo củng cố, xây dựng cơ sở hạ tầng và phúc lợi xã hội chung : điện, giao thông (nhất là giao thông nông thôn), đê sông, biển, hồ, đập, trạm bơm, trường học, bệnh xá... Đây là những kết quả mang ý nghĩa tạo đà hết sức quan trọng. Ngay từ đầu, tỉnh đã chú ý giải quyết tốt mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và chăm lo các vấn đề xã hội, vấn đề an ninh quốc phòng.

Nhìn tổng quát, có thể thấy sự biến đổi cơ cấu kinh tế, văn hóa - xã hội đang chuyển theo chiều hướng thuận lợi cho sự phát triển của tỉnh trong những năm tới.

Từ những kết quả bước đầu còn khiêm tốn đó, chúng tôi đã nhìn nhận lại những việc làm của mình

* Bí thư Tỉnh ủy Hà tĩnh

Digitized by Google

và rút ra những kinh nghiệm tiếp tục chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ sắp tới của tỉnh. Chúng tôi cho rằng, vừa qua sở dĩ Hà tĩnh vươn lên đạt được một số thành tựu trên các mặt, trước hết là do toàn đảng toàn dân Hà tĩnh *có quyết tâm cao, có ý chí vươn lên mạnh mẽ*. Sự lãnh đạo đúng đắn của các cấp bộ đảng trong tỉnh đã *khơi dậy và phát huy được ý chí và sự quyết tâm đó*. Tỉnh ủy chúng tôi đã bám sát và vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, *đề ra các quyết định chính xác*, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và sát với yêu cầu nguyện vọng của nhân dân.

Trở về tỉnh cũ với bao nhiêu công việc bộn bề, nhìn đâu cũng thấy nổi lên những vấn đề cấp bách và bức xúc, không thể giải quyết ngay một lúc. Chúng tôi đã phân tích và chọn lựa công việc. Đầu tiên là nhanh chóng ổn định tổ chức cán bộ cấp tỉnh, đề cao trách nhiệm cấp huyện và cơ sở, động viên mọi người khắc phục khó khăn. Tỉnh phải lo ngay một số chính sách cụ thể đối với cán bộ (như chỗ ở, phương tiện đi lại, học hành...) để mọi người yên tâm. Trước một thực trạng đầy rẫy khó khăn (bão lớn, lụt to, nước mặn vào đồng ; đời sống hàng vạn người thiếu đói ; mâu thuẫn nội bộ ở một số địa bàn nhiều năm để lại chưa giải quyết xong), tất cả các cấp, các ngành, xã, huyện, tỉnh đã cùng nhau chung sức khẩn trương giải quyết. Để tiến lên thực hiện đồng bộ mục tiêu lâu dài "dân sinh, dân chủ, dân trí, dân yên", toàn tỉnh nhất trí thực hiện mục tiêu *trước mắt* : tập trung vào khâu sản xuất và nâng cao mức sống. Nhờ vậy, đã tạo nên được ý chí và quyết tâm chung của toàn thể đảng bộ và nhân dân trong tỉnh.

Trên cơ sở phân tích những tiềm năng, thế mạnh và những hạn chế của tỉnh, Đại hội lần thứ 13 của đảng bộ tỉnh đã vạch ra 4 chương trình phát triển kinh tế mũi nhọn : nông, lâm, ngư nghiệp và khoáng sản. Mục tiêu trước mắt là xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm và tiến tới làm giàu.

Đói nghèo trên mảnh đất này đã bao đời đeo đẳng như một món nợ truyền kiếp. Người dân lao động quần quật trên mảnh ruộng vẫn không đủ ăn vì năng suất thấp, vì thiên tai tàn phá. Vì vậy, xóa đói, giảm nghèo đối với tỉnh giờ đây là nhiệm vụ chính trị trung tâm và thường xuyên. Trong chương trình phát triển nông nghiệp, tỉnh đặc biệt quan tâm công tác thủy lợi, chỉ đạo, quản lý chặt chẽ nhằm khai thác cao nhất hiệu quả hệ thống thủy nông vốn có (hồ, đập, trạm bơm) và xúc tiến việc xây dựng hoàn chỉnh một số công trình mới với sự hỗ trợ của trung ương, đưa năng lực tưới chủ động từ 2800 ha năm 1991 lên gần 3500 ha đầu năm 1993 ; củng cố vững chắc hệ thống đê sông, biển, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất tác hại của thiên tai. Mạnh dạn đưa khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, chỉ đạo gieo cấy đúng thời vụ, đưa thêm giống mới năng suất cao ; thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi ; hướng dẫn nông dân chăm sóc cây, con và phòng ngừa sâu bệnh đúng kỹ thuật, v.v.. Đây thực sự là một cuộc đấu tranh cho thắng lợi của cái mới. Vì vậy, trong chỉ đạo thực hiện, đã có lúc đi đôi với giáo dục, phải sử dụng cả kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính. Có cấp ủy đã bị khiển trách vì không kiên quyết chỉ đạo nông dân cấy đúng thời vụ và thay đổi cơ cấu cây trồng, gây lãng phí lớn công sức của dân. Cùng với những biện pháp nêu trên, tỉnh chú ý hoàn thiện cơ chế khoán 10 trong nông nghiệp, thực hiện tốt chính sách khuyến nông, cho nông dân, ngư dân vay vốn, tạo thêm việc làm với sự tham gia tích cực của các tổ chức, đoàn thể quần chúng ở nông thôn.

Đúng là kết quả sản xuất nông nghiệp ở dải đất miền Trung này còn chịu ảnh hưởng trực tiếp và gần như quyết định của thiên nhiên. Không thể phủ nhận gần hai năm qua, điều kiện thiên nhiên ở đây thuận lợi cho nông nghiệp, không có hạn nặng cũng như lụt lớn đến sớm và bất ngờ như những năm trước. Nhưng cũng phải khẳng định rằng, nếu chỉ trông vào điều kiện khí hậu mà không có những biện pháp chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhằm tạo nên bước phát triển vượt bậc trong nông nghiệp như đã nói ở trên, không có tác động tích cực của cơ chế khoán 10 và chính sách khuyến nông của nhà nước, thì sản xuất nông nghiệp ở đây cũng không thể có được năng suất và sản lượng cao như hai năm qua.

Phát triển, xây dựng và củng cố cơ sở hạ tầng là một vấn đề bức xúc ở Hà tĩnh, là một phần quan trọng trong chương trình xóa đói giảm nghèo ở nông thôn. Nó vừa là yêu cầu đầu tiên để phát triển kinh tế, vừa là nhu cầu thiết thân từ bao đời của bà con nông dân. Vì vậy, chương trình điện, đường, trường, bệnh xá ở một số huyện vừa phát động đã trở thành những phong trào quần chúng sâu rộng có hiệu quả. Về điện, năm 1991, cả tỉnh chỉ có một đường dây 35 kV Vinh - thị xã Hà tĩnh. Sau khi chia tách, tỉnh đã tập trung vốn xây lắp một đường dây 110 kV Vinh - Hà tĩnh và các đường dây 35 kV về

Digitized by Google

tất cả các huyện. Còn lại là công sức, tiền của các xã và nhân dân bỏ ra để kéo điện về tận nhà mình. Chiến dịch làm giao thông nông thôn ở các huyện Cẩm xuyên, Thạch hà, Hương sơn, Nghi xuân, Can lộc... cũng được thực hiện thắng lợi nhờ sức dân. Vì vậy, hiện nay ở nhiều huyện, ô tô đã có thể đến hầu khắp các xã. Chỉ tính riêng quý I-1993, trong hơn 20 tỉ đồng để xây dựng giao thông (làm đường, xây cầu), nhà nước chỉ phải bỏ ra 1 tỉ, còn lại là nguồn vốn huy động từ nhân dân và cơ sở. Trong chiến dịch đê biển ở Thạch hà, huyện chỉ đóng góp được 100 triệu đồng, tỉnh động viên được hơn 10 triệu đồng, còn lại là sức dân với giá trị hơn 4 tỉ đồng.

Các chương trình điện, giao thông, trường học, nhà trẻ, mẫu giáo, bệnh xá... cùng với những thành tích trong sản xuất nông nghiệp đã thực sự làm thay đổi bộ mặt nông thôn Hà tĩnh. Lần đầu tiên từ bao năm nay, nhiều huyện, xã đã xóa được nỗi lo chạy gạo cứu tế cho dân lúc giáp hạt. Lưới điện quốc gia đã vươn đến 60% số xã trong tỉnh ; đài phát thanh và truyền hình đã thực hiện phủ sóng trên khắp địa bàn. Các phương tiện sinh hoạt như ti vi, radiô, cát xét, xe máy, cùng nhà tầng... tuy chưa nhiều nhưng cũng không còn là xa lạ đối với người nông dân. Nhiều hộ đã bắt đầu giàu lên từ làm kinh tế vườn và chăn nuôi. Một số loại tư liệu sản xuất mới như ô tô, xe công nông, xe bò lốp, máy xay xát v.v.. cũng đã xuất hiện ngày càng nhiều trong thôn xóm. Điều đáng quan tâm là nhiều tập quán cũ của người nông dân trong sản xuất đang được thay đổi theo hướng tiếp cận với kinh tế thị trường.

Từ thực tế của tỉnh cũng như yêu cầu phát triển trong bối cảnh đất nước đổi mới và mở cửa, chúng tôi xác định Hà tĩnh không thể giàu lên từ cây lúa cũng như không thể thúc đẩy được sản xuất hàng hóa khi chưa có những trung tâm đô thị phát triển. Vì vậy, việc thay đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu dân cư theo hướng đa dạng và hiện đại là yêu cầu vừa cấp thiết vừa lâu dài. Trước mắt, chúng tôi chủ trương : ngay trong nông nghiệp, bên cạnh thâm canh cây lúa, phải khuyến khích nông dân phát triển kinh tế vườn đồi, vườn rừng, chăn nuôi loài vật có giá trị kinh tế cao như hươu sao và các loại thủy, hải sản có giá trị xuất khẩu ; trong cơ cấu cây trồng cũng cần có sự thay đổi bằng cách khuyến khích thu hẹp những loại cây chỉ có giá trị chống đói, tăng cường các loại cây công nghiệp có giá trị xuất khẩu. Bên cạnh đó là việc xúc tiến xây dựng một số nhà máy chế biến hải sản đông lạnh, chế biến chè xuất khẩu, xúc tiến thực hiện dự án liên doanh với nước ngoài trong khai thác khoáng sản và một số ngành khác nhằm tạo thêm công ăn việc làm, tạo đà cho sự phát triển công nghiệp của tỉnh. Tỉnh chủ trương mở rộng thị xã Hà tĩnh, củng cố các thị trấn, thị tứ ở các huyện ; xây dựng mới thị xã Hồng lĩnh ở ngã ba quốc lộ 1A và quốc lộ 8A nhằm kích thích nền kinh tế hàng hóa, tạo điều kiện du nhập một số ngành nghề và tập quán sản xuất mới, đồng thời tăng tỷ lệ dân thành thị từ 4% lên 6% số dân toàn tỉnh.

Đi lên từ một tỉnh nghèo, điểm xuất phát thấp, vốn liếng và kinh nghiệm chưa có bao nhiêu, chúng tôi chủ trương phải *cố gắng khai thác, huy động sức mạnh tổng hợp từ tất cả mọi nguồn.* Trước hết, đó là nguồn sức mạnh từ chính bản thân ; là trí tuệ, tiền của, công sức của 1,3 triệu người dân Hà tĩnh.. Đồng thời tranh thủ sự quan tâm giúp đỡ của trung ương và của các tỉnh bạn. Sự quan tâm và giúp đỡ đó thể hiện ở những ý kiến đóng góp, ở sự chỉ đạo sát sao, cụ thể mọi chủ trương kế hoạch của tỉnh, ở những khoản vốn và vật chất đáng kể.

Hà tĩnh cũng nhận được sự trợ giúp không nhỏ và có hiệu quả của các tổ chức quốc tế cho các công trình có tính nhân đạo như đê biển, đập nước, bệnh viện, trường học... cùng sự giúp đỡ dưới nhiều hình thức của những con em Hà tĩnh đang sinh sống trên mọi miền đất nước và khắp thế giới. Tất cả sự giúp đỡ quý báu nêu trên đã và sẽ góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh tổng hợp đưa Hà tĩnh ra khỏi đói nghèo và vững bước đi lên.

Về công tác xây dựng đảng, công tác tổ chức và cán bộ. Ngay sau khi tách tỉnh, mối quan tâm đầu tiên của chúng tôi là ổn định tổ chức bộ máy để điều hành công việc. Công tác tổ chức cán bộ trong thời gian này vừa phải bảo đảm sự ổn định và đoàn kết, vừa phải bảo đảm tính kế thừa lâu dài. Bộ máy tổ chức của tỉnh đã nhanh chóng được kiện toàn và vận hành có hiệu lực. Trong công tác xây dựng đảng, cùng với việc chăm lo đời sống cán bộ và xây dựng tổ chức cơ sở, chúng tôi hết sức quan tâm việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Tỉnh ủy đã có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trẻ ; có chế độ chính sách với lớp cán bộ cao tuổi, về hưu ; chuẩn bị đủ cán bộ cho những năm tiếp theo.

Digitized by Google

Đảng bộ Hà tĩnh có trên 6 vạn đảng viên phần lớn được tổ chức sinh hoạt theo chi bộ thôn xóm. Việc xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng vững vàng về chính trị gắn liền với việc giải quyết thành công hàng loạt điểm nóng về tranh chấp ở nông thôn, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng ở cơ sở dân cư.

Công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba vừa qua được tiến hành nghiêm túc và cho thấy kết quả : 87,7% đảng viên đủ tư cách, trong đó có 32,3% đảng viên có thành tích phấn đấu tốt ; 35,2% tổ chức cơ sở đảng vững mạnh, 50,8% cơ sở khá và 13,9% cơ sở yếu kém. Công tác này đã được tiến hành gắn liền với cuộc đấu tranh chống tham nhũng và tiêu cực trong đảng và bộ máy chính quyền địa phương.

Những kết quả mà đảng bộ và nhân dân Hà tĩnh đạt được trong hai năm qua, thật sự mới chỉ là bước đầu. Tuy đã có phần xóa được đói, giảm được nghèo, nhưng nhìn chung Hà tĩnh vẫn còn nghèo. Ranh giới giữa cái tạm đủ ăn và cái thiếu đói ở Hà tĩnh hiện nay còn rất mỏng manh. Chỉ cần vài cơn bão lớn, lụt to, thêm đợt hạn kéo dài, là đủ xóa đi cái ranh giới đó. Ngay được mùa lớn như năm nay, gạo ở thị xã Hà tĩnh vào thời điểm cuối tháng 5 vẫn giá 1400 đ/1kg, như vậy khó mà nói cuộc sống của đa số nông dân dễ thở hơn. Người dân Hà tĩnh không thể giàu lên từ cây lúa khi cơ cấu kinh tế còn bất hợp lý, què quặt, khi cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn, khi thu không đủ chi. Người dân Hà tĩnh có đặc tính kiên định, vững vàng trước mọi gian nguy thử thách, tuyệt đối trung thành với Đảng. Nhưng đây đó không phải không còn tư tưởng bảo thủ, chậm tiếp thu cái mới, thiếu nhạy bén trước kinh tế thị trường. Trình độ của cán bộ, đảng viên vẫn còn nhiều bất cập trước tình hình mới. Sự đổi mới của đội ngũ cán bộ về các mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Tất cả những hạn chế đó đang ngăn cản bước phát triển của Hà tĩnh.

Để vượt qua những hạn chế nêu trên, phấn đấu xây dựng quê hương giàu mạnh, chúng tôi luôn luôn ghi nhớ lời căn dặn của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười khi đồng chí về thăm Hà tĩnh : "Hà tĩnh còn nghèo nhưng tin là sẽ giàu lên. Hà tĩnh sẽ giàu lên từ lao động và tài nguyên của mình".

SÔNG BÉ...

(Tiếp theo trang 36)

Ba là, tiếp tục xây dựng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu của phát triển công nghiệp. Hiện nay tuy số đông cán bộ, đảng viên đã bước đầu thấy rõ tầm quan trọng và ý nghĩa của việc phát triển công nghiệp, nhưng tâm lý trọng nông, nỗi băn khoăn lo ngại những ô nhiễm xã hội do phát triển kinh tế đối ngoại, vẫn còn nặng ở một bộ phận cán bộ, đảng viên. Đó là chưa kể các mặt yếu khác về trình độ quản lý chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, giao dịch quốc tế, và nhất là về bản lĩnh chính trị trong đội ngũ cán bộ trực tiếp làm kinh tế đối ngoại. Tất cả những hạn chế ấy cần sớm được khắc phục. Hiện nay, gắn với thực hiện các Nghị quyết ba và năm của Trung ương (khóa VII), đảng bộ Sông Bé đang cố gắng từng bước quy hoạch đào tạo một đội ngũ cán bộ làm kinh tế vững về chính trị, có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và các kiến thức cần thiết khác, nhất là kiến thức về pháp luật, về kinh tế đối ngoại, về giao dịch quốc tế.

Bốn là, gắn phát triển công nghiệp, phát triển kinh tế đối ngoại với bảo vệ an ninh quốc phòng. Tình hình Sông Bé vừa qua chưa có gì đáng tiếc, nhưng qua kinh nghiệm các nơi khác, đảng bộ tỉnh thấy đặc biệt phải lưu ý vấn đề này, bởi vì Sông Bé là tỉnh có hơn 200km đường biên giới, có khá đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, lại ở giáp ranh TP Hồ Chí Minh. Phương hướng chung của tỉnh là bảo vệ tốt an ninh nội địa, ngăn chặn các âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch ; đồng thời, chủ động phòng chống có kết quả những diễn biến xấu có thể bất ngờ xảy ra ở các vùng biên giới.

Công cuộc phấn đấu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Sông Bé vẫn còn đang tiếp tục với những thuận lợi và khó khăn mới. Những thành tựu đạt được trong mấy năm qua dù sao cũng chỉ là bước đầu. Hy vọng trong tương lai gần, các tiềm năng và thế mạnh của địa phương sẽ được khai thác tốt hơn, cải thiện được một bước quan trọng đời sống của nhân dân trong tỉnh, góp phần cùng cả nước xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Đổi mới hoạt động của ngành kiểm sát nhân dân

LÊ THANH ĐẠO *

HIẾN pháp và các đạo luật tổ chức nhà nước đa thể hiện quan điểm về xây dựng nhà nước pháp quyền Việt nam và khẳng định sự cần thiết phải tăng cường hoạt động kiểm sát, thực hiện sự đổi mới sâu rộng trong ngành kiểm sát nhân dân.

Tư tưởng về xây dựng nhà nước pháp quyền thể hiện một phần quan trọng ở yêu cầu phải bảo đảm tính tối cao của luật và hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Bản chất của nhà nước ta là nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Với bản chất đó, kế thừa những nguyên tắc truyền thống, chúng ta đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước theo những yêu cầu xây dựng một nhà nước pháp quyền. Nhà nước quản lý xã hội theo nguyên tắc của nhà nước pháp quyền, nguyên tắc pháp chế thống nhất. Các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống các tội phạm, các vi phạm Hiến pháp và pháp luật. Mọi hành động xâm phạm đến lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tập thể và của công dân đều bị xử lý theo pháp luật. Để bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý nhà nước được thực hiện đầy đủ, Hiến pháp năm 1992 đã quy định chức năng, nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân. Tiếp đó, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân đã cụ thể và làm rõ thêm các điều quy định của Hiến pháp. Đường lối của Đảng, các quy định trong Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân là những tư tưởng chỉ đạo để tiến hành đổi mới toàn diện ngành kiểm sát nhân dân. Những tư tưởng chỉ đạo đó thể hiện ở mấy điểm sau đây :

Một là, tiếp tục khẳng định chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, thực hành quyền công tố nhằm bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992 đã quy định rõ hơn vị trí, vai trò của viện kiểm sát trong hệ thống các cơ quan nhà nước, làm rõ mối quan hệ giữa viện kiểm sát nhân dân với cơ quan quyền lực nhà nước địa phương và cơ quan thanh tra. Các viện kiểm sát nhân dân địa phương kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan chính quyền địa phương ngang cấp, bao gồm cả cơ quan quyền lực nhà nước địa phương. Đồng thời Luật còn quy định : viện trưởng viện kiểm sát địa phương chịu sự giám sát của hội đồng nhân dân, báo cáo tình hình thi hành pháp luật, công tác kiểm sát và trả lời chất vấn của các đại biểu hội đồng nhân dân. Như vậy, đã có sự giám sát lẫn nhau giữa hai hệ thống cơ quan nhà nước ở địa phương. Đây là một điểm đổi mới nhằm tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hai hệ thống cơ quan nhà nước. Quy định này không trái với nguyên tắc tập trung thống nhất trong ngành kiểm sát, mà nhằm bảo đảm cho pháp luật, kỷ cương được tuân thủ. Các viện kiểm sát địa phương cần thực hiện nghiêm chỉnh việc báo cáo tình hình thi hành pháp luật và công tác kiểm sát tại các kỳ họp của hội đồng nhân dân địa phương ; đồng thời, kịp thời phát hiện những nghị quyết trái luật của hội đồng nhân dân để thực hiện thẩm quyền kháng nghị của viện kiểm sát nhân dân. Hội đồng nhân dân địa phương tuy giám sát nhưng không quyết định về tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát địa phương.

Về quan hệ với cơ quan thanh tra, Luật có một quy định mới là viện trưởng viện kiểm sát nhân dân tối cao cùng tổng thanh tra nhà nước xác định phạm vi hoạt động cụ thể của mỗi ngành, sự phối hợp hoạt động giữa viện kiểm sát nhân dân là cơ quan trực thuộc cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và thanh tra nhà nước là cơ quan trực thuộc hệ thống cơ quan hành chính. Quy định mới này nhằm bảo đảm cho mỗi ngành hoạt động và phát huy vị trí, chức năng của từng ngành, tránh sự trùng lặp có thể xảy ra.

Một điểm đổi mới nữa nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của kiểm sát là : trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình, viện kiểm sát nhân dân có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan tòa án,

* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Digitized by Google

công an, thanh tra, tư pháp, các cơ quan khác của nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt nam và các đoàn thể nhân dân, các đơn vị vũ trang trong việc phòng ngừa, chống tội phạm và vi phạm pháp luật ; tuyên truyền giáo dục pháp luật, xây dựng pháp luật ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ ; thống kê, nghiên cứu tội phạm và vi phạm pháp luật.

Hai là, chú trọng bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, vừa phát huy dân chủ vừa nâng cao trách nhiệm cá nhân trong tổ chức và hoạt động kiểm sát. Ở đây có việc xác định vai trò của ủy ban kiểm sát. Nếu như Luật cũ chỉ quy định ủy ban kiểm sát ở viện kiểm sát cấp tỉnh và viện kiểm sát tối cao là cơ quan tư vấn cho viện trưởng, viện trưởng là người quyết định, thì nay theo Luật mới, ủy ban kiểm sát được quyền thảo luận và quyết định theo đa số những vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động kiểm sát. Quy định mới này vừa cho phép phát huy trách nhiệm cá nhân của viện trưởng, vừa bảo đảm được việc huy động trí tuệ tập thể, phát huy dân chủ trong chỉ đạo, quản lý ngành kiểm sát.

Ba là, quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn cho viện kiểm sát nhân dân trên các mặt công tác kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong lĩnh vực hành chính, hình sự, dân sự, đồng thời quy định trách nhiệm của viện kiểm sát nhân dân trước pháp luật về các thẩm quyền đó. Nếu viện kiểm sát nhân dân thực hiện các thẩm quyền trái với pháp luật thì sẽ bị xử lý theo quy định của Điều 4 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992. Mặt khác, Luật cũng đòi hỏi các cơ quan, tổ chức và công dân phải thực hiện nghiêm chỉnh các quyết định của viện kiểm sát nhân dân. Quy định mới này đòi hỏi tính chịu trách nhiệm của các kiểm sát viên khi thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn mà Luật đã trao cho, không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp của mình. Nó thể hiện tư duy mới trong xây dựng nhà nước pháp quyền ở chỗ : các viên chức nhà nước (ở đây là kiểm sát viên) phải nghiêm chỉnh tuân thủ pháp luật và phải chịu trách nhiệm khi thực hiện các thẩm quyền mà nhà nước đã trao cho.

Trong quá trình đổi mới, ngành kiểm sát trước hết tập trung vào một số lĩnh vực : tiếp tục xây dựng, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp quy phục vụ cho hoạt động kiểm sát, đổi mới về tổ chức và hoạt động của viện kiểm sát, đổi mới công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kiểm sát, đồng thời xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng với yêu cầu công tác kiểm sát trong tình hình mới.

Trên cơ sở Hiến pháp và Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 1992, ngành kiểm sát đang cùng với các cơ quan nhà nước nghiên cứu, xây dựng hệ thống văn bản pháp quy nhằm cụ thể hóa mối quan hệ giữa viện kiểm sát với các cơ quan nhà nước, xác định sự giám sát và phối hợp giữa cơ quan quyền lực nhà nước địa phương và viện kiểm sát nhân dân địa phương. Ngành kiểm sát đang cùng với cơ quan thanh tra xây dựng văn bản quy định mối quan hệ, ranh giới, sự phối hợp hoạt động giữa viện kiểm sát nhân dân và cơ quan thanh tra, giải quyết những nhận thức không chính xác về phạm vi công tác của hai ngành.

Ngành kiểm sát xác định việc xây dựng một hệ thống văn bản pháp luật mới là một trọng tâm công tác của ngành và đã có cố gắng trong việc này.

*

Hiện nay, bên cạnh những bài học kinh nghiệm hơn 30 năm qua đang được vận dụng, còn có một số vấn đề cấp bách về đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đổi mới tổ chức bộ máy và công tác chỉ đạo điều hành mà ngành kiểm sát phải thực hiện.

Xuất phát từ đường lối phát triển kinh tế của nước ta là xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Viện kiểm sát cần tiếp tục kiểm sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan nhà nước, đồng thời phải mở rộng phạm vi kiểm sát tới các thành phần kinh tế khác. Đó là vì trong cơ chế thị trường, các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, có sự đan xen giữa các thành phần kinh tế với nhau trong một đơn vị sản xuất kinh doanh.

Để bảo đảm sự phân biệt hoạt động quản lý nhà nước về mặt kinh tế với hoạt động quản lý sản xuất kinh doanh, công tác kiểm sát phải bao gồm kiểm sát sự tuân thủ pháp luật trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh cụ thể, nhưng chủ yếu là lĩnh vực quản lý nhà nước về mặt kinh tế xã hội.

Khắc phục sự chồng chéo có thể xảy ra giữa hoạt động kiểm sát và thanh tra, ngành kiểm sát chỉ tiến hành kiểm sát khi phát hiện có sự vi phạm pháp luật trong lĩnh vực hành chính kinh tế, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm sát văn bản pháp quy nhằm nêu ra những kiến nghị về quản lý vĩ mô, bảo đảm tính thống nhất của pháp chế trong phạm vi cả nước.

Phương hướng hoạt động kiểm sát hình sự tập trung vào việc chống lọt tội phạm, chống làm oan người vô tội, tập trung giải quyết dứt điểm các vụ án trọng điểm phục vụ đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu.

Digitized by Google

Đồng thời, hạn chế những vi phạm pháp luật trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ các quyền dân chủ của công dân, thực hiện tốt hơn nữa sự kết hợp giữa đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật.

Trong lĩnh vực kiểm sát xét xử dân sự, do xuất phát từ nhận thức về các quan hệ dân sự sẽ phát triển ở nền kinh tế thị trường, ngành kiểm sát chủ trương tăng cường công tác kiểm sát xét xử dân sự, chủ động thực hiện các biện pháp pháp lý mà luật đã giao cho, nhất là thực hiện việc khởi tố vụ án dân sự và tham gia các phiên tòa xét xử dân sự.

Về tổ chức bộ máy, ngành kiểm sát tổ chức theo hướng chuyên sâu, chuyên môn hóa các hoạt động kiểm sát và các khâu công tác kiểm sát tương ứng. Đây cũng là biện pháp tổ chức để nâng cao trình độ cán bộ kiểm sát. Ngành kiểm sát đang nghiên cứu để tổ chức tốt hơn các khâu công tác kiểm sát, nhất là khâu kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự ; tăng cường tổ chức cán bộ kiểm sát thi hành án và kiểm sát việc giam giữ cải tạo, nhằm bảo đảm cho các bản án, các quyết định của tòa án được chấp hành đúng pháp luật, bảo đảm cho các quyền tự do không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng, bảo đảm cho nơi giam giữ cải tạo thực sự là nơi giáo dục phạm nhân.

Để thực hiện tốt chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật còn cần đổi mới tổ chức điều hành hoạt động kiểm sát nhằm bảo đảm thực hiệc nguyên tắc tập trung thống nhất trong ngành kiểm sát. Nguyên tắc này cho phép ngành kiểm sát chỉ đạo thống nhất trong toàn ngành từ trung ương đến tỉnh, huyện, thông qua các kế hoạch công tác kiểm sát. Ngành kiểm sát đã và đang đổi mới công tác lập kế hoạch. Kế hoạch công tác kiểm sát được xây dựng trên cơ sở tổng hợp tình hình vi phạm và tội phạm, xác định được những vấn đề pháp chế trọng điểm. Để cải tiến công tác nắm thông tin vi phạm và tội phạm, ngành kiểm sát đã trang bị kỹ thuật nhằm bảo đảm việc thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác. Ngành đã xúc tiến xây dựng các thông báo tình hình trong tuần gửi đến tất cả các đơn vị trong cả nước, để nắm được kịp thời diễn biến của tình hình tội phạm, vi phạm pháp luật và các hoạt động của viện kiểm sát các cấp. Việc thông báo này đã góp phần nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo của viện trưởng viện kiểm sát nhân dân các cấp.

Ngành kiểm sát đã có kế hoạch tiêu chuẩn hóa đội ngũ kiểm sát viên các cấp và đưa các tiêu chuẩn này vào một trong những nội dung cơ bản của Pháp lệnh về kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân. Ngành nhấn mạnh việc trang bị những kiến thức về đường lối chính sách, nhất là những kiến thức mới về quản lý kinh tế, cũng như những văn bản pháp luật mới, đề cao việc rèn luyện 5 đức tính của kiểm sát viên mà Bác Hồ đã dạy là "công minh, chính trực, khách quan, thận trọng, khiêm tốn". Viện trưởng và kiểm sát viên các cấp phải được đào tạo để trở thành những chuyên gia giỏi về pháp luật và nghiệp vụ kiểm sát, có tinh thần dũng cảm đấu tranh bảo vệ công lý. Ngành đã lấy tiêu chuẩn tốt nghiệp đại học pháp lý và cao đẳng kiểm sát là một tiêu chuẩn bắt buộc, là mặt bằng kiến thức đối với tất cả kiểm sát viên các cấp. Các trường của ngành kiểm sát tiến tới là các trung tâm bồi dưỡng và nâng cao kiến thức mới về khoa học pháp lý và phương pháp công tác kiểm sát tiên tiến.

Yếu tố quyết định để ngành kiểm sát nhân dân có thể thực hiện tốt chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật, bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất, đấu tranh có hiệu quả với chủ nghĩa cục bộ địa phương, thực hiện sự đổi mới trong mọi mặt công tác, là ngành phải đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Phương hướng đổi mới là khắc phục tình trạng ở một số nơi viện kiểm sát địa phương còn thụ động, nặng xin ý kiến cấp ủy về các vụ việc cụ thể, chưa chủ động đề xuất với cấp ủy đảng những vấn đề về củng cố pháp chế và trật tự pháp luật ở địa phương, dám chịu trách nhiệm trước Đảng, trước pháp luật, trước dân về các quyết định của mình. Trong các kế hoạch công tác của ngành kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tối cao đã xác định những nội dung công tác mà toàn ngành phải thực hiện, đồng thời để các viện kiểm sát địa phương chủ động đề xuất ý kiến với cấp ủy địa phương, xây dựng kế hoạch công tác kiểm sát của địa phương mình, bảo đảm vừa thực hiện kế hoạch tập trung thống nhất do Viện kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo, vừa có nội dung phục vụ các nhiệm vụ của địa phương theo các chủ trương của cấp ủy đảng.

Cái đích của việc đổi mới ngành kiểm sát là nhằm bảo đảm pháp chế phải được tuân thủ một cách nghiêm chỉnh, thống nhất ; nền pháp chế mà hoạt động kiểm sát góp phần duy trì và củng cố, luôn luôn được đặt trên cơ sở bảo đảm và phát huy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Mỗi bước tiến bộ của nền dân chủ ấy cũng là một bước phát triển của pháp chế.

Digitized by Google

NHÂN QUYỀN LÀ GÌ ? AI VI PHẠM NHÂN QUYỀN ?

ANH THƠ

QUÁ trình đấu tranh của cộng đồng thế giới cho quyền con người đã hình thành những quan niệm và những tiêu chuẩn chung, thống nhất về nhân quyền. Những tiêu chuẩn chung đó được phản ánh trong *Hiến chương Liên hợp quốc* (1945), và chủ yếu là trong *Tuyên ngôn về nhân quyền* (1948), *Công ước về các quyền dân sự và chính trị* (1976) và *Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa* (1976). Việt nam tham gia hai công ước này năm 1982. Các thành viên tham gia công ước đều có nghĩa vụ thực hiện những tiêu chí chung về nhân quyền đã ghi nhận. Những tiêu chuẩn chung ấy thể hiện nguyện vọng chung của các dân tộc là muốn tự khẳng định mình và đòi được cộng đồng quốc tế thừa nhận, là muốn được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, bình đẳng. Những tiêu chuẩn chung ấy là sản phẩm của lịch sử và của thời đại.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện những tiêu chuẩn chung đó, đã nảy sinh vấn đề : quan niệm và vận dụng những tiêu chuẩn chung đó vào hoàn cảnh thực tế mỗi nước như thế nào ? Ở đây có sự bất đồng khá lớn. Một số nước phương Tây cho rằng những tiêu chuẩn chung ấy là xuất phát từ nhu cầu có tính chất bản năng tự nhiên của con người, cho nên, đó là những giá trị "siêu quốc gia", "siêu xã hội", là giá trị toàn nhân loại. Từ đó, họ cho rằng nhân quyền là tổng hòa những nhu cầu cơ bản của con người nói chung, và nước nào cũng phải tuân theo.

Thực chất cách hiểu về nhân quyền như trên là quan niệm rất trừu tượng, không thực tế, cụ thể. Đây là sự kế tục đơn giản quan niệm nhân quyền từ thế kỷ 17, 18, khi mà lần đầu tiên trong lịch sử loài người, giai cấp tư sản đã nêu vấn đề nhân quyền thành hệ thống và đã xóa bỏ chế độ chuyên chế quý tộc phong kiến bằng ngọn cờ nhân quyền của mình. Nhưng các nhà tư tưởng lớn của cách mạng tư sản lúc ấy lại quan niệm quyền con người một cách rất trừu tượng. Họ cho rằng quyền con người là "quyền bẩm sinh", là phổ quát, là vĩnh hằng. Xuất phát từ quan niệm đó, trong *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* năm 1789 của Pháp, điều 2 ghi : "Bất cứ tổ chức chính trị nào cũng đều nhằm mục đích bảo vệ quyền tự nhiên vĩnh hằng của con người, đó là tự do, an toàn, tài sản và chống áp bức". Nhưng giai cấp tư sản chỉ bảo đảm nhân quyền cho giai cấp mình, trong đó, quyền cơ bản nhất là quyền độc chiếm tư liệu sản xuất và tự do bóc lột giá trị thặng dư của những người lao động. Như vậy, ngay từ đầu, bằng hành động thực tế, chứ không phải bằng những điều ghi trong tuyên ngôn, giai cấp tư sản đã phủ định "tính tự nhiên", "tính bẩm sinh", "tính phổ quát' của nhân quyền.

Hơn nữa, quan niệm nhân quyền của giai cấp tư sản lúc bấy giờ là đứng trên lập trường tiểu thị dân, coi quyền lợi cá nhân con người là cao nhất, không đặt lợi ích con người trong mối quan hệ với xã hội cụ thể, coi các cá nhân như những chủ thể độc lập, những cá nhân tự do tuyệt đối. Triết gia Anh Giôn Lốc-cơ (John Locke, 1632-1704), là nhà tư tưởng lớn đầu tiên đã đặt nền móng cho quan niệm về nhân quyền thế kỷ 17, 18. Lốc-cơ cho rằng toàn bộ mục đích của chính phủ là bảo vệ "quyền lợi tự nhiên" mà con người được hưởng theo "luật tự nhiên". Từ đó hình thành lý luận về tự do và dân chủ tư sản, tạo tiền đề tư tưởng cho cách mạng tư sản Anh, ảnh hưởng đến cách mạng tư sản Mỹ, Pháp và khắp châu Âu. Những lý luận ấy cùng với quan niệm về tam quyền phân lập của Lốc-cơ, về sau được Mông-te-xki-ơ (Montesquieu, 1689-1755)

Digitized by Google

và J.J.Rút-xô (Jean - Jacques Rousseau, 1712-1778) kế thừa và phát triển. Theo Lốc-cơ, con người ra đời và tồn tại trước khi có xã hội, tự do là bản chất tự nhiên, bẩm sinh của con người ; xã hội và nhà nước ra đời sau và có nhiệm vụ bảo vệ quyền tự do của con người. Tư tưởng coi cá nhân và quyền tự do cá nhân là tuyệt đối ấy, đã có ảnh hưởng rộng lớn suốt tiến trình cách mạng tư sản Âu - Mỹ, và cũng là nền móng cho quan niệm về nhân quyền ở phương Tây cho đến tận ngày nay.

Ngày nay, nhiều chính khách phương Tây vẫn nhấn mạnh một chiều quyền tự do chính trị, tự do cá nhân của công dân. Họ coi nhẹ và thậm chí phủ nhận quyền lợi về kinh tế, văn hóa xã hội của cá nhân. Theo cách nhìn nhận đó, thì quyền cá nhân tách khỏi nghĩa vụ đối với cộng đồng, với xã hội. Hơn nữa, trên lĩnh vực quyền cá nhân, họ lại chỉ chăm chú vào một thiểu số nào đó "có chính kiến bất đồng", bởi lẽ, theo họ, những người "có chính kiến bất đồng" thể hiện đầy đủ nhất quyền tự do cá nhân. Nhưng họ không muốn hiểu hoặc bỏ qua điều cốt lõi là chính quyền tự do cá nhân ấy đã làm hại đến quyền tự do cá nhân của bao người khác, hại đến quyền lợi và trật tự xã hội. Quan niệm tự do này, ngay một số nhà tư tưởng Âu Mỹ hiện đại cũng đã phê phán gay gắt. Giáo sư Trường đại học Cô-lăm-bi-a (Mỹ) đã viết : chủ nghĩa cá nhân đã làm cho xã hội Mỹ tan ra từng mảnh, trong đó, những người Mỹ tựa hồ như đang sống trong rừng rậm với cảnh tượng kẻ mạnh ăn sống nuốt tươi kẻ yếu. Nhà tương lai học Mỹ A.Tốp-phlơ (Alvin Toffler) thừa nhận chủ nghĩa cá nhân đang làm xã hội Mỹ lo âu khắc khoải từng ngày từng giờ trong sự đổi bại về lối sống, trong sự đạm bạc của tình người, trong sự tan vỡ của giá trị gia đình, trong sự điên loạn của bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc. Làm sao có nhân quyền ở một xã hội như vậy !

Rõ ràng quan niệm quyền con người theo kiểu tuyệt đối hóa quyền tự do cá nhân như trên là hoàn toàn không thích hợp với xã hội hiện đại, một xã hội có tổ chức, có quản lý, có trật tự, trong đó quyền tự do cá nhân gắn liền với trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội.

Quan niệm của Lốc-cơ về con người là trái với phép biện chứng duy vật. Con người đúng là ra đời trước xã hội, nhưng khi chưa tổ chức thành xã hội, con người chưa thật là người. Ngay thuật ngữ "con người" đã bao hàm *hai* bản năng : "con" là bản năng sinh học ; "người" là bản năng có quan hệ mật thiết với xã hội, xuất hiện từ xã hội, từ cộng đồng. Không có xã hội, không thể có con người với đúng nghĩa. Tư duy là đặc trưng của con người, và chính tư duy của con người lại tùy thuộc vào thực tại xã hội. Vì thế mà "con người là tổng hòa các quan hệ xã hội". Không có thuộc tính sinh học thì thuộc tính xã hội của con người cũng không tồn tại. Tuy nhiên, *xét đến cùng*, bản chất con người là thuộc tính xã hội. Nó do địa vị con người trong quan hệ sản xuất quyết định, mà quan hệ sản xuất là quan hệ xã hội cơ bản nhất, là cái quyết định mọi quan hệ xã hội khác. Nói cách khác, con người là cụ thể, không có con người nằm ngoài xã hội, con người nào cũng sống trong một chế độ xã hội nhất định, trong những điều kiện lịch sử cụ thể nhất định. Quyền con người, vì vậy, luôn luôn là một phạm trù xã hội, luôn luôn phụ thuộc vào điều kiện lịch sử xã hội. Nó do con người cùng nhau đấu tranh, cùng nhau liên kết thành xã hội mà có. Đúng như ông Tổng thư ký Liên hợp quốc B. Ga-li vừa mới nói : quyền con người là do máu thịt của nhân loại tạo thành. Nó không dung hòa với chủ nghĩa cá nhân, vị kỷ, không chấp nhận việc tách quyền của cá nhân với quyền của cộng đồng. Ngược lại, việc ngày càng thỏa mãn nhu cầu về quyền con người sẽ kích thích tính chủ động và sáng tạo của con người trong tiến trình xây dựng xã hội, đổi mới xã hội, phát triển xã hội. Quyền con người là sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và cộng đồng, giữa quyền lợi và nghĩa vụ, là tổng hòa các quyền về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, tôn giáo. Tuyệt đối không thể tách riêng bất cứ quyền nào ra để giải thích một cách thiên lệch về quyền con người, như lập luận của một số chính khách phương Tây tại diễn đàn nhân quyền quốc tế vừa diễn ra tháng trước. Xét đến cùng, *việc thực thi quyền con người là tùy thuộc điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, tôn giáo mỗi nước, là công việc nội bộ mỗi nước.*

k

Ngày nay, khoa học kỹ thuật đã đưa nền kinh tế thế giới đạt tới đỉnh cao chưa từng có. Loài người chưa bao giờ giàu có như hiện nay. Nhưng thật mỉa mai, đối với nhân dân các nước đang phát triển thì quyền được phát triển vẫn là quyền con người cơ bản nhất. Quyền phát triển là điều kiện tiên quyết bảo đảm quyền được sống không chỉ của mỗi con người, mà còn của đại bộ phận các quốc gia trên

Digitized by Google

thế giới. Đó là nhu cầu bức xúc và là tiêu chuẩn hàng đầu về nhân quyền đối với tuyệt đại đa số các nước trong cộng đồng thế giới. Chính vì vậy mà *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị*, một trong những văn kiện mang tính chất công pháp quốc tế về nhân quyền, tại điều 1 đã ghi : "Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa". Điều 2 còn ghi : " Trong mọi trường hợp, không được phép tước đi của một dân tộc những phương tiện sinh tồn của chính họ".

Như vậy, quyền phát triển là sự bổ sung và hoàn thiện đối với nhân quyền, là bước tiến quan trọng về lý luận nhân quyền. Bởi một lẽ đơn giản nhất : quyền phát triển là nhu cầu mang tính thời đại và mang tính con người nhất. "Quyền phát triển" là quyền con người ở tầm bao quát, tầm vĩ mô, có giá trị cao hơn, có ý nghĩa đầy đủ hơn, tiến bộ hơn so với "quyền được sống" đã được nêu lên cách đây hơn hai thế kỷ. Là công dân Việt nam, chúng ta đều biết Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa vào *Tuyên ngôn độc lập* của ta câu bất hủ sau trong *Tuyên ngôn độc lập* năm 1776 của Mỹ : "trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc" (1). Ở đây, "quyền được sống" đã từng được coi là một trong những quyền con người quan trọng nhất, là ngọn cờ mà giai cấp tư sản lúc đang lên đã phất cao để đấu tranh chống chế độ áp bức phong kiến. Chính Giôn Lốc-cơ đã đặt nền móng cho việc này. Ông cho rằng "quyền được sống" cùng với "quyền tự do" và "quyền tư hữu tài sản" là ba quyền sở hữu của con người. Về sau, Rút-xô và Đi-đơ-rô nhấn mạnh rằng "quyền tư hữu tài sản" là điều kiện bảo đảm cho "quyền được sống". Như vậy, lúc đó, đối với giai cấp tư sản đang lên, "quyền được sống" là quan trọng và bức bách biết bao ! Nhưng ngày nay, chủ nghĩa tư bản đã phát triển tới giai đoạn hiện đại, xã hội tư bản chủ nghĩa đã được củng cố, đã vượt quá xa điều kiện tối thiểu của "quyền được sống". "Quyền được sống" đối với giai cấp tư sản ngày nay không còn có ý nghĩa cần thiết và sống còn nữa. Phải chăng cũng vì vậy mà các nước phát triển không thấy hết ý nghĩa của đẳng thức : *quyền được sống = quyền phát triển của các nước đang phát triển* ?

Một số chính khách phương Tây chỉ nhấn mạnh một chiều quyền tự do chính trị, tự do cá nhân, mà coi nhẹ, thậm chí phủ định công thức : "quyền được sống" = quyền được phát triển các lợi ích về kinh tế, văn hóa, xã hội mà tuyệt đại đa số nhân loại đang đòi hỏi. Thực tế chứng tỏ, tình trạng chậm phát triển đang hạn chế, thậm chí vô hiệu hóa quyền con người. Bởi lẽ, không phát triển thì lấy đâu ra sản phẩm vật chất và tinh thần để bảo đảm ngay cả những nhu cầu cơ bản nhất của con người, như cơm ăn, áo mặc, thuốc chữa bệnh và phương tiện đi lại, chưa nói đến những nhu cầu cao hơn mà cuộc sống hiện đại đang ngày càng đòi hỏi. Đó là thực trạng và nguyên nhân đưa đến tình trạng thấp kém của việc thực thi quyền con người ở nhiều nước đang phát triển.

Bỏ qua tất cả những điều đó, nhiều chính khách phương Tây không ngớt công kích các nước đang phát triển vi phạm nhân quyền. Những người này không thấy hoặc cố ý không thấy rằng sự phát triển hiện nay của thế giới phát triển có quan hệ nhân quả với tình trạng chậm phát triển hiện nay của thế giới đang phát triển. Chẳng phải một phần tích lũy nguyên thủy của chủ nghĩa tư bản đã được tạo nên bằng cách tước đoạt trắng trợn các thuộc địa đó sao ? Chẳng phải trong cách mạng công nghiệp lần thứ nhất, các thuộc địa là thị trường rẻ mạt về nguyên liệu và sức lao động cho các nước mẹ đó sao ? Khi chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc, chẳng phải các nước tư bản phát triển đã coi thuộc địa là địa bàn quan trọng nhất để xuất khẩu tư bản và thị trường tiêu thụ hàng hóa của họ đó sao ?

Trong thời đại ngày nay, quan hệ Bắc - Nam đã thay đổi nhiều, do hệ thống thuộc địa đã bị xóa bỏ và được thay bằng các nước độc lập, có chủ quyền. Nhưng do trật tự kinh tế quốc tế vẫn chưa thay đổi căn bản, nên bộ mặt kinh tế các nước đang phát triển cơ bản vẫn như cũ, sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa Bắc và Nam vẫn là một trong những nghịch lý lớn nhất của nhân loại. Năm 1987, thu nhập đầu người của các nước phát triển là 14 580 đô la Mỹ, của các nước đang phát triển là 565 - 720 đô la Mỹ, trong đó nước thấp nhất chưa tới 200 đô la Mỹ ! Tỷ lệ thu nhập theo đầu người của nước đang phát triển so với nước phát triển, năm 1980 là

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, 1984, t4, tr1

Digitized by Google

1/40, năm 1990 là 1/50. Khoảng cách vốn đã xa lại ngày càng xa. Các nước phát triển chiếm khoảng 20% số dân thế giới nhưng đang chiếm tới 70% tổng thu nhập thế giới, trong khi đó các nước đang phát triển chiếm tới 80% số dân thế giới lại chỉ chiếm có 20% tổng thu nhập thế giới. Có nhiều nguyên nhân đưa đến tình trạng lạc hậu của thế giới đang phát triển. Nhưng dù thế nào cũng không được quên nguyên nhân lịch sử và sự bất công đang tồn tại trong trật tự kinh tế thế giới.

Vậy mà trên diễn đàn nhân quyền quốc tế, nhiều chính khách phương Tây đã bỏ qua tất cả những điều vừa nói ở trên, chỉ lớn tiếng công kích tình trạng vi phạm nhân quyền ở các nước đang phát triển, nhất là ở những nước đang phát triển có chế độ xã hội không phải là tư bản chủ nghĩa. Thảng hoặc cũng có người nhắc tới "quyền được sống", nhưng không phải là "quyền được sống" = "quyền được phát triển của cộng đồng". Họ chỉ quan tâm đến "số phận" của một số ít phần tử nào đó vi phạm pháp luật bị các nhà nước có chủ quyền xét xử theo pháp luật. Cũng công nhận rằng một số nước phát triển đã có sự viện trợ phát triển và cũng đã bỏ ra khá nhiều tiền để viện trợ phát triển. Nhưng một số nước đã gắn viện trợ với điều kiện nhân quyền theo cách nhìn nhận của họ. Trường hợp điển hình nhất về mặt này là Mỹ. Đã nhiều năm qua, cứ mỗi lần gia hạn tư cách nước tối huệ quốc cho Trung quốc, Mỹ lại kèm theo điều kiện về nhân quyền. Trung quốc và nhiều nước đang phát triển đã kiên quyết phản đối cách làm này của Mỹ. Việc Mỹ thi hành luật Tô-ri-xen-li đối với Cu-ba và tiếp tục kéo dài lệnh cấm vận đối với Việt nam (sau khi chiến tranh đã kết thúc 18 năm), chứng tỏ Mỹ hơn ai hết phủ nhận trắng trợn quyền được phát triển của các nước đang phát triển. Trong khi đó, đối với I-xra-en, một nước mà danh mục vi phạm nhân quyền chẳng ít ỏi gì, Mỹ vẫn viện trợ hàng năm khoảng 3 - 4 tỉ đô la.

Chỉ mấy ví dụ nói trên cũng đủ cho thấy Mỹ không chỉ gắn viện trợ phát triển với điều kiện nhân quyền của họ, mà còn biến nhân quyền thành vấn đề chính trị. Chính trị hóa vấn đề nhân quyền là một trong những đặc trưng nổi bật nhất của nền dân chủ chính trị phương Tây hiện nay. Điều nực cười nhất là họ ra sức chính trị hóa vấn đề nhân quyền nhưng lại luôn luôn rêu rao "phi chính trị hóa" vấn đề nhân quyền, núp dưới danh nghĩa "phi chính trị hóa", dưới cái vỏ bọc "vô tư", "khách quan". Thực chất, một số thế lực đế quốc đang muốn sử dụng chính sách ngoại giao nhân quyền để thay thế những thủ đoạn đã lỗi thời, trong khi họ vẫn không quên kết hợp chính sách ngoại giao trên thế mạnh, ngoại giao súng đạn, ngoại giao đô la, nhằm đạt được ý đồ đen tối là áp đặt quan niệm giá trị và chế độ chính trị của họ, làm biến chất chế độ xã hội và định hướng chính trị của những nước không cùng quỹ đạo với họ. Ngoại giao là ngoại giao, là mối bang giao. Nhân quyền là nhân quyền, là những quyền lợi mà con người cần phải có. Không nên để cho nhân quyền biến thành con bài trong trò chơi chính trị "diễn biến hòa bình" sau chiến tranh lạnh. Nên chấm dứt kỷ nguyên của sự hăm dọa và những thủ đoạn chính trị nhân danh nhân quyền. Mặt khác, bất cứ ai có lương tri cũng đều cảm nhận một sự thật đau lòng là những cuộc xung đột sắc tộc và sự trỗi dậy của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc đang là nguyên nhân chà đạp nhân quyền tồi tệ nhất. Nhưng hy vọng sự nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế sẽ dẹp được những rắc rối này. Và *nhân quyền bức xúc nhất hiện nay là quyền được sống = quyền phát triển của tuyệt đại đa số nhân dân trên thế giới.*

Là một nước đã từng chịu quá nhiều khổ đau và bất hạnh do các thế lực đế quốc xâm lược và nô dịch gây ra, Việt nam hiểu rất rõ và rất sâu thế nào là nhân quyền, và đang làm hết sức mình để chăm lo cho nhân quyền. Chúng ta đã nhiều lần tuyên bố tích cực tham gia hoạt động quốc tế về nhân quyền, tôn trọng và thực hiện những cam kết quốc tế về nhân quyền được cộng đồng thế giới công nhận và Việt nam đã tham gia ký kết. Nhưng chúng ta khẳng định rằng nguyên tắc để xem xét tình hình nhân quyền của các nước là căn cứ vào những công ước nhân quyền quốc tế và các tiêu chuẩn chung được cộng đồng quốc tế xác nhận, trước hết là xuất phát từ bối cảnh lịch sử, chế độ xã hội, truyền thống văn hóa, trình độ phát triển của mỗi nước, không thể đem mô hình của nước này áp đặt cho nước khác, hoặc làm tiêu chuẩn để phán xét nước khác. Nhân quyền, *xét đến cùng*, là vấn đề nội bộ mỗi nước. Chúng ta không thể đồng tình, trái lại, kiên quyết phản đối những ai muốn lợi dụng vấn đề nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ nước khác.

Digitized by Google

Giữ lấy tấm căn cước của chính mình

ĐẶNG NGHIÊM VẠN *

1- Hiện nay, giao lưu giữa các quốc gia, các khu vực đương phát triển với cường độ ngày càng cao. Mỗi quốc gia tự giác hay không tự giác đang có xu hướng mở rộng không gian xã hội, tiếp cận với cộng đồng nhân loại. Phải chăng số phận được định đoạt, hoặc buộc phải tiến kịp thời đại, hiện diện với tấm căn cước của chính mình, hoặc chịu thân phận lệ thuộc và rất có thể dẫn đến sự đồng hóa văn hóa. Đó là một thách thức thực sự và gay gắt có tính sống còn đối với các nước chậm phát triển về kinh tế như nước ta, trong một thế giới có sự giành giật giữa nhiều cực.

Chính sách mở cửa của Đảng và Nhà nước ta không những đáp ứng nhu cầu hiện nay và tương lai, mà còn nối tiếp một truyền thống vốn có của cha ông. *Việt nam xưa nay vốn là một xứ sở mở.* Nó được quyết định một phần bởi vị trí địa lý chính trị, một phần do con người Việt nam ưa cởi mở, ham học hỏi và mến khách. Chính điều đó cắt nghĩa tại sao Việt nam đã vượt qua được nguy cơ khủng hoảng tưởng chừng như không cứu vãn nổi vào những năm cuối thập kỷ 80 khi chính sách cấm vận của Mỹ còn đầy hiệu lực, khi Liên xô và các nước Đông Âu tan vỡ. Thử thách vẫn còn, khó khăn vẫn lớn, đường đi còn gập ghềnh. Việt nam cũng như những nước trong khối Nam, điểm xuất phát để phát triển quá thấp so với các nước công nghiệp và hậu công nghiệp. Khoảng cách chênh lệch về trình độ khoa học công nghệ, trình độ kinh tế quá lớn.

Cùng với việc "mở cửa" nhằm phát triển kinh tế, văn hóa ngoại sinh cũng tràn vào theo, mang theo một lối sống mới, tích cực có, tiêu cực có, thích hợp và cũng không thích hợp. Văn hóa dân tộc đương bị chèn lấn. Con người ngỡ ngàng trước sự lựa chọn.

Đã thế, mới gần hai chục năm, Việt nam phải qua hai chuyển biến lớn : từ chiến tranh sang hòa bình xây dựng (hay đúng hơn, vẫn chưa thực sự được hòa bình) ; từ một xã hội nông nghiệp khép kín hướng tới một nền công nghiệp với cách làm ăn theo lối thị trường. Nhờ đường lối đúng, cả dân tộc đã được đánh thức dậy, từng người rũ khỏi cảnh bao cấp, ỷ lại, năng động hơn, với phương châm tự cứu mình, cứu nước, cứu nhà. Mọi người, mọi ngành bung ra hoạt động, tất nhiên còn theo cách nghĩ của riêng mình.

Tư duy kinh tế lấy sự tăng trưởng vật chất làm mục đích, buổi ban đầu cũng đã phát huy tác dụng, lay chuyển được sức ỳ của chế độ quan liêu, bao cấp, đưa người dân thoát cảnh quá nghèo nàn, cùng nghèo nàn. Người dân nói chung còn vất vả, nhưng đã cải thiện được phần nào nhu cầu về ăn, ở, mặc. Một số người giàu lên (hợp pháp có, phi pháp có), một số không nhỏ còn sống dưới mức cần có, phải cứu trợ.

Cái giá phải trả của buổi ban đầu đã chớm thấy ở những bệnh hoạn : tham nhũng, buôn lậu, tội ác, thất nghiệp, mê tín, dị đoan, bệnh tật, thất học..., trong đó đáng chú ý là truyền thống đạo đức bị vi phạm, hàng hóa nước ngoài tràn ngập, văn hóa đồi trụy lây lan. Đau đớn nhất là tư tưởng hướng ngoại đã khiến cho một số ít người tự đánh mất mình, mất quê hương. Chuẩn mực xã hội bị hiểu sai. Người ta bắt chước, chứ không học hỏi và không kịp học hỏi, cứ tưởng những thứ của nước ngoài đều là cái hay. Sự thực, cái hay của dân tộc này chưa hẳn là cái hay đối với dân tộc khác. Mỗi dân tộc có bản sắc riêng, và chính cái đó mới làm giàu cho nhân loại.

Sau một thời gian loạng choạng, cuộc sống đã lên tiếng đòi lại "tấm căn cước dân tộc" của mình, đòi hỏi một cuộc sống văn minh hiện đại đích thực.

Cái giá phải trả còn biểu hiện trong khi làm kinh tế chỉ vì kinh tế đơn thuần. Có thể đạt được kết quả nào đó song để lại những vết thương khá đậm về sự hủy hoại tài nguyên và sự sa đọa của một số người.

Rất may là Đảng và Nhà nước ta đã kịp thời phát hiện, và càng thấy đầy đủ hơn sau Nghị quyết của Hội nghị Trung ương bốn.

2 - Nửa cuối thế kỷ XX diễn ra bao điều đáng suy ngẫm Không lẽ gì vì mưu cầu sự phè phỡn cho một

* Giám đốc Trung tâm tôn giáo, Viện khoa học xã hội Việt nam

Digitized by Google

quốc gia, một dân tộc nào đó mà đang tâm làm đau khổ cho bao quốc gia khác. Rõ ràng (cho dù biện luận bằng bất cứ chủ nghĩa gì) 9/10 dân số thế giới đương bị bóc lột bằng mọi cách để cho 1/10 dân số thế giới sống và có kẻ sống sa hoa quá mức. Thế giới tiêu thụ sẽ ngốn hết của cải của nhân loại, tài nguyên của Đất mẹ, nhất là khi dân số thế giới tăng gấp hai, ba lần hiện nay. Khoa học và công nghệ có thể cứu được Con Người, nhưng cũng có thể đẩy Con Người xuống tận cùng địa ngục nếu khoa học và công nghệ không nằm trong tay những con người có văn hóa. Một thế giới của tình thương, một thế giới văn hóa phải thay thế cho "một thế giới không thể chấp nhận được", như đầu đề cuốn sách của R. Dumond (1) mô tả. Không chấp nhận sự phát triển kinh tế mà lại phải trả giá xã hội, hy sinh văn hóa, như đương diễn ra ở một số nước hiện nay ; không chấp nhận phát triển kinh tế dẫn đến sự chà đạp lên đạo đức, phẩm chất con người, hủy hoại tài nguyên, môi trường ; không chấp nhận được thứ chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc ích kỷ. Buồn thay, những nước giàu nhất, có quyền lực nhất hiện nay, lại đương thực sự nhắm mắt với thực tế phũ phàng vì quyền lợi ích kỷ của họ. Nhưng cũng mừng thay nhân loại tiến bộ nhìn nhận ra điều đó và đã lên tiếng.

Nhờ sự giao tiếp ngày càng mở rộng và phong phú, giới khoa học Việt nam đã thấy được sự thật đó, và cũng rõ hơn bản thân đất nước mình. Nước Mỹ giàu có đương bị phá hoại bởi những bệnh hoạn xã hội. Có con rồng châu Á bắt đầu chuyên chở bệnh SIDA. Còn các nước châu Phi bao giờ mới ra khỏi cảnh nghèo đói và chiến tranh nồi đa nấu thịt ? Châu Mỹ la tinh số phận sẽ ra sao ? Thật không lạ gì có người đang ngợi ca "*Thời kỳ đồ đá, thời kỳ sung túc*" (2) ; một số người phương Tây lại muốn tìm niềm vui của mình bằng cách hướng về phương Đông. Có người lại mơ ước một cuộc sống nguyên sơ đầy tính người, xa lánh với thế giới vật chất, cơ giới.

3- Việt nam đương khởi đầu đi vào con đường phát triển. Cuộc đấu tranh vì phát triển sẽ còn khó khăn, có lẽ khó khăn hơn cả những năm dài giành độc lập cho đất nước. Chúng ta không sợ những chập chững buổi ban đầu, những sai lầm mắc phải. Có thể sẽ còn mắc những sai lầm. Đó là điều khó tránh khỏi trên con đường đi lên có muôn vàn khó khăn. Sai thì sửa, sai nữa lại sửa. Chỉ lo sai lại tưởng là đúng, hay không chịu sửa. Điều quan trọng là *cần biết cái đích phải tiến đến, những chặng đường sẽ đi.*

Việt nam là một nước chậm phát triển về kinh tế. Đó là một thực tế. Nhưng chưa ai phủ nhận Việt nam là một nước văn hiến, với kho tàng văn hóa phong phú, đa dạng. Nền văn hóa ngày được bồi đắp nhờ sức mạnh bản thân và sự tiếp biến nhuần nhuyễn văn hóa ngoại sinh. Nước ta sau 1000 năm Bắc thuộc, không những không bị đồng hóa mà còn bước vào thời kỳ phục hưng. Trương Phụ với chính sách tiêu diệt văn hóa, đốt sách, đục bia, phá hoại các di tích, đã không ngăn cản được triều Lê (mà đỉnh cao là Lê Thánh Tông) xây dựng một nhà nước hoàn chỉnh về mọi phương diện. 100 năm Pháp thuộc, 30 năm chiến tranh (với âm mưu muốn Việt nam trở lại đồ đá), đã không ngăn được Việt nam giành lại tấm căn cước sau cuộc thử thách lịch sử.

Hiểu văn hóa chính là hiểu *con người* - người sáng tạo văn hóa và chịu tác động sâu sắc của văn hóa đó. Một khi con người Việt nam được đánh thức dậy, thì không sức mạnh nào có thể ngăn nổi con đường đi của nó. Bạt núi Trường sơn đi cứu nước, lớp lớp thế hệ người Việt nam đã được Đảng cộng sản Việt nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, một danh nhân văn hóa của nhân loại, một anh hùng dân tộc, dẫn đường. Châu chấu đá voi, ai có thể nghĩ phần thắng lại thuộc về châu chấu ? Sức mạnh chiến thắng kẻ xâm lược sẽ được nhân lên trong cuộc đấu tranh mới để xây dựng đất nước. Kinh nghiệm lịch sử cũng cho nhiều bài học đau lòng. Những thời kỳ nước mất, chính là những thời kỳ người cầm quyền tự đánh mất mình, quên sức mạnh của lòng dân, của dân tộc. Động cơ và mục đích của sự phát triển phải tìm trong văn hóa, tức là tìm trong sức mạnh của con người mang nền văn hóa đó.

Văn hóa là sợi dây xuyên suốt từ quá khứ tới hiện tại và tương lai của một dân tộc. Không có sự thay thế, chỉ có sự kế thừa, chuyển đổi, phát triển, thích nghi. Không phải là bắt chước, ăn cắp văn hóa của dân tộc khác ; mà là học tập, tham khảo, tiếp thu những gì cần thiết cho dân tộc, hợp với dân tộc.

Nhìn vào thực tiễn hiện nay, Việt nam sau 30 năm

(1) R.Dumond : *Một thế giới không thể chấp nhận được* (bản dịch tiếng Việt), Hà nội, 1990.

(2) M. Sahlins :*Stone economics*, 1972. Bản dịch tiếng Pháp : *Age de pierre, âge d'abondance*, Gallimard, Paris, 1981.

Digitized by Google

chiến tranh đã phải quên đi nhiều nhu cầu đời thường vì mục đích duy nhất giải phóng dân tộc, nay vừa phải gấp tìm một lối sống hợp thời đại, tiếp thu một văn hóa hoàn chỉnh của thế giới, lại vừa phải trên nền tảng văn hóa của mình để tìm ra con đường phát triển. Văn hóa dân tộc - hiện đại rõ ràng phải giữ một vị trí trung tâm, một vai trò điều tiết xã hội. Đó là một việc làm không dễ dàng. Nguyên tắc có thể dễ thấy, có thể vạch ra, nhưng sẽ còn nhiều ý kiến khác nhau ở những lĩnh vực cụ thể, những vấn đề cụ thể. Cần phải hành động và thông qua hành động mới trở lại nhìn nhận vấn đề sâu sắc hơn.

4- Việt nam có những thuận lợi khách quan : vị trí địa lý chính trị, tài nguyên, nhưng ở vùng ngoại vi phức tạp. Con người Việt nam về bản chất là tự cường, năng động, thông minh, lại có tinh thần chịu đựng, kiên nhẫn. Vấn đề ở đây là được chỉ đạo bởi một tư tưởng thống nhất, nhằm phát huy tất cả những khả năng tiềm ẩn và đa dạng của những cộng đồng xã hội và nghề nghiệp, tộc người và tôn giáo, trong hoàn cảnh chưa phải đã hết thế lực thù địch bên ngoài. Sự thống nhất đó chính là giương cao và tập hợp mọi người dưới ngọn cờ dân tộc, đoàn kết toàn dân với mục đích xây dựng đất nước giàu mạnh. Mỗi người Việt nam dù ở trong hay ngoài nước, cần hiểu được chân lý giản đơn : trước đã vì nhục mất nước mà không ngần ngại hy sinh thì nay vì nhục nghèo nàn lạc hậu mà gắng sức tiến tới, để tên tuổi Việt nam lại rạng rỡ trên trường quốc tế.

Bên cạnh cái hay, cái mạnh của mình, phương Tây đã thấy ra cái nhược điểm tiềm ẩn dẫn con người đến một xã hội chạy đua theo vật chất, vị kỷ. Việt nam cũng cần thấy bên cạnh nhược điểm rất cơ bản là trình độ khoa học công nghệ quá thấp, phải phát huy được cái đã có và đưa lên một mức độ cao hơn cái nhân bản, cái vị tha, tính cộng đồng mà tổ tiên đã truyền lại qua những tư tưởng lớn của các nhà triết học phương Đông. Sự kết hợp khôn khéo đó đã được Hồ Chí Minh trong cả cuộc đời hoạt động của mình giải đáp. Người giương cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, thu hút, cố kết mọi người Việt nam. Người chỉ ra cần phải học tập tất cả, từ Giê-xu, Tôn Dật Tiên, Khổng Tử cho đến Các Mác (3), những tinh hoa đông tây cần thiết cho con người, cho đất nước Việt nam.

5 - Sống trong một thế giới có những vấn đề mang tính toàn cầu, chúng ta cần hiểu một điều cha ông thường nhắc : "hòa nhi bất đồng". Mở rộng cửa đón học tất cả những điều cần cho sự phát triển, hiện diện trước nhân loại như những người trong cùng gia đình, nhưng vẫn với tấm căn cước của mình. Tổ tiên chúng ta đã thực hiện được điều đó, kết hợp rất tài tình cái sẵn có của ta với cái hay học hỏi được ở bên ngoài. Tiếp thu đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão và sau này đạo Ki-tô, nhưng người Việt nam vẫn là người Việt nam với tư tưởng của chính mình. Sức mạnh tiếp biến văn hóa của con người Việt nam là rất lớn.

Cũng đừng quên Việt nam là nước nhiều tộc người, nhiều tôn giáo và tín ngưỡng. Việt nam tự hào từ cái đó, từ một nền văn hóa thống nhất nhưng lại rất đa dạng, từ một đất nước mà các tộc người, các tôn giáo tuy có khác biệt nhưng thống nhất và đoàn kết. Không có chiến tranh tôn giáo trong lịch sử Việt nam cho đến khi có bóng dáng của chủ nghĩa thực dân phương Tây. Các tộc người Việt nam trong các cuộc chống xâm lược đều đoàn kết nhất trí. Đảng cộng sản Việt nam đã kế thừa và phát huy truyền thống đó bằng việc thực hiện thành công chính sách dân tộc trong cuộc Cách mạng Tháng Tám và hai cuộc kháng chiến vừa qua.

Chính trong cuộc đấu tranh xây dựng và phát triển, việc phát huy tột bực nền văn hóa của từng tộc người để xây dựng nền văn hóa dân tộc và việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng lại tạo động lực cho kinh tế phát triển. Chứng cớ là : 15 năm sau ngày thống nhất đất nước, mặc dầu hoàn cảnh rất phức tạp, đồng bào theo đạo ở nhiều vùng (như vùng nông thôn Công giáo là một ví dụ) đã phát triển kinh tế tốt, đồng bào các tộc người dân số ít (như ở Tây nguyên và miền núi phía Bắc) đã có những chuyển biến rõ rệt về các mặt, được sự tin cậy của cả nước.

Tóm lại, để phát triển, cần bảo đảm hài hòa ba cái thiêng liêng nhất của một con người : đất nước, dân tộc và tín ngưỡng. Muốn vậy, không thể không tôn trọng bản sắc văn hóa của dân tộc, của các tộc người (đa số và thiểu số), không thể không tôn trọng niềm tin của những người có tín ngưỡng theo tinh thần của chủ nghĩa Mác-Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

---

(3) Trần Dân Tiên : *Những mẩu chuyện về Hồ Chủ tịch*, Hà nội 1990.

Digitized by Google

Tình hình tội phạm kinh tế ở nước ta mấy năm gần đây

TRẦN ĐÀO *

MẤY năm gần đây, mặc dù tình hình quốc tế và trong nước có những biến động phức tạp, nhìn chung trật tự an ninh xã hội vẫn được bảo đảm. Song bên cạnh đó, nhiều loại tội phạm như tham nhũng, buôn lậu, lừa đảo, cướp của, giết người v.v. vẫn xảy ra nghiêm trọng, có loại tăng vọt ở hầu khắp các địa bàn, ở các ngành, ở nông thôn, thành thị, miền núi, hải đảo, và mang tính quốc tế.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, trong thời gian 1989 - 1992, trung bình mỗi năm phát hiện trên 100 000 vụ (trong đó án kinh tế chiếm 20,67%, án xâm phạm trật tự, an toàn xã hội chiếm 79,33%), làm tài sản thiệt hại trung bình khoảng 180 tỉ đồng.

Động lực của cơ chế thị trường là lợi nhuận và lợi nhuận siêu ngạch. Đồng tiền là "mỡ bôi trơn" cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cơ chế thị trường. Muốn có lợi nhuận siêu ngạch một cách dễ dàng thì buôn lậu, buôn hàng cấm, trốn, lậu thuế, sản xuất và buôn bán hàng giả, lừa đảo. Số vụ buôn lậu, buôn ma túy, làm hàng giả, buôn bán hàng giả phát hiện được ngày càng tăng : năm 1992 nhiều hơn gấp đôi năm 1991 ; 5 tháng đầu năm 1993 nhiều hơn gấp đôi 6 tháng đầu năm 1992. Nguy hiểm là có cả các vụ buôn bán chất nổ. Để tránh sự kiểm soát và có được giấy tờ cần thiết che đậy việc thu lợi bất chính, bọn tội phạm thường dùng ngón bài hối lộ, môi giới đưa và nhận hối lộ. Hiện tượng này năm 1991 tăng gần hai lần so với năm 1990. Các loại tội phạm như tham ô, trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, thiếu tinh thần trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng, vẫn còn, do cơ chế, chính sách còn nhiều sơ hở. Năm 1991, riêng tội lợi dụng sơ hở của cơ chế, cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế đã tăng gấp đôi so với năm 1990. Loại tội phạm buôn lậu, buôn bán hàng cấm, lừa đảo mang tính quốc tế cũng tăng lên.

Trong lưu thông hàng hóa và tiền tệ cũng có nhiều sơ hở, do đó bọn cướp đã có thể hoạt động trên các tuyến vận chuyển và tiến hành một số vụ cướp ở các tiệm vàng tư nhân. Năm 1992, số vụ cướp tăng 11,9% so với năm 1991.

Bọn tội phạm chiếm được nhiều tiền, ăn chơi sa đọa, lôi kéo, mua chuộc một số người không vững vàng. Tệ nạn mãi dâm, nghiện hút, buôn bán và sử dụng chất ma túy phát triển. Hết tiền tiêu xài, chúng lại lao vào cướp của, giết người, buôn bán phụ nữ, lừa đảo... Đó là cái vòng luẩn quẩn gây bao tai họa cho xã hội.

Từ năm 1989 đến năm 1992, mỗi năm phát hiện bình quân 40 nghìn vụ tội phạm kinh tế, làm thiệt hại của nhà nước và nhân dân tới 130 tỉ đồng. Mặc dù số vụ tham nhũng chỉ chiếm 11,2% tổng số vụ tội phạm kinh tế phát hiện hàng năm, nhưng thiệt hại chúng gây ra lại chiếm trung bình tới gần 70%. Buôn lậu diễn ra trên phạm vi cả nước, trong nhiều loại hoạt động kinh doanh, trong mọi thành phần kinh tế, và đã lan sang cả một số cơ quan chính quyền, tổ chức xã hội, đoàn thể, quân đội, thậm chí một số lực lượng trực tiếp tham gia đấu tranh chống buôn lậu. Hoạt động buôn lậu lớn, có tổ chức, hầu hết là do một số người trong cơ quan nhà nước trực tiếp tham gia hoặc cho tư thương núp bóng. Chúng dựa vào các phương tiện của nhà nước, kể cả đường bộ, đường sắt, đường sông, biển,

* Đại tá, Phó cục trưởng Cục cảnh sát kinh tế, Bộ nội vụ

Digitized by Google

đường hàng không, đường bưu điện nội địa và quốc tế.

Thực tế cho thấy, ở những nơi hoạt động kinh tế sôi động, vật tư, tài sản của nhà nước nhiều mà lại thiếu sự kiểm tra, giám sát cần thiết của các cơ quan có thẩm quyền, thì ở những nơi đó khó tránh khỏi xảy ra các loại tội phạm như tham ô, cố ý làm trái pháp luật, lừa đảo v.v.. Tiền vốn của nhà nước không chỉ bị các phần tử xấu ngoài xã hội mà còn bị chính không ít doanh nghiệp nhà nước lợi dụng những sơ hở trong cơ chế để chiếm đoạt. Như chúng ta đều biết, cho tới nay, vẫn còn khá nhiều đơn vị kinh tế trây nợ do làm ăn thua lỗ, hoặc bị các cơ quan khác chiếm dụng vốn nên không có khả năng thanh toán.

Mặt được của cơ chế thị trường và chính sách "mở cửa" là đã tạo điều kiện cho các tổ chức, công ty, xí nghiệp ở nước ta ký kết hợp đồng sản xuất, kinh doanh với các tổ chức, công ty, xí nghiệp nước ngoài, mở rộng thị trường trong nước và ngoài nước. Song mặt trái của nó là đã làm tăng thêm một số loại tội phạm kinh tế. Đã xuất hiện không ít các vụ lừa đảo, buôn lậu, buôn bán hàng cấm và các chất ma túy mang tính quốc tế trong các lĩnh vực hợp tác đầu tư, tín dụng, dịch vụ... Nhiều người lợi dụng con đường du lịch, tham quan, thăm người thân v.v. để buôn lậu, lừa đảo. Cơ chế thị trường còn thương mại hóa cả các lĩnh vực xã hội như y tế, giáo dục, văn hóa... ; làm tha hóa không ít cán bộ trong các lĩnh vực này.

Công tác phòng ngừa và đấu tranh của các lực lượng hữu quan đã ngăn chặn được nhiều vụ lớn, không để đối tượng kịp gây án, đã kịp thời phát hiện, đấu tranh chống những vụ tham nhũng, buôn lậu lớn, ngăn chặn nạn cướp ở một số vùng và tuyến giao thông. Đồng thời, làm rõ được rất nhiều vụ cướp trước đây chưa xác định được đối tượng. Điều quan trọng là, qua đấu tranh, đã kịp thời phát hiện được những sơ hở trong quản lý, những điều kiện, nguyên nhân nảy sinh tội phạm, đề xuất được những biện pháp khắc phục và phòng ngừa về mặt xã hội, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm về thành công và chưa thành công trong phòng ngừa đấu tranh.

Tội phạm có nguồn gốc sâu xa từ kinh tế, xã hội. Tệ nạn xã hội và môi trường là điều kiện để con người hư hỏng và phạm tội. Hiện nay, nếu nhìn vào cơ chế quản lý, các chính sách của ta, thì còn nhiều sơ hở, lỏng lẻo, không đồng bộ giữa kinh tế và xã hội trong quá trình đổi mới.

Những người thực hiện, nhận thức và quán triệt chủ trương, biện pháp ở các ngành, địa phương chưa tốt. Trách nhiệm cá nhân của nhiều người đứng đầu, người đi kiểm tra, kiểm soát, người xử lý chưa cao. Quyết định 217 của Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) giao cho giám đốc được quyền định đoạt về tài sản. Nhưng quyền đó dễ dẫn đến tệ tham nhũng và tiêu cực nếu không có một cơ chế giám sát kiểm tra chặt chẽ. Người chưa đủ năng lực sử dụng quyền, cũng có thể nảy sinh tiêu cực. Thực tế trong số 4584 xí nghiệp quốc doanh bị thua lỗ, thì tới 2630 (hơn 57%) xí nghiệp là do giám đốc không có kiến thức và năng lực quản lý, trong đó 1/5 giám đốc không có bằng cấp về quản lý, không nắm được pháp luật và nghiệp vụ kinh doanh. Trong số người phạm tội về kinh tế năm 1992, có 60% là cán bộ, công nhân, viên chức, trong đó có 50% là đảng viên. Việc xem xét kỷ luật cán bộ tham nhũng thường thiếu nghiêm khắc, có trường hợp tránh né, hoặc cấp ủy can thiệp vào việc xét xử của cơ quan pháp luật đối với cán bộ có hành vi tham nhũng.

Hiệu quả thực thi pháp chế xã hội chủ nghĩa chưa cao, cả trong xây dựng, bổ sung, sửa đổi, tuyên truyền và thực hiện văn bản pháp luật. Xây dựng và bổ sung, sửa đổi văn bản pháp luật chậm, nhất là đối với các chính sách về kinh tế nhiều thành phần, về xuất nhập khẩu, về hàng phi mậu dịch, quà biếu. Việc tuyên truyền pháp luật chưa sâu rộng trong xã hội ; kiểm tra không thường xuyên, nhất là kiểm tra những người đi kiểm tra. Quần chúng không đồng tình vì số vụ xử lý tỷ lệ thấp (khoảng 10% so với thực tế), thường lại chưa nghiêm do có sự cản trở, bao che hoặc nể nang, né tránh... Điều đó tác động xấu đến các khâu phát hiện, điều tra trước đó, càng không có tác dụng phòng ngừa rộng rãi, quần chúng giảm lòng tin, và khó phát động họ đấu tranh.

Điều kiện vật chất, phương tiện nghiệp vụ, kinh phí cho công tác phòng ngừa đấu tranh thiếu thốn. Trong khi đó bọn buôn lậu, tham nhũng, làm hàng giả, cướp của... dùng phương tiện thông tin, kỹ thuật, giao thông tốt hơn. Tội phạm và tiêu cực cứ diễn ra, trong khi với số kinh phí quá ít ỏi, chúng ta đành cam chịu với phương tiện thiếu thốn.

*

Digitized by Google

Tội phạm kinh tế có nhiều nguyên nhân, do vậy để ngăn ngừa, phải tiến hành đồng bộ các biện pháp về kinh tế, hành chính, pháp chế ở tất cả các cấp, các ngành và đoàn thể, với tư tưởng lấy phòng ngừa tại chỗ, ở cơ sở và bên trong là chính. Nhưng khi đã xảy ra tội phạm hoặc hành vi tiêu cực thì phải đấu tranh kịp thời và kiên quyết. Thường xuyên phát hiện mọi sơ hở lỏng lẻo trong quản lý kinh tế và xã hội để chấn chỉnh phòng ngừa tội phạm.

Trước hết, cần tiếp tục đổi mới và bổ sung hệ thống cơ chế quản lý xã hội đồng bộ với đổi mới kinh tế trong cơ chế thị trường. Kinh nghiệm nhiều nước phát triển trên thế giới cho thấy, cùng với mức tăng trưởng kinh tế, phải đối phó với hàng loạt vấn đề gay gắt về xã hội... Trong đổi mới, nhất thiết phải bảo đảm tính đồng bộ giữa kinh tế và xã hội ; tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, với phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường.

Hệ thống chính sách cần được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với nền kinh tế thị trường. Khi giao quyền cho người có trách nhiệm, phải có cơ chế quy định chặt chẽ năng lực quản lý và nghĩa vụ, trách nhiệm của người đó. Như trên đã nói, hơn 57% số giám đốc của 4584 đơn vị quốc doanh làm ăn thua lỗ ở ta là do không có năng lực quản lý. Việc đổi mới đồng bộ các chính sách xã hội sẽ giúp cho việc ngăn chặn tình trạng thương mại hóa ở nhiều lĩnh vực và góp phần chủ động phòng ngừa tội phạm nảy sinh.

Hai là, phải có con người thực hiện đúng đắn, nghiêm túc các cơ chế chính sách.

Người đứng đầu các ngành, địa phương, đơn vị, đoàn thể, tổ chức xã hội có vai trò quan trọng nhất. Từ bộ đến các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các địa phương, cơ sở xã phường, nếu có biện pháp đồng bộ và có người đứng đầu chỉ đạo mọi việc theo đúng chính sách pháp luật, thì chắc chắn sẽ ngăn chặn được nhiều hiện tượng tiêu cực. Bản thân các cơ quan nhà nước mà tự đặt mình trong khuôn khổ pháp luật và huy động được quần chúng tích cực tham gia đấu tranh và giám sát, thì dù cơ chế có sơ hở, bọn phạm tội có xảo quyệt, cũng khó nảy sinh tội phạm ; hoặc giả có nảy sinh tội phạm thì cũng sớm bị cơ quan phát hiện, ngăn chặn và đấu tranh kịp thời. Muốn vậy, đương nhiên người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao quyền, phải có đủ trí tuệ, năng lực tổ chức thực tiễn, thích ứng với đổi mới, nắm vững và thực hiện đúng quyền hạn của mình, tìm đúng nguyên nhân để có biện pháp khắc phục, và dự đoán được xu hướng có thể xảy ra tiêu cực để phòng ngừa.

Ba là, phải rà soát, bổ sung, sửa đổi và xây dựng mới hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, để thực hiện nghiêm túc chế độ nhà nước pháp quyền. Trong xây dựng các văn bản pháp quy, nhất là thể chế hóa chính sách của Đảng, phải bảo đảm kịp thời, đúng luật. Khi có văn bản pháp luật được ban hành, cần có cách thích hợp phổ biến, tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, để mọi người thực thi nghiêm chỉnh. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải gương mẫu chấp hành và thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ pháp luật. Mọi người vi phạm phải được xử lý nghiêm minh và bình đẳng trước pháp luật.

Bốn là, đẩy mạnh hơn nữa công tác kiểm tra, thanh tra.

Nhiều vụ việc lớn nghiêm trọng xảy ra cho thấy, nếu thường xuyên làm công tác kiểm tra và thanh tra thì sẽ sớm phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế được hậu quả các vụ việc. Những nơi xảy ra các vụ lớn nghiêm trọng, thường có một nguyên nhân quan trọng là do người đứng đầu ở đó đã không làm công tác kiểm tra. Cần phát huy vai trò của các lực lượng kiểm tra, thanh tra ; xây dựng đội ngũ cán bộ kiểm tra có phẩm chất vững vàng, trong sạch. Đồng thời, có cơ chế kiểm tra ngay những người đi kiểm tra, và có sự phối hợp tốt giữa công tác kiểm tra, thanh tra, điều tra và các công tác khác. Trong kiểm tra, cần kịp thời biểu dương người tốt, việc tốt, đồng thời xử lý nghiêm những ai vi phạm.

Chống tội phạm là trách nhiệm không chỉ của các cơ quan bảo vệ pháp luật, mà cả của các cơ quan, đơn vị kinh tế, của chính những người quản lý và sản xuất kinh doanh. Nó cũng là yêu cầu đối với mọi công dân. Đấu tranh chống tội phạm, là đấu tranh chống những kẻ làm ăn bất chính, vi phạm pháp luật, để cho những người làm ăn chính đáng có thể phát huy tính năng động sáng tạo trong sản xuất kinh doanh, các cơ quan kinh tế có thể tiến hành thuận lợi công việc sản xuất, kinh doanh, và đất nước ngày càng có thêm nhiều nhà sản xuất kinh doanh giỏi, bảo đảm xã hội ta ngày càng ổn định và phát triển.

Digitized by Google

HỘI NGHỊ BẠN ĐỌC VÀ CỘNG TÁC VIÊN Ở HUẾ

NGÀY 26-5-1993, tại thành phố Huế, Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản* và Thường vụ Tỉnh ủy Thừa thiên - Huế đã tổ chức Hội nghị bạn đọc và cộng tác viên của Tạp chí ở khu vực miền Trung.

Tham dự hội nghị có một số đồng chí trong Ban thường vụ Tỉnh ủy, nhiều cán bộ lãnh đạo và cán bộ phụ trách tuyên huấn các cấp của tỉnh Thừa thiên - Huế, một số cán bộ lãnh đạo và nghiên cứu lý luận của Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - phân viện Đà nẵng, Trường cán bộ Nguyễn Chí Thanh (Thừa thiên - Huế) và Trường cán bộ Lê Duẩn (Quảng trị), nhiều cộng tác viên, thông tin viên, bạn đọc của *Tạp chí Cộng sản*.

Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm, Phó bí thư Tỉnh ủy Thừa thiên - Huế và đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập *Tạp chí Cộng sản* chủ trì hội nghị.

Với nhiệt tình và lòng mến yêu Tạp chí lý luận của Đảng, nhiều đồng chí đã phát biểu rất thẳng thắn, chân tình, đóng góp ý kiến xây dựng Tạp chí. Dưới đây, chúng tôi xin giới thiệu tóm tắt ý kiến của một số đại biểu.

Đồng chí Nguyễn Khoa Điềm (1)

Có thể khẳng định, thời gian gần đây *Tạp chí Cộng sản* đã đi vào một thời kỳ mới. Hình ảnh Tạp chí đã trở nên gần bó, gần gũi với đội ngũ cán bộ của tỉnh chúng tôi, bởi nội dung và những vấn đề đặt ra sát hợp, đáp ứng được đòi hỏi của những người làm công tác lý luận và chỉ đạo thực tiễn ; hình thức mới mẻ, trang nhã, đẹp.

Tạp chí Cộng sản đã kiên định tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, những chủ trương và chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Tạp chí đã có những bài phân tích lý giải vấn đề một cách có cơ sở khoa học. Một số bài về chủ nghĩa xã hội, về sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu, đã đáp ứng kịp thời yêu cầu của bạn đọc, góp phần củng cố lòng tin của quần chúng vào sự nghiệp cách mạng của Đảng ta. Một số bài về văn hóa văn nghệ đã giải đáp được một phần những vấn đề đặt ra hiện nay. Những thông tin trên *Tạp chí Cộng sản* là hết sức bổ ích, đặc biệt là đối với những cán bộ làm công tác lý luận, tư tưởng.

Tuy nhiên, trong tình hình hiện nay, công tác tuyên truyền, nhất là tuyên truyền lý luận khó lắm, xã hội không thuần khiết, yêu cầu của bạn đọc rất cao, do đó Tạp chí phải vươn lên với yêu cầu cao hơn, chứ không thể bằng lòng với cách giải thích đơn giản của "ngày hôm qua".

Tạp chí không những là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng, mà còn là cơ quan giao tiếp giữa Đảng với xã hội, là phương tiện đối thoại giữa Đảng với xã hội. Vì vậy, nó phải vừa lan tỏa đi sâu vào các đối tượng xã hội, vừa chuẩn bị đời sống lý luận làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách. Tạp chí cần chú ý sử dụng nhiều hơn các công cụ triết học, xã hội học, tâm lý học, thống kê học để phân tích, mổ xẻ những vấn đề lý luận và thực tiễn, làm cho nội dung lý luận và thực tiễn của Tạp chí khoa học hơn, phong phú và đa dạng hơn. Bài viết trên Tạp chí cần thể hiện rõ tính dự báo, chuẩn bị cơ sở lý luận cho việc xác định chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, cuốn hút xã hội đi vào đời sống lý luận đang trở nên hết sức cần thiết.

Tạp chí cần đi sâu giải đáp những vấn đề gai góc, những vấn đề cụ thể mà cuộc sống đặt ra ; tránh những bài viết chung chung, quá khái quát hoặc viết "cho phải đạo". Nên giảm bớt những bài có tính chất phản ánh, báo cáo tình hình nhiệm vụ của ngành, địa phương... Những bài như thế tất nhiên cũng rất cần và cũng đã rút ra được một số vấn đề, song tính tổng kết thực tiễn còn yếu. Hiện nay có rất nhiều vấn đề cụ thể ở cơ sở chưa sáng tỏ, nếu Tạp chí đi vào tổng kết, giải đáp được những vấn đề đó thì Tạp chí sẽ rất hấp dẫn, có sức sống mạnh hơn, và trợ lực cho thực tiễn được nhiều hơn.

Đồng chí Nguyễn Trương Đàn (2)

Nhiều năm qua, *Tạp chí Cộng sản* đã giữ một vai trò quan trọng trong nội dung tuyên truyền của Đài phát thanh tỉnh Thừa thiên - Huế. Chúng tôi hằng ngày, hằng buổi làm nhiệm vụ tuyên truyền những quan điểm đường lối của Đảng, đã tìm thấy ở *Tạp chí Cộng sản* nguồn tiếp sức phong phú, tin cậy, giàu sức thuyết phục.

Ở vùng đất Thừa thiên - Huế, một vùng văn hóa quan trọng của đất nước, nơi tập trung một số lượng lớn trí thức thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, việc khẳng định lý tưởng xã hội chủ nghĩa, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội không thể chỉ bằng những luận giải giản đơn, mà phải giàu chất trí tuệ mới đủ sức thuyết phục. Một số bài trên Tạp chí đã đáp ứng được điều đó. Việc Tạp chí có những bài kịp thời vạch trần những âm mưu thủ đoạn "diễn biến hòa bình", chống đảng, chống chủ nghĩa xã hội của các thế lực thù địch, có tác dụng rất quan trọng trong cán bộ và nhân dân. Một số bài thể hiện tính chiến đấu cao và có sức thuyết phục. Đặc biệt, chúng tôi hoan nghênh một loạt bài đề cập thẳng vào sự kiện sụp đổ của Liên xô và Đông Âu - nhìn từ nhiều phía khác nhau. Có thể nói, những bài báo đó có tác dụng như vũ khí tư tưởng rất quan trọng, kịp thời củng cố tư tưởng, hướng dẫn luồng suy nghĩ cho đông đảo đảng viên, cán bộ và nhân dân ở vào một thời điểm phức tạp đầy sóng gió trong nước ta và trên thế giới.

(1) Phó bí thư Tỉnh ủy Thừa thiên - Huế

(2) Phó giám đốc Đài phát thanh tỉnh Thừa thiên - Huế

Digitized by Google

Về sự nghiệp đổi mới của Đảng ta, Tạp chí đã có nhiều bài phân tích các khía cạnh khác nhau trong lĩnh vực quản lý kinh tế, đổi mới hệ thống chính trị, xác định vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực của nhà nước, xây dựng nhà nước pháp quyền, tổng kết một số mô hình kinh tế..., giúp người đọc nâng cao nhận thức và lý giải các hiện tượng.

Hiện nay các bài trên *Tạp chí Cộng sản* hình như chủ yếu phục vụ đối tượng là những cán bộ lãnh đạo, quản lý trung cao cấp, việc truyền đạt nó đến đảng viên bình thường và cán bộ cơ sở còn khó khăn. Tôi đề nghị Tạp chí nên có thêm những bài phù hợp với trình độ của cán bộ sơ cấp. Đồng thời, tăng thêm những bài bút chiến, phê phán trực diện những luận điệu sai trái để định hướng kịp thời cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở.

Đồng chí Nguyễn Công Hữu [3]

Những năm gần đây, *Tạp chí Cộng sản* đã có bước chuyển cơ bản và khá nhanh cả về nội dung và hình thức. Tạp chí đã có nhiều bài phân tích lý giải khá kỹ về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, vai trò lãnh đạo của Đảng trong cơ chế thị trường, chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, vấn đề văn hóa, văn nghệ, quốc phòng an ninh... Hình thức đẹp, in ấn tốt, đối tượng nào cũng đọc được, kể cả trẻ, già.

Đề nghị Tạp chí nên ra thêm số chuyên đề hoặc phụ trương để phục vụ được nhiều đối tượng. Bài của Tạp chí có thể ngắn hơn nữa, nâng chất lượng thông tin. Một số vấn đề nóng bỏng như *tôn giáo, dân chủ, dân tộc*, Tạp chí đề cập còn ít. Bài sinh hoạt tư tưởng cần nhiều hơn, nâng chất lượng cao hơn.

Đồng chí Trần Kế Thuyên [4]

Cơ quan tôi mua *Tạp chí Cộng sản* thường xuyên. Đọc *Tạp chí Cộng sản*, chúng tôi thấy có nhiều thông tin bổ ích, song đáng tiếc là cán bộ cơ sở không thể đọc hết vì bận tác chiến, vả lại trình độ cũng có hạn. Tôi đề nghị Tạp chí chú ý thêm những vấn đề lý luận đặt ra từ cuộc sống và chú ý đi sâu điều tra, tổng kết thực tiễn. Chúng tôi cũng muốn có thêm bài về công tác xây dựng Đảng, công tác phát triển Đảng, vì các cơ sở đảng rất cần kinh nghiệm về vấn đề này.

Đồng chí Nguyễn Đình Thi [5]

Chúng tôi là những cán bộ hưu trí rất ham mê đọc *Tạp chí Cộng sản*, vì sự thực là rất cần thiết. Chúng tôi có 6 đồng chí tự tổ chức nhau thành nhóm để đọc, trao đổi và khơi gợi những vấn đề suy nghĩ. Chúng tôi rất mừng thấy Tạp chí của Đảng ta trước tình hình khó khăn như hiện nay, vẫn vững vàng, làm tốt chức năng định hướng tư tưởng, ra đúng kỳ và in đẹp.

Tìm đến với *Tạp chí Cộng sản* là chúng tôi tìm đến những quan điểm tư tưởng gốc của Đảng, những thông tin dự báo, thông tin định hướng có tính chất chuẩn mực. Gần đây, nội dung bài viết của Tạp chí khá toàn diện, sâu sắc, có tính chiến đấu cao, sát với thực tiễn. Cần tổ chức công tác phát hành, công tác bạn đọc tốt hơn. Nên có thêm các bài tổng kết công tác xây dựng đảng. Các bài sinh hoạt tư tưởng cần có lập luận chặt chẽ để có sức thuyết phục hơn.

Đồng chí Trần Quốc Cảnh [6]

Đảng bộ Đại học sư phạm Huế có 17 chi bộ, mỗi chi bộ có một cuốn *Tạp chí Cộng sản* và một cuốn tạp chí *Xây dựng Đảng*. Nhiều chi bộ sử dụng các bài trong mục "Sinh hoạt tư tưởng" của Tạp chí để làm nội dung sinh hoạt. Bạn đọc *Tạp chí Cộng sản* ở Đại học sư phạm Huế chủ yếu là đội ngũ cán bộ giảng dạy thuộc các bộ môn khoa học xã hội, các đồng chí làm công tác đảng, chính quyền và đoàn thể.

Riêng đối với chúng tôi, những người trực tiếp giảng dạy lý luận Mác - Lê-nin cho sinh viên, thì chỗ dựa tin cậy nhất đó là *Tạp chí Cộng sản*, báo *Nhân dân* và báo *Quân đội nhân dân*. *Tạp chí Cộng sản* đã giải đáp kịp thời nhiều vấn đề lý luận theo tinh thần đổi mới tư duy của Đảng ta, và chúng tôi đã sử dụng để đưa vào bài giảng của mình.

Gần đây, Tạp chí có mục "Tìm hiểu khái niệm". Đây là mục rất bổ ích và thiết thực đối với chúng tôi, đặc biệt là đối với các cán bộ giảng dạy trẻ và sinh viên. Mong rằng Tạp chí duy trì thường xuyên mục này và đi sâu vào những vấn đề mắc mứu, cụ thể hơn (ví dụ : vấn đề làm thuê, khái niệm bóc lột,...). Các bài ở mục "Nghiên cứu - Trao đổi", "Thế giới : vấn đề, sự kiện", "Điều tra", nếu có điều kiện, Tạp chí nên tăng thêm. Ở mục "Nghiên cứu - Trao đổi" cần có nhiều bài viết sâu sắc, mang tính trí tuệ, hệ thống, không phổ cập một cách đơn giản. Chú ý những vấn đề lý luận cơ bản như : sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, chủ nghĩa quốc tế vô sản... Nếu cần thì tranh luận, thảo luận, bút chiến, lần lượt giải đáp những vướng mắc.

Chúng tôi muốn nói rằng : *Tạp chí Cộng sản* là người bạn rất mực thân thiết, là người đồng chí tin cậy và giàu trí tuệ của chúng tôi, chúng tôi có làm được cái gì đó cho sinh viên, một phần cũng là nhờ *Tạp chí Cộng sản*.

Đồng chí Nguyễn Hồng Sơn [7]

Với tư cách là bạn đọc, là cộng tác viên của Tạp chí, tôi xin khẳng định rằng *Tạp chí Cộng sản* đã trở thành "cẩm nang", thành tạp chí "gối đầu giường" cho những người làm công tác tư tưởng và nghiên cứu giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lê-nin như chúng tôi. Tạp chí có hình thức đẹp, trang nhã, nên đã kích thích được người đọc và góp phần chuyển tải tốt nội dung.

Sự thành công của Tạp chí là chủ yếu. Tuy nhiên, Tạp chí không nên chỉ dừng lại, dơn thuần giải thích, minh họa mà còn cần lý giải, làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn, tính cách mạng và khoa học của học thuyết Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm đường lối của Đảng. Đồng thời, nên có thêm bài của các đồng chí bí thư tỉnh ủy, chủ tịch các tỉnh để tăng thêm chất liệu địa phương. Để chúng tôi có thể cộng tác với các đồng chí một cách có hiệu quả hơn, đề nghị ngay từ đầu năm, Ban biên tập nên gửi chương trình biên tập, hướng nghiên cứu của cả năm tới cộng tác viên.

---

(3) Phó Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Thừa thiên - Huế
(4) Giám đốc lâm trường Phong điền
(5) Cán bộ hưu trí
(6) Cán bộ giảng dạy Trường đại học sư phạm Huế
(7) Phó trưởng khoa văn hóa, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - phân viện Đà Nẵng

Digitized by Google

Chúng tôi rất hoan nghênh sự tiếp xúc giữa Tỉnh ủy và Ban biên tập Tạp chí với đại biểu cộng tác viên, thông tin viên và bạn đọc. Việc làm này chứng tỏ sự nghiêm túc, ý thức cầu thị và mối quan hệ chặt chẽ giữa Ban biên tập Tạp chí, cấp ủy địa phương với đội ngũ cộng tác viên, bạn đọc của mình.

Đồng chí Ngô Duy Đàm [8]

Tạp chí Cộng sản đã góp phần định hướng cho các báo địa phương, trong đó có báo *Thừa thiên - Huế*. Ban biên tập nên cho đăng nhiều hơn những bài về địa phương và cơ sở, phân tích kỹ hơn những âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, đồng thời nghiên cứu, tiếp tục cho thảo luận làm rõ một số vấn đề còn tranh luận. Bộ biên tập cũng cần có màng lưới đại diện ở các tỉnh, chí ít thì cũng ở các miền hoặc khu vực.

Đồng chí Hoàng Sĩ Ngọc [9]

Xin cảm ơn Tạp chí của Đảng đã cho phép *Đài truyền thanh Huế* sử dụng khá nhiều bài của Tạp chí để phát trên đài. Trong 3 năm qua, ngoài bài của các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước và các bài xã luận, *Đài truyền thanh Huế* đã sử dụng 39 bài ở hầu hết các mục của *Tạp chí Cộng sản*. Những bài chúng tôi sử dụng nhiều nhất là ở các mục "Chủ nghĩa xã hội - nhìn lại và đổi mới", "Thực tiễn - Kinh nghiệm", "Sinh hoạt tư tưởng",... Có những bài xã luận của Tạp chí chúng tôi chọn làm "đinh chốt" cho các chương trình đặc biệt của Đài. Loạt bài về tư tưởng Hồ Chí Minh chúng tôi phát trong gần 2 tháng. Chúng tôi rất hoan nghênh những bài như " "Cải tổ đi về đâu ?", "Chủ nghĩa xã hội, những cáo phó quá sớm"...

Đề nghị Ban biên tập tăng thêm số lượng và chọn lọc các bài ở mục "Thực tiễn - Kinh nghiệm", tránh tình trạng "dọn cho đủ bát đủ đũa". Cố gắng huy động được nhiều nhà khoa học, ở mọi miền đất nước viết bài cho Tạp chí của Đảng.

Đồng chí Lê Văn Lân [10]

Hai loại giặc mà chúng ta cần chống là "diễn biến hòa bình" và nạn tham nhũng. Như các đồng chí đã phát biểu, loại bài chống "diễn biến hòa bình", vạch trần âm mưu đen tối của thù trong giặc ngoài, Tạp chí đã làm tương đối tốt. Còn đối với "giặc tham nhũng" tuy Tạp chí cũng đã có bài, song chưa đủ độ, chưa đáp ứng được yêu cầu của bạn đọc. Đề nghị chú ý thêm loại bài này.

Đồng chí Nguyễn Xuân Lý [11]

Hôm nay, tại thành phố Huế, Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản* và Thường vụ Tỉnh ủy Thừa thiên - Huế tổ chức cuộc họp các cộng tác viên, thông tin viên và bạn đọc, để mọi người hiểu thêm về Tạp chí, và cũng để Bộ biên tập Tạp chí tiếp xúc với bạn đọc, thu thập các ý kiến đóng góp nhằm làm cho Tạp chí trở nên sâu sắc hơn, phong phú hơn, đáp ứng nguyện vọng và yêu cầu ngày càng cao của bạn đọc. Việc làm này, theo tôi, là rất cần thiết và bổ ích.

Tôi thống nhất với các nhận xét, đánh giá và kiến nghị của các đồng chí. Vấn đề còn lại là : trách nhiệm của chúng ta - những người ngồi đây, là rất lớn. Trên cương vị cộng tác viên, thông tin viên, bạn đọc, mỗi người cần tuyên truyền giới thiệu *Tạp chí Cộng sản* rộng rãi hơn. Và là những người lãnh đạo, những người làm công tác tuyên huấn, chúng ta cần phổ biến, tổ chức phát hành, tổ chức đọc Tạp chí để có thể phát huy tối đa hiệu quả Tạp chí lý luận của Đảng.

BAN BẠN ĐỌC

---

(8) Tổng biên tập báo Thừa thiên - Huế
(9) Giám đốc Đài truyền thanh thành phố Huế
(10) Phó giám đốc Đài truyền thanh thành phố Huế
(11) Ủy viên thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban tuyên giáo tỉnh Thừa thiên - Huế

● Nhân **Ngày báo chí Việt nam 21-6**, Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* đã tổ chức lễ trao tặng Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt nam" của Hội nhà báo Việt nam cho nhà báo VŨ XUÂN KIỀU, Trưởng Ban kinh tế của Tạp chí.

Như vậy, đến nay *Tạp chí Cộng sản* đã có 26 đồng chí được nhận Huy chương cao quý này.

● Nhân **Ngày báo chí Việt nam 21-6**, đại biểu một số cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể đã đến thăm, chúc mừng và tặng quà Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản*. Tạp chí cũng đã nhận được nhiều thư chúc mừng của các cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể ở trung ương và địa phương. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn những tình cảm quý báu và thân tình đó của các đồng chí, và coi đây là sự khích lệ to lớn đối với chúng tôi. Tạp chí sẽ cố gắng nhiều hơn nữa để xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong mỏi của bạn đọc.

Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản*

Digitized by Google

CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG - một hướng lớn trong chính sách đối ngoại của nhà nước ta

VŨ KHOAN *

VỚI việc Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt kết thúc tốt đẹp chuyến thăm Niu Di-lân và Ô-xtơ-rê-li-a ở Nam Thái bình dương, chúng ta đã hoàn tất một đợt hoạt động ngoại giao tích cực và liên tục nhằm tăng cường quan hệ với các nước ở khu vực châu Á - Thái bình dương, sau khi chúng ta đã chuyển quan hệ với các nước Đông - Nam Á sang giai đoạn mới, bình thường hóa quan hệ với Trung quốc, gia tăng quan hệ với Nhật bản, thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hòa Triều tiên, tăng cường quan hệ vốn rất mật thiết với Lào, Ấn độ, củng cố quan hệ với nhiều nước châu Á khác. Có thể nói, nhờ những hoạt động nói trên, chúng ta đã khép kín "vòng cung hữu nghị Tây Thái bình dương" từ Đông-Bắc Á kéo dọc xuống Đông-Nam Á và sâu xuống tận phía Nam Thái bình dương.

Đây là một thành công lớn trong việc thực hiện một trong những định hướng quan trọng do Đại hội VII của Đảng vạch ra : "Phát triển quan hệ hữu nghị với các nước ở Đông-Nam Á và châu Á - Thái bình dương, phấn đấu cho một Đông-Nam Á hòa bình, hữu nghị và hợp tác" (1).

Định hướng này thể hiện quyết sách của Đảng và Nhà nước ta tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trước hết là ở khu vực "sát sườn" đối với chúng ta.

Định hướng đó cũng trùng hợp với những xu thế đang diễn ra trong khu vực. Vậy đó là những xu thế gì ?

Trước hết đó là vị trí ngày càng tăng của châu Á - Thái bình dương trên chính trường quốc tế. Đã có thời châu Á là cái nôi của nền văn minh nhân loại, song trong mấy trăm năm gần đây, trung tâm chính trị và kinh tế của thế giới đã chuyển sang châu Âu. Ngày nay, dường như trung tâm đó đang chuyển dần sang khu vực châu Á - Thái bình dương ; không ít người cho rằng thế kỷ thứ 21 là thế kỷ của châu Á - Thái bình dương. Tới năm 2000, chỉ riêng kinh tế của các nước Đông Á, từ Nhật bản tới In-đô-nê-xi-a thôi, đã hầu như bằng của Mỹ và bằng 4/5 của Cộng đồng châu Âu.

Ở đây, tập trung những nước đông dân nhất thế giới, có tài nguyên phong phú và đa dạng, nằm trên trục đường giao thông quan trọng bậc nhất thế giới. Ở khu vực này có những nền kinh tế hùng mạnh như Nhật bản và các nền kinh tế công nghiệp hóa mới như Cộng hòa Triều tiên, Đài loan, Hồng kông, Xin-ga-po, nhiều nước phát triển nhanh hoặc có tiềm năng lớn như Trung quốc, Ấn độ, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Thái lan... Trong khi kinh tế thế giới đang trì trệ, thì nền kinh tế châu Á - Thái bình dương tiếp tục phát triển năng động, riêng năm 1992 tổng sản phẩm xã hội tăng 6,9% (so với 0,4% mức tăng tổng sản phẩm của cả thế giới). Châu Á - Thái bình dương đồng thời cũng chiếm vị trí quan trọng trong nền kinh tế thương mại và đầu tư quốc tế.

Thứ đến, so với các khu vực khác trên thế giới, kể cả châu Âu, thì ở châu Á - Thái bình dương, xu thế hòa bình ổn định tương đối phát triển. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, ở đây đã diễn ra các cuộc chiến tranh ác liệt, như chiến tranh Triều tiên và đặc biệt là chiến tranh ở Việt nam và Đông dương. Ngày nay, với việc giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, quá trình đối thoại xung quanh các vấn đề trên bán đảo Triều tiên, ở khu vực này đang xuất hiện khả năng có hòa bình, ổn định hơn.

Đi đôi với xu thế đó là xu thế hợp tác ngày càng tăng. Chúng ta chứng kiến ở đây xu thế hợp tác nhiều tầng, nhiều nấc : từ sự hợp tác trong toàn khu vực như Cộng đồng kinh tế châu Á - Thái bình dương (APEC) tới những sự hợp tác tiểu khu vực như sự

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ ngoạo giao

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr.90

Digitized by Google

hình thành khu vực mậu dịch tự do Đông - Nam Á (AFTA), khu vực hợp tác kinh tế Nam Á (SARC), sự manh nha của cơ chế hợp tác giữa các nền kinh tế nói tiếng Hoa, mối quan hệ hợp tác mới phát triển giữa Việt nam, Lào với ASEAN... Xu thế hợp tác khu vực gắn liền với xu thế hợp tác toàn cầu, kinh tế các nước ở khu vực gắn chặt với nền kinh tế thế giới.

Như vậy, chính sách của Nhà nước ta đối với châu Á - Thái bình dương thuận chiều với những xu thế cơ bản ở khu vực, và nhờ vậy đã gặt hái được những kết quả đáng kể. Tựu trung lại có thể kể tới những kết quả sau :

Một là, sau hàng thập kỷ gánh chịu sự đối đầu, thậm chí có lúc xung đột quân sự với nhiều nước trong khu vực do những nguyên do khác nhau ngoài lòng mong muốn của chúng ta, lần đầu tiên từ khi Nhà nước ta ra đời, chúng ta có quan hệ hữu nghị hợp tác ở mức độ khác nhau với tất cả các nước trong khu vực bao quanh nước ta, tạo nên một môi trường thuận lợi cho công cuộc xây dựng đất nước. Môi trường bị đầu độc bởi bầu không khí thù nghịch đã được thay bằng môi trường trong lành hơn.

Hai là, qua các cuộc thăm viếng lẫn nhau ở cấp cao nhất và cấp ngành giữa nước ta và các nước trong khu vực, chỉ trong một thời gian ngắn, chúng ta đã ký được hàng mấy chục hiệp định khác nhau, tạo nên cơ sở pháp lý rộng lớn để mở rộng hợp tác trong nhiều lĩnh vực : kinh tế, thương mại, khoa học - công nghệ, văn hóa, giáo dục, y tế, du lịch, giao thông vận tải, viễn thông... Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, đây là một nhân tố cực kỳ quan trọng cho các doanh nghiệp mở rộng sự giao lưu, hợp tác với nhau.

Ba là, chúng ta đã mở rộng nhanh chóng mối quan hệ hợp tác trên thực tế với các nước trong khu vực. Ngày nay, các nước châu Á - Thái bình dương chiếm gần 80% kim ngạch xuất khẩu của nước ta, gần 70% tổng số dự án và tổng số vốn đầu tư của nước ngoài vào nước ta. Nhiều nước trong khu vực đã dành cho ta viện trợ phát triển chính thức như Nhật bản, Ô-xtơ-rê-li-a, Niu Di-lân, Cộng hòa Triều tiên... hoặc viện trợ kỹ thuật, cấp tín dụng nhẹ lãi...

Bốn là, các vấn đề tồn tại và mới nảy sinh giữa nước ta với các nước trong khu vực đều được đưa lên bàn thương lượng, kể cả vấn đề biên giới, lãnh thổ, vùng biển, vùng trời..., trên một số vấn đề với một số nước, chúng ta đã đạt được thỏa thuận, ví dụ nước ta và Ma-lai-xi-a đã thỏa thuận về hợp tác khai thác chung trên vùng chồng lấn ở thềm lục địa.

Năm là, qua thăm viếng, tiếp xúc, chúng ta đã tìm hiểu được không ít kinh nghiệm phát triển kinh tế - xã hội của các nước trong khu vực, góp phần thực hiện công cuộc đổi mới ở nước ta.

Và điều *cuối cùng*, song không kém phần quan trọng là, với chính sách đối ngoại rộng mở theo phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa trên phạm vi toàn cầu và ở khu vực châu Á - Thái bình dương, chúng ta đã tạo nên một thế đứng cơ động, linh hoạt, thoát khỏi sự cô lập, đối đầu trong nhiều năm. Lần đầu tiên trong lịch sử, chúng ta đang từng bước tham gia vào sự hợp tác khu vực với việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Ba-li và trở thành quan sát viên của ASEAN.

Những kết quả rất đáng khích lệ đó bắt nguồn từ những thắng lợi của công cuộc đổi mới, sự ổn định chính trị, tạo thế thuận lợi cho hoạt động đối ngoại. Những kết quả ấy còn liên quan tới sự nắm bắt nhạy bén của Đảng ta đối với các xu thế của thế giới cũng như khu vực, từ đó vạch ra các quyết sách đúng đắn, đi đôi với việc bình tĩnh, tỉnh táo xử lý các vấn đề cực kỳ phức tạp, vừa nhất quán trên nguyên tắc, vừa linh hoạt trong chỉ đạo thực hiện. Những kết quả trên còn nhờ ở sự trùng hợp về lợi ích giữa nước ta với nhiều nước trong khu vực muốn có hòa bình, ổn định, thị trường và đối tác để phát triển.

Đương nhiên, tình hình quốc tế và khu vực diễn biến cực kỳ phức tạp đòi hỏi chúng ta không thể đơn giản trong đánh giá xu hướng cũng như kết quả đã đạt được. Châu Á - Thái bình dương không đồng nhất mà bao gồm trên dưới năm chục nước với trình độ phát triển khác nhau, chế độ chính trị - xã hội khác nhau, hoàn cảnh lịch sử khác nhau, và với lợi ích khác nhau. Trong nội bộ mỗi nước và giữa các nước còn tồn tại không ít mâu thuẫn, xung đột trên các vấn đề chính trị, sắc tộc, tôn giáo, kinh tế - xã hội, biên giới, lãnh thổ, vùng biển... Những tính toán và hoạt động của một số nước ở bên ngoài đối với khu vực cũng có thể đưa tới không ít phức tạp.

Chiều hướng cải thiện quan hệ giữa nước ta với các nước trong khu vực cũng chỉ mới bắt đầu ; giữa nước ta với một số nước còn không ít những vấn đề cần phải giải quyết, trong đó có những vấn đề cực kỳ phức tạp như vấn đề biên giới, lãnh thổ, vùng biển.

Để biến cái khởi đầu nói chung là thuận lợi đó thành một quá trình ổn định lâu dài, cần không ít nỗ lực theo định hướng đã vạch ra : gia tăng sự hợp tác bình đẳng cùng có lợi, thông qua đối thoại để từng bước giải quyết những sự dị biệt về lợi ích, từ đó đem lại lợi ích cho bản thân nước ta và cho cả khu vực.

Digitized by Google

CAM-PU-CHIA sau bầu cử

VÕ THỦ PHƯƠNG

NHÌN lại kết quả của những cuộc bầu cử mà Liên hợp quốc đã tiến hành tại nhiều nơi trên thế giới, những người ưa liên tưởng dễ nghĩ đến Xi-xíp - một nhân vật của thần thoại Hy-lạp, suốt ngày vần một tảng đá lớn lên đỉnh núi, nhưng cứ đến lưng chừng thì tảng đá lại tuột lăn xuống.

Rất may mắn, tháng 5-1993, tại Cam-pu-chia, chàng Xi-xíp Liên hợp quốc đã vần được tảng đá lên đỉnh núi : đã tổ chức và giám sát thành công cuộc bầu cử ở Cam-pu-chia. Theo thông báo của ông A-ca-xi, người đứng đầu UNTAC, FUNCINPEC được 45,45% số phiếu bầu, Đảng nhân dân Cam-pu-chia được 38,22% và Đảng dân chủ tự do Phật giáo được 3,81%. Trong 120 ghế của Quốc hội lập hiến, FUNCINPEC chiếm 58 ghế, Đảng nhân dân Cam-pu-chia 51 ghế, Đảng tự do dân chủ Phật giáo 10 ghế và Đảng MOLINAKA và người Khơ me đấu tranh vì tự do 1 ghế. Ông A-ca-xi cho rằng cuộc bầu cử đã diễn ra "trong công bằng và tự do". Hoàng thân Xi-ha-núc và các bên Cam-pu-chia, cho đến thời điểm này ở các mức độ khác nhau, đã tuyên bố chấp nhận bầu cử. Một số nước cũng đã tuyên bố công nhận cuộc bầu cử ở Cam-pu-chia.

Kết quả cuộc bầu cử là do tổng hợp các tác nhân bên ngoài và bên trong Cam-pu-chia tạo nên. Đây là tháng lợi của một nỗ lực bền bỉ và sự động viên sức người sức của rất lớn của Liên hợp quốc. Với hơn 2 tỉ đô la và 22000 nhân lực, chưa ở đâu Liên hợp quốc lại đổ nhiều tiền của, bỏ nhiều công sức như ở Cam-pu-chia. Lực lượng UNTAC ở Cam-pu-chia đã hoạt động tích cực dưới sự lãnh đạo của ông A-ca-xi. Tuy nhiên, ngay như việc ông A-ca-xi xử lý trước cây tre ngáng đường của Khơ-me đỏ cũng có nhiều ý kiến. Ông A-ca-xi bị lên án là thiếu kiên quyết khi dừng lại trước vật chán tượng trưng này. Một nhà báo đặt câu hỏi : Liệu ông Lý Quang Diệu hay bà Thát-chơ (những ứng cử viên vào chức vụ đứng đầu UNTAC ở Cam-pu-chia) ở vào tình huống như ông A-ca-xi, thì họ có nhấc cây rào chắn lên không ? ! Là người châu Á, ông A-ca-xi thừa hiểu rằng không thể bê nguyên xi cách làm của châu Âu sang châu Á được, và ông đã cân nhắc một vấn đề thiết thực : Sẽ được gì nếu nhấc hoặc không nhấc cây rào chắn ? Dưới sự lãnh đạo của ông, UNTAC đã tiến hành khá trọn vẹn cuộc bầu cử tháng 5.

Quan tâm tới số phận của chính mình, đông đảo dân chúng Cam-pu-chia đã tham gia bầu cử ; những lá phiếu mà người dân Cam-pu-chia bỏ vào thùng phiếu, chính là lá phiếu bỏ cho hòa bình - hòa hợp dân tộc. Sự có mặt của 90% cử tri đã góp phần quyết định sự thành công của cuộc bầu cử.

Thành công của cuộc bầu cử còn thể hiện sự thỏa hiệp ở mức độ nào đó giữa các phái của Cam-pu-chia. Khơ-me đỏ dù rất điên cuồng chống phá, song thực lực cũng có hạn, và còn bị kiềm chế bởi những tác nhân khác.

Cuộc bầu cử ở Cam-pu-chia vừa qua là sự kiện gây nhiều ấn tượng. Trước hết, đó là sự thắng thế của FUNCINPEC. Thắng lợi của FUNCINPEC gắn liền với vị trí và tên tuổi của ông Xi-ha-núc - một nhà chính trị dạn dày kinh nghiệm. Uy tín của ông Xi-ha-núc đã đem nhiều phiếu về cho FUNCINPEC. Nhưng thắng lợi của FUNCINPEC trước Đảng nhân dân Cam-pu-chia vẫn làm cho nhiều người không khỏi ngỡ ngàng : một tổ chức thua kém nhiều về thực lực quân sự, chính trị, lại thắng một đảng có lực lượng quân sự, chính trị mạnh hơn, có tổ chức từ trên xuống dưới, có đất đai, có chính quyền và có dân ! Quá trình bầu cử, như dư luận đánh giá, không loại trừ có "trục trặc kỹ thuật" bất lợi cho Đảng nhân dân Cam-pu-chia. Điều đó chỉ càng chứng tỏ tính chất rất phức tạp trong tình hình chính trị có đa đảng đối lập ở Cam-pu-chia.

Cuộc bầu cử tháng 5 đã kết thúc. Quốc hội lập hiến đã họp phiên đầu tiên và trao quyền Quốc trưởng hợp pháp cho Hoàng thân Nô-rô-đôm Xi-ha-núc. Tuy nhiên, Cam-pu-chia sau bầu cử còn nhiều câu hỏi lớn đặt ra.

Trước hết, FUNCINPEC đã thắng nhưng không đậm. Ngay cả khi FUNCINPEC liên minh với Đảng dân chủ tự do Phật giáo của ông Xon-xan thì liên minh này cũng chỉ chiếm được 68 trong 120 ghế của quốc hội, tức là không đạt được số lượng 80 ghế cần thiết để lập chính phủ, theo như điều kiện ghi trong Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia. Trong tình hình này, cần có những thỏa thuận giữa các phe phái về phân chia quyền lực - mà chủ yếu là thỏa thuận giữa đảng của ông Ra-na-rít với Đảng nhân dân Cam-pu-chia. Những đòi hỏi quá đáng và cố chấp trong quá trình thỏa thuận này sẽ là những hành động gây hậu quả nguy hiểm đối với tương lai Cam-pu-chia. Tỷ số thắng thua sát nút giữa hai đảng trên là một trở ngại lớn trong quá trình phân chia quyền lực.

Hai là, Khơ-me đỏ sẽ có vị trí nào trong một

Digitized by Google

Cam-pu-chia tương lai ? Hiệp định Pa-ri đã hợp pháp hóa sự tồn tại của Khơ-me đỏ, để rồi sau đó Khơ-me đỏ đã chối bỏ và phỉ báng sự hợp thức hóa này bằng việc tẩy chay và phá hoại bầu cử. Khơ-me đỏ đã giết hại không chỉ dân lành mà cả nhân viên Liên hợp quốc. Sẽ hạ thấp giá trị của cuộc bầu cử và thiếu tôn trọng Hiệp định Pa-ri, nếu Khơ-me đỏ được tham gia chính phủ mới dưới một hình thức nào đó. Nhưng nếu gạt Khơ-me đỏ ra khỏi chính trường thì chính phủ mới ở Cam-pu-chia và Liên hợp quốc phải có những biện pháp như thế nào để ngăn chặn tình trạng cát cứ cùng những hoạt động phá hoại của chúng. Đây là vấn đề nhức nhối đang đặt ra.

Ba là, theo Hiệp định Pa-ri, cuối tháng 8 - đầu tháng 9 tới, vai trò của UNTAC sẽ chấm dứt. Trong giai đoạn này, khi quốc hội soạn thảo, thông qua hiến pháp và thành lập chính phủ mới, rất nhiều khó khăn và tình huống mới sẽ phát sinh mà khi ký Hiệp định Pa-ri các bên hữu quan chưa lường hết. Chẳng hạn trong vấn đề chuyển giao quyền lực từ tay chính phủ Phnôm Pênh sang chính phủ mới, chỉ riêng vấn đề lực lượng vũ trang cũng đã rất rắc rối, do trong giai đoạn I của tiến trình thực hiện Hiệp định Pa-ri, việc giải giáp lực lượng vũ trang của các phái chưa triệt để nên sau bầu cử, phái nào cũng hầu như còn nguyên quân đội của mình. Quân đội và vũ khí còn ở trong tay các phái sẽ là yếu tố tiềm tàng nguy hiểm.

Theo quy định, muộn nhất là trong tháng 9 tới, lực lượng Liên hợp quốc sẽ rút khỏi Cam-pu-chia. Liệu điều này có thực hiện được không ? Và thời điểm tháng 9 có phải là thời điểm thích hợp nhất hay không ?

Tình hình Cam-pu-chia sau ngày bầu cử đã khá phức tạp, nhưng nếu như FUNCINPEC và Đảng nhân dân Cam-pu-chia không phối hợp tốt, nếu như UNTAC không tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành một chính phủ đủ mạnh ở Phnôm Pênh, thì tình hình Cam-pu-chia có thể còn rối ren và phức tạp hơn sau khi UNTAC rút quân, thậm chí, không loại trừ "kết thúc bi thảm" mà ông Xi-ha-núc đã đề cập tới.

Cam-pu-chia sẽ ra sao ? Đó là câu hỏi nặng cân đang đặt ra cho cả Cam-pu-chia lẫn cộng đồng quốc tế, nhất là đối với các nhà chính trị hàng đầu của hai đảng - FUNCINPEC và Đảng nhân dân Cam-pu-chia.

Là nước láng giềng của Cam-pu-chia, Việt nam mong muốn Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia được thực hiện một cách nghiêm túc, các nước hữu quan thực sự tôn trọng độc lập, quyền tự quyết của nhân dân Cam-pu-chia đồng thời có hành động tích cực ngăn chặn xung đột đổ máu ở Cam-pu-chia. Việt nam sẵn sàng công nhận chính phủ mới do Quốc hội lập hiến Cam-pu-chia cử ra, và mong muốn các bên ở Cam-pu-chia đi vào hòa hợp, hòa giải dân tộc, xây dựng một nước Cam-pu-chia hòa bình, trung lập, không liên kết, có quan hệ hữu nghị với các nước, góp phần vào sự ổn định chung của khu vực.

Thực chất...

(Tiếp theo trang 62)

III - MÂU THUẪN GIỮA TƯ SẢN VÀ VÔ SẢN CÓ THAY ĐỔI KHÔNG ?

Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật mới và sự thay đổi về kết cấu kinh tế ở các nước tư bản phát triển không hề làm thay đổi chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất của các nhà tư bản. Tuy nhiên, trong điều kiện mới này, đối kháng và mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và tư sản được biểu hiện ở những hình thức mới :

- Ngày làm việc rút ngắn, nhưng lao động thặng dư mà nhà tư bản chiếm đoạt càng nhiều. Nhờ cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật mới, các nhà tư bản có thể tăng cường bóc lột lao động thặng dư *tương đối* (tăng năng suất lao động, giảm chi phí...) và *tuyệt đối* (tăng cường độ lao động, cả trí lực và thể lực, do sản xuất tự động hóa...).

- Tư liệu sinh hoạt vật chất tăng nhiều, nhưng sự đối lập giữa tiền lương và lợi nhuận càng sâu sắc.

Tiền lương của công nhân ở các nước tư bản phát triển sau chiến tranh có tăng, nhưng tỷ lệ tăng thấp xa so với tỷ lệ tăng lợi nhuận. Ví dụ ở Nhật, trong thời gian 1955 - 1971, tiền lương thực tế tăng 1,4 lần, nhưng lợi nhuận lại tăng tới 18,5 lần.

- Trình độ tri thức được nâng cao nhiều, nhưng lao động càng lệ thuộc tuyệt đối vào tư bản.

Do kết cấu kinh tế thay đổi, do tiến bộ khoa học kỹ thuật đòi hỏi trình độ tri thức và chuyên môn tương đối cao, hàng loạt công nhân làm việc trong các ngành lao động chân tay nặng nhọc, những người không đáp ứng được yêu cầu của sản xuất hiện đại, đã bị sa thải. Trình độ tri thức của công nhân làm thuê càng được nâng cao thì họ càng trở thành bộ phận sản xuất hiện đại hóa của chủ nghĩa tư bản, càng lệ thuộc tuyệt đối vào tư bản.

Digitized by Google

THỰC CHẤT LÝ LUẬN "BIẾN GIAI CẤP LỚP DƯỚI THÀNH GIAI CẤP TRUNG SẢN" CỦA PHƯƠNG TÂY *

THEO đà phát triển của cách mạng khoa học kỹ thuật và những thay đổi sâu sắc trong kết cấu kinh tế - xã hội ở các nước tư bản phát triển, các học giả phương Tây đã đưa ra lý luận "biến giai cấp lớp dưới thành giai cấp trung sản". Họ cho rằng, "xã hội phương Tây đang biến thành một giai cấp trung sản lớn", "giai cấp trung sản sắp nuốt chửng giai cấp lớp dưới và lớn lên nhanh chóng"... Đây chính là biến tướng của lý luận về quan hệ giai cấp và kết cấu giai cấp trong chủ nghĩa tư bản hiện đại. Ta hãy xem xét nó và so sánh nó với lý luận giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

I - TIÊU CHUẨN VÀ CƠ SỞ PHÂN CHIA GIAI CẤP

1 - Theo các học giả phương Tây, có nhiều căn cứ để phân chia giai cấp :

- Theo Toffler trong cuốn *Làn sóng thứ ba*, "giai cấp trung sản" là những công nhân có học vấn cao, phần tử trí thức, nhân viên kỹ thuật.

- Theo Calpule trong cuốn *Các nước công nghiệp mới*, công nhân "cổ trắng" thuộc giai cấp trung sản.

- Chính phủ Mỹ chính thức quy định vào đầu thập kỷ 80 : "giai cấp trung sản" là những người có thu nhập hàng năm từ 2 đến 5 vạn đôla.

Tóm lại, theo phần lớn các học giả phương Tây, thu nhập tương đối cao, lao động bằng trí óc, có trình độ tri thức nhất định - đó là những tiêu chuẩn và đặc trưng của giai cấp trung sản.

2 - Theo chủ nghĩa Mác, sản xuất của cải vật chất là cơ sở của kết cấu xã hội và kết cấu chính trị. Hình thức chế độ sở hữu tư liệu sản xuất quyết định phương thức sản xuất của cải vật chất mà con người tiến hành. Do đó, phải tìm cơ sở phân chia giai cấp trong mối liên hệ sản xuất ra của cải vật chất, căn cứ vào địa vị và tác dụng khác nhau trong chế độ sở hữu tư liệu sản xuất mà phân chia giai cấp một cách khoa học. Định nghĩa của Lê-nin về giai cấp càng khẳng định rõ những điều Mác đã nêu.

Dựa trên cơ sở khoa học về phân chia giai cấp, Mác đã phân tích giai cấp, kết cấu giai cấp và quan hệ giai cấp của xã hội tư bản. Theo Mác, "giai cấp tư sản" là "giai cấp những nhà tư bản hiện đại, những người sở hữu tư liệu sản xuất xã hội và sử dụng lao động làm thuê", còn "giai cấp vô sản" là "giai cấp những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất các tư liệu sản xuất của bản thân nên buộc phải bán sức lao động của mình để sống"(1). Mác còn lấy tư bản và lao động làm cơ sở để phân tích giai cấp trung gian trong xã hội tư sản. Mác gọi các nhà công nghiệp nhỏ, các tiểu thương, thợ thủ công nghiệp và nông dân là giai cấp trung gian, và chỉ rõ rằng họ bị phân hóa thành hai cực, do không chịu nổi cạnh tranh của các chủ tư bản lớn, họ phần lớn bị mất tư liệu sản xuất và trở thành người vô sản.

Các học giả tư sản lấy thu nhập và nghề nghiệp làm cơ sở phân chia giai cấp là không đúng, là chủ quan và cải lương, bởi vì họ đã đảo ngược mối quan hệ giữa sản xuất xã hội và phân phối xã hội. Tính chất sản xuất tư bản chủ nghĩa quyết định tính chất phân phối tư bản chủ nghĩa. Dù thu nhập như thế nào, giai cấp vô sản vẫn chỉ là người lao động làm thuê, bán sức lao động của mình để sống. Lấy sự chênh lệch về mức thu nhập ra làm đặc trưng cơ bản cho việc phân chia giai cấp là đánh lừa giai cấp vô sản, chỉ muốn cải thiện điều kiện sinh hoạt vật chất chứ không muốn thay đổi quan hệ giữa tư bản và lao động làm thuê. Các loại nghề nghiệp trong xã hội xuất hiện và thay đổi theo sự phát triển của phân công xã hội. Trình độ phát triển của sức sản xuất khác nhau. Nghề nghiệp xã hội hoàn toàn không thể phản ánh quan hệ sản xuất của xã hội con người. Sự khác nhau căn bản của con người trong xã hội hiện thực không phải ở nghề nghiệp, mà ở địa vị và tác dụng khác nhau trong chế độ sở hữu tư liệu sản xuất.

Tóm lại, lấy mức thu nhập, lấy nghề nghiệp thay thế

---

* Bài của Trương Bảo Ngọc, đăng trên tạp chí *Nghiên cứu kinh tế thế giới'* (Trung quốc) số 4 - 1992

(1) Xem : C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, năm 1987, t4, tr.568

Digitized by Google

địa vị và tác dụng khác nhau trong chế độ sở hữu tư liệu sản xuất làm cơ sở cho việc phân chia giai cấp, là không khoa học.

II - TÌNH HÌNH GIAI CẤP VÔ SẢN VÀ TƯ SẢN Ở CÁC NƯỚC TƯ BẢN PHÁT TRIỂN

1 - *Giai cấp vô sản*

Do ảnh hưởng của cách mạng khoa học kỹ thuật hiện nay, giai cấp vô sản ở các nước tư bản phát triển đã có nhiều thay đổi :

- Sự thay đổi kết cấu kinh tế đã dẫn đến sự biến động về kết cấu trong nội bộ giai cấp công nhân. Sau chiến tranh, ở các nước tư bản phát triển, kết cấu các ngành sản xuất thay đổi mạnh. Tỷ trọng các ngành sản xuất thuộc khu vực 1 và 2 đều giảm, trong khi đó tỷ trọng các ngành sản xuất thuộc khu vực 3 (phi sản xuất vật chất, dịch vụ) lại tăng nhanh. Điều này dẫn đến hạ thấp tỷ trọng công nhân trong các ngành sản xuất vật chất và tăng tỷ trọng công nhân trong các ngành phi sản xuất vật chất. Ví dụ, ở Mỹ :

	1960	1970	1980	1986
Tỷ trọng người làm trong các ngành				
● sản xuất vật chất	39,3%	34,3%	32,9%	29,7%
● phi sản xuất vật chất	60,7%	65,7%	67,1%	70,3%

Sự biến động nói trên chỉ nói lên kết cấu nội bộ giai cấp công nhân có sự thay đổi,chứ không nói lên tính chất làm thuê của lao động đã thay đổi ; càng không có nghĩa "giai cấp công nhân sụp đổ".

- Sự biến đổi về tư liệu sản xuất dẫn đến sự thay đổi phương thức lao động của giai cấp vô sản. Khoa học, kỹ thuật phát triển mạnh mẽ và được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất, đã làm cho tư liệu lao động không ngừng đổi mới. Việc sản xuất ra máy tính điện tử, bộ não điện tử, máy điều khiển, đã mở ra thời đại lao động trí tuệ, máy móc thay thế con người, lao động trí lực và lao động thể lực xâm nhập vào nhau nhiều hơn. Đội ngũ giai cấp vô sản không chỉ bao gồm những người lao động chân tay mà bao gồm cả những người lao động trí óc. Tỷ lệ thay đổi giữa người lao động trí óc và lao động chân tay chỉ là biểu hiện của sự thay đổi phương thức lao động khác nhau trong nội bộ giai cấp công nhân.

- Xã hội hóa cao độ nền sản xuất dẫn đến việc mở rộng thêm đội ngũ tổng thể công nhân. "Tổng thể công nhân" bao gồm cả những người trực tiếp và gián tiếp tác động vào đối tượng lao động. Cùng với sự phát triển của cách mạng tin học, đội ngũ tổng thể công nhân được mở rộng tới những người sử dụng máy vi tính, xử lý thông tin, những người làm công tác thông tấn, tư vấn kỹ thuật, dịch vụ sản xuất.

2 - *Giai cấp tư sản*

Để ngụy biện cho cái gọi là "giai cấp tư sản dang mất đi", các học giả phương Tây đưa ra thuyết "công chúc hóa cổ phiếu" và "cổ phần hóa pháp nhân".

- "Công chúc hóa cổ phiếu" : Ngày nay, chế độ công chúc có quyền sở hữu cổ phiếu được thực hiện rộng rãi ở các nước tư bản phát triển. Đây chính là thủ đoạn thu hút vốn, tích lũy tư bản một cách nhanh chóng nhằm đầu tư vào các ngành công nghiệp mới, thay đổi thiết bị, kỹ thuật mới cho các ngành truyền thống, tăng cường thực lực cạnh tranh để nâng cao tỷ lệ lợi nhuận của các nhà tư bản. Nhà tư bản lũng đoạn với số ít cổ phiếu có thể lợi dụng được khối lượng lớn tư bản trong xã hội để chiếm đoạt càng nhiều lao động xã hội mà họ không phải trả công. Do đó, thực hiện rộng rãi hình thức "công chúc hóa cổ phiếu" đã trở thành thủ đoạn quan trọng để tăng cường sự thống trị độc quyền của tư bản lũng đoạn.

- "Cổ phần hóa pháp nhân" : Ở các nước tư bản, cổ đông có tư cách pháp nhân có xu hướng tăng. Ví dụ, ở Nhật từ những năm 60 đến những năm 80, cổ đông có tư cách pháp nhân đã từ dưới 40% tăng lên trên 60%. So với cổ phần tư nhân, cổ phần có tư cách pháp nhân có lợi hơn nhiều cho tư bản lũng đoạn tăng cường sự thống trị. Bởi vì :

+ Có được cổ phần có tư cách pháp nhân là có được quyền khống chế cổ phiếu của các công ty khác, cũng có nghĩa là tăng cường được sự khống chế đối với công ty khác.

+ Có được cổ phần có tư cách pháp nhân là có được thuận lợi phát triển các tập đoàn xí nghiệp, tăng cường được thực lực cạnh tranh của tư bản lũng đoạn.

Thực chất của hiện tượng "cổ phần hóa pháp nhân" là sự liên hiệp các đại cổ đông nắm quyền khống chế các công ty lũng đoạn, hợp thành tập đoàn các nhà tư bản có quan hệ qua lại, tăng cường địa vị thống trị của tư bản lũng đoạn.

(Xem tiếp trang 60)

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG, CHỦ NGHĨA HIỆN SINH

● CHỦ NGHĨA THỰC DỤNG

Chủ nghĩa thực dụng, chữ Hy-lạp là *prágma*, có nghĩa là *hành động, thực tiễn*. Nó là một trào lưu triết học duy tâm chủ quan, hình thành ở Mỹ vào những năm 70 của thế kỷ XIX và phổ biến rộng rãi trong triết học tư sản vào thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai. Nó tương tự với chủ nghĩa trực giác ở Pháp và cái gọi là "triết học của đời sống" ở Đức.

Đặc điểm của chủ nghĩa thực dụng là phủ nhận quy luật khách quan của thế giới, dùng những cảm giác, những "thể nghiệm" của người ta, coi đó là thực tại duy nhất để thay thế cho những quy luật khách quan. Chủ nghĩa thực dụng do Piếc-xơ khởi xướng, đặt nền móng, sau đó được Giêm-xơ, Đi-uây, Mi-đo phát triển và hoàn thiện.

"Nguyên lý thực trạng", xác định giá trị của chân lý là ở *tính có ích thực tiễn* (Piếc-xơ), chiếm vị trí trung tâm trong triết học thực dụng. Nhưng chủ nghĩa thực dụng hiểu tính có ích thực tiễn không phải là sự khẳng định chân lý khách quan bằng tiêu chuẩn thực tiễn, mà hiểu đó là cái thỏa mãn những lợi ích chủ quan của cá nhân. Người theo chủ nghĩa thực dụng luôn hạn chế chân lý vào những cái gì thực tế có lợi cho mình. Họ không thừa nhận tính chất khách quan của chân lý, mà cho rằng chân lý do chủ quan cá nhân quyết định ; rằng không phải chỉ có một chân lý mà có nhiều chân lý ; chân lý là cái có ích. Chủ nghĩa thực dụng phủ nhận nguồn gốc, tiêu chuẩn khách quan của đạo đức, và cho rằng mọi hành vi, mọi giá trị đạo đức phụ thuộc vào kinh nghiệm chủ quan, vào sự tự do lựa chọn chủ quan. Do vậy, chủ nghĩa thực dụng là một thứ chủ nghĩa cá nhân cực đoan, vị kỷ, là một trào lưu duy tâm chủ quan phản khoa học và phản động.

Đi theo truyền thống của chủ nghĩa kinh nghiệm duy tâm chủ quan (Ma-kho), chủ nghĩa thực dụng đồng nhất thực tại xung quanh con người với "kinh nghiệm", song không quy vào những tri giác cảm tính, mà được hiểu là "tất cả những cái gì được trải qua trong kinh nghiệm" (Đi-uây). Việc phân tích chủ thể và khách thể theo chủ nghĩa thực dụng cũng chỉ được tiến hành bên trong kinh nghiệm. Ngoài ra, chủ nghĩa thực dụng còn đi đến phi lý, coi các quy luật và các hình thức của lô gích chỉ là những hư cấu vô ích. Tư duy chủ yếu là phương tiện để con người thích ứng với môi trường, với mục đích là để tác động có ích. Chức năng của tư duy không phải là phản ánh thực tại khách quan, trên cơ sở đó định hướng cho hành động, mà là để khắc phục những nghi ngờ, trở ngại đối với hành động (Piếc-xơ), là để lựa chọn những phương tiện cần thiết đạt tới mục đích (Giêm-xơ), hay là để giải quyết "các tình huống có vấn đề" (Đi-uây). Những tư tưởng, khái niệm, lý luận chỉ là những công cụ của hành động, nhằm đạt đến những lợi ích thực tế.

Trong xã hội học, chủ nghĩa thực dụng có nhiều biến dạng khác nhau : từ sự sùng bái "những con người vĩ đại" (Giêm-xơ) và tán dương nền dân chủ tư sản (Đi-uây) đến công khai bảo vệ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc và chủ nghĩa phát xít (Ph.Sin-lơ).

Ngày nay, chủ nghĩa thực dụng thể hiện dưới hình thức "chủ nghĩa tự nhiên thực nghiệm", kết hợp chủ nghĩa duy tâm chủ quan với chủ nghĩa chống cộng, hay dưới hình thức "chủ nghĩa thực dụng mới", kết hợp chủ nghĩa thực dụng với chủ nghĩa thực chứng mới. Những người theo chủ nghĩa xét lại thường mượn cớ chống giáo điều, "xuất phát từ thực tế", "nhạy bén với thực tiễn cuộc sống"... ,nhưng thực chất họ theo chủ nghĩa thực dụng.

Trong cuốn *Năm 1999 - chiến thắng không cần chiến tranh* xuất bản tháng 12-1988, Nich-xơn, nguyên tổng thống Mỹ, đã khẳng định : "chủ nghĩa thực dụng" là vũ khí tư tưởng tiến công có hiệu quả để lung lạc lý tưởng, đạo đức các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thanh niên ở các nước xã hội chủ nghĩa ; chiến lược "diễn biến hòa bình" phải đặt trên cơ sở chủ nghĩa thực dụng.

Những quan điểm, chủ trương, biện pháp thực dụng và xét lại của những người lãnh đạo công cuộc "cải tổ" ở Liên xô và Đông Âu cộng với những thủ đoạn diễn biến hòa bình trên cơ sở chủ nghĩa thực dụng của chủ nghĩa đế quốc, là một nguyên nhân quan trọng dẫn tới sự sụp đổ của Liên xô và các nước Đông Âu. Trong quá trình "cải tổ", chủ nghĩa thực dụng đã thâm nhập và phá hoại tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội v.v. của các nước đó.

Chủ nghĩa thực dụng đã len lỏi, tác động đến ý thức, lý tưởng, quan niệm sống và lối sống của khá nhiều người, nhiều gia đình ở xã hội ta hiện nay. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, họ luôn luôn chạy theo những lợi ích cá nhân, bất chấp luật pháp, đạo lý và truyền thống tốt đẹp.

Nhận rõ bản chất và tác hại của chủ nghĩa thực dụng, chúng ta cần ngăn chặn và đấu tranh chống lại nó.

● CHỦ NGHĨA HIỆN SINH

Chủ nghĩa hiện sinh là trào lưu triết học duy tâm chủ quan - khuynh hướng phi lý trong triết học tư sản hiện đại, xuất hiện sau chiến tranh thế giới thứ nhất ở Đức, trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ hai ở Pháp, ở Mỹ và một số nước khác, với mưu toan xây dựng một thế giới quan đáp ứng các quan điểm của giới trí thức tư sản.

Nguồn gốc tư tưởng của chủ nghĩa hiện sinh là triết học đời sống, hiện tượng học của Hu-xéc-lơ, học thuyết thần bí tôn giáo của Kiếc-kê-ga (Đan mạch). Vấn đề triết học trung tâm của chủ nghĩa hiện sinh là tìm kiếm ý nghĩa cuộc sống, sự sinh tồn của con người. Sự tìm kiếm đó chỉ đạt được trong những tình huống đối mặt với cái chết (sự đấu tranh, sự đau khổ, sự đe dọa cái chết). Khi tìm thấy ý nghĩa của sự sinh tồn, con người sẽ có được tự do, và tự do này lại đặt cho con người trách nhiệm đối với mọi cái xảy ra trên thế giới.

Trong nội bộ chủ nghĩa hiện sinh chia làm *hai* khuynh hướng : khuynh hướng *vô thần* và khuynh hướng *tôn giáo*. Khuynh hướng vô thần gồm các đại biểu : Mác-tin Hai-đơ-gơ (Đức), Giăng Pôn Xác-tơ-rơ (Pháp). Khuynh hướng tôn giáo gồm Các Gia-xpơ (Đức), Ga-bri-en Mác-xen (Pháp). Tuy nhiên cả hai khuynh hướng này đều chịu ảnh hưởng của đạo Ki-tô, thừa nhận đức tin phi lý tính ; đều nằm chung trong trào lưu triết học duy tâm chủ quan.

Đặc trưng của chủ nghĩa hiện sinh là mang nặng chủ nghĩa bi quan, giải thích theo tinh thần duy tâm chủ quan về tự do, phủ nhận tri thức lý tính, đề cao nhận thức trực quan. Chủ nghĩa hiện sinh được hai nhà triết học duy tâm Kiếc-kê-ga (Đan mạch) và Nít-xơ (Đức) đặt nền móng từ thế kỷ thứ XIX. Chủ nghĩa hiện sinh phản ánh cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa tự do tư sản là thứ chủ nghĩa tự do, với thế giới quan lạc quan hời hợt của nó, với niềm tin vào sự phát triển tiến bộ của xã hội tư sản, thực chất đã không đứng vững được trước thử thách của những sự kiện bão táp của thế kỷ XX. Chủ nghĩa hiện sinh xuất hiện như một thế giới quan bi quan của con người đã mất hết những ảo tưởng về tự do, tiến bộ, nên không còn biết sống như thế nào trước những tai họa của lịch sử. Chủ nghĩa hiện sinh phản ứng lại chủ nghĩa duy lý thời kỳ khai sáng và triết học cổ điển Đức, cũng như triết học thực chứng của Can-tơ đã được phổ biến rộng rãi vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX.

Quan điểm của những người theo chủ nghĩa hiện sinh là đối lập giữa chủ thể và khách thể. Họ cho rằng toàn bộ thực tại, kể cả con người, chỉ là đối tượng của sự nghiên cứu khoa học và của thủ pháp thực tiễn, hoàn toàn không có tính chất cá nhân : "phi cá nhân", "phi cá tính".

Digitized by Google

Tồn tại được nhận thức không phải bằng cách gián tiếp (thông qua tư duy suy lý), mà bằng cách trực tiếp, tự bộc lộ trước con người, như là tồn tại của chính con người, sự thực tồn cá nhân của con người nghĩa là hiện sinh. Chủ nghĩa hiện sinh lấy triết học và khoa học làm hai cực đối lập. Hai-đơ-gơ cho rằng "tồn tại" là đối tượng của triết học, còn "cái thực tại" là đối tượng của khoa học.

Theo chủ nghĩa hiện sinh, tự do là ở chỗ con người không đóng vai trò một đồ vật được hình thành do ảnh hưởng của tất yếu tự nhiên hay tất yếu xã hội. Con người tạo ra bản thân mình qua những hành vi và hành động của mình. Con người tự do chịu trách nhiệm về tất cả những gì họ làm chứ không thể có sự chi phối của "hoàn cảnh". Con người tự do là con người chịu trách nhiệm hoàn toàn về tất cả những gì xảy ra xung quanh con người. Quan niệm tự do của chủ nghĩa hiện sinh biểu thị sự phản kháng chế độ tuân thủ và thái độ thích nghi. Chủ nghĩa hiện sinh thường xuyên nhấn mạnh trách nhiệm của con người về tất cả những điều xảy ra trong lịch sử. Tuy nhiên, quan niệm chủ nghĩa hiện sinh về tự do vẫn mang tính chủ quan, được lý giải theo nghĩa đạo đức thuần túy, chứ không theo ý nghĩa xã hội. Chủ nghĩa hiện sinh đề ra phương pháp nhận thức thực tại một cách trực tiếp, trực giác. Nhiều nhà triết học hiện sinh về cuối đời (Hai-đơ-gơ, Mác-xen, Ca-muy) cho rằng triết học, về phương pháp nhận thức, gần gũi với nghệ thuật hơn với khoa học. Cho nên, chủ nghĩa hiện sinh đã ảnh hưởng to lớn đến nghệ thuật và văn học của phương Tây, thông qua đó ảnh hưởng đến tâm trạng của một bộ phận đáng kể giới trí thức tư sản. Qua các thời kỳ, những người theo chủ nghĩa hiện sinh đã ít nhiều làm đa dạng hóa lý thuyết của mình. Các đại diện khác nhau của chủ nghĩa hiện sinh có lập trường chính trị - xã hội không giống nhau. Ở nước ta, từ thời kỳ trước giải phóng năm 1975, chủ nghĩa hiện sinh đã thâm nhập vào miền Nam cùng với chủ nghĩa thực dân mới.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN ★ TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

HỘI THẢO KHOA HỌC : Những đặc trưng cơ bản, những quan điểm, nguyên tắc xây dựng và hoạt động của hệ thống chính trị nước ta trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội (KX05-04)

Cuộc hội thảo với chủ đề trên đã được tổ chức tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong hai ngày 23 và 24-4-1993. Tham dự hội thảo có đông đảo các nhà khoa học thuộc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện khoa học - xã hội Việt nam, Tạp chí Cộng sản, Trường Đại học tổng hợp Hà nội và một số cơ quan khác. Phó giáo sư, phó tiến sĩ Nguyễn Ngọc Long, chủ nhiệm đề tài KX05-04., đã đọc bản đề dẫn. Sau đó, hội thảo xoay quanh mấy vấn đề chủ yếu sau :

1 - *Đặc trưng của hệ thống chính trị (HTCT) nước ta trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội.* Nhiều ý kiến cho rằng, đặc trưng đó thể hiện rõ ở các tính : *nhân dân, dân tộc, nhất nguyên chính trị, quá độ* và *hiện đại*. Ngoài ra, còn thể hiện cả ở các tính : *mở, biến đổi* và *không có tệ sùng bái cá nhân*... "Thế nào là *tính trội* của tính dân tộc trong tương quan với tính giai cấp và chức năng thống trị giai cấp trong HTCT ở nước ta hiện nay ?" cũng là một vấn đề được nhiều người thảo luận và tranh luận.

Về *tính quá độ* của HTCT, có nhiều quan niệm khác nhau. Có ý kiến cho rằng, tính quá độ là sự khởi đầu của hệ thống chuyên chính vô sản. Có ý kiến lại cho rằng, tính quá độ chưa phải là hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa mà mới chỉ mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Có ý kiến khác cho rằng, tính quá độ trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội là đặc trưng của HTCT trong quá trình biến đổi từ chế độ dân chủ nhân dân sang chế độ xã hội chủ nghĩa. v.v.. Cuối cùng, những người tham dự hội thảo đi tới nhất trí : *tính quá độ* là *một đặc trưng cơ bản* của HTCT ở nước ta hiện nay ; nó cần được nhận thức đúng và nghiên cứu thêm để làm sáng tỏ *thực chất* quá trình đổi mới HTCT ở nước ta.

2 - *Nguyên tắc đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với HTCT.* Những người tham dự hội thảo đều nhất trí : đây là nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong tổ chức, hoạt động và xây dựng HTCT. Tuy nhiên, cần làm rõ những vấn đề : sự lãnh đạo của Đảng đối với HTCT ; mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước trong HTCT ; vai trò và vị trí cụ thể của Đảng trong HTCT ; nhận thức về Đảng cầm quyền và tổ chức hoạt động của nó... Cùng với việc làm rõ nguyên tắc lãnh đạo của Đảng, cần nghiên cứu sâu hơn về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các bộ phận trong HTCT, làm rõ cơ chế hoạt động của HTCT và xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng của các tổ chức trong HTCT... Ngoài ra, một số vấn đề như *tập trung dân chủ, nhà nước pháp quyền*, v.v. cũng được thảo luận khá kỹ.

Các nhà khoa học tham dự hội thảo cho rằng, để khắc phục tình trạng còn có khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn, cùng với nghiên cứu lý luận, cần tìm những giải pháp cụ thể cho việc tổ chức và xây dựng HTCT, đặc biệt là bộ máy nhà nước.

Hoạt động của chương trình KX-07

Chương trình khoa học cấp nhà nước : "Con người Việt nam - mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội" (KX-07) do GS, TS, Phạm Minh Hạc làm chủ nhiệm, gồm 19 đề tài nghiên cứu nhu cầu phát triển toàn diện của con người Việt nam và những biện pháp về giáo dục đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ hiểu biết, năng lực, nhân cách và năng khiếu của người dân, để định hướng cho các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

Mặc dù có một số khó khăn, song qua hơn một năm triển khai thực hiện, các đề tài đã đi vào quỹ đạo hoạt động theo đúng mục tiêu đề ra ban đầu, và đã thu được những số liệu rất có giá trị qua hơn 10.000 phiếu điều tra xã hội học, hàng trăm cuộc phỏng vấn, tọa đàm... trên nhiều lĩnh vực, với nhiều đối tượng ở các địa bàn khác nhau. Có được kết quả này, có thể nói, là do các cơ sở nhận đề tài không những có phương pháp tiếp cận thích hợp với từng lĩnh vực, mà còn có phương pháp vận dụng cụ thể, phù hợp với từng công đoạn nghiên cứu. Đặc biệt, đề tài "Cơ sở lý luận và phương pháp luận nghiên cứu con người" (KX-07.01) đã bảo đảm tốt tư tưởng chỉ đạo cho toàn chương trình qua việc đề xuất các phương pháp tiếp cận nghiên cứu và thống nhất nội hàm các khái niệm... Với việc duy trì các hội thảo định kỳ hằng tháng có sự tham gia của ban chủ nhiệm chương trình và của các chủ nhiệm đề tài và các cộng tác viên thường trực, đề tài "Cơ sở lý luận..." nói trên đã thực sự có tác dụng định hướng cho 18 đề tài còn lại trong chương trình KX-07, gắn bó tất cả các đề tài trong chương trình thành một thể thống nhất.

Ngoài các bài đăng trên các tạp chí khoa học, các tài liệu dịch và các tập tư liệu, Chương trình KX-07 còn cho 3 loại sản phẩm sau :

1 - Các chuyên khảo khoa học ;

2 - Các sách phổ biến khoa học với loại hình đa dạng ;

3 - Các kiến nghị với Đảng và Nhà nước về một loạt chính sách và giải pháp liên quan đến việc chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, như : chính sách bồi dưỡng và phát huy tài năng trẻ ; chính sách tôn giáo ; giải pháp khắc phục tệ nạn xã hội (mãi dâm, ma túy) ; cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, v.v..

Digitized by Google

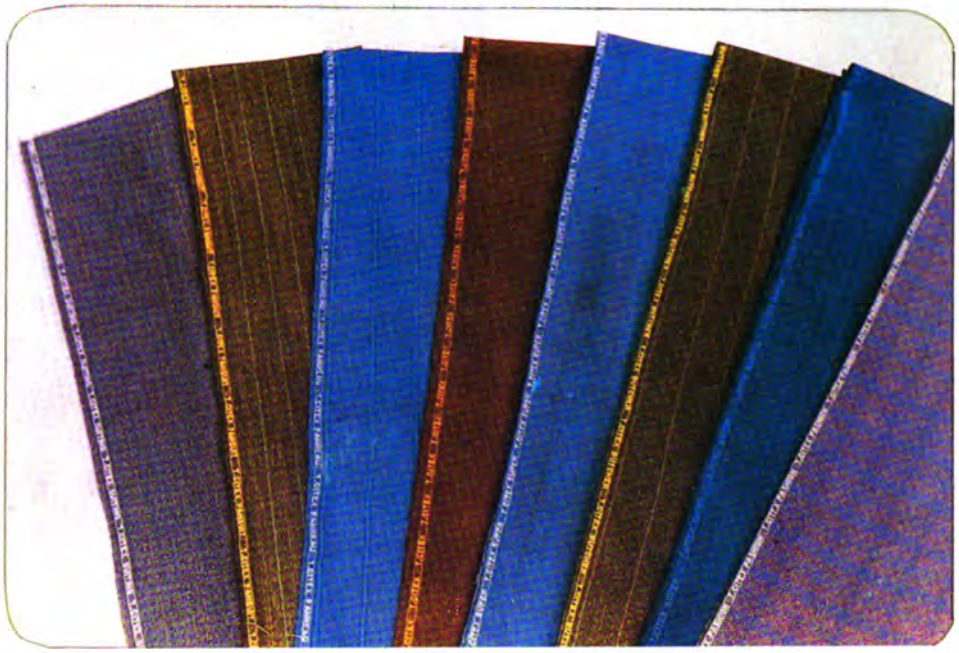
CÔNG TY DỆT
THÀNH CÔNG
T . CITEX

Địa chỉ
Số 8, Quốc lộ 1,
quận Tân Bình,
TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại :
641168-642962
296757-296886

Telex:
811490 TCITEX-VT
812762 PLTLX-VT

Fax:
84.8.645232
84.8.299737



SẢN XUẤT VÀ CUNG CẤP CÁC MẶT HÀNG :

- Vải dệt cao cấp dùng may veston, quần tây, áo dài, các loại quần áo thời trang... hầu hết có dệt chữ T.CITEX trên biên vải.
- Quần áo người lớn và trẻ em theo tiêu chuẩn xuất khẩu với các loại nút, nhãn và bao bì đặc biệt, được bày bán chính thức tại các Đại lý của Công ty.
- Các cơ sở và cá nhân (ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng như các tỉnh) muốn làm Đại lý cho Công ty nếu đáp ứng các điều kiện do Công ty đặt ra, đều được chấp nhận.



FASHION & QUALITY

Digitized by Google

CÔNG TY MAY NHÀ BÈ

NHA BE GARMENT EXPORT COMPANY (NHABECO)



Nguyễn Xuân Ngọ *General Director*



- Tổng diện tích mặt bằng : 35.000m^2, diện tích nhà máy : 31.670m^2 nằm ở phía đông nam thành phố Hồ Chí Minh, phía bắc và đông bắc giáp với Cảng Saigon (kho 18 Tân Thuận) và Cảng Bến Nghé, phía đông giáp với Khu Chế Xuất Tân Thuận, phía bắc và tây giáp với các xí nghiệp Chế Biến Hải Sản xuất khẩu và đường liên tỉnh 15 từ thành phố đi Duyên Hải, trong tương lai sẽ trở thành con lộ huyết mạch nối liền thành phố Hồ Chí Minh với Khu Công Nghiệp Dầu Khí Vũng Tàu.
- NHABECO là đơn vị doanh nghiệp nhà nước chuyên sản xuất gia công các mặt hàng may mặc cao cấp bằng nguyên liệu trong nước và ngoài nước. Sản phẩm chủ yếu và truyền thống là các loại sơmi, váy đầm, quần áo phụ nữ, áo jacket các loại, áo quần thun, T-Shirt, Pullover.
- NHABECO sản xuất và kinh doanh nhập khẩu các loại sản phẩm ngành may mặc.
- Đã có quan hệ lâu dài với các tổ chức thương mại, doanh nghiệp ở nhiều khu vực trên thế giới. Sản phẩm của NHABECO sản xuất được tín nhiệm của khách hàng đã xuất khẩu tới các thị trường ở một số nước Tây Âu, Đông Âu, Canada, Nhật bản, Châu Á, Châu Phi và Châu Úc.
- NHABECO có 2.700 công nhân, trên 1.000 thiết bị may các loại (chủ yếu là thiết bị của Nhật) :

+ Có 7 xí nghiệp may và 1 trung tâm kinh doanh
+ Năng lực sản xuất từ 5 đến 6 triệu sản phẩm xuất khẩu/năm có chất lượng và uy tín.

- NHABECO có nhiều thuận lợi với các nhà doanh nghiệp và đầu tư (cả trong nước và ngoài nước) địa điểm tiếp giáp Cảng Saigon, Cảng Bến Nghé và Khu Chế Xuất Tân Thuận.
- Công Ty May Nhà Bè luôn sẵn sàng đón tiếp quý khách, các tổ chức thương mại và các nhà doanh nghiệp thực hiện các hợp đồng sản xuất và gia công. Đặc biệt trong những năm tới từ 1993 thực hiện thêm các công trình hợp tác, liên doanh trên quy mô nhỏ và lớn. Tổng diện tích dành cho các phương án đầu tư này từ 7.000 đến 10.000m^2.

In tại Nhà in Nhân dân Hà Nội II . Chỉ số 12651 - ISSN 0866 - 7276 GIÁ 2000đ

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 8
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 09-09-93
Tap Chi Cong San



8

1993

Digitized by Google

Mì Vị Hương

ĐỊA CHỈ : NHÀ MÁY BỘT NGỌT THIÊN HƯƠNG
TÂN THỚI HIỆP - HOÓC MÔN - TP. HCM
ĐIỆN THOẠI : 298382 - 915329

SẢN PHẨM NỔI TIẾNG

từ trước tới nay trên khắp mọi miền đất nước



ĐÃ ĐƯỢC CỤC SÁNG CHẾ UBKH NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỘC QUYỀN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP VÀ BIỂU TƯỢNG TRÊN TOÀN LÃNH THỔ VN

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

8-1993 NĂM THỨ XXXIX (452)

RECEIVED

SEP 10 1993

PERIODICAL ROOM
MAIN LIBRARY

MỤC LỤC

Phấn đấu thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ Đảng (khóa VII)	XÃ LUẬN - Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế - xã hội nông thôn	3
	NGUYỄN THỊ HẰNG - Những giải pháp vĩ mô xóa đói giảm nghèo	7
	CAO SỸ KIÊM - Tín dụng ngân hàng trong cơ chế thị trường	11
	TÀO HỮU PHÙNG - Chính sách đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư	15
	NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Một số ý kiến về chính sách bảo trợ nông sản	18
Thực tiễn - Kinh nghiệm	TRẦN QUỐC KHẢI - Để tăng nhanh sản lượng lương thực ở đồng bằng sông Cửu long	21
	NGUYỄN ĐÌNH PHÁCH - Châu giang với 5 chữ "hóa"	23
	ĐỖ NGỌC NINH và NGUYỄN NGỌC CẨN - Kinh nghiệm đổi mới của Đảng bộ An giang	27
	ĐƯỜNG VINH SƯỜNG - Công tác xuất bản - vấn đề và giải pháp	30
	*** Sách và trách nhiệm của người quản lý xuất bản sách (Ý kiến về cuốn "Nổi loạn" của Đào Hiếu)	34
Nghiên cứu - Trao đổi	NGUYỄN VĂN THẢO - Về bộ máy lập pháp, hành pháp, tư pháp	37
	HOÀNG THẾ LIÊN - Xây dựng pháp luật bảo đảm việc làm và lợi ích cho người lao động	41
	VŨ HUY ANH - Suy nghĩ về sinh hoạt tôn giáo hiện nay	44
	HOÀNG CÔNG - Mấy nhận thức về vấn đề nhân quyền	46
Sinh hoạt tư tưởng	DƯƠNG TÙNG - Những trái tim nhân hậu	50
Đọc sách	VŨ ĐẶNG và CHU GIANG - Hai cuộc thi - đôi điều gợi mở	52
Thế giới : vấn đề, sự kiện	TRỊNH DÂN - Có thể học tập những gì ở chủ nghĩa tư bản ?	55
Qua sách báo nước ngoài	HÀ KỲ - Kỳ tích khó hiểu	59
Tìm hiểu khái niệm	Sở hữu và các hình thức sở hữu	61
Tin hoạt động lý luận	● Đoàn đại biểu tạp chí A LUN MAY (Lào) thăm Việt nam ● Chung quanh vấn đề đạo đức nghề nghiệp của người làm báo	63

Bìa 1 : Nhà máy xi măng Hoàng thạch
Ảnh : VĂN PHÚC

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội . Dây nói : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• *На реализацию резолюции V пленума ЦК КПВ* * *Передовая* - Социалистическая ориентация социально-экономического развития деревни. НГУЕН ТХИ ХАНГ - Макро-резолюции ликвидации голода и снижения бедности. КАО ШИ КИЕМ - Банковский кредит в условиях рыночного механизма. ТАО ХЫУ ФУНГ - Капиталовложенческая политика и эффективность использования вложенного капитала. НГУЕН ДАК ХЫНГ - Некоторые соображения по протекторату деревни. • *Исследования - обмен мнениями* * НГУЕН ВАН ТХАО - О законодательном судебно-исполнительном и юридическом аппарате. ХОАНГ ТХЕ ЛИЕН - Создать такой закон, который обеспечивает занятость и интересы трудящимся. ВУ ХЮИ АНЬ - Несколько раздумываний о религиозной деятельности в настоящее время. ХОАНГ КОНГ - Осознание о вопросе прав человека. • *Мир : проблемы, факты* * ЧИНЬ ЗАН : Чему учиться у капитализма ?

CONTENTS

● *Striving to implement the Resolution of the 5th Conference of the Executive Central Committee of CPV (7th Term)* ★ *Editorial* - Socialist orientation in the socioeconomic development in rural areas. NGUYỄN THỊ HẰNG - Macro-measures in getting rid of famine and reducing poverty. CAO SỸ KIÊM - Bank credit in the market mechanism. TÀO HỮU PHÙNG - Investment policy and the efficiency of using investment capital. NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Some ideas on the policy of rural sponsorship ● *Research and Exchange* ★ NGUYỄN VĂN THẢO - On the legislative, executive and judiciary apparatuses. HOÀNG THẾ LIÊN - Establishing a job - and-interest ensuring act for working people. VŨ HUY ANH - Some reflections of religious life nowadays. HOÀNG CÔNG - Some perceptions on the problem of human rights ● *The World - Its problem and facts* ★ TRỊNH DÂN - What can we learn from capitalism ?

SOMMAIRE

● *S'efforcer de réaliser les résolutions du Ve Plénum du CC du PCV (issu du VIIe Congrès)* ★ *Editorial* - Orientation socialiste dans le développement économico - social des zones rurales. NGUYỄN THỊ HẰNG - Les macro-solutions en vue d'éliminer la faim et réduire la pauvreté. CAO SỸ KIÊM - Le crédit bancaire dans le mécanisme du marché. TÀO HỮU PHÙNG - La politique d'investissement et l'efficacité de l'emploi des fonds d'investissement. NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Quelques opinions sur la politique de protection des zones rurales ● *Etudes - Echanges* ★ NGUYỄN VĂN THẢO - Sur l'appareil législatif, exécutif et judiciaire. HOÀNG THẾ LIÊN - Edifier une législation pour assurer l'emploi et les intérêts du travailleur. VŨ HUY ANH - Quelques réflexions sur la vie religieuse à l'heure actuelle. HOÀNG CÔNG - Quelques points de vue sur les droits de l'homme ● *Le monde : Problèmes, événements* ★ TRỊNH DÂN - Qu'est-ce que le capitalisme a à nous apprendre ?

SUMARIO

● *En ejecución de la Resolución del Quinto Pleno del Comité Central del Partido (Séptimo Congreso)* ★ *Editorial* - La orientación socialista en el desarrollo económico-social en el campo. NGUYỄN THỊ HẰNG - Las macrosoluciones por abolir el hambre y disminuir la pobreza. CAO SỸ KIÊM - El crédito bancario en el mecanismo de mercado. TÀO HỮU PHÙNG - La política de inversión y la eficiencia de la utilización del fondo invertido. NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Algunas opiniones sobre la política de protección del campo ● *Estudios - Intercambios* ★ NGUYỄN VĂN THẢO - Sobre el aparato legislativo, ejecutivo y jurídico. HOÀNG THẾ LIÊN - Elaborar las leyes para asegurar el empleo y los intereses del trabajador. VŨ HUY ANH - Algunas reflexiones sobre la vida religiosa en la actualidad. HOÀNG CÔNG - Algunas nociones sobre el derecho del hombre ● *El Mundo : Problemas y acontecimientos* ★ TRỊNH DÂN - ¿Qué se puede aprender del capitalismo ?

目錄

● 爭取實現七屆五中全會決議 ★ 社論：社會主義定向在農村經濟社會發展中。阮氏恒：消除饑荒貧困的宏觀措施。高士雄：信貸銀行在市場機制中。曾友進：投資政策及投資利用效果。阮德興：對支援農村政策的若干問題。● 研究与交換 ★ 阮文草：關於立法行法行司法機構。黃文聯：制訂保障勞動者的就業及利益法律。武輝英：關於當前宗教生活思考。黃公：人權問題的几點認識。● 世界：問題与事件★鄭民：從資本主義學什么東西？

Digitized by Google

Xã luận

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN

HỘI nghị lần thứ năm BCHTƯ Đảng (khóa VII) đã đề ra phương hướng, mục tiêu cùng những giải pháp cụ thể nhằm phát triển mạnh mẽ nông nghiệp và xây dựng nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là sự cụ thể hóa các quan điểm của Đại hội VII nêu trong Cương lĩnh *và* Chiến lược *phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Tư tưởng trung tâm của Nghị quyết Trung ương 5 là tiếp tục giải phóng sức sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, từng bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn ; thu hút lao động dôi thừa, tăng năng suất lao động xã hội ; tăng thu nhập, cải thiện một bước cơ bản đời sống vật chất - văn hóa của nông dân, nhất là ở các vùng cao, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số ; xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống văn hóa phong phú, có hệ thống chính trị vững mạnh, phát huy dân chủ, bảo đảm công bằng và ổn định chính trị xã hội.*

Các quyết định của Trung ương phù hợp với thực tế, hợp lòng dân, bắt kịp yêu cầu cuộc sống, thể hiện sự tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế đúng đắn của Đảng ta.

Trong quá trình phấn đấu thực hiện các quyết định của Trung ương, cần nắm vững và quán triệt sâu sắc các quan điểm :

- Coi phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu.

- Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã được đổi mới là nền tảng và điều kiện để củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức, phát huy tiềm năng của kinh tế hộ và các thành phần kinh tế khác.

- Gắn sản xuất với thị trường, mở rộng sản xuất đi đôi với mở rộng thị trường, có chiến lược khoa học công nghệ và chính sách bảo vệ sản xuất kinh doanh phù hợp trong bối cảnh mở cửa và cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

- Gắn phát triển kinh tế với phát triển văn hóa xã hội, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài, bảo vệ và phát triển tài nguyên, môi trường, xây dựng nông thôn mới ; đổi mới kinh tế đi đôi với đổi mới hệ thống chính trị.

Quán triệt các quan điểm nêu trên là bảo đảm tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong việc phát triển kinh tế - xã hội nông thôn trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Chúng ta đang rất cần phát triển lực lượng sản xuất, đang cố gắng làm mọi việc để giải phóng sức sản xuất, khai thác các tiềm năng kinh tế nông thôn, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, thực

Digitized by Google

hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp và kinh tế nông thôn. Không có lực lượng sản xuất phát triển trên cơ sở khoa học kỹ thuật hiện đại, năng suất cao, thì không thể có chủ nghĩa xã hội ; chủ nghĩa xã hội theo quan điểm khoa học, không phải là thứ chủ nghĩa xã hội khổ hạnh, nghèo đói.

Tuy nhiên, chủ nghĩa xã hội không phải chỉ có lực lượng sản xuất phát triển. Nếu chỉ có lực lượng sản xuất phát triển thì chủ nghĩa tư bản đã đạt tới trình độ đó từ lâu rồi. Đồng thời với lực lượng sản xuất phát triển còn phải có quan hệ sản xuất tiên tiến, phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất, xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người. Điều này thể hiện ở mấy mặt cơ bản sau đây :

1 - Đất đai thuộc sở hữu toàn dân, không tư hữu hóa ruộng đất. *Cương lĩnh của Đảng và Hiến pháp của Nhà nước đã khẳng định, ở Việt nam đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước thống nhất quản lý, không một tổ chức, cá nhân nào có quyền sở hữu riêng đối với đất đai, hoặc viện bất cứ lý do lịch sử nào để đòi quyền sở hữu ruộng đất. Tuy nhiên, để bảo đảm cho đất đai có người làm chủ cụ thể, được sử dụng có hiệu quả, tạo động lực giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy quá trình phân công lại lao động theo hướng ai giỏi nghề gì làm nghề ấy, Đảng và Nhà nước ta chủ trương giao ruộng đất cho nông dân sử dụng ổn định lâu dài theo qui định của luật pháp. Người sử dụng đất đã ổn định thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất , được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, thế chấp trong thời hạn được giao và đúng mục đích sử dụng theo những qui định cụ thể của pháp luật. Những quyền nói trên là khá rộng rãi, đủ để khuyến khích nông dân yên tâm đầu tư phát triển kinh doanh, sử dụng ruộng đất có hiệu quả. Không nên hiểu việc giao ruộng đất cho nông dân sử dụng ổn định lâu dài là tư hữu hóa ruộng đất, bởi vì nhà nước vẫn là người có quyền định đoạt tối cao đối với ruộng đất ; nếu người sử dụng đất không làm tròn nghĩa vụ của mình, vi phạm các qui định của luật pháp thì có thể sẽ bị nhà nước thu hồi lại đất. Nhà nước nghiêm cấm phát canh thu tô, buôn đi bán lại ruộng đất kiếm lời ; ngăn chặn chuyển nhượng ruộng đất để tiêu xài, rượu chè, cờ bạc... Không vì khắc phục tình trạng "vô chủ" trong sử dụng ruộng đất trước đây mà chuyển sang tư hữu hóa ruộng đất. Ruộng đất là thành quả của cách mạng. Việc giao cho nông dân sử dụng ổn định lâu dài, bảo đảm có tích tụ và sử dụng ruộng đất có hiệu quả là vô cùng cần thiết, nhưng Đảng và Nhà nước phải chủ động tạo ra quá trình đó, lãnh đạo và điều tiết quá trình đó, tiến hành phân công lại lao động, tạo việc làm cho mọi người, chứ không phải để cho nó vận động một cách tự phát, dẫn đến làm bần cùng hóa một bộ phận nông dân hoặc tạo ra một lớp cố nông mới ở nông thôn (là giai cấp không có ruộng đất chỉ đi làm thuê và chịu sự bóc lột nặng nề). Đó là điều chúng ta không thể chấp nhận, vì nó trái với mục đích, bản chất của chế độ ta, làm thiệt hại đến lợi ích của chính người nông dân.*

2 - Kiên trì và nhất quán thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, **trong đó kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã là nền tảng.** *Sự tồn tại các thành phần kinh tế khác nhau là một tất yếu khách quan trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Chúng ta nhất thiết không lặp lại cách làm cũ nhiều năm trước đây, không phát triển tràn lan kinh tế quốc doanh, gò ép tập thể hóa, phủ nhận vai trò tự chủ của hộ xã viên, kỳ thị kinh tế tư nhân, cá thể. Song điều đó không có nghĩa là cứ để các thành phần kinh tế tự nó vận động, mà phải có sự lãnh đạo, quản lý, bảo đảm theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Vừa qua, bên cạnh khuynh hướng muốn duy trì kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể theo kiểu

Digitized by Google

cũ của thời bao cấp, cũng có khuynh hướng đề cao một chiều kinh tế hộ cá thể, tư nhân, buông lỏng, không coi trọng đúng mức kinh tế quốc doanh và hợp tác xã. Chúng ta thừa nhận rằng, việc phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ nông dân trong thời gian qua là một nhân tố quyết định tạo ra động lực và sự chuyển biến mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp ; và sắp tới nó còn giữ vai trò quan trọng lâu dài. Mặt khác, cho đến nay, rất nhiều xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã hoạt động còn kém hiệu quả. Nhưng nếu từ đó mà muốn xóa bỏ kinh tế quốc doanh và hợp tác xã thì lại phạm sai lầm. Bởi vì, kinh tế hộ nông dân dù có vai trò quan trọng đến đâu nó cũng không phải là vạn năng, là vô hạn. Giỏi lắm nó cũng chỉ có thể động viên người lao động tăng thời gian và cường độ lao động, chứ không thể tạo ra năng suất lao động cao trên cơ sở áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ hiện đại. Đi lên sản xuất lớn mà cứ giữ mãi quy mô manh mún, kỹ thuật canh tác lạc hậu (cày bằng trâu, thậm chí cuốc ruộng bằng tay...) thì làm sao có năng suất cao được. Thập kỷ này không thể nói là thập kỷ của quan hệ sản xuất cá thể, tư nhân, mà tất yếu phải là qzan hệ sản xuất hợp tác, liên doanh ; quốc doanh đóng vai trò dẫn dắt, chi phối. Kinh tế quốc doanh là một công cụ quan trọng của nhà nước để hỗ trợ và lôi cuốn nông dân và các thành phần kinh tế khác ở nông thôn đi nhanh lên sản xuất lớn. Hợp tác (dưới nhiều hình thức từ thấp đến cao) là một tất yếu kinh tế của thời đại ngày nay. Thực tế vừa qua cho thấy, một số đơn vị kinh tế quốc doanh và hợp tác xã hoạt động tốt, có hiệu quả, chứng tỏ kinh tế quốc doanh và hợp tác xã có khả năng đảm nhiệm được vai trò nền tảng. Không có kinh tế quốc doanh thì làm sao xây dựng được kết cấu hạ tầng, thực hiện được các quá trình thủy lợi hóa, sinh học hóa, cơ giới hóa, hóa học hóa... trong nông nghiệp và nông thôn ? Không có hợp tác xã thì làm sao hướng dẫn và làm dịch vụ cho hoạt động sản xuất của các hộ xã viên và nông dân nói chung, chăm lo phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của xã viên, đồng thời tham gia cùng chính quyền chăm lo phúc lợi xã hội, kiến thiết nông thôn... ?

Chúng ta không thể duy trì kinh tế quốc doanh và hợp tác xã theo kiểu cũ ; phải đổi mới căn bản hoạt động và cung cách quản lý của kinh tế quốc doanh và kinh tế hợp tác xã, bảo đảm có hiệu quả, thực sự đóng vai trò chủ đạo của nền kinh tế. Nhưng rõ ràng, việc đổi mới đó không có nghĩa là thu hẹp hoặc xóa bỏ kinh tế quốc doanh và hợp tác xã.

3 - Tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện chính sách xã hội, bảo đảm công bằng xã hội, hạn chế sự phân cực giàu nghèo và tình trạng bóc lột trong nông thôn. *Chuyển sang phát triển kinh tế thị trường là một yêu cầu khách quan. Kinh tế thị trường có mặt tích cực là kích thích sản xuất phát triển, nhưng cũng có mặt tiêu cực là tính tự phát mù quáng và sự cạnh tranh tàn nhẫn, dẫn đến phá sản, thất nghiệp, phân cực giàu nghèo, làm nảy sinh nhiều hiện tượng xấu khác. Chúng ta phải chủ động thấy trước mặt tiêu cực đó và có biện pháp tích cực ngăn ngừa, hạn chế nó. Đảng ta chủ trương khuyến khích mọi người thi đua làm giàu hợp pháp, đồng thời chú trọng công tác xóa đói, giảm nghèo, cố gắng để mọi gia đình đều trở nên khá giả. Cụ thể là khuyến khích nông dân tham gia các hình thức bảo hiểm sản xuất, bảo hiểm sinh hoạt để ứng phó với các thiên tai, rủi ro ; động viên mọi người làm việc từ thiện ; giúp những người có hoàn cảnh khó khăn (về vốn, kinh nghiệm, điều kiện sản xuất...) tự vươn lên thoát khỏi cảnh nghèo. Nghiêm cấm và xử phạt nặng những hành vi cho vay nặng lãi, mua lúa non, đánh đập hoặc đối xử tàn tệ với người lao động. Tính chất tiến bộ, văn minh của chế độ ta so với chế độ tư bản chủ nghĩa chính là ở chỗ, ngay ở giai đoạn quá độ này, dù kinh tế chưa phát triển cao, lực lượng sản xuất còn nhiều hạn chế, chúng ta đã chăm lo cho cuộc sống của đại đa số người lao động, hạn*

Digitized by Google

chế việc phân cực giàu nghèo, hạn chế việc bóc lột quá đáng đối với người lao động, bảo đảm công bằng xã hội phù hợp với điều kiện kinh tế hiện nay.

Vả chăng, trong hoàn cảnh nước ta, một nước trải qua nhiều năm chiến tranh và đấu tranh cách mạng gian khổ, có rất nhiều gia đình và cá nhân đã không tiếc tài sản, máu xương, hy sinh tất cả vì nền độc lập tự do của Tổ quốc. Chúng ta phải thực hiện tốt các chính sách xã hội, làm tốt nhiệm vụ đền ơn đáp nghĩa những người có công với nước với dân, chăm lo những người có hoàn cảnh éo le, neo đơn, tàn tật... Đó vừa là trách nhiệm, nghĩa vụ, vừa là tình cảm thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đồng thời là một yêu cầu thuộc về bản chất của chế độ ta.

4 - Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước. *Tất cả những việc nói trên chỉ có thể được thực hiện nếu có sự lãnh đạo của đảng cộng sản và có sự quản lý, điều hành của nhà nước xã hội chủ nghĩa - một nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Chủ nghĩa xã hội khác chủ nghĩa tư bản ở chỗ chính quyền thực sự là của đại đa số nhân dân lao động, do nhân dân trực tiếp bầu ra, chăm lo và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, và bị nhân dân bãi miễn nếu không làm tròn trách nhiệm.*

Trên thế giới ngày nay không có một quốc gia nào, không có một nền kinh tế nào có thể phát triển mà không có sự quản lý của nhà nước. Nội dung quản lý nhà nước bao gồm các biện pháp đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển một số ngành sản xuất và dịch vụ trọng yếu, tạo môi trường thuận lợi, đặc biệt là môi trường pháp lý nghiêm minh, tài chính, tiền tệ ổn định, ban hành luật pháp và hệ thống chính sách hoàn chỉnh để định hướng và hỗ trợ các hoạt động kinh tế xã hội trong nông nghiệp và nông thôn. Đối với nước ta, chúng ta chủ trương phát triển kinh tế thị trường hướng lên chủ nghĩa xã hội, vai trò quản lý điều tiết của nhà nước càng đặc biệt quan trọng. Nhà nước phải can thiệp vào thị trường đúng lúc, đúng chỗ, thích đáng. Ở vào thời điểm này, nhà nước cần đặc biệt chú ý xây dựng chính sách đầu tư, tạo vốn, cho vay vốn, chính sách thuế, chính sách giá cả và thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa... Hình thành tổ chức dự báo thị trường, mở rộng các hình thức thông tin kinh tế, xây dựng quy hoạch và định hướng cơ cấu sản xuất, không thể bỏ mặc tất cả cho thị trường chi phối. Bỏ mặc không can thiệp, hoặc can thiệp một cách tùy tiện, đều làm trở ngại cho sự phát triển.

Cần tập trung thực hiện chức năng quản lý nhà nước ở mỗi địa phương, trên từng địa bàn nông thôn, xây dựng và chỉ đạo thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Sự lãnh đạo của đảng cộng sản là nhân tố quyết định bảo đảm cho kinh tế thị trường đi theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Không có sự lãnh đạo của đảng cộng sản thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Đó là quy luật rút ra từ thực tiễn cuộc sống. Ở những nước đảng cộng sản bị tan rã hoặc không nắm được chính quyền, tuột vai trò lãnh đạo thì đất nước đương nhiên không đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Các thế lực thù địch muốn xóa bỏ chủ nghĩa xã hội trước hết cũng nhằm vào làm tan rã các đảng cộng sản hoặc làm vô hiệu hóa sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Vì vậy, chúng ta phải ra sức củng cố, đổi mới, chỉnh đốn Đảng, tăng cường vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, bảo đảm cho mỗi tổ chức đảng thực sự đóng vai trò hạt nhân lãnh đạo mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các đảng bộ ở nông thôn cần nắm chắc vai trò lãnh đạo công cuộc đổi mới ở nông thôn, phát triển mạnh nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng nông thôn theo những quan điểm và định hướng mà Trung ương đã vạch ra. Chống khuynh hướng thả lỏng, buông xuôi, cùng tư tưởng cục bộ, phường hội.

Digitized by Google

NHỮNG GIẢI PHÁP VĨ MÔ XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

NGUYỄN THỊ HẰNG *

XÓA đói giảm nghèo là một vấn đề lớn đòi hỏi sự đóng góp của toàn đảng, toàn dân, của nhà nước ở trung ương và địa phương, của các tổ chức quốc tế, của các lực lượng quần chúng, của cộng đồng và của bản thân những người nghèo. Đây cũng là một vấn đề lớn mà Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ Đảng (khóa VII) đề cập trong việc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn nước ta.

Để giải quyết cơ bản vấn đề nghèo đói ở nước ta, theo chúng tôi, phải thực hiện đồng thời hai loại giải pháp : *cơ bản lâu dài* và *trực tiếp trước mắt* . Những giải pháp cơ bản lâu dài là : 1) Phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công bằng xã hội ; 2) Đổi mới cơ cấu sản xuất nông nghiệp ; 3) Xây dựng chính sách lương thực và thực hiện chương trình an toàn lương thực quốc gia ; 4) Mở mang cơ sở hạ tầng của cả nước và các vùng, phát triển và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nhỏ ở nông thôn... Những giải pháp này mang tính bao trùm, mở ra con đường hướng tới phát triển, thịnh vượng, giải quyết tận gốc nghèo đói.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, tỷ lệ người nghèo đói ở nông thôn khoảng 30%, ở một số nơi như miền núi, miền sâu, vùng cơ sở hạ tầng yếu kém, đất đai xấu... tỷ lệ này khoảng 50-60%. Với chính sách đổi mới kinh tế, đặc biệt sau "khoán 10", số hộ nghèo và mức nghèo đói giảm đáng kể. Tuy nhiên, tình hình đói gay gắt hiện vẫn còn. Khoảng cách giàu nghèo không giảm mà ngày càng tăng cả ở thành thị và nông thôn. Đây là vấn đề thời sự, mối bận tâm thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Giải quyết được vấn đề này sẽ không chỉ có ý nghĩa kinh tế, mà hơn nữa, còn đem lại và tăng thêm niềm tin của nông dân đối với Đảng và Nhà nước. Bởi vậy, bên cạnh những giải pháp cơ bản lâu dài, chúng ta cần tập trung thực hiện tốt những giải pháp trực tiếp, cấp bách sau :

1 - Cấp đất và bảo vệ quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho người nghèo

Đối với người lao động, tư liệu sản xuất là phương tiện quan trọng nhất để tự tạo việc làm, tìm kiếm thu nhập, nâng cao mức sống của mình và gia đình. Khác với nhiều nước đang phát triển, ở nước ta hầu hết nông dân đã có ruộng để sản xuất. Chỉ còn khoảng từ 2 đến 5% số nông dân là chưa có ruộng đất, họ phải đi làm thuê và phần lớn rơi vào cảnh nghèo đói. Việc tìm nguồn đất để cấp cho họ, giúp họ sản xuất và tự vươn lên thoát khỏi cảnh nghèo, là rất cần thiết.

Trong phần lớn các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp ở miền Bắc và miền Trung thời gian qua có từ 20 đến 40% số hộ nghèo bị thu hồi bớt (chừng 40% số ruộng do không trả được nợ hoặc do không hoàn thành nghĩa vụ nộp sản phẩm cho hợp tác xã. Ít ruộng canh tác hơn, các hộ này đã nghèo càng nghèo, và mất dần hy vọng vươn lên. Cần có biện pháp điều chỉnh phần ruộng đất bị thu hồi để các hộ nghèo có thêm ruộng đất canh tác. Đối với số hộ nghèo thật sự không có khả năng trả nợ, cần có biện pháp hoãn nợ, thậm chí xóa nợ.

Hiện nay, nhiều hộ làm ăn giỏi muốn có thêm ruộng đất để kinh doanh. Đó là điều lành mạnh, đáng khuyến khích. Tuy nhiên, do những rủi ro khó tránh khỏi trong sản xuất, các hộ nghèo rất có thể lâm vào tình trạng phải "bán" bớt hoặc "bán" hết quyền sử dụng ruộng đất vốn có. Vì vậy, để bảo vệ người nghèo, phải bảo vệ quyền sử dụng lâu dài ruộng đất là phương tiện gần như duy nhất để họ có thể kiếm sống ở nông thôn. Đối với

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ lao động - thương binh và xã hội

Digitized by Google

mỗi hộ, bên cạnh quy định về mức tích tụ ruộng đất tối đa, cần có quy định về mức chuyển nhượng ruộng đất tối đa và thời gian tối đa phải trả lại ruộng đất cho người sử dụng cũ. Đối với việc dùng ruộng đất để thế chấp (nếu có), cũng cần có những quy định tương tự.

2 - Hỗ trợ vốn cho người nghèo

Ở nước ta đang dần dần hình thành các thị trường vốn khu vực và thị trường vốn thống nhất cả nước để hỗ trợ cho việc thành lập và mở rộng sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Người nghèo cũng được hưởng kết quả hoạt động của các thị trường này. Tuy nhiên, trước mắt, họ cần được sự hỗ trợ vốn trực tiếp của nhà nước, của các tổ chức quốc tế, phi chính phủ, của cộng đồng, thông qua việc phát triển và đa dạng hóa các hình thức tín dụng ở đô thị và đặc biệt ở nông thôn - nơi người nghèo thường phải vay nặng lãi, phải bán rẻ lúa non để sống qua ngày. Do vậy, nhà nước cần tổ chức hệ thống ngân hàng tín dụng hỗ trợ người nghèo, bao gồm các ngân hàng nông nghiệp, ngân hàng cổ phần, hợp tác xã tín dụng và các hình thức chung vốn của các nhóm nhân dân trong cộng đồng... Các tổ chức tín dụng với hình thức đa dạng này sẽ tạo thành một mạng lưới vừa có tính hỗ trợ, vừa như cầu nối hệ thống ngân hàng, tín dụng của nhà nước ở trung ương và các địa phương, của các tổ chức quốc tế... với người nghèo. Hệ thống tín dụng cho người nghèo này sẽ sớm loại trừ nạn cho vay nặng lãi, và quan trọng hơn, giúp người nghèo có vốn để sản xuất và kinh doanh, tự vươn lên thoát khỏi cảnh nghèo đói.

Thực tế cho thấy, không phải người nghèo nào cũng muốn vay vốn để sản xuất kinh doanh. Vì thế, phải cho họ biết nên làm gì, hướng dẫn họ cách làm, rồi mới cho họ vay với thủ tục nhanh chóng, giản tiện, nhưng minh bạch. Sau nữa, cần tính tới việc hạ lãi suất cho vay, có thể cho vay không lấy lãi, thậm chí miễn lãi suất cho những hộ nông dân nghèo nào dùng vốn vay đúng mục đích hoặc trả nợ đúng hạn. Cần đa dạng hóa các hình thức thế chấp : tín chấp, bảo lãnh, cộng đồng trách nhiệm, vay hộ... với sự hỗ trợ của hợp tác xã tín dụng, các nhóm chung vốn, các hội quần chúng như hội phụ nữ, hội nông dân, hội cựu chiến binh...

3 - Hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ cho người nghèo

Các cuộc điều tra cho thấy : phần lớn người nghèo thiếu kiến thức, kinh nghiệm làm ăn và hầu như không có vốn liếng ; mặt khác, có rất ít tư liệu và công cụ sản xuất, kể cả các dụng cụ thủ công thô sơ rẻ tiền. Bởi vậy, bên cạnh việc hướng dẫn cho người nghèo cách thức và kinh nghiệm làm ăn, còn cần hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ cho họ. Tất nhiên, cách hỗ trợ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ cho người nghèo không thể giống như cho người khá giả và người giàu. Người nghèo hạn chế về vốn và khả năng sử dụng, sửa chữa và bảo quản công cụ sản xuất, nên giúp họ lúc đầu cần chú ý các kỹ thuật nhỏ, rẻ tiền mà vẫn có khả năng tăng năng suất và giảm cường độ lao động, các công nghệ cần ít vốn, sử dụng nguyên vật liệu, thức ăn dễ kiếm ở địa phương... Khi họ làm ăn khá hơn, mới giúp họ kỹ thuật và công nghệ tiên tiến hơn.

4 - Đào tạo người nghèo

Điều tra của nhiều cơ quan khác nhau đã chỉ rõ : không có nghề, không biết cách làm ăn, là một trong những nguyên nhân quan trọng hàng đầu gây ra nghèo đói. Phần lớn người nghèo trình độ văn hóa thấp, không hoặc ít được đào tạo về nghề nghiệp, thiếu kiến thức kinh doanh... Bởi vậy, đào tạo người nghèo, trước hết nên hướng vào các nội dung : 1 - Hướng dẫn cách làm ruộng, làm vườn, chăn nuôi hợp lí ; 2 - Đào tạo các nghề xã hội ; 3 - Hướng dẫn làm kinh tế trong khuôn khổ doanh nghiệp gia đình ; 4 - Hướng dẫn cách sơ chế sản phẩm, thăm dò, tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm trên thị trường ; 5 - Hướng dẫn cach hợp tác kinh tế giữa các hộ nghèo và giữa các hộ nghèo với các hộ khá và giàu...

Để công tác đào tạo có kết quả, cần tìm kiếm sự hỗ trợ của các chương trình xúc tiến việc làm, các trung tâm dạy nghề và đa dạng hóa các hình thức đào tạo : đào tạo tại các lớp và trung tâm dạy nghề ; kèm cặp ; đặc biệt chú ý hình thức đào tạo tại chỗ (do các cơ sở đào tạo ngành nghề sở tại hay các đội đào tạo lưu động tiến hành). Việc đào tạo nói chung và đào tạo người nghèo nói riêng, nên theo hướng : thạo một nghề và biết một số nghề xã hội khác, để luôn có cơ hội tìm được việc làm.

Digitized by Google

5 - Giúp người nghèo tham gia tích cực vào chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình

Một quy luật phổ biến là : ở đâu tỷ lệ người nghèo cao hơn thì ở đó mức sinh cao hơn. Và không nhỉ ở gia đình giàu, ở gia đình nghèo mà đông con nhì mức độ nghèo càng gay gắt. Trước đây, chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình ở ta đặt trọng tâm vào những nơi mật độ dân số cao, như các thành phố, vùng đồng bằng, ven biển ; nay cần đặt thêm trọng tâm vào *những người nghèo* (chiếm 1/3 dân số), những người ít có phương tiện nghe nhìn, báo chí và rất khó khăn về tiền bạc. Những người này đã "quen" cảnh khổ từ lâu, và do đó, quan niệm "trời sinh voi, trời sinh cỏ" bám chắc vào suy nghĩ của họ. Việc đưa chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình đến với người nghèo và làm cho họ có thể tham gia và tích cực tham gia, là một giải pháp không kém phần quan trọng. Nó có thể làm dịu bớt hay ít nhất cũng không làm gay gắt thêm cảnh nghèo khó. Giải quyết vấn đề này có nhiều việc cần làm, trước hết là hỗ trợ người nghèo dưới mọi hình thức để họ có thể nắm được những hiểu biết về dân số và kế hoạch hóa gia đình ; có được các phương tiện, dụng cụ tránh thai và các dịch vụ y tế, thuốc men cần thiết.

6 - Đổi mới hình thức hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, phát triển đa dạng các hình thức hợp tác kinh tế mới

Tiếp tục đổi mới căn bản hợp tác xã sản xuất nông nghiệp theo hướng : hợp tác xã chỉ tổ chức sản xuất những khâu mà hộ gia đình không làm được ; trao quyền sử dụng ruộng đất cho các hộ nông dân ; xóa bỏ mọi khoản đóng góp ngoài các khoản đóng góp cần thiết cho phúc lợi và dịch vụ sản xuất chung (như làm thủy lợi, tưới tiêu, cấp điện, phòng trừ sâu bệnh cho toàn cánh đồng, cải tạo đồng ruộng, hoàn chỉnh đường sá nông thôn). Các hợp tác xã sản xuất, tín dụng... với các hình thức hợp tác kinh tế tự nguyện, sẽ hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, hỗ trợ kỹ thuật, giống mới... làm giảm tính "dễ bị tổn thương" của các hộ nghèo.

7 - Tăng cường hơn nữa quyền tự chủ của người nông dân trên đồng ruộng, phát triển và đa dạng hóa các ngành nghề

Với việc xác định hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, hộ có quyền tự chủ toàn vẹn trong sử dụng ruộng đất và sản xuất, người nông dân sẽ có nhiều cơ hội chuyển sang cách làm ăn mới : kết hợp phương thức sản xuất truyền thống với phương thức sản xuất hiện đại trên quy mô nhỏ, thích hợp cho một hộ gia đình, hoặc một số hộ gia đình tự nguyện hợp tác với nhau. Hỗ trợ cho quyền tự chủ hoàn toàn của người dân, nhà nước khuyến khích tạo điều kiện mở rộng, đa dạng hóa ngành nghề : phát triển các hộ chuyên ngành, chuyên nghề, các hộ kinh doanh tổng hợp. Nhà nước khuyến khích các hoạt động kinh tế phi nông nghiệp, đặc biệt các hoạt động kinh tế phi kết cấu ở nông thôn, để giải quyết tình trạng thiếu việc làm, hoặc có việc làm nhưng thu nhập thấp, góp phần giảm mức độ và tỷ lệ nghèo đói ở nông thôn.

8 - Đổi mới các hệ thống doanh nghiệp nhà nước hỗ trợ phát triển nông thôn, chú ý trợ giúp người nghèo

Cần đổi mới hình thức tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước các cấp trong hệ thống dịch vụ khoa học kỹ thuật, cung ứng vật tư kỹ thuật nông nghiệp, thu mua, chế biến nông sản, thu mua các sản phẩm của các hoạt động nghành nghề phi nông nghiệp, để hỗ trợ phát triển nông thôn. Qua đó, nâng cao hiệu quả, vai trò điều tiết và định hướng của nhà nước, và bảo đảm cho nông dân làm ăn có lãi.

Quan tâm đến người nghèo bằng nhiều cách thiết thực, thông qua hệ thống các doanh nghiệp nhà nước hỗ trợ phát triển nông thôn, sẽ thực sự góp phần giúp đỡ người nghèo mở mang sản xuất kinh doanh và nâng dần mức sống.

9 - Phát triển các doanh nghiệp nhỏ và khu vực không kết cấu tạo nên nhiều chỗ làm việc, tăng thu nhập, nâng mức sống cho người nghèo

Sau đổi mới, các doanh nghiệp tư nhân (khoảng một triệu doanh nghiệp) có quy mô dưới 10 lao động và số vốn bình quân mỗi lao động từ 400 đến 1200 USD, xuất hiện khá nhanh. Các doanh nghiệp này do các tổ hợp - hợp tác xã cũ chuyển hóa thành ; một phần do các tiểu chủ mới thành lập. Các doanh nghiệp tư nhân này, ngoài việc bảo đảm việc làm cho gia đình, cho họ hàng, còn thu hút thêm một số đáng kể người lao động bên ngoài, nhất là người nghèo. Bên cạnh đó, khu vực không kết cấu là khu vực hoạt động kinh tế của

Digitized by Google

người nghèo cũng được dịp phát triển. Với đặc trưng ít vốn, trang bị và cơ sở hạ tầng yếu kém, mặt bằng hoạt động chật hẹp, khu vực này vừa qua vẫn thu hút khoảng 30 - 50% lao động đô thị và 10 - 20% lao động nông thôn. Phát triển các doanh nghiệp nhỏ và khu vực không kết cấu sẽ tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho đông đảo người nghèo.

10 - Kết hợp việc di dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới với các chương trình phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và đất hoang hóa, góp phần xóa đói giảm nghèo

Di dân đi khai phá các vùng đất mới được xem như một hình thức tạm ứng sức người, sức của để khai thác nguồn tài nguyên dồi dào và phát triển kinh tế-xã hội ở các vùng đó, làm cho đời sống vật chất và tinh thần của cư dân ở đây tiến kịp trình độ chung của đất nước. Nhà nước ta luôn hướng các cuộc di dân theo các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội vùng kết hợp với các mục tiêu kinh tế của chính người dân, mà phần lớn là những người nghèo thiếu đất, thiếu việc làm, thu nhập thấp và bấp bênh. Những năm tới, việc di dân đi xây dựng các vùng kinh tế mới kết hợp với các chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc, phải được xem như một giải pháp "cả gói" xóa đói giảm nghèo với nhiều hình thức đa dạng. Việc tổ chức di dân phải hoàn chỉnh cả ba khâu (di dân tới - khai phá - tổ chức sản xuất kinh doanh) và có các chính sách hỗ trợ đặc biệt để thực hiện các dự án : nuôi trồng cây, con đặc sản ; khai hoang lập trang trại, làng mới ; phát triển ngành nghề...

11 - Nâng cao địa vị chính trị-xã hội của người nghèo

Do địa vị kinh tế thấp kém, người nghèo mất dần địa vị chính trị-xã hội, khó có cơ hội vươn lên, và dễ rơi vào tình trạng sút kém hơn nữa về kinh tế. Bởi vậy, nâng cao địa vị chính trị-xã hội cho người nghèo, chính là một giải pháp trực tiếp để xóa đói, giảm nghèo. Để làm việc này, bên cạnh các bộ phận trực tiếp chăm lo đời sống kinh tế của người nghèo, chính quyền địa phương và các cơ quan quân, dân, chính, đảng các cấp, cần dành một tỷ lệ thích đáng cho đại diện của người nghèo, và mặt khác cần tạo các cơ hội cho người nghèo tham gia tích cực hơn vào đời sống chính trị-xã hội của địa phương. Xây dựng trong dân ý thức tôn trọng người nghèo, tôn trọng mọi nghề nghiệp kiếm sống chính đáng. Cần nêu cao tấm gương vượt khó của các gia đình nghèo, của con em họ, và cổ vũ, hỗ trợ họ vươn lên trong mọi lĩnh vực. Có thể áp dụng sáng kiến của bà Xuân Thị Lan, giám đốc Sở lao động Hà tây, tổ chức *hội những người chưa giàu* để người nghèo có thể tập hợp lại, giúp đỡ nhau tự xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu chính đáng.

12 - Ưu tiên xóa đói giảm nghèo cho phụ nữ

Ở nước ta nam giới thường là chủ hộ gia đình. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, có tới 20% (có nơi 50%) số chủ hộ lại là phụ nữ. Đa số những hộ này gặp nhiều khó khăn và lâm vào tình trạng đói nghèo. Tất nhiên, phụ nữ cũng được hưởng kết quả của các biện pháp xóa đói giảm nghèo ; nhưng vì phụ nữ thường vất vả, cực nhọc hơn nam giới, thường bị đối xử bất công hơn nam giới, cho nên cái nghèo của phụ nữ thường cũng gay gắt hơn nam giới. Vì lẽ đó, phụ nữ cần được ưu tiên hơn trong cấp đất, cấp vốn, trong hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ mới, trong đào tạo, và được hưởng điều kiện thuận lợi hơn trong sản xuất, kinh doanh. Cần nâng cao hơn nữa vai trò của hội phụ nữ trong việc đoàn kết chị em, giúp chị em về vốn, về cách thức làm ăn, tiêu thụ hàng hóa, nuôi dạy con cái... để họ tự xóa đói giảm nghèo và có đời sống mới khá giả hơn.

13 - Kết hợp chặt chẽ giữa việc cấp đất, vốn và phương tiện làm việc với trợ cấp để xóa đói giảm nghèo trong các hộ thuộc diện chính sách

Số hộ thuộc diện chính sách ở nước ta khá đông và có tỷ lệ đói nghèo cao hơn mức trung bình của cộng đồng. Xóa hẳn đói và giảm hẳn nghèo trong các hộ chính sách là một nghĩa vụ, và là nguyện vọng của nhà nước và toàn dân ta. Muốn vậy, cùng với việc tạo mọi điều kiện thuận lợi để họ trực tiếp tham gia sản xuất kinh doanh, cần có sự trợ cấp thường xuyên và đột xuất. Cần có các chính sách như : cấp đất tốt, đủ mức, ở những nơi thuận tiện canh tác ; xây nhà tình nghĩa gần mặt đường, có lợi thế kinh doanh ; cấp vốn ; hỗ trợ kỹ thuật và công nghệ mới ; hướng dẫn cách làm ăn ; khuyến khích mọi người, mọi cấp giúp đỡ các hộ chính sách trong sản xuất kinh doanh và trong đời sống thường ngày.

(Xem tiếp trang 14)

Digitized by Google

TÍN DỤNG NGÂN HÀNG TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

CAO SỸ KIÊM *

ĐẶC trưng cơ bản của hệ thống tín dụng là do tính chất của cơ chế quản lý kinh tế quyết định. Ở nước ta, từ nền kinh tế bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường, đòi hỏi hệ thống tín dụng phải là đòn bẩy kinh tế, là công cụ để kích thích kinh tế, kiềm chế và đẩy lùi lạm phát nhằm thúc đẩy nền kinh tế phát triển. *Chiến lược kinh tế* của ta đã chỉ rõ :

"Cải tổ hệ thống *ngân hàng* để hoạt động có hiệu quả, thực sự trở thành trung tâm tiền tệ, tín dụng, thanh toán, đóng vai trò nòng cốt trên thị trường vốn và tiền tệ.

Ngân hàng nhà nước làm chức năng quản lý nhà nước đối với mọi hoạt động kinh doanh tín dụng-tiền tệ, cung ứng và điều hòa lưu thông tiền tệ, ổn định giá trị đồng tiền. Các ngân hàng thương mại làm chức năng đơn vị kinh doanh tín dụng-tiền tệ, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính, chịu sự kiểm soát của Ngân hàng nhà nước về chế độ chính sách tín dụng-tiền tệ" (1).

Nền kinh tế nước ta trong quá trình chuyển sang cơ chế thị trường đòi hỏi một lượng vốn lớn để phát triển. Lượng vốn đó được thực hiện bằng nhiều nguồn : các đơn vị tự huy động vốn bằng liên doanh, liên kết trong và ngoài nước ; vốn nhà nước cấp ; các ngân hàng cho vay ; các đơn vị kinh tế vay nước ngoài hoặc ngân hàng đi vay hộ. Trong năm qua, ngành ngân hàng đã cố gắng đáp ứng một khối lượng vốn lớn cho nền kinh tế.

Về tín dụng, tổng doanh số cho vay cả năm 1992 đạt 39 936 tỉ đồng, trong đó 38 485 tỉ đồng là cho vay ngắn hạn,1451 tỉ đồng là cho vay trung hạn và dài hạn. Doanh số cho vay ngoài quốc doanh đạt 3260 tỉ đồng. Riêng cho hộ nông dân vay theo chỉ thị 202 của Chính phủ đạt 2500 tỉ đồng, với 2,2 triệu lượt hộ được vay. Cho vay ngoại tệ đạt 5730 tỉ đồng, tăng 27% so với năm 1991.

Tổng dư nợ cho vay năm 1992 đạt 13 807 tỉ đồng (tăng 45% so với năm 1991), trong đó dư nợ ngắn hạn là 8537 tỉ đồng (tăng 29% so với năm 1991), dư nợ trung hạn (gồm cả xây dựng cơ bản theo kế hoạch nhà nước) là 1990 tỉ đồng (tăng 48% so với năm 1991), dư nợ ngoại tệ là 3280 tỉ đồng (tăng 13% so với năm 1991). Riêng dư nợ cho hộ nông dân vay cuối năm 1992 là 1370 tỉ đồng, gấp hơn 6 lần so với năm 1991.

Sở dĩ có được những kết quả trên đây là do ngân hàng đã thực hiện hàng loạt biện pháp nhằm bảo đảm nền kinh tế từng bước vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Về huy động vốn, ngoài các hình thức đã sử dụng trước đây, năm 1992 ngành ngân hàng còn áp dụng thêm nhiều hình thức mới, như : kỳ phiếu có mục đích ; kỳ phiếu bảo đảm bằng vàng ; tiết kiệm bằng ngoại tệ... Nhờ biện pháp này, số vốn ngân hàng huy động được đã tăng 25% so với năm 1991. Số dư tiết kiệm (cả kỳ phiếu) đạt 3185 tỉ đồng. Đây là chưa kể, Bộ tài chính cũng đã đẩy mạnh việc vay dân bằng tín phiếu kho bạc ngắn hạn và dài hạn. Ngoài ra, việc tranh thủ nguồn vốn nước ngoài qua quan hệ song phương và đa phương cũng đã đạt được kết quả nhất định.

Về cho vay, ngành ngân hàng đã mở thêm nhiều hình thức mới, như : cho vay có bảo lãnh ; cho vay bảo đảm bằng vàng ; cho vay nóng đối với các hộ buôn bán ở các chợ ; cho hộ sản xuất nhỏ đô thị vay ; cho hộ nông dân vay ; cho vay ngoại tệ... Ngoài ra, ngành ngân hàng cũng đã bắt đầu thực hiện cơ chế mới : nhiều ngân hàng cho cùng một khách hàng vay, hay một khách hàng được vay nhiều ngân hàng.

Tín dụng năm 1992 được đổi mới cả về cơ cấu, chất lượng và hiệu quả, góp phần làm tăng sản phẩm xã hội, tăng hiệu qua sản xuất. Tín dụng chủ yếu tập trung cho sản xuất và lưu thông hàng hóa, xuất nhập khẩu thuộc khu vực kinh tế quốc doanh (tăng 20% so với năm 1991). Tín dụng cho khu vực sản xuất tư nhân và công ty hợp doanh tăng 60% so với năm 1991. Tín dụng dành cho khu vực tư nhân được nâng từ 7% năm 1991 lên 15% năm 1992.

Chất lượng tín dụng được nâng cao, dư nợ quá

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng nhà nước

(1) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 28

Digitized by Google

hạn từ 18,6% năm 1991 giảm xuống còn 14% năm 1992. Tỷ lệ này, chủ yếu từ nguồn vốn cũ để lại, phần nợ quá hạn mới phát sinh rất thấp. Riêng nợ quá hạn đối với trường hợp cho các cơ sở sản xuất nhỏ ở đô thị vay bằng 2,5% và cho các hộ nông dân vay bằng 0,3% so với dư nợ.

Chủ trương cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh ở đô thị và nông thôn vay vốn là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần đang được phát triển. Nhờ vậy, chính sách một giá trong tín dụng ngân hàng, thể hiện cùng một tỷ suất tiền gửi và tiền vay, cũng sớm hình thành.

Tín dụng tập trung cho các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, có điều kiện tiếp cận thị trường. Cung ứng vốn kịp thời cho thu mua lương thực và nông sản xuất khẩu. Năm 1992, chỉ trong một thời gian ngắn ngành ngân hàng đã cho vay trên 1200 tỉ đồng để thu mua lương thực, góp phần quan trọng vào việc xuất khẩu 1,8 triệu tấn gạo. Mặt khác, ngân hàng cũng đã bước đầu chú ý việc đầu tư vốn trung hạn và dài hạn, sử dụng một phần vốn ngắn hạn cho đầu tư dài hạn, đầu tư chiều sâu đối với hàng trăm công trình. Cũng cần lưu ý, về đầu tư vốn trung hạn và dài hạn, ngân hàng vẫn còn gặp khó khăn. Vốn huy động của ngân hàng là vốn ngắn hạn, nên ngân hàng chỉ có thể dành một tỷ lệ nhỏ (khoảng 10-15%) để cho vay trung hạn và dài hạn. Số này rõ ràng chưa đáp ứng được đòi hỏi của nền kinh tế. Đây là một vấn đề quan trọng mà chính phủ đang hết sức quan tâm, tìm biện pháp khắc phục trong thời gian tới.

Tỷ trọng tín dụng dành cho khu vực tư nhân được nâng từ 7% năm 1991 lên 15% năm 1992, tăng gấp hơn 2 lần so với năm 1991, nhưng con số này cho thấy sự tiếp cận của hệ thống tín dụng ngân hàng với kinh tế tư nhân còn hạn chế.

Tuy ngân hàng còn nhiều khó khăn và tồn tại, nhưng việc khống chế mức tăng trưởng tín dụng sát với mức tăng trưởng kinh tế năm 1992 như sự chỉ đạo của Chính phủ, là hoàn toàn đúng hướng, nó bảo đảm cho việc thực hiện mục tiêu "vừa giảm lạm phát, vừa chống suy thoái kinh tế". Năm 1992, chúng ta đã giành được thắng lợi tương đối toàn diện về kinh tế. Đáng chú ý là đã đạt được nhiều chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch, vượt qua được những thử thách mới, đẩy lùi được một bước quan trọng lạm phát và tăng trưởng được nền kinh tế với nhịp độ khá cao. Chúng ta đã giữ được tỷ giá ngoại tệ, ổn định được giá trị và nâng cao được sức mua của đồng tiền Việt nam, góp phần đưa nền kinh tế vào thế ổn định, tạo đà mạnh mẽ cho sự phát triển của những năm sau.

Để tín dụng ngân hàng hoạt động có hiệu quả trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo tôi, cần tập trung thực hiện tốt mấy điểm sau đây :

1 - Hoàn chỉnh và vận hành có hiệu quả chính sách tiền tệ tín dụng.

Mục tiêu của chính sách tiền tệ trước hết là phải ổn định được giá trị của đồng tiền. Tiền có ổn định thì mới phát triển được sản xuất kinh doanh, bảo đảm công bằng xã hội. Lãi suất tín dụng cao hay thấp là một công cụ rất quan trọng, vì nó mang lại hiệu quả to lớn đối với chính sách tiền tệ. Chuyển sang cơ chế thị trường, ngân hàng cần : "Tôn trọng nguyên tắc lãi suất tín dụng cao hơn mức lạm phát, lãi suất tiền vay cao hơn lãi suất tiền gửi, xóa bao cấp qua tín dụng, bảo đảm cho ngân hàng thương mại có điều kiện kinh doanh bình thường. Ngân hàng mở rộng hoạt động không phân biệt đối xử đến tất cả các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư" (2). Mục tiêu của ngành ngân hàng năm 1993 là : Tiếp tục phấn đấu ổn định tiền tệ, ổn định tỷ giá ngoại tệ và giá vàng, góp phần hạ thấp tốc độ lạm phát xuống dưới 15%, đồng thời đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn và tiền mặt cho nền kinh tế, bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế theo dự kiến của Quốc hội là 7,5% năm.

Muốn vậy, về tín dụng, cần có phương án cung ứng vốn tín dụng cho nền kinh tế ngay từ đầu năm để đáp ứng những yêu cầu mới. Ngoài những biện pháp tích cực như tự huy động, tự trang trải vốn và bán cổ phần, cổ phiếu, ngân hàng sẽ mở rộng việc huy động vốn bằng nhiều hình thức như huy động gửi tiền tiết kiệm, mua kỳ phiếu ngắn hạn và dài hạn, đóng quỹ bảo hiểm..., kể cả vay vốn nước ngoài và khuyến khích nước ngoài đầu tư, để có đủ vốn cần thiết cho các lĩnh vực kinh tế. Sẽ kiềm chế được lạm phát, nếu tăng trưởng tín dụng tạo điều kiện cho tăng trưởng kinh tế. Điều cần lưu ý là tín dụng phải nhằm mục tiêu có hiệu quả, đầu tư vào các ngành, các dự án có tính khả thi cao. Cụ thể là :

- Tăng tín dụng vốn cố định (trung hạn và dài hạn), cho cơ sở hạ tầng và đầu tư chiều sâu (tăng khoảng 35%).

- Tăng vốn cho khu vực xuất nhập khẩu, khu vực lưu thông hàng hóa dịch vụ có khả năng thu hồi vốn nhanh.

- Tăng tín dụng cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh khoảng 30%, đặc biệt là cho hộ nông dân vay.

- Tăng vốn tín dụng cho các dự án có hiệu quả kinh tế có tính khả thi cao và thu hồi vốn nhanh. Đương

(2) *Tài liệu đã dẫn*, tr 24

Digitized by Google

nhiên, khi xem xét các dự án này, cần chú ý cả hiệu quả trước mắt và hiệu quả lâu dài.

- Ngân hàng nhà nước cần tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại cổ phần, các công ty tài chính và hợp tác xã tín dụng thu hút vốn trong xã hội để tăng thêm nguồn vốn phục vụ cho nền kinh tế.

Mặt khác, tiếp tục điều chỉnh lãi suất tín dụng theo hướng : lãi suất huy động vốn cao hơn chỉ số lạm phát để người gửi có một tỷ lệ lãi thích hợp. Lãi suất cho vay cao hơn lãi suất huy động theo một tỷ lệ mà chính phủ cho phép và được người vay chấp nhận, ngân hàng kinh doanh có lãi. Ngân hàng nhà nước chỉ khống chế trần lãi suất cho vay, mức lãi suất cụ thể do Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại quy định.

Ngoài ra, về tín dụng, cần nghiên cứu cải tiến biện pháp cho vay thích hợp : mở rộng cho vay vốn bằng nhiều hình thức với nhiều loại kỳ hạn, áp dụng cơ chế hợp lý về thế chấp và bảo lãnh nợ vay... Áp dụng từng bước các hình thức mới để mở rộng thị trường vốn (như đối với cổ phiếu và các chứng từ có giá khác). Điều cần chú ý là trong cơ chế thị trường, ngân hàng cần linh hoạt cho vay vốn nhằm đáp ứng đòi hỏi nhiều mặt của nền kinh tế, với phương châm "ích nước, lợi nhà".

Nghiên cứu các hình thức huy động vốn dài hạn để tạo nguồn và có quy chế cho vay trung hạn và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế ngoài quốc doanh (hộ nông dân và hộ sản xuất đô thị). Tiến hành khẩn trương việc ban hành quy chế cho vay ngoại tệ đối với các tổ chức tín dụng và cơ sở kinh tế phù hợp với tình hình mới. Chuẩn bị các điều kiện để hình thành *thị trường tiền tệ* ở nước ta. Trước hết, năm 1993 hình thành thị trường tiền tệ ngắn hạn thông qua các hoạt động liên ngân hàng nhằm tạo yếu tố kinh tế và điều kiện hình thành môi trường pháp lý-kinh tế và mô hình tổ chức thí điểm ở hình thức thấp thị trường tiền tệ dài hạn vào cuối năm 1993 và đầu năm 1994.

2 - Điều hòa lưu thông tiền tệ nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của nền kinh tế.

Muốn điều hòa lưu thông tiền tệ, Ngân hàng nhà nước phải quản lý được khối lượng tín dụng hợp lý của các tổ chức tín dụng. Khối lượng tín dụng hằng năm phải phù hợp với mức độ tăng trưởng khối lượng giá trị thu nhập quốc dân (GNP). Ngân hàng nhà nước phải là người cho vay cuối cùng của nền kinh tế, nghĩa là cho vay tái chiết khấu đối với các tổ chức tín dụng. Ngân hàng được Chính phủ giao phó hoạch định chính sách tiền tệ, sử dụng những công cụ như : lãi suất, tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các tổ chức tín dụng, quản lý tỷ giá, hình thành giá vàng và ngoại tệ mạnh để can thiệp khi có biến động giá.

Năm 1993, đất nước có nhiều nhu cầu chi lớn, như cải cách chế độ tiền lương, đầu tư xây dựng cơ bản, chi mua ngoại tệ...Mục tiêu đặt ra cho năm 1993 là làm thế nào để vừa đáp ứng nhu cầu về phương tiện thanh toán (tăng cung ứng tiền, kể cả tiền mặt), vừa tiếp tục đẩy lùi được lạm phát dưới 15%. Điều này đòi hỏi khối lượng tiền cung ứng tăng thêm trong năm 1993 phải đáp ứng được nhu cầu mới của nền kinh tế, bảo đảm khả năng tăng trưởng tín dụng và mua ngoại tệ, bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn ngoại tệ hiện có. Việc phát hành tiền phải chú ý tính thời vụ và điều kiện về cung cầu hàng hóa và biện pháp thu hút tiền về để không gây đột biến giá cả. Tích cực tăng thu để cân đối ngân sách, kiên quyết không bù đắp bội chi bằng phát hành tiền, và có những biện pháp đồng bộ để điều tiết lượng tiền trong lưu thông, giảm áp lực gây lạm phát. Cụ thể là : mở rộng các hình thức huy động vốn, cải tiến phương thức thanh toán sao cho thuận tiện.

Điều cần chú ý là cải tiến phương thức thanh toán, nhất là thanh toán không dùng tiền mặt. Thông qua phương tiện séc chuyển tiền, đẩy mạnh việc sử dụng ngân phiếu thanh toán và cho áp dụng hình thức thanh toán tiên tiến như *các thanh toán, các tín dụng*... để giảm bớt áp lực về tiền mặt. Bên cạnh đó, tranh thủ các nguồn vốn nước ngoài, nhất là những nguồn vốn sớm có hiệu quả và điều kiện vay phù hợp mà đất nước có thể chấp nhận.

Sẽ đáp ứng được mọi nhu cầu của nền kinh tế, nếu ngân hàng khống chế và điều tiết được lượng tiền lưu thông, nhờ sử dụng có chất lượng và hiệu quả các công cụ của chính sách tiền tệ ; thực hiện tốt việc điều chỉnh tỷ lệ dự trữ bắt buộc ; có được mức tăng trưởng tín dụng phù hợp ; bảo đảm tốt chính sách lãi suất (cả lãi suất tái chiết khấu). Muốn vậy, ngành ngân hàng không thể không đổi mới và tăng cường các phương tiện tính toán, thông tin hiện đại, đồng bộ. Cần ưu tiên về kinh phí cho việc mua sắm máy móc và thiết bị tin học, trang bị mạng vi tính, đổi mới căn bản các biểu đồ kế toán, thống kê... cho phù hợp với quy chế quản lý mới, với thông lệ quốc tế.

3 - Hoàn thiện cơ chế quản lý ngoại tệ, tiến tới đổi mới chính sách quản lý ngoại hối.

Điều tiết thị trường ngoại tệ là một trong những chức năng cơ bản của hệ thống ngân hàng nhằm ổn định đồng tiền trong nước và góp phần cân bằng cán cân thanh toán quốc tế.

Năm 1992, Ngân hàng nhà nước đã bước đầu quản lý ngoại tệ đạt được kết quả là ổn định tỷ giá ở mức hợp lý, gây được niềm tin của nhân dân đối

Digitized by Google

với Đảng và Chính phủ. Để quản lý tốt ngoại tệ trong nền kinh tế thị trường, theo tôi, cần tập trung thực hiện tốt mấy điểm sau đây :

Một là, có biện pháp mạnh để tập trung ngoại tệ vào ngân hàng qua tiền gửi và mua bán, xuất nhập khẩu. Đương nhiên, để thực hiện mục tiêu này, cần linh hoạt thay đổi lãi suất, điều chỉnh tỷ giá để khuyến khích thu hút ngoại tệ. Ngân hàng nhà nước đang chỉ đạo tỷ giá đô la hợp lý và ổn định trên cơ sở tính toán có căn cứ khoa học và sát với thực tế, đồng thời tính đến các yếu tố liên quan như cán cân thương mại, cán cân thanh toán, cung cầu ngoại tệ, chỉ số lạm phát trong nền kinh tế...

Hai là, cân đối ngoại tệ qua ngân hàng để chủ động điều tiết ; chuyển số ngoại tệ của tài chính ra đồng tiền Việt nam. Điều quan trọng là các đơn vị và tổ chức kinh tế nghiêm chỉnh thực hiện quy định mới của Chính phủ : không tự cân đối ngoại tệ trong xuất khẩu.

Ba là, củng cố từng bước hai trung tâm giao dịch ngoại tệ, chuyển dần sang thị trường hối đoái. Ngân hàng sẽ mua số ngoại tệ còn thừa chưa sử dụng, ổn định tỷ giá ở mức hợp lý nhằm ổn định xuất nhập khẩu và ổn định đồng tiền Việt nam. Khuyến khích các ngân hàng thương mại và doanh nghiệp sử dụng đồng tiền Việt nam, trên cơ sở đó nâng cao giá trị đồng tiền Việt nam.

Bốn là, ngân hàng tổ chức tốt việc thu hút ngoại tệ trôi nổi và bảo đảm có đủ tiền Việt nam để chuyển đổi số ngoại tệ vào nước ta. Mặt khác, nâng cao dần tỷ lệ sử dụng ngoại tệ hiện có vào đầu tư trung hạn và dài hạn. Năm 1993, ngân hàng phấn đấu tăng dự trữ ngoại tệ và vàng để chủ động phục vụ các nhu cầu của nền kinh tế nhằm ổn định tỷ giá phù hợp với giá thế giới. Mục tiêu phấn đấu là từng bước bảo đảm thị trường trong nước thông suốt với thị trường thế giới.

Năm là, đổi mới căn bản chế độ quản lý ngoại hối và chuyển dần sang thực hiện nguyên tắc : trên đất nước Việt nam, chỉ tiêu tiền Việt nam. Nghiên cứu sâu sắc thực tiễn Việt nam để có quy chế quản lý ngoại hối mới, nhằm từng bước làm cho đồng tiền Việt nam trở thành đồng tiền chuyển đổi. Ngân hàng cần bám sát cán cân thanh toán quốc tế để có biện pháp can thiệp vào thị trường nhằm duy trì tỷ giá hối đoái thích hợp với nền kinh tế.

Chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, chúng ta cần phấn đấu : "Tạo dự trữ ngoại tệ ngày càng lớn để có thực lực điều tiết thị trường ngoại hối, làm cho tỷ giá hối đoái phản ánh đúng hơn sức mua thực tế của đồng tiền Việt nam, tiến tới làm cho đồng tiền có khả năng chuyển đổi" [3]. Nhà nước dùng các biện pháp kinh tế là chủ yếu để tác động đến cung cầu trên thị trường, ổn định giá cả nhằm đưa nền kinh tế nước ta từng bước đi lên.

(3) *Tài liệu đã dẫn.* tr 24

Những giải pháp...

(Tiếp theo trang 10)

14 - Bảo đảm an toàn xã hội và lành mạnh hóa xã hội để người nghèo yên tâm sản xuất, kinh doanh

Do nhiều nguyên nhân, tỷ lệ người nghèo mắc vào tệ nạn xã hội khá cao. Điều này làm cho họ vốn đã nghèo đói lại càng nghèo đói thêm. Mặt khác, trong những năm gần đây, hiện tượng trộm cắp vặt tài sản, hoa màu, vật nuôi, xảy ra ngày một nhiều ở thành thị cũng như ở nông thôn. Bởi vậy, đi đôi với các biện pháp thuyết phục và giáo dục, cần có các biện pháp hành chính thích đáng để củng cố an toàn và an ninh xã hội, giúp người nghèo khỏi sa vào những tệ nạn và phạm tội, yên tâm mở mang sản xuất, kinh doanh.

15 - Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng trong xóa đói giảm nghèo

Những năm qua, các đoàn thể quần chúng như Hội phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh, Đoàn thanh niên... đã góp phần vào việc khởi xướng và cùng với chính quyền các cấp tích cực tham gia các hoạt động xóa đói giảm nghèo. Để giúp người nghèo phát triển sản xuất kinh doanh, các tổ chức này đã hướng hoạt động của mình vào : 1) Tập hợp người nghèo lại, liên kết và gắn bó họ với cộng đồng ; 2) Phối hợp với các đơn vị hỗ trợ kỹ thuật - chuyển giao công nghệ, các trung tâm đào tạo... giúp đỡ người nghèo tiến hành tốt việc sản xuất, kinh doanh ; 3) Tìm vốn, tìm kỹ thuật và công nghệ mới, đặc biệt là đứng ra bảo lãnh hoặc vay hộ vốn cho người nghèo mở mang sản xuất ; 4) Tổ chức việc thăm dò và tiếp thị, hướng dẫn người nghèo nắm bắt nhu cầu của thị trường để định hướng sản xuất kinh doanh cho phù hợp ; 5) Giáo dục trong người nghèo tinh thần hợp quần và hợp tác, lòng tự trọng, và khơi dậy ở họ niềm tin và hy vọng có thể tự vươn lên.

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư

TÀO HỮU PHÙNG*

ĐẦU tư xây dựng cơ bản có tầm quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của đất nước. Trong nhiều năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã coi trọng việc hoạch định các chính sách đầu tư và hoàn thiện cơ chế quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Kết quả đầu tư đã mang lại nhiều thành tựu đáng khích lệ. Hàng loạt công trình mới đã hoàn tất giai đoạn xây dựng, đi vào hoạt động, phục vụ cho yêu cầu của nền kinh tế, xã hội ở tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, xét về mặt hiệu quả, thì việc huy động, phân phối, sử dụng vốn đầu tư còn nhiều thiếu sót. Một trong những nguyên nhân cơ bản của tình trạng này thuộc về chính sách đầu tư và cơ chế quản lý vốn đầu tư. Có thể nêu ra những hạn chế của chính sách và cơ chế này trong thời gian qua như sau :

Trong những năm qua, vốn của ngân sách nhà nước vẫn phải đảm nhận hầu hết các công trình và các dự án lớn. Vốn của các thành phần kinh tế khác tuy đã được khơi dậy, nhưng còn ở quy mô nhỏ và chưa được khai thác triệt để. Đặc biệt là đối với các nguồn lực có liên quan đến sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản như : vốn tài nguyên đất, rừng, lòng đất, thềm lục địa, các nguồn lực lao động v.v. chưa được quản lý chặt chẽ và chưa có chính sách hữu hiệu, nên việc sử dụng còn lãng phí và kém hiệu quả.

Thực tế cho thấy, tuy một số nguồn vốn đã được khai thông, nhưng về quá trình giao lưu vốn vẫn còn tình trạng bị ách tắc. Thị trường vốn chưa hình thành, mọi nguồn vốn vẫn luân chuyển qua hệ thống ngân hàng nên hạn chế sự lựa chọn của người đầu tư. Các công cụ của thị trường chứng khoán chưa đủ điều kiện để phát huy tác dụng (chứng khoán chưa có khả năng mua đi bán lại ; chưa có luật về chứng khoán và giao dịch chứng khoán ; chưa có hệ thống các tổ chức kinh doanh, môi giới chứng khoán). Đặc biệt, trình độ cán bộ quản lý và kinh doanh của ngành ngân hàng còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của cơ chế mới. Bên cạnh đó, việc giao lưu các nguồn vốn của nhà nước (vốn ngân sách nhà nước) còn nặng về phương diện cấp phát theo địa chỉ, chưa có sự hòa nhập với các nguồn vốn khác để tạo ra một thị trường vốn cho nền kinh tế.

Về cơ chế quản lý vốn đầu tư, chưa thực hiện được thống nhất giữa các ngành, các địa phương, thiếu các biện pháp cụ thể để bảo đảm tính chặt chẽ trong quá trình sử dụng vốn. Nhà nước thực hiện vai trò quản lý và điều chỉnh đối với nguồn vốn của ngân sách nhà nước, nhưng chưa quản lý được các nguồn vốn của doanh nghiệp, vốn viện trợ, vốn nước ngoài và vốn tư nhân. Đây là nguyên nhân của tình trạng đầu tư sai định hướng của nhà nước, dẫn đến phần lớn vốn tư nhân đã được sử dụng cho các mục đích phi sản xuất (năm 1991, tư nhân đã bỏ ra trên 3 nghìn tỉ đồng đầu tư xây dựng nhà ở).

Ở nước ta, vốn đầu tư vẫn còn phân tán, dàn trải. Hằng năm, số công trình đầu tư của nhà nước vẫn lên tới trên 500 công trình trên hạn ngạch và hàng nghìn công trình dưới hạn ngạch, dẫn đến tình trạng "chia phần" vốn đầu tư và kéo dài thời gian đầu tư. Năm 1991, Bộ tài chính kiểm tra ở 8 bộ và thành phố Hà nội đã thấy : có tới 753 công trình đầu tư, nhưng vốn đầu tư chỉ có 4766 triệu đồng, vốn bố trí cho mỗi công trình chỉ bằng 12% nhu cầu theo luận chứng kinh tế kỹ thuật.

Vốn đầu tư phân tán sẽ dẫn tới hệ quả là khối lượng dở dang lớn, các công trình thi công cầm chừng, chờ đợi. Đây là một biểu hiện của sự lãng phí về mọi mặt. Cũng do thiếu vốn, nên hiện tượng thi công vượt khả năng nguồn vốn thanh toán là phổ biến. Từ đó, tạo ra tình trạng nợ nần dây dưa, gây trở ngại cho các tổ chức kinh tế (riêng ở công trình thủy điện Hòa bình, có lúc số nợ là 30 tỉ đồng).

Nhiều công trình không tuân thủ trình tự đầu tư xây dựng cơ bản, chưa được duyệt luận chứng

* Giáo sư, tiến sĩ kinh tế, Thứ trưởng Bộ tài chính

Digitized by Google

kinh tế kỹ thuật nhưng vẫn được ghi kế hoạch cấp phát vốn. Thậm chí, có công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng, nhưng luận chứng kinh tế kỹ thuật vẫn chưa có. Trong khi đó, công tác lập và duyệt thiết kế, dự toán còn sơ sài, không tuân thủ các tiêu chuẩn quy phạm, ít quan tâm đến các chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế, dẫn đến tình trạng lãng phí.

Việc nhà nước cho phép chủ đầu tư tự chọn đơn vị nhận thầu, đã có những diễn biến phức tạp. Một số chủ đầu tư đã lợi dụng tình hình để chọn thầu thiếu khách quan, không công khai rõ ràng, và thường có sự móc ngoặc trong việc giao nhận thầu. Dẫu rằng có quy chế đấu thầu, nhưng phần lớn các công trình không đủ điều kiện đấu thầu như quy định. Nhiều chủ đầu tư chỉ mượn danh đấu thầu để mua bán thầu. Mặt khác, do sự biến động của giá cả, nên dự toán công trình thường xuyên phải điều chỉnh theo giá cả thị trường. Từ đó, đã tạo ra sơ hở, nhất là việc điều chỉnh, bổ sung, lại giao cho hai bên nhận thầu (B) và giao thầu (A) thống nhất với nhau. Do công tác thẩm định còn yếu, nên thường xảy ra tình trạng thanh, quyết toán vượt đơn giá thực tế.

Đáng chú ý là bộ máy quản lý vốn đầu tư và quản lý xây dựng cơ bản còn nhiều yếu kém, chưa thực hiện được chức năng quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản. Hiện nay, ở nước ta có hàng ngàn ban quản lý công trình xây dựng cơ bản. Nhưng có nhiều ban lại do các nhà giáo, bác sĩ, nghệ sĩ... phụ trách, họ thiếu kiến thức và kinh nghiệm về quản lý xây dựng cơ bản, nên không tránh khỏi sai sót, sơ hở. Lực lượng quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản ở các bộ, ngành cũng hết sức yếu (mỗi nơi chỉ có 5-7 cán bộ). Với khối lượng vốn đầu tư mỗi năm hàng trăm tỉ đồng, những tổ chức này không đảm nhận được vai trò hướng dẫn, kiểm tra đầy đủ các khâu chuẩn bị đầu tư, xét duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật, thiết kế, dự toán, chất lượng công trình. Tình trạng phổ biến là phân cấp quá rộng cho các chủ đầu tư hoặc cho cấp dưới, nên nảy sinh tiêu cực, lãng phí vốn.

Việc cấp phát vốn ngân sách nhà nước cho các công trình xây dựng cơ bản nhìn chung còn nhiều hạn chế. Vốn đầu tư do ngân sách nhà nước cấp được chuyển cho ngân hàng đầu tư và xây dựng cấp phát cho chủ đầu tư để thanh toán sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành. Điều đó khó tránh khỏi tình trạng ngân hàng đầu tư và xây dựng dùng vốn này để cho vay lấy lãi. Kết quả là công trình đầu tư của nhà nước không được cấp vốn kịp thời, gây chậm trễ và khó khăn cho cả bên A, bên B và cho nhà nước. Trong khi đó, việc hạch toán của ngân hàng đầu tư và xây dựng cũng không thể rõ ràng, minh bạch (vì vừa phải làm chức năng kinh doanh, lại vừa phải thực hiện nhiệm vụ quản lý vốn đầu tư của nhà nước). Hơn nữa, việc cấp phát vốn qua nhiều khâu trung gian còn là một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng chậm trễ trong cấp phát thanh toán và tình trạng cấp phát không đúng đối tượng, cơ quan tài chính không nắm được kịp thời số vốn cấp phát của từng công trình

*

Để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản, theo tôi, cần tập trung vào mấy điểm sau :

1 - *Đổi mới chính sách vốn đầu tư*

Đẩy mạnh khả năng và tăng nhanh tốc độ tạo vốn trong toàn bộ nền kinh tế bằng cách tiếp tục thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, ổn định giá cả, kiểm soát lạm phát để các nhà đầu tư yên tâm bỏ vốn đầu tư. Hạn chế và tiến tới xóa bỏ tâm lý dự trữ vàng và ngoại tệ trong nhân dân. Sử dụng mạnh mẽ các công cụ tài chính đa dạng và phong phú để người đầu tư có khả năng và điều kiện lựa chọn đối tác đầu tư (như đầu tư vốn, góp vốn liên doanh, mua cổ phần, trái phiếu,v.v).

Chính sách tạo vốn cần hoạch định nhằm tranh thủ tối đa các nguồn vốn từ ngoài nước, kể cả các nguồn vốn viện trợ, vốn vay và vốn đầu tư trực tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài. Yêu cầu quan trọng trong giai đoạn tới là phải chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiếp nhận các nguồn vốn từ nước ngoài. Chẳng hạn như : giải quyết nợ nước ngoài đến hạn phải trả ; cải thiện môi trường đầu tư ; xây dựng quy hoạch và chuẩn bị các dự án đầu tư ; hoàn thiện cơ chế quản lý vốn bên ngoài và quản lý các doanh nghiệp có vốn nước ngoài. Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, đánh giá khả năng của từng loại vốn, từng loại đối tượng, tìm hiểu sâu về cơ chế tài chính quốc tế để trên cơ sở đó có chính sách huy động, khai thác có hiệu quả.

Ngoài chính sách huy động vốn, cần có chính sách phát triển quá trình giao lưu vốn và chiến lược phân phối sử dụng vốn một cách tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Trong

Digitized by Google

chiến lược vốn, việc thực hiện các chính sách phát triển quá trình giao lưu vốn có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong đó, phải chuẩn bị và hoàn thiện các điều kiện cần thiết để sớm hình thành thị trường chứng khoán để bổ sung cho các hình thức giao lưu hiện có (qua hệ thống ngân hàng, giao lưu trực tiếp). Trước mắt, cần đào tạo ngay đội ngũ cán bộ quản lý thị trường chứng khoán, đội ngũ các nhà kinh doanh chứng khoán ; xây dựng thể chế pháp lý cho việc phát hành, giao lưu chứng khoán ; bảo đảm các vấn đề cần thiết để chuyển đổi các loại chứng khoán từ ký danh sang vô danh (để có thể mua đi bán lại trên thị trường)v.v..

Trong việc sử dụng vốn, phải xác định rõ phạm vi của vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác. Từ đó, có chính sách đầu tư ưu tiên cho từng loại dự án, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế trong từng giai đoạn.

Về vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, nhà nước chỉ tập trung vốn để xây dựng các công trình kinh tế then chốt và cơ sở hạ tầng kinh tế. Đương nhiên, đối với nguồn vốn này, cũng cần nghiên cứu để xây dựng một cơ chế đầu tư hợp lý. Những công trình không có khả năng thu hồi vốn trực tiếp, thì ngân sách nhà nước sẽ cấp phát để đầu tư. Còn những công trình có khả năng thu hồi vốn (kể cả các công trình thuộc cơ sở hạ tầng, như sân bay, bến cảng, cầu v.v..), cần chuyển sang hình thức cấp phát có hoàn lại. Huy động sự đầu tư góp vốn của các nhà đầu tư trong nước và ngoài nước theo hình thức đấu thầu công khai (tư nhân bỏ vốn đầu tư, sau đó được phép thu phí một thời gian nhất định, hết thời hạn đó, nhà nước mới thu hồi công trình). Đối với các công trình sản xuất kinh doanh, cần chuyển mạnh sang hình thức huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế bằng nhiều cách, như liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần, phát hành trái phiếu công ty, v.v.. Nhà nước sẽ áp dụng cơ chế cho vay ưu đãi đối với tất cả các thành phần kinh tế để khuyến khích sự phát triển theo định hướng chiến lược đã vạch ra và áp dụng các hình thức kích thích như các chính sách về thuế, về trợ giá tiền thuê đất... Việc tài trợ này cũng chú ý tới các dự án về giải quyết việc làm và phát triển kinh tế gia đình.

Chính sách đầu tư cần tập trung, dứt điểm và đồng bộ, gắn với chính sách ưu tiên trong đầu tư. Chính sách này đòi hỏi phải xem xét kỹ lưỡng các dự án đầu tư để quyết định đầu tư, dự án nào chưa thực sự cần thiết và cấp bách, có thể đình hoãn để tập trung dứt điểm các dự án thực sự cần thiết và cấp bách. Tính đồng bộ của mỗi dự án đầu tư còn thể hiện ở việc xem xét kỹ về trang, thiết bị công nghệ, nguồn nguyên liệu, năng lượng, nguồn tiêu thụ sản phẩm và thị trường tiêu thụ. Yêu cầu trên đây không chỉ gắn với vốn đầu tư của nhà nước mà còn gắn với vốn đầu tư của cả nền kinh tế. Bằng các chính sách về thuế, về tín dụng ưu đãi và các hình thức kích thích khác, nhà nước thực hiện vai trò điều chỉnh thị trường đầu tư để đạt tới mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và thiết thực.

2 - *Đổi mới và hoàn thiện cơ chế quản lý vốn đầu tư*

Xuất phát từ thực trạng của cơ chế quản lý vốn hiện nay, việc đổi mới cơ chế quản lý vốn đầu tư cần hướng vào các nội dung lớn sau đây :

- Đổi mới cơ chế quản lý vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho phù hợp với yêu cầu quản lý và thông lệ quốc tế, nhằm đáp ứng chính sách mở cửa hiện nay. Đồng thời, quản lý chặt chẽ trình tự xây dựng cơ bản. Cụ thể là : thực hiện cơ chế đầu tư theo đúng trình tự, dự án được duyệt. Tất cả các công trình chỉ được tiến hành đầu tư khi đã có dự án khả thi, có quyết định cho phép đầu tư, có thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán được duyệt.

Trong quy chế đầu tư xây dựng cơ bản, cần khuyến khích các đề án tập trung cho đầu tư máy móc, thiết bị và áp dụng công nghệ mới. Đồng thời, dành kinh phí thích đáng cho việc đầu tư khoa học, chất xám đối với công tác xét duyệt và quyết định đầu tư.

- Chấn chỉnh công tác giao nhận thầu theo hướng mở rộng hình thức đấu thầu. Bắt buộc các công trình đầu tư phải có đủ điều kiện mới được đưa ra đấu thầu và sau khi đấu thầu mới được thi công. Nhà nước cần ban hành quy chế đấu thầu phù hợp với thông lệ quốc tế và phù hợp với tình hình Việt nam. Chỉ trường hợp đặc biệt mới áp dụng hình thức chỉ định thầu hoặc giới thiệu chọn thầu.

- Đổi mới cơ chế quản lý giá xây dựng cơ bản theo hướng : hoàn chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật làm căn cứ thống nhất xây dựng hệ thống giá xây dựng phù hợp với từng

(Xem tiếp trang 51)

Digitized by Google

Một số ý kiến về CHÍNH SÁCH BẢO TRỢ NÔNG SẢN

NGUYỄN ĐẮC HƯNG*

Có thể nói, trên thế giới hiện nay, không có nước nào không có chính sách bảo trợ nông sản chủ yếu. Tuy nhiên, hình thức bảo trợ nông sản ở mỗi nước có khác nhau. Có bảo trợ *trực tiếp* và bảo trợ *gián tiếp*.

Các hình thức **bảo trợ trực tiếp** gồm các chính sách của nhà nước về đầu tư, giá cả, thuế quan, trợ cấp vốn.

Ở Mỹ, chính phủ thường ứng trước 30% vốn sản xuất cho nhà nông ; trợ cấp vốn cho phần diện tích cây trồng bị thu hẹp theo yêu cầu của chính phủ. Ở Ma-lai-xi-a, chính phủ đầu tư vốn để phát triển giao thông nông thôn và xây dựng các công trình thủy lợi. Chính phủ Ấn độ thì bảo trợ vật tư đầu vào và bao tiêu gạo của nông dân với giá bảo đảm quyền lợi người sản xuất. Còn ở Nhật bản, chính phủ trợ cấp giá bằng 20% giá thành sản xuất gạo.

Các hình thức **bảo trợ gián tiếp** gồm các chính sách của nhà nước về điều tiết cung cầu, cung cấp tín dụng ưu đãi, cho vay thế chấp bằng nông sản, giúp nông dân tìm kiếm thị trường, thực hiện chính sách thuế linh hoạt và tăng cường đầu tư tiến bộ khoa học kỹ thuật cho nông nghiệp.

Ở Thái lan, nông dân được vay vốn thế chấp bằng lúa gạo. Ở In-đô-nê-xi-a, chính phủ cho vay vốn điều hòa lương thực với lãi suất 6% năm (trong khi vốn vay trên thị trường lãi suất tới 18 - 24% năm). Đồng thời, còn quy định "giá cứng" và "giá mềm" đối với gạo và bột mì để giữ vững giá trên thị trường. Lúc giáp hạt, giá lên cao thì nhà nước bán ra ; còn lúc bội thu, giá giảm xuống thì nhà nước lại mua vào dự trữ, điều hòa lưu thông. Ở Băng-la-dét, chính phủ thành lập hệ thống ngân hàng chuyên cho nông dân nghèo vay vốn để sản xuất lương thực, với cách giúp đỡ tới từng hộ nông dân. Chính phủ ở nhiều nước đã và đang kiểm soát chặt chẽ việc nhập nông sản, áp dụng mức thuế cao để bảo hộ sản xuất trong nước.

Như vậy, để thực hiện việc bảo trợ trực tiếp nông sản, cần có nguồn lực tài chính khá lớn. Với hình thức bảo trợ trực tiếp, sản xuất nông nghiệp có thể vận động không theo những quy luật vốn có của kinh tế thị trường. Còn đối với hình thức bảo trợ gián tiếp thì chính phủ ít dùng đến nguồn tài chính quốc gia, mà chủ yếu dùng các chính sách kinh tế vĩ mô để can thiệp vào thị trường nông sản. Hiện nay, phần lớn các nước thực hiện cả hai hình thức bảo trợ trực tiếp và gián tiếp. Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể, nước nào đó có thể chú trọng hình thức này hay hình thức kia. Nông sản được các nước bảo trợ, chủ yếu là lương thực, một mặt hàng thiết yếu có liên quan đến sự an toàn của quốc gia.

Ở nước ta, mấy năm gần đây nhà nước đã thực hiện một số biện pháp kinh tế vĩ mô để bảo trợ cho thị trường nông sản. Nhưng mới thực hiện đối với thị trường lương thực. Ví dụ như : điều hành việc sử dụng linh hoạt quỹ lương thực dự trữ quốc gia, thực hiện mua vào khi *cung* tăng và xuất ra bán khi *cầu* tăng ; cấp vốn dự trữ lưu thông cho các đơn vị kinh doanh lương thực để bảo đảm ổn định thị trường lương thực ; mở rộng việc xuất khẩu gạo ; đầu tư xây dựng một số công trình thủy lợi ở các vùng sản xuất lương thực tập trung. Các chính sách trên tới nay chưa thực sự có hiệu quả, và trong quá trình thực hiện, đã bộc lộ *một số nhược điểm* sau đây :

Về *xuất khẩu gạo*. Có quá nhiều đơn vị, đầu mối tham gia xuất khẩu gạo. Riêng năm 1992 có tới 140 doanh nghiệp đứng ra giao dịch ký hợp đồng với nước ngoài, dẫn đến tình trạng lúc thì tranh mua đẩy giá lên cao, khi thì tranh bán đẩy giá xuống thấp hơn mức giá quy định của nhà nước. Việc bán hàng với giá thấp hơn giá quy định thường diễn ra dưới hình thức "ẩn giá" (tức là bằng cách hàng đổi hàng) hoặc ký hợp đồng bán theo giá quy định nhưng rồi sau đó lại "thối" lại tiền cho khách hàng bằng nhiều cách (ở ta có công ty xuất khẩu qua 12 lần bán gạo (từ tháng 2-1990 đến tháng 11-1991) đã chi hoa hồng cho khách tổng cộng 515 800 đô la Mỹ ; có 12 công ty với 18 hợp đồng đã bán cho cùng một

* Phó tiến sĩ kinh tế, Công ty lương thực Hà tây

Digitized by Google

thương nhân người nước ngoài 155400 tấn gạo với số tiền chênh lệch, thấp hơn giá quy định tới 1297000 đôla Mỹ [1]). Đây chính là một trong những nguyên nhân khiến cho gạo Việt nam thường phải bán với giá thấp hơn tới 10% so với gạo cùng loại của Thái lan (ví dụ : 1 tấn gạo loại 5% tấm của Thái lan bán được 290 USD thì của Việt nam chỉ bán được 255 USD ; loại 10% tấm của Thái lan bán được 286 USD thì của Việt nam chỉ bán được 245 USD). Do mua gom qua nhiều khâu trung gian, phí quá lớn, lại bán với giá thấp hơn giá quy định, nên đương nhiên không bù đắp nổi chi phí bỏ ra.

Về *sử dụng quỹ lương thực dự trữ quốc gia*. Vào thời điểm thu hoạch, chính phủ thường cấp vốn cho ngành dự trữ mua thóc của nông dân. Nhưng trong nhiều trường hợp, do ngân hàng không đáp ứng được yêu cầu về tiền mặt nên các chi cục dự trữ đã không mua được đủ số lượng cần thiết theo kế hoạch, hoặc mua không đúng lúc nông dân cần bán. Chẳng những thế, việc mua bán của các chi cục dự trữ thường thông qua khâu trung gian là các công ty lương thực, nên người nông dân thường chịu nhiều thua thiệt do phải bán thóc với giá thấp. Năm 1992, công ty lương thực tỉnh Hòa bình (là tỉnh miền núi, không có thóc hàng hóa) đã có thể ký hợp đồng bán theo giá quy định gần 10 000 tấn thóc cho các chi cục dự trữ ở các tỉnh đồng bằng Bắc bộ bằng cách mua lại thóc không phải của ai khác, mà của chính các công ty kinh doanh lương thực ở các tỉnh trên ! Khi cần xuất thóc dự trữ quốc gia ra bán theo giá quy định của nhà nước để bình ổn thị trường, các chi cục cũng chỉ bán qua các công ty lương thực. Lợi dụng tình hình này, không ít các công ty lương thực đã mang ngay số thóc này bán thẳng cho tư nhân theo giá trị trường, thu luôn một khoản chênh lệch giá không nhỏ ngay tại cửa kho. Chúng ta còn nhớ, đầu quý 1-1993, chi cục dự trữ Hà tây đã xuất hơn 8000 tấn thóc cũ ra bán cho công ty lương thực các tỉnh Sơn la, Hòa bình... Trong số này, có tới 50 - 70% số thóc được bán trao tay cho tư nhân, thu chênh lệch giá mỗi kilôgam từ 60 - 100 đồng, như vậy các công ty này đã có thể thu hàng trăm triệu đồng mà không phải vất vả kinh doanh.

Về *sử dụng vốn dự trữ lưu thông*. Thực tế mấy năm gần đây cho thấy, do nhu cầu về chất lượng gạo tăng, nên mỗi khi giá gạo tăng, thì chủ yếu là giá gạo ngon, gạo quê tăng. Thế nhưng, các công ty lương thực lại chỉ sử dụng vốn dự trữ lưu thông để mua phần lớn là các loại thóc gạo có chất lượng trung bình hoặc kém (thóc bị đạo ôn, thóc cũ, gạo miền Nam để đã lâu, gạo cũ...) nên ít có tác dụng bình ổn thị trường. Thực tế này diễn ra ngay cả ở Hà nội.

Qua đó có thể thấy, các chính sách của nhà nước sở dĩ không có hiệu quả là do cách làm ăn tùy tiện, chạy theo lợi ích cục bộ của một số doanh nghiệp và cơ quan chức năng. Không ít trường hợp, họ còn làm cho tình hình diễn biến phức tạp thêm. Họ từng thi nhau vay mượn thóc dự trữ quốc gia (như hồi cuối năm 1989 đầu năm 1990 khi có chủ trương xuất đổi hạt) hoặc đổ xô nhau đi mua thóc trả nợ kho dự trữ (như hồi nửa cuối năm 1990). Kết quả là trong hai năm 1989 và 1990 ở miền Bắc đã có tới sáu cơn sốt gạo.

Để thực hiện có hiệu quả chính sách bảo trợ nông sản và khắc phục những hạn chế như đã nói ở trên, theo tôi, cần quán triệt :

1 - Một số quan điểm chủ yếu :

- Nước ta có một nền nông nghiệp tổng hợp, đa dạng, nhưng chưa hình thành các vùng chuyên canh, chuyên môn hóa ở mức cao. Giữa các vùng, các khu vực, các hộ nông dân còn có sự chênh lệch khá lớn về trình độ sản xuất. Sản xuất còn mang nặng tính tự cung, tự cấp. Các nông sản chưa có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường thế giới. Vì vậy, chính sách bảo trợ nông sản cần thúc đẩy nhanh sản xuất nông sản hàng hóa, bảo đảm nông sản có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

- Hiện nay sản xuất nông nghiệp ở nước ta còn chiếm tỷ trọng lớn trong thu nhập quốc dân, nhân khẩu ở nông thôn còn chiếm tới 78% số dân cả nước, và lao động nông nghiệp còn chiếm tới 70% lực lượng lao động xã hội. Vì vậy, việc bảo trợ nông sản không thể dựa trực tiếp vào nguồn tài chính quốc gia. Không thể bảo trợ nông sản có hiệu quả, công bằng và hợp lý nếu dùng cách trực tiếp. Chính sách bảo trợ nông sản có hiệu quả là chính sách thúc đẩy sự phân công lao động nông nghiệp, tăng tỷ suất nông sản hàng hóa, huy động thu nhập từ sản xuất nông nghiệp để tăng tích lũy cho nội bộ nền kinh tế, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa.

- Có quá nhiều đơn vị kinh doanh và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhiều khâu trung gian, chức năng chồng chéo, đội ngũ cán bộ yếu, nhiều tiêu cực. Pháp luật còn thiếu, chưa đồng bộ, nên

---

(1) Xem Lê Văn Triết : "Gạo là một trong những mặt hàng xuất khẩu lớn nhất hiện nay", báo *Lao động*, ngày 18-2-1993

Digitized by Google

chưa thể thực hiện bảo trợ trực tiếp đến tận tay người nông dân, đúng chính sách và có hiệu quả.

2 - Một số biện pháp cụ thể :

a) Về *điều khiển cung, cầu* :

- Xuất khẩu lương thực : Chính phủ tổ chức lại các đơn vị tham gia xuất khẩu gạo theo hướng thu gọn đầu mối ; linh hoạt trong việc cấp cô ta xuất khẩu ; căn cứ vào tình hình cung cầu và giá cả trên thị trường mà có dự báo ngắn hạn. Việc quy định giá xuất khẩu cần theo sát giá cả diễn biến trên thị trường quốc tế, tức là cần thường xuyên thay đổi giá, có thể theo từng tháng hoặc ngắn hơn. Thắt chặt việc kiểm toán trong hạch toán của các đơn vị xuất khẩu lương thực (có thể mời cả kiểm toán quốc tế trong trường hợp cần thiết).

- Vận hành quỹ dự trữ lương thực quốc gia : Khi thực hiện mua vào nhằm tăng cầu, giảm cung, các cụm kho dự trữ cần mua trực tiếp của nông dân theo giá bảo đảm lợi ích người sản xuất (như chính phủ quy định). Trong trường hợp kế hoạch mua quá thấp so với khả năng cung ứng của dân, thì nên căn cứ vào sổ hộ thuế hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất để mua, và mua thì mua trực tiếp của người sản xuất, không qua khâu trung gian. Khi xuất quỹ ra bán để bình ổn thị trường cũng vậy, cần bán trực tiếp cho dân. Dứt khoát không mua và bán qua khâu trung gian là các công ty lương thực (các đơn vị này cùng lắm là làm đại lý, ứng thóc cho các chi cục dự trữ để hưởng hoa hồng mà thôi). Linh hoạt xuất thóc đổi hạt. Thóc để trong kho dự trữ qua hai vụ đều giảm chất lượng. Vì vậy, sau hai vụ, nhất thiết phải xuất thóc đổi hạt nhằm bảo đảm chất lượng thóc trong kho, và khắc phục được tình trạng thóc điều tiết cung cầu bị đóng cứng trong kho (khi cần mua thì kho dự trữ vẫn đầy ắp thóc xấu, không cân đối được vốn để mua tiếp).

- Sử dụng có hiệu quả vốn dự trữ lưu thông : Tăng cường sự kiểm tra của ngành chức năng và kiểm toán đối với vốn dự trữ lưu thông của các công ty lương thực. Bảo đảm nguồn vốn này luôn ở dạng hiện vật là các loại thóc gạo có chất lượng tốt, khi cần thiết có thể đưa ngay ra lưu thông.

b) Về *bảo trợ qua thuế nông nghiệp* (nay là thuế sử dụng ruộng đất) : Trong trường hợp giá nông sản trên thị trường giảm quá nhiều, nông dân bị thua lỗ lớn cần có sự trợ cấp trực tiếp của nhà nước, thì nhà nước nên trợ cấp thông qua việc miễn giảm thuế nông nghiệp, như vậy sẽ không phải trực tiếp lấy tiền từ ngân sách ra. Nhà nước có thể thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng những ai được miễn giảm thuế nông nghiệp. Và ngành chức năng chỉ cần căn cứ vào đó khấu trừ một phần tương ứng trong sổ hộ thuế của những người được hưởng. Như vậy, vừa nhanh, vừa bảo đảm công bằng, và người nông dân được hưởng trợ cấp theo đúng chính sách của nhà nước.

c) Về *tín dụng* : Nhà nước cần dành một khoản vốn tín dụng từ ngân sách (ngoài vốn tín dụng ngân hàng) cho nông dân vay với lãi suất ưu đãi nhằm khuyến khích họ đẩy mạnh sản xuất (nhất là đối với một số nông sản thiết yếu mà ở một số vùng điều kiện sản xuất còn khó khăn...).

d) Về *định hướng sản xuất theo yêu cầu thị trường* : Chính quyền các cấp cần thực sự tôn trọng sự lựa chọn chính đáng của người nông dân về các loại cây trồng và vật nuôi ; chỉ nên giúp họ tìm kiếm thị trường, khai thông những bế tắc về lưu thông nông sản, biết được thị trường đang cần loại nông sản nào. Không nên áp đặt cho họ cây này, giống nọ (như một số địa phương đã làm). Mặt khác, cần giúp họ không ngừng nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm. Trường hợp cần thiết, các doanh nghiệp có thể ký hợp đồng nguyên tắc hoặc ứng trước vốn cho nông dân sản xuất loại nông phẩm mà họ cần mua.

e) Về *đẩy mạnh chương trình khuyến nông* : Đến nay, nhiều tỉnh đã thực hiện nhiều biện pháp khuyến nông. Nhưng hiệu quả chưa cao và cũng chưa hình thành hệ thống có tính chất quốc gia. Cần nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông theo hướng : ký kết và thực hiện các hợp đồng đầu tư tiến bộ khoa học kỹ thuật giữa cơ sở nghiên cứu và đơn vị sản xuất.

Hiện nay và nhiều năm nữa, nông sản vẫn là nguồn thu nhập chủ yếu của nông dân và chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất khẩu. Đối với thị trường nông sản, chắc chắn sẽ còn nhiều vấn đề đặt ra. Vì vậy, hoàn thiện chính sách bảo trợ nông sản theo hướng chú trọng các biện pháp bảo trợ gián tiếp và sử dụng biện pháp bảo trợ trực tiếp khi cần thiết, là một vấn đề hết sức quan trọng trong quá trình phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta.

Digitized by Google

ĐỂ TĂNG NHANH SẢN LƯỢNG LƯƠNG THỰC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TRẦN QUỐC KHẢI *

CÔNG cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo "lấy nông thôn làm một địa bàn trọng điểm, và lấy nông nghiệp làm khâu đột phá", đã giải phóng năng lực sản xuất, làm tăng nhanh sản lượng lương thực đồng bằng sông Cửu long.

Với 2 triệu héc ta canh tác, năm 1992 vùng châu thổ này đã thu trên 10 triệu tấn thóc (trong đó có 4 triệu tấn thóc hàng hóa), chiếm gần một nửa sản lượng thóc cả nước. Nhịp độ tăng sản lượng mấy năm vừa qua của vùng này đạt từ 12 - 15%/năm, được xếp vào hàng cao nhất thế giới. Chính nhịp độ tăng trưởng này đã góp phần quyết định vào việc chặn đứng nạn đói giáp hạt và mau chóng đưa nước ta đứng vào hàng các nước xuất khẩu nhiều lúa gạo nhất (năm 1992, Việt nam xuất khẩu gạo chỉ kém Mỹ có 200 000 tấn).

Khi đánh giá nguyên nhân của thắng lợi này, nhiều ý kiến khẳng định vai trò to lớn của các chính sách đúng đắn trong nông nghiệp mà nổi bật nhất là việc trao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân theo tinh thần Nghị quyết 10 của Bộ chính trị. Nếu "khoán 100" vào đầu những năm 80 trong điều kiện bao cấp vẫn còn làm nản lòng người sản xuất, thì "khoán 10" sau đó đã cởi bỏ những ràng buộc ấy, và người nông dân bước đầu được làm chủ trên đồng ruộng. Họ đã tích cực thâm canh tăng vụ trên đồng đất cũ, và chỉ 3 năm qua đã khai hoang thêm được 180 000 ha ở Đồng tháp mười và tứ giác Long xuyên, góp 30 vạn tấn thóc vào sản lượng chung của toàn vùng.

Câu hỏi đặt ra cho người quản lý và nhà khoa học trước nhịp độ tăng trưởng cao về sản lượng lương thực ở vùng châu thổ này trong thời gian qua là : ngoài việc bước đầu giao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân, còn có yếu tố quan trọng nào khác nữa không ?

Như ta đã biết, để sản xuất ra lúa gạo, ngoài ruộng đất, còn có nhiều yếu tố quan trọng khác, trong đó có công cụ lao động...

Xem xét kỹ những biến đổi ở đồng bằng sông Cửu long mấy năm qua, ta thấy mức trang bị công cụ lao động, đặc biệt là máy kéo cho khâu làm đất, tăng vọt. Trước năm 1975, toàn vùng châu thổ này mới có khoảng gần 3000 máy kéo lớn các loại. Sau giải phóng cho đến năm 1986, toàn vùng cũng mới chỉ có khoảng 5000 máy kéo lớn ; mức cơ giới hóa khâu làm đất, năm cao nhất cũng chỉ đạt khoảng 25% diện tích canh tác, tức khoảng 400 000 ha.

Thế nhưng, chỉ trong ba, bốn năm trở lại đây, số máy kéo lớn ở vùng châu thổ này đã tăng lên nhanh chóng. Đến nay, toàn vùng đã có khoảng 15 000 máy kéo, tăng gấp ba lần năm 1986, gấp 5 lần trước giải phóng ; mức làm đất bằng máy bình quân toàn vùng đạt gần 60%, có nơi tới 90 - 100%. Nếu trước đây trong cơ chế bao cấp, máy kéo chỉ có thể là của nhà nước và quản lý tập trung ở các trạm máy kéo, thì ngày nay không phải như vậy. Ở Long an, có gia đình nông dân mua tới 7 chiếc máy kéo lớn chuyên đi cày mướn ở trong xã, tài sản hàng trăm triệu đồng.

Nhờ trao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân, hệ số sử dụng ruộng đất ngày càng tăng, diện tích khai hoang không ngừng mở rộng. Chỉ mấy năm qua, riêng vùng Đồng tháp mười và tứ giác Long xuyên đã khai hoang được 180 000ha và chuyển 400 000 ha từ 1 vụ lên 2 vụ. Không có thêm nhiều máy kéo thì hiển nhiên là không thể làm được như vậy.

Người ta đã tính : nếu làm 1 vụ lúa mùa, thời gian làm đất có thể kéo dài 6 tháng. Nếu làm thêm 1 vụ

* Kỹ sư, Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm

Digitized by Google

nữa, thời gian làm đất sẽ chỉ còn 3 tháng. Chưa kể trong sản xuất nông nghiệp, tùy theo cơ cấu cây trồng, tùy theo điều kiện sinh thái từng vùng, từng mùa vụ, điều kiện thủy lợi và thổ nhưỡng, lịch trình làm đất còn rất khác nhau, và thường là gấp gáp hơn nhiều. Một ngày một người cuốc ruộng khỏe chỉ cuốc được 300m^2, một con trâu khỏe chỉ cày được 1000 m^2 đất với độ sâu 8 - 12cm. Nhưng chỉ cần một giờ, một chiếc máy kéo loại 50 mã lực đã có thể cày 5000 m^2 đất với độ sâu 15 - 30cm. Điều đó cho thấy rõ : để có thể tăng vụ, khai hoang mở rộng diện tích và thâm canh, dứt khoát phải có sự đóng góp của công cụ lao động tiên tiến là các máy kéo. Chính vì lẽ đó, chỉ trong mấy năm qua, các tỉnh phía nam đã nhận hàng nghìn máy kéo lớn từ các tỉnh phía Bắc chuyển vào, đã nhập hàng nghìn máy kéo đủ loại dưới nhiều hình thức. Nhờ vậy, chỉ trong 3 - 4 năm (trước đây phải mất hàng chục năm), đồng bằng sông Cửu long đã đưa sản lượng lương thực bình quân năm từ 6 - 7 triệu tấn lên hơn 10 triệu tấn.

Hiện nay, tiềm năng của đồng bằng sông Cửu long về sản xuất lương thực vẫn còn rất lớn. Vậy vùng châu thổ này có thể đạt tổng sản lượng lương thực 15 triệu tấn/năm trong vòng 2 - 3 năm tới mà không cần phải chờ đến sau năm 2000 không ? Một số ý kiến cho rằng, năng suất lúa ở đồng bằng sông Cửu long hiện nay đã gần "đụng trần", bởi vì khả năng tăng năng suất còn rất ít và diện tích khai hoang hữu hiệu cũng không còn nhiều.

Trong khuôn khổ bài này, tôi chỉ xin đề cập đến một yếu tố mà theo tôi, có thể mau chóng khai thác hữu hiệu tiềm năng sản xuất lương thực ở vùng châu thổ này. Đó là *dùng công cụ lao động tiên tiến để tăng vụ trên vùng đất lúa mùa một vụ.*

Hiện nay, diện tích lúa mùa ở đồng bằng sông Cửu long còn khoảng gần một triệu ha, nếu trừ đi phần diện tích lúa hè thu xạ, thì phần diện tích còn lại, khoảng 850 000 hắ, là lúa mùa một vụ. Phần đất này, sau khi thu hoạch lúa mùa, thường để không 6 tháng liền. Năm 1976 - 1977, chúng tôi đã làm thử việc tăng vụ trên phần đất này ở Kiên giang, Hậu giang, Minh hải. Cụ thể là chúng tôi đã cho máy kéo cày đất ngay sau khi thu hoạch lúa mùa, rồi xạ ngô, hoặc trồng khoai lang. Biện pháp này có *hai* cái lợi : *một là*, lưỡi cày cắt đứt các mao quản, nên đất vẫn giữ được độ ẩm mà không bị bốc hơi mau chóng ; *hai là*, cắt được mao quản thì phèn từ dưới không bốc lên được. Cũng vì vậy, đây là biện pháp hữu hiệu để ém phèn, mở vụ trên diện tích lúa mùa ở đồng bằng sông Cửu long. Kết quả cho thấy, năng suất ngô tẻ đạt từ 3,5 đến 5 tấn hạt trên 1 ha, và khoai lang đạt từ 15 đến 22 tấn củ trên 1 ha. Như vậy, nếu lấy năng suất bình quân là 10 tấn 1 ha thì chỉ cần tăng vụ trên diện tích 500 000 ha lúa mùa, ta sẽ có một sản lượng lương thực là 5 triệu tấn trong 3 tháng. Cộng với sản lượng lương thực hiện có, đồng bằng sông Cửu long có thể đạt 15 triệu tấn lương thực một năm. Do tăng vụ trên diện tích lớn, ngoài 5 triệu tấn lương thực có thêm nói trên, ta còn có thể giải quyết thêm khoảng 10 triệu việc làm cho người lao động, góp phần rất lớn vào việc xóa bỏ nông nhàn, chặn đứng nạn di dân nông thôn vào thành thị, tăng thu nhập cho nông dân, ổn định tình hình xã hội nông thôn.

Vấn đề đặt ra hiện nay là cần có thêm khoảng 5000 máy kéo nữa. Nông dân có thể mua bằng cách trả góp. Như vậy, nhà nước chỉ cần bỏ ra tổng cộng khoảng 55 triệu đô la (25 triệu đô la tiền máy kéo và khoảng 30 triệu đô la các thiết bị khác cần cho thu hoạch và chế biến sản phẩm) là chúng ta có khả năng đạt được điều vừa nói. Và chỉ cần một vụ, với sản lượng chỉ bằng một nửa sản lượng nêu trên (tức 2,5 triệu tấn), với giá 25 đô la 1 tấn, là ta đã có 62,5 triệu đô la, nghĩa là thừa tiền để hoàn trả số vốn bỏ ra (55 triệu đô la).

Hiển nhiên là không chỉ có một biện pháp để tăng nhanh tổng sản lượng lương thực của đồng bằng sông Cửu long. Nhưng từ thực tiễn mấy năm qua ở nước ta và kinh nghiệm phát triển nông nghiệp trên thế giới cho thấy, việc trang bị công cụ lao động tiên tiến trong sản xuất là một trong những giải pháp hữu hiệu làm tăng mau số lượng và chất lượng sản phẩm cho xã hội.

Cùng với các biện pháp khác (như đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách, ứng dụng công nghệ sinh học), biện pháp trang bị mạnh mẽ máy móc nông nghiệp hiện đại sẽ hậu thuẫn rất lớn cho việc mở vụ, tăng nhanh sản lượng lương thực ở đồng bằng sông Cửu long nước ta.

Digitized by Google

Châu giang với năm chữ "hóa"

NGUYỄN ĐÌNH PHÁCH *

CHÂU GIANG là một trong những huyện lớn của tỉnh Hải hưng, với nhiều thế mạnh : là vùng trồng các loại cây công nghiệp ngắn ngày, cây hương liệu, dược liệu quý với sản lượng lớn ; có nhiều ngành nghề và người dân có tay nghề khéo léo ; giao thông thuận tiện...

Song, suốt nhiều năm, những thế mạnh đó chưa khai thác được bao nhiêu. Chúng tôi hiểu rằng, để làm được điều ấy phải có khả năng hoạch định đúng chương trình phát triển tổng thể về tất cả các mặt kinh tế - xã hội của huyện ; đồng thời cần có những bước đi và biện pháp phù hợp. Nhưng chúng tôi chưa làm được đầy đủ như vậy. Đây chính là điều đã làm xói mòn nguồn tài lực, làm cho nền kinh tế của huyện phát triển chậm và làm giảm sút lòng tin tưởng của 26 vạn dân.

Để gìn giữ và phát huy những thế mạnh của mình, chúng tôi nghĩ, rất cần có sự suy nghĩ mới và cách làm mới.

Nhìn lại năm 1992, chúng tôi thấy có thể tạm yên tâm với lối nghĩ và cách làm của mình.

1 - "Chương trình hóa" các thế mạnh

Trên cơ sở các số liệu điều tra và dự báo, Châu giang đã hoạch định và từ năm 1992 đã triển khai thực hiện đồng bộ bốn chương trình phát triển kinh tế - xã hội : về lương thực - thực phẩm ; về sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng hóa xuất khẩu ; về xây dựng kết cấu hạ tầng ; và về dân số và việc làm.

Chúng tôi thấm thía rằng, không thể tạo ra sức mạnh tổng hợp khi các chương trình đó bị chia cắt hoặc tách rời nhau. Không thể yên dân nếu việc thực hiện chương trình lương thực - thực phẩm kém hiệu quả, dân chưa đủ no. Và 26 vạn dân cũng không thể giàu có nếu thiếu hẳn chương trình sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng hóa xuất khẩu. Hiện nay, người dân không thể chỉ quẩn quanh mãi trong lũy tre làng, đóng cửa tự bằng lòng với tự cấp tự túc. Vả lại, khi cơ chế thị trường đã bắt đầu "gỡ cửa" mỗi nhà ở đây thì làm sao ngăn được người nông dân biến những nông sản, đặc sản của mình thành hàng hóa ? Nếu xem chương trình lương thực - thực phẩm là cái gốc để tạo một chỗ đứng vững chãi, thì chương trình sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng hóa xuất khẩu là những cánh tay để vươn xa, với rộng, tạo nên sức bật cho đôi chân. Mặt nọ làm chỗ dựa cho mặt kia, và ngược lại.

Nhưng bài toán để dân no, dân giàu sẽ trở thành vô nghiệm nếu thiếu sự có mặt của chương trình dân số và việc làm. Vì dân số gắn chặt với sự phát triển. Muốn phát triển phải coi trọng vấn đề dân số và việc làm, nếu không tiềm năng về lao động có thể lập tức trở thành tai họa đối với phát triển. Đối với Châu giang, một trong 12 huyện thị có số dân đông nhất tỉnh Hải hưng, vấn đề này càng cấp bách. Làm sao lo cho 26 vạn người đủ ăn, cho 115000 lao động đủ việc làm, trong khi cái "xiềng một sào" (360m^2) vẫn lơ lửng đe dọa mỗi người dân ? Có thể nói, đây là vấn đề sinh tử đối với sự phát huy các ưu thế của chúng tôi.

Vốn là một huyện nông nghiệp, số dân đông, thâm canh đa dạng và phong phú, địa bàn bị hệ thống đê điều và sông ngòi phức tạp chia cắt thành ba vùng sản xuất, nên thật khó nói tới sự thông thương, phát triển, nếu không quan tâm xác lập một chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng (gồm đường sá, trường học, bệnh viện, hệ thống thủy lợi...) vừa để phát triển sản xuất, vừa để bảo tồn và phát triển nhân tố con người. Ở một vùng đất thường xuyên bị bão lụt, ít nhất sáu tháng trong năm là cảnh bùn lầy nước đọng, chương trình xây dựng kết cấu hạ tầng chính là cái nền để cho đôi chân đứng vững, đôi tay vươn dài, tầm mắt mở rộng, đặng ăn nên làm ra.

Có thể nói, bốn chương trình nêu trên là toàn bộ công việc của huyện chúng tôi trong nhiều năm tới.

---

* Bí thư Huyện ủy Châu giang, Hải hưng.

Digitized by Google

Với bốn chương trình đó, sức mạnh của Châu giang sẽ tập trung hơn, có hiệu quả hơn. Chúng tôi có cơ sở để tin các chương trình đó sẽ được thực hiện. Hầu hết các vấn đề trong các chương trình ấy đều được khảo sát kỹ lưỡng và có phương án xử lý thích hợp. Chúng tôi tâm niệm rằng không thể đem sinh mệnh của 26 vạn dân ra làm cuộc thử nghiệm. Và điều quan trọng là phải tin vào sức mình, vào sức dân và vào kinh nghiệm, bài học cả thành công lẫn thất bại đã có : không có gì sai mà không thể sửa chữa được bằng các biện pháp được xây dựng, vạch ra trên chính đồng đất Châu giang.

2 - "Khả thi hóa" các giải pháp

Có hướng đi đúng là cần nhưng chưa đủ. Nếu không có bước đi phù hợp và cách làm thiết thực thì mọi chương trình dù tốt đẹp đến đâu cũng chỉ dừng lại ở trên giấy mà thôi.

Đối với chương trình lương thực - thực phẩm, chúng tôi thực hiện năm giải pháp : quản lý và sử dụng tốt diện tích đất canh tác ; thực hiện cấp I hóa giống cây trồng và con vật nuôi ; chủ động tưới tiêu cả ba vụ sản xuất trên ba vùng trong năm ; bảo đảm an toàn dịch bệnh cho các loại cây trồng và vật nuôi ; tiếp tục đổi mới công tác tổ chức quản lý hợp tác xã. Ở mỗi giải pháp trên, lại phải xác lập những bước đi cụ thể, có tính khả thi cao. Ví dụ, về đổi mới hợp tác xã, cần hướng hợp tác xã vào chỗ thực hiện kinh doanh - dịch vụ tổng hợp, phục vụ sản xuất kinh doanh của các hộ xã viên thông qua hợp đồng kinh tế hai chiều. Cụ thể là các ban quản lý hợp tác xã cần thực hiện tốt bốn nhiệm vụ : xây dựng quy hoạch, kế hoạch sản xuất, bố trí cơ cấu cây trồng - vật nuôi hợp lý trên địa bàn xã ; hướng dẫn xã viên sử dụng ruộng đất, ký kết hợp đồng kinh tế, cụ thể hóa kế hoạch sản xuất kinh doanh tới từng hộ gia đình ; truyền bá kiến thức khoa học kỹ thuật, điều hành tốt các khâu dịch vụ ; thực hiện việc bảo toàn vốn do hợp tác xã giao.

Đối với *chương trình sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng xuất khẩu*, phải làm tốt công tác dự báo về thị trường ; xây dựng một số mặt hàng chủ lực ; gắn chặt sản xuất với thị trường ; có chế độ cụ thể để khuyến khích sản xuất và lưu thông. Ví dụ, về dự báo thị trường, do sự biến đổi của thị trường thế giới và khu vực, chúng tôi nghĩ các mặt hàng thủ công mỹ nghệ của Châu giang có thể trở lại với các thị trường truyền thống và có thêm thị trường mới ; các hình thức như xuất khẩu gián tiếp, xuất khẩu tiểu ngạch qua biên giới, cũng có thể giúp Châu giang giải quyết ách tắc lưu thông hàng hóa, mở rộng sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng xuất khẩu v.v..

Nhờ vậy, kết thúc năm 1992, tổng sản lượng lương thực (quy thóc) của Châu giang đạt 80 446 tấn - cao nhất từ trước tới nay. Đây là năm Châu giang giành thắng lợi toàn diện ở cả ba vụ, trên cả ba vùng, với ba chỉ tiêu : diện tích, năng suất và sản lượng. Về sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng xuất khẩu, cũng đạt khá : 4764 tấn đay (quy bẹ), 975 tấn lạc củ khô, 1063 tấn đậu tương. Tổng đàn lợn đạt 59 615 con, tăng 15,7% so với năm 1991. Lương thực bình quân đầu người năm tăng 59 kg so với năm 1986...

Có thể nói, các chương trình nêu trên, về cơ bản, phù hợp với tình hình thực tế của Châu giang, vì vậy đi được vào cuộc sống và đạt hiệu quả khá, làm cho tình hình kinh tế - xã hội và bộ mặt nông thôn biến đổi, đời sống nhân dân được cải thiện một bước.

3 - "Chủ động hóa" từ cơ sở

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chúng tôi đã rút ra được một bài học thật giản dị : cần phát huy mạnh mẽ tính chủ động, sáng tạo từ cơ sở.

Sự chuyển động của huyện phải được hình thành và bắt đầu từ sự chuyển động của cơ sở dưới sự "bắt nhịp" chung của huyện. Bốn chương trình của huyện là định hướng chung để các cơ sở triển khai hoạt động trên địa bàn mình một cách chủ động, phù hợp. Huyện không áp đặt việc phải làm, cây, con phải trồng cho các cơ sở. Lấy cây đay làm ví dụ. Đây là cây chủ lực trong cây công nghiệp ngắn ngày của huyện, được triển khai trồng trên hai trong ba vùng sản xuất của huyện, gồm gần 20 xã vùng ngoài đê sông Hồng và vùng nửa màu nửa lúa dọc theo hai tuyến kênh Đông và kênh Tây. Tuy cùng trồng đay, nhưng mỗi xã đều có cách làm riêng, căn cứ vào điều kiện đồng đất, tập quán thâm canh để định rõ việc xen canh, gối vụ, điều chỉnh diện tích thế nào cho phù hợp. Ngoài cây đay, các xã còn trồng thêm nhiều loại cây khác như đậu, lạc, vừng, cây dược liệu và cây tinh dầu... Cũng vì vậy, trong khi vẫn giữ vững được tổng sản lượng đay quy bẹ, huyện vẫn tăng được diện tích các loại cây khác. So với năm 1991, năm 1992 cây lạc tăng 16%, cây đậu

Digitized by Google

tương tăng 14%, cây dâu tằm tăng gấp ba lần, cây dược liệu tăng 4,5 lần. Cơ cấu cây trồng có sự thay đổi một bước quan trọng, cả về chủng loại, diện tích và sản lượng. Bài học có thể rút ra là : chỉ có chủ động suy nghĩ và làm trên mảnh đất của mình thì mới có cơ hội nâng cao trình độ và kỹ thuật thâm canh.

Do giao quyền chủ động cho xã, cho nhân dân với phương châm hợp lực, dứt điểm từng công việc, chỉ trong một thời gian không dài, huyện đã có thể đưa điện về 34 (trong số 39) xã, 147 (trong số 198) thôn. Cũng với phương châm trên, chúng tôi đã chủ trương như sau đối với hệ thống trường lớp : trường mầm non kinh phí do xã và gia đình học sinh lo ; trường phổ thông cấp I và II kinh phí chủ yếu do xã, nhà nước chỉ tài trợ khi xét thấy cần thiết. Nhờ thực hiện chủ trương đó, đến nay các xã trong huyện, về cơ bản, đã ngói hóa được các trường lớp, với 664 phòng học cấp 4 và 50 phòng học cao tầng (6 xã trong huyện đã xây dựng được trường phổ thông cơ sở cao tầng).

Khi tinh thần chủ động đi vào cuộc sống ở mỗi cơ sở thì mọi mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh cũng được bảo đảm hơn. Huyện đã phủ sóng phát thanh ở tất cả 39 xã ; hệ thống đường giao thông được duy tu, sửa chữa thường xuyên và nhiều tuyến đường liên xã, liên thôn được nâng cấp ; đài truyền thanh huyện được nâng cấp, bảo đảm phủ sóng FM cho 39 xã của huyện ; các xã đã thành lập các tổ an ninh cơ động, nên đồng áng được bảo vệ, xóm làng đầm ấm, yên vui hơn.

Có thể nói, tiềm năng sức người, sức đất là rất lớn, nhưng để biến tiềm năng ấy thành hiện thực, phải biết giải phóng nó, định hướng, tạo mọi điều kiện và thời cơ cho nó phát triển.

4 - "Trong sạch hóa" đội ngũ đảng viên

Với một đội ngũ đông đảo gần 1,2 vạn đảng viên, chiếm gần 5% tổng số dân, chúng tôi coi việc làm trong sạch đội ngũ là yếu tố quyết định bảo đảm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của mỗi tổ chức cơ sở đảng.

Quán triệt "Quy định của Ban bí thư về chức năng, nhiệm vụ của các đảng bộ, chi bộ cơ sở", chúng tôi yêu cầu từng tổ chức cơ sở đảng dựa vào quy định ấy xây dựng quy chế hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, có kế hoạch phân công đảng viên, đưa đảng viên vào vị trí công tác và kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện nhiệm vụ của các đảng viên. Mặt khác, ngăn ngừa tình trạng cục bộ, tư tưởng dòng họ có thể xuất hiện và gây nên những xáo trộn không nhỏ ở khu vực nông thôn, chúng tôi đã chủ động bố trí lại các chi bộ ở khu vực này cho phù hợp với điều kiện đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nông nghiệp. Nhiều chi bộ, do đó, đã phát huy được vai trò của mình, các đảng viên xác lập được vị trí trong việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Trong công tác kiểm tra đảng viên, chúng tôi chú ý chuyển từ kiểm tra đảng viên vi phạm sang kiểm tra đảng viên chấp hành ; việc xử lý đảng viên vi phạm tư cách cố gắng vừa bảo đảm dân chủ vừa giữ vững nguyên tắc. Thời gian qua, huyện đã tổ chức nhiều cuộc vận động chỉnh đốn đảng. Cuộc vận động "kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng kết hợp với chỉnh đốn, làm trong sạch đội ngũ đảng viên" đã được các cấp ủy thực hiện khá nghiêm túc, coi như một trong những trọng tâm công tác của mình. Qua đó, chúng tôi thấy rõ hơn chất lượng đội ngũ đảng viên và thực trạng tình hình cơ sở trong toàn huyện, từ đó có được các giải pháp sát đúng hơn. Điều đáng nói nữa là, thông qua đây, chúng tôi đã thực hiện được việc phát triển dân chủ trong Đảng, từng bước chỉnh đốn đội ngũ, củng cố các tổ chức cơ sở đảng cả về phương thức lãnh đạo, phong cách công tác, trình độ và năng lực của đảng viên, và đẩy được công tác phát triển đảng lên một bước.

Năm năm qua, chúng tôi đã đưa ra khỏi Đảng dưới nhiều hình thức hơn 7% tổng số đảng viên trong huyện ; kết nạp thêm gần 700 người vào Đảng. Đội ngũ đảng viên tới nay đã được củng cố một bước cơ bản.

5 - "Văn hóa hóa" lối sống

Làm sao trong điều kiện kinh tế thị trường vẫn giữ được truyền thống ấm áp nghĩa xóm, tình làng ? Làm sao trong điều kiện kinh tế khó khăn vẫn xây dựng được một cuộc sống tốt đẹp, nhân ái, chan hòa ? Đó là điều mà cấp ủy chúng tôi hằng suy nghĩ.

Chúng tôi tìm các hình thức tuyên truyền thích hợp về lối sống mới, mở những cuộc vận động về xây dựng nếp sống văn minh và gia đình văn hóa mới. Chúng tôi có quy hoạch củng cố hệ thống nước sạch nông thôn, xây dựng lại hệ thống đường sá, bố trí lại địa bàn dân cư, làm cho thôn xóm sạch đẹp,

Digitized by Google

thông thoáng, phong quang hơn ; cố gắng điện hóa và ngói hóa 100% các xã. Hệ thống trường học, bệnh viện, bệnh xá được củng cố, hoàn thiện một bước. Năm 1992, 7 xã đầu tư 110 triệu đồng xây mới 28 phòng học kiên cố ; huyện cũng đã nâng cấp được phòng sản ở 12 xã, bổ sung được thiết bị cho hai bệnh viện trung tâm. Tất cả điều đó đã góp phần cải thiện đời sống văn hóa tinh thần của mỗi người dân trong huyện.

Một điều đáng nói nữa. Châu giang vốn là một vùng đất ven sông Hồng nên nhiều xã chịu cảnh úng lụt thường xuyên. Châu giang cũng là một vùng đất của cây công nghiệp ngắn ngày, nên môi trường khó tránh khỏi bị ô nhiễm nặng (do sử dụng phân hóa học, thuốc trừ sâu, do chất phân hủy từ cây công nghiệp, đặc biệt là cây đay). Vì vậy, việc giữ sạch nguồn nước, bảo đảm tốt môi trường sống ở nông thôn, luôn được chúng tôi coi trọng, xem như một nét đẹp văn hóa của huyện cần không ngừng được phát huy. Cũng vì vậy, cùng với việc chỉ đạo chặt chẽ việc sử dụng phân bón, hóa chất bảo vệ thực vật, chúng tôi luôn quan tâm củng cố, xây dựng, hoàn thiện hệ thống thủy nông, vừa để phục vụ tưới tiêu tốt 13 000 ha đất canh tác của huyện, vừa để có thể chủ động thay nước sau mỗi mùa vụ, bảo đảm có nước sạch cho dân dùng. Chúng tôi còn có kế hoạch xử lý nước từ những con sông đào ở các làng xã làm cây công nghiệp góp phần làm sạch môi trường xóm làng. Năm 1992, đã đại tu 6,4 km đường trục, xây dựng hai cống lớn 206, 207 ; duy tu và bảo dưỡng 53km đường liên xã ; nạo vét 110000 m^3 đất bùn ở các kênh mương (riêng ở kênh mương chính là 40000 m^3), các cửa sông được khơi dòng thông thoáng.

Cũng nhờ thực hiện được những điều như trên, nhiều năm qua, tình hình trật tự ở Châu giang có chuyển biến đáng mừng, làng xóm sạch sẽ hơn, bình yên hơn ; tình trạng bệnh tật do nghề nghiệp và môi trường sống không tốt, giảm đi đáng kể.

Trước mắt và cả lâu dài, chúng tôi tiếp tục làm tốt những việc có thể làm được trong tầm tay, không chờ đợi, không cầu toàn, để Châu giang không còn là một nơi sình lầy, một vùng quê quanh năm ao tù nước đọng, như trước đây người dân từng ta thán.

Kinh nghiệm....

(Tiếp theo trang 29)

của Đảng và Nhà nước, đã tạo điều kiện để cán bộ chủ chốt, đầu ngành của tỉnh, huyện tham quan, học tập kinh nghiệm ở các tỉnh bạn và ở nước ngoài. Đồng thời, đảng bộ còn đẩy mạnh đào tạo tại chức, bồi dưỡng ngắn hạn cán bộ tại tỉnh. Nhờ đó, trình độ của đội ngũ cán bộ được nâng lên.

Cùng với việc sử dụng tốt đội ngũ cán bộ của tỉnh, đảng bộ An giang đã có những chính sách hợp lý, thỏa đáng thu hút chất xám ở những nơi khác phục vụ cho sự nghiệp đổi mới của tỉnh.

Thứ năm, *tạo ra sự đoàn kết thống nhất trong đảng bộ và nhân dân.*

Sự đoàn kết thống nhất của nhân dân An giang được tăng cường chính là nhờ những nghị quyết, chủ trương, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của đảng bộ có khả năng thực thi, hợp quy luật, hợp nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Vì thế, nó nhanh chóng được nhân dân tiếp nhận, trở thành hiện thực, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân. Sự đoàn kết thống nhất của nhân dân An giang được củng cố và tăng cường trước hết là do đảng bộ, mà trung tâm là Ban chấp hành đảng bộ, Thường vụ Tỉnh ủy An giang, đoàn kết, thống nhất.

Đảng bộ An giang đã tăng cường đoàn kết, thống nhất trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nghị quyết, chủ trương, giải pháp đúng của đảng bộ, thực hiện nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, đưa tự phê bình và phê bình thành nền nếp, xây dựng quy chế làm việc và làm việc theo quy chế, xây dựng tình đồng chí, thân ái thấu hiểu lẫn nhau, đổi mới phương thức và phong cách làm việc.

Nhờ sự đoàn kết, thống nhất trong đảng bộ và nhân dân, An giang đã vượt qua được những thử thách hiểm nghèo, mà đáng kể nhất là bước chuyển đổi từ cơ chế cũ sang cơ chế mới và những thiệt hại do nạn lụt năm 1989 gây ra.

Với những kinh nghiệm quý báu bước đầu được đúc kết từ thực tiễn, chắc chắn đảng bộ và nhân dân An giang sẽ tiếp tục tiến xa hơn trên con đường đổi mới.

Digitized by Google

Kinh nghiệm đổi mới của Đảng bộ An giang

ĐỖ NGỌC NINH* - NGUYỄN NGỌC CẨN**

TRƯỚC đây, An giang là tỉnh yếu về trình độ kinh tế, kỹ thuật và cơ sở hạ tầng. Từ sau Đại hội VI của Đảng, nhất là mấy năm gần đây, An giang đã vượt lên, trở thành một trong những tỉnh đi đầu trong việc đổi mới, nhất là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. An giang đã chủ động, sáng tạo, đề ra những chủ trương sát đúng và những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, cho nên đã thu được thành quả đáng kể. Từ năm 1981 đến năm 1987, sản lượng lương thực bình quân hàng năm của tỉnh là 810 000 tấn, mức tăng lương thực bình quân hàng năm là 3,4%. Từ năm 1988 tới nay, nông nghiệp An giang có bước phát triển nhanh ; mức tăng lương thực bình quân hàng năm là 12,38% ; sản lượng lương thực tăng từ 1 triệu tấn năm 1988 lên 1,75 triệu tấn năm 1991. Riêng năm 1992, lương thực bình quân đầu người đạt xấp xỉ 1 tấn ; năng xuất lúa đạt 10,23 tấn/ha ; xuất khẩu đạt 90 triệu USD, tăng 63% so với năm 1991, trong đó gạo chiếm 80% (350 000 tấn). An giang đã trở thành một trong những tỉnh đứng hàng đầu cả nước về năng suất, sản lượng lương thực, và tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Cùng với sự phát triển của cây lương thực, đàn gia súc, gia cầm cũng dần dần tăng lên, các ngành, nghề tiểu, thủ công nghiệp, cơ khí phục vụ nông nghiệp từng bước phát triển, tạo việc làm cho hơn 130 000 lao động. Giá trị sản phẩm công nghiệp chiếm 20 - 24% tổng giá trị sản phẩm của tỉnh (giá trị tổng sản phẩm của tỉnh là 3 500 tỉ đồng).

Một số công ty, xí nghiệp chủ lực thuộc thành phần kinh tế quốc doanh hoạt động có hiệu quả, đã dần dần thể hiện rõ vai trò chủ đạo đối với các thành phần kinh tế khác. Các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển khá mạnh, đa dạng, phong phú.

Các công trình thủy lợi được tập trung xây dựng. Điện đã về tới 81/135 xã, phường. Cầu, cống, đường sá trong phần lớn xã, ấp được giải quyết một bước khá cơ bản (làm được gần 500 km đường nông thôn). Mạng lưới y tế, giáo dục phát triển nhanh. số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm dần, từ 16% xuống 12% (năm 1990) và 9,5% (năm 1991).

An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, sự đoàn kết toàn dân được củng cố, tăng cường. Đời sống mọi mặt của đông đảo nhân dân, nhất là ở nông thôn ổn định và cải thiện một bước. Có một bộ phận được cải thiện đáng kể. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chính quyền ngày càng được củng cố.

Có được những thành quả nêu trên là do :

Thứ nhất, *đảng bộ đã đề ra được những chủ trương, giải pháp đúng.*

Những chủ trương, giải pháp của An giang thường hợp quy luật, hợp nguyện vọng chính đáng của đông đảo nhân dân, do đó có khả năng thực thi. Trong quá trình chuẩn bị và ra nghị quyết, đảng bộ An giang đã coi trọng việc nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tư tưởng mà trọng tâm là nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên ; quán triệt và nắm vững quan điểm, đường lối, chủ trương chính sách của Đảng ; củng cố sự đoàn kết thống nhất nội bộ ; giáo dục đạo đức cách mạng ; khơi dậy và phát huy trí tuệ, tính chủ động sáng tạo, trách nhiệm đối với dân với đảng của cán bộ, đảng viên... Đảng bộ An giang đã có cách hiểu, cách nhìn nhận mới đối với các vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn, và coi đây là một thể thống nhất. Đảng bộ khẳng định hộ nông dân là đơn vị kinh tế cơ bản ở nông thôn, khẳng định hàng hóa sức lao động, khuyến khích làm giàu chính đáng, coi xã là nơi cấp ngân sách, huyện là cấp dự toán.

Để có được những chủ trương, giải pháp đúng,

(*) Cán bộ giảng dạy

(**) Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

các cấp ủy đảng, về cơ bản, đã nhận thức đúng những quy luật chủ yếu sau đây : quy luật sinh học của sản xuất nông nghiệp ; quy luật khí tượng, thủy văn ; quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với tính chất và trình độ của lực lượng sản xuất ; quy luật sản xuất và lưu thông hàng hóa (quy luật cung cầu, quy luật giá trị, quy luật cạnh tranh...). Đảng bộ An giang đã nhận thức được những mặt tích cực và tiêu cực của kinh tế thị trường ; chủ động, sáng tạo tìm những giải pháp phát huy mặt tích cực, đồng thời hạn chế đến mức tối đa mặt tiêu cực của nó. Đây chính là một trong những điểm lớn thể hiện rõ sự định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường.

Một nhân tố quan trọng của Đảng bộ An giang là nắm bắt kịp thời và thấu hiểu những nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Tìm lời giải đúng cho những câu hỏi mà nhân dân đặt ra luôn luôn được coi là công việc thường trực của toàn đảng bộ. Đó là vấn đề ruộng đất, vấn đề tập thể hóa tràn lan những thiết bị, máy móc trong thời kỳ hợp tác hóa trước đây. Đó là vấn đề vốn, vật tư nông nghiệp ; vấn đề khoa học kỹ thuật bảo vệ cây trồng, vật nuôi ; vấn đề quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh ; vấn đề ổn định giá vật tư và nông sản, giải quyết tốt "đầu ra" của nông sản hàng hóa... Đảng bộ còn chú ý đáp ứng nhu cầu về đi lại, chữa bệnh và học hành của nhân dân ; chú ý bảo đảm những trang, thiết bị phục vụ đời sống tinh thần và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Những chủ trương, giải pháp nổi bật của An giang là : giải quyết vấn đề nông nghiệp đồng thời với giải quyết vấn đề nông dân và nông thôn ; giải quyết ruộng đất theo Quyết định 303 của UBND tỉnh, cấp giấy công nhận quyền sử dụng ruộng đất lâu dài và ổn định cho nhân dân ; thành lập các tổ liên kết sản xuất với phương châm hoàn toàn tự nguyện, thay thế cho các tập đoàn sản xuất ; bán lại máy móc cho dân ; cho vay vốn ; thống nhất quản lý vật tư nông nghiệp ; giải tán các công ty cấp 3 (cấp huyện) cấp 4 (cấp xã), củng cố các công ty lớn, chủ lực cấp tỉnh, quản lý các ngành theo ngành dọc ; vay ngoại tệ để mua lúa của nhân dân với giá cao hơn giá thị trường, v.v..

Thứ hai, *củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức chính quyền và đoàn thể.*

Đảng bộ lãnh đạo các tổ chức chính quyền và đoàn thể bằng ra nghị quyết đúng ; tổ chức quán triệt nghị quyết cho toàn thể cán bộ, đảng viên ; lựa chọn, bố trí cán bộ và kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Hội đồng nhân dân thể chế hóa nghị quyết của đảng bộ thành nghị quyết của mình và kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Ủy ban nhân dân ra các văn bản pháp quy để quản lý và điều hành việc thực hiện nghị quyết của đảng bộ. Các đoàn thể nhân dân phổ biến nghị quyết của đảng bộ cho các thành viên của mình để bàn bạc, thực hiện, đồng thời nắm tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, phản ánh cho cấp ủy đảng và chính quyền các cấp để điều chỉnh hoặc tiếp tục xác định những chủ trương, chính sách và tìm giải pháp thích hợp.

Trên cơ sở định rõ chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, đảng bộ An giang đã củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở; xây dựng và hoàn thiện dần quy chế làm việc giữa cấp ủy đảng với các tổ chức ấy. Nhờ đó, đảng bộ vừa phát huy được tính năng động của từng tổ chức trong hệ thống chính trị, vừa tạo ra được sức mạnh tổng hợp để thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ.

Hướng về cơ sở, dồn sức cho cơ sở nhằm tạo nên bước chuyển biến mạnh mẽ ở đây, đảng bộ đã xác định điểm mấu chốt nhất là củng cố cơ sở; đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cơ sở đảng.

Để củng cố cơ sở đảng, đảng bộ An giang đã tập trung củng cố, nâng cao chất lượng các chi ủy, đảng ủy cơ sở, nhất là trong việc lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ; tập trung cho việc đổi mới và trẻ hóa đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt ; chú trọng ổn định cán bộ và tận dụng mọi khả năng để sử dụng cán bộ tại chỗ ; chú ý tăng cường cán bộ chủ chốt cho cơ sở, cũng như rút họ khỏi cơ sở đúng lúc ; bảo đảm các đảng bộ, chi bộ cơ sở sinh hoạt thường kỳ với những nội dung thiết thực. Mọi đảng viên đều phải tham gia công tác. Các tổ chức cơ sở đảng đã phân công công tác cho mọi đảng viên theo phương châm : đảng viên gắn với địa bàn dân cư, với khóm, ấp, với ban nhân dân tự quản, với các tổ an ninh nhân dân. Điều này tạo điều kiện cho đảng viên thể hiện rõ vai trò của mình, đảng gần dân hơn, nghị quyết, chủ trương, giải pháp của đảng

Digitized by Google

bộ vào dân nhanh hơn, đảng nắm bắt kịp thời và thấu hiểu hơn tâm tư, nguyện vọng của nhân dân.

Đảng bộ An giang đã chú ý công tác phát triển đảng viên, đồng thời xử lý, kỷ luật nghiêm minh những đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm. Mặc dù tỷ lệ đảng viên so với dân số của tỉnh còn thấp, nhưng đảng bộ đã mạnh dạn loại bỏ khỏi hàng ngũ những người không đủ tiêu chuẩn đảng viên.

Đổi mới nội dung, phương thức vận động, tập hợp nhân dân được đảng bộ xác định là một trọng tâm lãnh đạo. Các đoàn thể nhân dân đã lấy việc chăm lo sản xuất, đời sống và thực hiện quyền làm chủ, lấy việc nâng dần trình độ mọi mặt của hội viên làm nội dung hoạt động. Việc gắn hoạt động của các đoàn thể với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, việc tập hợp nhân dân vào các hội theo nhu cầu của họ về sản xuất, đời sống, về xây dựng và sử dụng quỹ bảo trợ xã hội... là những phương thức tập hợp, vận động nhân dân có hiệu quả ở An giang.

Thứ ba, *có những "giải pháp tình thế" đúng, giải quyết kịp thời những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn.*

Đảng bộ An giang đã nhạy bén với những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, đã kịp thời đề ra những "giải pháp tình thế" đúng đắn. Giải pháp chống buôn lậu, giải pháp xử lý những "cơn sốt" phân bón, địch rầy nâu ; việc giải tán các công ty cấp huyện, xã, sáp xếp các công ty cấp tỉnh ; việc vay ngoại tệ mua lúa của dân cao hơn giá thị trường... là những "giải pháp tình thế" hiệu nghiệm, có giá trị, được nhân dân hoan nghênh.

Đối với những vấn đề mới, phức tạp chưa có kinh nghiệm, đảng bộ An giang đã thận trọng, không thực hiện đồng loạt trên diện rộng, mà coi trọng việc làm thử, vừa làm, vừa học, vừa rút kinh nghiệm và kết luận. Việc làm này đảm bảo cho đảng bộ tránh được thiếu sót, tránh mất cán bộ, đảng viên và không gây thiệt hại tiền của của dân.

Thứ tư, *xây dựng đổi mới đội ngũ cán bộ.*

Đảng bộ An giang đã tập trung công sức thỏa đáng cho việc xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt ở các ngành, các cấp. Vì thế, đội ngũ cán bộ chủ chốt của các ngành, các cấp ở An giang khá đồng bộ, có chất lượng, nhất là ở cấp huyện, thị và cấp tỉnh. Đây là đội ngũ trung thành với Đảng, có trí tuệ, biết phát huy trí tuệ tập thể, nhạy cảm với cái mới, đấu tranh kiên quyết với cái cũ, dám nghĩ, dám làm, nói đi đôi với làm, dám chịu trách nhiệm trước nhân dân. Ban chấp hành đảng bộ, trung tâm là Thường vụ Tỉnh ủy, đã chủ động, sáng tạo, mạnh dạn khởi xướng, thiết kế những nghị quyết, chủ trương, giải pháp đúng đắn nhằm phát triển kinh tế -xã hội của tỉnh. Đồng thời, đây cũng là một tập thể gồm những cán bộ có uy tín, quy tụ được cán bộ dưới quyền, được nhân dân tín nhiệm, có khả năng điều hành thành thạo bộ máy.

Có được đội ngũ cán bộ như thế là kết quả của quá trình đổi mới công tác cán bộ, từ đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng đến có chính sách đãi ngộ cán bộ thỏa đáng. Theo phân cấp quản lý cán bộ, các cấp ủy đã đưa việc nhận xét, đánh giá cán bộ vào nền nếp, theo định kỳ, thường kết hợp với các đợt đánh giá, phân loại đảng viên. Cấp ủy các cấp đánh giá cán bộ một cách dân chủ, tập thể, lấy kết quả hoàn thành nhiệm vụ được giao làm căn cứ chủ yếu, nhưng cũng rất coi trọng ý kiến của cán bộ, đảng viên khác và góp ý của quần chúng. Điều này đã góp phần hạn chế những biểu hiện chủ quan, định kiến khi đánh giá cán bộ, làm cho việc nhận xét, đánh giá cán bộ đúng đắn, chính xác.

Tỉnh ủy đã bố trí, sắp xếp các chức danh cán bộ chủ chốt huyện, thị xã, các ban, ngành của Tỉnh một cách hợp lý. Điều này thể hiện rõ ở việc Tỉnh ủy tuân thủ nguyên tắc xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh mà bố trí cán bộ, không vì người mà đẻ ra tổ chức. Bố trí cán bộ phải nhằm mục đích vừa phát huy được sức mạnh của toàn đội ngũ, vừa phát huy được khả năng, sở trường của từng người ; vừa bảo đảm được lãnh đạo tập thể, vừa đề cao được trách nhiệm cá nhân. Thành công của An giang là chọn đúng cán bộ, chọn đúng thời điểm để tăng cường cán bộ chủ chốt cho những nơi yếu kém ; đồng thời, giải quyết tốt mối quan hệ giữa cán bộ được tăng cường với cán bộ tại chỗ. Có thể thấy rõ điều này qua việc đảng bộ tăng cường cán bộ chủ chốt cho huyện Phú tân và Châu thành.

Đảng bộ An giang đã xác định việc đầu tư cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Vì thế, đảng bộ đã đầu tư thỏa đáng và tăng cường gửi cán bộ đi học dài hạn tại các trường

(Xem tiếp trang 26)

Digitized by Google

CÔNG TÁC XUẤT BẢN VẤN ĐỀ VÀ GIẢI PHÁP

***ĐƯỜNG VINH SƯỜNG** *

TRONG lịch sử phát triển của xã hội loài người, sự ra đời của sách là một thành tựu kỳ diệu. Sách được dùng để ghi lại những bước trưởng thành trong nhận thức, tư duy, trong cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên, cải tạo và xây dựng xã hội của con người. Trên quy mô rộng lớn, sách có giá trị chủ yếu trong việc lưu truyền các di sản văn hóa, tinh thần của lớp người đi trước cho các thế hệ mai sau. Nhưng sách lại là hệ quả của một quá trình sản xuất của con người, đó là hoạt động xuất bản. Qua nghiên cứu công tác xuất bản và những sản phẩm của nó, người ta có thể thấy trình độ phát triển của một xã hội về nhiều phương diện.

Ở mọi thời đại, sách và công việc xuất bản luôn được xác định bởi những điều kiện vật chất kỹ thuật, bởi chế độ chính trị và trình độ văn hóa tinh thần của một đất nước. Trong xã hội có giai cấp, cơ quan xuất bản và những sản phẩm xuất bản bao giờ cũng bị nhà nước chi phối và là công cụ của đấu tranh giai cấp. Việc xuất bản và sử dụng các xuất bản phẩm bao giờ cũng nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị. Với tính cách là sản phẩm tinh thần, nội dung của sách thể hiện nhận thức chủ quan của tác giả theo quan điểm của một giai cấp nhất định. Lịch sử đã chứng minh, tất cả các giai cấp thống trị, muốn thống trị xã hội về mặt tư tưởng, đều phải nắm lấy công cụ sắc bén này. Sự thực, xưa nay những xuất bản phẩm tốt, đều tác động trực tiếp đến quá trình phát triển và tiến bộ xã hội. Ngược lại, những xuất bản phẩm xấu độc, đều di hại rất lớn, lung lạc tinh thần và phá hủy nhân cách con người, kìm hãm sự tiến bộ xã hội. Vì vậy, ngày nay trên thế giới, bảo tồn và phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, kế thừa và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đang trở thành khuynh hướng phổ biến của nhiều quốc gia. Ở đây, công tác xuất bản thực sự đóng vai trò quan trọng.

Nhận thức được vị trí và vai trò của công tác xuất bản, mấy chục năm qua, trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm và dành ưu tiên thích đáng cho hoạt động xuất bản. Trong công cuộc đổi mới, cùng với các công tác khác, hoạt động xuất bản đã đóng góp không nhỏ vào thành tựu chung của đất nước. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành xuất bản được nâng lên một bước đáng kể với các thiết bị và công nghệ mới, hiện đại, gọn nhẹ, nhanh nhạy. Các xuất bản phẩm có nội dung phong phú hơn, hình thức đa dạng và đẹp hơn, đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, khoa học kỹ thuật, văn hóa xã hội. Tuy nhiên, trong bối cảnh cách mạng khoa học kỹ thuật và bùng nổ thông tin, đấu tranh tư tưởng bộn bề và phức tạp như hiện nay, hoạt động xuất bản còn phải phấn đấu rất nhiều mới đáp ứng được nhu cầu của nhân dân và đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng. Thực tế cho thấy, hoạt động xuất bản còn không ít vấn đề "nổi cộm" cần phải giải quyết, nhất là trong giai đoạn chuyển đổi cơ chế.

Lâu nay, các ngành chức năng đã có không ít chỉ thị, thông tư, đã có nhiều "chiến dịch" kiểm tra, thanh tra hoạt động của các nhà xuất bản, song tình hình vẫn chưa có mấy cải thiện theo chiều hướng tốt ; có lúc, có nơi, còn nghiêm trọng hơn. Ở tầm vĩ mô, rõ ràng chúng ta chưa có một hệ thống luật pháp, quy chuẩn thống nhất để quản lý hoạt động xuất bản trong điều kiện có sự chuyển đổi cơ chế. Có sự chồng chéo trong việc phân định chức năng quản lý công tác xuất bản giữa các cơ quan của Đảng và của Nhà nước nói chung, cũng như giữa các cơ quan quản lý nhà nước theo ngành và theo lãnh thổ. Tình trạng phổ biến dẫn đến là cấp giấy

* Trường đại học Tuyên giáo

Digitized by Google

phép không đúng nguyên tắc, không đúng thẩm quyền (chủ yếu ở các sở văn hóa thông tin). Hiện tượng xuất bản sách không có trong kế hoạch, không được phép hoặc cố tình lập lờ làm sai giấy phép, v.v. đã kéo dài suốt mấy năm nay, lúc âm ỉ, lúc bùng lên, mà chưa có biện pháp gì khắc phục nổi. Số lượng địa chỉ xuất bản quá nhiều. Có lúc cả nước có tới 52 nhà xuất bản chuyên nghiệp, trong khi hàng năm số đơn vị tham gia xuất bản nhất thời vẫn ở mức trên 200. Thậm chí, một hiệu cà phê trên đường Nguyễn Thái Học (Hà nội) cũng đàng hoàng tham gia xuất bản lịch tờ... Một hoạt động có liên quan đến bộ mặt tư tưởng văn hóa của một đất nước mà lại để diễn ra tình trạng lộn xộn, vô nguyên tắc như vừa qua, đó thật là điều trớ trêu, làm nhức nhối những người có lương tri, đặt ra biết bao câu hỏi đối với các nhà quản lý.

Về mặt *nội dung xuất bản phẩm*, vừa qua chúng ta chưa có một quy trình quản lý hữu hiệu, thích hợp với cơ chế thị trường. Xét ở tầm vĩ mô, quản lý nội dung được thể hiện ở việc hoạch định chiến lược đề tài xuất bản, xây dựng những tiêu chí chung nhất về nội dung của từng loại xuất bản phẩm (loại nào khuyến khích, loại nào hạn chế hoặc cấm xuất bản...), đề ra hệ thống biện pháp quản lý có hiệu lực. Quản lý vĩ mô không thể và không cần thiết đi vào nội dung cụ thể của từng đề tài, ở từng nhà xuất bản. Với 3000-4000 tên sách ra đời hằng năm (chưa kể sách lậu), không một cơ quan nào có thể bao quát được hết nội dung của nó ; 16 tên sách bị đình bản và trên dưới 80 tên sách đang được thẩm định lại vừa qua, chỉ là một phần nhỏ trong số những "hạt sạn" của hoạt động xuất bản. Bên cạnh một số rất ít xuất bản phẩm có nội dung chính trị không ổn, dễ dàng thẩm định và cho đình bản, thì vẫn còn nhan nhản các loại sách mê tín, dị đoan, các loại sách kích thích thị hiếu tầm thường, tuyên truyền lối sống bạo lực, trụy lạc... (ở nhiều cấp độ khác nhau). Tác hại của các loại sách này ai cũng đã rõ. Điều đáng nói là tình trạng trên đã làm tha hóa một số người cầm bút, biến họ thành những "thợ viết" mỗi năm cho ra đời hàng loạt cuốn sách "làng nhàng", nhấn chìm các loại sách có giá trị cao trên thị trường. "Cơn hồng thủy" này có thêm cả làn sóng sách dịch đang làm cho tình hình thêm rối ren, gây lãng phí lớn về vật chất (thiết bị, giấy mực...), lãng phí thì giờ của hàng triệu bạn đọc.

Quản lý nội dung xuất bản trong hoàn cảnh hiện nay, chính là phải tập trung điều tiết, cân đối, nhằm khuyến khích, định hướng sự ra đời các xuất bản phẩm có giá trị. Chịu trách nhiệm về mặt này, không ai khác là từng nhà xuất bản. Thế nhưng, với cơ chế quản lý cồng kềnh, "dẫm chân lên nhau" nhiều năm qua (cụ thể là kế hoạch đề tài của mỗi nhà xuất bản đều phải qua *ba* khâu xét duyệt : của cơ quan hoặc địa phương chủ quản ; của cơ quan đảng ; và của cơ quan quản lý nhà nước), tính tự chịu trách nhiệm của các giám đốc nhà xuất bản đã giảm sút đáng kể. Một số nhà xuất bản đã dựa vào những "kẽ hở", những bất hợp lý trong chế độ chính sách, để "vượt rào" một cách vô nguyên tắc. Nhiều nhà xuất bản ỷ vào sự phê chuẩn của cấp trên và dựa vào tính hợp pháp của kế hoạch đề tài đã được duyệt, phó mặc cho tư nhân bao thầu tất cả. Số tư nhân này đã khéo lợi dụng tình trạng thiếu vốn của các nhà xuất bản, từng bước can thiệp và khống chế toàn bộ nội dung xuất bản phẩm theo ý đồ riêng của mình. Nhiều tư nhân bỏ tiền "bao nuôi", "bao mua" một số tác giả để chuyên "sản xuất" bản thảo theo sự chỉ đạo của họ. Trong tình hình như vậy, làm sao không ra đời hàng loạt xuất bản phẩm có nội dung không lành mạnh ?

Trong *quản lý quá trình sản xuất xuất bản phẩm* vừa qua, cũng có tình trạng tương tự. Quy trình xuất bản được ban hành từ những năm còn trong cơ chế cũ. Chuyển sang cơ chế mới, quy trình đó cần thay đổi, bổ sung những gì ? Phương thức tiến hành có gì khác trước ? Với từng loại nhà xuất bản, số đầu sách theo đúng chức năng, số cán bộ, vốn cố định và vốn lưu động v.v. là bao nhiêu ? Những vấn đề như vậy, chưa được tổng kết, đúc rút, để hướng dẫn thực hiện một cách thống nhất, đồng bộ. Khâu tổ chức sản xuất xuất bản phẩm chưa có quy chuẩn rõ ràng, mỗi nơi, mỗi đơn vị thực hiện theo cách riêng của mình. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức sản xuất là một hướng đi đúng, phù hợp với điều kiện nền kinh tế nhiều thành phần. Nhưng các hình thức

Digitized by Google

tổ chức sản xuất cơ bản được tiến hành như thế nào, phạm vi, khuôn khổ ra sao, chưa có quy định chung. Vì vậy, những năm qua, các nhà xuất bản còn tùy tiện trong việc lựa chọn các phương án sản xuất và hình thức tổ chức sản xuất xuất bản phẩm. Nhiều nhà xuất bản gần như khoán trắng cho tư nhân từ khâu tổ chức bản thảo đến khâu tiêu thụ sản phẩm, chỉ cần biết thu về 6-7% tổng giá bìa mỗi đầu sách là được. Thực chất cách làm này là bán giấy phép cho tư nhân để kiếm lời. Mới nghe có vẻ hợp lý, chẳng mất gì ngoài công xin giấy phép mà lại thu lời (tuy chẳng được là bao). Nhưng xét kỹ, đây là hiện tình lãi giả lỗ thật, bởi vì làm như vậy là nhà xuất bản để cho tư nhân lợi dụng danh nghĩa, vốn cố định và chất xám ; tư nhân thì thu hầu hết lãi, còn nhà nước thì thiệt hại nhiều mặt (ngay cả một mức thuế nhỏ nhoi cũng chẳng thu được). Như vậy, nói là không có một nhà xuất bản tư nhân chính thức nào, nhưng thực tế là tư nhân đã trùm lên mọi hoạt động xuất bản và tha hồ lũng đoạn. "Làn sóng ngầm" này không những tạo ra sự rò rỉ lớn về kinh tế, mà còn tạo ra nếp làm ăn tùy tiện, sống nhờ ăn gửi của một bộ phận xã hội, tạo điều kiện cho kẻ xấu len lỏi, khinh nhờn pháp luật, giàu lên một cách dễ dàng. Hậu quả về mặt xã hội thì đã bày ra trước mắt. Hiện tượng cạnh tranh theo kiểu "chụp giật" đã diễn ra ở nhiều nơi, trong nhiều khâu của hoạt động xuất bản. Phương thức xuất bản theo kiểu "dánh quả" từng phi vụ là có thật ở khá nhiều nhà xuất bản. Tình trạng trên, một mặt nói lên những hạn chế trong lãnh đạo quản lý ; mặt khác cho thấy hệ thống văn bản pháp quy để điều chỉnh và hướng dẫn hoạt động xuất bản còn thiếu và kém hiệu lực.

Quản lý nhà nước về khâu *phát hành các xuất bản phẩm* càng có nhiều sơ hở. Vì chưa có sự phân biệt và phân định rõ ràng giữa chức năng phục vụ và chức năng kinh doanh cả trong sản xuất lẫn trong phát hành xuất bản phẩm, nên thị trường văn hóa những năm qua hết sức rối loạn. Cạnh tranh giữa phát hành tư nhân và phát hành quốc doanh diễn ra gay gắt ở nhiều thành phố và thị xã, ở cả khâu bán buôn và bán lẻ. Tính đến năm 1992, cả nước có 5332điểm bán sách và văn hóa phẩm có đăng ký, trong đó 3 927 điểm là của tư nhân.

Có lúc, có nơi, tư nhân đã khống chế toàn bộ việc phát hành một số loại xuất bản phẩm. Năm 1990, vốn kinh doanh của ngành phát hành sách cả nước chỉ đủ mua 1/10 số sách xuất bản. Nhiều hiệu sách quốc doanh đã phải nhận sách qua tay tư nhân để bán. Do những khó khăn và yếu kém của ngành phát hành quốc doanh, nhiều nhà xuất bản đã "cắt" quan hệ với ngành này để tự tổ chức hệ thống phát hành riêng thông qua các "đầu nậu" tư nhân. Công bằng mà nói, tổ chức phát hành xuất bản phẩm của tư nhân khá năng động và linh hoạt. Họ phần nào đã tháo gỡ khó khăn cho một số nhà xuất bản. Song, cần thấy những hạn chế rất cơ bản của phát hành sách tư nhân. Tư nhân kinh doanh phát hành sách chỉ với mục đích đơn thuần là kiếm lời. Với mục đích như vậy, họ chỉ tham gia phát hành những xuất bản phẩm "ăn khách", tiêu thụ nhanh, lãi cao, thậm chí họ sẵn sàng kinh doanh cả những xuất bản phẩm "in lậu" và những xuất bản phẩm đã cấm lưu hành. Họ phớt lờ yếu tố phục vụ trong khâu phát hành, và phớt lờ luôn cả việc nộp thuế cho nhà nước.

Những "nổi cộm" trong hoạt động xuất bản nêu trên là do 2 *nguyên nhân* cơ bản :

1 - Việc nắm bắt quy luật phát triển xã hội theo cơ chế mới và việc phát hiện, xử lý những tình huống riêng của ngành ở cả cấp vĩ mô và vi mô còn lúng túng. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức quản lý một hoạt động phức tạp có nhiều khâu, nhiều đầu mối, quản cả hệ thống sản xuất lẫn hệ thống sản phẩm mang tính đặc thù (là món ăn tinh thần của hàng triệu con người), quả thật không đơn giản.

Trước diễn biến nhanh và rối loạn của tình hình, nhiều người không giữ nổi bình tĩnh, đã muốn quay về lối quản lý cũ, và trên thực tế, đã áp dụng hàng loạt biện pháp theo lối cũ (hành chính, mệnh lệnh). Song cuộc sống cứ vượt qua, nhất là khi thiết bị công nghệ hiện đại thâm nhập, đầu vào và đầu ra trong hoạt động xuất bản trở nên nhộn nhịp, rất khó nắm bắt. Lúc ấy, người quản lý thường bị động, chạy theo, giải quyết vuốt đuôi, hoặc chỉ giải quyết được phần ngọn, còn phần gốc, cho qua.

2 - Trong tình hình kinh tế đất nước còn nhiều

Digitized by Google

khó khăn, việc đầu tư của nhà nước cho sự nghiệp xuất bản còn nhiều hạn chế. Một số nhu cầu bức xúc của ngành chưa được quan tâm giải quyết. Đã thế, nhiều cấp nhiều ngành do không nhận thức đầy đủ vai trò to lớn của công tác xuất bản, nên thờ ơ, buông lỏng quản lý, để cho một bộ phận cán bộ làm công tác xuất bản lợi dụng tình thế "đục nước béo cò", chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần, gây rối ở nhiều khâu, nhiều mặt. Ở đây, về khách quan, chúng ta chưa kể đến cuộc "xâm lăng văn hóa", "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, làm cho vết thương xuất bản càng tấy lên, khó chữa.

Để từng bước khắc phục tình trạng trên, ổn định lại nhịp điệu của hoạt động xuất bản nước ta, xin đề xuất một số giải pháp cụ thể :

Thứ nhất, để Luật xuất bản có thể đi vào cuộc sống, phát huy hiệu quả, hiệu lực, cần tuyên truyền rộng rãi, giải thích sâu các điều khoản trong luật ở tất cả các cấp các ngành. Cần cụ thể hóa các điều luật bằng hàng loạt các văn bản pháp quy dưới luật. Trước mắt, nên tập trung vào mấy vấn đề sau :

+ Cụ thể hóa trách nhiệm của giám đốc nhà xuất bản, đặc biệt trong quá trình sản xuất và xét duyệt nội dung. Như bất cứ một giám đốc nào khác, giám đốc nhà xuất bản cần có quyền và có trách nhiệm trước nhà nước và xã hội về đầu vào và đầu ra sản phẩm của mình. Muốn thực hiện được điều này, phải tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, đi đôi với việc nhanh chóng tiêu chuẩn hóa chức danh giám đốc xuất bản.

+ Các điều khoản của Luật xuất bản hiện nay không cho phép tư nhân lập nhà xuất bản, nhưng bảo đảm cho công dân quyền được tự do công bố xuất bản phẩm của mình và được tham gia vào quá trình sản xuất xuất bản phẩm. Như vậy là hợp lý. Song, nhà nước cần có những văn bản quy định cụ thể một số công đoạn xuất bản mà tư nhân được quyền tham gia (ví dụ, tư nhân được góp vốn hay cho nhà xuất bản vay vốn ; được phát hành...). Kèm theo đó là những quy định, chế độ, chính sách để nhà nước có thể kiểm soát sự tham gia của tư nhân, bảo đảm tính tự chủ, định hướng của hoạt động xuất bản.

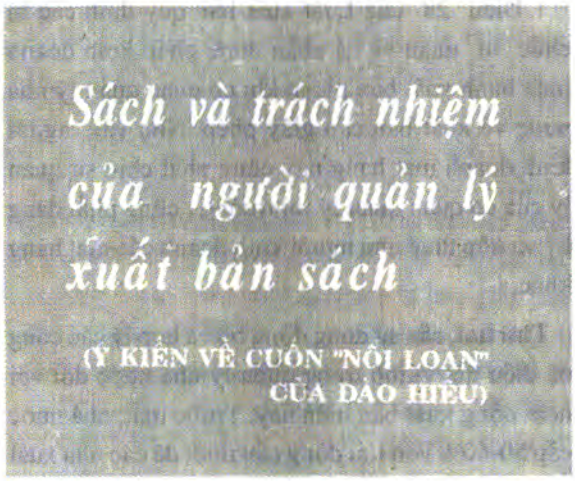
+ Điều 28 của Luật xuất bản quy định các tổ chức tư nhân và cá nhân được phép kinh doanh phát hành xuất bản phẩm khi cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản cấp giấy phép. Như vậy, người kinh doanh mặt hàng này cũng phải chịu sự quản lý của cơ quan quản lý thị trường ; cũng phải đăng ký và nộp thuế như người kinh doanh các mặt hàng khác.

Thứ hai, cần sử dụng đồng bộ và hợp lý các công cụ điều tiết vĩ mô trong quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản hiện nay. Trước mắt, nhà nước cấp 50-60% vốn lưu động cần thiết để các nhà xuất bản có thể hoạt động một cách chủ động, thuận lợi, dần dần thoát khỏi sự chi phối, khống chế của những "ông chủ" có tiền, có vốn.

Phân biệt và quy định cụ thể giá bán cho *hai* loại xuất bản phẩm : loại bán theo *giá thị trường*, do quan hệ cung cầu quyết định ; và loại bán theo *giá chỉ đạo*, do yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, xã hội và khả năng tài trợ của nhà nước. Đối với loại cần tài trợ, nhà nước xây dựng phương thức hợp lý, quản lý chặt chẽ nguồn tài trợ và sử dụng đúng mục đích, đúng địa chỉ. Bên cạnh đó, vận dụng linh hoạt chính sách thuế, làm sao bảo đảm điều tiết được lỗ lãi giữa các loại xuất bản phẩm, cân bằng thu chi trong toàn ngành và giảm bớt khó khăn cho nhà nước. Từ góc độ *xã hội*, không nên đặt vấn đề có lãi, nộp lãi trong hoạt động xuất bản. Song về mặt *kinh tế* cần phân biệt rõ hai loại xuất bản phẩm : *có lãi* (như lịch, sách dịch văn học hiện đại, sách giải trí...) và *chấp nhận lỗ* (như sách chính trị, sách nghiên cứu, tác phẩm kinh điển...) ; và có chính sách thuế phù hợp với từng loại.

Thứ ba, cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản. Bên cạnh những chế tài điều chỉnh các hành vi vi phạm pháp luật, nhà nước cần nghiên cứu, ban hành quy chế phạt tiền theo các mức khác nhau đối với những hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản.

Digitized by Google



Lời người biên tập : *Vừa qua, Nhà xuất bản Hội nhà văn Việt nam (chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh) cho ra mắt bạn đọc cuốn "Nổi loạn". Dư luận trong công chúng cũng như trên báo chí đều coi đây là một cuốn sách có nội dung xấu, chứa nhiều yếu tố độc hại, ảnh hưởng không nhỏ về mặt chính trị và xã hội. Điều đáng tiếc là sách được ra đời ngay sau khi có Nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) về văn hóa văn nghệ, lại vào thời điểm Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ ba, thảo luận và thông qua Luật xuất bản.*

Những năm gần đây, việc ra sách xấu cứ lặp đi lặp lại. Tất nhiên người viết phải có trách nhiệm về những gì mình viết ra. Nhưng cho ra sách thuộc thẩm quyền của nhà xuất bản và cơ quan quản lý nhà nước. Về việc cho ra cuốn"Nổi loạn" mang danh là "tác phẩm văn học" mà người đọc bình thường có thể phát hiện từ đầu là xấu, trách nhiệm thuộc về giám đốc và người biên tập sách của Nhà xuất bản Hội nhà văn Việt nam, cục trưởng và những người thừa hành quản lý nhà nước về xuất bản của Bộ văn hóa và thông tin.

Những ý kiến đăng trên một số báo gần đây đã làm rõ tính chất và tác hại của cuốn"Nổi loạn". Dưới đây chúng tôi xin trích một số ý kiến đã nêu.

"NỔI LOẠN", MỘT CUỐN SÁCH BỆNH HOẠN

Thực ra, "Nổi loạn" có thể chỉ là một kiểu sách rẻ tiền chuyên khai thác các chuyện tình giật gân nhảng nhít, lâu nay vẫn thường thấy xuất hiện nhan nhản trên các sạp sách vỉa hè, nếu như nó không "chua" là *tiểu thuyết* và mang cái mác quan trọng : NXB Hội nhà văn. Tôi hoàn toàn bị hẫng sau khi đọc cuốn "tiểu thuyết" này, bởi vẫn nghĩ rằng, từ lâu nay, NXB Hội nhà văn là nơi cung cấp cho bạn đọc nhiều cuốn tiểu thuyết có giá trị về văn học của nước nhà.

Gấp lại hơn ba trăm trang sách, ấn tượng đầu tiên là cảm thấy... buồn nôn. Vâng, buồn nôn theo đúng nghĩa đen của nó. Và sau đó là sự khó chịu khi chợt nhận ra thâm ý không trong sạch của tác giả cuốn sách bệnh hoạn này.

... Vấn đề nổi cộm trong cuốn sách, theo tôi, là ý đồ xuyên tạc chế độ xã hội ở miền Bắc trước 1975 và thực trạng đất nước hiện nay. Miền Bắc những năm bảy mươi, theo cách miêu tả của cuốn sách chẳng khác gì thời kỳ hoang dã. Con người sống trong thời kỳ này giống như những con rối không có hồn, nếu không muốn nói là giống như những con vật sống theo bản năng.

... Một vấn đề đáng bàn nữa ở cuốn sách này là chuyện tình dục. Tác giả đã dành khá nhiều trang sách để miêu tả một cách chi li và đặc tả về chuyện này. Tình dục vốn bản thân nó chẳng có gì xấu xa cả. Nhưng ở đây, cái cách nhìn nhận, phản ánh một cách tự nhiên chủ nghĩa, dung tục và bệnh hoạn, tác giả đã đẩy những trang miêu tả trần truồng, thác loạn ấy đến mức bẩn thỉu và bản năng như thú vật. Phải nói rằng, những cuốn tiểu thuyết "hiện sinh chủ nghĩa" ở miền Nam trước 1975, dù "ác chiến" nhất, cũng không đến nỗi kinh tởm như "tiểu thuyết" này.

Tôi cảm thấy tác giả "Nổi loạn" hầu như không hiểu biết gì về thực tế xã hội miền Bắc những năm 1975. Cũng không hề hiểu gì về môi trường giáo dục khi miêu tả cảnh ẩu đả ở sân trường. Tính nhân bản và đạo lý truyền thống Đông phương không hề có trong "Nổi loạn" khi tác giả để bố mẹ nói chuyện ngoại tình công khai trước mặt con cái, say sưa ca ngợi tình yêu xác thịt của một người đàn bà đang tâm bỏ mặc đàn con nheo nhóc để theo trai.

Trong cuốn sách này cũng đầy rẫy sự phi lý... Và cũng đầy rẫy sự mâu thuẫn trong nhiều chi tiết, mới ở trang này là A, đến ít trang sau đã thành B, nói chung mọi diễn biến tâm lý của nhân vật và tư duy lô gic của tác giả đều lộn tùng phèo cả lên.

ĐÀO QUỐC TUẤN

*(Báo **Văn nghệ** thành phố Hồ Chí Minh, số 95, ra ngày 24-6-1993)*

THỰC CHẤT ĐỘC HẠI CỦA MỘT CUỐN TRUYỆN

Đầu năm nay, Nhà xuất bản Hội nhà văn cho ra mắt bạn đọc cuốn "Nổi loạn" của Đào Hiếu.

... Chúng ta không bàn về văn chương, vì thực ra ngôn ngữ trong cuốn sách không có gì khó hiểu, không có gì cao siêu để bàn về cách biểu đạt nghệ thuật văn học. Tác giả kể chuyện bằng giọng nói khi chậm rãi miên man, khi hằn học, bẳn gắt nhỏ nhen đến sinh lòng thù hận.

... Cách thể hiện tư tưởng, tình cảm của các nhân vật trong truyện gần như phủ nhận cả quá khứ. Cái quá

Digitized by Google

khứ của một thời gian nan vất vả nhưng rất đáng trân trọng, cái quá khứ mà không có nó thì không có ngày hôm nay. Ngọc, đi suốt 30 năm đói nghèo và cay đắng mới tìm được Phan - nửa kia của chính mình ngay giữa một trại cải tạo ! Phải chăng đó là đổi mới tư duy ?

Từ khi xóa bỏ bao cấp, cơ chế thị trường xâm lấn vào cả lĩnh vực hoạt động văn hóa nghệ thuật. Nhiều ngành nghệ thuật cũng chạy theo "thị hiếu mới" và trong lĩnh vực văn học, một số nhà xuất bản không kiểm soát được nội dung các cuốn sách nên đã phát hành những cuốn sách có nhiều yếu tố kích động tâm lý phủ nhận quá khứ oanh liệt của dân tộc, kích động dâm ô, bạo lực. Cuốn "Nổi loạn" không ra ngoài xu hướng đó. Bởi lẽ, một tác phẩm văn học có giá trị không lẫn sạn, không có bụi bặm thì không thể viết bằng thứ ngôn ngữ dung tục khơi gợi nhục cảm và hàn học như vậy.

Chúng tôi không thể (và cũng không nên) trích những dòng "tả thực" ra đây, nhưng phải nói rằng "Nổi loạn" là một cuốn truyện có xu hướng xấu, độc hại.

TRẦN THỦY MINH

*(Báo **Sài gòn giải phóng**, ra ngày 4-7-1993)*

CÓ NÊN CHO RA ĐỜI MỘT CUỐN SÁCH CÓ HẠI NHƯ "NỔI LOẠN" ?

Không phải chờ đến khi phát hành rộng, "Nổi loạn" mới nảy sinh vấn đề, mà ngay khi còn ở nhà in "công nhân nhà máy có đọc và phát hiện nội dung có nhiều chỗ không tốt". Đấy là một lời cảnh báo sớm, tuy nhẹ nhàng và dè dặt, song rất đáng chú ý. Và bây giờ sách đã bán tràn lan, thì tính chất của sự việc càng xấu đi và phức tạp thêm. Dù vậy, việc lên tiếng về cuốn sách này vẫn cần thiết. Đó là một cách dọn dẹp đi cái xấu, cái độc hại, làm lành mạnh đời sống tinh thần, đồng thời cũng là một cách góp phần làm cho các hoạt động xã hội - mà ở đây là hoạt động xuất bản - dân chủ hơn và có kỷ cương theo hướng đổi mới do Đảng đề ra.

Về mặt văn chương, "Nổi loạn" của Đào Hiếu là cuốn sách không có gì đáng chú ý, với một lối cấu trúc quen thuộc ; lời văn bình thường - thậm chí tầm thường và rẻ tiền ; mạch chuyện diễn ra cũng tẻ nhạt, đơn điệu ; sự phát triển tâm lý nhân vật bị chi phối bởi nhiều yếu tố ngẫu nhiên, phi lô gích... Song, điều đáng nói ở đây là, qua hệ thống nhân vật, cùng những tâm trạng và suy nghĩ của họ, tác giả đã bộc lộ và thể hiện một quan niệm sai lệch về nhìn nhận xã hội, về tình dục, tình yêu. Thêm vào đó, từ khâu biên tập đến lúc ra đời, cuốn sách có nhiều "trục trặc", nhưng cách "tháo gỡ" cũng đã làm nảy sinh thêm một số việc cần tiếp tục làm sáng tỏ.

... "Viết cho ai ? Viết để làm gì ?" - những câu hỏi ấy quả thật vẫn rất cần đặt ra. Sẽ ra sao khi những trang viết nhơ bẩn, tục tĩu trong cuốn sách này đến với bạn đọc - nhất là những bạn đọc trẻ. Theo chúng tôi, đó là chất độc đối với những tâm hồn thơ trẻ ấy.

... Trong sáng tạo nghệ thuật, chúng ta từng phê phán sự đơn giản, một chiều. Nhưng chúng ta cũng nghiêm khắc phê phán sự xuyên tạc, mượn danh "hư cấu và tưởng tượng" để bóp méo sự thật, hạ thấp nhân cách và phẩm giá con người. Tình dục, tình yêu không phải là lĩnh vực cấm kỵ, song trách nhiệm nhà văn không cho phép mượn chuyện tình để công khai truyền bá những điều vô luân, trái ngược với truyền thống dân tộc hoặc chỉ để thỏa mãn ẩn ức của mình. Cũng không thể nhân danh "tính đại chúng" để đưa ra những sản phẩm xấu, độc hại, tác động tiêu cực đến đời sống tinh thần của bạn đọc.

... Đó là phía người viết. Nhưng để một cuốn sách ra đời, không chỉ có người viết. Chung quanh cuốn sách này, cho đến nay, nhiều vấn đề còn cần phải được tiếp tục giải đáp để thấy rõ hơn trách nhiệm của các cá nhân và đơn vị có liên quan. Thí dụ : Tại sao khi xin giấy phép và ghi trong kế hoạch đề tài ở cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản thì cuốn sách có tên là "Nổi oan", đến khi ra đời lại mang tên "Nổi loạn" ? Tại sao khi đã có lệnh "khoan giao hàng cho khách" rồi, nhưng chỉ một người của cục xuất bản (anh Hải) xuống làm việc, là sách liền được chuyển giao. Việc cảnh báo của công nhân và lãnh đạo nhà in - những bạn đọc đầu tiên tiếp xúc với cuốn sách có được coi trọng và xem xét ? Khi Cục xuất bản yêu cầu Nhà xuất bản "tạm ngưng phát hành, tổ chức thẩm định nội dung và báo cáo Cục xuất bản để xin ý kiến Bộ xử lý", thì yêu cầu đó có được đáp ứng nghiêm túc hay không ? Những ai chịu trách nhiệm về việc phát hành cuốn sách này ? Vân vân và vân vân.

... Lâu nay, trong lĩnh vực xuất bản, có nhiều việc, chúng ta cứ để "diễn biến tự nhiên", khi phạm sai lầm, lại mất bao công sức khắc phục hậu quả. Nhiều vụ, việc tiêu cực đã để buông trôi, không xử lý, hoặc xử lý không đúng mức. Chẳng lẽ bây giờ cũng lại để buông trôi như thế, nhất là khi Luật xuất bản đã được Quốc hội thông qua.

NGUYỄN ĐỨC HUY

*(Báo **Nhân dân chủ nhật**, số 29, ra ngày 18-7-1993)*

THỰC CHẤT CUỘC NỔI LOẠN CỦA TÁC GIẢ ĐÀO HIẾU LÀ GÌ ?

Nếu kể sơ qua về nội dung thì dường như cuốn sách cũng không có gì khác lạ lắm so với những tiểu thuyết tình ra đời hàng loạt hiện thời... Cuốn sách ra đời được ít lâu, tôi đã nghe người nọ người kia hỏi nhau "anh (hay chị) đọc chưa ? Thật là kinh tởm". Họ là những kẻ quá đứng đắn chăng ? Ai ráng kiếm đọc xong đều lắc đầu. Người ta bắt đầu phân vân về cuộc nổi loạn này. Nổi loạn của ai ? Của nhân vật, của xã hội hay chỉ là một ý tưởng của tác giả cho là mình đang nổi

Digitized by Google

loạn ? Xưa nay có ai thường hay nổi loạn ? Những kẻ sĩ, những người anh hùng, những người có chí, có bản ngã riêng của mình. Đám đông thường hay thông cảm với những kẻ nổi loạn vì họ là những người dám đi ngược lại lề lối cũ đè nén họ. Trên bìa 4 trang sau cuốn sách là những lời ngắn gọn "Đây là chuyện riêng của một người đàn bà. Nó đứng một mình giữa thế giới hỗn độn phù phiếm". Vậy thì có lẽ đây là cuộc Nổi loạn của một người đàn bà. Chúng ta hãy thử nhìn qua xem cái "thế giới hỗn độn" đẩy người đàn bà đến chỗ nổi loạn là gì ? Và người dàn bà đó là ai ? Đó là Ngọc một người đàn bà đẹp. Cô ta sinh ra, lớn lên mê mê tỉnh tỉnh giữa một làng quê Việt nam, rồi lấy một người chồng quá đứng đắn là một cán bộ huyện ủy. Rồi cùng vào thành phố Hồ Chí Minh, có 4 con khi 38 tuổi, có sạp hàng riêng, có hàng lô lốc kẻ ngưỡng mộ sắc đẹp và một nhân tình ruột là Phan. Một cô gái đẹp, thông minh, sinh ra lớn lên cho đến 25 tuổi mà dường như không có được một chân dung tính cách, tình cảm riêng ngoài sự thèm khát được ôm ấp của thanh nữ. Nhân vật có cuộc sống không thực, cuộc đời không đáng thuyết phục. Đám cưới như một trò hề và cách động phòng hoa chúc hài hước của cô Ngọc thực ra chỉ là cái cớ của tác giả biện minh cho cái sự phản bội của Ngọc, sự nổi loạn của Ngọc sau này. Thậm chí đến nhân vật Nguyễn Văn Hùng mà bất cứ câu nào, dòng nào có ông ta đều được tác giả không sợ mất công sức, tốn chỗ gán đủ ba chữ cả họ, tên đệm, tên thật như một sự hàn học không cưỡng nổi cũng là một nhân vật tự tạo, một nhân vật được tạo nên bởi lòng thù hằn, căm ghét của tác giả. Nó hài hước lố bịch và hoàn toàn không người, không thật. Điều này càng thêm tệ hại khi tác giả gán cho nhân vật một lý lịch "cán bộ cách mạng". Nó không tạo được sự thương hại hay khinh ghét của người đọc vì nó mang dấu ấn tình cảm của chính tác giả rõ đến mức khó chấp nhận. Còn lại Phan, người tình của Ngọc, một sĩ quan chế độ cũ, một nhà điêu khắc tài hoa (đến mức khó tin). một nhà báo, một nhân vật không tính cách, không sắc thái riêng chỉ có trạng thái tình cảm và sinh lý. Anh ta là chất xúc tác của cuộc nổi loạn của Ngọc, là cái đệm nhún để làm mình làm mẩy của người đàn bà nổi loạn kia. Và còn một tên hàng xóm điên điên loạn loạn nữa. Chấm hết. Đó là cái "thế giới hỗn độn và phù phiếm" mà tác giả tạo ra để cô Ngọc nổi loạn đến nỗi đọc xong chẳng hiểu nổi cô Ngọc nổi loạn với ai ? Trong thế giới nào ? Xã hội có làm gì đến cô đâu ? Có chăng chính cô là cả một sự hỗn độn phù phiếm. Cô ta sống với một người chồng không yêu, được đến bốn con, nhưng sau khi ngủ với Phan bỗng tự dưng nổi loạn. Tác giả tả chân những cách làm tình nóng bỏng của người đàn bà đam mê ấy một cách nồng nhiệt đến mức có thể rõ ràng hiểu ra một điều : vậy đây là một cuộc nổi loạn tình dục. Nếu là như vậy thì có đáng gì phải bàn.

Phải chăng khía cạnh khác của sự Nổi loạn của nhà văn Đào Hiếu là cái triết lý là con người như một động vật cao cấp có hai bộ mặt tính người và tính thú. Nếu là điều đó thì hàng trăm nghìn người đã biết. Chỉ có điều với bốn nhân vật, tác giả khai thác cái tính thứ hai, làm phong phú thêm tính thứ hai ấy, của con người quá nhiều. Không nói về mặt sinh lý mà chỉ tư duy, tình cảm, ngôn ngữ, hành động, người đọc đã hình dung thấy bốn con thú đang quần nhau nhiều hơn là bốn con người...

LINH LAN

*(Báo **Đại đoàn kết**, số 27-7-1993)*

Ý KIẾN CỦA MỘT SỐ NHÀ VĂN, NHÀ NGHIÊN CỨU

+ Nhà văn nữ Minh Quân :

Thái độ của tôi lâu nay về những loại sách như vậy đã quá rõ ràng, không cần nói thì những ai đã đọc những bài viết, ý kiến trước đây của tôi cũng đã biết. Bây giờ, tôi chỉ muốn nói rằng : Tôi phê phán Hội nhà văn Việt nam đã cho ra một quyển sách như vậy. Riêng đối với những người có liên quan, trách nhiệm, tôi nghĩ rằng không thể im lặng trước một tác phẩm đã gây dư luận như vậy.

+ Nhà văn Vũ Hạnh :

Tôi có đọc tiểu thuyết "Nổi loạn". Quyển sách chứa nhiều dụng ý không được lành mạnh. Người ta tự hỏi : viết một tiểu thuyết như thế nhằm mục đích gì ? Mô tả một chuyện ngoại tình ? Nhưng mô tả để làm gì ? Để lên án nó thì đã xưa quá rồi. Để ca ngợi nó thì thật vô lý. Để tự biện minh thì thật sai lầm.

... "Nổi loạn" được viết với sự suy tính và có chủ đích khá rõ, vì qua chuyện ngoại tình tầm thường và lãng nhãng ấy, tác giả có những ý đồ cụ thể khác... Chỉ có hai nhân vật đàn ông chính thì một người rất buồn cười và bi thảm là cán bộ cách mạng, đảng viên, và một người rất đáng yêu là sĩ quan chế độ cũ, học tập, cải tạo.

Vì thế, nếu có "nổi loạn", là sự "nổi loạn" nơi lòng người đọc. "Nổi loạn" từ sự bất bình trước một thực trạng văn học.

+ Giáo sư Trần Trọng Đăng Đàn :

... Mong sao việc cho xuất bản cuốn "Nổi loạn" cũng góp thêm kinh nghiệm để các cơ quan xuất bản thực hiện tốt hơn Luật xuất bản vừa được Quốc hội thông qua. Nếu được góp ý tôi xin lưu ý các bạn cầm bút của chúng ta rằng công chúng văn học chúng ta luôn luôn biết gạn lọc để tìm cho mình cái hay, cái đẹp thật sự. Trong vòng 20 năm qua, theo sự điều tra và nghiên cứu của chúng tôi thì trình độ thưởng thức, thị hiếu thẩm mỹ và bản lĩnh chính trị của độc giả chúng ta ngày một nâng cao.

*(Báo **Văn hóa**, số 8, ra ngày 14-7-1993)*

Digitized by Google

VỀ BỘ MÁY LẬP PHÁP, HÀNH PHÁP, TƯ PHÁP

NGUYỄN VĂN THẢO*

Bộ máy lập pháp, hành pháp, tư pháp ở nước ta đã hoạt động trong 48 năm, trải qua bốn bản hiến pháp 1946, 1959, 1980, 1992. Quá trình thực hiện cải cách bộ máy nhà nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng, thực tế cũng là quá trình tiến hành từng bước việc đổi mới bộ máy lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Những quan điểm cơ bản nêu trong các nghị quyết nói trên của Đảng và trong lời phát biểu của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX là những quan điểm chỉ đạo việc nghiên cứu và thực hiện cuộc cải cách bộ máy nhà nước ở ta, và đã được Hiến pháp 1992 quy định thành các thể chế nhà nước. Đó là :

- Quan điểm tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân ; nhân dân là người chủ thực sự, bầu ra bộ máy, kiểm tra sự hoạt động của bộ máy và trực tiếp tham gia quản lý bộ máy.

- Quan điểm về sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước. Một mặt, Đảng lãnh đạo nhà nước ; mặt khác, tất cả các cơ quan đảng tuân thủ hiến pháp và pháp luật.

- Quan điểm về nhà nước kiểu mới, của dân, do dân và vì dân ; mọi hoạt động của cơ quan nhà nước đều phải vì lợi ích của nhân dân, vì phúc lợi chung của toàn xã hội.

- Quan điểm về xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt nam : bộ máy nhà nước hoạt động trên cơ sở pháp luật ; Hiến pháp và pháp luật ở vị trí chỉ đạo và hướng dẫn mọi hành vi quản lý của các cơ quan hành chính.

Các quan điểm nói trên hợp thành một tổng thể các quan điểm tác động và bổ sung lẫn cho nhau, làm cơ sở cho việc đổi mới bộ máy lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Về **bộ máy lập pháp,** Hiến pháp 1992 đã khẳng định, hoạt động lập hiến và lập pháp là hoạt động ở đỉnh cao của quyền lực nhà nước. Trong hoạt động lập pháp, Quốc hội thay mặt nhân dân, đưa ra những tiêu chuẩn có tính chất thước đo hành động chung cho toàn xã hội. Hoạt động lập pháp là hoạt động cơ bản nhất điều chỉnh mọi quan hệ xã hội diễn ra giữa con người với con người, con người với thiên nhiên, con người với cộng đồng, con người với nhà nước. Ở hoạt động này, Quốc hội thể hiện rõ vai trò, vị trí, thực quyền của mình, không ai có thể thay thế. Trên phương diện đó, Quốc hội là cơ quan cao nhất về quyền lực, quyền điều chỉnh mọi hoạt động xã hội. Thực quyền của Quốc hội nằm ở hoạt động lập pháp.

Đối với các hoạt động khác của Quốc hội (như quyết định các chính sách quan trọng về đối nội, đối ngoại ; thông qua kế hoạch ngân sách...) cũng cần được xem là các hoạt động lập pháp của Quốc hội. Bởi vì mỗi quyết định của Quốc hội dù chỉ ở dạng nghị quyết, nhưng xét về hiệu lực và vị trí, về thủ tục thảo luận, thông qua và công bố, nó không khác gì một đạo luật.

Vì vậy, có thể nói mọi hoạt động của Quốc hội, suy cho cùng, đều là hoạt động lập pháp.

Theo Cương lĩnh của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội được thông qua tại Đại hội VII của Đảng, quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng cần có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

* Viện trưởng Viện nghiên cứu khoa học pháp lý, Bộ tư pháp

Digitized by Google

Với quan niệm như vậy, có thể hiểu Quốc hội ta là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất về mặt lập pháp. Cũng vì vậy các hoạt động của bộ máy hành pháp và tư pháp cần được điều chỉnh bằng pháp luật do hoạt động lập pháp đề ra.

Thông qua việc ban hành Hiến pháp, Quốc hội quy định sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp. Mọi tổ chức và hoạt động của bộ máy lập pháp, hành pháp và tư pháp đều phải tuân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật, cũng có nghĩa tuân theo quyết định của Quốc hội. Tuy nhiên, sự tuân theo đó là tuân theo pháp luật, chứ không phải vì chính phủ, tòa án là cơ quan cấp dưới của Quốc hội.

Xét theo quan niệm đó, rất cần tăng cường hoạt động lập pháp của Quốc hội và thực hiện đầy đủ nguyên tắc hiến pháp : Quốc hội là cơ quan duy nhất có quyền lập pháp.

Cần có một cơ chế phân biệt quyền lập pháp của Quốc hội và quyền lập quy của Chính phủ. Vài năm trước đây, do yêu cầu cấp bách của tình hình, Chính phủ ta có ban hành một số văn bản lập quy mà nội dung gồm nhiều quy phạm của luật. Cũng vì vậy, các cơ quan của Chính phủ đã có những cố gắng để phân biệt văn bản *lập pháp* và văn bản *lập quy*. Cách làm có hiệu quả là có một tổ chức xem xét các văn bản lập quy của Chính phủ trước khi ban hành, đưa ra những kết luận cụ thể về một văn bản dự thảo nào đó nên là một đạo luật hay một nghị định để Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ xem xét và cùng quyết định.

Cần giảm đến mức tối đa hoạt động lập quy của Tòa án nhân dân tối cao trong việc quy định chi tiết thi hành luật, tránh tình trạng vừa ra quy định vừa trực tiếp xét xử, thực hiện đúng nguyên tắc hiến pháp : chỉ có tòa án mới là cơ quan duy nhất có quyền xét xử.

Một khi đã quy tụ quyền lập pháp vào Quốc hội thì cũng cần đổi mới tổ chức hoạt động của Quốc hội. Trong điều kiện hiện nay, xuất phát từ những quan điểm cơ bản về tổ chức nhà nước, cần chuyển Quốc hội ta từ một quốc hội không chuyên trách sang một quốc hội hoạt động phần lớn chuyên trách ; từ một quốc hội hoạt động theo kỳ họp quá ngắn sang một quốc hội hoạt động theo kỳ họp thường xuyên dài ngày để có thời gian thông qua các đạo luật ; từ một quốc hội tham luận sang một quốc hội tranh luận ; từ một quốc hội hoạt động theo đoàn địa phương sang một quốc hội hoạt động chủ yếu theo tư cách cá nhân đại biểu kết hợp với hoạt động theo đoàn ; từ một quốc hội lập pháp bằng hai hình thức luật và pháp lệnh sang một quốc hội chỉ còn lập pháp bằng một hình thức luật. Tập trung quyền lập pháp vào Quốc hội, giảm bớt công việc làm luật bằng hình thức pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Theo Hiến pháp 1992, Chủ tịch nước là người đứng đầu nhà nước thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam về đối nội, đối ngoại ; là nguyên thủ quốc gia *một người* thay cho chủ tịch nước *tập thể* theo Hiến pháp 1980. Thể chế này phù hợp với tình hình nước ta hiện nay.

Chế độ chủ tịch nước của chúng ta khác với chế độ tổng thống ở những nước có sự phân lập rất rõ giữa lập pháp và hành pháp, cũng khác với chế độ nguyên thủ quốc gia ở một số nước mà người đứng đầu nhà nước (như vua, quốc trưởng, tổng thống) chỉ có vị trí tượng trưng, giữ vai trò cân bằng các quyền lực, còn thực chất quyền hành pháp là do thủ tướng nắm. Chủ tịch nước có quyền nhất định về lập pháp (như công bố luật, công bố pháp lệnh, đề nghị xem xét lại các pháp lệnh), có quyền quyết định hoặc đề nghị Quốc hội quyết định nhân sự cấp cao, có quyền thống lĩnh các lực lượng vũ trang, v.v..

Thiết chế chủ tịch nước theo Hiến pháp 1992, là phù hợp với tình hình nước ta và phù hợp với cách tổ chức một nhà nước hiện đại. Trong thiết chế đó, điều đặc biệt đáng lưu ý là chủ tịch nước có những thẩm quyền đáng kể đối với Quốc hội và Chính phủ, một chế độ nguyên thủ quốc gia có ảnh hưởng cả đến quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền tư pháp.

Trong điều kiện hiện nay, thiết nghĩ, chúng ta có thể hoàn thiện từng bước thiết chế chủ tịch nước, xuất phát từ quan niệm : nguyên thủ quốc gia là người giữ gìn và bảo đảm nguyên tắc thống nhất quyền lực và phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Nguyên thủ quốc gia cần có ảnh hưởng nhiều hơn đối với hoạt động lập pháp ; không những chỉ có thẩm quyền xem xét lại các pháp lệnh trước khi

Digitized by Google

công bố mà nên có cả thẩm quyền đề nghị Quốc hội xem xét lại các đạo luật mà Quốc hội đã thông qua. Bên cạnh Chủ tịch nước hoặc bên cạnh Quốc hội, cần thiết lập một cơ chế kiểm tra tính hợp hiến của các đạo luật. Cơ chế đó bao gồm một tổ chức có hiệu lực, có quyền phán xét các đạo luật vi hiến, và một loạt các thủ tục bảo đảm cho mỗi người công dân có quyền nhận xét và kiến nghị về một đạo luật vi hiến.

Chủ tịch nước cần có ảnh hưởng nhiều hơn đối với quyền hành pháp, đặc biệt trong việc giải quyết mối quan hệ giữa văn bản lập pháp và văn bản lập quy (vì hoạt động lập quy, theo một ý nghĩa nào đó, là sự ủy quyền lập pháp của Quốc hội cho Chính phủ). Chủ tịch nước có cần có ý kiến cụ thể đối với các trường hợp ban hành luật. pháp lệnh, hay nghị định của Chính phủ không ? Pháp lệnh có vị trí ngang với một đạo luật không ? Đó là những vấn đề khá phức tạp liên quan đến thực tiễn vận hành bộ máy, đến vị trí của Chủ tịch nước, đến sự phân công rành mạch giữa các quyền lập pháp và hành pháp. Đó cũng là những vấn đề cần giải quyết trong điều kiện đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta.

Về **bộ máy hành pháp,** Hiến pháp 1992 đã có quan niệm mới, tiến bộ về vai trò và vị trí của Chính phủ ; xác định Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội và là cơ quan hành chính cao nhất của quốc gia.

Với tư cách là cơ quan chấp hành của Quốc hội, Chính phủ tổ chức thi hành thống nhất trong phạm vi cả nước các luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội.

Với tư cách là cơ quan hành chính cao nhất của quốc gia, Chính phủ quản lý thống nhất mọi lĩnh vực của đời sống xã hội : chính trị, văn hóa, kinh tế, giáo dục, y tế, quốc phòng, ngoại giao, tư pháp, an ninh, trật tự an toàn xã hội, v.v..

Hiến pháp 1992 khẳng định quyền hành pháp tập trung vào Chính phủ, đó là sự vận dụng đúng đắn và phù hợp với thực tế nguyên tắc quyền lực có phân công và có sự phối hợp chặt chẽ giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Ở tất cả các nước trên thế giới cũng như ở nước ta từ trước đến nay, Chính phủ luôn luôn là trung tâm điều hành mọi hoạt động của nền hành chính quốc gia.

Nền hành chính quốc gia bao gồm hệ thống cơ quan hành chính cấp *trung ương* (các bộ, cơ quan ngang bộ, các cơ quan thuộc chính phủ) và hệ thống cơ quan chính quyền *địa phương* (ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan chuyên môn của ủy ban nhân dân).

Hội đồng nhân dân địa phương ở các cấp, xét về vị trí trong hệ thống bộ máy nhà nước, là một cơ quan đại biểu cho nhân dân địa phương, có một số thẩm quyền do pháp luật quy định theo nguyên tắc lãnh thổ, như là một cơ quan tự chủ tại địa phương, quyết định một số công việc có tính địa phương. Nhưng cũng không vì lẽ đó mà coi hội đồng nhân dân giống như một "quốc hội địa phương", có quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp tại địa phương.

Quyền lực, về nguyên tắc, đều thuộc nhà nước trung ương, và trong mỗi giai đoạn phát triển của kinh tế - xã hội, nhà nước giao quyền cho địa phương, chủ yếu là giao cho hội đồng nhân dân, những thẩm quyền theo chế độ *phân quyền* hoặc *tản quyền*, hoặc *kết hợp cả hai*, trên nguyên tắc tập trung dân chủ.

Như vậy, xét về thực chất, tổ chức và hoạt động của hội đồng nhân dân là thi hành pháp luật của nhà nước trung ương để tự quyết định những việc đã được giao tại địa phương.

Vì nền hành chính của cơ chế bao cấp, tập trung quan liêu, không còn phù hợp với nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương tiến hành cuộc cải cách hành chính, một bộ phận quan trọng của việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt nam. Đây là một vấn đề rất mới đối với chúng ta, cũng là một vấn đề phức tạp.

Xét về yêu cầu trước mắt, cuộc cải cách hành chính phải giải quyết được *ba* bộ phận quan trọng : định chế, con người, phương tiện.

Nội dung các định chế trong cuộc cải cách hành chính hết sức phong phú, phức tạp. Trước hết, cần xây dựng định chế về quyền lập quy của chính phủ, bộ trưởng, ủy ban nhân dân, và quyền kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp của các văn bản hành chính, đặc biệt là các văn bản cá biệt hành chính. Gắn liền với định chế này là sự phân biệt từng bước chức năng

Digitized by Google

hành chính *điều hành* với chức năng hành chính *tài phán*, thể hiện cụ thể trong việc thiết lập một cơ quan tài phán hành chính. Hiện nay đang có dự kiến về một tòa án hành chính, đó là dự kiến đúng hướng, nhưng về *tên gọi*, thì chưa nên khẳng định.

Một định chế khác có ý nghĩa quan trọng đối với sự vận hành của bộ máy hành chính. Đó là cần phân các doanh nghiệp nhà nước hiện có thành *hai* loại : một loại tạm gọi là "xí nghiệp công", do các bộ, hoặc chính quyền địa phương điều hành theo một chế độ pháp lý riêng ; một loại tạm gọi là "doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường", là loại dần dần tách khỏi sự quản lý trực tiếp của các bộ và của các sở thuộc ủy ban nhân dân.

Giải pháp vừa cơ bản vừa cấp bách của cải cách hành chính là đội ngũ viên chức, người lãnh đạo cơ quan hành chính với một chế độ công vụ thực sự vì dân, chống mọi tham nhũng và phiền hà. Trước hết, nên thực hiện một chế độ giám sát nghiêm ngặt đối với thu nhập của các viên chức có nhiều quan hệ đến việc cấp giấy phép, chứng thực cho công dân và các tổ chức kinh doanh. Cùng với việc này, thiết lập một cơ chế kiểm tra, phát hiện và bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, nhất là các thủ tục quan hệ tới nhân dân.

Tin học hóa văn phòng cơ quan hành chính, trang bị các phương tiện hiện đại làm cơ sở khoa học cho việc ban hành các quyết định, là một yêu cầu của cải cách hành chính, rất cấp bách và có khả năng thực hiện.

Về **bộ máy tư pháp**, nếu xét theo quan niệm phổ biến hiện nay thì hệ thống tư pháp gồm nhiều loại cơ quan và tổ chức : tòa án, viện kiểm sát, cơ quan điều tra, cơ quan tư pháp, các tổ chức tư pháp bổ trợ như đoàn luật sư, phòng công chứng, giám định tư pháp, thi hành án, v.v.. Trong các tổ chức đó, tòa án là bộ phận trung tâm, vì đây là nơi sử dụng kết quả của các hoạt động điều tra, công tố, bào chữa, giám định, nơi công khai tìm ra sự thật thông qua các thủ tục tranh tụng, nơi đưa ra những phán xét cuối cùng. Hơn thế, tòa án là nơi thể hiện nền công lý, sự đối xử bình đẳng, công bằng trong tất cả các mối quan hệ.

Những ý tưởng đó đã tạo nên trong hoạt động của tòa án *những nguyên tắc riêng có* của nền tư pháp.

Nguyên tắc độc lập, chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử của người thẩm phán là một nguyên tắc hiến định của nước ta (bốn bản Hiến pháp nước ta đều có) và của hầu hết các nước trên thế giới. Xét xử độc lập là một nguyên tắc bảo đảm nền công lý, công bằng và bình đẳng ; mặc dù có thể có sai lầm, nhưng vẫn có một *cơ chế* an toàn, bảo đảm tính chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đó là trình tự : sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm. Sơ thẩm xử sai, còn có phúc thẩm ; phúc thẩm xử sai, còn có giám đốc thẩm.

Nguyên tắc bổ nhiệm thẩm phán quy định trong Hiến pháp 1992 là một nguyên tắc cực kỳ quan trọng, bảo đảm tính độc lập xét xử của thẩm phán, xây dựng một nền tư pháp mạnh, hoạt động liên tục.

Nguyên tắc về sự hình thành các loại tòa án chuyên môn khác nhau để xử lý tất cả các tranh chấp trong xã hội và trong nền kinh tế cũng như xử lý tất cả các vi phạm pháp luật bằng các thủ tục tranh tụng công khai, đã được Hiến pháp 1992 khẳng định. Đây chính là một quá trình tư pháp hóa việc giải quyết các tranh chấp và các vi phạm trong xã hội, thay thế cho trình tự hành chính, giải quyết các tranh chấp và các vi phạm bằng mệnh lệnh của cơ quan hành chính. Nguyên tắc này xuất phát từ quan niệm phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân với nhà nước và mối quan hệ giữa các công dân.

Đảng và Nhà nước ta đã quyết định thực hiện nghiên cứu và tiến hành cuộc cải cách tư pháp gắn liền với cải cách hành chính. Chỉ dựa vào các nguyên tắc của Hiến pháp 1992, chúng ta đã thấy hàng loạt vấn đề phải giải quyết : Nên tổ chức tòa án sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm như thế nào ? Nên tuyển chọn và bổ nhiệm thẩm phán ra sao ? Cơ quan kiểm sát nên thực hiện chức năng gì trước các loại tòa án chuyên môn ? Nên tổ chức chức năng công tố như thế nào ? Nên tổ chức cơ quan thi hành các loại án (án hình sự, án dân sự, án kinh tế, án lao động v.v.) ra sao ? Các tổ chức tư pháp nên bổ trợ hoạt động như thế nào trong nền kinh tế thị trường ? V.v.. Vấn đề quả thật không đơn giản. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu sâu hơn nữa để bộ máy lập pháp, hành pháp và tư pháp ở ta ngày càng hoàn thiện.

Digitized by Google

Xây dựng pháp luật bảo đảm việc làm và lợi ích cho người lao động

HOÀNG THẾ LIÊN *

HIỆN nay, với chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, vấn đề *việc làm* cho người lao động trở nên gay gắt hơn bao giờ hết. Do đó, yêu cầu đặt ra là phải đổi mới pháp luật lao động một cách sâu sắc và toàn diện để đáp ứng yêu cầu chung, trong đó *đặt lên hàng đầu việc bảo đảm việc làm và lợi ích cho người lao động*. Ở đây chúng ta phải đối mặt với hai vấn đề lớn.

Một là, đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, thì lao động là vấn đề quyết định của mọi quá trình sản xuất - kinh doanh. Tuyển bao nhiêu lao động ? với trình độ người lao động như thế nào ? ở lứa tuổi và giới tính nào ?... điều đó xuất phát từ yêu cầu sản xuất - kinh doanh, từ tính hiệu quả kinh tế trong sản xuất - kinh doanh. Vì vậy, nếu vấn đề tuyển dụng lao động ít được đổi mới theo hướng bảo đảm tự do, bình đẳng và cùng có lợi, mà vẫn bị hạn chế, ràng buộc bởi nhiều quy định mang tính hành chính như trước đây, thì trái với yêu cầu của nền kinh tế thị trường, nó sẽ gây ra những khó khăn nan giải cho các doanh nghiệp. Trong khi đó, lao động dư thừa trong xã hội ta còn rất nhiều và ngày càng nhiều. Đó là một mâu thuẫn lớn hiện nay.

Hai là, một trong những đặc điểm quan trọng của nền kinh tế thị trường Việt nam là tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Tính định hướng này chỉ trở thành hiện thực trên lĩnh vực lao động khi pháp luật lao động bảo vệ được lợi ích hợp pháp và chính đáng của người lao động, giải quyết được mâu thuẫn giữa tính hiệu quả kinh tế trong sản xuất - kinh doanh với vấn đề việc làm và các vấn đề văn hóa xã hội khác.

Vì vậy, quá trình xây dựng pháp luật lao động, xử lý mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và vấn đề xã hội, giữa quyền tự do tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh với quyền có việc làm của người lao động, là một vấn đề lớn, gây nhiều tranh luận. Nhiều người cho rằng, phải bảo vệ người lao động bằng cách quy định nhiều nghĩa vụ cho chủ các doanh nghiệp trong việc giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến lợi ích của người lao động (nhất là vấn đề việc làm), đến mức biến doanh nghiệp của họ trở thành tổ chức từ thiện, làm mất mục đích sinh lợi của hoạt động kinh doanh. Bảo vệ người lao động theo cách đó, như tôi nghĩ, chưa chắc đã tốt, mà nhiều khi lại gây ảnh hưởng tiêu cực đối với người lao động nhiều hơn. Bởi vì, trong nền kinh tế thị trường, hiệu quả kinh tế là lý do tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Nếu buộc các chủ doanh nghiệp phải đóng góp nhiều, phải trực tiếp giải quyết nhiều vấn đề xã hội, thì rất dễ dẫn các chủ doanh nghiệp đến tình trạng làm ăn thua lỗ, buộc phải thu hẹp quy mô sản xuất, phải giải thể doanh nghiệp hoặc bị phá sản. Như vậy, người lao động cũng sẽ bị ảnh hưởng, và họ khó tránh khỏi nguy cơ bị thất nghiệp. Đó là chưa kể đến việc nhiều người có vốn thấy vậy, không muốn đầu tư vào sản xuất kinh doanh nữa, điều này càng làm mất cơ hội có thêm việc làm cho người lao động.

Ngược lại, có người lại cho rằng cần trao toàn quyền tự do cho các chủ doanh nghiệp trong việc tuyển chọn lao động và trả lương. Theo tôi, quan điểm này cũng không đúng. Bởi vì, chúng ta đã chủ

* Phó tiến sĩ luật học

Digitized by Google

trương phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nghĩa là phát triển kinh tế phải đồng thời tính đến những giá trị xã hội và tiến bộ xã hội mà nhân dân ta đã giành được qua mấy mươi năm xây dựng đất nước.

Để giải quyết những vấn đề trên, theo tôi nghĩ, trong pháp luật lao động phải hàm chứa một cơ chế pháp lý phản ánh được và bảo đảm thực hiện tính đa dạng về lợi ích và ý chí, kết hợp hài hòa giữa lợi ích của cá nhân, của tập thể với lợi ích chung của nhà nước, phù hợp với giá trị nhân đạo và tiến bộ của xã hội. Phải làm sao để pháp luật lao động thực sự là "khế ước chung" của xã hội trên lĩnh vực lao động, kết hợp một cách uyển chuyển giữa phát triển kinh tế và giải quyết vấn đề xã hội, nhất là giải quyết việc làm cho người lao động. Nói cách khác, pháp luật lao động phải lấy sự phát triển kinh tế và xã hội (giàu có và công bằng) làm tiêu chí cơ bản để đánh giá nó phù hợp hay không phù hợp với yêu cầu hiện nay. Đó là vấn đề khó khăn nhất cho những nhà làm luật.

Để góp phần giải quyết vấn đề này, xin nêu một số suy nghĩ như sau :

1 - *Phải tạo lập một cơ chế pháp lý phù hợp, bảo đảm tự do và bình đẳng trong xây dựng quan hệ lao động.*

Trong nền kinh tế thị trường, người lao động có quyền sở hữu đối với sức lao động của mình ; có quyền sử dụng sức lao động của mình vào bất cứ việc gì có ích cho xã hội để có thu nhập ; có quyền làm việc cho bất kỳ người sử dụng lao động nào và ở bất kỳ nơi nào mà pháp luật không cấm.

Với tư cách là người sử dụng lao động, các chủ doanh nghiệp có quyền lựa chọn lao động phù hợp với yêu cầu của mình, tuyển lao động khi có việc và tuyển người thích hợp nhất cho công việc.

Từ yêu cầu mới như vậy, quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường phải được bảo đảm bằng một cơ chế dân chủ, bình đẳng về mặt pháp lý, một cơ chế mà trong đó người lao động là một chủ thể thực sự của quan hệ lao động. Nó không chấp nhận bất cứ sự áp đặt nào đối với người lao động. Trong quan hệ với người sử dụng lao động, người lao động không chỉ có nghĩa vụ, mà còn có quyền đòi hỏi được làm việc và đãi ngộ theo đúng thỏa thuận. Vì vậy, trong pháp luật về lao động, *hợp đồng lao động* là *hình thức pháp lý chủ yếu* để xác lập quan hệ lao động. Ở đó, quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động được xác lập trên cơ sở *sự thống nhất ý chí của hai bên bình đẳng* trong khuôn khổ pháp luật. Người lao động có nghĩa vụ hoàn thành công việc được giao, chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, quy tắc trật tự an toàn lao động. Người sử dụng lao động phải bảo đảm các điều kiện cần thiết để người lao động hoàn thành nghĩa vụ đã cam kết, bảo đảm trả lương đủ và đúng thời hạn, bảo đảm các quyền lợi khác cho người lao động... Bên nào vi phạm các điều cam kết thì phải chịu trách nhiệm pháp lý tương ứng.

Hợp đồng lao động là hình thức pháp lý phù hợp nhất để xác lập quan hệ lao động trong nền kinh tế thị trường. Nhưng thực hiện nó không phải dễ. Bởi vì, một mặt, thói quen và quan niệm do chế độ biên chế trong cơ chế cũ tạo ra vẫn còn nặng nề. Thêm vào đó, hệ thống pháp luật cũ chưa được đổi mới và thay thế đồng bộ bằng hệ thống pháp luật của cơ chế mới. Chúng ta lại đang đứng trước một số mâu thuẫn lớn trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. Cụ thể :

- Hiện nay việc bảo đảm cho người lao động có được việc làm đã là quá sức, như vậy làm sao có thể bảo đảm cho người lao động lựa chọn việc làm ? So với người sử dụng lao động, người lao động hiện nay ở vào thế yếu.

- Do hoàn cảnh chiến tranh kéo dài, nên số thương binh, bệnh binh và người tàn tật ở ta chiếm một tỷ trọng khá lớn. Thực hiện chế độ hợp đồng lao động đối với những người này rõ ràng là một vấn đề khó khăn.

- Ở nước ta tỷ lệ lao động nữ rất cao (chiếm 58% lao động toàn xã hội, và 48% lao động trong khu vực quốc doanh). Với những khó khăn riêng của giới tính, lao động nữ trong cơ chế mới là một vấn đề nan giải.

Để giải quyết những vấn đề xã hội vừa nêu, có quan điểm cho rằng cần dùng biện pháp hành chính, như quy định một số ưu đãi đối với lực lượng lao động đó mà các chủ doanh nghiệp phải tuân theo, hoặc quy định một tỷ lệ nhất định về số lao động này mà các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phải thu nhận... Theo tôi, trong điều kiện kinh tế thị trường mà dùng biện pháp hành chính,

Digitized by Google

trực tiếp can thiệp vào việc xác lập quan hệ lao động, là không phù hợp. Điều này chẳng những không giúp ích gì, mà ngược lại, nhiều khi còn gây thêm khó khăn cho số lao động này. Ở đây, giải pháp đúng đắn hơn là dùng các loại đòn bẩy kinh tế. Trong luật lao động, cần quy định rõ, những doanh nghiệp sử dụng lao động đặc thù sẽ được ưu đãi về đầu tư, về thuế, về tín dụng... Làm như vậy, vừa khuyến khích được các doanh nghiệp sử dụng lực lượng lao động đặc thù, vừa tạo được thế tốt cho người lao động thuộc lực lượng này. Họ có đầy đủ điều kiện để thỏa thuận một cách tự do và bình đẳng với người sử dụng lao động.

2 - *Để tạo việc làm, khi giải quyết mối quan hệ về lợi ích, pháp luật lao động không những cần tính đến lợi ích của người lao động đã có việc làm và của người sử dụng lao động, mà còn cần tính đến lợi ích cả của người lao động chưa có việc làm.*

Giải quyết việc làm là mục tiêu quan trọng hàng đầu trong chính sách kinh tế - xã hội của nước ta. Để thực hiện nó, Nhà nước ta đã tiến hành một loạt biện pháp. Chúng ta đã thống nhất lại khái niệm *việc làm*. Việc làm được hiểu là *lao động tạo ra nguồn sinh sống mà không bị pháp luật cấm*. Việc làm theo quan niệm mới như vậy được nhà nước thừa nhận, bảo hộ và khuyến khích. Nhà nước chủ trương xóa bỏ mọi kỳ thị và phân biệt đối xử đối với những người làm việc trong các doanh nghiệp tư nhân ; làm sao để mọi người dù làm việc ở đâu, đều có thể tự hào về những việc làm có ích và hợp pháp. Điều đó tạo điều kiện mở rộng quan niệm về giá trị xã hội và phạm vi việc làm để người lao động có cơ hội có việc làm. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để mọi công dân, mọi hộ gia đình, mọi doanh nghiệp tự tạo ra việc làm ; cho phép và khuyến khích mọi thành phần kinh tế phát triển không giới hạn về quy mô, về số lượng lao động, về mức độ tích lũy ; khuyến khích thành lập các tổ chức dịch vụ việc làm, nhằm giúp người lao động tìm kiếm việc làm ; mở rộng hệ thống các cơ sở đào tạo nghề để giúp người lao động có thêm cơ hội có việc làm ; chủ trương lập chương trình quốc gia về việc làm...

Đó là những biện pháp giải quyết việc làm rất quan trọng, nhưng chưa đủ. Để bảo đảm tính bền vững trong phát triển sản xuất và mở rộng việc làm, theo tôi, cần nghĩ đến việc thiết kế một *cơ chế pháp lý* giải quyết mối quan hệ lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động có tính đến lợi ích của người chưa có việc làm. Nếu lợi ích của người chưa có việc làm được đặt ra và được chú ý đúng mức ngay trong quy định của pháp luật lao động, thì đó sẽ là một phương sách tốt, có sức sống nội tại lớn, góp phần không nhỏ trong việc giải quyết việc làm cho người lao động. Điều đó là hoàn toàn phù hợp, bởi vì ở mỗi một giai đoạn phát triển của xã hội, nên xác định cho được yêu cầu nào là cơ bản hơn cả để tập trung sức ưu tiên giải quyết.

3 - *Tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường nước ta yêu cầu phải bảo đảm sự thống nhất và sự hài hòa giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội theo hướng nhân đạo và tiến bộ.* Vấn đề là : sự thống nhất đó có phải được thực hiện như nhau ở mọi nơi, mọi lúc không ? Nói đến doanh nghiệp, là nói đến nơi làm kinh tế, nơi mà mục đích và động cơ tồn tại là lợi nhuận. Vì vậy, trong phạm vi doanh nghiệp, vấn đề kinh tế và vấn đề xã hội không thể được thực hiện giống như trong phạm vi cả nước được. Trong doanh nghiệp, vấn đề kinh tế phải được ưu tiên thỏa đáng, còn các vấn đề xã hội sẽ được giải quyết phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Vì vậy, sẽ là không phù hợp, nếu trong pháp luật lao động, các doanh nghiệp được coi như nơi bảo đảm thực hiện sự thống nhất giữa kinh tế và xã hội. Nếu như vậy, các doanh nghiệp chắc sẽ phải giải quyết rất nhiều vấn đề xã hội, kể cả những vấn đề lẽ ra phải được giải quyết ở phạm vi cả nước. Trong phạm vi doanh nghiệp, theo tôi, chỉ nên giải quyết những vấn đề xã hội nào hoặc có tác dụng trực tiếp thúc đẩy sự phát triển kinh tế, hoặc đã trở thành những giá trị phổ biến của xã hội ta. Chúng ta cần tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp làm ăn phát đạt, đóng góp nhiều cho xã hội và cho nhà nước. Chính các khoản đóng góp của các doanh nghiệp cho nhà nước theo quy định của pháp luật, sẽ là nguồn tài chính chủ yếu để nhà nước giải quyết những vấn đề xã hội, bảo đảm sự thống nhất giữa kinh tế và xã hội trên phạm vi cả nước. Đó cũng chính là yếu tố tạo nên tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Digitized by Google

SUY NGHĨ VỀ SINH HOẠT TÔN GIÁO HIỆN NAY

VŨ HUY ANH *

MỘT thực tế ai cũng dễ dàng nhận thấy là ở nước ta mấy năm gần đây, không khí sinh hoạt tôn giáo có phần gia tăng nhiều so với trước. Số người quy y, đi chùa tăng lên khá nhiều. Các lớp Phật học, trường đào tạo tu sĩ Phật giáo hầu như ở tỉnh nào cũng được mở, tập hợp hàng trăm người theo học thường xuyên. Ở các đô thị hoặc các địa phương có đông Phật tử, những ngày rằm, mùng một đều đông nườm nượp thiện nam tín nữ đến dâng hương, lễ Phật, trong số họ có không ít là thanh niên. Tại các tỉnh miền Trung và miền Nam, sinh hoạt gia đình Phật tử được khôi phục trở lại, tập hợp hàng nghìn người trong giới trẻ. Sinh hoạt Thiên chúa giáo cũng có tình hình gia tăng như vậy. Tại các xứ đạo, các buổi lễ nhiều hơn, người đến dự đông hơn trước, thỉnh thoảng có buổi lễ tập hợp về một địa phương tới hàng vạn người như ở Phát diệm (Ninh bình, 1989), La vang (Quảng trị, 1980). Số người được phép chính quyền các cấp cho đi tu dòng, đi học tại các chủng viện đào tạo linh mục cũng tăng lên. Hàng năm tại các giáo phận Thiên chúa giáo đều có các cuộc phong chức cho các linh mục mới trong điều kiện thuận lợi, tuy vậy, còn có hiện tượng "phong chui". Nhiều đoàn giám mục đã được Nhà nước cho phép đi Va-ti-can yết kiến Giáo hoàng hoặc đi dự các hội nghị do Tòa thánh Va-ti-can triệu tập. Một số nhà thờ đạo Tin lành ở miền Nam đã ngừng hoạt động sau 1975, gần đây lại xin phép hoặc tự động mở cửa trở lại. Số tín đồ Tin lành ở Tây nguyên tăng nhanh gấp nhiều lần trước. Vùng núi phía Bắc nước ta có hiện tượng truyền bá và tin theo đạo Công giáo và đạo Tin lành ở vùng đồng bào Mông. Đạo Hòa hảo và các giáo phái Cao đài cũng mở rộng phạm vi hoạt động. Các sinh hoạt tâm linh hoặc lễ hội gần gũi tôn giáo, các hiện tượng mê tín dị đoan như đồng cốt, bói toán cũng phát triển mạnh hơn trước nhiều. Việc xây dựng, tu bổ đình chùa, thánh thất, nhà thờ có phép hoặc chưa có phép của chính quyền, cũng trở nên ồn ào, náo nhiệt, thu hút nhiều tiền của, sức lao động, thời gian của nhân dân.

Tình hình trên đặt ra những vấn đề cần quan tâm :

1 - **Cách nhìn nhận đối với sinh hoạt tôn giáo hiện nay**. Thực chất tình hình sinh hoạt tôn giáo hiện nay là gì ? Bằng cách nhìn biện chứng, chúng ta thấy rằng tình hình sinh hoạt tôn giáo hiện nay có sự gia tăng rõ rệt, trong đó có mặt bình thường, nhưng cũng có mặt không bình thường. Bình thường, vì đây là sinh hoạt tôn giáo đời thường của nhân dân. Không bình thường vì trong sinh hoạt tôn giáo hiện nay có những yếu tố không đơn thuần là sinh hoạt tôn giáo, mà là lợi dụng tôn giáo và tự do tín ngưỡng để hoạt động chính trị phản động và gieo rắc mê tín dị đoan.

Trong tình hình nước ta và thế giới hiện nay, sự nhìn nhận cũng như trong chính sách đối với tôn giáo cần có sự bình tĩnh, thận trọng, nhất quán và đổi mới. Thiếu một cách nhìn như thế sẽ dễ dàng dẫn đến những thái độ ứng xử thiên về duy ý chí, không thực tế, thậm chí cũ kỹ, dễ bị lợi dụng. Chính sách nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân, coi trọng các giá trị tinh thần và các sinh hoạt văn hóa truyền thống và hiện đại. Đời sống tôn giáo của nhân dân bắt nguồn từ ngàn xưa và chắc chắn sẽ còn tồn tại lâu dài với lịch sử. Sự chung sống giữa những người tín ngưỡng và người không tín ngưỡng, giữa những tín đồ các tôn giáo khác nhau trong mỗi cộng đồng dân tộc và trong nhân dân là một nhu cầu trường tồn. Có nhận rõ và thừa nhận sự chung sống đó cùng những quyền lợi và nghĩa vụ của công dân, giáo dân, thì mới vượt qua được mọi sự dị biệt, cùng nhau đoàn kết, phấn đấu cho những mục đích lớn lao của dân tộc và của nhân dân. Thực ra, sự khác biệt về niềm tin tôn giáo (tin hay không tin tôn giáo, tin tôn giáo này hay tin tôn giáo khác) đâu có phải là chuyện của hơn một trăm năm trở lại đây, mà là chuyện của nhân loại từ khi khởi đầu cần có một niềm tin trong đời sống. Đã từng có bộ phận người này những mong chiến thắng bộ phận người khác trong niềm tin tôn giáo để rồi vẫn còn đó cho đến ngày nay sự dị biệt. Bài học không ít máu và nước mắt ấy của lịch sử gợi mở đầu óc con người ngày nay đi đến cách ứng xử khôn ngoan hơn, hợp lý hơn, là tôn

* Nhà văn

Digitized by Google

trọng những cái riêng của tâm linh, không để cho sự khác biệt của những cái riêng đó làm ảnh hưởng xấu đến cái chung, thừa nhận, vun đắp cho sự chung sống của cộng đồng với những lo toan và trách nhiệm vốn đã không ít ỏi, nhẹ nhõm. Trong khi cùng cộng đồng cố gắng phấn đấu cho những mục tiêu chung, các tôn giáo cũng tự gặt hái được những kết quả vốn là mục đích căn bản nhất của mình. Và chính nhờ biết tôn trọng những cái riêng của tôn giáo, cộng đồng mới có được sự tập hợp rộng lớn để thực thi những ý tưởng, đạt đến những mục tiêu có tầm vóc quốc gia, quốc tế và thời đại, mà trước mắt là dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Mỗi tín đồ tôn giáo trong khi sống đời sống tôn giáo của mình thì đồng thời cũng sống đời sống công dân, đời sống thành viên của cộng đồng với tất cả những lo toan, trách nhiệm và cùng chia sẻ mọi kết quả của những lo toan và trách nhiệm đó. Tách mình ra khỏi đời sống cộng đồng thì sẽ không thể có một đời sống trần thế tốt để sống đời sống tôn giáo. Một đời sống tôn giáo chân chính với các mục đích bác ái và khuyến thiện sẽ góp phần làm lành mạnh hóa đời sống chung của cộng đồng. Chính trong sự nhìn nhận từ hai chiều như vậy mà mỗi bộ phận cũng như cộng đồng càng tăng thêm ý thức tôn trọng, liên đới và hòa hợp.

Tôn giáo là sự kết hợp giữa tư tưởng tín ngưỡng và các hình thức, tổ chức để thể hiện, duy trì, phát triển tư tưởng tín ngưỡng đó. Muốn cho đạo mình không cản trở sự tiến bộ chung của cộng đồng, mỗi tôn giáo đều cần có sự thay đổi để thích nghi đối với các hình thức, tổ chức của mình. Vì lợi ích chung, cộng đồng cần hướng dẫn, tiếp nhận, cổ vũ những sự thay đổi đó theo chiều hướng phục vụ tốt cho cộng đồng và sự phát triển của nhân loại.

2 - **Cách nhìn nhận đối với tôn giáo hiện nay.** Trong sự phân chia tương đối, tôn giáo gồm hai yếu tố cấu thành là tư tưởng tín ngưỡng và tổ chức giáo hội. Muốn giúp đỡ các tôn giáo đi theo con đường yêu nước và tiến bộ, cảnh giác và ngăn ngừa thái độ và hành động lợi dụng tôn giáo để hoạt động chính trị xấu thì chủ yếu phải xem xét, tác động tới các tổ chức giáo hội, các giáo sĩ, tu sĩ, tín đồ, chứ không chỉ nhằm vào tư tưởng tín ngưỡng, tín điều tôn giáo. Còn biết bao nhiêu điều trong tự nhiên, trong xã hội mà tri thức khoa học của con người cho đến nay vẫn chưa hiểu hết và chưa giải thích được, thì làm sao tránh được một bộ phận con người nghĩ đến và tin ở những thế lực siêu nhiên ngoài con người ? Không hẳn là chỉ có nỗi sợ hãi dẫn con người đi đến tôn giáo, mà còn có nhu cầu về lòng tin, về tâm linh và sự hướng thiện.

Hơn nữa, người dân ở một nước sau chiến tranh thường có tâm lý đi tìm niềm vui, sự an ủi, sự bình yên trở lại cho cõi lòng mình ở các hoạt động tinh thần mà chủ yếu là tôn giáo. Mấy năm nay, trong quan niệm, trong cách xem xét, giải quyết cụ thể, nhiều cán bộ, đảng viên, nhất là những người có trách nhiệm giải quyết các vấn đề trực tiếp liên quan đến sinh hoạt tôn giáo đã có sự cởi mở, đổi mới. Chúng ta đã có những chỉ thị, văn bản hướng dẫn thực hiện thể hiện tinh thần đổi mới trong chính sách đối với tôn giáo. Những "Quy định về các hoạt động tôn giáo" của Chính phủ đã có những điều mới, cởi mở, phù hợp với tình hình hiện nay. Điều này tạo ra sự thuận tiện, gợi mở về tâm lý, làm cho các sinh hoạt tôn giáo gia tăng.

Cũng cần nói đến một thứ sinh hoạt gần gũi với tôn giáo, bắt nguồn từ tôn giáo truyền thống và sinh hoạt văn hóa truyền thống, là lễ hội. Ở nước ta, nó có sức thu hút có khi còn mạnh hơn cả tôn giáo, chi phối nhiều mặt của đời sống cộng đồng, nhất là đời sống văn hóa. Hướng dẫn, khuyến khích theo tinh thần lịch sử, văn hóa và giải trí vui chơi lành mạnh của nhân dân trong các lễ hội là trách nhiệm chung của cộng đồng, nhất là các cơ quan có trách nhiệm. Ở một số nơi vẫn còn tình trạng thiên kiến, hẹp hòi, ít đổi mới đối với sinh hoạt tôn giáo và lễ hội. Song cũng có không ít nơi buông lỏng, thậm chí thả lỏng đối với những hiện tượng tiêu cực, nhất là sự lợi dụng trong các sinh hoạt đó. Nếu không chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời những lệch lạc và lợi dụng phá hoại đó, thì sẽ có tác hại lớn đối với cả việc đạo và việc đời. Tạo nên sự sinh hoạt tín ngưỡng bình thường của nhân dân, thì sẽ tạo nên sự tin cậy của đồng bào theo đạo đối với Đảng và Nhà nước ta, đối với công cuộc đổi mới, tránh được những căng thẳng không cần thiết, những duyên cớ cho những kẻ xấu lợi dụng, kích động các tín đồ. Đương nhiên, đối với những hành vi kích động trái đạo pháp, chống chính quyền của một số phần tử lợi dụng tôn giáo, như ở Bùi chu - Phát diệm trước đây và ở Thừa thiên - Huế vừa qua, cần có sự nghiêm trị theo pháp luật.

Đó là một việc làm cần thiết, bảo đảm cho đồng bào theo đạo vừa tốt việc đời vừa đẹp việc đạo, bảo đảm sự ổn định cho sự nghiệp đổi mới của chúng ta.

Digitized by Google

MẤY NHẬN THỨC VỀ VẤN ĐỀ NHÂN QUYỀN

HOÀNG CÔNG

NHỮNG năm gần đây, vấn đề nhân quyền đã trở thành một điểm nóng của cuộc đấu tranh chính trị và tư tưởng trên thế giới. Lúc này hay lúc khác người ta lại dấy lên chiến dịch nhân quyền nhằm mục đích chính trị đối với một số nước. Trong cuốn sách *Thất bại lớn - sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XX*, Brê-din-xki (nguyên là cố vấn an ninh quốc gia của Mỹ) nói rõ hy vọng : nắm lấy ngọn cờ nhân quyền chúng ta sẽ dồn chủ nghĩa cộng sản tới tận chân tường.

Người ta dành cho mình quyền phán xét các nước trong việc thực hiện nhân quyền, chỉ trích và bắt các nước đó phải tuân theo các tiêu chuẩn nhân quyền của mình. Thủ đoạn quen thuộc của họ là gắn vấn đề nhân quyền với viện trợ phát triển, với đầu tư, buôn bán, với mở rộng dân chủ theo kiểu của họ. Trong Hội nghị nhân quyền thế giới họp tại Viên vào tháng 6 vừa qua, nhiều nước phương Tây đòi thành lập Cao ủy Liên hợp quốc và Tòa án nhân quyền Liên hợp quốc để điều tra và xét xử những vụ vi phạm nhân quyền ở khắp nơi trên thế giới. Thủ tướng Ma-lai-xi-a đã nhiều lần khẳng định việc chống lại ý đồ áp đặt tiêu chuẩn nhân quyền của phương Tây cho các nước châu Á nói chung và cho Ma-lai-xi-a nói riêng. Trong *Tuyên bố Băng cốc* sau Hội nghị nhân quyền châu Á tháng 4 vừa qua có nói rõ, các nước châu Á phản đối bất kỳ âm mưu nào gắn vấn đề nhân quyền với việc giúp đỡ phát triển. Còn trên thực tế, gần đây In-đô-nê-xi-a đã tuyên bố từ chối viện trợ của một nước phương Tây chỉ vì nước này muốn gắn viện trợ với vấn đề nhân quyền ở In-đô-nê-xi-a.

Cho đến nay giữa một số nước phát triển và các nước đang phát triển đã hình thành một sự khác nhau căn bản trong các vấn đề nhân quyền như : nhân quyền và chủ quyền quốc gia, nhân quyền và phát triển, nhân quyền với hòa bình và an ninh. Một số nước phương Tây cho rằng nhân quyền phải được bảo đảm ở mọi lúc, mọi nơi ; dù là nước đang phát triển, trình độ kinh tế- xã hội còn thấp kém, cũng phải tôn trọng và thực hiện quyền con người như các nước đã có trình độ phát triển cao về kinh tế. Còn các nước đang phát triển thì lại coi nhân quyền trước hết là quyền được sống trong độc lập, tự do, quyền được phát triển. Ngăn cản, kìm hãm các quyền đó là vi phạm nhân quyền. Thủ tướng Ấn-độ N.Rao nói : đối với các nước đang phát triển thì quyền con người trước hết là quyền được phát triển. *Tuyên bố Băng cốc* của Hội nghị nhân quyền châu Á vừa qua miêu tả quyền phát triển như một quyền không thể chuyển nhượng được.

Các nước đang phát triển hiện nay rất coi trọng các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Còn một số nước phát triển ở phương Tây lại chỉ coi trọng các quyền chính trị và dân sự, nhất là quyền tự do ngôn luận. *Tuyên bố Tuy-ni-di* của Hội nghị nhân quyền châu Phi viết : nếu không tôn trọng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, thì không có quyền chính trị nào được bảo đảm cả.

Một số nước đòi phổ cập hóa tiêu chuẩn các quyền con người, coi những tiêu chuẩn đó là duy nhất. Họ cho rằng một công dân ở một nước phương Tây được hưởng những quyền gì thì một công dân ở bất kỳ nước nào khác, dù rằng còn nghèo, cũng đáng được hưởng tất cả những quyền đó. Ngược lại, các nước đang phát triển, nhất là

Digitized by Google

ở châu Á, lại phản đối sự phổ cập đó. Theo họ, thực chất của việc đòi phổ cập hóa những tiêu chuẩn nhân quyền, là việc áp đặt những chuẩn mực, những giá trị của phương Tây cho các nước phương Đông là các nước có những chuẩn mực và giá trị rất khác. Theo quan điểm của các nước đang phát triển ở châu Á, việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền phải phù hợp với đặc điểm văn hóa, tôn giáo, tư tưởng của mỗi nước, chứ không thể là sự rập khuôn nhất loạt như nhau. Cựu Thủ tướng Xin-ga-po Lý Quang Diệu nói : "Không còn nghi ngờ gì nữa, một xã hội lấy quan niệm lợi ích xã hội cao hơn lợi ích cá nhân làm cơ sở, thì sẽ phù hợp với các nước châu Á hơn là với chủ nghĩa cá nhân Mỹ". Còn thủ tướng Ma-lai-xi-a Ma-ha-thia Mô-ha-mét thì nói tại Hội nghị ngoại trưởng các nước ASEAN tháng 7 năm 1991 như sau : "Trong việc tuân thủ tiêu chuẩn và khái niệm nhân quyền, các xã hội không thể giống nhau, và trong các thời kỳ của một đất nước cũng rất khác nhau. Bất kỳ ai cũng không thể nói rằng mình có thể quyết định cho các nước thế nào là hợp lý".

Như vậy, từ châu Á đến châu Phi, châu Mỹ la tinh, đều vang lên tiếng nói bênh vực chủ quyền quốc gia trong vấn đề nhân quyền, chống lại thủ đoạn dùng nhân quyền làm công cụ chính trị gây sức ép đối với các nước đang phát triển.

*

Rõ ràng, cuộc đấu tranh về vấn đề nhân quyền hiện nay không chỉ có khía cạnh nhận thức lý luận, mà có cả khía cạnh chính trị. Vì thế, nó đòi hỏi chúng ta một mặt nâng cao nhận thức khoa học về nhân quyền, mặt khác chống lại việc lợi dụng nhân quyền để thực hiện ý đồ chính trị.

Trước hết, chúng ta ủng hộ quan điểm của các nước đang phát triển trong việc đòi hỏi các nước phương Tây phải tôn trọng quyền được sống trong độc lập, tự do, quyền được phát triển, tôn trọng chủ quyền quốc gia và nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước ; không được gắn vấn đề quan hệ giữa các nước với vấn đề nhân quyền. Trong các *Công ước về các quyền chính trị, dân sự* và *Công ước về các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội* đều có viết tại điều 1 : "Tất cả các dân tộc đều có quyền tự quyết. Xuất phát từ quyền đó, các dân tộc tự do quyết định thể chế chính trị của mình và tự do phát triển kinh tế,xã hội và văn hóa".

Đúng là đối với một nước, chỉ có cơ sở kinh tế - xã hội và văn hóa vững chắc thì mới bảo đảm được các quyền con người nói chung. Chừng nào còn nghèo nàn, lạc hậu thì không thể bảo đảm đầy đủ các quyền con người được. Trong *Lời nói đầu* của các công ước nêu trên cũng viết : "Theo Tuyên ngôn nhân quyền thì chỉ có thể đạt được lý tưởng của con người tự do được sống không bị sợ hãi và thiếu thốn nếu tạo được điều kiện cho mọi người đều có thể được hưởng các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa cũng như các quyền chính trị, dân sự của mình". Như vậy, tự mỗi quốc gia phải thực hiện công việc của mình. Trong vấn đề nhân quyền cũng như vấn đề phát triển kinh tế, yếu tố bên ngoài chỉ có thể là tạo điều kiện thuận lợi chứ không thể làm thay, cũng không thể chỉ bảo trong từng trường hợp cụ thể phải làm như thế nào. Đạo đức trong vấn đề này càng không thể chấp nhận việc nhân danh bảo vệ nhân quyền để gây khó khăn, cản trở sự phát triển kinh tế của một nước - trong khi sự phát triển kinh tế là điều kiện hàng đầu để có được nhân quyền ngày càng đầy đủ.

Nhìn vào tình hình các nước hiện nay, chúng ta thấy nước nào ít nhiều cũng đều có những vấn đề nhân quyền phải giải quyết. Tùy thực trạng và đặc điểm của mỗi nước, họ có thể đặt ra và giải quyết những vấn đề nhân quyền theo cách thức của mình. Ở nước ta, Đảng và Nhà nước đang có nhiều cố gắng khắc phục những thiếu sót, đồng thời tạo điều kiện nâng cao quyền con người, nhất là các quyền dân sự là các quyền so với các quyền chính trị, kinh tế và văn hóa thì ít phụ thuộc vào tình trạng chính trị, kinh tế hơn. Tình trạng còn thiếu nhiều quy định cụ thể về mặt pháp luật đối với các quyền cơ bản của con người nói chung và của công dân nói riêng..., cần được sớm khắc phục.

Tuy nhiên, chúng ta có thể tự hào chính đáng về những gì đã làm được vì quyền con người. Chính cuộc đấu tranh trường kỳ gian khổ của nhân dân ta chống thực dân đế quốc, theo lý tưởng

Digitized by Google

không có gì quý hơn độc lập tự do, đã thức tỉnh và cổ vũ hàng trăm triệu người trên khắp hành tinh vùng lên chống lại ách thực dân đế quốc, giành độc lập dân tộc, đòi quyền phát triển, đòi thiết lập một trật tự quốc tế mới : công bằng, bình đẳng. Chính trào lưu độc lập dân tộc đó đã dẫn đến sự thừa nhận trong các Công ước quốc tế năm 1956 quyền các dân tộc được tự quyết, tự do phát triển.

Chúng ta tự hào về bản *Tuyên ngôn độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc ngày 2-9-1945, là bản tuyên ngôn sau bản Tuyên ngôn độc lập của Mỹ năm 1776 và bản Tuyên ngôn của Pháp năm 1789, đã long trọng đề cập ngay từ lời mở đầu các quyền tự do cơ bản của con người : quyền được tự do, bình đẳng và hạnh phúc. Hơn nữa, bản *Tuyên ngôn* đó còn chính thức mở rộng khái niệm về quyền con người : "Các dân tộc sinh ra đều bình đẳng, có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Về mặt pháp luật, các Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980 và 1992 đã liên tục khẳng định và hoàn thiện các quyền con người và quyền công dân (là bộ phận chủ yếu của quyền con người). Nhiều luật quan trọng, nhất là Bộ luật hình sự và tố tụng hình sự, đã ra đời và phát huy hiệu lực trong việc ngăn chặn các hành vi phạm pháp, bảo vệ quyền công dân.

Trên tinh thần đổi mới, các quyền tự do kinh tế đã được khuyến khích, quyền sở hữu tư nhân được bảo vệ, quyền tự do báo chí và tự do ngôn luận được nâng cao một bước quan trọng.

Chúng ta tự hào rằng sau chiến tranh, trái với sự tuyên truyền của phương Tây, ở miền Nam đã không hề có tắm máu và trả thù, cả nước ta đã thực hiện thắng lợi chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc. Có thể nói, đó là một trường hợp hiếm có trên thế giới, ngay tại châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai cũng không có.

Đối với những người di tản, gần đây dư luận quốc tế và Cao ủy Liên hợp quốc đã công nhận, Việt nam giải quyết tốt vấn đề này. Những người ra đi bất hợp pháp trở về, được tạo điều kiện học tập, tìm kiếm công ăn việc làm, được đối xử bình đẳng. Đó là kết quả của chính sách nhân đạo của Việt nam.

Thời gian gần đây, về mặt nhận thức lý luận, việc nghiên cứu khoa học về vấn đề nhân quyền đã được đẩy lên một bước và thu được kết quả quan trọng. Bản chất, nội dung, tính chất của nhân quyền được làm rõ. Chúng ta phân biệt được tính giai cấp của nhân quyền, mục đích chính trị của vấn đề nhân quyền. Nhưng chúng ta cũng nhận thức được nhân quyền là một vấn đề của con người nói chung, và tư tưởng về nhân quyền là di sản lý luận, là thành tựu trí tuệ chung của cả loài người. Vấn đề quan trọng hiện nay là ở chỗ làm rõ mối quan hệ giữa việc thừa nhận giá trị phổ biến có tính nhân loại của nhân quyền với việc thực hiện nó trong thực tế ở mỗi quốc gia.

Tư tưởng nhân quyền có cơ sở từ lâu đời. Nó gắn liền với tư tưởng về con người nói chung. Nó là sự tự nhận thức của con người về giá trị của chính mình trong vũ trụ. Nó phản ánh khát vọng phổ biến của con người vươn tới tự do, công bằng, bình đẳng và hạnh phúc. Xã hội càng phát triển, nhu cầu đó càng cao. Sự hạn chế có tính xã hội đối với các nhu cầu đó càng lớn thì sức bật của những khát vọng càng mãnh liệt. Cùng là khát vọng về tự do, công bằng, hạnh phúc, nhưng ở mỗi thời đại khát vọng đó lại có nội dung cụ thể mới, phong phú hơn, phức tạp hơn, nghĩa là có sự khác nhau về chất lượng và số lượng những yêu cầu cụ thể. Do đó, trong số những quyền của con người, có những quyền tối thiểu, chung cho mọi người, nói lên phẩm giá của con người. Chẳng hạn, những quyền về dân sự như : quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền bất khả xâm phạm về thư tín, quyền không bị bắt hoặc bị giam giữ vô cớ, quyền không bị tra tấn, nhục hình... Nhưng cũng có những quyền mà nội dung cụ thể, ranh giới cụ thể giữa tự do và trách nhiệm của con người, lại phụ thuộc vào thực trạng kinh tế-xã hội, vào những hoàn cảnh khác. Chẳng hạn, những quyền về chính trị (như quyền bầu cử, ứng cử, tự do ngôn luận, hội họp...), về kinh tế (như quyền có việc làm), về văn hóa - xã hội (như quyền được học tập, được bảo đảm y tế, sức khỏe...). Những quyền như thế, không chỉ phản ánh hiện tại, những nhu cầu đáng được thỏa mãn ngay, mà còn phản ánh cái nguyện vọng, lý tưởng ngày càng hoàn thiện của con người. Vì thế, ngay

Digitized by Google

cả những nước đã phát triển rất cao, cũng không thể tự cho mình đã thực hiện đầy đủ mọi quyền của con người. Ngay tại nước Mỹ, vẫn có hàng triệu người không có việc làm, hàng chục triệu người sống dưới mức nghèo khổ, không được chăm sóc y tế, không được học hành, hàng trăm nghìn người không nhà ở.

Với tư cách là sự khái quát dưới hình thức pháp lý các nhu cầu vừa có tính phổ biến vừa có tính đa dạng của con người qua các thời đại, các công ước quốc tế đã và sẽ có, là sự tổng kết tri thức của nhân loại nói chung về quyền con người. Nó không phải là sản phẩm riêng của giai cấp tư sản như nhiều người nghĩ, mà là sản phẩm chung của cả nhân loại qua hàng nghìn năm tiến hóa, đấu tranh với thiên nhiên và đấu tranh với chính mình. Giai cấp tư sản chỉ là người phát ngôn và phát triển một giai đoạn quan trọng của tư tưởng về quyền con người mà thôi.

Tuy nhiên, ở đây có một số điểm cần lưu ý. *Trước hết*, các tư tưởng được ghi nhận trong các công ước nói trên sở dĩ có tính phổ biến là vì chúng là một thể thống nhất, nhất quán và bổ sung cho nhau. Chẳng hạn, nếu tự do của cá nhân được đề cao, thì nghĩa vụ và sự phụ thuộc của cá nhân vào cộng đồng cũng được đề cập. Quyền của cá nhân không vượt qua quyền của cả cộng đồng, quyền của quốc gia. Các quyền của con người về chính trị, dân sự, được nêu lên đồng thời với các quyền của họ về kinh tế, văn hóa, xã hội... Do đó, cắt xén các tư tưởng, chỉ nhấn mạnh một số tư tưởng nào đó theo ý mình rồi áp đặt cho người khác, coi đó là việc tuân theo các tiêu chuẩn chung của nhân quyền, là điều không thể chấp nhận được.

Thứ hai, các công ước quốc tế về quyền con người là sự ghi nhận về mặt tư tưởng pháp lý của loài người nói chung về tổng thể những nhu cầu cần phải trở thành quyền. Có những quyền mang tính tối thiểu có thể áp dụng ngay như các quyền dân sự. Nhưng cũng có những quyền mà giới hạn tối thiểu và tối đa phụ thuộc vào lịch sử, vào tính cụ thể của quốc gia (thực trạng chính trị, kinh tế, văn hóa). Sự phát triển không đồng đều giữa các quốc gia là một thực tế. Và điều đó làm cho nhu cầu ở mỗi nơi mỗi khác, và với mỗi nhu cầu, giới hạn cũng khác nhau. Điều này đặc biệt thấy rõ ở các quyền về chính trị và kinh tế, văn hóa, xã hội. Chẳng hạn, những nhu cầu của người Mỹ sẽ nhiều hơn, đa dạng hơn so với người Xô-ma-li hoặc người Ê-ti-ô-pi, bởi lẽ người Mỹ tham gia nhiều hơn vào các quan hệ xã hội mà ở những nước kia không có. Hoặc là cùng một quyền được sống, nhưng ở các nước phát triển thì yêu cầu được sống trong một môi trường trong lành, không bị ô nhiễm, còn ở các nước nghèo thì đó lại là yêu cầu được sống có đủ cái ăn, không bị chết đói, không bị chiến tranh... Tính gay gắt của những nhu cầu, tức là tính gay gắt của các quyền, là không giống nhau ở những nước có trình độ phát triển khác nhau. Khi nhấn mạnh vào các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội, không có nghĩa là các quyền đó quan trọng hơn các quyền chính trị, dân sự. Với tư cách là quyền của con người, hợp thành giá trị của con người, chúng đều quan trọng như nhau. Chỉ có điều trong khi còn ở trình độ rất thấp về kinh tế, thì các quyền kinh tế, văn hóa, xã hội được ưu tiên hơn. Vả lại, đó cũng là cơ sở để thỏa mãn các quyền khác. Do đó, đây không phải là phủ nhận những quyền con người đã được ghi nhận trong các Công ước quốc tế. Vấn đề chỉ ở chỗ : thừa nhận các quyền con người như một tổng thể, không chia cắt, nhưng thực hiện các quyền đó như thế nào thì có sự ưu tiên khác nhau, tùy lúc, tùy nơi. Không nên can thiệp vào cách giải quyết riêng của mỗi nước, và cũng không coi đó là điều kiện cho quan hệ giữa các nước. Chúng ta tôn trọng các quốc gia đạt được trình độ cao trong việc bảo đảm quyền con người, nhưng cũng hiểu rằng đó là kết quả của hàng trăm năm phát triển, và cũng phải trả giá bằng không biết bao nhiêu máu và nước mắt của nhiều thế hệ.

Chúng ta hoan nghênh ý đồ thiện chí, mục đích nhân đạo của những cá nhân và tổ chức nước ngoài trong vấn đề nhân quyền, sẵn sàng đối thoại, giải thích cho họ hiểu quan điểm và hoàn cảnh của chúng ta. Nhưng chúng ta cũng phân biệt rõ và phản đối những ai muốn lợi dụng vấn đề nhân quyền để gây mất ổn định, cản trở quá trình phát triển của đất nước ta.

Digitized by Google

Những trái tim nhân hậu

DƯƠNG TÙNG

TỪ trong sâu thẳm của lịch sử, cộng đồng người Việt nam đã tìm ra một lẽ sống : quý nhân nghĩa, trọng lẽ phải, giàu tình thương. Đó là những giá trị lớn, thế hệ này truyền thế hệ kia, giữ mãi với thời gian như vỉa trầm tích không cùng.

Lá lành đùm lá rách, bầu ơi thương lấy bí cùng, thương người như thể thương thân... tình thương được trong ca dao, dân ca, trong tiếng ru của mẹ, trong câu hát giao duyên lứa đôi : thương nhau mấy núi cũng trèo... Lẽ sống ấy không chỉ được chứng minh trong cuộc chiến đấu thần kỳ của dân tộc chống bọn xâm lược, lẽ sống ấy còn thể hiện ngay trong hoàn cảnh mới, trong cơ chế đang chuyển đổi từng ngày trên đất nước ta.

Người ta bảo : thị trường là nơi bán mua, nơi ngự trị của đồng tiền, nơi "cò quay" sấp ngửa, đâu còn lẽ phải với tình thương ? Không. Thị trường có quy luật của thị trường, còn lòng người vẫn có quy luật của lòng người. Tôi xin kể ra đây vài ví dụ :

- Theo thống kê chưa đầy đủ, thành phố Hồ Chí Minh riêng năm 1992, quỹ từ thiện thông qua phong trào hoạt động xã hội của nhân dân đã tập hợp được 35 tỉ đồng. Một quận như quận 10, quỹ xóa đói giảm nghèo đã có trên 1000 triệu đồng. Cả thành phố đã có gần 6000 ngôi nhà tình nghĩa ; có trên mười loại học bổng và giải thưởng giúp học sinh, sinh viên vượt khó, nâng tổng số tiền khoản này lên 4 tỉ đồng.

Phong trào "Lớp học tình thương" thu hút hàng nghìn em có hoàn cảnh khó khăn, cơ nhỡ với số tiền chi trên 373 930 000 đ. Giới Phật giáo có cả hệ thống y tế trải rộng ra nhiều vùng, mang tên "Tuệ Tĩnh đường" với hàng loạt phòng khám và trị bệnh miễn phí cho người nghèo. Tổng số tiền đầu tư năm 1992 là 410 097 000 đ.

Còn bao nhiêu thành phố, địa phương khác trên đất nước chúng ta chưa kịp sơ kết, tổng kết phong trào hoạt động xã hội của mọi tầng lớp nhân dân, thể hiện tình làng nghĩa xóm, cưu mang đùm bọc nhau trong cơn hoạn nạn, rủi ro. Những tấm lòng cao cả, những địa chỉ từ thiện xuất hiện hàng ngày ở khắp mọi nơi, khiến chúng ta thêm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người, nguôi ngoai đi những nỗi đau thương, vất vả.

- Chúng ta trân trọng biết bao những người như Trần Tiến Đức ở Phú nhuận đã đứng ra lập tổ ấm mang tên "Hoàn Thiện" gọi về 20 em lang thang bụi đời ở thành phố Hồ Chí Minh ; anh còn lập luôn tổ ấm "Hoàng Hôn" cho các cụ già neo đơn, tổ ấm "Bình Minh" cho các em bất hạnh ở Huế.

- Mình anh Nguyễn Văn Nghĩa ở Tân mỹ (Hóc môn) đã tổ chức một lớp xóa mù chữ cho 24 em nghèo khó, thất học, cung cấp học cụ dạy nghề và tạo công ăn việc làm cho 4 em tật nguyền.

- Anh Đỗ Duy Khuyên ở Thuấn trung, Tam thuận, Phúc thọ (Hà tây) đã mang toàn bộ số tiền 20 000 đô la, từng chắt chiu, lao động ở nước ngoài về đầu tư xây dựng quê hương. Anh đã cùng bà con tổ chức đắp bờ vùng ngăn nước 7 xã vùng bãi trút về để cho 87 mẫu ruộng cấy được 2 vụ và 40 mẫu ruộng cấy được 3 vụ ; cải tạo con đầm rộng hơn 200 mẫu, thả 20 vạn cá và 60 mẫu sen ; hai bờ mương, bờ đập ven đường anh cho trồng 5 vạn cây bạch đàn đã lên cao, xanh tốt. Anh cùng bà con đầu tư kéo dây, đưa điện về làng. Có điện, làng anh vui hẳn lên. Hai năm liền quê anh được mùa lúa, mùa cá. Đồng vốn của anh bỏ ra đã không uổng phí : 220 lao động chính đã có việc làm ổn định ; từ chỗ 80 - 90% số hộ ở Thuấn trung xưa phải cứu tế, nay không còn ai phải lâm vào tình trạng này. Có hộ tháo vát đã có thóc ăn, thóc để. Bà con dân làng coi người thanh niên 37 tuổi Đỗ Duy Khuyên như "vị thần" đã cứu giúp quê hương. Vậy mà khi gặp thứ trưởng Bộ lao động - thương binh và xã hội, Khuyên hồn nhiên nói : "Cái chính là em thương dân ở quê quá nghèo. Cũng còn vì em rất "cú", mình sinh ra và lớn lên từ đó, được ăn học, đi đây đi đó, chẳng lẽ chỉ khoanh tay để bà con khổ mãi. Có tí vốn, chỉ lo thu vén cho bản thân mình thì thật là xoàng".

Ôi cái lý, cái tình của Khuyên sao mà giản dị và ấm áp thế !

Digitized by Google

- Tôi xin nêu một ví dụ nữa : Trong ngày lễ kỷ niệm 10 năm thành lập trường học sinh mù Nguyễn Đình Chiểu (Hà nội) có 1 người đàn bà dáng vẻ hơi ngượng ngập được mời ngồi ở hàng đầu. Chị ăn mặc xuềnh xoàng nhưng có nụ cười rất hiền. Khi đồng chí hiệu trưởng nhà trường giới thiệu mọi người mới ngớ ra, sững sờ. Đó là vợ của một người đã quá cố. Anh vừa mất cách đây ít ngày vì một chứng bệnh hiểm nghèo. Trước khi trút hơi thở cuối cùng, anh chỉ còn kịp dặn người vợ hãy đem 200 000 đ, số tiền anh tiết kiệm lâu nay về Hà nội trao tặng tận tay các em học sinh trường mù Nguyễn Đình Chiểu. Chị vợ làm theo di chúc của chồng, lặn lội từ trên Bắc thái, về đến Hà nội đúng ngày kỷ niệm trường. Chị trao món quà nhỏ nhoi nhưng đậm đà tình cảm của người anh cho các em. Chị giấu tên người quá cố theo đúng lời dặn của anh. Chị cho biết anh vốn trước kia cũng là một người mù. Anh từng được bác sĩ Nguyễn Trọng Nhân cứu chữa, mang lại ánh sáng cho cuộc đời anh. Nay trước khi đi vào cõi vĩnh hằng, cảm thương bao thân phận ấu thơ vẫn còn trong bóng tối tật nguyền, dành dụm được chút tiền, anh muốn truyền lại hơi ấm cuộc đời cho các em bất hạnh.

Cả hội trường lặng im, xúc động. Đồng chí hiệu trưởng vừa kết thúc bài nói thì một em gái đã huơ huơ tay, lần bước lên sân khấu, đọc thơ. Bài thơ chính em làm, đoạn cuối có mấy câu :

Trước mắt em : mênh mang... mênh mang...
Em lắng nghe cuộc đời qua muôn ngàn tiếng động
Em vẫn gắn với đời, vẫn yêu cuộc sống
Bằng tình thương của thầy cô và của bao người

Em bé đã nói hộ một thực tế giản dị : Rằng người Việt nam luôn luôn trọng tình thương, lẽ phải, và mong được sống trong tình thương, lẽ phải. Đó là đạo lý ngàn đời, là truyền thống cao đẹp của dân tộc ta.

CHÍNH SÁCH...

(Tiếp theo trang 17)

giai đoạn của trình tự xây dựng cơ bản. Đồng thời, hệ thống giá cần được xem xét, điều chỉnh kịp thời mỗi khi có biến động lớn của thị trường.

- Củng cố và kiện toàn các cơ quan quản lý tổng hợp về xây dựng cơ bản nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ hoạch định chiến lược đầu tư, cấp phát, quản lý các nguồn vốn đầu tư, quyết toán công trình, xác định giá trị tài sản cố định tăng thêm và phân tích hiệu quả đầu tư ở tầm vĩ mô và vi mô.

- Đổi mới phương thức cấp phát vốn đầu tư đối với các công trình do ngân sách nhà nước thực hiện. Cụ thể là : giao cho ngành tài chính thực hiện cấp phát thanh toán qua hệ thống kho bạc nhà nước đối với sản phẩm xây dựng cơ bản hoàn thành. Việc cấp phát này được thực hiện sau khi đã có biên bản xác nhận khối lượng hoàn thành và cấp phát để thanh toán trực tiếp cho bên B. Phương thức này sẽ loại bỏ được tình trạng ứ đọng vốn ở chủ đầu tư, bảo đảm cấp phát đúng khối lượng, đúng dự toán được duyệt.

- Tăng cường kiểm tra thanh tra và quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nhất là đối với các công trình trọng điểm của quốc gia, các công trình trên hạn ngạch, kiên quyết loại bỏ các khoản chi không đúng chế độ, chính sách ra khỏi giá thành công trình.

Đổi mới chính sách đầu tư và hoàn thiện cơ chế quản lý vốn đầu tư nhằm thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển và điều chỉnh các hoạt động kinh tế xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu phấn đấu là đưa nền kinh tế nước ta tiến lên, theo kịp các nước tiên tiến trong khu vực châu Á - Thái bình dương.

Digitized by Google

HAI CUỘC THI
Đôi điều gợi mở

(Nhân đọc tập truyện ngắn *Ánh trăng** và tập ký *Người không cô đơn***)

VŨ ĐẠNG VÀ CHU GIANG

Có thể khẳng định rằng, cuộc thi truyện ngắn 1991 và cuộc thi ký 1992 trên tuần báo *Văn nghệ* là những sự kiện quan trọng trong đời sống văn học nước ta hơn hai năm qua. Hai cuộc thi đã làm xôn xao dư luận, và đặc biệt còn gây ra những cuộc bàn cãi rất bổ ích trong bạn đọc, trong cả giới nghiên cứu lý luận, phê bình về nhiều vấn đề quan trọng của cuộc sống và của văn học. Các nhà xuất bản đã nhanh nhạy cho ra mắt công chúng hai tập sách *Ánh trăng* và *Người không cô đơn*.

Sản phẩm của cuộc thi truyện ngắn là tập *Ánh trăng*, xuất hiện cùng hàng chục tập truyện ngắn khắp trong Nam ngoài Bắc, tạo nên diện mạo riêng của văn học, như một số nhà phê bình đã khái quát : thời kỳ truyện ngắn lên ngôi.

Xét riêng về mặt văn chương, có thể nói, hầu hết những truyện ngắn in trong tập *Ánh trăng*, dù là của những cây bút "có nghề" (như Nguyễn Quang Thân, Vũ Bão...) hay của những cây bút mới (như Lại Văn Long, Phạm Hải Vân...), đều là những truyện ngắn hay, xứng đáng được trao giải. Các tác giả đã thể hiện sự đa dạng, phong phú về bút pháp, phong cách. Từ lối văn trau chuốt, chặt chẽ của Nguyễn Quang Thân, Phạm Hoa, đến lối văn ẩn dụ, tượng trưng của Hòa Vang, lối văn hoạt kê của Vũ Bão, lối kể chuyện "tưng tửng" của Lại Văn Long, giọng trữ tình, sâu lắng của Nguyễn Bản v.v., tất cả đều tạo nên chất lung linh và âm hưởng riêng của tập *Ánh trăng*, khiến cho nó trở thành cuốn sách vào loại "ăn khách" của năm 1992.

Vẫn là những đề tài muôn thuở và quen thuộc, nhưng ở mỗi truyện trong *Ánh trăng* đều thể hiện sự tìm tòi, khám phá những gam màu mới. Đọc tập truyện, có cảm giác mọi húy kị thường thấy xưa nay đã được gạt bỏ. Các tác giả đã mạnh dạn đi sâu, khám phá cuộc sống và con người từ nhiều góc cạnh khác nhau, nhiều hoàn cảnh khác nhau, để từ đó bật ra những phát hiện thú vị, gây ấn tượng mạnh cho người đọc. Đó là triết lý nhân sinh vĩnh hằng về cái cao cả, về giá trị quý hơn hết thảy của con người và cuộc sống làm người trong *Nhân sứ* của Hòa Vang ; là xung đột dẫn đến bi kịch giữa tình yêu và sự chiếm hữu ích kỷ trong *Đùa của tạo hóa* của Phạm Hoa, giữa tình yêu và cái đẹp, giữa tình yêu với những khát vọng khác của con người trong *Mùi cọp* của Quý Thể. Tình yêu, đề tài muôn thuở của văn học đã không bị sáo mòn, gượng gạo trong những truyện ngắn vừa nêu cũng như với *Ánh trăng* của Nguyễn Bản, *Chị Thìn* của Nguyễn Quang Huy.

Ở một mảng đề tài khác, tạm gọi là chống tiêu cực, các tác giả đã tỏ ra không e dè, nương tay khi phanh phui, lột tả những mặt trái, những mảng tối của xã hội hiện nay, từ đó giống lên tiếng chuông báo động về sự bất công đang có cơ trở lại chiếm lĩnh cuộc sống ; về sự tha hóa tưởng như phi lý của con người trước nhu cầu mưu sinh, trước sự tác oai tác quái của đồng tiền, sự hãnh tiến của lớp tư sản mới và nhịp sống bon chen hối hả của môi trường xung quanh. Sự tha hóa đó tất yếu dẫn đến những bi kịch đau lòng. Tư tưởng này được thể hiện khá rõ trong *Kẻ sát nhân lương thiện* của Lại Văn Long, *Vũ điệu của cái bô* của Nguyễn Quang Thân, *Hạnh* của Nguyễn Minh Dậu, *Người hùng trường làng* của Tạ Nguyên Thọ. Có thể thấy khuynh hướng chung của các tác giả nêu trên là : cố đẩy các mâu thuẫn đến tận cùng để nhân vật chính trong truyện của mình đều có một kết thúc bi thảm do tình trạng tiêu cực của hoàn cảnh sống tạo ra.

Có điều lạ là gấp tập *Ánh trăng* lại, người ta dễ liên tưởng đến một câu Kiều :

Rằng hay thì thật là hay
Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào

* Nhà xuất bản Hội nhà văn - Tuần báo Văn nghệ, Tổng công ty phát hành sách liên kết xuất bản, Hà nội, 1992

** Nxb Thanh niên, Hà nội, 1993.

Digitized by Google

Cảm giác chung là buồn và đau ; cái buồn đau toát lên từ những con người và cảnh đời trong truyện. Buồn vì những nỗi niềm cay đắng trong tình yêu... Buồn và lo lắng trước sự trớ trêu của cuộc đời, sự chung chiêng, yếu ớt của những người tốt, của cái thiện trước cái xấu, cái ác đang lấn lướt hoành hành. Nhân vật chính trong *Kẻ sát nhân lương thiện* uất ức trước sự bất công đang ngự trị tựa như một định mệnh truyền kiếp không được giải thoát, không được ai bênh vực, đã chọn cách phản ứng mạnh động, tiêu cực và tất yếu phải cúi đầu trước vành móng ngựa. Còn các nhân vật chính trong *Hạnh, Người hùng trường làng* cũng dành cho mình kết cục bi thảm là cái chết trước sự tha hóa, phản bội của những người xung quanh (kể cả người thân của gia đình mình). Anh phó tiến sĩ Hảo trong *Vũ điệu của cái bô* đã có chút "chữ nghĩa", đã đi đây đi đó, chắc hẳn hiểu cái giá của mình, cái giá con người. Ấy vậy mà vẫn luẩn quẩn không lối thoát, tỏ ra nhẫn nhục, đớn hèn trước miếng cơm manh áo v.v.. Tất cả đều thấy toát lên sự cô đơn, bế tắc của những thân phận, những kiếp người đã không hề tìm được chỗ dựa hay niềm hy vọng ở những người xung quanh, ở môi trường sống. Cũng vì thế mà từ cuộc thi truyện ngắn trên báo *Văn nghệ*, một nhà phê bình đã vội vã viết bài khẳng định sự trường tồn bất tử, sự bất khả chiến bại của *cái ác* trong cuộc sống, gây nên một cuộc tranh luận sôi nổi về cặp phạm trù *thiện - ác*

Ở đây, chúng tôi không có ý định làm một phép so sánh giản đơn dung tục giữa văn học và cuộc đời để xác định tính chân thật của các sự kiện trong từng truyện. Bởi ngoài đời biết đâu còn có những câu chuyện, những số phận bi thảm hơn những chuyện được phản ánh trong văn học. Nỗi buồn, nỗi đau xưa nay đã có lúc chiếm vị trí quan trọng trong văn học và đã là cơ sở để làm nên nhiều kiệt tác. Khi viết về những đề tài này (kể cả những truyện ngắn trong tập *Ánh trăng*), các tác giả đã thể hiện nhiệt tình công dân, trách nhiệm và tình yêu đối với con người. Trái tim nhạy cảm của nhà văn người ta hay ví như chiếc cần ăng ten luôn giương lên để bắt gặp nỗi đau, nỗi bất hạnh của người đời (có khi đồng điệu với nỗi chua chát của chính mình), từ đó bật lên tiếng thét, tiếng kêu xót thương. Và đó cũng là một trong những yếu tố làm nên giá trị nhân văn vĩnh cửu của văn học.

Thế nhưng, văn học đâu phải chỉ là lĩnh vực độc tôn của nỗi buồn, nỗi đau. Cũng như trong cuộc sống, cái ác, cái xấu tuy chưa bao giờ bị tiêu diệt hẳn, nhưng rõ ràng mỗi bước tiến của xã hội hướng tới văn minh là một bước đi trước, là sự thắng thế (xét trên toàn cục) của cái thiện đối với cái ác, là quá trình ánh sáng đẩy lùi dần bóng tối.

Nếu đọc từng truyện ngắn trong tập *Ánh trăng* một cách riêng rẽ, thì những lý giải trong đó có thể chấp nhận được ở mức độ khác nhau. Nhưng đặt chung tất cả vào một tập, mà đây là tập chọn lọc những truyện hay nhất từ hàng nghìn bản thảo gửi đến dự thi, thì không khỏi có những băn khoăn. Rộng ra, nếu đặt tập *Ánh trăng* bên cạnh nhiều tập truyện ngắn khác mới ra đời và trước đấy nữa, cả những cuốn tiểu thuyết được giải Hội nhà văn năm 1990, ta có thể thấy một bức tranh đời sống có phần ảm đạm, nặng nề và một bức tranh văn học không hoàn thiện, hoàn chỉnh, thiếu hụt những đường nét và mảng mầu cần có. Tất cả bỗng bềnh nổi lên những thân phận bèo bọt, những mảnh đời éo le, chua xót. Cùng lúc đó, trong lý luận cũng xuất hiện những quan điểm cho văn học chỉ là lĩnh vực của nỗi buồn, nỗi đau, của thân phận cá nhân con người, về cái ác trường tồn bất tử, về "nghiền ngẫm" thay thế "phản ánh", càng làm cho giai điệu bản nhạc cuộc đời thêm bi lụy.

Nếu coi văn học là tấm gương của cuộc sống với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, thì người đọc có quyền hỏi : toàn bộ sự thật hôm nay phải chăng chỉ có nỗi đau, bi kịch và bất hạnh ? Vậy ở đâu, trong văn học, những biến chuyển dữ dội đến tận gốc rễ đang tạo nên bước phát triển đáng ghi nhận của đất nước mấy năm qua ; và ở đâu những con người - nhân vật thời đại - tượng trưng cho khát vọng và ý chí vươn lên vì sự nghiệp dân giàu nước mạnh ? Dù các nhà lý luận có tranh cãi dài dài về *nghiền ngẫm* hay *phản ánh*, thì toàn bộ sự thật đời sống vẫn tồn tại khách quan với tất cả tính phức tạp, đa tầng đa diện của nó. Và có phản ánh được chân thực, đầy đủ cuộc sống hay không, điều đó tùy thuộc vào tri thức, vốn sống, trách nhiệm, và cao hơn, là chỗ đứng, là tầm nhìn, và đặc biệt là thiện tâm của người cầm bút.

Sau cuộc thi truyện ngắn, sau những dư luận khen chê nhiều chiều khác nhau về cuộc thi, dường như cảm nhận được sự thiếu hụt nào đó, báo *Văn nghệ* đã tổ chức tiếp cuộc thi ký văn học 1992. Cuộc thi này đã khơi dậy, phát huy tiềm năng của một thể

Digitized by Google

loại văn học - báo chí vốn đã từng là thế mạnh tạo nên bản sắc của báo *Văn nghệ* trong những năm đầu của công cuộc đổi mới (1987 - 1988). Thành công của cuộc thi đã xứng đáng với kỳ vọng của những người tổ chức ra nó. Tập ký *Người không cô đơn* (tập hợp 11 bài ký được giải) đã nhanh chóng đem đến cho người đọc một bức tranh đa dạng và khá toàn vẹn, tràn đầy tính thời sự nóng hổi về cuộc sống và con người hôm nay.

Trong tập ký này, ta cũng bắt gặp nỗi nhức nhối, tiếng kêu báo động về sự tha hóa và xuống cấp của nhân cách và đạo lý làm người, về nguy cơ của một cuộc nô dịch mới, âm thầm, lặng lẽ nhưng không kém phần nguy hiểm trong công cuộc mở cửa và giao lưu quốc tế (*Thành phố chỉ sống 60 ngày* của Nguyễn Quang Thiều), ta cũng thấy bật lên tiếng kêu phẫn nộ, xót xa trước những kẻ vì ngu dốt, vì vô trách nhiệm, vì hám lợi trước mắt mà đang tâm, trực tiếp hay gián tiếp, tàn phá tài nguyên quốc gia, gây nên những hậu quả khôn lường về môi trường sống (*Rừng cấm quốc gia Krông trai bị xóa sổ* của Đoàn Việt Hùng). Nhưng không chỉ có vậy, cao hơn và sâu xa hơn, tập ký còn đưa lại cho người đọc niềm tin, tình yêu đối với cuộc sống và con người.

Đọc hai thiên ký sự : *Người không cô đơn* của Minh Chuyên và *Thủy Thanh của tôi* của Nguyễn Quang Hà, ai mà không kính phục và cảm động đến rơi nước mắt trước lòng tốt và sự bao dung của con người. Hai thiên ký sự này thực sự là hai bài ca về đạo lý sống "uống nước nhớ nguồn", "tương thân tương ái" của dân tộc. Những con người như ông bà Châu, cô y sĩ Dung, chị Học... và hành động cưu mang quên mình của họ đối với anh thương binh Nguyễn Đình Thúc trong *Người không cô đơn* thực sự đã trở thành biểu tượng cho lòng nhân ái và đức hy sinh vốn còn vô vàn trong cộng đồng người Việt nam ta. Đọc xong bài ký, ta cảm ơn Minh Chuyên đã cố công tìm kiếm, phát hiện và theo dõi đến cùng những tấm lòng cao cả, và điều đáng trân trọng hơn nữa, là đã giải trình trên mặt báo bằng tấm lòng và tài văn của mình. Trong *Thủy Thanh của tôi*, cảnh ngộ của những con người và cả một vùng đất vốn mang trên mình những tàn phá nặng nề của chiến tranh mà thời gian chưa thể xóa nhòa, có giá trị như một lời nhắc nhủ chân tình đối với tất cả những ai đang sống về một quá khứ đau thương và bi hùng của dân tộc.

Ở một loạt bài ký khác : *Khởi sắc Quỳnh lưu* của Đặng Văn Ký, *Học về bồng lai* của Nguyễn Quang Thân, *Lúa Nhật ở Mỹ văn* của Nguyễn Phúc Lai, *Mông dương từ 97 mét dưới âm ty* của Hoàng Minh Tường, *Vàng trên biển* của Nguyễn Hà, ta bắt gặp hơi thở gấp gáp của cuộc sống đổi mới đang chuyển mình đi lên. Những người nông dân, công nhân, trí thức, những cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các bài ký nêu trên, đều có chung một nhiệt huyết, một lòng say mê vươn tới cuộc sống tốt đẹp hơn, làm giàu cho bản thân và cho đất nước bằng chính lao động và tài năng của mình. Trong một số bài ký, ta có thể thấy lấp ló hình bóng nhân vật của thời đại mới, những con người đang đóng vai trò động lực cho những biến đổi đáng mừng của đất nước mấy năm qua. Người nông dân ở Quỳnh lưu (Nghệ an) ngày nào còn kiêu hãnh với ý tưởng : "mo cơm quả cà với tấm lòng cộng sản, muốn đời non lấp biển xây dựng chủ nghĩa xã hội" thì nay, qua *Khởi sắc Quỳnh lưu*, ta thấy họ tỉnh táo hơn, trí tuệ hơn và vẫn với ý chí quyết liệt đó, từng bước đưa nghề nuôi hươu truyền thống của địa phương mình trở thành một chuyên ngành có khả năng và trên thực tế đã làm giàu thực sự. Ở họ có cả những mánh lới, mưu mẹo, và thậm chí thủ đoạn, vốn là phẩm chất của những con người khát khao vươn tới sự giàu có, nhưng nhìn chung, về cơ bản, họ vẫn là những người nông dân Việt nam chân thật, trọng tình làng nghĩa xóm và đạo lý sống tương thân tương ái, cùng nhau vượt lên, thoát cảnh đói nghèo.

Ở một lĩnh vực khác, những người công nhân, những kỹ sư, giám đốc... đang ngày đêm vật lộn với khó khăn để khai thác tài nguyên cho Tổ quốc, những "vàng đen", "vàng trắng" trong *Mông dương từ 97 mét dưới âm ty* và *Vàng trên biển*. Chính lao động không mệt mỏi của họ đã vực dậy những cơ sở sản xuất tưởng như sắp suy sụp trước cơ chế mới. Dù là những người thợ mỏ khai thác than ở Mông dương sâu 97 mét hay những người thợ đêm ngày xa vợ con bên tổ yến trên vách đá cheo leo ngoài trùng khơi, họ đều có chung phẩm chất : cần cù lao động, nâng niu trân trọng từng vốn quý của đất nước.

Hai cuộc thi ở hai thời điểm tiếp liền nhau, báo *Văn nghệ* đã làm được những việc có ý nghĩa. Sau cuộc thi truyện ngắn, thì cuộc thi ký, như nhà văn Hữu Mai nhận xét, "đã góp phần nắn lại dòng chảy của tờ báo". Như vậy, giữa hai cuộc thi đã cho ta

(Xem tiếp trang 58)

Digitized by Google

CÓ THỂ HỌC TẬP NHỮNG GÌ Ở CHỦ NGHĨA TƯ BẢN ?

TRỊNH DÂN

QUÁ trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đang đòi hỏi chúng ta phải làm giàu cho mình bằng những kinh nghiệm và giá trị mà loài người đã tích lũy được. Trong đó, đặc biệt là những thành tựu của nền văn minh tư bản chủ nghĩa. Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng suy nghĩ về việc làm thế nào để các nước tiên tiến phương Tây chia sẻ với Việt nam những thành tựu văn hóa, kỹ thuật và kinh nghiệm thành công của họ. Người đã có lúc nói với người Mỹ : "Mục đích của chúng tôi là độc lập hoàn toàn và hợp tác hoàn toàn với Mỹ. Chúng tôi sẽ làm hết sức mình để cho nền độc lập và sự hợp tác đó có lợi cho toàn thế giới" (1).

Ở nước Nga, sau khi chính quyền xô viết được thành lập, nhất là khi bước vào thực hiện chính sách kinh tế mới, Lê-nin đã nhiều lần khẳng định cần phải học tập chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội (2). Lê-nin nói : những người xã hội chủ nghĩa không nên "sợ" học tập nhà tư bản ; cũng đừng tiếc phải bỏ "học phí", "vật cống" để học tập các chuyên gia tư sản. "Chớ có sợ phải trả đắt, miễn là thu được kết quả tốt". Lê-nin phân tích : chủ nghĩa tư bản xấu xa so với chủ nghĩa xã hội, nhưng chủ nghĩa tư bản tốt hơn nhiều so với sản xuất nhỏ, so với tư tưởng bảo thủ, tản mạn, phân tán, vô chính phủ của sản xuất nhỏ, so với tình trạng quan liêu của quyền phong kiến. Hơn nữa, chủ nghĩa xã hội ở Nga lúc đó tuy là chế độ tiến bộ nhất về chính trị, nhưng vì mới ra đời, còn non trẻ, nên "lại lạc hậu hơn những nước lạc hậu nhất ở Tây Âu" về mặt tổ chức bộ máy nhà nước, về trình độ văn hóa, và nhất là về quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh. Trong khi đó, chủ nghĩa tư bản Tây Âu, như Lê-nin nói, lại là chủ nghĩa tư bản "văn minh nhất", "tiên tiến nhất". Đương nhiên, đây chủ yếu là nói về mặt phát triển kinh tế, buôn bán của chủ nghĩa tư bản. Và về điểm này, Lê-nin không ngần ngại kết luận : "Chỉ trông vào bàn tay của những người cộng sản để xây dựng xã hội cộng sản, đó là một tư tưởng hết sức ngây thơ". Lê-nin kêu gọi các đảng viên cộng sản, các cán bộ lãnh đạo, và ngay cả công nhân, nông dân cũng phải biết về cơ chế thị trường, phải học tập buôn bán. Lê-nin nhấn mạnh : phải kiên quyết thực hiện những hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa như tô nhượng, khoán thuê, liên doanh liên kết, đại lý mua và bán...

Trong việc học tập chủ nghĩa tư bản, Lê-nin nêu ra một điều kiện cực kỳ quan trọng là không được phạm sai lầm về chính trị, là tính kiên định cộng sản chủ nghĩa ; và phải tăng cường kiểm tra, kiểm soát nghiêm ngặt.

Chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn phát triển của lịch sử loài người. Nhờ phát triển khoa học kỹ thuật, đặc biệt nhờ *sử dụng những biện pháp có hiệu quả về cơ chế thị trường, cơ chế kinh*

---

(1) *Chủ tịch Hồ Chí Minh, người chiến sĩ kiên cường của phong trào giải phóng dân tộc, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế*, Nxb Thông tin lý luận, Hà nội, 1990, tr 313

(2) Tất cả những tư tưởng của Lê-nin nêu trong bài này đều lấy từ các tác phẩm : "Bàn về thuế lương thực", "Thời đại mới, sai lầm cũ dưới một hình thức mới", "Đại hội XI ĐCS (b) Nga". Xem V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, các tập : 43, 44, 45

Digitized by Google

doanh, các hình thức quản lý và tổ chức sản xuất tiên tiến, nên chủ nghĩa tư bản đã đạt tới một trình độ cao về phát triển kinh tế hàng hóa, xã hội hóa sản xuất, hiện đại hóa kinh tế. Những yếu tố đó thể hiện quy luật chung và yêu cầu khách quan của tiến trình lịch sử. Chúng không phải là đặc trưng riêng của chủ nghĩa tư bản. Khi vạch ra những nguyên tắc của cơ chế thị trường, A-đam Xmít có bao giờ nói rằng cơ chế đó chỉ là thuộc tính của chủ nghĩa tư bản đâu ! Đương nhiên, những cơ chế quản lý kinh doanh, những hình thái tổ chức sản xuất tồn tại dưới chủ nghĩa tư bản là nhằm phục vụ lợi ích của chủ nghĩa tư bản, và chúng là một bộ phận của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nhưng khi những cơ chế và hình thức ấy được chủ nghĩa xã hội sàng lọc, lựa chọn và sử dụng phục vụ cho lợi ích của chủ nghĩa xã hội thì chúng nằm trong quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Đi đôi với sự phát triển về mặt kinh tế chủ nghĩa tư bản cũng đạt được những thành tựu rất cao về *giáo dục, văn hóa, khoa học*, và cả về *một số mặt nào đó trong đạo đức và quan hệ con người*. Tất cả những yếu tố vừa nêu trên đều thuộc phạm vi khoa học xã hội. Mà đã là khoa học xã hội thì bao giờ cũng mang tính tư tưởng, tính giai cấp, và định hướng chính trị. Cơ sở lý luận và tư tưởng chỉ đạo của khoa học xã hội dưới chủ nghĩa tư bản, dứt khoát là thuộc phạm trù chính trị tư bản chủ nghĩa. Do vậy, khi tham khảo những yếu tố kinh nghiệm về khoa học xã hội của chủ nghĩa tư bản, chúng ta phải loại bỏ những gì thuộc về quan điểm chính trị và triết học tư sản. Chúng ta chỉ sử dụng những yếu tố nào có lợi cho việc xây dựng một xã hội công bằng, một nền giáo dục, văn hóa và khoa học tiến bộ, phục vụ tuyệt đại đa số con người, những yếu tố thực ra không đơn thuần của chủ nghĩa tư bản.

Trên lĩnh vực *quản lý xã hội*, chủ nghĩa tư bản cũng đã vươn tới trình độ cao trong *văn minh hành chính, văn minh công cộng, văn minh giao tiếp, văn minh thương nghiệp*... Trong vấn đề *chức năng quản lý nhà nước*, bản chất nhà nước tư bản chủ nghĩa là trái với bản chất nhà nước xã hội chủ nghĩa. Chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta không thể chấp nhận nền dân chủ nghị viện, chủ nghĩa đa nguyên chính trị và cơ chế tam quyền phân lập. Những cơ chế chính trị đó mang thuộc tính tư sản, gán liền với lợi ích giai cấp tư sản. Tuy nhiên, chúng ta có thể và cần thiết phải tham khảo những kinh nghiệm bổ ích *trong hình thức quản lý một xã hội hiện đại*. Chính Mác đã từng nhấn mạnh : quyền lực nhà nước của nhân dân chính là cái quyền lực của nhà nước tư bản đã được cải tạo. "Đó là việc bản thân quần chúng nhân dân đoạt lại quyền lực nhà nước, họ là những người thay thế cái quyền lực có tổ chức dùng để áp bức họ bằng quyền lực của bản thân họ"(3). Lê-nin cũng nói : nếu thay cụm từ "nhà nước tư sản, đế quốc" bằng cụm từ "nhà nước xô viết" thì chúng ta "sẽ có tất cả các điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội". Trong thời kỳ Mác và Lê-nin, chủ nghĩa tư bản đã phát triển như vậy. Hiện nay, trong việc quản lý một xã hội phát triển cao về lực lượng sản xuất và khoa học, giáo dục, kỹ thuật, trong việc duy trì một trật tự công cộng đa dạng và văn minh, trong cơ chế phân công hợp lý và khoa học giữa các cơ quan quyền lực các cấp, chủ nghĩa tư bản có những phương pháp và cơ chế hợp lý. Thực tế chứng tỏ, đối với bất cứ một xã hội phát triển nào, việc xác lập mối quan hệ phân công và kiểm tra lẫn nhau về quyền lực ở mọi cấp, là một yêu cầu khách quan. Vì vậy, trên cơ sở định hướng có tính nguyên tắc của mình, chủ nghĩa xã hội hoàn toàn có thể xem xét và tham khảo những yếu tố hợp lý trong chế độ bầu cử, tư pháp, luật pháp, chế độ viên chức, hệ thống truyền thông đại chúng của chủ nghĩa tư bản.

Đi đôi với quá trình hiện đại hóa nền kinh tế xã hội, xã hội tư bản chủ nghĩa cũng hình thành *những phương pháp tư duy hiện đại, khoa học*. Có thể chia làm mấy loại như sau :

1 - *Phương pháp tư duy khoa học, duy lý* : phương pháp và thái độ lao động khoa học, sáng tạo, năng động, luôn đổi mới, chống bảo thủ, chống lối mòn, khuôn sáo, tôn trọng trật tự công cộng,...

2 - *Quan niệm, tư tưởng về lợi ích* : sự nhạy cảm

(3) C.Mác-Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập* Nxb Sự thật, t IV, tr 33

Digitized by Google

về giá trị, về hiệu quả, về thị trường ; ý thức về cạnh tranh, về thời gian là vàng bạc, về năng suất, về tin học, về khai thác những lĩnh vực khoa học mũi nhọn.

3 - *Quan niệm về dân chủ* : tự do cá nhân và bình đẳng trong kinh doanh...

Nói chung, quan niệm, tư tưởng của các nhà tư bản ngày nay đều là kết quả của quá trình xóa bỏ quan niệm, tư tưởng sản xuất nhỏ, kinh tế tự túc, kinh tế sản phẩm, tư tưởng quan liêu, cửa quyền, bình quân, gia trưởng phong kiến.

Ở đây, chúng ta có thể nói dứt khoát rằng, đỉnh cao của tư duy khoa học là Mác, Ăng-ghen, Lê-nin và học thuyết tư tưởng của các ông. Tuy nhiên, nói về sự phổ cập của phương pháp tư duy hiện đại, thích ứng với một nền sản xuất hàng hóa phát triển cao, thì chúng ta cần nghiên cứu, tham khảo những gì có ích trong phương pháp tư duy của các nhà tư bản, và nhất là của các chuyên gia tư sản. Nhà bác học Đức nổi tiếng đầu thế kỷ XX M.Oe-bơ đã kết luận : "Những nhân tố tạo ra chủ nghĩa tư bản là : doanh nghiệp hoạt động thường xuyên một cách hợp lý, kế toán hợp lý, kỹ thuật hợp lý, pháp luật hợp lý ; nhưng cũng không phải chỉ có những thứ đó : còn phải tính vào đây lối suy nghĩ hợp lý, lối sống hợp lý, đạo đức kinh doanh hợp lý".

Dĩ nhiên, chủ nghĩa xã hội không thể chấp nhận chủ nghĩa cá nhân cực đoan, tư tưởng ích kỷ hại nhân, quan niệm sùng bái đồng tiền, chủ nghĩa cơ hội, thủ đoạn cạnh tranh "cá lớn nuốt cá bé", "sống chết mặc bay tiền thày bỏ túi", và mọi yếu tố tiêu cực trong lối sống tư sản. Chủ nghĩa xã hội không chấp nhận lối sống tư sản, vì lối sống đó dựa trên quan niệm tư sản về giá trị con người, dựa trên chủ nghĩa cá nhân và lợi ích cá nhân cực đoan, lấy lợi ích cá nhân làm nền tảng. Chúng ta chỉ tiếp thu những yếu tố tích cực trong phương pháp tư duy thể hiện sự tiến bộ về mặt nhận thức của con người đối với thế giới khách quan hiện đại, một thế giới khác nhiều với thời kỳ Mác và Lê-nin còn sống.

Ngay cả đối với những *học thuyết, tư tưởng và triết học tư sản phương Tây*, trong khi nghiên cứu chúng với thái độ phê phán, chúng ta cũng có thể tìm ra những yếu tố có giá trị tham khảo. Điều này cũng giống như Mác đã tiếp thu phép biện chứng trong hệ thống duy tâm của Hê-ghen và tiếp thu tư tưởng duy vật trong hệ thống siêu hình của Phơ-bách. Trong các học thuyết, tư tưởng tư sản hiện đại, chúng ta có thể tìm tòi những yếu tố hợp lý theo định hướng thúc đẩy tiến bộ tư tưởng, tiến bộ xã hội, giải phóng con người, giải phóng xã hội, thực hiện công bằng xã hội. Đặc biệt, trong lĩnh vực văn học nghệ thuật, các học giả và văn nghệ sĩ tư sản cũng đạt tới những đỉnh cao sáng tạo. Đành rằng những công trình văn học tư sản là dựa trên nền tảng tư tưởng tư sản và phục vụ lợi ích giai cấp tư sản, nhưng trong những tác phẩm ấy chứa đựng không ít những phát hiện mới về thẩm mỹ, và phản ánh mối quan hệ sinh động giữa CHÂN, THIỆN, MỸ. Chúng là kết quả của quá trình không ngừng sáng tạo và không ngừng khai phá của văn học nghệ thuật, nói lên khả năng tìm tòi vô tận của con người.

Cuối cùng, *cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ tiên tiến của chủ nghĩa tư bản* là *những yếu tố không mang tính* tư tưởng, tính giai cấp. Việc tiếp thu những máy móc hiện đại và công nghệ tiên tiến là một trong những điều kiện quan trọng nhất đối với tất cả các nước. Thủ tướng Trung quốc Lý Bằng đưa ra khẩu hiệu : "Biến ngoại hóa thành nội hóa". Người Nhật nói : "Học bên ngoài biến thành của Nhật". Và chỉ trong vòng không đầy 30 năm, Nhật đã vươn lên thành một cường quốc khoa học kỹ thuật hàng đầu thế giới, mà chủ yếu là bằng cách "mua nhiều hơn bán các phát minh sáng chế"(4).

Việt nam đang được coi là một thị trường chưa khai thác của thế giới. Vì vậy, Việt nam có nhiều thuận lợi để tiếp thu tiền vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý kinh doanh tiên tiến của thế giới. Trong giới buôn bán Việt nam có câu : "Người ta cho nhau vàng chứ không bày đàng cho nhau đi buôn". Đúng vậy. Người ta thường coi trọng, thậm chí giữ kín, những bí quyết thành công hơn là cho vay vốn. Nhưng đối với nước ta, nhiều nước, mặc dù không cùng một chế độ xã hội, đã

(4) Đào Huy Ngọc : *Vài suy ngẫm về sự "thần kỳ" Nhật bản*, Nxb Sự thật - Viện quan hệ quốc tế, Hà nội, 1991, tr 23, 24

Digitized by Google

nói rõ là sẵn sàng giúp đỡ, chia sẻ với chúng ta về kinh nghiệm phát triển. Phải chăng đó là vì hiện nay Việt nam chưa phải là đối thủ cạnh tranh của họ, và họ thì đang cần thị trường đầu tư và tiêu thụ ? Dù sao, sự sẵn sàng hợp tác của nhiều nước cho thấy chúng ta đang đứng trước những vận hội và thách thức. Điều đó đòi hỏi chúng ta *một mặt* nêu cao tinh thần tự lực tự cường, *mặt khác* ra sức học tập kinh nghiệm các nước, nhất là những nước sẵn sàng giúp đỡ chúng ta xây dựng và bảo vệ đất nước. Có thể đây là một tiêu chuẩn mới để nhận biết và phân biệt ai là bạn bè chân chính, không phân biệt chế độ xã hội. Điều này đòi hỏi chúng ta có những nhận thức mới, thoát ra khỏi những giáo điều trước đây.

Việt nam đang thi hành chính sách đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại. *Nhưng chúng ta làm việc này trong một bối cảnh quốc tế rất phức tạp*. Chủ nghĩa đế quốc vẫn tiếp tục không ngừng dùng chính sách "diễn biến hòa bình" để hòng xóa bỏ nốt các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Đó là mục tiêu bất di bất dịch của mọi thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, khi chúng ta mở cửa hợp tác kinh tế văn hóa với bên ngoài, những yếu tố tiêu cực của bên ngoài cũng tràn vào. Sự không ổn định của kinh tế xã hội, sự yếu kém của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa và của nền kinh tế đân tộc, những sơ hở và tiêu cực trong quản lý nhà nước, tạo thuận lợi cho sự xâm nhập đó. Và đó là một trong những nguyên nhân chủ yếu đang làm xuống cấp và gây ra nguy cơ băng hoại đạo đức xã hội ở nước ta. Nếu chúng ta không tỉnh táo và có giải pháp kịp thời và hữu hiệu, thì sự trả giá sẽ rất to lớn. Ngoài ra, trong môi trường quốc tế phức tạp hiện nay, nội bộ chúng ta cũng có những người nhận thức mơ hồ, không vững vàng về chính trị, giảm sút lòng tin đối với định hướng xã hội chủ nghĩa, ca ngợi một chiều tất cả những gì thuộc về chủ nghĩa tư bản. Đó là xu hướng tư tưởng lệch lạc, có hại.

Cho nên, trong vấn đề tham khảo tiếp thu những yếu tố có giá trị của chủ nghĩa tư bản, chúng ta cần biết rõ mình đang ở đâu, biết rõ chỗ mạnh chỗ yếu của mình, biết rõ mình cần gì và không cần gì, biết mình cần phải làm gì. Như vậy, chúng ta nhất định sẽ thành công.

HAI CUỘC THI... *(Tiếp theo trang 54)*

những điều gợi mở. Đều là những dạng văn xuôi có khả năng nắm bắt nhanh nhạy mọi sắc thái của cuộc sống, ai cũng biết giữa ký và truyện ngắn có những nét khác biệt thuộc về yêu cầu thể loại. Nhưng điều đáng nói ở đây là trên hai thể loại, nổi lên hình bóng của nhà văn với tất cả tầm nhận thức, khả năng tư duy và lối cảm nhận cuộc sống của mình.

Đọc tập *Ánh tràng*, có thể thấy có tác giả đã để cho tình cảm, thái độ, quan niệm chủ quan của mình in đậm lên tác phẩm, có phần nào đấy bất chấp lô gích của cuộc sống. Vì vậy, khó tránh khỏi sự cường điệu và nhấn mạnh quá đáng, tạo nên những ấn tượng nặng nề, khiến người đọc cảm thấy khó thuyết phục. Người đọc thể tất nỗi ưu tư riêng có của nhà văn do gặp cảnh đời ngang trái mà nhân lên nỗi uất ức trong tác phẩm. Nhưng người đọc cũng tinh tường nhận thấy sự phi lý, khiên cưỡng trong nhiều mảng hiện thực mà nhà văn cố tình mô tả.

Trong tập *Người không cô đơn*, do những yêu cầu nghiêm ngặt về thể loại ký, nhà văn phải trực tiếp đối mặt với cuộc sống, tuân thủ lô gích của cuộc sống, bảo đảm tính chân xác đến từng chi tiết theo kiểu "người thật việc thật". Còn lại, chất văn chương tùy thuộc vào tài năng, kỹ xảo nghề nghiệp của từng tác giả trong trau chuốt ngôn từ, chọn lựa và sáp xếp sự kiện. Vì vậy, cả tập ký đã mang lại cho người đọc những cảm giác nhẹ nhõm, niềm vui và tin cậy vào sự trung thực như chính cuộc sống. Tuy không tránh khỏi đôi chỗ còn thô vụng, nặng chất báo chí, nhưng tập ký *Người không cô đơn* là một biểu hiện lạc quan về lẽ sống ở đời hôm nay.

Hai cuộc thi đã khép lại, nhưng dư âm của chúng vẫn còn. Những nhân vật được các nhà văn sáng tạo nên đang chịu sự thử thách của cuộc sống. Mong rằng, những gợi mở của hai cuộc thi sẽ là điều kiện tốt cho văn học (nhất là văn xuôi) trong thời gian tới đạt được những thành tựu cao hơn, phản ánh cuộc sống chân thực, đầy đủ và sâu sắc như nó vốn có.

Digitized by Google

KỲ TÍCH KHÓ HIỂU

Lời người biên tập

Để bạn đọc hiểu thêm về đất nước Cu-ba, chúng tôi xin giới thiệu bài ký của Hà Kỳ đăng trên tạp chí Hải ngoại tinh vân *(Quảng tây, Trung quốc) số 11, ra ngày 12-4-1993. Tác giả viết bài này sau khi cùng các nhà báo nước ngoài ở Mê-hi-cô tổ chức một cuộc viếng thăm La Ha-ba-na nhân dịp Cu-ba tổ chức bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.*

Sự sinh tồn gian nan

Những biến đổi lớn lao diễn ra trên thế giới từ thập kỷ 90 đến nay đã tác động mạnh mẽ đến Cu-ba, một đất nước chỉ có 11,4 vạn km^2, dân số chưa đến 11 triệu, bị Mỹ bao vây kinh tế hơn 30 năm ròng, lại chỉ cách nước Mỹ, siêu cường duy nhất trên thế giới hiện nay, có 90 hải lý. Cu-ba đứng trước thời kỳ khó khăn nhất kể từ năm 1959, khi thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa.

Đặt chân lên đường phố La Ha-ba-na, bạn sẽ giật mình thấy trong các cửa hàng quốc doanh lơ thơ như sao buổi sớm, hầu như chẳng có gì bán, ngoài thuốc lá cuốn, rượu và một số ít quần áo. Thực phẩm và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu nhất đều cung cấp theo định lượng qua tem phiếu. Ô tô đỗ khắp nơi, nhưng do thiếu xăng, số ô tô chạy trên đường không nhiều. Phần lớn người dân La Ha-ba-na đi bộ hoặc xe đạp. Bạn còn có thể thấy từng tốp người đứng chờ xe buýt rất lâu. Những xe buýt chạy trên đường thường có hàng chục người đánh đu bên ngoài. Một người dân La Ha-ba-na hiện nay mỗi tháng được 8 quả trứng, gần 3 kg gạo, 30 chiếc bánh mì nhỏ. Người ốm và trẻ em 7 tuổi trở xuống mỗi ngày cũng chỉ được chưa đến nửa lít sữa. Thịt và cá căn cứ vào tình hình cung ứng hàng, ưu tiên cho trẻ em và người ốm. Dân thường cả tháng cũng không được bữa thịt. May mà Cu-ba sản xuất nhiều đường, phần đường cho dân cơ bản được bảo đảm. Khi màn đêm buông xuống, hoạt động "buôn bán chợ đen" liền trở nên sôi nổi.

Đứng trước "cuộc bao vây kinh tế song trùng"

Từ sau cuộc khủng hoảng tên lửa Cu-ba năm 1962, Mỹ bắt đầu bao vây chống Cu-ba. Từ bao năm qua, Cu-ba đã hình thành "nền kinh tế dựa dẫm" vào Liên xô và Đông Âu. Trên 80% số hàng xuất nhập khẩu của Cu-ba là trao đổi với các nước này ; Cu-ba phải nhập tới 95% dầu, 57% lương thực, 51% thịt, phần lớn công cụ giao thông, giấy, hàng tiêu dùng hằng ngày. Công nghiệp đường là ngành xương sống của kinh tế Cu-ba, mỗi năm sản xuất 7,1 triệu tấn, phần lớn bán sáng Liên xô và Đông Âu. Từ năm 1991, chính sách chính trị, kinh tế của các nước này đối với Cu-ba đã thay đổi về chất, mọi ưu đãi về buôn bán bị xóa bỏ ; hơn nữa, ngay các nước đó cũng đứng trước nguy cơ sụp đổ, lo thân mình chẳng xong. Kinh tế Cu-ba xấu đi nhanh chóng, số hàng xuất nhập khẩu năm 1991 tụt nhanh. Xăng nhập của Liên xô từ 13 triệu tấn giảm xuống còn 6 triệu. Do thời tiết không thuận, vụ mía thất thu, buộc phải giảm xuất khẩu đường. Do thiếu ngoại tệ, thiếu nguyên liệu và năng lượng, nhiều nhà máy lâm vào tình trạng đình đốn, khiến nền kinh tế Cu-ba teo đi nghiêm trọng. Trong khi đó, Mỹ lại tăng cường bao vây, ủng hộ các đài phát thanh chống Cu-ba đẩy mạnh tuyên truyền lật đổ. Người Cu-ba nói, đất nước này đứng trước "cuộc bao vây kinh tế song trùng".

Sự tồn tại được coi như một kỳ tích

Các nước Đông Âu nối tiếp nhau sụp đổ như những con bài đô mi nô, bán đảo Ban-căng mịt mù khói đạn, lá cờ ba màu của nước Nga Xa hoàng lại phấp phới trên điện Crem-li, nhiều chính khách phương Tây tự tin dự đoán : "Sắp tới sẽ là Cu-ba !". Một thời, những phần tử Cu-ba lưu vong trên đất Mỹ đã hội họp bàn bạc việc "tiếp quản chính quyền, xây dựng lại Cu-ba !". Một số nước Mỹ la tinh hữu nghị với Cu-ba, coi sự tồn tại của Cu-ba "thể hiện nguyên tắc độc lập, chủ quyền, không can thiệp" ở Mỹ la tinh, đã thật sự lo ngại trước tình thế hiểm nghèo đặt ra trước đất nước này.

Hơn hai năm qua đi, hòn đảo nhỏ bé này vẫn ngoan cường tồn tại, và đang cố gắng tìm cách thay đổi tình thế khó khăn. Thế là nhiều người ở phương Tây gọi đây là "kỳ tích khó hiểu". Đặt chân lên đất

Digitized by Google

nước Cu-ba, tận mắt thấy bộ mặt tinh thần của những người Cu-ba bình thường, nhất là nhiệt tình tham gia bầu cử, cùng những cuộc mít tinh, diễu hành của quần chúng trước và sau khi bỏ phiếu, chúng tôi mới hiểu được nguyên nhân của những kỳ tích ấy.

Cuộc bao vây của Mỹ làm bùng lên tình cảm dân tộc

Sau khi cách mạng thắng lợi, chính phủ Phi-đen đã giành được sự ủng hộ của nhân dân Cu-ba giàu truyền thống dân tộc trên các mặt bảo vệ độc lập dân tộc, thực hiện bình đẳng sắc tộc. Chính sách thù địch và bao vây Cu-ba của các đời tổng thống Mỹ đã làm tổn thương nặng nề tình cảm dân tộc của nhân dân Cu-ba ; nó chẳng những không đạt được kết quả, mà càng kích thích tinh thần dân tộc ở đất nước này. Dây cao su kéo càng căng, lực đàn hồi càng mạnh. Người Cu-ba nói, cuộc bao vây kinh tế của Mỹ hơn 30 năm qua làm họ thiệt hại ít nhất 30 tỉ đô la Mỹ. Các học giả Mỹ la tinh nêu rõ, "nếu bỏ bao vây, chỉ riêng thu nhập do người Mỹ đến Cu-ba du lịch cũng đủ để Cu-ba giàu lên nhanh chóng". Bởi vậy, phần lớn người Cu-ba đều cho rằng, những khó khăn hiện nay là do sự bao vây của Mỹ gây ra. Một phần tử lưu vong mới bỏ chạy phải thừa nhận : "Mặc dù đời sống của nhân dân Cu-ba rất khó khăn, không ít lời oán thán, nhưng họ lại nhất trí với nhau trong việc ủng hộ Phi-đen, chống lại cuộc bao vây của Mỹ".

Những thành tựu nổi bật về văn hóa, khoa học, giáo dục, thể thao

Cả thế giới biết đến những thành tựu của chính phủ Cu-ba hơn 30 năm qua trên các mặt phát triển văn hóa, khoa học, giáo dục, thể thao. Trong chỉ số thống kê quốc tế về các lĩnh vực trên, Cu-ba dẫn đầu các nước đang phát triển, và có thể so sánh với nhiều nước phát triển. Trong chỉ số tổng hợp về tỉ lệ trẻ tử vong ở tuổi lên 5, tỷ lệ phổ cập trung và tiểu học, tỷ lệ xóa nạn mù chữ ở người lớn tuổi của 129 quốc gia do Liên hợp quốc công bố năm 1992, Cu-ba được xếp vào 30 nước hàng đầu trên thế giới, chỉ kém Mỹ ba bậc. Ở Cu-ba, hầu như không thấy trẻ bụi đời, một vấn đề đang làm nhức nhối tất cả các nước Mỹ la tinh. Ở Cu-ba hiện nay, cứ 15 người có một sinh viên đại học, cứ 8 lao động có một nhân viên kỹ thuật trung cấp, cứ 1 triệu người có 1050 kỹ sư hoặc cán bộ khoa học kỹ thuật. Năm 1991, ở Cu-ba có 169 trung tâm nghiên cứu, hiện tượng có một không hai trong các nước đang phát triển. Cu-ba chỉ có 11 triệu dân song đã được công nhận là cường quốc thể thao trên thế giới. Tại Đại hội OLYMPIC Bác-xê-lô-na năm 1992, Cu-ba đoạt 14 huy chương vàng, đứng hàng thứ 5 thế giới.

Nhân dân ủng hộ chính sách của Đảng và Nhà nước

Cuộc bầu cử ngày 24-2 vừa qua một lần nữa chứng tỏ nhân dân Cu-ba ủng hộ Đảng và Nhà nước.

Mặc dù 15 đài phát thanh đặt trên đất Mỹ trong một tuần trước và sau ngày bỏ phiếu đã phát 1112 giờ, kêu gọi nhân dân Cu-ba tẩy chay bầu cử hoặc bỏ phiếu trắng, nhưng trong hơn 7 triệu cử tri, gần 88,5% đã bỏ phiếu tán thành. Toàn bộ 589 ứng cử viên đại biểu quốc hội và 1190 ứng cử viên đại biểu cấp tỉnh đều trúng cử. Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô trúng cử với số phiếu trên 99%. Điều đó chứng tỏ hầu hết người Cu-ba ủng hộ chính phủ Phi-đen Ca-xtơ-rô và chế độ xã hội chủ nghĩa, ủng hộ các chính sách cải cách của Đảng và Nhà nước. Nhân dân Cu-ba đã thắng trong cuộc chiến tranh chính trị cực kỳ quan trọng.

Điều chỉnh chính sách, khắc phục khó khăn kinh tế

Trước tình hình quốc tế đầy biến động và những khó khăn kinh tế ngày càng gay gắt ở trong nước, từ nửa cuối năm 1990, chính phủ Cu-ba liên tiếp thực hiện một loạt biện pháp khẩn cấp, đồng thời bắt đầu điều chỉnh từng bước chính sách chính trị, kinh tế. Tháng 7-1992, Cu-ba sửa đổi bản hiến pháp được công bố sau cuộc cách mạng năm 1959, cải cách chế độ bầu cử đại biểu chính quyền nhân dân, coi đó là " một bước quan trọng kiện toàn và phát triển thể chế dân chủ" ở nước này, đồng thời, xác định nguyên tắc tự do tín ngưỡng. Về kinh tế, Cu-ba bắt đầu thay đổi mô thức kinh tế cứng nhắc nhà nước lũng đoạn, xác định chiến lược thu hút vốn nước ngoài, phát triển kinh tế nhiều thành phần. Hiến pháp sửa đổi đã mở rộng cửa để nhập vốn nước ngoài, đi một bước then chốt trong việc mở cửa về kinh tế, trong khi tìm cách đa phương hóa thương mại, đã tăng cường trao đổi và hợp tác kinh tế, thương mại với châu Âu và Mỹ la tinh. Về chiến lược phát triển kinh tế quốc dân, đã củng cố và phát triển ngành công nghiệp đường - cột trụ của nền kinh tế ; nhấn mạnh phát huy ưu thế riêng, trọng điểm là phát triển ngành du lịch quốc tế và ngành y dược kỹ thuật cao trên cơ sở kỹ thuật sinh thái ; chú trọng đa nguyên hóa ngành năng lượng và phát triển ngành này ; có chính sách linh hoạt thúc đẩy nông nghiệp phát triển. Những biện pháp trên đang từng bước thu được hiệu quả, đặt cơ sở cho sự phát triển trong tương lai. Chính phủ Cu-ba hy vọng năm 1993 sẽ bước ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế.

Người dịch : LÊ MINH

Digitized by Google

SỞ HỮU VÀ CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU

• SỞ HỮU

Sở hữu là quan hệ cơ bản nhất của con người trong quá trình sản xuất. Đó là sự chiếm hữu của một người hay của một cộng đồng người (*chủ thể* sở hữu) đối với những thực thể của thế giới vật chất (*đối tượng* hay *khách thể* sở hữu). Với đặc trưng thuộc về chủ thể sở hữu, đối tượng (hay khách thể) sở hữu do chủ thể sở hữu chiếm hữu thường xuyên hay tạm thời, một phần hay tất cả.

Chủ thể sở hữu (hay *chủ sở hữu*) là người có quyền chiếm hữu đối tượng (hay khách thể) sở hữu. Chủ thể sở hữu bao giờ cũng là một người cụ thể hoặc một cộng đồng người cụ thể.

Đối tượng sở hữu (hay *khách thể sở hữu*) là thực thể vật chất biểu hiện dưới dạng tự nhiên, đất đai, năng lượng, thông tin, của cải, trí tuệ... hoàn toàn hay một phần thuộc về chủ thể sở hữu.

Quan hệ sở hữu bao gồm quan hệ giữa chủ thể sở hữu và đối tượng sở hữu, và quan hệ giữa các chủ thể sở hữu với nhau. Những quan hệ này mang tính chất kinh tế - xã hội, quyết định các hình thức phân phối tài sản, sản phẩm, thu nhập, giá trị giữa các chủ thể sở hữu.

Trước đây, quan hệ chủ thể sở hữu và đối tượng sở hữu được quy về quan hệ giữa chủ thể sở hữu và tư liệu sản xuất, có nghĩa là tư liệu sản xuất được coi là yếu tố *cơ bản*, thậm chí là *duy nhất*, trong các đối tượng sở hữu. Ngày nay, trong điều kiện sản xuất hiện đại, vai trò của yếu tố *vật chất* (tư liệu sản xuất) có phần giảm đi, còn vai trò của những yếu tố *phi vật chất* (tổ chức sản xuất, phương thức kinh doanh, thông tin, quản lý) có phần tăng lên. Điều đó không có nghĩa là trong các đối tượng sở hữu, tư liệu sản xuất đã rơi xuống hàng thứ yếu, mà chỉ có nghĩa nó không còn là đối tượng sở hữu chủ yếu duy nhất. Vì vậy, đối tượng sở hữu bao gồm rất nhiều thứ : tư liệu sản xuất, tài sản, nhân lực, thông tin, trí tuệ,v.v..

Nội dung chính của sở hữu là quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt.

Quyền chiếm hữu là yếu tố đầu tiên, bao trùm của sở hữu. Nó tương đối ổn định, tĩnh tại, nhưng đôi khi chỉ là quyền danh nghĩa. Đó là trường hợp chủ thể sở hữu không thực hiện nó, không sử dụng nó, mà lại giao nó cho người khác và chỉ giữ quyền thu nhập về sở hữu (Xem phân tích của Mác về lợi tức và địa tô trong *Tư bản*, tập III).

Quyền sử dụng là quyền sử dụng đối tượng (hay khách thể) sở hữu theo mục đích và nguyện vọng của người sử dụng. Sở hữu với tư cách là *người chủ sở hữu* và *người sử dụng* đối tượng sở hữu, có thể thống nhất ở một người, hoặc có thể được phân chia giữa nhiều người. Điều này có nghĩa là người sử dụng đối tượng sở hữu có thể không phải là người chủ sở hữu, hoặc ngược lại người chủ sở hữu có thể không phải là người sử dụng đối tượng sở hữu (vì đã chuyển quyền sử dụng nó cho người khác rồi). Chẳng hạn trường hợp người công nhân làm thuê có thể sử dụng tư liệu sản xuất (mặc dù anh ta không phải là chủ sở hữu nó), hoặc ngược lại người chủ khách sạn có thể không sử dụng khách sạn (mặc dù người đó là chủ sở hữu nó). Nếu người sử dụng đối tượng sở hữu không phải là người chủ sở hữu, thì anh ta chỉ có thể thực hiện quyền sử dụng nó trong thời hạn và theo những điều kiện mà người chủ sở hữu đã đề ra.

Quyền định đoạt là quyền thực hiện toàn diện đối với đối tượng (hay khách thể) sở hữu. Quyền định đoạt đem lại cho chủ thể quyền và khả năng sử dụng đối tượng (hay khách thể) sở hữu theo bất cứ cách nào, kể cả việc chuyển nó cho người khác, thay đổi nó một cách sâu sắc, cải tạo nó thành một đối tượng sở hữu khác, hay thậm chí, hủy bỏ nó. Chủ thể của quyền định đoạt cũng có khả năng thực hiện những thẩm quyền cơ bản của người chủ sở hữu : xác định các phương thức sử dụng đối tượng (hay khách thể) sở hữu, ký kết các hợp đồng liên quan đến các đối tượng sở hữu (bán, cho thuê, tặng, v.v.). Trên thực tế, người chủ sở hữu chỉ thực sự là người chủ sở hữu khi anh ta có quyền hoặc có khả năng hiện thực định đoạt đối tượng sở hữu. Do vậy, người sử dụng đối tượng sở hữu cũng có thể là người chủ sở hữu, nếu anh ta có quyền chiếm hữu và quyền định đoạt. Về thực chất, khi trao hoặc chuyển quyền định đoạt cho người khác, cũng có nghĩa là chuyển các thẩm quyền sở hữu cho người khác.

Sở hữu là quan hệ *cơ bản nhất* của quan hệ sản xuất - cơ sở kinh tế của các hình thái kinh tế - xã hội. Cùng với các quan hệ kinh tế - xã hội khác, sở hữu mang tính chất lịch sử . Ở mỗi thời đại lịch sử, sở hữu phát triển khác nhau và biểu hiện bằng những hình thái phù hợp với các quan hệ xã hội khác. Sự phát triển của các hình thái sở hữu là do sự phát triển của lực lượng sản xuất quyết định. Phương thức sản xuất thay đổi làm cho hình thái sở hữu thay đổi. Sự khác biệt giữa hình thái sở hữu này với hình thái sở hữu khác là tùy thuộc vào trình độ chín muồi về kinh tế của xã hội, tùy thuộc vào tính chất kết hợp sức lao động với tư liệu sản xuất.

• CÁC HÌNH THỨC SỞ HỮU

Có hai loại sở hữu phổ biến nhất trong lịch sử là *sở hữu tư nhân* và *sở hữu công cộng*, tồn tại hầu như ở tất cả các chế độ xã hội. Dưới chủ nghĩa tư bản, chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa giữ vai trò thống trị ; ngày nay, đó là hình thức sở hữu rất rộng lớn nằm trong các tổ chức độc quyền, nhất là các tổ chức độc quyền nhà nước và xuyên quốc gia. Dưới chủ nghĩa xã hội, chế độ sở hữu công cộng, nhất là sở hữu nhà nước, giữ vị trí chủ đạo.

Sở hữu công cộng gồm có sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể.

Digitized by Google

Sở hữu toàn dân là hình thức sở hữu trong đó của cải tự nhiên được toàn dân sử dụng, các thành viên trong xã hội có quyền ngang nhau trong việc sử dụng của cải này.

Sở hữu nhà nước là một bộ phận của sở hữu toàn dân (bao gồm những tài nguyên tự nhiên, những tư liệu sản xuất nhất định, những phương tiện lưu thông, thông tin...) được chuyển cho các cơ quan nhà nước điều hành và sử dụng theo ý chí của nhân dân, và theo quyết định của các cơ quan quyền lực nhân dân, với những điều kiện sử dụng nhất định, kèm theo việc giao trách nhiệm cho các cơ quan đó.

Sở hữu toàn dân và sở hữu nhà nước không thể coi là "vô chủ". Tất cả những người được giao sử dụng và định đoạt các đối tượng sở hữu đều có trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của luật pháp về việc sử dụng sở hữu và bảo vệ sở hữu.

Sở hữu tập thể là hình thức sở hữu mà chủ thể sở hữu không phải là cá nhân cụ thể, mà là một tập hợp, một tập thể những người sở hữu. Chủ thể sở hữu ở đây có thể xuất hiện dưới dạng *một người* hay *một nhóm người* được ủy quyền, thể hiện những lợi ích của tập thể những người sở hữu, hoặc dưới dạng *một pháp nhân thống nhất*. Hình thức sở hữu tập thể có *hai* phạm vi khác nhau : phạm vi *hẹp* là sở hữu của một tập thể *nhỏ* (như một gia đình chẳng hạn) trong đó những người sở hữu trực tiếp tham gia và kiểm soát ; phạm vi *rộng* là sở hữu của một tập thể *lớn* (như công ty cổ phần chẳng hạn) trong đó những người sở hữu không trực tiếp liên hệ với nhau, không trực tiếp thực hiện sự kiểm soát, mà chỉ tham gia và hưởng thu nhập như những người chung vốn với nhau.

Sở hữu hỗn hợp là hình thức phổ biến tồn tại trong nền kinh tế thị trường, cùng với những hình thức sở hữu khác nhau : sở hữu cá nhân, sở hữu tư nhân, sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu toàn dân... Tất cả các hình thức sở hữu ấy, hình thành một cách tự giác hoặc tự phát, đều được quy định một cách cụ thể về mặt luật pháp, đều được đánh giá, kiểm nghiệm theo hiệu quả kinh tế, và đều bình đẳng trước pháp luật. Trong những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, nhà nước có chính sách tác động tới những hình thức sở hữu.

Sở hữu cá nhân là quan hệ chiếm hữu của từng cá nhân đối với những sản phẩm lao động dùng cho tiêu dùng của mình. Sở hữu cá nhân được pháp luật thừa nhận và bảo vệ trong các chế độ mà nó tồn tại. Sở hữu cá nhân đã có từ lâu trong lịch sử loài người. Nó xuất hiện cùng với quá trình phân công lao động, làm ra của cải, và ý thức con người phát triển. Con người xuất phát từ những nhu cầu của cuộc sống hằng ngày và căn cứ vào kết quả lao động mà thực hiện phần chiếm hữu cho cá nhân mình. Trong nền sản xuất hiện đại, sở hữu cá nhân là phần do lao động của mỗi người tạo ra trong quá trình sản xuất được trả bằng tiền dùng để mua sắm những đồ dùng phục vụ cho nhu cầu cá nhân. Nói cách khác, đó là phần mà xã hội phân chia cho mỗi cá nhân để trả công họ tham gia vào quá trình sản xuất xã hội. Ngoài ra, sở hữu cá nhân có thể còn do thừa kế đem lại.

Cùng với sự phát triển của sản xuất, sở hữu cá nhân cũng có sự phát triển về nội dung và hình thức. Sở hữu của từng cá nhân ngày càng thể hiện sự văn minh tiến bộ của xã hội loài người. Ngày nay, kiến thức khoa học về kỹ thuật, công nghệ, quản lý sản xuất cũng được xếp vào sở hữu cá nhân. Do vậy, nó góp phần thúc đẩy sản xuất xã hội phát triển.

Sở hữu tư nhân cũng là hình thức chiếm hữu trong đó những sản phẩm lao động rơi vào tay chủ thể. Nhưng khác với tài sản thuộc sở hữu cá nhân, tài sản thuộc sở hữu tư nhân có quy mô lớn hơn nhiều , được tích tụ lâu dài trong lịch sử bằng những thủ đoạn bóc lột đầy máu, nước mắt và được đưa vào quá trình sản xuất vật chất nhằm thu lợi nhuận cao. Khi phân chia lợi nhuận thu được thì người nắm quyền sở hữu về tư liệu sản xuất chiếm phần lớn, còn người trực tiếp sản xuất chỉ được nhận một phần nhỏ, rất không tương xứng với sức lao động bỏ ra và với giá trị hàng hóa làm ra. Như vậy, sở hữu tư nhân là hình thức chiếm hữu trong đó tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng là của riêng cá nhân.

Cũng như sở hữu cá nhân, sở hữu tư nhân được pháp luật của chế độ mà trong đó sở hữu tư nhân hiện diện bảo vệ. Hay nói cách khác, chính hình thức sở hữu tư nhân quyết định hệ thống pháp luật, các ý thức xã hội và thể chế nhà nước tương ứng để bảo vệ cho quyền sở hữu tư nhân. Sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất đẻ ra mọi bất công. Trong xã hội sở hữu tư nhân chiếm địa vị thống trị, chỉ quyền lợi của những người nắm trong tay tư liệu sản xuất là được coi trọng ; người lao động chỉ là kẻ làm thuê, mặc dù chính họ là người sáng tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần của xã hội.

Những người bảo vệ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất cho rằng chỉ với hình thức sở hữu tư nhân sản xuất mới được phát triển tự do theo các động lực của nó. Thực ra, cả lý luận và thực tiễn đều chứng minh rằng, sở hữu tư nhân không phải là hình thức sở hữu vĩnh viễn. Trong xã hội mới do nhân dân lao động làm chủ, khi trình độ xã hội hóa sản xuất đã cao, lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, thì sở hữu tư nhân sẽ bị thu hẹp và không còn nữa.

Digitized by Google

● ĐOÀN ĐẠI BIỂU TẠP CHÍ *A-LUN-MAY* (LÀO) THĂM VIỆT NAM

Nhận lời mời của Ban biên tập *Tạp chí Cộng sản*, đoàn đại biểu tạp chí *A-lun-may*, cơ quan lý luận của Trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào, do đồng chí Phan-đuông-chít, Phó trưởng Ban tuyên huấn trung ương, Tổng biên tập, dẫn đầu, đã sang thăm Việt nam từ ngày 29-6 đến ngày 9-7-1993.

Đoàn đã có các cuộc trao đổi kinh nghiệm công tác và một số vấn đề lý luận với đồng chí Nguyễn Phú Trọng, phó tiến sĩ, phó giáo sư, Tổng biên tập, cùng các cán bộ lãnh đạo chủ chốt khác của *Tạp chí Cộng sản*. Đoàn đã hội đàm với đồng chí Hà Đăng, Ủy viên Trung ương Đảng cộng sản Việt nam, Trưởng Ban tư tưởng - văn hóa trung ương, và một số đồng chí khác trong ban.

Đồng chí Nguyễn Đình Tứ, Bí thư Trung ương Đảng, đã thân mật tiếp đoàn.

Trong thời gian ở thăm Việt nam, đoàn đã vào Lăng viếng Chủ tịch Hồ Chí Minh, thăm Bảo tàng Hồ Chí Minh, thăm nơi ở và làm việc của Người, tham quan một số cơ sở kinh tế, văn hóa, báo chí ở Hà nội, Quảng ninh, thành phố Hồ Chí Minh và Tây ninh.

● CHUNG QUANH VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI LÀM BÁO

Ngày 23-6-1993, tại Hà nội, Hội nhà báo Việt nam đã tổ chức cuộc hội thảo với chủ đề "Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo". Tham gia hội thảo có hơn 40 nhà báo đại diện cho các báo chí ở trung ương và địa phương. Sau báo cáo *Đề dẫn* của đồng chí Phan Quang, Tổng thư ký Hội, và báo cáo *Phác thảo những chuẩn mực đạo đức nhà báo* của đồng chí Trần Công Mân, Phó tổng thư ký Hội, hơn 20 nhà báo đã phát biểu ý kiến thảo luận. Dưới đây là tóm tắt phát biểu của các đồng chí Nguyễn Phú Trọng và Hà Xuân Trường, đại diện *Tạp chí Cộng sản*.

Đồng chí **Nguyễn Phú Trọng** : Nhà báo có sứ mệnh vô cùng cao quý. Chức năng của nhà báo do chức năng báo chí quy định. Viết báo là một nghề - một nghề rất khó, rất khổ, có thể nói là bạc bẽo, nhưng thú vị và vẻ vang. Người làm báo được đi nhiều, tiếp xúc nhiều, hiểu biết rộng, được xã hội tin cậy, trông đợi, sẵn sàng gửi gắm tâm tư. Một bài báo có thể gây chấn động dư luận, tôn vinh một con người, một đơn vị, nhưng cũng có thể giết chết một con người, dìm dập một đơn vị.

Hiện nay đất nước ta đang chuyển sang phát triển kinh tế hàng hóa theo cơ chế thị trường, mở cửa với bên ngoài, hướng lên chủ nghĩa xã hội, mọi người đua nhau làm giàu ; tiền tài và vật chất chi phối rất mạnh, chi phối đến cả phẩm giá, lương tâm, đạo đức. Trong xã hội, trong bộ máy nhà nước, trong đảng có không ít hiện tượng tiêu cực (tham nhũng, hối lộ, mất đoàn kết, có nơi phe này phái nọ bao vây lẫn nhau làm cho nhiều hiện tượng không rõ bản chất...). Không khí dân chủ hóa xã hội đang được khơi dậy, phát triển, đặt ra nhiều vấn đề mới cần làm quen. Sự diễn biến phức tạp của tình hình thế giới tác động mạnh vào nước ta, gây xáo động không nhỏ trong tư tưởng, tình cảm, niềm tin của nhân dân ta, trong đó có các nhà báo. Các thế lực thù địch vẫn đang rình rập, nhăm nhe phá hoại công cuộc xây dựng đất nước ta. Tất cả tình hình đó đòi hỏi những người làm báo phải có bản lĩnh, trình độ, năng lực, phẩm chất, đạo đức cần thiết. Những năm gần đây báo chí ta, các nhà báo ta đã có những đóng góp xuất sắc và giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước, nhưng đây đó không phải không có những hiện tượng tiêu cực trong đạo đức nghề nghiệp của người làm báo, bị dư luận chê trách. Vì vậy, việc Ban thư ký Hội nhà báo Việt nam tổ chức cuộc hội thảo này là rất cần thiết, rất quan trọng và bổ ích. Tôi cho rằng cần xuất phát từ thực tiễn Việt nam, tổng kết những hoạt động báo chí Việt nam, đồng thời tham khảo kinh nghiệm của quốc tế để đi tới xây dựng những chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của những người làm báo Việt nam trong giai đoạn hiện nay.

Đạo đức nghề nghiệp đối với người làm báo lúc này bao gồm nhiều mặt như các đồng chí Phan Quang và Trần Công Mân đã nêu. Ở đây tôi xin nhấn mạnh mấy điểm cơ bản bức xúc nhất :

Digitized by Google

- Trong tình hình đất nước và thế giới đang chuyển biến như đã nói ở trên, nhà báo chỉ có thể làm tốt nhiệm vụ của mình nếu anh ta *thực sự vững vàng*, vững vàng cả về *bản lĩnh chính trị* và *bản lĩnh nghề nghiệp*. Có nghĩa là phải rất nhạy bén, tỉnh táo, xử lý đúng những tình huống xảy ra, dự báo đúng những chiều hướng phát triển ; đồng thời có dũng khí đấu tranh và có trình độ năng lực làm việc. Muốn thế, phải ra sức học tập và rèn luyện, đọc nhiều, nghe nhiều, đi nhiều để nắm vững đường lối, quan điểm của Đảng, có nhiều thông tin, không mơ hồ, không bị hiện tượng đánh lừa.

- *Trung thực, trong sáng*, cả trong bài viết và trong lối sống, vì lẽ phải, vì sự nghiệp cách mạng của toàn đảng, toàn dân, không quy lụy cúi luồn, không vì đồng tiền, vật chất cám dỗ mà uốn cong ngòi bút.

- Có phong cách làm việc *khoa học, nghiêm túc, say mê nghề nghiệp*. Chống hời hợt, dễ dãi, ngay từ trong tư duy, từ cách tiếp cận, tìm tòi ; tránh ngại khó, ngại khổ, lười suy nghĩ, né tránh những vấn đề gai góc, ngại xông xáo trong thực tế, dễ bằng lòng với mình.

Đồng chí **Hà Xuân Trường** : Đạo đức là lĩnh vực cao quý nhất của một ngành nghề, của bản thân mỗi người đối với xã hội, đối với ngành mình, đối với mình. Đạo đức của nhà báo là sự thể hiện cụ thể sự tồn tại của một nhân cách nghề nghiệp, một nhân cách chiến sĩ đấu tranh cho sự thật trên các mặt trận chính trị - tư tưởng - kinh tế - xã hội.

Có thể nói không quá rằng đạo đức rộng hơn, cao hơn, sâu hơn luật pháp. Đạo đức *rộng hơn* luật pháp, vì luật pháp không có khả năng quy định hết những gì mà đạo đức yêu cầu, ví như luật pháp không quy định yêu nghề, trong lúc yêu nghề là yếu tố bậc nhất của đạo đức người làm báo. Đạo đức *cao hơn* luật pháp, ví như luật pháp không quy định được dũng khí, bản lĩnh của người làm báo, nhưng dũng khí, bản lĩnh lại là phạm trù đạo đức nghề nghiệp của người làm báo. Đạo đức *sâu hơn* luật pháp, ví như vấn đề lương tâm nghề nghiệp. Lương tâm là khu vực sâu thẳm, trong sáng nhất của con người, nhiều khi chỉ mình mình biết, chỉ mình mình hay. Tòa án lương tâm cũng như tòa án dư luận sâu hơn, nặng hơn tòa án luật pháp. Nói "rộng hơn, cao hơn, sâu hơn" không có nghĩa là quan trọng hơn, cần hơn. Luật pháp, đạo đức đều quan trọng, đều cần như nhau trong một xã hội ổn định, văn minh.

Đạo đức nghề nghiệp đòi hỏi *sự giác ngộ, trình độ hiểu biết* và *bản lĩnh*, ba yếu tố quyết định nhất của đạo đức nhà báo.

Làm thế nào để bảo vệ đạo đức nghề nghiệp của nhà báo và khích lệ nhà báo tuân thủ đạo đức nghề nghiệp trong một bối cảnh như nước ta hiện nay ? Nhà báo trung thực phải tự đấu tranh ghê gớm, phải chịu đựng ghê gớm mới mong giữ được đạo đức. Nhưng nhà báo không phải là "ông thánh". Nhà báo đòi hỏi phải có sự hỗ trợ để nuôi dưỡng và bảo vệ đạo đức của mình. Nhà báo, nghề viết báo phải được bảo đảm thỏa đáng (nghĩa là đúng với sự đóng góp của nhà báo cho xã hội) về mặt vật chất và tinh thần.

Ai bảo đảm ? Ai bảo vệ ? Cơ quan báo (tập thể nơi nhà báo hoạt động), Hội nhà báo, các tổ chức xã hội, nhà nước. Vai trò hỗ trợ báo chí của nhà nước trong chế độ xã hội chủ nghĩa rất lớn. Nói rộng ra, người bảo vệ đạo đức nghề nghiệp cho nhà báo là nhân dân, và cụ thể là bạn đọc. Có nên lập hội bạn đọc báo chí không ? Tôi nghĩ hội bạn đọc sẽ là một tổ chức không những có chức năng bảo vệ quyền lợi của bạn đọc mà còn có vai trò rất lớn trong việc bảo vệ đạo đức, khuyến khích nhiều về mặt tinh thần cho nhà báo. Trong cơ chế thị trường, có hội những người tiêu thụ, sao lại không có hội bạn đọc báo ?

Trong các nghề viết thì nghề viết báo gắn liền với chính trị hơn cả ; có thể nói nó là chính trị. Làm báo là làm chính trị. Trong văn học sáng tạo, người ta dành chỗ đứng cho loại văn học chính trị, thì bản thân văn học báo chí là văn học chính trị. Tự do báo chí ở nước ta phải thể hiện bản chất chính trị của chế độ ta. Nhà nước là đại diện của chế độ chính trị, Đảng lãnh đạo tạo điều kiện cho tự do báo chí trong khuôn khổ luật pháp của nhà nước.

P.V.

Digitized by Google

NHÀ MÁY Bia SÀI GÒN



187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5 TP.HCM
ĐT : 559595
6 Hai Bà Trưng, Quận I - TP.HCM - ĐT : 294083

Bia 333 đã trở thành một loại biểu tượng của Việt Nam được nước ngoài biết đến. Bia 333 có hai ưu thế hương vị ngon và giá cả chấp nhận được. Điều này cho phép Bia 333 đi vào thị trường một cách thoải mái, mặc dù ở đây đang có nhiều đối thủ cạnh tranh chẳng hạn như bia Heinecken của Hà Lan.

Bia 333 được sản xuất tại Nhà máy Bia Saigon ở thành phố Hồ Chí Minh dạng hộp kim loại cách đây hơn 5 năm, với mục đích chủ yếu là để xuất khẩu. Tới nay nó đã trở thành một trong các loại bia ngon nhất Châu Á và chiếm vị trí quan trọng trong các quán ăn sang trọng của Việt Nam bên cạnh các loại bia nổi tiếng Dad (Đức) hoặc Tuborg (Đan Mạch) và Heinecken.

(Trích Tin Tức Buổi Chiều,
bài của nhà báo Phanxto Triana)

TẠI HỘI CHỢ QUỐC TẾ HÀNG CÔNG NGHIỆP NĂM 1992 (HÀ NỘI) BIA LON "333", BIA CHAI "SAIGON" ĐỀU ĐƯỢC TẶNG HUY CHƯƠNG VÀNG.

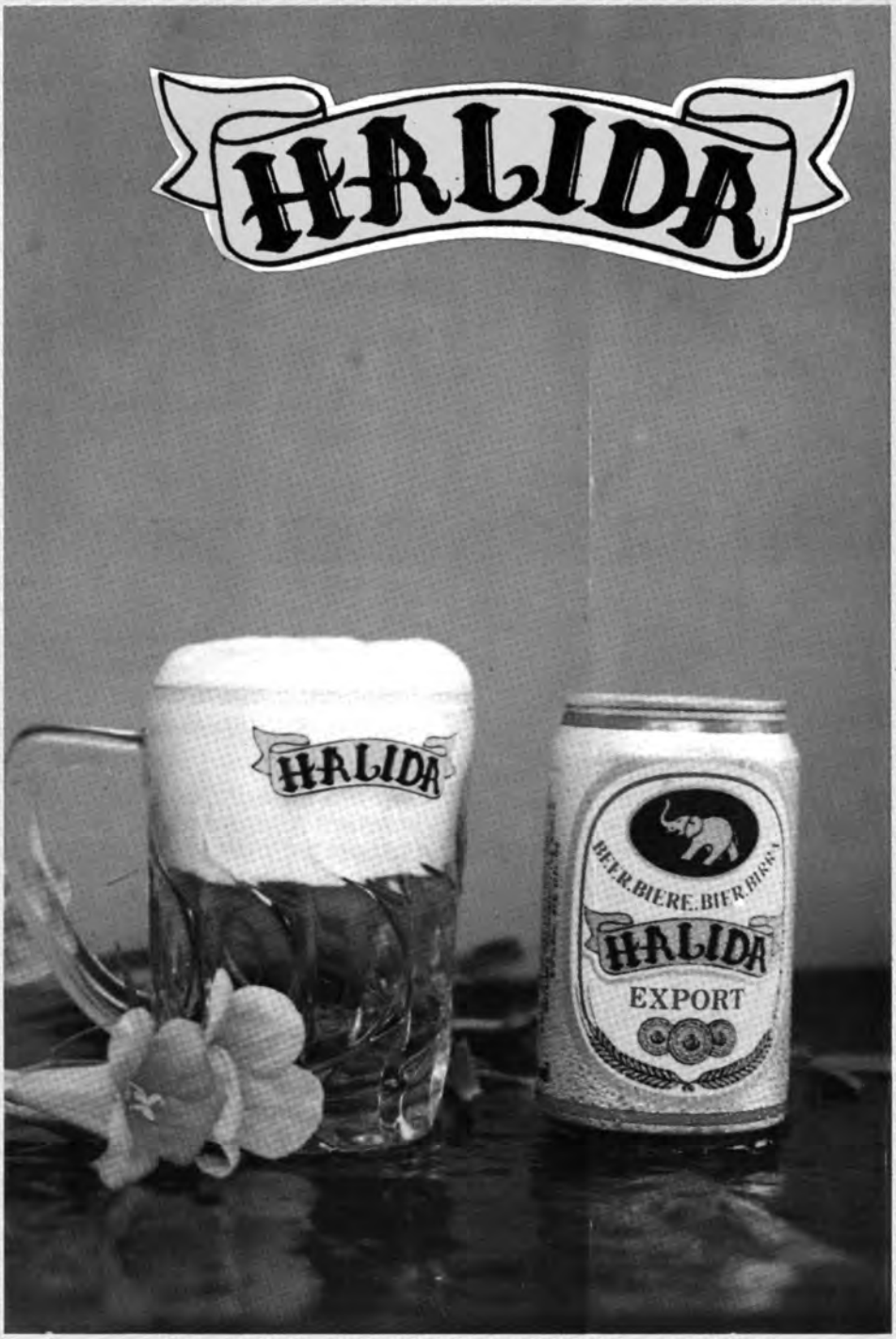


KÍNH CHÀO QUÝ KHÁCH HÀNG

Đáp lại tấm lòng mến mộ của khách hàng, Nhà máy Bia Saigon đã tổ chức 12 cửa hàng Giới thiệu và bán sản phẩm tại các quận, huyện của thành phố Hồ Chí Minh và 18 chi nhánh, 6 Tổng đại lý tại các tỉnh nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu của Quý khách. Mới đây Nhà máy Bia Saigon đưa bia đến phục vụ tại chỗ cho các khách sạn và đơn vị kinh doanh.

Xin trân trọng giới thiệu để Quý khách hàng thuận tiện liên hệ.

Digitized by Google



NHÀ MÁY BIA **VIỆT HÀ**

- *167. Minh khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội*

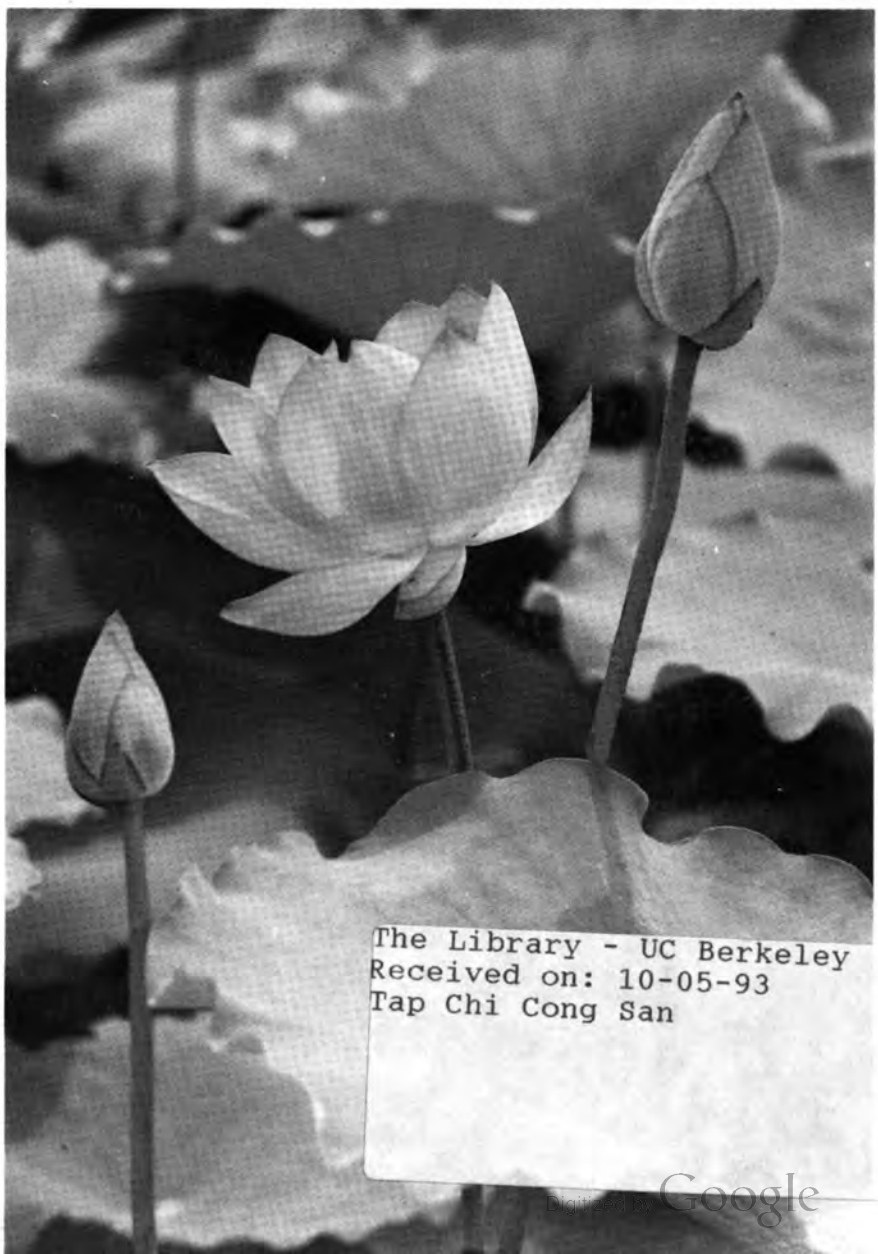
Digitized by Google

4/29

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 9
MAIN

Tạp chí Cộng sản

RECEIVED
OCT 0 6 1993
PERIODICAL ROOM
MAIN LIBRARY



The Library - UC Berkeley
Received on: 10-05-93
Tap Chi Cong San

9
1993

Digitized by Google

CÔNG TY DA SÀI GÒN
SAIGON LEATHER CORPORATION

LEASGO

Địa chỉ : 146,
Nguyễn Công Trứ, lầu 8,
Quận1, TP.HCM
ĐT : 298503 - 290897
Fax : 84-8-90897

- *LEASGO là Công ty duy nhất trong cả nước **có máy** móc **thiết bị hoàn chỉnh : từ thuộc da đến chế biến các sản phẩm bằng da và giả da.***
- *Thiết bị và công nghệ mới nhập từ ITALIA.*















Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

9-1993 NĂM THỨ XXXIX (453)

MỤC LỤC

Kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 (1945 - 1993)	XÃ LUẬN - Phát huy thành quả của Cách mạng Tháng Tám, phấn đấu xây dựng một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh	3
	NGHIÊM ĐÌNH VỸ - LÊ KIM HẢI - *Tuyên ngôn độc lập* và vấn đề quyền con người	6
	NGÔ PHƯƠNG BÁ - Tư tưởng bao dung hòa hợp của Chủ tịch Hồ Chí Minh	10
	LÊ VĂN TUẤN - Tính thống nhất giữa kinh tế và xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh	14
	NGUYỄN DŨNG SINH - Công tác lý luận với nhiệm vụ bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin	18
	ĐẶNG VŨ LIÊM - Bảo vệ an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới	22
Nghiên cứu - Trao đổi	BÙI PHAN KỲ - Về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh hiện nay	25
	VŨ XUÂN KIỀU - Kinh tế cổ phần và cơ chế rủi ro mạo hiểm	28
	NGUYỄN ĐĂNG QUANG - Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước : một động lực phát triển sản xuất, kinh doanh	32
	NGUYỄN CÚC - Xây dựng đội ngũ cán bộ kinh doanh ở nước ta	35
	NGUYỄN KIM ĐỈNH - Quan hệ giữa cấp ủy, bí thư và giám đốc trong các doanh nghiệp nhà nước	38
Thực tiễn - Kinh nghiệm	DOÃN QUANG THIỆN - Phát triển du lịch - một thế mạnh kinh tế của đất nước	40
	NGUYỄN THANH TÚC - Mấy nét về công tác xây dựng đảng ở Ninh bình	42
	TRẦN MINH NGỌC - Nam định : những khó khăn và hướng tháo gỡ	46
	PHẠM THẮNG - Công ty gang thép Thái nguyên bước đầu đứng vững trong cơ chế mới	50
Sinh hoạt tư tưởng	DƯƠNG VŨ - Chuyện rất xưa, nhưng... không cũ	54
Tư liệu	TRẦN VIẾT HOÀN - Nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ chủ tịch - một di sản vô giá của dân tộc	55
Thế giới : Vấn đề, sự kiện	TRỊNH CƯỜNG - Bài học phát triển của các nước ASEAN	57
Qua sách báo nước ngoài	*** Nhật bản đang thay đổi chiến lược khoa học - kỹ thuật	60
Tìm hiểu khái niệm	Sản xuất hàng hóa và kinh tế hàng hóa nhiều thành phần	63
Tin hoạt động lý luận	Hội thảo khoa học : "Về nguồn gốc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh" (KX02-08)	64

Ảnh bìa 1 : TRẦN THÀNH CÔNG

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Dây nói : 52061 - 52062

Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận3, T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• *К Годовщине Августовской Революции и Дня Национальной Независимости 2ого Сентября* (1945 - 1993) • *Передовая* - Развивая достижения Августовской революции, боремся за богатую и цивилизованную социалистическую республику Вьетнама. НГИЕМ ДИНЬ ВИ - ЛЕ КИМ ХАЙ - *Декларация Независимости* и проблема человеческих прав. НГО ФЫОНГ БА - Идея снисходительности и согласия Президента Хо Ши Мина. ЛЕ ВАН ТУАН - Единство между обществом и экономикой в мышлении Президента Хо Ши Мина. НГУЕН ЗУНГ ШИНЬ - Работа в области теории как задача защиты чистоты Марксиста-Ленинизма. ДАНГ ВУ ЛИЕМ - Защита безопасности национальной границы в новой ситуации. • *Исследования - Обмен мнениями* * БУЙ ВАН КИ - О задаче национальной обороны и безопасности в настоящее время. ВУ СУАН КИЕУ - Акционерная экономика и механизм риска. • *Практики - Опыты* * ЗОАН КУАНГ ТЬЕН - Туризм - одно из преимущественных направлений в развитии экономики страны. • *Мир - Проблемы, факты* * ЧИНЬ КЫОНГ - Урок развития стран АСЕАН.

CONTENTS

● *Anniversary of the August Revolution and the 2nd September National Day (1945 - 1993).* ★ *Editorial*- Bringing into full play the achievements of the August Revolution, we strive to build a strong and civilized Socialist Republic of Vietnam. NGHIÊM ĐÌNH VỸ - LÊ KIM HAI - *Declaration of Independence* and the issue of human rights. NGÔ PHƯƠNG BÁ - President Ho Chi Minh's generous and harmonious thought. LÊ VĂN TUẤN - The characteristics of economic and social unity in Ho Chi Minh's thought. NGUYỄN DŨNG SINH - Theoretical work and the task of protecting the clarity of Marxism-Leninism. ĐẶNG VŨ LIÊM - On the security of national frontier in the new situation ● *Research and Exchange* ★ BÙI PHAN KỲ - On current tasks in national defence and security. VŨ XUÂN KIỀU - The economy of shareholding and risks. ● *Reality and Experience* ★ DOÃN QUANG THIỆN - Promotion of tourism, one of the country's economic strengths. ● *The World : Its Problems and Facts* ★ TRỊNH CƯỜNG - Lessons from ASEAN countries in the area of development.

SOMMAIRE

● *Pour la commémoration de la Révolution d'*Août *et la fête nationale 2-9 (1945-1993)* ★ *Editorial* - Valoriser les acquis de la Révolution d' Août, s'efforcer d édifier un Vietnam socialiste riche, puissant, civilisé. NGHIÊM ĐÌNH VỸ - LÊ KIM HAI. - La *Proclamation d'Indépendance* et le problème des droits de l'homme. NGÔ PHƯƠNG BÁ - La pensée du Président Hồ Chi Minh sur la clémence et la concorde LÊ VĂN TUẤN- L'unité entre l'économie et la société dans la pensée de Hồ Chí Minh. NGUYỄN DŨNG SINH - Le travail théorique et la tâche de défendre la pureté du marxisme-léninisme. ĐẶNG VŨ LIÊM. La défense de la sécurité sur les frontières nationales dans la nouvelle conjoncture ● *Etudes - Echanges* ★ BÙ I PHAN KỲ .Sur la tâche de défense et de securité nationales à l'heure actuelle. VŨ XUÂN KIỀU- L' économie par actions et le mécanisme des risques. ● *Réalités - Expériences* ★ DOÃN QUANG THIỆN. Développer le tourisme, un point fort de l'économie de notre pays ● Le monde : Problèmes, événements ★ TRỊNH CƯỜNG. La leçon du développement des pays de l'ANASE

SUMARIO

● *Aniversario de la Revolución de Agosto y la Ficsta Nacional del 2 de septiembre (1945 - 1993)* ★ *Editorial*- Poner en alto los logros de la Revolución de Agosto y esforzarse por edificar un Vietnam socialista, próspero y civilizado. NGHIÊM ĐÌNH VỸ - LÊ KIM HAI - *La Proclamación de Independencia* y el problema del derecho del hombre. NGÔ PHƯƠNG BÁ - El pensamiento de tolerancia y de concordia del Presidente Ho Chi Minh. LÊ VĂN TUẤN - La cohesión entre la economía y la sociedad en el pensamiento de Ho Chi Minh. NGUYỄN DŨNG SINH - El trabajo teórico y la tarea de defensa de la pureza del marxismo-leninismo. ĐẶNG VŨ LIÊM - Asegurar la seguridad en las fronteras nacionales en la nueva situación ● *Estudios - Intercambios* ★ BÙI PHAN KỲ - Sobre la actual tarea de defensa nacional - seguridad. VŨ XUÂN KIỀU - La economía accionista y el mecanismo de riesgos y aventuras ● *Prácticas-Experiencias* ★ DOÃN QUANG THIỆN - Desarrollar el turismo - un punto fuerte de la economía nacional ● *El Mundo : Problemas y acontecimientos* ★ TRỊNH CƯỜNG - La lección de los países de la ASEAN sobre el desarrollo.

目錄

● 紀念八月革命与九二國慶四十八周年★ 社論 ： 發揚八月革命成果 爭取將越南建成富強文明的 社會主義國家。嚴李偉，黎金海：獨立宣言与人權問題。 吳芳伯：胡志明主席的寬宏与和睦思想。黎文俊：胡志明思想之經濟与社會統一性。阮勇生：理論工作与捍衛馬列主義純結性的任務 。 鄧羽泉：新時期保衛 國家邊境的安全。● 研究与交換 ★ 裴潛其：關於生當前的國防安全任務。武春權：股份經濟与不可抗的冒險 陰機制。★實踐与經驗★尹光華：發展國家經濟優勢 - 旅游事業。● 世界：問題与事件★ 鄭强： 東盟國家發展的經驗与教訓。

Digitized by Google

Xã luận

PHÁT HUY THÀNH QUẢ CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM, PHẤN ĐẤU XÂY DỰNG MỘT NƯỚC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA GIÀU MẠNH, VĂN MINH

CÁCH mạng Tháng Tám là một trong những sự kiện trọng đại nhất trong lịch sử của dân tộc ta, đánh dấu sự biến đổi cực kỳ to lớn trên con đường tiến hóa của đất nước ta. Với Cách mạng Tháng Tám, ách thống trị của đế quốc và phong kiến bị lật đổ, chính quyền cách mạng của công nông ra đời, nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ đất nước; nước ta từ địa vị thuộc địa nửa phong kiến trở thành một nước độc lập có chủ quyền ; dân tộc ta đứng vào hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới chống chủ nghĩa đế quốc, vì hòa bình, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Tám mở ra một thời đại mới cho sự phát triển của dân tộc Việt nam : thời đại độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Thành công của Cách mạng Tháng Tám là thành công của sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã khơi dậy được tiềm năng và những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc kết hợp với tinh hoa của thời đại, vận dụng sáng tạo và nhuần nhuyễn chủ nghĩa Mác-Lê-nin vào điều kiện cụ thể của Việt nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định : "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng : lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc" (1).

Đi theo con đường Cách mạng Tháng Tám, với tinh thần "thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ", "không có gì quý hơn độc lập tự do", nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã lần lượt đánh thắng các kẻ thù xâm lược hung bạo và xảo quyệt, giữ gìn thành quả của Cách mạng Tháng Tám, bảo vệ nền độc lập tự do và sự thống nhất toàn vẹn của đất nước ; đồng thời từng bước xây dựng chế độ mới, cuộc sống mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong cuộc hành trình lâu dài và gian khổ, nhất là trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, một công việc mới mẻ và phức tạp, Đảng ta có lúc đã vấp váp hoặc phạm sai lầm, nhưng được nhân dân tin cậy, giúp đỡ, Đảng sớm nhận ra và tích cực sửa chữa.

Năm 1986, Đại hội VI của Đảng đã công khai thừa nhận khuyết điểm, đề ra đường lối đổi mới toàn diện, nhằm tiếp tục đưa công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta tiến lên một cách đúng hướng và đạt kết quả cao hơn. Năm 1991, Đại hội VII của Đảng bổ sung, phát triển và hoàn thiện

(1) Hồ Chí Minh :*Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t6, tr18

Digitized by Google

thêm đường lối của Đại hội VI, đưa công cuộc đổi mới phát triển ngày càng đồng bộ và đi vào chiều sâu.

Cho đến nay, công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt được những thành tựu bước đầu rất quan trọng. Nổi bật nhất là chúng ta đã khắc phục được một bước quan trọng tình trạng khủng hoảng về kinh tế xã hội ; giữ vững và củng cố sự ổn định chính trị ; tạo được những tiền đề cần thiết cho bước phát triển tiếp theo một cách nhanh hơn, vững chắc hơn. Nền kinh tế nước ta đang trên đà tăng trưởng ; lạm phát được kiềm chế, giá cả ổn định dần ; sản xuất, dịch vụ phát triển, thị trường trong nước và quốc tế được mở rộng, xuất nhập khẩu tăng nhanh, hàng hóa phong phú ; đời sống của đa số nhân dân được cải thiện ; niềm tin vào sự nghiệp đổi mới, vào tiền đồ của đất nước tăng lên ; sự gắn bó giữa dân với Đảng, với chế độ được củng cố... Đó là những chuyển biến quan trọng về chất, mở ra triển vọng mới cho sự phát triển của đất nước ta. Nó chứng tỏ đường lối đổi mới và bước đi của chúng ta là đúng đắn, phù hợp với thực tế khách quan.

Điều có ý nghĩa là chúng ta tiến hành đổi mới và đạt được thành tựu trong bối cảnh quốc tế có những chuyển biến hết sức nhanh chóng và phức tạp, tác động xấu đến tình hình nước ta, làm cho những khó khăn và thử thách càng trở nên nặng nề. Chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, lực lượng so sánh nghiêng hẳn về phía chủ nghĩa tư bản, thế giới chuyển sang quá trình chuyển biến đầy biến động và bất trắc, công cuộc cải tổ và cải cách ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa trước đây, kể cả ở Liên xô, không thành công. Đó là những mặt không thuận lợi cho công cuộc đổi mới ở nước ta.

Giờ đây, công cuộc đổi mới đang ở chặng đầu, nhiệm vụ của chúng ta sắp tới rất nặng nề và phức tạp. Chúng ta đang đứng trước những khó khăn và thách thức rất gay gắt. Nền kinh tế tăng trưởng còn chậm, hiệu quả thấp và chưa vững chắc ; tích lũy từ nội bộ còn quá nhỏ, bội chi ngân sách và lạm phát vẫn cao ; phân phối còn bất hợp lý ; chính sách và cơ chế quản lý có không ít sơ hở và tỏ ra lúng túng bất cập khi chuyển sang kinh tế thị trường mở cửa. Tình trạng thiếu việc làm, tệ nạn xã hội gia tăng, văn hóa phẩm độc hại lan tràn, sự xuống cấp trên một số mặt đạo đức, lối sống, tệ tham nhũng chưa bị đẩy lùi,... đang là nỗi nhức nhối của cả xã hội. Trong khi đó các thế lực thù địch ra sức hoạt động phá hoại chúng ta. Chúng ráo riết thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ, sử dụng con bài "dân chủ", "nhân quyền" để kích động chống đối hòng xóa bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng ta. Một số người hi vọng với việc nước ta chuyển sang kinh tế thị trường, họ có thể tác động để dần dần lôi kéo nước ta chuyển êm thấm sang con đường khác, đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản, làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Để tiếp tục đưa đất nước tiến lên thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa, toàn đảng toàn dân ta cần phát huy tinh thần và khí phách của Cách mạng Tháng Tám, đoàn kết một lòng, quán triệt sâu sắc các quan điểm nêu trong Cương lĩnh và các nghị quyết của Trung ương Đảng, Hiến pháp và các đạo luật, chính sách của Nhà nước. Điều cực kỳ quan trọng là phải luôn luôn giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, đề phòng xa rời mục tiêu đã định. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô, sự tan rã của Liên bang xô viết, cùng những hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch không phải không làm cho một số người hoang mang, dao động, thậm chí muốn ngả theo con đường khác.

Đối với chúng ta, chủ nghĩa xã hội là dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh, con người được sống trong tình thương, công bằng và hạnh phúc. Đó là niềm ước mơ cao đẹp, là mục tiêu rất đỗi thiêng liêng. Chúng ta đã từng chiến đấu hi sinh ròng rã suốt bao nhiêu năm và đã phải trả giá cao cho mục tiêu đó. Ngày nay đã có những cơ sở ban đầu, đã tạo được một số tiền đề cần thiết để từng bước xây

Digitized by Google

dựng chủ nghĩa xã hội trên quê hương yêu quý của chúng ta. Không vì đổi mới, mở cửa mà quên mục tiêu đó ; không vì chuyển sang kinh tế thị trường mà quên định hướng chủ nghĩa xã hội. Dù đến nay còn những vấn đề lý luận và thực tiễn chưa thật sáng tỏ, chúng ta phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm để bổ sung cho lý luận về chủ nghĩa xã hội, chúng ta vẫn có thể khẳng định dứt khoát rằng, đi lên chủ nghĩa xã hội là con đường tất yếu của chúng ta, là sự phát triển khách quan của lịch sử. Lịch sử luôn luôn là dòng chảy liên tục, có quá khứ, hiện tại và tương lai ; có phát triển và kế thừa, kế thừa và phát triển. Không ai được quay lưng lại quá khứ, phủ nhận quá khứ, cũng như không nhìn thấy tương lai, chối bỏ tương lai. Chủ nghĩa tư bản có lịch sử phát triển mấy trăm năm, nó vừa phủ nhận chế độ phong kiến, vừa kế thừa những thành tựu của chế độ phong kiến. Chủ nghĩa tư bản đạt được những thành tựu kỳ diệu, nhưng chủ nghĩa tư bản không thể là vĩnh hằng ; những khuyết tật, những mâu thuẫn từ trong bản chất của nó nhất định phải được giải quyết thì xã hội mới tiến lên được. Không nên choáng ngợp trước những sự phồn vinh nhất thời của thế giới tư bản mà muốn đi theo con đường của chủ nghĩa tư bản - con đường đã từng "thấm đầy máu, nước mắt và bùn nhơ".

Toàn đảng toàn dân ta kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, ra sức phấn đấu cho chủ nghĩa xã hội dù biết rằng đó là con đường vô cùng gian khổ, khó khăn, phải đấu tranh chống lại mọi sự cám dỗ, mọi mưu toan phá hoại, mọi thế lực ngăn cản. Bởi vì chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thật sự mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, giải phóng con người khỏi mọi sự bóc lột, áp bức, bất công, trả lại cho nhân dân lao động quyền làm chủ đầy đủ và giá trị chân chính của con người. Lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa là sự lựa chọn khoa học, phản ánh ý chí và tình cảm thiêng liêng của nhân dân ta và đã được thử thách trong thực tế cuộc sống. Chủ tịch Hồ Chí Minh hơn 30 năm phải xa Tổ quốc, bôn ba khắp các nước tư bản và thuộc địa, trải qua nhiều gian nan thử thách trong hoạt động cách mạng, mới rút ra được kết luận : "Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" (2).

Đương nhiên, chủ nghĩa xã hội mà chúng ta chủ trương xây dựng không phải là thứ chủ nghĩa xã hội đói nghèo theo một nhận thức giản đơn, giáo điều, ấu trĩ trước đây, mà là chủ nghĩa xã hội đã được nhận thức lại theo đúng nghĩa của nó, phù hợp với quy luật phát triển và thực tế Việt nam.

Trong giai đoạn hiện nay, để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, để từng bước xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải làm không biết bao nhiêu việc với một quyết tâm và sự nỗ lực phi thường. Đặc biệt, cần chú ý, trong khi phát triển kinh tế thị trường, nhất thiết phải bảo đảm sự lãnh đạo của đảng cộng sản và vai trò quản lý điều hành của nhà nước trên cơ sở khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức ; thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và đổi mới ; phát huy nhân tố con người, thực hiện công bằng xã hội, phát triển các sự nghiệp và phúc lợi công cộng ; xây dựng nền văn hóa, đạo đức tiên tiến mang đậm truyền thống và bản sắc Việt nam. Đấu tranh khắc phục bằng được các tệ nạn xã hội, các tiêu cực trong đảng và trong bộ máy nhà nước, ngăn chặn và đẩy lùi nạn tham nhũng, tệ dối trá, lọc lừa. Chống tư tưởng cơ hội, cực đoan, đồng thời chống giáo điều, bảo thủ.

Chúng ta tin tưởng rằng, với một nhân dân anh hùng, một đảng lãnh đạo dày dạn kinh nghiệm, đã từng làm nên Cách mạng Tháng Tám vẻ vang, dân tộc ta nhất định sẽ tiến hành công cuộc đổi mới thành công, từng bước xây dựng được cuộc sống ấm no, tự do và hạnh phúc trên dải đất Việt nam yêu quý của chúng ta.

---

(2) Hồ Chí Minh *Sđd*, t8, tr701

Digitized by Google

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP
và vấn đề quyền con người

NGHIÊM ĐÌNH VỸ - LÊ KIM HẢI *

BẢN *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt nam dân chủ cộng hòa do Bác Hồ trực tiếp viết và đọc ngày 2-9-1945 không những là một văn kiện lịch sử tuyên bố khai sinh cho nền độc lập của nước ta, mà còn là một văn kiện pháp lý long trọng *khẳng định quyền con người* của nhân dân Việt nam. Nó chứa đựng những tư tưởng vĩ đại, những tình cảm sâu sắc của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Nó thấm đượm tinh thần nhân văn cao cả, kết tinh những giá trị nhân đạo sâu sắc trong suốt chiều dài và bề dày của lịch sử.

Như mọi người đều biết, vấn đề quyền con người đã được đặt ra và phát triển, trải qua những bước thăng trầm cùng với sự phát triển nền văn minh của nhân loại. Trong xã hội nguyên thủy, con người sống không có áp bức bóc lột, hoàn toàn bình đẳng, nhưng đó là sự bình đẳng dựa trên cơ sở đời sống vật chất và tinh thần quá thô sơ, thấp kém. Cuộc đấu tranh để bảo vệ sự tồn tại của con người lúc này chủ yếu là cuộc vật lộn với thiên nhiên.

Chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ, sự phân chia thành hai giai cấp chủ nô và nô lệ, đã làm mất đi sự bình đẳng vốn có giữa con người. Ở một số quốc gia chiếm hữu nô lệ điển hình, với nền văn minh cổ đại phát triển rực rỡ, đã xuất hiện những chế độ dân chủ như ở Hy lạp, La mã, có chế độ bầu cử các cơ quan nhà nước, tầng lớp bình dân có đại biểu của mình. Ở đó, có thể nói, nhiều quyền con người đã bước đầu được thực hiện, trong đó có quyền dân chủ về chính trị. Song, tất cả những điều đó chỉ giới hạn trong khuôn khổ nội bộ giai cấp chủ nô. Còn khối người nô lệ đông đảo, gần như mất hoàn toàn quyền làm người. Họ bị đối xử, mua bán như súc vật, chỉ được coi là "công cụ biết nói", và phải gánh vác toàn bộ công việc sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội. Để giành quyền sống, quyền làm người, những người nô lệ đã nhiều lần đứng lên khởi nghĩa, dùng máu của mình viết nên những trang sử đầu tiên trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng của con người. Từ đây, trong lịch sử loài người, bên cạnh cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên, còn có cuộc đấu tranh cho quyền con người. Cuộc đấu tranh này diễn ra giữa bộ phận này với bộ phận khác trong xã hội nhằm chống lại sự xâm phạm, tước đoạt quyền con người.

Dưới chế độ phong kiến, giai cấp nông nô, lực lượng sản xuất chính của xã hội, dù thân phận có khá hơn nô lệ thời cổ đại, nhưng vẫn bị áp bức bóc lột tàn nhẫn bởi các thế lực quý tộc phong kiến và tăng lữ. Sự thống trị của vương quyền và thần quyền đã trói buộc con người về mọi phương diện, và do đó, kìm hãm nặng nề sự phát triển của xã hội. Những tầng lớp bị trị đã liên tiếp nổi dậy đấu tranh để thoát khỏi vòng cương tỏa khắc nghiệt đó. Cuộc đấu tranh giành quyền con người đã diễn ra dưới hình thức những cuộc khởi nghĩa nông dân, những cuộc đấu tranh tư tưởng, đấu tranh xã hội phong phú, đa dạng trong suốt thế kỷ 16, 17. Tư tưởng về quyền con người đã thai nghén và phát triển mạnh mẽ cùng với chủ nghĩa nhân văn thời Phục hưng, sự phát triển và những phát minh mới của các ngành khoa học tự nhiên như vật lý học của Galilê, sự xuất hiện các nhà Bách khoa toàn thư... Các cuộc chiến tranh tôn giáo diễn ra cũng phản ánh sự khủng hoảng của thần quyền.

Đỉnh cao của sự phát triển về tư tưởng quyền con người là thế kỷ 18, được mệnh danh là "thế kỷ Ánh sáng". Các tác phẩm triết học, văn học nghệ thuật ở thế kỷ này đều thể hiện yêu cầu coi con người là trung tâm của thế giới và phản ánh đòi hỏi giải phóng con người, phát triển khả năng và trí tuệ của con người. Vấn đề quyền con người đã được chính thức ghi thành văn bản trong *Tuyên ngôn độc lập* của Bác Mỹ (1776), khi cuộc chiến

* Trường đại học sư phạm I

Digitized by Google

tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ thắng lợi. Tiếp đó là cuộc Cách mạng Pháp 1789, một sự kiện vĩ đại ảnh hưởng sâu sắc đến châu Âu và thế giới. Trong cuộc cách mạng này, nhân dân đã đứng lên lật đổ chế độ chuyên chế phong kiến nặng nề, tạo dựng một nhà nước Cộng hòa. Ngày 26-8-1789, Quốc hội Pháp do nhân dân lập ra, đã thông qua một văn kiện có tính chất cương lĩnh của xã hội mới : *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*. Được soạn thảo trên cơ sở những tư tưởng của các nhà triết học Pháp thế kỷ 18, của các tổ chức chính trị Anh và của Tuyên ngôn độc lập Bắc Mỹ (1776), *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Pháp định nghĩa một cách chính xác và đầy đủ "những quyền tự nhiên, bất di bất dịch và thiêng liêng" của con người và của công dân. Bản *Tuyên ngôn* của Pháp thể hiện vai trò to lớn của quần chúng nhân dân đã bước lên vũ đài đấu tranh chống sự áp bức của chế độ phong kiến. Sau bản *Tuyên ngôn*, Hiến pháp 1791 của nước Pháp và hiến pháp sau này của nhiều nước khác trên thế giới cũng nói tới vấn đề bảo vệ quyền con người.

Sau khi giai cấp tư sản lên cầm quyền, tinh thần và nguyên lý về quyền con người trong Tuyên ngôn 1789 cũng như trong nhiều văn bản khác của các nhà nước tư sản đã bị biến dạng, không được thực hiện đầy đủ. Sự áp bức, bóc lột, bất công trong xã hội vẫn tồn tại, nhất là ở khu vực các nước thuộc địa và phụ thuộc. Cuộc đấu tranh cho quyền con người lại tiếp tục diễn ra trong các phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc, đấu tranh đòi tự do, dân chủ, với lực lượng tham gia ngày càng đông.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, với lực lượng so sánh mới trên trường quốc tế, vấn đề quyền con người được nêu ra cụ thể hơn. Kết quả là năm 1948 *Tuyên ngôn nhân quyền quốc tế* ra đời, trong đó ghi rõ những quyền về kinh tế và xã hội mà từ sau Cách mạng Pháp 1789, những người lao động luôn luôn đòi hỏi.

Ở Việt nam, ý thức về quyền con người đã có từ lâu, song rõ rệt nhất là vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, khi luồng gió mới của tư tưởng dân chủ tư sản tràn sang châu Á, một số trí thức yêu nước tiến bộ ở Việt nam đã tiếp thu ảnh hưởng của nó qua nhiều con đường : Nhật bản, Trung quốc... Ý thức về quyền con người cũng được nhen nhóm cùng với sự truyền bá những tư tưởng dân chủ trong phong trào yêu nước. Dù khác nhau khá xa về phương pháp vận động cứu nước, song cả hai khuynh hướng bạo động và cải lương mà tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh, vẫn có những nét tương đồng : *đấu tranh đòi quyền sống, quyền tự do cho nhân dân Việt nam*. Phan Chu Trinh chủ trương đòi chính quyền thực dân tiến hành những cải cách mở mang dân trí, thực hiện dân quyền. Phan Bội Châu tố cáo thực dân Pháp áp bức bóc lột và kìm hãm dân ta trong vòng nô lệ ngu tối, "có tai mà không được nghe, có mắt mà không được nhìn, có tay chân mà không được co duỗi, có đầu óc mà không được tư tưởng"[1], và chủ trương giải phóng dân tộc khỏi ách thống trị tàn bạo đó. Hai nhà chí sĩ đã khơi dậy phong trào đấu tranh sôi nổi những năm đầu thế kỷ 20. Sự thức tỉnh của nhân dân Việt Nam lúc đó nằm trong sự thức tỉnh của châu Á, phương Đông, mà V.I. Lê-nin đã nhận xét : "Hàng triệu người dân bị áp bức, chìm đắm trong trạng thái đình đốn thời trung cổ đã tỉnh dậy, đòi hỏi một cuộc đổi mới, đấu tranh để giành quyền lợi tối thiểu của con người, giành dân chủ" [2].

Cuộc vận động cứu nước, cứu dân nói trên tuy không thành công, nhưng đã tác động lớn đến tư tưởng, ý thức về quyền tự do dân chủ, về quyền làm người của dân tộc Việt nam. Lớp người tiếp sau đã phát triển tư tưởng tiến bộ của bậc tiền bối theo con đường mới, khả thi hơn. Đại biểu xuất sắc nhất cho lớp người sau ấy là Nguyễn Ái Quốc.

Nguyễn Ái Quốc không chỉ chịu ảnh hưởng của phong trào yêu nước đầu thế kỷ, mà còn sớm tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của chính cuộc Cách mạng tư sản Pháp (1789) qua thầy học và sách vở. Những tư tưởng về *Tự do, Bình đẳng, Bác ái* từ cuộc cách mạng tư sản vĩ đại đã để lại dấu ấn đậm nét trong tư tưởng, tình cảm của người thanh niên Việt nam yêu nước. Ý thức sâu sắc về thân phận nô lệ, về sự mất quyền làm người của cả dân tộc, đã thôi thúc Anh ra đi, hướng về nơi phát sinh những ý tưởng cao đẹp ấy, để tìm lời giải đáp cho số phận của dân tộc, của con người Việt nam. Và bản *Yêu sách của nhân dân Việt nam* ký tên Nguyễn Ái Quốc gửi đến Hội nghị Véc-xay (18-6-1919), là dấu mốc quan trọng đầu tiên trong cuộc đời đấu tranh của Nguyễn Ái Quốc

(1) Phan Bội Châu : *Thiên hồ đế hồ*

(2) V.I. Lê-nin : *Bàn về phương Đông, tr.22*

Digitized by Google

đòi quyền sống, quyền tự do, dân chủ cho đồng bào mình. Nội dung bản yêu sách là đòi quyền được bảo đảm về luật pháp, quyền tự do báo chí, ngôn luận ; quyền tự do lập hội và hội họp ; quyền tự do đi cư và du lịch nước ngoài ; quyền tự do lập trường dạy nghề ; quyền được cử đại biểu bên cạnh Quốc hội Pháp để nói lên nguyện vọng của nhân dân bản xứ... Bản yêu sách đã gây ảnh hưởng vang dội cả trong và ngoài nước, góp phần khơi động lòng yêu nước và ý thức về quyền sống, quyền tự do của nhân dân Việt nam.

Trong suốt những năm 20 và 30 của thế kỷ, Nguyễn Ái Quốc đã đấu tranh không mệt mỏi cho dân tộc Việt nam và các dân tộc bị áp bức khác. Trong cuộc hành trình qua nhiều khu vực, nhiều châu lục, trong những năm tháng sống và hoạt động ở nhiều nước trên thế giới, Người đã chứng kiến bao cảnh bất công, nhân dân lao động bị chà đạp cả về nhân phẩm và thể xác. Nhiều bài viết và tác phẩm của Người trong thời gian này đã tập trung tố cáo nền thống trị tàn bạo của chủ nghĩa thực dân ở Việt nam, Đông dương và nhiều nước thuộc địa khác ở châu Á, châu Phi... Ngòi bút sắc bén và tràn đầy lòng nhân đạo của Người đã phanh phui và lên án những chính sách, những thủ đoạn của bọn thực dân xâm phạm nghiêm trọng quyền sống, tước đoạt quyền tự do và bóp nghẹt mọi quyền dân chủ của con người ở các thuộc địa. Người đã lên tiếng bênh vực và đòi quyền con người không chỉ cho đồng bào mình mà còn cho tất cả những người bị áp bức, không phân biệt mầu da và tiếng nói.

Toàn bộ cuộc đời của vị lãnh tụ hướng về mục đích đấu tranh cho quyền lợi chính đáng của nhân dân Việt nam và các dân tộc bị áp bức, cho tình hữu ái giữa các quốc gia, dân tộc trên hành tinh. Ham muốn duy nhất và tột bậc của Người là : "Làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành"[3]. Đó cũng chính là những quyền lợi thiết thân nhất của mỗi con người, mỗi cuộc đời.

Trong tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc, của Hồ Chí Minh, giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội và giải phóng con người hòa quyện với nhau. Ý thức về quyền con người luôn thường trực và nhất quán trong toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Người, ở con đường cách mạng mà Người lựa chọn, ở cuộc cách mạng mà Người lãnh đạo, ở những chủ trương, chính sách mà Người đề ra, và ở cả những việc làm cụ thể của Người. Nhà nước mà Hồ Chí Minh sáng lập, ngay từ ngày mới ra đời, trong bản *Tuyên ngôn độc lập* (2-9-1945), đã thấm đượm tinh thần đó.

Không phải ngẫu nhiên, mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc lại câu mở đầu bản *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ năm 1776 : "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được ; trong những quyền ấy có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"[4], và sau đó, Người lại trích dẫn một câu cùng ý nghĩa trong bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của Cách mạng Pháp (1789) : "Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi, và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi"[5].

Chọn những câu diễn hình trong hai cuộc cách mạng tư sản, của Mỹ và của Pháp, đồng thời nhấn mạnh "đó là những lẽ phải không ai chối cãi được"[6], Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn khẳng định ràng nhân dân Việt nam không hề xa lạ với những tư tưởng tiến bộ trong lịch sử thế giới, những tư tưởng đã trở thành những giá trị tinh thần chung của nhân loại. Người muốn khẳng định ràng nhân dân Việt nam hoàn toàn tán đồng và có chung ý tưởng với nhân loại về quyền bình đẳng, quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của con người ; và lẽ tự nhiên, nhân dân Việt nam cũng có những quyền đó.

Nét sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bản *Tuyên ngôn độc lập* là ở chỗ sau khi khẳng định quyền con người với ý nghĩa quyền của *con người nói chung* và quyền của *mỗi cá nhân con người*, Người đã "suy rộng ra" để đi đến quyền của *tất cả các dân tộc* : "tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng ; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do". Với cách "suy rộng ra" độc đáo ấy, Hồ Chí Minh đã đặt một dấu gạch nối tự nhiên, hết sức lôgic, hợp lý, giữa *quyền của mỗi con người* với *quyền của mỗi dân tộc*. Quyền của mỗi con người là lẽ tự nhiên, thì quyền của mỗi dân tộc cũng là lẽ tự nhiên. Từ đó, Người kết tội các thế lực đế

(3) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984. t.4, tr.100
(4) (5) (6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, tr.1

Digitized by Google

quốc xâm lược, áp bức dân tộc Việt nam là làm điều trái với lẽ tự nhiên, là xâm phạm quyền con người đã được Cách mạng Mỹ, Cách mạng Pháp và cả loài người công nhận.

Việc nâng *quyền con người* thành *quyền dân tộc* trong tư tưởng Hồ Chí Minh có nguồn gốc sâu xa ở truyền thống vốn có của dân tộc ta : sự gắn bó giữa cá nhân và cộng đồng trong lịch sử mấy ngàn năm chống thiên tai và giặc ngoại xâm. Trong cuộc đấu tranh ấy, mỗi cá nhân hòa quyện với cộng đồng, luôn tìm thấy giá trị của mình trong giá trị chung của làng nước, quê hương. Mặt khác, cũng xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước gần một thế kỷ bị ngoại bang xâm lược và thống trị, mọi quyền con người, kể cả những quyền tối thiểu nhất, của cả dân tộc đều bị vùi dập. Do đó, đòi quyền sống cho cả dân tộc, xóa bỏ ách thống trị ngoại bang là tiền đề, là điều kiện tiên quyết để thực hiện quyền sống, quyền tự do dân chủ cho mỗi cá nhân trong cộng đồng. Việc nâng quyền con người thành quyền dân tộc ở đây không chỉ có ý nghĩa đối với dân tộc Việt nam, mà còn có ý nghĩa đối với cả các dân tộc bị áp bức khác trên thế giới.

Riêng đối với nước ta, bằng cách khẳng định quyền bình đẳng giữa mọi con người và mọi dân tộc là lẽ tự nhiên, là chân lý không ai chối cãi được, Hồ Chí Minh thực chất đã đi đến một khẳng định cụ thể hơn là : nước Việt nam dân chủ cộng hòa ra đời là phù hợp với lẽ tự nhiên ; là dựa trên cơ sở chung về quyền con người đã được lịch sử thừa nhận.

Bản *Tuyên ngôn độc lập* tuyên bố xóa bỏ mọi sự ràng buộc bất bình đẳng giữa Việt nam với Pháp, giải phóng nhân dân Việt nam khỏi ách thống trị của đế quốc thực dân. Và như thế, việc dân tộc Việt nam tiếp tục đấu tranh cho độc lập, tự do của mình, là điều hoàn toàn phù hợp với lý tưởng chung của nhân loại về quyền con người.

Như vậy, ý thức về quyền con người ở Việt nam đã được hun đúc và bồi đắp từ bao thế hệ, và quyền con người thực tế đã được đặt ra ngay từ khi thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, được ghi lại trong văn kiện lịch sử thiêng liêng của Nhà nước ta - bản *Tuyên ngôn độc lập* do Chủ tịch Hồ Chí Minh trịnh trọng đọc trước nhân dân Việt nam và nhân dân thế giới. Song vấn đề không chỉ là câu chữ trong bản tuyên ngôn ; cái chính là hành động cụ thể của bao người con đất Việt, từ thế hệ này đến thế hệ khác, đấu tranh không mệt mỏi để giành lấy và bảo vệ quyền đó.

Trên thực tế, trong quá trình xây dựng và phát triển, Nhà nước ta đã không ngừng cố gắng hiện thực hóa từng bước lý tưởng về quyền con người, quyền dân tộc.

Ngay năm đầu sau Cách mạng Tháng Tám, trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn và phức tạp cả ở bên trong cũng như bên ngoài, Chính phủ Hồ Chí Minh đã thi hành nhiều biện pháp tích cực để đem lại quyền lợi cho các tầng lớp nhân dân. Ngay sau lễ Tuyên ngôn độc lập, trong cuộc họp đầu tiên, ngày 3-9-1945, Chính phủ đã thông qua những nhiệm vụ cấp bách : cứu đói ; chống dốt ; xóa bỏ những thứ thuế dã man do chế độ cũ để lại ; ban hành những quyền tự do dân chủ cho nhân dân ; chuẩn bị tổng tuyển cử bằng phổ thông đầu phiếu ; thực hiện nam nữ bình đẳng ; tự do tín ngưỡng ; thực hiện nền giáo dục nhân dân. Đó vừa là những biện pháp để giải quyết những khó khăn trước mắt, vừa là những biện pháp để xây dựng nền móng cho chế độ dân chủ nhân dân ở nước ta. Những chính sách đó đã hướng vào mọi tầng lớp người lao động, lực lượng đông đảo nhất của xã hội. Những công việc đầu tiên của Nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa chính là mang lại quyền con người cho nhân dân, gồm các quyền về kinh tế, chính trị, văn hóa, giáo dục..., từ những quyền tối thiểu là ăn và học đến quyền cao nhất là làm chủ vận mệnh đất nước. Việc thực hiện những biện pháp đó cùng với những biện pháp cụ thể xây dựng lối sống mới, rồi sự ra đời bản Hiến pháp năm 1946, hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước Việt nam dân chủ cộng hòa - tất cả đã đánh dấu những bước tiến quan trọng về thực hiện dân chủ, thực hiện quyền con người và quyền công dân trên một đất nước mà suốt gần một thế kỷ, do bị thực dân phong kiến thống trị, mọi quyền tự do dân chủ của người dân đều bị chà đạp.

Hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ sau đó, kéo dài tới ba chục năm (1946 - 1975), cũng không ngoài mục đích tiếp tục bảo vệ quyền con người, quyền làm người của cả dân tộc Việt nam trên dải đất thống nhất từ Nam ra Bắc. Song,

(Xem tiếp trang 17)

Digitized by Google

TƯ TƯỞNG BAO DUNG HÒA HỢP CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGÔ PHƯƠNG BÁ *

CHỦ tịch Hồ Chí Minh là hạt nhân của sự đoàn kết các dân tộc, các tôn giáo. Người đã giành được tình cảm yêu thương, kính trọng của hàng triệu đồng bào công giáo và nhờ vậy đã tạo nên khối đại đoàn kết vững chắc của toàn dân tộc. Tư tưởng bao dung hòa hợp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trở thành nguồn sức mạnh to lớn của cách mạng.

Có người nghĩ rằng, việc đoàn kết với đồng bào công giáo chỉ là sách lược, nhất thời, còn về lâu về dài, giáo dân không thể đồng hành với những người cộng sản. Theo Hồ Chí Minh, quan niệm đó hoàn toàn không đúng. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương tập hợp trong mặt trận đoàn kết dân tộc tất cả mọi người trên dải đất Việt nam, không phân biệt chủng tộc, tôn giáo, trình độ văn hóa, xu hướng chính trị... để nhằm mục đích giành độc lập, tự do, thống nhất cho đất nước, đem lại cuộc sống ấm no hạnh phúc cho đồng bào. Đó là bản chất "chữ nhân" của "Cụ Hồ", chữ nhân không phải chỉ để tu thân, mà chủ yếu là để phục vụ cách mạng.

Để đoàn kết, tập hợp hàng triệu tín đồ công giáo, kể cả những người lầm đường chống cách mạng, Hồ Chí Minh đã phải vượt qua nhiều khó khăn, phải đấu tranh thuyết phục, không chỉ đối với kẻ thù mà cả đối với đồng chí của mình. Trong hàng ngũ những người cách mạng, chưa phải đã hết những thành kiến hẹp hòi, những cái đầu "cách mạng" sôi sùng sục cản trở không ít việc tranh thủ trái tim, tấm lòng của giáo dân. Hồ Chí Minh đã biết xử lý một cách thận trọng và tinh tế.

Linh mục Trần Tam Tĩnh ** nhận xét rằng : "Đối với giáo hội công giáo, Cụ Hồ Chí Minh tỏ ra hết sức có tình có lý"(1). Trong việc giải quyết các mâu thuẫn giữa công giáo với chính quyền cách mạng, "không có một dấu hiệu nào cho phép trách được rằng Người nói dối. Suốt cuộc đời tham chính của Người, Cụ Hồ là một người yêu nước trên hết mọi sự... Các lời lẽ Cụ phê phán giáo hội không bao giờ chạm tới khía cạnh Đức tin mà chỉ nằm ở phạm vi các vấn đề cơ chế và chính trị"(2). Ông Xanh-tơ-ni, đại diện của chính phủ Pháp ở Việt nam những năm 1945 - 1946, xác nhận sự chân thành, bao dung của Cụ Hồ đối với tôn giáo. Ông viết : "Về phần tôi, phải nói rằng chưa bao giờ tôi có cơ để nhận thấy nơi các chương trình của Cụ Hồ Chí Minh một dấu vết nào dù rất nhỏ, của sự công kích, đa nghi, hoặc chế giễu đối với bất kỳ một tôn giáo nào"(3).

Trong các tác phẩm viết trước Cách mạng Tháng Tám 1945, đồng thời với việc lên án chủ nghĩa thực dân và một bộ phận những người cầm

* Viện sử học

** Linh mục Trần Tam Tĩnh là viện sĩ Viện hàn lâm hoàng gia Ca-na-đa, giáo sư Đại học Laval Ca-na-đa

(1) Trần Tam Tĩnh : *Thập giá và lưỡi gươm*. Nxb Trẻ, TP Hồ Chí Minh, 1988, tr 67

(2) (3) Trần Tam Tĩnh : *Sđd*, tr 76, 80

Digitized by Google

đầu giáo hội, Nguyễn Ái Quốc rất thông cảm với tình cảnh của đồng bào công giáo không phải lúc nào cũng đến với lẽ phải được. Đến khi Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, đồng bào công giáo trở thành dân một nước độc lập, Đảng ta có nhiều điều kiện đoàn kết, tập hợp rộng rãi đồng bào trong mặt trận đoàn kết dân tộc. Thực tiễn cho thấy, ở địa phương nào chính quyền hẹp hòi, thiếu sự khoan dung độ lượng, thì sẽ tạo ra nhiều kẽ hở cho bọn phản động lợi dụng chia rẽ tôn giáo, lôi kéo đồng bào.

Chủ tịch Hồ Chí Minh gắn liền khái niệm "yêu nước" với "kính Chúa" cho nên đã được đồng bào công giáo tin theo. Đa số đồng bào nhận thấy mình là một bộ phận gắn bó trong đại gia đình dân tộc Việt nam ; kính Chúa chân thành, cũng là yêu nước thật sự. Trong nhiều bài viết, Hồ Chủ tịch gắn liền các khái niệm "đạo" với "đời", "kính Chúa" và "yêu nước". Người viết :

"Lương giáo đoàn kết,

Diệt hết quân thù...

Kính Chúa, yêu nước, chúng ta phải đấu tranh, đặng giữ tự do tín ngưỡng, và giành độc lập cho nước ta" (4).

Hồ Chí Minh còn ca ngợi Đức Chúa như là biểu tượng tốt đẹp của hòa bình. Từ quan niệm kính trọng và đề cao Đức Chúa, Hồ Chí Minh đã khuyên đồng bào công giáo kính Chúa gắn liền với yêu hòa bình, chống chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp. Bằng những lời lẽ rất chân tình, Người đã giúp đồng bào nhận thức rõ không hề có sự đối lập giữa người cách mạng và giáo dân trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hòa bình, hạnh phúc của dân tộc, của nhân dân. Trong kháng chiến chống Pháp, mặc dù bận trăm công nghìn việc, Người vẫn dành thời gian viết nhiều bài báo ca ngợi gương đấu tranh của những người công giáo Việt nam, công giáo Pháp và các nước khác chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ hòa bình. Trong bài *Hai vị linh mục đứng đắn*, Hồ Chí Minh viết : "Nhiều linh mục và anh chị em công giáo Pháp cũng kịch liệt chống chiến tranh xâm lược ở Việt nam. Những người ấy, cũng như hai cha Ca-nhơ và Bu-ê, mới thật là tuân theo lòng bác ái của Đức Chúa"(5).

Chủ tịch Hồ Chí Minh có suy nghĩ gần gũi với đồng bào mình khi nói đến Đức Chúa, tổ tiên. Mọi người đều biết chết là hết, là "về với đất", nhưng ai cũng thờ cúng tổ tiên. Đó là sự thể hiện lòng biết ơn, lòng thành kính đối với người đã khuất, là truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, chứ không phải đơn giản chỉ là mê tín dị đoan. Hồ Chí Minh nói đến Đức Chúa cũng chân thành như người công giáo nói đến Đức Chúa, Đức Mẹ, các thánh của họ, như phật tử nói đến Đức Phật. Đồng bào công giáo rất cảm phục tấm lòng kính Chúa của "Cụ Hồ" và họ thấy "Cụ" gần gũi thân thiết với họ như người ruột thịt. Còn người nước ngoài thì lấy làm lạ và thán phục. Sau khi ca ngợi tình lịch thiệp của Cụ Hồ trong quá trình tiếp xúc với giới lãnh đạo giáo hội Pháp trong năm 1946, ông Xanh-tơ-ni viết : "Sau nữa, điều lý thú nên biết, là con người duy vật này nghĩ rằng mình sẽ tái ngộ với mấy bậc tôn sư về tư tưởng sau khi từ trần, vì Cụ đã ghi trong bản *Di chúc* rằng : tôi để lại mấy lời này, phòng khi tôi sẽ đi gặp cụ Các Mác, cụ Lê-nin và các vị cách mạng đàn anh khác", quả là một lời tuyên bố kỳ lạ của một người vô thần... (6)

Trong một bức thư gửi các vị linh mục và đồng bào công giáo nhân dịp Nô-en 1945, Bác Hồ nói về Đức Chúa một cách trân trọng : "Cách đây gần hai ngàn năm, trong một đêm đông lạnh lẽo, Đức Thiên Chúa đã giáng sinh để cứu vớt nhân loại.

(4) C.B *Con đường hạnh phúc, con đường suy vong*. Nxb Sự thật, Hà nội 1953, tr 30

(5) C.B : *Sđd*, tr 23

(6) Xem Xanh-tơ-ni : *Đối diện với Hồ Chí Minh*. Trích theo Trần Tam Tỉnh, đã dẫn, tr 80

Digitized by Google

Đức Thiên Chúa là một tấm gương hy sinh triệt để vì những người bị áp bức, vì những dân tộc bị đè nén, vì hòa bình, vì công lý...

Từ ngày ngài giáng sinh đến nay, tinh thần bác ái của ngài tỏa ra đã khắp, thấm vào lại sâu"[7].

Trong quan niệm và tình cảm của Hồ Chí Minh, hình ảnh Đức Chúa cũng cao đẹp như hình ảnh các vị anh hùng tiền bối của dân tộc. Bác thường nói : Cầu Đức Chúa phù hộ cho đồng bào. Trong bức thư đề ngày 24-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt chính phủ và quốc dân "kính cẩn cầu Đức thượng đế phù hộ dân tộc Việt nam và giúp cho Việt nam đi đến cuộc thắng lợi cuối cùng"[8]. Bác không chỉ cầu Chúa phù hộ cho đồng bào tai qua nạn khỏi, mà còn cầu Chúa giúp đồng bào hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Trong một bức thư khác, Bác viết : "Tôi cầu nguyện Đức Chúa phù hộ đồng bào giữ vững tinh thần ái quốc, đủ sức chống lại giặc Pháp, đặng làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng là :

Phụng sự Đức Chúa

Phụng sự Tổ quốc"[9].

Thật là thông minh và tế nhị khi Bác gắn việc đời với việc đạo một cách nhuần nhuyễn chân thành, dễ tiếp thu.

Đức bao dung hòa hợp của Chủ tịch Hồ Chí Minh hoàn toàn khác với sự khoan dung của các bậc hiền vương trước đây. Hồ Chí Minh không đứng trên nhân dân để ban phát lòng khoan dung, mà Người nêu tấm gương bao dung bằng việc làm và tình cảm, bằng tấm lòng thân yêu chân thành của mình. Bao dung theo quan niệm của Người là bao dung hòa hợp với nhau giữa lãnh tụ, người lãnh đạo với nhân dân, giữa các lớp người, loại người khác nhau về chủng tộc, tôn giáo, điều kiện sống, cá tính... Người thường nói : Năm ngón tay có ngón ngắn, ngón dài, người đời cũng có người thế này, người thế nọ, phải cùng nhau hợp sức thì mới được việc.

Vì yêu quý và tôn trọng đức tin của đồng bào công giáo, cho nên Hồ Chí Minh được giáo dân, kể cả các linh mục, kính yêu. Gần dân, thân dân, hòa trong dân, được dân hết lòng tin yêu kính trọng, có lẽ trên thế giới chỉ có một số ít người được như Hồ Chí Minh. Giáo dân và chức sắc trong giáo hội vô cùng cảm động khi được biết Hồ Chí Minh rất am hiểu và tôn trọng đức tin, lối sống, lối suy nghĩ của họ.

Đường lối đại đoàn kết toàn dân do Chủ tịch Hồ Chí Minh đề xướng đã thu hút hàng triệu đồng bào công giáo đi theo cách mạng. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, hưởng ứng lời kêu gọi của Người, đa số giáo dân tham gia nhiệt tình các chiến dịch chống giặc đói, chống giặc dốt và chống giặc ngoại xâm. Trong các công việc ích quốc lợi dân, đồng bào lương, giáo cùng tham gia, luôn luôn làm theo lời kêu gọi cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 28-4-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm đồng bào tỉnh Thái bình. Đồng bào lương, giáo tặng Người nhiều sản vật như đồ dùng thủ công, đồ mỹ nghệ, hoa, quả... Sau đó Người đã viết thư cảm ơn : "Trong các vật kỷ niệm, cái khung ảnh bằng lụa, do nhà dục anh công giáo thêu, và Liên đoàn công giáo biếu tôi, làm cho tôi đặc biệt cảm động... Tôi trông thấy trong mỗi đường kim, trong mỗi mối chỉ, đã thấm thía bao nhiêu cái tinh thần yêu mến giữa đồng bào công giáo với tôi. Do đó, chúng ta đủ thấy rằng : Đồng bào ta không chia lương giáo, ai cũng tương ái, tương thân, đoàn kết chặt chẽ thành một khối"[10].

Trong kháng chiến đã diễn ra một cuộc đấu tranh quyết liệt giữa ta và địch trong các vùng công giáo. Bọn phản động đội lốt công giáo mê

(7) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 67
(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t4, tr 216
(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t5 tr 303
(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t4, tr 132 - 133

Digitized by Google

hoặc, lôi kéo đồng bào theo giặc hoặc ít ra cũng không ủng hộ kháng chiến. Luận điệu quen thuộc của chúng là lợi dụng những sai lầm của cán bộ trong công tác tôn giáo để khoét sâu mâu thuẫn, tạo ra ấn tượng xấu trong nhân dân rằng cộng sản bài xích công giáo. Nhưng tư tưởng bao dung hòa hợp, cũng như lề lối làm việc thận trọng, kiên trì của Hồ Chí Minh, đã giúp nhiều cán bộ trong công tác mặt trận, nhất là những người đi sâu vào các vùng công giáo, ngày càng hiểu dân, lôi cuốn nhân dân đi theo con đường đúng đắn của Đảng vạch ra. Trong một bài báo, Hồ Chí Minh đã nêu ra những thành công bước đầu trong việc thuyết phục một bộ phận giáo dân quay về với kháng chiến. Người cho rằng mặc dù có một bọn khoác áo nhà tu phản Chúa, theo giặc, lừa bịp đồng bào, các chính sách đoàn kết, tôn trọng tín ngưỡng, và khoan hồng của Chính phủ ta đã làm cho đồng bào công giáo giác ngộ, và nhiều người lầm đường đã quay về với kháng chiến, với Tổ quốc. Hồ Chí Minh đưa ra những ví dụ cụ thể nói lên kết quả của đường lối đoàn kết giáo lương. Hơn 100 công giáo lầm đường làm tề và đồng ở Kim sơn, và hơn 120 thanh niên công giáo lầm đường làm ngụy binh ở Hưng yên, được bộ đội ta giác ngộ, rồi cho về gia đình, đã viết thư cảm ơn Hồ Chủ tịch và Chính phủ. Họ đã thành khẩn hối lỗi, và hứa hẹn từ nay sẽ ra sức phụng sự Đức Chúa, phụng sự Tổ quốc. Việc này chứng tỏ rằng chính nghĩa của ta nhất định đánh bại lũ ma quỷ thực dân và Việt gian, bù nhìn.

Nhìn lại lịch sử vài trăm năm trước, không ai có thể chối cãi về mối liên hệ giữa những người công giáo với các thế lực thực dân. Nhà Nguyễn đã phạm sai lầm nghiêm trọng, làm cho không ít giáo dân bị thực dân lôi kéo. Chính vì không đoàn kết được đa số nhân dân nên nhà Nguyễn đã không giữ được nước nhà. Bài học mất nước đó được Hồ Chí Minh suy ngẫm nghiêm túc từ thời còn trẻ tuổi. Bằng cả ý thức và tấm lòng, Hồ Chí Minh đã thu phục được cả triệu người lúc đầu không đứng trong hàng ngũ cách mạng. Người còn cảm hóa được cả những người vốn trước đó chống phá cách mạng rất hung hăng. Có thể khẳng định rằng, tình cảm, sự bao dung, sự tôn trọng đức tin và lối sống của người khác, đã giúp Hồ Chí Minh thu phục được lòng người và từ đó đoàn kết được họ. Không phải chỉ có ý chí, sức người, vũ khí mới là lực lượng của cách mạng. Cách mạng còn cần cả sức mạnh của lòng người, của tình cảm. Và đây mới là sức mạnh lâu dài gắn bó con người trong đấu tranh và xây dựng hòa bình. Đồng chí Phạm Văn Đồng, ngay trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp, đã nhận xét : Ở nước Việt nam kháng chiến, không có những cuộc xung đột tôn giáo thật nghiêm trọng như nhiều nơi khác. Được thế, không phải chỉ vì chính sách, chủ trương của Hồ Chủ tịch thích hợp với ý nguyện của dân tộc ; không phải chỉ vì con đường Hồ Chủ tịch là con đường sống duy nhất của dân tộc trước nguy cơ diệt vong ngày nay. Được thế, cũng là vì lòng Hồ Chủ tịch rộng như biển cả, bao dung, cảm hóa tất cả mọi người, dìu dắt mọi người đoàn kết chiến đấu... Đối với kẻ lầm đường lạc lối, lòng Hồ Chủ tịch còn rộng hơn biển cả. Người dạy phải khoan hồng, vui mừng đón rước những đứa con vì cảnh ngộ mà lạc bầy.

Trong cách mạng và trong kháng chiến đã như vậy, trong lao động hòa bình đồng bào lương, giáo vẫn giữ vững khối đại đoàn kết toàn dân. Trong thời kỳ mới, tuy Người đã đi xa, nhưng tình cảm giữa Người và đồng bào công giáo vẫn nồng thắm, trở thành tấm gương sáng của sự hòa hợp giữa lãnh tụ và quần chúng, tấm gương sáng về sự bao dung hòa hợp, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau giữa những con người, những cộng đồng người khác nhau về tôn giáo tín ngưỡng, địa phương, chính kiến và cá tính.

Digitized by Google

TÍNH THỐNG NHẤT GIỮA KINH TẾ VÀ XÃ HỘI TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

LÊ VĂN TUẤN *

DẪU là khi nói về khát vọng bản thân "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành" (1), hay về mục đích cả đời mình là phấn đấu cho quyền lợi của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đều hướng vào mục tiêu *vì con người*. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, con người vừa là chủ thể, vừa là đối tượng của mọi lĩnh vực, *con người là sợi dây kết nối giữa kinh tế và xã hội, tạo nên sự thống nhất giữa kinh tế và xã hội.*

Sự thống nhất giữa kinh tế và xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh xuyên suốt toàn bộ sự nghiệp cách mạng của Người. Ở đây, bước đầu tôi chỉ xin nêu những biểu hiện chủ yếu :

1 - *Tính nhất quán trong từng giai đoạn cách mạng cụ thể*

Ngay từ khi rời quê hương Làng Sen ra đi, động cơ của Hồ Chí Minh là tìm đường cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc, giải phóng con người, mang lại độc lập tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân. Khi đất nước vừa giành được độc lập, mặc dù trong hoàn cảnh hết sức phức tạp về chính trị, khó khăn về kinh tế, nhưng vị Chủ tịch đầu tiên vẫn chủ trương "diệt giặc dốt" song song với "diệt giặc đói" và giặc ngoại xâm. "Diệt giặc dốt" theo Người, không, chỉ là xóa nạn mù chữ, làm cho dân biết đọc, biết viết, mà trên cơ sở đó, còn nhằm nâng tầm hiểu biết mọi mặt của nhân dân. Người nói : Tôi mong rằng các lớp bình dân học vụ chẳng những dạy cho đồng bào học chữ, làm tính, mà còn dạy thêm về công cuộc kháng chiến cứu nước, tăng gia sản xuất,... khoa học thường thức.

Khi cuộc kháng chiến chống Pháp chuyển giai đoạn, những mục tiêu trên đều được tiếp tục phát huy cao hơn với chủ trương "văn hóa hóa kháng chiến", "vừa kháng chiến vừa kiến quốc". Mặc dù nỗi lo về giặc ngoại xâm vẫn trĩu nặng trên vai, nhưng Người không sao nhãng những vấn đề kinh tế, xã hội. Người đã khéo kết hợp mục tiêu kinh tế với mục tiêu xã hội để tạo cơ sở cho một chế độ mới, phục vụ cho thắng lợi của cuộc kháng chiến và chuẩn bị lực lượng cho các giai đoạn cách mạng tiếp theo.

Bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Hồ Chí Minh đã vạch ra đường lối chung, nhiệm vụ chung của cách mạng bao hàm sự thống nhất nội dung kinh tế và nội dung xã hội : "Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, chủ nghĩa xã hội trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn, việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc. Với sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân để tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, mọi công việc đều làm nhiều, nhanh, tốt, rẻ, thì các kế hoạch nhà nước nhất định hoàn thành, và đời sống của nhân dân ta chắc chắn được cải thiện thêm mãi" (2), và "Chúng ta phải ra sức đấu tranh làm cho nhân dân ta ai cũng ăn no, mặc ấm, có việc làm, có giờ nghỉ, được học tập" (3). Ở Người, nội dung kinh tế và nội dung xã hội luôn được kết hợp, quyện chặt với nhau nhằm mục đích *vì con người*. Nếu như trước đây, mục tiêu của cách mạng trước hết là diệt giặc đói và giặc dốt, thì nay, mục tiêu đó được nâng lên một bước, sự thống nhất giữa kinh tế và xã hội đòi hỏi phải *vừa* phát triển sản xuất, *vừa* mang lại tiến bộ xã hội và công bằng xã hội. Nhưng Hồ Chí Minh không ảo tưởng. Người biết rằng, điều đó không thể một sớm một chiều đạt được. Quá trình tiến lên đó còn khó khăn, gian khổ và lâu dài, chưa thể có ngay đời sống vật chất thật cao, nhưng vẫn có thể phấn

* Viện chủ nghĩa xã hội khoa học

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr 100

(2), (3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t8, tr 603 và 526

Digitized by Google

đấu để xây dựng một xã hội dân chủ, công bằng, có lối sống lành mạnh và mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, miễn là ai cũng biết gắn giữa nói và làm, giữa tư tưởng và hành động.

2 - *Tính nhất quán giữa nói và làm*

Điều đặc sắc ở Chủ tịch Hồ Chí Minh là luôn có sự nhất quán giữa nói và làm, giữa tư tưởng và hành động. Người luôn thể hiện mối quan tâm đến con người bằng những việc làm và hành động cụ thể, thiết thực. Để diệt giặc đói, giúp đỡ đồng bào các vùng có nhiều khó khăn, thiếu thốn, Người đã gương mẫu thực hiện phong trào "hũ gạo cứu đói". Cùng với việc phát động phong trào "tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm", bản thân Người là một tấm gương trong sáng về tăng gia sản xuất, tạo một cuộc sống giản dị, phù hợp với hoàn cảnh khó khăn chung của đất nước. Để diệt giặc dốt, ngay khi đất nước mới độc lập, Người đã ra sắc lệnh thành lập Nha bình dân học vụ để xóa nạn mù chữ cho nhân dân. Trong suốt thời gian trên cương vị đứng đầu Đảng và Nhà nước ta, Người đã đi rất nhiều nơi, nhiều địa phương, các cơ sở kinh tế, bệnh viện, trường học, đến với đồng bào các dân tộc, các tôn giáo,... để tìm hiểu đời sống, sản xuất, sinh hoạt của nhân dân, động viên các phong trào thi đua, tìm hiểu những điều làm lợi cho dân, những điều còn làm hại đến dân... Tất cả những việc mà Hồ Chí Minh làm đều theo đúng phương châm : "việc gì lợi cho dân, ta phải hết sức làm ; việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh" (4). Chính vì như vậy, Người đã được cả dân tộc Việt nam quý trọng và suy tôn là "vị Cha già của dân tộc".

3 - *Tính nhất quán trong việc giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội*

Ở Hồ Chí Minh có sự nhất quán trong việc xem xét và giải quyết mối quan hệ giữa kinh tế và xã hội. Hồ Chí Minh coi *kinh tế* là *cơ sở*, là nền tảng để chăm lo phát triển con người, phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội. Người thường dùng cách nói của người xưa : "Dân dĩ thực vi tiên", "Có thực mới vực được đạo", để khẳng định vai trò đi trước, vai trò cơ sở của kinh tế đối với các lĩnh vực khác. Mặc dù Người cho rằng : kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội phải được coi trọng như nhau, nhưng Người cũng nhấn mạnh : kinh tế phải đi trước, bởi vì muốn nâng cao đời sống nhân dân, muốn chăm lo phát triển con người thì cần phải có điều kiện vật chất, cần phải phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất. Người kêu gọi :"Muốn có chủ nghĩa xã hội thì không có cách nào khác là phải dốc lực lượng của mọi người ra để sản xuất... *tất cả phục vụ sản xuất* ! Tất cả chúng ta, bất kỳ ở cấp nào, ngành nào, đều phải góp sức làm cho sản xuất phát triển"(5).

Trong mối quan hệ với xã hội, kinh tế đóng vai trò nền tảng, nhưng nếu các vấn đề xã hội được giải quyết tốt lại có *tác dụng trở lại* đối với kinh tế, thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, làm cho kinh tế phát triển lành mạnh, ổn định và toàn diện. Không có một chính sách xã hội nào có thể thoát ly cơ sở kinh tế, và ngược lại, những chính sách làm cho kinh tế phát triển thì cũng đồng thời tạo điều kiện để giải quyết các vấn đề xã hội. Xác định rõ mối quan hệ hữu cơ giữa kinh tế và xã hội như vậy, cho nên trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Hồ Chí Minh luôn gắn chính sách xã hội với chính sách kinh tế, giải quyết mối quan hệ giữa hai mặt đó một cách hợp lý. Người cho rằng "đời sống của chúng ta, cũng ví như một con thuyền, nước dâng thì thuyền lên. Sản xuất, kinh tế của chúng ta có phát triển thì đời sống mọi người mới cải thiện"(6). Một trong những mâu thuẫn cơ bản của thời kỳ quá độ, đặc biệt là trong giai đoạn đầu, là mâu thuẫn giữa *tích lũy* và *bồi dưỡng sức dân*. Trong giai đoạn đầu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, việc tích lũy vốn ban đầu để xây dựng đất nước là một yêu cầu cấp thiết. Song, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đòi hỏi phải "cải thiện" và "không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân", bởi vì "nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, đã bao đời chịu đựng gian khổ bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh"(7). Chỉ có cải thiện đời sống nhân dân, bồi dưỡng sức dân, làm cho cuộc sống nhân dân ổn định và dần dần được nâng cao thì

(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t4, tr36
(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 66
(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t7, tr 643
(7) *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*. BCH TU ĐCS Việt nam, 1989, tr 36

Digitized by Google

mới có thể tạo nên bước tiến về sau. Bước chậm một chút để có điều kiện tiến nhanh hơn về sau, đó là cách giải quyết thể hiện sự sáng suốt,tầm nhìn xa của Hồ Chí Minh đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng.

Trong việc phấn đấu nâng cao đời sống nhân dân, Hồ Chí Minh rất chú ý đến việc bảo đảm sự *công bằng, hợp lý* : "không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng". Đặc biệt, trong lưu thông, phân phối, Người đòi hỏi phải chống bình quân, nghĩa là "phân phối phải theo mức lao động. Lao động nhiều thì được phân phối nhiều,... lao động dễ thì được phân phối ít. Không nên có tình trạng người giỏi, người kém, việc khó, việc dễ, cũng công điểm như nhau" [8]. Người nhắc nhở, công bằng trong chủ nghĩa xã hội là "Làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm thì không được hưởng. Những người già yếu hoặc tàn tật sẽ được nhà nước giúp đỡ chăm nom"[9].

Để bảo đảm tính công bằng trong xã hội, Hồ Chí Minh còn đòi hỏi phải chống các tệ quan liêu, tham ô, lãng phí và các tệ nạn xã hội khác, bởi lẽ các khuyết điểm và các tệ nạn trên đều trực tiếp hoặc gián tiếp làm nguy hại đến việc thực hiện công bằng. Người đề nghị tất cả mọi người đều phải tham gia chống các tệ nạn đó, bởi vì, nếu chỉ có giám đốc và cán bộ chống tham ô, lãng phí, thì không làm nổi, "Tất cả cùng chống tham ô lãng phí thì sẽ hết được".

Lấy kinh tế làm gốc, làm điều kiện để thực hiện các vấn đề con người và xã hội, nhưng điểm nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh là ở chỗ coi con người, coi việc giải quyết các vấn đề của con người là mục tiêu của các chính sách, kế hoạch kinh tế. Ở Hồ Chí Minh, *phát triển kinh tế không phải vì kinh tế*. Mọi cố gắng, nỗ lực của Đảng, chính phủ và nhân dân trong việc phát triển kinh tế, đều nhằm phục vụ cho quyền lợi của nhân dân, cho sự phát triển toàn diện con người. Người nói : "Phải luôn luôn nhớ rằng : điều quan trọng bậc nhất trong kế hoạch kinh tế của chúng ta hiện nay là nhằm cải thiện dần đời sống của nhân dân "[10].

Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, Người khẳng định "trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa". Tư tưởng chiến lược của Hồ Chí Minh là xây dựng cho được một đội ngũ những con người Việt nam có sức khỏe, có trí tuệ, có học vấn, có đạo đức và lối sống văn minh. Người khuyên nhủ trong việc giáo dục và học tập phải chú ý các mặt : đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật, lao động và sản xuất. Giáo dục phải toàn diện : đức, trí, lao động, thể, mỹ. Với tư cách là chủ thể của quá trình sản xuất, là hạt nhân của lực lượng sản xuất, nếu được chăm sóc, nuôi dưỡng về mặt sức khỏe và thể lực, được giáo dục và trang bị kiến thức về văn hóa, tay nghề, khoa học và kỹ thuật, con người sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế. Kinh tế và giáo dục là hai lĩnh vực "liên quan mật thiết với nhau". Người thường xuyên quan tâm đến sự nghiệp giáo dục, động viên sức lực, tinh thần của Đảng, chính phủ và nhân dân cho sự phát triển giáo dục, đồng thời, bản thân *Người là một nhà giáo dục lớn.*

4 - Quan tâm đến mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội

Ở Hồ Chí Minh sự thống nhất giữa kinh tế và xã hội không chỉ thể hiện ở đường lối chung, mà còn thể hiện ở những chính sách cụ thể đối với từng tầng lớp, từng bộ phận dân cư trong xã hội. Người rất quan tâm đến giai cấp nông dân, lực lượng đông đảo nhất của cách mạng, đã đóng góp nhiều sức người, sức của cho hai cuộc kháng chiến của dân tộc và cho công cuộc xây dựng đất nước. Khi miền Bắc bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh đã đòi hỏi phải "giảm nhẹ dần sự đóng góp của nông dân", thực hiện các chính sách khuyến nông để kích thích sản xuất, bồi dưỡng sức dân. Người cho rằng : "khi nông dân đã có ruộng cày, đã có đủ cơm ăn, áo mặc thì văn hóa nhân dân phát triển rất nhanh"[11]. Trong *Di chúc* trước khi đi xa, Người căn dặn : "Trong bao năm kháng chiến chống thực dân Pháp, tiếp đến chống đế quốc Mỹ, đồng bào ta, nhất là đồng bào nông dân đã luôn luôn hết sức trung thành với Đảng và chính phủ ta ra sức góp của góp người, vui lòng chịu đựng mọi khó khăn gian khổ. Nay ta đã hoàn toàn thắng lợi, tôi có ý đề nghị miễn thuế nông nghiệp 1 năm

(8) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội 1989, t9, tr 170
(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t8, tr 130
(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 429
(11) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 344

Digitized by Google

cho các hợp tác xã nông nghiệp để cho đồng bào hỉ hả, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi đẩy mạnh sản xuất" (12).

Đối với đồng bào các dân tộc miền núi, nơi có trình độ phát triển kinh tế - xã hội còn thấp, Người đã nêu ra hai yêu cầu : "Một mặt là làm sao *mưu lợi ích cho đồng bào*. Một mặt nữa là làm sao *tránh được tệ hại cho đồng bào*" (13). Mưu lợi ích cho đồng bào, chính là hướng dẫn, giúp đỡ đồng bào tổ chức lại sản xuất, tổ chức lại cuộc sống, phát triển văn hóa, giáo dục, vệ sinh phòng bệnh... Xóa bỏ mê tín dị đoan, những thói quen, tập tục lạc hậu trong sản xuất, trong sinh hoạt, là để tránh những tệ hại cho đồng bào, mở đường cho việc xây dựng một lối sống mới, một nền văn hóa mới, tiến bộ. Như vậy cả hai nội dung kinh tế và xã hội đã được Hồ Chí Minh kết hợp nhuần nhuyễn trong chính sách cụ thể đối với các dân tộc thiểu số ở nước ta.

Người yêu cầu Đảng và Chính phủ phải có những chính sách và biện pháp cụ thể, chăm sóc những người già yếu, cô đơn, tàn tật, thương binh, liệt sĩ và gia đình họ, coi đó là *nghĩa vụ* của nhân dân, và *trách nhiệm* của nhà nước. Người còn quan tâm đến sự nghiệp giải phóng phụ nữ, chú ý bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ phụ nữ, thanh niên. Bên cạnh việc quan tâm bồi dưỡng lực lượng cách mạng tích cực, Người không quên những nạn nhân của chế độ xã hội cũ. Người để nghị vừa dùng giáo dục, vừa dùng pháp luật, để cải tạo họ, giúp đỡ họ trở thành người lương thiện.

*

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tính thống nhất giữa kinh tế và xã hội có giá trị thời sự vô cùng quý báu đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhất là khi nền kinh tế nước ta đang chuyển từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Tư tưởng đó về bản chất cũng là tư tưởng cơ bản của Đảng ta trong toàn bộ sự nghiệp đổi mới đất nước ngày nay.

(12) *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, BCH TU ĐCS Việt nam, 1989, tr 42

(13) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t9, tr 556

TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP ...

(Tiếp theo trang 9)

cũng phải thừa nhận một thực tế lịch sử là, ở vào hoàn cảnh chiến tranh liên tục và kéo dài như trên, một số mặt cụ thể về quyền con người trên phương diện cá nhân, có phần bị hạn chế, chưa có điều kiện phát triển đầy đủ.

Ngày nay, trong hoàn cảnh đất nước đi vào công cuộc đổi mới với những mối quan hệ quốc tế ngày càng rộng mở, trước những yêu cầu mới của vấn đề quyền con người, Đảng và Nhà nước ta đã có những chính sách đáp ứng. Thật vậy, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta đã và đang tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế trong nước phát triển ; đã và đang tạo điều kiện cho đất nước tháo gỡ khó khăn, giải quyết hậu quả nặng nề của chiến tranh, từng bước thoát ra khỏi tình trạng nghèo nàn và lạc hậu ; do đó, thực tế đã và đang tạo điều kiện mới cho mỗi con người, từ vị trí của mình, có thể phát huy mọi khả năng vốn có. Để đảm bảo mọi công dân đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, Đảng và Nhà nước ta đã cố gắng hoàn chỉnh từng bước hệ thống luật pháp, xây dựng từng bước nhà nước pháp quyền-nền tảng vững chắc cho việc thực hiện quyền con người, thực hiện dân chủ. Sự ra đời của các bộ luật gần đây (Luật hình sự, Luật đất đai...) tiếp theo sau bản Hiến pháp năm 1992, nằm trong những cố gắng đó. Chính sách khoan dung đối với những người di tản trở về cũng như đối với những người tham gia chính quyền cũ, việc khuyến khích những hoạt động từ thiện, sự tham gia những chương trình nhân đạo quốc tế... tất cả đều là những biểu hiện cụ thể của việc thực hiện quyền con người của Nhà nước ta. Phù hợp với xu thế chung của thời đại, chính sách đối ngoại cởi mở, làm bạn với tất cả các nước trên thế giới, cũng đang phát huy tác dụng, tạo thêm điều kiện cho Việt nam thực sự hòa nhập với khu vực, với thế giới. Đó cũng là cơ sở thực tế để dân tộc ta bình đẳng thực sự với các dân tộc khác trên thế giới, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh chung của nhân loại vì quyền con người.

Digitized by Google

CÔNG TÁC LÝ LUẬN VỚI NHIỆM VỤ BẢO VỆ SỰ TRONG SÁNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN

NGUYỄN DŨNG SINH *

GẦN đây, sự sụp đổ của Liên xô và các nhà nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, đặt học thuyết Mác - Lê-nin trước những thử thách mới. Giai cấp tư sản và các thế lực thù địch điên cuồng phản kích, chống phá ; bọn cơ hội, xét lại tiếp tục xuyên tạc, bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Trong phong trào cộng sản không ít người dao động, hoài nghi, lúng túng ; không tự lý giải được những vấn đề mới mẻ và phức tạp trước sự diễn biến và phát triển của tình hình chính trị - thực tiễn. Thậm chí đây đó còn có người lớn tiếng cho rằng : sai lầm của những người cộng sản là sai lầm "trọn gói". Giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới, và nhất là ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, thêm một lần phải trả giá cho bài học về lịch sử.

Ở nước ta, ngay từ khi thành lập, Đảng cộng sản Việt nam đã tuyên bố chính cương, sách lược và điều lệ vắn tắt của Đảng trên cơ sở những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Ngày nay, khi đã trở thành đảng cầm quyền, sau những thành công và những sai lầm, thiếu sót trong nhiệm vụ xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng vẫn tiếp tục khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin là hệ tư tưởng của Đảng ; coi đó là một trong những nguyên tắc cơ bản của công cuộc đổi mới. Điều đó tất nhiên không phải là sự áp đặt chủ quan. Nó xuất phát từ nhận thức bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; từ sự khẳng định chỉ có đi con đường của chủ nghĩa Mác-Lê-nin giai cấp công nhân, nhân dân lao động mới có thể tự giải phóng mình, xây dựng chế độ xã hội do mình làm chủ, đem lại sự phát triển phồn vinh cho đất nước và dân tộc.

Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin là bảo vệ những giá trị đích thực của một học thuyết cách mạng và khoa học mà với sự ra đời của nó đã làm nên một cuộc cách mạng trong nhận thức và lịch sử tư tưởng của nhân loại. Thế giới đã trải qua nhiều biến đổi ; nhiều cuộc cách mạng trong lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đã diễn ra ở nhiều nước và khu vực. Nhưng, những di sản tư tưởng - lý luận của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin và sự phát triển của chủ nghĩa đó vẫn là thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận đúng đắn của hàng triệu người lao động. Học thuyết Mác - Lê-nin không chỉ là cơ sở lý luận, phương pháp luận của cuộc đấu tranh giải phóng người lao động ; nó còn là cơ sở khoa học của nhiều lĩnh vực khoa học, giúp con người tự nhận thức và cải tạo mình ; nhận thức, cải tạo xã hội và giới tự nhiên. Để chủ nghĩa Mác - Lê-nin không bị xuyên tạc, bôi nhọ, chúng ta phải tiến hành đồng bộ nhiều công việc, nhiều hoạt động trên mọi lĩnh vực. Bài viết này chỉ giới hạn trong một vấn đề cụ thể : công tác lý luận với nhiệm vụ bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

1 - *Xây dựng phương pháp tiếp cận khoa học đối với những di sản tư tưởng - lý luận của các nhà kinh điển.*

Tư tưởng của các nhà kinh điển, lẽ tự nhiên hậu thế chỉ có thể hiểu nó qua các tác phẩm kinh điển. Ở nước ta, không phải đến nay mới đặt ra vấn đề nghiên cứu những tác phẩm ấy. Từ nhiều năm nay, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ nghiên cứu

* Cán bộ Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

và truyền bá lý luận đã dành nhiều thời gian và công sức cho việc nghiên cứu các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Tuy vậy, đến nay không phải ai cũng hiểu thấu đáo, sâu sắc, từ trong bản chất các luận điểm, nguyên lý do các nhà kinh điển để lại. Một số người nhận thức chưa đầy đủ, thậm chí có người nhận thức phiến diện, lệch lạc ; cá biệt có người còn hoài nghi. Họ tưởng đâu như chủ nghĩa Mác - Lê-nin như một cái gì bất biến, như một "công thức" có thể giải mọi bài toán của cuộc đời. Chính các nhà kinh điển đã từng viết : "Học thuyết của chúng tôi không phải là một giáo điều mà là kim chỉ nam cho hành động". Các ông còn luôn luôn chế giễu cái lối học thuộc lòng và lặp lại đúng nguyên văn "những công thức".

Nhận thức bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin là nhận thức những quy luật vận động và phát triển của xã hội được phản ánh trong các luận điểm, nguyên lý lý luận Mác - Lê-nin ; nhận thức tính khách quan của việc xác định những lực lượng có vai trò và khả năng bằng hoạt động tự giác của mình góp phần thúc đẩy quá trình phát triển tất yếu của lịch sử. Đó là vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Đương nhiên, để thực hiện được vai trò đó, giai cấp công nhân còn phải đáp ứng được những điều kiện thiết yếu mà nếu thiếu thì giai cấp công nhân chưa thể bước lên và đứng vững trên vũ đài lịch sử.

Phương pháp tiếp cận khoa học đòi hỏi trong quá trình nghiên cứu di sản tư tưởng - lý luận Mác - Lê-nin, phải kết hợp phương pháp tư duy lý luận với việc sử dụng có hiệu quả các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội. Đối tượng nghiên cứu không tách biệt với những đối tượng cùng tồn tại. Trong quá trình nghiên cứu, không những không được tách các luận điểm - tư tưởng ra ngoài bối cảnh lịch sử của nó, mà còn cần phải hiểu thấu đáo và chính xác những chi tiết có liên quan đến bối cảnh lịch sử ấy. Kết quả chủ yếu của các công trình nghiên cứu di sản tư tưởng - lý luận là cơ sở lý luận, phương pháp luận đúng đắn cho việc giải quyết những vấn đề thực tiễn hiện nay. Sẽ không có một mô hình giải pháp thần diệu nào khác trong những di sản tư tưởng - lý luận Mác - Lê-nin, nếu đó không phải là cơ sở khoa học để luận chứng cho những quyết định trong hoạt động thực tiễn của đảng cộng sản.

Sức sống của hệ tư tưởng lý luận Mác - Lê-nin là ở mối liên hệ với thực tiễn, khi những cơ sở lý luận, phương pháp luận Mác - Lê-nin được vận dụng vào thực tiễn. Bởi vậy, tổng kết thực tiễn là một yêu cầu khách quan trong quá trình nhận thức, tiếp cận hệ tư tưởng - lý luận. Tổng kết thực tiễn là điều kiện kiểm nghiệm trình độ nhận thức và tư duy lý luận, trình độ vận dụng lý luận vào thực tiễn. Nhưng tổng kết thực tiễn chỉ có ý nghĩa thiết thực đối với quá trình tiếp cận hệ tư tưởng lý luận khi nó được tiến hành với mục đích nâng cao nhận thức lý luận và bằng phương pháp khoa học. Tổng kết thực tiễn không chỉ nhằm chỉ ra được thành tích và khuyết điểm, nguyên nhân và trách nhiệm. Phải coi hoạt động thực tiễn và tổng kết thực tiễn là cơ hội để nâng trình độ nhận thức lý luận, tư duy lý luận lên những nấc thang mới trong quá trình nhận thức, tư duy. Thực tiễn cần tổng kết không phải là cái thực tiễn xô bồ, mang tính hiện tượng, mà nó phải được khái quát, trừu tượng hóa để tìm ra những quy luật vận động bên trong, những mâu thuẫn mà hiện thực cuộc sống đang chứa đựng. Đồng thời, qua tổng kết thực tiễn, dự báo được xu hướng vận động phát triển của những vấn đề thực tiễn. Như vậy, chúng ta mới có thể hiểu thấu giá trị những luận điểm tư tưởng - lý luận của các nhà kinh điển.

Hoạt động nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin đặt ra yêu cầu cấp thiết là phải tổ chức lại lực lượng nghiên cứu và đầu tư thích đáng cho lĩnh vực này. Cần có những chương trình đề tài nghiên cứu một cách tổng thể những di sản tư tưởng - lý luận của các nhà kinh điển. Trong đó, vấn đề cốt lõi là phải tập hợp, khai thác hết khả năng của một đội ngũ chuyên gia giỏi trong lĩnh vực này. Cán bộ khoa học chuyên nghiên cứu sâu một hoặc một số vấn đề lý luận chính trị - xã hội của nước ta không nhiều. Lại có quá nhiều vấn đề trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học đang cuốn hút họ. Không ít cán bộ nghiên cứu lý luận đồng thời là cán bộ

Digitized by Google

lãnh đạo, quản lý, rất bận rộn với những công việc thuộc chức năng tổ chức, quản lý. Vì vậy, việc tổ chức lại các hoạt động nghiên cứu lý luận là rất cần thiết. Trong hoạt động nghiên cứu lý luận, cần hình thành một cơ chế nhằm sử dụng, khai thác hết khả năng vốn có ; đồng thời, đào tạo, bồi dưỡng được những chuyên gia lý luận giỏi của Đảng và Nhà nước. Đó là những người vừa am hiểu sâu sắc tư tưởng của các nhà kinh điển lý luận Mác - Lê-nin, vừa có khả năng để xuất vận dụng những luận điểm tư tưởng của các ông vào điều kiện cụ thể của nước ta.

2 - *Phải coi trọng nhiệm vụ truyền bá lý luận.*

Lê-nin thường căn dặn : "Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng" [1]. Vì vậy, nghiên cứu lý luận phải gắn liền với truyền bá lý luận. Truyền bá lý luận phải được tiến hành đầy đủ, có hệ thống trong tất cả các trường đào tạo cán bộ, phải được tiến hành thường xuyên, kiên trì, thận trọng, hằng ngày, hằng giờ trên tất cả các phương tiện tuyên truyền mà chúng ta đã có và sẽ có.

Chất lượng, hiệu quả truyền bá lý luận phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trước hết, đó là sự định hướng đúng đối với các hoạt động nghiên cứu và truyền bá lý luận. Hoạt động lý luận nhằm tăng cường hiệu quả lãnh đạo của Đảng. Đảng lãnh đạo chặt chẽ việc xác định nhiệm vụ, mục tiêu, nội dung, phương thức tổ chức nghiên cứu lý luận, áp dụng kết quả nghiên cứu lý luận trong thực tiễn. Đảng xác định quan điểm, nguyên tắc trong hoạt động nghiên cứu, truyền bá lý luận. "Các cơ quan lãnh đạo của Đảng phải quan tâm đặc biệt công tác lý luận" [2].

Kết quả nghiên cứu lý luận là nhân tố quan trọng đối với việc đổi mới chương trình, nội dung giảng dạy lý luận chính trị trong các học viện, nhà trường đào tạo cán bộ, trong các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao trình độ nhận thức, tính tự giác cách mạng của quần chúng. Nhằm gắn lý luận với thực tiễn, gắn hoạt động nghiên cứu lý luận với truyền bá lý luận, kết quả nghiên cứu lý luận không những cần góp phần vào việc định hướng, chỉ đạo, hướng dẫn các hoạt động thực tiễn, mà còn cần chuyển hóa thành tri thức, nội dung truyền thụ trong các nhà trường đào tạo cán bộ, thành các tài liệu tuyên truyền phổ cập trong nhân dân. Tiếp thu lý luận là một công việc mang tính tự giác cao của quần chúng, vì vậy cần có sự kiên trì, sáng tạo, không sợ tốn kém, không sợ gian khổ. Có vậy, hoạt động truyền bá lý luận mới thực sự có sức sống, có khả năng hấp dẫn, thuyết phục người nghe, người đọc.

Hoạt động lý luận là một lĩnh vực quan hệ trực tiếp đến hoạt động của Đảng và của nhà nước, chi phối nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội và quan hệ đến nhận thức, niềm tin của quần chúng nhân dân đối với mục tiêu, con đường phát triển của đất nước, dân tộc. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu và truyền bá lý luận là thiết thực bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, góp phần bổ sung, phát triển tư tưởng và lý luận của các nhà kinh điển khi vận dụng vào điều kiện thực tiễn nước ta. Đó cũng là vấn đề có ý nghĩa then chốt đối với thắng lợi của công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

3 - *Triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - lý luận.*

Trong lịch sử, chưa có một học thuyết chính trị nào lại liên tục bị tiến công, chống phá, xuyên tạc như chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Nhưng lịch sử cũng chứng minh rằng : sau mỗi lần vượt qua thử thách, chủ nghĩa Mác - Lê-nin càng chứng tỏ bản chất cách mạng và khoa học, càng chứng tỏ sức sống mãnh liệt và khả năng thâm nhập quần chúng nhân dân lao động.

Kẻ chống phá chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng không xa lạ. Vẫn là những lý luận gia của giai cấp tư sản phản động, những kẻ theo chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa cơ hội, những kẻ từng đi theo lý tưởng chủ nghĩa xã hội nhưng nay quay mặt phản bội. Điều này cũng đã diễn ra nhiều lần trong lịch sử. Thực chất đây vẫn là cuộc đấu tranh giai cấp trên mặt trận tư tưởng - lý luận. Cuộc đấu

---

(1) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t6, tr 30.
(2) Nghị quyết 01/NQ - TW ngày 28-3-1992 của BCT "Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay".

Digitized by Google

tranh này từng diễn ra gay gắt trong thời kỳ Mác, Ăng-ghen, trong thời kỳ Lê-nin ; từng diễn ra với nhiều thế hệ những người cộng sản. Chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc, còn chủ nghĩa tư bản, thì chừng đó cuộc đấu tranh này còn tiếp diễn và mức độ chắc sẽ càng gay gắt hơn, quyết liệt hơn. Để đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch trên mặt trận tư tưởng - lý luận, nhất thiết phải tổ chức lực lượng. Đây không phải là cuộc đấu tranh tự phát, không phải là việc làm dễ dàng. Nó đòi hỏi phải có sự nhận thức đầy đủ và sâu sắc về hệ tư tưởng - lý luận Mác - Lê-nin, một bản lĩnh chính trị và bản lĩnh khoa học vững vàng kiên định. Để giáng trả đích đáng các luận điệu xuyên tạc, thù địch, không thể chỉ xuất phát từ nhận thức cảm tính, từ tình cảm cách mạng, mà phải từ nhận thức lý tính, có phân tích, phê phán triệt để các luận điệu đó với đầy đủ cơ sở, luận cứ khoa học. Thông qua việc lý giải đúng nguồn gốc, nguyên nhân của những sai lầm và thất bại, vạch rõ sự man trá, nguỵ biện của những luận điệu xuyên tạc và thù địch, chúng ta sẽ bảo vệ được sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trước mọi luận diệu thù địch, chống phá.

Trên mặt trận tư tưởng - lý luận, các lực lượng thù địch luôn tìm mọi kẽ hở để luồn lách, tiến công ta. Chúng dùng "diễn biến hòa bình" như một vũ khí lợi hại ; thông qua mọi hoạt động trong các lĩnh vực của đời sống xã hội để mở rộng địa bàn và tăng cường ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản. Chúng lợi dụng những mâu thuẫn giai cấp, mâu thuẫn tôn giáo, mâu thuẫn dân tộc, sắc tộc, vốn có trong đời sống tinh thần của xã hội và thông qua các quan hệ về kinh tế, văn hóa, khoa học... trong điều kiện kinh tế thị trường và mở cửa để thực hiện những mưu đồ của chúng. Mục đích cuối cùng vẫn là nhằm hạ thấp, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Tổ chức, quản lý thông tin là vấn đề quan hệ trực tiếp đến việc đấu tranh chống các âm mưu thù địch trên mặt trận tư tưởng - lý luận. Trong nghiên cứu lý luận cũng như trong hoạt động thực tiễn, mọi người đều cần có thông tin chính xác, thông tin từ nhiều phía, nhiều nguồn. Nhưng thông tin nhiều chiều, không thể không làm rõ quan điểm chính thống, không thể không có bình luận khoa học, không thể không có sự phê phán đối với những luận điệu sai trái. Nếu chỉ cung cấp thông tin như những nguyên liệu thô, thì chưa hẳn đã tốt, bởi vì thực tế không phải ai cũng có khả năng xử lý mọi thông tin.

Đảng và Nhà nước ta đang chỉnh đốn hoạt động xuất bản, in ấn và phát hành. Để chống lại các luận điệu thù địch trên mặt trận tư tưởng - lý luận, cần có sự hỗ trợ cần thiết của nhà nước cho việc xuất bản và phát hành các loại hình sách báo lý luận chính trị, cho việc xuất bản và công bố kết quả các công trình nghiên cứu lý luận. Với các loại hình này, không thể áp dụng cứng nhắc cơ chế thị trường trong việc xuất bản và phát hành. Đầu tư cho sách báo lý luận chính trị là loại đầu tư cơ bản, không thể không dựa vào ngân sách nhà nước.

Các cơ quan thông tin, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình... đang ngày càng được trang bị hiện đại. Sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan này với các cơ quan nghiên cứu lý luận để tiến công lại các lực lượng thù địch trên mặt trận tư tưởng - lý luận, là rất quan trọng và cần thiết. Kết quả tốt của cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng - lý luận sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc vượt qua mọi khó khăn, thử thách giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tiếp tục đưa đất nước tiến lên. Từ thực tiễn Liên xô và Đông Âu, nhân dân lao động nước ta đã ý thức được cái giá phải trả cho sự mất ổn định về chính trị - xã hội.

Thắng lợi của công cuộc đổi mới và nhiệm vụ xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa ở nước ta, không những đòi hỏi những người cộng sản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta tạo cho được những bước phát triển vững chắc trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội, mà còn đòi hỏi họ góp phần xứng đáng vào việc bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tiếp tục bổ sung và phát triển hệ tư tưởng - lý luận ấy.

Digitized by Google

BẢO VỆ AN NINH BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI

ĐẶNG VŨ LIÊM *

BIÊN giới quốc gia luôn gắn với sự tồn tại và phát triển của dân tộc. Tính thống nhất toàn vẹn không thể chia cắt là một trong những đặc điểm bao trùm của biên giới quốc gia mà bất cứ một nước nào có độc lập, chủ quyền đều phải nhận thức và duy trì một cách nghiêm ngặt. Đối với nước ta, việc duy trì và giữ vững tính thống nhất ấy càng có ý nghĩa to lớn. Chúng ta phải trải qua những cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ và hy sinh xương máu của nhiều đời, nhiều thế hệ mới có được biên giới trọn vẹn như ngày nay.

Biên giới quốc gia có vị trí trọng yếu về an ninh, quốc phòng, kinh tế và đối ngoại ; là cửa ngõ phòng thủ đất nước, là nơi đầu tiên chống các cuộc xung đột biên giới và chiến tranh xâm lược. Biên giới là biên cương, là "phên, giậu" của Tổ quốc. Chúng ta có trên 8000 km đường biên giới cả trên đất liền và bờ biển. Khác với nhiều nước trên thế giới, biên giới nước ta mang tính chất "biên giới mở" trong trạng thái tự nhiên. Trạng thái này làm cho công tác quản lý bảo vệ có những đặc điểm riêng biệt không giống các nước khác. Địa bàn biên giới thường là những vùng khó khăn, gian khổ và hết sức phức tạp. Biên giới đất liền trải dài trên 4000 km tiếp giáp với ba nước láng giềng : Trung quốc, Lào, Cam-pu-chia. Biên giới đất liền vừa dài, vừa khúc khuỷu. Có đoạn là biên giới hữu nghị ; ngược lại, có những đoạn còn tranh chấp rất phức tạp. Biên giới đất liền hầu hết đi qua những nơi núi cao, suối sâu, rừng rậm, địa hình hiểm trở, giao thông chia cắt, thông tin liên lạc khó khăn, khí hậu khắc nghiệt. Trên Biển Đông, biên giới lãnh hải tiếp giáp với Trung quốc, Đài loan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, Thái lan, Cam-pu-chia... Biên giới lãnh hải có chỗ còn là những vùng tranh chấp đối với nhiều nước.

Địa bàn biên giới, nơi bộ đội biên phòng làm nhiệm vụ, thường là nơi cư trú của đồng bào các dân tộc thiểu số và đồng bào theo các tôn giáo khác nhau.

Tình hình kinh tế - xã hội những nơi này nhìn chung còn thấp, có nơi rất lạc hậu. Trình độ nhận thức về chủ quyền, ý thức quốc gia, quốc giới còn nhiều hạn chế. Một số đồng bào các dân tộc có mối quan hệ dân tộc, thân tộc với các nước láng giềng rất sâu sắc, thường xuyên có nhu cầu qua lại thăm hỏi, nên công tác bảo vệ, quản lý biên giới gặp không ít khó khăn.

Lợi dụng những khó khăn trong đời sống đồng bào vùng biên giới, các thế lực phản động đã xuyên tạc chính sách tôn giáo, chính sách dân tộc, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta. Chúng kích động mối hiềm khích giữa các dân tộc, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, kích động việc di dân và phát triển tôn giáo một cách khác thường trong các vùng dân tộc.

Nước ta, cũng như bất cứ nước nào trên thế giới, muốn phát triển, phải ổn định. Muốn ổn định, phải biết tự bảo vệ. Nhận thức sâu sắc quy luật này, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn coi bảo vệ biên giới quốc gia là trách nhiệm, nghĩa vụ của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ; chú trọng xây dựng, tổ chức lực lượng chuyên trách làm nòng cốt. Lực lượng này trước dây là *công an nhân dân vũ trang* (được thành lập ngày 3-3-1959), nay là *bộ đội biên phòng*. Bộ đội biên phòng có chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về biên giới theo đúng pháp luật quy định. Nó quản lý, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm đường biên, cột mốc, dấu hiệu biên giới quốc gia không bị thay đổi ; kiểm tra việc chấp hành quy chế biên giới quốc gia do nhà nước ban hành, thực hiện việc phòng thủ biên giới và ngăn chặn các hoạt động vượt biên trái phép ; kiểm tra việc thực hiện các điều ước quốc tế về quan hệ biên giới với các nước láng giềng ; đấu tranh chống các bọn phản cách mạng và bọn phá hoại khác, bảo đảm an ninh, trật tự biên giới. Đồng thời, phối hợp với quân đội tác chiến chống xâm lược, phối hợp với hải quan chống buôn lậu qua biên giới, và phối hợp với các lực lượng khác bảo vệ môi sinh, môi trường sinh thái trên biên giới quốc gia. Một nhiệm vụ nữa rất quan trọng của bộ đội biên

* Cục trưởng Cục chính trị Bộ đội biên phòng

Digitized by Google

phòng là cùng chính quyền địa phương tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, về xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ an ninh biên giới Tổ quốc.

*

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong 35 năm qua, bộ đội biên phòng cùng chính quyền và nhân dân vùng biên giới đã trải qua nhiều thử thách và đạt được những thành tựu đáng kể. Qua thực tế công tác bảo vệ biên giới, có thể nêu mấy vấn đề cần chú ý sau :

1 - Trong đấu tranh bảo vệ an ninh biên giới quốc gia, cần kết hợp chặt chẽ các phương thức đấu tranh trên các lĩnh vực an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Cần xác định cuộc đấu tranh ở tầm vĩ mô, với cơ sở xã hội rộng lớn, vững chắc và tuân thủ đường lối an ninh quốc phòng và đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Thống nhất chỉ đạo từ trung ương xuống các địa phương. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, trong đó đặc biệt coi trọng vận dụng, kết hợp các phương thức công tác của lực lượng bộ đội biên phòng.

Bảo vệ an ninh biên giới quốc gia là một bộ phận trọng yếu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đây là nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta ; và nhiệm vụ này phải được thực hiện nghiêm túc theo các nghị quyết và chỉ thị của Đảng và Nhà nước.

Trong bảo vệ biên giới, cần kết hợp chặt chẽ giữa bảo vệ chủ quyền dân tộc về lãnh thổ, chính trị, kinh tế, văn hóa với bảo vệ an ninh, trật tự xã hội ; giữa phòng thủ đất nước với giải quyết tốt mối quan hệ với các nước láng giềng. Đối tượng đấu tranh của công tác bảo vệ an ninh biên giới rất đa dạng và phức tạp, gồm đủ loại phá hoại đất nước ta từ biên giới trên tất cả các mặt. Đối tượng này vừa có vũ trang, vừa không có vũ trang, công khai và bí mật. Đó là bọn gián điệp, bọn tình báo, bọn biệt kích, bọn thổ phỉ, bọn hải tặc, bọn tội phạm hình sự, bọn buôn lậu, các toán vũ trang xâm lược. Đó còn là những người cố ý hoặc vô ý vi phạm quy chế biên giới, vượt biên trái phép. Do đối tượng đấu tranh đa dạng và phức tạp như vậy, công tác bảo vệ an ninh biên giới cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các lĩnh vực an ninh, quốc phòng và đối ngoại, để tùy tình hình cụ thể mỗi nơi mà có những hình thức, biện pháp đấu tranh thích hợp, kết hợp chặt chẽ giữa các phương thức đấu tranh chủ yếu với các hình thức đấu tranh cụ thể, chuyên sâu. Một yêu cầu quan trọng là phải kết hợp thường xuyên với các ngành, các cấp, các lực lượng có liên quan làm nhiệm vụ ở biên giới ; đặc biệt, coi trọng việc vận động, giáo dục, tổ chức quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ biên giới. Bằng những hình thức thích hợp, tổ chức thành phong trào nhân dân tích cực bảo vệ an ninh biên giới. Việc này chúng ta đã có một số kinh nghiệm và trong tình hình mới cần được vận dụng và phát huy tốt hơn.

2 - Cuộc đấu tranh bảo vệ an ninh biên giới là cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước. Lãnh đạo xây dựng các vùng biên giới không ngừng phát triển về các mặt kinh tế, quốc phòng, an ninh, văn hóa - xã hội, kết cấu hạ tầng ; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc - đó là nền tảng sức mạnh của công tác bảo vệ an ninh biên giới hiện nay.

Công tác bảo vệ an ninh biên giới phải do nhân dân là chủ thể. Phòng tuyến bảo vệ biên giới vững chắc nhất là phòng tuyến lòng dân. Đồng thời, đấu tranh để giữ yên biên giới, cũng là vì hạnh phúc của nhân dân. Trong cuộc đấu tranh này, cần kết hợp giữa bảo vệ và xây dựng, giữa bảo vệ dân và bảo vệ biên giới, giữa xây dựng các tổ chức chính trị xã hội vững mạnh với phát triển kinh tế, văn hóa. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cấp, các ngành, các lực lượng làm nhiệm vụ trên biên giới cũng như trong nội địa, tạo ra thế trận biên phòng liên hoàn vững chắc. Đối với các vùng rẻo cao, xa xôi, hẻo lánh, đời sống của nhân dân các dân tộc thấp kém, thì càng phải đẩy mạnh việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội làm cơ sở tác động trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ biên giới. Chú ý phát triển kinh tế, kết hợp với việc tuyên truyền, giáo dục trong nhân dân ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ biên giới quốc gia. Những năm qua, lực lượng bộ đội biên phòng đã có những đóng góp tích cực trong việc xây dựng cơ sở đảng, chính quyền, công an, dân quân và các tổ chức quần chúng ở địa phương. Mặt khác, còn giúp dân sản xuất, học văn hóa, chữa bệnh, chiếu phim phục vụ đồng bào, nhất là ở các nơi xa xôi hẻo lánh, nên được bà con các dân tộc coi như con em mình.

Nhà nước ta đã ban hành và thi hành nhiều quy

Digitized by Google

định, quy chế, hiệp định về bảo vệ, quản lý biên giới. Trong tình hình mở cửa hiện nay, bên cạnh những thuận lợi mới, cũng có nhiều khó khăn, phức tạp mới nảy sinh trên các tuyến biên giới. Chúng ta còn thiếu luật về bảo vệ biên giới, thiếu những quy chế mới về xuất nhập khẩu, thiếu quy chế về biên giới lãnh hải. Vì vậy, các lực lượng trực tiếp làm nhiệm vụ trên biên giới, đặc biệt là lực lượng bộ đội biên phòng, gặp không ít khó khăn và còn nhiều lúng túng.

3 - Bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất từ trung ương xuống địa phương. Do yêu cầu của công tác chỉ đạo, chỉ huy mà nhiệm vụ bảo vệ biên giới quốc gia phải tập trung thống nhất. 35 năm qua, khi thời chiến, lúc hòa bình, lực lượng bộ đội biên phòng tuy có sự thay đổi về cơ chế quản lý, nhưng nhìn chung, nhiệm vụ bảo vệ biên giới của nó ngày một nặng nề. Thực hiện nhiệm vụ trên một địa bàn trải dài hơn 8000 km, lực lượng lại phân tán, nên tổ chức chỉ huy, chỉ đạo phải chặt chẽ, kịp thời, thông suốt từ trên xuống dưới. Những hoạt động của địch, những gì xảy ra trên biên giới, trên biển, đều phải được nhanh chóng báo lên cấp trên. Nhiều vụ việc xảy ra trên biên giới không chỉ liên quan đến hai đồn biên phòng, hai địa phương có chung biên giới, mà còn liên quan đến hai quốc gia, hai chính phủ. Do đó, phải hết sức thận trọng, chính xác, kịp thời, khi xem xét xử lý các vụ việc.

Công tác bảo vệ an ninh biên giới có liên quan mật thiết đến chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, công tác này phải được đặt dưới sự lãnh đạo tập trung thống nhất của trung ương, đồng thời kết hợp chặt chẽ với địa phương. Có như vậy, những vấn đề xảy ra trên biên giới mới được giải quyết một cách đồng bộ, phát huy sức mạnh tổng hợp của các lực lượng ở trung ương và địa phương. Nhà nước giao cho các địa phương trực tiếp giải quyết một số vụ việc cụ thể xảy ra trên địa bàn, song phải báo cáo để trung ương biết và quyết định những vấn đề liên quan đến chủ quyền quốc gia. Bộ đội biên phòng là lực lượng của nhà nước làm nhiệm vụ quản lý biên giới đóng trên các địa phương, nhưng về mặt lãnh đạo, chỉ đạo phải bảo đảm tập trung thống nhất. Kinh nghiệm cho thấy, có nơi có lúc đo phân tán về tổ chức, thiếu sự tập trung, thống nhất, nên bộ đội biên phòng không phát huy được sức mạnh của mình.

Tình hình các tuyến biên giới đang có những phức tạp mới, chúng ta cần nghiên cứu kịp thời, từ đó phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, hạn chế những sơ hở, thiếu sót, để thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ biên giới quốc gia.

4 - Đảng trực tiếp lãnh đạo và xây dựng lực lượng bộ đội biên phòng trong sạch vững mạnh, chính quy và từng bước hiện đại. Tình hình biên giới càng phức tạp, lực lượng chuyên trách càng phải sâu và mạnh. Để đáp ứng yêu cầu mới, bộ đội biên phòng phải được xây dựng vững mạnh về tổ chức, nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị trong sáng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân. Tổ chức phải ổn định, tránh xáo trộn khi chưa được nghiên cứu kỹ, nhất là khi có tình hình nóng bỏng và phức tạp như trên các tuyến biên giới. Phương hướng xây dựng lực lượng là tiến lên chính quy và từng bước hiện đại, trang bị những vũ khí, phương tiện khoa học kỹ thuật cần thiết đủ sức quản lý, bảo vệ biên giới trong tình hình mới.

Hiện nay, cơ chế quản lý kinh tế mới đang tác động, chi phối nhiều hoạt động của xã hội, trong đó có hoạt động bảo vệ an ninh biên giới. Thế giới và khu vực cũng đang có những biến đổi sâu sắc, có những quan hệ giao lưu, qua lại nhiều hơn trước giữa các nước, điều này cũng tác động mạnh mẽ đến nhiệm vụ bảo vệ an ninh biên giới.

Do nước ta thực hiện chính sách mở cửa, các tập đoàn kinh tế, các tổ chức chính phủ, phi chính phủ các nước với đủ mọi danh nghĩa (thăm thân, tham quan, du lịch, thăm dò, khảo sát ký kết các hợp đồng ; cứu trợ nhân đạo, từ thiện, hồi hương, người tị nạn, v.v.) ra vào nước ta ngày càng nhiều. Thông qua các danh nghĩa nói trên, không ít kẻ xấu đã trà trộn vào nước ta nhằm thực hiện ý đồ của chúng. Đối tượng đấu tranh của bộ đội biên phòng ngay từ cửa ngõ của Tổ quốc đã tăng lên. Kẻ địch cũng đã sử dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại nhất vào hoạt động tình báo để dễ bề thâm nhập bờ biển, cửa khẩu, hải đảo v.v. của ta. Vì vậy, để có thể bảo vệ, quản lý tốt biên giới quốc gia ngày nay, còn phải chú trọng đến trình độ chuyên môn giỏi, những phương tiện, vũ khí... hiện đại.

Thực hiện chính sách mở cửa biên giới, một số ngành và địa phương có nhiều việc làm năng động, tích cực và sáng tạo để tăng thu nhập cho ngành và địa phương mình, tăng đóng góp cho ngân sách nhà nước. Tuy vậy, cũng có ngành và có địa phương bất chấp pháp luật, coi "phép vua

(Xem tiếp trang 27)

Digitized by Google

VỀ NHIỆM VỤ QUỐC PHÒNG - AN NINH HIỆN NAY

BÙI PHAN KỲ*

PHÒNG chống thù trong giặc ngoài để ổn định chế độ, giữ yên bờ cõi, là việc không một quốc gia, dân tộc nào lại không đặt ra ở tầm quốc sách. Nhưng khi một đất nước đã lựa chọn con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội thì ngay trong sự lựa chọn đó, đã bao hàm ý nghĩa phải đương đầu với các thế lực phản động chống chủ nghĩa xã hội ; ngay trong những thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội, đã phải chứa đựng khả năng đứng vững trước sự "xóa bỏ" của những lực lượng chống chủ nghĩa xã hội. Từ đó thấy rõ, sự nghiệp phòng chống thù trong giặc ngoài trong khi xây dựng chế độ mới, có phần nặng nề, phức tạp hơn trong thời đấu tranh giành độc lập.

Có ý kiến chỉ ra sự khác nhau giữa tổ quốc và chế độ để lập luận rằng, ngày nay có những lực lượng phản động chỉ nhằm xóa bỏ chế độ ta chứ không nhằm xóa bỏ độc lập dân tộc của nước ta; có những lực lượng chỉ xâm lấn chủ quyền lãnh thổ của ta chứ không hề có ý định loại bỏ chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Phải chăng đó là ý kiến nghiêm túc ? Nhất là nó lại dẫn đến một kết luận chính trị vô cùng quan trọng : bảo vệ nền độc lập dân tộc và bảo vệ chế độ là hai việc khác nhau, không nên gán hai việc đó làm một ! (?)

Tổ quốc và *chế độ*, vốn dĩ không phải là một. Lịch sử mỗi nước đều trải qua nhiều chế độ nhưng chủ quyền dân tộc trên đất nước hầu như vẫn không thay đổi. Đó là điều dễ nhận thấy, nếu đứng trên bình diện quan hệ giữa các quốc gia, dân tộc mà xem xét. Nhưng đối với công dân của mỗi quốc gia - và đây mới là *khía cạnh chủ yếu* của vấn đề - thì không hẳn như vậy. Theo nguyên lý "đối nội chỉ đạo đối ngoại", thì *tính chất* cho đến *bản chất* của "tổ quốc" họ, lại không ngừng biến động. Hôm nay, đó là "tổ quốc" phong kiến tập quyền, bắt các thần dân phải cống nạp và thần phục nhà vua ; nhưng ngày mai, lại có thể là "tổ quốc" quân chủ lập hiến, cho dân quyền tự do kinh doanh, tự do bầu cử, biến nhà vua thành một công chức siêu đẳng ăn lương nhà nước ! Hôm nay, đó là "tổ quốc" của các công ty tư bản độc quyền ; nhưng ngày mai lại có thể là "tổ quốc" của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ! Hôm nay, đó là "tổ quốc" của chủ nghĩa quốc tế, đề cao sự bình đẳng giữa các dân tộc ; nhưng ngày mai, lại có thể là "tổ quốc" của chủ nghĩa sô vanh, đề cao dân tộc mình và miệt thị các dân tộc khác ! Tất cả những biến động nói trên của "tổ quốc" đều xoay quanh một chủ đề : đó là "tổ quốc" *của ai, vì ai* và *do ai* ; và đều tác động sâu sắc đến vận mệnh và cuộc sống của mỗi công dân sống trong "tổ quốc" đó.

Tổ quốc của bất cứ dân tộc nào, của bất cứ tập đoàn người nào, bao giờ cũng gắn với một chế độ kinh tế - chính trị - xã hội nhất định, do đó luôn luôn biến động theo sự biến động của chế độ đó.

Độc lập dân tộc không chỉ là vấn đề chủ quyền trên cương vực quốc gia ; nó còn là và trước hết là vấn đề độc lập về chính trị, chủ quyền trong việc lựa chọn chế độ. *Kẻ nào tiến công một chế độ xã hội mà nó là kết quả của sự phát triển kinh tế - chính trị - xã hội của một dân tộc nào đó, thì kẻ đó thực tế đã tiến công vào chủ quyền lựa chọn chế độ của dân tộc đó.*

Trong thực tế, chưa bao giờ có và cũng sẽ không bao giờ có một "tổ quốc" chung chung, không gắn với một chế độ kinh tế - chính trị - xã hội nhất định, không gắn với vận mệnh của những con người, những tập đoàn người nhất định. Chính với ý nghĩa ấy mà *Tuyên ngôn của Đảng cộng sản* khẳng định : nếu giai cấp công nhân "không tự mình trở thành dân tộc" thì nó sẽ không có tổ quốc, vì với chế độ tư bản, tổ quốc là tổ quốc của các chủ tư bản chứ không phải của nó. Dù thời thế đã đổi thay, nhưng nguyên lý cơ bản đó vẫn giữ nguyên giá trị.

Ngành quốc phòng và an ninh của ta phải cùng toàn dân bảo vệ tổ quốc đồng thời với bảo vệ chế độ ; không thể bảo vệ tổ quốc tách rời chế độ,

* Thiếu tướng, PGS, Viện chiến lược Bộ quốc phòng

Digitized by Google

cũng không thể bảo vệ chế độ đứng ngoài tổ quốc.

Trong xã hội tư sản, để bảo vệ lợi ích của chính mình, các tập đoàn thống trị thường động viên công nhân và nhân dân lao động đi đánh nhau dưới danh nghĩa "bảo vệ tổ quốc". Để vạch trần âm mưu đó và phân biệt ta với họ, chúng ta không thể bỏ qua nguyên lý của Lê-nin về "bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tính cách là tổ quốc". Hiện nay, âm mưu, thủ đoạn của các lực lượng chống đối ta đã thay đổi theo sự thay đổi của các lợi ích trong thời đại mới. Mục đích tiến công của chúng không còn như trước chỉ nhằm chiếm đất, chiếm dân, tổ chức chính quyền tay sai. Ngày nay chúng có thể chỉ cần nước nào đó chịu thay đổi đường lối theo yêu cầu của chúng là được. Nhưng một khi đã chịu sức ép của chúng, đường lối lãnh đạo không còn vì lợi ích của nước mình mà vì lợi ích của nước khác, thì như vậy làm sao còn có độc lập dân tộc ?

Trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, việc phòng thủ quốc gia và bảo vệ an ninh quốc gia là hai lĩnh vực hoạt động rất gần với nhau, nhưng khác nhau. Trên hai lĩnh vực đó, các lực lượng chuyên trách được tổ chức khác nhau, hoạt động theo những phương thức khác nhau, tuân theo những khoa học chuyên ngành không giống nhau. Trong các hoạt động nghiệp vụ, mỗi lực lượng phải xử lý với các đối tượng cụ thể không đồng nhất, trên những địa bàn, trận tuyến khác nhau, có cách bố trí lực lượng, điều hành trận đánh không giống nhau. Mỗi ngành có chiến lược riêng, đi sâu vào khoa học, nghệ thuật chuyên ngành có liên quan đến phương thức hoạt động của ngành mình.

Tuy vậy, ở cấp vĩ mô, trong sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, lại cần thấy rõ những hoạt động mang tính tổng thể của cả nước, của toàn xã hội, theo các yêu cầu của phòng thủ quốc gia và bảo vệ an ninh quốc gia ; thấy rõ giữa hai lĩnh vực đó có những mặt *không thể tách rời*, chỉ cần lỏng lẻo một chút trong sự kết hợp là dẫn đến những hậu quả khôn lường.

Trước hết, các hoạt động quốc phòng - an ninh phải làm nòng cốt trong việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, lãnh thổ toàn vẹn của tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, sự ổn định chính trị, trật tự và an toàn xã hội, quyền làm chủ của nhân dân, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực phản động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đó là *nhiệm vụ chính trị chung* của cả hai ngành hoạt động.

Để làm tốt nhiệm vụ đó, hai ngành quốc phòng và an ninh phải tổ chức lực lượng nòng cốt phù hợp với chức năng của mình, với đối tượng tác chiến cụ thể trong từng giai đoạn, với hoàn cảnh cuộc đấu tranh và khả năng, tiềm lực của đất nước, đồng thời có sự phối hợp chặt chẽ với nhau. Hoạt động *quốc phòng* và *an ninh* đều phải nhằm *mục tiêu chiến lược chung* : "làm thất bại mọi âm mưu và hành động phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta". Trước hết, phải làm phá sản các âm mưu "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ, các mưu đồ xâm lấn chủ quyền đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi thủ đoạn xâm lược...

Trong mối quan hệ giữa quốc phòng và an ninh, *mục tiêu chiến lược* giữ địa vị *chủ đạo ; phương thức hoạt động* của từng ngành, từng lực lượng chỉ là các *biện pháp để thực hiện mục tiêu*, là *nhân tố tùy thuộc*.

Các hoạt động quốc phòng, an ninh trong từng thời điểm có thể nhằm vào những đối tượng cụ thể không hoàn toàn đồng nhất, những đối tượng mang tính chiến dịch và chiến thuật. Nhưng *đứng trên tầm vĩ mô của Đảng và Nhà nước*, trong bất cứ thời điểm nào, *đối tượng chiến lược của quốc phòng - an ninh là thống nhất*. Đối tượng chiến lược giữ địa vị hướng dẫn, việc lựa chọn các đối tượng cụ thể trên các địa bàn cụ thể.

Sự thống nhất về bản chất chính trị của các lực lượng quốc phòng và an ninh thể hiện ở chỗ cả hai đều là người lính gác trung thành của tổ quốc và chế độ ; là cánh tay, là công cụ bạo lực trực tiếp của *Đảng*, của *Nhà nước*, và của *Nhân dân*. Ta thường nhấn mạnh nguyên lý dựa vào dân. Nhưng trong mọi cuộc đấu tranh để làm sáng tỏ chính nghĩa và lẽ phải, đến lượt mình, dân cũng đòi phải có chỗ dựa. Nếu chính nghĩa và lẽ phải không có sức mạnh để làm chỗ dựa, thì nhân dân dù rất đông đảo cũng phải bó tay, để cho cường quyền và bạo lực hoành hành.

Khuynh hướng chung của các đối thủ chống đối hiện nay là sử dụng triệt để phương thức tiến công tổng lực. Vì thế, hai lực lượng quốc phòng và an ninh cần có sự phối hợp hết sức chặt chẽ với nhau, cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ theo mục tiêu chiến lược chung, thực sự làm nòng cốt vững chắc cho sức mạnh tổng hợp của toàn dân bảo vệ tổ quốc và chế độ.

Trong bối cảnh hiện nay của đất nước, yêu cầu giữ vững ổn định, bảo vệ môi trường hòa bình cho sự nghiệp xây dựng và phát triển là yêu cầu mang tính chiến lược, vì nó quyết định vận mệnh của đất nước và dân tộc trong các thập kỷ tới. Ông cha ta có bài học : *giữ cho trong ấm, ngoài êm*.

Digitized by Google

Trong nước mà giữ được ổn định thì kẻ địch bên ngoài rất khó nhúng mũi vào. Xưa nay hầu như tất cả kẻ địch tiến công ta đều kết hợp nội công với ngoại kích, tốt nhất là bắt đầu từ phá vỡ bên trong để tạo đầu cầu, tạo cớ cho kẻ bên ngoài can thiệp dưới mọi hình thức. Bởi vậy, muốn giữ vững môi trường hòa bình phải bắt đầu bằng giữ vững ổn định bên trong, ổn định trong Đảng, trong Nhà nước, trong Nhân dân.

Giữ vững ổn định chính là tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển của mọi ngành hoạt động, là tạo cho dân cảnh làm ăn êm ấm, yên lành để sớm ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, từng bước tiến tới dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh. Giữ vững ổn định cũng là bảo vệ chế độ kinh tế - chính trị hiện hành đang trên đường đổi mới, giữ vững quyền làm chủ của nhân dân, quyền điều hành quản lý của nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng...

Ổn định là chìa khóa để gìn giữ hòa bình, nhưng nó đang là mục tiêu công kích và phá vỡ của mọi lực lượng chống đối. Bài học mới nhất của đất nước và của thời đại là nếu ở đâu giữ được ổn định thì ở đó sẽ có sức mạnh đối phó thắng lợi với mọi đối thủ, khắc phục được mọi nguy cơ. Làm mất ổn định sẽ mở đường cho mọi tai họa kéo đến. Thông qua việc giữ vững ổn định mà gìn giữ hòa bình, phòng ngừa mọi bất trắc.

Nhiệm vụ quốc phòng - an ninh đang đòi hỏi một chiến lược tổng thể, mang tính liên ngành, với tính cách là bộ phận hợp thành không thể thiếu của chiến lược quốc gia. Nó cần trở thành "chiến lược quốc phòng - an ninh" đảm nhiệm những nội dung chủ yếu của sự nghiệp bảo vệ tổ quốc, bảo vệ chế độ trong giai đoạn mới, bảo đảm giữ vững mọi thành quả cách mạng trong mọi tình huống, bằng những hoạt động tự vệ thực sự có hiệu quả của toàn dân, của mọi ngành, mọi cấp, lấy các lực lượng quốc phòng, an ninh làm nòng cốt.

BẢO VỆ...

(Tiếp theo trang 24)

thua lệ làng", ngang nhiên buôn bán qua biên giới một cách trái phép. Có nơi, do chạy theo lợi ích kinh tế đơn thuần, đã sao nhãng việc kết hợp kinh tế với quốc phòng, kinh tế với an ninh, thậm chí còn để cho kẻ xấu lợi dụng, mua chuộc, và móc nối, cài cắm cơ sở qua con đường làm ăn buôn bán. Vì vậy, nhà nước cần sớm ban hành luật biên giới quốc giả và pháp lệnh bộ đội biên phòng để các ngành, các cấp cùng thực hiện, vừa bảo vệ được an ninh biên giới, vừa phát triển được kinh tế theo cơ chế thị trường. Đảng và Nhà nước ta cũng cần sớm xây dựng chiến lược vùng biển và hoàn chỉnh chiến lược miền núi, bảo đảm sự gắn bó chặt chẽ giữa kinh tế - xã hội với an ninh - quốc phòng, khắc phục có hiệu quả tình trạng chỉ vì lợi ích trước mắt mà không tính đến lợi ích lâu dài, chỉ lo lợi ích kinh tế mà không lo lợi ích an ninh - quốc phòng.

Trước mắt, kiện toàn và củng cố hệ thống tổ chức của bộ đội biên phòng theo *ba* cấp : bộ tư lệnh biên phòng ; ban chỉ huy biên phòng các tỉnh, thành ; và đồn biên phòng. Cơ chế chỉ huy, lãnh đạo tập trung thống nhất từ *bộ tư lệnh* đến *cơ sở*. Cơ chế này bảo đảm chỉ huy giải quyết những vấn đề nảy sinh ở biên giới nhanh nhạy, kịp thời.

Tập trung bồi dưỡng, huấn luyện các lực lượng nhằm nâng cao trình độ chính trị, quân sự, nghiệp vụ, pháp luật cùng các kiến thức liên quan như kinh tế, ngoại ngữ, v.v., bảo đảm chiến đấu tốt, đối ngoại thông thạo, xây dựng cơ sở chính trị vững chắc.

Cần có chính sách ưu đãi về vật chất và tinh thần, nhằm động viên cán bộ, chiến sĩ khắc phục mọi khó khăn gian khổ, bám trụ đến cùng, giữ vững biên cương Tổ quốc.

Digitized by Google

KINH TẾ CỔ PHẦN VÀ CƠ CHẾ RỦI RO MẠO HIỂM

VŨ XUÂN KIỀU

CÔNG ty cổ phần là một hình thức kinh tế năng động, hấp dẫn và phổ biến ở các nước có nền kinh tế phát triển. Sức sản xuất xã hội phát triển và trình độ xã hội hóa sản xuất ngày càng cao đòi hỏi phải có hình thức kinh tế thích hợp. Đó là hình thức kinh tế cổ phần.

Hình thức kinh tế cổ phần có những đặc trưng và ưu thế gì so với các hình thức kinh tế khác ? Để trả lời câu hỏi này, người ta thường vận dụng phương pháp so sánh, trước hết là so sánh sự khác nhau giữa *công ty cổ phần* và *công ty liên doanh*.

CÔNG TY CỔ PHẦN	CÔNG TY LIÊN DOANH
1) Chỉ có một đối tượng. Đó là người mua cổ phiếu. Họ hoàn toàn tin tưởng vào mục tiêu phát triển của công ty, vào khả năng điều hành của ban giám đốc mà bỏ vốn đầu tư.	1) Có ít nhất hai đối tượng (vì đã nói liên doanh là phải có hai bên hoặc nhiều bên). Các đối tượng này có thể đối chọi nhau vì ai cũng muốn có lợi hơn, nhưng khi liên doanh có nghĩa là họ phải chấp nhận nhau.
2) Trong trường hợp cổ đông không đồng tình với phương hướng làm ăn của công ty hoặc không thích cách điều hành của ban giám đốc, họ có thể bán cổ phiếu cho người khác, nhưng điều đó không ảnh hưởng gì đến hoạt động của công ty.	2) Nếu một trong hai bên liên doanh vì lý do gì đó mà rút vốn thì phương hướng kinh doanh của công ty lập tức bị sụp đổ.
3) Hoạt động của công ty không có thời gian hạn định. Đầu tư chỉ chấm dứt khi công ty bị phá sản.	3) Hoạt động của công ty có thời gian hạn định. Hết hạn liên doanh, các bên ký kết thu hồi vốn và chấm dứt đầu tư.
4) Hội đồng quản trị do đại hội cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị cử ra ban giám đốc (hoặc thuê giám đốc) làm việc trực tiếp với các cổ đông.	4) Hội đồng quản trị gồm đại diện của cả hai bên liên doanh. Thông qua thương lượng hoặc căn cứ vào tỷ lệ vốn đầu tư, các bên sẽ cử ra chủ tịch và ban giám đốc.
5) Mục đích đầu tư của cổ đông là thống nhất, họ muốn làm ăn lâu dài và muốn công ty ngày càng phát đạt, không bị phá sản.	5) Mục đích đầu tư của các bên liên doanh là khác nhau, tùy hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của mỗi bên. Các bên đều mong hoàn vốn nhanh, chấm dứt liên doanh và chuyển vốn đầu tư vào lĩnh vực khác.

Qua sự so sánh trên đây, chúng ta có thể thấy rõ những đặc trưng cơ bản, tính hấp dẫn và ưu thế của hình thức kinh tế cổ phần. Đặc biệt là những ưu thế sau đây :

Một, có khả năng huy động vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh (Đúng là có nhiều hình thức để huy động vốn, song hình thức kinh tế cổ phần được nhiều người đầu tư quan tâm bởi ngoài ưu thế này, nó còn có những ưu thế khác).

Hai, có sự thống nhất về mục tiêu giữa những người cùng góp vốn.

Ba, có sự liên tục và không hạn định về thời gian hoạt động.

Bốn, có phương thức quản lý và khống chế đối

Digitized by Google

với các hoạt động kinh doanh và lợi ích không hạn định của các cổ đông.

Năm, có sự phân tán cao độ những rủi ro, mạo hiểm.

Trong năm ưu thế nêu trên, ưu thế thứ năm được nhiều nhà kinh tế quan tâm nghiên cứu, coi như một cơ chế đặc thù, riêng có của hình thức kinh tế cổ phần. Đó là *cơ chế rủi ro mạo hiểm*, hay còn gọi là *tính độc đáo về những rủi ro, mạo hiểm* trong kinh tế cổ phần.

Chúng ta đều biết, rủi ro, mạo hiểm là thuộc tính vốn có của nền sản xuất hàng hóa. Trong kinh tế thị trường, sản xuất càng phát triển, quy mô sản xuất càng mở rộng, thì những rủi ro, mạo hiểm càng lớn. Kinh tế cổ phần chính là hình thức kinh tế thích hợp người ta đã tìm ra để giảm bớt những rủi ro, mạo hiểm trong sản xuất, kinh doanh. Ở các nước có nền kinh tế phát triển, qua nhiều năm xây dựng và hoàn thiện, hình thức kinh tế cổ phần đã có được cơ chế rủi ro mạo hiểm tương đối hoàn chỉnh, với các nội dung chủ yếu như :

1 - *Sự phân tán cao độ những rủi ro mạo hiểm*. Vốn của các công ty cổ phần phần lớn do các cổ đông đóng góp. Chẳng may công ty nào đó bị thua lỗ hoặc phá sản, thì sự rủi ro mạo hiểm đó không phải do một người, mà do nhiều người gánh chịu ; mức gánh chịu của mỗi người tỷ lệ thuận với số cổ phiếu họ đã mua của công ty. Khác với các hình thức kinh tế khác, kinh tế cổ phần có khả năng phân tán tới mức cao nhất những rủi ro, mạo hiểm có thể nảy sinh trong đầu tư. Ưu thế này trở thành lực hút đối với các nhà đầu tư. Người có vốn lớn thường cùng một lúc mua cổ phiếu của nhiều công ty khác nhau, do đó mà phân tán được những rủi ro, mạo hiểm trong đầu tư.

2 - *Sự dự đoán được những rủi ro, mạo hiểm và sự không thể tính trước khả năng sinh lời (cơ may)*. Trong kinh tế cổ phần, cổ đông (người bỏ vốn mua cổ phần) có trách nhiệm hữu hạn đối với công ty. Trường hợp kinh doanh của công ty diễn ra bình thường thì mỗi cổ đông được hưởng lợi tức cổ phần tương ứng với số vốn mà họ bỏ ra. Trường hợp kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao, giá cổ phiếu tăng, thì mỗi cổ đông được hưởng lợi tức cổ phần lớn hơn. Đầu tư vốn vào công ty cổ phần là lâu dài và ổn định, vì ở giai đoạn này công ty có thể bị thua lỗ nhưng ở giai đoạn khác công ty lại có cơ may, do đó mỗi cổ đông bị thua thiệt ở giai đoạn này thì ở giai đoạn khác lại có thể thu lợi lớn. Cũng tương tự như vậy, người mua cổ phần của nhiều công ty thì ở công ty này có thể bị thua thiệt nhưng ở các công ty khác lại có thể thu lợi lớn. Trong công ty cổ phần, khả năng giá trị cổ phiếu và lợi tức cổ phần tăng vô hạn là động lực kích thích các cổ đông tham gia mua cổ phiếu ; còn khả năng rủi ro mạo hiểm có giới hạn của cổ đông (giới hạn cao nhất bằng số tiền bỏ ra mua cổ phiếu) là yếu tố quan trọng buộc cổ đông phải thường xuyên quan tâm đến quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

3 - *Sự đổi chỗ của những rủi ro, mạo hiểm*. Như trên đã nói, một trong những ưu thế của kinh tế cổ phần là bảo đảm tính liên tục của quá trình kinh doanh, cổ đông không được rút vốn khi quá trình kinh doanh chưa chấm dứt. Điều đó cũng có nghĩa người mua cổ phiếu có thể được hưởng kết quả tốt đẹp và cũng có thể phải gánh chịu mọi rủi ro mạo hiểm (mặc dù rủi ro mạo hiểm là hữu hạn) của sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, cần thấy : các cổ đông dù không được rút vốn cổ phần, nhưng lại có thể đưa cổ phiếu của họ ra thị trường chứng khoán để bán. Như vậy, bằng bán cổ phiếu, thực tế họ có thể thu hồi vốn và trút gánh nặng rủi ro mạo hiểm sang người khác. Còn đối với người mua lại cổ phiếu, thì họ thực hiện được mục đích đầu tư của mình với hy vọng sẵn sàng chịu mọi rủi ro mạo hiểm để có được cơ may. Hành vi mua bán cổ phiếu diễn ra thường xuyên trên thị trường, do đó những rủi ro mạo hiểm trong đầu tư luôn có sự chuyển dịch từ người này sang người khác. Điều đó chẳng những kích thích sự mua bán nhộn nhịp trên thị trường, mà còn khơi dậy lòng tin và sự hào hứng của người đầu tư mua cổ phiếu. Trên giác độ toàn công ty, mặc dù sự mua bán, trao đi đổi lại diễn ra như thế nào trên thị trường, cũng không làm cho mức độ rủi ro mạo hiểm của công ty tăng lên. Hay nói cách khác, tổng số rủi ro mạo hiểm của công ty không thay đổi khi có sự đổi chỗ về rủi ro mạo hiểm giữa các cổ đông. Đây chính là ưu thế do cơ chế rủi ro mạo hiểm trong kinh tế cổ phần tạo ra, cái mà các hình thức kinh tế khác không thể có được.

Với những đặc trưng và ưu thế nổi bật nói trên, hình thức kinh tế cổ phần tạo cho nền kinh tế khả năng thích ứng, linh hoạt, phát triển có hiệu quả.

*

Ở nước ta, hình thức kinh tế cổ phần đang có cơ hội phát triển. Năm 1990, nhà nước đã ban hành luật công ty, trong đó có công ty cổ phần. Năm 1991, chính phủ đã nhiều lần nhắc nhở các ngành, các địa phương nghiên cứu tổ chức chuyển thử một số xí nghiệp quốc doanh sang công ty cổ phần. Để tiến hành cổ phần hóa một số xí nghiệp quốc doanh và rút kinh nghiệm cho

Digitized by Google

việc xây dựng xí nghiệp cổ phần, năm 1991 chính phủ đã chọn 7 xí nghiệp quốc doanh để làm thử, đồng thời khuyến khích lập xí nghiệp cổ phần ngoài quốc doanh. Sau gần 3 năm thực hiện, 7 xí nghiệp quốc doanh nói trên đã xin được rút khỏi danh sách làm thử. Nhìn chung, tiến trình cổ phần hóa diễn ra hết sức chậm chạp. Số xí nghiệp cổ phần do tư nhân lập, cũng không nhiều, quy mô hùn vốn không lớn lắm.

Tình hình trên do nhiều nguyên nhân, song có lẽ nguyên nhân chủ yếu là : Trong điều kiện nước ta, chế độ công hữu chiếm ưu thế, do đó hầu hết các xí nghiệp có quy mô lớn đều thuộc sở hữu nhà nước. Vì là xí nghiệp nhà nước cho nên nguồn vốn chủ yếu vẫn do nhà nước cấp (trực tiếp hoặc gián tiếp) thông qua tín dụng ngân hàng hoặc liên doanh dưới sự bảo trợ của nhà nước. Các xí nghiệp quốc doanh được nhà nước trao quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về lời lỗ. Tuy nhiên, trên thực tế (nhất là đối với các xí nghiệp do nhà nước độc quyền) nhà nước vẫn quản lý rất chặt về phương thức kinh doanh, về phân phối lợi nhuận cũng như về bố trí nhân sự.

Mặt khác, như trên đã nói, trong nền kinh tế thị trường, quy mô sản xuất càng lớn thì độ rủi ro mạo hiểm càng cao. Điều đó có thể xảy ra đối với tất cả các doanh nghiệp, dù doanh nghiệp đó thuộc thành phần kinh tế nào. Thực chất vấn đề ở đây là ai sẽ gánh chịu những rủi ro, mạo hiểm này. Tất nhiên, đối với xí nghiệp quốc doanh, thì mọi rủi ro mạo hiểm đều do nhà nước chịu. Rõ ràng, về *thói quen* thì các nhà doanh nghiệp Việt nam quen với cách quản lý doanh nghiệp nhà nước hơn ; còn về *tâm lý* thì một khi đồng vốn bỏ ra không phải của tập thể hoặc của nhà nước nữa mà của chính mình, cá nhân nào chẳng phải tính toán chi li chặt chẽ hơn. Vì vậy, cũng dễ hiểu vì sao việc chuyển các xí nghiệp quốc doanh sang hình thức kinh tế cổ phần đã không diễn ra suôn sẻ.

Mục đích của cổ phần hóa là nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu hút sự tham gia góp vốn của công nhân viên chức, và từ đó nâng cao mức thu nhập của họ. Kinh tế quốc doanh ở nước ta qua sắp xếp lại đã có bước tiến bộ, song nhìn chung, số xí nghiệp làm ăn kém hiệu quả và thua lỗ còn chiếm tỷ lệ đáng kể, do đó đời sống công nhân viên chức còn gặp nhiều khó khăn, đa số thu nhập thấp, chưa đủ để tái sản xuất giản đơn (chứ chưa nói đến tái sản xuất mở rộng) sức lao động. Trong trường hợp như vậy, nếu tiến hành cổ phần hóa xí nghiệp quốc doanh thì công nhân, viên chức sẽ không có vốn để mua cổ phiếu. Đây là một thực tế đòi hỏi nhà nước phải có chính sách tạo vốn. Có vốn, công nhân viên chức mới có điều kiện tham gia mua cổ phiếu, làm chủ quá trình sản xuất và phân phối. Hiện nay giữa các doanh nghiệp cũng như trong từng doanh nghiệp nhà nước, có sự chênh lệch khá lớn về thu nhập do có những nguồn thu khác nhau. Vì vậy, chính sách tạo vốn phải nhằm rút ngắn sự chênh lệch đó. Cụ thể, đối với người có thu nhập cao, có thể áp dụng chính sách cho vay vốn ; còn đối với người có thu nhập thấp thì có thể áp dụng chính sách cấp hẳn vốn ban đầu hoặc cho vay với lãi suất thấp để họ có vốn mua cổ phần, và từ đó nâng được mức thu nhập. Tóm lại, một chính sách tạo vốn đúng đắn sẽ tạo điều kiện cho mọi người có thể tham gia mua cổ phiếu, thúc đẩy nhanh sự ra đời của xí nghiệp cổ phần, nâng mức sống của người có thu nhập thấp, rút ngắn khoảng cách giữa người có thu nhập cao và thu nhập thấp. Chẳng những thế, đây còn là biện pháp chủ yếu nhằm phân tán những rủi ro mạo hiểm, giảm bớt gánh nặng cho nhà nước.

Để chuyển một xí nghiệp quốc doanh thành xí nghiệp cổ phần cần có những điều kiện chủ quan và khách quan sau đây :

- Xác định phương án chiến lược về sản phẩm, điểm mấu chốt ở đây là chứng minh rành mạch triển vọng và khả năng cạnh tranh của xí nghiệp sau khi thực hiện cổ phần hóa. Có nghĩa là, sau khi được cổ phần hóa, xí nghiệp sẽ phát huy được các ưu thế đặc thù và lợi thế so sánh, bảo đảm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra.

- Xác định nguồn vốn cần huy động, đồng thời chứng minh khả năng sử dụng nguồn vốn này một cách hiệu quả nhất, bảo đảm lợi tức cổ phần và mức thu nhập đáng kể cho các cổ đông và những người làm công ăn lương trong xí nghiệp ; khả năng tích lũy và nộp các khoản thuế cho nhà nước.

- Xác định quy trình công nghệ và chứng minh cho được trình độ công nghệ thuộc loại thế hệ nào, thời gian thích ứng và triển vọng đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, chiếm lĩnh thị trường với hiệu quả kinh tế có thể đạt được.

- Sự bảo trợ của nhà nước đối với các công ty cổ phần thông qua hệ thống luật pháp và chính sách... Cần nhận thức rằng khuyến khích đầu tư vào công ty cổ phần là biện pháp quan trọng để khai thác nguồn vốn chủ yếu từ trong nước. Còn các hình thức kinh tế khác, như liên doanh, cho thuê, đầu tư khai thác chia lãi... với các công ty

Digitized by Google

nước ngoài, thường mang tính lệ thuộc về vốn nhiều hơn. Ở một số nước hiện nay, nhiều công ty, xí nghiệp nằm trên đất mình nhưng lại không phải là của mình, biến người dân bản xứ thành những người làm thuê với mức lương phụ thuộc. Do tính chất hoạt động không thời hạn với phương thức huy động vốn rộng rãi trong dân, tài sản của xí nghiệp cổ phần thuộc quyền sở hữu chủ yếu của công dân trong nước (với tư cách họ là cổ đông, người bỏ tiền mua cổ phiếu).

Đối với một hình thức kinh tế có nhiều ưu điểm như vậy, nhà nước không thể không có chính sách khuyến khích phát triển. Trước hết, ngoài luật tổ chức công ty cổ phần, nhà nước cần bổ sung, hoàn thiện luật doanh nghiệp, luật phá sản, luật thuế (sao cho linh hoạt, đơn giản, dễ thực hiện). Đối với các công ty cổ phần trong nước, nhà nước cần có các chính sách ưu đãi hơn so với các công ty nước ngoài về vốn, về bán đất, cho thuê đất, về định giá tài sản doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa. Khi chuyển doanh nghiệp nhà nước nào sang công ty cổ phần, nhà nước có chính sách thỏa đáng đối với cán bộ công nhân làm việc ở doanh nghiệp đó.

Nhà nước chủ động thúc đẩy sự hình thành các thị trường vốn, thị trường vật tư, thị trường sức lao động và đặc biệt, thị trường chứng khoán. Một trong những đặc điểm của cơ chế rủi ro mạo hiểm trong kinh tế cổ phần là sự biến động thông qua mua bán cổ phiếu. Mặc dù trong luật về công ty cổ phần ở nước ta có ghi rõ : cổ phiếu không ghi tên được tự do chuyển nhượng, song trên thực tế chúng ta chưa có thị trường chứng khoán, chưa có mua bán cổ phiếu, do đó cổ phiếu mà công ty cổ phần phát hành hiện nay chỉ mang tính chất tượng trưng, chưa bao hàm đầy đủ ý nghĩa thực thụ của nó. Phát triển kinh tế cổ phần tất yếu sẽ dẫn đến hình thành thị trường chứng khoán ; thị trường chứng khoán ra đời lại thúc đẩy kinh tế cổ phần phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu.

Xây dựng xí nghiệp cổ phần và cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước là một quá trình phức tạp, đòi hỏi phải tính toán, cân nhắc thận trọng. Cần đề phòng khuynh hướng cực đoan đòi giải tán quốc doanh (tư nhân hóa quốc doanh), hoặc ồ ạt chuyển các xí nghiệp quốc doanh thành các công ty cổ phần. Mặt khác, cũng cần tránh khuynh hướng bảo thủ, muốn giữ nguyên mọi cái như cũ. Cả hai khuynh hướng ấy đều có hại, vì chúng kìm hãm tiến trình đổi mới đất nước.

CỔ PHẦN HÓA...

(Tiếp theo trang 34)

4 - Cần có chính sách giảm và miễn thuế (nhất là thuế lợi tức và thuế thu nhập) đối với từng trường hợp cổ phần hóa doanh nghiệp cụ thể, để kích thích các thành phần muốn tham gia mua cổ phần.

5 - Thực hiện các định chế tài chính trung gian dưới hình thức ngân hàng hoặc công ty tài chính tham gia mua cổ phần của doanh nghiệp, hoặc làm đại lý bán cổ phiếu giúp doanh nghiệp, hoặc có chính sách cho cán bộ, nhân viên và công nhân của doanh nghiệp vay tiền trong thời hạn ngắn với lãi suất thấp để mua cổ phần của doanh nghiệp.

6 - Tiếp tục sửa đổi, bổ sung Luật đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều muốn góp vốn vào các doanh nghiệp nhà nước hiện có tỷ suất lợi nhuận thấp hoặc đang gặp khó khăn, nhưng vẫn có triển vọng vươn lên nếu có vốn đầu tư thỏa đáng. Để khuyến khích người nước ngoài bỏ vốn vào các doanh nghiệp nhà nước sẽ được cổ phần hóa, cần có chính sách giảm và miễn thuế đối với vốn nước ngoài đầu tư vào các doanh nghiệp này.

Tóm lại, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương lớn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Trong việc thực hiện nó, không thể vội vàng mà phải cân nhắc kỹ lưỡng nhiều mặt : chủ trương, chính sách sao cho hợp lý, nhất quán, có sức hấp dẫn ; các giải pháp kỹ thuật sao cho có thể thực hiện thuận lợi, tránh được những tác động tiêu cực. Sự thận trọng là cần thiết. Nhưng cũng không nên vì thế mà dè dặt đến mức trì trệ, thậm chí tê liệt trong hành động.

Digitized by Google

CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC MỘT ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, KINH DOANH

NGUYỄN ĐĂNG QUANG*

VẤN đề cổ phần hóa khu vực kinh tế quốc doanh ngày nay không còn là chuyện mới lạ đối với Việt nam. Chúng ta đã nghe nói đến nhiều và được biết đây là xu thế chung của thế giới. Với yêu cầu tạo động lực cho người sản xuất, nhà kinh doanh, và để cải tiến hoặc đổi mới cấu trúc nền kinh tế, nhiều nước trên thế giới có khuynh hướng tích cực cổ phần hóa một số lớn công ty, xí nghiệp thuộc khu vực nhà nước.

Không chỉ riêng các nước xã hội chủ nghĩa chuyển từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường mới nghĩ đến việc cổ phần hóa các đơn vị kinh tế thuộc khu vực nhà nước. Việc này đã và đang diễn ra ngay cả ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Đặc biệt, đối với các nước đang phát triển ở khu vực châu Á, việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước diễn ra khá mạnh. Ở Nam Triều Tiên, từ năm 1959 đã có đến 7 công ty, xí nghiệp lớn của nhà nước được tư nhân hóa với vốn pháp định khoảng 3,5 tỉ USD. Ở Xin-ga-po, nhà nước mở rộng thị trường chứng khoán bằng cách bán các cổ phần của các xí nghiệp công cộng trong một số lĩnh vực cho các nhà đầu tư tư nhân. Ở Ma-lai-xi-a, nhà nước đã từ bỏ những cổ phần chủ yếu trong 29 công ty tại thị trường chứng khoán Cu-a-la Lăm-pơ, và chỉ tham gia một số nhỏ cổ phần ở 54 công ty khác. Ở Phi-líp-pin, năm 1990 nhà nước mở cửa cho tư nhân tham gia 30% số cổ phần của Ngân hàng quốc gia. Ở Thái lan, nhà nước đã mạnh dạn từ bỏ 70% số cổ phần trong nhà máy đay và 100% số cổ phần trong một khách sạn lớn ; đã tích cực huy động vốn cổ phần của các tư nhân đầu tư vào các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng như hải cảng, xa lộ và hệ thống điện thoại. Ở Băng-la-đét, nhà nước đã chuyển nhượng cổ phần cho tư nhân đến 38% năng lực công nghiệp đay, 70% tài sản cố định ngành dệt, 12% ngành thực phẩm, 10% ngành hóa chất, 14% ngành thép. Ở Pa-ki-xtan, nhà nước đẩy mạnh việc chuyển nhượng cổ phần cho tư nhân trong ngành hàng không, vận chuyển hơi đốt, phân bón, xi măng.

Với tỷ lệ xí nghiệp quốc doanh quá cao (chiếm từ 85 đến 97% số xí nghiệp), các nước xã hội chủ nghĩa cũ ở Đông Âu đang tích cực thực hiện việc cổ phần hóa các xí nghiệp đó. Ở Hung-ga-ri, ở Đông Đức cũ việc đó diễn ra tương đối chậm, còn ở Ba lan, Tiệp khắc, U-crai-na diễn ra khá nhanh.

Nhìn chung, ở nước nào cũng vậy, việc tiến hành cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước dưới dạng này hay dạng khác, với nhịp độ nhanh hay chậm, đều nhằm giải quyết vấn đề vốn, bảo đảm tính hiệu quả, và tạo động lực cho sản xuất, kinh doanh phát triển. Kinh nghiệm cho thấy, nhờ thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước và xây dựng các công ty, xí nghiệp cổ phần, nhiều nước đã giải quyết được một số vấn đề quan trọng : thu hút được nhiều vốn trong nhân dân ; tạo được động lực thúc đẩy việc cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật và công nghệ nhằm không ngừng nâng cao năng suất ; phân bố lao động và phân chia lợi nhuận được tốt hơn, dân chủ hơn, phù hợp với năng lực, năng suất lao động và đồng vốn của từng người. Qua đó, nhà nước rảnh tay hơn, có điều kiện tập trung vốn cho các công trình trọng điểm, mang tính quốc gia, làm đòn xeo tốt cho cả nền kinh tế. Và điều quan trọng là hình thành được thị trường vốn, thị trường chứng khoán một cách sinh động, phù hợp với nền kinh tế hàng hóa và quy luật cạnh tranh của thị trường.

*

Ở nước ta, sau chiến tranh, nền kinh tế bị mất sức nhiều, lại lâm vào tình trạng trì trệ kéo dài do hậu quả của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thiếu năng động, không phù hợp với thời bình. Cuối thập kỷ 80, nền kinh tế chúng ta lại vấp phải

* Giám đốc công ty Lam sơn

Digitized by Google

một loạt khó khăn : sự đổ vỡ của các hợp tác xã tín dụng ; nạn lạm phát với những hệ quả nhiều mặt ; sự suy sụp của không ít doanh nghiệp nhà nước trong bước chuyển từ nền kinh tế tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế thị trường ; cơn sốt về vốn đã trở thành căn bệnh mãn tính.

Từ cơ chế bao cấp chuyển sang cơ chế thị trường, các doanh nghiệp nhà nước phải đương đầu với những cạnh tranh quyết liệt, trong đó có nhiều doanh nghiệp đã tỏ ra thiếu năng động, kém hiệu quả. Cả nước có 12000 đơn vị kinh tế quốc doanh, thì có đến trên 30% bị thua lỗ ; số còn lại thì phần đông cũng hoạt động cầm chừng, chỉ một số nhỏ năng động, vươn lên được, nhưng cũng gặp không ít khó khăn.

Trước thực tế đó, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, đa dạng hóa các hình thức sở hữu, trong đó có việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, nhằm kích thích và tạo động lực mới thúc đẩy sản xuất, kinh doanh.

Nghị quyết của các Hội nghị BCHTƯ Đảng (khóa VI và VII) đều xác định phải phát triển lực lượng sản xuất và từng bước phát triển quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, từ thấp lên cao với nhiều hình thức sở hữu. Kinh tế quốc doanh phải được củng cố và phát triển trong những ngành và lĩnh vực then chốt, nắm những khu vực trọng yếu mà các thành phần khác không có điều kiện hoặc không muốn đầu tư. Điều 15 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khẳng định : "Nhà nước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cơ cấu kinh tế nhiều thành phần tồn tại lâu dài dựa trên chế độ sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân, trong đó sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể là nền tảng".

Chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trên cơ sở nền kinh tế đa dạng sở hữu và nhiều thành phần cạnh tranh, còn được quy định cụ thể ở Quyết định 143/HĐBT ngày 10-5-1990 của Hội đồng bộ trưởng Y (nay là Chính phủ), Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai BCHTƯ Đảng (khóa VII) và Nghị quyết kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa VIII. Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) còn có hai quyết định số 202/HĐBT và 203/HĐBT quy định nội dung, cách thức làm thử cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, còn có công văn số 462/CN tháng 2-1992 quy định rõ 4 hình thức cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước : liên doanh với các nhà đầu tư nước ngoài để thành lập công ty cổ phần nhà nước ; bán cổ phần của doanh nghiệp nhà nước cho các nhà đầu tư nước ngoài ; bán cổ phần cho các thành phần kinh tế trong nước ; và bán cổ phần cho ngay cán bộ, công nhân, viên chức làm việc tại doanh nghiệp nhà nước.

Chủ trương và các văn bản pháp lý nói trên đã tạo cơ sở tốt cho việc tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, phù hợp với nền kinh tế thị trường trong thời kỳ mở cửa hiện nay ở nước ta. Nó vừa phù hợp với thực tế nhà nước đang cần vốn, vừa phù hợp với xu hướng chung của nhiều nước.

Việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước sẽ góp phần đa dạng hóa sở hữu cho cả nền kinh tế, chứ không chỉ cho các doanh nghiệp được cổ phần hóa. Nó tạo động lực cho cả người lao động có vốn cổ phần hăng say lao động vì lợi nhuận chính đáng. Việc đa dạng hóa sở hữu cũng đặt tiền đề cho việc đổi mới kế hoạch hóa phù hợp với cơ chế thị trường hàng hóa cạnh tranh.

Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước mở ra triển vọng xây dựng thị trường vốn lành mạnh và phong phú. Việc thu hút vốn cổ phần của các thành phần kinh tế khác và việc tiến hành bán cổ phiếu sẽ bảo đảm thu hút và bổ sung thêm vốn cho các doanh nghiệp, đỡ gánh nặng cho ngân sách nhà nước, và trong nhiều trường hợp, còn tạo điều kiện cho nhà nước rút bớt vốn ở lĩnh vực này để điều sang lĩnh vực khác quan trọng hơn. Việc cổ phần hóa còn góp phần tích cực cho việc hình thành thị trường vốn lành mạnh, tiến đến hình thành thị trường chứng khoán, một yêu cầu cần thiết cho sự vận hành của nền kinh tế thị trường.

Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước cũng tạo điều kiện cơ cấu lại nền kinh tế quốc dân. Thông qua quá trình "cổ phần hóa", chúng ta có điều kiện cấu trúc lại nền kinh tế quốc dân phân bố theo nhiều thành phần, nhiều hình thức sở hữu, và từ đó tăng cường vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế quốc doanh trên những mũi nhọn chiến lược, những ngành kinh tế quan trọng hàng đầu. Như vậy, kinh tế quốc doanh sẽ bảo đảm được vai trò là công cụ điều tiết, mà không cần bao quá nhiều lĩnh vực, quá nhiều ngành nghề,

Digitized by Google

khiến phải đầu tư vốn tràn lan, không nắm chắc được hiệu quả, dễ gây thất thoát và thiệt hại.

Việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước còn góp phần cải tiến quản lý kinh tế có hiệu quả hơn, bởi nó khẳng định vai trò của Hội đồng quản trị, là tổ chức thay mặt tất cả các cổ đông, quản lý với tư cách người chủ thực sự của doanh nghiệp, với động cơ tất cả vì hiệu quả của đồng vốn, vì quyền lợi và lợi nhuận của các cổ đông. Nó hạn chế những can thiệp phi kinh tế của các cơ quan hành chính ; tránh cho doanh nghiệp khỏi như doanh nghiệp nhà nước trước đây phải chịu sự chỉ đạo đa tuyến với nhiều hạn chế, ràng buộc phi kinh tế. Đồng thời, cũng tạo điều kiện cho việc phân biệt chức năng quản lý kinh doanh với chức năng quản lý nhà nước, đáp ứng tốt yêu cầu quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường.

Cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước sẽ giúp cho người lao động ở đó thực hiện quyền làm chủ tốt hơn. Một khi là người trực tiếp có cổ phần, không còn là người chủ chung chung như trước đây trong các doanh nghiệp nhà nước, một khi quyền lợi riêng gắn chặt với quyền lợi chung của doanh nghiệp, người lao động sẽ làm việc với tinh thần trách nhiệm cao hơn. Quyền và trách nhiệm làm chủ cao hơn của người lao động trong doanh nghiệp sẽ tạo môi trường thuận lợi cho việc đào tạo đội ngũ nhà kinh doanh mới phù hợp với đòi hỏi của nền kinh tế thị trường, đáp ứng được yêu cầu đối tác với nước ngoài trong xu thế mở cửa, hợp tác liên doanh hiện nay.

Việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước cũng tạo điều kiện cho cạnh tranh lành mạnh và phân phối thỏa đáng lợi nhuận thu được (theo vốn góp, theo năng suất và hiệu quả lao động), giúp cho việc xây dựng các quỹ phúc lợi (như quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ tiết kiệm tương trợ trong doanh nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế, quỹ bảo hiểm tai nạn, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, v.v.) bảo đảm thực hiện tốt các chính sách xã hội.

*

Vừa qua, Nhà nước ta đã chọn 7 đơn vị kinh tế quốc doanh để làm thử. Nhưng do đâu, việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước tới nay vẫn dậm chân tại chỗ ? Theo tôi, có thể do mấy nguyên nhân chính sau đây :

- Cán bộ quản lý và công nhân các doanh nghiệp nhà nước chưa mặn mà với chủ trương cổ phần hóa do ngại lợi ích cá nhân bị thiệt hại.

- Chưa có một tổ chức và một đội ngũ cán bộ nghiệp vụ đủ kiến thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn có thể làm tham mưu cho việc triển khai chủ trương cổ phần hóa một cách đồng bộ và xuyên suốt.

- Thành phần kinh tế tư nhân ở nước ta còn nhỏ bé, tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước còn thấp, chưa đủ hấp dẫn việc thu hút vốn cổ phần.

- Nền kinh tế chưa ổn định, các cơ chế và nhiều chính sách thực tế còn đang trong quá trình hình thành, chưa hoàn chỉnh, nên các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh còn do dự, sợ trắc trở, chưa thật tin tưởng và yên tâm bỏ vốn làm ăn chung với nhà nước.

- Chưa có sự thống nhất và thông suốt về mục tiêu cổ phần hóa, cho nên trong việc xử lý các vấn đề cụ thể, còn thiếu đồng bộ, nhiều khoảng cách. Có ngành, có địa phương chỉ muốn thực hiện cổ phần hóa đối với các doanh nghiệp lâu nay thua lỗ. Như vậy không đúng với chủ trương của Đảng và Nhà nước, và cũng không thể thu hút được nhiều người mua cổ phần vì tính hiệu quả không đảm bảo.

Để khắc phục tình hình trên, xin có một số kiến nghị :

1 - Nhà nước từ trung ương đến địa phương cần triển khai dứt khoát và đồng bộ chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước. Nếu cần, có thể tổ chức một hội nghị toàn quốc các UBND tỉnh, thành phố và các ngành liên quan nhằm quán triệt chủ trương, xây dựng quyết tâm chung thực hiện chủ trương trên.

2 - Cần ưu tiên làm thử trước đối với các doanh nghiệp mà ở đó từ giám đốc đến cán bộ, nhân viên và công nhân đều tự nguyện làm. Nên tiến hành cổ phần hóa ở các doanh nghiệp nhà nước hiện đang làm ăn có hiệu quả và không có gì trục trặc lớn trong các vấn đề hạch toán, đối chiếu, cân đối công nợ.

3 - Ngoài các điểm chọn làm thử ở cấp trung ương, cấp tỉnh, thành phố, cần có kế hoạch chọn điểm làm thử cả ở cấp quận, huyện, phù hợp với yêu cầu xây dựng quận, huyện theo mô hình quản lý hành chính công quyền gọn nhẹ sắp tới.

(Xem tiếp trang 31)

Digitized by Google

Xây dựng đội ngũ cán bộ kinh doanh ở nước ta

NGUYỄN CÚC*

KINH doanh là một nghề, cán bộ kinh doanh là người đứng đầu doanh nghiệp, có vị trí quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế. Khi đất nước chuyển sang cơ chế mới, thì cán bộ kinh doanh trở thành loại cán bộ mới và quan trọng nhất. *Mới*, vì trước đây họ chỉ là người thừa hành, về thực chất chưa phải là nhà kinh doanh ; nay thì họ là người chủ doanh nghiệp, chức nghiệp kinh doanh gắn liền với cơ chế thị trường với tính tự chủ năng động, là loại lao động đặc biệt, đòi hỏi rất cao về phẩm chất, trí tuệ, sự tin cẩn và năng khiếu. *Quan trọng*, vì họ là người điều hành các tế bào kinh tế, có tác động đến tái sản xuất xã hội. Sức mạnh kinh tế của đất nước là sức mạnh từ các tế bào kinh tế.

Công cuộc đổi mới ở nước ta đã giành được những thắng lợi to lớn trên mặt trận kinh tế, trong đó có sự đóng góp tích cực của các nhà kinh doanh. Nhiều nhà kinh doanh đã đi đầu trong việc tìm kiếm, thử nghiệm cơ chế mới với tư cách là người khai phá, và thực tế đã góp phần vào việc định hình tư duy mới, hoàn thiện các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, khi chuyển sang cơ chế thị trường mở cửa, trước nhà kinh doanh đặt ra nhiều yêu cầu mới, căn bản khác so với việc quản lý doanh nghiệp trước đây. Ngoài phẩm chất chính trị, còn phải có hàng loạt tiêu chuẩn khác, như trình độ chuyên môn, đạo đức kinh doanh, năng khiếu ứng xử... Có được những cái đó nhà kinh doanh mới hy vọng chiếm lĩnh được thị trường. Giám đốc kinh doanh là một nghề mà muốn làm tốt phải suốt đời tu nghiệp. Đây là một nghề độc đáo, một nghề hệ trọng và phức tạp của quốc gia. Kinh doanh là loại lao động sáng tạo, gắn liền với mạo hiểm và rủi ro. "Có chí làm quan, có gan làm giàu", muốn kinh doanh thành đạt phải dám chấp nhận mạo hiểm, rủi ro. Trong kinh tế thị trường, mạo hiểm và rủi ro càng lớn, thì hiệu quả càng cao. Tuy nhiên, chấp nhận mạo hiểm, rủi ro không có nghĩa là mù quáng. Để giảm rủi ro, phải có kiến thức, sự nhạy cảm và từng trải.

Kinh nghiệm thế giới cho thấy, muốn kinh tế phát triển năng động, có hiệu quả, trước hết phải có chiến lược con người, xây dựng một đội ngũ cán bộ có khả năng điều hành nền kinh tế và một đội ngũ các nhà kinh doanh. Những người vừa có tài vừa có đức là những người lao động quý hiếm của quốc gia. Trong điều kiện kinh tế thị trường mở cửa, số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ kinh doanh là một trong những tiêu chuẩn thể hiện khả năng tham gia vào phân công lao động quốc tế của một nước.

Đối với nước ta, yêu cầu đào tạo đội ngũ cán bộ kinh doanh đang trở nên cấp bách. Những tiêu chuẩn của một cán bộ quản lý kinh doanh trước đây, không còn phù hợp. Nhiều chức nghiệp mới xuất hiện, như : liên doanh với nước ngoài ; quản lý các khu chế xuất ; thương mại quốc tế ; du lịch ; dịch vụ thu ngoại tệ ; bảo hiểm... Mặt khác, cơ chế thị trường mà chúng ta chuyển sang không phải là cơ chế thị trường bất kỳ mà là cơ chế thị trường *theo định hướng xã hội chủ nghĩa*. Điều đó cũng có nghĩa yếu tố chính trị trong kinh doanh cần được các nhà kinh doanh quan tâm, đặc biệt là các nhà kinh doanh làm việc trong các doanh nghiệp nhà nước, trong các tập đoàn kinh doanh cỡ lớn giữ vai trò định hướng, làm nòng cốt trong nền kinh tế nhiều thành phần. Kinh nghiệm cho thấy, chính trị và kinh doanh có mối quan hệ gắn bó với nhau. Sự ổn định về chính trị là môi trường tốt cho kinh doanh. Các nhà kinh doanh cỡ lớn rất quan tâm đến thời cuộc, đến quan điểm chính sách của chính phủ, để từ đó xây dựng

* Phó tiến sĩ khoa học kinh tế

Digitized by Google

chiến lược kinh doanh, kết hợp với chính phủ trong việc điều chỉnh nền kinh tế.

*

Cho đến nay, chúng ta đã có một đội ngũ cán bộ đang quản lý hàng ngàn doanh nghiệp. Một bộ phận đã thích nghi với cơ chế mới, góp phần vào công cuộc phát triển kinh tế của đất nước. Tuy nhiên, phần lớn đội ngũ cán bộ trên chưa được đào tạo, hoặc đào tạo trong cơ chế cũ. Chất lượng hoạt động của họ phần nào được thể hiện qua kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Chuyển sang cơ chế thị trường với những thử thách khác nghiệt, đội ngũ cán bộ kinh doanh ở nước ta đã có sự phân hóa nhất định.

1 - Một bộ phận có tâm huyết đổi mới, sớm thích nghi, tự khẳng định được vị trí của mình, bám sát yêu cầu của người tiêu dùng, tích cực đổi mới công nghệ, chuyển hướng sản xuất kinh doanh... đã và đang kinh doanh năng động, có hiệu quả, bảo toàn được vốn, làm tròn nghĩa vụ đối với ngân sách, bảo đảm được việc làm và đời sống cho người lao động. Không kể các doanh nghiệp có điều kiện khách quan thuận lợi (như độc quyền, nhà nước đầu tư vốn lớn, có công nghệ khá, có ưu thế về mặt hàng), nhiều doanh nghiệp chịu sự cạnh tranh quyết liệt vẫn tự khẳng định và vươn lên chiếm lĩnh thị trường. Rõ ràng, lãnh đạo các doanh nghiệp như vậy là đội ngũ cán bộ kinh doanh có phẩm chất chính trị, chịu khó học hỏi, nhạy bén với thời cuộc, dám nghĩ dám làm, dám chịu trách nhiệm, biết đúc rút kinh nghiệm từ thực tiễn sản xuất kinh doanh, biết làm chủ và thích nghi trong nền kinh tế biến động. Tuy được đào tạo trong cơ chế cũ, nhưng họ đã sớm tiếp cận những kiến thức mới.

2 - Một bộ phận hẫng về kiến thức kinh doanh, bất cập trước sự phát triển sôi động của cơ chế thị trường, nên hậu quả không tránh khỏi là kinh doanh kém hiệu quả, làm tổn thất tài sản quốc gia. Thực tế cho thấy, rơi vào trường hợp này là cán bộ kinh doanh thuộc khá nhiều loại : trung thực, liêm khiết, nhưng không đáp ứng được yêu cầu mới do tư duy cũ, do thiếu lý luận và thực tiễn về cơ chế thị trường, do lạc hậu về kiến thức và nghiệp vụ kinh doanh...

3 - Một bộ phận cơ hội, thực dụng, tha hóa, lợi dụng cơ chế mới và những kẽ hở của chính sách để làm ăn phi pháp, làm giàu bất chính. Loại cán bộ này, phần lớn do trước đây tuyển chọn không nghiêm túc, vốn yếu kém về phẩm chất chính trị và đạo đức.

Tình hình trên đây bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân khác nhau.

Một là, kinh doanh theo cơ chế thị trường là một vấn đề mới đối với nước ta. Chúng ta chưa có truyền thống làm kinh tế và kinh doanh. Hơn nữa, do duy trì quá lâu cơ chế tập trung bao cấp, chúng ta không có được đội ngũ cán bộ kinh doanh đích thực (trước đây, cấp trên không chỉ bao cấp về vốn liếng mà còn ban phát cả cách nghĩ, cách làm).

Hai là, phần lớn cán bộ kinh doanh ở ta chưa được đào tạo, bồi dưỡng một cách có hệ thống ; họ phần lớn thiếu hiểu biết về thị trường và nghiệp vụ kinh doanh. Nhà nước ta chưa có chiến lược và trung tâm đào tạo đội ngũ cán bộ kinh doanh phù hợp với yêu cầu đổi mới. Số cán bộ kinh doanh hiện có chủ yếu là được đào tạo ở trong nước và ở các nước xã hội chủ nghĩa, chưa kể có kiến thức nhưng phần lớn lại trái ngành nghề (50% số cán bộ có trình độ đại học nhưng chỉ có 20% đúng nghề chuyên môn). Số cán bộ được đào tạo ở các nước có nền kinh tế thị trường chỉ khoảng 3%. Số có trình độ pháp lý : 1,5%. Số có trình độ ngoại ngữ có thể sử dụng trong công tác quản lý : từ 1 đến 5%. Đặc biệt, cán bộ làm kinh tế đối ngoại rất thiếu kiến thức về ngoại thương, về luật và truyền thống kinh doanh quốc tế, ngoại ngữ, vì vậy lạc hậu khá xa so với trình độ kinh doanh quốc tế, mà hậu quả như ta đã biết, là thường chịu thua thiệt nhiều trong kinh doanh cũng như trong thương mại quốc tế, gây tổn thất lớn cho quốc gia.

Ba là, môi trường kinh doanh chưa thuận, thị trường còn thiếu và rối loạn, hệ thống luật kinh doanh mới bắt đầu tạo dựng, chưa có dịch vụ yểm trợ kinh doanh, cơ chế chính sách còn nhiều kẽ hở, do đó để trở thành nhà kinh doanh chân chính rất khó, nhưng để lợi dụng danh nghĩa nhà kinh doanh làm giàu phi pháp thì lại khá dễ (vì kinh doanh diễn ra trong những điều kiện rất khác nhau, đối với người này thì dễ dãi nhưng đối với người khác thì lại rất khắc nghiệt...).

Bốn là, chúng ta chưa có chuẩn mực rõ ràng về

Digitized by Google

tuyển chọn, đào tạo sử dụng, đãi ngộ các nhà kinh doanh. Các tiêu chuẩn chọn lựa tới nay chưa khác trước bao nhiêu. Như vậy làm sao có căn cứ khách quan để tuyển chọn đúng cán bộ kinh doanh và đánh giá đúng kết quả hoạt động kinh doanh của họ, nhất là trong tình hình hiện nay, khi môi trường kinh doanh còn chưa thuận lợi, thị trường kinh doanh còn hạn hẹp và rối loạn, khi môi trường pháp lý còn thiếu, chế độ trách nhiệm (nhất là trách nhiệm của các cán bộ kinh doanh hoạt động trong các doanh nghiệp nhà nước) chưa rõ ràng, việc quản lý vốn và tài sản quốc gia chưa có được cơ chế thích hợp ?

Năm là, chế độ, chính sách liên tục thay đổi (từ năm 1988 đến nay bình quân mỗi tháng ở ta có thêm một văn bản mới liên quan đến vấn đề quản lý doanh nghiệp), điều đó không thể không gây khó khăn lúng túng cho hoạt động kinh doanh.

*

Kinh doanh thành hay bại, điều đó không chỉ ảnh hưởng đến doanh nghiệp và đời sống công nhân viên chức, mà có thể còn ảnh hưởng đến nền kinh tế quốc dân. Vì vậy, nhà kinh doanh phải là người vừa có phẩm chất đạo đức, vừa có kiến thức và năng khiếu. Chúng ta không thể giao vốn, tài sản quốc gia cho nhà kinh doanh nào chỉ có phẩm chất đạo đức mà không có kiến thức và năng khiếu, hoặc ngược lại.

Kinh doanh là một nghề, do đó nguyên tắc cơ bản là có nghề mới được hành nghề. Điều quan trọng là sớm hình thành tiêu chuẩn cán bộ kinh doanh làm cơ sở cho việc tuyển chọn, để bạt, đãi ngộ, bãi miễn. Hệ thống tiêu chuẩn đó luôn vận động phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế ; có tiêu chuẩn chung cho mọi loại hình doanh nghiệp, có tiêu chuẩn riêng cho các doanh nghiệp đặc thù. Trong điều kiện chuyển sang kinh tế thị trường, việc xây dựng đội ngũ nhà kinh doanh đòi hỏi phải có quan điểm lịch sử, cụ thể. Một thực tế là chúng ta chưa thể có ngay một đội ngũ nhà kinh doanh theo ý muốn. Vì vậy, phải theo từng nấc thang của kinh tế thị trường mà dày công tạo dựng đội ngũ mới, phải chấp nhận những yêu cầu tối thiểu để sử dụng, sàng lọc, đào tạo lại đội ngũ cũ.

Tùy theo vị trí từng loại doanh nghiệp mà nhấn mạnh hoặc bổ sung thêm tiêu chuẩn thích hợp. Chẳng hạn, đối với các tập đoàn kinh doanh cỡ lớn, thì phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn phải là những tiêu chuẩn quan trọng ; đối với các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, thì ngoài những tiêu chuẩn trên, còn phải thông thạo ngoại ngữ, hiểu biết luật và truyền thống kinh doanh quốc tế, có khả năng đối tác.

Trên cơ sở tiêu chuẩn mà lập quy hoạch tuyển chọn, đào tạo và đào tạo lại, thường xuyên phát triển nguồn bổ sung ngoài quy hoạch để tuyển chọn nhân tài, lấy những người xuất sắc ở các cơ sở sản xuất kinh doanh, các học sinh giỏi ở các trường đại học đã trải qua thử thách về công tác quản lý. Kinh doanh gắn liền với năng khiếu, do đó phải tìm chọn từng người một, không thể làm theo cách đại trà. Sớm hình thành các trung tâm đào tạo quốc gia có uy tín trên cơ sở tiếp thu những kiến thức quản lý kinh doanh hiện đại. Thực hiện chế độ bổ nhiệm của nhà nước đối với các loại doanh nghiệp quan trọng và thử nghiệm chế độ hợp đồng kinh doanh đối với các loại doanh nghiệp phổ biến, hành nghề theo hợp đồng trên cơ sở kết quả thi tuyển. Về sử dụng, cần có cơ chế chọn lựa từ hai phía, để người sử dụng có thể chọn được người kinh doanh có tài và người kinh doanh có tài có thể chọn được nơi làm việc thích hợp, với chế độ đãi ngộ thỏa đáng.

Vấn đề cấp bách hiện nay là sớm ổn định môi trường kinh tế vĩ mô, để từ đó mà hình thành các tiêu chí đánh giá hoạt động của doanh nghiệp, trong đó môi trường cạnh tranh là điều kiện để chọn lựa nhân tài và xây dựng đội ngũ. Mặt khác, cần thực hiện chế độ thống kê, kế toán, kiểm toán, công khai hóa kết quả sản xuất kinh doanh trước công luận. Tiêu chuẩn quan trọng nhất đối với một doanh nghiệp là : hiệu quả sản xuất kinh doanh ; bảo toàn, phát triển vốn ; làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách ; tuân thủ pháp luật.

Xây dựng đội ngũ cán bộ kinh doanh là một việc làm quan trọng và cấp bách đối với nước ta hiện nay. Đất nước muốn phát triển nhanh thì phải coi trọng chiến lược con người, trong đó có việc xây dựng đội ngũ nhà kinh doanh. Trong cấu trúc nghề nghiệp của xã hội, phải tính đến nghề kinh doanh như một nghề cao quý và hệ trọng của quốc gia, phải đầu tư thỏa đáng cho việc xây dựng đội ngũ làm nghề đó.

Digitized by Google

Quan hệ giữa cấp ủy, bí thư và giám đốc trong các doanh nghiệp nhà nước

NGUYỄN KIM ĐỈNH

MỖI chức danh của tổ chức đều có mối quan hệ dọc, ngang, nhiều chiều. Nhưng trên thực tế, các mối quan hệ về chức danh trong nhiều tổ chức chưa được quy định rõ ràng, còn chồng chéo, phủ định, lấn át nhau, làm cho công tác tổ chức ở không ít cơ sở bị đình trệ, hiệu quả không cao. Trong các mối quan hệ về chức danh, mối quan hệ được nhiều người, nhiều cấp quan tâm nhất, là mối quan hệ giữa cấp ủy, bí thư và giám đốc trong các doanh nghiệp nhà nước. Dưới đây xin điểm lại mối quan hệ này qua các thời kỳ, các giai đoạn đổi mới về phương pháp lãnh đạo của Đảng.

Thời kỳ còn cơ chế tập trung bao cấp, Đảng ta áp dụng *phương pháp lãnh đạo tập quyền* ; tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước quyết định từ các vấn đề định hướng, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, đến những giải pháp cụ thể, thuộc phạm vi điều hành của giám đốc ; bí thư có thể ra chỉ thị, mệnh lệnh hành chính đối với giám đốc. Trong điều kiện của nền kinh tế "cộng sản thời chiến", phải bảo đảm yêu cầu của chiến trường, "cơ chế quản lý tập trung bao cấp song trùng với phương thức lãnh đạo tập quyền" là phù hợp. Nó đã góp phần vào thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, nhiệm vụ chính trị thay đổi, thì cơ chế quản lý và phương thức lãnh đạo của Đảng cũng phải thay đổi. Có như vậy mới bảo đảm cho sự phát triển của xã hội và đất nước.

Ngay những năm đầu của thời kỳ mới sau khi nước nhà thống nhất, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương cải tiến cơ chế quản lý và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các xí nghiệp. Nhưng chủ trương khi đó mới chỉ dừng ở chỗ giảm bớt một số chỉ tiêu pháp lệnh, nghĩa là mới chỉ đụng đến một phần cơ chế tập trung bao cấp. Nhiều công cụ khác trong hệ thống, như giá cả, tài chính, tiền tệ, tiền lương v.v., vẫn giữ nguyên dạng cũ. Tổ chức đảng cũng mới chỉ giảm bớt một phần sự can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính đối với giám đốc và cơ quan quản lý (cụ thể là không bàn và quyết định tác nghiệp hàng tuần, không quyết định cán bộ cấp tổ sản xuất và tổ công tác, v.v.).

Trong nhiệm kỳ Đại hội V (1982 - 1986), Chỉ thị 49 và Quy chế 48 của Ban bí thư đã quy định tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước không quyết định nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, mà chỉ lãnh đạo quá trình dân chủ hóa kế hoạch và lãnh đạo cán bộ đảng viên, quần chúng thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch ; tổ chức cơ sở đảng vẫn quyết định công tác cán bộ từ khâu quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cho đến khen thưởng, kỷ luật... Giám đốc được phân công tuyển chọn cán bộ hệ quản lý, giới thiệu với cấp ủy để cấp ủy bàn bạc ra nghị quyết, và giám đốc ra quyết định về mặt hành chính đối với cán bộ thuộc diện doanh nghiệp quản lý theo phân cấp. Thời kỳ này, cấp ủy và bí thư không can thiệp vào công việc thuộc phạm vi điều hành của giám đốc và cơ quan quản lý, mà chỉ kiểm tra các quyết định của giám đốc, bảo đảm theo đúng đường lối, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước. Mối quan hệ giữa cấp ủy, bí thư và giám đốc như trên là một bước quan trọng tiến tới *phương thức lãnh đạo phân quyền theo chức năng "lãnh đạo - quản lý"*.

Trong nhiệm kỳ Đại hội VI (1986 - 1991), Hội nghị Trung ương 3 đã có nghị quyết quy định tổ chức cơ sở đảng và cấp ủy chỉ làm công tác chính trị tư tưởng, không quyết định các vấn đề về sản xuất, kinh doanh và công tác tổ chức cán bộ, mà chỉ tham gia ý kiến với giám đốc về các quyết định liên quan đến những vấn đề trên. Còn Hội đồng bộ trưởng (nay là Chính phủ) thì có Quyết định 217 và Nghị định 50 giao quyền cho giám đốc như một *chủ sở hữu* ; giám đốc vừa là người ra quyết định, vừa là người tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát việc thực hiện các quyết định. Một cơ cấu tổ chức như vậy, rõ ràng trái với các nguyên lý khoa học về tổ chức. Nó đã tạo ra khe hở trong quản lý dẫn đến nạn tham nhũng, biến các giám đốc có năng lực nhưng tu dưỡng kém thành những kẻ xấu, phạm pháp ; là môi trường thuận lợi cho kẻ xấu lợi dụng đục nước béo cò, bòn rút của cải của nhà nước. Các quyết định trên thực tế đã làm cho tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước mất vai trò và quyền lực chính trị. Cũng vì vậy, ở nhiệm kỳ Đại hội VI, tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước mất phương hướng hoạt động, cấp ủy lúng túng, buông lỏng sự lãnh đạo. Trong các doanh nghiệp nhà nước, giám đốc quyết định toàn bộ công việc, cấp ủy và bí thư chỉ còn quyền tham gia ý kiến... Do thoát ly sự lãnh đạo của tổ chức đảng và cấp ủy cơ sở, không ít giám đốc đã làm trái chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm ăn thua lỗ, tham nhũng.

Trong nhiệm kỳ Đại hội VII (1991 - 1995), Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 3 và Quy định 49 của Ban bí thư đã quy định lại nhiệm vụ của tổ chức

Digitized by Google

đảng trong các doanh nghiệp nhà nước. Tổ chức đảng phải lãnh đạo các mặt công tác ở cơ sở, được quyết định các vấn đề về sản xuất kinh doanh, về phương hướng phát triển của doanh nghiệp, về an ninh quốc phòng, về phân phối, phúc lợi xã hội và công tác tổ chức cán bộ, v.v.. Nhưng nội dung các quyết định có khác trước đây. Tổ chức đảng không quyết định các chỉ tiêu và giải pháp cụ thể thuộc quyền điều hành, quản lý của giám đốc, mà chỉ ra nghị quyết định hướng và xác định các mục tiêu phát triển của doanh nghiệp, bảo đảm các quyết định của giám đốc đúng với đường lối, nghị quyết của Đảng và bảo đảm sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất. Giám đốc được phân công chuẩn bị các dự án và mục tiêu kinh doanh, đưa ra cấp ủy thảo luận, thống nhất ý kiến rồi trình đại hội xem xét, quyết định và ra nghị quyết. Giám đốc có nhiệm vụ cụ thể hóa nghị quyết thành kế hoạch của doanh nghiệp và tổ chức thực hiện kế hoạch đó theo chức năng của mình một cách chủ động ; cấp ủy không can thiệp vào công việc điều hành, quản lý cụ thể của giám đốc.

Nội dung các quyết định của Trung ương Đảng (khóa VII) tạo ra mối quan hệ mới giữa cấp ủy và giám đốc, giữa bí thư và giám đốc. Quan hệ giữa cấp ủy và giám đốc là *quan hệ giữa lãnh đạo và thực hiện sự lãnh đạo* ; quan hệ giữa bí thư và giám đốc là *quan hệ phối hợp, trao đổi công việc giữa hai người đứng đầu hai tổ chức trong hệ thống chính trị*. Hơn nữa, Đảng hoạt động theo nguyên tắc "lãnh đạo tập thể, cá nhân phụ trách", do đó bí thư không ra chỉ thị, mệnh lệnh hành chính đối với giám đốc, mà thay mặt cấp ủy, truyền đạt nghị quyết và ý kiến tập thể của cấp ủy với giám đốc. Với mối quan hệ như trên giữa cấp ủy, bí thư và giám đốc, phương pháp lãnh đạo của Đảng thực tế đã chuyển sang chế độ phân quyền theo chức năng "lãnh đạo - quản lý". Phương thức lãnh đạo mới này vừa tránh cho tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước khỏi tình trạng lấn sân, bao biện làm thay giám đốc, vừa bảo đảm giữ vững vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng. Khác với các doanh nghiệp không phải của nhà nước, doanh nghiệp nhà nước là cơ sở hạ tầng cơ bản của Đảng, nếu làm ăn thua lỗ hoặc bị phá sản, tổ chức cơ sở đảng ở đây sẽ không tồn tại, đảng viên ở đây bị tổn thương về quyền lợi vật chất, tinh thần, chính trị và xã hội.

Tuy vậy, qua nghiên cứu triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 và Quy định 49 của Ban bí thư đối với các doanh nghiệp nhà nước, vẫn còn một số ít giám đốc cho rằng thực hiện theo các văn bản trên thì cấp ủy trong các doanh nghiệp nhà nước sẽ trở lại bao biện, lấn sân giám đốc, thu hẹp quyền quyết định của giám đốc. Và như vậy, e rằng không phù hợp với sự năng động của cơ chế thị trường, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Nhưng rất nhiều giám đốc khác, và có thể nói, hầu hết các bí thư, lại phấn khởi đón nhận các văn bản trên với tất cả tình cảm và lý trí của mình. Các đồng chí đó cho những quy định mới là đúng đắn, không những không gây trở ngại cho việc điều hành, quản lý của giám đốc mà trái lại, còn bảo đảm cho các quyết định của giám đốc đúng với đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Sở dĩ có sự phản ứng của một số ít giám đốc, theo tôi nghĩ, có *hai* nguyên nhân. *Một là,* về mặt tâm lý, những đồng chí này có thể cảm thấy bị mất một số quyền lực, như quyền định hướng và xác định mục tiêu phát triển doanh nghiệp, quyền quyết định về công tác cán bộ vốn là quyền có nhiều "lực" nhất. *Hai là*, về mặt tư tưởng, các đồng chí đó có thể chưa được chuẩn bị tốt, nhất là chưa hiểu rõ nội dung, bản chất và tính khoa học của các văn bản trên.

Thực tế cho thấy, ở một số doanh nghiệp (như Xí nghiệp dệt Thành công, Xí nghiệp dệt Phong phú, Xí nghiệp liên hợp cán thép miền Nam, Xí nghiệp nhựa Rạng đông, Xí nghiệp sợi Đông nam, Xí nghiệp may Việt tiến, Cảng Sài gòn...) từ nhiều năm qua tổ chức đảng vẫn quyết định phương hướng và mục tiêu phát triển doanh nghiệp, tập thể cấp ủy vẫn quyết định toàn bộ công tác cán bộ, từ khâu quy hoạch, đào tạo, đến bổ nhiệm, thay thế. Sở dĩ như vậy vì đảng viên ở đây luôn quan niệm : "ý kiến tập thể, nhất là tập thể cấp ủy, vẫn sáng suốt hơn, trí tuệ hơn cá nhân giám đốc". Chính nhờ giữ vững phương thức lãnh đạo này mà các doanh nghiệp trên đã vượt qua thời kỳ 1989 - 1991 là thời kỳ khó khăn nhất ; đã có thể chuyển sang hoạt động theo phương thức tự hoàn vốn, tự chủ về tài chính ; đã có thể đứng vững và phát triển trong cơ chế thị trường, là những đơn vị nhiều năm qua làm ăn có hiệu quả và đạt danh hiệu đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Những kinh nghiệm thực tiễn của các đơn vị trên đã chứng minh Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 3 và Quy định 49 của Ban bí thư là phù hợp với hoàn cảnh hiện nay của các doanh nghiệp nhà nước.

Tuy nhiên, để đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng và mối quan hệ giữa cấp ủy, bí thư và giám đốc theo đúng tinh thần văn bản của Ban bí thư, *nhất thiết phải thay đổi cơ cấu cấp ủy theo hướng nâng cao chất lượng, đồng thời quy định tiêu chuẩn cấp ủy phù hợp với tình hình mới.* Các cấp ủy viên phải có phẩm chất chính trị cao, có trình độ đại học, trình độ lý luận trung cao cấp, am hiểu công tác quản lý kinh tế, có khả năng đóng góp xây dựng nghị quyết và khả năng lãnh đạo đảng viên, quần chúng thực hiện nghị quyết, v.v.. Có như vậy, tổ chức cơ sở đảng mới có thể thực hiện tốt phương thức lãnh đạo *mới* của Đảng : phương thức lãnh đạo phân quyền theo chức năng "lãnh đạo - quản lý".

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN DU LỊCH - MỘT THẾ MẠNH KINH TẾ CỦA ĐẤT NƯỚC

DOÃN QUANG THIỆN*

CHÚNG ta đang ở vào thời kỳ tổ chức lại hệ thống sản xuất kinh doanh trên phạm vi toàn xã hội, thích ứng với cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nhiều đơn vị mới ra đời đáp ứng được đòi hỏi của thị trường, song không ít đơn vị sản xuất không được thị trường chấp nhận, người quản lý không đủ tri thức để nhận biết những gì diễn ra "sau lưng" họ trong cơ chế thị trường đầy biến động. Trong quá trình chuyển đổi cơ chế, hàng trăm xí nghiệp làm ăn thua lỗ, hàng vạn lao động không có việc làm, thì du lịch ở ta vẫn là ngành làm ăn khấm khá. Bởi vậy, sự "bung ra" làm du lịch ở mọi ngành, mọi cấp, ở cả 5 thành phần kinh tế nước ta trong thời gian vừa qua, là điều không lấy gì làm lạ. Ở đâu có lợi ích là ở đó có doanh nghiệp.

Du lịch ở ta hiện nay còn là mảnh đất "dễ làm ăn", có thể thu được lợi nhuận tối đa. Ở đây, ta chưa đề cập đến mặt trái của du lịch do thiếu những biện pháp quản lý đồng bộ gây ra, mà hãy nhìn du lịch dưới góc độ hưởng thụ văn hóa chân chính của con người để khai thác, hiểu nó như một thứ nghệ thuật kinh doanh, thỏa mãn nhu cầu của con người ở trên mức tiêu dùng xã hội. Trong nền kinh tế thị trường, du lịch đang là ngành có thế mạnh, không chỉ tạo ra tích lũy ban đầu, nhất là về ngoại tệ, mà còn kéo theo nhiều ngành khác cùng phát triển, giải quyết được công ăn việc làm cho xã hội, lại không đòi hỏi nguồn vốn lớn, kỹ thuật cao.

Tiềm năng du lịch của đất nước ta thật phong phú và đa dạng. Đất nước ta bốn mùa hoa trái xanh tươi, bờ biển trải dài trên 3000 km như một "bao lơn" lớn của Thái bình dương. Có những bãi tắm nổi tiếng mà khách du lịch thường tới thăm vào mùa hè (như Trà cổ, Hạ long, Sầm sơn, Đồ sơn) và quanh năm (như Non nước (Đà nẵng), Nha trang, Vũng tàu). Có những vùng nghỉ mát kỳ ảo quanh năm mang khí hậu của vùng ôn đới (như Đà lạt, Sa pa, Tam đảo). Có quần thể Hạ long - Đồ sơn với hàng nghìn hòn đảo, được đánh giá như một kỳ quan của thế giới, mà ngay người Việt nam không ai không mong ước có một lần đến thăm, chiêm ngưỡng vẻ đẹp, nghỉ ngơi và tắm biển nơi đây. Có các danh thắng môi trường chưa bị ô nhiễm với các hang động nổi tiếng như Tam cốc, Hương tích, Phong nha... Có các di tích từ thời dựng nước và giữ nước xa xưa như Đền Hùng vương, Cố đô Hoa lư, Văn miếu, các lăng tẩm của triều đình Huế... Lại có cả các mảnh đất lịch sử với những chiến tích chưa xa mà cả thế giới đều biết, như đường mòn Hồ Chí Minh, địa đạo Củ chi...

Chúng ta thật sự có nhiều thuận lợi để phát triển ngành du lịch. Đó không chỉ bởi tiềm năng trời phú cho mảnh đất anh hùng và mỹ lệ như trên đã nói. Đó còn do nền kinh tế thị trường đang tìm đến nhu cầu của con người - một thị trường du lịch đang rộng mở (nếu không muốn nói là vô tận) không chỉ ở trong nước, mà cả trên thế giới. Người ta dự đoán thế kỷ 21 là thế kỷ của kinh tế dịch vụ - con người đua nhau phục vụ con người. Phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch quốc tế, thực chất là trao đổi dịch vụ lao động, giữa lao động giản đơn với lao động phức tạp. Đối với các nhà doanh nghiệp đi tìm hiệu quả của đồng vốn thì đây quả thật là một loại hình kinh doanh đầy hấp dẫn. Nếu hiện nay ở ta giá trị ngày công ở một số ngành kinh tế không vượt quá 1 USD (trong nông nghiệp càng thấp hơn) thì doanh thu phục vụ khách du lịch quốc tế một ngày ở ta hiện nay có thể gấp hàng chục giá trị đó. Khách sạn du lịch càng nhiều sao, thể hiện chất lượng dịch vụ càng cao, thì doanh thu càng lớn. Doanh thu lớn nhưng vốn đầu tư lại không lớn, kỹ thuật cũng không đến nỗi phức tạp, thời gian thu hồi vốn lại nhanh, chỉ khoảng 4 đến 6 năm, thậm chí sớm hơn (có khách sạn liên doanh với nước ngoài chỉ sau 2 - 3 năm đã thu hồi lại vốn). Nhiều nước trên thế giới đã và đang phát huy thế mạnh từ ngành kinh tế này. Bru-nây, mỗi người dân mỗi năm đón hơn

* Phó tiến sĩ khoa học kinh tế

Digitized by Google

2 khách du lịch. Thái lan có nguồn thu từ du lịch chỉ sau xuất khẩu gạo. Một nước giàu có như Mỹ, cũng triệt để khai thác thế mạnh của ngành kinh doanh này (trong 10 tập đoàn khách sạn lớn nhất thế giới thì Mỹ chiếm 8 với trên 1,6 triệu phòng).

Cùng với chính sách "mở cửa", chúng ta càng có thêm điều kiện để phát triển ngành du lịch. Song, để phục vụ con người ở trên mức tiêu dùng xã hội, vấn đề không đơn giản, nhất là phục vụ du khách quốc tế là người đã quá "no đủ" về mặt vật chất, thích trở lại với thế giới hoang sơ, dân dã, thích những dịch vụ lạ, thích leo núi, săn bắn, thích những đêm yên tĩnh ở ven núi, quanh hồ, thích tìm hiểu những giá trị văn hóa dân tộc, thích các món ăn dân tộc, nghe hát, nghe nhạc dân tộc... Sự đòi hỏi của du khách đã nâng hoạt động dịch vụ du lịch thành nghệ thuật kinh doanh, nghệ thuật phục vụ con người, phản ánh đời sống văn hóa của dân tộc. Cho nên ở đây không thể chỉ vì lợi nhuận mà quên mất bản sắc văn hóa dân tộc, lao vào những dịch vụ tầm thường. Làm như vậy sẽ làm vẩn đục môi trường kinh doanh của chính mình và không tránh khỏi bị đào thải.

Phát triển du lịch ở ta hiện nay không còn là vấn đề phải đặt lên "bàn cân", mà nó đã thực sự trở thành một ngành kinh tế độc lập, có chức năng quản lý mọi hoạt động du lịch trong nước và tiếp nhận sự chi viện của các tổ chức cùng ngành trên thế giới. Vấn đề của ngành hiện nay là thực hiện tốt Nghị quyết 45/CP của Chính phủ. Trước mắt là xúc tiến ngay việc xây dựng cơ sở vật chất, trước hết là hệ thống khách sạn, nhà hàng ở các trung tâm du lịch, làm sao để từ năm 1995 đủ sức đón tiếp trên 1 triệu khách du lịch. Muốn vậy, ngay từ bây giờ phải làm thế nào để có được nguồn vốn 1500 - 2000 tỉ đồng/năm. Hiện nay ngành du lịch cả nước mới có khoảng 10 nghìn phòng, trong đó số phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế chỉ khoảng 30 đến 40%. Như vậy, mỗi năm chỉ đón tiếp được khoảng 400 đến 500 nghìn người. Vì vậy, yêu cầu cấp bách đối với ngành du lịch hiện nay là nhanh chóng tạo nguồn vốn để mỗi năm có thêm 2000 đến 3000 phòng đạt tiêu chuẩn quốc tế (3-5 sao). Nếu hằng năm ngành không được nhà nước ưu tiên cấp vốn, thì sự thiệt hại do các khách sạn xuống cấp còn lớn hơn số đầu tư nhỏ giọt, rải đều cho các công trình (mỗi năm khoảng vài ba chục tỉ đồng). Ngoài các khách sạn ở Hà nội và TP Hồ Chí Minh ra, phần lớn các khách sạn khác đều xuống cấp và hiện không có đủ vốn để cải tạo, nâng cấp hoặc hoàn thành dứt điểm từng công trình, như khách sạn Lê Lợi (ở Thanh hóa), khách sạn Hữu nghị (ở Hải phòng). Có thể nói, vốn đối với ngành du lịch đang là điều kiện tiên quyết trong chiến lược phát triển ngành và điều kiện sống còn đối với mỗi đơn vị trong ngành. Nó cần được coi như một "quốc sách" và phải được giải quyết bằng nhiều hình thức : liên doanh với nước ngoài ; liên kết với các ngành khác, với các tổ chức kinh tế trong và ngoài quốc doanh ; huy động vốn nhàn rỗi trong dân ; thực hiện cổ phần hóa, đấu thầu ở những đơn vị kinh doanh du lịch không có hiệu quả... Chỉ có thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các giải pháp trên, chúng ta mới có thể nhanh chóng tăng thêm nguồn vốn, đáp ứng được nhu cầu phát triển của ngành du lịch trong những năm tới.

Tuy nhiên, khi áp dụng hình thức liên doanh trong ngành du lịch, nhất là liên doanh cải tạo, nâng cấp các công trình đang có sức lôi cuốn các nhà đầu tư trong và ngoài nước, chúng ta cần làm rõ không chỉ tính hiệu quả của các công trình liên doanh, mà cả những nguyên tắc đánh giá tài sản cố định góp vào vốn liên doanh, để khỏi vì lợi ích của một nhóm người mà gây thiệt hại không nhỏ cho tài sản quốc gia. Đúng là hiện nay chúng ta chủ trương gọi vốn nước ngoài và chọn đối tác đầu tư để mỗi năm có thể cấp thêm giấy phép đầu tư với tổng số vốn đạt khoảng vài ba trăm triệu USD. Song có lẽ nên hướng các nhà đầu tư nước ngoài vào việc xây dựng khách sạn mới ở các thành phố lớn với số vốn liên doanh không dưới 3 triệu USD. Còn đối với các công trình cải tạo thì nên huy động vốn ở trong nước, trước hết là vốn nhàn rỗi của cán bộ, viên chức trong ngành, sau là vốn của các thành phần kinh tế, cuối cùng mới là vốn cổ phần hóa. Một khi huy động được vốn trong nước, thì tính chủ động trong kinh doanh được bảo toàn, đồng thời giữ được sự ổn định trong bộ máy, không gây những xáo trộn lớn. Còn về kinh nghiệm quản lý, sự thực không phải chúng ta không làm được công tác quản lý, chỉ có điều là chúng ta có dám tìm đến người biết làm, và cho họ được "quyền" điều hành theo đúng quy trình quản lý hay không. Hiện nay ở ta thực tế đã có không ít cán bộ quản lý khách sạn có kinh nghiệm, được xếp loại như chuyên gia, đủ tiêu chuẩn quản lý khách sạn quốc tế (như khách sạn REX chẳng hạn). Họ cũng từ công việc điều hành cụ thể kết hợp với sự mẫn cảm nghề nghiệp mà trưởng thành lên. Bởi vậy, vấn đề đặt ra là có một tiêu chuẩn công khai và dân chủ để tuyển chọn tài năng cho từng lĩnh vực quản lý, kể cả việc tuyển chọn gửi đi đào tạo ở nước ngoài. Cần

(Xem tiếp trang 45)

Digitized by Google

MẤY NÉT VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở NINH BÌNH

NGUYỄN THANH TÚC *

ĐẦU xuân Quý Dậu (1993), khi về thăm Ninh bình, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã nhận xét : *"Là tỉnh mới chia, có nhiều khó khăn, nhưng đã đoàn kết tốt, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân ổn định, nhân dân phấn khởi, có khí thế..."*. Đạt được kết quả đó do nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố rất quan trọng là Ninh bình đã bước đầu chú ý làm tốt công tác xây dựng Đảng.

Trong phạm vi bài này, tôi xin phản ánh một số nét chính trong công tác xây dựng Đảng ở tỉnh chúng tôi kể từ khi lập lại tỉnh Ninh bình đến nay.

I - ĐOÀN KẾT VÀ DÂN CHỦ

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10 của Quốc hội khóa VIII, kể từ ngày 1-4-1992 tỉnh Hà nam ninh đã được tổ chức lại thành hai tỉnh : Nam hà và Ninh bình. Việc phân lại tỉnh không phải do mất đoàn kết. Nhân dân hai tỉnh Nam hà và Ninh bình đã từng đoàn kết trước khi hợp nhất tỉnh và cả trong quá trình hợp nhất tỉnh. Mặc dù vậy, khi lập lại tỉnh, ngay từ đầu, chúng tôi đã hết sức quan tâm đến vấn đề đoàn kết. Chúng tôi xác định : có đoàn kết mới mạnh lên được ; có mạnh lên mới giữ vững và tăng cường được đoàn kết. Do đó, khẩu hiệu trung tâm được nêu lên ngày đầu lập lại tỉnh là : *"Phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết phấn đấu xây dựng Ninh bình giàu đẹp"*.

Để đoàn kết, trước hết phải thống nhất về tư tưởng, nhận thức, hướng mọi suy nghĩ của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh vào mục tiêu chung : làm thế nào để sau ngày lập lại tỉnh, Ninh bình đoàn kết hơn và mạnh hơn. Vì thế, công tác tư tưởng được làm sâu rộng trong toàn đảng bộ. Tất nhiên, để đoàn kết, không thể chỉ có nhận thức, chỉ nói, chỉ nêu khẩu hiệu. Đoàn kết phải bằng việc làm cụ thể trên cơ sở thống nhất quan điểm vì lợi ích chung, chân thành, thẳng thắn, thường xuyên nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình.

Để đoàn kết còn phải bảo đảm dân chủ, nghiêm túc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng. Ngay từ đầu, sau khi lập lại tỉnh, Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy đã đặt vấn đề như vậy. Trước hết, phải bảo đảm dân chủ trong tỉnh ủy, trong ban thường vụ tỉnh ủy và trong thường trực tỉnh ủy. Kinh nghiệm cho thấy, mất đoàn kết thường bắt đầu từ cấp ủy, trước hết từ bộ phận thường trực (bí thư, phó bí thư, chủ tịch) và ban thường vụ cấp ủy. Nội bộ lãnh đạo mất đoàn kết kéo theo "dây dợ", "vây cánh" phân hóa, dẫn đến mất đoàn kết dây chuyền. Vì vậy, chúng tôi coi trọng đoàn kết, dân chủ trước hết từ thường trực, thường vụ tỉnh ủy và trong tỉnh ủy.

Có điều rất mừng là chúng tôi đều nhất trí phải xúm nhau lại mà làm ; mọi người đều phải ghé vai gánh vác công việc chung ; hằng ngày thấy có vấn đề gì thì chủ động gặp nhau trao đổi ý kiến ; khi có dư luận không hay về đồng chí mình thì tốt nhất là trực tiếp gặp đồng chí đó để hỏi cho rõ "có hay không", "sự thể thế nào ?"... Có thể chúng tôi chưa làm được hết như vậy, nhưng những trường hợp cần thiết đã làm được. Thực tế cho thấy, làm theo cách đó đạt kết quả rất tốt, chúng tôi hiểu nhau hơn và tin nhau hơn.

II - ĐỔI MỚI PHONG CÁCH LÃNH ĐẠO VÀ LỀ LỐI LÀM VIỆC

Theo tôi, phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc là phương pháp, nghệ thuật để đạt được mục đích, và ở mức độ nào đó, nó cũng thể hiện cả phẩm chất và năng lực của một con người, một tập thể (cấp ủy, đảng bộ, chi bộ). Trong công tác xây dựng đảng, cũng như trong hoạt động thực tiễn nói chung, hai vấn đề cơ bản được đặt ra là : ***làm gì*** và ***làm thế nào*** ? Làm gì có thể hiểu là mục đích, còn làm thế nào là nói phương pháp, biện pháp, trong đó có phong cách, lề lối làm việc. Trong thực tế, có nhiều việc đề ra rất đúng, rất hay, nhưng không thực hiện được do phương pháp, biện pháp, phong cách, lề lối chưa phù hợp. Nhiều trường hợp, cán bộ, đảng viên mất đoàn kết, mất lòng dân cũng do phong cách, lề lối.

---

* Phó bí thư Tỉnh ủy Ninh bình

Digitized by Google

Vì thế, ngay sau khi lập lại tỉnh, chúng tôi đã hết sức quan tâm đến việc đổi mới phong cách, lề lối làm việc, bắt đầu từ thường trực tỉnh ủy, thường vụ tỉnh ủy, cho đến toàn tỉnh ủy ; và tập trung vào các vấn đề chủ yếu sau đây :

1 - *Xây dựng quy chế hoạt động của tỉnh ủy ; xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của tập thể cấp ủy, của mỗi cấp ủy viên và các mối quan hệ, chế độ công tác.* Cùng với xây dựng quy chế là xây dựng chương trình làm việc toàn khóa của tỉnh ủy. Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành, đoàn thể trong tỉnh xây dựng quy chế làm việc và chương trình công tác của mình. Thực tế Ninh bình cho thấy, xây dựng quy chế hoạt động và chương trình công tác sao cho khoa học, thiết thực và cụ thể là một việc khó, nhưng bảo đảm thực hiện tốt quy chế và chương trình đó còn khó hơn. Song, làm tốt được cả hai công đoạn đó, thì hiệu quả công việc sẽ rất cao.

2 - *Đổi mới, nâng cao chất lượng hội nghị* theo hướng : họp ít, họp ngắn, họp đúng giờ, chuẩn bị tốt, dành nhiều thời gian để thảo luận, đã "*nghị* là *"quyết"*, và đã "*quyết*" là phải *"hành"*. Những điều vừa nêu được ghi rõ trong quy chế làm việc của tỉnh ủy và thường vụ tỉnh ủy.

Sự lãnh đạo của Đảng, của cấp ủy, trước hết thể hiện ở chỉ thị, nghị quyết được thông qua tại các hội nghị. Thế nhưng trước đây các hội nghị (kể cả hội nghị của cấp ủy) trong tỉnh tuy họp nhiều và họp dài, nhưng vì nội dung hội nghị chuẩn bị không kỹ, người dự ít thảo luận, nên chất lượng chỉ thị, nghị quyết thấp. Không ít trường hợp hội nghị diễn ra theo kiểu "dân chủ hình thức", người nói cứ nói, người nghe cứ nghe, ít thảo luận, hoặc thảo luận "vòng vo", không đi thẳng vào vấn đề cần bàn, cần quyết, và cuối cùng người chủ trì hội nghị cứ kết luận theo ý mình. Do đó, có nghị quyết cũng như không ; hoặc có nghị quyết nhưng không được nhất trí cao, dẫn đến chỗ không được thực hiện đến nơi, đến chốn.

Khắc phục tình trạng trên không phải dễ. Nó đòi hỏi phải có sự thống nhất và quyết tâm cao, công phu, kiên trì, có đấu tranh và xây dựng. Chỉ riêng việc họp đúng giờ cũng không phải dễ. Cái nếp tùy tiện, họp muộn, nói dài, kết thúc muộn đã khá nặng nề, thành thói quen ở cả cán bộ chủ chốt và người chủ trì hội nghị. Chúng tôi phải kiên quyết ngay từ những việc nhỏ, đơn giản, như bảo đảm họp đúng giờ, người chủ trì phải đến trước, đến giờ là họp, còn thiếu người cũng bắt đầu, ai đến sau phê bình. Đến bây giờ, các cuộc họp của tỉnh ủy, của thường vụ tỉnh ủy và các hội nghị do tỉnh ủy triệu tập, thường "phải" họp trước giờ, vì trước giờ mọi người đã đến đông đủ. Tất nhiên, họp đúng giờ thì kết thúc cũng phải đúng giờ (nếu trước giờ ít phút thì càng tốt) ; họp quá giờ, người nghe thường ít chú ý nghe, tâm lý là như vậy, và cả sinh lý cũng như vậy.

Điều quan trọng hơn, là *chất lượng hội nghị*. Để nâng cao chất lượng hội nghị, tỉnh ủy đã quy định những điểm cụ thể sau trong quy chế làm việc :

+ *Chọn đúng các vấn đề đưa ra hội nghị* (đúng quyền hạn, trách nhiệm, đúng lúc), và có chương trình cụ thể để chủ động chuẩn bị.

+ *Làm tốt việc chuẩn bị*. Có nghiên cứu, khảo sát, có văn bản dự thảo gửi đến các thành viên hội nghị trước khi họp ít nhất 3 ngày ; nêu rõ các vấn đề cần tập trung thảo luận để các thành viên hội nghị có điều kiện đọc trước, nghiên cứu, chuẩn bị ý kiến thảo luận.

+ *Đổi mới việc điều hành hội nghị*. Đến hội nghị không đọc lại văn bản dự thảo mà chỉ nêu những vấn đề cần tập trung thảo luận, nhất là những vấn đề trong quá trình chuẩn bị còn có ý kiến khác nhau. Sau đó, dành thời gian để hội nghị thảo luận, khuyến khích tranh luận một cách dân chủ. Cuối cùng, chủ tọa kết luận trên cơ sở các ý kiến thảo luận của hội nghị và thành nghị quyết.

+ *Đổi mới việc ra nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết*. Các nghị quyết viết ngắn, gọn, cụ thể, theo hướng nêu rõ : Làm gì ? Làm thế nào ? Ai chịu trách nhiệm ? Bao giờ làm ? Bao giờ xong ?

Trong thực tế cũng còn có trường hợp chuẩn bị chưa thật tốt, chất lượng hội nghị chưa thật cao; nhưng nhìn chung, chúng tôi đã thực hiện được theo hướng trên đây.

3 - *Sát cơ sở, sát dân, sâu sát thực tiễn*. Với một tỉnh lớn như Hà nam ninh trước đây, vấn đề này có thể khó thực hiện. Song với một tỉnh vừa phải như Ninh bình hiện nay, chúng tôi có điều kiện thuận lợi hơn để sát cơ sở và gần dân. Hướng chủ yếu của chúng tôi là tăng cường về cơ sở, coi cơ sở là địa bàn hoạt động của tỉnh, của huyện, thị. "Tất cả cho cơ sở, giải quyết các vấn đề ở cơ sở", đó là khẩu hiệu hành động của tất cả các cấp, các ngành, các đoàn thể trong tỉnh. Hiện nay khoảng cách từ tỉnh ly đến huyện xa nhất là 30 km, đến xã xa nhất là 60 km, vì vậy cán bộ tỉnh có điều kiện thường xuyên về xã. Có xã dân đã phấn khởi nói khi thấy cán bộ lãnh đạo của tỉnh về : "nhờ chia tỉnh, gần 20 năm nay nhân dân mới được gặp

Digitized by Google

mặt cán bộ tỉnh". Ngoài việc về công tác thường xuyên ở cơ sở, chúng tôi còn tiến hành các cuộc khảo sát tập trung để nắm chắc tình hình, hiểu rõ ý kiến và nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Vừa rồi, trước khi tỉnh ủy họp bàn về chủ đề "Những vấn đề cấp bách của tổ chức cơ sở đảng và công tác đảng viên" và "Những vấn đề xã hội cần tập trung giải quyết", các đồng chí trong tỉnh ủy đều đã trực tiếp về khảo sát tình hình thực tế ở các cơ sở. Người đi được ít nhất cũng là một cơ sở. Nhờ sát cơ sở, sát dân, sát thực tế hơn, các nghị quyết đưa ra cũng chính xác, cụ thể và "hợp lòng dân" hơn.

III - XÂY DỰNG TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ LÀM TỐT CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của BCH TƯ Đảng (khóa VII), tỉnh ủy Ninh bình đã triển khai các đề án đổi mới và chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng và công tác đảng viên. Kết quả khảo sát, đánh giá, phân loại cho thấy : Ở khu vực xã, phường, thị trấn có 132 đảng bộ cơ sở, thì 40% thuộc loại vững mạnh, 54% khá, 4,6% yếu kém; có 1701 chi bộ, thì 46% vững mạnh, 49% khá, 5% yếu kém. Ở khu vực cơ quan trực thuộc tỉnh có 249 đảng bộ và chi bộ cơ sở, thì 67% vững mạnh, 28% khá, 5% yếu kém. Ở khu vực doanh nghiệp nhà nước có 151 đảng bộ và chi bộ cơ sở, thì 25% vững mạnh, 51% khá, 24% yếu kém. Trong 40 ngàn đảng viên, số dự phân loại có 69% đủ tư cách, 25,4% còn hạn chế, 3,6% có vi phạm tư cách đảng viên, 0,71% phải đưa ra khỏi Đảng.

Trên cơ sở kết quả khảo sát thực tế đó, tỉnh ủy đã thảo luận, đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của các tổ chức cơ sở và đội ngũ đảng viên. Từ đó đề ra chủ trương và biện pháp tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách. Cụ thể là :

- Đổi mới, chỉnh đốn tất cả các loại hình tổ chức cơ sở đảng (nông thôn, thị xã, cơ quan, trường học, doanh nghiệp) cho phù hợp với tình hình mới ; quán triệt, cụ thể hóa và thực hiện nghiêm chỉnh Quy định của Ban bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ của mỗi loại hình cơ sở.
- Chú trọng kiện toàn, nâng cao chất lượng, năng lực lãnh đạo của các đảng ủy, chi ủy, nhất là của bí thư cấp ủy theo hướng trẻ hóa ; có quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cụ thể và có chế độ, chính sách đãi ngộ thỏa đáng.
- Bảo đảm nền nếp sinh hoạt chi bộ và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.
- Nâng cao chất lượng và làm tốt công tác phân công đảng viên.
- Chú trọng thường xuyên công tác phát triển đảng.
- Tiến hành tốt việc sàng lọc đảng viên.
- Chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý đảng viên về mọi mặt nhằm nâng cao danh dự, trách nhiệm, quyền lợi chính đáng của đảng viên.

Trong từng vấn đề nêu trên, chúng tôi đều xác định cụ thể chủ trương và biện pháp tổ chức thực hiện, đặc biệt chú trọng công tác kiểm tra việc chấp hành các quyết định của Tỉnh ủy. Đến nay, ở các loại hình cơ sở đảng đều đã có bước chuyển biến tích cực.

IV - CÔNG TÁC CÁN BỘ

Sau khi lập lại tỉnh, đội ngũ cán bộ của Ninh bình ở trong tình trạng vừa thiếu, vừa yếu, vừa không đồng bộ. Ban chấp hành đảng bộ tỉnh có 39 đồng chí thì 30 là mới. Thường vụ tỉnh ủy có 9 người thì 6 là mới. Hội đồng nhân dân tỉnh có 60 người thì 38 là mới. UBND tỉnh hầu hết là mới. Các trưởng ban, ngành, đoàn thể của tỉnh có 42 người thì 34 là mới ;Các phó ban, ngành, đoàn thể của tỉnh có 64 người thì 45 là mới. Trong 7 huyện và thị xã có 5 bí thư, 6 phó bí thư thường trực và 5 chủ tịch là mới (do có sự điều động, bổ sung cán bộ cho tỉnh).

Trong công tác cán bộ, việc đánh giá, bố trí con người là rất phức tạp. Trong điều kiện phân lại tỉnh càng không đơn giản, nhiều ý kiến khác nhau, "toàn dân làm nhân sự" tích cực có, tiêu cực cũng có. Mặc dù vậy, chúng tôi đã thống nhất : công tác cán bộ là trách nhiệm của tập thể cấp ủy. Bố trí, sắp xếp cán bộ phải trên cơ sở thống nhất quan điểm đánh giá, theo phạm vi phân công, phân cấp quản lý, căn cứ chủ yếu vào tiêu chuẩn, xem xét trong điều kiện mặt bằng cán bộ cho phép, tích cực, thận trọng, bảo đảm quy trình, thủ tục, cố gắng tạo sự thống nhất với cấp trên (bộ chủ quản) và cấp dưới (nơi cán bộ công tác), bảo đảm nguyên tắc tập trung - dân chủ. Nhờ vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, chúng tôi đã tiến hành xong việc tổ chức bộ máy, sắp xếp đội ngũ cán bộ. Nhìn chung, việc bố trí cán bộ là đúng và trúng. Một số trường hợp lúc đầu có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng dần dần đã thống nhất. Hiện nay, chúng tôi đang khẩn trương tiến hành việc bồi dưỡng cán bộ dưới nhiều hình thức để anh chị em có thể đảm đương tốt nhiệm vụ được giao.

Digitized by Google

V - CÔNG TÁC QUẦN CHÚNG CỦA ĐẢNG

Đảng chỉ có sức mạnh khi Đảng được nhân dân tin yêu, kính trọng. Vì vậy, chúng tôi luôn luôn quan tâm đến công tác quần chúng. Chúng tôi đã tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 8B của BCHTU Đảng về công tác quần chúng và Nghị quyết 24 của Bộ chính trị về công tác tôn giáo. Chúng tôi làm việc này không phải theo cách hình thức, chiếu lệ, mà qua khảo sát thực tế ở các cơ sở. Thường vụ tỉnh ủy và Tỉnh ủy đã thảo luận, ra nghị quyết về công tác quần chúng và công tác tôn giáo ; vạch rõ ưu, khuyết điểm và nguyên nhân, đề ra chủ trương, biện pháp tiến hành tốt các công tác đó trong thời gian tới, hướng vào việc giải quyết những vấn đề thiết thực, cụ thể, đáp ứng nguyện vọng và lợi ích của các tầng lớp nhân dân như : mở rộng dân chủ ; xóa đói, giảm nghèo ; xóa mù chữ ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình ; giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho nông dân ; cho nông dân vay vốn phát triển kinh tế...

Sau khi lập lại tỉnh, tất cả các đoàn thể nhân dân ở Ninh bình đã mở đại hội với sự chuẩn bị chu đáo, có khí thế, phát huy dân chủ và đổi mới. Trong tình hình mới, chúng tôi đòi hỏi các đoàn thể phải đổi mới cả về tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động. Định hướng chỉ đạo của tỉnh ủy là : tất cả các đoàn thể đều hướng về cơ sở, tập trung cho cơ sở. Mỗi đoàn thể đều chọn một số việc theo chức năng, nhiệm vụ của mình, tập trung làm cho có hiệu quả, khắc phục tình trạng "một con gà 3 nơi báo cáo", cái gì cũng làm nhưng chẳng cái gì làm đến nơi đến chốn. Mỗi đoàn thể đều có điểm chỉ đạo, xây dựng mô hình, điển hình, phát huy nhân tố mới. Nhờ làm theo hướng đó, công tác của các đoàn thể bước đầu đã có chuyển biến rõ rệt.

Ninh bình có 12 vạn người theo đạo Thiên chúa, có tòa giám mục Phát diệm, có vùng tôn giáo tập trung ở Kim sơn. Vì vậy, nói đến công tác quần chúng trong tỉnh không thể không nói đến công tác vận động quần chúng theo đạo Thiên chúa. Đây là một vấn đề phức tạp và tế nhị. Trong tình hình mới, vấn đề này càng không đơn giản. Trong công tác tôn giáo, tư tưởng chỉ đạo của tỉnh là : nêu cao tinh thần kính chúa, yêu nước, tốt đời, đẹp đạo, sống phúc âm đồng hành với dân tộc; thực hiện lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh khi Người về thăm Phát diệm ngày 12-1-1946 : "Nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do". Nhờ vậy, tình hình tôn giáo ở Ninh bình mặc dù có những diễn biến phức tạp nhưng nhìn chung là ổn định ; đại bộ phận đồng bào theo đạo tin ở Đảng, ở chế độ, chấp hành tốt chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Phát triển...

(Tiếp theo trang 41)

làm sao để vài ba năm tới, chúng ta có được một đội ngũ cán bộ điều hành khách sạn giỏi về chuyên môn, thông thạo về ngoại ngữ, có phong cách và lối sống của những nhà quản lý thực thụ, chứ không phải của những ông chủ chỉ thấy quyền mà không thấy trách nhiệm, chỉ lợi dụng chức quyền để "xoáy" của nhà nước. Một đội ngũ cán bộ được tuyển chọn theo đúng những tiêu chuẩn cần thiết, sẽ thúc đẩy nhanh chóng sự nghiệp đổi mới cơ chế hoạt động của ngành du lịch.

Du lịch đã được xác định là một ngành kinh tế quan trọng, quan trọng đến đâu còn phụ thuộc vào hoạt động của toàn ngành, vào hiệu quả kinh tế - xã hội mà nó mang lại cho đất nước. Một ngành du lịch được mở mang, sẽ là nguồn thu không nhỏ về ngoại tệ. Song không nên quên rằng, du lịch còn là ngành kinh tế *tổng hợp*,bất kỳ sự thiếu đồng bộ hoặc thiên lệch nào đều có thể dẫn đến những trì trệ, cản trở tiến trình đổi mới của chính nó. Phát triển du lịch trong thời mở cửa,thực chất là chấp nhận sự cạnh tranh trong nền kinh tế nhiều thành phần, để từng bước vươn ra chiếm lĩnh thị trường du lịch thế giới. Sự "giáp mặt" với thị trường bên ngoài, thực sự là sự "cọ sát" về năng lực và nghệ thuật của mỗi doanh nghiệp trong kinh tế thị trường. Chúng ta đang đứng trước mảnh đất "màu mỡ" còn nhiều "địa tô chênh lệch" để khai thác, làm giàu cho Tổ quốc. Nếu biết khai thác và sử dụng mọi tài năng và nguồn vốn, hoạt động du lịch nhất định sẽ trở thành ngành kinh tế quan trọng của đất nước.

Digitized by Google

NAM ĐỊNH : Những khó khăn và hướng tháo gỡ

TRẦN MINH NGỌC*

TUY chỉ là một thành phố trực thuộc tỉnh, nhưng Nam định là một trong những khu công nghiệp lớn của nước nhà, một đô thị có ảnh hưởng sâu rộng đối với vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng và là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của một tỉnh lớn.

Cũng như 13 thành phố trực thuộc tỉnh trên phạm vi cả nước, Nam định có hàng loạt khó khăn mang tính đặc thù, hàng loạt vấn đề hết sức mới mẻ, phức tạp, bức xúc đòi hỏi phải có hướng tháo gỡ đúng đắn và những biện pháp giải quyết thật tích cực.

I

Mỗi thời kỳ lịch sử đòi hỏi một diện mạo của Nam định tương ứng với nó. Nếu nhìn lại suốt thời tập trung bao cấp đã qua thì có thể nói rằng, đặc trưng cơ bản nhất của Nam định là ở chỗ : nó là thủ phủ của sự "cấp phát". Những thế mạnh truyền thống trong sản xuất và các mặt khác, đều không vượt ra khỏi cái "lồng" bao cấp. Sản phẩm làm ra chỉ lưu thông quẩn quanh trên địa bàn của tỉnh và nặng về tự sản tự tiêu, tự cấp tự túc, khiến cho thành phố chẳng khác nào một cái chợ làng khép kín trong vùng. Tốc độ phát triển về mọi mặt cao hay thấp, nhanh hay chậm, đều tùy thuộc vào sự quan tâm và kinh phí của cấp trên "rót" xuống nhiều hay ít, kịp thời hay không kịp thời. Hệ quả kéo theo là tính kiên nhẫn, cần cù tốt đẹp rất truyền thống của người dân thành phố bị biến dạng thành sự chịu đựng, trông chờ, ỷ lại đến thụ động, thủ cựu. Người dân chưa có tác phong đô thị và không có điều kiện làm quen với lối sống đô thị hiện đại.

Toàn bộ điều đó đã làm cho thành phố Nam định trở nên khuôn cứng, mang đậm dáng vẻ của một thị trấn, thị tứ, chỉ nhộn nhịp theo "mùa cấp phát"... Chính vì thế mà người ta đã "gọi đùa" Nam định là "thành phố nông dân", "làng thành phố". Thành phố với diện mạo "đuôi nặng hơn đầu" bởi trong cơ cấu kinh tế, vấn đề lương thực luôn được đứng ở vị trí ưu tiên. Công tác quản lý đô thị và phát triển thành phố nặng về hình thức, nên không tránh khỏi sự tùy tiện, tản mạn, thiếu quy hoạch thống nhất, thậm chí chia năm xẻ bảy bởi tình trạng cát cứ giữa cấp và ngành. Tình hình đó không chỉ làm tổn hại đến các mặt mạnh truyền thống của Nam định, mà còn làm triệt tiêu những đặc trưng cần phải có của một đô thị.

Qua tám năm thực hiện công cuộc đổi mới, đặc biệt khi chuyển sang cơ chế thị trường, thực tiễn của thành phố đặt ra hàng loạt yêu cầu mới và thử thách mới khiến chúng tôi phải nhận thức lại và hành động theo lối mới.

Chúng tôi cho rằng, với tư cách là một thành phố, Nam định trước hết phải là *một trung tâm điều tiết* về mọi mặt, có *sức hấp dẫn và ảnh hưởng to lớn* đối với tất cả các thị trấn, thị xã và các vùng nông thôn trên địa bàn toàn tỉnh. Nếu không giữ được vai trò như vậy thì Nam định chưa hoàn thành nhiệm vụ là một trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của Nam hà.

Cũng với tư cách là một thành phố, *cơ cấu kinh tế* của Nam định phải đa dạng mà trong đó công nghiệp phải đóng vai trò cơ bản, chiếm tỷ trọng chủ yếu trong nền kinh tế.

Mặt khác, sự phát triển của thành phố phải dựa trên một quy hoạch tổng thể, thống nhất và phù hợp ; không thể chấp nhận bất cứ sự tùy tiện, chia cắt hay cát cứ nào. Tất nhiên, nói đến quy hoạch, tuyệt nhiên không phải muốn nói tới một cái gì đó cứng nhắc, mà muốn nói tới tính khoa học từ trong khảo sát, dự báo, đến khả năng hiện thực trong thiết kế, xây dựng theo xu hướng "mở", nhằm khai thác tối đa mọi thế mạnh, có thể hiện diện bằng các siêu thị, các khu chế xuất...

Cũng cần phải nói tới *phương pháp quản lý* đô thị một cách khoa học, văn minh, hiện đại và thống nhất nhằm tạo ra cho thành phố sức mạnh

* Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy Nam hà, Bí thư Thành ủy Nam định

Digitized by Google

tổng hợp, trên cơ sở truyền thống, có tính năng động và thích nghi cao.

Nhìn lại mình, đù có bề dày kinh nghiệm truyền thống và đặc biệt đã trải qua tám năm đổi mới, thành phố Nam định vẫn bộc lộ nhiều thiếu sót, xuất hiện nhiều vấn đề đáng suy nghĩ, có nhiều "khoảng trống" đòi hỏi phải tiếp tục hoàn thiện. Chẳng hạn :

- Là một thành phố trực thuộc tỉnh, nhưng sự phân cấp quản lý còn nhiều mặt chưa được giải quyết thấu đáo. Thành phố chưa được đầu tư tương xứng với vị trí là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của toàn tỉnh, vì thế thành phố cứ bị "lạm phát khấu hao". Mặt khác, sự phân công trách nhiệm giữa ngành và thành phố, giữa cấp trên và cấp dưới còn nhiều vướng mác, nên vẫn còn sự cát cứ, độc quyền hoặc "cha chung không ai khóc". Hơn nữa, điều đó còn bộc lộ rõ ở chỗ 38 đơn vị công nghiệp do tỉnh và trung ương quản lý vẫn nằm bên cạnh 88 cơ sở công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của thành phố, nên tình trạng chia cắt giả tạo thực tế vẫn còn.

- Cuộc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nhằm phân biệt chức năng quản lý hành chính và chức năng sản xuất kinh doanh tuy đem lại kết quả khả quan, nhưng còn nhiều mặt khiếm khuyết vì thiếu những văn bản dưới luật, các cấp vẫn còn lúng túng trong chỉ đạo, điều hành. Đâu là quyền của tỉnh, của thành phố, đâu là quyền của các ngành có cơ sở đóng trên địa bàn thành phố - điều đó chưa được phân định rạch ròi.

- Việc thực hiện các chính sách lao động và xã hội cũng nằm trong tình trạng trên. Thành phố như một cái "bị" để chứa số lao động bị loại ra khỏi đây chuyển sản xuất từ các đơn vị của tỉnh và trung ương đặt trên địa bàn thành phố. Những việc đó đáng lẽ đòi hỏi sự cộng đồng trách nhiệm, cùng nhau giải quyết, thì lại thiếu sự phối hợp đồng bộ.

- Một bộ phận không nhỏ nhân dân chưa có tác phong đô thị, hoặc chưa có điều kiện làm quen với lối sống đô thị, nên tình trạng vi phạm pháp luật, nếp sống đô thị còn khá phổ biến và nặng nề, gây cản trở lớn đối với công tác quản lý thành phố.

II

Trước tình hình và điều kiện mới, chúng tôi xác lập mục tiêu tổng quát của thành phố là : phát triển sản xuất, ổn định kinh tế - xã hội ; giữ vững an ninh - quốc phòng ; xây dựng đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể nhân dân vững mạnh.

1 - Căn cứ vào thực tế, chúng tôi tiếp tục *phát triển kinh tế theo cơ cấu : công nghiệp - dịch vụ và nông nghiệp.*

Đối với các đơn vị công nghiệp quốc doanh do thành phố quản lý, chúng tôi chủ trương : giữ ổn định trong quy mô hiện có với những sản phẩm truyền thống là may mặc, thêu ren, đa giày xuất khẩu và vật liệu xây dựng. Đơn vị nào, xét thấy không đủ sức tồn tại, thì chuyển đổi hình thức sở hữu hoặc kiên quyết giải thể ; khắc phục tình trạng tự tan rã, làm hư hao vốn và tài sản. Để bảo đảm sự ổn định và phát triển, tất cả các đơn vị cần : xác định rõ phương hướng, đầu tư chiều sâu theo tinh thần "giao vốn phải bảo toàn vốn" ; mở rộng liên doanh, liên kết, giải quyết khó khăn về vốn, thiết bị công nghệ theo hướng đa dạng hóa ngành nghề, gắn chặt với nông nghiệp, phục vụ đời sống nhân dân ; chủ động tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước ; thu hút tốt đội ngũ trí thức, công nhân có tay nghề bậc cao và những người làm công tác quản lý giỏi ; liên kết chặt chẽ với các đơn vị kinh tế công nghiệp trung ương trên địa bàn thành phố. Nhờ vậy, các đơn vị tương đối ổn định ; nhiều xí nghiệp đã vươn lên khắc phục khó khăn, tỏ ra thích ứng với cơ chế mới ; các hợp đồng sản xuất tiếp tục được ký kết ; giải quyết được về cơ bản việc làm cho người lao động ; các sản phẩm chủ yếu được giữ vững. Kết thúc tháng 6-1993, giá trị tổng sản lượng của khu vực công nghiệp quốc doanh đạt gần 4,3 tỉ đồng.

Đối với các đơn vị tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp, chúng tôi chủ trương củng cố, phục hồi các cơ sở sản xuất những mặt hàng truyền thống như cao su, thêu, ren, sơn mài ; kiên quyết chuyển những cơ sở khó khăn, không thể tồn tại được sang các hình thức tổ hợp hoặc kinh tế cá thể. Đến nay, có 7 hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp đứng vững trong cơ chế thị trường, chuyển 9 đơn vị sang các hình thức sở hữu khác ; giá trị sản lượng của các đơn vị tiểu, thủ công nghiệp tăng 13% so với cùng kỳ năm 1992.

Đối với kinh tế cá thể và tư bản tư nhân, chúng tôi tiếp tục chỉ đạo các ngành chức năng khảo sát, tổng kết, định hướng, xây dựng đề án khuyến khích phát triển loại hình rất mới mẻ này. Điều đáng mừng là kinh tế cá thể và tư bản tư nhân ở

Digitized by Google

Nam định phát triển khá mạnh mẽ và đúng hướng, với giá trị sản lượng chiếm trên 70% giá trị sản lượng khu vực sản xuất ngoài quốc doanh.

Đối với tám xã *sản xuất nông nghiệp* thuộc vành đai của thành phố, chúng tôi chủ trương phải nhanh chóng đưa các xã này thoát khỏi thế độc canh, tự cung, tự cấp, tăng dần tỷ trọng hàng hóa nông nghiệp ; phục hồi các ngành nghề truyền thống và các nghề phụ khác nhằm tăng nhanh tiềm lực kinh tế, thiết thực cải thiện một bước đời sống cho người lao động và xây dựng nông thôn mới. Để thực hiện điều đó, chúng tôi dứt điểm việc thực hiện đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp, tiếp tục hoàn thiện đề án giao ruộng đất cho các hộ nông dân ; dành một tỷ lệ ngân sách thỏa đáng để dự trữ vật tư nông nghiệp... nhằm từng bước đưa nông nghiệp chuyển mạnh sang cơ cấu nông nghiệp - thực phẩm gắn chặt với công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm...

Trong lĩnh vực *tài chính thương nghiệp, dịch vụ và xuất khẩu*, trên cơ sở khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh hàng hóa, nâng cao tính chủ động và khả năng cạnh tranh trên thị trường, chúng tôi tổ chức lại ngành thương nghiệp - dịch vụ cho hợp lý hơn. Trước dây, Nam định có 6 công ty thương mại với 2600 nhân viên đảm trách suốt cả thời bao cấp. Nay chúng tôi sắp xếp lại cho gọn nhẹ. Trong tương lai, có thể chúng tôi sẽ đẩy nhanh việc cổ phần hóa lĩnh vực này, trước mắt là làm thí điểm ở khu vực chợ Rồng. Nếu điều kiện cho phép, bằng sự liên kết các vùng, các ngành, từng bước tiến tới lập các hiệp hội, xây dựng một số siêu thị để kinh doanh những mặt hàng đặc sản, tạo ra mũi nhọn chủ lực trên thương trường thành phố và giao lưu trên khu vực đồng bằng sông Hồng và trong cả nước.

Đối với ngoại thương, xúc tiến việc nghiên cứu và tiến tới cho phép các đơn vị có đủ điều kiện và khả năng liên kết trực tiếp với nước ngoài.

2 - Tập trung mọi cố gắng để từng bước giải quyết có hiệu quả *đời sống* cho cán bộ và nhân dân cả về vật chất và tinh thần.

Giải quyết việc làm cho người lao động đang là yêu cầu bức bách đối với chúng tôi. Bởi lẽ, trên địa bàn thành phố hiện nay có tới hàng vạn người thiếu việc làm hoặc chưa có việc làm. Song song với việc giáo dục cho mọi công dân ý thức tự tìm kiếm việc làm, chúng tôi khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển những gì có thể (trung tâm đạy nghề, lập đoanh nghiệp, cơ sở sản xuất...) nhằm mở ra khả năng thu hút lao động.

Dân số và phát triển là hai mặt quyết định trình độ sống và mức sống của nhân dân. Vả lại, sự gia tăng dân số (cả tự nhiên và cơ học) luôn là sức ép đối với đô thị. Bởi thế, việc giữ vững và ổn định mức tăng dân số phù hợp với mức tăng trưởng kinh tế là vấn đề sống còn đối với Nam định. Để giải quyết vấn đề này, cùng với việc tuyên truyền, giáo dục, chúng tôi luôn chú trọng việc tiến hành đồng bộ các biện pháp kinh tế, pháp luật nhằm hạ tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống đưới 1,5%. Mặt khác, chú trọng việc chăm lo giúp đỡ các gia đình hưởng chính sách xã hội, khuyến khích mọi hình thức giúp đỡ lẫn nhau (đền ơn trả nghĩa, cứu trợ nhân đạo, hội từ thiện...), bảo đảm ổn định và cải thiện đời sống nhân dân trong tỉnh.

Để cải thiện một bước đời sống tinh thần, các hoạt động văn hóa - xã hội phải tập trung vào mục đích giáo dục, vì con người. Triển khai sâu rộng phong trào xây dựng "gia đình văn hóa". Từng bước lập lại kỷ cương xã hội trên cơ sở nguyên tắc "quản lý xã hội bằng pháp luật", "mở rộng dân chủ đi đôi với việc nâng cao dân trí". Giữ vững truyền thống dạy và học ở tất cả các cấp học, các ngành học, dưới mọi hình thức quốc lập, dân lập, tư thục, theo phương châm "bám sát yêu cầu của nền kinh tế xã hội". Chúng tôi cố gắng, trong phạm vi cho phép và điều kiện có thể, dành những cơ sở vật chất - kỹ thuật tốt nhất ở thành phố cho lĩnh vực này.

3 - Về công tác *quản lý đô thị*. Từ lâu, điều trăn trở lớn nhất và khó nhất là, làm thế nào để thành phố thực sự là cấp quản lý đô thị. Thực tiễn đã và đang tồn tại hai khuynh hướng trước vấn đề này : *một là*, bao cấp hoàn toàn, để rồi dẫn tới tình trạng xuống cấp mọi mặt bởi lạm phát khấu hao, như đã nói ; *hai là*, phải xác lập một cơ chế tự chủ trong quản lý để tự nó vươn lên.

Nhưng không chờ đợi, thành phố luôn xác định đó là mặt công tác đặc trưng, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của mình. Chúng tôi tiến hành xây dựng, cải tạo và quản lý thành phố, dứt khoát phải căn cứ vào quy hoạch, vào luật pháp và các văn bản của trung ương và tỉnh.

Thấy rõ sự mất cân đối nghiêm trọng giữa quy

Digitized by Google

mô dân số và các công trình kỹ thuật hạ tầng thiết yếu, thành phố tập trung nhiều công sức và dành ngân sách thỏa đáng cho công tác xây dựng cơ bản, với phương châm : trung ương, tỉnh, thành phố và nhân dân cùng làm. Tập trung vốn vào các công trình trọng điểm theo hướng đầu tư dứt điểm, đưa nhanh công trình vào sử dụng một cách có hiệu quả. Hình thành quy hoạch tổng thể và một số quy hoạch ngành, phân định địa giới phường, xã. Lập kế hoạch cụ thể xây dựng, nâng cấp các công trình kỹ thuật đô thị.

Nhiệm vụ từ nay đến hết năm 1995 của chúng tôi là : tiếp tục nghiên cứu cải tiến công tác quản lý đô thị sao cho phù hợp với đặc điểm của thành phố ; hoàn thành việc cải tạo hệ thống điện - đường giao thông - trường học, hệ thống cấp, thoát nước, vệ sinh môi trường và một số công trình văn hóa, di tích lịch sử ; hoàn thành tổng kiểm kê, cấp giấy phép sử dụng nhà đất cho các hộ trong nội thành, hoàn chỉnh cơ bản cơ sở pháp lý về quản lý nhà đất ; trên các cơ sở đó, từng bước lập lại kỷ cương trong xây dựng và quản lý đô thị.

Trước mắt, kết thúc năm 1993, các xã ngoại thành hoàn tất cơ bản việc duy tu, sửa chữa các tuyến đường liên thôn, liên xã và nâng cấp đường đất trong ngõ phố chính của thành phố. Xây dựng, cải tạo, nạo vét một số tuyến cống, mương thoát nước, bảo đảm tiêu, thoát nước nhanh trong mùa mưa. Cải tạo nâng cấp nhà máy nước Nam định, xây dựng trường phổ thông cơ sở cao tầng Hồ Tùng Mậu và sửa chữa, nâng cấp các lớp học, nhà trẻ, mẫu giáo... kịp khai giảng năm học mới.

Hoàn thành cơ bản việc cải tạo mạng lưới điện thành phố, nâng cao chất lượng điện phục vụ sinh hoạt và ánh sáng công cộng cho cả nội thành và ngoại thành. Nâng cấp, sử dụng hợp lý các công trình phúc lợi công cộng ; xây dựng và tôn tạo các nghĩa trang liệt sĩ và các công trình văn hóa.

Từng bước xóa bỏ sự bao cấp về nhà và đất ; hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới ; giải tỏa tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường bảo đảm mỹ quan đô thị ; nghiên cứu, xây dựng kế hoạch bảo đảm môi trường sống đô thị, từng bước làm cho thành phố ngày một đẹp hơn, sạch hơn và khang trang hơn.

4 - Thực tiễn cho chúng tôi thấy rõ : gần 13 nghìn đảng viên thuộc 156 tổ chức cơ sở đảng của đảng bộ là một trong những nhân tố quyết định sự tiến lên về mọi mặt của thành phố. Song làm thế nào để phát huy tốt nhất sức mạnh của đội ngũ này ?

Trước hết, chúng tôi tiến hành điều chỉnh lại quy mô các chi bộ cho phù hợp với địa bàn thành phố, với tâm lý lứa tuổi và điều kiện sống của các đảng viên, nhất là các chi bộ ở đường phố. Chẳng hạn, ở phường, cố gắng sắp xếp mỗi chi bộ chỉ khoảng từ 20 đến 30 đảng viên (trước đây thường là 50 - 60, thậm chí không ít chi bộ tới 70 đảng viên). Ở khu vực nông thôn, đang nghiên cứu làm thử việc chia tách các chi bộ theo địa bàn, đội sản xuất, nhằm khắc phục sự ảnh hưởng của tư tưởng dòng họ, gia đình trong sinh hoạt đảng.

Cải tiến một bước chế độ, nội dung sinh hoạt của các chi bộ phù hợp với nhiệm vụ, lứa tuổi đảng viên. Ví dụ, ở khối xã, cùng với việc sinh hoạt định kỳ bàn các công việc nội bộ, các chi bộ tổ chức sinh hoạt theo chuyên đề. Ở khối phường, sinh hoạt chi bộ gắn với nội dung sinh hoạt ở các hội, câu lạc bộ, khiến cho hoạt động của chi bộ thiết thực hơn, hiệu quả hơn. Với phương châm "đã là đảng viên đều phải được giao nhiệm vụ", các chi bộ phân công công tác cho mọi đảng viên một cách thích hợp, lấy hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ làm thước đo chất lượng đảng viên. Các đảng bộ, chi bộ đều phải xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra (định kỳ và đột xuất) sát với yêu cầu, nhiệm vụ của từng cơ sở, của mỗi đảng viên.

Với cách làm đó, chúng tôi nắm chắc hơn đội ngũ đảng viên của mình về mọi mặt, bước đầu nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên và chất lượng hoạt động của các đảng bộ cơ sở. Kết thúc tháng 6-1993, qua phân tích chất lượng 12433 đảng viên ở 144 tổ chức cơ sở đảng, có 64% số đảng viên đủ tư cách ; 21,8% số đảng viên đủ tư cách nhưng còn hạn chế một số mặt ; 3,4% số đảng viên vi phạm kỷ luật, phải xử lý ; 0,8% số đảng viên phải đưa ra khỏi Đảng...

Điều quan trọng là, qua đây, chúng tôi tiếp tục có kế hoạch, giải pháp thích hợp để củng cố, nâng cao đội ngũ đảng viên, từng bước đáp ứng nhiệm vụ xây dựng và phát triển thành phố trong tương lai.

Digitized by Google

CÔNG TY GANG THÉP THÁI NGUYÊN BƯỚC ĐẦU ĐỨNG VỮNG TRONG CƠ CHẾ MỚI

PHẠM THẮNG

HƠN 30 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty gang thép Thái nguyên (CT) đã trải qua nhiều thăng trầm, vật lộn với thử thách để tự khẳng định mình ; tạo thế và lực cho sự phát triển của đơn vị nói riêng và cho sự nghiệp luyện kim nói chung.

Trong những năm chuyển đổi cơ chế kinh tế gần đây, cũng như nhiều đơn vị kinh tế quốc doanh khác, CT đã gặp nhiều khó khăn trong việc duy trì và ổn định sản xuất, bảo đảm công ăn việc làm cho khoảng 2 vạn lao động. Với sự nỗ lực vươn lên, vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới của Đảng, CT đã tích cực đổi mới tổ chức sản xuất, đổi mới chỉ đạo điều hành, vươn lên đứng vững trong cơ chế thị trường - điều mà cách đây không lâu nhiều người không dám khẳng định, thậm chí còn không biết CT có thể tồn tại được hay không.

Những số liệu cơ bản sau đây cho thấy CT đã vươn lên như thế nào trong 3 năm qua : 1 - *Sản lượng thép cán* : năm 1990 - 57 717 tấn, năm 1991 - 84 848 tấn, năm 1992 - 105 000 tấn, với chất lượng ngày một cao, chủng loại phong phú, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và xuất khẩu ; 2 - *Nộp ngân sách* : năm 1991 - 8,7 tỉ đồng, năm 1992 - 20,5 tỉ đồng ; 3 - *Lương bình quân công nhân một tháng* : năm 1990 - 134 000 đ, năm 1991 - 283 000 đ, năm 1992 - 378 000 đồng. Đời sống văn hóa, tinh thần của người lao động được cải thiện rõ rệt. Nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật mới được xây dựng. Bộ máy quản lý được củng cố, kiện toàn ; chất lượng đội ngũ cán bộ được nâng cao... Sáu tháng đầu năm 1993 các chỉ tiêu chính của CT đều đạt trên 50% kế hoạch năm ; CT có khả năng hoàn thành kế hoạch năm nay vào cuối tháng 11, kỷ niệm 30 năm ngày CT ra mẻ gang đầu tiên.

Với những kết quả đạt được, CT đã khẳng định được vai trò của mình, tích cực góp phần vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Do đâu CT vượt qua được khó khăn thử thách, vươn lên đứng vững trong sản xuất kinh doanh ? Thực tế vận động và phát triển ở đây cho thấy một số vấn đề cơ bản sau đây :

1 - **Kịp thời chuyển hướng công nghệ và đổi mới tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh.**

Quá trình xây dựng và sản xuất hàng chục năm theo cơ chế tập trung quan liêu bao cấp đã để lại cho CT những hậu quả nặng nề. *Thứ nhất*, máy móc và công nghệ sản xuất thép của CT (luyện quặng rồi qua lò thổi ôxy thành thép) đã lạc hậu ; vật tư và thiết bị chủ yếu (than cốc, trục cán thép...) đều phải nhập ngoại nên không chủ động được trong sản xuất ; năng suất và chất lượng sản phẩm đều thấp. *Thứ hai*, CT xây dựng ở trung du miền núi, vị trí không thuận lợi, giao thông đi lại khó khăn, chi phí vận chuyển quặng và sắt thép cao, hư hao thất thoát lớn. *Thứ ba*, tổ chức sản xuất của CT với các đơn vị phân tán trải rộng trên 5 tỉnh, bộ máy quản lý cồng kềnh, hiệu quả thấp. Đội ngũ lao động quá đông với tâm lý quen được bao cấp nên kém năng động, năng suất lao động thấp. *Thứ tư*, CT vừa phải lo sản xuất, lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, vừa phải lo cả kết cấu hạ tầng cho khu ở của họ (vì không được nhà nước đầu tư) nên chi phí quá lớn.

Bởi vậy, khi chuyển sang cơ chế mới, trước tình hình sản xuất của CT bị ách tắc, hiệu quả sản xuất thấp, chi phí sản xuất quá lớn, giá thành quá cao, không ít người, như trên đã nói, nghi ngờ khả năng tồn tại của chính CT, thậm chí có ý kiến cho rằng nên xóa bỏ CT vì làm ăn thua lỗ.

Trăn trở suy nghĩ và phân tích, thảo luận, CT cuối cùng đã đi tới khẳng định : *Phải tiếp tục sản xuất thép*. Điều đó không phải chỉ là để duy trì một đơn vị quốc doanh, mà cái chính, quan trọng

Digitized by Google

hơn, là bảo đảm đời sống cho hàng vạn con người, là duy trì sự nghiệp gang thép để góp phần vào xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nền kinh tế quốc dân. Vấn đề đặt ra là sản xuất như thế nào, theo hướng nào và bằng cách nào để có lãi ? Nhận thấy đất nước ta sau bao năm chiến tranh, có nguồn sắt thép phế rất dồi dào, có thể sử dụng để luyện thép có hiệu quả và có lãi, CT đã mạnh dạn chuyển hướng sang luyện thép bằng công nghệ lò điện, lò bằng. Tuy nhiên, CT cũng khẳng định không thể bỏ quy trình công nghệ luyện quặng (mặc dù hiệu quả hiện nay không cao), bởi lẽ đây chính là sự nghiệp luyện kim, bảo đảm khai thác tài nguyên giàu có của đất nước. Do vậy, phương hướng được CT xác định là : kết hợp luyện gang từ quặng sắt và luyện thép từ thép phế trong lò điện và một phần trong lò bằng. Từ đó, CT tập trung thực hiện tốt các biện pháp : tổ chức thu mua sắt thép phế, đa dạng hóa sản phẩm, gắn sản xuất với thị trường. Công tác kỹ thuật phục vụ những yêu cầu của sản xuất với mục tiêu giảm chi phí vật chất cho một tấn sản phẩm ; mở rộng màng lưới tiêu thụ sản phẩm và xây dựng cơ chế tiêu thụ linh hoạt...

Đi đôi với việc đổi mới kỹ thuật, công nghệ, CT tích cực đổi mới tổ chức quản lý và đổi mới chỉ đạo điều hành sản xuất, thực hiện hạch toán kinh doanh có hiệu quả với những nội dung cơ bản :

- Trao quyền chủ động ngày càng tăng cho các xí nghiệp thành viên, đồng thời bảo đảm tính thống nhất về kinh tế và công nghệ trong toàn CT, tăng cường sử dụng các đòn bẩy kinh tế trong quản lý điều hành sản xuất.

- Sử dụng hệ thống máy vi tính để tính toán giá thành, thực hiện hạch toán kinh tế, đánh giá kết quả sản xuất chính xác và kịp thời, giúp người lãnh đạo chỉ đạo và điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Áp dụng việc trả lương gắn với hiệu quả sản xuất của người lao động. Tinh giản bộ máy quản lý và biên chế : từ 2,4 vạn lao động (năm 1986) xuống 1,5 vạn lao động (năm 1989) và 1,24 vạn (năm 1992). Lao động gián tiếp từ 2229 người (14,4%) năm 1988 xuống 1752 người (13,3%) năm 1992. Toàn CT hiện còn 122 phân xưởng, đội ; 176 phòng, ban (giảm 13 phân xưởng, 53 phòng, ban so với năm 1988). Cơ quan CT giảm từ 21 xuống còn 16 phòng, ban. Văn phòng chỉ đạo sản xuất giảm từ 700 xuống còn 100 người.

Thực tế cho thấy, đây là hướng đi đúng. Sản xuất ổn định và từng bước phát triển. Sản lượng thép tăng nhanh : năm 1986 - 32 000 tấn ; năm 1987 - 38 000 tấn ; năm 1988 - 41 000 tấn. Những năm tiếp theo, CT đã tích cực hoàn thiện các biện pháp tổ chức quản lý, kỹ thuật ; trong đó chú trọng việc tiêu thụ sản phẩm, liên doanh liên kết và chế tạo sản phẩm mới cho xuất khẩu. Nhờ vậy, sản xuất ngày càng phát triển. Sản lượng thép từ 49 627 năm 1989 tăng lên 105 000 tấn năm 1992 ; 6 tháng đầu năm 1993 đạt 53 998 tấn (54% kế hoạch năm). Giá trị xuất khẩu năm 1990 đạt 10,3 triệu USD, năm 1992 - 7,6 triệu USD.

Mặc dù máy móc, thiết bị, công nghệ còn lạc hậu và cũ, nhưng do chuyển hướng kịp thời, đổi mới quản lý và chỉ đạo sản xuất theo cơ chế mới, nên sản xuất kinh doanh đã mang lại hiệu quả cao. Rõ ràng, biết tận dụng trang thiết bị hiện có, từng bước đổi mới hoàn thiện công nghệ, tổ chức sản xuất phù hợp với yêu cầu thị trường - đó là bước đi đúng trong quá trình chuyển sang cơ chế mới đối với những cơ sở công nghiệp có quy mô quá lớn, được xây dựng từ những năm chiến tranh với máy móc thiết bị lạc hậu. Tuy nhiên, đây mới chỉ là kết quả bước đầu, mới chỉ là biện pháp tình thế cứu nguy sự sụp đổ của các doanh nghiệp đó. Giải pháp có tính cơ bản lâu dài phải là không ngừng đổi mới, tăng cường hiện đại hóa thiết bị kỹ thuật, công nghệ. Chỉ có như vậy thì các doanh nghiệp của ta mới có thể phát triển mạnh mẽ, cạnh tranh được với các doanh nghiệp khác trên thị trường quốc tế.

2 - **Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động**.

Đội ngũ lao động ở đây đã gắn bó với xí nghiệp nói riêng và sự nghiệp xây dựng công nghiệp gang thép nói chung. Có thể nói tính quần thể của đội ngũ lao động ở đây rất cao. Từ nhiều nơi và nhiều cương vị công tác, họ đã dồn về đây sát cánh với nhau hàng chục năm trong sự nghiệp xây dựng công nghiệp gang thép, qua tất cả các giai đoạn : vừa xây dựng vừa sản xuất, vừa chiến đấu vừa sản xuất, rồi sản xuất kinh doanh. Lớp lớp người thợ đã tiếp bước nhau trong sự nghiệp xây dựng và phát triển khu công nghiệp gang thép. Nơi đây đã trở thành quê hương thứ hai của họ. Cuộc sống của người thợ, dù đã về nghỉ hoặc

Digitized by Google

đang làm việc, phần lớn phụ thuộc vào sự phát triển của xí nghiệp. Bởi vậy, lãnh đạo xí nghiệp luôn nhận thức : phải đẩy mạnh sản xuất để đời sống cán bộ, công nhân, viên chức không ngừng được cải thiện. Đây cũng là mục tiêu bao trùm trong quá trình đổi mới quản lý ở nhà máy. Với mục tiêu này, nhà máy dốn sức chăm lo đời sống vật chất và văn hóa cho người lao động, kể cả những người đã nghỉ và lớp người kế tiếp. Phát triển sản xuất kinh doanh phải gắn liền với chăm lo đời sống người lao động, đó là điều được quán triệt và được giải quyết ở mọi khâu, mọi bộ phận sản xuất và quản lý trong CT. Cụ thể, CT đã tập trung làm một số công việc như sau :

Thứ nhất, bố trí sắp xếp lại sản xuất, sao cho phù hợp với khả năng của mỗi người lao động. Các biện pháp tổ chức được thực hiện công khai, dân chủ, tạo mọi điều kiện để người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình.

Thứ hai, gắn thu nhập của mỗi người với kết quả sản xuất, kinh doanh của đơn vị. Triệt để chống chủ nghĩa bình quân, "cào bằng" trong phân phối, hưởng thụ. Đây là một vấn đề có tính nguyên tắc. Nó được cụ thể hóa bằng các quy chế về khen thưởng vật chất và trách nhiệm vật chất ; về định mức khoán và hạch toán nội bộ ; về điều tiết thu nhập, lợi ích giữa các bộ phận, giữa các đơn vị. Từng bước thực hiện tiền tệ hóa thu nhập cho người lao động. Do vậy, tài sản, máy móc được bảo vệ tốt hơn, kỷ luật lao động được giữ vững, năng suất và chất lượng sản phẩm tăng rõ rệt. Người lao động gắn bó với nhà máy, quan tâm đến kết quả sản xuất của nhà máy, vì điều đó gắn liền với lợi ích của họ.

Thứ ba, thường xuyên cải tạo môi trường làm việc, bảo đảm an toàn lao động. Việc khám chữa bệnh được tổ chức thường xuyên, viện phí, thuốc men đều do nhà máy đài thọ. CT còn thường xuyên tổ chức các lớp học về chuyên môn, ngoại ngữ, kỹ thuật... để nâng cao trình độ mọi mặt cho người thợ.

Thứ tư, giải quyết tốt mối quan hệ giữa người ở lại làm việc và người về nghỉ, như trợ cấp thêm cho người về nghỉ, nhận con em họ vào làm việc, thành lập các câu lạc bộ cho họ...

Thứ năm, tập trung xây dựng các công trình phúc lợi xã hội (điện, nước, bệnh viện, đường sá, trường học, nhà ở, nhà văn hóa, sân vận động, đài truyền thanh...) cho cán bộ, công nhân, viên chức và gia đình họ. Năm 1991, riêng lĩnh vực này, CT đã đầu tư trên 6 tỉ đồng.

Thực tế cho thấy, đối với người lao động, họ không chỉ cần được chăm lo đời sống vật chất, mà còn cần được chăm lo cả đời sống văn hóa, tinh thần. Được như vậy, họ sẽ yên tâm sản xuất, phát huy hết khả năng của mình ; và không chỉ họ, mà cả gia đình họ sẽ luôn luôn gắn bó, thực sự quan tâm tới sự sống còn của đơn vị, của CT.

3 - Phát huy vai trò lãnh đạo của đảng bộ.

Các doanh nghiệp chuyển sang cơ chế mới, quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh được mở rộng, nhiệm vụ và quyền hạn của giám đốc và hội đồng xí nghiệp được đề cao và xác định rõ hơn. Trong điều kiện đó, có một vấn đề lớn được đặt ra : phát huy sự lãnh đạo của Đảng trong các doanh nghiệp nhà nước như thế nào ? Thực tế CT cho thấy, đảng bộ ở đây vẫn giữ vững và phát huy được vai trò lãnh đạo, luôn luôn là chỗ dựa cho giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh. Làm được như vậy là do đảng ủy ở đây đã biết :

Một là, *xây dựng đảng bộ vững mạnh*, trên cơ sở *nâng cao chất lượng từng đảng viên, từng chi bộ cơ sở*. Đảng ủy xác định : trong điều kiện cơ chế thị trường, càng cần thiết phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, bảo đảm cho các hoạt động kinh tế theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa mà *Cương lĩnh* của Đảng đã đề ra. Muốn thế, đảng bộ phải luôn luôn tự hoàn thiện, tự đổi mới, để vươn lên ngang tầm nhiệm vụ, xây dựng bộ máy quản lý và các đoàn thể vững mạnh phục vụ cho sự nghiệp xây dựng khu gang thép. Quá trình xây dựng đảng bộ vững mạnh diễn ra trên mọi lĩnh vực : từ việc xác định quan điểm tư tưởng, nội dung, phương pháp, phong cách lãnh đạo, đến việc tổ chức bộ máy, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ. Dựa vào quy chế về vị trí, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động và kiểm tra việc thực hiện quy chế, Đảng ủy CT tập trung vào những nội dung chủ yếu sau :

- Nâng trình độ nhận thức của cán bộ, đảng viên về sản xuất hàng hóa, về kinh tế thị trường, về chấp nhận cạnh tranh và chênh lệch thu nhập, về những phương hướng và nhiệm vụ cụ thể của xí nghiệp. Coi việc trang bị cho mỗi người (kể cả những người đã về nghỉ) những kiến thức cần thiết để có thể tự lý giải những hiện tượng phức

Digitized by Google

tạp trong cuộc sống, là biện pháp làm công tác tư tưởng tốt nhất.

- Bảo đảm cán bộ đảng các cấp có đủ phẩm chất và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, có đủ trình độ thay thế cán bộ quản lý xí nghiệp khi cần thiết. Bộ máy của cấp ủy CT gọn nhẹ, đảng ủy viên CT làm việc theo chế độ chuyên viên. Họ phải có trình độ văn hóa và lý luận nhất định (nói, viết và giảng được ở các lớp lý luận sơ cấp), đã trải qua thực tế sản xuất, và có thể bố trí đảm nhiệm chức giám đốc hoặc bí thư ở các xí nghiệp thành viên của CT.

- Xây dựng các chi bộ và đảng bộ trực thuộc thật sự vững mạnh để họ có thể chủ động phát huy vai trò lãnh đạo ở tất cả các đơn vị cơ sở của CT hiện ở phân tán trên một địa bàn rất rộng. Củng cố chi bộ cơ sở bằng nâng cao chất lượng đảng viên và bí thư kiêm nhiệm, cải tiến sinh hoạt chi bộ theo hướng gắn với những vấn đề mà sản xuất và cuộc sống đang đặt ra.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các mâu thuẫn (nhất là mâu thuẫn về lợi ích kinh tế) nảy sinh trong từng đơn vị thông qua hệ thống thông tin nhanh, chính xác và phát động phong trào quần chúng.

Hai là, *giải quyết tốt mối quan hệ giữa tổng giám đốc với đảng ủy và bí thư đảng ủy*. Đây là mối quan hệ hết sức cơ bản giữa tổ chức đảng với chính quyền trong nội bộ doanh nghiệp. Để giải quyết tốt mối quan hệ này, CT đã xây dựng *quy chế làm việc* gồm những điểm cơ bản sau đây :

- Định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm, tổng giám đốc CT báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội, những phương hướng, biện pháp thực hiện trong kỳ kế hoạch để đảng ủy thảo luận và ra nghị quyết.

- Sau khi có nghị quyết của đảng ủy, tổng giám đốc tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh và chịu trách nhiệm về mọi quyết định của mình. Đảng ủy triển khai tổ chức thực hiện nghị quyết theo chức năng và phương thức của tổ chức đảng.

- Đảng ủy thực hiện sự kiểm tra, giám sát và phát hiện cái đúng, cái sai, góp ý để tổng giám đốc phát huy cái đúng, sửa chữa cái sai. Đảng ủy không can thiệp vào việc điều hành kinh doanh hàng ngày của tổng giám đốc. Quan hệ giữa tổng giám đốc và bí thư đảng ủy là bình đẳng, mỗi người có chức năng của mình, nhưng có sự phối hợp hợp tác để hoàn thành nhiệm vụ chung.

Nhờ thực hiện đúng quy chế làm việc, những năm qua đảng bộ CT luôn đoàn kết nhất trí, thống nhất tư tưởng và hành động. Đảng bộ luôn là hạt nhân lãnh đạo đơn vị đi lên trong quá trình đổi mới.

*

Những năm qua CT đã đứng vững và từng bước phát triển, đời sống cán bộ công nhân, viên chức ngày càng được cải thiện. Hướng phát triển của CT trong những năm tới đã được xác định rõ. CT đã tính toán bảo đảm cân đối giữa nhu cầu của nền kinh tế với khả năng sản xuất kinh doanh của CT ; cân nhắc các giải pháp đầu tư, liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế ở trong nước và nước ngoài. Với mục tiêu 30 vạn tấn thép năm 1995, CT chủ trương tiếp tục đổi mới toàn diện và mở rộng quan hệ hợp tác với nước ngoài để hiện đại hóa kỹ thuật và công nghệ. CT đã có kế hoạch liên doanh với Công ty thép Natsteel của Xin-ga-po để xây dựng các nhà máy cán thép hiện đại ở Hải phòng và Đà nẵng ; hợp tác với Trung quốc để cải tiến hệ thống máy móc hiện có ở Thái nguyên. Điều đó chứng tỏ CT đã dần hòa nhập vào cơ chế thị trường, tạo được thế và lực cho sự phát triển của mình.

Tuy nhiên, CT còn có một số vấn đề cần được nhà nước quan tâm giúp đỡ nghiên cứu, giải quyết.

Một là, CT là một cơ sở sản xuất lớn thuộc ngành luyện kim là ngành sản xuất các vật liệu cơ bản cho các ngành khác ; là ngành vốn đầu tư lớn nhưng lãi lại thấp và khả năng hoàn vốn chậm. Để nó có thể phát triển nhanh, vững chắc, đáp ứng được nhu cầu của nền kinh tế quốc dân, nhà nước không thể không có *chiến lược đầu tư và phát triển ngành luyện kim ở nước ta trong thời gian tới*, với các chính sách hỗ trợ, khuyến khích nó phát triển như : nâng thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm thép mà ta sản xuất được ; cấm xuất khẩu sắt thép phế để bảo hộ sản xuất trong nước ; tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất tái đầu tư và phát triển bằng cách cho vay vốn, để lại khấu hao cơ bản, cho hưởng giá điện phù hợp...

Hai là, thời gian qua CT vừa lo đầu tư sản xuất kinh doanh, vừa phải lo xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo đảm phúc lợi cho người lao động (như đường sá, điện nước, trường học, bệnh viện, nhà văn

(Xem tiếp trang 56)

Digitized by Google

Chuyện rất xưa, nhưng... không cũ

DƯƠNG VŨ

THÁNG 2 năm 1938, cụ Ngô Tất Tố, nhà văn hiện thực phê phán của nước ta, đã viết một bài, ký tên Thuyết Hải, đăng trên báo *Thời Vụ* số 5, nhan đề : "Không nên quên một bọn văn sĩ"[1].

Tôi hiểu cái đề như vậy là cụ không cố tình vơ đũa cả nắm, chỉ muốn chĩa ngón đòn phê phán vào "một bọn" mà thôi.

Trong bài báo, cụ quy một trong hai nguyên nhân chính dẫn đến nạn mãi dâm và bệnh hoa liễu đang bành trướng lúc bấy giờ thuộc *"trách nhiệm của bọn văn sĩ"*. Cụ viết : "Tôi muốn nói mấy ông văn sĩ thiếu lương tâm, quen dùng văn chương khiêu dâm để quyến rũ bạn đọc phụ nữ... Tác giả những áng văn ấy vẫn là nhà văn có tài, cái tài cổ động chủ nghĩa khoái lạc về nhục dục mà người ta gọi tránh đi là "vui vẻ trẻ trung". Họ phá hủy nền liêm sỉ của trai gái bằng những ngòi bút mạnh bạo. Họ mô tả trần truồng cái chân tướng ái tình bằng giọng văn hay hớm và lả lơi. Họ làm được cảnh tượng của dục tình ở mặt giấy cũng hoạt động như ở màn ảnh.

"Đừng nói những hạng trai trẻ, giả sử các cụ sáu bảy mươi tuổi nghe văn của họ có khi cũng thấy dậm dật trong mình. Nhờ vậy, họ đi được tới đích, hầu hết phụ nữ ở thành thị đều đua nhau làm độc giả của họ... Bị họ cám dỗ... ! người ta nói bằng giọng của họ, người ta nghĩ bằng tư tưởng của họ, rồi người ta muốn làm như những nhân vật trong tiểu thuyết của họ".

Cụ khẳng định : "Chính bọn văn sĩ khiêu dâm đã đưa người ta lên giường bệnh hoa liễu". Rồi cụ thẳng thắn kết tội : "Đối với pháp luật, văn chương khiêu dâm vẫn thuộc về tội đáng trừng phạt".

Vậy là chuyện kích dục trên văn chương thực ra chẳng có gì mới. Đó là chuyện xưa lắm, cũ lắm, các cụ nhà ta đã khuyên bảo, đã lên án, đã chửi rủa, đã kết tội từ lâu rồi. Vậy thì tại sao giờ đây, giữa đất nước có nghìn năm văn hiến, mọi người ai cũng muốn giữ gìn thuần phong mỹ tục, giữ cái bản sắc dân tộc, giữ cái nền của chế độ xã hội bao năm xây dựng, thì có kẻ mang danh "nhà văn" rắp tâm đem văn chương ra làm món hàng bán rao, kiếm chác ? Họ những tưởng trong cơ chế thị trường trên đất này, cứ thả sức phô bày những pha "sex" trên trang giấy là sẽ lập tức tiêu thụ nhanh được món hàng. Ai dè, có bạn đọc đã phải thốt lên rằng : "Đọc loại văn đó, họ cứ thấy lợm lợm, ghê ghê đến phát buồn... nôn". Và bạn đọc kiên quyết đòi các cơ quan nhà nước sớm có biện pháp ngăn chặn sự ra đời của những sản phẩm làm bằng hoại đạo đức xã hội ấy. Nếu chẳng may, nó đã có mặt trên thị trường văn hóa rồi, thì phải quy rõ trách nhiệm và xử lý thật nghiêm theo luật định.

*

Cụ Tố ơi, ở nơi suối vàng, phỏng cụ có hay : Ngày nay vào giai đoạn cách cụ hơn nửa thế kỷ, có một căn bệnh còn nguy hiểm và tệ hại hơn cả căn bệnh cụ nói, đó là bệnh SIDA, đi kèm với nạn mãi dâm, nạn xì ke ma túy. Nó đang hoành hành khắp thế giới. Còn ở ta, con số người nhiễm vi rút loại bệnh này, đã lên tới hàng trăm, hàng ngàn. Điều đáng quan tâm hơn, thưa cụ, người Việt nam ta xưa cũng như nay, muốn có cuộc sống sung túc nhưng xã hội phải trong sạch, văn minh ; con người quan hệ với nhau theo đúng chất người. Vì vậy ai cũng muốn vun xới cho cái đạo làm người. Ngẫm lại những điều cụ nói, cụ lên án ngay trong lòng chế độ thực dân, phong kiến lúc bấy giờ mà hả lòng hả dạ, mà bái phục cụ. Nay có ý này cũng xin cụ thứ lỗi cho, rằng ngay giữa cơn sóng bừng bừng nổi giận của dư luận xã hội muốn quét sạch thứ văn chương nhớp nhúa ấy thì có người, có tờ báo (cũng thuộc hàng con cháu nối nghiệp cụ) chẳng hiểu vô tình hay hữu ý, lại đứng ra bênh vực, che chắn cho những việc làm xấu đó.

Thế mới biết sự đời trớ trêu thật, cụ nhỉ ?

Ấy vậy là kẻ viết xằng mới được nước cụ ạ. Họ la lối lên rằng, chính họ mới là "nhà văn", là người hiểu được nhân tình thế thái, mới là người "đi đầu đấu tranh" cho sự nghiệp giải phóng cá nhân, cổ vũ cho tự do yêu đương, cho tình yêu đích thực, còn tất cả chỉ toàn là những kẻ "ngu dốt", "không hiểu văn chương" hoặc "đạo đức giả" mà thôi !

Nghe giọng họ nói, chắc cụ Lê-nin ở dưới lăng bên nước Nga cũng phải bật cười. Vì trước đây gần một thế kỷ (năm 1915) cụ Lê-nin đã gửi thư cho nhà hoạt động của phong trào phụ nữ cộng sản quốc tế - bà I-nê-xô Ác-man - khi bà có ý định viết cuốn sách cho phụ nữ công nhân đọc. Cuốn sách có nêu vấn đề "tự do yêu đương". Lê-nin đọc đề cương sách và chân thành khuyên bà nên suy nghĩ, cân nhắc kỹ để tìm ra những yếu tố của tự do yêu đương. Sau khi tạm kê ra khoảng 10 yếu tố, Lê-nin phân tích : "Cộng chúng, những bạn đọc của cuốn sách nhất định sẽ hiểu tự do yêu đương nói chung như một cái gì thoát khỏi sự nghiêm túc trong tình yêu, như là sự tự do đi ngoại tình...". Vì sao vậy ? Lê-nin giải thích ngay : "Chính vì trong xã hội hiện nay (1915), các giai cấp to mồm nhất, ầm ĩ nhất và tai to mặt lớn nhất (chỉ giai cấp tư sản bấy giờ) đang hiểu tự do yêu đương là như vậy và họ muốn quần chúng lao động cũng phải cố hiểu như vậy"[2].

Thưa cụ Tố, nhân danh gì gì đi nữa thì cũng mang cái nghiệp của người cầm bút, phải không cụ ? Cái nghiệp đó bao giờ cũng đặt nhỡn tiền câu hỏi : Viết cho ai ? Viết để làm gì ? Tôi cứ nghĩ đến lời cụ Lỗ Tấn, cách cụ khoảng 10 năm về trước trong bài "Ngồi suy nghĩ đêm khuya" mà giật mình. Cụ Lỗ Tấn tâm tình thế này : "Có một học sinh đến mua sách của tôi. Anh ta lấy tiền trong túi áo đặt vào tay tôi. Tiền còn mang hơi nóng anh ta. Hơi nóng đó in dấu mãi trong lòng tôi, đến nay lúc tôi muốn viết cái gì, vẫn thường lo đầu độc phải những thanh niên như thế, cứ trù trừ không dám đặt bút viết".

Ôi, tấm lòng bao dung, thương trẻ của cụ Lỗ có lẽ ngàn năm sẽ còn nồng ấm. Cụ đúng là "nhà văn thầy thuốc", người cứu rỗi những tâm hồn, vị tiên sinh nguyện suốt đời "cúi đầu làm thân trâu ngựa cho lũ nhi đồng". Tấm gương của cụ trong sáng biết bao. Lời dạy của cụ còn tươi mới biết bao !

---

(1) Ngô Tất Tố : *Tác phẩm* (Tập 1) Nxb Văn học, Hà Nội, 1975. tr 189

(2) Xem V.Lê-nin : *Bàn về văn hóa, văn học*, Nxb văn học, Hà nội, 1977 tr 129 - 130

Digitized by Google

NƠI Ở VÀ LÀM VIỆC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TẠI PHỦ CHỦ TỊCH - MỘT DI SẢN VÔ GIÁ CỦA DÂN TỘC

TRẦN VIẾT HOÀN*

Ở nước ta có nhiều di tích lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ghi nhớ công ơn to lớn của Bác, nhân dân ta trân trọng giữ gìn, bảo vệ những di tích lịch sử có liên quan đến cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Người. Một trong những di tích lưu niệm có giá trị đặc biệt tiêu biểu là nơi ở và làm việc của Người tại Phủ chủ tịch. Tại đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sống và làm việc từ cuối năm 1954 cho đến khi Người qua đời, ngày 2 tháng 9 năm 1969.

Trong Khu di tích Phủ chủ tịch có một tòa nhà cao 3 tầng được gọi là Phủ chủ tịch, là nơi Bác thường họp Hội đồng chính phủ ; thường đọc thơ xuân, đọc lời kêu gọi ; cũng là nơi trước đây Bác Hồ và hiện nay các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta tiếp đón các đoàn khách quan trọng, các nguyên thủ quốc gia đến thăm Việt nam.

Mười lăm năm Bác Hồ sống và làm việc ở đây còn được ghi dấu bằng những di tích lưu niệm :

- Ngôi nhà Bác Hồ ở và làm việc từ tháng 12-1954 đến tháng 5-1958.
- Phòng họp của Bộ chính trị Trung ương Đảng, gắn với sự kiện lịch sử trọng đại là Bác Hồ và Bộ chính trị đã quyết định cuộc Tổng tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân năm 1968.
- Ngôi nhà sàn Bác ở và làm việc từ tháng 5-1958 đến ngày 17-8-1969.
- Căn phòng Bác Hồ thường tiếp cán bộ đến báo cáo công việc.
- Căn phòng Bộ chính trị nghỉ giải lao mỗi khi họp, sau đó dùng làm nơi tiếp khách khi Bác ốm và là nơi Hội đồng giáo sư bác sĩ túc trực theo dõi, chăm sóc sức khỏe của Bác trong những ngày cuối cùng.
- Ngôi nhà Bộ chính trị dành cho Bác với ý định bảo đảm an toàn cho Người trong những năm giặc Mỹ ném bom bắn phá Hà nội, nhưng Bác không ở mà dùng làm nơi họp Bộ chính trị từ năm 1967 đến năm 1969, mỗi tuần một lần. Đây cũng là nơi từ ngày 17-8-1969 Bác nằm chữa bệnh và sau đó qua đời.
- Ao cá Bác Hồ, nơi Người đã chăm sóc đàn cá hằng ngày và gửi biếu cá cho các cụ già, các cháu nhỏ.
- Dàn hoa Phủ chủ tịch, nơi Bác thường tiếp khách trong nước và quốc tế, trả lời phỏng vấn, tổ chức cho các cháu thiếu nhi vui chơi ngày 1-6, ngày Tết trung thu, Tết nguyên đán.
- Đường xoài, con đường nhỏ Bác vẫn thường đi bách bộ, tập thể dục, cũng là đường ra nhà tiếp khách, hội họp.
- "Đường mòn Hồ Chí Minh", con đường Bác thường tập đi bộ với ý định tập luyện để đi bộ vào thăm đồng bào miền Nam.
- Khu vườn cây xanh rộng gần 14 héc-ta gồm hơn một ngàn cây, với 161 loại cây khác nhau, có những loại quý hiếm như đầu nước, trường xanh ; có những cây Bác Hồ mang từ nước ngoài về và trực tiếp chăm sóc với ý định nhân giống, như cây cọ dầu, cây xanh bốn mùa ; lại có cả các cây của đồng bào miền Nam gửi tặng Bác và được Bác trồng và chăm sóc, như vú sữa, dừa...

Khu di tích lịch sử Phủ chủ tịch là nơi đã chứng kiến sự hình thành hệ thống tư duy chính trị vô cùng quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh ; là nơi Người cùng với Bộ chính trị định ra chiến lược và sách lược cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, và đưa cả nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội ; là nơi khai sinh chân lý vĩnh hằng của thời đại : "Không có gì quý hơn độc lập, tự do" ; là nơi Bác viết tác phẩm "Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lê-nin", khẳng định con đường đúng đắn mà Bác, Đảng và dân tộc ta đã chọn. Cũng tại đây, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thảo bài nói nhân kỷ niệm lần thứ 15 Ngày thành lập nước (2-9-1960) trong đó có đoạn viết : "Toàn dân ta đoàn kết nhất trí, bền bỉ đấu tranh thì chậm lắm là 15 năm nữa, Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc Nam nhất định sẽ sum họp một nhà", nhưng sau đó Bác lại gạch đi hai chữ "chậm lắm".

Cũng từ nơi đây Người đã ra đi, sang thế giới vĩnh hằng, và để lại cho toàn đảng toàn dân ta bản

* Giám đốc Khu di tích Phủ chủ tịch

Digitized by Google

Di chúc lịch sử, trong đó chứa đựng những tư tưởng và tình cảm vĩ đại, đường lối chiến lược, chuẩn bị hành trang cho Đảng ta, nhân dân ta đi vào tương lai.

Cùng với những sự kiện trọng đại, nơi đây cũng đã ghi dấu ấn về cuộc đời thường của Bác. Bác Hồ đã vượt lên trên hết thảy mọi ham muốn vật chất. Bữa ăn của Bác thanh đạm, với bát canh, quả cà, lát cá hoặc miếng thịt kho ; nhà ở của Bác chẳng phải lầu son, gác tía, mà chỉ là ngôi nhà sàn mộc mạc ; quần áo Bác mặc hàng ngày cũng chỉ là quần áo thường thấy ở một lão nông, sang hơn một chút là bộ quần áo ka ki mặc tiếp khách ; với đôi guốc mộc, đôi dép cao su...

Khu di tích Phủ chủ tịch đã trở thành địa danh hội tụ nhân dân ta và bầu bạn xa gần. Tính từ ngày 21-8-1975 đến ngày 3-9-1992, đã có 13 108 195 lượt người vào thăm nơi ở và làm việc của Bác. Trong đó, khách nước ngoài là 243 440 lượt người thuộc 120 nước và 70 tổ chức quốc tế ; 387 đoàn Việt kiều sống ở 27 nước (tính từ 11-1988). Bình thường mỗi ngày khoảng vài ngàn người ; dịp kỷ niệm Sinh nhật Bác, Quốc khánh, lên tới hàng vạn người (cụ thể, ngày 19-5-1990 là 60 000 người, ngày 2-9-1992 là 22 000 người).

Khi đến thăm Việt nam, các nguyên thủ quốc gia, từ vua đến tổng thống, thủ tướng, các đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Nhà nước, các đoàn ngoại giao đều vào thăm nơi ở và làm việc của Bác.

Nhân dân ta đến đây với tất cả tấm lòng thành kính, tha thiết yêu thương và biết ơn Bác ; tận hưởng giá trị đích thực của một di sản mà Người đã để lại. Bầu bạn đến đây với tình cảm chân thành và quý mến vị lãnh tụ của nhân dân ta ; quý trọng tình hữu nghị của ta mà Bác Hồ là người dày công vun đắp. Có thể thấy rõ tình cảm ấy qua những dòng cảm tưởng ghi lại nơi đây.

Thủ tướng *Trung quốc* cho rằng cuộc đời và sự nghiệp của Bác là : "Sự nghiệp vĩ đại. Cuộc đời vinh quang".

Cựu thủ tướng *Thái lan* ghi nhận : "Một con người vĩ đại. Một sự nghiệp vĩ đại. Một cuộc đời cao thượng".

Phó tổng thống *Ác-mê-ni-a* : "Xin kính cẩn nghiêng mình trước anh linh của người con vĩ đại của nhân dân Việt nam. Chúc nhân dân Việt nam thành đạt theo điều mong muốn của Người".

Chủ tịch Quốc hội *In-đô-nê-xi-a* viết : "Cuộc sống và sự khiêm nhường của cố Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gây cho chúng tôi một ấn tượng sâu sắc. Chúng tôi coi Người như là một vị lãnh tụ vĩ đại của những người đấu tranh hướng theo con đường độc lập và tự do" .

CÔNG TY...

(Xem tiếp trang 53)

hóa, sân vận động...). Đây là một cố gắng rất lớn của đơn vị. Thời gian tới, cùng với sự phát triển của CT, số dân và cơ cấu dân cư vùng gang thép Thái nguyên chắc sẽ có sự biến động lớn. Một mình CT không thể giải quyết được mọi vấn đề liên quan. Do vậy, cần có sự đầu tư giúp đỡ của nhà nước, của các ngành, các cấp.

Ba là, để không ngừng nâng cao sản lượng thép bảo đảm yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước, CT đương nhiên phải triệt để khai thác những khả năng hiện có, phải mở rộng sản xuất thông qua việc liên doanh liên kết với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài để tranh thủ vốn, kỹ thuật công nghệ và tiêu thụ sản phẩm. Công việc trước mắt của CT là khẩn trương xác định địa điểm, quy mô, công nghệ và phương thức liên doanh ; đào tạo và nâng cao trình độ về mọi mặt cho cán bộ, công nhân, viên chức của CT nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Điều đó, một mình CT cũng không thể làm được.

Bốn là, đối với CT, việc sử dụng sắt thép phế thải để luyện thép đã mang lại những hiệu quả rõ rệt bởi nó tận dụng được nguồn sắt thép phế dồi dào của nước ta sau bao năm chiến tranh. Tuy nhiên, theo tôi nghĩ, đây chỉ là giải pháp quá độ, bởi lẽ nguồn sắt thép phế sẽ cạn dần, muốn duy trì và phát triển công nghệ luyện thép từ sắt thép phế, đương nhiên sẽ phải nhập hoặc là sắt thép phế, hoặc là phôi thép, hoặc là cả thép phế và phôi thép. Có thể thực hiện các biện pháp này, nhưng nếu thế sẽ không khai thác được nguồn tài nguyên của nước ta. Bởi vậy, nhà nước cần có hướng đầu tư cho công nghệ khai thác mỏ ; luyện gang, thép từ quặng ; và tổ chức sản xuất hợp lý, bảo đảm phát triển công nghiệp luyện kim có hiệu quả hơn.

Digitized by Google

BÀI HỌC PHÁT TRIỂN CỦA CÁC NƯỚC ASEAN*

TRỊNH CƯỜNG

Sự phát triển nhanh chóng của các nước ASEAN trong thập kỷ 70, đặc biệt từ nửa cuối thập kỷ 80 trở lại đây, đã khiến nhiều người phải kinh ngạc. Tuy chưa được xếp vào hàng các nước công nghiệp phát triển, nhưng hàng xuất khẩu của ASEAN với chất lượng cao, giá thành hạ, đang là thách thức đối với các vùng kinh tế phát triển khác. Bí quyết nào đã giúp họ phát triển nhanh chóng từ một điểm xuất phát thấp, lại chỉ trong một thời gian ngắn như vậy ? Câu trả lời gắn với nhiều yếu tố : từ sự đúng đắn trong lựa chọn chiến lược phát triển, trong ban hành các chính sách kinh tế... tới những tác động thuận lợi của môi trường ổn định chính trị ở bên trong và xu thế hợp tác quốc tế mở cửa với bên ngoài.

MỞ CỬA VÀ HỘI NHẬP

Mở cửa và hội nhập vào thị trường thế giới để có được công nghệ mới, vốn, lao động và dịch vụ, là một nhân tố quan trọng hàng đầu hiện nay để kinh tế một nước có thể phát triển. Các nước ASEAN đã đi theo hướng đó.

Trong những năm 50 và 60, cũng như nhiều nước đang phát triển mới giành được độc lập, với hy vọng đa dạng hóa nền kinh tế và thoát dần khỏi sự phụ thuộc vào các nước tư bản phát triển, các nước ASEAN đã tiến hành chiến lược *công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu*. Từ chủ trương đó, các nước ASEAN đã ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và các ngành sử dụng nguyên liệu địa phương, thu hút nhiều lao động. Qua hơn một thập kỷ theo đuổi chiến lược trên, các nước ASEAN đã thu được một số thành tựu : nhịp độ tăng trưởng công nghiệp được nâng lên, nhiều người có việc làm và nhiều ngành công nghiệp (như dệt, in, chế biến lương thực, khai khoáng...) đã được nâng cấp và cải thiện.

Tuy nhiên, hướng phát triển trên không qua được thử thách của thời gian, đến cuối thập kỷ 60 bộc lộ nhiều hạn chế. Phần lớn sản phẩm hàng hóa chất lượng thấp chỉ tiêu thụ được ở thị trường nội địa, trong khi đó thu nhập của nhân dân chưa cao, nhu cầu tiêu dùng có hạn. Điều đó đương nhiên cản trở công nghiệp phát triển. Hơn nữa, các nước này vẫn bị thâm hụt trong cán cân buôn bán do phải nhập khẩu vật tư và thiết bị thay thế mà trong nước không sản xuất được. Chính sách bảo hộ mậu dịch cũng cản trở đầu tư nước ngoài. Nạn thất nghiệp vẫn cao... Tình hình đó đã đặt các nước ASEAN trước nhiệm vụ phải *thay đổi* chiến lược phát triển, từ mô hình gần như khép kín sang mô hình mở rộng và hòa nhập vào thị trường thế giới.

Chiến lược *công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu* được các nước ASEAN thực hành từ những năm 70 trở lại đây. Chiến lược này được sự ủng hộ và giúp đỡ tài chính của các công ty tư bản nước ngoài, vì các công ty này muốn kéo các nước đang phát triển vào quá trình phân công lao động có lợi cho họ. Trên cơ sở nắm chặt bí quyết công nghệ, các công ty tư bản đa quốc gia xâm nhập dễ dàng thị trường các nước ASEAN để khai thác nguồn nhân công rẻ và tài nguyên phong phú. Mặt khác, trong thời kỳ có sự đối đầu Xô - Mỹ, các nước tư bản phát triển đứng đầu là Mỹ muốn tập trung phát triển các nước này nhằm chứng minh cho sự hơn hẳn của mô hình tư bản chủ nghĩa so với mô hình xã hội chủ nghĩa ; còn các nước ASEAN thì cũng có kỳ vọng dựa vào vốn và kỹ thuật của nước ngoài để tạo điều kiện cho nền công nghiệp non trẻ của mình tiếp cận được với thị trường thế giới. Thông qua xuất khẩu, các nước này vừa thu được ngoại tệ, vừa nâng cao giá trị sản phẩm, lại khai thác được lợi thế về nguồn nguyên liệu phong phú, giá lao động rẻ.

Sự thay đổi chiến lược được đánh dấu bằng việc cho ra đời các đạo luật đầu tư và các chính sách ưu đãi đối với những xí nghiệp xuất khẩu. Ví dụ, ở Ma-lai-xi-a, các xí nghiệp mà hầu hết sản phẩm là để xuất khẩu, thì được nhà nước trợ cấp và miễn, giảm thuế. Mức trợ cấp bao nhiêu và thời gian miễn, giảm thuế bao lâu là tùy thuộc quy mô (vốn, số công nhân) của xí nghiệp. Chính phủ còn trợ cấp cho các dự án mà theo chính phủ là có lợi cho quốc gia, thu hút và sử dụng được kỹ thuật

* ASEAN : Hiệp hội các nước Đông - Nam Á, gồm In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái lan, Phi-líp-pin và Bru-nây.

Digitized by Google

hiện đại, có sự tham gia của tư bản trong nước, v.v.. Ở Phi-líp-pin, theo luật đầu tư ban hành năm 1967 và các sắc lệnh khuyến khích đầu tư sau đó, tỷ lệ đầu tư giữa tư bản trong nước và nước ngoài là 60% và 40%. Tuy nhiên, tỷ lệ này không cứng nhắc. Nếu là các ngành mũi nhọn áp dụng công nghệ mới, sử dụng nguyên liệu trong nước, thì bên nước ngoài có thể đầu tư 100%.

Ở giai đoạn *đầu* của chiến lược công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu (những năm 70 và nửa đầu thập kỷ 80), chính phủ các nước ASEAN chú trọng việc hoàn thiện và nâng cấp các xí nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu truyền thống. Các xí nghiệp này thường có quy mô vừa, vốn không lớn, như các xí nghiệp sơ chế nguyên liệu và khai khoáng (ở Ma-lai-xi-a), các xí nghiệp lâm, ngư nghiệp và mía, đường (ở Phi-líp-pin), các xí nghiệp dầu mỏ và khí đốt (ở In-đô-nê-xi-a). Đồng thời, chính phủ các nước ASEAN cũng đã bắt đầu chú ý tới các ngành công nghiệp có tác dụng biến đổi cơ cấu kinh tế, những ngành cần nhiều vốn hơn, đòi hỏi kỹ thuật cao hơn, như công nghiệp sản xuất ô tô và mạch IC (ở Thái-lan), công nghiệp điện tử, đóng tàu và hóa dầu (ở Xin-ga-po) v.v..

Giai đoạn *hai* của chiến lược công nghiệp hóa hướng vào xuất khẩu diễn ra ở các nước ASEAN từ giữa thập kỷ 80. Nếu ở giai đoạn trước, hướng phát triển dựa trên cơ cấu nông - công nghiệp, thì ở giai đoạn này dựa trên cơ cấu công nghiệp với công nghiệp chế biến là xương sống của nền kinh tế. Sản xuất phục vụ xuất khẩu được ưu tiên hàng đầu, đặc biệt là ở những ngành có hàm lượng vốn và kỹ thuật cao, ở những ngành mũi nhọn có khả năng đột phá nhanh trong tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, chính phủ các nước ASEAN còn tiến hành sửa đổi, cải cách hàng loạt các chính sách thuộc nhiều lĩnh vực kinh tế để thu hút đầu tư và đẩy mạnh giao lưu thương mại quốc tế.

Chính sách cải cách đã giải phóng mọi tiềm năng và tạo nên sự phấn khởi trong các nhà hoạt động kinh doanh. Mặt khác, chính sách cải cách của ASEAN cũng trùng hợp với thời kỳ các nước công nghiệp hóa mới (NIC) ở Đông Á phải cải cách hệ thống và cơ chế kinh tế do giá nhân công tăng. Vào thời điểm này, các nước NIC Đông Á đã đủ lực để đầu tư vào các mặt hàng đòi hỏi hàm lượng kỹ thuật cao. Và cũng vì vậy, họ có thể chuyển cho các nước ASEAN các dây chuyền sản xuất đòi hỏi nhiều lao động. Bên cạnh đó, đầu tư của Nhật - nước đầu tư lớn nhất ở ASEAN - cũng không ngừng tăng. Việc luồng đầu tư từ Đông - Bắc Á đổ vào các nước ASEAN tăng lên mạnh mẽ cộng với tính năng động, cởi mở của các nước này đã tạo ra sự "bùng nổ kinh tế" của ASEAN trong những năm 1987 - 1990. Mức tăng thu nhập quốc dân trung bình hàng năm trong thời gian này là 9,5% ở Xin-ga-po, 11,2% ở Thái-lan, 8,1% ở Ma-lai-xi-a, 6,3% ở In-đô-nê-xi-a và 4,8% ở Phi-líp-pin, so với 5,5%, 5,4%, 4,5%, 4,9% và 0,2% ở các nước đó trong thời kỳ 1981 - 1986.(1)

Bước vào thập kỷ 90, mặc dù kinh tế thế giới tiếp tục suy thoái, mỗi năm chỉ tăng dưới 3%, kinh tế ASEAN hàng năm vẫn phát triển với nhịp độ trên 6%. Hàng xuất khẩu của ASEAN với chất lượng cao, giá thành hạ, được nhiều nước ưa chuộng. Nhiều nước ASEAN nằm trong số những nước dẫn đầu thế giới về một số mặt hàng xuất khẩu. Xin-ga-po là một trong những nước dẫn đầu về điện tử, giàn khoan dầu, sản phẩm hóa dầu ; Thái-lan và In-đô-nê-xi-a về hàng dệt và quần áo may sẵn ; Ma-lai-xi-a về máy điều hòa nhiệt độ, bán dẫn, một số mặt hàng chế tạo từ cao su (bao tay, dụng cụ y tế)...

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Các nước ASEAN (trừ Xin-ga-po) đều có tài nguyên phong phú và nguồn lao động đồi dào, có kỷ luật. Tuy nhiên, tham gia quá trình phân công lao động quốc tế trong điều kiện cách mạng khoa học - kỹ thuật phát triển mạnh, thì lợi thế về tài nguyên và lao động chưa đủ bảo đảm cho nền kinh tế phát triển. Vấn đề mấu chốt trong phát triển là thể chế và các chính sách kinh tế mà chỉ nhà nước mới có khả năng ban hành. Ở ASEAN, nhà nước đóng một vai trò rất quan trọng, thể hiện ở các mặt :

- Tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế phát triển (bảo đảm ổn định chính trị và kinh tế - xã hội ; lãnh đạo kiên quyết và xử lý nghiêm các vụ tham nhũng ; sử dụng các nguồn viện trợ đúng mục tiêu, không để thất thoát);

- Dẫn dắt và hỗ trợ cho nền kinh tế đi đúng hướng (ban hành một bộ khung pháp luật tương đối hoàn chỉnh, nhằm bảo đảm cho các doanh nghiệp có thể tự do hoạt động và phát huy sáng kiến ; thông qua các biện pháp kích thích tích cực để thúc đẩy thị trường phát triển);

- Có chính sách thúc đẩy xuất khẩu ; xây dựng các khu chế xuất ; đầu tư lớn cho giáo dục đào

(1) Xem *Những vấn đề kinh tế thế giới*. Viện kinh tế thế giới, Viện khoa học xã hội Việt nam, số 5, tháng 9,10-1992, tr, 41.

Digitized by Google

tạo để nâng cao tay nghề và khả năng tiếp thu công nghệ mới ; biến đổi cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển mạnh các ngành sản xuất có khả năng cạnh tranh.

Đầu tư nước ngoài có ảnh hưởng rất lớn và là một nhân tố quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của các nước ASEAN. Thời gian đầu, khi sức còn yếu, chính phủ các nước ASEAN hướng đầu tư và viện trợ nước ngoài vào các ngành sử dụng nhiều lao động đi đôi với việc cố gắng thực hành tiết kiệm để tăng tích lũy và tái đầu tư. Sau khi đã có tiềm lực nhất định, chính phủ các nước đó chuyển sang dành ưu tiên cho các ngành công nghệ cao và các ngành mũi nhọn có khả năng tạo ra sự đột phá trong tăng trưởng kinh tế. Để thu hút đầu tư, các nước ASEAN đã ban hành luật đầu tư với những điều khoản bảo đảm lợi ích cho người đầu tư. Ngoài ra, còn chuẩn bị môi trường để tiếp nhận đầu tư như xây dựng các khu chế xuất, hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cung cấp các dịch vụ thiết yếu. Ngược lại, các nhà đầu tư nước ngoài cũng bị thu hút bởi sự ổn định chính trị cao, giá nhân công rẻ, và các khu nghỉ ngơi, giải trí tiện lợi.

KHÓ KHĂN VÀ TỒN TẠI

Mặc dù đã đạt được những thành tựu kinh tế đáng kể, nhưng hiện nay các nước ASEAN vẫn còn nhiều tồn tại phải giải quyết.

Về kinh tế. Hầu hết các nước ASEAN đều nợ nần chồng chất, khả năng chi trả khó và ngày càng phụ thuộc nặng nề vào vốn và kỹ thuật của nước ngoài. Bên cạnh đó, các nước đầu tư chính, như Nhật bản và các nước NIC Đông Á, lại đang gặp không ít khó khăn về kinh tế, và trong khi những đồng vốn của họ không phải là vô tận thì họ lại mở hướng đầu tư rộng hơn, xa hơn tới các khu vực khác chứ không chỉ dừng ở các nước ASEAN. Mặt khác, chi phí về nhân công ở các nước ASEAN hiện đã tăng lên và dần dần không còn là ưu thế nữa. Năm 1991, tổng kim ngạch đầu tư của nước ngoài vào Thái-lan, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin và In-đô-nê-xi-a chỉ còn 16,8 tỉ đô la Mỹ, giảm 36% so với năm 1990, trong đó đầu tư từ Nhật bản giảm 40%, từ Đài loan và Nam Triều tiên giảm gần 70%[2]. Một khó khăn nữa mà ASEAN phải đối diện là áp lực ngày càng tăng từ các nước bạn hàng chính (Bắc Mỹ và Tây Âu), do hàng hóa của ASEAN xâm nhập mạnh mẽ thị trường các nước đó, đe dọa sự ổn định về công ăn việc làm và ảnh hưởng tới mức sống của nhân dân nước họ. Cuối cùng, phải nói đến việc thiếu các nhà kỹ thuật và kinh doanh giỏi cũng như thiếu vốn cho các dự án nghiên cứu khoa học - công nghệ mới do việc duy trì quá lâu các xí nghiệp có quy mô vừa và nhỏ.

Về xã hội. Mặc dù các nước ASEAN đều giàu lên nhanh chóng, nhưng không phải nước nào cũng đã thoát khỏi nghịch cảnh là môi trường xuống cấp cùng với nghèo đói và bệnh tật. Các nước ASEAN có nhịp độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong thập kỷ qua, nhưng nhịp độ đó không sao theo kịp mức tăng dân số. Bên cạnh các nhà cao tầng, các biệt thự xinh đẹp và các siêu thị sầm uất, là các xóm nghèo bẩn thỉu, lầy lội với mãi dâm, ma túy và tội phạm. Mặt khác, tình trạng bất bình đẳng và chênh lệch lớn về thu nhập cũng ngày một tăng. Vấn đề này đặt các nước ASEAN trước yêu cầu : cùng với chú trọng phát triển kinh tế, không thể xem nhẹ các vấn đề xã hội.

*

Thành công về kinh tế của các nước ASEAN cho thấy, phát triển nhanh chóng từ một điểm xuất phát thấp và duy trì nó là điều có thể thực hiện được. Kinh nghiệm còn chứng tỏ, ở cùng một thời điểm, những nước có nhiều nét tương đồng và có điểm xuất phát giống nhau lại thành công ở những mức độ khác nhau. Sở dĩ như vậy vì mức độ thành công phụ thuộc vào việc lựa chọn chiến lược phát triển và các chính sách kinh tế. Bên cạnh đó, việc giữ vững ổn định chính trị xã hội, bảo vệ các giá trị, bản sắc văn hóa dân tộc là điều quan trọng sống còn để phát triển kinh tế và mở cửa.

Việt nam đang triển khai mạnh mẽ công cuộc đổi mới toàn diện đất nước. Tình hình thế giới đang tạo thuận lợi cho sự phát triển nhanh chóng, nhưng cũng là thách thức lớn đối với chúng ta. Dựa vào kinh nghiệm thu được trong những năm qua, tiếp thu có chọn lọc những bài học phát triển từ các nước trong khu vực, nhất định chúng ta sẽ tìm được cách thức và bước đi hợp lý, phát huy được mọi tiềm năng của đất nước, từng bước thu hẹp được khoảng cách giữa nước ta với các nước đang phát triển.

---

(2) *Kinh nghiệm kinh tế châu Á - Thái bình dương*, TTXVN, Tài liệu tham khảo, số 6 - 1992, tr 14

Digitized by Google

NHẬT BẢN ĐANG THAY ĐỔI CHIẾN LƯỢC KHOA HỌC - KỸ THUẬT *

HIỆN nay, Nhật bản đang tích cực thay đổi chiến lược phát triển khoa học - kỹ thuật, từ "nghiên cứu ứng dụng" sang "nghiên cứu cơ bản". Việc thay đổi mang tính chất chiến lược này bắt nguồn từ những nguyên nhân sau : 1 - Do ảnh hưởng của khủng hoảng năng lượng thế giới và thiếu tài nguyên, Nhật bản phải điều chỉnh cơ cấu sản xuất, giảm mạnh những ngành tiêu hao nhiều năng lượng và nguyên liệu, phát triển những ngành đòi hỏi nhiều tri thức và kỹ thuật cao. Điều này đòi hỏi Nhật bản phải tự mình sáng chế, phát minh. Muốn vậy, phải tự mình đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản. 2 - Nhật bản tăng cường khả năng tự mình nghiên cứu phát triển, tự mình sáng tạo những kỹ nghệ mới mang bản sắc riêng, như vậy sẽ làm dịu bớt sự căng thẳng và mâu thuẫn trong ngoại thương. 3 - Chiến lược "ứng dụng" và "nhập khẩu kỹ thuật" một cách đơn thuần trước đây, tuy đã có vai trò to lớn, nhưng nay bộc lộ nhược điểm rất lớn là đã hạn chế việc nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật của Nhật bản, kìm hãm sự phát triển sáng tạo của khoa học kỹ thuật Nhật bản. Nếu để tình trạng này kéo dài, Nhật bản khó có thể giữ vững vị thế cường quốc hàng đầu thế giới về kinh tế và khoa học kỹ thuật.

NHỮNG CẢI CÁCH SÂU RỘNG

Trước tình hình nói trên, Nhật bản quyết định những phương hướng sau đây nhằm thay đổi chiến lược khoa học - kỹ thuật từ "nghiên cứu ứng dụng" là chính sang coi trọng" nghiên cứu cơ bản" :

1 - *Xác định phương hướng nghiên cứu cơ bản là những lĩnh vực kỹ thuật mũi nhọn có tác dụng quyết định đến sự phát triển của khoa học - kỹ thuật hiện nay cũng như trong tương lai.* Cụ thể các lĩnh vực kỹ thuật mũi nhọn hiện nay là : *mạch tổ hợp siêu dẫn lớn, dây quang dẫn, loại gốm mới* ; các lĩnh vực kỹ thuật mũi nhọn trong tương lai là : *máy tính tinh khôn, công trình sinh học, kỹ thuật vũ trụ* và *khai thác biển.*

Để thực hiện các chương trình nghiên cứu cơ bản theo hướng trên, Nhật bản coi việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của chính phủ là có tính chất quyết định. Vừa qua, chính phủ Nhật bản đã đề ra hai kế hoạch lớn, tương đương với kế hoạch "Chiến tranh giữa các vì sao" (SDI) của Mỹ và "EURECA" của Tây Âu. Đó là kế hoạch "nghiên cứu các lĩnh vực mới của cơ thể sinh vật" (gien và các công trình sinh học), và kế hoạch "nghiên cứu các lĩnh vực mới của trái đất" (sinh thái toàn cầu). Chính phủ Nhật bản, trước hết là các bộ, cục phụ trách về kinh tế và khoa học - kỹ thuật, đã luôn luôn thông báo cho các xí nghiệp những thông tin và những động thái về khoa học - kỹ thuật mới nhất ở trong và ngoài nước. Cùng với thông báo là phân tích và dự đoán xu thế mới, và đề xuất những kiến nghị. Những thông tin này có độ chính xác cao, nên có ảnh hưởng rất lớn tới các quyết sách của xí nghiệp, và tạo điều kiện cho các kế hoạch khoa học - kỹ thuật của chính phủ được thực thi thuận lợi. Ngoài ra, chính phủ còn sử dụng các biện pháp hành chính để can thiệp và trực tiếp chỉ đạo công tác nghiên cứu và ứng dụng những kết quả của khoa học - kỹ thuật cơ bản.

2 - *Tăng kinh phí nghiên cứu khoa học, áp dụng các chính sách ưu đãi để thúc đẩy nghiên cứu cơ bản.* Từ những năm 80 trở lại đây, kinh phí nghiên cứu khoa học - kỹ thuật của Nhật bản mỗi năm một tăng. Năm 1979, tổng kinh phí nghiên cứu mới chiếm 2% GNP, thì 10 năm sau, năm 1989, đã chiếm 2,91% GNP (bằng 11 815,5 tỉ yên). So với Mỹ, Cộng hòa liên bang Đức (cũ) và Pháp trong những năm 1985 - 1989, Nhật bản có mức

* Nguồn : Tạp chí *Kinh tế* (Nhật bản), năm 1991 ; *Điều tra nghiên cứu khoa học kỹ thuật mũi nhọn*, Cục khoa học kỹ thuật Nhật bản xuất bản ; *Nhật bản trong những năm 90*, cơ quan nghiên cứu phát triển tổng hợp của Nhật-bản biên soạn...

Digitized by Google

tăng kinh phí nghiên cứu khoa học - kỹ thuật lớn nhất (mặc dù mức tăng này chủ yếu do kinh phí nghiên cứu ứng dụng của các xí nghiệp tăng).

Nhằm thúc đẩy các xí nghiệp tăng cường "nghiên cứu cơ bản" và sáng tạo kỹ thuật mới, chính phủ đã dành cho các xí nghiệp những ưu đãi đặc biệt về tín dụng, thuế và trợ cấp tài chính. Ngoài ra, chính phủ và các cơ quan hữu quan còn chủ động cùng xí nghiệp gánh chịu những khó khăn và rủi ro trong nghiên cứu khoa học (chẳng hạn, đảm nhiệm 40% kinh phí cho việc nghiên cứu và sản xuất thử mạch tổng hợp siêu dẫn ; đầu tư 50% kinh phí cho kế hoạch nghiên cứu "máy chính của máy điện toán thế hệ sau", và 2/3 kinh phí để nghiên cứu ứng dụng và sản xuất rô bốt mẫu). Từ những năm 80 đến nay, kinh phí nghiên cứu cơ bản của các xí nghiệp không ngừng tăng lên.

3 - *Cải cách và hoàn thiện cơ chế nghiên cứu khoa học*. Từ giữa những năm 80, Nhật bản đã hình thành cơ chế nghiên cứu khoa học dựa trên cơ sở hợp tác chặt chẽ giữa xí nghiệp, trường đại học và cơ quan nghiên cứu dưới sự điều phối của chính phủ. Tuy cơ chế này vẫn coi các trường đại học và cơ quan nghiên cứu khoa học là chủ thể trong nghiên cứu cơ bản, còn xí nghiệp là chủ thể trong nghiên cứu phát triển và ứng dụng, nhưng điều cơ bản *khác trước* là : ngoài cạnh tranh, giữa ba đơn vị này còn có quan hệ phối hợp và hợp tác nhằm phát huy tính chủ động và sáng tạo, nhất là đối với các đề tài nghiên cứu mới. Biện pháp vừa nói là nhằm xóa bỏ giới hạn từng ngành, thực hiện hợp tác nghiên cứu theo kiểu "mở cửa rộng rãi" trong cả nước, nhằm tập trung mọi nhân tài trong các ngành khác nhau vào nghiên cứu khoa học cơ bản. Mặt khác, thực hiện việc liên kết và phối hợp công tác nghiên cứu khoa học - kỹ thuật của các xí nghiệp (trước đây vì cạnh tranh chỉ làm riêng lẻ) trên cơ sở thành lập các "cộng đồng phát triển nghiên cứu chung" (hiện đã có 250 cộng đồng) và các "tập đoàn nghiên cứu cơ bản", những tổ chức liên hợp này tập hợp hàng loạt xí nghiệp, cùng nhau nghiên cứu phát triển kỹ thuật mới.

4 - *Xây dựng các "thành phố kỹ thuật"*. Đây là những thành phố kiểu mới, có khoảng 20 vạn dân, tập trung các ngành công nghiệp mũi nhọn hiện đại, ngành dịch vụ thông tin và các trường đại học, cao đẳng toán, lý và các tổ chức nghiên cứu công cộng... Trong khi đẩy mạnh việc xây dựng các "thành phố kỹ thuật" với quy mô lớn, Nhật bản còn tích cực phát triển các "trung tâm khoa học - kỹ thuật" hoặc những "khu vườn khoa học kỹ thuật cao". Một trong số đó là khu công nghiệp bán dẫn Cửu châu hiện là nơi sản xuất mạch tổng hợp lớn nhất thế giới, tập trung tới 30% số xí nghiệp sản xuất bán dẫn của Nhật bản. Ngoài ra, Nhật bản đã có kế hoạch phát triển tổng hợp (thi hành từ 1987 đến 2000) đặt nền móng cho mục tiêu phát triển Nhật bản vào thế kỷ 21. Kế hoạch này chia Nhật bản thành 10 khu vực lớn, trong đó Tô-ki-ô sẽ trở thành trung tâm tài chính và thông tin. Khu vực miền Trung trở thành trung tâm kỹ thuật sản xuất. Khu Chin-gi trở thành trung tâm văn hóa, nghiên cứu và học thuật. Khu đông-bắc và Cửu châu là trung tâm khoa học - kỹ thuật mũi nhọn v.v..

Nhằm thúc đẩy giao lưu khoa học - kỹ thuật quốc tế, năm 1985, Nhật bản đã tổ chức "Triển lãm khoa học thế giới" tại thành phố khoa học Chu-pô, thu hút sự tham dự của 46 nước và 37 tổ chức quốc tế với 20 triệu lượt người vào xem. Chủ đề của triển lãm là "Nhân loại, chỗ ở, môi trường và khoa học - kỹ thuật" với quy mô to lớn chưa từng có, được gọi là "Ngày hội lớn của nhân loại". Triển lãm này không những có lợi cho việc giao lưu khoa học - kỹ thuật giữa các nước, thúc đẩy cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật phát triển mà còn giúp Nhật bản thu hút được những thành tựu khoa học - kỹ thuật mới của thế giới, thúc đẩy nghiên cứu cơ bản của Nhật bản phát triển, làm cho Nhật bản giữ được vai trò dẫn đầu trong cách mạng khoa học kỹ thuật và sáng tạo kỹ thuật mới trên thế giới. Sau khi kết thúc triển lãm, chính phủ đã phát triển khu triển lãm thành một khu công nghiệp kỹ thuật hiện đại, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu khoa học với phát triển sản xuất. Theo tính toán, khi khu công nghiệp này chính thức vận hành, chính phủ Nhật bản sẽ được lợi 2 tỉ yên mỗi năm.

ĐỐI DIỆN VỚI THÁCH THỨC

Việc thay đổi chiến lược và chính sách khoa học - kỹ thuật, từ "nghiên cứu ứng dụng" sang "nghiên cứu cơ bản", đã thu được kết quả to lớn. Nếu xét về chỉ số "năng lực khoa học kỹ thuật tổng hợp" (bao gồm năng lực nghiên cứu khoa học, năng lực ứng dụng và năng lực mua bán khoa học - kỹ thuật), thì Nhật bản chỉ đứng sau Mỹ (*Mỹ* : 100 ; *Nhật bản* : 52,7 ; *Đức* : 39,1 ; *Pháp* : 20,6 ; *Anh* : 19,7). Tuy nhiên, Nhật bản cho rằng tuy mình chỉ đứng sau Mỹ, nhưng còn cách Mỹ

Digitized by Google

quá xa. Nhật bản quyết tâm thu hẹp khoảng cách này. Cho nên, thành tựu mới chỉ là bước đầu. Quá trình đổi mới này vẫn còn nhiều khó khăn không dễ vượt qua. Sau đây là những vấn đề tồn tại và giải pháp.

Cơ cấu nghiên cứu khoa học chưa thật hợp lý. Đầu tư của nhà nước vào nghiên cứu cơ bản ở Nhật bản mới chiếm 0,45% GNP (ở các nước phát triển khác là khoảng 1% GNP). Trong khi đó, kinh phí nghiên cứu cơ bản trong tổng kinh phí nghiên cứu khoa học tự nhiên lại luôn giảm : năm 1979 : 15,5% ; năm 1984 : 13,6% ; năm 1989 : chỉ còn 12,8%. Như trên đã nói, trong những năm 80, kinh phí nghiên cứu khoa học của Nhật bản tăng chủ yếu do kinh phí nghiên cứu ứng dụng của các xí nghiệp tăng. Hơn nữa, từ nghiên cứu *cơ bản* cho đến nghiên cứu *ứng dụng* và *phát triển*, tỷ lệ thành công của các xí nghiệp không cao, trung bình chỉ đạt : về *nghiên cứu cơ bản* - 29,4%, về *nghiên cứu ứng dụng* - 35,9%, và về *nghiên cứu phát triển* - 52,2%. Trong khi đó, chỉ khoảng 6/10 của 10% số nghiên cứu cơ bản (mà chỉ có những xí nghiệp lớn mới có đủ tài chính để làm) là được sản phẩm hóa. Từ đó cho thấy, trong khoa học kỹ thuật, Nhật bản chưa phải đã lấy nghiên cứu cơ bản làm nòng cốt, mà vẫn nặng về nghiên cứu ứng dụng và phát triển.

Một số thiết bị nghiên cứu ở Nhật bản còn lạc hậu so với trình độ tiên tiến nhất trên thế giới. Hiện nay, cuộc cạnh tranh về kỹ thuật trên thế giới, nhất là giữa Mỹ và Nhật bản, ngày càng quyết liệt. Trên một số lĩnh vực về máy tính điện tử, Nhật bản đã tương đương hoặc vượt Mỹ. Nhưng về đầu tư cho nghiên cứu kỹ thuật và sản xuất máy tính, Mỹ hiện gấp 10 lần Nhật bản. Trong lĩnh vực sinh học, cả về quy mô lẫn mức độ phát triển nghiên cứu, Nhật bản còn kém xa Mỹ. Về lĩnh vực người máy, tuy về sản lượng và sử dụng, Nhật bản vượt Mỹ, nhưng Mỹ lại hơn Nhật bản về nghiên cứu kỹ thuật phần mềm. Theo thống kê của Ngân hàng Nhật bản, năm 1989, Nhật bản *xuất khẩu* kỹ thuật đạt 278,2 tỉ yên, thì *nhập khẩu* kỹ thuật lại tới 734,7 tỉ yên, như vậy nhập siêu tới 456,5 tỉ yên. Năm 1988, Nhật bản xuất khẩu kỹ thuật sang Mỹ được 71,1 tỉ yên, thì lại phải nhập khẩu kỹ thuật từ Mỹ mất 196,9 tỉ yên. Rõ ràng, Nhật bản muốn thay đổi chiến lược khoa học - kỹ thuật cũng không dễ.

Các giải pháp. Trước hết, Nhật bản vẫn xác định chiến lược coi nghiên cứu cơ bản là chủ công và là trọng điểm, theo định hướng sau đây. *Một là*, chủ động, tích cực xúc tiến nghiên cứu cơ bản nhằm chiếm lĩnh các "đỉnh cao" của cách mạng khoa học kỹ thuật dự đoán sẽ có quy mô lớn vào đầu thế kỷ 21. Đó là những lĩnh vực kỹ thuật cao quan trọng như siêu dẫn, sinh học, trí tuệ nhân tạo... *Hai là*, ra sức đuổi kịp trình độ tiên tiến nhất trên thế giới về vũ trụ, hàng không, đó là những lĩnh vực mà Nhật bản còn kém, nhưng lại có ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với sự phát triển và an toàn của Nhật bản. *Ba là*, phát triển kỹ thuật năng lượng điện nguyên tử, kỹ thuật khai thác tài nguyên biển, để Nhật bản dần dần thoát khỏi cảnh trói buộc của một nước "nghèo tài nguyên". *Bốn là*, thay đổi một cách căn bản cơ chế nghiên cứu khoa học của các xí nghiệp, nhằm động viên tới mức cao nhất sáng kiến cá nhân, khuyến khích tính chủ động sáng tạo của cá nhân các nhà khoa học trong suốt quá trình nghiên cứu : từ xây dựng và lập quy hoạch các đề tài nghiên cứu, đến thẩm định và triển khai nghiên cứu. Thực hiện việc đấu thầu công khai các đề tài khoa học. *Năm là*, đẩy mạnh hợp tác quốc tế, trước hết là hợp tác với Mỹ, trong nghiên cứu khoa học, cả về bề rộng lẫn bề sâu. Trong đó, có các biện pháp : Nhật bản trực tiếp thành lập các phòng thực nghiệm ngay tại các trường đại học nổi tiếng ở Mỹ và châu Âu ; hậu đãi các nhà khoa học giỏi ở địa phương nghiên cứu các đề tài của Nhật bản ; tài trợ cho các trường đại học nổi tiếng ở nước ngoài, tạo điều kiện cho các trường này hợp tác giúp đỡ Nhật bản trong việc nghiên cứu khoa học.

Tóm lại, trong việc thay đổi chiến lược khoa học kỹ thuật, từ "nghiên cứu ứng dụng" sang "nghiên cứu cơ bản", Nhật bản chú ý kết hợp hai mặt : vừa tăng cường nghiên cứu cơ bản ở trong nước, vừa tăng cường hợp tác và sử dụng thành quả nghiên cứu của nước khác. Bằng cách đó, Nhật bản hy vọng sẽ nâng cao căn bản trình độ khoa học kỹ thuật của mình, tiến để để Nhật bản giữ vững vị trí cường quốc hàng đầu thế giới về kinh tế và khoa học kỹ thuật trước sự thách thức của thế kỷ 21.

THANH TÙNG tổng thuật

Digitized by Google

SẢN XUẤT HÀNG HÓA VÀ KINH TẾ HÀNG HÓA NHIỀU THÀNH PHẦN

● Sản xuất hàng hóa

Sản xuất hàng hóa là một loại hình sản xuất nhằm mục đích trao đổi sản phẩm (sản phẩm không phải để bản thân dùng mà là để bán), một hình thức tổ chức sản xuất xã hội trong đó các mối quan hệ kinh tế giữa người và người thực hiện qua việc mua và bán sản phẩm trên thị trường.

Sản xuất hàng hóa là nền tảng của kinh tế hàng hóa. Sản xuất hàng hóa theo nghĩa rộng cũng là kinh tế hàng hóa. Sản xuất hàng hóa ra đời dựa trên hai điều kiện : sự phân công lao động xã hội và chế độ tư hữu hay sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất và sản phẩm.

Sản xuất hàng hóa xuất hiện vào thời kỳ tan rã của chế độ công xã nguyên thủy, nó tồn tại và phát triển trong các phương thức sản xuất xã hội nô lệ, phong kiến, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Sản xuất hàng hóa có *những đặc trưng chung* là : các hoạt động sản xuất gắn với thị trường ; sản phẩm được đo bằng giá trị ; chịu sự chi phối của quy luật giá trị, quy luật giá cả, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... Sản xuất hàng hóa có nhu cầu phát triển không ngừng về vốn, đổi mới thiết bị công nghệ, mẫu mã, sản phẩm, áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nâng cao trình độ người lao động, mở rộng thị trường và các hoạt động dịch vụ cần thiết.

Các *hình thức* sản xuất hàng hóa gồm : sản xuất hàng hóa *giản đơn* ; sản xuất hàng hóa *tư bản chủ nghĩa* ; sản xuất hàng hóa theo *định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Sản xuất hàng hóa giản đơn dựa trên chế độ tư hữu nhỏ về tư liệu sản xuất và lao động cá nhân của người sản xuất. Sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và lao động của những người làm thuê nhằm tạo ra giá trị thặng dư cho nhà tư bản. Sản xuất hàng hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa diễn ra ở các nước lựa chọn con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, là sản xuất của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là kinh tế quốc doanh, giữ vai trò chủ đạo. Ở các nước này, sản xuất hàng hóa cũng tuân theo những quy luật của sản xuất hàng hóa nói chung, nhưng không thuần túy chịu sự chi phối của các quy luật đó giống như trong các nước tư bản chủ nghĩa. Chúng vận động trong những điều kiện mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là nền sản xuất hàng hóa có sự quản lý của *nhà nước của dân, do dân và vì dân*, một nhà nước đặt con người ở vị trí trung tâm, bảo đảm tăng trưởng kinh tế đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, coi phát triển kinh tế là cơ sở và tiền đề để thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, hạn chế đến mức tối đa những mặt tiêu cực của sản xuất hàng hóa.

Sản xuất hàng hóa sẽ còn tồn tại lâu dài ở nước ta.

● Kinh tế hàng hóa nhiều thành phần

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần là nền kinh tế sản xuất hàng hóa với nhiều hình thức sở hữu, phản ánh tính chất và trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Đối với nước ta, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, với nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều hình thức tổ chức kinh doanh là chủ trương nhất quán, là vấn đề có ý nghĩa chiến lược lâu dài nhằm khai thác mọi tiềm năng và giải phóng mọi năng lực sản xuất, bảo đảm cho mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật và được pháp luật bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp. Việc Đại hội VI và Đại hội VII của Đảng khẳng định chủ trương "phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa" là thể hiện sự đổi mới mạnh mẽ tư duy kinh tế của Đảng ta, là quyết định táo bạo và sáng tạo của Đảng ta, tạo ra bước ngoặt trong quá trình phát triển kinh tế ở nước ta.

Kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, theo các quy luật của sản xuất và lưu thông hàng hóa (chủ yếu là quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh...) ; đồng thời chịu sự quản lý và điều tiết của nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác. Nhà nước thông qua các hoạt động như vậy để tạo lập các cân đối chung, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh, dẫn dắt và hỗ trợ các thành phần kinh tế cùng phát triển, bảo đảm sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội, quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia nhằm bảo tồn và phát triển các tài sản đó.

Kinh tế hàng hóa nhiều thành phần có nhiều hình thức sở hữu và nhiều loại hình sản xuất kinh doanh, trong đó sở hữu công cộng là chủ yếu, kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể là nền tảng. Trước đây quan niệm sở hữu công cộng có nghĩa là sở hữu "toàn dân" của "nhà nước". Nhà nước vừa là người quản lý, vừa là người sản xuất kinh doanh, do đó các đơn vị kinh tế phụ thuộc vào cơ quan chủ quản nhà nước, không có quyền chủ động sản xuất kinh doanh, dẫn đến trì trệ, năng suất thấp. Ngày nay, chức năng quản lý kinh tế của nhà nước tách biệt với chức năng sản xuất kinh doanh. Các xí nghiệp được tự chủ sản xuất, kinh doanh, tự chịu lỗ lãi.

Kinh tế quốc doanh đóng vai trò chủ đạo đối với các thành phần kinh tế khác, và là một bảo đảm cho định hướng xã hội chủ nghĩa. Nó được củng cố và phát triển trong những ngành, những lĩnh vực then chốt, những doanh nghiệp trọng yếu, đảm đương những hoạt động mà các thành phần kinh tế khác không có điều kiện đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Kinh tế tập thể mà phổ biến là hình thức hợp tác xã có vai trò rất quan trọng trong việc hướng dẫn, phát huy vai trò đơn vị kinh tế tự chủ của hộ xã viên, đồng thời tập trung phát triển những loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mà từng hộ xã viên không làm được hoặc làm không có hiệu quả. Nó cần được không ngừng củng cố, đổi mới và mở rộng theo nguyên tắc "tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi".

Digitized by Google

Kinh tế cá thể có phạm vi tương đối rộng lớn, được khuyến khích phát triển trong các ngành nghề trên cơ sở tuân theo pháp luật, không hạn chế về quy mô sản xuất kinh doanh.

Kinh tế tư bản tư nhân được phát triển trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh do luật pháp quy định. Nhà nước có thể liên doanh bằng nhiều hình thức với tư nhân trong và ngoài nước, hình thành loại doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Kinh tế gia đình tuy không phải là một thành phần kinh tế độc lập, nhưng nó là bộ phận rất quan trọng bổ sung thu nhập không nhỏ cho các tầng lớp nhân dân lao động. Nó cần được khuyến khích phát triển và giúp đỡ.

Các thành phần kinh tế nói trên đều được tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau, bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế liên doanh, liên kết với nhau, hình thành các liên hiệp hoặc tập đoàn kinh doanh theo nguyên tắc tự nguyện và cùng có lợi.

Sự phát triển và tác động lẫn nhau của các thành phần kinh tế diễn ra theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, thật sự có tác dụng thúc đẩy nền sản xuất phát triển mạnh mẽ và có hiệu quả.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN ★ TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

HỘI THẢO KHOA HỌC : "VỀ NGUỒN GỐC TƯ TƯỞNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH" (KX 02 - 08)

Vừa qua, tại Viện khoa học xã hội Việt nam, đã diễn ra cuộc hội thảo khoa học "Về nguồn gốc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh", với sự có mặt của trên 20 nhà khoa học ở các viện nghiên cứu và các trường đại học ở Hà nội. Giáo sư Vũ Khiêu, cố vấn, và phó giáo sư Nguyễn Văn Truy, chủ nhiệm đề tài, chủ trì hội thảo.

Hội thảo đã tập trung thảo luận nhiều vấn đề chung quanh *nguồn gốc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh*. Sau báo cáo đề dẫn của giáo sư Vũ Ngọc Khánh, các ý kiến thảo luận đã thống nhất cho rằng, tư tưởng đạo đức của dân tộc Việt nam được hình thành qua cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ chống thiên tai và giành độc lập, tự do... Truyền thống đạo đức của dân tộc rất phong phú, bao gồm lòng yêu nước, đạo lý làm người, ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết, sống có tình, có nghĩa, có đức, có nhân, biết trung, biết hiếu, tinh thần tự tôn, tự lập, cần cù, thông minh, anh hùng, tương thân, tương ái, độ lượng, bao dung,v.v.. Thông qua môi trường gia đình, học tập ở nhà trường, thực tiễn xã hội, Hồ Chí Minh đã tiếp thu có chọn lọc những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc. Vì thế nên tư tưởng đạo đức của Người tránh được các luồng tư tưởng cực đoan từ bên ngoài.

Có ý kiến khẳng định "trục" của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là tư tưởng cộng đồng, tình thương. Tư tưởng bất biến là Độc lập - Tự do - Hạnh phúc. Còn tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh là tư tưởng nhân văn Việt nam. Nó giống tư tưởng nhân văn Mác-Lê-nin ở chỗ : tất cả vì lợi ích của nhân dân lao động.

Tham luận của đồng chí Nguyễn Thành và một số ý kiến khác cho rằng Hồ Chí Minh có tiếp thu và phát triển hạt nhân tiến bộ của chủ nghĩa *tam dân* của Tôn Trung Sơn : Dân tộc độc lập, Dân quyền tự do ; Dân sinh hạnh phúc. Nhiều ý kiến đi tới thống nhất : trên nền tảng tư tưởng đạo đức truyền thống của dân tộc, Hồ Chí Minh đã tiếp thu có phê phán tư tưởng *đạo đức phương Đông* (chủ yếu là tư tưởng nhân đạo của Nho giáo) và tư tưởng *đạo đức phương Tây* (chủ yếu là tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, dân chủ, tiến bộ). Hồ Chí Minh đã tiếp thu có chọn lọc các yếu tố đạo đức tôn giáo, kể cả lòng nhân ái của Chúa Giê-xu. Có ý kiến nhấn mạnh ý niệm tự do trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh : tự do cho con người bị nô lệ ; tự do cho dân tộc bị áp bức ; tự do cho xã hội bị thống trị ; tự do cho tất cả những ai bị bất công ; tự do trên cơ sở nhận thức được tính tất yếu và tính kỷ luật, và đó là cốt lõi trong tư tưởng triết học của Người, và cũng là khát vọng của toàn nhân loại.

Hội thảo đã giải quyết vấn đề cơ bản là : tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là sự hội nhập giữa truyền thống đạo đức của dân tộc với tinh hoa của thời đại (trong đó cốt lõi là tư tưởng đạo đức của chủ nghĩa Mác - Lê-nin), tạo nên một hệ tư tưởng đạo đức độc đáo là chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh. Tuy vậy, vẫn còn một số vấn đề cần được tiếp tục nghiên cứu thảo luận : 1 - Mối quan hệ giữa tư tưởng chính trị và tư tưởng đạo đức. 2 - Mối quan hệ và sự kết hợp giữa các vấn đề giai cấp, dân tộc và nhân loại, giữa phương Đông và phương Tây trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh ; cần làm sáng rõ những yếu tố tích cực của đạo đức phương Đông và phương Tây đều là những nấc thang của văn minh nhân loại. 3 - Mối quan hệ giữa tôn giáo và khoa học, đức trị và pháp trị trong tư tưởng đạo đức Việt nam nói chung và trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nói riêng.

Các hội thảo sắp tới với các nội dung như "Bản chất tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh", "Sự vận dụng tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vào thực tiễn xã hội Việt nam hiện nay", v.v. sẽ đi sâu nghiên cứu nhằm vận dụng và phát triển hơn nữa tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, lấy đó làm nền tảng để xây dựng và hình thành những định hướng giá trị mới và chuẩn mực đạo đức mới cho xã hội Việt nam, cho cán bộ và mọi tầng lớp nhân dân Việt nam. Các nhà nghiên cứu khoa học có trách nhiệm rất to lớn trên lĩnh vực này.

PTS BÙI ĐÌNH PHONG
(lược thuật)

Digitized by Google



NHÀ MÁY
BIA SÀI GÒN

187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5 TP. HCM
ĐT : 559595
6 Hai Bà Trưng, Quận I - TP. HCM - ĐT : 294083

TẠI HỘI CHỢ QUỐC TẾ HÀNG CÔNG NGHIỆP NĂM 1992 (HÀ NỘI) BIA LON "333", BIA CHAI "SAIGON" ĐỀU ĐƯỢC TẶNG HUY CHƯƠNG VÀNG.



KÍNH CHÀO QUÝ KHÁCH HÀNG

Đáp lại tấm lòng mến mộ của khách hàng, Nhà máy Bia Saigon đã tổ chức 12 cửa hàng Giới thiệu và bán sản phẩm tại các quận, huyện của Thành phố Hồ Chí Minh và 18 chi nhánh, 6 Tổng đại lý tại các tỉnh nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu của Quý khách. Mới đây Nhà máy Bia Saigon đưa bia đến phục vụ tại chỗ cho các khách sạn và đơn vị kinh doanh.

Xin trân trọng giới thiệu để Quý khách hàng thuận tiện liên hệ.

Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI BIỂN SÀI GÒN

SÀI GÒN SHIPPING COMPANY (SAI GON SHIP)



Địa chỉ (Address) : 9 Nguyễn Công Trứ street District I.Hồ Chí Minh City
Tel : 296316 - 296302 - 296315 - 231747
Tlx : 811260 SGSCVT
Fax : 84-8-25067-84-8-96320
Cable : Saigonship

HOẠT ĐỘNG TRONG CÁC LĨNH VỰC

- Chủ tàu : có tàu chuyên chở hàng hóa từ Việt Nam đi Singapore, Hồng kông ! Bangkok, Japan, Malaysia... và ngược lại.
- Thuê tàu : có tàu cho thuê dài hạn và thuê chuyến
- Kiểm đếm hàng hóa
- Mua bán tàu
- Đại lý tàu biển

SCOPE OF BUSINESS

- Shipowning : Have vessels carry cargois from Viet Nam to Singapore, Hong kong, Bangkok, Japan, Malaysia... and vice versa.
- Chartering : Have vessels For time charter and voyage charter
- Tallying
- Purchase and sale of vessels
- Agency

In tại Nhà in Nhân dân Hà Nội II Chỉ số 12651 - ISSN 0866 - 7276 Giá 2000đ

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 10
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 11-03-93
Tap Chi Cong San

RECEIVED
NOV 0 4 199
PERIODICAL RO
MAIN LIBRARY



10
1993

Digitized by Google

WELCOME TO THE

REX HOTEL

★★★★



141 NGUYEN HUE Blvd.- HO CHI MINH CITY - VIET NAM
TEL : 84-8-292185 or 84-8-293115
TELEX : 811201 HOTBT-VT
FAX : 84-8-29-65-36 or 84-8-29-14-69

Một khi đã chọn khách sạn REX, quý khách đã tự đặt mình vào giữa trung tâm náo nhiệt của Thành phố Hồ Chí Minh, địa điểm thương mại lớn nhất Việt Nam.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

10-1993 NĂM THỨ XXXIX (454)

MỤC LỤC

BÙI THIỆN NGỘ - Làm tốt công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội 3

TRẦN ĐỨC LƯƠNG - Một số vấn đề chủ yếu trong chương trình phát triển kinh tế-xã hội nông thôn 7

NGUYỄN VĂN TƯ - Hoạt động của công đoàn Việt nam trong điều kiện kinh tế thị trường 12

LÊ MINH - Nắm vững quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo trong tình hình hiện nay 16

*** Giải phóng phụ nữ - một mục tiêu và nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới 19

Nghiên cứu - Trao đổi

TRỊNH DÂN - Chủ nghĩa xã hội hiện thực là gì ? (Nhân đọc cuốn sách Chủ nghĩa xã hội hiện thực : khủng hoảng, đổi mới và xu hướng phát triển) 22

ĐỖ THẾ TÙNG - Nhìn lại quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta về phát triển kinh tế hàng hóa 26

LÊ SĨ DƯỢC - Suy nghĩ bước đầu về cải cách hành chính 30

NGUYỄN VĂN THU - Cách mạng công nghệ - thách thức, thời cơ và sự trả giá 34

Thực tiễn - Kinh nghiệm

HUỲNH VĂN NIỀM - Nông nghiệp, nông thôn Tiền giang - những chủ trương và thực tiễn phát triển 37

HOÀNG ĐÌNH PHU - Văn hóa và phát triển sinh thái 41

LÊ DOÃN TÁ - Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I góp phần tích cực vào sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng cán bộ 44

DOÃN HUÊ - Ea phê, một điểm sáng ở Tây nguyên 47

Sinh hoạt tư tưởng

HOÀI ANH - Thói đời ghen ghét (Thư tâm sự) 50

Đọc sách

DƯƠNG TÙNG - "Bi kịch nhỏ", tập truyện ngắn của Lê Minh Khuê 52

Thế giới : Vấn đề, sự kiện

TRẦN TRỌNG - Kinh tế thế giới - Cục diện cạnh tranh và xu thế 55

Qua sách báo nước ngoài

Phòng ngừa và chống tham nhũng ở một số nước 59

Tìm hiểu khái niệm

Kinh tế thị trường và cơ chế thị trường 61

Bìa 1 : Đêm Hồ Gươm
Ảnh : TRẦN SƠN

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Dây nói : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Буй Тхиен Нго - Хорошо осуществлять работу хранения общественного порядка и безопасности. **Чан Дык Лыонг** - главные проблемы в программе социально-экономического развития деревни. **Нгуен Ван Ты** - Деятельность Профсоюзов Вьетнама в условиях рыночной экономики. **Ле Минь** - Хорошо усвоить партийную установку в отношении религии в настоящей обстановке. *** Освобождение женщин - главная цель и содержание в деле обновления • *Исследование - Обмен мнениями* * **Чинь Зан** - Что такое за реалистический социализм (по случаю чтения книги "Реалистический социализм: кризис, обновление и тенденции развития"). **До Тхэ Тунг** - Обзор процесса обновления мышления и партийной теории по развитию товарной экономики. **Ле Ши Зыок** - Первые соображения по административной реформе. **Нгуен Ван Тху** - Технологическая революция - Испытания, шансы и заплаченная за то цена • *Мир: Проблемы, факты* * **Чан Чонг** - Экономика мира - Общая обстановка конкуренции и её тенденции.

CONTENTS

Bui Thien Ngo - Keeping social order and security well. **Tran Duc Luong** - Some key points in the programme of developing economy and society in the country. **Nguyen Van Tu** - The activities of the Vietnamese Trade Unions in the condition of the market - orientated economy. **Le Minh** - Grasping the Party's viewpoint on the work of religion in the present situation., * * * Women's Liberation - an important target and content of the cause of renovation • *Research and Exchange* * **Trinh Dan** - What is real socialism? (on reading the book "Real Socialism: Crisis, Renovation and Developing Tendency). Do The Tung - In retrospect of the process of ideological and theoretical renovation of our Party on the development of the market-orientated economy. **Le Si Duoc** - Some initial reflections on the administrative renovation. **Nguyen Van Thu** - The technological revolution - challenge, opportunity and cost. • *The World: Its Problems and Facts* * **Tran Trong** - World economy - Some competitive aspects and trends.

SOMMAIRE

Bùi Thiện Ngộ - Bien maintenir l'ordre et la sécurité sociales. **Trần Đức Lương** - Quelques problèmes fondamentaux du programme de développement économique et social dans les régions rurales. **Nguyễn Văn Tư** - Les activités syndicales du Vietnam dans les conditions de l'économie de marché. **Lê Minh** - Bien saisir la politique religieuse du Parti dans la situation actuelle. * * * L'émancipation de la femme - objectif et contenu importants de l'œuvre de renouveau. • *Etudes - Echanges* * **Trịnh Dân** - Qu'est-ce que c'est le socialisme réaliste ? (en lisant "le Socialisme réaliste : crise, rénovation et tendance de développement). **Đỗ Thế Tùng** - Regards rétrospectifs sur le processus de la rénovation de la pensée et la théorie de notre Parti sur le développement de l'économie des marchandises. **Lê Sĩ Dược** - Premières réflexions sur la réforme de l'administration. **Nguyễn Văn Thư** - La révolution technologique - défi, opportunité et co ût. • *Le Monde : Problèmes, événements* * **Trần Trọng** - l'économie mondiale - l'état de la concurrence et tendances.

SUMARIO

Bùi Thiện Ngộ - Realizar bien el trabajo de mantenimiento del orden y la seguridad sociales. **Trần Đức Lương** - Algunos problemas principales en el programa del desarrollo económico-social del campo. **Nguyễn Văn Tư** - Actividades de los Sindicatos vietnamitas en la condición económica de mercado. **Lê Minh** - Dominar bien el punto de vista del Partido sobre el trabajo de religión en la situación actual. * * * Emancipación de la mujer - un objeto y contenido de importancia de la obra de renovación • *Estudios - Intercambios* * **Trịnh Dân** - ? Qué es el socialismo realista? (a propósito de lectura del libro : El socialismo realista : crisis, renovación y tendencia de desarrollo. **Đỗ Thế Tùng** - Un vistazo del proceso de la renovación ideológica y teórica de nuestro Partido sobre el desarrollo de la economía mercantil. **Lê Sĩ Dược** - Reflexiones iniciales sobre la reforma administrativa. **Nguyễn Văn Thư** - La revolución tecnológica - retos, oportunidades y precios a pagar. • *El Mundo : Problemas y acontecimientos* * Trần Trọng - La economía mundial - competencia y tendencia.

目錄

裴善悟・做好維護社會秩序和治安的工作. 陳德良・在農村經際社會發展計劃中的一些主要問題. 阮文思・越南工會在市場經濟條件的活動. 黎明・牢固掌握我党在目前形勢下有關宗教觀點工作★★★革開放事業中的一個重要目標和內容—解放婦女.● 研究與交換★鄭超・現實主義社會是甚麼?(閱讀《現實主義社會》: 危機、革新和發展趨一書). 杜世松・回顧党的革新思維及党關于商品經濟發展之理論. 士躍・有關行政改革之初步考慮. 阮文舒・工藝革命—挑戰、時機及所付之代價● 世界: 問題與事件★陳仲・世界經濟—競爭局面和趨勢。

Digitized by Google

LÀM TỐT CÔNG TÁC GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI

BÙI THIỆN NGỘ*

TRONG bối cảnh quốc tế và khu vực có những diễn biến phức tạp, nước ta chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhiệm vụ giữ gìn trật tự an toàn xã hội có vị trí và ý nghĩa hết sức quan trọng đối với toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Trật tự an toàn xã hội là *hệ thống các quan hệ xã hội được hình thành và điều chỉnh bởi hệ thống các quy phạm pháp luật của nhà nước, quy phạm đạo đức, thuần phong mỹ tục trong đời sống cộng đồng của một dân tộc, một quốc gia, nhờ đó, mọi công dân sống và lao động có tổ chức, có kỷ cương, mọi lợi ích chính đáng được bảo đảm không bị xâm hại.*

Cuộc đấu tranh giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở nước ta bao gồm các nội dung chủ yếu : *chống tội phạm, giữ gìn trật tự nơi công cộng, phòng ngừa tai nạn, bài trừ tệ nạn xã hội, chống ô nhiễm môi trường* nhằm bảo đảm hoạt động bình thường, yên ổn, hợp pháp của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và mọi công dân.

Trong những năm qua, tuy chúng ta đã cố gắng làm cho tình hình trật tự an toàn xã hội không xấu đi, song tình hình diễn biến tội phạm, tệ nạn xã hội, các hiện tượng vi phạm pháp luật vẫn xảy ra nghiêm trọng và phức tạp. Mức độ hoạt động tội phạm ở nước ta có sự tăng, giảm qua từng năm, nhưng nhìn chung có xu hướng gia tăng cả về tính chất phức tạp và số vụ xảy ra cùng với sự thay đổi về cơ cấu tội phạm. Trong năm 1992, ở nước ta cứ 100000 dân có 122 người phạm tội. Trung bình một ngày phát hiện 178 vụ phạm tội. Nếu so với một số nước trên thế giới và ở khu vực Đông Nam Á thì tội phạm ở nước ta vào mức trung bình. Tuy nhiên, hoạt động tội phạm ở nước ta đã bước đầu mang tính quốc tế khá phức tạp. Nhiều loại tội phạm mới xuất hiện như buôn lậu xuyên quốc gia, bạc giả quốc tế, buôn bán phụ nữ ra nước ngoài, không tặc, giết người thuê, tham nhũng quốc tế...

Về âm mưu và thủ đoạn, hoạt động phạm tội vừa tinh vi, vừa táo bạo, trắng trợn như dùng vũ khí nóng để giết người, cướp của, cưỡng đoạt tài sản ban ngày, trên các tuyến giao thông và chống lại quyết liệt công an khi bị truy bắt. Các hoạt động tham nhũng, buôn lậu đã liên kết chặt chẽ dưới dạng phạm tội có tổ chức, gây thiệt hại nghiêm trọng về kinh tế - xã hội. Gần đây, một số tổ chức, công ty tư nhân nước ngoài và một số người trong giới Việt kiều lợi dụng chính sách mở cửa đầu tư để lừa đảo, làm ăn phi pháp.

Về địa bàn tội phạm, tập trung chủ yếu ở các thành phố, thị xã. Chỉ tính riêng số vụ tội phạm ở 4 thành phố Hà nội, Hải phòng, Thành phố Hồ Chí Minh và Quảng nam - Đà nẵng đã chiếm 40% tổng số vụ tội phạm trong cả nước. Những năm gần đây, lợi dụng chính sách mở cửa của nhà nước, hoạt động tội phạm diễn ra nhiều trên các tuyến biển, hàng không quốc tế, tuyến biên giới Việt nam - Trung quốc, Việt nam - Cam-pu-chia.

Về đối tượng phạm tội, ở các tội phạm nghiêm trọng như cướp, giết người cướp của, cưỡng đoạt, chủ yếu là đo bọn lưu manh chuyên nghiệp, những tên đang bị truy nã, trốn tù, có nhiều tiền án, tiền sự gây ra. Hơn 70% đối tượng phạm tội ở lứa tuổi 18 - 30. Số vị thành niên phạm tội hàng năm chiếm từ 8 đến 10% tổng số đối tượng phạm tội. Những năm gần đây, do tệ tham nhũng, buôn lậu phát triển, số cán bộ, công nhân viên nhà nước phạm tội đang có xu hướng tăng lên.

Cùng với tội phạm, tệ nạn xã hội hiện nay phát triển khá phức tạp, có nơi, có lúc nghiêm trọng, đặc biệt là các tệ nạn : mại dâm, nghiện ma túy, cờ bạc. Địa bàn tệ nạn xã hội (ma túy, mại dâm) tập trung chủ yếu ở các thành phố, thị xã và miền núi ; phương thức thủ đoạn hoạt động của các loại tệ nạn xã hội cũng ngày càng tinh vi xảo quyệt, có tổ chức khá chặt chẽ. Nếu như trước đây nạn mại dâm hành nghề phổ biến ở nơi công cộng thì ngày nay mại dâm hành nghề phổ biến ở nhiều

* Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ nội vụ

Digitized by Google

khách sạn, vũ trường, nhà khách, cơ sở chứa trọ, nhà hàng, quán cà phê, "mát xa", tắm hơi... có chủ chứa, kẻ dẫn dắt, vệ sĩ bảo vệ gái bán dâm, có phân chia lợi nhuận. Một số đường dây mại dâm phát hiện ở thành phố Hồ Chí Minh gần đây cho thấy tệ mại dâm đã phát triển thành dạng tội phạm có tổ chức trên phạm vi nhiều tỉnh. Về nạn nghiện ma túy, nếu trước đây phổ biến là hình thức hút, thì hiện nay khá đa dạng : hút, chích, uống. Giữa bọn chủ chứa nghiện hút, vệ sĩ bảo vệ, con nghiện, cũng có quy ước chặt chẽ ở dạng tội phạm có tổ chức. Đây là một trong những con đường lây truyền vi rút HIV và bệnh SIDA. Tệ nạn xã hội đã và đang là một vấn đề xã hội nhức nhối, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển nhân cách và sức khỏe con người, cả ngày nay và mai sau. Nó đã và đang phá vỡ nền đạo đức truyền thống, phá vỡ sự ổn định gia đình, làm hư hỏng lớp thanh niên mới lớn, là nguồn bổ sung và là mảnh đất phát sinh tội phạm.

Cùng với sự phức tạp của tội phạm và tệ nạn xã hội, những năm gần đây tình hình tranh chấp, khiếu kiện, đông người gây rối trật tự xã hội, chống người thi hành công vụ, lấn chiếm hè phố, lòng đường, xây dựng trái phép, vi phạm trật tự giao thông, vi phạm quy tắc an toàn cháy nổ... đã xảy ra rất nghiêm trọng, ảnh hưởng đến ổn định và an toàn xã hội, phát triển sản xuất, tính mạng, sức khỏe và tài sản nhân dân.

Sự phức tạp của tình hình trật tự an toàn xã hội ở nước ta do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là những nguyên nhân sau :

- Do tác động mặt trái của cơ chế thị trường, cộng với sự thiếu kinh nghiệm quản lý kinh tế, xã hội, chủ trương, chính sách, pháp luật chưa theo kịp với tình hình, lại có nhiều kẽ hở nên đã tạo điều kiện cho hoạt động tội phạm, tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật. Sự xuống cấp nghiêm trọng của hàng loạt vấn đề xã hội ở tầm quốc gia như thiếu việc làm, đặc biệt là trong thanh niên, sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội, hiện tượng thất học và mù chữ gia tăng, sự xuống cấp về đạo đức, nếp sống văn hóa...

- Ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài xâm nhập vào trong nước trong điều kiện mở cửa : tội phạm, tệ nạn xã hội, văn hóa đồi trụy, phản động, kích động bạo lực, bệnh SIDA v.v..Những thế lực thù địch ra sức lợi dụng, khai thác những khó khăn của ta để làm nghiêm trọng thêm tình hình trật tự an toàn xã hội.

- Công tác đấu tranh giữ gìn trật tự an toàn xã hội của các cơ quan nhà nước không đồng bộ, hữu khuynh, đặc biệt trong xử lý tội phạm và giải quyết tệ nạn xã hội, lập lại trật tự đô thị.

*

Giữ gìn trật tự an toàn xã hội, giải quyết tội phạm và tệ nạn xã hội, các vi phạm pháp luật là một cuộc đấu tranh lâu dài đòi hỏi phải kiên trì sử dụng đồng bộ các biện pháp pháp luật, kinh tế, xã hội, giáo dục... Trong tình hình mới, chúng ta cần thực hiện một số vấn đề cơ bản sau đây :

1 - Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, tính tích cực cách mạng của khối đoàn kết toàn dân, nêu cao vai trò của các ngành trong bộ máy nhà nước trong đấu tranh giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Tình hình trật tự an toàn xã hội liên quan trực tiếp và thường xuyên đến cuộc sống bình thường của mọi thành viên trong xã hội. Vì vậy, sự nghiệp bảo vệ, giữ gìn trật tự an toàn xã hội là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Phải tổ chức vận động thành phong trào cách mạng của quần chúng xây dựng thế trận an ninh nhân dân, phòng chống tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội, chống các vi phạm pháp luật, tự bảo vệ cuộc sống yên vui, lành mạnh của toàn dân và hạnh phúc của chính mình. Thực tế nhiều địa phương đã cho thấy, khi quần chúng tự đứng lên bảo vệ an ninh, trật tự, thì đó là lực lượng đáng sợ nhất đối với bọn tội phạm và tệ nạn xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Khi nhân dân giúp đỡ ta nhiều thì thành công nhiều, giúp đỡ ta ít thì thành công ít, giúp đỡ ta hoàn toàn thì ta thắng lợi hoàn toàn" (1).

Song, lực lượng nhân dân chỉ trở thành sức mạnh to lớn và được phát huy cao độ khi có sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý trực tiếp của Nhà nước. Đó là nguyên tắc chỉ đạo cơ bản nhất, quan trọng nhất, bảo đảm cho thắng lợi của sự nghiệp giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Các cấp ủy đảng cần theo dõi chặt chẽ tình hình trật tự an toàn xã hội, định kỳ nghe báo cáo và cho ý kiến chỉ đạo về công tác này, coi trọng việc giáo dục đảng viên gương mẫu chấp hành chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương cần nêu cao vai trò quản lý điều hành trực tiếp đối với công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội, phát huy tính tiên phong, xung kích của ngành

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1986, t6, tr122

Digitized by Google

công an trong đấu tranh phòng chống tội phạm, bài trừ các tệ nạn xã hội, phòng ngừa và ngăn chặn các vi phạm pháp luật. Nhưng chỉ một mình ngành công an thì không thể làm hết được những công việc như : truy bắt gái mại dâm, dẹp các quán cà phê "đèn mờ", bắt các ổ chiếu phim đồi trụy, phá dỡ nhà xây dựng trái phép, dẹp lòng, lề đường... Cần xác định rõ và thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của các ngành trong bộ máy nhà nước, các đoàn thể xã hội trong nhiệm vụ giữ gìn trật tự an toàn xã hội theo tinh thần Chỉ thị 135/HĐBT, tránh tình trạng khoán trắng công tác phòng chống tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội cho ngành công an. Ví như ngành văn hóa có trách nhiệm bài trừ văn hóa đồi trụy, độc hại, lối sống sa đọa ; ngành lao động - thương binh và xã hội có trách nhiệm tạo việc làm cho thanh niên, thực hiện đúng chính sách thương binh, liệt sĩ ; ngành giáo dục và các đoàn thể quần chúng có trách nhiệm giáo dục thanh niên, thiếu niên, hòa giải các mâu thuẫn trong gia đình, thôn xóm... Ở đây, vai trò các tổ chức quần chúng rất quan trọng, và nếu được phát huy thì đem lại hiệu quả rất lớn.

2 - Tiếp tục đổi mới các chính sách kinh tế - xã hội để góp phần giải quyết các "điểm nóng" xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội.

Trong sự nghiệp giữ gìn trật tự an toàn xã hội, các chính sách kinh tế - xã hội có vị trí quan trọng. Đại hội VII của Đảng nêu rõ : sự ổn định và phát triển mọi mặt của đời sống xã hội là nền tảng vững chắc của an ninh quốc gia, và có an ninh quốc gia vững chắc mới có điều kiện ổn định, phát triển đất nước về mọi mặt. Trật tự, an toàn xã hội, một mặt quan trọng của an ninh quốc gia, cũng chịu tác động trực tiếp, thường xuyên của thực trạng kinh tế, xã hội. Những chính sách xã hội, chính sách kinh tế đúng đắn và sự thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách đó chắc chắn sẽ góp phần hạn chế, làm giảm tội phạm, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật. Cần tiếp tục đổi mới và thực hiện thật tốt các chính sách như giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, trợ giúp xã hội đối với người có nhiều thiệt thòi và rủi ro trong cuộc sống, chính sách đối với thanh niên, chính sách đối với miền núi và dân tộc, chính sách giáo dục, chính sách y tế, thực hiện nghiêm luật đất đai để giải quyết các "điểm nóng"...

3 - Tích cực phòng ngừa, chủ động tiến công, tiến công kiên quyết và liên tục chống bọn tội phạm, các tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật.

Thực tiễn cuộc đấu tranh giữ gìn trật tự an toàn xã hội ở nước ta cho thấy, phải thực hiện tốt hai mặt *phòng ngừa* tội phạm và *tiến công* tội phạm, trong đó phòng ngừa là cơ bản. Tội phạm, tệ nạn xã hội là hiện tượng xã hội, nên phải dùng biện pháp phòng ngừa toàn xã hội để ngăn chặn và đẩy lùi chúng.

Phòng ngừa xã hội làm giảm phát sinh tội phạm, nó có nội dung rất rộng và bao gồm nhiều biện pháp : các biện pháp kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục ; các biện pháp tổ chức - hành chính trong hệ thống phòng ngừa xã hội đối với tội phạm ; các biện pháp phát hiện và điều tra tội phạm, xét xử tội phạm tại tòa án ; các biện pháp thi hành và cải tạo, giáo dục người phạm tội... Phòng ngừa tội phạm còn thể hiện ở chỗ khi tội phạm đã xảy ra thì phải tìm mọi cách hạn chế tác hại, không để tội phạm tái diễn gây tội ác cho xã hội.

Đi đôi với tích cực phòng ngừa, phải *liên tục, chủ động và kiên quyết tiến công tội phạm, tệ nạn xã hội*. Thực hiện Chỉ thị 15 của Bộ Chính trị, Quyết định 01 và 114/TTg của Thủ tướng chính phủ về tăng cường chống tham nhũng, chống buôn lậu, thực hiện Nghị quyết 05 và 06 của Chính phủ về chống mại dâm, chống ma túy, trong bất kỳ tình huống nào, lực lượng cảnh sát nhân dân cũng phải kiên trì tư tưởng tiến công, trấn áp mạnh mẽ, liên tục các loại tội phạm, từ tội phạm hình sự đến tội phạm kinh tế, mà trọng tâm là chống tham nhũng, chống buôn lậu, chống cướp có vũ trang, trộm cắp theo ổ nhóm, chống mại dâm, chống nghiện ma túy, tạo đà để phát huy mạnh mẽ phong trào quần chúng tích cực tham gia phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm ổn định an ninh trật tự. Chúng ta cần làm tốt công tác phối hợp với tổ chức cảnh sát hình sự quốc tế (Interpol) và cơ quan cảnh sát các nước láng giềng trong truy bắt, xử lý, dẫn độ các tội phạm quốc tế.

Quá trình tiến công tội phạm cũng là quá trình *kết hợp tốt* giữa *trấn áp* với *tổ chức xây dựng*, giữa *nghiêm trị* với *khoan hồng*, theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong tiến công tội phạm, cần tập trung lực lượng trừng trị bọn đầu sỏ, những tên trùm băng cướp, những tên côn đồ hung hãn, bọn tham nhũng, buôn lậu, lừa đảo lớn, nhưng cũng cần khoan hồng với những người phạm tội ra tự thú, hối cải, lập công chuộc tội.

4 - Tiếp tục đổi mới chính sách đối với phạm nhân, nâng cao chất lượng công tác giáo dục,

Digitized by Google

cải tạo người phạm tội bằng nhiều hình thức, giúp họ nhanh chóng tái hòa nhập với cộng đồng xã hội.

Chính sách giáo dục cải tạo người phạm tội là một bộ phận quan trọng trong chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Đối với những người phạm tội phải vào tù, cần đối xử nhân đạo, thực hiện những quyền mà họ còn được hưởng, nhất là các quyền con người. Bên cạnh việc phạm nhân phải chấp hành các quy định nghiêm ngặt của luật pháp thi hành án phạt tù, họ cần được "giáo dục lại" bằng học nghề, học văn hóa, lao động sản xuất, gặp gỡ gia đình và người thân, hoạt động văn hóa nghệ thuật. Nhà nước cần xã hội hóa công tác giáo dục cải tạo phạm nhân, xây dựng chương trình quốc gia dạy nghề cho phạm nhân khi còn ở tù và giới thiệu việc làm cho họ sau khi ra tù. Ngân sách của chương trình này do nhà nước cấp. Trước mắt, thực hiện chương trình giáo dục văn hóa phổ cập cấp I cho phạm nhân.

Giáo dục cải tạo phạm nhân là một hoạt động đòi hỏi phải có sự nỗ lực chung với ý thức trách nhiệm đầy đủ của các ngành, các cấp, của các gia đình phạm nhân, của toàn xã hội. Đây là các điều kiện không thể thiếu được để thực hiện mục tiêu giáo dục cải tạo, biến người phạm tội trở thành công dân lương thiện.

5 - Xây dựng chương trình quốc gia và mở rộng quan hệ quốc tế về phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

Để giải quyết vấn đề tội phạm, tệ nạn xã hội, nhà nước cần có các chương trình quốc gia về chống tội phạm và chống tệ nạn xã hội, trong đó xác định hệ thống quan điểm, chủ trương và biện pháp giải quyết ; đồng thời, có đầu tư thỏa đáng từ ngân sách nhà nước cho các chương trình đó. Là các chương trình xã hội trọng điểm của quốc gia chống tội phạm và chống tệ nạn xã hội, các chương trình này phải nhằm đạt được mục tiêu cơ bản là giảm dần, đi đến loại trừ tội phạm, tệ nạn xã hội ra khỏi đời sống xã hội, bảo đảm sự ổn định và phát triển kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

Ngày nay, vấn đề đấu tranh phòng chống tội phạm và bài trừ các tệ nạn xã hội đã trở thành vấn đề toàn cầu, và đang là vấn đề nan giải của nhiều quốc gia. Liên hợp quốc và các tổ chức quốc tế đã có các chương trình phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy, bài trừ các tệ nạn xã hội trên phạm vi toàn cầu và khu vực. Cần thiết phải mở rộng quan hệ quốc tế, tham khảo kinh nghiệm giải quyết tội phạm, tệ nạn xã hội của các nước, nhất là những nước gần ta.

6 - Xây dựng lực lượng cảnh sát nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh để làm tròn nhiệm vụ xung kích trên mặt trận đấu tranh giữ vững trật tự an toàn xã hội.

Trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ trật tự an toàn xã hội, cảnh sát nhân dân là lực lượng xung kích, nòng cốt. Để đấu tranh có hiệu quả hơn nữa chống tội phạm, đặc biệt là chống tham nhũng, chống buôn lậu và bài trừ các tệ nạn xã hội, lực lượng cảnh sát nhân dân cần tiếp tục đổi mới phương thức, biện pháp đấu tranh, kiên trì phát động quần chúng, phối hợp chặt chẽ với các ngành và đoàn thể xã hội làm tốt công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Đồng thời, cần tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp công tác quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội.

Cũng như các lực lượng khác của công an nhân dân, cảnh sát nhân dân là một lực lượng vũ trang chiến đấu, một đội quân chính trị, một cơ quan thừa hành và bảo vệ pháp luật, nhưng lại phải thường xuyên và trực tiếp giải quyết những vấn đề về trật tự, an toàn trong phố phường, trong thôn xóm và đến cả từng gia đình, có liên quan đến quyền lợi thiết thân của mọi người và từng người. Vì vậy, lực lượng cảnh sát nhân dân phải không ngừng rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, nâng cao năng lực chiến đấu, tích cực đấu tranh chống các hành vi tiêu cực trong nội bộ ; kiên quyết loại trừ những phần tử thoái hóa, biến chất, tham nhũng, buôn lậu, nhũng nhiễu, ức hiếp quần chúng, đi đôi với biểu dương, khen thưởng kịp thời những cán bộ, chiến sĩ liêm khiết, dũng cảm, xả thân vì sự nghiệp ; không ngừng học tập rèn luyện nâng cao trình độ về chính trị, nghiệp vụ, pháp luật, khoa học kỹ thuật, võ thuật. Cần tăng cường trang bị cơ sở vật chất, phương tiện, vũ khí, kỹ thuật hiện đại cho cảnh sát nhân dân để đáp ứng được yêu cầu chiến đấu trong tình hình mới. Cải thiện, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, chiến sĩ cảnh sát nhân dân, trước hết cho những người đang trực tiếp đấu tranh chống tội phạm hình sự, chống tham nhũng, chống buôn lậu, bài trừ các tệ nạn xã hội.

Vì sự ổn định và phát triển của đất nước, phát huy truyền thống vẻ vang, lực lượng cảnh sát nhân dân Việt nam phải được củng cố thật sự trong sạch, vững mạnh để xứng đáng là lực lượng nòng cốt, đội quân xung kích trên mặt trận đấu tranh bảo vệ trật tự, an toàn xã hội.

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỦ YẾU TRONG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN

*TRẦN ĐỨC LƯƠNG**

NGHỊ quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VII) đã đề ra những phương hướng và giải pháp cơ bản "Về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn". Đây là một nghị quyết rất quan trọng có tính chiến lược lâu dài. Việc tổ chức thực hiện đòi hỏi phải kiên quyết, khẩn trương, với hệ thống các giải pháp đồng bộ và có sự kiểm tra chặt chẽ. Các ngành, các cấp cần tập trung chỉ đạo từng việc, từng bước cho phù hợp với tình hình thực tế ở mỗi địa phương. Chú ý lường trước những cách làm và khuynh hướng không đúng để kịp thời uốn nắn, bảo đảm tạo bước phát triển mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, cần tập trung làm tốt mấy vấn đề chủ yếu sau đây :

1 - Đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn trong kế hoạch nhà nước năm 1994 - 1995 và trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

Từ nay, trong việc xây dựng định hướng kế hoạch nhà nước đối với phát triển kinh tế nông thôn, phải *rất coi trọng chỉ tiêu tổng giá trị nông sản hàng hóa trên phạm vi toàn quốc, từng địa phương và trên từng đơn vị diện tích* ; bố trí chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng : giảm tỷ trọng giá trị sản phẩm lương thực, tăng tỷ trọng giá trị sản phẩm cây công nghiệp, rau quả, chăn nuôi ; đưa tốc độ tăng trưởng về chỉ tiêu giá trị cao hơn tốc độ tăng trưởng về sản lượng. Thực hiện triệt để và nhất quán việc bảo vệ, khoanh nuôi rừng tự nhiên và rừng có khả năng tái sinh, gắn với việc giải quyết căn bản vấn đề định canh định cư, ổn định và cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng núi cao. Phấn đấu đến năm 2000 phủ xanh 7 triệu ha đất trống, đồi núi trọc ; tăng tỷ trọng và giá trị sản lượng đánh bắt ngoài khơi và nuôi trồng thủy sản ; phát triển công nghiệp nông thôn, dịch vụ, tăng nhanh tỷ trọng của những ngành này, phấn đấu sau năm 2000 đạt cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ trong kinh tế nông thôn là 50/25/25. Phát triển các ngành nghề truyền thống, sử dụng nhiều lao động để làm ra sản phẩm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, từng bước chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang các ngành nghề khác, cung cấp lao động cho các khu công nghiệp, dành lao động thỏa đáng cho việc thực hiện khai hoang, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc. Từ nay đến năm 1995, hướng tới việc thay đổi cơ cấu lao động nông nghiệp và phi nông nghiệp tại nông thôn từ 80/20 thành 70/30.

Kế hoạch kinh tế - xã hội trong những năm sắp tới phải bố trí tương xứng về cơ cấu đầu tư, cung ứng vốn, với hệ thống các chính sách đòn bẩy nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc dịch chuyển cơ cấu theo hướng nói trên. Có như vậy mới có thể tiếp tục giải phóng sức sản xuất, mở rộng các ngành nghề, tạo ra nhiều công ăn việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống vật chất, văn hóa của nông dân, từng bước xóa đói giảm nghèo ở nông thôn.

2 - Phát huy các thành phần kinh tế trong nông nghiệp.

Thực tiễn của quá trình đổi mới càng khẳng

* Phó thủ tướng Chính phủ

Digitized by Google

định tác động to lớn của chính sách kinh tế nhiều thành phần và cần thiết phải tiếp tục phát huy các thành phần kinh tế trong nông nghiệp.

Thứ nhất, *tiếp tục đổi mới kinh tế hợp tác xã*, hoàn thành việc tổng kết về tình hình biến động của các hợp tác xã từ khi thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ chính trị, đặc biệt là tổng kết các mô hình hợp tác xã tiên tiến ; xây dựng được đề án giải pháp xử lý đối với từng loại hợp tác xã, hướng dẫn các hợp tác xã đổi mới phương thức hoạt động, chuyển sang làm dịch vụ, hướng dẫn sản xuất, chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ cho kinh tế hộ phát triển ; lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác xã, có năng lực tổ chức kinh doanh năng động theo cơ chế thị trường, đưa số hợp tác xã tiên tiến hiện nay từ 12% lên 20%. Những hợp tác xã chỉ tồn tại trên hình thức, không chuyển đổi được, thì chủ động chuyển sang các hình thức kinh tế hợp tác thích hợp.

Tổ chức rút kinh nghiệm về các loại hình kinh tế hợp tác mới xuất hiện ở nông thôn để hướng dẫn, giúp đỡ các hợp tác xã đó hoạt động đúng hướng và có hiệu quả ; khuyến khích mở rộng các hình thức hợp tác này theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, cùng có lợi ở các vùng, trước hết ở những nơi hợp tác xã và tập đoàn sản xuất chỉ còn là hình thức, làm cho các hình thức kinh tế hợp tác gắn liền với lợi ích và phát huy được vai trò kinh tế hộ ở nông thôn trong cơ chế thị trường.

Để tạo được sự đổi mới căn bản các hợp tác xã trên các vùng của đất nước, Chính phủ sẽ ban hành nghị định về đổi mới tổ chức và quản lý hợp tác xã nông nghiệp.

Thứ hai, *tiếp tục phát huy vai trò kinh tế hộ ở nông thôn*, làm cho hộ xã viên thật sự là đơn vị kinh tế tự chủ ; khuyến khích và tạo điều kiện để hộ nông dân làm giàu và trở thành hộ sản xuất hàng hóa gắn liền với cuộc vận động thực hiện chương trình đồng bộ có mục tiêu về xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu đến năm 1995 về cơ bản xóa hộ đói, đưa số hộ nghèo xuống dưới 10%. Khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế hộ nông thôn phát triển theo hướng "ai giỏi nghề gì, làm nghề ấy" và *mở rộng quy mô kinh doanh của các hộ sản xuất nông nghiệp.*

Tổ chức thực hiện tốt luật đất đai và luật thuế sử dụng đất nông nghiệp ; khẩn trương cụ thể hóa các văn bản dưới luật để các luật sớm đi vào cuộc sống, tạo ra động lực mới cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Tổ chức phát triển tín dụng trong nông thôn, bảo đảm cho mỗi hộ nông dân cần vay vốn đều được vay để phát triển sản xuất ; đưa số hộ nông dân được vay vốn từ 17% - 18% năm 1992 lên 50% trong năm 1993 và phấn đấu đạt tỉ lệ cao hơn nữa trong những năm tiếp theo ; đồng thời, mỗi năm tăng mức tín dụng lên gấp đôi. Bảo đảm phần lớn số hộ nghèo được vay vốn và có chính sách lãi suất ưu đãi đối với một số địa bàn có khó khăn đặc biệt ; tăng mức vốn ngân sách, ưu tiên dành một phần vốn vay nước ngoài hoặc vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế cho ngân hàng nông nghiệp để tăng tỷ trọng cho vay trung hạn và dài hạn từ 15% lên 30% - 40% trong những năm tới.

Tổng kết rút kinh nghiệm hình thức hợp tác xã tín dụng nông thôn ở 14 tỉnh để năm 1994 mở rộng ra các tỉnh, nhằm huy động nguồn vốn ngay từ trong nông dân để cho nông dân vay.

Thực hiện chính sách bảo hộ giá nông sản và bảo hiểm sản xuất nông nghiệp. Cần tổ chức thực hiện tốt việc lập quỹ bình ổn giá theo hướng điều tiết lợi nhuận siêu ngạch từ một số loại vật tư hàng hóa xuất nhập khẩu để trợ giá cho một số nông sản như lúa, gạo, cà phê, cao su, bông, lạc, mía đường, v.v.. Đây là những hàng hóa thường có nhiều biến động về giá cả, có khi giá xuống quá thấp, bất lợi cho người sản xuất. Hàng năm nhà nước dành một phần ngân sách cho quỹ bình ổn giá, từng bước hình thành cơ chế các tổ chức chế biến, kinh doanh vật tư nông sản có đóng góp một phần vào quỹ bình ổn giá, và có cơ chế quản lý quỹ này có hiệu quả ; đồng thời, cho làm thí điểm các hình thức bảo hiểm sản xuất.

Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học, ứng dụng các thành tựu mới nhất về sinh học và công nghệ sinh học vào phát triển nông nghiệp, nông thôn và đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất của các hộ nông dân. Trong hai năm 1993 và 1994, hoàn thành việc sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ, tập

Digitized by Google

trung xây dựng ở mỗi ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản một viện khoa học đủ sức đảm nhiệm các nhiệm vụ trọng điểm.

Ban hành một số chính sách khuyến khích đối với cán bộ làm công tác nghiên cứu khoa học nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, và đãi ngộ thỏa đáng tài năng của họ.

Thứ ba, *đổi mới các doanh nghiệp nông nghiệp nhà nước.*

Các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp nhà nước phải chuyển hẳn sang hoạt động dịch vụ, chuyển giao kỹ thuật, tổ chức chế biến và tiêu thụ sản phẩm, phát huy vai trò trung tâm công nghiệp dịch vụ, nhất là công nghiệp chế biến, trung tâm khoa học kỹ thuật, trung tâm văn hóa - xã hội cho các thành phần kinh tế và dân cư trên địa bàn. Thực hiện rộng rãi việc khoán hộ và thực hiện ngay việc giao đất ổn định lâu dài cho hộ thành viên và hộ nông dân ngoài doanh nghiệp ; hoàn thành trong năm 1993 việc giao số diện tích đất không sử dụng hết hoặc sử dụng không có hiệu quả cho địa phương để giao cho dân sử dụng. Chỉ đạo chặt chẽ việc mở rộng thí điểm hình thức bán vườn cây (tùy theo tính chất, đặc điểm từng loại cây và từng vùng) của doanh nghiệp cho các hộ thành viên và các hộ nông dân theo phương thức trả tiền ngay hoặc trả dần, nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả của vườn cây, doanh nghiệp thu hồi vốn sớm để tái đầu tư khai hoang mở rộng diện tích mới. Tổ chức lại hoạt động của ngành lâm nghiệp, chú trọng nhiệm vụ trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng.

Các doanh nghiệp công nghiệp phục vụ nông nghiệp phải sử dụng có hiệu quả năng lực hiện có, sản xuất và cung cấp công cụ cải tiến, công cụ thông thường với chất lượng cao cho thị trường nông thôn ; sản xuất và đưa ra phục vụ sản xuất các loại máy động lực, máy công tác, máy chế biến nông sản có quy mô nhỏ và vừa, thích hợp với việc sử dụng trong các hộ và nhóm hộ ở nông thôn. Các doanh nghiệp công nghiệp chế biến của nhà nước có trách nhiệm phát triển vùng nguyên liệu ổn định lâu dài ; bảo đảm lợi ích của người sản xuất ở vùng nguyên liệu và lợi ích của nhà máy ; đổi mới một bước công nghệ chế biến, đưa nhanh công nghệ tiên tiến vào sản xuất nhằm nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và thị hiếu tiêu dùng của thị trường nước ngoài.

3 - Giải quyết tốt vấn đề thị trường tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư cho nông nghiệp.

Xây dựng và đầu tư thích đáng cho công tác dự báo thị trường, bao gồm cả thị trường trong nước và thị trường ngoài nước, cả thị trường tiêu thụ nông sản và thị trường kinh doanh vật tư, dịch vụ cho nông nghiệp và nông thôn ; đồng thời, mở rộng và tăng cường công tác thông tin kinh tế, đặc biệt là thông tin thị trường, giá cả cho nông dân để tăng thêm khả năng tiếp thị của các hộ kinh doanh, bảo đảm cho các hộ, các tổ chức kinh tế hoạch định được kế hoạch sản xuất và tiêu thụ được sản phẩm thích ứng với thị trường.

Bên cạnh việc mở rộng lưu thông hàng hóa với nhiều thành phần kinh tế tham gia, xóa bỏ cấm chợ ngăn sông, làm thông suốt thị trường trong cả nước, cần chấn chỉnh lại hệ thống thương nghiệp quốc doanh phục vụ nông thôn theo hướng : thương nghiệp quốc doanh phải có mạng lưới xuyên suốt đến thị trường nông thôn, nắm bán buôn, mở rộng đại lý bán lẻ, đủ sức chi phối thị trường nông thôn. Cần sắp xếp lại hệ thống thương nghiệp quốc doanh, kể cả xuất nhập khẩu, khắc phục tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong các đơn vị quốc doanh, ép giá nông dân ; thiết lập quan hệ hợp lý giữa quốc doanh, hợp tác xã và hộ nông dân.

Phát triển mạnh các hợp tác xã mua bán do nông dân tự nguyện lập ra, hình thành mạng lưới lưu thông trao đổi hàng hóa giữa nông thôn và thành thị, ngăn chặn nạn đầu cơ tích trữ, làm hàng giả, buôn bán gian lận, nhằm bảo vệ lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng. Khuyến khích hình thành các tụ điểm công nghiệp, thương mại dịch vụ ở nông thôn ; phát triển chợ nông thôn, nhất là các chợ miền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đưa hàng đến tay người tiêu dùng, nhất là ở các vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

Đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Một mặt, phải duy trì và phát triển quan hệ thương mại với các thị trường truyền thống (các

Digitized by Google

nước thuộc Liên xô và Đông Âu trước đây) ; mặt khác, phải ra sức đổi mới công nghệ sản xuất, chế biến, nâng cao chất lượng hàng hóa để có thể mở rộng quan hệ thương mại với các nước khác, nhất là với các nước Đông - Nam Á, Trung Đông và Bắc Phi. Thiết lập các mối quan hệ hợp tác với các tổ chức thương mại quốc tế và các nước, tranh thủ viện trợ và giúp đỡ quốc tế về vốn đầu tư vào nông nghiệp, công nghệ mới và thị trường xuất khẩu nông - lâm - hải sản.

4 - Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản và công nghiệp nông thôn.

Từ nay đến năm 1995 phải tạo được chuyển biến rõ nét về công nghiệp chế biến nông, lâm, hải sản và công nghiệp nông thôn. *Trước hết*, phải gắn quá trình đổi mới công nghệ và trang bị công nghệ mới với việc bố trí, sắp xếp lại hệ thống chế biến nông, lâm, hải sản. Các khâu công nghệ chế biến (sơ chế và tinh chế), bảo quản, có thể tổ chức với quy mô nhỏ, thích hợp với kinh tế hộ, liên hộ ; hợp tác xã có trách nhiệm giúp đỡ, hướng dẫn và chuyển giao công nghệ cho nông dân, tổ chức chế biến tại nông thôn. Những khâu chế biến (nhất là tinh chế) đòi hỏi kỹ thuật cao, trang thiết bị và công nghệ cần nhiều vốn, thì khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế bỏ vốn đầu tư. Tùy theo lợi thế so sánh mà các cơ sở này có thể đặt tại vùng nguyên liệu, tại nơi có thị trường tiêu thụ lớn hoặc tại nơi có cơ sở hạ tầng thuận lợi. *Hai là*, cùng với việc đưa công nghiệp chế biến nhỏ và vừa về nông thôn, phải từng bước phát triển công nghiệp nông thôn đa dạng, khôi phục và hiện đại hóa các nghề truyền thống, mở mang nghề mới, phục vụ thiết thực cho sản xuất, đời sống và xuất khẩu. *Ba là*, khuyến khích phát triển các ngành dịch vụ phù hợp với yêu cầu phát triển nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp chế biến, công nghiệp nông thôn theo hướng đa dạng hóa, và phù hợp với nhu cầu đời sống hằng ngày không ngừng được nâng lên.

Theo hướng trên, đến năm 1995 công nghiệp nông thôn nước ta sẽ được phát triển rộng rãi ở các vùng, hình thành ba nhóm chính : nhóm chế biến, nhóm ngành nghề truyền thống, cơ khí, và nhóm dịch vụ.

Ngoài việc hướng dẫn, chỉ đạo phát triển chung các ngành nông l âm, ngư nghiệp và công nghiệp thực phẩm, cần chỉ đạo một số mô hình ở cấp xã về phân công lao động, phát triển mạnh chế biến và công nghiệp nông thôn, nhanh chóng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, bảo đảm cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ theo tỷ lệ 50/25/25, để rút kinh nghiệm về bước đi và đề xuất với nhà nước các chính sách thích hợp.

5 - Đẩy mạnh phát triển thủy lợi và xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.

a - *Xây dựng hệ thống thủy lợi* nhằm đảm bảo phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trên tất cả các vùng, gìn giữ và phát triển môi trường sinh thái bền vững. Từng bước nâng cao mức độ vững chắc của hệ thống đê biển chủ yếu, đê sông Hồng và các sông lớn vùng Bắc Trung bộ, bảo vệ an toàn trước thiên tai lụt, bão. Nghiên cứu đề xuất những giải pháp hợp lý tiến tới cải thiện môi trường sống ở các vùng ngập lụt thuộc đồng bằng sông Cửu long. Xây dựng quỹ dự phòng chống lụt bão từ trung ương đến địa phương. Về thủy lợi phí, cần điều chỉnh theo giá mới để các xí nghiệp thủy nông có thể tự trang trải mọi chi phí và sửa chữa.

b - *Xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn.* Kết cấu hạ tầng nông thôn có vai trò quyết định đối với việc phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất và giao lưu hàng hóa phát triển, tạo ra bộ mặt mới cho nông thôn và nông nghiệp, bao gồm các lĩnh vực : phát triển giao thông nông thôn ; đổi mới quy hoạch và xây dựng nông thôn mới gắn với cơ chế thị trường nhằm thúc đẩy kinh tế - xã hội của từng vùng ; giải quyết nước sạch cho nông thôn ; cung cấp điện cho phát triển sản xuất và sinh hoạt của nhân dân ; từng bước xây dựng hệ thống thông tin liên lạc phục vụ sản xuất và đời sống.

Phấn đấu tới năm 1995 xây dựng đường ô tô đến tất cả các huyện, đường từ huyện đến các cụm dân cư tập trung, và làm đường dân sinh cho xe hai bánh, xe ngựa đi được ở các vùng núi cao, hiểm trở ; đưa điện về các xã thuộc đồng bằng Bắc bộ, ven biển miền Trung, Nam bộ, một số xã miền núi và Tây nguyên ; trang bị điện thoại đến cấp xã hoặc hệ thống liên lạc vô tuyến cho các xã

Digitized by Google

vùng cao, hải đảo. Đến năm 2000, về cơ bản các xã trong cả nước phải có điện phục vụ cho sản xuất và đời sống.

6 - Thực hiện các chính sách xã hội.

Bên cạnh các chủ trương và giải pháp phát triển kinh tế, Nghị quyết Trung ương 5 nhấn mạnh đến các chính sách xã hội ở nông thôn, góp phần làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh. Từ nay đến năm 1995, cần tập trung :

- Chỉ đạo thực hiện có kết quả chương trình "xóa đói giảm nghèo". Hiện nay cả nước có khoảng 0,9 triệu hộ với 4,4 triệu người thuộc diện đói nghèo, trong đó đại bộ phận là ở nông thôn với gần 77 vạn hộ, 3,7 triệu người. Thực trạng này vừa là hậu quả vừa là nguyên nhân của các tệ nạn xã hội (ăn xin, xì ke ma túy, trộm cắp, mãi dâm...) mà Chính phủ đã có những chương trình cụ thể về tổ chức và đầu tư ngân sách để ngăn chặn. Vấn đề chủ yếu là phải tiếp tục đẩy mạnh và phát triển sản xuất, nhất là ở những vùng khó khăn, tạo nên công ăn việc làm, có chính sách trợ giúp thích đáng để các hộ nghèo có thể vươn lên làm ăn bằng chính sức lao động của họ. Trong hai năm tới, cố gắng giải quyết việc làm cho 1,6 - 1,8 triệu lao động, chủ yếu là cho lực lượng thanh niên đến tuổi lao động, bằng cách tạo việc làm tại chỗ, thông qua các dự án nhỏ, tiếp tục chương trình phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, mở rộng các cơ sở dạy nghề, giới thiệu và tạo việc làm cho người tái định cư, khai thông việc xuất khẩu lao động v.v.. Nhà nước cần chỉ đạo, hướng dẫn và khuyến khích sự giúp đỡ của cộng đồng, phát huy truyền thống "lá lành đùm lá rách", hình thành các tổ chức, các quỹ từ thiện, quỹ hỗ trợ sản xuất, quỹ xóa đói giảm nghèo ở từng địa phương, kết hợp giữa các hình thức tự nguyện của nội bộ nông dân với sự hỗ trợ của nhà nước và các tổ chức quốc tế. Ban hành pháp lệnh về gia đình và những người có công với nước, gia đình thương binh liệt sĩ, để thực hiện thống nhất trong cả nước.

- Thực hiện sâu rộng và có hiệu quả chương trình quốc gia về dân số và kế hoạch hóa gia đình. Phấn đấu đến năm 1995 hoàn thành căn bản xây dựng mạng lưới các trung tâm kế hoạch hóa gia đình liên xã và các trung tâm bảo vệ sức khỏe bà mẹ - trẻ em, thực hiện biện pháp lồng ghép dịch vụ kế hoạch hóa gia đình và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, đặc biệt quan tâm đến vùng núi, vùng dân tộc, vùng sâu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, phấn đấu giảm tỷ lệ sinh đẻ ở nông thôn xuống dưới 1,7%. Phát triển hệ thống y tế, giáo dục và hệ thống nghe nhìn ở nông thôn theo chương trình đề án của Nhà nước. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình chống các tệ nạn xã hội ở nông thôn, trước hết là nạn nghiện hút, gái mãi dâm và SIDA.

7 - Xây dựng chính quyền ở nông thôn và đào tạo cán bộ cho nông thôn.

Việc đổi mới và phát triển toàn diện kinh tế xã hội nông thôn gắn bó hữu cơ với việc đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền trong hệ thống chính trị ở nông thôn, tích cực đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cơ sở. Từ nay đến năm 1995, cần tập trung củng cố bộ máy chính quyền cấp xã, huyện, các tổ chức quần chúng ở nông thôn. Xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức ở huyện, xã, thôn ; vị trí các thôn, ấp, bản. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý nhà nước ở các cấp, cán bộ quản lý sản xuất kinh doanh ở các cơ sở kinh tế nông thôn. Chương trình và nội dung đào tạo phải được biên soạn thống nhất và phù hợp với từng đối tượng. Có chính sách đãi ngộ đối với cán bộ hoạt động trên địa bàn nông thôn, đặc biệt đối với vùng trung du, miền núi.

Để Nghị quyết Trung ương 5 thực sự đi vào cuộc sống, cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc tổ chức quán triệt các quan điểm, mục tiêu, phương hướng và giải pháp như đã nêu trong Nghị quyết ; đồng thời, nắm vững chương trình hành động của Chính phủ để xây dựng tốt chương trình hành động của ngành và địa phương mình. Phối hợp hoạt động giữa các ngành, phát huy sức mạnh tổng hợp của các tổ chức đoàn thể và tinh thần hăng hái lao động sáng tạo của nông dân nhằm tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ và có hiệu quả trong nông nghiệp và nông thôn.

Digitized by Google

HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN VIỆT NAM TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

NGUYỄN VĂN TƯ *

THỬ THÁCH, NIỀM TIN VÀ BÀI HỌC BAN ĐẦU

1 - Ở nước ta mới bắt đầu chuyển sang kinh tế thị trường nhưng tác động tích cực và tiêu cực của nó vào đời sống và phong trào công nhân, công đoàn thật mạnh mẽ. Giai cấp công nhân có nhiều biến đổi quan trọng về cơ cấu, tư tưởng, tâm lý và phong cách lao động.

Việc sắp xếp lại sản xuất đã khiến cho trên sáu chục vạn công nhân, lao động trong khu vực quốc doanh phải nghỉ việc, và một số lượng tương tự không đủ việc làm thường xuyên, nên đời sống của họ hết sức khó khăn. Nhìn chung, điều kiện lao động còn kém, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp tăng, nhất là ở khu vực sản xuất tư nhân. Đã xảy ra hàng chục cuộc đình công với yêu sách kinh tế và dân chủ ở khu vực tư doanh và liên doanh với nước ngoài. Tâm trạng chung của công nhân, lao động là lo việc làm, lo con cái hư hỏng, lo ốm đau không đủ tiền chạy chữa, lo an ninh không bảo đảm. Họ cũng rất bất bình với tệ tham nhũng lan tràn.

Kinh tế quốc doanh đổi mới cơ chế quản lý làm cho công đoàn Việt nam tự nhiên giảm hàng triệu đoàn viên (do họ phải rời khỏi dây chuyền sản xuất), trong khi đó số lao động ngoài quốc doanh được thu hút vào công đoàn chỉ khoảng 5%. Ở khu vực này chỉ khoảng 10% các cơ sở kinh tế có tổ chức công đoàn. Giữa các mục tiêu việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội, còn có khoảng cách rất xa. Luật công đoàn đã được ban hành, nhưng chưa đi vào cuộc sống. Cuộc vận động xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh hầu như chỉ được tiến hành ở những cơ sở quốc doanh còn làm ăn được.

Trong cơ chế thị trường, điều kiện và môi trường hoạt động của công đoàn rõ ràng không còn như trước nữa. Công đoàn đang đứng trước những thử thách lớn.

2 - Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt nam (khóa VI) mở ra một bước mới cho hoạt động công đoàn Việt nam, khẳng định niềm tin và hướng đi lên của công đoàn trong điều kiện kinh tế thị trường. Ban chấp hành đã thống nhất và nhận thức sâu sắc hơn về các chức năng của công đoàn, coi chức năng trung tâm của công đoàn là bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của công nhân, lao động, đồng thời không coi nhẹ các chức năng tham gia quản lý và giáo dục, vận động công nhân, lao động. Trên nền nhận thức đó, lại được các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết 8b của Trung ương Đảng (khóa VI) định hướng, công đoàn Việt nam đã cố gắng vượt lên những thử thách của cơ chế thị trường, giữ vững vai trò lịch sử của mình đối với đất nước và xã hội.

Khẳng định niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và nhất trí cao với đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng, công đoàn các cấp đã thuyết phục, vận động công nhân, lao động thực hiện có hiệu quả chủ trương sắp xếp lại sản xuất, chăm lo giải quyết việc làm. Các cơ sở kinh tế quốc doanh đã mở hội nghị công nhân viên chức bàn việc chuyển hướng sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các hoạt động dịch vụ, khuyến khích mọi người góp vốn, khai thác vật tư, tìm việc làm, tìm thị trường. Phong trào lao động sáng tạo, bảo đảm chất lượng và hiệu quả, được duy trì và phát triển. 5 năm qua đã có 7 390 người được tặng bằng lao động sáng tạo và hàng chục vạn người đạt tiêu chuẩn lao động giỏi.

Bên cạnh việc tích cực đề xuất ý kiến và tham gia với Nhà nước ban hành kịp thời các chính sách xã hội đối với người lao động, Tổng liên đoàn lao động Việt nam đã phát động, khuyến khích các cơ sở sáng tạo nhiều hình thức hoạt động giúp đỡ người lao động tìm kiếm việc làm, giảm bớt khó khăn như : lập văn phòng tư vấn pháp luật, lập trung tâm xúc tiến việc làm, lập quỹ tương trợ, quỹ hỗ trợ tài năng, quỹ giải quyết việc làm... Công đoàn các cấp đã tích cực hướng dẫn công nhân, lao động ở các cơ sở ngoài quốc doanh ký thỏa ước tập thể với giới chủ, giải quyết tốt các xung đột và tranh chấp giữa công nhân, lao động với giới chủ. Các hoạt động về dân số, kế hoạch hóa gia đình, về bảo

* Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng liên đoàn LĐVN

Digitized by Google

hiểm xã hội, chẳng những được giữ vững mà còn có những bước phát triển mới. Để bảo vệ lợi ích người lao động, Ban thư ký Tổng liên đoàn lao động đã tập hợp ý kiến rộng rãi trong công nhân, lao động tham gia xây dựng Hiến pháp, luật công đoàn và nhiều luật và pháp lệnh khác (như luật về đầu tư, về công ty, về doanh nghiệp tư nhân, về thuế, về hợp đồng lao động, về bảo hộ lao động, về bảo hiểm y tế, pháp lệnh về thanh tra nhân dân, về nhà ở...). Đặc biệt, công đoàn đã kiến nghị kịp thời việc thực hiện chế độ phụ cấp trượt giá tiền lương, trợ cấp khó khăn, tham gia xây dựng các đề án cải cách tiền lương, cải cách bảo hiểm xã hội...

Công đoàn đã đổi mới công tác giáo dục, vận động công nhân theo hướng chủ động, sáng tạo, tự giác từ cơ sở. Các hình thức câu lạc bộ theo giới, theo sở thích và theo chuyên đề, được đẩy mạnh. Các phương tiện truyền thông trong hệ thống công đoàn từ trung ương đến cơ sở (như báo, tạp chí, phát thanh và truyền hình, nhà xuất bản) đã nâng cao chất lượng hoạt động. Các cuộc sinh hoạt tư tưởng với các chủ đề như "Phát huy truyền thống 60 năm công đoàn Việt nam", "Theo con đường Bác Hồ đã chọn", các đợt thảo luận về dự thảo Cương lĩnh của Đảng, về dự thảo Hiến pháp 1992, về dự thảo luật công đoàn... đã thu hút hàng triệu lượt đoàn viên tham gia. Hình thức liên kết văn hóa thể thao giữa các cụm công đoàn khu vực (như Tây nguyên, Nam Trung bộ, Tây Nam bộ...) đã ra đời và hoạt động có hiệu quả. Công tác lý luận công đoàn và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn hoạt động công đoàn đã được chú ý hơn trước.

Công tác đoàn viên công đoàn và công tác cán bộ đã có bước chuyển tích cực. Bên cạnh lực lượng đoàn viên công đoàn thuộc khu vực nhà nước, đến nay đã tổ chức được 180 công đoàn cơ sở, 42 nghiệp đoàn và trên 300 hội lao động, thu hút 110 000 lao động ở khu vực ngoài quốc doanh. Trên cơ sở thống nhất về mô hình và tổ chức, mối quan hệ phối hợp giữa công đoàn ngành và liên đoàn lao động địa phương ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả. Đội ngũ cán bộ được sắp xếp lại ; 30% cán bộ chuyên trách có trình độ đại học chuyên ngành, 20% có trình độ cao cấp và 40% có trình độ trung cấp về lý luận chính trị và nghiệp vụ công đoàn. Đã và đang xuất hiện nhiều cán bộ công đoàn không chuyên trách ở cơ sở là những người trẻ, khỏe, hăng hái hoạt động.

Những trăn trở, tìm tòi và hoạt động tích cực, chủ động của cả hệ thống công đoàn trong thời gian qua khẳng định công đoàn đã có bước trưởng thành rất quan trọng trong công cuộc đổi mới của đất nước. Tuy nhiên, công đoàn vẫn còn nhiều biểu hiện hụt hẫng, yếu kém và bất cập trước tình hình mới.

Vốn hoạt động lâu trong cơ chế bao cấp, trước diễn biến phức tạp của cơ chế thị trường, công đoàn lúng túng, bị động trong việc thiết kế các chương trình hoạt động cụ thể để thực hiện mục tiêu : "việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội". Đối với các nhiệm vụ bảo vệ lợi ích người lao động, tham gia quản lý nhà nước và quản lý kinh tế, công đoàn còn thụ động. Trong các hoạt động xã hội, bước tiến của công đoàn còn chậm chạp. Mặt khác, công đoàn vẫn chưa làm tốt chức năng giáo dục, vận động lôi cuốn đông đảo công nhân, lao động hưởng ứng các phong trào hành động cách mạng. Việc tập hợp người lao động vào tổ chức công đoàn thuộc các thành phần kinh tế cũng làm chưa tốt. Công tác cán bộ chưa được chú ý đúng mức và toàn diện.

3 - Từ những thành tựu và tồn tại, bước đầu có thể rút ra một số kết luận :

Càng tiến sâu vào công cuộc đổi mới, hoạt động của công đoàn càng không thể tách rời sự lãnh đạo của Đảng, mọi hoạt động của công đoàn phải nhằm phục vụ đường lối chính trị của Đảng. Càng chuyển sang kinh tế thị trường, các tổ chức công đoàn càng phải vững vàng và kiên định lập trường giai cấp công nhân.

Lợi ích của giai cấp công nhân không tách rời lợi ích của đất nước, của dân tộc. Công đoàn phải coi bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của công nhân, lao động là chức năng trung tâm ; đồng thời phải làm tốt chức năng tham gia quản lý, giáo dục, vận động công nhân lao động tích cực góp phần phát triển kinh tế, giữ vững sự ổn định chính trị.

Để có thể tập hợp được đông đảo công nhân, lao động trong các thành phần kinh tế, công đoàn phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giải thích về luật và điều lệ công đoàn ; tăng cường các hoạt động xã hội và có nhiều hình thức tổ chức phù hợp với đặc điểm nghề nghiệp, đáp ứng những lợi ích thiết thân của công nhân, lao động.

Chú trọng hướng dẫn, kiểm tra, tổng kết thực tiễn, tạo được sự phối hợp, cộng tác, ủng hộ của các cơ quan nhà nước và các chủ doanh nghiệp theo luật định, thì các nghị quyết mới đi vào cuộc sống, nâng cao được hiệu quả hoạt động của công đoàn.

Cán bộ là nhân tố quyết định. Có xây dựng được một đội ngũ cán bộ công đoàn có tri thức về xã hội, về kinh tế thị trường, am hiểu chính sách và luật pháp, thẳng thắn đấu tranh và được quần chúng tin cậy, thì công đoàn mới có thể thực hiện tốt vai trò và chức năng của mình.

VỮNG BƯỚC TIẾN LÊN

1 - Môi trường hoạt động mới của công đoàn có những đặc điểm là :

Digitized by Google

- Rất nhiều hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh của nhiều thành phần kinh tế cùng hoạt động đan xen. Người lao động vừa là người làm thuê, lại vừa là người làm chủ (tuy có nơi vẫn là hình thức). Người lao động di chuyển ngày càng nhiều và thường xuyên hơn. Họ càng ngày càng có ý thức về lợi ích riêng, lợi ích thiết thân của mình. Một bộ phận công nhân, lao động không còn là "vô sản" nữa. Họ vẫn làm công ăn lương, nhưng đã là chủ nhân của những cổ phần, có sở hữu về tư liệu sản xuất. Xuất hiện sự cạnh tranh giữa các nhóm công nhân. Xuất hiện mâu thuẫn giữa người quản lý và người lao động trực tiếp sản xuất, giữa người lao động và người sử dụng lao động.

- Hạch toán kinh doanh không cho phép hội họp trong giờ sản xuất. Bản thân người lao động còn rất ít thời gian nhàn rỗi ngoài giờ sản xuất, trong khi đó nhu cầu được thông tin lại tăng gấp nhiều lần.

- Nhu cầu liên kết người lao động với nhau theo nghề nghiệp ngày càng tăng, dẫn tới sự ra đời của các nghiệp đoàn... Khu dân cư sẽ tách dần khỏi khu sản xuất, dẫn tới nhu cầu tập hợp người lao động theo khu vực dân cư... Trong điều kiện kinh tế thị trường, các phong trào tự phát của quần chúng nhiều khi sôi động và lan nhanh, bởi vậy công đoàn không thể thờ ơ, đứng ngoài.

2 - Hoạt động trong hoàn cảnh mới như vậy, công đoàn Việt nam không thể để mất bản chất và truyền thống vốn có của mình. Khi mới ra đời, công đoàn trước hết là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp do công nhân lao động tự nguyện liên kết tổ chức để cùng nhau bảo vệ, phấn đấu cho lợi ích chung của họ. Khi phát triển và cho tới ngày nay, công đoàn trở thành một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp tập hợp người lao động phấn đấu vì quyền và lợi ích hợp pháp, thiết thân của công nhân, lao động. Lợi ích của công nhân, lao động bao gồm lợi ích thiết thực hằng ngày và lợi ích cơ bản lâu dài. Công đoàn Việt nam do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo. Công đoàn không phải là một tổ chức phường hội chỉ biết đấu tranh cho lợi ích cục bộ, trước mắt ; mục tiêu *cơ bản, lâu dài* và thiêng liêng của công đoàn Việt nam là ra sức phấn đấu góp phần xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, công đoàn Việt nam có *hai* tính chất cơ bản : tính quần chúng rộng rãi và tính giai cấp công nhân.

Biểu hiện rõ nhất của tính quần chúng là ở chỗ công đoàn là tổ chức liên kết tự nguyện của công nhân lao động trong các thành phần kinh tế. Vì vậy, mọi nội dung hoạt động của công đoàn phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, từ lợi ích của đông đảo công nhân, lao động. Mọi phương thức hoạt động của công đoàn phải thu hút được đông đảo công nhân, lao động tham gia. Nói cách khác, công đoàn phải *từ* người lao động, *vì* người lao động và *do* người lao động.

Biểu hiện rõ nhất của tính giai cấp công nhân là ở định hướng hoạt động, định hướng tổ chức của công đoàn. Dù có tập hợp rộng rãi đến đâu, công đoàn vẫn là tổ chức của công nhân ; lao động là những người lấy sức lao động (trí óc và chân tay) làm nguồn sống chính. Tuy phải nhằm thỏa mãn nhu cầu và lợi ích đa dạng của các tầng lớp lao động, song mọi hoạt động của công đoàn phải phù hợp với lợi ích cơ bản và lâu dài của giai cấp công nhân và dân tộc.

Hai tính chất của công đoàn có quan hệ hữu cơ với nhau, cái này làm tiền đề cho cái kia, trong đó tính quần chúng là *cơ sở*, còn tính giai cấp là *định hướng* cho việc xây dựng tổ chức và hoạt động công đoàn.

Trong hệ thống chính trị, công đoàn là một thành viên, là một tổ chức hợp pháp, bình đẳng, và có chỗ đứng xứng đáng trong xã hội. Về pháp lý, quyền và trách nhiệm của công đoàn đã được ghi trong Hiến pháp năm 1992, trong Luật công đoàn năm 1990 và trong các văn bản pháp luật khác. Còn về lực của công đoàn, thì đó là sự tập hợp đông đảo công nhân, lao động ; là năng lực hoạt động thực tiễn ; là sự tin cậy, gắn bó của công nhân, lao động với công đoàn ; là sự tín nhiệm của đảng cầm quyền, của nhà nước và của xã hội đối với công đoàn.

Với tư cách là *tổ chức đại diện, phối hợp công tác với các cơ quan nhà nước*, công đoàn chú ý tới việc xây dựng và thực hiện các chính sách kinh tế, các chế độ lao động liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi người lao động, đồng thời *giám sát* việc thực hiện các chính sách, chế độ đó.

Đặt dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, công đoàn phản ánh, đề đạt trung thành tâm tư, nguyện vọng người lao động với Đảng để Đảng chế định chính sách cho đúng. Mặt khác, công đoàn đưa đường lối chính sách của đảng vào phong trào công nhân, lao động, và biến nó thành hiện thực. Do vậy, công đoàn phải luôn giữ vững vai trò là *sợi dây liên hệ giữa công nhân, lao động với Đảng*.

Vai trò của công đoàn chỉ được phát huy khi các chức năng của công đoàn được thực hiện đầy đủ trong tất cả các thành phần kinh tế. Chuyển sang kinh tế thị trường càng đòi hỏi công đoàn phải biểu hiện sâu sắc hơn, sáng tạo hơn các chức năng đó của mình :

- Công đoàn đại diện và bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động ;

- Công đoàn đại diện và tổ chức người lao động

Digitized by Google

tham gia quản lý cơ quan, đơn vị, tổ chức, quản lý kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước ;

- Công đoàn có trách nhiệm tổ chức giáo dục, động viên người lao động phát huy vai trò làm chủ đất nước, thực hiện nghĩa vụ công dân, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa.

Chức năng bảo vệ quyền và lợi ích là chức năng trung tâm, bởi lẽ người lao động vào công đoàn trước hết và chủ yếu là để được chăm lo về đời sống, được bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của họ, rồi sau đó mới đến các vấn đề khác.

3 - Trên nền những nhận thức sâu sắc về công đoàn trong điều kiện kinh tế thị trường, công đoàn Việt nam đã bước đầu xây dựng được một chiến lược hoạt động thích hợp. Mục tiêu của chiến lược đó không ngoài mục tiêu chính trị, kinh tế của Đảng, nhưng nó được cụ thể hóa phù hợp với đặc điểm, tính chất của hoạt động công đoàn. Mục tiêu đó là đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của công đoàn để góp phần vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, chăm lo và bảo vệ lợi ích của công nhân, lao động.

Để mục tiêu đó biến thành hiện thực, toàn bộ hoạt động của hệ thống công đoàn sẽ được đổi mới theo các hướng sau :

Lấy người đoàn viên làm trung tâm, thắt chặt mối quan hệ giữa công đoàn và đoàn viên, coi trọng sự tự nguyện của đoàn viên, coi việc bảo vệ, đáp ứng nhu cầu, lợi ích chính đáng của đoàn viên là động lực gắn bó công đoàn với đoàn viên.

Đa dạng hóa các hình thức tập hợp công đoàn. Đổi mới mô hình tổ chức công đoàn, bảo đảm nó là một tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp với nguyên tắc tự nguyện, tập trung dân chủ. Cố gắng mô hình hóa nhiệm vụ, chức năng của công đoàn. Xây dựng một tiêu chí mới về cán bộ công đoàn ; cán bộ công đoàn phải là nhà hoạt động xã hội thông thạo các vấn đề của ngành nghề, từ quần chúng trưởng thành lên, có bản lĩnh chính trị vững vàng, gắn bó với lợi ích quần chúng và trở thành "thủ lĩnh" của quần chúng.

4 - Trong những năm tới, để tiếp tục hoạt động có hiệu quả trong điều kiện kinh tế thị trường, công đoàn các cấp các ngành có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây :

- Động viên công nhân, lao động phát huy mọi tiềm năng sáng tạo, góp phần phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần. Với chức năng và lợi thế của mình, công đoàn động viên công nhân, lao động phát huy khả năng sáng tạo, góp phần làm cho kinh tế quốc doanh thực hiện được vai trò chủ đạo và chức năng công cụ quản lý vĩ mô của nhà nước. Công đoàn tham gia với nhà nước tạo mọi điều kiện và môi trường cho các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh cùng phát triển. Tăng cường vận động công nhân, lao động phát huy vai trò nòng cốt trong khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức, tích cực góp phần phát triển nông nghiệp, nông thôn mới.

- Đề cao việc chăm lo, bảo vệ lợi ích của công nhân, lao động bằng việc làm thiết thực như tích cực tham gia với nhà nước xây dựng các luật và chính sách liên quan đến người lao động. Tăng cường vai trò kiểm tra của công nhân ; tuyên truyền để công nhân, lao động nắm vững pháp luật. Chủ động tham gia cùng nhà nước giải quyết việc làm cho người lao động. Các công đoàn cơ sở làm tốt việc ký thỏa ước lao động tập thể với các chủ doanh nghiệp, giám sát việc thực hiện các thỏa ước đó. Phát hiện và kịp thời kiến nghị giải quyết các mâu thuẫn và tranh chấp về lợi ích giữa người lao động và chủ doanh nghiệp. Phối hợp với các cấp chính quyền thực hiện nghiêm pháp lệnh bảo hộ lao động, và thực hiện tốt trách nhiệm của công đoàn trong hội đồng quản trị quỹ bảo hiểm xã hội. Tăng cường các hoạt động xã hội của công đoàn nhằm thực hiện tốt chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình, hình thành các quỹ đoàn kết tương trợ, quỹ hỗ trợ tài năng để giúp nhau vượt qua các khó khăn, rủi ro.

- Phát động công nhân, lao động đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu. Tích cực góp phần xây dựng Đảng và chính quyền vững mạnh.

- Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục, góp phần xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, đi đầu trong công cuộc đổi mới.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao năng lực và bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ công đoàn. Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của công đoàn. Đa dạng hóa các hình thức tập hợp đoàn viên. Tuyên truyền phát triển đoàn viên ở tất cả các loại hình kinh tế. Chú trọng chỉ đạo và đổi mới các hoạt động công đoàn cơ sở. Dân chủ lựa chọn một đội ngũ cán bộ công đoàn có năng lực hoạt động xã hội và bản lĩnh chính trị vững vàng. Bồi dưỡng và tích cực đào tạo để có được một hệ thống cán bộ đáp ứng yêu cầu của phong trào. Coi trọng công tác nghiên cứu lý luận công đoàn, trước mắt là công tác tổng kết thực tiễn phong trào công nhân và công đoàn.

- Tăng cường và mở rộng hợp tác với công đoàn các nước, các tổ chức quốc tế, nhằm cùng phấn đấu cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội, vì lợi ích người lao động, vì sự lớn mạnh của tổ chức công đoàn Việt nam.

- Đẩy mạnh các hoạt động kinh tế, tạo thêm nguồn tài chính cho công đoàn.

Digitized by Google

Nắm vững quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo trong tình hình hiện nay

LÊ MINH

NHỮNG năm gần đây cùng với những đổi mới về chính sách kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã có những đổi mới về chính sách tôn giáo. Điều 70 Hiến pháp mới năm 1992 đã ghi rõ chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng tôn giáo.

Trong thực tế, nhiều tôn giáo ở các địa phương đã được đảm bảo sinh hoạt bình thường. Nhà thờ, chùa chiền, thánh thất, đền miếu ở nhiều nơi đã được tu sửa và xây mới. Việc in ấn và phát hành các loại kinh sách đã được tạo điều kiện thuận lợi. 5 đại chủng viện Thiên chúa giáo, 20 trường Phật học cơ bản và 2 trường Phật học cao cấp đang đào tạo tu sĩ, tăng tài trong cả nước. Nhà nước ta đồng ý để các tôn giáo cử các chức sắc đi đào tạo nâng cao trình độ ở nước ngoài. Các tôn giáo cũng đã cử nhiều đoàn ra nước ngoài tham dự các ngày lễ và hội nghị quốc tế ; đồng thời cũng mời đón nhiều đoàn tôn giáo các nước vào tham dự hội nghị quốc tế, hội thảo hoặc tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội. Nhiều lễ hội, nhiều ngày lễ trọng của các tôn giáo đông đến vài nghìn, vài vạn tín đồ tham dự. Đại hội III của Giáo hội Phật giáo Việt nam và Đại hội V của Hội đồng giám mục Việt nam đã công nhận và hoan nghênh việc đổi mới trong chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta.

Tất cả những điều đó đã góp phần xóa bỏ những mặc cảm, những định kiến của quá khứ, tăng cường đoàn kết các tôn giáo và đoàn kết toàn dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ở nước ta hiện nay có hơn 1/3 dân số là tín đồ các tôn giáo. Thiên chúa giáo khoảng 6 triệu, Phật giáo 10 triệu, tin lành 30 vạn, Cao đài 2,5 triệu, Hòa hảo 1,5 triệu, đạo Hồi 5 vạn và nhiều tôn giáo dân gian khác. Nếu tính cả số người có cảm tình với tôn giáo này hay tôn giáo khác, thì số người có tín ngưỡng tôn giáo ở nước ta có thể lên đến 60 - 70% dân số. Trong cách mạng và trong kháng chiến, đại đa số các tín đồ, chức sắc đều có tinh thần yêu nước, gắn bó với dân tộc, và đã góp phần to lớn cùng toàn dân trong sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, và ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Từ năm 1945 đến nay, đất nước ta đã trải qua hơn 30 năm chiến tranh liên tục - 9 năm chống thực dân Pháp và hơn 20 năm chống đế quốc Mỹ xâm lược. Trong 30 năm đó, bọn xâm lược đã tìm mọi cách lợi dụng tôn giáo để chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Nhiều nơi chúng đã biến nhà thờ, thánh thất, chùa miếu thành đồn bốt để kìm kẹp dân lành, giam giữ, tra tấn những người kháng chiến. Chúng bắt thanh niên tín đồ vào lính làm bia đỡ đạn cho chúng. Thâm độc hơn, chúng lợi dụng tôn giáo để chia rẽ khối đoàn kết dân tộc. Chúng dựng lên chuyện vô thần tiêu diệt hữu thần để gây mâu thuẫn giữa Đảng, chính quyền nhân dân với tín đồ, chức sắc các tôn giáo.

Tuy nhiên, chúng chỉ có thể lừa bịp, lôi kéo được một số nhỏ chức sắc, tín đồ không tiêu biểu theo chúng. Còn đại bộ phận tín đồ, chức sắc các tôn giáo đã cùng toàn dân chiến đấu, không nề gian khổ, hy sinh, góp phần không nhỏ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Cả hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành được thắng lợi là do công sức, xương máu của cả những người vô thần và những người hữu thần trên đất nước ta. Âm mưu của bọn đế quốc chia rẽ khối đoàn kết toàn dân, chia rẽ dân tộc với tôn giáo đã thất bại thảm hại. Các tín đồ, chức sắc các tôn giáo có quyền tự hào về sự đóng góp của mình trong thắng lợi to lớn vẻ vang của cả dân tộc.

Tuy nhiên, âm mưu đế quốc lợi dụng tôn giáo đã để lại định kiến nhất định trong nhân dân đối với các tôn giáo và để lại mặc cảm nhất định trong giáo dân đối với chính quyền nhân dân, nhất là ở những nơi quân đội xâm lược đã gây ra những vụ tàn sát khủng bố nhằm khoét sâu mâu thuẫn giữa các tôn

Digitized by Google

giáo và giữa các tôn giáo với chính quyền cách mạng.

Để xóa bỏ mặc cảm và định kiến đó, trong sự nghiệp đổi mới chính sách tôn giáo, chúng ta đã có những sự phân tích rất sâu sắc. Đảng và Nhà nước ta khẳng định rằng : ngày nay, trong điều kiện hòa bình, trước sự nghiệp đoàn kết toàn dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, tôn giáo là *nhu cầu tinh thần* của bộ phận nhân dân có đạo.

Tôn giáo là nhu cầu tinh thần, vì con người trước những bất hạnh của cuộc đời như tai nạn, nghèo đói, bệnh tật, cái chết của những người thân, thường tìm đến tôn giáo để bằng cúng lễ các đấng thiêng liêng, hy vọng có thể làm cho mình dịu đi các nỗi đau khổ, hy vọng sự cứu giúp của các đấng thần linh làm cho cuộc sống đổi thay, làm chỗ dựa tinh thần để thêm nghị lực phấn đấu vượt qua gian khổ khó khăn. Con người trước những tệ nạn còn tồn tại trong xã hội như cờ bạc, cướp của, giết người, trụy lạc, tham nhũng, hy vọng tìm đến tôn giáo, đạo đức tôn giáo, để có niềm tin vào cuộc sống cao thượng, vào những chuẩn mực đạo đức trong cuộc sống. Đối với bộ phận nhân dân có đạo, thì điều đó đã trở thành niềm tin và tình cảm cần được tôn trọng.

Đảng và Nhà nước ta cũng nêu rõ : "Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với sự nghiệp xây dựng xã hội mới". Đúng là tôn giáo nào cũng quan tâm đến việc giáo dục các tín đồ tu dưỡng đạo đức : sống trong sạch ; làm việc thiện ; không làm điều ác ; không giết người ; không dối trá ; không gian dâm ; thương yêu và giúp đỡ những người nghèo khó, hoạn nạn. Đó cũng là phẩm chất đạo đức cần thiết cho người lao động trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

Cũng có người nói, đạo đức tôn giáo chỉ khuyên người ta tu dưỡng đạo đức, thực hiện cải lương trong xã hội, không chủ trương bạo động, không dùng lực lượng quần chúng có tổ chức để chiến đấu nhằm xóa bỏ các chế độ áp bức bóc lột, để chiến đấu chống xâm lược. Đạo đức tôn giáo còn làm cho con người chỉ tin vào số mệnh mà thần thánh đã định đoạt, không tin vào sức mạnh bản thân để đấu tranh chống áp bức, bất công trong xã hội. Họ còn nói, chính vì vậy mà các tôn giáo đã xuất hiện hàng ngàn năm, vạn năm, mà không thay đổi được các chế độ xã hội xấu xa để con người vươn lên làm chủ xã hội, làm chủ cuộc sống.

Đạo đức tôn giáo tuy có những hạn chế, song đối với người lao động có đạo đang xây dựng xã hội mới mà có được những điều đạo đức như các tôn giáo nêu ra, cũng là điều tốt lành và góp phần vào hạn chế những tiêu cực, xấu xa trong xã hội.

Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta là tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Tin theo hoặc không tin theo một tôn giáo nào, là quyền tự do của mỗi công dân ; và Nhà nước của dân, do dân, vì dân tôn trọng quyền tự do đó. Nhà nước ta bảo đảm quyền bình đẳng giữa các tôn giáo, không công nhận việc một tôn giáo nào tự cho mình là chính đạo, còn cho các tôn giáo khác là tà đạo. Nhà nước ta mong muốn các tôn giáo đoàn kết ; phản đối mọi hành vi chia rẽ, xung đột tôn giáo, phá hoại đoàn kết dân tộc.

Nhà nước ta tôn trọng tự do tín ngưỡng, đấu tranh chống mọi vi phạm chính sách tự do tín ngưỡng, và chống việc lợi dụng tôn giáo vào mục đích phá hoại đoàn kết dân tộc, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nội dung công tác tôn giáo bao gồm cả việc chăm lo đến con người, đến các chức sắc, tín đồ các tôn giáo, cả về mặt vật chất và tinh thần ; làm cho các tín đồ có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc trên trần thế, và do đó, có điều kiện thuận lợi cho mọi sinh hoạt tôn giáo của họ.

Đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư Đảng ta, khi thăm chùa Trấn Quốc trong dịp tết nguyên đán Quý Dậu (1993) đã phát biểu rất sâu sắc : Lý tưởng của chúa Giê-xu là Bác Ái, lý tưởng của Đức Phật là đại Từ Bi, lý tưởng của Thánh Alla đạo Hồi và của các tôn giáo khác cũng là làm cho nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phản đối áp bức, bóc lột, bất công xã hội. Như vậy, lý tưởng của các tôn giáo cũng giống lý tưởng của chủ nghĩa xã hội ở chỗ : chống áp bức, bóc lột, bất công ; xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân. Lý tưởng của chủ nghĩa xã hội và lý tưởng của các tôn giáo không xung đột. Chức sắc, tín đồ các tôn giáo có thể yên tâm thờ cúng và xây dựng chủ nghĩa xã hội trong phong trào tốt đạo đẹp đời rộng lớn của hàng triệu tín đồ tôn giáo nước ta.

Chúng ta xây dựng nhà nước pháp quyền, mọi công dân, mọi tổ chức đều bình đẳng trước pháp luật. Cho nên, cùng với việc vận động hàng triệu tín đồ, chức sắc xây dựng xã hội mới, Nhà nước ta quản lý các tôn giáo cũng như tất cả các tổ chức khác trong xã hội bằng pháp luật. Quản lý bằng pháp luật không phải là dùng pháp luật để hạn chế các tôn giáo sinh hoạt, mà là lấy pháp luật bảo đảm cho các tôn giáo được sinh hoạt bình thường theo chính sách tự do tín ngưỡng, dùng pháp luật để hạn chế, xóa bỏ mọi vi phạm chính sách tôn giáo, cũng như lợi dụng tôn giáo để làm thiệt hại đến lợi ích quốc gia.

Digitized by Google

Đảng và Nhà nước ta đã nhiều lần tuyên bố tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng tôn giáo, bảo đảm cho chính sách tự do tín ngưỡng được thực hiện trong cuộc sống và các tôn giáo được sinh hoạt bình thường theo đúng pháp luật. Nhà nước không ngăn cấm bất cứ một tôn giáo nào trong mọi sinh hoạt hợp pháp của tôn giáo đó, mà chỉ chống lại những kẻ lợi dụng tôn giáo để phá hoại sự nghiệp đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo, phá hoại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm chăm lo đến cuộc sống, lợi ích vật chất và tinh thần của các chức sắc và tín đồ tôn giáo, giúp cho các tôn giáo tổ chức tốt phong trào tốt đạo đẹp đời, kính chúa yêu nước ; kiểm tra, đề xuất với chính quyền những vụ vi phạm chính sách tôn giáo. Đối với các tín đồ và hội viên, đoàn viên các đoàn thể cũng như đối với các chức sắc là thành viên các Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, Mặt trận và các đoàn thể tạo mọi điều kiện để họ đỡ khó khăn và có nhiều thuận lợi trong cuộc sống vật chất và sinh hoạt tôn giáo. Những chức sắc, tín đồ có công với nước cần được biểu dương, khen thưởng thỏa đáng. Mặt trận và các đoàn thể cần gần gũi, tiếp xúc, lắng nghe ý kiến nguyện vọng của các chức sắc, tín đồ các tôn giáo để phản ánh với Đảng, với chính quyền, và đáp ứng nguyện vọng thiết tha chính đáng của các tôn giáo.

Đảng và Nhà nước đang cố gắng đào tạo một đội ngũ cán bộ am hiểu về các tôn giáo và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước để giúp cho việc thực hiện chính sách tôn giáo một cách đúng đắn hơn. Hoàn thiện, bổ sung các văn bản luật và dưới luật. Kiện toàn ban tôn giáo chính quyền các cấp để thay mặt nhà nước liên hệ, làm việc với các tôn giáo, lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của các tôn giáo để đề đạt với Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể, làm cho hàng chục triệu chức sắc, tín đồ các tôn giáo yên tâm phấn khởi trong việc sinh hoạt tôn giáo bình thường và hăng hái tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam.

Đoàn kết tôn giáo, đoàn kết toàn dân, tốt đạo đẹp đời, kính Chúa yêu nước, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho toàn dân - đó là khẩu hiệu phấn đấu, là nguyện vọng thiết tha và quyết tâm sắt đá của toàn thể nhân dân Việt nam và tín đồ tôn giáo Việt nam trong giai đoạn hiện nay.

EA PHÊ ...

(Tiếp theo trang 49)

sức lao động và trình độ thâm canh của mình. Hai năm qua, Ea phê còn tiếp nhận hàng trăm hộ đồng bào ở xã Ea Yêng trước đây đến định cư. Với tinh thần "lá lành đùm lá rách", xã đã trích một phần ngân sách giúp đỡ bà con về giống, chu cấp quần áo, chăn màn... để bà con ổn định đời sống.

Đi đôi với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng và chính quyền, các đoàn thể quần chúng cũng đã phát huy vai trò tích cực trong việc thực hiện chính sách dân tộc. Phần lớn các vụ việc về tranh chấp đất đai, về mâu thuẫn trong đồng bào các dân tộc, đã được các đoàn thể quần chúng kịp thời phát hiện và giải quyết tốt. Hội phụ nữ xã đứng ra tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm giữa chị em người Kinh và chị em các dân tộc khác về các vấn đề như : giáo dục con cái ; sinh đẻ có kế hoạch ; bài trừ các hủ tục mê tín dị đoan ; chi tiêu trong gia đình thế nào cho hợp lý ; tổ chức tang lễ, cưới xin sao cho vừa phải ; hạn chế nấu rượu. Thực tế cho thấy, các buổi trao đổi như vậy rất bổ ích, đồng bào nghe hiểu và làm được, tạo nên tình đoàn kết gắn bó giữa các dân tộc cùng chung sống trên địa bàn.

Ngoài ra, Ea phê đã dành một phần khá lớn ngân sách cho các công trình phục vụ sản xuất và đời sống đồng bào các dân tộc. Các công trình giao thông, điện, hệ thống thủy lợi, trường học... (trị giá hàng trăm triệu đồng) đã làm cho xã có bộ mặt khác trước. Chính vì vậy, đồng bào các dân tộc trong xã ngày càng tin yêu cấp ủy đảng và chính quyền địa phương.

Một vấn đề nữa mà Ea phê đã chú ý giải quyết tốt là vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc, phát huy vai trò của các già làng trong công tác xã hội ; có chính sách khuyến khích, đãi ngộ thỏa đáng đối với số cán bộ tích cực công tác. Số cán bộ này, trong những năm qua, đã thực sự phát huy được vai trò của mình, nhất là trong việc quản lý, lãnh đạo các buôn dân tộc.

Nhìn chung, cấp ủy đảng và chính quyền xã Ea phê coi việc thực hiện chính sách dân tộc không chỉ là trách nhiệm, nghĩa vụ, mà còn là nhân tố để củng cố và phát huy tình cảm và tình đoàn kết dân tộc. Chính sách dân tộc ở đây không chỉ đơn thuần là chính sách xã hội nói chung. Nó còn nhằm mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Digitized by Google

GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ - một mục tiêu và nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới

CÁCH mạng xã hội chủ nghĩa nói chung và công cuộc đổi mới của nước ta hiện nay nói riêng sẽ không thể giành được thắng lợi nếu không có sự tham gia tích cực của phụ nữ. Lê-nin chỉ rõ : *"Không thể nào* bảo đảm được tự do thật sự, *không thể nào* xây dựng được ngay cả chế độ dân chủ - chứ đừng nói đến chủ nghĩa xã hội nữa - nếu không lôi cuốn được phụ nữ tham gia công tác xã hội [1]. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thường căn dặn:"Nếu không giải phóng phụ nữ là xây dựng chủ nghĩa xã hội chỉ một nửa"[2]. Gần đây, Nghị quyết 04/NQ-TW của Bộ chính trị *Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới* ra ngày 12-7-1993 đã khẳng định rằng : "Phải xem giải phóng phụ nữ là một mục tiêu và nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta".

Phụ nữ Việt nam có truyền thống lịch sử rất vẻ vang, có những tiềm năng to lớn, đồng thời là một lực lượng quan trọng của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội trong giai đoạn hiện nay. Phụ nữ vừa là người lao động, người công dân, vừa là người mẹ, người thầy đầu tiên của con người. Khả năng và điều kiện lao động, trình độ văn hóa, vị trí xã hội, đời sống vật chất và tinh thần của phụ nữ đều có ảnh hưởng to lớn và sâu sắc tới sự phát triển của thế hệ tương lai.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong những năm qua, nhất là trong những năm thực hiện công cuộc đổi mới, các tầng lớp phụ nữ nước ta đã phát huy truyền thống anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang ; đã đoàn kết, đổi mới, sáng tạo trong lao động, công tác ; đạt nhiều thành tích xuất sắc trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ; góp phần xứng đáng vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước ; làm đẹp thêm những phẩm chất cao quý của phụ nữ Việt nam. Lực lượng và khả năng của phụ nữ được Đảng ta, Nhà nước ta, chế độ tốt đẹp của chúng ta động viên, bồi dưỡng và phát huy, đã trở thành nguồn sức mạnh to lớn, một bảo đảm vô cùng quan trọng để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ cách mạng.

Những thành tích và tiến bộ nêu trên của phong trào phụ nữ đánh dấu một thành công lớn của Đảng ta trong công tác vận động quần chúng và trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ. Đó cũng là thành tích nổi bật của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam.

Tuy nhiên, chúng ta chưa thể bằng lòng với những kết quả đã đạt được. Người phụ nữ nước ta hiện nay mặc dầu đã có những bước tiến nhảy vọt so với trước, nhưng vẫn đang còn phải gánh chịu nhiều hậu quả khá nặng nề. Một bộ phận đáng kể phụ nữ không có hoặc không đủ việc làm, thu nhập thấp. Nhiều chị em còn phải làm việc trong các điều kiện nặng nhọc, độc hại. Sức khỏe của phụ nữ nói chung giảm sút. Nhiều phụ nữ (nhất là phụ nữ ở miền núi, vùng nông thôn hẻo lánh) bị mù chữ, tái mù chữ và mức hưởng thụ văn hóa, văn nghệ rất thấp. Phụ nữ còn bị phân biệt đối xử dưới nhiều hình thức và là nạn nhân của nhiều tệ nạn xã hội như mại dâm, nghiện hút, cờ bạc, mê tín, dị đoan... Công tác phụ nữ của Đảng và Nhà nước cũng đang bộc lộ nhiều thiếu sót. Chẳng hạn : còn nặng về huy động, khai thác sự đóng góp của phụ nữ mà chưa coi trọng đúng mức việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tạo điều kiện cho chị em phát triển, trưởng thành để đủ sức đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của giai đoạn cách mạng mới. Công tác vận động phụ nữ trong các thành phần kinh tế tập thể, cá thể, tư nhân, trong các dân tộc ít người, các tôn giáo và trong giới trí thức, chưa được quan tâm nghiên cứu đầy đủ để có những phương thức vận động phù hợp. Đặc biệt, chính sách đối với cán bộ nữ còn nhiều thiếu sót. Một số cán bộ nữ có phẩm chất và năng lực tốt chưa được bố trí vào các cương vị xứng đáng, chưa được bồi dưỡng, chuẩn bị để

(1) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 31, tr 57
(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 8, tr 498

Digitized by Google

bổ sung nguồn cán bộ cho Đảng và Nhà nước. Nhìn chung, đội ngũ cán bộ nữ đang bị giảm sút, nguồn cán bộ nữ đang bị hẫng hụt.

Những tồn tại trên đây đang ảnh hưởng xấu đến việc giải phóng phụ nữ và sự phát triển của phụ nữ.

Những khó khăn của phụ nữ và phong trào phụ nữ tất nhiên không tách rời những khó khăn chung của đất nước. Về mặt khách quan, phải khẳng định điều đó. Nhưng về mặt chủ quan, phải thấy rõ một số nguyên nhân cơ bản sau đây :

- Đảng ta còn chậm đổi mới công tác vận động phụ nữ ; chậm bổ sung, sửa đổi chính sách liên quan đến phụ nữ ; chưa tổ chức tốt việc thực hiện đường lối, chính sách đã đề ra về công tác phụ nữ. Trong tư tưởng chỉ đạo, có lúc, có nơi còn thỏa mãn về thành tựu giải phóng phụ nữ trên lĩnh vực chính trị, chưa nhận thức đầy đủ yêu cầu, nội dung giải phóng phụ nữ về kinh tế, xã hội. Tư tưởng phong kiến, gia trưởng, coi thường phụ nữ trong một số đảng viên, trong một bộ phận xã hội và gia đình còn khá nặng. Nhiều cấp ủy còn coi công tác phụ nữ là việc riêng của Hội phụ nữ.

- Nhà nước thiếu và chậm thể chế hóa chế độ, chính sách đối với phụ nữ.

- Hội phụ nữ chưa bao quát hết các đối tượng phụ nữ, chưa đề xuất đầy đủ và kịp thời với Đảng và Nhà nước để bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách có liên quan đến phụ nữ.

Trong giai đoạn hiện nay, *mục tiêu chủ yếu* của sự nghiệp giải phóng phụ nữ là "thiết thực cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của chị em, nâng cao vị trí xã hội của phụ nữ, thực hiện tốt nam nữ bình đẳng. Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc. Xây dựng người phụ nữ Việt nam có sức khỏe, có kiến thức, năng động, sáng tạo, biết làm giàu chính đáng, quan tâm đến lợi ích xã hội và cộng đồng, có lòng nhân hậu" [(3)]. Và, *nội dung chủ yếu* của sự nghiệp đấu tranh giải phóng phụ nữ là chống tình trạng nghèo nàn về kinh tế, chống những nhận thức, quan niệm lạc hậu, sai lầm về vấn đề phụ nữ ; là phát động phong trào phụ nữ tích cực tham gia quản lý xã hội, tham gia sản xuất, kinh doanh phù hợp với đặc điểm và sở trường của phụ nữ ; là giảm nhẹ lao động gia đình bằng công tác tổ chức đời sống một cách hợp lý ; là tích cực nâng cao trình độ chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật của chị em ; v.v..

Muốn thực hiện được mục tiêu và nội dung nêu trên, cần làm tốt một số công tác lớn sau đây :

1 - *Giải quyết việc làm, chăm lo đời sống, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo vệ sức khỏe và quyền lợi của người phụ nữ*

Hướng chính để giải quyết việc làm cho phụ nữ là có cơ chế, chính sách để tạo những điều kiện thuận lợi cho phụ nữ tự tạo việc làm. Trong chương trình tạo việc làm, phải quan tâm giải quyết việc làm, tăng thu nhập đối với phụ nữ, tăng cường đào tạo mới, đào tạo lại, nâng cao tay nghề cho phụ nữ. Các cấp chính quyền, các ngành kinh tế, các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm hỗ trợ vốn, giống, thông tin, kỹ thuật, tiêu thụ sản phẩm... nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo, sử dụng hợp lý nguồn lao động nữ.

Chăm lo cải thiện điều kiện lao động, bố trí, sử dụng lao động phù hợp với đặc điểm của phụ nữ. Tích cực cải tiến công cụ, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất, giảm nhẹ cường độ lao động cho phụ nữ. Có chế độ chăm sóc sức khỏe, chữa bệnh, nghỉ ngơi cho phụ nữ.

Xây dựng, sửa đổi và hoàn chỉnh pháp luật, chính sách xã hội có liên quan đến phụ nữ và lao động nữ (luật lao động, bảo hộ lao động, bảo hiểm xã hội, lao động nghĩa vụ công ích, chính sách đào tạo cán bộ nữ...). Khi xây dựng pháp luật và chính sách, cần đặc biệt quan tâm đến tính đặc thù của lao động nữ là phụ nữ vừa phải thực hiện chức năng lao động xã hội, vừa phải thực hiện chức năng lao động sinh đẻ, nuôi dạy con.

Có chủ trương, chính sách phù hợp đối với phụ nữ các dân tộc thiểu số, phụ nữ tôn giáo, phụ nữ nghèo, phụ nữ đơn thân, phụ nữ tàn tật.

2 - *Giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất, năng lực, nâng cao trình độ mọi mặt của phụ nữ*

Hội liên hiệp phụ nữ cần phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan hướng dẫn các cấp Hội và phụ nữ những thông tin về pháp luật, chính sách kinh tế, xã hội, những kinh nghiệm làm vợ, làm mẹ, tổ chức cuộc sống gia đình... để giúp chị em nâng cao kiến thức về mọi mặt.

---

(3) Nghị quyết của Bộ chính trị *Về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới*

Digitized by Google

Có chính sách bảo trợ để phát triển các tài năng sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, khoa học kỹ thuật... của phụ nữ. Nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật của phụ nữ.

Phấn đấu đến năm 2000 thanh toán xong nạn mù chữ cho phụ nữ, trước hết là phụ nữ trong độ tuổi quy định ; đặc biệt chú trọng xóa nạn mù chữ cho phụ nữ các dân tộc thiểu số và phụ nữ ở các vùng nông thôn xa xôi, hẻo lánh ; có biện pháp khắc phục tình trạng bỏ học của các em bé gái. Phấn đấu nâng cao tỷ lệ nữ trong đội ngũ trí thức, chuyên gia bậc cao, cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh và thợ lành nghề...

3 - *Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, hạnh phúc*

Phụ nữ giữ vai trò rất quan trọng trong xây dựng gia đình. Vì thế, cần tạo điều kiện để phụ nữ kết hợp hài hòa nghĩa vụ công dân với chức năng người mẹ trong việc xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ và các cơ quan có liên quan đưa vấn đề nghiên cứu gia đình vào chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước, thể chế hóa vấn đề gia đình thành chế độ, chính sách, tổ chức tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trong các trường học nhằm nâng cao ý thức của mọi người về nghĩa vụ gia đình.

Nhà nước bổ sung, sửa đổi luật hôn nhân và gia đình cho phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội.

4 - *Thực hiện tốt công tác cán bộ nữ*

Cần đặt vấn đề xây dựng đội ngũ cán bộ nữ thành nhiệm vụ có tính chất chiến lược trong toàn bộ công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở quy hoạch cán bộ một cách khoa học, cần có kế hoạch tạo nguồn, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, tạo điều kiện để cán bộ nữ cống hiến và trưởng thành. Phấn đấu tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong các cấp ủy đảng, cơ quan nhà nước, trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, xã hội, y tế, giáo dục, khoa học, văn hóa, nghệ thuật... Chống coi thường phụ nữ, phân biệt đối xử, khắt khe, hẹp hòi trong đánh giá, sử dụng, đề bạt cán bộ nữ.

Có chính sách sử dụng và phát huy tri thức của những nữ chuyên gia giỏi và giàu kinh nghiệm ở độ tuổi nghỉ hưu để chị em có thể tiếp tục cống hiến cho xã hội và cho phong trào phụ nữ.

5 - *Đổi mới tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của Hội liên hiệp phụ nữ*

Tiếp tục đổi mới Hội liên hiệp phụ nữ ; đa dạng hóa hình thức tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động của Hội theo lứa tuổi, ngành nghề, sở thích, vùng, miền ; gắn quyền lợi với nghĩa vụ, hướng dẫn các tầng lớp phụ nữ hoạt động theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

6 - *Tăng cường công tác phụ nữ của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội*

Các cấp ủy đảng thường xuyên chỉ đạo hoạt động của các cấp Hội phụ nữ, tạo điều kiện để Hội thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình.

Nhà nước xây dựng chương trình nghiên cứu và ban hành kịp thời pháp luật, chính sách có liên quan đến phụ nữ.

Các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội phối hợp với Hội phụ nữ tổ chức bồi dưỡng, tuyên truyền, động viên các tầng lớp phụ nữ thực hiện các phong trào hoạt động cách mạng, chăm lo đời sống, giải quyết và bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ, có chương trình đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ trong đoàn thể và tổ chức mình.

*

Trong sự nghiệp giải phóng phụ nữ, vấn đề thiết thân hơn hết vẫn là chị em phải tự vươn lên, vượt qua mọi khó khăn trở ngại, khắc phục mọi quan niệm tự ti, an phận. Đó là vấn đề không ai có thể làm thay được phụ nữ.

Với sức mạnh, sự nỗ lực và trí thông minh vốn có của phụ nữ, cộng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, sự phối hợp tích cực của các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội... chắc chắn sự nghiệp giải phóng phụ nữ ở nước ta sẽ đạt được những kết quả tốt đẹp và phụ nữ Việt nam sẽ trở thành một động lực mạnh mẽ thúc đẩy nhanh chóng tiến trình thực hiện đường lối đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến hành.

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC LÀ GÌ ?

(Nhân đọc cuốn sách *Chủ nghĩa xã hội hiện thực : khủng hoảng, đổi mới và xu hướng phát triển***)**

TRỊNH DÂN

CUỐN sách *Chủ nghĩa xã hội hiện thực : khủng hoảng, đổi mới và xu hướng phát triển* của tác giả Hoàng Chí Bảo do Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản, ra đời đúng vào lúc tất cả chúng ta đang rất quan tâm tới việc đánh giá, nhận định về chủ nghĩa xã hội hiện thực. Cuốn sách thể hiện nhiệt tình nghiên cứu, sự suy nghĩ tìm tòi tâm huyết rất đáng trân trọng của tác giả. Trong cuốn sách, tác giả nêu ra một số ý kiến để bảo vệ lý tưởng, mục tiêu xã hội chủ nghĩa, khẳng định lý tưởng xã hội chủ nghĩa "là hợp lý, thuận chiều với tiến bộ và phát triển, là khách quan". Đồng thời cho rằng "lựa chọn con đường phát triển theo chủ nghĩa xã hội, đối với chúng ta là sự lựa chọn nhất quán, không thay đổi", "đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta nêu lên tự nó chứa đựng niềm tin khoa học" (tr 113 - 114). Trong khi luận giải những vấn đề nêu ra, tác giả cố gắng phân tích, đánh giá về chủ nghĩa xã hội hiện thực, đặc biệt là về nguyên nhân, nguồn gốc khủng hoảng và thất bại của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu, với ý định từ đó rút ra những bài học bổ ích cho lý luận và thực tiễn đổi mới ở nước ta. Trong tình hình hiện nay, có rất nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn phức tạp đặt ra cần được nghiên cứu và tổng kết. Việc tác giả có ý định nghiên cứu, tìm tòi, phát hiện những khía cạnh mới của chủ nghĩa xã hội là việc làm đáng hoan nghênh.

Tuy nhiên, đọc xong cuốn sách tôi không khỏi day dứt, băn khoăn. Việc nghiên cứu, tìm tòi và phát hiện đối với học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học, theo tôi, là để bảo vệ những gì đúng, để bổ sung những gì còn thiếu, để sáng tạo và phát triển những gì do thực tế mới đặt ra, cuối cùng đi tới nâng cao niềm tin vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng đọc xong cuốn sách, tôi có cảm giác là mình bị đưa đến sự hoài nghi và phủ định chủ nghĩa xã hội hiện thực, và tác giả cuốn sách có rất nhiều điểm tự mâu thuẫn với mình. Ví dụ : tác giả khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, khẳng định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, nhưng lại coi học thuyết đó chỉ là "những tư tưởng và giả thuyết khoa học" (tr.20), và thắng lợi của nó chỉ là một "việc thể nghiệm" (tr. 8 và nhiều chỗ khác). Tác giả khẳng định những "thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô" nhưng lại nói mô hình đó *"không có khả năng hiện thực hóa những tư tưởng và mục tiêu đích thực của chủ nghĩa xã hội"* (tr. 9). Tác giả khẳng định đường lối đổi mới của Đại hội VI và Đại hội VII của ĐCS Việt nam, nhưng lại cho rằng phải hoạch định "một chiến lược phát triển" khác (tr. 78), rằng phải *"tiến tới thiết kế một mô hình lý luận mới"* (tr. 113), v.v..

Điều đáng nói là những khẳng định trong cuốn sách có phần còn hời hợt và đơn giản. Tác giả hầu như dành công sức vào việc tìm kiếm những "khuyết tật" và "biến thể" của chủ nghĩa xã hội hiện thực, chứ không phải là dành cho sự tìm kiếm những bài học đích thực. Ở đây, có lẽ vấn đề không chỉ là phương pháp, mà còn là ở định hướng của việc nghiên cứu.

Do hạn chế của một bài báo, tôi chỉ xin trao đổi với tác giả mấy vấn đề cơ bản sau đây :

Một là : Tác giả nói rằng chủ nghĩa xã hội hiện thực là "việc thể nghiệm một mô hình xây dựng xã hội mới" (tr. 8) và nhiều lần nhắc lại đó là một cuộc "thử nghiệm". Theo tôi, nếu nói Công xã Pa-ri năm 1871 là một cuộc thử nghiệm thì có thể chấp nhận được, còn nói Cách mạng Tháng Mười Nga 1917 và chủ nghĩa xã hội hiện thực tồn tại trên bảy thập kỷ là "thử nghiệm" thì không đúng cả về lý luận và thực tiễn. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội hiện thực là một tất yếu của tiến trình lịch sử. Lần đầu tiên trong lịch sử khoa học xã hội, Mác vạch ra mâu thuẫn cơ bản của xã hội loài người và của xã hội tư bản chủ nghĩa ; vạch rõ quan hệ giai cấp chủ yếu của chủ nghĩa tư bản, bóc trần bí quyết bóc lột giá trị thặng dư của nhà

Digitized by Google

tư bản ; từ đó, chứng minh quy luật tất yếu về sự tự phủ định của chủ nghĩa tư bản, về tính khách quan của tiến trình thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội. Tiến trình đó thể hiện sự tiến bộ của lịch sử, của xã hội, của loài người. Vì vậy, đó là xu thế tất yếu, là quy luật khách quan. *Chủ nghĩa xã hội hiện thực ra đời là sự hiện thực hóa quy luật đó.*

Tác giả còn nói rằng chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ mới là "giả thuyết khoa học" (tr.20). Điều này không hoàn toàn đúng. Đành rằng trong "giả thuyết khoa học" đã hàm chứa yếu tố hợp lý. Nhưng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, hay nói cách khác, chủ nghĩa xã hội khoa học, không chỉ là một "giả thuyết khoa học", mà cao hơn thế, là một học thuyết, một hệ tư tưởng, một chân lý lớn nhất của thời đại. Những phát hiện vĩ đại của Mác về quy luật phát triển xã hội, về sự thay thế chủ nghĩa tư bản bằng chủ nghĩa xã hội, là một học thuyết khoa học. Nó được hình thành trên cơ sở phân tích bản chất của xã hội tư bản chủ nghĩa và tổng kết thực tiễn phong trào công nhân đương thời. Nó còn là sự tổng kết và kế thừa mọi thành quả có giá trị của văn minh nhân loại, nhất là những kết luận mới nhất của khoa học xã hội và khoa học tự nhiên thế kỷ 18 và 19. Mác và Ăng-ghen đã dày công nghiên cứu và rút tỉa những tinh hoa của triết học Hê-ghen (B.W.F. Hegel, 1770-1837), của Phơ-bách (L.A. Feurbach, 1804-1872), của chủ nghĩa xã hội không tưởng Pháp, của kinh tế chính trị cổ điển Anh, của giả thuyết về vũ trụ của Căng (E. Kant, 1724-1804) và của La-pla-xơ (P. S. Laplace, 1749-1827), thuyết tiến hóa của Đác-uyn (C.R. Darwin, 1809-1882), thuyết bảo toàn năng lượng và chuyển hóa năng lượng, định luật tuần hoàn Men-đê-lê-ép (D. G. Mendéléev, 1834-1907)... Trong khi luận chứng tính tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản, hai ông không ngần ngại "hoàn toàn thừa nhận vai trò cách mạng mà chủ nghĩa tư bản đã đóng trong quá khứ"(1). Rõ ràng, chủ nghĩa xã hội khoa học là sự kế thừa và phát triển ở tầm cao của toàn bộ văn minh nhân loại. Nó không những đã tổng kết mọi tinh hoa tri thức của lịch sử, mà còn nâng toàn bộ khoa học của loài người lên tầm cao mới, trở thành lý luận khoa học và cách mạng để con người nắm lấy, dựa vào đó để thúc đẩy lịch sử phát triển. Sau đó, Lê-nin tiếp tục những phát kiến sáng tạo để bổ sung, phát triển và vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học do Mác và Ăng-ghen sáng lập.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, ở đâu nắm vững lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học thì ở đó phong trào của giai cấp công nhân phát triển mạnh, lịch sử sẽ tiến lên. Những năm cuối của thế kỷ 19, Anh, Mỹ, Pháp là những nước công nghiệp tiên tiến, lực lượng giai cấp công nhân rất hùng hậu, nhưng phong trào công nhân ở các nước đó lại kém thua rất nhiều so với ở Đức, một nước kém phát triển hơn nhiều so với ba nước trên về kinh tế và giai cấp công nhân. Sở dĩ như vậy vì ở Đức, chủ nghĩa xã hội khoa học đã bén rễ sớm hơn, sâu sắc hơn, phát huy tác dụng to lớn hơn. Và cũng vì vậy, hồi đó, Đức đã trở thành nước đi tiên phong trong tiến trình cách mạng thế giới. Đến đầu thế kỷ 20, nước Nga lại đóng vai trò tiên phong, mặc dù kinh tế xã hội Nga lúc ấy còn kém xa các nước Tây Âu. Đó cũng chính là vì nước Nga có Lê-nin, có đảng của Lê-nin, có sự soi sáng trực tiếp của lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học. Và Cách mạng Tháng Mười đã biến lý luận đó thành hiện thực. Cho nên, không thể đồng ý với cách lập luận của tác giả nói rằng do sự đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực nên phải "đặt lại vấn đề" đối với Cách mạng Tháng Mười (tr.21), hoặc cách nói mập mờ rằng "không thể đưa ra những khẳng định hoặc phủ định" giữa Mác - Ăng-ghen và Lê-nin, ai đúng ai sai ? (tr.22).

Hai là : Khi đề cập đến mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực, tác giả đã "tìm sự thật... trong chính sự thật của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô" (tr.19), nhưng thực chất là khai thác những mặt yếu kém, những sai lầm, không chú ý đầy đủ những thành tựu, những đóng góp lớn lao của chủ nghĩa xã hội đối với toàn nhân loại. Sẽ là hết sức biện chứng khi ta nói rằng : trước và sau Cách mạng Tháng Mười, trên đất nước xô viết, chủ nghĩa xã hội đã nắm lấy giai cấp công nhân như là vũ khí vật chất, còn giai cấp công nhân và nhân dân lao động xô viết lại nắm lấy lý luận chủ nghĩa xã hội như là vũ khí tinh thần, biến nó thành sức mạnh vật chất hùng mạnh nhất. Sự phát triển như vũ bão của xã hội xô viết trong nhiều thập kỷ đã minh chứng cho điều đó.

Dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản, dựa vào chế độ xã hội chủ nghĩa tiên tiến, nền kinh tế xô viết đã tiến những bước khổng lồ. Sau năm 1917, giá trị sản lượng công nghiệp nước Nga chỉ chiếm 1% công nghiệp thế giới, bằng 1 phần 7 của Mỹ, kém thua xa cả của Anh, Pháp, Đức. Vậy mà

(1) C.Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, t1, tr535

Digitized by Google

trong 10 năm kể từ 1928, năm bắt đầu kế hoạch 5 năm đầu tiên, công nghiệp chế tạo xô viết tăng gấp 7 lần, đứng đầu châu Âu, đứng thứ hai thế giới, sau Mỹ. Năm 1940, nhà nước xô viết có trong tay 15 triệu tấn sắt, trên 18 triệu tấn thép, 31 triệu tấn dầu mỏ, nhiều hơn sản lượng cùng loại của Anh, Pháp cộng lại. Đó là sự bảo đảm cho chiến thắng huy hoàng của nhân dân xô viết trong chiến tranh thế giới thứ hai. Mặc dù trong chiến tranh, hơn 20 triệu công dân xô viết đã ngã xuống, và tổn thất của nhà nước xô viết nặng nề hơn nhiều so với Mỹ, Anh, Pháp. Cùng với lực lượng đồng minh, công lao của nhân dân xô viết cứu loài người khỏi thảm họa phát xít, sẽ không bao giờ phai mờ trong lịch sử muôn đời của nhân loại.

Sau cuộc chiến tranh, trên đống đổ nát hoang tàn khắp đất nước, với dũng khí của người chiến thắng, nhân dân xô viết đã nhanh chóng khôi phục nền kinh tế. Năm 1950 so với năm 1940, thu nhập quốc dân tăng 64%, công nghiệp tăng 73%. Giữa những năm 80, công nghiệp xô viết đã bằng 70 - 80% của Mỹ so với tỷ lệ 6,9% trước chiến tranh. Năm 1957, Liên xô phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên trên trái đất, mở ra kỷ nguyên mới của ngành du hành vũ trụ thế giới. Thế giới đều chứng kiến đất nước xô viết đã từng có đội ngũ nhà khoa học đông đảo và hệ thống cơ quan nghiên cứu khoa học hùng hậu bậc nhất thế giới.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới hình thành. Với số dân không đầy 1 phần 3 số dân thế giới, hệ thống này có nền công nghiệp bằng 2 phần 5 công nghiệp thế giới. Năm 1989, tổng sản phẩm quốc dân tính theo đầu người Liên xô đạt 1780 đô la Mỹ, Đông Âu đạt 2465 đô la Mỹ. Sự đổi thay và điều chỉnh có lợi cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong nội bộ các nước tư bản, một phần quan trọng là do cuộc đấu tranh không mệt mỏi theo tinh thần quốc tế của nhân dân xô viết, do có sự tồn tại hùng mạnh của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

Suốt 70 năm tồn tại, chủ nghĩa xã hội hiện thực mặc dù bị kẻ thù gán cho đủ mọi thứ nhãn hiệu không xứng đáng, nhưng loài người sẽ mãi mãi không quên rằng chủ nghĩa xã hội hiện thực là trụ cột bảo vệ hòa bình và tiến bộ xã hội, là người bạn tin yêu và trung thành của nhân dân các dân tộc bị áp bức, trong đó có nhân dân Việt nam. Hơn một nửa thế kỷ sau chiến tranh, trái đất này không xảy ra thảm họa đại chiến, sự nghiệp hòa bình và phát triển được duy trì và bảo vệ, bộ mặt toàn cầu luôn đổi mới và nhiều nước phồn vinh, chẳng lẽ những điều kỳ diệu đó lại không gắn liền với sự nghiệp vĩ đại của nhân dân xô viết, của chủ nghĩa xã hội hiện thực ? Chẳng lẽ những thành tựu và thắng lợi của cách mạng Việt nam lại không gắn liền với sự giúp đỡ to lớn của chủ nghĩa xã hội hiện thực xô viết ? *Có thể khẳng định, lịch sử tiến bộ và phát triển trong thế kỷ 20 của loài người về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, có sự đóng góp vô giá của chủ nghĩa xã hội hiện thực.* Vậy mà tác giả của cuốn sách lại có thể coi tất cả "những gì tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội vẫn còn đang ở phía trước, vẫn đang còn là mục tiêu đi tới của lịch sử. Chủ nghĩa xã hội vẫn còn là xu hướng vận động của lịch sử, là một khuynh hướng phát triển chứ chưa trở thành hiện thực đầy đủ" (tr.10).

Ba là : Trong quan niệm về chủ nghĩa xã hội hiện thực và trong sự phân tích các nguyên nhân dẫn tới khủng hoảng và thất bại của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu, tác giả có những nhận thức phiến diện, không đầy đủ.

Xuất phát từ lập luận "Thể nghiệm một lý thuyết vào thực tiễn và không mang lại thành công thì vấn đề đặt ra một cách tự nhiên là phải kiểm tra lại lý thuyết" (tr.10) phải "đặt lại vấn đề" (tr.21), tác giả cho rằng chưa hề có chủ nghĩa xã hội khoa học, một "chủ nghĩa xã hội khoa học nhân đạo, văn hóa... hợp quy luật, hợp lòng dân" ! Rằng chủ nghĩa xã hội mới chỉ là "tư tưởng", là "khát vọng" mà nhân dân ở mọi thời đại hằng mong ước (tr.9).

Trên thực tế, sự đổ vỡ của Liên bang xô viết là do nhiều nguyên nhân, trong đó, nguyên nhân trực tiếp, có tính quyết định là sai lầm của người lãnh đạo đảng cầm quyền lúc ấy. Chúng ta hãy nhớ lại : lúc mới đầu, cải tổ được tuyên bố là nhằm nhận thức lại một cách đúng đắn đối với chủ nghĩa xã hội khoa học. Nhưng càng cải tổ, người ta càng trượt xa khỏi những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học, càng từ bỏ tất cả những gì mà học thuyết vĩ đại ấy mang lại cho nhân dân xô viết. Trong đó, nguyên tắc và nguyên lý quan trọng nhất là : giữ vững chính quyền nhân dân do giai cấp công nhân - thông qua chính đảng của nó - lãnh đạo, là giữ vững chế độ tập trung dân chủ, là không ngừng nâng cao sản xuất và đời sống nhân dân... Ở đây, lịch sử có phần lặp lại : bà Rô-lăng (Madame Roland, 1754 - 1793) một chiến sĩ của Cách mạng tư sản Pháp, đã từng nói : "Tự do ! Biết bao tội ác đã diễn ra nhân danh tự

Digitized by Google

do !". Cũng vậy, dưới thời "cải tổ", biết bao việc làm sai trái đã diễn ra nhân danh chủ nghĩa xã hội ! Chính là do từ bỏ những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa xã hôi khoa học nên đã dẫn đến sự tan rã của đảng cộng sản, và để cho chính quyền rơi vào tay thế lực chống đối. Điều này cắt nghĩa một sự thật : trong hơn 70 năm tồn tại, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã mấy lần xuất hiện khủng hoảng và sai lầm, nhưng không sụp đổ, chỉ đến khi phạm sai lầm mang tính chất phản bội, chủ nghĩa xã hội mới bị đánh bại. Thất bại này của những người cộng sản hoàn toàn không có nghĩa là sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội khoa học, càng không phải là sự biến mất của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Phân tích các nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và đổ vỡ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu, tác giả không thật khách quan, không với quan điểm toàn diện, cụ thể và lịch sử, không phân tích đầy dủ các mặt khách quan, chủ quan, các điều kiện bên trong, bên ngoài. Tác giả gần như lập lại những luận điểm của chủ nghĩa đa nguyên chính trị đầy rẫy ở Liên xô trong thời cải tổ, quy kết "5 khuyết tật có trong mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội" và "5 biến thể về chủ nghĩa xã hội". Từ đó phê phán gay gắt như là lên án sự lãnh đạo của đảng cộng sản và trách nhiệm quản lý của nhà nước xô viết. Và rốt cuộc là phải đi tìm kiếm một mô hình "lý luận hiện đại" hơn về chủ nghĩa xã hội, như tác giả nhiều lần nhắc lại.

Tờ *Thời báo Lốt An-giơ-lét* của Mỹ phát hành sau sự kiện tháng 8-1991 đã viết : "Chủ nghĩa cộng sản sụp đổ, nhưng chưa biến mất". Bài báo còn khẳng định : tư tưởng xã hội của chủ nghĩa Mác vẫn còn ghi dấu ấn không thể xóa bỏ trên lĩnh vực lý luận. Rất nhiều vấn đề về chính trị học, xã hội học, kinh tế học của thế giới đương đại đều được phân tích bằng lăng kính của chủ nghĩa Mác, thậm chí còn được phân tích bằng những khái niệm mác xít. "Không đọc sách của Mác sẽ không thể trở thành nhà kinh tế tư tưởng có sức quan sát tinh tường. Tất cả các nhà sử học đều đọc sách của Mác. Tất cả các nhà xã hội học đều đọc sách của Mác".

Bốn là : Cuốn sách ra đời hơn một năm rưỡi sau Đại hội VII, Đại hội đã tổng kết bốn bài học lớn, nêu lên 6 đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội, xác định 7 phương hướng cơ bản để xây đựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, cùng những mục tiêu và giải pháp được thể hiện trong *Cương lĩnh* và *Chiến lược*. Thiết tưởng cuốn sách rất có điều kiện để đi sâu làm sáng tỏ, phát triển sáng tạo các quan điểm cơ bản của Đại hội VII. Nhưng cuốn sách lại nặng về luận giải chung chung các khái niệm "đổi mới", "phát triển", "sáng tạo", "giải phóng" ; đồng thời đưa ra những giải pháp đổi mới gồm 7 điểm (tr 97 - 98) và định hướng xã hội chủ nghĩa gồm 4 điểm (từ tr 114), và dường như cho đó là "lý luận mới về chủ nghĩa xã hội".

Một trong những luận đề đáng chú ý của tác giả là "*chủ nghĩa xã hội là mục tiêu hay phương tiện của phát triển*" (tr. 95). Về điểm này, tác giả kết luận : chủ nghĩa xã hội và phát triển là thống nhất (tr.101). Tôi cho rằng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản, tuy có sự kế thừa và tiếp thu của nhau, nhưng vẫn có sự khác nhau cơ bản về tính chất và mục tiêu của phát triển. Không thể đồng nhất một cách đơn giản giữa chủ nghĩa xã hội và phát triển nói chung.

Tác giả nhiều lần nhấn mạnh : "đất nước chúng ta vẫn chưa có chủ nghĩa xã hội", "chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, về căn bản là vấn đề của tương lai" (tr 11). "Chủ nghĩa xã hội là gì..., nó vẫn như một câu hỏi đang và sẽ còn phải tìm kiếm lâu dài lời giải đáp" (tr.95). Như vậy thì bao giờ có chủ nghĩa xã hội ? Phải chăng đến một lúc nào đó trong tương lai, chủ nghĩa xã hội bỗng nhiên xuất hiện, còn cho tới bây giờ ở nước ta tuyệt đối chưa có nhân tố nào là chủ nghĩa xã hội ? Chúng ta đổi mới và đi lên chủ nghĩa xã hội bắt đầu từ con số không ? Rõ ràng ở đây tác giả không có tư duy biện chứng. Về mục tiêu tăng trưởng kinh tế nêu trong Đại hội VII, tác giả tỏ ra hoài nghi cho rằng "bài toán tăng trưởng kinh tế xã hội ở Việt nam không dễ trả lời" (tr.77), thế giới "chưa có nước nào có thể nâng thu nhập quốc đân lên gấp đôi trong một thời gian nhanh như vậy" (tr.76). Theo tác giả, nước ta phải mất "92 năm nữa" mới di "vào đường băng chuẩn bị cất cánh"... Không hiểu tác giả căn cứ vào đâu ?

*

Trên đây là một số ý kiến chủ yếu muốn được trao đổi với tác giả. Tôi cho rằng việc trao đổi, thảo luận chung quanh cuốn sách của tác giả Hoàng Chí Bảo là một biểu hiện lành mạnh nói lên sự trưởng thành của chúng ta trên lĩnh vực lý luận. Một nhà khoa học có nói : nhiều khi những bài học rút ra từ cái không thành công, có giá trị không kém gì từ sự thành công. Điều này vừa đúng với sự kiện ở xã hội xô viết, vừa đúng với sự kiện chung quanh cuốn sách.

Digitized by Google

Nhìn lại quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta về phát triển kinh tế hàng hóa

ĐỖ THẾ TÙNG *

THEO quyết định của Hội nghị Trung ương 5 (khóa VII), Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng ta sẽ được triệu tập vào cuối năm nay. Hội nghị sẽ kiểm điểm hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và sơ kết một bước quá trình đổi mới các lĩnh vực ở nước ta, trong đó đổi mới kinh tế là một trọng điểm. Với mong muốn đóng góp một phần vào việc nghiên cứu, tổng kết quá trình đổi mới kinh tế của Đảng, trong bài này, tôi xin nêu lại quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta về phát triển kinh tế hàng hóa, để thấy đây là một quá trình không đơn giản. Trái lại, nó diễn ra đầy khó khăn, trong sự trăn trở, suy tư, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, để đến hôm nay mới có được những kết quả ban đầu.

Thực ra, quá trình đổi mới của nước ta không phải bắt đầu từ Đại hội VI (năm 1986), mà nó có mầm mống từ Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) năm 1979. Đại hội VI là một bước ngoặt cơ bản, và Đại hội VII tiếp tục phát triển, bổ sung ; đến nay nó được hoàn thiện dần.

Dưới đây tôi xin điểm qua quá trình đổi mới diễn ra trên một số mặt quan trọng :

1 - *Từ kinh tế hiện vật có trao đổi sản phẩm sang kinh tế thị trường.*

Suốt một thời gian dài, Đảng ta tuy có nhấn mạnh phải phát triển đúng đắn và hợp lý các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, coi đó là nhân tố tích cực để phát triển sản xuất và tổ chức đời sống, nhưng trên thực tế, lại không thừa nhận tư liệu sản xuất là hàng hóa, coi việc trao đổi vật tư là "một lĩnh vực lưu thông đặc biệt", chỉ được thực hiện thông qua hệ thống cung cấp vật tư của nhà nước. Ngay cả trâu, bò do nông dân tự chăn nuôi, cũng không được tự do lưu thông. Tư liệu tiêu dùng tuy được coi là hàng hóa, nhưng cũng chỉ có một bộ phận nhỏ được mua bán tự do, còn lại đều nằm trong cơ chế "giao nộp và cấp phát" hoặc hợp đồng hai chiều, mà thực chất là hàng đổi hàng theo giá cả do nhà nước quy định.

Đại hội VI của Đảng đã phê phán những sai lầm nói trên, nhưng vẫn chỉ coi : "sử dụng đúng đắn quan hệ hàng hóa - tiền tệ là đặc trưng thứ hai của cơ chế mới về quản lý kinh tế mà chúng ta đang xây dựng". Hội nghị Trung ương 2 (khóa VI) tiến thêm một bước, nhấn mạnh xóa bỏ chế độ trao đổi hiện vật, vận dụng rộng rãi phương thức mua bán theo giá thỏa thuận, kể cả lương thực, vật tư. Nhưng phải đến Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI) năm 1989, mới thật sự thừa nhận tư liệu tiêu dùng, vật tư, dịch vụ... đều là hàng hóa, được tự do mua bán trên thị trường. Khẳng định lại quan điểm đúng đắn trên đây, Đại hội VII của Đảng nhấn mạnh : từng bước hình thành và mở rộng đồng bộ các thị trường hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, dịch vụ, vốn, tiền tệ, ngoại hối, và sức lao động...

Trong nhiều văn kiện của Đảng và Nhà nước ta, nhất là trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương 10 (khóa III) năm 1964, đã khẳng định giá cả có vị trí trọng yếu và đề cao quy luật giá trị. Nhưng trên thực tế, lại không quan tâm đến giá trị hàng hóa, quan hệ cung cầu và sức mua của đồng tiền, mà chủ yếu hướng vào giá trị sử dụng. Việc quy định giá cả phần lớn dựa trên sự tính toán chủ quan nhằm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch hiện vật của nhà nước, tạo điều kiện để nhà nước nắm được sản phẩm. Hơn nữa, cùng với việc phân chia thị trường xã hội thành "thị trường có tổ chức" và "thị trường tự do", thực hiện cơ chế hai giá, nên đã cản trở cạnh tranh tự do để hình thành giá trị thị trường. Từ đó đồng tiền có hai sức mua khác nhau, không thực hiện được chức năng thước đo giá trị một cách chính xác. Giá do cơ quan vật giá nhà nước quy định thường được giữ ổn định trong một thời gian dài ; đồng thời, dùng mọi biện pháp hành chính, kinh tế, giáo dục để kìm giữ giá thị trường tự do, không cho nó tách quá xa "giá kế hoạch".

Hội nghị Trung ương 8 (khóa V) đã phê phán hệ thống giá hiện hành, chủ trương chuyển sang thực hiện cơ chế một giá thống nhất do nhà nước quy định và điều chỉnh kịp thời khi cần thiết, nhưng lại "lấy giá thóc làm chuẩn". Trong cả nước, có rất nhiều loại thóc với phẩm cấp và giá cả khác nhau tùy từng vùng, nên khó chọn giá

* PGS, PTS kinh tế, Trưởng khoa KTCT Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

thóc nào làm chuẩn. Do đó, mặc dù giá cả do nhà nước quy định có linh hoạt hơn trước, nhưng vẫn không thực hiện được cơ chế một giá.

Đại hội VI khẳng định lại chính sách một giá là giá kinh doanh thương nghiệp, nhưng vẫn nhấn mạnh "phải có biện pháp tích cực khắc phục từng bước tính tự phát của giá cả thị trường tự do". Điều đó có nghĩa là vẫn chưa coi cơ chế một giá là giá cả thị trường xã hội thống nhất.

Hội nghị Trung ương 2 (khóa VI) lại quy định "phải tính đúng tính đủ đầu vào" và phải xử lý từng bước đầu ra để không cản trở sản xuất và lưu thông, không đội giá gây đột biến giá thị trường. Từ đó, quy định giá bán buôn xí nghiệp được tính lùi từ giá bán lẻ thương nghiệp trừ chiết khấu lưu thông. Còn giá nông sản được xác định lại theo quan hệ tỉ giá với sản phẩm công nghiệp, bảo đảm cho nông dân thu hồi chi phí sản xuất và có lãi từ 30 đến 40% giá thành. Có nghĩa là tái phạm căn bệnh chủ quan duy ý chí, thoát ly quy luật khách quan, bất chấp quy luật cung cầu. Lại phải đến Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI) mới có quan điểm đúng đắn về vấn đề này. Nghị quyết hội nghị này chỉ rõ : Thị trường tác động đến quá trình tái sản xuất chủ yếu thông qua giá cả. Trong quan hệ hợp tác và cạnh tranh, người sản xuất, người lưu thông và người tiêu dùng chủ động mua bán, thỏa thuận với nhau về giá, hình thành nên giá thị trường... Tỷ giá giữa đồng Việt nam và ngoại tệ phải phù hợp với giá thị trường trong nước và giá thị trường quốc tế.

Đã nhiều lúc chúng ta rất trăn trở về mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường, nhưng coi thị trường chỉ là "cái bổ sung" cho kế hoạch. Mặt khác, lại chủ trương "củng cố và mở rộng thị trường có tổ chức", "hạn chế và đấu tranh với thị trường tự do". Đại hội VI coi trọng hơn vai trò của thị trường, nhưng vẫn tách rời kế hoạch với thị trường, vẫn coi "kế hoạch là đặc trưng số một của cơ chế quản lý kinh tế ngay từ buổi đầu của thời kỳ quá độ", và vẫn chia cắt hai loại thị trường như trước. Hội nghị Trung ương 3 (khóa VI) năm 1987, đã quy định giảm các chỉ tiêu pháp lệnh, cho phép các xí nghiệp căn cứ vào nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, chủ động xây dựng phương hướng phát triển dài hạn, kế hoạch 5 năm và hàng năm. Đến Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI) mới thừa nhận "thị trường vừa là một căn cứ, vừa là một đối tượng của kế hoạch hóa". Đại hội VII kế thừa quan điểm đúng đắn nói trên, và chỉ rõ trong cơ chế kinh tế mới, thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

2 - Từ nóng vội xây dựng nền kinh tế công hữu hóa thuần nhất đến thừa nhận sự tồn tại lâu dài của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

Ngay từ khi đề ra đường lối phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã nhận rõ ở nước ta tồn tại nhiều thành phần kinh tế, nhưng lại muốn nhanh chóng xóa bỏ các thành phần kinh tế dựa trên quan hệ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Tư duy kinh tế cũ đối lập một cách giản đơn chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa tư bản. Từ đó, chủ trương sử dụng tính chủ động của chuyên chính vô sản và tính tự giác của quần chúng lao động để sáng tạo ra quan hệ sản xuất mới, nhằm xóa bỏ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất và xác lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất ngay khi lực lượng sản xuất còn lạc hậu.

Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) năm 1979, đã hé mở tư duy mới, đặt ra nhiệm vụ phải tận dụng các thành phần kinh tế. Nhưng sau đó, vẫn chủ trương hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa. Đại hội VI đã nhận ra những biểu hiện nóng vội nói trên và kết luận : "Trong nhận thức cũng như trong hành động, chúng ta chưa thật sự thừa nhận cơ cấu kinh tế nhiều thành phần ở nước ta còn tồn tại trong một thời gian dài...". Tuy vậy, chúng ta mới chỉ cho phép *tư sản nhỏ* tổ chức sản xuất, kinh doanh trong *một số ngành nghề* thuộc khu vực sản xuất và dịch vụ ở *những nơi cần thiết* trong cả nước. Quy mô và phạm vi hoạt động của các cơ sở kinh tế tư bản tư nhân được quy định tùy theo ngành nghề và mặt hàng. Mặt khác, vẫn quan niệm vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh có nghĩa là *chiếm tỷ trọng lớn* cả trong sản xuất và lưu thông, chi phối các thành phần kinh tế khác thông qua liên kết kinh tế.

Hội nghị Trung ương 4 (khóa VI) năm 1987, đã tiến thêm một bước, nhấn mạnh thành phần kinh tế nào sản xuất sản phẩm gì có lợi hơn thì phát huy đầy đủ tác dụng của thành phần ấy. Nhưng phải đến Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI), mới khẳng định mạnh mẽ và dứt khoát thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần. Đại hội VII kế tục tư duy mới nói trên, đặc biệt coi trọng việc phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế ; vừa cạnh tranh, vừa hợp tác, bổ sung cho nhau trong nền kinh tế quốc dân thống nhất.

Trước đây, do chia thị trường xã hội thành "thị trường có tổ chức" và "thị trường tự do", nên đã ra sức tăng cường sự độc quyền của thương nghiệp quốc doanh, đấu tranh với "thị trường tự do", loại trừ tư thương bằng biện pháp hành chính. Hội nghị Trung ương 5 (khóa V) năm

Digitized by Google

1978, đã nới rộng quyền cho các xí nghiệp, các đơn vị kinh tế cá thể được sản xuất và lưu thông hàng hóa thuận tiện với giá cả linh hoạt, song chỉ giới hạn ở những mặt hàng không do nhà nước quản lý và cung ứng, đặc biệt khuyến khích những mặt hàng dùng nguyên liệu trong nước, phế liệu, phế phẩm.

Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) năm 1979, cho phép nông dân được bán nông sản còn lại ngoài hợp đồng hai chiều cho nhà nước theo giá thỏa thuận hoặc bán trên thị trường tự do.

Nghị quyết Bộ chính trị năm 1980 "Về cải tiến công tác phân phối lưu thông", vẫn chủ trương đấu tranh có hiệu quả với thị trường tự do tuy không phải bằng cách loại trừ tư thương, mà bằng các biện pháp kinh doanh để hướng dẫn và quản lý tư thương hoạt động đúng hướng nhằm cung ứng hàng hóa tiêu dùng cho nhân dân, mở rộng việc sử dụng họ làm đại lý cho thương nghiệp quốc doanh. Nhưng do sự quản lý lỏng lẻo của nhà nước, nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, nên sau đó lại chủ trương mở rộng mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trong tất cả các lĩnh vực, và lại nhấn mạnh xóa bỏ tư thương, xóa bỏ "thị trường tự do" về lương thực và các nông, lâm, hải sản quan trọng.

Đại hội VI vẫn chủ trương thương nghiệp quốc doanh độc quyền bán những mặt hàng hoàn toàn do quốc doanh sản xuất hoặc xuất, nhập khẩu ; đồng thời, vẫn chủ trương tiếp tục cải tạo và xóa bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân ; nhưng đã thừa nhận : "không thể xóa bỏ thương nghiệp nhỏ bằng mệnh lệnh hành chính, mà chỉ có thể thu hẹp nó bằng sự thay thế tốt hơn của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và biết sử dụng nó trong những lĩnh vực mà thương nghiệp xã hội chủ nghĩa chưa thể kinh doanh tốt hoặc chưa cần kinh doanh". Cho đến Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI) mới khẳng định thị trường xã hội là một thể thống nhất với nhiều lực lượng cùng tham gia lưu thông hàng hóa, trong đó kinh tế quốc doanh cùng với kinh tế hợp tác xã vươn lên chiếm vị trí chi phối thị trường bằng phương thức kinh doanh. Đại hội VII đặt vấn đề sắp xếp và đổi mới hệ thống thương nghiệp quốc doanh, nâng cao hiệu quả, phát huy tác dụng tích cực trong việc ổn định và điều tiết giá cả thị trường, tập trung làm tốt khâu bán buôn kết hợp với một phần bán lẻ những mặt hàng thiết yếu.

3 - *Chức năng kinh tế của nhà nước - từ tập trung toàn bộ quyền lực đến quản lý vĩ mô.*

Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung, chức năng kinh tế của nhà nước được đề cao quá mức. Kinh tế quốc doanh được mở rộng tràn lan, gần như đồng nhất kinh tế quốc doanh với chủ nghĩa xã hội, tựa hồ càng nhiều kinh tế quốc doanh càng nhiều chủ nghĩa xã hội. Thậm chí có lúc, có nơi lại nóng vội chuyển hợp tác xã cao cấp thành xí nghiệp quốc doanh. Trong nhiều ngành, các tổ chức kinh tế quốc doanh độc quyền tuyệt đối dẫn tới cửa quyền, trì trệ. Nhà nước gần như độc tôn trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ cấu kinh tế mới, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, nắm độc quyền ngân hàng, bao cấp tín dụng... Bởi vậy, sai lầm của nhà nước về bố trí cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư đã dẫn đến xây dựng dở dang quá nhiều, vốn bị ứ đọng và kém hiệu quả. Đó cũng là nguyên nhân không huy động được nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân và các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế để mở rộng sản xuất.

Nhà nước can thiệp quá sâu vào hoạt động kinh tế vĩ mô. Các đơn vị kinh tế cơ sở chỉ thừa hành một cách thụ động mọi mệnh lệnh chỉ huy từ trên xuống. Mục tiêu phấn đấu của mỗi đơn vị kinh tế chỉ đơn giản là hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao, phấn đấu giảm chi phí, không cần quan tâm đến cung cầu, thị hiếu người tiêu dùng và biến động giá cả trên thị trường. Ngay từ những năm 60 chúng ta đã phát hiện trạng thái trì trệ, kém hiệu quả của cơ chế nói trên và đã phát động nhiều cuộc cải tiến quản lý, nhưng chủ yếu vẫn hướng vào việc phân chia chức năng, quyền lực và trách nhiệm giữa các cấp, các cơ quan quản lý nhà nước, bởi vậy ít có những chuyển biến tích cực.

Trong cơ chế cũ, nhà nước muốn nắm toàn bộ khâu phân phối lưu thông, muốn dùng các biện pháp hành chính, kinh tế, giáo dục để nắm các nguồn hàng vào tay nhà nước. Chuyển sang cơ chế thị trường, chúng ta không xóa bỏ mà đổi mới nhận thức và thực hiện chức năng quản lý kinh tế của nhà nước trên tầm vĩ mô. Kinh tế quốc doanh được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ, tổ chức và quản lý, để kinh doanh có hiệu quả, làm chỗ đựa cho sự điều tiết vĩ mô của nhà nước. Chỉ củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh trong những ngành và lĩnh vực then chốt. Đối với những cơ sở không cần giữ hình thức quốc doanh, thì chuyển sở hữu hoặc giải thể.

Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) đã đề cập việc mở rộng quyền chủ động của đơn vị cơ sở. Hội nghị Trung ương 6 (khóa VI) khẳng định khâu trung tâm, đồng thời là điểm xuất phát để xây dựng cơ chế quản lý nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch, là chuyển tất cả các đơn vị kinh tế, đặc biệt là các xí nghiệp quốc doanh, sang kinh doanh, gắn với thị trường, hoạt động theo nguyên

Digitized by Google

tác tự trang trải, tự phát triển và làm nghĩa vụ nộp ngân sách.

Phát triển quan điểm trên, Đại hội VII đã phân định rõ quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý kinh doanh của các đơn vị cơ sở ; đổi mới và hoàn thiện các công cụ quản lý vĩ mô trọng yếu của nhà nước.

Đại hội VI tuy vẫn chủ trương các tổ chức kinh tế quốc doanh nắm phần lớn hàng hóa, nhưng đã nhấn mạnh biện pháp chủ yếu là có chính sách giá cả và phương thức mua bán thích hợp theo nguyên tắc thỏa thuận, bỏ ngăn sông cấm chợ. Đại hội VII chỉ rõ nhà nước quản lý nền kinh tế nhằm định hướng dẫn dắt các thành phần kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh theo cơ chế thị trường, kiểm soát chặt chẽ và xử lý các vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh tế, bảo đảm sự hài hòa giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội. Tuy vậy, từ chỗ tuyệt đối hóa chức năng kinh tế của nhà nước, khi chuyển sang cơ chế thị trường lại xuất hiện một thái cực khác là buông lỏng sự quản lý vĩ mô của nhà nước, làm giảm hiệu lực của nó, dẫn đến sự hỗn loạn trên thị trường, nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, như buôn lậu, lừa đảo, tham nhũng, trốn thuế, làm hàng giả, chiếm dụng vốn của nhau... Đại hội VII đã chỉ rõ vai trò quan trọng của nhà nước trong việc lập các cân đối vĩ mô, điều tiết thị trường, ngăn ngừa và xử lý những đột biến xấu, tạo môi trường và điều kiện bình thường cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế với công bằng và tiến bộ xã hội.

4 - *Từ chính sách kinh tế hướng nội sang chính sách kinh tế mở.*

Đã từ lâu, Đảng và Nhà nước ta nhấn mạnh vai trò quan trọng của kinh tế đối ngoại, nhất là ngoại thương. Song về thực chất, cho đến những năm đầu thập kỷ 80, nước ta vẫn thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội, thể hiện rõ nhất trong việc bố trí cơ cấu kinh tế quốc dân và cơ cấu đầu tư. Quan niệm "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ là *quy luật* hình thành cơ cấu kinh tế quốc dân ở nước ta trong bước đi ban đầu" đã dẫn đến hậu quả là không tận dụng được lợi thế so sánh của nước ta, nhất là lợi thế về nguồn lao động dồi dào và nông nghiệp nhiệt đới để đẩy mạnh xuất khẩu và tham gia phân công lao động quốc tế. Do đó, nguồn thu ngoại tệ rất nhỏ trong khi nhu cầu nhập khẩu thiết bị, máy móc, chuyên gia... để xây dựng công nghiệp nặng không ngừng tăng lên, khiến cho nhập siêu ngày càng lớn. Nguồn vốn từ nhập siêu lại "bị chôn" vào các công trình quy mô lớn, dài hạn, xây dựng dở dang quá nhiều, chậm đưa vào hoạt động, không tạo được nhiều việc làm, thiếu hàng tiêu dùng để cải thiện đời sống nhân dân, không có khả năng tái tạo ngoại tệ để trả nợ và lãi. Vì vậy, nợ nước ngoài tăng lên, làm gay gắt thêm tình trạng mất cân đối vốn đã nghiêm trọng của nền kinh tế quốc dân.

Về lý luận, luôn đề cao công tác xuất khẩu, nhưng trên thực tế bộc lộ rõ xu hướng chỉ lo đẩy mạnh nhập khẩu để phục vụ trang bị kỹ thuật và xây dựng cơ sở kinh tế trong nước theo yêu cầu của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, coi đó là nhiệm vụ cực kỳ trọng yếu. Chủ trương đẩy mạnh xuất khẩu, xây dựng hàng xuất khẩu chủ lực, không thực hiện được vì đại bộ phận nguồn vốn đã bị hút vào công nghiệp nặng, đầu tư cho sản xuất hàng xuất khẩu không đáng kể. Đại hội V đã có một số nhận thức mới về kinh tế đối ngoại, coi đẩy mạnh xuất khẩu là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, chú ý mở rộng du lịch và các dịch vụ thu ngoại tệ khác, nhưng về căn bản, chưa thay đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu đầu tư, nên những chủ trương đúng đắn nói trên không thể đi vào cuộc sống. Đại hội VI chủ trương kiên quyết sắp xếp lại nền kinh tế quốc dân, điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản, tập trung vào ba mục tiêu chính là lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Đại hội đã đề ra phương châm "kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại", tính toán hiệu quả kinh tế của từng mặt hàng để lựa chọn sản phẩm có lợi thế, đầu tư đồng bộ cho xuất khẩu. Hoạt động xuất, nhập khẩu chuyển sang kinh doanh, vận dụng nhiều hình thức đa dạng để phát triển kinh tế đối ngoại, khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta, động viên Việt kiều tham gia xây dựng đất nước. Tiếp tục phát triển tư duy mới nói trên, Đại hội VII nhấn mạnh đa phương hóa, đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại, huy động mọi tiềm năng kinh tế, phát huy lợi thế tương đối, vừa đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống trong nước, vừa hướng mạnh vào xuất khẩu, gắn thị trường trong nước với thị trường ngoài nước.

Trong cơ chế kế hoạch hóa tập trung thì tất yếu nhà nước phải nắm độc quyền ngoại thương. Chuyển sang cơ chế mới, đã mở rộng dần việc trao quyền trực tiếp xuất, nhập khẩu cho các đơn vị kinh tế đối ngoại phát triển nhanh, nhưng đồng thời cũng xuất hiện tình trạng tranh mua, tranh bán trên thị trường trong và ngoài nước. Vì vậy, trong khi kiên trì chính sách kinh tế mở, Đại hội VII đã đặt vấn đề : sắp xếp, thu gọn đầu mối các tổ chức xuất nhập khẩu ở trung ương và địa

Digitized by Google

phương ; thành lập các hiệp hội xuất nhập khẩu trên cơ sở tự nguyện ; đổi mới và quản lý chặt chẽ việc cấp giấy phép và hạn ngạch xuất nhập khẩu.

Trong cơ chế cũ, quan hệ ngoại thương giữa nước ta với các nước xã hội chủ nghĩa mang tính chất hàng đổi hàng, giá cả thoát ly giá quốc tế. Ở trong nước, việc giao nộp hàng xuất khẩu và phân phối hàng nhập khẩu đều theo chỉ tiêu pháp lệnh. Việc quy định tỷ giá hối đoái cũng không dựa trên sức mua của đồng Việt nam, mà thường thường nâng giá quá cao đồng Việt nam làm thiệt hại cho người sản xuất hàng xuất khẩu và nhà nước thất thu qua việc phân phối hàng nhập khẩu. Hậu quả là ngân sách nhà nước càng thâm hụt vì mỗi năm phải bù lỗ cho xuất khẩu hàng trăm tỉ đồng.

Từ năm 1987 chúng ta đã quy định tỷ giá kết toán nội bộ hàng xuất khẩu theo từng nhóm hàng, bảo đảm cho các cơ sở làm hàng xuất khẩu với chi phí tương đối hợp lý, không bị lỗ. Tỷ giá hàng nhập khẩu cũng phân biệt theo nhóm hàng, có tính đến mặt bằng giá trong nước. Đại hội VII đã quyết định chấm dứt việc trao đổi hiện vật, chuyển hẳn sang cơ chế thị trường, tỷ giá hối đoái tính sát sức mua thực tế của đồng Việt nam và ngoại tệ, điều chỉnh từng bước mặt bằng giá và quan hệ tỷ giá cho phù hợp với sự thay đổi của giá cả quốc tế đối với các loại vật tư, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu. Từ năm 1991, mọi quan hệ thanh toán đối ngoại của nước ta đều được tính bằng ngoại tệ mạnh theo giá quốc tế.

✱

Từ quá trình đổi mới về quan điểm lý luận và thực tiễn phát triển sản xuất hàng hóa ở nước ta những năm qua, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm sau đây :

1 - *Quan điểm và chính sách kinh tế được xây dựng và hoàn thiện dần dựa trên cơ sở nắm vững quy luật, tổng kết thực tiễn, bám sát cuộc sống, đáp ứng đòi hỏi của sự phát triển sản xuất và nâng cao đời sống của nhân dân.*

2 - *Chuyển sang kinh tế thị trường là cần thiết nhưng phải bảo đảm theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là một quá trình không đơn giản, không thể nóng vội, phải chuyển từng bước theo những giai đoạn thích hợp, qua nhiều lần điều chỉnh, vừa làm vừa tìm giải pháp, đồng thời không được xa rời mục tiêu phát triển sản xuất và cải thiện đời sống của nhân dân.*

3 - *Nắm vững những khâu chủ yếu có tính chất "đột phá", tạo ra bước chuyển quan trọng cho toàn bộ quá trình đổi mới theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa đi lên chủ nghĩa xã hội.*

4 - *Từ việc đổi mới hoạt động sản xuất, kinh doanh ở cơ sở mà thúc đẩy sự đổi mới và hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý của nhà nước ở các cấp.*

Suy nghĩ bước đầu về cải cách hành chính

LÊ SĨ DƯỢC*

ĐÁP ứng yêu cầu to lớn và phức tạp của công cuộc đổi mới đất nước ta về mọi mặt, những năm qua chúng ta đã có nhận thức mới và cải tiến một bước hoạt động của nhà nước nói chung và nền hành chính quốc gia nói riêng. Hiến pháp năm 1992 và Luật tổ chức chính phủ (thông qua tháng 9-1992) đã khẳng định một nguyên tắc quan trọng : Nhà nước ta là nhà nước của dân, do dân và vì dân ; mọi quyền lực thuộc về nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng ; quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân chia, nhưng có phân công chức năng rành mạch ; chính phủ là cơ quan hành pháp cao nhất của quyền lực nhà nước.

Kể từ đó đến nay, thời gian còn quá ngắn để đánh giá tính hợp lý và hiệu quả của cách tổ chức mới của chính phủ, song trên thực tế, hoàn thiện cơ quan hành pháp nói chung và hành chính nói riêng là vấn đề không thể tiến hành một lúc là xong.

Tôi xin trao đổi về mấy vấn đề sau :

1 - Về nguyên tắc, tổ chức bộ máy nhà nước ta không phân lập giữa hai quyền lập pháp và hành pháp, không để hai quyền này tách nhau, ngang nhau, cũng không có khuynh hướng hành pháp

* PTS kinh tế, Vụ trưởng, Văn phòng chính phủ

Digitized by Google

lấn lập pháp, ưu trội hơn lập pháp, hoặc ngược lại. Tuy vậy hiện nay, do điều kiện kinh tế - xã hội trong nước và tình hình thế giới diễn biến phức tạp, chính phủ phải là cơ quan được tăng cường về mọi mặt để thực sự trở thành một cơ quan chấp hành và hành chính nhà nước cao nhất, một cơ quan chủ động, năng động, đáp ứng được yêu cầu của sự chuyển đổi cơ chế, trong đó bao gồm cả việc thúc đẩy và phục vụ đắc lực cho công tác lập pháp.

Do vậy, theo tôi, chức năng của chính phủ cần được cụ thể hóa thêm và thiết chế chính phủ nên được xem xét thêm. Theo nguyên tắc, tổ chức quyền lực nhà nước ta là thống nhất, không phân chia, nhưng có phân công rành mạch về chức năng, phù hợp với yêu cầu vừa đề cao Quốc hội (cơ quan quyền lực nhà nước thống nhất và cao nhất), vừa đề cao Chính phủ (cơ quan quyền lực nhà nước với chức năng hành pháp cao nhất), bảo đảm sự thống nhất quyền lực vào Quốc hội, thì nên nói rõ : Chính phủ là cơ quan chấp hành và hành chính cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Chủ tịch nước và trước Quốc hội về toàn bộ công việc hành pháp và hành chính mà mình được giao. Chính phủ phải phát huy tính tích cực, sáng tạo và hết sức chủ động trong quản lý và điều hành. Như vậy, tạo điều kiện cho chính phủ có đủ thẩm quyền ứng xử linh hoạt, nhanh nhạy trước diễn biến phức tạp của tình hình.

Với vị trí như trên thì thẩm quyền rất quan trọng của chính phủ là chủ động tiến hành có kế hoạch việc lập quy (văn bản dưới luật) để thực hiện Luật do Quốc hội đã thông qua và ban hành. Làm như vậy là đúng với chức năng của cơ quan chấp hành và hành chính cao nhất.

2 - Về nhiệm vụ và quyền hạn của chính phủ, điều cốt yếu là cần phân định rõ ranh giới giữa quyền lập pháp (của Quốc hội) và quyền lập quy (của Chính phủ) ; giải quyết tốt mối quan hệ giữa Quốc hội và Chính phủ, giữa Chính phủ và Tòa án, Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Ở đây chính phủ có *hai* trách nhiệm quan trọng : tham gia quyền lập pháp với tư cách là cơ quan sáng kiến pháp luật, và thực hiện việc lập quy với tư cách là cơ quan thi hành pháp luật. Lẫn lộn hai trách nhiệm này sẽ dẫn đến tình trạng chồng chéo về chức năng.

Cơ quan hành pháp cao nhất phải thể hiện trách nhiệm của mình bằng việc thống nhất quản lý toàn bộ các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh... của nhà nước. Về nhiệm vụ này, chính phủ cũng cần xác định vị trí của mình trong quá trình xử lý các tranh chấp thuộc lĩnh vực hành chính và kinh tế.

3 - Trong cơ cấu của chính phủ hiện nay, có hai khái niệm cần nhận thức rõ là "ngành" và "bộ". "Ngành" là một phạm trù kinh tế - xã hội khách quan. Nó hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở phân công xã hội ngày càng rộng và sâu. Còn "bộ" là tổ chức bộ máy hành chính nhà nước (mang tính chủ quan), nó có thể quản *một* hoặc *một số* ngành. Tùy theo sự phát triển của ngành mà quy mô của bộ có thể mở rộng hoặc thu hẹp, miễn sao phù hợp với quy luật hoạt động chung, không chồng chéo hoặc gò ép, khiên cưỡng.

4 - Về chế độ làm việc, đáng quan tâm là mối quan hệ giữa *cá nhân* và *tập thể* trong chính phủ. Thủ tướng chịu trách nhiệm trước Quốc hội và Chủ tịch nước điều hành nền hành chính của cả nước. Các phó thủ tướng là người giúp việc thủ tướng ; được ủy quyền của thủ tướng khi thủ tướng vắng mặt. Phó thủ tướng không phải là một cấp quản lý trong chính phủ, vì vậy, cá nhân phó thủ tướng chỉ được quyền quyết định khi được thủ tướng chính phủ ủy quyền trong những trường hợp nhất định. Nên coi các cuộc họp bàn bạc tập thể trong chính phủ chỉ là phương tiện để đạt mục đích thống nhất về tư tưởng. Còn sau khi tập hợp đủ trí tuệ của các thành viên trong chính phủ, thủ tướng chính phủ phải là người quyết định cuối cùng và ra quyết định, là người chịu trách nhiệm về quyết định đó. Thực chất chính phủ là tổ chức thi hành, không phải là cơ quan hợp nghị. Vì vậy,

Digitized by Google

sự điều hành của thủ tướng phải được thực hiện theo chế độ thủ trưởng. Có một thực tế là nhiều khi việc gì cũng bàn nhưng lại không đưa ra được quyết sách gì. Ngược lại, có việc rất quan trọng, đáng bàn lại không bàn đến nơi đến chốn, thậm chí không được bàn trước khi ra quyết định.

Rà soát, loại bỏ những quy định, những phương thức tổ chức cũ, bảo đảm cho chính phủ thực sự đi sâu vào quản lý vĩ mô, quản lý bằng pháp luật, bằng những văn bản dưới luật, không can thiệp trực tiếp vào hoạt động của các tổ chức kinh tế, của các đơn vị sản xuất, kinh doanh và các quyền tự quản của các cơ sở văn hóa, xã hội.

Muốn có một nền hành chính tập trung, thống nhất, hiệu lực cao, về lâu dài cần tiến tới xác lập chế độ bổ nhiệm, bãi nhiệm, điều động người đứng đầu các cơ quan hành chính. Trước mắt có thể thực hiện dần chế độ thủ tướng chính phủ bổ nhiệm chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

5 - Để bộ tập trung vào chức năng quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô, không làm chức năng sản xuất, kinh doanh như luật định, hướng hiện nay là hợp nhất các bộ có chức năng giống nhau và gần nhau, tăng cường các bộ chức năng, giảm bớt các bộ quản lý ngành (thay vào đó là thành lập các tổng công ty quốc gia) ; sắp xếp lại các cơ quan trực thuộc chính phủ. Điều đó phù hợp với yêu cầu tổ chức gọn nhẹ, ít đầu mối, ít trung gian, và còn có tác dụng tách hoạt động sản xuất kinh doanh ra khỏi chức năng của bộ.

Thay cho hình thức quản lý sự vụ, can thiệp sâu vào quản lý sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp, phải nâng tầm quản lý của bộ lên trình độ lập quy, quản lý toàn ngành, toàn lĩnh vực (ở cả trung ương và địa phương, thuộc tất cả các thành phần kinh tế). Bộ phải có khả năng lập dự án chiến lược, lập kế hoạch dài hạn và trung hạn trên cơ sở dự báo thị trường ; định hướng và có chính sách phát triển khoa học và công nghệ hỗ trợ cho ngành. Cùng với công cụ tài chính, ngân hàng, giá cả... bộ cần quan tâm tới bình diện kế hoạch với nội dung và phương thức hoàn toàn mới, thích hợp với sự chuyển đổi sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước.

Nghị định 15/CP ngày 23-3-1993 quy định bộ có các quyền : thành lập, giải thể doanh nghiệp nhà nước thuộc bộ ; quy định phương hướng sản xuất kinh doanh, kiểm tra bảo toàn vốn, sử dụng tài sản ; quyết định bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp v.v.. Những quy định trên cần được nghiên cứu xử lý cho phù hợp với yêu cầu phát triển của nền kinh tế nhiều thành phần và cũng để trả lời cho câu hỏi : Bộ có còn là cơ quan chủ quản cấp trên của xí nghiệp nữa hay không ?

Bộ trưởng là người thực thi quyền lực nhà nước về hành pháp trong phạm vi ngành, lĩnh vực mình phụ trách, trên phạm vi cả nước, Bộ trưởng chịu sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của thủ tướng chính phủ, chịu trách nhiệm trước thủ tướng và Quốc hội.

Hiện nay, việc điều hành kém hiệu lực ở các cấp trong bộ máy hành pháp có một nguyên nhân cơ bản là do quyền hạn và trách nhiệm cá nhân của cán bộ quản lý không đầy đủ, không rõ ràng. Thủ tướng, các phó thủ tướng nhất quyết không làm thay việc của bộ trưởng. Việc bố trí ít phó thủ tướng ngoài mục đích giảm đầu mối quản lý, còn là để thẩm quyền của bộ trưởng không bị rút đi từ phía trên. Cũng như thế, việc cử ít thứ trưởng là để thẩm quyền của bộ trưởng bớt bị rút đi từ phía dưới.

Theo tinh thần Hiến pháp năm 1992 về chế độ kiêm nhiệm công tác, ngoài thủ tướng chính phủ, cần hạn chế ở mức thấp nhất các thành viên chính phủ trực tiếp tham gia đại biểu Quốc hội và các cương vị công tác khác. Từng bước thực hiện điều đó sẽ giảm bớt sự lẫn lộn giữa quyền lập pháp và quyền hành pháp, tạo điều kiện cho bộ trưởng tập trung làm nhiệm vụ chính của mình.

6 - Hiện nay, một vấn đề đặt ra là phải thực hiện

Digitized by Google

sự phân bố hợp lý quyền lực giữa trung ương và địa phương. Đó là nội dung cơ bản, có ý nghĩa quan trọng đối với hiệu lực quản lý nhà nước. Để giải quyết vấn đề này, cần xác định rõ ràng, cụ thể mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ trong nền hành chính quốc gia (cụ thể ở đây là giữa trung ương và các địa phương) ; làm rõ vai trò và quyền hạn của nhà nước, của chính phủ, của bộ trưởng đối với các địa phương, bảo đảm tính nhất quán, tính tập quyền của nhà nước.

Sự phân cấp cho địa phương là phân cấp thẩm quyền, nhiệm vụ cho cấp chính quyền (tỉnh, thành phố, quận, xã). Sự phân cấp hiện nay có nhiều nội dung chưa hợp lý, chủ yếu là vấn đề phân cấp ngân sách. Nó vừa mang tính tập trung quan liêu, không giao đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm cho chính quyền địa phương, làm cho địa phương bị động, dễ dẫn đến sự ỷ lại vào trung ương ; vừa phân tán quyền lực, dễ dẫn đến tự do vô chính phủ.

7 - Để bảo đảm tính thống nhất của pháp chế, cần có một hệ thống pháp luật thể hiện đầy đủ tính chất và yêu cầu của hệ thống chính trị và bộ máy hành chính nhà nước, một nền hành chính tổ chức và hoạt động trên cơ sở hệ thống pháp luật, trực tiếp là luật pháp hành chính, và tăng cường pháp chế. Luật pháp hành chính điều chỉnh toàn bộ hoạt động của các cơ quan, tổ chức nhà nước cũng như các công chức hành chính.

Bộ máy hành chính nhà nước cần có phương thức hoạt động sao cho phát huy cao độ được quyền dân chủ, tính chủ động sáng tạo của công dân tham gia quản lý nhà nước ; cải tiến phương thức dịch vụ, đáp ứng yêu cầu hàng ngày của công dân, bảo đảm phục vụ nhanh chóng, thuận tiện, hợp lệ, không cửa quyền, không hối lộ, tham nhũng. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu hoàn thiện phương thức quản lý là xây dựng luật về thẩm quyền và trình tự ban hành văn bản pháp quy của nhà nước và thiết lập tòa án hành chính. Luật đó là bộ phận quan trọng góp phần cụ thể hóa chủ trương quản lý xã hội, quản lý nhà nước bằng pháp luật. Những hành vi vi phạm kỷ luật hành chính phát sinh trong quá trình hoạt động phải do cơ quan nhà nước, nhà chức trách hành chính hay công chức chịu trách nhiệm. Tòa án hành chính đã trở nên cần thiết để xét xử những vụ việc vi phạm pháp luật, phạm pháp hành chính khi có những tranh chấp, tố tụng của công dân cũng như của tổ chức hành chính nào đó đối với cơ quan công vụ hay công chức.

8 - Xây dựng một đội ngũ công chức nhà nước có năng lực. Một nhà nước chính quy, hoạt động có hiệu lực phải có một quy chế công cụ khoa học, một quy chế công chức rõ ràng, rành mạch, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện hiện có của nền kinh tế - xã hội. Không thể lấy khái niệm công chức của nhà nước khác theo phương hướng kỹ trị, gán vào nội dung khái niệm công chức của Nhà nước ta. Quy chế công chức nhà nước được quy định bằng văn bản luật và dưới luật do cơ quan có thẩm quyền quy định (không phải bằng hợp đồng hành chính). Quy chế đó phải quy định chặt chẽ việc tuyển dụng, bổ nhiệm, thăng giáng cấp bậc, chức vụ, cho thôi việc, bãi nhiệm, cách chức, hưu trí... đối với người công chức. Trước mắt cần khẩn trương tổ chức lại công tác đào tạo cán bộ nhà nước theo hướng chính quy hóa, xây dựng chương trình và thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng bắt buộc kiến thức quản lý nhà nước cho cán bộ đương chức các cấp.

*

Đổi mới bộ máy hành chính nhà nước thực chất là nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Điều đó phù hợp với yêu cầu xây dựng một nhà nước pháp quyền thực sự của dân, do dân và vì dân ở nước ta. Đây là một vấn đề rộng lớn và phức tạp, cần có nhiều công trình nghiên cứu cả về lý luận lẫn thực tiễn, nhất là nghiên cứu tổng thể, thì mới có thể làm sáng rõ mọi khía cạnh đặt ra trong công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia của chúng ta hiện nay.

Digitized by Google

CÁCH MẠNG CÔNG NGHỆ – thách thức, thời cơ và sự trả giá

NGUYỄN VĂN THU *

Có một đề tài hiện nay thu hút khá nhiều tâm lực của các nhà nghiên cứu. Đó là xem xét vai trò tăng lên không ngừng của khoa học kỹ thuật, sự tác động mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật lên mọi mặt đời sống xã hội, sự thay đổi về chất của bản thân khoa học kỹ thuật. Người ta hay nhắc đến một cuộc cách mạng công nghệ, nhấn mạnh tầm quan trọng của nó như một bước ngoặt thời đại, như một thách thức, một thời cơ hiếm có đối với tất cả các dân tộc trên hành tinh.

Bài viết này xin nêu đôi điều suy nghĩ về cuộc cách mạng đó trên thế giới và nhìn nhận nó trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

1 - *Cách mạng công nghệ - sự thách thức đối với mọi quốc gia*

So sánh lịch sử phát triển của cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây và cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày nay, chúng ta có thể đi tới một số nhận xét :

- Trong cuộc cách mạng kỹ thuật trước đây, với việc phát triển và phổ cập rộng rãi máy hơi nước, chức năng cơ bắp của con người được trao lại phần lớn cho máy móc. Ngày nay, với sự ra đời và phổ cập các thế hệ khác nhau của máy tính điện tử, không chỉ chức năng lô gích mà cả một phần chức năng tư duy sáng tạo của con người cũng được máy thay thế. Con người dần dần nhường chỗ cho thế hệ người máy công nghiệp làm việc trong những điều kiện độc hại, nguy hiểm, trên vũ trụ hoặc dưới đáy sâu đại dương... Như vậy, trong điều kiện cách mạng công nghệ hiện nay, *thế mạnh tương đối về nguồn lao động đơn giản, tay nghề thấp, đã và sẽ mất dần ý nghĩa. Lợi thế thuộc về những quốc gia có lực lượng lao động được đào tạo ngang tầm với những đòi hỏi của công nghệ hiện đại.*

- Từ hoàn thiện công nghệ khai thác kim cương tự nhiên, con người ngày nay đã tìm ra phương pháp chế tạo ra kim cương ở quy mô công nghiệp ; cao su nhân tạo thay thế cao su tự nhiên, sợi tổng hợp thay thế sợi tự nhiên... con người đã có thể thu được các vật liệu với tính năng định trước, với giá thành ngày càng rẻ. Từ chọn lọc cả thể những giống cây trồng, vật nuôi quý sẵn trong tự nhiên, các nhà công nghệ sinh học đã tạo ra giống cây, con theo ý muốn của con người. Rõ ràng, với cách mạng công nghệ hiện nay, *lợi thế tương đối về nguồn tài nguyên thiên nhiên và điều kiện tự nhiên cũng có thể không còn giữ được vai trò quan trọng như trước.*

- Ở giai đoạn đầu của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, các ngành công nghiệp hóa chất, luyện kim, chế tạo máy... đã đem lại cho loài người những lợi ích to lớn. Song cũng chính những ngành này hiện đang gây cho con người bao nỗi lo âu về nạn ô nhiễm và cạn kiệt tài nguyên. Với cách mạng công nghệ hiện nay, con người đã có thể tạo ra các sản phẩm và dịch vụ với chỉ số tiêu hao năng lượng và nguyên vật liệu ít hơn nhiều lần so với công nghệ truyền thống. Bởi vậy, cơ sở vật chất kỹ thuật đồ sộ, nặng nề của các ngành công nghiệp cổ điển đã trở nên lỗi thời, và các nước công nghiệp phát triển "sẵn sàng" chuyển giao các kỹ thuật và công nghệ tiêu tốn năng lượng, nguyên vật liệu, gây ô nhiễm, với giá "mềm" hơn cho các nước chậm phát triển.

- Trong các giai đoạn phát triển trước đây, kỹ thuật thường chạy theo khái quát kinh nghiệm thực tiễn của sản xuất, còn khoa học thì lại theo sau để giải thích các nguyên lý kỹ thuật. Trong điều kiện cách mạng công nghệ ngày nay, nhiều ngành sản xuất quan trọng như điện tử, tin học, công nghệ sinh học, năng lượng hạt nhân... lại là sản phẩm trực tiếp của các thành tựu nghiên cứu cơ bản. Chính vì vậy, từ vị trí "trang điểm", từ khu vực "phi sản xuất", hoạt động nghiên cứu triển khai đã thật sự trở thành một ngành sản xuất đòi hỏi đầu tư lớn và có khả năng sinh lợi cao. Nếu tính theo số tuyệt đối, chỉ số đầu tư đó ở các nước phát triển thường cao gấp 50 lần so với ở các nước đang phát triển.

2 - *Cách mạng công nghệ - thời cơ hiếm hoi đối với các nước, nhất là các nước chậm phát triển.*

Một thực tế trong lịch sử phát triển kỹ thuật của thế giới cho thấy, do nhiều nguyên nhân khác nhau, không phải lúc nào nước của tác giả các phát minh cũng là nước đầu tiên gặt hái các thành quả về công nghệ. Nhiều nước lập các "kỷ lục

* Phó tiến sĩ kinh tế

Digitized by Google

thần kỳ" về phát triển kinh tế trong những thập kỷ vừa qua, lại không phải là các cường quốc sáng tạo ra công nghệ. Bởi vậy, nhiều nhà dự báo đã cho rằng, trong những thập kỷ tới, tương lai sẽ thuộc về những nước có tiềm năng ứng dụng lớn.

Chúng ta cũng đã chứng kiến sự rút ngắn quá trình công nghiệp hóa ở một loạt nước vào các thời điểm khác nhau. Để công nghiệp hóa, Anh cần tới 120 năm, Tây Âu và Mỹ - khoảng 80 năm ; Nhật bản - xấp xỉ 60 năm ; còn 4 "con rồng" châu Á lại chỉ cần trên dưới 20 năm. Trong điều kiện cách mạng công nghệ hiện nay, người ta thấy chỉ cần : từ 1 đến 3 năm là đủ để loại một mặt hàng ra khỏi thị trường thế giới ; từ 3 đến 5 năm là đủ để hình thành mới, thay thế hoặc loại bỏ một ngành sản xuất công nghiệp ; từ 5 đến 10 năm là đủ để đánh bại một cường quốc hoặc một nhóm cường quốc công nghiệp về một mặt hàng cạnh tranh nào đó.

Các nước đi sau, nếu biết lựa chọn, tiếp thu, thích nghi và làm chủ được các công nghệ có sẵn, thì sẽ tránh được đi đường vòng, có thể rút ngắn thời gian tìm tòi, nghiên cứu, giảm được tới mức thấp nhất độ "mạo hiểm" của quá trình áp dụng công nghệ mới. Các nước đó có khả năng đi nhanh vào các lĩnh vực công nghệ hiện đại, như điện tử, công nghệ sinh học, vật liệu mới... Bởi vì, về công nghệ, so với các nước đi trước, họ ít bị phụ thuộc hơn vào những công nghệ tiêu tốn năng lượng, nguyên liệu. Về môi trường, họ có thể rút kinh nghiệm các nước đi trước, tránh những công nghệ phá hoại môi trường sống, đi ngay vào những công nghệ phù hợp với điều kiện sinh thái của xứ sở.

Trong điều kiện dân đông và nhịp độ tăng dân số cao, cơ sở công nghiệp còn nhỏ bé và không có hiệu quả, tài nguyên cạn kiệt dần, các nước đi sau không có sự lựa chọn nào khác là phải sử dụng công nghệ như "chìa khóa vàng" cho sự phát triển. Thay cho các kế hoạch hóa truyền thống, chủ yếu dựa vào khả năng tăng vốn đầu tư, cần phải lưu ý trước hết tới việc đánh giá dự báo khả năng tiềm tàng của các công nghệ có thể lựa chọn. Tuy nhiên, không phải tất cả các nước đi sau đều có khả năng khai thác có hiệu quả "lợi thế của người đi sau", nắm lấy thời cơ công nghệ chuyển vùng để đưa đất nước đi lên, nhanh chóng thu hẹp khoảng cách về công nghệ so với các nước đi trước. Nếu bỏ lỡ cơ hội hiện nay thì các nước chậm phát triển sẽ khó tránh khỏi lệ thuộc lâu dài về công nghệ vào các nước phát triển.

Các nước đi sau, bên cạnh những lợi thế, cũng vấp phải những khó khăn to lớn, những "ngưỡng" mà họ phải vượt qua để có thể sử dụng công nghệ như là "công cụ" của sự phát triển.

Để có thể lựa chọn trúng, nhanh chóng làm chủ và thích nghi với các công nghệ sẵn có của nước ngoài, các nước đi sau phải dành nguồn lực lớn và "trả giá" cao cho việc xây dựng một *năng lực công nghệ quốc gia đủ mạnh*. Rất tiếc, trong điều kiện các nước chậm phát triển, mỗi khi ngân sách nhà nước gặp khó khăn, thì khu vực đầu tiên bị cắt giảm lại thường là khu vực liên quan đến hoạt động nghiên cứu - triển khai. Cũng do điều kiện làm việc quá khó khăn, nên hiện tượng "chảy máu não" vẫn là bi kịch đối với các nước đang phát triển.

Ngay cả khi đã có sự cam kết của nhà nước là sẽ đầu tư cho phát triển năng lực công nghệ của nước nhà, thì một vấn đề không dễ giải quyết khác lại đặt ra : phát triển năng lực ấy *theo hướng nào* ? Theo hướng *toàn diện* hay *có chọn lọc*, theo hướng *đổi mới công nghệ* hay *làm giàu kho tàng tri thức của nhân loại* ? Ở đây cũng đòi hỏi một sự "trả giá". Do có phần lẫn lộn giữa khái niệm "tự chủ" và "tự túc" về công nghệ, nhiều quốc gia chậm phát triển thường phân bố nguồn lực vốn đã rất hạn chế của mình cho quá nhiều hướng nghiên cứu (điều mà người ta thường gọi là chiến lược "quả mít") ; hậu quả là họ đã *không có được một mũi nhọn nào đạt trình độ cạnh tranh quốc tế*, không tạo ra được thế mạc cả nào trong điều kiện thế giới tùy thuộc lẫn nhau.

Giả sử đã có được năng lực công nghệ phù hợp thì việc phổ cập các đổi mới về công nghệ trong nền kinh tế quốc dân còn tùy thuộc trực tiếp vào *tính mẫn cảm đối với "cái mới" của môi trường kinh tế - xã hội*. Đáng buồn là trong bối cảnh các nước chậm phát triển, do sự phản ứng chậm chạp trước những thách thức gay gắt trên quy mô quốc tế về năng suất lao động, về chất lượng sản phẩm, do thói quen bằng lòng với những gì đã đạt được, do tư tưởng khép kín, v.v. người ta đã không tạo được môi trường thuận lợi cho đổi mới kỹ thuật và công nghệ. Để thay đổi tập quán, nếp nghĩ, phong cách tư duy của một xã hội chậm phát triển, chưa quen hòa nhập với cộng đồng quốc tế, cần có một quyết tâm cao, một nghị lực lớn, không chỉ của những người lãnh đạo, mà cả của toàn xã hội.

3 - *Không để lỡ thời cơ, không hờ hững với cuộc cách mạng công nghệ*

Nước ta đang đứng trước một thách thức nghiệt ngã. Do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong nhiều thập kỷ qua, chúng ta đã bị tụt lại sau trong cuộc cách mạng công nghệ hiện đại.

Digitized by Google

Cũng vì vậy, trình độ công nghệ thấp kém. Năng suất, chất lượng, hiệu quả của sản xuất qua nhiều cuộc vận động, chưa dấy lên được là bao. Tốc độ phát triển của nền kinh tế quá chậm. Tiềm năng to lớn về con người, về điều kiện thiên nhiên, chưa được phát huy. Cuộc cách mạng công nghệ hiện đại đang tạo cho chúng ta những cơ hội lớn. Nếu có chủ trương, chính sách đúng, nắm bắt được những thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng đó, phát huy trí tuệ con người Việt nam, chúng ta nhất định có thể tiến nhanh trên con đường hiện đại hóa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Vốn quý nhất của chúng ta là cớ hàng chục triệu lao động cần cù (nhiều người có tay nghề cao), dũng cảm, thông minh, có hàng vạn cán bộ khoa học trình độ không thua kém các nước khác trong nhiều lĩnh vực. Chúng ta lại là nước đi sau, có điều kiện để kế thừa và phát huy những thành tựu mới nhất của văn minh nhân loại. Tuy vậy, không thể một lúc có ngay tất cả những công nghệ chủ yếu mà ta cần, cũng như chưa thể chế tạo được mọi sản phẩm của ngành công nghiệp nặng và công nghệ cao cấp. Chúng ta có thể đổi mới được sản phẩm và công nghệ bằng việc trao cho thị trường thế giới những hàng hóa ta có sẵn như lao động, chất xám, lợi thế tự nhiên và các dịch vụ khác. Như thế, không nhất thiết chúng ta phải xây dựng ngay, bằng mọi giá, một số ngành công nghiệp nặng đòi hỏi quá nhiều vốn đầu tư, không hợp với khả năng, và vì thế, không kinh tế.

Tính đến nay, trên thế giới đã có tới trên một triệu hạng mục kỹ thuật tiên tiến và bằng phát minh sáng chế được đánh giá cao. Con số đó mỗi năm lại tăng thêm 15%. Để có thể thực hiện chiến lược "làm một số, mua một số", chúng ta phải chủ động và tích cực chuẩn bị mọi mặt để tham gia phân công lao động quốc tế theo nhiều phương thức và trình độ thích hợp. Cần tận dụng những tri thức khoa học công nghệ mới nhất của thế giới, tranh thủ công nghệ hiện đại của các nước, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu triển khai trong nước với nhập công nghệ từ ngoài. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức và cá nhân các nhà khoa học nước ngoài xây dựng các cơ sở khoa học và công nghệ ở nước ta, hướng vào những vấn đề mà ta quan tâm.

Với tinh thần ấy, chiến lược phát triển công nghệ của nước ta phải kết hợp giữa xây dựng năng lực công nghệ quốc gia nhằm tạo ra những công nghệ cần thiết, với việc đẩy mạnh nhập và thích nghi với công nghệ nhập từ nước ngoài ; tranh thủ tới mức cao nhất những thành tựu của cách mạng công nghệ trên thế giới. Hai mặt trên của một chiến lược thống nhất, bổ sung và hỗ trợ cho nhau, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển. Chúng ta hết sức coi trọng công nghệ nước ngoài ; nhưng nếu không tạo cho mình một trình độ nghiên cứu triển khai trong nước đủ để nắm vững và làm chủ công nghệ nhập, thì việc các nước chuyển giao công nghệ cho ta ít có ý nghĩa đối với sự phát triển công nghệ của đất nước.

Trước mắt, chiến lược của chúng ta phải bắt đầu từ việc cải tạo và đồng bộ hóa các dây chuyền công nghệ hiện có, tìm cách khai thác tối đa công suất thiết bị, tiết kiệm nguyên liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm. Điều này cần đi đôi với việc tăng cường kỷ cương và nền nếp quản lý kỹ thuật trong sản xuất. Ở một số khu vực sản xuất quan trọng, như khu vực sản xuất hàng xuất khẩu hay những nơi có thể mở ra hướng phát triển của những ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng dẫn tới sự chuyển biến của cơ cấu kinh tế, chúng ta phải tìm cách chuyển giao ngay những công nghệ hiện đại, tiên tiến nhất, để có thể mở ra những "cửa đột phá", bước vào thị trường thế giới với những sản phẩm đạt và vượt trình độ các nước khác. Chúng ta cũng cần chú ý tới những công nghệ quy mô vừa và nhỏ, phù hợp với yêu cầu về sản phẩm, phù hợp với điều kiện tài nguyên, lao động và khả năng quản lý của ta. Với những công nghệ đó, chúng ta nhanh chóng thu hồi vốn, nhanh chóng bắt kịp với tiến bộ kỹ thuật trên thế giới. Đồng thời, chúng ta cũng cần khẩn trương xây dựng một số ngành mũi nhọn (như công nghệ sinh học, điện tử, tin học, vật liệu mới) dựa vào thế mạnh của nước ta về điều kiện tự nhiên và con người để nhanh chóng *chiếm lĩnh trận địa*.

Bối cảnh quốc tế hiện nay cho thấy, đã xuất hiện những điều kiện và tiền đề để nước ta có thể tạo ra những chuyển biến căn bản cho toàn bộ sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước. Phải quyết tâm phát huy mọi tiềm năng, nhất là trí tuệ, nắm bắt thời cơ, đưa đất nước vào một thời kỳ mới phát triển năng động. Nếu để lỡ thời cơ, hờ hững với cuộc cách mạng công nghệ, sẽ không tránh khỏi rơi vào tình trạng ngày càng khó khăn hơn, dẫn đến những hậu quả khôn lường. Tình hình mới, đòi hỏi cách tư duy và hành động mới, tỉnh táo và nhạy bén. Chủ nghĩa xã hội với những lý tưởng cao cả, với khả năng to lớn còn tiềm ẩn, lại một lần nữa được dịp tỏ rõ sức sống và sức sáng tạo trên đất nước ta.

Digitized by Google

NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN TIỀN GIANG - những chủ trương và thực tiễn phát triển

HUỲNH VĂN NIỀM*

TIỀN GIANG vốn là một tỉnh nông nghiệp. Diện tích đất không lớn, nhưng người lại đông. Từ lâu nổi tiếng là một vựa lúa và lúa tốt của Nam bộ. Song, trong suốt 30 năm chiến tranh, cũng là tỉnh bị tàn phá nặng nề nhất.

Sau ngày niềm Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, đảng bộ tỉnh Tiền giang xác định rõ phương hướng của tỉnh là : tập trung phát triển nông nghiệp, xây dựng lại nông thôn, lấy sản xuất lương thực làm trọng tâm. Từ năm 1976, đảng bộ đã đề chỉ tiêu 1 triệu tấn lương thực/năm cho các năm tiếp sau.

Những ngày đầu, đảng bộ tỉnh tập trung vận động nông dân rời bỏ các ấp chiến lược và khu tập trung cũ của địch trở về nơi ở cũ, phục hóa, khai hoang, tháo gỡ bom, mìn, san lấp mặt bằng đồng ruộng, tăng vụ, thâm canh, tạo nên phong trào rộng lớn đắp đê biển, nạo vét sông rạch, làm bờ vùng bờ thửa, đắp lộ, bắc cầu, nhanh chóng xóa bỏ vết thương chiến tranh. Vừa phục hóa vừa tăng vụ, tỉnh đã nhanh chóng đưa diện tích lúa hai vụ từ 30 000 ha với sản lượng lương thực ước 400 000 tấn/năm lên 75 000 ha với sản lượng lương thực trên 780 000 tấn/năm, tăng gấp đôi so với năm 1975. Nổi bật là năm 1978, sau lũ lụt lớn, tỉnh đã làm được việc mà trước đây không ai dám nghĩ tới : đưa 10 000 ha (chủ yếu là vùng lúa nổi Đồng Tháp mười) từ 1 vụ lên 2 vụ. Trở ngại chính lúc này là toàn tỉnh chưa có giống lúa mới. Liên tiếp hai năm 1977 và 1978, lúa của tỉnh bị rầy nâu tàn phá nặng nề, mất mùa, dân bị đói.

Từ vụ đông xuân 1978-1979, nhờ tìm được giống lúa mới, tỉnh đã liên tiếp được mùa. Đến nay, đồng bào Tiền giang đã rất quen với giống lúa mới kháng rầy, năng suất cao, chất gạo tốt.

Năm 1980, tỉnh quyết định xây dựng vùng lúa năng suất cao 20 000 ha, sau sẽ mở rộng dần. Những tiến bộ kỹ thuật được phổ biến rộng rãi cho nông dân với mục tiêu đạt cho được năng suất lúa : 10 tấn/ha/năm. Trong đó nổi bật 2 điểm mới : *một là*, sử dụng giống lúa mới với 2 loại giống chủ lực lúc bấy giờ là IR.36 và LĐ2 ; *hai là*, thay đổi tập quán bón phân, đi vào dùng phân lân. Lần đầu tiên vận động nông dân bón phân lân là một việc không đơn giản. Đến nay tỉnh đã đạt được năng suất lúa ổn định : 12 tới 14 tấn/ha/năm trên diện tích 85000 ha (vùng lúa năng suất cao).

Trên cơ sở thâm canh, tăng vụ, được mùa, từ năm 1977 Tiền giang tiến hành cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp với các hình thức từ thấp đến cao : tổ vần công, đổi công, tổ đội đoàn kết sản xuất, tập đoàn sản xuất và hợp tác xã. Kết hợp thi hành Chỉ thị 100 của Ban bí thư Trung ương Đảng, đến tháng 10-1984, Tiền giang được công nhận là tỉnh hoàn thành cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp dưới 2 hình thức *tập đoàn sản xuất* và *hợp tác xã*, với trên 162 925 hộ tham gia (bằng 87,08% số hộ ở nông thôn) và diện tích lúa canh tác 94 410 ha. Trong 2 năm 1984-1985, các tập đoàn sản xuất và hợp tác xã làm được nhiều việc : xây dựng công trình thủy lợi nội đồng, đường giao thông nông thôn, san lấp mặt bằng đồng ruộng, bơm tát, sạ với nhiều loại giống lúa mới ; bảo đảm tình hình kinh tế - xã hội và chính trị ở nông thôn ổn định ; giúp cho các quốc doanh dịch vụ nông nghiệp thiết lập được mạng lưới cung ứng vật tư phục vụ cho thâm canh, tăng vụ ; bảo đảm năng suất và sản lượng lương thực tiếp tục tăng và một số ngành nghề được mở ra ở nông thôn. Nhờ vậy, đời sống nhân dân, kể cả ở vùng sâu, vùng căn cứ kháng chiến cũ, có sự cải thiện đáng kể. Trạm y tế, trường học, hoạt động văn hóa... phát triển đều khắp.

Nhưng từ cuối năm 1985, các hợp tác xã và tập

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Tiền giang

Digitized by Google

đoàn sản xuất bắt đầu bộc lộ các nhược điểm, dẫn đến năng suất, sản lượng chững lại, thu nhập của gia đình xã viên, tập đoàn viên bị giảm sút. Tính lúc đó đã có 5 chương trình kinh tế có mục tiêu : vùng lúa năng suất cao ; kinh tế vườn ; kinh tế biển ; vùng kinh tế Đồng Tháp mười (chủ yếu lúc bấy giờ trồng các loại cây nguyên liệu cho công nghiệp chế biến như : dứa, mía, cói...) ; chương trình tiểu, thủ công nghiệp và công nghiệp phục vụ nông nghiệp. Nhưng trong 5 chương trình đó, chỉ có chương trình vùng lúa năng suất cao là có hiệu quả rõ, còn các chương trình khác kết quả rất hạn chế.

Từ thực tế trên, tỉnh đã nghĩ đến việc đổi mới trong nông nghiệp, nông thôn. Đến khi có Nghị quyết 10 của Bộ chính trị Trung ương Đảng, tỉnh vận dụng và ra nghị quyết 14 xúc tiến mạnh việc đổi mới quản lý kinh tế hợp tác theo hướng : xác định hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đồng thời đổi mới nội dung hoạt động của hợp tác xã và tập đoàn sản xuất phù hợp với *thực trạng* của từng hợp tác xã và tập đoàn sản xuất. Đối với các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất mạnh, có cán bộ quản lý có uy tín, biết kinh doanh, thì có thể tiếp tục kế hoạch hóa sản xuất theo quy trình tiến bộ kỹ thuật thông qua chương trình khuyến nông, đảm nhận dịch vụ đầu vào cho hộ gia đình xã viên ; nơi có vốn khá thì làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm. Đối với các hợp tác xã trung bình, ít vốn, cán bộ chưa giỏi, thì chuyển các việc, các khâu hợp tác xã còn đảm đương được sang cho các tổ nhóm chuyên đảm nhận, còn *ban chủ nhiệm* hợp tác xã thì chuyển sang làm chức năng *hội đồng quản trị* để điều hành những việc, những khâu xét ra hộ không làm được. Đối với số hợp tác xã, tập đoàn sản xuất chỉ còn là hình thức, thì chuyển về hình thức *ban quản lý kinh tế ấp,* làm 2 chức năng : vừa giúp xã quản lý điều hành kinh tế hộ, vừa làm công tác quản lý hành chính... Ngoài việc tổ chức lại sản xuất như trên, tỉnh còn chủ trương khuyến khích các hộ làm giàu, giảm bớt các hộ nghèo với sự trợ vốn, trợ lực của cộng đồng, của các đoàn thể, của các hội nghề nghiệp và của nhà nước.

Thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần, tỉnh đã sắp xếp lại kinh tế quốc doanh. Đối với các nông trường làm ăn không có hiệu quả, tỉnh đã giao đất lại cho các hộ nông dân sử dụng lâu dài. Còn 1 nông trường lớn, làm ăn có hiệu quả, thì thực hiện khoán diện tích cây trồng đến từng hộ nông trường viên. Các quốc doanh dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, huyện, thì được củng cố, tổ chức lại màng lưới phục vụ cơ sở. Đối với các hộ nông dân, tỉnh đã tiến hành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất lâu dài, bảo đảm cho họ được làm chủ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của mình. Đi đôi với đổi mới quản lý kinh tế hợp tác, tỉnh đã có hàng loạt biện pháp nhằm giải tỏa, bảo đảm tốt lưu thông hàng hóa, như : bãi bỏ trạm kiểm soát ; thu thuế nông nghiệp bằng tiền ; thương mại hóa vật tư. Thực tế công cuộc đổi mới đã giúp cho nông dân làm ăn phấn chấn. Ai cũng thấy khá hoặc đỡ hơn trước, trừ một số ít hộ bị giành lại hết ruộng đất. Những hộ có vốn, trong những năm qua đã bỏ ra trên 100 tỉ đồng để mua sắm trên 900 máy cày và máy xới (từ 20 đến trên 30 sức ngựa) phục vụ sản xuất, đã trang bị mới và bổ sung cho trên 1200 máy xay xát lúa gạo, cho hàng trăm cơ sở sửa chữa cơ khí, chế biến nông sản. Nông dân cũng đã góp nhiều tiền của và công sức vào việc phát triển hệ thống thủy lợi, giao thông, trường học, điện. Mỗi năm số tiền nông dân đóng góp gấp đôi số vốn nhà nước bỏ ra.

Nông dân còn tự nguyện tổ chức trên 2 400 nhóm hộ liên doanh tín dụng để đại diện cho họ vay vốn ngân hàng, đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất. Năm 1992, ngân hàng đã cho họ vay trên 70 tỉ đồng ; năm 1993 này, thông qua các tổ liên doanh này, ngân hàng sẽ tiếp tục cho họ vay 150 tỉ đồng. Nếu tính cả các nguồn vốn do các đoàn thể cung cấp, thì vốn cho nông dân vay lên đến 180 tỉ đồng. Số tiền đó tuy chưa đáp ứng được yêu cầu vốn sản xuất cho các hộ nông dân, nhưng cũng đã giải quyết được vốn cho khoảng 30-40% số hộ thiếu vốn (trong đó có khoảng 10% số hộ nghèo vay thông qua tín chấp)

Việc đổi mới theo Nghị quyết 10 đã tạo sự phấn khởi lớn trong nông dân, tuy có làm nảy sinh các hiện tượng tranh chấp ruộng đất, đôi khi có ảnh hưởng đến sản xuất. Chính sự phấn khởi lớn của nông dân là động lực chủ yếu đưa đến những kết quả vượt bậc của Tiền giang trong mấy năm qua.

Để chỉ đạo sâu sát, tỉnh chủ trương phân kinh tế nông nghiệp thành 5 tiểu vùng : một là, *vùng lúa năng suất cao* (từ 20 000 ha sẽ mở rộng ra 50 000 ha, rồi 90 000 ha) ; hai là, *vùng kinh tế vườn* (45 000 ha) ; ba là, *vùng kinh tế biển* (với 32 km bờ biển, 6 000 ha đất ven biển và hàng ngàn ha mặt nước ngọt, lợ) ; bốn là, *vùng ngọt hóa* Gò công (trước mắt thực hiện chương trình ngăn mặn, dẫn ngọt về tưới cho 35 000 ha đất nhiễm mặn để biến vùng này trở thành vùng lúa năng suất cao) ; năm là, *vùng khai hoang* Đồng tháp mười (với 30 000 ha từ lâu chưa khai phá ; phương hướng là biến vùng này thành

Digitized by Google

một vùng lớn trồng cây nguyên liệu cho công nghiệp).

Thành tựu Tiền giang đạt được từ khi đổi mới đến giờ, là vượt bậc. Năm 1991, lần đầu tiên Tiền giang vượt qua cửa 1 triệu tấn lương thực trên 100000 ha đất canh tác ; năm 1992, xuất khẩu nông sản (gạo, tôm cá, rau quả...) đạt gần 30 triệu đô la.

Kết quả nói trên, đặc biệt là kết quả vài năm trở lại đây, cho thấy : nông nghiệp Tiền giang phát triển đều hơn trên các tiểu vùng ; số lượng và chất lượng sản phẩm được nâng lên trên tất cả các mặt trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, đánh bắt hải sản. Cùng với nông nghiệp, nhiều ngành nghề ở nông thôn phát triển, như : xay xát lúa gạo ; mua bán vật tư hàng hóa nông sản ; xây cất nhà ; chế biến đồ gia dụng ; sửa chữa máy móc ; chế biến lương thực - thực phẩm ; vận tải thủy, bộ, phục vụ vận chuyển hàng hóa và đi lại cho nhân dân...

Cùng với tiến bộ về nông nghiệp, nông thôn cũng có bước đổi mới : điện, đường sá, cầu cống, phương tiện đi lại, bến xe, chợ, trường học, trạm y tế hướng dẫn sinh đẻ có kế hoạch, các điểm sinh hoạt văn hóa, radiô, truyền hình... đều phát triển. Nhờ giao thông thuận tiện, hiện nay không còn một xã nào ở Tiền giang có thể gọi là xa xôi hẻo lánh.

Có bước cải thiện về các mặt ăn ở, đi lại học hành, giải trí, trị bệnh... đời sống một bộ phận nông dân khá lên, có vườn lớn, có máy kéo, có xe tàu vận tải, có nhà máy xay, có trạm bán xăng dầu, phân bón... Đối với bà con nông dân, đây thực sự là một cuộc đổi đời.

Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa, xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa và nâng cao đời sống nông dân, tỉnh hiện nay vẫn còn có những khó khăn chưa đáp ứng được.

Vấn đề nổi bật có ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội nông thôn, là *vấn đề thị trường*. Một thời gian trước đây, khi có nông sản hàng hóa kha khá, nông dân thu được lợi là nhờ có giá cả tốt. Nhưng gần đây, nhiều mặt hàng của địa phương thiếu thị trường tiêu thụ, hoặc có thị trường nhưng giá cả chưa có lợi cho nông dân ; địa phương thiếu thông tin dự báo thị trường để có được hướng sản xuất thích hợp, đạt hiệu quả kinh tế cao.

Thiếu vốn cũng là vấn đề rất gay gắt. Hộ nông dân cần vốn, nhà doanh nghiệp cần vốn, chính quyền địa phương cũng cần rất nhiều vốn cho xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, góp phần phát triển các doanh nghiệp phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Khoa học kỹ thuật chưa đáp ứng được các yêu cầu, kể cả những yêu cầu cấp thiết nhất của nền kinh tế - xã hội nông thôn. Còn thiếu các giống tốt ; các biện pháp canh tác, chăn nuôi còn lạc hậu ; kỹ nghệ chế biến nông sản chưa phát triển, nếu có thì trình độ thấp kém ; các mặt ăn, ở thiếu văn minh, khoa học, dễ bị suy dinh dưỡng, bệnh tật...

Trình độ dân trí ở nông thôn còn thấp. Cán bộ quản lý khoa học kỹ thuật giỏi còn quá ít. Trình độ quản lý phát triển của chính quyền cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu.

k

Từ thực tế nói trên, để thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII), Tiền giang xác định phải giải quyết tốt các vấn đề sau :

Xây dựng một ý chí và quyết tâm cao trong việc đẩy nhanh các mặt kinh tế-xã hội nông thôn của tỉnh. Đảng bộ và nhân dân Tiền giang, qua các thời kỳ, đã thể hiện truyền thống cách mạng cao, có ý chí tự lực tự cường mạnh mẽ, có nhiều sáng tạo trong chiến đấu và lao động sản xuất ; mấy năm qua cũng đã có được những kinh nghiệm thực tế. Tin rằng sức mạnh tinh thần của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Tiền giang vẫn là một động lực mạnh mẽ cho sự phát triển sắp tới.

Điều chỉnh cơ cấu kinh tế nông nghiệp cho phù hợp. Xây dựng một cơ cấu kinh tế nông thôn năng động và hiệu quả hơn. Phấn đấu để ổn định mức sản xuất lúa hơn 1 triệu tấn. Phát triển thủy sản và hải sản, kể cả bằng đánh bắt và nuôi trồng, đặc biệt là nuôi trồng ; đặt nó là mũi nhọn kinh tế trong những năm trước mắt. Phát triển chăn nuôi ; chú ý bò sữa, gà vịt lấy trứng ; mở rộng trồng bắp, đậu ; trang bị lại nhà máy thức ăn gia súc để phục vụ chăn nuôi (cả gia súc gia cầm, thủy hải sản). Từng bước tạo cơ cấu cây ăn trái có hiệu quả cao : vừa có cây đặc sản, vừa có loại quả, cây khác với số lượng và chất lượng cao, cho chế biến và xuất khẩu. Gia tăng các loại cây nguyên liệu cho công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp, đi đôi với phát triển các ngành nghề truyền thống và các loại công nghiệp chế biến có hiệu quả. Thực tế, trong điều kiện đất hẹp người đông, nông dân Tiền giang đã và đang tiếp tục phát huy truyền thống cần cù, giỏi tính toán, giỏi nhiều nghề, vừa giỏi sản xuất vừa mau lẹ thích ứng với thị trường. Thành phố Mỹ tho với vị trí trung chuyển giữa miền Tây và TP Hồ Chí Minh từ xưa, sẽ được xây dựng lại, đáp ứng vai trò là nơi tổ chức lưu thông các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh. Hiện nay, tại thành phố Mỹ tho, đang hình

Digitized by Google

thành khu công nghiệp chế biến nông, thủy, hải sản, góp phần đắc lực vào việc xây dựng cơ cấu kinh tế mới ở nông thôn.

Cố gắng đẩy nhanh tốc độ xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn. Nếu so với các tỉnh đồng bằng sông Cửu long, Tiền giang có khá hơn về kết cấu hạ tầng ở nông thôn, tuy nhiên, vẫn chưa tạo được thuận lợi cho giao lưu kinh tế, mở mang dân trí, thu hút đầu tư. Hiện nay, Tiền giang đã có một dự án toàn diện với những bước đi cụ thể nhằm đạt một số chỉ tiêu đến năm 1995. Về *giao thông*, nâng cấp tráng nhựa 2 - 3 con đường vào vùng kinh tế trọng điểm, bảo đảm thông suốt liên tục các hương lộ, xóa bỏ cầu khỉ trên toàn vùng nông thôn. Về *điện*, cơ bản hoàn thành việc cấp điện sinh hoạt cho các hộ nông dân. Về *điện thoại*, bảo đảm khắp các xã chủ yếu liên lạc bằng vô tuyến. Về *giáo dục*, dứt điểm tình trạng học 3 ca, thay thế hết các trường tre lá. Về *y tế*, mọi trạm y tế xã đều hoạt động tốt, có phong trào mạnh mẽ về kế hoạch hóa gia đình. Về *nhà ở*, vận động phong trào ăn ở vệ sinh, văn minh và thực hiện một kế hoạch cải thiện nhà ở. Về *nước* , tùy từng vùng mà có kế hoạch bảo vệ nguồn nước mặn, trữ nước - mưa, hoặc khai thác nước ngầm, bảo đảm nước sạch cho sinh hoạt ở nông thôn.

Triển khai có hiệu quả công tác khuyến nông kết hợp với tổ chức lại sản xuất nông nghiệp. Dựa trên cơ sở công ty giống cây trồng và công ty vật tư nông nghiệp, tổ chức trung tâm khuyến nông để chọn lựa, nhân rộng và cung cấp giống cây, con tốt, truyền bá các kỹ thuật tiên tiến, trợ giúp các phát minh, sáng tạo trong nông nghiệp, tổ chức các điểm trình diễn thực nghiệm để qua đó hướng dẫn kinh tế hợp tác và hộ nông dân.

Vận động tổ chức lại các hợp tác xã nông nghiệp với hình thức, bước đi, và nội dung đổi mới. Các hợp tác xã sẽ đứng ra đại diện cho hộ xã viên ký hợp đồng với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước, quốc doanh hay tư nhân về cung ứng kỹ thuật, vật tư và tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời, tổ chức rộng khắp các hội nghề nghiệp (như hội làm vườn, hội nuôi trồng thủy, hải sản, hội cây, vật cảnh), các câu lạc bộ nông dân sản xuất giỏi để vận động trợ giúp nhau trong nghề nghiệp. Hiện nay, hội làm vườn đang phát huy tốt.

Phát triển công tác thương mại, dịch vụ. Tổ chức trung tâm thương mại, các cơ sở giao lưu với quốc tế để tiêu thụ nông sản. Củng cố các chợ, tổ chức triển lãm hàng hóa, tổ chức tốt mạng lưới trong tỉnh và với các tỉnh. Tăng cường thương nghiệp quốc doanh, có những biện pháp hữu hiệu ký hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của nông dân.

Xây dựng đoàn kết nông thôn, có biện pháp thiết thực để nâng đỡ những hộ nghèo. Kiên trì giải quyết tranh chấp đất đai trên cơ sở phân bố lại lao động, giao đất một cách hợp lý, vận động tương thân tương ái trong sản xuất và đời sống. Vận động nhân dân làm tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với các gia đình có công cách mạng.

Để thực hiện các mục tiêu giải pháp trên, Tiền giang chú trọng giải quyết nâng cao các điều kiện cho sản xuất.

Một là, giải quyết vấn đề vốn cho các thành phần kinh tế. Ngoài vốn ngân sách ngày càng tăng cho nông thôn, còn phải có nhiều biện pháp vận động tiết kiệm và thu hút vốn của nông dân, mạnh dạn vay ở các nơi có thể vay được. Bảo đảm việc cho vay đáp ứng các yêu cầu sản xuất và xây dựng nông thôn. Ngoài ra, động viên xây dựng các quỹ nhằm phục vụ bảo trợ xã hội, bảo đảm an ninh, khuyến khích tài năng...

Hai là, ra sức đào tạo, phát triển dạy nghề. Trước mắt, các xí nghiệp cần giáo viên, kế toán giỏi ; các hợp tác xã cần chủ nhiệm ; công tác khuyến nông cần các kỹ thuật viên ; cần có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng gấp. Việc đổi mới cơ cấu kinh tế - xã hội nông thôn đòi hỏi đào tạo thêm hàng loạt thợ xây cất, làm đường, làm thủy lợi, thợ sửa chữa cơ khí, điện... đi đôi là kỹ thuật viên về kế hoạch hóa gia đình, về bảo vệ môi trường.

Ba là, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể ở xã vững mạnh. Từ khi thực hiện đổi mới, các tổ chức cơ sở trong tỉnh có tiến bộ nhanh. Nhiều xã biết huy động tổ chức phong trào quần chúng, đã làm được nhiều việc, có uy tín với nhân dân. Tuy nhiên, tổ chức cơ sở còn phải được nâng lên về tinh thần trách nhiệm, về cách làm việc có quy hoạch cụ thể, sâu sát tình hình, chú ý củng cố một số xã còn trì trệ. Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) tỉnh đòi hỏi mỗi xã có kế hoạch phát triển toàn diện và cụ thể đến năm 1995, từ kế hoạch này mà có bước đi từng lúc để thực hiện hằng ngày. Sang năm 1994, đảng bộ tỉnh sẽ họp đại hội, tổ chức cơ sở sẽ bầu lại đảng ủy. Từ đây đến đó sẽ là thời gian thử thách trình độ, năng lực, phẩm chất của cán bộ để xây dựng những tập thể mạnh ở cơ sở. Và điều đó có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nông thôn trong thời gian tới.

Digitized by Google

VĂN HÓA VÀ PHÁT TRIỂN - SINH THÁI

HOÀNG ĐÌNH PHU*

Từ hội nghị những người đứng đầu các nước ở Hen-xin-ki về môi trường năm 1972 đến nay, tình hình ô nhiễm môi trường trên thế giới chẳng những không được cải thiện bao nhiêu mà còn có phần trầm trọng thêm, triển vọng đến năm 2000 cũng không có gì sáng sủa. Các nước công nghiệp phát triển hoàn toàn có khả năng về vốn và công nghệ để giải quyết hầu hết các vấn đề bảo vệ môi trường vì sự sống còn của các thế hệ con người và của nền văn minh. Nhưng họ tỏ ra hoặc là bất lực, hoặc là bất cần. Họ không thoát ra khỏi cách nhìn thiển cận, lối tư duy kinh tế quen thuộc, tất cả vì lợi nhuận tối đa.

Trong bối cảnh chung như vậy, Đảng và Nhà nước ta đã tính đến một *chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo hướng kết hợp "phát triển - sinh thái"*. Sinh thái ở đây là sinh thái tự nhiên kết hợp với sinh thái văn hóa. Phát triển sinh thái hoàn toàn không có nghĩa là trở về với phương thức sản xuất và lối sống cổ xưa, trở về với thiên nhiên, khai thác thiên nhiên với những công nghệ truyền thống, từ chối mọi thành tựu của kỷ nguyên công nghiệp và hậu công nghiệp. Đúng là công nghiệp càng phát triển, các công trình nhân tạo lan rộng, thì sẽ hình thành một thứ "thiên nhiên - kỹ thuật", cách ly con người với thiên nhiên (đến cả khí hậu, có nơi cũng đã là khí hậu nhân tạo). Thuật ngữ "thiên nhiên - kỹ thuật" (techno-nature) lâu nay mặc nhiên mang ý nghĩa tiêu cực. Thật ra không phải như vậy. Từ khi con người ra khỏi hang động, dựng lên một túp lều để ở, thì môi trường thiên nhiên đó đã là "thiên nhiên - kỹ thuật". Những vẻ đẹp thiên nhiên làm rung động lòng người, được ca ngợi trong thơ ca nhạc họa của các dân tộc qua các thời đại, đều có phần tạo dựng của bàn tay và khối óc con người, yếu tố của "thiên nhiên - kỹ thuật" ; rất hiếm có những cảnh thiên nhiên nguyên thủy, nguyên sinh.

Một nền "kinh tế phát triển - sinh thái" là một nền kinh tế phát triển hài hòa với thiên nhiên, nhằm phục vụ những nhu cầu cơ bản của con người, nâng cao giá trị các công nghệ truyền thống và tận dụng những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ hiện đại ; khai thác tối ưu tài nguyên, đồng thời bảo vệ và phát triển tài nguyên, bảo vệ môi trường ; thích nghi với thiên nhiên, cải tạo thiên nhiên, khắc phục những lực lượng thiên nhiên bất lợi (như lũ lụt, bão tố, hạn hán) nhằm phục vụ lợi ích cao nhất cho con người. Như vậy, một nền kinh tế phát triển - sinh thái là một nền kinh tế phát triển năng động, tạo ra một hệ sinh thái bền vững, một khung cảnh thiên nhiên - kỹ thuật trong đó con người được ấm no hạnh phúc và sống hài hòa với thiên nhiên, thiên nhiên làm nền tảng cho kỹ thuật, kỹ thuật tiếp sức mạnh và tô điểm cho thiên nhiên.

Về mặt văn hóa, phát triển - sinh thái không phải là đơn thuần trở lại và dừng lại với những truyền thống văn hóa dân tộc ở một thời kỳ vàng son nào đó. Ngược lại, trên cơ sở giữ gìn, trân trọng những truyền thống văn hóa dân tộc đã được hun đúc, tôi luyện, thử thách qua mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, con người Việt nam phải mở rộng trí tuệ và tâm hồn để tiếp thu những giá trị văn hóa tốt đẹp của nhân loại và của thời đại, không chấp nhận những biểu hiện văn hóa đồi trụy, xa lạ với nền sinh thái văn hóa, để hình thành một nền văn hóa Việt nam ngang tầm với thời đại nhưng vẫn mang đậm dấu ấn Việt nam. Những giá trị văn hóa vừa dân tộc vừa hiện đại đó phải được quán triệt vào mục tiêu và phương thức phát triển.

Để hình thành và đưa vào cuộc sống một chiến lược phát triển - sinh thái, phải tiếp tục nghiên cứu giải quyết cụ thể hàng loạt vấn đề cực kỳ to lớn và phức tạp, trong đó có mấy vấn đề sau :

Một là, *văn hóa phải là một mục tiêu của sự phát triển, và các giá trị văn hóa phải được thể hiện trong chỉ tiêu đánh giá sự phát triển.* Chỉ tiêu hiện được sử dụng phổ biến nhất trên thế giới và cả ở nước ta là *tổng sản phẩm quốc nội* (GDP). Các nhà kinh tế học đã nói nhiều về những nhược

* Cố vấn Viện nghiên cứu dự báo chiến lược khoa học - kỹ thuật

Digitized by Google

điểm của lối tính chỉ tiêu này. Nhược điểm lớn nhất của nó là chỉ nói về sự tăng trưởng kinh tế chứ không nói gì về yêu cầu phát triển văn hóa xã hội, và nói cũng không thật. So sánh các mức GDP của các nước là dựa vào tỷ suất hối đoái chính thức, các tỷ suất đó không phản ánh được tính ngang giá của sức mua. Vì vậy, để có được sự so sánh quốc tế xác thực hơn, người ta tính giá tương đương về sức mua toàn bộ của một nước này so với một nước khác. Nếu áp dụng cách tính ấy thì so với Mỹ, GDP danh nghĩa đầu người ở Ấn độ phải được nhân với 2,8 và ở Tan-da-ni-a phải được nhân với 2,34. Mặt khác, tại các nước đang phát triển, phần sản xuất tự cấp tự túc, phần kinh tế gia đình còn rất lớn, thường không được tính vào GDP. Còn trong việc tính GDP của các nước công nghiệp thì người ta đưa vào đó cả thu nhập của các xí nghiệp gây ô nhiễm lẫn của các xí nghiệp có nhiệm vụ khắc phục ô nhiễm. Như vậy, một nền kinh tế càng gây ô nhiễm, càng lãng phí tài nguyên bao nhiêu, càng có vẻ giàu có bấy nhiêu. Riêng về mặt tính toán kinh tế, đó đã là một điều chưa hợp lý.

Gần đây, chương trình nghiên cứu về phát triển của Liên hợp quốc có đề xuất một dữ liệu tổng hợp mới, tạm gọi là *chỉ tiêu phát triển nhân văn* (IDH), trong đó không chỉ tính thu nhập quốc dân theo đầu người mà còn tính cả tỷ lệ biết chữ, tuổi thọ và sức mua thực tế. Xếp theo GDP, thì trên thế giới Mỹ đứng hàng thứ hai, sau Thụy sĩ; còn nếu xếp theo IDH, thì Mỹ tụt xuống hàng thứ 19. Ngược lại, nếu xếp theo IDH, một số nước như Việt nam, Trung quốc, Xri Lan-ca, Tan-da-ni-a v.v. lại có vị trí cao hơn rõ rệt so với xếp theo GDP. Tuy vậy, IDH với cách tính có tiến bộ hơn GDP nhưng vẫn còn đơn giản. Các giá trị văn hóa xã hội đâu chỉ bó hẹp ở tỷ lệ biết chữ và tuổi thọ, mà còn bao gồm nhiều yếu tố rất quan trọng khác nữa, như : công bằng, an ninh xã hội, mức hưởng thụ văn hóa v.v.. Mặt khác, phương pháp kế toán kinh tế cũng phải thay đổi, cần khuyến khích việc sử dụng hợp lý tài nguyên và tiết kiệm tài nguyên, cần đưa vào chi phí sản xuất những chi phí cần thiết để khắc phục sự ô nhiễm gây ra cho môi trường.

Hai là, *các tiêu chuẩn lựa chọn công nghệ trong sản xuất phải xuất phát từ yêu cầu của sinh thái tự nhiên và sinh thái văn hóa*. Trong điều kiện hiện nay, những tiêu chuẩn đó phải là : sử dụng ít năng lượng, ít vật liệu, nhiều trí tuệ, không gây ô nhiễm và đảm bảo an toàn lao động. Cần lưu ý rằng, những công nghệ gây lãng phí tài nguyên và gây ô nhiễm nhiều nhất hiện nay lại là những công nghệ đang được sử dụng tại các nước công nghiệp phát triển, những công nghệ đã có từ giữa thế kỷ này trở về trước, khi mà nguồn nguyên liệu còn do các nước thuộc địa hoặc phụ thuộc cung cấp với giá rẻ mạt và tưởng chừng như vô tận. Chống ô nhiễm cho những cơ sở công nghiệp đó đòi hỏi một khoản đầu tư bổ sung khá lớn mà nguyên lý lợi nhuận tối đa không cho phép thực hiện. Đó là thế lưỡng nan của các nước đã kinh qua cách mạng công nghiệp. Ngược lại, công nghệ hiện đại, sản phẩm của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ ngày nay, là công nghệ có hàm lượng chất xám cao nhưng lại tiêu thụ ít năng lượng, ít vật liệu, không gây hoặc rất ít gây ô nhiễm, với quy trình khép kín. Người ta đã nói một cách hình tượng : đó là những nhà máy không có ống khói. Trong việc thực hiện chính sách đầu tư và tiếp thu công nghệ của nước ngoài, chúng ta cần ưu tiên và ưu đãi đặc biệt đối với việc nhập những công nghệ hiện đại cần thiết cho nền kinh tế quốc dân và thỏa mãn các tiêu chuẩn nói trên. Tuyệt đối không tiếp nhận những công nghệ gây ô nhiễm với bất kỳ điều kiện thuận lợi trước mắt nào.

Đối với các nước đang phát triển thuộc vùng nhiệt đới ẩm như nước ta, cần hướng mạnh chính sách công nghệ vào việc tận dụng các tài nguyên tái tạo, vừa không gây ô nhiễm môi trường vừa không làm cạn kiệt tài nguyên, thực hiện chiến lược *khả tái sinh*. Về *năng lượng*, cần dành ưu tiên cho việc sử dụng năng lượng nước, năng lượng mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác. Pin quang điện đã đạt tới trình độ công nghệ có thể cạnh tranh với nhiệt điện. Ở An-giê-ri, đang có quy hoạch điện khí hóa bằng pin quang điện cho 20 vạn hộ nông dân ở những vùng xa xôi hẻo lánh, như vậy tính ra rẻ hơn là xây dựng một mạng lưới điện để phục vụ cho các hộ đó. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của pin quang điện từ nay đến năm 2000 sẽ còn được nâng cao hơn nữa. Về *vật liệu*, chú trọng sử dụng đến mức tối đa các vật liệu nguồn gốc thực vật, ứng dụng các công nghệ hiện đại như công nghệ vật liệu composit, công nghệ xử lý bức xạ để nâng cao tính năng cơ lý và khả năng chống chịu môi trường của các loại vật liệu. Chính sách công nghệ cũng cần quan tâm đến việc kết hợp hài hòa và hợp lý

Digitized by Google

giữa công nghệ thủ công với công nghệ cơ giới và tự động hóa, để vừa hiện đại hóa nền kinh tế quốc dân, vừa tạo công ăn việc làm cho mọi người đến tuổi lao động, một yêu cầu rất cơ bản của chiến lược phát triển - sinh thái.

Ba là, giáo dục đạo đức là điều kiện tiên quyết để thực hiện chiến lược phát triển - sinh thái. Trước tiên là *đạo đức trong tiêu dùng*. Bảo đảm những nhu cầu cơ bản về vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao là nhiệm vụ hàng đầu của mọi chiến lược phát triển. Tuy nhiên, không thể chấp nhận những nhu cầu giả tạo, phù phiếm do một số nhà sản xuất áp đặt bằng những thủ đoạn quảng cáo tinh vi nhằm mở rộng các nguồn thu lợi nhuận. Cũng không thể tán thành những nhu cầu tiêu dùng hoang phí, phô trương của lối sống xa hoa hưởng lạc thường thấy trong các xã hội tiêu thụ, gây lãng phí to lớn về tài nguyên và làm tha hóa con người. Trong khi đa số nhân dân còn chưa được bảo đảm những nhu cầu cơ bản khiêm tốn nhất, trong khi tài nguyên thiên nhiên cần cho cuộc sống của các thế hệ mai sau đang có nguy cơ cạn kiệt, thì lối sống hoang phí nói trên phải được xem là phi đạo đức.

Tiếp theo là *đạo đức nghề nghiệp* và *đạo đức kinh doanh*. Đành rằng trong hoạt động nghề nghiệp đã có các quy tắc, quy trình, quy phạm, trong hoạt động kinh doanh đã có luật pháp, điều lệ, hợp đồng kinh tế và những ràng buộc pháp lý khác, nhưng nếu không bồi dưỡng được tính trung thực, tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, tính tự trọng và tôn trọng lợi ích của người khác, thì những quy chế nghiêm ngặt nhất cũng sẽ không tránh khỏi bị vi phạm bằng nhiều cách khác nhau. Đổi mới quản lý kinh tế theo cơ chế thị trường là một hướng đổi mới không thể đảo ngược. Nhưng đi đôi với việc thực hiện cơ chế thị trường, phải đề cao các giá trị đạo đức trong đời sống xã hội.

Cuối cùng, cũng phải nói đến *đạo đức công dân* trong cuộc sống đời thường, tinh thần tôn trọng luật pháp, lòng nhân ái, tính vị tha trong quan hệ giữa con người với con người và với cả thiên nhiên. Bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường, phải được xem là tiêu chuẩn đạo đức.

Hiện nay người ta đang nói nhiều đến trí tuệ, cách mạng trí tuệ, văn minh trí tuệ... Trí tuệ là sức mạnh, trí tuệ cũng là văn hóa. Nhưng nói đến trí tuệ mà không nói đến tâm hồn, phát triển chỉ dựa vào những thành tựu của trí tuệ mà không có sự điều tiết của đạo đức, sẽ có nguy cơ dẫn đến một sự phát triển lệch lạc, đi ngược lại khát vọng của con người.

Bốn là, *đẩy mạnh hợp tác quốc tế và khu vực trên cơ sở chiến lược phát triển - sinh thái*. Chiến lược phát triển - sinh thái mang tính đặc thù vì gắn với đặc điểm tài nguyên, điều kiện thiên nhiên và văn hóa xã hội của mỗi nước. Nhưng vấn đề tài nguyên và môi trường sinh thái cũng là vấn đề chung mà toàn thế giới, đặc biệt là các nước trong cùng một khu vực, quan tâm. Từ lâu các nước đang phát triển đã thấy sự cần thiết phải đẩy mạnh hợp tác Nam - Nam, đã tiến hành nhiều kế hoạch và dự án nhằm xúc tiến sự hợp tác đó, nhưng đến nay kết quả còn rất khiêm tốn. Khi mà mục tiêu hợp tác quốc tế nhấn mạnh đến hiện đại hóa sản xuất để nâng cao năng lực xuất khẩu và khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, thì trong thực tế các hoạt động hợp tác tất nhiên phải hướng chủ yếu về hợp tác Bắc - Nam, về các nước tư bản phát triển, để tiếp thu công nghệ hiện đại và tìm kiếm thị trường.

Mục tiêu cơ bản của chiến lược phát triển - sinh thái là khai thác tối ưu tài nguyên thiên nhiên, các điều kiện tự nhiên và văn hóa xã hội để đảm bảo các nhu cầu cơ bản của nhân dân, vì vậy chiến lược đó, đương nhiên không coi nhẹ nhiệm vụ đẩy mạnh xuất khẩu, một lĩnh vực hoạt động kinh tế cực kỳ quan trọng để thực hiện mục tiêu cơ bản đó. Chiến lược phát triển - sinh thái sẽ tạo điều kiện thuận lợi mới cho hợp tác quốc tế, đặc biệt là hợp tác giữa các nước trong khu vực. Các nước trong khu vực có những tài nguyên và điều kiện thiên nhiên, văn hóa xã hội gần giống nhau, họ cũng đã xây dựng được một cơ sở kinh tế hạ tầng, một tiềm lực khoa học và công nghệ tối thiểu để có thể hợp tác với nhau một cách hữu hiệu, đưa lại những kết quả thiết thực có lợi cho mỗi bên trên mọi lĩnh vực kinh tế, khoa học, văn hóa, xã hội.

Việc tăng cường hợp tác giữa các nước trong khu vực không có nghĩa là hạn chế các quan hệ hợp tác Bắc - Nam. Ngược lại, tăng cường hợp tác Nam - Nam sẽ thúc đẩy việc hình thành sớm một trật tự thế giới mới công bằng, hợp lý hơn, trên cơ sở đó đồng thời phát triển các quan hệ hợp tác Bắc - Nam một cách ổn định và lâu dài, cùng nhau giải quyết những vấn đề lớn của thời đại, phục vụ cho lợi ích của mỗi nước và của toàn thể loài người.

Digitized by Google

Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I

Góp phần tích cực vào sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng cán bộ

LÊ DOÃN TÁ *

TRƯỜNG Nguyễn Ái Quốc khu vực I (nay là Phân viện Hà nội thuộc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) là Trường đảng cao cấp trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam. Tiền thân của nó là các trường chính trị thuộc các khu ủy : Tả ngạn, khu Ba, khu Bốn, Tây bắc, Việt bắc. Sự hình thành Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I là kết quả của sự hợp nhất giữa Trường Nguyễn Ái Quốc (các phân hiệu I, II, III, VI) với Trường tổ chức - kiểm tra trung ương I.

Kể từ các trường tiền thân ra dời sớm nhất, Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I đến nay vừa tròn 40 tuổi (1953 - 1993), và đã qua ba thời kỳ hoạt động :

Thời kỳ đầu (1953 - 1958). Khi còn là các trường chính trị của các khu ủy, nhà trường đã liên tục mở những lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phục vụ cho công cuộc khôi phục miền Bắc sau hòa bình 1954 và cho sự nghiệp giải phóng miền Nam.

Thời kỳ thứ hai (1959 - 1982), thời kỳ hoạt động của Trường Nguyễn Ái Quốc với các phân hiệu I, II, III, VI và của Trường tổ chức - kiểm tra trung ương I. Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu I chuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện thuộc vùng đồng bằng và trung du Bắc bộ. Trong 24 năm hoạt động, phân hiệu I đã đào tạo bồi dưỡng cho Đảng và Nhà nước ta 8626 cán bộ. Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu II và III đã đào tạo hàng ngàn cán bộ lãnh đạo cho các ngành công nghiệp, tài chính, thương nghiệp, ngân hàng, ngoại thương, vật tư... của tất cả các tỉnh, huyện miền Bắc. Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu VI chuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ miền núi phía Bắc. Từ năm 1976 đến 1982, phân hiệu VI mở được 25 lớp đào tạo, bồi dưỡng, với 3247 học viên (trong đó 60% là cán bộ dân tộc thiểu số). Trường tổ chức - kiểm tra trung ương I chuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tổ chức và kiểm tra cho các cấp các ngành của miền Bắc. Từ khi ra dời (1968) cho đến năm 1982, trường đã mở nhiều lớp dài hạn và ngắn hạn; đào tạo, bồi dưỡng được 7308 cán bộ tổ chức và kiểm tra.

Thời kỳ thứ ba (1983 - 1993), thời kỳ Trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu I, II, III, và VI hợp nhất với Trường tổ chức - kiểm tra trung ương I thành Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I theo Quyết định 15 và 103 của Ban bí thư Trung ương Đảng. Trường có nhiệm vụ chung là giảng dạy chương trình lý luận chính trị cao cấp cho các cán bộ chủ chốt ở cấp huyện, quận và thị xã : bí thư, phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân, chủ tịch hội đồng nhân dân, các trưởng ban của Đảng ; cho các bí thư đảng ủy các xí nghiệp quốc doanh, các bệnh viện, trường học và các đảng bộ tương đương. Trường còn có nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành cho cán bộ làm công tác xây dựng đảng ở các huyện ủy và tỉnh ủy, cho các cán bộ tổ chức, kiểm tra ở các ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và trung ương. Trường cũng được Trung ương giao cho thành lập hệ đặc biệt chuyên trách đào tạo cán bộ lãnh đạo cấp huyện thuộc các dân tộc thiểu số vùng cao biên giới phía Bắc. Đi đôi với việc giảng dạy lý luận, trường có nhiệm vụ nghiên cứu lý luận để nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, góp phần vào việc nghiên cứu lý luận chung của Đảng.

Trong thời kỳ này, đặc biệt là trong những năm tiến hành công cuộc đổi mới, trường đã mở được 74 lớp học ; đào tạo, bồi dưỡng được 8150 cán bộ dưới nhiều loại hình lớp khác nhau : hệ tập trung, tại chức dài hạn và ngắn hạn.

Bốn mươi năm qua, hàng vạn cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt cấp huyện, quận và thị xã, một phần cán bộ cấp tỉnh và các ban ngành trung ương trên địa bàn miền Bắc, đã được trường đào tạo, bồi dưỡng về lý luận Mác - Lê-nin, về tư tưởng Hồ Chí Minh, về kiến thức thuộc các chuyên ngành : xây dựng đảng, quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Đội ngũ cán bộ này đã góp phần tích cực vào sự nghiệp cách mạng của đất nước. Họ là nguồn bổ sung quan trọng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành.

Bên cạnh những thành tích nói trên, công tác

* PGS, Hiệu trưởng Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I

Digitized by Google

đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của trường còn bộc lộ những hạn chế :

Một là, lý luận còn có phần chưa đi sâu, đi sát cuộc sống, chưa ra khỏi tình trạng lạc hậu, chưa đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn đổi mới. Nhiều vấn đề cơ bản và cấp bách về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, về thời kỳ quá độ... chưa được làm sáng tỏ một cách đầy đủ, có hệ thống và có sức thuyết phục. Việc đổi mới nội dung giảng dạy các bộ môn khoa học xã hội còn chậm chạp.

Hai là, đội ngũ cán bộ làm công tác đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lý luận, chưa đồng bộ và nói chung trình độ chưa ngang tầm đòi hỏi của sự nghiệp cách mạng. Trong nhiều năm qua, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hầu như còn bó hẹp trong các bộ môn khoa học Mác - Lê-nin, chưa coi trọng việc nghiên cứu có phê phán các trào lưu khác và tiếp nhận thành tựu khoa học của thế giới. Vì vậy, khả năng phát triển của cả người dạy lẫn người học bị hạn chế.

Ba là, thiếu chính sách và chế độ cần thiết nhằm khuyến khích, cải thiện đời sống và tạo điều kiện làm việc cho đội ngũ cán bộ và học viên trong trường đảng.

Những mặt hạn chế trên đây có nguyên nhân khách quan, bắt nguồn từ những hạn chế lịch sử. Trước hết là do sự lạc hậu chung về nhận thức lý luận và sự chậm trễ của khoa học xã hội kéo dài nhiều thập kỷ trong các nước xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, về chủ quan, một bộ phận cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành, trước hết ở trung ương, chưa nhận thức được sâu sắc và đầy đủ tầm quan trọng của lý luận, chưa thật sự coi công tác lý luận là sự nghiệp của toàn Đảng.

Công cuộc đổi mới đất nước đang đặt ra hàng loạt vấn đề vừa cơ bản, vừa bức xúc, trong đó có công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Quyết định 61/QĐ - TW ngày 10-3-1993 của Bộ chính trị "Về việc sắp xếp lại các trường đảng trung ương, chuyển thành Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh" chính là nhằm tăng cường vai trò, nhiệm vụ của các trường đảng trung ương, đáp ứng yêu cầu cách mạng trong giai đoạn mới. Là một đơn vị nằm trong hệ thống trường đảng trung ương, Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I, nay là Phân viện Hà nội Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ cùng với Học viện và các phân viện bạn thực hiện việc "đào tạo bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt trung, cao cấp của Đảng, của Nhà nước, của các đoàn thể nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, về công tác chính trị và sự lãnh đạo chính trị" (1).

Trước tình hình đó, việc đổi mới và đẩy mạnh công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ trở thành một yêu cầu bức thiết đối với nhà trường trong giai đoạn hiện nay. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải gắn với sự nghiệp phát triển nền kinh tế thị trường, với sự nghiệp mở cửa làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh, con người hạnh phúc. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ phải đạt tới mục tiêu xây dựng được một đội ngũ cán bộ có năng lực và phẩm chất tốt, đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của công cuộc đổi mới, đồng thời góp phần bảo đảm được sự ổn định chính trị, giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để đạt được yêu cầu nêu trên, trong những năm tới, Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I (nay là Phân viện Hà nội Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) phải tập trung vào các công việc chủ yếu sau đây :

1 - Xác định đúng mục tiêu, đối tượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, tại Đại hội lần thứ VII, Đảng ta đã xác định "tiêu chuẩn cơ bản" của đội ngũ cán bộ là : "Có bản lĩnh chính trị vững vàng ; có ý thức trách nhiệm và tinh thần đổi mới ; trung thực và thẳng thắn ; có kiến thức và năng lực tổ chức thực tiễn ; có tinh thần học tập để không ngừng nâng cao trình độ ; có lối sống lành mạnh, được nhân dân tín nhiệm" (2). Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCH TU Đảng (khóa VII) cũng chỉ rõ : mục tiêu đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với yêu cầu khách quan của đội ngũ cán bộ đảng viên, bảo đảm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII và các nghị quyết trung ương tiếp theo đề ra. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng và Nhà nước mà nhà trường đảm nhận chính là nhằm vào các nhiệm vụ đó. Bởi lẽ, trong những bước ngoặt của lịch sử, như thời điểm hiện nay, công tác cán bộ có vai trò quyết định, đẩy nhanh hoặc kìm hãm sự phát triển của cách mạng. Vì vậy, đối tượng đào tạo và bồi

(1) Quyết định 61/QĐ-TW ngày 10-3-1993 của Bộ chính trị *Về việc sắp xếp lại các trường đảng trung ương, chuyển thành Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

(2) *Báo cáo xây dựng Đảng và sửa đổi Điều lệ Đảng của Ban chấp hành trung ương (khóa VI)*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 28

Digitized by Google

dưỡng của trường phải là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân chủ yếu ở cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh ; một bộ phận cán bộ lãnh đạo chủ chốt các ngành cấp tỉnh, các doanh nghiệp nhà nước, trường đại học và bệnh viện trung ương (do phân viện phụ trách) ; cán bộ chuyên làm công tác xây dựng đảng (tổ chức, kiểm tra) ; cán bộ người dân tộc thiểu số vùng cao biên giới phía Bắc.

Nhà trường phải góp phần đắc lực vào việc chuẩn bị cho thế hệ cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân cho Đại hội VIII, Đại hội IX và đầu thế kỷ 21. Đó là đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực ngang tầm với giai đoạn cách mạng mới, khắc phục được tình trạng hẫng hụt, không đồng bộ, như Đại hội VII và Nghị quyết Trung ương ba (khóa VII) đã kết luận.

2 - Đổi mới nội dung chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng.

Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chương trình, nội dung do mục tiêu đào tạo và bồi dưỡng quy định. Đó là một chương trình trang bị đủ một hệ thống kiến thức bao gồm kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên ngành và kinh nghiệm thực tiễn.

Chương trình trên sẽ phải được đổi mới đáp ứng về cơ bản yêu cầu của người học trong điều kiện mới, đồng thời tương xứng với bậc đại học và xứng đáng với học vị cử nhân khoa học chính trị.

3 - Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác nghiên cứu và giảng dạy, lý luận có trình độ lý luận cao, đủ sức giải quyết những vấn đề do thực tiễn đất nước và thời đại đặt ra.

Trước mắt, chúng tôi tiến hành đánh giá lại một cách toàn diện đội ngũ cán bộ lý luận hiện có của nhà trường để sử dụng cho hợp lý, đào tạo lại và bồi dưỡng có hiệu quả. Sau khi có sự đánh giá chính xác đội ngũ cán bộ, chúng tôi quan tâm đặc biệt tới việc đào tạo, bồi dưỡng lớp cán bộ có năng lực nghiên cứu và giảng dạy lý luận, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với chế độ, có kinh nghiệm thực tiễn, giàu khả năng tư duy sáng tạo ; cố gắng hình thành cho được đội ngũ cán bộ đầu đàn và các lớp kế tiếp ngày càng vững mạnh, đáp ứng nhiệm vụ trước mắt, đồng thời chuẩn bị tiềm lực cho sự phát triển của nhà trường trong tương lai. Để có một đội ngũ giảng viên như thế, chúng tôi mạnh dạn thuyên chuyển những giảng viên thực sự không có khả năng giảng dạy và nghiên cứu ; sắp xếp lại công việc cho họ và có chính sách đãi ngộ thỏa đáng để họ yên tâm. Đồng thời, chúng tôi tích cực bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giảng viên hiện có ; đào tạo đội ngũ giảng viên mới ; kiên quyết xây dựng cho được đội ngũ giảng viên mà cả về số lượng và chất lượng đều có thể đáp ứng được những yêu cầu trước mắt và lâu dài.

4 - Đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng.

Trong tình hình hiện nay, chúng tôi chủ trương phải đa dạng hóa các *hình thức đào tạo*, bồi dưỡng. Cụ thể là :

- Đào tạo tập trung cử nhân khoa học chính trị : 2 năm cho số cán bộ đã tốt nghiệp đại học ; 3 năm cho số cán bộ đã tốt nghiệp trung học và qua chương trình trung cấp lý luận.

- Đào tạo tại chức ở trường và ở các địa phương. Hình thức này vừa thu hút được đông đảo cán bộ, vừa rút ngắn được thời gian đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý cho địa phương.

- Đào tạo ngắn hạn cho cán bộ lãnh đạo là người dân tộc thiểu số. Hệ đào tạo này cần được sự quan tâm đặc biệt của các ban ngành trung ương, sự phối hợp chặt chẽ và giúp đỡ của Ủy ban dân tộc và miền núi trung ương. Hệ này dần dần trở thành một bộ phận quan trọng của trường, chuyên lo đào tạo cán bộ lãnh đạo và quản lý cho vùng dân tộc miền núi phía Bắc.

- Đào tạo theo địa chỉ và hoàn thành chương trình đại học chính trị.

- Đào tạo bồi dưỡng theo chuyên ngành xây dựng đảng (nghiệp vụ công tác *tổ chức* và *kiểm tra*). Phải quan niệm đây là hai công tác đặc biệt quan trọng. Cán bộ làm ngành này phải được đào tạo và bồi dưỡng để thông thạo *một nghề*.

- Bồi dưỡng cơ bản, bồi dưỡng định kỳ tại trường và các địa phương. Trước mắt, chúng tôi sẽ mở hai lớp bồi dưỡng trong thời gian 8 tháng với nội dung cơ bản, thiết thực theo sự hướng dẫn của Trung ương để chuẩn bị cán bộ tham gia vào các cấp ủy quận, huyện và cấp tỉnh cho Đại hội VIII sắp tới. Chúng tôi cũng sẽ mở lớp bồi dưỡng ngắn hạn, trang bị những quan điểm cơ bản cho số cán bộ chủ chốt quận, huyện sau Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ.

5 - Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho dạy và học ; tham gia biên soạn bộ giáo trình chuẩn ; tham gia tổng kết công tác thực tiễn nói chung và công tác xây dựng đảng nói riêng.

Digitized by Google

EA PHÊ, một điểm sáng ở Tây nguyên

DOÃN HUỀ

Xã Ea phê thuộc huyện Krông pách, tỉnh Đắc lắc, nằm trên trục đường quốc lộ 26, cách thị xã Buôn ma thuột 38 km về phía đông. Ea phê từ xã Ea Kuăng (cũ) tách ra năm 1984. Nằm trên cao nguyên, với địa hình tương đối bằng phẳng, Ea phê có diện tích tự nhiên 5100 ha, trong đó 650 ha thuộc quyền quản lý của ba đơn vị kinh tế trực thuộc tỉnh và huyện đóng trên địa bàn xã. Diện tích trực tiếp do xã quản lý là 4 450 ha, được phân bố như sau : đất nông nghiệp - 1 628 ha ; đất lâm nghiệp - 820 ha ; đất hoang hóa - 507,6 ha ; đất có khả năng khai thác để phát triển sản xuất nông lâm nghiệp - 850 ha ; đất dùng cho xây dựng cơ bản và công trình phục vụ kinh tế xã hội - 448,7 ha ; đất thổ cư - 195,7 ha.

Tình hình đất đai của Ea phê trong 9 năm qua đã có một số biến động : đất tự nhiên bình quân đầu người giảm 2/3 (từ 6449 m^2/người năm 1984 đến năm 1992 giảm xuống còn 1855 m^2/người) ; đất nông nghiệp bình quân đầu người cũng giảm, chỉ còn 679 m^2/người, thấp nhất so với các xã khác trong huyện.

Đất tự nhiên bình quân đầu người giảm, nhưng các công trình giao thông, thủy lợi... lại tăng. Tính đến nay cả xã Ea phê đã có : 350 ha ao, hồ, sông suối ; 10 đập nước lớn nhỏ (gấp ba lần so với năm 1984) ; 37 km kênh mương thủy lợi (có thể cung cấp nước tưới cho 1700 ha của xã và một số xã lân cận) ; ngoài 7km đường quốc lộ 26, đã nâng cấp và phát triển được 28km đường liên xã, liên thôn (năm 1984 chỉ có 16km), đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất, lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân.

Số dân ở Ea phê phát triển khá nhanh. Năm 1984 xã mới có 7000 người, nay đã tăng lên 24000 người (riêng 3 năm 1990 - 1992, bình quân mỗi năm tăng 2184 người). Số dân tăng chủ yếu do dân từ các nơi khác trong tỉnh và các tỉnh bạn đến xây dựng kinh tế mới. Hiện nay, Ea phê có dân của 28 tỉnh, thành trong cả nước đến định cư ; có đồng bào 8 dân tộc cùng chung sống (đồng bào Kinh : 2509 hộ, 11 989 khẩu ; Ê đê : 523 hộ, 2615 khẩu ; Tày - Nùng : 1448 hộ, 8726 khẩu ; Xê đăng và các dân tộc khác : 111 hộ, 650 khẩu). Toàn xã có 9 thôn, buôn, với ba hợp tác xã nông nghiệp và một tập đoàn sản xuất ; số lao động toàn xã là 6730 người (bằng 36% số dân).

Từ sự phân tích những khó khăn và thuận lợi về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội, đảng bộ và chính quyền xã Ea phê đã xác định phương hướng và bước đi gồm hai giai đoạn :

Giai đoạn thứ nhất (từ tháng 6-1984 đến đầu năm 1988), tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách (như ổn định sản xuất và đời sống ; củng cố hệ thống chính trị, giữ vững an ninh trật tự an toàn xã hội trên địa bàn), tạo tiền đề cơ bản cho sự phát triển trong giai đoạn sau.

Giai đoạn thứ hai (từ tháng 4-1988 đến nay), trên cơ sở thuận lợi mới do Nghị quyết 10 của Bộ chính trị tạo ra, khuyến khích các thành phần kinh tế trong xã phát triển, tạo điều kiện cho các hộ gia đình vươn lên làm giàu.

Thực tiễn cho thấy, phương hướng và bước đi như trên là đúng. Hiện nay, nhiều hộ gia đình ở Ea phê đã giàu lên trông thấy nhờ mạnh dạn đầu tư để trồng các loại cây công nghiệp (như cà phê, cao su, tiêu, điều...) phát triển thương mại và dịch vụ du lịch. Cùng với sự ra đời và hoạt động ổn định của trung tâm thương nghiệp và dịch vụ, cơ cấu kinh tế mới của xã - nông nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ và lâm nghiệp - được hình thành và phát huy tác dụng tích cực trong sản xuất và đời sống. Năm 1992, tổng sản lượng nông nghiệp toàn xã đạt 12 400 tấn quy thóc, lương thực bình quân đầu người đạt 517kg (so với 350 kg năm 1984). Ea phê đã đạt được năng suất lúa bình quân mà ít địa phương trong tỉnh đạt được : 8 tấn/ha/vụ (có gia đình đạt 10 tấn/ha/vụ). Về màu, năm 1992 Ea phê đạt 1260 tấn, trong đó *đậu các loại* : 600 tấn ; ngô : 660 tấn. Về cây công nghiệp, sản lượng cà phê đạt 683 tấn/năm (một số hộ đạt năng suất cà phê 6 tấn/ha/vụ). Về chăn nuôi, ba năm qua Ea phê đã chú ý phát triển toàn diện cả lợn, trâu bò và gia cầm. Năm 1992 toàn xã có 12 000 con lợn, 6 530 con trâu bò, 4 vạn con gia cầm. Nhiều gia đình nuôi lợn giỏi đạt 4 tấn/năm.

Digitized by Google

Ea phê là hình ảnh thu nhỏ của nhiều xã ở Tây nguyên. Kết quả mà Ea phê đạt được một lần nữa chứng minh đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng ta, khẳng định tiềm năng kinh tế phong phú và trình độ thâm canh cây trồng, phát triển nền kinh tế hàng hóa đa dạng ở các tỉnh Tây nguyên.

Về xã hội, Ea phê đã tập trung ưu tiên đầu tư cho giáo dục. Hiện nay, xã đã có 7 trường học các cấp được ngói hóa 100% với 70 phòng học, 17 phòng nội trú cho giáo viên. Tổng số học sinh các cấp của toàn xã là 4349, trong đó 1528 là con em các dân tộc thiểu số.

Theo đánh giá chung thì mức sống của người dân Ea phê hiện nay cao nhất huyện. Số hộ thu nhập từ 10 đến 15 triệu đồng/năm chiếm 40% ; từ 6 đến 9 triệu đồng/năm chiếm 45% ; từ 1 đến 5 triệu đồng/năm chiếm 12,5% ; số hộ thiếu ăn lúc giáp hạt chỉ chiếm 2,5%. Chuyển sang cơ chế mới, mức sống của nhân dân Ea phê từng bước được nâng cao. Cả xã đã có 1000 hộ dùng điện cho sinh hoạt và sản xuất. 341 nhà xây kiên cố, 4087 nhà mái ngói thưng ván, 305 xe máy các loại, 52 máy thu hình, 20 đầu vi-đê-ô, 600 ra-đi-ô cát-xét, 40 máy trò chơi điện tử... Chính những chuyển biến về kinh tế xã hội nói trên đã làm cho nhân dân tin vào sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền xã, tự nguyện đóng góp tiền xây dựng các công trình phúc lợi trong xã (trạm y tế, trường học, chợ...). Số tiền đóng góp của nhân dân lên tới gần 100 triệu đồng. Hai hộ đóng góp cao nhất (25 triệu và 47 triệu đồng) đã được ghi tên trong sổ vàng danh dự của xã.

Xây dựng mô hình kinh tế xã hội ở Ea phê là quá trình trăn trở và nỗ lực rất lớn của đảng bộ, chính quyền và nhân dân ở đây. Từ kết quả bước đầu xây dựng mô hình đó, có thể rút ra mấy điểm chính sau đây :

1 - *Phát huy thế mạnh của địa phương ; chủ động tạo môi trường thuận lợi cho các hoạt động kinh tế phát triển theo hướng kinh tế hàng hóa đa dạng, nhiều thành phần, từng bước mở rộng hòa nhập vào nền kinh tế thị trường, nhưng vẫn bảo đảm củng cố và phát triển kinh tế tập thể.*

Thực hiện nghị quyết Đại hội lần thứ VII của đảng bộ huyện Krông pách, Ea phê đã giao đất lâu dài cho kinh tế hộ, bởi vì đây là hình thức thích hợp nhất để phát triển kinh tế ở Tây nguyên. Với tư cách là đơn vị kinh tế cơ bản ở nông thôn, kinh tế hộ có điều kiện phát huy tính chủ động và sáng tạo, khai thác tốt tiềm năng đất đai và lao động để sản xuất ra nhiều sản phẩm. Kinh tế hộ còn là cơ sở để bảo đảm cho kinh tế tập thể tồn tại và phát triển theo cơ chế mới. Thật vậy, với kinh tế hộ là cơ sở, các hợp tác xã nông nghiệp ở Ea phê đã nhanh chóng chuyển hướng hoạt động, sắp xếp lại bộ máy gọn nhẹ, thực hiện chức năng vừa tổ chức, chỉ đạo hướng dẫn sản xuất, vừa bảo đảm cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm. Các hợp tác xã đã chủ động điều hành sản xuất và làm các dịch vụ mà kinh tế hộ cần, như : cung cấp giống cây, con thích hợp ; bảo đảm đủ nước tưới cho cây lúa, cây cà phê ; phòng trừ dịch bệnh cây trồng, vật nuôi... Nhờ vậy các hộ gắn bó với hợp tác xã và coi hợp tác xã là trợ thủ đắc lực trong sản xuất.

Cơ cấu kinh tế mới (nông - thương nghiệp, dịch vụ và lâm nghiệp) đã mở cho Ea phê hướng phát triển mới : gắn sản xuất với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và đa dạng hóa ngành nghề. Đang hình thành tâm lý sản xuất và cung cách làm ăn mới của người dân Ea phê. Tiếp cận với kinh tế thị trường, người dân Ea phê dần biết chú ý tới lợi ích và hiệu quả kinh tế, biết chủ động tính toán làm ăn, tạo nên không khí sản xuất kinh doanh nhộn nhịp, người người thi đua làm giàu.

2 - *Tạo nguồn thu làm tăng ngân sách xã và sử dụng hợp lý các khoản thu.*

Cùng với việc tập trung thúc đẩy sản xuất phát triển, Ea phê còn chú ý khai thác, tận dụng và phát triển các yếu tố thuận lợi về giao thông nhằm phát triển thương mại và dịch vụ. Bằng nhiều nguồn vốn của xã và trong dân, Ea phê đã chủ động xây dựng và phát triển nhanh khu thương mại và dịch vụ. Khu trung tâm thương mại và dịch vụ gồm chợ, các cửa hàng bách hóa, may đo, cắt tóc, uốn tóc, các cơ sở sửa chữa cơ khí, đóng đồ mộc, xay xát, các quầy sách báo, vi-đê-ô, ka-ra-ô-kê, trò chơi điện tử... Chợ Ea phê là trung tâm giao lưu hàng hóa trong vùng. Chợ có các ki ốt, quầy hàng phục vụ cả ngày, từ cái kim, sợi chỉ cho đến những mặt hàng công nghiệp điện tử cao cấp. Ngoài chợ chính, Ea phê còn có các chợ "vệ tinh" để trao đổi hàng nông sản, thực phẩm, gia cầm, đại gia súc... nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của nhân dân. Khu trung tâm

Digitized by Google

thương mại dịch vụ ở Ea phê được xây dựng với phương châm đa dạng hóa ngành nghề cỡ nhỏ và vừa, nhưng nó có dáng dấp hiện đại như ở các thành phố lớn nên khách phương xa dễ tưởng đây là thị trấn huyện. Nhờ có trung tâm thương mại dịch vụ mà việc giao lưu hàng hóa trong vùng được thuận lợi, từ đó kích thích việc sản xuất hàng hóa trên địa bàn, vì lợi ích kinh tế của nông dân gắn liền với hộ kinh tế hàng hóa. Đồng thời, các nguồn thu từ các ki ốt bán hàng, cơ sở tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, cũng đem lại cho ngân sách xã nguồn thu lớn.

Việc tổ chức quản lý và sử dụng ngân sách có hiệu quả cao là một thế mạnh của Ea phê. Năm 1991, ngân sách xã mới đạt 579,5 triệu đồng, thì năm 1992 đã đạt 931,3 triệu đồng. Đáng chú ý là các nguồn thu ngân sách ở đây khá phong phú và đa dạng. Từ năm 1985, được phân cấp ngân sách, Ea phê luôn tự cân đối thu chi, không cần đến sự hỗ trợ của huyện. Cụ thể các nguồn thu ngân sách của Ea phê như sau :

+ *thu cố định* (gồm 10% thuế công - thương nghiệp và tỷ lệ phần trăm thuế cây hằng năm) : năm 1991 - 59,2 triệu đồng, năm 1992 - 32 triệu đồng.

+ *thu từ điều tiết* (gồm 50% thuế thu từ thôn, buôn, 90% thuế sát sinh) : năm 1991 - 20,5 triệu đồng, năm 1992 - 36,8 triệu đồng.

+ *thu tự tạo của xã* (như thủy lợi phí, lệ phí chợ, sự nghiệp văn hóa, cho thuê mặt bằng, hợp đồng ao hồ...) : năm 1991 - 129 triệu đồng, năm 1992 - 185 triệu đồng.

+ *thu từ các nguồn khác* (gồm tận dụng cánh đồng, tận dụng tài nguyên đất, đá, gỗ, lệ phí chứng thư, chống thất thu thuế...) : năm 1991 - 87,3 triệu đồng, năm 1992 - 185, 3 triệu đồng.

Nhờ biết tận dụng các nguồn thu, nên ngân sách xã mỗi năm một tăng, đáp ứng được nhu cầu phát triển của địa phương. Nắm chắc các nguồn thu, Ea phê có thể lên kế hoạch thu cho mỗi năm, mỗi quý, mỗi tháng, để đưa vào nghị quyết của đảng bộ. Ea phê còn biết chọn thời điểm thu thích hợp với điều kiện cụ thể của địa phương. Ea phê có đội ngũ cán bộ thuế đủ mạnh ; mỗi người được phân công phù hợp với khả năng của mình. Đương nhiên, cán bộ thuế phải có nghiệp vụ, hiểu biết về các pháp lệnh thuế và luật thuế. Đặc biệt, họ phải có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc được giao. Đáng chú ý là Ea phê đã thành lập được tổ chống thất thu thuế nhằm xử lý các trường hợp công nợ dây dưa và giúp các hợp tác xã thu hồi sản phẩm. Trong thu thuế, xã luôn xác định và bảo đảm phương châm : thu đúng, thu đủ, không tự đặt mức thu thuế, sổ sách kế toán phải rõ. Xã có chế độ đãi ngộ thỏa đáng đối với cán bộ thuế làm tốt công việc, như cho hưởng chế độ *phụ cấp* và cho hưởng tỷ lệ phần trăm mức khoán. Bí thư và chủ tịch xã thường xuyên nắm các nguồn thu và bố trí thu, chi hợp lý từng ngày.

Không chỉ bảo đảm tốt các nguồn thu, Ea phê còn chú ý sử dụng hợp lý các khoản chi. Mỗi khoản chi đều được tính toán cụ thể, bàn bạc thống nhất trong tập thể. Thực tế cho thấy, 70% ngân sách của xã được tập trung đầu tư cho các công trình phúc lợi.

3 - *Thực hiện chính sách dân tộc nhằm phát triển kinh tế xã hội của địa phương.*

Ea phê là xã đông dân vào hàng thứ nhất của huyện, 50% số dân là đồng bào dân tộc thiểu số. Vì vậy, việc thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta là một vấn đề cực kỳ quan trọng đối với đảng bộ và chính quyền xã. Từ khi được thành lập, xã đã làm được nhiều việc và đạt kết quả tốt trong công tác này.

Một trong những vấn đề quan trọng mà Ea phê tập trung giải quyết là vận động đồng bào thực hiện định canh định cư, tổ chức sản xuất và ổn định đời sống. Ea phê đã tiến hành quy hoạch vùng định cư gắn với định canh, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để đồng bào yên tâm sản xuất và ổn định đời sống. Mỗi hộ đồng bào dân tộc thiểu số đều được xã cho mượn thêm đất canh tác từ 300 m^2 đến 1000 m^2 ruộng hai vụ, ngoài diện tích nhận khoán, và được miễn các khoản đóng góp. Đặc biệt, đối với trường hợp đồng bào Tày - Nùng (Cao bằng) tự do di cư vào địa bàn xã, mặc dù còn có nhiều khó khăn (nhất là khó khăn về đất cho đồng bào định cư và định canh), xã đã có biện pháp giải quyết hợp tình hợp lý. Nhờ đó, từ năm 1984 đến nay, gần 1800 hộ đồng bào dân tộc Tày, Nùng (trên 8700 khẩu) đã ổn định cuộc sống và yên tâm sản xuất. Có nhiều gia đình biết làm giàu bằng

(Xem tiếp trang 18)

Digitized by Google

Thói đời ghen ghét

(Thư tâm sự)

HOÀI ANH

Minh Tâm thân,

Thư trước cậu trêu mình là người hay lý sự. Và vì thế thư này cậu bắt mình cắt nghĩa thế nào là thói đời ghen ghét. Quả thật mình hơi bất ngờ, không biết lý giải với bạn về đề tài này ra sao. Ghen ghét vốn là thói đời luôn tồn tại trong cuộc sống quanh ta hằng ngày. Nhưng giờ đem nó ra mổ xẻ, phân tích và bàn luận, đối với mình, là điều không dễ. Nhưng thôi, có câu chuyện vui thế này, mình kể cậu nghe.

Ngày xửa ngày xưa, Diêm vương muốn con người ở cõi trần gian sống vui vẻ, hòa thuận với nhau, bèn ra tay trị tội nặng những kẻ hay ghen ghét bằng cách bỏ tất cả bọn phạm tội vào vạc dầu và ra một điều kiện : kẻ nào ngoi lên được sẽ tha tội. Kết cục, tất cả đều lần lượt chìm nghỉm, chẳng ai thoát khỏi vạc dầu. Bởi hễ có một ai ngoi lên là kẻ khác lại tóm chân kéo xuống !

Câu chuyện phải chăng nói lên một điều : ghen ghét là thói xấu, là căn bệnh có ở không ít người, dễ lây lan và khó chữa trị ?

Mới đầu, mình cứ tưởng cái thói này chỉ có ở quê mình, nơi cái đói nghèo dễ đưa đẩy người ta đến chỗ ghen ăn tức ở với nhau, hóa ra không phải. Ghen ghét có ở khắp nơi trên đời này, ngay cả những nơi giàu có, phát đạt. Hồi còn ở bên tây, mình thấy người ta kể cho nhau nghe vô vàn thói đố kỵ, nhỏ nhen. Họ còn phân ra hai loại : "ghen trắng" và "ghen đen". Ghen trắng như một hiện tượng tích cực, thấy người hơn mình thì cố học hỏi, tu luyện để tiến cho bằng, cho kịp. Tựa như ta hay nói "Thua trời một vạn, không bằng kém bạn một ly". Còn ghen đen là thói xấu, đáng phê phán, ghen cộng với ghét, ghen kèm tâm trạng bực bội, cay cú, hằn học...

Biểu hiện đặc trưng về mặt tư tưởng của người mang thói này là tỏ ra coi thường tất cả ; cho rằng chỉ có mình là đúng, là nhất, và đương nhiên không bao giờ chấp nhận người khác trội hơn mình, khá hơn mình. Về hành động, họ xét nét, xoi mói, gièm pha, suy bì, tị nạnh, cản trở, thậm chí thù nghịch, phản bội...

Theo mình, thói ghen ghét có cội rễ sâu xa từ chủ nghĩa cá nhân cực đoan, sự tranh giành lợi ích vị kỷ. Nó pha trộn nhiều sắc màu tâm lý trong những hoàn cảnh cụ thể khác nhau. Nó khéo ngụy trang, đội lốt ; nó thay hình đổi dạng luôn. Nó có thể dùng quyền uy, quyền lực để lấn lướt. Nó có thể nhân danh bảo vệ cái gì đó rất thiêng liêng, ví như lợi ích tập thể, thanh danh tổ chức... để rồi bóp méo, thổi phồng sự kiện, vùi dập người khác.

Đúng là trong xã hội nông nghiệp như nước ta, đầu óc thiển cận, hẹp hòi vốn gắn với nền sản xuất nhỏ, phân tán, manh mún như vạt lúa, bờ khoai. Với đầu óc trục lợi, người ta dễ nhìn người khác qua lăng kính riêng, với những mặc cảm, thành kiến, định kiến... Cái gì mình ưa thì tốt, thì tuyệt vời ; cái gì không ưa thì "dưa có dòi". Lợi ngay cho mình thì thích thú, ủng hộ ; không lợi cho mình thì dè bỉu, chê bai...

Chính vì ai cũng sợ và ngại thói ghen ghét nên xưa nay trong xã hội thường có tâm lý vừa lòng với chủ nghĩa bình quân, với sự dàn đều, chia mong. Tính bình quân được mọi người coi như tiêu chí giữ cái tình bền lâu, giữ vị thế "hòa cả làng". Nhưng điều nguy hiểm là chủ nghĩa bình quân lại được coi như biểu hiện của sự ổn định, một sự ổn định trì trệ, níu kéo, không phát triển lên được.

Thói ghen ghét có cơ mở rộng và bành trướng trong thời bao cấp. Lúc đó, cũng có người tưởng là công bằng, thực chất là cào bằng, là vui lòng cùng nghèo khổ như nhau ; xã hội dường như bị thủ tiêu động lực, người ta dựa dẫm vào nhau, không ai dám ngoi lên trên cái mặt bằng "công xã" yên bình đó. Người ta cam chịu trong sự an ủi "khôn độc không bằng ngốc đàn".

Đến thời cơ chế thị trường, năng lực cá nhân đang từng bước được giải phóng. Mọi người sống cởi mở hơn, thông thoáng hơn. Song đừng tưởng thói ghen ghét đã hết. Trái lại, nó được che đậy bằng tâm bình phong mới và diễn tiến có phần tinh vi hơn, bạo liệt hơn. Nó bị đẩy lên thành sự cạnh tranh một mất một còn, vô cùng quyết liệt.

Trong sinh hoạt, trong đời thường, những chuyện vụn vặt, nhỏ nhoi vì ghen tuông, đố kỵ, thù ghét gây hậu quả rất xấu. Nó làm "đắng" cuộc đời chúng ta, khiến bao người bận tâm, phiền lòng. Nhiều người vì lo làm ăn, say mê với công việc, thường bỏ qua cho yên chuyện. Nhưng những kẻ "rỗi hơi" có bao giờ để người khác yên. Họ xầm xì to nhỏ bên bàn trà, quán nước, tạo ra một không khí nặng nề, căng thẳng...

Trong lĩnh vực công tác, trò ghen ghét còn gây ra tác hại lớn hơn nhiều, nghiêm trọng hơn nhiều. Bởi nó không chỉ liên quan đến cá nhân một hai người, mà nhiều khi liên quan đến cả một sự nghiệp của một tập thể, một tổ chức. Công tác bao giờ cũng gắn với việc cần đong hiệu quả, hiệu suất, gắn với thước đo, đánh giá ở mỗi con người. Lối đánh giá cảm tính, chỉ bằng ý thích, bằng "ghét hay yêu", bằng tư lợi, bằng cánh hẩu, thường đưa đến những nhận định thiếu khách quan, sai lệch. Nó che lấp đi những phẩm giá tốt đẹp, thổi phồng những

Digitized by Google

luận đàm tiếu... Chị thì ruột như muối xát, chỉ chăm chắm xoay anh về mối quan hệ kia. Uất ức sau những năm dài hy sinh cho chồng con, chị lạnh lùng nhìn anh như người dưng. Còn anh thì không muốn gặp ai, không muốn biện minh, chỉ thui thủi quanh nhà, đơn độc. Chị phẫn chí và mất khôn, đòi anh ra tòa ly dị.

Ôi ! Chị có biết đâu, ngày ấy chưa đến thì chị đã mất anh, mất tất cả.

Anh để lại bức thư dài... Chị đọc và hiểu ra hết, khi biết V., đối thủ kèn cựa với anh đã cùng vị viện phó đi dự hội nghị quốc tế ở nước ngoài. Và chính công trình của anh T. họ đã cuỗm cả và mang đi...

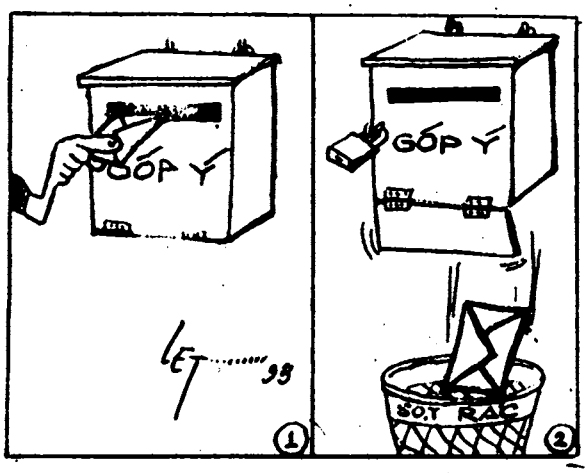
Bây giờ chị mới hiểu ra T. chỉ là nạn nhân của thói ghen ghét đến mức trở thành thủ đoạn, một âm mưu vấy bùn để cướp công người...

Nỗi ân hận giày vò chị, bởi vì chị cứ đinh ninh rằng chị đã là giọt nước cuối cùng làm tràn bát nước đắng cay trong cuộc đời anh ấy...".

Tâm ơi, mình vẫn hoài nghi, không thể tin được rằng thói ghen ghét của con người lại có thể dẫn đến một hậu quả tồi tệ, hệ trọng đến thế ! Mong sao cho trái tim con người hết bóng tối của thói tị hiềm và ghen ghét. Và nhất là, trong mọi hoạt động của xã hội, có được một hệ thống chuẩn mực, một cơ chế để đánh giá đúng đắn con người, phát huy hết năng lực cống hiến của con người, xóa dần thói đời ghen ghét.

nhược điểm nhỏ nhặt, những cá tính riêng có của mỗi con người. Nó lấn đi quan hệ chung, lợi ích chung, mà đặt lên bàn cân lợi ích cá nhân lạnh lùng, sòng phẳng. Thói ghen ghét nhiều khi làm cho một tập thể, một cơ quan đơn vị rơi vào tình trạng xích mích thường xuyên, liên miên không dứt ra được. Và hậu quả của nó, Tâm ơi, thật khôn lường. Tâm hãy dừng tại đây để chia sẻ cùng mình một nỗi đau khôn cùng. Mình vừa nhận một bức thư của bà chị, nguyên văn như sau : "Khi em đọc những dòng này thì anh T. không còn nữa. Anh đã uống thuốc ngủ... Em biết đấy, 10 năm trời anh T. đeo đuổi một công trình nghiên cứu. Nhiều cán bộ cùng viện anh tranh thủ "đánh quả", đã phất lên ghê gớm. Trong đó có V. - phó tiến sĩ bảo vệ cùng thời với T. ở nước ngoài, vẫn chưa có công trình nghiên cứu thực tiễn. Thấy T. vẫn kiên trì cặm cụi ngày đêm, đọc đọc viết viết, thí nghiệm này thí nghiệm khác, V. tỏ ra không ưa và ngấm ngầm bài xích. Chị thì cứ âm thầm chịu đựng, tần tảo hằng ngày nuôi cháu, những mong "gái có công thì chồng chẳng phụ"...

Ai ngờ, khi T. tìm ra được lời giải cho công trình nghiên cứu thì cũng là lúc có kẻ đâm đơn tố cáo anh là "ăn cắp" kết quả từ sách này sách nọ của nước ngoài. Có kẻ rêu rao rằng, anh chẳng qua chỉ khoác áo nghiên cứu để nhận tiền đề tài, để dễ bề quan hệ "nhăng nhít" với cô nhân viên phòng thí nghiệm... Thế là toàn bộ công trình bỗng dưng bị thu lại. Rồi các cuộc họp kiểm điểm... Rồi nghi ngờ... Rồi dư



Tranh : Lê Viết Trí ▲



Tranh : Văn Thanh ▶

Digitized by Google



"BI KỊCH NHỎ", *tập truyện ngắn của Lê Minh Khuê* *

DƯƠNG TÙNG

TRONG bài "Viết về cái ác cũng là một cách thức tình", đăng trên tạp chí *Tác phẩm mới* gần đây, Lê Minh Khuê, một cây bút nữ có nêu : "Cái ác như nấm độc, như cỏ dại đang huỷ hoại cộng đồng, báo hiệu sự suy kiệt khủng khiếp về văn hóa, báo hiệu sự mất trắng về đạo đức truyền thống của một dân tộc. Có lẽ không ở đâu trên hành tinh này có sự sùng bái đồng tiền mù quáng như ở xứ ta". Chị kêu gọi : "nhà văn với trách nhiệm công dân của mình không thể làm ngơ trước một thực trạng xã hội như vậy".

Trước hết, tôi rất cảm thông với sự sốt ruột đến mức gần như hốt hoảng của tác giả trước sự xuống cấp của đạo đức xã hội, trước sự lộng hành của "cái ác" ; và đồng tình với tinh thần đấu tranh chống cái ác và lời kêu gọi thống thiết đó của nhà văn. Song, tôi không khỏi ngạc nhiên và băn khoăn với cách lý giải này của chị : "Viết về cái ác không phải là tán thành hay phản kháng một cái gì. Cũng không phải lối biện bạch hay tự vệ, cũng không có tính luận chiến hoặc ám chỉ. Nó chỉ đơn thuần là một mảng đề tài cần phải đề cập qua cái nhìn của nhà văn đối với cuộc sống".

Ở đây, lối lập luận của chị theo tôi có phần mâu thuẫn. Bởi vì nếu nói "đề cập qua cái nhìn của nhà văn đối với cuộc sống" thì cái nhìn đó làm sao lẩn tránh được những vấn đề cốt lõi của một tác phẩm văn học : đối tượng miêu tả là ai ? Những tính cách, những thân phận nhân vật trong đó được thể hiện thế nào ? Chủ đề tư tưởng của tác phẩm cuối cùng nói lên điều gì ?

Văn học đâu chỉ đơn thuần là cái nhìn thản nhiên, vụ vợ, lạnh lẽo, càng không phải là sự sao chép vụng về, sống sượng cuộc sống ; văn học bao giờ cũng là sự phản ánh hiện thực qua lăng kính (nghĩ suy, phân tích, nghiền ngẫm, to thái độ), qua trái tim mến cảm, nhiệt thành và nhân hậu của nhà văn chứ ?

Có lẽ cũng vì theo quan điểm mang tính "tuyên ngôn" nói trên mà tác phẩm "Bi kịch nhỏ", một thể nghiệm của Lê Minh Khuê viết về cái ác, đã có tác dụng ngược với "hy vọng mong manh muốn thức tỉnh nhân tính" của chị.

Chúng ta hãy xem hiện thực mà Lê Minh Khuê mô tả trong "Bi kịch nhỏ" (tập sách gồm 9 truyện ngắn) là hiện thực như thế nào. Ở đây xin tạm chia làm hai mảng :

Mảng nói về *tình yêu và hạnh phúc lứa đôi*. Ở đó bạn đọc thấy gì ? Thấy toát lên nỗi phiền muộn ưu tư, nuối tiếc, oán trách đến tức giận với quá khứ ; sự mệt mỏi, chán chường, buồn đến nẫu ruột với hiện tại. Còn tương lai thì sao ? Theo tác giả, "thời buổi tương lai mông lung như sương mù".

Con người trong một số truyện muốn vươn lên, khát khao cháy bỏng đi tìm tình yêu, tìm hạnh phúc, dẫu niềm hạnh phúc ấy chỉ le lói, thoáng qua, mà cũng không tài nào đạt được. Lê Minh Khuê đã phác họa cuộc đời với biết bao lực cản, biết bao thác ghềnh : nào là bị ràng buộc bởi ý thức hệ "đã cướp đi sợi dây thân ái nối liền giữa hai trái tim con người" (trong *Mong manh như là tia nắng*) ; nào là bị níu kéo, bị "mài mòn, tự mài mòn" trong cuộc sống thực tại bộn bề, chồng chất khó khăn (trong *Cơn mưa cuối mùa*) ; nào là do mải mê theo đuổi những gì "tối tăm, cuồng dại, không thực tế", đến nỗi ngoảnh lại, hạnh phúc cá nhân đã đứt gánh, lỡ làng, đơn côi (trong *Một chiều thật muộn*) ; nào là do sự dối trá, lừa gạt của lớp người đi trước mà thế hệ sau phải chịu hậu họa, như một nỗi đau tiền định, qua báo (trong *Bi kịch nhỏ*).

Ở mảng hiện thực này thái độ của người viết tỏ ra thông cảm và bao vệ những số phận trớ trêu trong cuộc đời. Nhưng sự bảo vệ ấy xem ra có phần chu quan và cực đoan. Thí dụ tác giả mô tả một công dân sau khi vào đồn công an thuộc xã hội ta cách đây vài chục năm : "Chị bước ra khỏi công an quận, từ phút ấy chị đã mất tuổi trẻ, mất lòng tin, sự vô tư nhẹ nhõm". Cứ cho là trong hoàn cảnh chiến tranh việc tiếp xúc với người nước ngoài quy định có khắt khe, phiền toái ; cứ cho là một nhóm công an nào đó lỗi lầm, xử sự thô bạo cứng nhắc với con người, thì cũng không thể đẻ lại cho cô gái mới lớn một ấn tượng kinh hoàng đến thế. Nếu ai trong cuộc sống lúc nào cũng ở tâm trạng "không bị đánh mà la trời kêu đau" thì mối quan hệ giữa con người với con người sẽ dẫn tới đâu ? Và rồi những "tấn bi kịch cuộc đời" sẽ còn được nhà văn "đẻ non" ra bao nhiêu nữa ? Nặng nề và mặc cảm đến nỗi nhân vật không lấy chồng, ở vậy cho đến già thì thật là một hiện tượng phi lô gích và thật khó tin !

Ta lại nghe lời kể của Mi (một nhân vật trong *Cơn mưa cuối mùa*) về cái khu tập thể của chị : "Một thứ ổ chuột chính cống, trong đó người ta sợ chuột như sợ cọp vì chuột vừa nhiều, vừa to, vừa già, vừa dữ. Người cũng như chuột vì bạ chỗ nào còn chút không gian con con cũng chui vào làm tổ. Một thứ tàu chợ lúc nào cũng rầm rĩ. Và ở những khu nhà như thế, dường như tập trung mọi thứ "tinh hoa" của loài người". Rồi chị kể về một lão già tụt xuống hố phân,

* Nhà xuất bản Hội nhà văn ấn hành năm 1993

Digitized by Google

sợ quá phát sốt ; một "đại công trước" dở đủ trò trên diện tích 8m², một gã giáo sư triết, ba bằng đại học vì ghen ghét với hàng xóm mà có những hành vi thấp hèn... Chị cho rằng "làm sao ta có thể tránh được ruồi muỗi ở xứ này ; rồi mình cũng là ruồi muỗi quấy đao người khác". Một giọng kể sao mà mỉa mai chua chát. Quả tình những con người chỉ với tư cách kẻ sống ngoài cuộc, không muốn cùng người khác dấn thân vào đấu tranh và cải tạo thực tiễn, thì nhiều lắm cũng chỉ dẫn đến những "cơn thở hắt ra" như thế, không hơn không kém. Ở đời chẳng hiếm những không gian chật hẹp, xô bồ và phức tạp, chẳng hiếm những kiếp người khốn khổ quanh quất bên ta. Nhưng cũng chính như Mi, nếu chị vượt ra khỏi bốn bức tường nhỏ bé của mình, ngay trên đất nước này, một không gian rộng lớn hơn, chị đã phát hiện ra biết bao nhiêu điều mới lạ, bao nhiêu con người đáng trân trọng và mến yêu. Vậy là ngay chính các nhân vật trong truyện, nếu tác giả chỉ cho họ nhìn ngắm hiện thực từ điểm xuất phát với tầm hiểu biết hạn hẹp của mình, lại gắn với một ấm ức cá nhân nào đó thì làm sao họ tránh khỏi có cái nhìn thiên cận, méo mó, để dẫn đến sự lừa phỉnh, hù dọa người khác, nhất là những người nhẹ dạ, cả tin ?...

Tôi tâm đắc với triết lý của Lê Minh Khuê "đừng nên nhìn một con người bình thường với cái nhìn bình thường". Và tôi cũng tin rằng trái tim chị như trái tim nhân vật của chị "không bao giờ có thể ngủ yên". Song vấn đề ở đây chính là thái độ trầm tĩnh, khách quan, suy ngẫm, cân nhắc và nhất là đúng mức, khi xem xét thực tiễn và mô tả hiện thực. Phỏng có ích gì nếu người viết cứ lạnh lùng bê nguyên xi chuyện vặt vãnh của đời thường vào tác phẩm ? Còn nếu từ đó mà lại cố tình bơm to, thổi phồng, thậm chí bịa đặt, xuyên tạc, trình bày sự việc theo kiểu khái quát lệch lạc, thì người đọc không thể chấp nhận được. Nó chỉ gia thêm vị đắng cho cuộc đời và mang lại nỗi hoài nghi, niềm thất vọng không đáng có cho người đọc. Và nếu vậy, thì thực tình người đọc chưa kịp "thức tỉnh" đã bị "mê đi", và dễ sa vào lối lầm một cách không tự giác.

Mang hiện thực *thứ hai* được mô tả trong tập sách của Lê Minh Khuê đen tối hơn, phũ phàng hơn, bạo liệt hơn. Đâu đâu trong tập truyện cũng chỉ thấy một không khí ọi nồng, nặng nề và u uất, một quá khứ bần thỉu và đẫm máu, một hiện tại dồn nén bức bối đến tức thở. Sự thù hằn, ghen ghét, chộp giựt, chém giết nhau, dễ như bỡn. Con người mất hết niềm tin, sống trong buông thả, bị đồng tiền, bị quyền lực chi phối, thành kẻ đờ đẫn, si mê, rối trí, điên khùng, và tất nhiên, hậu quả là một chuỗi hành động tội ác : đạo búa, máu me, lừa gạt, trừng phạt lẫn nhau... Rùng rợn đến mức con mổ bụng moi gan bố, em vác dao đâm thẳng vào bụng chị đang mang thai, bố con với nhau phải rạch mặt, chặt tay thề thốt...

Chúng ta phần nào thấu hiểu động cơ của người viết : muốn giống tiếng chuông cảnh báo về sự xuống cấp của đạo đức xã hội, về sự tha hóa đến thảm hại của con người vì quyền lực, vì đồng tiền, vì sự phức tạp của quá trình đang chuyển sang kinh tế thị trường. Chúng ta cũng trân trọng tài văn của Lê Minh Khuê đã biết khai thác những mảng đề tài mới mẻ, bằng lối viết mạnh bạo, sắc lạnh làm bật dậy những thân phận, những tính cách có góc cạnh và chiều sâu tâm lý. Ở một vài truyện người ta có thể liên tưởng đến lối viết duyên dáng, nồng ấm và nhân nhậu của chị trong các tác phẩm trước đây như "Cao điểm mùa hạ", "Một chiều xa thành phố"... Song chúng ta hoàn toàn không tán thành lối giãi bày hiện thực ở nhiều chỗ, trong nhiều câu chuyện, mang tính chất cường điệu, thô thiển, mỉa mai, giễu cợt, thậm chí cay độc và hằn học.

Sự thực, ở một góc cuộc sống nào đó, cũng có những quan hệ bố con như Quang và Tuyên, như lão Thiến, thằng Thán. Ở gia đình nào đó cũng có kiêu lộn sòng, tráo trận lương tâm như gia đình lão Trương, Cu Nghẽo. Xã hội mới bước vào cơ chế thị trường cũng có thể có kẻ ngày hôm qua còn khốn khó, hôm nay đã trở nên hãnh tiến, giàu có, và ngược lại. Vận may rủi là không thể tránh khỏi trong một đất nước đang chuyển mình dữ dội. Công cuộc đổi mới đang lay động đến tận gốc rễ tâm hồn mỗi con người, mở lối ra, tiếp thêm sức sống cho bao sinh linh, song cũng không phải không có người vì lẽ này lẽ khác chưa chuyển kịp, đang ngơ ngác hoặc bị nhấn chìm trước thời cuộc. Song bộ mặt xã hội ta đang từng bước đổi thay thực sự. Không khí chung dân chủ, cởi mở, thông thoáng hơn nhiều.

Với trách nhiệm cao cả của người cầm bút, nhà văn cần góp phần nắn dòng, định hướng cho cuộc sống, cho con người, tránh tung những "quả mù" không đáng có, can bước và làm hoang mang rối trí người khác. Trên trang viết của Lê Minh Khuê ta gặp không ít những "quả mù" như thế. Chị viết : "Một gã đàn ông mặt mũi tối tăm, loại người nhan nhản vẫn lượn lờ ở các chốn đô hội" ; "đất này quá nhiều chuyện buồn" ! "người Việt nam trông nhom nhem lắm" ; "các trí thức không biết tiêu phí thời gian vào đâu, đành phải cho cuộc đời sui bọt trong bia, trong màu đen như đêm của cốc cà phê...". Chị đã hơn một lần tả các khu tập thể như cái chuồng nhốt người và thú, thậm chí toàn là thú với nhau : "Ban đêm họ ngủ như những con người khốn khổ hèn mạt. Ban ngày họ là lũ quỷ dữ, một bầy súc vật sống với nhau như bầy đàn, con nào mạnh thì tranh được miếng ngon". Tệ hại hơn, chị kết luận : "Đó là bộ mặt của trăm ngàn cái nhà tập thể đổ ra từ khi người ta cứ quyết tâm nhốt, từ linh hồn đến thể xác con người vào cùng một rọ...". Chị vẽ cái xóm của mấy ông giáo bậc đại học như "bãi tha ma". Chị cười cợt đay nghiến : "cái thời mọi thứ đang còn thịnh chứ không suy như bây giờ, nhà trường là một chốn thâm cung cao vời vợi, xa với với đám chúng sinh. Ai được vào học ở nhà trường phải đạt cho đủ những tiêu chuẩn đầu tiên để ra với mỗi sinh linh hồi ấy. Có nghĩa là phải mù cưa, bắt ốc từ thời cụ kỵ không bao giờ được một bữa no ra no". Bất ngờ chị nhận xét "suốt đời ở thế cu li...". Quả là lối nhận xét và khái quát võ đoán, ngạo mạn, nhẫn tâm và chính nó đã xúc phạm ngay bản thân người viết. Hàng ngàn hàng vạn trí thức đã và đang được đào tạo dưới chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta, họ sẽ nghĩ gì về lời nhận xét đó ?

Digitized by Google

Trong truyện *Tô-ni Đ*, hai con người, hai bố con đều là "đầu trộm đuôi cướp" (bố trước đó còn là công nhân viên nhà nước, con là bộ đội, giờ đây như hai con thú có bộ răng dữ tợn) gầm ghè, con tiến con lui, vờn nhau, tranh nắm xương đến một mất một còn, đổ máu, bị thương... Ôi, cuộc đời này sao mà kinh tởm, khốn nạn ! Đọc xong câu chuyện, ai cũng thấy nổi da gà, dựng tóc gáy ! Trong truyện *Chuyến tàu mùa đông*, những nghệ sĩ, những con người vì miếng cơm manh áo, cùng đường đến mức săn đuổi, rình rập, thủ tiêu nhau.

Một câu hỏi bức xúc : có thật cuộc đời này hiu quạnh, buồn bã như *Chuyến tàu mùa đông ?* Phải chăng trên chuyến tàu ấy, người lương thiện như ông Luốc, bà Tư Héo đều phải ẩn nấp, trốn chạy, không hề có luật pháp bảo vệ chở che ? Phải chăng xã hội của chúng ta hôm nay chỉ toàn những chuyện xấu xa tồi tệ như tác giả miêu tả ?

Lối viết đẩy nhân vật đến chân tường, không lối thoát hay cổ vũ cho triết lý sống : "có đó là thì giết nhau cũng đáng", "thời này đứa nào còn đứa ấy thắng", thử hỏi làm sao thức tỉnh được nhân tính, khơi dậy được niềm tin và sức vóc của con người dũng cảm chống lại cái ác, đẩy lùi cái ác ?

Đến đây, tôi xin được dừng lâu ở câu chuyện *Bi kịch nhỏ*, một truyện ngắn đặt ở đầu tập, lấy làm tên sách với minh họa bìa như một vết thương rỉ máu. Đọc *Bi kịch nhỏ*, ta thấy tác giả thật dụng công dàn trải câu chuyện trong một không gian rộng lớn và một thời gian khá dài : diễn tiến phức tạp của xã hội ta từ thời chống Pháp, cải cách ruộng đất, chống Mỹ và cho đến ngày nay. Một lớp lang nhân vật có cả Tây, ta, Việt kiều yêu nước... một mối tình lâm ly thống thiết, có cả chia ly, tan hợp, loạn luân và chết chóc, vân vân và vân vân. Tất cả ngón giật gân, bi lụy nhất (kiểu chuyện tình, chuyện vụ án lâu nay) được tác giả khéo léo cài cắm, phô bày trên trang giấy. Song nhìn sâu vào tác phẩm, ta thấy lộ rõ ý đồ của tác giả, xuất phát từ một luận đề có sẵn rồi tung "quân cờ" nhân vật của mình ra, xoay quanh bi kịch của gia đình ông Tuyên, đẩy sự kiện phát triển ở các cấp độ khác nhau và cuối cùng đến cao trào kịch tính : cái chết thảm khốc của người con trai vô tội.

Tác giả lần lượt giải mã luận đề của mình và cuối cùng đã đạt mục tiêu. Mục tiêu đó là :

- Bôi nhem con người Việt nam, dân tộc Việt nam, một lớp cán bộ cách mạng (ở bậc cao và rất cao) với lối miêu tả, so sánh vừa tinh vi, vừa trắng trợn.
- Vẽ nên bức tranh toàn cảnh xám xịt, bộ mặt xã hội ta trong quá trình phát triển của cách mạng.
- Tô đậm lẽ sống chạy theo đồng tiền (đặc biệt đồng đô la) và quyền lực.

Bức tranh đồng hiện "con giết cha, cha giết con" với đường nét và sắc màu khác nhau, nhưng đều nói lên thảm cảnh của cuộc sống hiện tồn. Vận mệnh và tương lai của các thế hệ người (đặc biệt tuổi trẻ) đều như "sương mù".

Nhược điểm lớn nhất của tác phẩm là ở chỗ tác giả quá say sưa với luận đề, với quan điểm vốn có của mình để rồi cùng một lúc sắp đặt, dồn nén, ép chặt vô vàn tình tiết, sự kiện, nhân vật nhiều khi không đúng với lô gích cuộc sống, với lẽ phải và ngược với tình cảm của cộng đồng, của dân tộc. Chúng ta thử đi vào phân tích chính cái luận đề mà tác giả nêu ra và mong đạt tới : Phải chăng chuyện mang tính tiền định - quả báo mà có người gọi là "mô típ vọng phu" hiện đại (đời cha ăn mặn, đời con khát nước) ; sự trả giá đớn đau mà nguyên nhân sâu xa của nó là từ những biến thái xã hội (cải cách ruộng đất, chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc ta), là sự chạy theo, luồn lách, say mê đến mê muội con đường công danh của người bố (ông Tuyên). Đây là con người đại diện cho một lớp cán bộ đi theo cách mạng, đã trở thành một cán bộ cao cấp, đứng đầu chót vót một tỉnh thứ nhì nước nhưng nhuốm đầy sự xấu xa, bỉ ổi. Mọi thứ xấu xa bỉ ổi của nhân vật Tuyên được tác giả tô vẽ khá tỉ mỉ và công phu trong sự so sánh đối chọi với nhân vật Quang, đứa con mà ông Tuyên từng bỏ rơi, nay là Việt kiều về nước, rất hào hoa, sang trọng, đáng yêu, hấp dẫn. Ông Tuyên hiện ra như một tên cơ hội thực thụ, một tên bạo chúa, bắt ai chết phải chết, bắt ai sống được sống. Còn đám đông thì "như một lũ chúng sinh, những thân phận mong manh không có gì che chở", dại dột và mù quáng lăn xả vào chỗ chết chóc, hy sinh. Để rồi, "con người kia" vẫn uy nghi trên thành tích, trên danh vọng ; con cháu họ sống sung sướng như những ông hoàng bà chúa ; và cả khi đã rời vị trí, "con người kia" vẫn "tay chân hoàn toàn sạch sẽ, lương tâm yên ổn...". Và tác giả cho một nhân vật trong truyện tự lý giải : "Nước mình vui thật. Gì cũng bí mật. Để giữ uy tín cho một người, thế là tất cả trở thành mông lung, mờ ảo, không biết đâu mà lần". Đi xa hơn, tác giả còn bàn đến cả thời cuộc, thời đại. "Thế giới cũng vậy, ở trong tay vài người, thậm chí một người"...

Nhận định, đánh giá, kể cả phán xét đối với thời cuộc, thời đại, đó là quyền của mỗi người, là chuyện thường tình. Ở nhà văn, đó còn là sự tự do tư tưởng, sự mẫn cảm trong tư duy chính trị, tư duy nghệ thuật ; còn là sự thức tỉnh, dự báo cần thiết đối với xã hội, với con người. Nhưng mọi sự đánh giá, phán xét phải trung thực, không được xuyên tạc, bôi bác hiện thực và lịch sử . Nhất là những hiện thực và lịch sử đó lại liên quan đến lòng tự trọng của cả một dân tộc hoặc một thế hệ con người. Ở nhà văn, điều đó được trình bày trong tác phẩm mà ai cũng có thể đọc. Vì vậy, nếu sự đánh giá và phán xét của nhà văn không khách quan, vô tư mà gắn với một định đề có sẵn, rồi từ đó cố tạo ra những câu chuyện trong đó các nhân vật như những con rối được đưa đẩy để minh họa cho một ý định lệch lạc của mình, thì như vậy lại là điều không bình thường và có hại.

Quá khứ của Lê Minh Khuê và những tác phẩm của chị còn lưu giữ trong lòng người đọc những ấn tượng tốt đẹp. Có thể ở một thời khắc nào đó, do mặc cảm hay choáng ngợp trước thực tế đời sống, chị đã cho ra một đứa con tinh thần èo uột. Quả đây là điều đáng tiếc.

Digitized by Google

KINH TẾ THẾ GIỚI - cục diện cạnh tranh và xu thế

TRẦN TRỌNG*

Sự sụp đổ của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác ở Đông Âu kéo theo sự tan rã của cả một nền kinh tế với tư cách là hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới, chẳng những đã gây ra nhiều biến động lớn về chính trị và chiến lược trên toàn cầu mà còn tác động mạnh mẽ đến cục diện kinh tế thế giới sau chiến tranh lạnh. Cục diện này trước hết là cuộc cạnh tranh kinh tế quyết liệt đang diễn ra giữa *ba* trung tâm lớn : khối mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) gồm Hoa kỳ, Ca-na-đa và Mê-hi-cô với Hoa kỳ là trụ cột ; thị trường chung châu Âu gồm các nước EC, Bắc Âu và Đông Âu cũ với EC là trụ cột, và khối cộng đồng kinh tế châu Á - Thái bình dương đang hình thành với Nhật bản là trụ cột. Muốn xem xét tính chất và mức độ cạnh tranh gay gắt của ba trung tâm trên, cần làm rõ thực lực *ba trụ cột* của ba trung tâm đó là Hoa kỳ, CHLB Đức và Nhật bản, những đối thủ chủ chốt đang chi phối cuộc chiến tranh kinh tế toàn cầu.

Bước vào thập kỷ cuối cùng của thế kỷ 20, cả ba đối thủ này đã đạt đến trình độ tương đương, cả về tiềm lực, khả năng và bản lĩnh. Về *giá trị tổng sản phẩm* (GNP), năm 1991, Mỹ đạt 5180 tỉ đô la ; EC - 5080 tỉ (trong đó Đức 1730 tỉ) ; Nhật bản - 3090 tỉ. Về *thu nhập theo đầu người*, Nhật bản đạt 27000 đôla ; Mỹ - 22 500 ; và Đức - 21 400. Về *dự trữ ngoại tệ*, Mỹ đạt 66,9 tỉ đô la ; Đức - 59 tỉ (I-ta-li-a 60 tỉ, Tây-ban-nha 50 tỉ ; Nhật bản - 72,8 tỉ (Đài loan 71,7 tỉ). Về *tài chính, ngân hàng*, từ chỗ là chủ nợ lớn nhất thế giới sau chiến tranh thế giới thứ hai, từ năm 1985 trở đi, Mỹ trở thành nước mắc nợ lớn nhất thế giới. Nợ trong nước và ngoài nước của Mỹ năm 1992 ngốt 4000 tỉ đô la. Trong lúc đó, Nhật bản trở thành chủ nợ ; nhiều nước trong EC, mức nợ không trầm trọng. Hơn nữa, các nước này đầu tư ra nước ngoài rất lớn. Năm 1991, đầu tư ra nước ngoài của Nhật bản là 83 tỉ đô la, của Anh là 108 tỉ, chủ yếu là đầu tư trực tiếp vào Mỹ. Vốn của Đức ở nước ngoài năm 1989 lên đến 427 tỉ mác, trong đó đầu tư trực tiếp 134,5 tỉ mác. Trong số 10 ngân hàng lớn nhất thế giới, Nhật bản chiếm 8, còn Mỹ thì không. Về *cán cân buôn bán ngoại thương*, Mỹ luôn luôn là nước dẫn đầu và cho đến nay vẫn nắm ưu thế. Năm 1991, tổng kim ngạch xuất khẩu của Mỹ đạt 422 tỉ đô la. Xếp sau Mỹ là Đức : 403 tỉ. Nhật bản đứng hàng thứ ba với 315 tỉ. Nhưng Nhật bản lại luôn luôn là nước xuất siêu lớn nhất (năm 1986 : 89,76 tỉ đô la ; năm 1991 : 88,3 tỉ). Năm 1992, Nhật bản xuất siêu sang Mỹ 49,4 tỉ. Đức vẫn giữ được vị trí xuất siêu, nhưng không ổn định (năm 1990 : 105,4 tỉ mác ; những năm tiếp theo chỉ còn 20,8 tỉ mác). *Về nghiên cứu khoa học kỹ thuật*, Mỹ vẫn là cường quốc mà đến nay chưa có nước nào sánh kịp. Năm 1990, mức đầu tư cho khoa học kỹ thuật của Mỹ chiếm 2,79% GNP. Tỷ lệ đầu tư này của Nhật bản và Đức tuy cao hơn (Nhật bản : 3%, Đức : 2,82%), nhưng về *giá trị tuyệt đối* thì Nhật bản chỉ bằng hơn một nửa của Mỹ, còn Đức càng thấp hơn : bằng một nửa của Nhật bản và 1/5 của Mỹ.

Xét hệ quả tổng hợp nhiều mặt nói trên, ta thấy nền kinh tế của Nhật bản và Đức tuy còn kém hơn Mỹ về tổng sản lượng và khoa học kỹ thuật, nhưng đã vượt hoặc tiếp cận Mỹ về nhiều mặt, và có sức cạnh tranh mạnh hơn Mỹ trên nhiều lĩnh vực. Tại sao vậy ? Đó là vì, xét về điều kiện tự nhiên và xã hội như điều kiện địa - kinh tế, tài nguyên, về nguồn lao động, về kết cấu hạ tầng... Mỹ có ưu thế tuyệt đối. Trong đó, có những mặt có thể hàng thập kỷ nữa, cũng không ai vượt nổi. Thị trường nội địa của Mỹ cũng có lợi thế, hơn hẳn Nhật bản và Đức. Tuy nhiên, sức mạnh cạnh tranh trên thị

* Đại tá, nhà báo, Tổng cục chính trị

Digitized by Google

trường quốc tế không chỉ tùy thuộc ở những điều kiện nói trên, mà ngày càng tùy thuộc *cơ chế* và *chính sách* nhằm phát huy thế mạnh có sẵn hoặc khắc phục mặt yếu kém.

Ai cũng biết rằng Mỹ có một nền khoa học kỹ thuật hùng hậu, trình độ giáo dục rất cao, có hệ thống các trường đại học đào tạo nhân tài khoa học kỹ thuật cơ bản không nước nào sánh kịp (trừ Liên xô trước đây). Cộng thêm vào đó, do nhiều nguyên nhân khác nhau, nạn "chảy máu chất xám" từ nhiều nước, kể cả từ Nhật bản và các nước châu Âu, thường chủ yếu và liên tục đổ về Mỹ. Đây là một tiềm năng rất lớn. Nhưng chiến lược phát triển và hiệu quả đầu tư về khoa học kỹ thuật của Mỹ không tạo ra sức mạnh cạnh tranh kinh tế, bởi lẽ Mỹ dành phần chủ yếu cho nghiên cứu quân sự và khoa học cơ bản. Phần chi cho nghiên cứu sản xuất chỉ chiếm 0,2%. Trong khi đó, đầu tư của Nhật bản cho công nghệ sản xuất lớn hơn Mỹ rất nhiều. Năm 1991, đầu tư bình quân đầu người về khoa học kỹ thuật của Nhật bản lên đến 5320 đô la, trong lúc của Mỹ chỉ có 2177 đô la (tức là Nhật bản cao gấp 2,45 lần Mỹ). Mỹ là nước dẫn đầu thế giới về nghiên cứu khoa học cơ bản, nhưng về nghiên cứu ứng dụng thì Nhật bản lại là nước dẫn đầu. Đặc điểm này đưa đến một tình hình trái ngược là : trong buôn bán kỹ thuật, Mỹ luôn luôn xuất siêu lớn (năm 1990 12,7 tỉ đô la), còn Nhật bản (chủ yếu mua phát minh, sáng chế kỹ thuật) lại thường xuyên nhập siêu (năm 1990 : 3,5 tỉ đô la).

Về *đào tạo nhân tài*, những học sinh, sinh viên, học giả giỏi nhất của Mỹ thường tập trung ở những ngành luật, y học, tài chính, chứ không phải ở các ngành kỹ thuật sản xuất. Trên thế giới, không phải chỉ có Nhật bản chuyên mua phát minh, sáng chế về kỹ thuật ứng dụng, nhưng không ai có thể sánh kịp Nhật bản về mặt này. Bởi vì Nhật bản có một đội ngũ đông đảo các nhà khoa học kỹ thuật ứng dụng được đào tạo tốt nên rất giỏi về sáng tạo cải tiến mà nhiều nước không có được. Chính nhờ vậy mà kẻ gặt hái cuối cùng giá trị nguồn chất xám của Mỹ và của thế giới đổ vào Mỹ, lại chính là Nhật bản và một số nước khác (Đức, Thụy sĩ...). Dĩ nhiên, về lâu dài, con đường phát triển đó có những hạn chế, vì vậy để vượt lên xa hơn nữa vào đầu thế kỷ 21, hiện nay Nhật bản đang tăng cường nghiên cứu cơ bản.

Về *nhân tố thị trường*, Mỹ không phát huy được ưu thế của thị trường nội địa trong quan hệ với thị trường bên ngoài. Về nội địa, Mỹ có nền sản xuất cao, số dân đông, trình độ văn hóa và mức sống cao. Nhưng do sản xuất nội địa ít có cạnh tranh, nên không kích thích đổi mới, sản phẩm không mấy hấp dẫn và không phù hợp với nhu cầu của các thị trường thế giới. Mặt khác, khi sản xuất bị đình đốn hoặc giảm sút, các công ty Mỹ thường thông qua các hoạt động hành lang của quốc hội để giành quyền hỗ trợ về tài chính của chính phủ mà ít chú trọng đến đổi mới kỹ thuật. Còn cách giải quyết của Nhật bản, Đức (và một số nước khác) là tập trung vào khâu đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, nên tạo được sức cạnh tranh trực tiếp mạnh hơn. Nhật bản còn tạo được ưu thế cạnh tranh bằng cách đưa sản phẩm chất lượng cao vào các thị trường có sức tiêu thụ mạnh, kể cả Mỹ và châu Âu, gây thành thị hiếu và thói quen "nghiện" dùng hàng Nhật bản. Đó là điều mà Mỹ và Đức không tạo ra được.

Một nhân tố rất quan trọng khác trong thúc đẩy cạnh tranh là *vai trò của nhà nước (chính phủ)*. Cả ba trụ cột của ba trung tâm nói trên đều tận dụng nhân tố này, nhưng phương thức sử dụng và phát huy lại rất khác nhau. Một chu kỳ sản xuất như ta biết thường gồm 5 khâu : nghiên cứu, khai thác, sản xuất, dịch vụ và tiêu thụ. Trong 5 khâu đó, Mỹ chỉ có ưu thế hơn các nước khác ở hai khâu : nghiên cứu và khai thác (do chính phủ Mỹ đặt trọng tâm tài trợ vào hệ thống các trường đại học). Khác với Mỹ, chính phủ Nhật bản đặt trọng tâm vào các xí nghiệp. Còn Đức thì đặt trọng tâm vào các phòng thí nghiệm của nhà nước và do nhà nước đầu tư trực tiếp. Chính phủ Mỹ là người đặt hàng chủ yếu cho các công ty, nhưng phần được tài trợ nhiều nhất lại là hàng quân sự. Giữa Nhật bản và Đức, vai trò của nhà nước cũng rất khác nhau. Chẳng hạn, ở Đức ngân hàng nhà nước nắm đến 85% cổ phần xí nghiệp, do đó nó được coi là hệ thống cảnh giới cho các xí nghiệp. Còn ở Nhật bản, ngân hàng nhà nước chỉ nắm chưa đầy 20% cổ phần xí nghiệp.

Vai trò của chính phủ còn đặc biệt quan trọng trong cạnh tranh, thể hiện ở chính sách bảo hộ mậu dịch. Là một siêu cường có nhiều ưu thế, Mỹ thường áp dụng thành công chính sách này. Nhưng chính sách này lại có mặt trái là không kích thích và thúc đẩy sản

Digitized by Google

xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm. Còn ở Nhật bản, chính phủ có vai trò đặc biệt quan trọng trong bảo vệ thị trường nội địa. Hàng chục năm qua, sản phẩm công nghiệp của Mỹ và EC đã không sao chọc thủng và chiếm lĩnh được thị trường nội địa của Nhật bản. 25 năm qua, 6 đời tổng thống Mỹ đã 27 lần trực tiếp gây sức ép đòi chính phủ Nhật bản phải mở cửa cho sản phẩm Mỹ vào thị trường nội địa của Nhật bản, và phải hạn chế hàng của Nhật bản xuất sang thị trường Mỹ. Trước sức ép của Mỹ, Nhật bản chỉ có những nhượng bộ nhỏ giọt, và đến nay đây vẫn là một vấn đề gay cấn nhất trong các chương trình nghị sự của cả hai bên. Và đây cũng là vấn đề được bàn đến trong các cuộc họp G7 hằng năm. Tại cuộc họp G7 tháng 7-1993 tại Tô-ki-ô, Nhật bản theo thường lệ, cũng đã thỏa thuận mở cửa một phần thị trường nội địa của mình và từng bước giảm giá trị hàng xuất khẩu sang Mỹ. Nhưng ngay sau cuộc họp đó, chính giới Nhật bản lại tuyên bố không thể bị ràng buộc vào những cam kết vừa ký. Rõ ràng, một điều nhất quán là Nhật bản đặt ưu tiên hàng đầu vào việc bảo vệ và phát triển công nghiệp dân tộc và thị trường nội địa.

Như vậy, muốn có sức mạnh cạnh tranh, không thể chỉ dựa vào những ưu thế vốn có. Nếu không có chính sách và cơ chế thích hợp để biến những ưu thế đó thành sức mạnh tổng hợp, thành những ưu thế trên thị trường thế giới, thì trong thời đại quốc tế hóa kinh tế như hiện nay, cũng khó tránh khỏi bị thua thiệt trong quan hệ kinh tế quốc tế.

Những điều nói trên mới chỉ cho thấy những nét đại thể về tiềm lực và khả năng của ba trụ cột của ba trung tâm kinh tế lớn trên thế giới. Ngày nay, như chúng ta đã biết, do xu thế quốc tế hóa kinh tế ngày càng sâu rộng, cạnh tranh kinh tế đã vượt quá phạm vi từng nước và ngày càng diễn ra trên quy mô quốc tế, giữa các khối kinh tế khu vực. Hiện nay thế giới đã có hàng chục khối kinh tế khu vực, nhưng lớn nhất và có sức chi phối đối với kinh tế toàn thế giới là ba trung tâm kinh tế nói trên. Khối thị trường thống nhất châu Âu (với EC là trung tâm) đang mở rộng sang các nước thuộc Đông Âu và Liên xô trước đây. Từ nhiều năm nay Nhật bản đã vận động cho sự ra đời của khối hợp tác kinh tế châu Á - Thái bình dương (APEC) bao gồm 15 nước (năm 1991 có thêm Trung quốc, Đài loan và Hồng công). So sánh ba trung tâm nói trên ta thấy, khối nào cũng có những vấn đề gai góc, nhưng khối châu Âu có phần có ưu thế và khối Bắc Mỹ (NAFTA) có phần ít phức tạp hơn. Còn khối APEC, tuy có tiềm lực chung lớn nhất (chiếm gần một nửa tổng sản phẩm của thế giới), nhưng lại có nhiều vấn đề phức tạp chưa được giải quyết, nên khó tạo được sức mạnh tổng hợp lớn trong cạnh tranh. Khi tờ lịch cuối cùng của thế kỷ này được bóc ra, khối nào sẽ vượt đến đích trước tiên - đó là điều lúc này chưa thể đoán được.

Cuối cùng, không thể không nói đến sự sụp đổ của hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới đã để lại cả một thị trường bao la với tiềm năng rộng lớn. Cả ba trung tâm nói trên giờ đây đều xông vào thị trường này, giành giật, xâu xé nó dưới đủ mọi hình thức và danh nghĩa, bất chấp luật lệ, đạo lý và tội ác. Nhờ cái "thắng lợi trời cho" ấy, địa vị và tiềm lực của nước Đức đã tăng vọt lên, thị trường của Cộng đồng châu Âu được mở rộng chưa từng có. Cả Mỹ và Nhật bản đều giành giật được những khu vực ảnh hưởng kinh tế rất quan trọng, đặc biệt ở vùng Đông Á và Viễn Đông của Liên xô trước đây. Châu Âu được mở rộng, nhưng lại đang "ôm rơm rặm bụng" vì các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo đẫm máu liên tiếp nổ ra trên các phần đất thuộc Liên xô trước đây, Nam tư, Thổ nhĩ kỳ... Cục diện rối ren này chưa biết đến bao giờ mới chấm dứt. Đối với Nhật bản, những gì mong muốn hoặc đang dàn xếp trước mắt (như thu hồi các hòn đảo phía Bắc ; nới bớt sự bảo hộ quân sự của Mỹ ; chiếm lĩnh một số thị trường bỏ trống do Liên xô sụp đổ...) chỉ là những bề nổi của một ý đồ chiến lược lớn cho thế kỷ 21 : nắm quyền kiểm soát vùng Đông Á và Viễn Đông cực giàu tài nguyên của Nga. Nhưng, ở đây còn có những cường quốc khác cũng khá sành, "đi guốc trong bụng" các bạn phù tang.

Sẽ không đầy đủ nếu không đề cập đến nhân tố *Trung quốc* trong cuộc chạy đua kinh tế trên thế giới. Gần đây, theo cách tính mới của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tổng sản phẩm quốc dân (GNP) của Trung quốc lớn hơn 4 lần so với cách tính trước đây. IMF đã tính cả hàng hóa và dịch vụ theo sức mua của đồng tiền mỗi nước để xác định GNP của Trung quốc là trên 2000 tỉ đô la với thu nhập đầu người khoảng 2000 đô la. Như vậy, Trung quốc trở thành một nước có nền kinh tế lớn thứ ba sau Mỹ

Digitized by Google

và Nhật bản, và dự kiến đến năm 2010, có thể sẽ có nền kinh tế lớn nhất thế giới. Tạp chí *Triển vọng* của Trung quốc số 9-1993 đã tự hào nhắc lại điều nói trên, mặc dù Tân hoa xã trước đó vẫn khẳng định Trung quốc là một nước đang phát triển, thu nhập đầu người thấp. Theo tuyên bố chính thức, năm 1989, Trung quốc đã đạt mục tiêu tăng gấp đôi thu nhập quốc dân so với năm 1980, và thu nhập đầu người đạt 500 đô la/năm. Thiết nghĩ, cách tính mới của IMF về GNP của Trung quốc không chỉ có ý nghĩa về phương pháp tính toán, mà đây còn là sự thừa nhận một thực thể kinh tế mới đang có ảnh hưởng rộng lớn. Rõ ràng là, trong điều kiện thị trường thế giới đã bị tư bản lũng đoạn quốc tế chiếm lĩnh và khống chế toàn bộ, với trình độ một nước đang phát triển, Trung quốc vẫn chọc thủng và thâm nhập được thị trường đó. Không những thế, Trung quốc còn trở thành đối thủ của các cường quốc kinh tế phương Tây trên một số mặt. Là một thị trường rộng lớn, lại có chiến lược kinh tế nhằm tiến mạnh ra thị trường quốc tế, Trung quốc có sức thu hút to lớn đối với tiền vốn và kỹ thuật cao của các nước trong khu vực và trên thế giới. Với một khả năng cơ động hiếm có, Trung quốc đang tìm cách vượt lên trước với tốc độ tăng trưởng cao. Trong những năm gần đây, đầu tư của nước ngoài vào Trung quốc ngày một tăng. Riêng năm 1992, có thêm 68,5 tỉ đô la là vốn nước ngoài đầu tư vào Trung quốc. Được Mỹ cho hưởng chế độ tối huệ quốc, Trung quốc mỗi năm được lợi 6 tỉ đô la. Năm 1992, Trung quốc còn xuất siêu trong buôn bán với Mỹ. Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) 6 tháng đầu năm 1993 tăng rất cao : 13,9% (so với 12,8% cùng kỳ năm trước). Do nhịp độ tăng trưởng nhanh như vậy, Trung quốc đã phải giải quyết nhiều vấn đề nóng bỏng như lạm phát, giá cả tăng vọt... Dư luận cứ tưởng Trung quốc sẽ phải hãm bớt nhịp độ lại. Nhưng không ! Trung quốc vẫn tìm mọi cách duy trì tốc độ cao. Lý do cơ bản là : Trung quốc cần tranh thủ cục diện kinh tế quốc tế đang có lợi cho mình là ở các nước đang diễn ra quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và chuyển giao kỹ thuật mới.

Từ cục diện và xu thế chung nói trên, nhất là trước xu thế cạnh tranh quyết liệt giữa ba trung tâm kinh tế lớn trên thế giới, có thể nêu một số dự báo như sau :

Một là, trên thế giới và trong khu vực đang diễn ra quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và chuyển giao kỹ thuật mới. Có những nước sẵn sàng bỏ những công nghệ trước đó định sử dụng lâu dài. Ví dụ Pháp thải loại dây chuyền sản xuất xe Pơ-giô mô đen mới ra đời từ những năm 70, cho lưu hành xe mô đen mới và đang quảng cáo cho mô đen 905. Tuy nhiên, về công nghệ sản xuất xe hơi, Nhật bản đứng hàng đầu thế giới chứ không phải Pháp. Một số nước có khuynh hướng đẩy nhanh việc xuất khẩu các dây chuyền sản xuất hiện đại đang thịnh hành nhưng triển vọng sẽ lạc hậu trong vòng 3 - 5 năm tới. Họ muốn tập trung vào những ngành kỹ thuật cao, mũi nhọn. Rõ ràng, đây là một cơ hội đối với những nước đang phát triển, mặc dù việc lựa chọn công nghệ thích hợp không dễ.

Hai là, qua cạnh tranh, các trung tâm kinh tế thế giới không yếu đi mà ngày càng mạnh lên, tuy mức độ có khác nhau. Quy mô kinh tế của từng khối sẽ mở rộng. Cuộc chạy đua để giành giật thị trường và khai thác tài nguyên sẽ khẩn trương hơn. Điều đó sẽ đẩy thêm sự phân cực : các trung tâm kinh tế thế giới ngày càng giàu lên ; ngược lại, các nước đang phát triển ngày càng nghèo đi. Do vậy, các nước đang phát triển không thể không theo dõi xu thế cạnh tranh của các trung tâm kinh tế, chủ động tạo ra lợi thế để phát triển. Nếu tính toán không đúng, hoạch định đối sách sai lầm, các nước đang phát triển khó tránh khỏi lâm vào tình trạng kiệt quệ hơn nữa, thậm chí biến thành vật hy sinh trong vòng xoáy cạnh tranh kinh tế toàn cầu.

Ba là, Việt nam thuộc nhóm những nước cuối cùng bước vào nền kinh tế thị trường, hiểu biết về thị trường thế giới còn quá ít. Trong khi đó, nói tới thị trường là nói tới cạnh tranh, ai cũng muốn giành phần lợi nhất cho mình. Nhà kinh tế học Ý V. Pa-rê-tô (Vilfredo Pareto, 1843 - 1923) đã chứng minh một định luật trong kinh tế là : không ai có thể khá lên mà không làm cho người khác nghèo đi. Thậm chí, trong cạnh tranh kinh tế, còn có luật chơi : "Hãy làm khánh kiệt người láng giềng !". Cho nên, cục diện cạnh tranh kinh tế quyết liệt trên thế giới đối với chúng ta hiện nay, vừa là cơ hội vừa là thách thức ; và có lẽ, thách thức nhiều hơn. Tuy nhiên, cơ hội đến đâu và thách thức đến đâu, điều đó tùy thuộc ở tài năng, phẩm chất và quyết sách đúng đắn của chúng ta.

Digitized by Google

PHÒNG NGỪA VÀ CHỐNG THAM NHŨNG Ở MỘT SỐ NƯỚC

Lời người biên tập :

Tham nhũng đang là vấn đề nổi cộm ở nhiều nước, làm sụp đổ vị trí của không ít chính khách chủ chốt từ tổng thống đến thủ tướng và bộ trưởng, từ lĩnh vực kinh tế, hành chính đến quân sự ; tham nhũng cũng làm tuột khỏi tay quyền lãnh đạo hoặc làm suy sụp uy tín của nhiều đảng cầm quyền. Vì vậy, việc phòng chống tham nhũng đang là công việc được chú trọng ở nhiều nước. Dưới đây, xin giới thiệu một số biện pháp chống tham nhũng ở Xin-ga-po và Nam Triều tiên qua báo chí Trung quốc và Mỹ.

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA NẠN THAM NHŨNG Ở XIN-GA-PO*

Người Xin-ga-po cho rằng quá trình loại trừ tệ tham nhũng không ngoài *bốn* con đường : có chế độ quy định chặt chẽ và "từng bước phòng ngừa" ; có một loạt điều khoản bắt buộc và nghiêm ngặt nhằm trừng trị nạn tham nhũng ; có mức thu nhập bảo đảm cho các công chức duy trì cuộc sống ; có một quá trình giáo dục, đạt đến mức tự giác tương đối cao. Từ nhiều năm nay, Xin-ga-po là quốc gia đạt được kết quả nổi bật trên lĩnh vực này.

Chính phủ Xin-ga-po và *Đảng hành động nhân dân* quản lý rất chặt chẽ các thành viên dưới quyền. Họ công khai kêu gọi và giáo dục nhân viên công vụ và lãnh đạo đảng các cấp phải luôn giữ gìn trong sạch, phải có tinh thần hy sinh quên mình. Trong rất nhiều trường hợp, cựu thủ tướng Lý Quang Diệu từng nói rằng : "Để làm một nhân viên công vụ, anh phải có tinh thần cống hiến ; nếu anh muốn kiếm tiền thì hãy đi buôn. Nếu ai làm mất thanh danh của đảng ta, thì người đó sẽ bị nghiêm trị, nếu không, đảng sẽ bị tan vỡ".

Lương của nhân viên công vụ Xin-ga-po tương đối ổn định, trung bình mỗi tháng (từ cấp thấp đến cấp cao) là 1000 đến 12 000 đô la Xin-ga-po. Lương bộ trưởng mỗi tháng là 30 000 đô la Xin-ga-po. Lương thủ tướng mỗi tháng là trên 50 000 đô la Xin-ga-po. Mức lương trên giúp cho họ thỏa mãn được nhu cầu về kinh tế, có một cuộc sống tương đối dễ chịu, cũng là điều kiện quan trọng để họ giữ được liêm khiết. Có điều đáng chú ý là người Xin-ga-po thường nhấn mạnh "lấy cống hiến để giữ gìn trong sạch", chứ rất ít khi nói "lấy đồng lương cao để duy trì liêm khiết". Bởi vì, mức sống của nhân viên công vụ nói chung chỉ vừa phải. So với lương các nhân viên hành chính ở các xí nghiệp thì lương họ thấp hơn rất nhiều. Tuy nhiên, nhiều nhân viên trẻ tuổi vẫn không bỏ cơ quan nhà nước đi làm ở các xí nghiệp, bởi vì họ hiểu rằng chỉ cần không mắc sai phạm là không bị đuổi, như vậy làm việc ở cơ quan nhà nước ổn định và bảo đảm hơn so với ở các xí nghiệp. Còn đối với quan chức cao cấp ở các ngành quốc phòng, an ninh và ngoại giao thì cuộc sống cuối đời của họ còn được nhà nước chăm lo chu đáo.

Ở Xin-ga-po, bất cứ kẻ hối lộ hay người nhận hối lộ đều bị xử phạt, nặng nhất là bị tù 5 năm hoặc phải nộp phạt 100 000 đô la Xin-ga-po, hoặc vừa bị tù vừa phải nộp phạt. Nếu người mắc sai phạm là quan chức chính phủ hoặc nghị sĩ quốc hội, thì bị xử phạt nặng hơn.

Hằng năm nhân viên công vụ phải báo cáo tình hình thu nhập cũng như toàn bộ tài sản của mình và của vợ (hoặc chồng), bao gồm động sản, bất động sản, đồ trang sức quý giá, tiền trong ngân hàng, cổ phiếu, chứng khoán... Các quan chức không được vay tiền cấp dưới, bất cứ quan chức nào vay tiền hộ người khác cũng không được nhận tiền lãi. Khi vay tiền của bạn bè, người thân, thì số vay không được quá tổng số tiền lương trong ba tháng (vì vay quá nhiều, không có khả năng hoàn trả, dễ dẫn đến tham nhũng). Các quan chức nhà nước mua cổ phiếu phải được sự đồng ý của thủ trưởng đương nhiệm của đơn vị sở tại. Các nhân viên công vụ

* Xem *Thế giới đó đây* (Trung quốc), số 5-1993

Digitized by Google

không được phép đi buôn, không được nhận quà biếu... Nhân viên công vụ không được phép nhận lời mời đi dự các cuộc chiêu đãi ; nếu thực sự cần thiết phải tham dự, thì phải được phép của cơ quan chủ quản. Ngay cả cách ăn mặc, đầu tóc, thái độ công tác, kỷ luật làm việc... của nhân viên công vụ, cũng có những quy định kỹ càng và chặt chẽ. Chẳng hạn, họ phải đi làm và ra về đúng giờ ; trong giờ làm việc, nếu chưa được phép thì không được ra khỏi văn phòng ; khi làm việc, phải ăn mặc chỉnh tề, không mặc những bộ quần áo chạy theo mốt hoặc kiểu kỳ dị... Đối với những người làm ở các cơ quan báo chí cũng có những quy định nghiêm ngặt về mặt đạo đức nghề nghiệp ; chẳng hạn, nghiêm cấm các phóng viên nhận quà hoặc sự ưu đãi của các công ty hoặc cá nhân có quan hệ công tác với đơn vị mình...

Hiệu quả của quá trình làm trong sạch đội ngũ nhân viên các cơ quan nhà nước ở Xin-ga-po đã có ảnh hưởng tích cực, sâu rộng tới xã hội. Việc giữ gìn trong sạch các cơ quan nhà nước giúp cho việc thu hút các thương gia nước ngoài vào đầu tư ; cũng giúp cho việc thu thuế kịp thời. Một khi nạn tham nhũng, hối lộ được ngăn chặn đáng kể, thì tài sản nhà nước sẽ không chui vào túi tư nhân, nguồn thu của nhà nước từ thuế sẽ tăng lên.

VỤ TRẤN ÁP CHƯA TỪNG THẤY Ở NAM TRIỀU TIÊN **

Kim I-ung-sam, tổng thống dân sự đầu tiên được bầu ra ở Cộng hòa Triều tiên kể từ 32 năm nay, đã thực hiện một vụ trấn áp tội phạm tham nhũng chưa từng thấy.

Dường như mỗi tuần một đợt, một số người trong giới thượng lưu của Nam Triều tiên lại bị lôi vào các văn phòng của các công tố viên ở khắp các nơi trong nước. Có hơn 1000 nhà lập pháp, các quan chức chính phủ, các nhà kinh doanh, các nhà giáo dục và các vị tướng đã bị thải hồi, bị bắt giữ hay bị khiển trách trong vụ trấn áp này. Tổng thống Kim I-ung-sam đã loan báo một cách tin tưởng trong cuộc họp báo đầu tiên rằng : "Sẽ không có nơi trốn tránh trong cuộc điều tra của tôi".

Vụ trấn áp của Kim đương nhiên còn bao hàm cả sự báo thù chính trị, một cách thức để các nhà lãnh đạo mới của Cộng hòa Triều tiên củng cố quyền lực. Tuy nhiên, đây là một đòn đánh rất mạnh vào những kẻ tham nhũng đã có lúc lộng hành.

Hiện nay, Kim đang tập trung vào nhiệm vụ quan trọng nhất của ông - thể chế hóa cố gắng chống tham nhũng của ông. Điều đó sẽ hết sức khó khăn. Việc đưa "quà biếu" bằng tiền mà ở phương Tây coi là hối lộ, thì một thời gian dài đã được khoan thứ theo mức độ khác nhau ở châu Á. Mặc dù bị cấm, hối lộ là phổ biến trong việc làm ăn ở Nam Triều tiên. Tiền hối lộ thường thấy trong các dịch vụ như bảo đảm giường nằm trong bệnh viện, bảo đảm được nhận vào học các trường đại học. Bộ trưởng thông tin O-in-hoan nói : "Vấn đề của châu Á là những khối lượng lớn không thể tưởng tượng được các đồng tiền đen đã được trao và nhận qua sự thông đồng giữa quyền lực chính trị và giới kinh doanh. Điều này gây ô nhiễm cho các hoạt động chính trị ở châu Á".

Kim đã thề không nhận một đồng vôn nào. Ông đã có hành động chưa từng thấy là công bố tài sản của ông và yêu cầu các bộ trưởng cao cấp của ông cũng làm như vậy. Hồi tháng 3 và tháng 4, các đảng phái chính trị đã làm theo bằng cách yêu cầu tất cả các công chức cao cấp và các chính khách cũng tiết lộ tài sản của họ. Việc dẹp bỏ hối lộ sẽ là khó khăn, nhưng nó có thể đưa đến những khoản lãi về kinh tế. Sự tăng trưởng kinh tế ở Nam Triều tiên đã ở mức chậm nhất của nó kể từ một thập kỷ nay, và một số người cho rằng phần nào là do tham nhũng. Viện nghiên cứu Đai-u ước tính : hơn 1/3 lợi nhuận của công ty rơi vào "hệ thống thuế giả tạo", số tiền mà các công ty phải trả dưới hình thức tiền hối lộ và những khoản phúc lợi xã hội khác cho các quan chức chính phủ và các chính khách.

Chính quyền Kim I-ung-sam hiện đang hoàn thành một kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm. Nó sẽ nhằm tiếp sức sống cho nền kinh tế và giảm bớt tham nhũng bằng một loạt cải cách nhằm tự do hóa nền kinh tế và giảm quyền lực của những người điều hành chính phủ, và do vậy giảm bớt đòi hỏi về hối lộ. Mặc dù vậy, không phải tất cả mọi người đều chắc chắn rằng các nhà kinh doanh được chính phủ nuông chiều tỏ ra sẵn sàng chấp nhận những tính chất khắc nghiệt của thị trường tự do.

** Xem *Tuần tin tức* (Mỹ), 6-1993

Digitized by Google

KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

● KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Kinh tế thị trường bao giờ cũng gắn với kinh tế hàng hóa. Kinh tế thị trường xuất hiện như là một yêu cầu khách quan không thể thiếu được của nền kinh tế hàng hóa. Song không nên hiểu kinh tế thị trường đồng nhất với kinh tế hàng hóa.

Xét về mặt lịch sử, kinh tế hàng hóa có trước kinh tế thị trường. Kinh tế hàng hóa ra đời thì thị trường cũng xuất hiện, nhưng không có nghĩa đó là nền kinh tế thị trường. Chỉ đến khi thị trường được mở rộng phong phú, hoàn thiện, đồng bộ cùng với sự tăng trưởng của kinh tế hàng hóa và thị trường được coi như một đặc trưng nổi bật của nền kinh tế hàng hóa phát triển thì kinh tế thị trường mới ra đời.

Vậy kinh tế thị trường không phải là một giai đoạn khác biệt, độc lập, đứng ngoài kinh tế hàng hóa. Đó là sự hòa nhập của kinh tế hàng hóa với thị trường để đạt tới sự quyết định và chi phối của thị trường trong sản xuất lưu thông. Kinh tế thị trường là giai đoạn cao của kinh tế hàng hóa, có nghĩa là các loại thị trường trở thành điều kiện chi phối mãnh liệt đối với sản xuất hàng hóa. Sản xuất hàng hóa được quyết định bởi thị trường, thông qua thị trường và bằng sự tăng trưởng, mở rộng các loại hình thị trường.

Kinh tế thị trường là sự hoạt động và phát triển khách quan của quan hệ hàng - tiền và các quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... trong đó quy luật giá trị là đặc trưng nhất. Kinh tế thị trường không hoàn toàn đối lập với kinh tế kế hoạch ; lấy thị trường làm căn cứ quan trọng, kế hoạch có vai trò hướng dẫn nhất định. Trong kinh tế thị trường, quan hệ cung - cầu phản ánh khách quan mối quan hệ giữa hai chủ thể mua và bán. Trạng thái cân bằng cung cầu luôn luôn biến đổi, tác động, phụ thuộc lẫn nhau giữa các nhân tố : giá cả, quy mô, điều kiện sản xuất, khả năng thanh toán của người mua... Đồng thời, còn có quá trình tự điều tiết để tạo ra sự cân bằng giữa các yếu tố đó. Giá cả là tín hiệu khách quan chỉ báo cho người sản xuất biết xử lý khôn khéo về ba vấn đề cốt tử nhất : Sản xuất cái gì ? Sản xuất bằng cách nào ? Sản xuất cho ai ? Vì vậy, nắm được quy luật cung cầu là một trong những bí quyết thành công của hoạt động kinh doanh trong kinh tế thị trường. Cạnh tranh là tất yếu và bất tận trong kinh tế thị trường. Cạnh tranh là môi trường, là động lực phát triển làm cho các đơn vị kinh doanh khỏi bị phá sản và có nhiều lợi nhuận. Kinh tế thị trường tạo điều kiện phát huy mọi tiềm năng, nâng cao ý thức trách nhiệm cá nhân, thúc đẩy tính chủ động sáng tạo, nhanh nhạy nắm bắt thị trường, thường xuyên cải tiến phương pháp tổ chức quản lý, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, làm cho nền kinh tế năng động, có hiệu quả.

Bên cạnh mặt tích cực, kinh tế thị trường thường xuyên tạo ra mất cân đối, bất hợp lý ở tầm vĩ mô. Cạnh tranh sinh ra độc quyền, buôn gian, bán lậu, lừa đảo, đầu cơ, làm hàng giả, phân hóa giàu nghèo, thất nghiệp, lạm phát, vi phạm đạo đức, lối sống, ô nhiễm môi trường, phá hoại thiên nhiên...

Trong nền kinh tế thị trường, các loại thị trường phát triển ở trình độ cao : thị trường về tư liệu sản xuất, thị trường về tư liệu tiêu dùng ; thị trường về tiền tệ, vốn, thị trường chứng khoán ; thị trường sức lao động ; thị trường về khoa học - kỹ thuật, thông tin... Người bán và người mua quan hệ với nhau thông qua giá cả và nhiều thị trường khác nhau.

Các hàng hóa được sản xuất ra đều đem trao đổi, mua bán trên thị trường. Đây là đặc trưng cốt lõi của sản xuất hàng hóa và kinh tế thị trường. Các sản phẩm làm ra phải được xã hội thừa nhận thông qua trao đổi mua bán trên thị trường. Đó là tấm gương phản ánh thực trạng nền kinh tế và biểu hiện sự vận động của các quy luật kinh tế.

Kinh tế thị trường đòi hỏi xóa bỏ sự chia cắt thị trường theo địa giới hành chính giữa các địa phương, thiết lập thị trường thống nhất toàn quốc. Thị trường trong nước gắn với thị trường thế giới ; phân công lao động trong nước gắn với phân công lao động quốc tế và hàng loạt mối quan hệ kinh tế...

Trong kinh tế thị trường, nhà nước với tư cách là người điều hành, quản lý xã hội, đồng thời là khách hàng lớn của các chủ thể kinh tế. Nhà nước thường bảo đảm các dịch vụ bưu điện, thông tin liên lạc, phát thanh, truyền hình, giao thông vận tải... Nhà nước dùng pháp luật để điều hành ; dùng các chính

Digitized by Google

sách như chính sách đối nội, đối ngoại, chính sách kinh tế và những công cụ khác để tác động ; vạch ra kế hoạch phát triển, hạn chế những tiêu cực do kinh tế thị trường sinh ra, chống khủng hoảng và thất nghiệp.

● CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

Cơ chế thị trường là phương thức vận động của nền kinh tế thị trường theo các quy luật của sản xuất và lưu thông hàng hóa trong quan hệ tác động qua lại giữa các quy luật đó và với các quy luật kinh tế khác, thông qua các mối liên hệ kinh tế, liên hệ tái sản xuất tất yếu trong xã hội. Động lực chính của sự vận hành cơ chế này là lợi ích kinh tế trực tiếp của từng cá nhân người sản xuất hàng hóa.

Sự tồn tại và phát triển của cơ chế thị trường mang tính khách quan trong những xã hội có nền kinh tế hàng hóa.

Cơ chế thị trường có không gian rộng lớn trong giai đoạn cạnh tranh tự do tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, tác động của cơ chế thị trường, trước hết là của quy luật giá trị, được phát hiện khá sớm (vào khoảng năm 1776, do nhà kinh tế học A-đam Xmít). Người ta coi tác động của quy luật giá trị giống như có "bàn tay vô hình" điều khiển thị trường, điều khiển quan hệ cung - cầu.

Kinh tế thị trường và cơ chế thị trường gắn liền với sự phát triển của mọi quốc gia trên con đường tiến bộ lịch sử. Cơ chế thị trường tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của nền sản xuất của xã hội, mà trước hết là của lực lượng sản xuất. Thực tiễn sôi động ở nước ta gần đây đã chứng minh điều đó. Cơ chế thị trường đã bước đầu động viên được các tiềm năng và làm trỗi dậy các nhân tố của thị trường. Sự thiếu hụt triền miên về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và một số vật tư thông dụng đã được bù đắp thông qua sự vận động của cung - cầu trong cơ chế thị trường. Chất lượng, mẫu mã hàng hóa trở nên đa dạng, phong phú hơn. Cơ chế thị trường đã phát huy tác dụng tích cực trong hầu hết các hoạt động kinh tế, thúc đẩy sản xuất, giao lưu hàng hóa giữa các vùng trong nước và từng bước mở ra với thị trường khu vực, thế giới. Các thị trường vốn, tiền tệ, thị trường sức lao động đang hình thành.

Tuy nhiên, cơ chế thị trường chứa đựng không ít mặt tiêu cực. Để sử dụng rộng rãi cơ chế thị trường, hạn chế mặt tiêu cực của nó, nhà nước cần tăng cường các hoạt động quản lý, bảo đảm cho thị trường vận động đúng hướng, đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Trên thế giới hầu như không có chính phủ nào từ bỏ vai trò điều tiết thị trường, và cũng không ở đâu có thứ thị trường tự do tuyệt đối. Sự khác nhau căn bản giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản trong việc sử dụng cơ chế thị trường là tùy thuộc ở mục đích và bản chất của nhà nước. Nhà nước ta sử dụng cơ chế thị trường với sự điều tiết và quản lý của mình là theo định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm phát triển kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Để cơ chế thị trường vận động đúng hướng, nhà nước ta thực hiện các biện pháp chủ yếu như :

- Phát huy đầy đủ vai trò và hiệu lực của kinh tế vĩ mô ; coi thị trường vừa là căn cứ vừa là đối tượng của kế hoạch. Kế hoạch đó thu hẹp tính pháp lệnh, mở rộng tính hướng dẫn, điều tiết tính tự phát của thị trường.

- Phát huy đầy đủ vai trò các đòn bẩy kinh tế như giá cả, thuế, tín dụng, tiền lương, khối lượng tiền mặt phát hành, giá cả và tỷ giá hối đoái, cô ta xuất - nhập khẩu, dự trữ vàng và ngoại tệ... Đồng thời, coi trọng công cụ pháp luật, tăng cường kiểm kê, kiểm soát của nhà nước.

- Củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh trong những ngành then chốt, ở một số địa bàn trọng điểm, đồng thời củng cố và đổi mới kinh tế hợp tác xã, đủ sức làm nòng cốt thực hiện các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch và chi phối thị trường.

- Thực hiện tốt chính sách xã hội, phát huy nhân tố con người, hạn chế sự bóc lột, sự phân cực giàu nghèo, phát triển các sự nghiệp phúc lợi công cộng, bảo đảm công bằng xã hội.

- Hình thành quỹ dự trữ nhà nước và dự trữ kinh doanh với mức độ hợp lý. Tổ chức thông tin hướng dẫn và định hướng các loại thị trường.

Digitized by Google

CẢNG SÀI GÒN
SAIGON PORT

Địa chỉ : Số 3 Nguyễn Tất Thành Quận 4 - TP. Hồ Chí Minh
Tel : 291825 - 291826 ***Fax :*** 84-8-224168

Cảng Sài Gòn thuộc Cục Hàng hải Việt Nam - Bộ Giao thông Vận tải.

- Đảm bảo tiếp nhận, đưa đón các loại tàu vận tải biển, tàu khách trong nước và ngoài nước có mớn nước tối đa 11m, chiều dài tàu 230m, chiều cao 46m ra vào cảng an toàn thuận lợi.
- Hệ thống bốc xếp 18 cẩu tàu và 40 phao neo cùng một lúc có thể bốc dỡ trên 30 tàu lớn nhỏ khác nhau.
- Hệ thống kho gồm 67344m^2 và 99945m^2 bãi chứa hàng sức chứa khoảng 200 ngàn tấn hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Phương tiện xếp dỡ hiện đại, chuyên xếp dỡ các loại hàng hóa, containers loại 20-40 feet cũng như hàng siêu trường, siêu trọng. Đặc biệt có bến chuyên dùng container sức chứa từ 150-200 ngàn TUE/năm.
- Năng suất bốc dỡ : (tấn/ngày - tàu)
  + Hàng bao từ 1500-2500 T. Hàng bách hóa 1000-1500 T
  + Hàng sắt thép máy móc thiết bị - Hàng rời từ 3500-5000 T containers 10 thùng/giờ/máng tàu.
- Đại lý vận chuyển hàng hóa, xếp dỡ giải phóng tàu, phương tiện nhanh theo yêu cầu.
- Nhận đưa đón thuyền viên, khách tham quan du lịch trong ngoài thành phố, Du lịch tham quan Đà Lạt ăn nghỉ tại chỗ. Nhà khách Cảng khang trang lịch sự, đầy đủ tiện nghi, giá cả phải chăng.
- Thực hiện các dịch vụ cung ứng tàu biển, vật tư kỹ thuật, nhận phát hàng phi mậu dịch
- May đo áo quần, bọc nệm xe, salon, đại tu bình điện.
  Nhận sửa chữa các công trình dân dụng, cẩu cảng.

Cảng Sài Gòn sẵn sàng hợp tác với quý khách trong nước và nước ngoài phục vụ tận tình, nhanh chóng, an toàn và thuận tiện.

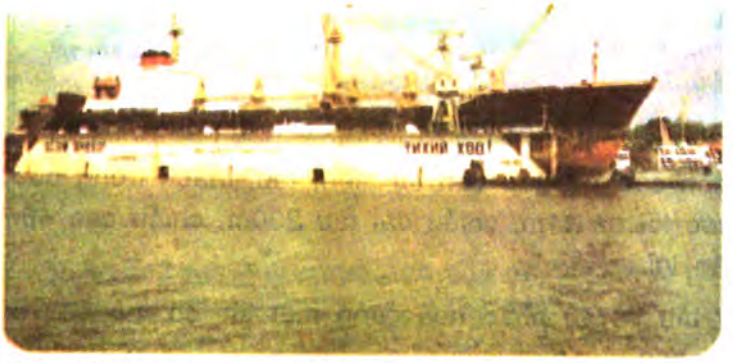
CẢNG SÀI GÒN RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN HỢP BA SON

BASON SHIPYARD

Số 2 đường Tôn Đức Thắng Quận I. TP. Hồ Chí Minh



Đốc 68 có sức nâng 8500 tấn



Gia công trục khuỷu máy tàu

* Xí nghiệp chuyên đóng mới, sửa chữa tàu và các phương tiện nổi trên sông biển.
* Xí nghiệp hiện có 02 đốc nổi có sức nâng 8500 tấn và 2000 tấn. 02 ụ khô 17000 DWT và 200 DWT ; 01 triền dài 137,6m rộng 18m, sức nâng 700 DWT.
* Hiện xí nghiệp có các loại cẩu tại các cầu cảng, ụ, đốc có sức nâng 32 tấn và 01 cẩu nổi có sức nâng 60 tấn
* Đường bao quanh xí nghiệp có 2000m bờ sông trong đó 752,5m cầu cảng.
* Xí nghiệp có nhiều cán bộ, công nhân bậc cao hoạt động trong trên 70 ngành nghề khác nhau và đã có kinh nghiệm đóng, sửa chữa tàu trong và ngoài nước từ năm 1978 đến nay, được khách hàng tin cậy.

Tổng Giám đốc ***NGÔ LONG MINH*** *ký kết các hợp đồng với khách hàng nước ngoài*



Điện thoại : 297730 - 297738 -297223
TELEFAX : 84.8.97744
TELEX : 813038 XNLHBS-VT

HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

Digitized by Google

VÀI NÉT VỀ CÔNG TY KHAI THÁC
VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG



Văn Phòng Công ty Khai Thác Vật liệu và Xây dựng

Địa chỉ :

- 88 Linh Xuân
  Thủ Đức
  T.P. Hồ-Chí-Minh
- Tel : 966773
  960.164
- Fax : 84.8.966773

Giám đốc :

NINH VĂN KIÊM

Công Ty Khai Thác Vật Liệu và Xây Dựng - Liên Hiệp các Xí Nghiệp Xây Dựng Thủy Lợi 4 - Bộ Thủy Lợi, tiền thân là Xí Nghiệp Đá Bà Đen được Bộ Thủy Lợi quyết định thành lập ngày 8/12/1980 để đáp ứng nhiệm vụ khai thác và sản xuất đá, cát phục vụ thi công công trình Thủy Lợi Dầu Tiếng Công Trình Thủy Nông lớn nhất nước ta.

Từ chỗ chỉ có 180 Cán Bộ, Công Nhân Viên, với năng lực khai thác sản xuất đá, cát trên 100.000m^3/năm, đến nay Công Ty đã có trên 750 CBCNV, trong đó lực lượng Cán Bộ khoa học kỹ thuật bậc đại Học 89/Đ/c, thiết bị kỹ thuật được trang bị thêm, Công Ty đã đạt năng lực thi công mỗi năm trên 1 triệu m^3 đất đá, đào đắp, xây đúc 5.000m^3 bê tông và xây lát, khai thác và sản xuất các loại đá hộc, đá dăm cát với khối lượng trên 500.000m^3/năm, đạt giá trị tổng sản lượng bình quân 30 tỷ đồng/năm.

Với tinh thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được Đảng, Nhà Nước giao, trong các năm qua Công Ty luôn hoàn thành vượt kế hoạch về thời gian và đạt chất lượng cao trên các công trình xây dựng lớn và trọng điểm của Nhà Nước : Hồ Dầu Tiếng, Thủy điện Trị An, Thủy Lợi Thạch nham, Thủy Lợi Sông Quao, Thủy lợi Ayun Hạ, Thủy điện Thác Mơ, Hàm Thuận.

Để xây dựng đơn vị vững mạnh và cuộc sống ấm no hạnh phúc cho CBCNV, Công Ty luôn tìm mọi biện pháp để công nhân có việc làm ổn định và nâng cao thu nhập thông qua việc mở rộng các hình thức liên doanh, liên kết khai thác, sản xuất.

Công Ty đã giải quyết thỏa mãn cơ bản về nhu cầu nhà ở cho CBCNV Công Ty với trên 130 căn hộ đầy đủ tiện nghi sinh hoạt đã được sử dụng.

Về mức đóng góp với Nhà Nước và đầu tư vốn xây dựng Công Ty, hằng năm mức đóng góp ngày càng tăng, năm sau tăng 1,5 lần so với năm trước. Mỗi năm Công Ty dành hàng tỷ đồng để đầu tư chiều sâu bằng việc mua sắm thêm thiết bị tân tiến và gởi CBCNV đi đào tạo ở các Trường Đại Học để về phục vụ sản xuất lâu dài.

Với những thành tích đã đạt được, Công Ty được Nhà Nước tặng thưởng 1 huân chương lao động hạng nhì và 6 huân chương lao động hạng 3.

Hân hạnh đón tiếp quý khách.

Digitized by Google

4129

CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

GIỚI THIỆU CÁC SẢN PHẨM

1. Sữa đặc các loại :

★ Sữa ông thọ ★ Sữa ngôi sao Phương nam ★ Sữa trái đào tiên
★ Sữa vỉ ★ Sữa đặc cà phê ★ Sữa đặc cacao

2. Sữa bột các loại

★ Sữa Dielắc (nhãn xanh) dùng cho các cháu từ 1 ngày tuổi trở lên

★ Dielắc (nhãn đỏ) dùng cho các cháu từ 4 tháng tuổi

★ Bột Ridielắc, Ridielắc cá, tôm, thịt, HV dùng các cháu từ 6 tháng trở lên

3. Sữa tươi và sữa đậu nành tiệt trùng

4. Fromage, bơ...

5. Bánh các loại

Các sản phẩm sản xuất trên dây chuyền thiết bị hiện đại có chất lượng cao ngang hàng với các sản phẩm cùng loại trên thế giới.



MỌI CHI TIẾT XIN LIÊN HỆ CÔNG TY SỮA VIỆT NAM
ĐC : 36-38 NGÔ ĐỨC KẾ Q.1 ĐT : 299644-299377

In tại Nhà in Nhân dân Hà Nội II. Chỉ số 12651 - ISSN 0866 - 7276 Giá 2000đ
Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 11
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 12-10-93
Tap Chi Cong San



DEC 13 1993

11

1993

Digitized by Google



CÔNG TY
BIA SÀI GÒN

187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5 TP. HCM
ĐT : 559595
6 Hai Bà Trưng, Quận I - TP. HCM - ĐT : 294083

TẠI HỘI CHỢ QUỐC TẾ HÀNG CÔNG NGHIỆP NĂM 1992 (HÀ NỘI) BIA LON "333", BIA CHAI "SAIGON" ĐỀU ĐƯỢC TẶNG HUY CHƯƠNG VÀNG.

KÍNH CHÀO QUÝ KHÁCH HÀNG

Đáp lại tấm lòng mến mộ của khách hàng, Nhà máy Bia Saigon đã tổ chức 12 cửa hàng Giới thiệu và bán sản phẩm tại các quận, huyện của Thành phố Hồ Chí Minh và 18 chi nhánh, 6 Tổng đại lý tại các tỉnh nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu của Quý khách. Mới đây Nhà máy Bia Saigon đưa bia đến phục vụ tại chỗ cho các khách sạn và đơn vị kinh doanh.

Xin trân trọng giới thiệu để Quý khách hàng thuận tiện liên hệ.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

11-1993 NĂM THỨ XXXIX (455)

MỤC LỤC

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thời đại chúng ta	ĐẶNG XUÂN KỲ - Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin	3
Nhân kỷ niệm lần thứ 76 Cách mạng Tháng Mười (7-11-1917 - 7-11-1993)	VŨ HIỀN - Chân lý Cách mạng Tháng Mười	9
	TRỊNH MƯU - NGUYỄN KHANG - Quan điểm của Lê-nin về vấn đề dân tộc và Cách mạng Tháng Mười	13
	LÊ VĂN YÊN - Cách mạng Tháng Mười với sự chuyển biến tư tưởng của Hồ Chí Minh và Cách mạng Việt nam	16
Nghiên cứu- Trao đổi	PHAN THANH PHỐ và PHAN HUY ĐƯỜNG - Về vấn đề công nghiệp hóa ở nước ta hiện nay	21
	NGUYỄN KHẮC HIỀN - Xúc tiến cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước	24
	PHAN ĐĂNG NHẬT - Giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc qua văn hóa dân gian	28
	HỒ BÁ THÂM - Nâng cao năng lực tư duy của đội ngũ cán bộ cấp xã	32
Thực tiễn - Kinh nghiệm	LÊ VĂN LÝ - Cán bộ là khâu then chốt và khâu then chốt trong công tác cán bộ	35
	VŨ ĐÌNH THÀNH - Công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ ở Thái bình	38
	TRẦN VĂN TƯ - Vấn đề nông nghiệp - nông dân - nông thôn ở Cần thơ	41
	HỮU ĐỨC - Công ty phân đạm - hóa chất Hà bắc vươn lên trong cơ chế thị trường	44
Điều tra	TÔ DUY HỢP - Sự phân tầng xã hội ở nông thôn miền Bắc	47
	DƯƠNG XUÂN NGỌC và NGUYỄN CHÍ DŨNG - Ảnh hưởng của kinh tế thị trường đối với hệ thống chính trị ở cấp phường	51
Sinh hoạt tư tưởng	HÀ KHANH - "Chịu chơi"	54
Thế giới : vấn đề, sự kiện	NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Hai bình diện chủ yếu trong quan hệ quốc tế hiện nay	56
Qua sách báo nước ngoài	P.CA-NHIU-SAI-A - Nước Nga trong cuộc đời của Mác	59
Tìm hiểu khái niệm	Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường	62
Tin hoạt động lý luận	● Hội thảo khoa học : "50 năm Đề cương văn hóa Việt nam (1943 - 1993)"	
	● Hội thảo khoa học : "Đổi mới phương thức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin"	62
	Tranh bìa 1 : V.I Lê-nin tại Đại hội III Đoàn thanh niên cộng sản Nga.	

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội ● Dây nói : 52061 - 52062

Cơ quan thường trú tại miền nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, TP Hồ Chí Minh ● Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• **Марксизм – ленинизм и наша эпоха** * ДАНГ СУАН КИ В защиту марксизма - ленинизма и за его развитие • **По случаю 76–й годовщины Октябрьской революции (7–11–1917– 7–11–1993)** * ВУ ХИЕН - Истина Октябрьской революции ЧИНЬ МЫУ-НГУЕН ХАНГ - Точка зрения В И Ленина по вопросам национальности и Октябрьской революции ЛЕ ВАН ИЕН - Октябрьская революция и связанная с ней перемена мысли Хо Ши Мина и вьетнамской революции • **Исследования – обмен мнениями** * ФАН ТХАНЬ ФО-ФАН ГУИ ДЫОНГ - К вопросу об индустриализации в нашей стране НГУЕН КХАК ХИЕН - Ускорить акционеризацию государственных предпринимательских структур ФАН ДАНГ НЯТ - Беречь и умножать национальный колорит фольклора • **Практика – приобретённый опыт** * ЛЕ ВАН ЛИ - Кадры - ключевой участок кадровой работы • **Мир – проблемы и факты** * НГУЕН ХОАНГ ЗИАП - Две осноные плоскости международных отношений сегодня

CONTENTS

• **Marxist - Leninism and our time** * ĐẢNG XUÂN KỲ - Preserving and developing Marxist - Leninism • **On the occasion of the 76th anniversary of the October Revolution (7/Nov./1917 - 7/Nov./1993)** * VŨ HIỀN - The reality of the October Revolution. TRỊNH MƯU-NGUYỄN KHANG - Lenin's views on the issue of nationalism and on the October Revolution. LÊ VĂN YÊN - The October Revolution and the evolution of Ho Chi Minh's thoughts and the development of revolution in Vietnam as its result. • **Research and Exchange** * PHAN THANH PHỒ and PHAN HUY ĐƯỜNG - On the current process of industrialization in Vietnam. NGUYỄN KHẮC HIỀN - Speeding up the equitization of State-run enterprises. PHAN ĐĂNG NHẬT - Preserving and developing the national character based on our folk culture • **Reality and Experience** * LÊ VĂN LÝ - Training - a key aspect of personnel work. • **The World: Its Problem and Facts** * NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Two main aspects of current international relation.

SOMMAIRE

• **Le marxisme - leninisme et notre époque** * ĐẢNG XUÂN KỲ - Défendre et développer le marxisme - leninisme • **A l'occasion du 76e aniversaire de la Révolution d'Octobre (7/11/1917 - 7/11/1993)** * VŨ HIỀN La Vérité de la Révolution d'Octobre. TRỊNH MƯU-NGUYỄN KHANG - Le point de vue de Lénine sur le problème : la nation et la Révolution d'Octobre. LÊ VĂN YÊN - L'influence de la Révolution d'Octobre sur l'évolution idéologique de Ho Chi Minh et la Révolution du Vietnam • **Etudes-Echanges** * PHAN THANH PHỒ et PHAN HUY ĐƯỜNG - Sur l'industrialisation au Vietnam à l'heure actuelle. NGUYỄN KHẮC HIỀN - Faire des entreprises d'État des sociétés par actions. PHAN ĐĂNG NHẬT - Préserver et faire valoir le charactère national de la culture populaire. • **Réalité-Expériences** * LÊ VĂN LÝ - Les cadres constituent la clef de voûte et le clef de voûte dans le travail en direction des cadres. **Le Monde: Problèmes, événements** * NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Les deux plans essentiels dans les relations internationales à l'heure actuelle.

SUMARIO

• **El Marxismo - Leninismo y nuestra época** * ĐẢNG XUÂN KỲ - Defender y desarrollar el Marxismo - Leninismo • **En ocasión del 76 Aniversario de la Revolución de Octubre (7/11/1917 - 7/11/1993)** * VŨ HIỀN - La verdad de la Revolución de Octubre. TRỊNH MƯU-NGUYỄN KHANG - El criterio de V.I.Lenin sobre el problema nacional y le Revolucioón de Octubre. LÊ VĂN YÊN - La Revolución de Octubre y la metamórfosis ideológica de Ho Chi Minh y la revolución vietnamita. • **Estudios-intercambios** * PHAN THANH PHỒ-PHAN HUY ĐƯỜNG - Sobre la actual industrialización en Vietnam. NGUYỄN KHẮC HIỀN - Promoción de la accionalización de las empresas de Estado. PHAN ĐĂNG NHẬT - Preservar y desplegar las particularidades nacionales a partir del folklor. • **Realidad-experiencias** * LÊ VĂN LÝ - Los cuadros constituyen el eslabón çlave y el eslabón clave es el trabajo de cuadros. • **El mundo: problemas y acontecimientos** * NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Dos planos principales en la actual relación internacional.

目錄

●馬克思-列寧主義和我們時代★鄭春琪• 桿衛、發展馬克思-列寧主義●因紀念十月革命76周年(1917年11月7日___1993年11月7日)★武賢• 十月革命的眞理★程謀-阮康• 列寧有關民族問題及十月革命的觀點★黎文燕• 十月革命對胡志明思想和越南革命的轉變●研究與交換★潘清鋪-潘輝堂• 有關我國目前工業化的一系列問題★阮克賢• 促進各個國營企業股份化★潘登日• 通過民間文化維護、發揮民族本色●實踐與經驗★黎文李• 幹部是關鍵環節及在幹部工作中的關鍵環節●世界:問題與事件★阮皇甲• 目前國際關係中的兩個主要方面。

Digitized by Google

BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN

ĐẶNG XUÂN KỲ *

TỪ khi ra đời đến nay, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã luôn luôn đứng trước sự chống đối quyết liệt của các thế lực thù địch và những phần tử phản bội. Ở thế kỷ trước chúng chống chủ nghĩa Mác. Bước sang thế kỷ này chúng chống cả chủ nghĩa Lê-nin. Chủ nghĩa chống cộng đã tồn tại ở rất nhiều nước trong suốt một thế kỷ rưỡi vừa qua.

Sở dĩ có sự chống đối ấy là vì chủ nghĩa Mác - Lê-nin là học thuyết mang tính cách mạng và khoa học, hướng dẫn giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức đấu tranh nhằm xóa bỏ chế độ áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản, đế quốc, thực dân, để xây dựng chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa cộng sản không còn tình trạng người bóc lột người, đem lại độc lập cho mọi dân tộc, tự do hạnh phúc cho mỗi con người, xây dựng một xã hội mới ở một trình độ văn minh cao hơn, tốt đẹp hơn so với chủ nghĩa tư bản.

Ngay từ khi Mác cùng với Ăng-ghen nêu ra học thuyết của mình, giai cấp tư sản đã chống lại các ông một cách quyết liệt, với lòng căm thù tột độ. Cuộc chống trả đó đã kéo dài từ giữa thế kỷ XIX đến tận ngày nay. Chúng đã huy động mọi lực lượng, mọi phương tiện và dùng mọi âm mưu, thủ đoạn, biện pháp để chống chủ nghĩa Mác. Các đảng cộng sản, đảng cách mạng đi theo học thuyết Mác - Lê-nin đã từng bị chúng hạn chế, cấm đoán, truy lùng, bắt bớ, giam cầm, tù đầy, bán giết. Tình hình ấy đã diễn ra trong nhiều thập kỷ, ở nhiều nước khác nhau. Những gì gọi là "dân chủ", "tự do", "nhân quyền" mà hiện nay giai cấp tư sản làm rùm beng lên, đâu có xóa bỏ được những trang sử đầy tội ác xấu xa, ghê tởm, đẫm máu mà chúng đã để lại.

Tình hình mấy chục năm gần đây dần dần có những đổi khác. Một mặt, giai cấp tư sản cầm quyền phải chấp nhận những nhượng bộ do cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và những người cộng sản được đẩy mạnh ; mặt khác, chính chủ nghĩa tư bản khi còn đối thủ là Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, đã phải tìm cách tự điều chỉnh để tiếp tục tồn tại và phát triển. Đó chỉ là những nhượng bộ để làm giảm căng thẳng xã hội, làm dịu tình hình, nếu những nhượng bộ đó không đe dọa gì đến chế độ tư bản chủ nghĩa. Ngược lại, dùi cui, vũ khí sẽ được thay thế ngay tức khắc, bất chấp mọi luật lệ, mọi nguyên tắc thông thường trong quan hệ quốc tế hiện hành.

Đối với các thế lực thù địch, việc chống chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã được thể hiện dày đặc trên các trang sách báo và tạp chí, trong các chương trình phát thanh và truyền hình, mà gần đây nhất là trong các cuốn sách : "1999 - chiến thắng không cần chiến tranh" của Níchxơn, "Thất bại lớn : Sự ra đời và sự cáo chung của chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ 20" của Brê-din-xki, v.v..

Sự chống đối ấy còn xuất hiện ngay trong phong trào cách mạng, ở những bọn cơ hội xét lại và phản bội trong những thời kỳ có nhiều đảo lộn, ở những bước ngoặt của lịch sử. Đối

* Giáo sư, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác- Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

với chủ nghĩa Mác, từ năm 1872 đến năm 1904, khi những cơn bão táp cách mạng ở châu Âu đã qua đi và chủ nghĩa tư bản phương Tây lại chuẩn bị cho những thay đổi một cách hòa bình, Lê-nin đã nhận xét là "phong trào dân chủ - xã hội quốc tế hiện đang trải qua một thời kỳ dao động về tư tưởng. Từ trước đến nay, những học thuyết của Mác và Ăng-ghen được coi như nền tảng vững chắc của lý luận cách mạng, nhưng giờ đây, khắp nơi đã có những người lên tiếng cho rằng những học thuyết đó là không đầy đủ và đã lỗi thời rồi"(1).

Chủ nghĩa Mác đã trải qua một cuộc khủng hoảng lớn lần đầu tiên có tính chất quốc tế hồi đầu thế kỷ 20, khi trào lưu cơ hội xét lại chống chủ nghĩa Mác một cách quyết liệt với những đại biểu nổi tiếng như Béc-xtanh, Cao-xky. Chính những người này đã lũng đoạn Quốc tế II và sau đó làm tan rã Quốc tế II.

Sự chống đối từ phía các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lại thường xuyên kết hợp chặt chẽ với sự chống đối từ bên trong của những kẻ cơ hội xét lại và phản bội chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác - Lê-nin, dẫn đến những đổ vỡ ngoài dự đoán, kể cả của những người trong cuộc.

Ngày nay, sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu đã làm cho chủ nghĩa xã hội lâm vào tình trạng thoái trào và chủ nghĩa Mác - Lê-nin lại rơi vào một cuộc khủng hoảng mới. Từ chỗ phê phán những sai lầm về đường lối của các đảng cộng sản cầm quyền trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, người ta đi tới phê phán học thuyết Mác - Lê-nin. Từ chỗ phê phán Xta-lin, người ta đã đi ngược dòng thời gian để phê phán cả Lê-nin và cuối cùng là phê phán Mác. Từ chỗ phê phán những luận điểm riêng lẻ, những bộ phận của học thuyết Mác - Lê-nin, người ta đi tới phê phán toàn bộ, phủ định toàn bộ học thuyết của các ông.

Nếu khi còn sống, Mác là người bị căm ghét nhiều nhất và bị vu khống nhiều nhất, thì ngày nay, trong cuộc khủng hoảng mới của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, lịch sử lại tái diễn điều đó nhưng ở vòng xoáy ốc cao hơn nhiều. Dàn đồng ca chống chủ nghĩa Mác - Lê-nin cũng đông hơn gấp nhiều lần. Bên cạnh những thế lực thù địch, là bọn cơ hội xét lại, những kẻ phản bội đầu hàng, những kẻ trước đây từng đi theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Cũng có cả những kẻ xu thời, theo đuôi để kiếm chác. Bọn chúng thậm chí hiểu rất ít về Mác, Lê-nin, nhưng cũng lớn tiếng phê phán, phủ định Mác, Lê-nin. Bao nhiêu hành động xấu xa, đê tiện trong việc chống chủ nghĩa Mác trước kia nay lại được chúng tung ra như : xuyên tạc, vu khống, lừa dối, chửi rủa. Thật không còn chút gì là văn hóa trong hoạt động chính trị và lý luận.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã vượt qua nhiều cuộc chống đối và khủng hoảng. Qua mỗi lần như thế, chủ nghĩa Mác - Lê-nin lại tiếp tục phát triển lên phía trước. Rõ ràng là, có thể chôn cất một con người, nhưng không thể chôn cất một tư tưởng, một học thuyết, nhất là khi tư tưởng, học thuyết ấy có đầy đủ căn cứ khoa học, đã thức tỉnh hàng trăm, hàng nghìn triệu con người đứng dậy đấu tranh tự giải phóng suốt hơn một thế kỷ và làm cho những thế lực thù địch phải nhiều phen run sợ ; khi tư tưởng, học thuyết ấy đã là sự nối tiếp của văn hóa, văn minh nhân loại và bản thân nó đã trở thành những giá trị của nền văn hóa, văn minh của cả loài người. Lần này cũng vậy, lịch sử sẽ đánh giá một cách khách quan, đúng đắn và công bằng những tư tưởng cách mạng và khoa học của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin, trong đó có học thuyết của các ông về chủ nghĩa xã hội.

*

Đảng ta khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Nắm vững vũ khí tinh thần ấy, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta giành được thắng lợi trọn vẹn trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Nắm vững vũ khí tinh thần ấy, Đảng ta đã đề ra đường lối đổi mới, và nhất định lãnh đạo nhân dân ta thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất

(1) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t4, tr 230

Digitized by Google

nước giàu mạnh, đưa đất nước ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quá trình đi lên của cách mạng nước ta không phải chỉ có thắng lợi, mà còn có cả những thất bại, những tổn thất nhất thời, cục bộ. Sự lãnh đạo của Đảng là sáng suốt, là đúng đắn, nhưng cũng có lúc mắc phải sai lầm trong lĩnh vực này hay lĩnh vực khác. Những sai lầm ấy có nguyên nhân sâu xa từ chỗ chúng ta hiểu không đúng, vận dụng không đúng, không sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào điều kiện lịch sử - cụ thể của nước ta.

Trước sự tấn công điên cuồng hiện nay của các thế lực thù địch và phản bội đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng ta kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cũng như Lê-nin đã kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác hồi đầu thế kỷ này. Bảo vệ với tinh thần cách mạng và khoa học, bảo vệ với tư duy đổi mới, độc lập và sáng tạo, để học thuyết đó một lần nữa lại thể hiện sức sống mạnh mẽ của nó trên đất nước Việt nam đang đổi mới, để cùng với những người mác xít-lê nin nít chân chính khác ở nhiều nước trên thế giới, kể cả ở những nước mà chế độ xã hội chủ nghĩa vừa bị sụp đổ, đấu tranh để chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội tiếp tục phát triển.

Đương nhiên, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin là bảo vệ học thuyết do chính Mác - Ăng-ghen đã xây dựng và được Lê-nin phát triển, bảo vệ những gì đúng đắn mà các ông đã nêu ra.

Thời đại ngày nay đã có những biến đổi rất to lớn so với thời đại của Lê-nin, càng khác xa thời đại của Mác, Ăng-ghen. Những biến đổi ấy đã diễn ra trong mỗi nước, trong từng khu vực và trên khắp toàn cầu. Những biến đổi ấy đã diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đặc biệt, chủ nghĩa tư bản hiện đại từ sau chiến tranh thế giới thứ hai lại tiếp tục phát triển ; ngược lại, chủ nghĩa xã hội hiện thực đã được xây dựng từ bốn đến bảy chục năm ở một loạt nước Đông Âu và Liên xô lại bị sụp đổ. Có thể nói, nhiều biến dổi đã diễn ra mà lúc còn sống, Mác, Ăng-ghen và Lê-nin không thể nào hình dung nổi, chứ chưa nói là có thể dự kiến về những điều đó. Vì vậy, di sản lý luận của các ông cần được nhận thức về mặt khoa học dưới ánh sáng mới của thời đại ngày nay để làm sáng tỏ :

+ Những tư tưởng, những luận điểm nào của các ông không những đúng với trước kia và bây giờ, mà còn có giá trị lâu dài, hướng dẫn sự nghiệp giải phóng con người và phát triển xã hội.

+ Những vấn đề nào vốn đúng đắn ở thời đại các ông, nhưng ngày nay đã không còn thích hợp, cần có sự bổ sung sửa đổi.

+ Những khiếm khuyết, hạn chế nào trong học thuyết của các ông cần được nhận thức, phát hiện qua sự khảo nghiệm của thực tiễn, và được giải phóng khỏi tư duy của chúng ta.

Chúng ta đều đã biết, với tinh thần cách mạng và khoa học, chính bản thân Mác, Ăng-ghen và Lê-nin cũng luôn luôn tự phê phán, vạch rõ những hạn chế trong những luận điểm cũ mà do những biến đổi của thực tiễn phong trào công nhân và phong trào cách mạng, các ông thấy không còn phù hợp, cần được thay thế bằng những luận điểm mới.

Có thể đưa ra một số luận điểm để làm thí dụ.

Trong suốt mấy chục năm liền, Mác và Ăng-ghen đã cho rằng cách mạng vô sản ở châu Âu nhất định sẽ nổ ra nhanh chóng. Nhưng thực tế lại không diễn ra như vậy. Đến năm 1895, khi viết phần mở đầu cuốn *Đấu tranh giai cấp ở Pháp*, Ăng-ghen đã thừa nhận : "Lịch sử đã chứng tỏ rằng chúng tôi và tất cả những nhà tư tưởng có cùng quan điểm với chúng tôi *đều không đúng*. Nó chứng tỏ một cách rõ ràng rằng, tình trạng phát triển kinh tế của lục địa châu Âu trong thời điểm đó hoàn toàn chưa đủ chín muồi để xóa bỏ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa"[(2)]. Sau này, Lê-nin đã giải thích thêm : "Đúng, Mác và Ăng-ghen đã lầm nhiều và thường lầm khi phán đoán cách mạng sắp nổ ra, trong khi hai ông hy vọng cách mạng sẽ thắng lợi"[(3)].

(2) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập* (bản tiếng Nga), Nxb Chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1962, t 22, tr 535

(3) V.I Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1979, t 15 tr 293 - 294

Digitized by Google

Từ những năm 70 trở đi, khi viết lời tựa bản *Tuyên ngôn của đảng cộng sản* cho những lần xuất bản về sau này, Mác, Ăng-ghen đều thừa nhận là do tình hình đã có nhiều biến đổi, nên có một số luận điểm trong Tuyên ngôn *"đã cũ"*, nếu "ngày nay mà viết lại thì cũng phải *viết khác đi*", nhất là về những biện pháp tiến hành cách mạng và mối quan hệ giữa đảng cộng sản với các đảng khác.

Lê-nin cũng đã thừa nhận sai lầm trong khi đánh giá tình thế cách mạng ở các nước châu Âu sau Cách mạng Tháng Mười. Nhiều quan điểm về chủ nghĩa xã hội đã phải thay đổi một cách căn bản khi ông nêu ra *chính sách kinh tế mới* : về kinh tế hàng hóa, thị trường, về các thành phần kinh tế, nhất là đối với tiểu nông và thành phần kinh tế tư bản nhà nước. Khi nhận thấy sai lầm, ông đã nói rõ là điều đáng sợ *không phải* giai cấp tiểu tư sản và tư sản nhỏ sẽ phát triển, *mà chính là* tình trạng nghèo đói của nhân dân lao động. Phải làm cho chủ nghĩa tư bản tư nhân đóng vai trò trợ thủ cho chủ nghĩa xã hội. Điều đó tưởng là ngược đời, nhưng đó lại là sự thật kinh tế hoàn toàn không thể bác bỏ được.

Theo Lê-nin, khi bắt tay vào một sự nghiệp lớn lao, khó khăn và phức tạp, thì rất khó tránh được sai lầm, thậm chí thất bại này hay thất bại khác. Như thế là ông đã đề cập đến những sai lầm cả về mặt lý luận cũng như về mặt chỉ đạo thực tiễn.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lê-nin không bao giờ cho tư duy của mình là tối cao, tối thượng, là đỉnh tột cùng của trí tuệ nhân loại ; không bao giờ cho những luận điểm của mình là những chân lý tuyệt đích, cuối cùng.

Cùng với sự biến đổi của đời sống hiện thực, những người sau này có thể sửa chữa các ông, uốn nắn các ông. Ăng-ghen đã nhận thấy một điều khá rõ ràng là trong thời đại các ông, nếu có ai muốn bác bỏ những phát hiện của Mác thì người đó sẽ bị cháy thiêu trong việc làm đó. Điều đó chỉ có thể làm được bởi những người thuộc một thời đại phát triển hơn. Ông còn dự đoán : "... chắc chắn rằng chúng ta hầu như chỉ mới ở bước đầu của lịch sử nhân loại, và những thế hệ sau này sẽ uốn nắn lại *chúng ta*, tất phải đông hơn rất nhiều so với những thế hệ mà nhận thức hiện phải được chúng ta uốn nắn lại - lắm lúc với một thái độ khá khinh miệt" (4).

Sự vĩ đại của các ông không phải chỉ ở chỗ đưa ra được một học thuyết khoa học và cách mạng phục vụ sự nghiệp giải phóng và phát triển con người và xã hội, mà còn dự báo và mong muốn những thế hệ sau mình, từ những điều kiện lịch sử mới, có thể sửa chữa những gì các ông chưa đúng, bổ sung những gì các ông chưa đủ, *đặt học thuyết của các ông vào dòng chảy không ngừng của trí tuệ và văn hóa văn minh nhân loại*. Đó chính là tinh thần khoa học chân chính và tinh thần cách mạng triệt để, thật khó tìm thấy ở một nhà khoa học, một nhà cách mạng nào khác từ trước đến nay.

Chúng ta bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, không phải như những kẻ giữ ngân khố, mà bảo vệ với tinh thần cách mạng và khoa học, vừa phê phán vừa tự phê phán, vừa bảo vệ tích cực, vừa phát triển đúng đắn học thuyết của các ông. *Bảo vệ phải đi đôi với phát triển, bảo vệ để phát triển, và chỉ có phát triển đúng đắn mới bảo vệ được tích cực.*

Học thuyết Mác - Lê-nin không những là *học thuyết về sự phát triển*, mà còn là *học thuyết của sự phát triển*, phát triển ngay cả bản thân học thuyết. Phải chăng điều đó đã được Ăng-ghen nói rất rõ : "Lý luận của chúng tôi là *lý luận của sự phát triển, chứ không phải là một giáo điều*, mà người ta phải học thuộc lòng và lặp lại một cách máy móc"(5). Hoặc, "những kết luận lại càng vô bổ, nếu như chúng biến thành cái gì độc lập tự tại, nếu như chúng lại không trở thành tiền đề cho sự phát triển tiếp tục"(6). Đối với lý luận về chủ nghĩa xã hội cũng vậy : "Học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học

(4) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t V, tr 124

(5) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập* (bản tiếng Nga), Nxb Chính trị quốc gia Mát-xcơ-va, 1964, t36, tr 504

(6) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1978, t1, tr 768

Digitized by Google

là cái cần thiết cho các đảng, cho chúng ta, *nhưng học thuyết đó không thể thực hiện được nếu nó không được tự do phát triển*"[7]. Lê-nin đã tiếp tục quan điểm này : "Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm ; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống"[8].

Muốn bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin thì *nhất thiết phải chống cả chủ nghĩa cơ hội xét lại và chủ nghĩa giáo điều*. Nếu chủ nghĩa cơ hội xét lại tìm cách xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thì chủ nghĩa giáo điều lại làm cho học thuyết ấy trở thành khô cứng. Cả hai khuynh hướng tư tưởng sai lầm này đều đưa lại những hậu quả tai hại cho các lực lượng cách mạng, cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội.

Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của mình, chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã thường xuyên phải đấu tranh với chủ nghĩa cơ hội xét lại và chủ nghĩa giáo điều. Nếu chủ nghĩa cơ hội xét lại đã làm tan rã Quốc tế I và Quốc tế II, thì chủ nghĩa giáo điều đã nhiều khi thần thánh hóa các ông, tôn giáo hóa học thuyết của các ông và sau này đã tạo nên mô hình có nhiều sai lệch về chủ nghĩa xã hội, làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng bị biến dạng và đã là một trong những nguyên nhân sâu xa làm cho chủ nghĩa xã hội hiện thực ở nhiều nước rơi vào tình trạng trì trệ, khủng hoảng. Cuối cùng, việc chống giáo điều, khắc phục trì trệ khủng hoảng không đúng hướng, không có nguyên tắc, không lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm nền tảng tư tưởng, lại mở đường cho xu hướng cơ hội, xét lại và phản bội trỗi dậy, đẩy tình trạng trì trệ khủng hoảng đến vực thẳm và làm sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu.

Muốn bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đương nhiên phải chống cơ hội, xét lại, nhưng không phải bảo vệ một cách giáo điều. Muốn phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, đương nhiên phải chống giáo điều, nhưng không phải phát triển bằng cách xét lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin. Chống cơ hội xét lại và chống giáo điều phải đồng thời được đặt ra trong việc bảo vệ cũng như trong việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Chúng ta lại phải trở về một nguyên tắc phương pháp luận mác xít. Vậy cái gì là tiêu chuẩn để phân biệt chân lý và sai lầm, để biết đâu là phát triển đúng đắn, đâu là xét lại chủ nghĩa Mác - Lê-nin ? Đó chính là *thực tiễn*.

Hàng trăm, hàng ngàn luận điểm của các thế lực thù địch và phản bội đưa ra trong những năm gần đây, đều thống nhất cho rằng : sự khủng hoảng, rồi sụp đổ của các nước Đông Âu và Liên xô, là thực tiễn chứng minh đây là sai lầm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung và học thuyết về chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng. Nhưng, như trên đã trình bày, thực tiễn đó chỉ chứng minh cho những gì đã đi sai chệch học thuyết của các ông ; và *quan trọng hơn*, chứng minh cho những tác hại không thể lường hết mà chủ nghĩa cơ hội, xét lại và phản bội có thể đem đến cho chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu trước đây không phải chỉ toàn những chuyện xấu xa như các thế lực thù địch và phản bội đã từng bôi nhọ, xuyên tạc. Trái lại, nó chứng minh rằng chủ nghĩa xã hội có thể đem lại những lợi ích to lớn cho sự nghiệp giải phóng con người, giải phóng các dân tộc bị áp bức, giải phóng loài người. Còn thực tiễn xóa bỏ chủ nghĩa xã hội mà bọn phản bội và các thế lực thù địch đã thực hiện ở Liên xô và Đông Âu, đã đưa hàng loạt các quốc gia, dân tộc rơi xuống vực thẳm ; đẩy đọa số phận của hàng triệu, hàng triệu con người lương thiện ; đẩy lịch sử lùi lại hàng nhiều thập kỷ. Những con người bình thường sống trong sự đảo lộn ấy đã, hơn ai hết, cảm nhận thấy sâu xa nhất và phân

(7) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập* (bản tiếng Nga), Nxb Chính trị quốc gia, Mát-xcơ-va, 1965, t.38, tr.77

(8) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t.4, tr.232

Digitized by Google

biệt được đau đớn nhất những gì tốt xấu, thật giả, đúng đắn hay sai lầm, trung thực hay lừa dối. Và còn bao nhiêu điều phải trả lời vẫn đang ở phía trước.

Thế giới trong thế kỷ XX này còn nhiều thực tiễn khác đủ để chứng minh những giá trị của học thuyết Mác - Lê-nin, một khi nó được vận dụng một cách sáng tạo và phát triển đúng đắn, một khi các đảng cộng sản biết nắm lấy học thuyết ấy như vũ khí sắc bén của tư duy, như kim chỉ nam cho hành động, như phương pháp để nhận thức và cải tạo hiện thực. Thực tiễn cách mạng Việt nam là một đóng góp đặc biệt quan trọng vào việc chứng minh này.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo và phát triển học thuyết Mác - Lê-nin để giải quyết thắng lợi sự nghiệp giải phóng dân tộc của Việt nam, của phong trào giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX này. Từ Việt nam, Người đi ra thế giới ; từ chủ nghĩa yêu nước Người đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội. Khi đã tìm thấy con đường cứu nước, khi nắm được vũ khí đấu tranh là học thuyết Mác - Lê-nin, Người lại quay về với đất nước, với dân tộc để đấu tranh giành cho được độc lập tự do, mở đường cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Lấy thực tiễn Việt nam làm điểm xuất phát ; lấy cải tạo, biến đổi hiện thực xã hội Việt nam làm mục tiêu ; gắn liền với thực tiễn của thế giới trong những thời kỳ khác nhau để vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin - quan điểm thực tiễn là quan điểm quán xuyết trong toàn bộ cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh, trong tư tưởng và lý luận của Người.

Là học trò của Mác và Lê-nin, Người đã nắm linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nắm tinh thần và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chứ không bị trói buộc bởi những câu chữ, những kết luận hay những khẩu hiệu có sẵn trong các sách của các ông. Người hoàn toàn xa lạ với chủ nghĩa giáo điều, rất ít trích dẫn. *Trọng tâm chú ý của Người là rút ra từ kho tàng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin những gì cần cho cách mạng Việt nam, phù hợp với dân tộc Việt nam.* Dùng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin soi rọi vào thực tiễn, dùng phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin phân tích thực tiễn, từ đó Người rút ra những kết luận cho cách mạng Việt nam. Trong khi vận dụng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Người không quên kết hợp với những tinh hoa của dân tộc, với những tư tưởng lớn của nhân loại, đặc biệt là tư tưởng phương Đông - bộ phận mà Mác, Lê-nin chưa có điều kiện nghiên cứu đi sâu. Những tư tưởng lớn lại được Người trình bày rất rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ đi vào lòng người, rất gần gũi với mọi tâm hồn Việt nam, được đông đảo những người có lương tri trên thế giới đồng tình và chấp nhận. Tư tưởng Hồ Chí Minh đã có sức thuyết phục, chinh phục và thu phục rất lớn.

Do đòi hỏi của sự nghiệp giải phóng của dân tộc Việt nam cũng như của các dân tộc thuộc địa khác, Hồ Chí Minh đã có những đóng góp rất lớn vào việc phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa, và thực sự đã góp phần vô cùng quan trọng, có ý nghĩa quyết định xây dựng học thuyết về giải phóng dân tộc trong thế kỷ XX, mở ra thời kỳ sụp đổ của chủ nghĩa thực dân và thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc trên phạm vi thế giới. Tư tưởng của Người về giải phóng dân tộc đã được thế giới thừa nhận ; thực tiễn phong trào giải phóng dân tộc đã khẳng định chân lý thuộc về tư tưởng Hồ Chí Minh, những tư tưởng đã góp phần làm biến đổi bộ mặt thế giới. Nếu thế kỷ thứ XX chưa phải là thế kỷ thắng lợi của chủ nghĩa xã hội, thì đã là thế kỷ thắng lợi căn bản của phong trào giải phóng dân tộc, mà Hồ Chí Minh là người đã lãnh đạo dân tộc Việt nam đi tiên phong trong sự nghiệp vĩ đại này.

Hồ Chí Minh còn vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin với những luận điểm về đảng cộng sản, nhà nước, mặt trận, quân đội, đạo đức, con người, tôn giáo, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của một nước kém phát triển như Việt nam, về mối quan hệ giữa dân tộc và quốc tế, về hòa bình và tình hữu nghị giữa các dân tộc, v.v.. Có những vấn đề Người không có đủ thời gian giải quyết, nhưng

(Xem tiếp trang 20)

Digitized by Google

CHÂN LÝ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

VŨ HIỂN

76 năm đã trôi qua, kể từ tháng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại - cuộc cách mạng làm cho mơ ước ngàn đời của quần chúng bị áp bức và bị bóc lột về cuộc sống tốt đẹp, về sự công bằng, về khả năng xây dựng xã hội nhân đạo, trở thành hiện thực. Cách mạng Tháng Mười vì thế mãi mãi được ghi nhận là cuộc cách mạng giải phóng con người, giải phóng xã hội. Đó cũng là xung lực, mang lại nội dung mới cho sự phát triển thế giới, làm tăng vai trò của các dân tộc trong đời sống quốc tế và đẩy mạnh mối giao lưu quốc tế trong đời sống các dân tộc.

Người ta đã nói nhiều về Cách mạng Tháng Mười với biết bao lời trân trọng ngợi ca của những người yêu chân lý, và cả không ít điều hàn học tức tối của những kẻ oán thù. Nhưng hiện nay, khi bộ mặt thế giới có những thay đổi hết sức phức tạp, thậm chí đã xảy ra nhiều điều nghịch lý với ngay cả Cách mạng Tháng Mười, thì có người đã rối trí và đi tới nhận thức sai lạc. Hơn thế nữa, kẻ thù đủ loại đang lợi dụng sự khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội và sự đổ vỡ ở Đông Âu và Liên xô trước đây để bôi nhọ hình ảnh của Cách mạng Tháng Mười và cơ sở tư tưởng của cuộc cách mạng đó là chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

Luận điệu của họ thực ra chẳng có gì mới, chỉ có điều lần này họ nói thẳng thừng hơn, trắng trợn hơn. Họ cho rằng Cách mạng Tháng Mười là dích dắc của lịch sử, là cuộc bạo động phản dân chủ, là cuộc cách mạng đã lỗi thời, hết tác dụng. Họ coi chủ nghĩa Mác - Lê-nin là thứ tôn giáo không tưởng, và con đường xã hội chủ nghĩa được họ ví như một khúc cong của lịch sử, là đoạn vòng vèo đầy đau khổ đi lên chủ nghĩa tư bản (!)

Không phải ngẫu nhiên mà ở các nước phương Tây và ngay tại nước Nga, chủ đề về Cách mạng Tháng Mười lại được đặt ra gay gắt đến như thế. Cũng không phải ngẫu nhiên mà trong nước ta đã xuất hiện ở đây đó một vài bài viết hoặc lời nói có những luận điểm sai trái, thậm chí nhân đó công kích trắng trợn vào chế độ xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Có thể nói gì về một số luận điểm đó ?

1 - Cách mạng Tháng Mười không phải là dích dắc của lịch sử mà là bước phát triển tất yếu, xuất phát từ yêu cầu bức bách cần đổi mới cơ cấu và hình thức phát triển của thế giới.

Như mọi người đều thấy, sự phát triển của lịch sử loài người được đo không chỉ bằng tháng năm, thế kỷ, thiên niên kỷ, mà trước hết bằng những chuyển biến xã hội sâu sắc, những thay đổi mang tính cách mạng trong đời sống xã hội. Mỗi một thời đại đều được nảy sinh từ những cơn lốc đấu tranh cách mạng. Do vậy, các cuộc cách mạng đều gắn với thời dại, đều có tính tất yếu hoàn toàn không phải là biến cố ngẫu nhiên tùy hứng của lịch sử. Cách mạng Tháng Mười lại càng như thế.

Nước Nga và Đảng bôn sê vích vào mùa thu năm 1917 đứng trước thời điểm lịch sử : sự tham gia của đế quốc Nga vào cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất làm tổn hại biết bao sinh mạng của cải ; thái độ của chính phủ lâm thời lúc đó không muốn đáp ứng nguyện vọng của quần chúng là ký hiệp

Digitized by Google

ước hòa bình và giải quyết vấn đề chia ruộng đất của bọn địa chủ cho nông dân, thảm họa kinh tế và sự hỗn loạn xã hội đã tăng lên đến mức thấy rõ dấu hiệu sụp đổ. Khi ấy thượng tầng xã hội Nga đã bị rối loạn ; khi ấy tầng lớp những người lao động, thợ thuyền, binh lính không thể chịu nổi cuộc sống quá ngột ngạt, nghiệt ngã như vậy nữa ; khi ấy bộ tham mưu của Đảng và giai cấp công nhân Nga đứng đầu là Lê-nin đã nắm bắt chiều hướng vận động của xã hội, chớp thời cơ và phát động khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng vô sản đã nổ ra như một tất yếu !

Cũng cần nhắc lại một đặc điểm của lịch sử : các cuộc chiến tranh thường là nguồn gốc của những cuộc cách mạng hoặc là ngòi nổ cho các cuộc cách mạng. Công xã Pa-ri thực sự là tiếng vọng của cuộc chiến tranh Pháp - Phổ ; cuộc cách mạng Nga năm 1905 được thúc đẩy bởi sự chém giết giữa binh lính nước Nga và Nhật bản ; và tương tự, cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất đã gây bão táp ở châu Âu để cho Cách mạng Tháng Mười trở thành đỉnh cao của cơn bão táp ấy. Cách mạng Tháng Mười đã nổ ra và thắng lợi. Đó là minh chứng hùng hồn thiên tài của Lê-nin trong việc phát hiện quy luật phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản và từ đó tìm ra mắt khâu yếu nhất của nó. Nó lại càng chứng tỏ luận điểm của Lê-nin về khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở một số nước và thậm chí ở một nước là đúng đắn và sáng tạo.

2 - Cách mạng Tháng Mười có bản chất và định hướng hòa bình, dân chủ ; là cuộc cách mạng sống mãi cùng lịch sử.

Hòa bình - dân chủ - hạnh phúc, những tiếng ngọt ngào ấy bao giờ cũng được loài người trân trọng ước ao và từ lâu con người luôn bận tâm vì những lý tưởng ấy. Lịch sử chỉ dành cho số phận của loài người và của nhiều dân tộc những khoảng thời gian hòa bình rất ngắn so với chiều dài của nó. Thế kỷ XX đã phải chịu đựng thảm họa của hai cuộc chiến tranh thế giới. Nếu như không có Cách mạng Tháng Mười và không có chủ nghĩa xã hội hiện thực, cứ mặc cho chủ nghĩa đế quốc tự do cướp bóc và tự do tranh ăn bằng súng đạn, thử hỏi thế giới sẽ ra sao ?

Cách mạng Tháng Mười đã mở ra thời kỳ mới cho loài người là khả năng ngăn ngừa chiến tranh thế giới và cùng tồn tại hòa bình. Đó mãi mãi là cống hiến vô giá mà lịch sử ghi nhận.

Một điều khác mà ai cũng nhớ : việc bảo đảm hòa bình đã được đặt lên thành nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong chính sách đối ngoại của chính quyền xô viết trước đây. Hành động lập pháp đầu tiên của chính quyền xô viết là sắc lệnh của Lê-nin về hòa bình. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử loài người, tư tưởng thiết lập một nền hòa bình vững chắc cho toàn thế giới được thể hiện trong chính sách của một quốc gia.

Cách mạng Tháng Mười cũng là cuộc cách mạng đặt nền móng cho một nền dân chủ mới, cao nhất - dân chủ xã hội chủ nghĩa, dân chủ đối với đông đảo các tầng lớp nhân dân. Vậy ở đâu và ai là người vi phạm dân chủ ? Không nói đâu xa, cứ xem ngay tại nước Nga hôm qua và hôm nay cũng có thể tìm được lời giải cho câu hỏi ấy. Năm 1917, cuộc tiến công Cung điện Mùa Đông được tiến hành bởi hàng vạn công nhân, nông dân, binh lính, nhưng ai cũng biết đó là một cuộc cách mạng ít đổ máu nhất so với mọi cuộc cách mạng trước đó. Còn những ngày đầu tháng mười vừa qua, tại Mát-xcơ-va, ai ai cũng thấy cảnh tượng xe tăng, lính chiến được lệnh nhân danh dân chủ để nã đạn vào tòa nhà Quốc hội Nga, bắn thẳng vào đám đông biểu tình là quần chúng nhân dân. Ngày 3 tháng mười đã được gọi là "ngày chủ nhật đẫm máu". Theo con số thông báo chính thức, tính đến 10 giờ sáng ngày 9-10-1993, có 142 người được coi là đã bị thiệt mạng trong các cuộc đụng độ. Và như Bộ trưởng y tế Nga F.Nê-tra-ép cho biết : "Điều đáng buồn nhất là trong số những người chết, đa số là dân thường, chỉ có 6 quân nhân, 5 nhân viên bộ nội vụ và 10 cảnh sát". Rõ ràng, chỉ nhân dân là người bị thiệt thòi nhất trong mọi trường hợp biến cố của nước Nga hiện nay !

Bình luận về cuộc đụng độ tranh giành quyền lực đẫm máu vừa qua ở Mat-xcơ-va, có kẻ cao

Digitized by Google

giọng coi đó là "cuộc cách mạng lại Cách mạng Tháng Mười" ; hung hăng hơn nữa, họ còn tuyên bố : cho đến sự kiện này, cả chủ nghĩa cộng sản lẫn Cách mạng Tháng Mười đã chấm hết !

Đây quả là một sự so sánh khập khểnh và thô thiển. Đành rằng, những thành quả của Cách mạng Tháng Mười có bị đổ vỡ, nhưng đó quyết không phải là sự đổ vỡ của bản thân lý tưởng Cách mạng Tháng Mười. Vả chăng, bằng chứng lịch sử đã tỏ rõ, không có một cuộc cách mạng nào, kể cả những cuộc cách mạng vĩ đại nhất, lại có đủ khả năng kết thúc ngay công việc cải tạo xã hội cũ. Sự thay thế chế độ xã hội này bằng một chế độ xã hội khác đòi hỏi một thời kỳ lâu dài. Quá trình chuyển từ xã hội phong kiến lên xã hội tư bản chủ nghĩa đã phải trải qua hàng trăm năm với nhiều cuộc cách mạng tư sản : cách mạng Anh năm 1688, các cuộc cách mạng Pháp vào các năm 1789 - 1794, 1830, 1848, 1871...

Vậy nên, ai có nói nghiêng nói ngả thì cũng không thể đặt dấu chấm hết vào Cách mạng Tháng Mười. Cho dù thực thể của Cách mạng Tháng Mười là chủ nghĩa xã hội hiện thực đang gặp những khó khăn to lớn, thậm chí đổ vỡ ở một số nơi, thì cuộc cách mạng đó vẫn sống mãi trong lòng nhân dân nước Nga và các nước khác vì ai cũng rõ bản thân cuộc cách mạng đó đã phải nhận về mình toàn bộ gánh nặng lịch sử và những gian nan vất vả của người đi trước mở đường. Thực tế, cuộc cách mạng đó vẫn đang sống trong cuộc đấu tranh của giai cấp những người làm công ở các nước tư bản đòi quyền dân sinh dân chủ và đòi có việc làm. Nó vẫn tiếp tục nuôi dưỡng tinh thần dân tộc của nhân dân các nước đang xác lập chủ quyền dân tộc thực sự. Và đặc biệt, tinh thần và lý tưởng của cuộc Cách mạng Tháng Mười vẫn đang cổ vũ các nước xã hội chủ nghĩa còn lại trong việc khắc phục những lệch lạc, tìm tòi những cách thức và bước đi hợp lý để xây dựng chủ nghĩa xã hội thực sự tốt đẹp, văn minh.

3- Chủ nghĩa Mác - Lê-nin không phải là tôn giáo và không tưởng, mà là học thuyết khoa học bắt nguồn từ thực tiễn và cải tạo thực tiễn.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, các tư tưởng xã hội chủ nghĩa có nguồn gốc sâu xa từ trong sự phát triển vật chất và tinh thần của nhân loại. Chủ nghĩa Mác không nằm ngoài trào lưu tư tưởng ấy, nên nó thuộc về xã hội, thuộc về con người. Mác và Ăng-ghen đã từng nhấn mạnh : những kết luận và nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học không phải là những quan niệm trừu tượng như "công bằng", "bác ái", "hạnh phúc" theo ngôn từ trống rỗng, mà đều xuất phát từ xu hướng phát triển của xã hội hiện thực. Chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác không xa lạ như những ước mơ tận mãi thiên đường. Nó gần gũi đời thường, nó nhìn nhận tỉnh táo về những nhu cầu hiện thực và những khả năng thực tế có thể đáp ứng được. Những khả năng đó nằm trong sự phân tích và giải quyết những mâu thuẫn sâu sắc ngay chính trong lòng xã hội tư bản chủ nghĩa.

Việc các phần tử chống cộng luôn tìm mọi cách để công kích chủ nghĩa Mác, gán cho nó đủ thứ tội danh, càng thể hiện đó không phải là liều thuốc ru ngủ tinh thần đối với đông đảo quần chúng. Tại sao ở phương Tây, người ta khuyến khích hoặc không ngăn chặn xây dựng nhà thờ, tự do giảng đạo ; người ta cung kính đón tiếp Giáo hoàng ? Bởi vì tất cả các tôn giáo, giáo phái ở đây chẳng có gì nguy hại đối với chế độ tư bản. Chủ nghĩa Mác không phải là một giáo lý, mà là vũ khí đấu tranh của quần chúng nhân dân. Nếu đã coi đó như một tôn giáo, thậm chí là tôn giáo viển vông, thì cớ gì kẻ thù của chủ nghĩa Mác lại lo sợ nó đến thế ? hốt hoảng đến thế ? và chống phá nó điên cuồng đến thế ?

Chủ nghĩa Mác có sức thuyết phục, có tính hấp dẫn lớn và bị công kích quyết liệt, cũng là vì đó là một luận thuyết khoa học. Chủ nghĩa Mác vừa mang tính lý luận tư tưởng, vừa có tính hiện thực cao. Nó xuất hiện và ngày càng được hoàn thiện không phải nằm ngoài con đường phát triển chủ yếu của văn minh thế giới. Ngược lại, nó đã được chắt lọc từ tất cả những gì tốt đẹp nhất, tiến bộ nhất mà khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học nhân văn tích lũy được.

Digitized by Google

Cách mạng Tháng Mười là một minh chứng điển hình về sự vật chất hóa, hiện thực hóa chủ nghĩa Mác. Việc kết hợp một cách nhuần nhuyễn lý luận mác xít với thực tiễn của phong trào công nhân Nga lúc ấy làm cho sức đột phá của cuộc cách mạng vô sản tăng lên, và cũng làm cho học thuyết mác xít được hoàn thiện thêm bằng những luận cứ mới mẻ. Tiến trình phát triển của những sự kiện tiếp theo Cách mạng Tháng Mười, mặc dù có biết bao biến cố phức tạp, nhưng hoàn toàn xác nhận sự thống nhất không thể tách rời giữa tính khoa học và tính cách mạng của chủ nghĩa Mác, sự gắn bó khăng khít giữa chủ nghĩa Mác với phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội hiện thực. Bởi vậy, Cách mạng Tháng Mười còn có ý nghĩa trọng đại là làm cho những tư tưởng xã hội chủ nghĩa mác xít thực sự trở thành khoa học, đánh dấu việc chuyển những tư tưởng đó sang phạm trù những hiện tượng thực tiễn : chủ nghĩa xã hội trở thành một xã hội cụ thể.

4 - **Chủ nghĩa xã hội không phải là khúc quanh của lịch sử, mà là một giai đoạn phát triển rực rỡ của xã hội loài người.**

Trong bản hòa tấu công kích chủ nghĩa xã hội hiện nay có cả luận điệu cho rằng sự phát triển của xã hội loài người là một con đường tự nhiên, cả đoàn người đang cùng đi lên chủ nghĩa tư bản thì bỗng dưng có một bộ phận tách khỏi đám đông để đi theo đường mới - chủ nghĩa xã hội. Do gặp nhiều gai góc cản trở không thể đi tiếp được nữa, một số người da trắng khôn ngoan đã quyết định bỏ lối mới, đằng sau quay, để về với chủ nghĩa tư bản. Còn lại một số người da màu châu Á dại dột cứ tiếp tục đi, nhưng lại vòng vo để cuối cùng cũng phải về con đường cũ.

Đây quả là một cách ví von xấc xược và thô thiển. Người này có tư cách gì mà thóa mạ cả tỉ người và cả dân tộc mình như vậy !

Lịch sử loài người hàng vạn năm trở lại đây cho thấy, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc có một quá trình hình thành và phát triển khác nhau, có cách thức, bước đi khác nhau trong không gian và thời gian rất khác nhau. Chưa bao giờ và sẽ không bao giờ có chuyện cả loài người có chung một bậc, một trình độ, và cùng đồng đều tiến bước như thế !

Ngay việc coi con đường xã hội chủ nghĩa là không thể có, cũng là một cách nhìn cận thị. Hơn bảy mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên xô trước đây là một khoảng thời gian rất ngắn so với quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản. Nhưng chỉ với thời gian như vậy, nhân dân xô viết đã làm nên bao chuyện phi thường. Đó là việc quét sạch chủ nghĩa phát xít để cứu nền văn minh nhân loại, là bước tiến khổng lồ trong việc xây dựng một xã hội mới công bằng, nhân đạo. Sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu có nhiều nguyên nhân, nhưng không thuộc bản chất chế độ xã hội chủ nghĩa.

Còn chủ nghĩa tư bản mà có người cho đó là tương lai vĩnh cửu thì sao ? Nói nó là tốt đẹp dân chủ ư ? Đừng quên rằng chủ nghĩa phát xít đã ra đời từ chế độ tư bản chủ nghĩa. Cũng đừng quên rằng Việt nam đã từng phải chịu đựng cuộc xâm lược của Pháp, Nhật và Mỹ. Ai cũng biết rằng chế độ tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm lối sống Mỹ, chế độ đại nghị Pháp, điện tử Nhật bản. Nó còn bao gồm cả vùng ngoại vi mà người ta thường gọi là "thế giới thứ ba" ở châu Phi và Mỹ la tinh. Tại những nơi ấy - những nơi đang hướng theo con đường chủ nghĩa tư bản - hiện đang có hơn 500 triệu người bị đe dọa chết đói, có khoảng hơn 1,6 tỉ người đang sống trong khốn khó cùng cực.

Đúng là chủ nghĩa tư bản đạt được trình độ phát triển công nghệ chưa từng thấy, nhưng nó rất thiếu khả năng và rất vô trách nhiệm trong việc giải quyết khắc phục những nghèo đói, bất công. Tình hình thực tế ấy đã bác bỏ mọi sự nghi ngờ về tính cần thiết phải thay đổi xã hội tư bản chủ nghĩa bằng một xã hội khác nhân đạo hơn. Điều đó càng chứng tỏ lý tưởng của Cách mạng Tháng Mười về một xã hội bình đẳng, công bằng, hòa bình và hữu nghị mãi mãi là chân lý của thời đại. Chân lý ấy tiếp tục soi sáng con đường chúng ta đi hôm nay.

Digitized by Google

QUAN ĐIỂM CỦA LÊ-NIN VỀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI

TRÌNH MƯU *_ NGUYỄN KHANG **

HỌC thuyết Lê-nin là học thuyết đấu tranh giai cấp và giải phóng giai cấp vô sản trong thời đại chủ nghĩa đế quốc, là học thuyết khoa học và cách mạng. Học thuyết của Lê-nin còn soi sáng một trong những vấn đề nóng bỏng, cấp bách nhất của thời đại : *vấn đề dân tộc*. Mặc dù các thế lực thù địch đang lợi dụng sự phân rã của khối cộng đồng dân tộc ở Liên xô trước đây để hạ thấp, bóp méo các quan điểm dân tộc của Lê-nin, nhưng thực tiễn của Cách mạng Tháng Mười và phong trào đấu tranh cách mạng trên thế giới hiện nay đã và đang khẳng định sự trong sáng của các quan điểm Lê-nin trong lĩnh vực dân tộc.

1 - Lê-nin đã xác lập những quan điểm cơ bản, đúng đắn về vấn đề dân tộc.

Vũ khí lý luận sắc bén của Lê-nin về dân tộc được xây dựng trên cơ sở thế giới quan khoa học, kết hợp chặt chẽ với phép biện chứng. Nó được trao cho các dân tộc bị áp bức ở Nga để chống lại các quan điểm phản khoa học, cơ sở của chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Lê-nin đã khái quát lịch sử phát triển sinh động, phong phú của xã hội loài người, và với tư duy triết học sâu sắc, Người chỉ ra nguồn gốc ra đời, quá trình phát sinh, phát triển, bản chất và những yếu tố cấu thành của cộng đồng dân tộc và các mối quan hệ bên trong của nó. Người khắc phục những hạn chế của chủ nghĩa duy vật máy móc đã "công thức hóa" các yếu tố cấu thành của cộng đồng dân tộc. Người đấu tranh kiên quyết chống lại các quan điểm phản khoa học của chủ nghĩa duy tâm chủ quan và khách quan, coi dân tộc là "cộng đồng số mệnh", là "cộng đồng nguồn gốc" ; coi sự phát triển dân tộc là sự kế tục và tổng hợp mối liên hệ thị tộc. Người vạch ra sai lầm của chủ nghĩa hư vô dân tộc xem dân tộc dường như phát sinh từ mảnh đất trống rỗng, không phải là kết quả của quá trình phát triển liên tục của lực lượng sản xuất, của sự phát triển các hình thức cộng đồng tộc người.

Từ việc xác lập những quan điểm cơ bản nhất trong lĩnh vực dân tộc, Lê-nin đã đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc tư sản nấp dưới mọi hình thức. Đây còn là yêu cầu cấp thiết đối với thắng lợi của cách mạng vô sản Nga. Nga hoàng coi chủ nghĩa dân tộc tư sản như một công cụ thống trị để duy trì sự tồn tại của nó. Chủ nghĩa dân tộc tư sản với tư tưởng sô vanh, vị kỷ dân tộc, đã đầu độc nhân dân Nga ; nó chia rẽ các dân tộc Nga thành những bộ phận, những nhóm nhỏ, cản trở việc thống nhất các lực lượng cách mạng trong giai cấp vô sản và các tầng lớp nhân dân lao động. Chủ nghĩa dân tộc tư sản trở thành căn bệnh cố hữu, ăn sâu gốc rễ trong xã hội Nga. Một trong những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc đó là chủ nghĩa đại Nga. Lê-nin đã bóc trần bản chất xấu xa của chủ nghĩa đại Nga, ví nó như chiếc đòn sóc hai đầu, một đầu đâm vào dân tộc Nga, một đầu đâm vào

* PTS. Phó viện trưởng Viện nghiên cứu lịch sử Đảng

** Chuyên viên Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Digitized by Google

các dân tộc anh em, kẻ có lợi là chế độ phản động Xa hoàng.

2- Lê-nin với tư duy sáng tạo đã phát triển sâu sắc luận điểm của Mác về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp.

Mác, Ăng-ghen đặt phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trong phạm trù cách mạng vô sản và phụ thuộc vào cuộc cách mạng vô sản. Các ông đã căn cứ vào tính triệt để, khả năng và sự phát triển hợp quy luật của giai cấp vô sản. Cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản thắng lợi, sẽ giải phóng các dân tộc bị áp bức. Áp bức dân tộc có nguồn gốc trong áp bức giai cấp. Xóa bỏ nạn người bóc lột người sẽ xóa bỏ được nạn dân tộc này đi áp bức dân tộc khác. Khi chủ nghĩa tư bản mới hình thành, phong trào dấu tranh của các dân tộc bị áp bức còn non yếu, rời rạc. Dưới sự lãnh đạo của cáo thủ lĩnh bộ lạc, bộ tộc, cuộc dấu tranh chống áp bức dân tộc chưa phát triển thành trào lưu mạnh mẽ, chưa đại biểu cho khuynh hướng tiến bộ của thời đại. Xét về cơ bản và lâu dài, cuộc dấu tranh giữa hai giai cấp cơ bản của thời đại - giai cấp vô sản và giai cấp tư sản - giữ vai trò quyết định đối với phong trào giải phóng dân tộc. Nhưng khi chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc thì quan hệ giữa cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và cuộc đấu tranh giải phóng giai cấp có nội dung mới, tính chất mới, vì vậy cần được bổ sung và hoàn thiện cho dúng với điều kiện lịch sử cụ thể. Lê-nin cho ràng, theo quan điểm hệ thống của Mác, khi đánh giá các nguyên lý, cần đặt chúng trong mối liên hệ với các nguyên lý khác. Muốn đánh giá chính xác, khách quan các giai cấp, phải thông qua các quá trình lịch sử. Trung thành với chủ nghĩa Mác, Lê-nin không coi những nguyên lý của Mác là bất khả xâm phạm, bất biến, mà xem xét chúng dưới góc độ lịch sử - xã hội, trong những điều kiện cụ thể mới xuất hiện. Chính vì thế, Lê-nin đã hoàn thiện thêm mối quan hệ giữa đấu tranh giải phóng dân tộc và đấu tranh giải phóng giai cấp vô sản khi chủ nghĩa tư bản chuyển thành chủ nghĩa đế quốc. Chủ nghĩa đế quốc tăng cường và mở rộng phạm vi bóc lột các dân tộc, các tầng lớp nhân dân lao động, giai cấp công nhân trong và ngoài nước. Nó bủa lưới lên đầu các dân tộc. Nó cuốn hút các dân tộc vào guồng máy bóc lột tàn bạo. Vì vậy, về khách quan, dù không muốn, nó đã đẩy mạnh quá trình cách mạng hóa các nhân tố dân tộc. Cuộc tiến công của các lực lượng dân tộc vào chủ nghĩa đế quốc là cuộc tiến công vào cơ sở vật chất, cơ sở sức mạnh của nó. Những cuộc đấu tranh của các dân tộc đe dọa sự sống còn của chủ nghĩa dế quốc. Phong trào đấu tranh đòi giải phóng dân tộc trong thời đại dế quốc chủ nghĩa có tính độc lập nhất định. Nó có những nét riêng nhằm giải quyết những mục đích riêng, mặc dù những nét riêng đó có quan hệ với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản. Về phía phong trào cách mạng vô sản ở Nga và ở các nước khác, cũng cần và có thể kết hợp với phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa đế quốc trở thành kẻ thù chung của giai cấp vô sản và của cả các dân tộc bị áp bức. Giai cấp vô sản không thể tự mình đương đầu với chủ nghĩa đế quốc mà phải có đồng minh là phong trào cách mạng dân tộc. Vì vậy, phong trào đấu tranh dân tộc và phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản là thống nhất với nhau, có sự tác động qua lại với nhau. Do đó, Lê-nin cho ràng : tuy về lâu dài và cơ bản, cuộc đấu tranh chống áp bức dân tộc nàm trong phạm trù cách mạng vô sản, phụ thuộc vào cuộc cách mạng vô sản, nhưng sự phụ thuộc đó không phải là sự lệ thuộc hoàn toàn, bị động, chỉ là hệ quả từ tháng lợi của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản ; mà ngược lại, phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc có tính chủ động, tích cực, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng vô sản. Không chỉ cuộc Cách mạng Tháng Mười chứng minh sự bổ sung và phát triển của Lê-nin là đúng, mà thực tiễn cách mạng nửa cuối của thế kỷ 20 dã làm sáng rõ vấn đề này. Chủ nghĩa đế quốc đã phải từ bỏ hình thức thống trị thực dân kiểu cũ, áp dụng chủ nghĩa thực dân kiểu mới. Nó buộc phải trao trả độc lập cho nhiều nước Á, Phi, Mỹ la tinh. Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc đã tác động tích cực tới phong trào cách mạng vô sản. Ở đâu đảng cộng sản giải quyết đúng mối quan hệ dân tộc - giai cấp theo tinh thần Lê-nin thì ở đó phong trào cách mạng phát triển mạnh ; nếu

Digitized by Google

xa rời các quan điểm Lê-nin trong lĩnh vực này thì phong trào suy yếu, thậm chí tổn thất nặng.

Việc Lê-nin hoàn thiện mối quan hệ dân tộc - giai cấp có ảnh hưởng to lớn đến trào lưu giải phóng dân tộc của thời đại. Đại hội V của Quốc tế cộng sản chủ trương : cách mạng vô sản chính quốc thành công sẽ giải phóng các dân tộc thuộc địa. Đảng cộng sản Việt nam khẳng định : chỉ có sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản mới giải phóng triệt để nhân dân lao động. Nhưng nắm vững tư tưởng của Lê-nin về tính tích cực, chủ động của phong trào giải phóng dân tộc, Đảng cộng sản Việt nam đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc thành công, coi đó là tiền đề, điều kiện để thực hiện giải phóng giai cấp vô sản.

3 - Lê-nin khẳng định phong trào giải phóng dân tộc là nguồn bổ sung lực lượng cho cách mạng vô sản.

Do xa rời thực tiễn và có sự hạn chế trong nhận thức, trong phong trào cộng sản có lúc đã xuất hiện một số quan điểm đánh giá không đầy đủ về khả năng, tác dụng của lực lượng dân tộc, của cuộc đấu tranh dân tộc. Bệnh ấu trĩ "tả khuynh" đã "tuyệt đối hóa" vai trò cách mạng của giai cấp công nhân, hạ thấp đấu tranh dân tộc ; thậm chí tư tưởng "cách mạng thường trực" còn cho rằng : ngoài giai cấp công nhân ra, các giai cấp khác trong dân tộc không thể là lực lượng cách mạng.

Lê-nin đã phân tích một cách khách quan, chính xác về tương quan giai cấp, tương quan cách mạng ở Nga, khẳng định vai trò to lớn của phong trào đấu tranh dân tộc.

Chế độ Xa hoàng là dinh lũy kiên cố của các thế lực phản động ở Nga và châu Âu. Ngay từ những năm 1848 - 1850, bọn vua chúa và giai cấp tư sản châu Âu đã coi chế độ này là chỗ dựa vững chắc, giúp chúng tiếp tục thống trị giai cấp vô sản vừa thức tỉnh. Những năm đầu thế kỷ 20, bản chất phản động của chế độ này ngày càng bộc lộ rõ. Nga hoàng thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng ; nó là kẻ thù nguy hiểm không chỉ của giai cấp vô sản mà cả của các dân tộc Nga. Nước Nga là nước tư bản phát triển trung bình, cho nên giai cấp vô sản Nga chỉ chiếm một tỷ lệ nhỏ trong thành phần dân cư. Đặc điểm chủ yếu của nước Nga thời kỳ này là những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa còn thống trị, vì thế không thể nói tới phong trào thuần túy vô sản được. Do vậy, Lê-nin cho rằng : chỉ những kẻ điên mới đem một mình giai cấp vô sản Nga ra đối chọi với chế độ Xa hoàng và các thế lực phản động Tây Âu.

Lê-nin khẳng định lực lượng nòng cốt, tiên phong trong cuộc Cách mạng Tháng Mười là giai cấp vô sản Nga, nhưng Người đồng thời chú ý tới các lực lượng dân tộc. Người coi những cuộc đấu tranh dân tộc là nguồn xung lực mới của cách mạng vô sản, xác định cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc là một trào lưu cách mạng của thời đại, có ý nghĩa quyết định tới tương lai nhân loại. Người cho rằng : coi trọng vấn đề dân tộc không có nghĩa là giảm nhẹ cuộc đấu tranh giai cấp, mà chính là tiếp tục cuộc đấu tranh giai cấp dưới hình thức khác. Vì vậy, đẩy mạnh việc phát triển lực lượng dân tộc - đó cũng chính là vì những lợi ích căn bản và cấp thiết nhất của Cách mạng Tháng Mười Nga.

Cũng như trước đây có những kẻ khoác áo Mác để chống Mác, ngày nay cũng có những kẻ khoác áo Lê-nin để chống Lê-nin. Họ cố che lấp tính trong sáng trong các quan điểm của Lê-nin, thậm chí xuyên tạc các quan điểm đúng đắn của Lê-nin. Nhưng những quan điểm dân tộc của Lê-nin vẫn còn nguyên giá trị lý luận và giá trị thực tiễn to lớn. Những người không đứng vững trên quan điểm dân tộc của Lê-nin, đã bị đầu độc bởi các cây nấm sặc sỡ của chủ nghĩa dân tộc. Họ sa vào chủ nghĩa sô vanh dân tộc, vị kỷ dân tộc, từ bỏ con đường cách mạng. Những người xem nhẹ vai trò dân tộc, không chú trọng giải quyết sáng tạo những vấn đề của thực tiễn mới nảy sinh, đã lâm vào tình trạng không tự giác làm tan vỡ cộng đồng dân tộc, kéo theo sự tan vỡ của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Rõ ràng, những quan điểm của Lê-nin vẫn đang là phương hướng đúng đắn cho chúng ta trong lĩnh vực này. Nó vẫn đang soi đường cho thực tiễn đấu tranh cách mạng ở rất nhiều nước trong giai đoạn hiện nay.

Digitized by Google

CÁCH MẠNG THÁNG MƯỜI với sự chuyển biến tư tưởng của Hồ Chí Minh và cách mạng Việt nam

LÊ VĂN YÊN *

NGÀY 7-11-1917, giai cấp công nhân Nga liên minh với nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng bôn sê vích, đứng đầu là Lê-nin, đã tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, của những ước mơ cao đẹp của loài người. Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, những tư tưởng vĩ đại của các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học từ lĩnh vực lý luận trở thành hiện thực sinh động. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết : "Giống như mặt trời chói lọi, Cách mạng Tháng Mười chiếu sáng khắp năm châu, thức tỉnh hàng triệu hàng triệu người bị áp bức, bóc lột trên trái đất. Trong lịch sử loài người chưa từng có cuộc cách mạng nào có ý nghĩa to lớn và sâu xa như thế"(1).

Cách mạng Tháng Mười có vai trò và ảnh hưởng to lớn đối với cách mạng thế giới và tác động mạnh mẽ đến cách mạng Việt nam. Cách mạng Tháng Mười đã tạo ra sự chuyển biến về tư tưởng của Hồ Chí Minh và cách mạng Việt nam. Nói về sự chuyển biến này, Chủ tịch Hồ Chí Minh, người Việt nam yêu nước đầu tiên tiếp thu ánh sáng của Cách mạng Tháng Mười, đã viết : Cách mạng Tháng Mười, chủ nghiã Mác - Lê-nin "đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt nam, không những là cái "cẩm nang" thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng"(2).

1 - Cách mạng Tháng Mười với sự chuyển biến tư tưởng của Hồ Chí Minh và cách mạng Việt nam trong những năm hai mươi

Trước Cách mạng Tháng Mười, cuộc đấu tranh giành độc lập tự do của Việt nam chưa có lý luận tiên tiến soi đường. Tuy các phong trào yêu nước chống Pháp nổ ra liên tiếp, nhưng đều thất bại. Sau chiến tranh Nga - Nhật 1905, một số nhà yêu nước Việt nam chủ trương "Đông du", sang Nhật ; một số khác sang Trung quốc. Những người "Đông du", tiếp thu tư tưởng quân chủ lập hiến kiểu Minh Trị ; còn những người sang Trung quốc thì trở về với tư tưởng dân tộc và dân quyền của Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi. Ở trong nước, phong trào Đông kinh nghĩa thục 1907, cuộc vận động Duy Tân và kháng thuế 1908 đều có tính chất dân chủ tư sản. Các cuộc khởi nghĩa Hương khê, Yên thế... kéo dài hàng mấy chục năm, nhưng đều bị dìm trong máu. Phong trào cách mạng Việt nam lúc đó như đứng trước ngã ba đường, lâm vào cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối.

Dân tộc Việt nam trong hoạn nạn thường sinh ra những người con ưu tú. Với tâm hồn trong sáng, nặng lòng yêu nước, sâu nỗi thương dân,

---

* Nhà xuất bản Chính trị quốc gia

(1) Hồ Chí Minh :*Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t10, tr 593

(2) *Sđd* ,t8, tr701-702

Digitized by Google

với tư duy nhìn xa thấy rộng, Hồ Chí Minh sớm vươn lên đỉnh cao của thời cuộc. Trong lúc đất nước khủng hoảng về đường lối lãnh đạo, Hồ Chí Minh đã vượt trùng dương đến nhiều nước đế quốc, tiếp xúc với nhiều dân tộc thuộc địa, học hỏi kinh nghiệm, tăng thêm hiểu biết, xác định hướng đi. Trong cuộc hành trình vạn dặm đó, Người quan tâm đến hai cuộc cách mạng : Cách mạng Mỹ 1776 và Cách mạng Pháp 1789. Tuy nhiên, theo Người : "đó đều là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi". Đó cũng là cơ sở thực tiễn để Người tiếp thu ánh sáng Cách mạng Tháng Mười.

Tác phẩm đầu tiên có ảnh hưởng quyết định đến tư tưởng cách mạng của Hồ Chí Minh là "Luận cương của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa". Sau này Người kể lại :"Luận cương của Lê-nin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao ! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo : "Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ ! đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta" (3). Từ đó, Người tin theo Lê-nin, tin theo Cách mạng tháng Mười, tin theo Quốc tế cộng sản. Người khẳng định : *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"* (4). Tại Đại hội Đảng xã hội Pháp họp ở Tua tháng 12-1920, Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế cộng sản, tham gia sáng lập Đảng cộng sản Pháp. Con đường cứu nước, giải phóng dân tộc mà Hồ Chí Minh chịu ảnh hưởng là con đường Cách mạng Tháng Mười. Người đánh giá cao cuộc Cách mạng Tháng Mười : "Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật... Cách mệnh Nga đã đuổi được vua, tư bản, địa chủ rồi, lại ra sức cho công, nông, các nước và dân tộc bị áp bức các thuộc địa làm cách mệnh để đạp đổ tất cả đế quốc chủ nghĩa và tư bản trong thế giới" (5).

Từ chủ nghĩa yêu nước đến với Cách mạng Tháng Mười, đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, là một sự chuyển biến đặc biệt quan trọng có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển tư trưởng cách mạng của Hồ Chí Minh và cách mạng Việt nam. Cũng từ đó, ánh sáng Cách mạng Tháng Mười, ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã soi rọi con đường cách mạng Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh viết : "Tiếng sấm Cách mạng ấy thúc đẩy những người Việt nam yêu nước hướng về phía Liên xô, hấp thụ lý luận vĩ đại của chủ nghĩa Mác-Lê-nin" (6). Có thể nói, không có Cách mạng Tháng Mười thì cách mạng Việt nam vẫn trong tình trạng khủng hoảng, vẫn còn trong "tình hình đen tối không có đường ra".

2 - Cách mạng Tháng Mười với sự chuyển biến của Hồ Chí Minh và cách mạng Việt nam trong việc sáng lập Đảng cộng sản Việt nam

Dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười và sự tác động của Quốc tế cộng sản, nhiều đảng cộng sản đã ra đời ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Tại đây, cách mạng giải phóng dân tộc được coi là bộ phận của cách mạng vô sản. Cũng dưới ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười, Hồ Chí Minh xúc tiến mạnh mẽ việc truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào Việt nam. Năm 1921, Người cùng một số nhà cách mạng ở các nước thuộc địa lập ra "Hội liên hiệp thuộc địa" ở Pa-ri, thông qua tổ chức đó để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào các dân tộc thuộc địa và Việt nam. Người lập ra báo *Người cùng khổ*, viết bài cho các báo *Nhân đạo, Đời sống công nhân* v.v. nhằm lên án mạnh mẽ chủ nghĩa thực dân, chỉ rõ sự cần thiết phải đoàn kết giữa cách mạng chính quốc và cách mạng thuộc địa, giới thiệu về Cách mạng Tháng Mười, về chế độ xô viết, về Lê-nin. Hướng vào kẻ thù chủ yếu của các dân tộc Đông dương, Người công bố tác phẩm "Bản án chế độ thực dân Pháp", tác phẩm lý luận chính trị đầu tiên của cách mạng Việt nam. Tác phẩm lên án mạnh mẽ thực dân Pháp, đồng thời làm cho nhân dân Việt nam và các dân tộc thuộc địa hiểu rõ hơn về những tư tưởng của Cách mạng Tháng Mười, của Lê-nin và của Quốc tế cộng sản. Riêng ở Việt

(3) *Sđd*, t8, tr700
(4) *Sđd*,t8, tr272
(5) *Sđd*, t2, tr 206 - 207
(6) *Sđd*, t8, tr 272

Digitized by Google

nam, tác phẩm của Người thức tỉnh, thôi thúc dân tộc ta đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười, đẩy mạnh phong trào cách mạng giải phóng dân tộc.

Năm 1923, Hồ Chí Minh rời Pháp sang Liên xô tham dự Đại hội V Quốc tế cộng sản. Tại đất nước của Lê-nin, Người nghiên cứu sâu sắc kinh nghiệm Cách mạng Tháng Mười, tìm hiểu chế độ xô viết và sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân Liên xô. Nếu trước đó, Người đã khẳng định, cách mạng Việt nam muốn giành thắng lợi phải đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười, thì lúc này, điều khẳng định ấy càng được củng cố vững chắc.

Làm theo những chỉ dẫn của Lê-nin, năm 1924, Người đến Quảng châu (Trung quốc) cùng các nhà cách mạng ở Á đông lập ra "Hội liên hiệp các dân tộc bị áp bức" nhằm thống nhất hành động chống chủ nghĩa thực dân ; đồng thời, Người bắt liên lạc với những người Việt nam yêu nước hoạt động ở Quảng châu, tiến hành tổ chức huấn luyện nhóm cách mạng đầu tiên gồm 9 người làm nòng cốt cho tổ chức "Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội", rồi đưa về nước hoạt động. Tiếp đó, Người mở nhiều lớp đào tạo cán bộ cho cách mạng Việt nam, mà nội dung các bài giảng được tập hợp thành tác phẩm "Đường cách mệnh". Trong đó, người giới thiệu sâu sắc các cuộc cách mạng trên thế giới, đặc biệt nhấn mạnh rằng : chỉ có đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười - con đường duy nhất đúng đắn, cách mạng Việt nam mới giành được độc lập tự do thật sự. Vấn đề then chốt nhất của cách mạng Việt nam được Người chỉ rõ : "Trước hết, phải có Đảng cách mệnh... Đảng có vững, cách mệnh mới thành công... Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt...

Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lê-nin" (7).

Phong trào cách mạng trong nước lên cao, "Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội" không còn đủ sức lãnh đạo phong trào. Trước tình hình đó, những người tiên tiến của "Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội" đã lập ra các tổ chức cộng sản đầu tiên : "Đông dương cộng sản đảng" (6-1929), "An nam cộng sản Đảng" (10-1929) và "Đông dương cộng sản liên đoàn" (1-1930). Trong thời gian ngắn, ba tổ chức cộng sản ra đời đã đẩy phong trào cách mạng trong nước lên một bước mới. Nhưng tình trạng phân tán về tổ chức sẽ dẫn đến không thống nhất về tư tưởng và hành động. Được sự ủy nhiệm của Quốc tế cộng sản, Hồ Chí Minh đã thống nhất các tổ chức cộng sản ở Việt nam thành một đảng duy nhất. Từ ngày 3 đến 7-2-1930 tại Hương cảng, Hội nghị thống nhất Đảng đã được tiến hành dưới sự chủ trì của Hồ Chí Minh ; hội nghị đã thống nhất lấy tên Đảng là *Đảng cộng sản Việt nam*, thông qua "Chính cương vắn tắt", "Sách lược vắn tắt" và "Điều lệ tóm tắt". Đó cũng là Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Như vậy, sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào , sự công nhân và phong trào yêu nước dẫn đến thành lập Đảng cộng sản Việt nam. Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt nam là kết quả vận động cách mạng trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt nam, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại được mở ra từ sau Cách mạng Tháng Mười. Lần đầu tiên, sau gần 70 năm dưới ách đô hộ thuộc địa, cách mạng Việt nam có một Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin lãnh đạo, chuẩn bị cho những thắng lợi và những bước nhảy vọt trong lịch sử dân tộc Việt nam. Đồng chí Trường Chinh đã viết : "*Chúng ta không nên quên rằng : việc thành lập Đảng cộng sản Đông dương đã chịu ảnh hưởng sâu xa của Cách mạng Tháng Mười*" (8).

3 - Ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười đối với những thắng lợi của cách mạng Việt nam

Vào những năm bốn mươi, chủ nghĩa phát xít thế giới mở cuộc thập tự chinh hòng tiêu diệt nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Cũng như lần dập tan sự can thiệp của 14 nước đế quốc, nước Nga xô viết lần này đã đánh tan chủ nghĩa phát xít, tạo điều kiện và thời cơ thuận lợi cho sự

(7) *Sđd*, t2, tr 188 - 189

(8) Trường Chinh : *Cách mạng tháng Mười và cuộc đấu tranh của nhân dân Việt nam*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1957, tr 28

Digitized by Google

nghiệp giải phóng dân tộc của một loạt nước trên thế giới. Trước diễn biến phức tạp của tình hình quốc tế và trong nước, Hồ Chí Minh nhận thấy cơ hội cứu nước đang đến đã quyết định về nước trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt nam. Sau 30 năm bôn ba, Người đã tìm được con đường cách mạng chân chính, tìm được bạn đồng minh cho cách mạng Việt nam, đã tổ chức, rèn luyện Đảng ta, cùng Trung ương Đảng lãnh đạo các cao trào cách mạng rộng lớn. Đầu tháng 2-1941 khi về đến Tổ quốc, Người triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ tám tháng 5-1941. Hội nghị nhận định : "Nếu cuộc chiến tranh đế quốc lần trước đã đẻ ra Liên xô, một nước xã hội chủ nghĩa, thì cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công" [9]. Hội nghị còn nêu rõ : " Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được" [10]. Đúng như dự đoán của Hội nghị Trung ương tám, tháng 6-1941, phát xít Đức tiến công Liên xô, tính chất cuộc chiến thay đổi : từ chỗ là chiến tranh đế quốc với đế quốc, trở thành chiến tranh giữa các lực lượng dân chủ mà Liên xô là nòng cốt, với các lực lượng phát xít ; và cuộc cách mạng Việt nam cũng từ chỗ là một bộ phận của cách mạng thế giới, trở thành một bộ phận của lực lượng dân chủ thế giới chống chủ nghĩa phát xít.

Theo dõi cuộc chiến tranh giữ nước vĩ đại của đất nước Cách mạng Tháng Mười, nhân dân Việt nam hồi hộp với từng chiến dịch của Hồng quân Liên xô, coi mỗi chiến thắng của Liên xô là sự động viên, cổ vũ mạnh mẽ đối với nhân dân Việt nam quyết tâm chống Pháp, đuổi Nhật. Khi Hồng quân Liên xô tiến vào Mãn châu, chỉ trong mấy ngày đêm đã đập tan đạo quân sừng sỏ của phát xít Nhật, thời cơ ngàn năm có một đã đến với cách mạng Việt nam. Khi ấy, Hồ Chí Minh đã nói : "Dù phải đốt cháy cả dãy Trường sơn cũng phải giành cho được độc lập, tự do". Dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân Việt nam đã nổi dậy tiến hành Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945 đánh Pháp đuổi Nhật, giành chính quyền trong cả nước.

Cách mạng Tháng Tám là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đầu tiên thắng lợi ở một nước thuộc địa, là cuộc cách mạng vô sản thứ hai sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười. Nói về ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười đối với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết :"Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã chứng tỏ sự đúng đắn của học thuyết Mác - Lê-nin về vấn đề dân tộc thuộc địa, đã chứng tỏ sự đúng đắn của con đường mà Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại đã vạch ra" [11].

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai cho đến những năm bảy mươi, trên đà thắng lợi, đất nước Cách mạng Tháng Mười đã đạt được những thành tựu rất vĩ đại :mở ra kỷ nguyên mới trong quan hệ quốc tế, đạt được những thành quả lớn lao trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, quốc phòng, khoa học, kỹ thuật...

Được sự cổ vũ và giúp đỡ của Liên xô, quê hương Cách mạng Tháng Mười, Việt nam đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ. Thắng lợi của Việt nam mùa xuân 1975 đã kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc. Với thắng lợi đó, cách mạng Việt nam chuyển sang giai đoạn mới : cả nước bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Đi theo con đường do Lê-nin vĩ đại đã vạch ra, con đường của Cách mạng Tháng Mười, nhân dân Việt nam đã giành được thắng lợi rất to lớn. Chính vì vậy mà mối tình gắn bó và lòng biết ơn của nhân dân Việt nam đối với Cách mạng Tháng Mười vẻ vang, đối với Lê-nin vĩ đại... là vô cùng sâu sắc" [12].

Sau sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu, chủ nghĩa xã hội thế giới đang trải qua một thời kỳ đầy khó khăn và thách thức. Song, chủ nghĩa xã

---

(9) *Văn kiện Đảng*, nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1978, tIII, tr 181

(10)*Sđd*, tr 196

(11) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t7, tr 888

(12) *Sđd*, t10, tr 605 - 606

Digitized by Google

hội được bắt đầu từ Cách mạng Tháng Mười vẫn đứng trước một triển vọng to lớn. Bởi vì, con đường của Cách mạng Tháng Mười, con đường của chủ nghĩa xã hội phù hợp với quy luật tiến hóa của lịch sử; không có con đường nào khác đem lại tự do, hạnh phúc thật sự cho loài người. Loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Công cuộc đổi mới của nhân dân Việt nam đang được triển khai trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những chuyển biến phức tạp. Cách mạng Việt nam kiên trì con đường chủ nghĩa xã hội, con đường Cách mạng Tháng Mười. Đó là sự lựa chọn duy nhất đúng mà sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dày công mới tìm ra. Tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên theo con đường chủ nghĩa xã hội một cách đúng hướng, đúng mục tiêu và có bước đi phù hợp, cách mạng Việt nam nhất định sẽ tiến tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Ánh sáng Cách mạng Tháng Mười, học thuyết cách mạng của Lê-nin cùng tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và nhân dân ta trên con đường xây dựng nước Việt nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh. Ảnh hưởng của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại đối với cách mạng Việt nam là vô cùng to lớn. Kỷ niệm lần thứ 76 Cách mạng Tháng Mười vĩ đại, chúng ta càng ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ : "Càng nhớ lại những ngày tủi nhục mất nước, nhớ lại mỗi bước đường đấu tranh cách mạng đầy hy sinh, gian khổ mà cũng đầy tháng lợi vẻ vang thì giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam càng thấm thía công ơn to lớn của Lê-nin và Cách mạng Tháng Mười" (13).

(13) *Sđd*, t10. tr 600

Bảo vệ...

(Tiếp theo trang 8)

đã đặt tiền đề cho những người kế tục nghiên cứu và tiếp tục phát triển hơn nữa.

Tư tưởng Hồ Chí Minh đã được thực tiễn cách mạng Việt nam và cách mạng thế giới kiểm nghiệm. Và cũng chính thực tiễn đã bác bỏ những lời xuyên tạc, vu khống đối với Người cũng như những quy kết vũ đoán cho Người nặng về dân tộc, nhẹ về giai cấp hoặc nặng về đoàn kết, nhẹ về đấu tranh v.v.. Chính vì vậy mà thế giới đã thừa nhận Hồ Chí Minh không những là anh hùng giải phóng dân tộc, mà còn là một danh nhân văn hóa, bởi lẽ tư tưởng Hồ Chí Minh đã đi vào văn hóa, đã trở thành tài sản văn hóa chung của nhân loại. Việc triển khai nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ càng làm sáng tỏ những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh vào kho tàng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, những giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh không những đối với hiện nay mà còn lâu dài về sau.

Trước sự sụp đổ của Liên xô và Đông Âu cũng đã xuất hiện những luận điệu chống Hồ Chí Minh, hòng lợi dụng một cơ hội để xóa bỏ những gì đã được thế giới khẳng định và thừa nhận. Vì vậy, việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin phải được đặt ra cùng với việc bảo vệ và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, như đã được nêu ra trong *Cương lĩnh* của Đảng.

Từ Mác, Ăng-ghen đến Lê-nin và từ Lê-nin đến Hồ Chí Minh, là những giai đoạn nối tiếp của một học thuyết khoa học và cách mạng, vì sự nghiệp giải phóng con người và phát triển xã hội, phản ánh phong trào cách mạng của giai cấp vô sản, nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa tư bản, đế quốc, thực dân. Hồ Chí Minh đã để lại một mẫu mực về vận dụng sáng tạo, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin cho tất cả những người cách mạng, những người làm công tác lý luận và khoa học xã hội.

Digitized by Google

VỀ VẤN ĐỀ CÔNG NGHIỆP HÓA Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

PHAN THANH PHỐ*
PHAN HUY ĐƯỜNG **

CÔNG nghiệp hóa, về lô gich cũng như về lịch sử, là quá trình tất yếu mà mỗi dân tộc đều phải trải qua. Công nghiệp hóa là một quá trình bao gồm cả thời kỳ chuẩn bị những tiền đề kinh tế vật chất mà thiếu nó thì không thể bước vào thời kỳ đẩy mạnh và hoàn thành về cơ bản sự nghiệp công nghiệp hóa.

Một vấn đề đang đặt ra đối với nước ta hiện nay là : đã có những tiền đề kinh tế vật chất cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa chưa, và nếu đã có thì cần làm gì để đẩy mạnh công nghiệp hóa ?

Bài viết này thử đưa ra những luận giải bước đầu cho vấn đề đặt ra nói trên.

*

Cách tiếp cận khoa học đối với vấn đề đặt ra nói trên là tìm kiếm những dấu hiệu cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa. Những dấu hiệu này bao hàm *không chỉ* những cái đã có và sẽ có (trong nước và quốc tế), *mà cả* những đòi hỏi khách quan do thực tiễn nước ta đặt ra.

Có thể tìm kiếm các dấu hiệu đó ở đâu ?

1 - *Lương thực và thực phẩm - tiền đề cho công nghiệp hóa.* Lô gich và lịch sử đều khẳng định nông nghiệp là cơ sở quan trọng nhất cho công nghiệp hóa. Do vậy, việc xác định đường lối công nghiệp hóa trong mỗi thời kỳ, không thể không tính đến vai trò cơ sở của nông nghiệp, mà trước hết là vấn đề lương thực và thực phẩm.

Từ khi nước ta bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta luôn xác định nông nghiệp là cơ sở quan trọng nhất (tất nhiên không phải duy nhất) của sự phát triển công nghiệp. Trong công cuộc đổi mới từ Đại hội VI, Đảng ta vẫn luôn khẳng định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, là khâu đột phá. Nhờ vậy cho đến nay, nông nghiệp và nông thôn nước ta đã đạt được những thành tựu đáng kể. Thắng lợi nổi bật nhất là đã giải quyết về cơ bản nhu cầu lương thực và thực phẩm cho xã hội, và hàng năm đã có thừa gạo để xuất khẩu với khối lượng không nhỏ. Đã có nhiều tiến bộ trong việc cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và công nghiệp thực phẩm. Thắng lợi này thực tế đã tạo tiền đề mới cho sự nghiệp công nghiệp hóa ở nước ta.

2 - *Một số cơ sở vật chất kỹ thuật bước đầu phát huy tác dụng.* Sau nhiều năm tập trung xây dựng đất nước, chúng ta đã có một số cơ sở vật chất kỹ thuật nhất định. Một số công trình lớn và quan trọng đã được đưa vào sử dụng, như : nhà máy thủy điện sông Đà, nhà máy thủy điện Trị an, nhà máy xi măng Hoàng thạch, nhà máy xi măng Bỉm sơn, nhà máy giấy Bãi bằng, cầu Thăng long, cầu Chương dương, cầu Bến thủy... Trong nông nghiệp, cả nước đã có 654 hồ đập vừa và lớn, hàng vạn hồ chứa nước, hàng ngàn cống tưới tiêu lớn, hơn 2000 trạm bơm điện... Tất cả những cơ sở vật chất đó, nếu được điều chỉnh và sử dụng có hiệu quả, rõ ràng sẽ là tiền đề đáng kể cho sự phát triển nông nghiệp và công nghiệp.

Điều cần nhấn mạnh là trong thời đại ngày nay và với chính sách "mở cửa", một nước ở trình độ thấp như nước ta hiện nay hoàn toàn có khả năng đẩy mạnh công nghiệp hóa nếu có chính sách đối ngoại đúng đắn, bảo đảm tốt việc xuất nhập khẩu và chuyển giao công nghệ (cả phần cứng lẫn phần mềm). Tất nhiên, có những khó khăn về vốn và năng lực sử dụng vốn và công nghệ hiện đại mà chúng ta phải có những biện pháp thích hợp để khắc phục.

3 - *Sự đổi mới tư duy kinh tế của Đảng đã thúc*

* PGS, PTS, Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội
** Trường đại học tổng hợp Hà nội

Digitized by Google

đẩy nền kinh tế phát triển. Khi chuyển sang cơ chế kinh tế mới cũng là lúc chúng ta không còn được Liên xô viện trợ. Khoản viện trợ này trước đây chiếm từ 25% đến 30% tổng số các khoản chi từ nguồn viện trợ nước ngoài hàng năm (trong đó có chi cho công nghiệp hóa). Điều này lúc đầu quả thật có gây cho ta nhiều khó khăn. Song nhờ có sự đổi mới tư duy, nhất là đổi mới tư duy kinh tế của Đảng, nền kinh tế nước ta dần đi vào ổn định và ngày càng khởi sắc. Sự giúp đỡ quốc tế đối với nước ta ngày một mở rộng. Như vậy, tiền để bên ngoài cần cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, phải chăng cũng đã có ? Tất nhiên, mọi việc đang còn ở phía trước, khó khăn còn nhiều, tất cả phụ thuộc vào sự ổn định và đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới các điều kiện bên trong, để đủ sức sử dụng có hiệu quả điều kiện quốc tế ; đồng thời, giữ được định hướng đã chọn.

4 - *Thực tiễn nước ta có những vấn đề nổi cộm mà muốn giải quyết không thể không đẩy mạnh công nghiệp hóa.*

- Mặc dù có bước phát triển nhất định, nông nghiệp và nông thôn nước ta cho đến nay vẫn chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ, cơ sở vật chất - kỹ thuật còn nhiều mặt yếu kém, công nghệ còn lạc hậu, năng suất lao động và năng suất cây trồng, vật nuôi còn thấp. Nông nghiệp chưa thoát khỏi độc canh lúa ; con giống và cây giống chưa đổi mới kịp nhu cầu của thị trường. Sản phẩm làm ra khó bán, trở thành nỗi lo của nông dân. Đời sống nông dân và bộ mặt nông thôn tuy có thay đổi, nhưng chưa nhiều. Năng suất lao động, vật nuôi, cây trồng và ngành nghề tăng chậm ; thu nhập và sức mua của nông dân còn hạn hẹp ; nông nghiệp chưa trở thành thị trường rộng lớn cho sự phát triển công nghiệp. Trong bối cảnh đó, không thể dừng lại ở sự đổi mới cơ chế kinh tế, mà phải thông qua công nghiệp hóa để biến đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp nước ta.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng, dịch vụ sản xuất kinh doanh và dịch vụ xã hội, mấy năm gần đây tuy có tiến bộ nhất định, song về trình độ, còn rất thấp kém so với các nước trong khu vực. Thực trạng này đã và đang cản trở việc hình thành và phát triển kinh tế thị trường trong nước ; cản trở việc mở rộng đầu tư kinh doanh của nước ngoài. Có thể nói, đã đến lúc không thể giữ mãi tình trạng này ; cần thông qua công nghiệp hóa để giải tỏa nó. Có như vậy, chúng ta mới có thể phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường, thúc đẩy nhanh chóng sự nghiệp công nghiệp hóa, bảo đảm hoàn thành về cơ bản sự nghiệp đó trong vài thập kỷ tới ở nước ta.

- Trong lĩnh vực công nghiệp, trình độ công nghệ còn lạc hậu ; công nghệ truyền thống chậm được đổi mới, công nghệ mới hầu như chưa có hoặc chỉ mới bắt đầu. Trong điều kiện đó, sản phẩm sản xuất ra khó đứng vững ngay trên thương trường trong nước, nói chi đến cạnh tranh trên thương trường quốc tế : nền kinh tế vì vậy cũng khó hội nhập với nền kinh tế các nước trong khu vực và trên thế giới. Lối ra chỉ có thể là ở chỗ : đổi mới công nghệ thông qua chuyển dịch cơ cấu công nghệ, cơ cấu ngành, theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

- Nước ta khá thuận lợi so với một số nước về tài nguyên, khí hậu và vị trí địa lý, nhưng cho đến nay tiềm năng đó mới được khai thác ở mức thấp. Để tiềm năng này được khai thác thỏa đáng, không thể không đẩy mạnh công nghiệp hóa.

- Cuối cùng, để thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh" theo định hướng đã chọn, đưa nước ta nhanh chóng vượt qua ngưỡng "nghèo nàn, kém phát triển", trở thành một nước phát triển, cũng không thể không đẩy mạnh và hoàn thành về cơ bản sự nghiệp công nghiệp hóa.

Tóm lại, tất cả những dấu hiệu vừa nêu cho thấy, *đã đến lúc chúng ta phải chuyển trọng tâm sang đẩy mạnh công nghiệp hóa.* Có như vậy, mới tiếp tục giữ vững và phát huy được những thành tựu, làm cho mục tiêu và các quan điểm đổi mới của Đảng ta về kinh tế, chính trị và xã hội nhanh chóng trở thành hiện thực ở nước ta.

*

Đẩy mạnh công nghiệp hóa theo mô hình công nghệ và cơ cấu kinh tế đã xác định, cần quán triệt các quan điểm : kết hợp hài hòa mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh" với hiệu quả kinh tế - xã hội ; đẩy mạnh công nghiệp hóa gắn với quá trình hình thành và phát triển kinh tế thị trường ; công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa và lợi thế của nước phát triển sau về công nghiệp ; đổi mới cơ chế kinh tế gắn với đổi mới xây dựng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa.

Để quán triệt các quan điểm trên, cần tính đến những vấn đề sau :

1 - *Nâng cao dân trí, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học - kỹ thuật, công nhân lành nghề và cán bộ quản lý có kiến thức về khoa học - kỹ thuật và kinh tế thị trường hiện đại.* Như kinh nghiệm các nước có nền kinh tế phát triển và các nước công nghiệp mới (NIC) cho thấy, trong điều kiện cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện nay, không thể đẩy mạnh công nghiệp hóa nếu không thực hiện chiến

Digitized by Google

lược phát triển đồng bộ cả tư liệu sản xuất hiện đại và con người hiện đại trong cấu trúc của lực lượng sản xuất hiện đại. Nói *con người hiện đại*, theo tư duy ngày nay là nói con người có tri thức về khoa học - kỹ thuật, công nghệ và kinh tế thị trường hiện đại. Song trí thức đó không thể tự nhiên mà có. Nó chỉ xuất hiện ở nơi nào trình độ dân trí cao, sự nghiệp khoa học - kỹ thuật và giáo dục, đào tạo *thực sự* là "quốc sách hàng đầu ".

Ở nước ta hiện nay, trong số 30 triệu người có sức lao động, chỉ có 12% đã qua đào tạo. Còn trong nông dân, lao động chưa qua đào tạo (dù chỉ là dự các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn ngày) chiếm tới 90%. Đã vậy, số người được đào tạo trước đây thường chịu ảnh hưởng của điều kiện chiến tranh và cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp kéo dài. Vì vậy, để thích nghi với nhịp độ phát triển nhanh của khoa học - kỹ thuật, công nghệ và độ nhạy của kinh tế thị trường, trong chiến lược phát triển đồng bộ nói trên, cần lưu tâm :

+ Thực hiện có hiệu quả việc đào tạo mới, đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên kiến thức mới cho người lao động.

+ Thực hiện xã hội hóa giáo dục, đào tạo. Thời kỳ đầu, khi dân chưa giàu và tiền lương còn thấp, thì việc nâng tỷ trọng chi cho giáo dục, đào tạo trong cơ cấu chi ngân sách là rất cần thiết.

+ Nhà nước có chính sách khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi để các nhà khoa học, các công nhân kỹ thuật và các nhà quản lý cống hiến hết sức mình cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa.

2 - *Tạo nguồn vốn*, thực hiện tái sản xuất mở rộng vốn trong tất cả các thành phần kinh tế, một điều kiện không thể thiếu được để đẩy mạnh công nghiệp hóa ở nước ta. Cái khó và đang nổi cộm hiện nay là thiếu vốn và nhất là thiếu người biết sử dụng vốn có hiệu quả. Lối ra của vấn đề này là :

+ Ngoài việc thực hiện nhất quán chính sách cơ cấu nhiều thành phần kinh tế, nhà nước cần có chính sách thuế và lãi suất ưu đãi để khuyến khích các thành phần kinh tế dành vốn cho việc mua và ứng dụng thành tựu khoa học kỹ thuật, công nghệ và phương pháp quản lý hiện đại.

+ Trong chính sách đối với đầu tư của nước ngoài, cần có điều khoản ưu tiên hình thức đầu tư trực tiếp và ưu đãi các chủ doanh nghiệp nào đưa vào công cụ, công nghệ và kiến thức quản lý hiện đại.

+ Chỉ có thể tái sản xuất mở rộng vốn khi tuân thủ hai nguyên tắc *bồi hoàn* và *sinh lợi*. Cũng chỉ có thực hiện hai nguyên tắc đó mới có khả năng tạo được nhiều nguồn vốn ở trong và ngoài nước để vượt qua cái khó thiếu vốn. Muốn vậy, chúng ta không thể không có các nhà quản lý tài ba và đức độ ; không thể không nâng cao trình độ quản lý, thực hiện hợp đồng thông qua đấu thầu ; không thể không có cơ chế rõ ràng về quyền lợi và nghĩa vụ qua các hợp đồng ký kết.

3 - Bác Hồ thường gán *sản xuất với tiết kiệm*. "Sản xuất mà không tiết kiệm thì khác gì gió vào nhà trống". Ngày nay, Đảng ta coi "tiết kiệm là quốc sách". Đồng chí Đỗ Mười, Tổng bí thư của Đảng còn nói : "tiết kiệm để đầu tư". Rõ ràng, có thể thực hiện tích lũy qua nhiều con đường, trong đó có hai con đường chủ yếu : gia tăng sản xuất và thực hành tiết kiệm, không tham ô, lãng phí.

Ở nước ta, tăng trưởng kinh tế chưa nhiều. Đã vậy, tệ lãng phí, tham nhũng và buôn lậu làm thất thoát vốn của các doanh nghiệp và nguồn thu của nhà nước lại đang là "quốc nạn". Chỉ cần giảm một nửa số vốn thất thoát do các tệ nạn nói trên, chúng ta sẽ có một lượng vốn không nhỏ cho công nghiệp hóa đất nước.

4 - *Phân phối và sử dụng đúng mức, đúng chỗ và có hiệu quả cao* sức người, sức của trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa. Ngoài đầu tư cho giáo dục và đào tạo, cần tập trung đầu tư cho các lĩnh vực sau đây :

- Trên cơ sở bảo đảm kết cấu hạ tầng đi trước một bước so với sản xuất trực tiếp, ưu tiên xây dựng các ngành giao thông vận tải, điện, nước, thủy lợi và thông tin, bưu điện theo hướng ngày một hiện đại.

- Hướng toàn bộ tiềm năng của các thành phần kinh tế vào việc thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa nông nghiệp. Đối với sản phẩm nông, lâm và ngư nghiệp, hình thành và phát triển hệ thống dịch vụ đầu vào và đầu ra, nhất là đầu ra, thông qua công nghiệp chế biến, bảo quản và xuất khẩu. Bằng cách đó, chúng ta sẽ làm cho nông nghiệp tự cấp tự túc trở thành nông nghiệp hàng hóa và nông thôn trở thành thị trường rộng lớn tiêu thụ hàng hóa của công nghiệp.

- Đặc biệt chú ý một số ngành công nghiệp tư liệu sản xuất và công nghiệp khai thác ta có thế mạnh (như dầu khí, than, một số kim loại quý hiếm...). Có thể và cần phải đi thẳng vào một số ngành công nghệ mới, mũi nhọn (điện tử, vi điện tử...), để có thể sớm đuổi kịp và hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Digitized by Google

XÚC TIẾN CỔ PHẦN HÓA CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGUYỄN KHẮC HIỂN*

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một công việc rất mới mẻ, đầy khó khăn và phức tạp, nhưng đó lại là giải pháp cơ bản để cải cách các doanh nghiệp nhà nước ở nước ta.

Trong nền kinh tế thị trường phát triển dưới chủ nghĩa tư bản thì việc thành lập các công ty cổ phần diễn ra như một quy luật. Bởi vì, các doanh nghiệp tư nhân nhỏ muốn mở rộng hoạt động hoặc tránh bị phá sản thì phải góp vốn để tạo ra một doanh nghiệp lớn hơn để đủ sức cạnh tranh trên thị trường, dưới hình thức *công ty trách nhiệm hữu hạn* (một số ít người cùng nhau góp vốn) hoặc dưới hình thức *công ty cổ phần* (bán cổ phần cho nhiều người). Các doanh nghiệp lớn để tăng sức cạnh tranh hoặc để phân tán rủi ro, tránh bị phá sản, cũng phải đầu tư một phần vốn vào nhiều doanh nghiệp khác bằng cách mua cổ phiếu của các công ty cổ phần hoặc bằng cách bán cổ phần cho các doanh nghiệp khác.

Như vậy, ở các nước tư bản chủ nghĩa, việc thành lập một công ty cổ phần là rất thuận lợi, vì mọi cổ đông đều có chung một mục đích, họ góp vốn mua cổ phần, bầu hội đồng quản trị, chọn giám đốc, kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần...và được chia lợi nhuận theo tỷ lệ số vốn góp. Việc thành lập công ty cổ phần là hoàn toàn tự chủ và tự nguyện, chỉ cần theo đúng các thủ tục pháp luật quy định.

Việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở các nước xã hội chủ nghĩa có những lý do khác, lại được tiến hành trong những điều kiện khác với chủ nghĩa tư bản, nên có nhiều khó khăn, phức tạp hơn. Do chế độ quản lý kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp ; do chế độ sở hữu tập thể tuy được xác định trên danh nghĩa nhưng chưa quy định rõ người chủ sở hữu đích thực và cụ thể ở doanh nghiệp nhà nước là ai ; do lợi ích vật chất của người lao động trong doanh nghiệp nhà nước chưa được bảo đảm đúng mức ; và do một số nguyên nhân khác, nên nhiều doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả hơn so với doanh nghiệp tư nhân. Do làm ăn kém hiệu quả và cũng do tư tưởng bao cấp, nhiều doanh nghiệp nhà nước thiếu vốn nghiêm trọng, đi đến chiếm dụng vốn của ngân sách, chiếm dụng vốn của nhau tới hàng chục, hàng trăm tỉ đồng.

Chính vì những lý do trên, nhà nước cần tiến hành cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước nhằm ba mục tiêu chính : *một là*, chuyển một phần quyền sở hữu của nhà nước thành sở hữu của các cổ đông nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp ; *hai là*, huy động một lượng vốn nhất định để đầu tư cho sản xuất kinh doanh ; và *ba là*, tạo điều kiện để người lao động thực sự làm chủ doanh nghiệp.

Ngoài ba mục tiêu chính nêu trên, việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước còn kết hợp với các mục tiêu *phụ* như : xóa bỏ triệt để bao cấp của nhà nước đối với doanh nghiệp ; thu hồi vốn cho ngân sách nhà nước để tái đầu tư cho các lĩnh vực cần thiết ; tạo tiền đề để thành lập và phát triển thị trường chứng khoán.

Việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước ở nước ta diễn ra trong những điều kiện khác với các nước tư bản. Trong khu vực kinh tế quốc doanh của ta hiện nay đang tồn tại ba mâu thuẫn lớn :

Một là, mâu thuẫn giữa việc phải mở rộng hơn nữa quyền tự chủ sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp với việc xác định "ông chủ" đích thực, cụ thể của doanh nghiệp nhà nước là ai ?

---

* Chuyên viên cấp cao kinh tế

Digitized by Google

Tính chất "vô chủ" của doanh nghiệp nhà nước đã dẫn đến những tác hại nghiêm trọng, nhiều doanh nghiệp lợi dụng tình trạng "vô chủ" và quyền hạn, trách nhiệm không rõ ràng đó để tham nhũng, chi tiêu lãng phí, lập quỹ "đen" chia nhau...

Hai là, nhà nước thì thiếu vốn, nhưng các doanh nghiệp nhà nước chỉ trông chờ vào vốn cấp phát từ ngân sách nhà nước, trong khi đó vốn trong khu vực kinh tế quốc doanh ứ đọng lớn, sử dụng rất lãng phí, hiệu quả thấp, thất thoát rất nghiêm trọng ; thậm chí, nhiều doanh nghiệp nhà nước tiếp tục ăn vào vốn.

Ba là, mâu thuẫn giữa vai trò và tiềm năng lớn của khu vực kinh tế quốc doanh và hiệu quả thấp kém của các doanh nghiệp nhà nước. Hiện nay, các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ phần lớn tài sản của quốc gia, sử dụng khoảng 90% lao động lành nghề và các nhà khoa học, 90 - 95% tín dụng nhà nước (tín dụng bao cấp), nhưng hơn 30% làm ăn thua lỗ, trên 20% có nguy cơ phá sản.

Vì vậy, phải tiến hành cải cách các doanh nghiệp nhà nước, nhưng không thể có một giải pháp chung cho toàn bộ các doanh nghiệp đó, mà cần phân chúng làm ba loại để có những chính sách và giải pháp thích hợp cho từng loại.

Loại 1, là các doanh nghiệp nhà nước mà trong điều kiện hiện nay cần phải *giữ lại hình thức quốc doanh*, bao gồm các doanh nghiệp hoạt động trong 4 lĩnh vực sau đây :

+ Phục vụ *an ninh, quốc phòng* (gồm các doanh nghiệp sản xuất vũ khí, đạn dược, sản xuất thuốc nổ, chất độc, sản xuất phương tiện phát sóng, truyền tin...). Điều cần chú ý là hiện nay, trong lĩnh vực an ninh, quốc phòng, có nhiều doanh nghiệp đã thành lập từ trước hoặc theo Quyết định 268/HĐBT không liên quan trực tiếp đến công tác an ninh, quốc phòng, thì cần xử lý theo Quyết định 315/HĐBT và 196/CT.

+ Các doanh nghiệp *giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế quốc dân*, là cơ sở để nhà nước thực hiện chức năng điều tiết vĩ mô nền kinh tế, để khắc phục tính mù quáng, vô chính phủ của nền kinh tế thị trường, và để chống lại sự lũng đoạn của các tập đoàn tư nhân trong và ngoài nước (các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành năng lượng, dầu khí, khai thác vàng và đá quý, xây dựng sân bay, bến cảng, đường sắt, sản xuất gang thép...)

+ Các doanh nghiệp *rất cần cho phát triển kinh tế nhưng các thành phần kinh tế khác chưa đủ sức đầu tư* (cả về vốn, kỹ thuật, kiến thức quản lý).

+ Các doanh nghiệp phục vụ *công cộng xã hội* thuộc kết cấu hạ tầng (đường sắt, hàng không, sản xuất dụng cụ cho người tàn tật, vận tải hàng hóa lên miền núi, ra hải đảo...).

Đối với loại 1, vẫn giữ hình thức quốc doanh, nhưng ta đang thí điểm áp dụng các giải pháp : a) Thực hiện quy chế *hội đồng quản trị* ; b) Thực hiện chế độ giao vốn, bảo toàn và phát triển vốn ; c) Thực hiện chế độ thuế, tín dụng... bình đẳng như các thành phần khác ; d) Thực hiện chế độ tiền lương theo chức danh tiêu chuẩn và các định mức thống nhất về chi phí sản xuất - kinh doanh và hành chính sự nghiệp.

Loại 2, là các doanh nghiệp nhà nước *không cần giữ hình thức quốc doanh*, gồm các doanh nghiệp đang làm ăn có lãi, không có lãi hoặc thua lỗ nhưng chưa đến mức phải sáp nhập, cho thuê hoặc giải thể. Loại này hiện chiếm khoảng 60 - 70%. Giải pháp cơ bản cho loại này chỉ có thể là cổ phần hóa.

Loại 3, là các doanh nghiệp nhà nước *thua lỗ kéo dài, không có khả năng thanh toán*, nhà nước đã dùng nhiều biện pháp hỗ trợ nhưng không vực dậy được. Loại này hiện chiếm khoảng 20 - 25%. Giải pháp xử lý theo Quyết định 315/HĐBT là sáp nhập, cho thuê, nhượng bán và giải thể. Hiện nay, nước ta đã giải thể được hơn 300 doanh nghiệp nhỏ, chủ yếu là ở huyện.

Đặt vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước trong khung cảnh cuộc cải cách doanh nghiệp nhà nước nói chung như vậy, càng làm nổi bật tầm quan trọng và cấp bách của công tác cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

*

Để đưa việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở nước ta đạt kết quả tốt, theo tôi, cần giải quyết những vấn đề sau đây :

1 - *Thống nhất nhận thức trong toàn Đảng, toàn dân, trong các ngành, các cấp về sự cần thiết và lợi ích của việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước hiện nay.*

Trước hết, cần phân biệt rõ hai khái niệm "tư nhân hóa" và "cổ phần hóa". "Tư nhân hóa" là

Digitized by Google

chuyển sở hữu tài sản của nhà nước vào tay tư nhân hoặc chuyển các lĩnh vực hoạt động xưa nay do nhà nước độc quyền cho khu vực tư nhân (ví dụ như xuất nhập khẩu). Còn "cổ phần hóa" là chuyển sở hữu tài sản và lĩnh vực lâu nay do nhà nước nắm vào tay các thành phần kinh tế, trong đó có thành phần tư nhân và thành phần quốc doanh. Như vậy, không nhất thiết là khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thì 100% vốn phải là của tư nhân. *Thực chất của cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước* là *đa dạng hóa quyền sở hữu doanh nghiệp nhà nước*. Kết quả của việc đa dạng hóa quyền sở hữu là làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả hơn.

So sánh một doanh nghiệp hiện đang là doanh nghiệp nhà nước ở loại 2 (tức là không cần duy trì hình thức quốc doanh) với một công ty cổ phần, có thể thấy công ty cổ phần có lợi thế hơn doanh nghiệp nhà nước ở các mặt sau đây :

+ Trách nhiệm vật chất và quyền hạn của từng thành viên (cổ đông) rất rõ ràng ; phân phối công bằng và sòng phẳng (theo tỷ lệ vốn góp).

+ Quyền sở hữu và quyền sử dụng (kinh doanh) được tách bạch rõ ràng, không có sự can thiệp trực tiếp có tính chất hành chính của chính quyền các cấp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty ; hội đồng quản trị và giám đốc công ty do đại hội các cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước đại hội các cổ đông.

+ Khắc phục được tình trạng "vô chủ", vô trách nhiệm, phân phối theo lối bình quân... ; tạo điều kiện cho người lao động thực sự làm chủ về kinh tế, vì chỉ khi mua cổ phiếu, trở thành cổ đông, tham gia lựa chọn các thành viên trong hội đồng quản trị thì người lao động mới có quyền thực sự, không bị một sự o ép nào.

+ Do các yếu tố trên, cộng với sự lựa chọn được giám đốc có đủ kiến thức và năng lực, sử dụng vốn đầu tư có hiệu quả và huy động được nhiệt tình của cán bộ công nhân viên bằng lợi ích vật chất (lãi cổ phần), nên công ty cổ phần sẽ nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh, thu nhập của người lao động sẽ khá hơn.

Tóm lại, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước sẽ nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, cần cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nào và cần bán nó cho tư nhân tới mức nào, là điều hoàn toàn do nhà nước quyết định, vì vậy cũng không sợ cổ phần hóa sẽ dẫn đến tư nhân hóa toàn bộ kinh tế quốc doanh.

2- *Xác định những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta về cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.*

Hiện nay, chưa có một văn bản chính thức nào ở ta trình bày cụ thể những quan điểm cơ bản về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, do đó cũng gây khó khăn cho việc thống nhất tư tưởng và hành động trong tiến trình cổ phần hóa. Theo tôi, có thể xác định những quan điểm cơ bản về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước như sau :

a) Xuất phát từ đường lối chuyển nền kinh tế nước ta sang nền kinh tế hàng hóa gồm nhiều thành phần kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thì *cổ phần hóa* là *một trong những giải pháp cơ bản để cải cách quản lý khu vực kinh tế quốc doanh*. Phạm vi và mức độ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phải bảo đảm nâng cao được hiệu quả sản xuất kinh doanh, lành mạnh hóa được tình hình tài chính của các doanh nghiệp được cổ phần hóa. Đồng thời, nó phải bảo đảm được sự quản lý vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế quốc dân, bảo đảm được chủ quyền quốc gia, chống lại sự lũng đoạn của các tập đoàn tư nhân trong nước và ngoài nước.

b) Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phải tạo điều kiện để người lao động thực sự làm chủ doanh nghiệp thông qua quyền sở hữu về vốn và tài sản, thông qua quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng theo luật định và theo điều lệ của công ty gắn với số lượng cổ phiếu của từng người lao động đóng góp, và thông qua công đoàn, đại diện chung của tất cả lao động trong công ty.

c) Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phải bảo đảm giải quyết hài hòa quyền lợi của nhà nước và người lao động trong doanh nghiệp, quyền lợi của nhà nước và công ty cổ phần ; bảo đảm quan hệ hợp lý giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương về số thu do cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mang lại ; bảo đảm quan hệ hợp lý giữa vốn đầu tư trong nước và vốn đầu tư nước ngoài.

d) Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phải được tiến hành đồng bộ, kết hợp chặt chẽ với

Digitized by Google

chiến lược chung về cải cách doanh nghiệp nhà nước ; với việc thành lập các thị trường chứng khoán, thị trường vốn và tài chính ; với việc ban hành luật mới hoặc bổ sung luật hiện có cho thích hợp.

e) Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được thực hiện bằng phương pháp giải thích, thuyết phục là chính, nhưng cũng có thể bằng phương pháp bắt buộc trong trường hợp vì lợi ích cục bộ nào đó mà có người ngăn cản hoặc chần chừ không muốn thực hiện cổ phần hóa.

Từ những quan điểm trên đây, chính phủ cần ban hành những chủ trương, chính sách cụ thể để giải quyết một loạt vấn đề trong quá trình tiến hành cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, như :

- Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nào ? Mức độ đến đâu ? Nhà nước nắm bao nhiêu cổ phần là vừa, hay không cần nắm ? Để tư nhân trong nước và nước ngoài tham gia mua cổ phần đến đâu ?

- Giải quyết quyền lợi cho người lao động không ký được hợp đồng với công ty cổ phần mới ra sao ? Giải quyết cho người lao động vay để mua cổ phần đến mức nào và thời gian ? Giải quyết các quỹ không chia và các công trình phúc lợi công cộng thế nào trước khi cổ phần hóa ?

- Định giá trị tài sản (và đất) của doanh nghiệp nhà nước để cổ phần hóa ra sao để nhà nước không thiệt mà cũng không để giá cổ phiếu quá cao ? Giải quyết những vấn đề tồn tại của doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa thế nào ?

- Sử dụng số tiền bán cổ phiếu như thế nào cho hợp lý giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương ? Sử dụng số tiền đó để đầu tư vào những công trình gì ?

- Chính sách đối với giám đốc (bí thư đảng ủy, thư ký công đoàn) ở các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa như thế nào cho thỏa đáng ?

- Nên có chính sách ưu đãi các doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa như thế nào để sau khi được thành lập, các công ty cổ phần đi vào hoạt động tốt ?

Đó là những vấn đề có ảnh hưởng quyết định đối với việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, cần được xử lý tốt bằng các chính sách và quy chế mà đợt làm thử có trách nhiệm làm rõ và bổ sung thêm.

3- *Tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện*

Hiện nay, Chính phủ giao cho Bộ tài chính chủ trì việc làm thử cổ phần hóa, có sự phối hợp của các cơ quan hữu quan (Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, Bộ lao động, thương binh và xã hội, Tổng liên đoàn lao động Việt nam, Ngân hàng nhà nước, v.v.).

Để chỉ đạo trực tiếp và có toàn quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến cổ phần hóa, các nước Đông Âu đều thành lập một cơ quan mới, chuyên trách, có quyền lực rộng lớn, có thể quyết định các vấn đề một cách nhanh chóng (Bộ cải cách sở hữu ở Ba lan, Ủy ban tư nhân hóa ở Hung-ga-ri, Hội đồng thác quản ở Đông Đức cũ, v.v). Tất nhiên, mục tiêu cổ phần hóa ở các nước Đông Âu không giống ta, nhưng rõ ràng là ở các nước đó, việc đặt ra một tổ chức mới, chuyên trách, chúng tỏ sự phức tạp và các vấn đề khó khăn nảy sinh do cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước.

Ở Việt nam, theo tôi, nên thành lập Ủy ban cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước do một Phó thủ tướng làm chủ tịch và Bộ trưởng Bộ tài chính làm phó chủ tịch thường trực, cùng các ủy viên là các bộ trưởng các bộ liên quan. Ủy ban này phải sơ kết các điểm làm thử về cổ phần hóa thời gian qua, xác định những vấn đề tồn tại, dự thảo các quan điểm cơ bản và các chính sách có liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước như đã trình bày ở trên, trình Ban bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ duyệt, đôn đốc ngành tư pháp và các ngành có liên quan xây dựng các luật cần thiết cho cổ phần hóa để trình Quốc hội ban hành, xác định các bước đi tiếp theo (nếu cần thiết thì mở rộng diện làm thử), từng thời gian có sơ kết, rút kinh nghiệm, phát huy những nhân tố tích cực, nhân rộng những mô hình tốt, sửa chữa, uốn nắn kịp thời những sai lầm, lệch lạc. Ủy ban này có thể ra quyết định bắt buộc phải cổ phần hóa những doanh nghiệp nhà nước đủ điều kiện và xét cần thiết nhưng lãnh đạo ở đó còn chần chừ, do dự, chờ xem hoặc chống lại cổ phần hóa vì lợi ích cục bộ, hay tư tưởng địa phương chủ nghĩa. Đồng thời, Ủy ban cũng phải phối hợp với các cơ quan có trách nhiệm để đào tạo lại hoặc đào tạo mới một đội ngũ giám đốc biết quản lý sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường.

Digitized by Google

Giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc qua văn hóa dân gian

PHAN ĐĂNG NHẬT *

TRONG buổi ban đầu của lịch sử loài người, mới chỉ có *văn hóa dân gian* (VHDG) mà Mác gọi là văn hóa nghệ thuật trước khi có "sự sản sinh nghệ thuật thực sự" với tư cách là "sáng tác nghệ thuật", tức là sáng tạo văn hóa nghệ thuật với ý thức sáng tạo cá nhân. Lúc ấy, trong xã hội chưa có văn hóa bác học (hay chuyên nghiệp). Về sau, cùng với sự phân công xã hội và hình thành giai cấp, văn hóa bác học mới dần dần xuất hiện. Nền văn hóa này được xây dựng từ hai nguồn : VHDG của dân tộc, và văn hóa bác học của các nước khác có trình độ xã hội và những điều kiện tương đồng.

Trong quá trình phát triển, văn hóa bác học dần dần tách xa cội nguồn dân gian và ngày càng lệ thuộc vào giai cấp thống trị. Trong khi đó, VHDG chủ yếu là công cụ và tài sản tinh thần của nhân dân, vì nhân dân.

Gần đây, nhiều quốc gia trên thế giới, nhất là các nước phát triển phương Tây, bắt đầu nhận thức lại vai trò và vị trí của văn hóa, trong đó có VHDG, trong sự phát triển chung của xã hội. Văn hóa không phải là một bộ phận bên cạnh cuộc sống, một bộ phận phái sinh, một công cụ ghi chép lại cuộc sống. Văn hóa được xem là bộ phận nằm trong cuộc sống, là động lực của phát triển, giữ vị trí trung tâm và vai trò điều tiết sự phát triển kinh tế-xã hội.

Nhiều nước đã lo lắng có căn cứ trên thực tế lịch sử của phương thức công nghiệp hóa cổ điển. Phương thức đó đã dẫn đến sự mất cân đối nghiêm trọng giữa kinh tế với văn hóa, giữa con người với môi trường tự nhiên. Người ta nhắc nhở cộng đồng thế giới nhận thức về hiểm họa của sự phát triển các giá trị vật chất mà hy sinh các giá trị tinh thần và văn hóa. Người ta nhắc nhở các nước đang phát triển tránh vết xe đổ của nền văn minh công nghiệp được đặt tên là "làn sóng thứ hai", vốn đã sản sinh ra chủ nghĩa kinh tế thuần túy, chủ nghĩa kỹ trị, những học thuyết phi nhân hóa, đồ vật hóa con người. Chúng đã khiến cho con người hầu như "đang sống đau khổ dưới bánh xe răng cưa của các bộ máy khổng lồ đang nghiền nát họ" (Ernesto Sabato).

Một hiện tượng đang hấp dẫn toàn thế giới là sự vươn lên nhanh chóng của các "con rồng" phương Đông. Trong lúc tốc độ phát triển ở nhiều nước hầu như dừng lại, thì ở những nước được gọi là "công nghiệp mới" này, sự phát triển đạt tới tốc độ "thần kỳ" trong những điều kiện vật chất kỹ thuật không có ưu thế đặc biệt. Nhiều nhà kinh tế học Âu - Mỹ cho rằng, được như vậy là nhờ các nước này đã kết hợp thành công những thành tựu của khoa học công nghệ phương Tây với truyền thống văn hóa của mình để tạo ra sự cân đối giữa văn hóa, xã hội và kinh tế.

Ngày nay, khoa học kỹ thuật đang tiếp tục có những bước phát triển kỳ diệu làm cho hành tinh như nhỏ lại, biên giới quốc gia không còn là bức tường ngăn cách nữa. Văn hóa của những nước nắm trong tay sức mạnh khoa học kỹ thuật sẽ ào ạt tràn sang các nước khác, mang theo cả những giá trị tốt và những hiệu ứng xấu. Vậy, biện pháp có hiệu lực thực sự trong việc xây dựng nền văn hóa dân tộc là xây dựng một nền văn hóa có bản sắc riêng, bắt rễ sâu vào cội nguồn của văn hóa là VHDG.

Các nước đang phát triển dựa vào VHDG của dân tộc mình để xây dựng một nền văn hóa độc lập "phi Âu, phi Mỹ". Hơn nữa, như ở châu Mỹ la tinh,

* Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện trưởng Viện văn hóa dân gian

Digitized by Google

người ta còn chủ trương phục hồi và phát triển nền văn hóa "tiền Cô-lông", tức là nền văn hóa nguyên sơ của các bộ tộc thổ dân trước khi có sự xâm nhập của văn hóa châu Âu. Chủ nghĩa hiện thực huyền ảo trong văn học, phong trào tân nhạc, tân nghệ thuật v.v., với những thành tựu to lớn làm cả thế giới phải ngưỡng mộ, đều có cội nguồn trực tiếp từ VHDG bản địa.

Cũng theo xu hướng trên, khắp nơi trên thế giới, kể cả những nước phương Tây phát triển nhất, các sinh hoạt ca múa nhạc, lễ hội truyền thống đang ngày càng được phục hồi với quy mô rộng lớn. Bằng nhiều phương thức và con đường khác nhau, người ta đang ra sức khôi phục và phát huy VHDG trong cuộc sống hiện đại.

*

Tùy đặc điểm lịch sử mà VHDG của các dân tộc có sự khác nhau về vai trò và vị trí đối với sự phát triển xã hội. Lịch sử Việt nam là một quá trình lịch sử có tính nhân dân cao. Nước ta lại không có sự độc tôn tôn giáo và chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Các đặc điểm này khiến cho VHDG có môi trường để phát triển mạnh mẽ và có vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân, trong sự nghiệp bảo vệ đất nước, lao động sản xuất và chinh phục thiên nhiên. Xét toàn cục mấy nghìn năm lịch sử trước và trong thời kỳ phong kiến, đối với toàn dân mà hầu hết là nông dân, VHDG đã đóng vai trò nòng cốt trong việc giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm, cổ vũ, động viên nhân dân trong những nhiệm vụ nặng nề, thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt văn hóa nghệ thuật và phổ biến tri thức phổ thông về thời tiết, khí hậu, chăn nuôi, trồng trọt v.v..

VHDG Việt nam trong quá khứ có vai trò quan trọng và sức sống mạnh mẽ. Điều đó đã được thực tế lịch sử khẳng định. Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại của chúng ta, liệu VHDG còn tồn tại và có vai trò của nó, nhất là đối với công cuộc đổi mới hôm nay không ?

Sau tháng 4-1975, đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới : kỷ nguyên độc lập, hòa bình, thống nhất và xây dựng đất nước. Trải qua một giai đoạn thử thách gian nan, đường lối đổi mới của Đảng đã mở ra cho đất nước những vận hội mới, đưa đến những biến đổi sâu sắc trên nhiều lĩnh vực, trong đó có đời sống văn hóa tinh thần của cả cộng đồng. Một số hoạt động văn hóa, nghệ thuật truyền thống bấy lâu vì lý do khách quan hay chủ quan mà bị dẹp bỏ hay lãng quên, nay được dịp khơi dậy, sống lại. Các di tích lịch sử, văn hóa và cách mạng, nơi ghi tạc công lao, chiến tích của các danh nhân, cắc bậc anh hùng có nhiều công ơn với làng nước, được tôn tạo, phục chế và xếp hạng. Đó là những việc làm phù hợp với đạo lý "uống nước nhớ nguồn" của nhân dân ta.

Cùng với việc tôn tạo các di tích là phong trào phục hồi và phát triển lễ hội. Khắp từ Bắc chí Nam, đến mùa lễ hội, nhân dân nô nức đi trẩy hội. Mở hội là dịp cùng nhau trở về nguồn, biểu hiện lòng tôn kính, biết ơn đối với các bậc tiền nhân, cũng là dịp biểu đạt sở cầu, sở nguyện về một cuộc sống no đủ, bình yên, hạnh phúc. Không phải ngẫu nhiên mà các điểm tôn thờ và mở hội tưởng nhớ các anh hùng dân tộc chiếm tỷ trọng rất cao. Riêng ở Vĩnh phú đã có tới 700 nơi thờ các vua Hùng và tướng lĩnh. Hội lễ cũng là dịp để củng cố và nâng cao tinh thần cộng đồng, ý thức tập thể, tinh thần trách nhiệm đối với quê hương làng xóm. Hội còn là dịp để mọi người vui chơi, giải trí sau những tháng ngày lao động vất vả, thưởng thức, trình diễn các tiết mục văn hóa, nghệ thuật và thể thao truyền thống... Không đâu có thể bộc lộ niềm vui cộng đồng, niềm vui tập thể bằng hội hè. Quả là "đông như hội" và "vui như hội" !

Dẫu còn nhiều điều cần chấn chỉnh, uốn nắn, song phong trào hội lễ đang phát triển rộng khắp hiện nay về cơ bản phản ánh nhu cầu của nhân dân về văn hóa tinh thần, là những hoạt động bổ ích mang đậm màu sắc dân tộc.

Các hoạt động ca múa và sân khấu dân gian, vốn vẫn được chú trọng giữ gìn và phát triển trong mấy chục năm qua, nay cũng có dịp khởi sắc. Cùng với công tác sưu tầm, nghiên cứu, trình diễn theo nguyên

Digitized by Google

bản gốc, là việc mạnh dạn cải biên, cải tiến cho phù hợp với cuộc sống hiện đại. Những thử nghiệm này cũng đã đóng góp đáng kể cho việc phát triển nền nghệ thuật dân tộc. Những điệu múa, những làn điệu dân ca, những màn chèo, rối nước dân gian..., vốn là những cái riêng có của văn hóa Việt nam, không chỉ được thưởng thức ở trong nước mà còn được tán thưởng ở ngoài nước, giành được sự mến mộ và cảm tình của bạn bè khắp năm châu, thu hút thêm nhiều du khách đến với Việt nam, đem lại không ít vinh quang và nguồn lợi cho đất nước.

Riêng trong lĩnh vực ca khúc, có thể thấy một hiện tượng gần như trở thành quy luật. Đó là những ca khúc nào được sáng tác trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn phong vị dân ca với chất hiện đại, đều nhanh chóng đi vào lòng người và sống mãi với thời gian. Nhiều nhạc sĩ đã trở nên nổi tiếng, được người nghe mến mộ, nhờ những ca khúc xuất sắc kể trên.

Trong thời kỳ đổi mới và mở cửa, các ngành thủ công mỹ nghệ được khuyến khích phát triển và trao đổi khắp các vùng trong nước và xuất đi nước ngoài. Nhiều làng nghề mỹ nghệ được phục hồi. Các sản phẩm nghệ thuật tạo hình đủ loại được sản xuất và đưa ra thị trường : đồ gỗ, đồ khảm (khảm trai, khảm bạc). Một số nghề truyền thống có nguy cơ mai một nay được dịp sống lại : đồ sơn mài, đồ kim hoàn (vàng, bạc), đồ gốm, đồ sứ, tranh dân gian, tượng dân gian, thổ cẩm, đồ đan lát...

Sự phát triển nhộn nhịp các nghề mỹ nghệ dân gian đem đến nhiều hiệu quả về cả văn hóa nghệ thuật và kinh tế. Nghệ thuật cổ truyền được khai thác và phát triển, các nghệ nhân được nâng cao tay nghề và truyền nghề cho lớp trẻ.

Nhiều mặt hàng không những đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ của khách hàng trong nước, mà còn có vị trí trên thị trường nước ngoài. Hàng thủ công mỹ nghệ không những đem đến một nguồn thu nhập lớn cho nhân dân và nhà nước, mà còn thu hút được một lực lượng lao động dư thừa ở các vùng, nhất là nông thôn, góp phần đáng kể giải quyết vấn đề thất nghiệp ở các địa phương.

Thơ ca dân gian, truyện dân gian trong tình hình mới, cùng với không khí mở rộng dân chủ, cũng được phát triển với khuynh hướng mới. Khi đường lối đổi mới được thực hiện, chính sách dân chủ, công khai và cởi mở được thi hành rộng rãi cùng với đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện, thì thơ ca dân gian có nội dung thiếu xây dựng giảm bớt rõ rệt. Trong lúc đó, các loại có chủ đề phê phán thói hư tật xấu trong nội bộ nhân dân, phê phán chế độ bao cấp, phê phán tệ tham nhũng, quan liêu, xa rời quần chúng của một bộ phận cán bộ, các loại có chủ đề gây cười nhẹ nhàng... lại xuất hiện ngày một nhiều. Khi nhân dân được hưởng dân chủ thực sự, thì trong dân gian, tiếng nói nghiêm chỉnh và xây dựng sẽ lấn át những giọng điệu khác. Kẻ địch ít có điều kiện để len vào lợi dụng phá hoại.

Tóm lại, VHDG với các chủng loại phong phú đã đi vào cuộc sống ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới dưới nhiều hình thức. Dẫu còn nhiều vấn đề tồn tại cần được tiếp tục bàn bạc và điều chỉnh, VHDG quả thật đang có ảnh hưởng sâu đậm, nó không chỉ đóng góp có hiệu quả vào việc nâng cao đời sống tinh thần, tư tưởng, văn hóa nghệ thuật trong xã hội mà còn góp phần không nhỏ làm thay đổi bộ mặt kinh tế của đất nước.

Để phát huy và khai thác có hiệu quả di sản quý báu này của dân tộc nhằm phục vụ công cuộc đổi mới và mở cửa hiện nay, xin có mấy kiến nghị :

1 - Cần có thái độ trân trọng khi xem xét, đánh giá những di sản văn hóa tinh thần của tổ tiên để lại ; không nệ cổ, không khôi phục nguyên xi tất cả, nhưng cũng không loại bỏ vội vàng, và càng không loại bỏ khi chưa nghiên cứu, tìm hiểu đầy đủ giá trị và ý nghĩa tiềm ẩn sâu xa của những di sản đó.

Mọi sự đổi mới, lựa chọn VHDG, đều phải được tiến hành theo một quá trình vận động tuần tự, biện chứng. Đặc biệt, đó phải là kết quả của sự tự nhận thức có tính tự nguyện của đông đảo quần chúng nhân dân, những chủ nhân đích thực của các di sản đó. Kinh nghiệm cho thấy, những biện pháp cưỡng chế, mang tính hành chính trong sinh hoạt văn hóa tinh thần, ít đem lại hiệu quả. Điều quan trọng nhất

Digitized by Google

là nâng cao dân trí, nâng cao trình độ hiểu biết và khoa học cho nhân dân đi đôi với các biện pháp hướng dẫn và giải thích để nhân dân tự mình loại bỏ những gì là lạc hậu, cổ hủ, phát huy những gì là tinh hoa thực sự.

Để giữ gìn và đổi mới có hiệu quả thực sự VHDG nói riêng và văn hóa truyền thống nói chung, không nên chỉ tạo ra những phong trào (nhất là những phong trào chỉ mang tính bề nổi, ồn ào, tốn kém, ít hiệu quả), mà điều quan trọng là phải xây dựng cho được những cơ chế, chính sách cụ thể phù hợp, hướng các tế bào vẫn còn bền vững của xã hội Việt nam - làng xóm, họ hàng, gia đình - vào việc bảo vệ văn hóa cổ truyền.

2 - Từ những nét cơ bản về thái độ, phương châm và phương thức nêu trên, nhiệm vụ cụ thể đầu tiên cần được tiếp tục đẩy mạnh (như lâu nay vẫn làm) là : sưu tầm, điều tra, khảo sát vốn VHDG hiện có. Trên cơ sở đó, có thể rút ra những đánh giá tổng quát về di sản quý báu này : những gì đang còn lại với cuộc sống hôm nay ; những gì đã hoặc đang có nguy cơ mất mát, mai một. Đây là một công việc phức tạp, tỉ mỉ, đòi hỏi phải tiến hành thận trọng, có phương pháp, có quy chế, nhất là trong việc bảo vệ các bản gốc, những thứ vô giá vì không thể có cái thứ hai.

Song song với việc sưu tầm, khảo sát, là công tác nghiên cứu, tìm hiểu, để có thể đánh giá đúng giá trị của kho tàng VHDG, phân loại những gì cần phải giữ nguyên vẹn như truyền thống, những gì có thể cải biên thay đổi cho phù hợp với hiện tại, và những gì là lạc hậu, cổ hủ cần loại bỏ. Công việc này nên được tiến hành từng bước với sự tham gia của những chuyên gia được đào tạo cơ bản trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó là việc sử dụng những kết quả đã sưu tầm và nghiên cứu được để tuyên truyền, phổ biến, giáo dục lại trong nhân dân đặng tiếp thêm sức sống cho VHDG. Tăng cường việc giáo dục VHDG trong nhà trường phổ thông không chỉ với ý nghĩa là giáo dục văn học, văn hóa, mà cao hơn, là giáo dục tinh thần dân tộc. Chẳng hạn : một truyền thuyết, một làn điệu dân ca, một bài hát ru, v.v..

Để tất cả những công việc trên được tiến hành tốt, có hiệu quả, không thể thiếu một chính sách đầu tư tài trợ thích đáng của nhà nước, kết hợp với sự đóng góp tự nguyện của nhân dân.

3 - Đối với các sản phẩm VHDG mang nặng tính kinh tế như các sản phẩm thủ công mỹ nghệ (tranh, tượng, chạm, khắc... dân gian, đồ dệt, đồ da, đồ đan lát, kim hoàn, sơn mài, v.v.), cần có sự chỉ đạo về hai mặt. Trước hết là tạo mọi điều kiện mở rộng sản xuất theo cơ chế thị trường, nhằm bảo đảm nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu, phát huy ngành nghề truyền thống và giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân, nhất là đối tượng lao động nhàn rỗi ở nông thôn. Bên cạnh đó, nhà nước, nhất là chính quyền các cấp ở những địa phương vốn nổi tiếng xưa nay về những ngành nghề thủ công truyền thống, cần có sự quan tâm chỉ đạo và có chính sách đầu tư hỗ trợ, khuyến khích phát triển những ngành nghề trên, nhằm tạo nên những sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế, đồng thời giữ gìn và phát huy được tay nghề của những nghệ nhân bậc thầy, là vốn quý có ý nghĩa nhiều mặt.

4 - Cuối cùng, du lịch hiện nay và trong tương lai sẽ là ngành kinh tế mũi nhọn, là nguồn thu ngoại tệ quan trọng của quốc gia. Để phát triển du lịch, không thể không có sự tham gia của các ngành văn hóa, nhất là văn hóa truyền thống và VHDG, vốn là những cái riêng của đất nước để thu hút du khách đến thưởng thức. Vì vậy, cần có chính sách hợp lý nhằm huy động vốn văn hóa cổ truyền và dân gian vào phục vụ du lịch, coi du lịch là một "đầu ra" quan trọng của việc khai thác VHDG. Để thực hiện tốt điều này, cần có sự phối hợp thống nhất và phân công trách nhiệm, quyền hạn và phân chia lợi nhuận hợp lý. Tránh những hiện tượng đang xảy ra hiện nay ở một số nơi như tranh mua, tranh bán, vừa làm tổn hại đến lợi ích chung, vừa làm mất uy tín và thể diện trước du khách.

Digitized by Google

NÂNG CAO NĂNG LỰC TƯ DUY CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CẤP XÃ

HỒ BÁ THÂM*

MUỐN đổi mới và phát triển lĩnh vực nào thì phải có lý luận, có trình độ hiểu biết và thực thi về lĩnh vực đó. Công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay, nhất là ở nông thôn, đang yêu cầu ở người lãnh đạo cấp xã một năng lực tư duy tương ứng. Đây là điều mới mẻ, tới nay chưa có sự nghiên cứu sâu sắc, hệ thống. Bài này xin phân tích yêu cầu của sự nghiệp đổi mới hiện nay đối với việc nâng cao năng lực tư duy của cán bộ lãnh đạo cấp xã.

Để hiểu điều này, cần hiểu rõ thực tiễn đổi mới đang tác động và sẽ tác động như thế nào ở nông thôn nước ta.

Bước chuyển có ý nghĩa quan trọng ở nước ta từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước, đã làm cho sự vận động của xã hội ta có những mặt mới. Cùng với bước chuyển đó, ở vùng nông thôn nước ta nói chung và tỉnh Kiên giang nói riêng, cũng đang có những thay đổi đáng kể. Nhiều vấn đề đặt ra cần có sự trả lời. Ví dụ : Duy trì và đổi mới hợp tác xã nông nghiệp như thế nào ? Làm thế nào để phát triển kinh tế hàng hóa và nông nghiệp toàn diện ? Thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo như thế nào ? Nâng cao dân trí ở nông thôn ra sao ? Đổi mới hệ thống chính trị ở cấp xã như thế nào ? Áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào nông nghiệp ra sao ? Nghĩa là ở cấp xã, cũng như ở cấp độ quốc gia, sự nghiệp đổi mới đang tác động và đòi hỏi người lãnh đạo phải đổi mới, nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực tư duy về mọi mặt. Cụ thể, cán bộ lãnh đạo cấp xã cần nâng cao năng lực tư duy trên một số mặt sau đây :

1 - Năng lực tư duy về chính trị - nhân văn.

Thực tiễn đổi mới nước ta trong những năm qua đã cho thấy, cùng với hoạt động của kinh tế thị trường thì sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn là khó tránh khỏi ; hộ dư ăn tăng lên thì hộ thiếu ăn cũng tăng lên rõ rệt [1]. Vì vậy, trong công tác lãnh đạo chính trị - xã hội, phải có ý thức xây dựng và thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, coi đó như một mục tiêu chính trị - xã hội - nhân văn thực sự. Ở Kiên giang, tỉnh ủy đã có nghị quyết về vấn đề này. Một khía cạnh khác. Với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần và các thành phần kinh tế cùng phát triển thì cán bộ lãnh đạo không thể không có những hiểu biết nhất định về sự vận động và tính định hướng xã hội chủ nghĩa của các thành phần kinh tế để bảo đảm cho đất nước có sự phát triển đồng bộ cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Một khía cạnh khác nữa. Để thực hiện chương trình phát triển kinh tế và chương trình dân số, cán bộ lãnh đạo cũng không thể không có những hiểu biết nhất định về mối quan hệ giữa hai chương trình đó. Nếu không đạt được cả hai mục tiêu phát triển kinh tế và hạ tỷ lệ sinh đẻ (tỷ lệ sinh đẻ tiếp tục ở mức cao 2,1% - 3% như ở nhiều vùng nông thôn hiện nay) thì đất nước chắc sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, không chỉ về kinh tế - xã hội mà cả về chính trị...

Tóm lại, xã là nơi có khá nhiều công việc phải làm, phải cải tiến và đổi mới, có khá nhiều công việc phức tạp dan xen phải xử lý đồng bộ và kịp thời. Vì vậy, cán bộ xã không thể không nâng cao năng lực tư duy về mọi mặt, nhất là *năng lực tư duy về chính trị - nhân văn.*

2 - Năng lực tư duy thực tiễn - cụ thể.

Người lãnh đạo bây giờ, nhất là ở cơ sở, không thể giữ lối tư duy đại khái, chung chung như thời bao cấp trước đây. Ngày nay, thực tiễn đổi mới ở cơ sở đòi hỏi làm việc gì, chỉ đạo việc gì, muốn có kết quả đều phải xuất phát từ thực tế địa phương, có điều tra nghiên cứu cụ thể, không thể áng chừng. Mọi vấn đề ở cơ sở hiện nay (như vấn đề ruộng đất, dân số, phân hóa giàu nghèo, văn

* Văn phòng Tỉnh ủy Kiên giang

(1) Qua điều tra ở xã Ngọc chúc (huyện Giồng riềng tỉnh Kiên giang) : năm 1988 có 10,8% hộ dư ăn, 75% hộ đủ ăn, 14,2% hộ thiếu ăn ; năm 1992 có 43,3% hộ dư ăn, 33,2% hộ đủ ăn, 23,5% hộ thiếu ăn

Digitized by Google

hóa, lực lượng thanh, thiếu niên...) đều cần có tư duy lý luận và tư duy thực tiễn - cụ thể. Thiếu nó thì cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ sở không thể góp phần xây dựng và thực hiện tốt các nghị quyết và chủ trương của Đảng và của Nhà nước. Thế nhưng, do ảnh hưởng của thời bao cấp, lối tư duy đại khái, giản đơn cho tới nay vẫn còn không ít ở cán bộ cấp xã. Nhiều cán bộ chủ chốt ở xã hiện nay không chỉ yếu về tư duy lý luận, mà còn yếu cả về tư duy thực tiễn - cụ thể, bám sát cuộc sống đang thay đổi hàng ngày hàng giờ để giải quyết kịp thời và sinh động những gì đặt ra. Đáng tiếc là nhận xét này không phải ai hiện nay cũng đã tán thành. Vẫn có quan niệm không đúng cho rằng ở cơ sở hiện nay không thiếu tư duy thực tiễn - cụ thể, mà chỉ thiếu tư duy lý luận. Đúng là cán bộ xã hiện nay có thể hiểu cuộc sống, có kinh nghiệm, nhưng đó thường là kinh nghiệm đã qua ; họ có thể nắm được tình hình, nhưng đó cũng thường là tình hình chưa qua điều tra, phân tích cụ thể để nắm rõ nguyên nhân và bản chất vấn đề. Vì vậy, chưa thể nói, tư duy của họ là tư duy thực tiễn - cụ thể. Lối tư duy thực tiễn - cụ thể khác với lối tư duy mang tính tự nhiên, tự phát về các hiện tượng bên ngoài.

Tư duy thực tiễn - cụ thể không tách rời ánh sáng của tư duy lý luận. Trong công cuộc đổi mới rất phức tạp ngày nay, ở người cán bộ cấp xã càng cần có một tư duy thực tiễn - cụ thể, có ánh sáng của quan điểm và tư duy lý luận của Đảng.

3 - *Năng lực nắm bắt thông tin và thảo luận dân chủ.*

Sự nghiệp đổi mới, dân chủ hóa, mở cửa, nâng cao dân trí... hiện nay làm cho khối lượng thông tin tăng lên rất nhiều và ngày càng đa dạng, phức tạp : nào là thông tin kinh tế, thông tin chính trị, thông tin văn hóa, thông tin pháp lý ; nào là thông tin từ trên xuống và từ dưới lên ; thông tin nội bộ, thông tin trong nước và thông tin ngoài nước ; nào là thông tin đáng tin cậy và chưa đáng tin cậy ; thông tin nhiễu và đánh lạc hướng ; thông tin có hướng dẫn và thông tin tự phát từ trong dư luận xã hội... Trước tình hình ấy, là cán bộ lãnh đạo ở xã (như bí thư, chủ tịch...) cũng cần có khả năng nắm bắt, phân tích, lựa chọn thông tin để có thể ra các nghị quyết và quyết định đúng đắn. Không có khả năng như vậy thì không thể lãnh đạo có hiệu quả. Thế nhưng, ở cán bộ cấp xã hiện nay, khả năng nhận tin và xử lý thông tin nói chung còn rất hạn chế. Đa số chỉ có khả năng tiếp nhận một lượng thông tin mỏng, giản đơn, ít có khả năng tiếp nhận một lượng thông tin dày, nhiều chiều. Không ít cán bộ không đủ sức đọc và nắm đầy đủ các văn bản nghị quyết và các văn bản pháp luật... "Đầu vào" yếu thì "đầu ra" cũng yếu, chưa nói là lệch lạc. Đây là một mâu thuẫn lớn, cần giải quyết cấp bách.

Mặt khác, sự nghiệp đổi mới cũng đang đòi hỏi khả năng trao đổi ý kiến, tranh luận dân chủ, khả năng kiên trì lắng nghe ý kiến của quần chúng, kể cả ý kiến trái ngược với mình, và giải đáp những vướng mắc trong quần chúng. Thực tế này dù ở nông thôn không lớn như ở thành thị, nhưng không phải không có vấn đề. Thế nhưng, nhiều cán bộ cấp xã lại chưa hiểu, chưa biết. Do đó, trước những ý kiến thắc mắc của quần chúng thì họ thường là lảng tránh hoặc "chụp mũ" cho những người có ý kiến khác mình. Hạn chế này dẫn đến hạn chế dân chủ trong sinh hoạt tư tưởng và trong công tác lãnh đạo. Để phát huy dân chủ, không chỉ cần quy chế, mà còn cần sự nhạy cảm về tâm lý, sử dụng tốt những biện pháp tâm lý.

4 - *Năng lực phân biệt đúng sai, mới cũ ; năng lực thực hiện đổi mới từ cơ sở, biết tổng kết kinh nghiệm đổi mới, áp dụng cái mới để vươn lên không ngừng.*

Nhiều vấn đề khó, mới, phức tạp, chẳng hạn vấn đề ruộng đất, vấn đề tiếp thị, vấn đề áp dụng khoa học kỹ thuật, vấn đề những phương án trong khi ra quyết định v.v., đang cần một năng lực và phong cách tư duy như trên.

Kinh tế thị trường đòi hỏi một năng lực tư duy nhạy bén, năng động, có khả năng tạo ra cái mới, áp dụng cái mới vào địa phương để đổi mới từ cơ sở, một năng lực tư duy biết đâu là cái đúng cái sai, cái mới cái cũ.., nhất là khi phải ra quyết định, kiểm tra hoặc tổng kết kinh nghiệm. Việc tổng kết, rút kinh nghiệm từng bước công cuộc đổi mới ở nông thôn, là rất quan trọng. Vì sự nghiệp đổi mới ở đây vừa mang tính tự giác, đi trước, vừa mang tính mò mẫm, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Vì vậy, người lãnh đạo ở xã không thể không có những hiểu biết tối thiểu về kinh tế thị trường, về nông nghiệp sinh thái, về công nghệ sinh học, về xây dựng nông thôn, về người nông dân, và (nhất là ở các xã có nhiều dân tộc và tôn giáo) còn phải hiểu sâu cả về vấn đề dân tộc và tôn giáo. Đặc biệt, họ cần hiểu về luật pháp mới. Không có trình độ hiểu biết tối thiểu về các mặt trên, thì dễ đi tới bảo thủ, trì trệ. Đã đến lúc chúng

Digitized by Google

ta cần có sự điều tra nghiên cứu và tổng kết để đánh giá đúng thực trạng cán bộ xã, từ đó có biện pháp thiết thực, cụ thể để nâng cao năng lực tư duy và thực hiện của họ.

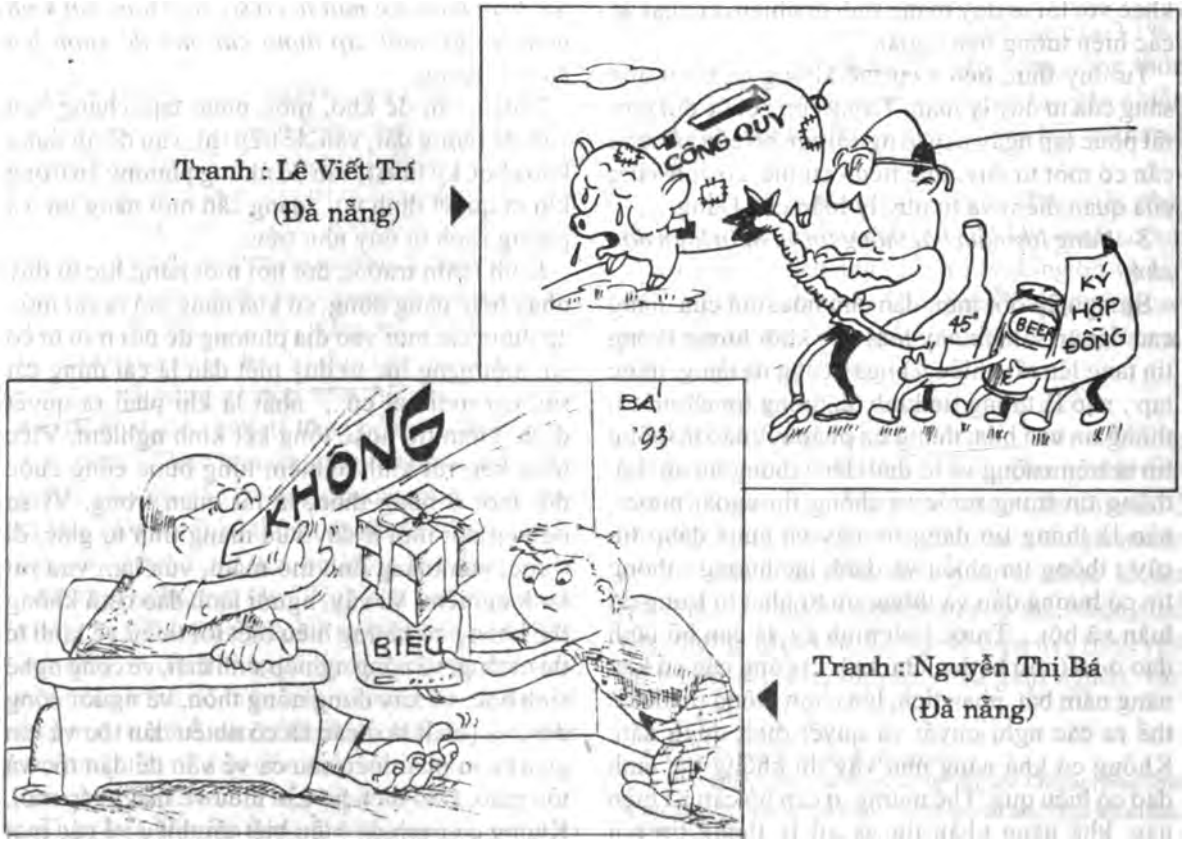
Do vậy, việc tổ chức học tập, nâng cao trình độ hiểu biết về mọi mặt cho cán bộ cấp xã, là rất cần thiết và rất cấp bách. Hiện nay không ít cán bộ lãnh đạo và đảng viên còn nhận thức khá đơn giản về sự cần thiết nâng trình độ tư duy cho cán bộ xã. Có người cho rằng ở xã cán bộ không cần học nhiều cũng làm được, miễn là chịu làm ; còn học nhiều lại làm không được.

Bệnh ngại học, nhất là học văn hóa, học lý luận, không chịu tự học, là khá rõ. Cán bộ lãnh đạo nhiều xã ít đọc sách báo, đành rằng cán bộ xã bận rất nhiều việc.

Tại các trường đảng và nhà nước hiện nay, tuy đã bắt đầu có sự đổi mới về nội dung chương trình, nhưng còn nhiều mặt khác, đặc biệt về phương pháp đào tạo và quản lý, lại chưa có sự đổi mới, nên cũng ảnh hưởng không ít tới năng lực tư duy của đội ngũ cán bộ. Ngay nội dung chương trình cũng thiếu tri thức nghề nghiệp về công tác đảng và công tác lãnh đạo, thiếu phần tâm lý học lãnh đạo, chính trị học trong lãnh đạo. Còn về công nghệ đào tạo thì vẫn dừng ở phương pháp như thời bao cấp, điều này đương nhiên ảnh hưởng đến năng lực tư duy của người học...

Để giải quyết những vấn đề trên, cần có những biện pháp đồng bộ và kiên quyết. Xác định rõ mô hình đào tạo người cán bộ cấp xã với "đầu vào" và "đầu ra" không còn thói quen làm theo cách cũ, ngại thay đổi ; giải quyết một cách đồng bộ việc đổi mới công tác đào tạo cán bộ.

Nhìn vào quá trình đổi mới, còn nhiều vấn đề ngổn ngang. Nếu không có một ý chí, một chương trình - kế hoạch đổi mới và một sự chỉ đạo đúng đắn, thì không thể nâng cao năng lực tư duy của cán bộ cấp xã phù hợp với yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Và như vậy thì mọi mong muốn vẫn chỉ là mong muốn.



Tranh : Lê Viết Trí
(Đà nẵng)

Tranh : Nguyễn Thị Bá
(Đà nẵng)

Digitized by Google

CÁN BỘ LÀ KHÂU THEN CHỐT VÀ KHÂU THEN CHỐT TRONG CÔNG TÁC CÁN BỘ

LÊ VĂN LÝ*

TUY công tác cán bộ đã được bàn luận rất nhiều, nhưng từ nhận thức đến hành động, từ lý luận đến thực tiễn, từ quan điểm chung đến những vấn đề cụ thể, v,v, vẫn còn không ít vấn đề chưa thật sáng tỏ, chưa thật ăn khớp. Chẳng hạn, việc nhận thức về vị trí, vai trò của cán bộ, cũng còn khác nhau khá xa. Cán bộ có phải là "quyết định tất cả" không ? Hiểu cán bộ quyết định thế nào cho đúng ? V.v..

Xét trong toàn bộ tiến trình lịch sử và toàn bộ sự nghiệp cách mạng, thì nhân dân là người quyết định tất cả, còn cán bộ chỉ là *khâu then chốt*. Hiểu "cán bộ quyết định tất cả" một cách trừu tượng, chung chung, không đặt cán bộ trong các mối quan hệ xác định, sẽ dẫn tới những lệch lạc trong thực tiễn.

Trong mối quan hệ với đường lối và nhiệm vụ chính trị, cán bộ vừa quyết định vừa bị quyết định, vừa là "nhân" vừa là "quả". Đường lối, nhiệm vụ chính trị đúng hay sai, trước hết phụ thuộc vào bộ phận có trách nhiệm đề ra đường lối, nhiệm vụ chính trị đó. Nhưng khi đường lối, nhiệm vụ chính trị đã hình thành, thì nó lại tác động quyết định đến toàn bộ đội ngũ cán bộ. Đường lối, nhiệm vụ chính trị đúng, sẽ tạo ra một loạt cán bộ tốt. Cán bộ được đào tạo, rèn luyện và trưởng thành trong quá trình thi hành đường lối, nhiệm vụ chính trị đó. Đường lối, nhiệm vụ chính trị sai, sẽ làm cho cán bộ mất phương hướng, và đẩy số đông cán bộ đến chỗ sai lầm, khuyết điểm. Dù có thể có một bộ phận cán bộ đủ tỉnh táo, nhạy bén, không mắc phải sai lầm của đường lối, song để trở lại quỹ đạo đúng, tổ chức thực tế khó tránh khỏi trả giá rất đắt về nhiều mặt. Không thấy mối quan hệ biện chứng giữa cán bộ với đường lối và nhiệm vụ chính trị, chỉ tuyệt đối hóa một mặt, đều phạm sai lầm rất cơ bản.

Trong mối quan hệ với tổ chức, cơ chế và chính sách, cán bộ cũng vừa quyết định vừa bị quyết định, chứ không phải "quyết định tất cả". Tuy cán bộ lãnh đạo là người lập ra tổ chức, đề ra cơ chế, chính sách, nhưng khi tổ chức, cơ chế, chính sách đã hình thành trong thực tiễn, thì nó lại quyết định trở lại đối với toàn bộ đội ngũ cán bộ. Tổ chức quyết định phương hướng hành động của người cán bộ. Nó buộc cán bộ phải hành động theo những nguyên tắc, quy chế nhất định. Cán bộ không thể tùy tiện, muốn làm gì thì làm. Tổ chức nhân sức mạnh của cán bộ lên gấp bội. Cán bộ chỉ có sức mạnh và quyền lực khi nhân danh tổ chức. Tách khỏi tổ chức, người cán bộ chỉ còn sức mạnh cá nhân. Không có quyền lực, sức mạnh của tổ chức, cán bộ không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ do tổ chức và nhân dân giao phó. Mặt khác, khi cán bộ lợi dụng chức, quyền để làm những điều không đúng, thì trước sau cán bộ đó cũng bị đào thải. Còn việc đào thải sớm hay muộn lại do tổ chức ấy mạnh hay yếu, do nhân dân thực tế được làm chủ đến mức nào.

Không có một tổ chức, cơ chế, chính sách nào mà không do cán bộ xây dựng và điều hành. Song, cán bộ chỉ có ý nghĩa quyết định khi nhận thức và hành động phù hợp với những yếu tố khách quan của tổ chức, cơ chế, chính sách.

Trong mối quan hệ với phong trào cách mạng của quần chúng, cán bộ vừa là người tổ chức, xây dựng và duy trì nó, vừa là người được nó đào tạo, rèn luyện, thử thách, lựa chọn, sàng lọc. Nói chung, không thể có đội ngũ cán bộ tốt nếu không có phong trào cách mạng của quần chúng tốt. Nếu

* PGS, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

cán bộ không liên hệ mật thiết với nhân dân, không gắn bó với nhân dân, không chịu sự giám sát của nhân dân, mà lại hách dịch, cửa quyền, tham nhũng, thì trước sau không tránh khỏi bị nhân dân đào thải.

Nói đến cán bộ và công tác cán bộ, là nói đến chủ thể hành động, nói đến nhân tố quyết định - nhân tố con người. Cán bộ là khâu then chốt, là khâu trọng yếu trong toàn bộ hoạt động của Đảng, quyết định đến sự thành công hay thất bại của cách mạng. Lê-nin đã chỉ rõ : "Trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiền phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào"(1).

Khi đã có chính quyền, là người lãnh đạo xây dựng đất nước, Lê-nin tiến hành đánh giá, sắp xếp lại cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo yêu cầu và đòi hỏi của nhiệm vụ mới. Qua thực tiễn, Lê-nin khẳng định : "Nghiên cứu con người, tìm những cán bộ có *bản lĩnh*. Hiện nay đó là then chốt ; nếu không thế thì tất cả mọi mệnh lệnh và quyết định sẽ chỉ là mớ giấy lộn"(2). Ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ : "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc" (3) ; "Công việc thành công hoặc thất bại đều do cán bộ tốt hay kém"(4).

Cùng với quá trình đổi mới toàn diện đất nước ta, Đảng ta đã khẳng định việc đổi mới đội ngũ cán bộ là mắt xích quan trọng nhất. Đại hội VII của Đảng chỉ rõ việc tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và kế tục sự nghiệp cách mạng. Đảng ta cũng coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công tác xây dựng Đảng. Mục tiêu của công tác cán bộ là xây dựng đội ngũ cán bộ đồng bộ và có chất lượng, mà nòng cốt là đội ngũ cán bộ chủ chốt của các ngành, các cấp và cơ sở, trước hết là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược có đủ phẩm chất và năng lực, bảo đảm thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng. Kinh nghiệm thực tiễn đã chỉ rõ : sự chính xác của đường lối, chính sách và thành công của việc thực hiện đường lối, chính sách ấy, cuối cùng tùy thuộc ở *chất lượng công tác cán bộ*. Không đổi mới công tác cán bộ, thì không nâng cao được chất lượng đội ngũ cán bộ.

Vậy vấn đề then chốt trong công tác cán bộ hiện nay là gì ? Đội ngũ cán bộ cách mạng của chúng ta hình thành và phát triển đã trên 60 năm. Nhiều thế hệ cán bộ xen kẽ, kế tục nhau, trải qua nhiều khó khăn, thử thách, đã đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta đến thắng lợi vẻ vang. Bước sang giai đoạn cách mạng mới, trong hoàn cảnh và điều kiện mới, đội ngũ cán bộ ta hiện nay bộc lộ rõ mặt mạnh và mặt yếu. Trong điều kiện mới, công tác cán bộ của Đảng phải xác định được một hệ thống quan điểm, chủ trương và chính sách tương đối hoàn chỉnh. Từ đó, định ra nội dung, kế hoạch, biện pháp cụ thể về công tác cán bộ ở từng ngành, từng cấp, từng đơn vị một cách chính xác, khoa học. Trong đó, nổi lên một số vấn đề vừa cấp bách, vừa then chốt :

Một là, tiêu chuẩn hóa chức danh cán bộ. Đây là cơ sở và tiền đề cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, đề bạt cán bộ. Nếu chỉ dừng ở tiêu chuẩn chung thì công tác cán bộ dễ chung chung. Không phải đã làm bộ trưởng một bộ thì làm bộ trưởng bộ nào cũng được. Không phải đã làm bí thư tỉnh ủy, huyện ủy, thì có thể làm chủ tịch tỉnh, chủ tịch huyện ; và ngược lại. Mỗi chức danh cán bộ có tiêu chuẩn, yêu cầu khác nhau. Không tập trung giải quyết tốt khâu này thì không thể giải quyết tốt các khâu khác trong công tác cán bộ.

Hai là, thể chế hóa những quan điểm, chủ trương của Đảng thành những quy chế, quy định thật cụ thể. Ví dụ : lâu nay chúng ta chủ trương cán bộ phải "có lên" "có xuống", "có vào" "có ra". Nhưng trong thực tế, chỉ đưa "lên" chứ rất khó đưa "xuống" ; đã đưa "vào" thì rất khó đưa "ra". Để giải quyết vấn đề này, phải chăng cần quy định : *các chức vụ bổ nhiệm phải quy định thời hạn* ? Bộ nhiệm bộ trưởng, vụ trưởng, giám đốc, v.v. thời hạn có thể là 4 năm. Hết 4 năm, nếu

---

(1)V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 4, tr 473

(2)V.I.Lê-nin : *Sđd*, t 44, tr 449

(3), (4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 4, tr 487, 492

Digitized by Google

cán bộ đó phấn đấu tốt, còn đủ phẩm chất, năng lực lãnh đạo, có uy tín, thì bổ nhiệm thêm một nhiệm kỳ nữa. Nếu không, cần chuyển họ sang làm việc khác cho phù hợp với khả năng. Khi đó, bổ nhiệm người khác có phẩm chất, năng lực tốt hơn. Phải coi đó là chuyện bình thường. Một ví dụ khác : chúng ta thường nói vì yêu cầu của tổ chức, của công việc mà bố trí, sắp xếp người, chứ không phải vì người mà bày ra tổ chức, đặt ra công việc. Nhiều nghị quyết của Đảng cũng đã nhấn mạnh phải lựa chọn được những người tốt nhất đặt vào vị trí thích hợp nhất. Thế nhưng, trong thực tế, nhiều lúc, nhiều nơi, đã không làm đúng như vậy. Không ít trường hợp bố trí, để bạt cán bộ không đúng người, không đúng việc, không đủ tiêu chuẩn. Còn phổ biến hiện tượng đại loại như : thầy giáo lại làm kế toán ; bác sĩ lại làm văn phòng ; kỹ sư lại làm thủ quỹ ; thợ xây lại đi đóng bàn ghế ; thợ mộc lại đi xây nhà ; v.v. miễn là có việc làm ở gần nhà, hoặc đạt được yêu cầu nào đó của cá nhân. Do đó, tổ chức, bộ máy của ta đang bị "lạc tế bào" rất nhiều.

Để khắc phục tình trạng trên, rõ ràng cần có quy chế, quy định, để bảo đảm mỗi chức danh cán bộ, ngay từ khi tuyển vào để đào tạo, đã phải có năng khiếu. Học sinh vào trường đào tạo làm cán bộ ngoại giao phải có năng khiếu giao tiếp ; học trường âm nhạc phải có năng khiếu âm nhạc ; học trường ngoại ngữ phải có năng khiếu ngoại ngữ, học trường thể dục thể thao phải có năng khiếu thể thao, v.v.. Người có năng khiếu học vài năm có khi còn hiệu quả hơn những người không có năng khiếu học hàng chục năm.

Đào tạo rồi, khi đưa vào các cơ quan, cần được tổ chức thi tuyển chặt chẽ. (Cán bộ ở các cơ quan do bầu cử mà hình thành, thì có quy chế bầu cử dân chủ, rõ ràng để lựa chọn đúng người có đức, có tài). Hội đồng thi tuyển phải do cơ quan có thẩm quyền quyết định, và hội đồng ấy phải có kiến thức, uy tín, phải trung thực, công tâm và chịu trách nhiệm trước pháp luật. Tuyển ai là tùy theo yêu cầu cần tuyển và kết quả thi tuyển cao thấp. Có vậy, người thành thạo công việc, người có phẩm chất, năng lực tốt nhất mới được đặt ở vị trí xứng đáng nhất ; tránh được những hiện tượng tiêu cực như "ô dù", luồn lọt, đút lót, thiên vị... Một số cán bộ có chức, có quyền nào đó muốn lợi dụng chức, quyền để đưa người thân của mình vào, cũng khó thực hiện. Những cán bộ liêm khiết, muốn thi hành đúng nguyên tắc, cũng có cơ sở pháp lý để thực thi.

Cùng với Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của BCH TƯ Đảng (khóa VII), Đảng ta đã ban hành một số quy chế về cán bộ. Đó là bước tiến quan trọng. Nếu không có những quy chế, quy định cụ thể, thì những quan điểm, chủ trương về công tác cán bộ khó có thể trở thành hiện thực. Phải tiếp tục cụ thể hơn nữa. Đây là vấn đề rất khó khăn. Càng cụ thể hóa, càng đi vào quy chế, quy định cụ thể, thì càng khó khăn. Trên thực tế, có thể dễ dàng thống nhất với nhau về quan điểm, nguyên tắc chung, nhưng khi đi vào những quy định cụ thể thì lại rất khó thống nhất với nhau. Vì nó thường đụng trực tiếp đến lợi ích thiết thân của từng người. Không giải quyết tốt khâu này, mà chỉ dừng ở quan điểm và nguyên tắc chung, thì đến khi vận dụng cụ thể sẽ khó tránh khỏi những cách giải thích và cách làm rất khác nhau. Ai đúng, ai sai, cũng khó phân xử.

Ba là, thực hiện tốt những quy chế, quy định đã có. Thực tế cho thấy, việc xây dựng quy chế, quy định cụ thể một cách khoa học đã khó, nhưng việc bảo đảm thực hiện tốt những quy chế, quy định ấy còn khó hơn nhiều. Để khắc phục tình trạng chỉ thị, nghị quyết không được thực hiện đến nơi đến chốn hay được thực hiện theo kiểu "đánh trống bỏ dùi", "đầu voi đuôi chuột", công tác cán bộ cần được tiến hành một cách kiên quyết, triệt để, có bước đi thích hợp. Chừng nào còn nể nang, sợ đụng chạm, sợ phản ứng, v.v. thì chừng đó còn khó bảo đảm thực hiện tốt nghị quyết và những quy chế, quy định đã ban hành...

Bốn là, đổi mới ngay một số chính sách và quy chế quản lý cán bộ theo tinh thần Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba BCH TƯ Đảng vừa qua.

Tôi cho rằng, đó là những vấn đề then chốt trong công tác cán bộ hiện nay. Không giải quyết tốt các vấn đề này thì không thể đổi mới tốt đội ngũ cán bộ.

Digitized by Google

Công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ ở Thái bình

VŨ ĐÌNH THÀNH *

TRONG nhiều năm qua, tỉnh Thái bình đã xác định việc xây dựng quy hoạch cán bộ là khâu rất quan trọng. Ngay từ năm 1965 và 1966, Thái bình đã tiến hành xây dựng quy hoạch cán bộ. Song, lúc đó việc xây dựng quy hoạch còn giản đơn, hình thức, nên chất lượng và hiệu quả chưa cao. Vừa làm, vừa rút kinh nghiệm, đến nay Thái bình đã hình thành được một quy trình xây dựng quy hoạch cán bộ tương đối khoa học. Công tác xây dựng quy hoạch cán bộ trở thành việc làm thường xuyên, nền nếp của các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở, và đạt được những kết quả đáng mừng.

Dưới đây là những nội dung chính trong công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ ở Thái bình.

1 - Xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng đối với công tác cán bộ nói chung và việc xây dựng quy hoạch cán bộ nói riêng.

Trước đây, do không xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy đảng và thủ trưởng các cấp, các ngành, nên việc xây dựng quy hoạch cán bộ thường chỉ do một vài đồng chí lãnh đạo chủ chốt và các ban tổ chức thực hiện. Đối tượng xây dựng quy hoạch tràn lan. Có huyện xây dựng tới ba ban huyện ủy gồm : ban huyện ủy đương chức, ban huyện ủy dự bị một, ban huyện ủy dự bị hai... Ở cấp cơ sở cũng làm tương tự. Do đó, quy hoạch cán bộ mang nặng tính hình thức, hiệu quả đạt không cao. Hiện nay, chúng tôi tiến hành phân cấp quản lý cán bộ, xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị. Ban thường vụ tỉnh ủy trực tiếp quản lý các đồng chí trong tỉnh ủy ; các trưởng, phó ban, ngành ; các giám đốc, phó giám đốc sở ; các bí thư, chủ tịch huyện, thị. Số cán bộ còn lại phân cấp cho các ngành và huyện, thị quản lý. Trên cơ sở phân cấp ấy, tập thể cấp ủy, trước hết là ban thường vụ cấp ủy, thủ trưởng cơ quan, đơn vị (nay là tập thể đảng đoàn, ban cán sự) có trách nhiệm quản lý và xây dựng quy hoạch cán bộ. Nguồn cán bộ dự bị của ban thường vụ tỉnh ủy, của tỉnh ủy, thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, bí thư, chủ tịch các huyện, thị, phải do tập thể ban thường vụ tỉnh ủy nhận xét, đánh giá, quyết định. Đối với các huyện, thị, các đảng đoàn và ban cán sự cũng làm tương tự như vậy. Cơ quan tổ chức chỉ làm tham mưu, giúp cấp ủy tổng hợp, hướng dẫn, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện. Địa phương nào, ngành nào không xây dựng được quy hoạch cán bộ thì đồng chí bí thư cấp ủy và thủ trưởng phải chịu trách nhiệm trước ban thường vụ tỉnh ủy. Nhờ có sự phân cấp, xác định rõ trách nhiệm, nên các ngành và huyện, thị đã chủ động xây dựng quy hoạch cán bộ của địa phương, đơn vị mình. Đến nay đã có 100% số huyện, thị, 87% số sở, ban, ngành của tỉnh và 75% số cơ sở đã tiến hành xây dựng quy hoạch cán bộ một cách có nền nếp, vừa bảo đảm cán bộ cho trước mắt, vừa có nguồn dự bị cho lâu dài.

Đưa việc nhận xét, đánh giá cán bộ vào nền nếp chặt chẽ là điều kiện quan trọng bảo đảm cho việc phát hiện, lựa chọn nguồn cán bộ dự bị, xây dựng quy hoạch cán bộ một cách cụ thể, chính xác. Hằng năm, các cấp ủy và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ở Thái bình đều có đánh giá, nhận xét cán bộ đương chức và dự bị. Vào các kỳ đại hội đảng, các kỳ sinh hoạt chính trị thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, việc nhận xét, đánh giá cán bộ được tiến hành một cách toàn diện, đầy đủ hơn. Vừa qua, thực hiện Chỉ thị 14 của Ban bí thư Trung ương Đảng, trên cơ sở tự phê bình và phê bình, chúng tôi đã tiến hành đánh giá lại đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở. Qua đánh giá, đã phân cán bộ thành ba loại : số hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có thể giao nhiệm vụ cao hơn ; số đảm đương tốt nhiệm vụ, có thể giữ cương vị công tác hiện tại tương đối lâu dài ; số phải điều chỉnh thay thế. Số hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là nguồn bổ sung cán bộ dự bị ở chức danh cao hơn. Qua đánh giá, phân loại, kết quả cụ thể như sau :

- Trong Ban chấp hành đảng bộ tỉnh : 40% có khả năng vươn lên nhận nhiệm vụ cao hơn, 26% ổn định, 33% đến cuối khóa phải điều chỉnh, thay thế.

* Uỷ viên Ban thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng Ban tổ chức Tỉnh Ủy Thái Bình

Digitized by Google

- Trong đội ngũ giám đốc, phó giám đốc sở và tương đương : 34,6% có khả năng vươn lên, 39,6% ổn định, 25,8% phải điều chỉnh, thay thế.

- Trong cấp ủy huyện, thị : 40% có khả năng vươn lên, 32% ổn định, 27,6% phải điều chỉnh, thay thế.

- Trong 4 chức danh chủ chốt cơ sở (bí thư, chủ tịch, chủ nhiệm, phó bí thư) : 33,8% có khả năng vươn lên, 44,9% ổn định, 21,3% phải điều chỉnh, thay thế.

Cũng trên cơ sở đánh giá, phân loại cán bộ, chúng tôi đã lập danh sách cán bộ dự kiến nghỉ chế độ chính sách, và số phải điều động, thay thế từ nay đến năm 1995. Trong số cán bộ do tỉnh ủy quản lý, từ nay đến năm 1995 số nghỉ chế độ chính sách là 88 đồng chí (riêng năm 1993, 22 đồng chí) ; số phải điều chỉnh, thay thế là 37 đồng chí (riêng năm 1993, 17 đồng chí). Các huyện, các ngành cũng lập kế hoạch tương tự. Như vậy, về cơ bản, chúng tôi đã chủ động được nguồn cán bộ thay thế và xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

2 - Xác định rõ cơ cấu, tiêu chuẩn cán bộ.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ tổ chức bộ máy của từng cơ quan, đơn vị, chúng tôi xác định rõ cơ cấu và tiêu chuẩn cán bộ. Dựa vào hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế địa phương, chúng tôi xác định cơ cấu của cấp ủy tỉnh, cấp ủy huyện, thị và cơ sở ; xác định cơ cấu cán bộ lãnh đạo của từng ban, ngành. Trong cơ cấu có xác định cơ cấu về độ tuổi, cơ cấu về ngành nghề, lĩnh vực công tác. Thí dụ, đối với cấp ủy tỉnh, huyện, cơ sở, chúng tôi xác định có ba độ tuổi : tỉnh ủy phải có khoảng 30% ở độ tuổi dưới 45, 50% ở độ tuổi từ 46 đến 50, 20% ở độ tuổi trên 50 ; cấp ủy huyện, thị phải có 30% ở độ tuổi dưới 40, 50% ở độ tuổi từ 41 đến 45, 20% ở độ tuổi từ 46 trở lên. Về cơ cấu ngành nghề và lĩnh vực công tác, chúng tôi xác định cơ cấu vào công tác đảng, vào công tác chính quyền (bao gồm thường trực UBND và HĐND), vào một số sở, ngành quan trọng (như nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, thủy lợi, kế hoạch, tài chính...) ; vào công tác quần chúng ; vào các huyện, thị (nói chung, bí thư các huyện, thị nên cơ cấu vào tỉnh ủy). Đối với các sở, ngành, chúng tôi xác định có 2 hoặc 3 lãnh đạo (1 trưởng và 1 hoặc 2 phó). Độ tuổi bình quân của lãnh đạo sở, ngành, không quá 50.

Về tiêu chuẩn cán bộ, chúng tôi dựa vào tiêu chuẩn chung do Trung ương quy định, và nhấn mạnh những điểm sau đây : người được chọn là cán bộ dự bị phải có lập trường chính trị vững vàng, trung thành với sự nghiệp của Đảng, với chủ nghĩa xã hội, nhiệt tình, say sưa với công việc và hoàn thành tốt nhiệm vụ đang đảm nhiệm, có kiến thức và am hiểu thực tiễn, có lối sống trong sạch, lành mạnh, được quần chúng và cán bộ đảng viên tín nhiệm. Về trình độ, nói chung cán bộ cấp tỉnh và các ngành của tỉnh phải có trình độ đại học, trình độ trung cao cấp về lý luận chính trị ; nếu dưới 45 tuổi, phải có thêm bằng ngoại ngữ. Về độ tuổi, nói chung cán bộ dự bị vào tỉnh ủy và ban lãnh đạo các sở, ngành là dưới 50 tuổi, trong đó số đông là dưới 45 tuổi ; còn cán bộ dự bị vào huyện, thị ủy là dưới 45 tuổi, trong đó số đông là dưới 40 tuổi.

3 - Phát hiện và chọn nguồn cán bộ dự bị.

Để đánh giá đúng cán bộ và chọn được những cán bộ thật sự có năng lực và phẩm chất bổ sung vào đội ngũ cán bộ dự bị, chúng tôi chú ý trước hết việc xác định những ai có thể là nguồn bổ sung. Đó là số cán bộ đương chức, cán bộ cấp dưới là nguồn bổ sung cho cán bộ cấp trên (đương nhiên, không phải trường hợp nào cán bộ cấp dưới cũng có thể là nguồn bổ sung cho cán bộ cấp trên). Đó là đội ngũ cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ, khoa học, kỹ thuật ở các cấp, các ngành ; đối với cơ sở thì đó là số học sinh tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp và trường phổ thông trung học. Đó còn là số bộ đội xuất ngũ, chuyển ngành, đã được đào tạo cơ bản.

Có ba nguồn phát hiện và giới thiệu cán bộ dự bị. Nguồn *thứ nhất* là dựa vào sự giới thiệu của cán bộ, đảng viên và quần chúng. Để việc giới thiệu được chuẩn xác, cần nêu rõ yêu cầu, cơ cấu và tiêu chuẩn cán bộ dự bị ; cần thật sự phát huy dân chủ. Giới thiệu có thể bằng cách bỏ phiếu kín hoặc bằng cách trực tiếp. Cách tốt nhất là bỏ phiếu kín. Tùy từng ngành, từng cơ quan và đối tượng cán bộ dự bị mà chọn hình thức tổ chức để cán bộ, đảng viên và quần chúng giới thiệu cho thích hợp. Có nơi tổ chức cho toàn thể cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức trong cơ quan giới thiệu ; có nơi chỉ tổ chức hội nghị cán bộ đại biểu cho đảng, chuyên môn, đoàn thể. Nguồn *thứ hai* là dựa vào sự giới thiệu của cán bộ lãnh đạo đương chức. Mỗi cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức, có thể giới thiệu 1 hoặc 2 cán bộ dự bị thay thế mình. Nguồn *thứ ba* là dựa vào sự giới thiệu của cơ quan tổ chức (ban và phòng tổ chức các cấp). Trên cơ sở ba nguồn giới thiệu đó, cơ quan tổ chức có trách nhiệm tổng hợp danh sách, báo cáo với cấp có thẩm quyền về sự phân tích, đánh giá, lựa chọn danh sách cán bộ dự bị của cấp mình.

Bằng cách làm trên đây, Thái bình thường xuyên có lực lượng cán bộ dự bị bổ sung cho cán bộ đương

Digitized by Google

chức. Hiện nay, chúng tôi đã chọn được 10 người là nguồn dự bị cho thường vụ tỉnh ủy, 20 người là nguồn dự bị cho tỉnh ủy khóa 1996 - 2000, 188 người là nguồn dự bị cho các chức danh giám đốc, phó giám đốc sở, trưởng, phó ban ngành của tỉnh, 158 người là nguồn dự bị cho huyện, thị ủy, trên 1.200 người là nguồn dự bị cho 4 chức danh chủ chốt của xã, phường, thị trấn (bí thư, chủ tịch, chủ nhiệm, phó bí thư).

Nhìn chung, số cán bộ dự bị bảo đảm được yêu cầu về số lượng và chất lượng cho những năm sắp tới. Số cán bộ dự bị của cấp tỉnh (bao gồm dự bị cấp ủy tỉnh, trưởng, phó các sở, ban, ngành) hầu hết có trình độ đại học, 65% có trình độ trung cấp lý luận, 35% có trình độ cao cấp lý luận ; bình quân tuổi đời là 44,9 (trẻ hơn đương chức gần 7 tuổi). Số cán bộ dự bị của huyện, thị, hầu hết tốt nghiệp phổ thông trung học, 54,3% có trình độ đại học, 80% đã học xong lý luận trung, cao cấp ; bình quân tuổi đời là 34 (trẻ hơn đương chức hơn 8 tuổi). Số cán bộ dự bị của cấp tỉnh đã được Ban thường vụ Tỉnh ủy duyệt, thông qua danh sách từng người.

4 - Tổ chức thực hiện quy hoạch cán bộ

Trên cơ sở danh sách cán bộ dự bị đã được duyệt và định hướng bố trí sử dụng, Thái bình tiến hành công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Hằng năm, chúng tôi đều xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, xác định rõ mục tiêu các mặt đề ra cho từng loại cán bộ, có tính toán sát hợp với điều kiện của từng người để việc đào tạo mang lại hiệu quả thiết thực. Những năm qua, Thái bình đã tập trung bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ về chuyên môn, nghiệp vụ, về lý luận, về quản lý kinh tế, về kinh tế thị trường, về pháp luật, về ngoại ngữ theo hướng vừa bồi dưỡng tập trung vừa bồi dưỡng tại chức, vừa bồi dưỡng tại trường vừa bồi dưỡng trong thực tiễn. Đồng thời với việc mở các lớp tập trung dài ngày, chúng tôi đã chú trọng mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày, các lớp bồi dưỡng theo chức danh (như cho bí thư đảng ủy, cho chủ tịch UBND xã, phường, cho chủ nhiệm hợp tác xã, cho giám đốc các doanh nghiệp). Tỉnh đã mở được 3 lớp chuyên tu lý luận, 1 lớp cao cấp lý luận cho trên 100 cán bộ lãnh đạo quản lý các sở, ngành, bí thư, chủ tịch huyện và một số cán bộ nghiên cứu, giảng dạy lý luận ; hai lớp quản lý kinh tế sau đại học với khoảng 400 học viên cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo quản lý đương chức và dự bị của ngành và huyện.

Chúng tôi chú trọng bồi dưỡng cán bộ qua thực tiễn. Đến nay, số cán bộ dự kiến bố trí lãnh đạo chung, giữ cương vị chủ chốt của cấp ủy, chính quyền, ngoài những kiến thức cơ bản được đào tạo ở trường, hầu hết đã được rèn luyện qua thực tiễn và nhanh chóng trưởng thành. Trong mấy khóa cấp ủy vừa qua, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh đều đã qua lãnh đạo cấp huyện (bí thư, phó bí thư tỉnh ủy, chủ tịch tỉnh hiện nay, đều đã từng là bí thư huyện ủy) ; 80% số đồng chí trong Ban thường vụ Tỉnh ủy đều từ cán bộ lãnh đạo cấp huyện trưởng thành lên ; 75% số bí thư, chủ tịch huyện đều từ cán bộ cơ quan cấp tỉnh qua rèn luyện trong thực tiễn mà trưởng thành lên ; 85% số phó bí thư huyện ủy đều từ cán bộ cơ sở trưởng thành lên. Trong 10 đồng chí thuộc diện cán bộ dự bị cho các chức danh chủ chốt của tỉnh khóa tới, có 6 đồng chí đang làm bí thư huyện, thị ủy.

Chúng tôi rất coi trọng việc phát huy dân chủ trong công tác cán bộ. Ngay từ khi lựa chọn cán bộ dự bị, đã thăm dò, lấy ý kiến quần chúng. Đến khi bố trí giao việc, chúng tôi tiến hành theo quy trình sau : trên cơ sở dự kiến giao việc gì, chức vụ nào thì phải giao việc trước để thử thách, qua thực tế công việc, cán bộ đảng viên và quần chúng theo dõi, đánh giá, nhận xét cán bộ đó được chính xác hơn. Trên cơ sở ý kiến của quần chúng, của cán bộ và đảng viên, cấp ủy có thẩm quyền tập hợp, lên danh sách để giới thiệu ra đại hội bầu (nếu là cán bộ do bầu), hoặc đề nghị lên cấp trên xét bổ nhiệm (nếu là cán bộ do bổ nhiệm). Qua nhiều kỳ kiện toàn cấp ủy, bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, đại hội các đoàn thể... số đông trong quy hoạch cán bộ, từ tỉnh đến cơ sở, đều được chấp nhận

*

Với phương pháp và cách làm trên đây, đến nay Thái bình đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ tương đối đồng bộ, ổn định, trình độ mọi mặt được nâng lên rõ rệt. Trong cấp ủy tỉnh hiện nay, 88% có trình độ đại học, 80% có trình độ lý luận cao cấp, bình quân tuổi đời lúc bầu là 47 (hiện nay khoảng 49). Bí thư, chủ tịch huyện 88% có trình độ đại học. Trưởng, phó ban, ngành 78% có trình độ đại học và sau đại học, gần 80% có trình độ lý luận cao cấp. Bí thư đảng ủy xã, phường, thị trấn gần 60% có trình độ hết phổ thông trung học, 35% có trình độ chuyên môn trung học, trên 70% có trình độ lý luận trung cấp. Chính nhờ có quy hoạch cán bộ mà trong nhiệm kỳ vừa qua, chúng tôi đã đổi mới được 35,5% số cấp ủy tỉnh, 21,5% số cấp ủy huyện, thị, 25,1% số cấp ủy xã, phường. Mặc dù đổi mới tương đối nhiều như vậy, nhưng nhìn chung tình hình vẫn ổn định, nhiều đồng chí phát huy tốt cương vị phụ trách.

Digitized by Google

Vấn đề nông nghiệp - nông dân - nông thôn ở Cần thơ

TRẦN VĂN TƯ *

Từ sau Đại hội VI của Đảng, thông qua đường lối đổi mới và sự vận dụng sáng tạo của đảng bộ Hậu giang (nay là Cần thơ), nông thôn Cần thơ có bước chuyển động mới về sản xuất nông nghiệp, nông dân và xã hội nông thôn.

Tiêu biểu cho bước chuyển động này là vụ đông - xuân 1988 - 1989. Mọi người còn nhớ, ở thời điểm này, tranh chấp ruộng đất ở Cần thơ diễn ra rất gay gắt. Tuy nhiên, khi ruộng đất được điều chỉnh lại tương đối hợp lý, ngay trong vụ này bà con đã làm vượt diện tích, đạt năng suất và sản lượng cao hơn hẳn các vụ đông xuân trước đó.

Khi hộ nông dân được xác định là đơn vị kinh tế cơ bản ở nông thôn và người nông dân được quyền sử dụng ổn định lâu dài mảnh đất của mình, thì xuất hiện ngay động lực mới và xu hướng phát triển tích cực trong nông nghiệp. Diện tích gieo trồng, năng suất và sản lượng lúa ngày một tăng. Sản lượng lúa của Cần thơ năm 1986 đạt 796 400 tấn, đến năm 1992 lên 1 356 000 tấn. Đặc biệt, ở huyện Thốt nốt, chỉ trong thời gian 5 năm đã xóa được vùng lúa nổi lâu đời (trên 20 000 ha), đưa sản xuất lúa từ 1 vụ lên 2 vụ, nâng sản lượng lương thực của huyện từ 168 200 tấn năm 1986 lên 352 000 tấn năm 1992.

Kinh tế phát triển, đời sống nông dân có bước cải thiện mới. Nguồn sống chính của dân trong tỉnh là nông nghiệp, nên phổ biến những xã khá, giàu, là nơi ruộng đất bình quân đầu người tương đối cao, lại tăng thêm được vụ gieo trồng. Những hộ nông dân có từ 2 đến 3 ha, có vốn, có phương tiện, lại tăng đượcc vụ và thâm canh tốt, thì thu nhập có thể đạt từ 2 triệu đến 4 triệu đồng bình quân khẩu/năm. Xu hướng đang phát triển mà chúng tôi quan tâm là : những hộ diện tích đất thấp (trên dưới 1 ha) mà có thu nhập khá cao do vừa làm ruộng, vừa làm thêm nhiều ngành nghề khác (như chăn nuôi, làm tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ). Ở xã Vĩnh thuận tây (Vị thanh) có hộ thu nhập bình quân đầu người năm là 2 triệu 440 nghìn đồng gồm các khoản : trồng trọt - 36,5%, chăn nuôi - 3,5%, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ - 60%. Đây là một mô hình lý tưởng để phát huy và phát triển kinh tế nông hộ và đời sống nông dân.

Nông thôn Cần thơ đang trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đây là xu hướng mới, tích cực, diễn ra phổ biến ở những vùng ruộng đất bình quân đầu người thấp. Do cuộc sống bức bách, người nông dân phải ra sức thâm canh, thay đổi cơ cấu cây trồng để có hiệu quả kinh tế cao hơn trên một đơn vị diện tích đất. Ví dụ, từ đất trồng lúa chuyển sang đất trồng màu (màu tạo nên đất màu mỡ cho cây lúa phát triển, thu nhập cao hơn chỉ trồng lúa) ; từ đất ruộng chuyển sang đất vườn trồng cây ăn trái (một héc ta đất vườn thu nhập gấp từ 5 đến 10 lần một héc ta đất lúa). Các ngành nghề (như dịch vụ làm đất, bơm nước, chế biến nông sản...) cũng đang có xu hướng phát triển, vừa phục vụ nông nghiệp, vừa kết hợp với nông nghiệp trở thành sức sản xuất mới. Nhờ chuyển dịch cơ cấu như trên, những vùng ruộng đất bình quân đầu người thấp đã đạt giá trị sản lượng bình quân đầu người cao hơn so với những vùng ruộng đất bình quân đầu người cao nhưng không chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ví dụ xã Thạnh thắng (huyện Thốt nốt) ruộng đất bình quân đầu người trên 2 600m^2 nhưng giá trị sản lượng quy thóc bình quân đầu người chỉ có 2 100 kg, trong lúc đó xã Tân lộc (cùng huyện Thốt nốt) ruộng đất bình quân đầu người không quá 500m^2 nhưng giá trị trên đạt tới 2 600kg. Thực tiễn đó cho thấy, xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn là tất yếu, nó mở lối ra cho nền nông nghiệp còn lạc hậu với số dân ngày càng tăng, ruộng đất bình quân đầu người ngày càng giảm. Đó cũng là lối thoát để vươn lên của nông thôn Cần thơ.

Kinh tế và đời sống được nâng lên, xã hội nông thôn cũng có bước phát triển mới. Ở các huyện Thốt nốt, Ô môn, Vị thanh có nhiều xã tới 33%, có ấp trên 70% hộ có máy nghe, nhìn, điều đó cho thấy đời sống vật chất và văn hóa của người dân nông thôn đang đi lên. Với thu nhập ngày càng tăng, nông

* Trương Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Cần thơ

Digitized by Google

dân không chỉ mua sắm thêm các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như máy nghe, nhìn, mà còn tích cực đóng góp cùng nhà nước xây dựng cơ sở hạ tầng ở xã, ấp mình. Ở hai xã Thạnh thắng và Tha ' !ộc (nơi trên 90% số hộ theo đạo Hòa hảo và đ ên chúa) nhân dân đã đóng góp trên 5 tỉ đề làm đường, xây cầu và đưa điện với đường dây dài trên 30 km về, vừa phục vụ sinh hoạt vừa phục vụ sản xuất. Nhờ kinh tế phát triển và dân trí được nâng cao, nạn trộm cắp, tranh chấp, xung đột trong nông dân ngày càng giảm. Ở Thạnh thắng, Thạnh an (huyện Thốt nốt), cảnh hằng năm 200 đến 300 người phải tha phương cầu thực không còn nữa, nhiều người bỏ quê, vượt biên trước đây, nay đã trở về sống yên vui bên bà con chòm xóm.

Cơ cấu kinh tế thay đổi, kéo theo kết cấu xã hội biến đổi ; lớp trung nông và tiểu chủ thực sự trở thành lực lượng trung tâm và động lực thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn. Năm 1992, trong cơ cấu kinh tế của Cần thơ, khu vực khai thác tài nguyên (chủ yếu là nông nghiệp) chiếm 48,65%, khu vực chế biến, chế tạo (nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp) chiếm 23,75%, và khu vực dịch vụ chiếm 27,6%. Như vậy, trong những năm gần đây, cơ cấu kinh tế của Cần thơ đã có sự chuyển dịch tương đối nhanh và tích cực. Động lực thúc đẩy sự chuyển dịch đó là lực lượng trung nông và tiểu chủ đang phát triển ở nông thôn Cần thơ.

Ở những vùng nông nghiệp hàng hóa phát triển mạnh, kinh tế hộ đã bộc lộ những điểm yếu mà muốn khắc phục, đòi hỏi phải có những hình thức tổ chức hợp tác mới. Bởi vì có những khâu các hộ tự lo được, nhưng cũng có những khâu (như thủy lợi, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm...), họ cần có sự giúp đỡ của tổ chức hợp tác, của nhà nước. Ở Cần thơ đã xuất hiện nhiều hình thức hợp tác phong phú (như liên doanh vay vốn, hợp tác thủy nông...), và đang hình thành *sự liên kết giữa kinh tế hộ với kinh tế hợp tác và kinh tế quốc doanh*. Ví dụ, ở xã Thạnh thắng (Thốt nốt), nhờ có hình thức tín dụng, cung ứng vật tư của cơ sở kinh tế quốc doanh, tập thể và đại lý của hộ tiểu thương, nạn cho vay nặng lãi đã giảm 70%, sản xuất ngày càng phát triển.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa ở Cần thơ cũng đang đặt ra một loạt vấn đề cần giải quyết.

Trong những năm 1989 - 1992, cùng với sản lượng nông sản hàng hóa của tỉnh trung bình hằng năm tăng trên 100 000 tấn, nông dân gặp ngay khó khăn về vấn đề giá cả và tiêu thụ. Ở 2 huyện Ô môn và Thốt nốt, nơi có sản lượng lương thực hàng hóa lớn, khi thu hoạch đại trà, lúa từ 1000đ đến 1100 đ/kg trước đó, tụt xuống còn 750đ đến 900 đ/kg... Nhưng khi vào vụ, giá vật tư lại tăng vọt, người nông dân bị bọn đầu cơ tha hồ bóc lột. Kết quả là vụ hè thu năm 1992 diện tích tăng, nhưng năng suất giảm. Ngành chăn nuôi của tỉnh cũng không phát triển được. Nhiều cây thực phẩm và công nghiệp chủ lực của tỉnh giảm sút nghiêm trọng. Từ năm 1986 đến năm 1991, diện tích đay sợi từ 2656 ha giảm còn 47 ha ; diện tích đậu nành từ 2478 ha còn 772 ha... Cây ca cao, một loại nguyên liệu có giá trị kinh tế, nhưng do không chế biến được và tiêu thụ khó khăn, dân đã đốn bỏ gần hết. Rõ ràng, để nông nghiệp Cần thơ tiếp tục phát triển, cần có *thị trường tiêu thụ* và *công nghiệp chế biến nông sản*.

Sự phân hóa giàu nghèo (cả tương đối và tuyệt đối) ở nông thôn trong những năm qua cũng diễn ra khá nhanh. Qua điều tra ở một số huyện và xã, thì hộ nghèo chủ yếu nằm trong số các hộ thuộc diện chính sách (gia đình thương binh liệt sĩ) và các hộ vùng đồng bào dân tộc (như ở Phụng hiệp còn 11000 hộ nghèo, thì 1/3 là các hộ thuộc diện chính sách ; ở Châu thành còn 5300 hộ nghèo thì có 1700 là các hộ thuộc diện chính sách). Hầu hết các hộ nghèo là các hộ đất ít, vốn ít, bị bóc lột (phải vay với lãi suất cao ; phải bán lúa non, phải chịu công non). Do đất ít, thiếu vốn đầu tư, phải độc canh, năng suất thấp, nợ ngày chồng chất, các hộ nghèo không tránh khỏi phải cầm cố đất, dẫn đến trắng tay. Hiện tượng này thấy rất rõ, nhất là ở vùng sâu và vùng đồng bào dân tộc. Ở những hộ nghèo này, vì đời sống khó khăn, con cái thường thất học.

Tình hình trên phản ánh quy luật của nền kinh tế hàng hóa đã và đang tác động trong tỉnh. Vậy chọn con đường nào cho nông nghiệp và nông thôn Cần thơ phát triển ? Tất nhiên, không thể đi theo con đường tập thể hóa nông nghiệp một cách máy móc như trước đây. Nhưng cũng không thể để cho nền kinh tế hàng hóa tự phát đưa tới chủ nghĩa tư bản ; vì nó trái với mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Theo đường lối của Đảng, chúng ta phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nhưng theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cố gắng hạn chế sự phân hóa giai cấp, sự tha hóa con người.

Thực tiễn vận động của nông thôn Cần thơ trong những năm qua cho thấy, hộ nông dân trong kinh tế

Digitized by Google

thị trường là động lực thúc đẩy kinh tế nông nghiệp và nông thôn phát triển. Đã xuất hiện sự chuyển dịch của cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Đó là xu hướng tích cực của nền kinh tế nông nghiệp đang chuyển hóa đòi hỏi lối thoát cho lao động nông nghiệp khi bản thân nền nông nghiệp không kham nổi sự gia tăng lao động ở nông thôn. Để đáp ứng yêu cầu này, Cần thơ nói riêng và khu vực đồng bằng sông Cửu long nói chung, cần có công nghiệp chế biến nông sản và cảng để mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản với giá cả hợp lý, gắn thị trường của tỉnh, của khu vực, với thị trường trong nước và ngoài nước.

Gắn liền với quá trình từng bước công nghiệp hóa nông nghiệp, đảng bộ và nhân dân tỉnh Cần thơ đã từng bước thực hiện việc đô thị hóa nông thôn. Qua 10 năm, tỉnh đã xây dựng được một hệ thống gồm 28 cụm kinh tế - xã hội trong đó 2/3 số cụm đã có điện. Mỗi cụm thực tế là một trung tâm tiểu, thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn xã, một tế bào trong hệ thống đô thị hóa nông thôn Cần thơ, ở đó có sự phân công lao động rõ ràng, có điều kiện giải quyết việc làm tại chỗ, có môi trường tự nhiên lành mạnh và có môi trường xã hội văn minh.

Quyết định cho sự phát triển trước mắt và lâu dài của Cần thơ là con người Cần thơ. Vì vậy, đối với Cần thơ, phát triển xã hội và văn hóa đã và đang là vấn đề bức xúc. Nó liên quan tới quá trình hình thành và phát triển kết cấu kinh tế gắn liền kết cấu xã hội ở nông thôn với một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần đang vận động. Ở nông thôn Cần thơ, kinh tế tập thể đang trong quá trình củng cố, chưa có sức hấp dẫn ; còn kinh tế quốc doanh thì chưa đủ sức thu hút mạnh. Vấn đề đặt ra là cần tổ chức lại sản xuất, xây dựng một *hệ thống sản xuất mới trong nông nghiệp* với kết cấu kinh tế nông hộ - kinh tế hợp tác - kinh tế quốc doanh, tạo điều kiện cho sự hình thành lực lượng sản xuất mới, trên cơ sở đó xây dựng quan hệ sản xuất mới và nền văn hóa mới ở nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đội ngũ cán bộ của Cần thơ nói chung đã có bước trưởng thành, nhưng sự trưởng thành đó chưa theo kịp yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới. Nông thôn Cần thơ không ngừng chuyển động, đòi hỏi người cán bộ lãnh đạo và quản lý ở đây phải không ngừng tiến bộ, luôn luôn nắm vững quan điểm, đường lối của Đảng và biết vận dụng sáng tạo vào cuộc sống thực tiễn, làm cho nền kinh tế hàng hóa không ngừng phát triển, xã hội nông thôn không ngừng tiến bộ. Nông nghiệp và nông thôn Cần thơ tuy còn nhiều khó khăn nhưng thuận lợi và xu hướng phát triển vẫn là chủ yếu. Nông nghiệp và nông thôn Cần thơ hoàn toàn có khả năng phát triển nhanh hơn. Vấn đề là ở chỗ : lãnh đạo, quản lý có phù hợp với quy luật hay không, tổ chức thực hiện có sát với thực tiễn hay không.

Năm 1992 ở Cần thơ, năng suất lúa bình quân trên 1 ha là 40,21 tạ ; trong cơ cấu cây trồng, màu và cây công nghiệp ngắn ngày chiếm 18,35%, còn lúa chiếm 81,65% ; vòng quay của đất là 1,6 lần ; diện tích vườn cây ăn trái là 26000 ha (trong đó 9000 ha còn là vườn tạp). Những điều vừa nói cho thấy : hệ số sử dụng đất còn thấp ; năng suất cây trồng còn nâng thêm được ; khả năng đa dạng hóa sản xuất còn rất cao (có thể kết hợp nuôi cá, chăn nuôi với lúa) ; vườn cũng chưa phát triển bao nhiêu... Cái khó của bà con nông dân hiện nay là đồng vốn, là bảo vệ thực vật, là trình độ kỹ thuật thâm canh, là tiêu thụ sản phẩm... Những cái khó đó, nhà nước cùng với nhân dân có thể giải quyết được. Chỉ cần ở trên có chính sách đúng, ở cơ sở biết cách tổ chức thực hiện. Ở Cần thơ hiện nay, đi đôi với việc đẩy mạnh sản xuất, cần tiến hành ngay việc điều tra, khảo sát và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, và dịch vụ thành một hệ thống, nhằm thúc đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đưa kinh tế và đời sống trong tỉnh phát triển nhanh hơn, vững chắc hơn.

Như trên đã nói, để nông nghiệp Cần thơ tiếp tục phát triển, cần có thị trường tiêu thụ, cần có công nghiệp chế biến và cảng. Vì vậy, việc gắn thị trường của tỉnh, của khu vực với thị trường trong nước và ngoài nước là yêu cầu cấp thiết. Hiện tại, công nghiệp chế biến của tỉnh còn nhỏ, trình độ kỹ thuật còn thấp, phát triển chậm; chưa đủ sức cạnh tranh với bên ngoài. Cảng Cần thơ chưa đủ tầm cỡ của một cảng trung tâm. Cho nên, việc phát triển và nâng cao trình độ công nghiệp chế biến và cơ khí phục vụ nông nghiệp, việc xây dựng cảng Cần thơ thành cảng tàu 1 vạn tấn ra vào được với cơ sở hạ tầng đồng bộ, cũng là yêu cầu bức xúc.

Thực hiện tốt những điều vừa nói sẽ nâng được vị trí của Cần thơ, thu hút được thêm đầu tư của các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước, tạo ra động lực mới cho sự phát triển kinh tế nông thôn, đồng thời tạo thêm tích lũy cho công cuộc xây dựng đô thị.

Digitized by Google

CÔNG TY PHÂN ĐẠM - HÓA CHẤT HÀ BẮC VƯƠN LÊN TRONG CƠ CHẾ THỊ TRƯỜNG

HỮU ĐỨC

CÔNG ty phân đạm - hóa chất Hà bắc (CT) thuộc Tổng công ty phân bón (Bộ công nghiệp nặng) là một xí nghiệp lớn do Trung quốc giúp ta xây dựng từ đầu thập kỷ 60. Với 3300 cán bộ, công nhân và nhân viên, được tổ chức thành 31 đơn vị trực thuộc, CT gồm 2 nhà máy, 2 xí nghiệp, 9 xưởng và phân xưởng sản xuất, 1 trung tâm ứng dụng công nghệ, 10 phòng ban kỹ thuật, nghiệp vụ và một số đơn vị phục vụ khác. Sản phẩm của CT rất đa dạng : đạm u rê, a-mô-ni-ác đóng bình, bột nhẹ, than hoạt tính, hàng cơ khí, điện sản xuất, và một số mặt hàng phục vụ đời sống hàng ngày như nước giải khát, rượu sâm banh khá nổi tiếng ở thị trường trong nước.

Trong những năm gần đây, khi chuyển sang cơ chế thị trường, CT gặp không ít khó khăn, nhưng đã từng bước vươn lên, đạt được một số kết quả quan trọng. Năm 1992, CT đạt sản lượng : về đạm u rê - 8,2 vạn tấn, mức cao nhất từ trước đến nay (tăng hơn hai lần so với 1991) ; a-mô-ni-ác đóng bình - 1087 tấn ; bột nhẹ - 650 tấn, hàng cơ khí - 1009 tấn ; điện sản xuất - 64 triệu kwh... Một số sản phẩm khác đều vượt từ 1,2 đến hai lần so với năm 1991. Riêng 8 tháng đầu năm 1993, sản lượng u rê đã đạt 6,4 vạn tấn, bằng 71% kế hoạch cả năm. Chất lượng các loại sản phẩm đều được nâng lên ; riêng đạm u rê đã đạt tiêu chuẩn quốc tế quy định. Về doanh thu : năm 1991 - 104,1 tỉ đồng ; năm 1992 - 166,6 tỉ đồng. Lợi nhuận năm 1992 đạt 7 tỉ đồng. Thu nhập bình quân từ 210000 đồng/người/tháng năm 1991 lên 355000 đồng/người/tháng năm 1992 ; 8 tháng đầu năm 1993 giữ mức ổn định 300000 đồng/người/tháng. CT còn quan tâm xây dựng các công trình phúc lợi (nhà ở, bệnh viện, trường học, nhà văn hóa), mua sắm các phương tiện đi lại, thông tin, thể thao và bảo đảm môi trường vệ sinh công nghiệp, làm cho người lao động ngày càng phấn khởi, gắn bó với CT.

Những kết quả đạt được trên dây là cả một quá trình phấn đấu và trưởng thành của CT, từ quán triệt cho đến tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Qua nghiên cứu và khảo sát thực tế ở CT mấy năm gần đây, có thể rút ra mấy kinh nghiệm bước đầu về tổ chức sản xuất kinh doanh :

Thứ nhất, *mở rộng thị trường vốn, đầu tư tập trung vào những khâu then chốt, quyết định nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.*

Trong cơ chế bao cấp, việc tổ chức sản xuất ở CT do nhà nước lo từ đầu đến cuối, nhà nước giao kế hoạch đến đâu CT sản xuất đến đó, điều đó không kích thích việc phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật và nâng cao năng suất lao động. Tình trạng này kéo dài, đưa đến kết quả là hệ thống thiết bị sản xuất của CT bị xuống cấp nghiêm trọng. Năm 1989, chuyển sang cơ chế thị trường, CT đứng trước một thực tế bi đát : sản phẩm các loại chỉ đạt từ 9% đến 10% công suất thiết kế của nhà máy ; riêng phân đạm u rê, sản lượng chỉ đạt 2 - 3 vạn tấn, bằng 4% lượng phân đạm nhập ngoại. Sản xuất không hiệu quả, đời sống của cán bộ, công nhân và nhân viên hết sức khó khăn (đã có người xin ra khỏi CT). Vì thế, đã có ý kiến đề nghị nên dẹp bỏ đạm Hà bắc và hướng vào đạm nhập ngoại, v.v..

Muốn nâng cao chất lượng và số lượng sản phẩm của CT, vấn đề quan trọng là phải đổi mới hệ thống máy móc thiết bị đã quá cũ kỹ và xuống cấp. Từ nhiều năm trước, CT đã xây dựng một số phương án nhằm cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị, nhưng không thực hiện được. Nguyên nhân chủ yếu là do nguồn kinh phí có hạn và do quy trình công nghệ sản xuất phân đạm từ nguồn nguyên liệu than đá có một số yêu cầu kỹ thuật mà bản thân CT chưa thể giải quyết được.

Trong khi phân tích những khó khăn trên, lãnh đạo của CT đã sớm nhận thức được mặt thuận lợi của cơ chế thị trường. Đó là nhu cầu về phân đạm

Digitized by Google

ở trong nước khá lớn. Đó là CT được quyền trực tiếp ký kết hợp tác khoa học kỹ thuật với bên ngoài cũng như mua sắm thiết bị sản xuất ở thị trường bên ngoài. Nhờ có điều kiện quan hệ, trao đổi khoa học, kỹ thuật với bên ngoài, CT thấy rõ hơn những mặt còn hạn chế về thiết bị máy móc cũng như về kinh nghiệm tổ chức vận hành sản xuất. Chẳng hạn, qua nghiên cứu thực tế và trao dổi kinh nghiệm với một số đơn vị sản xuất phân đạm ở tỉnh Quảng tây (Trung quốc), CT thấy rõ, để nâng cao được chất lượng sản phẩm và sản lượng, cần khắc phục các tình trạng như : chưa thi công hoàn chỉnh các công trình đã đi vào sản xuất ; chưa bảo đảm được sự đồng bộ giữa khâu u rê và khâu a-mô-ni-ác, làm tiêu hao nhiều nguyên liệu...

Nhờ vậy, năm 1990, CT đã làm thử từng bước việc sửa chữa, cải tạo nâng cấp hệ thống thiết bị tạo hạt u rê và khí a-mô-ni-ác ; áp dụng phương thức vận hành cân đối giữa khí a-mô-ni-ác và tạo hạt u rê ; duy trì phương thức vừa sản xuất vừa cải tạo, và khi cần thiết sửa chữa những bộ phận quan trọng thì cho ngừng hẳn sản xuất để sửa chữa dứt điểm. Hai năm 1991 và 1992 tiếp theo, CT đã mạnh dạn đầu tư 25 tỉ đồng để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thiết bị. Nguồn vốn này được huy động bằng nhiều hình thức : vốn ngân sách cấp ; vốn liên doanh liên kết ; vốn vay ngân hàng. Hơn nửa số vốn trên được dùng để cải tạo tháp u rê, phục hồi máy nén CO_2, xây dựng phòng khống chế 651, trong đó có 8,4 tỉ đồng nhập vật tư thiết bị của Trung quốc.

Nhờ đầu tư đúng chỗ và đưa công nghệ mới vào sản xuất, CT đã tăng sản lượng các loại sản phẩm lên rất nhanh. Riêng đạm u rê, sản lượng bình quân tháng trong năm 1992 đạt 8000 tấn ; chất lượng chính phẩm nâng lên 99,3% ; giảm được mức tiêu hao nguyên liệu (tính riêng 11 tháng năm 1992 đã tiết kiệm được 8,3 tỉ đồng chi phí sản xuất) ; hạ được giá thành sản phẩm gần 10% so với năm 1991. Năm 1993, CT mới vay ngân hàng 5 tỉ đồng đầu tư chiều sâu để cuối năm nay đạt được công suất thiết kế 10 vạn tấn u rê/năm ; giá thành u rê nửa đầu năm nay giảm 5,6% so với năm ngoái.

Chất lượng sản phẩm và sản lượng được nâng lên, giá thành hạ xuống là yếu tố quyết định để CT vươn ra chiếm lĩnh thị trường. Đồng thời, CT cũng đã thực hiện việc đổi mới phương thức tiêu thụ sản phẩm cho phù hợp với yêu cầu của khách hàng. Với các hình thức như đại lý tiêu thụ sản phẩm ở các huyện, liên doanh liên kết đưa hàng tới tận các hộ nông dân, ký kết hợp đồng ứng trước phân đạm cho nông dân sử dụng bảo đảm kịp thời vụ, CT thực tế đã mở rộng được thị trường tiêu thụ sản phẩm ra nhiều vùng. Vì thế, mặc dù sản lượng phân đạm của CT năm 1992 đã tăng lên gấp đôi, nhưng vẫn tiêu thụ hết.

Rõ ràng, CT đã thành công trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất, giải quyết tốt mối quan hệ giữa công nghệ sản xuất và thị trường tiêu thụ sản phẩm. CT đã biết sử dụng những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, như mở rộng hợp tác khoa học kỹ thuật với nước ngoài mà thực chất là mở rộng thị trường vốn, thị trường tư liệu sản xuất, thị trường "chất xám", và linh hoạt huy động vốn trong nước để cải tạo và đổi mới công nghệ sản xuất. Và với công nghệ sản xuất mới, CT vừa tăng được sản lượng vừa nâng cao được chất lượng sản phẩm, do đó hạ được giá thành, và với phương thức tiêu thụ sản phẩm mới,thuận lợi, CT đã có thể vươn ra cạnh tranh với phân đạm ngoại nhập. Tuy nhiên, sự vươn ra chiếm lĩnh thị trường phân đạm trong nước là cả một quá trình, trong đó có một phần phụ thuộc vào chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước.

Thứ hai, *xây dựng kỷ cương, nền nếp lao động công nghiệp và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, công nhân kỹ thuật.*

Khác với ở các đơn vị khác, ở CT công nhân thường xuyên phải tiếp xúc với các hóa chất độc hại. Vì vậy, việc xây dựng kỷ cương, nền nếp lao động công nghiệp ở CT không chỉ có ý nghĩa về mặt bảo đảm hiệu quả sản xuất, mà còn có tác dụng bảo đảm tính mạng và sức khỏe của công nhân.

Song, xây dựng và duy trì một nền nếp lao động công nghiệp ở CT là một công việc đầy khó khăn. Không ít sự cố xảy ra ở CT trong những năm trước đây đều do kỷ luật lao động lỏng lẻo. Nguyên nhân chính là do đội ngũ công nhân ở đây tiếp xúc với nền công nghiệp hiện đại nhưng vẫn mang thói quen của những người sản xuất nhỏ coi thường kỷ luật lao động. Để khắc phục tình hình trên, dựa vào các quy định của nhà nước, CT đã xây dựng một nội quy lao động với 10 điều cấm đối với lao động trực tiếp và 15 điều cấm đối với lao động gián tiếp. Xác định rõ trách nhiệm của người quản lý lao dộng (tổ trưởng, đốc công, quản đốc phân xưởng, trưởng phòng) là : phải bố trí đủ việc làm, bảo đảm các điều kiện vật chất cho công nhân làm việc (từ dụng cụ bảo hộ lao động đến các phương tiện phòng chống rò điện, rò hơi, rò khí) để đạt hiệu quả cao. Trong giờ làm

Digitized by Google

việc, mọi cán bộ, công nhân và nhân viên của CT đều phải đeo thẻ ghi rõ họ tên, chức vụ, nhằm bảo đảm thực hiện đúng cương vị, trách nhiệm của mỗi người. Để duy trì kỷ cương lao động, CT đặc biệt chú ý vai trò của tổ trưởng sản xuất. CT đã mạnh dạn nâng mức phụ cấp trách nhiệm của họ lên 10% để động viên họ chăm lo việc tổ chức và quản lý lao động theo yêu cầu của quy trình sản xuất (cứ 6 tháng tổng giám đốc trực tiếp họp với các tổ trưởng sản xuất để nắm tình hình và chỉ đạo sản xuất 6 tháng tiếp).

Nhờ xây dựng nền nếp kỷ cương lao động chặt chẽ nên các vụ kỷ luật lao động trong CT giảm xuống đáng kể. Năm 1992 chỉ xảy ra 19 vụ, giảm 11 vụ so với năm 1991. Tổ chức lao động có kỷ cương, nền nếp, là một thành công lớn của CT. Nó đã góp phần quan trọng vào việc tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Để phát huy tinh thần chủ động sáng tạo của cán bộ công nhân, CT đã phát động phong trào phát huy sáng kiến, nghiên cứu các đề tài : mở rộng việc sử dụng than lò tạo khí cho phù hợp với kích cỡ than cung cấp của ta ; nâng tháp tạo hạt u rê lên thêm 10 mét để tăng cỡ hạt và hạ nhiệt độ xuống khi đóng bao... Nhờ đẩy mạnh phong trào nghiên cứu cải tiến kỹ thuật và phát huy sáng kiến, năm 1992 đã có 425 sáng kiến, đề tài được áp dụng, làm lợi cho CT 2,3 tỉ đồng. 17 cá nhân được Tổng liên đoàn lao động Việt nam tặng *Bằng lao động sáng tạo*. CT đã trích 236 triệu đồng thưởng cho những người có công đóng góp cho phong trào này.

Trong "Chiến lược về xây dựng con người" của CT, ngoài việc sử dụng tốt 300 cán bộ có trình độ đại học, trên đại học và thợ có tay nghề bậc cao, CT còn rất chú trọng bồi dưỡng, cho đi đào tạo ở trong và ngoài nước những cán bộ, công nhân qua hoạt động thực tiễn thấy có triển vọng. CT đã mạnh dạn nhận các kỹ sư tốt nghiệp các trường đại học về làm hợp đồng rồi tuyển lựa dần. Để đáp ứng yêu cầu trước mắt của cơ chế thị trường, CT còn tổ chức mở các lớp bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý và khoa học kỹ thuật về kinh tế thị trường, về sử dụng máy vi tính. Nhờ vậy, CT đã có thể kịp thời nắm bắt thông tin và xử lý những sự cố phát sinh trong sản xuất kinh doanh.

Như vậy, việc xây dựng kỷ cương, nền nếp lao động công nghiệp và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ khoa học, công nhân kỹ thuật, về thực chất, là nhằm giải quyết tốt mối quan hệ giữa tổ chức lao động và các yếu tố làm tăng năng suất lao động ở CT. Mục đích của nó cũng là để bảo đảm tốt lợi ích của người lao động. Đó là một trong những bí quyết thành công của CT. Tất nhiên, tùy điều kiện và hoàn cảnh từng lúc, CT có cách làm khác nhau. Song dù thế nào thì như kinh nghiệm của CT cho thấy : không thể thiếu được bản lĩnh, năng lực quyết đoán của người đứng đầu CT.

Thứ ba, *phối hợp sự lãnh đạo của tổ chức đảng, quản lý của ban giám đốc và hoạt động của các đoàn thể trong CT và hướng tất cả vào mục tiêu hiệu quả sản xuất.*

Mục tiêu chung của CT đã được tập thể cán bộ, công nhân viên thông qua, đó là : "sản xuất có hiệu quả, đời sống cán bộ, công nhân viên ngày càng được cải thiện và nâng cao". Để thực hiện có kết quả mục tiêu này, CT đã tập trung xây dựng quy chế làm việc nhằm phối hợp tốt hành động của các tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và các thành viên trong CT ; trước hết là giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng ủy và ban giám đốc, giữa tổng giám đốc và bí thư đảng ủy. Do sản xuất của CT mang tính hệ thống hóa rất cao, việc điều hành sản xuất kinh doanh tập trung vào tổng giám đốc. Chính điều này dễ làm nảy sinh ở tổng giám đốc tư tưởng lấn át bí thư đảng ủy và coi thường tổ chức cơ sở đảng. Nếu giải quyết không khéo vấn đề này, để bí thư đảng ủy mất vai trò, sự lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng bị lu mờ, thì khó tránh khỏi dẫn đến tình trạng mất đoàn kết, CT khó đạt được mục tiêu chung.

Để phối hợp tốt công tác giữa bí thư đảng ủy và tổng giám đốc, CT đã xây dựng quy chế phân công rành mạch giữa hai chức danh đó. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm điều hành toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của CT và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi hoạt động của mình. Còn bí thư đảng ủy, ngoài công tác đảng, có trách nhiệm tổ chức, động viên các đảng viên trong đảng bộ hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ của CT ; đồng thời, tổ chức kiểm tra các hoạt động của các cá nhân và tổ chức trong CT theo tinh thần nghị quyết của đảng ủy ; không can thiệp vào công việc chuyên môn của tổng giám đốc. Trường hợp phát sinh những vấn đề mới, ngoài chủ trương và nghị quyết của đảng ủy, thì tổng giám đốc trao đổi với bí thư hoặc tập thể đảng ủy. Nếu qua trao đổi mà chưa thống nhất được ý kiến, thì tổng giám đốc được quyền giải quyết công việc cho

(Xem tiếp trang 61)

Digitized by Google

SỰ PHÂN TẦNG XÃ HỘI Ở NÔNG THÔN MIỀN BẮC

TÔ DUY HỢP*

XÃ hội học và khoa học xã hội nói chung sử dụng phạm trù phân tầng xã hội với nội dung 3 mặt : *quan hệ bất bình đẳng về sở hữu, sử dụng, phân phối của cải*(tài sản), đặc biệt là tư liệu sản xuất (ruộng đất, nhà máy, công cụ sản xuất) ; *quan hệ bất bình đẳng về quyền lực* (trong kinh tế, chính trị và văn hóa) ; và *quan hệ bất bình đẳng về uy tín* (kinh tế, chính trị, văn hóa).

Dưới đây xin tập trung xem xét hai vấn đề của sự phân tầng xã hội ở nông thôn miền Bắc trong thời kỳ đổi mới hiện nay : 1 - Thực trạng và xu hướng biến đổi của phân tầng mức sống, và 2 - Tương quan giữa đổi mới, phân tầng xã hội và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

I - Phân tầng mức sống

Trong hệ thống chỉ báo về phân tầng mức sống, ngoài tự đánh giá mức sống, đáng quan tâm hơn cả là 3 loại chỉ báo có liên quan mật thiết với nhau : 1 - Năng động nghề nghiệp, 2 - Thu nhập, và 3 - Tích lũy.

1 - Tự đánh giá mức sống

Kết quả điều tra mẫu[1] bằng bảng hỏi soạn sẵn cho thấy :

	Xã Văn môn 11-1992		Xã Đông dương 11-1992		Xã Xuân sơn 7-1993	
	Số người	%	Số người	%	Số người	%
1 - Giàu có	6	2	19	6,4	1	0,5
2 - Khá giả	35	11,7				
3 - Đủ ăn	214	71,3	216	73	160	79,2
4 - Thiếu ăn	41	13,7	59	19,9	40	19,8
5 - Nghèo đói	4	1,3	2	0,7	1	0,5
Tổng cộng	300	100	296	100	202	100

Sự phân tầng mức sống có dạng chung giống hình thoi, đỉnh trên cao là biểu thị sự giàu có, đỉnh dưới đáy biểu thị sự nghèo đói, ở giữa là đủ ăn. Tuy rằng sự tự đánh giá chỉ là tương đối, song qua bảng nêu trên ta cũng đã thấy ra một số biểu hiện của tính quy luật chung : 1 - Tỷ lệ số nhà khá giả và giàu có ở làng xã khá giả hoặc giàu có lớn hơn so với ở làng xã thiếu đói ; 2 - Đối với làng xã khá giả hoặc giàu có thì dạng giống hình thoi của sự phân tầng mức sống phình to ra về phía gần đỉnh trên cao (giàu có) ; trái lại, ở các làng xã thiếu đói, dạng giống hình thoi của phân tầng mức sống phình to ra về phía gần đỉnh dưới đáy (nghèo đói). Những nhận định này được xác nhận qua sự đánh giá của lãnh đạo các xã.

	Xã Văn môn %	Xã Xuân sơn %
1 - Giàu có	7,17	2-3
2 - Khá giả	34,91	7-8
3 - Đủ ăn	49,4	70-75
4 - Thiếu ăn	7,61	10-13
5 - Nghèo đói	0,94	5-7

Ta thấy ở Xuân sơn, phần dưới đáy lớn gấp đôi phần trên đỉnh, ngược lại, ở Văn môn phần trên đỉnh lớn hơn phần dưới đáy gần 5 lần.

2 - Năng động nghề nghiệp và phân tầng mức sống

Năng động nghề nghiệp là nhân tố quyết định phân tầng mức sống, làng xã nào định hướng mạnh sang *đa dạng hóa* thì chóng trở thành khá giả và giàu có, làng xã nào vẫn còn trì trệ trong cơ cấu thuần nông thì giỏi lắm chỉ đủ ăn, song vẫn bị nghèo đói tương đối so với làng xã vượt trội kinh tế nhanh, mạnh. Đối với hộ gia đình cũng vậy. Hiện thời, *lợi thế làm giàu nhanh chóng thuộc về nhóm hộ kinh tế hỗn hợp (nông nghiệp + phi nông nghiệp) và hộ phi nông nghiệp hoàn toàn.*

Bảng tương quan giữa các nhóm hộ nghề nghiệp với phân tầng giàu - nghèo ở Xuân sơn có dạng cụ thể như sau : *(Xem bảng bên)*

---

* Phó tiến sĩ triết học, Viện xã hội học, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn

(1) Xã Văn môn (Yên phong, Hà bắc), xã Đông dương (Đông hưng, Thái bình), xã Xuân sơn (Đông triều, Quảng ninh)

Digitized by Google

	Thuần nông nghiệp		Nông nghiệp + tiểu thủ công nghiệp		Nông nghiệp + buôn bán dịch vụ		Nông nghiệp + cán bộ nhà nước		Tổng cộng	
	Số người	%	Số người	%	Số người	%	Số người	%	Số người	%
1 - Sung túc							1	50	1	0,5
2 - Đủ ăn	129	77,2	4	80	26	89,7	1	50	160	79,21
3 - Thiếu ăn	36	21,6	1	20	3	10,3			40	19,9
4 - Nghèo đói	1	0,6							1	0,5
Tổng cộng	166	82,2	5	2,5	29	14,4	2	1	202	100

Hộ thuần nông giỏi lắm chỉ đủ ăn, không có hộ nào sung túc ở trong mẫu điều tra, có một hộ nghèo đói (0,6%) và 36 hộ thiếu ăn (21,6%). Xét trong nhóm thiếu ăn, số hộ thuần nông thiếu ăn chiếm 90%. Ưu thế vượt trội kinh tế thuộc về nhóm hộ kinh tế hỗn hợp : 1 hộ sung túc duy nhất trong mẫu điều tra thuộc nhóm kinh tế hỗn hợp ; 31 hộ kinh tế hỗn hợp đủ ăn, chiếm 86,1% ; trong khi đó số hộ thuần nông đủ ăn tuy lớn hơn về giá trị tuyệt đối : 129 song tỷ trọng lại nhỏ hơn nhiều : 77,2% trong nhóm.

3 - *Thu nhập và phân tầng mức sống*

Trong kinh tế nông nghiệp hiện nay ở miền Bắc, *nếu chỉ trồng lúa thì giỏi lắm chỉ đủ ăn*, mặc dù năng suất đạt khá cao : 1,8 - 2 tạ/sào/vụ, tức là từ 10 đến 11 tấn/ha/năm. Trong một cuộc phỏng vấn vào tháng 5-1993, một chủ hộ gia đình nông dân ở xã Nguyên xá (Đông hưng, Thái bình) đã cho biết : nhà có 4 khẩu, nhận 4 sào ruộng khoán (bình quân mỗi nhân khẩu 1 sào) ; năng suất lúa : 1 tạ 8/sào/vụ ; tổng sản lượng vụ chiêm xuân vừa qua đạt : 180kg x 4 = 720 kg ; trừ đi các khoản đóng góp, còn lại : 720 kg - 441 kg08 = 278kg 92 thóc, cho 4 nhân khẩu trong 6 tháng. Vậy, 1 khẩu 1 tháng chỉ được 12 kg thóc (tương đương khoảng 8 kg gạo). So với mức ăn bình thường của người lớn, thì thiếu hụt một nửa. Nếu trẻ con bù cho người lớn, thì gọi là tạm đủ ăn !

Như vậy, *muốn đủ ăn và có dư chút ít, thì hộ gia đình nông nghiệp phải tích cực kết hợp làm ruộng khoán với kinh tế môi trường VAC.*

Trong mẫu điều tra ở Xuân sơn có một hộ tự nhận là sung túc, vậy cơ cấu thu nhập của hộ này như thế nào ?

- Thu nhập từ *lúa* : Hộ này có khoảng 3 sào ruộng khoán, năng suất 2 tạ/sào/vụ, một năm thu hoạch 12 tạ ; trừ đi chi phí sản xuất khoảng 30%, trừ đi các khoản đóng góp xã hội cũng khoảng như thế, như vậy, thực thu từ lúa :

12 tạ x 40% = 4 tạ 8/năm, quy ra tiền :

480000 đ/năm

- Từ *rau màu* 1060000 đ/năm
- Từ *chăn nuôi* (chủ yếu là lợn) :2790000 đ/năm
- Từ *lương, trợ cấp* : 2040000 đ/năm

Tổng cộng : 6370000 đ/năm

Qua cơ cấu thu nhập trên, ta thấy thu từ thóc không đáng kể : 7,54%, thu từ rau, màu có khá hơn : 16,64%. Cộng cả 2 khoản thu trồng trọt vẫn chưa tới 25%. Như vậy, phần thu nhập chính thuộc về *chăn nuôi* (lợn là chủ yếu) : 43,8%, và *lương, trợ cấp* : 32,03%. Tổng cộng hai khoản này chiếm tới : 75,83%.

Nếu theo cách đánh giá chung như hiện nay, ở nông thôn, cứ hộ nào thu nhập hơn 10 triệu đồng một năm mới xếp vào hộ giàu, thì hộ này không phải là hộ giàu. Nhưng hộ này chỉ có 2 nhân khẩu (vợ làm nông nghiệp, chồng là cán bộ kiểm lâm của huyện Đông triều), cho nên thu nhập bình quân nhân khẩu khá cao : 3185000 đ/năm (265417 đ/tháng). Mức thu nhập này là người khá giả thật sự ở nông thôn miền Bắc hiện nay : dùng 1 triệu đồng cho đủ ăn, 1 triệu đồng cho đủ tiêu, vẫn còn hơn một triệu đồng tích lũy.

Cũng trong mẫu điều tra ở Xuân sơn, có 1 hộ tự đánh giá là nghèo đói, vậy thử xem mức độ nghèo đói đến đâu.

- Thu nhập từ lúa : Hộ này có 7 sào ruộng khoán, năng suất 1 tạ/sào/vụ, song chỉ thu được có 7 tạ thóc/năm (coi như trừ đi mất một nửa tổng sản lượng), quy ra tiền là : 700000 đ/năm(47,62%)
- Từ chăn nuôi lợn : 470000 đ/năm (32%)
- Từ lương, trợ cấp : 300000 đ/năm (20,41%)

Tổng cộng : 1470000 đ/năm (100%)

Nhà này có 4 khẩu, vậy bình quân thu nhập 1

Digitized by Google

khẩu là 3675000 đ/năm (30625 đ/tháng). Mỗi ngày mỗi người thu nhập bình quân có 1021 đ thì bữa nào ăn, bữa nào nhịn ? Lý do của sự nghèo đói ở đây là khoản thu nhập ngoài trồng trọt và ngoài nông nghiệp đều nhỏ hơn so với thu nhập bằng trồng trọt, mà thu nhập từ lúa đã quá thấp kém, cho nên đổn lại vẫn thiếu.

Chênh lệch giàu - nghèo giữa 2 loại hộ sung túc và nghèo đói trong mẫu điều tra Xuân sơn là *4,33* lần ; song mức chênh lệch giàu - nghèo giữa 2 loại nhân khẩu trong 2 loại hộ nói trên thì cao hơn nhiều : *8,7* lần.

Sự chênh lệch giàu - nghèo sẽ càng lớn khi hộ kinh tế hỗn hợp hoặc hộ phi nông nghiệp hoàn toàn tăng mạnh các khoản thu nhập ngoài trồng trọt và ngoài nông nghiệp nói chung. Hãy lấy một hộ gia đình đại diện trong phỏng vấn sâu ở Xuân sơn (7-1993) sẽ thấy rõ điều đó. Hộ này có 4 nhân khẩu (2 vợ chồng và 2 con nhỏ).

- Thóc quy ra tiền :	390000 đ/năm
- Lợn :	600000 đ/năm
- Thuyền khai thác cát vàng :	25200000 đ/năm
Tổng cộng :	26190000 đ/năm

Vậy bình quân thu nhập đầu người là : 6547000 đ/năm (545583 đ/tháng). Do phần đóng góp của nông nghiệp không quá 4% tổng thu nhập, cho nên có thể coi hộ này gần như hộ phi nông nghiệp, năng lực phi nông nghiệp rất mạnh.

Chênh lệch về thu nhập giữa hộ này và hộ nghèo đói nêu ra ở trên là *17,82* lần, giữa nhân khẩu của 2 loại hộ này cũng có chênh lệch thu nhập chừng ấy lần.

Năng lực thu nhập của hộ gia đình từ 15 triệu đồng trở lên trong một năm ở Xuân sơn và cả Đông dương hãy còn ít, có thể đếm trên đầu ngón tay được. Song ở Vân môn thì khác hẳn. Chỉ cần nhìn vào hơn 70 hộ gia đình có nhà cao tầng, cửa hàng hướng ra mặt phố, và họ chủ yếu kinh doanh các hàng phế liệu, kể cả vi mạch điện tử, thì cũng đoán nhận ra : chí ít 1/4 số hộ có vốn kinh doanh từ 300 đến 500 triệu đồng trở lên, thu nhập bình quân mỗi năm của họ có thể đạt từ 15 triệu đồng trở lên.

4- *Tích lũy và phân tầng mức sống*

Quá trình đổi mới nói chung và chuyển sang kinh tế thị trường nói riêng, đang tạo ra cả 2 hiệu ứng đối với phân tầng mức sống : 1) *Tăng khoảng cách giữa giàu và nghèo*, và 2) *Có tác dụng xóa bớt đói, giảm bớt nghèo, khiến cho cả xã hội khá giả hơn trước*. Đây là tính quy luật chung của công cuộc đổi mới hiện nay.

Như vậy là *cơ động dọc* của phân tầng mức sống chủ yếu hướng về phía đỉnh giàu có. Do vậy mà có cả 2 hiệu ứng vừa nêu trên : cả xã hội khá giả hơn trước, bởi vì số gia đình tăng trưởng mức sống áp đảo số gia đình bị giảm sút mức sống ; khoảng cách giàu - nghèo tiếp tục tăng trưởng là do người giàu tăng mạnh mức sống, trong khi đó có người vốn là nghèo đói lại bị giảm mạnh mức sống (hiệu ứng 2 lần nghèo : nghèo tương đối và nghèo tuyệt đối).

Hiện thời ở nông thôn miền Bắc, sự giàu có được tích lũy chủ yếu dưới hình thức bất động sản : *nhà cửa khang trang* (ở xã Ninh hiệp, huyện Gia lâm, Hà nội, có người xây nhà cao ốc hàng trăm cây vàng), phần còn lại mua *tiện nghi sinh hoạt hiện đại, đắt tiền* (như ti vi, xe máy, vidêô, tủ lạnh...) hoặc cất trữ dưới dạng *của cải quý hiếm* (như vàng, bạc, kim cương...), chỉ dành một phần *nhỏ cho đầu tư tái sản xuất mở rộng*.

II- Đổi mới - phân tầng xã hội - phát triển kinh tế xã hội

1- *Phân tầng xã hội - hệ quả tất yếu của đổi mới*

Phân tầng mức sống là hệ quả tất yếu của đổi mới hệ thống kinh tế, trước hết là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo hướng chuyển hẳn sang cơ chế thị trường. Nhưng đổi mới kinh tế chỉ là trọng tâm, chứ không phải là toàn bộ nội dung của công cuộc đổi mới. Ngoài nội dung kinh tế, công cuộc đổi mới còn có các nội dung quan trọng khác như : đổi mới hệ thống chính trị theo hướng mở rộng dân chủ thật sự, chân chính ; đổi mới hệ thống văn hóa theo định hướng đa dạng hóa văn hóa, nhân cách ; đổi mới hệ thống xã hội tổng thể theo hướng mở cửa, mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế. Các quá trình đổi mới này tạo ra những nét mới của phân tầng quyền lực và uy tín.

Nét mới của phân tầng quyền lực hiện nay là người dân nông thôn yêu sách cả 2 mặt : một mặt, họ đòi *tăng quyền tự chủ* của kinh tế hộ gia đình, đồng thời mong muốn *tăng quyền tự quản* của cộng đồng xóm làng ; song mặt khác, vẫn khuyến nghị *tăng cường sức mạnh của nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân*. Điều này rất hợp lý, hợp tình, bởi vì không có luật pháp nghiêm minh thì dân quyền và nhân quyền đều không được bảo đảm.

Sự phân tầng uy tín cũng đang có những chuyển dịch mới. Mức độ đổi mới cũng tùy vùng, tùy nhóm

Digitized by Google

xã hội. Ở khu vực thuần nông thôn, chuyển sang kinh tế thị trường chậm, *mô hình phân tầng uy tín truyền thống* (trọng đức, trọng nghĩa, trọng xử, trọng tước, trọng sĩ, trọng nông, trọng nam giới...) và cả *mô hình phân tầng uy tín thời bao cấp* (trọng cán bộ lãnh dạo, trọng anh hùng, trọng chiến sĩ thi đua...) vẫn còn được đa số người dân chấp nhận. Trái lại, ở vùng nào đang chuyển mạnh sang cơ chế thị trường thì *mô hình phân tầng uy tín quá độ kiểu mới* (trọng giàu, trọng tiền...) đang tăng trưởng mạnh và có xu hướng muốn lấn át các mô hình phân tầng uy tín kiểu cũ. Nói chính xác hơn là, hiện thời có sự đan xen, lồng ghép 3 mô hình phân tầng uy tín truyền thống, quá độ kiểu cũ và quá độ kiểu mới. Thế ứng xử này tỏ ra phù hợp nhất với cốt cách con người nông thôn và với bản tính xã hội nông thôn Việt nam, nhất là ở đồng bằng sông Hồng : *ưa chuộng hỗn dung văn hóa, văn minh.*

2- *Phân tầng xã hội và sự phát triển tiến bộ kinh tế - xã hội nông thôn*

Phân tầng xã hội, dĩ nhiên, có mặt trái (mặt tiêu cực) của nó đối với tồn tại và cả phát triển xã hội. Phân tầng xã hội củng cố bất bình đẳng (kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội). Do đó, nó trở thành nguồn gốc của sự bất hòa và xung đột xã hội, một hiệu ứng không mong muốn đối với quá trình phát triển tiến bộ xã hội, thực chất là quá trình tích lũy sự hội nhập, đồng tình, đoàn kết xã hội.

Song phân tầng xã hội là hệ quả tất yếu của sự phát triển kinh tế - chính trị - văn hóa xã hội ; hơn thế nữa, đã trở thành động lực của sự phát triển tiến bộ. Đó chính là mặt phải (mặt tích cực) của phân tầng xã hội. Ngay ở nông thôn nước ta, chỉ mấy năm tích cực chuyển sang cơ chế thị trường, mà phân tầng mức sống đã tỏ rõ tác dụng tích cực xã hội của nó : 1) Kích thích mạnh mẽ tính năng động vi mô, nhà nhà thi đua làm giàu, và nhờ đó mà 2) Cả xã hội nông thôn khá giả lên trông thấy.

Như vậy, phân tầng xã hội là chỉ báo của sự phát triển tiến bộ kinh tế - xã hội, thoát ra khỏi xu hướng cào bằng lợi ích trong thời bao cấp và ra khỏi cả chủ nghĩa bình quân nông dân trong truyền thống nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu của nước ta. Nhưng *phải làm gì và làm như thế nào để vừa phát huy mặt tích cực lại vừa ngăn chặn được mặt tiêu cực của sự phân tầng xã hội trong quá trình đổi mới hiện nay* ? Đây là vấn đề lý luận và thực tiễn của việc chọn lựa chiến lược tối ưu. Giải pháp thích hợp nhất của việc lựa chọn mô hình phát triển hay kịch bản phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn nước ta nói chung và nông thôn miền Bắc nói riêng, có lẽ là *việc hiện đại hóa theo đường lối đổi mới* với 3 nội dung chính : 1) Đô thị hóa, 2) Công nghiệp hóa, và 3) Định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đô thị hóa theo đường lối đổi mới thực chất là sự *lồng ghép* cả hai quá trình biến đổi căn bản kinh tế - xã hội nông thôn : 1) Tiếp tục quá trình di dân nông thôn một cách hợp lý để hình thành hoặc phát triển các đô thị tập trung, chuyển lao động nông nghiệp ra các thành phố để thành lao động phi nông nghiệp ; 2) Đô thị hóa ngay tại nông thôn, gọi là *đô thị hóa tại chỗ*. Công nghiệp hóa theo đường lối đổi mới thực chất cũng là quá trình *lồng ghép* 2 quá trình chuyển đổi lao động và phương thức sản xuất : 1) Lao động nông nghiệp thoát ly hẳn nông thôn chuyển ra các khu công nghiệp tập trung để trở thành công nhân, và 2) *Công nghiệp hóa tại chỗ*. Kịch bản chính của hiện đại hóa theo đường lối đổi mới là *ưu tiên các quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa tại chỗ* với quy mô nhỏ hoặc vừa (làng, thị tứ, thị trấn, thị xã, thành phố, doanh nghiệp hộ gia đình với kỹ nghệ cao...). Định hướng xã hội chủ nghĩa theo đường lối đổi mới nhằm bảo đảm sự nhất quán với các quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, song chủ nghĩa xã hội phải giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa 3 lợi ích xã hội, tập thể và cá nhân cũng như giữa tang trưởng kinh tế thị trường hiện đại với công bằng xã hội nói riêng và tiến bộ xã hội nói chung, để tránh những bi kịch xã hội mà chủ nghĩa tư bản đã phải trả giá trong lịch sử hình thành và phát triển của nó. Hiện nay, chí ít phải quan tâm, chú trọng đúng mức các mặt sau đây : 1) *Lợi ích cá nhân người lao động* - động lực trực tiếp của sự phát triển kinh tế - xã hội ; 2) *Vai trò tự quản của cộng đồng và địa phương* - vừa là điều kiện vừa là biểu hiện của năng động hóa vi mô nguồn động lực quan trọng của phát triển kinh tế - xã hội ; 3) *Đa dạng hóa, hiện đại hóa văn hóa, nhân cách* - nguồn động lực dồi dào cho quá trình sáng tạo nhân tính, văn hóa, văn minh hiện đại, tiên tiến.

Đường lối và chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta cùng với những kinh nghiệm thực tiễn trong mấy năm đổi mới, là bảo đảm chắc chắn để chúng ta chấp nhận sự phân tầng xã hội tiếp tục diễn ra trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới, góp phần tích cực làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh.

Digitized by Google

Ảnh hưởng của kinh tế thị trường đối với hệ thống chính trị ở cấp phường

DƯƠNG XUÂN NGỌC *_ NGUYỄN CHÍ DŨNG**

PHƯỜNG là cấp cơ sở trong hệ thống quản lý hành chính - kinh tế ở nước ta. Đây cũng là một địa bàn mà ở đó các chủ trương, chính sách, luật pháp của Đảng và Nhà nước được hiện thực hóa. Phường có mạnh hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó yếu tố quan trọng nhất là hệ thống chính trị của nó có được củng cố không ? Các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể ở đó hoạt động như thế nào ? Mối quan hệ giữa chúng ra sao ? Khi chuyển sang kinh tế thị trường, hệ thống chính trị ở cấp phường đã chịu sự tác động mạnh mẽ của cơ chế thị trường.

1- Đối với **tổ chức đảng.**

Sự tác động thể hiện ở chỗ :

Về *tư tưởng,* bước đầu làm thay đổi những nhận thức cũ về chủ nghĩa xã hội. Đa số cán bộ, đảng viên ở cơ sở ngày nay cho rằng, thị trường không chỉ của riêng chủ nghĩa tư bản mà cả của chủ nghĩa xã hội. Từ nhận thức này nhiều cán bộ, đảng viên ở cơ sở đã có được hiểu biết mới về sở hữu, về bóc lột, về phân tầng xã hội và phân hóa giàu nghèo. Vì vậy, nhiều đảng viên ở cấp phường đã hăng hái bỏ vốn kinh doanh, đứng ra tổ chức các doanh nghiệp, mở cửa hiệu mua bán và tham gia cổ phần trong một số doanh nghiệp. Việc làm giàu không còn là vấn đề phải bàn cãi, như một tiêu chí khi xem xét đảng viên có đủ tư cách hay không, trừ khi việc làm giàu ấy có dấu hiệu phi pháp. Điều tra chung ở Hà nội cho thấy : 75% số người được hỏi ý kiến cho rằng làm giàu là bình thường, chỉ 12,7% cho là bất bình thường. Cũng điều tra như vậy trong số những hộ nghèo, có 56,3% cho rằng giàu có cũng là hiện tượng bình thường.

Về *tổ chức,* do tồn tại nền kinh tế nhiều thành phần và tác động của thị trường, cuộc sống đòi hỏi các đảng viên ở cơ sở, nhất là ở đô thị, phải tham gia hoạt động trong tất cả các thành phần kinh tế. Vì vậy, thành phần đảng viên ở cấp phường ngày càng đa dạng. Ngoài số đảng viên là cán bộ, công nhân viên chức trong các cơ quan đảng, chính quyền, công an, trường học, số đảng viên tham gia các lĩnh vực hoạt động khác như buôn bán, kinh doanh, làm nghề thủ công... ngày càng tăng lên. Có người cho rằng, Đảng ở cấp phường đang bị "lão hóa" vì số đảng viên già rất đông. Điều tra một số phường ở Hà nội cho thấy : hiện nay, đảng viên về hưu đang chiếm tuyệt đại đa số.

Tên phường	Tỷ lệ đảng viên hưu trí trong tổng số
Giảng võ	93,5%
Điện biên	94,0%
Hàng đào	80,5%
Đống xuân	76,5%
Quỳnh mai	97,0%
Phan Chu Trinh	92,0%

Trong khi đó, việc phát triển đảng viên mới hết sức khó khăn. Từ năm 1990 trở lại đây, đảng bộ các phường ở Hà nội trung bình chỉ phát triển được từ 5 đến 6 đảng viên mới. Nhiều phường chỉ kết nạp 2 đến 3 đảng viên. Đa số đảng viên mới này làm việc trong các đơn vị công an, ủy ban nhân dân hay các trường phổ thông. Đa số thanh niên hiện nay phấn đấu theo các mục tiêu

* PTS triết học, Trường đại học tuyên giáo
** PTS triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

kinh tế, ít quan tâm đến chính trị, lý tưởng ; không muốn vào Đảng.

Cùng với những thay đổi này, vai trò của chi bộ và tổ đảng cũng có những thách thức mới. Chi bộ đường phố gồm tuyệt đại đa số đảng viên là người về hưu. Nhiệm vụ lãnh đạo chuyên môn của chi bộ đã thay đổi. Sự xóa bỏ hệ thống hành chính bao cấp trước đây làm cho nhiệm vụ lãnh đạo việc cấp phát và giao nộp theo cơ chế cũ không còn nữa. Sinh hoạt chi bộ, tổ đảng thiếu đi những nội dung quan trọng mà một tổ chức cơ sở đảng cần phải có. Nhiều buổi sinh hoạt thường kỳ của chi bộ và tổ đảng, đảng viên đến chủ yếu để nghe thông tin tình hình quốc tế và trong nước hoặc bàn về những chuyện đời sống, sinh hoạt của chính đảng viên. Những nhiệm vụ chính trị khác, như vận động quần chúng thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, kiểm tra việc thi hành các chính sách đó, bảo vệ quyền lợi chính đáng của quần chúng lao động... đang rất khó thực hiện. Không ít chi bộ đường phố đang đứng trước nguy cơ bị "câu lạc bộ hóa".

Thị trường không chỉ tác động vào các tổ chức đảng mà còn tác động đến tâm tư, tình cảm và hoạt động của từng đảng viên. Điều tra thực tế ở một số phường Hà nội, Hải phòng và thành phố Hồ Chí Minh cho thấy : hiện nay có một bộ phận đảng viên tham gia sản xuất kinh doanh, buôn bán hoặc làm dịch vụ ở một lĩnh vực nào đó, có thu nhập cao, thậm chí ngày càng cao. Đời sống của bộ phận này được cải thiện rõ rệt. Còn phần đông đảng viên ở phường vẫn sống chủ yếu nhờ vào lương hưu hoặc phụ cấp mất sức. Mức sống của bộ phận này tuy có được cải thiện trong quá trình đổi mới, nhưng còn rất chậm. Sự phân hóa giàu nghèo trong đảng vì vậy đã xuất hiện. Điều này gây không ít băn khoăn, suy nghĩ cho nhiều đảng viên và các tổ chức đảng ở cơ sở, nhất là trong bộ phận những đảng viên đã nghỉ hưu.

2- Đối với **chính quyền.**

Từ khi chuyển sang kinh tế thị trường, chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ giữa chính quyền với đảng ở phường đã có những thay đổi. Do xóa bỏ hệ thống hành chính bao cấp, ủy ban nhân dân phường chuyển dần sang thực hiện thật sự những chức năng quản lý nhà nước ở cấp cơ sở. Đó là quản lý dân cư trên địa bàn, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, làm những việc thiết thực nhằm nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa tinh thần cho nhân dân, thực hành những chỉ thị, nghị quyết của nhà nước cấp trên... Những thủ tục hành chính lỗi thời dần dần được bãi bỏ. Cán bộ nhiều phường đã chú ý hơn đến việc đi sát dân, nắm tâm tư nguyện vọng của nhân dân để giải quyết kịp thời, thậm chí nhiều việc được giải quyết ngay tại cụm dân cư hoặc tổ dân phố. Việc bao biện, làm thay của tổ chức đảng được gạt bỏ dần. Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng được thể hiện qua việc kiểm tra, giám sát thực hiện chủ trương, chính sách, qua việc sắp xếp nhân sự, qua uy tín của cán bộ đảng viên, nhất là qua tính đúng đắn và hiệu quả thực tế của những quyết định của đảng. Tuy nhiên, do sự vận động của kinh tế thị trường, mọi cấp, mọi ngành, mọi tổ chức phải hoạt động sao cho phù hợp với sự vận động đó. Việc thu chi tài chính trên địa bàn phường là do ủy ban nhân dân nắm. Cho nên, phải giải quyết thỏa đáng nguồn tài chính đó trong mối quan hệ giữa đảng và chính quyền.

3- Đối với các **tổ chức quần chúng.**

Do tác động toàn diện của quá trình đổi mới, các đoàn thể quần chúng ở cấp phường cũng có những thay đổi về số lượng và chất lượng. Bên cạnh những tổ chức quần chúng đã có như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ, Hội phụ lão, Mạt trận Tổ quốc..., nhiều tổ chức quần chúng mới xuất hiện như Hội bảo thọ, Hội cựu chiến binh, Hội từ thiện và Hội chữ thập đỏ... Một số nơi còn xuất hiện cả những hội theo nghề nghiệp, theo sở thích. Các hội viên đều tìm thấy ở hội một cái gì đó như chỗ dựa tinh thần và có khi cả vật chất. Do vậy, phần lớn các hội mới này hoạt động tương đối nhịp nhàng, và giữ một vai trò nhất định trong đời sống xã hội ở phường.

Trong khi đó, những đoàn thể quần chúng vốn có lại đang đứng trước những thách thức mới. Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh trở thành tổ chức yếu kém - nếu không nói là yếu kém nhất - ở cấp phường hiện nay. Điều tra một số phường ở Hà nội

Digitized by Google

đã thấy : hầu hết các chi đoàn thanh niên ở đường phố không còn hoạt động hoặc hoạt động rất yếu ớt. Nhiều chi đoàn một năm sinh hoạt chỉ một, hai lần. Thanh niên ở đường phố hầu như không được tổ chức. Ở các phường Phan Chu Trinh, Điện biên, Phạm Đình Hổ, Hàng Ngang, Hàng Đào... trên thực tế chỉ còn có Ban chấp hành đoàn hoạt động. Đoàn thanh niên chưa tìm được những hình thức hoạt động thích hợp để lôi kéo thanh niên.

Hội phụ nữ và hội phụ lão ở cấp phường hiện nay đang là những tổ chức quần chúng được đánh giá là hoạt động khá, đặc biệt là trong các lĩnh vực vận động sinh đẻ có kế hoạch, giữ vệ sinh đô thị, làm việc từ thiện, giúp tìm việc làm... Nhưng hội viên của hội phụ nữ cũng đa số là những mẹ, những chị đã nghỉ hưu, mất sức. Nữ thanh niên và trung niên hầu như không muốn tham gia. Điều này làm cho hoạt động của hội phụ nữ bị hạn chế nhiều. Các hội viên dường như chỉ phát huy vai trò của mình ở chính gia đình mình, chứ không phải trên bình diện xã hội.

*

Trước tình hình thay đổi như vậy, việc tìm kiếm những biện pháp có hiệu quả nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước và tác dụng của các tổ chức quần chúng, là một yêu cầu cấp thiết hiện nay.

Vai trò lãnh đạo của Đảng ở phường phụ thuộc vào năng lực và uy tín của mỗi cán bộ đảng viên. Để bảo đảm cho cấp phường có một đội ngũ cán bộ đủ mạnh, cần kết hợp việc đào tạo, bồi dưỡng tại chỗ những người trẻ có năng lực và nhiệt tình công tác, với việc huy động những người về hưu đang còn sức hoạt động. Thực tế ở nhiều phường cho thấy, ở đâu có sự kết hợp này thì ở đó nội bộ đảng đoàn kết, công việc chạy, phong trào quần chúng tốt, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và cấp trên được thực hiện nghiêm. Ngược lại, thì nội bộ chia rẽ, thậm chí phân chia thành hai lớp trẻ, già. Mỗi kỳ họp hội đồng nhân dân hay đại hội đảng bộ, thường xảy ra những tranh luận không cần thiết, không giúp ích cho việc giải quyết những vấn đề cấp thiết của đời sống kinh tế, văn hóa của nhân dân trên địa bàn phường.

Ngoài ra, cần đấu tranh kiên quyết chống những hiện tượng tiêu cực đang tồn tại ở phường. Yêu cầu làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên ở phường trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay lại càng cần thiết. Tấm gương thực tế của cán bộ, đảng viên ở cơ sở có sức thuyết phục hơn đối với quần chúng trong việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước.

Điều đáng quan tâm đối với chính quyền phường hiện nay là nhà nước nhanh chóng hoàn thiện hệ thống luật pháp để chính quyền cơ sở có thể thực hiện phương châm sống và làm việc theo luật pháp, thay thế dần cách giải quyết nặng về tình cảm và thiếu lý trí, bằng cách giải quyết có lý có tình, tôn trọng pháp luật. Có quy định rõ ràng, cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cấp phường, nhất là trong việc quản lý xây dựng các công trình đô thị, thu thuế, xử lý các vụ vi phạm và giải quyết các nhu cầu về điện, nước, xây dựng các trường học, trạm y tế, nhà văn hóa... Việc định mức thuế và thu thuế cần gắn với trách nhiệm và có sự khuyến khích đối với chính quyền phường về lợi ích.

Một tổ chức chính trị cần được nhìn nhận lại trong điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay, là hội đồng nhân dân phường, vì trên thực tế nó đang tồn tại một cách hình thức. Các khóa họp thường kỳ của hội đồng chủ yếu là tập hợp, phản ánh những thắc mắc, kiến nghị của dân ở cơ sở. Những quyết định của nó ít được các cơ quan chính quyền thực hiện, dường như nó không có thực quyền.

Để nâng cao vai trò tập hợp, tổ chức, giáo dục và thuyết phục, các tổ chức quần chúng cần nêu cao tính hoạt động thiết thực và có hiệu quả. Muốn vậy, phải tìm hiểu tâm tư, tình cảm, nguyện vọng, nhu cầu lợi ích của mỗi lớp người, mỗi nhóm xã hội. Chẳng hạn, đối với thanh niên đường phố, tổ chức tốt việc học nghề, tìm việc làm thích hợp, lập các hội nghề nghiệp trẻ, hướng dẫn kinh doanh trong điều kiện kinh tế thị trường, v.v. là những hoạt động bổ ích, thiết thực thu hút thanh niên.

Digitized by Google

"CHỊU CHƠI" !

HÀ KHANH

Tôi có anh bạn thân, lái xe cho giám đốc một công ty lớn. Nghe tin tôi được cơ quan phân cho căn hộ 18m², anh ấy liền thắng bộ rất điện, đi xe máy Đờ-rim đến chúc mừng tôi. Thấy bạn thay đổi nhiều, tôi đùa :

- Trông cậu dạo này "chịu chơi" quá !

Bạn tôi cười :

- Chắc cậu chưa hiểu thế nào là "chịu chơi" đâu. Mình kể cho cậu nghe câu chuyện này nhé.

Thế là bên bàn trà, điếu thuốc trên tay, bạn tôi kể :

Lái xe cho thủ trưởng công ty tôi đã lâu, hôm mới rồi tôi lại được cử về tận quê của ông thực hiện một sứ mệnh quan trọng : Rước cụ thân sinh ra ông lên Hà nội để khánh thành ngôi nhà cao tầng mới xây.

Cụ thân sinh thủ trưởng tôi năm nay đã ngoài 70 nhưng người còn khỏe, nước da rám nắng, vẻ mặt rắn rỏi. Ngả mình trong chiếc xe sang trọng, cụ vui chuyện với tôi suốt dọc đường.

- Dạo này đường sá tốt quá. Xe chạy nhanh chắc chẳng mấy chốc đến Hà nội. Sao chú đóng kín hết cửa xe, ngạt thở chết !

- Cụ cứ yên tâm. Đây là chiếc xe xuyên lục địa, có máy điều hòa. Hiện đại lắm, "mốt" lắm. Công ty vừa mới mua đấy cụ ạ.

- Chắc cái xe này đắt tiền lắm chú nhỉ ?

- Xoàng thôi cụ ạ. Độ sáu mươi ngàn đô.

- Đô đê gì tôi không thạo. Chú cứ tính ra tiền ta là bao nhiêu ?

- Là trên 600 triệu. Là 600 tấn thóc.

- Sáu trăm tấn thóc ! ? Ông cụ sửng sốt nhìn tôi, rồi lặng đi trầm ngâm. Tôi đoán chừng cụ đang nhẩm tính xem giá cái xe có thể nuôi được bao nhiêu gia đình nông dân trong một năm. Cụ nheo nheo mắt vọng về xa xăm. Có lẽ cụ đang hình dung đến không khí của buổi lễ khánh thành nhà chăng ? Không phải, cụ đang nung nấu về một chuyện khác. Cụ quay sang tôi : "chú ạ, năm ngoái cưới con gái của thằng cả (thủ trưởng tôi đứng hàng cả), tôi ốm không lên được. Nó viết thư về trách mãi. Nó kể rằng nó đã tặng cho con gái một căn hộ 3 buồng và một chiếc xe máy Rim riếc gì đó để làm của hồi môn. Nó bảo tiếc quá, giá ông ra được với cháu thì cùng kéo vào Sài gòn, rồi đi Đà lạt để du lịch. Gọi là cho các cháu hưởng trọn tuần trăng mật. Nhớ thời bao cấp rõ khổ chú nhỉ. Hai vợ chồng nó về quê với chiếc xe đạp tàng, xin tôi từng nắm ngô, đấu vừng. Bây giờ đất nước đổi mới, chúng nó ăn nên làm ra, tiền của tiêu xài cứ như nước. So với đời bố, rõ một trời một vực. Dạo tết vừa rồi vợ chồng nó buồn lắm, vì con chó Mi-nu nhà nó vừa mới mừng sinh nhật hôm nào, bỗng dưng lăn đùng ra chết. Nghe nói nó tổ chức tang lễ cho chó quá chu đáo. Cũng điếu văn thảm thiết. Cũng phường bát âm đưa vong linh chó về nơi an nghỉ cuối cùng. Bạn hữu gần xa nuối tiếc, đến chia buồn nườm nượp. Bà nhà tôi nghe tin thì chép miệng : "Thằng ấy đở thói chơi ngông, rồi thiên hạ người ta chửi vào mặt cho !". Bà ấy còn nhán "đem ổ chó đẻ của nhà lên mà nuôi, việc gì phải nhiêu khê "phốc" với "xù", "Nhật" với "Đức". Chó nào chả là chó".

Nghe chuyện của cụ tôi phì cười. Tôi biết hai cụ đâu hiểu hết tính khí của người con trai mình. Sống với "xếp" tôi bao nhiêu năm, tôi còn lạ gì. Chỉ có điều "có mồm thì cáp, có nắp thì đậy", chẳng phải chuyện gì cũng tuồn tuột nói ra hết được. Ví như cái chuyện mùa hè "xếp" tôi đi tắm biển hàng tuần với cô thư ký ; cái dạo "xếp" tôi sai người lặn lội vào tận Trường sơn tha ra hàng trăm dò phong lan quý ; cả những chuyến công du nước ngoài, những hợp đồng úp mở, những chữ ký tính ra bạc triệu... tôi dâu dám hé răng. Giờ nghe cụ ca thán về người con trai, tôi thầm nghĩ con trai cụ đúng là một lão cuồng. Trong lúc nhân dân còn bao vất vả gian truân, trong lúc ngay chính công ty, xí nghiệp ông

Digitized by Google

làm ăn còn thua lỗ, mà ông dám ăn chơi xa xỉ thì thật đáng nguyền rủa. Tôi muốn hét to lên những lời không đẹp cho hả dạ. Nhưng tôi cố kìm nén và chỉ phụ họa với cụ một câu :

- Thưa cụ, thủ trưởng con là người lịch sự và chịu chơi lắm a !

- Chịu chơi nghĩa là chơi bời trác táng hả ?

- Không hẳn, nghĩa là thích xài sang, thích ăn chơi sành sỏi hơn người. Thi dụ đã có câu : "ăn một, ngủ hai, uống ba, đi bốn, hút năm...". Tôi định kể ra liền một mạch và cắt nghĩa cặn kẽ cho cụ : ăn một nghĩa là ăn 100 đô một bữa, ngủ hai nghĩa là ngủ theo kiểu nhất dạ đế vương, uống ba nghĩa là uống bia 333 thả cửa... Nhưng tôi cho rằng cụ làm sao mà nhớ hết được.

Xe sắp về đến Hà nội... Lượn vòng qua đường đê, xe rẽ xuống một vùng thoáng rộng ven đô... Đây rồi, ngôi nhà cao vút của thủ trưởng tôi đã lừng lững trước mặt. Lấy thiết kế từ Ý về, thủ trưởng tôi thuê một kíp thợ tận Đà Nẵng thi công, nên đã tạo ra một tác phẩm nghệ thuật kiến trúc tuyệt tác.

Xe cua một vòng và từ từ lăn bánh vào cổng. Một dây pháo lớn từ tầng thượng đổ xuống, nổ vang trời. Đèn xanh đỏ nhấp nhoáng. Khói bay mù mịt. Cụ già bước châm chạp, vẻ mệt mỏi. Tôi vội dìu cụ thẳng tới vườn "thượng uyển" cho dễ thở. Tôi định tâm sẽ giới thiệu nó với cụ như giới thiệu với một vị khách quý : Đây là hòn non bộ với nhũ đá được đặt mua từ Xin-ga-po. Đây là bộ chạm trên gỗ vàng tâm thấy trò Đường tăng đi lấy kinh. Đây là đỗ phong lan mang từ Trường sơn ra. Đây là cây thiên tuế, vạn tuế, mai chiếu thủy..., tôi còn nhớ có cây mua đến vài chục triệu đồng. Đây là bể cá vàng sủi bọt, những con cá tung tăng đang đớp thức ăn nhỏ xíu mua từ Nhật về... Nhưng thấy cụ có vẻ thờ ơ, tôi dành đưa cụ lên tầng hai để dự tiệc.

Khách đến với thủ trưởng tôi rất đông, hình như có cả tây, cả Việt kiều. Họ thướt tha, quần là áo lượt. Khi vợ chồng thủ trưởng tôi giới thiệu người thân sinh ra mình, thì cốc chạm cốc, tay chạm tay, những nụ hôn, những cái ôm nồng thắm làm ông cụ cuống lên, chòm râu rung rung. Tôi chắc là cụ xúc động lắm. Và kìa nhạc sống đã nổi. Vũ hội đã bắt đầu. Những món ăn đặc sản dầy mâm. Ông cụ ngồi đơ dẫn như khúc gỗ. Cô dâu cả (vợ thủ trưởng tôi) thì tất bật đáp lễ và nhận những "món quà nhỏ" mà khách đến trao tận tay. Thủ trưởng tôi cười hết cỡ, đi từ bàn nọ đến bàn kia, hộp bia trên tay nghiêng ngả. Tôi thấy cụ già nhăm mắt lại, khi người hầu bếp cầm con rắn hổ mang rất dài, dùng dao nhọn lấy túi mật và quả tim vẫn còn đập bỏ vào ly, rót rượu đầy và nâng lên chúc thủ trưởng tôi những lời chúc tốt đẹp. Thủ trưởng tôi ngửa mặt, làm một hơi hết sạch. Cụ già đứng dậy, mặt tái đi. Tôi lo quá. Vợ thủ trưởng thấy bố chồng khác ý cũng tỏ vẻ bồn chồn. Bà ghé vào tai tôi nói nhỏ : "Chú đưa cụ xuống chỗ rối nước. Chỉ chút nữa là rối nước bắt đầu".

Đứng trước màn rối nước, đúng là cụ có bình tâm hơn. Các con rối sơn son thếp vàng đang lượn lờ trên mặt nước. Lát nữa sẽ là những màn diễn lung linh, huyền ảo, uyển chuyển, biến hóa khôn lường. Chút nữa sẽ là những tràng vỗ tay như sấm. Các quý khách phen này chắc sẽ phục lăn một con người biết "chịu chơi" như thủ trưởng tôi. Song tôi lại thấy ông cụ không vui. Cụ nhìn xuống mặt nước hồ, môi bặm lại. Rồi cụ ghé sát vào tai tôi, giọng lập cập : "Chú cho tôi về nghỉ".

- Ô hay, cụ làm sao thế. Đây là trò vui nhất đấy. Ở quê, mấy khi cụ được xem những tiết mục thế này.

- Vâng, ngày xưa tôi thích món rối nước lắm. Nhưng hôm nay... nhìn những con rối kia tôi hãi quá. Tôi cứ mường tượng thấy cái cảnh lũ lụt ở quê tôi ngày nào. Đồng nước trắng xóa, những thân hình gầy guộc, rách rưới, ngụp lặn dê vớt từng bông lúa... Tôi sợ, tôi sợ chú ạ ! Tôi không hiểu con tôi. Nó điên mất rồi. Cuộc sống của nó xa hoa quá ! Hỏng, hỏng mất chú ơi ! Ngày mai, nhất định chú cho tôi về quê sớm chú nhá !

Tôi hiểu, tôi hiểu thấu tấm lòng của cụ. Tôi nắm chặt đôi bàn tay run rẩy của cụ và gật đầu.

ĐÍNH CHÍNH

Do sơ suất của khâu in ấn, *một số bản* TCCS số 10-1993, ở trang 51 có sự đạt lẫn cột (cột 1 thành cột 2). Chúng tôi thành thật xin lỗi bạn đọc và tác giả bài "Thói đời ghen ghét".

Digitized by Google

HAI BÌNH DIỆN CHỦ YẾU TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ HIỆN NAY

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

CUỘC đối đầu Đông-Tây gay gắt và khốc liệt kéo dài hơn bốn thập kỷ đã kết thúc đồng thời với sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và Đông Âu. Biến cố bước ngoặt này khiến cho hệ thống quan hệ quốc tế được hình thành từ sau chiến tranh thế giới thứ hai tan vỡ, mở đầu cho quá trình tìm kiếm và kiến tạo một hệ thống mới. Trong quá trình ấy, các quốc gia - dân tộc đã và đang thực hiện những điều chỉnh về chiến lược phát triển nhằm xác lập vị trí có lợi trong cuộc đua tranh tiến vào thiên kỷ tiếp theo.

Sau chiến tranh lạnh, thế giới chuyển biến mạnh mẽ và rất căn bản, chứa đựng trong nó những xu hướng vận động đan xen nhau một cách phức tạp. Sự đổ vỡ của hệ thống quan hệ quốc tế "hai cực", "hai siêu cường", đẩy tới tình trạng bùng nổ các mâu thuẫn dân tộc và chủng tộc, mâu thuẫn về tôn giáo và lãnh thổ ở nhiều nơi trên hành tinh. Chủ nghĩa dân tộc cực đoan cùng xu hướng ly tâm đã trở thành nguyên nhân trực tiếp của những thảm kịch kéo dài và đẫm máu đang diễn ra trên thế giới, gây ra mối quan ngại sâu sắc của cộng đồng quốc tế hiện nay.

Tuy nhiên, nhìn chung trên phạm vi toàn cầu, xu thế hòa dịu, một mô thức biểu hiện của trạng thái vừa hợp tác vừa đấu tranh giữa các quốc gia, tiếp tục là xu thế quan trọng chi phối các quan hệ quốc tế hiện đại. Hòa dịu quốc tế hiện nay mang một sắc thái đặc thù, vừa phản ánh lợi thế tương đối của chủ nghĩa tư bản so với chủ nghĩa xã hội về lực lượng, vừa phản ánh những giới hạn, mâu thuẫn của chính chủ nghĩa tư bản, lại vừa phản ánh sự chi phối của quy luật quốc tế hóa đối với sự phát triển của đời sống nhân loại ở thời đại cách mạng khoa học - công nghệ.

Tiến trình các sự kiện trên thế giới gần đây tiếp tục cho thấy, do có những khác biệt về lợi ích, trong quan hệ quốc tế không thể không xuất hiện sự cạnh tranh và đấu tranh ở nhiều cấp độ giữa các quốc gia, thậm chí giữa các nhóm quốc gia, để giành khả năng và ưu thế phát triển. Vì vậy, *đấu tranh chính trị* và *phát triển* trở thành hai bình diện chủ yếu diễn ra sự vận động của thế giới và các quan hệ quốc tế ngày nay.

Ở thời kỳ chiến tranh lạnh, các quan hệ quốc tế bị chế định trong khuôn khổ của sự đối đầu gay gắt và toàn diện, trước hết là về chính trị - quân sự. Mọi quan hệ chủ yếu đều diễn ra theo "tuyến dọc" giữa các quốc gia có cùng bản chất chế độ xã hội. Thế giới bị chia cắt và khu biệt một cách nhân tạo trong các khối quốc gia. Trong bối cảnh đó, mọi hình thức đấu tranh chính trị đều được quy vào hình thức duy nhất là *đấu tranh giai cấp* - đấu tranh giữa các hình thái kinh tế - xã hội.

Ngày nay, khi mọi quốc gia hòa nhập vào một thực thể kinh tế thống nhất, thì những lợi ích khác nhau và đối lập nhau giữa các quốc gia (cùng chế độ và khác chế độ) cũng sẽ làm nảy sinh (bên cạnh nhu cầu hợp tác) cuộc đấu tranh để giải quyết hàng loạt mâu thuẫn. *Hợp tác* và *đấu tranh* là hai mặt của hệ thống các quan hệ quốc tế hiện đại và là một đặc điểm nổi bật trong quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc.

Sau sự tan rã của Liên xô, các cường quốc tư bản tích cực đẩy nhanh nhịp độ và mở rộng quy mô giành giật quyền chi phối mọi mặt đời sống quốc tế. Mâu thuẫn giữa thực lực với tham vọng chủ quan

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

trong ý đồ chiến lược của họ, giữa mưu toan khống chế thế giới trong quỹ đạo chủ nghĩa tư bản với phản ứng gay gắt của dư luận tiến bộ, giữa âm mưu và hành động nhằm xóa bỏ hoàn toàn chủ nghĩa xã hội với quyết tâm kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa của các nước xã hội chủ nghĩa v.v. đang đặt ra nhiều vấn đề mới về đấu tranh chính trị, đấu tranh giai cấp.

Sự phát triển trong cạnh tranh quyết liệt của các nước tư bản phát triển và ba trung tâm của chủ nghĩa tư bản, việc thu hẹp đáng kể khoảng cách về thực lực kinh tế của họ mở ra tiền đề thực tế cho khả năng cạnh tranh giữa họ trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, ngoại giao... Việc tranh giành ảnh hưởng chính trị và vai trò dàn xếp của họ chung quanh các cuộc xung đột hiện nay như ở Nam tư và Liên xô cũ, là ví dụ cụ thể nói lên tính đa dạng của các loại hình đấu tranh chính trị hiện nay.

Chiến tranh lạnh kết thúc, nhưng rõ ràng *không hề làm mất đi mâu thuẫn đối kháng giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản*. Mặc dù chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc đã có những điều chỉnh lớn để thích nghi với hoàn cảnh lịch sử mới, song bản chất của nó vẫn là bóc lột và hiếu chiến. Đây không chỉ là kết luận khoa học rút ra từ sự phân tích cơ chế tồn tại của phương thức sản xuất và chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa, mà còn là sự phản ánh khách quan với những bằng chứng lịch sử cụ thể. Cuộc phản kích công khai, quyết liệt và đầy xảo quyệt bằng "diễn biến hòa bình" của các thế lực đế quốc phản động chống các nước xã hội chủ nghĩa còn lại, là biểu hiện rõ nhất về đấu tranh giai cấp giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội hiện nay. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh này hiện diễn ra trong bối cảnh đặc thù. Sự tan rã của Liên xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa đã đặt cách mạng giải phóng dân tộc, độc lập dân tộc, chống đế quốc ở thế giới thứ ba cũng như cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản phát triển và phong trào hòa bình, dân chủ, tiến bộ xã hội... vào thế bất lợi.

Các nước xã hội chủ nghĩa đang phải đối mặt với những thách thức to lớn. Một mặt, là sự phản công của chủ nghĩa đế quốc ; mặt khác, phải tự tìm kiếm, xây dựng cho mình mô hình chủ nghĩa xã hội phù hợp mang tính khả thi, có tính đến bước phát triển mới của văn minh nhân loại. Cho nên, nội dung chủ yếu của cuộc đấu tranh "ai thắng ai" hiện nay *trước hết* là duy trì, củng cố, đổi mới và phát triển chủ nghĩa xã hội.

Tình thế cách mạng trên thế giới trong mấy thập kỷ qua đã tạo ra điều kiện khách quan và chủ quan để nhấn mạnh nội dung *chính trị - quân sự* của đấu tranh giai cấp chống chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Còn ngày nay, do có sự thay đổi lớn trong so sánh lực lượng và nhất là do đòi hỏi không thể trì hoãn của nhu cầu phát triển ở thời đại cách mạng khoa học - công nghệ, nên nội dung *kinh tế* của cuộc đấu tranh này cần được đặt lên vị trí ưu tiên. Tuy nhiên, nếu trước đây tuyệt đối hóa đấu tranh giai cấp với nội dung chính trị - quân sự là một sai lầm, thì nay nếu tuyệt đối hóa nội dung kinh tế, không chú trọng đúng mức, đi đến xem nhẹ nội dung tư tưởng, chính trị - quân sự của cuộc đấu tranh đó, thì cũng là sai lầm, "sai lầm kép".

Đấu tranh chính trị là đặc điểm của một thế giới phát triển rất đa dạng với nhiều trình độ khác nhau như hiện nay. Không thể giới hạn cuộc đấu tranh chính trị chỉ trong một hình thức là đấu tranh giai cấp. Mặc dù, đấu tranh giai cấp có vai trò đặc biệt quan trọng, nhưng nó *chỉ là* một động lực chủ yếu trong các động lực thúc đẩy tiến bộ lịch sử. Những động lực khác, dĩ nhiên, nằm trong nhiều hình thức khác nhau của đấu tranh chính trị. Lịch sử vận động nhờ lực đẩy của một hệ thống phức tạp các mâu thuẫn ; mâu thuẫn giai cấp chỉ có thể phát huy vai trò của nó và được giải quyết một cách triệt để nếu được đặt trong mối quan hệ hữu cơ với các yếu tố cấu thành khác của hệ thống các mâu thuẫn chính trị.

Nếu quan niệm đấu tranh chính trị thúc đẩy sự phát triển tiến bộ xã hội, thì cuộc đấu tranh ấy hiện đang diễn ra trên quy mô rộng lớn. Cuộc đấu tranh của các nước đang phát triển với các nước phát triển vì những mục tiêu bình đẳng, tôn trọng, chủ quyền quốc gia - dân tộc, củng cố độc lập chính trị bằng cách giành độc lập nhiều hơn về kinh tế, không thể không có vị trí hàng đầu trong đấu tranh chính trị hiện nay. Ngoài ra, cuộc đấu tranh nhằm giải quyết

Digitized by Google

những vấn đề toàn cầu đang đe dọa môi trường - sinh thái hay cuộc đấu tranh nhằm làm cho mọi thành tựu khoa học - kỹ thuật, công nghệ, văn hóa... đều được áp dụng vì con người, cũng là những hướng và nội dung quan trọng của đấu tranh chính trị hiện nay.

Xét trên bình diện *phát triển* của tiến bộ văn minh nhân loại, cuộc cách mạng khoa học - công nghệ mới về chất, tác động sâu sắc đến mọi quốc gia - dân tộc và các quan hệ quốc tế. Giai đoạn mới này, bằng những thành tựu nổi bật của các ngành năng lượng hạt nhân và vật liệu mới, tin học và điện tử học, công nghệ sinh học và tự động hóa v.v. đã đưa đến sự phát triển theo chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ sản xuất vật chất đến sản xuất tinh thần.

Cách mạng khoa học - công nghệ thúc đẩy cuộc chạy đua về kinh tế trên quy mô toàn cầu. Thách thức về kinh tế đã và đang làm phát sinh thách thức về chính trị, về an ninh quốc phòng đối với mọi quốc gia. Tuy vậy, trước vận mệnh của sự phát triển của từng quốc gia, không chỉ có thách thức mà còn có cả thời cơ. Điều đó đòi hỏi tính chủ động, nhạy bén của các lực lượng chính trị đóng vai trò định hướng sự phát triển của mỗi dân tộc. Vấn đề đặt ra là phải nhận biết chính xác, xử lý sáng tạo đối với thời cơ và thách thức của thời đại.

Quá trình quốc tế hóa không gì cưỡng nổi của lực lượng sản xuất và các lĩnh vực khác của đời sống xã hội cùng với xu hướng nhất thể hóa thị trường và nền kinh tế thế giới, đang làm thay đổi căn bản cơ cấu kinh tế cùng những hình thức quan hệ kinh tế quốc tế. Nó mở ra khả năng hợp tác liên kết giữa các quốc gia có chế độ chính trị - xã hội khác nhau. Trên thực tế, cùng với quốc tế hóa về công nghệ và vốn đầu tư, tri thức và các giá trị văn hóa cũng trở thành đối tượng chủ yếu của quốc tế hóa. Ngoài ra, thế giới hiện đang chứng kiến cả quá trình quốc tế hóa mọi nỗ lực và giải pháp cho các vấn đề lớn như môi trường sinh thái, giải trừ quân bị, tháo gỡ xung đột quốc tế, bảo vệ nhân quyền, tạo công ăn việc làm, các vấn đề nhân đạo v.v..

Cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại với toàn bộ những thành tựu của nó, nhất định sẽ dẫn đến việc cách mạng hóa các quan hệ sản xuất đương thời, hướng tới nấc thang phát triển cao hơn của văn minh nhân loại. Cuộc cách mạng này đang tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho bước quá độ của loài người từ nền văn minh công nghiệp sang một nền văn minh mới, mà sức mạnh của nó có khả năng phủ nhận những mô hình xã hội không đáp ứng được nhu cầu của lịch sử về phát triển kinh tế - xã hội và giải phóng con người.

Sự vận động tiến hóa của văn minh nhân loại dưới tác động của cách mạng khoa học - công nghệ đòi hỏi mỗi quốc gia - dân tộc dù lớn hay nhỏ, dù giàu hay nghèo, nếu muốn phát triển thì nhất thiết phải chủ động tham gia phân công lao động quốc tế, phải trở thành bộ phận hữu cơ đầy năng động của hệ thống kinh tế thế giới cũng như khu vực. Phải tự đặt mình là bộ phận của một thế giới thống nhất, đồng chủ thể của một nền văn minh chung. Làm khác đi theo lối tư duy cũ, sẽ không thể vươn lên trong tiến trình chung của nhân loại.

Phát triển trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ là xu thế khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của các cá nhân, tầng lớp và giai cấp ; vì vậy, xét cho cùng, không có lực lượng nào có thể kìm hãm được. Phát triển cũng là một động lực, mục tiêu của giao lưu quốc tế. Nó làm cho trở ngại về ranh giới địa lý, về chế độ chính trị - xã hội khác nhau, không còn là trở ngại không thể vượt qua.

Đấu tranh chính trị với những nội dung và hình thức phong phú vẫn tồn tại, không chỉ trong đường biên của từng quốc gia, mà cả trong quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc. Cùng với nhu cầu phát triển và vì mục tiêu phát triển, đấu tranh chính trị sẽ còn được bổ sung thêm những nội dung và hình thức mới. *Đấu tranh chính trị* và *phát triển*, hai bình diện chủ yếu của quan hệ quốc tế hiện đại, liên hệ một cách hữu cơ với nhau và không loại trừ nhau. Chúng quy định và chi phối chặt chẽ sự vận động của đời sống chính trị quốc tế hiện nay, thúc đẩy giao lưu quốc tế và nâng nó lên một tầm cao mới theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, trên cơ sở vừa hợp tác vừa đấu tranh trong cùng tồn tại hòa bình.

Digitized by Google

NƯỚC NGA TRONG CUỘC ĐỜI CỦA MÁC *

SAU cuộc chiến tranh ái quốc vĩ đại không lâu, khi lần đầu tiên các bản thảo của Các Mác về nước Nga được ấn hành, những người thợ sắp chữ rất đỗi ngạc nhiên không còn tin vào chính mắt mình : họ đang sắp chữ cho những tên gọi xóm, thôn, làng, xã thân yêu của mình.

Không kém những người thợ sắp chữ, tôi cũng rất kinh ngạc trước sức lao động lớn lao mà nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã bỏ ra để phát hiện những cơ sở kinh tế xã hội và tiềm năng to lớn đã chín muồi trong đất nước của "cuộc cách mạng xã hội hùng vĩ nhất". Mác đã nghiên cứu tình hình nông dân Nga trong tất cả 50 tỉnh, 600 huyện trên phần đất châu Âu của nước Nga. Nhờ những người bạn Nga mà trong một thời gian ngắn Mác đã có trong tay tất cả những tư liệu tốt nhất, trong đó có những tài liệu đặc biệt quý giá, như "Những công trình của Hội đồng đảm phụ" (70 tập).

Một điều may mắn đối với Mác là trước khi bắt đầu chuyên tâm nghiên cứu các nguồn tư liệu Nga, ông đã quen thân với tất cả những đại diện ưu tú nhất của nhân dân Nga, những người con trung thành, nguyện hy sinh cho sự nghiệp giải phóng nhân dân mình. Mác, cũng như Ăng-ghen, đã giao du, tiếp xúc với những trí thức có tư tưởng tiến bộ của những năm 1840 và 1860 ; với các nhà hoạt động cho phong trào "ruộng đất và tự do", "dân nguyện" ; với các nhà lãnh đạo phân bộ Nga của Quốc tế cộng sản ; với các thành viên của nhóm "Giải phóng lao động" ; với các nhà cách mạng đã tích cực tham gia phong trào giải phóng không chỉ ở Nga mà cả trên trường quốc tế. Qua những tên tuổi như An-nhen-cốp, Bốt-kin, Ba-cu-nin, Xa-dôn-nốp, Lô-pa-tin, La-vrốp, U-chin và Tô-ma-nốp-xcai-a, Mô-rô-dốp và Gác-tơ-man, Da-xu-lích và Plê-kha-nốp, chúng ta đủ hình dung Mác và Ăng-ghen đã có được khả năng như thế nào để nhận những thông tin về nước Nga.

Những xác nhận của những người đương thời, những tài liệu chép tay và thư tín để lại của Mác, đều nói lên mối quan tâm của ông đối với toàn bộ nền văn hoa Nga thế kỷ thứ 19 cũng như giai đoạn phát triển đầu tiên của nền văn học Nga, bắt đầu từ "Những lời ca về đạo quân I-go", và sử thi Nga, với những bài ca trong tổ khúc của Ra-đin. Từ những ký ức và những bức thư của bầu bạn, người thân của Mác, chung ta được biết : trong nhà Mác từng vang lên điệu nhạc cổ điển Nga ; vẫn lưu giữ những bản nhạc ô-pê-ra của M.I.Glin-ca do bầu bạn quan tâm gửi tặng ; từng biểu diễn những bài dân ca và những bản tình ca Nga quan thuộc nhất.

Cho đến ngày nay, trong số hàng trăm bức thư của Mác và Ăng-ghen, chúng ta có nhiều thư trao đổi giữa Mác, Ăng-ghen với những người bạn Nga. Trong số địa chỉ Nga, có gần năm chục địa chỉ của các nhà bác học nổi tiếng, đại diện cho nền văn hóa Nga ; của các nhà hoạt động xã hội cỡ lớn. Riêng điều đó cũng giúp chúng ta thấy được sự phong phú, giá trị và sự đa dạng của những thông tin mà hai nhà lãnh tụ của giai cấp vô sản đã nhận được.

Trong những năm 1840 và 1850, Mác đã đặt cuộc đấu tranh chống tên sen đầm của châu Âu là chế độ Xa hoàng, lên hàng đầu hoạt động chính trị của mình. Bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra đời vào hôm trước các cuộc cách mạng châu Âu (1848-1849), được bắt đầu bằng những lời về cuộc "đàn áp thần thánh" đối với học thuyết cộng sản, do các lực lượng của "châu Âu già cỗi" tiến hành, trong đó đầu tiên phải kể đến giáo hoàng La mã, tiếp sau là Nga hoàng. Trong thời kỳ cách mạng 1848-1849, Mác và Ăng-ghen đã kêu gọi phát động cuộc đấu tranh toàn dân kiên quyết chống lại "ba cường quốc phản cách mạng" là Phổ, Anh, Nga. Những lời kêu gọi tiến hành cuộc chiến tranh cách

* Bài viết của tiến sĩ sử học P.Ca-nhiu-sai-a nhân kỷ niệm 175 năm ngày sinh Các Mác, đăng trên báo *Nước Nga xô viết* ngày 6-5-1993

Digitized by Google

mạng chống nước Nga Xa hoàng, như Lê-nin sau này đã giải thích, không có nghĩa nào khác ngoài mong muốn động viên quần chúng vùng lên đấu tranh lật đổ chế độ chuyên chế, phong kiến và ách đô hộ ngoại tộc.

Sự thất bại của Nga trong cuộc chiến tranh Crưm đã làm bộc lộ sự thối nát của chế độ nông nô ở Nga, làm tăng thêm sự khủng hoảng về chính trị, kinh tế, xã hội, đẩy nhanh sự phát triển của phong trào tự do đối lập và dân chủ nông dân, khiến Mác phải đặc biệt nghiên cứu nội tình nước Nga và đưa vào không ít những sửa đổi, đính chính cho những nhận định trước đây về nước Nga thời kỳ những năm 1840 và 1850.

Mác đã tốn nhiều công sức để giải thích cho dư luận thế giới thấy rõ thực chất của những sự kiện xảy ra ở Nga là vô cùng vĩ đại. Đấy là sự xóa bỏ quyền chiếm hữu nông nô và sự xuất hiện của tình huống cách mạng trong nước. Cuối đời mình, Mác đã quay lại với sự kiện có ý nghĩa thời đại đó và đã viết tác phẩm "Những ghi chép về cuộc cải cách 1861 và sự phát triển theo con đường cải lương ở Nga". Bản thảo của công trình lớn này đã được nghiền ngẫm về tình hình các dân tộc Nga, về cuộc đấu tranh của họ, về những thay đổi cơ bản trong sự phát triển kinh tế xã hội của nước Nga theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Bức thông điệp của Tổng hội đồng Hội liên hiệp công nhân Quốc tế, do Mác soạn thảo gửi các ủy viên Ủy ban phân bộ Nga ngày 24-3-1870, là một văn kiện đánh dấu sự khởi đầu về chất của một giai đoạn mới trong nhận thức của Mác về nước Nga.

Dành cho mình trách nhiệm đại diện "chi nhánh Nga" trong Tổng hội đồng là cơ quan lãnh đạo trung ương, người lãnh đạo tổ chức này đã phân tích cho những người cách mạng Nga hiểu rõ ý nghĩa quốc tế của cuộc đấu tranh của họ. Mác tuyên bố : Các nhà xã hội Nga đã gánh lấy nhiệm vụ cao cả là tiêu diệt chế độ quân phiệt, đấy là điều kiện tiên quyết hết sức cần thiết để giải phóng giai cấp vô sản châu Âu.

Tập I bộ "Tư bản" ra đời, đặc biệt năm 1872, được dịch sang tiếng Nga, đã thúc đẩy mạnh mẽ sự hồi sinh của tư tưởng xã hội Nga. P.L. La-vrốp đã viết cho Ăng-ghen năm 1879 : "Tôi nghĩ không ở đâu như ở nơi này, người ta lại biết nhiều về tác phẩm của anh ấy như thế". Sự tác động của bộ "Tư bản" đối với các nhà cách mạng Nga thật là mạnh mẽ, đến nỗi trong các cuộc tranh cãi họ bắt đầu xem nhà xã hội vĩ đại người Đức như vị quan tòa tối thượng.

Đến đầu những năm 1880, quan điểm đó đặc biệt phổ biến trong những kiểu dân cách mạng Nga, những người do kinh nghiệm sống và nhờ làm quen với phong trào công nhân châu Âu, bắt đầu xem xét lại những quan điểm ban đầu trong thế giới quan dân túy của mình. Trong bầu không khí như vậy, V.I.Da-xu-lích đã gửi Mác bức thư nổi tiếng ngày 16-6-1881 để cập vấn đề bức thiết nhất hồi bấy giờ : về "số phận chủ nghĩa tư bản" ở Nga và về công xã nông thôn Nga.

Chắc hẳn lúc bấy giờ chưa phải là thời điểm thích hợp để phát biểu với công chúng việc nghiên cứu tỉ mỉ những vấn đề đó, nên Mác đã quyết định viết cho V.I.Da-xu-lich một bức thư ngắn để sử dụng các tài liệu chép tay đã được chuẩn bị vào một thời gian khác. Các nhà sử học và xã hội học tìm thấy trong các bản thảo của Mác một loạt những tổng kết quan trọng nhất về tính chất cổ xưa của sản xuất tập thể, những khả năng và điều kiện thông qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa, nguyên nhân tan rã của công xã nông thôn và những điều kiện cứu vãn nó, những hình thức tước đoạt tài sản của giai cấp nông dân và cuộc cải cách năm 1861.

Vào những năm cuối đời, trong những bài phát biểu khác của mình, Mác và Ăng-ghen đã nhiều lần thể hiện công khai thái độ của mình đối với tiền đồ của phong trào cách mạng đang phát triển ở Nga, đánh giá cuộc đấu tranh đang diễn ra bên trong nước Nga. Đặc biệt quan tâm đến việc củng cố tinh thần chủ nghĩa quốc tế, đoàn kết đội ngũ những người cách mạng, ngày 19-11-1881, hai ông đã gửi đến Giơ-ne-vơ lời chào mừng cuộc mít tinh hàng năm kỷ niệm cuộc khởi nghĩa Ba-lan 1831. Chào mừng cuộc đấu tranh đã bắt đầu của công nhân Ba-lan, Mác và Ăng-ghen kêu gọi : "Hãy để cuộc đấu tranh

Digitized by Google

đó được báo chí và tuyên truyền cách mạng ủng hộ, hãy để cho nó thống nhất với những nguyện vọng của những người anh em Nga của chúng ta".

Cuộc mít tinh của người Xla-vơ ngày 21-3-1881 ở Luân đôn chào mừng kỷ niệm lần thứ 10 Công xã Pa-ri cũng nhận được thư chào mừng của Mác và Ăng-ghen. Trong đó, hai ông đã thể hiện niềm tin rằng : "cuối cùng, sau một cuộc đấu tranh lâu dài và khốc liệt", sẽ dẫn đến việc "xây dựng một nước Nga công xã". Trong lời mở đầu bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" xuất bản lần thứ hai bằng tiếng Nga, do cả hai nhà sáng lập chủ nghĩa cộng sản khoa học ký ngày 21-1-1882, nước Nga được mệnh danh là "đội quân tiên phong của phong trào cách mạng ở châu Âu".

*

Mác đã thấy trước nhiều điều trong vận mệnh lịch sử của nước Nga. Ngày nay, khi con đường phát triển của đất nước sau Cách mạng Tháng Mười bị hoài nghi, có những kẻ muốn trút tất cả trách nhiệm cho nhà khoa học và nhà cách mạng đã mất từ lâu. Nhưng khoa học lẽ nào lại có thể có lỗi trong việc người ta không biết cách ứng dụng nó. Lê-nin lúc còn sống có viết rằng : Áp dụng lý luận chủ nghĩa còn sống nước Nga chỉ có thể thực hiện được bằng cách sử dụng những phương thức của phép duy vật biện chứng là lý luận kinh tế chính trị để nghiên cứu những mối quan hệ sản xuất ở Nga và sự tiến hóa của chúng. Thay vào đó, ở nước Nga, người ta lại áp dụng kiểu rập khuôn : hôm qua còn là mác-xít, hôm nay đã là tư sản tự do. Nhưng sớm hay muộn thì cũng phải quay về với khoa học, nghiên cứu một cách công bằng vận mệnh lịch sử của nước Nga như Các Mác đã làm.

CÔNG TY...

(Tiếp theo trang 46)

kịp thời và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

Trong việc lãnh đạo và quản lý CT, bí thư đảng ủy và tổng giám đốc thường xuyên trao đổi ý kiến với nhau, và điều hết sức quan trọng là bảo vệ những việc làm đúng, không che giấu và kịp thời sửa chữa những thiếu sót.

Năm 1992, hoạt động của các đoàn thể đã có sự đổi mới về nội dung và hình thức. Nét nổi bật là hoạt động của công đoàn, đoàn thanh niên luôn luôn bám sát mục tiêu sản xuất kinh doanh của CT trong từng thời kỳ, không những động viên được các thành viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình mà còn chủ động đề xuất các biện pháp giúp CT tháo gỡ khó khăn về cung ứng vật tư, về tiêu thụ sản phẩm...

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng, và bảo đảm tất cả đều hướng vào mục tiêu chung - đó là một thành công của CT. Nếu ai đã một lần đặt chân đến CT, đều có thể cảm nhận mối quan hệ tốt đẹp này (một ví dụ cụ thể : phòng làm việc của bí thư đảng ủy, của chủ tịch công đoàn và của các tổ chức đoàn thể đều khang trang, đầy đủ tiện nghi, không thua kém phòng tổng giám đốc...).

*

Sự vươn lên của CT trong cơ chế thị trường là câu trả lời về khả năng CT trong những năm tới có thể tiếp tục mở rộng quy mô, đưa sản lượng phân đạm lên trên ba chục vạn tấn năm. Muốn vậy, ngoài nỗ lực chủ quan của CT như mở rộng liên doanh, liên kết để tích lũy vốn, cần có sự đầu tư hỗ trợ tích cực của nhà nước (ngoài vốn dự trữ tiêu thụ như hiện nay, nên có thêm vốn dự trữ cho sản xuất). Sự đầu tư của nhà nước và giúp đỡ của các cấp, các ngành và địa phương đối với CT trong thời gian tới là rất cần thiết. Trước mắt, đề nghị nhà nước chú ý hơn nữa việc điều tiết lượng phân đạm cần nhập vào nước ta và lượng phân đạm cần sản xuất trong nước, sao cho phù hợp với nhu cầu tiêu thụ của nông dân. Quản lý chặt chẽ việc nhập phân đạm, thông qua hàng rào thuế quan và xử lý nghiêm minh việc nhập lậu phân đạm, nhằm bảo hộ cho ngành công nghiệp phân bón trong nước phát triển. Về phía CT, cần tiếp tục phấn đấu đổi mới công nghệ sản xuất, đổi mới tổ chức quản lý, nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, nhằm phục vụ tốt hơn sự nghiệp phát triển nông nghiệp ở nước ta.

Digitized by Google

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

● Vai trò nhà nước trong nền kinh tế thị trường thể hiện ở sự tác động của nhà nước đối với các hoạt động kinh tế, đối với thị trường, để phát huy những mặt tích cực và hạn chế những mặt tiêu cực, khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường tự do, của nền kinh tế tự phát vô chính phủ.

Trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa tư bản đã diễn ra xu hướng tự do kinh tế và xu hướng can thiệp của nhà nước vào kinh tế.

Hai xu hướng này có quá trình lặp đi lặp lại. Vào thời tích lũy nguyên thủy, nhà nước đã can thiệp mạnh vào nền kinh tế để đẩy nhanh sự tích lũy. Giữa thế kỷ 18, chủ nghĩa tư bản được xác lập, các nhà kinh tế học tư sản nhấn mạnh tự do kinh doanh, phản đối sự can thiệp của nhà nước. Tiêu biểu cho lý luận này là A-dam Xmít. Ông kêu gọi "tự do kinh doanh", và cho rằng nhà nước làm việc của nhà nước, còn tư do kinh doanh là của tư nhân. Lúc đầu, theo lý luận này, nền kinh tế có phát triển ; nhưng sau, nảy sinh những mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, dẫn đến khủng hoảng kinh tế, suy thoái nghiêm trọng.

Để khắc phục tình trạng đó, một số nhà lý luận tư sản lại nhấn mạnh cần có sự can thiệp của nhà nước. Gi.M. Kê-in-xơ, đại diện trường phái lý luận này, cho rằng chính phủ phải đóng vai trò lớn trong nền kinh tế thị trường. Nhà nước là người chịu trách nhiệm chính trong việc ổn định các hoạt động kinh tế, thực hiện các chính sách, các biện pháp tài chính tiền tệ để chống lại suy thoái, bảo đảm công ăn việc làm và duy trì nền kinh tế trong trạng thái không bị lạm phát. Nhưng rốt cuộc, vẫn có những cuộc khủng hoảng nghiêm trọng, như thời kỳ 1929 - 1933.

Tới thập kỷ 70 của thế kỷ 20, lý thuyết Kê-in-xơ trở nên không phù hợp nữa, và lại hình thành trào lưu kinh tế tự do hiện đại. Trào lưu này phản đối sự can thiệp của nhà nước. Nhưng thực tế, nhiều nước đang sử dụng mô hình quản lý hỗn hợp. Đó là sự kết hợp quản lý của nhà nước với điều tiết của thị trường.

Thực tế những thập kỷ gần đây cho thấy ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, vai trò quản lý của nhà nước được đề cao. Ở những nước này có sự kết hợp "bàn tay vô hình" (thị trường) với "bàn tay hữu hình" (sự can thiệp của nhà nước) để giải quyết những vấn đề về công nghệ, môi trường, dân số, cơ sở hạ tầng, sử dụng các công cụ kế hoạch, giá cả, tiền tệ, hệ thống chính sách xã hội... Thông qua đó, đã ngăn cản được sự suy thoái, thúc đẩy nền kinh tế phát triển. Tại các nước theo cơ chế thị trường hiện nay, nhà nước có chính sách kinh tế vĩ mô toàn diện, bao gồm các chương trình kinh tế dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Nhà nước vừa là người tổ chức (ban hành pháp luật, quyết định chính sách và ngân sách, thuế, tiền tệ, thương mại, năng lượng) ; vừa là người sản xuất gián tiếp, thông qua các doanh nghiệp quốc doanh ; vừa là người cung cấp tài chính, kiểm soát hầu như toàn bộ việc phân phối tín dụng. Sự can thiệp đó diễn ra trong khuôn khổ chế độ tư bản chủ nghĩa. Thông qua sự can thiệp của nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu của nền kinh tế xã hội, là nâng cao hiệu quả, duy trì sự ổn định và cân bằng. Tuy vậy, không phải nó đã có thể khắc phục được những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản và hậu quả của nền công nghiệp gây ra, như nạn thất nghiệp, bất công, ô nhiễm môi trường, v.v..

● Nền kinh tế của nước ta là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, gắn với cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng là một yêu cầu khách quan và là bảo đảm quan trọng cho nền kinh tế thị trường ở nước ta vận động theo định hướng xã hội chủ nghĩa, nhằm mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Vai trò quản lý của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở nước ta thể hiện ở những điểm chính sau :

Thông qua các hoạt động lập pháp, tạo môi trường pháp lý đủ và ổn định bảo đảm cho các hoạt động sản xuất kinh doanh hoạt động bình thường, an toàn và ổn định. Muốn vậy, phải xây dựng pháp luật đồng bộ, tạo hành lang an toàn cho hoạt động kinh tế, khiến mọi người yên tâm bỏ vốn sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở đó, chống được các hành vi phạm pháp luật như : kinh doanh trái phép, trốn lậu thuế, làm hàng giả, tham nhũng, buôn lậu... Nhà nước xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, chặt chẽ, không có những kẽ hở để bị lợi dụng làm màn che cho các hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Hoạt động hành pháp có vai trò rất quan trọng. Nó bảo đảm cho nền kinh tế phát triển nhịp nhàng, có kế hoạch, có trật tự kỷ cương, chấp hành đúng pháp luật và các chính sách, công cụ khác như : kế hoạch vĩ mô, giá cả, tiền tệ, tài chính, ngân hàng... Việc hình thành thị trường chứng khoán, thị trường sức lao động, chất xám, khu chế xuất... đều gắn với vai trò hành pháp.

Các cơ quan quản lý nhà nước cho phép kinh doanh, kiểm soát kinh doanh và xử lý kinh doanh. Các chính sách tiền tệ, thuế, giá, tài chính, đều được quy định thành pháp luật và chịu sự điều chỉnh của pháp luật.

Các bộ và cơ quan tương đương, ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước của mình, không can thiệp vào nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế, kết hợp liên doanh, liên kết giữa các thành phần kinh tế, các địa phương trong một thị trường chung cả nước. Chức năng quản lý nhà nước theo lãnh thổ là quản lý toàn diện mọi lĩnh vực của đời sống xã hội : kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh... Nền kinh tế thị trường đòi hỏi một nền hành pháp và hành chính có hiệu lực, khoa học, nhạy bén. Đội ngũ công chức được đào tạo chuyên môn, nắm vững pháp luật, có phẩm chất đạo đức trong sạch, đáp ứng được những yêu cầu mới của nền kinh tế thị trường.

Các cơ quan tư pháp được củng cố và tăng cường phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, giữ nghiêm kỷ cương, giải quyết tốt các vụ tranh chấp kinh tế, bảo đảm các chủ thể kinh tế và các công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Các cơ quan kiểm soát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ theo luật định, ngăn ngừa và xử lý mọi sự sách nhiễu, lạm dụng chức quyền, vi phạm pháp luật.

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN ★ TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN

● HỘI THẢO KHOA HỌC : "50 NĂM ĐỀ CƯƠNG VĂN HÓA VIỆT NAM (1943-1993)"

Ngày 8-10-1993, Trường đại học văn hóa Hà nội đã tổ chức "Hội thảo khoa học 50 năm Đề cương văn hóa Việt nam". Tham gia hội thảo có hơn 100 cán bộ nghiên cứu, giảng dạy, quản lý và văn nghệ sĩ đang công tác tại Ban tư tưởng - văn hóa trung ương, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tạp chí Cộng sản, Bộ văn hóa và thông tin, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, Hội nhà văn, Hội nhà báo, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, Viện văn hóa nghệ thuật Việt nam, Trường đại học sư phạm I, Trường viết văn Nguyễn Du và Trường đại học văn hóa Hà nội.

Digitized by Google

Trong lời khai mạc, phó tiến sĩ Đặng Việt Bích, phó hiệu trưởng Trường đại học văn hóa Hà nội nêu rõ mục đích cuộc hội thảo này là : Khẳng định thêm đường lối văn hóa văn nghệ đúng đắn của Đảng cộng sản Việt nam, từ *Đề cương văn hóa năm 1943* đến Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 về văn hóa văn nghệ, để phục vụ cho công tác nghiên cứu, giảng dạy và vận dụng sáng tạo đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng vào việc xây dựng đời sống văn hóa trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

Báo cáo đề dẫn của GS,TS Huỳnh Khái Vinh, hiệu trưởng Trường đại học văn hóa Hà nội đã trình bày rõ nội dung cơ bản, ý nghĩa lịch sử và ảnh hưởng của *Đề cương* trong 50 năm qua ; phân tích những giá trị văn hóa hàm chứa trong bản *Đề cương* và những hạn chế lịch sử của nó.

Tiếp theo báo cáo đề dẫn, 24 bản tham luận (trong số 37 bản tham luận gửi tới hội thảo) từ nhiều góc độ tiếp cận khác nhau, đều khẳng định *Đề cương văn hóa năm 1943* là một sự kiện trọng đại trong đời sống văn hóa văn nghệ Việt nam hiện đại, là một giá trị văn hóa lớn của dân tộc.

Một số bản tham luận cũng đã phân tích những hạn chế của *Đề cương* và chú ý phân tích những lệch lạc trong quá trình thực hiện ba nguyên tắc *dân tộc, khoa học* và *đại chúng*.

Nhìn chung, hầu hết các bản tham luận đều đưa ra những luận chứng khoa học để khẳng định :

Đề cương văn hóa năm 1943 đã vạch rõ con đường cách mạng để giải phóng trí tuệ và văn hóa trong sự nghiệp giải phóng của dân tộc ; *Đề cương* cũng đặt ra và giải quyết một cách đúng đắn, sáng suốt những vấn đề cơ bản nhất của cuộc cách mạng văn hóa Việt nam và cho đến nay vẫn có tác dụng tích cực trong việc định hướng phát triển của văn hóa Việt nam trong sự nghiệp đổi mới.

Kế thừa *Đề cương văn hóa Việt nam* chính là kế thừa một giá trị văn hóa lớn của dân tộc. Nội dung đổi mới trong đường lối văn hóa văn nghệ của Đại hội VI, Đại hội VII và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) chính là những bước phát triển mới của đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng ta vốn đã được định hướng và định hình từ *Đề cương văn hóa năm 1943*.

Cuộc hội thảo này đã đạt tới sự nhất trí cao về tất cả các vấn đề xoay quanh *Đề cương văn hóa năm 1943*, giúp cho đội ngũ sáng tác, nghiên cứu và giảng dạy văn hóa có thêm căn cứ khoa học để khẳng định niềm tin vào đường lối văn hóa văn nghệ đúng đắn của Đảng ta, đồng thời cũng đặt ra được những vấn đề lý luận và thực tiễn cần giải quyết để vận dụng sáng tạo đường lối đổi mới trong lĩnh vực văn hóa văn nghệ của Đảng nhằm xây dựng một nền văn hóa mới, nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

● HỘI THẢO KHOA HỌC : "ĐỔI MỚI PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG ĐỘI NGŨ GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN MÁC - LÊ-NIN"

Vừa qua, tại Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã tiến hành hội thảo khoa học về "Đổi mới phương thức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin", đề tài cấp nhà nước KX10.09, do GS Phạm Tất Dong làm chủ nhiệm.

Sau báo cáo đề dẫn của đồng chí Nguyễn Việt Chiến, Vụ trưởng Vụ đào tạo của Viện, 17 bản tham luận đã phân tích và tranh luận trên 3 vấn đề :

1- Về *phương thức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin*. Có 3 quan niệm. Quan niệm *thứ nhất* coi phương thức đào tạo, bồi dưỡng là tổng thể mục tiêu, nội dung, đối tượng, phương pháp, phương tiện, cơ cấu đào tạo, bồi dưỡng và cơ chế quản lý việc đào tạo bồi dưỡng. Quan niệm *thứ hai* coi phương thức đào tạo, bồi dưỡng là cách thức, là phương pháp đào tạo và bồi dưỡng. Quan niệm *thứ ba* dung hòa hai quan niệm trên, cho rằng về mặt lý luận cần thiết phải có khái niệm *rộng*, nhưng trong thực tế lại phải xác định hàm nghĩa *cụ thể*, để đổi mới phương thức đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp với mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể. Hiện tại đang nổi lên hàm nghĩa *cách thức* (phương pháp) đào tạo, bồi dưỡng, và *công nghệ* đào tạo đội ngũ cán bộ lý luận Mác - Lê-nin.

Ngay trong việc xác định mục tiêu đào tạo, bồi dưỡng cũng có 3 loại ý kiến : *một*, cho đó là đào tạo nhân lực, nhân tài về lý luận Mác - Lê-nin ; *hai*, cho đó là đào tạo nhân lực và các chuyên gia về lý luận Mác - Lê-nin ; *ba*, cho đó là nâng cao chất lượng đội ngũ lý luận Mác - Lê-nin, vì hiện nay số lượng đội ngũ này đã tương đối đủ. Hội thảo thiên về loại ý kiến *thứ hai* do GS Đặng Xuân Kỳ đề xuất, bởi lẽ nhân tài về lý luận Mác - Lê-nin vẫn là mục tiêu phải phấn đấu lâu dài, nhân lực về lý luận Mác - Lê-nin hiện đang già hóa nhanh và còn thiếu nhiều trong một số lĩnh vực, trong đó có ngành giáo dục - đào tạo.

2- *Về thực trạng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin*. Có 2 cách đánh giá : a) Số lượng đã đủ, nhưng hiện đang nổi lên vấn đề chất lượng ; b) Số lượng thiếu, nhất là ở miền Nam, tại các trường phổ thông, đại học, kỹ thuật. Tuổi trung bình của đội ngũ này hiện nay là 45 - 50, nên mức già hóa nhanh. Đội ngũ hiện có lại cần được đào tạo lại, do đó, càng thiếu về số lượng.

Các ý kiến tập trung nhiều vào việc khắc phục vấn đề "đại học" hay "không đại học". Hiện vẫn còn trường hợp người không được đào tạo lý luận Mác - Lê-nin lại kiêm nhiệm hoặc dạc cách dạy và nghiên cứu lý luận Mác-Lê-nin. Chất lượng cũng có vấn đề : "đầu vào" để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác-Lênin quá thấp, số điểm vào đại học để học khoa học Mác - Lê-nin chỉ bằng gần 1/2 số điểm vào các ngành như sinh học, vật lý... Trong khi đó, giáo trình mới lại chưa có, nhiều nơi dùng cả giáo trình của phương Tây để dạy kinh tế chính trị mác - xít v.v...

3- Về *phương hướng đổi mới*. Có nhiều ý kiến đề nghị : a) Kết hợp đào tạo chuyên gia với đào tạo đại trà ; b) Trên cơ sở điều tra phân loại, đào tạo lại và cao học hóa đội ngũ hiện có với chất lượng cần thiết ; c) Trong khi chưa có giáo trình mới, cần sớm có tài liệu hướng dẫn để giảng dạy ; d) Nội dung giáo trình mới cần chú ý không để chủ nghĩa Mác - Lê-nin tách biệt với các dòng triết học, kinh tế học, xã hội học, khoa học quản lý... Đông, Tây hiện đại ; e) Cần xác định rõ mục tiêu, chính sách, chế độ để thu hút những người có năng khiếu và có nguyện vọng đi vào khoa học chuyên ngành lý luận Mác - Lê-nin ; g) Nâng cao tỷ lệ học hàm, học vị về khoa học Mác-Lê-nin nhất là trong đội ngũ hiện có ; h) Lựa chọn sự giao lưu quốc tế hợp lý..

Trong tổng kết hội thảo, GS Phạm Tất Dong nhấn mạnh : việc đào tạo nhân lực, chuyên gia về lý luận Mác - Lê-nin không chỉ nhằm vào vấn đề nghiệp vụ chuyên môn, mà còn phải hướng vào sự hình thành nhân cách của cán bộ lý luận Mác-Lê-nin. Cần phải gắn chức năng giảng dạy và nghiên cứu, trường và viện, đào tạo nhân lực với đào tạo chuyên gia... Hội thảo cũng đặt ra nhiều vấn đề còn phải tiếp tục nghiên cứu, như : Đào tạo lại như thế nào ? Trong việc lôi cuốn lớp trẻ vào đào tạo, cần kết hợp như thế nào giữa năng lực với các yêu cầu về tư tưởng, chính trị và đạo đức ? Giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh là rất cần thiết, song các bước chuẩn bị và công tác triển khai ra sao ? Nên giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh với tính cách là một môn học hay một chuyên đề ? Dạy triết học phương Đông và triết học ngoài mác xít tới mức nào thì vừa ? Đội ngũ hiện có để làm công việc này ? Giao lưu quốc tế ra sao và dưới hình thức nào ? V.v..

Để giải quyết những vấn đề phức tạp trên, hội thảo đã quyết nghị sẽ có các cuộc thảo luận theo chuyên đề hẹp với sự tham gia của từng nhóm chuyên gia.

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY DƯỢC VÀ VẬT TƯ Y TẾ CỬU LONG-TỈNH VĨNH LONG

PHARIMEXCO



Văn phòng Công ty

ĐỊA CHỈ :
150 đường 14/9
thị xã Vĩnh Long
tỉnh Vĩnh Long
ĐT : 22216 - 23268
Telex: 812550
PBL.CT.VT
Fax : 8621

VĂN PHÒNG GIAO DỊCH :
- Hà Nội: 138B Giảng Võ
ĐT : 32182
- TP.HCM :13 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao - Quận I
ĐT : 225927

Giám đốc :
LƯƠNG VĂN HÓA

- Chức năng : + Xuất nhập khẩu trực tiếp và sản xuất các loại thuốc tân dược
  + Nhập khẩu : Nguyên liệu, hóa chất dùng trong sản xuất dược phẩm, thành phẩm thuốc tân dược, dụng cụ y tế, máy các loại dùng trong sản xuất dược phẩm, bao bì đóng gói như giấy nhôm, PVC...
  + Xuất khẩu : Tinh dầu các loại, dược thảo, nông sản
- Với trang thiết bị hiện đại, PHARIMEXCO đã sản xuất 65 loại sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã đẹp được sự tin nhiệm của khách hàng trong nước và nhiều công ty dược phẩm nước ngoài.
- Hơn ba năm qua được sự quan tâm giúp đỡ của tỉnh ủy - UBND tỉnh và Bộ Y tế, toàn thể cán bộ lãnh đạo và nhân viên Công ty đã nỗ lực phấn đấu đưa Pharimexco Cửu Long trở thành một công ty kinh doanh, sản xuất dược phẩm và xuất nhập khẩu y tế lớn nhất Đồng bằng sông Cửu Long.

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU VÀ DỊCH VỤ QUẬN 1

SAIGONIMPORT - EXPORT TOURIST SERVICE AND INVESTMENT CO.

SUNIMEX

71-79 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
TEL : 296406 - 230083 - 230081 - 230407. TELEX : 811561 SUNIM - VT . FAX : 84-8-222941



- Xuất nhập khẩu tổng hợp
- Xuất khẩu các mặt hàng Nông, Lâm, Hải sản Chế biến, Tiểu Thủ công Mỹ Nghệ, các mặt hàng sản xuất công nghiệp.
- Nhập khẩu các mặt hàng và nguyên vật liệu theo yêu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nước.
- Hợp tác liên doanh liên kết trong và ngoài nước trên các lãnh vực : Sản xuất công nghiệp và dịch vụ du lịch, Nhà hàng, Khách sạn, Thương mại.
- Thực hiện các dịch vụ kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng...
- Hệ thống các Khách sạn, Nhà hàng, Đội xe du lịch, phục vụ mọi yêu cầu về xuất nhập cảnh, Visa, lưu trú, các tuyến du lịch, ăn ở, đi lại, bán quà lưu niệm cho khách trong và ngoài nước.
- Dịch vụ kiều hối, thu đổi ngoại tệ.
- Các trung tâm Thương mại Tổng hợp, các cửa hàng Mỹ nghệ, rượu ngoại, kim khí điện máy, vật tư nguyên liệu.

Hân hạnh được đón tiếp Quý khách

Digitized by Google

4129

CÔNG TY KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

BITEX

BINHTAY IMPORT - EXPORT INC.

平西進出口企業公司



- **Xuất** : Nông sản, lâm sản, thủy hải sản, quần áo may sẵn, hàng thuê đủ loại và hàng thủ công mỹ nghệ.
- **Nhập** : Hàng tiêu dùng, nguyên vật liệu.
- **Đầu tư** : Đang thực hiện dự án hợp tác kinh doanh với các công ty nước ngoài về nhà ở, văn phòng và chợ Bình Tây
- *Quý khách có nhu cầu xin liên hệ văn phòng công ty số 78 - 80 - Hậu Giang - Quận 6 - TP - HCM*
  Điện thoại : 557846 - 559185 - 559669



- **Export** : Agricultural, forestal and marine products, garments, embroidered articles and art handicrafts.
- **Import** : Consumer goods, raw materials.
- **Investment** : We are in the process of materializing joint venture projects with various foreign companies in the construction of condominiums, offices and the Binh Tay Market.
  For more information please contact our office at 78 - 80 - Hau Giang Street. Dist. 6 - HCMC
  Tel. 557846 - 559185 - 554669

In tại Nhà in Nhân dân Hà Nội II. Chỉ số 12651 - ISSN 0866 - 7276 Giá 2000đ

Digitized by Google

HX9
V5
H63
v. 1993
no. 12
MAIN

Tạp chí Cộng sản

The Library - UC Berkeley
Received on: 01-27-94
Tap Chi Cong San





12
1993

Digitized by Google



CÔNG TY
BIA SÀI GÒN

187 Nguyễn Chí Thanh, Quận 5 TP. HCM
ĐT : 559595
6 Hai Bà Trưng, Quận I - TP. HCM - ĐT : 294083

TẠI HỘI CHỢ QUỐC TẾ HÀNG CÔNG NGHIỆP NĂM 1992 (HÀ NỘI) BIA LON "333", BIA CHAI "SAIGON" ĐỀU ĐƯỢC TẶNG HUY CHƯƠNG VÀNG.



KÍNH CHÀO QUÝ KHÁCH HÀNG

Đáp lại tấm lòng mến mộ của khách hàng, Nhà máy Bia Saigon đã tổ chức 12 cửa hàng Giới thiệu và bán sản phẩm tại các quận, huyện của Thành phố Hồ Chí Minh và 18 chi nhánh, 6 Tổng đại lý tại các tỉnh nhằm phục vụ kịp thời nhu cầu của Quý khách. Mới đây Nhà máy Bia Saigon đưa bia đến phục vụ tại chỗ cho các khách sạn và đơn vị kinh doanh.

Xin trân trọng giới thiệu để Quý khách hàng thuận tiện liên hệ.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

12 - 1993 NĂM THỨ XXXIX (456)

MỤC LỤC

	ĐỖ MƯỜI - Phấn đấu để công đoàn thật sự đại diện cho sức mạnh, tài năng, trí tuệ của hàng chục triệu công nhân, lao động nước ta	3
	ĐOÀN KHUÊ - Quán triệt quan điểm quốc phòng toàn dân, tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng	8
	NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Vì một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc	11
	TRƯƠNG MỸ HOA - Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác cán bộ nữ	16
	*** Phát huy vai trò nòng cốt của Hội nông dân trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn	20
Nghiên cứu - Trao đổi	DƯƠNG THÔNG - Một nhiệm vụ quan trọng trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình"	23
	TÀO HỮU PHÙNG - Công cụ điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế	26
	NGUYỄN NGỌC TUẤN - Vấn đề đổi mới mô hình xí nghiệp quốc doanh ở nước ta	29
	NGUYỄN CAO VĂNG - Thị trường xăng dầu ở Việt nam - Thực trạng và giải pháp	34
Điều tra	NHẬT TÂN - Việc xóa đói giảm nghèo ở Hưng hà	36
	LÊ HỮU XANH - Tình hình đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn hiện nay	41
Sinh hoạt tư tưởng	ĐOÀN HỒNG QUẾ - Làm giàu kiểu ấy nên chăng ?	45
Đọc sách	DƯƠNG TÙNG - Cảm nhận ban đầu khi đọc "Con mèo của Foujita"	47
Thư gửi Bộ biên tập	TRẦN HỮU NGHIỆP - Suy nghĩ tản mạn về một số tác phẩm văn học thời gian gần đây	50
Thế giới : vấn đề, sự kiện	NGUYỄN THỊ HOA - Về cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại	53
Qua sách báo nước ngoài	*** Trung quốc tìm kiếm mô thức "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa"	56
Tìm hiểu khái niệm	Công ty cổ phần, thị trường chứng khoán	59
Tin hoạt động lý luận	● Hội thảo "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thời đại chúng ta"	61
	● Hội thảo khoa học : "Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga với những vấn đề của đời sống chính trị quốc tế hiện đại"	

Bìa 1 : *Quân đội xây dựng kinh tế. Trước giờ luyện tập*
Ảnh : *TRẦN HỒNG*

Bộ biên tập : 1 Nguyễn Thượng Hiền - Hà nội. Dây nói : 52061 - 52062
Cơ quan thường trú tại miền Nam : 19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, T.P. Hồ Chí Minh. Dây nói : 25768

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ДО МЫОЙ - Приложить усилия к тому, чтобы профсоюзы стали выразителем силы, таланта и интеллекта миллионов трудящихся. ДОАН ХУЭ - Усвоить концепцию о всенародной обороне, усилить государственное управление ей. НГУЕН ДЫК БИНЬ - За культуру передовую, богатую национальным колоритом. ЧЫОНГ МИ ХОА - Активизировать обновление кадровой работы среди женского населения. *** Развивать ключевую роль Ассоциации вьетнамских крестьян при реализации задачи социально-экономического развития деревни ● *Исследования - обмен мнениями* * ЗЫОНГ ТХОНГ - О важной задаче в борьбе против "мирной эволюции". ТАО ХЫУ ФУНГ - Орудие макрорегулирования экономики. НГУЕН НГОК ТУАН - К вопросу обновления модели государственного предприятия в нашей стране. ● *Исследования* * НЯТ ТАН - Ликвидация голода, бедности в Хынг Ха. ЛЕ ХЫУ САНЬ - Положение с низовым корпусом кадровой работников в сегодняшней деревне. ● *Мир: проблемы и факты* * НГУЕН ТХИ ХОА - О современной научно-технической революции.

CONTENTS

ĐỖ MƯỜI- Working to make the Trade Unions really representative of the strength, talents, and intelligence of tens of millions of Vietnamese workers. ĐOÀN KHUÊ - Grasping the concept of people's national defence, and improving State management in terms of national defence. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - For progressive culture, imbued with the national character. TRƯƠNG MỸ HOA - More strongly renovating women's issues. *** Developing the vital role of the Farmer's Association in the task of developing the rural socioeconomy. ● *Research-Exchange of Views* * DƯƠNG THÔNG - An important task in the struggle against the "peaceful evolution". TÀO HỮU PHÙNG - A tool for macro-adjustment of the economy. NGUYỄN NGỌC TUẤN - Issues in renovating the model of State-run enterprises in Vietnam. ● *Investigation* * NHẬT TÂN - Poverty alleviation in Hung Ha. LÊ HỮU XANH - The current situation with regard to officials at grassroots level in rural areas. ● *The World: Issues and Facts* * NGUYỄN THỊ HOA - On the revolution in Modern Science and Technology.

SOMMAIRE

ĐỖ MƯỜI - S'efforcer à faire du syndicat le représentant véritable de la force, du talent, de l'intelligence des dizaines de millions d'ouvriers et de travailleurs de notre pays. Đoàn Khuê - Bien saisir le point de vue de défense par tout le peuple, renforcer la gestion d' Etat dans le domaine de défense nationale. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Pour une culture progressiste, chargée d'identité nationale. TRƯƠNG MỸ HOA - Rénover encore plus fortement le travail en direction des cadres féminins. Faire valoir le rôle clé de l'Union des paysans dans le développement économique et social à la campagne. ● *Etudes-Echanges* * DƯƠNG THÔNG - Une tâche importante dans le lutte contre la "évolution pacifique". TÀO HỮU PHÙNG - L'instrument de macro-réglage de l'économie. NGUYỄN NGỌC TUẤN - Le problème de la rénovation du modèle de l'enteprise d'Etat au Vietnam. ● *Enquête* * NHẬT TÂN - Lutte contre la famine et la pauvreté à Hung Ha. LÊ HỮU XANH - L'état actuel des cadres de base à la campagne. ● Le Monde : problèmes, événements * NGUYỄN THỊ HOA - Sur la révolution scientifique et technique moderne.

SUMARIO

ĐỖ MƯỜI. Esforzarse porque sea el Sindicato el verdadero representante de la fuerza, el talento y la inteligencia de millones de obreros y trabajadores de nuestro país. ĐOÀN KHUÊ - Imbuirse el criterio de la defensa nacional de todo el pueblo por intensificar la gestión estatal en la defensa nacional. NGUYỄN ĐỨC BÌNH - Por una avanzada cultura caracterizada por su particularidad nacional. TRƯƠNG MỸ HOA - Efectuar una renovación más fuerte en el trabajo de cuadros femeninos. ***Desplegar el papel cleve de la Asociación de campesinos en el desarrollo económico-social en el campo. ● *Estudios-Intercambios* * DƯƠNG THÔNG - Una importante tarea en la lucha contra la "evolución de paz". TÀO HỮU PHÙNG - El instrumento de macroajuste de la economía. NGUYỄN NGỌC TUẤN - El problema de renovación del modelo de empresas estatales en Vietnam. ● *Encuestas* * NHẬT TÂN - Abolición del hambre y reducción de la pobreza en Hung Ha. LÊ HỮU XANH - La actual situación del contingente de cuadros rurales de base. ● *El Mundo : problemas y acontecimientos* * NGUYỄN THỊ HOA - Sobre la moderna revolución científico-técnica.

目錄

杜梅-爲使工會成爲我國幾千萬工人、勞動人民的力量、才能、智慧的代表而奮鬥。段奎-貫徹全民國防觀點，增强對國防的國家管理。阮德平-爲了一個先進、有豐富民族本色的文化。張美花-進一步推動女幹部的革新工作。★★★發揮農會在發展農村經濟社會任務中的骨幹作用●研究與交換★楊通-反"和平演變"鬥爭中的一個重要任務。曹友逢-調整經濟的宏觀工具。阮玉遵-有關我國國營企業模式的改革問題●調查★日新-興河縣的掃飢減貧工作。貳梨、黎友瞠-目前農村基層幹部隊伍之情況●問題與事件★阮氏花-有關現代科學技術革命。

Digitized by Google

PHẤN ĐẤU ĐỂ CÔNG ĐOÀN THẬT SỰ ĐẠI DIỆN CHO SỨC MẠNH, TÀI NĂNG, TRÍ TUỆ CỦA HÀNG CHỤC TRIỆU CÔNG NHÂN, LAO ĐỘNG NƯỚC TA*

ĐỖ MƯỜI
Tổng Bí thư ĐCS Việt nam

ĐẠI hội Công đoàn lần này diễn ra trong tình hình đất nước có nhiều thay đổi lớn. Chúng ta đã khắc phục được tình trạng suy thoái về kinh tế, có nhiều mặt tăng trưởng và bắt đầu có tích lũy nội bộ. Đời sống của số đông nhân dân tuy còn thấp, nhưng đã được cải thiện. Đã có những tiến bộ trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, văn hóa, nghệ thuật. Quốc phòng, an ninh được củng cố. Các quyền dân chủ được phát huy. Việc thực hiện chủ trương khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa những người có công với Tổ quốc, giúp đỡ người tàn tật, cô đơn, hỗ trợ học sinh nghèo... trong những năm qua là những nhân tố mới đáng khích lệ. Vượt qua thử thách, khó khăn chồng chất, đất nước ta chẳng những giữ vững được ổn định chính trị mà còn tạo được thế phát triển mới, mặc dù các thế lực thù địch không hề từ bỏ âm mưu phá hoại công cuộc hòa bình xây dựng đất nước của chúng ta.

Đạt được những thành tựu trên đây là do nhân dân ta tiếp tục phát huy tinh thần yêu nước, ý chí cách mạng kiên cường và truyền thống đại đoàn kết, nhiệt tình hưởng ứng và hăng hái thực hiện đường lối đổi mới hợp quy luật, hợp lòng dân, phù hợp với xu thế của thời đại, được vạch ra từ Đại hội Đảng lần thứ VI và được bổ sung, phát triển tại Đại hội Đảng lần thứ VII. Trong đó, giai cấp công nhân, nông dân và trí thức có vai trò quyết định.

Ngay từ khi mới ra đời cách đây trên nửa thế kỷ, với lực lượng còn mỏng, giai cấp công nhân nước ta mà đội tiền phong của nó là Đảng Cộng sản Việt nam đã giữ vai trò lãnh đạo cách mạng, luôn luôn đi đầu và động viên toàn dân tiến hành cuộc đấu tranh lâu dài, đầy hy sinh, gian khổ vì độc lập, tự do. Ngày nay, với lực lượng phát triển lớn mạnh hơn, giai cấp công nhân đang tiếp tục phát huy truyền thống đó, khẳng định sứ mệnh lịch sử, vai trò và trách nhiệm của mình trong giai đoạn mới, quyết tâm lãnh đạo toàn dân giành thắng lợi ngày càng lớn trong sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước. Công đoàn Việt nam, trải qua các thời kỳ cách mạng, luôn luôn là tổ chức chính trị - xã hội do Đảng ta lãnh đạo, đoàn kết, tập hợp, động viên giai cấp công nhân và toàn thể người lao động Việt nam đấu tranh cho mục tiêu độc lập, tự do, hạnh phúc, góp phần xứng đáng vào thắng lợi của dân tộc.

Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tôi nhiệt liệt biểu dương giai cấp công nhân và các giới, các tầng lớp lao động, biểu dương công đoàn nước ta về những cống hiến to lớn trong sự nghiệp chung đó.

---

* Bài nói tại Đại hội VII Công đoàn Việt nam

Digitized by Google

Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là con đường đúng đắn để giải phóng sức sản xuất, hướng mọi nguồn lực xã hội vào phát triển. Quá trình đó dẫn tới những biến đổi trong cơ cấu xã hội, trong giai cấp công nhân, gắn với sự chuyển dịch lớn về cơ cấu kinh tế.

Cùng với các ngành then chốt vốn có như cơ khí, năng lượng, giao thông vận tải..., đã xuất hiện những ngành mới như dầu khí, điện tử, tin học, công nghệ sinh học, du lịch... Bên cạnh đội ngũ công nhân quốc doanh, công nhân khu vực ngoài quốc doanh tăng lên nhanh chóng và rất đa dạng, từ công nhân trong các cơ sở tư doanh, liên doanh trong và ngoài nước, đến công nhân, lao động trong các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp... Cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn đang biến đổi. Một bộ phận thanh niên nông dân sẽ trở thành công nhân nông nghiệp và công nhân công nghiệp ở nông thôn. Giai cấp công nhân nước ta đang và sẽ tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng, dần dần trở thành giai cấp công nhân hiện đại.

Hiện nay, trên dưới năm triệu công nhân, lao động làm việc trong các ngành công nghiệp quốc doanh và ngoài quốc doanh. Trong đó, đội ngũ công nhân quốc doanh đang dần dần thích ứng với cơ chế thị trường, là lực lượng trực tiếp làm ra những mặt hàng và dịch vụ quan trọng nhất của đất nước. Năng suất, chất lượng, hiệu quả của một số ngành tăng lên ; đời sống công nhân, lao động ở một số cơ sở được cải thiện. Là người nắm những cơ sở sản xuất vật chất, kỹ thuật then chốt, tiêu biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến của xã hội, giai cấp công nhân tất yếu có vai trò tiên phong trong tiến trình phát triển của lịch sử, trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Giai cấp công nhân hiểu rõ cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp có nhược điểm cơ bản kìm hãm sức sản xuất, cần kiên quyết chuyển sang cơ chế mới, dù biết rằng bên cạnh mặt thuận lợi là cơ bản, sẽ phải giải quyết nhiều vấn đề khó khăn, phức tạp của đất nước và của chính bản thân mình. Chấp nhận điều đó, giai cấp công nhân nước ta tiếp tục phát huy truyền thống, kiên định, vững vàng đi theo con đường mà Bác Hồ, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn, chịu đựng gian khổ, vượt qua khó khăn, cùng đồng bào cả nước quyết tâm tiến hành công cuộc đổi mới.

Giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức khoa học nước ta có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ hiện đại. Một mặt, phát huy sáng kiến, cải tiến để tận dụng năng lực và cơ cấu công nghệ hiện có ; mặt khác, biết đầu tư đổi mới thiết bị, đổi mới công nghệ, đạt nhiều thành tựu trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học - kỹ thuật, nhất là hỗ trợ nông dân trong việc tiếp nhận công nghệ và dịch vụ khoa học - kỹ thuật nông nghiệp.

Bên cạnh mặt tích cực trên đây, công nhân, lao động ở một số ngành, một số cơ sở đang đứng trước những vấn đề khó khăn phức tạp nảy sinh trong tiến trình đổi mới. Qua sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, trên 60 vạn người lao động phải rời khỏi dây chuyền sản xuất và công tác, trong số đó mới có một bộ phận tìm được chỗ làm việc mới. Trong các doanh nghiệp Nhà nước cũng còn khoảng 60 vạn người thường xuyên thiếu việc. Một bộ phận khá đông công nhân chưa được đào tạo nghề nghiệp, hoặc trình độ nghề nghiệp còn thấp xa so với đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa và chuyển giao công nghệ. Tác phong làm việc chưa thích ứng với nhịp độ khẩn trương trong hoạt động công nghiệp theo cơ chế thị trường. Một số còn lười biếng, ý thức tổ chức, kỷ luật kém, không chịu khó học tập nâng cao kiến thức, tay nghề. Điều kiện lao động ở nhiều cơ sở sản xuất chưa được cải thiện. Sức khỏe công nhân, nhất là là nữ công nhân, chưa được chăm sóc đúng mức. Bệnh nghề nghiệp phát triển, tai nạn lao động vẫn là vấn đề đáng lo ngại. Đời sống có được cải thiện ở một số mặt, nhưng nhìn chung nhiều người còn khó khăn, sinh hoạt vật chất và văn hóa đều còn thiếu thốn ; thu nhập của số đông công nhân vẫn ở mức trung bình thấp và không

Digitized by Google

ổn định. Đó là những yếu kém phải ra sức khắc phục và những tồn tại cần tích cực giải quyết.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) đã xác định : "Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân". Trong đó, lợi ích thiết thân, đồng thời là động lực thúc đẩy trực tiếp đối với người công nhân là *việc làm và thu nhập*.

Việc thi hành nhất quán chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần với quốc doanh là chủ đạo ; đa dạng hóa sở hữu, đa dạng hóa các hình thức tổ chức kinh doanh, khuyến khích mọi công dân và người nước ngoài đầu tư sản xuất, kinh doanh ; cùng với những nỗ lực của Nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các ngành then chốt, chăm lo sự nghiệp giáo dục, y tế... đã và đang tạo điều kiện từng bước giải quyết công ăn việc làm một cách căn bản. Đồng thời, Đảng và Nhà nước cũng đã ban hành những chính sách cụ thể để xử lý những vấn đề cấp bách đối với công nhân mất việc và thiếu việc, bộ đội xuất ngũ, học sinh, sinh viên ra trường, thanh niên mới lớn lên... Một trong những mục tiêu của chính sách là tạo ra mạng lưới nhằm "xã hội hóa" việc chăm lo giải quyết việc làm cho người lao động. Song phải thừa nhận kết quả thực hiện còn thấp, số thất nghiệp vẫn ở mức cao. Chúng ta còn phải phấn đấu rất nhiều trong thời gian tới để khắc phục tình trạng đó. Chính sách tạo việc làm cần được bổ sung, hoàn chỉnh và sớm triển khai thực hiện.

Đảng và Nhà nước cũng dã có chính sách tiền tệ hóa tiền lương và từng bước sắp xếp lại trật tự, khắc phục tình trạng bình quân trong việc trả lương người lao động. Đồng thời, đang xúc tiến cải cách chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách nhà ở và các chính sách khác. Nhà nước, người quản lý doanh nghiệp và xã hội cần chăm lo đời sống văn hóa của công nhân, lao động, cổ vũ động lực tinh thần của anh chị em.

Trong xã hội ta, mọi người phải sống bằng sức lao động của mình, không thể dựa dẫm vào người khác. Hưởng thụ phải tương xứng với kết quả của công việc. Thu nhập phải căn cứ vào hiệu quả làm ra, thể hiện đúng nguyên tắc phân phối theo lao động. Theo tinh thần đó, công nhân chẳng những phải được hưởng tiền công theo giá trị lao động tất yếu của mình, mà còn phải được hưởng một phần giá trị lao động thặng dư của doanh nghiệp do họ đã góp phần làm ra, sau khi hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước và tích lũy, tái đầu tư để mở rộng sản xuất. Đây chính là điều thể hiện bản chất ưu việt của chế độ mới. Ngay từ tháng 3-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 29-SL, trong đó có quy định : "Để khuyến khích công nhân trong các ngành kỹ nghệ và thương mại, có thể định cho công nhân tham gia vào việc chia lãi hàng năm. Một sắc lệnh sẽ ấn định sau tỷ lệ số lãi mà công nhân được hưởng tùy theo từng xí nghiệp...". Chúng ta cần vận dụng tư tưởng đó của Bác Hồ trong tình hình hiện nay. Đồng thời, nghiên cứu quy định công nhân có thể được ưu đãi mua một tỷ lệ cổ phần của doanh nghiệp nơi mình làm việc. Đại diện công nhân tham gia hội đồng quản trị. Cách làm này tạo điều kiện cho công nhân thật sự trở thành người làm chủ, gắn lợi ích và quyền hạn của mỗi thành viên với nghĩa vụ và trách nhiệm đối với kết quả hoạt động của doanh nghiệp ; kết hợp hài hòa lợi ích chung của đất nước và của tập thể với lợi ích của mỗi người. Trước hết, nên nghiên cứu triển khai trong khu vực quốc doanh ở thời điểm thích hợp và với mức độ thích hợp đối với mỗi doanh nghiệp, làm từng bước vững chắc. Sớm tổ chức tổng kết ở những nơi đã làm thử để từ đó rút kinh nghiệm mở rộng dần. Tiến tới khuyến khích, hướng dẫn các thành phần kinh tế khác cũng làm như vậy, vì lợi ích chung của doanh nghiệp, của người chủ và người lao động. Cũng có thể vận dụng cách làm này khi nghiên cứu vấn đề đảng viên làm kinh tế.

Để tạo diều kiện thuận lợi, thực hiện chính sách trên đây, các doanh nghiệp Nhà nước phải nỗ lực thanh toán tình trạng "lãi giả, lỗ thật", ra sức phấn đấu làm ăn thật sự sinh lời ; hoàn thiện cơ chế

Digitized by Google

khoán sản phẩm cuối cùng đến từng tập thể và từng người lao động, trả công tương xứng với năng suất, chất lượng và hiệu quả.

Để tạo được việc làm, nâng cao thu nhập của công nhân và người lao động trong cơ chế thị trường, Đảng và Nhà nước cần có kế hoạch, chính sách đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp cho người lao động. Bản thân anh chị em công nhân phải nêu cao truyền thống, ra sức học tập, nâng cao tri thức, tay nghề, tích lũy kinh nghiệm, phát huy sáng tạo, rèn luyện tác phong công nghiệp, tôn trọng kỷ luật, nội quy, trau dồi bản lĩnh chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ ; từng bước trí thức hóa giai cấp công nhân. Đây là vấn đề bức thiết nhằm xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước hiện nay và nhất là trong những thập kỷ tới.

Tôi tán thành phương hướng, mục tiêu nêu lên ở Đại hội lần này : "Xây dựng giai cấp công nhân Việt nam phát triển về số lượng, vững vàng về chính trị, có trình độ học vấn và tay nghề cao, năng động sáng tạo, xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng". Tôi muốn nhấn mạnh thêm mấy điểm sau đây :

Đối tượng tập hợp, vận động của công đoàn Việt nam và toàn thể người lao động làm công ăn lương trên cả nước. Phải giáo dục anh chị em quán triệt sâu sắc và tích cực thực hiện phương hướng, nhiệm vụ, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước ; thực hành tiết kiệm, bảo vệ của công, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch ; đề cao cảnh giác, hoàn thành tốt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Động viên cán bộ, đoàn viên tích cực tham gia xây dựng đảng trong sạch, vững mạnh ; xây dựng chính quyền nhân dân đủ khả năng quản lý đất nước với hiệu lực cao ; bài trừ tham nhũng, hối lộ, ức hiếp nhân dân.

Cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn về những vấn đề đang đặt ra đối với công tác vận động công nhân trong thời kỳ đổi mới, chuẩn bị đội ngũ để xúc tiến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta. Từ đó, đề ra nội dung giáo dục, vận động thích hợp, mang lại hiệu quả thiết thực. Xúc tiến việc thành lập tổ chức công đoàn trong các doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, các cơ sở liên doanh trong và ngoài nước.

Phải tập trung sức xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh, trước hết là đội ngũ công nhân, lao động trong các ngành sản xuất, kinh doanh và trong khu vực quản lý Nhà nước. Tăng cường đoàn kết, thống nhất giai cấp công nhân, gắn lợi ích giai cấp với lợi ích dân tộc ; làm hạt nhân trong khối liên minh công-nông-trí thức, lực lượng chủ yếu bảo đảm sự thành công của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà.

Cùng với giai cấp công nhân, còn có hơn hai triệu người lao động trong các ngành khoa học, kỹ thuật, giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, viên chức Nhà nước, là thành viên các nghiệp đoàn thuộc Công đoàn Việt nam. Một số khá đông là trí thức, những người có vai trò rất quan trọng đối với sự nghiệp chấn hưng đất nước trong thời đại ngày nay ; trong đó, phần lớn xuất thân từ người lao động, là một bộ phận trong giai cấp công nhân. Đảng và Nhà nước phải chăm lo cuộc sống của anh chị em, tạo điều kiện cho mọi người phát huy khả năng sáng tạo. Đồng thời, giáo dục anh chị em tăng cường trách nhiệm, nâng cao trình độ, trau dồi nghiệp vụ, rèn luyện phẩm chất, hăng hái công tác với chất lượng và hiệu quả cao, đóng góp hết sức mình vào công cuộc đổi mới đất nước. Công đoàn có trách nhiệm bồi dưỡng, giới thiệu công nhân, trí thức và người lao động ưu tú để kết nạp vào Đảng và bổ sung nguồn cán bộ cho Đảng và Nhà nước.

Là một thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt nam, công đoàn có trách nhiệm động viên công nhân, lao động xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, đoàn kết với tất cả các giai cấp và các tầng lớp khác trong xã hội, với đồng bào Việt nam đang sinh sống ở nước ngoài, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả nước xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần,

Digitized by Google

các tranh chấp lao động nảy sinh là điều tất yếu. Phương pháp đúng đắn để giải quyết tranh chấp là thông qua thương lượng giữa giới lao động, giới chủ và Nhà nước. Là đại diện cho người lao động trong việc ký kết thỏa ước lao động, công đoàn cần phát hiện kịp thời các mâu thuẫn dẫn đến tranh chấp ; chủ động tổ chức thương lượng, bảo đảm thực hiện sự hợp tác giữa chủ và người lao động trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi ; Nhà nước và tư nhân đều có lợi ; khuyến khích giới chủ đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều công ăn việc làm.

Nhà nước phải ban hành luật lệ, chính sách nhằm vừa bảo hộ quyền lợi hợp pháp của giới chủ, vừa bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công nhân và người lao động, bảo đảm công bằng xã hội. Chúng ta đề nghị Quốc hội sớm ban hành Bộ Luật lao động, làm cơ sở pháp lý cho việc giải quyết các tranh chấp một cách hợp pháp, hợp lý, hợp tình.

Một nguyện vọng khẩn thiết của giai cấp công nhân và nhân dân lao động nước ta là đấu tranh kiên quyết và có hiệu quả chống tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác. Bọn tham nhũng dùng mọi thủ đoạn, lợi dụng mọi sơ hở để đục khoét tài sản của Nhà nước và của nhân dân, thực chất là tước đoạt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Công đoàn phải giáo dục, vận động, tổ chức anh chị em công nhân, lao động và đoàn viên, nhất là cán bộ, đoàn viên trong các cơ quan quản lý Nhà nước, các cơ sở sản xuất kinh doanh, tích cực tham gia cuộc đấu tranh không khoan nhượng bài trừ tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác. Chính phủ sẽ có quy chế để công đoàn tham gia trực tiếp và có hiệu quả vào việc chống tham nhũng, tiêu cực và cần có tổ chức tương ứng để thực hiện cho được công việc cấp bách này. Đi đôi với xử lý nghiêm minh các vụ tham nhũng, cần khẩn trương nghiên cứu tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, coi đó là biện pháp cơ bản chặn đứng nạn tham nhũng hiện nay.

Thực hiện chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng và Nhà nước ta, công đoàn cần đẩy mạnh quan hệ với tổ chức công đoàn thế giới và công đoàn các nước, trao đổi kinh nghiệm, tăng cường đoàn kết, hữu nghị, góp phần vào sự nghiệp củng cố hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Để đáp ứng yêu cầu của hoạt động công đoàn trong điều kiện mới, cần tổ chức đào tạo và đào tạo lại cán bộ công đoàn, bổ sung, xây dựng một lớp cán bộ công đoàn các cấp phù hợp. Công đoàn phải khắc phục tình trạng "Nhà nước hóa, hành chính hóa" trong tổ chức và phương thức hoạt động của mình. Cán bộ công đoàn không phải là viên chức, mà trước hết phải là người hoạt động xã hội, kiên định lập trường đúng đắn của giai cấp công nhân, am hiểu về kinh tế thị trường, về pháp luật, về khoa học xã hội, khoa học nhân văn, về phong cách ứng xử, có khả năng tiếp cận các lĩnh vực nghề nghiệp của công nhân và lao động, tiếp cận khoa học và công nghệ hiện đại. Phải tuyển chọn cán bộ công đoàn từ phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và người lao động, được quần chúng tín nhiệm, có khả năng đại diện quyền lợi và nghĩa vụ của công nhân, lao động, đủ bản lĩnh xử lý những tình huống khó khăn. Bên cạnh lớp cán bộ công đoàn được rèn luyện, trưởng thành từ thực tế, cần đào tạo một lớp chuyên gia trong hoạt động công đoàn, lấy hoạt động công đoàn làm nghề nghiệp. Đảng và Nhà nước cần có cơ chế, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của cán bộ công đoàn.

Đất nước đang đứng trước tình hình mới, xuất hiện cả thời cơ lớn và thách thức lớn đối với chúng ta. Để tận dụng thời cơ, trụ vững trước thách thức, vượt qua trở ngại, khó khăn, đưa đất nước ta tiến nhanh về phía trước, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phải đồng tâm nhất trí, ra sức củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường, phát huy truyền thống và bản sắc dân tộc, quyết nối chí cha ông làm nên sự nghiệp lớn, phấn đấu thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, từng bước xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

QUÁN TRIỆT QUAN ĐIỂM QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ QUỐC PHÒNG

Đại tướng ĐOÀN KHUÊ *

CƯƠNG lĩnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta đã khẳng định : "xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc là hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt nam". Đây là một phương hướng cơ bản bảo đảm cho đất nước ta đạt tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh. Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đang đem hết sức mình thực hiện phương hướng trên đây và đã thu được những thành tựu bước đầu rất quan trọng, mở ra thời kỳ phát triển mới của dân tộc, của đất nước.

Tuy nhiên, việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược trong cuộc sống vừa qua cho thấy, phải tiếp tục làm cho nhân dân, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ nhận thức rõ hơn : *củng cố quốc phòng là một nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu và thường xuyên của nhân dân và Nhà nước ta,* như tinh thần của Cương lĩnh đã nêu. Nghĩa là, làm cho mọi người hiểu đúng thực chất của tình hình trong nước và thế giới, thời cơ và thách thức đối với nước ta trong bối cảnh quốc tế ngày nay. Đất nước đã có hòa bình và ổn định trên cả nước, đang có những điều kiện mới để phát triển. Song hòa bình chưa vững chắc. Tình hình kinh tế - xã hội còn diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch đang thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", cùng nhiều âm mưu, thủ đoạn khác hòng thôn tính, phá hoại, xâm lược nước ta, hòng xóa bỏ hoàn toàn và triệt để chủ nghĩa xã hội trên hành tinh. Tình hình ở khu vực Đông - Nam Á và trên thế giới vừa có ổn định vừa không có ổn định, vừa có hòa bình vừa tiềm ẩn nguy cơ xung đột vũ trang ; trong quan hệ giữa các nước không chỉ có hợp tác một chiều... Nguy cơ đe dọa an ninh Tổ quốc, nguy cơ các lực lượng thù địch phá hoại, thôn tính, xâm lược nước ta tiềm tàng trong nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong sự phát triển đất nước. Thách thức nằm ngay trong thời cơ. Vì thế, không thể cắt rời nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, củng cố quốc phòng - an ninh khỏi nhiệm vụ xây dựng, phát triển kinh tế ; càng không thể đối lập hai nhiệm vụ đó. Không cường điệu nguy cơ chiến tranh xâm lược, nhưng không ảo tưởng, mất cảnh giác.

Cần có nhận thức mới về nhiệm vụ củng cố quốc phòng phù hợp với những điều kiện lịch sử đã thay đổi, với nhiệm vụ xây dựng đất nước ; chủ động trước những mối nguy cơ khác nhau xuất phát từ nhiều phía, trên nhiều lĩnh vực. Thường có quan niệm xây dựng, củng cố quốc phòng là để chuẩn bị và tiến hành chiến tranh. Quan niệm đó chỉ đúng một phần. Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân không phải chỉ để chuẩn bị cho chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, mà là yêu cầu cấp bách, thiết thân ngay từ bây giờ nhằm duy trì cục diện ổn định, hòa bình - điều kiện tiên quyết để xây dựng đất nước phát triển kinh tế - xã hội. Nghĩa là, ngay trong hòa bình - một nền hòa bình chưa vững chắc, còn những nhân tố mất ổn định không thể xem thường - phải tích cực, chủ động xây dựng, tạo nên sức mạnh quân sự, sức mạnh quốc phòng dẩy lùi nguy cơ xung đột vũ trang, nguy cơ chiến tranh xâm lược, giữ vững cục diện hòa bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước về mọi mặt, đồng thời sẵn sàng đối phó thắng lợi với mọi tình huống. Đây là "thượng sách" bảo vệ chế độ và bảo vệ Tổ quốc - bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội mà không phải tiến hành chiến tranh. Đây cũng là yêu cầu mới của khoa học quân sự Việt nam, không chỉ nhằm đánh thắng chiến tranh xâm lược, "chiến tranh cứng", "chiến tranh nóng", mà còn có nhiệm vụ đối với việc tăng cường tiềm lực và thực

* Ủy viên Bộ chính trị, Bộ trưởng Bộ quốc phòng

Digitized by Google

lực quốc phòng, chống lại các loại hình chiến tranh xâm lược không có tiếng súng.

Công cuộc xây dựng, củng cố quốc phòng *cần quán triệt quan điểm quốc phòng toàn dân với những nội dung mới*. Những điều kiện lịch sử mới của đất nước ta về nhiệm vụ cách mạng, về chính trị, kinh tế, xã hội, khoa học và công nghệ... và những phát triển mới về khoa học quân sự trên thế giới đã làm nảy sinh và phát triển những nội dung mới của quan diểm quốc phòng toàn dân.

Đó là nền quốc phòng không chỉ bảo vệ Tổ quốc, mà còn bảo vệ chế độ ; không chỉ chống giặc ngoài, mà còn chống cả thù trong ; không chỉ chống các loại hình chiến tranh xâm lược, mà còn chống cả những hoạt động bạo loạn lật đổ, chiến tranh phản cách mạng ; không chỉ nhằm chuẩn bị và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, mà còn duy trì, phát triển cục diện hòa bình và ổn định...

Nguồn gốc tạo nên sức mạnh của nền quốc phòng bắt nguồn từ sức mạnh mọi mặt của đất nước, từ sức mạnh tổng hợp của toàn dân. Nghĩa là, sức mạnh của nền quốc phòng không chỉ đơn thuần là sức mạnh quân sự, sức mạnh của lực lượng vũ trang, của quân đội nhân dân, tuy sức mạnh quân sự, sức mạnh của quân đội là nòng cốt. Sức mạnh đó bắt nguồn từ sức mạnh của nền kinh tế, của hệ thống chính trị, của nền giáo dục, văn hóa - tư tưởng, của khoa học và công nghệ... Nói tóm lại, sức mạnh của nền quốc phòng toàn dân là sức mạnh tổng hợp của công cuộc xây dựng đất nước, xây dựng dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiệu lực răn đe cũng như việc chuẩn bị và tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc của nền quốc phòng là kết hợp chặt chẽ với các hoạt động khác của toàn dân, của Nhà nước. *Kết hợp chặt chẽ với an ninh*, bảo đảm an ninh và trật tự an toàn xã hội. *Kết hợp chặt chẽ với kinh tế*, để vừa có kinh tế phát triển vừa có quốc phòng mạnh. *Kết hợp với đối ngoại*, tạo môi trường hòa bình và tranh thủ hợp tác quốc tế để xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. *Kết hợp chặt chẽ với giáo dục, văn hóa, khoa học và công nghệ*... tạo nên tiềm lực mọi mặt của đất nước đáp ứng yêu cầu quốc phòng.

Nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc và chế độ đòi hỏi phải dựa chắc vào công cuộc đổi mới xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền quốc phòng toàn dân độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường theo hướng ngày càng hiện đại. Để xây dựng một nền quốc phòng như thế, ta phải lựa chọn mục tiêu, bước đi cho phù hợp với khả năng của nền kinh tế, với tiềm năng mọi mặt của đất nước. Phải vận dụng những kinh nghiệm vô giá về xây dựng quân đội và tiến hành chiến tranh yêu nước mà quân và dân ta đã tích lũy được trong gần nửa thế kỷ. Song, không dừng lại ở những kinh nghiệm đã có, mà phải phát triển những kinh nghiệm đó trong điều kiện mới. Phải dựa chắc vào công cuộc đổi mới, đưa nhanh những thành tựu xây dựng, phát triển kinh tế, thành tựu xây dựng, phát triển đất nước nói chung vào công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Trước đây, quân và dân ta tiến hành chiến tranh yêu nước bằng con người Việt nam + vũ khí, trang bị kỹ thuật của các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Ngày nay, chúng ta xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chuẩn bị và tiến hành chiến tranh nhân dân bằng những nhân tố cơ bản hoàn toàn Việt nam : con người Việt nam và vũ khí, trang bị kỹ thuật do Việt nam sản xuất và mua sắm. Muốn vậy, ta phải nhanh chóng sử dụng những thành tựu của công cuộc đổi mới để xây dựng, củng cố nền quốc phòng. Cụ thể là, những thành tựu về đào tạo, giáo dục con người phải được áp dụng để giáo dục và đào tạo nhân tài cho nền quốc phòng ; những thành tựu mới của công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, của bưu điện viễn thông, của giao thông vận tải, của khoa học và công nghệ... được áp dụng nhanh chóng vào quá trình xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ sở hạ tầng của nền quốc phòng nói chung, của quân đội nói riêng. Hướng đi phù hợp của vấn đề này là kết hợp kinh tế và quốc phòng, kết hợp dân sự và quân sự, kết hợp dân sinh và quốc phòng.

Trước mắt, cần tập trung làm tốt *việc giáo dục quốc phòng cho toàn dân* với những nội dung cơ bản về ý thức, trách nhiệm, nghĩa vụ, tri thức cần thiết, nhất là giáo dục cho đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước có tri thức, năng lực quản lý quốc phòng trong điều kiện đổi mới về mọi mặt. Tiếp tục *xây dựng, hoàn thiện khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố, quận huyện*, chú trọng kết hợp chặt chẽ với bảo đảm an ninh, trật tự và an toàn xã hội, nâng cao khả năng sẵn sàng hành động, sẵn sàng chiến đấu đối với mọi tình huống. *Thực hiện xây dựng lực lượng dự bị động viên* với nền nếp vững chắc, ngày càng có chất lượng và trình độ sẵn sàng chiến đấu

Digitized by Google

cao, cân đối giữa lực lượng thường trực và lực lượng dự bị của quân đội nhân dân. *Xây dựng có hệ thống và cơ bản tiềm lực quốc phòng về mọi mặt, đầu tư xây dựng công nghiệp quốc phòng từng bước, xây dựng cơ sở hạ tầng của nền quốc phòng toàn dân và chuẩn bị động viên thời chiến,* với những mục tiêu và bước đi thích hợp, theo một kế hoạch thống nhất của Đảng và Nhà nước.

Nền quốc phòng toàn dân được xây dựng như vậy là mang tính toàn dân thực sự. Không chỉ Ban chấp hành trung ương Đảng, không chỉ Chính phủ trung ương, mà các tổ chức đảng, chính quyền ở các cấp (tỉnh, thành phố, quận, huyện, phường, xã), các bộ, các ngành, các thành phần kinh tế đều có nghĩa vụ góp tiền, của, người, trí tuệ, công nghệ, kỹ thuật, vật tư, phương tiện... theo Hiến pháp để xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng quân đội nhân dân. Ngân sách quốc phòng không chỉ là ngân sách của Bộ quốc phòng. Ngân sách các bộ, ngành, địa phương cũng phải có phần ngân sách quốc phòng của mình, là ngân sách thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược. Người tài, công nghệ hiện đại, phương tiện, vật liệu mới, kỹ thuật cao... nằm trong nền kinh tế, trong các ngành, các bộ, trên các địa phương, cần được huy động, sử dụng phù hợp với luật pháp để xây dựng nền quốc phòng, xây dựng quân đội, đáp ứng nhiệm vụ bảo vệ chế độ, bảo vệ Tổ quốc.

Quán triệt quan điểm quốc phòng toàn dân hiện nay là phải *tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng*. Thời kỳ chiến tranh, Nhà nước ta tập trung điều hành hoạt động của bộ máy, của toàn dân để đáp ứng những yêu cầu của cuộc chiến đấu giữa ta và địch trên chiến trường. Hiện nay, Nhà nước ta, nhà nước của dân, do dân và vì dân do Đảng ta lãnh đạo, thực hiện chức năng quản lý nền quốc phòng toàn dân trong sự kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược. Đó là chức năng của cả cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và tư pháp, của các cấp chính quyền từ trung ương đến cơ sở.

Nhà nước quản lý quốc phòng trước hết *bằng pháp luật*. Đó là việc xây dựng một hệ thống văn bản luật và dưới luật đầy đủ, hoàn chỉnh và vững chắc về quốc phòng. Nhà nước ta đã ban hành một số luật, nhưng chưa đủ và chủ yếu áp dụng cho xây dựng quân đội, chưa đầy đủ với nhiệm vụ xây dựng quốc phòng nói chung. Cần soạn thảo ngay một luật cơ bản về quốc phòng và đề nghị đưa vào chương trình lập pháp của Quốc hội để Quốc hội có thể sớm xem xét và quyết định.

Phải xây dựng và hoàn thiện về tổ chức để Nhà nước thực hiện có hiệu lực chức năng quản lý của mình. Bộ quốc phòng và cơ quan quân sự (quốc phòng) các cấp là cơ quan chủ quản thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng và làm tham mưu cho Chính phủ (và ủy ban nhân dân các cấp) về xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Các bộ, các ngành cũng nên tổ chức ra một bộ phận hoặc phân công người chuyên trách (có thể gọi là chuyên viên về quốc phòng) làm nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng và quản lý quốc phòng của bộ, ngành mình.

Nhà nước quản lý quốc phòng bằng *kế hoạch nhà nước*, cả kế hoạch dài hạn và kế hoạch ngắn hạn. Bằng kế hoạch, Nhà nước xác định nhiệm vụ, mục tiêu xây dựng về quốc phòng từng thời kỳ, từng năm, từng hướng, từng địa phương... trong kế hoạch phát triển đất nước nói chung. Quá trình điều hành việc thực hiện kế hoạch cũng là quá trình quản lý của Nhà nước về quốc phòng. Nghĩa là quá trình huy động và sử dụng tiền, của, nhân lực, phương tiện, vật liệu, kỹ thuật, công nghệ để xây dựng quốc phòng phù hợp với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ.

Một hệ thống chính sách phù hợp cũng là một công cụ không thể thiếu của Nhà nước để quản lý quốc phòng. Trước hết, cần giải quyết tốt những vấn đề chính sách còn tồn đọng lại sau chiến tranh. Đổi mới về căn bản hệ thống chính sách về củng cố quốc phòng, xây dựng quân đội. Tạo nên môi trường hấp dẫn để thu hút các công dân làm nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, nhất là thu hút các nhân tài của Tổ quốc.

Đảng ta, Nhà nước ta và nhân dân ta đã xây dựng nên một quân đội nhân dân bách chiến bách thắng. Tháng 12 năm 1994 chúng ta sẽ long trọng làm lễ kỷ niệm 50 năm Ngày đội quân cách mạng ra đời. Nhất định quân và dân ta sẽ xây dựng được nền quốc phòng toàn dân hiện đại, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Digitized by Google

VÌ MỘT NỀN VĂN HÓA TIÊN TIẾN ĐẬM ĐÀ BẢN SẮC DÂN TỘC

NGUYỄN ĐỨC BÌNH *

Lời Bộ biên tập : *Ngày 19-11-1993, tại Hà nội, Ban tư tưởng - văn hóa trung ương, Bộ văn hóa - thông tin, Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt nam và Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia đã phối hợp tổ chức Hội thảo* Kỷ niệm 50 năm Đề cương về văn hóa Việt nam (1943 - 1993). *Đến dự có các đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viện Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Nguyễn Khánh, Phó thủ tướng Chính phủ, nhiều đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành hữu quan, cùng đông đảo các nhà nghiên cứu, sáng tác và hoạt động văn hóa, văn học nghệ thuật. Gần 30 bản báo cáo khoa học được trình bày tại Hội thảo.* Tạp chí Cộng sản *xin trân trọng giới thiệu nội dung bài phát biểu của đồng chí Nguyễn Đức Bình.*

QUA 50 năm, *Đề cương văn hóa Việt nam* đã phát huy tác dụng rộng lớn trong đời sống văn hóa dân tộc. *Đề cương* đã thường được đề cập tới trong các hội thảo, phân tích trên sách báo, giảng dạy tại nhà trường. Nhiều tác giả đã đi vào chi tiết của từng sự kiện lịch sử, từng bàn đi bàn lại thế nào là *dân tộc*, là *khoa học*, là *đại chúng*. Tôi hy vọng rằng cuộc hội thảo hôm nay, với sự tập trung cao trí tuệ của đông đảo đại biểu các giới văn hóa, sẽ trở lại bản *Đề cương* với một tầm nhìn mới, để có những nhận thức mới và phát hiện mới.

Tôi nghĩ, chỉ có đặt mình vào bối cảnh ra đời của *Đề cương*, chúng ta mới thấy hết ý nghĩa và giá trị lịch sử của nó. Có hồi tưởng lại cuộc sống ngột ngạt của nhân dân ta dưới ách phát xít Nhật và thực dân Pháp, có thấy được tình trạng khủng hoảng và bế tắc của giới trí thức trong thời kỳ 1941 - 1945, mới thấy hết vai trò quan trọng của *Đề cương* trong bước ngoặt lịch sử giải phóng dân tộc.

Dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, *Đề cương* đã phân tích sâu sắc diễn biến tình hình, nêu lên những nhiệm vụ lúc bấy giờ trên mặt trận văn hóa. Những luận điểm đầy tính thuyết phục lúc đó đã có sức mạnh thức tỉnh và tập hợp rộng rãi giới trí thức Việt nam vào sự nghiệp cứu quốc dưới ngọn cờ của Đảng.

Ngày nay, nhiều quan điểm văn hóa, nhiều phạm trù khoa học, nhiều phương châm hành động được nêu lên trong bản *Đề cương* năm 1943 đã đi vào cuộc sống và trở nên quá quen thuộc với mọi người. Nhưng nếu đặt bản *Đề cương* vào thời điểm 50 năm trước, thì đó lại chính là đỉnh cao của trí tuệ đương thời, là nhận thức sắc bén về tình hình, là dự báo khoa học về tương lai, là sức mạnh tinh thần to lớn mà đất nước đang cần.

Nhìn lại quãng thời gian 50 năm qua, chúng ta sẽ đánh giá một cách khách quan những thành tựu mà văn hóa Việt nam đã đạt được dưới ánh sáng của bản *Đề cương* và đường lối văn hóa của Đảng.

Lý tưởng độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội đã trở thành lẽ sống chi phối ý nghĩ, tình cảm và hành động của nhân dân ta.

Một nền văn hóa mới dưới chế độ mới đang hình thành và ngày càng phát triển trên các lĩnh vực giáo dục, khoa học, lối sống, đạo đức xã hội v.v..

---

* Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư Trung ương Đảng

Digitized by Google

Đặc biệt, một nền văn học nghệ thuật mới đã hình thành trong khói lửa của hai cuộc kháng chiến thần thánh : chống Pháp và chống Mỹ, tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị, phản ánh một giai đoạn rực rỡ và vẻ vang của dân tộc.

Một đội ngũ trí thức khá hùng hậu được rèn luyện qua chiến đấu, lao động và học tập đã góp phần không nhỏ trong sự nghiệp giải phóng đất nước và phát triển văn hóa. Cùng sống và chiến đấu bên cạnh bộ đội, biết bao nhà trí thức, nhà khoa học và văn nghệ sĩ đã hy sinh anh dũng trên chiến trường. Dân tộc ta mãi mãi trân trọng những tấm gương sáng vì đại nghĩa dân tộc của giới văn hóa Việt nam.

Bên cạnh những đóng góp to lớn nói trên, bản *Đề cương* có những hạn chế lịch sử nhất định khó tránh khỏi. Với mấy trang ngắn gọn, *Đề cương* không thể đi sâu mọi vấn đề của văn hóa, càng không thể đòi hỏi *Đề cương* đề cập những vấn đề đang đặt ra cho chúng ta hôm nay.

Đề nghị các đồng chí hãy cùng nhau bàn bạc nhằm giải quyết tốt những vấn đề đang được đặt ra hôm nay và cho ngày mai vì một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Lịch sử dạy ràng, văn hóa luôn luôn là một điều kiện sống còn của dân tộc. Không phải ngẫu nhiên mà Nguyễn Trãi trong *Bình Ngô Đại cáo* đã nhấn mạnh : "Nước Đại Việt ta từ trước vốn xưng nền văn hiến đã lâu" và ông khẳng định sức mạnh của văn hóa trong chiến tranh giải phóng đất nước : "Lấy đại nghĩa thắng hung tàn,lấy chí nhân thay cường bạo".

Lịch sử chứng minh trong những bước hiểm nghèo nhất của dân tộc, văn hóa luôn luôn là một sức mạnh phát huy tiềm năng vô tận của nhân dân ta về trí tuệ, tài năng, tình cảm và ý chí...

Những điều nói trên càng cho thấy Đảng ta đúng khi đặt vấn đề văn hóa ở vị trí vô cùng quan trọng trước Cách mạng Tháng Tám và từ đó cho đến nay.

Nhưng sau 50 năm, tình hình đất nước và thế giới đã đổi thay nhiều. Văn hóa hôm nay cũng không còn giống như văn hóa 50 năm về trước.

Những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ 20 được đánh dấu bằng những biến đổi cực kỳ to lớn trong đời sống xã hội thế giới và làm nổi bật những thành tựu của văn hóa.

Những kiến thức khoa học tiên tiến được ứng dụng rộng khắp trong các lĩnh vực khác nhau của sản xuất, đời sống và mọi hoạt động xã hội. Các công nghệ hiện đại đang đem lại cho con người những khả năng vô cùng rộng lớn, cho phép giải quyết rất nhiều vấn đề đang được đặt ra cho cả nhân loại và cho mỗi dân tộc.

Tuy nhiên, sự phát triển của khoa học kỹ thuật chỉ là một bộ phận của phát triển văn hóa. Tự bản thân nó, khoa học kỹ thuật không thể giải quyết nổi những vấn đề đang được đặt ra cho nhân loại hôm nay. Việc này đòi hỏi toàn bộ các lĩnh vực hoạt động xã hội, trong đó có văn hóa theo nghĩa rộng nhất.

Văn hóa thâm nhập và có mặt trong mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, trong mọi mặt của đời sống và hoạt động xã hội. Ngày nay người ta nói : "Văn hóa là chìa khóa của sự phát triển".

Hiện nay trên thế giới dân tộc nào cũng muốn dành ưu tiên cho hoạt động tăng trưởng kinh tế, nhưng chủ thể của kinh tế là con người, và thước đo trình độ con người lại chính là văn hóa. Nếu không quan tâm đến văn hóa, đến dân trí, đến chất lượng giáo dục, đến phát triển khoa học và công nghệ thì không thể nói đến tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, vấn đề không chỉ là tăng trưởng mà còn là phát triển, nghĩa là bao hàm cả tiến bộ xã hội, do vậy nếu không có lý tưởng cao đẹp thấm sâu những giá trị nhân văn và một nền đạo đức xã hội thì mọi nỗ lực đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội đều không thể thành công.

Từ Đại hội VI, qua Đại hội VII và sau Đại hội, Đảng ta đã đề ra và thực hiện đường lối đổi mới

Digitized by Google

toàn diện, đạt được những thành tựu rất quan trọng và những tiền đề đang được tạo ra cho một thời kỳ phát triển nhanh, mạnh hơn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Trong sự nghiệp lớn lao này, văn hóa giữ một vai trò cực kỳ quan trọng.

Kỷ niệm 50 năm *Đề cương văn hóa*, tôi nghĩ đây là dịp lớn để các ngành văn hóa dưới ánh sáng các nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, xem xét lại những hoạt động của mình và xác định những việc cần làm để đáp ứng được yêu cầu của đất nước trong giai đoạn mới.

Văn hóa có phạm vi rất rộng, *Đề cương* năm 1943 nêu lên 3 lĩnh vực chủ yếu là : *tư tưởng, học thuật* và *nghệ thuật*. Bây giờ chúng ta hiểu văn hóa với nghĩa còn rộng hơn nhiều.

Nói đến văn hóa, chỉ nghĩ tới văn học và nghệ thuật thôi thì hoàn toàn chưa đủ. Đảng ta nhấn mạnh tầm quan trọng của *tư tưởng* và yêu cầu mọi ngành văn hóa phải thấy trách nhiệm của mình là góp phần thống nhất tư tưởng của toàn thể nhân dân hướng vào việc thực hiện đường lối của Đảng nhằm bảo vệ và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Công tác tư tưởng phải đem lại những nhận thức đúng đắn, củng cố được niềm tin, rèn luyện ý chí cách mạng và tinh thần lạc quan của nhân dân trước tiền đồ của đất nước. Muốn đạt được điều ấy, giới văn hóa cần tiếp tục nắm vững và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin để phân tích tình hình, dự báo tương lai, đóng góp với Đảng trong việc chế định và hoàn thiện đường lối phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa.

Đề cương nói tới *học thuật* (ý nói tới các lĩnh vực khoa học : khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội và nhân văn). Trong thời đại mà trí tuệ loài người đang có những tiến bộ phi thường, đất nước ta không thể phát triển nếu không nhanh chóng tiếp thu những thành quả to lớn ấy, để ứng dụng một cách hợp lý, thích hợp với thiên nhiên và con người Việt nam. Nâng cao dân trí, tiến quân mạnh mẽ vào khoa học vì thế trở thành một nhiệm vụ cấp bách hàng đầu của giới khoa học và giáo dục.

Về mặt xã hội, những sự kiện vô cùng phức tạp đang tiếp tục diễn ra trên phạm vi toàn thế giới. Là những người lạc quan, chúng ta tin tưởng vào tiền đồ của nhân loại, vào cái ngày mà mọi ách áp bức và nô dịch sẽ vĩnh viễn đi vào quá khứ. Đó là cái ngày mà người với người thương yêu nhau, cùng lo chung cho tập thể, cho cộng đồng dân tộc và xã hội, cùng quan tâm đến tự do, hạnh phúc và sự phát triển của mỗi cá nhân. Đó là điều mơ ước từ bao đời của nhân dân lao động, là mục tiêu mà Mác, Lê-nin và Hồ Chí Minh đã suốt đời theo đuổi, là cuộc sống mà con đường xã hội chủ nghĩa đang đưa nhân loại đi tới và điều đó không là ảo tưởng bởi lịch sử xã hội loài người, theo quy luật, nhất định sẽ tới đó.

Với đường lối đổi mới, cơ chế thị trường đang là một điều kiện và phương tiện cho sự phát triển của đất nước. Nó đã đem lại những thành quả to lớn và còn tiếp tục mở ra nhiều triển vọng cho sự phát triển kinh tế. Nhưng mặt trái của nó cho ta thấy nhiều hiện tượng tiêu cực không thể xem thường, nhất là trên quan điểm văn hóa.

Kinh tế thị trường, bằng lợi ích vật chất, kích thích sáng kiến, sự suy nghĩ, sự tìm tòi, tư duy năng động và sáng tạo. Điều này có ý nghĩa tích cực. Tuy nhiên, những tính toán cá nhân, thói ích kỷ vụ lợi thường dẫn đến làm ăn phi pháp, tham ô, buôn lậu, lừa đảo, đặt lợi ích cá nhân và gia đình lên trên lợi ích tập thể và xã hội.

Xã hội và Nhà nước ta khuyến khích làm giàu hợp pháp, chính đáng, nhưng lên án lối làm giàu phi pháp, bất chính, lấy đồng tiền làm giá trị duy nhất, cùng với lối sống hưởng lạc, xa phí, tàn nhẫn đang làm xói mòn truyền thống đạo đức, lối sống lành mạnh, những mối quan hệ tình nghĩa... Đó là những vấn đề nóng bỏng đang đặt ra trước

Digitized by Google

nền văn hóa nước ta hiện nay, cần được phân tích và giải quyết trên cơ sở của triết học, xã hội học, tâm lý học, đạo đức học...

Kinh tế và văn hóa là hai mặt tác động qua lại lẫn nhau nhằm xây dựng một xã hội phát triển và tiến bộ. "Dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh" là mục tiêu kết hợp cả mấy nhân tố kinh tế, xã hội và văn hóa trong quá trình phát triển. Không thể xây dựng được một xã hội văn minh với nền kinh tế nghèo nàn và lạc hậu, ngược lại, với nền kinh tế tăng trưởng cao, nhưng nếu thiếu văn minh thì xã hội cũng không thể gọi là tiến bộ được. Xã hội gọi là văn minh không chỉ ở chỗ nó có kinh tế phát triển và tạo được một cuộc sống dồi dào về vật chất. Văn minh còn phải thể hiện ở những quan hệ tốt đẹp giữa người với người, ở sự công bằng, dân chủ, ở một đời sống tinh thần phong phú và cao đẹp. Nó phải được đánh dấu bằng phẩm giá, trí tuệ, đạo đức của con người, bằng chủ nghĩa nhân văn trong quan hệ của con người với xã hội, với thiên nhiên, với bản thân.

Làm thế nào để kinh tế và văn hóa phát triển hài hòa trong xã hội ta, để văn hóa không cản trở kinh tế, kinh tế không phá hoại văn hóa ? Làm thế nào để cho giữa kinh tế thị trường với đời sống văn hóa tinh thần và đạo đức xã hội không trở nên mâu thuẫn nan giải ? Tôi cho đó là vấn đề rất then chốt hiện nay, để nghị giới khoa học quan tâm nghiên cứu, phân tích và nêu lên các giải pháp. Cũng cần nói thêm một điểm then chốt nữa : phát triển kinh tế thị trường đi đôi với mở rộng quan hệ với bên ngoài. Mở rộng quan hệ với bên ngoài là tất yếu, xuất phát từ quan điểm chiến lược kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Không một dân tộc nào trong thời đại ngày nay lại có thể sống biệt lập với thế giới. Đảng ta, Nhà nước ta, nhân dân ta tận khả năng tranh thủ học hỏi, hấp thu tất cả những cái hay, cái tốt của thế giới về kinh tế, khoa học, kỹ thuật, về văn hóa nói chung. Song như ta thường nói, mở cửa thì phải nhớ rằng có cả gió lành và gió độc. Việt nam từ xưa vẫn có truyền thống mở cửa đón gió bốn phương, tiếp nhận những cái tốt, cái thích hợp, loại bỏ những gì xấu, không thích hợp, rốt cuộc ta vẫn là ta với sự phong phú và giàu có thêm lên về nội dung và bản sắc. Đó là bài học không thể nào quên trong điều kiện ngày nay. Mất bản sắc dân tộc thì không còn gì là văn hóa ; và mất văn hóa thì dân tộc cũng mất luôn. Điều này đặc biệt liên quan đến nghệ thuật.

Nghệ thuật (nói chung là văn học - nghệ thuật) trong những năm gần đây đã có nhiều thành tựu, phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức, thể loại và phong cách biểu hiện.

Trong giai đoạn trước đây, để bảo vệ sự sống còn của đất nước, cả dân tộc ta buộc phải đương đầu với những kẻ thù lớn mạnh và hung ác nhất. Trong hoàn cảnh ấy, mỗi cá nhân hướng về sự nghiệp của đất nước, chiến đấu kiên cường và tin tưởng tuyệt đối vào thắng lợi chung của dân tộc, đó là phẩm chất cao đẹp của con người Việt nam. Văn nghệ trong thời kỳ này hướng vào khí phách anh hùng và khát vọng cao cả giải phóng dân tộc, đã tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị mà tổng hợp lại có thể coi đó là tấm gương soi của tâm hồn Việt nam. Tấm gương đó sẽ tiếp tục sáng mãi không gì che mờ được trong lòng nhân dân và trong tương lai muôn đời.

Trong giai đoạn mới, Đảng chủ trương phát huy mọi trí tuệ, tài năng và sáng kiến. Mọi đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xét cho cùng đều lấy con người làm trung tâm, tất cả vì con người, vì tự do và hạnh phúc con người, tôn trọng cá tính và những khát vọng chân chính của mỗi cá nhân. Nhưng nếu nghĩ rằng thời đại chúng ta đặt cá nhân cao hơn cộng đồng thì không đúng, nhất là nếu từ đó đi đến phát triển tính ích kỷ và những dục vọng thấp hèn, khuyến khích dâm ô, cuồng bạo và đồi trụy, là điều không thể chấp nhận ; bất cứ dân tộc nào và bất cứ thời nào cũng không thể chấp nhận. Sức hấp dẫn của nghệ thuật không ở

Digitized by Google

chỗ thỏa mãn những thị hiếu lạc hậu và không lành mạnh. Người nghệ sĩ chỉ thành công khi tác phẩm của họ toát lên những tư tưởng lớn và tình cảm lớn, nâng cao tâm hồn, phẩm chất và phẩm giá của người xem, người nghe.

Sau các vấn đề tư tưởng, học thuật, nghệ thuật, tôi muốn nêu thêm ở đây vấn đề *lối sống*. Đề cương văn hóa lúc đó tập trung vào nhiệm vụ trước mắt là cứu nước, chưa phải lúc nêu ra vấn đề lối sống. Nhưng sau khi cách mạng Tháng Tám thành công, Bác Hồ đã đặt ngay nhiệm vụ xây dựng đời sống mới và từ đó tới nay Đảng ta đã hết sức quan tâm vấn đề này. Bộ văn hóa từ mấy chục năm trước đã phát động phong trào "gia đình văn hóa", "nếp sống văn minh" và đã thu được những thành quả nhất định. Nhưng phải chăng trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường hiện nay, nhiều vấn đề thuộc lối sống, nếp sống được đặt ra gay gắt ? Từ vấn đề về lối sống thực dụng đến kỷ cương xã hội, từ tình làng nghĩa xóm đến nếp sống gia đình v.v., gia đình cổ truyền, và cả dòng họ nữa, như đang được khôi phục với các nghi thức cũ trong thờ cúng tổ tiên, đám ma, đám cưới, giỗ chạp, quan tâm nhiều đến mồ mả, gia phả, nhà thờ v.v.. Ở đây cái gì là tích cực, cái gì là tiêu cực và lạc hậu ?

Trong những quy tắc sinh hoạt gia đình và giao tiếp xã hội, những gì cần xóa bỏ, những gì cần duy trì, cải biến và bổ sung ? Đề nghị giới văn hóa, nhất là Bộ văn hóa, nên có biện pháp như thế nào để thực sự xây dựng cho được trong xã hội ta một nếp sống văn minh, giàu bản sắc dân tộc, gạt bỏ những gì phản tiến bộ, phản nhân văn.

Nếu như ở thời đại ngày nay, văn hóa giữ một vai trò hết sức quan trọng trên con đường phát triển và tiến bộ của các dân tộc và loài người, thì vị trí của người trí thức do đó cũng được nâng cao hơn bao giờ hết.

Dân tộc Việt nam ta vốn là dân tộc hiếu học và quý trọng trí thức. Từ ngày lập quốc đến nay, trí thức luôn luôn là một động lực thúc đẩy sự phát triển trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trí thức hoạt động trong văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, trong khoa học và công nghệ, trong quân sự, ngoại giao, trong việc quản lý đất nước từ trung ương đến cơ sở.

Đảng ta hiểu rằng tự do sáng tạo là điều kiện phát triển của văn hóa, là nhu cầu tồn tại của người trí thức. Trí tuệ của một dân tộc cũng như của mỗi con người là một quá trình phát triển từ thấp tới cao, từ nhận thức giản đơn đến nhận thức sâu sắc. Nói một cách khác, đó là quá trình luôn luôn khắc phục những sai lầm để đạt đến chân lý. Ngày nay trên lĩnh vực văn hóa và giữa anh chị em trí thức với nhau thường có những ý kiến khác nhau, thậm trí trái ngược nhau. Điều đó là tự nhiên và lành mạnh. Đúng và sai sẽ được sáng tỏ qua những cuộc đối thoại thẳng thắn chân tình, còn tiêu chuẩn cuối cùng và cao nhất là ở thực tiễn.

Mục tiêu cao cả của đất nước luôn đoàn kết những người có tâm huyết trong quá trình cùng tìm tòi và sáng tạo.

Có thể nói, ngoại trừ một số rất ít người, còn tuyệt đại bộ phận trí thức Việt nam, cả ở trong nước và ngoài nước, đều thiết tha với tiền đồ của đất nước và hạnh phúc của nhân dân. Với tinh thần dân chủ đầy trách nhiệm công dân trong nghiên cứu khoa học và sáng tạo nghệ thuật, giới trí thức tôn trọng lẫn nhau, cùng toàn dân phấn đấu cho sự phát triển cao và lành mạnh của nền văn hóa dân tộc, góp phần đưa đất nước ta nhanh chóng và vững bước đi lên trên con đường đã lựa chọn.

Sau 50 năm, *Đề cương văn hóa* của Đảng đã hoàn thành sứ mệnh vẻ vang của nó. Mong rằng trong hội thảo lần này, các đồng chí sẽ đóng góp được nhiều ý kiến quý báu góp phần phát triển, hoàn thiện đường lối văn hóa của Đảng, mở ra một giai đoạn mới của văn hóa Việt nam với những thành tựu còn to lớn hơn nữa.

Digitized by Google

ĐỔI MỚI MẠNH MẼ HƠN NỮA CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ

*TRƯƠNG MỸ HOA**

ĐẢNG ta luôn coi trọng công tác cán bộ nữ, coi đó như một yếu tố góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước, đồng thời thúc đẩy sự nghiệp giải phóng phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất coi trọng công tác cán bộ nữ. Người đã căn dặn trước lúc đi xa : "Đảng và Chính phủ cần phải có kế hoạch thiết thực để bồi dưỡng, cất nhắc và giúp đỡ để ngày thêm nhiều phụ nữ phụ trách mọi công việc, kể cả công việc lãnh đạo. Bản thân phụ nữ thì phải cố gắng vươn lên. Đó là một cuộc cách mạng đưa đến quyền bình đẳng thật sự cho phụ nữ"(1).

Từ nhận thức đúng đắn đó, Đảng ta luôn coi công tác cán bộ nữ là nhiệm vụ có tính chiến lược trong toàn bộ công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước, có tầm quan trọng quyết định đối với toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Chỉ thị số 44/CT-TW của Ban bí thư Trung ương Đảng (khóa V) "Về một số vấn đề cấp bách trong công tác cán bộ nữ" là một trong những chỉ thị, nghị quyết thể hiện rất sâu sắc những quan điểm của Đảng về vấn đề này.

Với quan điểm đúng đắn về công tác cán bộ nữ, chỉ thị nêu trên của Ban bí thư đã thật sự có tác dụng thúc đẩy phong trào cách mạng của phụ nữ nước ta. Trong 9 năm qua, kể từ khi chỉ thị ra đời, đội ngũ cán bộ nữ ngày càng lớn lên ; có những bước phát triển mới về chất lượng. Chị em đã trực tiếp tham gia xây dựng, lãnh đạo các phong trào sản xuất, công tác, chiến đấu ở khắp mọi miền đất nước. Ngày nay, đội ngũ cán bộ nữ đã trở nên đông đảo, có năng lực và phẩm chất tốt, đang hoạt động tích cực trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội từ trung ương đến cơ sở. Đến nay, đã có cán bộ nữ giữ cương vị lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước như Bí thư Trung ương Đảng, Phó chủ tịch nước. Ngoài ra, còn có 4 chị ở cấp bộ trưởng, 11 chị cấp thứ trưởng, 30 chị cấp vụ trưởng, trên 50 chị cấp phó vụ trưởng, trên 150 chị cấp tổng và phó tổng giám đốc, hàng ngàn cán bộ cấp cơ sở (xã, phường, quận, thị...). Điều đáng mừng là trình độ năng lực của chị em đã được nâng lên rõ rệt. Hiện có 24 giáo sư, 119 phó giáo sư, 23 tiến sĩ, 754 phó tiến sĩ là nữ, và khoảng 260 000 chị có trình độ đại học, cao đẳng.

Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trước những tác động tiêu cực của kinh tế thị trường, đội ngũ cán bộ nữ, nhất là cán bộ quản lý và lãnh đạo các cấp đã giữ được bản lĩnh chính trị vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công tác, nhiều chị đã nhạy bén với thời cuộc, có tư duy sáng tạo, kịp thời nắm bắt phương thức làm ăn mới, tạo ra hiệu quả cao trong quản lý sản xuất và kinh doanh.

Điều đáng mừng là tuyệt đại bộ phận cán bộ nữ vẫn giữ được lối sống lành mạnh, tôn trọng kỷ luật, tuân theo pháp luật. Rất ít cán bộ nữ mắc sai lầm trong quản lý tài chính, hoặc tham gia vào những vụ tham nhũng, buôn lậu. Số cán bộ nữ sai phạm phải xử lý kỷ luật Đảng và xét xử trước pháp luật rất thấp (từ 2,4 đến 3%) so với tổng số cán bộ bị xử lý.

---

* Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội LHPN Việt nam

(1) *Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, BCH TƯ Đảng cộng sản Việt nam xuất bản, Hà nội, 1989, tr 42

Digitized by Google

Mặc dù vậy, chúng ta chưa thể bằng lòng với những kết quả đã đạt được, bởi vì thực trạng đội ngũ cán bộ nữ và công tác cán bộ nữ vẫn đang còn khá nhiều tồn tại cần giải quyết :

+ *Quan điểm, nhận thức* của các cấp ủy đảng và chính quyền về công tác cán bộ nữ tuy đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhưng chưa cơ bản, chưa vững chắc, chưa đồng đều. Nơi nào lãnh đạo cấp ủy và thủ trưởng chính quyền quan tâm, có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, thì ở đó đội ngũ cán bộ nữ phát triển tốt. Nơi nào không quan tâm thì rất ít cán bộ nữ được đào tạo, bồi dưỡng, cất nhắc, sử dụng. Nhiều nơi chỉ chú ý huy động, khai thác sự đóng góp của cán bộ nữ mà chưa coi trọng đúng mức việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ, tạo điều kiện cho chị em phát triển, trưởng thành để đủ sức đáp ứng được những yêu cầu ngày càng cao của giai đoạn cách mạng mới.

+ *Đội ngũ cán bộ nữ hiện nay vừa thiếu, vừa yếu, lại không đồng bộ* trong tất cả các lĩnh vực. Cán bộ nữ trong các cấp ủy đảng, các cơ quan dân cử, các bộ, ngành chiếm tỷ lệ thấp, đang ngày càng giảm sút, và sẽ tiếp tục giảm sút nếu không có biện pháp thỏa đáng để cứu vãn. Cơ cấu đội ngũ cán bộ nữ mất cân đối, không đồng bộ so với yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường. Đã thế, việc phân bố cán bộ nữ lại không đồng đều trong các địa phương, các khu vực, các ngành. Đặc biệt, trong lĩnh vực quản lý nhà nước, chúng ta còn rất thiếu những chuyên gia nữ giỏi về quản lý sản xuất, kinh doanh, pháp luật, kinh tế đối ngoại... Cán bộ nữ tham gia quản lý chủ yếu ở cấp giúp việc (cấp phó) và cấp thực hiện (cấp phòng, ban). Rất ít cán bộ nữ được để bạt làm cấp trưởng ; nếu có làm cấp trưởng thì cũng thường là ở những vị trí không thể bố trí cán bộ nam, hoặc cán bộ nam không muốn tham gia, như Hội phụ nữ, nhà trẻ, mẫu giáo, các trường phổ thông cơ sở... Một hiện tượng rất đáng báo động là trong những năm gần đây, tỷ lệ cán bộ nữ trong các cơ quan dân cử, bầu cử giảm nghiêm trọng. Trong ba nhiệm kỳ gần đây, tỷ lệ nữ tham gia hội đồng nhân dân ở cấp tỉnh, thành giảm từ 10 đến 20%. Ở cấp huyện, thị và xã, phường, tỷ lệ nữ tham gia hội đồng nhân dân còn thấp hơn nữa. Có những huyện, số ủy viên hội đồng nhân dân là nữ chỉ chiếm có 2%. Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy các cấp từ tỉnh, thành đến cơ sở trong nhiều năm gần đây cũng đang giảm sút. Nói chung, tỷ lệ đó không vượt quá 10%. Cán bộ nữ đặc biệt thiếu và yếu ở các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, ở miền Trung, Tây nguyên và một số tỉnh đồng bằng Nam bộ.

+ *Nguồn bổ sung cán bộ nữ cũng đang là vấn đề hết sức khó khăn*. Số cán bộ nữ lớn tuổi sẽ nghỉ hưu vào những năm từ 1995 đến 2000 chiếm đa số. Trong khi đó đa số nữ thanh niên hiện nay ngại làm cán bộ chính trị, chỉ thích làm công tác chuyên môn. Nếu không quan tâm đúng mức thì sẽ không có "thê đội hai" để thay thế lớp cán bộ hiện nay.

Liên quan đến nguồn cán bộ nữ, có vấn đề phát triển đảng viên nữ. Số chị em được kết nạp vào Đảng trong những năm gần đây có xu hướng giảm rất nhanh. Nhiều nơi, đặc biệt ở khu vực nông thôn, số đảng viên là nữ mới được kết nạp không bù được số đảng viên là nữ bị đưa ra khỏi Đảng (chủ yếu là xóa tên). Tỉnh Hà bắc trong 8 năm qua kết nạp được 1114 đảng viên nữ, thì đưa ra 1093 người. Thành phố Hải phòng, năm 1991 kết nạp được 214 đảng viên nữ, đưa ra 266. Tỉnh Quảng trị, năm 1992 kết nạp 47 chị, đưa ra 44 v.v.. Thậm chí có một số chi bộ không có đảng viên nữ.

Từ thực tiễn của những nơi làm tốt công tác cán bộ nữ, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm :

Phải hiểu sâu sắc quan điểm giải phóng phụ nữ của Đảng, nhận thức rõ vai trò của cán bộ nữ trong sự nghiệp đổi mới của Đảng và của đất nước.

Nhận thức và chủ trương đúng đắn phải đi đôi với sự chỉ đạo sát sao, có biện pháp kiên quyết, đồng bộ, kiểm tra đôn đốc thực hiện.

Digitized by Google

Muốn xây dựng được đội ngũ cán bộ nữ đồng bộ, không bị chắp vá, phải làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, đào tạo lại một cách cơ bản mới đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ cách mạng mới hiện nay.

Trong quy hoạch đào tạo, để bạt và sử dụng cán bộ nữ, một mặt phải biết phát huy thế mạnh, ưu điểm của phụ nữ, đồng thời phải thấy những mặt hạn chế gắn với đặc thù của lao động xã hội của phụ nữ để sử dụng đúng chỗ, đúng việc.

Điều không kém phần quyết định là sự nỗ lực phấn đấu của bản thân phụ nữ cộng với sự ủng hộ và hỗ trợ của các thành viên trong gia đình.

*

Xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ nữ trong thời gian qua và những yêu cầu đối với cán bộ nữ trong giai đoạn hiện nay, chúng ta thấy rất rõ một điều là phải *đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác cán bộ nữ.* Có như vậy mới phát huy được những tiềm năng to lớn của chị em, tạo điều kiện để chị em góp phần xứng đáng của mình vào công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ đất nước, làm đẹp thêm những phẩm chất cao quý của phụ nữ Việt nam.

Để việc đổi mới công tác cán bộ đạt hiệu quả cao, cần chú ý giải quyết tốt một số vấn đề cơ bản sau đây :

1 - Quán triệt sâu sắc hơn nữa *quan điểm của Đảng về công tác cán bộ nữ.* Cụ thể là : Vấn đề cán bộ nữ phải được đạt trong việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ nói chung của Đảng và Nhà nước. Công tác cán bộ nữ phải gắn chặt với yêu cầu đổi mới công tác cán bộ nói chung, nhằm đạt mục tiêu là thu hút được nhân tài của đất nước trên tất cả các lĩnh vực, các thành phần kinh tế, không phân biệt người trong Đảng hay người ngoài Đảng. Công tác tuyển chọn, sử dụng cán bộ nữ, cũng phải hết sức quan tâm đến những cán bộ nữ ngoài Đảng, kể cả việc giao cho chị em đảm đương nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý. Điều quan trọng không phải chỉ là để bạt, cất nhắc chị em, mà là sau khi đã để bạt, phải tiếp tục bồi dưỡng, tạo điều kiện giúp chị em hoàn thành nhiệm vụ được giao, nếu không thì tác dụng của việc để bạt sẽ rất hạn chế, thậm chí "phản tác dụng". Tập thể cấp ủy và lãnh đạo chủ chốt của các ngành từ trung ương đến cơ sở phải đích thân chỉ đạo công tác cán bộ nói chung, trong đó có phần công tác cán bộ nữ ; đồng thời, phải phát huy tốt vai trò của các cơ quan tham mưu. Đó là trách nhiệm chính trị của lãnh đạo cấp ủy và thủ trưởng chính quyền. Việc chăm lo phát triển đội ngũ cán bộ nữ một cách vững chắc là yêu cầu khách quan của sự nghiệp đổi mới, phù hợp với xu thế của thời đại. Đây không phải là nhiệm vụ riêng của các cấp hội phụ nữ, mà là nhiệm vụ chung của cả hệ thống chính trị.

2 - *Rà soát, đánh giá lại và bố trí sử dụng hợp lý đội ngũ cán bộ nữ hiện có.* Quan tâm để bạt kịp thời, đúng lúc, đúng người, đúng việc những cán bộ nữ trẻ được đào tạo, đã qua thử thách trong thực tiễn công tác, đủ tiêu chuẩn về quan điểm lập trường, về phẩm chất và năng lực, vào cương vị lãnh đạo, quản lý các cấp. Đảm bảo sự chuyển tiếp các thế hệ cán bộ nữ một cách vững vàng, chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII và những năm tiếp theo.

3 -*Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ nữ phải đảm bảo yêu cầu cao về chất lượng,* đồng thời cũng phải đảm bảo *tăng về số lượng,* có quy định tỷ lệ cán bộ nữ hợp lý, tương xứng với vị trí, vai trò và sự phát triển của lực lượng lao động nữ trong toàn xã hội, đảm bảo quyền lợi của phụ nữ.

4 - *Đổi mới quan niệm đánh giá và sử dụng cán bộ nữ.* Tăng cường đội ngũ cán bộ nữ không những là một đòi hỏi khách quan mà còn là động lực thúc đẩy quá trình đổi mới đất nước. Kiên quyết chống những biểu hiện lệch lạc như : trọng nam khinh nữ, phân biệt đối xử đối với phụ nữ, khắt khe, hẹp hòi trong đánh giá, sử dụng để bạt cán bộ nữ. Việc đánh giá cán bộ nữ phải lấy hiệu quả công việc làm thước đo, đồng thời phải tính đến những đặc điểm về giới, lao động xã hội đặc

Digitized by Google

thù của phụ nữ - sinh đẻ và nuôi con. Đã đến lúc thứ lao động xã hội đặc thù này phải được xã hội thừa nhận, phải được hạch toán đầy đủ, như những lao động khác.

5 - Các cấp, các ngành *nhất thiết phải có quy hoạch cán bộ nữ* trong quy hoạch cán bộ của ngành mình, từ trung ương đến cơ sở. Hàng năm rà soát, phát hiện, lựa chọn những cán bộ nữ có triển vọng để bổ sung vào quy hoạch cán bộ của cấp mình, ngành mình. Trên cơ sở quy hoạch mà có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, giao việc, thử thách từ thấp đến cao, quan tâm tạo điều kiện cho chị em phấn đấu, trưởng thành.

6 - *Đưa cán bộ nữ vào thực tiễn công tác*,mạnh dạn giao việc cho chị em. Nói một cách hình ảnh là phải "đưa cầu thủ vào đội hình" thì mới giúp chị em nhanh chóng trưởng thành.

7 - Công tác *đào tạo và đào tạo lại* cán bộ nữ là yêu cầu bức xúc hiện nay. Yêu cầu của việc chuyển đổi cơ chế quản lý đòi hỏi phải có những cán bộ có kiến thức chuyên sâu về kinh doanh, sản xuất, tiếp thị, tin học... Căn cứ vào yêu cầu cụ thể của đơn vị, mỗi ngành, mỗi cấp chú trọng đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ nữ một cách thiết thực. Chị em phải được quan tâm tạo điều kiện thuận lợi trong học tập, nâng cao trình độ. Phải quan tâm đào tạo chị em từ lúc còn trẻ và ở những thời điểm thích hợp nhất. Có biện pháp đặc biệt hỗ trợ chị em, tạo điều kiện thuận lợi để chị em yên tâm học tập và công tác, như trợ cấp ưu đãi, tổ chức nhà trẻ, công trình vệ sinh.

8 - *Phấn đấu tăng tỷ lệ cán bộ nữ* trong các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước, trong các lĩnh vực quản lý kinh tế, xã hội, trong các ngành có nhiều cán bộ nữ, trên cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ. Chú trọng tăng cường tỷ lệ cán bộ nữ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành, nhất là những ngành mà chức năng có quan hệ nhiều đến vấn đề phụ nữ mà chưa có nữ trong bộ máy lãnh đạo chủ chốt. Trong các cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước cũng cần có tỷ lệ cán bộ nữ tương xứng. Trước mắt, cần lựa chọn những cán bộ nữ có đủ tiêu chuẩn để bổ sung vào BCH TƯ Đảng trong dịp Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ và sau đó tích cực chuẩn bị nhân sự cho Đại hội VIII của Đảng.

9 - Sớm khắc phục tình trạng *giảm sút đảng viên nữ*. Các cấp ủy đảng cần quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển đảng viên mới trong phụ nữ, đặc biệt là trong nữ thanh niên. Chú ý phát triển đảng viên nữ trong các ngành có nhiều cán bộ nữ như giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thương mại, du lịch... Cần đi sâu, đi sát, giúp đỡ những đảng viên nữ gặp khó khăn. Trong xử lý đảng viên, cần đi sâu xem xét hoàn cảnh cụ thể của đảng viên nữ.

10 - Quan tâm đúng mức đến vấn đề *tạo nguồn cán bộ nữ*. Chú ý tới *ba* nguồn chính sau đây : cán bộ nữ trẻ, nhất là cán bộ Hội phụ nữ, các đoàn thể quần chúng đã rèn luyện trong phong trào phụ nữ ; nữ sinh xuất sắc các trường phổ thông, trường trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, trường đại học ; những chị em nổi lên trong phong trào lao động sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, hoạt động xã hội, v.v..

11- Về cơ chế tổ chức, cần có bộ phận *chuyên theo dõi công tác cán bộ nữ* ; tham mưu cho Đảng và Nhà nước về công tác cán bộ nữ ; giúp Đảng và Nhà nước đề ra những chủ trương, chính sách đối với cán bộ nữ sát hợp với tình hình thực tế. Sự quan tâm của Đảng và Nhà nước phải được thể hiện bằng chính sách, chế độ, biện pháp đối với lao động nữ nói chung và cán bộ nữ nói riêng, đặc biệt là cán bộ cơ sở.

12 - Bản thân chị em *phải chủ động khắc phục khó khăn, có ý chí phấn đấu vươn lên*, tổ chức tốt cuộc sống gia đình, tự khẳng định mình để hoàn thành tốt công việc được giao. Đó là vấn đề không ai có thể làm thay chị em được.

Digitized by Google

PHÁT HUY VAI TRÒ NÒNG CỐT CỦA HỘI NÔNG DÂN TRONG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NÔNG THÔN

NÔNG HỘI ĐỎ (tiền thân của Hội nông dân) là tổ chức chính trị - xã hội đầu tiên của nông dân Việt nam. Trên sáu chục năm đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hội tồn tại và phát triển dưới nhiều tên khác nhau : *Hội nông dân tương tế ái hữu, Hội nông dân phản đế, Hội nông dân cứu quốc, Hội nông dân giải phóng miền Nam.* Hội đã có tổ chức trong cả nước, tập hợp hàng triệu nông dân yêu nước để giáo dục, hướng dẫn họ đấu tranh theo đường lối của Đảng, đem lại quyền lợi cho nông dân và phồn vinh cho đất nước. Trong cách mạng dân tộc dân chủ, cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, và nhất là trong công cuộc đổi mới hiện nay, Hội luôn luôn là chiếc cầu nối giữa Đảng và nông dân, là chỗ dựa của chính quyền cách mạng, là thành viên của Mặt trận Tổ quốc, là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi của nông dân Việt nam. Thông qua các cuộc đấu tranh thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, phát triển sản xuất, tăng cường lực lượng sản xuất, từng bước xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới, xây dựng và phát triển phúc lợi công cộng, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực và lạc hậu ở nông thôn, xây dựng và phát triển tình đoàn kết xóm làng, đoàn kết giai cấp, đoàn kết dân tộc, Hội đã tỏ rõ là một trong những nhân tố tích cực để củng cố khối liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ sau Đại hội lần thứ nhất (năm 1988) đến nay, trước sự chuyển đổi của cơ chế quản lý, trước sức ép của kinh tế thị trường, Hội đã cố gắng vươn lên và đã có một số tiến bộ trong việc củng cố tổ chức, đổi mới phương thức hoạt động, vận động nông dân thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Thông qua các phong trào củng cố và phát triển các hình thức hợp tác sản xuất, khuyến nông, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, vận động kế hoạch hóa gia đình, vận động phát triển sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế v.v. Hội đã góp phần lớn lao vào phát triển kinh tế - xã hội, chăm sóc đời sống hội viên, ổn định tình hình mọi mặt ở nông thôn... Những đóng góp và kết quả hoạt động của Hội trong cách mạng dân tộc dân chủ trước đây, cũng như trong giai đoạn hiện nay, là niềm tự hào của nông dân cả nước ta.

Song, trước những yêu cầu và nhiệm vụ của công cuộc đổi mới đất nước, nhất là trước yêu cầu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, Hội đã bộc lộ một số nhược điểm và khuyết điểm. Do vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Hội chưa xác định được thật rõ và đầy đủ, nên hoạt động của Hội chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của đổi mới kinh tế - xã hội ở nông thôn. Tổ chức và phương thức hoạt động của Hội chưa năng động, đa dạng, phong phú ; lề lối làm việc còn quan liêu, hành chính, ít sâu sát cơ sở. Cán bộ lãnh đạo các cấp của Hội, nhất là cấp trung ương, thiếu ổn định. Hội viên chưa thật sự gắn bó với Hội ; số hội viên giảm so với trước.

Tình hình trên, *một mặt* do quan điểm về tổ chức chính trị - xã hội của nông dân trong kinh tế thị trường chưa được xác định rõ ; *mặt khác* do bản thân Hội thiếu độc lập suy nghĩ, chưa chủ động, sáng

Digitized by Google

tạo và sâu sát cơ sở, còn thụ động, chờ sự hướng dẫn của Đảng ; sự đoàn kết nhất trí trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo của Hội ở một số nơi chưa cao ; cán bộ hội thiếu ổn định, ít được đào tạo, bồi dưỡng...

*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Hội nông dân Việt nam (họp trong hai ngày 18 và 19-11 vừa qua) là một sự kiện chính trị quan trọng của tổ chức Hội và của toàn thể nông dân nước ta. Đại hội đã đánh giá nghiêm túc những thành tựu và những thiếu sót, tồn tại trong 5 năm qua ; xác định rõ tính chất, chức năng, nhiệm vụ, phương hướng hoạt động của Hội trong giai đoạn đổi mới đất nước hiện nay, đồng thời thông qua Điều lệ sửa đổi của Hội.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 BCH TƯ Đảng (khóa VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn đã đề ra ba mục tiêu và các chính sách quản lý vĩ mô của nhà nước từ nay đến năm 2000. Về nhiệm vụ của Mạt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong đó có Hội nông dân, Nghị quyết viết : "Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mạt trận và các đoàn thể một cách thiết thực... hướng vào phục vụ mục tiêu, chương trình kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng ở nông thôn, góp phần xây dựng nông thôn mới giàu mạnh, văn minh, tiến bộ. Trong đó, Hội nông dân phải đóng vai trò nòng cốt[1].

Vai trò nòng cốt của Hội nông dân chỉ được phát huy khi hoạt động của Hội mang tính thiết thực, sinh động và hấp dẫn. Công tác chính trị tư tưởng của Hội phải làm cho nông dân thấy được vinh dự và trách nhiệm phấn đấu trên mạt trận sản xuất nông nghiệp, đồng thời hiểu rõ và thấm nhuần nhiệm vụ công nghiệp hóa đất nước. Phát triển thị trường hàng hóa nông nghiệp và công nghiệp hóa đất nước là sự nghiệp chung của cả hai giai cấp nông dân và công nhân. Giai cấp công nhân đã và đang góp phần quan trọng vào phong trào phát triển sản xuất hàng hóa nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Còn giai cấp nông dân có nghĩa vụ đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển công nghiệp và các ngành kinh tế mũi nhọn bằng cách thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với nhà nước.

Hội cần bồi dưỡng, xây dựng và phát huy động lực của nông dân, giúp nông dân tự chủ, năng động làm giàu trên mảnh đất của mình, phấn đấu đưa nền nông nghiệp nước ta phát triển nhanh, vững chắc, toàn diện, giải quyết được lao động dư thừa, tăng năng suất lao động xã hội, giải quyết vững chắc nhu cầu lương thực và thực phẩm, đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, tăng thu nhập, từng bước cải thiện đời sống vật chất - văn hóa của nông dân.

Hội cần đi sâu giải thích, thuyết phục để nông dân hiểu rằng muốn phát triển nông nghiệp, cần thực hiện nhất quán chính sách kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế quốc doanh nông nghiệp, kinh tế hợp tác xã được đổi mới, được phát triển có hiệu quả, từng bước vươn lên làm nền tảng, tạo điều kiện để củng cố liên minh công nhân - nông dân - trí thức, huy động tối đa tiềm năng của kinh tế hộ xã viên, hộ cá thể, hộ tư nhân, kinh tế liên doanh với nước ngoài ; mở rộng sản xuất đi đôi với mở rộng thị trường, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới.

Hội góp phần xác định rõ vị trí làm chủ của nông dân ở nông thôn trên tất cả các mạt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Về *chính trị* : bảo đảm cho nông dân có quyền dân chủ, bình đẳng, quyền tự do chính đáng, đi đôi với yêu cầu mỗi người làm đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và cộng đồng ; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự xã hội ở nông thôn. Về *kinh tế* : hình thành, phát huy các thành phần kinh tế nhà nước, tập thể, nông dân. Về *văn hóa, xã hội* : tổ chức việc ăn ở, đi lại, học hành ; chăm

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm BCH TƯ khóa VII*, Hà nội, 1993, tr. 77

Digitized by Google

sóc trẻ em, người già, các gia đình chính sách ; kế hoạch hóa gia đình ; xây dựng các công trình văn hóa và phúc lợi công cộng phục vụ nông dân.

Việc phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa không tách rời việc xây dựng người nông dân mới, vì họ vừa là sản phẩm vừa là chủ thể của nền kinh tế nông nghiệp và kinh tế nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

Nhiệm vụ tuyên truyền, thuyết phục, giáo dục, bồi dưỡng nông dân chỉ có hiệu quả cao khi Hội tích cực đổi mới phương thức hoạt động của mình để vận động nông dân hưởng ứng tích cực, sâu rộng và liên tục phong trào thi đua thực hiện các chương trình kinh tế lớn do Đại hội VII của Đảng đề ra.

Những quyết định mới của Đảng về chính sách đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong giai đoạn hiện nay (như đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cải biến cơ cấu kinh tế nông thôn, phát triển kinh tế nhiều thành phần, giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân, chính sách thị trường, chính sách miền núi và đồng bào dân tộc thiểu số...) là điều kiện thuận lợi để Hội đi sâu tuyên truyền, phát động nông dân thi đua sản xuất, thi đua làm giàu chính đáng, xóa đói giảm nghèo bằng các loại hình kinh tế phong phú, đa dạng. Các cấp hội cần phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội, các ngành liên quan để xác định đúng đắn các mức đóng góp cho tập thể và nhà nước, đặc biệt là thuế nông nghiệp, vận động nông dân giao nộp đầy đủ, nhanh chóng, sòng phẳng. Hội tổ chức nông dân đấu tranh chống kê khai sai sản lượng, trốn thuế, lậu thuế. Hội giám sát, kiểm tra việc thi hành các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước đối với nông dân ; đồng thời, phát hiện và kiến nghị với Đảng và Nhà nước những chính sách chưa phù hợp để Đảng và Nhà nước kịp thời sửa chữa. Hội vận động, tổ chức nông dân kịp thời đấu tranh với các hiện tượng tham nhũng, mất dân chủ ở nông thôn, góp phần xây dựng chính quyền thôn xã vững mạnh.

Trong giai đoạn hiện nay, công tác vận động nông dân của Hội cần có sự đổi mới. Hội phải tuyên truyền, thu hút ngày càng nhiều nông dân tự nguyện vào Hội. Tổ chức các cấp của Hội cần hướng mạnh về cơ sở, phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể và chính quyền giúp đỡ cơ sở trưởng thành trong công tác. Hình thức tập hợp nông dân nên đa dạng ; phương thức hoạt động nên mềm dẻo, trên cơ sở có quy chế chặt chẽ, rõ ràng.

Đổi mới đội ngũ cán bộ của Hội là một yêu cầu cấp bách. Cán bộ của Hội phải được lựa chọn trong phong trào nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Đó là những người có phẩm chất cách mạng trong sáng, có kiến thức về kinh tế thị trường, am hiểu nông dân, nông nghiệp, hăng say công việc, có trách nhiệm trước phong trào. Đi đôi với việc chăm lo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chuyên trách của Hội, cần hết sức chú trọng bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ hoạt động bán chuyên trách, bởi đó là đội quân hùng hậu và rộng lớn góp phần tích cực vào thành công trong hoạt động của Hội.

Hội nông dân là một tổ chức chính trị - xã hội. Hội được nhà nước trợ cấp kinh phí, nhưng vẫn phải phấn đấu với tinh thần tự chủ, tự trang trải, tích cực mở rộng các nguồn tài chính để chủ động trong hoạt động. Các cấp ủy đảng cần tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với tổ chức hội thông qua đảng đoàn và các đảng viên hoạt động trong Hội. Các đảng viên phải gương mẫu và làm nòng cốt cho sự đoàn kết, thống nhất trong Hội.

Mỗi bước lớn mạnh của giai cấp nông dân Việt nam, mỗi bước trưởng thành của Hội nông dân Việt nam, là kết quả tổng hợp hoạt động của cả hệ thống chính trị và các chính sách kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn Việt nam với các mục tiêu, chính sách và bước đi đã rõ ràng. Đó là một thuận lợi cơ bản để Hội nông dân Việt nam phát huy vai trò nòng cốt của mình trong giai đoạn mới của cách mạng.

Digitized by Google

MỘT NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG "DIỄN BIẾN HÒA BÌNH"

DƯƠNG THÔNG

TRONG việc thực hiện chiến lược "diễn biến hòa bình", các thế lực thù địch đang ráo riết đẩy mạnh hoạt động nhằm làm tan rã đảng cộng sản, giành chính quyền, thay đổi chế độ chính trị - xã hội. Đây là mục tiêu số một của chúng. Đối với nước ta, các thế lực thù địch coi việc chống phá Đảng cộng sản Việt nam là khâu quyết định nhằm từng bước làm tan rã mọi mặt của đời sống xã hội, thực hiện mưu đồ đen tối làm thay đổi chế độ chính trị ở nước ta.

Sau khi Đảng cộng sản Liên xô và một số đảng cộng sản ở Đông Âu tan rã, dẫn tới sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước này, các thế lực thù địch càng đẩy mạnh chiến dịch chống phá đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Chúng đã thực hiện nhiều thủ đoạn vừa tinh vi, xảo quyệt, vừa thô bạo, trắng trợn, nhằm xóa bỏ sự lãnh đạo của đảng cộng sản. Chúng hiểu rất rõ ràng Đảng cộng sản Việt nam là "bộ não"của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt nam, là người dẫn đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. Chỉ có xóa bỏ sự lãnh đạo của đảng cộng sản, mới xóa bỏ được chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xóa bỏ được chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, lái nước ta đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Trong những hoạt động chống phá Đảng ta hiện nay, các thế lực thù địch liên tiếp đưa ra những luận điệu xuyên tạc, vu khống, bôi nhọ, đả kích sự lãnh đạo của Đảng. Chúng rêu rao rằng hai triệu đảng viên không thể nắm hết quyền của 66 triệu người còn lại ; chỉ có nhiều đảng mới phá được "độc trị" của đảng cộng sản ; một đảng được "kiến định" là lãnh đạo xã hội thì xã hội ấy không thể nào trở thành xã hội pháp trị được, v.v.. Thực chất, là đòi xóa bỏ những quy định của Hiến pháp và luật pháp về quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, đòi Đảng phải rút lui để nhường chỗ cho "Hội đồng dân tộc" ? !

Điều mà chúng rất chú trọng là tác động làm thay đổi nhận thức của mọi người về vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, từ chỗ coi nhẹ đến chỗ thấy không cần sự lãnh đạo của đảng trong cơ chế thị trường. Chúng tác động mạnh mẽ làm rạn nứt và phá vỡ sự thống nhất trong đảng về tư tưởng và hành động. Trong thời gian qua, chúng tập trung đưa ra những luận điệu phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm bác bỏ cơ sở lý luận và hệ tư tưởng của Đảng ta. Chúng cho rằng đó chỉ là nhận thức sai lầm, huyễn tưởng, không có tính hiện thực. Đối với sự lãnh đạo của đảng, luận điệu của chúng là một đảng lãnh đạo thì không có dân chủ. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong đảng là gạt bỏ dân chủ. Nhận thấy công cuộc đổi mới của chúng ta đạt được những thành tựu đáng kể, chúng tìm mọi cách tác động cả về nhận thức và hành động hòng làm cho mọi người không tin ở con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, đi chệch dần sang con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng đưa ra những nghịch lý mà theo chúng, công cuộc đổi mới không sao giải quyết được, đặc biệt là đòi đảng phải từ bỏ vai trò lãnh đạo để cho xã hội và

Digitized by Google

nền kinh tế thị trường tự do phát triển dù nó là một xã hội nào chăng nữa.

Điều đáng chú ý là, để thực hiện hoạt động "diễn biến hòa bình" có hiệu quả, các thế lực thù địch một mặt vẫn không từ bỏ các biện pháp vũ trang, bạo loạn, lật đổ khi có thời cơ ; mặt khác, rất chú trọng phá hoại, tiến công làm "diễn biến" từ trong nội bộ đảng và nhà nước ta. Mục tiêu trọng yếu, có tính quyết định trong việc thực hiện mưu đồ làm tan rã đảng, lật đổ chính quyền nhà nước ta, là làm "diễn biến" để "tự diễn biến" thay đổi từ trong nội bộ. Trong điều kiện đổi mới, Đảng và Nhà nước ta không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác về nhiều mặt với các nước để thúc đẩy nền kinh tế thị trường phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời mở rộng nền dân chủ phù hợp với xu thế phát triển mới. Đó cũng là thời cơ để các thế lực thù địch tìm cách thâm nhập và tấn công vào nội bộ ta.

Đối tượng mà các thế lực thù địch thường chọn để tác động là cán bộ, đảng viên trong các cơ quan đảng và nhà nước, nhất là trong các cơ quan chính quyền, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, đối ngoại ; những người không vững vàng về lập trường tư tưởng, non kém về chính trị, có những bất mãn cá nhân, thích chạy theo lợi ích vật chất, ham lối sống tự do phóng đãng. Chúng đặc biệt chú ý đến những cán bộ làm kinh tế đối ngoại, công tác trong các lĩnh vực tham mưu và hoạch định chiến lược, chính sách lớn, hoặc làm khoa học kỹ thuật trong các ngành mũi nhọn... Chúng dùng nhiều hình thức và thủ đoạn vừa tinh vi vừa trắng trợn, như tiếp xúc trực tiếp qua trao đổi, hội họp, thăm hỏi, cung cấp tài liệu, kiếm cớ đi lại nhiều nơi, thâm nhập sâu nội bộ, mời sang nước họ làm việc, đặc biệt là thông qua các hoạt động kinh tế, đào tạo, giáo dục... Từ đó, làm xói mòn về tư tưởng - chính trị, đồng thời dùng vật chất để mua chuộc, làm cho đi tới sa ngã, biến chất. Trong việc lôi kéo, mua chuộc cán bộ, đảng viên, chúng không chỉ chú ý những người công tác ở các cơ quan đảng, mà còn rất chú ý đến những người công tác ở các tổ chức chính quyền của ta ở trong và ngoài nước, nhất là những người có quan hệ tiếp xúc với người nước ngoài. Chúng còn chú ý lợi dụng một số hiện tượng tiêu cực trong nội bộ ta như có một bộ phận cán bộ tham nhũng, thoái hóa, thậm chí lợi dụng cả khẩu hiệu "chống tham nhũng" để đả kích, làm mất uy tín của đảng, chia rẽ nhân dân với đảng...

Những năm qua, hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch không phải không có tác động nhất định trên các mặt tư tưởng, chính trị, xã hội và lối sống đối với một số cán bộ, đảng viên và một bộ phận nhân dân, làm tăng thêm những tiêu cực trong xã hội. Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương, biện pháp đấu tranh chống hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch nhằm bảo vệ đảng, bảo vệ nhà nước, bảo vệ chế độ và công cuộc đổi mới của nhân dân ta. Tuy nhiên, cuộc đấu tranh này, còn nhiều mặt chưa đáp ứng yêu cầu, thậm chí có mặt còn yếu kém, buông lỏng, mất cảnh giác nghiêm trọng.

*

Xem xét những âm mưu, thủ đoạn hoạt động "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch đối với nước ta, cũng như "những thành công" của chúng thực hiện "diễn biến hòa bình", làm sụp đổ các đảng cộng sản ở các nước Đông Âu và Liên xô, chúng ta thấy tác động của "diễn biến hòa bình" tựa như một thứ "vi rút" có thể hủy hoại sự sống từ bên trong cơ thể của đảng. Nó làm cho một số cán bộ, đảng viên dao động, thậm chí mất phương hướng ; kích động những bất bình, bất mãn trong cán bộ và nhân dân, làm mất lòng tin của nhân dân đối với đảng, cắt đi nguồn sức mạnh của đảng. Vì thế, chúng ta càng thấy rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc bảo vệ đảng, của cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trong tình hình hiện nay. Đây là một nhiệm vụ cơ bản trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, là vấn đề sống còn của sự nghiệp cách mạng nước ta.

Để cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" có hiệu quả, theo tôi, cần tập trung làm tốt mấy việc sau đây :

1 - Tuyên truyền, giáo dục trong toàn đảng, toàn dân, làm cho mọi người hiểu rõ những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch và những yêu cầu cấp bách của cuộc đấu tranh chống những âm mưu, thủ đoạn đó. Đặc biệt, cần làm cho cán bộ, đảng viên nhận thức rõ công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ lúc này là hết sức cần thiết, nó là điều cốt yếu để ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội.

Digitized by Google

2 - Xác định việc bảo vệ đảng là một nhiệm vụ cơ bản của cuộc đấu tranh. Bảo vệ đảng không phải chỉ bó hẹp ở các tổ chức đảng, mà cả ở các tổ chức khác dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhất là ở các tổ chức chính quyền ; chú trọng bảo vệ cán bộ, đảng viên giữ các cương vị công tác trọng yếu, chủ chốt, đồng thời có quy chế bảo vệ nội bộ, bảo vệ cán bộ,đảng viên nói chung. Cần tổ chức chặt chẽ và quan tâm chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của thủ trưởng các cơ quan bộ, ban, ngành, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Kinh nghiệm thực tế cho biết, nơi nào thủ trưởng quan tâm chỉ đạo chặt chẽ công tác an ninh nội bộ thì nơi đó những cơ sở, yếu kém được khắc phục, an ninh nội bộ được giữ vững, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển.

Bảo vệ đảng còn bằng chính sự tự đổi mới của đảng và chỉnh đốn đảng thường xuyên, nâng cao tầm trí tuệ, năng lực lãnh đạo, tăng thêm sức chiến đấu của đảng. Đảng vừa có khả năng tự bảo vệ, ngăn ngừa và chống lại sự tha hóa biến chất trong đảng, vừa có khả năng phát triển, trưởng thành đáp ứng yêu cầu lãnh đạo sự nghiệp tiếp tục đổi mới.

3 - Tăng cường đấu tranh về mặt tư tưởng chính trị, phê phán những quan điểm sai trái đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội, vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản, đối với vấn đề dân chủ, nhân quyền... nhằm bảo vệ và phát triển cơ sở lý luận, chính trị - tư tưởng của Đảng. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, làm sáng tỏ những vấn đề lý luận quan trọng của công cuộc đổi mới, trong đó có vấn đề đảng lãnh đạo trong cơ chế thị trường. Đồng thời, tiếp tục làm trong sạch nội bộ đảng, giữ vững kỷ luật nội bộ, tăng thêm sức sống mới của đảng, để có thể chống lại sự tha hóa, biến chất, xâm nhập từ bên ngoài.

Một đặc điểm của công tác tư tưởng - chính trị hiện nay là nhiều vấn đề tư tưởng - chính trị gắn liền với vấn đề lý luận, không thể chỉ giải quyết về mặt ý thức tư tưởng, mà cần giải quyết cả về mặt lý luận. Vì vậy, cần đẩy mạnh công tác lý luận lên một bước và gắn chặt nó với công tác tư tưởng - chính trị, trước mắt tập trung giải quyết những vấn đề nổi cộm nhất.

4 - Chấn chỉnh và kiện toàn các lực lượng bảo vệ chính trị nội bộ, kịp thời giải quyết các vụ việc xảy ra và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tích cực, hữu hiệu. Đặc biệt, thủ trưởng các cơ quan bộ, ban, ngành, các đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cần quan tâm chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo vệ thực hiện tốt các chế độ, quy định của nhà nước và nội quy của cơ quan, đơn vị về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, nhất là những quy định của nhà nước về tuyển chọn người vào cơ quan, đơn vị, về quan hệ với người nước ngoài, về quản lý đoàn ra, đoàn vào, về thực hiện pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước, bảo vệ an toàn tài sản và người trong nội bộ. Ở các cấp, các ngành, cần xây dựng quy chế thực hiện nghiêm ngặt những pháp lệnh, nghị định của nhà nước về công tác bảo đảm an ninh nội bộ. Tổ chức triển khai và thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ trước hết ở những cơ quan, đơn vị trọng điểm, như các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Chính phủ, các cơ quan có chức năng làm tư vấn, tham mưu cho Trung ương Đảng và Chính phủ trong nghiên cứu lý luận, hoạch định chính sách, các cơ quan hoạt động về văn hóa, văn nghệ, tư tưởng, các cơ quan quan trọng về kinh tế, đối ngoại, quốc phòng và an ninh, các công trình kinh tế trọng điểm có nhiều bí mật của nhà nước.

5 - Một yếu tố có tính quyết định để bảo vệ chặt chẽ nội bộ trong tình hình mới là đội ngũ cán bộ, từng con người cán bộ. Đội ngũ cán bộ cần được củng cố, kiện toàn qua thử thách của thực tế. Bên cạnh việc chú ý bồi dưỡng năng lực chuyên môn,cần coi trọng việc bảo đảm và nâng cao phẩm chất chính trị thể hiện ở trình độ giác ngộ chính trị, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức, kỷ luật và cảnh giác cách mạng. Ở những nơi cán bộ có những biểu hiện lệch lạc về quan điểm chính trị, tha hóa về phẩm chất đạo đức, vi phạm pháp luật, cần chấn chỉnh, kiện toàn kịp thời.

6 - Mỗi cấp, mỗi ngành cần tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định bảo vệ chính trị nội bộ. Công tác kiểm tra cần tiến hành thường xuyên, kịp thời, đi đôi với việc tích cực phòng ngừa và chủ động ngăn chặn những sơ hở, thiếu sót đã và có thể xảy ra trong nội bộ, nhằm bảo vệ tổ chức, bảo vệ cán bộ, chặn đứng mưu đồ và hoạt động phá hoại nội bộ ta của các thế lực thù địch.

Digitized by Google

CÔNG CỤ ĐIỀU CHỈNH VĨ MÔ NỀN KINH TẾ

TÀO HỮU PHÙNG *

CHUYỂN sang cơ chế thị trường, có một thực tế khách quan là nhà nước phải thay đổi phương thức quản lý, chuyển sang sử dụng các biện pháp gián tiếp thông qua các công cụ kinh tế, chính sách và luật pháp. Trong các công cụ kinh tế mà nhà nước sử dụng để quản lý nền kinh tế - xã hội, thuế có vai trò rất quan trọng. Nếu chính sách thuế ban hành hợp lý, phù hợp với khả năng của nền kinh tế, thì nó thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng ổn định và lâu dài. Ngược lại, một chính sách thuế không phù hợp sẽ gây trở ngại lớn cho nền kinh tế, thậm chí có thể gây khủng hoảng về kinh tế và chính trị.

Thuế có quan hệ chặt chẽ với nhà nước và quá trình phát triển của nền kinh tế hàng hóa - tiền tệ. Nó là công cụ kinh tế quan trọng để tạo nguồn thu cho ngân sách nhằm đáp ứng các nhu cầu chi tiêu của nhà nước. Trong bài viết này, tôi xin nêu một số luận điểm về thuế là công cụ điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế.

1 - *Cơ sở lý luận về thuế*

Một trong những đặc trưng quan trọng nhất của nhà nước là đặt ra các loại thuế để tạo nguồn tài chính, phục vụ cho các nhu cầu chi tiêu của nhà nước.

Ở các nước tư bản, trong giai đoạn đầu, tính chất bóc lột của thuế thể hiện rất rõ. Nhưng sau đó, do phong trào công nhân lớn mạnh và nền kinh tế phát triển, bản chất bóc lột của thuế đã bị che đậy qua hệ thống thuế gián thu. Nhìn bề ngoài, thuế trực thu có vẻ như công bằng (ai có thu nhập cao thì nộp thuế nhiều), nhưng trên thực tế, thuế trực thu hay gián thu ở các nước tư bản đều cho thấy rõ sự bất công. Về thuế *trực thu*, người có thu nhập cao tuy phải nộp thuế với tỷ lệ cao hơn, nhưng sau khi nộp thuế, số thu nhập còn lại của họ về trị số tuyệt đối vẫn gấp hàng trăm, thậm chí hàng nghìn lần, số thu nhập của người có thu nhập thấp. Còn về thuế *gián thu* (thuế tính vào giá cả của hàng hóa và dịch vụ), thì vì số dân áp đảo trong một nước bao giờ cũng là những người có thu nhập thấp, nên trong tổng số thuế mà chính phủ thu được, phần đóng góp của họ bao giờ cũng chiếm tỷ trọng lớn. Bên cạnh đó, nếu xem xét thêm cả khía cạnh sử dụng tiền thuế ở các nước này, thì tính chất bất công càng lộ rõ. Phần lớn số thuế thu được ở đây là để phục vụ cho lợi ích của giai cấp thống trị (như nuôi dưỡng bộ máy cai trị, mua sắm vũ khí, tài trợ cho các chủ tư bản hoặc mua hàng hóa của các chủ tư bản) ; phần phục vụ trở lại cho nhân dân rất ít.

Ở nước ta, từ nền kinh tế kế hoạch tập trung bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thuế cũng có những thay đổi cần thiết. Việc thu thuế hoàn toàn căn cứ vào mức thu nhập. Cụ thể là :

+ *Về thuế trực thu*, hầu như không áp dụng đối với người có thu nhập thấp.

+ Về *thuế gián thu*, có sự phân biệt rất rõ giữa các loại hàng hóa : hàng hóa nào phục vụ đông đảo quần chúng, thì định thuế suất thấp hoặc thậm chí không thu thuế ; hàng hóa nào chỉ phục vụ những người có thu nhập cao (giàu có), thì thuế suất cao, thậm chí rất cao.

Việc sử dụng tiền thuế ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng hoàn toàn khác với ở các nước tư bản chủ nghĩa. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, phần chi cho bộ máy quản lý nhà nước rất nhỏ, còn phần chi cho phúc lợi xã hội, cho các sự nghiệp y tế, giáo dục, đào tạo, chiếm tỷ trọng lớn và ngày càng lớn. Ngoài ra, nhà nước cũng tập trung phần quan trọng của ngân sách để đầu tư phát triển cơ

* Giáo sư, tiến sĩ, Thứ trưởng Bộ tài chính

Digitized by Google

sở hạ tầng, cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho nhân dân (như điện, nước sinh hoạt, vệ sinh thành phố, v.v.) và các dịch vụ kinh tế (như cải tạo hệ thống thủy lợi, cung cấp điện cho sản xuất nông nghiệp, v.v.).

Tuy nhiên, ở nước ta việc sử dụng công cụ thuế để kích thích phát triển sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân còn nhiều hạn chế, do đó hiệu quả hoạt động của nền kinh tế quốc dân chưa cao, đời sống nhân dân chậm được cải thiện. Hơn nữa, do chúng ta chưa nhận thức đầy đủ về bản chất kinh tế của thuế cũng như về quyền hạn của nhà nước và nghĩa vụ của công dân trong vấn đề thuế, nên việc thu thuế và nộp thuế còn nhiều sơ hở, thiếu sót.

Trước hết, phải khẳng định rằng thuế, về bản chất kinh tế, là một công cụ tài chính hết sức quan trọng, không chỉ tạo nguồn thu cho nhà nước, mà còn có tác dụng điều chỉnh nền kinh tế ở tầm vĩ mô. Hơn nữa, trong thuế luôn luôn tồn tại mối quan hệ về lợi ích kinh tế giữa nhà nước và người nộp thuế. Vì lợi ích riêng, người nộp thuế luôn luôn tìm cách trốn thuế hoặc giảm mức thuế phải nộp. Vì vậy, nếu nhà nước không có biện pháp hữu hiệu, tình trạng trốn, lậu thuế nhất định sẽ xảy ra. Đương nhiên, về phần mình, nhà nước cũng phải tính toán nên thu thuế gì và ở mức nào để có thể kích thích sản xuất và tăng thu nhập, từ đó tạo ra được nguồn thu nhiều hơn.

Về mặt pháp lý, phải khẳng định thu thuế là quyền của nhà nước và nộp thuế là nghĩa vụ của công dân. Đây không phải là quan hệ phân phối đơn thuần theo kiểu "an chia" giữa nhà nước và người nộp thuế. Vì vậy, nhà nước phải kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về nghĩa vụ nộp thuế. Mặt khác, cũng cần thường xuyên coi trọng công tác tuyên truyền, giáo dục để mọi công dân có ý thức về nghĩa vụ nộp thuế. Thực tế cho thấy, hiện nay công tác tuyên truyền còn nặng về hình thức, ít sức thuyết phục trong nhân dân.

Như trên đã nói, thu thuế là quyền của nhà nước. Để thực hiện tốt, nhà nước ban hành các luật thuế và tổ chức thu thuế. Vì thuế thể hiện quan hệ về lợi ích kinh tế giữa nhà nước và người nộp thuế, nên cần lưu ý xử lý thỏa đáng mối quan hệ này. Nếu mối quan hệ này không được xử lý thỏa đáng, thì lợi ích của nhà nước hoặc của người nộp thuế sẽ bị ảnh hưởng ; và trong cả hai trường hợp, nguồn thu của nhà nước đều bị giảm sút. Lợi ích của người nộp thuế mà bị vi phạm thì họ sẽ tìm cách trốn thuế hoặc giảm sản xuất, kinh doanh, kết quả là lợi ích của nhà nước cũng không được bảo đảm. Cần chú ý thuế còn có mục đích quan trọng là điều chỉnh các hoạt động của nền kinh tế và xã hội. Động viên về thuế luôn luôn là một vấn đề khó khăn, phức tạp ; nó đòi hỏi giải quyết hài hòa và hợp lý lợi ích kinh tế của các chủ thể trong xã hội, vừa bảo đảm cho nhà nước thu được thuế, vừa không làm cho mọi thành viên trong xã hội giảm nhiệt tình, giảm ý chí nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập.

Trong quá trình chuyển sang cơ chế mới, nhà nước rất coi trọng chính sách thuế. Việc thay đổi chính sách thuế đã làm cho nền kinh tế nước ta có những chuyển biến quan trọng, vừa góp phần tăng thu cho ngân sách nhà nước đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên và trả nợ nước ngoài, vừa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với tốc độ tương đối cao (8% năm). Gần đây, Quốc hội ta đã thông qua luật sửa đổi, bổ sung nội dung một số luật thuế, tạo nên một bước tiến mới trong việc hoàn chỉnh các chính sách thuế nhằm nâng cao hơn nữa tác dụng của công cụ thuế trong việc phục vụ cho công cuộc đổi mới và thực hiện tốt các nhiệm vụ chiến lược về kinh tế - xã hội đã đề ra. Việc sửa đổi nội dung một số luật thuế lần này đã thể hiện rõ quan điểm là giảm gánh nặng về thuế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tăng tích lũy, dành vốn để tiếp tục tái đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Điều đáng chú ý là sự đổi mới trong chính sách thuế vừa qua của nhà nước là hoàn toàn đúng đắn và hợp lòng dân.

2 - *Sử dụng thuế để điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế*

Chính sách thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến đầu tư, tiêu dùng xã hội, đến tăng giảm giá cả trên thị trường. Vì vậy, dựa vào công cụ thuế, nhà nước

Digitized by Google

có thể tác động đến việc khuyến khích hoặc hạn chế sự phát triển của sản xuất kinh doanh. Tùy theo tình hình kinh tế cụ thể, nhà nước có thể chủ động điều chỉnh thuế mới để tác động trở lại đối với nền kinh tế. Chẳng hạn, khi nền kinh tế có lạm phát, thì việc tang thuế suất sẽ có tác dụng ức chế sự gia tăng của tổng cầu. Ngược lại, khi kinh tế có dấu hiệu suy thoái, thì việc hạ thuế suất sẽ có tác dụng kích thích sản xuất và đầu tư, nâng cao nhu cầu tổng thể, tạo điều kiện cho sự phục hồi kinh tế. Như vậy, nhà nước có thể chủ động sử dụng công cụ thuế để điều chỉnh, kích thích hoặc hạn chế tốc độ tang trưởng kinh tế trong cơ chế thị trường, phù hợp với định hướng đã dự kiến.

Trong cơ chế kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, ngoài việc quản lý hành chính, nhà nước còn có vai trò quản lý kinh tế rất quan trọng là tạo lập các cấu trúc cung cầu của nền kinh tế trong từng thời kỳ, bảo đảm sự phát triển cân đối giữa các vùng, các ngành trong nền kinh tế quốc dân. Thực hiện vai trò này, nhà nước không thể dùng mệnh lệnh hành chính buộc các doanh nghiệp phải đầu tư vốn vào ngành này hay ngành khác, khu vực này hay khu vực khác, mà chỉ có thể dựa vào các công cụ kinh tế, dựa vào thuế để định hướng cho các doanh nghiệp và cá nhân phát triển sản xuất, kinh doanh theo chiến lược đã được hoạch định. Thông qua các sắc thuế, những phân biệt về thuế suất đối với các sản phẩm hàng hóa, các hoạt động dịch vụ, các ngành nghề kinh doanh hoặc thông qua sự ưu đãi về thuế đối với một số vùng và lãnh thổ, nhà nước sẽ định hướng cho các doanh nghiệp và cá nhân đầu tư vào các vùng và lĩnh vực cần thiết.

Nội dung chính sách thuế hiện hành đã thể hiện rõ nét định hướng phát triển kinh tế của Nhà nước ta hiện nay là tập trung khuyến khích phát triển sản xuất và kinh doanh những sản phẩm hàng hóa, dịch vụ thiết yếu, nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của nhân dân. Đồng thời, nó còn động viên các doanh nghiệp đầu tư vốn lớn vào các dự án để mở rộng và phát triển các cơ sở kinh tế, thu hút thêm nhiều lao động để giải quyết công ăn việc làm, đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn. Nó còn động viên các doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh cả ở những vùng điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội không thuận lợi nhằm tạo nên sự phát triển đồng đều giữa các vùng trong cả nước.

Trong điều kiện hiện nay, khi việc giao lưu kinh tế ngày càng mở rộng trên phạm vi toàn thế giới, thuế còn được nhà nước sử dụng như một công cụ quan trọng để bảo hộ sản xuất trong nước và thúc đẩy cạnh tranh trong và ngoài nước. Thông qua việc xác định các mặt bằng chịu thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu tương ứng với các thuế suất có phân biệt, nhà nước phát huy vai trò hướng dẫn sản xuất, nhập khẩu và tiêu dùng. Chính sách thuế nhập khẩu ở ta thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước ta bảo hộ sản xuất ở trong nước, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nội địa có lợi thế cạnh tranh hơn doanh nghiệp ngoài nước. Đối với những mặt hàng trong nước đã sản xuất được và đáp ứng đủ nhu cầu, thì nhà nước đánh thuế nhập khẩu ở mức cao để hạn chế nhập. Đối với những mặt hàng cần thiết cho sản xuất và tiêu dùng của nhân dân mà sản xuất trong nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu, thì nhà nước đánh thuế nhập khẩu ở mức vừa phải để tạo điều kiện cân đối cung cầu. Đối với những mặt hàng trong nước cần mà chưa sản xuất được, thì nhà nước đánh thuế nhập khẩu thấp để khuyến khích nhập. Đối với những loại hàng xa xỉ, cao cấp, chưa thật cần thiết, thì nhà nước cũng đánh thuế nhập khẩu cao, để hạn chế nhập, dành vốn đầu tư cho những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế.

Để đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu, nhà nước cần thực hiện giảm hoặc miễn thuế đối với những mặt hàng cần khuyến khích xuất khẩu. Đương nhiên, giữa các mặt hàng, cần có sự phân biệt về thuế suất cho thích hợp. Vấn đề đặt ra là làm thế nào trong từng thời kỳ lựa chọn được chính xác các lĩnh vực, ngành hoặc mặt hàng sản xuất kinh doanh cần khuyến khích, để có chính sách thuế phù hợp.

3 - *Sử dụng công cụ thuế để điều tiết thu nhập*

Digitized by Google

Sự phát triển của nền kinh tế thị trường đòi hỏi phải có sự can thiệp của nhà nước để khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng. Trong thực tiễn, sự phát triển kinh tế của một quốc gia là kết quả nỗ lực của cả cộng đồng ; mỗi thành viên trong xã hội đều có những đóng góp nhất định. Thành quả của sự phát triển kinh tế, nếu không chia sẻ cho mọi người cùng hưởng, thì rõ ràng sẽ làm mất đi sự công bằng. Bởi vậy, cần có sự điều chỉnh của nhà nước trong việc phân phối thu nhập xã hội. Đặc biệt, cần thông qua chính sách thuế nhằm góp phần thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, tạo ra mạng lưới an toàn để người nghèo khỏi lâm vào tình trạng "rơi tự do" trong nền kinh tế thị trường.

Để điều tiết thu nhập, nhà nước sử dụng các sắc thuế và mức thuế cao thấp khác nhau. Tùy theo mức độ cần thiết đối với cuộc sống hàng ngày mà các loại hàng hóa và dịch vụ chịu những mức thuế khác nhau. Thông thường, những hàng hóa và dịch vụ cao cấp, xa xỉ, chủ yếu phục vụ những người có thu nhập cao, phải chịu mức thuế nặng hơn so với những hàng hóa và dịch vụ phục vụ đông đảo quần chúng. Ngoài ra, nhà nước còn dùng thuế trực thu để điều hòa thu nhập giữa các doanh nghiệp hoặc giữa các cá nhân trên nguyên tắc người có thu nhập cao phải nộp thuế nhiều hơn người có thu nhập thấp. Những người có thu nhập chỉ đủ đáp ứng nhu cầu cuộc sống bình thường thì không phải nộp thuế thu nhập. Với một cơ chế thuế như trên, nhà nước sẽ có thể tác động tích cực tới việc phân phối và điều hòa thu nhập xã hội, tạo ra một sự chuyển dịch thu nhập từ người có thu nhập cao sang cho người có thu nhập thấp (thông qua việc chi ngân sách để tài trợ cho các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội).

Trong quá trình quản lý kinh tế - xã hội, thuế là phương tiện quan trọng của nhà nước không chỉ để đáp ứng các khoản chi tiêu của mình, mà còn để điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế, góp phần điều hòa thu nhập và thực hiện sự kiểm tra, kiểm soát đối với các hoạt động kinh tế trong xã hội.

Vấn đề đổi mới mô hình xí nghiệp quốc doanh ở nước ta

*NGUYỄN NGỌC TUÂN**

CHỦ nghĩa xã hội khác với chủ nghĩa tư bản chủ yếu không phải ở phương thức vận hành kinh tế hay điều tiết kinh tế, mà ở chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất cơ bản và chế độ phân phối thích ứng với nó. Ở nước ta hiện nay, kinh tế hàng hóa mới phát triển, lực lượng sản xuất còn ở trình độ thấp và phát triển chưa cân đối, song mô hình sở hữu lại có những đặc trưng : a) Vốn tập trung trong tay nhà nước dưới hình thức các xí nghiệp quốc doanh (1), bị phân tán ở các ngành, vùng, trên thực tế là bị chia cắt thành sở hữu của ngành, vùng ; b) Chủ quyền sở hữu tài sản ở các xí nghiệp quốc doanh không rõ ; c) Quyền sở hữu tài sản của nhà nước với quyền kinh doanh của xí nghiệp vẫn bị nhập làm một v.v.. Tình hình đó, làm cho mô hình sở hữu bị đơn nhất hóa quá sớm, không phù hợp với kinh tế hàng hóa và với trình độ của lực lượng sản xuất, làm cho các xí nghiệp quốc doanh thiếu sinh khí, khó phản ứng kịp thời trước những biến động của thị trường, trong đó một bộ phận rất lớn (khoảng 70%) gặp không ít khó khăn (làm ăn thua lỗ, nợ nần chồng chất, tài sản hao hụt, vốn liếng thâm thủng...) ; làm cho vốn khó di chuyển từ ngành, vùng có hiệu quả thấp sang ngành, vùng có hiệu quả cao, để từ đó, nâng cao hiệu quả kinh tế của toàn bộ xã hội.

Vậy trong những điều kiện cụ thể trên, cần đổi mới mô hình xí nghiệp quốc doanh như thế

* Chuyên viên kinh tế, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn tại TP Hồ Chí Minh

(1)Theo tôi, chính xác hơn nên gọi là "xí nghiệp quốc hữu"

Digitized by Google

nào ? Có thể nói, đây là một điểm nóng của lý luận kinh tế hàng hóa xã hội chủ nghĩa, cũng là khâu trung tâm của cuộc đổi mới thể chế kinh tế ở nước ta. Bài này mong được góp ý kiến trao đổi về vấn đề đó.

Mô hình xí nghiệp quốc doanh truyền thống kém hiệu quả và căn nguyên lịch sử của nó

Mô hình xí nghiệp quốc doanh, đặc trưng bao trùm của chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa truyền thống từng tồn tại lâu ngày ở nước ta cũng như ở các nước xã hội chủ nghĩa khác, có căn nguyên lịch sử sâu xa của nó.

Thoạt đầu, xuất phát từ những phác họa của Các Mác về xã hội mới sau xã hội tư bản chủ nghĩa *đã phát triển cao*, theo đó một khi xã hội đã nắm toàn bộ tư liệu sản xuất cơ bản thì có thể xem cả xã hội như một công xưởng lớn, mỗi xí nghiệp như một phân xưởng và có thể dùng phương thức phân phối sản phẩm để thay thế cho việc trao đổi hàng hóa, nước Nga đã tổ chức chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa theo mô hình xí nghiệp quốc doanh là chính và thực hiện chế độ cung cấp. Với mô hình trên, các xí nghiệp quốc doanh hoàn toàn phụ thuộc vào bộ máy hành chính, không có quyền tự chủ kinh doanh, cũng không phải hạch toán kinh tế. Hậu quả là nước Nga đã rơi vào khủng hoảng kinh tế nặng nề sau năm 1920.

Vì sao vậy ? Vì xã hội mới mà Các Mác phác họa chỉ là phác họa trên cơ sở tình hình và hiểu biết có hạn lúc đó. Các Mác chỉ vận dụng phương pháp trừu tượng để phác họa ra *xu thế* phát triển chung của xã hội tương lai, chứ ông chưa thể chỉ ra con đường cụ thể đi lên xã hội ấy. Điều này ông dành cho người đời sau căn cứ vào thực tiễn cụ thể mà giải quyết. Nhưng sau Cách mạng Tháng Mười, nước Nga lại dựa vào phác họa của Các Mác để cấu trúc mô hình sở hữu hiện thực của mình. Một nước mới đạt trình độ trung bình của chủ nghĩa tư bản mà lại cấu trúc mô hình sở hữu theo mô hình phác họa của Các Mác, một mô hình chỉ phù hợp với một nước chủ nghĩa tư bản đã phát triển rất cao, thì làm sao tránh khỏi thất bại ? V.I. Lê-nin đã sớm thấy điều ấy và đề ra *chính sách kinh tế mới*, thay mô hình trên bằng mô hình xí nghiệp quốc doanh hướng về thị trường, hoạt động trên cơ sở hạch toán kinh tế. Rất tiếc là V.I. Lê-nin mất quá sớm (năm 1924), mô hình trên đã không được người kế tục thực hiện. Chỉ mấy năm sau khi chấp chính, Xta-lin đã vội "thuần khiết hóa" mô hình sở hữu xã hội chủ nghĩa (chỉ còn hai hình thức xí nghiệp quốc doanh và nông trang tập thể) ; "đơn nhất hóa" phương thức điều tiết kinh tế (chỉ dùng kế hoạch pháp lệnh mà bỏ qua điều tiết của thị trường) ; phủ nhận xí nghiệp quốc doanh là người sản xuất hàng hóa độc lập, tự chủ ; nhà nước vừa là người sở hữu vừa là người trực tiếp kinh doanh ; sản xuất cái gì, sản xuất bao nhiêu, cho ai, đều do kế hoạch pháp lệnh từ trên áp xuống, mọi thua lỗ đều do nhà nước chịu, v.v.. Mô hình xí nghiệp này về sau đã trở thành mô hình chung và cơ bản cho các nước xã hội chủ nghĩa đi sau chưa có kinh nghiệm ; thậm chí ở một số nước xã hội chủ nghĩa châu Á, nó còn bị "cứng hóa" thêm.

Không thể phủ nhận tác dụng của mô hình xí nghiệp quốc doanh trong những thời kỳ lịch sử nhất định (nhất là thời kỳ có chiến tranh), và trên thực tế, ở những lĩnh vực nhất định, không ít xí nghiệp quốc doanh làm ăn có lãi, đạt mức tăng trưởng cao, đóng góp một phần quan trọng cho ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, nhìn chung, mô hình xí nghiệp này hạn chế quan hệ sở hữu đa dạng cần cho phát triển lực lượng sản xuất ; nó làm giảm phần lớn các động lực và áp lực cần thiết để phát triển và phản ứng nhanh nhạy với thị trường ; làm tăng gánh nặng bao cấp quá sức chịu đựng của nhà nước. Và khi mâu thuẫn giữa mô hình với thực tế phát triển tới đỉnh cao, đẩy kinh tế các nước (trong đó có nước ta) lâm vào trình trạng suy thoái, rồi khủng hoảng nặng nề kéo dài, thì các nước đã buộc phải bứt ra, giải phóng tư tưởng, tìm kiếm mô hình và thể chế kinh tế mới để ra khỏi khủng hoảng.

Mô hình xí nghiệp nhận khoán - ưu và nhược

Trong cuộc tìm kiếm lịch sử này, nhiều nước đã dao động đến mức mất hẳn tính nguyên tắc, nhảy từ cực nọ sang cực kia, từ "nhà nước hóa" sang "tư nhân hóa" sở hữu... nên đã thất bại về kinh tế và sụp đổ về chính trị. Song, có nước đã biết kiên trì các nguyên tắc chỉ đạo cơ bản, biết "dĩ bất biến ứng vạn biến", nên đã thành công lớn trong đổi mới, được cả thế giới biết đến và thừa nhận.

Digitized by Google

Ở nước ta, việc đổi mới mô hình xí nghiệp quốc doanh diễn ra có muộn hơn, song mấy năm nay mô hình này đã có sự cải biến đáng kể. Nhà nước đã thực hiện việc nới quyền, tăng lợi cho các xí nghiệp quốc doanh, thu hẹp đáng kể các chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh và mở rộng việc áp dụng các chỉ tiêu kế hoạch hướng dẫn ; thực hiện việc thu thuế thay cho việc xí nghiệp trích nộp lợi nhuận... Hiện nay, Nhà nước đã chuyển sang thực hiện *trên diện rộng* mô hình "xí nghiệp nhận khoán", đánh giá vốn kinh doanh của xí nghiệp một cách có căn cứ trên cơ sở vốn thực tồn của xí nghiệp, xác định mức lãi hợp lý, lập ra các chỉ tiêu phát triển vốn, chỉ tiêu thưởng phạt về sử dụng vốn, chỉ tiêu chia lãi trong kinh doanh vốn ; đồng thời, đang làm thử việc phi tập trung hóa sở hữu nhà nước ở một số xí nghiệp quốc doanh theo mô hình "xí nghiệp cổ phần".

So với các mô hình xí nghiệp quốc doanh được cải cách trước đó, mô hình "xí nghiệp nhận khoán" có *mấy tác dụng tích cực*. Trước hết, nó tạo cho xí nghiệp có quyền tự chủ hơn về các mặt : quản lý, sử dụng theo luật các tài sản được giao kinh doanh. Nó kích thích người lao động quan tâm đến kết quả lao động của cá nhân và của tập thể (vì lợi ích và thu nhập của họ gắn với việc hoàn thành hay vượt mức chỉ tiêu nhận khoán). Nó thúc đẩy xí nghiệp hợp lý hóa sản xuất và cơ cấu nội bộ, bảo đảm nguồn thu tài chính ổn định cho nhà nước, v.v.. Song các *khuyết tật* của nó không phải không cơ bản :

+ Nó không tách được chức năng sở hữu khỏi chức năng kinh doanh, nên không khắc phục được tình trạng can thiệp trực tiếp của bộ máy hành chính vào sản xuất kinh doanh của xí nghiệp (thậm chí nhiều khi do một số địa phương, ngành còn đưa thêm cả nhiệm vụ của mình vào hợp đồng khoán, nên sự can thiệp càng nặng nề hơn). Như Các Mác đã chỉ ra cách đây hơn 100 năm : bản thân sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa làm cho quyền sở hữu tư bản tách khỏi lao động chỉ huy một cách phổ biến. Vì vậy, lao động chỉ huy không nhất thiết phải do nhà tư bản đảm nhiệm. Hệt như người sở hữu nhạc cụ của một dàn nhạc, không nhất thiết phải là người chỉ huy đàn nhạc ấy. Thực tiễn nước ta cũng cho thấy : các xí nghiệp ngoài quốc doanh sở dĩ có sức sống, hoạt động có hiệu quả, chủ yếu không phải nhờ "ơn huệ" của nhà nước, mà do có quyền tự chủ kinh doanh đầy đủ, ít bị sự can thiệp hành chính trực tiếp.

+ Nó không giải quyết được vấn đề xí nghiệp tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi. Vì muốn bù lỗ thì hoặc là phải lấy vốn tự có ra bù hoặc là phải nâng giá sản phẩm. Nhưng vốn tự có thì không phải xí nghiệp nào cũng có hay có đủ để bù. Còn nâng giá sản phẩm thì làm sao bán được hàng, nhất là khi nạn hàng nhập lậu với giá rẻ đang lan tràn như hiện nay ?

+ Nó khó thực hiện được mức khoán đã nhân khi các nhân tố bên ngoài (như hối suất, suất lợi nhuận, giá cả, điều kiện vận tải, cung ứng nguyên vật liệu, năng lượng) thay đổi.

+ Nó làm cho các yếu tố sản xuất khó di chuyển, vì hệ số khoán trong thời gian nhận khoán không đổi, mức giao nộp khó đổi, quan hệ lệ thuộc không đổi. Thêm nữa, ngay một số xí nghiệp hiệu quả thấp, thậm chí bị lỗ, chỉ cần cải thiện chút ít tình hình, là vẫn có thể tồn tại, không bị đào thải. Điều đó, rõ ràng ngăn cản việc nâng hiệu quả của toàn bộ xã hội lên.

Chính vì những khuyết tật trên, mô hình "xí nghiệp nhận khoán" tuy hiện vẫn còn sức hấp dẫn, song theo tôi, trong tương lai, nó không thể là mô hình xí nghiệp tối ưu trong điều kiện sở hữu xã hội chủ nghĩa.

Chuyển mạnh sang mô hình xí nghiệp cổ phần

Một thời gian dài trước Đại hội VI của Đảng, chúng ta lầm tưởng rằng mô hình xí nghiệp cổ phần là phạm trù riêng có của chủ nghĩa tư bản, phục vụ cho chủ nghĩa tư bản ; phát triển kinh tế cổ phần sẽ dẫn đến tư hữu hóa, phá vỡ chế độ công hữu - nền tảng của chế độ xã hội chủ nghĩa, v.v.. Thực ra, mầm mống của kinh tế cổ phần đã có từ thời cổ La mã. Đến nửa đầu thế kỷ 17, nhất là sau khi công ty cổ phần ở Anh được công nhận về mặt pháp lý là có tư cách pháp nhân độc lập, thì ở đây đã xuất hiện các công ty cổ phần đầu tiên tương đối ổn định, gồm các cổ đông đầu tư lâu dài, không được rút vốn nhưng có quyền chuyển nhượng, mua bán cổ phần. Đến những năm 20 và 30 của thế kỷ 19, trước yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp và xây dựng thị trường toàn quốc, cần rất nhiều vốn để xây dựng cơ sở hạ tầng (mà nếu chỉ dựa vào vốn của các nhà

Digitized by Google

tư bản riêng lẻ thì không thể có đủ), một loạt công ty cổ phần (như công ty đường sắt, công ty hầm mỏ, công ty điện lực) đã lần lượt ra đời và phát triển nhanh ở các nước Âu Mỹ. Đến nay, xí nghiệp cổ phần đã trở thành mô hình tổ chức phổ biến ở nhiều nước, nhất là ở các nước kinh tế phát triển. Ở Anh số công ty cổ phần năm 1862 mới có 165 thì năm 1890 đã có 4066, năm 1962 đã có 428 000, trong đó đa số là công ty cổ phần hữu hạn. Ở Mỹ số công ty cổ phần năm 1904 mới chiếm 23,6% thì năm 1947 đã chiếm 69%, năm 1962 đã chiếm 78% tổng số xí nghiệp cả nước. Hiện nay cả nước Mỹ có hơn 1,2 triệu công ty cổ phần.

Khi nghiên cứu mô hình xí nghiệp cổ phần dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, Các Mác từng nêu rõ : trong công ty cổ phần, quyền sở hữu tư bản tách khỏi quyền chi phối tài sản, và quyền chi phối này được chuyển vào tay "những người lao động liên hiệp lại", tức là vào tay xã hội. Thông qua chế độ xí nghiệp cổ phần, tài sản của tư bản tư nhân đầu tư vào công ty được biến thành tài sản xã hội trực tiếp. Từ đó, Các Mác kết luận : chế độ cổ phần là sự thủ tiêu tư bản tư nhân. Kinh tế cổ phần càng phát triển, càng xâm nhập vào những ngành sản xuất mới, thì nó càng xóa bỏ tư bản tư nhân ; nó là điểm quá độ thuần túy dẫn tới hình thức sản xuất mới (tức sản xuất xã hội chủ nghĩa - NNT).

Xem vậy thì thấy, mô hình xí nghiệp cổ phần không phải là sản phẩm riêng có của chủ nghĩa tư bản. Nó *vừa là* sản phẩm của kinh tế hàng hóa, *vừa là* điều kiện để phát triển kinh tế hàng hóa, phát triển sản xuất lớn, xã hội hóa. Đặc điểm nổi bật - cũng là ưu điểm - của mô hình xí nghiệp cổ phần là nó tách quyền sở hữu khỏi quyền kinh doanh, tách quản lý hành chính khỏi quản lý kinh doanh, thực sự biến xí nghiệp thành người sản xuất tương đối độc lập, có quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi, tự phát triển, tự ràng buộc. Dưới chế độ cổ phần, sản quyền của xí nghiệp được minh xác, cổ quyền của nhà nước và của các cổ đông khác đều ở vào địa vị bình đẳng. Nhà nước với tư cách là *người quản lý xã hội* thì thu thuế, còn với tư cách là *người sở hữu* thì thu lợi nhuận. Như vậy, nhà nước sẽ khỏi phải lo quản lý các xí nghiệp như trước đây, do đó có thể tập trung sức vào các việc như : quy hoạch, định hướng phát triển ngành nghề, giám sát, kiểm tra, thông tin, v.v.. Còn nhân tài quản lý xí nghiệp, thì do các cổ đông tuyển chọn. Họ lập ra *hội đồng quản trị* để quản lý trên thực tế việc sử dụng, bảo tồn và phát triển vốn, bảo đảm vốn ngày càng được sử dụng tốt hơn. Thực hiện mô hình xí nghiệp cổ phần là con đường có hiệu quả để cải biến mô hình xí nghiệp quốc doanh đơn nhất, tạo ra hệ thống thị trường cạnh tranh và kích thích cạnh tranh đầy đủ, từ đó phá vỡ giới hạn chia cắt tài sản quốc hữu theo ngành, vùng, tạo nên các kênh di chuyển dễ dàng các yếu tố sản xuất. Thật vậy, với mô hình xí nghiệp cổ phần, các xí nghiệp làm ăn tốt có thể thông qua việc phát hành và bán cổ phiếu để mở rộng sản xuất ; còn các xí nghiệp làm ăn kém, thì đo giá trị cổ phần giảm, sẽ bị phá sản hay bị sáp nhập vào các xí nghiệp khác. Điều đó cũng có nghĩa các nguồn lực xã hội sẽ được tổ hợp lại một cách tối ưu, hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế sẽ được nâng lên.

Từ sự phân tích trên, tôi cho rằng mô hình xí nghiệp cổ phần nên là phương hướng chủ yếu đổi mới mô hình xí nghiệp quốc doanh kém hiệu quả ở nước ta. Tất nhiên, mô hình này không bài xích sự tồn tại như một tất yếu khu vực kinh tế nhà nước gồm các *xí nghiệp quốc doanh không có tính chất cạnh tranh*, các xí nghiệp có tác dụng quyết định đối với quốc kế dân sinh, bảo đảm ổn định sản xuất, bình ổn thị trường, do nhà nước độc quyền đầu tư phát triển hay độc quyền khống chế cả về sản xuất lẫn thị trường.

Đặc điểm và con đường cổ phần hóa ở nước ta hiện nay không phải là biến tư bản tư nhân thành tư bản xã hội như dưới chủ nghĩa tư bản, mà là cấu trúc lại mô hình xí nghiệp quốc doanh theo hướng chuyển từ sở hữu *nhất nguyên*, vắng thiếu cạnh tranh của nhà nước, sang sở hữu *đa nguyên*, mang tính cạnh tranh của xã hội ; đồng thời, giải quyết vấn đề tách quyền sở hữu của nhà nước và quyền kinh doanh của xí nghiệp, khắc phục sự can thiệp hành chính trực tiếp của chính quyền vào sản xuất kinh doanh ; xóa bỏ tình trạng cát cứ, chia cắt tài sản quốc hữu giữa các ngành, vùng, làm cho về phương diện *vi mô* thì cải tổ được kết cấu sản quyền của xí nghiệp, tích tụ được vốn, tăng cường được sinh khí cho sản xuất, và về phương diện *vĩ mô* thì cải biến được chế độ sản quyền truyền thống trên phạm vi xã hội, tổ hợp lại một cách hợp lý tài sản quốc dân để nâng cao hiệu quả kinh tế nói chung.

Digitized by Google

Để giải quyết hai vấn đề cơ bản ấy, chúng ta *quyết không đi con đường tư hữu hóa* của kinh tế học phương Tây, rằng muốn phát triển kinh tế hàng hóa phải tư hữu hóa, phải phóng tay phát triển kinh tế tư nhân, rồi đợi đến khi kinh tế tư nhân có tích lũy, sẽ đem xí nghiệp quốc hữu bán cho họ, từ đó mà cổ phần hóa. Chúng ta *cũng không đi con đường xí nghiệp sở hữu hóa* - theo đó tài sản quốc hữu được chia làm 2 phần : một phần của nhà nước, phần khác của xí nghiệp. Làm như vậy là bất công (vì tài sản của một xí nghiệp không đơn thuần do lao động của công nhân viên chức xí nghiệp đó sáng tạo ra) và trên thực tế là có hại. Con đường có thể chấp nhận được, theo tôi, là :

1) Xây dựng *hệ thống quản lý tài sản quốc hữu* từ trung ương đến địa phương, độc lập với hệ thống quản lý hành chính của nhà nước ; từ đó mà tách quyền quản lý tài sản quốc hữu khỏi quyền quản lý hành chính xã hội, hướng chức năng kinh tế của nhà nước vào các việc chủ yếu vừa nêu trên. Có như vậy mới bảo đảm cho xí nghiệp thực sự được tự chủ, có sức sống, và chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa nhờ đó mới được củng cố.

2) Dưới sự quản lý thống nhất của hệ thống quản lý tài sản quốc hữu các cấp, xây dựng các công ty kinh doanh tài sản quốc hữu mang tính chất cạnh tranh. Các công ty kinh doanh này không trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản, mà với tư cách là những chủ thể sở hữu, có chức năng giám sát hiệu quả sử dụng tài sản của các xí nghiệp nằm trong công ty.

3) Sau khi tách biệt hai quyền, đa dạng hóa sở hữu tài sản của xí nghiệp quốc doanh, xây dựng thị trường có tính cạnh tranh, cần tích cực phát triển các công ty, tập đoàn cổ phần lớn, có liên quan với nhau về ngành nghề hoặc về sản phẩm, không phụ thuộc vào địa giới hành chính, nhằm từng bước lập nên những tập đoàn cổ phần xã hội vừa biết kinh doanh vốn có hiệu quả, vừa có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường. Đồng thời, cần ra sức tuyên truyền, hướng dẫn công chúng có vốn (kể cả cán bộ công nhân viên) hay các đoàn thể xã hội mua cổ phiếu của xí nghiệp, nhằm thu hút vốn tích trữ trong dân chúng, giảm bớt áp lực của tiền tệ đối với thị trường, biến vốn chết thành vốn sinh lợi, từ đó thúc đẩy hình thành cơ chế đầu tư xã hội hóa và kết cấu sản quyền đa nguyên hóa.

Việc thực hiện rộng rãi mô hình xí nghiệp cổ phần tự nó đòi hỏi phải chuẩn bị những *điều kiện thiết yếu* :

+ Cần có sự chuyển biến cơ bản quan niệm về sở hữu xã hội chủ nghĩa, về kinh tế cổ phần và mô hình xí nghiệp cổ phần. Trong thực tế chỉ đạo cổ phần hóa, nếu bảo lưu 51% cổ quyền ở một xí nghiệp thì nhà nước chẳng những khống chế được tài sản của xí nghiệp ấy, mà còn khống chế một bộ phận tài sản khác, làm cho chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa càng được củng cố, phát triển. Nếu có một số xí nghiệp quốc doanh đại bộ phận cổ phần do tư nhân nắm thì cũng không thành vấn đề bởi vì, tài sản quốc hữu tuy có sự chuyển đổi về hình thái vật chất, nhưng không hề bị giảm đi về hình thái giá trị, trong khi đó nhà nước lại thu hồi được vốn để đầu tư vào xí nghiệp khác. Như vậy, vừa cải thiện được kết cấu đầu tư, vừa có lợi cho việc bảo đảm phát triển các hạng mục trọng điểm của đất nước.

+ Đánh giá có căn cứ tài sản quốc hữu, có biện pháp phân bố hợp lý tài sản ấy theo cấp sở hữu, để biến quyền sở hữu duy nhất của nhà nước thành quyền sở hữu đa dạng của xã hội.

+ Kiện toàn hệ thống thị trường và cơ chế thị trường, bao gồm hệ thống thị trường các yếu tố sản xuất,(như vốn, sức lao động, vật tư kỹ thuật, thông tin), khiến cho các yếu tố đầu vào có thể di chuyển dễ dàng trong phạm vi toàn xã hội.

+ Thị trường hóa từng bước giá cả và tỷ suất lợi nhuận giữa các ngành, coi giá cả là hàm số của cung cầu thị trường, để bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa các xí nghiệp.

+ Cải cách tương ứng hệ thống tài chính, thuế khóa quốc gia, gắn chặt thu với chi ngân sách ; thực hiện chế độ thuế có lợi cho cạnh tranh bình đẳng và kích thích sản xuất phát triển ; đựa theo luật thu thuế, lợi nhuận sau khi nộp thuế do các cấp sở hữu sử dụng. Xử lý thích đáng các hàng nhập lậu thuế.

+ Xây dựng đội ngũ lãnh đạo xí nghiệp, công ty cổ phần biết quản lí kinh doanh, am hiểu thị trường nhất là thị trường chứng khoán, thị trường quốc tế và các nguyên tắc kinh doanh của xí nghiệp cổ phần.

+ Thi hành chế độ thất nghiệp và bảo hiểm thất nghiệp đo nhà nước lo, chế độ nhà ở do cán bộ công nhân viên lo, v.v. để đơn giản hóa mục tiêu của xí nghiệp, giúp xí nghiệp vươn mạnh ra thị trường.

Digitized by Google

Thị trường xăng dầu ở Việt nam - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

NGUYỄN CAO VÃNG

NGÀNH kinh doanh xăng dầu ở Việt nam có đặc điểm là 100% sản phẩm nhập khẩu từ bên ngoài rồi đem bán ở thị trường nội địa. Từ năm 1991 đến nay, lượng xăng dầu tiêu dùng ở thị trường nước ta bình quân khoảng trên 3 triệu tấn/năm ; tương đương với 600 triệu USD (chủ yếu nhập từ thị trường khu vực II).

Những năm trước đây, nhà nước giao cho Tổng công ty xăng dầu (Petrolimex) thuộc Bộ thương mại đảm nhiệm toàn bộ khâu kinh doanh, bao gồm cả chức năng nhập khẩu và tiêu thụ, phục vụ thống nhất trên thị trường cả nước. Nhưng từ năm 1991 trở lại đây, tham gia kinh doanh và cạnh tranh với Tổng công ty xăng dầu không chỉ có các công ty (như Công ty xuất nhập khẩu dầu khí, Công ty dầu lửa trung ương, Công ty Petrol Sài gòn, Công ty liên doanh dịch vụ dầu khí Vũng tàu, Công ty xăng dầu hàng không), mà còn có cả một số đơn vị, cơ quan khác ở các tỉnh phía nam.

Chúng ta thừa nhận, cùng với việc chuyển sang cơ chế thị trường thì việc có nhiều chủ thể kinh doanh và cạnh tranh với nhau trên cùng một mặt hàng để chống độc quyền là điều cần thiết, nhằm làm cho hoạt động trên thị trường sống động và tăng thêm hiệu quả, nâng cao chất lượng kinh doanh, phục vụ tốt người tiêu dùng. Song, điều đáng nói ở đây là thực tế cạnh tranh trên thị trường xăng dầu ở nước ta hiện nay không hẳn như vậy. Nó mang nặng tính tự phát, hỗn loạn, vì lợi ích cục bộ, bản vị nhiều hơn là vì mục tiêu chung phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Chính vì vậy mà ngay giữa các công ty và tổ chức kinh doanh thuộc cùng sở hữu nhà nước đã diễn ra sự cạnh tranh thiếu lành mạnh, không đem lại hiệu quả, cả trong nhập khẩu lẫn tiêu thụ xăng dầu.

Có thể thấy mấy vấn đề chủ yếu đáng quan tâm trên thị trường xăng dầu nước ta :

Một là, tình trạng trốn và lậu thuế của một số công ty, đơn vị, cơ quan (cả ở khâu nhập khẩu và khâu tiêu thụ). Nhà nước bị thất thu cả về thuế nhập khẩu và thuế doanh thu. Theo quy định hiện hành, mỗi tấn xăng dầu nhập khẩu phải chịu mức thuế nhập khẩu bằng 40% giá nhập khẩu và mức thuế doanh thu bằng khoảng 2% giá bán. Nếu giá nhập khẩu một tấn xăng dầu là 220 USD, thì mức *thuế nhập khẩu* là 88 USD (tương đương gần 1 triệu đồng Việt nam), và nếu giá bán một tấn xăng dầu (khoảng 1200 lít) là 3 triệu đồng (2500 đồng/lít x 1200) thì mức *thuế doanh thu* là 60 ngàn đồng (2% x 3 triệu đồng). Như vậy, cứ mỗi tấn xăng dầu bị trốn thuế, nhà nước thất thu 1 triệu 60 ngàn đồng. Theo số liệu điều tra, trong tổng số trên 3 triệu tấn xăng dầu nhập khẩu và tiêu thụ hàng năm ở nước ta hiện nay, Tổng công ty xăng dầu chiếm khoảng 72% (trên 2 triệu 160 ngàn tấn), còn các công ty, tổ chức kinh doanh khác chiếm khoảng 28% (trên 840 ngàn tấn). Nhà nước về cơ bản mới quản lý và thu được các loại thuế mà Tổng công ty xăng dầu phải nộp. Như vậy còn một phần thuế rất đáng kể nữa mà các công ty và tổ chức kinh doanh khác phải nộp, nhà nước chưa quản lý và thu được một cách đầy đủ.

Hai là, cũng do tình trạng trốn và lậu thuế mà giữa các tổ chức kinh doanh xăng dầu thực tế thiếu sự bình đẳng trong cạnh tranh. Chúng ta đều biết, Tổng công ty xăng dầu do nhà nước trực tiếp quản lý, phải thực hiện cả hai chức năng : vừa bảo đảm kinh doanh có lãi, vừa bảo đảm xăng dầu phục vụ tốt mọi đối tượng, kể cả ở các địa bàn xa, sâu như miền núi, điều kiện vận chuyển khó khăn và tốn kém mà "giá trần" quy định lại thống nhất (thiếu sự phân biệt thị trường xa, gần, khó, dễ). Trong tình hình như vậy, Tổng công ty xăng dầu đương nhiên khó năng động và thích ứng với biến đổi của thị trường và khó tránh khỏi thế yếu trong cạnh tranh so với các công ty, tổ chức kinh

Digitized by Google

doanh xăng dầu khác không chịu sự quản lý trực tiếp của nhà nước. Vì không bị nhà nước trực tiếp quản lý, các công ty và tổ chức kinh doanh này không những có thể trốn và lậu thuế, mà còn có thể dễ dàng nâng hoặc hạ giá bán xăng dầu không theo giá quy định của nhà nước. Khảo sát thực tế cho thấy, giá bán 1 lít xăng A76 vào thời điểm tháng 7-1993 có sự chênh lệch như sau : trong khi ở Hà nội là 2900 đồng thì ở Đà nẵng là 2500 đồng, ở TP Hồ Chí Minh là 2400 đồng, ở Cần thơ là 2300 đồng... Rõ ràng, sự chênh lệch trên không phản ánh đúng bản chất lành mạnh, bình đẳng trong kinh doanh. Đó *chủ yếu* là do không ít công ty và tổ chức kinh doanh xăng dầu nhờ trốn và lậu được thuế nên có thể bán với giá thấp hơn giá quy định ; ngoài ra, do họ không phải chi phí vận chuyển xăng dầu đến thị trường xa, sâu.

Ba là, do việc kinh doanh xăng dầu thiếu sự tổ chức quản lý thống nhất, nên thực tế đã dẫn tới tình trạng đầu tư chồng chéo, lãng phí lớn về vốn. Theo ước tính, các công ty mới tham gia kinh doanh xăng dầu vừa qua đã đầu tư trên 630 tỉ đồng Việt nam để xây dựng kho chứa và mua sắm phương tiện vận chuyển... Trong khi đó, theo số liệu của Tổng công ty xăng dầu, hệ thống kho và phương tiện vận chuyển hiện có hoàn toàn đủ đáp ứng nhu cầu về chứa và vận chuyển toàn bộ số xăng dầu cần cung ứng.

Để khắc phục những vấn đề vừa nêu trên, theo tôi, cần thực hiện một số biện pháp sau đây :

1 - Nhà nước có cơ chế lập lại trật tự trên thị trường xăng dầu ở cả hai khâu : nhập khẩu và tiêu thụ nội địa. Vấn đề đặt ra là lập lại trật tự đó theo quan điểm nào ? Để lập lại trật tự này, *một mặt* vẫn cần có nhiều chủ thể kinh doanh để cạnh tranh, thúc đẩy nhau nâng cao hiệu quả và chất lượng kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu đa dạng của người tiêu dùng. *Mặt khác*, về cơ chế, nhà nước cần có những quy định cụ thể, rành mạch về chức năng kinh doanh, trách nhiệm kinh doanh và địa bàn kinh doanh (gần, xa) đối với mọi chủ thể kinh doanh xăng dầu thuộc khu vực nhà nước. Đồng thời, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động kinh doanh từ khâu nhập khẩu đến khâu tiêu thụ xăng dầu trong nước, chống trốn thuế và lậu thuế nhằm tăng cường nguồn thu cho ngân sách. Trên cơ sở đó, bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng giữa các loại chủ thể với nhau, nghĩa là : trong mọi trường hợp, muốn đạt được mục tiêu vĩ mô của nhà nước là thu được đầy đủ thuế và ổn định thị trường, phải bảo đảm an toàn và văn minh thị trường theo nguyên tắc "vừa bảo đảm lợi ích quốc gia, vừa không can thiệp trực tiếp vào tác nghiệp kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở". Bảo đảm kinh doanh xăng dầu theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Kết hợp linh hoạt giữa thương mại hóa giá cả với sự quản lý "giá trần" xăng dầu trong thị trường cả nước.

2 - Để sự quản lý của nhà nước đối với lĩnh vực xăng dầu có hiệu lực và hiệu quả, trước mắt cần tổ chức sắp xếp lại hệ thống các công ty, đơn vị kinh doanh xăng dầu ; không để quá nhiều đầu mối nhập khẩu xăng dầu, nhiều công ty nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu như hiện nay. Với mức 3 triệu tấn xăng dầu nhập, chúng ta chỉ cần khoảng 4 chủ thể kinh doanh. Đây là ngành hàng nhà nước độc quyền kinh doanh, nên không thể để tình trạng có các đơn vị, cá nhân buôn bán theo kiểu "chụp giật", kiếm lời đơn thuần...

Trong thực tế, các chủ thể kinh doanh xăng dầu vốn có quan hệ chặt chẽ, nhưng vì thuộc nhiều cơ quan chủ quản khác nhau nên có sự tranh chấp về lợi ích. Mặt khác, do hệ thống tổ chức gồm nhiều cấp trung gian và tình trạng phân tán cục bộ, nên đã gây không ít khó khăn cho việc kinh doanh xăng dầu trong cả nước. Để khắc phục tình trạng này, cần có sự thay đổi về cơ chế quản lý vĩ mô của nhà nước đối với ngành xăng dầu. Trước hết, cần quy định chặt chẽ giá bán xăng dầu theo hướng có sự phân biệt "giá trần theo vùng", khuyến khích các công ty kinh doanh ở địa bàn xa, nhất là vùng núi. Thông qua đó, vừa tạo ra sự bình đẳng trong kinh doanh, vừa thực hiện được sự phân công về địa bàn kinh doanh (gần, xa) trên cơ sở kích thích bằng giá cả. Trong trường hợp chủ thể nào vừa phải thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, vừa phải bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị xã hội, thì nhà nước cần có chính sách xử lý cụ thể về giá, nhất là phần chi phí vận chuyển đi xa.

(Xem tiếp trang 44)

Digitized by Google

VIỆC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO Ở HƯNG HÀ

NHẬT TÂN

TRONG các phong trào xóa đói giảm nghèo ở nước ta những năm gần đây, huyện Hưng hà (Thái bình) nổi lên như một điểm sáng. So với các huyện trong cả nước, Hưng hà chẳng có gì đặc biệt thuận lợi để tổ chức cuộc sống của mình. Hưng hà vốn là nơi chủ yếu làm nông nghiệp, đất ít, người đông, diện tích đất canh tác là 12 800 ha, dân số gần 24 vạn, bình quân 600m^2 cho một người, 117000 lao động, trong đó 101000 là lao động nông nghiệp. Đối tượng hưởng chính sách xã hội của huyện khá đông : 6415 người hưởng chính sách bảo hiểm, 9545 người hưởng chính sách ưu đãi quân nhân, 8037 người là thân nhân liệt sĩ, 1529 thương binh từ loại I đến loại IV, 1337 bệnh binh từ loại II đến loại III, 1488 người mất sức lao động. Những yếu tố này đã gây cho Hưng hà nhiều khó khăn. Nhưng, những năm qua đảng bộ và nhân dân Hưng hà đã bắt nhịp được với công cuộc đổi mới của đất nước, kết hợp tốt việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng mô hình nông thôn mới với phong trào xóa đói giảm nghèo, mang lại nhiều kết quả thiết thực. Hiện nay Hưng hà đang quyết tâm phấn đấu đến hết năm 1995 sẽ xóa được hết 9% số hộ nghèo còn lại.

Những tiêu chuẩn về hộ nghèo ở Hưng hà là thế nào ? Đối với thế giới nói chung thì tiêu chuẩn một hộ nghèo là có mức thu nhập dưới 1/3 mức trung bình của xã hội, tức là mỗi người trong hộ có mức sống 35 USD một tháng. Lấy Mỹ làm đại diện thì năm 1992 hộ nghèo có mức thu nhập bình quân cho một người là 71 USD một tháng. Các nước đang phát triển thì có những tiêu chuẩn khác nhau, chẳng hạn ở Pa-ki-xtan và In-đô-nê-xi-a là 6 USD, Phi-lip-pin là 7 USD cho một người một tháng. Còn ở nước ta hộ nghèo có bình quân thu nhập một người một tháng là 30 000 đ (khoảng gần 3 USD), tương đương với 15 kg gạo. Ở Hưng hà thì ngay từ đầu năm 1992 đã xác định hộ nghèo là hộ có mức thu nhập bình quân đầu người là 40000 đ (khoảng gần 4 USD), tương đương với 20 kg gạo. Ngoài tiêu chuẩn về gạo, hộ nghèo ở Hưng hà còn có các tiêu chuẩn khác : nhà ở của hộ nghèo là nhà ở vừa phải, vào loại cấp 4, không dột nát ; trong nhà có đủ các đồ dùng, vật dụng cơ bản, nhưng cũ hoặc làm bằng các nguyên liệu rẻ tiền.

Chúng ta đều biết, nhìn chung cả nước, phải đến hết năm 2000 mới xóa được đói và giảm về cơ bản các hộ nghèo. Vậy thì vì sao Hưng hà lại có thể xóa đói giảm nghèo trong một thời gian ngắn ? Qua tìm hiểu thực tế ở Hưng hà, tôi thấy có nhiều yếu tố, đáng chú ý là đảng bộ và chính quyền Hưng hà đã có những quan điểm đúng và những biện pháp giải quyết phù hợp với hoàn cảnh của địa phương mình.

NHỮNG QUAN ĐIỂM ĐÚNG

1 - Đói nghèo có nhiều nguyên nhân, nhưng cấp ủy và chính quyền Hưng hà cảm thấy có lỗi và có trách nhiệm thật sự khi còn một bộ phận dân đói nghèo. Xóa đói giảm nghèo chính là bước đi không thể bỏ qua được để tiến tới dân giàu nước mạnh, là thể hiện tính chất tốt đẹp của xã hội ta đi theo con đường xã hội chủ nghĩa : "làm cho người nghèo thì đủ ăn.

Người đủ ăn thì khá giàu.

Người khá giàu thì giàu thêm" [1]. Trước mắt, nó góp phần làm cho xã hội ổn định hơn và củng

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb sự thật, Hà nội, 1984, t4, tr 287

Digitized by Google

cố được lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ.

Vì thế, việc xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ quan trọng của các cấp ủy và chính quyền trong huyện. Một trong những mục tiêu và thước đo hiệu quả lãnh đạo, mức độ hoàn thành nhiệm vụ chính trị của các tổ chức và cá nhân trong huyện là kết quả xóa đói giảm nghèo. Xã nào, thôn nào còn hộ đói nghèo, thì tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở đó phải chịu trách nhiệm và tìm cách giúp đỡ có hiệu quả. Đảng viên nào còn để cho bản thân và gia đình mình đói nghèo, thì cần xét lại tư cách của đảng viên đó. Lãnh đạo Hưng hà còn kịp thời uốn nắn một số nhận thức lệch lạc "thiếu tình làng nghĩa xóm", như : cho đói nghèo là "sản phẩm tất yếu" của nền kinh tế thị trường ; cứ để mặc cho thị trường tự điều chỉnh là tốt nhất ; "đèn nhà ai nhà ấy rạng" ; các hộ đói nghèo đều do lười mà ra...

2 - Trong xóa đói giảm nghèo, cần coi trọng cả hai mặt *kinh tế* và *xã hội*. Huyện ủy chủ trương đi đôi với đẩy mạnh nhịp độ phát triển kinh tế bằng cách tích cực, năng động khai thác mọi tiềm năng, giải phóng mọi năng lực sản xuất, tạo mọi điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển, là giải quyết tốt các vấn đề xã hội, trong đó đặc biệt chú ý vấn đề kế hoạch hóa gia đình, giải quyết lao động tại chỗ và đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Huyện đã xây dựng được chương trình tổng thể xóa đói giảm nghèo, kết hợp với chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội toàn diện, tạo ra những bước đi vững chắc. Huyện đã chọn khâu trung tâm là khai thác toàn diện kinh tế hộ ; chọn xóm thôn là địa bàn trực tiếp xóa đói giảm nghèo ; từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế hộ, từ đó chuyển dịch cơ cấu kinh tế làng, xã, rồi toàn huyện ; phá thế độc canh cây lúa, chuyển kinh tế nông nghiệp tự cung tự cấp sang kinh tế hàng hóa, làm bật dậy những tiềm năng lao động mới.

3 - Nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh, dám nghĩ dám làm với phương châm tự mình vươn lên để cứu lấy mình, không ỷ lại vào cấp trên. Cán bộ, đảng viên chú ý phát huy vai trò tiền phong gương mẫu, sâu sát với phong trào. Các cán bộ chủ chốt trong huyện ủy và ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo và điều hành công việc rất cụ thể, làm đến đâu dứt điểm đến đó, gây được niềm tin cho người nghèo và cả cộng đồng.

Hưng hà còn biết tạo nên sức mạnh tổng hợp thông qua các đoàn thể và tổ chức quần chúng như Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân tập thể, Hội cựu chiến binh, Hội người mù và những người tàn tật... giúp nhau về vốn, về lao động, về kinh nghiệm làm ăn, để mau chóng thoát cảnh đói nghèo.

Lãnh đạo huyện rất coi trọng và tranh thủ sự chỉ đạo của cấp trên, đặc biệt là sự chỉ đạo của tỉnh ủy, ủy ban nhân dân tỉnh và sở lao động thương binh - xã hội. Đây cũng là một yếu tố rất quan trọng thúc đẩy quá trình xóa đói giảm nghèo ở Hưng hà.

NHỮNG BIỆN PHÁP PHÙ HỢP

Từ những quan điểm chỉ đạo nói trên, Huyện ủy Hưng hà đã đề ra và thực hiện b[illegible] pháp sau :

I - Nâng cao đời sống của cả cộng đồng

1 - Xây dựng và cải tạo cơ sở hạ tầng trọng yếu như mạng lưới điện, đường sá, cầu cống, trạm bơm tưới tiêu, trường học, bệnh viện, bệnh xá và hệ thống thông tin, nhằm tạo thuận lợi cho các hộ tự vươn lên xóa đói giảm nghèo và làm giàu chính đáng. Tới nay, toàn bộ hệ thống đường liên xã gần 100 km của Hưng hà đã được rải đá, trong đó có 50% được láng nhựa ; 250 km trên 550 km đường liên thôn đã xây gạch ; xe cộ, thậm chí cả xe tải, có thể đi lại thuận tiện. Các cầu cống đã được cải tạo hoặc xây dựng mới do vốn của trung ương và địa phương, bảo đảm xe tải 8 đến 10 tấn đi lại dễ dàng. Trạm bơm nước và hệ thống mương máng được hoàn chỉnh, bảo đảm chủ động tưới tiêu. 100% số xã và 85% số hộ đã có điện sinh hoạt. Trường học, bệnh viện, bệnh xá

Digitized by Google

đã được ngói hóa 100%, trong đó 50% là nhà mái bằng và cao tầng.

2 - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế huyện, trước hết là cơ cấu kinh tế hộ, gồm cơ cấu kinh tế đồng ruộng và kinh tế VAC cộng với ngành nghề. Đây là biện pháp có ý nghĩa quyết định đối với phong trào xóa đói giảm nghèo của Hưng hà. Thực tế nhiều năm ở địa phương cho thấy, nếu không thay đổi được cơ cấu cây trồng, vật nuôi và ngành nghề phụ, mà chỉ dựa vào cây lúa và con lợn, thì dù có đạt năng suất lúa cao nhất như hiện nay là 12 tấn cộng với 3 tấn màu trên một héc ta hoặc cao hơn nữa, nhân dân Hưng hà cũng chỉ thoát được cảnh đói nghèo chứ không thể vươn lên giàu có được.

Vì thế, huyện ủy chủ trương phải tiếp tục vừa thâm canh, vừa mở rộng diện tích (để có 35 500 ha mỗi năm, với hệ số sử dụng đất được nâng lên 2,75 lần), tích cực đổi mới cơ cấu giống, đưa vào những giống lúa có giá trị xuất khẩu cao, thay cho giống cũ tuy năng suất cao nhưng xuất khẩu không được. Chú ý thay đổi các chủng loại rau màu trên 8 nghìn ha đất vụ đông, để biến vụ đông thành vụ làm hàng xuất khẩu và giải quyết lao động tại chỗ trong những tháng giáp hạt.

Với cách làm đó, Hưng hà bảo đảm hàng năm có từ 155 đến 165 nghìn tấn lương thực, trong đó có 30 đến 35 nghìn tấn hoa màu, đủ để cân đối vững chắc về lương thực cho gần 24 vạn dân với mức bình quân một người là 700 kg một năm, đồng thời có dự trữ để chuyển sang làm kinh tế hàng hóa.

Các đồng chí lãnh đạo huyện cho rằng phát triển kinh tế VAC và ngành nghề trong từng hộ gia đình là một mũi đột phá để mở ra hướng đi mới, vươn lên làm giàu. Vài con số sau đây chứng minh điều đó : trong khi 1 kg gạo giá 2 nghìn đồng thì 1kg ba ba giá 150 nghìn đồng, 1 kg rắn giá 80 nghìn đồng, 1 kg long nhãn giá 50 nghìn đồng, 1kg gà giá 15 nghìn đồng, một công lao động ngành nghề giá từ 10 đến 15 nghìn đồng. Ngoài giá trị kinh tế, VAC và ngành nghề còn tạo ra kết cấu kinh tế đa dạng trong huyện và thúc đẩy hình thành tư duy mới để chuyển từ nền kinh tế thuần nông sang nền kinh tế sản xuất hàng hóa, gắn kinh tế địa phương với thị trường cả nước và thế giới.

Hiện nay ở Hưng hà kinh tế VAC và ngành nghề đã đưa lại 60% - 65% (thậm chí 80%) thu nhập của mỗi hộ. Kinh tế hộ gia đình dựa trên VAC và ngành nghề đã trở thành mô hình cuốn hút mọi tầng lớp nhân dân trong huyện. 100% xóm, thôn, xã đã có mô hình này. 455 hộ có máy xay xát chế biến nông sản. Trên 100 hộ có phương tiện vận tải cơ giới, 3 900 hộ làm nghề dệt chiếu truyền thống với sản lượng trên 3 triệu lá một năm. 2000 hộ làm nghề dệt vải cao cấp và các loại khăn truyền thống nổi tiếng, cung cấp cho cả thị trường trong và ngoài nước. Nhiều hộ đầu tư hàng chục triệu đồng, hàng chục vạn viên gạch để xây dựng công trình nuôi đặc sản như ba ba, ếch, rắn... ; không ít hộ nhận thầu 4 đến 5 mẫu hồ đầm để nuôi cá, nuôi trai lấy ngọc và các loại hải sản khác. 28 874 trên tổng số 44 000 mảnh vườn, 12 315 trên 21 600 cái ao đã được cải tạo đưa vào sử dụng có hiệu quả cao. Toàn bộ chiều dài 42 km mặt sông đang được khai thác sử dụng nuôi cá bè.

Tính đến nay, toàn huyện có 2500 hộ làm kinh tế gia đình dựa trên VAC và ngành nghề giỏi, trong đó có 28% hộ từ nghèo đói đã vươn lên khá ; 5 hộ tỷ phú sản xuất ngành nghề ; trên 2000 hộ có thu nhập từ 15 đến 50 triệu đồng từ cây, con đặc sản trong một năm. Mỗi năm huyện thu được 120 đến 150 tấn long nhãn, 55 đến 60 tấn mật ong (cá biệt có gia đình nuôi 400 đàn ong thu 13 tấn mật một năm), 80 đến 100 tấn kén tằm, 1,5 đến 2 tấn rắn, 4 đến 5 tấn ếch, 2,5 đến 3 tấn ba ba. Đàn bò của huyện có 14 500 con (bằng nửa số bò của tỉnh). Đàn bò này đang được lai tạo với bò của Cu-ba và Hà-lan để trở thành bò lấy sữa và lấy thịt có năng suất cao.

Do hiệu quả kinh tế và xã hội cao của mô hình kinh tế hộ gia đình dựa trên VAC và ngành nghề, Hưng hà hiện nay đã cho phép các hộ được chuyển diện tích cấy lúa thành diện tích VAC

Digitized by Google

nhằm đạt kết quả cao hơn trên một đơn vị diện tích.

3 - Hạn chế sinh đẻ và đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới. Đây là biện pháp bảo đảm số dân phù hợp với của cải làm ra và có điều kiện cải thiện đời sống. Từ nhiều năm nay Hưng hà đã có những cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch và những cuộc thi đua hạ thấp tỷ lệ sinh đẻ trong nhân dân và các đoàn thể. Giáo dục cho cả cộng đồng quan điểm bình đẳng nam nữ, không phân biệt sinh con trai hay sinh con gái, xóa bỏ mặc cảm của những cặp vợ chồng chỉ có con gái. Mấy năm gần đây, phong trào này được thực hiện mạnh mẽ hơn, áp dụng mọi biện pháp tránh thai, để hạ tỷ lệ sinh đẻ xuống rõ rệt.

Huyện khuyến khích, tặng thưởng bằng hiện vật đối với những người dùng biện pháp triệt sản (người thực hiện triệt sản đầu tiên của huyện được huyện thưởng một xe đạp trị giá 500 nghìn đồng, xã thưởng thêm 3 tạ thóc ; từ người thực hiện triệt sản thứ hai trở đi thì huyện thưởng 200 nghìn đồng, xã thưởng thêm từ 1 đến 2 tạ thóc). Đến nay toàn huyện đã có 400 nam và 300 nữ ở tuổi sinh đẻ thực hiện biện pháp triệt sản. Huyện còn áp dụng hình thức phạt đối với những cặp vợ chồng đẻ con thứ 3 như : phạt tiền ; bố mẹ là đảng viên thì bị khai trừ khỏi Đảng ; là cán bộ trong biên chế nhà nước thì cho nghỉ việc luôn. Vì thế, tỷ lệ sinh đẻ của Hưng hà từ 1,8% năm 1992, nay đã giảm xuống dưới 1,5%.

Đi đôi với biện pháp hạn chế dân số, Hưng hà tích cực đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ở phía nam như Lâm đồng, Kon tum... Những hộ đi xây dựng vùng kinh tế mới theo tổ chức thì được trung ương cấp cho 1 triệu 50 nghìn đồng, tỉnh cấp thêm cho mỗi khẩu trong hộ 40 nghìn đồng, huyện cấp thêm cho 50 nghìn đồng và xã cấp thêm 200 nghìn đồng cho một khẩu ăn theo và 300 nghìn đồng cho một lao động. Họ được nhượng quyền sử dụng ruộng đất trong 3 năm cho xã với mức 50 kg thóc một sào trong một năm. Số thóc này được xã thanh toán ngay một lần. Vì vậy, hai năm qua, toàn huyện đã có trên 160 hộ với 550 nhân khẩu đi xây dựng vùng kinh tế mới. Những người ra đi chẳng những có cuộc sống ổn định hơn, mà còn trực tiếp giúp địa phương giảm bớt được lao động dôi ra và có thêm đất giải quyết công ăn việc làm cho những hộ đói nghèo hiện đang thiếu đất canh tác.

II - Nâng nhanh mức sống của người giàu

Huyện sẵn sàng tạo mọi điều kiện để các hộ vươn lên làm giàu và đã giàu thì giàu hơn. Càng có thêm nhiều hộ khá và giàu thì càng có thêm điều kiện giảm bớt số hộ nghèo, nâng mức sống trung bình của huyện lên. Chính những hộ khá và giàu là động lực chính để phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Những hộ khá và giàu thường có nhiều vốn, tư liệu sản xuất và kinh nghiệm làm ăn giỏi. Họ là những đầu mối tạo thêm công ăn việc làm và giúp các hộ nghèo vươn lên thành các hộ trung bình và khá. Đặc biệt là các hộ tỉ phú, mỗi hộ có thể thu hút từ 200 đến 500 lao động làm dịch vụ. Số lao động này có mức thu nhập cao gấp hai gấp ba so với mức thu nhập từ nông nghiệp.

Hiện nay toàn huyện có 35% số hộ khá và giàu, 5 hộ tỉ phú. Dự kiến đến hết năm 1995 sẽ đưa số hộ khá và giàu lên 50% số hộ bằng con đường phát triển mô hình kinh tế hộ gia đình dựa trên VAC và ngành nghề truyền thống. Hưng hà sẵn sàng hỗ trợ cho các hộ khá và giàu về vốn, mặt bằng sản xuất và thủ tục hành chính... để họ mở rộng sản xuất, kinh doanh.

III - Tác động trực tiếp tới người nghèo

Đây là các biện pháp vừa mang tính chất tình thế vừa mang tính chất lâu dài nhằm giải quyết nốt 9% số hộ nghèo của huyện, đưa họ lên loại trung bình và khá. Huyện đã phân các hộ nghèo làm 3 loại để có những biện pháp phù hợp với từng loại :

1 - Loại hộ nghèo thuộc diện chính sách (như thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, người già cả, về hưu, mất sức.v.v.) thì giải quyết chủ yếu bằng chính sách xã hội mà nhà nước đã ban hành, cộng với sự trợ giúp của cộng đồng. Sự giúp đỡ các hộ nghèo loại này là trách

Digitized by Google

nhiệm và đồng thời là nghĩa vụ của Đảng, nhà nước và nhân dân, thể hiện truyền thống "uống nước nhớ nguồn", "đền ơn đáp nghĩa" của nhân dân ta. Các hộ nghèo loại này được nhận ruộng gần, ruộng tốt. Bốn năm vừa qua, huyện đã trích ngân sách của mình nộp cho nhà nước để miễn toàn bộ thuế, thủy lợi phí cho phần ruộng cơ bản của 6 542 thương binh, bệnh binh và thân nhân liệt sĩ. Xã đã trích ngân sách xây dựng mới 89 ngôi nhà tình nghĩa ở những nơi giao thông thuận tiện có điều kiện kinh doanh, buôn bán. Từ năm 1992 đã sửa chữa, nâng cấp 200 ngôi nhà tình nghĩa xây dựng trước đó. Toàn huyện đã quyên góp được 579 sổ tiết kiệm tình nghĩa tặng cho các thân nhân liệt sĩ và gia đình khó khăn, mỗi sổ 300 nghìn đồng. Hưng hà còn thành lập các tổ thương binh tình nghĩa, tổ hưu trí tình nghĩa, để tự giúp nhau về vốn, về tư liệu sản xuất và kinh nghiệm làm ăn, hoặc dạy nghề cho họ.

2 - Loại hộ nghèo nhưng có chút vốn và kinh nghiệm sản xuất mà chưa thể tự vươn lên được, thì khuyến khích họ tập trung lại theo từng hội nghề nghiệp (như hội nuôi cá bè, ba ba, hội trồng cây cảnh) để giúp nhau trong sản xuất.

3 - Loại hộ nghèo do thiếu vốn và tư liệu sản xuất, thiếu sức lao động, không có kinh nghiệm làm ăn, đông con, gặp rủi ro hoặc lười biếng, thì cần có cái "hích" của cộng đồng giúp họ vươn lên. Nhìn chung, các hộ nghèo loại này đều do *hai* nguyên nhân quan trọng : *thiếu vốn* và *thiếu kinh nghiệm* làm ăn (theo điều tra của Bộ lao động - thương binh và xã hội : 70% - 90% người nghèo là do thiếu vốn, 40% - 50% là do thiếu kinh nghiệm làm ăn).

Hưng hà đã giải quyết hai vấn đề này một cách có hiệu quả. Để có vốn cho người nghèo, Hưng hà dựa vào nhiều nguồn : đóng góp của bản thân gia đình ; giúp đỡ của bà con gần xa ; trích một phần ngân sách xã, huyện ; vay của ngân hàng... Hưng hà cũng đã thành lập ban chỉ đạo cho vay vốn ở huyện và xã, tập trung vốn cho các dự án vay, xác định mức vay cho từng loại vật nuôi, cây trồng, ngành nghề hợp lý. Cụ thể, từ đầu năm 1993 đến nay, Hưng hà đã tập trung vốn cho 6 dự án vay : nuôi cá bè ở 17/34 xã ; nuôi bò lai sin, tạo nền để gây đàn bò sữa của huyện ; nuôi các con đặc sản (ba ba, lươn, ếch, rắn) ; tăng đàn lợn nái ; phát triển nghề dệt chiếu ; phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm. Với những dự án này, 2 050 hộ đã được vay vốn, trong đó có 35% số hộ nghèo, giải quyết được 2300 lao động có việc làm. Để giúp các hộ sử dụng vốn vay có hiệu quả, tránh tình trạng chưa sản xuất đã hết vốn, ban chỉ đạo còn áp dụng hình thức cho vay bằng hiện vật như bò, lợn, khung dệt, tre, luồng đóng bè cá v.v.. Thực tế cho thấy, hình thức cho vay này có kết quả tốt : hộ được vay bò nái chỉ một năm đến một năm rưỡi là có thể trả được vốn ban đầu ; hộ vay tre, luồng nuôi cá bè, chỉ sau 3 đến 6 tháng là trả được vốn và có lãi...

Để giúp hộ nghèo có kinh nghiệm làm ăn, huyện đã tạo điều kiện để họ có thể học hỏi theo nhiều kênh : ở trung tâm dịch vụ khoa học nông nghiệp, ở phòng nông nghiệp, ở hợp tác xã, ở các tổ chức hội, ở các tổ tình nghĩa, ở các trung tâm dạy nghề của huyện. Hàng năm trung tâm dịch vụ khoa học nông nghiệp và phòng nông nghiệp của huyện thường cùng với các hợp tác xã, các đoàn thể mở các hội nghị thích hợp vào từng giai đoạn, phổ biến chung cho cộng đồng về quy trình công nghệ của từng loại cây trồng, vật nuôi. Đối với những hộ nghèo không có điều kiện tiếp thu kinh nghiệm ở hội nghị thì cử người hướng dẫn họ. Hình thức học hỏi kinh nghiệm làm ăn gần gũi hơn cả đối với các hộ nghèo, là thông qua các tổ, hội mà họ tham gia (như hội làm vườn, hội chăn nuôi, tổ thương binh tình nghĩa). Hàng năm, trung tâm dạy nghề của huyện còn đào tạo nghề may, điện, mộc, cơ khí, dệt... cho 200 - 300 cháu với tiền học mà ai cũng có thể theo được, và còn miễn tiền học cho con em các hộ quá khó khăn.

Hiện nay xóa đói giảm nghèo đã trở thành phong trào sâu rộng ở khắp các địa phương trong huyện. Mặc dù còn không ít khó khăn, nhưng với những kinh nghiệm bước đầu đã thu được, chắc chắn Hưng hà sẽ còn tiến xa hơn nữa.

Digitized by Google

Tình hình đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn hiện nay

LÊ HỮU XANH *

HIỆN nay, ở khu vực nông thôn nước ta, có hơn 978 nghìn đảng viên sinh hoạt trong hơn 6,3 vạn chi bộ, cùng sống và hoạt động với hơn 80% số dân của cả nước trên địa bàn hơn 8800 xã gồm hơn 5 vạn thôn, ấp, bản, làng. Đội ngũ đảng viên này giữ vai trò rất to lớn trong công cuộc phát triển toàn diện đời sống của nông thôn và của nền nông nghiệp nước ta.

Thực tế cho thấy, sức mạnh của đội ngũ đảng viên cũng như toàn bộ phong trào ở nông thôn, một phần cơ bản tùy thuộc vào chất lượng của đội ngũ cốt cán ở cơ sở. Đó là điều không còn nghi ngờ gì.

1 - Nhìn lại chặng đường tám năm thực hiện công cuộc đổi mới vừa qua, trong điều kiện còn khó khăn về nhiều mặt, phần lớn đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn vẫn nhiệt tình, tận tụy với công việc, khắc phục khó khăn, giữ gìn phẩm chất, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao ; một bộ phận cán bộ cơ sở có bước trưởng thành,chủ động, năng động tháo gỡ khó khăn, đưa sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, bước đầu gắn sản xuất với thị trường,góp phần làm cho tình hình kinh tế xã hội ở nông thôn chuyển biến một bước cơ bản và quan trọng.

Tuy mỗi vùng, mỗi cơ sở, kết quả thu được cao thấp khác nhau, song rõ ràng là, nếu không có phần lớn cán bộ giữ gìn được phẩm chất,có tín nhiệm và một bộ phận có khả năng đảm đương tốt nhiệm vụ,thì không thể tạo nên được những chuyển động tốt trên các lĩnh vực ở nông thôn.

Kết quả khảo sát ở một số địa phương cho thấy,77% số cán bộ nói chung, 69,7% số cán bộ thuộc *mười* chức danh chủ yếu và gần 75% số cán bộ thuộc *ba* chức danh chủ chốt có nhiều cố gắng đảm đương nhiệm vụ.

Có ý kiến cho rằng, bước tiến vượt bậc của nông thôn và nông nghiệp nước ta vừa qua là do cơ chế được đổi mới, chứ không phải do đội ngũ cán bộ cơ sở. Không phải hoàn toàn như vậy. Đúng, một phần quan trọng là do cơ chế. Nhưng thử hỏi,nếu không có con người thì làm sao cơ chế có thể "vào" được cuộc sống ? Vả nữa, chính cơ chế là do con người xác lập nên. Nếu không có con người thì sao có cơ chế ? Cơ chế đổi mới quản lý nông nghiệp hiện nay sở dĩ phát huy được sức mạnh chính là do nó được khai phá, thử nghiệm, tổng kết từ cơ sở. Công lao to lớn của đội ngũ cán bộ cơ sở rất rõ ràng, không ai có thể phủ nhận.

Đội ngũ cán bộ cơ sở nông thôn *trưởng thành từ thực tiễn sản xuất và công tác, gắn bó với sản xuất và đời sống của nhân dân ở địa phương*. Do đó, họ rất có điều kiện và khả năng phát hiện,tìm ra những giải pháp thực tế trước những mâu thuẫn và các vấn đề đặt ra trên địa bàn nông thôn. Đây là một ưu thế nổi bật, rất cơ bản. Đồng thời, trong đội ngũ này có một tỷ lệ khá lớn đã qua rèn luyện và trưởng thành trong quân đội, các cơ quan, xí nghiệp,trường học. Thống kê từ một số địa phương,trong *mười* chức danh chủ yếu, có 58% là bộ đội phục viên,xuất ngũ ; 3% là cán bộ hưu trí, mất sức. Riêng *ba* chức danh chủ chốt, các tỷ lệ tương ứng là 64% và 6%.Đây cũng là một đặc điểm của đội ngũ,do cơ cấu của nó có sự biến đổi ngày càng rõ trong khoảng 15 năm trở lại đây.

Đội ngũ cán bộ cơ sở nông thôn từng bước được *trẻ hóa, hình thành ngày càng rõ nét cơ cấu các độ tuổi*. Năm 1992, số liệu điều tra từ 100 xã thuộc năm vùng nông thôn tiêu biểu của cả nước cho thấy : cán bộ dưới 35 tuổi chiếm 40% (tăng 2,3% so với năm 1989), từ 36 đến 45 tuổi - 34% (tăng 1,8% so với năm 1989), và từ 46 tuổi trở lên - 26% (giảm 0,8% so với năm 1989) ; đặc biệt, trong ba chức danh chủ chốt,thì cán bộ từ 40 tuổi trở xuống chiếm 47% (giảm 3%) ; từ 41 đến

* Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

45 tuổi - 42,5% (giảm 2,8%), và từ 51 tuổi trở lên - 10,5% (giảm 1,1%).

Một điểm nữa cần khẳng định là, trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là ở các chức danh chủ chốt,*có bước tiến quan trọng cả về văn hóa, lý luận và trình độ quản lý*. Về trình độ văn hóa : 50% số cán bộ có trình độ cấp II và 26,3% có trình độ cấp III ; ở *mười* chức danh chủ yếu thì 54,5% có trình độ cấp II và 38,4% có trình độ cấp III. Về trình độ lý luận chính trị : ở *mười* chức danh chủ yếu thì 52% có trình độ sơ cấp ; 18% có trình độ trung - cao cấp ; và ở *ba* chức danh chủ chốt thì 35,1% có trình độ sơ cấp ; 38% có trình độ trung - cao cấp. Về trình độ quản lý : ở *ba* chức danh chủ chốt thì 24% đã học quản lý kinh tế, và 18% đã học quản lý nhà nước. Trên từng mặt như vậy, các tỷ lệ đều tăng so với năm 1989, bình quân từ 1,8 đến 2,5%. Điều đáng nói là, ở không ít cơ sở, yếu tố này giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển ở địa bàn.

2 - Song phải thừa nhận rằng,trong đội ngũ cán bộ cơ sở nông thôn còn không ít vấn đề đáng quan tâm giải quyết.

Điều tra nhiều cơ sở xã cho thấy : 14% số cán bộ nói chung,17 đến 21% số cán bộ ở mười chức danh chủ yếu, và hơn 16% số cán bộ chủ chốt cần thay thế. Hạn chế của đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn hiện nay là ở mấy mặt chủ yếu sau :

Một là, trình độ mọi mặt của một bộ phận đáng kể cán bộ còn thấp (chưa nói giữa các vùng còn có sự khác biệt khá xa).Ở mười chức danh chủ yếu, số người trình độ văn hóa cấp I còn tới hơn 11%(riêng ở Tây nguyên tới 17%). Ở ba chức danh chủ chốt,số người mới học hết cấp I vẫn còn tới hơn 8% (riêng ở Tây nguyên tới hơn 14%). Về trình độ quản lý kinh tế, ở mười chức danh chủ yếu và ba chức danh chủ chốt,số người được đào tạo là 11% và 24% ; và về trình độ quản lý nhà nước - 8,2% và 18%.

Nhìn toàn bộ đội ngũ : về trình độ văn hóa, số người mới hết cấp I còn tới 19% (riêng ở Tây nguyên tới hơn 58%) ; số người chưa biết chữ còn gần 2% (riêng ở hai tỉnh Gia lai và Kon tum còn tới 17,2%) ; về trình độ quản lý kinh tế, số người được đào tạo mới có hơn 3%, và về trình độ quản lý nhà nước - hơn 2%.v.v..

Nói chung cán bộ ở nông thôn chưa được đào tạo, bồi dưỡng một cách cơ bản về mọi mặt và chưa đáp ứng được công việc theo đúng chức danh được giao. Bởi vậy, trong công tác, tình trạng làm việc chủ yếu theo kinh nghiệm, tùy tiện,mất dân chủ, thậm chí vô trách nhiệm... trên thực tế đã xảy ra ở không ít nơi,với các mức độ khác nhau.

Hai là, lực lượng cán bộ trẻ còn mỏng,cán bộ nữ đã ít lại đang có xu hướng giảm đi rõ rệt. Kết quả khảo sát ở 19 xã thuộc ba tỉnh Thái bình, Quảng nam - Đà nẵng và Minh hải qua hai năm 1991 - 1992 cho thấy : ở mười chức danh chủ yếu,số cán bộ dưới 30 tuổi chỉ có 15%, số cán bộ nữ chỉ có 10% (bình quân cả hai loại giảm 0,6% so với năm 1989) ; ở ba chức danh chủ chốt : số cán bộ dưới 30 tuổi chỉ có 5%, số cán bộ nữ chỉ có hơn 1% (giảm 0,2%). Đặc biệt, khảo sát ở 11 xã thuộc ba tỉnh Hải hưng,Thừa thiên - Huế và Hà tây, thì có tới 10 xã không có cán bộ nữ ở ba chức danh chủ chốt.

Nhìn trên phạm vi cả nước cũng vậy, tham gia cấp ủy xã khóa 1991 - 1993, chỉ có 17% số cán bộ dưới 30 tuổi, và chỉ có 11% số cán bộ là nữ. Đó thực sự là những chỉ số đáng quan tâm và báo động.

Ba là, tác phong,lề lối làm việc của đội ngũ cán bộ nói chung có xu hướng hành chính hóa, quan liêu hóa và công chức hóa... Trước hết, cán bộ chủ chốt xã *họp quá nhiều*.Sơ bộ chúng tôi ghi được ở 7 xã, thuộc hai tỉnh,qua ba tháng đầu của năm 1992, trung bình mỗi tháng có bảy ngày họp. "Cung đường hoạt động" của không ít cán bộ cơ sở, nhất là ở mười chức danh chủ yếu,cơ bản là từ nhà riêng tới trụ sở. Do đó, nhiều vụ,việc xảy ra tại thôn, ấp, bản, làng... họ không biết hoặc biết rất chậm.

3 - Đời sống vật chất và tinh thần của đội ngũ cán bộ cơ sở còn nhiều khó khăn, số đông còn nhiều tâm tư, day dứt.

Qua khảo sát ở 6 xã thuộc hai tỉnh Hải hưng và Minh hải, có tới 9% số gia đình còn gieo neo. Số cán bộ những năm trước còn "trụ" lại, đều là những người sống trung thực, liêm khiết, biết giữ gìn, nên cuộc sống của bản thân và gia đình còn nghèo. Số mới được bổ sung, phần lớn từ bộ đội trở về, mới trưởng thành và tự lập,do đó điều kiện kinh tế còn rất eo hẹp.

Digitized by Google

Tình trạng "nghèo" và "đói" thông tin của cán bộ cơ sở là hiện tượng phổ biến. Thường thường, mỗi xã chỉ có vài tờ báo, lại chỉ dành cho cán bộ chủ chốt ; thông tin chủ yếu đối với họ là công văn, chỉ thị... từ trên gửi xuống, còn lại là nghe qua đài, số cán bộ có đài lại chưa phải là nhiều (dưới 50%). Trước đây, một số xã có hệ thống loa công cộng,nhưng do quản lý kém và xóa bỏ bao cấp, nên hầu hết đã hư hỏng. Do đời sống kinh tế còn khó khăn, cộng với tình trạng ấy, nhiều cán bộ cơ sở không còn điều kiện để nắm thông tin, tự học hỏi nâng cao trình độ mọi mặt.

Mấy năm nay, nhiều nơi có chủ trương không đưa cán bộ cơ sở lên huyện và vào biên chế,cho nên số cán bộ trẻ ở cơ sở không thấy được hướng phát triển đi lên của mình. Đồng thời, do chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở chưa thỏa đáng,nên xu hướng chung của họ hiện nay là "tập trung vào làm kinh tế cho gia đình", nếu có tham gia công tác thì cũng chỉ muốn làm ở hợp tác xã, ở cơ quan chính quyền, rất ngại làm công tác đảng và đoàn thể.

Ngoài ra, có lúc dư âm về một lớp "cường hào mới" ở nông thôn đã gây không ít ban khoăn trong đông đảo cán bộ cơ sở, nhất là cán bộ trẻ.

Một điều đáng chú ý nữa là, sự khác biệt về tư tưởng giữa các lớp cán bộ ngày càng rõ, đây đó đã có tình trạng "vênh nhau" va chạm đáng tiếc. Có đồng chí lớp trước cho rằng, cán bộ lớp sau là "hỗn láo" ; "phạm thượng" ; "ngựa non háu đá"... Ngược lại, có đồng chí lớp sau thì cho cán bộ lớp trước là "thủ cựu", "gia trưởng", "kinh nghiệm chủ nghĩa"...

4 - Qua nghiên cứu,chúng tôi thấy một số nhân tố sau đây tác động mạnh tới đội ngũ cán bộ cơ sở nông thôn.

a) Trước Hội nghị Trung ương 5, chúng ta chưa nghiên cứu sâu và xác lập một cách cơ bản, đồng bộ về chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới. Nhiều chính sách kinh tế - xã hội đối với nông thôn không còn phù hợp, rất chậm được thay đổi. Nhất là chậm làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở,chậm xác lập quy chế làm việc một cách thống nhất theo chức danh cán bộ.

b) Trách nhiệm lãnh đạo,quản lý của cấp trên trực tiếp của cơ sở còn một số nhược điểm : nắm không chắc và sát thực đội ngũ cán bộ cơ sở (chủ yếu nắm qua hồ sơ, báo cáo) ; chưa có chủ trương, giải pháp sát thực và hiệu quả. Bộ phận tham mưu, giúp việc chưa làm tốt việc hướng dẫn, kiểm tra cơ sở.

c) Việc quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cơ sở chưa được thực hiện tốt, đúng theo chức danh. Việc lựa chọn, bố trí cán bộ còn có biểu hiện hoặc thiếu dân chủ, cục bộ, hữu khuynh, hoặc còn "trông chờ", "an sẵn"...

d) Nhiều chính sách đối với cán bộ cơ sở còn chắp vá,thậm chí "khấp khểnh" và bất hợp lý, nhưng chậm được khắc phục. Chưa có quy chế và giải pháp hữu hiệu nhằm ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn tham nhũng, mất dân chủ, tư tưởng cục bộ dòng họ, phe cánh - nguyên nhân gây ra những vụ tranh chấp, lộn xộn ở nông thôn.

5 - Căn cứ vào thực tế tình hình hiện nay, để giải quyết các vấn đề trên, theo chúng tôi, nên tập trung làm rõ và giải quyết tốt *mấy việc* sau đây :

Về *công tác tổ chức*, gắn việc củng cố, kiện toàn các tổ chức đảng,chính quyền, hợp tác xã và các đoàn thể với việc thực hiện các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới sát hợp với đặc thù của từng vùng. Trên cơ sở quy chế hóa việc phân định chức năng quản lý và chức năng lãnh đạo của tổ chức chính quyền và đảng ở cơ sở, nghiên cứu để có thể tiến hành "lồng ghép trách nhiệm" một số chức danh cán bộ chủ chốt và chủ yếu ở cơ sở ở những nơi có điều kiện, nhằm làm cho bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả. Kinh nghiệm từ các tỉnh Hải hưng, Thái bình và Hà tây cho thấy : bí thư đảng ủy xã có thể kiêm chủ tịch HĐND xã hoặc chủ tịch UBND xã ; bí thư chi bộ có thể kiêm trưởng thôn, trưởng xóm...

Bài học thành lập các "ban dân chính thôn" ở Đại lộc (Quảng nam - Đà nẵng), hình thái "chính quyền xóm" - cấp không hoàn chỉnh ở Thái bình, theo chúng tôi, là kinh nghiệm tốt. Nhiệm vụ của các đơn vị này là giúp UBND xã quản lý mọi mặt trên địa bàn thôn, xóm do UBND xã ủy quyền ; nó có thể làm cả chức năng điều hành sản xuất (chức năng của đội sản xuất).

Về *công tác cán bộ*, cấp trên trực tiếp của cơ sở cần thường xuyên rà soát, phân loại đội ngũ cán bộ chủ chốt theo từng chức danh, nhằm sắp xếp, bố trí cho phù hợp. Đồng thời, từng bước xây

Digitized by Google

dựng tiêu chuẩn cán bộ theo từng chức danh. Chẳng hạn, cán bộ ở vùng đồng bằng ít nhất phải tốt nghiệp cấp II ; ở các vùng miền núi và Tây nguyên,tùy theo điều kiện,có thể thấp hơn,nhưng dứt khoát cán bộ làm việc gì phải được bồi dưỡng về chức trách, nhiệm vụ, chuyên môn, nghiệp vụ về việc đó song song với việc nâng dần trình độ văn hóa của cán bộ.

Đổi mới hệ thống trường lớp và chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phù hợp với đặc điểm ở nông thôn theo hướng ngắn gọn gắn với chức danh cán bộ. Chú ý hình thức giới thiệu, tham quan học tập những kinh nghiệm tốt ở cơ sở nông thôn.

Dân chủ hóa công tác cán bộ, từ khâu nhận xét, đánh giá đến đào tạo, sắp xếp, khen thưởng, kỷ luật cán bộ. Tuyệt đối tránh tư tưởng định kiến, hẹp hòi, cục bộ. Cùng với việc hoàn thiện quy chế làm việc của các tổ chức, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy định về quyền hạn, trách nhiệm của các loại cán bộ theo từng chức danh. Công khai hóa các quy chế,quy định này để tiện cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động của tổ chức và cán bộ.

Về *chính sách*, đội ngũ cán bộ xã là một bộ phận trong đội ngũ cán bộ của đảng và nhà nước nằm trong hệ thống đảng và chính quyền bốn cấp hiện nay. Do vậy, để nghị cần nghiên cứu để nếu có thể thì cho *áp dụng chế độ tiền lương* một cách phù hợp. Trước mắt, quy định *thống nhất* chế độ phụ cấp theo chức danh cho cán bộ ở cơ sở. Đồng thời tiếp tục xem xét, bổ sung và hoàn thiện chế độ, chính sách đối với những cán bộ nhà nước về công tác lâu dài ở nông thôn, nhất là các cán bộ kỹ thuật.

Tóm lại, trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp, nông thôn nước ta, đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn có vai trò hết sức to lớn. Bước tiến dài hay ngắn, tốt hay xấu, của nền nông nghiệp và nông thôn nước ta, một phần cơ bản tùy thuộc vào trình độ và sức mạnh của đội ngũ này. Chăm lo xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn chính là một cơ sở để tăng cường vai trò và sức mạnh của Đảng.

THỊ TRƯỜNG...

(Tiếp theo trang 35)

3 - Cần đổi mới quan niệm và mở rộng hình thức tham gia hoạt động kinh doanh xăng dầu nội địa đối với các thành phần kinh tế. Nên chăng áp dụng hình thức *đại lý*, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh đều có thể mở cửa hàng đại lý bán xăng dầu cho các công ty xăng dầu của nhà nước ? Theo kinh nghiệm của Ma-lai-xi-a, trong tổng số 385 cửa hàng kinh doanh xăng dầu của nhà nước, công ty xăng dầu của nhà nước là hãng Petronas chỉ trực tiếp đầu tư 7 cửa hàng để làm mẫu, rút kinh nghiệm quản lý và chỉ đạo, còn 378 cửa hàng khác đều là cửa hàng đại lý. Áp dụng hình thức đại lý có mấy tác dụng sau :

+ Có thể thích ứng nhanh với biến đổi của thị trường xăng dầu ; thời gian bán hàng dài hơn, người bán hàng gắn bó và lăn lộn hơn với nghề vì có lợi hơn.

+ Giảm được khá nhiều biên chế. Chẳng hạn, Công ty xăng dầu khu vực I hiện có 70 cửa hàng, có trên 500 nhân viên bán lẻ xăng dầu, biên chế của cả công ty là 1300 người, nếu áp dụng hình thức đại lý, chắc sẽ giảm được khoảng 30% số biên chế này.

+ Chấm dứt được tình trạng tiêu cực, tham nhũng trong khâu bán lẻ xăng dầu, vì có sự đồng nhất giữa chủ thể đại lý với lợi ích kinh doanh.

+ Cũng từ các tác dụng trên, sẽ nâng được hiệu quả kinh doanh của từng cửa hàng và của toàn ngành kinh doanh xăng dầu ở nước ta.

Dĩ nhiên, phải có *cơ chế quản lý* đại lý, và các công ty xăng dầu nhà nước phải trực tiếp quản lý các cửa hàng đại lý về chuyên môn kỹ thuật.

Digitized by Google

Làm giàu kiểu ấy nên chăng ?

ĐOÀN HỒNG QUẾ

QUÊ tôi thuộc vùng đồng chiêm trũng, đất chật người đông, xưa nay làm ăn rất khó khăn. Nhờ có đường lối đổi mới của Đảng, mấy năm nay cùng với cả nước, đời sống của nhân dân quê tôi đã có những đổi thay đáng kể. Số người thiếu ăn đã giảm nhiều, số người đủ ăn ngày một tăng lên. Số người giàu lên nhanh cũng không phải ít. Đó là điều rất đáng mừng. Tuy nhiên, so với cả nước và so với nhiều nơi khác, thì bước tiến ở quê tôi chưa đáng là bao. Một bộ phận khá lớn dân cư vẫn chưa thoát khỏi cảnh đói nghèo.

Điều đáng nói là, trong số những người giàu lên nhanh chóng ấy, có nhiều người nhờ biết tính toán làm ăn chính đáng, chịu khó lao động, phát huy được tiềm năng và sở trường của bản thân và gia đình mình, nhưng cũng có không ít người giàu lên mà không rõ nguyên nhân, đặc biệt là một số vị có chức sắc. Tôi biết có huyện từ bí thư, chủ tịch đến một số trưởng phòng, giám đốc, đều có cuộc sống dư dật khác thường. Nhìn vào cái nhà họ ở và những trang trí nội thất, xem cái cách họ tiêu xài hàng ngày... thì người ta nghĩ ngay đến một "giới thượng lưu mới" ở nông thôn. Những gia đình thuộc "giới thượng lưu" này lâu nay không hề có của chìm của nổi gì, không hề có họ hàng thân thuộc là Việt kiều sinh sống ở các nước tư bản, cũng không có con em lao động, học tập ở nước ngoài. Vậy họ giàu lên nhanh chóng như thế là do đâu ?

Có bí thư huyện ủy tiền lương chẳng đáng là bao, gia đình vẫn thường túng bấn. Ấy thế mà chỉ sau vài năm đương nhiệm, ông đã xây được một biệt thự sang trọng ngay giữa trung tâm phố huyện. Tính riêng cái khoản trang trí nội thất cũng tốn kém hàng trăm triệu đồng. Hỏi ra thì được biết, trước đây ông công tác ở tỉnh, vì hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn, ông xin về huyện. Về huyện, ông trổ tài "xoay xở", dần dần ông leo lên đến các chức trưởng phòng, chủ tịch ủy ban, rồi bí thư huyện ủy. Có địa vị cao, ông "mạnh dạn" cất nhắc, nâng đỡ những người cùng phe cánh. Con cháu ông đều được ông chuyển từ nông thôn lên thành thị. Đến như em rể ông, một người không có nghiệp vụ kinh doanh cũng được ông "bố trí" làm chủ nhiệm hợp tác xã mua bán để rồi lộng hành, bày mưu tính kế ăn cắp tiền công quỹ hàng trăm triệu đồng chia nhau nhưng lại đổ vấy cho người khác. Dư luận nhân dân rất bất bình, đến mức ông không còn dám đi cơ sở. Ông ngại đi cơ sở vì ông sợ phải đối đầu với những câu chất vấn hiểm hóc và rất khó trả lời của bà con cơ sở.

Có vị chủ tịch huyện khi chưa ở cương vị này, quần chúng và những cán bộ dưới quyền vẫn đánh giá ông là một người có phẩm chất, đạo đức tốt, thực sự liêm khiết và chí công vô tư. Bản thân ông và cả gia đình ông đều nghèo. Tài sản chẳng có gì. Ông vẫn phải ở nhờ nhà tập thể... Nhưng sau một thời gian ông ngồi vào chiếc ghế chủ tịch huyện (trong thời buổi kinh tế thị trường này) mọi việc thay đổi rất nhanh. Từ cách đi đứng, ăn nói, tiêu xài... của ông đều khác trước. Và chẳng bao lâu ông cũng xây được nhà mái bằng khang trang ở "phố thường vụ" (dân quê tôi gọi đùa như thế vì đó là khu đất dành riêng cho các đồng chí trong thường vụ huyện ủy và những cán bộ có chức, có quyền khác làm nhà).

Còn vị phó chủ tịch phụ trách kinh tế ? Ông nguyên là trưởng phòng tài chính của huyện. Ông đã có cả một cơ ngơi rộng rãi ở quê. Nhưng do phong trào "đô thị hóa" nên ông cũng xây một biệt thự hai tầng đủ sức sánh vai với các biệt thự khác ở "phố thường vụ".

Đối với vị phó chủ tịch phụ trách văn - xã, nhiều người cứ tưởng ông nghèo. Vì lâu nay người ta thường bảo người làm công tác văn hóa thì nghèo. Nhưng sao ông giàu nhanh thế ? Mới có mấy năm mà ông đã xây được nhà lầu ; các đồ dùng trong nhà toàn là hàng ngoại, rất sang và cũng rất "văn hóa"...

Người ta đang thi đua nhau làm giàu như thế đấy. Kiểu làm giàu của họ rất khó hiểu và cũng rất khó học tập, bởi vì nó không rõ nguyên nhân

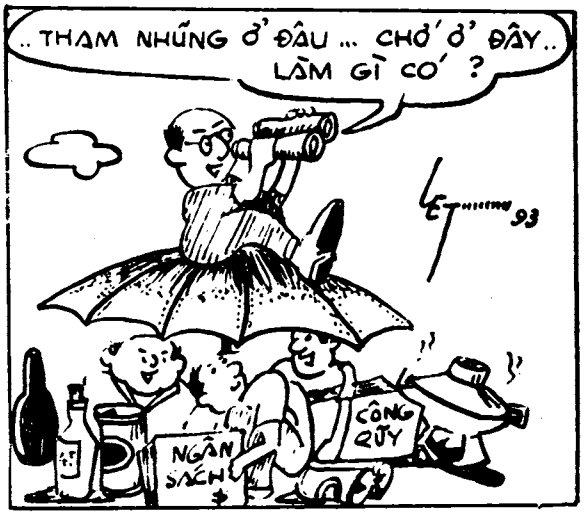
Digitized by Google

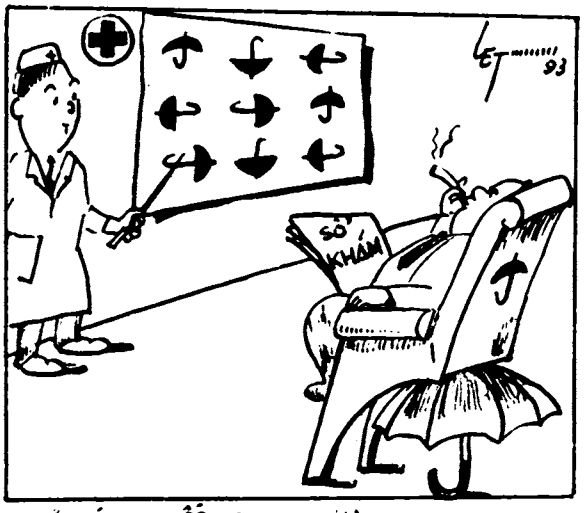
và không có mô hình cụ thể. Họ tham nhũng ư ? Ai dám kết luận như vậy vì lấy đâu ra chứng lý. Vả lại, chính những người ấy lên án tệ tham nhũng rất mạnh và hô hào chống tham nhũng rất hăng cơ mà ! Nhưng tôi dám chắc rằng nếu hỏi trăm người dân quê tôi thì cả trăm đều trả lời đó là sự làm giàu mờ ám, làm giàu bất chính ! Nếu không có biện pháp ngăn chặn ngay, thì đó sẽ là tiền đề dẫn đến sự rạn nứt trong mối quan hệ vốn tốt đẹp giữa Đảng với nhân dân, làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng.

Chúng ta rất hoan nghênh sự làm giàu, khuyến khích những người biết làm giàu. Nhưng đó phải là sự làm giàu chính đáng, đúng pháp luật, bằng sức lao động của bản thân mình. Nếu làm giàu bằng cách chiếm đoạt của công, tham nhũng, ăn cắp tài sản và công sức của người khác thì đứt khoát chúng ta không chấp nhận. Đã đến lúc Đảng và Nhà nước ta phải có những biện pháp kiên quyết để ngăn chặn những tiêu cực xã hội, nhất là tệ tham nhũng. Phòng bệnh hơn chữa bệnh. Đừng để đến lúc các cơ quan pháp luật tìm ra đầy đủ các chứng cứ và xử lý thì lúc đó đã muộn rồi. Cần đưa ra ánh sáng những khoản thu nhập bất minh của một số cán bộ hiện nay. Tôi tin tưởng Đảng và Nhà nước ta sẽ làm được điều đó nếu biết dựa vào dân, tin dân và có những biện pháp thích hợp cho dân tham gia. Có như vậy Đảng và Nhà nước mới lấy lại được lòng tin của nhân dân. Và, chỉ có như vậy, Đảng và Nhà nước ta mới thật sự có sức mạnh.

. Vài lời nói thêm :

Tôi viết những dòng trên đây không mang dụng ý kiện tụng hay tố cáo ai cả mà chỉ cốt nêu lên một thực trạng đáng buồn ở quê tôi. Viết những dòng trên, tôi cũng không có hàm ý chỉ trích hay ghen tị đối với bất cứ một cá nhân nào mà chỉ muốn bày tỏ với các cơ quan có trách nhiệm của Đảng và Nhà nước những suy nghĩ của mình để góp phần tích cực vào việc bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ tốt đẹp của chúng ta.





THƯ MẤT CHO SẾP... 6.30 CHS (!)

Tranh : LÊ VIẾT TRÍ , Đà Nẵng

Digitized by Google

Cảm nhận ban đầu khi đọc
"CON MÈO CỦA FOUJITA"

(Tập truyện của Nguyễn Quang Sáng được giải văn xuôi Hội nhà văn Việt nam năm 1993)

DƯƠNG TÙNG

1 - Có lẽ thời gian và bạn đọc sẽ còn xem xét, tranh cãi và thẩm định giá trị của những tác phẩm văn học được giải vừa qua, trong đó có tập truyện "Con mèo của Foujita" của Nguyễn Quang Sáng - tác phẩm được giải văn xuôi Hội nhà van Việt nam năm 1993. Ở đây, tôi chỉ xin ghi lại vài cảm nhận ban đầu khi đọc tác phẩm đó.

Nguyễn Quang Sáng từ lâu đã là nhà văn thân thiết và quen thuộc của đông đảo bạn đọc. Mấy chục năm qua, trên nhiều thể loại (đặc biệt truyện ngắn), anh đã đóng góp không ít tác phẩm. Có tác phẩm làm xôn xao dư luận một thời. Ở tuổi trên 60, với tập "Con mèo của Foujita" (Nhà xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh), anh vẫn tỏ ra là một cây bút trẻ trung, hồn nhiên và sung sức.

Có thể nói, toàn bộ tập truyện của anh là một bài ca đằm thắm tình người, đầy ắp những kỷ niệm đẹp, mặn mòi, dung dị và chân thật trong quan hệ bè bạn, thầy trò, gia đình, làng xóm, trong tình yêu lứa đôi... Người ta biết Nguyễn Quang Sáng đang sống ở giữa thành phố rộn rịp dòng chảy của cơ chế thị trường. Đây đó còn có bao điều phi lý, nghịch lý, còn bao thân phận bèo bọt, trớ trêu ; nhiều người sốt ruột về sự xuống cấp đạo đức xã hội, sự tha hóa của con người, hoang mang lo lắng về cái ác nơi này nơi kia có cơ trỗi dậy. Ấy vậy mà Nguyễn Quang Sáng vẫn tỏ ra bình tĩnh, tỉnh táo - cái bình tĩnh tỉnh táo của một người lính đã từng đối mặt với cuộc chiến đấu đầy gian khổ, mất mát và hy sinh. Anh cảm thụ thế giới này bởi một trí tuệ và tâm hồn lành mạnh, từng trải, giàu tư tưởng, giàu chất tự phê phán. Anh nhẹ nhàng, thanh thản đến mức như "chơi chơi", chắt lọc trong cái pha tạp xô bồ của cuộc sống "những mạt vàng" để dâng hiến cho đời.

Đúng như lời anh tâm sự trong bài "Đãi cát tìm vàng" *(Tác phẩm mới*, số 5-1993) : "Nói đến viết văn, ai cũng biết văn phải quan sát. Đúng vậy. Nhưng quan sát thế nào ? Theo tôi, không phải quan sát bằng mắt, mà quan sát bằng tấm lòng. Trước khi viết, tôi không có ý thức quan sát gì cả. Điều tôi viết là điều tôi thuộc lòng, là điều đã chín trong tâm tôi - Tôi ghi nhận bằng cái tình của tôi". Quả thật, 9 truyện ngắn trong tập sách đã toát lên cái tình ấy, tình người và tình đời ; lung linh vẻ đẹp cao quý, thầm lặng, sâu lắng của con người Việt nam nói chung và con người Nam bộ nói riêng.

Rõ ràng, anh chẳng sa đà, nhấm nháp quá khứ ; anh cũng chẳng mang kỷ niệm để che lấp, phù phép, làm nhạt nhòa đi cái bộn bề của cuộc sống hôm nay. Mà điều quan trọng ở anh, có cách nhìn rất biện chứng, thấy được cái nhuần nhị, giao thoa, uyển chuyển, sự bù đắp cho nhau giữa hiện tại, quá khứ và tương lai.

Trong cái biển cả sôi động, phức tạp của đời sống, anh không có thái độ bàng quan, lạnh lùng, tỏ ra "mặc kệ", "bất cần", mà anh thường đắm mình trong hiện thực, hòa quyện cùng nhân vật, thậm chí cùng cất lên nỗi niềm xa xót với thân phận của nhân vật mình. Tựa như trong cuộc sàn tìm cái đẹp của thế giới tâm linh con người, nhà văn nhói lên xúc cảm mạnh mẽ, đến mức ngồi không yên, thôi thúc ngòi bút tuôn chảy.

Mỗi truyện ngắn của anh là một hoài niệm, một ý thức rất sâu về một mảng đời, một kiếp người. Từ cô sinh viên bình thường mang biệt hiệu "Tím bằng lăng" đến vị Minh Hoàng Quốc với "Đạo Tưởng" uy nghi lẫm liệt "muốn làm vua nước Nam". Tất cả đều được tác giả mô tả tinh tế, trung thực, khiến

Digitized by Google

người đọc say mê rồi trở nên tôn sùng, khát khao và ngưỡng mộ vẻ đẹp của họ - vẻ đẹp vĩnh hằng của con người.

Trong truyện "Con mèo của Foujita", tác giả mô tả không khí làm ăn tất bật giữa đất Sài Gòn trong cơ chế thị trường : "những chiếc hon đa chạy như ma đuổi trên đường" ; những tay buôn vào Nam ra Bắc như con thoi. Mọi giá trị ở đây đang thay đổi từng ngày. Đặc biệt giá trị đạo đức, phẩm giá và nhân cách con người được đặt lên bàn cân. Trong hoàn cảnh đó, nổi lên một tính cách, một mẫu người Nguyễn Thành Nam. Anh luôn đi trước, bám sát, thăm dò, và tìm hiểu cặn kẽ nhu cầu con người ; lăn lộn, chà xát trên thị trường, nhất là thị trường văn hóa. Từ đó, anh tìm được đầu mối của đời sống là "làm kinh tế không tách rời chính trị". Có được tố chất đó, anh đã phải đổi bằng cả cuộc đời mạn chát của mình. Là người yêu nước, sớm tham gia cách mạng, anh tự khẳng định giá trị vốn có ngay từ nhỏ. Anh sống thủy chung với bè bạn, "thật thà đến cảm động". Từ một con người đã từng nếm trải cái nghèo, cái tủi, từng ở đậu bao năm trong chuồng heo, anh phất lên nhờ ý chí và nghị lực làm giàu mạnh mẽ. Bị bắt vào tù, thiệt thòi và lận đận, anh đâu có trách cứ ai, thậm chí anh còn tự vấn lương tâm "mình có lỗi với cách mạng". Nam tỉnh táo, thạo nghề đến mức điêu luyện, vậy mà có lúc anh vẫn hoảng loạn trước vòng xoáy của thương trường. Anh kể với bạn : "Tao mơ thấy con mèo của Foujita từ trong tranh vọt ra. Tao giật mình choàng dậy. Đúng là con mèo vừa vọt ra khỏi cửa sổ. Tưởng là nó thật. Hốt hoảng, tao bật đèn, mở tủ. Bức tranh vẫn còn, tao vội vàng trải ra. Con mèo bỗng hóa ra Foujita - Foujita chúm chím nhìn tao : Cười". Ôi, nụ cười bất chợt của Foujita hóm hỉnh và ẩn giấu biết bao ý nghĩa !

Tác giả có người bạn lính đã một thời anh hùng, đánh đông dẹp bắc, vậy mà trong cơ chế mới, vận rủi đâu có ngờ : chồng trung tá, vợ chuyên viên hai, hai đứa con, những năm củi quế gạo châu, vợ chồng Tấn phải "sống nhờ" vào bố mẹ. Đời sống gieo neo tưởng như không lối gỡ. Bỗng anh gặp bạn, mọi việc lại trở nên suôn sẻ. Chỉ một tiếng "Đã !" mà nghe như âm vang một thời thơ ấu, một thời bạn bè chinh chiến, ấm áp lạ thường. Đúng là bạn lính. Phải chăng trong xáo động của cuộc đời, tình bạn, và lại là tình bạn lính, vẫn là một giá trị thiêng liêng ? Như câu châm ngôn của người Anh : cha mẹ là của cải, anh em là chỗ dựa, còn bạn bè là tất cả cộng lại. Con người sống thủy chung, tình nghĩa trong sạch và... anh hùng, thì rồi ở đâu cũng sẽ gặp may. Dĩ nhiên, Tấn cũng đã từng nếm trải nỗi dằn vặt về "thân phận anh hùng" của mình. Số là bản báo công của anh (do Quang viết) đã nghe lời cấp trên tô vẽ thành tích một cách công thức, nên bị nhân dân quê anh thắc mắc và nghi ngờ. Gặp bố, anh bị mắng : "Còn tao, thằng cha mầy, tao đâu có nghèo đến nỗi cho mầy ăn đói để mầy bị u nhọt. U nhọt thì thằng nhỏ nào không bị. Mầy nói thêm nói bớt để làm gì ? Để làm anh hùng à ? Đảng, Nhà nước nói, dân tộc mình là dân tộc anh hùng, mầy thấy chưa đủ sao ?". Lời ông già mộc mạc, chân thật mà nghiêm khắc. Nghe ông già nói, Tấn kể : "Tao đau quá, tao có khóc bao giờ, vậy mà nước mắt tao cứ chảy...". Nỗi đau của người lính là nỗi đau của con người bị nhân dân hiểu lầm, bị quê hương ruồng bỏ. Nhưng Tấn là người chân thật, nhân dân độ lượng, cũng thể tất cho tấm lòng của anh. Câu chuyện khiến chúng ta sực tỉnh : kể ra làm một người anh hùng đã khó, song làm một con người bình thường có nhân cách còn khó gấp bội. Cuộc đời Tấn là một minh chứng cho điều đó.

Cũng xảy ra trong cơ chế thị trường, truyện "Con ma da" của Nguyễn Quang Sáng làm người đọc sững sờ trước cái chết đột ngột của Thu Hảo, người vợ hiền của Danh - anh giáo cấp ba "khiêm tốn, mực thước và êm đềm". Người ta hiểu ra một điều : Trong cái đói nghèo, con người có thể lỡ bước lầm lạc. Song đạo lý vẫn đặt ra một câu hỏi bức xúc và day dứt. Tác giả đã để cho người vợ ra đi vì giữ trọn mối tình trong sạch với chồng. Còn chồng thì vẫn tin là vợ mình chết vì con ma da. Điều nghịch lý đó khiến người đọc càng ngẫm nghĩ càng xót thương. Song vẫn thấy quý, thấy cảm phục cái chớp giây con người tự chiêm nghiệm, tự nhận ra, tự phê phán, dẫu sự phê phán đó có đánh đổi bằng cả sự sống, bằng cả cuộc đời.

Cái hy sinh cao cả vì tình yêu đó còn được nhắc đến trong các truyện "Người đàn bà đức hạnh" và "Tím bằng lăng". Đọc truyện "Người đàn bà đức hạnh", ta vẳng nghe tiếng khóc "nức nở, khóc vật vã, khóc rung cả đôi vai", "tiếng khóc như tiếng cào, tiếng xé trong tâm hồn", tiếng khóc của nữ nghệ sĩ vừa làm xong một việc lớn, trao gửi cái quý giá nhất của đời mình để cứu một con người. Ở đây, tình yêu có thể dẫn người ta đến si mê, cuồng dại. Tình yêu

Digitized by Google

đó mặc dù đơn phương, nhưng vẫn được bù đắp bởi một tấm lòng bao dung, một tình thương vô bờ của con người. Đứng giữa làn ranh mỏng tang của đạo đức, của thiện ác, con người phải quyết định chọn lựa, hành động đó, mới phiêu lưu và quả cảm làm sao !

Cái kết của câu chuyện "Tím bàng lăng" thật bất ngờ, chỉ một tiếng "Keng" sau câu nói đầy xúc động : "Đó là buổi chiều hạnh phúc của đời em". Dường như trên thế gian này, những mối tình chân chính đều giống nhau. Nam nuối tiếc mối tình cũ dang dở phải thốt lên cay đắng : "Tình yêu ! Một trăm người đàn bà mà mình không yêu không bằng một người đàn bà mình yêu". Còn Nguyễn Ngọc Tấn với cô Lê Thị Thảo chưa một lần chung sống với nhau, nhưng khi nhận tin người yêu mình chết, anh vẫn ghi vào lý lịch : Vợ - Lê Thị Thảo, hy sinh" và "trước khi kéo quân lên biên giới đánh Pôn Pốt, Tấn về Đồng Tháp tìm lại ngôi mộ Thảo, mang hài cốt của Thảo về quê".

2 - Nguyễn Quang Sáng đã từng nói "Người Việt nam ta vốn trọng nhân nghĩa, trọng yêu thương" [1], và có lẽ chính vì thế mà cảm hứng chủ đạo trong tập truyện của anh, anh tập trung tô đậm đạo lý đó. Song không giản đơn giãi bày đạo lý theo lối trần trụi, khô khan, mà anh thường khéo đặt nhân vật vào những tình huống, nhiều khi kịch tính rất cao, đẩy cuộc giao tranh một mất một còn giữa cái tốt và cái xấu, giữa cái cao cả và cái thấp hèn trong mỗi con người lên mức độ cao trào và kết thúc rất nhanh. Điều đáng chú ý hơn là qua mỗi truyện, anh nêu một trường hợp cụ thể và xen vào đó là mạch kể, là đối thoại, là lời bàn bạc rủ rỉ, một triết luận, một quan niệm sống,hoặc dự báo về một điều gì đó.

Ở truyện "Con mèo của Foujita" anh khẳng định vai trò to lớn của văn hóa và những giá trị văn hóa. Anh cũng mạnh dạn dự báo : con người hãy cảnh giác về một cuộc xâm lăng, bắt đầu có thể bằng văn hóa.

Cũng như vậy, ở truyện "Con khỉ mồ côi" không chỉ nói lên tấm lòng nhân ái, yêu thiên nhiên của người họa sĩ, mà ẩn sâu trong đó là lý tưởng thẩm mỹ cao đẹp : "Nỗi ân hận và tấm lòng yêu thương đã cho anh tài năng". Và chính tài năng đó đã thôi thúc anh ra đời tác phẩm đáng giá. Vật chất có thể mất đi (con khỉ rồi chết - đó là lẽ thường), song nghệ thuật, nghệ thuật thấm đượm tấm lòng trác ẩn của người nghệ sĩ thì vẫn còn tồn tại, đẹp mãi mãi...

Hiểu sâu sắc chức năng của nghệ thuật, trong tập truyện, hơn một lần Nguyễn Quang Sáng đã nhắc đến thiên chức nhà văn. Ở "Bài học tuổi thơ", bài học giản đơn mà sâu nặng nghĩa đời. Đó là bài học vỡ lòng của người cầm bút : trung thực, dũng cảm, không bẻ cong ngòi bút của mình. Câu chuyện còn muốn đi xa hơn : nhắc nhủ toàn xã hội về một nỗi đau khôn cùng, nỗi đau không bao giờ khỏa lấp nổi về những đứa con "vắng" bố, về những người vợ "vắng" chồng vì hậu quả của một cuộc chiến tranh. Ở "Người bạn lính", anh thấm thía vì "ngòi bút của anh gây ra hậu quả nặng nề", và nỗi nhục đó như đâm vào tim anh "nhói dau".

Con chim nhồng hót cho ai, hót điều gì, hót như thế nào khi đang bị nhốt trong lồng ? Cái chết - thảm cảnh tất yếu nếu chim chỉ nghe theo sự chỉ huy của kẻ xấu ? Truyện "Con chim quên tiếng hót" như một lời khuyên thầm, nhưng không dừng ở lời khuyên đó. Chuyện nhắc đến một điều lớn hơn, hệ trọng hơn : quan hệ giữa nghệ thuật và quyền lực, giữa nghệ thuật với nhân sinh, khoảng trời tự do và người nghệ sĩ...

Ở truyện "Đạo Tưởng", anh dựng lên con người hùng đậm chất Nam bộ. Đạo Tưởng khát khao hoài bão nhưng chịu gục ngã trước mũi đạn đồng của kẻ thù. Nội dung truyện lan tỏa, thấm đẫm trong từng câu, từng từ. Truyện dựng theo kiểu luận đề, theo lối biểu tượng, ẩn dụ và phóng dụ. Người ta liên tưởng đến "Tôi thích làm vua" - một truyện ngắn hay của anh trước đây. Tiếng than "Hỡi ôi, ông đạo Tưởng" cũng là tiếng than ngàn đời cho một số phận. Cũng là tiếng chuông thức tỉnh con người đừng dại dột lấy tư tưởng thay cho vật chất lấn lướt vật chất. Vật chất chỉ có thể tháng nổi bằng sức mạnh vật chất. Con người siêu phàm đến đâu vẫn là con người bằng xương bằng thịt. Truyện mang lại cho ta nỗi buồn thương tâm : "Ông ngã xuống, không một tín đồ nào ở bên ông, quanh ông chỉ còn là gươm giáo của tín đồ đã tản chạy".

Gấp trang cuối tập sách của Nguyễn Quang Sáng, người bình thường có thể nhận lấy một tấm lòng ngọt ngào, ấm áp và nhân hậu ; người hay nghĩ ngợi thấy một điều gì đó còn đang ẩn sâu trong từng

(Xem tiếp trang 52)

(1) *Tác phẩm mới*, số 2-1992, tr 62

Digitized by Google

Suy nghĩ tản mạn về một số tác phẩm văn học thời gian gần đây

TRẦN HỮU NGHIỆP *

TRONG *Lời mở đầu* bộ "Tấn trò đời", Balzac có viết : "Chính xã hội Pháp mới là người kể chuyện thực thà, tôi chỉ làm anh thư ký ghi chép". Vậy xin hỏi xã hội Việt nam hiện nay có thực như trong tác phẩm : "Nỗi buồn chiến tranh", "Ly thân", "Nổi loạn" và "Bi kịch nhỏ", "Chuyện làng Cuội" v.v. hay không ? Tất nhiên, trong sáng tác văn học, hư cấu, tưởng tượng đóng vai trò rất quan trọng. Tôi không ngây thơ, đơn giản gì, như chị đàn bà xem bức họa của Matisse, rồi phê phán : "Ông vẽ người phụ nữ này hai cánh tay không đồng đều", để nghe nhà danh họa trả lời : "Bà lầm to rồi ! Đây không phải là một phụ nữ mà là một bức tranh".

Nhưng tái tạo, sự bớt đi và thêm vào như thế nào, đó lại chính là bản lĩnh xuất phát từ tư tưởng chủ đạo của người nghệ sĩ. Bởi mọi nghệ sĩ đều phải lấy "vật liệu xây dựng" tác phẩm mình trong đời sống thực tế. Cách đây 200 năm, Goethe đã nói : Vật liệu xây dựng văn nghệ nào có điểm chung với tác giả, thì họ dễ thấy, nắm bắt và viết ra, hay tạo nên. Vậy, những cốt truyện dựng ra có thể có cái chung với tác giả, nhưng với đa số người đọc chúng ta thì không ! Rồi cách đây ba thế kỷ, nhà văn tả chân xã hội thiên tài Pháp là Boileau còn dạn : Câu thơ hay nhất, ý nghĩ cao cả nhất, cũng không làm vui thích tâm hồn ai, khi lỗ tai của họ bị tổn thương.

Thực vậy, lỗ tai của đông đảo chúng ta cảm thấy bị tổn thương khi đọc "Nổi loạn", "Bi kịch nhỏ" và một số truyện khác gần đây, dù dựa vào lời Goethe, nó có thể có nhiều điểm chung với tâm trạng tác giả. Trong "Nổi loạn", những trang tả cảnh làm tình hì hục ở trong buồng hay đầy kỹ xảo dưới nước biển Vũng tàu, thì đến trang "cụp lạc" nhất của các nhà văn đồi trụy Sài gòn hồi trước cũng "chào thua". Tôi nhớ "Lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc" dạo đó cũng đã lên án sự vô luân của một số sáng tác ấy. Trong "Bi kịch nhỏ",cũng là chuyện vô luân. Sự thật thì cái mô-típ hao hao giống truyện "Hòn vọng phu" cũng đã thấy trên vài ba phim vi-đê-ô Đài loan mà tôi xem gần đây : hai anh em cùng cha khác mẹ,do biến cố lịch sử, mà ngộ nhận, nên yêu nhau, sắp kết hôn. Nhưng ở Đài loan, tác giả còn chưa dám đưa nhân vật đến loạn luân trên thân xác cả tháng trời. Và ý thức hệ rất" vững", chàng trai từ Trung hoa lục địa đến, được tả luôn luôn lù khù, quê một cục ! Trong "Bi kịch nhỏ", Việt kiều có quốc tịch Pháp là Quang, về nước thì vừa giàu sang có học thức,vừa lễ phép, lịch sự. Bác Cả rất thích, khen : "Người Việt là phải lễ nghĩa như vậy. Mấy chục năm dân mình làm cách mạng, quên hết lễ nghĩa.Quý lắm con ạ !"(tr 36).

Nơi đầu sách "Bi kịch nhỏ",nhà văn dành cả một trang để viết một câu :"Dành tặng tình yêu lớn của tôi". Đọc suốt hết quyển sách, tôi để ý tìm xem đối tượng của "tình yêu lớn của tôi" ấy là ai. Nhân dân ư ? Tổ quốc ư ? Hay là chế độ cố gắng nâng cao con người lên không ngừng mà ta trân trọng ?Tôi vô ý quá, câu trả lời chính tác giả đã viết rõ ở trang 34 (hàng 6) : "Nếu đã yêu thì phải gặp được tình yêu lớn như chị Cay. Điều đó đâu có dễ gì ?".

*

Như đã nêu ra một vài ví dụ thôi, truyện ngắn truyện dài ở nước ta gần đây mang đầy ngụy tín. Mong rằng thời gian tới, theo cách nói của triết gia Jean Paul Sartre, không có "ngụy tín trở thành niềm tin"(la mauvaise foi devient foi) mà người viết sách muốn truyền đạt lại cho người đọc chúng ta. Theo tôi, nhà văn nào cũng có những ý tưởng của họ về cuộc đời ; khi viết tức là muốn

* Bác sĩ, Nhà giáo nhân dân, Hội viên Hội nhà văn TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

dựng lên một thế giới con người và sự vật nhằm thể hiện những ý tưởng ấy.

Cho nên, khi đọc xong một truyện ngắn hay truyện dài, tôi thường tìm hiểu tác giả muốn nói ra ý nghĩ kín đáo gì đây sau cảnh và người tả lại trên giấy trắng, mực đen.

Vì vậy, dù biết rằng trước kia Vũ Ngọc Phan trong cuốn "Nhà văn hiện đại", từng chia tiểu thuyết Việt nam ra thành mười loại, nhà nghiên cứu Thanh Lãng từng sắp xếp các tác phẩm theo khuynh hướng sáng tác (tình cảm, đấu tranh, tả thực, hoạt kê, hồi ký, v.v.), tôi muốn chia những cuốn truyện mà tôi đọc được làm hai loại :*loại xây dựng,tạo niềm tin vào con người* và *loại gieo rắc hoài nghi vào con người,* và muốn chia sẻ quan điểm đó với người đọc.

Thật đáng buồn mà phải nhận xét rằng :gần đây có quá nhiều tiểu thuyết, truyện ngắn xuất hiện trên thị trường có thể xếp vào loại thứ hai này.

Tất nhiên,có nhà văn sẽ bác lại : "Đâu có, tôi phơi bày ra mọi tiêu cực xấu xa trong xã hội với ý muốn cải tạo cho xã hội tốt hơn". Tôi không muốn tranh luận dông dài, mà chỉ xin viết lại nhận xét của một nhà mỹ học lớn : "Bóp méo hiện thực, ngụy loạn chân lý, nhất định dát theo sự truyền bá các nguyên tắc phi đạo đức, và làm cho xạ trình hướng vào thiện mỹ trở thành con số không. Dù không phải là tự ý của nhà văn, việc từ chối miêu tả cuộc sống xã hội đúng như mặt thực của nó, là lời biện hộ cho bản nang vô liêm sỉ, mỹ hóa nhiều hiện tượng xấu xa biến dạng trong các sách báo bán chạy nhất,biểu tượng cho cái gọi là phục vụ văn học đại chúng" (Avener Ziss : *Eléments d'esthétique marxiste* , Nhà xuất bản Tiến bộ, 1977, tr 60).

Trên văn đàn ta gần đây, đúng là có hiện tượng ấy. Không thể điểm qua tất cả, tôi chỉ giới hạn suy nghĩ của mình ở hai tác phẩm "Kẻ sát nhân lương thiện" và "Nỗi buồn chiến tranh".

Đọc xong truyện ngắn "Kẻ sát nhân lương thiện" tôi có ấn tượng như vừa đọc một truyện nhuộm đầy triết lý" Con người phản kháng" (L'homme révolté) mà Albert Camus muốn truyền bá sau chiến tranh thế giới cho thanh niên châu Âu. Theo Camus, Con Người tìm ra sự cao cả trong phản kháng bởi đấy là việc làm vì sự "hiện hữu" của mọi người (Je me révolte, donc nous sommes !). Đó là triết học hiện sinh. Ở xã hội ta hôm nay, không thể chấp nhận bất cứ kẻ sát nhân nào là lương thiện cả. Không còn cách "phản kháng" nào khác sao, nếu còn tin vào chế độ và đặt mình vào con người của chế độ ? Trong xã hội cũ, có thể có kẻ sát nhân lương thiện. Như Chí Phèo, mà Thị Nở thấy "có lúc hắn hiền như đất", đã đâm chết Bá Kiến trước khi tự đâm chết mình. Trong truyện ngắn "Kẻ sát nhân lương thiện", nhân vật chính chưa hề bị chế độ từ chối địa vị làm người. Nỗi "oan ức" của anh chưa có gì ghê gớm lắm so với nhiều nỗi oan khác mà báo chí đã kêu lâu rồi, nhiều lần rồi, nhưng vẫn chưa có lời giải đáp. Hãy thử hỏi bất cứ cán bộ già nào đã bỏ nhà ra đi từ ngày 23-9-1945, họ cũng có thể kể lại vài ba chuyện về những nhà cũ (nhà của cha mẹ họ để lại hoặc tự tay họ mua sắm trước lúc ra đi) chưa đòi lại được. Nhưng với lòng tin vào chế độ mà họ góp phần xương máu xây dựng, sự "phản kháng" của họ đi theo cách khác, kiểu khác, và chưa có ai làm kẻ sát nhân mà trên ngực mang đủ loại huân chương.

Xin bàn tiếp tới cuốn "Nỗi buồn chiến tranh". Tình tự nổi bật mà tác giả muốn nêu lên, gói ghém vắn tắt vào đoạn cuối. Rõ ràng là vô lý : "Cuộc chiến tranh Việt - Mỹ, trong đó con người cùng chung một số phận, chia nhau đủ mọi cảnh ngộ thăng trầm,thắng bại, hạnh phúc, đau khổ, mất và còn " (tr 281).

Đọc xong, tôi liên tưởng đến một số tác phẩm của bậc thầy chủ nghĩa hiện sinh, triết gia Jean Paul Sartre với lập luận về cái "buồn nôn" của kiếp người.

Những triết gia duy vật của chủ nghĩa Mác - Lê-nin đã luận giải nhiều về chủ nghĩa hiện sinh. Ở đây tôi chỉ viết lại câu nói của Jules Romains, một nhà văn tiến bộ lớn :"Đi vào cầm súng trong chiến tranh, không ai có thể nói mình là nạn nhân hay ngây thơ, vô can cả". Thực vậy, đã có nhiều tính toán suy nghĩ trước khi chọn lựa : đào ngũ hay nhập ngũ. Đào ngũ ư ?Sẽ mất danh dự trước bà con, làng xóm, bạn bè cùng thế hệ ; và có thể mất cả người yêu. Vậy cần chọn "dấn thân" nhập

Digitized by Google

ngũ, với một niềm hy vọng đến ngày hòa bình. Xong chiến tranh, cái muốn đạt không đạt được, hoặc chỉ thỏa mãn một phần. Vì thế mà có nỗi buồn.

Được làm bác sĩ, có dịp dự nhiều cuộc "kiểm kê tài sản cá nhân" của nhiều thanh niên miền Bác đi B rồi hy sinh do bệnh sốt rét ác tính hay đái huyết sắc tố, tôi có đọc nhật ký của một số anh em ghi lại tâm tư thầm kín trước khi gởi cho đơn vị để chờ lúc trả về gia đình. Xin dám chắc là nhiều suy tư trong "Nỗi buồn chiến tranh" không hề có trong những trang nhật ký ấy.

Gặp lại một số cán bộ ngày nào còn khoác áo lính và hứng bom B52 ở rừng,tôi có hỏi lại cảm tưởng về chuyện ngày xưa. Ý tứ cả các lời đáp có thể thu gọn trong câu thơ ca ngợi sự dũng cảm chiến đấu hy sinh để tự vệ :"Rên rỉ, khóc than, van xin, đều là hèn !" của thi sĩ Pháp Alfred de Vigny. Hoặc lời của Goethe :

"Nếu sự đau khổ làm cho chúng ta vui sướng

Thì còn nói đến đau khổ ấy làm chi !".

Chắc có người sẽ hỏi : vui sướng chi nhiều rứa ? Xin thưa :bởi đã vứt xong hai tảng đá truyền kiếp từng đè nặng lên tâm trí cụ Phan Bội Châu suốt cả cuộc đời. Đó là cái nhục mất nước và cái nghèo của dân tộc trước con mắt thế giới. Xong, ta đang thay vào đó bằng hoa hồng của các ước vọng đẹp nhất về tương lai đất nước và con người của chủ nghĩa Nhân Văn.

Thế không thấy các tiêu cực đại trà trong xã hội hôm nay ư ? Có chứ ! Bác Hồ bảo : Không có gì quý hơn độc lập,tự do". Nhưng do tha hóa, vong thân quá lâu trong thân phận con người mất nước và nô lệ,nên còn quá nhiều người chưa tỉnh dậy để nhận ra mình đang làm chủ quê hương và được tự do. Tôi xin mượn lại các từ của Albert Camus dùng để đặt tên tiểu thuyết, ở đây có sự "ngộ nhận" của Con Người còn thấy mình là "Người xa lạ" trên đất nước mình.

Đảng ta biết rằng công cuộc giải phóng con người khỏi mọi áp bức bất công,thoát nghèo nàn lạc hậu, thoát mọi tha hóa, mặc cảm là vô cùng khó, cho nên đã kêu gọi sự đấu tranh kiên trì bền bỉ của tất cả mọi người. Thiết tưởng các nhà cầm bút cần phải biết điều đó hơn ai hết.

CẢM NHẬN...

(Tiếp theo trang 48)

trang giấy, tác giả chưa tiện nói ra ; người có trái tim mẫn cảm, tâm huyết muốn gặp ngay nhà văn để tâm sự và đàm đạo. Đúng là đổ cưới của cha anh (khi còn làm nghề kim hoàn) đã mang đến sự "đầm ấm cho tình yêu", thì tác phẩm của anh cũng đã mang đến cho con người sợi dây đồng cảm, đồng tình...

3 - Trong 9 truyện ngắn, bên cạnh những truyện nhà văn nung nấu và viết rất sắc sảo như "Con mèo của Foujita", "Người bạn lính", "Con ma da", thì có truyện người đọc vẫn mong muốn tác giả đầu tư sâu hơn và lý giải nhiều hơn. Ví như cái "tình đích thực" của chàng công tử (trong "Người đàn bà đức hạnh") sao nỡ vội vã dừng lại, chỉ bởi nghe lời mách "chồng của cô Nàm Thanh vừa mới rước cô đi" mà đã "chết lặng", đã "sụp đổ" để rồi dẫn đến bệnh hoạn ? Với Kim Thanh, một "Tím bằng lăng", thủy chung và nghĩa tình như vậy mà hai mươi mấy năm sau mới thấy chị đi tìm lại mộ người mình yêu như một sự nhân thể, tiện qua ? Có trác trở gì chăng ? Người ta hoài nghi mà vẫn không cắt nghĩa được. "Bài học tuổi thơ" và "Đạo Tưởng", viết theo lối luận đề, ẩn dụ. Rõ ràng, tác giả cài cắm sự kiện và tình tiết rất khéo, điệu nghệ, song người đọc vẫn cảm thấy có cái gì hơi khiên cưỡng... Lối viết tài hoa "kể xen thoại, thoại xen kể", lối dẫn chuyện, liên tưởng và bác cẩu "rất nghề" là mạt mạnh, ít ai sánh kịp anh. Nhưng nếu ưu điểm cứ lặp lại và kéo dài, có khi sẽ trở thành nhược điểm và nhàm chán. Nó khó tạo điều kiện cho sự siêu thoát của tác phẩm, điều mà anh và bất cứ nhà văn nào đều ấp ủ và mong đạt tới.

Dẫu sao, đó cũng chỉ là ý nguyện và đòi hỏi của người đọc, chuyện thường tình và muôn đời của văn học. Thành tựu của anh đã góp thêm một tiếng nói, một phong cách vào kho tàng văn học Việt nam nói chung và thể loại truyện ngắn nói riêng, đó là điều chúng ta trân trọng và ghi nhận.

Digitized by Google

Về cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại

NGUYỄN THỊ HOA

MỘT trong những nét đặc trưng của thời đại ngày nay là bước tiến vô cùng mạnh mẽ và nhanh chóng của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại. Cuộc cách mạng này không chỉ là một hiện tượng thuần túy về khoa học và kỹ thuật mà còn là một hiện tượng lịch sử, một bộ phận của sự phát triển xã hội. Nó là xu thế tất yếu, khách quan, là sản phẩm của thời đại, mang đậm sắc thái của nền văn minh tiến bộ. Thành tựu rực rỡ của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đã tạo ra những biến đổi bất ngờ, có sức đột phá mãnh liệt, tác động đến mọi lĩnh vực đời sống thế giới, và đến lượt nó, cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc, nhiều chiều của các nhân tố, các xu thế phát triển của thời đại.

Cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần này góp vào bức tranh toàn cảnh thế giới những đường nét và màu sắc mới.

Một là, nó làm thay đổi tiêu chí của sự phát triển. Thang giá trị của sự phát triển xã hội ngày nay được đo bằng trí tuệ. Trí tuệ như một yếu tố khởi động cho guồng máy sản xuất hoạt động theo dạng thức mới. Đó là nền sản xuất xã hội phát triển với sự gia tăng nhanh chóng các ngành có hàm lượng khoa học, kỹ thuật cao ; là các thiết bị, máy móc sử dụng công nghệ tinh vi, phức tạp, vận hành đơn giản nhưng có hiệu suất lớn hơn trước ; là công nghệ tiên tiến hướng trọng tâm vào hiệu quả và chất lượng ; là quá trình tái sản xuất ngày càng tiết kiệm các nguồn nguyên vật liệu, giảm hao phí và làm trong sạch môi trường. Những công nghệ mới cao cấp ngày càng thâm nhập, bám rễ trong đời sống kinh tế và các lĩnh vực hoạt động của con người. Các sản phẩm của công nghệ mới này có hàm lượng trí tuệ rất cao ; trong kết cấu giá thành sản phẩm, chất xám chiếm đến 70 - 75%. Khái niệm "ngành sản xuất trí tuệ hóa" trở nên phổ biến.

Hơn bao giờ hết, yếu tố trí tuệ có tầm quan trọng, là cơ sở của sự phát triển kinh tế - xã hội. Trí tuệ trở thành vật phẩm cao cấp, có giá trị và giá trị sử dụng, có mối giao lưu đặc biệt trong thị trường hiện đại, và bản thân nó tự tạo ra những thị trường riêng biệt có sức thu hút, cạnh tranh mãnh liệt.

Hai là, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại rút ngắn thời gian đổi mới công nghệ. Nếu như trước đây, để đổi mới một quy trình công nghệ phải cần từ 10 đến 12 năm thì nay chỉ cần 2 đến 3 năm. Ở Nhật bản, trung bình 3 tháng cho ra đời những loại vi mạch mới, đáp ứng nhu cầu đổi mới thường xuyên của thị trường. Sự thay đổi các thế hệ máy móc có tính mềm dẻo, linh hoạt, bảo đảm không bị lạc hậu so với công nghệ tiên tiến trên thế gới. Việc tạo ra, thay thế và áp dụng những công nghệ mới diễn ra nhanh chóng, cả về lưu lượng và tốc độ, không chỉ bó hẹp trong phạm vi một nước mà đã lan rộng ra nhiều nước. Vào giữa thập kỷ 80 và đầu những năm 90, các nước nằm trong khu vực châu Á - Thái bình dương là nơi giao lưu, hội nhập các làn sóng chuyển giao công nghệ mạnh mẽ, đã có điều kiện để phát triển kinh tế với nhịp độ cao hơn hẳn so với các nước ở các khu vực khác trên thế giới.

Ba là, trong nền sản xuất vật chất của thế giới, việc chăm lo sản xuất các mặt hàng tiêu dùng phục vụ nhu cầu muôn vẻ của con người trở thành xu hướng phổ biến, nhất là ở các nước phát triển. Trong điều kiện sản xuất ngày càng xã hội hóa, các mặt hàng tiêu dùng cũng tăng theo và chiếm một tỷ trọng đáng kể trong tổng sản phẩm quốc dân. Sự bùng nổ sản xuất hàng tiêu dùng với nhiều dạng và chất lượng cao, bám sát thị hiếu, một mặt do công nghệ mới ngày càng phát triển, mặt khác do sự cạnh tranh giữa các hãng nhằm thỏa mãn tối đa nhu cầu của người tiêu dùng. Theo các nhà kinh tế Mỹ, mức chi phí tiêu dùng của cá nhân trong nền kinh tế thị trường giữ vai trò quan trọng trong việc khuyến khích sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Hiện nay, các sản phẩm tung ra thị trường ngày càng phong phú về chủng loại, đa dạng về mẫu mã, kiểu cách. Các hàng được sản xuất theo hướng đầu tư thêm nhiều chất xám,

Digitized by Google

bảo đảm yếu tố thẩm mỹ về dịch vụ, phù hợp với nhu cầu, đặc tính, tâm lý của từng cá nhân, nhằm thỏa mãn tối đa sự phát triển và lợi ích của con người.

Bốn là, cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại làm đảo lộn nhiều giá trị, quan niệm truyền thống, và là điểm xuất phát của những khái niệm, thuật ngữ mới, đặc trưng cho thời đại mới.

Đặc trưng của thời đại gắn với cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại, là cơ cấu kinh tế có sự chuyển biến mạnh mẽ : từ chiều rộng sang chiều sâu, từ nền sản xuất vật chất sang nền sản xuất phi vật chất.

Sự phát triển vượt bậc của cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại đã xác lập một cơ cấu mới và loại hình phát triển mới của lực lượng sản xuất ; đã thay đổi nội dung, tính chất và hình thức của lao động - một sự thay đổi toàn diện, đồng bộ, có tính chất cách mạng. Những thành tựu mang tính cách mạng ấy gắn liền với sự ra đời và áp dụng rộng rãi, phổ biến trong mọi lĩnh vực sản xuất, hàng loạt hệ thống máy tự động, tự điều khiển. Cùng với sự hỗ trợ và phát triển nhanh nhạy của hệ thống truyền thông hiện đại, các thiết bị và công nghệ được đổi mới và hoàn thiện, đã thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh chóng.

Tiến bộ của cách mạng khoa học - kỹ thuật còn tạo ra những vật liệu, nguyên liệu và nhiên liệu mới, hạn chế tối đa sự phụ thuộc vào việc khai thác các nguồn năng lượng truyền thống trong tự nhiên, hướng tới việc bảo đảm cân bằng sinh thái. Ở Pháp, 77% điện năng dùng trong nước là do các nhà máy điện nguyên tử cung cấp. Theo ước tính của các chuyên gia, khoảng ba thập kỷ tới, các dạng năng lượng không gây ô nhiễm môi trường sẽ được sử dụng phổ biến để đáp ứng nhu cầu về điện năng.

Cách mạng khoa học - kỹ thuật tác động đặc biệt mạnh mẽ đến bản thân con người - yếu tố cơ bản nhất của lực lượng sản xuất. Nó làm thay đổi căn bản vai trò và vị trí của con người trong sản xuất, không ngừng khuyến khích và nuôi dưỡng sự sáng tạo, phát triển tài năng và trí tuệ con người.

Những phương tiện kỹ thuật hiện đại giúp con người đi xa hơn trong việc thăm dò, khai thác vũ trụ, sinh quyển, môi trường sinh thái, đại dương, khám phá những bí ẩn trong thế giới bao la mà từ bao đời nay con người hằng ao ước. Cũng nhờ ứng dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật hiện đại, con người còn đi sâu vào thế giới vi mô, hiểu biết và khám phá dần những bí mật của sinh vật, của sự sống.

Cùng với sự cách mạng hóa sâu sắc tất cả các yếu tố của lực lượng sản xuất, sự đổi mới quan hệ sản xuất cũng phát triển theo chiều hướng mới. Sự phát triển vượt bậc của kỹ thuật và tự động hóa cao, đã kéo theo sự phân công lao động xã hội, chuyên môn hóa ngày càng sâu sắc. Mặt khác, sự phát triển của các dịch vụ viễn thông, tin học đẩy mạnh xu hướng hợp tác hóa sản xuất, với sự hình thành các tổ chức, hiệp hội, công đoàn quy mô nhỏ và các xí nghiệp quốc tế quy mô lớn. Ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển, các xí nghiệp sở hữu tư nhân và sở hữu nhà nước có xu hướng giảm, trong khi đó các doanh nghiệp sở hữu hỗn hợp với quy mô quốc tế đang tăng nhanh và ngày càng trở nên phổ biến.

Ngày nay, máy tính điện tử với nhiều chức năng đã được ứng dụng rộng rãi trong công tác quản lý, tuy chưa thay thế được hoàn toàn chức năng và vai trò của con người trong các hoạt động gián tiếp như tổ chức, điều hành, lập chương trình. Chức năng tổng hợp của máy tính đóng vai trò đặc biệt trong việc hình thành những phương thức lao động mới, nhất là lao động trí tuệ.

Do tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, cơ cấu kinh tế thế giới thay đổi theo hướng tập trung phát triển các ngành kỹ thuật mũi nhọn có hàm lượng kỹ nghệ cao như điện tử, vi điện tử, máy tính, công nghệ sinh học, lade, quang dẫn, siêu dẫn, tin học... Xu hướng sản xuất từ quy mô lớn chuyển sang quy mô nhỏ và vừa. Chiến lược phát triển kinh doanh từ chuyên môn hóa chuyển sang đa dạng hóa, mang tính chất hỗn hợp và bao trùm toàn bộ nền sản xuất. Được coi là ngành sản xuất thứ ba sau công nghiệp và nông nghiệp, lĩnh vực sản xuất phi vật chất (như dịch vụ về y tế, tư vấn pháp luật về kinh doanh...) chiếm tỷ trọng đáng kể trong nền kinh tế quốc dân. Sản xuất phi vật chất ngày càng có ý nghĩa quan trọng trong việc tái sản xuất sức lao động và nâng cao hiệu quả kinh tế. Giá trị sản lượng ngành sản xuất này, không ngừng tăng lên.

Sự phân bố lại cơ cấu ngành, kéo theo sự biến động trong cơ cấu nghề nghiệp. Hệ thống nghề nghiệp mới về thao tác, điều chỉnh máy móc, tự động điều khiển, v.v. đặt ra những yêu cầu cao hơn đối với chất lượng của đội ngũ người lao động. Tầng lớp trí thức, nhân viên và công nhân có tri thức khoa học ngày càng tăng. Số lượng chuyên gia ngày nay chiếm khoảng 1/4 đến 1/3 tổng số người làm việc. Lĩnh vực dịch vụ thu hút

Digitized by Google

đông đảo nguồn lao động dư thừa do sự thu hẹp nhóm các ngành công nghiệp truyền thống và nông nghiệp cổ truyền. Khoa học, kỹ thuật hiện đại đã phá vỡ cơ cấu và độc quyền nghề nghiệp cũ, tạo ra cơ cấu nghề nghiệp mới theo hướng phi tập trung hóa sản xuất.

Quá trình quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới đang diễn ra sôi động, và điều này phù hợp với khuynh hướng tự nhiên và lô gích nội tại của khoa học, kỹ thuật. Chưa bao giờ sự phân công lao động quốc tế lại diễn ra mạnh mẽ và sâu sắc như hiện nay. Nền kinh tế thế giới vận động trong mối quan hệ đan chéo, phụ thuộc vào nhau và tác động lẫn nhau. Nhiều quốc gia điều chỉnh lại cơ cấu kinh tế để phù hợp với xu thế mới. Các nước đang phát triển phải đối phó với những thách thức về "khoảng cách công nghệ" và điểm xuất phát, cũng đang cải cách kinh tế theo hướng thị trường hóa, từng bước bị cuốn vào làn sóng cạnh tranh kinh tế. Cách mạng khoa học - kỹ thuật khơi dậy, thúc đẩy sự hợp tác quốc tế, tạo những tiềm năng mới, sức vóc mới, thu hút sự chú ý của toàn nhân loại. Đối tượng của cách mạng khoa học - kỹ thuật cũng vì thế mà ngày càng rộng mở. Những vấn đề cấp bách mang tính toàn cầu, đòi hỏi nỗ lực chung trong hợp tác nghiên cứu khoa học và sản xuất. Cách mạng khoa học - kỹ thuật lan rộng ra nhiều nước thông qua các hoạt động dịch vụ, du lịch, buôn bán, trao đổi, sản xuất với mạng lưới thị trường rộng khắp, với những hình thức, quy mô, nhịp độ khác nhau. Những hoạt động này thúc đẩy sự gia tăng chuyển giao công nghệ hiện đại, đầu tư vào các ngành kỹ thuật cao.

Đối với đời sống kinh tế - xã hội của thế giới, cách mạng khoa học - kỹ thuật không chỉ có tác động tích cực mà còn có những tác động tiêu cực. Các tiện nghi hiện đại, chất lượng cao, dễ sử dụng, đã nhanh chóng xâm nhập, phát triển, thích nghi và phục vụ trực tiếp đời sống vật chất và tinh thần của con người. Nhưng bên cạnh đó, chúng cũng gây ra những biến dạng trong lối sống, gây ra những sức ép về tâm lý và tình cảm, làm cho xã hội mất thăng bằng và ổn định, do cơ sở tự nhiên của cuộc sống bị phá vỡ, do chu trình và nhịp sống bị đảo lộn. Sự phổ cập của các máy tính, của chính những trang, thiết bị hiện đại, đã gây ra tình trạng mỏi mệt, căng thẳng và các bệnh nghề nghiệp của con người. Với sự vây bọc của các phương tiện kỹ thuật hiện đại, một tầng lớp người thích hưởng thụ xuất hiện. Và sự trớ trêu là : con người từ chủ thể sáng tạo dần bị chuyển hóa thành bị động, ỷ lại, lười suy nghĩ, ngày càng tự tách ra khỏi môi trường và mất dần sức đề kháng trước những biến động và phức tạp của hoàn cảnh. Và hơn nữa, lần đầu tiên trong lịch sử, những công nghệ hiện đại lại ẩn chứa và tự tạo sức mạnh vô biên đe đọa môi trường thiên nhiên và đe dọa chính cuộc sống của con người. Đây là bi kịch lớn nhất của thời đại khoa học kỹ thuật. Để khắc phục điều này, tất yếu cần có sự phối hợp của cả cộng đồng quốc tế để ngăn chặn những hành vi ích kỷ, cách suy nghĩ thiển cận, độc ác, thiếu trách nhiệm của những kẻ đặt lợi nhuận lên trên hết. Cần có tiếng nói và sức mạnh chung của cả thế giới để bảo đảm cho được sự hài hòa giữa công nghệ, con người và thiên nhiên ; trả lại cho thiên nhiên bộ mặt vốn có, những gì đã bị con người tấn công và tàn phá ; thiết thực bảo vệ lợi ích và hạnh phúc của con người.

*

Cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại do con người làm chủ, nên được sử dụng theo những mục đích khác nhau. Công nghệ, hiểu theo nghĩa rộng, là hệ thống những yếu tố năng động và phát triển sáng tạo. Nếu được sử dụng đúng hướng, nó sẽ mang lại nguồn lực và sức mạnh to lớn cho con người. Ngược lại, nếu nó bị sử dụng với mục đích trái với lợi ích phát triển của nhân loại, thì có thể dẫn tới những sự tàn phá không lường hết được. Những thành tựu của cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ tạo ra những thời cơ mới và những thách thức lớn lao. Những thách thức và cơ hội đó cũng đang đặt ra những vấn đề cho con đường phát triển của nước ta. Chúng ta có theo kịp và nắm bắt được những tiến bộ khoa học - kỹ thuật tiên tiến để hòa nhập vào nền kinh tế thế giới hay không ? Đây là câu hỏi lớn mà chính sự nghiệp đổi mới của chúng ta đang từng bước trả lời.

Trong công cuộc đổi mới của nước ta, cách mạng khoa học - kỹ thuật có một vị trí đặc biệt quan trọng. Chúng ta cần căn cứ vào mục tiêu kinh tế - xã hội của đất nước để đề ra mục tiêu và chính sách phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ một cách hợp lý, đáp ứng sự nghiệp phát triển của đất nước, tạo thế mạnh và vị trí riêng của mình, từng bước hòa nhập vào nền văn minh, tiến bộ chung trên thế giới.

Digitized by Google

Trung quốc tìm kiếm mô thức "KINH TẾ THỊ TRƯỜNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA" *

TRONG quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung quốc, hơn 10 năm qua các nhà lãnh đạo và các nhà kinh tế học Trung quốc đã không ngừng tìm kiếm và đưa ra nhiều mô thức cho cải cách thể chế kinh tế, vì đây là vấn đề cốt lõi liên quan đến toàn bộ công cuộc xây dựng bốn hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa của Trung quốc. Từ Hội nghị toàn thể Trung ương 3, khóa XI (12-1978), các nhà lãnh đạo và giới kinh tế học đều nhận thấy cần nhanh chóng cải cách thể chế kinh tế Trung quốc không hiệu quả. Nhưng chọn mô thức nào cho thích hợp với thực tế Trung quốc, đó là vấn đề cần tìm kiếm. Bởi vậy, cải cách thể chế kinh tế của Trung quốc bắt đầu từ chính sách khoán sản lượng ở nông thôn và khoán kinh doanh ở một số xí nghiệp công nghiệp quốc doanh loại nhỏ ở Tứ xuyên.

Tới Đại hội XII ĐCS Trung quốc (9-1982), Trung quốc đưa ra mô thức "kinh tế kế hoạch là chính, điều tiết thị trường là bổ trợ" để tiến hành cải cách thể chế kinh tế. Hội nghị toàn thể Trung ương 3, khóa XII (10-1984), Trung quốc cho rằng kinh tế hàng hóa là giai đoạn không thể bỏ qua trong phát triển kinh tế xã hội và đưa ra mô thức "nền kinh tế xã hội chủ nghĩa của Trung quốc là nền kinh tế hàng hóa có kế hoạch dựa trên công hữu về tư liệu sản xuất", đồng thời dùng mô thức này để chỉ đạo việc cải cách thể chế kinh tế. Đến Đại hội XIII ĐCS Trung quốc (10-1987), Trung quốc đưa ra mô thức : "kinh tế của Trung quốc là thể chế kinh tế và cơ chế vận hành kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế kế hoạch và kinh tế thị trường" nhằm chỉ đạo việc cải cách thể chế kinh tế.

Mặc dù Trung quốc đạt thành tựu rất to lớn trong quá trình phát triển kinh tế bằng các biện pháp cải cách và mở cửa theo các mô thức đã đề ra, nhưng vẫn không giải quyết được căn bản những tật bệnh trong nền kinh tế Trung quốc. Các nhà kinh tế học Trung quốc mô tả nền kinh tế Trung quốc vẫn xoay quanh cái vòng luẩn quẩn ác tính "tốc độ cao - quá nóng - hiệu quả thấp - điều chỉnh". Phải chăng những mô thức kinh tế đưa ra trong hơn 10 năm qua chưa phù hợp với sự phát triển kinh tế của Trung quốc ?

Vào cuối thập kỷ 70, khi bắt tay vào cải cách thể chế kinh tế, các nhà lãnh đạo và các nhà kinh tế học đã đưa ra nhiều ý kiến mổ xẻ nguyên nhân và tìm phương án giải quyết những tật bệnh trong nền kinh tế Trung quốc. Lúc đó có *hai* ý kiến tiêu biểu nhất. Ý kiến *thứ nhất* cho rằng, nguyên nhân căn bản của những tật bệnh đó là do quyền lực và tình trạng bao cấp tập trung quá đáng vào nhà nước và trung ương. Bởi vậy, cải cách thể chế kinh tế Trung quốc cần đi theo hướng "giao bớt quyền, nhường bớt lợi". Tức là, dành nhiều quyền tự chủ cho các ngành, xí nghiệp và địa phương, đến tận người sản xuất, kinh doanh. Ý kiến *thứ hai* cho rằng, nguyên nhân căn bản là do đã dùng các biện pháp hành chính mà không chú ý tới các quy luật và biện pháp kinh tế trong phát triển kinh tế. Bởi vậy, cải cách thể chế của Trung quốc cần đi theo hướng thực hiện kinh tế thị trường, tức chuyển nền kinh tế Trung quốc sang nền kinh tế thị trường.

Do điều kiện lịch sử lúc đó và nhiều yếu tố khác, Trung quốc theo ý kiến thứ nhất, chọn phương án "giao bớt quyền, nhường bớt lợi", thực hiện trước tiên ở nông thôn với biện pháp khoán sản lượng, đồng thời làm thử ở một số xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, sau đó thực hiện

* *Nguồn* : 1 - "Tổng kết công tác tìm kiếm mô thức xây dựng kinh tế", tạp chí *Cải cách* (1990) ; 2- Sổ tay chính sách và thời sự (1992) ; 3- Tạp chí *Bàn nguyệt đàm* (1992) ; 4- Nghị quyết Đại hội 12, 13, 14 Đảng ĐCS Trung quốc.

Digitized by Google

trong toàn bộ các ngành ở Trung quốc.

Đầu năm 1992, trước khi triệu tập Đại hội XIV ĐCS Trung quốc, các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các nhà kinh tế học Trung quốc tiến hành một loạt công tác điều tra, khảo sát, trong đó có chuyến đi nổi tiếng xuống phía nam của nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình từ 18-1 đến 21-2-1992. Sau đó, các nhà lãnh đạo và các nhà kinh tế học Trung quốc đều cho ràng, không thể lấy kinh tế kế hoạch hay kinh tế thị trường để phân biệt đó là chế độ xã hội chủ nghĩa hay tư bản chủ nghĩa. Không phải chỉ chủ nghĩa tư bản mà cả chủ nghĩa xã hội cũng có kinh tế thị trường. Cả chủ nghĩa xã hội lẫn chủ nghĩa tư bản đều coi kế hoạch và thị trường là những biện pháp kinh tế cần thiết để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế của mình. Trung quốc cho kết luận này là "bước đột phá mới rất to lớn trong nhận thức về mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường", nó đã giải phóng tư tưởng vẫn còn lấn cấn của nhiều cán bộ lãnh đạo trong vấn đề này, tạo cơ sở cho Đại hội XIV ĐCS Trung quốc (họp từ 12-10 đến 18-10-1992) đưa ra mô thức "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa".

Đặc trưng cơ bản nhất của mô thức "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" là dựa trên cơ sở công hữu với nhiều thành phần kinh tế ; xác định rõ quyền sở hữu tài sản nhà nước và người đại diện quyền sở hữu ; tất cả các yếu tố sản xuất từ sức lao động, tiền vốn đều được thương phẩm hóa ; cơ chế thị trường là hình thức cơ bản để phân bố tài nguyên đất nước ; phân phối theo lao động và các hình thức phân phối khác ; kết hợp chặt chẽ giữa kế hoạch và thị trường. Để thực hiện, điều đầu tiên là tăng cường kiểm soát kinh tế vĩ mô, làm cho các hoạt động kinh tế đều phải tuân theo yêu cầu của quy luật giá trị, thích ứng với sự thay đổi của quan hệ cung cầu trên thị trường. Đồng thời, áp dụng cơ chế cạnh tranh, làm cho các xí nghiệp quốc doanh vừa bị sức ép, lại vừa có động lực của thị trường thúc đẩy, không thể không tự điều chỉnh kịp thời theo biến động của thị trường.

Thế là sau hơn 10 năm mò mẫm tìm kiếm mô thức kinh tế, rốt cuộc các nhà kinh tế học lại trở lại với ý kiến thứ hai của thời điểm lúc bát tay vào cải cách thể chế kinh tế. Song ở đây có điểm cần lưu ý : sự chuyển biến và lựa chọn này diễn ra trong tình hình mới, cả ở trong và ngoài Trung quốc, nhất là sức mạnh kinh tế của Trung quốc đã đạt tới trình độ nhất định.

Giải thích vì sao còn thêm từ "xã hội chủ nghĩa" vào mô thức kinh tế thị trường, tạp chí *Bán nguyệt đàm* của Trung quốc viết : "Xét về mặt bản chất, kinh tế thị trường không có thuộc tính chế độ xã hội. Trung quốc là nước đầu tiên trong các nước xã hội chủ nghĩa đưa ra việc thực hiện kinh tế thị trường. Trong thực tế thực hiện, kinh tế thị trường mà Trung quốc đang áp dụng khác với kinh tế thị trường của các nước phương Tây, cũng như của các nước thuộc Liên xô cũ và các nước Đông Âu hiện nay, về rất nhiều mặt : mục tiêu, lực lượng chỉ đạo, cơ sở của thể chế, quyền sở hữu và phương thức phân phối. Bởi vậy, phải thêm từ "xã hội chủ nghĩa" nhằm phân biệt rõ sự khác nhau giữa hai thể chế. Đương nhiên, khi đã thực hiện kinh tế thị trường, thì những yêu cầu cơ bản của kinh tế thị trường ở Trung quốc cũng giống như ở các nước phương Tây. Thêm từ "xã hội chủ nghĩa" là để xác định rõ hơn phương hướng của chúng ta, chứ không nhằm làm thay đổi bản chất của nền kinh tế thị trường ; chúng ta làm là làm một cách thực chất".

Để thực hiện cải cách thể chế kinh tế theo mô thức "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa", Trung quốc đưa ra 10 nhiệm vụ cơ bản trong xây dựng kinh tế cho thập kỷ 90, trong đó nhiệm vụ hàng đầu là chuyển nền kinh tế Trung quốc hiện nay sang mô thức mới, nhất là đối với các xí nghiệp quốc doanh hiện nay đang thua lỗ. Ngoài ra, còn có các nhiệm vụ khác, như mở cửa, hợp lý hóa kết cấu... Để cụ thể hóa, Ủy ban cải cách thể chế kinh tế Trung quốc đưa ra một số biện pháp trong năm 1993 như :

- Làm thử một cách có kế hoạch việc chuyển xí nghiệp quốc doanh sang chế độ cổ phần, lập các công ty trách nhiệm hữu hạn.

Digitized by Google

- Tiếp tục thực hiện khoán kinh doanh đối với các xí nghiệp quốc doanh chưa thực hiện chế độ cổ phần.

- Xây dựng cơ chế giá cả theo sự biến động của thị trường là chính. Điều chỉnh lại một số giá về nguyên, vật liệu, năng lượng (như than, dầu), vận tải...

- Cải cách thể chế kinh tế đối ngoại, mở rộng quyền cho các xí nghiệp liên doanh, quốc tế hóa kinh doanh đối ngoại cùng các biện pháp cải cách khác trong các ngành.

- Đẩy mạnh cải cách tiền tệ, hệ thống tài chính, ngân hàng, từng bước thực hiện và hình thành thị trường ngoại tệ thống nhất, quản lý cho vay vốn, từng bước mở cửa các thị trường chứng khoán, tăng cường kiểm soát gián tiếp và kiểm soát kinh tế vĩ mô.

Nổi bật nhất trong cải cách năm 1993 là cải tổ hệ thống ngân hàng tài chính, vì đây là công tác hàng đầu trong kiểm soát vĩ mô nhằm làm dịu tình trạng kinh tế đang quá nóng hiện nay của Trung quốc.

Tính đến cuối năm 1991, Trung quốc thực hiện chế độ cổ phần đối với 3220 xí nghiệp quốc doanh. Hai thị trường chứng khoán là Thượng hải và Thâm quyến mở rộng dần phạm vi hoạt động, đồng thời có kế hoạch mở thêm các thị trường chứng khoán khác. Nhưng do xảy ra vụ lộn xộn ở thị trường chứng khoán Thâm quyến vào tháng 8-1992, nên Trung quốc tạm dừng kế hoạch này lại để chấn chỉnh và đưa ra *Luật chứng khoán*. Năm 1993, Trung quốc có kế hoạch phát hành khoảng 5 tỉ NDT cổ phiếu, đồng thời cho phép các thành phố Thanh đảo, Thượng hải, Hợp phì, Vũ hán, Thâm quyến phát hành cổ phiếu. Nhưng đến nay mới chỉ có hai thị trường Thượng hải và Thâm quyến được tự do buôn bán kinh doanh cổ phiếu.

Tiếp đó, đầu tháng 7-1993, Phó thủ tướng Chu Dung Cơ kiêm luôn chức thống đốc Ngân hàng nhân dân Trung quốc thay Lý Quý Tiên để trực tiếp điều hành kiểm soát kinh tế vĩ mô. Đến giữa tháng 8-1993, kiểm soát kinh tế vĩ mô trong hệ thống tài chính ngân hàng đạt những kết quả đáng kể : thu hồi được 72,7 tỉ NDT về các ngân hàng ; tình trạng nợ nần cho vay bừa bãi được hạn chế. Lạm phát tăng được chặn lại (từ trên 20% xuống còn 18,7%), ổn định được tỉ giá NDT so với đô la Mỹ.

Tháng 3-1993, Quốc hội khóa 8 Trung quốc đã thông qua việc điều chỉnh lại một số cơ quan chính phủ (như tách bộ năng lượng thành hai bộ, thu hẹp bớt một số bộ, lập thêm Ủy ban kinh tế buôn bán nhà nước...) nhằm làm cho bộ máy nhà nước thích ứng với cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Tiếp đó, Trung quốc chấn chỉnh lại các khu kinh tế phát triển mà một số cơ quan, địa phương lấy cớ lập ra nhằm mục đích kinh doanh bất động sản.

Một biện pháp không kém phần quan trọng là tiến hành chiến dịch sâu rộng chống tham nhũng nảy sinh do quá trình chuyển đổi cơ chế tạo ra nhiều kẽ hở để một số cán bộ lợi dụng. Đáng lưu ý là, tháng 9-1993 Trung quốc tử hình 8 cán bộ tham ô, hối lộ trong ngành tài chính ngân hàng. Hãng AFP dẫn tin của tờ *Trung quốc nhật báo* cho biết, nửa đầu năm 1993 có khoảng 50 nghìn cán bộ đảng và nhà nước bị thi hành kỷ luật về tội tham nhũng. Thủ tướng Trung quốc Lý Bằng đã nhấn mạnh : phải tăng cường giám sát liêm chính trong các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, từ bộ trưởng đến cán bộ phòng, ban.

Có thể nói, sau hơn một năm thực hiện mô thức "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa", nền kinh tế Trung quốc được chấn chỉnh và đang đi vào phát triển theo chiều sâu có hiệu quả hơn. Nhưng chuyển đổi từ mô thức này sang mô thức khác là cả một quá trình lâu dài. Kinh tế Trung quốc phát triển ra sao theo mô thức mới, còn phải xem xét tới kết quả thực tế sau này.

Người dịch và tổng thuật : KIỀU TỈNH

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN, THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

● CÔNG TY CỔ PHẦN

Là hình thức tích tụ và tập trung vốn (tư bản), đồng thời là một kiểu tổ chức doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường. Mỗi khi các yếu tố về vốn dưới dạng tiền, hiện vật (máy móc, trang thiết bị...) và phi vật chất (li-xăng, công nghệ, bản quyền, nhãn hiệu...) đều chịu sự chi phối của các quy luật thị trường, thì công ty cổ phần là hình thức liên kết và huy động vốn thích hợp (tư bản riêng lẻ) bằng cách phát hành và bán *cổ phiếu*. Giá trị của mỗi cổ phiếu là giới hạn trách nhiệm, quyền hạn và tư cách pháp nhân của *cổ đông* tương ứng.

Công ty cổ phần ra đời từ năm 1600, phát triển hơn vào cuối thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, và là hình thức tổ chức doanh nghiệp thịnh hành nhất vào thời kỳ chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. Các nước phương Tây đã có lịch sử lâu dời về phát triển các công ty cổ phần, song nó không phải là sản phẩm riêng của chế độ tư bản. Công ty cổ phần giải quyết mâu thuẫn giữa một bên là xu hướng đòi hỏi phải mở rộng quy mô và trình độ để doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn, với một bên là các tư bản nhỏ riêng lẻ không đủ khả năng về vốn để xây dựng các xí nghiệp mới lớn hơn. Sự liên kết tự nguyện để sản xuất - kinh doanh bằng cách biến các tư bản nhỏ thành *tư bản cổ phần*, các tư bản tham gia thành các *cổ đông* trong một công ty lớn đã thúc đẩy quá trình xã hội hóa tư bản rất nhanh. Vào cuối thế kỷ 20 sự liên kết đó còn có tác dụng làm dịu bớt mâu thuẫn về lợi ích kinh tế giữa hai giai cấp hữu sản và vô sản, san sẻ sự rủi ro trong làm ăn bằng cách mở rộng đối tượng tham gia của các cổ đông cho người lao động.

Ở nước ta, hoạt động của các công ty cổ phần tuân theo *Luật công ty*, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 1991.

Cổ phiếu là tờ phiếu ghi nhận giá trị, quyền hạn và nội dung kinh tế của người tham gia vào công ty cổ phần. Cách thức góp vốn vào công ty là mua cổ phiếu do công ty phát hành. Cổ phiếu có thể mua bán trao tay theo kiểu giao giấy chứng nhận sở hữu cổ phần, hoặc bằng cách ghi tên người mua vào sổ đăng ký mua cổ phiếu, tùy theo từng công ty. Nhưng chủ cổ phiếu không có quyền rút vốn ra khỏi công ty, mà chỉ có thể chuyển nhượng vốn đó cho chủ sở hữu khác bằng cách bán cổ phiếu.

Toàn bộ số vốn điều lệ (tư bản cổ phần) của công ty được chia thành các phần có giá trị ngang nhau gọi là *cổ phần*. Cổ phần tượng trưng cho quyền sở hữu trong khuôn khổ phần vốn mà cổ đông tham gia vào tài sản chung của công ty. Kinh nghiệm của các nước tư bản thường dùng con số tròn 100, 50, 25... USD để quy định giá trị cổ phần gọi là *mệnh giá* cổ phiếu. Chủ sở hữu của một cổ phần trong công ty được gọi là *cổ đông*. Tùy theo từng công ty mà các cổ đông có quyền hạn tham gia vào công ty và được chia một phần thu nhập của công ty dưới dạng *cổ tức* theo định kỳ. Mỗi cổ đông có thể mua một hoặc nhiều cổ phiếu.

Về nội dung cổ phiếu thường có hai loại : cổ phiếu thông thường và cổ phiếu ưu đãi (cổ phiếu đặc quyền). Đối với *cổ phiếu thông thường*, cổ tức không được định trước, mà được quy định tùy theo tình hình cụ thể của công ty. Cổ đông mua cổ phiếu thông thường được tham gia quá trình điều hành công ty. Người có *cổ phiếu ưu đãi* không được tham gia đại hội cổ đông và can thiệp vào quyết định của ban quản trị, nhưng họ lại được hưởng cổ tức cố định do công ty ấn hành khi bán cổ phiếu.

Cổ phiếu được phát hành dưới hai hình thức : ký danh và vô danh. *Cổ phiếu ký danh* ngoài giá trị cổ phiếu còn ghi cả tên chủ sở hữu ; loại này thường áp dụng cho các công ty lớn. Cổ phiếu của sáng lập viên, thành viên hội đồng quản trị, phải là cổ phiếu có ghi tên. Cổ phiếu ký danh chỉ được chuyển nhượng nếu có sự đồng ý của hội đồng quản trị. Theo *Luật công ty* của Việt nam, Điều lệ công ty có thể quy định số cổ phiếu tối thiểu mà các cổ đông là thành viên hội đồng quản trị phải có. Số cổ phiếu này phải ghi tên, không được chuyển nhượng trong suốt thời gian tại chức và trong thời hạn hai năm kể từ ngày thôi giữ chức thành viên hội đồng quản trị (điều 39). *Cổ phiếu vô danh* không ghi tên chủ sở hữu, mà chỉ ghi giá trị cổ phiếu, loại này dùng cho các công ty bé hơn. Cổ phiếu không ghi tên được tự do chuyển nhượng.

Công ty hợp vốn đơn giản. Là loại công ty hợp vốn trên cơ sở thỏa thuận dân sự giữa một bên có vốn nhưng không có quyền đứng ra kinh doanh (như quan tòa, thầy tu, quan chức nhà nước và người tạm thời mất quyền công dân) với một bên không có vốn nhưng có đầy đủ điều kiện để tổ chức kinh doanh. Nhà nước muốn tránh tình trạng vừa đá bóng vừa thổi còi, nhưng vẫn tạo môi trường thuận lợi để huy động vốn đầu tư. Người có vốn thỏa thuận với người có công, hợp sức lại để sản xuất - kinh doanh. Người bỏ

Digitized by Google

vốn vì vậy phải chịu trách nhiện *hữu hạn*, lời ăn, lỗ chịu trong phạm vi vốn góp. Còn người đứng ra kinh doanh (chủ công ty) phải chịu trách nhiệm *vô hạn* về hoạt động của công ty.

Công ty cổ phần trách nhiệm hữu hạn. Là loại công ty ở đó các cổ đông chịu trách nhiệm về phần vốn đóng góp của mình khi bị thua lỗ hoặc phá sản. Phần vốn góp của các thành viên phải đóng đủ ngay khi thành lập công ty. Công ty không được phép phát hành bất kỳ một loại chứng khoán nào. Phần vốn góp của các thành viên được chuyển nhượng tự do trong nội bộ công ty. Nếu chuyển cho người ngoài phải được sự nhất trí của nhóm thành viên đại diện cho ít nhất 3/4 số vốn điều lệ của công ty. Công ty tăng vốn điều lệ bằng cách gọi thêm vốn góp trong số các thành viên cũ, hoặc kết nạp thêm thành viên mới, hoặc trích từ quỹ dự trữ theo quyết định của hội đồng quản trị hoặc đại hội cổ đông. Quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn là trách nhiệm của đại hội cổ đông ; giữa hai kỳ đại hội là trách nhiệm của hội đồng quản trị, của ban giám đốc. Thay mặt các cổ đông giám sát hoạt động của công ty, là ban thanh tra. Những bộ phận nói trên đều do đại hội cổ đông bầu ra. Giám đốc có thể là một trong số người tham gia ban quản trị, hoặc thuê người ngoài.

Công ty cổ phần trách nhiệm vô hạn. Là loại công ty ở đó cổ đông phải dùng gia sản để đảm bảo tình trạng hoạt động của công ty. Nếu thua lỗ, phá sản, cổ đông phải dùng tài sản riêng để thanh toán công nợ. Mức độ thanh toán công nợ bằng gia sản ở các nước cũng khác nhau ; có nước cổ đông bị tước đoạt toàn bộ tài sản, có nước chỉ để lại cho cổ đông những phương tiện sinh hoạt tối thiểu. Các công ty trách nhiệm vô hạn không được phát hành thêm cổ phiếu hoặc trái phiếu vượt quá số vốn (tư bản cổ phần) ban đầu để huy động vốn. Trong quá trình kinh doanh, nếu thiếu vốn, các cổ đông phải tự đóng góp căn cứ vào điều kiện cụ thể và khả năng tài chính của từng cổ đông. Việc gia nhập, rút khỏi công ty và chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phiếu đều do các cổ đông tự định đoạt. Trong các công ty trách nhiệm vô hạn, quản lý và điều hành kinh doanh là trách nhiệm của một vài cá nhân, có khi chỉ một người do cổ đông cử ra. Người này có thể ở trong hoặc ngoài công ty, thậm chí có thể thuê người nước ngoài.

Trái phiếu, trái khoán, công trái, công phiếu là giấy chứng nhận vay nợ với những điều kiện và khoảng thời gian nhất định do nhà nước hoặc xí nghiệp cấp cho người cho vay. Đó là chứng khoán có giá mà người sở hữu nó có quyền nhận một khoản thu nhập dưới hình thức lợi tức cố định (so với giá trị danh nghĩa của nó) hay dưới hình thức tiền thưởng. Thu nhập về trái phiếu còn được trả dưới hình thức xổ số. Khi hết thời hạn quy định, phải mua trái phiếu khác. Người sở hữu trái phiếu không phải là cổ đông, nên không có quyền biểu quyết ở cuộc họp các cổ đông.

● THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu... tạo nên thị trường chứng khoán. Trung tâm hoạt động của loại thị trường này gọi là *sở giao dịch chứng khoán*. Thị trường chứng khoán chưa hoàn chỉnh xuất hiện từ thế kỷ 15 - 16 ở Ý, Hà lan, Anh ; tới nửa cuối thế kỷ 19 thì trở nên thịnh hành rộng rãi. Lúc đầu, nó phát triển ở dạng sở giao dịch *hàng hóa* (thực hiện bán buôn lớn theo mẫu và theo quy cách), sở giao dịch *vốn* (thực hiện mua bán các phiếu có giá và ngoại tệ), sở giao dịch *lao động*. Ở các nước có thị trường chứng khoán đều có các điều luật (luật chơi) khẳng định quyền hạn và nghĩa vụ của các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán, quy định mức vốn tối đa và tối thiểu của công ty cổ phần, thành phần cổ đông và giá trị tối thiểu của cổ phiếu. Các quy định này còn có mục đích ngăn ngừa tình trạng thao túng của các cổ phiếu khống chế, tạo môi trường cạnh tranh thuận lợi. Ví dụ, ở Ca-na-đa và ở Mỹ, công ty nào mà đa số cổ phần thuộc về một gia đình hay một cá nhân, thì công ty đó không được phép đăng ký vào thị trường chứng khoán.

Giá trị ghi trên các cổ phiếu là con số ước định danh nghĩa, là cơ sở để chia thu nhập và tính cổ tức. Giá trị thực tế (thị giá cổ phiếu) phụ thuộc vào cung - cầu về cổ phiếu. Cung - cầu thay đổi lại do khả năng sinh lợi của các công ty, do tình hình kinh tế trong và ngoài nước, do tình hình lạm phát của đồng tiền.

Tổ chức thị trường chứng khoán không phải là vấn đề đơn giản. Để cổ phiếu trở thành hàng hóa, phải có nhiều công ty đăng ký vào thị trường chứng khoán, phải có nhiều cổ phần thả nổi, phải có tự do mua bán, cạnh tranh, không có tình trạng áp đặt người mua và người bán. Có đầy đủ luật lệ, chế độ kế toán, tài chính, và có đủ thông tin chính xác để công chúng biết tình hình hoạt động của các công ty. Ngoài ra, đội ngũ chuyên môn về kinh tế - tài chính phải có đủ trình độ để vận hành thị trường chứng khoán. Cũng cần có cả sự chuẩn bị về tinh thần và tâm lý của quần chúng trong việc tham gia mua bán cổ phiếu tự do trên thị trường chứng khoán.

Digitized by Google

● HỘI THẢO "CHỦ NGHĨA MÁC - LÊ-NIN VÀ THỜI ĐẠI CHÚNG TA"

Hội đồng trung ương chỉ đạo biên soạn bộ giáo trình quốc gia các bộ môn lý luận Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh đã tổ chức hội thảo về "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thời đại chúng ta" tại Hà nội từ ngày 14 đến 16 tháng 10 năm 1993.

Cuộc hội thảo nhằm :

- Khẳng định thái độ, lập trường của chúng ta đối với chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, coi đó là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn của sự khẳng định ấy.
- Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chống mọi ý đồ muốn xóa bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội trong bối cảnh thế giới có những biến động và trong nước đang có những khó khăn thử thách lớn.
- Trao đổi một số vấn đề chung nhất, cốt lõi nhất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin có liên quan đến các đề tài, tạo cơ sở thống nhất cho những nội dung biên soạn bộ giáo trình.

Hội thảo có gần 100 đại biểu tham gia. Đồng chí Đào Duy Tùng, Ủy viên Bộ chính trị, thường trực Ban bí thư, Chủ tịch Hội đồng, và đồng chí Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ chính trị, Giám đốc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch Hội đồng, đã tham dự, và cùng với các đồng chí ủy viên thường trực Hội đồng Nguyễn Đình Tứ, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng ban khoa giáo trung ương, Đặng Xuân Kỳ, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Nguyễn Duy Quý, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia, chủ trì cuộc hội thảo. Các ủy viên Hội đồng, các chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, thư ký đề tài và các thành viên của 5 ban biên soạn giáo trình, ban thư ký, một số cán bộ chuyên trách theo dõi chương trình KX-10 cùng tham dự.

Đồng chí Đào Duy Tùng đã phát biểu khai mạc hội nghị, nêu rõ mục đích, yêu cầu của cuộc hội thảo ; đồng thời chỉ ra phương pháp thảo luận. Đồng chí gợi ý các nhà khoa học nên đi thẳng vào những vấn đề đặt ra, thảo luận với tinh thần dân chủ, khoa học, và có trách nhiệm cao.

GS Đặng Xuân Kỳ đọc lời đề dẫn nêu ra một số vấn đề lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; vấn đề phương pháp luận của việc nhận thức, phát triển, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lê-nin hiện nay.

Các nhà khoa học tham dự hội thảo đã thảo luận rất sôi nổi ; nhiều ý kiến thể hiện cách tiếp cận mới với phương pháp tư duy độc lập, sáng tạo. Có 41 lượt người phát biểu ; nhiều đồng chí phát biểu tới hai, ba lần, thẳng thắn tranh luận trên từng vấn đề cụ thể. Hội thảo xoay quanh 5 vấn đề chủ yếu :

1- *Nhận thức đúng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, những vấn đề về phương pháp luận.*

Hội thảo phân tích khá sâu sắc những gì cần thiết để nhận thức đúng nội dung lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, trên cơ sở đó nhất trí khẳng định vai trò to lớn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin trong thời đại chúng ta. Mặc dù hiện nay chế độ xã hội chủ nghĩa đã sụp đổ ở nhiều nước, chủ nghĩa Mác - Lê-nin vẫn là ngọn cờ, là kim chỉ nam cho hành động của chúng ta. Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và Đông Âu không đồng nhất với sự sụp đổ của chủ nghĩa Mác - Lê-nin ; việc nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể nước ta, là phương hướng cơ bản trong công tác tư tưởng và lý luận của chúng ta.

Tuy nhiên, muốn nhận thức đúng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, cần phân biệt những gì thật sự là của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin với những gì là của những người khác đã giải thích sai học thuyết của các ông, làm cho nó bị biến dạng. Phải đặt những luận điểm của Mác, Ăng-ghen và Lê-nin trong những điều kiện lịch sử cụ thể khi các ông đưa ra các luận điểm ấy, thì mới hiểu đúng những vấn đề các ông đặt ra. Phải đặt những luận điểm của các ông trong một hệ thống, tuyệt đối không được tách rời. Đồng thời cần nhận thức nó dưới ánh sáng mới của thời đại ngày nay.

2- *Về nội dung và tính chất thời đại*

Lâu nay trên vấn đề này có nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng nội dung thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới mở đầu từ Cách mạng Tháng Mười Nga, mặc dù chủ nghĩa xã hội với tính cách là một hệ thống thế giới với Liên xô là trụ cột ngày nay đã không còn. Có ý kiến vẫn thừa nhận thời đại ngày nay là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới, nhưng cho rằng cần trình bày cụ thể hơn cho phù hợp với diễn biến của tình hình hiện nay. Cụ thể, cần tính đến : a) Ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ ; b) Chủ nghĩa tư bản đang còn tiềm năng phát triển nhờ nhiều yếu tố (mặc dù mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản ngày càng sâu sắc) ; c) Sự ra đời của hơn một trăm nước độc lập trẻ tuổi ; d) Sự xuất hiện những vấn đề toàn cầu cấp bách có liên quan đến vận mệnh loài người ; e) Sự sụp đổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Nhiều ý kiến đề nghị cần xác định thời đại hiện nay sao cho phù hợp với tình hình thực tế, với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang có ảnh hưởng rất lớn đối với sự tiến bộ xã hội. Cuộc cách mạng này đang làm cho cả chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản khủng hoảng toàn diện. Loài người đứng trước những vấn đề cấp bách phải cùng nhau chung sức giải quyết để cùng tồn tại.

Qua thảo luận, tranh luận, hội nghị cho rằng : mặc dù chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu sụp đổ, nhưng thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đó là thực tế khách quan, là xu hướng vận động và phát triển của lịch sử. Tuy nhiên, cách diễn đạt thì cần có sự cân nhắc cho thích hợp.

3- *Về học thuyết "hình thái kinh tế - xã hội"*

Nhiều ý kiến khẳng định sự phân tích của Mác về sự tiến hóa của nhân loại qua các hình thái kinh tế - xã hội là xuất phát từ chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đó là cơ sở vững chắc để quan niệm sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên. Có ý kiến cho rằng học thuyết này đúng nhưng cần được bổ sung, vì lúc xây dựng học thuyết, Mác chủ yếu phân tích về xã hội Hy lạp, La mã và Tây Âu, chưa có điều kiện nghiên cứu châu Á và các lục địa khác. Cần

Digitized by Google

làm rõ tính phổ biến của học thuyết này. Cũng có thể bổ sung sự phân tích theo nền văn minh, nhưng nếu tuyệt đối hóa cách tiếp cận theo nền văn minh đi đến phủ nhận học thuyết "kinh tế - xã hội" của Mác, thì là một sai lầm. Học thuyết của Mác về hình thái kinh tế - xã hội là đúng, nó vẫn là "hòn đá tảng" của chủ nghĩa duy vật lịch sử, phản ánh quy luật phát triển của xã hội loài người, là cơ sở phương pháp luận để xem xét theo quan điểm lịch sử cụ thể.

4- *Về ý nghĩa thời đại của học thuyết giá trị thặng dư và bản chất xã hội tư bản đương đại.*

Nhiều đồng chí đã khẳng định học thuyết giá trị thặng dư của Mác vẫn là "hòn đá tảng" trong học thuyết kinh tế của Mác. Nó vẫn là cơ sở để phân tích những diễn biến trong xã hội tư bản đương đại. Cũng có ý kiến cho rằng học thuyết giá trị thặng dư mang ý nghĩa thời đại, nó vẫn là cơ sở để phân tích, nhận thức chủ nghĩa tư bản đương đại, nhưng luận điểm của Mác về sự bần cùng hóa tuyệt đối của giai cấp vô sản chỉ đúng ở thời kỳ chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh, còn ngày nay chỉ có sự bần cùng hóa tương đối thôi. Chỉ thừa nhận học thuyết giá trị thặng dư trong thời đại chủ nghĩa tư bản "công nghiệp", còn ngày nay trong thời đại chủ nghĩa tư bản "hậu công nghiệp", học thuyết đó không còn đúng nữa. Ngày nay, chủ nghĩa tư bản trở nên giàu có không phải vì bóc lột giá trị thặng dư của công nhân như trước, mà nhờ kỹ thuật và công nghệ mới (người máy). Trong lòng chủ nghĩa tư bản đang tích lũy nhiều nhân tố xã hội chủ nghĩa, khiến cho chủ nghĩa tư bản ngày càng "nhân đạo" hơn. V.v..

Qua tranh luận, cọ xát những ý kiến nêu trên, hội thảo đã khẳng định : học thuyết giá trị thặng dư của Mác ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Bởi vì, suy cho cùng, chỉ có lao động sống mới tạo ra giá trị thặng dư. Đối với chủ nghĩa tư bản hiện đại, cần nhận rõ thêm : những tác động của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và công nghệ, trình độ phát triển mới của lực lượng sản xuất ; hình thức mới của quan hệ sản xuất trong lòng chủ nghĩa tư bản ; giai cấp công nhân các nước tư bản có sự thay đổi về cơ cấu (mở rộng tầng lớp trung lưu)...

5- *Về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*

Các ý kiến khẳng định chủ nghĩa xã hội sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản, và người có sứ mệnh lịch sử đó là giai cấp công nhân. Song khi nói sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thì nên hiểu khái niệm "giai cấp công nhân" ở đây bao gồm cả những người giác ngộ lập trường giai cấp công nhân. Thực tế cho thấy, tuyệt đại đa số lãnh tụ của giai cấp công nhân đều là những trí thức giác ngộ lập trường giai cấp công nhân. Có ý kiến phê phán quan điểm cho rằng ngày nay giai cấp công nhân không còn mang sứ mệnh lịch sử là người đại diện cho phương thức sản xuất mới nữa ; vai trò ấy giờ đây thuộc về trí thức, người nắm trí tuệ.

Hội thảo đã phân tích sâu sắc các ý kiến nêu trên và nhất trí : dù chủ nghĩa tư bản có sự điều chỉnh, cơ cấu giai cấp công nhân có thay đổi, nhưng sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân vẫn không thay đổi. Ngày nay cũng như trước kia, giai cấp công nhân vẫn bị giai cấp tư bản bóc lột về trí lực và thể lực ; giai cấp công nhân vẫn tiêu biểu cho nền sản xuất hiện đại ; nó vẫn có sứ mệnh lịch sử xóa bỏ ách áp bức bóc lột tư bản, chuyển xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa tiến bộ hơn, nhân đạo hơn. Chỉ có giai cấp công nhân mới coi sự nghiệp giải phóng giai cấp mình gắn liền với sự nghiệp giải phóng toàn xã hội.

Kết thúc hội nghị, giáo sư Nguyễn Đức Bình thay mặt Hội đồng và Đoàn chủ tịch chủ trì hội thảo đã đánh giá kết quả chung của 3 ngày hội thảo và nêu ra những việc phải làm sau hội thảo. Đồng chí Nguyễn Đức Bình nhấn mạnh : rất nhiều vấn đề chúng ta đã nhất trí, song vẫn cần tiếp tục nghiên cứu, luận chứng chặt chẽ, sâu sắc hơn. Những vấn đề còn chưa thật nhất trí thì các ban cần tiếp tục nghiên cứu, tổ chức trao đổi, thảo luận. Hội đồng sẽ có kết luận để làm cơ sở khoa học cho việc biên soạn bộ giáo trình có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở nước ta hiện nay.

PTS TRẦN QUANG NHIẾP
(lược thuật)

● HỘI THẢO KHOA HỌC : "CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA THÁNG MƯỜI NGA VỚI NHỮNG VẤN ĐỀ CỦA ĐỜI SỐNG CHÍNH TRỊ QUỐC TẾ HIỆN ĐẠI"

Ngày 6 tháng 11 năm 1993, tại Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Khoa quan hệ quốc tế đã tổ chức cuộc hội thảo khoa học nhằm góp phần thảo luận, đánh giá giá trị lịch sử và ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Mười Nga đối với đời sống chính trị thế giới hiện đại. 14 bản báo cáo khoa học và ý kiến tham luận đã tập trung phân tích, lý giải ba vấn đề lớn sau đây :

1 - *Về Cách mạng Tháng Mười là mốc mở đầu thời đại mới.* Các ý kiến tham luận đều nhất trí cho rằng : nếu phủ nhận Cách mạng Tháng Mười là mốc mở đầu thời đại mới thì thực chất cũng có nghĩa là phủ nhận tính hợp quy luật của cuộc cách mạng ấy. Xem xét hoàn cảnh chính trị, kinh tế - xã hội của nước Nga trước Cách mạng Tháng Mười có thể thấy rất rõ : ở đó đã hội tụ và chín muồi những mâu thuẫn cơ bản *không chỉ* của nước Nga *mà cả* của thế giới lúc bấy giờ. Tình hình khách quan ở Nga lúc đó đòi hỏi gì ? Đòi hỏi phải giải phóng xã hội khỏi những tàn tích nặng nề của chế độ nông nô cộng với phương thức bóc lột tư bản chủ nghĩa. Đòi hỏi phải chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ hòa bình v.v.. Chính những đòi hỏi khách quan đó đã thúc đẩy, tích tụ và làm xuất hiện những tiền đề cho cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Nga. Vì vậy, cuộc cách mạng mà giai cấp vô sản Nga và Đảng bôn sê vích lựa chọn vào tháng 10-1917 là lối thoát duy nhất đúng. Có đầy đủ cơ sở để khẳng định : "đột phá khẩu Tháng Mười" là kết quả tất yếu của tác động qua lại và giải quyết các mâu thuẫn lúc

Digitized by Google

ấy trên phạm vi quốc gia cũng như trên quy mô quốc tế.

Liên quan đến tính quy luật của Cách mạng Tháng Mười, trong hội thảo có nhiều ý kiến phê phán quan điểm đòi xem xét lại tính chất của cuộc cách mạng ấy.

Có ý kiến cho rằng Cách mạng Tháng Mười là đột phá khẩu mở đầu thời đại mới, nhưng không nên tuyệt đối hóa cuộc cách mạng đó như một kiểu mẫu lý tưởng, để rồi áp dụng nó một cách máy móc đến từng chi tiết cụ thể trong bất kỳ điều kiện lịch sử nào.

2 - *Về vai trò lãnh đạo của Lê-nin và Đảng bôn sê vích trong Cách mạng Tháng Mười.* Nhiều ý kiến tại hội thảo khẳng định công lao to lớn của Lê-nin và Đảng bôn sê vích trong quá trình lãnh đạo, thâm nhập quần chúng, khơi dậy những lực lượng cách mạng hùng hậu trong xã hội, tập hợp, tổ chức họ nổi dậy lật đổ chế độ phong kiến - tư sản. Để đưa cuộc cách mạng tới thắng lợi, Lê-nin và những người bôn sê vích đã phải tiến hành một cuộc đấu tranh công phu, kiên trì, khôn khéo trong nội bộ đảng nhằm vạch ra đường lối chiến - sách lược nhất quán và đúng đắn. Một số tham luận về ý kiến phát biểu đã phê phán quan điểm xuyên tạc lịch sử của một số nhà nghiên cứu nước ngoài hiện nay khi cho rằng thắng lợi Tháng Mười 1917 là kết quả ngẫu nhiên trong những điều kiện thuận lợi chưa từng có lúc bấy giờ (binh lính quá chán ngán chiến tranh, nông dân bị bóc lột quá nặng nề, công nhân không chấp nhận chính phủ lâm thời Kê-ren-xki).

Phân tích những bài học kinh nghiệm của Đảng bôn sê vích Nga, nhiều ý kiến cho rằng thành công của đảng ấy trước hết và chủ yếu là ở chỗ *có trí tuệ và bản lĩnh chính trị vững vàng* ; đó cũng là bí quyết thành công của các đảng cộng sản cầm quyền trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

3 - *Về ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Mười.* Đây là vấn đề được đề cập trong hầu hết các tham luận tại hội thảo. Nhiều ý kiến phân tích và khẳng định đánh giá của Lê-nin về ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Mười tới nay vẫn còn nguyên giá trị. Cách mạng Tháng Mười đã tạo ra những chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt trong các quan hệ quốc tế đương đại ; làm cho so sánh lực lượng trên thế giới nghiêng về phía có lợi cho các lực lượng cách mạng. Kể từ Cách mạng Tháng Mười, một kiểu quan hệ quốc tế mới từng bước hình thành. Đó là kiểu quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Liên quan đến ý nghĩa quốc tế của Cách mạng Tháng Mười, có vấn đề giành chính quyền bằng phương pháp nào, bạo lực hay không bạo lực ? Về cơ bản, các ý kiến trong hội thảo đều cho rằng : tuyệt đối hóa bất kỳ phương pháp nào đều dẫn đến sai lầm. Áp dụng phương pháp này hay phương pháp kia, điều đó không thể xuất phát từ ý đồ chủ quan, mà trước hết phải căn cứ vào tình hình cụ thể.

NGUYỄN HOÀNG GIÁP
(lược thuật)

BỘ BIÊN TẬP *TẠP CHÍ CỘNG SẢN* GẶP MẶT THÂN MẬT ĐOÀN CHIẾN SĨ CÁCH MẠNG TỬ TÙ



NGÀY 17-11-1993, Đoàn chiến sĩ cách mạng tử tù đã tới thăm Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam. Đoàn do giáo sư Lê Quang Vịnh dẫn đầu, gồm các đồng chí Đinh Thị Tính, Phùng Ngọc Anh, Nguyễn Văn Tâm và Mai Tấn Hoàng, những chiến sĩ cách mạng từng bị chế độ Mỹ - ngụy kết án tử hình.

Trong không khí ấm áp tình đồng chí, các chiến sĩ tử tù đã thuật lại những giây phút hiểm nghèo nhưng vô cùng hào hùng và oanh liệt trong cuộc chiến đấu vì độc lập và tự do của dân tộc. Những mẩu chuyện ngắn gọn của các anh, các chị trong Đoàn đã để lại trong toàn thể cán bộ, nhân viên Bộ biên tập những tình cảm sâu sắc, xúc động. Thay mặt Bộ biên tập, đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng biên tập, chân thành cảm ơn Đoàn, nguyện học tập, noi gương sáng của các anh, các chị. Đồng chí chúc các chiến sĩ từ tù mạnh khỏe, vượt qua những cơn bệnh, những khó khăn trong đời thường, tiếp tục cống hiến cho sự nghiệp cách mạng.

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY DU LỊCH THANH NIÊN XUNG PHONG V.Y.C



Văn phòng Công ty

Địa chỉ : 178 - 180 Nguyễn Cư Trinh
Quận 1 : TP Hồ Chí Minh
ĐT : 399428 - 332070 - 332071
Fax : 84.8330399.

Công ty Du lịch TNXP VYC là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động du lịch và đã được Chính phủ cho phép trực tiếp giao dịch, ký kết với các Công ty Du lịch nước ngoài từ nhiều năm nay. Hiện nay Công ty Du lịch TNXP VYC đang thực hiện các dịch vụ.

- Xin Visa xuất nhập cảnh.
- Tổ chức Toor trọn gói có khách nước ngoài tham quan VN
- Tổ chức đi Du lịch nước ngoài cho người VN tại Thái Lan
- Đài Loan - Hong kong - Xingapore - Malaisia mỗi tháng.
- Tổ chức Toor thương mại và hướng dẫn các dịch vụ đầu tư.
- Cho thuê xe đời mới các loại phục vụ 24/24
- Đại lý bán vé HKVN
- Cung cấp hướng dẫn viên và thông dịch viên kinh nghiệm

CÔNG TY DU LỊCH TNXP VYC NGƯỜI BẠN ĐÁNG TIN CẬY CỦA QUÝ KHÁCH TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH

CÔNG TY NÔNG SẢN THỰC PHẨM XUẤT KHẨU CẦN THƠ

Kế tục và phát huy thành quả trong sản xuất kinh doanh từ năm 1986 - 1990 được HĐ Nhà nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng nhì. Liên tục 2 năm 1991 - 1992 Công ty luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ, lãi trên 3 tỉ đồng VN.

Nhiệm vụ chính : kinh doanh, sản xuất, thu mua chế biến hàng nông sản thực phẩm.

- Nhập hàng hóa vật tư phục vụ cho Công Nông Nghiệp và tiêu dùng.
- Nhập ủy thác xuất nhập hàng hóa cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.
- Đặc điểm, nhanh, gọn nhằm giá cả phải chăng.



Giám đốc Dương Việt Trung

Trụ sở chính : 152 - 154.
Trần-Hưng-Đạo, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại : 22058 - 22054
Fax : 84-71 22060 Cần Thơ
Tex : 711041. HAFPEXVT

Digitized by Google

MỤC LỤC

Tạp chí Cộng sản năm 1993

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
I - Những vấn đề chung		
- Nhận rõ cục diện kinh tế - xã hội, đưa đất nước tiến mạnh trên con đường đổi mới	Xã luận	1
- Phát huy đà chuyển biến tốt của năm 1992, đẩy nhanh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội năm 1993	Võ Văn Kiệt	1
- Tư tưởng Hồ Chí Minh - khái niệm và hệ thống	Song Thành	1
- Xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc của chế độ mới	Xã luận	2
- Chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội văn minh	Đỗ Mười	2
- Chấn hưng và phát triển văn hóa vì sự phát triển kinh tế - xã hội lành mạnh và bền vững	Nguyễn Khánh	2
- Nâng cao chất lượng lý luận và tính chiến đấu của **Tạp chí Cộng sản**	Đỗ Mười	3
- Vấn đề thanh niên - vị trí trung tâm trong chiến lược con người	Vũ Oanh	3
- Nắm vững tư tưởng chỉ đạo của Đảng về văn hóa, văn nghệ trong những năm trước mắt	★ ★ ★	3
- Con người Việt nam trên con đường dân giàu nước mạnh	Phạm Văn Đồng	4
- Làm theo lời dạy của Bác Hồ, nâng cao lòng yêu nước thương dân, kiên quyết chống những biểu hiện tiêu cực trong Đảng	Nguyễn Văn Linh	5
- Bàn về quyền con người	Nguyễn Thị Bình	5
- Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp và phát triển nền nông nghiệp hàng hóa ở nước ta	Võ Chí Công	6
- Một số vấn đề về xây dựng nông thôn mới ở miền núi	Nguyễn Hà Phan	6
- Khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới	Nguyễn Đình Tứ	6
- Tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ kinh tế - xã hội ở nông thôn	Đỗ Mười	7
- Một số vấn đề quan trọng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5	★ ★ ★	7
- Định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế - xã hội nông thôn	Xã luận	8
- Phát huy thành quả của Cách mạng Tháng Tám, phấn đấu xây dựng một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh, văn minh	Xã luận	9
- Công tác lý luận với nhiệm vụ bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin	Nguyễn Dũng Sinh	9
- Làm tốt công tác giữ gìn trật tự an toàn xã hội	Bùi Thiện Ngộ	10
- Một số vấn đề chủ yếu trong chương trình phát triển kinh tế-xã hội nông thôn	Trần Đức Lương	10
- Giải phóng phụ nữ - một mục tiêu và nội dung quan trọng của công cuộc đổi mới	★ ★ ★	10

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin	Đặng Xuân Kỳ	11
- Phấn đấu để công đoàn thật sự đại diện cho sức mạnh, tài năng, trí tuệ của hàng chục triệu công nhân, lao động nước ta	Đỗ Mười	12
- Quán triệt quan điểm quốc phòng toàn dân, tăng cường quản lý nhà nước về quốc phòng	Đoàn Khuê	12
- Vì một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc	Nguyễn Đức Bình	12
- Đổi mới mạnh mẽ hơn nữa công tác cán bộ nữ	Trương Mỹ Hoa	12
- Phát huy vai trò nòng cốt của Hội nông dân trong nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn	★ ★ ★	12
II - Kinh tế		
- Mấy kinh nghiệm bước đầu về điều tiết giá vàng và ngoại tệ ở nước ta	Cao Sỹ Kiêm	1
- Vai trò nông nghiệp trong phát triển kinh tế	Lê Vinh Danh	1
- Chống lạm phát ở nước ta - kinh nghiệm và giải pháp	Vũ Xuân Kiều	1
- Sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu long	Nguyễn Văn Tuất	1
- Đa dạng hóa và đa phương hóa các quan hệ kinh tế đối ngoại	Nguyễn Thế Uẩn	2
- Thực trạng các nông trường quốc doanh hiện nay	Nguyễn Sinh Cúc	2
- Những quan điểm cơ bản về công nghiệp hóa ở nước ta	Phạm Thuyên và Vũ Văn Hân	3
- Mấy vấn đề then chốt trong việc quản lý và sử dụng đất đai	Tôn Gia Huyên	3
- Khuyến nông, bộ phận không thể thiếu trong phát triển nông nghiệp	Trần Thế Thông	3
- Kinh tế hộ gia đình nông dân ở An giang	Hồ Tấn Phong	3
- Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần - đặc trưng và giải pháp	Vũ Xuân Kiều	3
- Giá cả trên thị trường cạnh tranh	Nguyễn Hữu Lai	3
- Mấy quan điểm lớn về phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa	Hoàng Đạt	4
- Về bài "Từ Adam Smith đến Marx, thử suy nghĩ về vấn đề quyền sở hữu và phát triển kinh tế"	Lê Xuân Đình	4
- Xí nghiệp liên hợp sợi - dệt kim Hà nội - Câu trả lời từ thực tế	Tiến Hải và Phạm Thắng	4
- Bưu điện Việt nam trong thời đại thông tin	Đặng Văn Thân	4
- Mấy kinh nghiệm về giao đất giao rừng ở Bắc thái	Nguyễn Văn Việt	4
- Kinh tế ngoài quốc doanh trong tiến trình đổi mới	Hoàng Kim Giao	5
- Cuộc cách mạng nâu đang tiếp bước	Trần Đức	5
- Long an với việc chinh phục Đồng tháp mười	Nguyễn Văn Chiểu	5
- Kinh tế vườn ở tỉnh Cần thơ	Nguyễn Văn Luật	5
- Hải bình đang giàu lên và sống đẹp hơn	Bùi Ngọc Trình	5
- Huyện Hiệp hòa giải quyết phụ cấp cho cán bộ xã bằng nguồn thu ngân sách tự có	Ngô Toản	5
- Sở hữu nhà nước và kinh tế nhà nước	Đỗ Hoài Nam	6
- Kinh tế tư nhân : Hướng phát triển ở nước ta	Nguyễn Đình Tôn	6
- Kế hoạch và thị trường : Từ những cuộc tranh luận	La Côn	6

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Những nhu cầu mới của kinh tế hộ nông dân vùng đồng bằng sông Cửu long	Nguyễn Văn Tuất	6
- Tạo động lực mới để phát triển nghề rừng nhân dân	Nguyễn Quang Hà	7
- Nông, lâm, ngư nghiệp Việt nam - tiềm năng và triển vọng	Nguyễn Sinh Cúc	7
- Sơn la : Khó khăn còn nhiều nhưng lối ra đã rõ	Đỗ Văn Ân	7
- Sông bé chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chú ý phát triển công nghiệp	Nguyễn minh Triết	7
- Hà tĩnh trên con đường phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn	Trần Quốc Thại	7
- Những giải pháp vĩ mô xóa đói giảm nghèo	Nguyễn Thị Hằng	8
- Tín dụng ngân hàng trong cơ chế thị trường	Cao Sỹ Kiêm	8
- Chính sách đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư	Tào Hữu Phùng	8
- Một số ý kiến về chính sách bảo trợ nông sản	Nguyễn Đắc Hưng	8
- Để tăng nhanh sản lượng lương thực ở đồng bằng sông Cửu long	Trần Quốc Khải	8
- Châu giang với 5 chữ "hóa"	NguyễnĐình Phách	8
- Kinh tế cổ phần và cơ chế rủi ro mạo hiểm	Vũ Xuân Kiều	9
- Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước : một động lực phát triển sản xuất, kinh doanh	Nguyễn Đăng Quang	9
- Phát triển du lịch - một thế mạnh kinh tế của đất nước	Doãn Quang Thiện	9
- Nam định : Những khó khăn và hướng tháo gỡ	Trần Minh Ngọc	9
- Công ty gang thép Thái nguyên bước đầu đứng vững trong cơ chế mới	Phạm Thắng	9
- Nhìn lại quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta về phát triển kinh tế hàng hóa	Đỗ Thế Tùng	10
- Nông nghiệp, nông thôn Tiền giang - những chủ trương và thực tiễn phát triển	Huỳnh Văn Niềm	10
- Ea phê, một điểm sáng ở Tây nguyên	Doãn Huề	10
- Về vấn đề công nghiệp hóa ở nước ta hiện nay	Phan Thanh Phố và Phan Huy Đường	11
- Xúc tiến cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước	Nguyễn Khắc Hiến	11
- Vấn đề nông nghiệp - nông dân - nông thôn ở Cần thơ	Trần Văn Tư	11
- Công ty phân đạm - hóa chất Hà bắc vươn lên trong cơ chế thị trường	Hữu Đức	11
- Công cụ điều chỉnh vĩ mô nền kinh tế	Tào Hữu Phùng	12
- Vấn đề đổi mới mô hình xí nghiệp quốc doanh ở nước ta	Nguyễn Ngọc Tuân	11
- Thị trường xăng dầu ở Việt nam - thực trạng và giải pháp	Nguyễn Cao Văng	12
- Việc xóa đói giảm nghèo ở Hưng hà	Nhật Tân	12
III - Chính trị - Triết học		
- Cảnh giác với âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch	Trần Bá Khoa	1
- Quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế thị trường	Lê Đăng Doanh	1
- Một cách nhìn qua năm 1992	Khổng Doãn Hợi	1
- Mấy ý kiến về phân phối trong chủ nghĩa xã hội	Hưng Nghiêm	2

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
- Đổi mới ở Việt nam	Uy-liêm Tơ-li	3
- Từng bước nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước	Phan Ngọc Tường	4
- Sự phá hoại về tư tưởng của các thế lực phản động trong chiến lược "diễn biến hòa bình"	Lê Xuân Lựu	4
- Luận điệu mới của các thế lực chống đảng cộng sản	Nguyễn Phú Trọng	4
- Lê-nin và sự phát triển của lịch sử	Trần Quang và Hưng Nghiêm	4
- Triết học Mác - Lê-nin trước những biến đổi to lớn của thời đại	Trần Nhâm	4
- Cải tiến việc xây dựng và sử dụng các văn bản quản lý	Nguyễn Văn Thâm	4
- Học thuyết Mác và biện chứng của lịch sử	Thiện Nhân	5
- Quyền con người và quyền công dân	Hoàng Văn Hảo và Chu Thành	5
- Mấy suy nghĩ về chiến lược quốc phòng trong bối cảnh quốc tế mới	Bùi Phan Kỳ	5
- Đổi mới công tác thanh tra trong tình hình hiện nay	Nguyễn Kỳ Cẩm	6
- Vì sao đất đai thuộc sở hữu toàn dân ?	Nguyễn Xuân Thảo	6
- Quan hệ giữa kinh tế thị trường và chính trị ở nước ta	Khổng Doãn Hợi	6
- Đổi mới hoạt động của ngành kiểm sát nhân dân	Lê Thanh Đạo	7
- Nhân quyền là gì ? Ai vi phạm nhân quyền ?	Anh Thơ	7
- Tình hình tội phạm kinh tế ở nước ta mấy năm gần đây	Trần Đào	7
- Thực chất lý luận "biến giai cấp lớp dưới thành giai cấp trung sản" của phương Tây	★ ★ ★	7
- Về bộ máy lập pháp, hành pháp, tư pháp	Nguyễn Văn Thảo	8
- Xây dựng pháp luật bảo đảm việc làm và lợi ích cho người lao động	Hoàng Thế Liên	8
- Suy nghĩ về sinh hoạt tôn giáo hiện nay	Vũ Huy Anh	8
- Mấy nhận thức về vấn đề nhân quyền	Hoàng Công	8
- Có thể học tập những gì ở chủ nghĩa tư bản ?	Trịnh Dân	8
- **Tuyên ngôn độc lập** và vấn đề quyền con người	Nghiêm Đình Vỹ - Lê Kim Hải	9
- Tư tưởng bao dung hòa hợp của Chủ tịch Hồ Chí Minh	Ngô Phương Bá	9
- Bảo vệ an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới	Đặng Vũ Liêm	9
- Về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh hiện nay	Bùi Phan Kỳ	9
- Nắm vững quan điểm của Đảng về công tác tôn giáo trong tình hình hiện nay	Lê Minh	10
- Chủ nghĩa xã hội hiện thực là gì ? (Nhân đọc cuốn sách *Chủ nghĩa xã hội hiện thực : khủng hoảng, đổi mới và xu hướng phát triển*)	Trịnh Dân	10
- Suy nghĩ bước đầu về cải cách hành chính	Lê Sĩ Dược	10
- Quan điểm của Lê-nin về vấn đề dân tộc và Cách mạng Tháng Mười	Trình Mưu - Nguyễn Khang	11
- Sự phân tầng xã hội ở nông thôn miền Bắc	Tô Duy Hợp	11
- Ảnh hưởng của kinh tế thị trường đối với hệ thống chính trị ở cấp phường	Dương Xuân Ngọc - Nguyễn Chí Dũng	11
- Một nhiệm vụ quan trọng trong cuộc đấu tranh chống "diễn biến hòa bình"	Dương Thông	12

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
IV - Văn hóa - Xã hội		
- Văn học và tiến trình của nó	Tô Hoài	1
- Vận động của văn học trong sự nghiệp đổi mới	Nguyễn Nghĩa Trọng	1
- Văn hóa gia đình và sự phát triển xã hội	Lê Minh	1
- Một vụ án - những kinh nghiệm cần rút ra trong quản lý văn hóa	Quang Việt	1
- Phấn đấu tạo bước chuyển cơ bản của sự nghiệp giáo dục	Trần Hồng Quân	2
- Dân số và việc làm - Lời giải thế nào cho đúng	Nguyễn Thị Thân	2
- Phương pháp luận về vấn đề văn hóa và phát triển	Trần Văn Giàu	2
- Huyện Châu thành chăm lo sự nghiệp văn hóa - xã hội	Phương Hạnh	2
- Giáo dục - nền tảng của chiến lược con người	Phạm Tất Dong	3
- Về chức năng văn học và thuyết phản ánh	Chế Lan Viên	3
- Đôi điều suy nghĩ về chân - thiện - mỹ	Hữu Mai	3
- Văn hóa và phát triển - Từ góc nhìn Việt nam	Trần Ngọc Hiên	3
- Điện ảnh Việt nam với nền văn hóa dân tộc	Trần Đắc	3
- Hoạt động văn hóa trong cơ chế thị trường	Thu Linh	3
- **Đề cương văn hóa Việt nam** và chiến lược phát triển văn hóa trong giai đoạn mới	Thành Duy	4
- Về một số hiện tượng mang tính quy luật của đời sống văn học hiện nay.	Nguyên Ngọc	5
- Sân khấu - Thử tìm một lối ra...	Nguyễn Phan Thọ	5
- Cơ chế tài chính và sự nghiệp phát triển văn hóa xã hội.	Nguyễn Văn Châu	6
- Giữ lấy tấm căn cước của chính mình	Đặng Nghiêm Vạn	7
- Công tác xuất bản - vấn đề và giải pháp	Đường Vinh Sường	8
- Sách và trách nhiệm của người quản lý xuất bản sách (Ý kiến về cuốn "Nổi loạn" của Đào Hiếu)	★ ★ ★	8
- Hai cuộc thi - đôi điều gợi mở	Vũ Đạng và Chu Giang	8
- Tính thống nhất giữa kinh tế và xã hội trong tư tưởng Hồ Chí Minh	Lê Văn Tuấn	9
- Cách mạng công nghệ - thách thức, thời cơ và sự trả giá	Nguyễn Văn Thu	10
- Văn hóa và phát triển – sinh thái	Hoàng Đình Phu	10
- "Bi kịch nhỏ", tập truyện ngắn của Lê Minh Khuê	Dương Tùng	10
- Giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc qua văn hóa dân gian	Phan Đăng Nhật	11
- Suy nghĩ tản mạn về một số tác phẩm văn học thời gian gần đây	Trần Hữu Nghiệp	12
- Cảm nhận ban đầu khi đọc "Con mèo của Foujita"	Dương Tùng	12
- Về cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại	Nguyễn Thị Hoa	12

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
V - Xây dựng Đảng		
- Vài ý kiến về sử dụng cán bộ	Nguyễn Văn Lộc	1
- "Đổi màu"	Vũ Lân	1
- Đảng cộng sản Việt nam có đủ trí tuệ và sức mạnh vượt qua mọi cái "eo" lịch sử	Triệu Vũ	2
- Tư tưởng cứu nước của Hồ Chí Minh nảy sinh từ bao giờ ?	Đức Vượng	2
- Đồng chí Nguyễn Ái Quốc có dự Hội nghị Trung ương tháng 10-1930 không ?	Trần Giang	2
- Hà nội bước đầu đổi mới, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng	Vũ Phòng	2
- Mẩu chuyện nhỏ gợi nhiều suy nghĩ	NguyễnTrung Thực	2
- Về công tác thanh niên trong tình hình hiện nay	Hồ Đức Việt	3
- Kinh nghiệm hoạt động của Hội đồng bí thư ngành chè	Nguyễn Kim Phong	3
- "Lại quả"	Lệ Mai	3
- Học người xưa	Nhị Lê	4
- Tầm cao trí tuệ của Hồ Chí Minh	Phạm Ngọc Quang	5
- Một số vấn đề về cán bộ dân tộc thiểu số	Vũ Phòng	5
- Đảng viên ở nông thôn	Nhị Lê	5
- "Hâm" ? !	Nguyễn Tiến	5
- Hội nghị trao đổi ý kiến về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở Thái bình	Ban Xây dựng Đảng - TCCS	6
- Mấy vấn đề về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng ở Thái bình	Chu Văn Ry	6
- Vấn đề phân định cán bộ	Tô Tử Hạ	6
- Có phải "217 đẩy Đảng ra" ?	Vũ Ngọc Lân	6
- Kinh nghiệm đổi mới của Đảng bộ An giang.	Đỗ Ngọc Ninh và Nguyễn Ngọc Cẩn	8
- Những trái tim nhân hậu	Dương Tùng	8
- Xây dựng đội ngũ cán bộ kinh doanh ở nước ta	Nguyễn Cúc	9
- Quan hệ giữa cấp ủy, bí thư và giám đốc trong các doanh nghiệp nhà nước	Nguyễn Kim Đỉnh	9
- Mấy nét về công tác xây dựng đảng ở Ninh bình	Nguyễn Thanh Túc	9
- Chuyện rất xưa, nhưng... không cũ	Dương Vũ	9
- Hoạt động của công đoàn Việt nam trong điều kiện kinh tế thị trường	Nguyễn Văn Tư	10
- Trường Nguyễn Ái Quốc khu vực I góp phần tích cực vào sự nghiệp đào tạo bồi dưỡng cán bộ	Lê Doãn Tá	10
- Thói đời ghen ghét (Thư tâm sự)	Hoài Anh	10
- Cách mạng Tháng Mười với sự chuyển biến tư tưởng của Hồ Chí Minh và Cách mạng Việt nam	Lê Văn Yên	11
- Nâng cao năng lực tư duy của đội ngũ cán bộ cấp xã	Hồ Bá Thâm	11
- Cán bộ là khâu then chốt và khâu then chốt trong công tác cán bộ	Lê Văn Lý	11
- Công tác xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ ở Thái bình	Vũ Đình Thành	11
- "Chịu chơi" !	Hà Khanh	11
- Tình hình đội ngũ cán bộ cơ sở ở nông thôn hiện nay	Lê Hữu Xạnh	12
- Làm giàu kiểu ấy nên chăng ?	Đoàn Hồng Quế	12

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
VI - Những vấn đề quốc tế		
- Thế giới năm 1992 có gì mới ?	Lê Tịnh	1
- Ông Hô-nếch-cơ bị đưa ra tòa không phải vì lỗi lầm của mình	★ ★ ★	1
- Về mô hình xí nghiệp quốc doanh ở Pháp	Trịnh Dân (tổng thuật)	2
- Vấn đề quyền con người : lý luận và thực tiễn	Anh Thơ (tổng thuật)	2
- Báo chí Mỹ trong đời sống chính trị - xã hội	Tạ Ngọc Tấn	3
- Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới	Nguyễn Mạnh Cầm	4
- Sự sụp đổ của công tác nghiên cứu khoa học ở Liên xô cũ	A. Mét-vê-đép	4
- Mô hình "kinh tế thị trường xã hội" của CHLB Đức	Trịnh Ngọc Linh	5
- Phải chặn đứng bàn tay bọn diệt chủng !	Võ Thủ Phương	5
- Bin Clin-tơn : Tìm đâu sự phục hưng cho nước Mỹ ?	Vũ Hiền	6
- Mô hình Trung hoa	ThanhTùng (tổng thuật)	6
- Châu Á - Thái bình dương - một hướng lớn trong chính sách đối ngoại của Nhà nước ta	Vũ Khoan	7
- Cam-pu-chia sau bầu cử	Võ Thủ Phương	7
- Kỳ tích khó hiểu	Hà Kỳ	8
- Bài học phát triển của các nước ASEAN	Trịnh Cường	9
- Nhật bản đang thay đổi chiến lược khoa học - kỹ thuật	Thanh Tùng (tổng thuật)	9
- Kinh tế thế giới - cục diện cạnh tranh và xu thế	Trần Trọng	10
- Phòng ngừa và chống tham nhũng ở một số nước	★ ★ ★	10
- Chân lý Cách mạng Tháng Mười	Vũ Hiền	11
- Hai bình diện chủ yếu trong quan hệ quốc tế hiện nay	Nguyễn Hoàng Giáp	11
- Nước Nga trong cuộc đời của Mác	P. Ca-nhiu-sai-a	11
- Trung quốc tìm kiếm mô thức "kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa".	Kiều Tỉnh (tổng thuật)	12
VII - Tìm hiểu khái niệm		
- Tư tưởng hệ tư tưởng		1
- Chủ nghĩa xã hội dân chủ, chủ nghĩa xã hội dân tộc		2
- Chủ nghĩa xã hội không tưởng, chủ nghĩa xã hội giáo điều		3
- Chủ nghĩa tư bản hiện đại, chủ nghĩa tư bản nhà nước		4
- Chủ nghĩa cơ hội hiện đại, chủ nghĩa xét lại hiện đại		5
- Chủ nghĩa giáo điều, chủ nghĩa kinh nghiệm		6
- Chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa hiện sinh		7
- Sở hữu và các hình thức sở hữu		8
- Sản xuất hàng hóa và kinh tế hàng hóa nhiều thành phần		9
- Kinh tế thị trường và cơ chế thị trường		10
- Vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường		11
- Công ty cổ phần, thị trường chứng khoán.		12

Digitized by Google

TÊN BÀI	TÁC GIẢ	SỐ
VIII - Tin hoạt động lý luận		
- Hội thảo khoa học : "Cơ chế thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay"		1
- Hội thảo khoa học : "Ý nghĩa thời đại của chủ nghĩa nhân văn Hồ Chí Minh"		1
- Hoạt động của chương trình "Tư tưởng Hồ Chí Minh"		2
- Hội thảo khoa học : "Quan hệ sở hữu ruộng đất : Lý luận và thực tiễn"		2
- Hội thảo về xây dựng bộ giáo trình các môn khoa học Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh		3
- Tình hình nghiên cứu một số vấn đề lý luận quan trọng hiện nay		3
- Tình hình triển khai chương trình "Phát triển toàn diện kinh tế - xã hội nông thôn" (KX.08)		4
- Hội thảo khoa học : Quyền con người - Lịch sử và lý luận		5
- Hoạt động của chương trình KX.04		5
- Hoạt động của chương trình khoa học cấp nhà nước KX.03		6
- Hội thảo khoa học về nho giáo và văn hóa Việt nam		6
- Hội thảo khoa học về đề tài KX. 05 - 04		7
- Hoạt động của chương trình KX.07		7
- Chung quanh vấn đề đạo đức nghề nghiệp của người làm báo		8
- Hội thảo khoa học :"Về nguồn gốc tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh" (KX. 02-08)		9
- Hội thảo khoa học : "50 năm Đề cương văn hóa Việt nam (1943 - 1993)"		11
- Hội thảo khoa học :"Đổi mới phương thức đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin"		11
- Hội thảo "Chủ nghĩa Mác - Lê-nin và thời đại chúng ta"		12
- Hội thảo khoa học :"Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga với những vấn đề của đời sống chính trị quốc tế hiện đại"		12
IX - Văn kiện - Tư liệu		
- Thông báo Hội nghị lần thứ tư BCH TU Đảng (khóa VII)		2
- Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười thăm Bộ biên tập **Tạp chí Cộng sản**		2
- Nhận huy chương cao quý của Trung ương Đoàn trao tặng		4
- Phát hiện thêm một bài báo nữa có tên là "Đông dương" của đồng chí Nguyễn Ái Quốc	Nguyễn Xuân Thông (sưu tầm)	5
- Đoàn đại biểu tạp chí *Cầu thị* (Trung quốc) thăm Việt nam	P.V	5
- Đồng chí cố vấn Phạm Văn Đồng thăm và làmviệc với Bộ biên tập **Tạp chí Cộng sản**	P.V	6
- Thông báo Hội nghị lần thứ năm BCH TU Đảng (khóa VII)		7
- Hội nghị bạn đọc và cộng tác viên ở Huế	Ban bạn đọc TCCS	7
- Trao tặng Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt nam"		7
- Đoàn đại biểu tạp chí ALUNMAY (Lào) thăm Việt nam	P.V	8
- Nơi ở và làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ chủ tịch - một di sản vô giá của dân tộc	Trần Viết Hoàn	9
- Bộ biên tập **Tạp chí Cộng sản** gặp mặt thân mật đoàn chiến sĩ cách mạng từ tù.		12

Digitized by Google

CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

- 36 - 38 NGÔ ĐỨC KẾ - QUẬN I - TP. HỒ CHÍ MINH
- ĐIỆN THOẠI : 299377



Công ty sữa Việt Nam (VINAMILK) giới thiệu sản phẩm sữa đặc có đường

- Sữa đặc ông thọ
- Sữa ngôi sao Phương nam trắng
- Sữa ngôi sao Phương nam vàng
- Sữa đặc cacao
- Sữa đặc cà phê

- Sữa đặc có đường của VINAMILK được sản xuất trên dây chuyền thiết bị hiện đại của Mỹ, Đức, Pháp với nguyên liệu nhập ngoại có chất lượng cao như : Bột Sữa, dầu Bơ, và vitamin các loại.
- Sữa đặc có đường của VINAMILK sản xuất có chất lượng tốt nhất trên thị trường Việt nam hiện nay và đã được khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm trong mấy chục năm qua.
- Dùng sữa của VINAMILK mỗi ngày chống suy dinh dưỡng, phát triển chiều cao, giải độc tăng tuổi thọ.
- Giá bán buôn công nghiệp tại công ty (chưa trừ chiết khấu bán buôn)
- Sữa ông thọ : 5050 đ/hộp
- Sữa NSPN (Trắng) : 4310 đ/hộp
- Sữa NSPN (Vàng) : 4090 đ/hộp

Digitized by Google

H129

CÔNG TY XÂY DỰNG THỦY LỢI 42

(LIÊN HIỆP CÁC XNXDTL 4 - BỘ THỦY LỢI)

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG



Add : An bình, Thuận an, Sông bé

Tel : 966743 ; 960256

Fax : 848 966743

Giám đốc :

NGÔ BÌNH ĐOÀN

Công ty Xây dựng thủy lợi 42 thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp xây dựng thủy lợi IV - Bộ thủy lợi ; được thành lập theo quyết định số 146 - QĐ/TCCB-LĐ ngày 25/3/1993 của Bộ trưởng Bộ thủy lợi, đăng ký kinh doanh tại tỉnh Sông bé số 100964 ngày 16 tháng 4 năm 1993.

Công ty Xây dựng thủy lợi 42 là đơn vị kinh tế cơ sở tổ chức sản xuất kinh doanh về xây dựng công trình thủy lợi đê đập, hệ thống tưới tiêu, công trình thủy công thuộc công trình thủy điện lớn, xây dựng đường giao thông, công trình dân dụng, công nghiệp thuộc hệ thống công trình thủy lợi và khai thác, vận tải vật liệu xây dựng.

Công ty đã tham gia thi công nhiều công trình lớn : Thủy lợi Dầu tiếng, Thủy điện Trị an, Thủy lợi Đateh', thủy điện Vĩnh sơn, Thác mơ. Công ty có lực lượng xe máy hùng hậu, hiện đại, hoàn chỉnh các dây chuyền sản xuất. Đội ngũ cán bộ quản lý giỏi, cán bộ kỹ thuật có nhiều kinh nghiệm, đội ngũ công nhân tay nghề cao.

Có tư cách pháp nhân đầy đủ, hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản riêng tại Ngân hàng đầu tư phát triển Thành phố Hồ Chí Minh, được sử dụng con dấu riêng theo mẫu quy định.

Trực thuộc Công ty có các Xí nghiệp, Công trường, Xưởng, Đội sản xuất.

Hân hạnh đón tiếp quý khách.

T79853

In tại Nhà in Nhân dân Hà Nội II. Chỉ số 12651 - ISSN 0866 - 7276 Giá 2000đ

Digitized by Google

Digitized by Google

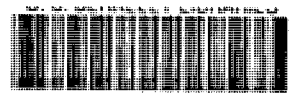
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google


C049929501





Digitized by Google